

Jack London

www.dtv-ebook.com



Tuyển Tập



Mục Lục

- [1\) Giới thiệu về tác giả Jack London](#)
- [2\) Căn Nhà Của Mapuhi](#)
- [3\) Chúc kẻ lên đường](#)
- [4\) Đoạn kết của câu chuyện cổ tích](#)
- [5\) Đánh trống bôi](#)
- [6\) Gã Mặt Tròn](#)
- [7\) Gót sắt](#)
- [8\) Kẻ bỏ đạo](#)
- [9\) Kẻ vô tín ngưỡng](#)
- [10\) Kho tàng ngọc trai](#)
- [11\) Luật đời](#)
- [12\) Martin Eden](#)
- [13\) Mất mặt](#)
- [14\) Mối thù thiên thu](#)
- [15\) Nanh trắng](#)
- [16\) Nhóm Lửa](#)
- [17\) Sóng lớn Canaca](#)
- [18\) Sự điên rồ của Giôn Han](#)
- [19\) Tiếng gọi nơi hoang dã](#)
- [20\) Tình yêu cuộc sống](#)
- [21\) Từ bỏ thế giới vàng](#)
- [22\) Văn Phòng Âm Sát](#)
- [23\) Vua Hùi Koolau](#)
- [24\) JACK LONDON\(1876-1916\)](#)

1) Giới thiệu về tác giả Jack London

Sinh: 12 tháng 1, 1876 - San Francisco, California

Mất: 22 tháng 11, 1916 (40 tuổi), Glen Ellen, California

Công việc: tiểu thuyết gia, nhà văn viết truyện ngắn

Chữ ký

Jack London (12 tháng 1, 1876 - 22 tháng 11, 1916) là nhà văn nổi tiếng người Mỹ, tác giả Tiếng gọi nơi hoang dã (The Call of the Wild), Gót sắt (Iron Heel), Martin Eden, Tình yêu cuộc sống (Love of Life), Nanh trắng (White Fang) và hơn 50 tác phẩm khác.

Ông là một người tiên phong của thể loại tạp chí thương mại đang thịnh hành lúc bấy giờ, ông là một trong những người Mỹ đầu tiên thành công về mặt tài chính từ nghề viết văn. Ở Việt Nam, một số tác phẩm của ông được dịch ra tiếng Việt và được độc giả yêu thích như Gót sắt, Nhóm lửa...

Gốc tích

Tên khai sinh của Jack London có lẽ là **John Griffith Chaney**. Clarice Stasz và các nhà tiểu sử khác tin rằng dường như cha đẻ của Jack London là nhà chiêm tinh William Chaney. Chaney là một giáo sư chiêm tinh mà theo Stasz, "Từ quan điểm của các nhà chiêm tinh học nghiêm túc ngày nay, Chaney là hình tượng lớn đã chuyển từ các cách thức mảnh khảnh tiểu xảo sang một phương pháp chính xác chặt chẽ hơn"

Jack London đã không biết được tư cách làm cha được cho là của Chaney cho đến khi trưởng thành. Năm 1897, ông đã viết thư cho Chaney và đã nhận được thư từ Chaney trong đó Chaney đã tuyên bố thẳng thừng "Ta chưa bao giờ kết hôn với Flora Wellman", và rằng ông ta bị "liệt dương" trong thời gian họ sống chung và "không thể là cha của cháu được". Việc có kết hôn có hợp pháp hay không thì người ta không hay biết. Phần lớn các ghi chép dân sự ở [San Francisco](https://thuviensach.vn) đã bị phá hủy năm 1906 trong một trận động đất (cũng vì lý do này, người ta cũng không biết chắc chắn tên thật trên giấy khai sinh của Jack London là gì). Stasz cho rằng, trong hồi ký của mình, đã nhắc tên mẹ của Jack London là Flora Wellman, đã từng là

"vợ" của mình. Stasz cũng cho rằng trong một quảng cáo, Flora tự gọi mình là "Florence Wellman Chaney".

Bìa cuốn Turtles of Tasman của Jack London

Tác phẩm

Tiểu thuyết

- A Daughter of the Snows (1902)
- Children of the Frost (1902)
- The Call of the Wild (1903), bản tiếng Việt: "Tiếng gọi nơi hoang dã"
- The Kempton-Wace Letters (1903), phát hành nặc danh, đồng tác giả: Jack London và Anna Strunsky.
- The Sea-Wolf (1904), bản tiếng Việt: "Sói biển"
- The Game (1905)
- White Fang (1906), bản tiếng Việt: "Nanh trắng"
- Before Adam (1907)
- The Iron Heel (1908), bản tiếng Việt: "Gót sắt"
- Martin Eden (1909), bản tiếng Việt cùng tên, hoặc phiên âm là "Mác-tin I-đơn"
- Burning Daylight (1910), bản tiếng Việt: "Ánh sáng ban ngày"
- Adventure (1911)
- The Scarlet Plague (1912)
- The Abysmal Brute (1913)
- The Valley of the Moon (1913)
- The Mutiny of the Elsinore (1914)
- The Star Rover (1915), phát hành tại Anh với tên The Jacket
- The Little Lady of the Big House (1916)
- Jerry of the Islands (1917)
- Michael, Brother of Jerry (1917)
- Hearts of Three (1920), Jack London tiểu thuyết hóa từ kịch bản phim của Charles Goddard
- The Assassination Bureau, Ltd (1963), Jack London viết dang dở, Robert Fish viết phần kết; bản tiếng Việt: "Văn phòng ám sát"

Tập truyện ngắn

- Tales of the Fish Patrol (1906)

- Smoke Bellew (1912)
- The Turtles of Tasman (1916)

Hồi ký

- The Road (1907)
- John Barleycorn (1913)

Tả thực và tiểu luận

- The People of the Abyss (1903)
- Revolution, and other Essays (1910)
- The Cruise of the Snark (1913) Free typeset PDF ebook of The Cruise of the Snark optimized for printing at home.
- How I became a socialist

Truyện ngắn

- "Diable-A Dog"
- "An Odyssey of the North"
- "To the Man on Trail"
- "To Build a Fire" (Nhóm lửa)
- "The Law of Life"
- "Moon-Face"
- "The Leopard Man's Story" (1903)
- "Negore the Coward" (1904)
- "Love of Life" (Tình yêu cuộc sống)
- "All Gold Canyon"
- "The Apostate"
- "In a Far Country"
- "The Chinago"
- "A Piece of Steak"
- "Good-by, Jack"
- "Samuel"
- "Told in the Drooling Ward"
- "The Mexican"
- "The Red One"
- "The White Silence" (Sự im lặng màu trắng)
- "The Madness of John Harned"

- "A Thousand Deaths"
- "The Rejuvenation of Major Rathbone"
- "Even unto Death"
- "A Relic of the Pliocene"
- "The Shadow and the Flash"
- "The Enemy of All the World"
- "A Curious Fragment"
- "Goliah"
- "The Unparalleled Invasion"
- "When the World was Young"
- "The Strength of the Strong"
- "War"
- "The Scarlet Plague"
- "The Red One"
- "The Seed of McCoy"
- Batard

Kịch bản

- The Acorn Planter: a California Forest Play (1916)

Linh tinh

Jack London appears briefly as a character at the end of Star Trek: TNG episode Time's Arrow as a hotel employee who assists Lt. Commander Data. Mark Twain advises him to go to Alaska as well as become a writer.[1]

Chú thích

Howard (1989), p.12: "I have carefully gone over, in my mind, the most powerful men — that is, in my opinion — in all of the world's literature and here is my list... Jack London..."

Lord(1976) p. 44: "But my favorite writers, both of prose and verse, are British or Americans. They are... Jack London... where is the Frenchman who writes, or wrote, with the fire of Jack London...?"

Herron (2004) p. 144: "The reincarnation theology espoused in the works of Jack London — most notably in The Sea Wolf (1904), Before Adam (1907), and especially The Star Rover (1915) — ultimately became the

single greatest influence on Howard as a writer. In 1930 Howard wrote to his friend Harold Preece that 'London's The Star Rover is a book that I've read and reread for years, and that generally goes to my head like wine.'"

2) Căn Nhà Của Mapuhi

Nguyên tác: The House of Mapuhi

Mặc dầu chở những thứ linh kinh, nặng nề nhưng chiếc Aorai vẫn đi dễ dàng trong làn gió nhẹ. Vị thuyền trưởng chỉ huy thật giỏi trước khi lượn nó vào đúng vị trí phía ngoài bờ đá san hô để tránh những làn sóng dội.

Hòn đảo Hikukeru nằm nhô lên không cao lắm phía trên mặt nước. Nó được bao bọc bởi một lượn cát san hô hình vành khăn có bề ngang khoảng một trăm yards, cao hơn mực nước biển từ một mét tới một mét rưỡi. Như thế, từ lượn cát tới hòn đảo là một vòng nước mặn hình vành khăn bao bọc chung quanh đảo; phía ngoài là lượn cát rồi tới biển. Dưới đáy nước tĩnh lặng như mặt gương này có nhiều trai ngọc. Trên boong tàu từ đằng xa người ta có thể nhìn thấy những người thợ mò ngọc đang làm việc.

Nhưng tàu buôn không thể vào trong hồ. Chỉ những thuyền nhỏ một buồm thích hợp mới luôn lách qua một con kênh ngoắt ngoéo mới đi qua được. Các tàu thường đậu bên ngoài rồi đưa thuyền nhỏ của họ vào. Chiếc Aorai thả xuống nước một chiếc xuồng sang trọng, khoảng năm hay sáu người làm công, nước da màu nâu bóng, mình trần trụi trụi, chỉ đóng những chiếc khố màu đỏ, leo lên xuồng. Họ chèo xuồng bằng bơi chèo. Trong khi đó, một thanh niên đứng phía đằng mũi. Cậu tên Alexandre Raoul, con trai út bà Mari Raoul, một nhà buôn lớn có khoảng sáu chiếc tàu biển tương tự với chiếc Aorai.

Qua khỏi xoáy nước ở cửa con kênh, chiếc xuồng len lỏi đi vào trong hồ rồi cập hòn đảo. Cậu thanh niên chèo xuồng dừng lại xong mới nhảy lên bãi cát và vẫy một thổ dân cao lớn đang lai vãng chờ đợi ở đấy. Người này ngực nở, vai rộng nhưng cụt một cánh tay. Quá khỏi chỗ thịt phía dưới bả vai, cái đầu xương cụt nhô ra, màu trắng, nay đã lạnh lặn. Ngày trước anh ta bị một con cá mập tấn công. Anh đương đầu với nó, mất một cánh tay, từ đấy thôi không còn làm nghề mò ngọc được nữa và sự nghèo đói đã biến anh ta thành một kẻ bợ đỡ, luôn luôn nghĩ các mẹo vặt để kiếm ăn chút đỉnh nhờ các đặc ân nhỏ nhoi của người khác, sống cho qua ngày.

- Cậu đã nghe tin gì chưa, cậu Anex (Alexandre)?

Anh ta thì thăm:

- Mapuhi mới mò được một viên ngọc, xứng đáng là một viên ngọc. Chưa từng có một viên nào như thế ở đảo Hikukeru này. Chưa từng có ở cả vùng Pomotus mà cũng chưa từng có trên khắp thế giới. Hắn mới mò được hiện còn đang giữ, cậu đến mua ngay đi. Nhưng nhớ là tôi báo tin cho cậu trước tiên đây nhá. Mapuhi là một thằng ngốc, cậu sẽ mua được thật rẻ. Cậu có tí thuốc sợi nào không?

Raoul từ dưới bãi đi lên phía chiếc chòi nằm dưới bóng một cây dừa đại. Cậu ta là người quản lý tàu buôn của bà mẹ, và việc kinh doanh của hãng trải rộng khắp vùng Pomotus do các tài nguyên như dừa khô, ngọc trai, ngọc, sò biển..vv.. mà người ta sản xuất được. Cậu là người quản lý non trẻ, mới tới đây lần này là lần thứ hai và trong lòng vẫn thầm áy náy về sự thiếu kinh nghiệm trong việc xét đoán ngọc của mình.

Nhưng khi Mapuhi đưa ra viên ngọc thì cậu cố nén sự kinh ngạc. Nó to bằng cái trứng chim bồ câu, trắng tinh và tròn vành vạnh, phản chiếu ánh sáng lóng lánh, tia ra đủ thứ màu sắc trông thật sống động.

Lúc Mapuhi bỏ vào lòng bàn tay Raoul thì chàng ngạc nhiên về sức nặng của nó. Chàng quan sát thật gần mắt rồi thận trọng móc trong túi ra một chiếc kính lúp. Không hề có một chút chất bẩn hòa tan. Độ tinh khiết của viên ngọc dường như phân bố đều trên khắp khối cầu. Đưa vào chỗ tối thì nó là một khối chiếu sáng nhẹ nhẹ với thứ ánh sáng dịu dàng như trên mặt trăng. Nó trong suốt đến nỗi khi chàng thử thả vào một ly nước, nó chìm theo một đường thẳng, không bị sức đẩy của nước làm cho sai lệch sang chỗ khác. Như vậy chàng hiểu sức nặng của nó hết sức tuyệt diệu.

- Rồi, bây giờ chú tính thế nào? – Chàng hỏi với vẻ dừng dừng, cố làm ra bộ uể oải.

- Tôi muốn....- Mapuhi bắt đầu nói, và, phía đằng sau, phù hợp với cái mặt đen bóng của anh ta là ba cái mặt cũng đen bóng khác của hai phụ nữ và một đứa trẻ con gái. Họ ngồi bên trong nhưng đầu luôn luôn gật gật phụ họa với những điều mà anh ta muốn nói. Họ rất nôn nóng nhưng cố nín nhịn theo thói quen. Những cặp mắt trắng dã của họ ánh lên các tia sáng e ngại, chỉ sợ Mapuhi nói hớ. Họ muốn nói thay cho Mapuhi.

- Tôi muốn một cái nhà - Mapuhi tiếp tục. Nó phải có cái mái, trên mái có cây sắt có thể thu được sấm sét. Một cái đồng hồ tám cạnh treo trên tường. Căn nhà phải dài sáu sải với một hàng rào chung quanh. (Sải: fathom, đang rộng hai cánh tay là một sải, khoảng 2 mét.- ĐD). Một cái phòng ở chính giữa. Có bốn buồng ngủ. Mỗi buồng có một chiếc giường sắt, hai cái ghế và một cái bồn tắm. Đằng sau nhà có một cái bếp. Cái bếp có nồi niêu xoong chảo và một cái lò để đun nấu. Cậu phải xây căn nhà đó trên đảo của chúng tôi - đảo Fakarava - không phải ở đây.

- Bấy nhiêu điều kiện? - Raoul hỏi lại một cách nghi hoặc.

- Phải có một cái máy khâu. - Têfara, vợ của Mapuhi thêm vào.

- Đừng quên cái đồng hồ tám cạnh. - Nauri, mẹ của Mapuhi nhắc lại.

- Đúng, tất cả bấy nhiêu. - Mapuhi kết luận.

Raoul cười. Trong khi cười, đầu óc chàng nhằm tính thật nhanh xem các điều kiện đó như thế nào. Chàng chưa từng xây nhà bao giờ cả, bây giờ phải xây thì phiền phức lắm. Phải mua nguyên vật liệu tại Tahiti rồi chuyên chở từ Tahiti tới Fakarava, tiền công bốc xếp và tiền xây cất... Khoảng chừng hai mươi ngàn quan Pháp. Có thể được lắm. Nhưng vấn đề chính là chàng không xác định được giá trị của viên ngọc. Hai mươi ngàn franc là một số tiền lớn và nó là tiền của mẹ chàng.

- Mapuhi.- chàng kêu lên. Chú là thằng đại ngốc, hãy nói giá bằng tiền đi.

Nhưng Mapuhi lắc đầu, lập tức ba cái đầu ở bên trong cũng lắc theo:

- Tôi muốn cái nhà. Nó phải dài sáu sải với một cái hàng rào chung quanh...

- Đúng, đúng, tôi hiểu điều kiện của chú nhưng tôi rất bận, xây cất ngại lắm. Tôi trả chú một ngàn đô la Chi Lê.

Bốn cái đầu lại nhất trí im lặng một cách phủ định.

- Thêm một trăm đô la Chi Lê bằng hàng hóa, tổng cộng là ngàn một đô la.

- Tôi muốn cái nhà...

Raoul vặn lại:

- Tại sao chú cứ thích xây nhà? Chỉ một trận cuồng phong trên đảo là nó sẽ quét sạch không còn vết tích. Ông thuyền trưởng Raffy của chúng tôi

nói dường như sắp có cuồng phong xảy ra đâu đây.

-Không có cuồng phong trên đảo Fakarava. Đất trên ấy cao hơn ở đây. Tôi sẽ có nhà ở Fakarava. Nó dài sáu sải, có hàng rào chung quanh và một cái cửa...

Raoul lại phải lắng nghe câu chuyện cái nhà. Chàng đã phí cả tiếng đồng hồ để đẩy cái nhà ra khỏi đầu óc Mapuhi nhưng mẹ, vợ và đứa con gái tên N'gakura của hắn cứ thúc đẩy cho cái nhà đeo cứng lấy đầu óc hắn.

Khi Raoul đã nghe tới lần thứ hai mươi những chi tiết về cái nhà thì chàng nhìn thấy chiếc xuồng thứ hai từ tàu của chàng đang vội vàng cập vào bãi cát. Thủy thủ trao đổi với người cụt tay một điều gì đó rồi lập tức chạy lên bãi đi kiếm Raoul. Trời tự nhiên sầm lại. Một đám mây đen che kín vầng thái dương. Qua mặt hồ, Raoul nhìn thấy có những vệt mây trắng sáng giống như báo hiệu điềm gở ở nơi chân trời.

- Thuyền trưởng Raffy nói cậu phải rời khỏi đây ngay. Nếu có sò thì cũng bỏ đó, cứ đi, phải đề phòng nguy hiểm trước đã rồi sẽ tính sau. Phong vũ biểu đã xuống tới hai mươi chín bảy mươi.

Những cơn gió lớn làm đổ dạt ngọn cây dừa đại trên đầu, cuộn cuộn thổi qua các tàu lá cọ dưới bãi, quãng khoảng một chục trái dừa còn nguyên cả chùm xuống dưới đất, tiếng nghe cái bịch rất nặng nề và lăn lông lốc. Rồi thì mưa bắt đầu ồ ạt kéo tới từ ngoài khơi, ào ào theo tiếng gầm của những ngọn gió làm cho mặt hồ dường như bốc khói.

Raoul đứng dậy khi nước trên mái lá lợp chòi bắt đầu chảy xối xả:

- Một ngàn đô la Chi Lê tiền mặt cộng trên hai trăm đô la Chi Lê tiền hàng là một ngàn hai trăm đô la, được chưa?

- Tôi muốn cái nhà...

Raoul bước ra ngoài mưa, dừng lại hét lớn nhưng chỉ một mình chàng nghe tiếng:

-Mapuhi, chú là đồ ngốc!

Chàng đi thật nhanh bên cạnh người thủy thủ báo tin, tìm cách xuống bãi. Họ không thể nhìn thấy chiếc xuồng. Mưa miền nhiệt đới dày đặc đến nỗi làm họ vượt mặt không kịp. Bãi cát dưới chân đang bị những làn sóng nhỏ từ mặt hồ trào lên xâm lấn. Một bóng người đi tới trong cơn hồng thủy

toàn trời với nước mù mịt. Đó là Huruhuru, người đàn ông cụt tay vẫn kiên nhẫn đợi chờ:

- Cậu có mua được viên ngọc không? - Huruhuru hét lớn vào tai Raoul.

- Mapuhi là một thằng ngốc. - Raoul hét lại trả lời và sau đó họ không để ý tới nhau nữa, mỗi người đi theo một lối.

Thế rồi một lúc lâu sau, đứng trong cơn mưa, Huruhuru mờ mờ thấy hai chiếc xuồng đang được trục lên tàu và chiếc Aorai bắt đầu quay mũi ra biển. Gần với nó, lại một chiếc khác đi tới. Họ bắt đầu hạ một chiếc xuồng xuống nước.

Chiếc thứ hai này thì Huruhuru biết rất rõ. Nó là chiếc Orohena, người chủ là Toriki, một tay doanh thương hạng nhì, tự mình đứng ra quản lý và buôn bán lấy. Huruhuru chắc lưỡi. Anh ta biết Mapuhi còn nợ Toriki tiền hàng hóa đã nhận từ năm trước, chưa mò được ngọc trả thay vào đó.

Mưa đã tạnh. Mặt trời nóng lại chiếu rọi, bắt đầu hun đốt và mặt hồ lại trở lại hiền lành, êm ả như một tấm gương. Nhưng không khí đặc quánh, oi nồng đến khó thở.

- Ông đã nghe tin gì chưa, ông Toriki?

Huruhuru khúm núm:

- Mapuhi mới mò được một viên ngọc. Chưa từng có một viên nào như thế tại đảo Hikueru này. Chưa từng có tại vùng Pomotus hoặc bất cứ nơi nào trên thế giới. Mapuhi là một thằng ngốc. Hơn nữa hắn còn nợ ông. Xin nhớ tôi báo tin trước nhất đấy nhé. Ông có tí thuốc sợi nào không?

Lập tức Toriki đến thẳng ngay chòi của Mapuhi. Ông ta là một ông chủ, ít khi xử đẹp với những thằng ngốc. Nhìn sơ viên ngọc xong- nhìn sơ thôi, không cần quan sát kỹ - ông ta bỏ tộp ngay vào túi áo:

- Anh may mắn lắm. Đó là một viên ngọc khá đẹp. Tôi sẽ cho anh tiền bằng tín phiếu ghi trong sổ.

-Tôi muốn một cái nhà.- Mapuhi áp ứng. - Nó phải dài sáu sải...

-Sáu sải cái con bà nhà anh. Cái mà anh cần làm là trừ hết nợ. Anh nợ tôi một ngàn hai trăm đô la Chi Lê. Đúng vậy, đừng ngạc nhiên. Anh nợ tôi bốn trăm đô la lâu rồi, con số đó phải tăng lên theo bình phương. Bốn bốn mươi sáu, lẽ ra anh nợ tôi một ngàn sáu trăm đô la nhưng tôi chỉ tính một ngàn hai trăm. Ngoài ra tôi sẽ cho anh thêm hai trăm đô la bằng tín phiếu

ghi trong sổ. Nếu về Tahiti, giá sò ngọc cao tôi sẽ cho anh thêm một trăm nữa, vậy là ba trăm đô la. Nhưng nhớ nếu giá sò ngọc cao đấy nhé. Còn nếu tôi bị lỗ thì anh chẳng được một xu nào hết.

Toriki đi xong, Mapuhi ngồi lặng thinh, khoanh tay cúi đầu buồn thảm. Anh ta đã bị cướp mất viên ngọc. Thay vì ngôi nhà thì phải trả nợ, chẳng còn gì để đưa ra với khách hàng nữa.

- Mày là thằng ngu. - Mẹ anh ta la.

- Anh là thằng ngu! - Vợ anh ta la.- Tại sao lại đưa viên ngọc vào tay thằng cha đó?

Mapuhi giải thích yếu ớt:

- Tôi làm thế nào được? Tôi nợ ông ta tiền. Ông ta biết tôi mò được viên ngọc. Ông ta bảo đưa cho ông ta coi. Tôi thề là không tự mình cho ông ta biết, chắc người khác nói. Tôi còn nợ tiền ông ta.

- Mapuhi là đồ ngu! - N'gakura, đứa con gái mười hai tuổi của Mapuhi bắt chước mẹ và bà nội, chỉ trích bố.

Mapuhi đang đau khổ bèn hả giận bằng cách vớ lấy cái hộp đựng viên ngọc ném vào mặt nó rồi nhào tới nắm hai tai. Hai người đàn bà xông vô, vừa khóc ôm tòi vừa ôm lấy Mapuhi, đè xuống đất, cứ mặt mà tát, cứ mớ tóc xoắn của Mapuhi mà giật nhưng lại kêu khóc như bị người khác đánh, theo cách riêng của phụ nữ.

Trong khi đó thì Huruhuru, người đàn ông cụt tay vẫn kiên nhẫn đứng ngóng trên bãi cát. Anh ta thấy một con tàu thứ ba đậu lại và đang hạ xuống xuống nước. Đó là chiếc Hira của lão nhà buôn người Đức gốc Do Thái Levy, tay buôn ngọc. Hira là tên thánh quan thầy của nghề đánh cá và nghề trộm cắp ở đảo.

-Ông đã nghe tin gì chưa, ông Levy?

Levy người mập ú, nặng nề như một khối thịt, dừng lại lắng nghe.

- Mapuhi mới mò được một viên ngọc. Chưa bao giờ có một viên như thế tại đảo Hikueru này. Chưa từng có trong vùng Pomotus. Chưa từng có trên thế giới. Mapuhi là một thằng ngu. Nó mới bán cho ông Toriki với giá một ngàn bốn trăm đô la Chi Lê - tôi núp bên ngoài nghe rõ. Toriki là tay xoàng, ngài có thể mua lại của ông ta với giá rẻ. Nhưng nhớ tôi báo tin cho ngài đầu tiên đấy nhé. Ngài có tí thuốc sợi nào không?

- Toriki bây giờ ở đâu? ‘

- Đến nhà ông thuyền trưởng Lynch, đang uống rượu bạc hà. Ông ta ở đây một tiếng đồng hồ rồi.

Và khi nhà buôn Đức gốc Do Thái Levy uống rượu bạc hà với Toriki để bàn về chuyện viên ngọc thì Huruhuru nghe trộm, biết họ đồng ý với nhau cái giá hai mươi lăm ngàn quan Pháp.

Đó cũng là lúc cả hai chiếc, Orohena của Toriki và Hira của Levy, bắt đầu bắn súng báo hiệu rút lui. Ba người đàn ông bước ra ngoài. Họ thấy hai chiếc tàu đang vội vã đánh vòng, quay mũi ra khơi, hạ hết buồm chính, chỉ còn lại các buồm phụ để chuẩn bị chạy. Gió lớn làm chúng nghiêng về một bên, bọt sóng trắng xóa. Rồi thì mưa bắt đầu đổ xuống.

- Lát tạnh mưa nó sẽ quay lại. Nhưng có lẽ mình nên rời nơi đây càng sớm càng tốt.

- Tôi phải coi lại cái kính xem tình hình ra sao. - Thuyền trưởng Lynch nói. Ông là đại úy hàng hải, râu bạc, đã quá già không còn theo nghề được nữa. Do đi đó đi đây nhiều, biết đảo Hikueru phù hợp với bệnh suyễn của ông nên ông xây nhà và ở lại đó.

Ông vào bên trong coi phong vũ biểu:

- Ôi, chúa ơi!

Hai người nghe tiếng kêu bèn chạy vội vào, nhìn lên mặt kính: Hai mươi chín hai mươi!

Họ lưỡng lự quay trở ra. Gió đã ngừng nhưng bầu trời vẫn u ám. Hai chiếc tàu của họ và một chiếc khác đang trở lại. Nhưng sự đổi hướng của gió khiến chúng dường như uể oải, chậm chạp. Bỗng thành linh một cơn gió ngược chiều làm chúng khựng lại. Mọi người trên bờ thấy rõ chúng bị đụng chạm ở đằng sau đuôi, trờ tới, nhảy nhồm. Âm thanh của sóng âm ì đầy đe dọa. Một lần chớp khựng khiếp lóe rực trước mắt họ, chiếu sáng ban ngày u tối, và một tiếng sét giáng xuống, cuộn cuộn, vang rền đỉnh tai nhức óc.

Toriki và Levy không thiết gì nữa, cuống quýt chạy đi tìm xuồng của mình. Cái khối thịt Đức-Do Thái ỳ ạch như con hà mã, tuy vội nhưng không sao bước nhanh hơn được.

Đúng lúc hai chiếc xuồng của họ vừa ra đến ngoài thì họ gặp xuồng của chiếc Aorai đang đi vô. Ở phía đằng mũi, Raoul đang khuyến khích các

thủy thủ. Không thể quên được viên ngọc, chàng trở lại chấp nhận mọi điều kiện của Mapuhi về việc xây cất ngôi nhà.

Raoul nhảy lên bãi giữa những tiếng sấm sét vang rền và gió thổi mạnh đến nỗi người chàng muốn xô vào Huruhuru trước khi kịp hỏi thăm tin tức.

- Quá muộn rồi. - Huruhuru lắc đầu trong những làn chớp sáng lóe.- Mapuhi đã bán cho Toriki một ngàn bốn trăm đô la Chi Lê. Toriki bán lại cho Levy hai mươi lăm ngàn franc. Dem về Pháp thế nào Levy cũng được hơn hai mươi lăm ngàn franc. Cậu có mang theo tí thuốc sợi nào không?

Raoul tiếc thì tiếc thật nhưng cảm thấy nhẹ nhõm. Sự lo lắng về giá cả của viên ngọc không còn nữa. Hai mươi lăm ngàn franc? Levy là tay keo kiệt mà dám mua tới con số hai mươi lăm ngàn franc? Chàng không tin lắm nên quyết định tới hỏi thuyền trưởng Lynch.

Ông già đang dán mắt vào chiếc phong vũ biểu, đứng xích ra nhường chỗ cho Raoul:

- Cậu đọc thấy bao nhiêu?

- Hai mươi chín mười. Cháu chưa từng thấy thấp như vậy bao giờ.

Ông già lau mặt kính xong, ghé mắt vô nhìn, nét mặt đăm chiêu:

- Tôi không thể nói được điều gì sẽ xảy ra. Suốt năm mươi năm sống trên mặt biển...Coi kìa, cậu thử lắng tai!

Tiếng sóng ầm ỹ rung chuyển ngôi nhà. Họ chạy ra ngoài. Chiếc Aorai đang nằm tê liệt cách bờ khoảng chừng một dặm, bị đầy dọa bởi thứ mặt biển độc ác, điên cuồng. Gió thổi theo hướng đông bắc, như giận dữ chỉ muốn bứt nó khỏi các dây neo, ném nó tan tành vào các bờ đá san hô. Một trong các thủy thủ trên xuồng giơ tay ra hiệu cho Raoul và chỉ vào miệng chiếc kênh hẹp, lối ra vô của các xuồng. Họ nhắm mắt, lắc đầu cho thấy sự thất vọng. Chàng nhìn thấy những lớp bọt trắng xóa, cuộn cuộn, hỗn loạn đổ từ ngoài vào.

- Cháu e đêm này phải ở lại đây ngủ nhờ thuyền trưởng quá!

- Tôi cũng mong mọi người qua một giấc ngủ bình an.

Trước khi trở lại với thuyền trưởng, chàng ghé xuống bãi bảo người thủy thủ kéo xuồng lên bãi, tìm chỗ trú ẩn cho chính anh ta và cho các bạn.

- Hai mươi chín đúng!- Thuyền trưởng trở vô coi lại phong vũ biểu rồi xách ra ngoài hai chiếc ghế.

Họ ngồi trước cửa nhà, lo ngại nhìn quang cảnh mặt biển. Mặt trời đã ra khỏi đám mây, làm gia tăng sự oi nồng của ngày nhiệt đới, nhưng cái tĩnh lặng chết chóc vẫn lẫn khuất và biển mỗi lúc một thêm vẻ nghiêm trọng.

Raoul bồn chồn, lo ngại:

- Cái gì đến với biển thì cũng là đến với cháu. Gia tài, cơ nghiệp! Bác thấy đấy, trời không có gió, lúc mưa lúc tạnh thật kỳ lạ!

Từ nhiều dặm xa ngoài khơi, một tiếng rền vang giống như động đất mang theo hàng chục ngàn tấn sức nặng đập vào bờ cát san hô mong manh che chắn hòn đảo. Thân hình ông già bật lên, nhảy nhồm rồi lại té ngồi xuống ghế:

- Chúa nhân lành! Chuyện gì vậy?

Raoul cũng té xuống ghế. Chàng ngạc nhiên:

- Cháu không hiểu. Trời không có gió...

Rồi chàng giải thích:

- Nếu gió thì có thể đó là sóng...

Ông già thở dài, nhả mặt lắc đầu:

- Đừng vội, lát nữa thế nào cũng có gió đủ để cho cậu phải lo ngại.

Họ ngồi im lặng. Mồ hôi đọng trên mặt trước còn là vô vàn những giọt li ti, sau to dần, kết hợp với nhau thành những giọt lớn và rơi xuống đất. Bầu không khí ngột ngạt, khó thở. Nhất là ông già, vốn bị bệnh suyễn, mọi cố gắng của ông chỉ là để thở một cách khó nhọc.

Sóng thần đã xóa bỏ được cái bờ đê cao hơn đảo không còn vết tích. Bây giờ nước biển ào lên, rất nhanh. Nó tràn chung quanh các thân cây dừa và hướng về phía hai người.

- Con đường này cao hơn mực nước. Tôi đã ở đây mười một năm nay...

Ông coi đồng hồ:

- Ba giờ chiều.

Một người đàn ông, một người đàn bà, dưới chân họ lắt nhắt nào là con nít, nào là chó lớn chó con và các đồ đạc, lếch thếch đi lên. Họ tới khoảng đất trống ở phía hiên nhà, sau khi lưỡng lự bèn ngồi xuống cát. Ít phút sau, lại một gia đình khác kéo đến từ phía đối diện, đàn ông, đàn bà mang theo các thứ hỗn tạp. Và chẳng bao lâu hàng mấy trăm người đủ mọi lứa tuổi bồng bế con nít lếch thếch đi tới. Họ gọi nhau ới ới, kiếm chỗ ngồi trên

hàng hiên hoặc bất cứ chỗ nào còn rộng chung quanh căn nhà. Một chị ẵm đứa con mới sanh trên tay, trả lời với người khác rằng cái chòi nhà chị đã bị sóng quét xuống hồ. Lúc ấy đang là cao điểm trong mùa mò ngọc, thổ dân từ các đảo chung quanh, ngay cả đảo xa như Tahiti cũng tới sinh sống. Mặc dầu ngôi nhà của vị thuyền trưởng là nơi cao nhất trong mấy dặm gần đây nhưng biển đã phá vỡ phòng tuyến thiên nhiên là cái lưon cát che chắn bên ngoài, tình trạng rất đáng lo ngại.

- Có một ngàn hai trăm người gồm đàn ông, đàn bà kể cả trẻ con ở đây. Tôi tự hỏi đến sáng ngày mai thì con số đó còn lại được bao nhiêu.

- Nhưng tại sao lại không có gió? Theo cháu nghĩ, phải có gió thì mới có sóng và nước mới trào lên nguy hiểm như vậy.

- Đừng nóng, chàng trẻ tuổi, đừng nóng, trong chốc lát cả cậu lẫn tôi và mọi người sẽ khốn khổ chẳng biết có toàn mạng được hay không, không lâu đâu.

Giữa lúc vị thuyền trưởng đang nói thì một khối nước lớn cuộn cuộn dội vào đảo. Lập tức mực nước tóe lên, đẩy lớp nước cũ ngập tới chân ghế khoảng hơn một tấc. Những người đàn bà than vãn, lo âu, ánh mắt ai oán. Nhiều đứa trẻ con nhìn thấy mặt nước mênh mông, bám chặt lấy mẹ, sợ hãi khóc ré. Gà và mèo chạy loạn xạ. Theo bản năng riêng, chúng bay hoặc tìm cách leo lên mái nhà của vị thuyền trưởng để tránh tai nạn. Một thổ dân gốc Pomotan tay ôm một cái thúng đựng ổ chó con mới đẻ, tay kia bám, cố leo lên ngọn cây dừa cao hơn sáu mét. Con chó mẹ lung túng trong nước ở phía dưới gốc và kêu ăng ẳng.

Mặt trời lại chiếu sáng và sự tĩnh lặng chết chóc vẫn tiếp tục. Vị thuyền trưởng nhìn thấy chiếc Aorai nhấp nhô trên mặt biển điên cuồng, lúc trôi lúc sục chống cự với sóng. Những quả núi nước lù lù đi tới hướng về phía đảo. Ông lấy tay che mặt, không muốn trông thấy gì thêm, đứng ngẩn ngơ suy nghĩ rồi đi vào trong nhà.

Lúc trở ra, ông nói một mình:

- Hai mươi tám sáu mươi.

Trong tay ông là một cuộn dây thừng loại nhỏ sợi. Ông cắt ra, cứ hai sợi một sợi, đưa cho Raoul một sợi, giữ cho mình một sợi còn thì chia cho mọi người và dặn họ cách sử dụng để leo lên cây.

Một luồng không khí nhẹ bắt đầu thổi theo hướng đông bắc, quạt mát hiu hiu trên má làm cho Raoul phấn chấn hơn. Chàng trông thấy đuôi chiếc Aorai quay vào phía trong và đang cố gắng ra khơi. Chàng ân hận mình không có mặt trên đó bởi vì biết nó sẽ tìm mọi cách lánh nạn với bất cứ giá nào. Nhưng hòn đảo...

Một luồng nước biển xô tới quét ngập dưới chân. Chàng ngó một thân cây cao định lợi tới, song chợt nhớ tới chiếc phong vũ biểu nên bèn quay trở lại, gặp thuyền trưởng Lynch cũng đang lợi và cả hai cùng đi vào.

- Hai mươi tám hai mươi. - thuyền trưởng lo lắng. Đúng là một địa ngục - tiếng gì vậy?

Không khí dường như căng phồng với sự cuồng nộ của cái gì đó. Ngôi nhà chuyển động, rung lên răng rắc. Những cánh cửa sổ bật tung, vô số miếng kính văng ra, vỡ nát. Một luồng gió ào tới xô mạnh, xoáy cuộn khiến họ lão đảo. Chiếc cửa lớn ở phía đối diện gấp lại đánh rầm, vỡ tan từng mảnh. Quả đấm sấm rơi xuống sàn. Các bức tường dường như không chịu nổi sức ép, thi nhau nứt toác. Thuyền trưởng đưa mắt nhìn đồng hồ. Bốn giờ đúng. Ông mặc chiếc áo hoa tiêu lên mình, gỡ chiếc phong vũ biểu bỏ vào trong túi. Gió vẫn tiếp tục gầm rú, ngôi nhà xiêu vẹo rồi sụm xuống, một đầu nằm trên tường, một đầu nằm dưới đất làm thành một góc mười độ, lỏng chỏng.

Raoul ra trước. Gió cuốn lấy chàng làm chàng lão đảo và kéo chàng đi. Chàng biết nó lôi mình về phía đông nên cúi gập người xuống, quỳ phục, hai tay mò xuống dưới nước bầu lấy mặt cát, cố gắng chống cự. Thuyền trưởng Lynch già cả, bị nó lôi như một bó rom, ngã sấp nằm trên mình chàng và cố bám chặt lấy chàng. Hai thủy thủ của chiếc Aorai rời thân cây dừa mà họ đã leo, tụt xuống, bò trên mặt nước tới cứu. Ông già gân cốt yếu không leo lên được. Họ dùng dây thừng cột ông vào lưng họ. Người phía trên bám, người phía dưới nạy, cứ thế họ nhích từng đoạn và kéo ông lên trên ngọn cây dừa cao mười lăm mét.

Raoul choàng sợi dây của mình vào góc một cây phụ cận, hai đầu dây cột trên bụng rồi đứng nhìn lên. Gió rít dễ sợ. Chưa bao giờ chàng nghĩ nó có thể thổi mạnh đến thế. Sóng biển xô lên đảo, ngập tới đầu gối trước khi rút xuống hồ. Mặt trời đã lặn, hoàng hôn màu chì rùng rợn. Một ít hột mưa

bay ngang, đập vào mặt chàng giống như những viên đạn nhỏ. Hàng bao nhiêu người leo lên các ngọn cây, chũu chịt như những chùm dừa. Và rồi thì, vốn sinh ra ở Tahiti, chàng cũng leo theo cách leo của thổ dân không mấy khó khăn. Trên ngọn cây đã có một người đàn ông, hai người đàn bà và hai đứa trẻ. Đứa con gái nhỏ tay ôm con mèo.

Từ chỗ lánh nạn Raoul vẫy vị thuyền trưởng. Ông cũng vẫy lại ra hiệu. Bầu trời xuống thấp gần như sát đầu, lúc trước màu chì, bây giờ màu đen. Nhiều người còn ở dưới đất không leo lên được. Họ tụ tập tại các gốc cây và bám lấy nhau cho gió khỏi cuốn, vừa kêu khóc vừa cầu nguyện. Tiếng kinh cầu của đạo Mormon trong hoàn cảnh này nghe rất thâm trầm.

Gió vẫn tiếp tục gầm rú mỗi lúc càng thêm điên cuồng. Một thân cây tróc gốc đổ rạp đem theo chùm người. Những lớp sóng chồm lên cuốn họ xuống hồ, chàng chỉ trông thấy thấp thoáng vài mảnh da nâu, vài cái đầu màu đen chói với, giẫy giụa. Nhiều cây khác cũng đổ hoặc bị gió đánh gãy, trên cây có những chùm người. Cây của chàng nghiêng ngả, rạp hẳn xuống rồi lại bật lên, đầu lá chạm tới mặt nước. Hai người đàn bà khóc; một người ôm chặt đứa con gái còn nó thì vẫn giữ chặt con mèo.

Người đàn ông ôm đứa con trai khế bám Raoul, chỉ tay về phía trước mặt. Chàng nhìn theo. Ngôi nhà thờ Mormon bị bứt khỏi nền, cứ thế bị gió đem đi, lôi về phía biển. Những làn sóng chồm tới, nó nghiêng ngả, đụng vào các thân cây dừa trên đó chỉ chít những chùm người, họ rụng xuống, lớp ngóp và bị chôn vùi như những con kiến trên mặt nước. Không phải là sự sợ hãi nữa mà là kinh hoàng. Những làn sóng khổng lồ cứ xô đẩy làm ngôi nhà thờ vằn lằn, nhô lên thụp xuống cho đến khi bị vùi xuống biển.

Chàng nhìn về phía ngôi nhà của vị thuyền trưởng. Nó cũng đã biến mất. Chàng bất ngờ nhìn sang chỗ thuyền trưởng Lynch đứng lúc sự việc xảy ra. Thân cây gãy đôi, tan vụn ở chỗ bị bẻ không có tiếng động. Phần ngọn với ba thủy thủ của chiếc Aorai và vị thuyền trưởng già bay về phía hồ. Nó không rơi xuống đất mà bị cuốn trong không khí giống như chiếc điều. Chàng dõi theo con đường nó bay, khoảng một trăm mét trước khi rơi xuống mặt sóng. Chàng nhìn trôn trời và có cảm giác lúc gặp tai nạn, vị thuyền trưởng già giờ tay già biệt.

Raoul không còn trông đợi vào điều gì nữa. Chàng đung vào người thỏ dân ra hiệu trụt xuống đất. Người đàn ông muốn xuống, nhưng hai người vợ hoàn toàn tê liệt vì quá khiếp đảm. Anh ta từ chối, ở lại với họ. Raoul choàng sợi dây chung quanh thân cây, trụt xuống. Chân chưa chạm đất, lập tức một đợt sóng nước mặn trùn lên đầu chàng. Chàng nhắm mắt, ngậm miệng và hai tay bám chắc sợi dây một cách tuyệt vọng. Làn sóng qua đi, chàng ngoi lên để thở và cột lại sợi dây kỹ hơn, một đầu vào thân cây, một đầu vào bụng. Lại một làn sóng khác xô tới chìm hàng xuống. Một trong hai người đàn bà cũng xuống, bám vào sợi dây của chàng; người đàn ông ở lại với người đàn bà kia cùng hai đứa nhỏ và con mèo. Raoul đã để ý tại sao những nhóm bám ở gốc cây đằng kia lại cứ mất bớt người đi. Phải níu thật chặt và đủ sức chịu đựng.. Đằng này chàng may mắn có sợi dây nhưng về sức khỏe, đã mệt lắm rồi, cả người đàn bà cũng mệt vì bị chìm lên chìm xuống. Mỗi lần trôi lên chàng lại ngạc nhiên thấy mình vẫn còn đấy, và, tiếp theo, ngạc nhiên thấy người đàn bà vẫn còn đấy, bám được sợi dây. Nhưng cuối cùng, khi chàng trôi lên thì chỉ thấy có một mình mình đơn độc. Chàng nhìn lên. ngọn cây đã gãy và bay đi mất. Nửa thân cây còn lại bị cụt, rung động. Chàng chưa chết. Cây vẫn bám vững. Chàng vỡ lẽ ra rằng cây cụt ít bị gió đánh mạnh bằng cây có ngọn. Vậy là chàng bắt đầu trèo lên. Chàng yếu đến nỗi leo từng khoảng một rất chậm, sóng đánh vào lưng chàng, muốn lôi chàng xuống nhưng chàng đã có sợi dây và từ vô thức, chàng ôm rất chắc.

Khi đã leo được lên trên, chàng dùng sợi dây quấn mình vào thân cây và cột thật chặt. Xong, thân thể chàng cứng ngắc và đầu óc chàng rũ liệt, hai tay ôm phần cây gãy, gục trên cánh tay, chàng rơi vào trạng thái u mê rồi không biết gì nữa.

Cao điểm của trận cuồng phong kéo dài từ mười một giờ đêm tới ba giờ sáng. Gia đình Mapuhi núp trên ngọn cây dứa dại (Pandanus, giống với cây cọ nhưng thuộc họ Dứa- Pandanaceae.-ND). Nó bị gió đánh gãy ngay lúc mười một giờ và bị nước cuốn. Mapuhi trôi trên mặt hồ, tay vẫn nắm chặt con bé N'gakura. Chỉ dân các đảo Nam Mỹ chuyên nghề mò ngọc mới sống nổi trong tình trạng bị chìm dưới nước như thế. Cây dứa dại nơi hấn cột

mình bị xoáy cuộn trong các lớp sóng, trở ngang trở dọc, chìm tới chìm lui. Cứ lúc nó chìm xuống thì hấn buông tay, nổi lên và giữ cho cái đầu hấn với đầu con bé N'gakura ở trên mặt nước để thở. Lúc nó nổi lên, hấn bám thật nhanh chỉ một tay thôi, tay kia phải nắm con bé. Nhưng thở rất khó, không khí toàn hơi nước và bọt nước mặn của các lớp sóng, lại mưa nữa, mưa chéo góc bắn vào mặt hấn.

Mười dặm ngang qua mặt hồ là vòng cát san hô. Ở đấy nhấp nhô các thân cây, xác xuồng, xác nhà; mười người sống sót trên mặt hồ thì đến chín người bị đập vào những thứ hỗn tạp đó mà chết. Nhưng Mapuhi gặp may. Sự may mắn của hấn thuộc một trong mười phần, chỉ con bé N'gakura bị thương, gãy cánh tay trái, các ngón tay mặt bị nghiền, mặt và trán toác tới tận xương. Hấn bám được một cây cụt hãy còn đứng và trèo lên, mang theo đứa con gái, cột mình vào đó trong khi nước hồ tràn tới đầu gối, lúc cao thì tới ngang bụng.

Đến ba giờ sáng thì cơn cuồng phong dịu bớt. Năm giờ sáng chỉ còn những cơn gió nhẹ. Sáu giờ sáng hoàn toàn yên lặng và mặt trời lộ dạng. Biển đã rút. Từ trên bờ còn lại của hồ nước mặn, Mapuhi nhìn thấy xác chết cùng khắp. Không nghi ngờ gì nữa, chắc chắc Tefara vợ hấn và Nauri mẹ hấn có trong số đó. Hấn đi dọc bờ biển tìm kiếm và thấy vợ hấn nửa nằm trên cát, nửa nằm dưới nước. Hấn ngồi xuống, đấm ngực, vò đầu bứt tai khóc ồ ồ như tiếng rống của một con vật thời nguyên thủy. Vợ hấn mở mắt một cách khó nhọc và chép chép miệng than vãn. Hấn nhìn kỹ hơn. Chẳng những vợ hấn sống sót mà còn không có một tí thương tích. Nàng ngủ giấc ngủ hiếm có. Và, nàng cũng thuộc số một phần mười may mắn.

Cùng lúc ấy, Nauri, người đã bị trận cuồng phong tách khỏi gia đình và bị quét đi, đang phiêu lưu một cuộc phiêu lưu lạ lùng trong đời mù. Bám được mảnh gỗ thô đã đục vào mù và làm mù bị thương, khắp người trầy sứt, mù bị đẩy khỏi hồ rồi trôi ra biển. Ở đây, những quả núi nước làm mù tuột mất miếng ván. Mù đã gần sáu mươi tuổi. Nhưng mù là dân Pomotus và chưa bao giờ rời khỏi biển. Vậy thì mù bơi tay không, bơi trong đêm tối, nghệt thở vì tuổi già, nghệt thở vì không khí đầm hơi nước, chống cự với sóng, với bão. Bỗng, vai mù đụng phải một quả dừa còn nguyên cả cành.

Đầu óc mụ chột nảy ra một kế hoạch, mụ nắm lấy nó. Trong giờ sau mụ tóm thêm được bảy trái nữa, túm chúng lại với nhau kẹp hai bên nách làm thành chiếc phao bơi. Mụ là một bà già mập, xoay trở nặng nề hơn bà già ốm. Nhưng mụ có kinh nghiệm về biển. Và, trong khi vừa bơi vừa cầu nguyện thần cá mập của mụ che chở mụ khỏi gặp những con cá mập thì mụ cũng cầu mong cho cơn bão tan đi.

Nhưng đến gần ba giờ sáng, bão vẫn chưa tan làm mụ mệt nhoài, gần như rơi vào trạng thái hôn mê. Gần sáu giờ sáng, cơn bão ngừng, mặt trời đã mọc. Mụ bị sốc, ý thức trở lại khi đụng bãi cát. Mụ bấu cả tay cả chân xuống cát ướt để cố bò lên vì sợ nước lại lôi mụ xuống nữa.

Mụ biết mụ đang ở đâu. Cái đảo bé tí teo này không gì khác hơn là đảo Takokota. Nó chẳng có hồ và cũng chẳng có ai sống trên đó. Nó cách đảo Hikueru khoảng mười lăm dặm. Mụ không thể nhìn thấy đảo Hikueru nhưng mụ biết nó nằm ở phía nam.

Nhiều ngày trôi qua. Mụ sống nhờ những trái dừa đã vớ được trong lúc trôi giạt. Nhưng mụ không dám ăn đầy đủ như ý mụ muốn. Mụ không dám uống đầy đủ như ý mụ muốn. Việc cứu nạn là một vấn đề. Mụ nhìn thấy khối của những chiếc tàu cứu nạn ở nơi chân trời, nhưng làm sao người ta có thể nghĩ mụ đang ở đây, trên hòn đảo Takokota bé tí không người ở này?

Từ đầu mụ đã khôn khổ vì các xác chết. Biển nhất định ném chúng lên bãi cát bé tí của mụ. Mụ nhất định đẩy chúng trở ra. Ở đây, hàng đàn cá mập tha hồ đánh chén no nê. Nhưng mụ đầy rết cũng mệt, không còn sức nữa mà nay cũng không kịp. Xác chết giăng mắc la liệt tới mức độ khủng khiếp. Mụ bèn rút lui vào trong, nhưng đâu có xa được bao nhiêu, hòn đảo quá nhỏ.

Đến ngày thứ mười thì dừa cũng hết. Người mụ tóp đi vì khát. Mụ lang thang trên bãi tìm dừa. Một điều lạ là xác chết thì nhiều nhưng lại không có dừa. Chắc chắn dừa phải nhiều hơn người chết chứ! Cuối cùng mụ chán nản bèn ngồi xuống thở vì kiệt quệ. Thế là hết, không còn cách chi ngoài việc chờ chết.

Bỗng, mụ để ý thấy cái đầu của một xác chết đang đập dình ở dưới mép nước. Mái tóc màu hung hung đỏ giống với màu cát trông rất quen. Cái xác

nằm ngửa, không có mặt. Nhưng mục đang chờ chết, xác người đàn ông đó là ai đối với mục cũng chẳng quan trọng.

Một lúc sau, mục uể oải đứng dậy, tự nhiên bước tới nhìn kỹ hơn. Đúng, mục nghĩ đúng, cái xác tóc đỏ ấy không thể thuộc về dân Pomotus tóc đen. Đó là Levy, lão nhà buôn người Đức gốc Do Thái mập ú đã mua lại viên ngọc và đem đi trên chiếc Hira.Ồ, vậy thì đã rõ: chiếc Hira đã tiêu tùng, vị thánh quan thầy nghề đánh cá và nghề trộm cắp đã quay mặt đi với lão.

Mục cúi xuống xác chết. Chiếc áo sơ mi rách nát nên mục trông thấy sợi dây nịt to bản bằng da có các ngăn đựng tiền của lão thắt ở trên bụng. Mục bịt mũi lại, cố nín thở và tháo cái khóa ở đầu sợi dây. Nó mở dễ dàng hơn mục trông đợi. Và mục mau mau rời khỏi cái xác đã chương phình, bước vội lên bãi, kéo lê sợi dây nịt ở đằng sau. Từng ngăn một, mục mở nút bấm, lục sạo, chỉ thấy tiền chứ không thấy "nó". Vậy "nó" ở đâu? Mãi tới ngăn cuối cùng mục mới thấy nó, một cục, gói ghém cẩn thận: viên ngọc đầu tiên và duy nhất mà lão đã mua trong cuộn hành trình.

Mục đi xa ra để tránh mùi xú uế từ sợi dây nịt và miếng khăn gói, đem rửa sạch rồi cân nhắc nặng nhẹ trên tay. Đó chính là viên ngọc Mapuhi đã mò được và bị lão Toriki tước đoạt. Mục cứ ngắm nghía, ve vuốt nó mãi, quên cả đói khát. Từ viên ngọc ấy, mục không thấy đẹp nhưng thấy ngôi nhà mà mục, thằng Mapuhi và Tefara đã từng bàn tính với nhau, xây trong trí óc rất cẩn thận không thiếu một chi tiết nào tại đảo Fakarava. Cứ nhìn ngắm nó mục lại thấy hiện rõ chiếc đồng hồ tám cạnh thật đẹp treo trên tường, bên dưới có cục tròn tròn lắc qua lắc lại.

Trên mình mục chẳng có gì hơn. Mục cởi nốt cái ahu rồi xé lấy vải, cột viên ngọc thật cẩn thận đoạn quấn quanh cổ. Bây giờ thì mục hăng hái lắm. Mục đi khắp đảo tìm dừa. Mục thấy một trái, và, nhìn chung quanh, mục lại thấy thêm một trái nữa. Mục đập một trái, uống nước. Nó đã có mùi chua nhưng vẫn tốt chán. Mục ăn cơm dừa. Tự nhiên mục mạnh mẽ hẳn lên. Chỉ một lát sau mục tìm thấy một chiếc xương hổng. Lái của nó đã mất nhưng mục vẫn hy vọng. Quả nhiên đến chiều thì mục tìm được. Những vật đó khiến mục tăng thêm phần khởi. Viên ngọc thật đúng là lá bùa hộ mệnh.

Hôm sau mục trông thấy một chiếc thùng gỗ mập méo mặt nước. Kéo lên thấy bên trong còn sót mười hộp cá mòi. Mục mở một hộp bằng cách đập lên

thành xuống. Hộp móp méo, chảy nước. Mụ hút lấy thứ nước béo ngậy đối với mụ là cao lương mỹ vị ấy. Mụ dùng hàng tiếng đồng hồ để mở rộng lỗ thùng, moi từng chút cá một cách kiên nhẫn.

Tám ngày dài mụ mong có sự cứu giúp. Nhưng tám ngày đó mụ không ngồi yên. Mụ bện dây thừng bằng xơ dừa, kể cả phần còn lại của chiếc ahu, dùng để cột chiếc lái mụ đã tìm được vào xuống. Khó nhất là làm bơi chèo. Mụ phá chiếc thùng lấy mảnh gỗ ván tương đối vừa phải, dùng răng cạp từng chút ở một đầu cho nhỏ dần rồi cột lại với thanh gỗ lấy từ miệng thùng, vậy là mụ đã có một chiếc bơi chèo tuy ngắn nhưng cũng xài tạm được. Một vài chỗ nứt trên xuống thì mụ chịu thua. Mụ nhét đờ bằng xơ dừa và hy vọng sẽ dùng gáo dừa tát nước.

Vào ngày thứ mười tám, nửa đêm, mụ "hạ thủy" chiếc xuống, bắt đầu trở lại đảo Hikueru với lương thực gồm hai hộp cá mòi còn lại. Mụ là một bà già gần sáu mươi tuổi. Sự cực nhọc đã lấy hết mỡ của mụ chỉ để lại da bọc xương, nhăn nhúm như con ma đói. Chiếc xuống quá lớn, đáng lẽ ít nhất phải ba người đàn ông chèo, bây giờ mụ chỉ có một thân một mình với chiếc bơi chèo ngắn ngắn tự chế tạo lấy. Xuống lại rò rỉ một cách tệ hại nên một phần ba thời gian mụ phải dùng để tát nước. Vậy mà đến sáng mụ đã lờ mờ nhìn thấy đảo Hikueru. Mặt trời thiêu đốt thân thể hoàn toàn trần trụi của mụ, ép khô hết nước. Hai hộp cá mòi để đầy lâu lâu mụ chỉ nhắm nháp bởi vì không có thì giờ moi cá. Dòng nước chảy về phía tây, mụ xuôi theo phía tây, xem có cách nào đến được phía nam không.

Vào khoảng xế chiều, mụ đứng thẳng người trong xuống nhìn Hikueru. Cảnh sum xuê của những cây dừa cây bây giờ không còn nữa. Đây đó, rải rác những thân cây cụt hoặc bị đổ gãy nằm hỗn độn, thê lương, tàn tạ. Cả đảo không còn lấy một ngôi nhà hoặc một chiếc chòi nguyên vẹn, chỉ có những chỗ người ta đào cát, khum lên, che đờ một miếng gì đó ở tạm. Dù sao hòn đảo thân yêu cũng làm mụ phấn khởi, mụ thấy mình đã gần với nó hơn so với dự đoán. Nhưng dòng nước cứ tiếp tục chảy xuôi về phía tây trong khi đảo ở phía nam. Mụ vội vã chèo. Mảnh gỗ làm chèo xộc xệch rồi bị tuột ra. Mụ mất thì giờ cột lại nhưng nó vẫn xộc xệch, chèo được vài nhát lại tuột. Một trong ba tiếng đồng hồ mụ phải ngừng tay để sửa bơi chèo, lo việc tát nước. Suốt thời gian đó xuống tiếp tục bị đưa về tây. Đến nhá nhem

tối, mục thấy Hikueru đã cách mình khoảng ba dặm về phía đông nam, vậy là mục đã bị đưa xuống phía dưới, càng lúc càng xa với đảo. Trăng mọc. Mục xa thêm hai dặm nữa.

Mục cố gắng chống cự nhưng vô ích, nước vào quá nhiều, mục lo tát nước thì chiếc xuống chỉ càng bị đưa về phía tây hơn nữa mà thôi. Không còn cách nào khác, mục cầu nguyện thần cá mập che chở cho mục rồi bỏ xuống, trút xuống nước và bắt đầu bơi ngược lại, chênh chếch về hướng đông nam. Thân thể mục mát mẻ. Mục mau chóng bỏ xa chiếc xuống. Sau một tiếng đồng hồ, hòn đảo đến gần trông thấy. Nhưng bỗng mục sợ hãi tột độ: ngay trước mặt mục, cách khoảng năm sáu thước, vây một con cá mập lù lù xuất hiện, nhô trên mặt nước. Mục lại đang bơi về phía nó mới chết. Nó cắt ngang qua trước mặt mục một cách chậm chạp, đánh một vòng rộng và từ từ lượn chung quanh mục. Lúc cái vây hình tam giác trầm xuống, mục úp mặt dưới nước mở mắt ngó trộm nhưng chẳng trông thấy gì hết. Lúc nó nổi lên ở phía sau, mục ra sức bơi nhanh hơn. Con quái vật này lười- mục thấy rõ điều đó. Chắc nó đã no nê xác chết trên biển do trận cuồng phong gây ra. Nếu đói, nó đã không lưỡng lự gì mà không nhào vào mục. Nó dài ít nhất năm thước, mục hiểu chỉ một cái tộp của nó, thân thể mục sẽ đứt đôi ngay lập tức. Nhưng mục không có cách nào chọn lựa. Nếu không cố gắng bơi tiếp, nước sẽ kéo mục lại – cũng thế cả thôi.

Sau khoảng nửa tiếng đồng hồ quan sát, không thấy động tĩnh gì, con quái vật trở thành bạo dạn. Nó tiến lại gần mục và lượn thành vòng hẹp hơn. Nếu cứ để như vậy đằng nào cũng chết, nó sẽ "đớp chơi" mục dù bụng đã no. Mục phải ra tay trước. Đó là một hành động liều lĩnh mà mục đã suy nghĩ rất kỹ. Mục đã già, một mình ở trên mặt biển, kiệt sức vì đói khát và quá cực khổ; giờ đây, trong cơn nguy hiểm, đối diện với con quái vật, mắt nó đang tho lỗ nhìn mục, lưỡng lự, thay vì nó xông vào mục thì mục sẽ xông vào nó trước. Nó cách mục khoảng hai mét. Mục bơi vòng vòng hơi xích về phía đuôi nó thật nhanh và làm âm âm giả bộ tấn công rồi liều mạng giơ bàn tay của một bà già, nắm tay đâm vào phía sau gần lưng nó một cái. Con quái vật giật mình, quẫy đuôi, cứ thế lặn xuống, chuồn thẳng, lát sau biến mất. Cái đuôi như giấy nhám của nó quất mạnh đến nỗi làm mục đau rát. Từ chỗ khuỷu tay tới bả vai mục bị tuột da, lòi thịt.

Trong cái hũng đào dưới cát, bên trên che vài miếng gỗ và thiếc đã nhặt nhanh được, Mapuhi và Tefara đang nằm cũi cộ. Họ gây với nhau lần này là lần thứ một ngàn rồi.

- Nếu làm như lời tôi nói thì đâu đến nỗi. Tôi đã bảo phải giấu viên ngọc đừng cho ai biết. Nếu giữ kín bây giờ hãy còn.

- Nhưng Huruhuru nó rình mò khi tôi mở sò. Nó rình mò tất cả mọi người khi họ mở sò, tôi đã chẳng nói vậy nhiều lần, rất nhiều lần rồi sao.

- Bây giờ thì không có nhà, không có máy khâu, không có đồng hồ, không có gì cả. Sáng nay Raoul mới bảo tôi nếu đừng bán viên ngọc cho Toriki...

- Tôi không bán. Toriki ăn cướp của tôi.

- Raoul bảo nếu còn viên ngọc, cậu ấy có thể mua với giá năm ngàn đồng tiền vàng Pháp, tức mười ngàn đô la Chi Lê.

- Tại vì cậu ấy đã về bảo với mẹ cậu ấy. Mẹ cậu ấy bảo cậu ấy có thể mua viên ngọc với giá đó. Bà ấy muốn mua...

- Bây giờ nó mất..

- Nhưng tôi đã trả nợ được cho Toriki, nó là một ngàn hai trăm và hai trăm tiền tín phiếu, cộng một trăm tiền cho thêm.

- Toriki đã chết. Không ai nghe nói gì về tàu của ông ta. Nó đã mất cùng với chiếc Aorai và chiếc Hira. Toriki có trả cho anh ba trăm đô la tín phiếu như lời nói không? Không, bởi vì Toriki đã chết. Nếu anh không có viên ngọc, anh có phải trả nợ cho Toriki không? Không, bởi vì Toriki đã chết. Anh không phải trả nợ cho một người đã chết.

- Nhưng Levy chưa trả tiền Toriki. Ông ta viết cho Toriki một miếng giấy. Miếng giấy đó tốt ở Papitty vì có thể lãnh được tiền, mà không tốt ở Hikueru vì không lãnh được tiền. Miếng giấy ấy đã mất theo Toriki, và viên ngọc mất theo Levy.

-Mình nói rất đúng, Tefara. Tôi mất viên ngọc mà chả được gì cả. Bây giờ hãy để yên cho tôi ngủ.

Bỗng Mapuhi lắng tai nghe ngóng. Có tiếng người thở nặng nề và tiếng rên rỉ đau đớn. Một bàn tay quờ quạng sờ lên chiếc chiếu cứu trợ che tạm

phía ngoài dùng thay cho cửa. Bàn tay đó gầy guộc, run rẩy khiến hấn sợ hãi:

- Ai đó?

- Mẹ đây. Mẹ là Nauri đây. Mapuhi phải không?

Tefara co dúm người lại, bám chặt lấy chồng, khe khẽ thì thầm nói không ra tiếng:

- Ma, ma đấy! Bà già chết rồi...

Mapuhi cũng run lập cập, giấu mặt vào lưng vợ:

- Mapuhi không có ở đây đâu. Nó ở ngoài hồ...

Có tiếng khóc rung rức, năn nỉ:

- Mapuhi, con nỡ từ chối mẹ của con sao? Mẹ đã cực khổ, sống sót về đây...

- Không, không, Mapuhi không từ chối mẹ của nó. Nhưng tôi không phải Mapuhi. Linh hồn thiêng liêng, hãy đi nơi khác đi!

- Mẹ từ ngoài biển bơi về...

- Có, tôi biết, tôi biết, linh hồn từ ngoài biển bơi về...

"Linh hồn" vạch chiếc chiếu lết vào, trên mình ướt nước và không có cả lấy chiếc ahu nữa. Tefara chúi chặt người vào chồng, nhắm nghiền hai mắt, còn con bé N'gakura thì trùm kín chiếc mền mỏng lên đầu. Nó sợ quá nên khóc.

- Con đuổi mẹ đi nhưng ít nhất cũng phải cho mẹ già của con một miếng nước. Mẹ khát khô cổ họng...

Tefara run rẩy giục chồng:

- Lấy cho linh hồn miếng nước.

Mapuhi giục con bé N'gakura:

- Lấy cho linh hồn miếng nước.

Cả hai vợ chồng bèn giựt chiếc mền, đẩy con bé N'gakura ra ngoài.

Một lát sau, con N'gakura quay mặt đi, tay đưa gáo nước. "Linh hồn" uống lấy uống để nhưng vẫn còn khát. Mapuhi lấy thêm rồi đánh bạo sờ vào cánh tay "linh hồn" thì quả thấy có da bọc xương thật.

Đến lúc bà già kể lại chuyện phiêu lưu ở biển, gặp cái xác Levy và tìm thấy viên ngọc thì cả hai người cứ sát lại mà nghe, không còn sợ ma nữa.

Bà cởi viên ngọc đeo trên cổ, bỏ vào trong tay Tefara, chị thấy bà đúng là bà Nauri, mẹ chồng của chị.

- Sáng hôm nay Raoul nói sẽ mua với giá năm ngàn đồng tiền vàng Pháp.

Bà Nauri ngạc nhiên:

- Thế còn cái nhà?

- Raoul bằng lòng xây nhà. Raoul bảo nó giá bốn ngàn tiền vàng, còn lại một ngàn cậu ấy sẽ trả bằng tín phiếu, đưa hàng trừ dần.

- Và cái nhà sẽ dài sáu sải?

- Đúng thế, sáu sải. - Mapuhi trả lời thay vợ.

- Trên tường có cái đồng hồ tám cạnh?

- Đúng thế, đồng hồ tám cạnh. Giữa phòng có chiếc bàn tròn.

Người con dâu nói thêm:

- Tất nhiên có cái máy khâu và đủ thứ hết, cộng thêm một ngàn đồng vàng tín phiếu.

Bà già kết luận:

- Bây giờ thì kiếm gì cho mẹ ăn cái đã, mẹ đói lắm. Mai sẽ nói tiếp suốt ngày về cái nhà. Nhưng tốt nhất là lấy một ngàn đồng vàng Pháp tức hai ngàn đồng Chi Lê bằng tiền mặt. Tiền mặt tốt hơn tín phiếu vì có thể mua mọi thứ của các tàu buôn. Họ thích được trả bằng tiền mặt.

3) Chúc kẻ lên đường

"Dốc cạn đi!"

"Có điều, Kid này, thế này có phải nặng quá không? Whisky với còn đã là tệ lắm, còn nói đến brandy với tương ớt, lại còn..."

"Dốc cạn đi. Không nhớ ai pha cái rượu này à?" Và Malemute Kid* mỉm cười hiền hòa sau đám hơi nước mù mịt. "Chú mà ở lâu tại đất này như ta, chú em, và phải sống bằng bẫy thỏ và cá hồi, chú sẽ biết là một năm chỉ có một lễ Giáng sinh. Và lễ Giáng sinh mà không có rượu punch cũng nhạt nhẽo như đồ ăn không muối."

"Cha này chỉ được cái nói đúng thôi," Jim Belden Bự con tán thưởng. Jim đã xuống đây từ phần đất của hắn ở Mazy Man để ăn lễ, sau khi, như mọi người đều biết, phải trải qua 2 tháng không có gì ăn ngoài thị trấn. "Còn nhớ cái mẻ rượu tại mình pha cho bọn Tanana không, bác?"

"Khó quên lắm. Các cậu này, phải xem cả bộ lạc đó say khướt tầu đả với nhau mới biết khoái - tất cả chỉ vì phép của đường và bột chualen tí men. Lúc đó cậu chưa về đây - Malemute Kid quay lại nhìn Stanley Prince, tay chuyên gia hầm mỏ trẻ tuổi đến đây được khoảng 2 năm. "Không có đàn bà da trắng ở vùng này, mà thằng Mason lại muốn lấy vợ. Cha của Ruth lúc đó là tù trưởng người Tanana; lão ngăn cản chuyện đó, rồi cả bộ lạc cũng vậy. Châm lắm, hả? Rồi sao, tôi phải dùng đến pound đường cuối cùng của mình, lần đó là lần tôi pha rượu chiến nhất. Giá mà cậu được xem cuộc rượt đuổi, xuôi dòng sông rồi băng qua quãng đồng trống."

"Còn cô nàng da đỏ?" Louis Savoy, gã người Pháp cao kều hỏi, thích thú; gã đã nghe nói về trò chơi ngông cuồng này ở vùng Forty Mile mùa đông trước.

Malemute Kid, một tay kể chuyện có duyên bẩm sinh, kể lại toàn bộ không thêm thắt câu chuyện của vùng đất phía Bắc Lochinvar. Trong bọngiang hồ sừng sỏ này vậy mà có bao nhiêu gã cảm thấy tim thắt lại và băng khuâng nhớ nhung, thèm muốn những cánh đồng nắng ấm miền

Nam, nơi cuộc sống hứa hẹn nhiều hơn là một cuộc vật lộn trần trụi với giá lạnh và cái chết.

"Bọn tôi gặp sông Yukon ngay lúc tảng băng vỡ ra đầu tiên trôi qua," anh ta kể chuyện, "và cả bộ lạc đuổi theo sát lưng chỉ cách khoảng 15 phút. Cũng may thế là đủ; bọn tôi gặp được một tảng băng khác và bỏ rơi chúng. Đến lúc bọn họ đến được đồn Nuklukyeto thì cả đồn đã sẵn sàng đón tiếp rồi. Còn về hôn lễ, hỏi cha Rubeau kia kìa; cha làm lễ đấy."

Vị giáo sĩ dòng Tên nhắc tàu thuốc ra khỏi miệng nhưng cũng chỉ có thể cảm ơn bằng một nụ cười hiền từ với cả hai bọn Tin Lành và Công Giáo đều vỗ tay nồng nhiệt.

"*Mị kíp!*" Louis Savoy không kìm được sự xúc động vì câu chuyện lãng mạn. "Cô nàng da đỏ bé nhỏ, thằng Mason gan góc. Khá lắm, *mị kíp!*"

Sau đó, khi những ly rượu thiếc bắt đầu chuyển tay ra, Bettles Hũ chìm đứng lên và bắt vào bài hát nhậu nhẹt gã thích nhất:

"Có chàng Henry Ward Beecher

Và bọn thầy giáo lý nhà thờ,

Uống trà sắc từ rễ cây de

Nhưng chắc chắn cứ nói thật ra,

Thì đúng tên của nó chính là

Nước cốt lấy ra từ trái cấm đấy"

"Ô hô, nước cốt lấy ra từ trái cấm đấy," cả bọn say lúy túy cùng gào lên.

Thứ dung dịch kinh khủng của Malemute Kid đã bắt đầu thấm; bọn giang hồ tứ chiếng men bốc bùng bùng bắt đầu tuôn ra khắp vòng quanh bàn đủ kiểu tiểu lâm, hát hồng, và chuyện chiến tích ngày trước. Toàn người xa lạ đến từ hơn chục nước, bọn họ nâng ly chúc rượu lẫn nhau. Prince, người Anh quốc thì chúc cho "Chú Sam, đứa con đầy triển vọng của Tân Thế Giới"; gã Bettles người Mỹ chúc lại sức khỏe của "Nữ Hoàng, cầu Chúa phù hộ bà"; và Savoy cùng với gã lái buôn người Đức Meyers thì cùng ly vì đất Alsace và Lorraine.

Rồi Malemute Kid đứng dậy, tay cầm ly, nhìn qua cửa sổ dán giấy dầu đóng một lớp băng dày tới 3 inch. "Chúc sức khỏe kẻ đang lên đường; chúc cho lương thực của y không cạn sớm, bày chó vững chân, và diêm của y không bao giờ bị lép."

Crack! Crack! Vang lên âm thanh quen thuộc của chiếc roi đánh chó, tiếng bầy chó tru thê thảm, và tiếng ken két của chiếc xe trượt tuyết đang tiến lại căn nhà nhỏ. Tiếng trò chuyện tạm ngưng để lắng nghe xem ai đang tới.

"Một tay kỳ cựu, sẵn sóc chó trước rồi mới lo cho mình," Malemute Kid thì thầm với Prince, khi nghe tiếng quai hàm bập, tiếng gầm gừ và kêu ăng ẳng vì đau, tất cả cho những đôi tai kinh nghiệm biết rằng người lạ đang đánh và dồn bầy chó của họ lùi lại để cho chó của hắn ăn.

Rồi tiếng gõ cửa mọi người chờ đợi, sắc và tự tin, rồi người lạ bước vào. Chói mắt vì ánh sáng, hắn khựng lại ở ngưỡng cửa, cho mọi người một phút để quan sát hắn. Hắn thuộc loại người rất ấn tượng, và trong sáng sủa trong bộ đồ vùng cực bằng len và lông thú. Đứng cao tới 6 feet 2 hay 3, vạm vỡ và ngực nở cân đối, bộ mặt cao nhẵn của hắn đổ bóng lên vì lạnh. Băng đóng đầy bộ lông mày dài và lông mi hắn, những dải vải trên phần tai và cổ dính vào chiếc mũ da sói thả lỏng thòng xuống, hắn đứng thật là vua. Băng Giá vừa bước ra khỏi đêm tối. Dẻo bên ngoài chiếc áo khoác Mackinaw là một dây lưng gắn khuy sắt đeo hai khẩu Colt và một con dao sẵn, thêm vào trên tay ngọn roi đánh chó không thể thiếu, và một khẩu súng săn kiểu mới và lớn nhất, bắn không khói.

Một sự im lặng lúng túng rơi xuống, nhưng câu chào nồng nhiệt của hắn "Có gì vui không, các bác?" làm tình hình trở lại thoải mái, và ngay sau đó, hắn bắt tay với Malemute Kid. Tuy hai người chưa bao giờ gặp, nhưng cùng nghe nói về nhau và nhận ra người kia ngay. Một vòng giới thiệu quanh bàn rồi đến một cốc rượu punch được đẩy cho hắn trước khi hắn kịp giải thích chuyến đi của mình.

"Chiếc xe trượt tuyết kiểu rọ, ba người, tám con chó, qua đây bao lâu rồi?"

"Đã hai ngày nay. Bác đuổi theo tụi nó à?"

"Phải, bầy chó của tôi. Lùa hết đi ngay trước mũi tôi, lũ đê. Hai ngày nay càng lúc tôi càng đến gần chúng - đợt nữa là đuổi kịp."

"Không ngán tụi nó chơi lại sao?" Belden lên tiếng hỏi góp chuyện, trong khi Malemute Kid đặt ấm cà phê lên lò và mãi chiêm thít mồi với thít nai.

Người lạ vỗ nhẹ hai khẩu súng, đầy ngụ ý.

"Bác đi khỏi Dawson hồi nào?"

"Mười hai giờ"

"Đêm qua chứ gì?" tất nhiên là thế.

"Trưa nay."

Tiếng rì rầm kinh ngạc nổi lên khắp phòng. Đúng là kinh ngạc thật, vì lúc đó mới đúng nửa đêm; chạy 75 dặm đường bờ sông gồ ghề đâu phải là chuyện đùa trong 12 tiếng đồng hồ.

Tuy nhiên câu chuyện rồi cũng nhãng ra, quay sang đề tài những chặng đường hồi nhỏ. Trong khi gã trẻ tuổi mới đến ăn bữa ăn qua quýt của mình thì Malemute Kid quan sát tỉ mỉ nét mặt hắn. Không cần lâu, gã cũng xác định được rằng đây là một khuôn mặt đáng hoàng, chân thật và cởi mở, và gã thấy ưa tay này. Tuổi vẫn còn trẻ mà các nếp nhăn đã hằn sâu nét nhọc nhằn và khổ cực. Mặc dù cặp mắt xanh của hắn đầy vẻ linh hoạt khi nói chuyện và hiền lành khi nghỉ, nó cũng sẵn sàng loé lên ánh thép nếu cần phải động thủ, đặc biệt là khi yếu thế. Quai hàm nặng nề và cằm vuông biểu lộ tính cách chai lì và bất khuất. Cũng không phải vì những đường nét của con sư tử mà khuôn mặt thiếu đi một sự mềm mại nào đó, một vẻ gì đó của nữ tính, nói lên một con người tình cảm.

"Đây là chuyện tôi và bà lão nhà tôi lấy nhau," Belden kết thúc câu chuyện tình khá hào hứng của lão. "Chúng con về đây, thừa bố", cô ấy nói. "A, sao không chết mẹ mày đi," ông cụ bảo nàng, rồi bảo tôi "Jim, phải rồi, cởi ngay cái bộ đồ vía của anh ra. Tôi muốn trước bữa tối anh phải cày xong một khoảng coi được ngoài đám ruộng 40 mẫu kia." Rồi ông cụ quay sang cô ấy và nói: "Còn mày, Sal, đi vào rửa đám bát đĩa kia cho tao." Thế rồi ông cụ làm như có vẻ buồn ngủ và hôn nàng. Tôi đang sung sướng thì ông nhìn thấy và gầm lên "À, Jim! Cứ yên chí là tôi đã quét dọn chuồng ngựa cho anh ở rồi đây."

"Ông có con cái gì còn ở Mỹ không?" Người lạ hỏi.

"Chẳng có gì. Sal chết trước khi sinh đẻ được đứa nào. Thế nên tôi mới sang đây." Belden lơ đãng châm tẩu thuốc của lão trong khi nó còn cháy, rồi tươi sắc mặt hơn, hỏi lại "Còn chú thì sao, lấy vợ chưa?"

Để trả lời, người làm ở đồng hồ, gõ sồi dây cột bằng da, đẩy sang cho Belden. Lão khơi ngọn đèn dầu, nhìn bên trong chiếc vỏ vẻ xét đoán, rồi chửi thề thán phục, chuyển sang cho Louis Savoy. Lão này "*mị kíp*" mấy lần rồi mới trao lại cho Prince, và ai cũng thấy tay lão hơi run và mắt lão có vẻ gì đó dịu lại. Cứ thế, chuyển qua những bàn tay chai đá, tấm hình được gắn vào đó của một thiếu phụ, kiểu người hiền thực mà đám đàn ông này mơ ước, ẵm đứa con thơ trước ngực. Ai chưa đến lượt được xem kỳ quan đó thì không giấu nổi vẻ tò mò; những người đã thấy thì ngồi yên để lòng về dĩ vãng. Bọn người có thể đương đầu với cơn đói là người, bệnh hoại huyết khắc nghiệt, hay cái chết thảm trong chiến tranh và tai họa, lại có thể mềm lòng như đàn bà và trẻ con chỉ vì bức hình xa lạ một người đàn bà và con trẻ.

"Tôi cũng chưa gặp mặt đứa nhóc nữa; con trai, cô ấy nói, hai tuổi rồi." Người lạ vừa nói vừa nhận lại báu vật của mình. Hắn lưu luyến nhìn bức hình một lúc, rồi đóng cái vỏ lại và quay đi, nhưng cũng không kịp dấu được dòng lệ cổ nén.

Malemute Kid dẫn hắn đến một chiếc giường, và chỉ cho hắn nằm nghỉ.

"Gọi tôi dậy sau đúng 4 tiếng. Nhớ kỹ giùm." hắn chỉ nói được có thế và ngay sau đó đã thở những nhịp nặng nề của một giấc ngủ vì mệt nhọc.

"Nói có quỷ thần, gã này cũng độc đáo thật," Prince bình luận. "Ngủ ba tiếng sau 75 dặm đi xe chó, rồi lại đi ngay. Ai đây, bác Kid?"

"Jack Westondale. Ở đây cũng ba năm rồi, vẫn tay trắng chỉ được có cái tiếng là làm việc như trâu, và cả đồng chuyện xui xẻo. Tôi cũng không quen, nhưng Sitka Charley có nói chuyện về gã."

"Coi bộ cũng khổ, có vợ trẻ đáng yêu như vậy mà phải bỏ bao nhiêu năm ở cái chỗ quỷ tha ma bắt này; cứ một năm ở đây dài muốn bằng hai năm chỗ khác."

"Cái tội của hắn là hắn rất chất phác và cứng đầu. Hai lần hắn gom hết tiền để cá độ, cả hai lần đều thua sạch."

Đến đây câu chuyện bị gián đoạn vì cái mồm oang oang của Bettles, bởi vì tình cảm nhớ nhung gì cũng qua rồi. Cả bọn lại quên ngay những tháng năm ảm đạm trong nếp sống buồn tẻ và lao động khổ ải để nhập vào cuộc vui náo nhiệt. Chỉ có Malemute Kid là có chuyện gì trong lòng không

bỏ qua được, và nhiều lần nhìn đồng hồ vẽ bồn chồn. Một lần gã đeo bao tay và đội lên chiếc mũ da hải ly, rồi ra khỏi nhà đi loanh quanh nhà kho.

Gã cũng không chờ được tới lúc đã dặn, và đánh thức người khách lạ dậy sớm hơn 15 phút. Tay khổng lồ trẻ tuổi bị tê cóng khá chặt vật, và phải chà xát một lúc mới đứng dậy nổi. Hắn loạng choạng cách khổ sở ra khỏi căn nhà nhỏ, nhận thấy bầy chó đã thắng cương cẩn thận và mọi thứ đã sẵn sàng chỉ chờ lên đường. Cả hội ra chúc hắn may mắn và đến nơi sớm, còn Linh mục Roubeau vội vàng ban phúc cho hắn rồi dẫn đầu cả đoàn vào nhà; dễ hiểu thôi vì dưới cái lạnh 74 độ âm (độ F) mà đứng để tai và tay phơi ra thì không tốt chút nào.

Malemute Kid tiến người lạ đến con đường chính, xiết tay gã thật chặt và căn dặn:

"Trong xe đã có một trăm pound trứng cá hồi. Bầy chó có thể cầm cự bằng số đó lâu ngang với 150 pound cá; cậu không mua được thức ăn cho chó ở Pelly, như cậu chắc đã trù tính đâu." Người khách lạ giật mình, mắt sáng quắc lên, nhưng vẫn không ngắt lời. "Không kiếm đâu được đồ ăn cho cả người lẫn chó trước khi tới trạm Năm Ngón Tay, và hai trăm dặm đường đó thật sự rất chằm. Coi chừng chỗ băng tan trên sông Ba Mươi Dặm và nhớ đi vòng phía trên La Barge.

"Làm sao ông biết? Chắc chắn tin tức không thể tới đây nhanh hơn tôi?"

"Tôi không biết, ngoài ra, tôi cũng không muốn biết. Nhưng cậu chưa bao giờ làm chủ bầy chó cậu đang đuổi theo hết. Sitka Charley bán lũ chó cho đám ấy từ mùa Xuân trước. Nhưng hắn có bảo tôi cậu là người đang hoảng, và tôi tin hắn. Tôi đã nhìn kỹ mặt bạn, thấy bạn ưa được. Tôi cũng còn thấy - khôn nạn thật chứ- bỏ chỗ sung sướng như vậy tới đây, còn vợ, còn con..." Tới đây Malemute Kid tháo bao tay và rút túi ra.

"Không, tôi không cần đâu." Hai hàng lệ đóng thành băng giá trên đôi má người khách lạ, khi hắn xiết chặt tay Malemute Kid.

"Vậy đừng có thương xót lũ chó, con nào gục phải gỡ ngay khỏi dây kéo, mua con khác, và nếu phải cân ký chó mỗi pound trả mười đô cũng còn rẻ. Đến Năm Ngón Tay, Cá Hồi Nhỏ, và Hootalinqua có thể mua chó

được. Nhớ đừng để chân ướt," -lời khuyên cuối cùng -"Cứ đi khi nào còn trên 25 độ, nếu xuống thấp hơn thì phải nhóm lửa và thay bít tất."

Mười lăm phút chưa qua khỏi, thì tiếng chuông cửa báo hiệu người tới. Cửa mở, và một tuần cảnh miền Tây Bắc bước vào, cùng với hai tay đánh xe chó lai da đỏ. Giống như Westondale, họ đều vũ trang kỹ và có vẻ mệt mỏi. Bọn người lai sinh ra để làm nghề này nên chịu đựng một cách dễ dàng, còn tay tuần cảnh trẻ tuổi trông thật thảm hại. Nhưng tính ương bướng làm anh ta không chịu chậm bước, và sẽ thúc đẩy cho đến khi anh ta ngã gục trên đường.

"Westondale đi khỏi từ lúc nào?" Người tuần cảnh lên tiếng hỏi. "Hắn có dừng lại đây, phải không?" Câu hỏi thật thừa, vì những vết xe đã trả lời rất rõ.

Malemute Kid bắt được cái nhìn của Belden, và lão này biết ý trả lời lảng đi, "Cũng khá lâu rồi."

"Nào, ông bạn, nói thật đi," người tuần cảnh cảnh cáo.

"Thầy có vẻ muốn tóm hắn dữ. Hắn gây gỗ gì ở dưới Dawson hay sao?"

"Cướp của sông Harry McFarland 40,000; ra quây chuyên ngân đòi lấy check trả tiền ở Seattle, và nếu tôi không bắt được hắn thì ai đi mà cản hắn về đó lấy tiền? Hắn đi khỏi lúc nào?"

Bao nhiêu cặp mắt cố nén sự hào hứng, vì Malemute Kid đã ra hiệu ngầm, và người tuần cảnh trẻ nhìn quanh gặp toàn những khuôn mặt lăm lè.

Bước về phía Prince, người tuần cảnh tiếp tục hạch hỏi. Dù chàng khô tâm khi nhìn thấy bộ mặt cương trực của người đồng bào, Prince đành phải trả lời ảm ớ về cuộc hành trình.

Viên tuần cảnh nhận ra cha Roubeau, người không thể nói dối. "Mười lăm phút trước," nhà tu hành trả lời, "nhưng hắn và lũ chó đã nghỉ ngơi 4 tiếng rồi."

"Đã đi 15 phút rồi, lại còn được nghỉ nữa chứ! Chúa ơi!" Người tuần cảnh lùi lại, gần như muốn quy vì kiệt lực và thất vọng, lăm bắm gì đó về cuộc rượt đuổi từ Dawson đến đây hết 10 tiếng đồng hồ và đàn chó cũng đã hết sức rồi.

Malemute Kid ấn vào tay người tuần cảnh cốc rượu punch; uống xong, gã quay ra cửa, ra hiệu cho hai người đánh xe đi theo. Nhưng hơi ấm và tiếng ồn được nghỉ ngơi thật quá quyến rũ, nên hai gã phản đối kịch liệt. Malemute Kid rất sành thứ tiếng Pháp bởi địa phương này, bèn chồm lắng nghe họ.

Hai gã thề sống thề chết rằng bầy chó đã hết sức rồi, rằng chưa được 1 mile thì đã phải bắn con Siwash và Babette, số còn lại cũng chẳng khá gì, tốt nhất hãy cứ để người và vật cùng nghỉ ngơi một lát.

Người tuần cảnh quay sang nhìn Malemute Kid "Cho tôi mượn năm con chó?"

Gã kia lắc đầu không đáp.

"Tôi sẽ ký cho ông một chi phiếu năm ngàn, dưới tên đại úy Constantine. Đây, giấy tờ của tôi đây, tôi có toàn quyền."

Lần nữa lời từ chối câm lặng.

"Vậy tôi sẽ trưng dụng nhân danh Nữ Hoàng."

Mỉm cười vẻ không tin, Kid liếc nhìn kho vũ khí đầy đủ của mình, và tay người Anh, nhận thấy mình bất lực, quay ra cửa. Nhưng vì bọn lái xe vẫn phản đối, anh ta quay ngoắt sang bọn họ, vẻ hung dữ, chửi chúng là đồ đàn bà và chó ghê. Bộ mặt bẽ bẽ của tên lái lớn tuổi đỏ bừng lên giận dữ và hấn nặng nề đứng dậy, hứa chắc như bấp là sẽ đưa vị trưởng đoàn của hắn đi cho đến lúc rã cẳng, và sẽ hoan hỉ chôn thây anh ta trong tuyết.

Người tuần cảnh trẻ -dùng hết ý chí của mình- bước vững vàng ra cửa, cứ như đã lại sức rồi. Nhưng ai cũng hiểu và thầm phục hành động kiêu hãnh của gã -cách nào thì gã cũng không thể che giấu nét thống khổ trên mặt mình. Bao phủ bởi giá buốt, lũ chó đang khoanh tròn trên tuyết, gần như không có cách nào buộc chúng đứng dậy nổi. Những con vật khôn khổ tru lên dưới làn roi sắc nhọn, vì bọn đánh xe đang tức giận và tàn bạo. Cả đến khi con Babette đầu đàn được gỡ ra khỏi xe, chúng cũng không sao nhúc nhích nổi.

"Đồ vô lại bần tiện, lại còn nói láo!" "Kẻ cắp!" "Không bằng một thằng da đỏ!" Rõ ràng là họ rất giận, thứ nhất vì đã bị lừa dối, thứ hai vì cái luân lý của miền Bắc này, nơi sự ngay thật được coi là đức tính quý báu nhất, đã bị xúc phạm. "Thế mà mình lại còn đi giúp nó nữa chứ, sau khi biết hết mọi

chuyện." Mọi cặp mắt quay sang buộc tội Malemute Kid, trong khi gã đứng lên từ trong góc nhà chỗ gã đang săn sóc cho con Babette và lặng lẽ nốc chén rượu cuối cùng.

"Đêm nay lạnh thật, các cậu, lạnh kinh đi ấy." Lời bào chữa bắt đầu nghe như chẳng ăn nhập vào đâu cả. "Các cậu đều đã đi đường trường, và hiểu rõ nó như thế nào. Đừng bỏ lại một con chó khi nó ngã gục. Các cậu mới nghe có một bên. Trong những kẻ đã ăn chung mâm, ngủ chung giường với các cậu hay tôi, chưa có ai trong sạch hơn Jack Westondale đâu. Mùa thu năm ngoái, hổngom hết tiền bạc được 40,000, trao hết cho Joe Castell, để mua cổ phần Dominion. Đáng lẽ hôm nay hấn đã là triệu phú. Nhưng trong khi hấn ở lại thị trấn Circle để chăm sóc người bạn bị hoại huyết, thằng Castell đã làm gì? Nó vào sòng McFarlands, chơi quá tay và thua sạch. Ngày hôm sau người ta thấy xác nó trong đồng tuyết. Cậu Jack khốn khổ kia đã dự tính mùa Đông này trở về với vợ và đứa con chưa bao giờ thấy mặt. Các cậu cũng thấy là hấn chỉ lấy đúng số tiền tay đồng chí kia đã thua: 40 ngàn. Thế đấy, giờ hấn đã đi rồi; các cậu còn định làm gì nữa?"

Malemute Kid nhìn quanh các quan tòa, ghi nhận sự diu lại của mọi bộ mặt, rồi nâng cốc lên: "Vậy thì chúc cho kẻ lên đường đêm nay, chúc cho lương thực của y không cạn sớm, bày chó vững chân, và diêm của y không bao giờ bị lép và..."

"Chúc cho bọn tuần cảnh lạc đường hết!" Bettles gào lên, giữa tiếng vỗ của những chiếc cốc rỗng.

* Đây là cách đặt tên đầy hình tượng nhưng phi ngữ pháp kiểu người Da đỏ. Có thể có nghĩa là Con dê con câm hay Thằng nhóc câm. Đây là 1 nhân vật xuất hiện trong 4 truyện ngắn của Jack London. Vì không bao giờ có một giải thích xuất xứ cái tên này, tôi đành phải giữ nguyên không dịch.

Trần Thiện Huy dịch

4) Đoạn kết của câu chuyện cổ tích

Chiếc bàn gỗ bào nham nhờ nên những người chơi bài Uýxt chốc chốc lại phải khó khăn lắm mới thu bài về phía mình qua mắt bàn gỗ ghè. Họ mặc độc có áo lót mà mồ hôi vẫn lấm tấm trên mặt, trong khi đó chân lại đi giày da và nịt tất len công kênh đến thế vẫn thấy lạnh. Nhiệt độ trong căn phòng nhỏ giữa mặt sàn nhà và phía trên bàn cách nhau khoảng hơn 1m mà đã chênh lệch ghê gớm. Bếp lò I-u-côn bằng sắt lửa đỏ rực vậy mà cách đó có vài mét, thịt để ở dưới thấp, trên cái giá cạnh cửa ra vào, lại đóng cứng.

Ván bài Uýxt này rất quan trọng, vì cặp nào cũng thua, sẽ phải đi đào 1 lỗ câu cá qua lớp băng và tuyết dày hàng trên 3m phủ lấp mặt sông I-u-côn.

-Tháng 3 lạnh đến khủng khiếp - người đang chia bài nhận xét - Cậu nói là lạnh đến bao nhiêu độ Bốp?

-À, 55 hay 60 độ dưới 0 gì đó. Thế theo ông, lạnh độ bao nhiêu độ, bác sĩ?

Bác sĩ quay đầu liếc nhìn vào chân cửa ra vào, đoán đo, tính toán:

-Dưới 50 độ 1 tý. Có lẽ khoảng 40 độ dưới 0. Cứ trông băng đóng ở cửa thì biết. Cũng đến 50 độ dưới 0 chứ còn gì.

Ông ta cầm bài lên, rồi mặc cho có tiếng gõ cửa, tay xáo bài, miệng nói với:

-Xin mời vào.

Người mới vào là 1 người Thụy Điển to lớn, vai rộng, tuy thế cũng không dễ gì mà nhận ra được ngay cho đến lúc anh ta bỏ mũ che tai và hơ cho tan lớp băng che kín cả râu và mặt.

-Tôi nghe nói có 1 bác sĩ dừng chân tại trạm này. - Người Thụy Điển nói như dò hỏi, băng khoăn nhìn hết người này đến người kia. Bộ mặt ông ta trông mệt mỏi do 1 cơn đau dữ dội, dai dẳng hành hạ - tôi từ xa đến mà.

-Tôi đây, có vấn đề gì thế?

Để trả lời, người đó giơ bàn tay trái lên, ngón tay thứ 2 bị sưng vù, miệng kể lại nhai về nguyên nhân và sự phát triển của vết thương.

-Đưa tôi xem nào - bác sĩ vội vã ngắt lời anh ta - Để tay lên bàn. Được rồi.

Người đó làm theo.

-Hừm - bác sĩ lầm bầm. Bị bong gân rồi, vậy là đi hàng trăm dặm đường đến đây để nắn gân bả. Tôi chỉ làm trong nháy mắt là được. Anh hãy xem tôi làm để lần sau có thể tự làm lấy nhé.

Bất thành linh, bác sĩ lấy cạnh bàn tay của mình chém mạnh xuống ngón tay bị sưng. Người kia kêu lên đau đớn.

-Ồn rồi - bác sĩ nói rành rọt và dứt khoát - Anh cảm thấy thế nào? Dễ chịu hơn chứ? Dĩ nhiên lần sau anh có thể tự làm được. Nào chia bài tiếp đi, Xơ-ro-dơ, đến lượt cậu mà.

Người Thụy Điển thở dài khoan khoái. Con đau đã hết, ngón tay cảm thấy dễ chịu hơn. Anh ta tò mò xem xét lại ngón tay, tròn tròn mắt kinh ngạc khi thấy nó co duỗi được. Anh ta thọc tay vào túi và rút ra 1 túi tiền vàng.

-Bao nhiêu, bác sĩ?

Bác sĩ lắc đầu quầy quậy:

-Có gì đâu. Tôi còn hành nghề nữa đâu. Nào, đến lượt cậu đi, Bốp!

Người Thụy Điển lê bước chân nặng nề, xem lại ngón tay, rồi quay nhìn bác sĩ 1 cách thán phục:

-Ông tốt bụng quá. Thưa, tên ông là gì ạ?

-Lin-đê, bác sĩ Lin-đê - Xơ-ro-dơ trả lời như muốn cho đấu thủ của mình không bị quấy rầy.

-Đã quá trưa rồi - Lin-đê miệng nói với người Thụy Điển, tay vẫn xáo bài - Tốt hơn nên nghỉ ở đây qua đêm. Đi ngoài trời bây giờ lạnh chết được. Có 1 cái giường thừa đây.

Bác sĩ dáng người mảnh khảnh, nước da ngăm đen, mặt dày, môi mỏng, nhưng trông ông ta khoẻ mạnh. Bộ mặt nhăn nhui râu khoẻ mạnh. Các động tác của ông ta nhanh và dứt khoát. Cặp mắt đen nhìn thẳng và xoi mói. 2 bàn tay thon thả, gầy và nổi gân, cứ như những bàn tay ấy sinh ra chỉ để làm những việc nhẹ, song đồng thời chúng cũng gây cho ta ấn tượng và sức mạnh.

-Ván bài quyết định ở chỗ này đây - ông ta tuyên bố rồi rút quân bài cuối cùng - Nào, kết thúc đi xem ai phải đào hố nào.

Tiếng gõ cửa làm cho ông ta bật kêu lên liền:

-Chúng mình đến không chơi xong ván bài này mất - ông phàn nàn khi cửa mở - Làm sao thế? - ông nói câu đó với người lạ mặt vừa mới bước vào.

Người mời đến đứng gỡ những mảnh băng che kín hàm mãi không xong. Rõ ràng anh ta phải rong ruổi hàng bao ngày đường. Lốp da trên gò má thâm tím lại vì giá buốt thường xuyên.

-Tôi không sao cả. Quan trọng là ở đây có ai là bác sĩ không, tôi đang rất cần. Có 1 người qua thượng nguồn con sông Pê-cô nhỏ bị báo về, vết thương rất nghiêm trọng.

-Độ bao xa? - bác sĩ Lin-đề hỏi.

-Độ khoảng 300 cây số.

-Đi mất độ mấy ngày?

-Tôi xuống đây mất 3 ngày.

-Bị thương có nặng không?

-Bị trật khớp xương vai. Dứt khoát phải gãy vài cái xương sườn. Cánh tay phải bị gãy. Toàn thân hầu như bị thương trơ cả xương. Trừ có mặt là không. Chúng tôi có khâu tạm vài vết thương bị nặng và lấy sợi xe buộc mạch máu.

-Thế là tạm ổn - Lin-đề cười - Những vết thương đó ở đâu?

-ở dạ dày.

-Chắc bây giờ trông anh ta gớm guốc lắm nhỉ?

-Không đến nỗi thế. Trước khi khám, chúng tôi bôi thuốc sát trùng. Dầu sao đây cũng chỉ là tạm thời, không có gì cả trừ có sợi xe, nhưng cũng sạch.

-Thế cũng coi như là toi rồi - Lin-đề phán đoán, bực tức búng những quân bài.

-Chưa chết hẳn. Anh ta chưa chết thật mà. Anh ta biết là tôi đi mời bác sĩ, thế nào anh ta cũng cố sống cho đến khi ông đến đây. Anh ta không chịu bó tay trước cái chết đâu. Tôi biết anh ta mà.

Lin-đề lắc đầu:

-Thật tiếc chuyến đi của anh uống công. Thôi cứ ở lại đây qua đêm.

-Không được bác sĩ ạ. 10' nữa chúng ta phải rời khỏi đây.

Sau đó Tòm Đô kể 1 câu chuyện quan trọng:

-Giả sử ông có phải mất hàng tuần để quyết định: anh là vẫn cứ phải sống để chờ ông đến. Và lại vợ anh ta ở bên, không than khóc 1 lời, ngược lại, chị ta phải giúp anh ta sống chờ ông đến. Họ rất yêu nhau nên chị ta đã truyền tất cả tâm hồn bất tử của mình sang anh ta, mong anh ta sống. Anh ta không yếu lắm đâu, ông hãy tin vào điều đó. Tôi xin đánh cuộc với ông, 3 ăn 1 bằng tiền vàng đây, rằng ông đến mà anh ta vẫn sống đấy. Tôi có 1 đàn chó ở dưới bờ sông kia. 10' nữa chúng ta khởi hành, và chúng ta phải trở về sớm hơn 3 ngày vì đường sẽ khó đi. Tôi xuống xem lũ chó thế nào, độ mười phút nữa tôi sẽ quay lại đón ông.

Tòm Đô kéo sụp mũ che tai xuống, xỏ găng tay vào và đi ra ngoài.

-Rõ quỷ tha ma bắt! - Lin-đê kêu lên, nhìn giận dữ vào chiếc cửa đã đóng lại.

Đêm hôm đó, sau khi đi được tròn 60 cây số thì trời đã sẫm mặt người, nên Lin-đê và Tòm Đô đóng trại. Công việc thật đơn giản: nhóm 1 đống lửa trên tuyết, bên cạnh đó làm 1 cái giường 1 bằng những cành cây trên trải những tấm lông thú. Đô cho chó ăn, chẻ củi, còn Lin-đê ngồi chồm chồm nấu ăn, 2 má nóng ran vì giá lạnh. Họ ăn no, hút tẩu rồi lăn ra ngủ như chết vì mệt mỏi.

Sáng ra trời trở nên lạnh khác thường. Lin-đê dự đoán phải đến 50 độ dưới 0 và nhiệt độ còn đang lạnh nữa. Đô lo lắng. Anh ta giải thích rằng ngày hôm đó sẽ đến được khe núi, mà bây giờ lại đến mùa xuân rồi, băng tan, nước sẽ trào đầy khe núi. Vách núi ở đó lại cao cheo leo hàng trăm, hàng nghìn mét như thế, đâu có thể trèo qua được, cuộc hành trình sẽ bị chậm lại.

Từ xa vọng lại tiếng gầm yếu ớt. Đến gần họ mới biết nguyên nhân của nó. 1 cơn gió, mạnh và ẩm mỗi lúc 1 thổi mạnh, lùa qua họ. Đàn chó rùng mình, ngòi hếch mũi lên.

-Đó là cơn gió Chi-núc đấy - Đô nói.

-Có nghĩa là chúng ta phải đi dọc con sông phải không?

-Đúng thế. Đi hàng chục cây số trên con đường đó còn dễ dàng hơn đi 1 cây số qua đỉnh núi này - Đô nhìn Lin-đê 1 lúc lâu - Chúng ta vừa đi được 15 tiếng đồng hồ trên con đường mòn - anh ta nói át tiếng gió rít, rồi dừng lại đợi - Bác sĩ ơi! - cuối cùng anh ta nói - Ông không sợ chứ?

Lin-đê đáp lại bằng cách gõ chiếc tàu thuốc cho râu rơi ra và đi đôi giày da thú ám vào. Họ nhanh chóng nhổ trại, rồi buộc dụng cụ nấu nướng cùng những tấm chăn lông thú chưa dùng đến vào chiếc xe trượt tuyết, sau đó băng qua đêm tối, họ bắt đầu cuộc hành trình. Họ lặn lội đã được 12 tiếng, nên sau khi đi được cả thảy là 27 tiếng đồng hồ, 2 người dừng lại ăn sáng.

-Ta hãy ngủ độ 1 tiếng - Đô nói lúc 2 người ăn ngấu nghiến hàng cân thịt nai rán và thịt lợn muối.

Đô để cho người bạn đồng hành của mình ngủ 2 tiếng đồng hồ, cứ thấp thỏm sợ mình lại chợp mắt mất. Sau đó anh ta đặt tay lên vai Lin-đê lay, mới đầu còn nhẹ nhẹ, sau thật mạnh.

-Bác sĩ - anh ta thì thầm - Nào đây, ta đi tiếp thôi.

Đôi mắt đen mệt mỏi, dưới cặp mi nặng hùm hụp, trả lời tiếng "được". Thế là nó lại lên đường tiếp...

Cuộc hành trình bị chậm, 1h không đi quá 3 cây số, còn đàn chó cứ có dịp lại nằm dài trên tuyết ướt.

-Còn độ trên 30 cây số nữa là chúng ta sẽ đến trạm - Đô động viên. Nhưng băng mỗi lúc 1 trở nên khó đi hơn, tách khỏi bờ và dâng lên từng phân 1. Con sông Pê-cô nhỏ gầm thét.

Đến giữa trưa, họ nhận ra những dấu hiệu đầu tiên của mùa đông đang kết thúc. Những tảng băng cuộn cuộn trôi trên dòng nước chảy xiết.

-Vậy là trời đã tan giá, ấm lên ồi đây - Đô giải thích.

Đến chỗ này khe núi hẹp vô cùng, vách núi cheo leo, rất nguy hiểm, vậy mà Đô và Lin-đê vẫn phải đi tiếp, mãi đến khi điều rủi ro xảy ra. Đến trưa 1 tiếng nổ to vang lên, băng tách làm đôi ra ngay dưới chân đàn chó. 2 con chó đi giữa bị rơi xuống nước dưới băng, dòng nước chảy xiết cản chúng nên kéo giạt lùi con chó đi đầu lại. 3 con bị kéo mấp mé đến chỗ 2 con kia. 2 người hoảng sợ cố giữ chiếc xe trượt tuyết, nhưng sau cũng từ từ bị lôi theo. Sự việc xảy ra trong nháy mắt, Đô lấy dao cắt ngay dây buộc

đàn chó, thế là cả mấy con chó lộn nhào từ mép băng xuống nước, chìm ngấm.

Thịt và chằng lông thú được gói lại thành từng gói, còn chiếc xe trượt tuyết đành phải bỏ lại. Lin-đê không đồng ý để Đô mang gói nặng, nhưng anh ta cứ khăng khăng đòi mang.

-Đến đó bác sĩ còn phải làm việc mà. Thôi, ta đi tiếp thôi.

-Anh là người sắt đá lắm, Đô ạ - ông tỏ ra thán phục.

-Ai cơ? Tôi ấy à? Chao ôi! Ông phải gặp Róc-ki mới thấy ai sắt đá. Anh ta là người rắn như sắt, vững như đồng.

Sau đó Lin-đê được nghe kể lại chuyện Róc-ki bị thương:

-Tôi ở trong rừng, cách túp lều đó trên 1 cây số, tìm 1 khúc gỗ bu-lô để làm cán rìu. Lúc quay về tôi nghe thấy tiếng gầm vang lên gần chỗ bẫy gấu của chúng tôi. Anh em nhà Róc-ki đang đùa nghịch. Ông thấy không, bọn họ ngốc đến thế, ai lại chơi đùa ở đó cơ chứ? Họ bẫy được 1 con báo to. Tôi ra khỏi rừng bắt gặp đúng lúc Ha-ri, em của Róc-ki đang đánh con thú. Sau đó anh ta chặc cái gậy chọc ngắn bớt đi, rồi đưa cho Róc-ki. Cái gậy trông ngắn ngắn. Đánh con thú đó đâu phải dễ. Con báo nhảy lùi lại, cúi khom người phun phì phì, và lúc nó cúi đầu tránh cái gậy mới tuyệt chứ! Mà lúc nó nhảy chồm lên thì đến khiếp.

Thật là 1 trò chơi liều mạng, cái gậy mỗi lúc 1 ngắn đi, còn con báo mỗi lúc 1 điên cuồng hơn. Chẳng mấy chốc cái gậy không còn dài là mấy, chỉ còn độ vài phân, bấy giờ đến lượt Róc-ki. "Thôi đi, Róc-ki" - Ha-ri nói. "Để làm gì?" - Róc-ki hỏi. "Vì anh mà đánh nó tiếp, rồi còn lấy gậy đâu cho em nữa" - Ha-ri trả lời. "Thế là anh thắng nhé" - Róc-ki vừa cười vừa tiến lại.

Cứ nghĩ đến cái cảnh ấy, tôi lại không bao giờ muốn chứng kiến lần thứ 2. Con vật khom người, mà chiếc gậy của Róc-ki chỉ còn có vài phân. Nó đớp được anh ta. Người và thú, 2 bên vật lộn với nhau, không sao bắn được. Cuối cùng, chính Ha-ri đã đâm trúng cổ con báo.

-Tôi mà biết anh ta bị thương vì chuyện đó, tôi sẽ không đến đâu - Lin-đê nói.

Đô gạt đầu tán thành.

3 ngày sau, 2 người đến được túp lều dựng lọt thỏm bên cạnh con sông Pê-cô nhỏ bé đang gầm thét. Đang ở bên ngoài nắng rực rỡ, vào trong lều tối om, nên Lin-đê chẳng nhìn thấy ai cả, ngoài 2 người đàn ông và 1 người đàn bà. Nhưng ông ta không chú ý đến họ, mà đi thẳng đến chỗ cái giường có người bị thương nằm. Anh ta nằm ngửa, mắt nhắm, và Lin-đê nhìn thấy cặp lông mày thanh đẹp và bộ tóc nâu quăn. Bộ mặt gầy, nhợt nhạt dường như quá nhỏ so với cái cổ vạm vỡ, song những nét thanh tú được khắc lên nổi bật hơn cả.

-Dùng loại băng gì thế? - Lin-đê hỏi người đàn bà.

-Loại dung dịch thủy ngân clo-rua thông thường - có tiếng đáp lại.

Ông liếc nhanh người đàn bà đang đứng thờ mạnh, phóng mắt nhìn vào mặt người bị thương, rồi đứng thẳng người, quay lại phái những người đàn ông:

-Các anh đi ra, chặt củi hay làm cái gì đó. Đi ra đi.

1 người trong bọn họ do dự:

-Đây là 1 trường hợp nghiêm trọng - Lin-đê nói tiếp - Tôi muốn nói với vợ anh ta.

-Tôi là em anh ấy - người kia nói.

Người đàn bà đang nhìn người kia với cặp mắt cầu khẩn. Anh ta gật đầu 1 cách miễn cưỡng và quay đi ra cửa.

-Cả tôi nữa à? - Đô ngồi ở trên ghế băng, hỏi.

-Cả anh nữa.

Lin-đê tỏ ra tất bật khám qua quít cho bệnh nhân trong túp lều vắng tanh.

-Ra vậy? - ông ta hỏi - Vậy đó là Réch Xơ-reng của cô!

Chị kia cup mắt xuống nhìn người nằm trên giường như để xem có đúng anh ta không, rồi quay nhìn chăm chăm vào Lin-đê, không nói nửa lời.

-Sao cô không trả lời?

Chị ta nhún vai:

-Có ích gì? Anh biết đó chính là Réch Xơ-reng rồi còn gì.

-Cảm ơn. Dầu sao tôi cũng lưu ý cô rằng đây là lần đầu tiên tôi gặp anh ta. Xin mời ngồi xuống nào - ông vẫy tay cho chị ngồi vào chiếc ghế đầu,

còn mình ngồi trên ghế băng - Cô biết không, tôi mệt rũ người ra đây này. Từ sông I-u-côn đến đây, chẳng có 1 đoạn đường cái nào cả.

-Anh định làm gì bây giờ? - chị đợi 1 lát rồi cất tiếng hỏi.

-Ăn cơm xong, rồi nghỉ ngơi trước khi quay trở về.

-Anh định làm gì với... - chị hất đầu về phía người nằm mê man kia.

-Không định làm gì cả.

Chị tiến lại giường và lấy ngón tay vuốt nhẹ lên mái tóc xoắn xoắn.

-Anh định nói là anh muốn giết anh ấy à? - chị nói chậm rãi - Anh sẽ giết anh ấy bằng cách không chữa cho anh ấy, trong khi anh có khả năng cứu được anh ấy phải không?

-Cứ hiểu là như vậy - ông nghĩ 1 lát rồi cười 1 cách tàn nhẫn - Từ ngàn xưa trong cái thế giới già cỗi này phong tục tiêu diệt những kẻ đi cướp vợ của người khác đâu có gì là khác thường.

-Anh không cao thượng chút nào, Gơ-răng ạ - chị trả lời dịu dàng - Anh quên rằng em tự ý làm việc đó và em khao khát làm như thế sao? Không đời nào Réch lại đi cướp em, mà chính anh đã để mất em. Em đi theo anh ấy 1 cách tự nguyện và thiết tha, lòng tràn đầy niềm sung sướng. Chắc có lẽ anh sẽ kết án cả em đã cướp anh ấy. Em và anh ấy hợp tính nhau.

-Quan điểm hay đấy - Lin-đê công nhận - Tôi luôn hiểu cô là người có tầm suy nghĩ sắc sảo, Mét-giơ ạ. Chắc điều ấy cũng làm cho cậu ta bực mình lắm.

-1 người có đầu óc sắc sảo có thể là 1 người yêu tốt...

-Và không đến nỗi ngu xuẩn như vậy - ông ngắt lời.

-Vậy anh công nhận sự khôn ngoan trong việc xử sự đó của em chứ?

Ông giơ cả 2 tay lên:

-Rõ quái gở, ai lại đi nói chuyện với đàn bà khôn ngoan cơ chứ! Bản chất của đàn ông là dễ quên và bị mắc bẫy.

Câu trả lời của chị thể hiện trong cặp mắt xanh nhìn thẳng pha chút mỉm cười.

-Không, tôi sẽ giành lại cái đó, Mét-giơ ạ. Có rõ như cô mới đi chinh phục hán hay bất cứ kẻ nào khác bằng dung nhan và vóc dáng của cô mà tôi đã quen. Tôi đã trải qua những thử thách gay go đó, mà rõ khi, đến giờ tôi vẫn chưa vượt qua nổi.

Ông nói nhanh, bực dọc và cáu kỉnh, thành cái tính rồi, nhưng chị biết những lời nói đó bao giờ cũng thẳng thắn. Sau đó chị hỏi:

-Anh còn nhớ kỷ niệm ở hồ Giơ-ne-vơ không?

-Nhớ chứ, lúc đó chúng mình vui sướng đến là vô lý.

Chị gật đầu, đôi mắt long lanh:

-Vẫn có những kỷ niệm xa xưa như thế đấy, Gơ-răng ạ. Mong anh hãy nhớ lại, 1 chút, ôi 1 tý thôi, về những gì chúng ta dành cho nhau lúc đó, anh đồng ý không?

-Giờ đây cô đang lợi dụng đấy - ông mỉm cười, lấy tay rút cái gai ở ngón tay ra, xem xét kỹ 1 cách phán xét rồi kết luận - Không được, cảm ơn cô. Tôi không thể đóng vai người theo đạo Cơ đốc tốt bụng đâu.

-Anh đã lặn lội đến đây vì 1 người không quen biết - chị nói.

Ông tỏ ra khó chịu:

-Cô nghĩ tôi mà biết hẳn là người yêu của vợ tôi, tôi sẽ đi sao?

-Dẫu sao bây giờ anh đã đến đây rồi. Mà anh ấy thì nằm kia. Anh sẽ xử lý sao đây?

-Chẳng làm gì cả. Tại sao tôi lại phải làm gì nhỉ? Tôi có phải là người hầu kẻ hạ của hẳn đâu. Hẳn là đồ ăn cướp!

Chị định nói thì có tiếng gõ cửa.

-Đi ra - ông kêu lên.

-Ông có muốn giúp gì không ạ...?

-Cút, đi đi! Đi lấy 1 thùng nước! Để ở bên ngoài ấy!

-Anh định...? - chị bắt đầu run.

-Định tắm!

Chị chùn lại trước sự tàn bạo đó, môi mím chặt.

-Nghe đây, anh Gơ-răng - chị bình tĩnh nói - Em sẽ gọi em trai anh ấy. Em biết những con người có dòng giống xa lạ đó. Nếu anh có thể quên những kỷ niệm cũ, vậy em cũng có thể quên được. Nếu anh không làm điều gì để chữa chạy, em anh ấy sẽ giết anh. Thậm chí em mà yêu cầu, cả Tom Đô cũng sẽ giết anh.

-Đừng dọa tôi, cô biết rõ tôi là người thế nào rồi - Ông trả lời nghiêm nghị, rồi nói thêm mỉm cười khinh bỉ - Và lại, tôi không hiểu giết tôi đi thì làm thế nào cứu được Réch Xtơ-reng của cô?

Chị cầm bát, mím chặt môi lại, rồi trước cặp mắt sắc sảo của ông ta, chị run lên sợ hãi.

-Em không cuồn loạn đâu Gơ-răng ạ - chị vội kêu lên lo lắng, răng nghiến ken két - Có bao giờ anh thấy em cuồn loạn đâu: không bao giờ em bị thế cả. Em không biết đó là gì nữa, nhưng em sẽ kiềm chế được. Em chỉ bức mình thôi. Đó là vì 1 phần em giận anh. Đó là sự lo lắng và sợ hãi. Em không muốn để mất anh ấy, Gơ-răng ạ. Anh ấy là ông hoàng của em, người yêu của em. Từ hôm đó đến nay em đã trải qua bao đêm hãi hùng bên anh ấy. Ôi anh Gơ-răng, em van anh.

-Đấy là bệnh thần kinh - ông nhận xét 1 cách cộc lốc - Nếu cô là đàn ông, tôi sẽ mời cô hút thuốc.

Chị ngồi lại ghế, nhìn ông chăm chăm và cố kiềm chế mình. Từ chỗ bếp lửa nham nhở gõ ghè vang lên tiếng dế mèn. Ngực của nường bị thương phập phồng dưới bộ áo lông thú. Chị nhìn thấy nụ cười không lấy gì làm vui lắm, trên đôi môi của Lin-đê.

-Cô yêu hẳn đến thế sao? - ông hỏi.

Ngực chị căng phồng, đôi mắt rực lên ánh sáng ngạo nghễ. Ông gật đầu tỏ ra mình đã nhận được câu trả lời.

-Nếu tôi muốn kể 1 câu chuyện, cô có khó chịu không? - ông nói, nghĩ xem nên bắt đầu như thế nào.

-Tôi nhớ mình có đọc 1 truyện, hình như của Hơ-bớt Sô thì phải. Tôi muốn kể cho cô nghe. Có 1 phụ nữ trẻ và đẹp yêu 1 người đàn ông tuyệt diệu, 1 người yêu cái đẹp và là 1 kẻ lang thang. Tôi không biết là giống Réch Stơ-reng của cô là bao, nhưng tôi tưởng tượng là có giống. ồ, người đó là 1 họa sĩ, dân Bô-hê-miêng, 1 kẻ lang thang. Anh ta hôn chị ta, ồ, nhiều lần trong nhiều tuần, rồi bỏ đi. Chị ta dành cho anh ta những gì mà theo tôi nghĩ nó cũng giống như cô đã dành cho tôi... ở hồ Giơ-ne-vơ. Trong 10 năm, chị ta than khóc cho đến khi sắc đẹp bị tàn phai.

Rồi điều không may đã xảy đến, người đàn ông đó bị mù, và 10 năm sau đó, người ta dắt anh ta đi như dắt đứa trẻ trở về với chị ấy. Không còn gì cả. Anh ấy không vẽ được nữa. Còn chị ấy vô cùng sung sướng và mừng 1 nỗi anh ấy không nhìn thấy dung nhan của mình. Nên nhớ ở đây 1 điều là anh ta tôn thờ sắc đẹp. Rồi anh ta lại được ôm ấp người yêu của mình trong

tay và tin rằng chị ấy vẫn đẹp như ngày nào. Trí nhớ về vẻ đẹp còn mạnh mẽ trong anh ta. Anh ta luôn miệng nói về cái đó, và cứ phàn nàn là bây giờ không được nhìn thấy nó.

1 hôm anh ấy vờ chị ấy vẽ 5 bức tranh mà anh ấy muốn vẽ. Ước gì mắt anh sáng lại để vẽ, chắc những bức tranh ấy sẽ là những kiệt tác... Thế rồi, bỗng nhiên chị ta nhận được liều thuốc tiên. Chỉ việc bôi thuốc lên mắt là chúng sẽ sáng lại hoàn toàn...

Lin-đê nhún vai:

-Cô biết không, chị ta phải đấu tranh ghê gớm. Có ánh sáng cho đôi mắt, anh ấy có thể vẽ những bức tranh đẹp. Và chắc chắn anh ta sẽ bỏ chị ta. Anh ta tôn thờ sắc đẹp mà. Giờ mà nhìn thấy bộ mặt già nua của chị ta, chắc anh ta không sao chịu nổi. Chị ta vật lộn trần trở trong 5 ngày. Song cuối cùng chị ta vẫn xoa thuốc lên mắt anh ta...

Lin-đê ngừng lời, nhìn vợ 1 cách tò mò, 2 con người đen lánh rục lên ánh lửa.

-Vấn đề là cô có yêu hẳn đến như thế không?

-Nếu thế thì sao? - chị hỏi vặn lại.

-Có không?

-Có.

-Cô có thể hy sinh được không? Cô có thể từ bỏ hẳn được không?

Và từ từ miễn cưỡng, chị trả lời:

-Có!

-Và cô đi theo tôi chứ?

-Vâng! - lần này giọng chị nghe nhỏ như thì thầm.

-Vâng, khi anh ấy khoẻ hẳn.

-Cô đã nghe ra. Chúng ta sẽ trở về những kỷ niệm bên hồ Giơ-ne-vơ. Cô sẽ lại là vợ tôi.

Chị dường như co rúm lại, rũ người xuống, nhưng đã gạt đầu đồng ý.

-Rất hay! - ông vội đứng dậy tiến lại cái gói tháo dây ra - Gọi mọi người lại đây. Đi đun nước đi, đun nhiều vào. Tôi cần người giúp 1 tay. Gọi em trai hẳn vào. Tôi có mang băng theo đây, nhưng cho tôi xem các người xử lý thế nào đã. Đốt đây rồi, nhóm lửa lên và đun thật nhiều nước vào. Đây, còn anh này - ông nói với 1 người khác - Mang cái bàn này ra để ở dưới cửa

sở kia kia, rửa đi, kỳ cọ cho kỹ vào: rửa nhé, anh bạn nhớ chưa, vì có bao giờ anh bạn rửa ráy đâu. Còn bà, bà Xơ-reng, sẽ là người giúp việc của tôi. Chắc không có khăn trải bàn, không sao. Vẫn tiến hành được thôi. Còn anh là em trai của anh ta hả? Tôi sẽ gây thuốc mê, còn sau đó, anh phải tiếp tục gây mê. Nào, tôi bảo gì phải nghe theo nhé. à, mà này, anh có biết bắt mạch không?

Vốn nổi tiếng là 1 nhà phẫu thuật can đảm và đạt được nhiều thành công, nên những ngày qua, Lin-đê tỏ rõ sự vượt ưc của lòng can đảm và sự thành công đó. Giờ đây trước mặt ông ta là 1 hình hài khoẻ mạnh của 1 con người tàn phế.

Có những ngày Xơ-reng sốt cao và mê sảng, có những ngày tim đột nhiên ngừng đập, không sao bắt mạch cho anh ta được. Có những ngày anh ta nằm tĩnh táo, đôi mắt mệt mỏi và nhúc nhối, mặt đầm mồ hôi vì đau đớn. Lin-đê làm việc không biết mệt mỏi, đầy năng lực, can đảm và may mắn, cuối cùng ông đã chiến thắng. Cứu giúp cho Xơ-reng sống, ông đâu có vui lòng. Ông đã tận tụy hết sức mình trước 1 vấn đề khó xử và mạo hiểm là làm thế nào cứu cho Xơ-reng hoàn toàn lành lặn và khoẻ mạnh lại.

-Anh ấy có bị tàn phế không? - Mét-giơ hỏi.

-Hắn sẽ đi đứng và nói năng được, nhưng so với con người hắn trước đây có phần bị khập khiễng, trông như tranh đá kích đấy - Lin-đê nói với chị - Hắn sẽ chạy nhảy, bơi trên sông, đánh nhau với hổ báo và làm tất cả những gì theo ý muốn điên rồ nhất của hắn. Và tôi cũng xin báo trước để cô hay, hắn sẽ quyến rũ đàn bà như trước đây hắn từng làm. Cô thích thế chứ? Cô vui lòng chứ? Nhưng mà nhớ điều này: Cô không còn là của hắn đâu!

-Hãy cứu tiếp anh ấy, cứu tiếp đi - chị thở mạnh - Hãy làm cho anh ấy lành lặn, nguyên vẹn như trước.

Rất nhiều lần, bất cứ lúc nào tình hình sức khoẻ của Xơ-reng cho phép, Lin-đê lại gây mê cho anh ta, và làm những điều khủng khiếp, như cắt rời lại khâu vào, rồi nối những bộ phận bị thương trong cơ thể.

-Ông sẽ giết anh ấy mất - người em trai than vãn - Cứ để mặc anh ấy như thế. Lạy Chúa, hãy để anh ấy yên. Sống mà có bị tàn tật thì còn tốt hơn là chết mà nguyên vẹn.

Lin-đê nói giận:

-Cút ra ngay! Cút ra ngay khỏi đây cho đến lúc quay lại đây phải nói được 1 điều là ta đã làm cho anh ta sống lại. Tính mạng của người anh anh như ngàn cân treo sợi tóc. Anh có hiểu không? Nào hãy đi ra đi, lúc nào trở lại phải bình tĩnh, tin rằng anh ta sẽ sống và sẽ nguyên lành như trước, rồi 2 anh em lại làm trò điên rồ với nhau. Nào, đi ra ngay!

Người em trai, nắm chặt tay, mắt nhìn đe dọa, quay về phía Mét-gio như mong được lời khuyên của chị.

-Đi ra đi chú - Chị ta van vãn - Ông ấy nói đúng. Chị biết ông ấy nói đúng đấy.

1 lần khác, khi điều kiện sức khỏe của Xơ-reng dường như có hứa hẹn hơn, người em nói:

-Thưa bác sĩ, ông là 1 con người kỳ diệu, vậy mà suốt cả thời gian qua tôi quên không hỏi tên ông.

-Không việc gì đến anh. Đừng quấy rầy tôi. Đi ra đi.

Cánh tay phải bị thương lại mở ra toang hoác, trông đến khủng khiếp.

-Đó là sự chết hoại - Lin-đê nói.

-Thế là hết - người em than khóc.

-Câm mồm đi! - Lin-đê hét lên - Đi đi! Cả Đô, cả Bin nữa, đi bắt những con thỏ rừng, phải bắt sống đấy, bắt những con to khỏe ấy. Hãy đánh bẫy. Đánh bẫy khắp nơi vào.

-Cần bao nhiêu con, hả ông? - người em hỏi.

-40 con, 40 000 con, 40 000, bắt với tất cả khả năng của mình. Còn bà sẽ giúp tôi, bà Xơ-reng. Tôi sẽ khoét sâu vết thương trên cánh tay để xem xem mức độ tai hại ra sao. Nào, các anh đi ra đi, ra bắt thỏ đi!

Sau đó loáng 1 lúc, ông đã khoét vết thương 1 cách chính xác, cạo chiếc xương rời ra đó.

-Chắc chẳng bao giờ điều này xảy ra nếu lúc đầu đừng cho hấn ăn nhiều thức quá bổ. Tôi có theo dõi, nhưng phải đợi và thử xem đã. Khúc xương ấy phải bỏ đi thôi. Không có nó cũng không sao, nhưng xương thỏ sẽ giúp làm cho cánh tay được nguyên vẹn.

Trong số hàng trăm con thỏ người ta mang đến, ông chọn, rồi thử, làm đi làm lại, cuối cùng mới chọn được con vừa ý. Ông đã dùng đến giọt thuốc mê cuối cùng và đã hoàn thành việc ghép xương, xương tươi ghép với

xương tươi, người sống ghép với thỏ sống, bó vào nhau thật chắc và bất động.

Rồi trong suốt cả thời kỳ thử thách, đặc biệt là khi Xto-reng khoẻ lại, giữa Lin-đê và Mét-giơ diễn ra 1 cuộc trao đổi. Lin-đê chẳng tỏ ra thân mật, mà Mét- giơ cũng không chống đối.

-Thật là phiền toái - ông nói với chị - Nhưng luật pháp vẫn là luật pháp, nên cô cần phải li dị trước khi chúng ta cưới nhau lại. ý kiến cô thế nào? Chúng ta sẽ đi chơi hồ Giơ-ne-vơ chứ?

-Tuỳ anh - chị nói.

Và 1 lần khác, ông nói:

-Có sao cô lại gặp hấn? Tôi biết hấn có tiền. Nhưng tôi và cô cũng sống đầy đủ, chứ có đến nỗi nào. Tôi kiếm trung bình 4 vạn 1 năm chứ có ít ỏi gì, rồi sau đó tôi chúi đầu vào sách vở, cung điện và những chiếc tàu thủy nên đã không thoả mãn được cô.

-Có thể anh giải thích thế là đúng - chị trả lời - Có thể anh quá say sưa với công việc. Có thể anh đã quên em.

-Hừm - ông mỉm cười - Và ước gì Rếch của cô đừng có say sưa với hồ báo và những mẫu gây đó chứ gì?

Đến hôm người ta đưa Xto-reng và cả cái giường ra ngoài trời để hóng nắng, chị mới nói với Lin-đê:

-Để em nói cho anh ấy hay nhé?

-Không, phải đợi đã - ông trả lời.

Sau đó Xto-reng có thể ngồi dậy bên mép giường, có thể đi được vài bước, có người đỡ 2 bên.

-Để em nói cho anh ấy biết - chị nói.

-Không được. Tôi muốn công việc chữa chạy phải hoàn hảo. Tôi không muốn có hậu quả.

Mùa hè đến. Tuyết đã tan, chỉ còn vương lại trên các đỉnh núi xa xa tận phía trời đông. Ngày dài ra cho đến khi không có bóng đêm nữa, vì đến nửa đêm mặt trời mới lặn trong giây lát nơi chân trời phía bắc. Lin-đê nghe ngóng bước đi của Xto-reng, sự vận động của cơ thể anh ta, cởi, rồi lại mặc quần áo cho anh ta bao lần với mục đích cho cơ bắp được mềm mại và co rút được. Anh ta được xoa bóp liên tục không ngơi tay cho đến khi Lin-đê

tuyên bố rằng Tôm Đô, Bin và người em trai của anh ta từ nay đã lành nghề, có thể đảm đương việc tắm hơi và nắn xương. Nhưng Lin-đê chưa thoả mãn. Ông cõng Xơ-reng tập toàn bộ bài thể dục riêng của mình nhằm theo dõi xem còn có điểm yếu nào tàng ẩn trong người anh ta không.

-Em nói cho anh ấy biết nhé? - Mét-giơ van xin.

-Chưa được! - ông trả lời - Cô chỉ được nói khi tôi đã chuẩn bị sẵn sàng.

Tháng 7 trôi qua, rồi tháng 8 gần hết, lúc ấy ông ra lệnh cho Xơ-reng đi ra ngoài con đường mòn để bắt nai, Lin-đê theo sát gót anh ta, nghiên cứu rất kỹ và theo dõi sát sao. Anh ta mảnh khảnh, nhanh như 1 con báo, và anh ta đi mà Lin-đê cứ ngỡ là không có ai đi, cả thân hình anh ta uyển chuyển, lẹ làng. Tôm Đô đã từng than vãn về tốc độ đi ghê gớm đó của anh ta, Lin-đê đi phía sau, thở hồng hộc, mồ hôi nhễ nhại, chốc chốc đến chỗ bằng phẳng ông lại chạy gần cho kịp. Đi hết trên chục cây số, ông đứng lại rồi ngã quật xuống bãi cỏ.

-Đủ rồi! - ông kêu lên - Tôi không sao theo kịp được anh đâu.

Ông lau bộ mặt nhễ nhại mồ hôi. Còn Xơ-reng ngồi trên 1 cây gỗ, mỉm cười nhìn bác sĩ.

-Có thấy đâu, hay dấu hiệu nào tỏ ra là đau không? - Lin-đê hỏi.

Xơ-reng lắc bộ tóc quăn và vươn mình, từng đường gân thớ thịt cuộn cuộn đầy sức sống.

-Xơ-reng ạ, độ 1, 2 mùa đông có thể những vết thương cũ của anh vẫn còn cảm thấy tê buốt. Nhưng rồi cái đó sẽ qua đi và có thể chúng sẽ lành hẳn.

-Trời, bác sĩ, ông đã làm nên điều kỳ diệu cho tôi, tôi không biết lấy gì đền đáp công ơn ông. Thậm chí tôi chưa biết tên ông.

-Không sao, tôi đã cứu sống anh, vấn đề chính là ở chỗ đấy.

-Nhưng đây là 1 tên tuổi mọi người trên thế giới chắc phải biết đến - Xơ-reng nằn nì - Tôi tin là nếu tôi mà nghe thấy, tôi sẽ nhận ra ngay.

-Chắc là anh sẽ nhận ra thôi - Lin-đê trả lời - Nhưng có hệ trọng gì. Tôi muốn thử lần cuối cùng, và thế là xong chuyện với anh. ở chỗ rẽ ngay đầu con sông con này là ngã ba của 1 con sông lớn. Đô có kể cho tôi nghe là năm ngoái anh có đến đó, tận giữa sông rồi lại quay về mất 3 ngày. Anh ấy

còn nói tý nữa thì anh giết cả anh ấy. Đêm nay anh đóng trại ở đây nhé. Tôi sẽ bảo Đô mang đồ cắm trại lại cho anh. Sau đó anh sẽ lại đi đến giữa dòng sông và quay trở về cùng 1 thời gian mà năm ngoái anh đã đi.

-Nào - Lin-đê nói với Mét-giơ - Cô chỉ còn 1h để gói ghém hành lý thôi đấy. Tôi sẽ đi chuẩn bị thuyền. Bin còn đi bắt hươu nên phải đến tối mới về. Chúng ta sẽ dựng lều đêm nay, và trong vòng 1 tuần chúng ta sẽ có mặt ở Đô-xon.

-Em hy vọng... - bỗng nhiên chị dừng lại 1 cách kiêu hãnh.

-Rằng, tôi sẽ không đòi tiền công chứ gì?

-ồ, hợp đồng là hợp đồng, nhưng anh không cần phải căm thù đến thế. Anh không cao thượng chút nào. Anh bảo anh ấy đi những 3 ngày, và cướp đi của em cả câu chào tạm biệt cuối cùng với anh ấy.

-Hãy để thư lại.

-Em sẽ kể cho anh ấy biết tất cả.

Lúc ông từ dưới thuyền quay lại, quần áo của chị đã được gói lại và thư đã viết xong.

-Đưa tôi đọc nào! - ông nói - Nếu cô thấy có thể được.

Chị do dự 1 chút, rồi đưa lá thư cho ông đọc.

-Khá thẳng thắn - ông nói sau khi đọc xong lá thư.

-Nào, xong xuôi cả chưa?

Ông mang gói quần áo của chị xuống bờ sông, lấy 1 tay giữ chiếc thuyền, còn tay kia giơ ra cho chị vịn vào mà leo lên. Ông nhìn chăm chăm vào chị, nhưng không 1 chút lưỡng lự, chị giơ tay cho ông nắm lấy và chuẩn bị bước lên thuyền.

-Khoan tý đã - ông nói - 1 lát thôi. Cô có nhớ câu chuyện tôi kể cho cô nghe về liều thuốc tiên không? Tôi chưa kể phần kết thúc. Khi chị ta xoa thuốc lên mắt cho anh ta và sắp sửa định bỏ đi, tình cờ nhìn vào gương, chị ta thấy sắc đẹp của mình đã được hoàn lại như xưa. Sau đó, anh ta mở mắt ra, kêu lên sung sướng trước vẻ đẹp kiêu diễm của người yêu, ôm chầm lấy nàng trong tay.

Căng thẳng nhưng kiềm chế được, chị đợi ông kể tiếp, trên gương mặt và trong khoé mắt của chị loé lên đôi chút ngỡ ngàng.

-Em rất đẹp, Mét-giơ ạ - ông dừng lại rồi noi thêm, giọng cụt lủn - Phần cuối câu chuyện đã quá rõ. Tôi nghĩ, cánh tay của Rêch Xơ-reng sẽ không còn trống trải nữa. Tạm biệt nhé!

-Anh Gorăng...! - chị kêu lên khe khẽ, nhưng trong giọng nói đã thể hiện tất cả những gì không cần phải nói ra mới hiểu.

Ông bật cười:

-Tôi muốn chứng minh cho cô thấy tôi không phải là loại người tồi như thế. Lấy điều thiện trả điều ác, cô biết chứ?

-Anh Gơ-răng...?

Ông bước lên thuyền và giơ bàn tay gầy nổi gân.

Chị giơ cả 2 bàn tay ra nắm lấy bàn tay đó.

-Ôi, bàn tay thân yêu, bàn tay đầy sức mạnh! - chị thì thầm rồi cúi xuống hôn.

Ông rút mạnh tay lại, đẩy thuyền ra xa bờ, khua mái chèo xuống dòng sông chảy xiết và lái ra đến giữa sông, nơi đây nước chảy phẳng lặng như mặt gương trước khi nó cuộn cuộn thành những đám bọt trắng xoá.

5) Đánh trống bỏi

Dịch giả: Bá Kông và Võ Hà Lang

Nguyên tác: The Wit of Porpotuk

Trước kia El-Soo đã từng sống trong nhà chung. Nàng mồ côi mẹ ngay từ khi còn thơ ấu; vào một ngày mùa hạ, nàng được Bà Phước Albertha đón về Tu-Viện Thánh Giá như một kẻ lạc loài trong đám người sa ngã để hiến dâng cho Chúa. Tuy là một cô gái Da Đỏ thuần túy, nhưng El-Soo tỏ ra có nhiều năng khiếu hơn các cô gái khác có giọng máu lai dù nhiều hay ít. Chưa bao giờ các bà phước thấy một cô gái nhỏ có khả năng thích ứng và linh lợi như vậy.

El-Soo lanh lẹ, khéo léo, lại thêm thông-minh, nhưng có điều đáng nói hơn hết là nàng có một sức sống tiềm tàng mãnh liệt tạo thành một cá tính được hun đúc bằng ý chí, bằng sự dịu dàng và gan dạ. Thần phụ nàng là một tù trưởng và giọng máu của ông chảy trong huyết quản nàng. Đối với El-Soo, sự phục tòng là một vấn đề điều kiện và thỏa thuận. Nàng rất trọng lẽ công bằng hợp lý và có lẽ đó là lý do khiến cho nàng xuất sắc về môn toán học.

Nhưng El-Soo còn xuất sắc về nhiều thứ khác nữa. Nàng học đọc và viết tiếng Anh mau hơn bất cứ cô gái nào từng học từ trước tới nay trong nhà chung. Về hát nàng cũng dẫn đầu và nàng mang cả tinh thần công-bình vào trong bài hát. Nàng có tâm hồn nghệ sĩ và lòng nhiệt thành của nàng hướng về sự sáng tạo; Nếu như từ thuở mới chào đời, được sống giữa một khung cảnh thuận lợi hơn, thì hẳn nàng đã trở thành nhà văn hay nhà soạn nhạc.

Nhưng nàng chỉ là El-Soo, con gái của Klakee-Nah, một vị tù trưởng, và nàng sống trong Tu-Viện Thánh Giá, nơi không có nghệ sĩ mà chỉ toàn những bà phước với tâm hồn tinh trắng, chỉ chú trọng đến sự thanh tịnh ngay thẳng và sự cứu rỗi linh hồn thuộc thế giới bất diệt ở cao vút trên chín tầng mây xanh.

Thời gian thấm thoát trôi qua. Khi bước chân đến tu-viện, nàng mới lên 8 tuổi; năm 16 tuổi, vừa lúc các bà phước liên lạc với các bề trên về việc gởi nàng qua Hoa-Kỳ để bổ túc công việc giáo dục cho nàng, thì một người đàn ông thuộc bộ lạc của nàng tới tu viện nói chuyện với nàng. Gã đàn ông đó làm cho El-Soo hơi kinh sợ. Trông hăn bần thiêu và giống như thằng ngợm, dáng dấp thô bạo, mớ tóc rối bù có lẽ không bao giờ biết đến cái lược. Hăn nhìn nàng với cặp mắt dè bủ và không chịu ngồi xuống.

Hăn nói cộc lốc:” Anh cô chết rồi!”

El-Soo không lộ vẻ quá xúc động khi hay tin này vì nàng chỉ còn nhớ mang máng tới anh nàng. Gã đàn ông mang tin nói tiếp: “Lúc này, cha cô già yếu, sống trơ trọi một mình trong một căn nhà rộng thênh thang vắng vẻ, cù muốn cô về chăm sóc cho cù.”

Nàng nhớ cù ấy là Klakee-Nah, vị tù trưởng trong làng, người bạn của các nhà truyền giáo và các thương-gia. Vóc người cao lớn, trông ông vạm vỡ như một người khổng lồ với đôi mắt hiền từ và những cử chỉ oai phong, đi đứng bệ vệ như ý thức được cái quyền thế thô sơ của mình.

El-Soo đáp: “Hãy nói với cha tôi là tôi sẽ về”.

Các bà phước rất buồn bực, thực vậy, nay không khác nào khúc củi kéo ra khỏi đống lửa cháy lại trở về đống lửa cháy. Bao nhiêu lời khuyên dụ cũng không sao lay chuyển nổi El-Soo. Hết trình bày điều hơn lẽ thiệt, lại cản ngăn, rồi khóc lóc, Di Alberta lại còn tiết lộ cả với nàng dự tính gởi nàng sang Hoa-Kỳ. El-Soo dăm dăm nhìn vào con đường dài trong sáng đầy hoa thơm cỏ lạ mở ra trước mắt nàng, nhưng nàng lắc đầu vì trong mắt nàng còn có một con đường khác. Đó là khúc sông Yukon hùng vĩ uốn quanh Trạm Tanana, có nhà chung thánh George ở một bên, về phía bên kia là một thương xã, và nó ở giữa khoảng đường từ làng dân Da Đỏ và một căn nhà gỗ lớn rộng, nơi có một ông già đang sống nhờ sự săn sóc của nhóm nô lệ.

Tất cả dân chúng ở vùng Yukon dẫu cách xa hàng ngàn dặm cũng biết căn nhà lớn rộng ấy, ông già và những người nô lệ ấy. Cả các bà phước cũng biết rõ căn nhà ấy cùng các cuộc vui chơi bất tận, cảnh tiệc tùng hoan lạc diễn ra tại căn nhà ấy. Vì thế các bà phước đã khóc thương khi El-Soo rời bỏ Tu-Viện Thánh Giá.

Có một sự cải tổ quan trọng trong căn nhà lớn rộng này khi El-Soo trở về. Vốn chính mình cũng rất chuyên đoán, Klakee-Nah phản đối sự chuyển quyền củ cô con gái ông, nhưng rồi sau quá thiết tha mơ mộng về huy hoàng, Klakee-Nah đã nhất quyết tới vay lão giả Porpotuk, tay giàu có nhất vùng Yukon một ngàn Mỹ kim. Klakee-Nah mang số tiền vay được đi sắm sửa; El-Soo trang hoàng lại căn nhà rộng lớn đó. Nàng mang lại cho nó cảnh huy hoàng mới trong khi Klakee-Nah vẫn duy trì những truyền thống hiếu khách và hoan lạc xưa.

Đối với một người dân Da Đỏ ở Yukon mà có tất cả những điều ấy thật là bất thường, nhưng Klakee-Nah là một người da đỏ phi thường. Không những ông ưa chiêu đãi khách quá độ, nhưng phần vì tư cách một vị tù trưởng, phần vì kiếm được nhiều tiền, nên ông làm như vậy. Trong thời buôn bán đầu tiên, ông có một uy quyền đối với dân chúng của ông, và ông đã giao dịch một cách có lợi với các công ty thương mại của người da trắng. Về sau, ông đã cùng Porpotuk khai thác một mỏ vàng trên triền sông Koyokuk. Nhờ giáo dục và nhờ bản chất, Klakee-Nah là một người thuộc phần giai cấp quý tộc. Trong khi đó Porpotuk thuộc thành phần trưởng giả và đã bỏ tiền mua cả mỏ vàng. Porpotuk cần cù làm giàu còn Klakee-Nah trở lại căn nhà lớn rộng và dẫn mình vào các cuộc hoan lạc. Nếu Porpotuk được tiếng là người Da Đỏ giàu nhất miền Alaska thì Klakee-Nah được tiếng là người hào hoa nhất vùng. Porpotuk là người chuyên cho vay tiền, một kẻ cho vay nặng lãi. Còn Klakee-Nah là một người bất phùng thời, một tàn tích của thời trung cổ, một tráng sĩ, và một người ưa thích yến tiệc linh đình, vui trong ly rượu và tiếng ca.

El-Soo thích ứng với căn nhà lớn rộng ấy cùng với các lễ thói của nó cũng như nàng đã từng sẵn sàng uốn theo nếp sống trong tu viện. Nàng không tìm cách cải tạo thân phụ nàng và hướng ông về với Chúa. Thật thì nàng có trách móc ông rượu chè quá độ nhưng đó là vì nàng muốn bảo vệ sức khỏe cho ông và muốn cho bước chân ông đi được vững chắc.

Then cửa căn nhà rộng lớn đó bao giờ cũng mở. Phần vì người ta lui tới tấp nập, nên căn nhà này không bao giờ yên tĩnh cả. Căn phòng khách lớn rộn ràng những lời chúc và tiếng ca. Tân khách gồm những nhân vật từ khắp mọi nơi, nào các vị tù trưởng từ những bộ lạc xa xôi, nào người Anh,

nào dân bản xứ, các thương gia Hoa-Kỳ đáng người dong dỏng, cùng những nhân viên người đẩy đà, thuộc những hội lớn các dân chăn bò từ những cảnh đồng cỏ miền Tây, những thủy thủ của trùng dương, những dân săn bắn, những người chuyên đi xe trượt tuyết. Tất cả thuộc tới hai mươi quốc tịch.

El-Soo sống trong bầu không khí tứ chiếng đó. Nàng nói được tiếng Anh thông thạo. Nàng biết rõ những nghi lễ cổ xưa của dân Da Đỏ, cùng những truyền thống nay đã mai một đi rồi. Nàng biết cách phục sức đúng tư cách ái nữ của một vị tù trưởng vào dịp cần đến. Nhưng hầu hết các lúc khác nàng ăn mặc như một phụ nữ da trắng. Công việc kim chỉ tại tu viện và khiếu thẩm mỹ bẩm thụ của nàng không phải là vô ích. Nàng phục sức như một phụ nữ da trắng và nàng may được những tấm áo rất đúng thời trang.

Với nếp sống riêng của nàng, nàng cũng phi thường như thân phụ nàng, và nàng cũng có địa vị độc đáo như ông. Nàng là người phụ nữ Da Đỏ độc nhất; về phương diện xã hội, được đối xử ngang hàng với nhiều phụ nữ da trắng tại trạm Tanana. Nàng là phụ nữ Da Đỏ độc nhất được đàn ông da trắng cầu hôn. Và nàng cũng là phụ nữ da đỏ độc nhất không bị đàn ông da trắng nào nhục mạ bao giờ.

Sở dĩ như vậy vì El-Soo đẹp - không phải cái đẹp thông thường của đàn bà da trắng hoặc của phụ nữ Da Đỏ. Cái đẹp của nàng không tùy thuộc vào khuôn mặt nhưng nó phát xuất từ tính tình thiết tha nồng nàn của nàng. Nếu chỉ xét dáng người thon thon, và khuôn mặt thanh tú, nàng là một phụ nữ Da Đỏ điển hình. Nàng có mái tóc đen, nước da bánh mật, cặp mắt đen lánh và sắc như dao của nàng tỏa ra một niềm tự tin, một ý chí cương quyết. Mũi nàng dọc dừa với đôi cánh mũi phập phồng, lưỡng quyền cao và đôi môi mỏng nhưng không đến nỗi quá mỏng. Nhưng điều đáng nói hơn hết là tất cả đều toát ra cái vẻ nồng nàn linh hoạt của nàng, một cái gì khó diễn tả và phân tích; nó biểu lộ sự nhiệt thành của tâm hồn nàng. Niềm thiết tha nồng thắm ấy phảng phất trên tất cả, từ ánh mắt đến làn môi.

El-Soo lại rất ranh mãnh; nàng ít khi chạm biếm mắt lòng người ta, nhưng hay tìm ra những khuyết điểm nhỏ để điều cợt. Tính vui vẻ của nàng như ngọn đuốc sáng bao quanh nàng, và mọi người xung quanh đều chia sẻ

niềm vui đó. Tuy vậy, nàng không bao giờ tự cho mình là quan trọng. Nàng không muốn vậy. Căn nhà lớn đó, và tất cả những gì thuộc về nó là của cha nàng, và thân hình oai hùng đó di chuyển khắp căn nhà cho tới ngày cuối cùng của ông. Ông là chủ nhân ông, chủ tọa mọi tiệc hoan lạc và ông là người ban bố lệ luật. Thật vậy, sức mạnh của ông kém đi, thì nàng lại đỡ lấy trách nhiệm từ bàn tay suy yếu của ông. Nhưng bề ngoài, ông vẫn cai quản, có khi ông ngủ gục trên bàn ăn, thật là một thân hình tàn tạ của hoan lạc; tuy vậy, ông vẫn có vẻ chủ nhân ông của tiệc liên hoan.

Và lão Porpotuk đi đi, lại lại trong căn nhà lớn đó, về bi quan, đầu lắc lư tỏ vẻ không tán thành, nhưng vẫn bỏ tiền ra trả tất cả. Không phải lão trả tiền thực sự đâu, lão đủ mảnh lối tính lời kếp vào số tiền đó, và cứ thế hết năm này qua năm khác, lão thu hút dần cả tài sản của Klakee-Nah. Có lần Porpotuk trách El-Soo về nếp sống lãng phí trong căn nhà lớn ấy - đó là lúc lão gần tiêu nốt phần chót của gia sản Klakee-Nah - nhưng lão không bao giờ dám mở miệng trách nàng lần nữa. El-Soo, cũng như cha nàng, là con người quý tộc, coi rẻ tiền như ông cụ vậy, và có ý thức về danh dự y như cha nàng.

Porpotuk tiếp tục ứng tiền ra một cách miễn cưỡng, và tiền của lão vẫn chảy ra như nước. Có một điều El-Soo cương quyết - thân phụ nàng sẽ phải qua đời như ông đã sống. Đối với ông không có chuyện ở bề vào ngôi, không có vấn đề tiết giảm những cuộc yến tiệc linh đình, giảm bớt những cuộc thù tiếp đôn hậu. Hồi trước khi trời làm đói kém, những người Da Đỏ tới kêu van ở căn nhà rộng đó đều được thỏa mãn khi ra đi. Lúc trời làm đói kém mà tiền đã hết thì phải vay của Porpotuk, nhưng những người Da Đỏ đến kêu xin cũng vẫn được thỏa mãn. El-Soo có thể bắt chước các người quý tộc ở thời đại khác và ở nơi khác, và nói rằng sau này tai họa có tới cũng mặc. Trong trường hợp của nàng, tai họa đó là lão Porpotuk. Cứ mỗi lần nàng xuất tiền ra lão lại nhìn nàng với con mắt ngụ ý là nàng dần dần thuộc về lão và lão cảm thấy lòng xuân lại rào-rạt.

Nhưng El-Soo không để ý gì tới lão. Nàng cũng chẳng để ý gì tới những người da trắng muốn cưới nàng tại nhà chung, nhẫn cưới, linh mục chủ lễ và sách kinh, vì ở trạm Tanana có một chàng trai trẻ tên Akoon, người đồng chủng, đồng hương với nàng. Dưới con mắt nàng, chàng là một

tay đi săn lục lưỡng, đẹp trai và rất nghèo vì đã ngao du rất nhiều và rất xa. Chàng đã từng đặt chân tới những vùng hoang vu hẻo lánh, chàng đã tới Sith và Hoa-Kỳ, chàng đã vượt lục địa với Vịnh Hudson rồi trở lại, và trên một chiếc tàu săn hải cẩu, chàng đã tới Tây-Bá-Lợi-Á và Nhật Bản.

Khi từ mỏ vàng tại Klondike trở về, chàng thường tới căn nhà rộng lớn để tường trình cho ông già Klakee-Nah tất cả những điều chàng đã trông thấy và chính tại căn nhà đó, chàng đã gặp El-Soo lần đầu tiên, sau khi nàng đã từ tu viện trở về được ba năm tròn. Chính vì lý do này mà Akoon không còn muốn đi xa nữa. Chàng từ khước số lương hai mươi Mỹ-Kim một ngày để làm hoa tiêu trên các tàu thủy lớn. Chàng đi săn và đi câu chút ít nhưng không bao giờ đi xa khỏi trạm Tanana, nhưng chàng thường hay tới và lưu lại lâu ở căn nhà lớn rộng đó. Còn El-Soo khi so sánh chàng với nhiều đàn ông khác, nàng thấy chàng là người xứng đáng. Chàng ca những bài hát tặng nàng và thiết tha say đắm đến nỗi cả vùng trạm Tanana đều biết chàng yêu nàng. Trong khi đó, Porpotuk chỉ cười nhạt và xuất thêm tiền để duy trì nếp sống của căn nhà lớn rộng đó.

Rồi tới bữa ăn lâm chung của Klakee-Nah. Ông ngồi vào bàn tiệc, nhưng cổ họng nghẹn vì bệnh hoạn, ông không sao uống được nhiều rượu nữa. Trong khi đó tiếng cười đùa, tiếng ca hát vẫn vang lên và Akoon kể chuyện khiến mọi người cười rộ. Không có một giọt nước mắt hay một tiếng thở dài ở bàn tiệc này. Klakee-Nah phải được chết giữa cảnh nhộn nhịp vui vẻ như ông sống vậy, đó là một điều rất hợp lý và không ai hiểu rõ điều này hơn là El-Soo, một cô gái có tâm hồn nghệ sĩ. Như hồi xưa, cả đám người cũ ồn ào đều có mặt ở đó, và lại còn có ba thủy thủ dạn dày băng tuyết vừa vượt trùng dương từ miền Bắc băng trở về. Họ là những người sống sót trong số bảy mươi tư người thuộc thủy thủ đoàn của một chiếc tàu. Đứng phía sau Klakee-Nah là bốn người già, đó là những người còn sót lại trong số những nô lệ đã hầu hạ ông hồi ông còn trẻ. Những người này mắt kèm nhèm chăm chú chăm sóc ông, với bàn tay run run, họ rót rượu vào ly hoặc đâm lung cho ông khi căn bệnh làm cho ông ho và thở hổn hển.

Đêm hôm đó là một đêm tung bừng, trong khi giờ phút trôi qua và tiếng cười đùa vang lên, cổ họng Klakee-Nah bị đau đớn liên miên, trong khi Tử thần ra tay.

Tới lúc đó, ông cho kiểm Porpotuk. Từ ngoài giá lạnh bước vào, Porpotuk dè bủ nhìn thit và rượu bày trên bàn do chính tiền lão trả. Nhưng khi nhìn hết lượt những bộ mặt đỏ gay tới tận cuối phòng, lão thấy khuôn mặt El-Soo. Mắt lão bỗng sáng lên và nổi bực dọc trong lòng cũng lảng nguôi đi.

Người ta dọn chỗ cho lão ngồi cạnh Klakee-Nah và đặt trước mặt lão một cái ly. Chính tay Klakee-Nah đã vồn vã rót rượu vào ly và mời, “Bác xơi đi, rượu có ngon không?”:

Porpotuk gật đầu và chép miệng, rượu nồng làm nước mắt lão trào ra.

Klakee-Nah hỏi: “Khi ở nhà, bác có uống rượu ngon như thế không?”

Porpotuk trả lời ngập ngừng như còn đợi nghĩ cho chính câu nói: “Tôi công nhận là rượu này rất tốt đối với người có tuổi như tôi.”

Klakee-Nah nói lớn để bỏ tức thâm ý của Porpotuk: “Nhưng chỉ vì nó đắt quá”.

Porpotuk khó chịu trước tiếng cười của những người ngồi cùng bàn, cặp mắt của lão long lên vì bực bội. Lão nói: “chúng ta đều là chỗ bạn già với nhau. Cổ họng bác đau và thấy tử thần gần tới, chứ tôi vẫn còn khỏe mạnh và cường tráng chán.”

Trong bàn tiệc có tiếng thì thảo phản đối; Klakee-Nah ho và nghẹn thở, và mấy người nô lệ già vội đám lưng cho ông. Nhưng ông lại tỉnh, thở hắt hển và vẫy tay để trấn tĩnh sự xôn xao đe dọa.

Ông kêu lên: “Bác đã hà tiện cả đến việc nhóm lửa tại nhà riêng vì củi quá đắt! Bác đã không dám sống. Cuộc sống quá tốn kém nên bác đã khước từ không chịu tốn kém để sống. Kiếp sống của bác chẳng qua chỉ là căn phòng không lửa ấm, không có cả thảm trải dưới nền”. Rồi ông ra hiệu cho một tên nô lệ rót đầy rượu vào ly và ông nâng cao lên. “Nhưng tôi đã sống một cuộc sống ấm áp có hương vị chứ không như kiếp sống tẻ nhạt của bác. Thật vậy, bác sẽ sống lâu, như những đêm dài nhất là những đêm giá lạnh khi một người rét mướt thao thức không chợp mắt được. Những đêm của tôi không dài, nhưng tôi được ngủ ấm áp”

Ông cạn hết ly rượu. Bàn tay run lẩy bẩy của tên nô lệ không cầm kịp chiếc ly nên để rơi xuống sàn bể tan. Klakee-Nah lại ngồi dựa ra thở hắt hển, nhìn những chiếc ly dốc ngược trên môi của những người uống, trên

môi ông thoáng một nụ cười trong khi mọi người tán thưởng ông. Nhận được dấu hiệu, hai tên nô lệ định giúp ông lại ngồi ngay người lại nhưng họ yếu sức và thân hình ông lại vạm vỡ. nên bốn người đó đều loạng choạng mãi mới nâng nổi ông ngồi thẳng lên.

Ông nói tiếp: “Nhưng ở đây không phải chỗ nói chuyện về lẽ lỗi sống của Porpotuk, đêm nay giữa chúng ta còn nhiều chuyện khác. Công nợ là điều bất hạnh và tôi đây chịu bất hạnh đối với bác. Công nợ của tôi ra sao, và lên tới bao nhiêu rồi?”.

Porpotuk tìm trong túi và lôi ra mấy tấm giấy. Lão nhấp ly rượu, rồi kể lể:” Đây là biên lai tháng tám, năm 1889: ba trăm Mỹ-Kim. Chưa trả được đồng tiền lãi nào. Và biên lai hồi năm kế đó: năm trăm Mỹ-Kim. Biên lai này tính chung với biên lai hai tháng sau một ngàn Mỹ-Kim. Còn đây là biên lai...”

Klakee-Nah sốt ruột kêu lên: “Thôi, nhớ làm gì các biên lai ấy nữa! Nó làm đầu óc tôi rối cả lên. Tôi nợ tất cả bao nhiêu?”

Porpotuk nhìn tấm giấy ghi nợ và đọc một cách cẩn thận: “Mười lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy Mỹ-Kim, bảy mươi lăm xu”.

Klakee-Nah nói một cách khinh bỉ: “Tính chẵn mười sáu ngàn cũng được, cứ tính chẵn mười sáu ngàn. Những con số lẻ chỉ tổ làm cho mệt óc. Và sở dĩ tôi cho mời bác đến là để tính toán công nợ, vậy bây giờ bác biên một giấy nợ mười sáu ngàn và tôi sẽ ký. Tôi không quan tâm gì đến lời lãi. Bác muốn tính bao nhiêu cũng được. và tiền sẽ hoàn trả ở thế giới bên kia khi tôi gặp bác bên đám lửa của Tổ Phụ tất cả các người Da Đỏ. Lúc đó nợ sẽ được hoàn toàn thanh toán. Tôi hứa với bác như vậy. Đó là lời hứa của Klakee-Nah.”

Porpotuk bối rối ra mặt, trong lúc tiếng cười rộ vang động cả căn phòng. Klakee-Nah giơ hai tay lên và nói lớn: “Này, tôi không nói đùa đâu, tôi nói thật đấy. Chính vì thế tôi mời bác tới đây. Hãy viết giấy nợ đi”.

Porpotuk trả lời chậm rãi: “Tôi không giao dịch chuyện tiền nong với thế giới bên kia”.

Klakee-Nah hỏi: “Thế bác không tin là sẽ gặp tôi trước Tổ Phụ sao? Chắc chắn là tôi sẽ có ở đấy mà”.

Porpotuk nhắc lại một cách chua chát: “Tôi không giao dịch gì với thế giới bên kia”.

Con người hấp hối nhìn ông, tỏ vẻ kinh ngạc thật sự.

Porpotuk giải thích: “Tôi không biết gì về thế giới bên kia! Tôi giao dịch làm ăn ở ngay thế giới này.”

Mắt Klakee-Nah sáng lên. Ông cười: “Sở dĩ bác có thái độ như vậy vì bác bị những đêm ngủ lạnh xúi giục”. Ông nghĩ ngợi một lúc rồi tiếp: “Phải thanh toán cho bác ở ngay thế gian này. Vậy tôi chỉ còn có cái nhà này. Bác hãy lấy căn nhà này và đốt các giấy nợ ở ngọn đèn cây kia”.

Porpotuk trả lời: “Căn nhà này cũ kỹ không xứng với món nợ đó”.

“Còn những mỏ của tôi ở Twisted Salmon”.

“Những mỏ đó không bỏ công khai thác”.

“Còn cổ phần của tôi trong chiếc tàu Koyukuk. Tôi là sở hữu chủ một phần nửa chiếc tàu đó”.

“Hiện tàu đó đã chìm sâu dưới đáy sông Yukon”.

Klakee-Nah sửng sốt: “Đúng rồi, tôi quên khuấy đi. Vào mùa xuân vừa rồi khi tuyết băng tan”. Ông suy nghĩ một lúc, trong lúc đó những ly rượu vẫn chưa ai cạn và mọi người có ý đợi chờ ông lên tiếng.

“Vậy ra tôi nợ bác một món tiền mà tôi không thể trả nổi...trên thế giới này?”

Porpotuk gật đầu và liếc nhìn xuống bàn.

Klakee-Nah nói bằng một giọng ranh mãnh: “Này Porpotuk, vậy thì dường như bác là một nhà doanh thương vụng tính”.

Porpotuk trả lời một cách mạnh bạo: “Không, vẫn còn một thứ bảo đảm nguyên vẹn”.

Klakee-Nah kêu lên: “Cái gì? Tôi còn tài sản nào khác chẳng? Hãy kể ra và tôi sẽ trả cho bác để trừ cho hết nợ”.

“Kia kìa!” Porpotuk chỉ El-Soo.

Klakee-Nah không hiểu. Ông nhìn chăm chú xuống cuối bàn, dụi mắt rồi lại chăm chú nhìn.

“El-Soo, con gái ông, tôi sẽ lấy nàng và nợ sẽ xí xóa. Tôi sẽ đốt hết giấy nợ ngay ở ngọn đèn này”.

Bộ ngực nở nang vạm vỡ rung lên, Klakee-Nah cười một cách chua chát: “Hô! Hô! Một chuyện khôi hài - Hô! Hô! Hô! với cái giường lạnh giá của ông và những cô con gái ông tuổi đáng bậc mẹ El-Soo! Ha! Ha! Ha!” Ông lại bắt đầu ho và nghẹn thở, và mấy tên nô lệ già lại vội đắp lưng cho ông. Ông lại cười: “Hô! Hô!” và phải ngừng vì cơn ho khác.

Porpotuk nhẫn nại đợi chờ, vừa nhấp ly rượu vừa quan sát những nét mặt ở hai bên bàn chạy suốt tới cuối phòng, lão nói: “Không phải chuyện khôi hài. Tôi nói thật đấy!”.

Klakee-Nah nghiêm nét mặt lại, nhìn Porpotuk, rồi vội lấy chiếc ly, nhưng ông không với tới. Một tên nô lệ đưa ly rượu cho ông, ông hất luôn cả ly rượu vào mặt Porpotuk.

“Tổng cổ nó ra” Klakee-Nah ra lệnh oang oang cho bọn người vây quanh bàn, nóng nảy chờ đợi như bày chó săn bị hãm: “Vui nó xuống tuyết”.

Khi đám người hung hăng kia đi ừa qua mặt ông và đã ra khỏi cửa, ông ra hiệu cho bốn tên nô lệ đi khắp khếnh đỡ ông đứng dậy để chào những tân khách đang trở lại. Ông đứng thẳng, chiếc ly trên tay mời họ xơi ly rượu mừng đêm ngắn ấy khi con người ta ngủ âm áp.

Việc thanh toán tài sản của Klakee-Nah không cần nhiều thời giờ. El-Soo cho mời Tommy, một người Anh đáng bé nhỏ, làm thư ký ở thương xã, tới để phụ giúp vào công việc này. Tài sản chỉ gồm toàn khoản tiền nợ, những văn tự nợ quá hạn chưa thanh toán, những tài sản đã cầm cố và những tài sản cầm cho người ta nhưng vô giá trị, văn tự và giấy cầm cố tài sản đó đều do Porpotuk nắm giữ. Khi tính toán tổng kết tiền lời, Tommy đã nhiều lần kêu Porpotuk là một tên ăn cướp.

El-Soo hỏi: “Đó có phải là một món nợ không Tommy?”

Tommy trả lời: “Đây là một sự bóc lột”

El-Soo nhấn mạnh: “dù sao nó cũng là một món nợ”.

Mùa đông trôi qua, mùa xuân lại về mà El-Soo vẫn không trang trải được món nợ của Porpotuk. Porpotuk đến gặp El-Soo luôn và dài giòng giải thích với nàng, như trước kia lão đã từng giải thích với thân phụ nàng, cách xóa công xóa nợ. Lão còn mang theo những thầy phù thủy già để dẫn giải cho nàng rõ là linh hồn cha nàng sẽ bị giam cầm vĩnh viễn nếu không thanh

toán món nợ đó. Một hôm, sau một cuộc dẫn giải như vậy, El-Soo nói dứt khoát quyết định của nàng cho Porpotuk hay.

Nàng nói: “tôi nói cho ông biết hai điều: thứ nhất tôi sẽ không bao giờ chịu làm vợ ông, ông nhớ kỹ điều ấy chứ? Thứ hai là tôi sẽ trả ông mười sáu ngàn Mỹ Kim không thiếu một xu nhỏ nào.”

Porpotuk sửa lại “mười lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy Mỹ Kim và bảy mươi lăm xu.”

Nàng đáp: “cha tôi bảo mười sáu ngàn. Tôi sẽ trả hết nợ ông.”

“Trả bằng cách nào?”

“Tôi không biết, nhưng tôi sẽ tìm ra cách trả. Bây giờ ông đi đi và đừng có quấy rầy tôi thêm nữa. Nếu ông còn quấy rầy,” - nàng ngập ngừng để nghĩ một cách trừng phạt thích đáng - “nếu ông còn quấy rầy, tôi sẽ sai người lại vùi ông xuống tuyết ngay khi có trận tuyết đầu tiên.”

Lúc ấy hãy còn vào đầu xuân, và sau đó ít lâu, El-Soo đã làm cả vùng ngạc nhiên. Tiếng đồn đại khắp vùng Yukon, từ Chilkoot tới Delta, từ trại này đến trại khác, tới những trại hẻo lánh nhất, rằng tới tháng Sáu khi con cá thu đầu tiên bơi ngược dòng để tìm nơi đẻ, thì El-Soo, con gái của Klakee-Nah, sẽ tự bán đấu giá mình để trả nợ Porpotuk. Bao nhiêu lời khuyên can nàng cũng đều vô ích. Vị giáo sĩ ở nhà thờ thánh George hết sức cản ngăn nàng, nhưng nàng trả lời:

“Chỉ có nợ của chúa mới trả ở thế giới bên kia. Còn nợ của thế nhân thì phải thanh toán ở ngay thế gian này”

Akoon cố van nài, nhưng nàng trả lời: “Anh Akoon, em yêu anh tha thiết, nhưng danh dự còn trọng hơn tình yêu, và em là hạng người gì nếu em để xấu mặt cha em?”

Dì phước Alberta từ tu viện Thánh Giá vội đáp chuyến tàu đầu tiên tới gặp El-Soo để cố tìm lời khuyên răn nhưng cũng không lay chuyển nổi nàng.

El-Soo nói: “Linh hồn cha con đang vất vưởng trong một khu rừng rậm vô tận. Người sẽ vợ vẫn mãi ở đó với các linh hồn lạc lõng, kêu khóc tới khi nào trả xong món nợ đó. Vậy chỉ khi nào thanh toán xong nợ, người mới lên tới được điện Tổ Phụ”.

Dì phước Alberta nhún vai một cách hoài nghi.

El-Soo tiếp: “Ai biết được những điều chúng ta tin tưởng lại sẽ không thành sự thực? Tại sao lại không? Đối với Dì, thế giới bên kia có thể là thiên đường và các thụ cảm...vì Dì tin tưởng vào thiên đường và thụ cảm; đối với cha con, thế giới bên kia có thể là một căn nhà nguy nga, nơi người sẽ mãi mãi ngồi dự tiệc với Thượng Đế”.

Bà phước Alberta hỏi: “Vậy đối với con, thế giới bên kia của con là gì?”

El-Soo ngập ngừng một lúc rồi nói: “con thích mỗi bên một chút. Con thích nhìn lại mặt Dì và cả mặt của Cha con nữa”.

Rồi ngày bán đầu giá tới. Người ta đổ xô đến trạm Tanana. Theo phong tục, các bộ lạc tập hợp nhau lại để đợi cá thu xuất hiện và, trong khi chờ đợi, họ nhảy múa, đùa giỡn, mua bán và nói chuyện vãn vơ. Lẫn lộn trong đám dân bộ lạc có loáng thoáng đôi ba kẻ giang hồ, thương nhân và những người da trắng tìm mỏ. Ngoài ra, còn có một số đông người da trắng khác cũng kéo nhau tới vì tò mò hoặc vì quan tâm tới cuộc đấu giá đó.

Mùa xuân năm ấy thời tiết không thuận lợi và cá thu đẻ muộn. Sự chậm trễ này càng làm tăng hứng thú. Rồi vào ngày đấu giá tình hình trở nên căng thẳng vì Akoon. Chàng đứng lên long trọng loan báo với mọi người rằng bất kì ai mua El-Soo, sẽ bị giết tức khắc. Chàng múa cây súng Winchester trên tay, để ám chỉ cách hành động của chàng. El-Soo rất bất mãn về thái độ của chàng, nhưng chàng không chịu nói tới nàng mà lại tới thương xã đặt mua thêm đạn.

Vào lúc 10 giờ tối, người ta bắt được một con cá thu đầu tiên, và đến nửa đêm thì cuộc bán đầu giá bắt đầu trên một bờ đất cao cạnh sông Yukon. Mặt trời sắp hiện lên phía bắc ngay dưới chân trời và màn trời đỏ rực. Một đám đông bao quanh chiếc bàn và hai chiếc ghế đặt ở mé sông. Ở hàng đầu người ta thấy rất nhiều người da trắng và các tù trưởng. Nhưng đứng sừng sững ở hàng đầu là Akoon, khẩu súng lăm lăm trong tay. Theo lời yêu cầu của El-Soo, Tommy đứng chủ tọa cuộc bán đầu giá, nhưng chính nàng tuyên bố khai mạc và giới thiệu luôn món hàng được đem ra bán. Nàng vận y phục bản xứ, cách trang phục của một ái nữ một vị tù trưởng, trông rực rỡ và man dại. Nàng đứng trên một chiếc ghế để mọi người có thể nhìn thấy nàng dễ hơn.

Nàng hỏi: “ai muốn mua một người vợ? Hãy nhìn tôi. Năm nay tôi hai mươi tuổi, là gái tân. Tôi sẽ là một vợ hiền của người nào mua tôi. Nếu người đó là da trắng, tôi sẽ phục sức theo lối phụ nữ da trắng, nếu người đó là dân Da đỏ, tôi sẽ phục sức như - nàng ngập ngừng một lát - một hiền thê da đỏ. Tôi biết may y phục lấy, khâu vá và giặt giũ. Tôi đã được chỉ dạy làm những việc này trong tám năm trời tại tu viện Thánh Giá. Tôi biết đọc và viết tiếng Anh, và tôi biết sử dụng phong cầm. Tôi cũng biết số học và một ít đại số học. Tôi sẽ bán mình cho người nào trả giá cao nhất, và tôi sẽ tự tay ký giấy bán với người ấy. Tôi còn quên chưa kể hết là tôi hát rất hay và tôi chưa từng ốm đau bao giờ. Tôi cân nặng một trăm ba mươi hai bảng anh (56 ký), cha tôi đã qua đời và tôi không còn ai là thân thích cả. Ai muốn mua tôi?”

Nàng nhìn đám đông một lượt với vẻ hết sức bạo dạn rồi bước xuống ghế. Theo lời yêu cầu của Tommy, nàng lại bước lên ghế, trong khi hẳn cũng trèo lên một chiếc ghế thứ hai và khởi sự cuộc đấu giá.

Đứng chung quanh El-Soo là bốn tên nô lệ già của thân phụ nàng. Họ già nua tuổi tác và hầu như không còn sinh lực gì nữa, chỉ biết trung thành với sinh kế, họ thuộc một thế hệ đã và đang chứng kiến một cách bình thản những trò lố lăng của cuộc sống trẻ trung. Ở hàng đầu đám đông có vài vị tiểu vương Eldorado và Bonanza từ miền thượng lưu sông YuKon tới, và bên cạnh các nhân vật này là hai tay đi tìm mỏ đã thất bại, bị bệnh hoại huyết phải chống nạng. Giữa đám đông, một khuôn mặt thiếu phụ Da đỏ có đôi mắt man rợ đã nổi bật lên vì vẻ linh hoạt của nó, đó là người đàn bà từ một vùng xa xôi hẻo lánh thuộc miền thượng Tanana tới; rồi lại có một người Sitkan lạc lõng từ miền duyên hải đứng cạnh một người Stick ở vùng Hồ Le Barge, và xa hơn nữa là sáu du khách Gia nã đại thuộc khu ảnh hưởng Pháp đứng tụ một chỗ với nhau. Từ đàn gà vang lại những tiếng kêu yếu đuối của từng đàn chim rừng tìm nơi làm tổ. Những con nhạn từ mặt nước phẳng lặng của giòng Yukon bay lướt trên đầu và chim chào mào cất tiếng hót. Ánh nắng chênh chếch của mặt trời đang ẩn sau chân trời rơi qua làn khói từ những đám lửa rừng cách xa hàng ngàn dặm bốc lên và tản mát trên cao, làm cho nền trời biến thành màu đỏ xẫm trong khi mặt đất đỏ

rực ánh sáng phản chiếu. Ánh lửa rọi sáng trên mọi khuôn mặt, khiến cho mọi vật có vẻ quái đản và hư ảo.

Cuộc đấu giá khởi sự một cách chậm chạp. Người Sitkan xa lạ đối với vùng này, vừa mới tới đây được nửa giờ, đặt giá một trăm mỹ kim, giọng nói đầy tin tưởng. Hắn tỏ vẻ ngạc nhiên khi Akoon hướng cây súng về phía hắn một cách đe dọa. Cuộc đấu giá có vẻ rời rạc. Một người da đỏ thuộc vùng Tozikakat, cũng là một hoa tiêu, trả giá một trăm năm mươi, và sau đó một lúc, một tay bạc bịp đã từng bị trục xuất khỏi miền thượng, nâng giá lên hai trăm. El-Soo lộ vẻ bi quan, lòng tự ái của nàng bị tổn thương, nhưng hiệu quả duy nhất là nàng lại càng nhìn đám đông với một vẻ thách đố bạo dạn hơn.

Đám đông người đứng nhìn xôn xao khi Porpotuk rẽ lối tiến lên hàng đầu. Lão cao giọng trả giá: “Năm trăm Mỹ kim.” Rồi nhìn những người chung quanh một cách kiêu hãnh để nhận định phản ứng.

Lão ta cậy ở sản nghiệp to tát của mình như một thứ khí giới có tác dụng làm nản chí mọi sự cạnh tranh ngay từ đầu. Nhưng một trong những du khách, nhìn El-Soo với cặp mắt long lanh, đã nâng giá lên thêm một trăm.

Porpotuk trả tiếp ngay: “bảy trăm”

Du khách kia không kém, cũng trả tiếp tức thì “tám trăm”

Lúc đó Porpotuk lại sử dụng vũ khí của lão. Lão trả giá vọt ngay một lúc: “ngàn hai”.

Du khách kia nhìn lão một cách hoàn toàn thất vọng và chịu thua. Không có tiếng nào trả thêm nữa. Tommy cố công khích lệ mọi người, song cũng không thể tìm thấy ai trả giá hơn.

El-Soo nói với Porpotuk: “Porpotuk, tốt hơn ông nên cân nhắc việc trả giá của ông. Ông đã quên điều tôi từng nói với ông, rằng không bao giờ tôi lấy ông hay sao?”

Lão gắt lại: “đây là một cuộc bán đấu giá công cộng. Tôi sẽ mua cô bằng một văn tự đoạn mãi. Tôi đã trả cô ngàn hai mỹ kim, rẻ thật.”

Tommy kêu lên: “rẻ quá! Tôi là người đứng bán đấu giá, nhưng mặc kệ, không phải vì thế mà tôi không được trả giá. Tôi trả: “ngàn ba”

Porpotuk trả “ngàn tư”

Tommy nói thầm với El-Soo: “tôi sẽ mua cô để làm - làm em gái tôi.”
Rồi hắn lớn giọng: “ngàn rưỡi”

Tới giá hai ngàn, một trong số các vị tiểu vương Eldorado nhảy vào vòng và Tommy rút lui.

Lần thứ ba, Porpotuk lại dùng khí giới của lão, lão nâng cao giá lên thêm năm trăm mỹ kim ngay một tiếng. Nhưng lòng tự ái của vị tiểu vương Eldorado bị xúc phạm. Không ai có thể khuynh loát được ông. Và ông lại trả thêm tiếng nữa năm trăm mỹ kim.

El-Soo được đặt giá ba ngàn. Porpotuk nâng lên ba ngàn rưỡi, và giật mình khi thấy tiểu vương Eldorado trả thêm một ngàn mỹ kim. Porpotuk lại tăng thêm năm trăm và lại sững sốt khi vị tiểu vương nâng thêm một ngàn nữa.

Porpotuk phát cáu. Lòng tự ái của lão bị tổn thương. Lực lượng của lão bị thử thách, đối với lão, lực lượng đó thể hiện dưới hình thức tiền của. Lão sẽ không để bị xấu hổ vì thua kém trước mọi người. El-Soo trở thành một việc phụ. Những tiền tiết kiệm và chất bóp trong những đêm lạnh lẽo suốt đời lão sẵn sàng được vung qua cửa sổ. El-Soo được đặt giá sáu ngàn. Lão nâng giá ấy lên bảy ngàn. Và từ đấy, mỗi tiếng trả tăng lên hàng ngàn. Liên tiếp, hai bên thi đua nhau trả, nên giá El-Soo tăng lên vòn vọt. Tới giá mười bốn ngàn thì hai người ngừng lại để thở.

Một sự bất ngờ đã xảy ra. Một thủ đoạn cao cường hơn nữa đã được mang ra áp dụng. Trong lúc cuộc trả giá tạm ngưng, tay cò bạc đã cảm thấy có cơ kiếm chác vội thành lập một nhóm gồm nhiều bạn hữu của hắn để trả giá mười sáu ngàn mỹ kim

Porpotuk nói một cách yếu ớt: “mười bảy ngàn”

Vị tiểu vương nói: “mười tám ngàn”

Porpotuk vận dụng hết sức lực: “hai mươi ngàn”

Nhóm kia phải bỏ cuộc. Tiểu vương Eldorado lại tăng thêm một ngàn và đến lượt Porpotuk lại tố lên, và trong khi hai người mải mê trả giá thì Akoon hết quay về phía người này lại quay sang phía người kia, nửa như đe dọa, nửa như vì tò mò để xem kẻ mà anh sẽ phải giết chết thuộc loại người nào. Khi vị tiểu vương sắp sửa trả thêm một tiếng nữa, Akoon tiến sát tới gần hơn. Vị tiểu vương rút khẩu súng lục ra khỏi hông và nói:

“ Hai mươi ba ngàn.”

Porpotuk nói: “hai mươi bốn ngàn.” Lão cười hần học và tin tưởng rằng tiếng trả ấy hẳn làm cho vị tiểu vương phải bỏ cuộc. Nhưng vị tiểu vương tới gần El-Soo hơn. Ông quan sát nàng kỹ lưỡng trong một lúc.

Ông nói: “thêm năm trăm”

Rồi Porpotuk tổ lên: “hai mươi lăm ngàn”

Vị tiểu vương trở mắt nhìn một lúc và lắc đầu. Ông lại nhìn và nói một cách miễn cưỡng: “thêm năm trăm nữa”

Porpotuk đáp cộc lốc: “hai mươi sáu ngàn”

Vị tiểu vương lắc đầu và từ chối con mắt mời mọc của Tommy. Trong khi đó Akoon đã tới gần Porpotuk. El-Soo nhìn thấy ngay và giữa lúc Tommy khấn khoản mời tiểu vương Eldorado trả thêm một tiếng nữa thì nàng cúi xuống khẽ nói vào tai một tên nô lệ. Trong lúc tiếng Tommy vang lên: “trả thêm....xin trả thêm...trả thêm” thì tên nô lệ ra chỗ Akoon khẽ thì thầm vào tai chàng. Akoon không biểu lộ dấu hiệu nào chứng tỏ hắn đã nghe ra, mặc dầu El-Soo nhìn hắn một cách bắn khoăn chờ đợi.

Tiếng Tommy vang lên: “ngã giá! Porpotuk mua được với giá hai mươi sáu ngàn.”

Porpotuk liếc nhìn Akoon như e ngại. Mọi con mắt đều đổ dồn vào Akoon, nhưng chàng không nhúc nhích.

El-Soo nói: “hãy mang bàn cân tới.”

Porpotuk nói: “tôi sẽ thanh toán tại nhà riêng”

El-Soo nhắc lại: “hãy mang bàn cân tới! Việc thanh toán phải được thực hiện ngay tại đây để mọi người có thể chứng kiến.”

Rồi cái cân vàng được mang từ thương xã tới trong khi Porpotuk đi rồi trở lại, dẫn theo một người vác trên vai những cái bị da thú đựng đầy vàng cát. Đi đằng sau Porpotuk còn một người đàn ông khác, mang một cây súng chỉ chuyên theo dõi Akoon.

Porpotuk: “đây là những văn tự nợ và giấy cầm cố gia sản trị giá mười lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy mỹ kim bảy mươi lăm xu.”

El-Soo cầm lấy những giấy ấy và bảo Tommy, “hãy tính tròn mười sáu ngàn.”

Tommy nói: “vậy còn mười ngàn mỹ kim phải trả bằng vàng.”

Porpotuk gạt đầu và mở các túi da ra. El-Soo đứng ở mé bờ sông xé vụn các giấy nợ và ném tung trên giòng sông Yukon. Công việc cân vàng đã tiến hành nhưng bỗng ngưng lại.

Porpotuk nói với Tommy khi anh này điều chỉnh cân “dĩ nhiên giá vàng là mười bảy mỹ kim.”

El-Soo nói một cách cương quyết. “giá mười sáu mỹ kim”

Porpotuk trả lời. “thông lệ ở khắp mọi nơi đều tính vàng giá mười bảy mỹ kim một lượng. Đây là một cuộc mậu dịch”

El-Soo cười. Nàng nói “đây là một lệ mới. Nó mới có từ mùa xuân năm nay. Năm ngoái và những năm trước nữa giá vàng là mười sáu mỹ kim một lượng. Khi cha tôi vay nợ thì giá là mười sáu Mỹ kim. Khi người đem tiêu tại tiệm buôn số tiền mà người vay được thì cứ mỗi lượng chỉ được tính có mười sáu mỹ kim bột mì, chứ không phải mười bảy. Vì vậy, ông phải trả tôi mười sáu, chứ không phải mười bảy.”

Porpotuk cắn nhẩn và để cho công việc cân vàng tiến hành.

El-Soo nói “Tommy, anh hãy cân thành ba đồng, một ngàn Mỹ kim ở đây, ba ngàn ở đây và ở đây sáu ngàn”

Công việc cân vàng mất thì giờ và trong khi đó Akoon được mọi người hết sức theo dõi.

Một người nói: “hắn chỉ chờ đợi đến khi tiền nong được trả xong xuôi.” Người của Porpotuk lăm lăm khẩu súng cũng đợi chờ theo dõi Akoon.

Công việc cân lường đã hoàn tất, và vàng được đặt thành ba đồng vàng xấp trên bàn. El-Soo nói: “đây là số nợ cha tôi nợ thương hội, ba ngàn mỹ kim. Tommy hãy nhận nó cho công ty. Và đây là phần bốn người nô lệ già. Tommy, anh biết họ cả. Đây, một ngàn mỹ kim, anh cầm lấy. Hãy săn sóc mấy người già lão này, đừng để họ phải đói ăn hay thiếu thuốc lá hút”.

Tommy gạt số vàng vào mấy cái túi riêng biệt. Còn lại trên bàn sáu ngàn mỹ kim, El-Soo thọc cái muôi múc vào đồng vàng và khuấy mạnh một cái, nàng hất tung số vàng đó xuống sông Yukon như một đám mưa vàng vậy. Porpotuk nắm lấy cổ tay nàng khi nàng múc vàng lần thứ nhì

Nàng nói một cách bình thản, “vàng này là của tôi”. Porpotuk buông tay ra nhưng ông nghiêng răng và cắn nhẩn tiếc rẻ, nhìn nàng tiếp tục xúc vàng đổ hết xuống sông.

Đám đông chỉ chăm chăm nhìn về phía Akoon và tên tay sai của Porpotuk lăm lăm cây súng trên tay, miệng súng cứ chĩa mãi về phía Akoon cách đó chừng một thước, ngón tay cái của người đó đặt sẵn nơi cò súng. Nhưng Akoon không hành động gì.

Porpotuk nói một cách nghiêm trọng: “hãy viết văn tự bán đi.”

Tommy thảo văn tự đoạn mãi, trong đó mọi quyền lợi về cá nhân El-Soo đều được giao cho Porpotuk. El-Soo ký vào văn tự đó, và Porpotuk gấp tờ giấy rồi cất vào túi áo. Bỗng nhiên mắt lão sáng lên và bất chợt ngỏ lời với El-Soo.

Lão nói: “đây không phải việc thanh toán món nợ của cha cô. Tiền tôi bỏ ra đó là để mua cô. Việc cô bán thân là chuyện ngày hôm nay chứ không phải việc năm ngoái và những năm về trước nữa. Những lượng vàng trả cho cô sẽ mua ở thương xã với giá mười bảy mỹ kim chứ không phải mười sáu. Tôi đã thiệt mỗi lượng một mỹ kim. Tôi đã mất tất cả sáu trăm hai mươi lăm mỹ kim.”

El-Soo nghĩ ngợi một lúc, và thấy rằng mình lầm. Nàng mỉm cười rồi cười lên tiếng.

Nàng nói: “ông có lý, tôi đã lầm. Nhưng bây giờ quá muộn rồi. Ông đã trả tôi và vàng đã được phân tán đi cả. Porpotuk, ông chậm nghĩ thì ông thiệt. Ít lâu nay ông chậm chạp trong việc tính toán. Ông đã già rồi”

Porpotuk không trả lời. Lão liếc mắt nhìn Akoon một cách e ngại nhưng lại vững lòng. Lão mím môi lại và vẻ hung dữ thoáng hiện trên nét mặt lão. Lão nói, “đi, chúng ta về nhà.”

Không nhúc nhích, El-Soo hỏi “ông có nhờ hai điều tôi đã nói với ông hồi xuân không?”:

Porpotuk trả lời: “nếu tôi lưu ý tới những điều đàn bà đã nói với tôi, thì đầu tôi không còn chứa cái gì khác nữa”

El-Soo đồng dạc tiếp lời: “tôi đã nói với ông là nợ ông tôi sẽ trả, và tôi cũng nói là tôi sẽ không bao giờ làm vợ ông”

Porpotuk dùng cái ngón tay làm sột soạt tờ giấy văn tự nằm trong túi áo và nói: “nhưng đó là chuyện xảy ra trước khi có văn tự này. Nay tôi đã mua được cô trước mặt mọi người. Bây giờ cô thuộc về tôi. Cô không thể chối cãi rằng cô thuộc về tôi “

El-Soo nói một cách mạnh dạn: “tôi thuộc về ông.”

“ Tôi là chủ cô”

“ Ông là chủ tôi”

Tiếng nói của Porpotuk hơi cao lên và nhuốm vẻ đắc thắng: “tôi là chủ cô như là chủ một con chó”

El-Soo nói tiếp một cách bình tĩnh: “ông làm chủ tôi như làm chủ một con chó. Nhưng ông quên điều tôi đã nói với ông. Bất cứ một người nào khác mua tôi, tôi sẽ là vợ người đó. Tôi sẽ là vợ hiền của người đó. Đó là ý muốn của tôi. Nhưng đối với ông, ý muốn của tôi là không bao giờ làm vợ ông. Vì thế, bây giờ tôi nhận làm con chó của ông”

Porpotuk biết rằng mình đã chơi với lửa và lão tỏ vẻ cương quyết. Lão nói “vậy tôi nói với cô, không như nói với El-Soo, mà như với một con chó, và tôi bảo cô đi với tôi”. Lão toan nắm lấy tay nàng, nhưng nàng ngăn lão lại.

“Đừng vội thế, Porpotuk. Ông mua một con chó, nếu nó chạy mất thì ông thiệt. Tôi là con chó của ông, nếu tôi chạy mất thì sao?”

“ Với tư cách là sở hữu.chủ của con chó, tôi sẽ đánh cô.”

“ Khi ông bắt được tôi phải không”

“ Khi ta bắt được mi”

“ Vậy bắt tôi đi”

Lão tiến lẹ đến chỗ nàng, nhưng nàng lẩn được. Nàng cười vang khi chạy quanh cái bàn. “Bắt lấy nó”. Porpotuk ra lệnh cho tên da đỏ cầm súng đứng cạnh nàng. Nhưng khi tên da đỏ vừa thò cánh tay ra định bắt nàng thì tiểu vương Eldorado đã đâm ngã nó bằng một trái dăm dưới mang tai. Khẩu súng của nó văng mạnh xuống đất. Đây là cơ hội Akoon có thể ra tay. Mắt chàng sáng lên, nhưng chàng không hành động gì.

Porpotuk đã có tuổi nhưng những đêm lạnh lùng đã giữ cho lão sức hoạt động. Lão không chạy quanh bàn mà bất chợt nhảy ngang qua bàn. Không kịp đề phòng, El-Soo vội nhảy lùi lại và sợ hãi kêu thét lên. Đáng lẽ Porpotuk đã bắt được nàng nếu không có Tmmy. Anh này ngáng chân ra khiến Porpotuk vấp ngã bổ xoài ra đất và nhờ thế El-Soo chạy thoát được.

Vừa chạy thoát, nàng vừa cười nói: “bắt ta xem nào”

Nàng chạy một cách nhẹ nhàng và dễ dàng, còn Porpotuk chạy nhanh và hung hăng. Lão chạy nhanh hơn nàng. Thuở thiếu thời, trong số những thanh niên, lão là người lanh lẹ nhất. Nhưng El-Soo chạy quanh co và tránh né dẻo dăng như một cây liễu. Vì mặc quốc phục nên chân nàng không bị lúng túng vì váy và thân hình mềm mại của nàng có thể tránh dễ dàng được bàn tay của Porpotuk.

Đám đông cười nói ồn ào rồi tản ra để xem cuộc rượt bắt. Cuộc rượt bắt xuyên qua khu cắm trại của dân da đỏ, và khi lẩn tránh, khi chạy vòng quanh và chạy ngược chạy xuôi. El-Soo và Porpotuk lúc ẩn lúc hiện giữa những chiếc lều. Dường như El-Soo lượn và giữ thăng bằng trong không khí với hai cánh tay, lúc né sang bên này lúc tránh sang bên kia, và đôi khi cả thân hình nàng nữa, nghiêng hẳn sang một bên mỗi khi chạy quanh một khúc quanh thật gắt. Còn Porpotuk lúc nào cũng cách nàng một quãng ngắn ở phía sau, hoặc qua bên này, hoặc qua bên kia; lão như một con chó săn ốm đuổi theo sát nàng.

Hai người chạy ngang qua khu đất trống, đằng sau chỗ cắm trại, và khuất dạng trong rừng. Cả dân vùng Trạm Tanana đợi chờ họ xuất hiện nhưng càng đợi càng bất tin.

Trong khi đó, Akoon ăn, ngủ và đi vờ vẫn hoài tại bến tàu, bỏ ngoài tai những lời trách móc của dân chúng tại Trạm Tanana về việc chàng không chịu hành động gì. Hai mươi bốn giờ sau, Porpotuk trở lại. Lão mệt lử và căm tức. Lão chẳng nói với ai ngoài Akoon và tìm cách sinh sự với hắn. Nhưng Akoon nhún vai và bỏ đi. Porpotuk không bỏ phí thời giờ, lão lựa chọn sáu thanh niên điều luyện trong nghề săn và đi rừng, trang bị cho họ và chỉ huy họ xuyên rừng tìm kiếm El-Soo.

Ngày hôm sau, tàu Seattle rời bến về ngược dòng sông. Khi thùng được buông ra và tàu bắt đầu chuyển dịch thì Akoon đang ở trong phòng hoa tiêu. Chỉ vài giờ sau đó, khi đến lượt cầm lái, chàng trông thấy một chiếc xuồng gỗ rời khỏi bờ và chỉ có một người trên đó. Chàng quan sát kỹ lưỡng, bẻ bánh lái sang một bên và cho tàu chậm lại.

Vị thuyền trưởng vào phòng hoa tiêu.

Ông hỏi “cái gì vậy? Nước chảy tốt mà?”

Akoon trả lời làm bầm trong họng. Chàng trông thấy một chiếc xuồng nữa, lớn hơn, rồi bờ và ở trên có một số người. Trong khi tàu Seattle chậm lại, chàng bẻ bánh lái thêm nữa.

Vị thuyền trưởng nổi xung. Ông gất lên: “chỉ có một cô gái da đỏ, cái gì đâu?”

Akoon không đáp lại. Chàng nhìn đăm đăm về phía người con gái da đỏ và chiếc xuồng đuổi theo sau. Trên xuồng đó, sáu mái chèo bơi loang loáng, trong khi người thiếu nữ da đỏ chèo chậm chạp.

Vị thuyền trưởng dang lấy bánh tay lái và gất: “anh làm tàu mắc cạn bây giờ.”

Nhưng Akoon giữ chặt lấy bánh tay lái và trừng mắt nhìn ông ta. Vị thuyền trưởng chậm chậm buông tay khỏi bánh lái.

Ông lầm bầm một mình: “đồ ăn mày quái dị”

Akoon để tàu Seattle nằm ở gần chỗ nước cạn và chờ đợi tới khi thấy thiếu nữ da đỏ bám tay vào được lan can ở phía trước mũi tàu. Sau đó, hắn ra lệnh mở hết tốc lực và quay bánh lái lại. Chiếc xuồng lớn tới rất gần, nhưng khoảng giữa nó và chiếc tàu xa dần mãi ra.

Thiếu nữ da đỏ cười và ngả người ra ngoài lan can nói lớn: “Porpotuk! Nào, bắt ta đi.”

Akoon rời chiếc tàu đó ở tỉnh Fort Yakon. Hắn trang bị một chiếc thuyền nan nhỏ và đi ngược dòng sông Porcupine. El-Soo cùng đi với hắn. Đó là một cuộc hành trình mệt nhọc, phải vượt qua núi đèo hiểm trở nhất, nhưng Akoon đã từng qua nơi này trước đây. Khi đến chỗ nước chảy rất ngược của con sông đó, hai người bỏ thuyền và đi bộ để vượt qua dãy Thạch Sơn.

Akoon hết sức thích thú được đi sau El-Soo ngắm dáng điệu của nàng. Chàng cảm thấy như có một thứ âm điệu trong đó mà chàng ưa thích. Chàng đặt biệt yêu đôi bắp chân tròn trĩnh của nàng trong những cái bao bằng da thuộc mềm, đôi cổ chân thanh thanh và đôi bàn chân xinh xinh trong những chiếc giày da nai nhỏ nhắn, đi thoăn thoắt không biết mệt sau bao nhiêu ngày dài.

Nhìn nàng, hắn nói: “Em nhẹ như không khí, em đi không biết mệt. Em đi như lướt, chân bước lên bước xuống thoăn thoắt. Em giống như một con

hoẵng, El-Soo, em giống như một con hoẵng và mắt em giống như mắt con hoẵng một đôi lúc khi em nhìn anh, hoặc khi em nghe thấy một tiếng động thoảng qua và em tự hỏi phải chăng có gì nguy hiểm sắp xảy ra. Và ngay lúc này em đang nhìn anh. Cặp mắt em giống như đôi mắt của con hoẵng”

El-Soo hân hoan và cảm động, nàng cúi xuống và hôn Akoon.

Sau đó, Akoon nói “khi tới Mackenzie, chúng ta không nên chần chừ. Chúng ta phải đi về miền nam trước khi mùa Đông tới. Chúng ta sẽ tới miền nắng ấm, nơi không có băng tuyết. Nhưng chúng ta sẽ trở về. Anh đã đi nhiều nơi rồi và không có nơi nào giống như Alaska, không có nơi nào mặt trời giống như mặt trời của chúng ta, và sau một mùa hạ dài, tuyết rơi xuống cũng thích thú”

El-Soo nói: “thế anh sẽ học đọc nhé”

Akoon đáp: “chắc chắn thế nào anh cũng học”

Nhưng khi tới Mackenzie, họ đã phải ngừng lại không đi ngay được. Tại đây họ nhập với một đoàn người da đỏ Mackenzie và cùng đi săn, chẳng may Akoon lại bị lạc đạn. Khẩu súng đó do một thanh niên sử dụng. Viên đạn làm gãy cánh tay phải của Akoon, còn theo đà đi xa hơn, làm gãy hai khúc xương sườn của chàng. Akoon biết cách giải phẫu qua loa, El-Soo lại đã học được thêm một vài cách săn sóc bệnh nhân trước kia ở Tu viện Thánh Giá. Những xương gãy rồi sau cũng lành. Và cần đặt chàng nằm cạnh lửa để nhờ khói đuổi muỗi bớt đi.

Khi đó, Porpotuk cùng sáu thanh niên bộ hạ tới. Akoon than vãn vì cảnh thế cô của mình và kêu gọi sự giúp đỡ của dân da đỏ Mackenzie. Nhưng trước lời yêu cầu của Porpotuk, dân Mackenzie lâm vào tình trạng khó xử. Porpotuk muốn bắt El-Soo, nhưng họ không chấp thuận điều này, Họ phải phán xử. Vì đây là một vấn đề liên quan đến nam nữ, nên hội đồng các bô lão được triệu tập - cuộc phân xử về vấn đề này không thể giao cho những người trẻ tuổi, tính tình còn nông nổi.

Các vị bô lão ngồi thành vòng tròn quanh một đồng lửa khói bay mù mịt. Khuôn mặt gầy guộc, nhăn nheo, họ thở hỏn hển. Khói làm cho họ khó chịu. Thỉnh thoảng, họ giơ những bàn tay khô héo đập những con muỗi coi thường cả khói. Sau mỗi lần như vậy, họ ho rũ rượi. Có người khạc ra máu, và một trong số những vị này ngồi riêng ra một chút, đầu cúi về phía trước,

máu rỉ ra ở miệng, và cơn ho hành hạ họ. Họ như những người có xác không hồn, cuộc sống của họ chẳng còn bao lâu. Đây thật là cuộc phân xử của người chết

Porpotuk kết luận sự khiêu nại của lão:”và tôi đã trả một giá hết sức cao vì nàng. Một giá mà các ông chưa bao giờ biết đến. Dem bán hết tất cả gia tư của các ông - bán giáo mác, cung tên và súng ống; bán da và lông thú; bán cả lều, thuyền và chó; bán la bán liệt mọi thứ chưa để các ông đã có nổi một ngàn mỹ kim. Ấy thế mà tôi đã trả giá người thiếu nữ, El-Soo, hai mươi sáu lần giá các giáo mác, cung tên, súng ống, cùng da và lông thú, lều, thuyền và chó của các ông. Quả đó là một giá vượt mức”

Các vị bô lão gật đầu một cách nghiêm nghị, mặc dầu những con mắt nhăn nheo của họ mở to ra vì ngạc nhiên, tại sao một người đàn bà lại có thể lên tới giá đó. Vị miệng rỉ máu, lau môi, và hỏi sáu thanh niên bộ hạ của Porpotuk: “việc này có thật không?” Mỗi người được hỏi đều trả lời việc đó có thực.

Vị đó hỏi El-Soo “chuyện đó có thực không?” và nàng trả lời “điều đó có thực”.

Akoon nói “nhưng Porpotuk lại không nói rằng ông ta là một người đã già rồi và các con gái ông còn lớn tuổi hơn El-Soo”

El-Soo nói “thật vậy, Porpotuk là một người đã có tuổi”

Vị bô lão miệng rỉ máu nói “việc lượng tuổi tác là việc riêng của Porpotuk. Chúng ta đều là cảnh già cả. Những người già không suy lão như thanh niên thường nghĩ.”

Tất cả các vị bô lão ngồi thành vòng nghiêng lợi kêu chóp chép, gật đầu chấp thuận và ho lên khù khụ.

El-Soo nói “tôi đã nói với ông ấy là không bao giờ tôi chịu làm vợ ông ta”

Vị bô lão chợt mắt hỏi “thế sao cô lấy của ông ta hai mươi sáu lần cơ nghiệp của chúng tôi?”

El-Soo không trả lời.

Và cặp mắt độc nhất của vị đó long lên sòng sọc và nhìn xói vào nàng như một chiếc khoan nóng bỏng, vị ấy hỏi “có thật vậy không?”

Nàng nói “đúng như vậy”

Một lát sau, nàng bỗng nói một cách hăng hái, “nhưng tôi sẽ lại bỏ đi, tôi sẽ bỏ đi mãi mãi”

Một vị bô lão khác nói: “việc ấy Porpotuk sẽ lo liệu. Còn công việc của chúng tôi là phân xử vụ này”

Người ta quay sang hỏi Akoon, “anh đã trả giá cho cô ta bao nhiêu?”

Hắn trả lời: “tôi không trả giá nào cho nàng cả. Nàng vô giá. Tôi không đánh giá nàng bằng tiền, bằng chó, hoặc bằng lều lông thú”

Các vị bô lão thảo luận riêng với nhau và nói lầm rầm. Akoon nói bằng tiếng Anh “những ông già này không có tình cảm. Tôi sẽ không tuân theo phán quyết của họ. Porpotuk, nếu ông bắt El-Soo, chắc chắn tôi sẽ giết ông”

Các vị bô lão ngưng thảo luận, và nhìn chàng một cách ngờ vực. Một vị hỏi: “chúng tôi không hiểu anh nói gì?”

Porpotuk vội giải thích: “hắn nói hắn sẽ giết tôi. Vậy tốt hơn hết là tước súng của hắn và đặt một vài thanh niên ngồi cạnh canh chừng hắn để hắn không làm hại được tôi. Hắn là một thanh niên, và thanh niên dù có bị gãy xương thì có thấm gì!”

Akoon nắm đó vô phương kháng cự; súng, dao, đều bị tước hết, và ở mỗi bên vai đều có các thanh niên thuộc bộ lạc Mackenzie ngồi canh chừng. Vị bô lão chợt mắt đứng thẳng người lên rồi cất tiếng “chúng tôi lấy làm ngạc nhiên về giá tiền bỏ ra để mua có mỗi một thiếu nữ, nhưng giá ấy hớ hay hời không phải là việc chúng tôi. Chúng tôi tới đây để phân xử, và chúng tôi sẽ phân xử. Chúng tôi không có điều gì nghi ngờ cả. Mọi người đều thuận rằng Porpotuk đã trả thiếu nữ El-Soo một giá hết sức đắt. Vì lẽ đó, El-Soo là vật sở hữu của Porpotuk chứ không thể thuộc về bất cứ ai khác” Vị đó ngồi xuống một cách khó nhọc rồi lại ho. Các vị bô lão đều gật đầu chấp thuận và lại ho.

Akoon hét lên bằng tiếng Anh “tôi sẽ giết ông”

Porpotuk mỉm cười rồi đứng dậy. Lão ngỏ lời với hội đồng, “các vị đã phán xử một cách công minh và các thanh niên của tôi sẽ biểu các vị một số thuốc hút. Bây giờ hãy để người ta dẫn người đàn bà đến cho tôi”

Porpotuk bảo El-Soo: “ngồi đây, ở dưới chân tôi, để tôi nói hết lời”. Lão nói “thật vậy, tôi là một ông già. Ấy thế mà tôi có thể biết được nếp sống của thanh niên. Lửa yêu đương vẫn chưa tắt hẳn trong lòng tôi. Nhưng

tôi không còn trẻ trung nữa và tôi cũng không nghĩ tới việc bắt đôi chân già này của tôi phải chạy không ngừng trong suốt những năm còn lại của đời tôi. El-Soo có thể chạy nhanh và chạy giỏi. Nàng là một con hoẵng. Tôi biết như vậy vì tôi đã nhìn và chạy theo nàng. Một người vợ mà chạy nhanh như thế thì không tốt. Tôi đã trả nàng một giá đắt thế mà nàng bỏ tôi chạy đi. Akoon không trả một xu nhỏ nào, thế mà nàng lại chạy theo hắn.

“ Khi tôi tới đây gặp các vị trong bộ lạc ở Mackenzie này, tôi chỉ có một ý định. Khi hội đồng họp, tôi nghe và nghĩ tới đôi chân nhanh nhẹn của El-Soo, tôi sinh ra hoang mang. Bây giờ tôi lại chỉ có một ý định khác với cái mà tôi giải bày với hội đồng lúc đầu. Tôi xin kể ý định ấy với các vị. Khi một con chó đã bỏ trốn khỏi chủ nó một lần, tất nhiên nó sẽ còn trốn nữa. Dẫu có hoài công tìm kiếm nó bao lần đi nữa thì rồi nó cũng sẽ bỏ trốn đi. El-Soo chẳng khác nào một con chó hay bỏ chạy: tôi sẽ bán nàng. Liệu có ai trong hội đồng muốn mua nàng không?”

Các vị bô lão lại ho và im lặng.

Porpotuk nói tiếp: “Akoon muốn mua, nhưng hắn không có tiền, vì thế tôi sẽ cho không hắn El-Soo, như lời hắn nói, không cần trả giá nào cả. Tôi sẽ cho hắn nàng ngay bây giờ”

Lão cúi xuống cầm tay El-Soo và dắt nàng đi qua một khoảng trống tới chỗ Akoon đang nằm.

Để nàng ngồi ở chân Akoon, lão nói “nàng có một tật xấu, Akoon. Trước đây nàng lần trốn tôi, rồi đây, có thể nàng sẽ bỏ trốn anh. Nhưng, Akoon này, anh không phải sợ nàng sẽ chạy mất đâu. Tôi sẽ bảo đảm điều này. Đừng có e ngại gì nàng sẽ bỏ trốn - Porpotuk dám chắc như vậy. Nàng thông minh lắm. Tôi biết lắm, sự thông minh ấy thường làm tôi tê tái. Thế nên tôi tự nhủ phải biểu lộ trí thông minh của mình ra một lần. Và này Akoon, nhờ trí thông minh của tôi, tôi sẽ đảm bảo nàng dùm anh”

Porpotuk cúi xuống và bắt chéo chân của El-Soo cho cổ chân này đè lên cổ chân kia, rồi tiếp đó, trước khi người ta đoán biết được ý định của lão, lão dùng súng bắn vào hai mắt cá chân của nàng. Khi Akoon cố vùng vẫy khỏi sức ghì giữ của mấy thanh niên kia, thì những chỗ xương gầy đã lành lại gãy ra.

Các vị bô lão nói với nhau: “như vậy rất công bằng”

El-Soo không thốt lên một tiếng kêu. Nàng ngồi nhìn hai mắt cá chân của nàng rã rời, nàng không bao giờ còn đi được nữa.

Akoon nói “đôi chân của anh khỏe lắm, nhưng không bao giờ nó sẽ đưa anh đi xa em”

El-Soo nhìn chàng và lần đầu tiên từ khi chàng quen nàng, Akoon thấy mắt nàng ngấn lệ.

Chàng nói “El-Soo, đôi mắt em giống như mắt con hoẵng”

Khi sắp lên đường, mặt nhăn khó chịu vì khói, Porpotuk hỏi “như thế công bằng chứ?”

Các vị bô lão đáp “thế là công bằng”. Rồi họ tiếp tục ngồi im lặng.

6) Gã Mặt Tròn

Nguyên tác: Moon-face

Dịch giả: Lê Vy

John Claverhouse là một gã có khuôn mặt tròn như mặt trăng; loại khuôn mặt ấy, hẳn bạn cũng biết: đôi gò má phẳng lì, cằm và trán lặn vào đó làm cho nó đã tròn lại càng thêm tròn vạnh; cả cái mũi cũng vậy vừa thấp, vừa to, nằm chính chệch ngay giữa khuôn mặt trông cứ như một cục bột được gắn trên mặt thớt; có lẽ bởi vậy mà tôi ghét gã; đối với tôi sự có mặt của gã đã làm cho trái đất này trở nên chật chội, và gã đã thật sự trở thành một cái gai trong mắt tôi; Người nào khác may ra còn có thể bàng quan coi loại người có khuôn mặt kiểu ấy chẳng có gì là bất thường, chứ tôi thì tôi ghét cay ghét đắng cái gã John Claverhouse ấy, không phải chỉ vì gã ta đã làm cho tôi trở nên kém cạnh trước mắt bạn dân thiên hạ; còn hơn vậy nữa kia; cái ác là một cái gì đó bí hiểm, khôn lường, nó mơ hồ, lằng đằng, không làm sao tách bạch ra cho thật rạch ròi được; trong cuộc sống hình như nó vẫn thường tiềm ẩn đâu đó trong lòng mỗi chúng ta. Lần đầu tiên gặp một người nào đó, một người mà chúng ta hoàn toàn không nghĩ tới, nhưng ngay trong lần gặp đó, chúng ta có ngay ấn tượng là không ưa loại người đó, không biết vì sao, chỉ có thể nói không ưa là không ưa: vậy thôi. Đối với tôi, John Claverhouse chính là một con người như vậy.

Một con người như vậy thì có quyền gì mà sống sung sướng cơ chứ? Trông gã lúc nào cũng phờ phạc, cười cợt, mặt mũi lúc nào cũng tươi hơn hơn; mẹ gã chứ, đối với gã, mọi việc lúc nào cũng cứ suôn sẻ, thuận buồm xuôi gió! Bất cứ người nào khác cười cợt, tôi chẳng bận tâm; ngay cả tôi, cũng có lúc tôi vẫn thường cười cợt, vui đùa, nhưng đó là trước lúc gặp John Claverhouse kia.

Coi cười của gã kia, nó làm tôi phát điên phát khùng lên được, như thể trên thế gian này không còn cái gì khác có thể làm tôi phát khùng phát điên lên như vậy; cái tiếng cười của gã, nó cứ lớn vồn bên tôi, bám riết lấy tôi; giống như một cái giũa khổng lồ, nó chà xát trái tim tôi cả lúc thức cũng

như trong lúc ngủ. Ngay lúc bình minh vừa rạng, xuyên qua cánh đồng cỏ nó đã lỏng lẻo ủa tới xua tan giấc ngủ nán ngủ khoái của tôi; giữa trưa nắng chói chang trong khi đám cây cối rũ xuống và lũ chim đã rút sâu vào rừng, vạn vật trở nên im ắng, tiếng cười hô hô của gã lại vang lên như muốn thách thức cả mặt trời; cả lúc đêm đã khuya, từ trên phố vừa về tới lối rẽ vào nhà, gã lại phá lên cười rộ; tiếng cự của gã dựng ngược tôi dậy, làm tôi trần trọc không sao ngủ lại được.

Ban đêm, đã nhiều lần tôi lên đến, mở cổng chuồng xua đàn gia súc của gã ra đồng; đến sáng, lại nghe tiếng cười rộ của gã và trông thấy gã ta lừa ra đồng luôn những con còn, sót lại; "Tội nghiệp" - gã nói - "mấy con quái này lại thềm cỏ tươi đây mà!".

Gã có nuôi một con chó, đặt tên là Mars; đó là một con chó đực cao to, đáng điệu hung vĩ, thuộc nòi chó săn. Gã rất khoái con vật, đi đâu cũng dắt theo. Tôi rình mãi, cho đến một hôm gặp dịp, tôi dụ con chó ra ngoài và ném cho nó một miếng thịt bò tẩm mã tiền. Điều đó cũng chẳng làm John Claverhouse động tâm; mặt gã vẫn cứ tươi hơn hớn và do đó, trông lại càng tròn vành vạnh.

Tiếp đó, tôi đốt cả chuồng gia súc và cả cánh đồng cỏ của gã. Sáng hôm sau, nhằm ngày chủ nhật, trông gã vẫn cứ phơn phơ, vui vẻ.

"Ông tính đi đâu vậy?" - tôi hỏi khi thấy gã vừa ra đến chỗ ngã rẽ.

"Đi làm một mẻ cá hồi; tôi khoái cái kiểu đánh cá hồi này lắm!" - gã đáp, mặt gã tròn vành vạnh cứ như mặt trăng đêm rằm.

Có ai như gã không cơ chứ? Đồng cỏ, chuồng trại cháy rụi, huê lợi đi đoong, vậy mà, đối diện với cái đói và mùa đông khắc nghiệt sắp tới, gã vẫn cứ phơn phơ - mẹ kiếp - "đi làm một mẻ cá hồi", chỉ vì "khoái" cái kiểu đánh bắt cá ấy! Phải chi trên khuôn mặt gã lộ ra một chút gì đó có vẻ u ám làm nó chảy dài ra cho bon bót tròn đi một chút, phải chi gã bốt ngoác miệng cười đi được một lúc, may ra tôi còn có thể động tâm và để yên cho gã; đã chẳng vậy, sau bao nhiêu tai họa, trông gã lại còn có vẻ phơn phơ tới hơn bao giờ hết.

Tôi sầm mặt lại; gã chăm chú nhìn tôi rồi phá ra cười, vẻ ngạc nhiên:

- Sao, bộ tôi làm ông khó chịu à? - Chưa dứt lời, gã lại cười rộ lên, rồi mới nói tiếp: - Ông tức cười thật đấy! Hô... hô... ha... ha... Ông làm tôi tức

cười đến chết mất! Hi... hi... hô... hô... hà... hà...

Gặp trường hợp như vậy, nếu là bạn, bạn thấy sao? Còn tôi, nói có qui thân hai vai chứng giám, không hiểu sao tôi lại thấy ghét thậm ghét tẻ cái gã John Claverhouse ấy. Lại còn cái họ nữa chứ! Họ quái gì mà lại là Claverhouse! Claverhouse, cái họ sao mà ngớ ngẩn! Lạy Chúa, sao họ của gã lại là Claverhouse nhỉ? Câu hỏi ấy cứ lớn vồn trong đầu tôi; thà cứ là Jones, là Smith, là Brown đi, có sao đâu, đằng này lại là Claverhouse! Đâu, bạn hãy thử đọc to cái họ ấy lên xem sao: Cla-ver-house, nghe có đàn không cơ chứ! Một con người mà lại có thể sống với một cái họ như vậy được à? Hẳn bạn cũng đồng ý với tôi là không, không thể nào sống với một cái họ như vậy được!

Bất chợt, nhớ đến người chủ nợ vẫn thường cho gã vay vốn làm mùa, biết chắc rằng gã chẳng thể nào đến gặp người đó để vay tiếp được nữa vì đồng cỏ chuồng trại đã cháy rụi, tôi liền tìm một người cho vay lãi khác - sắc sảo, kín đáo hơn - chỉ cho y ta đến gặp gã. Tôi không ra mặt, chỉ thông qua người đó, buộc gã ta phải đi đến chỗ phá sản, phải bán tổng bán tháo tất cả cơ ngơi của gã. Vài ngày sau, tôi rảo đến, coi xem gã ta ứng phó với hoàn cảnh thế nào, vì từ hơn hai mươi năm nay, gã vẫn sống gấn bó với cơ ngơi đó. Gặp tôi, gã tròn xoe mắt nhìn, mặt giãn ra cho đến khi nó lại tròn vành vạnh như mặt trăng đầy.

"Ha,ha, ha - Gã phá lên cười: - Ông xem, cái thằng bé, con tôi ấy, nó có ngộ không; tôi kể ông nghe nhé, nó chạy chơi ở bờ sông, bắt đồ một khoảng bờ sụp xuống làm nước bắn tung toé lên người nó, vậy là nó hét toáng lên: Ôi ba ơi, nước bay lên đánh con kìa!..."

Gã dừng lại, đợi tôi hưởng ứng câu chuyện; tôi nhăn mặt, nói cộc lốc: "Chuyện như vậy thì có gì đáng để cười đâu cơ chứ!"

Gã ngạc nhiên trố mắt nhìn tôi, rồi khuôn mặt lại giãn ra, lại sáng rờ rờ như mặt trăng đêm rằm, rồi cười phá lên: "Hi, hi... hà hà... chuyện như vậy mà ông bảo không cười cho được à? Hà hà... Ông thấy đấy, cả một khối nước chứ chơi à!..."

Đến nước như vậy thì làm sao mà còn chịu được, tôi tức tối quay lưng bỏ đi; mẹ gã chứ, phải kết thúc chuyện này ngay thôi; lẽ ra, gã đừng nên ra đời mới phải...

Lên đến tận đỉnh đồi, tôi vẫn còn nghe tiếng cười quái gở của gã lòng lộng trong bầu trời. Chính lúc đó, tôi đã quyết định là phải khử ngay cái gã John Claverhouse đó mới được, và giờ đây, tôi có cảm giác thỏa mãn vì đã thực hiện được điều đó một cách hoàn hảo. Lúc đó, tôi đã cố toan tính phải làm cách nào để lương tâm không bị cắn rứt, nhưng kết quả phải thật chắc chắn mới được. Tôi không thích kiểu làm hấp tấp, cũng không thích kiểu làm tàn bạo; đối với tôi, bắn cho gã một phát, đâm cho gã một dao, đập cho gã một gậy,... những cách đó, sao mà tởm! Phải thật khéo léo, phải thật gọn gàng, và điều cốt tử là phải làm thế nào để mình đừng bị mảy may nghi ngờ. Ở suốt một tuần, cuối cùng tôi cũng tìm ra cách. Bắt tay vào việc, trước hết tôi tìm mua một con chó cái nòi spaniel giỏi lội nước mới non năm tháng tuổi; tôi đặt tên nó là Bellona và ra sức huấn luyện nó.. Ai để ý hẳn sẽ thấy tôi chỉ dạy cho nó mỗi một việc là tìm mang về những đồ vật mà tôi ném đi. Ném một cái gậy xuống nước, tôi suyt nó lội xuống tìm, không những chỉ mang về, mà phải mang về ngay lập tức, không được gặm hay đùa nghịch với chiếc gậy đó. Mục tiêu nó phải đạt là đem gậy về ngay, càng nhanh càng tốt, không được dừng lại. Tôi tập cho nó chạy đuổi theo tôi, miệng vẫn ngậm chặt chiếc gậy cho đến khi nào đuổi kịp mới thôi. Vốn thuộc nòi chó sáng ý, chẳng mấy khó khăn, nó đã nhanh chóng thành thực trò chơi đó.

Đợi đến lúc thuận tiện, tôi đem Bellona tặng cho John Claverhouse. Vì đã phần nào nắm được điểm yếu của gã, tôi biết tôi phải làm thế nào.

Lúc tôi đưa sợi dây buộc cổ chó cho gã, gã đẩy ra:

- Ông... ông thật lòng không đây? Tôi biết... tôi biết là ông đâu có ưa gì tôi - Gã nhăn nhó cười: -Nhận quà tặng của ông... hóa ra... tôi...

Ngắm nghía con chó, mặt cô lập nghiêm, gã hỏi:

- Ông đặt cho nó tên gì vậy?

- Bellona. - Tôi đáp.

Mặt giãn ra, gã cười rộ lên:

- Ha... ha... Bellona... Cái tên hay thật đấy!

Giữ vẻ mặt bình thản, đợi gã nín cười, tôi nói:

- Chắc ông cũng biết, Bellona là vợ của Mars ¹ đấy

Mặt sáng rỡ, mắt một lúc gã mới buột miệng reo lên:

- Vậy ra... ông cho tôi thật à? Tội nghiệp, nếu vậy thì giờ đây nó góa bụa mất rồi, hà, hà...

Tôi xoay lưng, rảo bước lên đồi.

o o o

Một tuần trôi qua nhanh, chiều thứ bảy, gặp gã, tôi hỏi:

- Thứ hai ông đi rồi, phải không?

Gã gật đầu, miệng lại toác ra cười.

- Vậy là ông hết còn dịp đi "làm một mẻ cá hồi" rồi nhỉ?

Không để ý đến giọng điệu móc máy của tôi, gã đáp:

- Không chừng ngày mai tôi sẽ ra đó làm một mẻ cuối cùng nữa đó!

Vậy là chắc ăn; tôi quay về nhà, nôn nao đợi.

Sáng sớm hôm sau tôi thay gã xách vợt và túi "đồ nghề" đi về hướng dòng suối, con Bellona lúc thúc chạy một bên. Đã biết chỗ gã thường đánh cá, tôi đi tắt qua cánh đồng cỏ, xuyên qua các lùm cây bụi, leo lên tận đỉnh núi; để khỏi bị người nào đó tình cờ trông thấy, tôi đi vòng gần hai dặm đường rồi men xuống chỗ lùm cây rậm rạp bên sườn núi, gần chỗ con suối đổ vào lòng hồ có các tảng đá bao quanh. Lòng hồ đó là nơi gã vẫn thường đến đánh cá. Chọn một hốc đá kín đáo nhưng từ đó có thể quan sát toàn cảnh bên dưới, tôi ngồi xuống, lấy ống tẩu nhồi thuốc hút.

Thời gian chậm rãi trôi, mãi một lúc sau mới thấy John Claverhouse đi ngược dòng suối lên tới chỗ lòng hồ, Bellona chạy quần dưới chân gã. Đến nơi đã chọn, gã thả vợt và túi "đồ nghề" xuống tảng đá cạnh bờ hồ, rồi móc túi lấy ra một thỏi trông giống như thỏi nện nhưng khá to; tôi biết ngay đó là cốt mìn, loại phương tiện gã vẫn thường dùng để đánh cá hồi. Dùng một sợi dây, gã quấn chặt dây cháy chậm vào thỏi cốt mìn rồi châm lửa, ném mạnh vào hồ.

Như một tia chớp, Bellona phóng vào hồ về hướng thỏi cốt mìn vừa rơi xuống; tôi muốn cười phá lên khi nghe tiếng Claverhouse réo đến thất thanh nhưng cũng chẳng ăn thua, gã vợ đá ném theo nhưng Bellona đã ngụp xuống ngoạm lấy thỏi cốt mìn rồi quay mình bơi vào bờ. Ý thức được mối nguy, Claverhouse co giò chạy. Đúng như tôi tiên liệu, Bellona vọt lên bờ đuổi theo. Từ lùm cây trên cao, tôi nín thở theo dõi. Trên bờ đá ngổn ngang phía dưới, Claverhouse quỳnh quáng chạy, ngay dưới chân y, Bellona chạy

theo sát nút. Một chớp sáng, một bùng khói bùng lên, cùng lúc đó là một tiếng nổ kinh hồn. Khói tan, ở chỗ người và chó chạy đuổi nhau giờ đây chỉ còn lại một hõm lớn.

Thật hoàn hảo, cái cách gọn, đẹp mà tôi đã nghĩ ra để khử John Claverhouse; biên bản điều tra ghi nhận: "Chết do tai nạn trong khi đánh cá bằng phương thức bất hợp pháp". Đâu, hẳn bạn cũng đồng ý với tôi là giải quyết như vậy thì có gì để có thể nói là tàn nhẫn, là ác độc, là đáng xấu hổ đâu phải không nào? Sẽ không còn tiếng cười khùng khục vang vọng khắp không an, sẽ không còn khuôn mặt tròn vành vạnh làm tôi gai mắt; giờ thì tâm trí tôi đã có thể yên ổn, đêm đêm tôi có thể ngủ thẳng một giấc được rồi.

¹ Theo thần thoại La Mã, Mars là thần chiến tranh, Bellona là nữ thần chiến tranh một trong những người vợ của Thần Mars.

7) Gót sắt

Dịch giả: Vũ Cận

Chương I

Con Đại Bàng Của Tôi

Gió mùa hè hiu hiu lay động những cây thông khổng lồ và sông Wild-Water vỗ sóng nhịp nhàng vào những tảng đá xanh rêu. Bướm lượn dưới nắng và bốn bề tiếng ong bay vù vù như ru ngủ. Yên tĩnh quá. Thái bình quá. Và tôi ngồi đây, lo lắng, bồn chồn. Chính cái yên tĩnh làm cho tôi bồn chồn. Nó hư hư thực thực thế nào ấy. Khắp thế giới yên tĩnh, nhưng đó là cái yên tĩnh trước cơn giông tố. Tôi lắng tai nghe và tất cả các giác quan của tôi cũng căng lên chờ đón dấu hiệu của cuộc đại biến sắp nổ ra¹. Phải, miễn nó đừng nổ non! Miễn nó đừng bùng ra sớm quá!

Tôi bồn chồn cũng không có gì lạ. Tôi suy nghĩ, suy nghĩ liên miên, và không thể dừng suy nghĩ. Tôi vật lộn với cuộc sống đã từ lâu, đến nỗi thấy yên tĩnh là tức thở, không chịu được. Và tôi không thể không nghĩ đến trận cuồng phong chết chóc và tàn phá sắp sửa nổi lên. Trong tai tôi vang lên tiếng kêu gào của những người gục xuống, và tôi có thể nhìn thấy, cũng như tôi đã từng nhìn thấy⁽²⁾ da thịt mỏng mảnh của con người bị đập vùi, tan tác, linh hồn con người bị giăng khỏi những tấm thân đầy kiêu hãnh và ném cho Thượng đế. Khốn khổ thay nhân loại chúng ta, muốn đạt đến mục đích của mình phải cố giết chóc, tàn phá, để đem lại cho trái đất một nền hoà bình và hạnh phúc bền vững.

Vả chăng, tôi chỉ có một mình. Lúc nào không nghĩ đến những điều tất phải xảy đến thì tôi nghĩ đến những điều đã qua, những điều không còn nữa. Tôi nghĩ đến con Đại bàng của tôi trước kia vẫn dang đôi cánh không biết mỗi ra vùng vẫy giữa trời xanh để bay về phía kỳ tửng chói lọi của tự do nhân loại. kỳ tửng đó chính là mặt trời của anh. Tôi không thể ngồi yên để chờ đợi cái biến cố lớn lao do bản thân anh làm ra, mặc dầu anh không còn sống để nhìn thấy nó. Bao nhiêu năm anh sống làm người thì bấy nhiêu năm

anh cúc cung tận tụy vì nó. Anh đã hiến cả đời anh cho nó. Nó là sự nghiệp của tay anh. Chính anh đã làm ra nó(3).

Cho nên trong thời gian chờ đợi lo lắng này, tôi sẽ viết về chồng tôi. Có nhiều điều chỉ mình tôi có thể nói rõ về anh, một con người cao quý dù ca ngợi bao nhiêu vẫn chưa đủ. Tâm hồn anh bao la như biển cả. Và khi tình yêu của tôi đã gọt hết lòng vị kỉ thì tôi tiếc nhất là anh không còn sống để chứng kiến buổi bình minh sắp ló ra. Chúng tôi không tài nào thất bại được. Anh đã xây dựng vững chãi quá, chắc chắn quá rồi. Thảm hại thay cái Gót sắt đang dẫn trên ngực nhân loại! Chẳng bao lâu nữa, nó sẽ bị nhổ bỏ. Khi nào hiệu lệnh tung ra, lao động khắp thế giới sẽ dấy lên tầng tầng lớp lớp. Chưa bao giờ có một việc như thế trong lịch sử loài người. Sự đoàn kết của lao động đã được đảm bảo, và lần đầu tiên sẽ nổ ra một cuộc cách mạng quốc tế bao trùm cả thế giới(4).

Như các bạn đã thấy, óc tôi nghĩ miên man về sự kiện sắp xảy ra. Tôi sống miệt mài với nó, sống ngày, sống đêm, sống rất lâu, đến nỗi nó luôn luôn hiện ra trong tâm trí tôi. Tôi không thể nghĩ đến chồng tôi mà không nghĩ tới nó. Chồng tôi là linh hồn của nó, làm sao trong tư tưởng tôi có thể tách rời chồng tôi với nó được?

Như tôi đã nói, có nhiều điều chỉ mình tôi có thể nói rõ về anh. Ai cũng biết anh đã vì tự do mà chịu nhiều gian truân, đau khổ. Anh đã làm việc cực nhọc đến thế nào, đã đau khổ ghê gớm như thế nào, tôi biết hết. Vì tôi đã sống bên anh suốt hai mươi năm sóng gió vừa qua và tôi biết rõ lòng kiên trì, sự cố gắng không mệt mỏi và sự tận tụy không bờ bến của anh đối với Sự Nghiệp chung. Anh đã chết cho Sự Nghiệp, mới cách đây hai tháng.

Tôi sẽ cố viết giản dị và kể ra đây Ernest Everhard đã bước vào đời tôi như thế nào – thoát tiên, tôi gặp anh ra sao, vì duyên cớ gì tôi đã thành một phần của chính mình anh, và anh đã gây cho đời tôi những biến đổi ghê gớm như thế nào. Như vậy, các bạn có thể nhìn anh qua mắt tôi, và biết về anh cũng như bản thân tôi – biết hết, trừ những chuyện riêng của vợ chồng chúng tôi.

Tôi gặp anh lần đầu tiên vào tháng 2 năm 1912. Anh là khách của ba tôi(5) và hôm ấy anh đến ăn cơm ở nhà tôi, tại thành phố Berkeley. Có thể nói, ngay từ lúc đầu, tôi không có cảm tình với anh. Ngoài anh ra, còn nhiều

khách khứa khác. Chúng tôi đang ngồi trong phòng khách chờ mọi người đến đông đủ thì anh vào, trông đến là thảm hại. Tối hôm ấy là tối họp mặt của các mục sư – ở nhà, ba tôi vẫn thường gọi thế. Ngồi giữa các nhà tu hành, Ernest nhất định là lạc lõng.

Trước hết, quần áo anh không vừa người anh. Anh bận một bộ đồ may sẵn bằng vải sẫm, xộc xà xộc xệch. Trong thực tế, chẳng có thứ quần may sẵn nào mà anh mặc vừa. Tối hôm ấy, mà bao giờ cũng thế: các bắp thịt của anh hằn lên mặt vải. Vai anh u lên, và cái áo vét-tông anh bận dần dúm cả ở giữa hai vai. Cổ anh banh ra, chắc nịch: giống hệt cổ những kẻ đi đánh nhau ăn giải(6). Tôi nghĩ bụng: Té ra nhà triết học xã hội, nguyên làm nghề bịt móng ngựa, mà ba tôi đã phát hiện được, ngài là như thế đấy. Vai u thịt bắp như thế, thật đúng quá đi rồi. Tôi liền liếc anh vào hạng dị nhân và coi anh như một lão Blind Tom(7) của giai cấp công nhân.

Rồi anh lại bắt tay tôi nữa kia chứ! Anh xiết mạnh quá, chặt quá, nhất là anh nhìn tôi một cách táo tợn bằng cặp mắt đen lay láy – táo tợn quá, theo ý tôi. Các bạn cũng thừa hiểu tôi là sản phẩm của hoàn cảnh và khi ấy bản năng giai cấp của tôi rất mạnh. Giá một người đàn ông thuộc giai cấp tôi cũng táo tợn như thế thì không thể nào tha thứ được. Tôi đành cúi nhìn xuống đất. Lúc anh đi khỏi, tôi nhẹ cả người, quay lại nhìn đức Giám mục Morehouse. Đức Giám mục là một người tôi rất mến, một người đứng tuổi, hiền hoà, nghiêm chỉnh, tướng mạo và từ tâm hết như đức Chúa. Chẳng những thế, Người còn là một nhà học giả.

Nhưng cái táo tợn mà tôi tưởng là tự phụ đó lại là đầu mối cho tôi tìm hiểu bản chất của Ernest Everhard. Anh giản dị, ngay thẳng, chẳng biết sợ cái gì và không thích mất thì giờ vào việc xã giao. kiêu cách. Mãi về sau, anh giải thích: “Em rất hợp ý anh, làm sao anh lại không nhìn thẳng vào người mà anh ưa thích?” Tôi đã bảo, anh chẳng sợ một cái gì. Anh là người bản chất quý phái, mặc dầu anh đứng trong phe thù địch của bọn quý phái. Anh là một siêu nhân, một “Con vật tóc vàng” như Nietzsche(8) đã miêu tả, và cộng thêm vào đó, anh mang những tư tưởng dân chủ cháy rục trong người.

Vì mãi tiếp những người khác, và cũng vì sẵn có ấn tượng xấu, tôi quên khuấy mất nhà triết học của giai cấp công nhân, mặc dầu tôi có chú ý đến

anh một hai lần trong bữa ăn – đặc biệt là lúc anh long lanh đôi mắt nghe các vị mục sư nói chuyện. Tôi nghĩ bụng: anh là người vui tính và tôi hầu như tha thứ cho cách ăn mặc của anh. Nhưng thời gian cứ đi, bữa ăn cứ tiếp tục, anh vẫn không buồn nói nửa lời. Trong khi ấy, các vị mục sư bàn luận miên man về giai cấp công nhân, về quan hệ của nó với Nhà thờ. Nhà thờ đã làm gì và đang làm gì cho nó. Tôi nhận thấy Ernest không nói làm cho ba tôi không bằng lòng. Nhân một lúc im lặng, ba tôi yêu cầu anh phát biểu, nhưng Ernest nhún vai: “Tôi chẳng có điều gì muốn nói cả” và lại ngồi ăn hạnh đào muối. Nhưng ba tôi không chịu. Một lúc sau ba tôi bảo:

- Chúng ta có một người giai cấp công nhân ở đây. Tôi tin chắc người đó có thể trình bày các việc theo một quan điểm mới, vừa hay lại vừa bổ ích. Tôi muốn nói ông Everhard.

Những người khác tỏ vẻ thích thú một cách lịch sự và giục Ernest tuyên bố những quan điểm của mình. Thái độ của họ hết sức khoan dung, hoà nhã: đúng là thái độ của những kẻ đỡ đầu. Tôi thấy Ernest cũng nhận ra điều ấy và anh lấy thế làm khoái lắm. Anh chậm rãi nhìn bốn xung quanh và mắt anh sáng lên một cách ranh mãnh.

- Tôi quả thật không quen với những cuộc tranh luận tao nhã của Giáo hội, – anh bắt đầu được mấy lời đã ngập ngừng ngay, vẻ mặt khiêm tốn và do dự.

Họ giục: “Ông cứ tiếp tục đi!” và bác sĩ Hammerfield bảo: “Chân kỳ dù ở miệng ai nói ra chúng tôi cũng đều không ngại. Miễn là nó trung thực”.

- Vậy ra ngài tách rời trung thực khỏi chân kỳ ư? – Ernest cười hỏi rất nhanh.

Bác sĩ Hammerfield luống cuống trả lời:

- Giỏi đến đâu cũng phải có lúc nhảm, ông bạn trẻ ạ. Người giỏi nhất trong chúng ta cũng phải có lúc nhảm.

Ernest bỗng thay đổi hẳn. Anh đã thành một người khác.

- Vâng, được, – anh đáp. – Và tôi xin phép bắt đầu bằng câu này: là các ngài nhảm tuốt. Các ngài không biết gì về giai cấp công nhân, không biết một tí gì hết. Khoa xã hội học của các ngài sai bét và vô giá trị, cũng như phương pháp suy luận của các ngài.

Những lời anh nói chính lại không nặng bằng cách anh nói. Tôi giật cả mình trước hết vì giọng nói của anh. Nó cũng táo tợn không khác gì hai con mắt anh. Nó là một tiếng kèn chiến đấu và nó làm cho toàn thân tôi rung lên. Bàn tiệc xao động. Cái không khí đều đều buồn tẻ bị phá vỡ.

- Ông bạn trẻ tuổi! Phương pháp suy luận của chúng tôi có chỗ nào sai lầm và vô giá trị ghê gớm đến thế kia, thưa ông? – Bác sĩ Hammerfield hỏi, vẻ khó chịu thoáng hiện ra giọng nói và cách phát biểu của ông.

- Các ngài là những nhà siêu hình học. Các ngài có thể dùng siêu hình học để chứng minh bất cứ một cái gì, và xong thì mỗi nhà siêu hình học lại có thể tùy thích chứng minh rằng các nhà siêu hình học khác là sai. Các ngài là những kẻ vô chính phủ trong lĩnh vực tư tưởng. Các ngài là những nhà chế tạo ra vũ trụ. Điên rồ ời là điên rồ! Mỗi ngài sống trong một vũ trụ riêng, do trí tưởng tượng riêng và những sở thích riêng của mình tạo nên. Các ngài không biết gì về cái thế giới thực các ngài đang sống, và tư tưởng điên loạn của các ngài hoàn toàn không có chỗ đứng trong thực tại.

“Các ngài có biết khi tôi ngồi vào bàn tiệc và nghe các ngài nói huyền thuyên, tôi nhớ đến cái gì không? Các ngài làm tôi nhớ đến bọn triết gia kinh viện thời trung cổ, họ tranh luận một cách trang trọng và thông thái về vấn đề rất hấp dẫn này: bao nhiêu thiên thần có thể nhảy múa trên đầu mũi kim. Vâng, thưa các ngài, các ngài sống rất xa đời sống trí tuệ của thế kỷ thứ hai mươi, xa không kém gì một tay phù thủy người da đỏ đọc thần chú trong rừng hoang cách đây một vạn năm”.

Ernest nói ra tuồng giận dữ lắm: mặt anh đỏ bừng, mắt anh sáng quắc, cằm anh và hàm anh đầy vẻ hiếu chiến. Nhưng đó cũng chỉ là một cách nói năng của anh thôi. Nó luôn luôn kích động người khác. Cách tấn công bằng búa tạ của anh làm họ luống cuống. Mà họ đang luống cuống thật. Đức Giám mục Morehouse cúi về phía trước ngực chăm chú. Bác sĩ Hammerfield phần nộ đỏ mặt lên. Những người khác cũng đều cúi đến cực độ, và một vài người mỉm cười làm ra bộ không thèm chấp. Riêng tôi, tôi thấy cảnh tượng ấy thật là thú vị. Tôi nhìn ba tôi, chỉ sợ ba tôi phá lên cười vì trái bom người mà ba tôi đã ném vào giữa chúng tôi.

- Ông dùng những lời lẽ hơi mơ hồ, – bác sĩ Hammerfield ngắt lời. – Ông gọi chúng tôi là những nhà siêu hình học, như vậy là ông muốn nói gì?

- Tôi gọi các ngài là những nhà siêu hình học bởi vì các ngài lập luận một cách siêu hình. – Ernest tiếp. – Phương pháp lập luận của các ngài đối lập với phương pháp khoa học. Những kết luận của các ngài không có giá trị gì hết. Các ngài có thể chứng minh đủ mọi thứ nhưng đồng thời chẳng chứng minh cái gì cả, và giữa các ngài không có lấy hai người đồng ý với nhau về bất cứ một điều gì. Mời ngài chui vào một cối ý thức riêng của mình để giải thích bản thân mình và vũ trụ. Các ngài định lấy ý thức để cắt nghĩa ý thức, có khác nào túm lấy tóc mình để nhắc bổng mình lên!

- Tôi không hiểu, – đức Giám mục Morehouse nói. – Theo tôi, hình như tất cả những điều thuộc về tinh thần đều là siêu hình thì phải. Toán học chính là ngành khoa học chính xác nhất và có nhiều sức thuyết phục nhất, cũng là thuần túy siêu hình. Bất cứ một quá trình suy tưởng nào của một nhà khoa học cũng đều là siêu hình. Chắc chắn ông đồng ý với tôi?

- Đúng như ngài nói, ngài không hiểu thật, – Ernest đáp. Nhà siêu hình học lập luận một cách suy diễn, và đi từ chủ quan mình đi ra. Nhà khoa học lập luận theo lối quy nạp và dựa vào những sự việc do thực tế chứng nghiệm. Nhà siêu hình học giải thích vũ trụ bằng bản thân mình, nhà khoa học giải thích bản thân mình bằng vũ trụ.

- Nhờ ơn Chúa, chúng tôi không phải là nhà khoa học, – bác sĩ Hammerfield lẩm bẩm ra vẻ đắc chí.

- Thế các ngài là gì? – Ernest hỏi.

- Nhà triết học.

- Thế là các ngài chui vào bẫy của tôi rồi, – Ernest cả cười. – Các ngài đã rời bỏ trái đất thực tại và vững chắc, và đã dùng danh từ làm máy bay để bay lên tận mây xanh. Xin các ngài hãy trở lại mặt đất và nói cho tôi nghe, theo các ngài hiểu: triết học nghĩa là thế nào?

- Triết học là... (bác sĩ Hammerfield ngừng lại: đằng hắng) một cái gì rất khó định nghĩa, chỉ những đầu óc và tư chất triết học mới hiểu nổi thôi. Nhà khoa học thiên cận chỉ chú ý mũi vào những ống thí nghiệm không hiểu được triết học.

Ernest thần nhiên trước sự tấn công. Anh vẫn hay quay mũi nhọn của kẻ địch chĩa trả lại vào kẻ địch. Anh liền thi hành chiến thuật của anh, với một vẻ mặt và một giọng nói thân ái, hoà nhã.

- Vậy thì hẳn ngài sẽ hiểu cái định nghĩa về triết học mà tôi sắp nói đây. Nhưng trước khi nói, tôi thách ngài tìm ra chỗ tôi sai, nếu không xin ngài hãy cứ dựa cột mà nghe đúng như một nhà siêu hình học. Triết học chẳng qua là một khoa học bao trùm lên trên tất cả các khoa học. Nó cũng theo một phương pháp suy luận như bất cứ một khoa học riêng biệt nào. Cũng dùng phương pháp suy luận đó, tức là phương pháp quy nạp, triết học đúc tất cả những khoa học riêng biệt thành một khoa học lớn. Như Spencer đã nói, những luận cứ của bất cứ một khoa học riêng biệt nào cũng là những tri thức đúc kết có tính chất bộ phận. Triết học tổng hợp những tri thức do tất cả các khoa học đem lại. Triết học là khoa học của khoa học, là khoa học chủ đạo, gọi như thế cũng được. Ngài thấy định nghĩa của tôi thế nào?

- Rất hay, rất có giá trị, – bác sĩ Hammerfield lâm bầm một cách ngượng ngịu.

Nhưng Ernest không tha. Anh cảnh cáo:

- Xin ngài nhớ cho rằng định nghĩa của tôi hết sức tai hại cho siêu hình học. Nếu ngài không vạch được một sơ hở nào trong định nghĩa của tôi thì sau này ngài không thể đưa ra những lập luận siêu hình với tôi được đâu. Ngài sẽ phải tìm chỗ sơ hở đó suốt đời và im lặng một cách siêu hình cho đến khi tìm ra thì thôi.

Ernest chờ. Gian phòng im phăng phắc. Bác sĩ Hammerfield điếng người đi. Ông bối rối quá. Trận tấn công bằng búa tạ của Ernest làm cho ông mất hết tinh thần. Ông không quen tranh luận mộc mạc, thẳng thừng như thế. Ông nhìn quanh bàn để cầu cứu nhưng không ai trả lời hộ ông. Tôi bắt gặp ba tôi lấy khăn ăn che miệng cười.

- Còn một cách khác nữa để đánh đổ các nhà siêu hình học, – Ernest nói, khi bác sĩ Hammerfield đã hoàn toàn đuối lý.

– Hãy xét họ bằng việc làm. Họ đã làm gì cho nhân loại, ngoài việc thêu dệt ra những ảo ảnh lông bông và lẫn lộn cái bóng mình là thần thánh? Tôi công nhận là họ có thêm thắt được một vài trò vui cho nhân loại: nhưng thử hỏi họ đã làm được điều gì lợi ích thiết thực cho loài người? Họ triết kỳ – Tôi xin lỗi đã dùng sai danh từ này – rằng trái tim là nơi phát ra những xúc cảm trong khi các nhà khoa học tìm ra những kết luận về sự tuần hoàn. Họ la lối lên rằng đói kém và dịch tễ là do trời gây ra, trong khi các nhà

khoa học xây kho dự trữ lương thực và làm hệ thống thoát nước cho các thành phố. Họ nặn ra thần thánh theo hình thù của họ và bằng những ý muốn riêng của họ, trong khi các nhà khoa học kiến thiết đường xá, cầu cống. Họ tả trái đất là trung tâm vũ trụ, trong khi các nhà khoa học khám phá ra châu Mỹ và quan sát không gian để tìm ra những tinh tú và những quy luật về các tinh tú. Nói tóm tắt một câu thì các nhà siêu hình học không làm gì, không làm được một tí gì cho nhân loại. Họ đã phải lùi dần từng bước trước những tiến bộ của khoa học. Nhưng hễ khoa học tìm ra được điều gì mới mẻ làm cho cách giải thích chủ quan của họ về sự vật bị lật đổ thì lập tức họ lại lập ra những thuyết chủ quan khác bao gồm cả những cách giải thích những điều mới mẻ nhất khoa học đã tìm ra. Và chắc hẳn họ còn làm như thế không biết đến bao giờ. Thưa các ngài, nhà siêu hình học là một tay phù thủy. Giữa các ngài với người Eskimo nặn ra một đấng Thượng đế mặc lông thú và ăn mỡ cá voi, nếu có cách nhau thì cũng chỉ cách nhau mấy nghìn năm xét nghiệm các sự kiện mà thôi.

Thế mà tư tưởng của Aristotle vẫn chế ngự châu Âu suốt mười hai thế kỷ đây, – bác sĩ Ballingford phát biểu trịnh trọng. – Và Aristotle là một nhà siêu hình học.

Bác sĩ Ballingford nhìn quanh bàn. Nhiều người gật đầu hoặc mỉm cười hưởng ứng.

- Ngài nêu cái đó làm ví dụ thì thật dở hết chỗ nói, – Ernest đáp. – Ngài vừa viện ra một thời kỳ hết sức đen tối trong lịch sử nhân loại. Trong thực tế chúng ta gọi thời đó là Thời đại ngu dân. Một thời kỳ mà khoa học bị siêu hình học cưỡng hiếp, vật lý học trở thành khoa tìm đá điểm kim, hoá học trở thành khoa luyện kim đan và thiên văn học trở thành chiêm tinh học. Đáng buồn thay, sự thống trị của tư tưởng Aristotle!

Bác sĩ Ballingford bức lắm, nhưng ông lại tươi cười ngay. Ông bảo:

- Ngay cho chúng ta thừa nhận bức tranh khủng khiếp ông vừa vẽ đi nữa, ông cũng đã phải thú thật rằng siêu hình học rất có hiệu quả, vì nó đã dắt loài người ra khỏi thời kỳ tối tăm đó để bước vào ánh sáng của những thế kỉ sau.

- Sao? – Bác sĩ Hammerfield kêu lên. – Chẳng phải tư tưởng con người đã đưa đến những cuộc du hành thám hiểm là gì?

- Chao ôi, thưa quý ngài, – Ernest mỉm cười, – tôi tưởng ngài chịu thua rồi cơ đấy. Ngài vẫn chưa tìm ra một chỗ sơ hở nào trong định nghĩa của tôi về triết học. Ngài vẫn đang đứng trên mây xanh. Nhưng đó là tập quán của nhà siêu hình học, và tôi cũng sẵn lòng tha thứ cho ngài. Không, tôi nhắc lại, siêu hình học không có liên quan gì đến cái đó hết. Bánh mì và bơ, lụa và đồ trang sức, đô-la, tiền bạc và thêm vào đó, sự phong toả những đường bộ để thông thương với Ấn Độ là những điều đã gây ra những cuộc du hành thám hiểm. Sau khi Constantinople thất thủ năm 1453, người Thổ Nhĩ Kỳ phong toả những đường đi của những thương đoàn sang Ấn Độ. Các thương nhân ở châu Âu tìm một con đường khác. Đó là nguyên uỷ của những cuộc du hành thám hiểm. Columbus giong buồm đi tìm một con đường mới để sang Ấn Độ. Sử sách chép rành rành như thế. Tiếp theo đó, người ta học được nhiều điều mới về thiên nhiên, người ta biết trái đất to bao nhiêu, hình thù thế nào, và thế là thuyết của Ptolemy đi đời.

Bác sĩ Hammerfield ừ hừ.

- Ngài không đồng ý với tôi? – Ernest hỏi. – Vậy thì tôi sai ở chỗ nào?

- Tôi chỉ có thể xác định lập trường của tôi là như thế thôi, – bác sĩ Hammerfield trả lời sảng. – Vấn đề đó dài quá, không thể đi sâu bây giờ được.

- Đối với nhà khoa học thì chẳng có chuyện gì là dài quá cả. – Ernest nói nhẹ nhàng. – Chính vì thế mà nhà khoa học đạt được tới đích. Chính vì thế mà người ta tìm ra châu Mỹ.

Tôi sẽ không tả lại tất cả buổi tối hôm đó, mặc dầu tôi thích nhớ lại từng lúc, từng chi tiết, nhớ lại những giờ phút đầu tiên tôi bắt đầu quen Ernest Everhard.

Cuộc tranh luận rất sôi nổi, và các vị mục sư đều đỏ mào say mặt, nhất là lúc Ernest gọi họ là những triết gia lãng mạn, những người chiếu ảo đăng và những thứ tương tự. Và anh luôn luôn chặn họ lại để lôi họ về với thực tế. Mỗi lần giáng xong một đòn quyết định, anh lại tuyên bố một cách đắc thắng: “Thực tế là như thế, thưa ngài, một thực tế không ai cãi được”. Người anh tua tủa những thực tế. Anh dùng thực tế để quèo họ ngã, anh mai phục họ bằng thực tế, anh lấy thực tế đánh tới tấp vào họ như những trận mưa bom.

- Chắc hẳn ông vẫn đi lễ ở đền thờ Thực tế, – bác sĩ Hammerfield nói mỉa.

- Ngoài thực tế ra thì không có đấng Thượng đế nào hết, và ông Everhard là một vị giáo chủ đi tiên báo Thực tế, – bác sĩ Ballingford nói kiểu cách dài dòng.

Ernest mỉm cười đồng ý.

- Tôi cũng như người Texas ấy, – anh nói. Và do mọi người yêu cầu, anh cắt nghĩa: – Các ngài đều đã thấy, người ở Missouri thường bảo: “Phải giờ cái đó cho tôi xem”. Nhưng người ở Texas, họ bảo: “Phải đưa tận tay cho tôi xem”. Điều đó chứng tỏ họ không phải là những nhà siêu hình học.

Một lần khác, Ernest vừa nói các nhà siêu hình học không thể đứng vững được trước sự chứng nghiệm của chân lý, bác sĩ Hammerfield liền hỏi:

- Chứng nghiệm của chân lý là thế nào, hả ông bạn trẻ? Xin ông làm ơn giải thích cho tôi nghe, từ bao nhiêu lâu nay, những khối óc khôn ngoan hơn khối óc của ông, họ vẫn loay hoay vì cái gì?

- Được thôi. – Ernest đáp. Sự đỉnh đặc của anh làm cho họ đâm khùng. – Những khối óc khôn ngoan đã từng băn khoăn khôn khổ mà không tìm ra chân lý, vì họ đi tìm chân lý ở trên trời. Giả họ cứ ở dưới đất mà tìm thì đã tìm thấy một cách khá dễ dàng. Phải, đáng lẽ họ cũng đã thấy rằng bản thân họ đang chứng nghiệm chân lý bằng mỗi hành động thực tế và mỗi ý nghĩ trong đời sống hàng ngày của họ.

- Chứng nghiệm, chứng nghiệm... – Bác sĩ Hammerfield day lại, ra vẻ bức bối lắm. – Ông không cần phải giáo đầu lôi thôi. Chứng nghiệm của chân lý... từ bao nhiêu lâu nay chúng tôi vẫn tìm kiếm cái đó. Ông hãy đưa cái đó cho chúng tôi. Ông hãy đưa ngay, để chúng tôi cũng thành Thượng đế với.

Trong lời ông nói và cách ông nói, có một thứ hoài nghi vô lễ và đầy vẻ giễu cợt mà hầu hết mọi người đều tán thưởng ngầm, mặc dầu đức Giám mục Morehouse tỏ vẻ phiền lòng.

- Bác sĩ Jordan(9) đã nói rất rõ về điều ấy – Ernest đáp. – Cách chứng nghiệm chân lý của ông là: “Chân lý đó có vận dụng được không? Anh có chịu phó thác đời anh cho nó không?”

- Ủa! – Bác sĩ Hammerfield cười nhạo. – Thế ông không đếm xỉa gì đến đức cha Berkeley(10) à? Đã có ai trả lời được Người đâu?

- À Berkeley, nhà siêu hình học số một. – Ernest cả cười. – Nhưng ví dụ của ngài nêu ra vụng quá. Ta có thể lấy ngay bản thân Berkeley để dẫn chứng rằng siêu hình học của ông ta không vận dụng được.

Bác sĩ Hammerfield liền nổi lòi đình, y như bắt được quả tang Ernest ăn cắp hay nói dối.

- Ông bạn trẻ, – bác sĩ nói oang oang như lệnh võ, – lời ông vừa nói rất phù hợp với tất cả những ý kiến ông đã phát biểu tới hôm nay. Đây là một lời quyết đoán tầm bậy, vô căn cứ.

- Vâng, tôi xin chịu thua. – Ernest nói ra vẻ như hàng phục. – Có điều tôi vẫn chưa rõ tôi thua vì cái gì. Xin bác sĩ hãy lấy cái nó làm cho tôi thua để vào tận tay tôi xem.

- Được lắm, được lắm, – bác sĩ Hammerfield áp ứng. – Ông biết làm sao được. Ai bảo ông là đức giám mục Berkeley đã dẫn chứng rằng những thuyết siêu hình học của Người là sai? Ông lấy gì làm bằng? Ông bạn trẻ, học thuyết của Người từ lâu vẫn vận dụng được.

- Theo tôi, bằng chứng thuyết siêu hình học của Berkeley không vận dụng được là... – Ernest bình tĩnh ngừng lại một lúc, – là ông ta có một cổ tật: ông ta ra vào vẫn thường đi qua cửa chứ không đi qua tường; là ông ta phó thác sinh mệnh của ông ta cho bánh mì, bơ và thịt bò rán; là ông ta cạo râu bằng một con dao cạo nó hoạt động không được hẳn hoi.

- Nhưng đó là những điều thuộc về cõi thực tế, – bác sĩ Hammerfield la lên. – Siêu hình học thuộc về tinh thần.

- Thế ra siêu hình học nó vận dụng trong tinh thần người ta à? – Ernest khẽ hỏi.

Ông kia gật đầu.

- Và trong cõi tinh thần, có vô số thần linh biết đứng trên đầu mũi kim để nhảy múa, – Ernest trầm ngâm nói tiếp. – Trong cõi tinh thần có một số đáng Thượng đế mặc lông thú và ăn mỡ cá voi; trong cõi tinh thần, không có một bằng chứng nào trái ngược với những điều đó. Thưa bác sĩ, tôi đồ chừng ngài cũng sống trong cõi tinh thần thì phải.

Bác sĩ trả lời:

- Tinh thần của tôi, chính là vương quốc của tôi.

- Nói một cách khác, nghĩa là ngài sống trên mây chứ gì? Nhưng tôi tin chắc ngài vẫn trở lại hạ giới những khi ngài xoi com hoặc những khi xảy ra động đất. Xin bác sĩ nói cho tôi nghe, hay là lúc động đất, ngài không sợ thân thể – phi – thể – chất của ngài bị một viên gạch phi – vật – chất nào bắn phải chăng?

Tức thì, như một cái máy bác sĩ Hammerfield đưa tay sờ lên đầu. Ông có một cái sẹo lằn dưới mái tóc. Tình cờ Everhard đưa ra một ví dụ rất đúng lúc. Trong trận động đất lớn(11) bác sĩ Hammerfield suýt bị một cái ống khói đổ xuống đè chết. Mọi người cười rộ lên.

- Sao? – Ernest hỏi, khi tiếng cười đã ngoi. – Xin ngài chứng minh ngược lại cho.

Trong lúc cả phòng im lặng, anh hỏi day lại: “Sao?” Và anh nói thêm: “Lập luận của ngài cũng khá đầy, nhưng chỉ khá vừa thôi!”

Tạm thời bác sĩ Hammerfield chịu thua, nhưng cuộc đấu tranh vẫn diễn ra kịch liệt theo hướng khác. Ernest thách các vị mục sư từng điếm một. Khi họ khẳng định rằng họ hiểu biết giai cấp công nhân, anh nói cho họ nghe những sự thật căn bản về giai cấp công nhân mà họ không biết và thách họ cãi. Anh luôn luôn đem thực tế ra nói với họ. Anh chặn đường không cho họ bay lên mây và kéo họ trở về mặt đất vững chãi này cùng với cái thực tế của nó.

Cảnh tượng hôm ấy tôi nhớ như in trong óc. Lúc này tôi có thể thấy anh đang nói. Giọng nói của anh hùng dũng như tiếng kèn trận. Anh lấy thực tế quất tới tấp vào mặt họ, mỗi sự việc thực tế là một đường roi xé thịt quân thù. Anh đập thẳng tay không thương xót. Anh không tha họ, cũng không yêu cầu họ tha mình(12). Tôi không thể nào quên được trận đòn cuối cùng anh tặng họ buổi tối hôm ấy.

- Tôi hôm nay, các ngài đã nhiều lần thừa nhận bằng những lời tự thú trực tiếp hoặc bằng những lời tuyên bố dốt nát rằng các ngài không hiểu gì về giai cấp công nhân. Tôi cũng không trách các ngài làm gì. Các ngài hiểu giai cấp công nhân làm sao được? Các ngài có sống cùng một nơi với giai cấp công nhân đâu! Các ngài đánh bọn với giai cấp tư bản ở nơi khác kia mà. Chứ sao? Chính giai cấp tư bản trả lương các ngài, chính nó nuôi nấng

các ngài, chính nó khoác lên lưng các ngài những tấm áo mà các ngài đang mặc đây. Để đền đáp lại các ngài thuyết cho chủ các ngài nghe các thuyết siêu hình học thuộc những nhãn hiệu đặc biệt họ có thể tiếp thu được. Những nhãn hiệu đặc biệt dễ tiếp thu đó, họ tiếp thu ngay, bởi vì nó không đe dọa cái trật tự xã hội đã được thiết lập.

Đến đây, cả bàn xôn xao không đồng ý.

- Không, tôi không nghi ngờ lòng thành thực của các ngài đâu! – Ernest tiếp. – Các ngài quả có thành thực. Miệng các ngài nói thế nào thì lòng các ngài tin như thế. Dưới mắt giai cấp tư bản sức mạnh và giá trị của các ngài là ở chỗ đó. Nhưng nếu các ngài lại tin vào những điều nó đe dọa cái trật tự xã hội này thì chủ các ngài sẽ không dùng những lời thuyết giáo của các ngài đâu. Họ sẽ sa thải các ngài. Thỉnh thoảng vẫn có một vị trong giới các ngài bị sa thải(13) như vậy. Tôi nói có đúng không?

Lần này thì không có ý kiến ngược lại. Mọi người đều chịu và ngồi câm như thóc, trừ bác sĩ Hammerfield. Ông bảo:

- Họ bị mời về chính là vì óc họ nghĩ tầm bậy đấy chứ?

- Nói khác đi, tức là tư tưởng của họ không thể dung được chứ gì? – Ernest trả lời, rồi nói tiếp: – cho nên tôi nói thật, các ngài cứ tiếp tục giảng đạo và kiếm tiền đi, nhưng xin các ngài hãy vì từ tâm mà hãy để mặc giai cấp công nhân đấy. Các ngài đứng về phe thù địch. Các ngài có gì giống giai cấp công nhân đâu! Tay các ngài nỡn nà vì đã có người khác lao động cho các ngài. Bụng các ngài tròn căng vì nó chứa đầy những thức ăn (Đến đây, bác sĩ Ballingford giật mình và mọi người đưa mắt nhìn thân hình quá đầy đà của ông. Người ta bảo đã từ mấy năm, mắt ông không nhìn thấy chân ông). Và óc các ngài chứa đầy những học thuyết nó chống đỡ cái trật tự xã hội đã được thiết lập. Các ngài là một bọn lính đánh thuê (một bọn lính đánh thuê thành thực, tôi công nhận điều đó), không khác gì với đội Vệ binh Thụy Sĩ đời xưa(14); các ngài hãy ở thực bụng với những kẻ nuôi nấng các ngài, thuê mướn các ngài; các ngài hãy bảo vệ quyền lợi cho bọn chủ các ngài; nhưng các ngài đừng xuống với giai cấp công nhân để mong làm những kẻ đưa đường giả dối. Các ngài mà đứng cả ở hai phe một lúc thì các ngài không thể nào lương thiện được đâu. Giai cấp công nhân xưa nay không cần đến các ngài. Các ngài nên tin ở lời tôi nói, giai cấp công nhân

sau này vẫn sẽ không cần đến các ngài. Và lại, không có các ngài thì giai cấp công nhân còn dễ giải quyết công việc của họ hơn là có các ngài.

Chú thích:

- 1- Cuộc khởi nghĩa thứ hai, một phần lớn là công lao của Ernest Everhard, mặc dù anh có cộng tác với những lãnh tụ phong trào ở châu Âu (điều này cũng là dĩ nhiên). Việc anh bị bắt và bị hành hình bí mật là một biến cố quan trọng trong mùa xuân năm 1912. Nhưng anh đã chuẩn bị hết sức kỹ càng cho cuộc khởi nghĩa, cho nên các đồng chí của anh đã thực hiện kế hoạch của anh một cách nhanh chóng và không gặp nhiều lúng túng. Sau khi anh bị xử tử, người vợ anh về sống ở Wake Robin Lodge, một căn nhà nhỏ trên núi Sonoma ở California.
- 2- Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là những lời nhắc nhở đến công xã Chicago.
- 3- Không dám thất lễ với Avis Everhard (vợ của Ernest Everhard – ND), nhưng cần phải nói rõ rằng Ernest Everhard chỉ là một người trong số nhiều lãnh tụ lỗi lạc của phong trào đã vạch ra kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa Thứ hai. Ngày nay, nhìn lại mấy thế kỷ qua, ta có thể nói chắc chắn rằng Ernest còn sống cuộc khởi nghĩa Thứ hai kết cục cũng sẽ không kém phần tai hại.
- 4- Cuộc khởi nghĩa Thứ hai đúng là một cuộc khởi nghĩa quốc tế. Đó là một kế hoạch khổng lồ, một người dù thiên tài đến đâu thì cũng không vạch ra một mình được. Lao động ở các nước theo chế độ thiếu số thống trị nhất tề đứng dậy theo hiệu lệnh chung. Đức, Ý, Pháp và tất cả châu Úc lúc đó đã là những nước của lao động, những nước xã hội chủ nghĩa. Họ đều sẵn sàng giúp đỡ một cách dũng cảm. Chính vì thế nên khi cuộc khởi nghĩa Thứ hai bị đè bẹp, chính họ cũng bị những nước theo chế độ thiếu số thống trị trên thế giới liên kết với nhau đè bẹp và những chính phủ theo chủ nghĩa xã hội của họ bị thay thế bằng những chính phủ của bọn thiếu số thống trị.
- 5- John Cunningham, thân sinh ra Avis Everhard, làm giáo sư ở trường Đại học quốc lập Berkeley thuộc bang California. Ông dạy về vật lý học, ngoài ra còn có nhiều công trình nghiên cứu độc đáo và còn là một nhà bác học rất nổi tiếng. Cống hiến lớn lao nhất của ông cho khoa học là

những công trình nghiên cứu về điện tử và tác phẩm vĩ đại “Sự đồng nhất của vật chất và năng lượng”, trong đó ông đã xác định rằng đơn vị cuối cùng của vật chất và đơn vị cuối cùng của năng lượng là đồng nhất. Thuyết của ông không ai bác được và có một giá trị vĩnh cửu. Trước đó, Oliver Lodge và những nhà nghiên cứu khác trong lĩnh vực phóng xạ đã đưa ra ý kiến này nhưng họ không chứng minh được.

- 6- Thời đó, người ta thường hay đánh nhau để kiếm giải. Họ đấu quyền với nhau. Kẻ nào đánh ngất hoặc chết đối thủ thì kẻ đó được tiền thưởng.*
- 7- Câu này hơi tối nghĩa, nói về một nhạc sĩ mù người da đen, rất được hoan nghênh trên thế giới vào nửa sau của thế kỷ 19.*
- 8- Friederich Nietzsche, một triết gia điên hồi thế kỷ 19. Trong nhận thức của ông ta có loé ra nhiều tia chân lý. Nhưng trước khi chết, ông ta chỉ đi mon men bên ngoài cái vòng vĩ đại của tư tưởng nhân loại, và đã rơi vào tình trạng điên rồ*
- 9- Nhà giáo dục nổi tiếng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Ông là chủ tịch trường Đại học Stanford, do các tư nhân quyên góp lập nên.*
- 10- Một nhà nhất nguyên luận duy tâm. Ông đã phủ nhận sự tồn tại của vật chất và đã làm cho các triết gia cùng thời bối rối rất lâu. Cuối cùng khi những luận cứ thực nghiệm mới của khoa học được khái quát hoá thành triết học, lập luận khôn khéo của ông ta đã bị đánh đổ.*
- 11- Trận động đất lớn năm 1906 tàn phá San Francisco.*
- 12- Hình ảnh này nổi bật lên trên những tập quán của thời đại. Giữa những người đánh nhau cho đến chết, với một sự hung hãn thú vật, khi người bị đánh thua đã hạ vũ khí thì tuy kẻ thắng trận giết hay tha*
- 13- Thời đó có nhiều vị mục sư bị sa thải vì truyền bá những học thuyết không được giáo hội chấp nhận. Đặc biệt họ bị sa thải khi những lời thuyết giáo của họ nhuộm màu chủ nghĩa xã hội.*
- 14- Đội vệ binh ngoại quốc canh giữ cung điện cho cung vua Louis XVI, một tên vua Pháp đã bị nhân dân Pháp chặt đầu*

Chương II

Những lời thách thức

Khách về, ba tôi ngồi phịch xuống ghế cười rũ rượi. Từ khi mẹ tôi mất, chưa bao giờ tôi thấy ba tôi cười khoái trá như thế.

- Ba đánh cuộc rằng bác sĩ Hammerfield bình sinh chưa bị một vết nào như vết này. Các vị mục sư tranh luận chẳng vẫn quen lịch sự mà! Con có để ý không, Everhard bắt đầu như một con cừ non, nhưng chỉ một chốc là gầm lên như một con sư tử. Óc anh ta xếp đặt đâu ra đấy, thật là tuyệt. Anh ta mà hướng năng lực vào việc nghiên cứu thì thừa sức thành một nhà khoa học giỏi.

Tôi cũng chẳng cần nói là tôi có cảm tình sâu xa với Ernest Everhard. Không phải chỉ vì những điều anh nói và cách nói năng của anh đâu, mà chính vì con người anh. Chưa bao giờ tôi gặp một người đàn ông như anh. Và có lẽ cũng vì thế nên tuy đã hai mươi tư, tôi vẫn chưa lấy chồng. Tôi thích anh; tôi phải thú thực với mình như thế. Cái thích của tôi dựa trên những điều vượt ra ngoài trí thông minh và tài lập luận của anh. Mặc dầu bắt gặp anh nổi lên cuộn cuộn, ngực anh nở nang như ngực một võ sĩ, tôi vẫn thấy anh là một cậu bé ngây thơ. Tôi cảm thấy rằng dưới cái bề ngoài tri thức huênh hoang, anh có một tâm hồn tế nhị và nhạy cảm. Tôi cảm thấy như thế thôi, nhưng cảm bằng cách nào thì chính tôi cũng không rõ. Có lẽ đó là thấy do cái linh tính phụ nữ trong người tôi.

Tiếng kèn gọi lính của anh đã xúc động tôi rất nhiều. Nó còn vang lên trong tai tôi, nhưng tôi cảm thấy lại muốn được nghe thêm nữa. Tôi những muốn nhìn lại nụ cười long lanh trong mắt anh, nụ cười vui tươi trái hẳn với vẻ mặt trang nghiêm lạnh lùng của anh. Hơn thế nữa nhiều tình cảm man mác từ đâu đến làm xao xuyến lòng tôi. Tôi chớm bắt đầu yêu anh. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng, nếu không bao giờ gặp anh nữa, có lẽ những tình cảm man mác kia cũng phải đi, và tôi cũng dễ quên anh thôi.

Nhưng số phận đã định tôi phải gặp lại anh. Hồi ấy, ba tôi bắt đầu chú ý đến khoa xã hội học và hay mời khách đến nhà ăn cơm. Ba tôi không phải là một nhà xã hội học. Ba tôi chuyên về vật lý học. Trong đời sống gia đình cũng như trong công việc nghiên cứu khoa học, ba tôi gặp rất nhiều may mắn. Nhưng từ ngày mẹ tôi mất đi, việc nghiên cứu của ba tôi không sao lấp được chỗ trống. Thoạt tiên ba tôi bước vào nghiên cứu triết học; nhưng rồi ba tôi ngày càng ham và bị cuốn sang khoa kinh tế chính trị học và khoa xã hội học. Ba tôi vốn yêu công lý, cho nên chẳng bao lâu ba tôi hăm hở tìm cách san bằng mọi sự bất công. Thấy ba tôi chú ý nhiều đến công việc ngoài

đời, tôi mừng lắm nhưng cũng không mừng tượng được kết quả sẽ thế nào. Ba tôi theo đuổi những công việc mới một cách hăng hái, say mê và không hề bận tâm rằng những công việc đó sẽ đưa tới đâu.

Ba tôi xưa nay quen làm việc trong phòng thí nghiệm, cho nên ba tôi đã biến phòng ăn trong nhà thành một phòng thí nghiệm xã hội học. Người đủ các hạng, các tầng lớp đến ăn ở đây: bác học, nhà chính trị, chủ ngân hàng, nhà buôn, giáo sư, lãnh tụ công đảng, đảng viên xã hội và những người vô chính phủ. Ba tôi thúc họ tranh luận và phân tích những ý nghĩ của họ về cuộc đời và về xã hội.

Ba tôi gặp Ernest trước “Tối họp mặt các vị mục sư” ít hôm. Lúc khách đã ra về ba tôi liền kể cho tôi nghe đã gặp anh như thế nào. Một buổi tối, ba tôi đang đi dạo phố thì dừng lại nghe một người đứng trên cái hòm xà-phòng diễn thuyết trước một đám công nhân. Người đứng trên hòm xà-phòng đó chính là Ernest. Nhưng việc của anh không chỉ là đứng trên xà-phòng để diễn thuyết đâu. Anh là một nhân vật cao cấp trong ban chấp hành Đảng xã hội. Anh là một lãnh tụ của Đảng và được thừa nhận là lãnh tụ cả trong phạm vi triết học của chủ nghĩa xã hội. Anh có tài trình bày những vấn đề khó hiểu bằng một lối nói đơn giản, sáng sủa. Anh là một nhà thuyết trình và một nhà giáo dục lỗi lạc, nhưng vẫn có thể đứng trên hòm xà-phòng giảng kinh tế học cho công nhân.

Ba tôi dừng lại nghe. Thấy hay, ba tôi hẹn gặp diễn giả. Và chỉ sau khi quen nhau thực sự, ba tôi mời diễn giả đến ăn cơm cùng với các vị mục sư. Sau bữa ăn ba tôi nói về anh, nhưng ba tôi biết cũng chẳng bao nhiêu. Anh sinh trưởng trong giai cấp công nhân, mặc dầu dòng họ Everhard là một dòng họ kỳ cựu đã sinh cơ lập nghiệp ở Mỹ hàng hơn hai trăm năm¹⁵. Năm mười tuổi, anh vào làm nhà máy, và sau một thời gian học việc, anh thành công nhân đóng móng ngựa. Anh do tự học mà thành tài: anh đã học lấy tiếng Pháp và tiếng Đức, và thời ấy anh sống rất chật vật bằng cách dịch những tác phẩm khoa học và triết học cho một nhà xuất bản thuộc Đảng xã hội ở Chicago. Ngoài số lương ra, anh còn được một ít tiền nhuận bút. Những tác phẩm triết học và kinh tế học của anh bán cũng có một số người mua.

Tất cả những điều tôi được nghe về anh chỉ có thể. Nhưng tôi trần trọc mãi không ngủ được và nằm nhớ lại giọng nói sang sảng của anh. Tôi phát sợ lên vì thấy tự mình nghĩ đến anh nhiều quá. Anh khác hẳn những người cùng giai cấp với tôi. Anh xa lạ quá, dũng cảm quá! Tài năng của anh làm cho tôi vừa phục lại vừa sợ và tôi cứ nghĩ ngợi lung tung, thậm chí tưởng tượng ra rằng anh đã là người yêu và là chồng của tôi. Tôi vẫn nghe nói cái dũng mãnh của người đàn ông bao giờ cũng có một sự hấp dẫn ghê gớm đối với người đàn bà; nhưng anh thì lại dũng mãnh quá. “Không, không!” tôi kêu lên. “Vô lý! Không thể được!” Hôm sau tôi thức giấc đã lại thấy nóng lòng được gặp anh. Tôi muốn nhìn anh đẽ bẽp đôi thủ trong một cuộc tranh luận, muốn được nghe giọng nói hùng tráng của anh; tôi muốn thấy anh đem hết lòng tự tin và sức mạnh ra đập toir bọn người tự mãn kia, đánh bật họ ra khỏi cái ổ gà tư tưởng của họ. Anh huênh hoang một chút có hề gì. Dừng lại câu anh thường nói thì cái huênh hoang ấy “vận dụng” được và có nhiều hiệu quả. Vả lại, cái huênh hoang của anh trông hay lắm. Nó khích động người ta như tiếng súng mở đầu cho một trận tấn công... Luôn mấy ngày sau, tôi mượn ba tôi sách của Ernest để đọc. Anh viết cũng giống như anh nói, rất rành rẽ và rất thuyết phục. Chính cách diễn tả hết sức giản dị của anh nó thuyết phục người ta, ngay cả khi người ta đang còn hoài nghi. Anh được trời phú bẩm cho cái khúc chiết. Anh trình bày vấn đề hay tuyệt. Tuy nhiên, ngoài bút pháp của anh ra, còn có nhiều điều tôi không thích. Anh nhấn quá mạnh cái mà anh gọi là đấu tranh giai cấp, đối kháng giữa lao động và tư bản, và xung đột quyền lợi.

Ba tôi thú vị kể lại lời bác sĩ Hammerfield nhận xét về Ernest: “Một thằng nhãi con hỗn xược, óc đầy tự mãn về cái hiểu biết đầy thiếu sót của mình”. Bác sĩ Hammerfield còn bảo sẽ không thêm gặp Ernest nữa. Trái lại đức Giám mục Morehouse tỏ ra mến Ernest và rất muốn gặp lại anh. Đức Giám mục bảo anh là “một thanh niên cương nghị và hết sức linh lợi nhưng tự tin thái quá”.

Một buổi chiều, Ernest đi cùng với ba tôi về nhà. Đức Giám mục Morehouse đã đến từ trước, và chúng tôi đang ngồi ngoài hiên uống trà. Ernest vẫn còn ở Berkeley, vì anh đang theo dở một khoá đặc biệt về sinh

vật học ở trường đại học và đang bận viết một tác phẩm mới nhan đề “Triết học và Cách mạng”¹⁶.

Khi Ernest đến, hàng hiên như đột nhiên bé lại. Không phải vì anh to lớn quá đến thế đâu – anh chỉ cao có năm bộ chín tấc¹⁷ – mà vì người anh toả ra một không khí lớn lao khó tả. Lúc đứng lại chào tôi, anh tỏ ra hơi ngượng ngịu, trái hẳn với đôi mắt nhìn táo bạo và bàn tay mạnh mẽ, cứng cáp của anh khi bắt tay tôi. Lúc đó mắt anh cũng đầy vẻ quả quyết và mạnh mẽ như thế. Lần này hình như trong đôi mắt anh có một câu hỏi, và cũng như lần trước, anh nhìn tôi lâu quá.

- Tôi đã đọc cuốn “Triết học của giai cấp công nhân” anh viết. – Tôi nói, và mắt anh sáng lên vì vui thích.

Anh đáp:

- Chắc thể nào cô chẳng chú ý tôi viết cuốn sách này nhằm đối tượng nào.

- Vâng. Và chính vì thế tôi muốn tranh cãi với anh, – tôi lên giọng thách thức.

- Tôi cũng thế, tôi cũng cần tranh luận với ông, ông Everhard ạ, – đức Giám mục Morehouse nói.

Ernest nhún vai rất điệu và đỡ lấy chén trà.

Đức Giám mục nghiêng mình nhường tôi nói trước.

Tôi bảo:

- Anh xúi giục thù hằn giai cấp. Tôi cho kêu gọi tất cả những cái gì là hẹp hòi, là tàn bạo trong giai cấp công nhân là sai lầm và có tội. Thù hằn giai cấp là một điều chống lại xã hội và theo ý tôi, chống lại chủ nghĩa xã hội.

- Tôi chẳng có tội gì cả, – anh đáp. – Trong lời văn và trong tinh thần tất cả những điều tôi viết, không có gì gọi là thù hằn giai cấp hết.

- Ô! – Tôi lên giọng trách móc và với lấy cuốn sách của anh, mở ra.

Anh lẳng lặng uống trà và mỉm cười nhìn tôi lật những trang sách.

- Trang một trăm ba mươi hai! – Tôi đọc to: “Cho nên trong giai đoạn hiện tại của sự phát triển xã hội, đấu tranh giai cấp diễn ra giữa giai cấp trả lương và những giai cấp ăn lương”.

Tôi nhìn anh với vẻ mặt đắc thắng.

- Đây có phải là chuyện hăn thù giai cấp đâu, – anh cười đáp.

- Nhưng anh bảo “đấu tranh giai cấp”.

- Cái đó khác, thù hăn giai cấp khác, – anh đáp. – Cô nên tin là chúng tôi không hề xúi giục ai thù hăn nhau. Chúng tôi nói: đấu tranh giai cấp là một quy luật của sự phát triển xã hội, chúng tôi không chịu trách nhiệm về điều đó. Chúng tôi có làm ra đấu tranh giai cấp đâu? Chúng tôi chỉ đem nó ra giải thích, cũng như Newton giải thích quy luật hấp dẫn của vạn vật. Chúng tôi cắt nghĩa bản chất của sự xung đột quyền lợi nó sinh ra đấu tranh giai cấp.

- Đáng lý ra thì không được có xung đột quyền lợi mới phải chứ! – Tôi kêu to lên.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với cô, – anh đáp. – Chính là những người theo chủ nghĩa xã hội chúng tôi đang ra sức làm việc đó. Chúng tôi đấu tranh để thủ tiêu sự xung đột quyền lợi. Xin lỗi cô. Để tôi đọc một đoạn.

– Anh cầm lấy cuốn sách và mở rất nhanh: – Trang một trăm hai mươi sáu: “Chu kỳ của đấu tranh giai cấp bắt đầu bằng sự tan rã của chế độ cộng đồng bộ lạc dã man và sự phát sinh ra tư hữu. Nó sẽ kết thúc bằng sự thủ tiêu quyền chiếm hữu cá nhân về những phương tiện sinh tồn của xã hội”.

- Nhưng tôi thì không đồng ý với ông, – đức Giám mục nói xen vào. Người xúc động quá và khuôn mặt xanh xao khắc khổ của người hơi phơn phớt đỏ. – Tiền đề của ông sai. Không có cái gì gọi là xung đột quyền lợi giữa lao động và tư bản, hay ít ra thì không nên có.

- Xin cảm ơn ngài, – Ernest nghiêm sắc mặt nói. – Vô tình trong câu cuối cùng của ngài, ngài đã công nhận tiền đề của tôi.

- Nhưng vì sao lại có thể có xung đột được kia chứ? – Đức Giám mục bực bội hỏi.

Ernest nhún vai:

- Bởi vì chúng ta bẩm sinh ra như thế. Theo tôi đoán thì như vậy.

- Chúng ta có phải bẩm sinh như thế đâu! – Đức Giám mục kêu lên.

- Có phải ngài đang bàn về con người lý tưởng không? – Ernest hỏi. Con người không vị kỷ, cao thượng như thần thánh ấy, có phải không? Nhưng người như thế hiếm quá, có thể nói là không có trong thực tế. Hay là ngài định nói con người thường?

- Tôi nói con người thường, – đức Giám mục đáp.

- Con người mềm yếu và sai trái, dễ lầm lẫn?

Đức Giám mục gật đầu.

- Xin ngài coi chừng, – Ernest nói. – Tôi nhắc lại chữ “ích kỷ”.

- Người thường bao giờ cũng ích kỷ thật, – đức Giám mục dừng cảm xác nhận.

- Và nó tham lam vô hạn, có đúng thế không?

- Con người thế tục vẫn hay tham lam; thật đáng thương hại, nhưng quả là như thế.

- Thế là tôi bắt được ngài rồi. – Hàm Ernest lập lại như cái lò xo của một cái bẫy. – Để tôi nói cho ngài nghe. Đây là một người làm ở sở xe lửa chạy trong thành phố.

- Người đó không thể có công ăn việc làm, nếu không có tư bản, – đức Giám mục ngắt lời.

- Đúng, nhưng chắc ngài công nhận rằng nếu không có lao động để kiếm lời thì tư bản chết, phải không?

Đức Giám mục im lặng.

Ernest hỏi day lại:

- Ngài có công nhận thế không ạ?

Đức Giám mục gật đầu.

- Thế là ý kiến chúng ta, cái nọ đã bác cái kia, – Ernest nói bằng một giọng rất thực tế. – Thế là hoà. Bây giờ thảo luận lại. Những người làm xe lửa bỏ sức lao động. Nhà tư bản bỏ vốn. Do hai bên lao động và tư bản phối hợp nên kiếm được ra tiền[18]. Họ chia nhau số tiền đó. Phần của tư bản gọi là lợi nhuận. Phần của lao động gọi là tiền lương.

- Đúng lắm, – đức Giám mục ngắt lời. – Và không có lý gì mà họ lại không chia nhau ổn thoả được.

- Ngài đã quên những điều chúng ta vừa đồng ý với nhau rồi, – Ernest trả lời. – Chúng ta đã đồng ý với nhau rằng con người bình thường vẫn hay ích kỷ. Đó mới là những con người thật. Ngài đã bay lên trên trời để chia phần cho những con người hoàn thiện hoàn mỹ nhưng không thể có được rồi. Ta hãy trở về mặt đất; người lao động vì ích kỷ, muốn được chia càng nhiều càng tốt. Nhà tư bản, vì ích kỷ, muốn được chia càng nhiều càng tốt.

Khi một vật gì chỉ có hạn mà hai người cùng muốn giành phần hơn thì có xung đột quyền lợi. Đó chính là xung đột quyền lợi giữa lao động và tư bản. Xung đột ấy không thể điều hoà được. Chừng nào còn lao động và tư bản thì hai bên còn tiếp tục cãi lộn nhau về việc chia phần. Nếu ngài ở San Francisco buổi chiều hôm nay thì ngài sẽ buộc phải đi bộ. Không còn một cái xe nào chạy trong phố hết.

- Lại bãi công à[19]? – Đức Giám mục hốt hoảng hỏi.

- Vâng, họ đang gây lộn với nhau về việc chia tiền lãi của hãng xe điện chạy trong thành phố.

Đức Giám mục nổi giận, kêu to lên:

- Họ làm rồi! Công nhân thật là thiển cận. Thế thì họ còn hòng giữ cảm tình của chúng tôi làm sao được... - Khi mà chúng tôi bắt buộc phải đi bộ, – Ernest nói chêm, ranh mãnh.

Nhưng đức Giám mục không chú ý đến câu anh nói. Người tiếp:

- Tầm mắt họ hẹp quá. Con người thì phải cư xử cho ra con người, không thể là con vật được. Lại sắp sửa có bạo động, chém giết, gây ra bao nhiêu cảnh vợ goá con cô. Tư bản và lao động phải là bạn của nhau kia! Họ phải cộng tác chặt chẽ với nhau, vì quyền lợi của cả hai bên.

- Ngài lại bay lên mây rồi. Xin ngài hãy trở lại mặt đất cho. Ngài nhớ cho rằng ta đã đồng ý với nhau là con người bình thường vẫn ích kỷ.

Đức Giám mục thét lên:

- Nhưng mà họ không nên ích kỷ!

- Tôi đồng ý với ngài về điểm ấy, – Ernest nói tiếp. – Họ không nên ích kỷ, nhưng họ vẫn sẽ ích kỷ như thường, chừng nào họ còn sống trong một cái hệ thống xã hội xây dựng trên nền tảng của một thứ đạo đức dành cho loài lợn.

Đức Giám mục hốt hoảng và ba tôi che miệng cười.

- Vâng, một thứ đạo đức dành cho loài lợn, – Ernest thản nhiên cười, nói tiếp. – Đó chính là định nghĩa của chủ nghĩa tư bản. Đó cũng là cái mà Nhà thờ các ngài ủng hộ, cái mà ngài vẫn dùng để thuyết người ta mỗi khi ngài bước lên toà giảng. Đạo đức của loài lợn! Không thể cho nó cái tên nào khác nữa!

Đức giám mục quay lại cầu cứu ba tôi, nhưng ba tôi cười lắc đầu:

- Tôi sợ ông Everhard nói đúng đấy! Đó là cái chính sách mạnh ai nấy làm, ai cũng chỉ bo bo biết phận mình và cuối cùng là hủy nó được. Như ông Everhard đã nói tối hôm nọ, chức trách của giới tu hành các ngài là gìn giữ cái trật tự đã được thiết lập, và xã hội hiện nay dựa trên nền tảng đó.

- Nhưng đây không phải là giáo lý của Chúa! – Đức giám mục kêu lên.

- Ngày nay, Nhà thờ không dạy đạo lý của Chúa nữa rồi. – Ernest vội nói. – Vì thế cho nên công nhân chúng tôi sẽ không giây với Nhà thờ. Nhà thờ dung túng cho giai cấp tư bản đối xử tàn bạo, đã man với giai cấp công nhân.

- Nhà thờ không hề dung túng, – đức Giám mục cãi.

- Nhà thờ không phản đối, – Ernest đáp. – Mà không phản đối tức là dung túng. Vì xin ngài nhớ cho rằng Nhà thờ là do giai cấp tư bản trợ cấp.

- Tôi không quan niệm vấn đề như thế, – đức Giám mục nói một cách ngây thơ. – Có lẽ ông lầm. Tôi biết trên thế giới này còn có nhiều điều đáng buồn, nhiều điều ác. Tôi biết rằng Nhà thờ đã mất... cái mà ông gọi là giai cấp vô sản [20].

- Các ngài chưa hề có giai cấp vô sản bao giờ cả! – Ernest lo tiếng. – Giai cấp vô sản đã trưởng thành bên ngoài Nhà thờ và không cần đến Nhà thờ.

- Tôi không nắm được ý ông, – đức Giám mục đáp lại yếu ớt.

- Vậy thì để tôi cắt nghĩa cho ngài nghe. Sau khi máy móc và hệ thống nhà máy xuất hiện, vào cuối thế kỷ thứ mười tám, quảng đại quần chúng lao động bị buộc phải rời bỏ ruộng đất, phương thức sản xuất cũ bị phá vỡ. Nhân dân lao động bị đuổi ra khỏi làng và bị tập trung trong các thành phố công nghiệp. Đàn bà trẻ con bị bắt phải đứng ra điều khiển máy. Đời sống gia đình thế là hết. Tình cảnh thật là khủng khiếp. Đó là một trang sử viết bằng máu.

- Tôi biết, tôi biết, – đức Giám mục nói với một vẻ mặt buồn rười rượi. Thật là hải hùng, nhưng việc này xảy ra đã một thế kỷ rưỡi nay rồi.

- Đúng như thế, giai cấp vô sản hiện đại ra đời đã một thế kỷ rưỡi nay. – Ernest nói tiếp. – Thế mà Nhà thờ không biết đến nó. Trong lúc bọn tư bản biến nước nhà thành lò sát sinh thì Nhà thờ làm thinh không nói. Trước kia Nhà thờ không phản đối, ngày nay Nhà thờ cũng không phản đối.

Austin Lewis [21] nói về thời kỳ đó cũng đã từng phát biểu: “Những kẻ được Chúa dạy: “Hãy nuôi lấy đàn chiên của ta” lại chính là những kẻ nhìn đàn chiên ấy bị bán đi làm nô lệ và bị vắt sức ra cho đến chết mà không một lời phản đối [22]...” Nhà thờ cứ thế gắn trám đường vào miệng. Trước khi tiếp tục người có đồng ý với tôi hay không đồng ý, xin nói toạc móng heo cho tôi biết. Có phải là Nhà thờ đã gắn trám đường vào miệng không?

Đức Giám mục Morehouse ngập ngừng. Cũng như bác sĩ Hammerfield, Người không quen cái lối mà Ernest gọi là “đánh tung thâm”.- Lịch sử thế kỷ thứ mười tám đã viết rồi, – Ernest nói như riu chém đá. – Nếu Nhà thờ không gắn trám đường vào miệng thì người ta cũng phải thấy có một lời phản đối nào trong sử sách chứ?

- Kẻ thì lúc đó Nhà thờ cũng có làm lơ đi thật, – đức Giám mục thú nhận.

- Ngay cả bây giờ nữa, Nhà thờ vẫn cứ làm lơ.

- Ở đây thì tôi không đồng ý, – đức Giám mục nói.

Ernest ngừng lại, chăm chú nhìn Người và nhận lời thách thức.

- Được lắm, – anh bảo, – rồi ta xem. Ở Chicago, phụ nữ làm việc mỗi tuần được chín hào lương. Nhà thờ có phản đối không?

- Tôi không thể biết việc này, – đức Giám mục đáp. – Chết thật, có chín hào thôi ư?

- Nhà thờ có phản đối không? – Ernest hỏi day lại.

- Nhà thờ không biết điều đó, – đức Giám mục kiên quyết chống đỡ.

- Thế mà Chúa đã từng dạy Nhà thờ là “hãy nuôi lấy đàn con chiên của ta” đây. – Ernest nói mỉa. Sau đó, anh bảo:

- Xin ngài bỏ quá cho tôi đã nói day ngài. Chúng tôi bất bình với các ngài, liệu ngài có lấy thế làm lạ không? Các ngài có đem việc dùng trẻ con trong các nhà máy sợi ở miền Nam ra phản đối [23] trước nhà thờ tư bản chủ nghĩa của các ngài không? Trẻ con sáu bảy tuổi thay phiên nhau làm đêm, mỗi phiên mười hai tiếng đồng hồ. Chúng nó không bao giờ được nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Chúng nó chết như ruồi bọ. Tiền lời của bọn tư bản là do máu chúng nó mà ra. Các ngài dùng tiền đó để xây những thánh đường lộng lẫy ở New England. Và trong những Thánh đường ấy, đồng loại

của ngài đem tuyên giảng những điều rất vô vị tuy là rất êm tai, trước những cái kết đưng tiền lời bụng phê, mặt nhăn như bàn thịt.

- Tôi không hề biết những điều đó, – đức Giám mục thều thào. Mặt Người tái đi như người trúng gió.

- Thế là các ngài không phản đối chứ gì?

Đức Giám mục lắc đầu.

- Thế là Nhà thờ ngày nào cũng ngậm miệng như nó đã từng ngậm miệng hồi thế kỷ thứ mười tám chứ gì?

Đức Giám mục nín lặng và lần này thì Ernest thôi không hỏi dồn nữa.

- Và xin ngài đừng quên rằng hễ giáo sĩ nào phản đối là bị thải hồi tức khắc.

- Tôi thấy như thế là không công bằng.

- Ngài có phản đối không? – Ernest hỏi.

- Ông cứ chỉ cho tôi những điều dữ trong xã hội chúng ta như ông vừa nói, tôi sẽ phản đối.

- Tôi sẽ chỉ, – Ernest ung dung đáp. – Tôi sẵn sàng để ngài tùy tiện sử dụng. Tôi sẽ dẫn ngài làm một cuộc du hành qua địa ngục.

- Và tôi sẽ phản đối!... – Đức Giám mục ngồi thẳng người lên và trên khuôn mặt hiền từ của Người hiện lên vẻ đanh thép của một chiến sĩ.

– Nhà thờ sẽ không im đâu!

Ernest báo trước:

- Ngài sẽ bị sa thải.

Đức Giám mục trả lời:

- Tôi sẽ chứng minh ngược lại cho ông xem. Nếu quả những điều ông nói có như thế thật thì tôi sẽ chứng minh cho ông thấy rằng Nhà thờ sai lầm chỉ vì không biết mà thôi. Thậm chí tôi tin chắc rằng tất cả những điều gớm ghê xảy ra trong xã hội công nghiệp cũng đều do giai cấp tư bản không biết mà ra. Họ sẽ sửa lại những sai trái ngay khi nhận được bức thư mà Nhà thờ có nhiệm vụ viết cho họ.

Ernest phá lên cười. Anh cười rất ác và tôi buộc lòng phải bênh đức Giám mục. Tôi bảo:

- Anh nên nhớ, anh mới thấy có một mặt của vấn đề. Anh không tin là chúng tôi tốt một tí nào đâu, nhưng mặc, chúng tôi vẫn có nhiều điểm tốt.

Đức cha nói rất đúng. Những sai trái do công nghiệp gây nên, dù có ghê gớm như anh nói đi chăng nữa, cũng chỉ do người ta không biết mà ra. Các giới trong xã hội ngày nay xa cách nhau quá lắm!

- Người mọi da đỏ cũng không tàn ác dã man bằng giai cấp tư bản, – anh đáp. Và lúc ấy tôi phát ghét anh lên.

- Anh không hiểu chúng tôi, – tôi bảo anh thế, – chúng tôi không tàn ác dã man đâu!

- Thế cô chứng minh đi, – anh thách.

- Với anh thì chứng minh thế nào được? – Tôi bắt đầu cáu.

Anh lắc đầu:

- Tôi không yêu cầu cô chứng minh cho tôi. Tôi yêu cầu cô chứng minh cho bản thân cô kia!

- Tôi thì tôi biết rồi, không việc gì lại phải chứng minh cho tôi.

- Cô không hiểu cái gì hết! – Anh trả lời phũ phàng.

Ba tôi dàn hoà:

- Các con, các con, đừng thế!

Tôi giận quá bảo:

- Tôi không thèm... Nhưng Ernest ngắt lời:

- Tôi hiểu vấn đề như thế này: cô có tiền hay ba cô có tiền cũng vậy thôi. Tôi muốn nói số tiền hùn vào nhà máy Sierra.

- Cái đó có liên quan gì đến vấn đề đang thảo luận kia chứ? – Tôi gắt.

- Cũng không liên quan gì đâu, – anh nói chậm rãi. – Trừ một điều là tấm áo cô đang mặc đây có vấy máu, những thức ăn cô ăn vào miệng đều tanh mùi máu. Máu trẻ con, máu người lớn đang từ trên xà nhà cô rỏ xuống. Tôi chỉ cần nhắm mắt lại là nghe thấy tiếng máu rơi từng giọt từng giọt quanh mình.

Để cho điều bộ phù hợp với lời nói, anh nhắm mắt lại và tựa lưng vào ghế. Tôi oà lên khóc vì nhục và vì tự ái. Trong đời tôi chưa bao giờ bị đối xử phũ phàng đến thế. Cả đức Giám mục lẫn ba tôi đều bối rối, kinh ngạc. Hai người định lái câu chuyện sang một vấn đề khác bớt gay go hơn: nhưng Ernest đã mở mắt ra và xua tay cho hai người giãn ra. Miệng anh rất nghiêm, cả mắt anh cũng thế. Trong khoé mắt anh không còn cái cười long lanh như mọi khi nữa. Anh lại sắp nói gì đây? Anh lại sắp bắt tôi phải chịu

hình phạt ghê gớm gì đây? Tôi cũng chẳng hiểu. Vì lúc ấy một người đang đi trên hè phố đứng lại nhìn chúng tôi. Anh ta tầm vóc cao lớn, quần áo rách rưới, lưng thò một bó nặng bàn ghế và bình phong bằng tre và mây. Anh ta nhìn vào trong nhà, như lưỡng lự, không biết có nên vào chào bán hàng không.

- Tên anh ấy là Jackson, – Ernest bảo.

- Thân hình vạm vỡ thế kia đáng lẽ phải đi làm việc chứ lại đi bán hàng rong à[24]! – Tôi nói gọn lỏn.

- Cô để ý tay áo bên trái anh ấy xem, – Ernest nhẹ nhàng bảo.

Tôi nhìn thấy tay áo rộng.

- Tôi nghe thấy máu ở cánh tay anh ấy ở trên xà nhà cô rơi xuống, – Ernest vẫn một giọng nhẹ nhàng như trước. – Anh ấy mất cánh tay trong nhà máy Sierra và “cô” đã quăng anh ấy ra chết ngoài đường như một con ngựa cụt. Tôi nói “cô” đây tức là muốn chỉ viên giám đốc và tất cả những viên chức mà cô và những cổ động khác mượn để trông nom cho nhà máy chạy. Đây là một tai nạn lao động. Tai nạn này xảy ra là vì anh ấy muốn cho nhà máy đỡ tốn mấy đô-la. Tay anh ấy bị kẹp vào cái ống răng cưa của máy chải sợi. Anh ấy thấy một hòn đá cuội vướng vào răng máy. Giá anh ấy cứ để nguyên thì hòn cuội sẽ làm gãy hai hàng răng cưa. Anh ấy bèn với tay nhặt nó ra, thế là cánh tay bị nghiền như suốt từ đầu ngón cho đến bả vai. Lúc ấy là ban đêm. Nhà máy làm thêm giờ. Quý ấy tiền lời chia rất sù. Đêm hôm xảy ra tai nạn, Jackson làm việc đã hàng bao tiếng đồng hồ rồi, các bắp thịt anh đã mỏi nhừ và cử động không được nhanh nhẹn nữa. Vì thế mà anh bị máy nghiền. Anh ấy có một vợ ba con.

- Thế công ty có làm gì cho anh ta không? – Tôi hỏi.

- Chẳng làm cái gì hết. Quên, xin lỗi cô, có làm. Ở nhà thương ra, anh ấy kiện đòi bồi thường và công ty đã làm cho anh ấy thua kiện. Chắc cô cũng thừa biết là công ty dùng những luật sư rất có năng lực.

- Anh kể chưa hết chuyện, – tôi nói quả quyết. – Hoặc là anh không biết hết chuyện. Có lẽ tại vì anh ta xác láo.

- Xác láo! Hà hà! – Giọng cười của anh rất đanh ác. – Trời đất ơi! Với một người cánh tay đã bị nghiền như. Thế nhưng anh ấy lại là một tên đầy tớ hiền lành, ngoan ngoãn kia. Chẳng ai bảo anh ấy là xác láo bao giờ... -

Nhưng mà xác lão ở toà án. – tôi vội bảo. – Chắc là trong chuyện này còn có những điều không giống như anh nói, nếu không thì toà đã chẳng xử cho anh ta thua.

- Đại tá Ingram làm cố vấn cho công ty. Ông ta là một nhà luật học rất khôn ngoan. – Ernest chăm chú nhìn tôi và nói tiếp. – Cô Cunningham ạ, tôi bảo thật cô nhé, cô nên đi điều tra về trường hợp của Jackson đi.

- Tôi cũng định thế, – tôi lạnh lùng đáp.

- Tốt lắm, – anh hớn hờ bảo tôi. – Tôi sẽ chỉ chỗ cho cô tìm anh ấy. Nhưng tôi không khỏi rung mình khi nghĩ đến những điều cô sẽ phải chứng minh bằng cánh tay của Jackson.

Thế là cả đức Giám mục lẫn tôi đều nhận lời thách thức của Ernest. Đức Giám mục ra về cùng với anh. Tôi ngồi một mình, rất phần uất vì thái độ bất công của anh đối với tôi và giai cấp tôi. Đồ súc sinh! Tôi ghét cay ghét đắng anh, nhưng lại tự an ủi ngay: người của giai cấp công nhân tất nhiên là cư xử như thế. Không thể đòi hỏi hơn được.

Chú thích:

15 - *Hồi đó sự phân biệt giữa những người sanh ở trong nước và những người sanh ở ngoài nước rất sâu sắc và rất khó chịu.*

16- *Cuốn sách này vẫn được in bí mật trong suốt ba thế kỷ thống trị của cái Gót sắt. Có nhiều bản thuộc nhiều lần xuất bản khác nhau trong Thư viện Quốc gia Ardis.*

17- *Vào khoảng 1m9 (ND).*

18- *Thời đó, những bọn cá nhân tham bạo kiểm soát tất cả những phương tiện vận tải và bắt công chúng đóng thuế thông hành mới được sử dụng những phương tiện đó.*

19- *Trong cái thời kỳ vô lý và vô chính phủ này, những sự xung đột như vậy diễn ra như cơm bữa. Có khi là anh em lao động bãi công, có khi là tư bản không chịu để cho lao động làm việc. Những sự xung đột này dẫn đến bạo động và hỗn loạn, khiến cho nhiều tài sản bị tàn phá và nhiều người bị thiệt mạng. Tất cả những chuyện đó bây giờ chúng ta không sao quan niệm được, cũng như chúng ta không thể quan niệm được một tập quán của thời đó là những người đàn ông thuộc các tầng lớp dưới hay đập phá đồ đạc mỗi khi cãi nhau với vợ.*

- 20 -Proletariat (vô sản – ND): do tiếng Latin Proletarii mà ra. Trong cuộc điều tra dân số của Servius Tullius (vua thứ sáu của thành La Mã – ND), tiếng Proletarii dùng để chỉ những người ngoài việc nuôi con cái (proles) ra, không được một lợi ích gì khác cho Nhà nước. Nói một cách khác, họ là những người không đáng kể hoặc là về mặt tài sản, hoặc là về mặt địa vị, hoặc là về mặt tài năng đặc biệt.
- 21- Ông ứng cử ghế thống đốc bang California trong cuộc tuyển cử mùa thu năm 1906, đứng ở danh sách của Đảng Xã hội. Ông nguyên là người Anh, đã viết nhiều sách về kinh tế chính trị học và triết học và là một lãnh tụ của Đảng Xã hội thời đó.
- 22 -Trong lịch sử không có trang nào ghê tởm bằng sự đối đãi với lớp đàn bà và trẻ em làm nô lệ trong các xưởng máy của nước Anh vào nửa thứ hai của thế kỷ 18. Có nhiều kẻ nhờ những cái địa ngục công nghiệp như thế, đã làm giàu ghê gớm và trở thành hiển hách.
- 23- Kể ra Everhard có thể tìm được ví dụ rõ ràng hơn để minh họa cho lời mình nói. Đó là việc giáo hội miền Nam công khai bênh vực chế độ nô lệ hồi trước Chiến tranh Nam Bắc ở Hoa Kỳ. Ở đây chúng tôi nêu nhiều ví dụ dụ tương tự từ những tài liệu thời đó. Năm 1835, Đại hội đồng của giáo hội Trưởng lão quyết nghị: “Chế độ nô lệ được cả Kinh cũ lẫn Kinh mới thừa nhận và không bị Chúa lên án”. Hội những giáo sĩ chủ trương chỉ rửa tội cho những người trưởng thành ở thành Charleston cũng năm 1835 đã tuyên bố: “Quyền của chủ sử dụng thời gian của nô lệ đã được Đấng chí cao tạo ra muôn loài công nhận rõ ràng. Chắc chắn là Người có thể tùy tiện trao quyền sở hữu về bất cứ một vật gì cho bất cứ ai”. Đức cha E. D. Simon, tiến sĩ thần học, giáo sư Học viện Giám lý hội Randolph ở Virginia viết: “Những đoạn trích trong Thánh thư công nhận một cách không úp mở quyền sở hữu nô lệ và những quyền khác có liên quan. Quyền mua và bán nô lệ đã được quy định rõ ràng. Xét theo mọi lẽ, dù là tra cứu chính sách Do Thái do chính tay đức Chúa đặt ra, hay dư luận và thực hành nhất loạt của nhân loại qua tất cả các thời đại, hay những lời dạy trong Kinh mới và trong phép luân lý, ta đều phải rút ra kết luận rằng chế độ nô lệ không có gì trái với đạo đức. Sau khi đã xác định một điểm là bầy nô lệ Phi

châu đầu tiên đã được nuôi làm nô lệ một cách hợp pháp, quyền giữ con cái chúng trong vòng nô lệ cũng chỉ là một hậu quả cần thiết. Như vậy chế độ nô lệ hiện tồn tại ở Mỹ là một cái quyền và hoàn toàn có căn cứ”.

Không có gì là lạ những ý kiến trên đây một hai thế hệ sau lại được Nhà thờ lập lại để bảo vệ tài sản cho bọn tư bản. Trong viện bảo tàng lớn ở Asgard có một cuốn sách nhan đề “Bàn về sự ứng dụng” do Henry van Dyke viết. Sách này xuất bản năm 1905. Do cuốn sách này, ta có thể đoán ra rằng Van Dyke là một giáo sĩ. Nên chú ý đến sự giống nhau giữa lời tuyên bố của Hội những giáo sĩ chủ trương chỉ rửa tội cho những người đã trưởng thành ở Charleston đã dẫn trên và những lời Van Dyke viết bảy năm về sau: “Kinh thánh dạy rằng thế giới là thuộc quyền sở hữu của Chúa. Chúa phân phát cho mỗi người tùy theo ý muốn của Chúa thế theo những phép tắc chung”.

24- Hồi đó còn hàng vạn người đi bán hàng rong như thế. Họ đem tất cả hàng hoá đi chào hết nhà này sang nhà khác. Thật hết sức lãng phí nhân lực. Sự phân phối rất hỗn độn và bất hợp lý, cũng giống như toàn bộ hệ thống xã hội.

Chương III

Cánh tay của Jackson

Tôi cũng không ngờ cánh tay của Jackson sau này đã đóng một vai trò quyết định trong đời tôi. Tôi kiếm mãi mới ra anh, và bản thân anh không gây cho tôi một ấn tượng gì đặc biệt. Tôi tìm thấy anh trong một túp lều lụp xụp [25], gần vịnh, bên bãi lầy. Bốn xung quanh nhà anh ta là những vũng nước lều bều một thứ váng xanh lè, mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Jackson đúng là con người hiền lành người ta đã tả cho tôi nghe. Anh đang đan một thứ đồ mây và cứ thế lẳng lặng làm việc trong lúc tôi nói chuyện với anh. Nhưng mặc dầu anh hiền lành tôi vẫn thấy thoáng hiện ra trong giọng nói của anh một niềm chua xót. Anh bảo:

- Kể ra làm gì họ chẳng cho tôi được một chân gác đêm![26] Tôi hỏi anh được rất ít. Tôi thấy anh khù khờ lắm, khác hẳn cái dáng anh đưa bàn tay làm việc nhanh thoăn thoắt. Tôi bèn nảy ra một ý nghĩ và hỏi:

- Thế làm sao mà tay anh lại kẹp vào máy được?

Anh chậm rãi nhìn tôi, vẻ mặt trầm ngâm và lắc đầu.

- Tôi không biết. Tự nhiên nó thế!

- Hay là tại cầu thả? – Tôi vội hỏi.

- Không, – anh đáp, – không thể nói như thế được. Tôi làm thêm giờ, tôi cho là vì tôi mệt quá. Tôi đã làm mười bảy năm trong nhà máy, tôi nghiệm thấy rằng phần nhiều tai nạn xảy ra đúng lúc sắp còi tầm [27]. Tôi dám cược rằng trong giờ sắp tan tầm, tai nạn xảy ra nhiều hơn tất cả các giờ khác cộng lại. Làm quần quật hết giờ này sang giờ khác, ai còn nhanh nhẹn được nữa. Tôi đã từng nom thấy không biết bao nhiêu người bị cắt đứt ra từng mảnh hoặc bị nghiền nát như.

- Nhiều thế kia ư?

- Hàng trăm người, cả trẻ con nữa.

Trừ những chi tiết khủng khiếp, Jackson kể lại chuyện anh bị tai nạn hoàn toàn giống như người ta nói cho tôi nghe. Tôi hỏi anh có vi phạm nội quy điều khiển máy không thì anh lắc đầu.

- Tôi lấy tay phải gỡ dây cua-roa, – anh bảo, – và tôi giờ luôn tay trái ra nhặt hòn đá cuội. Tôi cũng không xem dây cua-roa đã gỡ hẳn chưa. Tôi tưởng tay phải đã gỡ được rồi. nhưng thực ra thì chưa. Tôi đưa tay trái ra thật nhanh, nhưng dây cua-roa chưa gỡ được. Thế là tay tôi bị nghiền.

- Chắc là đau ghê lắm nhỉ! – Tôi động tâm nói... - Giập xương nhất định không phải chuyện đùa, – anh trả lời.

Về việc kiện đòi bồi thường, óc anh nghĩ rất lộn xộn. Chỉ có một điều rõ ràng đối với anh là anh không được bồi thường một tí gì cả. Anh cho rằng khẩu cung của đốc công và của giám đốc nhà máy đã làm cho toà xử anh thua. Theo anh, họ khai không đúng sự thật. Thế là tôi quyết định đi tìm họ.

Điều này mới thật rõ, tình cảnh của Jackson rất là khốn đốn. Vợ anh đau yếu luôn, nghề đan mây đi bán rong không nuôi sống được gia đình. Tháng nào anh cũng chậm tiền nhà. Đứa con trai lớn mới mười một tuổi đã phải vào làm nhà máy.

- Kể ra làm gì họ chẳng cho tôi được một chân gác đêm, – đó là những lời cuối cùng của anh lúc tôi ra về.

Tôi đi tìm viên luật sư đã cãi cho Jackson, hai viên đốc công và viên giám đốc nhà máy đã làm chứng ở toà. Cuối cùng tôi cũng bắt đầu cảm thấy Ernest nói không phải là vô căn cứ.

Vị luật sư trông rất đụt, vừa mới nhìn ông ta, tôi đã thấy Jackson thua kiện không có gì lạ. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là Jackson chọn một luật sư như thế thì bị như thế là đúng thôi. Nhưng một lúc sau, tôi chợt nhớ ra hai câu nói của Ernest: “Công ty mượn những luật sư giỏi” và “Đại tá Ingram là một luật sư rất khôn ngoan”. Tôi thoáng nghĩ trong óc: cố nhiên công lý mượn được người cãi tài giỏi hơn là một anh thợ quen như Jackson. Nhưng đó cũng chỉ là một chi tiết nhỏ. Tôi chắc Jackson thua kiện tất phải có lý do gì khác.

- Sao ông lại thua kiện? – Tôi hỏi.

Nhà luật học luống cuống mất một lúc, trông đến thương hại. Rồi ông ta bắt đầu than vãn. Tôi tưởng chừng ông ta lúc sanh ra đã quen than vãn như thế rồi. Ông ta than thở về những lời chứng ở toà. Nhân chứng khai toàn những điều có lợi cho bên kia. Ông ta không sao làm cho họ khai được một lời có lợi cho Jackson. Họ thừa biết đi với ai có lợi. Còn Jackson thì thật là ngốc. Anh đã bị đại tá Ingram dọa đến nổi cuống cả lên. Đại tá Ingram rất giỏi khoa hỏi vặn. Ông ta đã bắt anh trả lời những câu rất nguy hại.

- Nếu công lý ở về phía anh ta thì làm sao những câu trả lời của anh ta lại có thể nguy hại được? – Tôi hỏi.

- Công lý thì có dính dáng gì đến việc này? – Ông ta hỏi tôi. Ông ta đưa tay chỉ những hàng sách xếp trên tường, trong cái phòng làm việc chật như lỗ mũi. – Chính nhờ đọc và nghiên cứu những sách mà tôi rút ra được một bài học rằng luật pháp là một chuyện, mà công lý là một chuyện khác. Bà cứ hỏi bất cứ một luật sư nào mà xem. Muốn biết thế nào là lẽ công bằng thì phải đi nghe giảng đạo ngày Chủ nhật. Còn muốn biết thế nào là luật pháp thì phải tra cứu những sách này.

- Ông muốn bảo tôi là Jackson phải mà vẫn bị thua kiện, có phải không? – Tôi hỏi thử ông ta thế. – Ông định bảo là ở toà án của ông Chánh án Caldwell không có công lý, có phải không?

Ông luật sư bé nhỏ nhìn chòng chọc vào tôi một lúc và rồi tất cả cái dũng khí trên mặt ông biến đi đâu mất hết.

- Tôi thật là đen, – ông ta lại bắt đầu than thở. – Họ đã nhạo Jackson thì chớ, họ còn nhạo luôn cả tôi nữa. Tôi còn hy vọng cái gì! Đại tá Ingram là một luật sư đại tài. Nếu ông ta không tài, dễ thường ông ta nắm được công việc của nhà máy Sierra, của nghiệp đoàn ruộng đất Erston, của hãng Berkeley, hãng Oakland, hãng San Leandro và của công ty điện khí Pleasanton chắc? Ông ta làm luật sư cho các hãng độc quyền mà các hãng độc quyền họ trả lương cho luật sư không phải để ăn hại [28]. Vì sao một mình nhà máy Sierra mà trả cho ông ta tới hai vạn đô-la một năm? Chắc bà cũng thừa hiểu là bởi vì đối với họ ông ta đáng giá ngàn ấy tiền. Tôi thì tôi không đáng ngàn ấy tiền. Nếu đáng thì tôi chẳng đến nỗi phải châu rìa, phải chết đói dở, phải hứng lấy những việc như việc của nhà anh Jackson kia. Bà thử nghĩ, giá có được vụ kiện của anh ta, phỏng tôi được cái gì?

- Chắc là ông sẽ bòn anh ta đến khánh kiệt thì thôi, – tôi trả lời.

- Cố nhiên như thế, – ông ta cau lăm, quát âm lên. – Tôi cũng còn phải sống chứ! [29] - Anh ta có vợ, có con, – tôi trách.

- Tôi cũng có vợ, có con, – ông ta trả lời. – Mà trên đời này ngoài tôi ra thì chẳng có ma nào lo đến việc vợ con tôi có chết đói hay không chết đói.

Về mặt ông ta chột điệu xuống. Ông ta mở cái đồng hồ quả quýt và cho tôi xem tấm ảnh nhỏ chụp vợ và hai con gái.

- Bà xem, vợ con tôi đấy. Gia đình tôi sống thật là chật vật. Tôi vẫn định cãi được vụ Jackson này thì cho vợ tôi và các cháu về thôn quê. Nhà tôi và các cháu ở đây không được khoẻ, nhưng tôi chẳng có cách nào cho đi chỗ khác được.

Khi tôi đứng dậy ra về, ông ta lại than thở.

- Tôi thật là đen đui. Đại tá Ingram với ông Chánh án Caldwell là cánh hẩu với nhau. Tôi không bảo rằng họ là cánh hẩu cho nên chúng tôi thua kiện đâu. Chẳng qua cũng chỉ vì lúc thẩm vấn nhân chứng, tôi không lấy được lời khai nào đúng với sự thật thôi. Nhưng dẫu sao tôi cũng phải nói rằng ông Chánh án Caldwell tìm hết cách để ngăn không cho tôi moi lấy một lời khai đúng đắn. Chứ còn sao nữa? Ông Chánh án Caldwell với Đại tá Ingram đi xem hát ngồi cùng một lô, cùng đến một câu lạc bộ. Họ cùng ở

một phố mà người khác không có tiền ở. Ngày nào vợ họ cũng thậm thụt sang nhà nhau. Họ toàn là đánh bài với nhau, toàn là chơi bời với nhau... - Nghĩa là ông vẫn nghĩ rằng Jackson phải chứ gì? – Tôi hỏi và đứng chờ ông ta trả lời.

- Còn nghĩ ngợi lồi thôi gì nữa! Tôi biết chắc chắn là Jackson phải, – ông ta đáp. – Thoạt đầu là tôi cũng cứ tưởng là anh ta có cơ được kiện. Nhưng tôi không cho nhà tôi biết, tôi không muốn nhà tôi mừng hụt. Nhà tôi đang thèm về sống ở thôn quê một thời gian. Thế này cũng đủ thất vọng lắm rồi.

Peter Donnelly là một trong hai viên đốc công đã ra làm chứng ở toà. Tôi hỏi y như sau:

- Sao ông không xin toà lưu ý đến chỗ Jackson cố tránh cho máy khỏi bị hư hại?

Y suy nghĩ một lúc lâu rồi mới trả lời. Y lo ngại nhìn bốn xung quanh và bảo:

- Bởi vì tôi có một người vợ hiền và ba đứa con rất ngoan, rất kháu. Có thể nói, bà chưa bao giờ nhìn thấy đứa trẻ nào kháu khỉnh như thế.

- Tôi không hiểu ông định nói gì, – tôi bảo.

- Nói một cách khác, khai như thế khó lắm.

- Ông định bảo là... – nhưng y dừng dừng ngắt lời tôi:

- Tôi định nói thế chứ còn thế nào nữa. Tôi làm nhà máy đã hằng bao nhiêu năm. Tôi bắt đầu vào xe sợi từ nhỏ và làm suốt từ đó đến nay. Chính là do chịu thương chịu khó mà tôi leo lên được cái địa vị này. Vâng, thưa bà, tôi là đốc công. Thử hỏi ở cái nhà máy này, lúc lỡ ra thì hỏi có ai giờ tay kéo tôi cho tôi khỏi chết đuối không? Trước tôi có chân trong công đoàn. Nhưng hai kỳ bãi công, tôi ở lại làm cho công ty. Chúng nó gọi tôi là “phần tử vàng”. Bây giờ giá tôi có mời thì cũng không đứa nào thèm uống với tôi cốc rượu. Bà có thấy vết sẹo trên đầu tôi không? Chúng nó lấy gạch ném tôi đấy! Bọn nhóc con ở xưởng xe sợi không đứa nào là không réo tên tôi lên chửi. Tôi chỉ còn một người bạn thôi, là công ty. Cũng chẳng ai bắt tôi đứng về phe công ty. Nhưng tôi cần bánh mì, cần bơ, cần cho con tôi sống. Lý do là như thế.

- Jackson có gì đáng khiến trách không? – Tôi hỏi.

- Lẽ ra anh ta được bồi thường thì mới phải. Anh ta làm ăn tốt, không bao giờ gây khó khăn cho nhà máy.

- Vậy ra ông không được tự do nói hết sự thật như ông đã tuyên thệ ư? Y lắc đầu.

- Sự thật, tất cả sự thật, và chỉ có sự thật, – tôi trịnh trọng nói thêm. Bỗng y lại hằm hằm nét mặt.

Y ngẩng lên không phải để nhìn tôi, mà để nhìn trời.

- Vì các con tôi, – y đáp, – giá có bị thiêu chết cả thể xác lẫn linh hồn dưới địa ngục, tôi cũng cam lòng.

Henry Dallas, viên giám đốc, là một tên mình người mặt cáo. Y nhìn tôi một cách xác láo và nhất định không chịu nói. Tôi không sao hỏi được y nửa lời về vụ kiện và về khẩu cung của y ở toà. Nhưng tôi đến tìm viên đốc công thứ hai thì đạt được kết quả hơn. James Smith là một người nét mặt khắc khổ, gặp anh ta tự nhiên tôi thấy lòng se lại. Tôi có cảm tưởng cả anh ta nữa cũng không được tự do. Lúc nói chuyện tôi nhận thấy tính tình anh ta khá hơn bọn người cùng giới với anh ta. Anh ta đồng ý với Peter Donnelly rằng Jackson đáng lẽ phải được bồi thường. Anh ta còn đi xa hơn. Anh ta bảo rằng người công nhân đó ra lẽ đường sau khi người đó bị tai nạn mất cả sức lao động là tàn bạo, là giết người không dao. Anh ta cũng kể lại rằng trong nhà máy thường xảy ra tai nạn luôn và chính sách của công ty là đấu tranh đến cùng chống những vụ kiện đòi bồi thường. Anh ta bảo:

- Hằng năm như thế là nhà chủ đỡ tốn hàng chục vạn đô-la.

Tôi nhớ ngay đến số tiền lời ba tôi mới được chia. Ba tôi đã dùng tiền này để sắm áo đẹp cho tôi và mua sách cho mình. Tôi nhớ lại lời Ernest kết tội tấm áo của tôi vấy máu và tôi cảm thấy các thớ thịt rùng lên dưới lớp quần áo tôi đang mặc.

- Lúc khai trước toà, ông không vạch rõ rằng Jackson bị tai nạn là vì muốn cho nhà máy khỏi bị hư hại ư?

- Không, – anh ta đáp và anh ta mím môi lại trông rất chua xót. – Tôi đã làm chứng rằng Jackson bị thương vì cầu thả, vì không cẩn thận và công ty không phải chịu trách nhiệm gì về việc này.

- Có phải là cầu thả thật không? – Tôi hỏi.

- Bà muốn gọi là cầu thả hay gọi là gì thì gọi. Trong thực tế thì làm việc hàng tiếng đồng hồ liên ai cũng phải mệt.

Tôi bắt đầu có cảm tình với anh ta. Anh ta quả là thuộc loại trên, khá hơn nhiều kẻ khác.

- Ông là người có học hơn đa số những người lao động, – tôi bảo anh ta thế.

- Tôi đã học hết trung học, – anh ta đáp. – Tôi phải làm nghề gác cửa để lấy tiền đi học. Mong của tôi là vào Đại học. Nhưng ông cụ tôi mất, thế là tôi lại vào làm ở nhà máy. Lúc được thăng chức đốc công, tôi cưới vợ, rồi có con. Thế là tôi không còn là chủ của tôi nữa.

- Ông nói thế nghĩa là thế nào? – Tôi hỏi.

- Tôi đang cắt nghĩa tại sao tôi làm như thế, tại sao đã làm theo những chỉ thị của người ta.

- Chỉ thị của ai?

- Của đại tá Ingram. Ông ta thảo những lời tôi phải khai trước toà.

- Và lời khai đó đã khiến cho Jackson thua kiện. – Anh ta gật đầu, mặt đỏ lên như gấc.

- Và Jackson có một vợ, hai con trông cậy cả vào bác ta.

- Tôi biết, – anh ta bình tĩnh đáp, mặc dầu mặt anh ta càng sạm lại.

- Ông hãy nói cho tôi nghe, – tôi tiếp, – ông đã từng học hết trung học, vậy biến thành một người làm nổi một việc như thế trước toà án thì có dễ không?

Anh ta chột đùng đùng nổi giận, khiến tôi vừa ngạc nhiên vừa sợ. Anh ta thốt ra những câu nguyên rủa kinh người [30] và nắm tay lại như sắp đánh tôi.

Một lúc sau anh ta lại bảo:

- Xin lỗi bà, không, không dễ đâu!... Bây giờ mời bà đi đi thì hơn... Bà đã moi được từ miệng tôi tất cả những điều bà muốn biết. Nhưng tôi nói cho bà rõ trước khi bà ra về: bà đừng nhắc lại những điều tôi đã nói với bà làm gì, vô ích. Tôi sẽ chối, vì không có ai làm chứng cả. Tôi sẽ chối hết, chối hết, nếu cần tôi sẽ thề trước toà để mà chối.

Sau khi gặp Smith, tôi lại khoa Hoá học tìm ba tôi trong phòng giấy và gặp Ernest ở đấy. Thật bất ngờ quá, nhưng anh chào tôi với cặp mắt táo tợn,

cái bắt tay chặt chẽ và cái vẻ nửa phóng khoáng nửa vụng về rất lạ của anh. Hình như anh đã quên buổi họp mặt đầy sóng gió vừa rồi. Tôi ở vào một tâm trạng không thể để anh quên được.

- Tôi đã điều tra vụ Jackson, – tôi nói đột ngột.

Anh chăm chú chờ tôi nói tiếp. Tuy nhiên, nhìn đôi mắt sáng ngời của anh, tôi thấy ngay là anh đang biết chắc những niềm tin cũ của tôi đã bị rung chuyển.

- Anh ta có vẻ bị bạc đãi quá, – tôi đành thú thật. – Tôi thấy... tôi thấy đúng là có máu từ trên xà nhà tôi rỏ xuống... - Lẽ tất nhiên, – anh đáp. – Nếu Jackson và tất cả các bạn anh được đối xử tốt thì tiền lời đã chẳng nhiều đến thế.

- Tôi không bao giờ còn có thể thích mặc áo đẹp nữa, – tôi nói thêm.

Tôi thấy mình hèn quá, tôi đâm ăn năn. Đối với tôi, Ernest như một người cha rửa tội và tôi cảm thấy êm ái trong lòng. Lúc ấy và về sau này cũng thế, sức mạnh của anh đã quyền rũ tôi. Một sức mạnh chói ngời, nó hứa hẹn bình yên và che chở.

- Cô có mặc áo bằng bao tải cũng thế thôi, – anh nghiêm nghị nói. – Cô cũng biết là có những nhà máy dệt đầy chứ gì. Ở đó cũng xảy ra những chuyện như thế. Đâu đâu cũng thế cả. Nền văn minh của chúng ta mà bao kẻ khoe mẽ, nền văn minh đó xây trong máu, thấm toàn những máu. Cả cô, cả tôi, tất cả mọi người chúng ta, chẳng ai thoát không bị vấy máu. Thế cô đã nói chuyện với những ai?

Tôi bèn kể tất cả cho anh nghe.

- Trong bọn họ, chẳng có ai được tự do hành động, – anh bảo. – Tất cả đều bị xích vào một cái bộ máy công nghiệp tàn bạo. Điều thảm thương bi đát nhất là tất cả đều bị cột vào đó bởi những sợi dây tình cảm. Con cái họ, những cái mầm non mà bản năng họ là phải bảo vệ, và cái bản năng ấy còn mạnh hơn bất cứ một thứ đạo đức nào họ có trong người. Cha tôi ấy ư? Cha tôi đã từng nói dối, ăn cắp, làm đủ mọi chuyện xấu xa để kiếm lấy miếng ăn cho anh chị em chúng tôi. Cha tôi đã từng là một tên nô lệ của bộ máy công nghiệp và bộ máy đó đã nghiền nát đời cha tôi, vắt sức cha tôi cho đến chết.

- Nhưng còn anh, – tôi ngắt lời, – anh là một người tự do.

- Không hoàn toàn đâu, – anh đáp. – Tôi không bị những sợi dây tình cảm trói buộc đầy thôi. Thật may là tôi không có con, mặc dầu tôi rất yêu trẻ con. Giả tôi có lấy vợ tôi cũng không dám có con.

- Nhất định cái thuyết ấy là một tà thuyết, – tôi kêu lên.

- Tôi biết vậy, – anh buồn rầu nói. – Hoàn cảnh như thế, biết làm thế nào! Tôi là một người cách mạng. Làm cách mạng nguy hiểm lắm.

Tôi cười không tin.

- Ví thử đem tôi vào nhà ba cô lấy hết số tiền lời nhà máy Sierra chia cho ông cụ, liệu ông cụ làm thế nào?

- Ba tôi ngủ vẫn để một khẩu súng lục trên cái bàn con ở đầu giường. Rất có thể là ông cụ sẽ bắn anh.

- Thế ví thử tôi có mấy người khác dẫn một triệu rưỡi người [31] vào tất cả những nhà giàu. Tất phải bắn nhau loạn xạ lên chứ nhỉ?

- Vâng, nhưng khi nào anh lại làm thế! – Tôi phản đối.

- Chính tôi đang làm việc ấy. Chúng tôi không phải chỉ định lấy những của cải để trong nhà đâu, chúng tôi định lấy tất cả những gì sinh ra của cải ấy, tất cả những hầm mỏ, đường sắt, nhà máy, nhà băng, kho tàng. Cách mạng là như thế. Thật là nguy hiểm. Tôi sợ rằng bắn giết sẽ còn ghê gớm hơn là tôi tưởng tượng nữa kia. Nhưng như tôi vừa nói ngày nay chẳng có ai là người tự do cả. Tất cả chúng mình đều bị kẹt trong cái bánh xe của bộ máy công nghiệp. Cô đã thấy rằng bản thân cô bị như thế và những người cô nói chuyện đều bị như thế. Cô nên nói chuyện thêm với nhiều người khác. Cô nên đến thăm đại tá Ingram, cô nên đi tìm những ký giả đã gạt bỏ vụ Jackson không cho đăng lên báo và tìm những vị chủ nhiệm những tờ báo đó. Cô thấy họ đều là nô lệ của máy móc hết.

Một lúc sau, nhân câu chuyện, tôi hỏi anh xem công nhân thường dễ bị tai nạn như thế nào. Tôi cũng chỉ hỏi sơ qua thế thôi, nhưng anh đã thuyết trình cho tôi nghe cả một bản thống kê dài.

- Trong sách đều có nói cả, – anh bảo. – Người ta đã tập hợp các số liệu và đã kết luận rằng tai nạn ít xảy ra trong những giờ đầu buổi sáng, nhưng lúc công nhân đã mệt và đầu óc chân tay đã hết cả nhanh nhẹn thì tai nạn tăng lên rất nhanh. Nay cô, cô có biết rằng so với công nhân thì ba cô còn có hoàn cảnh để giữ an toàn cho sinh mệnh và cho chân tay mình gấp ba lần

không? Những công ty bảo hiểm [32], họ biết. Cứ mỗi cái đơn bảo hiểm tai nạn một nghìn đô-la thì hàng năm họ bắt ba cô đóng bốn đô-la hai hào, nhưng họ bắt một người lao công đóng tới mười lăm đô-la.

- Còn anh thì sao? – Tôi hỏi.

Ngay khi hỏi câu hỏi đó tôi thấy lo cho anh thế nào ấy.

- Ô tôi ấy à? – Anh trả lời hờ hững. – Tôi đi làm cách mạng; một công nhân dễ chết, dễ bị thương một phần, thì tôi dễ chết, dễ bị thương chừng tám phần. Đối với những chuyên gia hoá học sử dụng các chất nổ, các công ty bảo hiểm bắt họ đóng tiền nhiều hơn anh em công nhân gấp tám lần. Tôi tưởng họ thì họ chẳng hơi đâu mà bảo hiểm cho tôi. Sao cô lại hỏi thế?

Mắt tôi chớp chớp và tôi cảm thấy máu dồn lên nóng cả mặt. Không phải là anh đang bắt được tôi lo lắng cho anh đâu, mà chính tôi lại bắt được mình, ngay trước mặt anh.

Giữa lúc ấy, ba tôi vào và chuẩn bị đi với tôi. Ernest đưa trả ba tôi cuốn sách anh mượn và đi ra trước.

Đang đi, anh quay lại bảo:

- À này! Nhân thể tôi nói để cô biết. Trong lúc cô hủy hoại cái thư thái tâm hồn của bản thân cô, tôi cũng đang hủy hoại cái thư thái tâm hồn của đức Giám mục. Giá cô đến tìm bà Wickson và bà Pertonwaithe bây giờ thì tốt. Cô cũng biết chồng họ là hai người có cổ phần chính trong nhà máy sợi. Hai người đàn bà này cũng như tất cả những người khác, cũng bị trói vào máy móc, nhưng họ bị trói thế nào mà lại ngồi chót vót tận trên đỉnh kia.

Chú thích:

25- Đây là những căn nhà tồi tàn, đổ nát, trong đó rất đông công nhân ở chui ở rúc. Bất luận nhà cửa thế nào họ cũng phải trả tiền thuê cho chủ và trả rất đắt so với giá trị căn nhà

26 -Thời đó trộm cắp như rươi. Người này ăn cắp của người kia. Bọn chúa tể trong xã hội thì ăn cắp một cách hợp pháp hoặc là hợp pháp hoá việc ăn cắp của chúng, còn người nghèo thì ăn cắp một cách bất hợp pháp. Thượng vàng hạ cám hễ không giữ cẩn thận là bị mất cắp. Vì vậy phải có rất nhiều người làm nghề gác đêm để bảo vệ các tài sản. Nhà cửa của bọn giàu vừa là két bạc, vừa là hầm chứa của, vừa là pháo đài. Con cái chúng ta ngày nay còn lấy của người khác, đó là tàn tích của cái đặc tính ăn cắp rất phổ biến trong thời đó.

27- Những tiếng còi hơi lạnh lạnh, nghe rất sợ và rất dã man, ngày ngày gọi thợ đi làm rồi lại đuổi thợ về.

- 28- Việc của những luật sư chuyên cãi cho các hãng độc quyền là dùng những ngón xảo trá để phục vụ cho lòng tham không đáy của bọn này. Theodore Roosevelt, hồi đó làm tổng thống Hoa Kỳ, đã viết trong bài diễn văn đọc nhân ngày khai giảng ở trường Đại học Harvard, năm 1905: “Chúng ta đều biết rằng, trong tình trạng hiện nay, có nhiều người trong đám luật sư có ảnh hưởng nhất và kiếm được nhiều tiền nhất ở những đô thị giàu có chuyên bày đặt những kế hoạch táo bạo, những mưu thần chước quỷ, để giúp cho bọn khách hàng giàu có, cả tư nhân lẫn các hãng độc quyền, có thể trốn tránh được những đạo luật làm ra cốt để kiểm soát sự sử dụng những tài sản lớn, vì lợi ích của công chúng”.
- 29 - Một thí dụ điển hình về tình trạng xâu xé lẫn nhau đầy rẫy trong xã hội. Người và người xâu xé nhau y hệt như chó sói. Chó sói nhón ăn thịt chó sói bé và trong cái xã hội chó sói ấy, Jackson thuộc vào loại bé nhất.
- 30- Thời đó người ta chuyên dùng những lời lẽ thô bạo, tục tằn, nó chứng tỏ con người sống cũng không khác gì con vật.
- 31- Đây là nói về số phiếu bầu cho Đảng Xã hội năm 1910. Số phiếu tăng rất nhanh, chứng tỏ Đảng cách mạng trưởng thành rất nhanh, số phiếu đó năm 1888 là 2068, năm 1902 là 127713, năm 1904 là 435040, năm 1908 là 1108427 và năm 1910 là 1688211.
- 32- Trong cuộc đấu tranh kinh khủng giữa loài chó sói ở những thế kỷ đó, không một nào được thường xuyên vô sự. Vì lo sợ cho hạnh phúc gia đình, người ta đặt ra chế độ bảo hiểm. Đối với chúng ta ở thời đại sáng suốt này, một chế độ như thế thật là vô lý khôi hài. Nhưng ở thời đó bảo hiểm là một chuyện rất đáng đắn. Chỉ có một điểm tức cười là quỹ của những công ty bảo hiểm thường bị cướp đi và bị tẩu tán đi luôn, mà kẻ cướp lại chính là những người được thiên hạ tin nhiệm trao cho quyền điều khiển những công ty đó.

Chương IV

Những kẻ nô lệ của máy móc

Càng nghĩ đến cánh tay của Jackson, tôi càng rụng rời cả người. Tôi đã mặt đối mặt với những cái cụ thể. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cuộc đời. Cuộc

đời tôi ở trường đại học và tất cả cái học vấn của tôi đều không thật. Tôi chỉ học toàn lý thuyết về cuộc đời và về xã hội. Trên giấy thì sao mà hay thế! Mãi bây giờ tôi mới thấy cuộc đời thật. Cánh tay của Jackson là một thực tế của cuộc đời. “Thực tế là như vậy, thưa ngài, một thực tế không thể chối cãi được”. Câu nói ấy của Ernest vang lên trong tai tôi.

Tất cả xã hội chúng ta thiết lập trong máu thật ư? Điều đó đối với tôi thật là quái gở, không thể có được. Thế nhưng Jackson còn kia. Tôi không tài nào trốn thoát anh. Ý nghĩ của tôi luôn luôn quay trở lại với anh, cũng giống như kim nam châm luôn quay trở lại phương Bắc. Anh bị đối xử thật là tàn tệ. Người ta đã không trả tiền chỗ máu anh đổ ra, để chia nhau được những số lời sù hơn. Tôi biết hai chục gia đình sống giàu có thoả thuê, họ đã lĩnh những số tiền lời đó, nghĩa là họ đã uống số máu của Jackson. Nếu một người bị đối xử tàn tệ thế này mà xã hội không thêm để ý tới thì sao lại không thể có ngàn vạn người khác cũng bị đối xử tàn tệ như thế? Tôi nhớ đến những phụ nữ thành Chicago làm một tuần được chín hào và đám trẻ con nô lệ trong các nhà máy dệt ở miền Nam mà anh đã tả cho tôi nghe. Tôi tưởng chừng nhìn thấy bàn tay trắng bệch vì đã bị ép hết máu của họ đang dệt ra vải để may áo cho tôi. Tôi nghĩ đến nhà máy Sierra và số tiền lời được chia, và nhìn thấy cả máu của Jackson trên áo mình. Jackson! Tôi không tài nào trốn đi đâu mà không nhìn thấy anh. Ý nghĩ của tôi luôn luôn dắt tôi trở về với anh.

Trong thâm tâm, tôi có cảm tưởng mình đang đứng trên miệng vực. Chừng như tôi sắp phát hiện ra một điều gì mới, vô cùng khủng khiếp về cuộc đời. Mà nào chỉ có mình tôi. Tất cả cái thế giới của tôi đang bị đảo lộn. Ba tôi cũng ở trong đó. Tôi thấy rất rõ là Ernest đã bắt đầu tác động mạnh đến cụ. Cả đức Giám mục Morehouse cũng thế. Vừa rồi gặp người tôi có cảm tưởng như người đang bị ốm. Người ở trong một tình trạng cân não hết sức căng thẳng và trong mắt người hiện ra một nỗi kinh hoàng không sao tả xiết. Nghe mấy lời người nói, tôi hiểu ngay là Ernest đã giữ lời hứa và đã dẫn người du hành qua địa ngục. Nhưng người đã nhìn thấy những cảnh gì ở địa ngục thì tôi không hiểu, vì người như điên điên đại đại không nói ra được.

Một lần, nhận thấy một cách thấm thía rằng cái thế giới nhỏ của tôi và tất cả thế giới đang quay cuồng đảo lộn, tôi nghĩ ngay rằng chính Ernest đã gây nên điều đó; tôi nghĩ: “Lúc anh chưa đến, mình sống thật là hạnh phúc và yên ổn biết bao nhiêu!” Nhưng rồi tôi hiểu ngay nghĩ như thế là phản bội chân lý, và Ernest đứng sừng sững trước mặt tôi thành một người khác hẳn. Anh như một sứ giả của chân lý, với vầng trán sáng ngời và vẻ coi khinh mọi gian nguy khổ ải của một vị thiên thần chiến đấu cho chân lý và chính nghĩa, chiến đấu để cứu giúp những người nghèo khổ, những người bơ vơ, những người bị áp bức. Và rồi trước mắt tôi hiện lên một hình ảnh khác: Đức Chúa. Người cũng thế, Người đã từng đứng về phía người nghèo hèn và người bị áp bức chống lại quyền hành của bọn thầy tu và bọn - pharisee [33]. Tôi nhớ lại lúc người lâm chung trên thánh giá và lòng tôi thốt nhiên thất lại khi tôi nghĩ đến Ernest. Liệu số phận anh rồi cũng thế, cũng là bị đóng đinh lên thánh giá chăng? Phải, anh, với tất cả giọng nói lạnh lạnh như tiếng kèn trận và tất cả cái vẻ đẹp hùng tráng của anh?

Lúc đó tôi biết là tôi đã yêu anh, và tôi tha thiết muốn được là người an ủi anh. Tôi nghĩ đến cuộc đời anh ngày xưa. Chắc là anh sống nghèo hèn cơ cực lắm. Tôi nghĩ đến cha anh đã vì anh mà phải nói dối, ăn cắp và lao lực cho đến chết, và chính anh cũng đã phải vào làm nhà máy từ khi lên mười! Tôi những muốn ôm chặt anh vào lòng tôi, kéo đầu anh áp vào ngực tôi (đầu anh chắc phải mệt nhọc vì bao nhiêu ý nghĩ) để anh được một giây lát nghỉ ngơi, một chút khuây khoả và quên lãng, một chút yêu đương êm ái.

Tôi gặp đại tá Ingram trong một cuộc chiêu đãi của Nhà thờ. Ông thì tôi quen lắm, quen đã từ lâu. Tôi tìm cách bắt ông lại đằng sau những chậu cỏ và chậu cây cao su, mặc dầu ông không biết mình sa vào bẫy. Ông chào tôi rất vui vẻ, lịch sự. Bao giờ ông vẫn là con người duyên dáng, ngoại giao, tế nhị và lễ phép. Nhìn bề ngoài thì ông là người thanh lịch nhất trong giới chúng tôi. Đứng cạnh ông, ngay vị khoa trưởng trường Đại học cũng thành vụng về, nhỏ bé.

Mặc dầu như thế, tôi thấy đại tá Ingram cũng cùng một tình trạng như những người thợ máy thất học. Ông cũng không có tự do. Bản thân ông cũng bị trói vào cái bánh xe cực hình. Ông biến hẳn sắc mặt khi nói đến vụ Jackson. Cái vẻ tươi cười của ông hàng ngày tiêu tan đi đâu mất như một

cái bóng ma. Một vẻ hãi hùng đột ngột hiện trên khuôn mặt học thức của ông. Tôi cũng thấy kinh ngạc không khác gì hôm James Smith phát khùng lên với tôi. Nhưng ông không nguyên rửa. Ông chỉ khác viên đốc công một tí như thế thôi. Ông nổi tiếng là người hóm hỉnh, sắc sảo, nhưng bây giờ thì ông không còn một tí hóm hỉnh nào nữa. Như một cái máy, ông nhìn bốn xung quanh tìm lối tẩu thoát. Nhưng ông bị những cây cỏ và cây cao su chắn đường, không chạy đi đâu được.

Ồ! Ông ta đến phát ốm người lên vì cái tên Jackson. Tại sao tôi lại đem vấn đề đó ra làm gì! Ông không tán thưởng câu nói đùa của tôi. Tôi thật vừa bất nhã, vừa vô lễ. Tôi chẳng đã từng biết rằng trong nghề nghiệp của ông, những tình cảm riêng không đáng kể vào đâu hay sao? Lúc đi làm, ông để những tình cảm riêng ở nhà. Đến phòng giấy, ông chỉ còn những tình cảm nghiệp vụ thôi.

- Jackson lẽ ra có được bồi thường không? – Tôi hỏi.

- Có chứ! – Ông đáp. – Nghĩa là theo riêng tôi nghĩ thì đáng lẽ y phải được bồi thường. Nhưng đứng về mặt pháp lý thì không thể như thế được.

Cái hóm hỉnh và cái sắc sảo của ông vừa ban nãy xiêu bạt đi đâu mất, bây giờ ông đã bắt đầu tập hợp lại được.

- Xin ông nói cho tôi nghe, công lý với luật pháp có phải là một không? – Tôi hỏi.

- Cô đã dùng sai chữ đầu của danh từ [34], – ông đáp.

- Ông định nói uy quyền và luật pháp là một, có phải không? – Tôi hỏi và ông gật đầu. – Thế mà luật pháp làm ra là cốt để đảm bảo công lý cho người ta đấy.

- Đó mới là điều quái gở, – ông đáp. – Nhưng dù sao chúng ta vẫn có công lý.

- Chắc là ông đang nói những lời lẽ có tính chất nghiệp vụ, có phải thế không thưa ông?

Đại tá Ingram đỏ bừng mặt lên, đỏ thật sự. Ông lại nhìn quanh tìm lối để lẩn. Nhưng tôi chắn lối đi của ông và làm cho ông cứ phải đứng ngây như tượng.

- Xin ông cho biết, – tôi bảo, – từ bỏ những tình cảm riêng cho những tình cảm nghiệp vụ, như thế có thể gọi là tự mình bóp méo tâm hồn mình đi

không?

Đại tá không trả lời. Ông lui đi một cách thảm hại, gạt đổ cả một chậu cọ.

Sau đó, tôi thử các báo chí. Tôi viết một bài tường thuật về vụ Jackson, giọng bình tĩnh, ôn hoà, mực thước. Tôi không lên án những người tôi đã gặp nói chuyện, cũng không nêu tên họ ra. Tôi đưa những sự việc có thật về vụ này, nhắc lại những năm đằng đẳng Jackson làm cho nhà máy, sự cố gắng của anh để tránh cho nhà máy khỏi bị hư hại và tình trạng cực khổ đói rách của anh hiện nay. Ba tờ báo hàng ngày ở địa phương vớt bỏ bài của tôi, cả hai tờ báo hàng tuần cũng thế.

Tôi tìm cách nắm được Percy Layton.

Y tốt nghiệp đại học và đang tập sự làm phóng viên cho tờ báo có ảnh hưởng nhất trong số ba tờ báo hàng ngày. Tôi hỏi y vì sao các báo không chịu đưa vụ Jackson ra thì y cười. Y bảo:

- Đó là chính sách biên tập, chúng tôi có dính dáng gì đến đâu! Việc này là việc của các ông chủ nhiệm.

- Nhưng sao chính sách lại như thế?

- Chúng tôi với các công ty tư bản là một. Dù bà có trả tiền như thuê đăng quảng cáo, cũng không thể nào đưa một bài như thế lên trên mặt báo được. Kẻ nào cố tình gian lận để đưa lên thì sẽ bị mất việc. Ngay bà có trả gấp mười giá đăng quảng cáo cũng không ai đăng cho bà.

- Thế chính sách riêng của ông thì sao? – Tôi hỏi. – Hình như việc của ông là bóp méo sự thật theo lệnh chủ, chủ ông lại theo lệnh của các công ty tư bản thì phải.

- Tôi không có liên quan gì đến việc đó. – Y tỏ vẻ khó chịu, nhưng rồi lại tươi cười ngay, như vừa tìm ra lối thoát. – Bản thân tôi không hề viết sai sự thật. Tôi không hề làm điều gì trái với lương tâm. Cố nhiên, hàng ngày thường xảy ra hàng đống chuyện ghê tởm. Nhưng làm thế nào được, những cái đó nó gắn chặt với cuộc sống hàng ngày... – Y nói quanh co, rất trẻ con.

- Tuy nhiên chắc ông cũng tính chuyện ngồi vào một cái ghế chủ nhiệm sau này và chủ trương một chính sách chứ?

- Đến lúc ấy thì tôi đã cứng rắn lên rồi, – y đáp.

- Bây giờ ông chưa cứng rắn, vậy ông cho tôi biết theo ý ông chính sách biên tập chung của các ông đứng ở chỗ nào?

- Tôi chẳng nghĩ ngợi cái gì hết, – y liền thoảng trả lời. – Trong nghề làm báo, muốn thành công thì đừng có húc đầu vào tường. Dù thế nào, tôi cũng đã học thuộc lòng được điều đó rồi.

Và y lắc cái đầu trẻ măng của y một cách rất khôn ngoan.

- Thế còn công lý? – Tôi hỏi gặng.

- Bà không hiểu mảnh khoé nhà nghề. Mọi việc rồi cũng đâu vào đấy cả, bởi vì lẽ tất nhiên nó phải phù hợp với công lý!

- Thật là mập mờ hết chỗ nói, – tôi lẩm bẩm. Nhưng tim tôi đau nhói thương cho cái tuổi trẻ của y và tôi cảm thấy phải thét lên hay oà lên khóc.

Tôi đã bắt đầu nhìn qua được cái vỏ ngoài của cái xã hội xưa nay tôi vẫn sống và thấy được những sự thật hãi hùng ở bên trong. Hình như có một âm mưu ngấm ngầm gì để hại Jackson và tôi đâm ra có thiện cảm với người luật sư mở mồm là than thở đã cãi cho Jackson. Cái âm mưu ngấm ngầm này đã trở thành rộng lớn. Nó không phải chỉ nhằm Jackson. Nó nhằm tất cả những công nhân đã bị què cụt trong nhà máy. Mà nó đã nhằm hại những người trong nhà máy khác? Trong thực tế, ở các ngành công nghiệp khác, tất cũng như thế chứ gì?

Nếu quả như thế thật thì xã hội chỉ là một điều gian dối. Tôi bủn rủn cả người trước những kết luận của chính mình. Hãi hùng quá, khủng khiếp quá, không ai có thể tin là thật được! Nhưng còn Jackson kia, còn cánh tay của anh kia, còn cả những vết máu trên áo tôi và những giọt máu từ trên xà nhà tôi rỏ xuống. Và còn nhiều Jackson (riêng ở nhà máy dệt đã có hàng trăm rồi, như lời Jackson nói). Jackson, tôi không tài nào trốn đâu cho thoát hình ảnh của anh.

Tôi đến thăm ông Wickson và ông Pertonwaithe là hai người nắm số vốn chính trong nhà máy. Nhưng tôi không tài nào làm cho họ xúc động như những người đốc công ăn lương của họ được. Tôi khám phá ra rằng họ có một nền đạo đức cao siêu hơn những người khác trong xã hội. Đó là một thứ đạo đức mà tôi dám gọi là đạo đức quý tộc, đạo đức của nhà chủ [35]. Họ dùng những lời lẽ huênh hoang để nói về chính sách của họ và họ đồng

nhất hoá chính sách của họ với công lý. Họ nói với tôi bằng một giọng cha chú và như muốn đưa tay ra che chở sự non nớt và sự thiếu kinh nghiệm của tôi. Trong tất cả những người tôi đã gặp, chỉ có họ là vô hy vọng hơn cả. Họ tin tưởng tuyệt đối rằng cách cư xử của họ là phải. Không còn phải bàn cãi lời thôi gì về việc này hết. Họ tin chắc rằng chính tay họ cứu vớt xã hội, chính tay họ làm ra hạnh phúc cho mọi người trong xã hội. Họ vẽ một bức tranh thống thiết về những đau khổ mà theo họ đáng lẽ ra giai cấp công nhân phải chịu nếu không được họ cho công ăn việc làm. Những công ăn việc làm ấy, chính họ và chỉ có họ, do khôn ngoan sáng suốt, đã tạo ra cho xã hội.

Vừa gặp hai ông chủ đó về, tôi gặp luôn Ernest. Tôi kể lại cho anh nghe kinh nghiệm của tôi. Anh nhìn tôi hài lòng lắm và bảo:

- Hay quá! Cô đã bắt đầu tìm ra chân lý. Cô đã dựa vào kinh nghiệm bản thân để suy diễn ra thành những nhận xét chung. Đúng lắm. Trong cái bộ máy công nghiệp, chẳng ai là người tự do, trừ nhà đại tư bản mà ngay hẳn ta nữa cũng không tự do đâu. Cô xem đây, các ông chủ hoàn toàn tin chắc rằng bất cứ làm một việc gì, họ cũng đều đúng, đều phải cả. Đó cũng là điều thậm vô lý trong tất cả cái trạng huống này. Họ bị cái bản chất người của họ trói lại đến nỗi không thể làm một việc gì hết nếu không tin chắc rằng làm như thế là đúng. Họ cần phải có một cái gì để thông qua, để thừa nhận những hành vi của họ.

“Khi nào muốn làm một việc gì – cố nhiên là việc kinh doanh – họ phải đợi đến lúc trong óc nảy ra một thứ quan niệm gì đó, có tính chất tôn giáo, hay đạo đức, hay khoa học, hay triết học, chứng minh rằng việc họ làm là đúng. Thế là họ hăm hở thực hiện mà không biết rằng chỗ yếu của tâm hồn con người là: dục vọng sinh ra tư tưởng. Bất cứ làm việc gì, họ cũng tìm ra được một lời phê chuẩn việc đó là tốt. Họ là những kẻ nguy hiểm nông cạn. Họ là những kẻ đạo đức giả. Thậm chí họ thấy cả cách làm điều ác để nảy ra điều thiện. Một trong những điều tưởng tượng rất khôi hài và có tính chất định lý mà họ đã nặn ra là họ khôn ngoan hơn, hữu ích hơn tất cả những người khác trong xã hội. Chính từ đó xuất phát ra lời phê chuẩn rằng họ có quyền quản lý bánh mì và bơ của tất cả những người khác trong xã hội. Họ

đã phục hồi cả cái thuyết vua có quyền thay trời trị dân, và trường hợp của họ, tức là những ông vua thương mại [36].

“Lập trường của họ rất yếu, ở chỗ họ chỉ là hạng người kinh doanh. Họ không phải những nhà triết học. Họ không phải là những nhà sinh vật học, cũng không phải những nhà xã hội học. Giá phải thì cố nhiên mọi việc đã tốt. Một nhà kinh doanh giá kiêm cả một nhà sinh vật học hay xã hội học thì đại khái cũng có thể biết điều hay lẽ phải mà làm cho nhân loại. Nhưng ngoài lĩnh vực kinh doanh ra, họ là một bọn ngu xuẩn. Họ chỉ biết có kinh doanh thôi. Họ không hiểu gì về nhân quần xã hội, thế mà dám đứng lên làm trọng tài quyết định vận mệnh của hàng triệu người nghèo đói và tất cả hàng bao nhiêu triệu người khác đang bị ném dần vào cảnh nghèo đói. Một ngày kia lịch sử sẽ cười thối ruột họ ra”.

Tôi không có gì ngạc nhiên khi nói chuyện với bà Wickson và bà Pertonwaithe. Họ là những bà lớn, những người của xã hội [37]. Nhà họ lộng lẫy như những cung điện. Họ có dinh cơ rải rác khắp nước, trên núi, bên bờ hồ, ngoài bờ biển. Kẻ hầu người hạ tấp nập xung quanh họ và những hoạt động xã hội của họ thật là âm ỉ. Họ đỡ đầu các trường đại học và các nhà thờ và đặc biệt các vị mục sư thì cúi rạp xuống chân họ như một bầy nô lệ [38]. Tiền tài đã làm nên thế lực của họ, và họ đã thành hai thế lực lớn. Họ có cả cái quyền trợ cấp cho tư tưởng đến một trình độ rất cao, như vừa rồi Ernest đã vạch ra cho tôi.

Họ bắt chước chồng như một lũ bú dũ và cũng dùng những lời lẽ huênh hoang như thế để nói về chính sách, nhiệm vụ và trách nhiệm của những người giàu có. Họ cũng tuân theo một thứ đạo đức như chồng họ, thứ đạo đức giai cấp của họ; và miệng họ tuôn ra hàng tràng những điều mà tai họ nghe không hiểu.

Cũng như chồng họ, họ phát khùng lên khi tôi thuật lại cho họ nghe tình cảnh khắc khổ của gia đình Jackson và khi tôi ngạc nhiên vì họ không cấp cho bác ta một món tiền nào. Họ tuyên bố không cần ai dạy họ làm những nghĩa vụ xã hội của họ. Khi tôi yêu cầu thẳng là phải giúp đỡ Jackson, họ cũng từ chối thẳng. Điều lạ lùng nhất là những lời từ chối của họ giống hệt nhau, mặc dầu tôi đến gặp riêng từng người và không ai biết tôi đã đến hoặc sẽ đến gặp người kia. Họ đều trả lời là họ rất hài lòng, nhân

dịp này tuyên bố dứt khoát rằng họ nhất quyết không bồi thường trong những trường hợp cầu thả; và họ cũng không muốn vì trả những tiền tai nạn mà cảm dỗ những người nghèo tự nguyện gây ra thương tật cho bản thân [39].

Cả hai người đàn bà này nữa, họ cũng đều thành khẩn. Họ tin tưởng cuồng nhiệt vào sự ưu việt của giai cấp họ và của bản thân họ. Họ có một quan niệm đạo đức của giai cấp họ để phê chuẩn những việc họ làm. Lúc lên xe ra về, tôi quay lại nhìn toà nhà đồ sộ của bà Pertonwaithe và tôi nhớ lại câu nói của Ernest: họ cũng bị trói vào máy móc, nhưng bị trói thế nào mà lại ngồi chót vót tận trên đỉnh kia.

Chú thích:

- 33 -[pharisee = biệt phái] Một giáo phái Do Thái bề ngoài thì giả đạo đức, nhưng bên trong thì sinh hoạt rất bại hoại. Chúa Jesus đã vạch trần bộ mặt gian dối của chúng. Để trả thù, chúng đã liên kết với bọn vua chúa và làm cho Chúa Jesus bị đóng đinh lên cây thập giá (ND).
- 34- Trong tiếng Anh, right là quyền hạn, lẽ phải, công lý; might là quyền lực, uy quyền. Hai danh từ chỉ khác nhau chữ bắt đầu (ND).
- 35- Trước khi Avis Everhard ra đời, John Stuart Mill đã viết trong cuốn tiểu luận “Bàn về tự do” như sau: “Bất cứ khi nào có giai cấp thống trị, một phần lớn đạo đức cũng là từ quyền lợi giai cấp và những tình cảm về sự ưu việt giai cấp của giai cấp đó toả ra”.
- 36- Báo chí năm 1902 ca ngợi George F. Baer, chủ tịch to-rót than anthracite, người đã nêu lên nguyên tắc sau đây: “Quyền và lợi của người lao động sẽ được những người Thiên chúa giáo che chở. Trong sự sáng suốt vô biên của người, Đức chúa trời đã trao cho những người Thiên chúa giáo quyền sở hữu đất nước”.
- 37- Xã hội đây dùng theo nghĩa hẹp, theo nghĩa thường dùng thời đó, để chỉ lũ ông đực béo vàng không làm gì cả, chỉ đến cái bông mật của thợ thuyền mà tọng cho đầy bụng. Kể cả giới kinh doanh lẫn giới lao động đều không có thì giờ, không có cơ hội tham gia những xã hội này, cái xã hội này là do lũ nhà giàu ăn dư thừa rồi “sáng tạo” ra. Chúng không làm gì cả, vì vậy cho nên chúng tìm cách đủ đốn.

38- *Tình cảm của Giáo hội thời đó biểu lộ ở câu: “Hãy cúng vào Nhà thờ đồng tiền như nhóp của các ngài”.*

39- *Báo “Viễn cảnh” (Outlook), một tuần báo phê bình thời đó, trong số ra ngày 18 tháng 8 năm 1906, có tường thuật trường hợp của một công dân bị cụt tay, y hết như trường hợp của Jackson do Avis Everhard kể.*

Chương V

Những người hiểu học

Ernest có mặt ở nhà tôi luôn. Anh đến không phải chỉ vì ba tôi, cũng không phải chỉ vì những bữa tiệc tranh luận. Ngay hồi ấy tôi đã tự hào là do mình một phần cho nên anh mới hay lui tới. Chẳng bao lâu, tôi thấy ước đoán của tôi là đúng. Bởi vì không có ai yêu mà lại như Ernest Everhard bao giờ. Những lúc hoàn cảnh cho phép, anh nhìn tôi chăm chăm và xiết tay tôi ngày càng chặt hơn. Câu hỏi lộ ra trong khoé mắt anh từ lúc ban đầu đối với tôi ngày càng như một mệnh lệnh.

Lần đầu gặp anh, tôi có ấn tượng không tốt. Rồi tôi bị anh hút lại gần. Rồi tôi ghét cay ghét đắng anh khi đã kích gai cấp tôi và tôi. Sau đó nhận thấy anh không hề nói không cho gai cấp tôi và tất cả những lời phũ phàng chưa xót anh đã thốt ra đều xứng đáng cả, tôi lại càng gần anh hơn nữa. Anh thành nhà tiên tri của tôi. Anh giúp tôi giật bỏ cái mặt nạ của xã hội, cho tôi nhìn thấy những sự thật ghê tởm không ai có thể chối cãi được.

Như tôi đã nói, chưa bao giờ có ai yêu mà lại như anh. Một thiếu nữ sống ở thành phố và đã học đến năm hai mươi tư tuổi nhất định phải có kinh nghiệm về tình yêu. Tôi đã từng có nhiều người theo đuổi, từ những sinh viên trẻ măng đến những giáo sư đã bạc đầu, cả những nhà điền kinh và những nhà bóng tròn nổi tiếng nữa. Nhưng không ai tỏ tình với tôi như Ernest. Anh ôm tôi vào lòng lúc nào, tôi không biết nữa. Mỗi anh đặt lên môi tôi trước khi tôi kịp phản đối hay kháng cự. Trước sự sôi nổi của anh, cái phong cách cứng chặc hình thức của những thanh niên khác thành ra lố bịch. Anh tấn công mãnh liệt quá, tôi không sao cưỡng lại được. Anh chẳng đề nghị gì cả. Anh ôm lấy tôi hôn và coi như thế là chúng tôi thành vợ chồng. Chúng tôi cũng không có gì phải thảo luận với nhau. Mãi về sau, chúng tôi chỉ bàn nhau đến ngày nào thì cưới.

Thật là có một không hai. Thật là khó tin. Ấy thế mà cũng như sự thử thách của chân lý mà anh nêu ra, cái đó vẫn vận dụng được. Tôi phớt lờ đòi hỏi cho nó. Và sự tin tưởng của tôi đặt cũng đúng chỗ thôi. Tuy nhiên, khi mới yêu nhau, cứ nghĩ đến cái cung cách anh tỏ tình yêu sôi nổi quá, mạnh mẽ quá như thế, tôi vẫn sợ. Nhưng cái sợ của tôi thật là vô căn cứ. Chưa một người phụ nữ nào lại có được một người chồng dịu dàng, ngọt ngào như thế. Cái dịu dàng hoà với cái dữ dội trong con người anh, cũng như cái ngượng ngịu và cái tự do phóng túng cùng hiện ra trên những dáng bộ của anh. Cái vẻ ngượng ngịu của anh, anh không giấu được, nhưng trông đến dễ thương. Cách cư xử của anh trong phòng khách nhà tôi làm cho tôi nhớ đến một chú bò thận trọng, khôn ngoan trong một cửa hàng bán đồ sứ![40] Trong tiệm thức vẫn có lúc tôi còn nghi hoặc, không rõ mình đã hoàn toàn yêu anh thật chưa; và đến lúc này sự nghi ngờ của tôi mới biến đi hẳn. Tối hôm đó thật là tuyệt. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ở Câu lạc bộ những người hiếu học. Ernest đã vào tận sào huyệt đọ gươm với các ông chủ. Hội ấy Câu lạc bộ những người hiếu học là câu lạc bộ thượng lưu vào bậc nhất bên bờ Thái Bình Dương. Câu lạc bộ này do cô Brentwood, một cô gái nhà giàu ghê gớm, lập nên. Đối với cô, nó vừa là chồng, vừa là gia đình, vừa là nơi tiêu khiển. Hội viên gồm những tay giàu có nhất trong xã hội, những khối óc thông minh nhất trong giới nhà giàu. Để cho nó đượm màu tri thức, câu lạc bộ còn kết nạp thêm một số học giả nổi tiếng nữa.

Câu lạc bộ không có trụ sở nhất định. Mỗi tháng một kỳ, nó họp tại nhà riêng một hội viên để nghe một bài diễn giảng. Diễn giả thường vẫn được trả tiền. Nếu một nhà hoá học ở New York khám phá ra một điều gì mới lạ về radium chẳng hạn, câu lạc bộ thường chịu những chi phí đi đường cho ông ta đi suốt lục địa và đãi ông ta một món tiền hết sức hậu hĩ để đền bù vào chỗ thì giờ ông ta mất. Đối với những nhà thám hiểm ở Bắc cực hay Nam cực về và những tài năng mới xuất hiện trong văn học nghệ thuật cũng vậy. Người ngoài không ai được bước chân vào câu lạc bộ, vì họ chủ trương không để một cuộc tranh luận nào lọt lên mặt báo. Cho nên những chính khách lớn – cũng có nhiều dịp họ đến – có thể tha hồ nói những điều họ nghĩ trong óc.

Lúc này, tôi giờ lại bức thư đã nhàu Ernest viết cho tôi hai mươi năm về trước. Tôi chép ra đây một đoạn:

“Ba em là hội viên Câu lạc bộ những người hiếu học, cho nên em có thể đến đây được. Vậy thứ Ba tới, em nên đến. Trong những cuộc gặp gỡ trước em lay không chuyên các ông chủ bà chủ. Nếu em tới anh sẽ lay hộ em. Anh sẽ làm cho các ông chủ bà chủ rống lên như một bầy thú dữ. Trước, em chỉ hỏi về đạo đức của họ thôi. Hỏi họ về đạo đức thì bao giờ họ cũng lên mặt hơn người. Nhưng anh sẽ dọa cướp túi tiền của họ. Cái bản chất nguyên thủy của họ lúc ấy mới rung chuyển đến tận gốc. Em mà đến được thì sẽ thấy một lũ người rùng bần quần áo dạ hội gằm lên và nhe răng ra để bảo vệ một cái xương. Anh hứa trước là em sẽ thấy họ rống lên như một bầy thú; em sẽ thấy rõ tâm can của họ, thật không khác gì một bầy thú.

“Họ mời anh cốt để đập anh một trận toi bời. Sáng kiến đó là của mụ Brentwood. Lúc mời anh mụ đã vụng về để lộ thâm ý của mụ ra.

Trước, đã có lần mụ làm cho họ được một trận cười no nê như thế. Họ đang khoái kiếm ra mấy anh cải lương hiền lành, dễ tin. Mụ Brentwood tưởng anh cũng hiền như một chú mèo con và cũng ngốc như một chị bò cái người ta nuôi trong nhà. Anh nói thật nhé, chính anh đã cho mụ ta có ấn tượng như vậy. Mụ ta mới đầu còn thử mãi, nhưng cuối cùng mụ ta cho anh là vô hại. Anh sẽ được một món bầm: hai trăm năm mươi đô-la. Đảng viên Đảng cấp tiến ra tranh ghế thống đốc cũng chỉ mất ngần ấy tiền. Anh cũng sẽ phải mặc quần áo dạ hội. Họ bắt buộc anh phải mặc. Trong đời chưa bao giờ anh thắng bộ như vậy. Có lẽ anh sẽ thuê một bộ. Nhưng anh sẽ còn làm hơn thế nữa kia để chơi lại cho họ một ván”.

Trong số những nơi thường họp, tối hôm ấy, câu lạc bộ chọn nhà ông bà Pertonwaithe. Người ta kê thêm ghế trong phòng khách lớn, và tất cả có tới hai trăm “người hiếu học” ngồi nghe Ernest. Họ đúng là những ông hoàng trị vì xã hội. Tôi ngồi buồn tính nhẩm số tiền họ có, xoàng cũng được hàng trăm triệu đô-la. Họ không phải là những nhà giàu ăn không ngồi rồi đâu. Họ là những tay kinh doanh tham gia hết sức tích cực vào mọi mặt sinh hoạt công nghiệp và chính trị.

Chúng tôi đang ngồi thì cô Brentwood dẫn Ernest vào. Cả phòng xôn xao. Anh bần quần áo dạ hội, vai rộng, đầu cát lên hãnh diện, trông oai như

một vị hoàng tử. Nhưng khi cử động, anh vẫn có cái dáng ngượng nghịu thường ngày. Tôi nghĩ, cứ riêng cái vẻ ngượng nghịu hay hay kia cũng khiến tôi có thể yêu được anh rồi. Tôi nhìn anh và biết rằng anh cũng đang thích chí lắm. Tôi cảm thấy mạch anh đập trong tay tôi, như khi anh xiết chặt tay tôi. Tôi cảm thấy môi anh như áp vào môi tôi. Tôi kiêu hãnh quá, những muốn đứng dậy nói to lên cho mọi người nghe tiếng: “Ernest là của tôi. Anh đã từng ôm tôi vào lòng anh, và trừ muôn ngàn những ý nghĩ cao cả của anh ra, chỉ có tôi, chỉ có mình tôi chiếm đoạt tâm trí anh!” Đến đầu phòng đằng kia, cô Brentwood giới thiệu anh với đại tá Van Gilbert và tôi biết là đại tá sẽ chủ tọa buổi họp. Đại tá Van Gilbert là một luật sư nổi tiếng chuyên cãi cho các công ty độc quyền. Không những thế, ông giàu không đếm đầu hết của. Số tiền thù lao nhỏ nhất mà ông ta chịu nhận là mười vạn đô-la. Ông là bậc thầy trong giới luật. Luật pháp trong tay ông cũng chỉ như một con rối cho ông giật. Ông nhào nặn luật pháp như người ta nặn đất thó, và ông có thể vặn vẹo, bóp méo luật pháp tùy theo ý ông. Nhìn bề ngoài và nghe cách biện luận của ông thì tưởng như ông là người cổ, nhưng thực ra trí tưởng tượng, kiến thức và thủ đoạn của ông rất mới, mới không kém gì những đạo luật mới nhất mà Nhà nước ban hành. Ông bắt đầu nổi tiếng từ khi thủ tiêu được tờ di chúc của Shardwell [41]. Riêng việc ấy ông được thù lao năm mươi vạn đô-la. Từ đó, ông lên vun vút như tên lửa. Ông thường được gọi là nhà luật sư lớn nhất trong nước – cố nhiên là luật sư của các công ty độc quyền. Không ai là không liệt ông vào hàng ba luật sư đại tài của Hoa Kỳ.

Ông bắt đầu nói mấy câu rất lịch sự nhưng cũng rất mỉa mai để giới thiệu Ernest. Ông châm biếm hết sức kín đáo. Ông gọi Ernest là nhà cải lương xã hội, thành viên của giai cấp công nhân và cử tọa đều tủm tỉm cười. Tôi nghe thấy thế giận lắm, đưa mắt nhìn Ernest. Anh không có vẻ gì là tức vì những câu xỏ xiên tinh vi ấy. Tệ hơn nữa, hình như anh không biết họ xỏ xiên mình. Anh ngồi ngây như phỗng, trông đến là ngớ ngẩn. Tôi thoáng nghĩ: hay là anh sợ thế lực của họ, sợ óc thông minh của họ. Nhưng tôi mỉm cười ngay. Anh lừa thế nào được tôi! Ấy thế mà anh lừa được người khác, cũng như anh đã lừa cô Brentwood. Cô ngồi ở một cái ghế trên hàng đầu,

chốc chốc lại quay sang cười với các bạn, tỏ ý tán thưởng những lời xỏ ngọt của diễn giả.

Đại tá Van Gilbert hết lời, Ernest đứng dậy bắt đầu nói. Anh nói lý nhí, nhát gừng, giọng khiêm tốn, vẻ bối rối hiện trên mặt. Anh nói về xuất thân của anh trong giai cấp công nhân, hoàn cảnh sống nghèo hèn cơ cực của anh, trong đó xương thịt cũng như tâm hồn con người đều bị đọa đày, đói khát. Anh miêu tả những khát vọng là lý tưởng của anh trong tuổi thiếu thời, quan điểm của anh về cái thiên đường mà những người thuộc giai cấp trên đang sống.

- Hồi đó, tôi cho là bên trên đầu tôi chỉ có những tâm hồn vị tha, những tư tưởng trong sạch và cao quý, một đời sống trí tuệ hết sức phong phú. Tôi nghĩ như thế vì tôi đọc tiểu thuyết của “Tủ sách bờ biển” [42], trong đó trừ những hạng trai tứ chiếng gái giang hồ ra, còn tất cả các ông, các bà, các cô, các cậu đều nghĩ những ý nghĩ tốt đẹp, nói những lời lẽ tốt đẹp và hành động như những nhà nghĩa hiệp. Tóm lại cũng như tôi thừa nhận có mặt trời mọc, hồi ấy tôi thừa nhận rằng trên đầu tôi chỉ toàn những cái hay, cái đẹp, cái cao quý, toàn là những cái nó đem lại cho con người thể diện và nhân phẩm, toàn là những cái nó làm cho cuộc đời đáng sống, toàn là những cái nó đền bù cho những nỗi vất vả, cơ cực của con người.

Anh tiếp tục kể đến cuộc đời anh trong nhà máy, thời kỳ anh học nghề đóng móng ngựa và sự gặp gỡ với những đảng viên xã hội. Anh bảo trong số những người này anh thấy những khối óc thông minh tuyệt vời, những trí tuệ sắc sảo, những nhà tu hành bị sa thải bởi vì đạo của họ rộng hơn tất cả các hội thánh thờ con bò vàng và những giáo sư đại học bị sa thải vì không chịu làm đầy tớ cho giai cấp thống trị. Anh bảo những đảng viên xã hội là những người cách mạng đấu tranh để lật đổ cái xã hội bất hợp lý ngày nay và để xây dựng cái xã hội hợp lý ngày mai. Anh còn nói nhiều nữa, viết ra thì dài quá; nhưng tôi sẽ không bao giờ quên anh đã tả lại quãng đời anh sống giữa những người cách mạng như thế nào. Cái điệu nhát gừng của anh mất hẳn. Giọng anh mạnh hẳn lên và đầy tự tin; nó cũng cháy bừng bừng như bản thân anh, như những tư tưởng mà anh trình bày thao thao bất tuyệt. Anh bảo:

- Sống giữa những người cách mạng này, tôi cũng thấy lòng tin nồng nhiệt vào con người, lòng yêu lý tưởng chói lọi, lòng vị tha cao quý, sự quên mình và sự hi sinh không bờ bến; tóm lại tất cả những gì tốt đẹp nhất, sâu xa nhất của tâm hồn. Cuộc sống ở đây thật là trong sạch và hoạt động. Tôi tiếp xúc với những tâm hồn lớn, họ coi xương thịt và trí óc con người quý hơn đô-la. Đối với họ, tiếng kêu rên thoi thóp của những trẻ em chết đói trong những khu nhà lụp xụp còn có nhiều ý nghĩa hơn cái xa hoa phù phiếm của những kẻ chuyên tìm cách khuếch trương thương mại và làm bá chủ hoàn cầu. Chung quanh tôi chỉ toàn những người theo đuổi những mục đích cao cả và cố gắng một cách anh dũng. Ngày của tôi sáng như mặt trời, đêm của tôi sáng như sao. Đêm của tôi trong và mát như sương, ngày của tôi bừng bừng như lửa. Trước mắt tôi luôn luôn cháy rực hình ảnh của đức Chúa hy sinh, hình ảnh con người đầy nhiệt huyết bị chìm trong bể khổ, con người cần phải cứu vớt, cần phải giải thoát.

Cũng như những lần trước, tôi thấy nét mặt anh thay đổi hẳn. Ngọn lửa thiêng liêng cháy trong người anh bốc ra, sáng ngời vàng trăn. Mắt anh còn ngời lên hơn nữa và toàn thân anh như rực rỡ hào quang. Những người khác, họ không nhìn thấy thế. Tôi biết, đó là những giọt lệ vui sướng và yêu đương đã làm mờ mắt tôi đi. Dầu sao, ông Wickson ngồi đằng sau tôi không bị kích động như tôi. Tôi nghe thấy ông nói mĩa anh một câu rất to: “Thật là không tưởng!” [43] Ernest vẫn nói tiếp. Anh kể cho mọi người biết anh đã tự mình nâng cao mình lên như thế nào, cho đến khi anh tiếp xúc với những người thuộc giai cấp trên và chen vai thích cánh với những người có địa vị cao trong xã hội. Thế là bao nhiêu ảo tưởng của anh đều tan vỡ hết cả, và anh tả lại nỗi thất vọng của anh bằng những lời lẽ không đẹp lòng cử tọa một chút nào. Bản chất tầm thường của họ đã làm cho anh sững sốt. Anh biết rõ cuộc đời của họ chẳng có gì tốt đẹp, mỹ miều. Anh phát kinh người lên vì thấy họ ích kỷ quá. Anh càng sững sốt hơn nữa vì họ không có sinh [43]. Con người thời đại ấy là nô lệ của danh từ. Họ nô lệ một cách hèn hạ, chúng ta không thể nào quan niệm được. Danh từ còn có một ma lực lớn hơn cả phép phù thủy. Đầu óc họ hỗn độn, rối như bông bong, đến nỗi họ chỉ cần phát biểu một tiếng là có thể phủ nhận những kết luận của cả một đời nghiên cứu và tư tưởng nghiêm túc. Tiếng đó là “không tưởng”. Chỉ cần

thốt lên tiếng đó là có thể kết tội được bất cứ một kế hoạch lành mạnh nào nhằm cải thiện hoặc cải tạo kinh tế. Rất nhiều người say sưa với những tiếng như “đồng tiền lương thiện”, “được một món bầm”. Đặt ra những tiếng đó được coi như làm việc thiện tài.

hoạt trí tuệ. Anh so sánh với giới cách mạng và không chịu được cái ngu xuẩn của giai cấp chủ nhân. Và lúc đó anh mới thấy mặc dầu họ xây những nhà thờ lộng lẫy và trả lương rất hậu cho những thầy tu đi giảng đạo, các ông chủ bà chủ đều duy vật một cách thô bỉ. Họ mở mồm là nói đến cái lý tưởng tâm thường và cái đạo đức tâm thường của họ, thế nhưng cái chìa khoá trong đời sống vật chất của họ vẫn là vật chất. Họ không có một nền đạo đức thật, chẳng hạn như nền đạo đức mà ngày xưa đức Chúa đã giảng cho loài người, nhưng ngày nay chẳng còn ai giảng nữa. Anh bảo:

- Tôi đã gặp những kẻ miệng tuyên bố chống chiến tranh và cầu nguyện Thần hoà bình, nhưng vẫn ấn súng vào tay bọn du côn [44] để bắn vào những người bãi công trong nhà máy của họ. Tôi đã gặp những người công phần trước cái tàn bạo của những trận đấu quyền ăn giải, nhưng họ nhúng tay vào những vụ gian lận thực phẩm và giết chết hàng ngàn, hàng vạn trẻ sơ sinh.

“Ông này đáng người thanh nhã, mặt mày quý phái, làm giám đốc bù nhìn, làm công cụ cho các công ty tư bản chuyên cướp bóc một cách bí mật đàn bà goá và trẻ mồ côi. Ông kia chuyên sưu tầm sách hay, sách đẹp và đồ đầu cho văn học, nhưng vẫn đắm mồm cho một tên trùm du côn mặt sắt đen sì trong thành phố để khỏi bị nó lật tẩy. Ông chủ báo nọ chuyên đăng quảng cáo cho các loại thuốc có môn bài [45] đã gọi tôi là một tên mị dân khốn nạn vì tôi thách ông đăng sự thật về những thứ thuốc mà ông quảng cáo. Vị này nói về cái hay, cái đẹp của chủ nghĩa duy tâm và tự tâm của Thượng đế, vừa mới phản lại bè bạn trong một chuyến kinh doanh kiếm lời. Vị kia làm cột trụ cho nhà thờ và ủng hộ rất nhiều cho các cơ quan truyền giáo ra nước ngoài, đã bắt phụ nữ trong xưởng mình làm mười tiếng một ngày, trả cho họ một đồng lương chết đói và do đó đã trực tiếp khuyến khích nạn mãi dâm. Vị nọ cúng tiền để mở mang trường đại học và xây những thánh đường lộng lẫy, đã phản bội lời thề của mình trước toà án vì những chuyện tiền nong. Có ông trùm đường sắt đã bao nhiêu lần hứa hẹn giảm giá, lần nào cũng

nuốt phăng cả cái danh dự người công dân, người thượng lưu lẫn người công giáo của mình. Vị nguyên lão nghị viên này là một công cụ, một kẻ nô lệ, một con rối nhỏ trong tay một tên trùm kinh doanh chính trị bất nhân, vô học [46]; vị thống đốc kia và vị chánh án nọ cũng vậy, cả ba vị đều có giấy đi xe lửa không mất tiền; và tất cả cái bộ máy kinh doanh chính trị, tên trùm bộ máy đó và công ty xe lửa cấp giấy phép đi không mất tiền kia đều thuộc quyền sở hữu một nhà tư bản mặt mày bóng loáng những mờ.

“Thế đấy. Tôi tưởng lạc vào cõi thiên đường, nhưng tôi đã thấy mình giữa cái sa mạc hoang vu của chủ nghĩa con buôn. Tôi chẳng tìm thấy cái gì khác ngoài sự ngu si dốt nát, trừ trong lĩnh vực kinh doanh. Tôi chẳng thấy gì là trong sạch, là cao cả, là sinh động, mặc dù tôi thấy nhiều kẻ còn sinh và còn động sờ sờ ra đấy với tất cả cái thói tha của chúng. Tất cả tôi chỉ thấy ích kỷ và nhẫn tâm một cách kỳ quái, duy vật một cách thô bỉ, tham lam và quá ư thực tiễn”.

Ernest còn nói cho họ nghe rất nhiều về họ và về sự thất vọng của anh. Về mặt trí tuệ, họ làm cho anh phát ngấy; về mặt đạo đức và tinh thần, họ làm cho anh phát ốm; thành ra anh rất vui mừng trở lại với những người cách mạng của anh, những con người trong sạch, cao cả và sinh động, hoàn toàn khác các nhà tư bản.

- Và bây giờ, để tôi nói cho các ngài nghe về cuộc cách mạng đó, – anh tiếp.

Nhưng trước hết, tôi phải nói rằng những lời công kích kịch liệt của anh không hề khiến họ nao núng. Tôi nhìn ra bốn xung quanh thấy họ vẫn lên mặt cao hơn những lời kết tội của anh. Tôi nhớ lại câu anh nói với tôi: công kích họ về mặt đạo đức không ăn thua gì hết. Nhưng dẫu sao tôi thấy cái ngôn ngữ táo tợn của anh đã bắt đầu tác động đến cô Brentwood. Cô tỏ vẻ bối rối, lo sợ.

Thoạt đầu Ernest nói về đạo quân cách mạng. Anh cho những con số về sức mạnh của đội quân này, theo kết quả bầu cử ở các nước. Cử tọa bắt đầu xao xuyến. Sự chăm chú hiện rõ trên nét mặt họ và tôi nhận thấy môi họ đều bị mím lại. Những lời khiêu chiến của anh thế là đã có tác dụng. Anh nói về tổ chức quốc tế của những người theo chủ nghĩa xã hội. Tổ chức đó

gắn chặt một triệu rưỡi người xã chủ nghĩa Hoa Kỳ với hai mươi ba triệu rưỡi người xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới. Anh bảo:

- Một đội quân cách mạng như thế, gồm hai mươi năm triệu người, là một lực lượng làm cho bọn cầm quyền và các giai cấp cầm quyền phải chùn tay và không thể coi thường. Đạo quân đó thét lớn lên rằng: “Quyết không nhân nhượng. Bay có gì, chúng tao sẽ lấy hết! Chúng tao sẽ lấy sạch sành sanh, lấy không từ một thứ gì. Chúng tao sẽ giằng khỏi tay bay chính quyền và vận mệnh nhân loại. Tay chúng tao đây! Tay chúng tao rất mạnh. Chúng tao sẽ lấy về chính phủ của bay, lâu đài của bay, cuộc đời an nhàn sung sướng của bay, và ngày ấy bay sẽ phải tự tay kiếm lấy miếng bánh nhét vào miệng bay cũng như người nông dân ngoài đồng hay người thư ký đói khát gầy còm trong thành phố. Tay chúng tao đây! Tay chúng tao là những bàn tay rất mạnh!” Anh vừa nói vừa đưa bộ vai tuyệt đẹp và đôi tay không lồ của anh ra. Hai bàn tay thợ rèn của anh quắp lại như móng con đại bàng. Anh như hiện thân của giới lao động nắm chính quyền, hai tay giơ ra để bóp nát những kẻ đang ngồi nghe anh nói. Tôi cũng thấy họ cũng hơi chùn trước cái hình ảnh cụ thể, dũng mãnh và hăm dọa đó của cách mạng. Nghĩa là bọn đàn bà thì chùn; họ hoảng hốt ra mặt. Nhưng bọn đàn ông không thế. Họ là những nhà giàu hoạt động chứ không phải là những nhà giàu ăn lương ngồi rồi. Họ là những người chiến đấu. Một tiếng như găm gù từ trong họng họ phát ra, rung lên trong không khí và rồi im bặt. Đó là tiếng mở đầu cho tiếng chó hú, tôi đã phải nghe nhiều lần trong buổi tối hôm ấy. Đó là biểu hiện của con vật trong con người, biểu hiện của cái bản năng nguyên thủy. Họ cũng không biết họ đã thốt ra tiếng kêu ấy nữa. Đó là tiếng hú của cả bầy, cả bầy thốt ra và cả bầy kêu không biết. Lúc đó, tôi nhìn rõ bộ mặt rắn chắc của họ và những làn chớp chiến đấu loé ra trong mắt họ. Và tôi nhận ra rằng không khi nào họ để cái quyền làm bá chủ thế giới của họ bị giằng khỏi tay họ một cách dễ dàng.

Ernest tiếp tục tấn công. Anh cắt nghĩa sở dĩ có một triệu rưỡi người cách mạng ở Hoa Kỳ là do giai cấp tư bản đã quản lý xã hội hỏng. Anh phác ra điều kiện sinh hoạt kinh tế của con người nguyên thủy và của các dân tộc dã man thời nay, và vạch rõ rằng họ không có công cụ máy móc gì cả mà chỉ trông vào hiệu suất tự nhiên của mỗi người. Rồi vạch rõ sự phát

triển của máy móc và tổ chức xã hội đến giai đoạn hiện tại, khiến cho khả năng sản xuất của con người văn minh cao gấp hơn nghìn lần khả năng sản xuất của con người nguyên thủy. Anh bảo:

- Năm người có thể sản xuất ra bánh mì cho một nghìn người. Một người có thể sản xuất ra vải cho hai trăm năm mươi người, hàng len cho ba trăm người, và giày dép cho một nghìn người. Ta có thể kết luận rằng nếu quản lý xã hội tốt thì con người văn minh sẽ sung sướng hơn con người tiền sử rất nhiều. Nhưng nó có được như vậy thật không? Để ta xem. Ở Hoa Kỳ hiện nay có mười lăm triệu người sống trong cảnh nghèo khổ [47], tôi muốn nói họ ăn uống thiếu thốn, nhà ở tồi tàn không có những điều kiện tối thiểu để giữ lấy sức lao động bình thường. Ở Hoa Kỳ hiện nay, mặc dầu tất cả những cái mà người ta gọi là luật lao động, có ba triệu trẻ con làm lao công [48]. Trong vòng mười hai năm, như vậy là con số đó đã tăng gấp đôi. Và nhân đây, tôi xin hỏi các ngài cai quản xã hội, vì sao các ngài không công bố những con số kiểm tra nhân khẩu năm 1910? Tôi sẽ trả lời hộ các ngài: vì các ngài sợ! Những con số về sự cùng khốn sẽ thổi bùng một cuộc cách mạng hiện nay đang âm ỉ.

“Nhưng ta hãy trở lại những lời buộc tội của tôi. Con người văn minh khả năng sản xuất gấp một nghìn lần con người nguyên thủy, vậy tại sao ngày nay ở Hoa Kỳ lại có mười lăm triệu người không có chỗ ở tử tế, không được ăn uống tử tế? Vậy tại sao ngày nay ở Hoa Kỳ có ba triệu trẻ con làm lao công? Tôi buộc tội các ngài thật đấy! Giai cấp tư bản quản lý xã hội hỏng. Đứng trước thực trạng con người văn minh sống cực khổ hơn con người nguyên thủy mặc dù khả năng sản xuất của nó cao hơn gấp một nghìn lần, không thể có kết luận nào khác là giai cấp tư bản đã quản lý hỏng; là các ngài đã quản lý rất hỏng; thừa các ông chủ, là do lòng ích kỷ của các ngài, do tội ác các ngài gây nên, các ngài đã quản lý hỏng. Tối hôm nay các ngài không thể trả lời tận mặt tôi điều này. Tất cả giai cấp các ngài cũng thế thôi, nó không thể trả lời một triệu rưởi người cách mạng ở Hoa Kỳ về điểm này được. Tôi thách các ngài trả lời đấy. Hơn thế nữa, tôi còn dám quả quyết rằng tôi nói xong các ngài sẽ không trả lời. Về điểm này, các ngài sẽ câm như hén, mặc dầu miệng các ngài sẵn sàng ba hoa về bất cứ một điều gì khác.

“Các ngài thất bại trong công việc quản lý của các ngài. Các ngài đã biến văn minh thành lò sát sinh. Các ngài vừa tham lam, vừa mù quáng. Các ngài đã dám ngang nhiên và đến tận bây giờ vẫn còn ngang nhiên đứng giữa cơ quan luật pháp tuyên bố rằng không thể kiếm ra tiền lời nếu không bắt trẻ nhỏ, thậm chí nếu không bắt trẻ sơ sinh lao động. Các ngài đừng vội tin ngay lời tôi nói, nhưng tôi các ngài quả đã khắc thành bia, đã chép thành sách. Các ngài đã ru ngủ lương tâm các ngài bằng những lời dông dài về lý tưởng và đạo đức. Các ngài béo mập lên vì uy quyền, của cải. Các ngài say sưa vì thắng lợi. Nhưng các ngài không khác gì ong đực ăn bám trong các tổ ong. Một ngày kia bầy ong thợ làm ra mật sẽ xông đến kết thúc cuộc đời no nê béo tốt của các ngài. Một triệu rưỡi người thuộc giai cấp công nhân tuyên bố rằng họ sắp tập hợp nốt những lực lượng còn lại của họ để giành lấy quyền cai trị xã hội ở trong tay các ngài. Thưa các ông chủ, các bà chủ, cách mạng tức là như thế. Các ông chủ, bà chủ giỏi thì cứ ngăn nó lại”.

Giọng nói của Ernest còn vang lên một lúc lâu trong gian phòng rộng lớn. Rồi lại có tiếng như gầm gừ từ trong cổ họng các thính giả phát ra cũng như tôi vừa nghe ban nãy, và chừng mười hai người đứng dậy la lớn lên để lưu ý đại tá Van Gilbert. Tôi thấy hai vai cô Brentwood rung rung, vặn vẹo, tưởng cô đang cười Ernest, tôi cáu quá. Nhưng tôi nhận ra ngay không phải cô cười, mà cô đang bị một cơn hỗn loạn thần kinh. Cô hoảng hồn lên vì việc cô làm: Cô đã ấn vào giữa cái “Câu lạc bộ Những người hiếu học” thần thánh của cô một trái bom nổ chậm.

Đại tá Van Gilbert không chú ý đến mười mấy người đang đỏ mặt say mặt đòi phát biểu ý kiến. Chính ông cũng đang tức điên lên. Ông đứng phắt dậy xua hai tay, nói lắp bắp không ra tiếng. Nhưng chỉ một lúc sau, ông lại tuôn ra một tràng dài. Song đó không phải là những lời lẽ đỉnh đặc của vị luật sư mười vạn đô-la, không phải cái hùng biện khoa trương lỗi thời của ông nữa. Ông hét lên:

- Tầm bậy! Tầm bậy! Trong đời tôi, tôi chưa thấy ai nói năng tầm bậy đến như thế. Này ông bạn trẻ tuổi! Ông đừng tưởng ông nói có điều gì mới đâu! Tất cả những điều ông nói, tôi học ở trường đại học từ trước khi ông ra đời kia! Cái thuyết xã hội chủ nghĩa của ông Jean Jacques Rousseau đề xướng ra đã gần hai thế kỷ nay rồi. Quay về với ruộng đất! Thật là thoái

hoá, thật là hủ lậu! Khoa sinh vật học của chúng tôi dạy rằng đó là một điều phi lý. Cổ nhân nói rất đúng, dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng. Hôm nay ông đã chứng minh điều đó với cái mớ lý luận điên rồ của ông. Tầm bậy! Tầm bậy! Trong đời tôi chưa bao giờ tôi phát lợm giọng lên vì những lời lẽ tầm bậy quá đáng thế. Lợm giọng vì những câu suy diễn nông nổi, vì cách lập luận trẻ con của ông!

Đại tá Van Gilbert tỏ vẻ rất khinh bỉ và bệ vệ ngồi xuống. Tất cả cử tọa tán thành. Bọn đàn bà kêu lên the thé và bọn đàn ông lại lằm rằm lằm rằm trong cổ họng. Một nửa trong số mười hai người đòi phát biểu ý kiến nhao lên nói một lúc. Thật là rằm rằm như cái chợ. Chưa bao giờ những bức tường đồ sộ ở nhà bà Pertonwaithe lại chứng kiến một cảnh tượng như thế. Một bọn ăn bận quần áo dạ hội đang gằm lên, đang rống lên kia, lại là những vị thống lĩnh nền công nghiệp, những vị chủ soái của xã hội, những vị thường ngày rất điềm đạm, lạnh lùng. Quả là Ernest đã làm cho họ sôi lên sùng sục khi anh giơ cánh tay ra đe dọa túi tiền của họ, cánh tay mà họ coi như cánh tay của một triệu rưởi người cách mạng.

Nhưng bất kỳ tình thế nào, Ernest cũng không bao giờ mất bình tĩnh. Trước khi đại tá Van Gilbert ngồi đằng hoàng xuống ghế, anh đã đứng dậy xô ra phía trước. Anh quát:

- Một người một chữ!

Tiếng nói của anh từ lồng ngực dội ra, át cả cử tọa đang trong cơn sóng gió. Khí thế của anh làm cho họ phải im lặng.

- Một người một chữ! – Lần này anh nói nhẹ nhàng hơn. – Để tôi trả lời đại tá Van Gilbert đã. Rồi hãy đến những người khác. Nhưng nhớ một người một thôi. Đừng có làm loạn lên! Đây không phải là sân đá bóng. – Anh quay sang phía đại tá Van Gilbert nói tiếp. – Còn ngài, ngài đã trả lời được những câu tôi nói đâu, hoàn toàn chưa trả lời một tí nào. Ngài mới chỉ đưa ra mấy lời khẳng định độc đoán, hùng hổ, về khả năng trí tuệ của tôi. Lối ăn nói của ngài có lẽ dùng trong việc kinh doanh thì tốt, nhưng dùng với tôi thì không thể được! Tôi không phải là anh công nhân ngả mũ cầm tay đến xin ngài tăng lương hay xin ngài đảm bảo an toàn lao động. Đối với tôi thì ngài chớ ăn nói hàm hồ. Ngài hãy giữ thái độ như thế đối với những

kẻ ăn lương của ngài kia. Họ sẽ không dám cãi lại ngài vì ngài nắm trong tay miếng cơm, manh áo cuộc đời của họ.

“Còn về cái thuyết quay về với thiên nhiên ngài bảo ngài đã học ở trường đại học, tôi xin phép nói thẳng ra rằng từ đó ngài không học thêm được cái gì nữa. Cũng như tính vi phân không có liên quan gì với kinh thánh, chủ nghĩa xã hội không có liên quan gì đến trạng thái thiên nhiên hết. Tôi đã bảo là ngoài việc kinh doanh ra thì giai cấp của ngài rất ngu. Thừa ngài, chính ngài là một ví dụ rục rĩ chứng minh cho lời tôi nói”.

Thấy nhà luật sư mười vạn đô-la của mình bị trị một trận ghê gớm như thế, cô Brentwood không sao chịu nổi. Cơn hỗn loạn thần kinh của cô càng nặng hơn. Cô khóc dờ mếu dờ và được dìu ra ngoài. Thật cũng may cho cô, vì sau đó tình hình còn căng thẳng hơn thế nữa.

- Xin ngài chớ vội tin lời tôi nói, – Ernest tiếp, sau khi bị ngắt lời. – Chính những nhà học giả của các ngài sẽ đồng thanh chứng minh rằng các ngài là ngu. Chính những người đã được các ngài thuê để cung cấp kiến thức cho các ngài sẽ vạch cho ngài biết là ngài nhầm. Ngài hãy đến hỏi viên trợ lý xã hội học tầm thường nhất của các ngài xem thuyết quay về với thiên nhiên của Rousseau với chủ nghĩa xã hội khác nhau như thế nào. Ngài hãy hỏi những nhà kinh tế học và những nhà xã hội học tư sản chính thống lớn nhất của các ngài; ngài hãy tra cứu sách giáo khoa nói về vấn đề đó hiện đang xếp đống trong những thư viện mà các ngài trợ cấp; tất cả đều sẽ trả lời rằng thuyết quay về với thiên nhiên và chủ nghĩa xã hội không có điểm nào phù hợp với nhau hết. Trái lại họ sẽ đồng thanh khẳng định rằng thuyết quay về với thiên nhiên và chủ nghĩa xã hội hoàn toàn đối lập với nhau. Tôi nhắc lại, các ngài đừng vội tin lời tôi nói làm gì! Sự ngu xuẩn của các ngài đều có ghi rành rành trong sách, trong chính những cuốn sách của các ngài mà các ngài không thèm đọc ấy. Và về mặt ngu xuẩn thì ngài cũng chỉ là một tiêu biểu cho giai cấp của ngài mà thôi.

“Thưa ngài đại tá Van Gilbert, ngài giỏi luật pháp, giỏi kinh doanh. Ngài giỏi khoa hầu hạ các công ty tư bản và làm cho tiền lời của họ tăng lên bằng cách bóp méo luật pháp. Tốt lắm. Ngài thật đáng mặt vĩ nhân. Ngài hãy trung thành với nghề nghiệp của ngài. Ngài là một luật sư đại tài!

Nhưng ngài là một nhà sử học rất tồi, về sinh vật học thì ngài là người đương thời của Pliny [49]!

Đại tá Van Gilbert tựa quây hoài trên ghế. Trong phòng im phăng phắc. Cử tọa ngồi ngây ra với nhau. Chưa bao giờ họ thấy vị đại tá Van Gilbert bị xỉ vả tàn tệ như thế. Thật không ai ngờ, không thể ngờ được. Vị đại tá Van Gilbert, con người làm bạt vía các quan chánh án mỗi khi ngài đứng dậy cãi ở toà. Nhưng Ernest không nhân nhượng với kẻ thù.

- Tôi nói thế không phải có ý chê trách gì ngài đâu. Mỗi người có một nghề. Có điều là ngài nên làm nghề của ngài, để mặc tôi làm nghề của tôi. Ngài đã chuyên môn hoá rồi. Khi nào nói về hiểu biết luật pháp, về trốn tránh luật pháp và nặn ra pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các công ty tư bản ăn cướp, tôi xin gục đầu xuống sát đất để bái phục ngài. Nhưng đến môn xã hội học, đến nghề của tôi, thì cũng xin ngài nên gục đầu xuống sát đất, dưới chân tôi. Ngài nên nhớ cho như thế. Đồng thời xin ngài nhớ cho rằng cái môn luật pháp của ngài giỏi lắm cũng chỉ bền được một ngày, làm ngài không đủ sức nghiên cứu những môn học có giá trị được quá một ngày. Cho nên những lời khẳng định độc đoán và những lời suy diễn vội vàng của ngài về các vấn đề sử học, xã hội học đều không xứng với chỗ hơi thở ngài mất đi để phát biểu những lời đó.

Ernest nghỉ một lát và chăm chú nhìn đại tá Van Gilbert đang tím mặt lại vì tức giận, ngực hỗn hển, người vẩy vẹo trên ghế, hai bàn tay trắng trẻo hét nắm vào lại xoè ra. Rồi anh nói tiếp.

- Nhưng hình như ngài vẫn còn hơi để nói thì phải. Được, tôi sẽ để cho ngài dùng nốt chỗ hơi ấy. Tôi buộc tội giai cấp ngài. Ngài hãy chỉ cho tôi xem lời buộc tội của tôi sai ở chỗ nào. Tôi đã vạch cho người thấy nỗi khổ khổ của con người hiện đại. Ba triệu trẻ con làm nô lệ ở Hoa Kỳ, không có chúng lao động thì giai cấp các ngài đừng hòng kiếm ra tiền lời, và mười lăm triệu người thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nhà ở. Tôi đã chỉ rõ khả năng sản xuất của con người hiện đại, do tổ chức xã hội và sử dụng máy móc, đã cao hơn khả năng sản xuất của con người nguyên thủy gấp một nghìn lần. Và tôi khẳng định rằng, do hai sự kiện trên không thể có kết luận nào khác là giai cấp tư bản đã quản lý hỏng. Lời buộc tội của tôi là như thế. Tôi thách ngài trả lời. Không, tôi còn đi xa hơn thế nữa kia. Tôi quyết đoán rằng các

ngài sẽ không trả lời. Ngài có giỏi thì đem nốt chỗ hơi thở còn lại của ngài ra đập tan lời quyết đoán của tôi đi. Ngài bảo tôi là nói năng tầm bậy. Ngài hãy chỉ cho tôi biết tầm bậy ở chỗ nào, thưa đại tá Van Gilbert? Ngài hãy trả lời đi! Trả lời những điều mà tôi và một trăm năm mươi vạn đồng chí của tôi buộc tội giai cấp ngài và ngài đi!

Đại tá Van Gilbert quên mất rằng ông đang chủ tọa và theo phép lịch sự thì ông phải nhường người khác nói, vì họ đang làm ồn ồn cả phòng. Ông đứng phắt dậy, khua chân múa tay, vứt bỏ cả cái khoa hùng biện lẫn cái vẻ điềm đạm thường ngày của ông đi đâu mất. Ông mạt sát Ernest là miệng còn hơi sữa, là mị dân. Ông không tiếc lời công kích giai cấp công nhân, gọi giai cấp công nhân là những đồ bỏ đi, những phường vô tích sự. Sau khi ông đã tuôn ra một tràng dài những lời thô bỉ, Ernest đáp:

- Trong giới luật, ngài quả là người khó giữ cho khỏi đi chệch vấn đề nhất, tôi chưa bao giờ gặp phải. Việc tôi ít tuổi không liên quan gì đến những điều tôi vừa nói hết, việc giai cấp công nhân vô tích sự cũng vậy.

Tôi buộc tội giai cấp tư bản đã quản lý xã hội không tốt. Ngài không trả lời. Ngài không dám trả lời. Vì sao vậy? Có phải vì ngài trả lời không được không? Ngài là người biện hộ cho tất cả các cử tọa này. Tất cả mọi người ở đây, trừ tôi ra, đều dán mắt vào miệng ngài. Họ chờ ngài trả lời thay cho họ vì họ không trả lời được. Còn tôi, như tôi đã nói từ trước, tôi biết rằng không những ngài không trả lời, mà ngài còn không dám trả lời.

- Thật quá lắm, không thể nào tha thứ được nữa! – Đại tá Van Gilbert quát âm lên. – Ông có định chửi chúng tôi thì ông bảo!

- Ngài không trả lời, đó mới là không tha thứ được. – Ernest nghiêm nghị đáp. – Về mặt trí tuệ, không ai có thể bị ai chửi được cả. Chửi, về bản chất của nó, là một điều hoàn toàn cảm tính. Ngài hãy lấy lại bình tĩnh. Tôi đứng về mặt trí tuệ buộc tội giai cấp tư bản đã quản lý hỏng. Ngài hãy đứng về mặt trí tuệ mà trả lời tôi.

Đại tá Van Gilbert ngồi im. Ông nhăn mặt lại và làm ra bộ kẻ cả không thèm đối đáp với một tên vô lại.

- Xin ngài chớ ử rữ quá như thế, – Ernest nói. – Ngài nên tự an ủi rằng chưa có người nào trong giai cấp ngài trả lời được câu buộc tội đó. – Anh quay về phía những người đang nhao nhao định nói. – Bây giờ đến các

ngài. Các ngài khai hỏa đi. Và các ngài đừng quên tôi thách tất cả các ngài trả lời câu mà đại tá Van Gilbert không trả lời được.

Tôi không thể viết ra đây tất cả những điều Ernest phát biểu trong cuộc tranh luận được. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng rằng trong ba tiếng đồng hồ ngắn ngủi mà có thể nhiều lời qua tiếng lại như thế. Dầu sao, thật là tuyệt. Dịch thủ càng phát khùng, Ernest lại càng chọc tức. Anh thật là uyên bác. Anh biết dùng từng chữ, từng câu, từng lời lẽ sắc như gươm để đâm vào tận ruột gan họ. Anh vạch rõ từng điểm vô lý họ nói ra. Tam đoạn luận này sai, kết luận kia không dính với tiêu đề, tiền đề nọ là một câu bịp bợm vì nó lập lòe gói ghém cái kết luận mà đáng lẽ người ta phải chứng minh. Chỗ này sai, chỗ kia là cái chày cái cối, chỗ nọ là nói mò, không đúng với chân lý đã được thể nghiệm và đã chép thành sách.

Anh cứ tiếp tục như thế. Có lúc anh bỏ gươm dùng chùy, xung tã, đột hữu, đập toi bời những ý kiến họ đưa ra. Lúc nào anh cũng đòi họ đem thực tế ra nói chuyện, nhất định không chịu cái lý thuyết. Và những sự thật anh đưa ra đã làm cho họ thua liểng xiểng. Họ đã kích giai cấp công nhân thì anh đáp: “Các ngài chớ nên làm cái lối lươn ngoắt chệch trạch dài. Như vậy có phải là trả lời câu buộc tội của chúng tôi đâu. Chúng tôi kết tội rằng mặt các ngài bần, các ngài hãy chứng minh mặt các ngài là không bần cho tôi xem”. Và anh bảo tận mặt tất cả bọn họ: “Tại sao các ngài không trả lời câu buộc tội rằng giai cấp các ngài đã quản lý hỏng? Các ngài nói chuyện huyền thuyên tận đâu đâu, chưa ngài nào trả lời tôi cả. Có phải tại các ngài không thể trả lời được không?” Mãi cuối buổi tranh luận, ông Wickson mới lên tiếng. Chỉ có mình ông còn giữ được vẻ điềm đạm, và Ernest cũng có phần nể ông hơn những người khác.

- Không cần phải trả lời gì hết, – ông Wickson chậm rãi nói. – Tôi vừa ngạc nhiên vừa ghê tởm theo dõi toàn bộ cuộc tranh luận. Thưa các ngài cùng giai cấp với tôi, tôi ghê tởm các ngài. Các ngài xử sự không khác gì một lũ học trò ngốc nghếch. Việc gì phải nói đạo đức, việc gì phải làm như sấm sét trong một cuộc tranh luận như thế này! Các ngài không xứng đáng làm những người cai quản xã hội, không xứng đáng với giai cấp của các ngài. Các ngài nhiều lời quá, nhưng phỏng lời các ngài có ăn thua vào đâu! Đó chẳng qua là tiếng muỗi vo ve bên tai con gấu. Thưa các ngài, con gấu

nó đứng kia (ông giơ tay chỉ Ernest). Các ngài vo ve lắm chỉ làm cho nó thêm nhồn ra thôi.

“Các ngài hãy tin lời tôi nói, tình hình bây giờ rất nghiêm trọng. Con gấu nó đang giơ chân định giẫm bẹp chúng ta. Nó bảo ở Hoa Kỳ hiện nay có một triệu rưỡi người cách mạng. Đó là sự thật. Nó bảo ý định của bọn chúng nó là cướp lấy chính quyền của chúng ta, cướp lâu đài của chúng ta, cướp lấy cuộc đời an nhàn sung sướng của chúng ta. Đó cũng là sự thật. Xã hội sắp có biến đổi, sắp có biến đổi lớn; nhưng may thay, không phải biến đổi như con gấu nó dự đoán đâu. Con gấu nói là nó sẽ giẫm bẹp chúng ta. Giả sử chúng ta đề bẹp nó đi thì sao?” Lại có tiếng rầm rầm từ trong cổ họng mọi người phát ra làm náo động cả gian phòng, và người này gật đầu với người kia tỏ vẻ tán thành, tin tưởng. Mặt họ bỗng trở nên quắc thước. Họ đúng là những người chiến đấu.

- Nhưng muốn đề bẹp con gấu thì không phải vo ve mà được đâu, – ông Wickson nói tiếp bằng một giọng lạnh lùng, bình tĩnh. – Gấu thì phải săn! Chúng ta sẽ trả lời con gấu không phải bằng lời. Chúng ta sẽ trả lời bằng đạn. Chúng ta đang nắm chính quyền trong tay, không ai có thể phủ nhận điều đó. Chúng ta sẽ dựa vào chính quyền của chúng ta để giữ lấy chính quyền.

Chợt ông quay lại nhìn Ernest. Quang cảnh lúc ấy thật là hồi hộp.

- Đây, câu trả lời của chúng tôi đây. Chúng tôi không hoài lời nói với các anh. Các anh bảo tay các anh mạnh lắm phỏng? Được, các anh cứ giơ ra cướp lâu đài, cướp cuộc đời an nhàn sung sướng của chúng tôi mà xem. Chúng tôi sẽ cho các anh biết sức mạnh là thế nào, chúng tôi sẽ trả lời các anh bằng trái phá, bằng bom, bằng súng máy [50]. Chúng tôi sẽ di những nhà cách mạng của anh dưới gót chân chúng tôi, chúng tôi sẽ giẫm 50 Đề vạch rõ cái dòng tư tưởng đó, dưới đây, chúng tôi trích dẫn một định nghĩa lấy ở cuốn “Khuyến nhủ từ điển” (1906) của Ambrose Bierce; một kẻ đã từng thú nhận và mọi người đều biết là thù ghét loài người: “liên thanh – danh từ – một cách lập luận tương lai dùng để trả lời những yêu sách của bọn theo chủ nghĩa xã hội ở Mỹ”. Lên mặt các anh mà đi. Thế giới này là của chúng tôi. Chúng tôi là chủ của nó, nó sẽ mãi mãi là của chúng tôi. Còn cái đám lao động, chúng nó gục đầu xuống đất đen từ khi bắt đầu có lịch sử

kia, anh đã muốn nghe lịch sử thì tôi nói cho anh nghe. Chừng nào tôi, những người cùng giai cấp với tôi và những người nổi nghiệp chúng tôi còn nắm chính quyền thì bọn lao động các anh còn phải gục đầu xuống đất đen. Chính quyền! Đó mới thực là danh từ chúa tể của các danh từ, phải, chính quyền! Không phải Thượng đế, cũng không phải Thần tài, mà là chính quyền. Anh hãy đọc đi đọc lại cho đến bao giờ thuộc lòng thì thôi: Chính quyền!

- Thế mới đúng là trả lời, – Ernest điềm nhiên đáp. – Chỉ có thể trả lời như thế thôi, ngoài ra không có cách nào trả lời khác. Chính quyền! Giai cấp vô sản chúng tôi cũng đang kêu gọi giành chính quyền. Chúng tôi đã có kinh nghiệm xương máu rằng kêu gọi công lý, kêu gọi chính nghĩa, kêu gọi lòng nhân đạo với các ngài đều không ăn thua gì hết. Tim các ngài cứng rắn ngang với gót chân các ngài dùng để dẫm lên mặt những người nghèo. Chính vì thế mà chúng tôi kêu gọi giành chính quyền. Ngày tuyển cử, chúng tôi sẽ dùng quyền đầu phiếu của chúng tôi để giành lấy chính quyền ra khỏi tay các ngài... - Cứ cho rằng ngày tuyển cử các anh được đa số, tuyệt đại đa số đi chẳng nữa, phỏng các anh làm gì nổi chúng tôi? – Ông Wickson ngắt lời hỏi. – Giả sử sau khi các anh đắc cử, chúng tôi nhất định không trao chính quyền cho các anh thì đã sao?

- Ngay cả trường hợp ấy chúng tôi cũng đã tính trước rồi, – Ernest đáp. – Trường hợp ấy, chúng tôi sẽ trả lời các ngài bằng súng đạn. Chính quyền! Chính các ngài đã tôn nó là chúa tể các danh từ. Tốt lắm, chúng tôi sẽ có chính quyền. Ngài muốn hỏi, nếu chúng tôi thắng trong tuyển cử mà các ngài cứ khăng khăng không chịu trao lại bộ máy Nhà nước mà chúng tôi đã giành được một cách hoà bình, theo đúng hiến pháp, thì chúng tôi sẽ làm gì ư? Tôi xin nói, ngày ấy chúng tôi sẽ trả lời các ngài, trả lời bằng trái phá, bằng bom, bằng súng máy.

“Các ngài không trốn đâu cho thoát tay chúng tôi. Đúng là vừa rồi ngài đã đọc lên sự thật trong lịch sử. Đúng là từ khi bắt đầu có lịch sử, những người lao động vẫn bị dìm đầu xuống bùn đen. Tôi đồng ý với ngài, hoàn toàn đồng ý. Chính quyền sẽ là chúa tể, cũng như từ trước đến nay nó vẫn là chúa tể. Nó là một cuộc đấu tranh giai cấp. Cũng như giai cấp các ngài đã lật đổ giai cấp quý tộc phong kiến, giai cấp tôi, giai cấp công nhân cũng sẽ

lật đổ các ngài. Nếu ngài sẵn lòng nghiên cứu sinh vật học và xã hội học cũng kỹ như ngài nghiên cứu sử học, ngài sẽ thấy cái bước kết thúc đó là tất nhiên không thể tránh được. Dù một năm nữa, điều đó không quan trọng, nhất định giai cấp các ngài sẽ bị lật đổ. Nó sẽ bị lật đổ bằng bạo lực, sẽ bị tiêu diệt bằng chính quyền. Đội quân lao động chúng tôi cũng đã từng học đi học lại cho đến thuộc lòng danh từ ấy.

Chính quyền! Đúng là danh từ chúa tể!

Thế là tối hạp mặt của những người Hiếu học kết thúc.

Chú thích:

40- Thời đó vẫn còn tập quán bày những đồ tạp nhạp trong nhà. Người ta vẫn chưa tìm ra lối sống giản dị. Nhà cửa như thế không khác gì bảo tàng, phải mất rất nhiều công phu lau dọn. Bụi làm chúa tể trong nhà. Có hàng nghìn thứ bắt bụi mà chỉ có mấy kẻ để lau chùi.

41- Huỷ bỏ di chúc là một nét đặc biệt của thời đó. Cùng với việc tích lũy những tài sản lớn, vấn đề sử dụng những tài sản đó sau khi chết là một băn khoăn lớn cho lớp nhà giàu. Lập di chúc và huỷ bỏ di chúc là hai nghề bổ sung cho nhau, cũng giống như chế tạo áo giáp và chế tạo súng. Người ta phải vờ những luật sư sắc sảo chuyên thảo các di chúc để làm những tờ di chúc không thể nào huỷ bỏ được. Nhưng nó vẫn bị huỷ bỏ như thường, phần nhiều lại do chính tay những người thảo ra chính nó huỷ bỏ. Tuy nhiên, giới nhà giàu vẫn nuôi ảo tưởng có thể lập được những di chúc không ai huỷ bỏ được, và suốt bao nhiêu thế hệ, cả khách hàng lẫn những luật sư đều theo đuổi ảo tưởng đó. Thật không khác gì bọn người luyện kim đan thời trung cổ đi tìm chất tan rã vạn năng.

42- Một loại văn chương quái gở, nhằm làm cho giai cấp công nhân hiểu sai lệch hoàn toàn về bản chất của giai cấp ăn không ngồi rồi

44- Thoạt tiên bọn này là một bọn mật thám tư, về sau chúng đi đánh nhau thuê cho giai cấp tư bản. Sau này, chúng trở thành đạo quân đánh thuê cho giai cấp thiểu số thống trị.

45 -Loại thuốc có môn bài là một thứ lừa bịp có môn bài, nó cũng đánh lừa được nhân dân như những thứ bùa chú thời trung cổ. Chỉ khác một điều là loại thuốc này có hại hơn và đắt hơn.

- 46- *Mãi đến năm 1912, quần chúng nhân dân đông đảo vẫn còn tin rằng họ cai trị đất nước bằng lá phiếu của họ. Thật ra chính là bộ máy kinh doanh chính trị nó cai trị. Mới đầu bọn trùm của bộ máy này đòi bọn trùm tư bản phải trả những món tiền kénh sù để làm ra luật pháp. Nhưng ít lâu sau, bọn trùm tư bản thấy tự mình làm chủ những bộ máy kinh doanh chính trị đó và thuê bọn trùm những bộ máy đó làm công cho mình, như thế rẻ hơn.*
- 47- *Năm 1906, Robert Hunter, trong một cuốn sách nhan đề “Cùng khổ”, đã vạch rõ hồi đó nước Mỹ có 10 triệu người sống trong cảnh nghèo khổ.*
- 48- *Trong cuộc điều tra dân số năm 1900 ở Hoa Kỳ (cuộc điều tra cuối cùng và số liệu được công bố), số lao công trẻ con lên tới 1.752.187 em.*
- 49- *Nhà tự nhiên học La Mã, sinh năm 23 và mất năm 79 sau công lịch.*

Chương VI

Những bức phác họa

Vào hồi này, những dấu hiệu của những biến cố sắp xảy ra bắt đầu đầy dẫy. Ernest đã phải băn khoăn về chủ trương của ba tôi tiếp những lãnh tụ xã hội và công đảng trong nhà và tham dự công khai những hội nghị của Đảng Xã hội. Thấy anh lo ngại, ba tôi chỉ cười. Về phần tôi: tôi học được rất nhiều trong khi tiếp xúc với các thủ lĩnh, các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân. Tôi nhìn rõ mặt trái của cuộc đời. Tôi mến phục lòng vị tha và lòng yêu lý tưởng cao thượng của họ, đồng thời kinh ngạc trước nền văn chương khoa học và triết học rộng lớn của chủ nghĩa xã hội mở ra trước mắt tôi. Tôi học rất mau, nhưng không đủ mau để hiểu ngay từ lúc ấy hoàn cảnh của chúng tôi nguy hiểm như thế nào. Có nhiều người lên tiếng cảnh cáo, nhưng tôi không để ý. Chẳng hạn bà Pertonwaithe và bà Wickson, hai nhân vật có một ảnh hưởng xã hội ghê gớm trong thành phố đại học của chúng tôi, đã tung đủ dư luận rằng tôi là một thiếu nữ quá sốt sắng, ương bướng và có một khuynh hướng tai hại là thích can thiệp vào những công việc của người khác. Nhìn lại vai trò tôi đã đóng trong khi đi điều tra vụ Jackson, tôi thấy thế cũng chỉ là dĩ nhiên thôi. Nhưng tôi đã đánh giá thấp hậu quả của một dư luận như thế, do hai bà chúa tể xã hội nhiều quyền lực như thế tung

ra. Thật ra tôi cũng để ý thấy bạn bè đối với tôi có phần dè dặt; nhưng tôi cho rằng đó là do họ không tán thành việc tôi dự định kết hôn với Ernest. Mãi về sau Ernest mới vạch cho tôi thấy thái độ chung của giai cấp tôi không phải là ngẫu nhiên. Họ có thái độ như thế chính là do có những kẻ giật dây ngầm một cách có tổ chức.

- Em đã chứa trong nhà một kẻ thù giai cấp, – anh bảo tôi. – Không những em đã cho ở, mà còn cho tình yêu và cho cả bản thân mình nữa. Như thế là em đã phản lại giai cấp em. Em đừng nghĩ rằng em sẽ thoát, không bị nó trừng trị đâu!

Nhưng trước đó ít lâu, một buổi chiều, Ernest đang ngồi với tôi thì ba tôi về. Chúng tôi thấy cụ đang cơn giận dữ – giận dữ một cách triết học. Ba tôi rất ít khi giận dữ thật. Nhưng thỉnh thoảng cụ cũng cho phép giận dữ chút ít, gọi là thôi. Cụ gọi đó là thuốc bổ! Cụ bước vào phòng, chúng tôi đã thấy ngay là cụ vừa dùng liều thuốc bổ đó xong.

- Các con nghĩ sao? – Cụ hỏi. – Ba mới ăn cơm với lão Wilcox về. (Wilcox là viên giám đốc đại học về hưu trí. Những tư tưởng tồn kho trong bộ óc khô héo của ông so với hồi 1870 thì mới mẻ, nhưng từ đó đến nay ông không hề nghĩ đến chuyện tu bổ cho hoàn chỉnh). Lão ta mời ba. Lão ta cho người đến mời. – Ba tôi ngừng một lát. Chúng tôi đợi. – Các con ạ, việc xảy ra một cách rất lịch sự, ba công nhận như thế. Nhưng ba bị khiển trách. Mà lại bị cái thằng cha hủ lậu ấy khiển trách mới tức chứ!

- Con cuộc là con đã biết vì sao ông bị khiển trách rồi, – Ernest nói.

Ba tôi cười:

- Tôi cho anh đoán ba câu.

Ernest đáp:

- Con chỉ cần đoán một câu thôi mà cũng chẳng phải là đoán. Cứ suy luận cũng biết. Ông bị khiển trách vì đời tư phải không ạ?

- Chính thế! Sao anh đoán được?

- Con đã biết thế nào rồi cơ sự cũng phải đi như vậy. Con đã nói với ông từ trước rồi còn gì.

Ba tôi trầm ngâm:

- Ừ, anh có nói trước thật. Nhưng tôi không thể tin như thế được. Dẫu sao tôi lại được thêm một bằng chứng rõ rệt để cho vào quyển sách của tôi.

- Nhưng đã thám vào đâu, – Ernest nói tiếp. – Ông mà chứa các đảng viên xã hội và cấp tiến trong nhà, kể cả con nữa, ông còn gặp những tai vạ, và tai vạ tày đình kia!

- Chính lão Wilcox cũng bảo tôi thế. Lão ta bảo tất cả những việc tôi làm là không có bảo đảm, là không có gì hay ho, là hoàn toàn không có lợi và trái với những truyền thống và những chủ trương của trường Đại học. Lão ta còn nói thêm nhiều câu mập mờ như thế. Tôi không sao cột được lão ta vào một vấn đề gì nhất định. Nhưng tôi đã làm cho lão ta lúng túng to. Lão ta cứ luôn mồm nhắc đi nhắc lại rằng đứng về mặt khoa học, tôi là một người mà lão ta rất kính nể và tất cả mọi người đều kính nể. Lão ta phải làm một nhiệm vụ mà lão ta không thích một tí nào. Tôi thấy rõ ràng là lão ta không thích.

- Thì lão ta có được tự do hành động đâu, – Ernest nói. – Đeo cái thanh sắt nô lệ [51] vào chân, có phải lúc nào người ta cũng làm ra bộ dễ chịu được đâu!

- Đúng như thế, tôi đã làm cho lão ta phun ra rất nhiều chuyện. Lão ta bảo chưa bao giờ số tiền trường đại học cần phải tiêu lại vượt quá số tiền nhà nước định trợ cấp nhiều như năm nay. Chỗ hụt ấy chỉ có thể do những nhà giàu trợ cấp. Họ mà thấy trường đại học đi chệch lý tưởng cao cả của nhà trường, tức là theo đuổi những hoạt động có tính cách trí tuệ thuần túy, thì nhất định họ méch lòng. Khi tôi hỏi dồn lão ta rằng đòi tư của tôi phỏng có liên quan gì đến việc làm cho trường đại học đi chệch lý tưởng cao cả của nó, lão ta liền ngỏ ý sẵn sàng cho tôi nghỉ hai năm ăn cả lương để sang châu Âu giải trí và nghiên cứu khoa học. Cố nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại, tôi không thể nhận lời được.

- Giá ông nhận lời thì tốt hơn nhiều, – Ernest nghiêm trang nói.

- Nhưng đó là một âm mưu mua chuộc, – ba tôi phản đối, và Ernest gật đầu. – Cái thằng ăn mày ấy còn bảo người ta bàn ra tán vào quanh các bàn trà về việc con gái tôi ngang nhiên đi với một người tai tiếng như anh, và việc đó không hợp với tập quán, phẩm cách của trường đại học. Riêng lão ta thì lão ta chẳng thấy gì đáng nói đâu. Ô hô! Nhưng mà người ta xì xào và chắc tôi cũng hiểu như thế.

Tin đó làm Ernest suy nghĩ. Anh sầm mặt xuống, vừa trang nghiêm vừa tức giận. Một lúc sau anh nói:

- Nhất định là ngoài cái lý tưởng đại học ra, còn có một cái gì khác núp đằng sau. Lại có kẻ nào gây áp lực với ông ta đấy thôi.

- Anh tin thế ư? – Ba tôi hỏi, vẻ mặt tò mò hơn là lo sợ.

Ernest bảo:

- Trong đầu con bắt đầu có một quan niệm đang thành hình, nhưng chưa rõ rệt lắm. Để con nói ông nghe. Trong lịch sử thế giới, chưa bao giờ xã hội lại nhiều sóng gió ghê gớm như bây giờ. Những biến đổi nhanh chóng trong hệ thống công nghiệp của chúng ta đang gây ra những biến đổi không kém phần nhanh chóng trong tất cả những cơ cấu tôn giáo, chính trị và xã hội của chúng ta. Một cuộc cách mạng vô hình và dữ dội đang hình thành trong cơ cấu của xã hội chúng ta. Người ta chỉ có thể cảm thấy những cái đó một cách lơ mơ thôi. Nhưng những cái đó nó lẫn vào không khí, chính lúc này đây. Người ta có thể cảm thấy trước sự xuất hiện của một cái gì rộng lớn, mơ hồ và đáng sợ. Con cũng không dám hình dung sẵn trong óc xem những cái đó sẽ kết tinh thành cái gì. Tối hôm nọ ông đã nghe lão Wickson nói. Đằng sau những điều y nói, chính là những cái không tên và không hình mà con đang cảm thấy. Trong thâm tâm, y rất sợ những cái đó và chính mối lo sợ này đã khiến cho y phát biểu như vậy.

- Anh muốn nói là... – ba tôi bắt đầu rồi ngừng lại.

- Con muốn nói, một cái bóng đen khổng lồ đang bắt đầu lan ra trên đất nước, đe dọa tất cả mọi người. Ông muốn gọi nó là bóng của một thiểu số thống trị cũng được, con cũng chỉ dám ước đoán như thế là sát nhất thôi. Bản chất nó ra sao, con cũng chẳng muốn tưởng tượng ra nữa [52].

Nhưng điều con muốn nói là: ông đang ở vào một cái thế rất nguy hiểm, một cái nguy hiểm mà chính con cũng không lường trước nổi. Con lo cho ông lắm, nên lại càng thấy nổi nguy hiểm đó là ghê gớm. Ông nên nghe con, nhận lời đi nghỉ thì hơn.

- Làm thế thì hèn nhát quá, – ba tôi phản đối.

- Không hèn nhát một chút nào cả. Ông đã có tuổi. Ông đã làm tròn sự nghiệp của ông: một sự nghiệp vĩ đại cho xã hội. Ông nên để cuộc chiến đấu hiện tại cho những người trẻ tuổi và khỏe mạnh càng đáng. Thanh niên

chúng con có công việc của chúng con. Xảy ra chuyện gì, đã có em Avis ở bên con. Avis sẽ thay mặt ông ở tiền tuyến.

Ba tôi không đồng ý:

- Nhưng họ không thể hại tôi được. Nhờ trời tôi là một người độc lập. Ô! Anh cứ tin chắc rằng tôi rất hiểu một giáo sư phụ thuộc vào trường đại học về mặt kinh tế có thể bị họ làm cho điều đứng như thế nào. Nhưng tôi sống độc lập. Tôi làm giáo sư không phải vì đồng lương, tôi cứ trông vào lợi tức riêng cũng đủ ung dung chán. Họ có muốn cắt cũng chỉ có thể cắt được lương của tôi là cùng.

- Ông vẫn chưa rõ, – Ernest trả lời. – Nếu tất cả những điều con lo ngại xảy ra thì lợi tức riêng và ngay cả số vốn của ông cũng có thể bị tước đoạt một cách dễ dàng như số tiền lương.

Ba tôi im lặng mấy phút. Cụ suy nghĩ rất lung và tôi thấy những nét quả quyết hiện lên trên khuôn mặt cụ. Sau cùng, cụ bảo:

- Tôi sẽ không nghỉ đâu, – cụ ngừng lại một lát. – Tôi sẽ tiếp tục viết cuốn sách của tôi [53]. Rất có thể anh lầm. Nhưng dù anh lầm hay không lầm, tôi sẽ vẫn ở lại vị trí chiến đấu của tôi.

Ernest bảo:

- Vâng, càng hay. Ông đang đi cùng một đường với Giám mục Morehouse và đi đến một tai vạ tương tự. Cả ông lẫn đức Giám mục đều sẽ thành vô sản trước khi bị chúng nó triệt.

Câu chuyện chuyển sang đức Giám mục và chúng tôi yêu cầu Ernest cho biết anh đã dẫn người đi làm những gì.

- Tôi đã dẫn đức Giám mục làm một cuộc du hành qua địa ngục và sau đó đức Giám mục đã phát ốm lên về mặt linh hồn. Tôi đưa ông đi thăm gia đình mấy anh em công nhân nhà máy. Tôi đã chỉ cho ông thấy những con người bị bộ máy công nghiệp làm cho xơ xác như những con tàu đắm và ông đã nghe họ kể lại cuộc đời của họ. Tôi đã dẫn ông đến những hang cùng ngõ hẻm của San Francisco và ông đã thấy nạn nghiện rượu, nạn mãi dâm và tội ác có một căn nguyên sâu xa hơn là sự đòi bại thiên bẩm của con người. Ông bị ốm nặng và phiền hơn hết là trí óc ông loạn cả lên. Ông thật là người đạo đức. Ông xúc động mạnh quá. Và cũng như mọi khi, ông không thực tế một chút nào cả. Ông cứ thế lơ lửng trên mây với những ảo

tưởng về đạo đức và kế hoạch truyền giáo trong cái tầng lớp có học thức. Ông thấy có nhiệm vụ nặng nề phải làm sống lại tinh thần xưa của nhà thờ và truyền đạt bức thư của nhà thờ cho các ông chủ của xã hội. Ông đã bị nung nấu dữ quá. Chóng muện thế nào ông cũng bực ra và thế nào tai vạ cũng phải xảy đến. Tai vạ đó sẽ xảy đến dưới hình thức nào, tôi cũng chịu không đoán được. Ông là một tâm hồn trong sạch và cuồng nhiệt nhưng mà sao xa thực tế thế. Tôi chịu không nắm được ông. Ông đang bay về Gethsemane [54]. Sau thì ông sẽ đến núi Calvary để chịu đóng đinh lên thánh giá. Những người có tâm hồn cao thượng như ông sinh ra là để đóng đinh lên thánh giá.

- Thế còn anh? – Tôi hỏi, và nụ cười trên môi tôi chẳng qua chỉ giấu một mối lo ngại thật sự của tình yêu.

- Anh thì không! – Anh cười trả lời. – Anh có thể bị xử tử hay bị ám sát, nhưng không khi nào anh sẽ bị đóng đinh lên thánh giá. Anh bám rễ xuống đất chắc chắn lắm rồi, không khi nào anh chịu rời mặt đất đâu.

- Nhưng tại sao anh lại làm cho đức Giám mục phải lên thánh giá? – Tôi hỏi. – Chắc anh sẽ không chối rằng anh là nguyên nhân gây ra việc đó.

Anh vặn hỏi lại tôi:

- Hiện nay có hàng triệu người sống nhọc nhằn, khổ sở. Vậy sao anh lại để cho một tâm hồn giàu sang thoải mái yên hưởng cái giàu sang thoải mái đó là thế nào?

- Thế tại sao anh lại khuyên ba đi nghỉ?

- Vì anh không phải là một tâm hồn trong sạch và cuồng nhiệt. Vì anh là người không ai lay chuyển nổi và rất ích kỷ. Vì anh yêu em và nói như Ruth ngày xưa thì “người thân của em tức là người thân của anh”. Về phần đức Giám mục, ông không có con. Và lại dù kết quả có mỏng manh, tiếng kêu than yếu ớt và bất lực của ông vẫn sẽ có lợi một chừng mực nào cho cách mạng. Những việc như thế, nhỏ bé thì nhỏ bé, vẫn đáng kể như thường.

Tôi không thể đồng ý với Ernest. Tôi hiểu rất rõ bản chất cao quý của đức giám mục Morehouse và tôi không thể quan niệm rằng tiếng nói của người cất lên vì công lý lại chỉ là một tiếng kêu than yếu đuối và bất lực. Tôi chưa thật thấu hiểu những sự thật phũ phàng của cuộc đời như Ernest.

Anh thấy rõ tâm hồn lớn lao của đức giám mục tốt cuộc cũng chỉ là hảo huyền, và chẳng bao lâu, nhìn những biến cố xảy ra, tôi cũng thấy rành rành như thế. Ít lâu sau, Ernest kể cho tôi nghe bằng một giọng hài hước rằng chính phủ vời anh ra làm bộ trưởng bộ Lao động. Tôi mừng quýnh lên. Lương bổng sẽ cao và sẽ làm cho hạnh phúc của chúng tôi thêm phần bảo đảm. Và lại công việc đó cũng thích hợp với Ernest. Thêm vào đấy, tôi vốn tự hào vì anh, cho nên lại càng cho rằng người ta vời anh ra như vậy tức là thừa nhận những tài năng của anh. Lúc đó tôi để ý thấy mắt anh long lanh một cách rành mãnh. Anh cười tôi.

- Chắc anh sẽ không từ chối chứ? – Tôi hỏi, giọng run run.

- Đây là một âm mưu mua chuộc, – anh nói. – Đằng sau âm mưu này có bàn tay quỷ quyệt của lão Wickson và đằng sau lão Wickson có bàn tay của những tên to đầu hơn. Cái thủ đoạn đánh cắp những người chỉ huy của đội quân lao động, cái thủ đoạn ấy đã cũ lắm rồi, nó có từ khi có đấu tranh giai cấp kia. Đáng thương thay giới cần lao bị bội phản. Em có biết bao nhiêu thủ lĩnh của nó đã từng bị mua chuộc như thế không? Mua một người chủ soái còn rẻ hơn đương đầu với hắn cùng với cả đội quân của hắn, rẻ hơn nhiều. Đã có... nhưng thôi, anh không muốn nhắc tên kẻ nào nữa. Nghĩ đến thật là buồn. Em yêu quý của anh, anh là một thủ lĩnh lao động. Anh không thể bán mình đi được. Ngoài trăm nghìn lý do khác, cứ nhớ đến hình ảnh người cha già khốn khổ của anh và cái cung cách ông cụ bị vắt sức cho đến chết là anh cũng đủ thấy mình không thể làm điều đó.

Anh ứa hai hàng nước mắt, người anh hùng lớn lao và dũng mãnh của tôi. Không bao giờ anh có thể tha thứ được cái cung cách lương tâm của cha anh bị bóp méo, những lời nói dối bần thủ và những sự ăn cắp ti tiện mà cha anh buộc phải làm để có miếng ăn nhét vào miệng lũ con. Có lần Ernest nói với tôi như thế này:

- Cha anh là một người tốt, tâm hồn cha anh rất cao cả, thế mà nó cũng bị sự mọi rợ của cuộc sống bóp méo, huỷ hoại và làm cho mòn mỏi đi. Cha anh đã bị biến thành một con vật khốn khổ vì bàn tay của lũ chủ, những con vật quá cả loài vật. Đáng lẽ cha anh vẫn còn sống đến bây giờ như ba em mới phải. Cha anh lực lưỡng lắm. Nhưng cha anh đã bị máy móc cầm tù và đã lao lực cho đến chết để làm ra tiền lời. Đúng như thế. Để làm ra tiền lời.

Máu của cha anh đã biến thành tiệc rượu, thành đồ trang sức, thành những thú vui phè phỡn của bọn nhà giàu vô công rồi nghề và ăn bám, của bọn chủ cười lên đầu cha anh, một lũ súc vật quá cả loài vật.

Chú thích:

51- *Leg-bar* – Những người nô lệ châu Phi và những tội phạm trước đây bị xích một thanh sắt vào chân. Mãi đến khi cuộc vận động “Tình anh em của con người” thắng lợi, cái tục dã man này mới được xóa bỏ.

52 - Mặc dầu, cũng như Everhard, có nhiều người không hiểu rõ bản chất của cái bóng đen đó, nhưng ngay từ trước, họ đã thoáng nhìn thấy nó. John C. Calhoun nói: “Hiện nay đã hình thành trong chính phủ một quyền lực lớn hơn cả nhân dân, gồm nhiều thứ quyền lợi khác nhau và rất mạnh, gắn chặt với nhau thành một khối và duy trì bởi sức kết hợp của số tích lũy thặng dư để ở các ngân hàng”. Nhà nhân đạo chủ nghĩa vĩ đại Abraham Lincoln, trước khi bị ám sát ít lâu cũng đã nói: “Tôi nhìn thấy trước trong một tương lai gần gũi, sẽ có một cuộc khủng hoảng. Cái đó làm cho tôi bức bối và run sợ cho sự an ninh của nước tôi... Những hăng độc quyền đã nắm quyền trị vì. Tiếp theo đó sẽ là một thời đại thối nát trong giới cầm quyền. Bọn người giàu tiền và giàu thế lực trong nước, dựa trên những thành kiến của nhân dân, sẽ cố kéo dài thời kì trị vì của họ, cho đến khi của cải tập trung vào tay một số ít người và nước cộng hoà bị thủ tiêu”.

53- Cuốn sách này, Kinh tế và giáo dục, xuất bản vào năm đó. Hiện nay còn ba bản: hai bản ở Ardis, một bản ở Asgard. Sách viết rất tỉ mỉ về một đặc điểm của chế độ xã hội lúc đó, tức là việc giai cấp tư bản lũng đoạn các trường đại học và các trường phổ thông. Nó là một lời kết tội chí lý và đanh thép đối với toàn bộ hệ thống giáo dục, nó chỉ phát triển trong trí tuệ của học sinh những tư tưởng có lợi cho chế độ tư bản, gạt bỏ tất cả những tư tưởng có tính chất thù địch và lật đổ. Cuốn sách đó khiến cho bọn thiểu số thống trị rất căm tức và đã bị chúng cấm ngay tức khắc.

54- Một làng ở gần Jerusalem, nơi có vườn ô-liu chúa Jesus đến cầu nguyện trước khi bị đóng đinh lên thánh giá (ND).

Chương VII

Ảo ảnh của đức Giám mục

Ernest biên thư cho tôi: “Đức Giám mục cuồng lên rồi. Ông đang ở tít trên mây. Tối hôm nay, ông sẽ bắt đầu chấn chỉnh cái thế giới khốn khổ của chúng ta. Ông sắp sửa công bố bức thư của ông. Ông báo với anh thế, anh can ngăn không được. Tối hôm nay ông sẽ chủ tọa buổi họp mặt ở I.P.H.55 và sẽ gói thêm bức thư của ông trong phần nhận xét mở đầu.

“Anh đến rủ em cùng đi nghe có được không? Dĩ nhiên thế nào ông cũng sẽ thất bại. Em sẽ rất khổ tâm vì thế, cả đức Giám mục cũng vậy. Nhưng đối với em cái đó sẽ là một bài học thực tế rất tốt. Em yêu quý, em cũng biết là được em yêu thì anh tự hào đến thế nào và cũng vì anh muốn được em biết đến giá trị vẹn toàn nhất của anh, cho nên anh muốn chuộc lại trước mặt em cái chỗ có phần nào chưa xứng đáng của anh. Lòng tự hào của anh muốn rằng em sẽ phải tin chắc sự suy nghĩ của anh là đúng đắn và hợp với lẽ phải. Quan điểm của anh thật là tàn nhẫn; nhưng một tâm hồn cao thượng như tâm hồn đức Giám mục cũng thật là hảo huyền và sự hảo huyền đó sẽ chứng minh cho em thấy người ta bắt buộc phải tàn nhẫn như thế.

“Tối nay em đến nhé. Những việc xảy ra có thể rất đáng buồn, nhưng anh cảm thấy rằng nó sẽ chỉ làm cho em gắn chặt với anh hơn nữa thôi”.

Tối hôm ấy I.P.H. triệu tập một cuộc họp ở San Francisco [56] để xét vấn đề đạo đức suy đồi và cách bỏ cứu. Đức Giám mục Morehouse chủ tọa. Người ngồi trên bục, vẻ mặt rất cáu kỉnh và tôi nhận thấy đầu óc người đang bị căng thẳng ghê gớm. Bên cạnh người là Giám mục Dickinson; bác sĩ Jones khoa trưởng khoa đạo đức học trường đại học California; bà W. W. Hurd, một nhà tổ chức những việc từ thiện nổi tiếng; ông Philip Ward, một nhà bác ái cũng không kém phần nổi tiếng; và nhiều ngôi sao cỡ nhỏ hơn trên nền trời đạo đức và từ thiện. Giám mục Morehouse đứng dậy, cất tiếng đột ngột: “Tôi dong xe ngoài phố. Lúc ấy là ban đêm. Chốc chốc tôi lại nhìn ra ngoài. Mắt tôi bỗng như mở ra và tôi thấy bộ mặt thật của mọi sự. Thoạt tiên tôi giơ tay lên che mặt để khỏi phải nhìn quang cảnh hãi hùng, và rồi trong đêm tối, câu hỏi đã đến với tôi: Phải làm gì? Phải làm gì? Một lát sau, câu hỏi đó lại đến với tôi dưới hình thức khác: Chúa sẽ làm gì? Cùng với câu hỏi, một luồng ánh sáng hình như tràn ngập không trung và tôi nhìn

thấy nhiệm vụ của tôi hiện ra chói lọi như ánh mặt trời, cũng như Saul đã thấy nhiệm vụ của mình trên con đường đi Damascus.

“Tôi cho dừng xe, bước xuống và sau mấy phút nói chuyện, tôi mời hai cô gái điếm lên ngồi với tôi. Nếu Chúa nói đúng thì hai kẻ khốn khổ kia là chị em của tôi và họ chỉ còn trông vào sự yêu thương trìu mến của tôi để may ra có thể trở nên trong sạch.

“Tôi sống ở một phố đẹp nhất San Francisco. Nhà tôi ở trị giá mười vạn đô-la; đồ đạc, sách vở và những tác phẩm nghệ thuật đáng giá chừng ấy nữa. Nhà tôi ở là một dinh thự. Không, đó là một toà lâu đài kẻ ăn người ở ra vào tấp nập. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu lâu đài dùng để làm gì. Tôi cứ tưởng dùng để ở. Nhưng bây giờ, tôi biết rồi. Tôi đem hai người gái điếm ngoài phố về lâu đài của tôi, để cho họ ở cùng với tôi. Và tôi hy vọng sẽ mời những chị em xấu số như thế về ở chật tất cả các phòng trong toà lâu đài đó”.

Cử toạ mỗi lúc một xôn xao thêm và nét mặt những người ngồi trên bục mỗi lúc một thêm lộ vẻ kinh ngạc và hoảng sợ. Đến nỗi Giám mục Dickinson đứng dậy, bước ra khỏi bục chủ tịch và phòng họp, vẻ mặt rất khó chịu.

Nhưng Giám mục Morehouse, mắt tràn đầy những ảo ảnh của mình, quên hết chung quanh và cứ tiếp tục: “Ôi! Các anh em chị em, trong cách xử sự ấy, tôi đã tìm được câu giải đáp cho tất cả những khó khăn của mình. Trước tôi không biết xe cộ dùng để làm gì, nhưng bây giờ tôi đã hiểu. Nó dùng để chuyên chở những người yếu, người ốm, người già nua; nó dùng để tỏ lòng tôn kính đối với những người đã mất cả đến ý thức về sự tui hổ.

“Trước, tôi không hiểu người ta xây dựng lâu đài để làm gì, nhưng bây giờ tôi đã tìm ra công dụng của nó. Những lâu đài của Nhà thờ cho những người ngã gục bên lề đường, cho những người đang hấp hối”.

Đức Giám mục ngừng lại hồi lâu, không đủ sức chống lại sự kiềm chế của những ý nghĩa bên trong và loay hoay tìm cách nào tốt nhất để diễn đạt nỗi lòng mình:

“Hỡi những người anh em thân yêu, tôi không đủ tư cách nói với các người bất cứ một điều gì về luân lý. Tôi đã sống quá lâu trong ô nhục, tôi mong gì cứu mang kẻ khác được. Nhưng hành động của tôi đối với hai

người đàn bà này, đối với hai người em gái này, đã chỉ cho tôi thấy rằng muốn tìm con đường tốt hơn, kẻ cũng dễ thôi. Đối với những ai tin ở Chúa và những lời Chúa dạy, giữa con người với con người không thể có mối quan hệ nào khác là quan hệ yêu thương. Lòng yêu thương mạnh hơn tội lỗi, mạnh hơn cả cái chết. Cho nên tôi tuyên bố với những người giàu tiền bạc có mặt ở đây là họ có nhiệm vụ phải làm những điều tôi đã làm và đang làm. Mỗi một người sống sung túc hãy đem một người ăn cắp về nhà đối xử như anh em, hãy đem một phụ nữ xấu số về nhà đối xử như chị em. Như vậy San Francisco sẽ không cần đến lực lượng cảnh sát, đến quan toà nữa; nhà tù sẽ biến thành nhà thương và những kẻ tội phạm sẽ biến đi cùng với các tội ác.

“Chúng ta phải hiến cả bản thân chúng ta, không được chỉ được hiến có tiền bạc. Chúng ta phải làm như Chúa đã làm, đó chính là lời kêu gọi của Nhà thờ hôm nay. Chúng ta đã đi lạc ra ngoài giáo huấn của Chúa. Chúng ta đang tự thiêu hủy trong các vạc dầu bằng thịt của chúng ta. Chúng ta đã đặt con bò vàng lên ngai thờ đức Chúa. Tôi có sẵn ở đây một bài thơ tóm tắt hết cả câu chuyện. Tôi muốn đem ra đọc. Bài thơ này do một tâm hồn lạc, nhưng nhận xét sự vật rất sáng suốt viết ra [57]. Đừng nên hiểu lầm rằng nó đả kích vào Nhà thờ Cơ đốc. Nó đả kích vào tất cả mọi Nhà thờ, đả kích vào sự lộng lẫy, sự xa hoa của tất cả những giáo đồ đã đi chệch con đường của Chúa và sống cách biệt những con chiên của Chúa. Bài thơ như sau:

Dưới vòm cao tiếng kèn bạc vang ngân;
Đám dân lành sụp quỳ trong khiếp sợ;
Và tôi thấy giáo chủ thành La Mã.
Cưỡi cỗ người đi như một thiên thần.
Như giáo sĩ, áo chùng Ngài trắng muốt,
Như Đức vua, áo choàng Ngài đỏ tươi.
Giáo hoàng đi, hào quang toả sáng ngời.
Thánh miện ba tầng vàng, trên trán muốt.
Trái tim tôi vượt ngàn trùng quá khứ,
Đến biển cô đơn, nơi Người [58] lữ thứ,
Muốn ngả lưng không tảng đá gỏi đầu.
- Chồn cáo có hang, chim trời có tổ.

Riêng mình ta lê bước chân sầu khổ
Cạn từng ly nước mắt, muối lòng đau”.

Cử tọa xôn xao nhưng không hưởng ứng. Đức giám mục

Morehouse không biết thế. Người vẫn quả quyết đi con đường của mình.

“Chính vì thế mà tôi nói với những người giàu ở đây, với tất cả mọi người giàu: các người đã chèn ép tàn nhẫn những con chiên của Chúa. Các người đã bịt tai trước những tiếng kêu than trên khắp nước, những tiếng kêu của đau thương, của sầu khổ mà các người không muốn nghe nhưng rồi các người sẽ bắt buộc phải nghe. Chính vì thế cho nên tôi nói...” Nhưng đến đây, ông Jones và ông Ward đã đứng dậy từ trước, liền nắm lấy tay đức Giám mục và dìu người ra khỏi bục, giữa lúc cử tọa sững sốt ngồi nghẹn thở vì chứng tai gai mắt.

Vừa ra ngoài phố, Ernest phá lên cười nghe rất tàn nhẫn và dã man. Cái cười của anh xói vào thần kinh tôi. Tôi cố nén nước mắt và tim tôi như muốn vỡ ra.

- Thế là ngài đã truyền bá bức thư của ngài rồi, – Ernest kêu lên. – Cái cử tọa Thiên chúa giáo của đức Giám mục thường ngày rất yêu đức Giám mục. Nhưng khi nhân tính và bản chất dịu hiền kín đáo của đức Giám mục loạn óc. Em có thấy họ dìu ông ra khỏi bục một cách ân cần như thế nào không? Thật đến thánh cũng phải bật cười trước cái cảnh tượng ấy.

- Dù sao, những lời đức Giám mục nói và việc người làm tối hôm nay cũng sẽ gây một ấn tượng sâu sắc.

- Em tưởng thế à? – Ernest hỏi, giọng giễu cợt.

Tôi gật đầu.

- Thế nào cũng gây được dư luận, – tôi nói quả quyết. – Anh có thấy lúc người nói, các phóng viên ngồi ghi lia lịa như một lũ điên ấy không? – Báo ngày mai sẽ không đăng một dòng nào đâu!

- Em không tin được, – tôi kêu lên.

- Rồi em xem, – anh trả lời. – Sẽ không có lấy một dòng, lấy một ý nghĩ của ông đâu! Báo hàng ngày là cái gì? Là sự im những tin tức hàng ngày, có thể thôi.

- Nhưng còn những phóng viên? – Tôi cãi. – Em trông thấy họ kia mà!

- Tất cả những điều ông nói, sẽ không một chữ nào được in đâu. Em quên mất các ông chủ báo rồi à? Lương bổng của họ lệ thuộc vào chính sách của họ. Chính sách của họ là không cho in bất cứ cái gì đe dọa thực sự nền trật tự đã có. Bài nói của đức Giám mục là một sự công kích dữ dội vào luân lý hiện hành. Đó là một tà đạo. Họ diu ông ra khỏi diễn đàn là cốt ngăn không cho ông đem tà đạo ra thuyết thêm nữa. Các báo chí sẽ rửa tội cho ông bằng im lặng và quên lãng. Báo chí Hoa Kỳ ấy ư? Chẳng qua chỉ là một cái bấu ký sinh bám trên mình giai cấp tư bản. Chức năng của nó là phục vụ chế độ hiện hành bằng cách đóng khuôn dư luận và nó phục vụ rất đắc lực.

“Để anh nói trước các sự việc cho em nghe. Báo chí ngày mai sẽ thuật lại sơ sài rằng đức Giám mục sức khoẻ sút kém, ngài làm việc vất vả quá cho nên tối hôm qua ngài quy. Vài ngày sau sẽ có tin thân kinh ngài suy sụp và đàn chiên biết ơn ngài đã để ngài đi nghỉ. Sau đó thì trong hai điều thế nào cũng sẽ xảy ra một: hoặc là Giám mục sẽ nhận thấy con đường mình đã đi là sai lầm và đi nghỉ về sẽ thành một người khoẻ mạnh, không còn bị ảo ảnh mê hoặc nữa; hoặc nếu không, ngài sẽ còn là điên và em có thể chờ đợi các báo chí đăng tin một cách lâm ly thống thiết rằng đức Giám mục bị loạn óc. Sau đó, đức Giám mục sẽ được ngồi một chỗ và đem những ảo ảnh của mình ra kể lể cho bốn bức tường nghe”.

- Ô, anh đi xa quá! – Tôi kêu lên.

- Trước mắt xã hội, như thế đúng là loạn óc, – Ernest đáp. – Một người lương thiện nếu không loạn óc, ai lại đem gái điếm và ăn cắp về nhà mà nuôi như nuôi anh chị ấy bao giờ? Kể ra Chúa Cơ đốc ngày xưa khi chết có hai thằng ăn trộm ở bên thật, nhưng đó lại là chuyện khác. Lại nói về loạn óc. Người ta đã không đồng ý với ai thì bao giờ quá trình suy tưởng của người kia chẳng là hỏng. Do đó mà óc của người kia hỏng. Óc hỏng và loạn óc, phỏng làm gì có ranh giới? Một người lành mạnh và lại bất đồng ý kiến về căn bản với những kết luận lành mạnh nhất, điều đó không thể nào quan niệm được.

“Trong báo chiều hôm nay có một ví dụ rất hay. Chị Mary McKenna, nhà ở phía nam phố Chợ. Chị nhà nghèo, nhưng là một người đàn bà lương thiện. Chị lại yêu nước nữa. Nhưng chị hiểu sai về lá cờ Mỹ. Xưa nay người

ta vẫn tưởng lá cờ Mỹ tượng trưng cho sự che chở chị cũng tưởng như thế. Và chị đã bị một chuyện như thế này: Chồng chị bị tai nạn, phải đi nằm bệnh viện đã ba tháng. Chị phải đi giặt quần áo thuê, nhưng cũng không đủ trả tiền nhà. Chúng nó đã đuổi chị. Trước hết, chị kéo quốc kỳ Mỹ lên trước cửa và chị đứng dưới quốc kỳ, tuyên bố rằng thể theo sự che chở của lá quốc kỳ, không ai có quyền ném chị ra đường. Sau thì sao? Chị bị bắt đưa ra toà vì... loạn óc. Hôm nay, chị được các nhà chuyên môn về bệnh loạn óc khám nghiệm. Họ khám thấy chị loạn óc thật. Chị bị giam vào nhà điên Napa”.

- Anh tìm ví dụ xa xôi quá, – tôi cãi. – Cứ đặt giả thuyết là em bất đồng ý kiến với tất cả mọi người về cách viết một cuốn sách văn học, có ai vì thế lại nhốt em vào nhà điên bao giờ?

- Đúng lắm, – anh đáp. – Bất đồng ý kiến như vậy không thành một sự đe dọa cho xã hội. Sự khác nhau là ở chỗ ấy. Bất đồng ý kiến như Mary McKenna và đức Giám mục là một mối đe dọa cho xã hội. Nếu tất cả những người nghèo đều không chịu trả tiền thuê nhà và đều nấp dưới lá cờ Mỹ cả thì sẽ ra thế nào? Quyền tư hữu của các trạch chủ sẽ tan rã. Những quan điểm của đức Giám mục cũng vậy, rất nguy hiểm đối với xã hội. Thế cho nên mời ông vào nhà điên.

Nhưng tôi nhất định không tin.

- Em cứ đợi xem, – Ernest nói.

Và tôi đợi.

Sáng hôm sau, tôi cho đi mua tất cả các báo. Không báo nào đăng lấy một lời của đức Giám mục Morehouse. Một hai tờ đưa tin rằng đức Giám mục đã quá xúc động. Còn những diễn giả tiếp sau, tuy nói nhạt như nước ốc nhưng vẫn được đưa lên báo một cách rộng rãi.

Ít lâu sau, báo chí đăng một tin rất ngắn ngủi rằng đức Giám mục, vì lao lực thái quá, phải đi nghỉ để lấy lại sức khoẻ. Càng ngẫm càng thấy Ernest nói đúng. Nhưng có một điều là không ai nói đức Giám mục loạn óc hay suy nhược thần kinh cả. Và tôi cũng không ngờ tới con đường đau khổ ghê gớm mà đức Giám mục sẽ phải đi qua, con đường lên núi Calvary, lên câu rút, mà Ernest đã đoán trước cho Người.

Chú thích:

55- Không còn một dấu vết gì để có thể biết tên thật của tổ chức viết tắt là I.P.H. này.

56- Từ Berkeley qua phà sang San Francisco chỉ mất chừng mấy phút. Hai thành phố này, cùng với những thành phố khác trên vịnh, trong thực tế hợp thành một khu lớn.

Chương VIII

Những người phá máy

Ngay trước khi Ernest ứng cử vào Quốc hội trong danh sách Đảng Xã hội, ba tôi tổ chức một bữa tiệc mà ba tôi gọi riêng trong nhà là bữa tiệc “Lãi và Lỗ”. Ernest gọi bữa tiệc là bữa tiệc của những người phá máy. Trong thực tế, đó là một bữa tiệc của các nhà doanh nghiệp – lẽ dĩ nhiên là những nhà doanh nghiệp nhỏ. Theo tôi nghĩ thì không có người nào trong bọn họ kinh doanh quá số vốn hai mươi vạn đô-la. Họ đúng là đại diện cho giới kinh doanh thuộc tầng lớp giữa. Trong bữa tiệc có ông Owen, ở hãng “Silverberg, Owen và Công ty”, một hãng thực phẩm lớn có nhiều chi nhánh. Chúng tôi vẫn thường mua thực phẩm ở đó. Có cả những người hùn vốn vào hãng dược phẩm lớn Kowalt và Washburn, và ông Asmunsen, chủ một mỏ đá granite lớn ở quận Contra Costa. Còn có nhiều người khác vào loại chủ hay hùn vốn ở những xưởng máy nhỏ, những hãng buôn nhỏ, những doanh nghiệp nhỏ, tóm lại những nhà tư bản nhỏ.

Trông họ không đến nổi nhật lăm. Họ là những người mặt mũi sắc sảo, nói năng đơn giản và sáng sủa. Họ đồng thanh kêu ca về những công ty đại tư bản và những tơ-rót. Khẩu hiệu của họ là “Tiêu diệt các tơ-rót”. Mọi sự chèn ép đều do các tơ-rót mà ra, và tất cả, không trừ ai, đều tố khổ như thế. Họ chủ trương rằng Chính phủ phải nắm lấy quyền sở hữu về những tơ-rót như đường sắt và bưu điện và phải đánh thuế lợi tức hết sức nặng, lũy tiến một cách dữ dội để phá bỏ những tích lũy khổng lồ. Để sửa chữa những tệ lậu ở địa phương, họ cũng chủ trương thành phố nắm quyền sở hữu những công trình có tính chất công ích như nước, khí thấp, điện thoại và xe điện.

Câu chuyện của ông Asmunsen về những nỗi điều đứng của ông trong việc làm chủ mỏ đá đặc biệt là hay. Ông thú thực rằng mỏ đá ông không đem lại một chút lợi nhuận nào, mặc dầu khối lượng kinh doanh rất đáng kể, do chỗ San Francisco bị trận động đất lớn tàn phá. Công cuộc xây dựng

lại San Francisco kéo dài sáu năm, tổng số doanh thu của ông tăng lên bốn lần, rồi tám lần, thế mà ông cũng không giàu thêm được chút nào.

- Công ty đường sắt có phần lại còn biết rõ việc kinh doanh của tôi hơn cả tôi nữa kia, – ông nói. – Những khoản chi tiêu của tôi, nó biết không sai một xu, nó thuộc cả các điều khoản trong những hợp đồng của tôi. Nó làm cách nào mà biết rõ như thế được tôi cũng chỉ đoán phỏng chừng thôi. Chắc nó phải có điệp viên trong đám nhân viên của tôi, chắc nó còn lui tới tất cả những người kí hợp đồng với tôi nữa. Các ngài xem, tôi vừa kí được một hợp đồng lớn, tiền lời tưởng đã ngon ơ, thế là giá vận tải từ mỏ đá ra thị trường lập tức tăng lên. Họ cũng không thèm giải thích gì cả. Công ty đường sắt đã nuốt chửng chỗ tiền lời của tôi. Trong những trường hợp như thế, tôi không có cách nào để làm cho họ xét lại việc tăng giá. Ngược lại, những khi có tai nạn, phí tổn khai thác tăng lên, hoặc hợp đồng khó nhai hơn, y như họ hạ giá vận chuyển. Kết quả là thế nào? Lãi lớn lãi nhỏ của tôi, công ty đường sắt nó nâng hết.

Ernest ngắt lời hỏi:

- Số còn lại tính đến cùng cũng chỉ xấp xỉ tiền lương trả cho ông như trả cho một viên giám đốc, nếu công ty đó là chủ mỏ đá chứ gì?

- Chính thế, – ông Asmunsen trả lời. – Vừa mới rồi, tôi tính sổ sách suốt mười năm qua. Té ra số tiền lời kiếm được cũng chỉ vừa bằng tiền lương của một viên giám đốc. Khác nào chính công ty đường sắt có cái mỏ đá ấy và thuê tôi điều khiển.

- Tuy vậy vẫn có chỗ khác, – Ernest cả cười. – Là đáng lý ra, công ty phải gánh tất cả những rủi ro mà ông đã vui lòng gánh giúp.

- Rất đúng, – ông Asmunsen buồn rầu đáp.

Sau khi để mọi người phát biểu ý kiến, Ernest bắt đầu hỏi đến những người chung quanh. Anh hỏi ông Owen trước.

- Ông mở chi nhánh ở thành phố Berkeley này chừng sáu tháng rồi đấy nhỉ?

- Phải.

- Từ ngày ấy, tôi thấy ba tiệm bán thực phẩm nhỏ ở các góc phố đóng cửa. Nguyên nhân chắc là do chi nhánh của ông?

Ông Owen gật đầu cười, thoả mãn.

- Họ mong gì địch với chúng tôi được!
- Sao lại không địch được?
- Vốn chúng tôi to hơn. Kinh doanh to bao giờ cũng ít khi lỗ và bao giờ cũng nhiều hiệu lực hơn.

- Như thế là cửa hàng của ông nuốt số lãi của ba cửa hàng nhỏ. Tôi hiểu. Nhưng ông hãy nói cho tôi biết, những người chủ ba cửa hiệu ấy về sau ra sao?

- Một người lái cam-nhông giao hàng cho hãng chúng tôi. Còn hai người kia tôi không rõ.

Ernest đột nhiên quay sang phía ông Kowalt:

- Ông luôn luôn bán phá giá [59], vậy số phận những chủ hiệu thuốc nhỏ bị ông dồn vào góc tường ra làm sao?

- Trong bọn họ có ông Haasfurth hiện nay phụ trách bộ phận đơn thuốc của chúng tôi.

- Và ông đã thu hết những món lời mà họ đương kiếm được chứ gì?

- Nhất định rồi! Chính vì thế cho nên chúng tôi mới ra kinh doanh.

- Còn ông, – chợt Ernest hỏi ông Asmunsen, – ông rất khó chịu vì việc công ty đường sắt ăn hết lãi của ông có phải không?

Không có tiếng trả lời

Ông Asmunsen gật đầu.

- Bằng cách hót tay trên những người khác, có phải không?

Ernest gặng hỏi.

- Có thể mới kiếm ra lời chứ, – ông Asmunsen trả lời cộc lốc.

- Vậy ra cái trò kinh doanh tức là kiếm lời bằng cách hót tay trên người khác và ngăn không cho người ta hót tay trên mình để kiếm lời. Nó là như thế, có phải không?

Ernest phải nhắc lại câu hỏi, ông Asmunsen mới chịu trả lời:

- Phải, chính thế. Tuy vậy chúng tôi không phản đối người khác kiếm lời, miễn là nó đừng quá quắt.

- Chắc ông muốn nói quá quắt nghĩa là kéch sù. Thế có khi nào ông tự phản đối, không cho mình thu những món lời kéch sù không?

Ông Asmunsen thú nhận một cách rất trang nhã rằng quả ông có cái nhược điểm ấy thật. Đến đây Ernest lại quay sang người khác, một người

tên là Calvin, nguyên là chủ một hãng sữa lớn.

- Thời gian gần đây, ông chống với tơ-rót sữa. Bây giờ ông lại theo chính sách của Đảng Kho thóc [60]. Tại sao thế?

- Ô! Tôi đã chịu bỏ cuộc đâu! – Ông Calvin đáp, dáng điệu trông cũng khá hung hăng. – Muốn chống bọn tơ-rót, chỉ có một lĩnh vực có thể chống được là lĩnh vực chính trị. Tôi đang chiến đấu trên lĩnh vực đó. Để tôi giải thích cho ông nghe. Cách đây mấy năm, các chủ sữa chúng tôi muốn làm gì thì làm, đều là theo ý chúng tôi.

- Nhưng các ông có cạnh tranh nhau kia mà, – Ernest ngắt lời.

- Phải, và chính cái đó làm cho tiền lời phải hạ xuống. Chúng tôi cố tập hợp thành tổ chức, nhưng luôn luôn bị những chủ sữa độc lập chọc thủng hàng ngũ. Rồi tơ-rót sữa ra đời.

- Do số tư bản thặng dư của hãng Standard Oil [61] cấp vốn, – Ernest nói.

- Đúng thế, – ông Calvin công nhận. – Nhưng thời gian ấy chúng tôi không biết. Nhân viên của tơ-rót sữa vác dùi cui đến tìm chúng tôi. Họ bảo: “Vào thì kiếm bầm, hoặc nếu ở ngoài thì chết đói”. Phần đông chúng tôi gia nhập tơ-rót. Đó là loại người không chết đói. Ồ, mới đầu, nó trả cũng bầm. Giá sữa mỗi lít tăng một xu. Một phần tư xu do chúng tôi hưởng. Ba phần kia thuộc về tơ-rót. Rồi giá sữa lại tăng thêm một xu nữa, nhưng chúng tôi không được xơ múi một tí gì. Chúng tôi kêu đều vô hiệu. Tơ-rót đã nắm quyền làm chủ. Chúng tôi mới vỡ nhẽ ra mình chỉ còn là những quân cờ. Cuối cùng một phần tư xu hưởng thêm cũng bị rút mất. Rồi bọn tơ-rót bắt đầu thất thòng lọng. Phỏng chúng tôi còn làm gì được nữa? Chúng tôi đã bị bóp chết. Không làm gì còn những chủ sữa nữa, chỉ còn độc một hãng tơ-rót sữa.

- Nhưng nếu giá sữa của họ tăng lên hai xu, tôi tưởng các ông có thể cạnh tranh với họ được chứ? – Ernest gợi ý một cách hóm hỉnh.

- Chúng tôi cũng tưởng thế. Chúng tôi cũng đã thử. – Ông Calvin ngừng một lát. – Nhưng chúng tôi đã lụn bại. Tơ-rót có thể tung sữa ra thị trường với giá rẻ hơn sữa của chúng tôi. Nó bán vẫn được lãi chút ít, trong khi chúng tôi bán hoàn toàn lỗ vốn. Tôi mất năm vạn đô-la trong cuộc mạo hiểm đó. Một số lớn chúng tôi vỡ nợ. Những chủ sữa thế là bị quét sạch.

- Như thế là tơ-rót cướp lãi của các ông, – Ernest nói. – Và các ông nhảy vào làm chính trị định để ban hành luật pháp mới, quét sạch tơ-rót và cướp lại số tiền lãi chứ gì?

- Những khi diễn thuyết trước các chủ trại, chính tôi cũng vẫn nói như thế. Những lời ông vừa phát biểu tức là gói ghém được tất cả ý nghĩa của chúng tôi.

- Nhưng tơ-rót sản xuất sữa vẫn rẻ hơn các chủ sữa độc lập, có phải không? – Ernest hỏi.

- Còn nói gì nữa! Nó tổ chức như trời ấy, lại dùng toàn máy móc tối tân. Vốn của nó bao nhiêu, làm gì nó không làm thể được?

- Điều đó khỏi phải bàn, – Ernest đáp. – Nhất định là nó làm được như thế và nó đương làm như thế.

Đến đây, ông Calvin lao vào một bài diễn văn chính trị để trình bày quan điểm của mình. Một số người khác theo dõi ông một cách nhiệt tình và tất cả đều la lên phải phá các tơ-rót.

- Ốc họ đơn giản một cách đáng thương hại, – Ernest nói thêm với tôi. – Họ đã nhìn thấy cái gì thì họ nhìn thấy rất rõ, chỉ phải một nỗi là họ không nhìn được xa quá tầm mũi của họ thôi.

Một lát sau, anh lại tiếp tục cuộc thảo luận và theo thói thường đặc biệt của anh, anh lái cho đến hết buổi tối.

- Tôi đã chú ý nghe tất cả các ông, – anh bắt đầu, – và tôi thấy rõ rằng các ông là những người kinh doanh theo lối chính thống. Đối với các ông thì cuộc đời tóm tắt lại tức là tiền lời. Các ông có một lòng tin chắc chắn và bền bỉ rằng các ông sinh ra chỉ cốt để kiếm lời. Duy có một điều phiền, là giữa lúc các ông đang kiếm lời thì các tơ-rót đến cướp tiền lời của các ông. Thế là các ông ở một tình trạng tiến thoái lưỡng nan, trái hẳn với cái mục đích các ông sinh ra ở đời, và theo các ông tưởng thì chỉ có một lối ra là đập tan cái tổ chức nó đã cướp đoạt tiền lời của các ông.

“Tôi đã nghe rất kỹ. Tôi thấy chỉ có một cái tên này là tóm tắt được bản chất của các ông. Tôi sẽ gọi các ông bằng cái tên ấy. Các ông là những người phá máy. Các ông có hiểu một người phá máy là thế nào không? Để tôi nói các ông nghe. Hồi thế kỷ mười chín, ở nước Anh, đàn ông đàn bà dệt vải bằng khung cử tay ngay ở trong nhà. Sản xuất theo cái hệ thống tại gia

này vừa chậm, vừa xấu, lại vừa tốn kém. Về sau, máy hơi nước và các loại máy móc giảm nhẹ lao động ra đời. Một nghìn máy dệt tập trung trong một nhà máy lớn và do một cái máy trung ương làm chuyển động, dệt rẻ hơn những thợ dệt dùng khung cửi tay ở nhà rất nhiều. Trong nhà máy là chế độ tổ hợp, đứng trước chế độ đó, sự cạnh tranh tàn lụi đi. Những người đàn ông đàn bà làm việc cho bản thân mình trên những khung cửi tay bây giờ vào nhà máy điều khiển những máy dệt và họ làm không phải cho bản thân họ nữa, mà cho các ông chủ tư bản. Dần dần trẻ con vào làm việc ở các máy dệt, công hạ hơn và choán chỗ của người lớn. Những người này do đó mà thành khôn đốn. Mức sống của họ sụt hẳn xuống. Họ chết đói và họ đổ tất cả cho máy móc. Họ bèn phá máy. Họ không thành công bởi vì họ quá là ngây dại.

“Thế mà các ông chưa hiểu bài học đó. Sau một thế kỷ rưỡi, lại đến lượt các ông định phá máy. Chính các ông cũng phải thú thực rằng máy móc của các tư-rót làm việc có hiệu suất hơn và rẻ hơn các ông. Chính vì thế mà các ông không thể cạnh tranh với những máy đó. Chính vì thế mà các ông muốn phá những máy đó. Các ông còn ngây dại hơn cả những người công nhân ngây dại bên nước Anh, và trong khi các ông gào lên đòi phục hồi sự cạnh tranh thì các tư-rót cứ tiếp tục tiêu diệt các ông.

“Tất cả các ông tựu trung chỉ nói có mỗi một chuyện: sự tiêu diệt của cạnh tranh và sự ra đời của tổ hợp. Chính ông, ông Owen, ông đã tiêu diệt sự cạnh tranh ở Berkeley đây khi chi nhánh của ông có hiệu lực hơn. Thế mà khi cảm thấy bị các tổ hợp khác, các tư-rót, chèn ép, ông liền kêu la ầm ĩ. Đó chính vì ông không phải là một tư-rót. Nếu ông là một tư-rót thực phẩm cho tất cả nước Mỹ, ông sẽ hát bài hát khác. Và bài hát của ông sẽ là: “Thượng đế hãy phù hộ cho các tư-rót. Nhưng cái tổ hợp nhỏ bé của ông không phải là một tư-rót và chính ông cũng không biết sự bất lực của nó. Ông bắt đầu đoán trước được những ngày cuối cùng của chính mình. Ông cảm thấy rằng bản thân ông cùng với những chi nhánh của ông chỉ là một quân cờ trên bàn cờ. Ông nhìn thấy những nhà giàu đầy thế lực ngày càng lên cao và càng thêm thế lực, ông cảm thấy những bàn tay bọc sắt của họ thò xuống những món tiền lời của ông và véo đây một miếng, kia một miếng, bàn tay của tư-rót đường sắt, tư-rót dầu lửa, tư-rót thép, tư-rót than;

và ông biết rằng cuối cùng, những bàn tay đó sẽ tiêu diệt ông, sẽ cướp đến phần trăm cuối cùng của những món lời ít ỏi của ông.

“Thưa ông, ông quả là một người xấu chơi. Khi ông dùng cái tổ hợp ưu việt của ông để bóp chết ba hiệu thực phẩm ở Berkeley đây, ông phồng ngực lên, ông ca ngợi hiệu lực và đầu óc kinh doanh, ông gửi vợ sang châu Âu bằng những món tiền lời ông đã thu được bằng cách nuốt sống ba hiệu thực phẩm còm kia. Đó tức là chó ăn thịt chó. Ông đã ăn thịt người kia, những kẻ địch của ông. Nhưng rồi đến lượt ông bị những con chó lớn hơn ăn thịt, thế là ông rít lên. Những điều tôi nói với ông đều đúng với tất cả những người đang ngồi ở cái bàn này. Tất cả các ông đều đang rít lên. Tất cả các ông đang lâm vào nước cờ bí và tất cả các ông đang rít lên vì thế. Nhưng trong lúc các ông rít lên thì các ông không trình bày sự thể một cách minh bạch như tôi trình bày. Các ông không thú nhận rằng chính các ông thích bóp nặn tiền lời của người khác và các ông kêu la ầm ĩ là bởi vì có những kẻ khác đang bóp nặn tiền lời của các ông. Các ông thật là quý quyết. Các ông toàn nói lảng sang chuyện khác. Các ông làm những bài diễn văn chính trị kiểu tư bản nhỏ như ông Calvin làm vừa rồi. Ông Calvin ông nói gì? Tôi còn ghi được vài câu của ông: “Những nguyên tắc cốt rể của chúng ta là vững chắc”. “Điều mà đất nước này đòi hỏi là quay trở về với những phương pháp Mỹ căn bản – tức là tự do cơ hội cho tất cả mọi người...” “Tinh thần tự do trong đó đất nước này đã ra đời”, “hãy trở về với nguyên tắc của tổ tiên chúng ta”.

Khi ông ta nói “tự do cơ hội cho tất cả mọi người”, ông muốn nói đến cái tự do bóp nặn tiền lời, cái tự do ấy hiện nay đã bị các to-rót tước đoạt mất của ông. Và cái điều vô lý ở trong đó là các ông cứ nhắc đi nhắc lại mãi những câu ấy rồi về sau các ông tin những câu ấy thật. Các ông muốn có cơ hội cướp bóc đồng loại bằng cách thức nhỏ nhặt của các ông, các ông lại tự thôi miên đến cái độ các ông tưởng rằng các ông muốn có tự do. Các ông tham lam, bản thủ, nhưng ma lực của những câu các ông nói làm cho các ông tin rằng các ông là những người ái quốc. Khát vọng về tiền lời của các ông thật ra chỉ là sự ích kỷ đến tột độ, nhưng các ông đã khéo biến tướng nó thành sự chăm sóc vị tha đối với nhân loại đau khổ! Thôi, giữa chúng ta với

nhau, xin các ông hãy thành thật lấy một lần thôi, hãy nhìn thẳng vào sự thật và gọi thẳng tên nó ra”.

Bàn tiệc có nhiều người đỏ bừng mặt vì tức giận, nhưng đồng thời họ cũng tỏ ra lo ngại. Họ hơi sợ con người trẻ tuổi mặt mày hiền từ nhưng nói như dao chém và có một đặc điểm khủng khiếp là gọi cái cán mai bằng cái cán mai. Ông Calvin vội vã xin trả lời:

- Sao lại không? Sao chúng ta lại không thể quay trở về với lối sống của cha ông chúng ta từ khi thành lập nước Cộng hoà! Ông nói nhiều điểm đúng, ông Everhard ạ, mặc dầu nghe rất chói tai. Nhưng ở đây, giữa chúng ta với nhau, chúng ta có thể nói toạc móng heo ra được. Ta không cần phải úp mở: ta cứ công nhận sự thật như ông Everhard đã vạch trắng nó ra. Đúng là những người tư bản nhỏ chúng tôi chạy theo tiền lời và các tư-rót đã cướp mất của chúng tôi. Đúng là chúng tôi muốn phá vỡ các tư-rót để giữ lấy tiền lời. Tại sao chúng tôi lại không thể làm thế được? Tại sao lại không, tôi hỏi. Tại sao lại không?

- À, bây giờ chúng ta đã đi vào bản chất của sự vật, – Ernest nói ra vẻ hài lòng. – Tại sao lại không phỏng? Để tôi trả lời các ông nghe, mặc dầu tôi nói có phần chói tai đấy. Các ông có thấy không, các ông nghiên cứu việc kinh doanh theo lối cò con của các ông nhưng các ông chưa hề nghiên cứu sự tiến hoá của xã hội. Các ông đang sống giữa giai đoạn quá độ trong sự tiến hoá kinh tế, nhưng các ông không hiểu thế, và cái đó đã khiến cho các ông lầm lẫn. Tại sao các ông lại không thể quay trở lại phỏng? Là bởi vì các ông không thể nào quay trở lại được. Các ông không thể bắt sông chảy ngược về nguồn được. Cho nên các ông cũng không thể bắt ngọn trào tiến hoá kinh tế chảy ngược dòng. Joshua làm cho mặt trời đứng yên trên đất Gibeon, nhưng các ông còn muốn hơn cả Joshua. Các ông muốn mặt trời đi giật lùi. Các ông muốn thời gian đi ngược lại, từ giữa trưa trở về sáng. Đứng trước những máy móc tiết kiệm sức lao động, nền sản xuất có tổ chức, hiệu lực mỗi ngày một lớn mạnh của những hợp doanh, các ông muốn làm cho mặt trời kinh tế lùi lại chừng một thế hệ, về thời kỳ không có tư bản lớn, không có máy móc lớn, không có đường sắt, thời kỳ nhưng nhúc những nhà tư bản nhỏ, họ sát phạt lẫn nhau trong một nền kinh tế vô chính phủ và sản xuất thì thô sơ, lãng phí, vô tổ chức và tốn kém. Các ông nên tin

lời tôi, việc của Joshua tiếng vầy còn dễ hơn, và lại đã ruồng bỏ những tư bản nhỏ các ông rồi. Mặt trời của các nhà tư bản nhỏ đang lúc lặn. Nó sẽ không bao giờ mọc lại đâu. Ngay giữ nó đứng nguyên một chỗ, các ông cũng không đủ sức làm. Các ông đương lâm vào con đường diệt vong, số phận các ông là phải biến hết khỏi bộ mặt xã hội.

“Đó là nghiêm lệnh của tiến hoá. Đó là lời của Thượng đế. Tổ hợp mạnh hơn cạnh tranh. Con người cổ sơ ẩn náu trong khe đá. Nó hợp lực đánh nhau với những thú dữ ăn thịt người. Kẻ thù đó là những con vật cạnh tranh với nhau, trong khi người cổ sơ là một vật biết hợp quần và chính vì thế mà nó vươn được lên địa vị chúa tể các loài vật. Và từ đó tới nay con người đã dựng lên những tổ hợp ngày càng rộng lớn. Đó tức là tổ hợp đối địch với cạnh tranh; cuộc đấu tranh đó diễn ra từ hàng nghìn thế kỉ nay và cạnh tranh bao giờ cũng bại. Cho nên những ai gia nhập hàng ngũ của cạnh tranh cuối cùng nhất định bị tiêu diệt.

- Nhưng chính các tư-rót cũng do cạnh tranh đẻ ra, –ông Calvin ngắt lời.

- Đúng rồi, – Ernest đáp. – Và chính các tư-rót đã tiêu diệt cạnh tranh. Thì ông cũng đã nói rằng chính vì thế cho nên ông không kinh doanh sữa nữa.

Lần đầu tiên có tiếng cười chạy quanh bàn tiệc và cả ông Calvin cũng phải hòa theo mọi người để cười chính bản thân ông. Ernest tiếp tục:

- Và bây giờ, vì ta đang nói đến các tư-rót, ta hãy nên làm sáng tỏ một vài điều. Tôi sẽ phát biểu một số ý kiến, và nếu các ông không đồng ý, các ông cứ việc nói. Nếu các ông im lặng tức là các ông đã đồng ý. Có phải máy dệt vải nhiều hơn và rẻ hơn khung cửi tay không? – Anh ngừng một lát, nhưng không ai có ý kiến gì. – Thế thì phá máy dệt đi để trở lại phương pháp dệt tay vừa thô sơ vừa tốn kém, như vậy có phải là tối vô lý không? – Mọi người gật đầu đồng ý. – Có đúng cái hình thức tổ hợp gọi tên là tư-rót có hiệu lực lớn hơn và sản xuất rẻ hơn hàng nghìn xí nghiệp nhỏ cạnh tranh với nhau không? – Vẫn không ai phản đối. – Như vậy tiêu diệt các tổ hợp tiết kiệm và nhiều hiệu lực ấy đi có là bất hợp lý không?

Một lúc lâu vẫn không ai trả lời. Về sau, ông Kowalt lên tiếng.

- Vậy thì làm thế nào? – ông hỏi. – Chúng tôi chỉ thấy một lối thoát duy nhất là phá các cơ-rốt để khỏi bị chúng thống trị.

Lập tức Ernest sôi lên sùng sục:

- Tôi sẽ vạch cho các ông một lối khác, – anh nói. – Ta không nên phá những máy móc thần tình ấy, nó sản xuất vừa nhiều, vừa tốt lại vừa rẻ. Ta hãy nắm lấy quyền kiểm soát nó. Ta hãy lợi dụng cái hiệu lực và cái rẻ của nó. Ta hãy điều khiển nó để phục vụ cho chúng ta. Ta hãy gạt bỏ những kẻ hiện nay làm chủ những máy móc thần tình đó. Cái đó, thưa các ông, chính là chủ nghĩa xã hội, một thứ tổ hợp rộng hơn các cơ-rốt, một tổ hợp kinh tế và xã hội lớn nhất trên hành tinh chúng ta từ xưa đến nay. Nó phù hợp với sự tiến hoá. Chúng tôi đương đầu với sự tổ hợp bằng một tổ hợp rộng lớn hơn. Đó là phe chiến thắng. Các ông nên đến với những người xã hội chủ nghĩa chúng tôi và đứng vào phe chiến thắng.

Đến đây, có ý kiến bất đồng. Nhiều người lắc đầu xì xào.

- Được, các ông thích trở thành những vật lỗi thời kia, – Ernest cả cười. – Các ông thích làm như các cụ tổ kia. Số phận các ông là sẽ bị tiêu diệt cũng như tất cả những rơi rớt di truyền từ mấy đời để lại bị tiêu diệt. Có bao giờ các ông tự hỏi đến lúc những tổ hợp lớn hơn những cơ-rốt di truyền từ mấy đời thì các ông sẽ gặp phải những chuyện gì không? Có bao giờ các ông nghĩ đến các ông sẽ đứng chân ở chỗ nào khi bản thân những cơ-rốt lớn hợp nhất lại thành một cái tổ hợp của những tổ hợp – thành một cơ-rốt xã hội, kinh tế và chính trị không? – Anh quay ngoắt lại phía ông Calvin. – Ông hãy cho biết tôi nói có đúng không? Ông bắt buộc phải lập một đảng chính trị mới vì những đảng cũ đều nằm trong tay các cơ-rốt. Trở lực chính cho việc tuyên truyền của Đảng Kho thóc các ông, chính là các cơ-rốt. Đảng sau mỗi một trở lực các ông vấp phải, đảng sau mỗi một đòn đánh vào các ông, đảng sau mỗi một thất bại các ông phải chịu, đều có bàn tay các cơ-rốt. Có phải thế không? Ông nói cho tôi nghe.

Ông Calvin im lặng, có vẻ không được thoải mái lắm.

- Ông nói đi, – Ernest giục bằng một giọng khuyến khích.

- Đúng, – ông Calvin thú nhận. – Chúng tôi nắm được cơ quan lập pháp ở bang Oregon và đã đưa thông qua được một bộ luật bảo hộ rất tuyệt, nhưng đạo luật đó đã bị một viên thống đốc, tay sai cho các cơ-rốt phủ

quyết. Chúng tôi bầu được một viên thống đốc ở Colorado thì cơ quan lập pháp lại ngăn cản không cho ông ta nhận chức. Hai lần chúng tôi đưa thông qua một thứ thuế quốc gia về lợi tức thì hai lần Toà án tối cao bác bỏ, coi như trái với Hiến pháp. Toà án đều nằm trong tay các tư-rót. Chúng ta là dân chúng, chúng ta trả tiền các quan toà không được sộp lăm. Nhưng rồi sẽ có thời kỳ...

- Mà các tư-rót sẽ họp nhau lại để kiểm soát tất cả việc lập pháp, mà tập đoàn các tư-rót bản thân nó sẽ thành chính phủ, – Ernest ngắt lời.

- Không khi nào, không khi nào, – mọi người nhao nhao lên. Ai nấy đều có vẻ bức tức, hung hăng.

- Các ông hãy nói cho tôi nghe, – Ernest hỏi, – nếu thời kỳ đó đến, các ông sẽ làm gì?

- Chúng tôi sẽ đốc toàn lực nổi dậy, – ông Asmunsen hét lớn và nhiều người lên tiếng ủng hộ quyết định của ông.

- Thế thì nội chiến rồi còn gì, – Ernest dọa.

- Nội chiến thì nội chiến, – ông Asmunsen đáp và tất cả những người ngồi ở bàn đằng sau chỗ ông hưởng ứng rầm rầm. – Chúng tôi chưa quên những chiến công oanh liệt của ông cha. Vì tự do của chúng ta, chúng tôi sẵn sàng chiến đấu và hi sinh.

Ernest mỉm cười nói:

- Các ông đừng quên vừa rồi chúng ta đã mặc nhiên đồng ý với nhau rằng tự do ở trường hợp các ông có nghĩa là tự do bóp chẹt người khác để kiếm lời.

Bàn tiệc lúc này ầm ầm phần nộ, tưởng chừng sắp có đánh nhau đến nơi; nhưng giọng Ernest át tiếng ồn ào.

- Tôi hỏi thêm câu nữa. Khi các ông đốc toàn lực nổi dậy thì lý do khiến các ông nổi dậy sẽ là việc các tư-rót nắm được chính phủ trong tay. Như vậy để chống với lực lượng của các ông, chính phủ sẽ dùng quân đội chính quy, thủy quân, dân vệ, cảnh sát, nói tóm lại tất cả bộ máy chiến tranh có tổ chức của nước Mỹ. Vậy thì lực lượng của các ông đâu?

Sự sợ hãi hiện trên mặt mọi người. Họ chưa kịp trấn tĩnh, Ernest đã nói luôn:

- Các ông có nhớ không, cách đây không lâu, quân đội chính quy của chúng ta chỉ có năm vạn người. Nhưng quân số mỗi năm một tăng và bây giờ lên đến ba mươi vạn.

Anh tiếp tục tấn công:

- Chưa hết. Trong khi các ông bo bo đuổi theo cái bóng ma yêu quý của các ông là tiền lời và các ông thuyết luân lý về cái bùa hộ mệnh của các ông là sự cạnh tranh, thì các tư-rót đã hoàn thành những việc to lớn hơn và khủng khiếp hơn kia. Lại còn tổ chức dân vệ.

- Đó chính là lực lượng của chúng tôi! – Ông Kowalt kêu to. – Với tổ chức đó, chúng tôi sẽ đánh bật sự tấn công của quân đội chính quy.

- Thế có nghĩa là chính các ông sẽ gia nhập dân vệ, – Ernest vặn lại, – và các ông sẽ bị điều đi Maine, đi Florida, đi Philippines hay một nơi nào khác để đàn áp những đồng chí của các ông đang làm nội chiến vì tự do. Trong khi đó, những đồng chí của các ông ở Kansas, Wisconsin hay ở các bang khác sẽ gia nhập dân vệ và sẽ đến California dim cuộc nội chiến của bản thân các ông trong biển máu.

Lần này, tất cả đều kinh ngạc thật sự và lặng đi không nói được.

Sau cùng ông Owen gầm gừ:

- Chúng tôi sẽ không gia nhập dân vệ. Thế là xong. Chúng tôi cũng không đến nỗi ngốc thế đâu.

Ernest phá lên cười.

- Các ông không hiểu về quyền lực của các tư-rót. Các ông không vào cũng không được. Các ông sẽ bị bắt vào dân vệ.

- Còn có một thứ mà vẫn gọi là dân luật chứ? – Ông Owen nhấn mạnh.

- Không có đâu, một khi chính phủ đã tuyên bố thiết quân luật. Đến ngày mà các ông dốc hết lực lượng ra để nổi dậy, lực lượng của các ông sẽ quay lại đập vào các ông. Dù không muốn, các ông cũng sẽ phải vào dân vệ. Tôi vừa nghe thấy có người nói đến luật tự do thân thể. Các ông sẽ không được hưởng luật tự do thân thể đâu, mà sẽ chỉ được hưởng luật khám nghiệm thi thể thôi. Nếu các ông không chịu vào dân vệ, hoặc không chịu tuân theo lệnh một khi đã nhập ngũ; các ông sẽ ra trước toà án quân sự và các ông sẽ bị bắn chết như những con chó. Luật pháp là như thế.

- Đó không phải là luật pháp! – Ông Calvin nói rất quả quyết. – Không có thứ luật pháp nào như thế. Ông bạn trẻ tuổi ạ, ông mê ngủ rồi. Sao, ông không nói điều động dân vệ sang Philippines à? Như thế trái với Hiến pháp. Hiến pháp quy định rõ ràng: không được điều động dân vệ ra khỏi nước.

- Hiến pháp thì có liên quan gì đến việc đó? – Ernest hỏi. – Các Toà án đứng ra giải thích Hiến pháp và như ông Asmunsen đã công nhận thì Toà án là con đẻ của các tư-rót. Vả lại, như tôi đã nói, luật pháp nó là như thế. Có luật pháp như thế từ lâu rồi. Từ chín năm nay rồi, thưa các ông.

- Nghĩa là chúng tôi có thể bị bắt vào dân vệ à? – Ông Calvin tỏ vẻ không tin. – Nghĩa là nếu chúng tôi không chịu đi thì họ sẽ đem ra toà án quân sự đặc biệt xử bắn à?

- Chính thế, – Ernest đáp.

- Chúng ta chưa nghe nói đến đạo luật ấy bao giờ là làm sao nhỉ, – ba tôi hỏi và tỏ ra ngạc nhiên lắm.

- Vì hai lý do, – Ernest nói. – Trước hết vì chưa cần phải ban hành đạo luật đó. Nếu cần thì các ông cũng đã được nghe nói sớm kia rồi. Sau nữa vì đạo luật đó được thông qua chớp nhoáng ở Quốc hội và ở Thượng nghị

viện, thông qua một cách bí mật, thực ra thì không có thảo luận. Lẽ dĩ nhiên, các báo không đưa động gì đến nó. Nhưng những đảng viên xã hội chúng tôi biết chuyện đó. Chúng tôi đã cho đăng trên báo chí của chúng tôi. Nhưng các ông có đọc báo chí của chúng tôi bao giờ đâu!

- Tôi vẫn cho là ông mê ngủ, – ông Calvin khẳng khái không chịu. – Nước ta không bao giờ lại cho phép làm như thế.

- Nhưng nước ta đã cho phép rồi đấy, – Ernest trả lời. – Còn về chuyện các ông bảo tôi mê ngủ, – Ernest cho tay vào túi rút ra một cuốn sách nhỏ, – các ông hãy nó cho tôi nghe, đây có phải là mê ngủ không?

Anh mở cuốn sách ra đọc:

- “Điều khoản Một, ra sắc luật vân vân và vân vân, – tổ chức dân vệ bao gồm tất cả những công dân nam giới, khoẻ mạnh, từ mười tám tuổi trở lên và bốn mươi tuổi trở xuống, trú ngụ tại bang, các địa hạt và quận Columbia...

“Điều khoản Bảy. Tất cả các sĩ quan hay những người bị trưng tập vào dân vệ – Thừa các ông, các ông nên nhớ chiếu theo điều khoản Một, tất cả các ông đều là những người bị trưng tập – nếu không chịu trình diện với sĩ quan tuyển binh sau khi được gọi như đã quy định ở đây, sẽ bị đưa ra toà án quân sự và phải chịu những hình phạt của toà án đó.

“Điều khoản Tám. Toà án quân sự xử những sĩ quan hay những chiến đấu viên thường trong dân vệ, sẽ gồm toàn sĩ quan của tổ chức dân vệ.

“Điều khoản Chín. Dân vệ khi được gọi ra để phục vụ nước Mỹ sẽ phải tuân theo những điều lệnh và những quy định về chiến tranh cũng như quân đội chính quy của nước Mỹ.

“Đấy, tình cảnh các ông là như thế, thưa các ông công dân nước Mỹ, các đồng chí dân vệ của tôi. Cách đây chín năm, những đảng viên xã hội chúng tôi tưởng rằng đạo luật đó chĩa mũi nhọn vào giới cần lao. Nhưng chính nó cũng chĩa cả vào các ông nữa thì phải. Trong cuộc thảo luận ngăn ngui được giới cầm quyền cho phép, nghị sĩ Wiley tuyên bố rằng dự luật đó tạo nên một lực lượng dự trữ để nắm lấy cổ “lũ dân đen” – chính các ông cũng chỉ là dân đen, thưa các ông – “và để bảo vệ trong mọi trường hợp bất trắc đời sống tự do và quyền sở hữu”. Tương lai, khi nào các ông dốc hết lực lượng ra để nổi dậy, xin các ông nhớ cho rằng các ông sẽ nổi dậy chống

quyền sở hữu của các tơ-rót và quyền tự do được pháp luật công nhận cho các tơ-rót bóp cổ các ông. Thừa các ông, nanh các ông đã bị nhổ rồi. Vuốt các ông đã bị gọt rồi. Đến ngày các ông dốc hết lực lượng ra nổi dậy thì các ông đã hết nanh vuốt, và các ông sẽ yếu như một đàn sên”.

- Tôi không tin! – Ông Kowalt kêu lên. – Không làm gì có luật nào như thế. Đây chỉ là một tin vịt do đám đảng viên xã hội các ông tung ra thôi.

- Dự luật đó được đại biểu Dick ở bang Ohio đưa ra Hạ nghị viện ngày 30 tháng 7 năm 1902, – Ernest đáp. – Nó được đem thảo luận chớp nhoáng. Nó được Thượng nghị viện thông qua ngày 14 tháng 1 năm 1903. Và đúng bảy ngày sau, được Tổng thống Mỹ phê chuẩn.⁶².

Chú thích:

59- Bán hoà vốn, có khi bán lỗ vốn. Như vậy một công ty lớn có thể bán lỗ vốn trong một thời gian dài hơn là một công ty nhỏ, khiến công ty nhỏ phải bỏ kinh doanh. Đây là một lối cạnh tranh.

60- Thời kỳ này có nhiều cố gắng tập hợp giai cấp chủ trại suy tàn trong một đảng chính trị để phá các tơ-rót và các công ty đại tư bản bằng một chế độ luật nghiêm khắc. Sau cùng tất cả những cố gắng đó đều thất bại.

61- Tơ-rót dầu lửa lớn nhất, kiếm được rất nhiều lời. Một thế hệ sau, các tơ-rót khác mới ra đời.

62- Về đại thể, Everhard nói đúng, mặc dầu anh nhớ nhầm ngày. Dự luật đó được đưa ra ngày 30 tháng 6 chứ không phải 30 tháng 7. Ở Ardis còn có cuốn Biên bản Quốc hội, trong đó có nói về những ngày tháng liên quan đến dự luật đó như sau: 30 tháng Sáu, 9, 15, 16 và 17 tháng Mười hai 1902, 7 và 14 tháng Một 1903. Những nhà kinh doanh có mặt ở bữa ăn không biết về điều này cũng không có gì lạ. Rất ít người biết về đạo luật đó. Tháng 7 năm 1903, nhà cách mạng Untermann có viết ở Girard (Kansas) một bài báo đả kích đạo “Dự luật Dân vệ”. Bài đó được truyền bá trong giới công nhân, nhưng hồi đó sự phân hoá giai cấp đã quá sâu sắc, giai cấp trung lưu không được nghe nói đến bài đó, vì vậy không biết gì về đạo luật nói trên.

Chương IX

Một giấc mộng có tính chất toán học

Giữa sự kinh ngạc do những lời phát giác của anh gây nên, Ernest lại bắt đầu nói:

- Mười hai người trong bọn các ông buổi tối hôm nay đã nói rằng chủ nghĩa xã hội không thể thành công được. Các ông đã nói không thể được thì bây giờ tôi xin chứng minh là không tránh được. Không những việc các nhà tư bản nhỏ các ông bị tiêu diệt là không thể tránh được, mà cả việc các nhà đại tư bản và các tư-rót bị tiêu diệt cũng sẽ không tài nào tránh được. Các ông nên nhớ, ngọn trào tiến hoá không bao giờ chảy lui. Nó cứ thế chảy lên phía trước, từ chỗ cạnh tranh đến chỗ tổ hợp, từ tổ hợp khổng lồ, rồi đến chủ nghĩa xã hội, tức là tổ hợp khổng lồ nhất. Các ông bảo là tôi mê ngủ. Được lắm! Tôi sẽ cho các ông biết những phương trình toán học trong giấc mơ của tôi. Tôi thách các ông chứng minh được rằng những bài toán tôi làm là sai. Tôi sẽ phát triển tính chất không thể tránh được của sự sụp đổ của hệ tư bản, và sẽ diễn giải một cách toán học vì sao nó phải sụp đổ. Tôi bắt đầu, và nếu mở đầu có điều gì ra ngoài đề thì cũng xin các ông chịu khó nghe. Trước tiên, ta hãy xét quá trình của một ngành công nghiệp riêng biệt, và nếu tôi nói có chỗ nào các ông không đồng ý, các ông cứ ngắt lời. Đây là một nhà máy giày. Nhà máy này mua da về đóng thành giày. Đây là một số da trị giá trăm đô-la. Nó đi qua nhà máy và ra dưới hình thức giày, trị giá cứ cho là hai trăm đô-la. Như vậy nghĩa là thế nào? Cộng vào tiền da, ta thấy thêm một giá trị là một trăm đô-la. Thêm như thế nào? Để ta xem. Tư bản và lao động đã làm tăng thêm cái giá trị một trăm đô-la đó. Tư bản cung cấp nhà máy và trả mọi khoản phí tổn. Lao động cung cấp lao động. Do hai bên tư bản và lao động phối hợp cho nên dôi ra thêm một giá trị là một trăm đô-la. Đến đây thì tất cả các ông có đồng ý không? – Mọi người gật đầu tán thành.

“Lao động và tư bản đã sản xuất ra một trăm đô-la ấy, bây giờ họ đem chia nhau. Thống kê những khoản chia này gồm toàn phân số; cho nên muốn tiện, chúng ta tính phông chừng cũng được. Cứ cho rằng tư bản lấy một phần là năm mươi đô-la và lao động, về phần mình, cũng lĩnh một số tiền lương ngang như thế. Chúng ta sẽ không cãi cộ nhau về sự phân chia này 1. Cần gì phải cãi nhau, vì hai bên thế nào cũng phải chia nhau theo tỉ lệ này hay tỉ lệ khác. Đến đây xin các ông nhớ cho rằng cái gì đã đúng với quá

trình của một ngành công nghiệp riêng biệt thì đúng với quá trình của tất cả các ngành công nghiệp. Tôi nói có đúng không? – Bàn tiệc lại biểu lộ sự đồng tình.

“Bây giờ, ví thử lao động sau khi nhận được năm mươi đô-la của mình, muốn mua lại giày. Nó chỉ có thể mua được năm mươi đô-la thôi. Thật là rõ, có phải không?”

“Bây giờ ta đi từ quá trình riêng biệt này đến toàn bộ quá trình công nghiệp ở nước Mỹ, gồm cả da, nguyên liệu, vận tải, bán hàng, tất cả mọi thứ. Ta cứ tính tròn tổng số sản xuất của cả của nước Mỹ là bốn tỉ đô-la. Như vậy, cũng trong thời gian ấy, lao động được hai tỉ đô-la tiền lương. Sản xuất ra tất cả là bốn tỉ đô-la. Lao động có thể mua lại được bao nhiêu? Hai tỉ. Chỗ này không có gì phải thảo luận, tôi chắc thế. Về vấn đề này, tỉ lệ tôi đưa ra quá ư là rộng rãi rồi. Do hàng nghìn thủ đoạn, mưu mô của tư bản, ngay đến một nửa tổng số sản lượng lao động cũng không mua lại được.

“Nhưng thôi, cứ bảo là lao động mua lại được hai tỉ. Như vậy rõ ràng là lao động chỉ có thể tiêu thụ được hai tỉ. Vẫn còn hai tỉ, lao động không thể mua lại để tiêu thụ”.

- Ngay đến hai tỉ của nó, lao động cũng không tiêu thụ hết đâu, – ông Kowalt nói. – Nếu nó tiêu cho hết thì làm gì còn tiền gửi ở các quỹ tiết kiệm?

-Tiền mà lao động gửi ở các quỹ tiết kiệm chỉ là một số vốn dự trữ, vừa tích lũy được đã là tiêu hết ngay. Đó là những món để dành, phòng lúc già nua, miếng bánh cát trong chạn để hôm sau ăn. Không, lao động tiêu thụ hết toàn bộ những sản phẩm nó có thể mua lại được bằng tiền lương.

“Còn hai tỉ dành cho tư bản. Sau khi đã trả các khoản phí tổn, liệu nó có tiêu dùng hết chỗ còn lại không? Tư bản có tiêu dùng hết cả hai tỉ của nó không?”

Ernest ngừng lại, hỏi thẳng một số người. Họ lắc đầu.

- Tôi không biết, – một người trong bọn họ thú thật.

- Có, các ông có biết, – Ernest nói tiếp. – Các ông hãy ngừng lại và hãy nghĩ một lát. Nếu tư bản tiêu hết phần của mình, tổng số tư bản không thể tăng lên được. Nó sẽ đứng yên một chỗ. Nếu các ông xem lịch sử kinh tế nước Mỹ, các ông sẽ thấy tổng số tư bản tăng lên không ngừng. Như thế là

tư bản không tiêu thụ hết phần của nó. Các ông có nhớ thời kì nước Anh năm rất nhiều trái khoán của chúng ta trong ngành đường sắt không? Sau nhiều năm chúng ta đã mua lại những trái khoán đó. Như vậy nghĩa là thế nào? Tư bản đã mua lại những trái khoán bằng cái phần không tiêu dùng đến đó lấy trong phần mà tư bản không tiêu dùng hết. Và lại, ngay từ khi bắt đầu có hệ thống tư bản chủ nghĩa, tư bản chưa bao giờ tiêu dùng hết phần của nó.

“Và bây giờ ta đi vào sự việc. Hàng năm, ở Mỹ sản xuất ra của cải. Lao động mua lại và tiêu thụ hai tỉ. Tư bản không tiêu thụ hết hai tỉ còn lại. Còn một số thừa lớn không tiêu thụ. Chỗ thừa ấy dùng để làm gì? Nó có thể dùng làm gì? Lao động không thể tiêu thụ được vì lao động đã tiêu hết lương rồi. Tư bản cũng không tiêu thụ hết chỗ thừa ấy, vì theo bản chất của nó, nó tiêu thụ hết sức rồi còn đâu. Cho nên chỗ thừa vẫn còn đó. Nó có thể dùng làm gì? Nó đã được dùng làm gì?

- Người ta bán nó ra ngoài, – ông Kowalt đáp, – tuy Ernest không hỏi ông.

- Chính thế, – Ernest đồng tình. – Chính do chỗ thừa đó mà chúng ta đang cần có thị trường ở ngoài. Chỗ thừa đó được bán ra ngoài. Nó bắt buộc phải bán ra ngoài. Không có cách nào khác để giữ nó đi được. Và cái chỗ thừa không tiêu thụ hết đó bán ra ngoài biến thành cái chúng ta gọi là cán cân thương mại có lợi cho chúng ta... các ông vẫn đồng ý với tôi đấy chứ?

- Nhất định rồi, những điều ABC về thương mại ấy, nói ra làm gì cho mất thì giờ, – ông Calvin nói xẵng. – Chúng tôi đều thuộc lòng cả rồi.

- Tôi phải trình bày kĩ lưỡng những điều ABC đó ra, chính là để làm cho các ông hết cãi, – Ernest đáp. – Cái hay của nó là ở chỗ ấy. Và tôi sắp làm cho các ông hết cãi ngay bây giờ đây. Nào!

“Nước Mỹ là một nước tư bản đã phát triển được tài nguyên của mình. Do hệ thống công nghiệp tư bản chủ nghĩa của nó, nó có một số hàng thừa không tiêu thụ phải cho thoát ra ngoài 2. Tình hình nước Mỹ như thế, mà tình hình các nước tư bản phát triển khác cũng thế. Mỗi nước đều có một số hàng thừa không tiêu thụ. Các ông đừng quên rằng họ đã buôn bán với nhau, tuy thế nhưng số hàng thừa vẫn còn. Lao động ở tất cả các nước đó đã tiêu hết tiền lương không mua được một tí hàng thừa nào nữa.

Tư bản ở tất cả các nước đó đã tiêu thụ tất cả những cái nó có thể tiêu thụ được, đúng với bản chất của tư bản. Thế là vẫn còn hàng thừa. Các nước đó không thể đem những số hàng thừa trao đổi lẫn nhau được. Vậy muốn tổng táng chỗ đó đi thì họ làm thế nào?

- Bán cho các nước tài nguyên không phát triển, – ông Kowalt gợi ý.

- Đúng thế. Các ông xem, lập luận của tôi rõ ràng và đơn giản đến nỗi tự các ông lại phát triển nó trong óc các ông. Bây giờ, ta hãy đi một bước nữa. Ví phỏng nước Mỹ sử dụng chỗ hàng thừa đó vào một nước tài nguyên không phát triển, nước Brazil chẳng hạn. Các ông nên nhớ rằng chỗ hàng thừa đó vượt ra ngoài phạm vi thương mại, vì những hàng thương mại đã tiêu thụ cả rồi. Vậy thì nước Mỹ được nước Brazil trả cho cái gì?

- Vàng, – ông Kowalt nói.

- Nhưng vàng trên thế giới chỉ có hạn, có nhiều đâu, – Ernest bẻ.

- Vàng dưới hình thức những khế ước cầm cố, những trái khoán, vân vân, – ông Kowalt nói chữa lại.

- Giờ thì ông nói trúng, – Ernest bảo. – Nước Mỹ đưa số hàng thừa đó đi, nhận về của nước Brazil là những trái khoán hay những đảm bảo. Như vậy nghĩa là nước Mỹ sẽ có quyền sở hữu về những đường sắt ở Brazil. Rồi làm sao nữa?

Ông Kowalt suy nghĩ và lắc đầu.

- Để tôi nói cho các ông nghe, – Ernest tiếp tục. Như vậy nghĩa là những tài nguyên của nước Brazil cũng sẽ được phát triển. Bây giờ ta sang điểm sau. Khi nước Brazil dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã phát triển những tài nguyên của nó, bản thân nó cũng sẽ có một số hàng thừa không tiêu thụ. Nó có thể tổng số hàng thừa đó sang Mỹ được không? Không, vì bản thân Mỹ cũng có một số hàng thừa. Nước Mỹ có thể làm như trước kia, nghĩa là tổng số hàng thừa của mình sang Brazil được không? Không, vì Brazil bây giờ cũng đang có hàng thừa.

“Sự thế sẽ ra sao? Cả Mỹ lẫn Brazil cùng phải tìm những nước khác tài nguyên không phát triển để trút chỗ hàng thừa sang những nước ấy. Nhưng do bản thân cái quá trình trút hàng thừa đó, lại đến lượt tài nguyên của các nước ấy được phát triển. Không bao lâu, họ có hàng thừa và lại đi tìm trút sang các nước khác. Bây giờ, xin các ông hãy nghe tôi nói. Hành tinh của

chúng ta cũng chỉ to có chừng ấy thôi. Các nước trên thế giới cũng chỉ có bấy nhiêu thôi. Đến khi tất cả các nước trên thế giới cho đến nước nhỏ nhất cũng đều có hàng thừa trên tay và đứng chạm trán với tất cả các nước khác cũng có hàng thừa trên tay như mình, khi ấy thì sẽ xảy ra cái gì?

Anh ngừng lại và chăm chú nhìn những người đang nghe anh nói. Về lúng túng trên mặt họ trông đến là thú vị. Nhưng trên mặt họ còn có cả vẻ lo sợ nữa. Từ những ý niệm trừu tượng, Ernest đã vạch ra một viễn cảnh cho họ thấy. Họ đã thấy, và họ sợ lắm.

- Chúng ta đã bắt đầu bằng ABC, ông Calvin ạ, – Ernest nói hóm hỉnh. – Bây giờ tôi đã trình bày nốt với ông tất cả bảng chữ cái. Nó rất đơn giản. Cái hay của nó là ở đây. Chắc chắn là ông đã có sẵn một câu trả lời. Thế nào? Lúc tất cả các nước trên thế giới đều có hàng thừa không tiêu thụ, thì sẽ xảy ra cái gì? Hệ thống tư bản chủ nghĩa của các ông sẽ chạy đi đâu?

Ông Calvin luống cuống lắc đầu. Dĩ nhiên là ông đang cố tìm xem trong lập luận của Ernest có chỗ nào sai để đập.

- Để tôi cùng với ông ôn lại thật nhanh những vấn đề đã thảo luận, – Ernest nói. – Chúng ta bắt đầu từ một quá trình công nghiệp riêng biệt, một nhà máy giày. Chúng ta đã thấy rằng ở đây sự phân chia sản phẩm do hai bên phối hợp làm ra cũng giống như sự phân chia trong toàn bộ tất cả những quá trình công nghiệp. Chúng ta đã thấy rằng lao động với số lương của mình chỉ có thể mua được bấy nhiêu sản phẩm và tư bản không tiêu thụ hết số sản phẩm còn lại. Chúng ta đã thấy sau khi lao động đã tiêu thụ tất cả các thứ mua được bằng tiền lương và sau khi tư bản đã tiêu thụ tất cả những thứ nó cần, vẫn còn lại một số hàng thừa không tiêu thụ. Chúng ta đã đồng ý với nhau rằng chỗ thừa đó chỉ có thể đem sử dụng ở nước ngoài. Chúng ta cũng đã đồng ý với nhau rằng kết quả của việc trút hàng thừa sang một nước khác là nước đó sẽ phát triển được tài nguyên và trong một thời gian ngắn, nước đó sẽ có một số hàng thừa không tiêu thụ. Chúng ta mở rộng cái quá trình đó ra tất cả các nước trên hành tinh chúng ta, đến cái giai đoạn mỗi nước hàng năm, hàng ngày sản xuất ra một số hàng thừa không tiêu thụ, không thể trút vào một nước nào khác được. Và bây giờ, tôi hỏi lại các ông. Chúng ta đã dùng những số hàng thừa ấy để làm gì?

Lại không ai trả lời.

- Thế nào ông Calvin? – Ernest hỏi.
- Tôi xin chịu, – ông Calvin thú thật.
- Tôi chưa bao giờ tưởng tượng đến chuyện như thế, – ông Asmunsen nói. – Thế nhưng nó lại cứ rõ như ban ngày.

Đây là lần đầu tôi được nghe trình bày học thuyết của Karl Marx 3 về giá trị thặng dư. Ernest trình bày đơn giản quá, đến nỗi chính tôi, tôi cũng phân vân và ngồi ngẩn người ra.

- Tôi sẽ mách các ông một cách để trút bỏ các hàng thừa, – Ernest nói.
- Các ông đem đồ xuống biển. Mỗi năm các ông hãy đem hàng trăm triệu đô-la giày dép, lúa mì, quần áo tất cả các thứ hàng hoá đồ xuống biển. Như thế có phải ổn không nào?

- Dĩ nhiên là ổn, – ông Calvin đáp. – Nhưng ông nói như thế thì thật là vô lí.

Ernest đập lại nhanh như chớp:

- Dễ thường ông hô hào quay về với những lẽ lỗi cổ lỗ sĩ của ông cha thì ông không vô lí hẳn, thưa nhà phá máy? Vậy muốn trút bỏ chỗ hàng ế thừa, ông đề nghị phương pháp gì? Ông muốn tránh vấn đề hàng ế thừa bằng cách không sản xuất ra hàng ế thừa nữa. Và muốn tránh không sản xuất hàng ế thừa nữa thì ông đề nghị cách gì? Cách quay lại với phương thức sản xuất cổ sơ, hết sức lung tung, vô trật tự và bất hợp lí, hết sức lãng phí và đắt. Cái phương thức ấy thì nhất định không thể nào sản xuất ra hàng thừa.

Ông Calvin nuốt nước bọt. Mũi nhọn đã đâm trúng đích. Ông lại nuốt nước bọt một lần nữa rồi ho để dọn giọng.

- Ông nói đúng. Tôi xin chịu. Kể thì vô lí thật. Nhưng tôi cũng cần phải làm một cái gì chứ. Đó là một việc sống còn đối với giai cấp trung lưu chúng tôi. Chúng tôi không chịu chết đâu. Thà rằng vô lí, thà rằng trở lại những phương pháp thô sơ và tốn kém của ông cha, như thế vẫn hơn. Chúng tôi sẽ kéo nền công nghiệp trở lại tình trạng trước khi có các tơ-rót. Chúng tôi sẽ phá máy. Xem ông làm gì chúng tôi nào?

- Nhưng các ông không thể nào phá được máy, – Ernest đáp. – Các ông không thể bắt ngọn trào tiến hoá chảy ngược lại được. Chống lại các ông có hai lực lượng lớn, lực lượng nào cũng mạnh hơn giai cấp trung lưu các ông

cả. Bọn đại tư bản các tơ-rót, nói vắn tắt một câu, họ không để cho các ông kéo lùi lại đâu. Họ không muốn máy móc bị phá hoại. Và lớn hơn cả, mạnh hơn cả các tơ-rót, có lực lượng lao động. Nó không để các ông phá máy đâu. Quyền chiếm hữu thế giới cùng với quyền chiếm hữu máy móc nằm giữa các tơ-rót và lao động. Đó là nơi hai bên dàn thế trận. Không bên nào muốn phá máy cả. Nhưng cả hai bên cùng muốn chiếm máy. Trong cuộc chiến đấu đó, không có chỗ cho giai cấp trung lưu. Giai cấp trung lưu là một người chim chích ở giữa hai anh khổng lồ. Các ông có thấy không, thưa các ông giai cấp trung lưu đang hấp hối và đáng thương hại, các ông bị kẹp giữa hai cái thót cổ, và lúc này cái cổ đã bắt đầu xay rồi.

“Tôi đã chứng minh một cách toán học cho các ông thấy sự đổ vỡ không thể tránh được của hệ thống tư bản chủ nghĩa khi tất cả các nước đều có trong tay một số hàng ế thừa không tiêu thụ và cũng không bán đi được. Hệ thống tư bản chủ nghĩa sẽ sụp đổ dưới cái cơ cấu khủng khiếp của lợi nhuận mà chính nó đã dựng lên. Và ngày ấy sẽ không xảy ra một vụ phá máy nào đâu. Cuộc đấu tranh sẽ nhằm để giành quyền sở hữu các máy móc. Nếu lao động thắng, con đường các ông đi sẽ dễ dàng. Nước Mỹ, và chắc chắn là toàn thể thế giới, sẽ bước vào một kỉ nguyên mới lạ và thần kì. Đời sống con người sẽ không bị máy móc đè dí xuống nữa mà sẽ được máy móc làm cho tươi đẹp hơn, sung sướng hơn, cao thượng hơn. Các ông là giai cấp trung lưu đang bị tiêu diệt, các ông hãy đi với lao động, lúc đó thì chỉ có lao động thôi; như vậy, các ông sẽ được dự phần vào sự phân phối công bằng những sản phẩm do những máy móc kì diệu ấy làm ra cùng với tất cả những người lao động khác, và chúng ta, tất cả chúng ta, sẽ chế tạo những máy móc mới, còn kì diệu hơn thế nữa. Và sẽ không còn hàng thừa ứ không tiêu thụ, vì không còn lợi nhuận nữa.

- Nhưng ví thử các tơ-rót thắng trong cuộc chiến đấu giành quyền chiếm hữu máy móc và thế giới thì sao? – Ông Kowalt hỏi.

Ernest trả lời:

- Khi ấy thì cả các ông lẫn lao động, tất cả chúng ta đều sẽ bị nghiền nát dưới gót sắt của một nền chuyên chế tàn nhẫn và khủng khiếp hơn tất cả các nền chuyên chế đã từng bôi nhọ những trang sử của loài người. Cái tên xứng với nền chuyên chế đó, chính là “Gót sắt” 4!

Tất cả đều nín lặng hồi lâu. Tất cả đều suy nghĩ rất lung tung, khác hẳn những lúc thường.

- Nhưng cái chủ nghĩa xã hội đó chẳng qua là một giấc mộng thôi, – ông Calvin nói, và ông nhắc lại “một giấc mộng”.

- Vậy tôi sẽ xin trình bày với các ông cái này, nó không phải là một giấc mộng đâu, – Ernest đáp. – Và cái đó, tôi sẽ gọi là bọn thiếu số thống trị. Các ông gọi là giới Tài phiệt. Cả hai ta cùng muốn chỉ bọn đại tư bản và các tở-rớt. Ta hãy xem ngày nay quyền hành nằm ở đâu. Muốn vậy, ta hãy phân tích xã hội theo đúng sự phân chia giai cấp của nó.

“Trong xã hội có ba giai cấp lớn. Đầu tiên là giai cấp tài phiệt gồm những chủ nhà băng lớn, những đại tư bản đường sắt, những giám đốc công ty khách sạn và những vua tở-rớt. Rồi đến giai cấp trung lưu, giai cấp của các ông, bao gồm những chủ trại, nhà buôn, nhà tiểu công nghiệp, và những người làm nghề tự do. Giai cấp thứ ba và sau rốt là giai cấp của tôi, giai cấp vô sản, gồm những người thợ ăn lương 5.

“Các ông không thể chối cãi rằng việc chiếm hữu các của cải trong xã hội tạo nên quyền lực chính ở nước Mỹ. Ba giai cấp này chiếm hữu những của cải đó như thế nào? Con số đây! Trong tổng số những người có làm một nghề nghiệp gì ở nước Mỹ, chỉ có chín phần nghìn thuộc giai cấp tài phiệt, thế mà giai cấp tài phiệt chiếm hữu bảy mươi phần trăm tổng số tài sản. Giai cấp trung lưu chiếm hai mươi tư tỉ. Hai mươi chín phần trăm những người có làm một nghề là thuộc giai cấp trung lưu, và họ chiếm hữu hai mươi năm phần trăm tổng số tài sản. Còn lại giai cấp vô sản. Nó chiếm hữu bốn tỉ. Trong tất cả những người có làm một nghề thì bảy mươi phần trăm là từ giai cấp vô sản mà ra. Vậy thì quyền hành nằm trong tay ai, thưa các ông?

- Theo các con số chính ông đưa ra thì giai cấp trung lưu chúng tôi còn mạnh hơn giới lao động, – ông Asmunsen nhận xét.

- Các ông có gọi chúng tôi là yếu thì cũng không vì thế mà các ông mạnh hơn trước sức mạnh của giai cấp tài phiệt, – Ernest đáp lại. – Và lại, tôi đã chịu thua các ông đâu? Có một sức mạnh lớn hơn của cải, lớn hơn ở chỗ nó không thể lấy đi được. Sức mạnh của chúng tôi, sức mạnh của giai cấp vô sản, là ở trong những bắp thịt của chúng tôi, trong bàn tay chúng tôi

để bỏ phiếu, trong ngón tay chúng tôi để bóp cò súng. Sức mạnh đó không ai cướp đi được của chúng tôi. Nó là sự sống, nó là sức mạnh mạnh hơn của cải, và là thứ của cải không thể cướp đi được.

“Nhưng sức mạnh của các ông thì có thể cướp đi được. Nó có thể bị cướp khỏi các ông. Ngay bây giờ bọn tài phiệt đang cướp đi của các ông. Cuối cùng nó sẽ bị cướp hết. Và lúc bấy giờ thì các ông hết, không còn là giai cấp trung lưu nữa. Các ông sẽ xuống với chúng tôi. Các ông sẽ thành vô sản. Và cái hay nhất là các ông sẽ tăng cường sức mạnh cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ đón các ông như anh em, và chúng ta sẽ kẻ vai chiến đấu vì sự nghiệp của nhân loại.

“Các ông xem, lao động không có gì cụ thể để cướp đi được. Phần của cải của đất nước do nó nằm trong tay gồm có quần áo, đồ đạc và ở nơi này nơi khác, trong những trường hợp rất hãn hữu, một căn nhà bày biện không lấy gì làm sang trọng. Nhưng các ông thì có của cải cụ thể; các ông có hai mươi bốn tỉ, và giai cấp tài phiệt sẽ lấy đi của các ông. Dĩ nhiên, rất có thể giai cấp vô sản sẽ lấy đi trước cũng nên. Các ông không nhìn thấy thế đứng của các ông hay sao, thưa các ông? Giai cấp trung lưu là chú cừ non đang run lẩy bẩy giữa con sư tử và con cọp. Con này không ăn thịt các ông thì con kia sẽ ăn thịt. Và nếu giai cấp tài phiệt nuốt các ông trước thì giai cấp vô sản sẽ nuốt giai cấp tài phiệt sau, chứ còn sao nữa? Đó chỉ là vấn đề thời gian thôi.

“Ngay chỗ của cải bây giờ của các ông cũng không đem lại cho các ông hết cả quyền lực thật đáng lẽ các ông có. Trong lúc này, sức nắm trong của cải của các ông chỉ là một chiếc vỏ sò rỗng. Vì thế cho nên các ông đang kêu cái tiếng kêu chiến đấu yếu ớt và nhỏ bé của các ông lên: “Hãy quay về lẽ lối của ông cha chúng ta”. Các ông thấy rõ sự bất lực của các ông. Các ông biết rằng sức mạnh của các ông là một cái vỏ sò rỗng. Và tôi sẽ chỉ cho các ông thấy sự trống rỗng đó.

“Những người chủ trại thì có thể lực gì? Hơn năm mươi phần trăm là nô lệ, căn cứ vào chỗ họ chỉ là những người đi thuê đất hay đã phải cầm đất. Và tất cả họ đều là nô lệ hết, căn cứ vào chỗ các tư-rót đã chiếm hoặc kiểm soát (kể thì cũng vậy thôi, nhưng như thế còn khá hơn), những phương tiện để đưa hoa lợi ra thị trường như kho ướp lạnh, đường sắt, máy trục và

đường tàu thủy. Và thêm vào đó, các tư-rót kiểm soát thị trường. Về tất cả các mặt đó những người chủ trại không có thể lực gì cả. Còn về thể lực chính trị và cai trị của họ, lát nữa tôi sẽ đề cập đến, khi nói về thể lực chính trị và cai trị của tất cả giai cấp trung lưu.

“Ngày này qua ngày khác, các tư-rót bóp chết các chủ trại cũng như chúng đã bóp chết ông Calvin và tất cả những người chủ sữa khác. Và ngày này qua ngày khác, những nhà buôn cũng bị bóp chết theo cách ấy. Các ông có nhớ trong sáu tháng tư-rót thuốc lá quét sạch hơn bốn trăm cửa hàng thuốc lá ở thành phố New York như thế nào không? Những chủ tràn than ngày trước bây giờ ở đâu? Tôi không nói, bây giờ các ông cũng biết rằng tư-rót đường sắt nắm trong tay hoặc kiểm soát toàn bộ các khu vực than già và than béo. Tư-rót Standard Oil 6 chẳng chiếm hữu hai chục đường hàng hải đó sao? Ấy là không kể nó còn lập lò đúc, một thứ kinh doanh nhỏ ké vào đấy. Có một vạn thành phố ở Mỹ đêm nay thấp điện của những công ty do hãng Standard Oil nắm hoặc kiểm soát, và cũng ở gần ấy thành phố, tất cả mọi ngành vận chuyển điện khí trong thành phố, ở ngoại ô và nối liền các thành phố đều nằm trong tay Standard Oil. Những nhà tư bản nhỏ ngày trước có chân trong hàng nghìn doanh nghiệp đã chết, các ông đã biết cả đấy. Đấy cũng chính là con đường các ông đang đi.

“Nhà tiểu công nghiệp cũng giống như người chủ trại; cả nhà tiểu công nghiệp lẫn chủ trại ngày nay, nghĩ cho cùng, đều bị dòn vào một mối lệ thuộc phong kiến. Về phương diện này, những người làm nghề tự do và những nghệ sĩ đều là những tiện dân, trừ trên danh nghĩa, trong khi những nhà chính trị là một lũ tay sai. Ông Calvin, tại sao ông lại làm việc suốt ngày suốt đêm để tổ chức những chủ trại cùng với những tầng lớp khác thuộc giai cấp trung lưu thành một đảng chính trị mới? Tại vì các chính khách của những chính đảng cũ không muốn dây dưa với những ý kiến đã cũ rích của ông, và với những ý kiến cũ rích của ông họ không muốn dây dưa vì họ là, như tôi đã nói, là tay sai, là đầy tớ của bọn tài phiệt.

“Tôi đã nói những người làm nghề tự do và những nghệ sĩ là một lớp tiện dân. Không là tiện dân thì là cái gì? Tất cả, từ giáo sư đến nhà truyền giáo, đến nhà báo, họ đều bám lấy chức vụ của họ bằng cách hâu hạ bọn tài phiệt, và công việc của họ là truyền bá thuần một loại tư tưởng vô hại hoặc

có lợi cho bọn tài phiệt. Bất cứ lúc nào, nếu họ truyền bá những tư tưởng đe dọa quyền lợi của bọn tài phiệt, họ sẽ mất việc; và trong trường hợp này, nếu họ không dành dụm được gì cho những ngày vận hạn, họ sẽ rớt xuống giai cấp vô sản, và hoặc là họ trở thành những người kích động quần chúng công nhân. Và các ông đừng quên rằng chính báo chí, toà giảng và trường đại học nhào nặn dư luận và cầm nhịp cho bước đi tinh thần của quốc gia. Còn các nghệ sĩ, họ chẳng qua chỉ là một loại đi đi chiều những thích thú đê tiện của bọn tài phiệt.

“Nhưng rốt cuộc, của cải tự nó không phải là thực quyền, nó chỉ là phương tiện để đi tới quyền lực, và nói đến quyền lực tức là nói đến chính phủ. Ngày nay, ai là người kiểm soát Chính phủ? Giai cấp vô sản với con số hai mươi triệu người nằm trong nhiều ngành hoạt động khác nhau chẳng? Ngay đến các ông cũng bật cười vì ý kiến này. Có phải giai cấp trung lưu với tám triệu người làm nghề khác nhau không? Cũng chẳng khác gì giai cấp vô sản. Vậy thì ai kiểm soát chính phủ? Giai cấp tài phiệt với con số ít ỏi là một phần tư triệu người. Nhưng một phần tư triệu người ấy cũng không kiểm soát chính phủ, mặc dầu họ làm nhiệm vụ của những tên vệ binh tình nguyện. Chính là bộ óc của giai cấp Tài phiệt kiểm soát chính phủ, và bộ óc đó bao gồm bảy nhóm 7 nhỏ nhưng rất có thế lực. Và các ông không nên quên rằng trong thực tế, những nhóm đó hiện giờ đang phối hợp hành động với nhau.

“Để tôi vạch cho các ông thấy thế lực của một nhóm thôi, nhóm đường sắt. Nó dùng bốn vạn luật sư để đánh bại nhân dân trước toà án. Nó phát vô số những thẻ đi lại không mất tiền cho các quan toà, chủ nhà băng, chủ nhiệm các báo, giáo sĩ, người của trường đại học, nhân viên các cơ quan lập pháp nhà nước, và Quốc hội. Nó duy trì những tổ chức sang trọng của các lobby ở thủ phủ mỗi bang và ở thủ đô toàn quốc, nó dùng một đội quân đông đảo luật sư nhỏ và những chính khách nhỏ, nhiệm vụ của bọn này là tham dự những uỷ ban tuyển cử, triệu tập hội nghị các đảng phái, lung lạc các bồi thẩm, hối lộ các quan toà và làm đủ mọi cách để bênh vực quyền lợi của nó 9.

“Thưa các ông, tôi mới chỉ phác qua thế lực của một trong số bảy nhóm hợp thành bộ óc của giai cấp tài phiệt 10. Hai mươi bốn triệu của cải của

các ông không cung cấp nổi cho các ông hai mươi năm xu quyền lực chính trị. Đó là một cái vỏ sò rỗng và chẳng bao lâu ngay cái vỏ sò rỗng đó cũng sẽ bị cướp khỏi tay các ông. Ngày nay giai cấp tài phiệt nắm tất cả mọi quyền lực trong tay. Ngày nay, nó làm ra luật pháp, vì nó nắm được Thượng nghị viện, Quốc hội, các Tòa án và các cơ quan lập pháp của bang. Và không phải chỉ có thế. Đằng sau luật pháp, phải có lực lượng để thi hành luật pháp. Ngày nay giai cấp Tài phiệt làm ra luật pháp, và để tăng cường luật pháp, nó có dưới quyền chỉ huy của nó, cảnh sát, quân đội, thủy quân, sau rốt là dân vệ, nghĩa là các ông, và tôi và tất cả chúng ta”.

Sau đó không ai thảo luận gì nữa, và được một lát thì tan tiệc. Tất cả đều lặng lẽ khuất phục, và cuộc chia tay rất âm thầm. Hình như hầu hết vẫn còn khiếp đảm về cái viễn ảnh tương lai mà họ chưa nhìn thấy.

- Tình hình quả nghiêm trọng thật, – ông Calvin nói với Ernest. – Tôi không có gì phải tranh luận với ông về cách thức ông vừa mô tả nó ra. Tôi chỉ không đồng ý với ông về việc ông lên án giai cấp trung lưu. Chúng tôi sẽ còn sống, và chúng tôi sẽ lật đổ các tư-rót.

- Và quay về với các lẽ lối của ông cha, – Ernest nói nốt hộ.

- Ngay thế đi nữa, – ông Calvin trả lời nghiêm nghị. – Tôi biết đó cũng là một cách phá máy và như thế là vô lí. Nhưng tất cả cuộc đời hiện nay đều có vẻ vô lí, do những mưu mô của bọn tài phiệt. Dù sao, cái trò phá máy của chúng tôi ít ra cũng còn thiết thực và có thể làm được, chứ không như giấc mộng của ông. Giấc mộng xã hội chủ nghĩa của ông chỉ là... đúng như thế, chỉ là một giấc mộng. Chúng tôi không thể theo ông được.

- Tôi chỉ mong ông và các bạn ông hiểu biết chút ít về sự tiến hoá của xã hội học, – Ernest trả lời bằng một giọng mong mỏi khi hai người bắt tay nhau. – Nếu các ông hiểu biết những cái đó thì chúng tôi cũng có thể tránh được khá nhiều khó khăn.

Chú thích

1 Ở đây Everhard vạch rõ nguyên nhân những cuộc nổi dậy của lao động thời đó. Trong sự phân chia sản phẩm, tư bản muốn chiếm phần tối đa; lao động cũng muốn chiếm phần tối đa. Sự xung đột của họ về vấn đề phân chia không thể điều hoà được. Chừng nào chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa còn tồn tại, lao động và tư bản còn xung đột về vấn đề chia

sản phẩm. Đối với chúng ta ngày nay, đó thật là chuyện tặc cười, nhưng chúng ta không nên quên rằng chúng ta sống cách thời đại của họ bảy thế kỉ rồi.

- 2 Theodore Roosevelt làm tổng thống Hoa Kỳ, trước thời đó một vài năm đã tuyên bố trước công chúng: <i>"Cần phải phát triển rộng rãi nguyên tắc hai bên cùng có lợi trong việc mua bán hàng hoá, để cho hàng sản xuất thừa của Hoa Kỳ có chỗ để bán ra nước ngoài".</i> Có nhiên, hàng sản xuất thừa mà ông nói đây tức là chỗ lợi nhuận của hệ thống tư bản vượt khỏi khả năng tiêu thụ của bọn tư bản. Cũng thời đó, nguyên lão nghị viên Mark Hanna nói: <i>"Sự sản xuất của cái ở Hoa Kỳ hàng năm vượt sức tiêu thụ một phần ba".</i> Chauncey Depew cũng là một nguyên lão nghị viên tuyên bố: <i>"Nhân dân Mỹ hàng năm sản xuất vượt sức tiêu thụ là hai tỉ đô-la của cái".</i>
- 3 Karl Marx, một anh hùng trí thức vĩ đại của chủ nghĩa xã hội. Ngày nay chúng ta không thể nào tưởng tượng được rằng hàng bao nhiêu thế hệ sau những phát kiến của Marx về mặt kinh tế, ông vẫn bị các nhà tư tưởng và các nhà bác học được thế giới công nhận, chế giễu. Chính vì những phát kiến của ông mà ông đã bị trục xuất khỏi đất nước và đã chết biệt xứ ở Anh.
- 4 Theo chỗ chúng tôi biết, đây là lần đầu tiên có người dùng cái tên này để chỉ tập đoàn thiểu số thống trị.
- 5 Everhard phân chia giai cấp trong xã hội cũng giống như Lucien Sanial, một nhà thống kê nổi tiếng của thời đó. Ông ta căn cứ vào nghề nghiệp (theo cuộc điều tra dân số ở Mỹ năm 1900) phân chia các giai cấp như sau: giai cấp tài phiệt 250.251; giai cấp trung lưu 8.429.825; giai cấp vô sản 20.393.137.
- 6 Tư-rót dầu lửa lớn nhất, kiếm được rất nhiều lời. Một thế hệ sau, các tư-rót khác mới ra đời.
- 7 Mãi đến năm 1907, người ta coi như có 11 nhóm thống trị nước Mỹ: nhưng con số đó đã giảm đi vì có năm nhóm đường sắt hợp nhất thành một tập đoàn đường sắt. Năm nhóm hợp nhất đó cùng với các đồng minh tài chính và chính trị của họ là: 1) James J. Hill, kiểm soát khu vực Tây bắc; 2) Nhóm đường sắt Pennsylvania, mà giám đốc tài chính

là Schiff, với những nhà băng lớn ở Philadelphia và New York; 3) Harriman, do Frick làm luật sư cố vấn và Odell làm phụ tá chính trị, kiểm soát những đường vận tải ở khu vực trung tâm trong lục địa, khu Tây nam và khu bờ biển phía Nam trông ra Thái Bình Dương; 4) Hãng đường sắt của họ Gould; 5) Moore, Reid và Leeds, người ta thường gọi là "tập đoàn Rock Island". Bọn thiếu số thống trị giàu thế lực này xuất hiện trong thời kì cạnh tranh đi vào con đường hợp nhất tất yếu.

8 Lobby - một tổ chức đặc biệt nhằm đe dọa và mua chuộc những nhà làm ra luật pháp lương thiện đại diện cho quyền lợi của nhân dân.

9 Mười năm trước khi Everhard nói về việc này, Phòng thương mại New York đã có một bản báo cáo mà chúng tôi trích đăng một đoạn như sau: "Các công ty xe lửa hoàn toàn kiểm soát những cơ quan lập pháp của đa số các bang trong Liên bang; họ tùy tiện đưa lên hay truất xuống các nguyên lão nghị viên, các nghị sĩ và các thống đốc của Hoa Kỳ; trong thực tế họ là những người định ra chính sách của chính phủ Hoa Kỳ".

10 Rockefeller xuất thân là vô sản, nhờ dành dụm và mách lới đã lập nên được to-rót Standard Oil, một to-rót hoàn bị đầu tiên. Chúng tôi không thể không đưa ra đây một trang sử rất đáng chú ý của thời kì đó để vạch rõ việc hãng Standard Oil cần thiết phải tái đầu tư số tư bản thặng dư đã đè bẹp các nhà tư bản nhỏ như thế nào và đã xúc tiến sự sụp đổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa như thế nào. Báo "Tin tức chiều thứ bảy" (Saturday Evening Post) ra ngày 4 tháng 10 năm 1902 có đăng một bài của David Graham Phillips, một nhà văn cấp tiến. Chúng tôi trích đăng một đoạn của bài đó dưới đây. Hiện nay, chỉ còn lại một bản của tờ báo nói trên, nhưng cứ xem cả hình thức lẫn nội dung ta cũng phải kết luận rằng đó là một tờ báo lưu hành rất rộng rãi trong nhân dân. Đoạn trích đó như sau:

"Cách đây chừng mười năm, số thu nhập của Rockefeller, theo ước lượng của một người rất có thẩm quyền nói ra, áng chừng ba mươi triệu đô-la. Y đã đạt tới mức đầu tư để lấy lời cao nhất trong kĩ nghệ dầu lửa. Từ đó, mỗi tháng, một mình John Davison Rockefeller thu về một số lợi nhuận khổng lồ là hơn 2 triệu đô-la. Việc tái đầu tư trở thành một vấn đề quan

trọng, nó ám ảnh y như một cơn ác mộng. Lợi nhuận về dầu lửa ngày càng tăng mà nơi đầu tư chắc chắn thì có hạn, có hạn hơn cả bây giờ. Cũng không phải chỉ vì bản thân tham lợi mà Rockefeller tìm cách vượt ra khỏi ngành dầu lửa để đi vào các ngành khác. Y buộc phải làm như thế vì y bị cuốn bởi ngọn sóng tiền lời, nó do sức hút của tình trạng độc quyền gây nên. Y đã cho thành lập một cơ quan chuyên đi tìm nơi để đầu tư. Người ta bảo, viên phụ trách cơ quan đó hàng năm được lĩnh 125.000 đô-la tiền lương.

"Việc Rockefeller đầu tư vào ngành đường sắt là một hiện tượng nổi bật hơn cả. Khoảng 1895, y kiểm soát một phần năm tổng số cây số đường sắt, hoặc thông qua quyền sở hữu ưu thắng của y, y kiểm soát được bao nhiêu? Y rất có thể lực trong những công ty đường sắt lớn ở New York, về phía bắc, phía đông và phía tây thành phố (trừ có một nơi, y chỉ nhúng vốn vào đó chừng vài triệu đô-la). Y hùn vốn hầu hết các đường sắt lớn tỏa ra từ Chicago. Y đóng vai chủ chốt trong nhiều hệ thống đường sắt bên phía Thái Bình Dương. Chính nhờ lá phiếu của y mà Morgan trở thành có thể lực đến thế. Tuy vậy, cũng có thể nói thêm rằng y cần đến khối óc của Morgan nhiều hơn là Morgan cần đến lá phiếu của y. Hiện nay hai bên hợp nhất với nhau lập thành tổ chức "cộng đồng lợi nhuận".

"Nhưng ngành đường sắt không có đủ khả năng để thu hút tất cả số vàng nhiều như nước lụt này. Hiện nay, số 2.500.000 đô-la lợi nhuận hàng tháng của Rockefeller đã tăng lên đến bốn, năm, sáu triệu mỗi tháng, đến 75.000.000 mỗi năm. Dầu lửa lãi vô kể. Việc dùng lợi nhuận để tái đầu tư hàng năm đem lại thêm chừng vài triệu đô-la.

"Rockefeller đi vào kỹ nghệ khí thấp và điện khí khi hai ngành này phát triển tới giai đoạn đầu tư đã có thể chắc chắn. Và hiện nay một phần lớn nhân dân Mỹ, bất kì dùng loại đèn nào, cứ vào lúc mặt trời lặn là bắt đầu làm giàu cho Rockefeller. Tiếp đó y xoay ra cầm cổ ruộng đất. Người ta kể lại rằng cách đây vài năm, khi nông dân làm ăn phát đạt và có điều kiện để chuộc lại ruộng đất, Rockefeller suýt phát khóc lên; số tiền tám triệu đô-la, y tưởng có thể dùng trong vài năm để kinh doanh lấy lời theo kiểu đó, đột nhiên lại quay về nhà y. Y vốn đã bối rối vì việc tìm nơi đầu tư cho số lãi dầu lửa và những chỗ lãi con lãi cháu của số lãi này, bất ngờ y lại đâm bối

rồi thêm. Thật là nan giải cho một người đau dạ dày như y... "Rockefeller đi vào ngành mỏ - mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ chì, vào những công ty kỹ nghệ khác; vào ngành xe điện, vào các trái khoán thành phố, trái khoán nhà nước, trái khoán quốc gia; vào ngành hàng hải, ngành tàu thủy và ngành điện báo; vào các bất động sản, nhà chọc trời, nhà ở, khách sạn, nhà làm công sở; vào ngành bảo hiểm, ngành ngân hàng. Có thể nói không một ngành nào là Rockefeller không tung vốn vào hoạt động...

"Nhà băng của Rockefeller - National City Bank - là ngân hàng lớn nhất Hoa Kỳ, bỏ xa các ngân hàng khác. Trên thế giới nó chỉ thua có ngân hàng Anh và ngân hàng Pháp. Số tiền kí quỹ hàng ngày ở đó trung bình là một trăm triệu đô-la; và nó thống trị thị trường cho vay ở Phố Wall và thị trường chứng khoán. Nhưng không phải y chỉ có thế. Nhà băng này đứng đầu một loạt nhà băng của Rockefeller, gồm mười bốn nhà băng và công ty độc quyền ở New York và những nhà băng rất to và rất có thế lực ở các thị trấn tiền tệ lớn trong nước.

"Ngoài tài sản ở những thị trường nói trên, số tiền vốn của John D. Rockefeller ở tư-rót Standard Oil vào khoảng từ bốn đến năm trăm triệu đô-la. Y có một trăm triệu trong tư-rót thép, cũng vào khoảng gần chừng ấy nữa trong một hệ thống đường sắt ở phía tây, chừng một nửa chừng ấy trong một hệ thống khác, vân vân, vân vân và vân vân, óc người ta không thể nhớ hết được. Năm ngoái, số lợi nhuận của y vào khoảng 100.000.000 đô-la (số lợi nhuận của tất cả họ hàng nhà Rothschild cộng lại cũng khó mà to hơn thế). Và lợi nhuận của Rockefeller cứ thế tiến bằng những bước nhảy vọt.

Chương X

Con lóc

Liên ngay sau bữa tiệc với các nhà doanh nghiệp là một thời kì khủng khiếp, những biến cố liên tiếp xảy ra như sấm sét; và tôi, cái tôi bé bỏng vẫn quen sống nếp sống bình thản trong thành phố đại học yên tĩnh, thấy mình với tất cả những việc riêng của mình bị cuốn vào cơn lốc của những sự kiện lớn trên thế giới. Có phải vì yêu Ernest mà tôi đã thành một người cách mạng không, hay vì anh đã giúp tôi nhìn thấy rõ cái xã hội tôi đang sống, tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi đã thành một người cách mạng, và tôi

lao vào những sự kiện đang quay cuồng diễn ra, những sự kiện mà cách đây ba tháng tôi không tài nào quan niệm được.

Cuộc khủng hoảng trong số phận riêng của tôi đến cùng một lúc với những khủng hoảng lớn trong xã hội. Trước hết, ba tôi bị sa thải khỏi trường đại học.Ồ, không phải bị sa thải theo nghĩa đen đâu. Ba tôi bị buộc phải xin từ chức, có thể thôi. Bản thân việc này không có gì đáng kể lắm. Thật ra, ba tôi lại lấy thế làm thú vị. Ba tôi đặc biệt thú vị ở chỗ cụ bị sa thải chớp nhoáng như thế là vì cụ cho xuất bản cuốn sách “Kinh tế và giáo dục”. Cái đó đã xác nhận những lập luận của cụ, cụ bảo thế. Phỏng còn có bằng chứng nào tốt hơn để chứng minh rằng nền giáo dục đã bị giai cấp tư bản thống trị.

Nhưng bằng chứng ấy không bao giờ lọt ra ngoài. Không ai biết ba tôi đã bị cưỡng bức rời khỏi trường đại học. Ba tôi là một nhà bác học tiếng tăm lớn. Đưa một tin như thế ra, cùng với lí do cụ bị buộc phải từ chức, có thể gây ít nhiều cảm phẫn trên toàn thế giới. Báo chí không hết lời ca tụng và đề cao cụ, hoan nghênh cụ đã bỏ cái nghề dạy học vừa vất vả vừa nhạt nhẽo để dốc hết thời giờ vào việc nghiên cứu khoa học. Mới đầu ba tôi còn cười. Về sau cụ nổi giận – vẫn cái kiểu giận dữ mà cụ gọi là thuốc bổ. Rồi đến việc cuốn sách bị thủ tiêu. Sự thủ tiêu này tiến hành bí mật đến nỗi thoát đầu chúng tôi không biết gì hết. Cuốn sách vừa xuất bản đã phần nào kích động nhân dân trong nước. Ba tôi bị báo chí tư bản đập một cách lịch sự: nói chung, tất cả đều lấy làm tiếc cho một nhà bác học lớn như thế lại rời bỏ lĩnh vực của mình phiêu lưu sang lĩnh vực xã hội học mà mình hoàn toàn không biết để rồi bị lạc lối. Cứ như thế luôn trong một tuần. Ba tôi cười thầm và cụ bảo là cụ điểm trúng huyết của chủ nghĩa tư bản. Và rồi đột nhiên các báo chí và các tập san phê bình im hẳn, không nói gì đến cuốn sách nữa. Và cuốn sách cũng đột nhiên biến khỏi thị trường, vào các hàng sách không thể tìm được lấy một cuốn. Ba tôi biên thư cho các nhà xuất bản và được trả lời là các bản in đã rủi ro bị hư hại. Tiếp theo đó là cả một sự thư đi thư về rất rắc rối. Cuối cùng bị dồn vào thế không thể úp mở được nữa: các nhà xuất bản phải tuyên bố rằng họ tự thấy không có khả năng in lại cuốn sách, nhưng cũng sẵn lòng từ bỏ bản quyền của họ về cuốn sách đó.

- Ông có đi khắp nước cũng không tìm được một nhà xuất bản nào chịu vào cuốn đó, – Ernest nói. – Chẳng những thế, con mà vào trường hợp ông thì con sẽ đi tìm chỗ trốn ngay. Ông mới chỉ ném qua mấy đòn khai vị của cái Gót sắt thôi.

Nhưng ba tôi chỉ là một nhà khoa học. Ba tôi thấy người nào nhảy ngay đến kết luận thì không bao giờ tin. Một thí nghiệm khoa học không được tiến hành xong đến chi tiết thì không phải là thí nghiệm. Cho nên ba tôi kiên nhẫn đi một vòng khắp các nhà xuất bản. Họ xin lỗi đủ mọi cách: nhưng không nhà nào chịu xem cuốn sách cả.

Ba tôi chịu rằng cuốn sách đã thực sự bị thủ tiêu. Ba tôi định đưa việc này lên báo, nhưng bài cụ gửi đến không được đăng. Trong một hội nghị chính trị của Đảng Xã hội, thấy có mặt nhiều phóng viên, cụ tưởng dịp tốt đã đến. Cụ đứng dậy kể lại việc thủ tiêu cuốn sách. Hôm sau cụ đọc báo và cụ cười. Nhưng rồi cụ nổi khùng đến một độ mà tất cả cái tính chất thuốc bổ đều bị gạt đi hết. Các báo không đả động gì đến cuốn sách, nhưng lại xuyên tạc hẳn cử chỉ của cụ. Họ bóp méo những câu, những chữ và biến những nhận xét mực thước và rất thận trọng của cụ thành một bài diễn văn vô chính phủ và đầy vẻ khiêu khích. Họ làm rất khéo. Ví dụ, tôi còn nhớ một câu. Cụ dùng danh từ “cách mạng xã hội”. Phóng viên chỉ bỏ hai chữ “xã hội”. Hãng Thông tấn liên hiệp bèn lấy cái đó truyền đi khắp nước, và khắp nước nhao nhao cả lên. Cụ bị gán cho cái tên hư vô chủ nghĩa và vô chính phủ, và trong một bức tranh đả kích được in ra rộng rãi, người ta vẽ cụ đang phát một lá cờ đỏ dẫn đầu một lũ người tóc dài, vẻ mặt hung dữ, tay cầm đuốc, dao găm, và bom phá.

Báo chí viết những bài xã luận dài, đầy giọng thoá mạ, công kích hết sức dữ dội cụ là vô chính phủ, và nói lấp lửng rằng thần kinh cụ bị suy sụp. Cái cách xử sự đó của báo chí tư bản không phải là chuyện mới, Ernest bảo chúng tôi thế. Nó thường phái phóng viên đến tất cả các cuộc họp của Đảng Xã hội, dụng ý là để xuyên tạc và bóp méo những lời phát biểu đăng làm cho giai cấp trung lưu khiếp nhược, không dám bắt tay với giai cấp vô sản. Và Ernest nhắc đi nhắc lại, khuyên ba tôi thôi đừng đấu tranh nữa mà nên lánh đi một nơi. Báo chí của Đảng Xã hội phát động đấu tranh và tất cả những ai đọc báo trong giai cấp công nhân đều biết là cuốn sách bị thủ tiêu.

Nhưng cũng chỉ có giai cấp công nhân biết thôi. Liền sau đó một nhà xuất bản lớn chuyên xuất bản sách về chủ nghĩa xã hội, tên là nhà Kêu gọi giác ngộ, điều đình với ba tôi để cho in cuốn sách đó. Ba tôi phấn khởi lắm, nhưng Ernest rất ngại cho cụ.

- Con đã nói với ông là tình thế chúng ta lúc này rất nguy hiểm, bất chợt sẽ xảy ra việc gì không biết, – anh khẩn khoản. – Quanh ta đang bí mật diễn ra những việc tày đình. Ta có thể cảm thấy. Ta không biết là việc gì, nhưng mà có. Tất cả bộ máy đang quay cuồng với những việc đó. Ông đừng hỏi con, chính con cũng không biết. Xã hội đang quay cuồng và có một cái gì đó đang sắp sửa kết tinh. Nó đang kết tinh. Việc thủ tiêu cuốn sách là một chất kết tủa 1 báo hiệu cái đó. Bao nhiêu sách đã bị thủ tiêu? Chúng ta không có một ý niệm gì hết. Chúng ta thật là mù mịt. Chúng ta không làm thế nào mà biết được. Đấy rồi ông xem, thế nào báo chí xã hội chủ nghĩa và các nhà xuất bản xã hội chủ nghĩa cũng sẽ bị thủ tiêu. Con sợ là sắp bị đến nơi rồi. Chúng ta cũng sắp bị bóp cổ đến nơi rồi.

Ernest bắt mạch tình hình nhanh hơn các đảng viên xã hội khác: trong vòng hai hôm, cuộc tấn công thứ nhất bắt đầu. Tờ Kêu gọi giác ngộ là một tờ báo hàng tuần, số phát hành trong giai cấp vô sản là bảy mươi năm vạn mỗi kì. Nó cũng thường ra những số đặc biệt luôn, phát hành từ hai đến năm triệu bản. Những số đặc biệt này phát hành được là nhờ những đội công nhân tình nguyện tập hợp xung quanh tờ báo Tiếng gọi. Đòn đầu tiên là đánh vào những số đặc biệt đó, và là một đòn búa tạ. Do một quy định độc đoán của Bưu điện, những ấn phẩm đó bị coi như không nằm trong phần lưu hành bình thường của tờ báo, và do đó không được chuyển.

Một tuần sau, Bộ Bưu điện quyết định rằng tờ báo này có tính chất phiến loạn và gạt hẳn nó ra ngoài sự chuyên chở của Bưu điện. Đó là một đòn ghê gớm đánh vào việc tuyên truyền chủ nghĩa xã hội. Tờ Kêu gọi ở trong một tình trạng tuyệt vọng. Nó dự định một kế hoạch gửi báo đến những người mua dài hạn bằng con đường của những công ty xe lửa tốc hành, nhưng họ không nhận. Thế là tờ Kêu gọi chết. Nhưng chưa chết hẳn. Tờ Kêu gọi dự định tiếp tục bộ phận xuất bản sách của nó. Hai vạn cuốn sách của ba tôi đang đóng, và máy còn đang in thêm. Một buổi tối, một đám đông kéo đến bất thần, vừa phát lá cờ Mỹ và hát những bài ca ái quốc, vừa

châm lửa vào nhà máy in lớn của báo Kêu gọi, và tiêu huỷ sạch sành sanh nhà máy đó.

Lúc này Girard, ở Kansas, là một thành phố yên tĩnh, thái bình. Ở đây chưa bao giờ có những cuộc rối loạn của lao động. Tờ Kêu gọi trả lương theo quy định của Công đoàn; trong thực tế, nó là xương sống của thành phố, vì nó cấp việc làm cho hàng trăm người cả nam lẫn nữ. Cái đám đông kia không phải là dân Girard. Đám người đó như từ dưới đất chui lên và sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lại chui xuống đất. Ernest nhìn thấy trong việc này một tầm nghiêm trọng hết sức ghê gớm.

- Bọn Trăm đen 2 đang được tổ chức ở Mỹ, – anh nói. – Đây mới là bước đầu. Sẽ còn nhiều chuyện như thế này. Cái Gót sắt đã bắt đầu thành hung hãn.

Thế là cuốn sách của ba tôi bị tiêu huỷ. Tiếp đó chúng tôi phải mục kích nhiều việc do bọn Trăm đen gây nên. Tuần này qua tuần khác, lại thêm nhiều tờ báo của phong trào xã hội chủ nghĩa bị Bưu điện xoá tên, không chuyên chở; và nhiều khi bị bọn Trăm đen phá cả máy in của phong trào. Dĩ nhiên các báo chí trong nước ủng hộ chính sách phản động của giai cấp thống trị và các báo chí xã hội chủ nghĩa đã bị thủ tiêu đều bị xuyên tạc và bôi nhọ, trong khi bọn Trăm đen được đưa lên thành những nhà ái quốc chân chính và những người cứu nguy cho xã hội. Những lời xuyên tạc này được tin là thật, đến nỗi ngay những giáo sĩ thành thật cũng lên toà giảng ca ngợi bọn Trăm đen, tuy họ tỏ vẻ tiếc về sự cần thiết phải dùng vũ lực.

Lịch sử đang chuyển biến gấp. Cuộc tuyển cử mùa thu sắp đến, và Ernest được Đảng Xã hội chỉ định ra tranh cử vào Quốc hội. Anh có rất nhiều khả năng trúng cử. Cuộc bãi công của ngành ô-tô buýt ở San Francisco bị phá. Và tiếp luôn đó, cuộc bãi công của anh em phu xe ngựa, xe bò bị phá. Hai cuộc thất bại này rất tai hại cho giới lao động đã được tổ chức. Tất cả liên đoàn Mặt trận đường thuỷ, cùng với đồng minh của họ ở các ngành kiến trúc, đã ủng hộ những người phu xe ngựa, xe bò; và tất cả đã tan tác thảm hại. Đó là một cuộc bãi công đẫm máu. Cảnh sát dùng dùi cui đánh vỡ đầu không biết bao nhiêu người, danh sách người chết càng tăng thêm, vì một cỗ súng máy đặt ở những kho thóc của công ty Marsden đã quạt vào những người bãi công.

Do những việc trên, mọi người đều căm thù. Mọi người đều thêm máu, đều khao khát trả thù. Bị đánh bại trên miếng đất do họ tự chọn lấy, họ sẵn sàng trả thù trên mặt trận chính trị. Họ vẫn duy trì được tổ chức công đoàn của họ, và cái đó cho họ sức mạnh để tiến hành cuộc đấu tranh chính trị đang tiếp diễn. Ernest ngày càng có cơ trúng cử. Càng ngày càng có thêm nhiều tổ chức mới quyết định ủng hộ những đảng viên xã hội, và chính Ernest cũng không nhìn được cười khi anh được tin tổ chức Lao động xe đám ma và tổ chức Lao công vật lông gà cũng gia nhập trận tuyến của anh. Giới lao động trở nên bướng bỉnh. Họ đổ xô đến các hội nghị của Đảng Xã hội với một nhiệt tình điên dại, nhưng họ dừng dừng trước những thủ đoạn lừa lọc của những chính khách thuộc đảng phái cũ. Những nhà hùng biện của các đảng phái cũ thường được chào đón bằng những phòng họp trống rỗng, thỉnh thoảng họ cũng gặp được những phòng họp chật ních, nhưng họ thường bị làm cho thất điên bát đảo, đến nỗi nhiều khi họ phải gọi lực lượng dự trữ của cảnh sát đến để can thiệp.

Lịch sử ngày càng chuyên gấp. Không khí rung lên vì những việc đang xảy ra hay sắp xảy ra. Cả nước sắp lâm vào một thời kì khủng hoảng 3 do một loạt những năm phồn vinh gây nên. Đúng như thế, trong những năm phồn vinh này, cái khó khăn tổng những hàng ế thừa không tiêu thụ hết ra nước ngoài ngày càng trở nên khó khăn thêm. Các ngành công nghiệp đều làm ít giờ đi; nhiều nhà máy lớn nghỉ việc chờ tiêu thụ hàng thừa; và lương bắt đầu bị cắt tả cắt hữu.

Cuộc bãi công lớn của công nhân cơ khí cũng bị phá vỡ. Hai mươi vạn công nhân cơ khí cùng với năm mươi vạn đồng minh ở các ngành luyện kim bị đánh bại trong cuộc đấu tranh đẫm máu nhất làm rung chuyển nước Mỹ từ trước đến nay. Công nhân đã phải dàn trận đánh nhau với bọn phá bãi công 4 có vũ trang do các hội chủ đưa ra chiến trường; bọn Trăm đen xuất hiện ở nhiều nơi lẻ tẻ, phá hoại các di sản; và do đó mười vạn quân chính quy của nước Mỹ đã được gọi ra để chấm dứt toàn bộ việc này bằng vũ lực. Một số thủ lĩnh lao động bị xử bắn; nhiều người khác bị phạt tù, và hàng nghìn người trong hàng ngũ bãi công bị tập trung vào những bãi nuôi bò 5 và bị lính tráng hành hạ rất tàn tệ.

Bây giờ là lúc phải trả nợ cho những năm phồn vinh, trả bằng một giá rất đắt. Khắp mọi thị trường đều ứ đọng, khắp mọi thị trường đều suy sụp; và trong cuộc tổng sụt giá, giá lao động sụt nhanh hơn cả. Cả nước co quắp vì những rối loạn trong công nghiệp. Chỗ này bãi công, chỗ kia bãi công, khắp mọi nơi lao động bãi công; và nếu họ không bãi công thì cũng bị bọn tư bản đẩy ra ngoài. Báo chí đầy rẫy những chuyện lao động và máu. Và tất cả những cái đó, bọn Trăm đen đã đóng vai trò của chúng. Bạo động, đốt nhà, phá hoại lung tung các tài sản là nhiệm vụ của chúng, và chúng hoàn thành nhiệm vụ một cách rất thành thạo. Tất cả quân đội chính quy được điều ra trận, nói là để đối phó với những hành động của bọn Trăm đen 6. Các thành phố lớn nhỏ đều như trại lính, và người lao động bị bắn chết như chó. Bọn phá bãi công được tuyển mộ trong đội quân đông đảo của những người thất nghiệp; và khi bọn phá bãi công bị các công đoàn đánh bại, bao giờ quân đội chính quy cũng ra mặt để đàn áp công đoàn: Rồi lại còn dân vệ. Cho đến lúc này, vẫn chưa cần phải trông vào đạo luật bí mật về dân vệ. Mới có bộ phận dân vệ chính thức ra hoạt động, nó ra hoạt động ở khắp mọi nơi và trong giai đoạn khủng bố này, quân đội chính quy được chính phủ bổ sung mười vạn người nữa.

Chưa bao giờ lao động bị đánh tứ tung như thế. Đây là lần đầu tiên bọn đại thống soái của nền công nghiệp, bọn thiếu số thống trị, ném toàn lực lượng để lấp vào lỗ hổng của các hội chủ đang chiến đấu. Các hội này trong thực tế thuộc giai cấp trung lưu, và lúc này, bị thời buổi khó khăn và thị trường suy sụp thúc bách, và được bọn đại thống soái của nền công nghiệp giúp đỡ, chúng đã giáng cho các tổ chức lao động một thất bại khủng khiếp và quyết định. Đây là một liên minh có tính chất toàn năng, nhưng là liên minh giữa con sư tử với con cừ non, và không bao lâu giai cấp trung lưu cũng đã nhận thế.

Giới lao động máu me bê bết, không nói không rằng, nhưng đã bị quật ngã. Tuy nhiên, không phải vì nó thất trận mà thời thế khó khăn. Bản thân các ngân hàng, tức là lực lượng quan trọng nhất của bọn thiếu số thống trị cũng tiếp tục thu hồi những khoản tiền cho vay. Nhóm Wall Street 7 biến thị trường chúng khoán thành một xoáy nước ghê gớm cuốn sạch sành sanh của cải trong nước. Và từ những đồng hoang tàn khốc liệt, dựng lên hình

thù của bọn thiếu số thống trị mới ra đời: thảo nhiên, lạnh lùng và đầy tự tin. Cái bình thảo và cái tự tin của nó thật khủng khiếp. Không những nó đã dùng thể lực rộng lớn của bản thân, mà còn dùng cả thể lực của Ngân quỹ nước Mỹ để thực hiện những kế hoạch của nó.

Bọn thống soái công nghiệp đã quay lại sửa giai cấp trung lưu. Những hội chủ đã từng giúp chúng cấu xé lao động, nay lại bị những bạn đồng minh ngày nào quay ra cấu xé. Giữa sự tàn tạ của lớp người trung lưu, của các nhà doanh nghiệp và các nhà tiểu công nghiệp, các tư-rót đứng vững. Không, các tư-rót không phải chỉ đứng vững. Chúng hoạt động. Chúng gieo gió, gieo gió không chút chùn tay; vì chỉ mình chúng biết gặt cơn bão lộc để kiếm lời. Và những món lộc đó ư? Thật là những món lộc kếp xù. Bản thân chúng có đủ sức mạnh để đương đầu với cơn bão táp mà chính chúng đã thổi lên, cho nên chúng tha hồ hôi những của cải trôi giạt xung quanh chúng. Tài sản trong nước lụn bại một cách thảm hại, không thể tưởng tượng được, và các tư-rót đã được thêm vô kể là của cải, thậm chí chúng mở rộng kinh doanh sang nhiều lĩnh vực mới, và bao giờ cũng là bằng cách gây thiệt hại cho giai cấp trung lưu.

Thế là mùa hè năm 1912 đã chứng kiến trận đòn ngằm kết liễu cuộc đời của giai cấp trung lưu. Chính Ernest cũng lấy làm sửng sốt, vì việc này tiến hành mau lẹ quá. Anh lắc đầu như để báo một điềm gở và nhìn trước thấy cuộc tuyển cử vào mùa thu tới sẽ vô hy vọng. Anh bảo tôi:

- Vô ích, chúng ta đã bị đánh bại rồi. Cái Gót sắt đã xuất hiện. Anh đặt hy vọng vào một cuộc thắng lợi hoà bình, bằng phương pháp đầu phiếu. Anh nhầm. Chính lão Wickson nói đúng. Chúng ta sẽ bị tước nốt những quyền tự do ít ỏi còn sót lại; cái Gót sắt sẽ dẫm lên mặt chúng ta; không còn cách nào khác là giai cấp công nhân phải làm một cuộc cách mạng đổ máu. Cố nhiên chúng ta sẽ thắng. Nhưng cứ nghĩ đến cuộc đổ máu đó, anh lại rùng mình.

Và từ đó Ernest gửi gắm tất cả lòng tin vào cách mạng. Về điểm này, anh đi trước Đảng của anh. Những đồng chí xã hội của anh không đồng ý được với anh. Họ vẫn khẳng khẳng tin rằng có thể đạt được thắng lợi trong tuyển cử. Không phải là họ đã bị choáng váng vì đòn đầu. Họ không thiếu bình tĩnh, không thiếu can đảm. Họ chỉ không tin, có thể thôi. Ernest không

tài nào làm được cho họ biết lo sợ đúng mức về việc bọn thiếu số thống trị sắp lên nắm chính quyền. Họ có phần nào xao xuyến vì những lời anh nói, nhưng họ quá tin ở sức mình. Trong lí luận của họ về sự tiến hoá xã hội, không có chỗ nói đến bọn thiếu số thống trị, cho nên bọn thiếu số thống trị không thể có được.

- Chúng tôi sẽ cử anh vào Quốc hội, và mọi việc sẽ ổn thoả, họ nói với anh thế trong một cuộc họp bí mật của chúng tôi.

Ernest lạnh lùng hỏi:

- Thế đến lúc chúng nó kéo tôi ra khỏi Quốc hội, bắt tôi đứng sát vào tường và bắn phọt óc tôi ra, thì các anh sẽ làm thế nào?

- Lúc bấy giờ, chúng tôi sẽ nổi dậy, – mười hai người đồng thanh trả lời, – và sẽ huy động hết lực lượng ra.

- Lúc bấy giờ, các anh sẽ bơi trong máu của các anh, – Ernest đáp. – Bài hát ấy tôi đã từng nghe giai cấp trung lưu hát rồi; và bây giờ thì giai cấp ấy với lực lượng của nó biến đâu cả rồi?

1 Chật rần lắng xuống trong những phản ứng của các dung dịch hóa học.

2 Trăm đen là đám phản động do bọn chuyên chế tuyển từ trong dân đen ra để đàn áp Cách mạng Nga. Những tổ chức phản động này tấn công vào các tổ chức cách mạng, và đồng thời, những khi cần thiết, gây ra các vụ bạo động, phá hoại các tài sản để bọn chuyên chế có cơ huy động đội quân Cô-dắc.

3 Những thời kì khủng hoảng như thế dưới chế độ tư bản thật là vô lí nhưng không thể tránh được. Sự phồn vinh bao giờ cũng đem lại tai hoạ. Cố nhiên tai hoạ là do số lợi nhuận thừa không tiêu thụ hết chôn cất lại gây nên.

4 Bọn phá bãi công cả về mặt dụng tâm lẫn thực tế chỉ trừ có cái tên - chính là bọn lính tư của tư bản. Chúng rất có tổ chức, được trang bị rất mạnh, và luôn luôn sẵn sàng đáp nhưng chuyến tàu đặc biệt tới những nơi lao động bãi công hoặc bị chủ sa thải. Chỉ có ở thời kì quái gở này mới xảy ra cái việc quái gở là tên Farley, một tên chỉ huy khét tiếng của bọn phá bãi công, năm 1906 đã từng đáp tàu đặc biệt đi suốt từ bên này đến bên kia nước Mỹ, từ New York đến San Francisco, cùng

với một đội quân hai nghìn năm trăm người võ trang đầy đủ để phá cuộc bãi công của anh em phu xe ở San Francisco. Hành động này vi phạm trực tiếp luật pháp trong nước. Việc giới cầm quyền làm ngơ trước hành động này và hàng nghìn hành động tương tự chứng tỏ bộ máy pháp luật hoàn toàn do bọn tài phiệt nắm.

5 Trong cuộc bãi công của thợ mỏ ở bang Idaho khoảng cuối thế kỉ 19, có nhiều người bãi công bị lính tráng nhốt vào các bãi nuôi bò. Việc này sang đến thế kỉ 20 vẫn tiếp diễn.

6 Chỉ có cái tên là nhập khẩu từ Nga sang, còn tư tưởng thì không. Bọn Trăm đen nguyên là tổ chức mật thám của tư bản phát triển lên, và tác dụng của chúng bắt đầu có từ những cuộc đấu tranh của lao động hồi thế kỷ 19. Điều đó không còn phải bàn cãi gì nữa. Ngay Carroll D. Wright làm Bộ trưởng Lao động Mỹ thời đó cũng đã phải xác nhận như thế. Trong cuốn sách nhan đề "Giới lao động đấu tranh", y đã viết rằng "trong mấy cuộc đình công lớn có tính chất lịch sử, chính các nhà chủ đã xui giục lao động", rằng các chủ nhà máy đã cố ý gây ra bãi công để trút bỏ những kho hàng ế thừa, rằng trong những cuộc bãi công ở ngành đường sắt, bọn tay chân của chủ đã đốt các toa chở hàng để gây thêm rối loạn. Bọn Trăm đen chính là từ bọn mật thám của các ông chủ tư bản mà ra.

7 Một phố của thành New York ngày xưa, địa điểm của thị trường chứng khoán, và cũng là nơi mà cái tổ chức bất hợp lí của xã hội cho phép bí mật điều khiển tất cả các ngành công nghiệp trong nước.

Chương XI

Cuộc phiêu lưu lớn

Lão Wickson không cho người đến tìm ba tôi. Hai người tình cờ gặp nhau trên một chuyến phà sang San Francisco, thành thử lời lão ta cảnh cáo ba tôi không phải đã được suy tính từ trước. Giá hai người không tình cờ gặp nhau, có lẽ cũng không có lời cảnh cáo ấy. Tuy nhiên, không phải kết cục sẽ khác đi đâu. Ba tôi thuộc dòng dõi vững vàng và lâu đời của những người Mayflower 1, và nòi nào thì giống ấy. Lúc về nhà, cụ bảo tôi:

- Ernest nói đúng. Ernest là một thanh niên rất đặc biệt và ba muốn con làm vợ hắn hơn là làm vợ chính thằng Rockefeller, hay là làm vợ Anh

hoàng.

- Có chuyện gì thế ba? – tôi lo ngại hỏi.

Bọn thiếu số thống trị sẽ giẫm lên mặt hai cha con mình. Lão Wickson nói với ba như thế. Kể đối với một tên tài phiệt thì hẳn cũng vào loại khá tử tế. Hẳn dạm trước là sẽ để ba trở lại trường đại học. Con thấy thế nào? Cái lão Wickson bản thủ: lúc nào cũng chỉ khư khư giữ lấy tiền ấy, lại có quyền quyết định ba có được dạy hay không được dạy ở trường đại học của nhà nước à? Hẳn còn đề nghị hơn thế nữa: hẳn đề nghị sẽ để ba làm chủ tịch một học viện lớn về khoa học vật lý đang dự định thành lập. Thì bọn thiếu số thống trị cũng phải trút cái chỗ hàng thừa của chúng đi bằng cách nào chứ, con có thấy không?

“Ông có nhớ tôi đã nói gì với anh chàng đảng viên xã hội yêu con gái ông không? Lão Wickson hỏi ba tôi thế. Tôi nói với hẳn rằng chúng tôi sẽ làm như thế cho mà xem. Riêng đối với ông, tôi hết sức kính trọng ông ở cương vị một nhà bác học, nhưng nếu ông để số phận của ông hoà lẫn với số phận của giai cấp vô sản, thì được, ông hãy giữ mặt cho cẩn thận, có thể thôi.” Và rồi lão ta quay lưng lại bỏ đi.

Chúng tôi kể chuyện này cho Ernest nghe, anh bảo:

- Như thế có nghĩa là chúng mình phải lấy nhau sớm hơn em dự định.

Thoạt đầu, tôi không hiểu lập luận của anh, nhưng ít lâu sau, tôi hiểu. Thời kì đó nhà máy sợi Sierra chia lãi ba tháng... hay nói đúng hơn: đáng lẽ phải chia lãi ba tháng vì ba tôi không nhận được phần của mình. Sau nhiều ngày chờ đợi, ba tôi viết giấy cho thư kí. Lập tức có thư trả lời rằng trong sổ sách của công ty không hề ghi là ba tôi có vốn bỏ vào đó và bức thư yêu cầu một cách lịch sự cho xin tài liệu rõ ràng hơn.

- Ba sẽ cho nó tài liệu rõ ràng, cho nó trắng mắt ra! – Ba tôi nói, và cụ ra ngân hàng để rút những chứng khoán về số tiền cổ phần của cụ, gửi ở đó.

- Ernest là một người rất đặc biệt, – ba tôi nói lúc tôi giúp ba tôi cởi áo khoác ngoài, sau khi ba tôi ở ngân hàng về. – Ba nhắc lại, con ạ, chàng trai trẻ của con tôi là một thanh niên rất đặc biệt.

Tôi đã có kinh nghiệm. hễ lúc nào cụ khen Ernest như vậy là sắp xảy ra một tai hoạ gì.

- Chúng đã giẫm lên mặt ba rồi, – cụ bảo. – Không chúng khoán, kết của ba rỗng không. Con và Ernest phải cưới gấp đi.

Ba tôi bao giờ cũng trung thành với những phương pháp áp dụng trong phòng thí nghiệm. Cụ đã đưa nhà máy Sierra ra trước toà. Cụ không kiểm soát được toà án, nhưng nhà máy Sierra kiểm soát. Điều đó đã cắt nghĩa tất cả câu chuyện. Cụ đã bị luật pháp đánh bại hoàn toàn, và sự lừa đảo vô liêm sỉ này đã thắng.

Đến bây giờ, tôi vẫn buồn cười mỗi khi nhìn lại việc đó và nhớ lại cái cung cách ba tôi bị đánh bại như thế nào. Cụ tình cờ gặp lão Wickson giữa một phố ở San Francisco, cụ mắng hắn là thằng đểu. Cụ liền bị bắt vì xúc phạm đến người khác, bị phạt một số tiền trước toà án vì cảnh, và phải cam đoan không được sinh sự nữa. Thật là lố bịch đến nỗi chính khi về đến nhà, cụ cũng không nhìn được cười. Những báo chí địa phương đã cuồng lên công kích cụ. Họ nói cứ như thật về thứ siêu vi trùng bạo động nó tác hại trong cơ thể những người theo chủ nghĩa xã hội; và ba tôi vì xưa nay vẫn sống một cuộc đời bình dị, đã được viện ra để làm một ví dụ cụ thể để cho người khác xem thứ siêu vi trùng bạo động đã hoạt động như thế nào. Nhiều tờ báo còn nói úp mở rằng ba tôi đã bị suy nhược vì nghiên cứu khoa học quá sức và gợi ý nên nhốt cụ vào một nhà điên. Đây không phải chỉ là những lời nói suông, cụ cũng không nhìn được cười. Những báo chí địa phương đã cuồng lên công kích cụ. Sắp nguy đến nơi rồi. Nhưng ba tôi cũng đủ khôn ngoan để nhận thấy thế. Cụ đã học bài học kinh nghiệm của Giám mục Morehouse. Và cụ đã học thuộc bài học đó. Cụ làm thỉnh, mặc cho bất công trút lên đầu cụ và theo tôi nghĩ thì cụ đã làm cho kẻ thù phải ngạc nhiên thật.

Rồi đến chuyện ngôi nhà, chính cái ngôi nhà chúng tôi đang ở. Tự nhiên có giấy đến cho biết là đã hết hạn chuộc nhà, và chúng tôi bị mất quyền sở hữu. Cố nhiên, làm gì có chuyện cầm nhà mà phải chuộc. Đắt chúng tôi đã mua hẳn, nhà xây xong chúng tôi trả tiền ngay. Cả nhà lẫn đất, chúng tôi chưa hề cầm cho ai, cũng chưa hề gán nợ cho ai. Mặc dầu vậy vẫn có giấy cầm nhà viết rất hợp thể thức, rất đúng pháp luật, có chữ kí của ba tôi hẳn hoi, lại có ghi cả số tiền lãi đã trả trong mấy năm nữa. Ba tôi không hề kêu ca gì hết. Cụ đã từng bị cướp hết tiền như thế nào thì bây giờ cụ bị

cướp mất nhà như thế. Và cụ cũng không cầu cứu ai. Bộ máy xã hội đã nằm trong tay những kẻ quyết tâm hại cụ. Vốn sẵn có máu triết gia trong người, cụ thôi không nổi giận nữa.

- Thế nào ba cũng sẽ vụn xương với chúng nó, – ba tôi bảo tôi. – Nhưng ba sẽ cố tìm cách tránh được phần nào hay phần ấy. Ba già rồi, xương cốt bây giờ giòn lắm. Lạy Chúa, ba thật không muốn sống những ngày cuối cùng của đời mình trong một nhà điên.

Việc này làm cho tôi nhớ đến đức Giám mục, trong suốt bao nhiêu trang tôi quên không nói đến. Nhưng trước hết, để tôi nói về đám cưới của tôi đã. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, đám cưới của tôi thật chẳng có nghĩa lí gì, cho nên tôi cũng chỉ nói qua.

- Bây giờ ba con ta sắp thành vô sản thực thụ rồi, – ba tôi nói khi chúng tôi bị đuổi ra khỏi nhà. – Ba vẫn thường ao ước được hiểu biết thực sự về giai cấp vô sản như người chồng tương lai của con. Bây giờ thì ba sẽ được tự mình nhìn tự mình học.

Ba tôi chắc phải có nhiều máu phiêu lưu. Ba tôi nhìn tai hoạ của chúng tôi bằng con mắt phiêu lưu. Cụ không hề giận dữ, cũng không hề cảm thấy gì chua chát. Cụ như một triết gia. Tính cụ rất đơn giản, cho nên cụ không tính đến chuyện thù hằn, và cụ sống rất nhiều trong thế giới tinh thần để khỏi thấy thiếu những tiện nghi vật chất mà chúng tôi đã từ bỏ. Khi chúng tôi dọn đến San Francisco ở trong bốn căn buồng tồi tàn của một khu phố tồi tàn phía nam Phố Chợ, cụ bước vào cuộc phiêu lưu với thái độ vui vẻ, phơn phơ như một đứa trẻ con, phối hợp với nhãn quang sáng suốt và hiểu biết rộng rãi của một trí tuệ khác thường. Thật ra cụ không bao giờ bị bế tắc về mặt trí tuệ. Cụ nhận định rất đúng về các giá trị. Những giá trị có tính chất toán học và khoa học. Ba tôi là một vĩ nhân. Cụ có một trí tuệ và một tâm hồn mà chỉ những vĩ nhân mới có. Ở một vài khía cạnh, cụ còn vĩ đại hơn cả Ernest là người mà tôi chưa thấy có ai vĩ đại hơn.

Bản thân tôi cũng thấy khuây khoả đôi chút vì sự thay đổi cách sống này. Ít nhất tôi cũng đang thoát khỏi sự đày ải có tổ chức mà chúng tôi càng ngày càng phải chịu đựng nhiều ở thành phố đại học, từ khi bọn thiểu số chính trị ra đời trù dập chúng tôi. Sự thay đổi này đối với tôi cũng giống như một cuộc phiêu lưu lớn nhất trong các cuộc phiêu lưu, vì nó là phiêu

lưu của tình yêu. Sự thay đổi trong số phận của chúng tôi đã đẩy gấp đôi cuộc đời của tôi, và khi dọn đến bốn căn phòng ở Pell Street trong khu phố hạ lưu ở San Francisco thì tôi đã là một người đàn bà có chồng.

Và trong tất cả những thứ còn lại, có cái này: tôi đã làm cho Ernest sung sướng. Tôi đã dấn thân vào cuộc đời bão táp của anh, không phải để khuấy rầy anh thêm, mà để anh có những phút sống thanh thản, êm đềm. Tôi đã đem lại được sự nghỉ ngơi cho anh. Đó là cái báu vật duy nhất mà tôi không mất. Dem lại quên lãng và ánh sáng vui tươi cho những con mắt mệt mỏi tội nghiệp của anh: còn có niềm vui nào lớn hơn và có thể làm cho tôi hạnh diện hơn! Ôi những con mắt mệt mỏi thân yêu! Ít có ai làm việc say mê bằng anh và suốt đời anh, anh đã làm việc say mê cho người khác. Đó là tất cả cái lớn lao của anh khi anh còn sống làm người. Ernest là một nhà nhân đạo chủ nghĩa, một người của tình yêu. Tinh thần anh là tinh thần của người ra trận. Thân thể anh là thân thể của võ sĩ và thiên tài anh là thiên tài của chim đại bàng. Nhưng đối với tôi, anh tế nhị và dịu dàng như một nhà thơ. Chính anh cũng là một nhà thơ. Anh là một ca sĩ trên hành động. Suốt đời anh, anh hát bài hát của con người. Anh làm như vậy vì lòng yêu thương vô hạn đối với con người. Vì con người, anh đã hiến cả đời anh, và anh đã hi sinh cũng như đức Chúa đã hi sinh trên thánh giá.

Và làm tất cả những việc đó, anh không hề hi vọng vào một sự đền bù nào của tương lai. Trong quan niệm của anh về sự vật, không có cuộc đời tương lai. Ở trong anh chói ngời sự bất tử, nhưng anh lại không muốn thành bất tử. Và đó là chỗ mâu thuẫn của con người anh. Tâm hồn nồng cháy của anh bị chế ngự bởi triết học lạnh lùng và khô khan của nhất nguyên luận duy vật. Tôi vẫn thường bác lập luận của anh và nói với anh rằng tôi đo sự bất tử của anh bằng đôi cánh của tâm hồn anh: và tôi phải sống những thế hệ không cùng mới nhận định được đúng tầm rộng lớn của nó. Những lúc ấy, anh chỉ cười; anh đưa hai cánh tay ra ôm lấy tôi và gọi tôi là nhà siêu hình học dịu hiền của anh; về mỗi một biến đi và tôi thấy mắt anh tràn ngập ánh sáng của tình yêu, bản thân thứ ánh sáng đó cũng là dấu hiệu mới mẻ và đầy đủ báo trước sự bất tử của anh.

Anh còn gọi tôi là nhà nhị nguyên luận, và giải thích cho tôi rõ Kant, bằng lí tính thuần túy, đã thủ tiêu lí tính để tôn thờ Thượng đế như thế nào.

Anh so sánh và buộc tội tôi đã hành động không khác gì Kant. Tôi nhận tội, nhưng vẫn cho hành vi đó là rất duy lí. Anh thấy thế chỉ càng thêm ghì chặt tôi vào lòng và cười như một người yêu Thượng đế hết sức thật lòng. Tôi thường không công nhận rằng di truyền và hoàn cảnh có thể cắt nghĩa được tính độc đáo và thiên tài của anh cũng như tôi không công nhận rằng những ngón tay mò mẫm lạnh lùng của khoa học có thể một ngày kia nắm được để phân tích và xếp loại cái bản chất lập lờ như ma trời nó nấp ngay trong thực thể của cuộc sống.

Tôi cho rằng không gian là hiện hình của Chúa và linh hồn là một hình chiếu của tính tình Chúa, và khi Ernest gọi tôi là nhà siêu hình học dịu hiên của anh thì tôi gọi anh là nhà duy vật bất tử của tôi. Và chúng tôi yêu nhau, và chúng tôi sung sướng, và tôi tha thứ cho anh là người duy vật, vì cái sự nghiệp lớn lao anh đang tiến hành trong xã hội mà không một chút cầu lợi cả về tinh thần, và vì tính khiêm tốn đến cực độ của anh nó ngăn không cho anh kiêu hãnh và không cho anh có ý thức về bản thân anh cũng như về tâm hồn cao cả của anh.

Nhưng anh vẫn kiêu hãnh như thường. Đã là một con đại bàng như anh thì không kiêu hãnh làm sao được? Anh lập luận rằng một con người trần phàm nhỏ bé mà cảm thấy mình giống Thượng đế như vậy còn đẹp hơn là Thượng đế cảm thấy mình giống Thượng đế. Cho nên anh rất hài lòng thấy mình sẽ chết như tất cả mọi người. Anh thích đọc một đoạn thơ. Anh chưa bao giờ được xem hết cả bài, mà anh tìm mãi cũng không biết tác giả là ai. Tôi chép lại đoạn thơ đó ra đây, không phải chỉ vì anh yêu nó, mà bởi vì nó thu tóm được cái nghịch cảnh của anh: thu tóm được tâm hồn anh và quan niệm của anh về tâm hồn mình. Có lí nào một người đã từng đọc bài thơ dưới đây với tất cả tấm lòng bùng bột sôi nổi, nồng cháy lại vẫn chỉ là một hạt bụi dễ huỷ diệt, một chút sinh lực như phù du, một hình hài ngắn ngủi? Đoạn thơ đó như sau:

Vui tiếp niềm vui, và thêm, thêm nữa
Quyền đó của tôi từ lúc ra đời
Tôi ngợi ca tháng ngày tôi bắt tuyệt
Vang tận bờ dương thế xa xôi
Dù phải chịu trăm nghìn lần cái chết

Cho đến ngày cùng tận của thời gian
Tôi nốc cạn cốc rượu nồng hạnh phúc
Bất chấp tuổi đời, bất chấp không gian,
Nốc mật uy quyền, nốc men kiêu hãnh
Nốc ngọt ngào êm dịu của tình yêu
Tôi quỳ gối nốc cho đến tận cạn
Ôi rượu nồng thơm ngọt bao nhiêu!
Mừng sự sống, tôi mừng luôn cái chết
Tiếng hát tung bừng cháy bỏng làn môi
Cho đến khi tôi từ giã cuộc đời
Trao cốc lại cho một thằng tôi khác!

o

o o

Người bị đuổi khỏi thiên đường êm mát
Chính là tôi, thừa Thượng đế, là tôi
Và khi cả đất trời sụp đổ
Tôi sẽ ở đây với loài người nặng nợ
Vì thế giới của tôi lộng lẫy yêu kiều
Thế giới của muôn vạn niềm đau thân thiết
Từ tiếng trẻ thơ chào đời kêu thét
Đến nước mắt chan hoà người mẹ sinh con

o

o o

Thôi thúc bởi nhịp tim cuộn cuộn
Của một loài không có ai sinh
Đang quặn quại trong trần ai khát vọng
Dòng máu hào hùng trong tôi dâng sóng
Dập tắt ngọn lửa thiêng tiêu huỷ cuộc đời
Tôi là người, là người, là người,
Người từ thớ thịt đường gân rung động
Đến chỗ tận cùng xác hoá bụi tro
Từ trong bào thai âm thầm bóng tối
Đến nơi linh hồn phiêu diêu chói lọi

Thế giới này chính là thịt xương tôi
Theo tôi muốn, nó bùng lên nhảy múa
Và niềm khao khát một thiên đường bị thánh thần nguyên rủa
Sẽ bào sâu tận ruột trái đất này
Thượng đế ơi!
Khi tôi nốc ánh cầu vòng ngũ sắc
Toả menh mông từ cốc rượu đời
Nỗi khổ đau của đêm dài vô tận
Không đủ dài cho giấc mơ tôi

o
o o

Người bị đuổi khỏi thánh đường êm mát
Chính là tôi, thừa Thượng đế, là tôi
Tôi sẽ ở đây với loài người nặng nợ
Vì thế giới của tôi lộng lẫy yêu kiều
Thế giới của muôn vàn niềm vui thân thiết
Từ ánh sáng những bình minh Bắc cực
Đến những chiều tình tự, những đêm yêu. 2

Ernest luôn luôn làm việc quá sức. Anh đứng vững được là nhờ có một sức khỏe phi thường, nhưng sức khỏe đó vẫn không làm mất được cái nhìn mệt mỏi của anh. Nhưng con mắt mệt mỏi đáng yêu của anh? Không đêm nào anh ngủ được quá bốn tiếng rưỡi. Ấy thế mà anh vẫn không có đủ thời giờ để làm tất cả những công việc anh muốn làm. Anh không một phút nào xao lãng công tác tuyên truyền vận động và anh luôn luôn được mời trước một thời gian rất lâu để đi diễn giảng cho các tổ chức thợ thuyền. Rồi đến chiến dịch tuyển cử. Riêng chiến dịch này, một người phải làm cật sức mới hết được những việc anh làm. Do các nhà xuất bản xã hội chủ nghĩa bị đóng cửa, anh mất luôn cả số tiền nhuận bút ít ỏi của anh và anh chật vật lắm mới đủ ăn, vì ngoài tất cả những hoạt động của anh, anh còn phải kiếm sống. Anh dịch rất nhiều cho các tạp chí, về những đề tài khoa học và triết học; anh đi đến khuya mới về, người mệt nhoài vì không khí căng thẳng của chiến dịch tuyển cử, và lại chúi đầu vào công việc dịch thuật cho đến sáng. Ngoài tất cả những việc đó ra, lại còn việc học tập. Anh theo đuổi việc học

tập của anh cho đến lúc chết, và anh học mãi học miệt. Tuy vậy anh vẫn thu xếp được thì giờ để săn sóc tôi và làm cho tôi sung sướng. Việc này thực hiện được là cũng do tôi cố gắng hoà lẫn hoàn toàn đời tôi vào đời anh. Tôi học tốc kí và đánh máy, và trở thành thư kí của anh. Anh luôn luôn nói với tôi là tôi đã làm giảm một nửa công việc của anh; và tôi lại càng cố gắng tự học để có thể thấu hiểu những công việc anh làm. Chúng tôi chăm nom lẫn nhau, chúng tôi cùng nhau làm việc và cùng nhau vui chơi.

Chúng tôi có những lúc âu yếm nhau xén trộm vào thời giờ làm việc – một lời nói, một cái vuốt ve hoặc một cái nhìn cháy rực yêu thương, – và càng như thế những phút giây âu yếm của chúng tôi lại càng thêm đầm ấm. Chúng tôi sống ở trên cao, nơi không khí huy hoàng rực rỡ, nơi người ta làm việc cho nhân loại, nơi mà những tính toán ích kỉ và bản thiêu không đặt được chân vào. Chúng tôi yêu tình yêu và tình yêu của chúng tôi không có cái gì làm vấy bẩn được, ngày càng vươn lên chỗ tuyệt đẹp. Và trong tất cả các thứ, đến nay chỉ còn lại một điều: tôi đã làm tròn nhiệm vụ của tôi, tôi đã đem những giây lát nghỉ ngơi lại cho anh, cho con người làm việc nhọc nhằn vì người khác, cho con người trần phàm yêu quý có đôi mắt mỗi một của tôi.

Chú thích

1 Mayflower, một trong những chiếc tàu đầu tiên chở người sang khai thác châu Mỹ, sau khi phát hiện ra Tân-thế-giới. Con cháu những người đi khai thác đầu tiên này có một thời hết sức kiêu hãnh vì dòng dõi của mình. Nhưng thời đó máu của họ đã san sẻ rộng rãi và trong thực tế thì người Mỹ nào cũng có máu của họ trong người.

2 Không còn biết tác giả bài thơ này là ai. Cho đến nay chỉ còn một đoạn của bài thơ, tức là đoạn này, lọt đến tay chúng ta.

Chương XII

Đức Giám mục

Sau ngày cưới, tôi tình cờ gặp Giám mục Morehouse. Nhưng tôi phải kể các việc theo thứ tự. Sau hôm Người bước ra ở cuộc họp I.P.H, vốn là một tâm hồn hiền hoà, đức Giám mục đã làm theo sự thôi thúc của bạn bè, đi nghỉ. Người trở về kiên quyết hơn bao giờ hết trong việc truyền bá bức thư của Nhà thờ. Trước sự kinh ngạc lớn của Hội thánh, bài giảng đầu tiên

của Người giống hệt những lời Người kêu gọi trong cuộc họp trước. Người nhắc lại, phát triển hơn nữa và đưa nhiều chi tiết đáng thất vọng về việc Nhà thờ đã đi chệch những lời dạy của Chúa và việc con bò vàng đã được dựng lên ngay thờ thay cho đức Chúa.

Và kết quả là dù muốn hay không muốn, Người cũng đã bị đưa tới một nhà điều dưỡng tư cho những người bị bệnh thần kinh, trong khi đó thì báo chí cho đăng những bài tường thuật cảm động về cơn khủng hoảng tinh thần và tính chất chí tôn của Người. Người bị giam lỏng trong viện điều dưỡng. Tôi có yêu cầu nhiều lần, nhưng đều bị từ chối, không được đến gặp; và tôi hết sức rầu lòng vì cái thảm cảnh một người khoẻ mạnh, bình thường và tâm hồn rất cao cả đang bị đè bẹp dưới cái ý muốn tàn nhẫn của xã hội. Bởi vì đức Giám mục là một người khoẻ mạnh, bình thường và cao cả. Như Ernest đã nói, tất cả những thiếu sót của Người là ở chỗ Người có những ý niệm sai lệch về sinh học và xã hội học, và do những ý niệm sai lệch của Người, Người đã không đi được đúng đường để chỉnh đốn mọi việc trong xã hội. Tôi rất hãi hùng vì sự bất lực của đức Giám mục. Nếu Người cứ khẳng khẳng đi vào chân lí như Người đã nhìn thấy, Người sẽ bị giam vào nhà điên, và Người sẽ không thể làm gì được. Tiền bạc của Người, địa vị của Người và văn hoá của Người đều không cứu nổi Người. Những quan điểm của Người đều có hại cho xã hội, và xã hội không thể quan niệm rằng những quan điểm nguy hại như thế lại có thể phát sinh ra ở một bộ óc lạnh mạnh. Ít ra thì, theo tôi, thái độ chung cũng là như vậy.

Nhưng đức Giám mục mặc dầu tâm hồn hiền hoà, trong trắng, Người không phải là không tinh ý. Người nhìn thấy rõ những nguy hiểm của Người. Người thấy mình bị mắc trong một tấm lưới nhện và tìm cách trốn thoát. Bị bè bạn bỏ rơi không giúp đỡ - ba tôi, Ernest và tôi rất sẵn sàng giúp Người nhưng lại không được nhờ tới - Người đành phải chiến đấu một mình. Và trong sự cô độc bắt buộc của viện điều dưỡng, Người khỏi. Người lại khoẻ mạnh như thường. Mắt Người thôi không nhìn thấy những ảo ảnh nữa; óc Người đã tẩy rửa được các tư tưởng kì khôi cho rằng nhiệm vụ của xã hội là phải nuôi đàn chiên của Chúa.

Như lời tôi nói, Người đã trở nên lạnh mạnh, lạnh mạnh hoàn toàn, báo chí và những người của Nhà thờ hân hoan chào mừng Người trở lại. Một

lần tôi đến Nhà thờ dưới quyền Người cai quản. Người giảng kinh giống hệt như Người vẫn hằng giảng ngày xưa, trước khi mắt Người nhìn thấy ảo ảnh. Tôi thất vọng và thấy chướng cả tai. Như vậy tức là xã hội đã đánh cho Người đến gục rồi sao? Người có phải là Người không kham nổi những cố gắng phi thường đó và ngoan ngoãn đầu hàng cái trật tự hiện hành?

Tôi đến thăm Người trong toà nhà lộng lẫy của Người. Người thay đổi một cách thảm hại. Người gầy hẳn đi và trên mặt có nhiều nét trước kia tôi chưa bao giờ thấy. Rõ ràng là Người bối rối vì tôi đến. Trong khi nói chuyện, Người kéo tay áo hoài, ông ra vẻ bứt rứt lắm; mắt Người không để yên mà nhìn ngang nhìn ngửa, nhìn đủ mọi phía để tránh gặp mặt tôi. Tâm trí Người như đang bận nghĩ một việc gì; trong câu chuyện của Người, có những chỗ ngắt quãng kì lạ, những chỗ thay đổi chủ đề đột ngột và Người nói đầu Ngô mình Sở không đầu vào đâu cả. Có thể nào đây lại là con người trầm tĩnh, giống hệt đức Chúa, có đôi mắt trong sáng, cái nhìn mạnh bạo và tâm hồn cứng cỏi mà tôi đã từng biết xưa kia: Người đã bị nhào nặn lại. Người đã bị làm cho khiếp nhược đến phải quy hàng. Tâm hồn Người mềm yếu quá. Nó không đủ sức mạnh để đương đầu với bầy chó sói có tổ chức trong xã hội.

Tôi cảm thấy buồn không sao tả xiết. Người nói năng mập mờ, khó hiểu và rất lo sợ những điều tôi có thể nói ra, thành thử tôi không có bụng dạ nào để hỏi han Người nhiều. Người nói xa xôi về bệnh tình của Người. và chúng tôi nói chuyện nhát gừng về Nhà thờ, về việc chữa cái dương cầm và những việc từ thiện nhỏ nhặt; và Người nhìn tôi ra vẻ, vẻ nhẹ nhõm hiện rõ trên nét mặt. Trước thái độ đó, tôi những muốn bật cười, giá như tim tôi không ứ đầy nước mắt.

Ôi, người anh hùng bé nhỏ đáng thương! Giá tôi biết rõ như thế nhỉ! Người đang chiến đấu như một người khổng lồ, thế mà tôi không ngờ đến. Đơn thương độc mã giữa hàng triệu đồng loại. Người đang tiến hành cuộc chiến đấu của Người. Người rất ghê sợ không khí của nhà điên, nhưng Người vẫn muốn trung thành với chân lí và lẽ công bằng. Bị hai cái đó giằng xé, Người đã quyết tâm bám chặt lấy chân lí và lẽ công bằng, nhưng Người đơn độc đến nỗi ngay tôi Người cũng không dám tin. Người đã học bài học kinh nghiệm của Người quá kĩ. Nhưng chỉ ít lâu sau, tôi biết rõ thái

độ của Người. Một hôm đức Giám mục biến mất. Người không báo trước cho ai biết về việc Người ra đi. Ít ngày sau vẫn thấy Người không trở về, người ta bắt đầu xì xào rằng Người đã tự tử trong một cơn loạn óc. Nhưng ý nghĩ đó đã tiêu tan khi người ta biết.

Người đã bán hết của cải - dinh thự của Người trong thành phố, biệt thự của Người ở Menlo Park, tranh và những sưu tập nghệ thuật của Người và cả cái tủ sách mà Người rất quý nữa. Rõ ràng là Người đã tâu tán hết tài sản trước khi bỏ đi.

Việc đó xảy ra giữa lúc bản thân chúng tôi cũng đang bị lao đao, và mãi đến khi dọn về nhà mới, chúng tôi mới có thì giờ để thắc mắc về những việc mà đức Giám mục đã làm. Rồi mọi việc bỗng nhiên sáng tỏ. Một hôm, vào lúc sâm sẩm tối, tôi chạy qua phố để đến hiệu thịt mua sườn về làm com chiều cho Ernest. Trong hoàn cảnh mới của chúng tôi, chúng tôi gọi bữa ăn cuối cùng trong ngày là "bữa com chiều".

Vừa lúc tôi ở hiệu thịt ra, một người ở cửa hàng thực phẩm đằng góc phố cũng đi ra. Một cảm giác quen thuộc rất kỳ lạ khiến tôi nhìn lại một lượt nữa, nhưng người đó đã rẽ sang phố khác và đi rất gấp. Tôi thoáng thấy trên đôi vai xuôi và mớ tóc bạc giữa khoảng vành mũ và cổ áo của người đó một cái gì đó gọi lại cho tôi những kí ức mơ hồ. Tôi rảo bước, cố dẹp những ý nghĩ đang thành hình trong óc tôi. Không, không có lí nào. Đức Giám mục đời nào lại mặc quần áo lao động bạc phếch, dài lê thê và bọt cả đũng ra như thế!

Tôi đứng lại, mình lại cười mình, và định thôi không đuổi theo nữa. Nhưng tôi bị đôi vai và mớ tóc bạc quen quen kia ám ảnh. Tôi lại đi rảo bước. Vừa lúc đi vượt lên trên, tôi liếc nhìn rất nhanh vào mặt người đó; rồi tôi quay ngoắt lại: thì ra đức Giám mục thật.

Người cũng đứng sững lại, miệng há hốc. Cái túi giấy to Người cầm bên tay phải rơi xuống vỉa hè, bụi ra và một đồng khoai tây rơi tung toé, nảy cả lên chân Người và lên chân tôi. Người nhìn tôi vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi, rồi Người như xẹp xuống cất tiếng thở dài. Tôi đưa tay ra. Người bắt tay tôi và tôi thấy tay Người nhóp nhóp. Người cứ đặng hăng hoai ra vẻ rất bối rối và Người vãi cả mồ hôi trán. Trông cũng biết là Người đang khiếp sợ lắm.

- Khoai tây! - Người thì thâm yếu ớt. - Quý lắm!

Cả hai chúng tôi cúi xuống nhặt và lại cho khoai vào cái túi rách. Lần này thì Người ôm khư khư cái túi trên tay. Tôi cố nói để Người hiểu là tôi rất sung sướng được gặp lại Người, và vì vậy Người phải đi ngay về nhà với tôi.

- Ba con mà được gặp cha thì ba con sướng lắm, - tôi nói. - Nhà con ở cách đây có vài bước đường thôi.

- Cha không đến được, - Người nói. - Cha vội phải đi. Thôi con về nhé.

Người lăm lét nhìn bốn chung quanh như sợ bị lộ và nhất định bỏ đi. Người thấy tôi lẻo đẻo đi theo và kiên quyết không chịu rời Người. Người bảo: - Cho cha biết nhà ta ở đâu, cha sẽ đến thăm sau. - Không, - tôi cương quyết trả lời. - Mời cha đến ngay bây giờ. Người nhìn những củ khoai tây vãi tung trên tay Người và mấy gói đồ nhỏ Người ôm ở tay bên kia.

- Quả tình cha không thể đến được, - Người nói. - Như thế này thật là khiếm nhã, nhưng thôi con bỏ quá cho cha. Giá mà con cũng biết chuyện đó nhỉ! Trông vẻ mặt người như muốn rời rã ra, nhưng Người tự chủ được ngay.

- Và lại còn chỗ thức ăn này, - Người nói tiếp. - Đây là một trường hợp rất đáng thương. Thật là kinh khủng. Bà lão đã già rồi. Cha phải mang đến ngay cho bà ta. Bà ta đói. Cha phải đi ngay tức khắc. Con hiểu chứ? Rồi cha sẽ đến đăng nhà. Cha hứa với con thế. - Để con cùng đi với cha, - tôi tự nguyện nói. - Có xa không, thưa cha? Người thở dài và đành chịu. - Cách đây có hai dãy nhà thôi, - Người nói. - Ta đi mau lên.

Dưới sự hướng dẫn của đức Giám mục, tôi đã được biết rõ hơn về khu phố tôi đang sống. Tôi không ngờ có thể có những cảnh khổ cực thê thảm đến như thế. Dĩ nhiên, như vậy là do tôi không chú ý đến việc từ thiện. Tôi càng thấy rõ Ernest có lí khi anh ví những việc từ thiện như một lá thuốc cao dán trên một cái ung thư. Phương thuốc của anh tức là cắt bỏ cái ung thư đi; trả lại cho người thợ chỗ sản phẩm người đó đã làm ra; trợ cấp cho những người già cả đã từng lao động một cách vẻ vang cho xã hội. Như vậy sẽ không cần đến những việc từ thiện. Tin chắc như thế, tôi cùng với anh đem hết sức ra làm việc cho cách mạng, chứ không hao phí năng lực của

mình để tìm cách xoa dịu những vết thương xã hội luôn luôn để ra từ sự bất công của chế độ.

Tôi theo đức Giám mục vào một gian phòng nhỏ, dài chừng mười ba bộ 1, rộng chừng mười bộ, ở mãi tít nhà trong. Chúng tôi thấy một bà cụ già bé nhỏ người Đức - sáu mươi tư tuổi, theo lời đức Giám mục. Bà cụ tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi vào, nhưng bà cụ gật đầu chào rất nhã nhặn và tiếp tục khâu một chiếc quần đàn ông đặt trên đầu gối bên cạnh bà cụ, ở dưới sàn, là một đồng quần như thế. Đức Giám mục thấy trong nhà hết củi, hết than, bỏ ra ngoài đi mua.

Tôi cầm một chiếc quần lên và xem xét công việc của bà cụ.

- Thưa bà, có sáu xu đấy thôi, - bà cụ vừa nói vừa khẽ lắc đầu và vẫn khâu tiếp. Bà cụ khâu chậm, nhưng khâu luôn tay. Hình như bà cụ đã bị cái động từ "khâu" hoàn toàn chế ngự. - Công phu như thế này mà họ chỉ trả có bấy nhiêu thôi à? - Tôi ngạc nhiên hỏi. - Cụ làm mất bao nhiêu thì giờ?

- Vâng, họ chỉ trả có thế, - bà cụ trả lời. - Làm xong thì được sáu xu: mỗi cái khâu mất hai tiếng đồng hồ. Nhưng mà nhà chủ không biết đến chuyện ấy, - bà cụ vội vàng nói thêm, sợ bị chủ rầy rà sau này. - Tôi làm chăm lắm. Tôi bị thấp ở cánh tay. Chị em còn con gái họ làm nhanh hơn nhiều. Họ khâu xong một chiếc chỉ bằng nửa thời giờ của tôi thôi. Ông chủ ấy rất tử tế. Ông ấy cho tôi mang việc về nhà làm, vì bây giờ tôi già rồi và tiếng máy chạy ầm ầm làm cho tôi chóng mặt. Ông ấy mà không tử tế thì tôi cũng đến chết đói...

"Vâng, những người làm ở xưởng, họ được tám xu. Nhưng bà bảo làm thế nào? Công việc đến người trẻ làm còn chẳng đủ, huống hồ người già... Thường tôi chỉ nhận được có một chiếc là hết. Thỉnh thoảng mới được như hôm nay, họ trao cho tám chiếc, phải làm xong trước khi đêm. Tôi hỏi bà cụ làm việc bao nhiêu giờ, bà cụ trả lời cái đó tùy theo từng mùa.

- Mùa nực: đơn đặt hàng ùn đến, tôi làm từ năm giờ sáng đến chín giờ tối. Nhưng mùa đông trời rét quá. Chưa làm tay đã cóng lại. Thành thử phải làm khuya hơn, nhiều khi đến tận nửa đêm.

"Vâng, mùa nực năm nay thật là xúi quá. Thời buổi khó khăn. Chắc là Chúa giận. Một tuần nay ông chủ mới trao cho tôi việc này là một đay. Kể ra, không có việc làm thì cũng chẳng dám ăn nhiều. Tôi cũng đã quen thế

rồi. Suốt đời tôi đi khâu thuê, ở bên nước tôi ngày trước, rồi ở cái đất San Francisco này nữa; tất cả ba mươi ba năm rồi.

"Nếu được trả tiền nhà thì mọi việc đều ổn thoả cả. Ông chủ nhà ông ấy tử tế lắm, nhưng ông ấy phải thu tiền nhà. Thế là phải, chứ còn gì nữa. Cái buồng này ông ấy chỉ lấy có ba đô-la. Như vậy là rẻ lắm rồi. Nhưng mỗi tháng xoay được ba đô-la có phải là chuyện dễ đâu?

Bà cụ lại không nói nữa và vừa gật gù vừa tiếp tục ngồi khâu. - Như vậy, cụ chi tiêu chắc là phải dè xẻn lắm nhỉ, - tôi hỏi. Bà cụ gật đầu.

- Sau khi trả tiền nhà rồi, thì cũng không đến nỗi lắm. Dĩ nhiên, mua thịt về ăn thì không được. Cũng không có sữa để pha cà-phê. Nhưng ngày nào cũng được một bữa, và thỉnh thoảng lại được hai bữa.

Bà cụ nói câu sau cùng đó một cách tự hào. Giọng bà cụ đượm một vẻ đắc thắng. Nhưng trong khi bà cụ im lặng ngồi khâu, tôi nhận thấy đôi mắt vui vui của bà cụ giấu một nỗi buồn ghê gớm và hai bên mép của bà cụ rũ xuống. Mắt bà cụ nhìn tận đâu đâu. Bà cụ vội vã đưa tay lên dụi mắt cho khỏi mờ để tiếp tục khâu cho tốt.

- Không, không phải cái đói nó làm cho người ta đau lòng đâu, - bà cụ giải thích. - Đói mãi nó cũng quen đi. Tôi khóc chính là vì đứa con gái tôi. Nó đã bị máy nghiền chết. Nó làm việc đó vất vả thật, nhưng tôi không hiểu sao được. Nó rất khoẻ. Nó còn trẻ, mới có bốn mươi, và nó mới làm được ba mươi năm. Kể ra, nó bắt đầu có sớm quá thật, nhưng mà nhà tôi mất. Nồi hơi trong xưởng nhà tôi làm bị nổ. Bà bảo lúc ấy chúng tôi còn biết xoay xở ra sao nữa? Nó lên mười nhưng nó khoẻ lắm. Khốn nạn, cái máy may đã giết mất con tôi. Đúng như thế. Nó giết chết con bé, mặc dầu con bé làm nhanh nhất xưởng. Tôi cứ nghĩ đến chuyện đó luôn, thành ra tôi biết. Vì thế tôi không thể làm việc ở xưởng được. Cái máy may làm cho đầu óc tôi quay cuồng lên. Lúc nào tôi cũng nghe thấy nó bảo: "Tao giết nó, tao giết nó!" Và cái máy cứ kêu lên như thế suốt ngày. Tôi nghĩ đến con tôi, không tài nào làm việc được nữa.

Đôi mắt già nua của bà cụ lại nhoà đi một lần nữa, và bà cụ phải lau nước mắt trước khi tiếp tục khâu. Tôi nghe thấy đức Giám mục lật đặt bước lên cầu thang, liền mở cửa. Trông Người mới ngộ làm sao chứ? Người công trên lưng một nửa túi than, bên trên có một tí củi thanh để nhóm lửa. Mặt

Người bám đầy những bụi than xuống góc phòng bên cạnh lò sưởi và lau mồ hôi bằng một chiếc mùi-soa bằng vải thô. Tôi hầu như không tin vào những giác quan của mình nữa. Đức Giám mục đen chùi chùi như một anh phu than, bận một chiếc áo sơ-mi bằng vải bông rẻ tiền đứt cả khuy cổ và một chiếc quần mặc ngoài của anh em lao công! Nghịch mắt nhất là chiếc quần đã bợt cả đũng, dài lượt trượt xuống tận gót chân và giữ ở háng bằng một chiếc thắt lưng da hẹp bản, y hệt những người lao công vẫn mặc.

Mặc dầu đức Giám mục có vẻ nóng bức, hai bàn tay sung húp đáng thương của bà cụ già đã cứng đi vì lạnh. Trước khi từ biệt bà cụ, đức Giám mục đã nhóm xong lửa và tôi cũng đã gọt xong khoai tây cho vào luộc. Dần dần về sau, tôi được biết thêm có nhiều trường hợp tương tự trường hợp của bà cụ, và nhiều trường hợp còn thê thảm hơn, chìm trong những chỗ sâu thẳm khủng khiếp của những dãy nhà bên láng giềng.

Chúng tôi về nhà thấy Ernest đang hốt hoảng vì sự vắng mặt của tôi. Sau khi cái ngạc nhiên ban đầu của cuộc gặp mặt đã hết, đức Giám mục ngồi ngả lưng trên ghế, duỗi thẳng hai chân mặc quần vải thô và thở dài khoan khoái. Chúng tôi là những bạn cũ đầu tiên Người gặp lại từ khi Người bỏ đi, Người bảo chúng tôi thế; và trong những tuần gần đây, chắc Người khổ tâm vì nỗi cô độc của mình lắm. Người nói với chúng tôi kể cũng đã nhiều, mặc dầu Người nói nhiều hơn về niềm vui mà Người cảm thấy trong khi thực hiện những lời răn của Chúa.

- Bởi vì bây giờ, tôi đang nuôi những con chiên của Chúa, - đức Giám mục nói. - Tôi đã học được một bài học lớn. Dạ dày có yên thì phần hồn mới yên được. Đàn chiên của Người phải được nuôi bằng bánh mì, với bơ, với khoai tây, với thịt; sau đó, và chỉ có sau đó, tâm trí họ mới sẵn sàng nhận những thức ăn tinh khiết hơn.

Đức Giám mục ăn bữa ăn tôi nấu một cách ngon lành. Ngày trước, đến nhà tôi, Người không bao giờ ăn ngon miệng như thế. Chúng tôi nói chuyện về những ngày đó, và Người bảo rằng trong đời chưa bao giờ Người thấy khoẻ như bây giờ.

- Bây giờ tôi toàn đi bộ, - Người nói. Và Người hơi đỏ mặt khi nhớ tới thời kì còn lên xe xuống ngựa, coi đó như một tội lỗi khó lòng chuộc lại được. - Sức khoẻ của tôi vì thế càng tăng lên, - Người nhanh nhẩu nói thêm.

- Và tôi rất sung sướng, hết sức sung sướng, đúng như thế. Mãi đến bây giờ tôi mới thật là người của Chúa.

Tuy thế nhưng trên mặt Người vẫn hiện lên một nỗi đau khổ thường xuyên, nỗi khổ đau của nhân loại mà Người lấy làm nỗi đau khổ của chính mình. Người nhìn thẳng vào cuộc đời, và cuộc đời lộ trần truồng ra thật là khác hẳn những điều Người đã đọc trong những cuốn sách in Người xếp trong thư viện. - Và chính ông phải chịu trách nhiệm về tất cả những cái đó, ông bạn trẻ tuổi ạ, - Người nói thẳng với Ernest. Anh đâm luống cuống, ngượng ngịu. - Tôi... tôi đã báo trước để cụ rõ rồi kia mà, - Ernest lắp bắp.

- Không, ông hiểu sai rồi, - đức Giám mục đáp, - tôi nói đây không phải để trách móc, mà để cảm ơn. Tôi phải cảm ơn ông đã chỉ đường cho tôi đi. Ông đã dẫn tôi đi từ những lí thuyết về cuộc sống đến cuộc sống thật. Ông đã vén những tấm màn giả dối dậy lên bộ mặt thật của xã hội. Trong lúc tôi còn tối tăm thì ông là ánh sáng, nhưng bây giờ thì tôi cũng đã nhìn thấy ánh sáng rồi. Và tôi rất sung sướng. Duy có một điều... - Đức Giám mục ngập ngừng một cách đau khổ và mắt Người ngơ ngác vì sợ hãi. - Duy có một điều là người ta hành tôi. Tôi không làm gì hại ai. Tại sao họ không muốn để cho tôi yên? Nhưng cũng chưa phải thế. Chính là cái cách họ hành ấy kia. Giá họ lấy roi đánh nát thịt tôi ra, hoặc họ đem tôi đi thiêu sống, hoặc họ đóng đinh tôi lên cây thập giá, đầu dốc ngược xuống dưới đất, giá như thế tôi lại không sợ. Đằng này họ nhốt tôi vào nhà điên! Các bạn cứ nghĩ xem! Tôi ở trong một nhà điên. Thật là phẫn nộ! Tôi đã thấy mấy trường hợp ở nhà điên. Họ lên cơn rất dữ dội. Cứ nghĩ đến, máu tôi cũng đủ đông lại rồi. Bị cầm tù từ nay cho đến khi xuống lỗ giữa những cảnh điên cuồng hò hét ấy ư! Không! Không! Không thể được. Không thể như thế được! - Người xua xua hai bàn tay, toàn thân Người run lên và co rúm lại trước cái hình ảnh Người vừa gọi lại. Nhưng một lát sau, Người lại bình tĩnh như thường.

- Các bạn tha lỗi cho tôi, - Người nói bằng một giọng chất phác. - Thần kinh tôi bây giờ nó khốn khổ như thế đấy! Nhưng nếu vì làm công việc của Chúa mà phải tới nơi đó, thôi thì cũng đành. Phỏng tôi là cái gì mà lại than phiền? Nhìn Người, tôi những muốn kêu lên: "Đức cha vĩ đại! Ôi, người

anh hùng. Người anh hùng của chúa!" Buổi tối hôm ấy, chúng tôi được biết thêm về những việc Người làm.

- Tôi bán cái nhà của tôi đi, - Người nói. - Nói đúng hơn, có bao nhiêu nhà, tôi bán hết. Tôi bán cả những cửa cái khác nữa. Tôi biết là tôi phải làm bí mật, nếu không họ sẽ lấy hết của tôi. Thật là kinh khủng. Nhiều lúc tôi cứ ngạc nhiên mãi: với số tiền hai chục vạn đô-la, có thể mua được vô số khoai tây, bánh mì, thịt, than, củi. - Người quay sang phía Ernest: - Ông bạn trẻ ạ, ông nói rất đúng. Lao động họ làm ra bao nhiêu, thế mà lương thì mạt hạng. Thật là khủng khiếp. Suốt đời tôi, tôi chưa hề mớ tay vào một việc gì, trừ cái việc nói như rỗng như phượng cho một lũ Pharisees nghe. Trước tôi cứ tưởng là tôi đi truyền bá sứ mệnh của Nhà thờ, và do đó cho nên tôi đáng giá một nửa triệu đô-la. Tôi cũng chẳng hiểu một nửa triệu đô-la mua được cơ man nào là khoai tây, là bánh mì, là bơ, là thịt. Tôi còn nhận thức được hơn thế nữa kia. Tôi nhận thức được rằng tất cả số khoai tây, bánh mì, bơ và thịt bò đó là của tôi, thế mà tôi không hề lao động để làm ra nó. Như vậy, rõ ràng là có kẻ nào khác đã lao động để tạo nên những thứ đó và bị cướp mất những thứ đó. Và khi đi xuống giữa đám dân nghèo, tôi đã thấy những kẻ bị cướp đoạt kia, những kẻ đói rách, cực khổ vì bị cướp đoạt. Chúng tôi kéo Người lại câu chuyện Người đang kể:

- Tiền ấy ư? Tôi gửi ở nhiều nhà băng khác nhau, dưới những tên khác nhau. Bây giờ thì đừng hòng cướp đi của tôi, vì sẽ không bao giờ có thể phát hiện ra được. Tiền, thật là quý hết chỗ nói. Nó mua được bao nhiêu là thức ăn! Trước kia, chẳng bao giờ tôi biết tiền dùng để làm gì. - Chúng tôi rất mong được một phần nhỏ tiền đó để dùng vào việc tuyên truyền, - Ernest trầm ngâm nói. - Được như thế thì ích lợi vô cùng. - Ông chắc như thế ư? - đức Giám mục hỏi. - Tôi không tin tưởng vào chính trị lắm. Thực ra, tôi sợ là tôi không hiểu về chính trị. Ernest rất tế nhị trong những vấn đề như thế. Anh không hỏi lại, mặc dầu anh hiểu rằng Đảng Xã hội đang điêu đứng vì thiếu quỹ.

- Tôi ngủ ở nhà trọ rẻ tiền, - đức Giám mục nói tiếp. - Nhưng tôi rất sợ. Tôi không bao giờ ở lâu một chỗ. Cùng một lúc tôi thuê hai phòng ở những nhà lao động trong hai khu phố khác nhau. Kể cũng quá quắt thật đấy. Tôi biết, nhưng cần phải thế. Tôi kéo lại một phần bằng cách làm bếp lấy, mặc

dầu thỉnh thoảng tôi cũng đến ăn ở những tiệm cà-phê rẻ tiền và tôi đã khám phá ra một điều: Đêm khuya, lúc trời lạnh buốt mà antamales 2 thì thật tuyệt. Phải một nỗi vất vả. Nhưng tôi đã tìm ra một chỗ mua một hào được ba cái, ăn không ngon bằng những nơi khác, nhưng được cái nóng sốt. "Cuối cùng, tôi đã tìm ra việc để làm cho nhân loại và được như vậy là nhờ có ông, ông bạn trẻ tuổi ạ. Việc đó là việc của Chúa. Đức Giám mục nhìn tôi và mắt người long lanh lên: - Cô đã bắt gặp tôi đang nuôi con chiên của Chúa. Và dĩ nhiên là cả hai người sẽ cùng giữ bí mật cho tôi.

Người nói vẻ thung dung lắm, nhưng nghe cũng biết là trong bụng Người rất sợ. Người hứa sẽ lại thăm chúng tôi. Một tuần sau, chúng tôi đọc báo thấy nói đến đức Giám mục Morehouse. Người đã bị đưa vào nhà điên Napa và trường hợp của người tuy vậy cũng vẫn còn chút hi vọng. Chúng tôi tìm hết cách để gặp Người, để làm cho trường hợp của Người được xét lại và điều tra lại, nhưng vô hiệu. Chúng tôi cũng không tài nào biết được gì thêm về Người, ngoài những lời tuyên bố lấp đi lấp lại là vẫn còn có một vài hi vọng mỏng manh rằng Người sẽ khỏi bệnh.

- Chúa Jesus ngày xưa bảo người nhà giàu trẻ tuổi bán hết của cải của mình đi. - Ernest nói bằng một giọng chua chát. - Cụ Giám mục tuân theo lời Chúa dạy mà đem tất cả các thứ mình có cho người nghèo tức là điên. Không còn bàn cãi lời thôi gì nữa. Xã hội đã lên tiếng như vậy rồi..

Chú thích:

1- Bộ (foot): 32,48 cm (ND).

2- Một món ăn Mexico, văn chương thời đó thường nói đến. Hình như món ăn này cho thêm rất nhiều hương liệu. Ngày nay không ai biết món ăn này nấu như thế nào.

Chương XIII **Cuộc tổng bãi công**

Cố nhiên, Ernest được bầu vào Quốc hội, giữa lúc quân chúng đổ xô theo chủ nghĩa xã hội, hồi cuối năm 1912. Một yếu tố lớn đã giúp cho số phiếu của Đảng Xã hội tăng lên, đó là việc đánh đổ Hearst. Việc này giai cấp tài phiệt coi cũng dễ như trở bàn tay. Mỗi năm Hearst bỏ mười tám triệu đô-la để ra các loại báo khác nhau. Ông ta thu về số tiền đó - còn hơn nữa là khác - là nhờ chỗ giai cấp trung lưu gửi đăng quảng cáo. Nguồn thế lực tài

chính của ông ta hoàn toàn trông vào giai cấp trung lưu. Các tờ-rót không đăng quảng cáo 1. Muốn triệt Hearst, chỉ cần tước hết các quảng cáo của ông ta là đủ. Giai cấp trung lưu vẫn chưa bị tiêu diệt toàn bộ. Bộ xương khổng lồ của nó vẫn còn, nhưng đã hết sức mạnh. Các nhà tiểu công nghiệp và tiểu doanh nghiệp còn sống sót hoàn toàn bị bọn tài phiệt thao túng. Họ không còn cái hồn kinh tế. cũng không còn cái hồn chính trị của họ nữa. Khi bọn tài phiệt ra lệnh, họ liền rút quảng cáo vẫn đăng trên các báo chí của Hearst.

Hearst chống lại rất anh dũng. Ông ta chịu lỗ mỗi tháng một triệu rưỡi để ra báo. Ông ta tiếp tục đăng quảng cáo mặc dầu không ai trả tiền. Bọn tài phiệt ra lệnh, cho các nhà tiểu doanh nghiệp và tiểu công nghiệp tới tập gửi thư về đòi ông ta phải thôi không được đăng những quảng cáo cũ của họ nữa. Hearst cứ đăng. Toà án sức về bắt thôi, Hearst vẫn cứ đăng. Ông ta bị sáu tháng tù vì tội khinh thường không tuân lệnh toà án, giữa lúc ông ta vỡ nợ vì bị không biết bao nhiêu người kiện đòi bồi thường. Ông ta không thoát ra lối nào được. Bọn tài phiệt đã tuyên án ông ta. Các toà án đều nằm trong tay bọn tài phiệt để thi hành án. Và Hearst đổ thì Đảng Dân chủ mà ông ta vừa nắm được cũng đổ theo.

Sau khi Hearst và Đảng Dân chủ bị phá sản, những người theo Hearst chỉ còn hai con đường. Một là vào Đảng Xã hội; hai là vào Đảng Cộng hoà. Thế là bao nhiêu công lao của Hearst làm để tuyên truyền giả danh cho chủ nghĩa xã hội, chúng tôi thừa hưởng hết; vì tuyệt đại đa số những người theo ông ta chạy sang với chúng tôi. Hồi này là hồi các chủ trại bị tước đoạt tài sản. Giá không có Đảng Kho thóc đẩy lên hoạt động một cách ngăn ngừa và vô ích, thì chúng tôi còn nhờ thế mà được thêm nhiều phiếu. Ernest và các lãnh tụ của Đảng Xã hội đấu tranh rất quyết liệt để tranh thủ các chủ trại, nhưng việc các báo chí và nhà xuất bản của Đảng Xã hội bị thủ tiêu đã trở thành một trở ngại quá lớn, trong khi việc tuyên truyền miệng chưa được tổ chức chu đáo. Thành thử những nhà chính trị như ông Calvin, bản thân là chủ trại bị tước đoạt tài sản từ lâu, đã tranh thủ được các chủ trại và ném lực lượng chính trị của họ vào một cuộc chiến đấu vô ích. Một hôm, Ernest cười rũ rượi nói: - Khốn khổ thay các ông chủ trại! Các tờ-rót bịt hết lối tiến thoái của họ rồi!

Tình hình quả như thế thật. Bảy tơ-rót lớn câu kết với nhau, hùn chỗ hàng ế thừa khổng lồ của chúng lại và lập một tơ-rót trang trại. Từ lâu các công ty xe lửa kiểm soát giá vận tải, cùng với các chủ ngân hàng và bọn đầu cơ chứng khoán, kiểm soát giá thị trường. đã bóp hầu bóp cổ các chủ trại và dồn họ vào thế phải đi vay nợ. Từ lâu bọn chủ ngân hàng, và tất cả các tơ-rót lớn, đã bỏ ra những món tiền kénh sù cho các chủ trại vay. Các chủ trại đã sa vào lưới. Chỉ còn có việc kéo lưới lên là xong hết và tơ-rót trang trại đã làm việc đó.

Thời kì khó khăn năm 1912 đã gây ra một tình trạng bế tắc khủng khiếp trên thị trường nông phẩm. Giá hàng bị đánh tụt ghê gớm khiến nhiều người vỡ nợ, trong khi đó thì các công ty xe lửa đè gãy lưng con lạc đà chủ trại bằng những giá vận tải cắt họng. Thành thử các chủ trại buộc phải vay nợ ngày càng nhiều trong khi họ không sao trả được những món nợ cũ. Tiếp đó, các văn tự cầm cố hết hạn và họ bắt buộc phải trả nợ. Các chủ trại đành nộp ruộng đất cho tơ-rót trang trại. Họ cũng chẳng còn cách nào khác. Nộp ruộng đất xong, các chủ trại đi làm cho các tơ-rót trang trại, trở thành quản lí, quản đốc, đốc công và lao công thường. Họ làm thuê để lấy lương. Nói vắn tắt một câu thì họ thành một lũ nông nô bị trói chặt vào ruộng đất bằng đồng lương để sống. Họ không thể thoát li chủ được, vì chủ họ chính là bọn tài phiệt. Họ không thể ra thành phố, vì ở đó cũng vẫn là bọn tài phiệt nắm quyền kiểm soát. Họ chỉ còn một lối thoát; dời bỏ ruộng đất để đi tha phương cầu thực, tóm lại, để chết đói. Mà ngay lối thoát này cũng bị nốt, vì Nhà nước đã thông qua và đem thi hành ráo riết những đạo luật nghiệt ngã về việc tha phương cầu thực.

Cố nhiên ở một vài nơi, do hoàn cảnh đặc biệt, có những chủ trang trại, thậm chí những tập đoàn chủ trại thoát khỏi cảnh bị tước đoạt tài sản. Nhưng họ chỉ là những trường hợp lẻ tẻ, không đáng kể, và đến năm sau thì họ cũng chịu chung một số phận như những người khác 2.

Vì thế cho nên cuối năm 1912, các lãnh tụ Đảng Xã hội, trừ Ernest, quả quyết rằng chủ nghĩa tư bản đã đến ngày cáo chung, chính là như vậy. Nào là thời thế khó khăn, cơ man nào là người thất nghiệp, nào là tầng lớp chủ trại và giai cấp trung lưu bị tiêu diệt, nào là các nghiệp đoàn bị đánh bại không ngóc đầu lên được nữa; những người xã hội chủ nghĩa đã tưởng chủ

nghĩa tư bản đến lúc hết thời, hèn nào họ chẳng thách đọ gắng với bọn tài phiệt.

Khổ thay, chúng tôi thật đã đánh giá quá thấp sức mạnh của kẻ địch! Ở khắp nơi, những người xã hội chủ nghĩa đều tuyên bố họ sắp thắng trong tuyển cử và nhận định tình hình bằng những lời lẽ quyết đoán hết sức. Giai cấp tài phiệt nhận lời thách thức. Sau khi cân nhắc, tính toán, nó đã dùng thủ đoạn chia rẽ để đánh bại chúng tôi. Chính bọn tài phiệt thông qua bọn tay sai bí mật, đã la lối lên rằng chủ nghĩa xã hội là vô thần, xúc phạm đến Chúa, chính bọn tài phiệt đã kích các giáo hội, nhất là Nhà thờ Cơ đốc, vào một trận tuyên, và cướp của chúng tôi một phần phiếu của nhân dân lao động. Dĩ nhiên cũng chính bọn tài phiệt thông qua bọn tay sai bí mật, đã khuyến khích Đảng Kho thóc, thậm chí đã phát triển Đảng này vào các thành phố lớn, vào hàng ngũ của giai cấp trung lưu đang giãy chết.

Tuy nhiên quần chúng đông đảo vẫn đổ xô theo chủ nghĩa xã hội. Nhưng, đáng lẽ chúng tôi đại thắng và giành được những chức vụ chủ chốt trong bộ máy hành chính và đa số trong các cơ quan lập pháp, thì chúng tôi lại bị thiếu số. Chúng tôi có bầu được năm mươi nghị sĩ quốc hội thật, nhưng khi họ nhận nhiệm vụ vào mùa xuân 1913, họ tự thấy không có một chút quyền lực nào. Tuy vậy, họ vẫn còn may mắn hơn người của Đảng Kho thóc: những người này giành được nhiều chức vụ trong chính phủ của mười hai bang, nhưng không được nhậm chức. Bọn người đang giữ những chức vụ nói trên nhất định không rút lui, mà toà án thì đều nằm trong tay tập đoàn thiểu số thống trị. Nhưng thôi, nói đến những sự kiện này thì sớm quá. Tôi phải kể lại cái thời kì sóng gió vào mùa đông năm 1912 đã.

Thời thế khó khăn trong nước đã khiến cho sức tiêu dùng của toàn dân thụt xuống một cách ghê gớm. Lao động thất nghiệp không có tiền mua bán. Kết quả là số hàng ế thừa trong tay giai cấp tài phiệt tăng đến một mức chưa từng thấy. Chúng bắt buộc phải đẩy số hàng ế thừa đó ra nước ngoài và cần tiền để thực hiện những âm mưu khổng lồ của chúng. Vì cố tìm mọi cách để tống số hàng thừa ra thị trường thế giới, bọn tài phiệt vấp phải nước Đức. Các cuộc chạm trán về kinh tế thị trường đưa đến chiến tranh, cuộc chạm trán đặc biệt này cũng vậy. Tên vua chiến tranh nước Đức chuẩn bị, và nước Hoa Kỳ cũng chuẩn bị.

Nguy cơ chiến tranh treo trên đầu mọi người như một đám mây đen khủng khiếp. Người ta đã dựng xong sân khấu cho một cuộc thảm họa thế giới; vì khắp thế giới đều khủng hoảng, lao động dấy lên, các giai cấp trung lưu phá sản, thất nghiệp đầy rẫy, va chạm quyền lợi ngày càng nhiều trên thị trường thế giới, khắp nơi người ta bàn tán xôn xao cách mạng xã hội chủ nghĩa 3.

Tập đoàn thiểu số thống trị muốn gây chiến tranh với nước Đức. Chúng muốn chiến tranh vì nhiều lí do. Chiến tranh nổ ra thì chúng sẽ tha hồ đục nước thả câu, chúng sẽ đánh tráo những con bài quốc tế. sẽ kí kết những hiệp ước và những khối liên minh mới, sẽ tha hồ phát tài. Ngoài ra, chiến tranh sẽ giúp chúng tiêu thụ những hàng ế thừa trong nước, giảm những đội quân thất nghiệp đang đe dọa tất cả các nước và khiến cho tập đoàn thiểu số thống trị có chỗ thở để chúng hoàn chỉnh các kế hoạch của chúng và đem thực hiện. Chiến tranh sẽ giúp cho tập đoàn thiểu số thống trị thực sự nắm được thị trường thế giới. Chiến tranh còn tạo ra một đội quân thường trực lớn không cần phải thả hồi và trong đầu óc nhân dân, khẩu hiệu "nước Mỹ chống nước Đức" sẽ thay thế cho khẩu hiệu "chủ nghĩa xã hội chống tập đoàn thiểu số thống trị".

Và nếu không có những người xã hội chủ nghĩa thì chiến tranh đã đưa đến tất cả những kết quả đó thật. Một cuộc hội nghị bí mật giữa những người lãnh đạo phong trào ở miền Tây đã nhóm họp trong bốn gian phòng tí tẹo của chúng tôi, ở phố Pell. Trước hết, hội nghị bàn về lập trường mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải có. Trên thế giới, đây không phải lần đầu tiên những người xã hội chủ nghĩa dập tắt ngọn lửa chiến tranh 4, nhưng ở Hoa Kỳ đây là lần đầu tiên chúng tôi làm như vậy. Sau hội nghị, chúng tôi tiếp xúc với tổ chức toàn quốc của Đảng, và không bao lâu điện mật mã của chúng tôi đánh đi đánh về qua Đại Tây Dương, giữa chúng tôi và Ban Thường vụ Quốc tế.

Những người xã hội chủ nghĩa Đức sẵn sàng phối hợp hành động với chúng tôi. Họ có tất cả trên năm triệu người, nhiều người nằm ngay trong quân đội thường trực, và thêm vào đó có quan hệ rất tốt với các tổ chức công đoàn. Ở cả hai nước, những người xã hội chủ nghĩa đều ra một tuyên bố táo bạo chống chiến tranh và dọa tổng bãi công. Và trong khi chờ đợi, họ

chuẩn bị tổng bãi công. Không những thế, các đảng cách mạng ở tất cả các nước đều công bố nguyên tắc xã hội chủ nghĩa về việc giữ hoà bình quốc tế bằng mọi cách, dù có phải khởi nghĩa hay làm cách mạng ở trong nước thì cũng làm.

Cuộc tổng bãi công đã thắng lợi lớn lao duy nhất mà những người xã hội chủ nghĩa Mỹ chúng tôi giành được. Ngày 4 tháng 12, đại sứ Mỹ ở thủ đô nước Đức bị triệu hồi. Đêm hôm đó, một hạm đội của Đức tấn công vào Honolulu, đánh đắm ba tuần dương hạm Mỹ cùng với một tàu tuần tiểu hải quân và nã đại bác vào thành phố. Hôm sau, cả hai nước Đức và Hoa Kỳ cùng tuyên chiến, và trong vòng không đầy một tiếng đồng hồ, những người xã hội chủ nghĩa kêu gọi bãi công ở cả hai nước.

Đây là lần đầu tiên tên Đức hoàng hiệu chiến phải đương đầu với nhân dân nước y, những người làm cho bộ máy đế quốc của y hoạt động. Không có những người này thì y không thể làm cho đế quốc của y chạy được. Chỗ mới của tình hình là họ làm một cuộc khởi nghĩa thụ động. Họ không tấn công. Họ không làm gì hết, và bằng cách chẳng làm gì hết, họ đã trói chặt tay của tên vua chiến tranh nước họ. Tên vua chiến tranh này không mong gì hơn là tìm được cơ hội tốt để thả đàn chó chiến tranh của y ra cho xông vào cắn xé giai cấp vô sản đang làm loạn ở nước y. Nhưng y không làm được. Y không huy động được quân đội ra mặt trận, cũng không trưng trị được lũ thần dân cứng cổ. Bộ máy đế quốc của y không còn một bánh xe nào hoạt động. Không có lấy một đoàn tàu chạy, không có lấy một bức điện báo truyền trên đường dây bởi vì nhân viên điện báo và nhân viên hoả xa đều đã nghỉ việc cùng với các tầng lớp nhân dân khác.

Và bên Đức thế nào thì bên Hoa Kỳ cũng thế! Cuối cùng, giới lao động có tổ chức đã rút được bài học của họ. Bị đánh bại trên trận địa mà tự mình đã chọn lấy, họ đã rời bỏ trận địa đó và chuyển sang trận địa chính trị của những người xã hội chủ nghĩa; vì cuộc tổng bãi công là một cuộc bãi công chính trị. Và lại, giới lao động có tổ chức đã bị đánh bại một cách hết sức tàn bạo, họ cũng chẳng cần gì nữa. Họ tham gia bãi công cũng vì họ đã hoàn toàn thất vọng. Công nhân vứt dụng cụ và bỏ việc hàng triệu người. Đặc biệt đáng chú ý là anh em công nhân cơ khí. Đầu họ còn bê bết máu, tổ chức của họ rõ ràng đã bị phá tan, ấy thế mà họ cũng xuống đường đấu

tranh, cùng với đồng minh của họ là những anh em công nhân ở các ngành luyện kim.

Ngay cả những anh em lao công thường và những người lao động không có tổ chức cũng bỏ việc. Cuộc tổng bãi công đã khoá chặt mọi ngành hoạt động, đến nỗi cũng không ai có thể đi làm được. Ngoài ra, chị em phụ nữ đã tỏ ra là những người cổ vũ bãi công hăng nhất. Họ kiên quyết chống chiến tranh. Họ không muốn chồng con họ phải đi làm bia đỡ đạn. Rồi thì ý niệm tổng bãi công đã ăn sâu vào tâm lý nhân dân. Nó đập vào óc hài hước của họ. Ý niệm đó lan nhanh như bệnh dịch. Trẻ em bãi khoá ở tất cả các trường, và những giáo viên nào đến dạy cũng đều phải rời các phòng vắng tanh vắng ngắt trở về nhà. Cuộc tổng bãi công diễn ra dưới hình thức một cuộc cấm trại lớn có tính chất toàn quốc. Tinh thần đoàn kết của lao động nổi bật hẳn lên và kêu gọi trí tưởng tượng của tất cả mọi người. Và sau hết thì cái trò chơi khổng lồ này cũng chẳng có gì nguy hiểm. Khi mà tất cả mọi người đều phạm tội thì biết trừng trị ai?

Nước Hoa Kỳ bị tê liệt, không còn ai biết là đang xảy ra chuyện gì nữa. Báo chí không, thư từ không, điện tín không. Mỗi địa phương đều bị hoàn toàn cô lập, chừng như có một khoảng hoang vu hàng vạn dặm ngăn cách nó với phần thế giới còn lại. Trong thực tế, thế giới như không còn tồn tại nữa. Và tình trạng này đã được duy trì trong một tuần lễ.

Ở San Francisco, chúng tôi không hề biết bên kia vịnh, ở Oakland hoặc Berkeley, đang xảy ra việc gì. Tình trạng này gây cho người ta một cảm giác kì dị nặng như đá đeo. Hình như một thiên thể gì rất lớn nằm chết còng queo ra đó. Mạch của xứ sở đã ngừng đập. Cả nước đã chết thật sự. Không có tiếng cam-nhông, có tiếng điện chạy vo vo trên không, không có ô-tô qua lại, không có tiếng rao của trẻ bán báo, không có gì hết, ngoài những con người thỉnh thoảng lướt đi nhanh như bóng ma và bản thân họ cũng đã bị cái im lặng đè dí xuống và biến thành hư ảo.

Và trong cái tuần lễ im lặng đó, tập đoàn thiểu số thống trị đã được nhân dân dạy cho một bài học. Và nó đã học thuộc bài học đó. Cuộc tổng bãi công là một bài cảnh cáo. Không thể để nó tái diễn được. Tập đoàn thiểu số thống trị sẽ để mắt đến việc này.

Hết một tuần lễ, chừng như đã xếp đặt từ trước những nhân viên điện báo của Đức và Hoa Kỳ đều trở lại làm việc. Thông qua họ các lãnh tụ xã hội chủ nghĩa ở cả hai nước cùng gửi tới hậu thư cho bọn cầm quyền. Phải chấm dứt ngay chiến tranh, bằng không cuộc tổng bãi công sẽ tiếp diễn. Cũng chẳng phải lâu la gì hai bên mới hiểu được nhau. Bọn cầm quyền tuyên bố xoá bỏ chiến tranh và dân chúng cả hai nước đều làm việc trở lại.

Chính việc lập lại hoà bình này đã đưa đến khối liên minh giữa nước Đức và nước Hoa Kỳ. Thật ra đó là một liên minh giữa Đức hoàng và tập đoàn thiểu số thống trị Hoa Kỳ nhằm chống lại một kẻ thù chung là giai cấp vô sản cách mạng ở cả hai nước. Về sau, khi những người xã hội chủ nghĩa Đức lật đổ ngai vàng của tên vua chiến tranh, chính tập đoàn thiểu số thống trị Hoa Kỳ lại giở mặt huỷ bỏ khối liên minh này. Đó cũng chính là cái đích mà bọn thiểu số thống trị trước đây đã từng nhằm: tiêu diệt địch thủ lớn nhất của chúng trên thị trường thế giới. Đức hoàng về vườn rồi thì nước Đức không còn hàng ế thừa bán ra nước ngoài nữa. Do bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân Đức sẽ tiêu dùng tất cả những thứ họ sản xuất ra. Lẽ dĩ nhiên họ sẽ có đưa một số vật phẩm họ sản xuất ra nước ngoài đổi lấy những thứ họ không sản xuất, nhưng số hàng này hoàn toàn khác với số hàng ế thừa không tiêu dùng hết. Khi mọi người biết tin bọn thiểu số thống trị trở mặt với Đức hoàng, Ernest bảo:

- Tôi đánh cuộc rằng tập đoàn thiểu số thống trị sẽ tìm được cách biện bạch. Cũng như thường lệ, chúng sẽ tin rằng chúng làm như thế là đúng.

Và sự thật thì tập đoàn thiểu số thống trị đã tự bào chữa trước công chúng rằng chúng đã hành động như vậy là để cứu nhân dân Mỹ, vì quyền lợi của họ đang bị đe dọa. Chúng đã gạt được tên địch thủ đáng căm ghét của chúng ra khỏi thị trường thế giới và đã tạo điều kiện cho nước Mỹ sử dụng chỗ hàng ế thừa trên thị trường đó. Và Ernest bình luận:

- Cái chỗ thậm vô lí trong việc này chính là chúng mình phải khoanh tay ngồi nhìn một bọn người ngu xuẩn quản lí những quyền lợi của mình. Bọn chúng tạo điều kiện cho chúng mình bán thêm hàng ra nước ngoài có nghĩa là chúng bắt chúng mình phải tiêu thụ ít đi ở trong nước.

Chú thích

- 1 Trong cái thời kì hỗn độn đó, giá quảng cáo rất đắt. Chỉ có những nhà tư bản nhỏ cạnh tranh với nhau, cho nên họ phải quảng cáo. Đến khi thành lập các tờ-rót rồi thì không có cạnh tranh nữa, và thành ra các tờ-rót không cần phải quảng cáo.
- 2 Sự sụp đổ của các chủ đất La Mã, xét về mặt tốc độ còn thua xa sự sụp đổ của các chủ trại và các nhà tư bản nhỏ ở Mỹ. Ở thế kỷ thứ 20, có một cái đà quay rất mạnh mà thời cổ La Mã hoàn toàn không có. Một số lớn chủ trại, do tư tưởng bám chặt lấy ruộng đất một cách điên rồ và muốn tỏ ra mình có thể quay trở lại đời sống nguyên thủy, đã rút lui khỏi tất cả mọi sự giao dịch buôn bán trên thị trường, những mong thoát không bị tước đoạt tài sản. Họ không bán gì cả. Họ không mua gì cả. Giữa họ với nhau bắt đầu xảy ra một lối trao đổi vật phẩm có tính chất nguyên thủy. Họ phải chịu đựng những khó khăn và thiếu thốn ghê gớm, nhưng họ vẫn không nao núng. Trong thực tế, cái đó đã thành cả một phong trào. Họ đã bị đánh bại bằng một biện pháp độc đáo, vừa đương nhiên, vừa đơn giản. Giai cấp tài phiệt, nhờ nắm được chính phủ trong tay, đã tăng thuế. Đó là chỗ yếu trong chiếc áo giáp của họ. Vì không mua không bán, họ không có tiền. Thế là cuối cùng họ phải bán ruộng đất đi để đóng thuế.
- 3 Người ta nghe thấy những bàn tán xôn xao này từ đã lâu. Ngay từ 1906, nghị sĩ Avebury là một người Anh, đã phát biểu ở Thượng nghị viện Anh: "Tình trạng bất an ở châu Âu, sự bành trướng của chủ nghĩa xã hội và sự xuất hiện của chủ nghĩa vô chính phủ là những lời cảnh cáo đối với các chính phủ và các giai cấp cầm quyền, để cho họ thấy rằng điều kiện sinh sống của giai cấp công nhân ở châu Âu đã đến lúc không thể chịu được nữa, và nếu người ta muốn tránh một cuộc cách mạng thì người ta phải thi hành ngay những biện pháp tăng lương, giảm giờ làm và hạ giá những hàng cần thiết cho đời sống". Tờ "Nhật báo Phố Wall", cơ quan của bọn đầu cơ đã bình luận bài diễn văn của nghị sĩ Avebury như sau: "Những lời này do một nhà quý tộc và là người của một cơ quan bảo thủ nhất ở châu Âu nói ra. Như vậy nó càng có ý nghĩa. Những lời này chứa đựng nhiều kinh tế chính trị học hơn là hầu hết các sách đã xuất bản. Đó là những lời cảnh cáo. Hỡi các ngài

trong các bộ chiến tranh và hải quân, các ngài nên luôn luôn chuẩn bị!" Cùng thời đó, Sydney Brooks đã viết trong "Tuần báo Harper's" ở Mỹ: "Các người không muốn làm sao được? Các nhà chính trị bao giờ cũng nhìn thấy những việc xảy ra ngay trước mắt họ sau những người khác ở trong nước. Họ sẽ chế nhạo tôi, khi tôi báo trước, và báo trước một cách đóng đanh vào cột rằng cuộc bầu cử Tổng thống sắp tới, những người xã hội chủ nghĩa sẽ được trên một triệu phiếu".

4 Tổ chức quốc tế của những người xã hội chủ nghĩa từ lâu đã cân nhắc chính sách của họ đối với chiến tranh. Cuối cùng, ngay khi bước vào thế kỉ thứ hai mươi, họ đã tỏ bày chính sách đó, tóm tắt như sau: "Hơi sức đâu mà lao động nước này lại đi đánh lao động nước khác vì quyền lợi của bọn chủ tư bản?"

Ngày 21 tháng 5 năm 1905, khi chiến tranh sắp nổ ra giữa nước Ý, Áo, những người xã hội chủ nghĩa ở ba nước Ý, Áo và Hung đã họp hội nghị ở Trieste và dọa rằng lao động cả hai nước sẽ tổng bãi công nếu xảy ra chiến tranh. Việc này đã tái diễn khi "vấn đề Morocco" đe dọa lôi kéo vào vòng chiến tranh ba nước Pháp, Đức và Anh.

Chương XIV

Bước đầu của sự kết thúc

Ngay từ tháng giêng năm 1913, Ernest đã nhìn thấy hướng phát triển của tình hình, nhưng anh không sao làm cho các lãnh tụ khác của phong trào thấy rõ được viễn ảnh của cái Gót sắt đã thành hình trong tâm trí anh. Họ quá ư tin tưởng. Sự biến thì xảy ra quá dồn dập và tiến rất mau đến chỗ tuyệt đỉnh. Một cuộc khủng hoảng đã diễn ra trong phạm vi thế giới. Tập đoàn thiểu số thống trị Mỹ đã thực sự nắm được thị trường thế giới và hai chục nước đã bị quăng ra khỏi thị trường đó với chỗ hàng ế thừa không tiêu thụ được cũng không bán được ở trong tay. Đối với những nước như thế, chỉ còn một cách là tổ chức lại. Họ không thể tiếp tục phương pháp sản xuất hàng ế thừa của họ được. Họ thấy chủ nghĩa tư bản đối với họ như vậy là sụp đổ, không còn hi vọng gì nữa.

Việc tổ chức lại những nước đó tiến hành dưới hình thức một cuộc cách mạng. Đó là một thời kì hỗn loạn, người ta phải dùng bạo lực. Những tổ chức xã hội và những chính phủ ở khắp mọi nơi đều sụp đổ. Trừ một vài

nước, còn thì ở khắp mọi nơi, bọn chủ tư bản trước đây đều chống lại kịch liệt để bảo vệ tài sản của chúng. Nhưng giai cấp vô sản chiến đấu đã giành được chính phủ trong tay bọn chúng rồi. Rốt cùng, câu nói cổ điển của Marx đã được thực hiện: "Hồi chuông báo hiệu giờ chết của tư hữu tư bản chủ nghĩa đã điểm. Bọn người chuyên đi tước đoạt tài sản của người khác sẽ bị tước đoạt hết tài sản". Và những chính phủ tư bản sụp đổ đến đâu, thì lập tức có những hợp tác xã nổi lên thay thế. "Vì sao nước Hoa Kỳ lại đi lật bệ đảng sau như vậy?"; "Anh em cách mạng Mỹ, hãy hoạt động lên!"; "Nước Mỹ làm sao thế này?"

Đó là những bức thư của những đồng chí chúng tôi đã thành công ở những nước khác gửi cho chúng tôi. Nhưng chúng tôi không tài nào ngóc dậy được. Tập đoàn thiểu số thống trị đã đứng vững trên đường đi. Cái khối lù lù của nó, giống như một con quái vật khổng lồ, đã bịt lối chúng tôi. Chúng tôi trả lời: "Các đồng chí hãy chờ đến sang xuân, lúc chúng tôi nắm chính quyền. Lúc ấy các đồng chí sẽ rõ".

Đang sau câu trả lời của chúng tôi có một điều bí mật. Chúng tôi đã tranh thủ được các đảng viên Kho thóc, và sang xuân tất cả sẽ có mười hai bang do họ nắm, theo những kết quả bầu cử mùa thu vừa rồi. Tất cả sẽ có mười hai nước cộng hoà hợp tác xã được thành lập cùng một lúc. Sau đó, phần còn lại cũng dễ giải quyết thôi.

- Thế lỡ những đảng viên Kho thóc bị phá sản, không nắm được các ghế đó thì sao? - Ernest hỏi. Và các đồng chí của anh gọi anh là người động mớ mồm là nói đến tai họa.

Song việc các đảng viên Kho thóc không nhậm chức vẫn chưa phải là nguy cơ chính mà Ernest lo ngại. Anh nhìn thấy trước rằng những công đoàn lớn sẽ bội phản và sẽ phân hoá thành đảng cấp.

- Ghent đã dạy cho bọn thiểu số thống trị cách thức gây nên tình trạng đó rồi. - Ernest nói. - Tôi đánh cược rằng bọn thiểu số thống trị đã dùng cuốn "Chủ nghĩa phong kiến từ thiện" của lão ta làm sách giáo khoa 1. Tôi sẽ không bao giờ quên buổi đêm hôm đó. Sau một cuộc bàn cãi sôi nổi với sáu lãnh tụ công đảng. Ernest quay lại nói với tôi bằng một giọng bình tĩnh: - Thế này là hết. Cái Gót sắt đã thắng. Chúng ta sắp bị tiêu diệt đến nơi rồi.

Cuộc hội nghị nhỏ này nhóm họp ở nhà tôi. Nó không có tính chất chính thức. Nhưng Ernest cùng với các đồng chí của anh đều cố vận động những lãnh tụ công đảng để họ cam kết sẽ động viên quần chúng của họ tham gia cuộc tổng bãi công sắp tới. Trong số sáu lãnh tụ công đảng có mặt, O'Connor, chủ tịch Hội công nhân cơ khí, là người từ chối cương quyết hơn cả. Y nhất định không cam kết điều đó. - Ông đã thấy đấy, sách lược bãi công và tẩy chay cũ của các ông khiến cho các ông bị đánh tơi bời ra còn gì. - Ernest nói. O'Connor và những lãnh tụ công đảng khác gật đầu.

- Mà các ông cũng đã thấy, chỉ cần một cuộc tổng bãi công là đủ, - Ernest tiếp. - Chúng tôi đã ngăn chặn được chiến tranh với nước Đức. Chưa bao giờ tinh thần đoàn kết và sức mạnh của lao động lại được phô trương đẹp đẽ như thế. Lao động có thể và sẽ cai quản thế giới. Nếu các ông tiếp tục bắt tay với chúng tôi thì nhất định chúng ta sẽ chấm dứt được ách tư bản. Đó là mối hi vọng duy nhất của các ông. Còn hơn thế nữa kia, thì các ông đã biết đấy. Không có lối nào thoát đâu! Nếu các ông cứ theo những sách lược cũ thì bất kì làm cái gì các ông cũng sẽ thất bại. Chỉ riêng cái việc bọn chủ tư bản nắm trong tay các toà án cũng đủ làm cho các ông thất bại rồi 2.

- Ông kết luận vội vàng quá, - O'Connor đáp. - Ông không biết hết các lối thoát. Vẫn còn một lối thoát khác. Việc của chúng tôi thì chúng tôi phải biết hết chứ. Chúng tôi phát ốm người lên vì bãi công rồi. Chính vì bãi công mà chúng tôi bị đánh tơi bời. Nhưng từ nay về sau, thì chúng tôi không bao giờ cần phải tung quần chúng của chúng tôi ra nữa. - Thế lối thoát của ông là gì? - Ernest hỏi thẳng. O'Connor cười lắc đầu: - Tôi có thể nói để ông rõ điều này, là trước đây chưa bao giờ chúng tôi nằm ngủ cả, cho nên lúc này chúng tôi không mê ngủ đâu. - Chắc các ông cũng chẳng có gì phải sợ hãi hay phải xấu hổ chứ nhỉ? - Ernest nói kháy. - Tôi nghĩ việc của chúng tôi thì chúng tôi phải biết rõ hơn ai hết, - y đáp. - Cứ xem cái lối các ông giấu như mèo giấu cứt ấy thì cũng biết đó là một việc mờ ám, - Ernest nổi giận nói.

- Bài học kinh nghiệm của chúng tôi đã phải trả bằng mồ hôi, bằng máu. Cho nên sau này nếu chúng tôi có được hưởng cái gì thì cũng đều do chúng tôi khổ công mà có. Phải biết làm phúc cho mình trước, rồi mới đi làm phúc cho người... Máu Ernest sôi lên:

- Nếu các ông sợ không dám nói cho tôi nghe lối thoát của các ông thì để tôi nói toạc nó ra cho các ông nghe. Các ông định theo voi hít bã mía. Các ông đã bắt tay với kẻ thù. Đó, việc các ông đã làm là như thế. Các ông đã bán rẻ sự nghiệp của lao động, của tất cả những người lao động. Các ông đang bỏ trận địa như một lũ hèn nhát.

- Tôi không nói lời thôi, - O'Connor cau gắt. - Tôi nghĩ rằng làm thế nào có lợi nhất cho chúng tôi, điều đó tất chúng tôi phải biết hơn các ông.

- Nhưng còn làm thế nào có lợi nhất cho tất cả số người lao động còn lại thì các ông không thêm quan tâm lấy một xu. Các ông giơ chân ra đá họ lăn xuống huyết.

- Tôi không nói lời thôi, - O'Connor đáp. - Ông chỉ cần biết tôi là chủ tịch Hội công nhân cơ khí, và việc của tôi là phải trông nom đến quyền lợi của những người mà tôi đại diện, có thể thôi.

Sau đó các lãnh tụ công đảng bỏ về. Với một vẻ trầm tĩnh anh thường có khi gặp thất bại, anh phác qua cho tôi thấy trình tự những biến cố sẽ xảy ra. Anh bảo:

- Những người xã hội chủ nghĩa vẫn thường vui mừng báo trước cái ngày nhân dân lao động có tổ chức bị đánh bại trên lĩnh vực công nghiệp, sẽ bước sang lĩnh vực chính trị. Bây giờ thì cái Gót sắt đã đánh bại các công đoàn trên lĩnh vực công nghiệp và đẩy họ sang lĩnh vực chính trị; nhưng đáng lẽ việc đó là một điều đáng mừng cho chúng ta thì trái lại nó sẽ là một nguồn phiền lụy. Cái Gót sắt đã có kinh nghiệm rồi. Chúng ta đã vạch cho nó thấy sức mạnh của chúng ta trong cuộc tổng bãi công. Nó đã tìm biện pháp để ngăn ngừa một cuộc tổng bãi công khác. - Nhưng bằng cách nào cơ? - tôi hỏi.

- Có gì đâu, nó sẽ trợ cấp cho các công đoàn lớn. Các công đoàn này sẽ không tham gia cuộc tổng bãi công sắp tới. Thành thử sẽ không có tổng bãi công. - Nhưng cái Gót sắt không thể duy trì một chương trình tốn kém như thế mãi được, - tôi phản đối.

-Ồ, nó có trợ cấp cho tất cả các công đoàn đâu! Cái đó không cần thiết. Tình hình rồi sẽ diễn biến như thế này: nó sẽ tăng lương và giảm giờ làm trong các công đoàn đường sắt, công đoàn luyện kim, công đoàn kỹ sư và công đoàn cơ khí. Ở những công đoàn đó sẽ tiếp tục có những điều kiện ưu

tiên hơn. Có chân trong những công đoàn này sẽ không khác gì kiếm được một ghế ngồi trên thiên đường.

- Em vẫn chưa nhìn thấy thế, - tôi phản đối. - Thế còn những công đoàn khác thì sẽ sao? Những công đoàn ở ngoài vẫn nhiều hơn những công đoàn đứng trong cái tổ hợp đó kia mà?

- Những công đoàn khác sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị hết. Bởi vì công nhân đường sắt, công nhân cơ khí và kỹ sư, công nhân đúc sắt và đúc thép, họ làm công việc chủ yếu, có tính chất sinh tử, của nền văn minh cơ khí chúng ta. Em có thấy thế không nào? Một khi đã nắm chắc được họ, cái Gót sắt sẽ bắt chập tất cả những người lao động khác. Sắt, thép, than, cơ khí và vận tải hợp lại thành cái xương sống của tất cả bộ máy công nghiệp.

- Thế còn than? - Tôi hỏi. - Có đến gần một triệu công nhân mỏ kia mà?

- Trong thực tế, họ là những lao động không có chuyên môn. Họ không đáng kể. Họ sẽ bị hạ lương và tăng giờ làm. Họ sẽ phải làm nô lệ cũng như tất cả chúng ta, và trong tất cả chúng ta đây, không khéo họ sẽ trở thành khốn đốn và ngu muội nhất, không khác gì súc vật. Họ sẽ bị cưỡng bức phải lao động, y hệt như các chủ trại lúc này đang cưỡng bức phải lao động cho bọn trùm tư bản đã cướp không ruộng đất của họ. Và tất cả những công đoàn đứng ngoài tổ hợp rồi cũng thế. Em cứ chờ mà xem: họ dao động và đi đến chỗ tan rã và các đoàn viên của họ trở thành một lũ nô lệ bị cái dĩa dày lép kẹp của bản thân và luật pháp của Nhà nước dồn đến chỗ đầu tắt mặt tối.

"Em có biết thằng Farley 3 và bọn tay chân của chúng chuyên đi phá hoại bãi công sau này sẽ ra sao không? Để anh nói cho em nghe. Cái nghề phá bãi công sẽ hết. Sẽ không còn bãi công nữa. Thay thế cho các cuộc bãi công sẽ có những cuộc khởi nghĩa của nô lệ. Farley và đồng đảng của nó sẽ được cất nhắc lên làm cai tù.Ồ, mà gọi thế cũng không đúng: phải gọi là làm những kẻ củng cố pháp luật mà Nhà nước ban hành để cưỡng bách mọi người lao động. Sự bội phản của những công đoàn lớn sẽ làm cho cuộc đấu tranh của chúng ta phải kéo dài hơn, có thể thôi. Cách mạng bao giờ sẽ thắng lợi, và sẽ thắng lợi ở đâu có trời biết!

- Nhưng trước sức mạnh của tập đoàn thiểu số thống trị câu kết chặt chẽ với công đoàn lớn, liệu còn có thể tin tưởng được rằng cách mạng rồi ra sẽ thắng lợi không? - Tôi hỏi. - Liệu cái tổ hợp đó có thể vĩnh viễn được không? Anh lắc đầu:

- Một trong những quy luật chung chúng ta rút ra là tất cả những chế độ xây dựng trên nền tảng giai cấp và đẳng cấp đều mang sẵn trong mình nó những mầm mống diệt vong. Một chế độ xã hội xây dựng trên nền tảng giai cấp thì làm sao ngăn ngừa được đẳng cấp? Cái Gót sắt không thể nào ngăn ngừa được đẳng cấp và cuối cùng, đẳng cấp sẽ tiêu diệt cái Gót sắt. Bọn thiểu số thống trị đã phát triển rồi công đoàn được ưu đãi cũng sẽ phát triển đẳng cấp. Cái Gót sắt sẽ tìm mọi cách để ngăn ngừa, nhưng nó sẽ thất bại.

"Trong các công đoàn được ưu đãi, có những bông hoa của các giới lao động nước Mỹ. Họ là những người có sức mạnh và có năng lực. Họ đã qua một cuộc cạnh tranh để giành lấy một chân cho mình mới thành được đoàn viên trong những công đoàn đó. Tất cả những công nhân có đủ điều kiện ở Hoa Kỳ sẽ nuôi tham vọng trở thành đoàn viên những công đoàn được ưu đãi. Tập đoàn thiểu số thống trị sẽ khuyến khích tham vọng đó và sự cạnh tranh do nó đẻ ra. Thành thử những con người cách mạng sẽ bị mua đi mất và sẽ đem sức mạnh của mình ra ủng hộ tập đoàn thiểu số thống trị.

"Mặt khác, những đẳng cấp lao động, những đoàn viên của những công đoàn ưu đãi sẽ tìm mọi cách để biến tổ chức của họ thành những phường hội kín mít. Và họ sẽ làm được như vậy. Có chân trong các đẳng cấp lao động sẽ thành một vấn đề gia truyền. Con sẽ nối nghiệp cha, và những sức mạnh mới, từ các nguồn sức mạnh vô tận là đám dân thường sẽ không chảy

vào đó nữa. Như vậy có nghĩa là những đảng cấp lao động sẽ mục nát đi và sẽ ngày càng suy yếu. Trong lúc đó, đứng về mặt tổ chức mà nói, họ sẽ tạm thời trở thành toàn năng. Họ sẽ như bọn vệ binh hoàng cung ở cổ La Mã và sẽ nổ ra những cuộc đảo chính giống như những cuộc đảo chính trong hoàng cung, giúp cho họ nắm chính quyền. Nhưng rồi tập đoàn thiểu số thống trị sẽ nổi lên nắm chính quyền. Tình trạng đó sẽ khiến cho sự suy yếu không thể tránh được của các đảng cấp cứ thế tiếp diễn một cách ngày càng sâu sắc, và cuối cùng thì quần chúng nhân dân nắm lấy mọi quyền hành.

Ernest đã phác ra trước một quá trình tiến hoá chậm chạp của xã hội giữa lúc lần đầu tiên anh bị thất vọng, do các công đoàn lớn làm phản. Tôi chưa bao giờ đồng ý với anh về điều đó. và ngay lúc này, giữa lúc tôi viết những dòng này, tôi lại càng phản đối kịch liệt, phản đối hơn bao giờ hết; bởi vì ngay lúc này, mặc dầu Ernest đã qua đời, chúng tôi đang tiến sát nút một cuộc khởi nghĩa nó sẽ quét sạch tất cả bọn thiểu số thống trị. Tuy nhiên, tôi cũng đã trình bày ra đây lời Ernest tiên đoán, bởi vì đó là lời tiên đoán của anh. Mặc dầu anh tin là thật, anh đã làm việc hết mình để cho cái lời tiên đoán đó không thành hiện thực. Anh đã làm việc như một người khổng lồ, và hơn ai hết, anh đã tạo điều kiện cho cuộc khởi nghĩa mà chúng tôi đang chờ hiệu lệnh để cho nổ ra 4. Chiều hôm đó, tôi hỏi Ernest. - Nhưng nếu bọn thiểu số thống trị vẫn còn, thì những số hàng ế thừa khổng lồ hàng năm chúng thu về được sẽ ra thế nào?

- Những số hàng ế thừa, chúng sẽ phải tiêu thụ bằng cách này hay cách khác. Em cứ tin chắc là bọn thiểu số thống trị sẽ tìm được cách tiêu thụ. Chúng sẽ cho xây những con đường tráng lệ. Khoa học và nghệ thuật, sẽ đạt được những thành tựu lớn. Khi bọn thiểu số thống trị đã nô dịch được nhân dân, chúng sẽ có thì giờ dành cho những việc khác.

Chúng sẽ trở thành những người tôn thờ cái đẹp. Chúng sẽ thành những người yêu nghệ thuật. Các nghệ sĩ sẽ lao động dưới sự lãnh đạo của chúng và sẽ được thưởng công rất hậu. Kết quả là nền đại nghệ thuật sẽ ra đời, bởi vì các nghệ sĩ sẽ không phải đánh đĩ với cái thị hiếu tư sản của giai cấp trung lưu như từ trước đến nay nữa. Sẽ có một nền đại nghệ thuật, anh nói thật đấy. Những thành phố kì công sẽ mọc lên, khiến cho những thành phố

thời xưa trở thành vô vị, rẻ tiền. Và trong những thành phố đó, bọn thiếu số thống trị sẽ ngự trị để tôn thờ cái đẹp 5.

"Như thế đây, số hàng ế thừa sẽ bị phí phạm thường xuyên, trong khi lao động phải nai lưng ra làm. Việc xây dựng những công trình và những thành phố vĩ đại đó sẽ đem lại cho hàng triệu người lao động bình thường một khẩu phần chết đói. Bởi vì cái khối lượng khổng lồ những hàng ế thừa bắt buộc phải phí phạm trên một quy mô khổng lồ ngang như thế, và bọn thiếu số thống trị sẽ xây dựng như thế trong hàng nghìn năm, à quên, hàng vạn năm. Chúng sẽ xây những công trình mà người Ai Cập và người Babylon ngày xưa chưa bao giờ mơ ước tới: và khi bọn thiếu số thống trị đã hết đời rồi thì những con đường vĩ đại và những thành phố kì công của chúng sẽ còn lại: tinh thần tương thân tương ái của nhân dân lao động sẽ bước những bước rộn ràng trên những con đường đó và sẽ toả ánh sáng chói ngời trong những thành phố đó 6.

Những thứ đó, bọn thiếu số thống trị sẽ xây dựng lên, bởi vì chúng không thể dừng xây dựng được. Những công trình vĩ đại đó sẽ là một hình thức tiêu xài chỗ của cái thừa, cũng giống như các giai cấp thống trị ở Ai Cập thời xưa đã từng tiêu xài chỗ của cái thừa chúng cướp bóc được của nhân dân bằng cách xây dựng đền đài và kim tự tháp. Dưới ách bọn thiếu số thống trị, sẽ có một giai cấp phát đạt: không phải giai cấp thầy tu đâu, mà là giai cấp nghệ sĩ. Và thay thế cho tầng lớp thương nhân của giai cấp tư sản sẽ là những đảng cấp lao động. Và bên dưới sẽ là một cái vực thẳm trong đó lớp dân đen, tức là tuyệt đại đa số nhân dân, sẽ đau đớn ê chề, sẽ chết đói, sẽ rửa xác ra, nhưng bao giờ cũng vẫn sinh sôi nảy nở. Và cuối cùng cũng chưa ai biết là một ngày nào họ sẽ đứng lên khỏi vực thẳm; các đảng cấp lao động và tập đoàn thiếu số thống trị sẽ sụp đổ tan tành; và rồi cuối cùng, sau một quá trình của nhiều thế kỉ, sẽ là thời đại của con người bình thường. Trước đây anh vẫn mơ ước được thấy cái ngày đó; nhưng bây giờ thì anh biết rằng anh sẽ không bao giờ thấy được. Anh ngừng một lát, nhìn tôi và nói tiếp.

- Xã hội tiến hoá chậm ghê cơ, chậm đến phát sợ lên, có phải không, em yêu quý của anh? Tôi vòng tay ôm chặt lấy anh, và anh nép đầu vào

ngực tôi: - Em hát đi cho anh nghe, - anh thì thầm, nũng nịu. - Anh đã nhìn thấy một ảo ảnh và bây giờ anh muốn quên đi.

Chú thích:

- 1 *"Chủ nghĩa phong kiến từ thiện của chúng ta" là một cuốn sách của Ghent xuất bản năm 1902. Mọi người đều quả quyết rằng Ghent đã đem tư tưởng thiếu số thống trị đến đặt vào đầu óc bọn đại tư bản. Việc mọi người tin như thế thể hiện trong nền văn học của suốt ba thế kỉ bị cái Gót sắt thống trị và ngay trong nền văn học của thế kỉ đầu tiên của thế giới đại đồng. Ngày nay chúng ta đã biết rõ hơn. Những dù rõ đến đâu, hiểu biết của chúng ta cũng không rửa được tiếng cho Ghent là một người vô tội đã từng bị chửi rửa nhiều nhất trong lịch sử.*
- 2 *Dưới đây là mấy ví dụ về những quyết định đầy tính chất thù địch đối với lao động của các toà án. Việc dùng trẻ con làm việc trong các vùng mỏ than thì ai ai cũng biết. Năm 1905, lao động ở Pennsylvania đã thành công trong việc đòi thông qua đạo luật bắt buộc rằng những lời tuyên thệ của cha mẹ về tuổi già về học vấn của trẻ em phải có chứng cứ kèm theo. Liên sau đó, đạo luật này bị Toà án Luzerne tuyên bố là trái hiến pháp, với lí do là nó vi phạm điều tu chính thứ 14 ở chỗ nó đã phân biệt đối xử với những cá nhân cùng một giai cấp, nghĩa là giữa trẻ con trên mười bốn tuổi và trẻ con dưới mười bốn tuổi. Toà án Quốc gia đã ủng hộ quyết định này. Toà án đặc biệt ở New York năm 1905 đã tuyên bố trái hiến pháp đạo luật cấm những người vị thành niên và phụ nữ làm việc quá chín giờ đêm, viện lí rằng đạo luật đó là một đạo luật có tính chất giai cấp. Cũng thời đó công nhân làm bánh mì bị bắt làm việc hết sức cực nhọc, cơ quan lập pháp của bang New York thông qua đạo luật hạn chế lao động ở các lò bánh mì trong vòng mười giờ một ngày. Năm 1906, Toà án tối cao của Hoa Kỳ tuyên bố đạo luật đó là trái hiến pháp. Một đoạn của quyết định đó như sau: "Không có một lí do chính đáng nào để xâm phạm vào quyền tự do thân thể và quyền tự do hợp đồng bằng cách quy định giờ lao động cho công việc của thợ làm bánh mì".*
- 3 *James Farley, một tên phá bãi công khét tiếng thời bấy giờ. Y là một kẻ vô lại, nhưng rất gan dạ và rất tài tình. Y leo lên rất cao dưới quyền thống*

trị của cái Gót sắt và cuối cùng đã hoà vào giai cấp thiểu số thống trị. Năm 1932, y bị một người đàn bà là Sarah Jenkins ám sát để trả thù cho chồng đã bị bọn tay chân của y giết chết ba mươi năm trước.

4 Khả năng nhìn trước các vấn đề xã hội của Ernest thật là tài tình. Sự bội phản của những công đoàn được ưu đãi, sự xuất hiện và sự suy vong lần lần của những đảng cấp lao động, sự đấu tranh giữa bọn thiểu số thống trị đang giãy chết và các đảng cấp lao động để kiểm soát bộ máy Nhà nước lớn lao, tất cả những điều đó Ernest thấy rõ, không khác gì anh đã được những biến cố đã qua soi sáng.

5 Sự nhìn xa trông rộng của Ernest quả là kì diệu. Ngay từ trước khi những ý nghĩ về các thành phố kì công như Ardis và Asgard nảy ra trong óc bọn thiểu số thống trị, Ernest đã thấy trước rằng việc xây dựng những thành phố đó là tất yếu, không thể tránh được.

6 Từ ngày có lời tiên đoán này đến nay, đã trải qua ba thế kỉ thống trị của cái Gót sắt và bốn thế kỉ nhân loại đại đồng. Ngày nay chúng ta đi trên con đường và ở trong những thành phố do bọn thiểu số thống trị xây dựng. Quả là chúng ta đang xây dựng những thành phố kì công còn kì diệu hơn thế nữa, nhưng cho đến nay, những thành phố kì công của bọn thiểu số thống trị vẫn còn tồn tại, và tôi viết những dòng này ở Ardis, một thành phố kì diệu nhất trong số tất cả những thành phố đó.

Chương XV

Những ngày cuối cùng

Gần đến cuối tháng giêng năm 1913, tập đoàn thiểu số thống trị công khai hoá thái độ đối với các công đoàn được ưu đãi. Báo chí đưa tin: nhân viên đường sắt, công nhân đúc sắt và đúc thép, kĩ sư và công nhân cơ khí được tăng lương và giảm giờ làm theo một chế độ chưa từng có. Nhưng người ta không nói hết sự thật. Bọn thiểu số thống trị không dám cho phép nói hết sự thật. Thực ra, tiền lương được nâng cao lên hơn nhiều, và những đặc quyền đặc lợi tương xứng với tiền lương cũng lớn hơn nhiều. Tất cả những cái đó đều được giữ bí mật, nhưng rồi vẫn bị tiết lộ. Đoàn viên những công đoàn được ưu đãi về nói với vợ, vợ họ lại đi nói bô lô bô la và không bao lâu tất cả giới lao động đều biết hết chuyện.

Đó chẳng qua chỉ là sự phát triển của cái thủ đoạn mà hồi thế kỉ thứ mười chín người ta gọi là chia phần ăn cướp. Trong cuộc xung đột công nghiệp thời đó, người ta đã cố thực hiện việc chia lợi nhuận. Nghĩa là các nhà tư bản đã ra sức xoa dịu công nhân bằng cách cắt giảm quyền lợi cho họ để họ thiết tha với công việc. Nhưng chế độ chia lợi nhuận vừa buồn cười, vừa không thể thực hiện được. Giữa một hệ thống xung đột công nghiệp, chia lợi nhuận chỉ có kết quả trong những trường hợp riêng biệt mà thôi, bởi vì nếu tất cả lao động và tất cả tư bản cùng chia lợi nhuận với nhau thì tình hình lại sẽ trở lại y như khi chưa chia lợi nhuận.

Cho nên từ cái ý kiến không thực tế là chia lợi nhuận, đã nảy ra một ý kiến thực tế là chia phần ăn cướp. "Hãy trả nhiều lương cho chúng tôi và quàng nặng vào cổ nhân dân", đó là khẩu hiệu của những công đoàn mạnh. Và lẽ tở ở một vài nơi, cái chính sách ích kỉ này đã vận dụng được kết quả. Quàng gánh nặng vào cổ nhân dân có nghĩa là quàng nặng vào cổ quảng đại quần chúng lao động không có tổ chức và lao động tổ chức yếu ớt. Những lớp công nhân đó đã thực sự trả chỗ tiền tăng lương cho những anh em của họ mạnh cánh hơn và là đoàn viên những công đoàn đã trở thành những tổ chức độc quyền. Tôi xin nói, ý kiến đó đã được đưa đến một kết luận tất nhiên như vậy, trên một quy mô lớn như vậy, chẳng qua cũng do sự câu kết giữa bọn thiểu số thống trị và các công đoàn được ưu đãi 1.

Ngay từ khi bí mật về sự phản bội của những công đoàn được ưu đãi lọt ra ngoài, giới lao động đều nhao nhao cả lên. Tiếp đó các công đoàn được ưu đãi rút ra khỏi các tổ chức quốc tế và cắt đứt mọi liên hệ với họ. Rồi thì tình hình rối ren lên và các cuộc bạo động nổ ra. Bọn đoàn viên của những công đoàn được ưu đãi bị vạch mặt chỉ tên là những kẻ phản bội trong các tiệm rượu, các nhà chứa, ngoài đường phố, trong công xưởng, và đâu đâu chúng cũng bị những người đồng chí mà chúng đã dè hèn bỏ rơi xông vào đánh.

Không biết bao nhiêu cái đầu vỡ, và có nhiều kẻ bị giết. Không một đoàn viên nào của những công đoàn được ưu đãi thoát không bị đánh. Chúng phải tập hợp thành từng bọn để đến xưởng làm và đi từ xưởng về nhà. Bao giờ chúng cũng đi ở giữa đường. Đi trên vỉa hè thì có mà vỡ sọ vì ăn gạch và đá củ đậu từ trên các cửa sổ và các nóc nhà ném xuống. Chúng

được phép mang vũ khí và bọn cầm quyền giúp chúng đủ mọi cách. Những ai đụng vào chúng đều bị phạt tù dài hạn và bị đối xử tàn tệ trong tù. Trong khi đó thì ngoài những đoàn viên của những công đoàn được ưu đãi ra, không một người nào được phép mang vũ khí. Vi phạm luật đó bị coi như một tội nặng và bị trừng trị thích đáng.

Giới lao động bị nhục mạ tiếp tục trả thù bọn phản bội. Thế là ranh giới giữa các đẳng cấp được vạch ra. Con cái những công nhân bị bội phản đem con cái bội phản ra đánh như tử, đến nỗi bọn này không dám thò mặt ra phố chơi, cũng không dám đi học nữa. Cả vợ con họ hàng bọn phản bội cũng bị đả kích, còn hiệu thực phẩm ở góc phố bán hàng cho chúng thì bị tẩy chay.

Kết quả là bọn phản bội và gia đình chúng bị đánh từ phía phải hợp nhau thành bè đảng. Thấy không thể nào ở yên được giữa những người vô sản mà chúng đã phản bội, chúng dọn đến những khu vực mới chỉ có mình chúng ở. Về mặt này, chúng cũng được bọn thiểu số thống trị biệt đãi. Bọn thiểu số thống trị xây cho chúng những toà nhà hiện đại và hợp vệ sinh, giữa những khu đất rộng rãi: đó đây lại có cả vườn hoa và sân chơi. Con cái chúng theo học trường riêng và trong những trường này khoa thủ công và khoa thực hành được chuyên môn hoá. Thành thử sự cách biệt này ngay từ lúc đầu đã để lại một kết quả không thể tránh được: đẳng cấp. Đoàn viên những công đoàn được ưu đãi trở thành một tầng lớp quý tộc trong nhân dân lao động. Chúng tách rời hẳn những người lao động khác. Chúng được nhà ở tốt hơn, quần áo tốt hơn, ăn uống tốt hơn và đối xử tốt hơn. Và chúng càng cuồn lên chạy theo đuôi bọn tài phiệt để chia phần ăn cướp.

Trong khi đó, bộ phận còn lại của giai cấp công nhân càng bị đối xử tàn tệ hơn trước. Họ được chút quyền lợi nào thì đã bị cướp đi hết và đã khiến các nhà ngữ nguyên học phải lúng túng khá lâu. Nhưng bây giờ chắc xuất xứ của nó được cắt nghĩa như thế là rõ ràng.

Nước Mỹ chiếm được thị trường thế giới đã đẩy các nước khác vào con đường tan rã. Ở khắp mọi nơi, các tổ chức hành chính và các chính phủ đều đang sụp đổ hoặc đang biến đổi. Đức, Ý, Pháp, Úc và New Zealand đang bận thành lập những nước cộng hoà hợp tác xã. Đế quốc Anh đang rạn vỡ thành từng mảnh. Nước Anh rồi bởi vì trăm nghìn việc. Khởi nghĩa sôi sục ở Ấn Độ. Khắp châu Á hô vang: "Châu Á của người Châu Á!" Nấp sau lời

hồ đó là nước Nhật Bản, luôn luôn thúc đẩy và giúp đỡ những chủng tộc da vàng và da đen chống người da trắng. Và trong khi Nhật Bản mơ thành một đế quốc lục địa và ra sức thực hiện giấc mơ đó thì đồng thời nó thủ tiêu cách mạng vô sản ở bên trong. Đó chỉ đơn thuần là một cuộc chiến tranh đẳng cấp, anh em phu phen chống bọn võ sĩ đạo và những người xã hội chủ nghĩa trong giới phu phen đã bị hành hình hàng vạn. Bốn vạn người đã bị giết chết trong các trận chiến đấu đường phố ở Tokyo và trong các trận tấn công xóc nổi vào cung điện Nhật hoàng. Thành phố Kobe là một lò sát sinh; vụ tàn sát công nhân dệt bằng súng liên thanh đã trở thành kinh điển khét tiếng là vụ hành hình ghê gớm nhất chưa từng bao giờ thấy, do những bộ máy chiến tranh hiện đại tiến hành. Trong tất cả các bọn thống trị thì dã man nhất là bọn thiểu số thống trị Nhật Bản lúc đó đang nổi lên. Nước Nhật thống trị phương Đông và một mình nắm tất cả phần châu Á của thị trường thế giới, trừ Ấn Độ.

Nước Anh đã đè bẹp được cuộc cách mạng vô sản bên trong và vẫn giữ được Ấn Độ, mặc dầu nó đã gần kiệt quệ. Nhưng nó bắt buộc phải nhả các thuộc địa lớn ra, thành thử những người xã hội chủ nghĩa đã xây dựng được Úc và New Zealand thành những nước cộng hoà hợp tác xã. Và cũng chính vì thế mà "nước mẹ" mất cả Canada. Nhưng Canada đã đè bẹp được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa bên trong, nhờ có cái Gót sắt giúp sức. Đồng thời cái Gót sắt đã giúp Mexico và Cuba đàn áp khởi nghĩa. Kết quả là cái Gót sắt đứng vững như bàn thạch ở Tân thế giới. Nó đã gắn chặt thành một khối chính trị vững chắc tất cả miền Bắc châu Mỹ, từ kênh đào Panama đến Bắc Băng Dương.

Nước Anh phải hi sinh các thuộc địa lớn mà cũng chỉ giữ được có mình Ấn Độ. Nhưng đó hoàn toàn cũng chỉ là nhất thời. Cuộc đấu tranh với Nhật Bản và các nước còn lại ở châu Á để giành Ấn Độ chẳng qua mới chỉ đi đến chỗ hoà hoãn. Nước Anh sớm muộn thế nào cũng mất Ấn Độ và biến cố đó sẽ mở màn cho cuộc đấu tranh giữa khối đoàn kết các nước châu Á và thế giới.

Và trong khi tất cả thế giới bị xé nát vì các cuộc xung đột thì người Mỹ chúng tôi cũng không yên ổn, thái bình. Sự phản bội của các công đoàn lớn đã chặn bước tiến của cách mạng vô sản ở nước chúng tôi, nhưng khắp mọi

nơi đều nổ ra bạo động. Cộng vào những cuộc nổi dậy của lao động và sự bất bình của các chủ trại cùng những tầng lớp còn lại của giai cấp trung lưu, còn có một cuộc phục hưng tôn giáo nó bùng lên như lửa cháy. Một chi nhánh của giáo phái "Cơ đốc phục sinh" 2 đột nhiên xuất đầu lộ diện và tuyên bố đã đến ngày tận thế.

- Thật là loạn, thật là rối như bòng bong, Ernest kêu lên. - Bao nhiêu xung khắc, bao nhiêu xu hướng trái ngược nhau? Thế này thì mong gì thực hiện được đoàn kết?

Và quả thật cuộc phục hưng tôn giáo đã lan ra trên một quy mô ghê gớm. Nhân dân vì quá nghèo khổ và vì chán chường mọi sự trên đời, hết sức mong mỏi được lên thiên đường và họ hi vọng bọn thống soái tàn bạo của nền công nghiệp sẽ không thể nào lọt được vào đó cũng như con lạc đà không thể nào lọt qua được lỗ kim. Bọn thầy tu có đôi mắt man rợ như mắt thú rừng đi khắp nước để truyền giáo; và mặc dầu các nhà đương cục nghiêm cấm và những người không tuân lệnh đều bị hành hạ, vẫn có những cuộc họp mặt tôn giáo dưới hình thức cắm trại và những cuộc họp mặt này càng quật bùng ngọn lửa cuồng tín lên.

Người ta hô hoán lên rằng đã bắt đầu đến ngày tận thế. Khắp bốn phương trời đều nổi gió. Do tay Chúa xoay vần, các dân tộc đều lâm vào cảnh tao loạn cầu xé lẫn nhau. Thời kì này là thời kì thịnh hành của mê tín và tà thuật. Thầy bói và thầy số, thầy tiên tri nhan nhản. Nhân dân bỏ việc hàng trăm hàng nghìn để trốn lên núi chờ Chúa hiện xuống lên thiên đường. Nhưng Chúa không xuống: còn họ thì bị chết đói một số lớn. Trong lúc tuyệt vọng, họ đi cướp phá các trang trại để lấy lương thực và những sự hỗn loạn vô chính phủ do họ gây ra ở các thị trấn nông thôn lại càng làm tăng thêm nỗi thống khổ của lớp chủ trại bất hạnh đã bị cướp đoạt hết tài sản.

Nhưng các trang trại và các kho thóc lại là tài sản của cái Gót sắt. Quân đội được phái về nông thôn như nước chảy và bọn người cuồng tín bị lính tráng dùng lưỡi lê tuốt trần điệu về thành phố hàng đàn hàng lũ để tiếp tục làm việc. Về đến đấy họ lại liên tiếp nổi loạn. Lãnh tụ của họ bị hành hình vì tội phiến loạn, hoặc bị giam vào nhà điên. Những người bị hành hình ngang nhiên nhận cái chết với niềm vui sướng của những kẻ tuần tử vì đạo. Thời kì này là một thời kì điên loạn. Tâm trạng bất an lan rộng. Trong

những đồng lầy, những sa mạc và những vùng đất hoang từ Florida đến Alaska, những toán người da đỏ còn sống sót nhảy nhót như những bóng ma và chờ đợi cứu thế của họ xuất hiện.

Và giữa tất cả những cái ấy, với một sự điềm đạm và một niềm tự tin kinh khủng, vẫn tiếp tục nổi bật lên hình thù con quái vật của các thời: Tập đoàn thiếu số thống trị. Nó dùng bàn tay sắt và cái Gót sắt để khuất phục hàng triệu nhân dân đang nổi dậy, nó dẹp tan mọi rối loạn để dựng nên trật tự và ngay trên cái đồng hỗn độn đó thiết lập nền móng và dinh dưỡng của nó.

- Hãy chờ đến ngày chúng tôi nhậm chức, - các đảng viên đảng Kho thóc tuyên bố thế. và ông Calvin thuật lại cho chúng tôi nghe tại nhà riêng chúng tôi ở phố Pell. Các bạn hãy nhìn vào những bang mà chúng đã chiếm được. Có những người xã hội chủ nghĩa các bạn ủng hộ khi chúng tôi ra làm việc, chúng tôi sẽ làm cho chúng phải đổi giọng. Những người xã hội chủ nghĩa thì nói:

- Hàng triệu quân chúng bất bình và tất cả những người bị bắn cùng hoá là chúng ta. Các đảng viên Kho thóc đi với chúng ta, cả các chủ trại giai cấp trung lưu và những lao công thường nữa. Chế độ tư bản rồi sẽ tan tành. Sang tháng sau là chúng ta sẽ cử năm mươi người vào Quốc hội. Chỉ hai năm nữa, tất cả các chức vụ sẽ do chúng ta nắm, từ chức Tổng thống cho xuống đến chức bắt chó ở các tỉnh. Trước những nhận định đó, Ernest lắc đầu nói:

- Các bạn có bao nhiêu súng? Các bạn có biết lấy đâu ra được nhiều chì để đúc đạn? Còn về chế tạo thuốc nổ thì các bạn cứ tin lời tôi, phương pháp hoá học tốt hơn là phương pháp cơ khí.

Chú thích

1 Tất cả những công đoàn đường sắt đều đã cấu kết với bọn thiếu số thống trị. Nên chú ý rằng chính sách chia phần ăn cướp là do một công đoàn đường sắt áp dụng lần đầu tiên vào hồi thế kỉ thứ 19. Công đoàn này chính là "Hội kết nghĩa của công nhân đầu máy", do P.M. Arthur làm lãnh tụ tối cao trong suốt hai mươi năm. Sau cuộc bãi công của công nhân đường sắt Pennsylvania năm 1877, Arthur đã vạch ra một kế hoạch cho công nhân đầu máy bắt tay với các công ty hoá xa và "ăn mảnh một mình", bỏ mặc các công đoàn khác. Cái kế hoạch ích kỉ đó

đã thu được kết quả hoàn toàn. Từ đó nảy ra danh từ "Arthur hoá" để chỉ những công đoàn thực hiện âm mưu chia phần ăn cướp. Danh từ "Arthur hoá" tiền lương cùng với mức sống của họ sụt xuống rất nhanh. Các trường học do đó bị tan vỡ và nền giáo dục cưỡng bách dần dần không còn nữa. Số người không biết đọc biết viết trong thế hệ trẻ tăng lên một cách khủng khiếp.

2 Một giáo phái ở Mỹ. Họ tin rằng chỉ trong một ngày rất gần Chúa sẽ lại xuất hiện và tiếp theo đó thì tất cả những người chết đều sống lại (ND).

Chương XVI

Kết thúc

Đến lúc Ernest và tôi đi Washington, ba tôi không đi theo. Cụ đã mê cuộc đời vô sản. Cụ coi khu phố lụp xụp gần nhà chúng tôi như một phòng thí nghiệm xã hội học lớn, và cụ mãi mê theo đuổi những cuộc điều tra vô tận của cụ. Cụ đánh bạn với những anh em lao công và được coi như người nhà trong hai chục gia đình. Cụ làm cả các việc vặt, coi đó là trò tiêu khiển đồng thời là việc nghiên cứu khoa học. Cụ làm như vậy một cách thích thú, và bao giờ cụ cũng về nhà với những trang ghi chép dày đặc và sẵn sàng kể cho chúng tôi nghe những chuyện mạo hiểm mới. Cụ đúng là một nhà bác học mẫu mực.

Kể ra ba tôi không cần phải đi làm, vì Ernest dịch sách cũng kiếm đủ cho ba người chúng tôi sống. Nhưng cụ cứ khăng khăng theo đuổi cái bóng ma thân thiết của cụ và nếu xét qua những công việc cụ làm thì đó phải là một con ma luôn luôn thay hình đổi dạng. Tôi sẽ không bao giờ quên cái buổi tối hôm ấy cụ đem về nhà một hòm hàng cụ đeo đi bán rong, có đủ cả dây giày và dây đeo quần, và một hôm khác tôi vào mua hàng ở một hiệu thực phẩm thì lại gặp chính ba tôi ra phục vụ. Sau đó thì tôi không còn ngạc nhiên khi thấy ba tôi làm bồi cho một quán rượu bên kia phố trong một tuần lễ. Cụ làm nghề gác đêm, đi rao bán khoai tây ngoài phố, dán nhãn hiệu trong một xưởng đóng đồ hộp, làm lao công trong một xưởng làm hộp giấy, đi khiêng nước cho một kíp công nhân đường xe điện. Cụ còn gia nhập cả công đoàn rửa bát đĩa vừa đứng trước khi tổ chức này tan rã.

Nói về ăn mặc thì tôi cho rằng gương đức Giám mục đã lôi cuốn được ba tôi, vì chính ba tôi cũng bận một tấm áo lót rẻ tiền bằng vải bông của anh

em lao công và một chiếc quần mặc ngoài thắt bằng dải rút. Tuy nhiên, ba tôi vẫn còn giữ một tập quán do cuộc sống trước kia để lại: đến bữa ăn trưa, hay đúng hơn, đến bữa ăn tối, bao giờ cụ cũng đóng bộ chỉnh tề.

Sống với Ernest thì dù ở đâu tôi cũng thấy hạnh phúc: và niềm vui sướng của ba tôi trong hoàn cảnh đời mới của chúng tôi càng làm cho hạnh phúc của tôi thêm toàn vẹn.

- Hồi còn nhỏ, tính ba rất tò mò, - ba tôi bảo. - Ba thường muốn biết tại sao lại có cái này, cái nọ và những cái đó diễn ra như thế nào. Chính vì thế mà ba thành một nhà vật lí học. Cuộc đời đối với ba lúc này cũng đầy vẻ hiêu kì như hồi ba còn nhỏ: và chính vì cuộc đời đầy vẻ hiêu kì cho nên nó mới đáng sống.

Thỉnh thoảng ba tôi lần mò ra tận khu bán hàng và rạp hát ở phía bắc Phố Chợ. Cụ đến đây để bán báo, chạy hàng sách và mở cửa xe ngựa cho khách lên xuống. Một hôm, nhân đóng cửa một chiếc xe, ba tôi chạm trán với lão Wickson. Chiều về, cụ kể lại cho tôi nghe chuyện đó bằng một giọng rất thú vị.

- Lão Wickson nhìn chòng chọc vào ba, khi ba đóng cửa xe lại. Hắn bắt giác kêu lên: "Ồ, thế này thì chết thật!" Hắn nói đúng như thế: "Ồ, thế này thì chết thật!" Hắn đỏ mặt lên và bối rối quá: đến nỗi quên cả trả tiền ba. Nhưng chắc là hắn định thần được ngay, vì chiếc xe vừa đi được dăm chục bước thì quay trở lại. Hắn thò đầu ra ngoài. "- Chết thật, giáo sư, thế này thì thật là quá quẩn, - hắn nói. - Tôi có thể giúp gì ngài được không? "- Tôi đóng cửa xe cho ngài, - ba đáp. - Theo lệ thường thì ngài có thể cho tôi một hào. "- Lại thế nữa ư, - hắn kêu lên. - Tôi muốn nói: giúp cái gì cho ra tẩm ra món kia!

"Hắn nói đây chắc chắn là nói đúng đắn đấy. Có khi lương tâm gỗ đá của hắn thoáng bị day dứt cũng không biết chừng, thành thử ba đứng suy nghĩ mất một lúc. Khi ba bắt đầu trả lời, vẻ mặt hắn rất chăm chú, nhưng các con phải nhìn mặt nó khi cha vừa nói xong kia! "- Ngài có thể trả lại cho tôi cái nhà, - ba nói, - cùng với cổ phần của tôi ở nhà máy dệt Sierra. Ba tôi ngừng lại một lát. - Thế hắn nói thế nào? - Tôi sốt ruột hỏi.

- Còn nói thế nào được nữa? Hắn chẳng nói năng gì cả. Nhưng ba bảo "Tôi mong ngài sung sướng". Hắn rất ngạc nhiên nhìn ba. Ba liền hỏi:

"Thưa ngài, xin ngài cho tôi biết, ngài có sung sướng không?" Hấn liền ra lệnh cho xà-ích đánh xe đi và vừa đi vừa nguyên rửa kính người. Hấn không cho ba hào nào, hấn lại càng không trả nhà và cổ phần kinh doanh. Đây con xem, cái nghề chạy rong ngoài phố của ba toàn những chuyện thử lửa như thế đấy.

Ba tôi tiếp tục sống trong mấy căn phòng của chúng tôi ở phố Pell, còn Ernest và tôi đi Washington. Rõ ràng cái trật tự cũ đã chết và trận đòn kết thúc đến mau hơn tôi tưởng. Trái với chờ đợi của chúng tôi, không có gì cản trở những nghị sĩ của Đảng Xã hội ngồi vào ghế của họ.

Mọi việc đều tiến hành êm ả và tôi cười khi thấy Ernest nhận định rằng cái êm ả đó chính lại là điều dở.

Chúng tôi thấy các đồng chí xã hội chủ nghĩa của chúng tôi đầy tự tin, lạc quan vì sức mạnh của họ và vì những việc mà họ sắp làm. Một số ít đảng viên Kho thóc được bầu vào Quốc hội càng làm tăng thêm sức mạnh của chúng tôi, và hai bên phối hợp với nhau chuẩn bị đặt một chương trình hành động. Ernest đem hết lòng thành thật và nghị lực ra tham gia vào những công việc đó, mặc dầu thỉnh thoảng anh vẫn bật ra nói một cách băng quor: "Nói về chế tạo chất nổ thì tôi cam đoan rằng phương pháp hoá học tốt hơn là phương pháp cơ khí".

Đảng Kho thóc bắt đầu gặp khó khăn trước, ở những bang mà họ đã chiếm được trong cuộc tuyển cử vừa rồi. Có tất cả mười hai bang, nhưng những đảng viên Kho thóc trúng cử không tài nào nhậm chức được. Những người đương chức không chịu rút. Họ chỉ viện một lí do đơn giản là tuyển cử không hợp lệ, và làm cho tình hình rối mù lên bằng những thủ tục pháp lí. Các đảng viên Kho thóc đều bất lực. Nơi trông cậy cuối cùng của họ là toà án, nhưng toà án lại do phe địch nắm.

Lúc này là lúc nguy hiểm. Nếu những đảng viên Kho thóc bị đánh lừa kia mà nổi khùng lên thì mọi việc đều đi đứt. Những người xã hội chủ nghĩa chúng tôi phải tìm hết cách để kìm họ lại. Có nhiều ngày nhiều đêm Ernest không lúc nào chợp mắt. Những người lãnh đạo cao cấp của Đảng Kho thóc nhìn thấy tai hoạ, và hành động hoàn toàn nhất trí với chúng tôi. Nhưng cũng bằng vô ích. Tập đoàn thiểu số thống trị muốn bạo động. Không phải

bàn cãi lôi thôi gì nữa: chính bọn nhân viên khiêu khích đã gây nên cuộc khởi nghĩa nông dân.

Cuộc khởi nghĩa nổ ra trong mười ba bang, những chủ trại đã bị tước đoạt tài sản dùng bạo lực chiếm lấy chính phủ các bang. Cố nhiên như vậy là trái với hiến pháp, và cố nhiên chính phủ Hoa Kỳ đưa quân đội ra chiến trường. Bọn nhân viên khiêu khích đi xúi giục nhân dân ở khắp nơi. Chúng là những phái viên của cái Gót sắt cải trang làm thợ thủ công, chủ trại và công nhân nông nghiệp. Ở Sacramento, thủ phủ bang California, các đảng viên Kho thóc nắm được chính quyền. Tức thì hàng nghìn mật thám được tung vào thành phố. Trong những cuộc bạo động hoàn toàn chỉ gồm có chúng, chúng đốt phá, cướp bóc các dinh thự và nhà máy. Chúng khích động nhân dân đến độ họ hòa theo chúng đi ăn cướp. Chúng đem rượu phân phát thùng lớn thùng nhỏ cho dân nghèo để kích thích tâm trí họ. Và rồi khi mọi việc đã sẵn sàng, binh lính của nước Hoa Kỳ bắt đầu ra sân khấu. Thực ra đó là binh lính của cái Gót sắt. Mười một ngàn người, đàn ông, đàn bà, trẻ con, bị bắn giết trên các đường phố ở Sacramento hoặc bị tàn sát ngay trong nhà họ. Chính phủ quốc gia nắm lấy chính phủ bang, thế là hết chuyện.

Ở California thế nào thì ở các nơi khác cũng thế. Tất cả các bang do Đảng Kho thóc nắm đều bị tàn phá và tắm trong máu. Thoạt tiên, bọn mật thám và bọn "Trăm đen" gây rối loạn, rồi thì quân đội được phái đến. Không khí khủng bố bao trùm tất cả các thị trấn nông thôn. Trại, kho tàng, làng mạc, thành phố cháy suốt ngày suốt đêm, khói bốc ngất trời. Mìn bắt đầu nổ. Các cầu xe lửa và các đường hầm xuyên núi bị phá sập và các đoàn tàu liên tiếp bị lật đổ. Những người chủ trại khôn khổ bị bắn chết và bị treo cổ vô tội vạ. Sự trả thù cũng rất khốc liệt: nhiều tên tài phiệt và nhiều sĩ quan bị giết. Trong lòng người chỉ còn có máu và căm thù. Quân đội chính quy tàn sát các chủ trại hết sức dã man, không khác gì họ là người da đỏ. Và quân đội chính quy làm như vậy không phải là không có lí do. Họ bị tiêu diệt hai nghìn tám trăm người trong những trận đánh mìn khủng khiếp ở Oregon, và cũng vì trúng mìn mà nhiều đoàn tàu đã bị phá huỷ ở nhiều nơi, làm nhiều lúc. Thành thử quân đội chính quy cũng phải chiến đấu để bảo toàn tính mạng, không khác gì các chủ trại.

Còn về dân vệ thì đạo luật dân vệ năm 1903 được đem ra áp dụng và công nhân ở bang này bị cưỡng bức đi bắn giết đồng chí của họ ở những bang khác, nếu không tuân lệnh thì bị xử tử. Cố nhiên, lúc đầu, đạo luật dân vệ đem áp dụng không phải là êm thấm. Nhiều sĩ quan dân vệ bị giết và nhiều lính dân vệ đã bị toà án quân sự xử tử. Những lời tiên đoán của Ernest hết sức đúng với trường hợp của ông Kowalt và ông Asmunsen không chịu làm nghĩa vụ. Hai người được xưng tội cấp tốc. Toà án quân sự là phần thưởng của họ, và trường bắn quân sự là nơi kết thúc đời họ. Họ bị xử tử: lưng quay vào đội lính hành hình.

Nhiều người trai tráng bỏ trốn lên núi để khỏi phải đi dân vệ. Họ sống ngoài vòng pháp luật và mãi tới thời bình mới bị trừng trị. Họ bị trừng trị rất nặng. Chính phủ ra một bản tuyên cáo gọi những công dân trốn tránh pháp luật ở trên núi phải trở về trong thời hạn ba tháng. Đúng hạn, một nửa triệu binh lính được điều về những tỉnh miền núi trong khắp nước. Không điều tra, không xét xử. Bất cứ người nào bị bắt gặp bất cứ ở đâu đều bị bắn chết tại chỗ. Quân đội hoạt động trên cơ sở làm cho không còn lại một người nào sống ngoài vòng pháp luật trên núi nữa. Một vài nhóm chiếm được những vị trí vững mạnh chống lại rất anh dũng, nhưng cuối cùng thì tất cả những người trốn không đi dân vệ đều bị chết.

Tuy vậy vẫn còn một bài học trực tiếp hơn đập mạnh vào tâm trí nhân dân: đó là sự trấn áp dân vệ bang Kansas. Cuộc nổi loạn ở Kansas xảy ra ngay khi bắt đầu có những cuộc hành quân chống Đảng Kho thóc. Sáu nghìn dân vệ đã nổi loạn. Trước đó họ đã tỏ ra rất phần nộ và rất ngỗ ngược liên tiếp trong nhiều tuần lễ, và vì vậy cho nên họ giữ lại trại. Dầu sao, họ công khai nổi loạn sớm như vậy cũng là do có bọn nhân viên khiêu khích thúc đẩy.

Đêm hôm 22 tháng tư, họ nổi dậy giết chết gần hết sĩ quan, chỉ có một số nhỏ trốn thoát. Việc đó vượt cả âm mưu của cái Gót sắt, vì bọn nhân viên khiêu khích đã làm việc quá ư đắc lực. Nhưng mọi sự đều có lợi cho cái Gót sắt. Chính nó đã chuẩn bị cho cuộc khởi loạn nổ ra, và sẽ vin vào việc nhiều sĩ quan bị giết để bào chữa cho những hành động sau này. Như một trò ảo thuật, bốn vạn binh lính của quân đội chính quy vây kín những người bất mãn. Đây hoàn toàn là một cái bẫy. Đoàn dân vệ khốn khổ lúc đó mới thấy

súng máy của mình đã bị đánh tráo và đạn trong các kho họ chiếm được không vừa cỡ súng. Họ kéo cò trắng hàng, đối phương cũng không hề đếm xỉa. Không một ai sống sót. Tất cả sáu nghìn người đều bị tiêu diệt. Trước họ còn bị bắn bằng đại bác và súng cối, về sau, đến lúc tuyệt vọng, họ xung phong ra phá vòng vây thì bị quét bằng liên thanh. Tôi đã nói chuyện với một người được mục kích trong thảm cảnh ấy, ông ta bảo người lính dân vệ nào tiến đến gần súng liên thanh nhất cũng còn cách xa một trăm năm mươi mã. Mặt đất ngổn ngang xác chết. Cuối cùng, kị binh xông vào dùng súng lục và kiếm kết thúc cuộc tàn sát, thậm chí cho ngựa xéo lên trên những người bị thương để di họ xuống đất.

Đồng thời với việc tiêu diệt Đảng Kho thóc, đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ. Đó là cố gắng cuối cùng của giới lao động đã vào tổ chức. Bảy mươi năm vạn công nhân mỏ xuống đường bãi công. Nhưng vì họ phân tán trên khắp nước cho nên không sử dụng được lực lượng bản thân của họ. Họ bị cô lập trong từng tỉnh và bị đánh tơi bời, cuối cùng phải quy thuận. Thế là hàng loạt người bị bắt đi làm nô lệ. Tên Pocock 1 được lĩnh chức cai quản nô lệ và đồng thời, lĩnh luôn cả mối thù truyền kiếp của những người vô sản. Y bị mưu sát không biết bao nhiêu lần, nhưng hình như y có bùa hộ mệnh. Chính y phải chịu trách nhiệm về việc đem chế độ giấy căn cước của Nga hoàng áp dụng cho công nhân mỏ và việc xoá bỏ quyền tự do di chuyển ở của họ từ nơi này sang nơi khác ở trong nước.

Trong khi đó, những người xã hội chủ nghĩa vẫn đứng vững. Giữa lúc Đảng kho thóc ngắc ngoải trong máu lửa và giới lao động có tổ chức bị tan rã, thì những người xã hội chủ nghĩa giữ thái độ hoà bình để cố củng cố tổ chức bí mật của họ. Những đảng viên Kho thóc trách, chúng tôi cũng mặc. Chúng tôi trả lời một cách đúng đắn rằng chúng tôi mà khởi nghĩa lúc này thì toàn bộ cách mạng bị tiêu diệt. Cái Gót sắt mới bắt đầu thì do dự vì phải đối phó một lúc với tất cả giai cấp vô sản, nhưng về sau đó thấy làm như vậy không đến nỗi khó như nó tính, và lúc này nó không mong muốn gì hơn là chúng tôi nổi dậy. Nhưng chúng tôi hết sức tránh điều đó, mặc dầu bọn nhân viên khiêu khích chui vào hoạt động nhan nhản trong hàng ngũ chúng tôi. Trong những ngày đầu này bọn tay sai của cái Gót sắt áp dụng những phương pháp rất vụng về. Chúng còn phải học nhiều, và các đội chiến đấu

của chúng tôi đã làm cỏ bọn chúng. Thật là một công tác khốc liệt và đẫm máu, chúng tôi chiến đấu cho cuộc sống và cho cách mạng, và chúng tôi phải lấy gậy của kẻ thù đập lên lưng kẻ thù. Tuy nhiên, chúng tôi làm rất thận trọng. Không một tên tay sai nào của Gót sắt bị thủ tiêu mà không có xét xử. Rất có thể chúng tôi giết nhầm, nhưng nếu có thì cũng hoá hoàn lấm. Tham gia những Đội chiến đấu là những người can đảm nhất, nhiều tính chiến đấu nhất và giàu lòng hi sinh nhất trong các đồng chí chúng tôi. Mười năm sau, có lần Ernest đã làm một con tính với những số liệu do những chỉ huy của các Đội chiến đấu cung cấp, và anh kết luận rằng tính trung bình, người nhiều bù người ít, các nam nữ đội viên đều có năm năm tuổi đội. Những đồng chí trong các Đội chiến đấu đều là anh hùng cả, và điều đặc biệt nhất là họ phản đối việc giết người. Họ đã vi phạm ngay chính bản chất của họ. Tuy vậy, họ rất yêu tự do và đều biết rằng đối với sự nghiệp chung thì hi sinh bao nhiêu cũng vẫn là chưa đủ 2.

Nhiệm vụ mà chúng tôi tự đặt ra cho chúng tôi gồm tất cả ba điểm. Một là khử bọn mật thám của cái Gót sắt lẫn lút trong hàng ngũ chúng tôi. Hai là tổ chức những Đội chiến đấu và ngoài ra thì lập những tổ chức bí mật chung của Cách mạng, và ba là bí mật cài người của chúng tôi vào tất cả các ngành do tập đoàn thiểu số thống trị nắm - vào các đảng cấp lao động và nhất là hàng ngũ các nhân viên điện báo, các thư kí bàn giấy, vào quân đội, trà trộn với bọn nhân viên khiêu khích và bọn cai tù. Đây là một việc rất lâu dài và nguy hiểm và chúng tôi thường bị những vố thất bại sâu cay.

Cái Gót sắt đã thắng trong cuộc chiến tranh công khai nhưng chúng tôi vẫn giữ vững vị trí trong một cuộc chiến tranh mới, kì lạ và khủng khiếp, một cuộc chiến tranh ngầm, mà chúng tôi phát động. Mọi thứ đều vô hình, và có nhiều cái bất ngờ. Đúng là xầm đánh nhau với xầm. Tuy vậy vẫn có kỉ luật, có mục tiêu, có kiểm tra đôn đốc. Chúng tôi chui vào toàn bộ tổ chức của cái Gót sắt trong khi đó bọn mật thám của cái Gót sắt lại chui vào tổ chức của chúng tôi. Đây là một cuộc chiến tranh âm thầm, rất dễ lạc hướng, đầy những mưu thần chước quỷ, bên này giăng bẫy bên kia. Mạng người lúc nào cũng treo lên sợi tóc, mà đã chết thì chết một cách đau đớn, ê chề. Những nam nữ đồng chí gần gũi nhất, thân yêu nhất của chúng tôi mất tích

rất nhiều. Hôm nay chúng tôi không bao giờ thấy mặt họ nữa, thế là chúng tôi biết họ đã bỏ mình.

Ở đâu cũng vậy, không ai còn biết tin cậy vào ai được nữa. Kẻ này cùng hoạt động với chúng tôi, tất cả chúng tôi đều biết rõ, ấy thế mà vẫn có thể làm mật thám cho cái Gót sắt như thường. Chúng tôi phá hoại tổ chức của cái Gót sắt bằng những nhân viên công tác bí mật của chúng tôi, và cái Gót sắt lại phá trả chúng tôi bằng mật thám của nó nằm ngay trong tổ chức của nó. Bên phía tổ chức của chúng tôi thì cũng vậy. Và mặc dầu không còn biết tin cậy vào ai, chúng tôi vẫn bắt buộc phải lấy sự tin cậy làm cơ sở cho những hoạt động của mình. Chúng tôi thường bị bội phản luôn. Con người ta vốn yếu đuối. Cái Gót sắt có khả năng để mua chuộc bằng tiền tài, bằng những cuộc hành lạc trong các thành phố kì công của chúng. Chúng tôi thì chỉ có thể đem lại cho con người sự toại nguyện vì thấy mình trung thành với một lí tưởng cao cả. Và số tiền lương duy nhất Cách mạng có thể trả cho những người trung thành là nguy hiểm liên miên, là nhục hình và chết chóc.

Như tôi đã nói, con người vốn yếu đuối, và chính vì nó yếu đuối nên chúng tôi bắt buộc phải có một lối xử trí riêng trong phạm vi khả năng của chúng tôi. Lối xử trí đó là cái chết. Vì cần thiết cho nên chúng tôi bắt buộc phải trừng trị bọn phản bội. Cứ một tên làm phản là chúng tôi tung mười mười hai người đồng chí trung thành ra để báo thù. Chúng tôi có thể thất bại trong việc thi hành những nghị quyết thủ tiêu kẻ thù như bọn Pocock chẳng hạn; nhưng có một việc chúng tôi đã làm thì không thể nào thất bại được, đó là việc trừng trị bọn phản bội ngay trong hàng ngũ chúng tôi. Có đồng chí được phép của Đảng giả vờ phản bội để có thể vào những thành phố kì công mà thi hành bản án đối với những kẻ phản bội thật. Trong thực tế chúng tôi đã gây một không khí ghê gớm đến nỗi mọi người đều thấy phản bội chúng tôi còn nguy hiểm hơn là trung thành với chúng tôi.

Cách mạng đã mang một tính chất tôn giáo sâu sắc. Chúng tôi tôn thờ lí tưởng trước đài Cách mạng, nó chính là con người chúng tôi. Đàn ông đàn bà hiến mình cho sự nghiệp, và người ta dâng cả những trẻ sơ sinh cho Cách mạng cũng như ngày xưa người ta dâng cho đức Chúa trời. Chúng tôi là những người yêu nhân loại.

Chú thích:

1 *Albert Pocock, một trong những tên phá bãi công khét tiếng ngay từ những năm đầu. Cho đến lúc chết, y đã thành công trong việc giữ tất cả công nhân mỏ làm việc cho chủ. Con trai y là Lewis Pocock đã nối nghiệp y và suốt năm đời cái dòng họ quản nô khét tiếng ấy đã làm mưa làm gió trong các mỏ than. Người ta tả tên Pocock cụ, mà người ta gọi là Pocock I, như sau: một cái mặt dài ngoẵng, đầu xù lên một mái tóc nâu đã điểm bạc, hai lưỡng quyền bạnh ra hai bên và cằm nhô ra phía trước... Nước da tái mét, đôi mắt xám đục ngầu, giọng nói sang sảng, dáng người bệ bệ". Y sinh trong một gia đình nghèo và thoát đầu làm bồi trong một tiệm rượu. Sau đó y làm mật thám tư cho một công ty xe lửa rồi dần dần trở thành một tên phá bãi công chuyên nghiệp. Pocock V là tên cuối cùng của dòng họ Pocock đã bị tung xác trong một nhà máy bơm vì trái bom của công nhân mỏ trong cuộc bạo động nhỏ ở khu vực Người da đỏ.*

2 *Những đội chiến đấu này ít nhiều rập theo tổ chức chiến đấu của Cách mạng Nga (London muốn nói Cách mạng 1906 - ND). Mặc dầu bị khủng bố liên tiếp, những đội này vẫn tồn tại suốt ba thế kỉ thống trị của cái Gót sắt. Gồm những đội viên nam nữ giác ngộ lí tưởng và không sợ chết, những đội này đã gây ảnh hưởng rất lớn và đã hạn chế được sự tàn bạo của bọn cầm quyền. Công tác của họ không phải chỉ là chiến đấu bí mật chống bọn mật thám của tập đoàn thiểu số thống trị. Ngay chính bọn thiểu số thống trị cũng bắt buộc phải tuân theo quyết định của các Đội chiến đấu. Nhiều lần vì không tuân theo những quyết định đó, nhiều tên đã bị xử tử. Bọn tay chân của tập đoàn thiểu số thống trị, bọn sĩ quan trong quân đội và bọn thủ lĩnh các đảng cấp lao động cũng vậy. Những người đi trả thù một cách có tổ chức này hết sức tôn trọng công lí và đặc biệt là họ rất bình tĩnh và hành động theo đúng thủ tục pháp lí. Không có cuộc xét xử nào hấp tấp. Khi có một kẻ bị bắt, kẻ đó được đưa ra xử hẳn hoi và được quyền tự bào chữa. Những khi cần thiết, cũng có nhiều kẻ bị xử vắng mặt chẳng hạn như trường hợp của tên tướng Lampton. Việc này xảy ra năm 2138 thuộc công nguyên. Trong tất cả những tên lính đánh thuê cho cái Gót sắt, y*

là tên khát máu nhất và xảo quyệt nhất. Các Đội chiến đấu báo tin cho y biết là họ đã đưa y ra xét xử, đã xác nhận y là tội phạm và đã xử tử y. Họ làm như vậy sau khi đã cảnh cáo ba lần để cho y chấm dứt những hành vi tàn bạo của y đối với giai cấp vô sản. Sau khi tuyên án, y đã tìm trăm phương nghìn kế để tự bảo vệ. Nhiều năm trôi qua, các Đội chiến đấu hết sức thi hành bản án mà không được. Trong việc này, nhiều đồng chí, cả nam lẫn nữ, đã bị thất bại và đã bị tập đoàn thiểu số thống trị hành tội rất tàn bạo. Chính vì trường hợp của tên tướng Lampton mà bọn thống trị đã khôi phục lối đóng đinh lên câu rút làm một lối hành hình hợp pháp. Nhưng cuối cùng tên tội phạm đã phải đền mạng. Người thi hành bản án là chị Madeline Provence, một thiếu nữ mảnh dẻ mới mười bảy tuổi. Để thi hành nhiệm vụ, chị đã vào lâu đài của tên này làm thợ khâu cho gia nhân của y trong hai năm. Chị đã bỏ mình trong ngục tối sau khi bị tra tấn cực kì dã man trong một thời gian khá lâu. Nhưng ngày nay chị đã thành một bức tượng bất tử trong Đền liệt sĩ Đại đồng ở thành phố kì công Serles.

Chương XVII

Tám áo gia nô màu đỏ

Đồng thời với việc tiêu huỷ các bang do Đảng Kho thóc nắm, các đảng viên Kho thóc ở Quốc hội cũng biến mất. Họ bị đưa ra xử vì tội phản quốc và ghế của họ bị tay sai của cái Gót sắt chiếm đoạt. Những người xã hội chủ nghĩa chỉ còn là một thiểu số thảm hại, và họ biết rằng họ cũng sắp bị tiêu diệt đến nơi. Quốc hội và Thượng nghị viện là những sự phô trương hão, những trò hề. Những vấn đề quốc sự được đem bàn luận trang nghiêm và được thông qua theo những hình thức cũ, nhưng trong thực tế thì chỉ phải làm có một việc là đóng cái dấu thủ tục hiến pháp lên những uỷ nhiệm của tập đoàn thiểu số thống trị.

Sự kết thúc của chúng tôi xảy đến giữa lúc Ernest đang đấu tranh hết sức kịch liệt. Hôm đó Quốc hội tranh luận về dự luật cứu tế thất nghiệp. Tình hình khó khăn năm trước đã dìm đồng bào quần chúng vô sản xuống dưới cả mức độ chết đói, loạn lạc liên miên ở khắp nước lại càng làm cho họ chìm sâu trong cùng khốn. Hàng triệu người chết đói trong lúc bọn thiểu

số thống trị và tay chân của chúng thừa mứa hàng hoá ế thừa không tiêu thụ hết [].

Chúng tôi gọi những người cùng khốn này là "đám dân của vực thẳm" [2] và Đảng Xã hội đề ra dự luật về thất nghiệp chính là để giảm bớt những nỗi đau khổ kinh hồn cho họ. Nhưng cái Gót sắt không nghĩ như vậy. Nó đang chuẩn bị cho hàng triệu người đó đi làm theo cách của nó, nhưng cách đó không phải là cách của chúng tôi. Vì vậy, nó đã ra lệnh phải bỏ phiếu bác dự luật của chúng tôi. Ernest và các đồng chí của anh đều biết có cố gắng cũng bằng thừa, vô ích, nhưng họ đã hết cả kiên nhẫn vì thấy tình trạng bế tắc kéo dài. Họ muốn phải xảy ra một việc gì. Họ cũng chẳng làm nên trò trống gì đâu nhưng điều họ mong muốn nhất là chấm dứt các trò hề lập pháp trong đó họ là những diễn viên bất đắc dĩ. Họ không rõ kết cục sẽ có thể thâm đến thế là cùng.

Hôm ấy tôi ngồi trong hành lang. Tất cả chúng tôi đều biết sắp có một biến cố khủng khiếp xảy ra. Nó như đang lơ lửng trên trời, cứ nhìn binh lính đem vũ khí xếp hàng ở hành lang và các sĩ quan tụ tập ở các cửa nghị viện thì rõ. Tập đoàn thiểu số thống trị sắp tấn công đến nơi. Ernest đang nói. Anh tả những nỗi thống khổ của những người thất nghiệp, tưởng chừng anh đang nuôi cái ảo vọng làm cho những trái tim và những lương tâm kia xúc động. Nhưng những đảng viên Dân chủ và Cộng hoà cười ầm lên để chế nhạo anh và hội trường đầy những tiếng la ó không khác gì chợ vỡ. Ernest bắt đầu đổi chiến thuật.

- Tôi biết tất cả những điều tôi nói đều không mấy may ảnh hưởng đến các ngài. Các ngài làm gì có tâm hồn mà ảnh hưởng được. Các ngài là một loài không có xương sống, là những cây thịt nhão. Các ngài huênh hoang tự xưng là Cộng hoà, là Dân chủ? Làm gì có những người Cộng hoà và những người Dân chủ trong Nghị viện này? Các ngài là một bọn liếm gót giày, một bọn dĩ bợm, một bọn người do giai cấp tài phiệt nặn ra. Các ngài dùng những lời lẽ cũ rích để nói huênh hoang về lòng yêu tự do của các ngài; trong khi đó thì các ngài mặc tấm áo gia nô màu máu của cái Gót sắt nó phát cho.

Đến đây, những tiếng la ó và những tiếng thét "Trật tự! Trật tự!" át giọng anh đi và anh giữ thái độ khinh bỉ cho đến khi tiếng ồn ào đã hầu như

lắng xuống. Anh vung tay chỉ vào tất cả bọn chúng, quay lại nói với các đồng chí của anh: - Các đồng chí nghe, bây thú béo mập nó đang gầm.

Tiếng gào thét lại nổi lên dữ dội. Chủ tịch Nghị viện đập bàn giữ trật tự và đưa đôi mắt chờ đợi về phía bọn sĩ quan túc trực ở các cửa ra vào. Có những tiếng thét "Phiến loạn!" Và một ông nghị béo tròn béo trọc của bang New York lên tiếng chửi Ernest là quân "vô chính phủ". Nhìn Ernest lúc này thật là hung dữ. Tất cả những thớ thịt chiến đấu của anh rung lên và vẻ mặt anh là vẻ mặt của một con mãnh thú đang chiến đấu. Nhưng đồng thời anh cũng tỏ ra lạnh lùng, bình tĩnh. Giọng nói của anh cao vút lên, át cả tiếng ồn ào: - Các ngài cứ nhớ cho, các ngài thương xót giai cấp vô sản như thế nào thì rồi giai cấp vô sản sẽ thương xót các ngài như thế. Những tiếng "phiến loạn" và "vô chính phủ" lại nổi lên dữ dội.

- Tôi biết rằng các ngài sẽ không bỏ phiếu cho bản dự luật này, - Ernest nói tiếp. - Các ngài đã nhận được lệnh của chủ các ngài là phải bỏ phiếu chống, ấy thế mà các ngài lại gọi tôi là vô chính phủ. Các ngài là những kẻ phá hoại chính phủ của nhân dân, những kẻ phô trương bộ áo gia nô đồ choét một cách vô liêm sỉ ở những nơi công cộng, các ngài lại gọi tôi là vô chính phủ à? Tôi không tin có âm phủ, có vạc dầu, nhưng những lúc như lúc này, tôi tiếc rằng mình đã không tin như thế. Không, những lúc như lúc này, tôi gần như tin là có. Chắc chắn là phải có âm phủ, vì không thể có nơi nào khác để cho các ngài đến nhận những sự trừng phạt tương xứng với những tội ác của các ngài. Chừng nào còn các ngài thì còn phải có âm phủ và vạc dầu trong vũ trụ. Các cửa ra vào bắt đầu xao động. Ernest, chủ tịch Nghị viện và các nghị sĩ quay cả ra nhìn.

- Thừa ngài chủ tịch, sao ngài không gọi lính của ngài vào ra lệnh cho họ thi hành nhiệm vụ đi? - Ernest hỏi. - Họ sẽ lập tức thi hành kế hoạch của các ngài. - Còn có nhiều kế hoạch khác cần thi hành! - Đó là câu trả lời. - Chính vì vậy mà binh lính có mặt ở đây. - Kế hoạch chung của chúng ta chẳng, thưa ngài? - Ernest mĩa. - Chắc là kế hoạch giết người, hay cũng na ná như thế.

Đến tiếng "giết người" thì tiếng la ó lại nổi lên dữ dội. Ernest không tài nào làm cho người khác nghe mình được nữa, nhưng anh đứng hiên ngang chờ cho hội trường im lặng. Rồi hội trường im lặng thật. Tôi ngồi ngoài

hành lang chỉ thấy một tia chớp loé ra, tiếp sau là tiếng nổ. Hai tai tôi đinh lên và tôi nhìn thấy Ernest lao đảo ngã xuống giữa làn khói mù mịt. Lính tráng đổ xô đi trấn các hành lang. Các đồng chí của Ernest đứng cả dậy, điên lên vì tức giận, sẵn sàng dùng bạo lực. Nhưng Ernest đứng vững lại một lúc và xua tay bảo im. - Đây là một âm mưu, - anh nói sang sảng, để cản các đồng chí của anh. - Các đồng chí đừng làm gì cả kéo bị chúng nó tiêu diệt bây giờ. Rồi anh từ từ gục xuống và bọn lính xô lại chỗ anh. Tiếp đó, bọn lính đuổi hết người ở các hành lang, tôi không nhìn thấy gì nữa.

Mặc dầu anh là chồng tôi, tôi không được phép lại gần. Tôi vừa xưng danh đã bị bắt liền. Đồng thời tất cả những nghị sĩ của Đảng xã hội ở Washington cũng đều bị bắt, kể cả đồng chí Simpson, lúc ấy bị thương hàn và đang nằm bẹp trong khách sạn.

Việc xét xử tiến hành nhanh và gọn. Án của mọi người đều đã được định trước rồi. Lạ lùng nhất là Ernest không bị xử tử. Đó là một sai lầm của tập đoàn thiểu số thống trị, chúng phải trả bằng một giá đắt. Nhưng những ngày đó, tập đoàn thiểu số thống trị còn đang tự tin một cách quá đáng. Nó đang say sưa với thắng lợi, và không ngờ rằng một dúm anh hùng cón con này lại có đủ sức mạnh để làm cho nó rung chuyển đến tận gốc. Ngày mai, khi cuộc khởi nghĩa vĩ đại bùng nổ, và tất cả thế giới vang lên bước chân dồn dập của hàng triệu con người, tập đoàn thiểu số thống trị sẽ nhận rõ đám anh hùng ấy đã lớn mạnh đến thế nào, nhưng lúc đó thì muộn quá rồi 3.

Là người cách mạng đứng trong tổ chức, hiểu rõ nguyện vọng lo âu và những kế hoạch bí mật của những người cách mạng hơn ai hết, tôi có đủ điều kiện để trả lời câu buộc tội những người cách mạng đã làm nổ quả bom trong Quốc hội. Không phải nghi ngờ lời thôi gì cả, tôi có thể nói trắng ra rằng những người xã hội chủ nghĩa trong và ngoài Quốc hội không ai nhúng tay vào việc này hết. Ai ném quả bom, chúng tôi không biết, nhưng có một điều chúng tôi hoàn toàn biết chắc là chúng tôi không ném.

Và lại, có nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng cái Gót sắt phải chịu trách nhiệm về hành động đó. Cố nhiên chúng tôi không thể chứng minh được điều này. Chúng tôi kết luận như vậy cũng chỉ là suy đoán thôi. Đây là một số sự việc như chúng tôi được biết. Bọn nhân viên mật vụ của chính phủ

báo cáo với chủ tịch nghị viện rằng các nghị sĩ Xã hội sắp đem áp dụng những chiến thuật khủng bố và họ đã quyết định ngày hành động. Ngày đó chính là ngày bom nổ. Thành thử nhiều bộ đội đã được tập trung trước trong nghị viện. Do chỗ chúng tôi không biết một tí gì về trái bom, do chỗ trái bom đã nổ ra thật và do chỗ các nhà chức trách đã chuẩn bị trước cho bom nổ, tất nhiên phải kết luận rằng cái Gót sắt đã gây ra vụ này, chính cái Gót sắt đã đặt kế hoạch và đã đem thực hiện với mục đích đổ tội lên đầu chúng tôi rồi tiêu diệt chúng tôi cho dễ.

Chủ tịch nghị viện đã mật báo cho tất cả những nghị sĩ bận tấm áo gia nô màu máu. Bọn này đều biết rằng trong lúc Ernest tham luận sẽ xảy ra một việc bạo động gì đây. Nói cho công bằng thì bọn này đều thành thực tin rằng việc này là do những người xã hội chủ nghĩa làm ra thật. Ra toà chúng vẫn thành thực tin như thế và nhiều kẻ còn thành thật làm chứng rằng mình đã tự mắt trông thấy Ernest chuẩn bị ném quả bom và bom đã nổ cướp. Có nhiên chúng hoàn toàn có nhìn thấy như thế đâu! Trong lúc hoảng hốt, chúng đã tưởng tượng ra và chúng cho rằng chúng nhìn thấy, có vậy thôi. Ra toà, Ernest cãi:

- Nếu tôi định ném thật, thì có lí nào tôi lại chọn một quả pháo đùng nhỏ như thế không? Quả bom rất ít thuốc, nó xì ra nhiều khói: nhưng không làm ai bị thương, trừ tôi. Nó nổ ngay dưới chân tôi, ấy thế mà tôi cũng không chết. Các ngài cứ tin rằng khi nào tôi đã ném bom thì tôi sẽ gây nhiều thiệt hại kia. Bom của tôi không phải sẽ chỉ có khói mà thôi, nó sẽ còn có nhiều thứ khác.

Để đáp lại, viên biện lí lập luận rằng chọn một quả bom yếu, đó là một sai lầm của những người xã hội chủ nghĩa, và bom nổ cướp, đó cũng là một thiếu sót, do chỗ Ernest mất bình tĩnh, để rơi bom. Để xác nhận lập luận trên là đúng, có nhiều nghị sĩ làm chứng rằng đã nhìn thấy Ernest mân mê trái bom và đánh rơi bom xuống đất.

Về phía chúng tôi, không ai biết quả bom ném ra như thế nào. Ernest bảo tôi rằng trước lúc bom nổ không đầy một cái tích tắc, anh có nghe thấy và trông thấy nó rơi dưới chân anh. Anh khai như vậy trước toà, nhưng không ai tin. Và lại, nói theo nhân dân thường nói, thì tất cả vụ này đã được

"xào xáo" từ trước rồi. Cái Gót sắt rập tâm tiêu diệt chúng tôi, không còn lồi thối gì nữa.

Có một câu tục ngữ là sự thật cuối cùng rồi cũng sẽ ra ánh sáng. Tôi đã bắt đầu nghi ngờ câu tục ngữ này. Mười chín năm trôi qua, chúng tôi hết sức tìm kiếm cũng không ra kẻ ném quả bom. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một tên tay sai của cái Gót sắt, nhưng y đã trốn đâu mất, không thể tìm ra được. Chúng tôi không tài nào tìm ra một mảy may tung tích của y. Cho mãi tới ngày nay, cũng chẳng còn cách nào khác là xếp việc này vào với những điều bí ẩn của lịch sử [4].

Chú thích:

- 1- Hồi thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên, dưới ách thống trị của Anh, Ấn Độ cũng phải chịu những điều kiện tương tự. Dân bản xứ chết đói hàng triệu trong lúc bọn thống trị cướp đoạt những thành quả lao động của họ để phung phí trong cảnh xa hoa lộng lẫy và cảnh hoan lạc điên rồ. Trong thời đại sáng sủa này, chúng ta không khỏi xấu hổ vì những hành vi của tổ tiên chúng ta. Đối với chúng ta chỉ có mỗi một niềm an ủi là niềm an ủi về mặt triết học. Chúng ta phải chấp nhận cái giai đoạn tư bản chủ nghĩa trong sự tiến hoá xã hội, nó cũng gần như tương đương với thời đại của loài khỉ. Loài người phải trải qua những giai đoạn đó để vươn khỏi vũng bùn của cuộc sống hữu cơ hạ đẳng. Tự nhiên lớp bùn đó phải dính vào chúng ta và tất nhiên là gột được nó đi không phải chuyện dễ.*
- 2 - Đám dân của vực thăm - Danh từ này do thiên tài của H. G. Wells sáng tạo ra vào cuối thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên. Về mặt xã hội học, Wells có một cái nhìn ra sáng suốt. Ông là một người lành mạnh, bình thường và rất nhân đạo, ông còn để lại cho chúng ta nhiều đoạn trong các tác phẩm của ông. Hai cuốn sách lớn nhất của ông là "Tiên đoán" và "Loài người trong sự hình thành" hiện nay còn nguyên vẹn. Trước bọn thiếu số thống trị và trước cả Everhard, Wells đã suy nghĩ về việc xây dựng những thành phố kì công mà trong các tác phẩm của ông, ông gọi là những "thành phố khoáng lạc".*
- 3 - Avis Everhard cho rằng những đoạn ghi chép của mình sẽ chỉ có những người cùng thời với mình đọc, vì vậy chị đã bỏ sót không ghi kết quả*

cuộc xét xử án về tội phản quốc. Trong tập bản thảo của chị còn có nhiều chỗ sót đáng buồn như thế. Năm mươi hai nghị sĩ Đảng Xã hội bị đem ra xử và bị coi là tội phạm. Kể cũng lạ, không một ai bị xử tử. Everhard và mười một người khác, trong đó Theodore Donnelson và Matthew Kent, bị tù chung thân. Những người còn lại bị kết án từ ba mươi đến bốn mươi năm tù. Riêng Arthur Simpson trong tập bản thảo nói là bị sót thương hàn khi bom nổ chỉ có mười lăm năm. Theo thông lệ, bọn cầm quyền đã để anh chết đói trong xà lim. Anh bị đối xử như vậy vì anh căm thù không đội trời chung với tất cả bọn người làm tay sai cho chế độ chuyên chế. Anh chết ở Cabanas tại Cuba, ở đó cũng còn có ba đồng chí của anh bị giam cầm. Năm mươi hai nghị sĩ Xã hội bị giam ở những pháo đài quân sự rải rác khắp nước Mỹ. Du Bois và Woods bị giam ở Porto Rico, còn Everhard và Merryweather thì bị giam ở Alcatraz, một hòn đảo trong vịnh San Francisco, từ lâu vẫn được dùng làm nhà lao quân đội.

4 - Avis Everhard muốn biết rõ điều bí ẩn đặc biệt này thì phải sống thêm nhiều thế hệ nữa mới biết được. Non một trăm năm trước đây, nghĩa là hơn sáu trăm năm sau khi Avis mất, người ta mới tìm lời xưng tội của Pervaise trong căn kho mật của toà thánh Vatican. Nói chút ít về cái tài liệu mờ ám đó kể cũng tốt, mặc dầu về căn bản, tài liệu này chỉ có ích cho những nhà sử học.

Pervaise là một người Mỹ gốc Pháp. Năm 1913 thuộc công nguyên, y bị giam ở nhà lao Tombs ở thành phố New York, chờ ngày ra toà vì tội giết người. Theo lời xưng tội của y, chúng tôi được biết y không phải là cố tình can phạm. Y máu nóng như lửa và rất dễ xúc động, dễ nổi khùng. Trong một cơn ghen, y đã giết chết vợ (thời đó việc này xảy ra cũng là thường thôi). Y rất sợ chết và bị nỗi sợ đó chế ngự hoàn toàn: y kể lại như vậy trong bản xưng tội. Y có thể làm bất cứ một việc gì để được tha chết. Để chuẩn bị tư tưởng cho y, bọn mật thám dọa rằng ra toà thế nào y cũng bị kết vào "tội giết người cấp một" không thoát được. Thời đó, phạm "tội giết người cấp một" là bị tử hình. Tội phạm (cả nam lẫn nữ) bị ngồi vào một ghế hành hình đặc biệt, và dưới sự giám sát của những thầy thuốc có thẩm quyền, tội phạm bị tiêu huỷ bằng một dòng điện. Như vậy gọi là hành hình bằng điện,

một lối hành hình rất thông dụng thời bấy giờ. Lối bức tử bằng thuốc mê mãi sau này mới áp dụng. Pervaise bản tâm là người tốt, tuy y hung hãn như thú vật. Y nằm trong tù đợi chết và bọn mật thám của cái Gót sắt thuyết phục, y đã ném bom vào Hạ nghị viện. Trong lời xưng tội của y đã khai rõ điều này: bọn mật thám đã cho y biết trước rằng sức quả bom rất yếu và sẽ không giết được ai. Điều đó phù hợp với việc bom nhồi rất ít thuốc và mặc dầu nổ ngay dưới chân Ernest vẫn không làm chết người được.

Pervaise được đưa bí mật vào một cái hành lang bịt kín không cho ai vào, nói là để chữa. Y được lệnh phải chọn lúc để ném quả bom, nhưng y ngây thơ xưng tội rằng y đã bị những lời phát biểu của Everhard và sự xao xuyến trong hội trường thu hút, đến nỗi suýt quên cả nhiệm vụ.

Để thưởng công cho y, cái Gót sắt không những đã thả y ra mà còn trợ cấp tiền cho y sống đến hết đời. Nhưng y cũng chẳng sống được lâu. Tháng 9 năm 1914, y bị bệnh thấp biến chứng vào tim và chỉ sống được ba ngày. Lúc đó y cho đi mời một thầy tu công giáo là Cha Peter Durban và y đã xưng tội với ông ta. Chắc hẳn dưới mắt người thầy tu này, đây là một việc rất quan trọng, vì vậy ông đã ghi lại thành văn bản, bai Pervaise thề và kí vào đó. Việc này về sau diễn biến ra sao, chúng tôi cũng chỉ ước đoán được thôi. Tài liệu này chắc phải khá quan trọng nên mới được gửi về La Mã: Những bậc có quyền thế chắc đã tìm mọi cách để bùng bít nó đi. Hàng mấy thế kỉ không hề có ai biết một tí gì về nó. Mãi tới thế kỉ vừa rồi, nhà học giả xuất sắc người Ý tên là Lorbia vào tra cứu và Vatican mới tình cờ tìm ra nó.

Ngày nay, chúng có đã rành rành là cái Gót sắt phải chịu trách nhiệm về quả bom nổ ở Hạ nghị viện năm 1913. Ngay như lời xưng tội của Pervaise không đưa ra ánh sáng thì sự thể cũng đã rõ ràng: bởi vì hành vi trên đây khiến cho 52 nghị sĩ xã hội phải vào nhà giam, hoàn toàn ăn khớp với nhiều hành vi khác của bọn thiểu số thống trị và trước đó, của bọn tư bản. Vụ thảm sát những người vô tội mà giới thống trị gọi là "Bọn vô chính phủ Haymarket" ở Chicago hồi gần cuối thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên là một ví dụ kinh điển về những vụ tàn sát hung ác, dã man, được toà án cho phép. Những vụ đốt phá các tài sản tư bản do chính bọn tư bản cố tình gây ra cần được xếp riêng ra một loại. Sau những vụ đốt phá như thế, lại cái đám dân vô tội bị trừng trị, bị "đặt lên đường ray", nói theo tiếng thời đó.

Trong những cuộc xung đột nổ ra vào khoảng mười năm đầu của thế kỉ 19 thuộc công nguyên giữa bọn tư bản và Liên đoàn thợ mỏ miền Tây, bọn thống trị đã áp dụng những chiến thuật tương tự nhưng còn có phần đẫm máu hơn. Nhà ga xe lửa ở Independence bị bọn tay sai của tư bản phá sập, mười ba người chết, số bị thương rất nhiều. Bọn tư bản kiểm soát các cơ quan lập pháp và tư pháp của bang Colorado liền buộc anh em công nhân mỏ đã gây ra tội ác đó và định đưa họ ra xử. Tên Romaines là một tên mà bọn tư bản đã dùng trong vụ phá hoại này. Cũng như Pervaise, y đang ngồi tù ở một bang khác (bang Kansas), chờ ngày ra toà thì tay sai của bọn tư bản đến tìm y. Nhưng khác với trường hợp của Pervaise, những lời xưng tội của Romaines đã được công bố ngay khi y còn sống...

Cùng thời kì đó còn có trường hợp của Moyer và Haywood hai lãnh tụ khoẻ mạnh và gan dạ của lao động. Một người làm chủ tịch và một người làm thư kí của Liên đoàn thợ mỏ miền Tây. Viên cựu thống đốc của bang Idaho bị ám sát. Những người xã hội chủ nghĩa và anh em thợ mỏ thời đó buộc cho bọn chủ mỏ. Nhưng bất chấp cả hiến pháp bang và hiến pháp toàn quốc, viên thống đốc bang Idaho và tên thống đốc bang Colorado đã thông đồng với nhau cho bắt cóc Moyer và Haywood, tống họ vào nhà giam và buộc họ vào tội giết người. Việc này đã khiến cho Eugene V. Debs, lãnh tụ toàn quốc của những người xã hội chủ nghĩa Mỹ thời đó viết ra những lời sau đây: "Những lãnh tụ lao động nào mà không thể mua chuộc, cũng không thể hăm dọa được thì phải phục kích họ và giết họ đi. Tội trạng duy nhất của Moyer và Haywood là lòng trung thực không gì lay chuyển nổi của họ đối với giai cấp công nhân. Bọn tư bản đã đánh cắp đất nước chúng ta, đã đòi truy hoá nền chính trị của chúng ta, đã làm như nhuốc nền tư pháp của chúng ta, đã dùng giày đinh giày xéo lên chúng ta, và bây giờ chúng lại rắp tâm ám sát những người không chịu đầu hàng nhục nhã nền thống trị tàn bạo của chúng. Những viên thống đốc của các bang Colorado và Idaho chẳng qua chỉ thi hành mệnh lệnh. Đấu tranh hiện nay là đấu tranh của thợ thuyền chống bọn tài phiệt. Chúng cứ giáng đòn đầu tiên đi, chúng ta sẽ giáng đòn cuối cùng."

Chương XVIII

Nương bóng núi Sonoma

Về tôi thì không có gì phải nói nhiều trong thời kì này. Tôi bị giam sáu tháng trong tù, mặc dầu không bị buộc một tội gì hết. Tôi là một kẻ khả nghi - một danh từ đáng sợ mà ai đi làm cách mạng rồi cũng biết. Những cơ quan mật vụ mới thành hình của chúng tôi đã bắt đầu hoạt động. Tôi ở tù được chừng hai tháng thì một viên cai ngục đến tự giới thiệu là một người cách mạng có liên lạc với tổ chức. Mấy tuần sau Joseph Parkhurst, vừa được bổ làm bác sĩ của nhà giam, cũng tự giới thiệu là đội viên một đội chiến đấu của chúng tôi. Nghĩa là tổ chức của chúng tôi đan vào tổ chức của tập đoàn thiếu số thống trị giống như một cái mạng nhện. Và như vậy, tôi giữ được liên hệ mật thiết với những việc xảy ra ở thế giới bên ngoài. Hơn thế nữa, mỗi lãnh tụ của chúng tôi bị cầm tù đều liên hệ được với những đồng chí dừng cảm của chúng tôi cải trang dưới bộ quần áo gia nô của cái Gót sắt. Mặc dầu Ernest bị giam cách chỗ tôi ba nghìn dặm Anh 1, tận bên bờ Thái Bình Dương, tôi vẫn không ngừng liên lạc với anh, và thư từ của chúng tôi đi đi về về đều đặn.

Các lãnh tụ dù ở trong tù hay ngoài, vẫn có thể bàn luận với nhau và chỉ huy phong trào. Kể ra thì chỉ trong vòng hai tháng chúng tôi cũng có thể tổ chức cho các đồng chí đó vượt ngục, nhưng vì bị tù cũng không cản trở gì cho hoạt động của chúng ta cho nên chúng tôi quyết định tránh manh động. Năm mươi hai nghị sĩ bị tù, ngoài ra lại còn tất cả hơn ba trăm người lãnh đạo phong trào của chúng tôi. Kế hoạch của chúng tôi là làm sao cho họ ra thoát nhà tù cùng một lúc. Nếu chỉ có một số trốn được thôi bọn thiếu số thống trị sẽ cảnh giác tìm cách ngăn những người còn lại không cho họ trốn. Mặt khác, chúng tôi nghĩ rằng tổ chức cho các đồng chí chúng tôi vượt ngục cùng một lúc trong các nước sẽ gây được một ảnh hưởng tâm lí vô cùng to lớn trong giai cấp vô sản. Điều đó sẽ tỏ rõ được sức mạnh của chúng tôi và sẽ gây được lòng tin tưởng.

Theo chủ trương thì mãn hạn tù sáu tháng, khi được tha, tôi phải trốn biệt đi một nơi và chuẩn bị một chỗ ẩn náu chắc chắn cho Ernest. Trốn biệt đi một nơi nào phải chuyện dễ. Tôi vừa được trả lại tự do thì bọn mật thám của cái Gót sắt đã bám sát chân tôi. Cần phải đánh lạc hướng chúng và bỏ đi California. Công việc đó tôi đã tiến hành một cách rất buồn cười.

Khi ấy, chế độ căn cước đập theo kiểu của Nga hoàng đang phát triển. Tôi không dám dùng tên thật để đi qua lục địa. Muốn gặp lại Ernest tôi cần phải xoá hết tung tích của mình đi. Nếu không sau khi trốn khỏi nhà tù Ernest mà cứ lẻo đẻo theo tôi thì có thể bị bắt lại. Tôi không thể lại cải trang thành người vô sản mà đi được. Chỉ còn một cách: cải trang thành một người của tập đoàn thiếu số thống trị. Bọn thiếu số thống trị chớp bu chỉ có một dúm. Nhưng còn vô số những tên kém vai vế hơn, như lão Wickson chẳng hạn. Những tên đáng giá vài triệu thôi và là tay chân của bọn thiếu số thống trị chớp bu. Vợ và con gái của bọn thiếu số thống trị đàn em này kể ra có hàng đàn hàng lũ. Thế là tôi quyết định cải trang theo bọn này. Vài năm sau thì không thể nào làm như thế được nữa vì chế độ căn cước đã hoàn hảo lắm rồi. Lúc đó, đàn ông, đàn bà, trẻ con trong khắp nước không ai là không bị đăng ký và không bị theo dõi khi di chuyển. Khi thời gian đã chín, bọn mật thám đều bị tôi đánh lạc hướng. Một giờ sau không còn Avis Everhard. Lúc đó có một bà tên là Felice Van Verdighan, có hai người hầu gái và một con chó đi kèm [2], lại có cả một cô hầu gái để chăm nom chó, bước lên phòng khách trên một toa xe Pullman 3 và mấy phút sau tàu chạy hết tốc độ về phía tây.

Ba người thiếu nữ đi theo tôi đều là những người cách mạng. Hai người là đội viên đội chiến đấu còn người thứ ba, chị Grace Holbrook đến năm sau mới vào đội viên, và vào được sáu tháng thì bị cái Gót sắt xử tử. Chính chị này đi trông nom con chó, còn hai chị kia, một chị là Bertha Stole mười hai năm sau bị mất tích, một chị là Anna Royston vẫn còn sống và đang đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong cách mạng [4].

Chúng tôi thường xuyên đi qua nước Mỹ tới bang California, không xảy ra chuyện gì cả. Khi tàu đến Oakland đậu ở ga Phố thứ mười sáu, chúng tôi xuống, và cả Felice Van Verdighan lẫn hai người hầu gái, con chó và người hầu của con chó cùng bị biến mất vĩnh viễn. Ba người hầu gái được những đồng chí tin cậy dẫn đi. Các đồng chí khác phụ trách tôi. Chỉ trong vòng một giờ sau khi xuống xe lửa, tôi đã đáp một chiếc tàu đánh cá nhỏ đi ra khơi trên vịnh San Francisco. Gió đột nhiên đổi chiều và chúng tôi đi lênh đênh không phương hướng mất gần hết một đêm. Nhưng tôi nhìn thấy ánh đèn ở Alcatraz, nơi Ernest bị giam, và ý tưởng được gần anh làm cho

lòng tôi khoan khoái. Gần sáng, nhờ các anh em thuyền chài chèo riết, chúng tôi đến đảo Marin. Chúng tôi nằm ở đó suốt ngày không ló mặt ra ngoài và đêm hôm sau, nhờ nước triều lên và có gió mát thổi đi, chúng tôi vượt vịnh San Pablo trong hai giờ và chúng tôi đi ngược dòng sông Petaluma.

Mấy con ngựa đã chờ sẵn ở đây cùng với một người đồng chí khác và chúng tôi lập tức lên đường với ánh sao về phía Bắc, tôi thấy núi Sonoma hiện lên mờ mờ, chúng tôi cứ theo đó dong cương. Chúng tôi bỏ lại phía bên phải chúng tôi cái thành phố Sonoma cũ kỹ và đi thẳng lên một cái khe nằm giữa những vách đá đầu tiên từ trong núi đâm ngang ra. Con đường cho xe vận tải đi đã thành con đường rừng. Và con đường rừng đã thành con đường hẹp để con bò đi, và con đường bò đi lại nhỏ dần rồi mất hẳn giữa những đồng cỏ cao trên sườn núi. Chúng tôi thúc ngựa vượt qua đỉnh núi Sonoma. Đó là con đường an toàn nhất. Chẳng có ai ở đây mà sợ họ chú ý đến chúng tôi đi.

Tang tảng sáng, chúng tôi đã sang sườn núi phía bắc. Ngựa chúng tôi lao qua rừng núi chaparral 5 xuống những khe núi sâu thẳm mọc toàn thông khổng lồ. Ngọn gió ấm áp cuối hè thổi nhẹ như hơi thở. Đây là một vùng quen biết cũ, tôi rất thích, cho nên tôi đi lên đầu để dẫn đường. Nơi ẩn náu này là nơi của tôi, chính tôi đã chọn. Chúng tôi hạ cái đóng gỗ chắn ngang và vượt qua một cánh đồng cỏ trên cao. Tiếp đó, chúng tôi đến một quả đồi mọc toàn sồi và đi xuống một cánh đồng cỏ nhỏ hơn. Chúng tôi lại leo lên một quả đồi khác và lần này chúng tôi dong ruổi dưới những hàng cây madroño 6 quả đỏ chót và những cây manzanita [7] màu đỏ sẫm hơn. Những ánh nắng đầu tiên chảy chan hoà trên lưng chúng tôi giữa lúc chúng tôi leo dốc. Một đàn cun cút từ các bụi cây bay lên. Một chú thỏ rừng lớn vọt qua đường chúng tôi đi, nhảy lanh lẹ như một con hươu. Rồi một chú hoẵng sừng nguênh ngoàng, cổ và vai nắng chiếu vàng chói hiện ra trên đỉnh đồi trước mắt chúng tôi và chạy mất.

Chúng tôi đuổi theo một lúc, rồi lao xuống một con đường chữ chi, tới một rừng thông khổng lồ hùng vĩ mọc bên một cái đầm nước xám xịt vì quặng mỏ. Đường này tôi thuộc lòng từng bước. Ngày xưa một nhà văn bạn tôi có một cái trại ở đây. Anh cũng đã thành một nhà cách mạng. Nhưng

anh còn gặp nhiều nguy khốn hơn tôi. Anh bị chết mất tích, không ai rõ chết ở đâu và chết như thế nào. Còn mồ ma anh, chỉ có mình anh biết nơi ẩn bí mật tôi tìm đến. Trước đây anh mua cái trại chỉ vì cảnh đẹp và đã trả một giá rất đắt, khiến các chủ trại địa phương phải kinh ngạc. Anh thường vui vẻ kể lại cho tôi nghe rằng những chủ trại này người nào cũng lắc đầu phàn nàn cho anh: họ nghiêm nét mặt làm một con tính nhảm rồi bảo: "Ông không thu về nổi sáu phần trăm đâu".

Nhưng bây giờ thì anh đã chết, mà cái trại cũng không phải do các con anh thừa kế. Không ngờ cái trại ấy nay lại thuộc quyền sở hữu của lão Wickson. Tất cả sườn phía Đông và phía Bắc núi Sonoma là của lão ta, từ chỗ đồn điền nhà Spreckel đến địa giới thung lũng Bennett. Lão ta biến cái trại nghìn mẫu đất dốc thoải thoải, có đồng cỏ, có khe, hoẵng tha hồ chạy nhảy, không khác gì trong rừng hoang. Những người ngày xưa có đất ở đây đều đã bị đuổi đi cả. Một khu an dưỡng của Nhà nước lập cho những người bệnh thần kinh cũng đã bị phá đi để lấy chỗ cho hoẵng ở.

Sau rốt thì cái nhà sẵn của lão Wickson ở cách nơi ẩn của tôi bốn trăm thước. Nhưng cũng không nguy hiểm gì, trái lại càng thêm an toàn cho chúng tôi. Chúng tôi được nường bóng một vị thiếu số thống trị hạng đàn em. Tình hình này sẽ hướng mọi nghi kị sang phía khác. Bọn mật thám của cái Gót sắt phải sục sạo hết các nơi các xó rồi có nghĩ đến việc tìm Ernest và tôi ở cái vườn hoẵng của lão Wickson thì mới nghĩ.

Chúng tôi buộc ngựa dưới những gốc cây thông khổng lồ, bên bờ đầm. Người bạn đồng hành của tôi đến bên một cái thân cây rỗng moi ra rất nhiều thứ giấu trong đó: một bao bột năm mươi cân, các thứ đồ hộp, đồ dùng làm bếp, chăn, một mảnh vải son, sách vở, bút mực, một bọc thư lớn, một cái thùng đựng năm lít dầu lửa, sau hết và quan trọng nhất là một cuộn dây chảo lớn. Số đồ đạc dự trữ nhiều đến nỗi phải đi làm nhiều chuyến mới đem được hết về nơi trú ẩn.

Nhưng nơi trú ẩn của tôi lại rất gần. Tôi cầm cuộn dây chảo đi lên trước, chui vào một khu bụi rậm có những dây nho quấn chằng chịt chạy giữa hai quả đồi rừng mọc um tùm. Khu bụi rậm dẫn đến một dòng suối bờ dựng ngược. Đó là một dòng suối nhỏ, có mạch từ trong núi tuôn ra, cho nên những ngày hè nồng nực nhất cũng không cạn. Hai bên là những quả

đồi lớn phủ kín những rừng. Có cả một loạt đồi như thế, tưởng chừng do bàn tay của một người khổng lồ bất cẩn nào đã quăng ra đây. Đồi không có đá. Nó nhô lên cao chừng vài chục thước và thuần một loại đất núi lửa màu đỏ, loại đất trông nho nhỏ tiếng của vùng Sonoma. Con suối nhỏ chảy qua những quả đồi này, cắt thành một cái khe sâu thẳm.

Phải dùng cả chân lẫn tay tụt xuống dưới lòng suối và xuống được lòng suối rồi thì chúng tôi đi xuôi chừng một trăm bước. Thế là chúng tôi đến một cái hang. Trông ngoài thì không thể biết có hang, mà đó cũng không phải là một cái hang theo nghĩa thông thường. Phải bò qua những bụi gai rậm rịt mới tới được miệng hang và muốn nhìn ra ngoài hay nhìn xuống hang, đều phải vạch lá cây ra mà nhìn. Hang dài chừng một trăm bước, chiều rộng cũng thế, chiều sâu ước được một nửa. Có thể là khi những quả đồi ở bên trên thành hình, chỗ này mới là một vết nứt, rồi vết nứt đó trải qua một sự xói mòn bất thường, bị nước xói mòn dần, xói dần, qua nhiều thế kỉ. Không chỗ nào có đất thịt chồi ra cả. Cây cối mọc thành một tấm thảm xanh rì phủ kín mặt đất, từ giống tóc tiên nhỏ xíu và giống đuôi chuồn cuống vàng đến giống thông khổng lồ và giống bách Douglas. Những loài cây lớn này mọc ngay ở vách hang. Một vài cây ngã xuống đến bốn mươi lăm độ nhưng hầu hết mọc thẳng lên trên những vách đất mềm dựng đứng.

Nơi này mà ăn náu thì thật là tuyệt. Không có ai lần mò đến đây, kể cả bọn trẻ ở làng Glen Ellen. Giá cái hang này ở vào một khe núi dài một vài cây số thì không khéo nó đã thành nổi tiếng rồi. Nhưng chỗ này lại không phải là khe núi. Từ ngọn suối bắt nguồn từ một mạch nước ở bên dưới một cánh đồng cỏ phẳng tuôn ra, phía trên miệng hang chừng ba trăm bước. Phía dưới hang chừng một trăm bước, con suối chảy ra một nơi quang đãng, đổ vào một dòng nước lớn qua một vùng cỏ mọc xanh rờn. Người bạn đồng hành của tôi quấn dây chảo vào một cái thân cây, buộc tôi vào một đầu dây và dòng tôi xuống. Chỉ một loáng tôi đã xuống được dưới đáy. Một lát sau, cũng chóng thôi, anh lấy tất cả đồ đạc về hang và lại dòng xuống cho tôi. Anh kéo dây lên giấu đi một nơi và trước khi đi còn ghé xuống chào tôi rất vui vẻ.

Trước khi kể tiếp, tôi muốn nói một lời về đồng chí này. Đồng chí tên gọi John Carlson và là một nhân vật bình thường của cách mạng, một trong

ngàn vạn những đồng chí trung thành đứng trong hàng ngũ cách mạng. Đồng chí làm cho lão Wickson, làm ở tàu ngựa gần nhà sản. Thật ra chúng tôi dùng ngựa của lão ta để vượt núi Sonoma. Đã từ gần hai mươi năm nay, John Carlson vẫn canh giữ nơi trú ẩn này. Tôi tin chắc rằng suốt thời gian đó không một ý nghĩ phản trắc nào đã lọt được vào tâm trí anh. Ngay khi nằm mê, có lẽ cũng không lúc nào anh thấy mình có ý nghĩ bội phản những người thân tín. Anh thân nhiên lạnh lùng đến cái độ mà người ta không thể không tự hỏi làm sao hai tiếng cách mạng lại có được một ý nghĩa nào đó đối với anh. Ấy thế mà lòng yêu tự do vẫn rọi những tia sáng âm thầm và bền bỉ trong tâm hồn u tối của anh. Về một vài phương diện, thì anh ít đầu óc tưởng tượng linh hoạt như vậy lại là điều hay. Trí tuệ anh bao giờ cũng minh mẫn. Anh biết phục tùng mệnh lệnh, không tò mò, cũng không bép xép. Một hôm tôi hỏi vì sao anh lại thành một người cách mạng. Anh đáp:

- Hồi còn thanh niên. tôi đi lính. Hồi đó tôi còn ở bên Đức. Tất cả thanh niên trai tráng ai cũng phải vào quân đội. Thế là tôi vào quân đội. Trong quân đội có một anh lính khác cũng là thanh niên. Theo danh từ các đồng chí vẫn dùng, thì cha anh là một người kích động quần chúng. Cha anh bị tù vì tội khi quân - nói theo tiếng của các đồng chí thì là tội nói sự thật về Đức hoàng. Anh thanh niên con ông nói chuyện với tôi rất nhiều về nhân dân. Anh giúp tôi nhìn mọi việc theo quan điểm mới, và tôi trở thành một người xã hội chủ nghĩa. Anh nói rất phù hợp với chân lí và rất hay, nghe xong tôi không bao giờ quên được. Khi sang Mỹ, tôi cày cục tìm bằng được những người xã hội chủ nghĩa. Tôi thành đảng viên trong một chi bộ - đó là thời Đảng lao động xã hội chủ nghĩa. Về sau, xảy ra tình trạng chia rẽ trong Đảng, tôi gia nhập đảng bộ địa phương của Đảng Xã hội. Lúc ấy, tôi làm ở một tàu ngựa cho thuê tại San Francisco. Đó là thời chưa xảy ra nạn động đất. Tôi đã đóng đảng phí suốt hai mươi năm. Tôi vẫn còn là đảng viên tôi vẫn đóng đảng phí, mặc dầu những việc đó bây giờ phải làm rất bí mật. Tôi sẽ đóng đảng phí mãi và khi nào thành lập nước Cộng hoà hợp tác xã thì tôi rất sung sướng.

Khi còn lại một mình, tôi đốt bếp đèn làm cơm sáng và sửa sang nhà cửa. Thường thì lúc sớm tinh mơ, hay lúc trời đã tối mịt, Carlson lại lên xuống nơi ở của tôi làm việc độ một hai giờ. Lúc đầu, nhà cửa của tôi vẫn

ven chỉ là tấm vải sơn. Về sau, chúng tôi dựng lại một cái lều vải. Về sau nữa, khi đã yên tâm rằng đây là một nơi tuyệt đối an toàn, chúng tôi dựng một nếp nhà con. Căn nhà này chúng tôi làm hết sức kín để lỡ có đứng từ trên miệng hang tò mò nhìn xuống cũng không sao thấy được. Cây cỏ sum suê ở cái nơi kín đáo này kết thành một tấm khiên thiên tạo. Và lại, căn nhà dựng sát hẳn vào vách hang, chúng tôi còn đào ngay vào vách hang để làm hai cái phòng khô ráo, thoáng khí, chống bằng những cây gỗ phiến rất khỏe. Chúng tôi sống tha hồ thoải mái. các bạn cứ tin như thế. Ít lâu sau, khi anh nhân viên khủng bố người Đức tên là Biedenbach đến trốn ở đây với chúng tôi, anh đặt một hệ thống tiêu khói, khiến chúng tôi có thể ngồi sưởi bên ống lửa lép bép qua những đêm đông giá lạnh.

Đến đây, tôi lại phải nói ít lời về anh nhân viên khủng bố có một tâm hồn rất dịu dàng này. Không một đồng chí nào trong hàng ngũ cách mạng lại bị hiểu lầm kinh khủng đến thế. Đồng chí Biedenbach không hề phản bội sự nghiệp. Biedenbach cũng không hề bị các đồng chí xử tử, như người ta vẫn phỏng đoán. Đó là một tin vệt do bọn tay chân của tập đoàn thiểu số thống trị tung ra. Đồng chí Biedenbach là người đăng trí, hay quên. Đồng chí bị một người gác hầm bí mật Carmel bắn chết vì quên mật khẩu. Đó là một sự lầm lẫn đáng buồn, có thể thôi. Nói rằng đồng chí đã phản lại Đội chiến đấu của mình là hoàn toàn sai. Chưa có người nào làm việc cho sự nghiệp mà lại thành khẩn và trung thực hơn đồng chí 8.

Suốt mười chín năm nay, nơi trú ẩn do tôi chọn luôn luôn có người ở, và trong thời gian ấy, trừ có mỗi một lần, còn thì không một người ngoài nào ở ngoài khám phá ra. Ấy thế mà nó chỉ cách ngôi nhà sẵn của lão Wickson có bốn trăm thước, cách làng Glen Ellen có chừng một cây số rưỡi. Ngày ngày, tôi còn nghe thấy cả tàu sáng tàu chiều đi đến và tôi vẫn thường lấy đồng hồ theo còi tầm nhà máy gạch [9].

Chú thích:

1- Một dặm Anh là 1,609 km (ND).

2- Hình ảnh lối lẩn này minh họa rất rõ cái cách ăn ở nhẩn tâm của bọn chủ tư bản. Trong khi nhân dân chết đói thì chó của chúng có người hầu. Đối với Avis Everhard, cải trang như vậy là rất cần thiết. Đây là một vấn đề sinh tử có ảnh hưởng đến sự nghiệp chung. Vì vậy đã cải

trang thì phải thật giống. Riêng điều này cũng đủ là một lời bình luận đanh thép về thời đại đó.

- 3- Pullman: một loại toa xe lửa sang nhất thời đó. Đó nguyên là tên người sáng chế ra loại toa này.
- 4- Mặc dầu gặp nguy hiểm liên miên, Anna Royston đã thọ được chín mươi mốt tuổi. Họ hàng tên Pocock bắt cháp những ám sát của các cuộc chiến đấu như thế nào thì chị cũng bắt cháp những ám sát viên của cái Gót sắt như thế. Chị như có bùa hộ mệnh và đang trưởng thành trong nguy hiểm. Bản thân chị cũng là một ám sát viên của các đội chiến đấu. Mọi người gọi chị là "Nàng trinh nữ đỏ" và chị đã trở thành một nhân vật lừng danh của cách mạng năm sáu mươi chín tuổi. Mặc dầu già lão, Anna Royston đã bắn chết tên Halcliffe "khát máu" giữa đám hầu cận võ trang của y và đã trốn thoát không bị mấy may sây sát. Anna Royston chết già trong một nơi trú ẩn của anh em cách mạng trên núi Ozark.
- 5,6,7- Các danh từ của Mexico đã thành thông dụng ở California (ND).
- 8- Mặc dầu hết sức tìm kiếm trong những tài liệu thời đó còn lưu truyền đến ngày nay, chúng tôi không thấy một vết tích gì về đồng chí Biedenbach nói ở đây. Ngoài tập bản thảo của Everhard ra, không còn nơi nào nói đến.
- 9- Nếu người du khách tò mò đi từ Glen Ellen vòng xuống phía nam, người đó sẽ thấy một đại lộ đúng vào chỗ một con đường cũ ở vùng này hồi bảy trăm năm về trước. Cách Glen Ellen một phần tư dặm Anh, sau khi đã qua cái cầu thứ hai, người đó sẽ chú ý đến một cái hũm dài giống như một cái sọc chạy ngang một vùng đất nhấp nhô đến một dãy đồi phủ kín những rừng. Ở chỗ cái hũm này ngày xưa là một con đường. Con đường này, trong thời tư nhân còn chiếm hữu đất đai, chạy qua đồn điền của một người tên là Chauvet, một nhà khản hoang người Pháp sang California vào thời đại hoàng kim. Dãy đồi phủ kín những rừng này chính là dãy đồi mà Avis Everhard nói đến. Trận động đất lớn năm 2368 thuộc công nguyên đã bửa một quả đồi và lấp mất cái hang mà hai vợ chồng Everhard dùng làm nơi ẩn náu. Sau khi phát hiện tập bản thảo, người ta đã tiến hành nhiều cuộc khai quật và đã tìm lại

được căn nhà, hai căn phòng đào vào vách hang và những thứ rác rưởi linh tinh tích lũy trong một quá trình ẩn náu lâu dài. Người ta đã thấy nhiều di vật quý báu trong đó có cái này, kể cũng lạ: tức là cái hệ thống tiêu khói của Biedenbach có nói đến trong truyện. Các sinh viên muốn khảo cứu về những thứ đó có thể đọc cuốn sách của Arnold Bentham sắp xuất bản. Cách đây đôi chừng một dặm Anh về phía Bắc, là núi Wake Robin Lodge, ở chỗ ngã ba sông Wild- Water và sông Sonoma. Nhân đây, nên nhớ rằng sông Wild-Water ngày xưa gọi là sông Graham, và trên bản đồ cũ của địa phương cũng ghi như vậy. Nhưng ngày nay người ta gọi bằng tên mới. Sau này, khi Avis Everhard giả dạng làm nhân viên khiêu khích của cái Gót sắt, chị đã về ở núi Wake Robin Lodge nhiều lần. Chị đã đóng vai trò của chị một cách yên ổn. Giấy phép chính thức cấp cho chị về ở núi Wake Robin Lodge do chính tay lão Wickson, tên thiếu số thống trị loại đàn em nói trong tập bản thảo, kí.

Chương XIX

Biến đổi

“Em phải thay đổi hẳn đi kia”, Ernest viết cho tôi thế. “Em phải thôi không còn là em nữa. Em phải thành một người đàn bà khác. Không phải chỉ khác ở bộ quần áo bên ngoài, mà khác hẳn từ bên trong. Em phải đổi khác hẳn đi, đến nỗi chính anh cũng không nhận ra em nữa kia. Khác từ giọng nói, cử chỉ, kiểu cách, dáng dấp, bước đi, tất cả”.

Tôi phục tùng mệnh lệnh ấy. Mỗi ngày tôi bỏ ra hàng giờ để tập chôn hẳn Avis Everhard xuống dưới thân hình của một người đàn bà khác mà tôi không thể gọi là “tôi” khác. Chỉ có cách tập luyện kiên trì mới có thể đạt được những kết quả ấy. Cứ riêng về một chi tiết là cách uốn giọng thôi, tôi cũng đã phải tập liên miên cho đến khi giọng nói của con người mới trong tôi trở thành bất di bất dịch và bất cứ lúc nào cũng bật ra như cái máy. Tôi bắt buộc phải đóng vai trò của tôi như một cái máy. Phải đóng thạo đến nỗi chính mình lại có thể đánh lừa cả mình nữa kia. Cũng giống như học một ngôn ngữ mới ấy: học tiếng Pháp chẳng hạn. Thoạt đầu, nói tiếng Pháp là một hành vi có ý thức, một vấn đề ý chí. Người sinh viên nghĩ bằng tiếng Anh rồi chuyển sang tiếng Pháp, hoặc đọc bằng tiếng Pháp nhưng lại

chuyển sang tiếng Anh trước khi mình hiểu được nghĩa. Về sau, khi đã có cơ sở vững chắc và đã nhạy như một cái máy, người sinh viên đọc, viết và nghĩ bằng tiếng Pháp, không cần phải nhờ đến tiếng Anh nữa.

Việc cải trang của chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi phải tập cho đến khi đóng trò y như thật; cho đến khi muốn trở lại nguyên hình con người cũ, lại phải đem hết ý chí tập luyện một cách chăm chú. Cố nhiên, lúc đầu chỉ toàn là kinh nghiệm mò mẫm. Chúng tôi đang tạo ra một nghệ thuật mới và có nhiều điều chúng tôi cần khám phá. Nhưng công tác cứ thế đi lên: các vốn thủ đoạn và mưu mẹo đang được tích lũy. Cái vốn đó đã trở thành một thứ sách giáo khoa được chuyển tay từ người này sang người khác, đã trở thành một bộ môn trong giáo trình của trường huấn luyện cách mạng 1.

Vào hồi này, ba tôi bỗng dung biến mất. Thư từ của cụ trước vẫn đến tay tôi đều đặn, nay không đến nữa. Người ta không thấy cụ ở nhà chúng tôi, tại phố Pell nữa. Các đồng chí chúng tôi tìm cụ khắp nơi. Thông qua cơ quan mật vụ của chúng tôi, chúng tôi sục sạo tất cả các nhà tù trong nước. Nhưng cụ đã mất tích hoàn toàn, chừng như lòng đất đã mở ra để nuốt chửng cụ đi, và cho đến hôm nay, không ai phát hiện ra một dấu vết gì về sự kết thúc của cụ 2.

Tôi qua sáu tháng trời cô độc trong hầm bí mật, nhưng những tháng đó tôi không đến nỗi ăn dung ngồi rồi. Tổ chức của chúng tôi tiến triển rất mau, và công việc lúc nào cũng chất thành núi chờ chúng tôi giải quyết. Ernest cùng với các lãnh tụ khác trong tù quyết định những công việc phải làm, và chúng tôi ở bên ngoài chỉ việc đem chấp hành. Phải tổ chức công tác tuyên truyền miệng; phải tổ chức hệ thống tình báo có đủ các chi nhánh; phải lập những cơ quan in bí mật; phải đặt đường xe lửa ngầm nghĩa là hệ thống liên lạc giữa trăm nghìn những nơi trú ngụ ẩn của chúng tôi; phải lập những nơi trú ẩn mới ở những vùng cần thiết để cho sợi dây xích mà chúng tôi giăng trên khắp đất nước không thiếu một mắt nào.

Cho nên, như tôi đã nói, việc không bao giờ hết. Sáu tháng sau, có hai đồng chí đến, và tôi không còn cô độc nữa. Đó là hai thiếu nữ, hai tâm hồn dũng cảm, yêu tự do một cách say đắm: chị Lora Peterson, mất tích năm 1922 và chị Kate Bierce về sau lấy đồng chí Du Bois, và hiện nay vẫn cùng

chúng tôi ngược mắt nhìn lên vầng mặt trời của ngày mai, nó báo hiệu một thời đại mới.

Hai người thiếu nữ đến với một vẻ bàng hoàng người ta vẫn thường có khi thần kinh bị căng thẳng, khi gặp nguy hiểm hay gặp cái chết bất thần.

Trong đám thủy thủ của chiếc tàu đánh cá chở họ vượt vịnh San Pablo, có một tên mật thám. Nó làm tay sai cho cái Gót sắt, nhưng đã đánh lộn sòng được vào hàng ngũ cách mạng và đã đi sâu vào những bí mật của tổ chức chúng tôi. Không còn nghi ngờ gì nữa: nó đang lùng tung tích của chúng tôi, vì từ lâu chúng tôi đã được biết rằng việc tôi bỗng dưng biến mất đã gây một mối lo ngại lớn cho cơ quan mật vụ của tập đoàn thiếu số thống trị. May thay, như các sự việc sau này chứng tỏ, tên mật thám vẫn chưa phổ biến những khám phá của nó cho ai cả. Chắc nó hoãn lại chưa báo cáo là để đợi công việc tiến hành đâu vào đấy, đến khi tìm được nơi ẩn của tôi và bắt được tôi sẽ hay. Nhưng những tài liệu điều tra của nó đã chết theo nó.

Sau khi hai thiếu nữ ở sông Petaluma lên bộ và lấy ngựa đi, tên mật thám đã bịa ra một lí do để trốn khỏi tàu. Nhưng dọc đường đi lên núi Sonoma, Carlson để cho hai thiếu nữ dắt ngựa của anh đi trước còn anh thì đi chặn quay trở lại. Anh đã bắt đầu nghi. Anh bắt tên mật thám. Câu chuyện về sau xảy ra như thế nào, Carlson đã cho chúng tôi một ý niệm rõ ràng.

- Tôi giải quyết luôn thằng ấy, - Carlson kể lại bằng một giọng mộc mạc. - Tôi giải quyết luôn, - anh nhắc lại; và lúc đó một tia sáng thẳm lặng đốt cháy đôi mắt anh, còn hai bàn tay sần sùi vì lao động của anh thì xoè ra bóp vào thay cho lời giải thích. - Nó không kêu được một tiếng. Tôi giấu nó đi một nơi rồi. Đêm nay tôi sẽ quay lại đào một cái hố thật sâu để chôn nó.

Hồi đó, tôi thường ngạc nhiên vì sự lộn xộn của tôi. Có lúc tôi hầu như không tin được rằng xưa kia mình vẫn sống một cuộc đời phẳng lặng, thanh bình trong một thành phố đại học, lại có lúc tôi hầu như không tin được rằng mình đã thành một người cách mạng, dày dạn với những cảnh gian lao chết chóc. Trong hai điều này, nhất định phải có một điều phi lí. Một cái là thật, một cái là mơ, nhưng biết cái nào là cái nào? Cuộc đời cách mạng ẩn náu dưới hang sâu của tôi hiện nay là một cơn ác mộng chăng? Hay là giữa lúc đi làm cách mạng, tôi chợt mơ thấy rằng có một kiếp trước mình đã

từng sống ở Berkeley và ngoài những bữa tiệc trà, những cuộc khiêu vũ, những cuộc họp mặt tranh luận của giới thượng lưu, những giảng đường của trường Đại học ra, mình không hề biết thế nào là một cuộc đời sóng gió? Nhưng rồi tôi lại cho rằng những bản khoản riêng của tôi là của những ai đang tập hợp dưới lá cờ đỏ đấu tranh cho tình huynh đệ giữa những con người.

Tôi thường nhớ lại những nhân vật gặp trong cuộc đời trước của tôi. Kể cũng lạ, trong cuộc đời mới này, thỉnh thoảng tôi lại thấy họ hiện ra, rồi lại biến đi. Tôi nhớ đến đức Giám mục Morehouse. Sau khi tổ chức của chúng tôi đã phát triển, chúng tôi tìm kiếm mãi Người mà không thấy. Người bị chuyển hết viện điều dưỡng này sang viện điều dưỡng khác. Chúng tôi bám được dấu của Người từ ở nhà thương điên Napa sang đến nhà thương điên Stockton và từ đó sang nhà thương điên khác ở thung lũng Santa Clara, gọi là nhà thương Agnews, rồi hết, không còn dấu vết gì nữa. Người không có giấy khai tử. Có lẽ Người đã trốn được bằng cách này hay cách khác. Tôi không ngờ lại được thấy Người một lần nữa trong một tình cảnh rất thâm, thấy thoáng một cái thôi, giữa cơn lốc tàn sát để đê bẹp Công xã Chicago.

Còn anh Jackson bị mất một cánh tay ở nhà máy sợi Sierra và đã khiến cho tôi bỏ đi làm cách mạng, tôi không gặp lại anh bao giờ, nhưng tất cả chúng tôi đều biết những việc anh làm trước khi chết. Anh tuyệt nhiên không đi theo cách mạng. Chưa xót về số phận, căm uất vì bất công, anh trở thành một kẻ vô chính phủ. Không phải một kẻ vô chính phủ về mặt triết học đâu, mà là một con vật điên cuồng vì cừ hận và ý muốn phục thù. Anh đã trả được thù cho bản thân anh. Một đêm, giữa lúc mọi người đang ngủ say, anh lọt qua chỗ bọn gác cửa và giật bom làm nổ tung toà lâu đài của lão Pertonwaithe. Không một móng nào chạy thoát, kể cả bọn gác. Khi bị tổng giam chờ ngày xét xử, anh thất cổ chết ở trong chốn.

Số phận của bác sĩ Hammerfield và bác sĩ Ballingford khác hẳn số phận của Jackson. Hai vị vẫn ăn cây nào rào cây ấy. Hai vị được Nhà thờ thưởng rất hậu và sống bình chân như vại trong những toà lâu đài nguy nga. Cả hai vị đều là những người biện hộ cho tập đoàn thiểu số thống trị. Cả hai đều béo hủ lên. Một hôm Ernest bảo "Bác sĩ Hammerfield đã thành công

trong việc cải biên cái thuyết siêu hình học của ngài, để đem lại một lời phê chuẩn của Chúa cho cái Gót sắt, đồng thời để gây một phong trào tôn thờ cái đẹp rộng rãi và để đem cái loài có xương sống và mờ mờ như thể hơi mà Haeckel đã miêu tả thu lại thành một quái tượng vô hình. Sự khác nhau giữa bác sĩ Hammerfield và bác sĩ Ballingford là ngài sau đã làm cho đáng Thượng đế của tập đoàn thiểu số thống trị thành ra mờ mờ hơn nữa và ít có xương sống hơn".

Peter Donnelly, viên đốc công "vàng" ở nhà máy dệt Sierra mà tôi đã tìm gặp khi đi điều tra trường hợp của Jackson, đã làm cho tất cả chúng tôi ngạc nhiên. Năm 1918, tôi có mặt trong một cuộc hội nghị của tổ chức San Francisco đỏ. So với tất cả những Đội chiến đấu của chúng tôi thì đó là đội ghê gớm nhất và thắng tay nhất. Thật ra nó không phải là một bộ phận của tổ chức chúng tôi. Đội viên của nó là những kẻ cuồng tín, điên khùng. Chúng tôi không dám khuyến khích một tinh thần như thế. Và lại, tuy họ không thuộc chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn giữ quan hệ tốt với họ. Tôi đến với họ tối hôm đó là để thể hiện một nhiệm vụ có tầm quan trọng sống còn. Một mình ở giữa hai chục người, chỉ có tôi là không đeo mặt nạ. Thương nghị xong xuôi, tôi được một người trong bọn họ dẫn đi. Đến một chỗ tối, người dẫn đường đánh một que diêm, cầm sát vào mặt và bỏ mặt nạ ra. Tôi đứng sững ra nhìn những nét mặt cháy rực nhiệt tình của Peter Donnelly. Rồi que diêm tắt. - Tôi cũng chỉ muốn chị biết đây chính là tôi thôi, - hắn nói trong đêm tối. - Chị có nhớ lão giám đốc Dallas không? Tôi gạt đầu hồi tưởng lại bộ mặt cáo già của viên giám đốc nhà máy dệt Sierra.

- Tôi khừ nó trước, rồi thì tôi gia nhập tổ chức Đỏ, - Donnelly nói bằng một giọng kiêu hãnh. - Nhưng làm thế nào mà anh lại ở đây? - tôi hỏi. - Thế còn vợ con anh?

- Chết rồi, - hắn ta đáp. - Chính là vì thế. Không, - hắn ta nói tiếp rất mau. - Không phải do trả thù cho vợ con tôi đâu. Vợ con tôi đều chết êm ả trên giường. Chết bệnh mà, chị hiểu không? Thì đá cũng có khi đổ mồ hôi chứ! Còn mồ ma vợ con tôi, vợ con tôi đã trối tay tôi lại. Bây giờ vợ con chết rồi thì tôi phải trả thù cho cái kiếp người tàn tạ của tôi. Có một thời tôi đã từng là Peter Donnelly, viên đốc công "vàng". Bây giờ tôi là số 27 của đội San Francisco đỏ. Ta đi thôi, tôi sẽ dẫn chị ra khỏi nơi này.

Về sau tôi được nghe nói thêm về hắn. Hắn đã nói sự thật theo kiểu của hắn, khi hắn bảo rằng vợ con hắn đã chết cả. Thật ra một đứa con hắn còn sống, tên là Timothy, nhưng hắn coi như đã chết rồi, vì nó đi làm tay sai cho cái Gót sắt trong đạo quân đánh thuê 3. Mỗi đội viên Đội San Francisco đồ thề thực hiện được mười hai vụ xử tử trong một năm. Nếu thất bại thì phải chịu hình phạt chết. Đội viên nào không đạt được con số đã quy định đều phải tự tử. Các vụ xử tử không phải là tiến hành gấp chẳng hay chớ. Bọn người điên cuồng này hội họp luôn và tuyên bố hàng loạt bản án đối với những tên hung hăng nhất trong bọn thiểu số thống trị và tay sai. Sau đó việc xử tội được phân công theo cách rút thăm.

Thật ra, đêm hôm đó tôi đến gặp họ cũng vì một vụ xử án như vậy. Một đồng chí của chúng tôi từ nhiều năm đã tìm cách giữ một chức thư kí trong cơ quan mật vụ địa phương của cái Gót sắt. Đồng chí bị Đội San Francisco đồ tuyên bố xử tử. Cố nhiên anh đồng chí đó không có mặt trong lúc xử, và cố nhiên những người xử anh không biết rằng anh là người của chúng tôi. Sứ mạng của chúng tôi là chứng thực nhận dạng cũng như sự trung thành của anh. Tất sẽ có người hỏi vì sao chúng tôi biết được việc này. Cũng dễ cắt nghĩa thôi. Một nhân viên mật vụ của chúng tôi là đội viên Đội San Francisco đồ. Chúng tôi cần để mắt tới cả bạn lẫn thù. Cái nhóm người điên cuồng này cũng khá quan trọng, không chú ý đến không được.

Nhưng ta hãy trở lại Peter Donnelly và con trai. Donnelly hoạt động rất tốt cho đến năm sau, khi hắn thấy trong tập bản án hắn phải thi hành có tên con trai của hắn là Timothy Donnelly. Thế là tình gia đình trước kia vốn đã hết sức nặng trong con người hắn lúc này thức dậy. Để cứu con trai, hắn đã phản bội đồng chí. Hắn đã bị chặn tay lại một phần nào, nhưng mười hai đội viên Đội San Francisco đồ cũng đã bị xử tử và đội đó gần như tiêu diệt. Để trừng trị lại, những người sống sót đã kết liễu đời hắn cho bỏ với tội phản bội của hắn.

Thằng Timothy Donnelly cũng chẳng sống được lâu hơn. Những đội viên San Francisco đồ thề xử tử nó bằng được. Bọn thiểu số thống trị tìm hết cách để cứu nó. Nó được đổi đi lung tung khắp nước, hết nơi này sang nơi khác. Ba đội viên đồ đã bỏ mạng để săn nó mà cũng không được. Đội San Francisco đồ hồi đó chỉ gồm toàn nam giới. Cuối cùng họ phải nhờ đến

tay một người đàn bà, một nữ đồng chí của chúng tôi. Người đó không phải ai khác, mà là Anna Royston. Nội bộ chúng tôi cấm không cho chị nhận, nhưng chị thường vẫn có những ý thích riêng và coi thường kỉ luật. Và lại chị rất có tài và rất dễ thương cho nên chúng tôi chưa bao giờ kỷ luật chị bằng cách nào được. Chị thật là một loại riêng biệt, khác hẳn những mẫu mực bình thường của người cách mạng.

Mặc dầu chúng tôi không cho phép chị làm như vậy, chị vẫn cứ làm. Lúc đó Anna Royston là một người đàn bà rất đẹp. Chị chỉ cần vẫy tay một cái là chinh phục được một đàn ông. Chị đã từng làm tan nát chừng hai chục trái tim trong những đồng chí trẻ của chúng tôi và chiếm được chừng hai chục trái tim khác để đưa họ vào tổ chức. Thế mà chị vẫn nhất quyết không chịu lấy chồng. Chị rất yêu trẻ con, nhưng cho rằng có con thì không phục vụ được sự nghiệp. Mà chị thì đã quyết hiến mình cho sự nghiệp.

Đối với Anna Royston, chinh phục Timothy Donnelly là chuyện rất dễ. Lương tâm chị cũng không cắn rứt chị, vì đúng vào lúc đó xảy ra vụ thảm sát Nashville. Đội quân đánh thuê, do Timothy Donnelly chỉ huy, đã tàn sát tám trăm công nhân dệt của thành phố đó. Nhưng chị không giết Donnelly. Chị bắt nó trao cho Đội San Francisco đỏ. Việc này xảy ra mới hồi năm ngoái, và bây giờ chị đã được đặt tên lại. Những người cách mạng ở khắp nơi gọi chị là "Nàng trinh nữ đỏ"[4].

Đại tá Ingram và đại tá Van Gilbert, hai nhân vật này về sau đối với tôi còn quen thuộc hơn nữa. Tôi gặp họ luôn. Đại tá Ingram leo lên khá cao trong tập đoàn thiểu số thống trị, và làm tới chức đại sứ ở Đức. Y bị vô sản ở cả hai nước ghét cay ghét đắng. Tôi gặp y ở Berlin. Với tư cách một điệp viên quốc tế do cái Gót sắt phái đến, tôi đã được y tiếp và đã được giúp đỡ nhiều. Nhân đây, tôi cũng xin nói rằng với vai trò "hai mang" của tôi, tôi đã hoàn thành được một số việc trọng đại cho Cách mạng.

Đại tá Van Gilbert trở nên khét tiếng. Người ta gọi y là Van Gilbert "răng nhe như răng chó". Y giữ một vai trò quan trọng trong việc thảo bộ luật mới sau công xã Chicago. Nhưng trước đó, do chỗ y làm quan toà xử án, y đã được một cái án tử hình vì sự tàn ác quỷ quyệt của y. Tôi ở trong số những người xử và tuyên án. Anna Royston thi hành bản án.

Lại còn một hình ảnh nữa từ trong cuộc đời cũ hiện ra. Đó là Joseph Hurd, viên luật sư của Jackson. Trong tất cả mọi người, tôi ít chờ đợi gặp hẳn ta hơn cả. Thật là một cuộc gặp mặt lạ lùng. Một đêm đã khuya, hai năm sau Công xã Chicago, Ernest và tôi đến nơi ăn náu ở cảng Benton. Nơi ăn náu này ở Michigan, bên bờ hồ đối diện với Chicago. Chúng tôi đến đúng lúc kết thúc vụ án xử một tên mật thám. Bản án tử hình vừa tuyên bố xong và người ta đem tên mật thám đi. Cảnh tượng lúc chúng tôi đến là như vậy. Một lúc sau, thằng khốn nạn vùng tay khỏi người áp tải, phủ phục dưới chân tôi, ôm chặt lấy hai đầu gối tôi và cuống cuống xin tha tội chết. Lúc nó ngẩng cái mặt nhợt nhạt lên nhìn tôi, tôi mới nhận ra Joseph Hurd. Tôi đã mục kích nhiều cảnh ghê rợn, nhưng chưa bao giờ thần kinh tôi lại rối cả ra như lúc tôi thấy thằng cha ấy nói như điên cuồng để bào chữa cho mình được sống. Nó điên cuồng bám lấy cái sống. Trông đến là thảm. Nó nhất định níu tôi lại, mặc dầu có đến mười hai đồng chí giằng nó ra. Nó bị kéo đi xềnh xệch, vừa đi vừa rú lên nghe rất thống thiết. Nó vừa đi khỏi thì tôi ngã quay ra và nằm ngất trên sàn nhà. Nhìn những người đứng cảm chết bao giờ cũng dễ dàng hơn là nghe một đứa hèn nhát ăn mày cái sống [5].

Chú thích:

- 1- Thời kì đó, cải trang trở thành một nghệ thuật thực sự. Những người cách mạng tổ chức những trường dạy đóng kịch trong tất cả các nơi ăn náu bí mật. Họ coi khinh những dụng cụ của các diễn viên sân khấu như tóc giả, râu giả, lông mày giả. Trò chơi của cách mạng là chơi với cái sống và chơi với cái chết. Những dụng cụ duy nhất là những cái bẫy để đánh lừa quân thù. Cải trang phải triệt để, phải từ bên trong mà ra, phải là một bộ phận khăng khít của mình, phải là cái bản chất thứ hai của mình. Người ta kể lại "Nàng trinh nữ đỏ" là trong số những người thành thạo nhất về nghệ thuật đó. Ta có thể khẳng định rằng chính là nhờ nghệ thuật đó mà chị đã hoạt động được lâu và gây được nhiều thành tích như thế.
- 2- Những vụ mất tích như vậy đã trở thành một nỗi kinh hoàng của thời đại. Trong các bài hát và các truyện, người ta thấy nhan nhản những đề tài về mất tích. Đó là hậu quả tất nhiên của cuộc chiến tranh ngầm, nó diễn ra khốc liệt trong suốt ba thế kỉ đó. Hiện tượng đó gần như phổ

biển trong hàng ngũ của bọn thiếu số thống trị và các đẳng cấp lao động cũng như trong hàng ngũ cách mạng. Đàn ông, đàn bà, thậm chí cả trẻ con bỗng dưng biến mất, không được lấy một lời cảnh báo, mà cũng không để lại một dấu vết gì, và cuộc đời của họ kết thúc trong bức màn bí ẩn.

- 3- Ngoài những đẳng cấp lao động ra, còn xuất hiện một đẳng cấp khác, đẳng cấp quân sự. Một đạo quân thường trực gồm những binh lính nhà nghề được tổ chức, do những sĩ quan xuất thân từ giai cấp thiếu số thống trị chỉ huy, gọi tên là đội Mercenaries (dịch sang tiếng Việt là Đạo quân đánh thuê - ND). Tổ chức này thay thế tổ chức dân vệ đã tỏ ra không thể thực hiện được dưới chế độ mới. Ngoài cơ quan mật vụ thường của cái Gót sắt, sau này còn thành lập một cơ quan mật vụ của Đạo quân đánh thuê, nó là một khâu xích nối liền cảnh sát với quân đội.
- 4- Mãi sau khi cuộc khởi nghĩa thứ hai bị đè bẹp, Đội San Francisco đổ mới lại phát triển. Nó phát triển được hai thế hệ. Về sau, một tên mật thám của cái Gót sắt chui được vào làm đội viên, nắm được mọi bí mật của đội và làm cho đội bị tiêu diệt hoàn toàn. Việc này xảy ra vào năm 2002 thuộc công nguyên. Những đội viên của Đội bị xử tử từng người một, người nọ cách người kia ba tuần, và xác họ bị đem bêu ở khu lao động tại San Francisco.
- 5- Nơi ẩn náu ở bến Benton là một cái mộ xây, cửa ra vào được bố trí khéo léo trong một cái giếng. Nơi này được giữ gìn rất cẩn thận. Ngày nay khách tham quan có thể đi khắp các ngõ ngách và đến một cái hội trường. Không còn nghi ngờ gì nữa, cảnh tượng mà Avis Everhard tả ở đây đã diễn ra trong hội trường này. Xa hơn nữa là nghĩa trang gồm những dãy hành lang khúc khuỷu đào ngay vào đá rắn. Hai bên hành lang là những cái hang xếp thành tầng như tổ ong, trong đó những nhà cách mạng yên nghỉ, vẫn y nguyên như hồi các đồng chí của họ đã mai táng họ từ bao nhiêu thế kỉ.

Chương XX

Một tên thiếu số thống trị mất tích

Nhưng trong lúc ôn lại cuộc đời cũ, tôi đã chạy sang cả cuộc đời mới. Cuộc tổng giải thoát các đồng chí chúng tôi ra khỏi nhà tù mãi sang năm 1915 mới thực hiện được. Việc này tuy phức tạp nhưng đã tiến hành trôi chảy. Đó là một thành tích vang dội, nó đã cổ vũ chúng tôi rất nhiều trong công tác. Vén vén trong có một đêm, năm mươi một nghị sĩ của chúng tôi và cộng thêm vào đó, trên ba trăm cán bộ lãnh đạo khác đã được chúng tôi cứu ra khỏi hai mươi nhà giam, nhà tù quân sự và pháo đài từ Cuba đến California. Không một trường hợp nào thất bại. Không những ai nấy đều trốn thoát, mà còn về được nơi ẩn náu đã quy định. Chỉ có một đồng chí chúng tôi không đón ra là Arthur Simpson, đã chết ở Cabanas sau nhiều trận tra tấn ác liệt.

Mười tám tháng trời tiếp theo đó có lẽ là thời kỳ sung sướng nhất đời tôi ở bên Ernest. Suốt thời gian ấy, chúng tôi không lúc nào xa nhau. Về sau, khi trở về sống lại với mọi người, chúng tôi phải xa nhau luôn. Lúc này, ngồi chờ ngọn lửa của cuộc khởi nghĩa ngày mai, tôi nóng lòng sốt ruột như thế nào thì đêm hôm đó tôi nóng lòng sốt ruột chờ Ernest như thế. Bao nhiêu lâu rồi không được thấy mặt anh, tôi phát điên cả người, chỉ sợ kế hoạch của chúng tôi có chỗ nào sai sót, hoặc có sự va vấp nào xảy ra, khiến cho anh vẫn bị giữ nguyên ở nhà tù ngoài đảo. Mỗi giờ đi qua tưởng như hàng thế kỉ. Tôi chỉ có một mình. Biedenbach và ba người thanh niên đến ở cùng với tôi trong hầm bí mật đều đã đi lên núi. Họ võ trang cẩn thận và chuẩn bị đối phó với mọi tình hình. Bây giờ tôi còn hình dung thấy tất cả những nơi ẩn trú của chúng tôi trên khắp nước đều vắng tanh, vắng ngắt, vì các đồng chí của chúng tôi đều đã bỏ đi ra ngoài cả.

Đúng lúc bầu trời sầm lại báo hiệu sắp rạng đông, tôi nghe thấy mật hiệu từ bên trên gọi xuống và lập tức đáp lại. Trong bóng tối tôi suýt ôm nhầm lấy Biedenbach, vì anh xuống trước, nhưng chỉ một lúc sau, tôi đã ở trong tay Ernest. Tôi đã thay đổi hoàn toàn thật. Lúc đó tôi mới nhận thấy rằng tôi phải cố gắng đem hết ý chí ra mới có thể trở lại làm Avis Everhard ngày xưa với những điệu bộ, cái cười, cách nói và giọng nói như ngày xưa. Tôi phải cố gắng rất nhiều mới giữ được những hình tích cũ; con người mới mà tôi đã tạo ra cho mình nhạy như một cái máy, đến nỗi tôi không thể tự cho phép mình quên một phút nào cả. Khi vào trong căn phòng nhỏ, tôi

nhìn rõ khuôn mặt của Ernest dưới ánh đèn. Nước da anh có xanh đi vì ở lâu trong tù. Nhưng ngoài ra anh không thay đổi gì, ít ra thì cũng không thay đổi lắm. Anh vẫn là người chồng yêu quý và người hùng của tôi. Tuy vậy, các nét mặt của anh cũng có phần dài ra, trông hơi khác khổ. Anh có nghiêm nghị hơn trước một chút thì phải, nhưng khoé mắt anh vẫn giữ được vẻ tươi cười ngày xưa. Anh gầy đi mất mười cân, nhưng thân thể rất cường tráng. Suốt thời gian ở tù, anh không lúc nào ngừng tập, thành ra bắp thịt anh rắn như sắt. Thật ra, anh khoẻ hơn là khi vào tù. Mấy tiếng đồng hồ sau, anh mới ngả lưng đi nằm. Tôi vuốt ve cho anh ngủ. còn mình thì không ngủ. Tôi sung sướng quá, vả lại, tôi có phải vất vả vì vượt ngục và vì cười trên lưng ngựa đâu!

Trong lúc Ernest ngủ, tôi thay quần áo, làm lại tóc cho khác đi và trở thành con người mới, nhanh như cái máy. Rồi khi Biedenbach và các đồng chí khác dậy, họ giúp tôi làm một cuộc âm mưu nhỏ. Mọi việc đã đâu vào đấy và chúng tôi đang ở trong cái hầm nhỏ dùng làm nhà bếp và phòng ăn thì Ernest mở cửa vào. Biedenbach liền gọi tôi bằng tên Mary. Tôi quay lại trả lời anh. Rồi tôi nhìn chăm chăm vào Ernest, giống như một đồng chí trẻ lần đầu tiên được thấy một người anh hùng nổi danh của cách mạng. Nhưng Ernest chỉ thoáng nhìn tôi, và anh đưa mắt tìm kiếm quanh phòng một cách sốt ruột. Một lúc sau, các đồng chí giới thiệu với anh tôi là Mary Holmes.

Để đánh lừa anh thêm, chúng tôi dọn một cái ghế không. Thấy Ernest càng có vẻ lúng túng và sốt ruột, tôi thú vị quá, nhưng muốn kêu ầm lên. Cuối cùng anh không chịu được nữa. - Thế nhà tôi đâu nhỉ? - Anh đột nhiên hỏi. - Chị ấy còn ngủ, - tôi đáp.

Đó là lúc quan trọng nhất. Nhưng giọng nói của tôi là giọng nói người lạ, anh không nhận ra một dấu vết quen thuộc nào gọi là có. Bữa ăn tiếp tục. Tôi nói rất nhiều, nói say sưa, y hệt một người vẫn quen sùng bái các vị anh hùng. Mà hiển nhiên anh là người anh hùng của tôi. Sự say sưa và lòng thần phục của tôi lên đến cực điểm, và trong lúc bất chợt tôi quàng tay lên cổ anh và hôn vào môi anh. Anh giơ tay đẩy tôi ra, nhìn bốn chung quanh, vừa bực tức vừa phân vân. Bốn đồng chí nam giới phá lên cười và giải thích cho anh nghe. Lúc đầu anh còn không tin. Anh nhìn tôi rất cận kề, bắt đầu hơi tin, rồi lại lắc đầu không tin nữa, mãi đến khi tôi trở lại làm Avis Everhard và nói thào vào tai anh những điều bí mật mà ngoài anh và Avis Everhard ra không ai biết, khi đó anh mới chịu công nhận tôi đúng là vợ anh thật. Về sau cũng trong ngày hôm đó, khi anh ôm tôi vào lòng, anh tỏ ra rất bối rối và bảo rằng anh có cảm giác như mình là người đa thê. - Em là Avis của anh, - anh nói. - Nhưng đồng thời em lại là một người khác. Em là hai người đàn bà chứ không phải là một, vì thế cho nên đối với anh, em cũng như cả một bày cung phi của các vua chúa phương đông. Nếu nước Mỹ đối với chúng ta nóng quá không ở được thì anh đã có đủ tư cách để xin làm công dân nước Thổ Nhĩ Kỳ[1].

Từ đó cuộc đời của tôi ở nơi trú ẩn đã tràn đầy hạnh phúc. Kể ra thì chúng tôi làm việc có vất vả, làm việc suốt ngày, nhưng chúng tôi được làm

việc với nhau. Chúng tôi được sống bên nhau suốt mười tám tháng trời quý báu. Chúng tôi cũng không sống lẻ loi vì lúc nào cũng có các lãnh tụ và các đồng chí đi đi về về. Tôi được nghe những giọng nói không quen thuộc của các chiến sĩ đang lặn lội đấu tranh trong vòng bí mật kể lại những nỗ lực phi thường trên khắp chiến tuyến. Đời chúng tôi có nhiều chuyện rất ngộ, rất vui. Chúng tôi không phải chỉ là những người đang âm thầm mưu đồ sự nghiệp; chúng tôi chịu đựng nhọc nhằn, đau khổ, người này ngã xuống thì người khác tiến lên, lúc nào cũng như đùa với cái chết, ấy thế mà chúng tôi vẫn có thì giờ để cười và để yêu. Trong hàng ngũ chúng tôi, có những nghệ sĩ, những nhà bác học, những học giả, những nhạc sĩ và những nhà thơ; và dưới hang chúng tôi ở, văn hoá còn cao hơn là ở những toà lâu đài hay những thành phố kì công của bọn thiếu số thống trị. Thật ra, nhiều đồng chí chúng tôi đã từng làm việc nhọc nhằn để tô điểm cho những toà lâu đài và những thành phố kỳ công đó [2].

Không phải chúng tôi chỉ ru rú trong hầm bí mật. Thỉnh thoảng cũng có đêm chúng tôi phi ngựa trên núi để tập dượt. Những khi ấy chính tôi cưỡi luôn ngựa của lão Wickson. Giá lão ta mà biết ngựa của lão đã cho bao nhiêu người cách mạng cưỡi lên lưng nhỉ! Chúng tôi còn đi cắm trại ở những nơi kín đáo mà chỉ mình chúng tôi biết. Chúng tôi đi từ lúc trời chưa sáng, ở đó suốt ngày, đến tối mịt mới về. Chúng tôi dùng cả kem và bơ của lão Wickson 3; và Ernest không phải chỉ bắn cút và thỏ của lão Wickson về ăn, thỉnh thoảng anh còn làm cả con hoẵng con của lão ta nữa.

Thật thế, đây là một nơi trú ẩn an toàn. Tôi đã bảo nó chỉ bị lộ có một lần thôi. Đến đây thì tôi phải nói rõ điều bí mật về vụ con trai lão Wickson mất tích. Bây giờ anh đó chết rồi, cho nên tôi có thể nói tha hồ. Dưới hang chúng tôi có một chỗ mặt trời vẫn chiếu xuống, mỗi ngày được mấy giờ, nhưng rất kín, ở trên nhìn xuống không thấy được. Chúng tôi chõ cát dưới sông lên để giải xuống đó. Thành thử ở đó vừa khô ráo lại vừa ẩm áp, ra tắm nắng rất tốt. Một hôm vào buổi chiều, tôi nằm ở đó và đang thiu thiu ngủ, tay cầm cuốn thơ của Mendenhall 117. Tôi cảm thấy dễ chịu quá, yên tĩnh quá, và những bài thơ trữ tình hùng hực lửa kia cũng không xúc động nổi tôi nữa. Chợt một tảng đất rơi vào chân tôi, và tôi giật mình tỉnh dậy. Rồi tôi nghe thấy có tiếng người từ ở trên leo xuống. Tiếp đó một thanh

niên tụt xuống hết cái vách hang bị lở và đứng bên dưới chân tôi. Đó là Philip Wickson, mặc dầu hồi đó tôi chưa biết anh. Anh điềm tĩnh nhìn tôi và khẽ huýt một tiếng sáo tỏ vẻ ngạc nhiên. Rồi anh ngả mũ ra cầm tay, nói: - Kia, xin lỗi chị. Tôi không dè lại gặp người ở đây.

Tôi không được bình tĩnh như thế. Vì chưa có kinh nghiệm cho nên tôi chưa biết cách ứng phó khi gặp những trường hợp nguy hiểm. Về sau, khi đã thành một điệp viên quốc tế, chắc chắn tôi không còn vụng về như thế nữa. Nhưng lúc đó thì tôi vội vàng nhòe dụi mắt và thét lên một tiếng để báo động. - Sao chị lại hét lên thế? - Anh ta hỏi và nhìn tôi ngơ ngác. Trông cũng biết, lúc xuống hang, anh không ngờ lại có chúng tôi ở dưới này. Tôi nhận ra điều đó và thấy nhẹ cả người. - Thế anh cho là tôi hét lên để làm gì? - Tôi hỏi vặn lại. Hồi đó tôi đến là vụng, thật thế.

- Tôi cũng chẳng biết nữa, - anh lắc đầu trả lời. - Ít nhất thì chị cũng còn bè bạn ở đây. Dẫu sao chị cũng phải cất nghĩa cho tôi nghe. Tôi không thích cái kiểu này. Chị đang xâm phạm vào tài sản của người khác. Đây là đất đai của cha tôi, và... Nhưng lúc đó, Biedenbach, vốn là người lễ độ ôn tồn, đứng sau anh khẽ nói: - Giơ tay lên, thưa ông trẻ.

Con trai lão Wickson trước hết giơ tay lên, rồi quay lại nhìn đồng chí Biedenbach đang lăm lăm cầm khẩu tiểu liên "ba mươi-ba mươi" chĩa vào anh ta. Wickson vẫn thản nhiên như không.

- Ô, ô, thì ra một ổ cách mạng. Đúng là một tổ ong bầu vẽ, giỏi quá đi mất. Nhưng này, các người sẽ không ở đây lâu được đâu. Tôi có thể nói cho các người biết như thế.

- Chắc chắn ông trẻ sẽ còn được ở đây lâu để xét lại điều ông trẻ vừa tuyên bố, - Biedenbach trả lời lạnh như tiền. - Bây giờ thì mời ông trẻ đi vào bên trong hang với tôi. 117 Trong tất cả các nền văn học và những tài liệu thời đó còn truyền lại đến bây giờ, người ta luôn nhắc

nhớ đến thơ ca của Rudolph Mendenhall, chắc chắn phải là một thiên tài vĩ đại. Tuy nhiên, ngoài những vần thơ của anh nói về những chuyện hoang đường và ma quái do tác giả khác trích dẫn, tác phẩm của anh cho đến thời đại chúng ta không còn lại gì, Anh bị cái Gót sắt hành hình năm 1928 thuộc công nguyên.

- Vào trong ấy à? - Người thanh niên tỏ vẻ rất ngạc nhiên. - Các người có hầm mộ ở đây hay sao? Tôi cũng đã nghe nói như vậy. - Thì mời ông trẻ cứ vào mà xem, - Biedenbach trả lời ngọt xớt. - Nhưng như thế là bất hợp pháp, - người thanh niên phản đối.

- Vâng, nhưng đó là theo luật của các ngài, - anh nhân viên khủng bố đáp lại hóm hỉnh. - Còn theo luật của chúng tôi thì đó lại là hợp pháp vô cùng, xin ông trẻ cứ tin như vậy. Ông trẻ cần phải nhớ điều này, là ông trẻ đang ở một thế giới khác, chứ không phải cái thế giới áp bức tàn bạo mà ông trẻ đã từng sống. - Điểm này là có thể thảo luận được, - Wickson lẩm bẩm. - Vâng, thì mời ông trẻ ở lại đây với chúng tôi và thảo luận.

Anh thanh niên cười đi theo người đã bắt mình vào trong nhà. Anh ta bị đưa vào nhốt ở hầm trong. Chúng tôi để một đồng chí trẻ tuổi đứng canh, còn chúng tôi thì đi vào bếp thảo luận.

Biedenbach, nước mắt chạy quanh, chủ trương phải thủ tiêu Wickson. Và anh nhẹ cả người khi nghe chúng tôi biểu quyết bác bỏ đề nghị khủng khiếp của anh. Nhưng mặt khác, chúng tôi cũng không thể nghĩ đến chuyện cho cái tên thiếu số thống trị còn ít tuổi này ra khỏi nơi đây. - Để tôi trình bày với các đồng chí một cách giải quyết, - Ernest nói. - Chúng ta sẽ giữ hắn ở đây để giáo dục. - Vậy thì tôi yêu cầu để cho tôi được giải thích cho hắn rõ về pháp luật học, - Biedenbach kêu lên.

Chúng tôi cười rộ và đi tới một quyết nghị. Chúng tôi sẽ giữ Philip Wickson làm tù binh và giáo dục anh ta bằng đạo đức học và xã hội học của chúng tôi. Nhưng trong thời gian chờ đợi, có một việc cần phải làm ngay, xóa bỏ hết dấu vết của tên thiếu số thống trị trẻ tuổi. Có những dấu vết do Wickson để lại khi tụt xuống cái vách hang bị lở. Việc đó được trao cho Biedenbach. Đồng chí này bu lu vào một sợi dây chằng, đem hết tinh anh của mình ra làm việc hết cả một buổi chiều cho đến khi không còn một dấu vết nào nữa mới thôi. Tất cả những dấu vết từ miệng hang lên đến hết khe núi, anh cũng xóa bỏ đi như vậy. Rồi lúc sâm sâm tối, John Carlson đến bắt Wickson đưa cho đôi giày.

Anh chàng thanh niên không chịu đưa mà còn định chống cự để giữ lấy giày. Ernest liền cho anh ta ném sức mạnh người công nhân bịt móng ngựa nằm trong quả đấm của anh. Về sau, Carlson cho biết rằng đôi giày quá

nhỏ, anh bị phỏng và xây xát hết cả hai bàn chân. Nhưng anh đã dùng đôi giày đó làm được một việc rất cừ. Từ miệng hang anh đi ngược lên. Đến chỗ có dấu chân Wickson, anh bện giày của hắn ta vào rồi đi về phía tay trái. Anh đi hàng cây số, vòng qua mấy đồi, trèo lên các mô đất, len lỏi xuống các khe núi rồi cuối cùng làm mất dấu vết trên một dòng sông nhỏ. Đến đây anh lột giày ra lộn ở dưới sông một khúc cho khỏi có dấu chân và cuối cùng lấy giày của mình ra đi vào. Một tuần sau, Wickson mới được trả lại giày.

Đêm hôm đó một đàn chó săn lòng đi tìm, và trong hang trú ẩn, chúng tôi không sao nhắm được mắt. Ngày hôm sau, nhiều lần đàn chó sục xuống tận khe núi, sủa ầm lên, chạy xô về phía bên trái theo những vết chân mà Carlson đã tạo ra cho chúng và tiếng sủa mất dần trong các khe núi ở trên cao. Trong suốt thời gian ấy, các đồng chí chúng tôi chờ sẵn ở trong hang, tay cầm vũ khí. Chúng tôi có súng lục và súng trường tự động, chưa kể sáu khẩu súng thô sơ do Biedenbach chế tạo. Không ai tưởng tượng được bọn người đi cứu Wickson sẽ được một châu ngạc nhiên như thế nào, nếu họ mò xuống nơi ẩn của chúng tôi. Tôi đã nói thật về sự mất tích của Philip Wickson, trước kia đã từng là một tên thiếu số thống trị, về sau thì trở thành đồng chí cách mạng. Vì cuối cùng, chúng tôi đã cảm hoá được anh. Đầu óc anh còn trong trắng và dễ nhào nặn và bản chất anh là người có đạo đức. Nhiều tháng sau, chúng tôi cho anh cưỡi một con ngựa của cha anh để vượt núi Sonoma và đến bờ sông Petaluma. Rồi chúng tôi đưa anh lên một chiếc tàu đánh cá. Chúng tôi đưa anh đi từng chặng theo đường dây bí mật tới nơi trú ẩn ở Carmel, đi một cách khá dễ dàng.

Anh ở lại đó tám tháng. Sau thời gian ấy, anh nhất định không muốn rời bỏ chúng tôi, vì hai lí do. Một là anh đã yêu Anna Royston, hai là anh đã thành người của chúng tôi rồi. Mãi về sau, khi nhận rõ mối tình của mình chỉ là mối tình thất vọng, anh mới chịu làm theo ý muốn chúng tôi, trở về với cha. Bề ngoài thì anh là một tên thiếu số thống trị cho tới lúc chết nhưng thật ra anh là một tay trong hết sức quý báu của chúng tôi. Rất nhiều lần cái Gót sắt phải lúng túng vì những kế hoạch và những hoạt động của nó để chống lại chúng tôi bị thất bại. Giá nó mà biết có bao nhiêu người trong hàng ngũ của nó làm tay trong cho chúng tôi thì nó cũng thừa hiểu. Anh

thanh niên Wickson nhất mực trung thành với sự nghiệp, không một lúc nào ngả nghiêng. Ngay việc anh chết cũng là do tận tâm làm nhiệm vụ. Trong cơn bão táp lớn năm 1927, giữa lúc tham gia cuộc hội nghị các lãnh tụ của chúng tôi, anh bị viêm phổi và đã từ trần 4[].

Chú thích:

- 1- Thời đó, tục đa thê vẫn còn thịnh hành ở Thổ Nhĩ Kỳ.
- 2- *Avis Everhard nói như vậy không phải huênh hoang khoác lác đâu. Bông hoa của giới nghệ thuật và giới trí thức là những người cách mạng. Trừ một số nhỏ nhạc sĩ và ca sĩ, trừ một số nhỏ trong bọn thiếu số thống trị, tất cả những nhà sáng tạo lớn của thời kì đó mà tên tuổi còn lại với chúng ta đều là những nhà cách mạng.*
- 3- *Mãi đến tận thời kì này, kem và bơ vẫn còn làm bằng sữa bò theo những phương pháp thô sơ. Việc chế tạo thực phẩm trong các phòng thí nghiệm khoa học lúc đó chưa bắt đầu.*
- 4- *Trường hợp của thanh niên này không phải là duy nhất. Nhiều thanh niên xuất thân trong giới thiếu số thống trị, do lòng yêu chân lí hoặc do giàu tưởng tượng, đã bị sự vinh quang của cách mạng cám dỗ và hiến đời mình cho cách mạng một cách cao quý và lãng mạn. Con cái bọn quý phái Nga trước đây cũng giống như họ, cũng đã từng đóng vai trò tương tự trong cuộc cách mạng trường kì của nước Nga.*

Chương XXI

Con mãnh thú dưới vực thẳm

Suốt thời kì dài ở hầm bí mật, chúng tôi vẫn liên hệ chặt chẽ với những việc xảy ra bên ngoài và chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ sức mạnh của tập đoàn thiếu số thống trị mà chúng tôi đang đấu tranh lật đổ. Từ cái bất ổn định của bước quá độ, những tổ chức mới hình thành rõ nét hơn, và khoác dần một cái vỏ ngoài trường cửu. Bọn thiếu số thống trị đã thành công trong việc sáng chế ra một bộ máy chính quyền phức tạp và rộng lớn, mặc dù chúng tôi tìm hết cách phá.

Những người cách mạng đều lấy thế làm ngạc nhiên. Họ quan niệm không có lẽ nào lại như thế được. Dầu sao, mọi việc trong nước vẫn tiến hành như thường. Người ta vẫn lao động cực nhọc trong hầm mỏ, ở ngoài đồng. Người ta bị cưỡng bức bóc lột như một bầy nô lệ, có thể thôi. Tất cả

những ngành công nghiệp chủ yếu đều hưng thịnh. Những kẻ có chân trong các đẳng cấp lao động đều thoả mãn và phấn khởi làm việc. Lần đầu tiên trong đời, chúng được sống trong cảnh công nghiệp phát triển hoà bình. Chúng không còn phải lo lắng vì thiếu việc làm, vì bãi công, vì nhà máy đóng cửa, vì những thẻ công đoàn nữa. Chúng sống trong những toà nhà đầy đủ tiện nghi, trong những thành phố rộng rãi dành riêng cho chúng, so với những khu nhà lụp xụp như ngày xưa chúng vẫn chui rúc thì thú vị hơn nhiều. Chúng được ăn sướng hơn, làm ít giờ hơn, được nghỉ phép nhiều hơn, được hưởng nhiều quyền lợi và khoái lạc hơn. Chúng không mảy may bận tâm đến anh em, chị em của chúng, tức là lớp người lao động khôn khổ, không có đặc quyền, đặc lợi và đang bị chìm xuống vực thẳm. Một thời đại lấy ích kỉ làm đầu đã lộ ra trong lịch sử nhân loại. Mà cũng chẳng phải hoàn toàn như thế. Các đẳng cấp lao động đầy rẫy người của chúng tôi. Mất những người này nhìn xa hơn là nhu cầu của cái bụng. Họ nhìn thấy bộ mặt chói ngời của tự do và bác ái.

Một tổ chức lớn khác đã hình thành và đang hoạt động êm ả, đó là đạo quân đánh thuê. Đạo quân này từ quân đội chính quy ra, hiện có tới một triệu người, chưa kể các lực lượng thuộc địa. Bọn lính đánh thuê hợp thành một nòi riêng. Chúng sống trong những thành phố riêng do chúng tự cai quản lấy và được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi. Chỗ hàng ế thừa nan giải nhờ chúng mà tiêu thụ được một phần lớn. Chúng mất hết liên hệ với nhân dân quần chúng, không còn một chút thiện cảm nào với nhân dân quần chúng, và phát triển cái quan niệm đạo đức cùng cái ý thức giai cấp riêng biệt của chúng. Tuy nhiên, trong bọn này có hàng nghìn người là nhân viên công tác bí mật của chúng tôi [1].

Bản thân giai cấp thiểu số thống trị cũng phát triển một cách đáng kể và thú thật là không ngờ. Chúng có một kỉ luật giai cấp của chúng. Mỗi tên thiểu số thống trị đều có công việc nhất định trong xã hội và đều bắt buộc phải làm công việc đó. Không còn những thanh niên nhà giàu ăn dung ngồi rồi nữa. Sức mạnh của bọn này được dùng để tăng cường sức mạnh thống nhất của giai cấp thiểu số thống trị. Chúng giữ những chức chỉ huy cao cấp trong quân đội và trong các ngành công nghiệp. Chúng rất lành nghề trong các ngành khoa học thực hành và nhiều kẻ trở thành những kĩ sư đại tài.

Chúng đi vào những ngành vô cùng phức tạp của bộ máy chính quyền, đi nhậm chức ở các thuộc địa, và vào làm việc ở các cơ quan mật vụ có tới hàng vạn. Có thể nói chúng vào học nghề trong các ngành giáo dục, nghệ thuật, trong nhà thờ, trong các ngành khoa học, văn học. Trong những lĩnh vực đó, chúng thực hiện chức trách quan trọng của chúng là nhào nặn tư tưởng của dân tộc để bảo vệ cho giai cấp thiểu số thống trị tồn tại mãi mãi.

Chúng được người ta dạy chúng và sau này lại đến lượt chúng đi dạy người ta rằng những việc chúng làm là hợp với lẽ phải. Chúng hấp thụ tư tưởng quý tộc từ nhỏ, từ khi chúng bắt đầu thu nhận những ấn tượng của thế giới bên ngoài. Tư tưởng quý tộc được dệt thành bản chất của chúng và trở thành xương thịt chúng. Chúng tự coi là những kẻ dạy thú dữ, những kẻ cai quản súc vật. Từ dưới chân chúng luôn luôn nổi lên những tiếng gầm gừ bạo động. Cái chết hung bạo luôn luôn lớn vờn quanh mình chúng, dưới mắt chúng bom, đạn, dao găm, là nanh vuốt của con mãnh thú đang gầm thét dưới vực thẳm, và chúng phải ra tay trừng trị con mãnh thú đó, để cho loài người tồn tại. Chúng là những cứu tinh của nhân loại, và chúng tự coi mình là những người lao động anh hùng đang hi sinh cho cái chí cao chí thiện.

Chúng tin rằng chỉ có mình giai cấp chúng là bảo vệ văn minh. Chúng đinh ninh rằng nếu chúng suy yếu đi một lúc nào thì con mãnh thú sẽ nuốt chửng chúng vào trong cái dạ dày hang hốc và nhầy nhụa của nó cùng với tất cả những gì là đẹp, là lạ, là vui, là tốt ở trên đời. Không có chúng thì thế giới sẽ thành vô chính phủ và nhân loại sẽ rơi vào cái đêm dài nguyên thủy mà nó đã tốn bao nhiêu đau khổ mới ngoi lên khỏi. Lúc nào chúng cũng đem cái hình ảnh ghê rợn của sự vô chính phủ chìa ra trước mắt con cái chúng, cho đến khi con cái chúng bị nỗi sợ giả tạo này ám ảnh lại đem bức tranh vô chính phủ chìa ra trước mắt cháu chắt chúng. Đây là con mãnh thú không giầy xéo lên trên thì không được, và nghĩa vụ tối cao của một người quý tộc là phải giầy xéo lên trên con mãnh thú ấy. Tóm lại, chỉ có mình chúng không ngừng lao động, không ngừng hi sinh và đứng ở giữa nhân loại yếu ớt và con mãnh thú háu đói; và chúng tin chắc như thế, chúng đinh ninh như thế.

Tôi không thể quá nhấn mạnh vào cái đạo đức ngay thẳng và cao siêu đó của toàn thể giai cấp thiểu số thống trị. Nó là sức mạnh của cái Gót sắt, thế mà lắm đồng chí mãi vẫn không nhận ra điều đó, hoặc mãi vẫn khẳng không chịu nhận ra. Nhiều đồng chí cho rằng cái Gót sắt mạnh là nhờ chế độ thưởng phạt của nó. Thật là sai lầm. Thiên đường và địa ngục có thể là những yếu tố chủ yếu khiến cho một người cuồng tín nhiệt thành với đạo giáo, nhưng đối với đại đa số những người theo đạo giáo thì thiên đường và địa ngục lại phụ thuộc vào điều thiện và điều ác. Yêu cái thiện, muốn làm điều thiện, bất bình với những cái chưa phải là thiện - tóm lại, cư xử sao cho đúng. đó là cái yếu tố đầu tiên của đạo giáo. Đối với giai cấp thiểu số thống trị cũng vậy. Giam cầm, đầy ải và nhục mạ, danh vọng, lâu đài và những thành phố kì công, những cái đó cũng chỉ là phụ thôi. Sức mạnh lớn lao nó thúc đẩy bọn thiểu số thống trị, chính là việc chúng tin chắc rằng chúng làm đúng. Đừng chú ý đến những ngoại lệ, cũng đừng chú ý đến sự áp bức và sự bất công, nó là xuất xứ của cái Gót sắt. Tất cả những cái đó ai cũng đều công nhận rồi. Vấn đề là sức mạnh của tập đoàn thiểu số thống trị ngày nay nằm ở chỗ chúng thoả mãn với quan niệm rằng chúng đúng [2].

Về mặt này thì suốt hai mươi năm khủng khiếp vừa qua, sức mạnh của cách mạng cũng nằm ở chỗ chúng tôi quan niệm rằng chúng tôi là đúng. Cũng không thể có cách nào khác để cắt nghĩa những hi sinh lớn lao của chúng tôi. Chính vì lí do đó mà Rudolph Mendenhall đã đốt cháy tâm hồn mình để sáng tác bài ca thiên nga của anh và đã hát lên bài ca man rợ đó trong đêm cuối cùng của đời anh. Chính vì lí do đó mà Hurlbert đã chịu nhục hình cho đến chết, nhất định không phản bội đồng chí của mình. Vì lí do đó mà Anna Royston đã từ bỏ cái quyền làm mẹ thiêng liêng của mình. Chính vì lí do đó mà John Carlson đã làm người gác trung thành và không công ở trạm trú ẩn Glen Ellen. Bất kì già trẻ, trai gái, sang hèn, có tài hay bất tài, tất cả các đồng chí Cách mạng đều chung một động cơ là khao khát cái đúng. Nhưng hãy trở lại chuyện chúng tôi. Ernest và tôi trước khi rời hầm bí mật, đều hiểu rõ sức mạnh của cái Gót sắt đã phát triển đến mức độ nào. Những đẳng cấp lao động, đạo quân đánh thuê, bầy mật thám và cảnh sát đủ các loại, đông nhung nhúc, tất cả đều gắn chặt vào tập đoàn thiểu số thống trị. Không kể việc mất tự do, nhìn chung chúng sống hơn hẳn trước.

Mặt khác thì đông đảo quần chúng nhân dân tay trắng - lớp nhân dân dưới vực thẳm - càng chìm sâu xuống cảnh ngu muội như một lũ súc vật và an phận với nỗi khổ của mình. Mỗi khi có những người vô sản nào tỏ ra sắc sảo và nổi bật lên trong quần chúng, bọn thiếu số thống trị liền kéo họ đi, tạo cho họ những điều kiện sinh sống dễ dàng hơn bằng cách đưa họ vào các đảng cấp lao động và đạo quân đánh thuê. Thế là chúng xoa dịu được những mối bất bình và cướp được những lãnh tụ của giai cấp vô sản xuất thân từ quần chúng.

Tình cảnh của lớp nhân dân dưới vực thẳm thực là thê thảm. Đối với họ thì ngay cái nền giáo dục sơ đẳng họ cũng thôi không được hấp thụ nữa. Họ sống như súc vật trong những khu lao động nhầy nhụa, chết thối ra trong cảnh cơ cực và nhân phẩm bị chà đạp. Tất cả những quyền tự do của họ trước đây đều bị cướp mất. Họ là một bầy nô lệ. Họ không có quyền chọn việc làm. Họ không có quyền đổi chỗ ở, không có quyền giữ hoặc mang khí giới. Họ không phải là nô lệ của ruộng đất như nông dân, mà là nô lệ của máy móc, là một lũ khổ sai. Khi có những nhu cầu bất thường như làm đường, xây trường bay, đào sông, đục núi, làm đường ngầm, xây pháo đài, bọn thống trị đến bắt phu ở những khu lao động và hàng vạn người bị lôi đi công trường. Hàng đạo quân nô lệ đang nai lưng ra xây thành phố Ardis. Họ chui rúc trong những lán trại tồi tàn, hoàn toàn không được hưởng đời sống ấm cúng của gia đình và sống như súc vật chứ không sống ra người nữa. Đúng như thế, con mãnh thú của vực thẳm mà bọn thiếu số thống trị sợ chết khiếp, nó ở ngay những khu lao động tồi tàn. Nhưng chính bọn thiếu số thống trị lại là kẻ đào tạo ra nó. Chính chúng lại nuôi dưỡng con khỉ và con cọp trong người nó.

Ngay lúc này lại có tin rằng bọn thống trị đang chuẩn bị bắt phu để xây dựng thành phố Asgard. Thành phố kì công Asgard sẽ còn vượt xa thành phố Ardis khi hoàn thành [3]. Những người cách mạng chúng tôi sẽ tiếp tục tiến hành công trình vĩ đại đó. Nó sẽ không phải do bàn tay những người nô lệ khốn khổ làm ra. Nhà cửa lâu đài của các thành phố lộng lẫy đó sẽ mọc lên trong tiếng hát và vẻ đẹp kỳ diệu của nó sẽ dệt bằng âm nhạc và tiếng cười, chứ không phải bằng tiếng thở dài hay tiếng rên la.

Ernest chỉ còn thiếu phát điên lên vì nóng lòng chờ ngày ra hoạt động. Lúc đó cuộc khởi nghĩa thứ nhất của chúng tôi đang chín muồi rất nhanh (cuộc khởi nghĩa này về sau chẳng may thất bại ở Chicago). Tuy nhiên, anh cũng đã chế ngự được tâm hồn sôi nổi của anh. Có một đồng chí tên là Hadly, được phái từ Illinois đến để giúp anh biến thành một người khác [4]. Suốt thời kỳ này, mặc dù sốt ruột, anh đã nghiền ngẫm trong đầu những kế hoạch vĩ đại nhằm tổ chức bộ phận đã giác ngộ của giai cấp vô sản duy trì trong đám dân của vực thẳm một mức giáo dục tối thiểu. Cố nhiên, như vậy là đề phòng cuộc khởi nghĩa thứ nhất bị thất bại.

Mãi đến tháng giêng 1917, chúng tôi mới ra khỏi nơi trú ẩn. Mọi việc đều đã được thu xếp từ trước. Chúng tôi cùng chui vào làm nhân viên khiêu khích cho cái Gót sắt. Tôi đóng vai em ruột Ernest chính là nhờ những tay trong giữ những chức vụ cao cấp trong hàng ngũ bọn thiếu số thống trị, mà chúng tôi được bố trí chỗ làm, có đủ các giấy tờ cần thiết và quá khứ được hợp pháp hoá. Có trong tay những giúp đỡ thì việc này cũng không khó khăn gì, vì trong cái thế giới đầy bóng tối của cơ quan mật vụ, lí lịch mỗi người đều lơ mờ, khó nắm. Các nhân viên đi về như bóng ma, nhận mệnh lệnh, hoàn thành nhiệm vụ, theo dõi người này người nọ, thường khi báo cáo với những sĩ quan mà mình chưa bao giờ gặp mặt, hoặc cộng tác với những nhân viên khác mà mình chưa bao giờ hoặc không bao giờ gặp nữa.

Chú thích:

- 1- Đạo quân đánh thuê trong những ngày cuối cùng của cái Gót sắt, đã đóng một vai trò quan trọng. Nó tạo nên thế quân bình lực lượng trong những cuộc xung đột giữa các đẳng cấp lao động và bọn thiếu số thống trị, và khi thì nó ném lực lượng vào phe này, khi thì nó ném lực lượng vào phe kia, tùy theo tấn tuồng mưu mô và thủ đoạn.*
- 2 - Từ sự rời rạc và sự bấp bênh của chủ nghĩa tư bản về mặt đạo đức học, bọn thiếu số thống trị đã xuất hiện với một quan niệm đạo đức mới, chặt chẽ và dứt khoát, sắc và rắn như thép, vô lí nhất và phản khoa học nhất, nhưng đồng thời lại là cái quan niệm đạo đức mạnh mẽ nhất mà một giai cấp tàn bạo chưa bao giờ có. Bọn thiếu số thống trị tin tưởng vào nền đạo đức học của chúng, mặc dầu nền đạo đức học này đã bị sinh vật học và sự tiến hoá phủ nhận, và vì đức tin đó mà suốt trong ba*

thể kỉ, chúng đã ngăn được ngọn triều dâng mãnh của sự tiến hoá nhân loại. Đối với nhà luân lí học siêu hình thì đây là một cảnh tượng sâu sắc, khủng khiếp và bối rối, còn đối với nhà duy vật thì đây là nguyên nhân của nhiều sự hoài nghi, nó khiến cho mình phải suy xét lại vấn đề.

3 - Ardis hoàn thành năm 1942 thuộc công nguyên, còn Asgard thì mãi đến 1984 mới hoàn thành, xây dựng thành phố này mất tất cả năm mươi hai năm, suốt thời gian đó phải sử dụng một đội quân nô lệ thường trực là nửa triệu người. Có lúc con số đó lên tới hơn một triệu người. Ấy là chưa kể hàng chục vạn người thuộc các đẳng cấp lao động và nghệ sĩ.

4 - Trong hàng ngũ cách mạng có nhiều nhà phẫu thuật rất thành thạo khoa sinh thể giải phẫu. Theo lời Avis Everhard thì họ có thể làm cho một người biến hẳn thành người khác. Đối với họ thì việc xoá bỏ những vết sẹo và những vết xấu xí trên người chỉ là một việc nhỏ nhặt tầm thường. Họ thay đổi nét mặt con người bằng một kĩ thuật rất tinh vi, không để sót một dấu vết nào của công việc họ làm. Mũi là bộ phận họ thích biến đổi nhất. Ghép da và cấy tóc là những ngón thông thường nhất của họ. Họ biến đổi diện mạo con người như ta làm ảo thuật. Mắt và lông mày, môi, miệng và tai đều khác hẳn đi. Những sự mổ xẻ tài tình ở lưỡi, ở họng, ở thanh quản và ở bên trong lỗ mũi, họ có thể làm cho giọng nói và lối nói của một con người khác hẳn. Những thời đại thất vọng để ra nhu cầu phải có những phương thuốc thất vọng, và những nhà phẫu thuật của Cách mạng đã vươn lên để đạt được mức nhu cầu. Không kể những tài khác, họ còn có thể làm cho một thanh niên cao lên độ bốn năm phân hoặc lùn xuống độ một hai phân. Nghệ thuật của họ đến nay bị mất đi, chúng ta không cần đến nó nữa.

Chương XXII

Công xã Chicago

Làm nhân viên khiêu khích, không những chúng tôi được tha hồ đi đây đi đó, mà còn được tha hồ tiếp xúc với giai cấp vô sản và các đồng chí cách mạng của chúng tôi ở cả hai phe, ngoài mặt thì phục vụ cho cái Gót sắt nhưng bên trong thì đem hết sức lực ra làm việc cho sự nghiệp.

Chúng tôi có nhiều người trong các cơ quan mật vụ của giai cấp thiểu số thống trị và mặc dầu các cơ quan mật vụ đã bị khuấy lộn và chinh đồn nhiều lần: chúng không lúc nào nhỏ cỏ được tất cả chúng tôi. Ernest đã góp phần lớn lao vào kế hoạch cuộc Khởi nghĩa thứ nhất, ngày khởi nghĩa dự định vào khoảng đầu mùa xuân 1918.

Cuối năm 1917, chúng tôi chưa chuẩn bị xong, còn nhiều việc phải làm, và nếu khởi nghĩa hấp tấp thì nhất định thất bại. Cố nhiên mưu đồ của chúng tôi hết sức phức tạp, và bất cứ một việc gì nổ ra non chắc chắn cũng đều làm hỏng kế hoạch chung. Cái Gót sắt cũng nhìn trước thấy như vậy và đã vạch kế hoạch thích hợp.

Chúng tôi dự định đánh vào hệ thần kinh của giai cấp thiểu số thống trị trước. Bọn này đã rút kinh nghiệm cuộc tổng bãi công và đã đề phòng nhân viên điện báo làm phản bằng cách thiết lập những đài vô tuyến điện do những đội quân đánh thuê kiểm soát. Về phía chúng tôi, chúng tôi đã có cách đối phó. Khi có hiệu lệnh truyền ra, lập tức những nơi trú ẩn trên khắp đất nước, từ những thành phố, những thị trấn, những trại lính, các đồng chí được chỉ định từ trước phải xông vào làm nổ tung những đài vô tuyến điện: như vậy, ngay từ đòn đầu tiên, cái Gót sắt đã bị quật ngã và đã thực sự chặt thành từng mảnh rồi.

Trong khi đó, các đồng chí khác phải cho nổ tung các cầu, đánh sập những đường hầm xuyên núi và chặt vụn hệ thống đường xe lửa. Hơn thế nữa khi có hiệu lệnh, các đồng chí khác tập hợp thành đội ngũ có trách nhiệm bắt những sĩ quan của đạo quân đánh thuê và những sĩ quan cảnh sát cũng như tất cả những tên thiểu số thống trị đặc biệt xảo trá hoặc giữ những chức vụ hành chính. Như vậy, phe địch ở tất cả những chiến trường địa phương sẽ như rắn không đầu, và những chiến trường như thế nhất định phải mở trên khắp nước. Nhiều việc sẽ phải xảy ra cùng một lúc khi hiệu lệnh tung ra. Những người ái quốc Canada và Mexico - họ còn mạnh hơn là cái Gót sắt tưởng rất nhiều - sẽ rập theo chiến thuật của chúng tôi.

Rồi thì sẽ có những đồng chí (họ toàn là phụ nữ, vì nam giới còn ở những nơi khác) đem niêm yết những bản bố cáo in ở những nhà in bí mật của chúng tôi. Những đồng chí chúng tôi giữ những chức vụ cao cấp của cái Gót sắt sẽ phải lập tức gây hỗn loạn trong khắp mọi ngành. Trong đạo quân

đánh thuê có hàng nghìn đồng chí chúng tôi. Nhiệm vụ của họ là phải cho nổ tung những kho súng đạn và phá huỷ những bộ phận tinh vi trong toàn bộ máy chiến tranh. Trong những thành phố đạo quân đánh thuê và các đảng cấp lao động ở, cũng phải thi hành những kế hoạch phá hoại giống như thế.

Nói tóm lại, chúng tôi sẽ phải đánh một đòn bất thần, quy mô hết sức vĩ đại và đủ sức làm cho quân thù tối tăm mặt mũi. Giai cấp thiểu số thống trị bị tê liệt chưa kịp phục hồi lại thì chúng tôi đã kết liễu đời nó rồi. Đây sẽ là một thời kì khủng khiếp, sẽ còn rất nhiều tổn thất về người, nhưng không một người cách mạng nào thấy thế mà sinh do dự. Còn sao nữa, trong kế hoạch của chúng tôi có rất nhiều việc phụ thuộc vào đám dân của vực thẳm, hoàn toàn không có tổ chức. Họ sẽ được tung vào những lâu đài và những thành phố của bọn chủ. Có xá kể gì những tổn thất về người và về của, cứ để mặc cho con mãnh thú của vực thẳm gầm thét, cho bọn cảnh sát và bọn lính đánh thuê bắn giết. Thì đảng nào con mãnh thú của vực thẳm chẳng gầm thét, đảng nào bọn cảnh sát và bọn lính đánh thuê chẳng bắn giết! Điều đó chỉ có nghĩa là các mối nguy hiểm đang đe dọa chúng tôi sẽ khử lẫn nhau mà không gây tai hại gì cho chúng tôi cả. Trong khi chờ đợi, chúng tôi sẽ tiến hành công việc của chúng tôi một cách thuận lợi và giành lấy quyền kiểm soát bộ máy xã hội.

Kế hoạch của chúng tôi là như vậy: mỗi chi tiết vạch ra đều hết sức bí mật, và ngày khởi sự càng đến gần thì chúng tôi càng phổ biến rộng rãi cho nhiều đồng chí. Mưu cơ lan rộng là một điểm nguy hiểm cho chúng tôi. Nhưng chúng tôi không bao giờ đạt đến cái điểm nguy đó cả. Qua hệ thống mật thám của nó, cái Gót sắt đã đánh hơi thấy cuộc Khởi nghĩa và đã chuẩn bị cho chúng tôi một bài học đầm máu khác. Chúng đã chọn thành phố Chicago làm trường dạy chúng tôi và chúng tôi đã được một bài học thích đáng.

Trong tất cả các thành phố thì Chicago 1 là nơi chín muồi hơn cả. Chicago đã từng được gọi là thành phố máu và lần này nó lại sẽ được gọi bằng danh hiệu ấy. Tinh thần cách mạng ở đây rất cao trong những ngày chủ nghĩa tư bản thống trị, rất nhiều cuộc bãi công đã bị thẳng tay đàn áp, anh em công nhân không thể nào quên, cũng không thể nào tha thứ được.

Ngay bọn công nhân quý tộc trong thành phố cũng hướng về khởi nghĩa. Trong cuộc bãi công trước không biết bao nhiêu kẻ đã bị vỡ đầu. Mặc dầu điều kiện sinh hoạt đã được thay đổi và có phần thuận lợi, các đảng cấp lao động vẫn chưa hết căm thù giai cấp chủ. Tư tưởng đó ăn lan cả sang đạo quân đánh thuê và đặc biệt có ba trung đoàn sẵn sàng chạy từng mảng sang với chúng tôi.

Chicago xưa nay vẫn là trung tâm bão táp trong cuộc xung đột giữa lao động và tư bản, là châu thành của những cuộc chiến đấu đường phố và của cái chết tàn khốc, với một tổ chức tư bản có ý thức giai cấp và một tổ chức công nhân cũng có ý thức giai cấp, nơi mà ngày xưa ngay các thầy giáo cũng họp nhau thành công đoàn và gia nhập tổng liên đoàn lao động Mỹ cùng với anh thợ đánh vữa và thợ nề. Tức là Chicago trở thành trung tâm bão táp của cuộc Khởi nghĩa thứ nhất đã nổ non kia.

Chính cái Gót sắt đã đẩy cho cuộc khởi nghĩa nổ non. Việc đó làm rất khéo. Toàn thể dân chúng kể cả những đảng cấp lao động được ưu đãi, đều bị làm nhục một loạt. Những người phạm tội không đâu cũng bị trừng trị rất nặng. Đám dân của vực thẳm bị quật lên quật xuống, quật bật khỏi cái lãnh đạm thường ngày. Trong thực tế thì chính cái Gót sắt đang chuẩn bị cho con mãnh thú dưới vực thẳm gầm lên. Đồng thời với việc đó, trong tất cả những biện pháp rất thận trọng thi hành ở Chicago, cái Gót sắt bề ngoài tỏ ra bất cần không thể nào tưởng tượng được. Nhiều trung đoàn quân đánh thuê bị rút đi và điều về các địa phương khác trong nước, những đơn vị còn lại thì kỉ luật hết sức lỏng lẻo.

Không lâu la gì, mà chỉ mấy tuần sau, kế hoạch đó được đem thi hành. Anh em Cách mạng chúng tôi nghe thấy người ta xì xào về tình hình công việc, nhưng không nắm được gì rõ rệt để hiểu rõ tình hình đó như thế nào. Thật ra chúng tôi cứ tưởng đây là một tinh thần khởi nghĩa tự phát, nó đòi hỏi chúng tôi phải tìm lại một cách thận trọng, chứ không ngờ rằng cái Gót sắt đã cố tình chuẩn bị từ trước, chuẩn bị hết sức bí mật, trong một phạm vi rất nhỏ hẹp, đến nỗi chúng tôi không nghe phong thanh thấy một điều gì cả. Âm mưu đôi phó của nó quả là một kì công và đã được thực hiện một cách thần tình.

Tôi đang ở New York thì nhận được lệnh phải tức tốc về Chicago. Kẽ ra lệnh cho tôi là một tên thuộc giai cấp thiểu số thống trị. Tôi có thể quyết đoán như vậy qua cách nói năng của y. Mặc dù tôi không biết tên, cũng không trông thấy mặt. Những chỉ thị của y rất rõ ràng, tôi không sao nhầm được. Qua các hàng chữ, tôi đoán được ra rằng mưu cơ của chúng tôi đã bị bại lộ và bị phá. Quả bộc phá đã sẵn sàng chỉ còn chờ nổ và ngàn vạn tay sai của cái Gót sắt trong đó có tôi, hoặc sẽ ở ngay tại chỗ, hoặc sẽ được phái đến tận nơi để châm ngòi lửa. Tôi tự hào vì mình đã giữ được bình tĩnh trước con mắt sắc sảo của tên thiểu số thống trị, nhưng trống ngực tôi đập liên hồi. Tôi những muốn thét lên và đưa hai tay ra bóp cổ y trước khi y truyền xong những mệnh lệnh lạnh như tiền ấy.

Y vừa đi khỏi, tôi liền tính ngay thì giờ. May ra tôi cũng còn có thể dành một chút thì giờ để gặp một đồng chí lãnh đạo phong trào địa phương trước khi lên xe lửa. Tôi vừa đề phòng mật thám theo dõi, vừa học tốc đi vào bệnh viện cấp cứu. Thật là may mắn, tôi được ngay phép gặp đồng chí Galvin, bác sĩ trưởng. Tôi thở hắt ra, định đưa tin cho đồng chí đó biết, nhưng đồng chí ngắt lời tôi ngay:

- Tôi biết rồi, - đồng chí bình tĩnh nói, mặc dầu cặp mắt Ireland của đồng chí long lên dữ tợn. - Tôi biết chị đến đây làm gì rồi. Tôi đã nhận được chỉ thị cách đây mười lăm phút và đã truyền đạt chỉ thị đó đi các nơi rồi. Chúng ta sẽ nằm yên không hành động. Chicago sẽ bị hi sinh, nhưng chỉ có Chicago thôi. - Anh thử liên lạc với Chicago chưa? - Tôi hỏi. Đồng chí lắc đầu: - Không thể liên lạc bằng điện báo được nữa. Chicago đã bị vít hết những đường vào. Nó sắp thành địa ngục đến nơi rồi. Đồng chí ngừng lại một lát, và tôi thấy bàn tay trắng trẻo của đồng chí nắm chặt lại. Rồi đồng chí bật ra nói: - Trời ạ! Tôi muốn đến đây quá! - Tuy vậy, vẫn còn có cơ chặn nó lại, - tôi bảo. - Nếu xe lửa không gặp điều gì bất trắc và nếu tôi đến kịp. Hoặc nếu một đồng chí nào khác trong cơ quan mật vụ biết rõ sự thật và đến được đó kịp thời. - Lần này thì ngay các đồng chí đã chui vào được tổ chức của chúng cũng bị một đòn bất thần, - đồng chí nói. Tôi gật đầu lặng lẽ.

- Chúng nó giữ rất bí mật, - tôi đáp. - Cho đến hôm nay, chỉ có bọn trùm biết với nhau thôi. Chúng tôi chưa chui vào được tận đó cho nên đành

chịu mù tịt về tình hình. Giá có Ernest ở đây nhỉ. Có lẽ anh đang ở Chicago, và nếu thế thì mọi việc sẽ đều tốt. Bác sĩ Galvin lắc đầu.

- Tin cuối cùng tôi được biết là anh đã bị điều động đi Boston hoặc New Haven. Làm công tác mật vụ cho địch, tất anh bị trở ngại nhiều, nhưng như vậy vẫn còn hơn nằm hầm bí mật. Lúc tôi sắp ra đi, đồng chí Galvin nắm chặt lấy tay tôi. Và đây là những lời chia tay của đồng chí: - Chị đừng để nhụt nhuệ khí nhé! Cuộc Khởi nghĩa thứ nhất dù có thất bại cũng không sao, sẽ có cuộc Khởi nghĩa thứ hai, và lúc đó thì chúng mình sẽ khôn ngoan hơn. Tạm biệt chị và chúc chị gặp nhiều may mắn. Chẳng biết rồi tôi có được gặp chị nữa không. Tình hình ở đây sắp đến bước khủng khiếp, nhưng nếu được đến đây mà có phải tổn thọ mất mười năm, tôi cũng vui lòng.

Đoàn tàu "Thế kỉ hai mươi" 2 rời New York vào sáu giờ chiều, và theo dự định thì sẽ đến Chicago vào bảy giờ sáng ngày hôm sau, nhưng đêm hôm đó nó bị chậm. Chúng tôi chạy sau một đoàn tàu khác. Trong số hành khách ngồi trong toa Pullman cùng với tôi có đồng chí Hartman, cũng làm việc trong cơ quan mật vụ của cái Gót sắt như tôi. Chính đồng chí cho tôi biết về đoàn tàu chạy trước chúng tôi. Đoàn tàu đó giống hệt đoàn tàu của chúng tôi, nhưng không có hành khách. Như vậy cốt để nhớ có mình chờ phá đoàn tàu "Thế kỉ hai mươi" thì nó sẽ chịu tai nạn thay. Cũng vì vậy mà trên tàu chúng tôi ngồi có rất ít người, và trong toa tôi chỉ có mười ba người. - Chắc là chuyến tàu này có một số tai to mặt lớn đi. - Hartman kết luận. - Tôi thấy có một toa xe riêng ở đằng sau.

Khi tàu chúng tôi đổi đầu máy lần thứ nhất thì trời đã tối. Tôi đi đi lại lại trên sân ga để thở một ít khí trời trong mát và để nhìn được cái gì thì nhìn. Qua cửa sổ toa, tôi thoáng thấy ba người mà tôi nhận ra ngay. Hartman nói đúng. Một người là tướng Altendorff, hai người kia là Mason và Vanderbold, hai bộ não chỉ huy bộ phận tối cơ mật trong cơ quan mật vụ của cái Gót sắt. Đêm hôm đó trời sáng trắng và rất yên tĩnh nhưng tôi trần trọc mãi không ngủ được. Năm giờ sáng tôi trở dậy thay quần áo. Tôi hỏi chị phục vụ ở phòng trang điểm xem tàu chậm bao lâu. Chị trả lời chậm hai giờ. Chị là một người lai da đen. Tôi thấy mặt chị hốc hác và cặp mắt quầng thâm của chị mở rất to lộ một vẻ lo âu sợ hãi. - Chị làm sao thế? - Tôi hỏi. -

Thưa bà, không ạ, - chị đáp. - Có lẽ tại cháu ít ngủ đấy thôi. Tôi nhìn sát vào chị và thử làm hiệu. Chị đáp lại khiến cho tôi vững dạ.

- Ở Chicago sắp xảy ra chuyện gì ghê gớm lắm. Có đoàn tàu giả chạy trước chúng ta. Đoàn tàu đó và đoàn tàu chở lính làm cho chúng ta bị chậm. - Tàu chở lính à? - Tôi hỏi. Chị gật đầu: - Đường đầy những tàu lính. Chúng ta vượt những đoàn tàu như thế suốt đêm. Toàn là tàu đi Chicago cả. Mà chở lính bằng đường tốc hành như thế tức là có chuyện to đấy. - Rồi chị nói tiếp: - Người yêu của tôi hiện ở Chicago. Anh ấy là người của chúng ta. Anh ấy ở trong đạo quân đánh thuê. Tôi lo cho anh ấy quá. Tội nghiệp chị ta. Người yêu của chị ta đi lính ở một trong ba trung đoàn làm phản.

Hartman và tôi ngồi ăn với nhau trong toa ăn. Tôi phải cố mà ăn. Mây kéo ùn ùn trên bầu trời và đoàn tàu lao đi như một tia sét khủng khiếp, xé rách cái màn tang xám của thời gian. Hartman nhìn tình hình bằng con mắt tuyệt vọng.

- Chúng ta làm gì được bây giờ? - Anh hỏi tôi đến lần thứ hai mươi, và nhún vai tỏ ý không còn biết xoay xở ra sao nữa. Rồi anh chỉ ra ngoài cửa sổ:

- Chị nhìn xem, chúng nó sẵn sàng cả rồi. Chị cứ tin chắc rằng chúng nó nhan nhản như thế này ở khắp các ngã đường ngoài thành phố hai ba chục dặm.

Anh đang nói về những đoàn tàu chở lính đậu ở những đoạn đường tránh. Lính tráng đang nấu bữa ăn sáng. Họ nhóm lửa trên mặt đất bên cạnh những đoạn đường tránh và tò mò nhìn đoàn tàu của chúng tôi lao đi vun vút qua chỗ họ, không giảm tốc độ.

Lúc chúng tôi vào Chicago, mọi thứ đều yên tĩnh. Rõ ràng là chưa có việc gì xảy ra. Ở ngoại ô báo buổi sáng đem lên tận trên tàu. Trên báo chẳng có gì, ấy thế nhưng những ai quen luận nghĩa giữa các hàng chữ vẫn thấy rất nhiều thứ mà những độc giả thường không thấy. Mỗi cột báo đều lộ rõ vết tay mĩ miều của cái Gót sắt. Cố nhiên, người ta nói rất lơ mờ. Người ta định tâm từ trước là để cho độc giả tự mình tìm hiểu lấy những lời úp úp mở mở đó. Thật là khéo. Về mặt hư cấu thì báo chí ngày 27 tháng 10 đúng là những kiệt tác.

Tin tức địa phương thiếu hẳn, cứ riêng việc này cũng đã là một đòn rất cao tay. Nó phủ lên Chicago một bức màn bí ẩn và khiến cho người đọc bình thường tưởng rằng tập đoàn thiếu số thống trị không dám đưa tin địa phương. Có nhiều chỗ nói úp mở - cố nhiên là bịa về tình trạng bất phục tùng xảy ra trên khắp nước, cải trang một cách sống sượng dưới những lời lẽ bóng bẩy đầy vẻ tự mãn về những biện pháp trừng trị cần phải đem thi hành. Có những tin về việc nhiều đài vô tuyến điện bị phá hoại bằng thuốc nổ và về những giải thưởng dành cho ai khám phá ra thủ phạm. Cố nhiên, chẳng có đài vô tuyến điện nào bị phá cả. Báo còn nói đến nhiều hành vi bạo động tương tự, rất ăn khớp với kế hoạch của những người cách mạng. Như vậy để gây cho các đồng chí ở Chicago một ấn tượng rằng cuộc tổng khởi nghĩa đã bắt đầu, mặc dầu có nhiều thất bại cục bộ. Những người không biết rõ tin tức không tài nào thoát được cái cảm giác lơ mơ nhưng chắc chắn rằng khắp nước đã chín muồi để khởi nghĩa và khởi nghĩa đã bắt đầu bùng nổ.

Có tin rằng cuộc làm phản của những đội quân đánh thuê ở bang California nghiêm trọng đến nỗi sáu trung đoàn đã bị giải tán và bị phá tan, quan quân cùng với gia đình họ đã bị trục xuất khỏi những thành phố riêng và lừa về những khu lao động. Những đội quân đánh thuê ở California thực ra lại là những đội quân trung thành với chủ nhất. Nhưng Chicago đã bị cắt đứt mọi quan hệ với thế giới bên ngoài, làm sao mà biết được? Rồi lại có một bức điện bị cắt đứt làm nhiều đoạn đưa tin về cuộc nổi dậy của đám dân cùng khổ ở thành phố New York, có những đảng cấp lao động tham gia, kết thúc bằng một lời khẳng định rằng quân đội đã làm chủ được tình hình. Bọn thống trị cố ý làm cho người ta hiểu rằng lời khẳng định này là bịp bợm.

Bọn thiếu số thống trị không phải chỉ đưa những tin thất thiệt lên báo, chúng còn sử dụng trăm nghìn phương tiện khác. Có những điều sau này chúng tôi mới biết. Chẳng hạn như đêm hôm đó thỉnh thoảng chúng lại đánh đi những bức điện mật với dụng ý để lọt đến tai anh em cách mạng. Lúc đoàn tàu chạy vào ga chính, Hartman bỏ tờ báo đang đọc xuống, nhận xét:

- Tôi nghĩ rằng cái Gót sắt không cần chúng mình làm việc cho nó nữa. Nó phải chúng mình đến đây thật phí thời giờ. Nhìn cũng thấy kế hoạch của nó thu được nhiều kết quả hơn là nó tưởng tượng. Cảnh chết chóc đau thương sắp xảy ra đến nơi rồi. Lúc chúng tôi xuống toa, anh quay lại nhìn đoàn tàu, khẽ bảo: - Chúng nó đã cho cắt toa xe riêng lúc người ta đem báo lên tàu rồi, tôi chắc thế.

Hartman thiu hăn đi, trông thật tuyệt vọng. Tôi cố làm cho anh vui lên, nhưng anh không buồn nghe. Lúc đi qua nhà ga, anh hạ thấp giọng nói rất nhanh, mới đầu tôi nghe không hiểu anh nói gì.

- Tôi vẫn chưa chắc lắm đâu, - anh bảo. - Cho nên tôi cũng chưa nói với ai cả. Tôi cố tìm hiểu từ mấy tuần nay rồi, nhưng vẫn không dám chắc. Chị nên cảnh giác với Knowlton. Tôi nghi hăn đấy. Hăn biết rõ đến hai chục hầm bí mật của chúng ta, mà tôi thì tôi ngờ rằng hăn đã làm phản. Tôi cũng chỉ cảm thấy như thế thôi. Chứ không có chứng cứ gì khác. Ít lâu nay tôi nhận xét thấy hăn có phần thay đổi. Hăn mà chưa bán chúng ta thì cũng chỉ nay mai là hăn bán thôi. Tôi dám chắc như thế. Tôi không muốn hé cho ai biết là tôi nghi hăn, nhưng chắc tôi sẽ không sống sót để đi khỏi thành Chicago này được. Chị cần để mắt đến Knowlton. Chị phải giương một cái bẫy. Chị phải khám phá cho ra. Tôi không biết gì hơn đâu. Đây cũng là do cảm tính thôi, và cho đến lúc này tôi vẫn chưa lần ra đầu mối. Lúc đó, chúng tôi vừa đi xuống vỉa hè. - Chị nhớ đấy, - Hartman khẩn khoản. - Chị phải để mắt đến Knowlton.

Hartman nói đúng. Chưa đầy một tháng sau, Knowlton đã phải đền tội. Y bị các đồng chí ở Milwaukee chiếu theo luật lệ của chúng tôi đem xử tử.

Trong các phố, mọi vật đều yên tĩnh - quá là yên tĩnh. Chicago nằm đó như thường ngày. Ngay đến xe ngựa cũng không có. Xe điện trên mặt đường và xe điện trên cầu cạn đều không chạy. Chỉ thỉnh thoảng trên vỉa hè mới có một vài người bộ hành, nhưng không phải là họ đi phát phơ. Họ bước đi hồi hã với một mục đích rõ rệt, nhưng trong những cử động của họ vẫn có một vẻ ngập ngừng kì dị, hình như họ sợ những toà nhà đồ sộ sụp xuống đầu họ, hoặc những vỉa hè thụt xuống dưới chân họ hay nổ tung lên trời. Tuy nhiên, vẫn có một số trẻ con đi dạo lung tung, và trong mắt chúng lộ ra một vẻ sốt ruột chờ xảy ra những việc kì lạ hay hồi hộp.

Từ đầu đó, ở tít phía Nam, một tiếng nổ vang đến tận tai chúng tôi. Chỉ có thể. Rồi lại yên tĩnh, mặc dầu bọn trẻ sưng sốt lắng tai nghe như những con hoẵng nhỏ. Cửa giả các nhà đều kín mít và các cửa hàng đều đóng chặt. Nhưng người ta vẫn thấy nhiều cảnh sát và lính gác, và chốc chốc lại có đội tuần tra của đạo quân đánh thuê phóng ô-tô đi qua. Hartman và tôi đồng ý với nhau rằng không cần phải đến trình diện bọn chỉ huy cơ quan mật vụ địa phương. Chúng tôi biết, trước tình hình rối ren sắp xảy ra, chúng sẽ không khiển trách chúng tôi. Thành thử tôi đi thẳng tới khu lao động lớn ở phía Nam thành phố, những mong bắt được liên lạc với một vài đồng chí. Đã muộn quá rồi! Chúng tôi biết thế. Nhưng chúng tôi không thể đứng im không làm gì cả giữa những đường phố yên lặng kinh người này. Ernest ở đâu? Tôi tự hỏi. Ở những khu phố dành riêng cho bọn công nhân quý tộc và bọn lính đánh thuê, liệu đang xảy ra những việc gì? Ở pháo đài nữa? Như để trả lời cho câu hỏi, những tiếng gào thét từ xa vang vọng lại, điểm theo hết tiếng nổ này đến tiếng nổ khác. - Trong pháo đài đây! - Hartman nói. - Lạy trời phù hộ cho ba trung đoàn.

Đến ngã tư, chúng tôi nhìn thấy một cột khói lù lù ở về phía các kho lương thực. Đến ngã tư sau, lại có nhiều cột khói tương tự bốc lên trời ở về phía Tây thành phố. Bên trên khu bọn lính đánh thuê ở, chúng tôi thấy một quả khinh khí cầu quân sự từ dưới đất dòng dây lên. Chúng tôi vừa nhìn thì quả khinh khí cầu nổ tung và cháy bùng bùng rơi xuống đất. Không có một manh mối gì về tám bi kịch trên không trung đó cả. Chúng tôi không tài nào xác định được quả khinh khí cầu đó là do các đồng chí của chúng tôi thả hay do địch thả. Một tiếng ầm ầm vang lên bên tai chúng tôi giống như một cái nồi hơi khổng lồ để ở tít đằng xa đang réo. Hartman bảo đó là tiếng đại liên và tiểu liên.

Chúng tôi lại bước đi trong cảnh yên tĩnh. Ở chỗ chúng tôi không xảy ra việc gì cả. Cảnh sát và những ô-tô lính tuần tra đi qua, rồi thì có sáu xe vòi rồng, chắc là từ ở một đám cháy nào về. Một viên sĩ quan ngồi trong ô-tô gọi hỏi đám lính cứu hỏa, và chúng tôi nghe thấy một người thét lên trả lời: "Không có nước! Chúng nó phá tung những ống dẫn chính rồi!"

- Chúng mình phá vỡ bể chứa nước rồi, - Hartman xúc động kêu lên. - Trong một cuộc bạo động non và cô lập như thế này mà ta làm được như

vậy thì khi cả nước phối hợp trong những điều kiện chín muồi, phỏng có gì mà chúng ta không làm được?

Chiếc ô-tô chở viên sĩ quan lại phóng vụt đi. Bỗng có liếng nổ đình tai. Chiếc ô-tô cùng với tất cả những người ngồi bên trong bắn tung lên trời, giữa một đám khói mù mịt rồi rơi xuống thành một đồng sắt vụn và xác chết. Hartman mừng quýnh lên: - Tuyệt! Tuyệt! - Anh lắm bản nhấc đi nhấc lại trong mồm. - Hôm nay giai cấp vô sản được một bài học mà cũng cho một bài học.

Cảnh sát đổ xô lại chỗ xảy ra tai nạn. Rồi một chiếc ô-tô tuần tra khác cũng dừng lại. Tôi cuống lên. Mọi việc xảy đến một cách quá ư bất ngờ: khiến cho tôi rụng rời cả người. Nó xảy đến như thế nào? Tôi không biết nữa, nhưng rõ ràng là tôi đang nhìn thẳng vào nó. Tôi cuống lên đến nỗi gần như không nhận ra rằng chúng tôi đã bị cảnh sát bắt. Tôi chợt trông thấy một tên lính cảnh sát sắp sửa bắt Hartman. Hartman bình tĩnh nói mật hiệu. Tôi thấy cái súng lục đang giơ lên bỗng ngập ngừng rồi chúc xuống, và nghe thấy tên cảnh sát cầu nhàu một cách khinh bỉ. Y cúi tiết chửi tất cả cơ quan mật vụ. Y khẳng định rằng cơ quan mật vụ chỉ làm cho vướng chân cảnh sát, còn Hartman thì đối đáp lại với một vẻ kiêu hãnh mà các nhân viên mật vụ vẫn thường có, giải thích cho y nghe bên phía cảnh sát vụng về thô lỗ như thế nào.

Một lúc sau thì tôi biết rõ những việc xảy ra. Một đám đông vây quanh chiếc xe bị nạn và hai người khiêng viên sĩ quan bị thương cho sang chiếc xe khác. Bỗng mọi người hốt hoảng cả lên và chạy tản đi khắp các phía, chạy thực mạng, quăng cả viên sĩ quan lại phía sau, đánh huych một cái. Tên cảnh sát đang đứng chửi rửa trước mặt tôi cũng bỏ chạy.

Không hiểu vì sao cả tôi và Hartman cũng chạy, chạy lầy chạy đề cho thoát khỏi cái nơi ghê rợn ấy.

Thật thì lúc ấy chẳng có việc gì xảy ra cả. Những người bỏ chạy lại lục đục quay về như một lũ cừu, nhưng họ luôn luôn đưa đôi mắt hoảng sợ ngược nhìn những toà nhà đồ sộ đục đầy cửa sổ đứng sừng sững như những vách núi hai bên đường phố. Quả bom đã từ trên một cửa sổ ném xuống, nhưng biết là cửa sổ nào? Không có quả bom thứ hai, chỉ có nỗi lo sợ bị thêm một quả bom nữa thôi.

Từ đó chúng tôi nhìn các cửa sổ với một nỗi lo canh cánh trong lòng. Bất cứ khoảng cửa sổ nào cũng có thể là nơi chứa thân chết. Bất cứ toà nhà nào cũng có thể là ổ mai phục. Đây là chiến tranh, chiến tranh trong một khu rừng hiện đại, một thành phố lớn. Mỗi phố là một cái khe, mỗi toà nhà là một quả núi. Chúng ta thật chưa khác những người nguyên thủy là bao nhiêu, mặc dầu có những ô-tô quân sự phóng như bay trong các phố.

Vừa đi quặt sang một phố khác, chúng tôi vấp phải một phụ nữ. Chị nằm sòng sượt trên mặt đường, giữa một vũng máu. Hartman cúi xuống xem. Tôi thì tôi muốn ngất đi. Tôi đã thấy nhiều người chết ngày hôm đó, nhưng tất cả cuộc tàn sát không làm cho tôi xúc động bằng cái xác vô chủ đầu tiên này, nó nằm ngay dưới chân tôi, trên mặt đường. - Chị ta bị bắn vào ngực, - Hartman bảo.

Người đàn bà ôm chặt trong tay một gói giấy in, y như ôm một đứa con. Ngay lúc chết, chị vẫn không chịu rời cái vật nó làm cho chị phải chết. Lúc Hartman lôi được cái gói ra thì đó là những bản tuyên ngôn in rất to của anh em Cách mạng. - Một đồng chí! - Tôi kêu lên.

Hartman không nói không rằng chỉ nguyên rửa cái Gót sắt rồi lại đi. Nhiều lần chúng tôi bị cảnh sát hoặc các đội tuần tra giữ lại, nhưng nhờ có mặt hiệu chúng tôi vẫn đi lọt. Không có bom ném từ trên cửa sổ xuống nữa. Những người khách bộ hành cuối cùng như đã chợt biến đâu mất và các phố xá lập tức lại yên tĩnh hơn cả lúc trước. Tuy nhiên, cái chảo nước khổng lồ vẫn réo lên sùng sục ở đằng xa, những tiếng nổ ầm ầm từ bốn phía vọng lại chỗ chúng tôi và những cột khói khủng khiếp bốc lên trời càng thêm cao ngất.

Chú thích:

1 Chicago là cái địa ngục công nghiệp của thế kỉ thứ 19 thuộc công nguyên.

Ngày nay chúng ta còn được nghe một giai thoại rất lạ về John Burns, một lãnh tụ lao động lớn đã một thời kì có chân trong Hội đồng tư vấn của nước Anh. Ông sang thăm nước Mỹ và đến Chicago thì có một kí giả hỏi cảm tưởng của ông về thành phố đó. Ông đáp: "Chicago là địa ngục thu nhỏ lại". Ít lâu sau ông sắp đáp tàu biển về Anh thì một kí giả khác đến hỏi ông xem ông có thay đổi cảm tưởng về Chicago không.

Ông trả lời: "Có, cảm tưởng của tôi có khác. Đối với tôi bây giờ thì địa ngục là Chicago thu nhỏ lại".

2 Đoàn tàu này nổi tiếng là nhanh nhất thế giới hồi đó. Nó quả là một đoàn tàu rất cừ.

Chương XXIII

Đám dân của vực thẳm

Tình hình đột nhiên thay đổi hẳn. Những tiếng rú kinh hồn náo động không trung. Ô-tô phóng như bay, hai cái, rồi ba cái, rồi mười hai cái. Những người ngồi trên quát ầm lên bảo chúng tôi tránh. Một cái đang lao vun vút ở giữa phố bỗng lái quặt hẳn đi và tiếp theo đó là một quả bom nổ, khoét một cái hố lớn trên mặt đường. Thấy cảnh sát chạy xô sang các phố ngang, chúng tôi biết sắp xảy ra chuyện gì ghê gớm. Chúng tôi nghe thấy tiếng gào thét mỗi lúc một to. - Các đồng chí anh dũng của chúng ta đang kéo đến, - Hartman bảo.

Chúng tôi bắt đầu thấy đội ngũ của họ đi chật cả đường phố vừa lúc cái ô-tô quân sự cuối cùng bỏ chạy. Chiếc ô-tô đỗ lại một lát ngay trước mặt chúng tôi. Một tên lính nhảy xuống, tay ôm một vật gì rất cẩn thận và đặt vật đó xuống dưới rãnh một cách không kém phần cẩn thận. Rồi nó nhảy vọt lên xe lại phóng vọt đi, quặt sang một phố ngang mất hút. Hartman chạy vội ra rãnh và cúi lom khom trên vật ấy. - Lùi lại! - Anh kêu lên bảo tôi. Tôi thấy hai tay anh nhanh thoăn thoắt. Khi anh quay lại phía tôi, mồ hôi trên trán anh vã đầm đìa.

- Tôi tháo được kíp ra rồi, - anh bảo. - Thằng lính nó vụng quá. Nó định hại các đồng chí chúng mình, nhưng nó để ít thì giờ quá. Đáng lẽ quả bom nổ hơi sớm. Nhưng bây giờ thì nó không nổ được nữa rồi.

Mọi việc lúc này xảy ra dồn dập. Bên kia đường cách độ nửa dặm nhà, từ trên một toà nhà cao ngất, chúng tôi thấy mấy cái đầu thò ra. Tôi vừa chỉ cho Hartman thấy thì một vầng lửa khói đã từ trên rớt xuống theo dọc cái nhà đó, tiếp theo là một tiếng nổ xé trời. Mặt tường đằng trước của toà nhà đó bị vỡ ở nhiều chỗ, để lộ cả cốt sắt bên trong. Một lúc sau những vầng lửa và khói cũng giống như thế phá vỡ từng mảnh những mặt tường của toà nhà đối diện. Xen vào những tiếng nổ lớn, chúng tôi nghe thấy tiếng tiêu liên và những tiếng súng lục tự động nổ dền. Cuộc giao chiến ở lưng chừng

giời đó kéo dài trong nhiều phút rồi im bật. Rõ ràng các đồng chí của chúng tôi ở trong một toà nhà, còn bọn lính đánh thuê thì chiếm toà nhà trước mặt, và hai bên đang bắn nhau qua phố. Nhưng chúng tôi không thể nói được bên nào là bên nào. Không biết toà nhà nào là do các đồng chí của chúng tôi chiếm, toà nhà nào do bọn lính đánh thuê chiếm.

Giữa lúc ấy, dòng người tiến vào trong phố đi gần đến chỗ chúng tôi. Lúc mấy hàng đầu đi ngang qua những toà nhà đang đánh nhau, cả hai bên lại hoạt động. Một bên ném bom xuống dưới phố liền bị bên kia tấn công là bắt buộc phải đổi phó lại. Do đó mà chúng tôi biết toà nhà nào do các đồng chí chúng tôi chiếm lĩnh. Họ làm như vậy rất có lợi vì đã cứu được những người đồng chí dưới phố khỏi bị quân địch ném bom xuống. Hartman nắm lấy cánh tay và kéo tôi vào một cái cổng lớn. - Không phải đồng chí chúng mình đâu! - Hartman nói như thét vào tai tôi.

Những cửa đi vào bên trong đều đã khoá chặt. Chúng tôi không trốn đi đâu được. Một lúc sau, những hàng người đi đầu đổ tới. Đây không phải là một đội ngũ chỉnh tề, mà là một đám ô hợp, một dòng nước lũ khủng khiếp tràn ngập đường phố. Đám dân của vực thẳm cuồng dại vì rượu và khổ ải cuối cùng đã vùng dậy và đang gầm thét đòi phanh thây uống máu bọn chủ. Trước đây, tôi đã nhìn thấy đám dân của vực thẳm, vì đã từng đi qua những khu lao động ngập ngụa, và tôi tưởng rằng mình đã hiểu rõ họ, nhưng giờ đây, tôi thấy rằng tôi đang nhìn họ lần này là lần thứ nhất. Cái vẻ lãnh đạm âm thầm của họ đã biến hẳn. Trông họ lúc này đầy năng động tính và rất dễ sợ. Họ đổ qua trước mặt chúng tôi thành những làn sóng cụ thể của sự giận dữ, gầm lên, rít lên, y hệt một lũ thú ăn thịt sống, say vì rượu vừa cướp được trong các kho, say vì căm thù, say vì máu - một đám đàn ông, đàn bà, trẻ con, rách bươm như xơ mướp, với những bộ óc tối tăm, hung dữ, đã mất cả cái cốt cách thiêng liêng giống như thần thánh mà chỉ còn là một bầy ma quái, một đàn vừa bú sữa vừa cạp, một lũ ho lao gầy mòn, một lũ súc vật tải đồ đầy lông lá với những bộ mặt đã bị cái xã hội lang sói hút hết cả nhựa sống, với những thân hình sưng húp lên vì thú tính và tội lỗi, với những cái đầu tử thần và râu tóc xồm xoàm, với một lứa tuổi thanh niên thối tha và một lứa tuổi già thối tha. Một lũ quỷ thân hình cổ quái, xiêu vẹo, bị tàn phá bởi bệnh tật và mối lo sợ kinh niên vì đói khát - rác rưởi và cặn bã của cuộc

đời, một bầy ô hợp điên cuồng đang gầm lên, hung hăng như một đàn quỷ dữ.

Chứ còn sao nữa? Đám dân của vực thẳm, họ chẳng có gì mà sợ mất, ngoài sự cùng cực và nỗi đau khổ phải sống ở trên đời. Và họ được thì được cái gì? Chẳng được gì hết, trừ một trận trả thù no nê và khủng khiếp. Và trong lúc nhìn họ, tôi chợt nghĩ trong ngọn thác người cuộn cuộn cháy rực như nham thạch này, có những người, những đồng chí, những anh hùng của chúng tôi, sứ mạng của họ là lay thức con mãnh thú của vực thẳm khiến cho quân thù phải bận tâm đối phó với nó.

Và bây giờ thì một việc lạ lùng xảy đến với chúng tôi. Tự nhiên tôi thấy mình đổi khác hẳn. Tôi không sợ mình chết, cũng không sợ người khác chết nữa. Tôi hăng lên và thành một người khác, trong một cuộc sống khác. Không cần gì hết. Sự nghiệp bị thất bại một lần này, nhưng sự nghiệp sẽ thành công ở đây ngày mai, vẫn là sự nghiệp này, một sự nghiệp luôn luôn tốt tươi, luôn luôn cháy rực. Và sau đó, trong cái cảnh khủng khiếp diễn ra mấy giờ sau, tôi đã có thể giữ một thái độ rất bình tĩnh. Chết không có nghĩa lý gì. Tôi là một khán giả chăm chú theo dõi các biến cố và có lúc bị dòng thác cuốn đi, chính tôi lại là người tham gia, thế mới kì cục. Bởi vì tâm trí tôi đã bay bổng lên những vì sao giá lạnh và đã nắm lấy một cái thước đo để đo các giá trị một cách thần nhiên. Nếu không thế thì tôi đã chết rồi.

Đám người ô hợp đi qua chừng một nửa dặm thì phát hiện ra chúng tôi. Một người đàn bà rách như tổ đĩa, hai má hóp sâu và đôi mắt đen ti hí sắc như dao chọt nom thấy Hartman và tôi. Người đó thét lên lạnh lạnh, xông lại. Một bộ phận của đám người ô hợp kia chạy ủa theo. Ngay lúc ngồi viết những dòng này, tôi còn tưởng chừng nom thấy mẹ ta nhảy xổ đến chỗ tôi trước mọi người chừng một bước, mái tóc hoa râm rối bù bay tạt lại đằng sau, máu từ một vết thương trên đầu chảy xuống dòng dòng, tay phải cầm một cái rìu bổ củi, bàn tay trái nhăn nheo khô đét co quắp như móng điều hâu. Hartman nhảy xổ ra đứng trước mặt tôi. Lúc đó không phải là lúc giải thích dài dòng. Chúng tôi ăn bận tươm tất, thế là đủ rồi. Anh thoi một quả vào giữa hai con mắt cháy rực của mẹ đàn bà. Quả đám chắc nịch của anh làm cho mẹ ta suýt ngã bổ chửng, nhưng va phải bức tường người ở đằng

sau, mụ bắt trở lại đằng trước và lão đảo vung chiếc rìu chém xuống vai Hartman.

Sau đó, tôi không còn biết chuyện gì ra chuyện gì nữa. Tôi bị chìm ngập trong đám đông. Chỗ hành lang tôi đứng ầm ầm những tiếng thét, những tiếng la, những tiếng chửi rủa. Người ta đánh tôi tới tấp. Người ta túm lấy tôi xé quần, xé áo, xé cả thịt nữa. Tôi cảm thấy mình bị xé ra thành từng mảnh. Tôi bị đè dí xuống đất, không thở được. Giữa lúc tôi không chịu được nữa, một bàn tay hộ pháp nắm lấy vai tôi lôi đi. Đau quá và bị đè nặng quá, tôi bất tỉnh nhân sự. Hartman thì không bao giờ ra khỏi nơi này. Anh đã đứng ra che chở cho tôi và đã bị họ xông vào đánh trước nhất. Nhờ thế mà tôi thoát chết, vì khi họ kéo vào chật như nêm cối rồi thì cũng không còn cách đánh nào khác là lấy tay cầu xé một cách điên cuồng. Tôi tỉnh lại giữa một trận náo động điên cuồng. Chung quanh tôi, mọi thứ đều tán loạn cả lên như thế. Tôi bị kẹp giữa một trận lộn người kì quái, nó cuốn tôi đi, không biết là đi đâu. Không khí mát rượi tẩm vào hai má và tràn vào hai phổi tôi rất dễ chịu. Tôi bị kiệt sức và chóng mặt quá, chỉ còn biết lơ mơ rằng có một cánh tay rất khỏe xóc lấy người tôi và lôi tôi đi. Chân tôi bước theo bủn rủn. Đằng trước mặt, tôi chẳng trông thấy gì ngoài cái lưng áo khoác của một người đàn ông. Cái áo bị rách toạc từ trên xuống dưới theo đường chỉ ở giữa và nó mở ra khép vào theo nhịp bước đi của người đó. Cái hiện tượng đó thu hút hết tâm trí tôi giữa lúc tôi dần dần tỉnh hẳn. Liên đó, tôi thấy ở má và ở mũi như có kim châm và máu me chảy đầm đìa trên mặt. Mũi tôi đã biến mất. Tóc tôi xổ ra và bay tung trước gió. Vết đau nhói trên đầu khiến tôi nhớ lại, lúc bị ép trong đám đông, có một bàn tay túm lấy tóc tôi giật. Ngực và hai cánh tay tôi đau như giần.

Óc tôi minh mẫn dần. Tôi vừa chạy vừa nhìn người đàn ông đang xóc tôi đi. Chính người này đã kéo tôi ra để cứu tôi. Người đàn ông nhận thấy cử động của tôi. - Tốt lắm! - Người đó kêu lên bằng một giọng khàn khàn. - Ban này, tôi nhận ra chị ngay.

Tôi không nhận ra người đó, nhưng trước khi nói được thành tiếng, tôi giẫm phải vật gì còn sống đang quằn quại dưới chân, tôi bị những người đi sau đẩy lên cho nên không nhìn xuống được. Tuy vậy, tôi vẫn biết đó là một

người đàn bà bị ngã và đang bị hàng nghìn bàn chân giẫm bẹp dí xuống mặt đường. - Tốt lắm, - người đàn ông nhắc lại. - Tôi là Garthwaite.

Anh râu ria xồm xoàm, nét mặt hốc hác, người ngòm bản thủ, nhưng tôi vẫn nhớ ra anh, người thanh niên lực lưỡng đã sống ròng rã hàng tháng trời trong hầm trú ẩn của chúng tôi ở Glen Ellen ba năm về trước. Anh truyền đạt cho tôi mấy mật hiệu của cơ quan mật vụ của cái *Gót sắt*, đã làm bằng chứng rằng chính anh cũng làm việc ở cơ quan đó.

- Hễ lựa được dịp tốt là tôi sẽ đưa chị ra khỏi chỗ này ngay, - anh nói cho tôi yên lòng. - Nhưng chị phải đi cho vững. Chị muốn sống thì đừng có để sảy chân, đừng có ngã.

Mọi việc hôm ấy xảy ra đều đột ngột. Đám người ô hợp đang xô lên phía trước cũng đột ngột đứng dừng lại. Tôi đâm sầm phải một người đàn bà to béo đi trước mặt (người đàn ông mặc áo khoác rách lung đã biến đi đâu mất), còn những người đi sau thì đâm sầm cả vào tôi. Một cảnh đau thương hỗn loạn diễn ra không khác gì dưới địa ngục: tiếng gào thét, tiếng chửi rủa, tiếng kêu rên hấp hối vang lên, và nổi bật lên hơn cả tiếng nổ giòn giã của súng liên thanh là tiếng nổ đì đẹt của súng trường. Bên trái tôi, bên phải tôi, hết người này đến người khác ngã. Người đàn bà trước mặt tôi gập đôi người ngã xuống, đưa hai tay ôm bụng và giãy giụa điên cuồng.

Thế là tôi đi lên hàng đầu của đoàn người. Một phần cái đoàn người đó dài chừng một nửa dặm Anh đã biến mất - biến đi đâu và bằng cách nào, tôi không biết, họ đã bị một thứ vũ khí kinh khủng nào tàn sát mất rồi, hay đã bị đánh tan tác ra rồi tiêu diệt từng mảng, hay đã trốn thoát. Nhưng điều chắc chắn là chúng tôi đang dẫn đầu đoàn người chứ không phải đi ở giữa, và một làn mưa đạn đang réo lên, quét chúng tôi vào cõi chết.

Ngay khi cái chết xô đến gần đoàn người ra, Garthwaite từ nãy vẫn nắm chặt cánh tay tôi liền dẫn một số người sống sót chạy ủa vào cái cửa lớn của một công thự. Chúng tôi đứng ở đằng sau, áp vào cửa trong và một khối người hỗn hển, run như cây sậy ép chặt lấy chúng tôi. Chúng tôi đứng như thế một lúc, nhưng tình hình vẫn không thay đổi.

- Thật là đẹp! - Garthwaite phàn nàn. - Tôi đã đưa chị vào một cái bẫy. Giá cứ chạy ở ngoài phố lại còn có cơ thoát, vào đây thì thôi, hết! Chỉ còn một cách là hô cho to lên: "Cách mạng thành công muôn năm!"

Rồi cái điều mà anh chờ đợi bắt đầu. Bọn lính đánh thuê bắn giết không chừa một ai. Sức ép mới đầu rất ghê gớm, về sau giảm dần. Những người đã chết và đang chết ngã gục xuống thì chỗ đứng lại rộng ra. Garthwaite ghé vào tận tai tôi hết rất to. Nhưng giữa tiếng huyên náo kinh khủng tôi không nghe rõ tiếng anh nói gì. Anh không đợi nữa. Anh nắm lấy tôi, đẩy tôi ngã xuống đất. Tiếp đó, anh kéo xác một người đàn bà hấp hối lại đắp lên người tôi. Rồi anh lách, anh đẩy, và cuối cùng bò vào được sát bên tôi. Anh lấy thân mình che thêm cho tôi. Xác người chết và xác người hấp hối chồng chất lên chúng tôi, và bên trên đồng xác chết đó, những người sống sót bò lồm cồm, kêu la thảm thiết. Nhưng rồi tất cả cũng đều chấm dứt, và tiếp đó là một sự im lặng nửa vời cắt đứt bởi những tiếng rên, những tiếng nức nở, những tiếng ăng ặc trong cổ họng.

Giá không có Garthwaite thì tôi cũng đến chết bẹp. Tuy vậy nhưng vẫn còn nặng lắm, không ai có thể tưởng tượng được rằng tôi đã chịu nổi một sức nặng như vậy và vẫn còn sống sót đến hôm nay. Ngoài sự đau đớn ra cảm giác duy nhất của tôi lúc ấy là một cảm giác hiểu kì. Cuộc tàn sát rồi sẽ kết thúc như thế nào? Cái chết sẽ như thế nào? Tôi đã được làm lễ rửa tội bằng máu như thế đấy, một cái lễ rửa tội đỏ, trong cái lò sát sinh Chicago. Trước đó, cái chết chỉ là một vấn đề lí thuyết; nhưng về sau tôi thấy chết chỉ là một chuyện rất đơn giản, bởi vì chết dễ thế kia mà!

Tuy nhiên, bọn lính đánh thuê vẫn chưa thoả mãn. Chúng xông đến giết nốt những người bị thương và những người nguyên lành đang giả vờ chết như chúng tôi. Tôi còn nhớ có một người đàn ông bị lôi ra khỏi đồng xác đã van xin một cách hèn hạ cho đến khi bị một viên đạn súng lục cắt lòi. Rồi có một người đàn bà nằm trong một đồng xác chết đứng phắt dậy vừa rít lên, vừa bắn. Chị bắn được sáu phát trước khi bị bắn chết. Chúng tôi không rõ chị có làm được gì chúng nó không. Chúng tôi theo dõi tất cả những tám thảm kịch ấy toàn là bằng tai thôi. Chốc lại xảy ra một cảnh náo động như thế và mỗi cảnh náo động đều kết thúc bằng một tiếng súng lục nổ. Xen vào đó, chúng tôi nghe thấy bọn lính vừa khám xác chết vừa nói, hoặc vừa chửi rủa, còn bọn sĩ quan thì thúc chúng làm mau tay lên.

Cuối cùng, bọn chúng đến làm ở chúng tôi. Chúng càng lôi xác chết và người bị thương đi thì sức nặng trên người chúng tôi càng giảm. Garthwaite

bắt đầu kêu mật hiệu. Mới đầu bọn chúng không nghe thấy. Anh liền kêu to hơn. - Nghe đây này! - Một tên lính nói. Tức thì một viên sĩ quan ra lệnh cộc lốc. - Cần thận! Nhẹ tay chứ!

Chao ôi, lúc chúng tôi bị bọn chúng kéo ra cái hơi gió mát ở bên ngoài mới quý giá làm sao chứ! Garthwaite nói trước. Còn tôi thì bị chúng thử một lúc để xem có đúng là làm việc cho cái *Gót sắt* không. - Đúng là nhân viên khiêu khích, - viên sĩ quan kết luận. Y là một thanh niên mày râu nhẵn nhụi, một học sinh sĩ quan trông cũng biết ngay là dòng dõi bọn thiếu số thống trị. - Nghề với ngỗng phải gió! - Garthwaite làu bàu. - Tôi cũng đến bỏ nghề này xin sang quân đội thôi! Các ông thật là may.

- Anh cũng đáng, - viên sĩ quan đáp. - Tôi sẽ giúp anh một tay, để xem có được không. Tôi sẽ nói để họ biết rằng, tôi đã tìm thấy anh trong tình trạng như thế nào. Viên sĩ quan ghi tên và số của Garthwaite, rồi quay sang tôi. - Thế còn chị? -Ồ, tôi sắp sửa lấy chồng rồi, - tôi thông thả đáp. - Lúc ấy thì tôi sẽ bỏ cái nghề này, bỏ hết.

Thế là chúng tôi đứng nói chuyện trong lúc bọn lính tiếp tục giết những người bị thương. Bây giờ nhìn lại thì tôi thấy như mình mê ngủ, nhưng lúc ấy thì sự đó chỉ là việc tự nhiên nhất trên đời. Garthwaite và viên sĩ quan trẻ tuổi mãi miết nói chuyện về sự khác nhau giữa cái gọi là chiến tranh hiện đại với cuộc chiến đấu đường phố và chiến đấu ở nhà chọc giời hiện nay đang diễn ra khắp trong thành phố. Tôi cố làm ra vẻ đang nghe nói chuyện, đồng thời sửa lại mái tóc và lấy ghim ghim những chỗ bị rách. Suốt lúc đó, bọn lính vẫn tiếp tục giết những người bị thương và hai bên bắt buộc phải nhắc lại điều mình vừa nói.

Tôi đã sống suốt ba ngày công xã Chicago. Phải nói rằng lúc đó tôi không trông thấy gì ngoài sự tàn sát đám dân của khu vực thăm và những cuộc chiến đấu ở lưng chừng không khí, giữa những nhà chọc giời; như vậy các bạn cũng đủ tưởng tượng được rằng quy mô của công xã và của cuộc tàn sát lớn lao đến thế nào. Thật ra tôi hoàn toàn không trông thấy việc làm anh dũng của các đồng chí chúng tôi. Tôi chỉ nghe thấy tiếng mình và tiếng bom của họ nổ, chỉ nhìn thấy khói ở các đám cháy do họ gây ra, có thể thôi. Tuy nhiên, tôi đã mục kích một hành động vĩ đại của các đồng chí chúng tôi, khi họ tấn công các pháo đài bằng khinh khí cầu. Việc đó xảy ra vào

ngày thứ hai của công xã. Ba trung đoàn làm phản đã bị thủ tiêu không còn một mống. Bọn lính đánh thuê đóng chặt ních các pháo đài. Gió thuận chiều, và từ một công thự trong thành phố, khinh khí cầu của chúng tôi bay lên.

Biedenbach, sau khi ở Glen Ellen ra, đã chế tạo được một thứ thuốc nổ hết sức mạnh, anh gọi là "expedite". Các khinh khí cầu đều dùng thứ vũ khí đó. Khinh khí cầu của chúng tôi là những quả bóng to bơm bằng hơi nóng, làm vội vàng và thô sơ, nhưng rất được việc. Đứng trên nóc một công thự tôi nhìn thấy rất rõ. Quả khinh khí cầu thứ nhất hoàn toàn đi chệch khỏi pháo đài, và biến mất ra vùng quê; nhưng về sau chúng tôi cũng được nghe nói về nó. Burton và O'Sullivan ngồi trên đó. Lúc khinh khí cầu hạ xuống đất, họ lướt qua đường sắt, đứng trên đầu đoàn tàu đưa lính đang lao hết tốc lực về Chicago. Họ trút tất cả chỗ bom "expedite" xuống đầu máy xe lửa. Đoàn tàu bị phá khiến đường xe lửa bị tắc luôn mấy ngày. Tuyệt nhất là trút xong bom, quả khinh khí cầu cất được gánh nặng lại vút lên trời và bay đi xa được chừng sáu dặm nữa. Thành ra cả hai người anh hùng của chúng tôi đều trốn thoát.

Quả cầu thứ hai bị thất bại. Nó bay không được tốt. Nó không lên được cao, thành thử bị bắn thủng tứ tung trước khi đến được pháo đài. Herford và Guinness ngồi trên đó rơi xuống đất chết tan xác. Biedenbach đang lúc thất vọng và - sau chúng tôi mới biết chuyện đó - một mình trèo lên quả cầu thứ ba. Anh cũng bay rất thấp, nhưng may chúng nó bắn không trúng. Lúc này tôi còn thấy rõ mồn một cái cảnh ấy cũng như khi xưa đứng tít trên một toà nhà chọc trời, có một người treo lủng lẳng ở dưới trông như một cái chấm đen. Khi ấy, tôi không nhìn thấy pháo đài, nhưng những người đứng trên mái nhà cùng với tôi bảo rằng Biedenbach bay đúng lên trên pháo đài. Tôi không trông thấy bom "expedite" rơi xuống. Nhưng tôi có thấy quả cầu bất thành linh bay vụt lên. Một lúc sau cũng khá lâu, một cột khói lớn cuộn lên trời và sau đó tôi nghe thấy tiếng nổ như sấm. Biedenbach, anh thanh niên hiền lành đã phá được một pháo đài. Liền lúc ấy có hai quả cầu khác bay theo. Một quả vỡ nát trên trời, vì bom "expedite" nổ, và hơi bom đẩy quả thứ hai rơi xuống đúng cái pháo đài còn lại. Đồng chí chúng tôi hi sinh, nhưng giá có đặt kế hoạch trước thì cũng không thể tuyệt như thế được.

Nhưng thôi, trở lại đám dân của vực thẳm. Thật ra tôi chỉ biết về họ thôi. Họ cuồng lên, tàn sát, phá phách tất cả trong khu vực chính của thành phố và cũng bị tàn sát trở lại. Nhưng không một lần nào họ lọt được vào khu bọn thiếu số thống trị ở, về phía tây thành phố. Bọn thiếu số thống trị tự vệ rất có hiệu quả. Khu trung tâm thành phố dù có bị phá phách cũng không hề gì, vì chúng và vợ con chúng vẫn bình chân như vại. Tôi được nghe nói những ngày khủng khiếp ấy, con cái chúng vẫn chơi ở vườn hoa, và trò chơi chúng thích nhất là bắt chước cha anh chúng lấy chân dí lên trên những người vô sản.

Tất nhiên bọn lính đánh thuê thấy đối phó đối với đám dân của vực thẳm và đồng thời đánh nhau với các đồng chí chúng tôi không phải là chuyện dễ. Chicago rất trung thành với những truyền thống của mình và dù cho một thế hệ những người cách mạng có bị quét sạch thì nó cũng kéo theo nó một thế hệ kẻ thù. Cố nhiên, cái *Gót sắt* giữ bí mật các số liệu, nhưng theo số ước đoán rất thận trọng thì ít ra cũng có tới một trăm ba mươi ngàn lính đánh thuê bị tiêu diệt. Nhưng các đồng chí chúng tôi thật không may. Đáng lẽ tất cả nước cùng vùng lên khởi nghĩa thì chỉ có mình họ, và tập đoàn thiếu số thống trị có thể dồn toàn bộ lực lượng để đối phó với họ. Thành ra hết giờ này sang giờ khác, hết ngày này sang ngày khác, xe lửa của chúng chạy nườm nượp trên các ngã đường, tung vào Chicago hàng trăm ngàn quân đánh thuê.

Nhưng đám dân của vực thẳm cũng đông lắm. Khi đã mệt vì bắn giết, bọn lính bắt đầu lừa họ đi như một lũ súc vật, cốt để dìm chết họ dưới hồ Michigan. Garthwaite và tôi gặp tên sĩ quan trẻ tuổi đúng vào lúc việc đó bắt đầu. Kế hoạch lừa dân của chúng đã bị thất bại nhờ có việc làm tuyệt diệu của các đồng chí chúng tôi. Bọn lính đánh thuê tưởng có thể bắt một đám người rất lớn, nhưng cuối cùng chúng chỉ lừa được chừng bốn vạn người khốn khổ xuống dưới hồ. Nhiều lần, chúng vừa ráp được một đoàn và đang lừa họ đi qua các phố thì bị đồng chí chúng tôi dử cho phải đối phó. Lưới bao vây của chúng thế là bị chọc thủng và đám quần chúng cứ thế tìm thấy chỗ chúng sơ hở mà tẩu thoát.

Sau khi gặp viên sĩ quan trẻ tuổi được một lúc, Garthwaite và tôi đã được chứng kiến một ví dụ như thế. Đám quần chúng ô hợp bị đánh lui lúc

ban này, trong đó có chúng tôi, bị những đơn vị rất mạnh chặn không cho trốn về phía đông và phía nam. Còn đơn vị bộ đội mà chúng tôi gặp phải thì chặn ở phía tây. Chỉ còn một lối là phía bắc, và đám quân chúng bị đại liên và tiểu liên lừa từ phía đông phía tây và phía nam kéo cả về phía bắc tức là phía bờ hồ. Tôi không hiểu có phải tại họ đoán ra rằng họ đang bị lừa về phía hồ không, hay đó chỉ là con giầy giữa mù quáng của một con quái vật; nhưng dẫu sao, đám người ô hợp rẽ sang một phố khác nữa rồi quay trở lại phía nam, quay về khu lao động lớn.

Lúc đó, Garthwaite và tôi cố lách lấy một lối đi về phía tây để tẩu thoát khỏi cho hai bên giao tranh, nhưng chúng tôi lại rơi vào một trận địa khác. Vừa đi đến một góc phố, chúng tôi đã thấy một đám quân chúng ô hợp đang gào thét đồ xô về phía chúng tôi. Garthwaite nắm lấy cánh tay tôi và chúng tôi sắp sửa chạy thì anh lại kéo giật tôi lại để khỏi đâm vào bánh xe của sáu chiếc ô-tô thiết giáp có đem đại liên đang sẵn đến chỗ đó. Phía sau xe thiết giáp có những toán lính trang bị bằng tiểu liên chạy đến.

Chúng đang bố trí trận địa thì đám quân chúng ô hợp đồ tới, tưởng chừng sắp giẫm bẹp bọn lính trước khi bọn này kịp hành động.

Đây đó có những tên lính xả súng trường vào họ, nhưng những phát súng lẻ tẻ không thể đủ sức chặn đám quân chúng ô hợp. Đám quân chúng ô hợp vẫn tiến lên, vừa đi vừa gào thét điên cuồng như một bầy thú vật. Súng liên thanh có vẻ như không hoạt động được. Những xe thiết giáp có bắc liên thanh bít chặt đường phố, thành ra bọn lính buộc phải bố trí ngay trên xe, ở những khe hở trên mặt đường và ở trên vỉa hè. Lính kéo đến mỗi lúc một đông, người ùn cả lại như nê-m-cối, chúng tôi không tài nào thoát ra được. Garthwaite nắm lấy cánh tay tôi và chúng tôi dán người vào tường đằng trước của một toà nhà.

Đám quân chúng ô hợp kéo đến còn cách có mười thước, đại liên mới bắt đầu hoạt động; nhưng trước cái lưới lửa chết chóc ấy không gì sống nổi. Đám ô hợp vẫn xô lại, nhưng họ không tiến lên được. Họ chồng chất lên thành đống, thành núi, thành những ngọn sóng người chết và người ngắc ngoải mỗi lúc một ùn lên. Những người ở phía dưới dôn lên, và đoàn người thất lại như chui vào ống, ở giữa hai bên rãnh phố. Những người bị thương, cả đàn ông lẫn đàn bà, gục trên cái ngọn sóng kinh khủng ấy, nhào xuống

phía trước, giã giữa, lăn đến tận bánh xe thiết giáp và chân bọn lính. Bọn này lấy lưỡi lê đâm họ. Tuy thế, tôi vẫn thấy một người chạy xô vào một tên lính, cắn vào họng nó. Cả tên lính lẫn người nô lệ cùng ngã lăn xuống một vũng bùn nhầy nhụa.

Tiếng súng im bật. Công việc đã xong xuôi. Đám quân chúng ô hợp đã bị chặn lại, không thực hiện được âm mưu phá vỡ vòng vây nữa. Có lệnh dọn đường cho xe thiết giáp đi. Xe thiết giáp không thể tiến qua đồng người chết cao ngất kia được, cho nên chúng định cho xe chạy xuống một phố ngang. Bọn lính lôi những xác chết ra khỏi các bánh xe thì một việc thành linh xảy đến. Về sau chúng tôi mới biết việc đó xảy đến như thế nào. Cách đó một dãy nhà, có một toà nhà độ chừng một trăm đồng chí chúng tôi chiếm. Họ đã rẽ mái và đục tường thông nhà này qua nhà khác, và đến được ngay trên đầu bọn lính đang tập trung. Thế là cuộc tàn sát phản công bắt đầu.

Bất thành linh một trận mưa bom từ trên nóc nhà chọc trời tuôn xuống. Các xe thiết giáp tan tành cùng với một số đông binh lính. Chúng tôi cùng với bọn người sống sót bỏ chạy thực mạng. Chạy xuôi được một nửa dãy phố thì một toà nhà khác xả súng vào chúng tôi. Bọn lính đã dùng xác những người nô lệ làm thảm giải lên đường phố như thế nào thì bây giờ đến lượt bản thân chúng biến thành thảm giải đường như thế. Garthwaite và tôi hình như có thần linh phù hộ hay sao ấy. Chúng tôi lại chạy vào ẩn ở một cái hành lang như lúc trước. Nhưng lần này thì chúng tôi không bị đánh úp nữa. Hết tiếng bom, Garthwaite thò đầu ra ngoài nhìn.

- Đám ô hợp quay trở lại! - Anh kêu lên bảo tôi. - Chạy mau ra khỏi chỗ này thôi!

Chúng tôi nắm tay nhau chạy trốn trên mặt đường ngập máu, trơn như mỡ, và đến một góc phố ở một phố ngang, chúng tôi thấy mấy tên lính chạy thực mạng. Chúng không bị làm sao cả. Con đường không bị bít. Chúng tôi nghỉ một chút và nhìn lại phía sau. Đám quân chúng ô hợp tiến lên chậm chạp. Họ còn bận nhặt súng của những kẻ đã chết và giết nốt những kẻ bị thương. Chúng tôi được mục kích những phút cuối cùng của viên sĩ quan trẻ tuổi đã cứu chúng tôi. Y đau đớn chống khuỷu tay ngóc đầu dậy, cầm khẩu súng lục tự động bắn tứ tung. Lúc một người đàn bà vung con dao phay

hàng thịt nhảy xổ vào một tên lính bị thương, Garthwaite cười bảo tôi: - Không khéo ta cũng đi đứt mất! Ta đi phải hướng bất lợi rồi, nhưng thôi cứ đi. Ta tìm cách thoát.

Chúng tôi chạy về phía đông, qua những phố xá yên lặng, đến mỗi ngã tư lại phải chuẩn bị đối phó với những bất trắc có thể xảy ra. Ở phía nam, một đám cháy hết sức lớn bốc lên đỏ rực cả bầu trời, chúng tôi biết là khu lao động lớn đang cháy. Cuối cùng, tôi ngồi phệt xuống vỉa hè. Tôi kiệt sức rồi, không thể đi được nữa. Chân tay tôi đau như giần, chỉ còn thiếu nước rụng rời ra. Tuy nhiên, tôi vẫn cố mỉm cười với Garthwaite khi anh vừa quần điều thuốc lá vừa bảo tôi:

- Tôi đưa chị đi trốn như thế này thật là đi quanh quẩn. Nhưng tôi không nắm được tình hình đầu đuôi ra sao nữa. Đúng là một mớ bòng bong. Cứ mỗi lần định thoát vòng vây là y như có chuyện phải quay trở lại. Từ lúc tôi cứu được chị ra khỏi nơi chị bị nạn, chúng ta mới đi được hai dãy phố thôi. Bận và thù lẫn lộn lung tung. Thật là hỗn loạn. Đồ mà biết được rằng bên nào chiếm những toà nhà chết tiệt này. Đi điều tra thì ăn bom vào đầu. Đi tản nhiên trên đường thì hoặc là phải nhập vào đám dân ô hợp và bị liên thanh quạt, hoặc là đến với bọn lính đánh thuê và bị chính các đồng chí của mình nấp ở các mái nhà giết. Ấy là chưa kể rằng lúc đám dân ô hợp trên, chính họ cũng lại giết mình. Anh lắc đầu chán nản, châm thuốc lá và ngồi xuống cạnh tôi. Rồi anh nói tiếp. - Tôi đói quá. Lúc này, giá vớ được hòn đá tôi cũng ăn.

Một lúc sau, anh đứng dậy đi ra giữa đường nện một tảng đá lên thật. Anh quay trở lại, cầm tảng đá phá cửa sổ một hàng buôn đằng sau lưng chúng tôi.

- Đây là tầng dưới, chẳng ăn thua gì cả, - anh giải thích cho tôi nghe và đỡ tôi chui qua cái lỗ hổng anh vừa phá. - Nhưng cũng không thể làm thế nào hơn được. Chị ngủ đi một giấc, để tôi đi thám thính. Thế nào tôi cũng cứu được chị, nhưng phải lâu lâu một tí. Bây giờ, tôi cần có cái gì ăn đã.

Chỗ chúng tôi ở là một cửa hàng bán yên ngựa. Anh lấy mấy tấm chăn lót lưng ngựa giải làm giường cho tôi nằm trong gian phòng làm việc riêng ở phía sau. Để bồi thêm vào bước khốn đốn của tôi, tôi bị một trận nhức đầu như búa bổ. Được nhắm mắt ngủ một giấc, tôi thấy không có gì sung

sướng hơn. Lúc đi, Garthwaite bảo tôi: - Rồi tôi sẽ về. Tôi không mong gì kiếm được một cái ô-tô, nhưng chắc chắn tôi sẽ mang thức ăn về, bằng cách này hay cách khác. Ba năm sau tôi mới gặp lại anh. Anh không trở lại ngay, mà bị khiêng đi nhà thương, vì một viên đạn trúng phổi và một viên trúng cổ.

Chương XXIV

Cơn ác mộng

Đêm hôm trước, trên chuyến tàu "Thế kỉ hai mươi", tôi không lúc nào chợp mắt. Cũng vì thế và vì mệt cho nên tôi ngủ thiếp đi. Lần thứ nhất tôi thức giấc thì trời đã về đêm. Garthwaite không về. Tôi đã mất cái đồng hồ cho nên chẳng còn biết giờ giấc là gì nữa. Tôi nằm nhắm mắt nghe những tiếng nổ ì ầm ở đằng xa. Cảnh địa ngục khủng khiếp vẫn diễn ra. Tôi rón rén đi ra ngoài cửa hàng. Những đám cháy lớn phản chiếu trên trời khiến phố xá sáng rực lên không khác gì ban ngày. Người ta có thể đọc rõ mòn một những hàng chữ in nhỏ nhất. Tiếng lựu đạn ùng oàng và tiếng liên thanh giòn giã từ những dãy nhà xa vọng lại, và xa hơn nữa, có một loạt tiếng nổ lớn. Tôi khe khẽ trở về, nằm trên đồng chăn, ngủ lại.

Lần sau tôi thức giấc, một thứ ánh sáng vàng vọt chiếu vào tận chỗ tôi nằm. Lúc đó đã là bình minh của ngày thứ hai. Tôi đi ra ngoài cửa hàng. Một bức màn khói có những tia sáng mờ nhạt xuyên qua phủ kín bầu trời. Bên kia đường, một kẻ nô lệ khôn khổ đang đi thất thểu. Anh ta tay ôm chặt lấy mạng sườn và để lại phía sau một vệt máu dài. Anh nhìn ngang, nhìn ngửa bằng đôi mắt đầy lo âu, sợ hãi. Một lần anh nhìn qua phố và nhìn thẳng vào tôi. và trên mặt anh hiện lên cái vẻ sợ sệt âm thầm của một con vật bị thương và bị săn đuổi. Anh nhìn thấy tôi nhưng giữa chúng tôi không có một sợi dây thông cảm nào, và về phía anh, ít nhất anh cũng chẳng có cảm tình gì với tôi. Anh cúi lom khom xuống và cứ thế lê chân đi. Anh không thể chờ ai giúp mình trong cái thế giới này. Anh là một kẻ nô lệ trong cuộc săn nô lệ đại quy mô, do bọn chủ đang tiến hành. Tất cả cái mà anh có thể hi vọng được, tất cả cái mà anh tìm kiếm chỉ là một cái lỗ để chui vào trốn như một con vật. Tiếng lanh canh đột ngột của một chiếc xe cứu thương đi ở tận góc phố làm anh giật mình. Xe cứu thương không phải là để

cho những kẻ như anh ta. Vết đau khiến anh rú lên, và anh vội vã chạy vào nấp trong một xó cửa. Một phút sau, anh ta lại thất thủ bước đi.

Tôi quay trở lại đóng chặn chờ Garthwaite một tiếng đồng hồ. Đầu tôi vẫn chưa hết nhức. Trái lại nó càng nhức thêm. Tôi phải hết sức cố gắng mới mở được mắt để nhìn những vật xung quanh. Và cứ mở mắt nhìn cái gì là tôi thấy nhức không thể tả được. Mạch máu trong óc tôi chạy giằng giật. Người tôi nhọc hằn đi. Tôi lão đảo chui qua chỗ cửa sổ bị phá, tụt xuống dưới phố. Phó thác mình cho bản năng và may rủi, tôi tìm cách trốn ra khỏi cái lò sát sinh khủng khiếp này và liền sau đó, tôi đã qua một cơn ác mộng. Những điều tôi nhớ được trong những giờ phút tiếp sau đó đúng là những điều người ta nhớ được trong một cơn ác mộng. Nhiều biến cố đã in sâu vào óc tôi, nhưng giữa những hình ảnh không phai mờ tôi bị ngắt đi. Những lúc ấy có những việc gì xảy ra, tôi không biết mà cũng chẳng bao giờ tôi biết.

Tôi nhớ là đi đến góc phố, tôi vấp phải chân một người đàn ông. Đó là chân cái anh chàng khốn khổ bị săn đuổi vừa kéo lê qua nơi ầm náu của tôi ban nãy. Tôi còn nhớ như in những bàn tay sần sùi khốn khổ của anh ta lúc anh nằm vật trên đường - những bàn tay giống chân súc vật hơn là tay người, bàn tay đầy những chai và những việc cực nhọc hàng ngày làm cho cong queo, không còn ra hình thù gì nữa. Lúc tôi lấy lại thăng bằng và tiếp tục bước đi, tôi nhìn vào tận mắt cái vật ấy và thấy nó vẫn còn sống. Vì đôi mắt đã mất hết trí khôn kia còn nhìn tôi và còn trông thấy tôi.

Tiếp đó là một quãng trống, thật phức đức quá. Tôi chẳng hiểu gì nữa hết, chẳng nom thấy gì nữa hết, mà chỉ ngã xiêu vẹo chạy đi tìm một chỗ an toàn. Quang cảnh thứ hai tôi nhìn thấy trong cơn ác mộng là một đường phố im lặng như tờ, đầy xác chết. Tôi đến đây một cách đột ngột y như một người đi ngao du đây đó chợt gặp một dòng sông chảy xiết. Có điều dòng sông trước mặt tôi không chảy. Nó đông lại trong cái chết. Mặt sông trải ra phẳng lì ngập cả đường cái, ngập cả vỉa hè, từng quãng từng quãng bị phá vỡ bởi những đồng xác người to nhỏ khác nhau. Tội nghiệp đám dân của vực thẳm bị lũng rập, những kẻ nô lệ bị săn đuổi. Họ nằm ngổn ngang như một đám cỏ California sau một trận lửa [1]. Tôi nhìn lên đầu phố, rồi nhìn xuống cuối phố. Không một cử động, không một tiếng động. Những toà nhà lạng lẽ cao sừng sững nhìn xuống quang cảnh đó bằng những khoang cửa

sổ giường thao láo. Và một lần, có mỗi một lần thôi, tôi thấy một cánh tay động đậy. Nó vặn vẹo, co quắp trong cơn ngắc ngoải và cùng lúc ấy một cái đầu bê bết máu góc dậy trông vô cùng ghê rợn, líu lười lại nói với tôi một tràng dài, rồi lại gục xuống và thôi không nhúc nhích nữa.

Tôi còn nhớ một phố khác, với hai dãy nhà yên lặng ở hai bên. Tôi nhớ lại nỗi kinh hoàng nó làm cho tôi tỉnh cơn mê khi tôi nhìn thấy đám dân của vực thẳm. Lần này, đám dân đó là một dòng sông đang chảy, đang tiến về phía tôi. Nhưng rồi tôi thấy không có gì mà sợ. Dòng sông chảy chậm chạp, và từ đó vang lên những tiếng rên la, những tiếng nguyên rủa, những tiếng lải nhải của người già, những tiếng thét điên cuồng hung hãn. Trong đám này già có, trẻ có, có người yếu và người ốm, có người không nơi bầu vú và người tuyệt vọng, tóm lại những mảnh tan tác của khu lao động, trôi dạt như sau một trận đắm tàu. Khu lao động lớn ở phía nam thành phố bốc cháy đã đẩy họ đi ra ngoài để chịu cái cảnh địa ngục của những cuộc chiến đấu đường phố, và họ đi đâu, số phận họ ra sao, tôi không biết, mà cũng chẳng bao giờ ai cho tôi biết [2].

Tôi nhớ mang máng rằng tôi đã phá một cái cửa sổ và chui vào trong một cửa hàng để trốn một đám dân ô hợp bị lính càn trong phố. Một lần, một quả bom nổ ngay gần chỗ tôi, trong một phố yên tĩnh, và tôi nhìn thấy đầu phố cuối phố tĩnh không thấy một bóng người. Nhưng cái này thì tôi nhớ rất rõ: tức là lúc một phát súng nổ và tôi chợt nhận ra rằng một tên lính ngồi trên ô-tô bắn vào tôi. Phát súng đó trượt. Tôi bèn hét ầm lên, và gào to mật hiệu cho nó nghe thấy. Việc tôi đi lên chiếc ô-tô ấy, tôi chỉ nhớ lơ mờ, mặc dầu có một hình ảnh rất đau đớn khắc sâu vào tâm trí tôi. Tiếng súng do tên lính ngồi cạnh tôi bắn làm tôi mở choàng hai mắt, và tôi trông thấy George Milford từ từ gục xuống hè đường. Tôi quen Milford từ hồi còn ở phố Pell. Mặc dầu Milford đã chúi xuống, tên lính vẫn bắn. Milford gập người lại làm đôi, ngã vật ra, hai tay hai chân dang rộng. Tên lính cười rộ lên và chiếc ô-tô cứ thế phóng đi.

Việc sau nữa mà tôi biết là tôi đang ngủ mê mết thì bị một người đàn ông đi đi lại lại bên chỗ tôi nằm đánh thức dậy. Khuôn mặt người đó dài ra, hóp vào và mồ hôi chảy ròng ròng từ trên trán xuống mũi. Hai tay người đó ôm chặt lấy ngực và người đó bước đi thì máu lại rỏ xuống sàn. Người đó

mặc đồng phục của bọn lính đánh thuê. Từ bên ngoài, tiếng bom nổ như thấm qua những bức tường kiên cố lọt vào. Tôi đang ở trong một toà nhà lớn và toà nhà này đang mắc đánh nhau với một toà nhà khác.

Một bác sĩ vào để băng bó cho tên lính bị thương và lúc đó tôi biết là hai giờ chiều. Tôi vẫn chưa bớt nhức đầu. Viên bác sĩ bèn ngừng tay một lát cho tôi uống thuốc an thần. Tôi nằm ngủ lại, và tỉnh dậy thấy mình ở trên nóc toà nhà lớn. Trận chiến đấu ở đây đã chấm dứt, và tôi đang xem khinh khí cầu tấn công các pháo đài. Một người đưa tay ra ôm ngang người tôi. Tôi có cảm giác rất tự nhiên rằng đó là Ernest. Tôi chỉ lấy làm lạ rằng tại sao tóc và lông mày anh lại xém đi như thế.

Thật hoàn toàn do may rủi mà chúng tôi gặp nhau trong cái thành phố khủng khiếp này. Trước đó, anh không ngờ một tí nào rằng tôi đã rời New York, và khi đi qua chỗ tôi nằm ngủ, lúc đầu, anh cũng không ngờ lại là tôi. Tôi không thấy thêm về công xã Chicago được bao nhiêu nữa. Sau khi xem khinh khí cầu tấn công, Ernest đưa tôi xuống một phòng ở giữa toà nhà. Tôi nằm đó ngủ suốt buổi chiều và đêm. Sang ngày thứ ba, tôi ở nguyên trong nhà. Đến ngày thứ tư, Ernest được bọn chỉ huy cho nghỉ phép và cấp cho một cái ô-tô. Chúng tôi bèn đi khỏi Chicago.

Tôi đã hết nhức đầu, nhưng mệt như cả thể xác lẫn tinh thần. Tôi ngồi dựa lưng vào Ernest trên ô-tô, lãnh đạm nhìn bọn lính đang tìm cách cho xe chạy ra ngoài thành phố. Cuộc chiến đấu vẫn diễn ra, nhưng chỉ lẻ tẻ ở một vài nơi. Có những chỗ cả một khu phố lọt vào tay các đồng chí, nhưng những khu phố này đều bị những đơn vị rất đông, rất mạnh bao vây trong hàng trăm chiếc máy bay và không tài nào liên lạc được với nhau. Trong khi đó, bọn địch tìm mọi cách để bắt họ ra hàng. Hàng tức là chết, vì chúng có tha ai đâu! Thành thử họ chiến đấu anh dũng đến người cuối cùng [3].

Mỗi lần chúng tôi lại gần những nơi như thế, bọn lính gác đều bắt chúng tôi quay lại và đi vòng. Một lần, chỉ có mỗi một con đường để vượt hai vị trí rất mạnh của các đồng chí, và con đường này băng qua một khu đã cháy trụi nằm giữa hai vị trí đó. Ở cả hai phía, chúng tôi nghe rõ mồn một tiếng chiến tranh gào thét, giữa lúc chiếc ô-tô len lỏi qua những đồng gạch vụn còn bốc khói và những bức tường xiêu vẹo. Nhiều lúc, đường đi bị

những đồng đồ nát cao như núi chắn ngang, và chúng tôi lại bắt buộc phải đi vòng. Chúng tôi như lạc vào trong một trận bát quái và đi rất chậm.

Khu sát sinh (khu lao động, những nhà máy, tất cả mọi thứ) chỉ còn là những đồng hoang tàn lửa thiêu âm ỉ. Tít về phía bên phải, một đám khói lớn giăng kín một góc trời. Đó là thành phố của Pullman, tên lính lái xe bảo chúng tôi. Tên lính này, vào buổi chiều ngày thứ ba, đã từng lái xe đi từ đây ra, mang theo công văn và tin tức. Theo hắn nói thì mấy trận đánh to nhất đều xảy ra ở đây, và có nhiều phố không đi lại vì xác chết chất đầy đường.

Ô-tô chúng tôi ngật ngưỡng vòng qua một toà nhà lớn bị phá hoại nặng, để tiến vào khu sát sinh và đến đây thì bị một ngọn sóng thủy người chặn lại. Ai trông thấy cũng phải tưởng đó là một ngọn sóng từ dưới biển cuộn lên. Nhìn cảnh tượng đó, chúng tôi hiểu ngay sự việc đã xảy ra. Một đám dân đen đổ xô ra góc đường đã bị liên thanh đặt ở một phố ngang quét. Chính bọn lính đã bị hại. Chắc là một quả bom đã nổ ngay giữa bọn chúng, bởi vì đám dân đen bị chặn lại cho đến khi người chết và người ngã ngoài chồng chất lên nhau thành một ngọn sóng bạc đầu đã xô một lớp nô lệ còn sống và đầy dũng khí nhào lên phía trước như một lớp bọt biển. Lính trắng và nô lệ nằm la liệt bên nhau, xác tan như xác pháo, trùm cả lên trên đồng ô-tô và súng đã biến thành sắt vụn.

Ernest nhảy vội xuống xe. Anh vừa chú ý đến một đôi vai quen thuộc khoác tấm sơ mi vải và một mái tóc bạc cũng quen quen. Lúc đó tôi không nhìn anh. Mãi đến khi anh đã lại ngồi xuống bên tôi và xe đã mở máy phóng đi, anh mới bảo: - Giám mục Morehouse đây!

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ra đến vùng nông thôn xanh tươi. Tôi quay lại nhìn lần cuối bầu trời mù mịt khói. Một tiếng nổ yếu ớt và xa xôi vọng lại. Tôi úp mặt vào ngực Ernest khóc, xót xa cho sự thất bại của Cách mạng. Anh ôm chặt lấy tôi âu yếm.

- Em ạ, chúng ta chỉ thất bại lần này thôi. Không thất bại mãi đâu. Chúng ta đã học được nhiều kinh nghiệm. Ngày mai, sự nghiệp của chúng ta lại sẽ dấy lên và sẽ rất mạnh, mạnh vì khôn ngoan, vì kỷ luật.

Ô-tô chạy đến một nhà ga. Chúng tôi sẽ đáp tàu về New York. Chúng tôi đang đứng đợi ở sân ga thì có ba đoàn tàu rầm rầm chạy qua, đi về phía tây, phía Chicago. Tàu chật ních những phu phen rách rưới, đám dân của

vực thẳm. - Chúng nó mộ đám nô lệ này để đến xây dựng lại Chicago, - Ernest nói. - Em có rõ không, những nô lệ ở Chicago bị giết hết rồi.

Chú thích:

- 1- Thời ấy dân cư thưa thớt và các loài thú sinh sôi nảy nở rất nhiều, thành một tai vạ. Ở California có tục lừa thỏ. Đến một ngày nhất định, nông dân cả một vùng họp nhau lại càn một khu và lừa về một nơi đã chuẩn bị rào giậu từ trước hàng vạn con thỏ rừng. Thanh niên trai tráng dùng gậy tầy đập chết thỏ.*
- 2- Khu lao động ở phía Nam cháy vì ngẫu nhiên hay vì bị đạo quân đánh thuê đốt, điều đó là một vấn đề bàn cãi, rất lâu. Nhưng đến nay người ta xác định một cách chắc chắn rằng khu lao động đó đã bị đạo quân đánh thuê đốt theo lệnh của bọn chỉ huy.*
- 3- Nhiều toà nhà cầm cự được trên một tuần lễ và có một toà nhà cầm cự được một ngày. Mỗi toà nhà như vậy phải xung phong vào chiếm như chiếm một pháo đài. Bọn lính đánh thuê phải đánh lấy từng tầng gác. Hai bên đánh nhau chí tử, không bên nào thương xót bên nào. Trong chiến đấu, anh em cách mạng được lợi thế là ở trên cao. Những người cách mạng bị quét sạch, nhưng không phải chỉ có một bên bị tổn thất. Giai cấp vô sản đầy kiêu hãnh của thành Chicago đã tỏ ra xứng đáng với truyền thống lẫm liệt của họ. Bởi vì họ bị giết chết bao nhiêu người thì họ cũng giết lại bấy nhiêu kẻ thù.*

Chương XXV

Những người theo chiến thuật khủng bố

Mãi đến khi Ernest và tôi trở về New York được mấy tuần, chúng tôi mới biết được hết mức độ tổn thất của sự nghiệp. Tình hình thật là cay đắng. Máu đã chảy nhiều quá. Rải rác trong khắp nước, có nhiều nơi đám dân nô lệ đã nổi dậy và đã bị tàn sát. Số người hi sinh tăng lên rất nhanh. Những vụ hành hình diễn ra vô tội vạ ở khắp mọi nơi. Các vùng núi và vùng đất hoang đầy rẫy những người trốn tránh pháp luật. Họ bị săn như săn thú và bị bắn chết không tiếc tay. Những đồng chí đầu bị treo giải kéo về ở chật ních những nơi trú ẩn của chúng tôi. Do bọn mật thám cung cấp tin tức, chừng hai chục nơi trú ẩn của chúng tôi đã bị quân lính của Gót sắt đến vây ráp.

Nhiều đồng chí chúng tôi mất tinh thần, xoay ra đối phó bằng chiến thuật khủng bố. Thấy hi vọng của mình bị đẩy lui, họ đâm thất vọng. Nhiều tổ chức khủng bố không phải thuộc hàng ngũ chúng tôi ra đời đột ngột và gây cho chúng tôi khó khăn[1]. Những người mất phương hướng này phí phạm đời mình một cách đại dột. Rất nhiều khi họ làm kế hoạch của chúng tôi bị trật, công tác tổ chức của chúng tôi bị chậm lại.

Trong khi đó thì cái Gót sắt hoạt động một cách bình tĩnh và thận trọng, xói lộn tất cả các tổ chức trong xã hội để tìm ra các đồng chí chúng tôi, thanh trừ đạo quân đánh thuê, các đảng cấp lao động và tất cả những cơ quan mật vụ của nó, trừng trị một cách không thương xót mà cũng không thù oán, lẳng lặng chịu những trận đòn trả thù đánh vào chúng và bổ sung hết sức nhanh chóng những lỗ hổng trên chiến tuyến của chúng. Song song với những hoạt động của chúng, Ernest và các lãnh tụ khác ra sức làm việc để tổ chức lại những lực lượng của cách mạng. Người ta chỉ có thể hiểu rõ tầm vĩ đại của công việc này khi nào...

Tập bản thảo của Avis Everhard đến đây chấm dứt. Nó dứt quãng đột ngột ở giữa một câu. Chắc hẳn có người báo cho chị biết là bọn lính đánh thuê kéo đến, vì chị còn đủ thì giờ để giấu kĩ tập bản thảo trước khi chạy trốn hay bị bắt. Tiếc rằng chị không sống để kể nốt câu chuyện của chị. Giá được như thế thì chắc chắn chị đã làm sáng tỏ cái điều bí mật suốt bảy thế kỉ nay vẫn bao phủ việc Ernest bị hành hình

Hết

Chú thích:

1- Những tập niên biểu của thời đại tuyệt vọng này đọc lên chỉ thấy toàn những máu. Hầu hết những chuyện ghi trong đó là chuyện trả thù. Người của tổ chức khủng bố xem cuộc đời của họ rất nhẹ và không có hi vọng gì vào tương lai. Tổ chức Danites, mượn tên của vị thần phục thù trong thần thoại của Mormon nổi lên ở dãy núi Đại Tây và lan rộng trên bờ biển Thái Bình Dương, từ Panama đến Alaska. Tổ chức Valkyries bao gồm toàn phụ nữ. Đó là tổ chức ghê gớm nhất tất cả. Không một phụ nữ nào được kết nạp vào tổ chức này nếu không có bà con thân thuộc bị chết vì tay tập đoàn thiếu số thống trị. Họ phạm một tội ác là tra tấn tù binh của họ cho đến chết. Còn có một tổ chức phụ

nữ khét tiếng khác là tổ chức "Những người goá bụa vì chiến tranh". Một tổ chức bạn Valkyries, Berserkers. Những người trong tổ chức này không coi đời họ vào đâu cả. Chính tay họ đã phá huỷ hoàn toàn thành phố Bellona của bọn lính đánh thuê cùng với dân số của nó là hơn mười vạn con người. Tổ chức Bedlamites và Helldamites là hai tổ chức sinh đôi của lớp người nô lệ. Có một giáo phái mới, không sống được bao lâu, lấy tên là "Trận lôi đình của Chúa". Ngoài ra còn có những tổ chức khác rất kiên quyết nghiêm trang, nhưng đồng thời rất quái gở như: "Những trái tim róm máu", "Bình minh tử", "Hồng hạc" "Tam tam giác", "Ba gạch", Rubonics, "Phục thù", "Tay chơi", Erebusites...

8) Kể bỏ đạo

"Nay thức dậy đi làm
Cầu Chúa sao cho mình đừng bỏ việc
Nếu có chết vào lúc hoàng hôn.
Cầu Chúa sao công việc được yên lành
A men"

- Giôn (Johnny) ơi, con mà không dậy, mẹ không cho con ăn đâu!

Câu dọa đó cũng chẳng có tác dụng gì với cậu bé. Nó cứ nằm lì, chân tay quờ quạo như người nằm mơ. Hai bàn tay cứ nắm lỏng rồi đột nhiên vung lên đâm yếu ớt trong không khí. Những quả đâm đó nhắm vào người mẹ, nhưng bà ta tránh được, lấy tay lắc mạnh vai nó.

- Mặc con!

Mới đầu mới là tiếng kêu ú ớ vì ngái ngủ, rồi vút lên thành tiếng khóc, càu nhàu, rồi lại lắng xuống dần thành tiếng rên ư ử. Tiếng khóc nghe đã man, của một tâm hồn bị day dứt khổ đau, chứa chất muôn vàn sự phản kháng và đau đớn.

Nhưng nào bà mẹ có bận lòng. Là một phụ nữ có đôi mắt buồn và bộ mặt khắc khổ nên bà cũng đã quen với nhiệm vụ đó, hết ngày này qua ngày khác trong cả cuộc đời của mình. Bà ta giằng lấy cái chân và kéo tuột xuống, cậu bé ngừng tay đâm và giữ chặt lấy. Cậu ta nằm cuộn tròn trong đống chăn lộn xộn ở cuối giường. Thế là bà mẹ lôi tuột cả cái chăn xuống sàn nhà. Cậu bé chống lại, bà mẹ ra sức giữ. Rồi vì bà mẹ to lớn hơn, nên cậu bé và cái chăn cũng phải chịu thua, nhưng theo bản năng, bà lại che vội cho con mình khỏi lạnh giá.

Lúc nằm mấp mé giường cứ ngỡ cậu ta phải ngã chúi đầu xuống sàn nhà. Nhưng rồi ý thức làm cậu ta bừng tỉnh, loạng choạng một lát rồi lấy lại được thăng bằng. Nó dậm chân thành thịch xuống sàn. Bà mẹ lạnh lẽo nắm lấy vai nó và lắc mạnh. Cậu ta lại vung tay đâm nhưng lần này mạnh và nhắm thẳng hơn. Cùng lúc ấy cậu ta mở mắt. Bà mẹ buông ra. Cậu ta tỉnh ngủ.

- Vâng, con dậy đây rồi – cậu lẩm bẩm.

Bà mẹ vớ lấy cái đèn và đi vội ra, để cho cậu trơ khấc trong bóng tối.

- Con sẽ bị trừ lương đấy, - bà mẹ nhắc với lại.

Cậu bé không sợ bóng tối. Mặc xong quần áo, cậu đi vào nhà bếp. Người thì gầy và nhẹ như cái bấc, vậy mà đi nghe thành thịch. Hai cẳng chân gầy guộc kéo lê được cái thân trông đến là vô lý. Cậu ta kéo cái ghế đã thủng vào sát bàn.

- Giôn! – Bà mẹ gọi sảng giọng.

Cậu ta đứng phắt dậy, rồi lảng lảng đi đến chậu rửa bát bản nhày nhựa. Chỗ kẽ nứt ở chậu bốc ra một mùi khó chịu. Cũng mặc, vì cái mùi ấy đối với cậu là tất nhiên chẳng khác gì nước rửa bát cáu bọt xà phòng, khó mà đánh cho sạch được. Mà hơi đâu lại đi mất sức vì chuyện đó. Lấy vòi nước xối vài lần vào đấy là ổn thôi. Cậu không đánh răng, vì vậy mà chẳng bao giờ cậu nhìn thấy cái bàn chải đánh răng, cũng chẳng bao giờ thêm biết trên đời này lại có những kẻ mắc phải tội ngốc nghếch là đã biết đánh răng.

- Đáng nhẽ ngày nào con cũng phải rửa ráy một lần chứ đâu lại cứ phải để mẹ nhắc thế, - bà mẹ phàn nàn. Tay bà cứ phải đỡ lấy cái nắp vỡ khi rót cà-phê ra hai cái cốc. Cậu không nói gì, vì đây là điều xung khắc thường xuyên giữa hai mẹ con, điều bà mẹ cương quyết bắt buộc cậu phải rửa mặt mỗi ngày một lần. Cậu lấy khăn cáu ghét và rách như xơ mướp ra lau khô, trên mặt còn vương lại những sợi vải.

- Mẹ cũng muốn ở gần, chứ đâu phải xa xôi thế này, - bà mẹ nói lúc cậu bé ngồi xuống. - Mẹ cố gắng hết sức. Con biết đấy. Đỡ một đồng thuê nhà là đỡ tốn kém bao nhiêu rồi con ạ, vả lại, mẹ con mình ở đây rộng hơn. Rõ là như thế.

Cậu hầu như không nghe mẹ nói. Đã chán nghe như thế rồi. Tầm suy nghĩ của bà mẹ chỉ có giới hạn, lúc nào nói chuyện y như rằng lại quay về vấn đề khó khăn, vất vả vì phải sống xa nhà máy.

- Dành dụm chả thấy đâu, chỉ thấy vất vả hơn thôi, - cậu nhận xét, giọng cụt non. – Không khéo lại đi ăn xin sớm.

Cậu ăn vội, vừa nhai bánh, vừa nhúng những miếng rắn không nhai được vào cà-phê. Đó là một chất lỏng như bùn nhão và nóng mang tên cà-phê. Giôn cho đấy đúng là cà-phê, mà lại là loại thượng hảo hạng. Đó là

một trong những ảo tưởng lúc nào cũng lảng vảng trong óc cậu. Chưa bao giờ trong đời cậu bé được uống cà-phê thật sự cả.

Ngoài bánh mì ra, còn một miếng thịt lợn lạnh tanh. Bà mẹ rót thêm cà-phê vào cốc cho con. Ăn gần hết miếng bánh, cậu bèn nhìn xem có còn được ăn thêm. Bà mẹ ngắt ngay cái nhìn dò hỏi đó.

- Nào, đừng có ăn uống tham lam, tục tằn, con, - bà mẹ nhận xét. – Con có phần của con, các em con được phần nhỏ hơn rồi còn gì.

Cậu bé không đáp lại sự quở trách của mẹ. Cậu vốn ít nói. Mà cậu cũng không tỏ ra muốn ăn nữa. Không ca thán một lời, với lòng kiên nhẫn ghê gớm không kém gì ngôi trường nơi cậu đã được dạy dỗ như thế. Uống xong cà-phê, cậu lấy mu bàn tay quệt miệng, rồi đứng dậy.

- Đợi mẹ một tý, - bà mẹ vội nói – Thôi này, mẹ cho con một khoanh nữa, mỏng thôi nhé.

Hành động của bà mẹ thật khéo léo. Trông bà như đang cắt khoanh bánh mì, nhưng thật ra bà để bánh mì vào trong hộp rồi mang lại cho cậu ta một trong hai khoanh của mình. Bà tin là mình đã đánh lừa được cậu con, nhưng nào ngờ cậu đã nhìn thấy sự đánh tráo của mẹ mình. Dẫu sao, cậu vẫn cầm lấy bánh một cách trơ tráo. Cậu lại lý lẽ rằng do mẹ mình ốm yếu luôn thế nên ăn bánh mì sao được.

Thấy con ăn bánh mì khô, bà mẹ với cái chén của cậu và rót hết chỗ cà-phê của mình sang đây.

- Sáng nay không hiểu sao mẹ không muốn ăn, - bà mẹ giải thích.

Tiếng còi rít lên từ xa, kéo dài hồi lâu làm cho hai mẹ con bật đứng dậy. Bà mẹ kéo khăn quàng quần quanh vai và đội trên đầu một chiếc mũ bản thủ, méo mó và cổ lỗ.

- Mẹ con mình phải chạy mát, - bà mẹ nói, vắn bác đèn và thối tắt đi.

Hai mẹ con mò mẫm đi xuống cầu thang. Trời sáng và lạnh, cơn gió đầu tiên ủa từ ngoài đường vào làm Giôn rùng mình. Các vì sao vẫn còn sáng tỏ trên bầu trời và thành phố vẫn im lìm trong bóng tối. Hai mẹ con Giôn kéo lê chân trên đường phố. Các cơ bắp ở chân cũng không buồn nhấc khỏi mặt đất.

Sau mười lăm phút im lặng, bà mẹ rẽ ngoặt sang bên phải.

- Đừng đến muộn con nhé, - tiếng nhắc nhở lần cuối cùng vọng ra từ bóng tối đang nuốt chửng lấy bà.

Cậu bé không trả lời, vẫn bước tiếp đều đều. Trong khung nhà máy, cửa đã mở khắp nơi và loáng một cái cậu đã hòa vào dòng người đang chen lấn trong bóng tối. Bước vừa tới cổng nhà máy, còi lại hú lần nữa. Cậu bé liếc nhìn về hướng đông, thấy một vệt sáng nhợt nhạt đang trườn trên những nóc nhà nhấp nhô nơi đường chân trời. Cảnh này ngày nào cậu cũng nhìn thấy khi bắt đầu quay lưng lại và hoà vào dòng người đi làm.

Cậu đứng vào chỗ làm việc trong những dãy dài các máy. Phía trước, trên một cái thùng đựng đầy những ống chỉ nhỏ, là những suốt chỉ to đang quay tít. Công việc cậu phải làm là xe sợi đay từ những suốt chỉ nhỏ. Động tác cũng đơn giản, chỉ cần mau lẹ mà thôi. Những cuộn suốt nhỏ được cuộn đi rất nhanh vào những suốt chỉ to, nên chân tay không được ngơi một lúc nào.

Cậu làm rầm rập như máy. Khi có cuộn suốt nhỏ nào hết sợi, cậu dùng bàn tay trái hãm máy, ống suốt to dừng lại, cùng lúc ấy ngón tay cái và trở nắm đầu sợi dây xe đang xoắn ra. Đồng thời bàn tay phải nắm lấy đầu sợi xe rời của suốt chỉ nhỏ. Những động tác khác nhau này được hai tay thực hiện cùng một lúc và nhanh nhẹn. Hai bàn tay của cậu thoăn thoắt vung lên nối sợi và thả suốt chỉ ra. Nối sợi không có gì khó. Có lần cậu còn khoe là mình có thể vừa ngủ, vừa nối được sợi. Nên cũng vì lý do đó mà đôi lúc cậu đã làm quần quật một công việc kéo dài hàng thế kỷ ấy trong một đêm, liên tiếp nối vô vàn những nút chỉ.

Có một số cậu bé bỏ việc, lãng phí thời gian và để máy nghỉ vô ích do đã không thay những suốt chỉ nhỏ khi chúng hết sợi. Tuy vậy, luôn có một đốc công theo dõi ngăn chặn. Hắn nắm lấy tay một cậu bé đứng cạnh máy với Giôn vì bắt quả tang cái trò bịp bợm đó, và bạt tai cậu ta.

- Hãy trông thẳng Giôn đây này. Sao mày không làm việc được như nó hả? – Tên đốc công giận dữ nói.

Các suốt chỉ của máy Giôn chạy hết tốc độ nhưng trước lời khen gián tiếp đó, cậu cũng không tỏ ra vui sướng. Cũng có một lần... nhưng đã từ lâu lắm rồi. Bộ mặt lãnh đạm của cậu ngậy ra khi thấy người ta nêu gương mình. Cậu là một công nhân hoàn hảo. Cậu biết điều đó và cũng đã thường

xuyên nghe người ta nói thế về mình. Đó là lẽ thường tình. Và lại điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì đối với cậu nữa. Từ một công nhân hoàn hảo, cậu sẽ biến thành một cái máy hoàn hảo. Khi công việc bị hỏng do vật liệu không tốt, cả cậu và máy đều phải chịu trách nhiệm. Thánh nhân còn có lúc mắc sai lầm nữa là cậu bé. Mà cũng đến lạ, cậu bé chẳng bao giờ thấy rời cái máy. Nó như đã ăn sâu vào con người cậu, nhưng dầu sao chẳng nữa nó cũng nuôi sống cậu.

Cách đây mười hai năm, ngay trong chính phòng máy dệt của nhà máy này đã xảy ra một câu chuyện lý thú. Mẹ của Giôn bị ngã. Họ đặt bà ta nằm duỗi thẳng trên sàn nhà, giữa những chiếc máy đang gầm rú. Một vài chị đứng tuổi đang đứng máy được gọi lại. Tên đốc công giúp cho một tay. Và thế là trong dăm ba phút, một linh hồn đã nghiễm nhiên xuất hiện trong phân xưởng máy dệt. Đó là cậu bé Giôn, ra đời trong tiếng máy gầm rú đinh tai nhức óc, quện hơi thở đầu tiên của cậu là hơi nóng ngọt ngào ảm thấp vương đầy những bụi sợi bay. Chính ngày đầu tiên đó cậu đã ho vì bụi sợi; và cũng vì lý do đó mà cậu đã bị mắc bệnh ho từ ngày đó.

Cậu bé đứng cạnh Giôn khóc thút thít và khụt khịt mũi. Mặt cậu ta nhăn lại căm phẫn nhìn tên đốc công vẫn còn đứng từ xa hăm dọa: song các suốt chỉ vẫn đang cuộn đầy. Cậu bé hét lên những tiếng chửi tàn bạo vào những suốt chỉ xoay tít trước mặt, nhưng căn phòng như một bức tường ngăn tiếng chửi lại, không vang xa hơn là mấy.

Giôn chẳng để ý. Những việc như thế cậu đã quen cam chịu. Và lại, chúng lặp đi lặp lại đều đều, hơn nữa, sự việc đặc biệt ngày hôm nay cậu cũng đã chứng kiến nhiều lần. Theo cậu, có chống lại tên đốc công thì cũng chỉ vô ích, chẳng khác gì chống lại ý muốn của máy móc. Người ta sản xuất ra máy móc là để cho nó chạy theo ý muốn của nó và làm những nhiệm vụ mà nó phải làm. Cả tên đốc công cũng chẳng khác gì cái máy.

Đến mười một giờ cả phòng máy dệt xôn xao nhốn nháo. Sự náo động trong nháy mắt đã lan ra khắp phòng một cách bí hiểm. Một cậu bé một chân đang làm ở máy đối diện với Giôn vội chạy thẳng đến cái xe thùng đựng suốt để không, lao vào và mất hút trong đó, mang theo cả cái nặng. Viên giám thị của nhà máy đang đi lại, theo sau là một người mặc sang

trọng, áo sơ-mi cổ cò – theo như sự đánh giá của Giôn thì ông ta là một nhà quý phái, một "viên thanh tra".

Ông ta vừa đi vừa nhìn chăm chăm vào các cậu bé. Đôi lúc ông ta dừng lại hỏi chuyện. Mỗi lần như thế, ông ta buộc lòng phải hét to, mặt mũi nhăn nhúm đến buồn cười, để cho các cậu bé nghe thấy mình. Cặp mắt lạnh lợi của ông ta phát hiện ra một chiếc máy không có người làm bên cạnh máy của Giôn, nhưng ông ta không nói gì. Giôn cũng bắt gặp cặp mắt của ông ta, thế là ông ta quay lại, nắm lấy tay Giôn kéo lại một bước. Sau đó ông ta bật lên một tiếng kinh ngạc và thả tay cậu ra.

- Khá gầy, - viên giám thị cười, tỏ ra lo lắng.

- Như ống sậy, - người kia trả lời. – Ông hãy nhìn cẳng chân này xem, cậu ta bị còi xương, nhưng mới chớm thôi, đầu sao cũng đã bị rồi. Cuối cùng mà không mắc chứng động kinh, thì thế nào cũng bị bệnh lao trước mà xem.

Giôn lắng nghe, nhưng không hiểu gì. Hơn nữa cậu đâu có quan tâm đến những bệnh tật phát sinh trong tương lai. Trước mắt có một bệnh hiểm nghèo đang đe dọa cậu dưới hình thức là viên giám thị (thanh tra?).

- Nay cậu bé, ta muốn chú mày nói lên sự thật cho ta nghe đây, - viên giám thị (thanh tra?) nói, ghé sát tai cậu bé mà hét lên cho cậu nghe thấy. – Chú mày mấy tuổi?

- Mười bốn, - Giôn nói dối, lấy hết gân sức căng lồng ngực lên để nói. Cậu ta hét to quá đến nỗi phát ra những tiếng ho khô khốc, làm lay động những sợi bông đã đọng lại trong phổi cậu ta suốt sáng nay.

- Trông ít nhất cũng đến mười sáu tuổi, - viên giám thị nói.

- Hay sáu mươi tuổi, - viên thanh tra ngắt lời.

- Lúc nào trông nó cũng thế đấy.

- Đã bao lâu rồi? – Viên thanh tra hỏi nhanh.

- Bao năm nay vẫn thế. Trông nó chẳng già đi chút nào.

- Có lẽ lại trẻ ra ấy chứ. Chắc nó làm ở đây đã lâu?

- Cũng có lúc đi làm, có lúc nghỉ việc, nhưng đây là trước khi luật mới được thông qua, - viên giám thị nói thêm.

- Máy này nghỉ hả? – Viên thanh tra hỏi, chỉ vào chiếc máy không có người đứng bên cạnh Giôn, với những suốt sợi mới cuộn được một nửa

đang quay cuồng điên loạn.

- Nay, hãy coi này, - viên giám thị gọi tên đốc công lại. Ông ta vừa quát vào tai hắn ta vừa chỉ vào chiếc máy đứng không. – Thừa ông, máy không có ai làm, - ông ta lại báo cáo với viên thanh tra.

Họ đi tiếp, còn Giôn tiếp tục làm việc, thở phào vì đã tránh được cái bệnh ấy. Nhưng cậu bé một chân không may lắm. Viên thanh tra có cặp mắt cú vọ đã phát hiện ra cậu ta cách cái xe thùng suốt chỉ có một sải tay. Mỗi ông ta run lên, và mặt ông ta mang một nét thể hiện thảm họa, giáng xuống kẻ nào thì thật sâu sắc và không thể nào phục hồi được. Tên đốc công nhìn ngớ ngàng cứ như lần đầu tiên hắn mới nhìn thấy thằng bé đó, còn bộ mặt của viên giám thị thì tỏ ra sững sốt và khó chịu.

- Tôi biết thằng bé này, - viên thanh tra nói – Nó mới mười hai tuổi. Trong một năm tôi đã ra lệnh đuổi nó ba lần ra khỏi ba nhà máy. Lần này là lần thứ tư.

Ông ta quay lại phía cậu bé một chân:

- Mi đã hứa với ta, thề sống thề chết là mi phải đi học cơ mà.

Cậu bé òa lên khóc:

- Cháu xin ông thanh tra, hai đứa em cháu đã chết. Nhà cháu nghèo quá.

- Sao mày ho nghe lạ thế? – viên thanh tra hỏi cứ như kết tội nó.

Cậu bé chối phăng, nói:

- Không sao ạ. Cháu vừa bị cảm lạnh tuần trước, thưa ông thanh tra. Không sao đâu ạ.

Cuối cùng, chú bé một chân bước ra khỏi phòng cùng viên thanh tra và viên giám thị, mặt mày lo lắng và bất bình. Tiếp theo đó, công việc đơn điệu lại lặp lại. Buổi sáng dài đằng đẵng, rồi đến buổi chiều dài hơn nữa trôi qua, còi nhà máy rú lên báo hết giờ làm việc. Giôn đi qua cổng nhà máy, ngoài trời đã tối. Đó đây còn tia nắng mặt trời như cái thang màu vàng nổi trái đất với bầu trời, tỏa khắp một hơi ấm dễ chịu, rồi lặn dần và biến mất ở phía tây sau những nóc nhà nhô lên xơ xác nơi chân trời. Trong ngày, bữa ăn tối là bữa ăn có đông đủ mọi người trong gia đình – một bữa ăn Giôn có thể gặp các em của mình. Đối với cậu, điều đó có phần nào mang tính chất gặp gỡ vì cậu đã quá già, còn các em mình lại còn quá trẻ. Cậu không còn

sự kiên nhẫn trước tính hoạt bát quá mức và đến kỳ lạ của chúng. Cậu không hiểu điều đó. Quãng đời thơ ấu của cậu đã lui vào dĩ vãng từ lâu. Cậu như một người đàn ông già và hay bần tính, khó chịu trước sự nhộn nhạo của bọn em mà theo cậu, chúng thật là bọn đại hâm. Cậu im lặng nhìn chăm chú vào thức ăn của mình, trong lòng thấy đôi chút được đền bù vì bọn chúng chẳng bao lâu nữa cũng sẽ phải đi làm. Có thể bọn chúng mới bớt nghịch ngợm đi, điềm đạm và nghiêm túc hơn, như cậu chẳng hạn. Vậy là theo khuôn mẫu của thuật làm người, Giôn tự cho mình là khuôn vàng thước ngọc để cho cả thiên hạ noi theo. Trong bữa ăn, bà mẹ luôn mồm giải thích bằng đủ mọi cách rằng bà đã cố gắng hết sức mình, và thế là bữa ăn đạm bạc đã trôi qua một cách nhẹ nhõm. Giôn đẩy lùi ghế lại và đứng dậy. Cậu đứng càu nhàu một lúc giữa cái giường và cửa ra vào, rồi sau đó bỏ đi. Mới ra đến hiên, cậu đã ngồi xuống, co đầu gối lại và đôi vai hẹp rũ xuống phía trước, hai khuỷu tay chống lên đầu gối và lòng bàn tay đỡ lấy cằm.

Cậu ngồi đó mà tỏ ra không suy nghĩ gì, chỉ ngồi nghỉ thôi. Tâm trí cậu đã ngủ từ lâu rồi, nếu xét về mặt đó mà nói. Mấy đứa em của cậu ủa ra chơi đùa âm ỉ với mấy đứa em quanh cậu. Một bóng đèn điện rọi sáng chỗ bọn trẻ đang chơi đùa. Cậu tỏ ra cáu kỉnh và bọn trẻ cũng biết thế nhưng chúng đánh bạo trêu cậu. Bọn chúng nắm tay nhau và đung đưa trước mặt cậu, rồi cất tiếng hát những câu về khó hiểu, nghe đến bực mình. Lúc đầu cậu còn văng những câu chữ mà cậu học được ở những tên đốc công. Rồi do thấy chữ thề cũng vô ích và chợt nhận ra mình đã là con người chững chạc, nên cậu trở lại im thin thít.

Thằng em Uyn-lơ (Will) sát ngay cậu, vừa mới lên mười, là thằng đầu trò. Giôn chẳng có cảm tình một tí nào với nó. Cậu đã sớm thấy chua xót trước việc phải hy sinh cho Uyn-lơ. Cậu vĩnh viễn có cảm giác là Uyn-lơ nợ cậu một món nợ lớn mà nó lại vô ơn. Trong cái ký ức xa xưa, cậu chỉ nhớ lơ mờ rằng trong khi chơi đùa, phần lớn thời gian cậu dành để trông Uyn-lơ. Lúc đó thằng em cậu còn bé, và cũng như hiện nay, mẹ cậu còn phải đi làm ở nhà máy dệt. Cậu trở thành một phần là người bố bé nhỏ và một phần là người mẹ bé nhỏ.

Trông Uyn-lơ thì biết nó đã từng hưởng sự hy sinh đó. Nó mập mạp, hơi thô, cao bằng anh mình, thậm chí còn nặng hơn là đằng khác, cứ như

dòng máu sống của người này truyền sang người kia. Cả về mặt tinh thần cũng vậy. Giôn thì mệt mỏi, tiêu tụy, không còn sức dẻo dai thì thằng em thì tỏ ra tràn trề sức sống.

Tiếng hát nhạo báng mỗi lúc một to hơn. Uyn-lơ nhảy ngã nghiêng người, luồn thè ra. Giôn giờ tay trái ra tóm lấy cổ thằng em, nắm tay gầy đến thảm hại là thế mà nghe tiếng kêu đau la lối mới biết nó thật là mạnh. Những đứa trẻ kêu hoảng hốt, còn cô em gái Gien-ni (Jennie) của nó chạy thục mạng về nhà.

Cậu đẩy thằng Uyn-lơ ra, đá một cách độc ác vào cẳng chân, rồi với lấy thằng em và đánh nó dúi dụi xuống đất, cho đến lúc mặt mũi thằng em vùng vẫy mãi trong đám bụi nó mới thả ra. Một lát sau bà mẹ chạy đến, mặt tái xanh, hốt hoảng và tức giận.

- Tại sao nó không để con yên! – Giôn trả lời mẹ khi bà quở mắng nó. - Thế nó không thấy là con mệt sao?

- Tao bây giờ lớn bằng mày rồi, - Uyn-lơ tức giận lao vào cánh tay mẹ, mặt nó dính đầy nước mắt, bụi và máu. - Giờ tao lớn bằng mày rồi, mà tao còn lớn hơn nữa cơ. Lúc ấy tao sẽ cho biết tay, tao mà không làm được cứ gọi là...

- Mày cứ phải đi làm đi rồi mới thấy lớn như thế nào, - Giôn vặc lại, - Vấn đề với mày là ở chỗ đó. Mày phải đi làm. Mà mày có phải đi làm hay không là tùy mày*.

- Nhưng em nó còn bé quá, - bà mẹ nói lại. – Nó hãy còn bé nhóc con.

- Lúc con bắt đầu đi làm, con còn bé hơn nó.

Giôn trề môi, ra điều cậu cảm thấy như thế là không công bằng, nhưng rồi lại cụp môi xuống ngay. Cậu buồn thiu quay gót, đi thẳng vào trong nhà và leo lên giường ngủ. Cửa phòng của cậu để ngỏ đón hơi ấm từ dưới bếp phả lên. Trong bóng nửa tối nửa sáng, cậu cởi quần áo và nghe thấy tiếng mẹ mình nói chuyện với bà hàng xóm rẽ vào ngôi nhà chơi. Bà mẹ khóc, ngắt quãng bởi những tiếng xì mũi nghe yếu ớt.

Tôi không hiểu đầu óc thằng Giôn ra sao nữa, - cậu nghe rõ tiếng mẹ mình nói. – Trước đây cháu nó không thế đâu. Nó hiền lành như bụt ấy. - Dẫu sao cháu nó cũng ngoan bà ạ, - bà mẹ vội bênh con. – Cháu làm việc

chăm chỉ, mà thật ra cháu nó đi làm lúc còn bé quá. Nhưng đâu có phải lỗi tại tôi. Xin dám chắc với bà là tôi cũng đã cố gắng hết sức mình rồi.

Tiếng xì mũi cứ tiếp tục mãi không thôi, và cậu bé Giôn lẩm bẩm trong miệng cho đến lúc hai mí mắt nhắm lại:

- Bắt người ta làm việc chăm chỉ để cho mình sướng chứ gì?

Sáng hôm sau còn đang say sưa cậu lại bị mẹ gọi giật dậy. Ăn qua bữa ăn sáng rau dưa xong, cậu lại thất thểu bước qua bóng tối, đến khi cậu xây lưng lại và đến qua cổng nhà máy, ánh sáng nhợt nhạt của ban ngày đã xuất hiện trên những nóc nhà. Lại một ngày nữa trôi qua, và cứ như thế tiếp diễn triền miên, chẳng có ngày nào khác ngày nào.

Dẫu sao cuộc đời của cậu cũng có nhiều vẻ, đó là vào những lúc cậu thay đổi công việc hay lúc ốm đau. Lúc mới lên sáu tuổi, cậu đã là cha, là mẹ bé của thằng em Uyn-lơ và của những đứa em bé hơn. Lên bảy tuổi đi làm ở nhà máy dệt, đánh ống suốt chỉ. Khi lên tám, cậu vào làm ở một nhà máy khác. Công việc mới thật vô cùng dễ làm. Cậu chỉ việc ngồi xuống cầm lấy cái gậy nhỏ và giữ cho cuộn vải dệt tuôn ra từ miệng một cái máy để vải không chạy chệch ra ngoài, mà phải chạy qua chỗ cậu ngồi, theo một cái ống lăn nóng, và cứ thế vải tuôn đều đặn ra chỗ khác. Nhưng cậu lúc nào cũng phải ngồi yên một chỗ, tối như bung mắt, một luồng hơi đốt lóe lên phía trên cậu, vì cậu cũng là một bộ phận của máy.

Cậu rất sung sướng được làm công việc đó dù cho nó có nóng bức, ảm thấp, chẳng qua là vì cậu còn trẻ vẫn còn những mơ mộng hảo huyền. Và khi nhìn thấy những dòng vải dệt tuôn ra khỏi máy dường như vô tận ấy, đã là cả một giấc mơ tuyệt vời. Dẫu sao công việc không được đi lại vận động chân tay, đầu óc lười suy nghĩ, rồi mỗi ngày một ít mơ mộng đi, làm cho óc trở nên trì độn, mệt mỏi. Tuy thế, cậu cũng kiếm được hai đô-la một tuần, mà hai đô-la đủ để nói lên sự khác nhau giữa cái đói rũ người với việc ăn uống thường xuyên bị đói.

Nhưng khi lên chín tuổi, cậu mất việc. Nguyên nhân là do bệnh sởi. Sau khi khỏi bệnh cậu kiếm được việc làm ở nhà máy thủy tinh. Tiền công có hậu hĩnh hơn, nhưng công việc đòi hỏi phải khéo tay thì tiền công càng cao. Đó là sự khuyến khích, và chính có chế độ khuyến khích đó mà cậu đã phát triển thành

một công nhân xuất sắc.

Công việc thật đơn giản, chỉ việc ngồi buộc những nút dây thủy tinh vào những cái chai nhỏ. Cậu cầm một nắm sợi dây ngang lưng. Hai đầu gổ kẹp lấy cái chai để rảnh hai tay làm. Cậu phải ngồi ở tư thế lom khom trên đầu gối, đôi vai hẹp trông rũ xuống và bộ ngực co rúm lại suốt mười tiếng đồng hồ một ngày. Như vậy là không có lợi cho phổi, vậy mà cũng buộc được hơn ba trăm chiếc chai mỗi ngày.

Viên giám thị rất hãnh diện về cậu, và đưa khách đến tham quan. Trong mười tiếng đồng hồ, hơn ba trăm chiếc chai đã qua tay cậu, như vậy trình độ đã đạt mức hoàn hảo của một chiếc máy. Tất cả những động tác thừa đã bị loại trừ. Từng động tác của cánh tay gầy guộc, của từng thớ thịt ở những ngón tay khẳng khiu di chuyển nhanh và chính xác. Do làm việc ở cường độ cao, nên kết quả là cậu trở nên lúc nào cũng hoảng sợ. Đêm đêm, những thớ thịt co giật trong giấc ngủ, ban ngày cậu lại không sao nghỉ ngơi được. Đầu óc luôn luôn căng thẳng và các cơ bắp vẫn cứ tiếp tục co giật. Cậu trở nên xanh xao, và bệnh ho vì bụi sợi mỗi ngày một tồi tệ. Sau đó cả hai lá phổi yếu ớt nằm trong lồng ngực co rúm rỏ bị viêm, thế là cậu mất việc trong nhà máy thủy tinh.

Giờ đây cậu trở lại làm việc trong nhà máy dầy, ban đầu bằng việc cuộn sợi... Là một công nhân giỏi nên cậu có triển vọng được đề bạt. Có thể cậu sẽ chuyển lên đứng máy hồ vải rồi sau đó sẽ đứng máy dệt. Tất cả đòi hỏi một hiệu suất lao động ngày càng tăng.

Máy chạy nhanh hơn ngày đầu cậu mới đi làm mà đầu óc cậu lại chậm hơn máy. Cậu hoàn toàn không còn mơ mộng nữa, dù có những năm mới đi làm chưa chan bao ước mơ đã có lần cậu mang lòng yêu. Đó là vào hôm lần đầu tiên cậu ngồi dẫn guồng vải dệt qua ống cuộn nóng, lại làm cùng với cô con gái viên giám thị. Cô ta hơn cậu nhiều tuổi, có thể gọi là phụ nữ được, mà cậu chỉ nhìn thấy cô ta ở xa vền vền có dăm sáu lần. Song thế đã có sao. Trên mặt vải cuộn cuộn tuôn ra trước mặt, cậu hình dung ra những tương lai rực rỡ, trong đó cậu đã làm nên những chiến tích kỳ diệu bằng lao động cực nhọc, đã sáng chế ra những chiếc máy phi thường, đã giành được chức ông chủ nhà máy, và cuối cùng ôm nàng trong tay và hôn dịu dàng lên đôi lông mày của nàng.

Nhưng chuyện đó đã xảy ra từ lâu, chứ bây giờ đã quá già nua, và sức đâu mà yêu với đương. Vả lại cô ấy đã đi lấy chồng và đi nơi xa rồi, còn tâm hồn cậu cũng đã sao nhãng. Dầu sao đây cũng là thời kỳ tuyệt diệu, và cậu vẫn thường hồi tưởng lại kỷ niệm đó như người ta thường nhớ đến thời kỳ mình hay tin vào câu chuyện thần tiên hay ông già Nô-en, nhưng cậu lại hoàn toàn tin vào tương lai rạng rỡ mà trí tưởng tượng của cậu đã làm nên trên mặt những tấm vải cuộn cuộn tuôn ra từ khung cửi.

Cậu trở thành những con người đỉnh đạc quá sớm trong đời. Lên bảy tuổi, khi nhận được đồng lương đầu tiên, cậu đã bắt đầu tuổi thanh niên. Một cảm giác về sự tự lập lan khắp người, do thế mà mối quan hệ giữa cậu và bà mẹ cũng thay đổi. Tuy nhiên, là lao động chính trong gia đình, đi làm một mình không cần nhờ vả ai, cậu không những ngang hàng mà còn hơn cả mẹ. Tuổi trưởng thành, độ thanh xuân đến với cậu vào lúc mười một tuổi khi đó cậu làm ca đêm trong sáu tháng. Chẳng có đứa trẻ nào đi làm ca đêm mà vẫn còn trẻ con cả.

Trong đời cậu có rất nhiều những sự kiện trọng đại. Một trong những sự kiện đó là vào một hôm bà mẹ mua mấy quả mận khô vùng Ca-li-pho-ni-a. Hai lần kia là khi bà mẹ nấu món sữa trứng. Đó là những sự kiện. Cậu nhớ tới chúng mà trong lòng thấy rạo rực. Và cũng trong thời gian ấy mẹ cậu hay kể cho nghe về một món ăn tràn trề niềm vui mà bà thường nấu, gọi là món "đảo trôi", còn ngon hơn cả món "sữa trứng". Đã bao năm cậu ngóng đợi đến ngày được ngồi ăn món "đảo trôi" cho đến khi rút cuộc cậu đành để nó rơi vào quên lãng cùng với những lý tưởng xa vời.

Có một lần cậu nhặt được một đồng 25 xu trên vỉa hè. Đó là một sự kiện trọng đại trong đời cậu, đồng thời cũng là một sự kiện bi đát. Cậu có ý thức được nhiệm vụ của mình ngay khi đồng xu đó lóc lên trước mắt, thậm chí trước khi cậu nhặt nó lên. Thường ở nhà chẳng bao giờ được ăn đủ, đáng lẽ cậu phải mang về nhà như vẫn thường mang lương vào tối thứ bảy. Một cử chỉ đúng đắn lúc này là hiển nhiên, nhưng chưa bao giờ cậu được tiêu tiền, mà cậu lại thèm ăn kẹo đến chết được. Cậu thèm kẹo, nhưng lại chỉ đến những ngày lễ mới được nếm.

Cậu không muốn lừa mình. Cậu biết làm thế là có tội, rồi cố tình phạm tội vì quá bị cám dỗ bởi cái kẹo mười lăm xu. Còn mười xu để dành đến lần

liên hoan khác; thế rồi do không quen giữ tiền, nên cậu đánh mất mười xu. Điều đó xảy ra vào lúc lương tâm cậu bị dày vò đau đớn, và theo cậu, đây là đòn trừng phạt của Chúa. Cậu cảm thấy sợ hãi trước hình ảnh Chúa oai nghiêm và giận dữ. Chúa nhìn thấy, thế nào Chúa cũng trừng phạt ngay, không cho cậu một đồng lương tội lỗi nào nữa.

Trong ký ức, cậu luôn nhớ đến sự kiện đó, coi đây là một hành động tội ác lớn trong đời mình, và cứ nhớ đến nó là lương tâm lại bưng tỉnh và cắn rứt. Đó là vết nhơ trong đời. Cũng do được hư cấu trong tình huống đặc biệt nên cứ nhớ lại hành động đó, cậu lại thấy hối tiếc. Cậu không thấy thỏa mãn với cung cách xử lý việc tiêu số tiền đó. Đáng ra cậu tiêu toàn bộ số tiền đó một lúc. Nhớ lại, cậu cứ thấy mình tiêu đồng xu đó hàng nghìn lần, và mỗi lần tiêu một cách có lợi hơn.

Còn một kỷ niệm nữa về thời quá khứ, không rõ và đã phai nhòa, nhưng nó khắc sâu vào tâm hồn cậu không bao giờ quên được. Đó là đôi bàn chân tàn bạo của ông bố. Nó là cơn ác mộng hơn là một hình ảnh ghi nhớ về một điều cụ thể, một kỷ niệm thoáng qua về con người làm cho cậu rơi vào giấc ngủ và trở về với tổ tiên ở trên cây của mình.

Kỷ niệm đặc biệt này không bao giờ đến với Giôn vào lúc ban ngày, vào lúc cậu còn tỉnh như sáo. Nó đến vào ban đêm lúc đã lên giường, vào lúc ý thức của cậu đã đắm chìm trong giấc ngủ. Nó luôn làm cho cậu hoảng hốt, mắt ráo hoảnh, rồi trong giây lát cảm giác ớn lạnh ban đầu khi thấy mình nằm thẳng cẳng, giang tay chân ra như cây thập tự ở cuối chân giường. Trên giường là những hình thái lờ mờ của bố mẹ cậu. Chưa bao giờ cậu được thấy hình dáng người bố ra sao. Cậu chỉ có một ấn tượng là ông có đôi bàn chân man rợ và tàn bạo.

Những kỷ niệm thời thơ ấu còn băng láng quanh cậu chứ những kỷ niệm về sau này thì cậu đâu có. Ngày tháng giống hệt nhau. Hôm qua hay năm ngoái, cũng chẳng khác gì như thiên nhiên vạn đại hay trong giây lát. Chẳng có gì xảy ra. Chẳng có một sự kiện nào để đánh dấu bước tiến của thời gian. Thời gian không tiến bước. Nó đứng yên một chỗ. Chỉ có những chiếc máy quay cuông chuyển động, mà cũng chẳng chuyển động đến chỗ nào cả, dù thực tế là chúng chuyển động rất nhanh.

Khi mười bốn tuổi, cậu đi làm ở bên máy hồ bột. Đó là một sự kiện không lồ. Cuối cùng đã có điều gì đó xảy ra để ghi nhớ vượt ra khỏi giấc ngủ ban ngày hay lĩnh lương hàng tuần, nó đánh dấu một thời đại. Đó là cái máy O-lim-pi-át, một vật để đánh dấu ngày đó. Cậu thường luôn miệng nói "khi tôi đi làm bên máy hồ bột", hay là "sau khi", hoặc "trước khi tôi đi làm bên máy hồ bột".

Cuối năm thứ hai đứng bên máy dệt, cậu dệt được nhiều vải hơn bất cứ một thợ dệt nào, còn đối với những người thợ dệt không khéo tay hơn, cậu dệt được gấp đôi họ. Tại gia đình, cậu ngày càng tỏ ra có tư thế và quyền lực hơn vì mọi thứ bắt đầu sinh sôi nảy nở. Tuy vậy, không phải vì thế mà tiền cậu kiếm được đã vượt hơn hẳn nhu cầu. Bọn em ngày càng lớn hơn, nên chúng ăn khoẻ hơn. Hơn nữa, chúng còn được đi học, mà sách học lại đắt tiền. Ấy thế mà cậu càng làm việc bao nhiêu, giá cả lại càng tăng bấy nhiêu. Thậm chí tiền thuê nhà cũng tăng vọt, mặc dù nhà cửa mỗi ngày một tồi tàn hơn.

Cậu cao hơn, nhưng càng cao, trông lại càng lêu đêu, càng gầy hơn. Cậu cũng càng hoảng sợ hơn, cho nên lại càng hay cáu gắt. Bọn đàn em đã học được nhiều bài học cay đắng nên đều tránh xa cậu. Bà mẹ tôn trọng cậu vì quyền lực ngày càng nằm trong tay cậu, nhưng không hiểu sao sự tôn trọng đó vẫn đượm chút sợ hãi.

Cuộc đời cậu không có lấy chút vui thú. Cậu không bao giờ được nhìn thấy diễn biến của ban ngày. Ban đêm cậu ngủ trong những giấc mơ hoảng loạn. Thời gian còn lại cậu làm việc và ý thức của cậu là ý thức của một cái máy. Ngoài cái đó ra, đầu óc cậu trống rỗng. Cậu không có lý tưởng, mà chỉ có một ảo tưởng; đó là việc cậu được uống món cà-phê thượng hảo hạng. Cậu là một con vật biết làm việc. dù gì chẳng nữa, cậu vẫn không có cuộc sống tinh thần; vậy mà sâu thẳm trong nỗi u uất của tâm hồn, mà cậu có biết, công việc nặng nhọc từng giờ, từng sự chuyển động của đôi tay, từng cơn co giật của cơ bắp cho quá trình hoạt động trong tương lai chắc sẽ làm cho cậu và cả cái thế giới nhỏ bé kinh ngạc, vẫn đang được tiến hành.

Đó là vào đêm cuối xuân cậu đi làm về, không hay biết rằng mình đã mệt rũ người. Lúc ngồi xuống bàn, có một cái gì đó sắp xảy đến với cậu hãy còn lơ lửng trên trời, nhưng cậu không hề biết. Cậu ngồi ăn, suốt bữa im

lặng buồn rầu. Ăn những gì bày ra trước mắt như một cái máy. Bọn em hắng giọng rồi làm những tiếng động lộp bộp trong miệng, nhưng cậu như bị điếc chẳng nghe thấy gì.

- Con có biết con đang ăn gì không? – Bà mẹ đã hỏi vậy một cách tuyệt vọng.

Cậu nhìn trừng trừng vào món ăn ở trước mặt, rồi lại lơ đãng nhìn bà mẹ.

- Món đảo trôi đây con ạ, - bà mẹ thông báo một cách đắc thắng.

-Ồ, thế hả mẹ? – Cậu hỏi.

- Đảo trôi! - Bọn em đồng thanh nói to.

- Ôi chao! – Cậu nói.

Ăn độ đôi ba miếng nữa, cậu nói thêm:

- Tối nay con không đói.

Cậu thả cái thìa xuống, đẩy ghế ra sau và uể oải đứng lên khỏi bàn:

- Con phải đi nằm đây.

Hai chân cậu lê nghe nặng nề hơn mọi ngày qua sân nhà bếp. Cởi quần áo mà nặng nhọc như vác búa tạ, một việc làm hoàn toàn vô ích. Cậu trườn người vào giường, miệng khò khè thút thít, một bên chân vẫn để nguyên giày. Cậu nhận ra một cái gì đó đang sưng lên trong đầu làm cho trí óc cậu mơ mơ màng màng, nặng chình chịch. Ngón tay gầy như to ra bằng cả cổ tay, còn ở đầu ngón tay như xa vời, lờ mờ như đầu óc cậu vậy. Cái lưng nhỏ bé đau dữ dội. Tất cả các khớp xương đau dần. Toàn thân nhức nhối. Còn trong đầu vang lên luôn vằn tiếng máy dẹt nghe găm thét đỉnh tai nhức óc. Khắp nơi thoi bay chi chít, phóng vun vút rối loạn giữa những vì sao. Bản thân cậu đã đứng hàng nghìn máy dẹt, và chúng tăng tốc độ, mỗi lúc một nhanh để cuộn đầy hàng nghìn cái thoi đang lao như bay kia.

Sáng hôm sau cậu không đi làm. Cậu còn bận dẹt hàng nghìn cái máy dẹt đang chạy trong đầu. Bà mẹ đi làm, nhưng trước khi đi, bà mời bác sĩ. Bác sĩ nói cậu bị cúm nặng. Gien-ni đóng vai y tá và làm theo mọi chỉ dẫn của bác sĩ.

Bị cúm nặng nên sau một tuần cậu mới mặc quần áo và loạng choạng đi qua phòng. Bác sĩ bảo phải mất một tuần nữa cậu mới có thể đi làm được. Tên đốc công của phòng máy dẹt đến thăm cậu vào chiều chủ nhật,

ngày đầu tiên cậu hồi phục. Hắn ta nói chuyện với bà mẹ rằng cậu là một thợ dệt giỏi nhất. Công việc vẫn để dành cho cậu nên cứ nghỉ nốt một tuần nữa kể từ thứ hai rồi đi làm cũng được.

- Sao con không cảm ơn ông đây, con? – Mẹ cậu bắn khoản hỏi con. – Cháu hãy còn yếu quá nên không nói được như thế. – Bà trình bày với khách, tỏ ý xin lỗi.

Giôn ngồi co ro nhìn chăm chăm xuống sàn nhà. Tên đốc công đã ra về từ lâu mà cậu vẫn ngồi yên như vậy. Bên ngoài trời âm áp, đến chiều cậu lại ngồi ngoài hiên, chốc chốc môi lại mấp máy, cứ như cậu đang đắm mình trong những tính toán miên man.

Sáng hôm sau, khi trời đã trở nên âm áp, cậu lại ra ngồi ngoài hiên. Lần này cậu mang theo một cái bút chì và một mẫu giấy để tiếp tục tính toán. Cậu tính một cách vất vả và đến là kinh ngạc.

- Sau một triệu là đến bao nhiêu nhỉ? – Cậu ta hỏi Uyn-lơ khi cậu em đi học trưa về. - Làm thế nào mà tính được hả?

Chiều hôm đó cậu kết thúc công việc tính toán. Ngày ngày cậu trở lại mái hiên mà không mang bút chì và giấy. Cậu say sưa ngắm nhìn cái cây mọc bên đường. Mới đầu ngồi ngắm như thế hàng giờ, và khi gió lay động cành cây làm cho lá cây kêu xào xạc, là lúc cậu thích thú vô cùng. Suốt cả tuần cậu hầu như chỉ sống với mình. Vào ngày chủ nhật ngồi trên hiên nhà, cậu nhiều lần cười lớn, làm bà mẹ thấy sợ, vì đã bao năm nay bà có thấy con trai mình cười đâu.

Sáng hôm sau, trời hãy còn nhá nhem tối, bà mẹ đã vào giường đánh thức cậu dậy. Cả một tuần cậu được ngủ no say nên cậu tỉnh ngủ ngay. Cậu không vùng vằng gì, cũng không giữ lấy cái chăn bà mẹ kéo ra khỏi người cậu. Cậu nằm im lặng, và nói khẽ:

- Vô ích thôi, mẹ ạ.
- Muộn mất con ạ, - bà mẹ nói, tưởng con mình hãy còn ngái ngủ.
- Con thức đấy mà, mẹ ạ, mà con đã bảo với mẹ là con làm thế cũng vô ích thôi. Mẹ cứ mặc con thì hơn. Con không dậy được đâu.
- Nhưng con sẽ mất việc! – Bà mẹ kêu lên.
- Con không dậy được, - cậu nhắc lại bằng một giọng kỳ lạ, nghe đuối sức.

Bà mẹ không đi làm sáng hôm đó. Bệnh này là bệnh vượt ra khỏi kiến thức của bà, chưa từng thấy bao giờ. sốt và mê sảng là những bệnh bà có thể hiểu được, nhưng đây là bệnh điên. Bà mẹ kéo chăn đắp cho con và bảo Gien-ni đi gọi bác sĩ.

Khi bác sĩ đến, Giôn đang ngủ yên lành, rồi cậu khẽ tỉnh giấc, đưa tay cho bác sĩ bắt mạch.

- Cháu không sao cả đâu, - bác sĩ nói. - Bị suy nhược nghiêm trọng thôi. Người gầy đét như thế này mà.

- Tạm người cháu nó như thế đấy, bác sĩ ạ. – Bà mẹ buột miệng nói.

- Thôi đi, để cho con ngủ nào. – Giôn nói dịu dàng và bình thản, rồi cậu nhẹ nhàng xoay nghiêng người nằm ngủ.

Đến mười giờ, cậu tỉnh giấc và mặc quần áo. Cậu đi vào nhà bếp, thấy mẹ cậu đứng đó mặt hoảng sợ.

- Con đi đây, mẹ ạ, - cậu tuyên bố. – Thôi tạm biệt mẹ nhé.

Bà mẹ quàng cái khăn tạp dề trùm đầu, ngồi phịch xuống khóc. Cậu đứng đợi, người trông yếu ớt.

- Mẹ cũng đoán ra điều đó, - bà khóc nức nở.

- Nhưng đi đâu cơ con? - Cuối cùng bà hỏi, cời tạp dề ở trên đầu ra và nhìn chằm chằm vào cậu ta với bộ mặt đau khổ, không có gì tỏ ra là tò mò.

- Con cũng không biết nữa, đi bất cứ đâu.

Lúc cậu nói, cái cây bên kia đường sáng rực rỡ trong trí tưởng tượng thảm kín, như bóng lảng dưới mi mắt, rồi cậu có thể nhìn thấy nó bất kỳ ở đâu tùy ý mình muốn.

- Thế còn công việc của con thì sao? - Bà mẹ run run hỏi.

- Con sẽ không bao giờ đi làm nữa.

- Ôi, lạy chúa, Giôn, con! – Bà rên rỉ.- Đừng nói thế, con.

Những điều cậu nói nghe mới báng bổ làm sao. Là một người mẹ, khi nghe thấy con mình lảng mạ chúa, bà đã xúc động:

- Đầu óc con làm sao thế, con? – Bà mẹ hỏi, cổ tỏ ra như một mệnh lệnh.

- Những con số, - cậu trả lời. – Đúng, những con số. Tuần qua con làm rất nhiều những con tính, và đến là kinh ngạc.

- Thế những con số đó có liên quan gì đến điều đó? – Bà mẹ khụt khịt mũi.

Giôn mỉm cười một cách bệnh tật, còn bà mẹ xúc động khi nhận thấy rất rõ là con mình không còn tỏ ra cáu kỉnh, bẳn tính nữa.

- Con sẽ chỉ cho mẹ xem. Con mệt mỏi lắm rồi. Cái gì làm cho con mệt mỏi hả mẹ? Những chuyển động! Con chuyển động ngay từ khi con mới lọt lòng. Con chán cái chuyện chuyển động lắm rồi, nên con sẽ không chuyển động nữa. Mẹ có nhớ thời kỳ con làm ở nhà máy thủy tinh không? Một ngày con thường làm được ba trăm chiếc chai. Giờ con mới nhận ra mỗi chai con làm mất mười động tác. Một tháng mất một triệu tám mươi nghìn động tác. Cứ bỏ bằng đi 80.000 động tác, - cậu nói giọng có vẻ thỏa mãn, thương người. - Cứ trừ đi 80.000 động tác, như vậy là chỉ còn một triệu động tác trong một tháng, mười hai triệu động tác trong một năm.

Đứng bên những chiếc máy dệt, con chuyển động nhanh gấp đôi thế. Như vậy phải là 25 triệu động tác một năm, và con thấy như mình chuyển động theo kiểu đó hàng triệu năm.

Suốt tuần này con hoàn toàn không chuyển động được nữa. Con phải nằm lý không sao cử động được, mẹ ạ. Nó sung ở đây này, không làm ăn gì được nữa rồi. Đòi con chưa bao giờ có một chút rỗi rãi. Con phải luôn chân luôn tay. Còn đâu thời gian mà sung với sướng cơ chứ. Con không làm việc được nữa. Chỉ việc ngồi mà nghỉ, nghỉ thêm nữa, nghỉ mãi, mẹ ạ.

- Thế còn em Uyn-lơ và các em khác của con thì sao đây? – Bà mẹ hỏi đầy tuyệt vọng.

- Thế đấy, Uyn-lơ và các em nữa, - cậu nhắc lại.

Nhưng trong giọng của cậu không pha chút cay đắng. Đã từ lâu cậu hiểu được khát vọng của mẹ đối với thằng em trai, nhưng suy nghĩ đó không còn làm day dứt lòng cậu. Chẳng có gì hệ trọng nữa, hoàn toàn không có gì, ngay cả chuyện đó.

- Con biết mẹ ạ, con biết mẹ dự định cho Uyn-lơ làm nghề gì rồi, mẹ định cho nó học tiếp để làm kế toán. Nhưng vô ích thôi mẹ ạ, con đã thôi việc rồi. Nó phải đi làm thôi.

- Công lao mẹ nuôi nấng dạy dỗ con thế là hết.- bà mẹ khóc, lại lấy cái tạp dề che đầu.

- Mẹ nuôi nấng gì con nào? - câu trả lời đượm buồn- con đã tự nuôi con và nuôi cả thằng Uyn-lơ nữa. Nó to lớn hơn, béo tốt hơn con, cao hơn con. Khi con là một thằng bé, con chẳng bao giờ được ăn no. Khi nó là một thằng bé, con đi kiếm ăn nuôi nó. Nhưng thôi thế là chấm dứt. Cũng như con, Uyn-lơ có thể đi làm được rồi, bằng không, mặc xác nó, con không cần biết. Con mệt lắm. Con đi đây. Thế mẹ không có ý định chào tạm biệt con sao?

Bà mẹ không trả lời. Chiếc tạp dề đã trùm lấy đầu bà. Bà đang khóc. Cậu dừng lại một lát bên lối cửa.

- Mẹ đã làm hết sức mình rồi còn gì... - Bà mẹ khóc thôn thức.

Cậu đi qua nhà và xuôi xuống phố. Một niềm vui loé lên yếu ớt trên khuôn mặt cậu khi nhìn thấy cái cây lẻ loi đơn chiếc đó.

"Đúng, mình không làm gì nữa", cậu tự nhủ, khẻ khàng như ngâm nga. Cậu nhìn đăm chiêu lên bầu trời, những tia nắng rực rỡ loé lên làm hoa mắt.

Cậu đi một đoạn đường dài, đứng đĩnh bước. Cậu đi qua nhà máy dệt đay. Tiếng máy dệt nghe như nghẹt cổ vọng đến tai làm cậu mỉm cười. Đó là nụ cười hiền lành. Cậu không căm ghét một ai, thậm chí cả những tiếng máy chát chúa kia. Trong lòng cậu không vương lại một chút cay đắng, không gì cả, trừ lòng khao khát thiết tha được nghỉ ngơi.

Nhà cửa và nhà máy nhòa dần, và khoảng trống mênh mông trải ra khi cậu đi về miền quê. Cuối cùng thành phố đã ở lại phía sau, còn cậu đang đi xuống một con đường làng phủ đầy lá cây bên cạnh con đường sắt. Cậu không bước đi bình thường, con người cậu trông cũng không bình thường, lê lét như một con đười ươi ốm yếu, hai tay thông xuống, hai vai xò vào, ngực lép trông đến kỳ quái và đáng sợ.

Cậu đi qua một ga xe lửa nhỏ, ngồi xuống một bãi cỏ dưới gốc cây. Cậu nằm ở đó suốt cả buổi chiều. Đôi lúc cũng chớp mắt được một tý, tay cậu cứ giật thon thót. Tỉnh dậy, cậu nằm đấy, bất động, nhìn chim muông hay nhìn bầu trời qua kẽ lá cành cây. Đôi lúc cậu cười lớn, nhưng không phải cười vì cái cậu nhìn hay cảm thấy.

Khi bóng hoàng hôn đổ xuống trong đêm đầu tiên** một con tàu hàng xinh xịch vào ga. Khi đầu máy chuyển các toa vào con đường nhánh, Giôn bò dọc theo con tàu. Cậu đẩy được chiếc cửa của toa chở súc vật bỏ không,

lúng túng và vất vả mới leo được lên. Cậu đóng cửa lại. Còi tàu húyt vang. Giôn đang nằm, nhắm miêng cười trong bóng tối.

* *Chỗ này dịch sai ý. Nguyên văn là "tùy mẹ mày" (chú thích của người đánh máy).*

** *Dịch tối nghĩa. Nguyên văn là "trong bóng tối đầu tiên (bóng tối vừa buông xuống) của đêm" (in the first darkness of the night)- chú thích của người đánh máy.*

9) Kể vô tín ngưỡng

Dịch giả: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang

Nguyên tác: The Heathen

Lần đầu tiên tôi gặp hấn trong một trận bão và mặc dầu cùng nhau trải qua trận bão đó trên một chiếc thuyền buồm, mãi tới lúc chiếc thuyền ấy bị vỡ tan ra từng mảnh vụn tôi mới chú ý tới hấn. Tất nhiên tôi có trông thấy hấn cùng với đoàn thủy thủ người Kanaka trên thuyền; nhưng lúc ấy tôi không lưu tâm tới hấn vì chiếc *Petite Jeanne* chở quá đông người. Ngoài số tám hay mười thủy thủ người Kanaka, viên thuyền trưởng người da trắng, viên phó thuyền trưởng và người quản lý hoá vật cùng sáu hành khách hạng nhất, chiếc *Petite Jeanne* còn lấy thêm tại Rangiroa chừng 85 hành khách chở trên boong - toàn dân bản xứ Paumotus và Tahiti: đàn ông, đàn bà, lẫn trẻ con. Người nào cũng mang theo một cái rương đồ nghề, đó là chưa kể những bọc mùng màn, chăn chiếu và quần áo của họ.

Mùa mò ngọc trai ở Paumotus đã hết, và mọi người đều trở về Tahiti. Sáu hành khách hạng nhất chúng tôi đều là dân buôn ngọc trai cả. Có hai người Mỹ, một người Trung Hoa trắng nhất tôi chưa từng gặp tên là Ah Choon, một người Đức, một người Do Thái Ba lan, và cả tôi là vừa chẵn nửa tá.

Mùa này thật là toàn hảo. Không một ai trong chúng tôi có điều chi phàn nàn, cả 85 hành khách trên boong cũng vậy. Ai ai cũng đều kiếm được khá và mọi người đều mong được về nghỉ ngơi thoả thích tại Papeete.

Tất nhiên chiếc *Petite Jeanne* đã chở quá nặng. Trọng tải của nó chỉ có 70 tấn, và nó không được phép chở tới một phần mười số người trên boong. Dưới hầm thuyền chất chứa đầy vỏ trai và dừa khô. Ngay trong phòng máy cũng nhét đầy vỏ trai. Thế mà thủy thủ vẫn còn có chỗ làm việc được, kể cũng là một phép lạ. Ở trên boong, không còn cách nào đi lại được. Mọi người chỉ qua lại bằng cách trèo men theo các lan can.

Ban đêm, họ dẫm lên cả những người nằm ngủ chồng chất lên nhau khắp boong tàu như một tấm thảm. Tôi xin thề là tôi nói đúng sự thực. Chao

ôi, lại có cả gà, vịt, heo, và những túi khoai mỡ, còn chỗ nào thừa có thể gọi là trống thì lại treo đầy những xâu dừa và những buồng chuối. Ở hai bên sườn, khoảng giữa các dây cột buồm có nhiều sào gác ngang, vừa đủ thấp để chiếc cần mắc buồm xoay trở không bị vướng víu thôi. Và cứ mỗi sào lại có treo lủng lẳng ít nhất là 50 buồng chuối.

Quang cảnh hứa hẹn một cuộc hành trình vô trật tự, dù chỉ trong hai ba ngày nếu gió đông nam thổi đều. Nhưng nào gió có thuận gì đâu. Sau năm giờ đồng hồ đầu tiên, gió yếu dần phụt lên chừng chục bận rồi lặng hẳn. Thế rồi biển lặng suốt đêm đó và sang tới ngày hôm sau, mặt biển phẳng lặng như một tấm kính và phản chiếu ánh nắng chói loà, chỉ mới nghĩ đến hé mắt nhìn cũng đủ phát nhức đầu.

Sang ngày thứ nhì có một người chết - một dân bản xứ đảo Phục Sinh - một trong những thợ lặn giỏi nhất mùa đó trong vùng san hô. Người ấy mắc bệnh đậu mùa, đích thị vậy; mà đậu mùa làm sao lại có thể lan lên thuyền này được khi mà không có một trường hợp nào xảy ra ở Rangiroa lúc thuyền rời bến; đó quả là chuyện ngoài sức hiểu biết của tôi. Vậy mà nay bệnh đậu mùa đã phát sinh, đã có một người chết, và thêm ba người nữa đang nằm liệt.

Không có thể làm gì được. Chúng tôi không thể tách những người đau ốm ra một nơi riêng, mà cũng không thể chữa chạy cho họ. Chúng tôi chen chúc nhau như cá hộp. Không thể làm gì được hơn là cứ đợi thôi lên rồi chết cả nút - nghĩa là chúng tôi đành bó tay ngay sau đêm có người chết đầu tiên. Đêm hôm ấy, viên phó thuyền trưởng, người quản lý hàng hoá, người Do Thái Ba Lan và bốn người thợ lặn bản xứ lên trốn bằng chiếc xuồng đánh cá voi lớn. Sau đó, chúng tôi không bao giờ nghe nói đến họ nữa. Đến sáng, vị thuyền trưởng vội ra lệnh đục thủng hết những chiếc xuồng còn lại, thế là chúng tôi đành phó mặc may rủi.

Hôm ấy có hai người chết, hôm sau có 3 người, rồi 8 người, cách xử trí của chúng tôi trong hoàn cảnh này kể cũng khá lạ kỳ. Những thổ dân chẳng hạn lo sợ quá thành ra lì. Vị thuyền trưởng người Pháp tên là Oudouse, trở nên nóng như lửa, hay la hét. Ông ta đã sinh ra cách chúng giật gân. Chẳng bao lâu, thân hình to lớn mập mạp, cân nặng ít ra tới 200 bảng (ngót 100 ký) của ông biến thành một khối mỡ run rẩy kỳ lạ.

Người Đức, hai người Mỹ và tôi liền mua hết số rượu ulyt-ki trên thuyền và bảo nhau uống cho say. Lý luận của chúng tôi là cứ nốc đầy rượu như vậy thì tất cả mầm mống đậu mùa nào lây sang chúng tôi cũng sẽ bị đốt cháy thiêu thành than. Vậy mà chúng tôi thành công đấy; nhưng tôi cũng phải thú nhận rằng cả thuyền trưởng Oudouse lẫn Ah Choon, chẳng người nào bị nhiễm bệnh cả. Vị thuyền trưởng người Pháp không uống chút rượu nào, còn Ah Choon nhất định giới hạn là mỗi ngày chỉ uống một ly thôi.

Thời tiết khá đẹp. Mặt trời đi nghiêng về hướng Bắc, đang đứng bóng ngay trên đỉnh đầu chúng tôi. Gió không thổi đều, mà chỉ thổi từng cơn dữ dội trong khoảng từ năm phút tới nửa giờ, kéo theo một trận mưa trút nước xuống chúng tôi. Sau mỗi cơn như vậy, mặt trời lại hiện ra nóng bỏng làm cho boong tàu ướt đầm lại bốc hơi ngùn ngụt.

Hơi đó thật chẳng thích thú chút nào cả. Đó là hơi của tử thần mang theo hàng triệu mầm bệnh. Chúng tôi luôn luôn uống thêm một ly mỗi khi trông thấy làn hơi đó bốc lên từ những thây người chết hay những người đang hấp hối, và thường khi chúng tôi lại uống thêm hai ba ly là khác và pha thật mạnh. Chúng tôi còn đặt một lệ nữa là uống thêm vài ly mỗi khi họ xô một thây ma xuống biển làm mồi cho đàn cá mập đang quần quanh thuyền.

Qua được một tuần như thế, chúng tôi hết rượu. Cũng vừa hay, vì nếu không, tôi đã chẳng sống đến nay. Phải tỉnh táo, một người mới có thể qua được các biến cố tiếp theo đó, và các bạn sẽ đồng ý với tôi khi tôi nói là chỉ có được hai người đã qua khỏi được cơn tai biến ấy. Người thứ hai là kẻ vô thần - ít ra tôi cũng đã được nghe thuyền trưởng Oudouse mệnh danh hẳn như thế khi tôi mới chợt để ý đến hắn. Nhưng thôi, bây giờ tôi xin kể tiếp câu chuyện đó đã.

Hôm đó là ngày cuối tuần, rượu ulyt-ki đã cạn mà bọn buôn ngọc trai chúng tôi đã tỉnh rượu. Tôi chợt nhìn lên chiếc phong vũ biểu treo ở lối đi vào ca bin. Thường thường ở Panmotus nó chỉ 29°90; và vẫn lên xuống giữa khoảng 20°85 và 30°00 hoặc 30°05. Nhưng hôm đó tôi thấy nó sụt xuống tới 29°062. Điều đó đủ làm kẻ buôn hạt trai say sưa nhất đã giết vì trùng đậu mùa bằng rượu ulyt-ki phải tỉnh lại.

Tôi chỉ cho thuyền trưởng Oudouse coi, nhưng ông ta cho biết là vẫn theo dõi nó sụt xuống từ mây giờ đồng hồ rồi. Chẳng có thể làm gì để đối phó với sự việc đó, nhưng thuyền trưởng đã cố gắng rất nhiều. Ông ta cho gỡ các cánh buồm nhẹ, hạ nó thấp hẳn xuống thành những vải che bão, căng giây cấp cứu, rồi đợi gió đến. Cái lỗi lầm của ông là việc đó ông đã thi hành sau khi gió nổi lên. Ông cho thuyền ngừng lại khi buồm hạ xuống ở phía trái, một biện pháp thích ứng khi thuyền ở phía dưới đường xích đạo nếu - đây mới là điều rắc rối - nếu ta không ở vào hướng đi trực tiếp của trận bão biển.

Nhưng chúng tôi lại đang ở ngay đúng hướng bão. Tôi biết thế vì nhận thấy gió thổi dữ dội đều đều và chiếc phong vũ biểu cứ sụt xuống đều đều. Tôi muốn bảo ông ta quay thuyền và cho nó chạy theo hướng gió chếch một phần tư hông thuyền về bên tả, cho tới khi phong vũ biểu không còn sụt xuống nữa mới dừng lại. Chúng tôi cãi nhau mãi làm ông ta nổi cơn thịnh nộ điên cuồng, nhưng ông vẫn không chịu nhượng bộ. Cái khổ hơn nữa là tôi không thể làm cho những tay buôn ngọc trai kia hưởng ứng lời đề nghị của tôi. Vì dù sao, tôi là cái gì mà biết về biển cả với cách đi biển rành hơn một viên thuyền trưởng đã tốt nghiệp hàng hoàng, Tôi biết đó là điều họ đang nghĩ trong óc họ.

Tất nhiên sóng biển dâng lên dữ dội theo trận cuồng phong, và tôi không tài nào quên được ba đợt sóng đầu tiên mà chiếc *Petite Jeanne* phải chịu đựng. Nó ngừng hẳn lại như các tàu bè khác khi phải đi ngược chiều gió, và đợt sóng đầu tiên dâng tràn hẳn lên thuyền. Những dây cấp cứu chỉ có ích cho người khỏe mạnh, nhưng lần này chúng cũng chẳng hiệu nghiệm mấy khi đàn bà, con nít, chuỗi dừa, heo và các hành lý cùng những người ốm, người đang hấp hối đã bị sóng đánh dạt đi, xô cả vào nhau thành một khối vừa rên la, vừa kêu khóc.

Đợt sóng thứ hai đánh gãy hết những lan can tàu, quăng chúng nằm bừa bãi trên boong, và khi mạn đuôi tàu chìm xuống, mũi tàu chống ngược lên trời thì tất cả đám người khốn nạn và hành lý của họ đều bị tuôn xuống phía lái. Thật là một trận bão người. Thôi thì người nằm ngược, kẻ nằm xuôi, người nằm nghiêng, lẫn lộn hàng bao nhiêu vòng, xoắn vào nhau lúc nhúc, loi nhoi, và giãy giụa. Thỉnh thoảng có người nắm được cái cột hay

vớ được sợi dây thừng, nhưng sức đẩy của khối người phía sau quá mạnh làm họ phải tuột tay.

Tôi thấy một người nhào đầu ngay vào trụ cột dây buồm bên mạn. Đầu hắn đập ra như một quả trứng. Tôi biết chuyện gì đang sắp xảy tới, nên vội nhảy lên nóc ca bin rồi leo lên cánh buồm lớn. Ah Choon và một người Mỹ định chạy theo tôi, nhưng tôi đã nhảy trước họ một bước. Người Mỹ liền bị lớp sóng người quét về phía đuôi và trôi ra khỏi tàu như một cọng rơm. Ah Choon vớ được một cái tay quay của bánh lái và nấp sau đó. Nhưng một người đàn bà to béo - ít ra mục ta cũng phải cân nặng tới hai trăm năm mươi bảng (hơn trăm ký), lăn xuống đúng vào người hắn rồi ôm ghì cổ hắn. Hắn liền giơ tay kia bám chặt lấy người tài công, và đúng lúc đó, chiếc *Petite Jeanne* chìm nghiêng về bên hữu.

Cái khối người và nước biển lúc này bị xô dồn xuống theo lối đi bên tả giữa chiếc ca bin và bao lon tàu đột nhiên lại đổ tràn về bên hữu mạn. Cả mục đàn bà to béo, Ah Choon, và người tài công đều bị trôi tuột xuống biển; và tôi xin thề là tôi trông thấy Ah Choon nhe răng cười, nhìn tôi với vẻ chịu đựng của một triết gia khi hắn lọt qua bao lon và lăn tùm xuống nước.

Đợt sóng thứ ba - đợt lớn nhất - lại không gây nhiều thiệt hại. Lúc nó ập đến, hầu hết mọi người đã chuẩn bị đề phòng rồi. Trên boong còn khoảng độ mười, mười hai người xấu số, đang thở rốc, nửa bị ngộp nước, nửa bất tỉnh, lăn lộn hoặc bò lết tìm chỗ trốn. Họ bị hất qua mạn thuyền xuống biển cùng với những mảnh vỡ của hai chiếc xuồng còn sót lại. Những người buôn ngọc trai và tôi, trong thời gian giữa các đợt sóng, đã cố gắng đưa được chừng 15 người vừa đàn bà vừa con nít vào trong cabin và đóng ập cửa xuống. Nhưng rốt cuộc, họ cũng chẳng được yên.

Gió? Theo kinh nghiệm, tôi không thể tưởng tượng được gió lại có thể thổi mạnh đến thế. Không có bút nào tả xiết được. Bạn có thể nào tả được một cơn ác mộng không? Tả trận gió này cũng thế. Gió xé nát, và tước hết quần áo trên người chúng tôi. Tôi nói tước hết là rất đúng. Tôi không đòi hỏi các bạn phải tin tôi. Tôi chỉ kể lại những gì tôi đã được mục kích và cảm thấy thôi. Có những lúc chính tôi cũng không tin đó là gió nữa. Nhưng tôi đã trải qua những sự kiện đó, và thế cũng đủ. Người ta không thể chịu

đựng được gió đó mà sóng nổi. Đó là một cái gì kinh khủng và cái kinh khủng nhất là nó cứ tăng mạnh và càng tăng mạnh lên mãi.

Xin các bạn thử hình dung ra hàng triệu triệu tấn cát. Và các bạn lại tưởng tượng luồng cát ấy bay vù đi với tốc độ 90, 100, 120 hải lý một giờ, và còn hơn thế nữa. Rồi các bạn lại thử tưởng tượng chỗ cát ấy vô hình, không sờ thấy được, nhưng vẫn giữ nguyên cái trọng lượng và sức nặng của cát. May ra các bạn sẽ có thể có một ý niệm mơ hồ về trận gió ấy mạnh như thế nào.

Nhưng có lẽ vì gió đó với cát cũng chưa đúng. Xin các bạn hãy thử nghĩ đến bùn, thứ bùn vô hình, không sờ thấy được, nhưng nặng như bùn thật. Hơn thế nữa, bạn thử hình dung sự va chạm của hàng hà sa số bùn đặc như thế. Không, tôi không làm sao tả cho đúng được. Ngôn ngữ chỉ có thể đủ để diễn đạt những trạng thái sinh hoạt thông thường, nhưng không thể diễn đạt bất cứ một tình trạng nào của trận gió vĩ đại kinh khủng ấy. Có lẽ tốt hơn tôi nên cứ giữ ý kiến nguyên thủy là đừng cố tả nó ra làm gì.

Tôi chỉ nói thế này cũng đủ: biển thoát đầu dâng lên cao bây giờ bị gió đè bẹp xuống. Và hình như toàn thể đại dương đã bị trận cuồng phong hút lên và tung ra ngập đầy cả khoảng không gian bên trên, trước đó còn toàn là khí trời.

Tất nhiên, bao nhiêu buồm trên tàu chúng tôi bị cuốn đi mất từ lâu rồi. Nhưng thuyền trưởng Oudouse có mang theo trên chiếc *Petite Jeanne* một vật tôi chưa từng thấy bao giờ trên các thuyền buồm ở vùng Nam Hải: một cái neo. Đó là cái túi vải hình nón, có một đai sắt lớn căng miệng túi ra. Cái túi hay cái neo đó có buộc dây như một cái điều, và lúc thả xuống nước, nó hứng nước vào y như cái điều hứng gió trên không trung vậy, nhưng khác ở chỗ là cái neo nằm ngay dưới mặt nước theo hình thước thợ. Rồi một sợi dây dài buộc nó vào chiếc thuyền. Nhờ đó chiếc *Petite Jeanne* quay đầu thẳng về hướng gió, và đối diện với các luồng sóng to hay nhỏ.

Thực ra, tình hình đáng lẽ được khả quan hơn nếu chúng tôi không đi theo đúng hướng tiến của trận bão. Thật vậy, gió đã thổi bay cả buồm, làm đổ cả cột, long cả bánh lái, nhưng lẽ ra chúng tôi vẫn có thể thoát nạn nếu không nhắm ngay chính hướng mà trung tâm trận bão đang tiến tới. Chúng tôi gặp cảnh tuyệt lộ là vì thế. Tôi điếng người như bị tê liệt vì phải chịu

đựng sức tàn phá quá mạnh của trận gió. Tôi cảm thấy sắp sửa phải hàng phục và sẵn sàng chịu chết lúc chính trung tâm trận bão giáng xuống chúng tôi, nhưng sức giáng này lại do một sự yên lặng tuyệt đối, sự yên lặng hình như báo trước một cảnh kinh khủng. Trời không một hơi gió. Ảnh hưởng của trạng thái này thật hãi hùng.

Xin các bạn nhớ là đã bao nhiêu tiếng đồng hồ qua chúng tôi phải vận dụng sức lực một cách kinh khủng để chống lại áp lực ghê hồn của trận gió. Thế rồi, cái áp lực ấy bỗng nhiên tan biến mất. Tôi nhớ lúc đó có cảm giác như người tôi sắp sửa nổ tung ra từng mảnh vụn mà bay ra tứ phía. Hình như mỗi nguyên tử cấu tạo nên thân hình tôi đang ra sức đẩy lui sự tràn lấn của một nguyên tử khác và sắp sửa phát tung trong không gian. Nhưng trạng thái đó chỉ lâu trong khoảng khắc, rồi sự Tàn Phá vỡ lấy chúng tôi.

Giữa lúc trời không gió và áp lực tự nhiên biến mất, bỗng nhiên biển dâng lên. Nước trào lên, tung lên, phóng thẳng lên tận mây xanh. Xin các bạn nhớ là từ khắp bốn phương tám hướng, cùng những luồng gió phi thường đó thổi dồn về cái trung tâm yên lặng ấy. Kết quả là sóng biển nổi lên tứ tung, không có gió để trấn áp chúng nữa. Các đợt sóng vọt tung lên như những chiếc nút chai nhận chìm dưới đáy thùng nước rồi bùng ra. Các đợt sóng nổi lên hỗn loạn, cuộn cuộn như điên cuồng, tung lên cao ít ra đến ngót ba chục thước, không thể còn gọi là sóng được nữa. Chưa ai từng được mục kích những cây nước cao như vậy.

Đó là những khối nước, những khối nước khổng lồ bị hất tung lên, thế thôi. Hất lên cao ngót ba chục thước! Không phải chỉ ba chục thước đâu! Có khi cao hơn thế, vượt quá cả những ngọn cột buồm. Chúng rít lên âm ầm, như say, như điên, đổ xuống khắp mọi chỗ, và vào nhau đổ ụp lên nhau, hoặc tẽ ra và rơi xuống, như hàng ngàn thác nước cùng dội xuống một lúc. Ở trung tâm trận bão lúc đó, không còn ai tưởng tượng nổi đó là đại dương nữa. Trời, nước, là cả một sự đảo lộn hỗn loạn, một thứ biển ngục nổi cơn cuồng điên giận dữ.

Còn chiếc *Petite Jeanne* ra sao? Tôi không biết nữa. Về sau kẻ vô thần đó có bảo tôi là hẳn cũng không biết nốt. Chiếc thuyền bị vỡ tan ra từng mảnh, xé ra từng miếng, nghiền nát ra như cám, chẻ nhỏ ra như củi nhóm bếp, tóm lại, nó hoàn toàn bị hủy diệt. Khi tỉnh lại, tôi thấy tôi trôi ở dưới

nước, tay chân vẫn cố bơi mặc dầu tôi đã chết đuối tới hai phần ba rồi. Tôi không còn nhớ sao lại trôi tới đó được. Tôi chỉ còn nhớ trông thấy chiếc *Petite Jeanne* tung ra từng mảnh đúng lúc tôi bị ngất đi. Nhưng tôi vẫn còn sống và chẳng biết làm gì hơn là cố bơi, tuy chẳng có mấy hy vọng. Gió lại thổi lên, nhưng sóng đánh nhỏ hơn nhiều và điều hoà hơn, và tôi biết là tôi đã qua khỏi nơi trung tâm bão. May thay quanh đó không có cá mập. Trận bão đã đánh tan tác bầy cá háu đói vẫn vây quanh chiếc thuyền của tử thần và ăn no thịt người chết.

Lúc chiếc thuyền *Petite Jeanne* bị tan tành là vào khoảng giữa trưa, và cũng phải mất tới hai tiếng đồng hồ sau đó tôi mới vớ được một cái nắp hầm tàu. Lúc đó mưa đổ như trút, và cũng may mà trời khiến nắp hầm đó giặt lại gần tôi. Còn một mẩu dây bám vào, sợi dây thừng làm tay nắm, và tôi biết là ít nhất tôi sẽ cầm cự được một ngày nếu đoàn cá không trở lại. Ba tiếng đồng hồ sau, có lẽ lâu hơn thế, trong khi tôi bám chặt lấy cái nắp hầm, nhắm mắt lại để tập trung tinh thần vào công tác hít lấy đủ khí trời cho khỏi chết ngạt, và đồng thời cố tránh nuốt phải quá nhiều nước để không đến nỗi phải chết đuối, bỗng hình như tôi nghe thấy có tiếng người. Mưa đã tạnh, sóng gió đã yên. Cách tôi không đầy sáu thước, có một cái nắp hầm tàu nữa đang trôi, có hai người bám vào nó. Đó là thuyền trưởng Oudouse và kẻ vô thần. Hai người đang tranh nhau tám ván, hay ít ra thuyền trưởng cũng đang cố tranh lấy tám ván ấy.

“Đồ mọi đen vô tín nguỡng!” Tôi nghe thấy ông la lớn, và đồng thời trông thấy ông đập cho tên Kanaka một cái.

Thuyền trưởng Oudouse mất hết quần áo, chỉ còn đôi giày, loại giày đế đinh nặng. Thật là một cái đập tàn nhẫn vì nó trúng ngay mồm và cằm kẻ kia, làm y gần ngất lịm đi. Tôi đợi xem y trả miếng như thế nào, nhưng y lại chịu nhẫn nhục, bơi một cách tuyệt vọng ra chừng ba thước. Mỗi khi có đợt sóng nhỏ đưa y lại gần, viên thuyền trưởng, tay vẫn bám lấy tám ván, lại dùng cả hai chân đạp y ra. Và cứ mỗi cái đập ông lại gọi hấn là đồ mọi đen vô thần.

“Cứ cho tao hai xu thôi, tao cũng bơi tới dìm chết mày, đồ da trắng man rợ!” Tôi réo lên như vậy.

Lý do độc nhứt của tôi không bơi tới gần hấn vì tôi mệt quá. Nguyên nghĩ đến sự cố bơi lại gần chỗ hai người đó cũng đủ làm tôi nôn mửa rồi. Vì vậy tôi mới gọi tên Kanaka lại phía tôi, và chia sẻ tấm ván với hấn. Hấn xưng tên là Otoo, sanh quán ở Borabora, hòn đảo xa nhất về hướng tây trong quần đảo Société. Về sau hấn cho tôi biết là chính hấn đã vớ được tấm nắp hầm ấy trước tiên, rồi hấn mới gặp thuyền trưởng Oudouse. Hấn đã cho ông ta bám vào với hấn, rồi sau lại bị ông ta đập đuổi hấn ra.

Otoo và tôi gặp nhau trong trường hợp đó. Hấn không phải là một tay hiếu chiến. Trông hấn hiền lành và rất đáng mến, mặc dầu hấn cao tới gần hai thước và gân guốc như một kẻ giác đấu. Hấn không phải là một tay thích sinh sự, nhưng cũng không phải là một thằng hèn. Hấn rất can đảm, và trong những năm sau này, tôi thấy hấn từng có những cử chỉ liều lĩnh mà chính tôi không hề bao giờ dám mơ tưởng tới. Tôi muốn nói là giả sử hấn không là một kẻ hiếu chiến và hấn luôn luôn tránh sinh sự, thì hấn lại không hề bao giờ trốn tránh nếu có gặp gian nguy. Và một khi hấn đã nhập cuộc thì “Liệu Hòn”, như hấn vẫn hô mỗi khi ra tay. Tôi không tài nào quên được câu chuyện xảy ra giữa hấn và tên Bill King trên đảo Samora thuộc Đức. Bill King vẫn thường được tôn làm quán quân về hạng “nặng cân” trong Hải Quân Mỹ. Gã là một thứ súc vật được làm người, một con đười ươi thực sự, một gã hắc búa có đôi cánh tay rất mau lẹ. Gã gây sự, đá Otoo hai cái và thoi hấn một chùy, trước khi Otoo cảm thấy cần phải chiến đấu. Cuộc đánh lộn có lẽ chỉ diễn ra trong bốn phút mà sau đó Bill King đã phải ôm hận vì bị gãy mất bốn xương sườn, một cánh tay và treo mất một xương bả vai. Otoo không biết chút gì về quyền anh, hấn chỉ đâm đá lung tung, vậy mà dường như anh chàng Bill King cũng phải mất toi ba tháng điều trị mấy miếng đòn gã được ăn buổi chiều hôm đó ở bờ biển Apia.

Nhưng tôi kể chuyện nhanh quá rồi. Chúng tôi chia cho nhau cái nắp ấy, cứ lần lượt kẻ này nằm lên nghỉ ngơi thì người kia lại xuống nước ngáp tới cổ, tay bấu vào tấm ván. Liên trong hai ngày hai đêm, thay phiên nhau, người này trên ván thì người kia dưới nước, chúng tôi trôi dạt trên đại dương. Cuối cùng, tôi hầu như luôn luôn mê sảng và cũng nhiều lần tôi nghe thấy Otoo mê sảng nói lấp bắp bằng thổ ngữ của hấn. Vì chúng tôi luôn chìm mình dưới nước nên không bị chết khát, mặc dầu nước biển và

ánh mặt trời làm cho da thịt chúng tôi vừa đỏ rực vừa cháy nắng vừa bạc phéch vì muối đọng trông kỳ quặc không thể tưởng tượng được.

Sau cùng Otoo đã cứu sống tôi, vì lúc tôi tỉnh dậy, thấy mình đang nằm trên bãi biển cách nước chừng 6,7 thước, được hai cái lá dừa phủ lên người để che nắng. Ngoài Otoo ra còn có ai khác để kéo tôi lên đây và lấy lá che cho tôi? Hẳn đang nằm bên cạnh tôi. Tôi lại mê thiếp đi, khi tỉnh lại thấy trời về đêm đầy sao và mát mẻ. Otoo đang dốc nước dừa đổ lên miệng tôi.

Chỉ có chúng tôi là những người trên chiếc *Petite Jeanne* còn sống sót. Thuyền trưởng Oudouse chắc đã chết vì mệt lả, vì nhiều ngày sau, cái nắp hầm tàu của ông ta trôi dạt vào bờ biển mà tôi không thấy ông ta. Otoo và tôi sống trên đảo với thổ dân được một tuần rồi được một chiến hạm Pháp đến cứu đưa về Tahiti. Tuy nhiên trong thời gian đó, chúng tôi có làm lễ kết nghĩa trao đổi tên họ với nhau thân hơn ruột thịt. Sáng kiến đó của tôi, và Otoo đã vô cùng hoan hỉ khi nghe tôi đề nghị.

“Tốt lắm” hẳn nói bằng tiếng Tahiti, “vì chúng ta từng trải qua hai ngày với nhau trong tay Tử Thần rồi”

“Nhưng Tử Thần đã run tay!” Tôi mỉm cười.

“Thưa thầy, thầy đã có một cử chỉ cao thượng” hẳn trả lời, “và Tử Thần đã không nở ra tay”

“Tại sao anh lại gọi tôi là thầy?” Tôi tỏ vẻ phật lòng và hỏi hẳn. “Chúng ta đã làm lễ kết nghĩa trao đổi tên họ với nhau. Với anh, tôi là Otoo của anh, và với tôi, anh là Charley của tôi rồi. Giữa anh và tôi cho đến muôn đời, anh sẽ là Charley và tôi sẽ là Otoo. Đó là theo tục lệ. Và khi chết, nếu trên Thiên Đường chúng ta còn được gặp nhau thì với tôi, anh vẫn còn là Charley và với anh, tôi vẫn là Otoo của anh”.

“Thưa thầy, vâng” hẳn trả lời, đôi mắt long lanh đầy vẻ hoan hỉ.

“Đấy, anh lại thề rồi.” Tôi gắt.

“Miệng tôi nói thì có nghĩa lý gì” hẳn bào chữa. “Đó chỉ là miệng tôi nói, nhưng óc tôi vẫn luôn nghĩ đến Otoo. Mỗi khi tôi nghĩ đến tôi, tôi lại nghĩ đến thầy, Mỗi khi người ta gọi tên tôi, tôi lại nghĩ đến thầy. Và sau này, mãi mãi, dù ở trên trời cao, dù trên các vì tinh đầu, tôi vẫn luôn nhớ đến thầy là Otoo của tôi. Thầy nghe có được không?”

Tôi dẫu một nụ cười và trả lời được.

Chúng tôi chia tay nhau ở Papeete. Tôi nghỉ tại bờ biển để hồi lại sức, còn hẳn đáp một chiếc xuồng máy về Borabora, sanh quán của hẳn. Sáu tuần sau, hẳn trở lại. Tôi ngạc nhiên vì hẳn có kể cho tôi nghe về vợ hẳn, và hẳn bảo là lần này hẳn trở về vui cảnh gia đình không đi biển nữa.

“Thầy đi đâu bây giờ?” hẳn hỏi tôi ngay sau khi chào hỏi xong.

Tôi nhún vai. Thật là một câu hỏi hắc búa. “Tôi đi khắp chân trời, góc biển, đến khắp các hòn đảo trên mặt biển này.” Tôi trả lời.

“Tôi sẽ đi với thầy.” hẳn thản nhiên nói, “Vợ tôi mất rồi.”

Tôi không có anh, nhưng thấy anh em người ta, tôi không chắc có người em nào được một người anh tốt với mình bằng Otoo đối với tôi. Hẳn đối với tôi như một người anh, một người cha, một người mẹ vậy. Điều này tôi biết lắm, vì có hẳn, tôi đã sống thành người ngay thẳng hơn, đức hạnh hơn. Tôi thường ít để ý đến người khác, nhưng đối với Otoo, tôi phải sống cho đúng mực. Vì hẳn, tôi phải giữ gìn, không dám làm gì hại đến danh dự tôi cả. Hẳn luyện tôi thành con người lý tưởng của hẳn, điều hoà tính tình tôi bằng tình thương và lòng ngưỡng mộ của hẳn. Có những lúc tôi đã đứng trên bờ vực thẳm và đã sa ngã nếu không có những ý nghĩ về hẳn kìm hãm tôi lại. Sự hãnh diện của hẳn về tôi như thâm nhập vào tôi cho đến khi ý nghĩ không làm điều gì có thể giảm mất cái hãnh diện của hẳn trở thành một điều luật quan trọng trong cách xử thế của tôi.

Dĩ nhiên, tôi không thể biết ngay được hẳn đã nghĩ gì về tôi. Hẳn không bao giờ chỉ trích, không bao giờ khiển trách tôi cả, và dần dần tôi thông cảm rằng hẳn quý trọng tôi, tôi mới bắt đầu hiểu sự phiền muộn mà tôi sẽ gây ra cho hẳn nếu tôi làm điều gì hạ nhân phẩm tôi.

Chúng tôi sống với nhau trong 17 năm, và suốt 17 năm ấy, hẳn ở bên cạnh tôi, săn sóc tôi từ giấc ngủ, chăm nom tôi những khi đau ốm hay bị thương tích, và lại còn đánh nhau đến nỗi bị thương tích vì tôi nữa. Hẳn trung mộ phu lên đi cùng những chuyến tàu với tôi, và chúng tôi cùng ngao du giang hồ với nhau trên Thái Bình Dương, từ Hạ Uy Di xuống tới thành phố Sydney, từ eo biển Torres qua quần đảo Galapazos. Chúng tôi đáp những chuyến tàu chở dân phu da đen đi từ Nouvelle Hebrides đến quần đảo Line ở miền Tây Thái Bình Dương qua dãy Louisiades, New-Britain, New Ireland và New Hanover. Chúng tôi bị ba lần đắm tàu, giữa quần đảo

Gilbert, trong vùng Santa Cruz và vùng quần đảo Fijis, và tới chỗ nào thấy kiếm tiền được là hắn lại mua bán ngọc trai, vỏ trai, dừa, hải sản, vỏ đồi mồi, những bộ phận của tàu đắm trôi dạt vào bờ.

Tôi bắt đầu tu tỉnh ngay tại Papeete, sau khi hắn tuyên bố sẽ theo tôi đi khắp chân trời góc biển, đến các quần đảo ở giữa đại dương. Hồi đó tại Papeete có một hội quán, và thợ mò ngọc trai, lái buôn, những thuyền trưởng và cả bọn giang hồ lưu manh ở Nam Hải thường về tụ tập. Mọi người cờ bạc ăn thua to, rượu chè say sưa bí tỉ và tôi e rằng tôi thường ra về khá trễ lúc những người đang hoang tử tế đáng lý về đã lâu rồi. Nhưng mỗi khi tôi rời hội quán là đã có Otoo chực sẵn đó để đưa tôi về nhà yên ổn.

Thoạt đầu tôi còn cười, rồi tôi gắt với hắn. Sau tôi nói thẳng với hắn là tôi không cần vú em. Sau đó mỗi khi ra về, tôi không thấy hắn đâu nữa. Rồi tỉnh cờ chừng một tuần lễ sau đó, tôi khám phá ra là hắn vẫn đón tôi về, nhưng âm thầm đứng ở bên kia đường, trong bóng tối của những cây xoài, để canh chừng tôi. Tôi phải làm sao bây giờ? Tôi biết tôi đã làm sao.

Tôi bắt đầu đi về có chừng mực hơn. Vào những đêm mưa gió, giữa cái vui tung bừng sôi nổi, tôi vẫn cứ nghĩ đến Otoo đang buồn rầu đứng canh chừng tôi, dưới bóng cây xoài. Thật quả hắn đã làm tôi trở thành một người khá. Nhưng chính hắn thì lại không có đạo nghĩa gì cả. Và hắn chẳng biết chút gì về đạo đức thông thường của Thiên Chúa Giáo. Tất cả dân Borabora đều theo đạo Thiên Chúa, nhưng hắn lại là kẻ tà giáo, kẻ vô tín ngưỡng độc nhất trên đảo, một người hết sức duy vật, cho rằng chết là hết. Hắn chỉ tin ở sự dối đãi, ăn ở ngay thẳng với mọi người. Theo hắn những việc tầm thường ở đời cũng quan hệ như một hành động sát nhân, và tôi tin rằng hắn sẽ kính nể một kẻ sát nhân hơn một kẻ có những cử chỉ ti tiện bản thủ.

Còn riêng đối với tôi, hắn phản đối mọi hành động có hại cho tôi. Đánh bạc không sao, Chính hắn đánh bạc rất dữ. Nhưng hắn giải thích là thức khuya có hại cho sức khỏe sau này. Hắn đã thấy có những kẻ vì không giữ mình nên đã chết vì bệnh sốt. Hắn không phải người phản đối tứ đồ tường, và hắn cũng nhám nháp luôn mỗi khi phải làm việc ướt át trên tàu. Đàng khác, hắn tin vào nguyên tắc điều độ trong việc rượu chè. Hắn đã từng thấy nhiều người chết hay sa đọa vì rượu trắng hoặc uýt ki.

Otoo luôn luôn nghĩ đến lợi ích của tôi. Hắn đi trước các ý tưởng của tôi, cân nhắc, suy tính các chương trình làm việc của tôi và còn lưu tâm đến hơn tôi nữa. Thoạt tiên, khi tôi chưa biết là hắn rất lưu tâm các công việc của tôi, hắn còn phải đoán các ý định của tôi. Ví dụ như lúc ở Papeete, khi tôi dự định công ty với một tên đồng hương gian ngoan trong vụ săn kỳ đà chẳng hạn. Tôi không biết y là một tên gian manh. Cũng chẳng một người da trắng nào biết cả. Otoo cũng không. Nhưng hắn thấy chúng tôi quá thân nhau, nên mới tìm hiểu kẻ kia dùm tôi, không cần đợi tôi yêu cầu. Những thủy thủ thổ dân từ khắp bốn phương đổ về Tahiti, và Otoo trà trộn với họ tìm được đủ mọi bằng cứ chứng minh mỗi hoài nghi của mình. Những điều người ta kể về tên Randolph Waters đó thật là quái gở. Tôi không thể tin được khi Otoo mới kể cho tôi nghe, nhưng khi tôi hỏi vặn tên Waters, thì gã im thin thít, không hé răng đáp nửa lời và lên ngay chuyến tàu đầu tiên bỏ về Auckland

Thú thực, thoạt tiên, tôi không thể không bực mình vì Otoo cứ xen vào công việc của tôi. Nhưng tôi biết là hắn hoàn toàn vô tư, và sau đó tôi phải công nhận hắn khôn ngoan và kín đáo lắm. Luôn luôn hắn để ý tìm cho tôi những cơ hội tốt, mà hắn lại có cặp mắt tinh đời, nhìn xa thấy rộng. Sau đó, hắn trở thành cố vấn của tôi, cho tới khi hắn biết tỏ tường công việc của tôi hơn chính cả tôi nữa. Quả thật hắn đã để tâm đến quyền lợi của tôi hơn chính tôi. Tôi có tính hoang đường câu thả của tuổi trẻ, vì tôi thích lãng mạn hơn tiền, và thích phiêu lưu mạo hiểm hơn sống cảnh giương êm nệm ấm. Bởi vậy có người lo lắng cho cũng là điều hay. Bây giờ tôi mới biết rằng nếu hồi ấy không có Otoo, tôi chẳng còn ở đây hôm nay.

Tôi xin thuật lại một trong muôn vàn thí dụ. Xưa kia, tôi cũng có chút kinh nghiệm về việc buôn nô lệ da đen trước khi đi buôn ngọc trai ở Paumotu. Tôi và Otoo đang ở trên bờ Samoa - đang lúc chúng tôi không kiếm nổi một việc trên tàu nào cả - thì tôi may mắn được nhận làm người đi mộ phu da đen cho một chiếc thuyền hai buồm đi buôn hắc nô. Otoo đăng tên làm thủy thủ, và trong vòng 6 năm sau đó, luân chuyển trên các tàu, Otoo và tôi đã đặt gót hải hồ khắp vùng Mélanésie hoang dại. Otoo luôn luôn thu xếp để được điều khiển những tay chèo trên thuyền của tôi. Theo tục lệ tuyển lựa nhân công của chúng tôi, người phụ trách việc tuyển mộ

được phái lên bờ để giao dịch. Chiếc xuồng hậu vệ thì phải sẵn sàng đợi cách bờ vài chục thước, còn xuồng chở người đi mộ cũng phải sẵn sàng chèo lái chực sẵn ngay trong bờ. Khi tôi buông tay lái xuống để lên bộ, mang theo các thứ hàng hoá để đổi chác, thì Otoo cũng thôi chèo, và chạy về phía sau xuồng, chỗ đặt sẵn khẩu súng Winchester phủ dưới tấm vải dày. Đoàn thủy thủ trên xuồng cũng được võ-trang bằng súng Snider bố trí dưới lằn mép vải căng dọc quanh mạn xuồng, chỗ có lỗ xỏ mái chèo. Trong khi tôi bận bàn cãi và thuyết phục bọn ăn thịt người để chúng đi làm ở các đồn điền tại Queensland, thì Otoo canh chừng cho tôi. Nhiều lần hắn khẽ gọi để báo tôi biết là bọn mọi có những hành động đáng nghi ngờ hay sắp ra tay làm điều gì hiểm độc. Thình thoảng, chính khi phát súng bắn vôi của hắn nổ rồi, tôi mới biết là có biến. Và khi tôi chạy về xuồng, thì luôn luôn có hắn chia tay kéo tôi lên xuồng. Tôi nhớ có lần đi chiếc tàu Santa Anna, biển có vừa xảy ra thì chiếc xuồng mắc cạn. Chiếc tàu lớn vôi chạy tới yểm hộ chúng tôi, nhưng hàng mấy chục tên mọi có lẽ đã quét sạch chúng tôi trước khi đó, nếu không có Otoo kịp nhảy vút lên bờ, vục cả hai tay vào đồng hàng hoá mà vút tung ra tứ phía nào thuốc lá, riêu, hạt trai, dao và vải vóc.

Bọn mọi đen tóc quăn không cưỡng lại nổi sự thèm muốn. Trong khi chúng đổ xô lại để cướp hàng thì chúng tôi vôi vãi lên xuồng và lẹ làng chuồn ra khỏi bờ hàng mấy chục thước. Bốn tiếng đồng hồ sau, ở chính bờ biển này, tôi lại mộ được ba chục tên hắc nô.

Câu chuyện đặc biệt nhất tôi còn nhớ là ở Malaita, hòn đảo man rợ nhất ở miền đông quần đảo Solomons. Thổ dân ở đây đặc biệt niềm nở, nên chúng tôi làm sao mà biết được rằng cả làng, từ hơn hai năm nay vẫn chung tiền để treo giải mua một cái đầu người da trắng? Bọn ăn xin đó toàn là bọn săn đầu người cả, và chúng đặc biệt đánh giá cao người da trắng. Tên nào lấy được một đầu người da trắng là lãnh trọn số tiền thưởng. Và như tôi đã nói, chúng tỏ ra rất niềm nở. Bữa đó, tôi lên bộ đi cách xa xuồng tới ngót trăm thước Otoo đã dặn dò tôi phải cẩn thận, và như thường lệ, hề tôi không nghe lời hắn, y như là gặp chuyện rầy rà.

Đầu tiên một loạt giáo mác từ các lùm bụi phóng ra tua tủa về phía tôi. Ít ra cũng có hơn mười mũi găm vào tôi. Tôi bỏ chạy nhưng vấp phải một mũi giáo găm chặt vào bắp chân, và vì thế tôi ngã xoải ra. Bọn tóc xoắn liền

hè nhau chạy đến bắt tôi, đứa nào cũng cầm rìu dài cán để chặt đầu tôi. Chúng ham lãnh tiền thưởng đến nỗi xô cả vào nhau. Trong lúc lộn xộn ấy, tôi đã tránh được nhiều lưỡi rìu bổ xuống bằng cách lăn sang phải, sang trái trên bãi cát.

Rồi Otoo chạy tới - cái anh chàng đó tay không địch được trăm người. Hắn loay hoay thế nào mà đoạt ngay được một cái trùy nặng; những lúc đánh giáp lá cà, cây trùy lại là thứ vũ khí lợi hại hơn cả súng trường. Hắn xông ngay vào giữa đám đông, làm cho chúng không thể dùng dao đâm được, mà sử dụng rìu lại càng khó nữa. Otoo chiến đấu để bảo vệ tôi, và hắn lộn lộn như một con thú dữ. Cách dùng cây trùy của hắn thật là tài tình. Đầu bọn kia cứ vỡ nát như trái cam chín mủi. Đến khi đánh tan bọn chúng, hắn vục tôi lên và cầm đầu chạy về xuống, hắn mới bị vết thương đầu tiên. Khi về đến xuống hắn đã bị đâm bốn mũi giáo, nhưng hắn lấy khẩu Winchester ra, và mỗi phát đạn là hạ được một tên. Rồi chúng tôi chèo xuống về thuyền và được điều trị lành vết thương.

Chúng tôi ở với nhau được 17 năm. Hắn đã đào tạo tôi. Nếu không có hắn, chắc ngày nay, tôi hoặc đang quản đốc hàng hoá trên một tàu nào đó, hoặc vẫn đi mộ phu, hoặc đã chết từ lâu rồi cũng nên.

Một hôm, hắn bảo tôi “Anh cứ làm đến đâu là tiêu đến đó. Bây giờ anh dễ kiếm tiền lắm. Nhưng khi về già, anh tiêu hết tiền rồi, anh không thể đi kiếm được nữa đâu. Tôi biết lắm. Tôi đã quan sát lối sống của người da trắng. Dọc theo các bờ biển, có rất nhiều người già xưa kia đã có một thời thanh xuân kiếm ra tiền như anh bây giờ. Nay họ về già, tay trắng, nên phải ngồi chầu chực bọn trẻ như anh lên bờ để xin vài ly rượu.”

“Người da đen làm nô lệ trong các đồn điền, lương bổng hàng năm có 20 mỹ-kim, mà phải làm việc cực nhọc. Còn bọn chủ nhân thì an nhàn; cưỡi ngựa đi trông coi phu làm việc mà lương hàng năm lại tới 1200 mỹ-kim. Tôi là một thủy thủ trên thuyền buồm, mỗi tháng được 15 đồng. Đây là tôi thủy thủ hạng giỏi, và tôi làm việc cực nhọc. Còn thuyền trưởng có lều hai mái che khỏi nắng, uống rượu bia trong chai dài ngon lành. Chưa hề bao giờ tôi thấy ông ta cuộn một sợi dây thừng hay sờ tới cái mái chèo cả; vậy mà ông ta ăn những 150 đồng một tháng. Đây vì tôi chỉ là thủy thủ còn ông

ta thì lại là nhà hàng hải. Thầy à, tôi thiết tưởng thầy nên biết thêm về hàng hải thì hơn”.

Otoo thúc giục tôi. Rồi hấn trở thành phụ tá của tôi trên chiếc thuyền buồm đầu tiên của tôi. Hấn còn hãnh diện hơn chính tôi về tài chỉ huy của tôi. Về sau, hấn lại nói:

“Thầy ạ, làm thuyền trưởng lương cao lắm, nhưng thuyền trưởng phải luôn bận rộn trông coi không được rảnh. Làm chủ thuyền lương cao hơn nữa, và chủ thuyền chỉ việc ngồi trên bờ với nhiều người hầu hạ mà thu tiền thôi.”

“Đúng đây, nhưng một chiếc thuyền buồm giá những 5000 đồng, đó là giá một chiếc cũ,” tôi cãi lại. “Đợi đến già đời tôi mới để dành được số tiền đó.”

“Người da trắng có cách kiếm tiền nhanh hơn.” Hấn vừa nói, vừa chỉ tay về phía dãy dừa mọc dọc theo bờ biển.

Lúc đó chúng tôi đang ở giữa quần đảo Salomons, bèn chèo thuyền một lô hạt ngà ở dọc theo bờ biển phía đông đảo Guadalcanal.

Otoo bảo tôi:” Giải đất giữa vàm sông này và vàm sông kia rộng tới hai dặm, và chạy sâu vào nội địa. Bây giờ nó không có giá trị gì cả, nhưng biết đâu, đến sang năm hay sang năm nữa người ta lại chẳng trả giá cao mà mua. Chỗ này tàu buôn neo rất tốt. Các tàu buôn lớn có thể vào gần được. Anh có thể tậu đất của người chủ cũ vào sâu tới 4 dặm với giá mười ngàn điều xì gà, 10 chai rượu đế, một khẩu Snider, tất cả chỉ đáng trăm bạc. Rồi anh cầm lại cho người mới, và chỉ sang năm hay sang năm nữa, anh bán nó đi là có thể có một chiếc tàu chạy rồi”.

Tôi làm theo lời hấn, và quả hấn tiên đoán rất đúng, tuy phải ba năm sau tôi mới bán được đất. Kế đó là vụ cánh đồng cỏ ở Guadalcanal, một cánh đồng cỏ rộng 20 ngàn mẫu, thuê của chính phủ trong 999 năm bằng một số tiền tượng trưng. Tôi thuê được vừa đúng 90 ngày thì nhượng lại cho một công ty để lấy một số tiền bằng nửa gia tài của người ta. Luôn luôn tôi nhờ có Otoo lo xa và biết nhìn thấy cơ hội cho tôi. Chính hấn đã có công trong vụ mua vớt chiếc tàu Doncaster, mua đầu giá lại được với giá 100 Anh kim, và tới lúc sửa chữa xong thì bán lại còn được lời đến 3000 đồng,

sau khi đã trừ mọi chi phí. Hã chỉ cho tôi tậu đồn điền ở Savaii và đi buôn dừa ở Upolu.

Chúng tôi không đi biển nhiều như xưa nữa. Tôi trở nên giàu có. Tôi lập gia đình, mức sống mỗi ngày lên cao, nhưng Otoo vẫn là Otoo của thuở xưa, ngày ngày quanh quẩn trong nhà hay ra nơi văn phòng, miệng phì phà ống điếu, mình mặc một chiếc áo may ô giá chừng một đồng, và vắn một cái chân giá chừng bốn đồng.. Tôi không tài nào làm cho hã tiêu tiền được cả. Không có cách nào để trả ơn hã, ngoại trừ bằng tình thương mến, và đã có Trời chứng cho là chúng tôi thương yêu hã đến mức nào. Lũ con của tôi tôn sùng hã, và giả sử hã được chiều chuộng quá mà hư hỏng đi được, thì vợ tôi đã làm hư hỏng hã mất rồi.

Còn về lũ con tôi, hã mới thực là người đã dạy cho chúng biết bước chân vào đời. Hã bắt đầu bằng dạy chúng bước đi. Hã thức sáng đêm khi chúng đau ốm. Khi chúng mới biết chập chững vài bước, hã đã đem từng đĩa một ra vũng dạy chúng bơi và chúng bơi giỏi như nhái. Hã dạy bảo chúng biết rõ hơn tôi về thói quen của loài cá và cách thức bắt cá. Về rừng rú cũng vậy. Mới lên bảy tuổi, thằng Tom đã biết về rừng rú thạo hơn cả tôi. Lên sáu tuổi, con bé Mary đã biết đi trên Hòn Trượt mà không run, trong khi bao người lớn khỏe mạnh đành chịu thua. Rồi khi thằng Frank mới vừa 6 tuổi, nó đã biết lội xuống nước mò được những đồng tiền ở dưới sâu sáu thước

“Dân tôi ở trên đảo Borabora không ưa những người vô tín ngưỡng. Họ toàn theo đạo cả; mà tôi lại không ưa dân Borabora đi đạo” Một hôm Otoo đã bảo tôi như vậy, đó là bữa tôi muốn cho hã phải tiêu tiền do chính công hã làm ra: tôi đã cố thúc giục hã phải lấy một trong bốn chiếc thuyền buồm của chúng tôi để về thăm quê hương một chuyến, một chuyến đi đặc biệt mà tôi mong sẽ phá kỷ lục về việc tiêu tiền xa xỉ.

Tôi gọi nó là thuyền buồm của chúng tôi, mặc dầu theo pháp lý, lúc đó nó là thuyền của tôi. Tôi đã phải thúc giục mãi, hã mới chịu đứng ra công ty với tôi.

“Chúng ta đã hùn hạp với nhau kể từ ngày chiếc *Petite Jeanne* chìm rồi,” Sau hã nói “nhưng nếu tâm anh muốn thì được, chúng ta sẽ hùn với nhau trên pháp lý. Tôi không làm việc gì mà ăn xài lại nhiều đấy. Tôi ăn

uống, hút rất nhiều, tốn lắm, anh cũng biết. Tôi không phải trả tiền chơi bi da vì tôi chơi trên bàn bi da của anh, nhưng vẫn tốn tiền. Câu cá ngoài ghềnh là thú vui của riêng kẻ giàu có. Tiền lưỡi câu và dây câu cũng tốn lắm. Vâng, chúng ta cần phải là những người hùn hạp với nhau trên pháp lý. Khi tôi cần tiền, tôi sẽ bảo viên quản lý đưa tiền.”

Thế là chúng tôi làm giấy tờ. Một năm sau, tôi buộc lòng phải phản nản với hắn:

“Anh Charley này, anh thật là một kẻ lường gạt gian ngoan, một anh hà tiện, một con cua đồng khôn khổ nhé - Coi này phần của anh trong năm qua trong công ty chúng ta lên tới hàng ngàn đô la. Viên quản lý đưa cho tôi mảnh giấy này: trong năm qua anh chỉ mới lấy ra có 87 đồng 20 xu!”

“Vậy tôi còn được bao nhiêu?” “Hắn lo ngại hỏi tôi.

“Hàng ngàn đồng!” tôi đáp

Mặt hắn tươi lên, hắn nói:

“Tốt lắm! anh hãy bảo quản lý cứ làm kế toán cho đúng. Khi nào cần là tôi sẽ đòi, tôi sẽ không cho thiếu một xu nào đâu.”

Giọng đe dọa, hắn nói tiếp:” Hễ thiếu là tôi cứ trừ vào lương lão quản lý!”

Về sau, tôi được biết là hắn đã lập chúc thư để tôi làm kẻ thừa kế duy nhất của hắn, và tờ chúc thư nằm trong tủ sắt của toà lãnh sự Hoa Kỳ.

Nhưng rồi chúng tôi cũng phải ly biệt, vì luật thiên nhiên đã định rằng có tụ phải có tan. Việc xảy ra ở quần đảo Salomons, nơi mọi công việc khó khăn nhất của chúng tôi đã được tiến hành từ những ngày sơ khởi lao khổ, và lần này chúng tôi vô tình lại tới thăm một lần nữa nhân dịp nghỉ hè, để kiểm soát lại đất đai của chúng tôi ở đảo Florida và để xem có thể kiếm được ngọc trai ở eo biển Mboli không. Chúng tôi neo thuyền ở Savu, lên bộ để kiếm ít đồ vật lạ hiếm có.

Biển Savu đầy cá mập. Tục lệ vớt người chết xuống biển của thổ dân ở đây càng làm loại cá này thích ở gần quần gần bờ. Tôi không may ngồi một chiếc xuồng của thổ dân, vừa nhỏ, vừa chở quá đông người, nên bị lật. Có bốn thổ dân và tôi bám vào xuồng. Chiếc thuyền của chúng tôi còn đậu cách xa một trăm thước. Tôi vừa lên tiếng hò gọi pháixuồng khác tới thì một thổ dân đang bám ở xuồng chột thét lên một tiếng lớn. Hắn bám vào đuôi

xuồng, và cả người hấn lẫn phần đuôi chiếc xuồng bị nhấn chìm xuống dưới nước nhiều lần. Rồi hấn buông tay ra và chìm lìm: một chú cá mập vừa đớp hấn xong.

Ba thổ dân kia cố leo lên ngòai trên đáy chiếc xuồng còn nổi trên mặt nước. Tôi là hết và nguyên rửa rồi đâm cho tên bên cạnh tôi một cái, nhưng vô ích, chúng khiếp đảm mất rồi. Chiếc xuồng chỉ có thể chịu được một đứa, cả ba đứa leo lên làm nó lật nghiêng, hất cả ba đứa xuống nước lần nữa.

Tôi rời xuồng và cố bơi về thuyền, hy vọng sẽ gặp xuồng tới đón. Một tên thổ dân cố bơi theo tôi và chúng tôi lặn lẽ bơi bên nhau, thỉnh thoảng lại hụp mặt xuống nước nhìn xung quanh xem có cá mập không. Tiếng kêu của người còn ở lại chiếc xuồng báo cho chúng tôi biết là y vừa bị cá mập đớp. Tôi cố nhìn xuống nước và thấy một con to lớn bơi qua ngay bên dưới tôi. Nó dài tới 5 thước. Tôi nhìn thấy rõ mọi sự xảy ra, nó ngoạm một cái ngang người kẻ bơi cạnh tôi, và hấn vùng vẫy; đầu, vai, tay còn cứ ngoi mãi lên mặt nước, tiếng hấn kêu la thảm thiết. Hấn bị con cá cứ thế lôi đi hàng mấy chục thước rồi chìm mất.

Tôi bơi như điên, hy vọng đó là con cá mập cuối cùng chưa có mồi. Nhưng một con khác đã đến. Không biết có phải con này vừa đớp xong mấy tên thổ dân kia không, hay là nó vừa ăn no mồi ở đâu đến. Nó không vội vàng hấp tấp như những con kia. Lúc này tôi không còn bơi nhanh được nữa, vì phải cố gắng theo dõi nó và đề phòng. Nó tấn công lần thứ nhất. May thay cả hai tay tôi nắm được mũi nó, và mặc dầu sức quấy của nó gần quất tôi nhào xuống bên dưới, tôi cũng đuổi được nó bơi ra xa tôi. Nó vùng ra xa rồi lại trở lại quanh tôi. Lần thứ nhì này, tôi lại thoát nạn nhờ ngón đòn như trước. Lần thứ ba nó hụp, mà tôi cũng hụp. Nó ngoi ngược lên trong khi hai tay tôi suýt nắm được mũi nó, và đa sườn nó rập như giấy nhám làm trầy xước hấn da cánh tay tôi, từ vai tới khuỷu (tôi mặc áo sơ mi ngắn tay).

Lúc đó tôi mệt quá và hết hy vọng rồi. Chiếc thuyền còn ở xa đến hơn 50 thước. Tôi lại hụp mặt xuống nước, đang đợi nó tấn công nữa thì chợt thấy một thân hình nâu nâu bơi qua. Đó là Otoo.

“Thầy hãy bơi nhanh về thuyền đi”. Hấn nói và còn tiếp thêm như chuyện chỉ là một trò đùa.” Tôi hiểu cá mập lắm, anh em bà con với tôi

đấy.”

Tôi nghe lời hấn, từ từ bơi đi, trong khi hấn bơi quanh tôi, trong khoảng giữa tôi và con cá mập, ngăn không cho nó nhào đến, và khuyến khích tôi.

“Những móc sắt treo xuống đã bị mang đi chỗ khác, họ đang sửa soạn dây trục rồi đấy.” Một phút sau hấn giải thích cho tôi biết, rồi lặn xuống để ngăn một cuộc tấn công khác của con cá.

Lúc đó, chiếc thuyền còn cách tôi hơn mười thước và tôi đuối sức quá rồi. Tôi gần như không nhúc nhích được nữa. Trên thuyền quăng dây xuống, nhưng dây cứ bị hụt hoài. Con cá mập thấy không ai làm gì nổi nó, nên bạo dạn hơn. Nhiều lần nó xuýt dớp trúng tôi, nhưng lần nào cũng có Otoo cứu tôi thoát trong gang tấc. Lẽ dĩ nhiên, riêng hấn thì hấn có thể thoát đi lúc nào cũng được. Nhưng hấn đeo sát lấy tôi.

“Thôi Charley ơi, ở lại nhé, tôi chết mất thôi!” Tôi cố bảo hấn qua hơi thở hỗn hển.

Tôi biết là cái chết đã đến, và chỉ chút xíu nữa là tôi buông tay để chìm xuống.

Nhưng Otoo cười với tôi, nói:

“Để tôi cho anh xem một miếng đòn mới. Tôi sẽ làm cho con cá này ôm đòn.”

Hấn bơi về phía sau tôi, chỗ con cá đang lăm le nhào vào tôi.

“Thầy bơi sang bên trái một chút,” hấn lại gọi tôi “có sợi dây ở đó, bên trái đó.”

Tôi đổi chiều bơi và tung tay ra nắm đại. Lúc đó tôi chỉ còn hơi tỉnh. Khi tay tôi nắm được sợi dây, tôi nghe thấy trên thuyền kêu lớn. Tôi quay lại nhìn thì không thấy bóng Otoo đâu cả. Một lát sau, hấn mới ngoi lên, hai bàn tay hấn đã bị cụt lủn, máu me ở cổ tay phun ra.

“Otoo ơi!” hấn khẽ gọi. Tôi nhìn thấy trong khóe mắt của hấn một tia sáng yêu thương, giọng hấn run lên.

Tới lúc đó, và chỉ lúc đó, lúc chấm dứt bao năm gần gũi, hấn mới chịu gọi tôi bằng cái tên này.

“Otoo ơi! Vĩnh biệt nhé!” Hấn gọi tôi.

Rồi hấn chìm lìm, và tôi được kéo lên thuyền, ngã ngất đi trong tay viên thuyền trưởng.

Thế là Otoo đã qua đời - Otoo, người đã cứu sống tôi, đã luyện cho tôi thành người, rồi đến phút cuối cùng lại cứu sống tôi lần nữa. Chúng tôi gặp nhau trong giây phút hiểm nghèo của một trận phong ba, và lìa nhau trong hàm răng của một con cá mập, sau mười bảy năm chung sống trong tình bạn, một tình bạn mà tôi dám quả quyết không bao giờ có thể có giữa hai người, một đen, một trắng! Nếu Thượng Đế từ trên ngai chí tôn nhìn xuống mỗi sinh vật tử biệt, thì ít ra Otoo cũng được gọi về hầu nơi Thiên Đàng của người - Otoo, một kẻ vô thần ở Borabora.

10) Kho tàng ngọc trai

Dịch giả: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang

Nguyên tác: The Pearls of Parlay

Viên hoa tiêu người xứ Kanaka xoay bánh lái trở về nguyên vị và chiếc Malahini lướt ngược chiều gió rồi lấy lại thăng bằng. Bộ buồm mũi hết gió trũng xuống, có tiếng đầu móc ở mép buồm và tiếng nhanh tay đổi trục giây kéo buồm kêu lách cách, và con tàu chao mình nghiêng về một bên mạn lướt đi với cánh buồm bên kia phồng gió. Tuy trời vừa hửng sáng và gió thổi nhanh, năm người da trắng hóng mát trên boong thượng đẳng mũi đều vận quần áo sơ sài. Thuyền chủ David Grief và Gregory Mulhall, một tân khách người Anh của ông, vẫn còn vận quần áo ngủ, chân trần xỏ trong dép Tàu. Thuyền trưởng và phó thuyền trưởng mặc áo lót mỏng, quần vải thô không hồ bột, còn viên quản lý hàng hoá tay vẫn còn cầm áo lót dùng dằng chưa muốn mặc vội. Mồ hôi đọng thành giọt trên trán và hần hơi ươn bộ ngực để trần về phía trước như để đón ngọn gió không mang lại một chút hơi mát nào.

”Gió này là gió heo may mà sao lại oi nồng quá thế? - hần càu nhàu nói.

“Không biết ở miền Tây nó thổi ra sao? Đó là điều tôi muốn biết,” - Grief cũng góp lời than phiền phụ hoạ theo mọi người.

“Gió này thổi chẳng được mấy chốc, mà xem nó vừa mới nổi lên thôi,” Hermann, viên phó thuyền trưởng người Hoà-Lan nói: - Suốt đêm rồi nó chỉ lảng nhãng thổi quanh - chỗ này năm phút, chỗ kia mười phút, lại một chỗ khác một tiếng.”

“Chắc có gì chẳng lành sắp xảy ra,” thuyền trưởng Warfield nói, giọng ồm ồm, rồi xòe hai tay đưa lên vuốt bộ ria mép cứng như rễ tre và hất bộ râu cầm rậm rạp vào hướng gió để đón chút hơi mát tuy biết rằng vô hy vọng. "Suốt nửa tháng qua, thời tiết bỗng trở chứng. Đã ba tuần rồi mà chưa có được một cơn gió mậu dịch nào thổi đúng hướng. Cái gì cũng trở thành hỗn tạp. Hôm qua lúc hoàng hôn xuống, phong vũ biểu tụt dữ dội, bây giờ

vẫn còn xuống thấp hơn nữa, mặc dù mấy tay thào thời tiết cứ quả quyết là chẳng có gì đáng sợ. Dầu sao, thấy nó tụt xuống nhiều quá tôi chẳng yên lòng chút nào. Tôi bứt rứt thế nào ấy. Nó cũng tụt vùn vụt kiểu này hồi tôi mất chiếc “Lancaster”. Đạo ấy, tôi còn đang học nghề, nhưng tôi vẫn nhớ chuyện ấy rành rọt. Tàu bọc sắt mới nguyên, bốn cột buồm mà mới đi biển lần đầu tiên nó đắm làm lão thuyền trưởng đau buồn đến tuyệt vọng. Lão làm việc cho hãng trước sau được bốn chục năm. Lão héo hon dần rồi chết một năm sau đó.”

Mặc dầu có gió và trời còn sớm, hơi nóng thật ngọt ngào. Trong gió thoang thoang hơi mát nhưng gió chẳng quạt mát được ai. Giá không có hơi ẩm nặng trĩu trong gió thì người ta đã tưởng nó từ sa mạc Sahara thổi về. Lúc ấy không có sương mù hay sương mỏng hay một chút điềm nhỏ nào báo hiệu có sương cả. Tuy nhiên, trạng thái mơ hồ của khoảng cách khiến người ta có ấn tượng là có sương buông.

Trên trời không có mây bay thành đám rõ rệt, tuy thế, một màn mây u ám giăng kín bầu trời dầy đến nỗi ánh mặt trời không sao chiếu lọt qua.

“Cho tàu quay mũi” thuyền trưởng Warfield ra lệnh, giọng chậm chạp nhưng đanh thép.

Đám thủy thủ Kanaka, da bánh mật, ngang hông quàng sa-rông ngắn chấm đầu gối, uể oải bắt tay vào việc nhưng cũng đủ nhanh để đương buồm và cần mắc buồm.

“Cho nghiêng mạnh về hướng gió”.

Viên hoa tiêu xoay thêm mấy nấc, xem ra không có ý cho tàu lướt chậm lại cho đỡ trông chừng. Chiếc Malahini lao mũi nghênh gió, rồi lượn quanh.

“Ái chà, con tàu này hay quá đời,” Mulhall khen. “Ai ngờ bọn lái buôn miền Nam-Hải các anh lại biết lái du thuyền chứ.”

“Nó vốn là tàu đánh cá xứ Gloucester đấy,” Grief giải thích “mà tàu bè hạt Gloucester đều lắp buồm, lèo hết như du thuyền vậy.”

“Anh đang cho nó chạy thẳng vào, vậy sao lại không vào nổi?” người khách xứ Anh chỉ trích.

“Này thuyền trưởng Warfield, thử cố xem sao,” - Grief đề nghị. “Cho hẳn biết là cửa đầm mặn chảy xiết khó vào ra sao, nhất là khi nước triều rút

ra quá mạnh.”

“Cho tiến lại gần hơn nữa,” - thuyền trưởng ra lệnh.

“Cho tiến lại gần hơn nữa” viên hoa tiêu Kanaka nhắc lại, xoay tay lái xuống nửa nấc.

Chiếc Malahini vọt thẳng mũi vào cửa đầm hẹp đưa vào hồ nước mặn nằm trong một hòn đảo san hô to lớn, hình bầu dục, vừa dài vừa hẹp. Cứ nhìn hình dạng của đảo san hô, người ta có cảm tưởng rằng nó gồm ba hòn đảo khác nhau đã đâm xâm vào nhau trong khi đang được cấu tạo, kết hợp với nhau và quên không xây vách phân chia nhau ra. Đây đó, trên vòng đai trải cát, dừa mọc thành cụm, và, ở những chỗ bãi cát nằm thấp gần mặt biển, dừa không mọc được. Qua những quăng trống đó, người ta nhác thấy mặt đầm nước mặn lặng gió, trải rộng khác nào một tấm gương gợn sóng lăn tăn. Đầm mặn quanh co rộng có đến mười dặm vuông. Nước hồ theo thủy triều cuộn cuộn rút ra khơi qua chiếc cửa đầm hẹp duy nhất. Lối ra thì quá hẹp mà con nước chảy ra lại quá mạnh đến nỗi cửa đầm không còn là lối nước biển tràn vào đảo san hô mà là ngọn thác đổ trên một con sông chảy xiết. Nước biển réo lên sùng sục, xoáy tròn, lượn quanh và lao vút ra khơi thành những đợt sóng bạc đầu dững mãnh nhấp nhô như răng cưa. Mỗi khi một cơn sóng dựng đứng đánh thốc vào phía mũi, chiếc Malahini lại bị đẩy chệch hướng. Như những chiếc đục thép khổng lồ, từng đợt sóng dúi con tàu dạt sang qua một bên cửa đầm. Mới vào được một đoạn, vì bị ép quá gần vách san hô, nó lại phải lượn quanh, xoay mình ngang với dòng thủy triều rồi bị cuốn mạnh ra khơi.

“Nào, giờ đến lúc ta đem dùng cái bộ máy đắt như vàng vừa mới tậu của anh đó ” Grief vui vẻ riếu.

Bộ máy là một nhược điểm đối với thuyền trưởng Warfield không phải là không có lý do. Hắn đã phải năn nỉ, nằng nặc đòi cho bằng được đến nỗi cuối cùng Grief phải bằng lòng cho phép mua.

“Nó còn khối dịp để tỏ rõ giá trị của nó” - thuyền trưởng đáp. “Cứ đợi rồi sẽ thấy. Có nó còn lợi hơn đóng tiền bảo hiểm, vì không ai là không biết rằng bọn công ty bảo hiểm không dám nhận bảo hiểm cho các tàu bè chạy trong vùng Paumotus”

Grief chỉ về phía một chiếc thuyền buồm mũi vuông ở đằng đuôi đang tiến lên và cũng theo một lộ trình.

“Tôi dám cuộc năm quan là chiếc Nuhiva tí hon sẽ vượt chúng ta vào được trong đó.”

“Dĩ nhiên rồi” - thuyền trưởng Warfield đồng ý. “Sức nó quá mạnh so với thân hình nhỏ nhoi của nó.”

Đem sắp cạnh nó thì tàu ta có khác gì một chiếc thuyền, thế mà chỉ có bốn chục mã lực. Nó có mười mã lực nhưng lại nhỏ, nhẹ như chiếc giá hớt bọt. Nó có thể lướt trên mặt bọt sóng con sông dưới âm ty. Nhưng gặp ngọn thủy triều này thì đừng có hòng vượt qua được nhé. Lúc này sức nước rút nhanh lắm, phải mười gút một giờ là ít”.

Và, với tốc độ mười gút, chiếc Malahini bị sóng nhồi nghiêng ngửa và theo ngọn thủy triều lướt ra khơi.

“Chỉ nửa giờ nữa sức nước triều sẽ yếu hẳn – lúc ấy ta sẽ quay mũi chạy thẳng vào” - thuyền trưởng Warfield nói, giọng lộ vẻ cáu kỉnh qua những câu tiếp theo. “Thằng cha đó không có quyền gì để đặt tên là đảo Parlay. Trên bản đồ của bộ tư Lệnh Hải Quân, mà ngay trên bản đồ của người Pháp cũng thế, người ta đã chỉ rõ nó là đảo Hikihoho. Bougainville tìm ra nó và đặt tên nó theo thổ dân?”

“Tên là gì đi chẳng nữa thì có quan hệ gì” – viên quản lý hỏi và nhân câu chuyện đang nói dở, ngưng mặc áo lót mới xỏ được đôi tay. “Đấy, nó đấy, nằm ngay trước mũi ta đấy. Và lão Parlay đang ở đấy với mỏ ngọc trai”.

“Có ai nhìn tận mắt chỗ ngọc trai ấy chưa?”. Hermann hỏi, đưa mắt nhìn hết người này đến người kia.

“Ai mà chẳng biết” – viên quản lý đáp rồi quay sang phía người bẻ lái. “Này, Tai-Hotauri, kể cho họ nghe đi”.

Gã Kanaka, vừa hài lòng vừa cho là mình quan trọng, lấy qua rồi trả về một nấc bánh lái. “Tôi có người anh em mò ngọc cho lão Parlay được ba bốn tháng. Hắn biết nhiều chuyện về trăn châu lăm. Hikihoho là nơi nhiều ngọc”.

“Mà chưa một gã lái buôn ngọc nào dỡ nổi lão bán bớt cho họ lấy một viên ngọc” – viên thuyền trưởng nói xen vào.

“Người ta nói hồi dong buồm sang Tahiti, lão già mang theo một mũ đầy ngọc trai cho Armande con gái lão” – viên quản lý nói tiếp.

“Đấy là mười lăm năm về trước rồi. Từ ngày ấy đến giờ lão ta ắt phải có thêm nhiều nữa - đến sà cừ lão còn cất kỹ vào kho nữa là. Ai mà chẳng được nhìn tận mắt - vỏ trai chất đống, phải có tới hàng trăm tấn là ít. Nghe nói trai trong đầm mặn mò hết sạch rồi. Có lẽ vì vậy mà lão ta bắt tin mở cuộc bán đấu giá đấy”.

“Nếu quả thực lão ta muốn bán chỗ ngọc trai hiện có, thì số ngọc trai đem ra bán năm nay nhiều hơn hết từ trước tới nay trong khắp vùng Paumotus này” – Grief nói.

“Này, cho tôi hỏi cái đã.” Mulhall buột miệng ngắt ngang câu chuyện. Cũng như hầu hết những người khác, hắn rất bức dọc vì cơn nóng nùng hơi ẩm. “Tất cả những chuyện ấy là nghĩa làm sao? Thực ra lão tứ chiếng ấy là ai? Tất cả cái mỏ ngọc ấy làm gì vậy? Tại sao lại phải úp úp mở mở như vậy?”

“Đảo Hikihoho là tài sản của lão Parlay” – viên quản lý đáp. “Lão có một đồng trên châu, cả một gia tài đồ sộ, lão đã dành dụm không biết được bao năm rồi. Từ mấy tuần trước, lão loan tin sẽ đem chỗ ngọc ấy ra bán đấu giá cho lái buôn vào ngày mai. Anh có thấy mé trong đầm lô nhô biết bao nhiêu là cột buồm không?”

“Tám cái tất cả - Theo tôi thấy” - Hermann nói.

“Tụi chúng kéo nhau đến hòn đảo san hô nhỏ xíu như thế này làm gì mới được chứ?” – viên quản lý nói tiếp. “Cả năm, khô dừ sản xuất ở đây không đủ để chắt chắt đầy một chiếc thuyền buồm, chúng có đến cũng chỉ vì cuộc bán đấu giá. Cũng vì vậy, mà chúng ta mới có mặt nơi đây. Cũng vì vậy chiếc Nuhiva tí hon mới đang nhấp nhô mé sau đuôi chúng ta kia - mặc dầu tôi không đoán được ra là sức nó có thể mua nổi cái gì. Narii Herring, một người Anh lai Do Thái, vừa làm chủ nó vừa làm hoa tiêu. Tài sản của hắn là tính liêu lĩnh, nợ nần và hoá đơn mua chịu rượu ứt-ky. Về những món đó hắn quả là một thiên tài. Hắn mắc nợ quá nhiều đến nỗi không một thương gia nào ở Papeete lại không lo lắng cho số phận hắn. Họ phải cất công bày ra công việc để giao cho hắn. Họ buộc lòng phải làm thế - và Narii rất đắc ý được họ chăm lo cho như vậy. Giờ tôi chẳng nợ nần ai. Kết quả sẽ

ra sao? Nếu tôi chẳng may bị bạo bệnh ngã lăn quay ra ngoài bãi biển, người ta sẽ để mặc tôi nằm đấy cho đến chết. Họ đâu có mất mát gì. Nhưng nếu là NariiHerring thì lại khác. Giá hắn ngã bất tỉnh, thử hỏi có cái gì mà họ không làm để cứu hắn? Dù họ có hết sức cũng là không đủ đối với trường hợp hắn. Tiền của họ đọng trên thân hắn quá nhiều nên họ không dám để hắn nằm sượng nơi đó. Họ tất khiêng hắn về nhà họ, thân hành săn sóc, nâng giắc hắn như người em ruột. Tôi xin thưa để quý vị rõ là tính sòng phẳng trong việc trang trải nợ nần không còn được trọng vọng như xưa nữa”.

“Thằng cha Narii đó thì ăn thua gì đến việc này?” – gã người Anh sốt ruột hỏi. Và, quay sang Grief, hắn nói: “Tất cả cái câu chuyện trên châu ẩm ở này là nghĩa làm sao? Xin anh cho biết từ đầu”.

“Có chỗ nào sót các anh phải nhắc dùm đây nhé” – Grief dặn trước mấy người kia rồi bắt đầu kể. “Parlay là một lão già kỳ quặc. Căn cứ vào những điều tôi nhận xét về lão, tôi dám cả quyết rằng lão có phần hơi khùng. Dẫu sao, đây là sự tích lão Parlay, một người Pháp nguyên chất. Có lần lão bảo tôi là lão quê ở Paris. Tiếng lão nói quả là giọng Paris chính cống. Lão phiêu bạt sang đây từ hồi xa xưa. Buôn bán ngược xuôi và tất cả những việc khác. Cũng vì thế mà lão đặt chân tới Hikihoho. Đến đây để mậu dịch hồi mả mậu dịch còn giữ nguyên ý nghĩa của nó. Lão kết hôn với Nữ Hoàng trên đảo – theo đúng tục lệ thổ dân. Khi nữ chúa băng hà tất cả mọi thứ đều để lại cho lão. Dịch sỏi đột phát chỉ còn không quá một tá sống sót. Lão nuôi dưỡng họ, bắt họ lao tác và thành Quốc Vương. Quên không nói là trước khi băng hà, Nữ Hoàng sinh ra một công chúa. Đó là nàng Armande. Mới lên ba, nàng được cha gửi sang nhà dòng nữ tu ở đảo Papeete. Khi nàng lên bảy lên tám gì đó, cha nàng gửi nàng sang Pháp. Chắc anh đã bắt đầu hình dung ra được tình trạng ấy. Ngôi trường nhà dòng nữ tu tốt nhất và cao sang nhất bên Pháp chẳng phải là quá tốt đẹp đối với vị công nương con một vị chúa đảo kiêm tư bản của miền Paumotus. Chắc anh cũng rõ là người dân Pháp ở xứ họ không kỳ thị màu da. Nàng được giáo dục như một nàng công chúa và nàng cũng đĩnh ninh như thế. Nàng cũng lại tưởng mình là dân da trắng và chưa bao giờ nghĩ tới thảm họa phân chia chủng tộc, dù là trong cõi mộng”.

“Thế rồi tai hoạ giáng xuống. Lão già xưa nay tính vốn kênh kiệu, đồng bóng. Lão đóng vai một vị quân vương chuyên chế trên đảo Hikihoho đã quá lâu khiến lão ngỡ rằng đối với nhà vua và công chúa mọi sự đều tốt đẹp cả. Khi Armande vừa tròn đôi chín, lão cho người sang đón nàng về. Lão giàu nứt đổ đổ vách, theo lời thằng Bill người Mỹ thường nói. Lão xây toà nhà nguy nga ở Hikihoho và một biệt thự diêm dúa bên Papeete. Nàng phải đáp chuyến tàu thư từ Tân-Tây-Lan tới và lão thân hành lái chiếc thuyền buồm của lão đến Papeete đón nàng. Và lẽ ra lão đã ngăn chặn kịp thảm trạng ấy, bắt chấp các mục vợ người da trắng và lũ đầu bò ở Papeete, nếu không có cơn bão tố. Có phải là vào cái năm mà toàn thể đảo Manu Huni bị tàn phá và ngàn một nhân mạng chết toi không nhỉ?”.

Mấy người kia gật đầu xác nhận và thuyền trưởng Warfield nói: “Tôi đang ở trên chiếc “Magpie”, khi trận bão ấy thổi. Tụi tôi, toàn thể đoàn thủy thủ và gã đầu bếp nghĩa là tất cả chiếc “Magpie” - dạt sâu vào bờ đến một phần tư dặm giữa rừng dừa ở đầu Vịnh Taiohae xưa nay được coi là một hải cảng không bao giờ bị bão”.

“Vậy thì” – Grief tiếp, “Lão Parlay nhà ta cũng bị kẹt trong trận bão ấy và đến được Papeete với một mũ đầy trăn châu nhưng muộn mất ba tuần. Hắn phải cho kích chiếc thuyền buồm của hắn lên và mở một con đường dài nửa dặm mới đem được tàu trở ra biển”.

Trong thời gian ấy, Armande ở Papeete, mà chẳng ma dại nào buồn đến thăm viếng nàng. Theo đúng kiểu Pháp-lang-sa, nàng có đến thăm xã giao viên Thống Đốc và một vị bác sĩ hải cảng. Họ tiếp kiến nàng, nhưng không một con nào trong đám vợ dưới của chúng chịu ở nhà để tiếp hay đáp lễ nàng. Nàng bị gạt ra ngoài lề giai cấp – vô giai cấp - mặc dầu xưa nay nàng chưa hề nghĩ ra điều đó; và đó là lẽ lỗi tử tế nhất mà tụi chúng nghĩ ra để tỏ thái độ với nàng. Lúc ấy trên chiếc tàu tuần dương hạm Pháp có một gã trung uý vui vẻ trẻ trung. Gã mê nàng nhưng vẫn giữ vững được lý trí. Anh có thể mừng tượng được ra nỗi đau khổ của một thiếu phụ phong nhã, xinh đẹp, được dạy dỗ như con nhà thế phiệt, quanh mình lúc nào cũng có sẵn tất cả những gì là cái tốt, cái đẹp nhất nước Pháp cổ kính mà tiền bạc có thể mua được. Giờ thì anh có thể tự đoán được kết cuộc ra sao.” Hắn nhún vai “Trong biệt thự có một gã bồi người Nhật. Gã được mục kích cảnh ấy. Gã

nói nàng xử sự đúng tinh thần võ sĩ đạo. Cầm dao lá liễu – không thọc, không đâm, không vói vĩa trong việc tự huỷ - nàng cầm lưỡi dao lá liễu, thận trọng tỉ mỉ dao vào chỗ tim và vói cả hai tay, nàng từ từ và đều đặn đẩy dao vào yếu huyệt.

“Sự việc đã xảy ra, lão Parlay mới tới với mớ ngọc trai. Có một viên ngọc, theo lời đồn, riêng nó cũng đáng giá 6 vạn quan rồi. Lão Peter Gee từng thấy viên ngọc ấy và có bảo tôi là hắn đã trả tới số tiền ấy mà mua không được. Lão già điên hắn trong một thời gian ngắn. Người ta phải trói chặt lão tại câu lạc bộ Thuộc địa hai ngày liền”.

“Chú vợ lão, một thổ dân Paumotus già lụ khụ, cắt dây trói và thả lão ra” – viên quản lý góp lời.

“Rồi lão Parlay bắt đầu trả oán” – Grief nói tiếp. “Tương ba phát đạn vào người thằng trung uý chó má đó”.

“Hắn nằm liệt giường trong bệnh viện dưới tàu trong ba tháng” - thuyền trưởng Warfield nhắc.

“Lao cả một ly rượu vào mặt viên thống đốc; đấu súng tay đôi với viên bác sỹ hải cảng để rửa nhục; đánh đập gia nhân của hắn thật tàn nhẫn, đập phá tan hoang ngôi nhà thương, đánh một gã y tá gãy một xương quai xanh và một cặp xương sườn rồi dồng tuốt xuống tàu buồm của lão, mỗi tay một súng, thách gã quận trưởng cảnh sát và toàn thể lũ sen đầm bắt lão và dong buồm về Hikihoho. Người ta nói là từ ngày ấy đến giờ lão chưa hề rời khỏi đảo”.

Viên quản lý gật đầu đồng ý, “Mười lăm năm rồi mà lão chưa hề động đây”.

“Và góp thêm trăn châu vào kho tàng của lão,” – viên thuyền trưởng nói. “Lão già ấy tâm tính thất thường và điên dại. Nói đến lão cũng đủ làm tôi sợ hết vía. Thật là một gã Phần Lan chính cống”.

“Thế nghĩa là gì?” – Lý –Hùng hỏi.

“Điều khiển được thời tiết - dầu sao, đó cũng là niềm tin của thổ dân. Cứ hỏi gã Tai-Hotauri đứng kia thì rõ. Này, Tai-Hotauri, theo chú thì lão Parlay có tài gì trong lãnh vực thời tiết?”

“Lão quả là một hung thần,” gã thổ dân Kanaka trả lời.” Tôi biết rõ lắm. Nếu muốn có bão lớn, lão làm ra bão lớn ngay. Nếu lão không muốn

có gió chẳng có cơn gió nào đến”.

“Một lão phù thủy chính hiệu” – Mulhall nói.

“Mở trần châu ấy không mang lại may mắn đâu” – Tai-Hotauri buột miệng nói, đầu hấn lắc lư tỏ vẻ sợ hãi. “Lão nói là lão muốn bán. Cả đồng tàu buồm lũ lượt kéo đến. Lúc ấy lão mới làm bão lớn, rồi các ngài xem, ai nấy đều sẽ hết đời. Thỏ dân không ai là không nói thế”.

“Giờ đương mùa bão” - thuyền trưởng Warfield phá lên cười giọng bực dọc. “Lý của họ chẳng sai sự thực là mấy. Ngay lúc này đang có một cái chẳng lành sắp xảy ra: nếu chiếc Malahini ở cách xa đây ngàn dặm tôi mới thấy yên lòng được”.

“Lão quả có hơi điên” – Grief kết luận. “Tôi đã từng tìm cách dò quan điểm của lão. Tư tưởng của lão, xem ra thật hỗn độn. Trong suốt mười tám năm, lúc nào lão cũng chỉ nghĩ đến Armande. Lão hầu như tin tưởng rằng nàng vẫn còn sống chưa ở Pháp về. Đó là một trong những lý lẽ khiến lão khư khư giữ chắc mớ ngọc trai. Không lúc nào là lão không ghét cay ghét đắng người da trắng. Lão nhớ mãi rằng họ đã giết nàng, mặc dầu nhiều lúc lão quên bẵng là nàng đã chết”.

“Ê, gió của anh đi đâu rồi?”

Mấy cánh buồm trên đầu họ vắng gió chùng xuống. Thuyền trưởng Warfield làu nhàu tỏ vẻ bực dọc. Lúc nãy có gió mà trời đã oi nồng, bây giờ vắng gió, hơi nóng hầu như ngột ngạt. Mồ hôi tuôn thành dòng trên mặt họ; thỉnh thoảng, hết người này lại đến người kia hít những hơi dài, như cố lấy thêm không khí mà không biết.

“Lại có gió đây – xoay thêm tám nấc nữa. Kéo ngang cần căng buồm! Lẹ lên!”.

Đoàn thủy thủ Kanaka hấp tấp theo lệnh thuyền trưởng và trong năm phút, chiếc tàu buồm lao thẳng vào cửa đầm và tiến lên được một đoạn ngược dòng thủy triều. Cơn gió may lại tắt, để rồi lại từ trong hướng cũ thổi đến buộc đoàn thủy thủ phải đổi lại cánh và cần buồm.

“Chiếc Nuhiva đã tới đấy rồi” – Grief nói. “Nó đã xả máy. Coi nó lướt đi kìa?”

“Sắp sẵn rồi chứ?” - thuyền trưởng hỏi viên kỹ sư lai Bồ Đào Nha; đầu và vai hấn nhô ra khỏi chiếc cửa sổ tròn nhỏ ở ngay trước phòng ngủ. Hấn

đưa một mớ giẻ đầy mỡ lên lau bộ mặt nhễ nhại mồ hôi.

“Dĩ nhiên rồi” - hắn đáp.

“Cho máy chạy đi chứ?”

Viên kỹ sư lai vào phòng máy và một lát sau, ống khói kêu lụ xụ và khuấy bọt nước tung toé ở một bên mạn tàu. Tuy nhiên, chiếc tàu buồm không còn dẫn đầu được nữa. Chiếc thuyền buồm vuông mũi tiến được ba thước trong khi nó mới tiến được hai. Chẳng mấy chốc, chiếc thuyền nhỏ đã lên ngang hàng rồi vượt qua chiếc tàu lớn.

Trên boong thuyền toàn là thổ dân, và người đàn ông bẻ lái giờ tay vẫy để chào và cáo biệt một cách chế diễu.

“Thằng cha ấy là Narii Herring” – Grief bảo Mulhall. “Cái thằng cao lớn đứng sau bánh lái ấy, thằng đều cáng vô sỉ nhất mà cũng lật lọng nhất trong khắp vùng Paumotus”.

Năm phút sau, đám thủy thủ Kanaka trên tàu hò reo sung sướng khiến họ dòn mắt nhìn sang chiếc Nuhiva. Động cơ của nó đã liệt và họ đang bắt kịp nó. Đoàn thủy thủ trên chiếc Malahini nhảy lên như chơi chơi bám vào màn lưới chèo và hò chế giễu trong khi họ vượt qua; bị gió ép nghiêng sang một bên mạn, chiếc thuyền buồm nhỏ đang lùi dần theo nước thủy triều.

“Máy tàu ta cũng cừ đấy chứ?” – Grief tán thưởng, trong khi đám nước mặn trải rộng trước mắt họ và phương hướng được đổi để con tàu băng ngang mặt hồ tiến tới vùng bờ neo.

Thuyền trưởng Warfield trông sung sướng ra mặt, tuy gã chỉ làu nhàu: “Nó đáng đồng tiền bát gạo đấy chứ, đừng lo”.

Chiếc Malahini xông thẳng vào giữa đám tàu buồm và tìm chỗ đủ rộng để buông neo.

“Kìa lão Isaacs trên chiếc Dolly” – Grief nhận xét và giơ một tay lên vẫy chào. “Và kia là thằng cha Peter Gee trên chiếc Roberta. Không gì có thể giữ cho hắn khỏi xuất hiện ở một nơi bán ngọc như nơi này. Kìa gã Francini trên chiếc “Xương Rồng”. Có bao nhiêu lái buôn đều tụ họp tại đây. Lão Parlay ắt phải bán được giá cao”.

“Tụi chúng chưa sửa xong máy” - thuyền trưởng Warfield làu nhàu, giọng hỉ hả. Hắn đang đưa mắt ngang qua mặt hồ về nơi chiếc Nuhiva nhô

buồm qua rặng dừa thưa thớt.

II

Dinh thự của Parlay là một toà nhà gỗ nguynga hai tầng. Gỗ mua tận xứ California, về còn mái thì lợp tôn uốn. So với vòng đai mỏng manh của đảo san hô, trông nó quá so le: nó trải dài ra trên bãi cát mịn và đứng sừng sững trên giải cát khác nào một thứ quái vật khổng lồ từ lòng đất mọc chồi lên. Ngay sau khi thả neo, đám con buôn trên chiếc Malahini đã lên bờ và yết kiến chúa đảo cho phải phép. Các thuyền trưởng và lái buôn khác đã tề tựu đông đủ trong gian đại sảnh và đang quan sát mỏ trân châu sẽ được đem ra bán đấu giá hôm sau. Bọn gia nhân, toàn là thổ dân đảo Hikihoho và họ hàng của chủ nhân, lảng xảng đi đi lại lại rót uityt-ki và rượu bạc hà. Parlay cũng xen lẫn vào đám người từ chiếng, luôn miệng ba hoa hay cười diễu. Trông lão này chỉ còn là một thân tàn héo hắt, vang bóng của con người xưa kia đã từng có thời phương phi, lực lưỡng. Mắt lão trũng sâu, long lên sòng sọc, má lão hóp lõm hẳn xuống. Tóc lão đâm ra tua tủa hình như chỉ mọc thành từng đám. Bộ ria và râu mép dưới của lão đều được vuốt rẽ sang cùng một bên.

“Trời ơi!” – Mulhall khẽ lẩm bẩm. “Trông lão già này mình cứ ngỡ là một Nã Phá Luân Đệ Tam cao giò – nhưng đã mòn mỏi, má triệt, răn rúm. Mà lại ốm o loẻo khoẻo nữa. Thảo nào lão cứ phải ngoạo đầu sang một bên. Lão phải giữ cho thân thể được thăng bằng đi cho vững mà”.

“Sắp có bão rồi” – lão già nói với Grief thay câu chào. “Bác chắc phải quý ngọc lắm nên mới chịu lặn lội đến đây vào một ngày giở trời như hôm nay”.

“Ngọc của cụ thật là quý giá. Nếu có phải xuống hoả ngục tìm chúng, tôi cũng xuống ngay” – Grief cười lấy lòng và đảo mắt lướt qua đám trân châu bày la liệt trên mặt bàn.

“Trước đây từng có bao nhiêu người đã không quản ngại đường xa đến đây vì chúng” – lão Parlay ba hoa. “Thử coi viên kia xem!” Lão chỉ một viên ngọc trai tròn xoe, to bằng một hạt dẻ nhỏ, được đặt riêng trên một mảnh da hoẵng. “Bên Tahiti, có người đã trả tôi sáu vạn quan rồi đấy. Ngày mai người ta tất trả bằng giá ấy, có khi cao hơn, nếu họ may mắn thoát khỏi cơn bão. Xem nào, anh họ tôi - họ bên vợ mà – đã mò được viên trân châu

ấy. Hắn là thổ dân, chắc bác cũng dư biết. Hắn còn là một tay bộm giỏi. Hắn dấu kỹ viên ngọc. Thực ra, ngọc là của tôi. Em họ hắn, đồng thời là em họ tôi nữa, - ở đây ai cũng là họ hàng thân thích cả - giết hắn đoạt viên ngọc, rồi đáp thuyền buồm trốn sang bên Noo-Nau. Tôi đuổi theo nhưng chúa đảo Noo-Nau đã giết hắn cướp ngọc trước khi tôi đến kịp. Thưa phải, mỗi viên ngọc bày trên mặt bàn kia tượng trưng cho bao người đã bỏ mạng vì nó. Thuyền trưởng uống gì chứ? Trông bác lạ mặt quá. Bác mới đến vùng đảo này lần đầu phải không?”

“Đây là thuyền trưởng Robinson chỉ huy chiếc Roberta” – Grief giới thiệu.

Trong khi đó Mulhall bắt tay Peter Gee.

“Tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng trên đời này lại có nhiều trân châu đến thế” – Mulhall nói.

“Tôi cũng thế, tôi chưa hề thấy ngàn ấy ngọc tụ chung cùng một nơi và cùng một lúc” – Peter Gee công nhận.

“Chỗ ngọc này đáng giá tất cả bao nhiêu?” – Mulhall hỏi.

“Độ năm, sáu chục ngàn bảng Anh - ấy là theo giá bán cho nhà buôn chúng tôi. Bên Paris...” - hắn nhún vai.

Mulhall lau mồ hôi đọng trên mí mắt. Chung quanh ai nấy đều vã mồ hôi như tắm và thở hít những hơi dài. Nhà chủ không có nước đá, tân khách phải uống uyết-ki hay rượu bạc hà hâm hãm nóng.

“Vâng” – Parlay ba hoa. “Bao vọng hồn đang phảng phất quanh chiếc bàn kia. Tôi thuộc sự tích những viên ngọc ấy, từng viên một. Bác coi bộ ba kia - giống hệt nhau phải không? Một thợ lặn quê bên Đảo Phục Sinh mò được chúng cho tôi nội trong một tuần. Ngay tuần sau hắn bị cá mập đớp cụt mất một tay; sau hắn chết vì máu nhiễm độc. Cái viên ngọc méo mó to tướng kia lại chẳng đáng giá bao nhiêu; ngày mai, có ai trả giá hai chục quan mua nó, tôi cũng tự cho là hên rồi - phải lặn xuống sâu hai mươi hai sải mới vớt được lên đây. Gã thợ lặn là thổ dân đảo Rarotonga. Hắn đã phá bao kỷ lục về môn lặn. Hắn phải lặn xuống tới hai mươi hai sải mới mò được nó. Tôi được chứng kiến hắn lặn mà. Chắc hắn lặn mà nỗ phổi, hoặc chất đạm nổi phao trong máu hắn, hoặc cả hai cùng một lúc, bởi vì lên bộ được hai tiếng thì hắn nghèo. Lúc chết hắn ta hét rùm trời, ở xa hàng mấy

dậm còn nghe thấy tiếng hấn rú. Xưa nay tôi chưa từng thấy một gã thổ dân nào lực lưỡng hơn hẳn. Trong đám thợ lặn của tôi, có tới nửa tá chết vì chứng chất đạm nổi phao trong máu. Và sẽ còn nhiều người phải chết - nhiều người chết nữa”.

“Thôi xin cụ im miệng đi cho” - một thuyền trưởng cự Parlay. “Trời thế này làm gì có bão”.

“Nếu tôi còn trẻ và khoẻ mạnh, tôi đã rút neo và chuẩn cho lẹ” – lão già cãi lại với giọng đã the thé vì tuổi tác. “Nếu tôi mà còn trai tráng, nhất là khi còn thưởng thức được hương vị của rượu, thì tôi đã chuẩn rồi. Nhưng các bác thì không. Chẳng ai chịu ra về đâu. Tôi đã không khuyên các bác nếu tôi biết là các bác muốn chuẩn. Ai mà xưa được đám điều hâu bay khỏi cái xác thối trương chứ? Nào, các bác, ta uống thêm ly nữa chứ. A ha, vì mấy viên ngọc trai khôn khở mà bao người coi thường mọi hiểm nguy! Đây, bao vưu vật còn nằm trơ ra đó. Mai nhất định bán đấu giá, đúng mười giờ. Lão Parlay đã chịu đem của báu ra bán hết và bây giờ điều hâu đang xúm lại quanh – Parlay nay đã già rồi, nhưng hồi trai tráng, còn cường kiện hơn bất cứ một chú điều nào và sẽ được mục kích hầu hết bây giờ ấy đi đến chỗ tử vong”.

“Có phải lão đúng là một quái vật quỷ quyết không?” – viên quản lý của chiếc Malahini rĩ tai Peter Gee.

“Nếu quả có bão thì đã sao?” - thuyền trưởng chiếc Dolly nói. “Đảo Hikihoho chưa từng bị bão mà”.

“Như thế càng chắc chắn lần này thế nào nó cũng bị” - thuyền trưởng Warfield trả lời một cách bi quan. “Tôi không tin ở đây được an toàn lắm”.

“Giờ thì ai ba hoa vậy?” – Grief trách.

“Tôi rất ân hận nếu phải mất bộ máy mới toanh trước khi mình được sử dụng nó đã đời” -thuyền trưởng Warfield đáp giọng rầu rĩ.

Parlay nhanh nhẹn băng qua gian phòng chật ních những người đến chỗ tường treo phong vũ biểu.

“Này, các bạn vàng, mau lại đây xem thử” – lão sung sướng reo lên. Gã đứng gần nhất chăm chú nhìn chiếc ống thủy tinh. Trông gã hốt hoảng ra mặt.

“Tụt xuống mười độ rồi” – gã chỉ nói được có thế. Tuy nhiên ai nấy đều lo lắng và cảm thấy bứt rứt như muốn bước ngay ra phía cửa.

“Thử lắng nghe coi?” – Parlay ra lệnh.

Qua màn im lặng, tiếng sóng biển bên ngoài có vẻ réo to khác thường. Từ xa, vọng lại tiếng biển gầm dữ dội.

“Biển bắt đầu động rồi” - một người trong bọn nói: Mọi người đổ xô ra tụ tập bên mấy khung cửa sổ.

Họ đưa mắt nhìn qua rặng dừa thưa thớt về phía biển khơi. Từng đợt sóng cao, đều đặn, nối đuôi nhau tung mình vào bờ san hô. Trong chốc lát, họ lặng ngắm cái cảnh kỳ lạ đó và trầm giọng bàn tán với nhau. Và, trong mấy phút ngắn ngủi đó, ai cũng phải nhận thấy rằng sóng biển mỗi lúc một lớn thêm. Cái cảnh trùng dương dâng sóng trong khi không có lấy một hơi gió thoảng thật là ghê rợn. Họ tự nhiên hạ thấp giọng xuống. Giọng ba hoa the thé đột ngột của lão Parlay làm họ giật mình và bực dọc.

“Quý vị còn thừa chán thì giờ để ra kịp ngoài khơi. Quý vị có thể dùng xuồng sẵn kéo tàu băng qua đầm mặn”.

“Này cụ, chẳng hề gì đâu” - Darling, phó thuyền trưởng chiếc “Xương Rồng”, một gã trai tráng lực lưỡng trạc hăm lăm nói. “Bão thổi về hướng Nam qua đây rồi đi thẳng. Ở đây, chúng ta không bị một chút ảnh hưởng nào của nó”.

Trong phòng ai nấy đều cảm thấy nhẹ nhõm. Người ta lại bắt đầu bàn chuyện, giọng họ mỗi lúc một ồn ào hơn. Một số con buôn còn đủ gan trở lại bên bàn xem lại mớ ngọc trai. Giọng the thé của Parlay cất cao hơn nữa.

“Quý vị có lý lắm” – lão khuyến khích. “Dù giờ tận thế có đang điềm đi chẳng nữa, các bạn cứ việc mà mua bán”.

“Ngọc này, ngày mai tui tôi phải mua cho bằng được” - Isaacs cam quyết với lão.

“Nếu vậy quý vị ắt phải xuống tận âm ty mà mua”.

Cả bọn phá lên cười ra vẻ không tin, càng khiến lão già sốt tiết. Lão hùng hổ quay hỏi Darling.

“Cái thứ nhãi ranh như chú bắt đầu am hiểu về giông bão từ thuở nào vậy? Ai là kẻ sắp đặt lộ trình cho bão tố trong vùng Paumotus này? Chú học hỏi điều ấy ở những sách nào vậy? Ta đã từng dong duỗi khắp vùng

Paumotus trước khi đưa già nhất trong bọn chú ra đời, ta biết chứ. Về phía đông, những đường càn quét của bão táp đều nằm trên một vòng tròn trải qua quá rộng đến nỗi chúng thành hình một đường thẳng. Về phía tây nơi này, chúng hợp thành một vòng cung hết sức cong. Hãy nhớ lại bản đồ của chú. Làm sao mà trận bão năm 1891 lại tàn phá Auru và Hiolau? Vì vòng cung đó, chú em! Chỉ độ một, hai hay nhiều nhất là ba tiếng nữa, gió sẽ bắt đầu thổi. Hãy đóng tai mà nghe”.

Một tiếng sóng đồ ăm làm rung động cả nền móng đặc san hô. Ngôi nhà cũng rung chuyển theo. Bọn gia nhân bản xứ, tay còn cầm những chai uýt-ki và rượu bạc hà, xúm xít lại với nhau như để che chở lẫn cho nhau, và dương cặp mắt thao láo vì sợ hãi trần trối nhìn qua cửa sổ ra phía đợt sóng dững mãnh tung mình vào sâu trên bờ biển lên đến tận góc nhà kho chứa khô dừa.

Parlay quay lại nhìn chiếc phong vũ biển, cười sặc sụa và đưa mắt liếc quanh đám tân khách. Thuyền trưởng Warfield bước ngang phòng tới nhìn góp.

“Hăm chín độ bảy mươi lăm” - hắn đọc to. “Lại tụt thêm năm độ nữa. Lão già yêu quái này nói đúng đấy. Bão đang đến đây. Riêng tôi, tôi muốn trở về tàu ngay”.

“Trời mỗi lúc một tối sầm lại” - Isaacs lại nói như rên rĩ.

“Trời! Có khác gì trên sân khấu không chứ?” – Mulhall nói với Grief, mặt nhìn đồng hồ. “Mới mười giờ sáng mà xem như đã chạng vạng tối. Ánh sáng tắt dần để mở đầu vở kịch. Sao chưa thấy điệu nhạc chậm ấy nhỉ?”

Như để đáp lại lời gã, một làn sóng khác ào ạt ồ vào bờ làm rung chuyển cả đảo san hô lẫn toà nhà. Gần như hoảng hốt, đám tân khách kéo nhau ra cửa. Trong ánh sáng mờ nhạt, bộ mặt đầm mồ hôi của họ trông thật ghê rợn. Isaacs ho rũ rượi như lên cơn suyễn trong bầu không khí oi nồng đến ngột ngạt.

“Vội vã làm gì thế các bồ?” – Parlay cười nức nở, chế giễu đám tân khách ra về. “Uống ly chót đã nào!”. Không ai buồn để ý đến lão. Trong khi họ bước xuống con đường trải mảnh ốc vụn đi ra bãi biển, lão thò đầu ra cửa gọi với: “Này, quý ngài, đừng có quên là đúng mười giờ sáng mai lão Parlay bán ngọc đấy nhé”.

III

Ngoài bãi biển đang diễn ra một cảnh tượng kỳ quặc. Hết xuồng săn này đến xuồng săn kia được vôi vãi chèo đi. Trời tối xầm hơn nữa. Gió vẫn lặng và với mỗi đợt sóng dội mạnh vào bờ biển phía ngoài, bãi cát lại rung chuyển dưới chân họ. Narii Herring ung dung dạo bước dọc theo bờ cát. Hắn tủm tỉm cười khi nhận thấy vẻ hấp tấp hiện rõ trên mặt đám thuyền trưởng và lái buôn. Theo sát hắn là ba thủy thủ Kanaka trên tàu hắn và Tai-Hotauri.

“Mau xuống xuồng giúp một tay chèo chứ” - thuyền trưởng Warfield ra lệnh cho gã này.

Tai-Hotauri chậm rãi bước tới, mặt vênh vênh, trong khi Narii Herring và mấy thủy thủ Kanaka dừng lại cách họ chừng bốn chục bước, nhìn theo.

“Thuyền trưởng, tôi không giúp việc cho ông nữa” – Tai-Hotauri to tiếng nói, giọng hỗn hào; nhưng vẻ mặt của hắn lại không phù hợp với ý nghĩa lời hắn nói, bởi vì hắn nháy mắt một cái. “Xin thuyền trưởng đuổi tôi đi” - hắn hạ giọng thì thầm, mắt nháy thêm một cái đầy ý nghĩa.

Thuyền trưởng Warfield hội ý và cũng bắt đầu đóng kịch. Ông cất cao giọng nói và giơ nắm đấm.

“Quân chó má, có xuống xuồng ngay không thì bảo?” – ông quát: “Liệu xác, không thì tao đánh cho thấy ông bà ông vải”.

Gã Kanaka vội vàng lùi bước và Grief bước vào giữa can ngăn thuyền trưởng.

“Tôi sang làm việc bên chiếc Nuhiva” – Tai-Hotauri miệng nói chân bước vào nhập bọn nhóm người kia.

“Trở lại đây ngay” – viên thuyền trưởng nạt nộ.

“Này thuyền trưởng, hắn đâu có phải là nô lệ” – Narii Herring lên tiếng. “Hồi xưa hắn đã từng đi biển với tôi. Bây giờ hắn trở về với tôi thì có gì là lạ?”

“Thôi ta đi. Ta phải về tàu ngay” – Grief giục giã. “Anh có thấy là trời mỗi lúc một tối sầm không?”

Thuyền trưởng Warfield đành nhượng bộ, nhưng trong khi con xuồng lướt ra xa, ông đứng trong đám dây chèo đàng đuôi và giơ nắm tay nắm đấm về phía bờ biển.

Ông thét lớn “Narii, rồi sẽ có ngày ta thanh toán với mi. Trong giới thuyền trưởng chỉ có mi chuyên cướp giết thủy thủ của người khác”. Ông ngồi xuống và hạ giọng hỏi: “Này, thằng Tai-Hotauri có ý gì vậy? Nó đang mưu mô một việc gì, nhưng việc gì mới được chứ?”.

IV

Con xuồng vừa ép sát mạn tàu Malahini thì Hermann nhô đầu ra khỏi hàng lan can đón họ, mặt lộ vẻ lo âu.

“Phong vũ biểu như muốn tụt xuống tận đáy” - hấn báo tin “Sắp bão lớn rồi. Tôi đã cho nối thêm dây neo bên mạn phải”.

“Nối thêm dây neo lớn nữa” - thuyền trưởng Warfield hạ lệnh và đứng ra chỉ huy. “Bảo mấy người kéo xuồng lên chứ. Thả xuồng xuống boong, úp sập, rồi buộc chặt lại”.

Trên boong những tàu buồm khác, thủy thủ hập tấp làm việc. Đâu đâu cũng vang tiếng dây xích được nối dài kêu loảng xoảng. Hết tàu này đến tàu khác xô dịch, chuyển hướng và buông thêm neo.

Cũng như chiếc Malahini, những tàu nào có ba mỏ neo đều sửa soạn thả nốt chiếc thứ ba giữa lúc gió hồng nổi lên và chỉ rõ phương hướng xuất xứ của gió.

Tiếng sóng lớn đánh vào bờ mỗi lúc một gầm to hơn, mặc dầu mặt hồ vẫn phẳng lặng như gương. Nơi mà toà nhà nguy nga của lão Parlay đứng sừng trên bãi cát vắng tanh vắng ngắt. Dãy nhà kho chứa xuồng, khô dừa và vỏ xà cừ không một bóng người qua lại.

“Chỉ cần hai xu là tôi rút neo ngay và cuốn xéo thật mau” – Grief nói. “Nếu ta đang ở ngoài khơi thì tôi nhất định biến rồi. Nhưng với những vách san hô ở phía Bắc và phía đông liên tiếp bao quanh, chúng ta có khác gì nằm trong rọ. Ở nguyên đây, chúng ta còn có cơ thoát khỏi. Thuyền trưởng Warfield, ông nghĩ sao?”.

“Tôi đồng ý với ông, mặc dầu tôi cho rằng mặt đầm nước mặn chẳng phải là vùng ao yên ổn để độ qua trận bão này. Không hiểu nó đã tràn vào lối nào? Kìa, một nhà kho chứa dừa khô của lão Parlay bị cuốn đi rồi”.

Họ còn kịp thấy ngôi nhà kho lợp tranh bị nâng lên rồi đổ sập, trong khi một làn bọt sóng lướt qua mồm cát trôi xuống dần.

“Phá thông rồi!” – Mulhall reo to. “Như thế mới đáng mặt tướng tiên phong chứ. Kia, nó lại dâng lên nữa kia!”.

Ngôi nhà kho bẹp dẹt lúc này bị hất tung lên rồi vút lại trên mồm cát. Đợt sóng thứ ba chẻ nó ra thành từng mảnh bị quán xuôi triều dốc xuống đầm.

“Giá bão nổi ngay, có gió mặt mình cũng đỡ khổ” - Hermann lầu nhàu. “Tôi thấy khó thở quá. Nóng đêch gì mà nóng quá thế này. Tôi thấy trong người háo như lò lửa ấy”.

Hắn rút con dao găm dày bản ra khỏi bao, bỏ một trái dừa non rồi tu hết nước. mấy người kia cũng bắt chước theo, chỉ ngừng uống mỗi một lần để theo dõi một ngôi nhà kho chứa xà cừ của Parlay sụp đổ tan tành. Bây giờ phong vũ biểu chỉ hai mươi chín độ rưỡi.

“Ta phải ở gần giữa vùng khí áp thấp” – Grief nhận xét với giọng vui vẻ. “Từ trước đến giờ, tôi chưa từng được ở vào điểm trung tâm của một trận bão. Mulhall, anh nên nhân dịp này rút thêm ít kinh nghiệm. Cứ theo tốc độ phong vũ biểu đang tụt xuống, trận bão này ắt phải to lắm”.

Thuyền trưởng Warfield thốt lên mấy tiếng làm bầm và ai nấy đều đảo mắt nhìn về phía ông. Ông đang dương viễn vọng kính quét dọc theo chiều dài đầm nước mặn chạy về phía đông nam.

“Bão đến rồi đấy” – ông thản nhiên nói.

Họ chẳng cần có viễn vọng kính cũng nhìn thấy. Trên mặt hồ mặn hình như hiện ra một lớp màn mỏng bị thủng lỗ chỗ trông thật quái đản, di động như bay. Đi trước nó, dọc theo đảo san hô, và di động với cùng một vận tốc là một cơn gió mạnh khiến rặng dừa phải rạp ngọn xuống và các tàu dừa lơ lửng tung bay phấp phới. Đường ranh trước của cơn gió trên mặt biển là một giải nước sẫm màu, gợn sóng, hợp thành một khối có giới hạn rõ rệt. Từng đợt gió mạnh mở đường cho giải nước ấy giạt từng cơn khác nào từng loạt súng bắn lẻ tẻ. Phía sau giải nước là một vùng biển trông phẳng lặng như tấm kính rộng chừng một phần tư dặm, rồi đến một giải nước sẫm nữa lộng gió và sau đó đầm nước mặn nhấp nhô sóng nhỏ, tung bọt trắng phau róc sôi sùng sục.

“Cái giải phẳng lặng ấy là cái gì vậy?” – Mulhall hỏi.

“Vùng lặng gió chứ gì” – Warfield đáp.

“Thế sao nó cũng đi nhanh ngang gió” – gã kia bắt bẻ.

“Nó phải di chuyển theo gió chứ, nếu không nó tắt bị gió tràn lên và sẽ chẳng còn vùng lặng gió nữa. Thứ này là bão “hai đầu”. Tôi đã có lần gặp phải một cơn phong ba dữ dội chẳng kém gì ngoài khơi đảo Savali. Một trận bão hai đầu chính cống. Chúng tôi bị tạt một lần rồi thấy phẳng lặng như tờ. Sau đó chúng tôi bị tạt thêm lần nữa. Chúng tôi chỉ còn nước đứng nguyên một chỗ chờ nó thổi qua. Bão đến rồi đó. Coi kìa, chiếc Roberta”.

Chiếc Roberta buông dây neo chùng nằm gần gió nhất, bị thổi dạt sang một bên mạn như một cọng rơm. Thế rồi dây xích lại kéo nó đứng thẳng mũi dấy hướng theo chiều gió, thân tàu chòng chênh dữ dội. Hết chiếc tàu này đến chiếc tàu khác - kể cả chiếc Malahini - đều bị tạt nghiêng theo trận gió đầu đề rồi lại đứng thẳng dấy với sợi dây xích bị kéo thẳng căng.

Khi chiếc Malahini chòng chênh theo sức giật của dây neo. Mulhall và phần lớn đoàn thủy thủ Kanaka loạng choạng suýt ngã.

Thế rồi gió tắt. Giải biển lặng sóng di động như bay đã lên tới chỗ họ. Grief đánh một que diêm và ngọn lửa đề trần cháy đều không nhấp nháy trong bầu không khí yên lặng. Khắp vùng chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng ảm đạm. Màn mây giăng kín bầu trời, trong suốt mấy giờ qua, mỗi lúc một hạ thấp xuống và lúc này hình như đã là hẵn xuống mặt biển.

Cũng như chiếc Roberta, trong khoảnh khắc, tất cả các thuyền buồm đều lần lượt căng dây xích khi đầu thứ hai của trận bão thổi tới. Mặt biển trắng ngàu những bọt nước réo lên sùng sục, cuộn mình thành những đợt sóng nhỏ tung toé. Bổng tàu Malahini rung động dưới chân họ. Những sợi chèo dương buồm bị kéo căng đập mạnh vào các cột buồm để lại những đường vằn, và toàn thể màn lưới chèo reo vi vu như thể bị một bàn tay mạnh mẽ gây lên thành tiếng. Nếu đứng hướng mặt về phía gió thì không tài nào thở được. Nằm rạp đằng sau phòng ngủ kín gió cùng với những người khác, Mulhall tìm ra chân lý ấy. Trong khoảng khắc gió lùa vào lồng ngực gã một thể tích không khí quá lớn lao đến nỗi gã không kịp thở ra, khiến gã suýt chết ngạt trước khi gã kịp quay đầu sang phía khác.

“Thật là ghê gớm” – gã hôn hên nói; nhưng không ai nghe rõ lời gã.

Hermann và phần đông đoàn thủy thủ Kanaka đang bò lồm ngồm về phía mũi để thả nốt chiếc neo thứ ba. Grief vỗ vai thuyền trưởng Warfield

và chỉ sang chiếc Roberta. Con tàu đang bị dạt về phía họ. Warfield kê miệng sát tai Grief hét:

“Mình cũng bị dạt mà!”.

Grief vùng dậy chạy đến xoay bánh lái ngược lại, điều khiển chiếc Malahini lượn sang bên trái. Mỏ neo thứ ba bám chặt. Chiếc Roberta trôi qua, đuôi đi trước, cách họ trên chục thước. Họ vẫy tay chào Peter Gee và thuyền trưởng Robinson đang làm việc ráo riết đằng mũi cùng với một số thủy thủ.

“Hắn đang chặt đứt vòng xích buộc neo” – Grief hét, “Hắn định mạo hiểm vượt cửa đầm. Bất đắc dĩ mà. Neo nào cũng trơn tuột”.

“Tàu mình đứng vững rồi” – có tiếng ai hét lon trả lời. “Coi kìa chiếc Xương Rồng đang lao về phía chiếc Misi. Thế là chúng rời đời”.

Chiếc Misi nguyên lúc trước có thể đứng vững một mình, nhưng bây giờ lại bị gia thêm sức cản gió quá mãnh liệt của chiếc Xương Rồng, nên cả hai đều bám dính vào nhau trôi tuột đi băng qua mặt đầm rêu sùng sục, trắng phau bọt sóng. Người ta thấy thủy thủ trên hai con tàu mải miết, nào chặt, nào đẩy gỡ chúng rời nhau ra. Chiếc Roberta, đã đứt neo, phía mũi trưng một mảnh vải bạt đang hướng mũi lao về phía cửa biển ở tận đầu Tây Bắc của đầm nước mặn. Họ thấy con tàu vượt được qua cửa và chạy thẳng ra khơi. Tuy nhiên, chiếc Misi và chiếc Xương Rồng không sao rời được nhau ra. Cả hai bị thổi bạt lên bờ đảo san hô cách cửa biển nửa dặm.

Giông tố mỗi lúc một thổi mạnh thêm. Để chịu đựng toàn thể sức gió thổi, người ta phải dồn tất cả sức lực trong mình, bò bốn chân trên boong ngược chiều gió, trong một lúc là người nào cũng thấy mệt nhoài. Cùng với mấy thủy thủ Kanaka, Hermann vẫn gắng công bò lên, nào chằng nào buộc, luôn tay thêm dây neo chặt mép buồm vào cột. Gió xé tan manh áo lót mỏng và giạt từng mảng ra khỏi lưng họ. Họ di động hết sức chậm chạp như thể người họ nặng hàng tấn, không bao giờ dám buông một tay trước khi tay kia đã nắm vững. Những đầu chèo thừa nhô ngang ra, trông cứng nhắc. Sau khi bị giạt, các đầu chèo đứt dờn ra và bay đi mất.

Mulhall lần lượt vỗ vai từng người rồi chỉ về phía bờ biển. Dây nhà kho lợp tranh đã biến mất và toà nhà của Parlay đang lung lay như say rượu. Vì lẽ giông tố thổi dọc theo chu vi đảo san hô, ngôi nhà được che chở nhờ

rặng dừa mọc thành hàng dài hàng mấy dặm; nhưng những đợt sóng biển lớn, từ mé ngoài vỗ mạnh vào trong, đang rì nát nền móng và đập phá nó thành mảnh vụn. Nó đã xiêu hẳn xuống triền đồi cát, và chẳng mấy chốc giờ lâm chung của nó sẽ đến. Đây đó, người ta thấy thổ dân tự trói mình vào những thân dừa. Rặng dừa không lay động hay nghiêng ngả gì. Gió bẻ cong ngọn chúng xuống và chúng ở nguyên thế đó trong khi tàu lá rên rĩ nghe đến rợn người. Phía dưới, những ngọn sóng bạc đầu tung mình băng qua bãi cát.

Dọc theo chiều dài của đầm mặn, biển cũng đang động dữ dội. Nó có thừa chỗ để tung mình trong khoảng mười dặm trải rộng từ riềm đón gió của đảo san hô, và không một chiếc tàu nào là không chúi hay nhô mũi. Chiếc Malahini bắt đầu hụp chúi đầu và ngọn cột cái dưới những đợt sóng lớn, và đôi lúc, nước biển tạt lên boong cao ngang mặt dây lan can.

“Giờ đến lúc sử dụng động cơ của anh đó” – Grief hô lớn. Thuyền trưởng Warfield bò tới chỗ viên kỹ sư đang nằm và hét to để ra lệnh rồi rít.

Nhờ sức máy chạy hết tốc lực về phía trước, chiếc Malahini lấy lại được đôi chút thăng bằng. Mặc dầu sóng vẫn tràn lên đằng mũi, nó không còn bị mấy chiếc neo giật mạnh trở lại như lúc trước nữa. Mặt khác, nó vẫn không thêm được chút dây xích nào. Chạy hết sức, giới lăm bộ máy bốn chục mã lực của nó cũng chỉ có thể làm chảo bớt căng thẳng mà thôi.

Gió vẫn tăng sức mạnh. Chiếc Nuhiva bé nhỏ, nằm trước chiếc Malahini và gần bờ biển hơn, động cơ vẫn chưa sửa xong và thuyền trưởng còn ở trên bờ, đang trải qua một thời gian khôn đồn. Nó lặn hụp quá nhiều lần và quá sâu đến nỗi lần nào họ cũng phập phồng chỉ sợ nó không sao thoát khỏi sóng nước.

Lối ba giờ chiều, bị chôn vùi với đợt sóng thứ hai trước khi nó kịp gỡ mình ra khỏi làn sóng trước, nó không ngoi lên được nữa.

Mulhall nhìn Grief.

“Nước biển tràn vào qua các cửa sổ của nó rồi” – Grief hét to trả lời.

Thuyền trưởng Warfield chỉ sang chiếc “Winifred” - một chiếc tàu buồm nhỏ đang hụp lặn mé ngoài họ, và quát vào tai Grief. Giọng ông vang lên thành từng chuỗi yếu ớt, thỉnh thoảng lại bị ngắt bằng những quãng yên lặng mỗi khi bị giông tố gào thét thổi tạt đi.

“Nó có khác gì một chiếc bồn tắm nhỏ nhoi đã rửa nát... Neo bám vững... Nhưng làm sao nó tránh khỏi bị tan thây được... Cũ kỹ như thuyền của cụ Noah ấy”.

Một giờ sau, Hermann chỉ sang phía nó. Mấy chiếc cột con, cột cái phía trước và phần lớn mũi tàu bị biến mất vì bị mấy chiếc neo giật đứt khỏi thân tàu. Nó nghiêng về một bên mạn, lún mình trong luống trũng giữa hai làn sóng rồi chúi hẳn đầu xuống; và ở thế đó nó bị cuốn đi theo chiều gió.

Giờ chỉ còn lại năm chiếc tàu, và chỉ có chiếc Malahini là gắn thêm động cơ. Sợ cùng chung một số phận với chiếc Nuhiva hay chiếc Mildred, hai chiếc nữa đành theo gương chiếc Roberta chặt đứt vòng dây neo và lao về phía cửa bể. Chiếc Dolly dẫn đầu nhưng cánh buồm của nó bị gió cuốn mất, và nó đi đến chỗ tử vong ở riềm khuất gió của đảo san hô, gần chiếc Misi và chiếc Xương Rồng. Thấy thế, chiếc Moana vẫn không sờn lòng, chặt neo và theo sau để đi đến cùng một kết quả.

“Máy cừ đây chứ hả?” - thuyền trưởng Warfield hỏi vọng sang phía chủ thuyền.

Grief giơ tay bắt. “Đáng đồng tiền bát gạo lắm” - hắn la đáp lại. “Gió đang đổi hướng lượn về phía nam, tàu ta sẽ bớt chòng chành”.

Từ từ và đều đặn nhưng với tốc lực mỗi lúc một tăng, cuồng phong lượn vòng xuống phía nam và phía tây nam; cho đến khi cả ba chiếc tàu buồm còn sót lại đều hướng thẳng mũi vào bờ. Cái xác nhà của Parlay bị thổi tung xuống đầm mặn và bị đẩy hất về phía họ. Nó bay qua chiếc Malahini, rớt xuống chiếc Papara nằm cách đuôi nó chừng một phần tư dặm. Đoàn thủy thủ chiếc Papara hồi hả ra công phá, gỡ và chừng một khắc sau xác nhà được đẩy ra khỏi tàu nhưng cũng mang theo chiếc cột buồm mũi và bộ buồm phụ trước mũi.

Gần bờ biển, về phía trước mũi họ là chiếc Tahaa, thon nhỏ giống như chiếc du thuyền nhưng lại lắp quá nhiều cột buồm. Mấy chiếc neo của nó vẫn còn bám vững nhưng viên thuyền trưởng thấy gió không bớt sức lộng, bắt đầu tìm cách giảm sức gió cản, bằng cách chặt dây các cột buồm trên tàu.

“Máy ta cừ quá” – Grief khen viên thuyền trưởng. “Cũng may có nó ta đỡ phải chặt cột buồm”.

Thuyền trưởng Warfield lắc đầu ra vẻ hoài nghi.

Vùng biển trong vùng nước mặn lặn sóng dần với hướng gió đổi thay; nhưng họ bắt đầu cảm thấy sức tung dồn của biển cả mé ngoài vỗ qua mặt đảo san hô. Rặng dừa không sót lại mấy cây. Một số bị gãy ngang thân: mấy cây khác bị tróc gốc. Họ được chứng kiến cảnh một nửa thân cây bị bẻ gãy rời; trên có ba người bám chặt, và bị cuồng phong lôi cuốn xuống đầm mặn. Hai người rời thân cây bơi về phía chiếc Tahaa. Một lát sau, ngay trước khi chìm xuống, họ thấy một người từ đuôi chiếc tàu nhảy xuống nước và mạnh mẽ bơi sải về chiếc Malahini qua những đợt sóng nhỏ nhấp nhô tung bọt trắng ngần.

“Đó là Tai-Hotauri” - Grief đoán. “Giờ thì ta biết tin đây”.

Gã thổ dân Kanaka bám vào sợi dây chèo ở đầu mũi, trèo lên đầu tàu và bò về phía đuôi. Hắn dành được đủ thời gian để lấy lại hơi sức và nấp sau phía khuất gió của căn phòng, gã kể lại câu chuyện qua những lời ngắt quãng và phần lớn nhờ cách giơ tay làm hiệu.

“Narii... Đạo tặc khôn khiếp. Nó muốn cướp ngọc trai. Một đứa giết Parlay... Không biết là đứa nào... Ba thằng Kanaka, Narii, tôi... Năm hạt đậu... Narii nói một hạt đen... Chẳng ai biết... Giết Parlay... Narii gian dối khôn khiếp... Viên nào cũng đen... Năm đen... Kho khô dừa tối ngòm... Người nào cũng được viên đen... Gió lớn đến... Không cách gì... Ai nẩy lên cây... Ngọc trai mang vận xui; trước kia tôi từng nói với ông thế... Không may mắn đâu”.

“Parlay bây giờ ở đâu?” – Grief thét lên hỏi.

“Trên cây... Ba thằng Kanaka của nó cũng ở cây ấy; Narii và một thằng Kanaka nữa ở cây khác... Cây của tôi bị tróc gốc, thế rồi tôi về tàu”.

“Mớ ngọc trai ở đâu?”

“Trên cây cùng với Parlay, có lẽ Narii lấy được ngọc rồi”.

Grief lần lượt thét vào tai từng người kể lại câu chuyện của Tai-Hotauri, riêng thuyền trưởng Warfield nổi cơn thịnh nộ và họ thấy ông nghiêng răng kèn kẹt.

Hermann xuống phía dưới rồi trở lên, tay cầm mỗi cây đuốc nhưng đúng lúc vừa giơ lên quá vách phòng nó bị gió thổi tắt ngóm. Hắn may mắn

hơn với cây đèn lồng xem địa bàn được thấp sáng, sau khi họ thay phiên nhau bao lần hoài công cố gắng châm lửa.

“Đêm nay gió mới lộng chứ” – Grief hét vào tai Mulhall “và mỗi lúc lại thổi mạnh thêm”.

“Mạnh thế nào?”

“Một trăm dặm một giờ - hai trăm cũng nên. Tôi cũng không biết nữa. Chưa bao giờ tôi thấy gió thổi mạnh hơn”.

Đầm mặn mỗi lúc một chuyển động mạnh vì sức sóng biển tràn vào qua thành đảo san hô. Cả một vùng trùng dương rộng hàng trăm hải lý đang bị đẩy lui dưới sức cuồng phong, sức đẩy còn mạnh gấp bội sức nước rút của thủy triều. Ngay khi ấy thủy triều bắt đầu dâng lên, mực biển lên cao rất dễ nhận thấy. Trăng và gió đang dồn nước miền Nam Thái Bình Dương tràn lên đảo san hô Hikihoho.

Thuyền trưởng Warfield trở lên boong sau một trong những chuyến xuống phòng máy và báo tin viên kỹ sư bị ngất.

“Không thể cho máy ngừng chạy được” – ông kết luận với giọng thất vọng.

“Thôi được” – Grief thét. “Khiêng hẳn lên boong. Để tôi thay phiên hẳn một lúc”.

Nắp cửa hầm dẫn xuống phòng máy đã được đóng chặt, muốn xuống phải qua một lối đi hẹp từ phòng ngủ. Qua hơi nóng và khói dầu xông lên ngột ngạt. Grief vội vã quan sát động cơ và dụng cụ trong gian phòng nhỏ bé qua một lượt rồi thôi tắt ngọn đèn dầu. Sau đó, ông mò mẫm làm việc trong bóng tối ngoại trừ ánh sáng le lói toả ra từ những điều xì gà liên tiếp mà ông phải đi sang phòng ngủ để châm hút. Mặc dầu tính vốn điềm đạm, chẳng mấy chốc ông đã bắt đầu tỏ ra mệt nhọc, cáu kỉnh vì bị giam lỏng cùng với một bộ máy quái đản phải chạy hết tốc lực, rền rĩ và rung chuyển trong đêm tối đầy tiếng gào thét. Minh để trần đến ngang thắt lưng, dính đầy dầu mỡ, nhiều chỗ tím bầm hay xước da vì bị con tàu lúc chồm lên, lúc chúi mũi xuống, hất ngã dúm dui, đầu óc chơi vơi vì bị buộc phải hô hấp thứ không khí trộn lẫn hơi xăng, ông làm lụng vất vả hết giờ này sang giờ khác, lần lượt vuốt ve khen tặng, đồ thêm xăng, và nguyên rửa chiếc động cơ và tất cả những bộ phận của nó. Bộ phận phát lửa bắt đầu hỏng. Bộ máy mỗi

lúc một thêm ngộp xăng và tệ hơn hết mấy chiếc xy lanh bắt đầu bốc nóng. Trong khi hội họp trong phòng ngủ để thảo luận, viên kỹ sư hết van xin lại yêu cầu cho máy nghỉ độ nửa tiếng để động cơ nguội đi và để sửa lại hệ thống tuần hoàn.

Thuyền trưởng Warfield phản đối không cho hãm máy. Gã lai da trắng thề độc rằng động cơ tắt hư hỏng và thế nào cũng ngưng chạy hẳn. Mất nẩy lửa, khắp người xây xát và bê bết những dầu mỡ. Grief la hét và rửa xả cho cả hai im miệng, và thân hành ban bố hiệu lệnh. Mulhall, viên quản lý và Hermann được giao phó việc gạn dầu xăng, gạn đi gạn lại hai, ba lần trong phòng ngủ.

Một lỗ hỏng được phá thông qua sàn phòng máy và một thủy thủ Kanaka phải kéo nước dưới hầm tàu lên tưới nguội máy ông xi lanh, trong khi Grief tiếp tục dội dầu lên những bộ phận đang hoạt động.

“Ai ngờ ông lại là một chuyên viên dầu xăng” - thuyền trưởng Warfield tán tụng khi Grief sang phòng ngủ để thở hút một chút không khí trong lành hơn.

“Tôi quả là tấm dầu xăng” – ông hần học nói dần từng tiếng qua kẽ răng. “Uống nữa là đẳng khác”.

Người ta không biết ông còn tìm ra những cách nào khác để sử dụng xăng bởi vì vào lúc ấy, tất cả những người có mặt trong phòng ngủ, kể cả chỗ dầu xăng đang được gạn lọc, đều bị xô đẩy vào vách phòng trong khi chiếc Malahini đột nhiên chúi mũi xuống biển sâu. Trong một lúc lâu, họ không sao đứng dậy được, lăn đi lộn lại, nện đầu thành thịch vào hết bức tường này đến bức tường kia. Chiếc tàu buồm, bị ba đợt sóng lớn nhồi liên tiếp, rên rỉ, rùng mình và dưới sức nặng của nước biển tràn vào các cầu tàu, hoạt động như một khúc gỗ. Grief bò sang phòng máy, trong khi thuyền trưởng Warfield đợi dịp trèo lên cầu thang thoát lên boong.

Mãi nửa giờ sau ông mới trở xuống.

“Thuyền sẵn trôi mất rồi” – ông báo cáo, “chiếc xuống lớn cũng mất nốt. Cái gì cũng trôi hết trừ boong tàu và mấy cửa hầm. Và nếu cái máy ấy không chạy, tụi mình cũng đã trôi đi mất rồi. Ta phải tiếp tục cho máy chạy đều”.

Gần tới nửa đêm, lồng ngực và đầu óc viên kỹ sư đã trút sạch khói dầu đủ để cho hắn vào thay phiên Grief cho ông lên boong thông sạch đầu và phổi. Ông nhập bọn đám người đang nằm rạp ở mé sau buồng ngủ, tay bám chắc vào mép tường, khắp người căng thêm dây thừng cho thật chắc chắn. Đó là cả một khối người hỗn độn, xúm xít vào nhau, bởi vì đây là nơi ẩn nấp duy nhất của đoàn thủy thủ Kanaka. Một số đã nhận lời thuyền trưởng mời vào tạm trú trong phòng ngủ, nhưng rồi lại bị khói dầu xua trở ra. Chiếc Malahini luôn luôn chúi mũi xuống và bị sóng tạt qua boong, và cái mà họ đang thở hít là do không khí, bọt sóng và nước biển hỗn hợp cùng pha trộn.

“Mulhall, tàu chòng chành dữ quá” – Grief hét về phía ông khách quý sau một lần ngập sũng nước mặn.

Mulhall, bị nghẹt thở đến gần chết sặc, chỉ đành gật đầu đồng ý. Những lỗ thông nước ở hai bên mạn tàu không sao xối kịp cho khối nước tràn ngập trên boong rút hết xuống biển. Con tàu lặn lộn, hất tung khối nước qua mặt lan can bên mạn này để rồi lại đón nhận khối nước khác tràn lên qua mặt lan can bên kia. Đôi khi, mũi chổng hẳn lên trời, đuôi ngụp thẳng xuống biển, nó hất nước biển chảy xối về phía sau. Nước mặn tuột theo cầu thang sân thượng đằng mũi, dào dạt leo qua nóc phòng ngủ, trút ngập xuống và gây bầm dập cho những kẻ bám chắc lấy cầu tàu, và đổ xuống biển qua mặt lan can đằng đuôi.

Mulhall trông thấy một người trước tiên và lưu ý Grief. Đó chính là Narii Herring, đang nằm rạp, tay bám chắc vào nơi mà ánh đèn soi địa bàn chiếu xuống người hắn. Hắn trần như nhộng, ngoại trừ một chiếc đai lưng và một lưỡi dao giắt giữa chiếc đai và làn da.

Thuyền trưởng Warfield cởi dây trói và bước qua thân mình đám thủy thủ. Khi mặt ông hiện rõ trong vùng sáng của ngọn đèn, người ta mới thấy ông đang nổi cơn thịnh nộ, và có thể nhận ra ông quát tháo, nhưng tiếng ông bị gió át đi. Ông không muốn kê sát tai Narii Herring. Trái lại, ông chỉ qua một bên mạn tàu. Narii Herring hội ý. Hàm răng trắng nhơn của hắn nhe ra trong một nụ cười vui thích và riều cợt. Hắn đứng thẳng dậy – hình ảnh một con người thật hiên ngang.

“Có khác gì giết hắn?” – Mulhall hét về phía Grief.

“Nó cũng định giết lão Parlay mà?” – Grief hét đáp lại.

Lúc ấy nước đã rút hết trên sân thượng và chiếc Malahini đang ở thể thăng bằng. Muốn làm ra vẻ anh hùng rơm, Narii Herring cố bước chững chạc ra mé lan can, nhưng lại bị cơn gió thổi ngã bổ nhào. Sau đó, hắn bò lồm ngồm và biến dạng trong đêm tối mặc dầu ai nấy đều tin rằng hắn đã trôi xuống biển qua mạn tàu. Chiếc Malahini hụp xuống thật sâu: và khi họ nhô ra khỏi làn nước đỏ như thác lũ xuống mé đuôi, Grief rớt vào tai Mulhall.

“Chúng ta không thể mất người bạn quý ấy đâu! Hắn là Người Cá của đảo Tahiti đây! Thế nào hắn cũng bơi được qua đầm mặn leo lên bờ đảo san hô mé bên kia - nếu còn vành san hô nào sót lại”.

Năm phút sau, trong một lần khác bị nước biển bao phủ, một đồng hải hải hỗn độn qua nóc phòng xuống đầu họ. Họ vội nắm lại và giữ chắc cho đến khi nước rút hết, rồi khiêng chúng xuống khoang tàu để tìm biết lai lịch chúng. Lão Parlay nằm ngửa trên sàn, hai mắt nhắm nghiền không động cựa. Hai gã kia là anh em họ của lão, người xứ Kanaka. Cả ba đều trần truồng và bê bết những máu. Cánh tay một gã Kanaka đã gãy rục và lưng lẳng cạnh sườn, gã Kanaka kia bị toạc một miếng khá to, máu ở vết thương chảy ra xối xả.

“Công trình của gã Narii phải không?” – Mulhall hỏi. Grief lắc đầu. “Không. Họ bị thương trong khi trôi theo cầu tàu và qua nóc nhà”.

Một cái gì bỗng ngưng hẳn, làm họ chóng mặt và hoang mang. Trong giây lát, họ khó lòng mà nhận thức ra rằng gió đã tắt. Như được tặng một nhát kiếm cực bén bất thành linh chém xuống, cuồng phong bị chặt đứt. Chiếc tàu buồm trông tránh và lặn hụp để rồi được mấy chiếc neo kéo trở lên với một tiếng dội mạnh mà lần đầu tiên họ nghe thấy, và cũng là lần đầu tiên họ nghe tiếng nước biển dào dạt đổ quanh trên mặt boong. Viên kỹ sư chặn chân vịt lại và cho động cơ nghỉ chạy.

“Chúng ta đang ở trong tâm bão lặng gió” – Grief nói. “Sắp sửa đến lúc đổi phiên. Nó sẽ đến mạnh như lần trước”. Ông nhìn phong vũ biểu.

“Hai mươi chín độ ba mươi hai phút”, - ông cao giọng đọc.

Trong một lát, ông không sao hạ thấp được giọng. Trong hàng bao tiếng đồng hồ, ông đã quen hét to để cuồng phong khỏi át mất giọng. Giờ

đây, ông nói quá lớn đến nỗi, trong bầu không khí yên lặng, tiếng ông làm những người khác phải chối tai.

“Xương sườn lão đập hết rồi” – viên quản lý miệng nói tay sờ nắn hai bên hông Parlay. “Lão còn thoi thóp nhưng cũng sắp nghèo rồi”.

Lão Parlay rên rỉ, động đậy một bên tay nhưng không sao cất nhắc lên được và mở mắt. Mắt lão rực sáng khi nhận ra người quen.

“Quý ngài” – lão thì thầm qua hơi thở hồng hển “đừng quên... buổi bán đấu giá... lúc mười giờ... dưới âm ty”.

Mắt lão nhắm nghiền và hàm dưới chỉ chực trể xuống, nhưng lão gắng sức chế ngự cơn quặn quai trong giây phút hấp hối để kịp buông ra tiếng cười khàn khạch điệu cợt cuối cùng.

Trên không và dưới biển cả, giông bão lại nổi dậy ùng ùng. Tiếng gầm rít quen thuộc của cuồng phong lại đến với họ. Chiếc Malahini bị tạt trúng vào một bên sườn và bị ép dí xuống trong khi nó lượn một vòng cánh cung mà mấy chiếc neo buộc nó phải trôi theo. Chúng kéo nó trở vào hướng gió, nó giật mạnh rồi về thế thăng bằng. Chiếc chân vịt được đẩy cho chạy và động cơ lại tiếp tục hoạt động.

“Hướng Tây Bắc” - thuyền trưởng Warfield hét về phía Grief khi ông leo lên boong. “Tụt tám độ trong nháy mắt”.

“Bây giờ thì Narii không thể nào vượt qua được đầm mặn nữa” – Grief nhận xét.

“Nếu thế thì hấn tất bị thổi dạt trở về phía chúng ta – không còn gì xui xẻo hơn nữa.”

V

Sau khi tâm bão đi qua, phong vũ biểu bắt đầu lên. Sức gió cũng bớt theo cùng một tốc độ. Khi giông tố chỉ còn là một cơn gió mạnh rú rít, chiếc động cơ nảy tung lên trên không, rời khỏi bệ trong cơn quặn quai cuối cùng của một tân lực mạnh bốn mươi mã lực, và đổ lăn sang một bên, một luồng nước từ dưới hầm tàu phun lên tung toé bao trùm lấy nó và hơi nóng bốc lên ùn ùn như mây.

Viên kỹ sư rên xiết vì hoảng sợ, nhưng Grief nhìn cái thân tàn của nó với vẻ triu mến rồi bước sang phòng ngủ bốc từng nắm bông gòn bỏ đi đưa lên chùi sạch những vết dầu mỡ bám trên ngực và cánh tay.

Mặt trời đã mọc và cơn gió nồm hiền hoà nhất mùa hè đang thổi khi ông lên tới boong, sau khi khâu lại vết nứt trên sọ một gã Kanaka và bó chắc cánh tay của gã kia. Chiếc Malahini nằm sát bờ biển. Đằng mũi, Hermann và đoàn thủy thủ đang kéo chèo và gỡ mấy chiếc dây neo xoắn vào nhau. Chiếc Papara và chiếc Tahaa đều đã mất dạng. Thuyền trưởng Warfield dương viễn vọng kính quan sát riềm bên kia đảo san hô.

“Chúng chìm hết, chẳng còn cột buồm” – ông nói. “Không có động cơ tai hại thế đấy. Chắc chúng bị dạt, băng ra ngoài đầm trước khi cơn bão tạm ngưng thổi để đổi hướng”.

Trên bờ, ở nơi nền nhà cũ của Parlay, không còn một chút vết tích gì chứng tỏ trước kia từng có ngôi nhà ở đó: Trong khoảng ba trăm thước, nơi mà biển cả đã phá vỡ tràn vào, không còn lại một cây nào đứng vững hay cả một thân cây bị đổ. Đây đó, về phía xa xa, còn trơ một cây dừa lẻ loi và có rất nhiều cây đã bị xén đứt ngang thân.

Trong vòm lá của một cây dừa sống sót, Tai-Hotauri cả quyết gã trông thấy một vật gì cử động. Trên tàu không còn sót một chiếc xuồng nào, và họ nhìn theo gã bơi vào bờ, leo lên cây.

Khi gã lội trở về tàu, họ giúp một thiếu nữ thổ dân thuộc đám da nhân của Parlay trèo qua lan can, nhưng trước hết nàng trao cho họ một chiếc rổ méo mó đựng một ổ mèo con chưa mở mắt – chúng đã chết, trừ một con còn yếu ớt kêu meo meo và lầy bầy bò quanh.

“Ô kìa” – Mulhall kêu lên “ai kia kìa”.

Họ thấy một người đàn ông tản bộ dọc theo bờ biển. Hắn ung dung bước như thể đang dạo mát vào lúc ban mai. Thuyền trưởng Warfield nghiêng chặt răng lại. Đó là Narii Herring.

“Kìa, thuyền trưởng”. - Narii Herring lên tiếng chào khi hắn vừa tới trước mặt họ. “Thuyền trưởng có cho phép tôi lên tàu và đãi tôi một bữa điểm tâm không?”.

Mặt và cổ thuyền trưởng Warfield bắt đầu nổi gân và ửng đỏ. Ông định lên tiếng nhưng nghẹn họng không nói được nên lời.

“Đồ dịch vật... đồ dịch vật... chỉ cần hai xu... chỉ cần hai xu...” – ông chỉ lắp bắp được có thế.

HẾT

11) Luật đời

Lão Koskoosh chăm chú nghe hau háu. Tuy mắt lão đã mờ từ lâu, nhưng tai lão còn thính lắm, và một tiếng động khẽ cũng thấu tới cái trí thông minh suy kém vẫn còn nằm sau vầng trán khô héo, nhưng không còn để ý đến việc đời nữa. À! Đó là Sitcum-to-ha đang the thé nguyên rửa đàn chó mà nàng đánh đập và vỗ về để buộc vào dây cương. Sitcum-to-ha là cháu ngoại lão. Nhưng nàng quá bận nên chẳng thèm nghĩ tới ông ngoại già nua ngồi tro troi trên tuyết, tuyết vọng và yếu đuối. Phải nhờ trại cho xong. Con đường dài đang chờ đợi trong khi những đoạn ngày ngắn ngủi không chịu chậm lại. Cuộc sống và những bồn phận của cuộc sống chứ không phải của cái chết, giục giã nàng. Mà bây giờ lão gần với cái chết lắm rồi.

Ý nghĩ đó làm lão già hoảng hốt trong một lúc. Lão đưa bàn tay tê liệt run rẩy sờ soạng đồng củi khô nhỏ bé bên cạnh lão. Chắc chắn là đồng củi nằm đó, bàn tay lão lại rút về và nằm ẩn dưới những tấm da thú rách rưới bẩn thỉu, và lão lại chăm chú nghe ngóng. Tiếng sột soạt của những tấm da cho lão biết rằng căn lều bằng da hươu của viên chúa bộ lạc đã được dỡ xuống và đang được nén gọn lại cho dễ mang đi. Viên chúa tể là con lão, hấn cao lớn, lực lưỡng, cầm đầu bộ lạc và là một tay thiện xạ. Trong khi phụ nữ vất vả lo liệu hành trang của trại, giọng hấn vang lên, quở trách họ chậm chạp. Lão Koskoosh lắng tai. Đây là lần cuối cùng lão còn nghe giọng đó. Túp lều của Geehow đã dỡ rồi! Và nhà của Tusken cũng dỡ rồi! Bảy, tám, chín; chỉ còn lều của lão phù thủy còn đứng mà thôi. Kia! Bây giờ họ dỡ đến túp lều đó rồi. Lão nghe thấy tiếng lão phù thủy căn nhằn trong khi hấn xếp lều lên xe trượt tuyết. Một đứa nhỏ lè nhè khóc và một thiếu phụ cất tiếng hát ru trầm trầm trong họng để dỗ dành nó. Lão già nghĩ, thằng Koo-tee, một đứa bé hay quấy như vậy là vì nó không được khoẻ lắm. Có lẽ nó cũng chẳng sống được bao lâu nữa, người ta sẽ đốt lửa để khoét một cái hố trong tuyết và xếp đá lên trên để giữ cho chó sói khỏi bới xác ra. Chà, chuyện ấy có gì là quan hệ. Nhiều lắm thì nó cũng chỉ sống được ít năm

nữa, mà bữa đói bữa no. Và rốt cuộc Tử Thần đã chực sẵn, luôn luôn đói và đói hơn ai hết, sẽ dang tay đón đợi.

Tiếng gì đó? À, mọi người đang buộc xe và gióng dây cương. Lão lắng nghe vì lão sẽ chẳng còn bao giờ được nghe nữa. Tiếng roi vun vút giáng xuống giữa đàn chó. Hãy lắng nghe chúng rít! Chúng ghét công việc nặng nhọc và những đoạn đường dài biết bao! Lần lượt, xe trượt tuyết chuyển động chậm chạp để rồi biến dần trong im lặng. Chúng đã đi hết. Chúng đã khuất khỏi đời lão, và lão đứng cô đơn trước giờ phút cay đắng cuối cùng của cuộc đời. Không. Tuyết lạo xạo dưới đôi giày da, một người đứng bên lão, một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên đầu lão. Con lão quả thực tử tế lắm mới đối xử như thế. Lão nhớ lại những ông lão khác mà con trai không chịu đợi nán lại sau khi bộ lạc đã đi hết. Nhưng con trai lão đã ở lại. Lão thả hồn về quá khứ, cho đến khi tiếng của chàng trai trẻ lôi kéo lão trở về hiện tại.

"Cha thấy bằng lòng chứ?" Chàng hỏi.

Lão trả lời: "Cha bằng lòng!"

"Bên cạnh cha có củi đó," chàng trai nói tiếp, "và lửa cháy mạnh. Buổi sáng trời u ám và đã bớt lạnh rồi. Tuyết sắp rơi. Ngay bây giờ tuyết cũng đang rơi rồi."

"Phải, ngay lúc này tuyết đang rơi!"

"Các người trong bộ lạc vội lắm. Hành lý của họ nặng nề mà bụng họ lại lép xẹp vì thiếu ăn. Đường dài nên họ phải đi cho mau. Thôi con đi đây. Cha bằng lòng chứ?"

"Bằng lòng. Cha như chiếc lá năm ngoái còn sót lại, dính vạt vương một chút ở cuống. Làn gió đầu tiên thổi là cha rụng. Tiếng của cha giống như tiếng một bà lão. Mắt cha không còn dẫn đường cho chân cha đi, chân cha nặng nề, người cha mệt mỏi, cha bằng lòng."

Lão cúi đầu mãn nguyện cho đến khi tiếng tuyết lạo xạo biến hết trong không gian, và lão biết rằng con lão đã đi xa không còn gọi lại được nữa. Tay lão vội vàng quờ quạng sờ đông củi. Chỉ còn đông củi này đứng giữa lão và cõi vĩnh cửu đang há miệng chờ đón lão. Như vậy là đời lão chỉ còn đo bằng một mớ củi. Lần lượt từng thanh củi một sẽ tiếp thêm vào ngọn lửa, và cứ như thế, thần chết sẽ lần từng bước tiến tới lão. Khi thanh củi cuối cùng đã cháy hết, sương tuyết lạnh lẽo sẽ trở nên khô khan. Hai chân

lão sẽ chịu khuất phục trước, rồi đến hai tay lão, và sự tê cứng sẽ dần dần chuyển từ ngoài vào đến giữa cơ thể lão. Đầu lão sẽ gục về phía trước, tỳ vào hai đầu gối, và lão sẽ nghỉ giấc ngàn thu, thật là dễ dàng. Người đời ai cũng chết một lần.

Lão không than vãn. Đó là lẽ đời của kiếp sống mà, có gì bất công đâu? Lão ra đời gắn với đất, lão đã sống gắn với đất, và luật lệ phát nguyên ở đó không có gì mới lạ đối với lão. Đó là luật lệ đối với tất cả mọi thể xác. Tạo hóa không nương tay với thể xác. Tạo hóa không hề chú ý tới cái vật cụ thể mà người ta mệnh danh là cá nhân. Tạo hóa chỉ chú ý tới chủng loại, tới nòi giống. Đó là điều trừu tượng sâu xa nhất mà đầu óc man rợ của lão Koskoosh có thể hiểu được, nhưng lão hiểu một cách thấu đáo. Lão đã trông thấy nó thể hiện trong mọi cuộc sống. Nhựa cây tràn ứa, màu xanh rờn của mầm liễu, lá vàng rụng - chỉ một sự kiện này cũng đủ để diễn tả tất cả lịch sử. Nhưng tạo hóa đều đặt cho cá nhân một nhiệm vụ. Nếu hấn không làm tròn nhiệm vụ đó, hấn sẽ chết. Mà nếu làm tròn nhiệm vụ đó, thì cũng vậy, hấn vẫn phải chết. Tạo hóa không hề quan tâm, có rất nhiều người đã tuân chịu và chính sự tuân chịu, - chứ không phải người tuân chịu - mới sống và sống mãi mãi. Bộ lạc của Koskoosh đã có từ lâu đời lắm rồi. Những ông già mà lão biết khi còn là một đứa trẻ, đã biết những ông già khác sinh trước họ. Như vậy, sự thực là bộ lạc đã tồn tại, bộ lạc là tượng trưng cho sự tuân chịu của tất cả những người thuộc bộ lạc, những người đã chìm sâu trong quá khứ và mờ mịt không còn nhớ được ở đâu. Họ không đáng kể, họ là những giai đoạn. Họ khuất đi như những đám mây tan trong một chiều mùa Hạ. Lão cũng chỉ là một giai đoạn, và lão sẽ chết. Tạo hóa không đếm xỉa. Tạo hóa chỉ đặt ra một nhiệm vụ, ban ra một luật lệ cho kiếp sống. Nhiệm vụ của cuộc đời là vĩnh truyền nòi giống, và luật lệ của tạo hóa là chết. Một thiếu nữ là một sinh vật trông đẹp mắt, ngực căng phồng, thân thể mạnh mẽ, chân bước uyển chuyển, cặp mắt sáng trong. Những nhiệm vụ của nàng đang chờ đợi nàng. Tia sáng trong mắt nàng bùng lên, bước chân nàng nhanh nhẹn hơn. Lúc bạo dạn, lúc bền lễn đối với các thanh niên, nàng làm cho họ lầy sự bồn chồn của nàng. Nàng càng ngày càng đẹp hơn cho đến khi một chàng đi săn không còn tự kìm hãm được, đem nàng về lều của hấn để lo việc bếp núc, làm lụng cho hấn và để làm mẹ đàn con của hấn. Một

khi có con cái, những vẻ duyên dáng rời bỏ nàng. Chân tay nàng chậm chạp và ngược ngạnh, mắt nàng mờ đi và chỉ còn những đứa trẻ là thấy sung sướng khi kề bên má người đàn bà da đỏ già nua bên ngọn lửa. Nhiệm vụ của nàng đã hoàn tất. Chỉ một thời gian sau, khi chớm có nạn đói hoặc phải đi xa, nàng sẽ bị bỏ lại, giống như lão đã bị bỏ lại, giữa cảnh tuyết phủ trắng xóa, với một đồng củi nhỏ. Đó là luật lệ.

Lão cẩn thận đặt một thanh củi lên đồng lửa và tiếp tục suy nghĩ. Đó là luật lệ chung cho tất cả mọi vật, mọi nơi. Muỗi biến đi hết khi giá đóng lần đầu. Con sóc nhỏ cũng bò đi để chết ở một nơi xa. Khi năm tháng đã đè nặng lên con thỏ, nó sẽ trở nên chậm chạp, nặng nề và không chạy thoát được móng vuốt của kẻ thù nữa. Cả gấu to lớn cũng trở thành vụng về, mù lòa và hay cáu kỉnh để đến nỗi sau cùng vài con chó cũng hạ được nó. Lão nhớ lại cảnh lão bỏ cha lão ở lại phía thượng ngạn sông Klondike vào mùa Đông, trước khi vị mục sư* tới với những cuốn sách kinh và chiếc hộp đựng thuốc men. Đã nhiều lần lão Koskoosh chép miệng khi nghĩ tới cái hộp đó, mặc dầu ngày nay lão không còn nước bọt để chép miệng nữa. Môn thuốc trừ đau đớn thật là hay. Nhưng rốt cuộc ông mục sư chỉ làm phiền họ vì ông ta chẳng mang lại chút thịt thà nào cho bộ lạc mà ăn lại khoẻ, nên các tay săn lên tiếng cầu nhàu. Nhưng ông ta chết vì bệnh lạnh phổi ở chỗ đường ranh giới gần Mayo, và sau đàn chó đã lấy mồm bới những hòn đá ra để tranh cướp nắm xương tàn.

Koskoosh đặt một thanh củi khác vào đồng lửa và thả hồn đi sâu hơn nữa về quá khứ. Có một thời trời làm đói kém, những ông già bụng lép xẹp nằm co quắp bên ngọn lửa và miệng thều thào kể lại những tục lệ ngày xưa khi miền Yukon bị bỏ hoang suốt ba mùa Đông, rồi lại bị tuyết phủ liền ba mùa Hạ. Lão đã mất bà mẹ trong nạn đói đó. Mùa Hè đó cá thu** không xuất hiện, bộ lạc ngóng chờ mùa Đông, mong mỗi hươu rừng sẽ tới. Nhưng tới mùa Đông hươu rừng cũng chẳng thấy. Đó là một tình trạng chưa hề bao giờ xảy ra và ngay những ông già bà cả cũng chưa gặp cảnh đó. Hươu rừng không tới, và năm đó là năm thứ bảy. Thỏ rừng không sinh sôi nảy nở kịp và chó thì gây gò chìa bộ xương ra. Suốt mùa Đông đen tối dài dặc, đám trẻ khóc lóc và lăn ra chết, rồi đến đàn bà, rồi đến những ông già, trong mười

người ở bộ lạc không có lấy một người sống sót để đón ánh mặt trời khi nó trở lại vào mùa Xuân. Thật là một vụ đói kinh hồn.

Nhưng lão cũng đã thấy những thời dư dật, thịt thừa thãi đến nỗi thiêu thối không kịp ăn, chó mập mà không buồn chạy nữa vì ăn quá nhiều - những thời mà người ta trông thấy thú vật cũng không buồn giết, phụ nữ đua nhau sinh đẻ, và những căn lều chật ních những tiếng trẻ con vừa trai vừa gái nằm dài ra đùa nghịch. Thế rồi đàn ông no cơm ấm cật lại gọi ra những cuộc tranh chấp xưa lên, họ vượt qua đường ranh giới về phía Nam để giết những người Pelly, và về phía Tây để được ngồi bên những ngọn lửa tàn của người Tanana. Lão nhớ lại thời lão còn nhỏ, trời cho dư dật, lão trông thấy một con hươu rừng bị đàn sói hạ. Zing-ha nằm trên tuyết với lão cùng xem cảnh đó - Zing-ha, mà sau này thành tay săn khôn ngoan nhất và sau cùng đã ngã vào một lỗ không khí ở Yukon***. Một tháng sau, người ta tìm thấy hân trong dáng điệu đang bò được nửa chừng thì bị băng giá làm cứng lại.

Lại nói đến con hươu rừng. Hôm đó Zing-ha cùng lão bắt chước đi săn bắn theo lối người lớn. Ở lòng suối, chúng bắt gặp vết chân mới của một con hươu rừng cùng với vết chân của nhiều chó sói. "Một con hươu già", Zing-ha xem vết chân mau hơn và nói, "Một con hươu già, không theo kịp đàn. Đàn sói chặn nó rời khỏi những con khác và chúng sẽ theo riết đến cùng." Và đúng như vậy. Đó là đường lối của chúng. Suốt ngày đêm không lúc nào nghỉ, chúng sẽ theo sát gót, chặn đầu mũi, chúng sẽ theo liền con hươu cho đến cùng. Zing-ha và lão đã cảm thấy lòng ham muốn xem cảnh máu rơi rừng rực nổi lên. Lúc sói hạ sát hươu sẽ là một cảnh đáng xem lắm!

Hai người rảo bước theo vết chân. Vết chân rõ đến nỗi ngay Koskoosh, nhìn chậm và không thạo về gót chân, cũng có thể nhắm mắt theo được. Họ theo sát gót cuộc săn đuổi, mỗi bước lại đọc thêm cái thảm cảnh hung bạo mới vừa diễn ra. Bây giờ họ tới chỗ con hươu rừng đứng lại để chống cự; tuyết đã bị giày xéo và xáo trộn tứ phía, mỗi bề dài vào khoảng bề cao của ba người lớn. Ở giữa là những vết chân hằn sâu của con vật bị săn đuổi, và khắp chung quanh là dấu chân nông hơn của đàn sói. Trong khi những con khác lo giết, thì một vài con sói nằm nghiêng một bên để nghỉ. Minh chúng in hân xuống tuyết trông rõ ràng như chúng mới nằm trước đó một chút.

Một con sói đã bị con vật điên cuồng kia húc trúng và dẫm lên cho đến chết. Một vài cái xương nhai chứng tỏ điều đó.

Một lần nữa họ lại ngưng bước ở chỗ dừng lại thứ nhì. Tại đây con vật to lớn đã chiến đấu một cách tuyệt vọng. Nó đã bị vật ngã hai lần, như những vết trên tuyết cho họ thấy, và hai lần nó đã đánh tan được những con sói hung hăng, rồi gượng đứng lên. Nó đã hoàn tất nhiệm vụ từ lâu, nhưng vẫn còn thiết tha với cuộc sống. Zing-ha nói rằng một con hươu rừng đã gục ngã mà còn đứng lên được thì thật là lạ, nhưng rõ ràng con này đã đứng lên được. Nghe họ kể lại chuyện này chắc lão phù thủy sẽ nhìn thấy những triệu chứng và điềm kỳ lạ.

Đi nữa, họ tới chỗ con hươu rừng trèo lên bờ để toan thoát vào rừng cây. Nhưng kẻ thù của nó đã từ phía sau chồm tới, đến nỗi nó phải lùi lại và ngã ngửa lên chúng, đè lên hai con sâu xuống tuyết. Rõ ràng là sắp đến giờ phút hạ sát, vì những con khác đã bỏ mặc hai con kia lại không đụng tới. Họ đi qua hai chặng dừng lại nữa, hai chỗ rất gần nhau. Bây giờ dấu chân có pha màu đỏ và những vết chân đều đặn của con vật to lớn trông đã xiêu vẹo và ngắn hơn. Thế rồi họ nghe thấy những tiếng động đầu tiên của cuộc chiến đấu - không phải những tiếng tru dài của cuộc săn đuổi, mà những tiếng sủa ngắn nhất gừng báo hiệu một trận xáp lá cà và tiếng răng cắn vào thịt. Bò ngược chiều gió, Zing-ha nằm sát bụng xuống tuyết, và cùng với hắn là Koskoosh, người mà sau này làm chúa tể dân trong bộ lạc. Hai người cùng gạt những cành cây gỗ bách lò xo và nhìn về phía trước. Họ được chứng kiến cảnh cuối cùng.

Giống như tất cả những cảm tưởng của thời trẻ, cảnh tượng hãy còn rõ rệt trong trí nhớ lão, và cặp mắt mờ của lão nhìn cảnh cuối cùng hiện ra linh động như trong thời xa xưa ấy. Koskoosh ngạc nhiên về điều này; vì trong những ngày theo sau, khi lão là người lãnh đạo và đứng đầu hội đồng bộ lạc, lão đã thực hiện những thành tích lớn lao và đã làm cho người Pelly luôn miệng nguyên rửa tên lão, đó là chưa nói tới người da trắng kỳ dị**** mà lão đã giết trong một cuộc đấu công khai, mỗi người một con dao cầm tay.

Lão nghĩ một hồi lâu về thời trai trẻ của lão, cho đến khi ngọn lửa tàn xuống và khi cái lạnh cắt sâu hơn vào da lão. Lần này lão tiếp thêm hai

thanh củi vào ngọn lửa và đo lại xem cuộc sống của lão còn được bao lâu với những thanh còn lại. Nếu Sitcum-to-ha chịu nhớ lời ông ngoại của nó và nhặt ôm củi lớn hơn, thì những giờ sống của lão sẽ dài hơn. Thật là một chuyện dễ dàng. Nhưng nó vẫn là một đứa bé vô tâm. Nó không nghĩ gì đến người tiền bối từ khi Hải Ly, cháu nội Zing-ha, bắt đầu để mắt tới nó. Chà, điều đó có gì quan trọng? Lúc còn trẻ trung, lão đã chẳng hành động như thế là gì? Có một lúc lão đã lắng nghe trong im lặng. Có thể con trai lão đã mềm lòng, và nó cùng đàn chó quay lại để đưa cha già của nó cùng với bộ lạc tới chỗ nhiều hươu nai béo mập.

Lão đồng tai nghe ngóng, trí óc đang bồi rối của lão lắng đi trong chốc lát. Không một tiếng động nhẹ. Không có gì cả. Một mình lão thở phì phào giữa cảnh êm lặng hoang vu. Thật là cô độc. Im nghe! Cái gì đó? Lão rùng mình. Tiếng rống dài quen thuộc phá vỡ khoảng không, và nó ở ngay kế bên. Thế rồi, trong cặp mắt tối sầm của lão hiện lên hình ảnh con hươu rừng - con hươu rừng già nua - sườn bị cắn nát và hai bên hông rùng máu, cái bờm bị xâu xé, và cặp sừng nhiều gạc cúi sát xuống đất còn cổ húc cho tới cùng. Lão thấy những hình thù màu xám vụt qua vụt lại, những cặp mắt long lanh, những cái lưỡi thè lè, những hàm răng nhọn hoắt lòng rùng nước dãi. Lão thấy cái vòng tròn xấp gần lại cho đến khi chỉ còn là một chấm đen giữa đám tuyết bị dày xéo.

Một cái mồm lạnh chạm vào má lão làm đầu óc lão quay về hiện tại. Tay lão đưa vội vào đồng lửa rút ra một thanh củi đang cháy. Bàng hoàng một lát vì cái sợ truyền thống đối với loài người, con vật kia lùi lại, hú lên một tiếng dài để gọi đồng bọn; những con này trả lời ngay, cho đến khi một vòng những con vật đầu xám, miệng rớt rãi, quây quần xung quanh. Lão lắng nghe những tiếng gầm gừ tiến lại gần; những con vật thở hỏn hển không chịu tản đi. Bây giờ một con đưa ngực ra phía trước, rồi lết mình tới gần, đến con thứ hai, rồi đến con thứ ba, nhưng không con nào lùi lại cả. Lão còn bầu víu lấy cuộc đời làm gì? Lão tự hỏi, rồi bỏ thanh củi đang cháy xuống tuyết. Thanh củi lèo xèo tắt ngấm. Cái vòng tròn gầm gừ một cách bồn chồn nhưng vẫn giữ nguyên vị trí. Một lần nữa lão thấy chỗ đứng cuối cùng của con hươu già, và Koskoosh một mồi gục đầu lên hai đầu gối. Nói cho cùng, sống chết có nghĩa lý gì? Đó chẳng phải là luật đời sao?

**Dịch sai. Nguyên văn là "người truyền giáo" (chú thích của người đánh máy).*

*** Dịch sai. Nguyên văn là "cá hồi" (chú thích của người đánh máy).*

**** Dịch sai. Phải hiểu là "lỗ không khí trên dòng Yukon".*

***** Dịch sai. Phải hiểu là "tên da trắng lạ mặt".*

Dịch giả: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang.

12) Martin Eden

Dịch giả: Bùi Phụng, Bùi Ý
LỜI GIỚI THIỆU

Jack London là một trong những đại biểu xuất sắc nhất của nền văn học tiền bộ Mỹ.

Ông sinh năm 1876 tại San Francisco, giữa lúc cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu từ năm 1873 đã bắt đầu làm tê liệt xã hội Hoa Kỳ, vút ra ngoài đường ba triệu công nhân thất nghiệp, lang thang xin việc khắp đó đây. Gia đình London thuộc số những người thất nghiệp đó.

Ngay từ lúc còn nhỏ tuổi, London đã phải làm đủ mọi nghề để kiếm ăn: bán báo, làm phu khuân vác, phụ việc ở nhà máy đồ hộp. Năm 1893, ông làm thủy thủ trên tàu Sophie Sutherland sang Nhật bản, rồi đến Thái Bình Dương săn hải báo. Khi trở về, ông đã viết truyện ngắn đầu tiên gửi dự thi: **Bão trên bờ Nhật Bản**. Tuy nhiên, công việc nặng nhọc từ 12-13 tiếng một ngày trong các nhà máy dệt đay, nhà máy điện sau đó đã không cho phép ông có đủ thời gian sáng tác văn học.

Năm 1893, ở Mỹ lại nổ ra một cuộc khủng hoảng kinh tế mới. Một đội quân thất nghiệp khổng lồ trong đó có Jack London đi bộ tiến về Washington đưa kiến nghị cho tổng thống Mỹ đòi công ăn việc làm và bị cảnh sát, quân đội đàn áp.

Jack London đã bị tổng giam vì tội du đảng, sau nhiều tháng lang thang, thất nghiệp.

Năm 1897, London cùng hàng ngàn, vạn người Mỹ khác xô đẩy nhau kéo xuống miền Nam, trên bờ biển Klondike, đi tìm vàng. Một năm sau, ông trở về, không một xu dính túi, nhưng lại có một kho tư liệu vô cùng phong phú làm vốn cho hàng ngàn truyện ngắn của ông. London bắt đầu viết, viết rất nhiều và rất nhanh. Ông trở thành nhà văn xã hội chủ nghĩa đầu tiên của nước Mỹ và vinh quang văn học của ông – qua các bản dịch ra nhiều thứ tiếng – sang chói khắp thế giới.

Gót sắt (The Iron Heel) là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của nền văn học Mỹ đề cập tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Mỹ. Nhiều truyện dài, truyện ngắn của ông lên án xã hội tư bản, ca ngợi người lao động, phản ánh cuộc đấu tranh quyết liệt giữa vô sản và tư bản, giữa con người và thiên nhiên. Truyện ngắn **Tình yêu cuộc sống (Love of Life)** của ông đã được Lênin đặc biệt ưa thích. Trong hồi ký của Crupxkaia có ghi: “Hai ngày trước khi Lênin mất, một buổi chiều, tôi đã đọc cho Người nghe một truyện ngắn khác của Jack London – lúc ấy cuốn sách đang đặt trên bàn trong phòng Người – **Tình yêu cuộc sống**. Một tác phẩm rất hay. Qua sa mạc tuyết, nơi chân con người không thể dẫm lên được, một người bệnh tật chết đói dờ đang lặn tới bên một con sông lớn, sức anh ta yếu dần, anh ta không đi mà bò, và bên cạnh anh là một con chó sói, cũng chết đói dờ đang bò. Một cuộc vật lộn đã diễn ra giữa người và vật; con người đã thắng – anh ta như người chết một lần nữa, hầu như mất lý trí nhưng đã lặn về được tới đích. Ilitch đặc biệt thích truyện này. Hôm sau, Người bảo tôi đọc những truyện ngắn khác của Jack London. Nhưng ở London, những truyện hay của ông lại lẫn với những truyện yếu một cách lạ lùng. Truyện sau hoàn toàn thuộc về một loại khác: Một anh chàng đại úy nào đó hứa cho một anh chủ tàu bột mì, anh ta đã hy sinh cả tính mạng mình để giữ lời hứa đó. Ilitch cười và xua tay...”

Jack London mất năm 1916, trước khi cuộc Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ.

Martin Eden đề cập đến số phận của một văn nghệ sĩ trong xã hội tư sản, số phận của một con người nhằm rút khỏi cái thế giới chật hẹp của những lợi ích riêng tư.

Martin xuất thân là một thủy thủ, một người lao động muốn vươn tới ánh sáng của trí thức, thấy được sức mạnh sáng tạo của nhân dân, được rèn luyện trong lao động nặng nhọc, bị những điều kiện sống vô cùng gian khổ đè xuống. Tư tưởng của chủ nghĩa tư bản có ảnh hưởng nguy hại đến đời sống tinh thần của nhân dân, sự bóc lột tàn bạo đã bóp nghẹt những năng lực to lớn của con người vươn tới cuộc sống tri thức: đó là sợi dây xuyên suốt từ đầu đến cuối cuốn tiểu thuyết.

Martin đã lý tưởng hóa cái “xã hội thượng lưu” - nơi anh cảm thấy dường như có “sự hào hiệp của tâm hồn, những tư tưởng trong sạch và cao thượng, cuộc sống tinh thần khải tượng...” Trải qua bao nhiêu thiếu thốn, vấp phải những khó khăn gian khổ không kể siết trên đường đời, cuối cùng, anh đã đạt được vinh quang và giàu có, trở thành một nhà văn nổi tiếng. Nhưng càng gần gũi “thế giới thượng lưu” bao nhiêu anh càng cảm thấy cô đơn bấy nhiêu, càng nhận thấy bộ mặt giả dối của nó.

Con đường đời của Martin là cả một chuỗi vỡ mộng cay đắng và cuối cùng đã đẩy anh tới chỗ tự tử.

Ngay từ khi còn là một thủy thủ bình thường, Martin đã thấy kiến thức chân chính dường như chỉ có thể tìm thấy trong “xã hội thượng lưu.” Cái vẻ học thức và tinh tế trong gia đình người chủ nhà băng Morse mà lần đầu tiên anh bước chân vào đã làm anh như mê đi. Nhưng anh càng say mê hơn đối với Ruth cô con gái nhà Morse – anh tưởng thấy tất cả sự trong trắng và cái đẹp tinh thần của cô. Nhưng rồi chẳng bao lâu sau, anh đã nhận thấy cái vẻ đẹp bên ngoài của những con người này chứa đựng cái ích kỷ, sự buôn bán bản thân và sự trống rỗng tinh thần. Trước đây, trong thời gian ngắn, anh đã nhìn vào cái xã hội bạn bè nhà Morse một cách thành kính, giờ đây anh thấy họ là những kẻ nhỏ nhen với những tư tưởng nhỏ nhe, té ra cái nền học vấn thực sự của nhà Morse, của bạn hữu và những người quen biết họ chỉ là một nền học vấn mù quáng.

Martin Eden là một nghệ sĩ hiện thực chân chính đã nhìn thấy giá trị của nghệ thuật trước tiên là ở tính chân thật của nó. Trong những truyện ngắn của mình, Martin đã vạch trần khuynh hướng sợ sự thực và tô hồng cuộc sống. Nhưng nghệ thuật hiện thực chân chính thù địch với cái xã hội anh đương sống. Trong cái thế giới của đồng tiền, Martin không thể tìm được sự đồng cảm và ủng hộ. Một viễn cảnh đen tối của cái đói rét vẫn chờ đợi con người nghệ sĩ như thế. Và càng xa lánh giai cấp mình, Martin càng cảm thấy một nỗi cô đơn ghê gớm. Anh đã thấy là trong cái xã hội anh đang sống, nghệ thuật không tùy thuộc ở giá trị chân chính của nó mà là ở tên tuổi của nhà văn. Martin đã nói một cách đúng đắn rằng thành công của anh một phần cũng là do tình cờ. Anh không đánh giá quá cao sự nổi tiếng của mình.

London đã dần dần để cho Martin thấy những tư tưởng của anh tan vỡ. Sợi dây cuối cùng nối Martin với xã hội tư bản là tình yêu của anh với Ruth. Tình cảm cao quý này đã thúc đẩy anh, khiến anh có được sức mạnh sáng tạo. Nhưng sự vỡ mộng của anh càng thêm khủng khiếp khi anh hiểu rằng ngay cả Ruth cũng chỉ là một cô gái tư sản tầm thường với những quan điểm hẹp hòi và nhỏ nhen. Cô không thể vượt khỏi cái vòng đai của giai cấp, cô không hiểu nổi Martin, không cảm thông với nguyện vọng sáng tác của anh. Xa lánh anh trong khi anh cần sự khuyến khích của cô hơn bao giờ hết, cô quay lại làm lành với anh khi anh đã trở thành một nhà văn nổi tiếng. Nhưng Martin lại không thể làm lành với cô, cũng như anh không thể làm lành với xã hội tư bản đã đánh lừa mọi hy vọng của anh.

Anh đã hiểu sâu sắc một chân lý: những quan hệ chân chính chỉ có thể tìm thấy trong những người lao động như Lizzie Connolly, Maria Silva và rất nhiều bạn cũ cùng giai cấp anh. Họ không quan tâm tới vinh quang và sự giàu có, họ đánh giá anh trước hết là đánh giá con người anh.

Dường như tất cả những cái đó phải đưa anh tới chủ nghĩa xã hội, dường như anh sẽ cống hiến sức lực và tri thức của mình cho sự nghiệp đấu tranh vì hạnh phúc của những người lao động. Nhưng Martin là một con người cá nhân chủ nghĩa. Theo lý thuyết của Spencer, anh đã phủ nhận tự do của tập thể và cho rằng cuộc sống là theo quy luật sinh vật học của cuộc đấu tranh sinh tồn.

Martin hiểu rất rõ sự chịu đựng đau khổ của người lao động và hết sức cảm thông với họ. Chính anh cũng đã sống trong tình cảnh đó và không thể không cảm thấy sự lung lay của lập trường Nietzsche^[1] của anh. Cuối cùng, Martin đã vỡ mộng với cái triết học Nietzsche, nhưng anh không tìm thấy con đường đến với nhân dân, Martin thấy mình là một người xa lạ trong cái thế giới tư bản đầy những giả dối và lọc lừa nhưng anh lại không thể quay về với những người trong giai cấp anh.

Sức mạnh tinh thần của anh đã bị vỡ tung, cuộc sống đối với anh là một nỗi giày vò, vô ý nghĩa.

Cuộc đời của một nhà văn có tài kết thúc bi thảm như thế: chết trong vòng vây của xã hội, chết xa rời nhân dân và vẫn còn hoang mang trong sự tìm kiếm về triết học và lẽ sống của mình.

Tiểu thuyết **Martin Eden** kết thúc bằng cái chết của nhân vật chính, đó cũng là lời tiên đoán đối với chính tác giả.

Trong **Martin Eden** ta thấy rất rõ mâu thuẫn trong thế giới quan của tác giả. Ngay trong thời kỳ phong trào công nhân phát triển mạnh, London vẫn không tránh khỏi dao động. Cùng với những tác phẩm hiện thực, đúng đắn, ông đã viết những truyện ngắn và những tiểu thuyết giả tạo.

London là một trong những bậc tiền bối của nền văn học Mỹ tiến bộ hiện đại. Chúng tôi xin giới thiệu một trong những tác phẩm hay nhất của ông **Martin Eden** với độc giả.

Những Người Dịch

[1] Friedrich Nietzsche - Triết gia Đức (1844-1900) với thuyết con người anh hùng, chủ trương của con người phải rèn luyện ý chí để trở thành con người thượng đẳng (siêu nhân) - một học thuyết cá nhân chủ nghĩa về đạo đức, quý tộc về chính trị.

Nguyên tác: *Martin Eden* do NXB Penguin Books, Inc. New York phát hành năm 1946, **Nhà xuất bản:** Văn học Hà nội, Năm xuất bản: 1985

Số trang: 639, **Khổ sách:** 13 x 19 cm

CHƯƠNG 1

Người đó lấy chiếc chìa khóa mở cửa và bước vào, theo sau là một gã trẻ tuổi vụng về đã bỏ chiếc mũ lưỡi trai đang đội. Gã mặc bộ quần áo vải thô sặc mùi biển, rõ ràng gã thấy lạc lõng trong căn phòng thanh thản gã đang có mặt lúc này. Không biết làm gì với chiếc mũ, gã đang nhét nó vào túi áo ngoài thì người kia đỡ lấy. Việc làm lạng lã và tự nhiên khiến gã trẻ tuổi vụng về này lấy làm cảm kích.

“Ông ta hiểu,” gã nghĩ. “Ông ta sẽ không bỏ mặc mình đâu.”

Gã bước bám gót người kia, vai đụng đưa, đôi chân cứ chạng ra một cách vô tình y như thể mặt sàn nhà bằng phẳng đang nhao lên đảo xuống theo nhịp xô đẩy của sóng biển. Những căn phòng rộng rãi dường như quá chật chội vì những bước đi chao đảo của gã. Gã chỉ sợ nhờ đôi vai rộng của mình đụng phải ô cửa hoặc gạt đổ những đồ mỹ thuật trên mặt lò sưởi thấp. Gã co người né nghiêng bên nọ, nghiêng bên kia giữa các đồ vật, hình dung thêm bao nguy cơ mà thực ra chỉ chứa chất trong đầu gã. Giữa một chiếc đại dương cầm và cái bàn đặt giữa nhà trên mặt sách chất cao, khoảng cách

đủ cho dăm bảy người đi sóng hàng, thế mà gã cứ ướm ướm đi một cách lo ngại, đôi tay nặng nề thông xuống hai bên. Gã không biết làm gì với đôi cánh tay và bàn tay của mình và khi do trí tưởng tượng bị kích động, gã tưởng như một cánh tay sắp gạt phải chồng sách để trên bàn, nên nhảy tránh sang bên như một con ngựa hốt hoảng khiến suýt nữa va phải chiếc ghế dương cầm. Gã nhìn dáng đi dễ dàng của người đi trước mình và lần đầu tiên nhận ra bước đi của mình khác với những người khác. Gã thấy thoáng một phút xấu hổ sao mình lại đi đứng vụng về thế. Mồ hôi toát ra trên trán thành những giọt lấm tấm, gã dừng lại lấy khăn tay lau bộ mặt nâu bóng.

“Đợi tôi chút. Arthur, ông anh ơi,” gã nói, định dùng lời nói bông lơn để che giấu nỗi lo lắng của mình. “Độc một cái như thế này thật là quá đối với tôi. Cho trấn tĩnh lại cái đã. Ông biết đấy, tôi cũng chẳng muốn tới, mà tôi nghĩ gia đình ông cũng chẳng khoái gì gặp tôi.”

“Không sao đâu,” đó là câu trả lời để làm yên lòng. “Anh đừng sợ chúng tôi. Chúng tôi là những người bình dị thôi mà. A kìa, tôi có thư.”

Arthur bước lùi lại bàn, xé phong bì, bắt đầu đọc, tạo cho người khách lạ một dịp để trấn tĩnh lại. Người khách lạ hiểu điều đó và lấy làm cảm kích. Gã vốn là người nhạy cảm, hiểu biết. Sau cái bề ngoài hốt hoảng, quá trình nhạy cảm vẫn tiếp diễn không ngừng. Gã lau mồ hôi trán, liếc nhìn quanh với vẻ mặt đã trấn tĩnh lại, tuy đôi mắt vẫn lộ vẻ của những con thú rừng sợ hãi. Gã bị bao vây giữa những cái xa lạ, lo ngại về những điều có thể xảy ra, không biết mình nên làm gì, chỉ biết là mình đã đi đúng, cư xử vụng về, lo sợ tính cách phẩm chất của mình cũng bị tổn thương như vậy. Gã rất nhạy cảm, cả thẹn, cái nhìn thích thú mà người kia trộm liếc nhìn qua bức thư đâm vào lòng gã như một nhát dao. Gã nhìn thấy cái liếc mắt đó, nhưng gã không tỏ dấu hiệu gì vì một trong những điều gã học được là tính kỷ luật. Tuy vậy, nhát dao đó cũng chạm lòng tự trọng của gã. Gã tự rửa mình vì đã tới đây, nhưng đồng thời gã cũng quyết định, dù sao chẳng nữa, đã tới thì phải ráng đến cùng. Nét mặt gã đanh lại và ngọn lửa chiếu đèn ánh lên trong mắt gã. Gã nhìn chung quanh với thái độ thung dung hơn, con mắt quan sát tường tận; mọi chi tiết trong gian phòng đẹp đẽ ghi vào trong trí gã. Mắt gã mở to, không vật gì trong tầm nhìn lại thoát khỏi. Và khi đôi mắt ấy uống no được vẻ đẹp phía trước thì ánh lửa chiến đấu cũng tắt đi,

nhường chỗ cho một tia nhìn ám áp. Gã vốn dễ xúc cảm trước cái đẹp và đây là lý do dễ xúc cảm: Một bức vẽ tranh sơn dầu đã cuốn hút làm gã chú ý. Một đợt sóng lớn gầm lên lao tung vào một tảng đá nhô ra, những đám mây giông thấp nặng, bao phủ bầu trời, bên ngoài đợt sóng, một con thuyền dẫn đường mũi hướng theo chiều gió thổi, nghiêng hẳn về một bên để lộ mọi thứ trên boong, vượt lên, in hình trên nền trời giông bão. Thật là đẹp, nó cuốn hút gã không thể cưỡng lại được. Gã quên dáng đi vụng về của mình và bước lại gần bức vẽ, rất gần. Cái đẹp biến mất trên nền vải. Nét mặt gã lộ vẻ bối rối. Gã nhìn vào bức tranh dường như là bối bác rồi bước đi. Lập tức tất cả vẻ đẹp lại vụt trở lại trên nền vải. “Một bức tranh đánh lừa!” gã nhìn và gạt nó đi, mặc dù giữa muôn vàn xúc cảm nhận được, gã vẫn có thì giờ để tức giận vì một vẻ đẹp dường ấy lại đem hy sinh làm trò lừa đời. Gã không biết gì về hội họa. Gã có được làm quen với những bức tranh in, thạch bản, là những cái lúc nào cũng rành mạch rõ nét, dù chỉ nhìn gần hay nhìn xa. Gã cũng đã được xem những bức tranh sơn dầu để bày trong cửa hàng, nhưng mặt kính đã ngăn không cho đôi mắt khao khát của gã tới gần.

Gã liếc nhìn lại ông bạn đang đọc thư và trông thấy những quyển sách trên bàn. Một ánh khao khát thêm muốn đột hiện trong mắt gã như vẻ thêm thường đột hiện trong mắt một người sắp chết đói trông thấy thức ăn. Gã bước một bước dài, mạnh, đôi vai đánh mạnh từ phải sang trái; gã tới bên bàn, gã trù mền sờ mó những cuốn sách. Gã nhìn tên sách và tên tác giả, đọc vài đoạn, vuốt ve những cuốn sách bằng đôi tay và đôi mắt: có một quyển gã nhận ra đã đọc rồi. Những cuốn còn lại là những cuốn xa lạ với những tên tác giả lạ. Gã tình cờ cầm lên một cuốn của Swinburne[2] bắt đầu chăm chú đọc, không còn nghĩ mình đang ở đâu nữa, nét mặt gã rạng rỡ. Hai lần gã kẹp ngón tay gập sách lại để nhìn vào tên tác giả. Swinburne! Gã sẽ nhớ mãi cái tên đó. Cái anh chàng này thật có mắt tinh đời, ý thức về màu sắc và ánh sáng ở anh ta mới tinh tế làm sao! Nhưng Swinburne là ai mới được chứ? Có phải ông ta đã chết khoảng một trăm năm nay rồi, như hầu hết các nhà thơ không? Hay là ông ta vẫn đang còn sống và làm thơ? Gã giờ lại trang ghi đề sách... “Phải, ông ta còn viết cuốn sách khác. Được, sáng mai công việc đầu tiên của gã là ra thư viện công cộng tìm một vài

cuốn của Swinburne.” Gã quay lại đọc mê man. Gã không để ý thấy một phụ nữ trẻ tuổi đã bước vào phòng. Cho mãi đến khi gã nghe tiếng nói của Arthur:

“Ruth, đây là ông Eden.”

Quyển sách gấp lại trong ngón tay trỏ của gã, và trước khi quay lại, gã thấy rợn lên một cảm giác mới lạ đầu tiên, không phải về cô gái mà về câu nói của anh nàng. Bên trong cái thân thể nổi bật của gã là một khối tình cảm xao động. Một kích động nhẹ nhất của thế giới bên ngoài vào ý thức tư tưởng, tình cảm của gã, lập tức xúc cảm trời dậy, đùa giỡn như những ngọn lửa bập bùng. Gã dễ thụ cảm và dễ xúc động một cách lạ kỳ, trong khi trí tưởng tượng cao đến tột độ không ngừng hoạt động để xác định mối quan hệ của những chỗ giống nhau và khác nhau. “Ông Eden” đó là điều làm gã rung động – gã, người mà suốt đời bị gọi là “Eden” hoặc Martin Eden, hay chỉ cộc lốc “Martin.” “Lại “Ông” – lạ quá,” gã thầm nghĩ. Ngay lập tức, bộ óc gã dường như biến thành một phòng tối mênh mang của một chiếc máy ảnh, và gã nhìn thấy bày quanh tiềm thức của mình những hình ảnh bất tận của đời gã, cảnh sống bên lò lửa, trong khoang tàu, nơi đóng trại, bờ biển, nhà tù, quán rượu, nhà thương, những khu phố nhà ổ chuột, trong đó, mỗi dây liên hệ là cái cung cách người ta xưng hô với gã trong những hoàn cảnh khác nhau.

Rồi gã quay lại và nhìn thấy cô gái. Trông thấy nàng, những ảo ảnh trong trí gã bỗng biến đi. Nàng là một cô gái nước da xanh, vẻ siêu tục, đôi mắt xanh to, đầy trí tuệ với suôi tóc vàng óng. Gã không biết nàng ăn mặc ra sao, chỉ biết chiếc áo nàng mặc cũng kỳ diệu như chính nàng. Gã ví nàng như một đóa hoa vàng thanh thanh trên một cành cây mảnh mai. Không, nàng là một linh hồn, một thiên thần, một tiên nữ. Vẻ đẹp cao siêu không phải của nơi trần thế. Hay có lẽ sách nói đúng chẳng, có nhiều người đẹp như nàng trong xã hội thượng lưu. Nàng có thể phải được như gã Swinburne nọ ca tụng. Có lẽ trong khi tả nàng Iseult[3] trong cuốn sách trên bàn kia, anh ta vẫn hình dung ra một người nào đó như nàng. Nào nhìn, nào cảm xúc, suy tư, tất cả dồn dập đến cùng một lúc. Những thực tại trong đó có gã diễn biến không ngừng. Gã thấy bàn tay nàng đưa ra về phía tay gã, và nàng vừa bắt tay vừa nhìn thẳng vào mắt gã, không e dè, như một người

đàn ông. Những người đàn bà gã biết trước đây không bao giờ bắt tay kiểu này. Nói cho đúng, hầu hết những người ấy chẳng hề bắt tay. Bao sự liên tưởng, bao hình ảnh về các cách gã làm quen với những người đàn bà ấy dồn dập như nước lũ xô vào tâm trí gã, đe dọa nhận chìm nó. Nhưng gã xua đuổi chúng đi và ngắm nhìn nàng. Chưa bao giờ gã gặp một người đàn bà như thế. Những người đàn bà mà gã biết trước đây! Tức khắc, cạnh nàng, ở hai bên, xếp hàng một dãy những người đàn bà mà gã quen biết. Trong một giây phút dài tưởng chừng bất tận, gã đứng trong một phòng triển lãm tranh trong đó nàng chiếm vị trí trung tâm, chung quanh la liệt bao nhiêu bức tranh đàn bà khác, tất cả được liếc mắt nhìn qua để cân nhắc, đánh giá, chính nàng làm tiêu chuẩn. Gã thấy những bộ mặt gầy gò ốm yếu của những cô gái trong xưởng máy, những ả màu mè, chua ngoa ở khu nam phố chợ[4], có những ả trong trại chăn nuôi và những mụn đen đui, thuốc lá luôn mồm vùng cực Mexico. Rồi đến lượt những cô gái Nhật trông như “búp bê,” chân bước rón rén trên những đôi guốc gỗ; rồi lại đến những cô gái lai, vóc người thanh tú mang trên mình dấu vết suy đồi; những cô gái đảo Nam Hải, thân mình núng nính, vòng hoa tết trên đầu, làn da nâu sẫm – tất cả bị mờ đi trong một cơn ác mộng khủng khiếp, quái đản – một lũ sinh vật bệu rạch, lời thôi lếch thếch lê gót trên những vỉa hè khu Bạch giáo đường[5]; những con điểm trong tửu quán, mồm thối hoắc, bản thủ mang lột quỹ cái làm bả dâm cho những gã thủy thủ, những rác rưởi của hải cảng, cận bã của loài người.

“Xin mời ông ngồi, ông Eden,” người con gái cất lời. “Từ khi anh Arthur nói chuyện, tôi cứ mong được gặp ông. Ông thật là can đảm...”

Gã xua tay chối từ, lẩm bẩm nói có gì đáng kể, và ai mà chẳng làm như gã. Nàng nhận thấy ở bàn tay gã giờ lên có những vết bong đang lên da non, liếc nhìn bàn tay buông thõng bên kia cũng thấy như vậy.

Với đôi mắt tinh và soi mói, nàng cũng nhận thấy một vết sẹo trên má gã, một vết lộ ra dưới mái tóc trên trán, một vết thứ ba chạy dài rồi lấp trong cổ áo cứng. Nàng cố nén một nụ cười khi nhìn thấy đường đỏ hằn, vết cọ xát của cái cổ còng áo trên cái cổ nâu sẫm của gã. Hẳn là gã không quen mặc áo cổ cứng. Con mắt phụ nữ của nàng cũng để ý tới bộ quần áo gã mặc, rẻ

tiền cất vụng, vết nhăn chạy dài trên vai áo, một loạt những đường nhăn ở ống tay áo làm nổi lên bắp thịt cuộn cuộn.

Trong khi vụng tay lấm bầm nói gã có làm gì đâu, gã vẫn tuân theo lời mời của nàng, cố lèn mình trong chiếc ghế. Gã còn đủ thì giờ thán phục vẻ nhẹ nhàng ở nàng khi nàng ngồi xuống, rồi gã mới lão đảo bước tới cái ghế đối diện nàng, hết sức ngưỡng về sự vụng về của mình. Đối với gã đây quả là một điều mới mẻ. Suốt đời cho đến tận lúc này, gã chẳng hề để ý xem là mình duyên dáng hay vụng về. Những ý nghĩ ấy không bao giờ đến với đầu óc gã. Gã rón rén ngồi xuống mép ghế, rất lúng túng về đôi tay của mình. Để đầu cũng thấy vương. Arthur đi ra khỏi phòng, và Martin Eden nhìn theo bằng con mắt thèm muốn. Gã thấy bối rối khi phải ở lại một mình trong căn phòng với người con gái thanh tao này, không có một anh chủ quán để gọi lấy rượu, không một chú hầu bàn để sai ra góc phố kiếm một hộp bia, rồi dùng thứ đồ uống xã giao ấy để bắt đầu câu chuyện vui giữa bạn bè.

“Ông Eden, cái sẹo ở cổ ông nó to quá!” Người con gái nói, “sao vậy? Chắc hẳn là do một cuộc phiêu lưu nào đó.”

“Thưa cô,” gã liếm đôi môi khô, hắng giọng nói, “một tên Mexico cầm dao. Một trận đánh lộn. Sau khi tôi gạt bằng con dao đi, nó định ngoạm cắn đứt mũi tôi.”

Tuy gã kẻ rất tồi, nhưng trong cặp mắt gã là hình ảnh rực rỡ của cái đêm oi bức đầy ánh sao ở Salina Cruz, dải bờ biển trắng, ánh đèn của những chiếc thuyền chở đường bỏ neo nơi bến cảng, tiếng nói của những thủy thủ say rượu ở xa xa, những người phu bốc vác chen đẩy nhau, sự điên cuồng bốc lửa trên gương mặt tên Mexico, đôi mắt thú dữ lóe lên trong ánh sao, lưỡi thép đâm vào cổ gã, máu vọt ra, đám đông và những tiếng la hét, hai thân hình, gã và tên Mexico ghì chặt lấy nhau, lăn tròn, lăn tròn, cày cát lên và đầu đây ở phía xa, âm thanh dịu dặt của cây lục huyền cầm. Bức tranh là như vậy, nhớ lại, lòng gã rung động, tự hỏi không biết người vẽ bức tranh thuyền buồm dẫn đường treo trên tường kia có thể vẽ được cảnh đó chẳng. Dải bờ biển cát trắng, những vì sao, ánh đèn của những thuyền chở đường phải nổi lên, gã nghĩ thế, và ở giữa, trên bãi cát, đám đông sẫm đen vây quanh hai người đang vật lộn. Con dao chiếm một vị trí trong bức tranh, gã

nhấn mạnh, và phải nổi bật lên, lóe sáng trong ánh sao. Nhưng tất cả những ý đó, gã không nói ra được ý nào.

“Nó định ngoạm mất mũi tôi,” gã kết luận.

“Ồi!” Người con gái nói, giọng nhẹ và xa xôi, gã nhận thấy sự xúc động trên nét mặt nhạy cảm của nàng.

Gã cũng cảm thấy xúc động, đôi má rám nắng của gã ửng nhẹ, lộ vẻ bối rối sượng sùng, tuy thực ra gã thấy nó bùng bùng nóng rất như khi gã đứng giáp cửa lò để mở. Những chuyện ầu ẩu đâm chém nhau tầm thường hèn hạ như vậy rõ ràng không phải là đề tài thích hợp trong câu chuyện với một thiếu nữ lịch sự. Những nhân vật trong sách, trong giai tăng của nàng không bao giờ nói những chuyện như vậy – mà có lẽ họ cũng chẳng biết gì về những chuyện ấy.

Câu chuyện vừa cố khơi ra, ngừng lại một lúc. Rồi nàng lại ướm hỏi về cái sẹo trên má gã. Ngay khi nàng hỏi, gã đã nhận thấy nàng cố gắng nói theo lời nói của gã, gã quyết định tránh và nói theo lời nói của nàng.

“Chỉ là một câu chuyện không may,” gã nói, tay đề lên má. “Một đêm lạnh gió: biển bỗng nổi sóng; cột buồm chính bị cuốn đi rồi là dây dợ cũng bị cuốn theo. Dây cáp bện xoắn lại như một con rắn. Tất cả những người gác trên boong cố níu lại, tôi lao tới và bị quật vào mặt.”

“Ồi,” nàng nói, lần này giọng có vẻ hiểu, tuy trong thâm tâm nàng thấy ngôn ngữ của gã đối với nàng thật khó hiểu, nàng tự hỏi “dây cáp” là cái gì, bị “quật vào mặt” là thế nào.

“Cái nhà ông Swineburne[6],” gã mở đầu câu chuyện, định thực hiện ý định của mình, nhưng lại phát âm “i” dài ra.

“Ai?”

“Swineburne, nhà thơ,” - gã nhắc lại, vẫn phát âm sai.

“Swinburne,” nàng chữa lại.

“À vâng, đúng cái anh chàng đó,” gã áp ứng, má lại nóng rực lên. “Ông ấy chết được bao lâu rồi?”

“Ừa, tôi không nghe nói ông ấy đã mất,” nàng nhìn gã vẻ tò mò. “Ông quen ông ấy ở đâu?”

“Tôi đã gặp thấy ông ta lần nào đâu,” gã trả lời. “Nhưng tôi đã đọc vài ba bài thơ của ông ta trong cuốn sách kia ngay lúc trước khi cô vào. Cô có

thích thơ ông ấy không?”

Đề mục câu chuyện gã vừa nêu ra, nàng liền bắt ngay, nói thao thao, dễ dàng. Gã thấy dễ chịu hơn, khe khẽ ngồi lùi vào trong mép ghế, hai tay nắm chắc lấy thành ghế, như bộ nó có thể tuột đi hất gã xuống sàn. Gã đã làm được cho nàng nói theo lối nói của nàng, và trong khi nàng nói thao thao, gã cố gắng theo dõi, kinh ngạc sao cái đầu nhỏ xinh thế kia lại chứa đựng được biết bao vẻ đẹp thanh tao của khuôn mặt nàng. Gã đã theo dõi nàng mặc dù bị lúng túng vì những ngôn từ không quen thuộc vẫn nhẹ nhàng thoát ra từ đôi môi nàng, vì những lời phê bình và phương pháp tư tưởng xa lạ đối với gã nhưng nó vẫn kích thích và làm trí óc gã rung động. Đây là đời sống tinh thần, gã nghĩ, đây là cái đẹp âm áp, kỳ diệu, gã chưa bao giờ mơ tới cuộc đời có thể như vậy. Gã quên cả mình, nhìn nàng bằng con mắt khao khát. Đây là một cái gì vì nó mà sống, mà chiến thắng, mà đấu tranh, phải, vì nó mà chết nữa. Sách nói đúng. Trên đời này có những người đàn bà như thế. Nàng là một. Nàng chấp thêm cánh cho trí tưởng tượng của gã, những bức họa rộng lớn, sáng ngời trải ra trước mặt gã, trên đó hiện lên những nhân vật mờ ảo, to lớn của yêu thương, của lãng mạn và của những hành động anh hùng vì một người đàn bà – vì một người đàn bà thanh thanh, một đoá kim hoa. Và qua ảo ảnh rung rinh, bập bồng như một mộng cảnh thần tiên, gã chăm chú nhìn người đàn bà thực kia, ngồi đó bàn luận về văn chương, nghệ thuật. Gã cũng có nghe thấy, nhưng mắt vẫn nhìn chăm chăm, không biết rằng mình nhìn chăm chú quá, không biết rằng tất cả những cái gì thực là đàn ông trong bản chất của gã đang ánh lên trong mắt gã. Nhưng nàng, vốn là một phụ nữ ít biết tới cái thế giới đàn ông, đã nhận thấy rất tinh đôi mắt bốc lửa của gã. Chưa bao giờ có người đàn ông nào nhìn nàng như thế và nó làm nàng lúng túng. Nàng vấp vấp rồi lắng yên không nói. Dòng tư tưởng trôi đi mất. Gã đã làm nàng sợ, nhưng đồng thời nàng cũng cảm thấy thích thú một cách lạ kỳ khi được ngắm nhìn như vậy. Là một con người có giáo dục, nàng biết rằng đây là một điều nguy hiểm, một điều sai trái tẻ nhạt, bí hiểm, quyến rũ, trong khi bản năng của nàng lại rung vang trong cơ thể như tiếng kèn thúc giục nàng gạt bỏ đi cả giai tầng, cả địa vị để gần gũi người lữ khách từ một thế giới khác tới đây, người thanh niên vụng về này với đôi bàn tay đầy sẹo, cổ đỏ hần vì chiếc cổ áo cứng mặc chưa quen,

người thanh niên mà, không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc sống thô tục đã làm cho nhor nhóp, hôi tanh. Nàng là con người trong trắng và bản chất trong trắng nàng phản ứng lại, nhưng nàng cũng còn là đàn bà, và nàng bắt đầu thấy tất cả sự mâu thuẫn của một người đàn bà.

“Như tôi đã nói... mà tôi đang nói gì ấy nhỉ?” Nàng đột ngột dừng lại và cười vui vẻ vì sự lúng túng của mình.

“Cô nói là cái gã Swinburne không trở nên một nhà thơ lớn được và, thưa cô, cô vừa nói đến đây...” Gã nhắc, rồi chợt thấy như đói cồn; và một niềm rung cảm nhẹ nhàng dâng tỏa nơi xương sống gã khi nghe tiếng nàng cười. “Như bạc,” gã nghĩ bụng, “như tiếng chuông bạc rung nhẹ” và ngay lúc ấy, trong giây lát, gã như được mang đi tới một miền xa, nơi đấy, dưới những bông anh đào nở rộ, gã ngồi hút thuốc, lắng nghe tiếng chuông từ một tháp chùa cao gọi tín đồ đi hái rơm về cầu nguyện.

“Đúng thế, cảm ơn ông,” nàng nói. “Xét cho cùng, Swinburne thất bại là bởi vì, phải, vì ông ta thiếu tế nhị. Có nhiều bài thơ của ông ấy không bao giờ nên đọc. Mỗi dòng thơ của những nhà thơ thực sự vĩ đại phải mang một chân lý đẹp, phải kêu gọi tất cả những gì là tao nhã trong con người. Không một dòng thơ nào của những nhà thơ lớn có thể bỏ qua, mà không vì thế cuộc đời này nghèo nàn đi một chút.”

“Tôi nghĩ,” gã ngập ngừng nói, “những cái tôi vừa đọc thật là tuyệt. Tôi không hề biết ông ấy lại là một – một tên đều cáng – Tôi nghĩ những cái đó chắc là ở trong những cuốn khác của ông ta.”

“Ngay trong cuốn ông vừa đọc, có nhiều câu có thể bỏ đi được,” nàng nói, giọng kiên quyết khẳng định.

“Hẳn là tôi đã bỏ qua những câu ấy. Những đoạn tôi đọc thực là hay. Nó bùng lên, rạng ngời, rơi vào tâm hồn tôi và tỏa sáng trong tôi như ánh mặt trời hay ánh đèn pha. Nó nhập vào tôi như vậy đấy, nhưng thưa cô, tôi đâu có phải là nhà phê bình thơ.”

Gã ngừng lời. Gã bối rối, đau khổ thấy mình không nói nên lời. Gã cảm thấy cái vĩ đại, ánh hào quang của cuộc sống trong những vần thơ gã đọc, những lời gã nói ra không thỏa đáng. Gã không thể nào diễn tả được những điều gã cảm thấy; trong thâm tâm, gã tự ví mình như một thủy thủ trên con tàu lạ, một đêm tối trời, mò mẫm trong mớ dây buồm trơn tuột không quen

thuộc. Được, gã quả quyết, làm quen với cái thế giới mới này là tùy gã thôi. Xưa nay chưa có điều gì gã đã muốn mà lại không đạt được; bây giờ là lúc gã muốn học nói những điều ở trong đầu óc gã sao cho nàng có thể hiểu được. Nàng đã choán ngợp trên chân trời của gã.

“Bây giờ đến Longfellow[7],” nàng nói.

“Vâng, tôi đã đọc ông ta,” gã hấp tấp ngắt lời nàng, trong lòng như có gì thôi thúc, muốn phô bày tất cả kho tàng tri thức sách vở nhỏ bé của mình, muốn tỏ cho nàng rõ, gã không phải hoàn toàn là một thằng đàn ngốc. ““Bài ca cuộc sống”, “Vươn lên mãi” và... tôi nghĩ tất cả có thể!”

Nàng gật đầu và mỉm cười. Gã cảm thấy nụ cười của nàng có vẻ rộng lượng, thương hại mà tha thứ. Gã định khoe khoang theo kiểu đó thì thật là một thằng ngốc. Cái anh chàng Longfellow này chắc hẳn phải sáng tác cơ man nào là tác phẩm thơ.

“Xin cô tha thứ, tôi đã nói liều như vậy. Tôi nghĩ thực ra thì tôi chẳng biết gì nhiều về những chuyện đó. Nó không phải là loại chuyện của tôi, nhưng rồi đây tôi sẽ làm cho nó là loại chuyện của tôi.”

Câu nói vang lên như một lời đe dọa. Giọng gã quả quyết, mắt gã lóe sáng lên, đường nét trên mặt đanh lại. Nàng thấy hình như quai hàm của gã đã đổi khác, nó bạnh ra, vẻ khiêu khích một cách khó chịu. Đồng thời một làn sóng mãnh liệt mang tất cả sức cường mạnh của giới đàn ông dường như trào ra từ con người gã, đổ ào tới xâm chiếm cơ thể nàng.

“Tôi nghĩ rằng ông có thể sẽ làm nó thuộc loại chuyện của ông được lắm chứ. Ông có sức mạnh rất tốt.”

Nàng chấm dứt câu nói bằng một tiếng cười. Ánh mắt nàng ngừng lại trong giây lát trên cái cổ nổi bắp thịt cuộn cuộn như dây chảo, như cổ bò tót, nâu sẫm vì ánh mặt trời, tràn trề sức sống và sức mạnh thô bạo – và mặc dầu, gã ngồi kia, vẻ then thùng, nhún nhường, nàng vẫn cảm thấy bị gã lôi cuốn.

Nàng ngạc nhiên vì một ý nghĩ không lành mạnh đã xô đến trong đầu. Nàng thầm nghĩ, giá mà đôi tay nàng có thể đặt lên trên cái cổ kia, để cho tất cả sức mạnh và sự cường tráng của nó trào ra, thấm vào nàng. Nàng cảm thấy ngây ngất vì ý nghĩ đó. Nó dường như đã hé lộ cho nàng rõ sự đe dọa không ngờ tới trong bản chất của nàng. Hơn nữa, đối với nàng, sức mạnh

vốn là một cái gì trần tục và thô bạo. Vẻ đẹp đàn ông lý tưởng của nàng bao giờ cũng là vẻ thanh tao duyên dáng. Tuy nhiên, ý nghĩ kia vẫn cứ đeo đuổi. Nàng ngạc nhiên hết sức sao mình lại muốn đặt bàn tay lên cái cổ rám nắng kia. Thực ra, nàng đâu phải là một người khỏe mạnh. Nhưng nàng đã không biết điều đó. Nàng chỉ biết từ trước đến giờ, chưa một người đàn ông nào làm nàng rung động như anh chàng này – cái anh chàng đã làm cho nàng lúc lúc lại phải choáng váng với kiểu ngữ pháp khủng khiếp của y.

“Đúng, tôi không phải là một người tàn tật,” gã nói. “Những lúc túng quẫn thì ăn sắt cũng tiêu. Nhưng lúc này tôi cứ như bị chứng khó tiêu. Hầu hết những điều cô nói tôi không thể tiêu hóa nổi. Tôi chưa hề được đào luyện theo lối đó, hẳn cô cũng biết. Tôi vẫn thích sách, thích thơ, có thì giờ là đọc nhưng chẳng bao giờ nghĩ về những cái đó theo lối nghĩ của cô. Vì thế, tôi không thể nói những chuyện đó được. Tôi giống như một nhà hàng hải trên một vùng biển lạ, không hải đồ, không địa bàn. Bây giờ tôi muốn xác định phương hướng và vị trí của mình. Có thể là cô cho tôi vài lời khuyên nhủ. Cô làm thế nào mà học được tất cả những điều cô vừa nói nhỉ?”

“Tôi nghĩ là bằng cách đến trường và học tập thôi,” nàng trả lời.

“Hồi còn bé tôi cũng đã đi học,” gã cãi lại.

“Vâng, nhưng tôi muốn nói đến trường trung học, và nghe những bài giảng ở trường đại học kia.”

“Cô đã học ở trường đại học?” Gã hỏi, vẻ ngạc nhiên rất thành thực. Gã cảm thấy nàng bỗng trở nên xa cách hơn nữa, ít nhất có đến hàng vạn dặm.

“Hiện tôi đang theo học ở đó. Tôi theo những khóa học đặc biệt về tiếng Anh.”

Gã không hiểu “khoa tiếng Anh” là gì, nhưng gã nhảm thảm nhớ lấy tên cái môn mà mình dốt và nói qua chuyện khác.

“Thế liệu tôi phải học mất bao lâu thì mới vào được đại học?” Gã hỏi.

Nàng mừng rỡ khuyến khích lòng ham học của gã và nói:

“Đấy là còn tùy xem ông đã học được đến đâu. Ông chưa qua trường trung học phải không? Chắc hẳn là không rồi. Nhưng ông học hết tiểu học rồi chứ?”

“Còn hai năm nữa mới hết khi tôi thôi học,” gã trả lời. “Nhưng khi còn học bao giờ tôi cũng được xếp hạng cao.”

Liền ngay đó, gã tự giận mình vì đã khoe khoang, gã nắm chặt lấy tay ghế, điên cuồng đến nỗi đầu ngón tay đau nhói. Đúng lúc ấy gã nhận thấy một người đàn bà bước vào phòng. Gã thấy nàng đứng dậy và nhẹ lướt qua sàn đón người mới tới. Họ hôn nhau, tay quàng lưng nhau tiến về phía gã. Gã nghĩ, chắc đây là mẹ nàng. Bà ta người cao, thân hình thon thả, mái tóc nâu, vẻ đẹp đường bệ. Chiếc áo dài của bà đúng là, gã nghĩ, chỉ có được trong một tòa nhà như thế này. Gã thích thú ngắm nhìn những nếp đẹp của chiếc áo. Bà và chiếc áo của bà nhắc gã nhớ tới những người đàn bà trên sân khấu. Rồi gã nhớ lại đã từng trông thấy những người đàn bà quý phái với những chiếc áo dài tương tự bước vào các rạp hát ở London, gã đứng ngắm và bị những tên cảnh sát đẩy ra ngoài hàng hiên, dưới làn mưa bụi. Rồi trí óc gã lại gợi tới Đại khách sạn ở Iokohama, nơi đây, từ bên kia hè đường, gã cũng đã nhìn thấy các bà quý phái. Rồi thành phố và bến cảng Iokohama, trong muôn vàn hình ảnh hiện lên loang loáng trước mắt gã. Nhưng gã vội xóa đi cái ống kính vạn hoa thu hình của ký ức ấy bởi gã đang bị thôi thúc vì sự khẩn thiết của hiện tại. Gã biết mình phải đứng dậy để được giới thiệu, gã chắt vật đứng lên, ống quần phình ra nơi đầu gối, cánh tay buông thõng lơ lửng, mặt căng thẳng, đứng chờ sự thử thách sắp tới.

[2] *Algenon Charles Swinburne (1837 – 1909), một thi sĩ kiêm phê bình văn học người Anh. Tác phẩm của ông đầy tính chất trữ tình, được thanh niên thời đó rất ưa thích (ND).*

[3] *Tên một nhân vật trong tác phẩm của Swinburne.*

[4] *Khu chợ (Market) thuộc Cựu Kim Sơn – phía Đông bắc khu chợ là nơi tập trung của nhà giàu, phía Nam là khu dân nghèo.*

[5] *Whitechapel – Khu dân nghèo.*

[6] *Ý Martin muốn nói đến Swinburne.*

[7] *Henry Wordsworth Longfellow (1807 – 1882) – thi sĩ Mỹ. “The Psalm of life” và “Excelsior” là những tác phẩm nổi tiếng của Longfellow – các học sinh Mỹ thường phải học.*

CHƯƠNG 2

Cuộc hành trình sang phòng ăn đối với gã là cả một cơn ác mộng. Lúc ngừng, lúc chệnh choạng, lúc nảy người lên, lúc lão đảo và có lúc lại dường như không thể di động được nữa. Nhưng cuối cùng, gã cũng làm xong được cuộc hành trình ấy, và được người ta sắp ngồi bên cạnh nàng. Những dây dao nĩa bày ra làm gã kinh hoàng. Chúng tua tủa với những hiểm họa không sao lường trước, gã như bị chúng thôi miên, cho đến khi ánh lóa sáng của chúng biến thành nền cho bao nhiêu hình ảnh của cuộc sống trên boong tàu lần lượt diễn ra: Gã và các bạn cùng nghề ngồi ăn thịt bò ướp muối bằng dao găm và nắm đầu ngón tay, hoặc lấy thìa sắt mẽ vục súp đậu đặc quánh đựng trong những ca nhôm. Mùi thịt bò ôi xộc lên mũi, trong khi tiếng nhai nhồm nhoàm hòa theo tiếng cọt két của các cột lim của vách gỗ văng lên. Gã ngấm nhìn họ ăn và thấy họ ăn như đàn lợn. Ừ, ở đây, gã sẽ phải cẩn thận. Gã sẽ không gây ra một tiếng động nào. Gã sẽ luôn luôn để tâm tới điều đó.

Gã liếc nhìn quanh bàn. Đối diện với gã là Arthur và Norman em trai của Arthur. Họ là anh em ruột của nàng, gã tự nhắc nhở mình, lòng ấm lên một mối thiện cảm đối với họ. Những người trong gia đình này, sao họ yêu nhau đến thế! Vụt lên trong đầu óc gã hình ảnh của mẹ nàng, cái hôn khi gặp gỡ, hai người tay quàng tay đi về phía gã. Trong cái thế giới của gã có bao giờ bố mẹ và con gái lại biểu lộ tình cảm như thế đâu. Đó là những biểu hiện cao quý trong cuộc sống mà họ đã đạt được trong xã hội thượng lưu. Đó là điều đẹp đẽ nhất, tuy gã chỉ mới thấy một thoáng nhỏ của cái thế giới này. Gã xúc động nhận ra điều đó, trái tim mềm lại trong những tình cảm triu mến dạt dào. Suốt đời gã khao khát tình yêu. Bản chất gã đòi hỏi tình yêu. Đó là một sự đòi hỏi hữu cơ trong con người gã. Ấy thế mà gã vẫn không có tình yêu và gã trở nên chai cứng với những năm tháng đã sống qua. Gã đã không biết rằng gã cần tình yêu. Cả lúc này nữa gã cũng không hề biết. Gã chỉ thấy nó đang xao động, gã xôn xang vì nó, và nghĩ rằng nó cao đẹp và long lẫy quá.

Gã lấy làm mừng vì không có ông Morse ở đây. Làm quen với nàng, mẹ nàng, và Norman, em nàng, cũng đã đủ khó rồi. Arthur thì gã đã biết đôi chút. Lại còn ông bố nữa thì hẳn là quá sức đối với gã, gã chắc thế. Gã thấy

trong đời mình, chưa bao giờ vất vả như vậy. So với lần này thì việc làm nặng nhọc nhất cũng chỉ là trò trẻ. Mồ hôi lấm tấm trên trán, áo sơ mi ướt đẫm vì quá gắng sức làm bao điều không quen trong cùng một lúc. Gã phải ăn theo một cái lối mà suốt đời gã chưa từng biết, phải sử dụng những dụng cụ lạ kỳ, phải lén nhìn quanh để biết cách mà làm từng việc mới, vừa phải tiếp nhận những cảm giác như nước lũ đang ủa vào gã, phải thâm ghi nhớ và phân loại. Gã cảm thấy hoang mang, bồn chồn vì lòng khao khát có được nàng và thấy bị kích thích bởi ước muốn đạt tới tầng lớp xã hội thượng lưu mà nàng đang ở, đầu óc lúc lúc lại lan man những ý nghĩ, những dự định mơ hồ làm sao với tới được nàng. Và khi gã lén nhìn Norman ngồi đối diện, hay bất cứ một người nào khác biết chắc phải dùng đến loại dao nĩa nào trong một món ăn đặc biệt nào đó, nét mặt của người đó gây ấn tượng sâu sắc trong trí óc gã và tức khắc gã cố gắng nhận xét, đoán xem như thế là thế nào – tất cả đều vì nàng. Rồi còn phải nói chuyện, nghe những điều người ta nói, những câu chuyện qua lại, và khi cần thiết còn phải trả lời với cái miệng cứ sẵn sàng văng ra một ngôn từ bừa bãi đòi hỏi phải tìm lại. Còn phiền một nỗi nữa là cái anh hầu bàn, thật là một sự đe dọa không ngừng, cứ lúc lúc lại lặng lẽ hiện ra ở bên vai như con quái vật Sphinx khủng khiếp đưa ra những câu đố, câu hỏi hắc búa, đòi phải giải đáp tức thì. Suốt bữa ăn, đầu óc gã cứ bị ám ảnh khi nghĩ tới cái bát nước rửa tay. Thật là phi lý, thật là ám ảnh, biết bao lần gã tự hỏi lúc nào họ sẽ đem chúng ra, và hình thù nó ra làm sao. Gã đã nghe nói đến những thứ như thế, và bây giờ, sớm muộn, chỉ vài phút nữa thôi, gã sẽ thấy chúng; ngồi ở bàn này với những người cao sang vẫn dùng nó, rồi chính gã cũng sẽ dùng nó và điều quan trọng hơn cả, tuy ở sâu thẳm, nhưng lại luôn luôn hiện ra trong ý nghĩ của gã là phải xử sự thế nào với những người này. Thái độ của gã như nên thế nào? Gã đã vật lộn với vấn đề đó không ngừng và đầy lo ngại. Đã có những ý nghĩ hèn nhát bảo hẳn phải vờ vịt, phải thủ một vai; và lại có những ý nghĩ hèn nhát hơn bảo gã biết là gã sẽ thất bại trong chuyện này, bản chất gã không thích hợp với cuộc sống như vậy và gã có thể sẽ biến mình thành một thằng hề.

Lúc đầu khi mới vào ăn, phải vật lộn để quyết định về thái độ xử sự nên gã cứ ngồi yên. Gã đâu có dè sự yên lặng của mình đã làm cho những lời nói của Arthur hôm trước đây là không đúng: ông anh này của nàng đã

bảo rằng sẽ mang một người rừng về nhà ăn cơm, mọi người đừng lấy thế làm sợ, vì sẽ được thấy một người rừng nhưng rất lý thú. Martin Eden hẳn không bao giờ có thể tin được anh của nàng lại phản phúc như vậy – nhất là chính gã lại là người đã cứu cái ông đặc biệt này thoát khỏi một cuộc ẩu đả không có gì là thú vị. Gã ngồi ở bàn, ngại ngùng thấy mình không thích hợp ở chốn này, nhưng đồng thời càng say mê vì tất cả những điều xảy ra ở chung quanh. Lần đầu tiên gã nhận thấy ăn uống còn là một cái gì hơn một chức năng vì lợi ích thực tế. Gã không nhận ra là mình ăn gì nữa – Đây chỉ là thức ăn. Gã đang ăn uống say sưa với tình yêu cái đẹp ở trên bàn này, nơi ăn uống là một chức năng thẩm mỹ. Cái đó còn là chức năng tinh thần nữa. Trí óc gã xao động. Gã nghe nhiều từ thốt ra đối với gã là vô nghĩa, nhiều từ khác gã chỉ thấy trong sách, và không một người đàn ông, đàn bà nào gã từng quen biết lại có đủ tầm cỡ trí thức để nói những lời như thế. Khi gã nghe những người trong cái gia đình kỳ diệu này – gia đình nàng, thốt ra những lời ấy, lòng gã vui rộn lên. Chuyện tình lãng mạn, cái đẹp, sức mạnh cao quý trong sách vở đang trở thành hiện thực. Gã đang ở trong trạng thái mê ly khoái cảm hiếm có, trạng thái của một người thấy những ước mơ bước ra từ những khe kẽ của kỳ ảo và trở thành sự thật.

Chưa bao giờ gã được ở một đỉnh cao của cuộc sống như vậy, và gã nép mình trong hậu trường, lắng nghe, quan sát, thưởng thức, bất đắc dĩ mới trả lời tiếng một “Thưa cô, vâng”, “Thưa cô, không” với nàng, và “Thưa bà, vâng”, “Thưa bà, không” với mẹ nàng. Gã cố kìm cái thói được rèn luyện trên biển của mình vẫn quen nói “Thưa ngài, rõ”, “Thưa ngài, không” khi nói với các anh nàng. Gã cảm thấy như vậy không hợp, và là sự thú nhận địa vị thấp kém của mình – như vậy không ổn nên gã muốn chiếm được nàng. Vả lại, đó cũng là mệnh lệnh của lòng tự trọng. “Trời!” Có lúc gã thậm thốt. “Ta cũng như họ, nếu họ biết nhiều điều mà ta không biết, thì chính ta cũng có thể dạy được họ một chút cơ mà.” Nhưng chỉ một lát sau, khi nàng hay mẹ nàng nói với gã “Thưa ông Eden” thì lòng tự tôn hung hãn của gã bị quên phắt đi ngay, mặt gã rạng lên, lòng ấm lại vì thích thú. Gã là một người văn minh, thế đấy, vai sánh vai ngồi dự tiệc với những nhân vật gã đã đọc được trong sách. Chính gã cũng là người trong sách, phiêu lưu qua những trang giấy in, trong những cuốn sách dày gáy da.

Nhưng trong khi gã làm cho lời miêu tả của Arthur là sai lầm, khi tỏ ra là một con cừu hiền lành chứ không phải người rừng thì gã vẫn đang moi óc để tìm một cách xử sự. Gã đâu có phải là một chú cừu hiền lành, và giữ vai kép phụ đâu có hợp với bản chất muốn vươn lên của gã. Chỉ khi nào bắt buộc, gã mới nói, và lúc ấy nó cũng giống như lúc đi tới bàn, ngập ngừng vấp vấp, mò mẫm trong cái vốn ngôn từ pha tạp, cân nhắc những từ gã biết là đúng, nhưng lại sợ phát âm sai, vứt bỏ những từ khác gã biết người ta sẽ không hiểu gì, hoặc quá thô bạo, tục tằn. Nhưng gã luôn khổ não nhận thấy sự quá cẩn thận trong cách nói năng này đã biến gã thành một thằng ngốc, ngăn cản không cho gã diễn đạt được những gì nảy ra trong đầu óc gã. Thêm nữa, lòng yêu tự do phóng khoáng của gã xô xát với sự cân nhắc, cũng như cổ gã chà sát vào cái vòng đai hồ cứng của chiếc cổ còng. Và lại, gã tin rằng gã không thể kiềm chế mãi được. Bản chất gã vốn là người cương cường trong suy nghĩ, trong cảm xúc, và cái tinh thần sáng tạo nơi gã thôi thúc khẩn thiết. Ý nghĩ hay cảm giác đã nhanh chóng chế ngự gã, quẩn quại như trong cơn đau để để thoát ra hình hài cụ thể, gã quên cả bản thân mình, quên cả mình đang ở đâu, và thế là những từ ngữ cũ – cái công cụ phát ngôn gã thông thạo – đã buột ra.

Một lần gã từ chối món gì đó của người hầu bàn, người này làm gián đoạn và quấy rầy ở bên vai gã, gã nói cộc lốc và dằn mạnh: “Pew!”

Tức thì mọi người xôn xao, chờ đợi, người hầu bàn cười thầm, còn gã ngượng chín người. Nhưng gã trấn tĩnh được ngay:

“Đấy là tiếng Kanaka, nghĩa là “xin đủ.”” Gã giảng giải. “Tôi cũng chỉ buộc mồm nói tự nhiên. Đánh vần là pa-a-o.”

Gã bắt gặp đôi mắt tò mò và dò hỏi của nàng dán vào bàn tay gã, đang lúc hứng giảng giải, gã nói:

“Tôi vừa ở Coast về, trên một chuyến tàu chở thư “Thái Bình Dương.” Tàu bị chậm, ở cảng Puget Sound[8], chúng tôi phải làm quần quật như những người da đen, khuôn đủ các thứ hàng tạp pí lù – nếu cô biết nó là thế nào. Chính vì thế mà da tay bị bong.”

“Ồ, không phải thế đâu,” đến lượt nàng vội giảng giải. “Đôi bàn tay ông hình như quá bé so với vóc người ông.”

Má gã nóng bừng. Gã coi đây lại là một sự phô bày nữa cho người khác thấy những thiếu sót của mình.

“Thưa vâng,” gã nói như xưa đi, “chúng không đủ to để chịu được lúc cần sức mạnh, với cánh tay và bả vai tôi có thể hích như một con la, chúng khỏe lắm, nhưng khi tôi đâm vỡ quai hàm một thằng nào thì hai bàn tay tôi cũng bị đập luôn.”

Gã không vui gì với những điều gã vừa nói. Gã thấy phần nộ với chính mình. Gã đã buông lỏng cho miệng lưỡi nói những chuyện không hay ho gì.

“Ông giúp Arthur như vậy, thật dũng cảm quá, mà ông lại là người không quen biết.” Nàng nói khéo, nhận thấy vẻ bối rối trên nét mặt gã tuy không hiểu tại sao.

Về phía gã, gã thấy rõ điều nàng làm, một niềm cảm kích ấm áp dâng lên tràn ngập tâm hồn, gã quên cái miệng lưỡi buông thả của mình.

“Thưa cô, có gì đâu,” gã nói. “Ai gặp trường hợp vậy cũng giúp người khác thế thôi. Lũ côn đồ ấy kiếm chuyện gây gỗ. Ông Arthur có đụng chạm gì đến chúng đâu. Chúng xô vào đánh ông, thế là tôi xông vào cản chúng, quật ngã mấy đứa. Da tay tôi trượt ra cùng mấy cái răng của mấy thằng. Tôi không thể làm ngơ được. Khi tôi thấy...”

Gã ngừng lời, mồm há hốc, suýt nữa lao xuống vực sa đọa của mình, hoàn toàn không xứng đáng hít thở bầu không khí nàng đang thở. Trong khi Arthur kể lại đây là lần thứ hai mươi câu chuyện gặp gỡ mạo hiểm với bọn côn đồ say rượu trên chuyến phà, và Eden đã xông vào cứu anh như thế nào, thì gã cau mày ngồi suy nghĩ về nỗi ngớ ngẩn của mình, vật lộn một cách quyết liệt xem phải xử sự thế nào với những người ở đây. Cho đến lúc này gã thấy chắc rằng gã đã không thành công. Gã không phải là người trong giai tầng của họ, không thể nói cái thứ tiếng của họ, đó là điều gã tự nhủ mình. Gã không thể giả mạo làm người trong bọn họ được. Trò bịp sẽ thất bại, và lại, trò bịp xa lạ đối với bản chất gã. Lừa lọc, giả tạo, không có đất dung thân trong con người gã. Dù thế nào gã vẫn phải nói thật. Gã quyết như thế. Nhưng trong khi đó gã phải nói và phải là lời nói của gã, tất nhiên phải bớt gay gắt, sao cho họ hiểu được và không làm họ quá chướng tai. Hơn nữa, gã không tự cho, dù là thầm kín chẳng nữa, là gã đã quen với cái gì thực ra gã không quen. Để thực hiện điều quyết định này, khi nghe hai

anh em cô ta nói những chuyện học tập ở trường đại học, nhắc đi nhắc lại nhiều lần danh từ “lượng,” Martin Eden liền hỏi:

“Lượng là cái gì?”

“Lượng giác học,” Norman nói, “một môn toán cao cấp.”

“Toán là cái gì nhỉ?” Gã hỏi tiếp, và câu hỏi làm Norman phá ra cười.

“Toán học, số học ấy mà.” Norman trả lời.

Martin Eden gật đầu, gã đã thoáng thấy những viễn tượng tri thức rõ ràng là vô bờ bến. Những cái gã nhìn thấy đều đã trở thành những thực thể. Nhãn quan phi thường của gã biến cái trừu tượng thành cụ thể. Trong lò luyện kim của trí óc gã, lượng giác, toán học, và tất cả lĩnh vực tri thức mà chúng biểu hiện đều biến thành những cảnh trí. Viễn cảnh gã nhìn thấy là viễn cảnh về khóm lá xanh rờn, những khu rừng thưa, tất cả đều sáng sủa dịu dàng hoặc chói lọi hoặc bùng sáng khi tia nắng xuyên qua. Xa xa, cảnh vật bị che phủ và mờ đi trong màn sương đỏ tím, nhưng sau màn sương ấy, gã biết có sự quyến rũ của điều chưa biết tới, là sức cám dỗ của ảo mộng. Đối với gã thật sự như men say. Đây là phiêu lưu mạo hiểm, một việc làm phải cần đến khối óc, bàn tay, một thế giới để chinh phục – và sâu trong tiềm thức gã nổi lên ý nghĩ: phải chinh phục, phải chiếm được nàng – cái linh hồn thanh khiết như bông huệ đang ngồi bên gã.

Ảo ảnh lóe lên ấy bị Arthur xé tan và làm cho tiêu biến; suốt buổi chiều y tìm đủ mọi cách để khêu gợi làm cho con người rừng Eden lộ chân tướng. Martin Eden nhớ quyết định của mình: lần đầu tiên gã trở lại con người thực của gã, lúc đầu có ý thức và cân nhắc, nhưng chẳng bao lâu sau gã đã đắm say trong niềm vui của sáng tạo, làm cho cuộc sống gã đã từng biết hiện lên trước mắt những người nghe. Gã đã từng là thủy thủ của chiếc thuyền buôn lậu Halcyon khi nó bị một chiếc tàu tuần tra của Sở Hải quan bắt giữ. Gã đã mở to mắt nhìn và gã có thể kể lại những điều đã thấy. Gã mang cả giải đại dương đương cuộn sóng ra trước mắt họ, cùng những con người, những con tàu ngoài biển khơi. Gã truyền cho họ nhãn lực của gã, cho đến tận khi qua mắt gã, họ có thể nhìn thấy cái gì gã đã thấy. Trong cái khối lượng khổng lồ những chi tiết đó, gã đã lựa chọn với những tài hoa của người nghệ sĩ, vẽ lên những bức họa của cuộc đời, ánh lên rạng rỡ với những ánh sáng và sắc màu, truyền vào đó vẻ sống động, khiến người nghe

cùng với gã trào lên theo đợt sóng của hừng biển thô kệch, của nhiệt tình, của sức mạnh. Đôi lúc, lối kể chuyện sinh động cùng ngôn ngữ của gã làm cho họ choáng váng, nhưng tiếp liền ngay sự hung bạo luôn luôn là cái đẹp, sự bí ẩn được nét hài hước, được lối diễn đạt lắt léo châm biếm, kỳ lạ vốn có của những tay thủy thủ làm dịu đi.

Và trong khi gã nói, nàng nhìn gã với đôi mắt bàng hoàng. Ngọn lửa của gã làm nàng ấm lại. Nàng tự hỏi, những ngày qua mình đã lạnh lẽo quá chăng. Nàng muốn ngã mình vào con người bùng bùng, bốc lửa như hỏa diệm sơn đang phun ra sức mạnh, sự cường tráng và sức khỏe. Nàng cảm thấy phải nghiêng người về phía gã và gắng lắm mới kìm lại được. Nhưng cũng lại có sức mạnh ngược lại thôi thúc nàng lánh xa con người ấy. Đôi bàn tay sần sùi cấu bắp vì lao dịch, bụi đời đã ăn sâu vào từng thớ thịt, vết hằn đỏ của vết cổ cồn, những bắp thịt cuộn cuộn kia, tất cả đều đẩy nàng lùi xa. Sự thô bạo của gã làm nàng khiếp sợ; mỗi lời thô bạo của gã là một lời thóa mạ vào tai nàng, mỗi đoạn đời sóng gió của gã là một điều thóa mạ đối với tâm hồn nàng. Nhưng lúc lúc nàng lại cảm thấy sức hút của gã, cho tới khi nàng nghĩ ắt gã phải là ma quỷ thì mới có uy lực chế ngự nàng như thế. Tất cả những gì đã được củng cố vững chắc trong trí óc nàng thì giờ đây đang lung lay. Cuộc sống phiêu lưu lãng mạn của gã đập phá mọi quy ước. Với thái độ của gã trước những nỗi hiểm nguy thân nhiên sẵn sàng cười lớn, thì đời không còn là một chuyện phải nghiêm túc, gắng công cố sức, phải kiềm chế mà chỉ là thứ đồ chơi để đùa rờn, xoay lộn, sống và hưởng thụ, cũng như vứt bỏ đi là chuyện thường không đáng phải quan tâm lo nghĩ. “Thế thì hãy đùa rờn đi!” Tiếng kêu ấy rung vang trong cơ thể nàng. “Hãy ngã vào gã đi, nếu người muốn và hãy đặt đôi tay của người lên cổ hắn.” Nàng muốn hét lên trước cái ý nghĩ liều lĩnh ấy, và cô đề cao sự trong sạch, vốn văn hóa của mình, đem so sánh cái mình có với cái gã không có, nhưng cũng vô ích thôi. Nàng liếc quanh, thấy mọi người nhìn gã như bị cuốn hút; nàng sẽ thất vọng nếu không nhìn thấy vẻ kinh hoàng trong ánh mắt mẹ nàng – một sự kinh hoàng như bị mê hoặc, đúng thế, nhưng vẫn là kinh hoàng. Con người kia, từ thế giới tăm tối bên ngoài tới đây, hẳn là ma quỷ. Mẹ nàng đã nhìn thấy, và mẹ nàng đúng. Nàng sẽ tin ở sự xét đoán của mẹ nàng trong việc này, như nàng đã tin bà trong tất cả mọi việc. Ngọn lửa của

gã không còn ấm nữa, nỗi sợ hãi của nàng đối với gã không còn ghê gớm nữa.

Lát sau, bên chiếc dương cầm, nàng dạo đàn cho gã nghe, thách thức gã với ý định mơ hồ muốn nhấn mạnh lĩnh vực ngăn cách không sao vượt qua nổi giữa hai người. Bản nhạc nàng dạo là một chiếc gậy nàng vung lên tàn nhẫn giáng vào đầu gã, và dù nó có làm cho gã choáng váng, gục ngã, nhưng vẫn kích động gã. Gã nhìn nàng hãi hùng. Trong trí óc gã cũng như trong nàng, vực thăm cứ rộng mãi ra, nhưng tham vọng của gã còn trôi dạt nhanh hơn để vượt qua. Gã là người có nhiều xúc cảm quá phức tạp, không thể ngồi suốt tối ngắm mãi vực thăm đó, nhất là lại có âm nhạc. Gã dễ cảm thụ với âm nhạc một cách kỳ lạ. Nhạc như rượu mạnh, kích thích gã có những cảm nghĩ mạnh dạn, như một liều thuốc thâu nhập trí tưởng tượng của gã, đưa gã bay bổng qua mây trời. Nhạc xua đi cái sự thật lằng mạn buông thả, chấp cánh cho nó bay lên. Gã không hiểu được điệu nhạc nàng chơi. Nó khác hẳn với những tiếng đập trên dương cầm, tiếng kèn đồng om sòm rầm rĩ mà gã đã từng nghe trong các tiệm nhảy. Nhưng những nét nhạc này gã thoáng thấy nhắc đến trong sách, gã lĩnh hội chủ yếu bằng niềm tin, thoát đầu còn kiên nhẫn chờ đợi những nhịp điệu vui nhẹ của tiết tấu giản đơn minh xác, gã bỏ ngõ, bối rối khi thấy những nhịp ấy không kéo dài. Đúng lúc gã bắt được những âm điệu ấy, trí tưởng tượng sắp hòa vào để bay bổng thì lập tức những âm điệu ấy lại tan đi trở thành một mớ âm thanh hỗn độn vô nghĩa đối với gã để trí tưởng tượng của gã như một khối bất động rơi đập trở lại mặt đất.

Có lúc, gã thoáng nghĩ đây là sự cự tuyệt cố ý. Gã hiểu rõ ý chống đối của nàng, cố đoán những điều thoát ra từ đôi tay nàng, gõ trên phím đàn. Rồi gã lại gạt những ý nghĩ ấy đi, cho rằng không xứng đáng, không thể có, và lắng mình hơn vào tiếng nhạc. Niềm khoái cảm ban đầu lại choán ngợp gã. Bàn chân gã như không chạm đất (không còn là cơ thể nữa), thân xác gã biến thành linh hồn; xung quanh gã ngời lên ánh hào quang vĩ đại; cảnh vật trước mắt gã mờ dần, gã phiêu diêu trong một thế giới vô cùng thân thiết. Bao điều chưa biết và đã biết hòa lẫn trong đám rước lộng lẫy của giấc mơ, rộn ràng kéo đông nghịt trong tư tưởng của gã. Gã đi vào những hải cảnh xa lạ ở những miền đầy ánh mặt trời, bước chân qua những khu chợ giữa đám

người man rợ chưa ai từng thấy. Hương vị của những đảo đầy hương liệu xông lên mũi gã mà gã đã từng biết trong những đêm âm trời gió lạnh ngoài biển, hay những ngày dài dằng dặt miền nhiệt đới, thuyền gã vượt sóng ngược chiều gió mậu dịch – đông nam trên biển màu ngọc bích; những đảo san hô phủ đầy cây cọ khuất dần sau con thuyền hoặc nhô lên phía trước. Những bức tranh đến và đi nhanh như ý nghĩ. Lúc thì gã cười trên con ngựa dữ hay qua miền “Xa Mạc Rực Rỡ”[9] đầy màu sắc thần tiên; lúc qua màn hơi nóng rung rinh gã nhìn xuống ngôi mộ cổ đá trắng của thung lũng Tử Thần[10], hay gã đang đẩy mái chèo trên một đại dương giá lạnh có những núi băng sừng sững, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Gã nằm trên một bãi biển san hô, có những rặng dừa trĩu quả sát xuống tận mặt sóng rì rào. Xác một chiếc tàu đắm được đốt lên, bốc ánh lửa xanh, trong ánh lửa những vũ nữ nhảy điệu Hula[11] theo tiếng hát man rợ gọi người yêu của những gã ca sĩ, hòa cùng tiếng đàn “Ukelelo”[12] lạnh lạnh và tiếng trống bập bùng. Đó là một đêm miền nhiệt đới đầy khoái cảm, xa xa là một hỏa diệm sơn rọi bóng lên nền trời đầy sao. Trên cao lơ lửng vành trăng lưỡi liềm vàng nhạt, ngôi sao Hôm rực sáng nơi chân trời.

Gã là một chiếc thụ cảm, cuộc sống gã đã kinh qua và những điều gã nhận thức được là dây đàn: sóng nhạc là gió thổi vào đường dây làm rung lên bao ký ức và ước mơ. Gã không chỉ cảm thấy. Cảm giác của gã đã biến thành hình thể, màu sắc, ánh sáng và những gì trí tưởng tượng của gã dám mơ ước tới đều trở nên cụ thể một cách cao siêu, kỳ diệu. Quá khứ, hiện tại và tương lai hòa nhập; và gã cứ ngất ngư trong cuộc hành trình qua cái thế giới mệnh mông âm áp, trong cuộc phiêu lưu với những hành động cao thượng vì Nàng - Ừ, cùng với nàng, chiếm được nàng, nâng nàng trong vòng tay và mang nàng bay bổng qua thiên đường của trí óc.

Và nàng quay lại liếc nhìn gã qua vai, đã thấy đôi điều trên nét mặt gã. Đó là bộ mặt rạng rỡ khác thường, đôi mắt mở to long lanh, nhìn thấu qua bức màn âm thanh, thấy sau đó mạch đập rộn ràng của cuộc sống và những ảo tưởng khổng lồ của tinh thần. Nàng giật mình. Con người thô lỗ, sống sượng, lúng túng đã biến đi rồi. Bộ y phục không hợp khổ người, đôi bàn tay bong dập, bộ mặt rám nắng vẫn còn kia; nhưng tất cả những cái đó hình như là những chấn song tù, qua đó nàng nhìn thấy một tâm hồn vĩ đại đang

muốn vượt ra, áp úng, cảm lạnh vì đôi môi mềm yếu không thốt được nên lời. Nhưng nàng chỉ thấy điều đó trong giây lát thoáng qua, rồi con người cục mịch lại trở lại và nàng cười cái ý thích nhất thời tưởng tượng của mình. Nhưng cảm giác của giây phút thoáng qua ấy vẫn vương vấn, khi gã lúng túng đứng dậy từ biệt ra về, nàng đã cho gã mượn tập thơ của Swinburne và một tập thơ khác của Browning[13] – Nàng đang nghiên cứu Browning trong môn học Anh ngữ. Gã đứng đó như một chú bé mặt đỏ dừ, áp úng cảm ơn, khiến nàng thấy trào lên trong lòng một niềm thương, tình thương của người mẹ. Nàng không còn nhớ con người thô kệch, không còn nhớ cái linh hồn bị giam hãm, không còn nhớ cái anh chàng đã nhìn nàng chằm chằm với tất cả chất đàn ông, làm nàng vừa say mê vừa khiếp sợ. Nàng chỉ còn thấy trước mặt mình một cậu bé, bắt tay nàng với bàn tay đầy chai sần sùi như cái nạo dừa, làm ráp lán da tay nàng, mồm áp úng hôn hên:

“Đây là lúc sung sướng nhất đời tôi. Cô biết đấy, tôi chưa quen...” Gã nhìn quanh lạc lõng “... với những người và những gia đình như nhà ta đây. Đối với tôi, nó lạ quá, tôi rất thích...”

“Tôi mong ông lần sau ghé lại chơi,” nàng nói khi gã chào Arthur và Norman.

Gã đội mũ lưỡi trai, loạng choạng qua ngưỡng cửa và đi khuất.

“Thế nào, em thấy hấn ra sao?” Arthur hỏi.

“Hay lắm, như một luồng khí “ozon”” nàng trả lời. “Anh ta bao nhiêu tuổi?”

“Hai mươi, xấp xỉ hai mươi một. Anh vừa hỏi hấn chiều nay. Không ngờ hấn lại trẻ thế?”

Mình hơn anh ta ba tuổi, nàng thầm nghĩ khi hôn Arthur và Norman để về phòng ngủ.

[8] Một hải cảng thuộc Thái Bình Dương gần Tây bắc Washington.

[9] Painted desert: một sa mạc phía bắc bang Arizona

[10] Death Valey: một thung lũng ở California, điểm thấp nhất là 275 feet (1 feet = 0.342m) dưới mực nước biển.

[11] Điệu nhảy của phụ nữ Hawaii.

[12] Một loại ghita nhỏ, rất phổ biến ở những hòn đảo Hawaii.

CHƯƠNG 3

Martin Eden bước xuống bậc đá, tay thọc vào túi áo lấy ra một tờ giấy nguyên[14] màu nâu nhạt, và một dùm thuốc lá Mexico khéo léo cuộn thành điếu. Gã rít hơi khói đầu tiên thật sâu vào tận buồng phổi, và thở ta thành một làn khói dài bay lơ lửng. “Trời ơi!” gã thốt lên, giọng sợ hãi, kinh ngạc. “Trời ơi!” gã nhắc lại. Rồi gã lẩm bẩm “Trời ơi!” tay gã đưa lên, nắm lấy cái cổ còng, giật mạnh ra khỏi sơ mi, nhét nó vào túi. Mưa phún lạnh lẽo nhưng gã trật mũ ra để đầu trần, mở phanh áo lắc lư bước đi không để ý gì đến mọi vật chung quanh. Gã chỉ có một cảm giác mơ hồ rằng trời đang mưa. Gã ngây ngất, đắm người trong những giấc mơ và hình dung lại những cảnh vừa qua.

Thế là cuối cùng gã đã gặp người đàn bà ấy, người đàn bà mà gã ít nghĩ tới, tính gã vốn không thích nghĩ đến đàn bà, - nhưng người mà gã vẫn mong chờ một cách xa xôi mơ hồ rằng một ngày kia gã sẽ được gặp. Gã đã ngồi cạnh nàng ở bàn ăn. Gã đã nắm tay bàn tay nàng trong tay gã, gã đã nhìn vào mắt nàng và đã thấy một linh hồn đẹp đẽ, nhưng linh hồn ấy cũng không sao đẹp bằng chính đôi mắt đó ánh lên, không sao đẹp bằng da thịt đã tạo cho nó thành hình hài. Gã không nghĩ rằng da thịt của nàng là da thịt – đây là điều mới mẻ đến với gã bởi vì đối với những người đàn bà mà gã đã biết trước đây, gã chỉ có một ý nghĩ, da thịt là da thịt. Da thịt của nàng có một cái gì khác. Gã không quan niệm thân thể của nàng là một thân thể, phải chịu đựng tất cả những bệnh tật, những cái yếu đuối của thân thể. Thân thể nàng không phải chỉ là một cái áo bọc lấy linh hồn, mà nó biểu lộ linh hồn nàng, nó là kết tinh trong trắng và đẹp đẽ cái tinh túy thần tiên của nàng. Cảm giác về cái thần tiên ấy làm gã giật mình. Nó giật gã ra khỏi những giấc mơ và đưa gã về với những ý nghĩ tỉnh táo hơn. Trước kia không một lời, một dấu vết, một điều ám chỉ nào về chuyện thần tiên đến với gã. Gã không bao giờ tin ở chuyện thần tiên. Gã vốn là người không tin ở tôn giáo, đối với những mục sư và thuyết linh hồn bất diệt của họ, gã chỉ cười giễu một cách khoan hậu. Gã cho rằng làm gì có cuộc sống ở thế giới bên kia. Chỉ có nơi đây và hiện tại, còn là đen tối bất tận. Nhưng cái gã nhìn thấy trong mắt nàng là linh hồn – linh hồn bất diệt không bao giờ có thể chết được. Chưa một người đàn ông nào cũng chưa một người đàn bà nào

có thể mang lại cho gã niềm tin ở sự bất diệt. Nhưng nàng đã mang lại cho gã ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên, nhìn gã nàng đã thầm nói với gã điều đó. Gã bước đi, nét mặt nàng vẫn hiện ra lung linh trước mắt – xanh nhợt, nghiêm trang, dịu hiền và dễ cảm, mỉm cười thương hại và triu mến, chỉ có linh hồn mới mỉm cười được như vậy, trong trắng quá, chưa bao giờ gã mơ được rằng sự trong trắng lại có thể được như thế. Sự trong trắng của nàng như giáng cho gã một đòn mạnh. Nó làm gã kinh hoàng. Gã đã từng biết những điều hay điều dở, nhưng sự trong trắng – phẩm chất của cuộc sống thì chưa bao giờ gã nghĩ tới. Bây giờ đây trong con người nàng, gã thấy rõ sự trong trắng là lòng nhân ái, là sự thanh khiết cao quý nhất, tất cả đã tạo nên cuộc sống vĩnh cửu.

Ngay lúc đó, tham vọng như thôi thúc gã phải nắm lấy cuộc sống vĩnh cửu. Gã không xứng đáng xách nước cho nàng – Gã hiểu thế lắm - Ấy thế mà đêm nay, được trông thấy nàng, được ngồi cùng bàn, được nói chuyện, thật là một sự may mắn kỳ diệu, một chuyện dị thường. Chỉ là ngẫu nhiên. Thật ra gã không xứng đáng; gã không đáng được may mắn như thế. Bản chất gã thật ra vốn là mộ đạo. Gã hèn mọn và yếu mềm, tự thấy mình tầm thường lắm, tự ti lắm. Cũng một tâm trạng như vậy, những kẻ có tội thấy cần phải cầu nguyện ăn năn. Gã tự cho mình là kẻ có tội. Nhưng cũng như những kẻ hèn mọn và yếu mềm, khi ngồi xám hỏi ăn năn là thấy được viễn cảnh huy hoàng của cuộc sống tương lai sáng lạn, gã cũng vậy, gã cũng thấy lóe ra những viễn cảnh tương tự nếu gã chiếm được nàng. Nhưng cái chuyện chiếm được nàng gã thấy mờ mờ ảo ảo khác hẳn với những gì mà gã chiếm được trước kia. Tham vọng bay bổng trên đôi cánh điên cuồng. Gã thấy mình cùng nàng bay lên đỉnh núi cao, cùng chung một ý tưởng, cùng hưởng những cảnh đẹp đẽ và cao quý. Gã mơ chiếm được linh hồn, lọc bỏ hết cả những gì là thô tục chỉ còn lại tình bằng hữu phóng khoáng về tinh thần mà gã không thể hình dung ra thành ý nghĩ rõ ràng. Gã không nghĩ đến điều ấy. Chuyện này gã không nghĩ đến một chút nào. Cảm giác vượt lên trên lý trí, gã rung động, hòa hợp với những cảm xúc mà trước đây gã chưa hề biết, nó đưa gã chơi vui mê ly trên đại dương của cảm xúc nơi mà chính cảm giác cũng bốc lên cao vời linh thiêng, vượt khỏi những đỉnh cao của cuộc đời.

Gã bước đi lảo đảo như một người say rượu, mồm cứ sôi nổi kêu lên: “Trời ơi!” “Trời ơi!”

Một người cảnh sát ở góc phố đưa mắt nhìn gã nghi ngờ nhận thấy dáng đi ngật ngưỡng kiểu thủy thủ của gã liền hỏi:

“Uống ở đâu mà say thế?”

Martin Eden quay về với thực tại. Cơ thể gã như một chất lỏng thích ứng rất nhanh, có thể chảy ngập đầy vào tất cả những loại góc ngách hang hốc. Nghe tiếng gọi của người cảnh sát, lập tức gã trở lại với cái bản chất thường ngày của gã và thấy rõ ngay hoàn cảnh của mình bấy giờ.

Trông cũng đặc biệt đấy chứ hở? Gã cười trả lời:

“Mình không biết là mình nói to đấy.”

“Rồi anh còn hát nữa ấy chứ,” người cảnh sát dè chừng trước.

“Không, không hát đâu; cho xin que diêm, có xe qua, mình sẽ về nhà mà!”

Gã châm thuốc lá, chào người cảnh sát rồi đi tiếp. “Thế nào, ngạc nhiên không?” Gã khẽ thốt lên. “Thằng cóm tưởng mình say.” Gã cười một mình và ngẫm nghĩ: “không khéo mà say thật. Nhưng chẳng nhẽ mặt một người đàn bà mà có thể làm mình say được đến thế.”

Gã nhảy lên một cái xe Đại lộ Bru điện[15] đang chạy về khu Berkeley. Xe chật ních những thanh niên nam nữ đang ca hát om sòm, sủa ra hàng tràng những tiếng hò la của bọn sinh viên trường đại học. Gã quan sát họ một cách tò mò. Họ là những thanh niên đại học. Họ cùng học ở một Trường đại học với nàng, cùng ở một giai tầng xã hội với nàng, họ có thể quen biết nàng, và ngày nào cũng có thể gặp được nàng, nếu họ muốn. Gã lạ lùng tự hỏi, tại sao họ lại không muốn gặp nàng, tạo sao trong buổi tối này họ không đến nhà nàng, nói chuyện với nàng, ngồi vây quanh nàng để tán phục và tôn thờ mà lại đi chơi rong. Gã cứ nghĩ miên man. Gã để ý thấy một gã mắt hí, môi trề ra. Thằng này hẳn là tâm địa xấu xa lắm đây, gã chắc thế. Thằng này mà ở trên tàu biển thì nhất định chỉ là một thằng hèn nhát, ti tiện, hay van vãn. Mình, Martin Eden này nhất định phải hơn cái thằng ấy. Ý nghĩ đó làm gã vui lên. Nó hình như kéo gã lại gần với nàng hơn. Gã bắt đầu so sánh mình với bọn sinh viên. Gã thấy rõ những bắp thịt cuộn cuộn trong cơ thể gã; gã tự tin rằng về mặt thể chất gã đáng là bậc

thầy bọn này. Nhưng đầu óc họ lại chứa đầy những kiến thức khiến họ có thể nói chuyện được theo lối nói của nàng. Ý nghĩ này làm gã thất vọng. Nhưng đầu óc dùng để làm gì chứ? – gã hỏi một cách sôi nổi. Tất cả những cái gì họ đã làm, gã cũng có thể làm được. Họ nghiên cứu cuộc đời qua sách vở, còn gã, thì gã đang sống cuộc đời thực. Đầu óc gã cũng đầy những kiến thức như họ, tuy là một loại kiến thức khác. Có bao nhiêu đứa trong bọn này có thể thắt nổi một cái nút dây cáp buộc tàu, có thể bẻ được bánh lái hay đứng được lên đài quan sát? Cuộc đời gã lại diễn ra trước mắt, một chuỗi những cảnh hiểm nguy, sống còn, cực nhọc và gian khổ. Gã nhớ lại tất cả những thất bại, những va vấp trong việc học tập. Dù sao, về mặt này gã cũng hơn bọn chúng. Rồi đây, bọn này cũng sẽ phải bắt đầu cuộc sống, phải qua lò lửa thử thách như gã đã từng qua. Được lắm. Trong khi chúng còn phải bận tâm về việc đó, thì gã lại có thể nghiên cứu một khía cạnh khác của cuộc sống qua sách vở.

Khi xe chạy qua những dãy nhà rải rác ở giữa hai khu Oakland và Berkeley[16] gã để ý nhìn ra tìm căn nhà hai tầng quen thuộc đang trước có treo một tấm biển ngạo nghễ: HIGGHINBOTHAM THƯƠNG ĐIỂM. Martin Eden xuống xe ở góc phố này. Gã ngược nhìn lên tấm biển một lúc. Đối với gã nó có một ý nghĩa khác, không phải chỉ là những chữ thường. Một cá tính nhỏ nhen, ích kỷ, một cái gì ám muội ti tiện hình như toát ra từ chính những chữ này. Bernard Higghinbotham lấy chìa khóa. Gã biết rõ hần lắm. Gã lấy khóa mở cửa bước vào, leo lên cầu thang lên tầng thứ hai. Lão anh rể gã sống ở đây. Cửa hàng tạp hóa ở bên dưới. Mùi rau cỏ ôi nồng nặc. Gã bước qua gian phòng lớn, vấp phải một cái xe trẻ con chơi mà lũ cháu giai cháu gái đông lúc nhúc của gã bỏ lại ở đó, và va vào cánh cửa đánh rầm một cái. “Thằng bần tiện,” gã nghĩ bụng “sên so, đáng hai xu hơi cũng không dám đốt lên để cho những thằng ở trọ khỏi ngã gãy cổ.” Gã sờ soạng tìm quả đèn cửa bước vào gian buồng có ánh sáng, chị gã và Bernard Higghinbotham đang ngồi ở đó. Chị gã đang mạng quần cho hần. Còn hần thì nằm ngả cái thân hình còm cõi lên hai chiếc ghế, chân đi đôi dép cói rách đung đưa ở đầu mép ghế thứ hai. Đưa mắt nhìn qua đầu tờ báo đang đọc, hần để lộ ra cặp mắt đen gian xảo, sắc sảo, soi mói. Martin Eden không lần nào nhìn hần mà không cảm thấy kinh tởm. Gã không thể hiểu

được chị gã đã tìm thấy cái gì ở trong con người này. Đối với gã, hẳn không khác gì một con rệp, trông thấy hẳn là gã chỉ muốn lấy chân mà di di. “Rồi có bữa mình phải đánh cho nó vỡ mặt,” mỗi lần phải chịu sự có mặt của cái con người này, gã lại tự an ủi mình như vậy. Đôi mắt hẳn như mắt chồn, độc ác, đang nhìn gã một cách khó chịu.

Martin Eden nói thẳng:

“Nào, có gì cứ nói đi.”

“Tôi vừa cho sơn cửa tuần trước,” Bernard nửa như rên rỉ, nửa như đe dọa, “mà cậu biết thừa giá cả của công đoàn như thế nào rồi. Cậu phải cẩn thận hơn mới được chứ.”

Martin định trả lời, nhưng gã thấy đối đáp lại cũng chẳng ích gì. Gã không thèm để ý đến cái linh hồn bản thủ ấy nữa, gã đưa mắt nhìn một bức vẽ nhiều màu trên tường. Nó làm cho gã ngạc nhiên. Gã vẫn thích bức vẽ này. Nhưng hôm nay hình như gã mới trông thấy nó lần đầu tiên. Nó cũng rẻ tiền, thực vậy, cũng rẻ tiền như tất cả những thứ khác trong căn nhà này. Trí óc gã quay lại với tòa nhà, nơi gã vừa đi khỏi; gã lại trông thấy, thoát tiên, những bức vẽ, rồi đến nàng nhìn gã với một vẻ dịu dàng trêu mến khi nàng bắt tay lúc gã từ biệt. Gã quên bằng nơi mình đang đứng, quên cả sự có mặt của Bernard Higginbotham. Mãi đến lúc hẳn hỏi:

“Nhìn ma đấy à?”

Martin Eden tỉnh lại, nhìn vào đôi mắt nhỏ, gian xảo, dữ tợn, hèn nhát, và lập tức hiện ra trong trí óc gã như trên một màn ảnh, cũng đôi mắt ấy khi chủ nó bán hàng trước quầy dưới nhà – đôi mắt cầu lợi, láu lỉnh, xảo hoạt, bợ đỡ.

“Phải, tôi vừa nhìn thấy ma.” Gã trả lời. “Thôi chào anh, chào chị, chị Gertrude.”

Gã bước ra khỏi phòng. Chân vướng vào một sợi dây của tấm thảm đã rách sờ.

“Đừng có đập mạnh cửa đấy.” Bernard cảnh báo trước.

Gã cảm thấy máu sôi lên, nhưng gã cố kìm mình, nhẹ nhàng khép cửa lại.

Bernard nhìn vợ có vẻ giương giương đắc ý.

“Ông tướng lại rượu,” hấn nói giọng khàn khàn, “tôi đã nói với cô là thể nào hấn cũng lại rượu mà.”

Bà vợ gật đầu nhần nhục.

“Mắt cậu ấy cứ long lên,” bà vợ cũng phải công nhận, “lúc đi nó có đeo cổ còng, lúc về thì không thấy. Nhưng có lẽ cũng chỉ uống một hai cốc thôi.”

“Nó đứng không vững còn gì nữa.” Ông chồng quả quyết. “Tôi để ý nhìn, nó không thể nào đi khỏi cái sàn này mà không vấp ngã. Chính cô cũng nghe thấy nó suýt ngã sắp mặt ở gian phòng lớn.”

“Chắc chú ấy vấp phải cái xe con Alice. Tội quá, chú ấy không nhìn thấy gì.”

Higghinbotham bắt đầu nổi nóng và lớn tiếng. Suốt ngày, hấn đã phải cố giấu bộ mặt thật của mình trong lúc bán hàng, đến tối trở về nhà với vợ con mới cho mình có quyền lộ chân tướng.

“Tôi nói cho cô biết ông em quý hóa của cô say đấy!”

Cái giọng nói hấn lạnh lùng, sắc nhọn và độc đoán, mỗi lời hấn thốt ra như nhát gập của một chiếc máy.

Bà vợ thở dài, yên lặng. Bà người to béo phục phịch, quần áo lôi thôi rách rưới, lúc nào cũng mệt mỏi vì cái thân hình nặng nề của mình, vì công việc và vì ông chồng.

“Cái thói này, tôi bảo cho mà biết, đúng là thừa kế của ông bố.” Higghinbotham tiếp tục nói xấu. “Rồi cũng lại chết đường chết chợ như thế thôi. Cô cũng thừa biết điều đó chứ!”

Bà vợ gật đầu, thở dài và tiếp tục khâu. Họ thống nhất với nhau là Martin trở về nhà say thật. Tâm hồn họ không thể hiểu được cái đẹp, nếu không họ đã nhận thấy đôi mắt sáng ngời kia, bộ mặt rạng rỡ ấy chính biểu hiện sự gập gờ tình yêu ban đầu của tuổi trẻ.

“Làm gương “đẹp” cho bọn trẻ con nhà này bắt chước.”

Higghinbotham bắt chọt khịt khịt, (hấn rất tức tối vì bà vợ cứ lặng thinh). Đôi lúc hấn thích vợ hấn cứ cãi lại hấn nhiều hơn.

“Nó mà cứ còn cái thói rượu chè nữa, thì phải tống cổ nó đi. Hiểu không! Tôi không chịu được cái thói ngông nghênh của nó. Nó làm trụy lạc cả bọn trẻ con gây thơ với cái thói rượu chè ấy.” (Higghinbotham rất thích cái danh từ “trụy lạc” này, một danh từ mới trong mớ từ ngữ của hấn mà

hắn vừa nhặt được trong một cột báo). “Đúng thế đấy, làm trụy lạc chứ còn gọi là gì nữa.”

Bà vợ vẫn cứ thờ dài, lắc đầu buồn bã và tiếp tục khâu. Higghinbotham lại cầm tờ báo lên, đọc.

“Nó đã trả tiền trọ tuần trước chưa đấy?” Hắn lại bật lên hỏi qua đầu tờ báo.

Bà vợ gật đầu và nói:

“Cậu ấy vẫn còn ít tiền.”

“Bao giờ nó lại đi biển?”

“Bao giờ tiêu hết tiền lương, tôi đoán thế. Hôm qua cậu ấy đã đi San Francisco tìm tàu. Nhưng cậu ấy còn tiền, và lại cậu ấy chọn tàu rất kỹ lưỡng để ký hợp đồng làm.”

“Cái đồ thủy thủ hạng bét như nó mà lại còn dờ trò làm bộ làm tịch,” Higghinbotham lại khịt khịt. “Kỹ lưỡng chọn! Bộ nó...”

“Cậu ấy nói hình như có một chiếc thuyền buồm nào đấy sắp nhổ neo đi một nơi xa để tìm một kho tàng bí mật; cậu ấy sẽ chờ chuyển đi đó, nếu còn đủ tiền.”

“Nếu nó định bụng chí thú làm ăn, tôi sẽ kiếm cho nó một chân đẩy xe hàng,” Anh chồng nói thế nhưng giọng không có một chút gì là thiện ý cả. “Thằng Tom bỏ đi rồi đấy!”

Bà vợ có vẻ hoảng hốt, và dò hỏi:

“Bỏ đi ngay đêm nay. Nó làm cho nhà Carruther ư? Họ giả lương hậu hơn nhà này hẳn. Tôi đã bảo thế nào rồi anh cũng mất thằng Tom mà.” Bà vợ kêu lên. “Nó rất xứng đáng được trả lương cao hơn.”

“Này nghe đây, mụ già kia,” Higghinbotham tức tối. “Có đến hàng nghìn lần tôi đã bảo mụ không được chõ mũi vào công việc của tôi cơ mà. Tôi không thèm nói với mụ nữa đâu.”

“Tôi cóc cần,” bà vợ khịt mũi. “Tom là một đứa tốt.”

Anh chồng trợn mắt nhìn vợ. Thật là một sự thách thức quá đáng.

“Nếu thằng em mụ không đến nỗi là đồ vô dụng thì cho nó đẩy xe cũng được đấy.” Hắn khịt khịt.

“Nó chẳng thiếu tiền trọ bao giờ.” Bà vợ cãi lại. “Nó là em tôi, nó không thiếu tiền anh thì anh không có quyền lúc nào cũng đem nó ra mà xỉ

vả. Lấy anh bảy năm trời thật, nhưng tôi cũng có ít nhiều tình cảm của tôi chứ.”

“Mụ có nói cho nó biết là cứ dùng hơi đốt đọc sách đêm khuya như thế sẽ phải tính thêm tiền không?”

Bà vợ không trả lời. Sự phản kháng của bà yếu dần, tinh thần của bà chìm vào trong cái thể xác mệt mỏi. Anh chồng đắc thắng. Hắn đã át được vợ. Mắt hắn quắc lên như báo được thù, nghe vợ ngồi khịt mũi hắn lấy làm khoái trá lắm. Giày vò vợ, hắn lấy làm hạnh phúc, mà bà vợ thì bây giờ cam chịu sự giày vò ấy một cách dễ dàng, tuy trước đây, những năm đầu mới lấy nhau, khi chưa có lũ con lúc nhúc, khi tiếng rầy la suốt ngày của chồng chưa làm cho bà tiêu tan hết nghị lực, thì có khác.

Hắn lại nói:

“Ồ, ngày mai mụ bảo cho nó biết. Có thể thôi. À, mà suýt quên! Tôi muốn nói với mụ là mai nhớ bảo cái Maria đến trông nom lũ trẻ. Thằng Tom đi rồi, tôi phải ra xe hàng, còn mụ liệu chuẩn bị xuống dưới nhà mà đứng két.”

“Nhưng mai là ngày giặt quần áo.” Bà vợ phản đối một cách yếu ớt.

“Dậy sớm mà giặt trước đi. Mười giờ tôi mới phải đi.”

Hắn cúi kính vò tờ báo, rồi lại tiếp tục đọc.

14] Nguyên văn: Rice Paper – giấy thông thảo. Một thứ giấy làm bằng một loại cọng rơm, các họa sĩ Trung quốc thường dùng để vẽ.

[15] Nguyên văn: Telegraph Avenue car.

[16] Hai thị trấn trên gần như là sát nhập vào với nhau, cách San Francisco bởi Vịnh San Francisco. Trường đại học California nằm ở thị trấn Berkeley này.

CHƯƠNG 4

Martin Eden, máu vẫn còn sôi lên sau cuộc gặp gỡ với lão anh rể, lần đường dọc theo căn buồng sau không có ánh đèn, về phòng; một gian phòng nhỏ bằng cái lỗ mũi chỉ vừa đủ kê một chiếc giường, một cái giá đựng chậu rửa mặt và một cái ghế. Higghinbotham quá keo kiệt, không chịu nuôi lấy một người làm khi vợ hắn có thể đảm đương được công việc. Hơn nữa, căn buồng người làm đáng lẽ để một người ở thì có thể cho hai người trọ được.

Martin đặt tác phẩm Swinburne và Browning xuống ghế, cởi áo ngoài và ngồi lên giường. Cái lò xo cà tàng cọt kẹt dưới sức nặng của thân thể gã, nhưng gã cũng không để ý tới. Gã định cởi giày, nhưng mắt bỗng nhìn thấy bức tường trắng trước mặt loang lổ những vết nâu bẩn do nước mưa từ mái nhà đổ xuống. Trên cái bối cảnh nhơ nhớp ấy, những hình ảnh lại bắt đầu ào tới và bùng lên. Gã quên cả đôi giày, cứ đắm đắm nhìn mãi cho đến lúc môi gã bắt đầu mấp máy, và gã lầm bầm “Ruth.”

“Ruth,” gã không thể nghĩ còn một âm thanh đơn giản nào có thể đẹp đến được như vậy. Nghe nó sao mà êm dịu, nhắc đi nhắc lại âm thanh đó, gã càng thấy say sưa. “Ruth.” Đó là một lá bùa hộ mệnh, một tiếng thần kỳ để mà cầu nguyện. Mỗi lần gã lầm nhảm nhắc lại, nét mặt nàng lại lung linh trước mắt, làm mờ đi cái bức tường bẩn thỉu bằng một ánh hào quang vàng rực. Ánh hào quang của nàng không chỉ dừng lại ở bức tường, nó kéo dài đến vô tận, và qua cái chiều sâu thăm thẳm vàng rực ấy, linh hồn gã dò dẫm tìm nàng, những gì tốt đẹp nhất trong con người gã trào ra thành một dòng suối lộng lẫy huy hoàng. Chỉ nghĩ đến nàng thôi cũng đủ làm cho gã cao quý, trong trắng, làm cho gã tốt đẹp hơn. Điều đó mới lạ đối với gã. Xưa nay gã chưa hề biết một người đàn bà nào đã làm cho gã tốt đẹp hơn. Ngược lại, họ chỉ luôn luôn biến gã thành thú vật. Gã không biết rằng nhiều người trong bọn họ cũng đã làm hết sức mình, tuy họ xấu xa. Không bao giờ nhận thức được chính bản thân mình, gã không biết rằng trong con người gã đã có một cái gì khiến những người đàn bà ấy yêu và đó là nguyên nhân khiến họ phải sán đến, mong chiếm đoạt tuổi trẻ của gã. Tuy họ vẫn thường quấy rầy gã, nhưng gã không bao giờ bận tâm nghĩ đến họ, và có lẽ gã cũng không bao giờ mơ tới rằng có thể có những người đàn bà vì gã mà trở thành tốt hơn được. Trước đây, gã sống phóng túng, phớt đời cho đến tận bây giờ; hôm nay đây, gã mới hình như thấy rằng bọn đàn bà kia cứ sấn lại gần gã, lôi kéo gã bằng những bàn tay nhơ bẩn. Thực ra, như vậy là không công bằng đối với họ, mà cũng không công bằng đối với bản thân gã. Nhưng một con người mà lần đầu tiên nhận thức được mình thì còn tâm trí đâu để mà phán đoán, gã thấy hổ thẹn chín người khi gã nhìn lại quãng đời không trong sạch của mình.

Gã đứng vụt dậy, cố nhìn con người mình trong tấm gương bản thiêu treo trên giá rửa mặt. Gã lấy khăn lau gương, rồi lại nhìn, thật lâu, thật cẩn thận. Đây là lần đầu tiên gã thực sự trông thấy mình. Mắt gã sinh ra để nhìn, nhưng cho đến tận lúc này, nó chứa đầy một bức toàn cảnh luôn luôn thay đổi của cuộc đời, gã quá bận tâm nhìn vào đó, chưa bao giờ nhìn đến mình. Gã trông thấy cái đầu, bộ mặt của một gã trẻ tuổi trạc hai mươi nhưng vẫn không quen đánh giá loại đó, nên gã chẳng biết đánh giá nó như thế nào. Trên cái trán cao vuông, gã thấy một mái tóc nâu, màu hạt dẻ, với làn sóng và những mớ tóc quăn quăn, niềm thích thú cho bất cứ một người đàn bà nào, nó làm cho những bàn tay run lên khi vuốt ve nó, những ngón tay run lên khi âu yếm luồn qua nó. Nhưng gã bỏ qua coi như nó không có giá trị gì trong con mắt nàng, gã ngắm cái trán cao vuông thật lâu, tư lự, cố đi sâu vào tìm hiểu giá trị của cái nó chứa đựng bên trong. Sau cái trán này là một bộ óc như thế nào? Đó là câu hỏi day dứt gã. Nó có thể làm được cái gì? Nó có thể đưa gã tới đâu? Có thể đưa gã tới nàng không?

Gã tự hỏi không biết có linh hồn trong đôi mắt xám màu thép kia, đôi mắt thường xanh biếc, sáng trong vị mặn của đại dương, ngập ánh mặt trời. Gã tự hỏi không biết nàng thấy đôi mắt gã ra sao. Gã cố tưởng tượng nàng nhìn vào mắt gã, nhưng cái trò tưởng tượng ảo thuật ấy rốt cục cũng chẳng thành. Gã có thể tự đặt mình vào người khác, và hiểu tâm lý họ nhưng những người đó phải là những người có một lối sống mà gã từng quen biết. Gã có biết lối sống của nàng ra sao đâu. Nàng là diệu kỳ và huyền bí, làm sao gã có thể đoán được một ý nghĩ của nàng? Phải, đôi mắt này là đôi mắt lương thiện, gã đi tới kết luận như vậy. Trong đôi mắt này không có một chút gì là nhỏ nhen, ti tiện. Màu nâu râm nắng của bộ mặt gã làm cho gã ngạc nhiên. Gã không ngờ mình lại đen như thế. Gã vén tay áo lên, gã so sánh màu trắng của phía dưới cánh tay với bộ mặt. Phải, gã vốn là một người trắng trẻo cơ mà. Nhưng cánh tay của gã cũng râm nắng. Gã vén cánh tay, lấy bàn tay kia cuộn cho bắp thịt nổi lên, gã nhìn xuống phía dưới cánh tay, nơi mặt trời ít rọi vào nhất, chỗ đó rất trắng. Gã nhìn bộ mặt nâu sẫm trong gương mà bật cười, nghĩ rằng xưa kia nó cũng trắng như phía dưới cánh tay này đây. Mà gã cũng không bao giờ mơ tưởng được rằng ở trên đời này có rất ít những người đàn bà đẹp như tiên và trắng xanh có thể tự phụ

có được làn da đẹp hơn, mịn hơn da gã - mịn đẹp hơn chỗ gã tránh khỏi được sự tàn phá của mặt trời.

Miệng gã có thể là miệng một chú hài đồng nếu trong những lúc gay go, đôi môi dày dễ xúc cảm này không có thói quen mím chặt lấy hàm răng. Có lúc mím chặt quá, miệng gã trông rắn rỏi, nghiêm nghị, có vẻ khắc khổ nữa. Đây là đôi môi của một con người chiến đấu, của một kẻ yêu đương. Nó có thể tận hưởng tất cả cái dịu ngọt của cuộc đời, và cũng có thể gạt bỏ tất cả cái dịu ngọt ấy để chế ngự cuộc đời. Quai hàm và cằm rất khỏe, vuông, thách thức, bướng bỉnh, giúp cho đôi môi ấy chế ngự cuộc đời. Sức mạnh cân xứng với sự nhạy cảm trước cái đẹp, tạo cho nó một tác dụng tốt, khiến gã biết yêu cái đẹp lành mạnh và dễ rung động với những tình cảm trong sạch. Giữa đôi môi ấy là hàm răng không bao giờ biết, mà cũng không bao giờ cần đến sự chăm sóc của ông thợ chữa răng. Răng gã trắng, khỏe và đều, gã chắc chắn như vậy khi gã nhìn ở gương. Nhưng càng nhìn gã càng thấy bối rối. Đâu đây, ẩn trong những chỗ sâu kín của trí óc, gã mơ hồ nhớ lại, hình như có những người hầu như ngày nào cũng đánh răng. Họ là những người thuộc tầng lớp trên, những người thuộc giai cấp nàg. Chắc chắn ngày nào nàg cũng phải đánh răng. Nàg sẽ nghĩ gì nếu nàg biết rằng suốt cuộc đời gã chưa bao giờ đánh răng. Gã quyết định phải mua một cái bàn chải và tạo cho mình thói quen ấy. Gã sẽ bắt đầu ngay từ ngày mai. Không phải chỉ nhờ vào những hành động anh hùng mà có thể mong chinh phục được nàg. Gã phải cải tạo bản thân về đủ mọi thứ, ngay cả chuyện đánh răng và đeo cổ còn dù cái cổ còn hồ cứng có là cho gã như mất tự do.

Gã giờ bàn tay lên, lấy đầu ngón tay cái xoa miết vào lòng bàn tay đầy chai, dăm dăm nhìn những vết bầm ăn sâu vào da thịt mà không bàn chải nào cạo sạch được. Lòng bàn tay của nàg mới khác làm sao! Lòng gã rung động rộn ràng khi nghĩ lại. Như một cánh hoa hồng, gã nghĩ, mát và mềm dịu như một bông tuyết. Chưa bao giờ gã nghĩ rằng có bàn tay của một người đàn bà nào lại có thể mềm mại một cách dịu dàng như vậy. Gã thoáng thấy mình tưởng tượng cái thú được một bàn tay như thế vuốt ve, và đỏ bừng mặt như phạm lỗi. Một ý nghĩ như thế đối với nàg thật quá thô bỉ. Thế có khác gì thóa mạ cốt cách thần tiên của nàg. Nàg là một linh hồn mảnh mai, thanh cao, vượt ra ngoài xác thịt. Nhưng lòng bàn tay dịu dàng

của nàng vẫn cứ ám ảnh trong ý nghĩ của gã. Gã quen với những lòng bàn tay cứng đầy chai của những cô gái trong xưởng may, của những người đàn bà lao động. Phải, gã biết rõ tại sao tay họ lại chai sần như thế, nhưng cái bàn tay ấy của nàng nó mềm mại bởi vì nàng không bao giờ dùng nó để làm việc. Vực ngăn cách giữa gã mở rộng ra được ý nghĩ khủng khiếp rằng một con người không cần phải làm việc để nuôi thân. Bỗng gã hình dung thấy tính chất thượng lưu của những người không lao động. Nó hiện lên sừng sững trên bức tường trước mắt gã, một hình thù bằng đồng thau, ngạo sục, hống hách. Bản thân gã cũng lao động, những ký ức đầu tiên của gã hình như gắn liền với lao động. Chị Gertrude kia, nếu đôi bàn tay chị không chai cứng vì công việc nhà không bao giờ hết, thì lại sưng đỏ như miếng thịt bò tái vì phải giặt giũ quá nhiều, và Maria, em gái gã kia, mùa hạ trước nó đã làm việc trong xưởng đồ hộp, đôi bàn tay đẹp thon thả của nó đầy vết xước sọc vì những con dao thái cà chua. Lại nữa, mùa đông trước máy xén trong xưởng giấy đã cắt đi mất của nó hai đốt ngón tay. Gã nhớ lại đôi lòng bàn tay sần cứng của mẹ gã khi bà nằm trong quan tài. Và bố gã đã phải làm việc cho đến hơi thở cuối cùng. Lúc ông chết, chai ở tay ông phải dày đến nửa đốt. Nhưng bàn tay nàng thì mềm mại, bàn tay của mẹ nàng, bàn tay của anh em nàng. Nghĩ thế, gã thấy ngạc nhiên, đó là bằng chứng rõ ràng cho giai tầng cao quý của họ, khoảng cách giữa gã và nàng thật là mênh mông.

Gã ngồi bệt xuống giường, cười cay đắng, và cởi giày ra. Gã là một thằng điên. Gã đã bị bộ mặt của một người đàn bà, bị đôi bàn tay trắng nuột mềm mại của một người đàn bà làm cho mê man. Và bỗng trước mặt gã, trên bức tường vôi bần thiêu kia, lại hiện ra một ảo ảnh. Gã đang đứng trước một căn nhà trọ tồi tàn, một đêm ở khu Đông[17] thành phố London, trước mặt gã là Margey, một cô gái nhỏ mười lăm tuổi làm công trong xưởng may. Sau khi đi dạo, gã dẫn cô về nhà. Cô sống trong cái nhà trọ tồi tăm ấy, một nơi không đáng cho lợn ở. Lúc từ biệt, gã giơ tay nắm lấy tay cô. Cô rướn môi lên đợi gã hôn. Nhưng gã không hôn, không hiểu sao gã thấy sợ cô ta. Cô nắm lấy tay gã, bóp chặt, cuồng nhiệt. Gã thấy những chai tay của cô cọ rập lòng bàn tay gã, gã cảm thương dào dạt. Gã nhìn cặp mắt mong mỏi thêm khát, gã nhìn cái thân hình đàn bà đói ăn của cô đã chuyển mạnh

qua thời kỳ trẻ thơ, bước vào tuổi trưởng thành đầy sợ hãi và man dại, rồi gã vòng tay ôm lấy người cô một cách rất bao dung, cúi xuống hôn lên đôi môi cô. Tiếng reo vui khe khẽ của cô vang lên trong tai gã và gã cảm thấy cô bấu chặt lấy gã như một con mèo. Tội nghiệp cho cô bé đói khổ ấy! Gã cứ tiếp tục nhìn mãi vào ảo ảnh của những sự việc đã diễn ra từ lâu. Da thịt gã rợn lên, như nó từng rợn lên đêm hôm ấy. Khi cô bấu chặt lấy gã, lòng gã rợn thương. Thật là một cảnh buồn thảm, xám ngắt xám nhầy nhụa, mưa phùn lai nhai nhóp nhúa trên hè đá. Và rồi một ánh hào quang rực sáng trên tường vượt lên trên cái ảo ảnh kia, đẩy lùi nó đi; bộ mặt xanh của nàng lung linh dưới những mớ tóc vàng, xa xôi không sao với tới được như một vì sao.

Gã cảm tác phẩm của Browning và Swinburne ở ghé lên hôn. Dù sao nàng bảo mình cứ đến chơi cơ mà, gã nghĩ lại. Gã lại nhìn mình trong gương một lần nữa và nói to, hết sức trang trọng:

“Martin Eden, ngày mai việc đầu tiên là mày phải ra thư viện công cộng đọc cho kỹ các sách dạy phép xã giao. Hiểu không?”

Gã tắt đèn hơi, lò xo giường cọt kẹt dưới thân hình gã.

“Nhưng này Martin, cậu cả phải bỏ cái thói nói tục đi mới được,” gã nói lớn.

Rồi gã ngủ thiếp đi, mơ những giấc mơ điên cuồng táo bạo có thể sánh với giấc mơ của những kẻ say ả phù dung.

[17] *East End* – là khu vực của những dân nghèo ở London.

CHƯƠNG 5

Sáng hôm sau, gã bừng tỉnh khỏi những cảnh tươi đẹp của giấc mơ, liền ngửi thấy hơi nước, sặc sụa mùi xà phòng và mùi quần áo bẩn, nghe tiếng chày va vào nhau vang lên, những tiếng chói tai của một cuộc sống nhọc nhằn. Khi gã bước ra khỏi buồng, gã đã nghe tiếng nước đổ uôm uôm, tiếng rít the the và tiếng phát đôm đốp của bà chị gã đang trút sự bực bội của mình lên đầu một đứa nào đấy trong lũ con lúc nhúc của bà. Tiếng khóc thét của đứa bé xoáy vào lòng gã như một mũi dao. Gã thấy tất cả những cái đó, ngay cả không khí gã đang thở đây thật ghê tởm và ti tiện. Gã nghĩ, cái

không khí đẹp đẽ và thanh thản của căn nhà nơi Ruth ở mới khác làm sao. Ở đó toàn là tinh thần, ở đây toàn là vật chất, vật chất ti tiện.

“Alfred, lại đây!” gã vừa gọi đứa bé đang khóc lại, vừa thọc tay vào túi quần, chỗ gã để tiền một cách phóng túng, phóng túng như cuộc đời gã sống nói chung. Gã đặt đồng hai hào vào tay đứa bé, ôm lấy nó một lúc, dỗ cho nó nín khóc và bảo: “Thôi, chạy đi mua kẹo, nhớ chia cho các anh các chị một ít. Mua loại nào ngậm lâu hết ấy.”

Bà chị ngược bộ mặt đỏ ửng lên khỏi chậu giặt và nhìn gã:

“Cho nó năm xu thôi cũng đủ. Thật đúng là cái bộ cậu không biết quý đồng tiền. Thằng bé lại ăn đau bụng mất!”

“Thôi, chị ạ,” gã vui vẻ trả lời. “Tiền của em nó sẽ tự lo liệu lấy, chị chả phải lo hộ. Nếu chị không quá bận rộn em muốn hôn chị một cái chúc chị một buổi sớm tốt đẹp.”

Gã muốn tỏ lòng triu mến đối với chị, người đàn bà tốt bụng mà gã biết rất rõ vẫn yêu thương gã theo lối riêng của bà. Nhưng vì lý do này khác, năm tháng qua đi, bà mất dần bản chất của mình và càng ngày càng trái tính trái nết. Gã tin chắc chính vì phải làm ăn vất vả, con cái đông, lại bị chồng già yếu vò nên chị thay đổi tính nết. Thoáng một cái gã tưởng tượng bản chất của chị như nhiễm tính chất của những mớ rau ôi, của mùi nước xà phòng nồng nặc, của những đồng xu, đồng tiền, đồng hào nhầy mỡ mà chị thu nhận ở quầy hàng.

“Thôi cậu đi mà ăn sáng,” chị nói cộc lốc, tuy trong thâm tâm chị cũng thấy vui vui. Trong bọn em lang bạt kỳ hồ, Martin bao giờ cũng được chị yêu nhất. “Tối nhất định sẽ hôn cậu một cái,” bà chị nói, lòng bỗng rộn đầy xúc cảm.

Lấy ngón tay cái và ngón tay trỏ, bà lần lượt vuốt hết bọt xà phòng chảy dòng dòng ở cánh tay này, rồi đến cánh tay kia. Gã ôm vòng lấy cái lưng to béo của chị và hôn lên đôi môi ướt, nước đang bốc hơi của chị. Nước mắt chị trào ra – không phải vì xúc cảm mạnh mà chính là vì thấy mệt mỏi do công việc liên miên quá nhiều. Bà đẩy gã ra, nhưng gã đã kịp nhìn thấy đôi mắt của bà chị đầm nước.

“Thức ăn sáng của cậu để ở lò ấy.” Chị vội vàng nói. “Chắc lúc này Jim cũng dậy rồi. Chị phải dậy sớm để giặt. Thôi đi mà ăn sáng, rồi liệu mà đi

đâu, Tom nó bỏ đi rồi, chẳng còn ai, Bernard phải đi lái xe hàng đây.”

Martin đi vào bếp, lòng buồn bã. Hình ảnh bộ mặt đỏ dừ của chị gã, và cái thân hình lồi thối lốc thốc ấy thấm vào trí óc gã như một chất cường toan. Gã dám chắc, nếu chị gã chỉ rảnh việc ít thôi thì bà phải yêu gã lắm. Nhưng bà phải làm việc đến kiệt sức. Bernard thật là đồ súc sinh, nó đã bắt bà phải làm việc cực nhọc đến như vậy. Nhưng mặt khác, gã cũng không thể nào không cảm thấy không có một chút gì đẹp trong cái hôn của chị. Thật thế, một cái hôn rất bình thường. Đã bao năm nay, chị gã chỉ hôn gã khi gã ở xa về, hay sắp đi xa. Nhưng trong cái hôn hôm nay, gã thấy sặc mùi xà phòng, và đôi môi chị, gã thấy nó nhéo nhọt, không tròn dập mạnh mẽ như phải có ở bất cứ một cái hôn nào. Cái hôn của chị gã là cái hôn của một người đàn bà mệt mỏi, mệt mỏi triền miên đến nỗi quên cả cách hôn. Gã nhớ lại chị gã hồi còn là con gái, trước khi lấy chồng, thường sau một ngày làm việc mệt nhọc ở xưởng giặt, chị vẫn nhảy suốt đêm như bất cứ ai và khi ngừng nhảy để lại bắt đầu một ngày làm việc mệt nhọc khác, lòng chị nhẹ nhàng, và rồi gã lại nghĩ tới Ruth, nghĩ tới sự dịu mát phải có ở đôi môi nàng cũng như phải có ở khắp người nàng. Cái hôn của nàng nhất định sẽ phải giống như cái bắt tay của nàng hay như khi nàng nhìn ai, thẳng thắn không e dè. Trong tưởng tượng, gã dám nghĩ đến đôi môi nàng đặt lên đôi môi gã, gã tưởng tượng mãnh liệt quá, đến nỗi cảm thấy choáng váng và dường như lách mình qua những đám mây cánh hoa hồng, trí óc gã tràn ngập hương thơm của hoa.

Ở trong bếp, gã thấy Jim, một gã ở trọ khác đang uể oải húp cháo, đôi mắt ồm yếu, lơ đãng. Jim là một anh thợ nguội tập việc, lẹm cằm bản chất vốn ưa khoái lạc, lại thêm cái tính đàn độn hay cáu kỉnh, chẳng hứa hẹn đưa hắn đến đâu trong cuộc chạy đua đi tìm bánh và bơ.

“Sao đằng ấy không ăn đi?” Hắn hỏi, khi thấy Martin buồn bã nhúng thìa vào bát cháo bột lúa mạch nguội lạnh nấu chưa chín. “Tôi qua đằng ấy lại say phải không!”

Martin lắc đầu. Gã ngột ngạt vì tất cả cái không khí kinh tởm chung quanh. Ruth, Morse, dường như càng xa gã hơn bao giờ hết.

“Đêm qua,” Jim cười huênh hoang, cộc cằn. “Đêm qua tớ khoái bằng chết. Ồ con bé xinh đáo để. Thằng Billy phải mang tớ về nhà.”

Martin gật đầu ra ý có nghe – gã có thói quen chú ý nghe bất cứ ai nói gì với gã, - và rút một tách cà phê âm ẩm.

“Tối nay đảng ấy có đến Tiệm Hoa sen nhảy không?” Jim hỏi. “Ở đây có bia và nếu lũ Temescal đến thì nhện phải biết. Dù sao tớ cũng đếch cần, tớ cứ mang mèo của tớ đi theo. Mẹ khỉ, mồm đắng gớm!”

Hắn nhăn mặt và uống cà phê cho mồm hết đắng.

“Đảng ấy có biết Julia không?”

Martin lắc đầu.

“Mèo của tớ đấy. Mộng lắm nhớ. Tớ muốn giới thiệu cô ta với đảng ấy, có điều đảng ấy sẽ lại phỗng mắt thôi. Thực thà, tớ không hiểu bọn con gái thấy cái gì ở đảng ấy, nhưng cái kiểu cậu phỗng của những thằng khác, thật ức đến chết.”

“Tớ chưa bao giờ phỗng mắt đứa nào của cậu,” Martin trả lời, trong lòng không thấy thích thú gì. Dù sao thì bữa ăn sáng rồi cũng xong.

“Có chứ! Đảng ấy đã phỗng tay trên của tớ,” Jim nói sôi nổi. “Con Maggie đây thôi.”

“Tớ chưa hề dính gì với nó, tớ chẳng nhảy với nó bao giờ, ngoài cái tối hôm ấy.”

“Phải, chỉ thế cũng đủ rồi đấy,” Jim kêu lên, “đảng ấy chỉ cần nhảy với nó, nhìn nó, ấy thế là xong hết. Tất nhiên, đảng ấy cũng chẳng có ý gì đâu. Nhưng tớ thế là tong. Bây giờ nó không thèm nhìn tớ nữa. Nó chỉ hỏi đến đảng ấy thôi. Nếu đảng ấy muốn, con bé sẵn sàng hẹn gặp gỡ ngay.”

“Nhưng mà tớ không muốn.”

“Chẳng cần phải thế. Tớ vẫn bị ra rìa.” Jim nhìn Martin thán phục. “Nhưng này Martin, đảng ấy làm thế nào mà tài thế?”

“Cứ phớt họ đi,” Martin trả lời.

“Đảng ấy muốn nói là cứ làm ra vẻ đảng ấy phớt họ đi phỏng?” Jim hăm hờ hỏi.

Martin nghĩ một lúc rồi trả lời. “Có thể làm như thế được đấy, nhưng đối với tớ, tớ lại cho là khác. Tớ chả bao giờ để ý đến họ nhiều. Nếu cậu cũng làm như thế, chắc chắn là ăn thua đấy.”

“Giá đêm qua có đảng ấy ở nhà thằng Riley thì tốt quá,” Jim nói không ăn nhập đâu vào đâu. Một đám anh chị chạm trán nhau ở đấy, có một thằng

khốn kiếp từ Tây Oakland tới. Chúng gọi thằng này là “Chuột.” Kềnh lắm, chẳng thằng nào địch lại với nó được. Bọn chúng tớ chỉ mong giá có đảng ấy. Thế đảng ấy biến đâu thế?”

“Xuống Oakland.” Martin trả lời.

“Đi xem hát à!”

Martin gạt cái đĩa ra một bên rồi đứng dậy.

“Tôi hôm nay có đi nhảy không?” Jim hỏi với.

“Không, tớ nghĩ có lẽ tớ sẽ không đi đâu hết.”

Gã bước xuống bậc thang đi ra ngoài phố, hít những hơi thật dài. Gã bị ngột ngạt vì cái không khí ấy, lời lẽ ba hoa của gã thợ phụ làm gã phát điên lên. Đã có lúc gã phải cố hết sức mới trấn tĩnh lại để khỏi chồm lên ấn đầu thằng Jim vào bát cháo. Nó càng ba hoa, thì Ruth đối với gã hình như lại càng xa vời. Làm sao mà gã, sống chung bầy với bọn này, lại có thể xứng đáng được với nàng. Vấn đề trước mắt làm cho gã kinh sợ. Cái địa vị của gã trong tầng lớp công nhân cứ ám ảnh, dim gã xuống. Chị gã, căn nhà, gia đình chị gã, thằng thợ phụ Jim, tất cả mọi người mà gã biết, mớ dây ràng buộc cuộc đời. Cuộc sống không ngọt ngào với gã một chút nào. Từ trước đến nay, gã vẫn thừa nhận cuộc sống, gã vẫn sống cuộc sống ấy với mọi thứ chung quanh và cái đó như một chuyện tốt lành. Gã chả bao giờ chán cuộc sống, chỉ trừ những khi gã đọc sách, nhưng lúc đó, chỉ là sách vỡ thôi, những câu chuyện thần tiên của một thế giới thần tiên hơn, không thể có được. Nhưng bây giờ, gã đã thấy cái thế giới đó rồi, nó có thể có và đã có thực sự và ở chính giữa là một bông hoa, tinh túy của đàn bà tên gọi là Ruth. Và từ đó trở đi, gã phải ném bao mùi vị cay đắng, bao mong mỏi da diết đau đớn, thất vọng đang giày vò gã vì nó dựa vào hy vọng. Gã suy nghĩ không biết nên đến thư viện công cộng Berkeley hay là thư viện Oakland; cuối cùng, gã quyết định đến thư viện Oakland, vì nhà Ruth ở khu này. Biết đâu đấy? Thư viện là nơi thích thú của nàng nhất và gã có thể gặp nàng ở đấy. Gã không biết cách sắp xếp trong thư viện ra sao, gã lang thang giữa những dãy tiểu thuyết dài vô tận, mãi đến lúc có một cô gái vóc dáng mảnh dẻ trông như người Pháp, có vẻ như phụ trách thư viện, bảo với gã phòng tìm phiếu sách ở trên gác. Gã không biết gì nhiều, để mà hỏi người ngồi ở bàn, gã bắt đầu cuộc phiêu lưu ở góc để sách triết học. Gã đã nghe nói về

triết lý sách vở nhưng gã không thể ngờ rằng người ta lại viết nhiều về vấn đề này như thế. Những giá sách cao, chồng chất chứa đầy những pho sách dày cộp làm cho gã thấy mình hèn kém, nhưng đồng thời lại khích lệ gã. Đây là công việc tạo sức mạnh cho trí tuệ gã. Gã thấy những cuốn sách về Tam giác lượng trong khu sách Toán, gã mở lướt những trang giấy và nhìn những công thức, những hình vẽ vô nghĩa. Gã có thể đọc được tiếng Anh, nhưng gã thấy ở đó một thứ tiếng xa lạ. Norman và Arthur biết rõ thứ tiếng đó. Gã đã nghe thấy họ nói. Mà họ lại là anh em của nàng. Gã thất vọng bước ra khỏi khu này. Từ bốn phía, sách như dồn ép gã, nghiền nát gã. Gã không bao giờ ngờ rằng kho tàng kiến thức của con người lại lớn như thế. Gã kinh sợ. Làm sao mà trí óc gã có thể nắm được tất cả những vấn đề này. Sau gã mới nhớ ra rằng có những người khác, rất nhiều người khác có thể nắm vững được, gã say sưa thốt lên một lời nguyên, lầm nhảm thề rằng: trí óc gã nhất định sẽ làm được những cái mà trí óc người khác đã làm.

Và như thế gã cứ lang thang đi tiếp, mắt ngắm nhìn những giá sách chứa đầy những kiến thức, lúc thì thất vọng, lúc thì hưng phấn. Trong một khu vực để sách linh tinh, gã chợt thấy cuốn “Toát yếu của Norrie.” Gã kính cẩn giở những trang sách. Về một mặt nào đó, ngôn ngữ trong cuốn sách cũng tựa tựa như lời nói của gã. Cả gã và cuốn sách đều là của biển cả. Rồi gã tìm thấy một cuốn sách của Bowditch[18] và những tác phẩm của Lecky và Marshall. Đây rồi, gã có thể tự học nghề hàng hải. Gã sẽ thôi không uống rượu, sẽ cố gắng học và trở thành một thuyền trưởng. Ruth lúc này dường như gần gũi gã lắm. Là một thuyền trưởng gã có thể lấy được nàng (nếu nàng muốn lấy gã) - Nếu nàng không muốn thì cũng được, gã sẽ sống một cuộc đời tốt đẹp giữa những con người, vì Nàng, nhất định gã sẽ bỏ hết rượu chè. Nhưng gã lại chợt nhớ ra rằng giữa ông chủ hãng bảo hiểm và ông chủ tàu – Hai ông chủ mà thân phận gã thuyền trưởng phải phục vụ quyền lợi luôn luôn va chạm nhau và cả hai đều có thể và sẽ làm cho anh ta điêu đứng. Gã đảo mắt nhìn quanh phòng và khép mi mắt lại tưởng tượng ra muôn ngàn cuốn sách. Không, không làm cái nghề đi biển nữa. Trong cái kho tàng sách vở kia có một sức mạnh phi thường, và nếu gã có làm nên được cái gì vĩ đại, nhất định gã sẽ phải làm nó trên mặt đất liền. Hơn nữa, thuyền trưởng lại không được phép đem vợ đi biển cùng với mình.

Trưa, rồi đến chiều. Gã quên cả ăn, cứ tìm mãi những sách dạy về phép xã giao. Vì thêm vào sự nghiệp, trí óc gã còn phải bận rộn về một vấn đề rất đơn giản và cụ thể: “Khi bạn gặp một thiếu nữ lịch sự trẻ trung và nếu nàng mời bạn đến chơi, thì cách bao lâu sau bạn có thể đến?” Đó là vấn đề gã luôn băn khoăn tự hỏi. Nhưng khi gã tìm thấy đúng ngăn để những quyển sách ấy, thì gã tìm hoài mà cũng chẳng thấy câu trả lời. Gã hoảng sợ trước tòa lâu đài mênh mông của phép xã giao, gã như lạc đường trong đám rối rắm những con đường không có lối ra của cách xử thế giữa những con người trong xã hội thượng lưu. Gã không tìm nữa. Gã không tìm thấy cái mà gã cần, dù gã đã thấy rằng muốn lịch sự thì phải mất cả đời người, và gã phải sống một cuộc đời dự bị trước để học làm sao cho lịch sự đã.

“Ông có tìm thấy cái ông cần không?” Người ngồi ở bàn hỏi khi thấy gã ra về.

“Thưa ông có,” gã trả lời. “Thư viện ở đây đầy đủ quá.”

Người ấy gật đầu. “Chúng tôi rất sung sướng được tiếp ông ở đây luôn. Ông là thủy thủ phải không?”

“Thưa ông, vâng. Tôi sẽ xin lại đây luôn.”

“Ừ, mà sao hắn lại biết được điều đó?” Gã tự hỏi mình khi bước xuống cầu thang.

Trên quảng hè khỏi nhà mọc đầu tiên dọc theo đường phố, gã bước vụng về, người cứng đơ, thẳng đuồn cho đến khi miên man suy nghĩ, gã quên đi; cái dáng đi lắc lư lại trở về với gã một cách duyên dáng.

[18] Blathaniel Bowditch (1773 – 1838): một nhà toán học kiêm hàng hải người Mỹ.

CHƯƠNG 6

Một nổi bồn chồn ghê gớm, giống như một con đói đang cào cào Martin. Gã thèm khát được nhìn người con gái mà đôi bàn tay thon thả đã xiết chặt đời gã bằng cái nắm của một người khổng lồ. Gã không có đủ cam đảm để gặp nàng. Gã sợ rằng có thể là đến quá sớm, và như thế gã sẽ vi phạm vào một điều đáng sợ của lễ nghi đáng sợ mà người ta gọi là xã giao.

Gã ở hàng giờ trong hai thư viện Oakland và Berkelay, điền tên vào những thẻ mượn sách cho gã, cho chị Gertrude cho cô Marian và cho Jim –

anh chàng này đồng ý cho làm như thế với điều kiện phải trả lại bằng nhiều cốc bia. Bốn tám thẻ cho phép gã mượn được nhiều sách, gã thấp đèn hơi rất khuya trong buồng người giúp việc và Higghinbotham đã bắt gã trả thêm năm mươi xu một tuần vì chuyện đó.

Nhưng những cuốn sách gã đọc chỉ làm gã thêm bần khoản. Mỗi trang trong mỗi cuốn sách là một lỗ nhỏ để nhìn vào trong lĩnh vực tri thức. Sự thèm khát của gã được nuôi dưỡng bằng những cái gã đọc và ngày càng tăng lên. Hơn nữa, gã không biết bắt đầu từ đâu và luôn cảm thấy đau khổ vì sự thiếu chuẩn bị của mình. Những điều tầm thường nhất mà gã có thể biết chắc rằng người đọc nào cũng hiểu thì gã lại không hiểu. Trong những bài thơ gã đọc với hứng thú điên cuồng gã cũng thấy như thế. Gã đọc thêm nhiều bài thơ của Swinburne mà trong cuốn Ruth cho mượn không có; bài “Dolores” gã hiểu hoàn toàn. Nhưng chắc chắn Ruth không thể hiểu được bài đó, gã cả quyết như vậy. Sống một cuộc đời tinh khiết như nàng thì làm sao có thể hiểu nổi? Rồi, ngẫu nhiên gã đọc thơ của Kipling^[19], gã bị cuốn đi bởi âm thanh, nhạc điệu bởi tính chất trữ tình kỳ ảo toát ra từ lời thơ ca ngợi những sự vật thường ngày quen biết. Gã kinh ngạc trước tình cảm của con người đối với cuộc sống và tâm lý sâu sắc của nhà thơ. “Tâm lý” là một từ mới trong vốn từ ngữ của Martin. Gã đã mua một cuốn từ điển. Điều này đã làm cho số tiền dành dụm của gã hao hụt và kéo gần lại cái ngày gã phải đi biển để kiếm thêm. Hơn nữa, nó lại làm cho Higghinbotham bức bối vì hẳn muốn gã dùng món tiền này để trả tiền trọ thì hơn.

Ban ngày gã không dám đến nơi Ruth ở, nhưng đêm đến người ta thấy gã lén lút như một thằng ăn trộm quanh nhà ông Morse, mắt lăm lét nhìn lên cửa sổ và gã yêu ngay cả những bức tường che chở cho nàng. Nhiều lần gã suýt bị anh em của nàng bắt gặp vì có lần gã cứ lảng nhãng đi theo ông Morse xuống phố, ngắm nhìn mặt ông trong ánh đèn, lòng ước ao giá có một tai nạn gì nguy hiểm đến tính mạng ông bất chợt xảy ra để gã có thể lao vào cứu cha nàng. Một đêm, sự chờ đợi của gã đã được đền bù, gã thoáng nhìn thấy Ruth trong khung cửa sổ tầng gác thứ hai. Gã nhìn thấy đầu nàng, đôi vai nàng, cánh tay nàng, giơ lên khi nàng sửa lại mái tóc trước gương. Chỉ là một phút chốc thôi nhưng đối với gã là cả thời gian dài, trong khoảng thời gian đó, máu gã biến thành rượu và reo vang trong mạch máu. Rồi

nàng kéo rèm xuống: đúng là buồng của nàng – Gã đã biết chắc thế. Và từ đó về sau gã cứ lảng vảng tới đó luôn, đứng nấp sau một gốc cây trong bóng tối, bên kia đường miệng hút thuốc lá liên miên. Một buổi chiều, gã nhìn thấy mẹ nàng từ ngân hàng đi ra. Đây là một điều xác định thêm cho cái khoảng cách không lồ ngăn cách Ruth với gã. Nàng thuộc về giai cấp có quan hệ với ngân hàng. Suốt đời gã chưa bao giờ bước chân vào một ngân hàng, và gã vẫn nghĩ rằng những tổ chức này chỉ là nơi lui tới của những người rất giàu có, rất quyền thế.

Ở một khía cạnh nào đó, gã đã trải qua một cuộc cách mạng về tinh thần. Sự trong sạch, tinh khiết của nàng gây cho gã một phản ứng, và gã cảm thấy trong con người gã có một đòi hỏi cấp thiết phải được trong sạch. Gã phải thế nếu gã muốn luôn luôn xứng đáng để được hít thở trong một làn không khí với nàng. Gã đã đánh răng, chải tay bằng bàn chải rửa bát cho mãi đến tận hôm gã thấy trong cửa hiệu được phẩm một bàn chải móng tay và đoán được cách dùng nó. Lúc gã hỏi mua, người bán nhìn vào móng tay gã, mời gã mua thêm một cái giữa móng tay. Và như thế gã đã có thêm một đồ dùng để trang sức. Gã tìm thấy trong thư viện một cuốn sách nói về cách giữ gìn thân thể, lập tức gã tạo cho mình thói quen sáng nào cũng tắm nước lạnh, làm cho Jim thấy làm lạ lòng và Higghinbotham kinh ngạc: hắn vốn rất ghét cái thói học đòi làm sang như vậy và hắn đang tính toán chi li xem có nên bắt Martin chịu thêm một khoản tiền nước nữa không. Thêm một bước nữa là gã nghĩ đến chuyện mặc quần áo có nếp gấp. Và vì đã có ý nghĩ ấy trong đầu, gã nhận thấy rất nhanh sự khác nhau giữa cái ống quần “bụng” ra đầu gối của giai cấp công nhân và ống quần thẳng tắp từ đầu gối tới chân của những người thuộc tầng lớp trên. Hơn nữa, gã cũng hiểu tại sao như vậy, gã nhào vào đầu bếp của chị, tìm bàn là và tấm gỗ kê để là. Thoạt đầu, gã gặp phải rủi ro đốt cháy một cái quần, phải mua một cái khác – việc đó lại làm cho ngày gã phải đi biển nhích tới gần hơn.

Nhưng sự cải tạo còn ăn sâu hơn là cái biểu hiện ở bề ngoài ấy. Gã vẫn hút thuốc nhưng thôi không uống rượu nữa. Từ trước nay, đối với gã, uống rượu dường như là một điều dĩ nhiên đối với đàn ông, và gã rất tự hào về tửu lượng của mình, gã có thể vẫn uống trong khi hầu hết những người khác đã say gục xuống bàn. Bất cứ lúc nào gặp một người bạn thủy thủ, mà ở

San Francisco thì có nhiều lắm – gã vẫn đãi họ và họ cũng đãi gã như xưa, nhưng gã chỉ gọi lấy cho mình bia nhẹ hay rượu gừng và uống vui vẻ mặc cho họ chế giễu. Và khi họ bốc lên cơn say bí tỉ, gã ngồi quan sát cái con thú đã bắt đầu nổi dậy chế ngự họ và gã thầm cảm ơn Chúa là gã đã không còn như họ nữa. Họ có những giới hạn phải quên đi, và khi họ say, tâm hồn dần dần, mờ mịt của họ cũng như thần thánh, mỗi người ngự trị trong cái thiên đường của sự hoan lạc say sưa của mình. Đối với Martin thì nhu cầu uống rượu mạnh đã mất rồi. Gã say sưa trong chất men mới, thấm sâu hơn – say sưa với Ruth, người đã đốt lên trong lòng gã ngọn lửa yêu đương, đã cho gã nhìn thấy cuộc sống vĩnh cửu, cao quý hơn; với sách vở đã tung ra hàng hà sa số những ước mơ day dứt trí óc gã và với ý niệm của sự sạch sẽ mà gã đã tạo cho bản thân mình, cái đó đã giúp cho gã có thêm sức mạnh hơn cả trước kia và làm cho toàn thân gã reo vang sự cường tráng.

Một đêm, gã đến rạp hát, ao ước mơ hồ may ra được gặp nàng ở đó; ngồi ở tầng thứ hai, gã đã trông thấy nàng thật. Gã nhìn thấy nàng đi ở tầng dưới với Arthur và một người trẻ tuổi lạ mặt, tóc như cái nồi úp trên đầu^[20], đeo kính; nhìn hẩn tự nhiên lòng gã nổi lên một nỗi lo lắng, ghen tuông. Gã thấy nàng ngồi ở dãy ghế gần ban nhạc, và suốt buổi, hầu như gã không nhìn thấy ai ngoài nàng – đôi vai mỏng dẻ trắng ngần, mớ tóc vàng nhạt, mờ mờ ở phía xa. Nhưng cũng có những người khác đang nhìn, thỉnh thoảng nhìn những người chung quanh, gã nhận thấy có hai cô gái trẻ ngồi ở phía trước, cách đó độ mười ghế, cứ ngoái cổ lại nhìn gã, mỉm cười với đôi mắt rất tàn bạo. Gã vốn là người tính tình cởi mở, dễ dãi. Bản chất gã không phải là người hay hắt hủi người khác. Giá như ngày xưa thì có lẽ gã đã mỉm cười lại và còn đi xa hơn nữa, khuyến khích cho người ta cười. Nhưng bây giờ thì khác rồi. Gã mỉm cười lại, rồi quay đi, cố ý không nhìn về phía đó nữa. Nhưng, nhiều lần, quên mất sự có mặt của hai cô gái, mắt gã lại bắt gặp nụ cười của họ. Gã không thể trong một ngày thay đổi hoàn toàn được, mà gã cũng không thể làm trái với bản chất tốt của gã. Vì thế, những lúc đó gã mỉm cười lại với hai cô gái trong tình bè bạn thật ấm áp. Cái đó không có gì mới lạ đối với gã. Gã hiểu rõ, họ đang chìa cái bàn tay đàn bà của họ ra cho gã. Nhưng bây giờ thì khác rồi. Ở dưới xa xa kia, gần bậc của ban nhạc, có người con gái duy nhất trên đời, khác xa hai cô gái cùng giai cấp

với gã, khác một cách ghê gớm đến nỗi gã chỉ cảm thấy thương hại và buồn cho họ. Gã ao ước trong lòng giá mà họ có được một chút nhỏ nào lòng tốt và sự rục rờ của nàng. Nhưng không vì một lẽ gì mà gã lại có thể làm cho họ đau khổ chỉ vì họ muốn với xa. Gã không thích thú gì với điều đó – Gã còn cảm thấy hơi xấu hổ vì chính mình tầm thường họ mới dám làm thế. Gã biết rằng nếu gã thuộc giai cấp của Ruth thì những cô gái kia sẽ không dám tỏ tình như vậy. Mỗi cái liếc mắt của họ, gã cảm thấy như những ngón tay của chính giai cấp gã nắm chặt giữ lại và đưa gã xuống.

Gã rời chỗ trước khi màn hạ, kết thúc hồi cuối vở kịch, chủ tâm muốn được nhìn thấy nàng khi nàng đi ra. Trên vỉa hè, trước cửa nhà hát lúc nào cũng có rất nhiều người đứng, gã có thể kéo mũ sụp xuống mắt và nấp sau vai một người nào đó để nàng khỏi nhìn thấy. Gã theo những người đầu tiên trong đám đông để ra khỏi nhà hát, nhưng gã vừa mới đứng lại ở mép vỉa hè thì hai cô gái nọ đã xuất hiện. Họ đang tìm mình, gã biết thế và lúc đó gã muốn chửi thề điên cuồng rủa sả bà trong gã. Qua vỉa hè, đến chỗ rẽ, khi họ tới gần, gã biết họ đã trông thấy mình. Họ bước chậm lại. Một cô chạm vào người gã làm ra vẻ bây giờ mới thấy gã lần đầu. Cô ta mảnh dẻ, nước da ngăm ngăm, và đôi mắt đen lách tách thức. Nhưng đôi mắt cô ấy mỉm cười với gã và gã cũng mỉm cười lại.

“Hello!” Gã nói.

Câu chào thốt ra tự nhiên: gã vẫn thường chào như thế trong những buổi gặp gỡ đầu tiên ở những trường hợp tương tự. Hơn nữa, gã cũng không thể làm khác được. Bản chất đại lượng và giàu tình cảm không cho phép gã làm khác. Cô gái mắt đen mỉm cười hoan hỷ chào đón, ý muốn đứng lại, trong khi cô bạn, tay khoát tay cười rúc rích, cũng tỏ vẻ muốn dừng lại. Gã thoáng nghĩ nhanh: nếu nàng ở nhà hát ra mà trông thấy gã đứng ở đây nói chuyện với hai cô bạn này thì thật không ra làm sao. Rất tự nhiên, làm như một chuyện bình thường, gã bước theo cô gái mắt đen và sóng đôi cùng đi. Gã không vụng về, khi nói không áp a áp úng. Gã quen thuộc lắm rồi, đùa cợt, nói tiếng lóng, vài câu dí dỏm để bắt đầu làm quen trong những cuộc gặp gỡ chớp nhoáng như thế này thì gã rất vững. Đến góc phố nơi mà dòng người chảy tràn đi, gã tách mình ra để đi vào một ngõ ngang. Cô gái mắt đen nắm lấy tay gã đi theo và lôi cả cô bạn theo nữa. Cô kêu lên:

“Chậm chứ nào, anh Bill! Đi đâu mà vội thế? Anh không định bỏ rơi chúng em một cách đột ngột thế chứ?”

Gã dừng bước, cười và quay lại giáp mặt họ. Qua vai họ gã có thể nhìn thấy đám đông đi qua dưới ánh đèn. Nơi gã đứng, không sáng lắm, gã có thể nhìn thấy nàng khi nàng đi qua mà không bị trông thấy. Nhất định nàng phải đi qua lối này vì đây là con đường về nhà nàng.

“Tên cô ấy là gì đấy?” Gã hất đầu về phía cô mắt đen, hỏi cô đang cười rúc rích.

“Anh hỏi nó ấy,” cô ta ngật nghẹo trả lời.

“Ừ, tên cô là gì, hở?” gã quay ngoắt về phía cô mắt đen hỏi.

“Thì anh đã cho chúng em biết tên anh đâu?” Cô ta đối lại.

“Ừ thì cô có hỏi tôi đâu?” Gã mỉm cười. “Hơn nữa cô đã đoán được ngay rồi cơ mà; tên là Bill, đúng đấy, đúng đấy.”

“Thôi đi anh,” Cô nhìn thẳng vào mặt gã, đăm đúi, năn nỉ. “Tên anh là gì, nói thật đi nào?”

Cô lại nhìn gã. Tính chất đàn bà bao thế kỷ nay, từ khi bắt đầu có giới tính, biểu lộ hùng hồn trong khóe mắt con gái. Gã nhìn cô ta với vẻ thờ ơ, biết chắc rằng nếu bây giờ mà gã tấn công, nhất định cô ta sẽ nguây nguẩy, đồng đánh bỏ đi, gã mà tỏ ra nhát gan rút lui thì cô ta sẽ chơi cái trò ngược lại. Nhưng là người, gã cũng cảm thấy sức quyến rũ của cô gái, cái tội của gã không thể nào không thích thú trước sự ân cần vồ vập phỉnh phờ của cô ta. Ồ, gã biết rõ, biết rõ họ lắm chứ, biết từ chân tơ kẽ tóc. Nếu đứng về phía giai cấp riêng của họ mà đánh giá lòng tốt, thì họ đều là những người tốt cả, làm việc cật lực để kiếm đồng lương nghèo đói, khinh bỉ việc bán thân nuôi miệng để có cuộc sống dễ dàng hơn, tha thiết ước mong chút hạnh phúc nhỏ nhoi trong sa mạc của cuộc đời, đối mặt với một tương lai chẳng khác gì canh bạc, giữa cái xấu xa của sự làm lụng vất vả không bao giờ dứt và vực thẳm đen tối của sự khốn nạn ghê gớm hơn, con đường dẫn tới đó ngắn ngủi hơn tuy được trả nhiều tiền hơn.

“Bill,” gã gật đầu trả lời. “Đúng rồi, thế mà, Bill chứ còn là gì nữa.”

“Không nói đùa đấy chứ?” Cô ta hỏi.

“Không phải là Bill đâu,” cô kia nói len vào.

“Sao cô biết? Trước kia cô đã gặp tôi bao giờ đâu?”

“Không cần gấp cũng biết thừa là anh nói dối.” Cô kia đối lại.

“Nói thật đi – Bill, tên anh là gì nào?” cô gái thứ nhất hỏi.

“Cứ cho là Bill đi cũng được,” gã thú thật.

Cô ta nắm lấy tay gã, lắc lắc một cách vui vẻ. “Biết ngay là anh nói dối mà, nhưng dù sao đối với em anh vẫn cứ là người tốt như thường.”

Gã nắm chặt bàn tay mời mọc ấy thấy nhưng vết xước và chai sẹo quen thuộc.

“Cô thôi làm ở nhà máy đồ hộp từ bao giờ thế?” Gã hỏi.

“Sao anh biết, trời, anh là thầy tướng chắc?” Hai cô cùng nói.

Và trong khi gã trao đổi với họ những điều ngớ ngẩn của những đầu óc ngớ ngẩn, thì trong tiềm thức gã sừng sững hiện lên những giá sách của thư viện chứa đầy những tri thức của bao thế kỷ. Gã mỉm cười cay đắng về sự trái ngược đó, và lại bị sự nghi ngờ dằn vặt. Nhưng giữa sự suy nghĩ bên trong và cái đùa cợt bên ngoài, gã còn đủ thì giờ để nhìn đám đông xem hát lũ lượt đi qua. Rồi gã thấy nàng dưới ánh đèn đi giữa anh trai và người trẻ tuổi lạ mặt đeo mắt kính. Tim gã như ngừng đập. Gã đã chờ đợi bao lâu giây phút này. Gã còn đủ thời giờ để để nhận thấy một cái gì nhẹ nhẹ, bông bênh phủ lên trên mái đầu hoàng hậu của nàng, những đường nét thanh tú của thân hình ẩn trong bộ y phục, dáng đi uyển chuyển, bàn tay nâng chiếc váy, và rồi nàng đi mất, để gã vẫn đứng đó mắt nhìn chăm chăm vào hai cô gái công nhân nhà máy đồ hộp, nhìn vào bộ áo lòe loẹt các cô cố làm cho đẹp cổ một cách bi thảm làm cho sạch sẽ và đom đống, bộ quần áo rẻ tiền, những ruy băng rẻ tiền, những chiếc những ruy băng đeo ở ngón tay. Gã thấy tay mình bị lắc mạnh và nghe có tiếng nói:

“Tĩnh lại nào, Bill, anh làm sao thế?”

“Cô nói sao?” Gã hỏi.

“Ô, có gì đâu...” cô gái da ngăm đen lắc đầu, trả lời. “Em chỉ nghĩ là...”

“Gì kia?”

“À, em đang nói nhỏ giá anh kiếm được cho nó một cậu nào lịch sự thì tốt quá.” (Vừa nói cô vừa hát hàm về phía cô bạn.) “Rồi chúng ta có thể lĩnh đi đâu ăn kem, uống socola, cafe hay gì đó.”

Bất chợt gã thấy buồn nôn trong tinh thần – từ Ruth chuyển đến điều này thật quá đột ngột. Bên cạnh đôi mắt thách thức, táo bạo của người con gái đứng trước mặt gã đây, gã thấy đôi mắt trong sáng của Ruth, giống như đôi mắt của nữ thần nhìn gã từ bề sâu thẳm của sự trong sáng. Và không hiểu sao gã thấy dâng lên trong lòng một sức mạnh. Gã còn cao đẹp hơn thế này. Cuộc sống đối với gã còn có ý nghĩa hơn là nó đối với hai cô gái này và ý nghĩ chỉ quanh quẩn không vượt khỏi chuyện kem, chuyện một câu nào lịch sự. Gã nhớ gã vẫn có một cuộc sống riêng tư bí mật trong ý nghĩ – Những ý nghĩ đấy gã vẫn muốn đem chia sẻ với một ai, nhưng gã không tìm thấy một người đàn bà nào có thể hiểu mà chẳng tìm được một người đàn ông nào. Đã nhiều lần gã thử, nhưng chỉ làm cho người nghe khó hiểu. Vì tư tưởng gã, vượt lên trên họ, cho nên gã suy luận, gã cũng phải vượt lên trên họ. Gã cảm thấy sức mạnh chuyển động trong người gã và gã nắm chặt tay lại. Nếu cuộc sống đối với gã có ý nghĩa hơn thì gã cũng phải đòi hỏi ở cuộc sống nhiều hơn, nhưng gã không thể đòi hỏi ở những loại bạn bè như thế này được. Đôi mắt đen táo bạo này không có gì để mà cho gã. Gã biết rõ ý nghĩ ở đằng sau đó, chuyện kem hay là một cái gì khác. Nhưng đôi mắt nữ thần ở bên cạnh – chúng cho gã tất cả những cái gã biết và hơn cả tất cả những cái gã có thể đoán được. Nó cho gã sách vở, hội họa, cái đẹp, sự thanh thản và tất cả những trang nhã của cuộc sống cao quý. Sau đôi mắt đen, gã biết rõ sự diễn biến của tư tưởng. Nó như chiếc máy đồng hồ. Gã có thể nhìn thấy tất cả những bánh xe quay. Sự thôi thúc của nó chỉ là thú vui thấp hèn, chật hẹp như nắm mồi phủ màn tang, cuối cùng chỉ là đi tới nắm mồi mà thôi. Nhưng sự thôi thúc của đôi mắt nữ thần kia là một điều bí ẩn, kỳ ảo không thể nghĩ tới được, là cuộc sống vĩnh cửu. Gã thoáng thấy linh hồn trong đôi mắt ấy, gã cũng thoáng thấy cả linh hồn gã nữa.

“Chương trình của cô có một điểm không ổn,” gã nói lớn. “Tôi đã có hẹn rồi.”

Đôi mắt cô gái lóe lên niềm thất vọng.

“Chắc là về để trông bạn ốm phải không?” Cô hỏi mỉa.

“Không, thật đấy – chuyện đứng đắn, đã có hẹn thật sự vớ...” gã ngập ngừng, “với một người còn gái.”

“Anh không định bỏ rơi em đấy chứ?” Cô gái nói sôi nổi

Gã nhìn vào đôi mắt cô và trả lời. “Nói thật đấy mà. Nhưng tại sao ta lại không gặp lại nhau vào một buổi khác. Cô chưa nói cho tôi biết tên và cô ở đâu?”

“Lizzie,” cô gái trả lời dịu đi, nắm chặt cánh tay gã, đứng ngả vào người gã “Lizzie Connolly, em ở đường số năm khu chợ.”

Gã còn nói chuyện ít phút nữa trước khi chia tay. Gã không về nhà ngay và ở dưới gốc cây nơi gã vẫn đứng ngóng trông, gã nhìn lên khung cửa sổ và thì thầm: *Hẹn với em đấy; Ruth ạ, anh sẽ hẹn với em đấy.*

[19] Rudyard Kipling (1865-1936) – tiểu thuyết gia kiêm thi sĩ người Anh.

[20] Nguyên văn: *football map of hair: tóc đầy lông bông như quả bóng ở trên đầu.*

CHƯƠNG 7

Một tuần đọc sách cật lực trôi qua kể từ buổi chiều gã gặp Ruth Morse lần đầu, vậy mà gã vẫn chưa dám đến gặp nàng. Nhiều lần gã gắng lấy can đảm để đến gặp nàng, nhưng nghi ngờ choán ngợp lấy gã và quyết tâm lại tiêu tan. Gã không biết đến vào lúc nào cho phải, mà cũng không ai nói cho gã biết, gã sợ sẽ phạm phải một sai lầm không cứu vãn được. Gã đã rũ khỏi những người bạn cũ, lối sống cũ, và vì không có bầu bạn mới; gã không còn biết làm gì khác và những giờ dài liên miên, đọc mãi mê như vậy có thể làm hỏng hàng chục đôi mắt thường. Nhưng đôi mắt của gã rất khỏe, và chúng lại được một cơ thể cường tráng hỗ trợ. Hơn nữa óc gã như một miếng đất bỏ hóa, bỏ hóa suốt đời đối với những tư tưởng trù tượng của sách vở và bây giờ sẵn sàng chờ được gieo hạt. Nó chưa từng bị sự học hỏi làm cho mệt mỏi; nó ngấm chặt lấy những tri thức trong sách vở bằng những chiếc răng nhọn và nhất định không buông.

Đến cuối tuần, gã cảm thấy hình như mình sống hàng mấy thế kỷ, xa xôi bỏ lại đằng sau là cuộc đời xưa cũ, và quan niệm của gã đối với cuộc đời. Nhưng gã đã khổ sở vì thiếu chuẩn bị, gã thử đọc những cuốn sách mà người ta phải mất hàng bao năm nghiên cứu chuyên môn trước thì mới hiểu nổi. Hôm nay gã đọc sách về triết học cổ đại, ngày mai gã lại đọc về những vấn đề hết sức hiện đại, vì vậy đầu óc gã quay cuồng với những quan điểm mâu thuẫn trái ngược nhau. Đối với những nhà kinh tế học cũng thế. Trên giá sách của thư viện, gã thấy nào là Các Mác, Ricardo, Adam Smith và Mill^[21]. Những công thức khó hiểu của những người này cũng chẳng chứng minh được là những quan điểm của người khác đã lỗi thời. Gã hoang mang, nhưng vẫn muốn hiểu biết. Trong một ngày gã say mê đọc cả kinh tế, cả kỹ nghệ, cả chính trị. Đi qua công viên City Hall gã thấy có một đám đông ở giữa có dăm sáu người mặt đỏ bừng đang lớn tiếng sôi nổi tranh luận. Gã đứng lẫn vào đám thánh giả và nghe thấy một thứ ngôn ngữ mới và xa lạ từ cửa miệng những triết gia của nhân dân. Một người là một anh chàng lang thang, người thứ hai là một người chuyên gây phiền động trong phong trào công nhân; người thứ ba là một anh sinh viên luật học. Còn lại là những công nhân thích tranh luận. Lần đầu tiên gã được nghe nói về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa vô chính phủ, và hiểu rằng đó là những thuyết triết học xã hội có tính chất chiến đấu. Gã nghe thấy hàng trăm danh từ chuyên môn

hoàn toàn mới đối với gã, thuộc về lĩnh vực tư tưởng mà cái vốn đọc ít ỏi của gã chưa bao giờ động tới. Vì thế gã không thể theo sát được cuộc tranh luận, gã chỉ có thể đoán được ý ngụ ở trong những thành ngữ quái lạ ấy. Rồi có một anh chàng hầu bàn mắt đen theo thuyết Thần tri học, một anh chàng trong công hội những người làm bánh theo thuyết bất khả thi, một ông già đánh bại tất cả những lý thuyết trên... bằng một triết học kỳ lạ “Tất cả những cái gì tồn tại đều có lý.” Có một ông già khác thì cứ thao thao bất tuyệt nào là vũ trụ, nào là nguyên tử dương và nguyên tử âm. Sau khi đứng nghe liền mấy tiếng đồng hồ đầu óc Martin Eden hoa lên gã bỏ đi. Gã vội tới thư viện để tra nghĩa hàng chục những danh từ bất bình thường đó. Và khi ở thư viện ra, gã cấp dưới nách bốn cuốn sách “*Học thuyết Thần bí*” của Bà Blavatsky^[22] “*Tiến bộ và nghèo khổ*”, “*Tinh hoa của chủ nghĩa xã hội*”^[23], “*Cuộc đấu tranh giữa khoa học và tôn giáo*.” Không may gã lại bắt đầu đọc ngay cuốn “*Học thuyết thần bí*.” Từng dòng lung củng những danh từ đa âm tiết mà gã không thể nào hiểu nổi. Gã ngồi trên giường và nhìn vào từ điển nhiều hơn là nhìn vào sách. Gã phải tra nhiều từ mới quá. Đến nỗi khi gặp lại chúng thì đã quên mất nghĩa rồi, lại phải tra lại. Gã nghĩ ra cách ghi tất cả những định nghĩa vào một cuốn sổ tay, đầy hết trang này qua trang khác. Thế mà gã vẫn không thể hiểu được. Gã đọc mãi đến tận ba giờ sáng. Đầu óc gã tối mù; nhưng gã vẫn không nắm được một tư tưởng chính nào của cuốn sách. Gã ngược nhìn lên, căn buồng hình như dâng cao, chao nghiêng, chìm xuống như một con tàu trên mặt biển. Gã văng tục và quăng cuốn “*Học thuyết thần bí*” vào một góc phòng, tắt đèn hơi, cố trấn tĩnh lại để ngủ. Đối với ba cuốn kia, gã chẳng gặp may gì hơn. Không phải đầu óc gã kém cỏi hay không nhận thức nổi. Nó có thể suy luận những tư tưởng ấy nếu nó không thiếu sự rèn luyện tư duy, không thiếu những công cụ tư tưởng để mà suy luận. Gã nghĩ như vậy, và có lúc gã đã có ý định không đọc gì khác ngoài cuốn từ điển cho đến khi nào nắm được tất cả từ trong đó.

Tuy nhiên, thơ là niềm an ủi của gã. Gã đọc rất nhiều: gã tìm thấy niềm vui lớn nhất trong những nhà thơ đơn giản hơn, dễ chịu hơn. Gã yêu cái đẹp và ở đây gã đã thấy được cái đẹp. Thơ như nhạc, rung động gã sâu xa, và tuy gã không ý thức được điều đó, gã vẫn đang chuẩn bị trí óc mình để tiếp

nhận công việc nặng nề hơn sắp tới. Những trang sách trong trí óc gã vẫn còn bỏ trống, không cần phải cố gắng nhiều, gã càng đọc càng thích thú từng đoạn, từng đoạn thơ ùa vào những trang giấy ấy; và chẳng mấy chốc gã có thể tìm thấy được niềm vui lớn lúc cao giọng hoặc khe khẽ ngâm nga điệu nhạc và cái đẹp trong những lời thơ in trong sách mà gã đọc. Rồi ngẫu nhiên một hôm thấy cuốn “Thần Thoại Cổ Đại” của Gayley^[24] cùng với cuốn “Thời Đại Của Thần Thoại” của Bullfing^[25] nằm ngay cạnh nhau trên giá sách của thư viện. Đó là một tia sáng, một ngọn lửa lớn trong bóng đêm của sự ngu dốt nơi gã và gã đọc thơ một cách say mê hơn bao giờ hết.

Người ngồi bàn giấy ở thư viện gặp Martin luôn nên đã trở nên thân với gã; ông ta luôn luôn mỉm cười và gật đầu chào khi gã vào. Vì thế, Martin mới dám đánh liều làm một việc. Gã rút một vài cuốn sách ở bàn ra và trong khi ông ta đang đánh dấu vào những cái thẻ, gã bật hỏi:

“Ông à, tôi có một việc muốn hỏi ông.”

Ông ta mỉm cười và chú ý lắng nghe.

“Khi ông gặp một người con gái, và cô ta mời ông đến chơi thì sau bao lâu ông mới có thể đến được?”

Martin thấy cái áo sơ mi mình đang mặc co lại, dính sát vào vai, gã đã cố gắng đến toát mồ hôi.

“Sao, lúc nào đến mà chả được.” Ông ta trả lời.

“Vâng, nhưng mà đây lại khác,” Martin nói lại. “Cô ấy... Tôi... à, ông ạ. Thế này cơ: có thể là cô ấy không có nhà. Cô ấy đến trường đại học.”

“Thì hôm khác lại đến.”

“Ý tôi nghĩ một đằng nhưng tôi nói không được,” Martin lắp bắp thú nhận, gã phò mặc cái thân mình cho lòng thương của ông thủ thư. “Tôi là kẻ thô lỗ, tôi không quen giao thiệp. Cô gái này hoàn toàn không giống tôi, tôi cũng hoàn toàn không giống cô ấy. Ông không cho rằng tôi nói đùa cho vui đấy chứ?” Gã hỏi đột ngột.

“Không, không... Hoàn toàn không mà. Ông cứ yên tâm. Vấn đề ông hỏi không có trong sổ tra cứu đâu, nhưng tôi rất vui lòng giúp đỡ ông.”

Martin nhìn ông ta, có vẻ thán phục.

“Nếu tôi nói toạc ra được như vậy, thì thật ớn cho tôi quá,” gã nói.

“Xin lỗi ông, ông định nói gì?”

“Tôi muốn nói, nếu tôi có thể nói chuyện lịch thiệp một cách dễ dàng, đại loại như vậy...”

“Ồ!” Người thủ thư có vẻ thông cảm.

“Đến thăm vào lúc nào thì tiện nhất hở ông? Buổi chiều à? Không nên gần bữa ăn quá phải không. Hay là buổi tối? Hay là chủ nhật?”

Người thủ thư tươi tỉnh nói:

“Thế này nhé. Ông cứ gọi đây nói cho cô ấy hỏi xem thì khác biệt!”

“Vậy tôi sẽ làm thế.” Gã vừa nói vừa cầm mấy quyển sách rồi đi ra.

Gã ngoái cổ lại, hỏi:

“Khi ông nói với một thiếu nữ lịch sự, ví dụ như cô Lizzie Smith, ông sẽ gọi là cô Lizzie hay cô Smith?”

“Gọi là cô Smith,” người thủ thư nói có vẻ quả quyết. “Hãy cứ gọi là cô Smith đến khi nào quen thân hơn.”

Thế là Martin Eden đã giải quyết được vấn đề.

“Anh đến chơi lúc nào cũng được, chiều nay tôi cũng có nhà,” Ruth trả lời qua máy nói khi gã run run hỏi bao giờ gã có thể trả những cuốn sách đã mượn.

Nàng ra tận cửa đón gã. Đôi mắt đàn bà của nàng nhận ra ngay cái ống quần thẳng nếp, cùng một sự thay đổi nào đó nho nhỏ nhưng khó tả nó hướng tới cái tốt hơn ở gã. Nét mặt gã cũng làm cho nàng chú ý. Sức cường tráng của gã, gần như là hung bạo, hình như trào ra khỏi con người gã, xô tới nàng từng đợt từng đợt sóng sức mạnh. Nàng lại cảm thấy sự thôi thúc ao ước được ngã vào người gã tìm hơi ấm, và lại ngạc nhiên vì tác động của sự có mặt của gã đối với nàng. Và gã, lại cảm giác thấy cái cảm giác sung sướng chói với khi tay nàng chạm vào gã lúc hai người chào hỏi nhau. Sự khác nhau giữa hai người là ở chỗ nàng thì tự chủ và bình tĩnh, còn gã thì mặt đỏ bừng đến tận chân tóc. Gã đi theo sau nàng, vẫn vụng về như trước, vai đung đưa, lắc lư một cách nguy hiểm.

Khi hai người ngồi ở phòng khách rồi, gã mới bắt đầu cảm thấy thoải mái, thoải mái hơn gã mong đợi nhiều. Nàng làm cho gã thoải mái, vẻ nhẹ nhàng duyên dáng trong cử chỉ của nàng càng làm gã yêu nàng điên cuồng hơn bao giờ hết. Thoạt tiên, hai người nói về những cuốn sách mà gã đã mượn, về Swinburne mà gã say mê, về Browning mà gã không hiểu. Nàng

đưa câu chuyện từ vấn đề này qua vấn đề khác, trong khi nàng vẫn suy nghĩ làm thế nào để giúp đỡ gã. Nàng vẫn thường nghĩ tới chuyện này kể từ buổi đầu hai người gặp gỡ. Nàng muốn giúp đỡ gã. Gã đã gọi cho nàng lòng thương và sự dịu dàng mà trước đây chưa ai gọi được, một lòng thương đối với nàng như tình mẫu tử mà không làm cho gã cảm thấy bị quá xúc phạm. Tình thương của nàng không thể là thứ tình thương bình thường, khi người đàn ông gọi nên nó lại có chất đàn ông quá mạnh mẽ quá khiến nàng run sợ - nỗi lo sợ của một cô gái – và làm cho trí óc nàng, mạch máu nàng rung lên với những ý nghĩ và cảm giác kỳ lạ. Vẫn lại cái cổ có sức quyến rũ, vẫn lại sự êm dịu khi nghĩ được đặt bàn tay lên đó. Hình như đó là sự thôi thúc của dục tình, nhưng nàng đã quen với điều đó hơn rồi. Nàng không nghĩ rằng một tình yêu mới chớm nở, lại có thể nảy sinh dưới hình thức như vậy. Mà nàng cũng không nghĩ rằng cảm giác mà gã khơi dậy trong lòng nàng lại là cảm giác yêu đương. Nàng nghĩ rằng, gã chỉ làm cho nàng thích thú ở chỗ gã là một con người khác thường, có nhiều năng lực tiềm tàng to lớn, và nàng cảm thấy tình nhân ái trong đó nữa.

Nàng không biết rằng nàng đang ao ước được gã; nhưng đối với gã thì lại khác. Gã biết là gã yêu nàng và ao ước được nàng, chưa bao giờ gã lại ao ước điều gì trên đời như vậy. Gã đã yêu thơ vì cái đẹp, nhưng từ độ gặp nàng thì những cánh cửa đi vào thế giới mệnh mông của thơ ngợi ca tình yêu đã rộng mở. Nàng đã cho gã sự hiểu biết còn nhiều hơn cả Bullfing và Gayley. Có một câu thơ mà một tuần lễ trước đây gã không hề nghĩ đến lần thứ hai “*Người tình say đắm lịm dần trên chiếc hôn*”, nhưng bây giờ câu thơ ấy cứ vương vấn trong óc gã. Gã ngạc nhiên vì sự kỳ ảo và chân lý của nó; nhìn nàng, gã biết gã có thể vui lòng chết vì một chiếc hôn thật. Gã cảm thấy chính mình (một người tình say đắm) và không có một cái ôm hôn nào khi phong tước cho một người kỵ sĩ^[26] lại làm gã kiêu hãnh hơn. Đến lúc này gã mới hiểu rõ ý nghĩa của cuộc đời và tại sao gã lại sinh ra trên cõi đời này.

Trong khi gã nhìn nàng, và nghe thì ý nghĩ của gã dần dần trở nên mạnh dạn. Gã nhớ lại tất cả niềm khoái cảm điên dại khi nắm lấy bàn tay nàng trong tay gã lúc ở cửa, và gã ao ước được nắm lại một lần nữa. Mắt gã thường đưa nhìn môi nàng, gã ao ước đôi môi ấy một cách thêm khát.

Nhưng trong sự khao khát ấy không có một chút gì là thô lỗ, là trần tục. Gã cảm thấy niềm vui kỳ lạ khi được ngắm nhìn đôi môi kia cử động mấp máy thốt thành lời. Nó không phải là đôi môi bình thường của những người đàn ông, đàn bà. Gã có thể hôn môi nàng, đặt đôi môi xác thịt của gã lên môi nàng nhưng với tất cả lòng nhiệt thành cao cả và kính cẩn như khi người ta hôn tà áo Chúa. Gã không nhận thức thấy sự thay đổi giá trị này đã biến diễn trong người gã, gã không biết rằng ánh lửa ngời lên trong mắt gã khi nhìn nàng cũng hoàn toàn là ánh lửa ngời lên trong đôi mắt tất cả đàn ông thèm khát yêu đương. Gã không ngờ cái nhìn của gã lại sôi nổi, lại mang chất đàn ông như thế, mà gã cũng không ngờ rằng ngọn lửa ấm áp của nó lại tác động mạnh mẽ tới sự biến trạng trong tâm hồn nàng. Sự trong trắng vô ngần của nàng đã kích động và che đậy những cảm xúc của gã, nâng những ý nghĩ của gã tới sự thanh khiết lạnh lùng của một vì sao. Gã sẽ phải giật mình nếu biết rằng ánh lửa ngời lên trong mắt gã, như những đợt sóng nóng hổi đã trào qua cơ thể nàng và nhóm lên trong lòng nàng một ngọn lửa ấm áp tương tự. Gặp ánh mắt ấy nàng cũng hơi bối rối và đã nhiều lần, không hiểu tại sao sự thâm nhập dịu dàng của nó làm dòng tư tưởng của nàng bị ngắt quãng và buộc nàng phải nhớ lại những ý chưa nói hết. Nói chuyện đối với nàng vốn là điều dễ dàng và những lúc ngắt quãng ấy hẳn nàng phải ngạc nhiên lắm, nếu như nàng không xác định được rằng chỉ vì gã là một con người đặc biệt. Nàng vốn là người nhạy cảm với những ấn tượng và suy cho cùng cũng không lấy gì làm lạ nếu người du khách này từ một thế giới khác như luồng hơi ấm trào tới đã làm nàng xúc động đến thế.

Trong đáy sâu của ý thức, nàng vẫn nghĩ làm sao giúp đỡ gã, và nàng hướng câu chuyện về phía đó. Nhưng chính Martin lại đề cập vấn đề ấy trước.

“Tôi không biết liệu tôi có được cô vui lòng giúp đỡ ý kiến,” gã bắt đầu nói, và khi biết nàng sẵn sàng, lòng gã rộn lên. “Cô có còn nhớ lần trước tôi đến đây, tôi đã nói tôi không thể nào nói chuyện về sách vở vì tôi không biết nói thế nào. Vâng, từ hôm ấy, tôi suy nghĩ nhiều lắm. Tôi đến thư viện luôn, nhưng hầu hết những cuốn sách tôi đọc đều vượt quá sự hiểu biết của tôi. Có lẽ tôi nên bắt đầu từ đầu thì hơn. Suốt đời tôi chưa bao giờ có may mắn học tập. Tôi phải làm lụng vất vả từ tám bé. Từ hôm vào Thư viện tôi

nhìn những cuốn sách bằng con mắt khác, và nhìn những cuốn sách mới nữa. Tôi đã phải kết luận rằng từ trước đến nay tôi đã đọc những cuốn sách chẳng ra làm sao? Chắc cô cũng biết sách vở ở những trại chăn nuôi và tàu biển thì không giống với sách vở có trong nhà ta đây, chẳng hạn. Vâng, từ trước đến nay tôi chỉ quen đọc những sách như vậy. Thế mà, không phải tôi nói huênh hoang đâu, tôi khác xa những người tôi cùng chung sống. Không phải tôi hơn gì những người thủy thủ và những người chăn bò, mà tôi đã từng cùng đi lang thang đây đó. Chắc cô biết đấy, có một thời gian ngắn tôi đã làm nghề chăn bò, nhưng bao giờ tôi cũng thích đọc sách, thích đọc tất cả cái gì tôi vớ được. À, vâng, đúng, tôi cho rằng tôi nghĩ khác hầu hết bọn họ.

Bây giờ, xin đi vào vấn đề. Chưa bao giờ tôi bước chân vào một ngôi nhà thế này. Tuần lễ trước, khi đến đây, được trông thấy tất cả những thứ này, thấy cô, mẹ cô, anh chị em cô, và tất cả... thì... tôi thích lắm. Tôi đã được nghe nói về những cái này, được đọc cái này trong một vài cuốn sách, và khi tôi nhìn chung quanh nhà ta đây, thì tôi thấy sách họ nói sự thật. Nhưng điều tôi nói là tôi thích cái đó. Giờ đây tôi muốn cái đó, tôi muốn có cái đó. Tôi muốn hít thở cùng làn không khí như cô trong tòa nhà này – làn không khí chứa đầy sách vở, tranh ảnh và những thứ đẹp đẽ, nơi mà người ta trò chuyện nhẹ nhàng, nơi mà người ta sống sạch sẽ, tư tưởng người ta trong lành. Cái không khí mà suốt đời tôi hít thở nó lẫn cả mùi bếp núc, dơ dáy, tiền nhà, tiền cửa, chửi rủa, nhậu nhẹt, và chuyện của nó cũng toàn như vậy đó. Cô ạ, khi cô bước vào phòng để hôn bà mẹ cô, tôi nghĩ rằng đó là một điều đẹp đẽ nhất mà tôi chưa từng được trông thấy. Cuộc đời tôi đã biết nhiều và vì lý do này khác, tôi còn biết đời nhiều hơn hầu hết những người bạn cùng chung sống với tôi. Tôi thích nhìn, tôi muốn được nhìn nhiều hơn nữa, và muốn nhìn đời khác đi.

Nhưng tôi vẫn chưa đi vào vấn đề. Đây, nó thế này. Tôi muốn tiến lên sống một cuộc sống giống của cô trong tòa nhà này. Cuộc đời còn có những cái có ý nghĩa nhiều hơn là những chuyện nhậu nhẹt, làm ăn vất vả và ẩu đả nhau. Vậy làm sao để sống thế được. Tôi phải bầu víu vào đâu để bắt đầu? *Tôi sẵn sàng làm việc không công trên tàu để được đi tàu*, cô biết đấy. Làm công việc nặng nhọc, tôi có thể làm người khác phát sợ lên. Một khi

tôi đã bắt đầu, tôi sẽ làm việc không kể ngày, đêm. Có lẽ tôi hỏi cô những điều đó, cô cho là buồn cười lắm. Tôi biết cô là người tôi không nên hỏi, nhưng tôi không còn biết ai khác để có thể hỏi nữa – trừ Arthur. Có lẽ tôi nên hỏi anh ấy chẳng. Nếu tôi...”

Tiếng nói của gã chìm đi. Chỉ mới nghĩ đến việc kinh khủng phải đi hỏi Arthur và như vậy biến thành một trò hề là dự định đã được sắp xếp một cách cương quyết của gã bỗng dừng sững lại. Ruth không nói ngay. Nàng đang quá mải nghĩ, cố liên hệ những lời nói vấp váo, thô bạo, giản đơn của gã, với những thứ nàng thấy trên nét mặt của gã. Nàng chưa từng thấy trong con mắt nào biểu lộ một sức mạnh lớn hơn. Đó là một con người có thể làm được bất cứ chuyện gì – đó là điều nàng đọc thấy trong đôi mắt ấy, điều đó không phù hợp với sự yếu đuối của những ý nghĩ mà gã vừa nói lên. Và đối với vấn đề này, trí óc nàng khá phức tạp, khá nhạy cảm không thể đánh giá đúng sự giản đơn của nó. Tuy nhiên, nàng cũng thấy được sức mạnh trong chính sự mò mẫm tìm đường của trí óc kia. Đối với nàng, đó là một gã khổng lồ đang quần quai, đang vùng vẫy khỏi những xiềng xích trói ghì nó xuống. Khi nói, nét mặt nàng đầy thiện cảm.

“Chính ông cũng biết đây, cái mà ông cần là học vấn. Ông phải quay lại học hết tiểu học, rồi qua trung học đến đại học.”

“Nhưng như thế thì phải tốn tiền,” gã ngắt lời.

“Ồ!” Nàng kêu lên. “Tôi không nghĩ đến điều đó. Nhưng ông hẳn có họ hàng, bà con nào đó có thể giúp đỡ được chứ?”

Gã lắc đầu:

“Bố mẹ tôi chết cả rồi. Tôi có một người chị và em gái. Chị tôi đã lấy chồng, còn cô em cũng sắp sửa. Tôi chắc thế. Tôi có một lô anh – tôi là út – nhưng chẳng người nào giúp đỡ được nhau cả. Họ lang bạt khắp nơi, người nào cũng muốn dựng cơ đồ. Anh cả tôi đã chết ở Ấn Độ. Hai anh khác hiện đang ở Nam Phi. Một anh nữa làm nghề săn cá voi còn một người theo đoàn xiếc, chơi đu bay. Tôi nghĩ tôi cũng y như họ thôi. Tôi phải tự lo lấy thân khi mười một tuổi – đó là lúc mẹ tôi chết. Tôi phải tự học, và nghĩ rằng, điều tôi muốn biết là bắt đầu từ đâu?”

“Tôi muốn nói điều trước tiên là phải kiếm một quyển ngữ pháp. Ngữ pháp của ông thật...” Nàng định nói “kinh khủng” nhưng nàng vội chữa

“không được tốt lắm.”

Gã đỏ mặt, toát mồ hôi:

“Tôi biết. Tôi dùng nhiều tiếng lóng và những chữ mà cô không hiểu được. Nhưng đó là những chữ độc nhất tôi biết để mà nói. Trong óc tôi cũng có nhiều chữ khác nhất được ở sách vở, nhưng tôi không biết đọc thế nào vì thế tôi không dùng.”

“Vấn đề không phải là ở chỗ ông nói cái gì mà chính là ở chỗ phải nói thế nào. Tôi nói thẳng, ông không để tâm chứ? Tôi không muốn làm phật lòng ông đâu?”

“Không, không mà,” gã kêu lên, thâm cảm ơn lòng tốt của nàng. “Cô cứ nói thẳng đi. Tôi muốn được biết. Nhờ cô mà được biết sớm còn hơn là phải nhờ bất cứ người nào khác!”

“Vâng, thế này. Đáng lẽ phải nói “you were” ông lại cứ nói là “you was. Đáng lẽ phải nói “I saw” thì ông lại nói “I seen”. Và ông hay dùng hai phủ định...”^[27]

“Hai phủ định là cái gì?” Gã hỏi và rụt rè nói thêm. “Cô thấy đấy, ngay những lời cô giảng, tôi cũng không hiểu.”

“Tôi e rằng tôi chưa giảng điều đó,” nàng mỉm cười. “Hai phủ định nghĩa là – để tôi xem nào – à... ông nói “never helped nobody”. “Never” là một phủ định, “nobody” cũng là một phủ định. Theo luật ngữ pháp thì hai phủ định có giá trị là một khẳng định “never helped nobody” có nghĩa là “không giúp đỡ không một ai” nghĩa là họ có giúp đỡ một người nào đó.”

“Khá rõ rồi đấy ạ. Trước đây không bao giờ tôi nghĩ thế. Nhưng thế không có nghĩa là “họ đã phải giúp đỡ một người nào đó” có phải thế không ạ? Với tôi hình như câu: “never helped nobody” tất nhiên không có nghĩa là “họ giúp đỡ một người nào đó” đâu. Trước đây không bao giờ tôi nghĩ thế. Tôi sẽ không bao giờ nói như thế nữa”.

Nàng sung sướng và ngạc nhiên trước nhận thức mau lẹ và chắc chắn của gã một khi gã đã nắm được mấu chốt thì không những gã hiểu ngay mà gã còn có thể chữa được sai lầm của nàng.

Nàng nói tiếp:

“Ông sẽ thấy tất cả những cái đó trong sách ngữ pháp. Trong lời nói của ông tôi còn nhận thấy một vài điều khác. Ông nói “don’t” không đúng

chỗ, “don’t” là một chữ viết tắt gồm có hai chữ. Ông có biết là hai chữ gì không?”

Gã nghĩ một lúc rồi trả lời: “Do not.”

Nàng gật đầu nói: “Ông dùng “don’t” khi ý ông muốn nói “does not.””

Gã bối rối, không thể hiểu ngay được:

“Xin cô cho một ví dụ.”

“Vâng,” nàng nhú lông mày mím môi lại suy nghĩ trong khi gã đắm đắm nhìn mặt nàng và thấy nó đáng yêu vô cùng. “Thí dụ câu: “*It don’t do to be hasty*”^[28]. Thử đổi “don’t” ra “do not” thì sẽ đọc là: “*It do not do to be hasty*,” như thế hết sức chướng.”

Gã xoay lộn chữ đó trong óc, ngẫm nghĩ.

Nàng gợi ý:

“Ông nghe nói thế có chướng tai không?”

“Càng không thể nói là nó chướng tai được” (Can’t say that is does), gã trả lời có vẻ cân nhắc lắm.

“Tại sao ông không thể nói “Can’t say that *it do*”?“ Nàng hỏi.

“Nghe thế nó sai,” gã chậm rãi trả lời “Nói tại sao thì tôi cũng không hiểu được. Tôi nghĩ rằng tai tôi không được tập luyện nghe như cô (I guess my ear ain’t^[29] had the trainin’ your has).

“Không có chữ nào là ain’t cả,” nàng nói khá nhấn mạnh.

Martin lại đỏ mặt.

Nàng nói tiếp: “Đáng lẽ: been, ông lại cứ nói “ben” đáng lẽ “I came” ông lại cứ nói “I come”^[30]. Và cái lỗi ngắt âm cuối của ông thật quá lắm.”

“Cô định nói thế nào ạ?” Gã rướn người về đằng trước, cảm thấy như phải quì trước bộ óc kỳ diệu đến như vậy. “Tôi phải ngắt thế nào ạ?”

“Ông không phát âm hết những âm cuối “and” đánh vần “a-n-d” thì ông chỉ “a-n”. “Ing” là “I-n-g” thì ông lại bỏ “g” đi. Ông hay lướt bỏ những âm đầu và nguyên âm đôi. “Them” đánh vần “T-h-e-m” thì ông lại phát âm là... nhưng thôi, chả cần thiết phải kể ra hết làm gì. Cái mà ông cần là ngữ pháp. Tôi sẽ lấy một quyển và chỉ dẫn cho ông nên bắt đầu như thế nào?”

Lúc nàng đứng dậy, một điều đã đọc được trong những cuốn sách dạy phép xã giao thoáng vụt qua đầu óc gã, gã vụng về đứng lên, bắn khoắn

không hiểu làm như vậy có đúng không, sợ nàng cho là gã có ý muốn về chăng?

“À này, nhân thể, ông Eden,” lúc sắp bước ra khỏi phòng, nàng còn ngoái lại hỏi. “Nhậu nhẹt là cái gì, ông cứ nói chữ đó luôn, ông biết đấy!”

“Ồ, *nhậu nhẹt*,” gã cười, “đó là tiếng lóng có nghĩa là whiskey, bia, bất cứ cái gì làm cho “cô” say sưa (make you^[31] drunk).”

“Lại còn điều này nữa,” nàng ngoái lại cười. “Đừng dùng “you” trong trường hợp vô nhân xung, “you” chỉ định một người nào rõ ràng. Ông dùng nó ở đây là không đúng với ý ông định nói đâu.”

“Tôi không nhận thấy điều đó!”

“Đấy, ông vừa mới nói với tôi “whiskey và bia, bất cứ cái gì làm cho (you) say sưa”, tức là làm cho tôi say sưa, ông thấy không?”

“À, thế ạ, thật thế ạ!”

“Đúng, tất nhiên,” nàng mỉm cười, “đừng đưa tôi vào cái chuyện say sưa thì tốt hơn. Thay “you” bằng “one”^[32], và ông thấy như thế nghe hay hơn nhiều chứ.”

Khi nàng quay về phía phòng với cuốn ngữ pháp, nàng kéo một cái ghế đến gần ghế của gã. Gã băn khoăn không biết có nên giúp đỡ nàng làm việc đó không. Nàng ngồi xuống cạnh gã.

Nàng giở những trang sách, đầu hai người chụm vào nhau. Gã hầu như không thể theo dõi được sự chỉ dẫn của nàng về công việc gã phải làm, sự gần gũi kỳ thú ấy khiến gã bàng hoàng. Nhưng đến khi nàng giảng tới sự quan trọng của cách chia động từ, thì gã như bị huyền hoặc trong những quy luật của ngôn ngữ. Gã cúi gần hơn xuống trang sách, tóc nàng chạm vào má gã. Đồi gã mới chỉ bị ngắt có một lần. Gã nghĩ rằng gã sắp sửa bị ngắt một lần nữa. Gã hầu như không thở được. Trái tim gã đập nhanh, dồn máu lên cổ làm cho cổ nghẹt lại. Chưa bao giờ nàng hình như là con người có thể đến gần được như lúc này. Trong một lúc cái vực thẳm rộng lớn ngăn cách giữa hai người đã được bắc cầu nối qua. Nhưng tình cảm cao quý của gã đối với nàng không vì thế mà giảm sút. Không phải nàng tự hạ xuống đến với gã. Mà chính gã đã được nâng lên trên những áng mây, đưa tới nàng. Lòng tôn kính của gã đối với nàng lúc này cũng giống như lòng mộ đạo, vừa kính sợ vừa nhiệt thành. Đối với gã, hình như gã đã xâm nhập

được vào nơi thiêng liêng; chậm chạp, cẩn thận, gã né đầu tránh sự đụng chạm đã làm gã rung lên như một tia điện giật mà nàng thì vẫn không hay biết

[21] *Ricardo: David Ricardo (1772 - 1823) - một nhà kinh tế học người Anh.*

Adam Smith (1723 - 1790) cũng là một nhà kinh tế học người Anh. Hai ông này là đại biểu cho môn phái kinh tế học cổ điển của giai cấp tư sản.

John Stuart Mill (1806 - 1873) - một nhà triết học kiêm kinh tế học người Anh.

[22] *Bà Helena – Detrovna Blavatsky (1831-1891) một nhà thần bí học người Nga.*

[23] *Tác phẩm của nhà kinh tế chính trị học Mỹ Hearl George (1839-1897).*

[24] *Charles Mills Gayley (1858 - 1932) nhà giáo dục học kiêm văn sĩ người Mỹ.*

[25] *Thomas Bullfing (1796 - 1807) văn sĩ người Mỹ chuyên nguyên cứu thần thoại.*

[26] *Ngày xưa các kỵ sĩ khi chịu phong tước, bị người phong tước lấy gươm gõ lên bả vai rồi ôm hôn.*

[27] *“You were”: thì quá khứ của ngôi thứ hai, động từ To be, nói “you was” là sai ngữ pháp. Saw là quá khứ của động từ To see. Seen là quá khứ phân từ. Nói I seen là sai... Hai phủ định (double negation) có giá trị khẳng định. Nói phủ định mà lại dùng hai phủ định là sai.*

[28] *Nghĩa là “hấp tấp là không làm nên chuyện gì.” Đối với ngôi thứ ba số ít thì phải viết là: It does not (doesn't) chứ không phải là: it do not (it don't).*

[29] *Không nói ain't, phải nói aren't (are not). Nói “ain't had” cũng là sai ngữ pháp.*

[30] *Been: quá khứ phân từ của to be (nghĩa là “là”). Nói ben là sai.*

I came: thì quá khứ của động từ “I come” (đến)

I come: thì hiện tại của động từ To come. Martin dùng sai thì.

[31] *You: có thể vừa chỉ nam vừa chỉ nữ (ngôi thứ 2, số ít, số nhiều).*

[32] *Thay “cô” bằng “người ta.” “One” là đại từ bất định.*

CHƯƠNG 8

Nhiều tuần lễ trôi qua, Martin Eden miệt mài học ngữ pháp, xem lại những sách về phép xã giao và ngẫu nhiên đọc những cuốn hợp với ý thích. Gã hoàn toàn không lui tới gặp gỡ bạn bè cùng tầng lớp. Những cô gái của tiệm Hoa Sen bản khoán không hiểu có chuyện gì đã xảy ra đến với gã và cứ sẵn đón hỏi tin mấy gã hay gây gỗ ở tiệm Riley thì sung sướng thấy gã không đến đó nữa. Martin đã khám phá được một kho tàng còn giấu kín trong Thư viện. Cũng như ngữ pháp đã cho gã thấy những mắc mớ của ngôn ngữ, sách vở đã cho gã thấy những khúc mắc của Thi ca. Gã bắt đầu nghiên cứu luật thơ, cách cấu tạo và các thể thơ; đằng sau cái đẹp, gã còn muốn đi tìm vì sao và do đâu mà có cái đẹp đó. Gã tìm thấy một cuốn sách hiện đại khác bàn về thi ca, coi thi ca là một nghệ thuật biểu hiện^[33]; cuốn sách bàn rất cận kề với những bài minh họa phong phú rút ra từ những tác phẩm văn học hay nhất. Chưa bao giờ gã đọc tiểu thuyết một cách say sưa nhiệt tình như gã nghiên cứu những cuốn sách này. Trí óc gã như một tờ giấy trắng, hai mươi năm trời nay chưa hề được cày xới, giờ đây bị thôi thúc bởi lòng ham hiểu biết đã chín muồi, nó ghì chặt lấy những điều gã đã đọc với một sức mạnh mà trí óc của một sinh viên không thể có được.

Và giờ đây đứng ở địa vị thuận lợi này, nhìn về quá khứ, cái thế giới xưa cũ gã từng biết, cái thế giới của đất liền, của biển cả, của những con tàu, của những người thủy thủ và gái mại dâm hình như chỉ là một thế giới rất nhỏ bé, tuy nhiên nó đã hòa cùng với cái thế giới mới và trải rộng ra. Trí óc gã đã tập hợp chúng lại làm một, gã ngạc nhiên khi thoát tiên gã bắt đầu nhìn thấy những điểm giao nhau giữa hai thế giới đó. Gã thấy mình cao quý lên vì những tư tưởng cao siêu và cái đẹp mà gã đã thấy trong sách. Cái đó dẫn gã tới chỗ tin tưởng vững chắc hơn bao giờ hết rằng ở phía trước và bên trên gã, trong xã hội của Ruth và của gia đình nàng; tất cả những người đàn ông, những người đàn bà đều nghĩ và sống với những ý nghĩ này. Thấp ở bên dưới, nơi gã sống, là tầm thường bỉ ổi. Gã muốn tẩy rửa tất cả cái tầm thường bỉ ổi đã làm nhơ bẩn đời gã, và vươn tới cái thế giới thiêng liêng nơi mà những giai cấp trên sống. Suốt thời thơ ấu và thanh niên, một nỗi băn khoăn mơ hồ luôn luôn giày vò gã. Gã không hề biết gã muốn gì, nhưng gã vẫn luôn luôn muốn một cái gì mà gã đi tìm hoài không thấy, cho đến tận khi gặp Ruth. Bây giờ nỗi băn khoăn ấy càng mạnh mẽ, đau đớn và cuối

cùng, gã mới hiểu rõ ràng, dứt khoát rằng cái gã phải có là cái đẹp, là tri thức, là tình yêu.

Trong những tuần lễ ấy, gã gặp Ruth năm, sáu lần, và mỗi lần gặp gỡ, cảm hứng của gã lại tăng thêm. Nàng giúp đỡ gã học tiếng Anh, chữa cách phát âm và bắt đầu dạy gã số học. Nhưng những buổi gặp gỡ không chỉ để dành riêng cho những bài học sơ đẳng. Gã đã nhìn thấy quá nhiều ở cuộc đời, trí óc gã đã quá thành thực không thể chỉ hài lòng với những phân số, khai phương, phân tích mệnh đề. Có những lúc câu chuyện của họ xoay sang những vấn đề khác. Bài thơ gã vừa đọc, nhà thơ nàng nghiên cứu gần đây nhất. Khi nàng cao giọng ngâm cho gã nghe những đoạn mà nàng ưa thích, gã thấy mình như bay bổng lên đỉnh tột cùng của khoái cảm. Gã đã nghe nhiều người đàn bà nói, nhưng chưa bao giờ thấy một tiếng nói nào giống tiếng nói của nàng. Một âm thanh nhẹ nhàng nhất của tiếng nói ấy cũng là một niềm kích thích tình yêu của gã, mỗi một lời nàng thốt ra lại làm lòng gã rộn ràng, rung động. Tiếng nói ấy khoan thai, uyển chuyển như tiếng nhạc, phong phú, thanh nhã, khó tả, kết quả của học vấn và của một tâm hồn hiền dịu. Trong khi nghe nàng nói, gã thấy vang lên trong tai của ký ức những tiếng kêu khàn khàn của những người đàn bà man rợ, những cô gái điếm, và đỡ khàn hơn là giọng nói the thé của những người đàn bà lao động và những cô gái thuộc chính giai cấp gã. Rồi óc tưởng tượng bắt đầu biến hóa, những con người ấy tập trung lại để cho gã duyệt qua, mỗi người do sự tương phản lại càng làm tăng thêm gấp bội vẻ rực rỡ của nàng. Rồi, sự sung sướng của gã lại càng tăng thêm khi gã biết trí óc nàng thấu hiểu những điều nàng đọc, và run lên đầy thán phục cái đẹp của những tư tưởng đã được viết thành văn. Nàng đọc cho gã nghe nhiều đoạn trong tập thơ "*Nàng công chúa*" và nhiều khi gã thấy mặt nàng đầm lệ, mỹ cảm của nàng thật là tế nhị. Trong những lúc ấy, cảm xúc của nàng nâng gã lên cho đến khi gã thấy mình như một ông thánh, và trong khi gã nhìn nàng, lắng nghe, gã thấy dường như gã đang nhìn vào mặt cuộc sống và đọc những điều bí mật sâu xa nhất của nó. Và lúc bấy giờ, cảm thấy mình đã đạt tới đỉnh cao của những tình cảm tế nhị, gã quả quyết đó là tình yêu, và tình yêu là cái vĩ đại nhất trên đời. Qua những hành lang của ký ức, tất cả những rung động nồng cháy gã đã hưởng xưa kia, lúc này diễu lại; những bữa chè

chén say sưa, những cái ve vuốt của đàn bà, những trò chơi thô bạo, những cuộc thách thức ầu đả - tất cả những cái đó hình như quá tầm thường, quá ti tiện so với cái nhiệt tình tao nhã gã đang được hưởng hiện nay.

Đối với Ruth, tình trạng này thật mơ hồ. Nàng chưa hề có một kinh nghiệm nào về những chuyện trái tim - những kinh nghiệm duy nhất của nàng về vấn đề này chỉ là của sách vở, trong đó những sự việc của cuộc sống hàng ngày được diễn đạt qua trí tưởng tượng thành một thế giới thần tiên không thực. Nàng không biết rằng người thủy thủ thô lỗ kia đang len dần vào trái tim nàng, tích lũy lại trong đó sức mạnh tiềm tàng để một ngày kia sẽ bùng ra thành những đợt sóng lửa trào dâng qua khắp cơ thể nàng. Nàng chưa biết thế nào là ngọn lửa thật của tình yêu. Sự hiểu biết của nàng về tình yêu hoàn toàn chỉ là lý thuyết. Nàng quan niệm nó như là một ngọn lửa mờ nhạt, dịu dàng như sương rơi, róc rách như tiếng nước chảy êm đềm, mát như bóng tối, mượt như nhung của đêm mùa hạ. Ý niệm của nàng về tình yêu đúng hơn là một tình cảm dịu dàng, muốn cho người được yêu sống êm đềm trong một bầu không khí ngát hương, và ánh sáng mờ nhạt của một thế giới tĩnh mịch thình không. Nàng không mơ tới những chấn động như núi lửa của tình yêu, sức nóng chảy da thịt của nó và sự căn cõi hoang sơ của đám tro tàn khô nẻ. Nàng không thấy rõ tiềm lực của chính nàng mà cũng không thấy rõ tiềm lực của cuộc đời, những điều sâu xa của cuộc sống đến với nàng là biển cả của ảo ảnh. Tình nghĩa vợ chồng giữa cha nàng và mẹ nàng đã tạo cho nàng lý tưởng về tình yêu, và nàng mơ ước một ngày kia, không va chạm, không vấp vấp, nàng cũng bước vào một cuộc sống êm ả, yên lặng như vậy, cùng với người nàng yêu.

Vì thế, nàng coi Martin Eden như một cái gì mới, một con người lạ lùng, và nàng cho là mới mẻ, là lạ lùng tất cả những động tác gã đã gây cho nàng. Điều đó chỉ là tự nhiên. Cũng giống như vậy, nàng đã có những động tác lạ lùng khi nhìn thú dữ trong rạp xiếc, hoặc đứng trước cơn giông tố, hay rùng mình trước một tia chớp xé trời. Trong tất cả những cái đó có một cái gì có tính chất vũ trụ, trong con người gã cũng có một cái gì có tính chất vũ trụ. Gã đến với nàng mang theo hơi thở của đất, trời mênh mông, vĩ đại. Ánh nắng chói chang của mặt trời nhiệt đới in trên nét mặt gã, cái sức mạnh ban sơ của cuộc sống lộ ra trong những bắp thịt cuộn cuộn, dẻo dai của gã.

Con người gã bị cái thế giới huyền bí của những con người thô bạo với những hành động còn thô bạo hơn làm cho xấu xí, sứt sẹo đi, những tiền đồn của cái thế giới ấy, bắt đầu tự một nơi bên kia chân trời của nàng. Gã là một người man dại, chưa thuần hoá bà thâm kín trong thâm tâm, tính kiêu căng của nàng thấy xúc động khi thấy gã đến với nàng hiền lành như vậy. Nàng bị kích thích bởi ý thôi thúc tự nhiên muốn thuần hoá con người man dại kia. Đó là một sự thôi thúc ngoài ý thức, và nàng cũng không hề nghĩ rằng ước muốn của nàng là nhào nặn lại con người gã sao cho giống hình ảnh của cha nàng - một hình ảnh mà nàng tin là đẹp nhất trên đời. Mà nàng cũng không có cách gì – do thiếu kinh nghiệm để nhận rõ được cảm giác vũ trụ gã đã gây cho nàng là cái có tính chất vũ trụ nhất, đó là tình yêu. Với cùng một mãnh lực như thế, tình yêu kéo những người đàn ông, đàn bà lại gần nhau qua khắp thế giới, khiến cho những con nai, con hoẵng giết lẫn nhau trong mùa phát dục và hút những nguyên tố lại để chúng hoà hợp với nhau không sao cưỡng lại nổi.

Sự tiến bộ mau chóng của gã làm cho nàng vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Nàng khám phá thấy ở trong gã những phẩm chất tốt đẹp không lường trước được, dường như ngày lại ngày, nó bẻ nụ, như những bông hoa trên mảnh đất thích hợp. Nàng đọc to thơ Browning cho gã nghe, và nhiều khi nàng rất bối rối với những ý kiến gã đưa ra về những đoạn cần được thảo luận. Nàng không đủ hiểu biết để mà nhận thức được rằng do chỗ gã có nhiều kinh nghiệm về những người đàn ông, đàn bà và cuộc sống nên thường thường những lời giải thích của gã còn đúng hơn của nàng nhiều. Đối với nàng những quan niệm của gã hình như có vẻ ngây thơ, tuy nhiều khi nàng bị kích thích bởi lối suy nghĩ hiểu biết táo bạo của gã: quỹ đạo của nó mênh mông quá giữa các vì sao đến nỗi nàng không theo nổi, chỉ có thể ngồi mà rung cảm trước tác động của sức mạnh không lường được. Rồi nàng dạo dương cảm cho gã nghe - lần này không phải là để khiêu khích nữa – mà mượn nhạc để nâng cao tâm hồn gã, nét nhạc lắng xuống những chiều sâu mà nàng không thể nào đo nổi. Bản chất gã mở rộng trước âm nhạc, như đóa hoa bừng nở dưới ánh mặt trời, và sự chuyển biến thật nhanh từ những bài nhạc âm ỉ của giai cấp công nhân tới những tác phẩm cổ điển mà Ruth hầu như đã thuộc lòng. Tuy nhiên, gã để lộ ra sự thích thú có tính

chất bình dân đối với nhạc của Wagner^[34]. Và khi nàng giải thích thì gã thấy màn đầu của vở kịch “*Tannhauser*” hấp dẫn gã hơn tất cả những bản nhạc nàng dạo. Gã thấy ngay bản nhạc ấy đã thể hiện cả cuộc sống của gã. Tất cả quá khứ của gã là đề tài của bản “*Venusburg*” còn đời nàng, gã thấy như phần nào được thể hiện trong mô típ nhạc ở bản “*Hộp xướng của những người hành hương*.” Trong trạng thái mê ly ấy, gã thấy mình được nâng lên, cuốn tới một thế giới mộng ảo mênh mông của những linh hồn đang mò mẫm, nơi cái xấu và cái tốt không ngừng đấu tranh với nhau.

Đôi khi gã hỏi, khiến cho nàng trong giây lát tự nghi ngờ không biết những định nghĩa và quan niệm của mình về âm nhạc có đúng hay không. Nhưng về tiếng hát của nàng, gã thấy không còn gì phải hỏi nữa: đó là nàng tất cả, và gã ngồi đó say mê với âm thanh du dương điệu kỳ của giọng nữ cao trong vắt của nàng. Gã không thể nào không so sánh nó với những tiếng líu ríu yếu đuối, run rẩy the thé của những cô gái trong xưởng máy, không được bồi dưỡng, tập luyện, và tiếng rít khàn khàn từ cổ họng nứt nẻ vì rượu mạnh của những người đàn bà ở những thành phố cảng. Nàng thích hát và dạo đàn cho gã nghe. Sự thực đây là lần đầu tiên nàng dạo đàn cho một tâm hồn con người nghe; và được nhào nặn chất đất dẻo của con người gã là một điều kỳ thú, bởi nàng vẫn nghĩ rằng nàng đang nhào nặn nó, và ý định của nàng là tốt. Hơn nữa, gần gã, nàng thấy vui thích. Gã không làm cho nàng sợ nữa. Nỗi ghê sợ đầu tiên thực ra chỉ là nỗi sợ của cái tôi chưa được bộc lộ ra hết của chính nàng, và nỗi sợ ấy đã không còn nữa. Tuy chưa biết rõ, nhưng nàng cảm thấy có quyền làm chủ nào đó đối với gã. Ngoài ra gã như bồi thêm sức mạnh cho nàng. Ở trường đại học nàng phải học tập vất vả, được thoát ra khỏi những chồng sách bụi bặm để làm cho làn gió biển tươi mát toát ra từ con người gã thổi vào nàng thấy như có thêm sức mạnh. Sức mạnh! Sức mạnh chính là cái nàng cần và gã đã cho nàng một cách rộng lượng. Bước vào cùng một phòng với gã, hoặc đón gã ở ngưỡng cửa, cái đó làm cho nàng thêm can đảm. Và khi gã đi rồi, nàng quay lại với chồng sách của mình, hăng hái hơn, với nguồn nghị lực mới.

Nàng hiểu rất rõ Browning của nàng, nhưng nàng chưa bao giờ hiểu được giốn đùa với tâm hồn con người là một điều đại dột. Niềm thích thú

đối với Martin càng tăng, thì ý muốn uốn nắn lại cuộc sống của gã đối với nàng càng trở nên một điều say mê.

Một buổi chiều, sau khi đã gạt chuyện ngữ pháp, số học, và thơ ca sang một bên, nàng nói với gã:

“Ông Butler, thoát tiên, ông ta tương đối không có một thuận lợi nào hết. Ông cụ thân sinh ra ông ta trước kia là một người thu ngân ở nhà băng, sống lần lữa bao nhiêu năm, sau đó ông cụ bị bệnh sung phổi chết ở Arizona. Ông cụ mất đi, ông Butler, lúc đó gọi là Charles Butler chỉ còn tro trọi một mình. Như ông biết đấy, ông cụ vốn người Úc nên chẳng có họ hàng thân thuộc gì ở California, Ông Butler đi làm công cho một nhà in – Tôi nghe ông ta kể lại chuyện đó nhiều lần - thoát đầu ông ta chỉ kiếm được ba đô-la một tuần. Bây giờ thu hoạch của ông ta hàng năm ít nhất là 30 ngàn đô-la. Ông ta làm thế nào mà được như thế? Là người thật thà, biết giữ chữ tín, cần cù, tiết kiệm, ông ta tự kiềm chế, lánh xa mọi thú vui mà hầu hết những người trẻ tuổi đều vướng vào. Ông ta đặt kế hoạch nhất thiết mỗi tuần phải để dành được bao nhiêu đó, dù phải hạn chế các khoản chi tiêu khác. Tất nhiên, chẳng bao lâu, lương của ông ta được tăng hơn ba đô-la, và lương tăng thì ông ấy lại để dành ngày càng nhiều hơn.

Ban ngày đi làm, tối ông ta lại theo học lớp ban đêm. Ông ta luôn luôn hướng về tương lai. Sau đó ông ta theo học trường Trung học ban đêm. Khi mới mười bảy tuổi ông ta đã được ăn lương thợ xếp chữ vào loại cao nhất, nhưng ông ta là người có nhiều tham vọng. Ông ta muốn có sự nghiệp chứ không phải chỉ sống bình thường; ông ta vui lòng hy sinh tất cả những cái trước mắt để đạt được mục đích cuối cùng. Ông ta quyết định học luật và xin vào tập việc trong phòng luật sư của cha tôi. Ông cứ thử nghĩ mà xem - mỗi một tuần lễ chỉ được có bốn đô-la. Nhưng ông ta đã biết cách tiết kiệm, lương có bốn đô-la mà ông ta vẫn để dành được đấy.”

Nàng ngừng lại để lấy hơi và để xem Martin tiếp thu câu chuyện ra sao. Nét mặt gã rạng lên thích thú khi nghe kể những cuộc vật lộn thuở thiếu thời của ông Butler, nhưng trên mặt gã cũng có nét cau lại.

“Tôi cho rằng đối với một người trẻ tuổi, cuộc sống như thế cũng khá gay go đấy!” Gã nhận định. “Bốn đô-la một tuần, ông ta làm thế nào mà sống nổi? Cô có thể yên trí là sống như thế thì đói rách lắm. Chứ sao,

nguyên tiền trọ bây giờ tôi cũng đã mất năm đô-la một tuần mà cũng chẳng có gì là thú vị cả, Cô cứ tin thế cho. Hẳn là ông ta phải sống như một con chó. Thức ăn của ông ấy...”

“Ông ta nấu lấy ăn,” Ruth ngắt lời, “bằng một cái bếp còn nhỏ.”

“Thức ăn ông ta ăn chắc còn phải tồi tệ hơn thức ăn của anh em thủy thủ trên những tàu đánh cá, nơi mà chúng tôi cho rằng không đâu có thể tồi hơn được nữa!”

“Nhưng thử nghĩ bây giờ ông ấy ra sao?” Nàng sôi nổi nói. “Thử nghĩ xem tiền thu hoạch của ông ấy đã cho phép ông ấy bây giờ sống như thế nào. Xưa kia nhịn ăn nhịn mặc, bây giờ được đền bù lại gấp trăm gấp nghìn lần.”

Martin nhìn nàng, dứt khoát:

“Có một điều tôi cam đoan với cô là ông Butler bây giờ có tiền cũng chẳng sung sướng gì đâu. Lúc còn bé đã ăn cái kiểu ấy quen rồi, hết năm này qua năm khác, tôi dám chắc bây giờ dạ dày của ông ta cũng chẳng khỏe khoắn nào.”

Nàng cúi xuống tránh cái nhìn soi mói của gã.

“Tôi dám chắc bây giờ ông ta đang mắc chứng khó tiêu.” Martin khiêu khích.

“Vâng, đúng thế,” nàng thú nhận, “nhưng...”

“Tôi dám chắc,” Martin bồi thêm. “Ông ta hẳn là nghiêm trang long trọng như một con cú già, và mỗi năm có đến ba mươi ngàn đô-la thật đấy, nhưng cũng chẳng biết hưởng cho nó sướng thân. Mà tôi cũng dám chắc rằng thấy người khác sung sướng ông ấy cũng chẳng lấy gì làm vui thú cho lắm, tôi nói có đúng không nào?”

Nàng gật đầu, nhưng vội giảng giải:

“Nhưng ông ta không phải là hạng người như thế. Bản tính ông ta vốn là người trầm lặng nghiêm trang. Bao giờ ông ta cũng thế thôi.”

“Vâng, cô có thể tin rằng bao giờ ông ta cũng thế thôi,” gã kêu lên. “Ba đô-la một tuần, rồi bốn đô-la một tuần, còn là một chú bé con mà đã tự nấu lấy ăn bằng một chiếc đèn cồn, rồi để dành tiền, làm việc cả ngày, học cả đêm, chỉ có làm, không biết chơi, chả bao giờ được hưởng cái vui, mà cũng

chả bao giờ tìm để hưởng cái vui – như thế thì quả thật ba mươi ngàn đô-la đến với ông ấy cũng là quá muộn.”

Trí tưởng tượng đầy trắc ẩn của gã đã vẽ lên trong óc gã hàng ngàn chi tiết về cuộc đời của cậu bé ấy và sự phát triển trí tuệ chật hẹp của cậu ta đã đưa cậu ta thành một người có ba mươi ngàn đô-la một năm. Với trí tưởng tượng mau lẹ, phong phú, nhìn xa thấy rộng của gã, cả cuộc đời Charles Butler được thu tóm lại trước mắt gã.

“Cô có biết không?” Gã nói thêm. “Tôi cảm thấy thương cho ông Butler. Ông ta non trẻ quá không thể hiểu biết hơn được, nhưng chính ông ta đã tự cướp mất cuộc đời của mình chỉ vì ba mươi ngàn đô-la một năm, mà thực ra số tiền ấy đối với ông ta bây giờ cũng chả có ích gì. Chứ sao, ba mươi ngàn đô-la, số tiền to thật đấy, nhưng cũng chẳng mua nổi cho ông ta cái mà trước đây, khi còn là chú bé, chỉ với mười xu tiền cũng đã có thể mua được như kẹo, hạt dẻ hoặc một tấm vé vào xem xiếc của người da đen.”

Chính cái quan điểm độc đáo ấy của gã làm cho Ruth kinh ngạc. Không những nó mới đối với nàng mà nó còn trái ngược với những quan niệm của nàng, nhưng nàng vẫn cảm thấy trong đó có những mầm mống của chân lý, nó đe dọa làm lung lay, thay đổi cả niềm tin của nàng. Giá nàng mười bốn tuổi chứ không phải là hai mươi bốn thì có thể đã bị những quan điểm ấy của Martin làm cho thay đổi, nhưng nàng đã hai mươi bốn, vốn bảo thủ về bản chất và giáo dục, và đã bị kết tinh định hình trong cái xó xỉnh cuộc đời nơi nàng sinh ra và lớn lên. Thật thế, những lý luận quái lạ của gã làm cho nàng bối rối khi gã thoát mới nói ra, nhưng nàng lại cho là chúng thuộc tính chất khác thường của con người và lối sống kỳ lạ của gã và nàng quên chúng ngay. Tuy nhiên trong lúc nàng không tán thành những lý luận đó, thì sức mạnh của lời nói, của ánh mắt, sự sôi nổi lộ ra trên nét mặt gã luôn luôn làm nàng rung động và kéo nàng lại gần gã. Nàng không thể nghĩ được rằng con người này từ một thế giới xa lạ với nàng đến đây, trong những phút này, lại có thể đem soi rọi những quan niệm rộng rãi hơn, sâu sắc hơn, vượt tầm hiểu biết của nàng. Nhưng giới hạn của bản thân nàng chính là giới hạn của thế giới của nàng; nhưng những trí óc bị hạn chế chỉ nhận ra giới hạn của mình khi soi vào trí óc của kẻ khác. Vì thế nàng cảm thấy nhỡn quan của

nàng thật là rộng rãi, và những điểm bất đồng giữa gã và nàng chỉ chứng tỏ sự hạn chế của gã mà thôi, và nàng mơ ước giúp đỡ gã nhìn được như nàng đã nhìn thấy, để mở rộng nhãn quan của gã cho đến khi nó đồng nhất với nàng.

“Nhưng tôi đã nói hết câu chuyện của tôi đâu?” Nàng nói, “ông ta làm việc chăm chỉ - cha tôi bảo thế - chưa bao giờ cha tôi có một cậu bé phụ việc bàn giấy nào làm việc chăm chỉ như vậy. Ông Butler lúc nào cũng hăng say làm việc. Không bao giờ ông ta đến chậm, hôm nào cũng đến sớm một vài phút trước giờ quy định. Ấy thế mà ông ta vẫn dành được thì giờ. Bất cứ lúc nào rảnh lại lao vào học tập. Ông ta học kế toán, đánh máy, và để lấy tiền trả những bài học tốc ký, đêm đêm lại đọc tài liệu cho một ký giả ở Tòa án đang cần thực hành. Chẳng bao lâu, ông ta trở thành thư ký và tự làm cho mình trở thành một người có giá trị. Cha tôi khen ngợi ông ta lắm và thấy rõ ông ta nhất định phải tiến xa. Theo lời khuyên của cha tôi, ông ta học luật. Ông ta trở thành luật sư, và chẳng bao lâu sau khi ông ta quay về làm việc tại văn phòng của cha tôi, cha tôi coi ông ta như một người đồng sự trẻ tuổi. Thật là một người vĩ đại. Nhiều lần ông ta từ chối không vào Thượng nghị viện Hợp chủng quốc. Cha tôi nói: nếu muốn, ông ta có thể trở thành Chánh án Tòa án tối cao bất kỳ khi nào ghế đó khuyết. Một cuộc đời như thế thật là nguồn cổ vũ cho tất cả chúng ta. Điều đó chứng tỏ một người có nghị lực có thể vượt lên khỏi hoàn cảnh của mình.”

“Ông ấy thật là một người vĩ đại,” Martin nói, thành thực.

Nhưng trong câu chuyện nàng kể, đối với gã hình như vẫn có cái gì không hợp với ý niệm của gã về cái đẹp và cuộc sống. Gã không thể tìm thấy một động cơ gì chính đáng khiến ông Butler phải sống một cuộc đời bo bít, thiếu thốn đến như thế. Nếu làm như vậy vì tình yêu một người đàn bà, hoặc để đạt tới cái đẹp thì Martin có thể hiểu nổi... “Người tình say đắm” có thể làm bất cứ cái gì vì một cái hôn, chứ không phải vì ba mươi ngàn đô-la một năm. Gã không thỏa mãn với sự nghiệp của ông Butler. Dù sao ở trong đó vẫn có một cái gì bần tiện. Ba mươi ngàn đô-la thì cũng tốt, nhưng chứng khó tiêu và không còn khả năng để hưởng hạnh phúc của con người, như thế cũng đủ cướp đi hết mọi giá trị của số tiền lớn ấy.

Hầu hết những điều đó, gã đã cố diễn đạt với Ruth, làm cho nàng kinh ngạc và thấy rõ ràng cần thiết phải cải tạo gã hơn nữa. Tâm hồn nàng thuộc loại tâm hồn thông thường thiên cận, tin rằng dòng giống, tín ngưỡng, chính kiến của mình là tốt đẹp nhất, đúng đắn nhất, còn tất cả những con người khác rải rác khắp thế giới đều ở địa vị thấp kém hơn họ. Chính cũng cùng một loại tâm hồn thiên cận như thế đã khiến cho anh chàng Do Thái cổ xưa cảm ơn Thượng đế rằng gã không phải sinh ra làm người đàn bà và đã cử đoàn truyền giáo hiện đại thay trời đến tận nơi cùng trời cuối đất. Và chính cái đó cũng làm cho Ruth ước mong nhào nặn con người này từ những xó xỉnh khác của cuộc sống, cho nó giống với những con người sống trong cái xó xỉnh của nàng.

[33] *Nguyên văn: representative art (nghệ thuật biểu hiện hiện thực của cuộc sống. Danh từ này áp dụng cho các loại nghệ thuật: hội họa, điêu khắc, văn học).*

[34] *Richard Wanger (1813 – 1883): một nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức.*

CHƯƠNG 9

Ở biển trở về, Martin Eden vội vã về nhà ở California với lòng ao ước của người đang yêu. Số tiền để dành hết sạch, gã đã phải đi làm thủy thủ cho chiếc thuyền buồm đi tìm châu báu. Sau tám tháng tìm kiếm nhưng thất bại ở đảo Solomon, đoàn thám hiểm đã phải bảo về. Họ trả công và thả anh em thủy thủ ở Úc, và Martin lập tức xuống một chiếc thuyền đi về Francisco. Không những trong tám tháng ấy gã đã kiếm được đủ tiền để sống trên đất liền trong nhiều tuần lễ mà thời gian ấy, còn cho phép gã học tập và đọc được nhiều.

Trí óc gã là trí óc của một sinh viên, và đằng sau cái năng lực học tập là bản chất cương cường và tình yêu của gã đối với Ruth. Cuốn ngữ pháp mang theo, gã đã đọc đi đọc lại nhiều lần cho đến khi trí óc không biết mệt mỏi của gã nắm vững được hoàn toàn. Gã để ý đến những lỗi ngữ pháp trong cách nói của những người bạn thủy thủ, quyết định thà chữa trong óc những lỗi đó, đặt lại những câu nói sai của họ. Gã sung sướng thấy tai mình trở nên rất nhạy và năng khiếu về ngữ pháp ngày càng phát triển. Cách dùng hai phủ định giờ đây làm gã chối tai như nghe một nốt nhạc lạc

điều và nhiều khi, vì thiếu tập luyện, những cái chối tai đó lại do chính mồm gã thốt ra. Trong một ngày, miệng lưỡi gã không thể nào học nói hết được những luật mẹo mới.

Sau khi đọc đi đọc lại ngữ pháp, gã giở tự điển ra và mỗi ngày học hai mươi từ mới thêm vào vốn từ ngữ của gã. Gã thấy đó không phải là chuyện dễ. Lúc ở bánh lái, lúc ở chòi canh, gã nhắm đi nhắm lại hàng chữ cái dằng dặc, với định nghĩa, cách phát âm, và cứ lằm bằm ôn đi ôn lại cho đến lúc ngủ thiếp đi. “*Không bao giờ làm một điều gì,*” “*nếu tôi là*” và “*những điều này*”^[35] là những thành ngữ với nhiều biến dạng mà gã thầm nhắc lại trong óc cốt để làm quen với cách nói của Ruth. “*And*” và “*Ing,*” phải phát âm “*d*” và “*g*” sao cho rõ, gã đọc đi đọc lại hàng ngàn lần. Gã ngạc nhiên thấy mình bắt đầu nói tiếng Anh tốt và đúng hơn cả những sĩ quan và những ông khách thích phiêu lưu ở trong những “ca-bin” đã bỏ vốn cho cuộc thám hiểm này.

Thuyền trưởng là một người Na Uy mắt lơ lơ như mắt cá, không hiểu sao lại có được một bộ Shakespeare toàn tập mà ông ta không bao giờ đọc. Martin giặt quần áo cho ông ta, để đổi lại, ông ta cho phép gã mượn đọc pho sách quý ấy. Trong suốt một thời gian gã quá mê man với những vở kịch, những đoạn hay, chúng khắc sâu không chút khó khăn vào trí óc gã, cả một thế giới như đã hình thành dưới hình thức hài kịch và bi kịch thời Elizabeth, và chính những tư tưởng của gã cũng là những dòng thơ không vắn. Điều đó đã luyện tai gã khiến gã có thể hiểu được cái hay của tiếng Anh cao quý: đồng thời nó còn giúp cho gã biết rất nhiều từ ngữ bây giờ không dùng nữa.

Tám tháng qua đi rất bổ ích, ngoài việc học nói sao cho đúng, tập suy nghĩ cho thâm thúy, gã còn biết thêm về mình rất nhiều. Cùng với ý nghĩ tự cho mình là kém cỏi do vốn học vấn quá ít, gã thấy dâng lên trong lòng niềm tin ở sức mạnh. Gã thấy có sự cách biệt rõ ràng giữa gã và những người bạn thủy thủ, và gã cũng đủ khôn ngoan để thấy rằng sự khác nhau là ở chỗ có tiềm lực chứ không phải ở thành tựu của việc làm. Những cái gã có thể làm thì họ cũng có thể làm được; nhưng gã mơ hồ cảm thấy trong người gã có một chất men đang hoạt động, nó cho gã hay rằng khả năng của gã còn vượt xa những điều gã đã làm. Cái đẹp kì diệu của cuộc đời giằng vò

gã, gã ao ước giá có Ruth ở đây để cùng chia sẻ - gã định sẽ tả lại cho nàng nghe về rất nhiều những cảnh đẹp của Nam Hải. Nghĩ thế, tinh thần sáng tạo nơi gã bùng lên như ngọn lửa, thúc giục gã phải tái tạo cái đẹp này cho một đám thính giả rộng rãi hơn là Ruth. Thế rồi tư tưởng đó đến với gã rực rỡ, huy hoàng. Gã sẽ viết văn. Gã sẽ là một trong những con mắt để cả thế giới nhìn, một trong những cái tai qua đó cả thế giới nghe, một trong những trái tim qua đó cả thế giới cảm xúc. Gã sẽ viết tất cả - thơ, văn xuôi, tiểu thuyết, văn miêu tả, và kịch như Shakespeare. Đó là sự nghiệp, và là con đường để chinh phục Ruth. Những người của văn chương là những người không lờ của cuộc đời. Và gã tin rằng họ còn đẹp hơn nhiều những con người như ông Butler, kiếm mỗi năm ba mươi ngàn đô-la, và muốn đều có thể trở thành các quan Chánh án của Tòa án tối cao.

Một khi ý nghĩ đó đã nảy mầm thì nó choán lấy gã, và cuộc hành trình về San Francisco như một giấc mộng. Gã say sưa với sức mạnh không thể lường được và cảm thấy mình có thể làm bất cứ cái gì. Giữa biển khơi mênh mông và hiu quạnh gã nhìn thấy hết viễn tượng. Rất rõ ràng, và lần đầu tiên gã nhìn thấy Ruth và thế giới của nàng. Nó đã thành một vật cụ thể trong óc gã, gã có thể cầm lấy trong hai bàn tay, lật đi lật lại mà quan sát. Có nhiều chỗ trong cái thế giới ấy hãy còn mờ ảo, mơ hồ, nhưng gã nhìn toàn bộ chứ không đi vào chi tiết, và gã cũng đã nhìn thấy con đường để chinh phục nó. Viết văn! Ý nghĩ đó là ngọn lửa trong con người gã. Gã sẽ bắt đầu ngay sau khi trở về. Việc đầu tiên sẽ làm là tả lại cuộc hành trình của những người đi tìm châu báu. Gã sẽ bán bản thảo cho một tờ báo nào đó ở San Francisco. Gã sẽ không nói gì cho Ruth biết, nàng sẽ ngạc nhiên và sung sướng khi thấy tên gã in trên báo. Trong khi viết, gã có thể vẫn tiếp tục học tập. Một ngày có những hai mươi bốn tiếng đồng hồ cơ mà. Gã là người không có gì có thể khuất phục nổi. Gã biết phải làm việc như thế nào - và các đòn lủy sẽ sụp đổ trước gã. Gã sẽ không phải lại đi biển như một người thủy thủ nữa - ngay lúc đó, gã nhìn thấy trong viễn tượng một chiếc thuyền buồm du lịch. *Tất nhiên, gã tự nhủ, bước đầu kết quả không đến ngay được và trong một thời gian, còn phải vui lòng với món tiền nhuận bút ít ỏi để có thể tiếp tục học tập thêm.* Thế rồi, sau một thời gian - một thời gian chưa rõ là bao lâu - khi gã đã học, đã chuẩn bị đầy đủ, gã sẽ viết những tác phẩm

lớn và tên gã sẽ được mọi người nhắc nhở đến. Nhưng lớn hơn thế, lớn hơn thế rất nhiều, lớn hơn tất cả là gã sẽ tỏ ra xứng đáng với Ruth. Danh vọng cũng đáng quý, nhưng chính vì Ruth mà giấc mơ huy hoàng nơi gã bùng lên. Gã không phải là một người ham danh vọng, mà chỉ là một trong những “người tình say đắm.”

Về đến Oakland, với món tiền công kha khá trong túi, gã lại đến trọ ở căn buồng cũ mà Bernard Higghinbotham, và bắt đầu làm việc. Gã không cho cả Ruth biết là gã đã trở về. Gã sẽ đến thăm nàng sau khi viết xong về những người đi tìm châu báu. Có nên không đến thăm nàng cũng không phải là việc khó khăn lắm, vì sự say mê sáng tạo bùng lên như cơn sốt đang đốt cháy trong lòng gã. Hơn nữa, chính cái bài mà gã đang viết đây sẽ mang gã lại gần nàng hơn. Gã không biết một bài gã phải viết dài độ bao nhiêu, nhưng gã đếm chữ của một bài dài hai trang đăng ở bản phụ trương Chủ nhật tờ “*Người quan sát San Francisco*”, rồi gã cứ theo đó mà viết. Ba ngày liền hết sức căng thẳng với một tốc độ ghê gớm, gã hoàn thành câu chuyện. Nhưng đến lúc chép lại cẩn thận bằng chữ to dễ đọc, gã mới phát hiện ra trong một cuốn sách về tu từ học ở thư viện rằng còn có những cái mà người ta gọi là những đoạn, những dấu ngoặc kép. Trước đây gã chưa hề nghĩ đến những thứ này. Gã lập tức viết lại, luôn luôn tham khảo cuốn tu từ học; trong một ngày, gã học được cách viết nhiều hơn một cậu học trò bình thường học cả năm. Khi gã đã chép xong bản thảo lần thứ hai và cuộn lại cẩn thận, gã lại đọc được một bài báo góp ý với những người mới viết văn. Lúc ấy gã mới khám phá ra cái quy luật chặt chẽ là bản thảo không bao giờ được cuộn lại và không được viết trên cả hai mặt giấy. Gã đã vi phạm cả hai. Cũng qua bài báo đó gã được biết rằng những tờ báo loại nhất thường trả tối thiểu là mười đô-la một cột. Vì thế trong khi gã chép lại bản thảo lần thứ ba, gã lại tự an ủi mình bằng cách nhân mười cột báo với mười đôla. Nhân mãi thì tích số vẫn thế, một trăm đôla, và gã thấy rõ rằng như thế tốt hơn nghề đi biển. Nếu không vì những nhầm lẫn nọ kia, thì trong ba ngày gã có thể viết xong một bài. Một trăm đôla trong ba ngày! Nếu đi biển thì phải mất ba tháng hay hơn thế mới kiếm nổi được một số tiền như vậy. Một khi người ta viết được thì có họa là điên mới đi biển, gã kết luận, tuy bản thân món tiền đối với gã không có ý nghĩa gì. Giá trị của nó là ở chỗ nó cho

gã có thì giờ rảnh rang, mua được cho gã vài bộ quần áo bảnh bao; tất cả những cái đó sẽ mang gã lại gần hơn, gần một cách nhanh chóng hơn tới người con gái xinh xinh, mảnh mai đã làm đảo lộn cuộc đời gã và gây cho gã nguồn cảm hứng.

Gã cho bản thảo vào một chiếc phong bì lớn và gửi cho ông chủ bút tờ “*Người quan sát San Francisco*”. Gã quan niệm rằng bất cứ cái gì tòa báo nhận được đều đăng ngay, và vì gã gửi bản thảo đi hôm thứ năm, gã yên chí đến chủ nhật tới là bài sẽ được đăng. Gã quan niệm rằng nhờ việc ấy mà Ruth biết gã trở về thì thật là tốt đẹp. Rồi chiều chủ nhật gã sẽ tới thăm nàng. Trong thời gian đó gã bận tâm tới một ý nghĩ khác, mà gã rất tự hào cho đó là một ý đặc biệt trong sạch, thận trọng và khiêm tốn. Gã sẽ viết một chuyện phiêu lưu cho các em nhỏ và sẽ đem bán cho tờ “*Người bạn của Thiếu niên*”. Những truyện vừa thường được đăng trong tờ tuần báo đó trong năm kỳ, mỗi kỳ ước độ ba ngàn chữ. Gã thấy có nhiều truyện kéo dài đến bảy kỳ và gã quyết định sẽ viết một truyện dài như thế.

Xưa kia đã có lần gã đi theo đoàn săn cá voi ở Bắc băng dương. Cuộc hành trình định kéo dài trong ba năm nhưng sau sáu tháng tàu đắm nên bị gián đoạn. Trí tưởng tượng của gã rất hay hư cấu, nhiều khi còn kì quái nữa, nhưng căn bản gã yêu thực tế, nó thúc đẩy gã viết về những điều đã biết. Gã biết nghề săn cá voi, và từ cái tri thức thực tế đó gã hư cấu xây dựng nên những cuộc phiêu lưu của hai cậu bé mà gã có ý định chọn làm hai nhân vật chính. Đó là một công việc dễ dàng, gã quyết định bắt đầu viết vào chiều thứ bảy. Ngay hôm đó gã đã hoàn thành đoạn đầu ba ngàn chữ, làm cho Jim hết sức thú vị, và ông Hichghinboham thì, mĩa mai ra mặt suốt bữa ăn cái ông “*Văn sồi*” mà họ mới khám phá thấy trong gia đình.

Martin đành tự bằng lòng bằng cách hình dung sự ngạc nhiên của lão anh rể, sáng chủ nhật tới đây, khi lão ta mở tờ “*Người quan sát*” và thấy bài về những người đi tìm châu báu. Sáng hôm đó đích thân gã ra đứng ở cửa đăng trước, sốt ruột đọc lướt trước tờ báo gồm nhiều trang. Gã giở lại một lần thứ hai, rất cẩn thận, rồi gấp lại và để vào chỗ gã đã lấy ra. Gã thấy sung sướng vì chưa nói cho ai biết về bài của mình cả. Ngay sau đó gã thấy mình đã nhầm khi nghĩ rằng bài gửi đi cho tờ báo hàng ngày có thể được nhanh chóng đăng ngay. Hơn nữa, bài của gã cũng không có giá trị gì về tin tức cả,

và chắc chắn nếu có đăng thì người chủ bút cũng phải viết thư báo cho gã biết trước.

Sau bữa ăn sáng, gã tiếp tục viết truyện săn cá voi. Chũ như tuôn ra dưới đầu ngọn bút, tuy luôn luôn gã phải ngừng lại để tra nghĩa trong từ điển hay xem lại cuốn tu từ học. Những lúc ngừng lại ấy gã thường đọc đi đọc lại một mạch cả một chương. Và gã tự an ủi tuy gã chưa viết hết ra được tất cả những cái gì lớn mà gã cảm thấy có ở trong gã, nhưng dù sao gã cũng học được cách viết, tự luyện tập để hình thành và diễn đạt những tư tưởng của mình. Gã cặm cụi làm việc cho đến tối, rồi gã lại đến phòng đọc ở thư viện, lục lọi những tạp chí và tuần báo cho đến mười giờ đêm lúc thư viện đóng cửa. Đó là chương trình trong tuần của gã. Mỗi ngày gã viết ba mươi nghìn chữ, tối tối gã lại mày mò tìm tòi trong các tạp chí, ghi ghi chép chép những truyện ngắn, những bài báo, bài thơ mà những ông chủ bút thấy có thể đăng được. Có một điều chắc chắn là: những gì mà đám văn sĩ đông vô kể kia có thể làm được thì gã cũng có thể làm được và chỉ cần cho gã thời gian, gã còn làm được những cái mà họ không thể làm được. Gã rất phấn khởi khi đọc trong tập *Tin tức về sách* có một đoạn nói về tiền nhuận bút của những tác giả viết cho các tạp chí, thấy không phải Rudia Kipling được trả mỗi chữ một đôla mà các tạp chí loại nhất thương trả tối thiểu mỗi chữ hai xu. Tờ “*Người bạn của Thiếu Niên*” chắc chắn là tờ loại nhất và cứ tính theo giá ấy thì ba ngàn chữ gã viết ngày hôm đó sẽ mang lại cho gã sáu mươi đôla – lương hai tháng đi biển.

Đến tối hôm thứ sáu, gã viết xong truyện vừa đó, gần hai mươi một ngàn chữ - Gã tính cứ hai xu một chữ cũng được bốn trăm hai mươi đôla. Công việc trong một tuần như vậy không phải là dở. Chưa bao giờ, trong một lúc gã lại có được một món tiền như thế. Gã không biết tiêu gì cho hết. Gã đã tìm được một mỏ vàng. Cứ ở cái mỏ ấy, gã còn có thể luôn luôn kiếm được nhiều hơn nữa. Gã dự định sẽ mua thêm một vài bộ quần áo, đặt mua nhiều tạp chí, mua mười cuốn sách tham khảo mà hiện nay gã vẫn phải ra Thư viện để tra cứu. Ấy thế mà số tiền bốn trăm hai mươi đôla vẫn còn nhiều chưa tiêu hết được. Điều đó làm gã băn khoăn mãi cho đến lúc gã nảy ra ý nghĩ thuê cho chị Gertrude một người làm, mua cho thằng Marion một chiếc xe đạp.

Gã gửi tập bản thảo dày cộp tới tờ “*Người bạn của Thiếu Niên*” và đến chiều thứ bảy sau khi đặt xong kế hoạch viết một bài về những người mò ngọc trai, gã tới thăm Ruth. Gã đã gọi đây nói cho nàng và nàng thân ra cửa đón - ngọn lửa cường tráng xưa cũ quen thuộc trào ra khỏi người gã ập vào nàng như một cơn lốc. Nó lọt vào cơ thể nàng, chạy suốt qua các mạch máu như một chất lỏng rực sáng làm cho toàn thân nàng run lên vì sức mạnh đã thấm vào ấy. Gã đỏ bừng mặt khi cầm tay và nhìn vào đôi mắt xanh của nàng, nước da nâu bóng như đồng chưa phai của tám tháng trời dài nắng đã che đi không để lộ nét đỏ bừng ấy, tuy nó không thể giữ được chỗ cổ cho khỏi bị cháy cổ còn cứng đờ cọ sát làm sần đỏ lên. Nhìn chỗ sần đỏ ấy nàng thấy buồn cười, nhưng lập tức cái buồn cười ấy biến đi ngay khi nàng liếc nhìn bộ quần áo của gã. Nó thực là hợp với khổ người gã – đó là bộ quần áo may đo theo khổ người đầu tiên của gã. Người gã như thon thả hơn, có dáng hơn. Thêm vào đó, chiếc mũ lưỡi trai bằng vải của gã, được thay thế bằng một chiếc mũ da mềm; nàng bắt gã phải đội lên, rồi cứ khen hoài. Nàng không nhớ có khi nào nàng cảm thấy sung sướng đến như thế. Sự thay đổi này trong con người gã là công trình của nàng, nàng kiêu hãnh vì điều đó, lửa tham vọng lại bừng lên thúc giục nàng phải giúp đỡ gã hơn nữa.

Nhưng sự thay đổi căn bản nhất, và điều làm nàng sung sướng nhất là sự thay đổi trong ngôn ngữ của gã, không những gã nói đúng hơn mà còn nói lưu loát hơn, và trong vốn từ ngữ của gã đã có nhiều từ mới. Nhưng khi say sưa hay sôi nổi thì gã lại trở lại lối nói sai cũ và vẫn quên không phát những âm cuối. Hơn nữa, đôi khi gã còn vụng về, do dự thử đem dùng những từ mới đã học được. Mặt khác, với lối nói lưu loát, gã diễn đạt tư tưởng rất thanh thoát, dí dỏm làm cho nàng thích thú. Chính cái lối châm biếm hài hước vốn có trước đây của gã làm cho gã được những người cùng giai cấp mến yêu; nhưng trước mặt nàng cho đến tận bây giờ gã vẫn chưa sử dụng nó được vì thiếu từ và thiếu tập luyện. Gã bắt đầu xác định được vị trí của mình và cảm thấy mình không còn hoàn toàn là một người xa lạ xâm nhập vào thế giới của nàng. Nhưng đáng buồn thay, gã quá ư rụt rè vẫn để cho nàng tỏ ra hoạt bát và giàu tưởng tượng hơn, gã chỉ dám đi theo chứ không dám vượt lên trên nàng.

Gã kể cho nàng nghe những việc gã đã làm, và dự định của gã sẽ viết để kiếm sống và tiếp tục học thêm. Nhưng gã thất vọng vì không được nàng đồng tình. Nàng đánh giá thấp dự định của gã.

“Ông biết đấy,” nàng nói thành thật, “viết cũng là một nghề như bất cứ một nghề nào khác. Không phải là tôi biết gì nhiều về nó lắm. Tất nhiên tôi chỉ căn cứ vào lẽ thường mà nói thôi. Người ta không thể nào hy vọng trở thành một người thợ rèn nếu không mất ba năm học việc hay năm năm không chùng! Các văn sĩ được trả hậu hơn những người thợ rèn rất nhiều, thế tất phải có nhiều người thích viết, nhiều người thử viết.”

“Vậy thế, tôi không có đủ tư chất đặc biệt để viết văn hay sao?” Gã hỏi, lòng thầm hớn hở về ngôn ngữ mình đã dùng; tưởng tượng mau lẹ của gã tung ra trên một tấm màn lớn tất cả không khí và cảnh tượng khác của cuộc đời gã - những cảnh tàn bạo, thô tục, hung dữ, man rợ.

Tất cả cảnh tượng phức tạp ấy được cấu thành với tốc độ của ánh sáng, vẫn tiếp tục diễn biến không ngừng trong khi gã nói chuyện và cũng không ngắt quãng trong dòng tư tưởng bình tĩnh của gã. Trên bức màn của tưởng tượng gã thấy mình cùng người con gái đẹp hiền dịu này, mặt đối mặt chuyện trò bằng một thứ tiếng Anh chính xác trong một gian phòng đầy sách vở, tranh, nhạc và văn hoá phẩm, được ánh sáng rực rỡ chiếu rọi vào; trong lúc đó những cảnh trái ngược lần lượt điều qua, dần dần mờ đi xa tít tận cuối bức màn, mỗi cảnh là một bức tranh, gã là người đứng ngắm, ngắm tha hồ những gì mà gã thích. Gã nhìn thấy những cảnh khác ấy qua những màn hơi nước bập bênh, những cơn lốc sương mù ảm đạm tan đi trước tia sáng đỏ rực, chói lòa. Gã trông thấy những gã chăn bò trong tửu quán, nốc rượu mạnh whiskey trong bầu không khí đậm ô ngợp ngựa, thốt ra những lời tục tĩu; gã thấy mình lẫn trong bọn họ, uống rượu và chửi rửa cùng với những đứa thô lỗ nhất hoặc ngồi cùng bàn với chúng dưới ngọn đèn dầu bốc khói, những đồng tiền kêu leng xeng, những quân bài được chia ra. Gã thấy mình cỏi trần trụi trực, nắm tay không, quyết đấu một trận sống còn với thằng Mặt đỏ Liverpool trong khoang bánh lái trên con tàu Susquehanna; gã thấy boong tàu John Rogers loang máu, một buổi sáng xám ngắt khi anh em thủy thủ toan nổi dậy chống bọn chủ tàu. Gã thấy người thủy thủ giầy giữa trong cơn hấp hối đập vào cửa kho, chiếc súng lục trong tay lão thuyền

trưởng khắc lửa và bốc khói; những gã đàn ông mặt nhăn nhúm vì giận dữ, những con vật hét lên chửi rủa thô tục và gục ngã quanh gã... rồi gã quay lại cảnh chính, êm ả, trong sạch dưới ánh sáng rực rỡ nơi Ruth ngồi nói chuyện với gã giữa sách vở và những bức tranh. Gã trông thấy chiếc đại dương cầm mà lát nữa nàng sẽ dạo cho gã nghe. Gã thấy âm vang của những từ chọn lọc chính xác của mình. “Vâng, thế tôi không có đủ tư chất đặc biệt để viết văn hay sao?”

“Nhưng dù người ta có đủ tư chất đặc biệt để làm nghề thợ rèn đi nữa,” nàng cười, “tôi cũng chưa bao giờ nghe nói có ai trở thành thợ rèn mà trước hết không phải trải qua thời kỳ tập việc.”

“Cô muốn khuyên thế nào?” Gã hỏi. “Cô đừng quên rằng tôi cảm thấy tôi có khả năng viết. Tôi không thể giải thích được, tôi chỉ biết là tôi có cái khả năng ấy.”

“Ông phải có một nền học vấn đầy đủ đã, dù là cuối cùng ông có trở thành văn sĩ hay không; học vấn rất cần thiết cho bất cứ một sự nghiệp nào mà ông chọn. Nhất định không được vội vàng, đại khái. Thế nào ông cũng phải qua trung học.”

“Vâng,” gã bắt đầu, nhưng nàng ngắt lời, sau khi suy nghĩ thêm.

“Tất nhiên, ông vẫn có thể vừa học vừa tiếp tục viết được.”

“Tôi nhất định phải viết,” gã nói cương quyết.

“Sao?” Nàng nhìn gã khá bối rối, vì nàng không thích cái lối gã cứ khăng khăng giữ định kiến của mình.

“Bởi vì, nếu không viết thì cũng không thể qua trường trung học nào được. Tôi phải sống, phải mua sách và quần áo, cô biết đấy.”

“Tôi quên mất điều đó,” nàng cười. “Tại sao ông sinh ra mà lại không có một nguồn lợi tức nào?”

“Tôi thích có sức khỏe và giàu trí tưởng tượng hơn,” gã trả lời. “Lợi tức thì xoay^[36] lấy được, nhưng còn hai cái kia thì ai xoay cho...” Gã suýt nói “cho cô”^[37] nhưng vội chữa “cho người ta”^[38].

“Đừng nói ‘xoay’.” Nàng kêu lên bức bối một cách đáng yêu. “Đó là tiếng lóng, nghe chướng quá!”

Gã đỏ mặt và lấp bắp.

“Đúng, tôi chỉ mong cô chữa luôn cho tôi như thế.”

“Tôi cũng rất vui lòng,” nàng ngập ngừng. “Ồ ông có rất nhiều cái tốt, tôi muốn ông trở thành một người toàn thiện.”

Ngay lúc đó gã là tảng đất sét trong tay nàng, cũng say sưa ao ước được nàng nhào nặn, như nàng say sưa ao ước được nhào nặn gã thành hình ảnh người đàn ông lý tưởng của nàng. Nàng nói cho gã hay dịp may là thứ hai tới có những kỳ thi vào trường Trung học, gã lập tức tình nguyện sẽ dự thi.

Rồi nàng dạo đàn và hát cho gã nghe, trong khi gã nhìn nàng thèm khát, ước ao, như muốn uống lấy vẻ yêu kiều của nàng và tự nhủ có chẳng hàng trăm người theo đuổi nàng ngồi đó cũng không thể nghe và ao ước nàng như gã nghe và ao ước.

[35] Nguyên tác tiếng Anh: “Never did anything” “If I were” “those things”.

[36] Trong nguyên bản là *make good*. Martin nói một tiếng lóng chúng tôi tạm dịch là “xoay”.

[37] Nguyên văn: *you*

[38] Nguyên văn: *one*

CHƯƠNG 10

Tối hôm đã gã ở lại ăn, và Ruth rất hài lòng thấy gã đã gây được một ấn tượng tốt đối với cha nàng. Họ nói chuyện về nghề đi biển, một đề tài mà Martin biết rõ như mười ngón tay của mình, và sau đó ông Morse nhận xét rằng gã có vẻ là một thanh niên có đầu óc rất sáng suốt. Để tránh dùng tiếng lóng và để tìm những từ chính xác, Martin bắt buộc phải nói chậm, điều đó khiến gã có thể tìm được những ý nghĩ hay nhất trong óc. Gã thấy thoải mái hơn cái đêm đầu đến ăn ở đây, gần một năm trước. Sự rụt rè và khiêm tốn của gã cũng gây được thiện cảm đối với bà Morse. Bà rất thích thấy gã chuyển biến rõ rệt.

“Nó là người đàn ông đầu tiên được Ruth để ý đến đấy,” bà nói với chồng. “Đối với những chuyện đàn ông, sao con này nó chậm chạp quá lạ thế, khiến tôi lấy làm lo lắng.”

Ông Morse nhìn vợ dò hỏi:

“Thế mình định dùng cái anh chàng thủy thủ trẻ tuổi này để đánh thức nó hay sao?”

“Ý tôi không muốn để cho nó phải chết già là một bà cô không chồng. Nếu anh chàng Eden trẻ tuổi kia có thể thức tỉnh được sự quan tâm của nó đối với đàn ông nói chung, thì cũng tốt chứ sao!”

“Tốt lắm.” Ông Morse nói. “Nhưng giả dụ - mà đôi khi mình ạ, ta cần phải giả dụ - giả dụ nó lại thức tỉnh sự quan tâm của con Ruth một cách quá đặc biệt đến nó thì sao?”

“Không thể có chuyện như vậy được,” bà Morse cười, “nó hơn thằng kia những ba tuổi, và lại không thể có chuyện như vậy được. Không đời nào có thể xảy ra được. Mình cứ để mặc việc này cho tôi.”

Và như thế, vai trò của Martin được sắp đặt; trong khi gã bị Arthur và Norman lôi kéo, đang tính toán làm một việc ngông cuồng. Sáng chủ nhật, họ sẽ đi chơi về mạn đồi bằng xe đạp. Martin không thích nhưng khi gã biết Ruth có đi thì gã cũng ưng đi theo. Gã không biết xe đạp mà cũng không có xe đạp, nhưng nếu Ruth đi bằng xe đạp, thì gã cũng phải bắt đầu tập, gã quyết định như vậy. Khi từ biệt, trên đường về nhà, gã dừng lại ở một cửa hiệu bán xe đạp, bỏ ra bốn mươi đôla mua một chiếc. Món tiền nhiều hơn số lương một tháng vất vả mới kiếm được, và nó làm sứt một cách kinh khủng số tiền dành dụm của gã. Nhưng khi gã cộng thêm số tiền một trăm đô la mà gã sẽ nhận được của tờ “*Người quan sát*” và ít nhất là bốn trăm hai mươi đô la của tờ “*Người bạn của Thiếu niên*” thì gã cảm thấy nỗi bối rối do sự chi tiêu vô lý kia gây ra cũng giảm đi. Gã cũng chẳng để ý gì đến chuyện đã làm hỏng cả bộ quần áo lúc tập xe đạp về nhà. Ngay đêm hôm ấy, gã dùng dây nói ở cửa hiệu Higghinbotham gọi cho hiệu thợ may đặt may một bộ khác. Gã vác cái xe đạp lên cầu thang chật hẹp lưng lửng như cái thang cứu hỏa treo vào tường đằng sau căn nhà, và khi gã đẩy chiếc giường vốn kê sát vào tường ra, gã thấy trong căn phòng chật hẹp ấy vừa đủ chỗ cho gã và chiếc xe đạp.

Gã định dùng cả ngày chủ nhật vào việc học để thi vào trường Trung học, nhưng truyện “*Mò ngọc trai*” đã lôi cuốn gã và suốt ngày hôm đó, gã bồng bồng trong cơn sốt sáng tạo, mô tả lại tất cả cái đẹp và ảo tưởng lãng mạn rực cháy trong lòng. Việc số báo “*Người quan sát*” sáng hôm đó không đăng bài về cuộc phiêu lưu của những người đi tìm châu báu cũng không làm cho gã nản lòng. Gã quá say mê với công việc đến nỗi hai lần

người ta gọi xuống ăn cơm, gã vẫn không nghe thấy, và bỏ cả bữa cơm trưa ngày chủ nhật mà ông Higginbotham bao giờ cũng dọn hậu hĩ hơn ngày thường. Đối với ông Higginbotham, những bữa ăn như thế này là một điều để chứng tỏ sự thành đạt tấn phát trong công việc làm ăn của ông – và đây là dịp để ông tuôn ra những bài thuyết lý tầm thường tán tụng cái chế độ Hoa Kỳ đã cho bất cứ một người nào cần cù cũng có dịp may để tiến phát như trường hợp ông, ông cả quyết như vậy, từ một anh thư ký khổ của một cửa hàng thực phẩm tiến tới ông chủ của “Higginbotham thương điểm!”

Sáng thứ hai, Martin Eden thở dài nhìn truyện “*Mồ ngọc trai*” viết chưa xong. Gã đi ô tô hàng xuống Oakland đến trường Trung học. Và mấy hôm sau, khi xem kết quả kỳ thi, gã thấy mình đã hỏng tất cả các môn trừ môn ngữ pháp.

“Ngữ pháp của anh thì xuất sắc.” Giáo sư Hilton nhìn gã qua cặp kính dày cộp. “Nhưng anh không biết gì về những môn khác, và môn lịch sử Hợp chủng quốc của anh thì thật là thảm hại, không thể có một danh từ nào khác được nữa, thật là thảm hại. Tôi khuyên anh...”

Giáo sư Hilton ngừng lại, nhìn gã lãnh đạm không chút thiện cảm như là nhìn vào một trong những ống nghiệm của ông ta. Ông ta là giáo sư vật lý ở trường Trung học, chủ một gia đình đông con, lương ít ỏi, với một mớ trí thức học vẹt.

“Vâng, thưa ông.” Martin nói từ tốn nhưng không hiểu sao, lòng cứ thầm ước giá lúc này ở chỗ giáo sư Hilton kia là cái ông ngồi bàn giấy trong Thư viện.

“Tôi khuyên anh nên quay lại học tiểu học ít nhất là hai năm. Chào anh.”

Đối với sự thất bại này, Martin cũng chẳng thấy phiền lòng cho lắm, nhưng gã rất ngạc nhiên không hiểu sao Ruth lại xúc động đến thế khi gã nói cho nàng hay lời khuyên của giáo sư Hilton. Sự thất vọng của nàng rõ rệt đến nỗi gã cũng cảm thấy buồn vì đã thi trượt, nhưng chủ yếu là buồn vì nàng.

“Ông thầy tôi nói đúng không?” Nàng nói. “Ông biết nhiều hơn bất cứ một sinh viên nào lúc bước vào trường Trung học, thế nhưng ông vẫn không thể đỗ được. Đó là vì học vấn của ông hãy còn chấp vá, đại khái.

Ông cần phải học có hệ thống và chỉ các thầy giáo chuyên khoa mới có thể giúp ông học như thế được. Ông phải gây dựng hoàn toàn vốn kiến thức cơ bản. Giáo sư Hilton nói đúng, và nếu tôi là ông, tôi sẽ theo học lớp buổi tối. Ở đó, trong một năm rưỡi ông có thể đuổi kịp chương trình không mất thêm sáu tháng. Hơn nữa, như thế ông sẽ dành được ban ngày để viết hay nếu ông không thể kiếm sống bằng ngòi bút của mình, thì ban ngày ông cũng còn có thể làm việc ở một chức vụ gì đó.”

Nhưng nếu ban ngày tôi bận đi làm, ban đêm tôi bận đi học thì tôi đến thăm cô vào lúc nào? – Đó là ý nghĩ đầu tiên của Martin, nhưng gã kìm được, chỉ nói:

“Tôi đi học lớp buổi tối thì coi có vẻ trẻ con quá. Nếu tôi nghĩ nó có kết quả thì tôi cũng chẳng nề hà gì. Nhưng tôi không nghĩ rằng nó sẽ có kết quả. Tôi có thể làm công việc đó nhanh hơn là theo lớp học họ dạy. Học thế chỉ mất thì giờ.” - Gã nghĩ tới năng và sự ao ước chiếm được năng – “Tôi không thể sắp xếp được thời gian. Quả thực tôi không có thời gian rảnh.”

“Có rất nhiều cái rất cần thiết,” năng nhìn gã dịu dàng, và gã cảm thấy gã là một kẻ thô lỗ nếu phản đối năng. “Lý và Hóa không có phòng thí nghiệm thì ông học sao được. Đại số và Hình học nếu không có người chỉ dẫn thì lại càng bí lảm. Ông cần phải có những thầy giáo chuyên khoa, những nhà chuyên môn về khoa truyền thụ kiến thức.”

Gã ngồi yên lặng một phút, tìm cách diễn đạt ý nghĩ, cố tránh sao cho khỏi tỏ ra mình tự cao tự đại một cách quá đáng.

“Xin cô đừng nghĩ rằng tôi huênh hoang khoác lác. Tôi không có ý như thế một chút nào. Tôi có cảm giác, tôi là cái loại mà tôi có thể gọi là sinh viên tự nhiên, tôi có thể tự học. Tôi gắn bó với sự học một cách tự nhiên như con vịt với nước. Chính cô đã biết tôi học ngữ pháp như thế nào đấy. Và tôi đã học được nhiều về những thứ khác. Cô không thể tưởng tượng được nhiều như thế nào. Thế mà đây chỉ là tôi mới bắt đầu thôi, xin cô đợi cho đến lúc tôi có...” Gã ngập ngừng một lát để nghĩ lại cách phát âm cho thật đúng trước khi nói “... động lực thúc đẩy^[39]. Bây giờ là lần đầu tiên, tôi thấy rõ sự việc. Tôi bắt đầu lường được hoàn cảnh...”

“Xin đừng dùng chữ *lường*,” năng ngắt lời.

“Đi vào con đường của sự việc^[40],” gã vội chữa.

“Trong ngôn ngữ Anh chính xác nói thế không có nghĩa gì,” nàng không đồng ý.

Gã lại mò mẫm tìm một câu mới.

“Ý tôi định nói, tôi bắt đầu thấy rõ địa thế.”^[41]

Vì thương hại nên nàng cũng không bắt bẻ nữa; gã nói tiếp:

“Tri thức đối với tôi như một căn phòng treo bản đồ đi biển^[42]. Bất cứ lúc nào bước vào thư viện, tôi cũng có cảm giác ấy. Nhiệm vụ của các thầy giáo là dạy cho sinh viên nội dung của căn phòng ấy một cách có hệ thống. Thầy giáo chỉ là những người hướng dẫn căn phòng, thế thôi. Đó không phải là cái mà các ông ấy có trong chính đầu óc của mình. Các ông ấy không cấu thành, không sáng tạo nó. Tất cả đều có sẵn ở trong phòng treo bản đồ rồi, các ông ấy chỉ thạo đường đi ở trong đó thôi, công việc của các ông ấy là chỉ dẫn địa điểm cho những người lạ, nếu không họ có thể bị lạc. Nhưng tôi thì lại không phải dễ dàng gì mà bị lạc. Tôi là kẻ thạo đường, thuộc địa thế. Bao giờ tôi cũng biết rõ *địa vị của tôi*^[43]. Như thế là có gì sai không?”

“Đừng nói là *địa vị của tôi*.”

“Vâng,” gã nói vẻ biết ơn. “*Tôi ở đâu*^[44]. À mà tôi nói đến đâu rồi nhỉ? À, phải rồi, nói đến gian phòng có treo bản đồ. Vâng, một số con người...^[45]”

“Người,”^[46] nàng chữa.

“Một vài người cần phải có người có chỉ dẫn. Hầu hết mọi người đều cần như vậy. Nhưng tôi nghĩ riêng tôi, không có họ, tôi vẫn có thể đi được. Tôi đã ở mãi trong phòng treo bản đồ đó rồi, tôi đã thông thạo đường đi lối lại, tôi biết rõ những bản đồ nào cần phải tra cứu, những bờ biển nào cần phải thám hiểm. Và do tôi đã vạch ra được kế hoạch, cho nên tự tôi, tôi có thể khám phá ra tất cả nhanh hơn. Tốc độ của cả một đoàn tàu là tốc độ của con tàu chậm nhất, cô biết đấy, và tốc độ của các thầy giáo thì cũng chịu ảnh hưởng như vậy thôi. Họ không thể đi nhanh hơn những phần tử kém cỏi trong đám học sinh của họ. Và tự tôi, tôi có thể bước nhanh hơn cái tốc độ mà họ kéo cả lớp của họ đi.”

“Người đi một mình là người đi nhanh nhất,”^[47] nàng trích dẫn một câu.

Nhưng cùng đi với cô, tôi vẫn có thể đi nhanh hơn, đó là điều gã muốn bật nói ra, khi gã mừng tượng thấy cả một thế giới vô tận chói nắng mặt trời và ngợp ánh sao, gã cùng nàng phiêu diêu, tay gã ôm lấy người nàng, mớ tóc vàng nhạt của nàng phát phơ ve vuốt mặt gã. Ngay lúc đó, gã thấy sự bất lực đáng thương của ngôn từ. Trời ơi! Giá mà gã có thể dùng lời để tả lại cho nàng trông thấy những cái gã trông thấy lúc đó. Lòng gã rạo rực, như sự giãy vò của một niềm ao ước đau đớn, muốn vẽ lại tất cả những viễn tượng tự nó tới, lóe ra trên tấm gương của trí óc gã. À, thế đấy! Gã đã nắm được điều bí mật ấy. Chính là điều mà các văn sĩ vĩ đại và các nhà thơ lớn đã nắm được. Chính vì thế mà họ là những người vĩ đại. Họ biết diễn đạt tất cả những gì mà họ suy nghĩ, cảm thấy và nhìn thấy. Con chó ngủ dưới nắng thỉnh thoảng lại rít lên, sủa lên, nhưng nó không thể nào nói ra được những cái nó trông thấy đã khiến nó rít lên sủa lên như vậy. Gã thường tự hỏi không hiểu đó là cái gì. Tất cả là thế đó, và gã như một con chó ngủ dưới nắng. Gã đã trông thấy những viễn tượng cao cả, đẹp đẽ, nhưng gã chỉ có thể rít lên, sủa lên vào mặt Ruth. Nhưng gã sẽ thôi không ngủ dưới nắng nữa. Gã sẽ đứng dậy, mở to mắt ra, gã sẽ vật lộn, sẽ làm việc gian khổ, sẽ học tập cho đến khi đôi mắt gã không bị che lấp nữa, lưỡi gã không bị trói buộc nữa, gã sẽ có thể cùng nàng chia sẻ cái kho tàng phong phú của tượng tượng. Nhiều người khác đã khám phá thấy những mẹo mực của ngôn từ, họ bắt từ ngữ phải trở thành những người đầy tớ biết vâng lời, và họ biết kết hợp những từ ấy lại cho có một ý nghĩa phong phú hơn là một mớ những ý riêng lẻ của chúng. Gã xúc động sâu xa khi thấy điều bí mật đó thoáng qua, và gã lại mê man mừng tượng thấy khoảng không vô tận chói chang và ngợp ánh sao cho đến khi gã hồi tỉnh lại, quanh gã yên tĩnh quá, và Ruth đang nhìn gã, nét mặt vui vẻ, mắt ánh lên nụ cười.

“Tôi vừa mừng tượng thấy một cảnh vĩ đại,” gã nói, và khi tai gã nghe thấy âm thanh của lời nói ấy, tim gã đập rộn lên.

Những lời nói ấy ở đâu ra thế? Nó đã diễn tả được rất đúng viễn tượng đã khiến gã ngừng lại trong khi đang nói chuyện với nàng. Thật là một chuyện thần kỳ! Chưa bao giờ gã có thể diễn đạt được những tư tưởng cao cả của mình một cách cao cả như vậy. Mà cũng chưa có bao giờ gã thử đem những tư tưởng cao cả ấy diễn đạt thành lời. Thế đấy. Điều đó đã rõ ràng.

Gã chưa bao giờ thử. Swinburne đã thử, Tennyson, Kipling và tất cả những nhà thơ khác đã thử. Trí óc gã lại vụt nghĩ tới truyện “*Mò ngọc trai*.” Gã chưa bao giờ dám viết lên những điều vĩ đại, tinh thần của cái đẹp như ngọn lửa trong lòng gã. Khi được viết với ngọn lửa ấy, nhất định truyện này sẽ khác. Gã kinh hoàng trước sự mê mông của cái đẹp phải lột tả được trong truyện này, và trí óc gã lại lóe lên, lại dám, gã tự hỏi tại sao gã lại không thể ca ngợi cái đẹp đó trong những vần thơ cao quý như những nhà thơ lớn đã làm. Lại còn tất cả niềm vui thầm kín, sự kỳ diệu thiêng liêng của tình yêu đối với Ruth. Tại sao gã cũng không thể ca ngợi nó, như những nhà thơ khác. Họ ca ngợi tình yêu. Gã cũng sẽ ca ngợi tình yêu chứ sao.

“Mẹ kiếp!”

Gã sợ hãi nghe thấy tiếng kêu của mình vang lên trong đôi tai. Mê mẩn, gã đã nói to. Máu dồn lên mặt từng đợt, từng đợt làm mờ cả nước da nâu sẫm, thẹn ửng đỏ suốt từ cổ đến chân tai.

“Tôi... tôi xin lỗi cô,” gã đáp ứng, “tôi đang mải suy nghĩ.”

“Nghe như ông cầu nguyện,” nàng ráng lấy can đảm nói, nhưng lòng héo hắt run sợ. Lần đầu tiên trong đời nàng nghe thấy một câu rửa tội ra từ miệng một người đàn ông mà nàng quen biết. Nàng thấy khó chịu, không những chỉ vì nó chạm đến vấn đề nguyên tắc về giáo dục, mà trong tinh thần, nàng còn khó chịu vì cái ngọn gió thô bạo ấy của cuộc đời, đã thổi vào khu vườn trinh nữ kín đáo của nàng.

Nhưng nàng tha thứ, và ngạc nhiên thấy mình có thể tha thứ dễ dàng như vậy. Dù sao tha thứ cho gã bất cứ một điều gì cũng không phải là khó khăn. Gã không được may mắn như những người khác. Gã đã cố gắng nhiều và cũng đã thành công. Nàng không hề nghĩ có thể còn có lý do nào khác khiến nàng đối xử với gã một cách triu mến, mà nàng không biết. Nàng không có cách nào mà biết được. Cuộc đời phẳng lặng hai mươi bốn năm trời chưa một lần yêu khiến nàng không nhận thức nhạy bén về tình cảm của chính mình; và vì nàng chưa bao giờ được một tình yêu thực sưởi ấm nên nàng không thể nhận thấy lúc này nàng được sưởi ấm.

[39] Nguyên văn là *momentum* (một danh từ vật lý) trước đây Martin chưa bao giờ nói đến.

[40]. Nguyên văn là: *to get a line on things*.

[41]. Nguyên văn là: *to get the lay of the land*.

[42]. *chart-room*: Martin vốn quen nghề đi biển. Ở trên tàu có một phòng treo bản đồ hướng dẫn đường đi biển.

[43]. Nguyên văn là: *where I am at*

[44]. Nguyên văn là: *where I am*. Ý Martin muốn nói: bao giờ tôi cũng biết rõ tôi ở đâu. Tiếng Anh muốn nói cho đúng phải nói là “*where I am*”. Martin nói sai. Chúng tôi dịch bằng địa vị của tôi là cố ý lộn chỗ sai đó.

[45]. Nguyên văn là: *some people*.

[46]. Nguyên văn là: “*Persons*.” Martin dùng từ “*people*” nhưng Ruth chữa là “*persons*.”

[47]. Nguyên văn: “*He travels the fastest who travels alone*” - Đó là một câu thơ trong bài thơ “*Những kẻ chiến thắng*” (*The winners*) của Kipling.

CHƯƠNG 11

Martin quay lại với truyện “*Mò ngọc trai*,” đáng lẽ gã đã viết xong sớm nếu gã không luôn luôn ngừng lại để thử làm thơ. Thơ gã là thơ tình, nguồn thi hứng do Ruth tạo nên, nhưng bài nào gã cũng bỏ dở. Không phải trong một ngày mà gã có thể học được cách ca ngợi trong những vần thơ cao quý. Âm vận, niêm luật, cấu trúc, tự chúng đối với gã cũng đã khá phức tạp rồi, nhưng hơn thế nữa và vượt lên trên tất cả, là một cái gì không đụng chạm tới được luôn thoát ra ngoài mà gã thấy ở tất cả những áng thơ lớn, nhưng gã không sao có thể nắm được và biểu hiện trong thơ mình. Chính cái tinh thần khó nắm được của thi ca là cái mà gã cảm thấy và đang tìm tòi nhưng không sao có thể nắm được. Đối với gã hình như nó là ánh hào quang, luồng hơi ấm trôi đi luôn luôn vượt khỏi tầm với, dù đôi khi, được đền bù, gã đã nắm được một vài mảnh của nó, kết chúng lại thành những vần thơ vang lên trong trí óc với những âm thanh vương vấn hay nổi trôi qua những viễn tượng trong màn sương mờ ảo của cái đẹp không nhìn thấy. Nó giầy vò tâm trí gã. Gã đau đớn với niềm ao ước diễn đạt nó, nhưng gã chỉ có thể nói lảm nhảm một cách tầm thường như mọi người khác. Gã đọc to những đoạn thơ của gã, niêm luật rất đúng, vần gieo không sai, nhịp điệu thanh thoát, nhưng vẫn thiếu ánh hào quang, ngọn lửa nhiệt tình mà gã cảm thấy có ở trong mình. Gã không thể hiểu nổi, và nhiều khi, thất bại, buồn

rầu, thất vọng, gã lại quay về với truyện “*Mò ngọc trai*.” Chắc chắn văn xuôi là phương tiện diễn đạt dễ dàng hơn.

Tiếp theo “*Mò ngọc trai*” gã viết một bài về nghề đi biển, một bài khác về bắt rùa và một bài thứ ba về những trận gió mậu dịch đông-bắc. Rồi, để thí nghiệm, gã thử viết truyện ngắn, nhưng chưa kịp ổn định gã đã viết một mạch xong sáu truyện gửi cho những tạp chí khác nhau. Gã viết rất nhiều, viết say sưa từ sáng đến tối, đến tận đêm khuya và chỉ ngừng lại những khi gã ra phòng đọc, mượn sách ở Thư viện, hoặc đến thăm Ruth. Gã sung sướng một cách sâu xa. Cuộc sống đang dâng cao. Gã như ở trong một cơn sốt không bao giờ dứt. Niềm vui sáng tạo mà người ta cho là của thần thánh thì bây giờ đã là của gã. Tất cả cuộc sống chung quanh gã – mùi rau ôi, mùi nước xà phòng, cái hình thù lồi thối lốc thốc của bà chị, bộ mặt xỏ lá của lão Higginbotham – là một giấc mộng. Cái thế giới thực ở trong trí óc gã, và những truyện mà gã viết là những mảnh của cái thế giới thực đó thoát ra từ trí óc gã.

Ngày quá ngắn, mà gã thì cần học nhiều thứ quá. Gã rút thời gian ngủ xuống còn năm tiếng và gã thấy như thế cũng có thể chịu được. Gã thử rút xuống bốn tiếng rưỡi, nhưng gã rất tiếc lại phải quay lại năm tiếng. Gã có thể vui vẻ đem tất cả thời gian thức tỉnh để làm những việc gã đang theo đuổi. Gã rất tiếc phải ngừng viết để học, phải ngừng học để ra thư viện, phải dứt mình ra khỏi căn phòng treo tấm hải đồ của tri thức, ra khỏi những tạp chí trong phòng đọc chứa đầy những bí mật của các văn sĩ đã thành công trong việc bán tác phẩm của mình. Những sợi dây của trái tim gã dường như đứt tung ra mỗi khi gã ngồi với Ruth mà phải đứng dậy ra về. Gã nóng nảy vội vã đi qua những khu phố tăm tối để về nhà đọc sách sớm chừng nào hay chừng nấy. Khổ tâm nhất cho gã là phải gấp quyển sách đại số và vật lý vào, để sổ tay và bút chì sang một bên, nhắm đôi mắt mệt mỏi ngủ thiếp đi. Gã căm ghét khi nghĩ tới phải ngừng sống, dù chỉ phải ngừng trong một thời gian rất ngắn, và niềm an ủi độc nhất của gã là tiếng chuông báo thức sẽ vang lên gọi gã dậy năm giờ sau. Dù sao gã cũng chỉ mất có năm tiếng, rồi tiếng chuông lại rung lên giật gã ra khỏi tình trạng vô tri vô giác, và trước mặt gã lại là một ngày mới huy hoàng với mười chín tiếng đồng hồ.

Trong suốt thời gian đó tuần tiếp tuần trôi qua, tiền cạn dần, và không có món nào đến với gã. Thiên truyện phiêu lưu “*Viết cho thiếu niên*”, một tháng sau khi gửi đi, đã bị tờ “*Người bạn của thiếu niên*” gửi trả lại. Thư trả lời từ chối viết khéo quá đến nỗi gã còn thấy có cảm tình với ông chủ bút. Nhưng gã không có cảm tình đối với ông chủ bút của tờ “*Người quan sát San Francisco*.” Sau khi đợi suốt hai tuần, Martin đã viết thư cho ông ta. Một tuần sau gã lại viết một bức nữa, đến cuối tháng thì gã sang bên San Francisco và thân đến tòa soạn gặp ông ta. Gã không được gặp con người quý hóa ấy, vì thằng bé gác cổng nhai ranh tóc đỏ, như chó Cerberus^[48] không cho gã vào. Vào cuối tuần thứ năm, gã nhận được, qua bưu điện tập bản thảo, không có bình luận gì cả. Không có thư từ chối, không có giải thích, không có gì hết. Những bản thảo khác gửi cho các tờ báo lớn ở San Francisco cũng cùng chịu chung một số phận. Khi họ gửi trả, thì gã lại gửi cho các tạp chí khác ở miền Đông. Lần này chúng bị trả về sớm hơn, bản nào cũng có kèm theo một bức thư từ chối in cẩn thận.

Những truyện ngắn cũng bị gửi trả về theo cái lối như thế. Gã đọc đi đọc lại, thấy rất thích chúng, đến nỗi không thể hiểu được nguyên nhân tại sao chúng bị ném trả lại như vậy, cho đến một hôm gã đọc thấy trong một tờ báo mới vỡ lẽ ra rằng tất cả bản thảo đều phải đánh máy. À ra thế. Tất nhiên là các ông chủ bút đều rất bận không có thì giờ và hơi đâu mà đọc các bản thảo viết tay. Martin thuê một cái máy chữ, và mất cả một ngày để nắm thạo cách đánh máy. Hàng ngày gã đánh máy tất cả những gì sáng tác được, và gã đánh gấp tất cả những bản thảo trước đây, ngay sau khi chúng bị gửi trả lại. Gã rất ngạc nhiên khi thấy những bản đánh máy cũng bắt đầu quay về. Quai hàm gã hình như bạnh ra hơn, cằm gã nhô ra có vẻ thách thức hơn, và gã lại gửi những bản thảo cho các ông chủ bút khác.

Gã có ý nghĩ rằng gã đã là một nhà phê bình không vô tư đối với tác phẩm của gã chẳng. Gã thử nhờ chị Gertrude. Gã đọc to những truyện của gã cho chị nghe. Mắt chị long lanh, chị nhìn gã kiêu hãnh, nói:

“Em viết được những truyện đó, thật hay quá!”

“Vâng, vâng!” Gã sốt ruột hỏi. “Nhưng truyện này chị thấy nó thế nào?”

“Hay lắm! hay lắm, và lại thương tâm nữa, chị cảm động lắm.”

Gã thấy rõ đầu óc chị không được minh mẫn. Sự bối rối lộ rõ trên nét mặt hiền hậu của chị. Và vì thế gã cứ chờ.

“Nhưng mà, Mart này?” Chị nói sau một lúc lâu. “Câu chuyện kết thúc ra sao nhỉ? Cái anh chàng trẻ tuổi ăn nói văn hoa ấy về sau có lấy được cô ta không?”

Sau khi gã giải thích rõ đoạn kết của câu chuyện mà gã cho là dễ như thế mới thật nghệ thuật, chị nói.

“Đó là điều chị muốn biết. Nhưng tại sao em không viết thẳng ngay vào truyện như thế.”

Sau khi đọc cho chị nghe thấy một số truyện, một điều gã thấy rõ là chị chỉ thích những truyện có hậu.

“Câu chuyện hay lắm!” Đang ngồi giặt chị đứng dậy với dáng điệu mệt mỏi, đưa bàn tay đỏ ửng đang bốc hơi lên lau mồ hôi trán. “Nhưng nó làm cho chị buồn quá. Chị muốn khóc. Nói cho đúng ra, đời nhiều chuyện buồn quá. Nghĩ đến những chuyện sung sướng cũng làm cho chị sung sướng. Giá mà anh ấy lấy được cô ta. Chị nói thế, được chứ, Mart?” Chị rụt rè hỏi. “Chị chợt cảm thấy như thế, có lẽ bởi vì chị mệt mỏi quá. Nhưng nói thế thôi, truyện của em hay lắm, hay thật. Em định đem bán nó ở đâu?”

“Đó là chuyện khác,” gã cười.

“Nhưng nếu bán được, thì em liệu được độ bao nhiêu?”

“Ồ, một trăm đô la, ít nhất cũng được thế theo như giá thông thường.”

“Trời! Chị chỉ mong em bán được.”

“Kiếm tiền thế cũng dễ đấy chứ nhỉ!” Rồi gã đặc ý nói thêm. “Em viết xong trong hai ngày đấy, nghĩa là năm mươi đô là một ngày.”

Gã muốn đọc những truyện của gã cho Ruth nghe, nhưng gã không dám. Gã sẽ chờ một vài truyện được đăng báo đã, gã quyết định như vậy, lúc ấy nàng sẽ hiểu vì cái gì mà gã đã làm việc. Trong khi đó gã vẫn tiếp tục làm việc gian khổ. Chưa bao giờ tinh thần phiêu lưu lại quyen rũ gã mạnh mẽ hơn là sự khám phá thám hiểm kỳ diệu cái thế giới của trí óc này. Gã mua những sách về vật lý và hóa học, và cùng với những bài học về đại số, gã làm những bài toán tập và những bài chứng minh. Gã chỉ căn cứ vào lòng tin để lãnh hội những thí nghiệm khoa học: với trí tưởng tượng mạnh mẽ, gã có thể hiểu được những phản ứng hóa học rõ ràng hơn một sinh viên

thường nhìn thấy trong phòng thí nghiệm. Martin cứ mò mẫm qua những trang sách nặng nề, choán ngợp với những mẫu chốt dễ thấu hiểu bản chất của sự vật. Trước kia gã vẫn quan niệm thế giới là thế giới, nhưng bây giờ gã đã hiểu được cấu tạo của nó, tác dụng và phản tác dụng của lực và vật chất. Những lời giải thích tự phát đối với những vấn đề cũ trước đây luôn luôn nảy ra trong trí óc gã. Những định luật về đòn bẩy, về ròng rọc làm cho gã say mê, và óc gã lại miên man quay về với những cần trục, những ròng rọc, những pa lăng^[49] trên tàu biển. Lý thuyết về hàng hải khiến cho con tàu có thể đi không lạc trên biển cả không có đường đi, đối với gã bây giờ đã được giải thích rõ ràng. Những bí mật của bão, mưa, thủy triều đã được phát lộ ra, lý do tại sao có những luồng gió mậu dịch^[50] làm cho gã ngạc nhiên tự hỏi không biết mình viết bài về gió mậu dịch Đông Bắc có quá sớm không. Dù sao gã cũng thấy rằng bây giờ gã có thể viết nó chắc hay hơn nhiều. Một buổi chiều, gã cùng với Arthur đến trường đại học California, gã nín thở và với một niềm kính sợ có tính chất tôn giáo, gã đi qua các phòng thí nghiệm, nhìn những cuộc thí nghiệm chứng minh và nghe một giáo sư vật lý lên lớp cho các sinh viên.

Nhưng gã vẫn không sao nhãng việc viết. Suối truyện ngắn tuôn ra dưới đầu ngọn bút gã, và gã còn để thì giờ làm những bài thơ đơn giản – loại thơ mà gã thấy được in trên các tạp chí. Gã còn lảo đảo mất hai tuần lễ để hoàn thành một vở bi kịch bằng thơ không vần, nhưng bản thảo đã gửi đến năm bảy tờ tạp chí đều bị gửi trả lại ngay khiến gã choáng váng cả người. Rồi gã phát hiện được Henley, và gã viết ngay một loạt những bài thơ về biển dựa theo tập *“Những cảnh trong bệnh viện”*^[51]. Đó là những bài thơ đơn giản của ánh sáng và màu sắc, của ảo mộng và phiêu lưu. *“Những bài ca về biển,”* gã đặt cho chúng một cái tên như vậy và coi đó là tác phẩm hay nhất từ trước đến giờ của gã. Tất cả có ba mươi bài, hoàn thành trong một tháng, mỗi ngày làm một bài sau khi đã viết xong phần về tiểu thuyết trong kế hoạch thường ngày: công việc một ngày của gã bằng công việc cả tuần của một nhà văn thành công bình thường. Lao khổ đối với gã không có nghĩa lý gì. Đó không phải là lao khổ. Gã chỉ cần tìm lời, và tất cả cái đẹp cái kỳ lạ chứa chất hàng bao năm nay sau đôi môi không nói được nên lời, bây giờ tuôn ra thành một dòng thác mạnh mẽ, hung dữ.

Gã không cho ai xem tập “*Những bài ca về biển*,” ngay cả các ông chủ bút. Gã bắt đầu nghi ngờ cả những ông này. Nhưng không phải do nghi ngờ mà gã không gửi tập thơ ấy. Đối với gã nó đẹp quá, gã chỉ có thể để dành cho Ruth trong một thời gian xa xôi, huy hoàng nào đó khi mà gã dám đọc cho nàng nghe những cái gã đã viết. Trong khi đó thì gã vẫn giữ nó riêng cho mình, đọc to lên, đọc đi đọc lại cho đến khi thuộc lòng.

Gã sống từng giây từng phút trong những lúc thức, và gã sống cả trong giấc ngủ, tiềm thức của gã hoạt động mạnh suốt trong năm giờ ngưng trệ ấy, kết hợp những ý nghĩ và sự việc xảy ra trong ngày thành những giấc mơ kỳ quái, không thể có được. Thực ra, gã không nghỉ ngơi, và nếu là một cơ thể yếu đuối hơn, một tinh thần kém kiên định hơn thì nhất định đã gục hoàn toàn rồi. Những buổi chiều gặp gỡ Ruth dần thưa hơn, vì tháng sáu đã sắp tới, và nàng sắp thi tốt nghiệp đại học. Cử nhân văn chương! Khi gã nghĩ đến học vị của nàng, thì hình như nàng bay bổng quá nhanh, gã không sao theo kịp.

Mỗi tuần một buổi chiều gã được nàng cho phép đến thăm; đôi khi đến muộn, gã thường ở lại ăn cơm và sau đó, nghe nhạc. Đó là những ngày hội của gã. Không khí trong gia đình nàng, trái ngược hẳn với cảnh đời gã sống, và mỗi lần ở bên nàng trở về gã càng thấy mình cần nắm chặt hơn cái ý định phải đạt tới những đỉnh cao. Mặc dù gã yêu cái đẹp, mặc dù gã mang nặng niềm ao ước đau đớn của sáng tạo, nhưng thực ra chính vì nàng mà gã đã phấn đấu. Trước hết và bao giờ gã cũng vẫn là người yêu đương. Mọi thứ khác gã đều cho phụ thuộc vào tình yêu. Cuộc phiêu lưu trong tình yêu lớn hơn mọi cuộc phiêu lưu khác trong thế giới tư tưởng của gã. Thế giới, bản thân nó không kỳ ảo vì những phân tử và nguyên tử đã cấu thành ra nó, theo sự thúc đẩy của một động lực không cưỡng lại được, mà nó kỳ ảo chính vì có Ruth sống trong đó. Nàng là một vật kỳ ảo nhất mà gã chưa từng biết, chưa từng mơ, chưa từng nghĩ tới.

Nhưng sự xa cách của nàng luôn luôn đè nặng lên gã. Nàng xa gã quá, gã không biết làm thế nào tới gần được. Đối với những cô gái và những người đàn bà cùng giai cấp, bao giờ gã cũng thành công; nhưng chưa bao giờ gã yêu một người nào trong bọn họ cả, trong khi gã yêu nàng; và chẳng, không phải nàng chỉ thuộc về một giai cấp khác. Chính tình yêu của gã đã

nâng nàng lên trên mọi giai cấp. Nàng là một con người cách biệt, cách biệt quá đến nỗi gã không biết làm thế nào để tới gần nàng như một người yêu phải tới gần. Nói cho đúng gã cũng đã gần nàng hơn khi đã thấu nhận được tri thức và ngôn ngữ, nói theo lời nói của nàng, khám phá ra những ý nghĩ, những thích thú chung, nhưng cái đó vẫn không thỏa mãn lòng ao ước của con người đáng yêu trong gã, đã thần thánh hóa nàng, thần thánh hóa quá đáng, tinh thần hóa quá đáng đến nỗi không thấy có một chút liên hệ nào giữa nàng với gã về xác thịt. Chính tình yêu của gã đã đẩy nàng xa gã và làm cho nàng hình như là người mà gã không sao với tới được. Chính tình yêu đã khước từ không cho gã vật duy nhất mà nó ao ước.

Và rồi, một hôm, không báo trước, cái vực sâu giữa hai người được bắc cầu qua trong phút chốc và sau đó, tuy vực sâu vẫn còn nhưng hình như nó đã mãi mãi thu hẹp hơn rồi. Họ cùng ngồi ăn dâu – những quả dâu to mọng, đen, nước thấm như màu rượu vang. Và sau đó khi nàng đọc to bài thơ “Nàng Công chúa” cho gã nghe, gã chợt thấy vết nhựa dâu còn dính trên môi nàng. Trong lúc đó tất cả cái thần thánh của nàng tan vỡ ra từng mảnh. Nàng là đất sét, xét cho cùng nàng cũng chỉ là đất sét, phải chịu quy luật chung của đất sét cũng như thứ đất sét của gã, hay thứ đất sét của bất cứ người nào. Đôi môi nàng cũng là thịt như đôi môi gã. Dâu in vết lên môi nàng cũng như nó đã in vết lên môi gã. Và nếu môi nàng thế thì tất cả người nàng cũng thế. Nàng là một người đàn bà, chỉ là đàn bà đúng như bất cứ một người đàn bà nào khác. Ý nghĩ đó đến với gã đột ngột. Đó là một sự phát lộ làm gã choáng váng, dường như gã trông thấy tất cả sự trong trắng được tôn thờ bị ô bẩn.

Rồi gã nhận thấy hết ý nghĩa của cái đó, tim gã bắt đầu dần đập rộn, thách thức gã phải thủ trọn vai người tình với người đàn bà này, cái người đàn bà không phải là một tinh thần từ những thế giới khác mà chỉ là một người đàn bà mà nước dâu có thể in vết trên môi. Gã run sợ vì cái ý nghĩ quá táo bạo của mình, nhưng tâm hồn gã reo vang, lý trí gã cũng reo vang trong một bài ca đắc thắng làm cho gã yên tâm rằng ý nghĩ của gã là đúng. Sự thay đổi ấy ở gã, có lẽ nàng cũng nhận thấy đôi phần, vì nàng ngừng đọc, ngược nhìn gã và mỉm cười. Mắt gã rời khỏi đôi mắt xanh của nàng và nhìn vào đôi môi, vết nước dâu làm gã phát điên lên. Tay gã chỉ muốn vung

ra ghì chặt lấy nàng theo lối phóng đảng của cuộc đời xưa cũ. Nàng hình như ngã người về phía gã, đợi chờ, gã phải đem tất cả lý trí ra để kìm mình lại.

“Ông chả nghe tôi đọc một chút nào cả,” nàng bĩu môi.

Rồi nàng cười, thú vị vì sự bối rối của gã, và khi gã nhìn vào đôi mắt thành thực của nàng biết rằng nàng không đoán được một chút nào những ý nghĩ của mình, gã thấy xấu hổ. Trong tư tưởng thực, gã đã quá táo bạo. Tất cả những người đàn bà gã đã quen biết, không có ai là không đoán được, trừ nàng. Và nàng cũng không đoán. Đó là sự khác nhau đấy. Nàng thực là khác. Gã ghê tởm cho sự thô bạo của mình, kinh hoàng trước sự ngây thơ trong trắng của nàng, gã lại nhìn nàng qua vệt thắm. Chiếc cầu bắc ngang đã gãy rồi.

Nhưng dù sao thì sự việc đó cũng đưa gã lại gần nàng hơn. Ấn tượng cứ dai dẳng mãi, và trong những lúc buồn nản nhất, gã lại nghĩ tới nó một cách say sưa. Vệt thắm không bao giờ lại rộng như trước nữa. Gã đã vượt được một khoảng cách rộng lớn mệnh mông hơn cái bằng cử nhân văn chương hay hàng chục cái bằng cử nhân. Nàng trong trắng, điều đó là thực, gã chưa bao giờ mơ được một sự trong trắng như thế, nhưng nước dâu đã in vệt lên môi nàng. Nàng cũng phải chịu tất cả những qui luật của vũ trụ thiên nhiên không tránh được như gã. Nàng cũng phải ăn để sống, và khi chân bị ướt thì cũng cảm lạnh như thường. Nhưng đó không phải là điều chính. Nếu nàng có thể cảm thấy đói, thấy khát, thấy nóng, thấy lạnh, thì nàng cũng có thể cảm thấy yêu đương – và yêu một người đàn ông. Phải, gã là một người đàn ông. Tại sao gã lại không có thể là người đàn ông ấy?

“Việc của ta là phải thành công.” Gã mê man lắm bầm. “Ta sẽ là người đàn ông ấy. Ta sẽ làm cho ta trở thành người đàn ông ấy. Ta phải thành công!”

[48]. *Cerberus*: Theo thần thoại Hy Lạp, *Cerberus* là một con chó dữ, có ba đầu canh cửa địa ngục.

[49]. *Ròng rọc, pa lăng*: Những danh từ, vật lý - tiếng Anh là *block* và *tackles* – Tiếng Pháp là *poulie* và *palan*.

[50]. *Nguyên văn*: *trade wind*

[51] William Ernest Henley (1819-1900), một nhà thơ Anh, bị bạo bệnh mà chết. Tác phẩm nổi tiếng của ông là tập “Những cảnh trong bệnh viện” (Hospital Sketchers).

CHƯƠNG 12

Một buổi chiều, vào lúc chạng vạng, Martin đang ngồi vật lộn với một bài “xonê”^[52], cố gắng nhưng không sao diễn tả hết được cái đẹp và tư tưởng đang lướt qua trí óc gã trong ánh hào quang và màn sương mờ thì có tiếng gọi gã ra nghe điện thoại:

“Có tiếng một tiểu thư gọi, tiếng một tiểu thư mỹ miều đấy.” Lão Higghinbotham lớn tiếng gọi, giọng giễu cợt.

Martin đến chỗ máy điện thoại ở góc phòng. Gã thấy người nóng ran lên khi nghe giọng nói của Ruth. Trong lúc phải vật lộn với bài thơ, gã đã quên mất nàng, và bây giờ nghe tiếng nói của nàng, tình yêu của gã đối với nàng như giáng cho gã một đòn bất ngờ. Một tiếng nói như thế – êm ái, dịu dàng, nghe như tiếng nhạc nhẹ nhàng văng lên từ nơi xa xăm, hay đúng hơn, như tiếng chuông bạc, một giọng nói hoàn toàn trong như pha lê. Không một người đàn bà nào có tiếng nói như thế. Có một cái gì thần tiên trong đó vọng đến từ những thế giới khác. Gã hầu như không nghe thấy Ruth nói gì, gã sung sướng quá; tuy gã cố giấu nổi xúc động, không để lộ ra nét mặt, vì gã biết đôi mắt mèo ranh mãnh của Higghinbotham vẫn chăm chăm nhìn gã.

Ruth cũng không nói gì nhiều – chỉ nói là Norman định đưa nàng đi nghe nói chuyện đêm nay, nhưng anh ta bị nhức đầu, nàng rất thất vọng, nàng đã có vé rồi, nếu gã không bận việc gì khác, thì có thể vui lòng đưa nàng đi được không?

Đi được không? Gã cố nén sự sôi nổi trong giọng nói. Thật là một điều hết sức ngạc nhiên. Gã đã thường gặp nàng ở nhà riêng của nàng. Gã không bao giờ dám mời nàng đi đâu cùng gã. Thật là vô lý, khi hầy còn đứng ở máy điện thoại, nói chuyện với nàng, gã cảm thấy một niềm ao ước mãnh liệt là được chết cho nàng, và những hình ảnh hy sinh anh hùng thành hình và tan biến đi trong đầu óc đang quay cuồng của gã. Gã yêu nàng quá, say mê quá, vô vọng quá. Trong giây phút sung sướng đến điên cuồng ấy, thế mà nàng sẽ cùng đi với gã, cùng đi nghe nói chuyện với gã – với gã, Martin

Eden – nàng bay bổng cao vời vượt xa gã quá đến nỗi hình như gã không còn có thể làm gì khác, chỉ có chết cho nàng. Đó là con đường duy nhất thích hợp để gã có thể giải bày những xúc động mãnh liệt và cao quý của gã đối với nàng. Đó là sự quên mình cao cả của tình yêu chân chính vẫn đến với tất cả những người yêu, và giờ đây nó đến với gã, ở đây, chỗ máy điện thoại này, trong một con lốc của lửa và hào quang; và chết cho nàng, gã cảm thấy là được sống và được yêu đầy đủ. Gã chỉ mới hai mươi một tuổi đời; trước đây gã chưa hề yêu.

Tay gã run lên khi bỏ ống nói xuống. Người gã bủn rủn không còn khí lực vì đã quá xúc động. Mắt gã ánh lên như mắt thiên thần. Mặt gã biến dạng được gột sạch tất cả những dơ bẩn của trần tục, trong trắng và linh thiêng.

“Lại hẹn hò mang nhau đi chơi hử?” Lão anh rề cười đều. “Cậu đã biết cái trò ấy là thế nào đấy. Rồi lại vào “bóp” sớm.”

Nhưng Martin không thể từ đỉnh cao sa ngay xuống được. Ngay cả câu nói bóng nói gió thô tục ấy cũng không thể mang gã về mặt đất được. Gã ở trên mọi giận dữ và tự ái. Gã nhìn thấy mọi viễn tượng vĩ đại và gã như một thiên thần, gã chỉ có thể cảm thấy thương một cách sâu xa, thương vô hạn cái kẻ tiểu nhân ti tiện kia. Gã không nhìn hấn ta, tuy mắt gã có lướt qua, nhưng gã vẫn không trông thấy hấn. Như trong một giấc mơ, gã bước ra khỏi phòng về mặc quần áo. Mãi đến khi về tới buồng mình, thắt xong chiếc “cà vạt,” gã mới thấy có một âm thanh đeo đẳng một cách khó chịu trong tai gã. Thăm tra lại, gã thấy đúng là tiếng khụt khịt cuối cùng của lão Bernard Higghinbotham mà lúc nãy vì làm sao đó chưa lọt vào được óc gã.

Khi cánh cửa nhà Ruth khép lại đằng sau, cùng nàng bước xuống cầu thang, gã mới cảm thấy vô cùng bối rối. Đưa nàng đi nghe nói chuyện chưa hẳn là một niềm hạnh phúc hoàn toàn không vết bợn. Gã không biết phải làm những gì đây. Gã đã trông thấy trên đường phố, những người cùng giai cấp với nàng đi chơi, đàn bà khoác tay đàn ông. Nhưng cũng có khi gã thấy họ không làm thế; gã tự hỏi không biết có phải chỉ buổi tối hay là chỉ có vợ chồng, họ hàng mới khoác tay nhau.

Ngay lúc sắp bước lên vỉa hè, gã nhớ tới Minnie. Minnie vốn là người thích cái lối lịch sự. Hôm đi chơi phố với gã lần thứ hai, cô ta đã phê bình

gã vì gã đã đi ở phía trong và cô giải thích phép xã giao cho gã nghe là một người đàn ông lịch sự khi đi với một phụ nữ bao giờ cũng phải đi ở phía ngoài. Và Minnie thường cứ đá vào gót gã bất cứ lúc nào hai người từ bờ hè bên này bước sang bên kia đường để nhắc gã phải đi ra phía ngoài. Gã không hiểu cô ta đã học được cái phép xã giao ở đâu, có phải là của xã hội thượng lưu hay không, và không biết thế có đúng không.

Khi bước lên vỉa hè gã quyết định thôi, cứ thử làm như thế xem cũng chẳng hại gì. Gã đảo người lui lại sau Ruth và đi ra phía ngoài. Lại một vấn đề khác nảy ra. Không biết gã có nên đưa tay cho nàng khoác không! Suốt đời, gã chưa bao giờ đưa tay cho ai khoác cả. Những người con gái đã biết trước đây không hề khoác tay bạn trai. Thoạt đầu, họ cứ đi bên nhau tự do thoải mái, rồi thì ôm lưng nhau, đến chỗ tối thì người con gái gác đầu vào vai người con trai. Nhưng đây lại khác, nàng không phải là loại con gái ấy. Gã phải làm gì đây.

Gã khuỳnh tay sát ngay cạnh nàng – khuỳnh rất nhẹ nhàng, thậm chí ướm thử chứ không dám mời mọc, làm ra vẻ vô tình, dường như gã vẫn quen đi như thế. Thế rồi cái việc kỳ diệu ấy đã xảy ra. Gã cảm thấy bàn tay nàng đặt lên cánh tay gã. Khấp cơ thể gã run lên khoái cảm khi nàng chạm tới, và trong ít giây phút dịu dàng ấy, gã thấy mình như rời bỏ mặt đất vững chắc này, bay bổng cùng nàng qua không gian. Nhưng gã lại trở ngay về mặt đất, bối rối vì một vấn đề phức tạp mới. Hai người sang bên kia đường. Như thế thì gã sẽ đi vào phía trong mất. Gã phải đi phía ngoài cơ mà. Gã có nên bỏ tay nàng ra và đổi phía không? Nếu gã làm thế thì rồi lần sau sang bên kia đường lại phải làm lại à? Rồi lần sau nữa? Gã thấy có một cái gì không ổn và gã quyết định thôi không chạy quanh làm trò ngớ ngẩn nữa. Tuy nhiên, gã vẫn không thỏa mãn với quyết định đó, khi đi vào phía trong, gã nói thật nhanh, thật sôi nổi cố ý làm ra vẻ như say sưa, như thế nếu có nhầm không đổi phía thì cũng chỉ do gã đang mải mê trong câu chuyện chứ không phải vì vô ý thức.

Khi đi qua Broadway, gã lại gặp một vấn đề mới. Dưới ánh đèn điện sáng rực, gã trông thấy Lizzie Connolly và cô bạn hay cười của cô ta. Gã chỉ do dự một lúc, rồi đưa tay lên ngả mũ ra. Gã không thể phản bội người cũng tầng lớp với mình. Chính vì một cái gì hơn Lizzie Connolly mà gã đã

ngả mũ chào. Cô ta gật đầu, và táo tợn nhìn gã, không phải bằng đôi mắt dịu dàng hiền hậu như đôi mắt của Ruth, mà là đôi mắt đẹp sắc sảo lướt nhìn gã rồi nhìn sang Ruth, để đánh giá nhan sắc, quần áo của nàng và để xem nàng thuộc tầng lớp nào. Và gã nhận thấy Ruth cũng đưa đôi mắt nhanh nhẹn liếc nhìn, đôi mắt e lệ dịu hiền như mắt bồ câu, và chỉ nhìn thoáng, Ruth cũng đã trông thấy người con gái kia trong bộ quần áo rẻ tiền với cái mũ kỳ lạ mà tất cả những người con gái thuộc giai cấp công nhân thường đội.

“Cô ấy đẹp quá!” Một lát sau, Ruth nói.

Martin cũng muốn ca ngợi Lizzie Connolly nhưng gã chỉ nói:

“Tôi cũng không biết nữa. Tôi cho là tùy sở thích từng người. Tôi thấy cô ta cũng không có gì đặc biệt là đẹp cả.”

“Sao, hàng vạn người cũng chẳng có lấy một người có những đường nét đều đặn như của cô ấy. Thật là tuyệt mỹ. Nét mặt cô ấy đều như một bức tượng ngọc thạch. Đôi mắt thật đẹp!”

“Cô nghĩ vậy ư?” Martin lơ đãng hỏi. Vì đối với gã trên đời này chỉ có một người đẹp duy nhất, mà người đó đang ở cạnh gã đây, bàn tay đặt lên cánh tay gã.

“Chứ sao? Nếu cô ấy có hoàn cảnh may mắn được ăn mặc, và được học hành đi đứng, thì tôi dám chắc ông phải choáng người lên vì cô ấy, và tất cả những đàn ông khác cũng vậy.”

“Cô ấy còn phải học tập cả cách ăn nói nữa,” gã nói, “nếu không thì hầu hết những người đàn ông sẽ chẳng ai hiểu nổi cô ta. Nếu cô ta cứ nói tự nhiên như thường thì tôi dám chắc cô không thể hiểu được lấy một phần tư ý của cô ta nói đâu.”

“Vô lý! Tôi thấy ông cũng cố chấp chẳng khác gì anh Arthur khi anh ấy cố bênh vực lý lẽ của mình.”

“Cô đã quên tôi nói như thế nào lần đầu cô gặp tôi? Từ đó đến nay tôi đã học được cách ăn nói mới. Trước kia, tôi nói như cô gái ấy. Bây giờ tôi đã có thể nói theo ngôn ngữ của cô, có thể diễn đạt được tư tưởng của mình làm cho cô hiểu được đầy đủ, có thể cắt nghĩa cho cô rõ những chỗ cô không hiểu trong ngôn ngữ của cô gái nọ, và cô có biết tại sao đáng đi của

cô ấy lại như thế không? Bây giờ tôi mới nghĩ đến những điều đó, tuy rằng trước đây tôi thường không bao giờ nghĩ tới, và tôi bắt đầu hiểu... nhiều.”

“Tại sao đáng đi của cô ấy lại như vậy?”

“Cô ấy phải đứng bên máy hàng giờ liền trong bao nhiêu năm trời. Lúc trẻ, thân thể người ta hãy còn mềm lấm, công việc nặng nhọc sẽ nhào nặn nó như vữa, tùy theo tính chất của công việc. Chỉ nhìn thoáng những người lao động tôi gặp ở phố, tôi cũng có thể nói ngay được nghề nghiệp của họ. Xin cô hãy nhìn tôi đây. Tại sao khi đi, tôi lại cứ lắc lư như vậy. Bởi vì tôi đã sống nhiều năm trên mặt biển. Nếu tôi cũng làm nghề chẵn bờ, nhiều năm như thế, với thân thể còn trẻ và mềm, thì nhất định tôi không đi lắc lư như thế này, mà chân sẽ đi khuynh khuynh. Đối với cô gái kia cũng thế thôi. Cô có nhận thấy đôi mắt mà tôi có thể gọi là sắc sảo của cô ấy không? Cô ấy phải sống một mình không có ai để mà nương tựa. Cô ấy phải tự mình lo lấy thân, và một người con gái còn trẻ thì không thể nào tự lo lấy thân mà vẫn giữ được đôi mắt dịu dàng hiền hậu như... như của cô chẳng hạn.”

“Tôi nghĩ rằng ông nói đúng,” Ruth nói khẽ. “Thật là bất hạnh quá. Cô ấy đẹp như vậy.”

Gã nhìn nàng và thấy mắt nàng ánh lên niềm thương xót. Rồi gã nhớ là gã yêu nàng, gã mê man sung sướng vì cái may mắn đã cho phép gã yêu nàng, cùng khoác tay nàng đi nghe nói chuyện.

“Mày là ai, Martin Eden?” Gã nhìn vào gương tự hỏi, đêm hôm đó, sau khi trở về buồng, gã nhìn gã rất lâu, tò mò. “Mày là ai? Mày là hạng người gì? Địa vị của mày ở đâu? Địa vị của mày chỉ xứng đáng với những người con gái như Lizzie Connolly. Mày thuộc về đám quần chúng lao khổ, với tất cả những gì thấp hèn tầm thường và xấu xí. Địa vị của mày là ở chỗ những con bò, với những công việc trâu ngựa chung quanh toàn là bản thủ, giữa những mùi hôi thối, tanh tưởi. Mùi rau ôi nồng nặc. Khoai tây đang thối đấy. Ngủ đi, mẹ kiếp, hít đi! Thế mà mày vẫn cứ dám mở sách ra, nghe nhạc hay, học đòi yêu tranh đẹp, nói tiếng Anh chính xác, nghĩ những tư tưởng mà những người cùng tầng lớp với mày không ai nghĩ tới, tự giảng mình ra khỏi những con bò và những cô gái như Lizzie Connolly, để mà yêu cái linh hồn cao quý của một người đàn bà cách xa mày hàng vạn dặm

và sống giữa những vì sao! Mà là ai? Mà là hạng người gì? Mẹ kiếp! Mà đã làm được nên trò trống gì?”

Gã giờ nắm tay dọa mình trong gương, ngồi xuống thành giường, mắt mở to nhìn trừng trừng vào khoảng không. Rồi gã lấy ra quyển sổ tay, quyển đại sổ và đắm mình vào những phương trình bậc hai, hàng giờ trôi qua, và sao mờ dần và ánh bình minh sáng ủa vào cửa sổ buồng gã.

[52] sonnet: Một thể thơ gồm mười bốn câu.

CHƯƠNG 13

Chính những buổi hội họp của những nhà xã hội học nhiều lời và những triết gia của giai cấp công nhân ở công viên City Hall vào những buổi chiều ấm áp đã giúp cho gã khám phá ra một điều vĩ đại. Mỗi tháng một hai lần, trên đường tới thư viện, đi xe đạp qua công viên, gã vẫn thường xuống xe đứng nghe họ tranh luận, và lần nào phải dứt mình đi, gã cũng rất tiếc. Cái lối tranh luận nghe có vẻ tầm thường hơn ở bàn nhà ông Morse nhiều. Họ không nghiêm trang, không long trọng. Họ cũng dễ dàng nổi nóng; gọi tên nhau ra mà sỉ vả, chửi rửa tục tĩu là chuyện thường. Một đôi lần, gã thấy họ dùng cả đến quả đấm. Tuy nhiên, gã không hiểu tại sao, trong tư tưởng của những người này có một cái gì đầy sức sống. Cái lối tranh luận âm ỹ ấy kích động trí óc gã mạnh hơn cái lối thuyết lý dè dặt, trầm lặng của ông Morse. Những người này, nói tiếng Anh loạn xạ, vung tay vung chân như những chàng điên, đấu tranh bác những luận điểm của nhau với sự nóng nảy nguyên thủy, hình như lại có vẻ sinh động hơn ông Morse và cái ông bạn tri kỷ Butler của ông ta nhiều.

Martin thấy người ta trích dẫn Herbert Spencer^[53] rất nhiều ở công viên này; nhưng một buổi chiều một đệ tử của ông ta mới xuất hiện, một tay mà cà bông nom phờ phạc xác xơ, áo ngoài bẩn thỉu, khuy cổ cái thật chặt cốt để không ai biết bên trong không có áo sơ mi. Một cuộc tranh luận loạn xạ nổ ra, khói thuốc lá bốc um lên, nước bọt đầy nhựa thuốc bắn tung, anh chàng ma cà bông này đương đắc thắng bên vực quan điểm của mình, ngay cả lúc có một công nhân thuộc đảng xã hội cười khẩy nói mỉa. “Không có Thượng đế, chỉ có cái bất khả tri, và Herbert Spencer là tiên tri của nó.” Martin hoang mang không hiểu cái cuộc tranh luận của họ ra làm sao,

nhưng khi đạp xe tới Thư viện, gã mang theo trong lòng một niềm thích thú mới đối với Herbert Spencer, và vì gã nghe thấy thằng cha ma cà bông cứ nhắc luôn đến cuốn “*Những nguyên lý cơ bản*”^[54] nên gã mượn cuốn đó về.

Và thế là gã bắt đầu khám phá ra một điều vĩ đại. Trước kia gã đã có lần thử đọc Herbert Spencer và để bắt đầu, gã đó chọn cuốn “*Nguyên lý Tâm lý học*.” Gã đã thất bại một cách thảm hại như khi gã đọc bà Blavatsky. Gã không hiểu gì cả và gã đã gửi trả cuốn sách không đọc hết. Nhưng đêm nay, sau khi học xong Đại số và Vật lý, và thử làm một bài “xonê,” gã lên giường, mở cuốn “*Những nguyên lý cơ bản*.” Đến sáng gã vẫn còn đọc. Gã không thể nào ngủ được. Ngày hôm đó gã cũng không viết gì. Gã cứ nằm ở giường cho đến lúc người mới ngủ, rồi gã xuống sàn cứng nằm ngửa ra đọc, giở quyển sách ở trên mặt, quay hết sang phải lại sang trái. Đêm hôm ấy gã ngủ và sáng hôm sau viết. Rồi, cuốn sách lại quyển rũ gã, gã đọc suốt buổi chiều, quên hết mọi việc, quên cả chiều hôm nay là chiều Ruth cho gã tới gặp. Chỉ mãi đến lúc Bernard Higginbotham đẩy cửa hỏi không biết gã có cho đây là một quán ăn hay không thì gã mới tỉnh và nhận ra cái thế giới thực tại chung quanh.

Suốt đời, lúc nào gã cũng bị trí tò mò chế ngự. Gã muốn biết, và chính lòng ham biết này đã đưa gã đi phiêu lưu khắp đó đây. Nhưng bây giờ học ở Spencer, gã mới thấy rằng gã chưa hề biết và có lẽ không bao giờ có thể biết được nếu như gã vẫn tiếp tục đi biển và cứ lang thang cả đời. Gã chỉ mới lướt qua cái bề mặt của sự việc, quan sát những hiện tượng rồi rạc, thu thập từng mảnh của sự vật, khái quát hóa một cách nông cạn vụn vặt – tất cả đều không có liên hệ gì với nhau trong một thế giới hỗn độn hay thay đổi, một thế giới gồm toàn những chuyện bất thường, gặp chằng hay chớ. Trông cánh chim bay, gã lý luận và có thể hiểu được cơ cấu của nó. Nhưng chưa bao giờ gã lại có ý nghĩ tìm hiểu, giải thích quá trình phát triển của giống chim, cách cấu tạo của một cơ thể biết bay. Gã cũng chẳng nghĩ tới là lại có một quá trình như thế. Gã cũng chẳng bao giờ đoán xem giống chim sẽ phát triển đến đâu. Nó vốn như thế. Nó vẫn là thế.

Giống chim như thế, thì tất cả các loài khác cũng thế. Những cố gắng học thử triết học một cách ngu muội không có chuẩn bị trước của gã đã không đem lại cho gã một kết quả nào. Tất cả luận điểm siêu hình trung cổ

của Kant^[55] đã không cho gã chìa khóa để có thể mở được cái gì, tác dụng độc nhất của nó là chỉ làm cho gã đâm ra nghi ngờ cả cái năng lực tri thức của chính mình. Sự cố gắng nghiên cứu thuyết Tiến hóa luận của gã cũng đã như vậy, nó cũng chỉ trôi tròn trong một cuốn sách chuyên môn quá khó hiểu của Romanes^[56]. Gã đã chẳng hiểu gì cả. Và ý nghĩ độc nhất gã đã thấu nhận được là: Tiến hóa luận là một lý thuyết khô như đá, chỉ để dành riêng cho một số ít người có một kho từ ngữ lớn lao và vô cùng bí hiểm. Nhưng bây giờ gã mới thấy rằng Tiến hóa luận không phải chỉ là một lý thuyết đơn thuần mà là một quá trình phát triển đã được thừa nhận và các nhà khoa học không còn tranh cãi gì về điểm này, những ý kiến bất đồng độc nhất của họ chỉ là ở chỗ Tiến hóa như thế nào.

Và đây Spencer đã tập hợp tất cả trí thức lại cho gã, hệ thống hóa chúng lại thành một mối, tổng hợp thành những thực tại cơ bản nhất, mở ra trước đôi mắt kinh ngạc của gã cả một thế giới rất rõ ràng cụ thể như một con thuyền mẫu mà những người thủy thủ làm và để trong chậu kính... Không có chuyện bất thường, không có chuyện ngẫu nhiên. Tất cả đều có luật, chính vì tuân theo qui luật của những giống nguyên sinh động vật sống trong bùn cựa quậy, quần quai, mọc chân mọc cánh và trở thành chim.

Martin leo từ đỉnh nọ lên đỉnh kia của đời sống tri thức, và đây, gã đã tới một đỉnh cao hơn bao giờ hết. Những sự vật bí hiểm đã để lộ trần những bí ẩn của chúng ra. Gã say sưa với hiểu biết. Đêm đêm, trong giấc ngủ, gã sống cùng các vị thiên thần trong một giấc mộng lớn, và ban ngày khi thức dậy gã đi lang thang như một kẻ mộng du, mắt lơ đãng nhìn vào cái thế giới mà gã vừa khám phá ra. Lúc ngồi ăn, gã không để tai tới những câu chuyện nhỏ mọn, tầm thường, trí óc sôi nổi của gã đang tìm kiếm theo dõi nguyên nhân và kết quả của mọi thứ trước mắt. Trong miếng thịt ở trên đĩa kia, gã trông thấy mặt trời sáng chói, và gã còn nghĩ xa xôi hơn, tới nguồn nhiệt năng qua bao nhiêu sự diễn biến từ nơi phát sinh ra nó cách xa hàng trăm vạn dặm, hay là nghĩ tới cái nguồn nhiệt năng đã khiến cho bắp thịt trong cánh tay gã đã chuyển động để gã có thể cắt được miếng thịt và bộ óc đã sai khiến những bắp thịt chuyển động để cắt miếng thịt, cho đến tận khi trong trí tưởng tượng, gã nhìn thấy cũng một mặt trời ấy đang soi rọi trí óc gã. Gã mê man trong ánh sáng đó, không nghe thấy Jim thì thầm “Thằng điên,”

không nhìn thấy bộ mặt lo lắng của bà chị, cũng không nhận thấy ngón tay Higginbotham cứ xoay tròn, trông thấy ngón tay ấy gã tưởng như có những bánh xe đang quay trong đầu lão anh rể.

Cái đã gây ra cho Martin một ấn tượng sâu sắc nhất là sự quan hệ tương hỗ giữa trí thức - giữa mọi tri thức. Gã vốn là người tò mò muốn hiểu sự vật, và bất cứ gã nào nhận được điều gì gã đều phân loại sắp xếp chúng vào những ô riêng của ký ức. Vì vậy, tri thức về nghề biển, gã có cả một kho tàng vĩ đại. Về đàn bà, gã cũng có cả một kho tàng lớn lao. Nhưng hai vấn đề này cũng không có liên quan gì với nhau cả. Giữa hai cái ô của ký ức ấy, không có một mối quan hệ gì. Vì thế, nếu trong cơ cấu tri thức mà lại có một quan hệ nào đó giữa một người đàn bà mắc chứng loạn thần kinh với một chiếc thuyền buồm mang trên đầu mũi một cái máy đo gió, hay dừng lại trong cơn bão táp, thì gã thấy thật là nực cười và không thể nào có được. Nhưng Herbert Spencer đã chỉ cho gã thấy không những nó không nực cười chút nào, mà giữa những cái đó không thể nào không có một mối quan hệ. Mọi vật đều có quan hệ với tất cả những vật khác, từ những vì sao xa xôi nhất trong khoảng không bao la đến hằng hà sa số những nguyên tử trong hạt cát dưới chân ta. Quan niệm mới này làm cho Martin không ngừng kinh ngạc, gã thấy mình luôn luôn đi tìm mối quan hệ giữa các sự vật dưới ánh mặt trời và ở phía bên kia mặt trời. Gã liệt kê một bảng danh sách những sự vật rời rạc không có liên quan tới nhau nhất, và gã bần khoản bút rút cho đến tận khi gã tìm ra được mối quan hệ giữa chúng với nhau – mối quan hệ giữa ái tình, thi ca, động đất, lửa, rắn đuôi kền, cầu vòng, ngọc quý, những quái vật, mặt trời lặn, tiếng gầm của sư tử, hơi đốt, tục ăn thịt người, cái đẹp, sát nhân, những kẻ yêu đương, những điểm tựa và thuốc lá. Như vậy, gã đã tổng hợp vũ trụ lại thành một chính thể, giờ cao lên, nhìn vào đó đi lang thang qua những ngõ hẻm, đường mòn, rừng rậm, không phải như một kẻ lữ hành kinh hãi đi trong sự huyền bí dày đặc, tìm một mục tiêu chưa rõ, mà là một người quan sát, theo dõi tỉ mỉ như trên một tấm hải đồ và dần trở nên quen thuộc với tất cả những điểm cần phải biết. Và càng biết, gã càng say sưa thán phục vũ trụ, cuộc sống nói chung và cuộc sống của riêng gã trong vũ trụ đó.

“Mày điên!” Gã hét to vào bóng mình ở trong gương. “Mày muốn viết, mày đã thử viết, nhưng trong óc mày không có cái gì để mà viết cả. Thử hỏi, trong đầu óc mày có cái gì? Một vài ý niệm ấu trĩ, một ít tình cảm chưa chín, một lô những cái đẹp chưa tiêu hóa được, một đồng ngu muối tôi tằm, một trái tim đầy ứ yêu đương, một tham vọng cũng lớn như tình yêu của mày và cũng vô giá trị như sự ngu muối của mày. Thế mà mày lại muốn viết! Sao, mày chỉ mới bắt đầu tạo cho bản thân mày được đôi chút để viết. Mày muốn sáng tạo cái đẹp, nhưng mày sáng tạo sao được khi mày không biết gì về bản chất của cái đẹp? Mày muốn viết về cuộc sống trong khi mày không hiểu chút gì về những đặc trưng cơ bản của cuộc sống. Mày muốn viết về thế gian và sự sinh tồn trong khi thế gian đối với mày là một cái gì bí hiểm, và tất cả những cái mày viết ra chỉ có thể là những điều mày không hiểu gì về sự sinh tồn. Nhưng cứ vui lên, Martin cậu bé của tôi! Cứ viết đi! Cậu cũng biết một chút đây, một tí chút, và bây giờ cậu đang đi đúng đường để hiểu biết hơn đây. Một ngày nào đó, nếu gặp may, cậu có thể biết được hầu hết những cái cần phải biết. Lúc đó cậu sẽ viết.”

Gã đem điều khám phá vĩ đại này nói với Ruth và chia sẻ cùng nàng tất cả niềm vui và sự kinh ngạc của gã. Nhưng coi bộ nàng không nhiệt tình hưởng ứng lắm. Nàng lặng lẽ nghe gã nói, không phát biểu gì, tựa hồ như nàng cũng đã biết rồi, qua sự nghiên cứu học tập của nàng. Nó không gây cho nàng niềm phấn khởi một cách sâu sắc như nó đã gây cho gã, và gã sẽ rất ngạc nhiên nếu gã không lý luận ra rằng học thuyết này đối với nàng không có gì mới mẻ như đối với gã. Gã thấy Arthur và Norman, cũng tin ở thuyết Tiến hóa luận và cũng có đọc Spencer; tuy học thuyết đó chẳng có một tác dụng gì mạnh mẽ lắm đối với họ, nhưng anh chàng trẻ tuổi đeo kính cận thị, tóc dày cộm Will Olney thì cứ giấu cợt Spencer một cách khó chịu, nhắc đi nhắc lại câu dí dỏm: “Không có Thượng đế, chỉ có cái Bất khả tri, và Herbert Spencer là tiên tri của nó.”

Nhưng Martin sẵn sàng tha thứ cho cái cười giấu cợt ấy của anh ta, vì gã bắt đầu khám phá thấy Olney không yêu Ruth. Về sau, qua những sự việc nhỏ xảy ra gã lại càng ngạc nhiên đến lặng người đi khi thấy không những Olney không để ý đến Ruth mà lại còn ghét nàng thực sự nữa. Martin không thể nào hiểu nổi được điều đó. Đó là một hiện tượng mà gã

thấy không thể nào liên hệ được với những hiện tượng khác trong vũ trụ. Nhưng dù sao gã cũng thấy thương cho cái anh chàng trẻ tuổi này vì trong bản chất của anh ta có một thiếu sót lớn nó ngăn không cho anh ta đánh giá đúng đắn về tế nhị và cái đẹp của Ruth. Một vài chủ nhật họ đạp xe lên đồi chơi và Martin có nhiều dịp để quan sát “cuộc đình chiến tạm thời” giữa Ruth và Olney. Anh chàng này hợp với Norman, mặc cho Arthur và Martin đi theo Ruth; như thế Martin càng biết ơn hẳn.

Những ngày chủ nhật ấy là những ngày vui lớn đối với Martin, lớn nhất vì gã cùng đi với Ruth, và còn vui lớn vì họ đặt gã ngày càng ngang hàng với những chàng trai cùng giai cấp với nàng. Mặc dù họ được học tập có hệ thống chặt chẽ trong nhiều năm, gã thấy về mặt tri thức, gã cũng không thua kém gì họ, và những lúc chuyện trò lâu với họ là những lúc gã được thực hành nhiều môn văn phạm mà gã đã học tập gian khổ. Gã đã vứt bỏ những cuốn sách xã giao, quay lại dùng lối quan sát để biết nên xử sự thế nào cho đúng. Chỉ trừ khi nào vì nhiệt tình sôi nổi quá gã quên khuấy mất, còn luôn luôn gã đề ý đề phòng, chăm chú theo dõi những cử chỉ, học tất cả những phép xã giao nhỏ và lối lịch thiệp của họ.

Việc người ta ít đọc Spencer, có một lúc nào đó đối với Martin là một điều đáng ngạc nhiên.

“Herbert Spencer,” người ngồi bàn giấy ở Thư viện nói. “Ồ, vâng, thật là một bộ óc vĩ đại.” Nhưng ông ta hình như không biết một chút gì về nội dung của cái bộ óc vĩ đại ấy cả. Một buổi tối, trong bữa ăn, khi ông Butler cũng có mặt, Martin hướng câu chuyện về Spencer. Ông Morse chỉ trích một cách cay độc thuyết “bất khả tri” của nhà triết học Anh ấy, nhưng ông cũng thú nhận chưa hề đọc cuốn “Những nguyên lý cơ bản.” Còn ông Butler thì nói rằng ông ta không thể nào chịu nổi được Spencer, chưa hề đọc một dòng nào của anh chàng này, và không có Spencer thì mọi việc của ông ta vẫn cứ ổn cả. Martin thấy nghi ngờ, và nếu gã không tự tin ở bản thân mình, thì có lẽ gã đã công nhận ý kiến chung của mọi người và bỏ Herbert Spencer rồi đấy. Có thể là gã thấy những lời giải thích của Spencer về sự vật có sức thuyết phục: và nhiều lúc gã tự nhủ, bỏ Spencer thì không khác gì một nhà hàng hải vứt bỏ kim chỉ nam và đồng hồ đo tốc độ xuống biển. Vì thế Martin tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng thuyết Tiến hóa luận, và dần dần

nắm được vấn đề một cách chắc chắn hơn, và nhờ có những xác minh vững chắc của hàng ngàn tác giả độc lập nghiên cứu, gã lại càng thêm tin tưởng. Càng nghiên cứu, gã càng thấy có rất nhiều lĩnh vực tri thức chưa được khám phá; gã tiếc rằng ngày lại chỉ có hai mươi bốn tiếng và đối với gã đó là điều buồn bực triền miên.

Vì ngày quá ngắn, nên một hôm gã quyết định bỏ Đại số và Hình học. Môn lượng giác gã không đụng đến. Rồi gã cắt nốt môn Hóa trong chương trình học tập của gã, chỉ giữ lại môn Vật lý.

“Tôi không phải là một nhà chuyên môn!” Gã nói với Ruth để tự bào chữa. “Mà tôi cũng sẽ không cố gắng để trở thành một nhà chuyên môn. Có nhiều lĩnh vực chuyên môn quá, đối với bất cứ một người có học suốt cả đời cũng không thể nắm được lấy một phần mười. Tôi phải tìm học để có tri thức phổ thông. Khi nào cần đến công trình của những nhà chuyên môn, tôi sẽ tra cứu sách của họ.”

“Nhưng như thế thì không giống như là tự ông đã có tri thức,” nàng phản đối.

“Nhưng không cần thiết phải có như thế. Ta phải biết lợi dụng những công trình của các nhà chuyên môn chứ. Chúng chỉ để sử dụng vào những việc ấy thôi. Khi tôi bước vào đây, tôi thấy có những người quét ống khói lò sưởi đang làm việc. Họ là những nhà chuyên môn, khi họ làm xong công việc, cô sẽ được hưởng cái lò sưởi sạch sẽ, mà cũng chẳng cần gì phải biết đến cách cấu tạo của ống khói lò sưởi làm gì.”

“Tôi e rằng ông nói thế hơi ngụy biện.”

Nàng nhìn gã vẻ lạ lùng, gã cảm thấy trong cái nhìn ấy và trong cử chỉ của nàng có ý trách móc. Nhưng gã tin chắc quan điểm của gã là đúng.

“Tất cả những nhà tư tưởng về những vấn đề chung, những bộ óc vĩ đại nhất của thế giới thực ra cũng đều dựa vào những nhà chuyên môn. Herbert Spencer cũng đã làm như vậy. Ông khái quát hóa tất cả những phát kiến của hàng ngàn nhà nghiên cứu. Ông phải sống hàng ngàn cuộc sống mới có thể chính mình làm được tất cả những cái đó. Darwin^[57] cũng vậy. Ông đã lợi dụng tất cả những cái gì các người trồng hoa và các nhà chăn nuôi đã thu lượm được.”

“Anh nói đúng, Martin,” Olney nói. “Anh biết anh đang theo đuổi cái gì, Ruth có biết đâu. Đến chính cô ấy đang theo đuổi cái gì, cô ấy cũng còn chả biết nữa là.”

“Ồ, đúng như vậy đấy,” không để cho Ruth kịp phản đối, Olney cứ nói tiếp. “Tôi biết anh gọi đó là tri thức phổ thông. Nhưng nếu anh cần tri thức phổ thông thì anh học cái gì mà chả được. Anh có thể học tiếng Pháp, hay là anh có thể học tiếng Đức, hay là anh có thể bỏ cả hai thứ tiếng đó mà học Quốc tế ngữ, anh cũng vẫn có được cái vẻ tri thức như thường. Anh có thể học tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh nữa cũng với mục đích đó tuy rằng nó sẽ chẳng bao giờ giúp ích được gì cho anh. Nhưng nó vẫn cứ là tri thức. Sao, cô Ruth đã học tiếng Saxon, và đã thạo - đó là hai năm trước đây – bây giờ tất cả những cái cô ấy còn nhớ lại là “Whan that sweet aprile with his showers soote”^[58] - Có đúng thế không nào?”

“Đấy, thì nó vẫn cho cô cái vẻ tri thức đấy,” anh ta cười lớn và vẫn không cho Ruth phát biểu. “Tôi biết chứ. Chúng ta cùng học một lớp mà.”

“Nhưng anh nói như thể tri thức phải là một phương tiện để làm gì ấy,” Ruth nói to, mắt long lanh, hai má đỏ ửng. “Kiến thức tự nó là mục đích rồi!”

“Nhưng nó không phải là điều Martin cần.”

“Sao anh biết?”

“Anh cần gì nào, Martin?” Olney quay phắt lại phía Martin, hỏi.

Martin cảm thấy rất lúng túng, gã nhìn Ruth cầu cứu.

“Vâng, anh cần cái gì?” Ruth hỏi. “Như thế mới giải quyết được vấn đề.”

“Vâng, tất nhiên, tôi cần tri thức,” Martin đáp ứng. “Tôi yêu cái đẹp, và tri thức sẽ giúp tôi đánh giá cái đẹp một cách sâu sắc hơn, tinh tế hơn.”

Nàng gật đầu, nom bộ đặc thắng.

“Nói bậy, cô cũng thừa biết thế.” Olney đập luôn. “Martin đi tìm sự nghiệp chứ không phải tri thức. Ngẫu nhiên trong trường hợp của anh ấy, tri thức lại gắn liền với sự nghiệp. Nếu anh ấy muốn trở anh một nhà hóa học thì tri thức sẽ không cần thiết. Martin muốn viết văn, nhưng anh ấy không dám nói ra, sợ nói ra thì ý của cô lại thành sai.”

“Mà tại sao Martin lại muốn viết văn?” Anh nói tiếp. “Bởi vì anh ấy không sống trong phú quý. Còn cô thì sao cô lại chắt chiu đầy đủ tiếng Saxon và tri thức phổ thông. Bởi vì cô có phải lo chuyện làm ăn đâu. Ông cụ đã lo hộ cho cô rồi. Ông cụ mua cho cô quần áo và tất cả mọi thứ khác. Thử hỏi học vấn của chúng ta có làm nên cái trò trống gì, học vấn của cô, của tôi, của Arthur, của Norman? Chúng ta đắm mình trong tri thức phổ thông, nên một ngày kia, các ông bố chúng ta có bị phá sản, thì lập tức là ngày hôm sau chúng ta lại chẳng xin thi làm nghề gõ đầu trẻ ấy à. Cô Ruth ạ, lúc bấy giờ công việc tốt nhất mà cô có thể kiếm được là một cái trường nhà quê, hay làm cô giáo dạy nhạc trong một trường nữ học lưu trú.”

“Thế thì xin hỏi, anh sẽ làm gì?” Ruth hỏi.

“Cũng chả làm được cái gì ghê gớm lắm đâu. Tôi có thể đi làm công mỗi ngày một đôla rưỡi, tôi cũng có thể kiếm chân dạy học ở cái trường của lão Hanley. Tôi nói có thể thôi đấy, cô nhớ cho, và cuối một tuần là tôi bị tổng cổ ra vì bất lực.”

Martin chăm chú nghe hai người tranh luận, gã thấy Olney nói đúng nhưng đồng thời gã cảm thấy bức bối vì một thái độ khá ngạo mạn của anh ta đối với Ruth. Một quan niệm mới về tình yêu hình thành trong đầu gã, khi gã nghe hai người tranh luận. Lý trí không có dính dáng gì đến tình yêu. Người đàn bà gã yêu lý luận có đúng hay không cũng chẳng quan hệ gì.

Tình yêu ở trên lý trí. Nếu quả thực nàng chưa đánh giá được đầy đủ sự khẩn thiết của gã là tìm một sự nghiệp, thì điều đó cũng chẳng làm cho nàng kém phần đáng yêu đi chút nào. Nàng hoàn toàn đáng yêu. Và những điều nàng nghĩ không có dính dáng gì đến cái đáng yêu của nàng.

Olney hỏi một câu làm gián đoạn luồng tư tưởng của gã, Martin hỏi lại. “Anh nói gì?”

“Tôi nói, tôi hy vọng anh không đến nổi điên mà đánh vào cái tiếng Latin.”

“Nhưng tiếng Latin không những cho ta tri thức,” Ruth ngắt lời, “nó còn là một công cụ cần thiết.”

“Thế anh có định đánh vào nó không nào?” Olney hỏi Martin về thúc bách.

Martin khó nói quá. Gã thấy rõ Ruth đang nóng lòng đợi câu trả lời của mình.

“Tôi e rằng tôi không có thì giờ,” cuối cùng, gã nói. “Tôi cũng thích lắm, nhưng tôi không có thì giờ.”

“Cô thấy chưa! Không phải Martin đi tìm tri thức đâu.” Olney đắc ý. “Anh ấy đang cố gắng đạt tới một cái gì, làm được một cái gì.”

“Ồ, nhưng đó là sự rèn luyện trí óc, là kỷ luật của trí óc. Chính cái đó làm cho trí óc có kỷ luật.” Ruth nhìn Martin có vẻ chờ đợi, dường như muốn gã thay đổi cái suy nghĩ của mình. “Anh biết đấy, những cầu thủ bóng đá trước một trận đấu lớn cũng phải tập luyện. Đối với một nhà tư tưởng, tiếng Latin cũng có tác dụng như vậy. Nó rèn luyện trí óc.”

“Vớ vẩn vô lý! Đây là điều người ta bảo ta khi chúng ta còn là con nít. Nhưng lúc đó có một điều người ta chưa bảo, người ta để mặc cho chúng ta sau này tự tìm hiểu lấy.” Olney ngừng lại để cho câu nói của mình thêm mạnh, rồi nói tiếp. “Cái điều họ không nói với chúng ta là, tất cả mọi người lịch sự đều phải học tiếng Latin, nhưng không một người lịch sự nào cần phải biết tiếng Latin.”

“Nói thế là quá đáng,” Ruth kêu lên. “Tôi biết anh định xoay câu chuyện cốt để lảng tránh một cái gì.”

“Khôn ngoan thì cũng đúng,” Olney đối lại. “Nhưng lại rất công bằng. Những người duy nhất biết tiếng Latin của họ là những ông bảo chế, những

ông luật sư và những ông giáo dạy tiếng Latin. Nếu Martin muốn trở nên một người như thế, thì tôi nói sai. Nhưng như thế thì anh ấy nghiên cứu Herbert Spencer để làm gì? Martin vừa mới phát hiện ra Spencer, thế là cuống lên ngay. Tại sao? Bởi vì Spencer đã mang anh ấy đến một nơi nào đó. Spencer không thể mang tôi tới một nơi nào, mà cũng không thể mang cô. Chúng ta không có nơi nào mà đi cả. Một ngày kia cô sẽ đi lấy chồng. Còn tôi, cũng chẳng có việc gì mà làm ngoài cái việc lại theo nghề luật sư hay nghề kinh doanh để mà giữ gìn lấy cái gia tài cha tôi sắp để lại cho tôi.”

Olney đứng dậy đi, nhưng ra đến cửa anh còn quay lại, bồi thêm một phát cuối cùng:

“Cô Ruth, xin cô để cho anh Martin được yên. Những cái gì đó lợi cho anh nhất, anh ấy cũng tự biết. Cô cứ xem anh ấy đã làm được những gì thì rõ. Anh ấy làm cho tôi đôi khi thấy chán, chán và xấu hổ cho cái thân tôi. Bây giờ anh ấy biết về thế giới, về cuộc đời, về địa vị của con người, về tất cả mọi thứ hơn là Arthur, hơn là Norman, hơn tôi, hơn cả cô nữa, mặc dù chúng ta biết tiếng Latin, tiếng Pháp, tiếng Saxon và có tri thức.”

“Nhưng Ruth là cô giáo của tôi.” Martin trả lời có vẻ nghĩa hiệp. “Cô ấy có trách nhiệm về những điều tôi học.”

“Khỉ thật!” Olney nhìn Ruth có vẻ ranh mãnh. “Tôi chắc rồi anh lại sẽ nói với tôi là do cô ta khuyên nên anh mới đọc Spencer, có điều là anh không nói thế. Mà cô ta cũng chẳng biết gì về Darwin và Tiến hóa luận hơn là tôi biết về những mỏ vàng của vua Solomon. Thế còn những định nghĩa hắc búa, vỡ đầu về vấn đề này, vấn đề khác của Spencer mà hôm nọ anh ném cho chúng tôi – nào tính bất định, nào tính vô tổ chức, tính đồng loại. Anh cứ thử ném cho cô ấy, xem cô ấy có hiểu một chữ nào không. Đó có phải là tri thức đâu, anh cũng biết đấy. A ta-ra-la, Martin này, nếu anh mà dính vào tiếng Latin là tôi không còn kính nể anh đâu đấy!”

Tuy thích thú với cuộc tranh luận, Martin vẫn thấy có một cái gì đó khó chịu bên trong. Đó là những vấn đề nghiên cứu, những bài học bàn về những tri thức cơ bản. Thế nhưng giọng nói học trò trẻ con nó trái ngược hẳn với những sự lớn lao làm cho gã rung động, trái ngược hẳn với cuộc sống mà gã đã bấu chặt lấy khiến những ngón tay gã đến bây giờ còn cong lại như móng của con đại bàng, trái ngược hẳn với những rung động vũ trụ

làm gã đau nhói, trái ngược với ý thức mình đã làm chủ được mọi vấn đề đang chớm nở trong óc. Gã ví mình như một nhà thơ, trôi dạt đến những bến bờ, của một miền đất lạ, óc chứa đầy sức mạnh của cái đẹp, ngập ngừng ấp úng, cô hát lên bằng một thứ ngôn ngữ man rợ, thô bạo của những người đồng loại với gã trên miền đất này mà vô hiệu. Tình trạng của gã chính là như vậy. Gã đang sống, sống một cách đau đớn trước những sự vật to lớn của vũ trụ, ấy thế mà gã lại cứ phải ngồi vợ vẫn mắt thì giờ, mò mẫm với những câu chuyện của bọn học trò trẻ con, đắn đo suy nghĩ xem có nên học tiếng Latin hay không?

“Tiếng Latin thì dùng làm cái gì được?” Đêm hôm đó, gã đứng trước gương tự hỏi. “Ta muốn rằng những kẻ đã chết cứ mặc cho chúng nằm đấy mà chết. Tại sao ta và cái đẹp trong ta lại bị những kẻ đã chết chi phối? Cái đẹp sống và sống mãi mãi. Ngôn ngữ tồn tại và mất đi. Nó là cái bụi của những kẻ đã chết.”

Và ngay sau đó gã nghĩ rằng gã đã diễn đạt tư tưởng của mình rất rõ ràng, gã lên giường, tự hỏi không hiểu tại sao gã không thể nói được như vậy khi ngồi với Ruth. Lúc ở trước mặt nàng, gã chỉ là một cậu học trò, với ngôn ngữ của một cậu học trò.

“Hãy cho ta thời gian!” Gã nói lớn, “chỉ cần cho ta thời gian.”

Thời gian! Thời gian! Đó là lời than không dứt của gã.

[53]. *Một nhà triết học tư sản Anh (1820-1918). Ông ta phản đối lý luận Cách mạng xã hội.*

[54]. *Năm 1860, Herbert Spencer xuất bản cuốn “Tổng hợp triết học để yếu.” Bộ thứ nhất xuất bản năm 1862 là bộ “Những nguyên lý cơ bản,” tiếp đó đến “Nguyên lý sinh vật học” “Nguyên lý tâm lý học.” “Nguyên lý xã hội học” và “Nguyên lý luân lý học.” Năm 1895 thì xuất bản toàn bộ.*

[55]. *Immanuel Kant (1724-1804) – một triết gia Đức chủ trương thuyết Bất khả tri. Ông cho rằng người ta chỉ có thể hiểu được hiện tượng của sự vật chứ không thể nào hiểu được bản chất của sự vật.*

[56]. *Georges John Romanes (1848-1896), một nhà sinh vật học người Anh.*

[57] *Charles Darwin (1808-1892): bác học người Anh. Tác giả cuốn “Thuyết tiến hóa luận” Thuyết di truyền của Darwin đã có tác dụng to lớn.*

[58] *Một câu thơ của Chaucer (1340-1400), một nhà thơ Anh lớn. Câu thơ viết theo ngôn ngữ thời Trung cổ (Middle-Age English) có nghĩa là: khi tháng tư êm đềm tới với những trận mưa nhẹ.*

CHƯƠNG 14

Không phải vì Olney, nhưng bất chấp cả Ruth, cả tình yêu của gã đối với cô, cuối cùng, gã quyết định không học tiếng Latin. Tiền của gã là thời gian. Có rất nhiều cái quan trọng hơn tiếng Latin, còn nhiều vấn đề nghiên cứu đang ra mệnh lệnh thúc bách gã. Và gã phải viết. Gã đã kiếm tiền. Gã vẫn chưa có một bài nào được báo nhận đăng. Bốn mươi tập bản thảo cứ đi vòng mãi không ngừng, quanh các tạp chí. Không biết những người khác làm thế nào với tác phẩm của mình? Gã ngồi hàng giờ trong phòng đọc công cộng, đọc đi đọc lại những cái mà người khác viết, nghiên cứu tác phẩm của họ một cách say sưa và có phê phán, so sánh với tác phẩm của gã, và cứ ngạc nhiên hoài về cái mảnh lối bí mật họ đã khám phá ra khiến họ có thể bán được tác phẩm của họ.

Gã ngạc nhiên về số lượng khổng lồ của những cái đã được in bây giờ đang nằm chết dí một xó. Không một chút ánh sáng, không một sức sống, không một chút màu sắc nào xuyên qua nó. Không có một chút hơi thở nào của cuộc sống trong đó, thế mà chúng vẫn bán được, hai xu một chữ, hai mươi đôla một ngàn chữ - những bài cắt trong tờ báo hàng ngày đã nói thế. Gã lạ lùng thấy có biết bao nhiêu truyện ngắn, nhiều không thể đếm được, viết thì cũng thanh thoát, khéo léo – gã thừa nhận như vậy – nhưng hoàn toàn không sinh khí, không hiện thực.

Cuộc sống lạ lùng và kỳ ảo biết bao nhiêu, nó chứa đầy những vấn đề to lớn, những giấc mơ, những hành động anh hùng, ấy vậy mà những truyện này chỉ nói nói đến những cái tầm thường của nó. Gã cảm thấy sức mạnh và sự thôi thúc của cuộc sống, những cơn sốt nóng, những giọt mồ hôi, những sự dấy loạn hung bạo – chắc chắn đó là những cái cần phải viết. Gã muốn ca ngợi những kẻ dẫn đường cho những niềm hy vọng bị lãng quên, những kẻ cuồng si, những người khổng lồ chiến đấu trong gian lao khổ ải, trong khủng khiếp và bi thảm, đem hết sức mạnh của mình làm cho cuộc sống rạn

nút ra. Ấy thế mà những truyện ngắn trong các tạp chí kia hình như chỉ chăm chăm chú ca ngợi những hạng người như ông Butler, những kẻ chạy theo đồng đôla bản thủ, những mẫu chuyện tình ái nhỏ bé, tầm thường của những người đàn ông, đàn bà nhỏ bé tầm thường. Phải chăng những ông chủ bút của những tờ tạp chí kia cũng tầm thường? Gã tự hỏi. Hay là những nhà văn, những ông chủ bút, nhưng người đọc bản thảo họ sợ cuộc sống?

Nhưng khó khăn chủ yếu của gã là gã không quen một ông chủ bút hay một nhà văn nào. Không những gã không quen một nhà văn nào, mà còn chẳng biết một người nào có ý định viết văn nữa. Không có ai là người bảo cho gã biết, gợi ý cho gã, khuyên gã lấy một lời. Gã bắt đầu nghi ngờ những ông chủ bút không phải là những con người thực. Họ hình như chỉ là những răng cưa bánh xe trong một bộ máy. Đúng thế đấy, một cái máy. Gã đã dốc hết tâm hồn mình vào những truyện ngắn, những bài báo, những bài thơ và đã đem giao phó chúng cho một cái máy. Cũng như vậy, gã đã gập chúng lại, gửi tem đúng qui định kèm theo với bản thảo bên trong chiếc phong bì dài, gắn si lại, dán thêm tem bên ngoài và bỏ vào hòm thư. Nó đã chu du khắp lục địa và sau một thời gian, người đưa thư lại đem trả lại gã bản thảo trong một chiếc phong bì dài khác, bên ngoài dán những con tem gã đã gửi kèm đi. Ở đầu bên kia không có một người chủ bút nào, mà chỉ có một bộ máy tinh quái đã chuyển tập bản thảo từ phong bì này sang phong bì khác và dán tem lên đó. Thật đúng như một cái máy bán hàng tự động, bỏ một đồng xu vào đó, máy kêu xòeng xọc và nhả ra một thanh kẹo cao su, hay một thỏi sôcôla. Tùy theo bỏ xu vào khe nào thì sẽ được hoặc sôcôla hay kẹo cao su. Với cỗ máy xuất bản cũng vậy, khe này thì nhả ra những ngân phiếu, khe kia những thư từ chối. Cho đến bây giờ gã chỉ thấy khe kia thôi.

Chính những mảnh thư từ chối ấy đã hoàn thành quá trình làm việc như máy đánh kinh sợ ấy. Chúng đều in sẵn theo mẫu cố định và gã đã nhận được hàng trăm mảnh, mỗi bản trong những bản thảo đầu tiên ít nhất cũng nhận được hàng tá, hay hơn nữa. Chỉ cần gã nhận được một dòng, dòng viết tay cùng với một mảnh thư từ chối trong tất cả những mảnh thư từ chối kia, gã cũng đủ thấy sung sướng rồi. Nhưng không có một ông chủ bút nào đã tỏ ra ông ta đang tồn tại. Và gã chỉ có thể kết luận rằng ở đầu bên kia không

những không có con người bằng da bằng thịt có tấm lòng ấm áp, mà chỉ có những răng cưa dầu mỡ trơn tru, quay thật đều, thật đẹp trong bộ máy này.

Gã là một kẻ chiến đấu kiên cường, nhiệt thành bất khuất, gã sẽ vui lòng tiếp tục nuôi dưỡng cái bộ máy đó nhiều năm nữa. Nhưng gã đã đổ máu đến kiệt sức, bây giờ không phải hàng năm, mà là hàng tuần sẽ quyết định cuộc chiến đấu. Mỗi tuần tờ hóa đơn thu tiền trợ lại đưa gã tới gần chỗ chết hơn, trong khi số tiền mua tem cho bốn mươi tập bản thảo kia cũng làm gã đổ máu nhiều không kém. Gã không mua sách nữa. Gã tiết kiệm đến mức ti tiện, cố tìm cách trì hoãn cái kết thúc không thể tránh khỏi được ấy; tuy nhiên, gã vẫn không biết tiết kiệm ra sao, gã đã cho Marian năm đô la để may áo, và như thế, ngày chết của gã lại rất gần thêm một tuần nữa.

Gã vật lộn trong đêm tối, không nhận được một lời khuyên bảo, không một lời khuyến khích và ở trong một tình trạng gần như tuyệt vọng. Đến ngay chị Gertrude cũng đã bắt đầu không tin gã nữa. Lúc đầu, chị còn tha thứ cho gã với tình thương yêu của một người chị những cái mà chị cho là xuẩn ngốc, nhưng bây giờ vì nỗi băn khoăn của một người chị, chị đâm ra lo lắng. Đối với chị, sự xuẩn ngốc đã trở thành sự điên rồ, Martin hiểu điều đó và thấy đau đớn thậm thía hơn sự khinh bỉ ra mặt và đều cẳng của Bernard Higginbotham. Martin tin ở mình, nhưng gã đơn độc trong niềm tin ấy. Ngay cả Ruth cũng không có lòng tin. Nàng muốn gã chuyên tâm vào việc học, và tuy nàng không phản đối ra mặt công việc viết lách của gã nhưng nàng cũng không bao giờ tán thành cả.

Gã chưa bao giờ đưa cho nàng xem tác phẩm của mình. Một sự thận trọng ngại ngùng đã ngăn cản gã. Hơn nữa, nàng đang phải học rất căng ở trường đại học, gã cảm thấy không đành lòng phải lấy mất thời gian của nàng, nhưng khi nàng thi đỗ xong, chính nàng đã hỏi gã cho xem một số những bài gã đã viết. Martin thấy vừa sung sướng vừa ngượng ngùng. Đã có một nhà bình luận rồi đây. Nàng, một cử nhân văn chương. Nàng đã nghiên cứu văn học dưới sự chỉ dẫn của các giáo sư có tài. Có thể những ông chủ bút cũng là những nhà bình luận có khả năng? Nhưng nàng sẽ khác những ông đó. Nàng sẽ không đưa cho gã một mảnh thư từ chối in sẵn theo mẫu cố định, nàng cũng sẽ không nói rằng tác phẩm của gã không được ưa thích, nhất thiết không phải vì nó không có một giá trị gì. Nàng sẽ nói như

một con người có một tấm lòng ấm áp, nói hoạt bát, nói trong sáng, và quan trọng hơn hết, nàng sẽ thấy được con người Martin Eden thật. Trong tác phẩm của gã, nàng sẽ thấy rõ trái tim và tâm hồn gã như thế nào, nàng sẽ đi tới một chỗ hiểu một đôi chút, một đôi chút ít ỏi thôi về những giấc mơ của gã, và năng lực mạnh mẽ của gã.

Martin thu thập một số bản thảo đánh máy, những truyện ngắn, rồi do dự một lúc, gã thêm vào đó cả tập *“Những bài ca về biển.”* Một buổi chiều cuối tháng sáu, gã cùng nàng đi xe đạp lên đồi. Đây là lần thứ hai, gã đi chơi một mình với nàng, và trong khi người đi trong bầu không khí ấm áp ngát hương, mát lạnh vì có gió biển thổi về, gã cảm thấy một cách sâu xa rằng thế giới chung quanh thật là đẹp, thật có trật tự, được sống và được yêu là một điều hạnh phúc. Họ để xe đạp bên lề đường, trèo lên một đỉnh đồi trọc đất nâu, có chấy nắng tỏa ra hương vị của mùa gặt dịu dịu, khô khô, dễ chịu.

“Công việc của nó đã làm xong,” Martin nói, khi hai người ngồi xuống, nàng ngồi lên áo của gã, còn gã thì nằm dài trên mặt đất ấm áp. Gã hít mạnh mùi hương dịu dịu của cỏ xém nắng. Hương cỏ thấm vào óc gã, làm cho tư tưởng của gã quay cuồng suy từ cái riêng đến cái chung. “Nó đã hoàn thành lý do để tồn tại,” gã nói tiếp, tay mân mê đám cỏ khô một cách triu mến. “Nó vươn lên rất nhanh với tham vọng dưới những trận mưa ảm đạm của mùa đông vừa qua, nó chiến đấu với mùa xuân sớm dữ dội, bùng nổ hoa, quyến rũ những côn trùng và loài ong, gieo rắc hạt giống, hoàn thành nhiệm vụ trước cuộc đời và...”

“Tại sao anh luôn luôn nhìn sự vật bằng một con mắt thực tế khủng khiếp như vậy?” Nàng ngắt lời.

“Bởi vì tôi đang nghiên cứu Tiến hóa luận, tôi chắc thế. Nói thực ra thì chỉ gần đây tôi mới biết nhìn.”

“Nhưng đối với tôi, hình như cứ nhìn một cách thực tế như vậy, thì anh đã để mất cái nhìn về đẹp, anh sẽ tàn phá cái đẹp, chẳng khác gì những cậu bé bắt bướm rồi đem tuốt nhung tơ ra khỏi đôi cánh đẹp của chúng.”

Gã lắc đầu.

“Cái đẹp có ý nghĩa, nhưng trước đây tôi không hề biết ý nghĩa của nó. Tôi đã thừa nhận cái đẹp như một cái gì vô nghĩa, như một cái gì chỉ đẹp

thôi, chẳng có ý nghĩa lý gì. Tôi không hiểu một chút gì về cái đẹp. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu, hay nói cho đúng hơn, tôi vừa mới bắt đầu hiểu. Giờ đây, ngọn cỏ này đối với tôi đẹp hơn vì tôi biết được tại sao nó là cỏ, biết được những tác dụng hóa hợp bí ẩn của mặt trời, của mưa, của đất đã tạo nó thành cỏ. Chứ sao, trong lịch sử cuộc sống của bất cứ ngọn cỏ nào cũng đều có chuyện mơ mộng, đúng thế, mà còn có cả phiêu lưu mạo hiểm nữa. Chỉ nghĩ thế thôi cũng đủ làm cho lòng tôi rung động. Khi nghĩ tới tác dụng của lực và vật chất và tất cả cuộc vật lộn sống còn khủng khiếp của nó, thì tôi cảm thấy dường như tôi có thể viết được một thiên anh hùng ca về cỏ.”

“Anh nói hay quá!” Nàng nói, vẻ lơ đãng và gã nhận thấy nàng đang dăm dăm nhìn gã.

Trong giây lát, gã thấy bối rối, lúng túng, máu dồn lên đỏ rực cả mặt, và cổ.

“Tôi hy vọng rằng tôi đang học tập để nói,” gã đáp ứng. “Hình như trong tôi có nhiều cái tôi muốn nói, nhưng những cái đó lớn quá, tôi không thể tìm được cách nào để nói ra những cái thật sự trong tôi. Đôi khi tôi thấy hình như cả thế giới, cả cuộc đời, mọi vật ngự trị trong tôi, chúng thúc giục tôi phải thay chúng mà nói lên. Tôi cảm thấy, ôi... tôi không thể nào diễn đạt được. Tôi cảm thấy cái lớn lao của nó, nhưng khi nói tôi lại bập bẹ như một đứa trẻ thơ. Biến đổi những ý nghĩ, nhưng cảm giác được thành lời – viết hay nói – làm sao khi vào trong người đọc, người nghe, lời ấy biến đổi trở lại cũng thành những ý nghĩ, những cảm giác giống hệt như trước, thì đấy là một việc làm lớn lao. Đó là một nhiệm vụ cao quý. Cô nhìn xem, tôi vùi mặt tôi vào đám cỏ, làn hương tôi hít qua lỗ mũi làm cho tôi run lên với trăm ngàn ý nghĩa và mộng tưởng. Đó là hơi thở của vũ trụ mà tôi thở hít, tôi đã biết câu ca và tiếng cười, thành công và đau khổ, đấu tranh và chết chóc; và qua làn hương thơm của cỏ vì lý do này khác tôi trông thấy những hình ảnh trời dậy trong óc tôi, tôi muốn kể lại những cái ấy với cô, với mọi người. Nhưng tôi biết làm thế nào? Lưỡi tôi bị buộc chặt. Tôi đã thử bằng lời nói, như bây giờ, để miêu tả cho cô rõ cái tác động của hương cỏ đối với tôi. Nhưng tôi đã không thành công. Tôi chỉ mới đả động được đến một chút bằng những lời nói vụng về. Những lời nói của tôi, tự tôi cũng thấy lúng búng, ấy thế nhưng tôi vẫn thấy như nghẹn lại với niềm ao ước muốn

nói. Ôi!” Gã vung tay lên với dáng điệu thất vọng. “Không thể được! Không thể hiểu được! Không thể truyền đạt được!”

“Nhưng anh nói hay đấy chứ!” Nàng nhắc lại. “Cứ thử nghĩ anh đã tiến bộ như thế nào trong thời gian ngắn từ khi tôi biết anh. Ông Butler là một diễn giả có tiếng. Trong những kỳ bầu cử ông ấy luôn luôn được Hội đồng Nhà nước mời đi diễn thuyết, thế mà tối hôm nọ trong bữa ăn anh đã nói hay chẳng kém gì ông ta. Có điều là ông ta điềm tĩnh hơn. Còn anh thì sôi nổi quá, nhưng rồi dần dần nhờ luyện tập, anh cũng sẽ khắc phục được cái đó. Sao, rồi anh cũng sẽ thành một diễn giả có tài. Anh có thể đi xa nếu anh muốn. Anh là người có tài. Anh có thể lãnh đạo được người khác, tôi tin chắc như vậy. Bất cứ một việc gì mà anh đã nhúng tay vào thì không có lý do gì anh không thành công, như anh đã từng thành công với cuốn ngữ pháp. Anh có thể trở thành một luật sư giỏi, một nhà hoạt động chính trị xuất sắc. Không gì có thể ngăn anh đạt được những thành công lớn như ông Butler. Và chỉ kém cái bệnh khó tiêu.” Nàng nói thêm và mỉm cười.

Hai người tiếp tục nói chuyện, nàng vẫn cứ nhắc đi nhắc lại một cách nhẹ nhàng thân ái, sự cần thiết phải có một nền học vấn cơ bản đầy đủ, và ích lợi của tiếng Latin; muốn làm nên sự nghiệp gì cũng phải lấy nó làm nền tảng. Nàng vẽ lên con người thành đạt lý tưởng của mình, phần lớn dựa vào hình ảnh của cha nàng, và một vài đường nét, màu sắc không thể chèn vào đâu được của hình ảnh ông Butler. Gã nghe say sưa, nằm ngược mắt lên, thích thú nhìn đôi môi nàng cử động khi nàng nói, tai lắng nghe, nhưng óc không thể tiếp thu được lời nào. Những bức tranh nàng vẽ lên chẳng có gì quyến rũ cả. Gã cảm thấy một nỗi thất vọng đau đớn, và tình yêu của gã đối với nàng lại càng làm cho gã cảm thấy đau đớn thấm thía hơn. Trong tất cả những lời nàng nói, không một lời nào đã động đến chuyện viết lách của gã, và những tập bản thảo gã mang theo để đọc bị bỏ quên trên mặt đất.

Sau cùng, ngừng lại một lát, nhìn mặt trời xem còn cách chân trời bao xa, gã cầm tập bản thảo lên để nhắc khéo nàng.

“Áy tôi quên mất,” nàng nói nhanh, “tôi muốn nghe lắm.”

Gã đọc cho nàng nghe một truyện ngắn, một truyện mà gã tự hào cho là một trong những truyện hay nhất. Gã đặt tên cho nó là: “*Men rượu của cuộc đời*.” Chát men ấy đã thấm vào óc gã khi gã viết, bây giờ lại thấm vào

óc gã khi gã đọc. Có một cái gì kỳ diệu khi cốt truyện hình thành trong óc gã lúc ban đầu, và gã đã tô điểm nó nhờ sức mạnh kỳ diệu hơn của lời và từ. Tất cả ngọn lửa, tất cả nhiệt tình lúc gã bắt đầu viết lúc bấy giờ lại sống dậy trong gã; gã bị xô đẩy, lôi cuốn đi, đến nỗi gã không còn trông thấy, không còn nghe thấy những thiếu sót của nó nữa. Nhưng đối với Ruth thì không như vậy. Cái tai đã được rèn luyện của nàng thấy ngay những chỗ yếu, những chỗ quá đáng, quá cường điệu của người mới tập viết, và nàng nhận ra ngay mỗi khi nhịp câu bị hẫng và sai. Thực ra, nàng hầu như cũng không thấy rõ nhịp điệu của câu văn, chỉ trừ những đoạn quá khoa trương, những lúc ấy nàng cảm thấy rất khó chịu vì lối viết vụng về, non kém của nó. Ý kiến nhận xét cuối cùng của nàng về toàn bộ câu chuyện là – còn non kém, tuy nàng không nói ra với gã. Trái lại, khi gã đọc xong, nàng chỉ nêu lên một vài nhược điểm nhỏ và nói là nàng thích truyện này.

Nhưng gã đã thất vọng. Những lời phê bình của nàng là đúng. Gã thừa nhận điều đó, nhưng gã lại thấy rằng không phải gã mang tác phẩm của gã đọc cho nàng nghe với mục đích để nàng sửa chữa theo kiểu học trò như vậy. Những chi tiết nhỏ nhặt ấy có gì đáng kể. Tự chúng rồi cũng sẽ giải quyết được thôi. Gã có thể sửa chữa chúng, có thể học để sửa chữa chúng. Gã đã bắt được một cái gì lớn lao từ cuộc sống và gã, muốn nắm giữ nó trong truyện của mình. Gã đã đọc cho nàng nghe cái lớn lao ấy từ cuộc sống chứ không phải những câu cú, những dấu chấm phẩy. Gã muốn nàng cũng cùng cảm thấy với gã cái lớn lao ấy, cái mà gã đã nhìn thấy bằng chính đôi mắt, đã nắm được bằng chính bộ óc, đã ghi chúng lên những trang giấy đánh máy bằng chính đôi tay của gã. Phải, mình đã thất bại rồi, gã thầm nghĩ như vậy. Có lẽ các ông chủ bút đúng chẳng. Gã cảm thấy cái lớn lao, nhưng truyền cảm lại thì gã đã thất bại. Gã giấu nỗi thất vọng của mình, và tiếp thu lời phê bình của nàng một cách dễ dàng đến nỗi nàng không thể nhìn thấy là sâu xa trong lòng gã đang rộ lên một phản ứng ngầm mãnh liệt.

“Còn truyện sau đây tôi đặt tên là “*Cái soong*,”” gã vừa nói vừa giở tập bản thảo. “Nó bị bốn, năm tạp chí từ chối không đăng, nhưng tôi vẫn cho là nó hay. Thực ra, tôi cũng không biết nghĩ về nó thế nào, có điều tôi thấy ở

nó có một cái gì đó. Có thể không làm cho cô xúc động như nó đã làm cho tôi xúc động. Đó là một truyện ngắn – chỉ có hai ngàn chữ thôi.”

“Sao mà rùng rợn thế,” nàng kêu lên khi gã đọc xong. “Thật là khủng khiếp, khủng khiếp quá!”

Gã nhận thấy mặt nàng tái nhợt, mắt gã mở to căng ra, tay nắm chặt lại, và trong thâm tâm gã thấy thỏa mãn. Gã đã thành công. Gã đã truyền đạt được những ảo tưởng và cảm giác từ trong óc gã ra. Câu chuyện đã trúng đích bất luận nàng thích hay không thích nó, nhưng nó đã nắm được nàng, chinh phục được nàng, bắt nàng ngồi đó nghe và quên đi những chi tiết vụn vặt.

“Đó là cuộc sống,” gã nói, “và cuộc sống thì không phải lúc nào cũng đẹp. Tuy nhiên, có thể là tại vì tôi sinh ra khác với người khác nên tôi vẫn thấy có một cái gì đẹp ở trong đó. Đối với tôi cái đẹp hình như tăng lên bội phần vì ở trong đó...”

“Nhưng tại sao người đàn bà đáng thương ấy lại không thể...” nàng ngắt lời gã, giọng đứt quãng và để lộ sự phản ứng trong tư tưởng, nàng chỉ kêu lên: “Ôi! Thật là sa đọa! Không đẹp một chút nào! Thật là bản thiêu!”

Trong giây lát tim gã hình như ngừng đập. Bản thiêu! Gã không bao giờ ngờ tới điều đó. Ý gã không phải như thế. Cả câu chuyện hiện ra trước mắt gã, bằng những nét chữ lửa, tỏa ánh hào quang rực rỡ, gã không tìm đâu thấy cái gì là bản thiêu cả. Rồi tim gã lại đập. Gã không có tội.

“Tại sao anh không chọn một đề tài đẹp hơn?” Nàng nói. “Chúng ta biết trên đời này có nhiều cái bản thiêu nhưng không có lý do gì...”

Nàng nói tiếp có vẻ bức bối lắm, nhưng gã không nghe nàng nói. Gã mỉm cười với mình khi gã ngược nhìn bộ mặt trong trắng của nàng, nó ngây thơ quá, ngây thơ một cách lạ lùng, sự trong trắng của nó hình như luôn luôn thấm vào người gã, gột sạch những dơ bẩn khỏi người gã, tắm gã trong bầu ánh sáng trong nhẹ lâng lâng, mát dịu, mượt như ánh sao “*Chúng ta biết trên đời này có nhiều cái bản thiêu,*” gã mỉm cười, thầm thích thú thấy nàng tưởng mình thực sự hiểu biết.

Ngay sau đó hăng hà sa sô những chi tiết sự việc vụt hiện ra trong trí gã, gã trông thấy biến cả mệnh mệnh tràn ngập những cái bản thiêu của cuộc đời nơi mà gã đã từng biết và qua lại bao lần, gã tha thứ cho nàng vì đã

không hiểu câu chuyện. Nếu nàng không thể hiểu được thì cũng không phải là lỗi tại nàng. Gã cảm ơn Thượng đế vì nàng đã được sinh ra và được che chở để ngây thơ như vậy. Nhưng gã đã hiểu đời, với tất cả sự bản thủ cũng như tất cả cái đẹp của nó, tất cả cái vĩ đại của nó mặc dù có bị bùn nhơ làm cho ô uế, và trời ơi! Gã sẽ nói hết về những cái đó ra với mọi người. Các thánh thần trên Trời! – nhất định là phải đẹp đẽ trong trắng, còn khác sao được? Không cần phải khen họ. Nhưng thánh thần trong bùn nhơ, - A! Đó mới thật là một sự kỳ diệu vĩnh cửu. Đó chính là cái làm cho cuộc đời đáng sống. Trông thấy đạo đức cao cả vượt ra khỏi vũng bùn nhơ của tội lỗi: tự vươn mình lên nhìn thấy cái đẹp ban sơ, mờ mờ, xa xăm qua đôi mắt hãy còn dính bùn; trông thấy sức mạnh, chân lý và phẩm chất tinh thần cao quý vượt ra khỏi sự yêu đuối, mỏng manh, xấu xa và thô bỉ...

Gã chợt nghe thấy một câu nàng thốt ra.

“Lời văn đều tầm thường. Mà trên đời này thì có bao nhiêu là cái cao cả. Chẳng hạn như tác phẩm “Kỷ niệm.””^[59]

Gã định dẫn chứng bài “Locksley Hall” và có lẽ đã nói ra nếu như gã không bị cái ảo ảnh nắm giữ lại khiến gã chỉ chăm chăm nhìn nàng, người đàn bà đồng loại với gã, cái người mà từ chất men đầu tiên đã bò ra leo lên cái thang bao la của cuộc sống, qua hàng trăm ngàn thế kỷ đã tới được bậc cao nhất để trở thành Ruth ngày nay trong trắng, đẹp đẽ, thần tiên, có sức mạnh làm cho gã biết yêu đương, biết vươn tới cái trong trắng, ao ước được hưởng cái thần tiên; và gã – Martin Eden, do một sự biến ảo kỳ lạ, cũng đã vươn lên ra khỏi vũng bùn nhơ rác rưởi, và muốn ngăn những sai lầm, những thất bại trong quá trình thai nghén sáng tạo khôn cùng. Đó là ảo mộng, là kỳ diệu, là huy hoàng. Đó là cái để mà viết, chỉ cần gã tìm được lời. Các thánh thần trên trời! Họ chỉ là thánh thần và không thể làm gì khác được. Nhưng gã là một con người.

“Anh có sức mạnh,” gã chợt nghe thấy tiếng nàng nói. “Nhưng đó là một sức mạnh thiếu rèn luyện.”

“Như một con bò mộng trong cửa hàng đồ sứ,” gã nói đùa và nàng mỉm cười.

“Anh cần phải phát triển óc suy luận, cần phải để ý tới khiếu thẩm mỹ, sự tế nhị và phong cách nữa.”

“Cái gì tôi cũng dám làm hết,” gã lẩm bẩm.

Nàng mỉm cười tán thành, và chuẩn bị lắng nghe một truyện khác.

“Tôi không biết cô sẽ nghĩ gì về truyện này,” gã biện bạch. “Nó kỳ lạ lắm. Tôi e rằng tôi làm quá sức mình. Nhưng những ý định của tôi là tốt. Xin cô đừng quan tâm tới những nét nhỏ nhặt. Cô thử xem cô có thể cảm thấy được cái lớn lao trong đó không. Nó lớn lao, chân thật, nhưng rất có thể là tôi diễn đạt không được rõ ràng.”

Gã đọc, vừa đọc vừa nhìn nàng. Cuối cùng, gã đã tới được nàng, gã nghĩ thế. Nàng ngồi không động đậy, mắt đăm đăm nhìn gã, nín thở, bị cuốn đi, mê man, gã nghĩ thế, bởi sức dụ hoặc của cái mà gã đã sáng tạo ra. Gã đặt tên cho truyện đó là “Mạo hiểm.” Đó là sự thần thánh hóa mạo hiểm, không phải là mạo hiểm hư cấu trong tiểu thuyết mà là mạo hiểm thực: một tên độc công tàn nhẫn, rất khe khát, khi trừng phạt cũng rất rộng rãi như khi khen thưởng, tính tình kỳ quặc, bất tín, đòi hỏi người làm phải hết sức kiên nhẫn, ngày đêm khổ ải, trả công cho họ bằng ánh mặt trời cháy bỏng, hay là cái chết tối tăm sau những cơn đói khát, những cơn sốt mê man kinh khủng kéo dài; qua máu, mồ hôi, và những con bọ đốt tê buốt trên những con người lao khổ, nhờ những mảnh khóc đê hèn bị ỏi hần đã leo tới những thành tựu hiển hách và tội bực huy hoàng.

Chính cái đó, tất cả cái đó và nhiều cái khác nữa là những cái gã đã viết trong truyện, và gã tin rằng chính những cái đó làm cho nàng rạo rực trong khi ngồi nghe. Mắt nàng mở to, đôi má xanh xao của nàng ửng hồng, và trước khi gã đọc hết, hình như gã thấy nàng thở gấp. Thật vậy, nàng đã rạo rực, nhưng rạo rực không phải vì truyện mà chính vì gã. Nàng cũng chẳng cho nó có giá trị gì nhiều, chính sức mạnh của Martin, cái sức mạnh tràn trề mà nàng đã quen biết hình như ào ra khỏi cơ thể gã, trùm lấp lấy người nàng. Điều trái ngược là chính truyện đã chứa chất trong nó tất cả sức mạnh của gã, nó như một eo biển, từ đó sức mạnh của gã ào tới nàng. Nàng chỉ thấy sức mạnh mà không thấy vật trung gian ấy, và trong khi hình như nàng bị cuốn đi mạnh nhất bởi những cái gã viết, thì thực ra nàng đã bị cuốn đi bởi một cái gì hoàn toàn xa lạ với nó, - bởi một ý nghĩ kinh khủng, nguy hiểm, vô tình thành hình trong óc nàng. Bất giác nàng tự hỏi hôn nhân là gì, và nàng thấy ý nghĩ đó táo bạo quá, sôi nổi quá, khiến nàng run sợ. Đó

không phải là ý nghĩ của một người con gái đoan trang, nàng không phải là hạng con gái như thế. Nàng chưa hề để cho niềm tâm sự của một người đàn và giày vò mình, nàng chỉ sống trong xứ mơ của thơ Tennyson, nhưng không hiểu được cái ý nghĩa đầy đủ của nhà đại thi hào tể nhị ấy, ám chỉ một cách tể nhị đến những cuộc tình duyên ám muội của những bà hoàng hậu và những chàng hiệp sĩ. Từ trước đến giờ nàng vẫn ngủ say, và bây giờ cuộc sống cấp bách gõ rầm rầm vào mọi cánh cửa của cuộc đời nàng. Trong thâm tâm nàng thấy hoảng loạn, muốn cài then đóng gióng trong khi bản năng dục tình lại thôi thúc nàng mở rộng cửa để đón mời người khách lạ kỳ thú kia bước vào.

Martin đặc ý đợi chờ lời phán quyết của nàng. Nó sẽ như thế nào, gã không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng gã đã ngạc nhiên khi thấy nàng nói:

“Câu chuyện đẹp thật!”

“Câu chuyện đẹp thật,” nàng nhắc lại, nhấn mạnh sau khi ngừng một lát.

“Tất nhiên là nó đẹp rồi, nhưng trong truyện còn có một cái gì hơn cái đẹp đó, một cái gì huy hoàng rực rỡ khiến cho cái đẹp kia chỉ đành phận tôi đòi. Martin nằm yên lặng trên mặt đất, nhìn cái hình thù quái dị của mối nghi ngờ lớn đang hiển hiện trước mắt. Gã đã thất bại. Gã không diễn đạt nổi ý của mình. Gã đã nhìn thấy một trong những cái vĩ đại nhất của cuộc đời, và gã đã không diễn đạt được.

“Cô nghĩ thế nào về...” Gã ngập ngừng, ngượng ngập vì lần đầu tiên dùng một từ lạ. “Về chủ đề?” Gã hỏi.

“Chủ đề không rõ ràng,” nàng trả lời. “Đó là ý kiến phê bình độc nhất của tôi đứng về đại thể. Tôi hiểu nội dung truyện, nhưng trong đó hình như còn nhiều cái khác nữa. Anh dùng lắm lời quá. Anh thêm vào cốt truyện nhiều tình tiết thừa...”

Gã vội vàng giảng giải:

“Đó là chủ đề chính, chủ đề lớn bao trùm của truyện, nó có ý nghĩa vũ trụ và thế giới. Tôi cố gắng viết sao cho chủ đề khớp với câu chuyện mà dù sao tôi cũng thấy rất nông cạn. Con đường của tôi đi đúng nhưng tôi cho rằng tôi thể hiện chưa tốt. Tôi không thành công trong việc diễn đạt những điều mình muốn nói. Nhưng tôi sẽ kịp thời học tập.”

Nàng không hiểu ý gã. Nàng là một cử nhân văn chương thật đấy, nhưng gã đã vượt quá tầm hiểu biết hạn chế của nàng. Chính nàng không hiểu ý gã, nhưng nàng lại cho rằng tại gã diễn đạt thiếu mạch lạc.

“Anh nhiều lời quá! Nhưng có nhiều đoạn thật đẹp.”

Tiếng nói của nàng, gã nghe như từ một nơi xa xăm nào vọng lại, vì gã còn đương mải đắm đo không biết có nên đọc cho nàng nghe tập “*Những bài ca về biển*” không? Gã nằm đó, thất vọng tê đặng, trong khi nàng nhìn gã như tìm kiếm, miên man với những ý nghĩ táo bạo về hôn nhân vô tình đã thành hình trong óc nàng.

“Anh muốn nổi tiếng ư?” Nàng hỏi đột ngột.

“Vâng, cũng muốn đôi chút,” gã thú thật. “Đó là một phần của cuộc phiêu lưu. Không phải là sự nổi tiếng mà là quá trình để trở thành nổi tiếng, đó là điều mà tôi quan tâm. Và nổi tiếng đối với tôi chỉ là một phương tiện để đạt tới một cái gì khác. Tôi rất muốn được nổi tiếng vì cái đó và cũng chỉ vì lý do đó.”

“Vì em!” Gã muốn nói thêm như vậy và có lẽ gã đã nói rồi nếu như nàng tỏ ra nhiệt tình tán thưởng những cái mà gã đã đọc cho nàng nghe.

Nhưng nàng còn đang quá bận tâm, cố tạo ra cho gã một sự nghiệp mà ít nhất gã có thể thành công, nên cũng chẳng buồn hỏi tới “cái khác” cuối cùng gã muốn nói ấy là cái gì. Gã không thể xây dựng sự nghiệp văn chương được. Nàng tin chắc như vậy. Hôm nay gã đã chứng tỏ điều đó qua những tác phẩm có tính chất non kém vụng về của một cậu sinh viên năm thứ hai. Gã có thể nói hay, nhưng gã bất lực không diễn đạt nổi tư tưởng của mình bằng văn chương. Nàng đem Tennyson, Browning và những nhà văn khác mà nàng ưa thích ra so sánh, làm cho gã càng thêm thất vọng. Tuy nhiên, nàng vẫn không nói hết ý nghĩ của mình. Sự thích thú kỳ lạ của nàng đối với gã khiến nàng nhẹ lời đi. Sự ham mê viết lách của gã xét đến cho cùng chỉ là một nhược điểm nhỏ và với thời gian cũng sẽ mất đi thôi. Rồi đây, gã sẽ chuyên tâm vào những việc đúng đắn của cuộc sống và gã cũng sẽ thành công. Nàng biết như vậy. Gã mạnh mẽ lắm, không thể nào thất bại được – chỉ có điều là giá gã thôi đừng viết nữa.

“Anh Eden, tôi mong anh cho tôi được xem tất cả những cái anh đã viết.”

Gã đỏ mặt sung sướng. Nàng cũng thấy thích thú, điều đó gã không còn nghi ngờ gì nữa. Và, ít nhất, nàng không đưa cho gã một mảnh thư từ chối. Nàng đã cho một vài đoạn trong tác phẩm của gã là đẹp, và đó là lời khuyến khích đầu tiên gã nhận được.

“Vâng, tôi sẽ đưa cô xem,” gã say sưa nói. “Tôi xin hứa với cô, cô Morse, là tôi sẽ thành công. Tôi đã đi xa, tôi biết như vậy, và tôi còn phải đi xa nữa, tôi sẽ đi hết con đường của tôi dù có phải quỳ lết mà đi.” Gã giơ lên một tập bản thảo. “Đây là *“Những bài ca về biển,”* khi cô trở về nhà, tôi sẽ đưa để cô đọc trong lúc rỗi. Cô phải hứa với tôi là cô sẽ nói thật những ý nghĩ của cô về tập thơ này. Cô biết đấy, cái mà tôi cần hơn hết mọi thứ là phê bình. Xin cô cứ thành thực với tôi.”

“Tôi sẽ hoàn toàn thành thực.” Nàng hứa như vậy, nhưng trong lòng bực bội thấy mình không thành thực và ngờ rằng không biết lần sau có thể hoàn toàn thành thực với gã được không.

[59] *In – Memoriam: Một bản trường thi của A.Tennyson.*

CHƯƠNG 15

Cuộc chiến đấu đầu tiên đã đánh và kết thúc,” Martin nói với cái gương mười ngày sau. “Nhưng sẽ có những cuộc chiến đấu thứ hai, thứ ba, ta sẽ chiến đấu mãi, trừ phi...”

Gã không nói hết câu, và nhìn quanh gian phòng nhỏ bé tầm thường và để đôi mắt ngừng lại buồn bã trên đồng bản thảo bị gửi trả về, vẫn ở trong những chiếc phong bì dài nằm ở một góc trên sàn. Gã không có tem để chúng tiếp tục đi chu du, đã một tháng nay, chúng nằm chết đông ở đó. Rồi thì sẽ còn nhiều bản thảo nữa trở về, ngày mai, ngày kia, ngày kia, cho đến khi chúng trở về hết. Gã không còn cách nào để lại tiếp tục cho chúng ra đi lần nữa. Tiền thuê máy chữ tháng đó gã còn chịu lại, vì gã chỉ còn vừa đủ tiền trả tiền trọ trong tuần và tiền ký quỹ cho Sở tìm việc.

Gã ngồi xuống và nhìn chiếc bàn một cách suy nghĩ. Có những vết mực trên đó, bất giác gã thấy rằng gã rất yêu nó.

“Ôi, bàn cũ kỹ thân mến,” gã nói. “Ta đã từng sống qua những giờ phút sung sướng với người, rốt cục người vẫn là người bạn tốt của ta. Người không bao giờ ruồng rẫy ta, không bao giờ gửi thư từ chối, cho những tác

phẩm của ta là vô giá trị, không bao giờ người phản nản vì phải làm việc quá giờ.”

Gã để rơi đôi cánh tay trên bàn và vùi mặt vào đó. Cổ họng gã đau nhói, gã muốn khóc to lên. Điều đó làm gã nhớ lại cuộc chiến đấu đầu tiên hồi gã mới lên tám, nước mắt chảy ròng ròng xuống má, gã xông vào đám thằng bé kia, lớn hơn gã hai tuổi, nó đánh gã, nện gã cho đến khi gã kiệt sức. Gã trông thấy một lũ trẻ con đứng vòng quanh gào thét như những kẻ man rợ, khi cuối cùng gã gục xuống, quần quai đau đớn, nôn ọe, máu trào ra khỏi mũi, nước mắt chảy ròng ròng từ đôi mắt thâm tím.

“Hồi thằng bé đáng thương kia,” gã lầm bầm, “lần này mày lại vẫn bị đánh gục một cách thảm hại như thế. Mày đã bị đánh toi bời. Mày đã gục ngã và kiệt lực rồi.”

Nhưng hình ảnh của một cuộc chiến đấu đầu tiên ấy vẫn còn vương lại trước mắt gã và trong khi gã nhắm nhin, gã thấy nó tan đi rồi lại hợp thành một chuỗi những trận đánh nhau nối tiếp. Sáu tháng sau, thằng Mặt phó mát (tên thằng bé) lại đánh gã gục một lần nữa, nhưng lần này gã cũng đã đánh cho nó tím mắt. Như vậy cũng đã khá đấy chứ! Gã trông thấy những trận đánh nhau, nối tiếp xảy ra, gã luôn luôn bị đánh gục, còn thằng Mặt phó mát thì dương dương đắc ý. Nhưng không bao giờ gã bỏ chạy. Nhớ lại chuyện đó, gã cảm thấy như có thêm sức mạnh. Gã luôn luôn đứng lại và chịu đòn. Mặt phó mát là một thằng đánh nhau sừng sỏ có phần hung ác, không một lần nào nó tỏ ra thương hại gã. Những gã đã đứng lại! Đã đứng lại đến cùng!

Rồi gã nhìn thấy một ngõ hẻm chật hẹp giữa những dãy nhà xiêu vẹo ọp ẹp. Cuối ngõ có một cái nhà gạch hai tầng đứng án ngữ. Từ đó phát ra tiếng rập đều đều của máy in, in những số phát hành đợt đầu tiên của tờ “*Người điều tra*.” Gã mười một tuổi, thằng Mặt phó mát mười ba, cả hai cùng đi bán báo, vì thế cho nên hai đứa mới đứng ở đây đợi. Và tất nhiên, thằng Mặt phó mát lại lao vào đánh nhau với gã, và lại một lần nữa trận đấu vẫn chưa ngã ngũ, vì bốn giờ kém mười lăm, buồng máy in mở cửa, lũ trẻ con ùa vào gấp báo.

“Đến mai tao sẽ cho mày biết tay!” Gã nghe thấy thằng Mặt phó mát đe dọa, gã nghe thấy chính tiếng nói của gã, yếu ớt, run run, cố kìm nước mắt,

nhận lời thách thức ngày mai sẽ lại đến đây.

Hôm sau, tan học, gã chạy vội tới chỗ đó, đến trước thằng Mặt phó mát hai phút. Bọn trẻ con xui gã cứ đánh đi, được đấy, chúng mách nước và vạch ra những chỗ yếu trong cách đánh của gã, cam đoan thế nào gã cũng thắng nếu nghe lời chúng. Chính những thằng ấy cũng lại mách nước cho Mặt phó mát. Chúng khoái cái trận này lắm! Gã ngừng lại trong ký ức một lúc lâu, thêm muốn địa vị của chúng được đứng xem cái cảnh gã và thằng Mặt phó mát đánh nhau. Trận đấu bắt đầu, và tiếp tục, không phân thành hiệp liên trong ba mươi phút cho đến khi chuông máy in mở cửa.

Gã nhìn cái bóng cũ ngày bé của mình ngày này qua ngày khác, ở trường vội vã chạy về ngõ hẻm toà báo “*Người điều tra*”. Gã không thể đi nhanh được. Người gã cứng đờ, chân khập khiễng vì đánh nhau liên mien. Từ cổ tay đến khuỷu tay, thâm tím lại, vì gã đã giơ lên để đỡ không biết bao nhiêu cú đấm, và một vài chỗ bị loét ra đã mưng mủ, sưng tấy lên. Đầu, cánh tay, bả vai, sống lưng, đau nhức nhối, khắp người đau nhức nhối. Đầu óc gã nặng nề, quay cuồng. Đến trường gã không đùa nghịch, mà cũng chẳng học hành gì hết. Ngay cứ phải ngồi yên suốt ngày ở bàn học đối với gã cũng là một điều khổ não. Từ khi mà hàng ngày cứ phải đi đánh nhau như thế, thời gian dài tưởng chừng như hàng thế kỷ trôi đi trong cơn ác mộng, trong cái tương lai vô định của những trận đánh nhau hàng ngày. Gã thường nghĩ tại sao không đánh gục được thằng Mặt phó mát để cho mình thoát khỏi cảnh khổ này, gã không bao giờ nghĩ đến chuyện ngừng đánh, để cho thằng Mặt phó mát ngang nhiên bắt nạt.

Và thế là hàng ngày gã cứ lê bước đến cái ngõ này, tâm hồn cũng như thể xác đau đớn, nhưng gã đã học tập được đức kiên nhẫn để mà đương đầu với kẻ thù muôn thuở - thằng Mặt phó mát. Thằng này cũng mệt mỏi đau đớn chẳng kém gì, và có lẽ cũng muốn thôi không đánh nhau nữa, nếu không vì bọn trẻ con bán báo nhìn vào; trước mặt chúng, nó không muốn để cho lòng kiêu hãnh của nó bị tổn thương. Một buổi chiều, theo đúng như những qui định không được đá, không được đấm vào bụng dưới, không được đánh khi một bên đã ngã, trong hai mươi phút liên hai đứa quần nhau chí tử hòng đánh gục nhau. Thằng Mặt phó mát, thở hồng hộc, lão đảo đề nghị thôi đấu. Martin gục đầu trong tay, lòng kích động khi nhớ lại hình ảnh

của chính gã, vào buổi chiều xa xưa đó, lão đảo thờ hồng hộc, máu ở môi bị đánh toạc sặc vào mồm, trôi xuống cổ họng, loạng choạng tiến về thẳng thằng Mặt phó mát, nhổ ra một bãi máu để có thể nói được, rồi hét vào mặt nó rằng gã nhất định không thôi, nếu nó muốn thì nó cứ xin hàng đi. Thằng Mặt phó mát không hàng, và cuộc đánh nhau lại tiếp tục.

Ngày hôm sau, rồi những ngày hôm sau nữa, tưởng như không bao giờ hết, đã chứng kiến những buổi chiều đánh nhau ấy. Mỗi ngày khi giờ tay lên để bắt đầu đánh, tay gã đau ghê gớm, và những cú đầu tiên đâm và bị đâm làm cho tâm hồn gã rã rời; nhưng rồi sau đó tất cả như tê điếng, gã lao vào đánh không còn biết gì nữa, như trong một giấc mộng, gã thấy bộ mặt to bạnh, đôi mắt thú dữ bốc lửa của thằng Mặt phó mát lắc lư, giỡn múa. Gã cứ nhằm vào cái bộ mặt ấy, tất cả những cái khác chung quanh chỉ còn là một khoảng không quay lộn. Trên đời này, không còn cái gì khác, chỉ có bộ mặt ấy thôi. Và gã không thể biết đến nghỉ ngơi, nghỉ ngơi sung sướng, chừng nào gã chưa đánh được cho cái bộ mặt ấy nát ra như tương, bằng những đốt ngón tay đầm máu của gã, hoặc là cho đến lúc những đốt ngón tay đầm máu của cái bộ mặt kia đâm cho gã nát như tương. Lúc đó có sao nữa, gã mới nghỉ ngơi được. Nhưng thôi đâu đối với gã, đối với Martin này, thôi không đánh nhau nữa, - không thể được.

Rồi một hôm, khi gã lê đến ngõ hẻm tờ báo “*Người điều tra*” thì không thấy thằng Mặt phó mát đâu. Thằng Mặt phó mát không đến. Bọn trẻ con tán tụng gã, nói rằng gã đã hạ được thằng Mặt phó mát. Nhưng Martin không hài lòng. Gã chưa hạ được thằng Mặt phó mát, mà thằng Mặt phó mát cũng chưa hạ được gã. Vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Mãi về sau gã mới biết là bố thằng Mặt phó mát đã chết bất thành linh ngày hôm đó.

Rồi, gã nhớ lại sau đó mấy năm, một đêm gã ngồi trong khu rẻ tiền trên thượng tầng Nhà hát lớn. Lúc ấy gã mười bảy và vừa đi biển về. Một cuộc xô xát xảy ra, một kẻ nào đang trêu ghẹo ai đó. Martin xông vào can thiệp và thấy mình đang đứng trước đôi mắt bốc lửa của thằng Mặt phó mát.

“Tan hát, tao sẽ cho mày biết tay,” kẻ địch của gã rít lên.

Martin gật đầu. Thằng cha du côn^[60] gác khu vực này chạy lại chỗ xảy ra nhón nháo.

“Sau màn cuối, tao sẽ gặp mày ở ngoài cửa.” Martin nói khẽ, trong lúc đó gã vẫn chăm chú theo dõi “điều vũ của người da đen” trên sân khấu.

Tên du côn quắc mắt nhìn và bước đi chỗ khác.

“Mày có bọn chứ?” gã hỏi thằng Mặt phó mát, lúc tan hát.

“Hắn rồi!”

“Thế thì tao cũng sẽ rủ bọn.” Martin nói.

Trong lúc nghỉ giải lao giữa hai màn, gã đi tập hợp bọn của gã – ba tay mà gã quen trong xưởng kim đinh, một thợ đốt lò ở Sở hỏa xa, năm sáu tay anh chị khu rạp hát và một số ở khu Chợ - Mười tám đáng ghê sợ.

Tan hát ra, hai bọn cứ lặng lẽ đi ở hai bên lề đường. Đến một góc phố yên tĩnh chúng họp lại, thành lập một “hội nghị quân sự.”

“Địa điểm là ở cầu Phố Tám,” một thằng tóc đỏ trong bọn thằng Mặt phó mát nói. “Cứ đánh nhau ngay ở giữa cầu dưới ánh đèn điện, bọn cóm có tới theo lối nào ta cũng có thể lẩn đi được.”

“Đối với tao, được lắm!” Martin nói, sau khi bàn bạc với những tên đầu sỏ trong bọn.

Cầu Phố Tám bắc ngang qua một nhánh của sông Antonio, dài ba dãy phố. Giữa cầu và ở hai đầu có đèn điện. Không một người canh sát nào đi qua những chỗ đầu cầu có ánh đèn ấy mà không bị nhìn thấy. Cái địa điểm yên ổn cho cuộc đánh nhau này như sống lại dưới mắt gã. Gã nhìn thấy hai bọn, lăm lăm, dữ tợn, giữ đúng khoảng cách nhau và ở sau đầu thủ của mình. Gã thấy gã và thằng Mặt phó mát cời trần trùng trục. Cách đó một quãng ngắn, có bố trí người canh, nhiệm vụ là phải luôn luôn nhìn về phía ánh đèn ở đầu cầu. Một tên trong bọn anh chị rạp hát cầm áo ngoài, áo sơ mi và mũ của Martin sẵn sàng chuồn đến chỗ yên ổn nếu canh sát tới. Martin thấy mình đi vào giữa, đối diện với thằng Mặt phó mát, và gã lại nghe thấy tiếng gã nói, tay giơ lên đe dọa:

“Lần này, không có bắt tay giảng hoà. Hiểu không? Chỉ có đánh thôi! Không có ném khăn. Đây là một trận đánh nhau để thanh toán món nợ cũ, phải đánh cho đến cùng. Hiểu không? Nhất định phải có thằng gục.”

Thằng Mặt phó mát ra ý do dự - Martin thấy rõ như vậy – nhưng trước mặt hai bọn, tính kiêu căng nguy hại cũ của nó bị động chạm.

“Được, chơi đi,” nó trả lời. “Lãi nhải làm cái gì, tao sẽ đánh đến cùng với mày.”

Thế rồi hai đứa lao vào nhau, như hai con bò tót non, đương độ sung sức, với những nắm tay trần, với lòng căm thù, với ý muốn làm cho đau đớn, tổn thương, huỷ diệt. Tất cả những cái gì mà con người thu hoạch được qua hàng ngàn năm đau khổ trong quá trình sáng tạo thì bây giờ đã mất hết. Chỉ còn lại ánh đèn điện, cái mốc đá trên con đường của cuộc phiêu lưu lớn của con người. Martin và Mặt phó mát là hai kẻ mọi rợ của thời kỳ đồ đá, sống ở những nơi hang hốc, những gốc cây. Chúng ngập xuống càng ngày càng sâu trong cái vực thăm bùn nhơ, trở về trong cái căn bã của cuộc sống ban đầu man dại, vật lộn mù quáng như một chất hoá học, như những nguyên tử, như những mảnh sao trên trời, va vào nhau, lùi lại, rồi lại va vào nhau, cứ thế khôn cùng.

“Trời ơi! Chỉ là những con vật! Những con vật man rợ.” Martin lảm bảm khi gã hình dung lại cuộc đánh nhau. Đối với gã, với trí tưởng tượng vô cùng mạnh mẽ, hình như gã đang nhìn vào một cái máy hoạt cảnh. Gã vừa là khán giả, vừa là diễn viên. Những tháng dài học tập, trau dồi làm cho gã rung mình trước cảnh đó, rồi hiện tại bị xoá mờ đi trước ý thức của gã, những bóng mà của quá khứ chế ngự gã, gã lại là Martin Eden vừa mới ở biển về và đang đánh nhau với thằng Mặt phó mát ở Cầu Phở Tám. Gã đã phải chịu đựng, đem hết sức lực, đổ mồ hôi đổ máu, và sung sướng mỗi khi nắm tay trần của gã nện trúng đích.

Cả hai đều là những con lóc căm thù, xoay lộn chung quanh nhau một cách khủng khiếp. Thời gian trôi qua, và hai bọn đối địch đứng lặng đi. Chưa bao giờ chúng được chứng kiến một cuộc đánh nhau hung bạo đến như vậy, và chúng kinh hãi. Hai kẻ đánh nhau còn là những kẻ tàn bạo hơn chúng. Tất cả cái liều lĩnh, tất cả sức lực của tuổi trẻ được đem dốc ra lúc đầu, sau đó chúng đánh thận trọng hơn, có suy tính hơn. Hai bên chưa ai thắng ai. Martin nghe thấy có đứa nói: “Đánh thế này chưa biết ai thắng ai bại.” Rồi, gã làm một động tác giả, né trái né phải, nhưng bị đánh một cú kinh khủng và gã cảm thấy má bị toác lòi cả xương ra. Không một nắm tay trần nào có thể đâm được như vậy. Gã nghe thấy tiếng xì xào kinh ngạc khi gã bị thương một cách đáng sợ như thế; má gã đầm máu. Nhưng gã không

nao núng. Gã bắt đầu hết sức thận trọng, bởi vì gã khôn ngoan thừa biết tất cả những mảnh lói bản tiện và những thủ đoạn bản thủ của đồng loại. Gã để ý nhìn, chờ đợi rồi gã giả vờ lao vào một cách điên cuồng nhưng nửa chừng ngừng ngay lại, vì gã trông thấy ánh kim khí loé lên.

“Giờ tay lên!” Gã hét. “Mày đã dùng quả đấm đồng để đánh tao!”

Hai bọn xông lên, găm ghè. Chỉ trong một giây là sẽ thành một cuộc loạn đả và như thế là gã mất cơ hội trả thù. Gã như điên lên.

“Chúng mày giãn ra!” Gã rút lên khàn khàn. “Hiểu không? Chúng mày hiểu không?”

Cả hai bọn lùi lại. Chúng là những kẻ dã man, nhưng gã còn là kẻ dã man hơn, một sinh vật khủng khiếp vượt lên trên chúng, chế ngự chúng.

“Đây là việc của tao, không đứa nào được dính vào. Đưa ngay quả đấm đồng đây!”

Thằng Mặt phó mát, đã dụ đi một chút và hơi sợ đưa nộp ngay cá vũ khí bản tiện.

“Chính mày đã lén đưa cho nó, cái thằng tóc đỏ đang lẩn vào trong bọn kia,” Martin nói tiếp rồi quăng quả đấm xuống nước. “Tao đã trông thấy mày, nhưng không hiểu mày định làm cái trò gì. Nếu mày còn giờ cái ngón ấy ra nữa, tao đánh cho mất xác. Hiểu không?”

Chúng lại đánh tiếp, tuy đã mệt hết sức, mệt không thể tưởng tượng được. Hai bọn dã man, tính khát máu đã thỏa mãn, lúc này kinh hãi trước cảnh đó, phải cùng nhau xin hai đứa thôi đánh nhau nữa. Và thằng Mặt phó mát sẵn sàng gục xuống mà chết, hay là cứ đứng mà chết, một con quỷ xám ngoét, hình thù không còn gì là của thằng Mặt phó mát nữa; bị đánh toi bời, nó đã dao động, nao núng lắm, nhưng Martin vẫn cứ lao vào, đấm túi bụi.

Rồi, sau một giây lát dài tưởng chừng một thế kỷ, thằng Mặt phó mát đuối sức rất nhanh, trong cuộc hỗn chiến giữa những cú đấm giáng xuống như mưa bỗng nghe một tiếng rắc, cánh tay phải của Martin thông ngay xuống. Một cái xương đã bị gãy. Mọi người đều nghe rõ và biết như vậy. Thằng Mặt phó mát cũng biết như vậy, như một con hổ nó lao vào kẻ địch đánh liên hồi. Bọn của Martin ào ra can thiệp. Choáng váng vì những cú đấm tới tấp ấy, Martin chửi bới thô tục, quát chúng lùi lại, nắc lên, găm lên trong sự đau khổ và tuyệt vọng đến cực độ.

Nhưng gã cứ đấm, đấm một cách ngoan cường, chỉ với cánh tay trái, trong một tình trạng nửa mê nửa tỉnh, và như từ ở một nơi xa xăm nào, gã nghe thấy tiếng thì thào kinh hãi của hai bọn và một kẻ nào đó run run nói: “Chúng mày ơi, đây không phải là để đánh nhau nữa, đây là giết nhau, phải ngăn chúng nó lại.”

Nhưng không đứa nào ngăn lại cả, và gã sung sướng đấm tiếp, đấm một cách mệt mỏi, đấm liên miên không ngớt chỉ bằng một tay, cứ nện xuống một cái gì đầm máu trước mặt gã, không phải là một bộ mặt nữa, mà là một cái gì khủng khiếp, một vật không tên, lắc lư, ghê tởm, rền rĩ, nó cứ đứng ở trước con mắt đã hoa lên của gã, cứ đứng đó không đi. Gã lại đấm tiếp, đấm tiếp, chậm hơn, chậm hơn: chút sức lực cuối cùng của gã vừa ứa ra hết, qua hàng bao thế kỷ qua bao chặng thời gian dài vô tận, chỉ mờ mờ, gã cũng thấy cái vật không tên kia khuyu dần chậm chậm xuống cái sàn gỗ gồ ghề của mặt cầu. Lát sau, gã đứng cúi mình trên vật đó, lão đảo lắc lư trên đôi chân run run, nắm lấy không khí để đứng cho vững, và nói bằng một giọng mà chính gã cũng không nhận ra nữa.

“Mày có muốn nữa không? Nói đi, mày có muốn nữa không?”

Gã cứ nói đi nói lại mãi mỗi câu đó - hỏi, thúc giục, đe dọa để xem nó có muốn nữa không – trong khi đó gã cảm thấy mấy đứa bạn đặt tay lên người gã, vỗ vào lưng gã, cố khoác áo cho gã. Rồi như có một tấm màn đen kịt, quên lãng ào tới.

Chiếc đồng hồ báo thức để trên bàn reo lên, nhưng Martin Eden đầu vẫn gục trong hai cánh tay, không nghe thấy. Gã không nghe thấy gì cả. Gã không nghĩ gì cả. Gã hoàn toàn sống lại cuộc sống cũ đến nỗi gã mê lịm đi như gã đã từng mê lịm mấy năm trước đây ở Cầu Phố Tám. Hoàn toàn trong giây phút dài đặc, tấm màn đen quên lãng bao trùm lấy gã. Rồi như một người từ cõi chết trở về, gã vùng đứng lên, mắt bốc lửa, mồ hôi toát ra đầm đìa cả mặt, gã thét lớn:

“Tao đã đánh gục được mày, thằng Mặt phó mát kia! Tao đã mất mười một năm trời, nhưng tao đã đánh gục được mày!”

Đầu gối đã run lên, gã cảm thấy ngậy ngât, gã lão đảo lùi lại giường, gieo mình xuống ngồi trên thành giường. Gã hãy còn chìm trong quá khứ. Gã nhìn quanh phòng, bối rối, hoảng hốt tự hỏi không hiểu mình ở đâu, cho

đến tận khi gã chợt trông thấy những bản thảo ở góc phòng. Rồi những bánh xe của ký ức lại lăn về phía trước qua bốn năm của thời gian, gã nhận thức hiện tại với những cuốn sách mà gã đã mở, với vũ trụ mà gã đã chinh phục từ những trang sách đó, với những giấc mơ tham vọng của gã và với tình yêu đối với người con gái trong trắng đa cảm, yếu ớt, thần tiên, người con gái ấy sẽ chết vì kinh hãi nếu được chứng kiến, dù chỉ một phút thôi, những cái gã đã từng sống qua, một phút thôi trong tất cả sự ngợp ngụa của cuộc đời mà gã đã lội qua.

Gã đứng lên, và tới trước gương.

Gã nói một cách long trọng: “Martin Eden, thế là người đã từ bùn lầy mà vươn lên đây! Người đã rửa mắt của người trong ánh sáng huy hoàng, người đã vươn đôi vai tới các vì sao, đã làm tất cả những gì mà cuộc đời đã làm, đã để cho tất cả “những thú tính chết đi”^[61]; vật lộn để nắm lấy cái di sản cao quý nhất của khả năng nhân loại.”

^[60] Ở các rạp hát và các tiệm rượu thường phải thuê những tên du côn khoẻ, có võ để giữ trật tự, ngăn những cuộc ẩu đả, phá phách.

^[61] Nguyên văn: “ape and tiger die” - một câu thơ trong bài “In Memoriam” của Tennyson.

CHƯƠNG 16

Chuông đồng hồ báo thức réo lên, giật Martin ra khỏi giấc ngủ, đột ngột đến nỗi có thể làm một người thể chất yếu hơn phải nhúc nhích. Tuy ngủ say, gã vẫn tỉnh dậy ngay – như một con mèo; và gã trở dậy một cách hăm hở, sung sướng vì năm giờ đồng hồ vô tri giác đã qua đi. Gã ghét trạng thái quên lãng hoàn toàn của giấc ngủ. Có rất nhiều việc phải làm, rất nhiều cái của cuộc sống cần phải sống. Gã căm ghét giấc ngủ đã lấy đi của gã từng giây phút của cuộc sống, và trước khi cái đồng hồ ngừng tiếng rung lạnh lạnh của nó, gã đã vục đầu vào chậu rửa mặt, run lên trong làn nước lạnh thấm vào da thịt.

Nhưng gã không theo chương trình thường ngày. Không còn một truyện cũ nào chưa xong chờ gã viết nốt, không có một truyện mới đòi hỏi gã bắt đầu. Đêm qua học khuya, bây giờ trở dậy đã gần đến bữa ăn sáng. Gã định đọc một chương của Fiske^[62], nhưng đầu óc bòn chòn, gã gập sách lại.

Hôm này là ngày chứng kiến sự bắt đầu của một chiến đấu mới, cần đòi hỏi một thời gian ngừng viết. Gã cảm thấy một nỗi buồn giống như khi người ta từ biệt căn nhà và gia đình của mình. Gã nhìn chồng bản thảo ở góc phòng. Thế đấy, gã phải xa cách chúng, những đứa con tội nghiệp không được người đời trọng vọng, không được nơi nào đón tiếp. Gã bước tới, lục lại chồng bản thảo, đọc đây đó một vài đoạn mà gã ưa thích. Gã đánh giá cao truyện “Cái xoong” và đọc nó to lên cũng như gã đọc “Mạo hiểm” “Niềm vui” - tác phẩm cuối cùng của gã, mới viết xong ngay hôm trước, bị quăng vào góc phòng vì không có tem để gửi đi, là đứa con mà gã yêu thích nhất.

“Ta không thể nào hiểu được,” gã lầm bầm. “Hay có thể chính những ông chủ bút không thể nào hiểu được. Trong đó không có gì sai trái cả. Thằng nào họ cũng cho in những tác phẩm tồi hơn nhiều. Tất cả những cái họ cho in đều tồi hơn - hầu như tất cả...”

Ăn sáng xong, gã cho máy chữ vào trong hộp, mang xuống khu Oakland. Gã nói với người thư ký cửa hàng: “Tôi còn nợ một tháng tiền thuê máy, nhưng ông nói hộ với ông quản lý, tôi sắp đi làm và trong khoảng một tháng gì đó, tôi sẽ thanh toán hết.”

Gã qua phà sang bên *San Francisco*, tìm đường tới Sở tìm việc. Gã nói với người nhân viên: “Bất cứ việc gì cũng được, trừ đi buôn.” Gã đương nói thì bị ngắt quãng bởi một gã mới tới, ăn mặc hơi cầu kỳ, giống như một vài anh thợ bản năng thích diện. Người nhân viên lắc đầu chán nản.

“Không xoay được hử?” Gã kia nói. “Hôm nay thế nào tớ cũng phải tìm được người.”

Gã quay lại và nhìn vào mặt Martin. Martin cũng nhìn lại; trông thấy bộ mặt xỉn ra, tái mét, đờm dác và yếu ớt gã biết ngay thằng cha đã thức trắng đêm trác táng.

“Tìm việc hử?” Gã hỏi. “Cậu biết làm gì?”

“Mọi công việc nặng nhọc, đi biển, đánh máy chữ nhưng không biết tốc ký, cười ngửa được. Làm gì cũng được, được hết.”

Gã kia gật đầu.

“Nghe cũng được đấy. Tên tớ là Dawson, Joe Dawson. Tớ đang cần một người thợ giặt.”

“Việc ấy tớ không kham được,” gã chợt thấy mình mỉm cười hóm hỉnh khi nghĩ tới phải là những bộ đồ trắng mịn mượt của đàn bà. Nhưng gã thấy thu thú cái gã này và gã nói thêm. “Giặt không thì tớ cũng làm được. Hồi đi biển tớ cũng đã làm nhiều.”

Joe Dawson có vẻ suy nghĩ một lát.

“Này, chúng ta cùng thương lượng với nhau. Cậu muốn nghe tớ nói không?”

Martin gật đầu.

“Đây là một cửa hiệu giặt nhỏ, ở vùng quê thuộc khách sạn “*Shelly Hot Springs*,” cậu biết đấy. Cần hai người làm, một người chủ, một người giúp việc. Tớ là chủ, cậu không phải làm cho tớ đâu, nhưng làm dưới quyền tớ. Cậu có ưng không?”

Martin suy nghĩ. Triển vọng cũng sáng sủa đây. Mất vài tháng, rồi gã sẽ có thì giờ để học. Gã có thể làm việc cật lực mà học cũng cật lực.

“Ăn tốt và có buồng riêng cho cậu.” Joe nói.

Thế là công việc thu xếp xong. Một buồng riêng, ở đó gã có thể đốt đèn cho đến tận nửa đêm không ai quấy rầy.

“Nhưng làm việc thì như khổ sai đấy,” Joe nói thêm.

Martin vuốt ve bắp thịt vai nhô lên của gã một cách có ý nghĩa. “Cái này cũng do làm việc cật lực mà có đấy!”

“Thôi thế thì chúng ta bàn vào việc.” Joe để tay lên trán một chút. “Ôi chao, đầu tớ cứ vầng cả lên, mắt hoa không nhìn thấy gì. Đêm qua, uống một chén say mềm... Điều kiện là như thế này nhé. Lương của cả hai thằng là một trăm và được ăn ở. Lương tớ sáu chục, phần người kia là bốn chục. Nhưng hần ta đã thạo việc. Cậu thì còn lơ ngơ. Nên lấy cậu vào, lúc đầu, tớ còn phải làm thay nhiều. Giả dụ lúc đầu tớ đưa cậu ba chục nhé, rồi dần dần sẽ lên bốn chục. Tớ chơi sòng phẳng. Hễ cậu làm được phần việc của cậu, thì cậu sẽ lĩnh bốn mươi.”

“Đồng ý.” Martin nói vừa chìa tay cho gã kia bắt. “Có cho vay trước không? Để lấy vé tàu, chi tiêu lật vật chứ!”

“Tớ hết nhẫn cả rồi.” Joe trả lời buồn bã, tay lại bóp bóp cái đầu đau nhức. “Nhân thân tớ chỉ còn mỗi một cái vé khứ hồi.”

“Tớ trả tiền trọ thì chẳng còn đồng xu dính túi.”

“Chưa trả vội.” Joe mách nước.

“Không được, nợ bà chị tớ mà...”

Joe huýt một tiếng sáo dài, thổi rồi, cổ vất óc nghĩ kế nhưng cũng không ra.

“Tớ còn đủ để hai đứa làm châu rượu.” Joe nói. “Thôi cứ đi, có thể rồi chúng ta cũng sẽ nghĩ kế xoay được.”

Martin từ chối.

“Kiêng à?” Joe hỏi.

Martin gật đầu, còn Joe thì rên rĩ. “Giá mà tớ cũng được như cậu! Nhưng không hiểu sao, tớ không tài nào kiêng nổi.” Joe nói như để làm nhẹ lỗi của mình đi. “Sau một tuần lễ làm việc quần quật như trâu, như chó, tớ phải nốc cho say. Nếu không uống thì có lẽ tớ phải cứa cổ tớ đi hay đốt nhà mất. Thấy cậu kiêng được, tớ cũng mừng. Cứ kiêng đi cậu ạ!”

Martin thấy rõ cái vực thẳm mênh mông giữa gã và anh chàng này – cái vực thẳm do sách vở tạo nên, nhưng gã thấy bước trở lại qua cái vực thẳm đó cũng không khó khăn gì. Suốt đời gã đã sống trong thế giới của những người lao động, và tình bạn trong lao động là thiên tính thứ hai của gã. Gã đã giải quyết được vấn đề chuyên chở của mình, một vấn đề nan giải đối với cái đầu óc đau nhức của Joe. Gã sẽ gửi chiếc vali nhờ Joe mang lên tàu đi trước đến khách sạn Shelly *Hot Springs*. Còn gã thì đã có xe đạp. Đường dài bảy mươi dặm, gã có thể đi ngay chủ nhật, sáng thứ hai đã sẵn sàng làm việc. Bây giờ gã sẽ về nhà thu xếp đồ đạc, quần áo. Chẳng có ai để mà từ biệt. Ruth và cả gia đình đã đi nghỉ hè ở Sierra, bên hồ Tahoe.

Gã tới Shelly *Hot Springs* một nhòai, người đầy bụi bặm, vào đêm chủ nhật. Joe mừng rỡ đón tiếp gã. Joe đã làm việc suốt ngày với một chiếc khăn thấm nước quần quanh cái đầu đau nhức.

“Mấy ngày tuần lễ trước đi để kiểm cậu, quần áo giặt ùn cả lại thế kia đấy!” Anh ta giảng giải. “Vali của cậu đến, ổn rồi, ở trong buồng cậu ấy. Vali quỉ gì mà nặng khiếp! Có cái gì trong ấy thế? Vàng thoi chắc.”

Joe ngồi ở trên giường trong khi Martin mở vali ra. Thực ra nó vốn chỉ là một cái hòm đựng những đồ hộp ăn sáng, lão Higginbotham đã bán lại cho anh ấy một nửa đô la. Martin đã đóng vào đó hai cái quai bằng thùng và

đã khéo léo biến nó thành một cái vali dùng để mang hành lý đi đây đi đó được. Joe trở mắt nhìn, chỉ thấy vài ba cái áo sơ mi, còn toàn là sách.

“Dễ thường sách đến tận đây chắc?” anh ta hỏi.

Martin gật đầu, và cứ tiếp tục xếp sách lên một cái bàn nhà bếp kê ở trong phòng dùng làm bàn rửa mặt.

“Hừ!” Joe kêu lên, và yên lặng chờ đợi một ý suy đoán đang hình thành trong óc. Cuối cùng, ý đã tới.

“Này, cậu không để ý gì đến gái à. Thật không?” Anh ta hỏi.

“Không, trước khi mê sách tớ cũng sẵn gái góm lắm, nhưng từ độ ham đọc thì chẳng có thì giờ đâu.”

Ở đây cũng chẳng có thì giờ. Chỉ có làm việc với ngủ cũng đủ hết ngày.

Martin nghĩ đến năm giờ đồng hồ ngủ trong một đêm của gã và mỉm cười. Căn phòng của gã ở ngay trên xưởng giặt, cùng ở một toà nhà với cái máy bơm nước, vừa phát điện, vừa tiếp điện cho máy giặt. Anh thợ máy ở phòng bên cạnh cũng tạt vào thăm Martin và giúp gã nối dây lắp bóng điện, dây điện chạy dài suốt từ bàn tới giường.

Sáu giờ mười lăm sáng hôm sau Martin bị lôi dậy để đi ăn sáng vào lúc bảy giờ kém mười lăm. Trong khu nhà giặt có một chiếc bồn tắm giành cho những người làm. Gã tắm bằng nước lạnh, khiến Joe choáng cả người.

“Góm! cậu thật tài!” Joe nói khi hai người ngồi ăn sáng ở góc bếp của khách sạn.

Cùng ăn còn có anh thợ máy, anh làm vườn, anh phụ việc và hai ba người coi chuồng ngựa. Họ ăn vội vàng, buồn bã, chuyện trò với nhau rất ít. Martin Eden ngồi im, lắng nghe và gã thấy mình đã vượt quá xa chỗ đứng của họ. Tầm hiểu biết chật hẹp của họ làm cho gã chán ngán, và gã muốn mau mau rời xa họ. Cũng vội vàng như học, gã nuốt tống nuốt tháo chỗ thức ăn nghèo nàn, lũng bưng, và thở dài thoát nạn khi bước qua cửa bếp.

Đó là một xưởng giặt nhỏ có máy hơi nước, trang bị hoàn toàn bằng máy móc hiện đại nhất, máy móc làm tất cả mọi việc mà nó có thể làm được. Sau khi được chỉ dẫn, Martin phân loại đồng quần áo bản to tướng, trong khi Joe bắt đầu cho chạy máy đập chuyển những bánh xà phòng mềm làm bằng những chất hóa học độc; anh ta phải lấy khăn bông tắm bịt cả mồm, mũi, mắt lại, trông chẳng khác gì một cái thây liệm vải. Sau khi phân

loại xong, Martin giúp anh ta vắt quần áo. Việc làm là tổng chúng tất cả vào trong một cái thùng quay, một phút có thể quay mấy ngàn vòng, dùng lực ly tâm để vắt kiệt nước. Martin bắt đầu chạy hết từ cái máy sấy, đến cái máy vắt, đồng thời rũ rũ những chiếc bút tất dài và bút tất ngắn. Đến chiều thì một người đưa, một người cứ chắt những chiếc bút tất vào cái máy ép, trong khi những chiếc bàn là được đốt nóng. Rồi đến công việc là những bộ đồ lót cho đến tận sáu giờ chiều, lúc ấy Joe lắc đầu ngán ngại.

“Không hết mất,” anh ta nói. “Com tối xong phải lại phải làm thôi.”

Com tối xong, họ phải làm cho đến tận 10 giờ đêm dưới ánh đèn điện sáng chói cho đến tận khi chiếc áo lót cuối cùng được là xong, gấp lại và chuyển sang phòng trả. Đó là một đêm oi bức miền California, tuy cửa sổ đã mở toang mà căn phòng, với cái lò đốt bàn là đỏ rực rực, vẫn nóng chẳng khác gì một cái lò lửa. Martin và Joe chỉ còn mặc độc một chiếc áo lót, cánh tay để trần, mồ hôi vã ra, hơi thở nặng nhọc.

“Chẳng khác gì ở trong một cái tàu hàng ở biển miền nhiệt đới.” Martin nói, khi hai người lên gác.

“Rồi sẽ quen đi thôi,” Joe trả lời. “Cậu khá lắm, nếu cứ làm như thế thì chỉ tháng đầu thôi là lĩnh ba mươi đô la. Tháng thứ hai đã được bốn mươi. Nhưng đừng có nói là trước kia cậu chưa hề là quần áo bao giờ. Tớ tỉnh lắm chứ.”

“Nói thực với cậu, cả đời tớ chưa hề là cái gì bao giờ, hôm nay mới là lần đầu,” Martin cãi lại.

Bước vào phòng, Martin ngạc nhiên thấy mình mệt mỏi, gã quên đứt đi mất là mình đã từng làm việc liên không nghỉ trong mười bốn tiếng đồng hồ. Gã để đồng hồ báo thức vào lúc sáu giờ, tính lùi lại sẽ đi ngủ từ một giờ đêm và như thế là được ngủ năm tiếng. Từ giờ đến lúc đó gã có thể đọc sách. Tụt giày ra cho đôi chân sưng phồng của mình được thoải mái hơn, gã ngồi vào bàn với những cuốn sách. Gã mở Fiske ra ở trang mà hai ngày hôm nay gã bỏ dở không rờ đến, và bắt đầu đọc. Nhưng ngay đoạn đầu, gã cũng đã thấy khó hiểu và phải đọc lại lần thứ hai. Rồi bỗng gã bừng tỉnh dậy, bắp thịt cứng đơ, đau như dằm, gã rung mình ớn lạnh vì gió núi thổi vào qua cửa sổ bỏ ngỏ. Gã nhìn đồng hồ. Hai giờ. Gã đã ngủ được bốn tiếng. Gã cởi áo và bò vào giường, đầu vừa đặt xuống gối, gã đã ngủ thiếp đi.

Thứ ba cũng vẫn phải làm việc liên tục như vậy. Tốc độ làm việc của Joe khiến cho Martin phải thán phục. Sức làm việc của anh ta ngang với hai con quỉ. Anh ta dốc hết sức, và trong suốt một ngày dài dặc, không có lúc nào ngơi tay. Anh ta tập trung hết tinh thần vào công việc và nghĩ cách làm thế nào để tiết kiệm thời gian, thỉnh thoảng lại chỉ dẫn cho Martin thấy có những việc đáng lý phải mất năm động tác thì chỉ cần ba cũng đủ, có những việc đáng lý phải ba chỉ cần hai. “Phương pháp loại những động tác thừa,” Martin nói như vậy trong khi gã ngấm nhìn và làm theo. Chính gã vốn là một công nhân giỏi nhanh nhẹn và khéo léo; gã thường vẫn tự hào là không một ai có thể làm thay được gã trong bất cứ công việc gì. Vì vậy gã cũng tập trung hết tinh thần để làm việc. Joe gợi ý hay chỉ dẫn điều gì, gã nắm lấy ngay. Gã vò những cái cổ còn và măng-sét^[63], vò sạch lượt hồ cáu lại ở giữa hai lần vải dầy, và làm sao để đến khi là không có những chỗ bị phồng lên. Gã làm việc với một tốc độ nhanh đến nỗi Joe phải khen ngợi.

Không lúc nào là lúc không có việc làm. Joe không chờ gì, chẳng đợi gì, cứ làm hết việc này đến việc khác. Họ phải hồ hai trăm cái áo sơ mi trắng, làm thế nào chỉ với một cái là cổ, cầu vai, ngực, cổ tay của chiếc áo sơ mi phải chò ra khỏi vòng nắm tay phải, đồng thời tay trái giữ lấy thân áo để cho hồ khỏi dính vào, trong khi tay phải nhúng xuống hồ, hồ nóng quá đến nỗi muốn vắt được áo họ cứ phải nhúng tay luôn luôn vào thùng nước lạnh. Đêm hôm đó, họ làm việc đến tận mười giờ rưỡi, ra công hồ “những bộ quần áo cầu kỳ”- những bộ đồ mỏng, nhẹ, thêu ren của các bà, các cô.

“Tớ thà đi biển nhiệt đới còn hơn làm cái trò giặt giũ này.” Martin mỉm cười.

“Còn tớ bỏ nghề này là thất nghiệp,” Joe trả lời nghiêm trang. “Tớ chẳng biết làm cái gì ngoài nghề thợ giặt.”

“Cậu thạo nghề lắm!”

“Phải thế thôi, tớ bắt đầu đi làm từ năm mười một tuổi ở Contra Costa, vùng Oakland, đứng máy ép. Đã mười tám năm rồi, và từ đó đến giờ tớ chả làm nghề gì khác. Nhưng quả thật công việc ở đây là gay nhất. Đáng lý ít nhất cũng phải có thêm một người nữa. Đêm mai chúng mình lại phải làm thôi. Đêm thứ tư là bao giờ cũng phải cho máy chạy - rồi lại cổ còn, măng-sét.”

Martin để chuông báo thức, ngồi vào bàn và mở Fiske ra. Gã không đọc hết chương đầu. Những dòng chữ mờ đi ríu vào nhau, đầu gã gà gât. Gã đứng lên, đi đi lại lại, lấy tay ôm vào đầu một cách điên dại, nhưng gã cũng không thể thắng nổi giấc ngủ đè trĩu lên gã. Gã dựng quyển sách lên trước mặt, lấy ngón tay vành mắt ra, nhưng gã vẫn cứ ngủ thiếp đi với đôi mắt mở to. Gã đành phải đầu hàng và hầu như không biết mình làm gì nữa, gã cởi quần áo trèo lên giường. Gã ngủ bảy tiếng liền, một giấc ngủ nặng nề như của thú vật, gã bừng tỉnh khi tiếng chuông báo thức réo lên, và vẫn còn cảm thấy chưa đủ.

“Có đọc được nhiều không?” Joe hỏi.

Martin lắc đầu.

“Cứ yên trí. Tối hôm nay cho máy chạy, nhưng thứ Năm ta sẽ nghỉ từ sáu giờ. Như thế cậu có thì giờ đây.”

Hôm nay Martin giặt đồ len, bằng tay, trong một chiếc chậu lớn đầy xà phòng mềm, với một cái máy là, là một cái trục bánh xe, buộc vào một cái cần, cần này lại nối vào một cái sào có nhíp ở bên trên.

“Sáng kiến của tớ đây.” Joe kiêu hãnh nói, “mạnh hơn là dùng bàn giặt và tay nhiều và hơn nữa, ít nhất cũng bớt được mỗi tuần mười lăm phút. Mà mười lăm phút trong cái địa ngục này không phải là chuyện chơi.”

Cách xếp cổ cộn và măng-sét đưa vào máy ép cũng là sáng kiến của Joe. Đêm ấy, trong khi hai người làm việc dưới ánh đèn điện, Joe đã giải thích cho gã rõ.

“Các hiệu khác không làm theo kiểu này, chỉ có ở đây thôi. Nhờ đó mà cứ chiều thứ bảy là ba giờ đã được nghỉ rồi. Chỉ hơn nhau ở cái chỗ là biết cách làm. Phải đốt cho đủ sức nóng, đủ sức ép, và phải đưa chúng vào ba lần. Cậu cứ nhìn đây này...” Joe giơ cao một cái măng-sét lên. “Dùng tay hay dùng máy cũng chẳng bằng thế này được!”

Thứ Năm, Joe như phát điên lên. Lại có thêm một đồng những “bộ đồ cầu kỳ” của các bà các cô đem giặt.

Joe nói lớn:

“Ông thì bỏ mặc. Không chịu được nữa. Bỏ mặc xác nó đấy. Làm việc suốt cả tuần như một tên nô lệ, giành từng phút một, thế mà nó lại tống thêm vào cho ông một đồng quần áo thế này. Tớ sẽ nói cho thẳng Hà-lan

béo phì ấy biết tớ nghĩ gì về nó. Tớ không nói bằng tiếng Pháp đâu nhé. Cái tiếng Mỹ thông thường cũng đủ tốt cho tớ rồi. Cái thằng khốn kiếp lại tổng thêm cho mình một đồng quần áo thế kia cơ chứ?”

Nhưng rồi anh thay đổi ý kiến, đầu hàng số phận. Và nói ngay: “Chúng ta phải làm việc đêm nay thôi.”

Đêm hôm đó, Martin không đọc gì cả. Suốt tuần gã không rờ đến tờ báo hàng ngày; mà đối với gã kẻ cũng lạ, gã không muốn đọc một tờ báo nào cả. Gã không quan tâm đến tin tức. Gã quá mệt, quá rã rời, không còn thiết đến bất cứ cái gì, tuy gã đã định chiều thứ bảy nếu ba giờ mà xong việc, gã sẽ đạp xe đi Oakland. Bảy mươi dặm đường đi, và bảy mươi dặm đường về vào buổi chiều chủ nhật sẽ khiến gã không được nghỉ ngơi một tí để lại tiếp tục làm việc tuần thứ hai. Đi tàu thì dễ chịu hơn nhưng cả đi lẫn về mất những hai đô la rưỡi, mà gã thì đang định để dành tiền.

[62] *John Fiske: (1842-1901) một nhà Tiến hoá luận kiêm sử gia người Mỹ - Quyền mà Martin Eden định đọc là “Vũ trụ Tiến hoá luận đại cương”- viết năm 1874.*

[63] *măng-sét: cổ tay áo somi.*

CHƯƠNG 17

Martin học làm được nhiều thứ. Trong tuần lễ đầu tiên có một buổi chiều gã và Joe phải thanh toán hai trăm cái áo sơ mi trắng. Joe đứng máy, một cái máy trong đó chiếc bàn là nóng được móc vào một cái lò xo thép để tạo ra sức ép. Bằng cách này, Joe là cầu vai, cổ tay, cổ còng, gấp sao cho cổ còng thẳng góc và cuối cùng là ngực cho thật bóng. Ngay sau khi là xong, anh vắt áo vào một cái giá đặt ở giữa anh và Martin. Martin nhặt ngay lên làm nốt phần còn lại, là tất cả những chỗ không hồ của áo.

Đây là một công việc mệt nhọc, giờ nọ kế tiếp giờ kia, phải làm với một tốc độ rất nhanh. Ở ngoài kia, trên những hàng hiên rộng của khách sạn, đàn ông, đàn bà trong những bộ quần áo trắng mát, nhấp những cốc nước ướp đá cho hạ nhiệt. Nhưng ở trong xưởng giặt, không khí thật là ngột ngạt. Cái lò khổng lồ gầm réo, nóng đỏ, nóng trắng lên, trong khi bàn là miết trên vải ẩm làm bốc lên từng đợt hơi. Sức nóng của những cái bàn là này khác hẳn với sức nóng của những cái mà các bà nội trợ thường dùng.

Một cái bàn là nếu lấy ngón tay ướt để vào thử theo lối thường mà chịu được thì đối với Joe và Martin hẳn còn quá lạnh, lối thử như thế vô dụng. Phải để nó sát vào má, luồng sức nóng của nó bằng một bí quyết nào đó của bộ óc mà Martin chỉ có thể thần phục chứ không sao hiểu nổi. Khi bàn là mới lấy ra còn quá nóng, họ móc vào những móc sắt và nhúng xuống nước lạnh. Việc làm này cũng đòi hỏi một mức độ tính toán chính xác tinh vi. Chỉ để quá một phần giây trong nước lạnh là mất các sức nóng cần thiết để là cho lụa đẹp và bóng lên. Martin có thì giờ để ngạc nhiên về sự chính xác, gã đã tạo ra được cho mình một sự chính xác máy móc - dựa trên tiêu chuẩn nhất định giống như cái máy, không thể nhầm lẫn được.

Nhưng gã cũng chẳng có nhiều thì giờ để mà ngạc nhiên. Tất cả tâm trí gã đều tập trung vào công việc. Hoạt động không ngừng, cả đầu cả tay, một cái máy thông minh, tất cả những cái gì đó tạo gã thành con người, gã đem cống hiến hết để nuôi dưỡng cái trí thông minh ấy. Trong óc gã chẳng còn chỗ nào để mà nghĩ đến vũ trụ và những vấn đề lớn lao của nó. Tất cả những dây hành lang mênh mông rộng lớn của trí óc gã đều bị đóng chặt lại, niêm phong kỹ lưỡng. Căn phòng âm vang trong tâm hồn gã là một căn phòng chật hẹp, một buồng lái điều khiển những bắp thịt cánh tay và bả vai, mười ngón tay khéo léo đưa rà cái bàn là nhanh vun vút trên con đường bốc hơi của nó bằng những nhát rộng, chỉ cần đủ từng ấy nhát không hơn, trong phạm vi nhất định không được vượt quá một ly, đưa lướt đi trên những ống tay áo, lưng áo, đuôi áo, rồi cất cái áo là xong, không được nhàu, vào một cái khung đã để sẵn. Tâm hồn vội vã còn đang bị xô đẩy thì gã đã phải với lấy một chiếc áo sơ mi khác. Công việc cứ tiếp diễn hết giờ này qua giờ khác trong khi bên ngoài, mọi vật như ngất lịm dưới sức nóng của mặt trời California. Nhưng trong căn phòng nóng đến cực độ này thì lại không thể ngất đi được. Những ông khách mát mẻ trên những hàng hiên kia đang cần những bộ quần áo sạch.

Martin người đầm mồ hôi. Gã uống nước nhiều vô kể. Nhưng trời nóng quá, gã dùng sức nhiều, nước cứ ứa ra qua những kẽ hở của da thịt, qua những lỗ chân lông. Ở biển, chỉ trừ một đôi khi quá bận còn công việc của gã làm luôn luôn cho phép gã có nhiều dịp quay về với tâm tư của mình. Trước kia, chủ tàu làm chủ thời gian của gã, nhưng ở đây lão quản lý khách

sạn này còn làm chủ cả ý nghĩ của gã nữa. Gã còn nghĩ gì được, chỉ còn ý nghĩ về cái công việc đã làm cho não cân rã rời, thể xác bạc nhược. Ngoài cái đó ra, không thể còn nghĩ gì được nữa. Gã không biết rằng mình đang yêu Ruth. Nàng như không còn tồn tại nữa, vì tâm hồn bị giày vò của gã không còn có thì giờ để mà nhớ tới nàng. Chỉ cứ về đêm khi gã bò vào giường, hoặc buổi sớm mai lúc ăn sáng, thì hình ảnh nàng mới thấp thoáng hiện ra trong ký ức mờ ảo của gã.

“Đây là địa ngục, có phải không?” Có một lần Joe nói như vậy.

Martin gật đầu, nhưng bất giác gã cảm thấy hết sức bức bối với lời nhận định quá rõ không cần thiết. Trong khi làm việc họ không nói chuyện. Chuyện trò làm cho họ lỡ tay, như lần này nó đã làm cho Martin hụt mất một đường là, và sau đó để bắt kịp gã phải làm thêm hai động tác thừa.

Sáng thứ sáu, máy giặt chạy. Một tuần lễ hai lần phải giặt các đồ vải của khách sạn – nào là khăn trải giường, áo gối, áo chăn, nào là khăn bàn, khăn ăn. Làm xong, lại phải vục đầu vào việc “hồ những bộ cầu kỳ.” Công việc này chậm chạp, tỉ mỉ, tinh vi, Martin làm được cũng không phải là dễ. Mà thực ra gã cũng không dám làm. Làm hỏng thì thật là tai hại.

“Cậu trông đây,” Joe nói, vừa giơ lên chiếc nịt vú mỏng tang, vò lại có thể dễ gọn lỏn trong nắm tay mà không ai trông thấy. “Làm rách cái này mà chơi, cứ gọi là hai mươi đô la khấu vào lương đấy.”

Vì vậy, Martin không làm rách, gã phải nhẹ tay, không dám căng bấp thịch lên mà vò, tuy thần kinh gã càng ngày càng căng thẳng hơn bao giờ hết; gã nghe và đồng tình với những lời chửi rủa của Joe trong khi anh chàng làm việc khổ sở với những bộ đồ đẹp đẽ mà các bà các cô mặc, nhưng không bao giờ phải mó tay vào giặt. “Những bộ đồ cầu kỳ: là cơn ác mộng của Martin, chúng cũng là cơn ác mộng của Joe nữa. Chính những bộ đồ cầu kỳ này đã cướp đi mất những giây phút mà họ phải gian khổ mới giành được. Họ phải quần quật với chúng suốt ngày. Bảy giờ tối, họ tạm ngừng để đưa các đồ vải của khách sạn vào máy ép. Đến mười giờ trong khi khách khứa đã đi ngủ cả thì hai anh chàng thợ giặt này vẫn còn đổ mồ hôi trên “những bộ đồ cầu kỳ” cho đến tận nửa đêm, cho đến một giờ, hai giờ. Đến hai giờ rưỡi sáng họ mới nghỉ.

Sáng thứ bảy, vẫn “bộ đồ cầu kỳ,” và những thứ linh tinh, ba giờ chiều công việc của cả tuần mới gọi là xong.

“Mệt thế này, chắc cậu không phóng xe đạp bảy mươi dặm đi Oakland nữa chứ?” Joe hỏi về hoan hỉ khi hai người ngồi trên bục cầu thang và hút một điếu thuốc.

“Đi chứ.” Martin trả lời.

“Đi làm gì? Thăm mèo à?”

“Không, cốt chỉ để tiết kiệm hai đô la rượu tiền tàu, tớ muốn đổi một vài quyển sách ở thư viện.”

“Tại sao không gửi qua bưu điện, mỗi lần chỉ mất một phần tư đô la.”

Martin suy nghĩ.

“Ngày mai cần phải nghỉ ngơi một chút.” Joe ép. “Cậu cần phải nghỉ. Tớ thấy tớ cũng vậy. Mệt chết người.”

Joe quả có mệt như vậy thật. Một người không hề nào núng, không bao giờ nghỉ ngơi, vật lộn từng giây từng phút suốt tuần lễ, khắc phục mọi chậm trễ, san bằng mọi trở ngại, một nguồn năng lượng không gì chế ngự nổi, một bộ máy bằng da bằng thịt mở hết tốc độ, một con quỷ ra sức làm việc, bây giờ sau khi đã làm xong công việc của một tuần, anh ta ở trong một trạng thái suy sụp. Joe bơ phờ, hốc hác. Bộ mặt đẹp trai của anh sụp đi, mệt mỏi. Anh bập bập điếu thuốc, vẽ lơ đờ. Giọng nói của anh đều đều như chết rồi. Tất cả ngọn lửa và lòng hăng say của anh đã tiêu tan. Chiến thắng của anh là một chiến thắng thâm hiểm.

“Tuần sau lại phải lặp lại một công việc như thế,” Joe buồn bã nói. “Mà được cái gì kia chứ? Lắm lúc tớ chỉ muốn làm một thằng lang thang. Chúng nó không phải làm việc mà vẫn sống. Trời ôi, tớ chỉ muốn có một cốc bia, nhưng tớ chẳng có gan lê được xuống phố để uống. Thôi cậu đừng đi nữa, cứ gửi sách qua nhà bưu điện cũng được. Nếu không, cậu thật là một thằng rò khôn kiếp.”

“Nhưng tớ biết làm gì ở đây suốt cả ngày chủ nhật?” Martin hỏi.

“Nghỉ ngơi. Cậu không biết là cậu đã mệt lắm rồi à... Sao, ngày chủ nhật tớ mệt đến nỗi tờ báo cũng không đọc nổi nữa. Có lần tớ đã bị ốm bệnh thương hàn. Ở nhà thương hai tháng rưỡi. Suốt thời gian đó, tớ không làm một chút việc gì cả. Thật là tuyệt.”

“Thật là tuyệt!” Joe mơ màng nhắc lại một phút sau.

Martin đi tắm. Tắm xong, gã thấy cái anh chàng thợ cả của xưởng giặt đã biến đâu mất. Rất có thể là anh ta đã đi kiểm cốc bia – Martin cá như vậy, nhưng nửa dặm đường xuống phố để xem xem có đúng không đối với gã lúc này chừng như là một cuộc hành trình dài. Gã cởi giày nằm lên giường để tĩnh trí lại. Gã không với tay ra lấy sách. Gã mệt quá không còn cảm thấy buồn ngủ; gã nằm dài ra hầu như không nghĩ gì cả, trong một trạng thái nửa sống sờ cho đến tận lúc ăn chiều. Lúc ấy, không thấy mặt mũi Joe đâu, nghe người làm vườn hoa, chắc chắn anh ta đang phá phách ở quán rượu. Martin hiểu ngay, ăn xong, gã lập tức vào giường và đến sáng hôm sau gã thấy gã đã nghỉ ngơi được nhiều. Joe vẫn chưa về. Martin lấy tờ báo ngày chủ nhật và nằm dưới bóng cây. Buổi sáng trôi qua, gã không biết nó đã trôi đi như thế nào. Gã không ngủ, không có ai đến quấy rầy gã, thế mà vẫn không đọc xong tờ báo. Sau khi ăn trưa xong, gã lại mở báo ra, nhưng rồi ngủ thiếp đi mất.

Thế là ngày chủ nhật trôi qua. Sáng thứ hai gã lại tắt bật, vát và phân loại quần áo, còn Joe, khăn buộc chặt lên đầu, mồm rên rĩ chửi rửa, đứng cho máy chạy và quấy xà phòng.

Anh ta giảng giải: “Tớ không thể nào nhịn được. Cứ tối thứ bảy là phải đi uống.”

Lại một tuần lễ nữa trôi qua, cuộc chiến đấu ghê rợn lại tiếp diễn đêm đêm dưới ánh đèn điện, và kết thúc vào ba giờ chiều ngày thứ bảy; Joe lại tận hưởng cái phút chiến thắng thê thảm ấy và rồi lại vội vã xuống phố để quên. Ngày chủ nhật của Martin lại giống ngày chủ nhật tuần trước. Gã ngủ dưới bóng mát của hàng cây, vát lộn tờ báo không mục đích, nằm ngửa hàng giờ liền không làm gì, không nghĩ gì hết. Gã choáng váng quá không còn nghĩ gì được nữa, tuy gã không bằng lòng với mình. Gã tự ghê tởm mình, dường như gã đã làm một việc gì sa đọa, dơ bẩn tự trong tâm hồn. Tất cả những điều thần thánh trong con người gã đã bị xoá sạch đi rồi. Sự thôi thúc của tham vọng đã chùn bước, gã không còn sức sống để cảm thấy sự thôi thúc ấy nữa. Gã đã chết rồi. Gã là một con vật, một con vật biết làm việc. Gã không còn thấy vẻ đẹp trong ánh nắng luồn qua những đám lá xanh, mà cũng không còn thấy vòm trời ngăn ngắt đang thì thảo như những

ngày xưa cũ, nhắc nhủ gã về sự bao la của vũ trụ, những điều thần bí đang run lên chờ đợi được khám phá. Cuộc sống buồn nản và ngu ngốc không thể nào tha thứ được, hương vị của nó đắng chát trong miệng gã. Một tấm màn đen giăng qua tấm gương của cặp mắt nhìn nội tâm của gã và trí tưởng tượng nằm liệt trong căn phòng bệnh nhân tâm tối, nơi không một tia sáng nào lọt vào được. Gã thêm được như Joe, lê bước xuống phố phá phách để cho sâu rượu gặm nhấm trí óc, để say sưa một cách chán chường với những mùi vị chán chường, uống tuý lúy, uống không còn biết gì trời đất, quên đi cái buổi sáng thứ hai và cả một tuần lễ lao khổ kinh khủng sắp tới.

Tuần lễ thứ ba lại trôi đi. Martin căm giận mình, căm giận cuộc đời. Gã bị ám ảnh bởi một tư tưởng thất bại choán ngợp. Cũng có lý do để những ông chủ bút từ chối những bản thảo của gã. Bây giờ gã có thể nhìn thấy điều đó rõ ràng. Gã tự cười mình, cười những giấc mơ gã đã từng mơ. Ruth gửi trả gã tập “Những bài ca về biển” qua bưu điện. Gã dừng dừng đọc thư nàng. Rõ ràng là nàng đã phải hết sức cố gắng để nói rằng nàng thích những bài thơ đó lắm và chúng thật là đẹp. Nhưng nàng không thể nói dối được, nàng không thể tự mình che dấu sự thật được. Nàng biết những bài thơ ấy thất bại. Qua mỗi dòng thơ ơ nhạt nhẽo, thiếu nhiệt tình trong bức thư của nàng, gã thấy rõ nàng không tán thưởng chúng. Và nàng có lý. Gã tin chắc như vậy khi gã đọc lại tập thơ. Cái đẹp và cái kỳ diệu đã rời bỏ gã đi mất, và khi đọc lại những bài thơ, gã thấy ngạc nhiên về những ý nghĩ gã có ở trong đầu khi gã viết chúng. Những câu văn táo bạo nghe thật kỳ cục, cách diễn đạt ví von bóng bẩy thật quái đản, tất cả đều vô nghĩa, không thực, không thể nào có được. Gã có thể đốt ngay tập “Những bài ca về biển” nếu như ý chí của gã đủ mạnh mẽ mà đốt chúng đi. Có buồng máy kia, nhưng tập thơ không xứng để cho gã mất công sức đem đi vứt vào lò. Công sức của gã còn phải dùng để giặt những bộ quần áo của người khác. Gã không còn một chút công sức nào để làm việc riêng tư.

Gã quyết định đến chủ nhật sẽ cố gắng tập trung tư tưởng để viết thư trả lời Ruth. Nhưng chiều thứ bảy, công việc xong sau khi tắm, ý nghĩ muốn quên đi tất cả choán ngợp lấy gã. “Có lẽ mình phải xuống phố xem thằng Joe tiêu thì giờ ra sao?” Gã lại tự nói với mình như vậy, và đồng thời gã cũng thấy mình đã tự dối mình. Nhưng gã không còn đủ nghị lực để mà suy

nghĩ về sự dối mình đó. Nếu như gã còn nghị lực chẳng nữa thì gã cũng không muốn suy nghĩ đến nó, bởi vì gã muốn quên đi. Gã đi xuống phố, thần thờ, chậm chạp, nhưng khi gần tới quán rượu, vô tình gã đã rảo bước.

“Tớ nghĩ rằng cậu vẫn kiên.” Joe đón chào gã bằng câu nói đó.

Martin cũng không buồn tìm cách bào chữa nữa, gã gọi lấy Whiskey rót đầy tràn một cốc rượu trước khi gã đưa trả lại chai rượu.

“Đừng có ngâm hết đêm đây nhé!” Gã nói thô lỗ.

Joe đang ngả nghiêng khê khà bên chai rượu. Martin không đợi được, ngửa cổ nốc thẳng một hơi rồi lại rót đầy cốc khác.

“Bây giờ thì tớ đợi cậu được,” gã cau có, “nhưng nhanh nhanh lên”

Joe uống nhanh và cả hai cùng uống.

“Công việc khiến cậu phải như vậy hử?” Joe hỏi.

Martin không muốn bàn đến chuyện đó.

“Thật là một địa ngục, tớ biết, nhưng Martin à, tớ không muốn cậu lại sa vào vòng rượu chè - ồ, như vậy đây!”

Martin lặng lẽ uống, cắn cẩu gọi hết châu nọ đến châu kia khiến chú bồi bàn - một chú bé nhà quê ẻo lả như con gái, mắt xanh ướt, tóc rẽ giữa - phát sợ lên.

“Thật là nhục nhã, chúng nó bắt bọn mình làm như trâu như ngựa thế này.” Joe nói. “Nếu không say tuý lúy thì tớ đã nổi xung lên mà đốt mẹ nó cái địa ngục ấy đi rồi. Tớ nói để cậu biết tớ uống say là phúc chúng nó đấy!”

Nhưng Martin không trả lời. Uống thêm vài cốc nữa, gã bắt đầu cảm thấy con sâu rượu say sưa đã bắt đầu bò trong óc gã. A, thế này mới là sống, hơi thở đầu tiên của cuộc sống mà ba tuần lễ nay gã mới được thở. Những giấc mơ lại quay về với với gã. Ảo ảnh lại từ trong phòng tối bay ra, quẩn rũ gã, bốc lửa huy hoàng. Tấm gương ảo ảnh trong như bạc, một bản ghi hình ảnh loé sáng, chói lọi. Cái đẹp và cái kỳ diệu lại cùng đi với gã, tay trong tay, tất cả sức mạnh của gã. Gã muốn nói với Joe điều đó, nhưng Joe cũng có những ảo tưởng riêng của mình, những kế hoạch không thể nào thất bại được, nhờ chúng anh ta sẽ thoát khỏi cái cảnh nô lệ của nghề thợ giặt và chính mình sẽ trở thành ông chủ của một xưởng giặt lớn chạy bằng máy hơi nước.

“Này, Martin ạ, trong xưởng giặt của tớ tuyệt đối không dùng trẻ con đâu nhé, tớ thề với cậu. Và nhất định sau sáu giờ chiều là không có một người nào phải làm việc nữa. Cậu nghe tớ nói chứ! Có đủ máy móc, có đủ người, làm việc có giờ giấc hợp lý, cậu sẽ giúp tớ, trông nom tất cả Martin ạ, tớ sẽ để cậu làm quản lý, trông nom xưởng trông nom tất cả tất cả. Kế hoạch của tớ như thế này, tớ sẽ thôi rượu, để dành và lúc đó...”

Nhưng Martin đã quay đi, mặc cho Joe nói với chú bồi bàn, cho đến lúc chú này phải đi lấy rượu cho hai bác nông dân mới vào, họ đã nhận lời mời của Martin. Martin vung tiền rộng rãi như ông hoàng mời hết thầy mọi người, những bác nông dân, anh bồi ngựa, anh phụ vườn của khách sạn, chú bồi bàn và cả thằng ma cà bông lên lút lên vào như một cái bóng, rồi như một cái bóng, lướt xuống cuối tiệm.

CHƯƠNG 18

Sáng thứ hai, thấy chiếc xe đầu tiên chất đầy quần áo đến chỗ máy giặt, Joe rên lên.

“Tớ đã bảo mà,” anh ta nói.

“Đừng nói với tớ làm gì,” Martin càu nhàu.

“Joe, xin lỗi cậu,” Martin nói, khi hai người ngừng việc để đi ăn trưa.

Joe long lanh nước mắt.

“Không hề gì đâu, bạn ạ,” anh ta nói. “Chúng ta đang sống trong một cái địa ngục, chúng ta không thể tìm được mình. Cậu biết đấy, tớ mến cậu lắm. Vì thế nên tớ mới buồn. Ngay từ lúc đầu, tớ đã có cảm tình với cậu rồi.”

Martin, lắc lắc tay Joe.

“Thôi, bỏ mẹ nó đi,” Joe gợi ý. “Bỏ mẹ cái nghề này để đi lang thang. Tớ cũng chưa thử làm cái nghề ấy bao giờ, nhưng chắc phải dễ chịu lắm. Chẳng phải làm gì. Cậu cứ nghĩ mà xem, chẳng phải làm gì. Đã có lần tớ bị ốm thương hàn trong bệnh viện. Thật là tuyệt, tớ chỉ mong lại ốm lần nữa.”

Tuần lễ trôi qua. Khách sạn đông nghìn nghịt, “những bộ đồ cầu kì” ngoại lệ thường ùn ùn đổ vào đầu họ. Họ phải đem hết sức dũng cảm ra mà làm. Đêm đêm, họ phải chiến đấu đến tận khuya, dưới ánh đèn điện, ăn vội ăn vàng và ngay trước khi ăn sáng cũng phải tranh thủ làm nửa tiếng. Martin không tắm nước lạnh nữa. Bất cứ lúc nào cũng là làm, làm, làm. Joe

nghư một mục đồng lành nghề chẵn dất thời gian, rất cẩn thận, không để mất một giây phút nào, chỉ li như một anh hà tiện đếm tiền vàng, làm việc như điên cuồng, một cái máy lên con số, được một cái máy khác giúp đỡ. Cái máy này xưa kia đã có lần nghĩ rằng nó là Martin Eden - một con người.

Nhưng thực ra Martin hiếm có thì giờ để nghĩ. Căn nhà của tư tưởng đã khóa chặt, cửa sổ đã đóng kín, gã chỉ còn là cái bóng người coi nhà. Gã là một cái bóng, Joe có lý. Cả hai đều là những cái bóng và nơi đây là địa ngục của lao khổ khốn cùng. Hay phải chăng đây là một ác mộng? Đôi lúc, trong sức nóng sôi réo, bốc hơi lên, khi gã đưa đi đưa lại những chiếc bàn là nặng nề trên những bộ quần áo trắng, gã thấy rằng đây thực là một giấc mộng. Trong một thời gian ngắn ngủi thôi, hay là phải hàng năm, gã mới trở dậy trong căn phòng nhỏ hẹp của mình, với chiếc bàn giấy mực, và lại tiếp tục viết đoạn gã đã bỏ dở hôm trước. Hay có thể đó chỉ là một giấc mộng, và tỉnh dậy chỉ là để đổi phiên canh, từ cái phản gỗ trong hầm ngủ, gã sẽ nhẩy xuống, bước lên boong tàu dưới trời sao miền nhiệt đới để bẻ bánh lái, để cảm thấy luồng gió mậu dịch mát rượi thấm vào da thịt.

Thứ bảy, cái chiến thắng rộng tuếch lại tới vào lúc ba giờ chiều.

“Tớ phải xuống phố làm một cốc bia.” Joe nói với giọng đều đều, kỳ lạ, nó đánh giá sự ngã gục cuối tuần của anh ta.

Martin dường như bừng tỉnh dậy. Gã mang hộp đồ chứa xe ra, cho dầu vào trục bánh và xích, vặn lại cái ốc. Joe đi được nửa đường xuống quán rượu, thì Martin đạp xe qua; gã cúi rạp mình trên ghi đông, chân đạp mạnh đều đều trên cái vòng đĩa chín mươi sáu răng, mặt căng ra để chuẩn bị cho con đường dài bảy mươi dặm, lên dốc xuống đèo, đầy bụi bặm. Đêm đó gã ngủ lại ở Oakland và sáng chủ nhật lại đạp bảy mươi dặm trở về. Và đến sáng thứ hai, mệt mỏi, gã bắt đầu công việc của tuần lễ mới, nhưng gã đã không uống rượu.

Tuần lễ thứ năm trôi qua, rồi tuần lễ thứ sáu, trong suốt thời gian đó, gã đã sống và làm việc như một cái máy, với tia lửa của một cái gì trong con người gã, chỉ một mảnh tâm hồn le lói, nó đã buộc gã cứ đến cuối tuần là phải đạp một trăm bốn mươi dặm đường. Nhưng đó không phải là nghỉ ngơi. Sống như thế không khác gì cái máy, nó chỉ làm tắt đi nốt cái mảnh tâm hồn le lói, cái duy nhất còn lại của cuộc sống trước đây của gã. Cuối

tuần thứ bảy, không định tâm nhưng quá yếu ớt không cưỡng lại nổi, gã đã lê bước xuống phố cùng Joe để nhận chìm cuộc đời và lại tìm cuộc đời cho đến sáng thứ hai.

Và rồi, cứ đến cuối tuần gã lại đập một trăm bốn mươi dặm đường, để xóa đi sự tê bại do việc dùng sức nhiều hơn nữa. Cuối tháng thứ ba, gã lại xuống phố một lần thứ ba với Joe. Gã đã quên đi, rồi lại sống lại, và sống lại thì gã thấy rõ rằng gã đã tự biến mình thành một con vật, không phải vì rượu mà chính vì cái việc làm này. Rượu chỉ là kết quả chứ không phải là nguyên nhân. Nó đi theo công việc, không thể tránh khỏi được, cũng như ngày nối tiếp đêm. Không phải biến mình thành một con vật kéo nặng mà có thể đạt tới đỉnh cao của cuộc sống, rượu whiskey đã thì thấm vào tai gã, gã gật đầu đồng ý. Rượu whiskey khôn ngoan lắm. Nó đã thổ lộ những điều bí mật về nó.

Gã gọi lấy giấy, bút chì và gọi rượu mời tất cả mọi người; và trong khi mọi người uống chúc mừng gã, gã bám lấy cái quây, nguệch ngoạc viết:

“Bức điện đây, Joe đọc đi,” gã nói.

Joe đưa cặp mắt say mềm giữu cột đọc. Nhưng cái mà gã đọc dường như làm cho gã tỉnh rượu. Gã nhìn Martin trách móc, nước mắt ứa ra lăn trên gò má.

“Cậu không định bỏ rơi tớ đây chứ, Mart?” Joe hỏi, giọng thiếu nảo.

Martin gật đầu, và gọi một chú bé đứng vợ vẫn ở đó nhờ mang bức điện ra nhà dây thép.

“Khoan đã,” Joe lẩm bẩm không thành tiếng. “Để tớ nghĩ đã.”

Joe gục xuống quây rượu, chân đu đưa, Martin vòng tay qua lưng đỡ lấy Joe trong khi anh ta nghĩ ngợi.

“Cứ ghi vào là có hai thằng thợ giặt,” Joe bật nói. “Đây để tớ ghi cho.”

“Cậu bỏ nghề để làm gì?” Martin hỏi.

“Cũng với những lý do như cậu thôi.”

“Nhưng tớ sẽ đi biển. Cậu không đi được.”

“Phải, nhưng tớ có thể đi lang thang được, được, được lắm chứ!”

Martin nhìn Joe như dò hỏi một lúc rồi kêu lên.

“Trời ơi! Tớ nghĩ rằng cậu có lý đấy, thà là một thằng ma cà bông còn hơn làm thân trâu ngựa. Chứ sao! Cậu sẽ sống, và thế còn hơn cuộc sống từ

trước đến nay của cậu nhiều.”

“Trước kia, đã có lần tớ ở bệnh viện,” Joe chữa lại. “Thật là tuyệt. Bệnh thương hàn – Tớ đã kể cho cậu nghe rồi chứ?”

Trong khi Martin sửa bức điện thành “hai người thợ giặt” thì Joe nói tiếp.

“Hồi ở bệnh viện tớ không bao giờ muốn uống rượu. Kể cũng lạ có phải không? Nhưng khi tớ làm việc ở đây suốt tuần như một thằng nô lệ, thì thế nào tớ cũng phải uống cho say mềm. Cậu có để ý thấy bọn làm bếp cũng uống như quý? Và bọn làm bánh nữa? Tại công việc đấy. Nhất định họ phải uống. Này, cậu để tớ giả nửa tiền bức điện”

“Thôi để tớ giả cả.”

“Nào, tất cả anh em uống đi!” Joe hô lớn, trong lúc mọi người đang lắc những con súc sắc và đổ chúng ra trên mặt quây ẩm ướt.

Sáng thứ hai, Joe nóng lòng chờ đợi đến phát điên lên. Anh cũng chẳng để ý đến cái đầu nhức nhối của mình mà cũng chẳng thiết gì công việc nữa. Hàng bày thời gian lên trốn đi và biến mất, trong khi anh mục đồng lơ đãng nhìn ánh sáng mặt trời và hàng cây bên ngoài cửa sổ.

“Cứ nhìn mà xem,” anh ta kêu lên. “Tất cả của là của tớ đấy. Tự do hưởng. Tớ có thể nằm dưới hàng cây kia ngủ hàng năm nếu tớ muốn. Nào, Martin à, ta bỏ quách cái nghề này đi. Cần gì phải đợi. Bên ngoài kia, là nơi không phải làm gì cả, tớ đã có vé đây rồi, và không có vé khứ hồi, trời ơi!”

Một vài phút sau, trong khi chất những quần áo bản lên xe để đưa đến máy giặt, Joe nhận ra cái áo sơ-mi của lão quản lý khách sạn. Joe biết dấu của nó; một cảm giác tự do thoáng khoải bất chợt đến với anh, Joe vứt cái áo xuống sàn, lấy chân giẫm lên.

“Tao mong mày ở trong cái áo này, thằng đồ lợn Hà Lan.” Joe hét lên. “Ồ trong này, đúng ở cái chỗ chân ông đang giẫm lên đây. Này! Này! Này! Tiên sư mày! Giữ tôi lại, có ai không! Giữ tôi lại!”

Martin cười và lòi anh ta về với công việc. Tối thứ ba, những người thợ giặt mới tới, những ngày còn lại của tuần lễ được dùng để đưa họ vào việc làm thường lệ. Joe ngồi bên cạnh giảng giải cho họ cách làm của anh ta nhưng anh ta không làm nữa.

“Không làm một tí nào,” Joe tuyên bố, “không làm một tí nào hết! Nếu chúng nó muốn, chúng nó cứ đuổi ông đi; đuổi ông, ông thôi ngay. Đừng hòng ông làm nữa, rất cảm ơn các ngài. Việc của ông là ngồi xe hàng và nằm khểnh dưới bóng mát. Làm đi, đổ mồ hôi ra! Khi chúng mày chết thì xác chúng mày cũng rữa nát như ông thôi, mà chúng mày sống hay chết thì có ai cần gì?”

Đến chiều thứ bảy, Martin và Joe lĩnh lương, hai người cùng đi tới ngã ba đường. Joe thất vọng hỏi:

“Có lẽ tớ chẳng cần bảo cậu thay đổi ý nghĩ và cùng đi theo con đường với tớ?”

Martin lắc đầu. Gã đứng bên chiếc xe đạp, sắp sửa đi. Họ bắt tay nhau. Joe nắm lấy tay gã một phút và nói:

“Tớ sẽ còn gặp lại cậu, Martin ạ, trước khi cậu và tớ chết. Đúng thế đấy. Tớ cảm thấy như vậy tận trong xương tủy. Thôi chào cậu, Mart, chúc cậu mạnh khỏe. Cậu biết đấy, tớ yêu cậu ghê lắm.”

Joe đứng lại, một bóng hình lơ lửng ở giữa đường nhìn theo cho đến khi Martin rẽ vào chỗ ngoặt và đi khuất. Joe lẩm bẩm:

“Thằng cha tốt thật. Tốt thật.”

Rồi anh ta nặng nề lê bước về chỗ bể nước; sáu bảy chiếc thùng không đang nằm bên lề đường đợi chuyến xe lên.

CHƯƠNG 19

Ruth và gia đình đi nghỉ mát đã trở về, Martin quay lại Oakland, gặp nàng luôn. Sau khi đã tốt nghiệp, nàng thôi không học nữa; và gã, sau khi đã dốc hết cả trí óc và thể xác ra làm việc cũng thôi không viết nữa. Cái đó cho họ nhiều thì giờ để gặp nhau, điều mà trước kia họ không thể có được. Sự thân mật giữa hai người tăng lên rất nhanh.

Lúc đầu, Martin chỉ nghỉ, không làm gì hết. Gã ngủ rất nhiều, hàng giờ ngồi nghiền ngẫm, suy nghĩ mà không làm gì hết. Gã như người phục hồi lại sau một thời gian làm việc nặng nề kinh khủng. Những dấu hiệu đầu tiên của sự bừng tỉnh dậy thể hiện khi gã khám phá ra có một cái gì thú vị hơn cái thú uể oải đọc tờ báo hàng ngày. Rồi gã lại bắt đầu đọc những cuốn tiểu thuyết nhẹ nhàng, những bài thơ. Vài ngày sau, gã vui đầu đọc mê man tác phẩm của Fiske mà gã đã bỏ băng lâu ngày. Cơ thể cường tráng, sức khỏe của gã tạo cho gã nhựa sống mới, gã có tất cả sự dẻo dai và sôi nổi của tuổi trẻ.

Ruth tỏ vẻ thất vọng ra mặt khi gã nói sau khi phục hồi được sức khỏe, gã sẽ lại đi biển một chuyến nữa. Nàng hỏi:

“Tại sao anh lại cần đi như vậy?”

“Kiếm tiền,” gã trả lời. “Tôi cần phải có dự trữ cho cuộc tấn công sau vào bọn chủ bút. Tiền là động lực của chiến tranh. Ở trường hợp tôi, cần có tiền và kiên nhẫn.”

“Nhưng nếu tất cả cái mà anh cần chỉ là tiền, thì tại sao anh không ở lại xưởng giặt?”

“Vì xưởng giặt đã biến tôi thành con vật. Công việc nhiều, kiểu như vậy, sẽ đẩy người ta đến chỗ phải bê tha rượu chè.”

Nàng nhìn gã chăm chăm với đôi mắt kinh hãi. Nàng nói run run:

“Anh định nói là anh đã...?”

Đối với gã, muốn thoát khỏi sự tù túng này cũng dễ thôi, nhưng bản chất gã là người thành thật, và gã nhớ lại quyết định cũ của mình: dù thế nào chăng nữa cũng cứ thành thật.

“Vâng.” Gã trả lời. “Đúng đấy. Nhiều lần.”

Nàng run lên và nhích ra xa.

“Những người tôi quen biết không một ai uống rượu, không bao giờ.”

“Như vậy nghĩa là họ chưa bao giờ làm việc ở xưởng giặt của khách sạn Shelly Hot Springs.” Gã cười chua chát. “Làm việc là điều tốt. Nó cần thiết cho sức khỏe của con người, tất cả các ngài giáo sĩ đều thuyết như thế; có trời chứng giám tôi không hề sợ làm việc. Nhưng cũng có những công việc quá tốt, và cái công việc ở xưởng giặt kia là một trong những loại công việc đó. Vì thế tôi mới phải đi biến một chuyến nữa. Tôi nghĩ rằng đó là chuyến cuối cùng, vì khi trở về, tôi sẽ tấn công được vào những tờ tạp chí, tôi dám chắc như vậy.”

Ruth yên lặng, không đồng tình. Gã buồn bã nhìn nàng, thấy nàng không thể nào hiểu nổi những điều gã đã trải qua.

“Một ngày nào đó, tôi sẽ viết những điều này ra: *“Sự sa đọa của lao dịch”* hay là *“Tâm lý học về tật uống rượu trong giai cấp công nhân”* hoặc là một đầu đề tương tự như vậy.”

Từ ngày đầu gặp gỡ đến nay chưa bao giờ họ lại cảm thấy xa nhau như ngày hôm ấy. Điều gã bộc lộ, nói ra một cách thành thật, ngầm mang một ý chống đối, đã làm nàng khó chịu. Nhưng nàng thấy xúc động chính vì sự khó chịu đó nhiều hơn là vì nguyên nhân đã gây ra nó. Nó đã chỉ cho nàng thấy nàng đã nhích lại gần gã biết chừng nào, và một khi điều đó được thừa nhận, nó sẽ dọn đường cho sự thân mật, gần gũi hơn. Tình thương nữa, cùng với những ý nghĩ lý tưởng ngậy thơ cải tạo gã bùng lên. Nàng sẽ cứu cái anh chàng trẻ tuổi thô lỗ đã đi quá xa kia; nàng sẽ cứu anh khỏi những

cái nguy hại của môi trường sống trước đây; nàng sẽ cứu anh ra khỏi con người anh, dù anh muốn hay không. Tất cả những cái đó làm cho nàng xúc động, dường như đó là một nhận thức rất cao quý, nhưng nàng không thể ngờ được rằng ngằm trong đó, ẩn trong đó, chính là sự ghen tuông và lòng ao ước của tình yêu.

Hai người đi chơi bằng xe đạp trong tiết thu êm dịu, và trên ngọn đồi họ đọc to những bài thơ, hết bài này, đến bài khác, những bài thơ cao quý, tao nhã, nâng tư tưởng của con người tới những vấn đề cao siêu hơn. Quên mình, hi sinh, kiên nhẫn, cần cù, nỗ lực chính là những nguyên tắc mà nàng muốn thuyết giáo cho gã một cách gián tiếp - Tất cả những cái trừu tượng đó đã được cụ thể hóa trong óc nàng bởi hình ảnh cha nàng, ông Butler và Andrew Carnegie, một người từ một cậu bé lưu lạc di cư trở thành ông vua sách của thế giới.

Tất cả những điều đó, Martin cũng tán thành và lấy làm thú vị. Bây giờ gã đã theo dõi được diễn biến trong trí óc nàng một cách rõ ràng hơn, và tâm hồn nàng không còn là một điều kỳ ảo gắn kín như trước kia. Về mặt trí tuệ, gã không thua kém gì nàng. Nhưng những điểm bất đồng không làm giảm bớt tình yêu của gã. Tình yêu của gã sôi nổi hơn bao giờ hết bởi gã yêu những gì nàng có, và trong mắt gã, ngay cả sự yếu đuối, mảnh dẻ của cơ thể nàng cũng khiến gã thấy nàng thêm duyên dáng. Gã đã đọc truyện nàng Elizabeth Barrett bệnh hoạn, hàng năm không hề đặt chân xuống đất cho đến ngày lửa tình bùng lên cùng Browning, nàng trốn đi và đứng thẳng trên mặt đất, dưới bầu trời lồng lộng; và những cái gì Browning đã làm cho nàng, Martin cũng sẽ có thể làm cho Ruth được. Nhưng trước tiên là nàng phải yêu gã. Tất cả những cái còn lại cũng dễ thôi. Gã sẽ cho nàng sức mạnh và sức khỏe. Gã mừng tượng thấy cuộc đời của hai người trong những năm tới đây, làm việc và sống trong khung cảnh đầm ấm, sung túc. Gã nhìn thấy gã và Ruth đọc sách và bàn luận về thơ ca, nàng ngồi tựa trên đồng gối đặt trên mặt đất, đọc to những bài thơ cho gã nghe. Đó là cái chìa khóa mở cho cuộc đời mà họ sẽ sống. Và gã luôn luôn nhìn thấy bức tranh đặc biệt ấy. Đôi khi nàng ngồi tựa vào gã trong khi gã đọc, một tay ôm lấy người nàng, đầu nàng ngả vào vai gã. Đôi khi cả hai cùng cúi xuống thưởng thức cái đẹp in trên trang sách. Rồi nàng cũng yêu thiên nhiên, và với trí

tưởng tượng phong phú, gã biến đổi cảnh đọc sách của hai người, đôi khi họ đọc sách trong những thung lũng giữa những vách đá cheo leo, hay trong những cánh đồng cỏ trên ngọn núi cao, hay bên những đụn cát xám, sóng biển cuộn cuộn dưới chân, hoặc xa xôi ở nơi hải đảo có núi lửa miền nhiệt đới, nơi có những thác nước đổ xuống, biến thành sương mù cuốn ra biển cả thành những màn hơi nước bồng bênh, rung rinh theo mỗi làn gió nhẹ. Nhưng luôn luôn nổi bật ở phía trước là gã với Ruth, chúa tể của cái đẹp, không màng đọc thơ, cùng nhau tâm đồng hợp ý và luôn ở phía xa, sau cái bối cảnh của thiên nhiên mờ ảo như sương mù là công việc, là thành công, là tiền tài kiếm được khiến họ có thể tự do trên đời để mà hưởng tất cả những kho tàng quý báu của nó.

“Mẹ thấy cần khuyên con gái mẹ phải cẩn thận.” Một hôm mẹ Ruth răn bảo nàng như vậy.

“Con biết ý mẹ nói gì. Nhưng điều đó không thể nào xảy ra được. Anh ta không...”

Ruth đỏ bừng mặt, nhưng đó là cái đỏ mặt của một cô gái lần đầu tiên được gọi để bàn đến những chuyện thiêng liêng của cuộc đời với một bà mẹ mà cô cũng coi thiêng liêng không kém.

“Không xứng với con.” Bà mẹ nói hết câu hộ con gái. Ruth gật đầu.

“Con không muốn nói thế, nhưng anh ấy thực không xứng. Một người thô lỗ, tàn bạo, khỏe, khỏe quá. Anh ấy không...”

Nàng ngập ngừng và không thể nói tiếp được. Nói những chuyện này với mẹ thật là một điều mới mẻ đối với nàng. Và lại một lần nữa mẹ nàng đã nói hết giùm những ý nghĩ của nàng.

“Anh ta không sống một cuộc đời trong sạch, đó là điều con muốn nói?”

Ruth lại gật đầu, và mặt nàng lại đỏ ửng lên. Nàng nói:

“Đúng như vậy, cái đó không phải lỗi tại anh ấy, nhưng anh ấy đã giao du nhiều với... với bọn người cặn bã. Anh ấy làm cho con sợ. Đôi khi anh ấy làm cho con kinh khiếp thực sự khi anh ấy kể lại một cách rất tự nhiên, thoải mái về những việc anh ấy đã làm, y như không có gì là quan trọng cả. Nó quan trọng lắm chứ, mẹ nhỉ?”

Hai mẹ con ngồi ôm lấy cánh tay nhau, và khi nàng ngừng nói, mẹ nàng khẽ vỗ vào tay nàng, đợi nàng nói tiếp.

“Nhưng con thấy con quan tâm đến anh ấy một cách ghê gớm,” nàng nói tiếp. “Đứng về một mặt nào đó mà nói, anh ấy là người con muốn che chở. Anh ấy lại là người bạn trai đầu tiên của con. Cũng có lúc, khi anh ấy làm con sợ, con có cảm tưởng anh ấy giống một con chó lòi con nuôi để chơi như bọn nữ sinh viên ở trường; anh ấy lỏng lẻo, nhe răng, dọa dứ dứ xích.”

Mẹ nàng lại đợi.

“Anh ấy làm con thích thú, con giả dụ, như thích thú một con chó lòi. Anh ấy cũng có nhiều cái tốt, nhưng mặt khác có nhiều cái trong anh ấy con không thích. Mẹ thấy đấy, con suy nghĩ nhiều. Anh ấy nói tục, hút thuốc lá, uống rượu, đấm đá nhau, (anh ấy nói với con như vậy, anh ấy thích đánh nhau, anh ấy thường nói thế). Anh có tất cả cái mà một người đàn ông không nên như vậy, một người đàn ông mà con muốn lấy làm...” giọng nàng trầm xuống rất thấp, “... làm chồng. Anh ấy khỏe quá. Ông hoàng của lòng con phải cao dong dỏng, đen – một ông hoàng duyên dáng quyến rũ. Không, mẹ cứ yên tâm. Không có cái chuyện con yêu Martin Eden đâu. Nếu yêu thì thật là số mệnh tằm tối nhất đã giáng xuống đầu con.”

“Nhưng đó không phải là cái mà mẹ muốn nói.” Mẹ nàng tế nhị nói. “Con có bao giờ nghĩ đến hấn ta không à? Con biết đấy, về mọi mặt, hấn chả có gì xứng với con cả, thế nhưng, giả dụ hấn yêu con thì sao?”

“Nhưng anh ấy đã yêu, yêu con rồi.” Ruth kêu lên.

“Việc tất phải xảy ra như vậy thôi,” bà Morse nói dịu dàng. “Ai quen biết con mà lại không yêu con cho được.”

“Ấy thế mà Olney lại ghét con đấy!” Nàng sôi nổi nói. “Con cũng ghét Olney, cứ có mặt anh ta là con cảm thấy con như một con mèo. Con thấy con phải bất lịch sự với anh ta. Dù con không nghĩ thế nữa, thì anh ta vẫn bất lịch sự với con. Nhưng với Martin Eden, con cảm thấy sung sướng. Trước kia chưa có ai yêu con, con muốn nói chưa có một người đàn ông nào yêu con như thế. Và được yêu như thế, thật là êm dịu. Mẹ thân yêu, chắc mẹ cũng hiểu ý con chứ, thật là êm dịu khi cảm thấy mình thực sự là một người đàn bà, đúng là một người đàn bà.” Nàng vùi mặt vào lòng mẹ, nức

nở. “Con biết, mẹ cho con là hạng tồi tệ, nhưng con thành thật, nghĩ thế nào thì nói với mẹ thế.”

Bà Morse vừa buồn vừa sung sướng một cách kì lạ. Cô gái bé bỏng của bà, cô tú tài văn chương không còn nữa, thế vào đó là một cô gái trưởng thành. Sự thí nghiệm của bà đã thành công.

“Tay anh ấy run lên.” Nàng thú nhận, và vì xấu hổ nên cô vẫn vùi đầu vào lòng mẹ. “Thật cũng thú vị và buồn cười, nhưng con cảm thấy thương anh ấy. Và khi tay anh ấy run quá, và mắt anh ấy quá long lanh, thì con đã thuyết cho anh ấy hay về cuộc đời của anh, và con đường lầm lạc anh đã đi qua để anh ấy sửa chữa. Nhưng anh ấy tôn thờ con, con biết. Đôi mắt, đôi bàn tay của anh ấy đã nói hết sự thật. Và ý nghĩ đó, chính ý nghĩ đó làm cho con cảm thấy mình lớn lên. Con cảm thấy con đã nắm được một cái gì mà con có quyền chiếm hữu, làm cho con giống những cô gái khác... và... và những người đàn bà trẻ tuổi khác. Con cũng biết rằng trước đây con không giống họ và điều đó đã làm mẹ băn khoăn. Mẹ nghĩ mẹ không muốn để con biết nỗi băn khoăn thân yêu ấy, nhưng con biết, và con muốn, muốn “cố hết sức mình,” như Martin Eden thường nói.”

Đó là giờ phút thiêng liêng đối với bà mẹ và cô con gái. Họ ngồi nói chuyện với nhau vào lúc hoàng hôn, mắt rom róm lệ; Ruth hoàn toàn ngây thơ và thành thật, mẹ nàng lắng nghe, thông cảm, bà giảng giải và khuyên nhủ con một cách bình tĩnh. Bà nói:

“Hắn trẻ hơn con bốn tuổi, không có địa vị gì trong xã hội, nghề nghiệp lương lậu cũng không. Hắn ta không có đầu óc thực tế. Yêu con, đáng lý hắn phải làm một cái khiến hắn có thể lấy được con, hơn là cứ lẩn quẩn với những truyện ngắn, và những giấc mơ trẻ con. Mẹ e rằng Martin Eden không thể nào khá lên được. Hắn không có tinh thần trách nhiệm, mà công việc của một người đàn ông trong xã hội như ba con đòi hỏi phải có, như tất cả bạn bè nhà ta, như ông Butler chẳng hạn. Mẹ e rằng Martin Eden không bao giờ là người có thể kiếm ra tiền. Mà quy luật của cái xã hội này là muốn có hạnh phúc không thể thiếu tiền được.Ồ, không cần phải giàu nứt đổ đổ vách, nhưng cũng phải có đủ để sống cho sung túc, tử tế chứ. Hắn... hắn không bao giờ nói à?”

“Anh ấy không hề nói một lời, anh ấy không hề ướm thử, nhưng nếu anh ấy có nói, con cũng sẽ gạt đi, vì mẹ biết đấy, con có yêu anh ấy đâu.”

“Như vậy, mẹ rất mừng. Mẹ không muốn thấy con gái của mẹ, con gái độc nhất của mẹ, trong sạch như vậy, trinh trắng như vậy lại đi yêu một người như hân. Trong xã hội này có những người đàn ông cao quý, những người đàn ông trong sạch, thành thật, có chí khí. Hãy đợi họ. Rồi một ngày kia con sẽ tìm thấy một người, con sẽ yêu người ta, con sẽ được người ta yêu lại, con sẽ sống hạnh phúc với người ta như ba với mẹ đã sống với nhau. Và còn điều này con phải luôn nhớ...”

“Vâng, thưa mẹ.”

Giọng bà Morse thấp xuống, dịu dàng: “Đó là con cái.”

“Con... con cũng đã có nghĩ tới điều đó,” Ruth thú nhận. Nàng nhớ lại những ý nghĩ phóng đãng đã giày vò nàng trước đây, nàng lại đỏ bừng mặt thẹn thùng của một cô gái khi bắt buộc phải nói đến những chuyện như vậy.

“Chính thế đây, chính chuyện con cái đã làm cho Eden không thể xứng với con được.” Bà Morse nói tiếp một cách gay gắt. “Dòng dõi của chúng ta phải trong sạch mà anh ta thì mẹ e rằng không trong sạch. Ba con vẫn kể cho mẹ nghe cuộc đời của bọn thủy thủ và... và chắc con đã hiểu.”

Ruth nắm chặt tay mẹ tỏ vẻ đồng tình, nàng cảm thấy mình đã thực sự hiểu, tuy quan niệm của nàng vẫn có một cái gì mơ hồ, xa xôi và ghê rợn, vượt quá trí tưởng tượng của nàng. Nàng nói:

“Mẹ biết đấy, con không làm điều gì mà không kể cho mẹ nghe. Có điều là, đôi khi mẹ phải hỏi con như lần này mới được. Con muốn nói với mẹ, nhưng không biết nói thế nào. Đó chỉ là khiêm tốn giả tạo. Con cũng biết vậy, nhưng mẹ phải làm cho dễ nói ra. Thỉnh thoảng, cũng như lần này, mẹ phải hỏi con, mẹ phải tạo cho con dịp để nói.”

“Chứ sao, mẹ... mẹ cũng là đàn bà!” Nàng hoan hỉ kêu lên, khi hai mẹ con đứng dậy. Nàng nắm lấy tay mẹ, đứng thẳng người nhìn vào mặt mẹ trong ánh hoàng hôn, và cảm thấy giữa hai mẹ con có một sự bình đẳng êm dịu lạ kỳ. “Nếu không có buổi nói chuyện hôm nay thì có lẽ không bao giờ con nghĩ về mẹ như thế. Con phải biết con là một người đàn bà để hiểu được mẹ cũng là một người đàn bà.”

“Chúng ta cùng là đàn bà!” Mẹ nàng nói, vừa kéo nàng lại gần và hôn nàng. “Chúng ta cùng là đàn bà,” mẹ nàng nhắc lại khi hai người quàng lưng nhau bước ra khỏi phòng, lòng họ rộn lên một ý niệm mới về tình bầu bạn.

“Đứa con gái bé bỏng của chúng ta đã trở thành một người đàn bà rồi đấy.” Bà Morse kiêu hãnh nói với chồng một tiếng đồng hồ sau.

Ông chồng nhìn vợ một lúc lâu rồi nói:

“Thế nghĩa là... nghĩa là nó đang yêu.”

“Không, nó được yêu,” bà vợ mỉm cười trả lời. “Cuộc thí nghiệm đã thành công. Cuối cùng, nó cũng đã được đánh thức dậy đấy.”

“Thế thì chúng ta phải tống khứ cái thằng ấy đi thôi.” Ông Morse nói nhanh, giọng con buôn, thực tế.

Nhưng bà vợ lắc đầu: “Không cần thiết, Ruth nói rằng vài hôm nữa hẳn ta sẽ đi biển. Khi hẳn ta trở về thì con Ruth sẽ không còn ở đây nữa. Chúng ta sẽ gửi nó đến nhà dì Clara. Và hơn nữa, một năm ở miền Đông với sự thay đổi khí hậu, thay đổi con người, ý nghĩ và mọi thứ sẽ giúp ích cho nó rất nhiều.”

CHƯƠNG 20

Ý muốn viết lại rộn lên trong lòng Martin. Những truyện ngắn, những bài thơ nảy ra trong óc gã một cách rất tự nhiên, gã ghi tất cả lại để trong tương lai sẽ viết ra. Nhưng gã chưa viết. Thời gian này là thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi của gã. Gã quyết định dùng nó để nghỉ, để yêu, và về cả hai mặt này gã đã thành công. Chẳng bao lâu gã đã lại tràn trề sức khỏe, hàng ngày gã đến thăm Ruth; lúc gặp gỡ, nàng lại cảm thấy sức mạnh, sự cường tráng của gã làm cho nàng xúc động như những ngày trước đây.

“Cẩn thận đấy,” mẹ nàng nhắc nhở nàng một lần nữa. “Mẹ e rằng con đã gặp gỡ Martin Eden quá nhiều đấy!”

Nhưng Ruth cười lớn, tự tin. Nàng tin ở mình lắm, vả lại, chỉ vài hôm nữa thôi anh ấy sẽ đi biển. Đến hôm anh ấy về, thì nàng đã đi chơi xa, ở miền Đông rồi. Tuy nhiên, trong sự cường tráng, trong sức mạnh của Martin dường như có một ma lực. Gã cũng được biết về dự định của nàng đi chơi miền Đông, và gã cảm thấy cần phải giải quyết gấp. Tuy nhiên, gã không biết cách tỏ tình như thế nào với một người con gái như Ruth. Hơn

nữa, chính cái kho tàng kinh nghiệm đối với đàn bà, con gái ở một tầng lớp hoàn toàn khác Ruth, lại là một điều bất lợi cho gã. Họ đã biết về tình yêu, cuộc sống và những chuyện ve vãn, còn nàng thì không biết một chút gì về những chuyện đó. Sự trong trắng kì diệu của nàng làm cho gã sợ hãi, làm tê giá những lời nói nồng nàn trên đôi môi gã, và vô hình chung, gã cảm thấy mình không xứng đáng. Hơn nữa, gã còn bị bất lợi ở khía cạnh khác. Chính gã cũng chưa hề yêu bao giờ. Trước đây gã có thích những người đàn bà trong cuộc sống quá khứ từng trải của gã, gã từng bị một vài người trong bọn họ làm mê hoặc, nhưng gã chưa hề biết yêu họ là cái gì. Gã chỉ cần huýt sáo một cái, một cách kẻ cả, là họ chạy đến với gã rồi. Chỉ là trò giải trí, những chuyện tình cò, một phần trong những thú tiêu khiển của đàn ông, nhưng chỉ là một phần hết sức nhỏ. Thế mà bây giờ lần đầu tiên gã là một kẻ đi cầu xin, yếu mềm, nhút nhát, không tự tin. Gã không biết cách yêu mà cũng không biết ngôn ngữ của tình yêu, gã sợ hãi trước sự ngây thơ của người gã yêu.

Trong khi làm quen với cuộc sống phức tạp, cuồn cuộn trôi đi với những sự việc biến đổi khôn cùng, gã đã học được cách xử thế có kết quả, là mỗi khi chơi một trò chơi lạ, thì phải để cho đối phương chơi trước. Biện pháp này trong rất nhiều trường hợp đã đặt gã vào thế có lợi, đồng thời đã luyện cho gã trở thành một người quan sát thành thạo. Gã biết cách quan sát những sự vật mới lạ, và đợi cho những nhược điểm và những kẽ hở của nó tự bộc lộ ra. Cũng giống như trong một cuộc đấu quyền, một mặt vẫn nhử đánh, một mặt vẫn rình những chỗ sơ hở của đối phương. Và khi chỗ sơ hở ấy lộ ra, do kinh nghiệm lâu dài, gã biết cách nắm lấy và tấn công quyết liệt.

Vì vậy, đối với Ruth, gã cũng chờ đợi, quan sát, muốn thổ lộ tình yêu nhưng còn không dám. Gã sợ làm cho nàng xúc động quá mạnh, và gã đã không tin ở mình. Gã không biết rằng chính gã đang đi theo một con đường đúng để xử sự với nàng. Trên đời này tình yêu ra đời trước khi có lời nói, và ngay từ lúc ban sơ, nó có những biện pháp, những phương tiện mà không bao giờ nó có thể quên được. Chính Martin cũng đã tỏ tình với Ruth theo cái kiểu cổ xưa, ban sơ ấy. Lúc đầu gã không biết rằng chính mình đã tỏ tình, tuy về sau gã mới đoán ra. Bàn tay gã đặt lên bàn tay nàng, còn mạnh hơn bao nhiêu lần bất cứ một lời nào mà gã có thể thổ lộ ra được, và sức lực

của cơ thể gã đập vào trí tưởng tượng của nàng còn quyến rũ hơn bao nhiêu bài thơ đã được in, hơn bao nhiêu lời nói say mê từ muôn ngàn thể hệ của những kẻ si tình. Bất cứ tình cảm gì qua lời nói của gã thể hiện được nó cũng chỉ gây được phần nào ấn tượng đối với lý trí của nàng, nhưng khi bàn tay gã chạm vào tay nàng, một cái va chạm chỉ thoáng qua, nó lại đi thẳng ngay vào bản năng của nàng. Lý trí của nàng cũng chỉ trẻ như nàng thôi, nhưng bản năng của nàng thì già như loài người và còn hơn nữa. Bản năng ấy trẻ khi tình yêu còn trẻ, và nó khôn ngoan hơn mọi tập tục, dư luận và tất cả những điều mới nảy sinh. Vì vậy lý trí của nàng vẫn nằm yên. Nó không bị tác động đến và nàng không nhận ra những cố gắng của Martin từng giờ từng phút muốn viện đến bản năng yêu thương của nàng. Mặt khác, việc gã yêu nàng thì đã rõ như ban ngày, và nàng sung sướng một cách có ý thức trước những biểu lộ của tình yêu ấy: đôi mắt long lanh với những ánh diệu dàng, bàn tay run run, cái nét đỏ ửng không bao giờ giấu được, lộ ra dưới làn da sạm nắng. Nàng còn đi xa hơn nữa, nàng đã kích thích gã một cách rụt rè, nhưng tế nhị quá đến nỗi gã không ngờ, và nàng làm gần như không có ý thức, đến nỗi chính nàng hầu như không thể ngờ như vậy. Lòng nàng rộn lên trước những biểu hiện sức mạnh của gã, cái sức mạnh nói lên rằng nàng là một người đàn bà; nàng cảm thấy niềm sung sướng giống như niềm sung sướng của nàng Eva trong việc giày vò gã, đùa cợt gã.

Do không có kinh nghiệm, do quá si mê mà lại không nói lên được, Martin tiếp tục tỏ tình với nàng một cách vô tình và vụng về bằng những va chạm. Sự va chạm của bàn tay đối với nàng là một điều thú vị, một cái gì kỳ thú hơn là thú vị. Martin không biết điều đó, nhưng gã biết rõ rằng sự va chạm bàn tay, ngoài những khi gặp gỡ và những lúc chia tay; trong những lúc dắt xe đạp, buộc những tập thơ để mang lên đồi, hoặc trong lúc cùng say sưa đọc những trang sách bên nhau, có rất nhiều cơ hội để bàn tay lướt nhẹ bàn tay. Và cũng có rất nhiều cơ hội để cho tóc nàng ve vuốt má gã, cho vai nàng chạm vai gã, khi hai người cùng cúi xuống thưởng thức vẻ đẹp của trang sách. Nàng mỉm cười một mình vì những thôi thúc da diết không biết từ đâu mà có, nó khiến nàng muốn ôm lấy đầu gã mà vò mái tóc; còn gã thì ao ước khi đã đọc mệt được đặt đầu vào lòng nàng, nhắm mắt lại mà mơ tới tương lai của hai người. Trước kia, trong những buổi đi chơi ngày chủ nhật

ở công viên Shellmound, và Schuetzen, gã đặt đầu mình vào lòng biết bao nhiêu cô gái và thường là gã đã ngủ say một cách ích kỷ trong khi những cô gái này ngồi che nắng cho gã, mắt nhìn xuống mặt gã, các cô yêu gã và ngạc nhiên tại sao đối với tình yêu của họ, gã lại có thể thờ ơ, lãnh đạm như vậy. Trước kia, đối với gã đặt đầu vào lòng một người con gái là điều dễ nhất trên đời, nhưng bây giờ, gã thấy lòng Ruth là nơi không thể nào đặt đầu vào được, không thể được. Tuy nhiên, chính ở điểm này, chính sự kín đáo của gã là tất cả sức mạnh tỏ tình đấy. Chính nhờ sự kín đáo ấy, gã không làm cho nàng kinh hãi. Nàng vốn là người dễ xúc cảm, rụt rè; nàng chưa hề nghĩ rằng sự gặp gỡ giữa hai người sẽ dẫn tới con đường nguy hiểm. Rất tinh tế và vô tình, nàng cứ càng ngày càng xích lại bên gã, gần gã hơn; và gã, gã cũng nhận thấy sự gần gũi ngày một tăng này, muốn liêu, nhưng lại sợ.

Có một lần, một buổi chiều, gã đã liêu, đó là lần gã gặp nàng trong phòng khách tối, nàng đang bị nhức đầu ghê gớm.

“Không có cách gì chữa khỏi được.” Nàng trả lời câu hỏi của gã. “Hơn nữa, tôi cũng không uống được thuốc nhức đầu, bác sĩ Hall đã cấm.”

“Tôi nghĩ tôi có thể chữa được không cần phải thuốc. Tất nhiên, tôi cũng không dám chắc lắm, nhưng tôi muốn cứ thử xem. Chỉ cần xoa bóp thôi. Đầu tiên tôi học được cách này của một người Nhật. Người Nhật rất giỏi về khoa này, cô cũng biết đấy. Sau này, tôi còn học được của người Hawaii thêm nhiều cách khác. Họ gọi là LOMI-LOMI. Nó có thể chữa được hầu hết các thứ bệnh mà thuốc chữa được, thậm chí còn chữa được một số bệnh mà thuốc cũng chịu.”

Bàn tay gã vừa chạm vào trán, nàng đã thở một hơi dài.

“Dễ chịu lắm,” nàng nói.

Và nàng nhắc lại câu này một lần nữa, nửa giờ sau, lúc nàng hỏi. “Anh có mệt không?”

Câu hỏi là thừa, nàng đã biết câu trả lời sẽ như thế nào. Rồi nàng thiếp đi, mơ màng thưởng ngoạn cái hương thơm êm dịu từ sức mạnh của gã. Sức sống trào ra từ mười đầu ngón tay gã, đã thực sự xua tan mọi đau đớn, hay nàng chỉ cảm thấy thế, cho đến khi cơn đau dịu dần, nàng ngủ thiếp đi và gã lén đi ra.

Tối hôm đó, nàng gọi dây nói để cảm ơn gã:

“Tôi ngủ cho đến bữa ăn tối. Anh đã chữa cho tôi khỏi hấn anh Eden ạ, tôi không biết lấy gì cảm ơn anh.”

Lòng gã ấm lên, gã sung sướng, lúng túng không biết trả lời nàng thế nào, và suốt lúc nói chuyện bằng dây nói, hình ảnh của Browning và nàng Elizabeth Baret bệnh tật như giốn múa trong óc gã. Những cái gì mà người ta đã làm sẽ có thể làm lại được nữa, và gã, Martin Eden, gã có thể làm và sẽ làm được điều đó cho Ruth Morse. Gã quay về buồng, quay về với cuốn *Xã hội học* của Spencer vẫn để mở trên giường. Nhưng gã không thể đọc được. Tình yêu giày vò gã, gạt đi ý chí của gã, đến nỗi, mặc dù gã đã quyết tâm không viết, gã vẫn thấy mình đến ngồi trước cái bàn nhỏ lấm tấm vết mực. Bài “sonnet” gã làm đêm hôm ấy là bài thơ tình yêu đầu tiên trong số năm mươi bài mà gã hoàn thành trong hai tháng. Trong khi viết, tập *Những bài thơ tình của người Bò Đào Nha* vẫn vương vấn trong trí óc gã, gã đã viết trong những hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi để sáng tác nên những tác phẩm lớn, trong lúc sức sống lên tới độ cao nhất, trong sự giày vò của tình yêu điên cuồng dịu ngọt.

Những giờ không ở bên Ruth, gã miệt mài với tập *Thơ tình*, đọc sách ở nhà, đọc sách ở thư viện; ở đó, gã tiếp xúc một cách chặt chẽ với những tạp chí đương thời, nắm được tính chất, nội dung và chủ trương của chúng. Những giờ phút bên Ruth, lúc nào gã cũng thấy điên lên vì hi vọng cũng như vì tình trạng lửng lơ. Một tuần lễ sau khi gã chữa cho Ruth khỏi nhức đầu, Norman đã đề nghị đi chơi trăng bằng thuyền buồm bên hồ Merritt, đề nghị này được Arthur và Olney tán thành. Martin là người duy nhất trong bọn biết lái thuyền và họ cố ép gã phải đi cùng để lái giúp. Ruth ngồi bên gã ở đằng mũi, còn ba anh chàng trẻ tuổi nằm ườn ở giữa thuyền, sôi nổi tranh luận về những chuyện “nhà trường.”

Trăng chưa lên, Ruth ngược nhìn vòm trời đầy sao, không nói với Martin lời nào. Nàng bỗng cảm thấy hiu quạnh. Nàng liếc nhìn gã. Một đợt gió ào tới làm nghiêng thuyền, nước mấp mé tràn vào khoang. Martin một tay giữ bánh lái, một tay nắm lấy dây buồm, nhẹ nhàng lái thuyền theo gió, mắt nhìn về phía trước, ngó tìm bờ bắc gần đó. Gã không để ý tới nàng đang nhìn mình; và nàng chăm chú nhìn gã, suy nghĩ miên man không biết

sự mù quáng kỳ dị nào đã đưa gã, một con người trẻ tuổi, có sức mạnh khác thường đến chỗ phí hoài cả thời gian để đi viết những chuyện ngắn, những bài thơ mà chắc chắn sẽ rất tồi và nhất định sẽ thất bại.

Nàng đưa mắt nhìn cái cổ khỏe mạnh mờ mờ trong ánh sao, nhìn lên cái đầu vững chắc và nổi ước muốn trước đây được đặt bàn tay lên cổ gã trở lại với nàng. Cái sức mạnh mà nàng kinh sợ ấy quyến rũ nàng. Cảm giác hiu quạnh rõ rệt, và nàng thấy mệt mỏi. Con thuyền bị xô nghiêng làm cho nàng nôn nao khó chịu, nàng nhớ lại cơn nhức đầu mà gã đã chữa cho nàng khỏi, và cái cảm giác nghỉ ngơi lại toát ra từ con người gã. Gã ngồi bên nàng, gần sát nàng và con thuyền như xô nàng sát lại bên gã. Nàng bỗng thấy một sự thôi thúc muốn ngã mình vào người gã, muốn dựa vào sức mạnh của gã mà nghỉ ngơi – một sự thôi thúc mơ hồ chưa thành hình rõ rệt, nhưng dù cho nàng có đắn đo đi nữa thì nó vẫn chế ngự nàng, bắt nàng phải ngã mình vào người gã. Hay là tại thuyền nghiêng? Nàng không biết. Nàng không bao giờ biết được. Nàng chỉ biết rằng nàng đang tựa vào người gã và nàng thấy êm dịu quá, an tâm quá. Có thể đó là lỗi tại cái thuyền, nhưng nàng cũng không nghĩ tới chuyện sửa cái lỗi ấy nữa. Nàng chỉ tựa nhẹ vào vai gã, nhưng vẫn là tựa và nàng cứ tiếp tục tựa khi gã đổi tư thế ngồi để làm cho nàng dễ chịu hơn.

Thật là một sự điên rồ, nhưng nàng không để ý tới sự điên rồ ấy. Nàng không còn là nàng nữa, chỉ là một người đàn bà thôi, với tất cả những đòi hỏi da diết của một người đàn bà. Và tuy nàng chỉ tựa rất nhẹ, nhưng sự đòi hỏi ấy hình như đã được thỏa mãn. Nàng không thấy mệt nhọc nữa. Martin không nói gì cả; chỉ cần nói một lời là cái giây phút mê li này tiêu tan đi mất. Chính tình yêu thâm lặng của gã đã làm cho giây phút đó kéo dài. Gã bàng hoàng, ngây ngất. Gã không thể hiểu được cái gì đã xảy ra. Nó kì ảo quá, không thể là thực được, chỉ là mê. Gã chế ngự được cái ý muốn điên cuồng buông tay bánh lái, buông dây buồm, để ghì chặt lấy nàng trong cánh tay. Trực giác của gã đã bảo cho gã biết làm như thế không được, và gã sung sướng vì bánh lái, vì dây buồm đã làm cho tay gã bận bịu và kìm ý muốn của gã lại. Nhưng gã lái con thuyền không khéo léo như trước, ngượng ngùng mặc cho gió thổi chệch cánh buồm, cốt để kéo dài thời gian tới bờ bắc. Đến bờ gã sẽ phải đứng lên, và sự gần gũi như thế là hết. Gã lái

con thuyền một cách rất tài tình, bắt nó đi chậm chậm mà vẫn không để cho mấy anh tán gẫu kia nhận thấy; trong thâm tâm gã thăm tha thứ cho những chuyến đi hết sức vất vả trước đây của gã, nhờ chúng mới có cái đêm kỳ diệu này, nhờ chúng mà gã đã chế ngự được biển cả, được con thuyền, được gió để gã có thể lái con thuyền với nàng ở bên cạnh, với cái sức nặng thân yêu tựa vào vai gã.

Khi những tia sáng đầu tiên của mặt trăng đang lên chiếu vào cánh buồm làm con thuyền rực lên trong ánh sáng lồng lộng như ngọc, Ruth ngồi nhích ra. Và khi nàng nhích ra, thì nàng cảm thấy gã cũng nhích ra xa. Cả hai người cùng muốn tránh không để cho người khác trông thấy. Sự thân mật ấy chỉ là thăm kín, hai người ngăm hiểu với nhau. Nàng ngồi nhích ra, hai má nóng bừng, lúc này nàng mới thấy hết ý nghĩa của việc vừa làm. Nàng cảm thấy như mình có lỗi, và nàng không muốn cho các anh nàng hay Olney thấy. Tại sao nàng lại làm như thế? Trong đời nàng, nàng chưa hề làm một việc như thế bao giờ, tuy trước đây nàng đã cùng nhiều thanh niên đi chơi thuyền vào đêm trăng. Nàng không bao giờ có ý muốn làm một việc như thế. Nàng cảm thấy xấu hổ quá, nàng thấy sự bí ẩn nữ tính đã nảy nở và choán ngợp lấy nàng. Nàng liếc trộm Martin đang lái con thuyền đổi hướng, và nàng cảm thấy căm ghét gã đã để cho nàng phạm phải một hành động phóng đãng đáng hổ thẹn. Mà ai chứ, lại chính anh chàng này à! Có lẽ mẹ nàng nói đúng, nàng đã gặp gỡ anh ta quá nhiều chẳng. Nàng nhất định sẽ không để xảy ra một lần nữa như thế, sau đây sẽ gặp gỡ anh ta ít thôi. Nàng nuôi một ý nghĩ điên rồ là ngày hôm nào hai người gặp nhau riêng, nàng sẽ nói dối là đêm hôm ấy trước khi trăng lên, nàng bất chợt thấy trong người choáng váng không biết gì nữa. Nhưng nàng lại nhớ ra rằng trước ánh trăng soi mới kia, cả hai người cùng nhích ra và thế thì anh ta biết mình nói dối mất. Những ngày sau trôi qua nhanh, nàng không còn là nàng nữa, mà là một người xa lạ đầy băn khoăn, bối rối, suy nghĩ miên man, tự phân tích để mà khinh rẻ mình, không muốn nhìn vào tương lai, không muốn nghĩ về mình nữa, không biết rằng mình sẽ trôi nổi đến đâu. Nàng sống trong một cơn sốt của những điều thần bí rờn rợn, lúc thì làm cho nàng sợ hãi, lúc thì làm cho nàng mê mẩn, nhưng luôn luôn ở trong trạng thái bàng hoàng. Tuy nhiên, nàng vẫn có một ý nghĩ kiên định, nó khiến cho nàng yên tâm. Nàng

sẽ không để cho Martin thổ lộ tình yêu. Chừng nào mà nàng vẫn giữ được như thế, thì mọi việc đều yên ổn. Chỉ vài ngày nữa thôi, anh ta sẽ đi biển. Và ngay cho anh ta có nói ra nữa, mọi việc vẫn cứ yên ổn. Có thể nào khác được, vì nàng có yêu anh ta đâu. Tất nhiên, điều đó cũng làm anh ta đau khổ trong nửa tiếng đồng hồ, và cũng làm cho nàng bối rối trong nửa tiếng, bởi vì đó là lần đầu tiên nàng có người cầu hôn. Nghĩ tới điều này, nàng rung mình sung sướng. Nàng thực sự là một người đàn bà; đã có một người đàn ông ao ước muốn hỏi nàng làm vợ. Đó là một điều quyến rũ đối với tất cả những cái gì là cơ bản của nữ tính. Tất cả những cái gì cấu thành ra cuộc sống của nàng, tất cả những cái gì tạo ra cơ thể nàng đều run lên, rung động. Ý nghĩ đó cứ vỗ cánh trong trí óc nàng như một con thiêu thân bị ánh lửa quyến rũ. Nàng còn đi tới chỗ tưởng tượng lúc Martin cầu hôn mình, chính nàng nói lên thay anh ta những lời cầu hôn ấy, và chính nàng lại nhắc lại những lời cự tuyệt của mình, nói một cách êm ái, và lại còn khuyên nhủ anh ta nên cố gắng để trở thành một con người chân chính và cao quý. Nhất là anh ta phải thôi không được hút thuốc lá nữa. Đây là điều nàng quan tâm nhất. Nhưng không, nàng sẽ không để cho anh ta nói câu gì. Nàng có thể ngăn anh ta, nàng đã hứa với mẹ nàng như vậy. Mặt đỏ ửng, người nóng bừng, nàng tiếc hận xua đuổi những ý nghĩ tưởng tượng đó đi. Lời cầu hôn đầu tiên trong đời nàng phải đến vào một ngày tốt đẹp và phải do miệng một người xứng đáng với nàng hơn nói lên.

CHƯƠNG 21

Một ngày thu đẹp âm áp, hiu hiu buồn, lặng lẽ một buổi giao mùa, một ngày cuối hạ miền California với mặt trời mờ sương, với những làn gió nhẹ thoảng đưa, không lay động nổi giấc ngủ triền miên của không khí. Những màn sương tím ngắt, không phải là hơi nước mà là những sợi tơ màu đan lại, vương vất, ẩn trong lòng những dãy đồi. San Francisco như một làn khói mờ nằm trên những đỉnh cao. Cái vịnh nằm giữa là một tấm kim khí dát mỏng mờ mờ, có những chiếc thuyền buồm nằm bất động lơ lững trôi theo ngọn thủy triều lười biếng. Dãy núi Tamalpais xa xa, lẫn trong màn sương bạc, vươn lên sừng sững bên Kim môn^[64]. Kim môn trông như một con đường dát vàng nhạt dưới ánh mặt trời đã ngả về tây. Xa xa, Thái bình

duyệt mờ mờ, mênh mông đang tung những đợt mây ở phía chân trời, mây ùn ùn kéo về lục địa mang hơi thở ào ào đầu tiên của mùa đông.

Mùa hạ đã đến ngày tàn. Nhưng mùa hạ vẫn còn vương vấn, nó mờ đi, yếu đi giữa những dãy đồi, làm thắm thêm màu tím ngắt của thung lũng, nó dùng sức mạnh đã tàn suy và sự say mê đã thỏa mãn dẹt nên một tấm khăn liệm bằng hơi sương, bình thản lịm chết dần, hài lòng vì đã sống và đã sống đầy đủ. Và ở giữa những dãy đồi ấy, trên đỉnh mà họ ưa thích nhất, Martin và Ruth ngồi bên nhau, đầu chụm lại trên trang sách, gã đọc to cho nàng nghe những bài thơ tình của người đàn bà đã yêu Browning, một mối tình mà ít người đàn ông trên đời có điểm phúc được hưởng.

Nhưng tiếng đọc yếu dần. Ma lực của cái đẹp sắp tàn ở chung quanh quá mạnh. Năm đẹp dễ đang chết đi như nó đã sống, một cuộc sống đắm say không hối tiếc, đẹp vô cùng, kỷ niệm về những phút mê ly và thỏa mãn đã trĩu nặng không gian. Nó thấm dần vào tâm hồn hai người uể oải với những giấc mơ, nó làm yếu đi những quyết tâm, và làm mờ đi nét mặt của đạo đức và lý trí với màn sương tím ngắt. Martin cảm thấy người mềm đi, tan ra, thỉnh thoảng những tia lửa ấm dâng lên trong lòng gã. Đầu gã gần đầu nàng quá, khi những làn gió nhẹ như những bóng ma lang thang thổi động tóc nàng cho nó ve vuốt mặt gã, thì những trang sách in cũng rung rinh trước mặt gã.

“Tôi tin rằng anh đọc mà không hiểu một chữ mình đang đọc,” nàng nói khi thấy gã quên mất không biết là mình đọc tới đâu.

Gã nhìn nàng với cặp mắt bốc lửa, đang lúng túng thì một câu trả lời đến kịp.

“Tôi tin rằng cô cũng không hiểu nốt. Bài thơ cuối cùng vừa đọc nói gì nào?”

“Tôi cũng không biết,” nàng cười thánh thiện. “Tôi quên mất rồi. Thôi ta đừng đọc nữa. Hôm nay trời đẹp quá.”

“Có lẽ đây là lần cuối cùng chúng ta đến đồi này trong một thời gian,” gã nói nghiêm trang. “Có cơn bão đang nổi lên ở phía chân trời.”

Cuốn sách tuột khỏi tay gã rơi xuống đất. Họ ngồi không, yên lặng, nhìn về phía vịnh đang ngủ say, mắt mơ màng không nhìn thấy gì hết. Ruth liếc nhìn cái cổ của gã. Nàng không tựa người vào người gã. Nàng đang bị

một sức mạnh, vượt ra khỏi ý chí của nàng, mạnh hơn cả sức hút của trái đất, mạnh như định mệnh, kéo nàng đi. Chỉ có một ly thôi là tựa được vào, dù nàng không muốn nàng vẫn cứ tựa vào người gã. Vai nàng chạm nhẹ vai gã như một con bướm chạm vào bông hoa, và vai gã cũng nhẹ chạm vào vai nàng. Nàng cảm thấy vai gã ép vào vai nàng; và gã rung mình. Đây là lúc nàng phải nhích ra, nhưng nàng đã thành một người máy rồi. Hành động của nàng vượt ra khỏi sự kiềm chế của lý trí – nàng cũng không hề nghĩ đến kiềm chế, đến lý trí trong giây phút điên cuồng mê ly đang choán ngập lấy người nàng. Cánh tay gã bắt đầu lén đặt lên lưng nàng, vòng lấy người nàng. Nàng chờ đợi cái cánh tay chậm chạp ấy, đầy khoái cảm, dần vật. Nàng chờ đợi, không biết chờ đợi cái gì, nàng thở gấp, môi khô lại, nóng bừng, mạch đập rộn, máu sôi lên trong cơn sốt chờ đợi. Cánh tay vòng sau lưng nàng đưa cao lên, kéo nàng sát lại, kéo chậm chậm, ve vuốt, nàng không đợi lâu hơn được nữa. Với một tiếng thở dài mệt mỏi, toàn thân nàng run lên thôi thúc, không suy nghĩ; bị kích thích đến cực độ, nàng ngã đầu vào ngực gã. Đầu gã cúi nhanh xuống, và khi môi gã sát gần, môi nàng dướn lên ghì chặt lấy.

Đây phải là tình yêu, nàng nghĩ như vậy trong một phút có đủ lý trí cho phép nàng có thể suy nghĩ. Nếu không phải là tình yêu, thì thật đáng xấu hổ quá. Không thể là một cái gì khác được ngoài tình yêu. Nàng yêu cái con người mà cánh tay đang ôm nàng và đôi môi đang ghì chặt lấy môi nàng. Nàng ép sát hơn nữa vào người gã. Một lát sau, nàng cự người ra, rồi bất chợt mê man, nàng nhô lên đặt cả hai bàn tay vào cái cổ rám nắng của Martin Eden. Sự giằng vò của tình yêu và lòng dục được thỏa mãn làm cho nàng run lên khoái cảm, nàng rên lên khe khẽ, buông lỏng tay và nằm như ngất đi trong cánh tay gã.

Không ai nói với ai một lời, không một lời nào suốt khoảng thời gian dài đó. Hai lần gã cúi xuống hôn nàng, lần nào môi nàng cũng e thẹn gặp môi gã, và thân nàng sung sướng nép gọn trong cánh tay gã. Nàng bám chặt lấy gã, không rời ra được; và ngồi đó gã đỡ lấy người nàng, đưa cặp mắt không còn trông thấy gì hết nhìn cái khoảng mờ mờ của thành phố lớn bên kia vịnh. Đây là lần đầu tiên trong óc gã không có một hình ảnh nào cả. Chỉ

có màu sắc, ánh sáng và ánh hào quang rộn ràng trong đó, ấm áp như ban ngày, ấm áp như tình yêu của gã. Gã cúi xuống nàng. Nàng đang nói:

“Anh yêu em từ bao giờ?” Nàng thì thầm.

“Ngay từ lúc đầu, từ buổi đầu, từ phút đầu tiên anh nhìn thấy em. Lúc đó anh đã yêu em như điên cuồng, và từ ngày đó trở đi càng ngày anh càng yêu điên cuồng hơn... Em yêu, lúc này là lúc anh điên cuồng nhất. Anh gần như một thằng điên. Đầu óc anh điên lên vì vui sướng.”

“Em sung sướng vì em là một người đàn bà, anh Martin yêu quý,” nàng nói, sau một tiếng thở dài.

Gã lại ghi chặt, ghi chặt nàng trong cánh tay rồi hỏi:

“Thế còn em? Em biết từ khi nào?”

“Ồ, em biết ngay, biết ngay từ lúc đầu.”

“Thế mà anh vẫn cứ mù như một con dơi,” gã kêu lên, giọng như tự giận mình, “anh không bao giờ ngờ được như thế, mãi đến tận hôm nay, đến tận khi – khi anh hôn em.”

“Em định không nói như thế đâu,” nàng ngồi nhích ra một chút, nhìn gã. “Em định nói là em biết anh yêu em hầu như ngay từ buổi đầu.”

“Thế còn em?” Gã hỏi.

“Nó đến với em bất thành linh,” nàng nói rất chậm, mắt nàng ảm lên, chớp chớp, mờ đi, má nàng ửng lên, và nét hồng còn đọng mãi. “Em không biết cho mãi đến tận bây giờ, khi anh vòng tay qua lưng em. Không bao giờ em nghĩ đến chuyện lấy anh, Martin ạ, ngay lúc này cũng vậy. Anh đã làm thế nào để khiến em yêu anh thế?”

“Anh cũng không biết nữa,” gã cười. “Anh chỉ biết là anh yêu em thôi, vì anh yêu em say đắm quá, đến nỗi có thể làm cho một trái tim băng đá cũng phải tan ra nữa là trái tim của một người đàn bà đang sống và biết thở là em.”

“Cái đó hoàn toàn khác với những ý nghĩ của em về tình yêu,” nàng nói băng quơ.

“Thế em cho tình yêu phải như thế nào?”

“Em không cho rằng nó giống như thế này,” nàng vừa hôn vừa nhìn vào mắt gã rồi cúi xuống, nói tiếp. “Anh biết đấy, trước đây, em không biết tình yêu lại như thế này.”

Gã lại kéo nàng sát gần, nhưng không dùng đến sức mạnh cảm dỗ của bắp thịt cánh tay ghì chặt vì gã sợ như thế sẽ quá tham. Gã cảm thấy nàng đã phò mặc cho gã và một lần nữa nàng lại ép chặt mình trong cánh tay gã, môi lại ghì chặt lấy môi.

“Gia đình em sẽ nói thế nào đây?” Nàng bỗng thấy lo lắng và hỏi, lúc hai người ngừng hôn nhau.

“Anh cũng không biết nữa, khi nào chúng ta về nói với gia đình thì sẽ rõ.”

“Nhưng nếu mẹ em không đồng ý? Em biết chắc là em sợ không dám nói với mẹ đâu.”

“Để anh nói,” gã đảm nhận một cách dũng cảm. “Anh biết mẹ em không ưa anh, nhưng anh có cách thuyết phục được. Một người đã chinh phục được em thì có thể chinh phục được bất cứ cái gì. Và nếu chúng ta không...”

“Thế nào?”

“Sao, chúng ta sẽ là của nhau. Nhưng dù cho không thuyết phục được mẹ em, dù cho bà cứ không đồng ý cho chúng ta lấy nhau thì cũng chẳng có gì đáng sợ. Mẹ em yêu em lắm mà.”

“Em không muốn làm cho mẹ em đau lòng,” nàng nói có vẻ buồn.

Gã muốn an ủi nàng rằng trái tim của các bà mẹ chẳng dễ gì mà tan nát đâu, nhưng gã lại nói: “Tình yêu là cái lớn nhất trên đời này.”

“Anh Martin ạ, anh có biết rằng đôi khi anh làm cho em sợ hãi không. Ngay lúc này khi nghĩ đến anh và nghĩ đến anh trước đây em vẫn thấy sợ. Đối với em, anh cần phải thật, thật tốt. Anh nên nhớ dù sao em cũng chỉ là một đứa trẻ con. Trước kia em chưa hề yêu.”

“Anh cũng thế. Cả hai chúng ta đều là trẻ con. Và chúng ta là những người có hạnh phúc nhất vì đã cùng tìm thấy mối tình đầu ở nhau.”

“Không thể như vậy được,” nàng kêu lên, và vùng ra khỏi cánh tay gã, nhanh và sôi nổi. “Đối với anh không thể như vậy được. Anh là thủy thủ, mà những người thủy thủ thì em nghe nói rằng... rằng...”

Giọng nàng run run và yếu dần đi.

“Ồ mỗi bên đều có một vợ. Em định nói thế chứ gì?” Gã nói.

“Vâng.” Nàng trả lời khe khẽ.

“Nhưng cái đó đâu phải là tình yêu.” Gã nói nghiêm trang. “Anh đã dùng chân ở nhiều bên cảng, nhưng anh chưa biết một chút nào về tình yêu cho đến tận khi anh gặp em cái đêm đầu tiên ấy. Em có biết là sau khi từ biệt em ra về, anh suýt bị bắt không?”

“Bị bắt?”

“Phải, lão cảnh sát trưởng tưởng anh say rượu. Mà anh cũng say thật – say vì yêu em.”

“Nhưng anh đang nói rằng chúng ta đều là trẻ con và em thì bảo rằng, đối với anh không thể như vậy được, chúng ta đã đi lạc quá xa câu chuyện rồi.”

“Anh nói anh chưa hề yêu ai ngoài em,” gã trả lời. “Em là mối tình đầu, chính là mối tình đầu của anh.”

“Nhưng anh lại đã là một người thủy thủ.”

“Điều đó không hề ngăn anh yêu em là người đầu tiên.”

“Nhưng còn những người đàn bà... Những người đàn bà khác... trời ơi!”

Martin Eden ngạc nhiên hết sức khi thấy nàng òa lên khóc như mưa, gã đã phải hôn nhiều, phải dỗ dành vuốt ve nhiều nàng mới nín. Trong suốt khoảng thời gian đó, câu thơ của Kipling cứ vương vấn trong đầu gã *“Đại tá phu nhân và Judy O’Grady, bởi màu da, đều là chị em.”* Quả thật là như vậy, gã cả quyết thế, dù là những cuốn tiểu thuyết gã đã đọc có làm cho gã nghĩ khác đi. Chính những cuốn tiểu thuyết đó đã làm cho gã nghĩ rằng chỉ ở những tầng lớp trên mới có những cuộc đính hôn hình thức. Ở tầng lớp mà gã xuất thân, con trai, con gái gặp nhau, yêu nhau thế là đủ để lấy nhau rồi, nhưng đối với những người cao quý ở cái tầng lớp cao quý kia, yêu nhau theo cái kiểu như thế dường như là chuyện không thể nghĩ tới được. Nhưng những cuốn tiểu thuyết đã nhầm. Đây là một chứng cứ. Những cái ôm ấp, những cái vuốt ve kèm theo những lời tán tỉnh, có hiệu nghiệm với các cô gái của giai cấp công nhân thì cũng hiệu nghiệm như thế đối với những cô gái ở tầng lớp trên giai cấp công nhân. Thì họ cũng là da là thịt cả, qua làn da của họ, họ đều là chị em; đáng lý gã phải biết rõ điều này lắm nếu như gã nhớ lại Spencer. Trong khi ôm Ruth, an ủi nàng, gã rất yêu lắm khi nghĩ rằng đại tá phu nhân và Judy O’Grady, qua làn da của họ thật

giống nhau như đúc. Điều đó đã đem Ruth lại gần gã hơn, chiếm nàng là việc có thể được. Da thịt thân yêu của nàng cũng giống như da thịt của bất cứ một người nào khác, cũng giống da thịt gã. Không có gì cản cuộc hôn nhân của họ. Sự khác biệt về giai cấp là sự khác biệt duy nhất, nhưng giai cấp là cái ở ngoài. Sự khác biệt đó có thể xóa bỏ đi được. Gã đã đọc trong sách có người nô lệ vươn tới địa vị cao quý khoác áo đỏ ở La Mã. Như vậy, gã cũng có thể vươn tới Ruth. Dưới cái trong trắng, vẻ thần thánh, học thức, cái đẹp cao quý của linh hồn, thì nàng với tất cả những gì là căn bản trong người đàn bà, vẫn giống như Lizzie Connolly, giống như tất cả những Lizzie Connolly. Những gì mà gã có thể chiếm được ở những cô gái kia, gã cũng có thể chiếm được ở nàng. Nàng cũng có thể biết yêu, biết ghét, biết xúc động, và chắc chắn nàng cũng có thể biết ghen, như lúc này nàng đang ghen và khóc nức nở trong cánh tay gã.

“Hơn nữa, em lại nhiều tuổi hơn anh,” nàng bỗng mở mắt ngược nhìn lên, nói. “Hơn ba tuổi.”

“Em đừng nói, em chỉ là một đứa trẻ thôi, anh già hơn em bốn mươi tuổi về kinh nghiệm.”

Thực ra, về mặt tình yêu, họ đều là trẻ con, họ đều ngây thơ, vụng dại trong cách tỏ tình như hai đứa trẻ mặc đầu đầu óc nàng chứa đầy kiến thức đại học, và đầu óc gã chứa đầy kiến thức triết học, khoa học và những nỗi gian truân của cuộc đời.

Họ vẫn ngồi trong ánh nắng rực rỡ của một ngày đang trôi qua, chuyện trò như những người yêu thường chuyện trò, ngạc nhiên về sự kỳ diệu của tình yêu, về định mệnh đã đưa hai người lại với nhau một cách kỳ lạ như vậy, và họ tin một cách độc đoán rằng họ đã yêu nhau đến mức chưa một đôi tình nhân nào trước đây yêu nhau như thế. Họ cứ nói đi nói lại mãi những ấn tượng ban đầu của họ đối với nhau, và cứ cố phân tích mà vẫn không thấy rõ xem những cảm nghĩ thực của họ đối với nhau, yêu nhau thấm thiết đến thế nào.

Những đám mây ở phía tây tiếp đón mặt trời đang lặn, vùng chân trời chuyển sang màu hồng, bầu trời cũng rực lên cùng một màu ấm áp. Ánh hồng chan hòa chung quanh họ, tràn ngập người họ, trong khi nàng cất

tiếng hát: “Tạm biệt, một ngày êm đêm.” Nàng hát khe khẽ, ngả mình trong chiếc nôi của cánh tay gã, tay nàng trong tay gã, trái tim họ trong tay nhau.

[64] *Golden Gate: Cửa phía bắc San Francisco thông ra Thái Bình Dương.*

CHƯƠNG 22

Bà Morse chẳng cần phải có linh cảm của một người mẹ cũng thấy rõ được những nét biểu hiện trên mặt Ruth khi nàng trở về nhà. Nét ửng hồng vẫn còn trên đôi má đã nói lên hết sự việc giản đơn ấy, đôi mắt mở to long lanh phản chiếu ánh hào quang bên trong không thể nhầm lẫn được lại càng nói rõ một cách hùng hồn hơn.

“Có chuyện gì thế con?” Bà Morse đợi đến lúc Ruth lên giường nằm mới hỏi.

“Mẹ biết rồi ư hả mẹ?” Ruth hỏi, môi run run.

Để trả lời, bà Moose vòng tay ôm lưng con gái, và một tay nhẹ nhàng vuốt tóc nàng.

Nàng bật nói: “Anh ấy không nói gì cả. Con không ngờ chuyện đó lại xảy ra như thế, thật không bao giờ con muốn để cho anh ấy nói - có điều anh ấy lại không nói gì hết.”

“Nếu anh ta không nói, vậy là không có việc gì xảy ra, phải không con?”

“Nhưng chuyện vẫn cứ xảy ra, mẹ à.”

“Cứ nói thật đi, con gái mẹ, con nói lắm nhảm cái gì thế?” Bà Morse bàng hoàng cả người. “Mẹ thấy mẹ không thể hiểu được đầu đuôi câu chuyện ra sao, có chuyện gì thế, con?”

Ruth ngạc nhiên nhìn mẹ.

“Thế con cứ nghĩ mẹ biết hết rồi. Sao, chúng con đã đính hôn, Martin và con.”

Bà Moose cười, bực bội, không tin.

“Không, anh ấy không nói gì cả,” Ruth giảng giải. “Anh ấy chỉ yêu con, có thể thôi. Lúc ấy con cũng ngạc nhiên như mẹ bây giờ. Anh ấy không nói một lời nào. Anh ấy chỉ vòng tay qua lưng con. Và... và con không còn là con nữa. Rồi anh ấy hôn con, và con hôn anh ấy. Con không

thể nào dừng được. Con phải làm như vậy, và lúc ấy con biết rằng con đã yêu anh ấy.”

Nàng ngừng lại, chờ cái hôn chúc phúc của mẹ, nhưng bà Morse chỉ yên lặng một cách lạnh lùng.

“Đó là một chuyện bất ngờ đáng sợ, con biết.” Ruth nói, giọng thấp hẳn xuống. “Con không biết có bao giờ mẹ sẽ tha thứ cho con. Nhưng con không thể dừng được. Con không bao giờ nghĩ rằng con đã yêu anh ấy cho mãi đến tận lúc đó. Mẹ phải nói với ba hộ cho con.”

“Dừng nói với ba thì có tốt hơn không? Để mẹ gặp Martin Eden, nói chuyện với anh ta, cắt nghĩa cho anh ta hiểu. Anh ta sẽ hiểu và buông tha con.”

“Không! Không!” Ruth bật dậy, kêu lên: “Con không muốn được buông tha. Con yêu anh ấy, và tình yêu thật là dịu ngọt. Con sẽ lấy anh ấy – tất nhiên, nếu mẹ cho phép.”

“Ruth, con gái yêu của mẹ, ba và mẹ đã có những dự định khác cho con. Ồ, không, không, không phải bạ người đàn ông nào cũng lấy làm chồng cho con được, không thể có chuyện như thế được. Dự định của ba mẹ cũng không ngoài việc chọn cho con một người xứng đáng với địa vị xã hội của con, một người lịch sự, tốt, có danh vọng, một người mà chính con cũng sẽ tự chọn cho mình khi con yêu người ta.”

“Nhưng con đã yêu Martin rồi ạ.” Nàng phản kháng lại một cách rầu rĩ.

“Ba mẹ không hề có ý bằng cách này hay cách khác lấy quyền cản trở sự lựa chọn của con. Nhưng con là con gái của ba, mẹ. Ba, mẹ không chịu để con lấy một người chồng như thế. Hẳn có cái gì cho con đâu ngoài cái cục cằn, thô lỗ để đổi lại tất cả những cái tệ nhị, lịch thiệp ở con. Dù sao đi nữa, hẳn cũng không xứng đáng với con một chút nào. Hẳn không thể để cho con nhờ cậy được. Ba mẹ cũng không có một ý tưởng điên rồ nào về của cải đâu. Nhưng sống cho sung túc thì lại là chuyện khác, và con gái của ba mẹ thì ít nhất cũng phải lấy một người nào có thể đảm bảo nổi điều đó, chứ không phải lấy một thằng phiêu lưu, một xu không dính túi, một thằng thủy thủ, một thằng chăn bò, một thằng buôn lậu và có trời hiểu còn gì nữa, thêm vào đó lại là một thằng ngông cuồng về trách nhiệm.”

Ruth yên lặng. Mỗi lời nói của mẹ, nàng đều thấy là đúng.

“Hắn tiêu phí thời gian vào việc viết lách, muốn thực hiện những điều mà ngay những bậc thiên tài và những người rất hiếm có với một nền học vấn đại học đôi khi mới thực hiện được. Một người đã nghĩ đến chuyện lấy vợ thì phải chuẩn bị cho việc lấy vợ chứ. Hắn thì không. Mẹ đã nói đấy, và mẹ biết con cũng đồng ý với mẹ, hắn là thằng vô trách nhiệm. Mà còn có thể nào khác được? Bọn thủy thủ là như thế. Hắn có bao giờ biết đến tiết kiệm, đến bỏ rượu chè. Những năm sống phóng túng đã khắc sâu vào bản chất hắn rồi. Đó không phải là lỗi của hắn, tất nhiên, nhưng nói thế nào thì nói, bản chất hắn không thể thay đổi được. Con có nghĩ tới những năm hắn sống trụy lạc, bừa bãi, nhất định không thể tránh khỏi được không? Con có nghĩ tới điều đó không, con gái của mẹ? Con biết đấy, chuyện vợ chồng có ý nghĩa như thế nào.”

Ruth rùng mình, nép sát vào mẹ.

“Con đã nghĩ tới,” Ruth phải đợi một lúc cho những ý nghĩ thành hình trong đầu nàng. “Thật là khủng khiếp. Nghĩ tới điều đó, người của con nôn nao. Con đã nói với mẹ, chuyện con yêu anh ta thật là một chuyện bất ngờ đáng sợ, nhưng con không thể nào kìm được mình. Mẹ có thể nào ngăn không yêu ba được không. Đối với con cũng thế thôi. Có một cái gì đó ở con, ở anh ấy – con không biết nó là cái gì cho mãi đến tận hôm nay – nhưng nó đẩy và nó đã làm cho con yêu anh ấy. Con không bao giờ nghĩ con có thể yêu anh ấy, nhưng mẹ thấy đấy, con đã yêu rồi.” Nàng kết luận, một tia chiến thắng yếu ớt nào đó rung lên trong giọng nói của nàng.

Hai mẹ con nói chuyện nhưng không đi đến kết quả gì. Cuối cùng, hai người chỉ thỏa thuận hãy chờ không nên làm gì vội trong một thời gian không định rõ là bao lâu.

Muộn hơn một chút, đêm hôm đó, sau khi bà Morse thú thật với chồng kế hoạch của bà bị hỏng, thì hai vợ chồng cũng chỉ đi đến một kết luận như thế thôi.

“Còn có thể nào khác được nữa.” Ông Morse nói. “Cái thằng thủy thủ ấy là người đàn ông độc nhất mà con gái mình tiếp xúc. Sớm muộn gì thì lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, mà nó đã bén thật, mình thấy đấy. Thằng thủy thủ ấy, là thằng đàn ông duy nhất con gái mình gần gũi lúc này và tất nhiên nó phải yêu ngay thằng ấy, hay nó tưởng rằng nó yêu, thì cũng thế.”

Bà Morse quyết định hành động từ từ và gián tiếp đối với Ruth hơn là công kích nàng. Còn nhiều thời gian chán vì hoàn cảnh Martin cũng chưa thể cưới ngay được.

Ông Morse khuyên:

“Nếu nó muốn cứ để cho nó gặp thằng ấy. Càng hiểu rõ thằng ấy, tình yêu của nó càng giảm đi. Tôi cam đoan như thế. Chỉ cho nó thấy nhiều điểm để so sánh. Nên mời nhiều thanh niên đến nhà chơi, thanh niên nam nữ đủ các loại, những người trai trẻ, những người thông minh, những người đã làm nên sự nghiệp hay đang xây dựng sự nghiệp, những người cùng ở giai cấp với nó, những người lịch sự. Nó có thể đánh giá đúng thằng ấy khi đem ra so sánh với họ. Họ sẽ, làm cho nó lộ ra nó là cái hạng người như thế nào. Và lại, dù sao nó cũng chỉ mới là một thằng con trai hai mươi một tuổi. Con Ruth thì cũng không hơn gì một đứa trẻ. Đó chỉ là tình yêu trẻ con, đối với hai đứa, rồi chúng cũng qua đi thôi.”

Thế là câu chuyện được sắp xếp như vậy. Trong gia đình thì vẫn coi như Ruth và Martin đã đính hôn nhưng không có tuyên bố gì cả. Gia đình cho rằng không cần thiết. Hơn nữa tất cả đều ngầm hiểu đó là một cuộc đính hôn kéo dài. Họ cũng không đòi hỏi Martin phải đi làm, mà cũng không đòi hỏi gã phải ngưng viết. Họ cũng không có ý khuyến khích gã sửa đổi bản thân, và gã thì lại giúp đỡ, ủng hộ những kế hoạch thiếu thiện chí ấy của họ, vì đã làm chuyện quá xa xôi đối với ý nghĩ của gã.

“Anh không hiểu em có thích những việc anh làm không?” Vài ngày sau, gã nói với Ruth. “Anh thấy trọ ở nhà chị anh đắt quá, anh sắp dọn đi chỗ khác. Anh đã thuê được một căn phòng nhỏ ở phía bắc Oakland, em biết đấy, đó là một nơi biệt lập không dính dáng đến ai, anh đã mua một chiếc bếp dầu để nấu ăn.”

Ruth rất vui. Chiếc bếp dầu làm cho nàng đặc biệt thích thú. Nàng nói:

“Đó chính là cách ông Butler bắt đầu cuộc đời.”

Martin thầm cau mày, khi thấy Ruth nhắc tới con người lịch sự danh giá ấy, gã nói: “Anh đã dán tem lên tất cả các bản thảo và gửi chúng đến các ông chủ bút. Hôm nay anh dọn nhà, ngày mai anh sẽ bắt đầu làm việc.”

“Một chức vụ!” Nàng kêu lên, để lộ tất cả sự sung sướng, nhọc nhằn của mình, nàng nép sát vào người gã, nắm chặt lấy tay gã và mỉm cười:

“Thế mà anh chả nói gì với em! Chúc vụ gì thế?”

Martin lắc đầu:

“Anh muốn nói là anh lại bắt đầu làm công việc viết văn của anh.” Mặt nàng xịu đi, gã vội nói tiếp: “Đừng xét nhảm anh, lần này anh không mang một ý nghĩ viển vông nào đâu. Đây là một việc làm rất thực tế, không xóc nổi, không mơ mộng. Nó còn hơn là lại đi biển. Làm việc này anh sẽ kiếm được nhiều tiền hơn bất cứ một chức vụ nào khác ở Oakland đối với một người không có chuyên môn.”

“Em biết không, thời gian anh nghỉ ngơi này đã cho anh nhìn thấy tiền đồ. Từ trước đến giờ, anh chưa dồn hết sức trong người ra để làm việc, anh chưa viết thực sự, ít nhất là anh chưa viết để xuất bản. Tất cả những cái anh làm trước đây là để yêu em, để suy nghĩ. Anh cũng đã đọc một số sách vở, nhưng đó chỉ là một phần trong sự suy nghĩ của anh thôi, chủ yếu anh nghĩ lại chỉ đọc các tạp chí. Anh đã suy nghĩ rộng về anh, về cuộc đời và địa vị của anh trong đó, về dịp may để anh chiếm được một địa vị xứng đáng với em. Hơn nữa anh đã đọc cuốn “Văn thể luận”^[65] của Spencer và khám phá ra rất nhiều vấn đề cần thiết đối với anh, hay nói cho đúng hơn đối với cách viết của anh và thấy rất nhiều vấn đề đối với hầu hết cách viết của những bài đã được in hàng tháng trên các tạp chí.

“Nhưng kết quả của tất cả những công việc đó, việc suy nghĩ, việc đọc, việc yêu đương là anh sắp sửa phải dọn đến phố Grub. Anh sẽ để những tác phẩm lớn sang một bên, và viết về những cái tầm thường – những chuyện hài hước, những tiểu phẩm, loại đặc tả, những bài thơ trào phúng, những bài thơ đả kích nhẹ nhàng, tất cả những cái dờ dẩn mà hình như hiện nay người ta đòi hỏi nhiều. Đã có những nghiệp đoàn cung cấp tin, những nghiệp đoàn cung cấp truyện ngắn cho báo hàng ngày và những nghiệp đoàn cho những tờ phụ trương chủ nhật. Anh sẽ ra công bóp óc viết ra những cái họ cần và sẽ kiếm được khá. Em biết đấy, có những người viết tự do^[66] mỗi tháng cũng kiếm được bốn, năm trăm đô la. Anh chẳng muốn trở thành như họ đâu, nhưng anh có thể sống phong lưu, lại có nhiều thì giờ riêng cho mình mà làm nghề khác thì không thể có được.”

(1) Freelance: những người viết báo tự do không ở trong nghiệp đoàn báo chí.

“Rồi anh sẽ có thời gian để học và làm những công việc thật sự của mình. Trong lúc phải kiếm sống, anh vẫn sẽ cố gắng viết những tác phẩm lớn, anh sẽ nghiên cứu, chuẩn bị để viết những tác phẩm lớn. Sao, chính anh cũng ngạc nhiên về quãng đường anh đã đi được. Khi anh mới bắt đầu viết, trong đầu óc chẳng có một ý niệm gì ngoài một ít kinh nghiệm tầm thường mà chính anh cũng không hiểu mà cũng không đánh giá được. Nhưng anh chẳng có một tư tưởng nào cả, thực sự là như vậy. Anh không có đủ ngay đến cả từ để mà suy nghĩ. Kinh nghiệm của anh chỉ là những bức tranh vô nghĩa. Nhưng khi thu thập được kiến thức, bồi bổ được vốn từ cho mình, thì anh thấy trong những kinh nghiệm có một cái gì hơn, không phải chỉ là những bức tranh. Anh giữ lại những bức tranh đó và đã tìm được lời minh họa. Đó là lúc anh bắt đầu viết được những tác phẩm tốt, anh đã viết “Mạo hiểm,” “Niềm vui,” “Cái xong,” “Men rượu của cuộc đời,” “Khu phố hỗn độn,” “Tập thơ tình” và “Những bài ca về biển.” Anh sẽ viết những loại như thế nhiều hơn và tốt hơn. Nhưng anh chỉ viết nó trong những lúc rỗi thôi. Bây giờ chân anh đã đứng yên trên mảnh đất vững chắc rồi. Viết những cái lật vạt và kiếm được tiền trước đã, những tác phẩm lớn để sau. Đây cho em xem, đêm qua anh đã viết được sáu truyện hài hước, cho tờ báo trào phúng hàng tuần, và đúng lúc sắp sửa đi ngủ anh lại chợt nghĩ ra được một bài thơ tám câu, một bài thơ khôi hài và trong một tiếng đồng hồ, anh viết được bốn bài. Mỗi bài cũng phải đáng giá một đô la. Sắp sửa đi ngủ nghĩ chơi một tí mà đã được bốn đô la.

“Tất nhiên đó chỉ là những bài vô giá trị, một việc làm ti tiện, đáng ngán, nhưng nó còn không đáng ngán, không ti tiện bằng làm một anh kế toán, sáu mươi đô la một tháng, cộng cộng, trừ trừ những hằng số vô nghĩa cho đến lúc chết. Hơn nữa viết lách lật vạt như vậy khiến anh có thể tiếp xúc với những chuyện văn chương và cho phép anh có thời gian để thử làm những công việc lớn lao hơn.”

“Nhưng những công việc lớn lao ấy, những tác phẩm lớn ấy phỏng ích gì,” Ruth nói. “Anh có bán được chúng đâu!”

“Ồ, có thể bán được lắm chứ!” Gã nói, nhưng nàng ngắt lời.

“Tất cả những cái anh kể ra, những cái mà anh cho là tốt, anh có bán được cái nào đâu. Chúng ta không thể nào lấy nhau bằng những tác phẩm lớn không bán được.”

“Thế thì chúng ta lấy nhau bằng những bài thơ tám câu sẽ bán được vậy.” Gã trả lời một cách chắc chắn, vòng tay ôm lấy nàng, kéo người không có vẻ gì phân khởi về phía mình.

Cố làm ra vui vẻ, gã nói: “Em nghe này, đây không phải là nghệ thuật, nhưng là một đô la:

Anh đi vào
khi tôi đi ra
Để vay vài hào
Đó là có anh đi vào
và tay không anh đi ra
Vì thế tôi đi vào
Và anh đi ra.

Cái âm luật vui nhộn gã đưa vào trong bài thơ không phù hợp với vẻ thất vọng trên nét mặt gã khi gã đọc xong. Gã không làm được cho Ruth cười. Nàng nhìn gã với nét mặt vừa nghiêm trang vừa bức bối. Nàng nói:

“Có thể được một đô la. Nhưng đó là một đô la của một anh pha trò, đồng lương của một thằng hề. Anh có thấy không, Martin, cả một sự hạ thấp mình đến thế nào. Em muốn người em yêu và quý trọng phải là một người tể nhị hơn, cao quý hơn là một anh pha trò, một anh đặt vè.”

“Em muốn người ấy sẽ như ông Butler phải không?” Gã gợi ý.

“Em biết anh không ưa ông Butler,” nàng nói, nhưng Martin ngắt lời:

“Ông Butler thì cũng được thôi. Anh chỉ thấy ở ông ấy có một khuyết điểm là cái chứng khó tiêu. Nhưng quả thật anh không thấy gì khác giữa việc viết truyện khôi hài, làm thơ trào phúng với việc đánh máy chữ, ghi chép, hoặc giữ sổ sách. Tất cả đều là phương tiện để đạt tới một mục đích. Thuyết lý của em là muốn anh phải bắt đầu bằng nghề kế toán để rồi trở thành một anh luật sư đất khách hay một anh nhà buôn. Còn thuyết lý của anh thì lại là bắt đầu viết những cái lật vật này để rồi trở thành một nhà văn có tài.”

“Có khác nhau đấy!” Nàng nhấn mạnh. “Sao, những tác phẩm tốt của anh, những cái mà anh cho là tốt, anh lại không thể bán được. Anh đã gửi đi nhiều nơi. Chính anh cũng biết đấy, nhưng các ông chủ bút lại không mua.”

“Hãy cho anh thời gian, em ạ.” Gã năn nỉ. “Những cái lật vật này chỉ là tạm bợ, anh không coi là quan trọng. Hãy cho anh hai năm. Lúc đó anh sẽ thành công và các ông chủ bút sẽ phải sung sướng khi mua được những tác phẩm tốt của anh. Anh biết chắc những điều anh nói, anh tin ở anh. Anh biết ở trong con người anh có cái gì, bây giờ anh đã biết văn chương là thế nào, anh đã biết rõ những bài văn tầm thường của rất nhiều những con người nhỏ bé viết ra, và anh biết chắc sau hai năm, anh sẽ bước chân đi đường hoàng trên đại lộ dẫn tới thành công. Còn trong những chuyện kinh doanh, buôn bán, anh không bao giờ có thể thành công được. Anh không có thiện cảm đối với những công việc đáng ngán, ngu ngốc, làm tiền, thủ đoạn. Dù sao đi nữa, anh không có khả năng làm những chuyện đó, anh sẽ không bao giờ có thể vượt qua được cái chân thư ký, mà em với anh có thể nào sống hạnh phúc được với đồng lương khốn khổ của một anh thư ký? Anh muốn cái tốt đẹp nhất ở trên đời này cho em, khi nào anh thành công hơn, anh sẽ không cần phải làm những bài thơ lật vật ấy nữa. Nhất định anh sẽ đạt tới cái tốt đẹp nhất, đạt được tất cả. So với tiền nhuận bút của một nhà văn thành công, số tiền ông Butler kiếm được thực không đáng kể. Một tác phẩm bán chạy nhất bất cứ ở đâu sẽ có thể thu được từ năm mươi đến một trăm ngàn đô la, có khi còn hơn thế, có khi kém thế, nhưng nhất định theo lệ thường thì vào khoảng như vậy.”

Ruth yên lặng, sự thất vọng của nàng rõ rệt.

“Thế nào em?” Gã hỏi.

“Em hy vọng và có dự kiến khác. Trước kia em đã nghĩ, và bây giờ em vẫn nghĩ rằng tốt nhất là anh đi học tốc ký – anh đã biết đánh máy chữ rồi – và vào làm việc ở văn phòng của ba. Anh có bộ óc tốt, em tin rằng thế nào anh cũng sẽ trở thành một luật sư có tài.”

[65] *Philosophy of Style: một tác phẩm của Spencer bàn về tu từ học và ngôn ngữ trong thơ ca.*

[66] *Freelance: những người viết báo tự do không ở trong nghiệp đoàn báo chí.*

CHƯƠNG 23

Điều Ruth không tin ở khả năng viết văn của Martin, cũng không khiến dưới con mắt gã, nàng có gì thay đổi hoặc giảm giá. Trong thời gian nghỉ ngơi để lấy lại sức, gã đã mất nhiều thì giờ tự phân tích mình và nhờ thế mà hiểu nhiều về mình hơn. Gã khám phá ra rằng gã yêu cái đẹp hơn danh vọng và lòng hám danh của gã chẳng qua phần lớn là vì Ruth. Chính vì lý do này mà lòng hám danh của gã mạnh mẽ. Gã muốn trở thành vĩ đại trước con mắt của người đời, “phải thành công” như gã thường nói, để cho người đàn bà mà gã yêu sẽ kiêu hãnh vì gã và thấy ở gã một con người xứng đáng.

Còn riêng gã, gã yêu cái đẹp một cách say mê và niềm vui được phục vụ cái đẹp đối với gã đã là đồng lương xứng đáng rồi. Và gã còn yêu Ruth hơn cái đẹp nữa. Gã cho rằng tình yêu là cái đẹp dễ nhất trên đời. Chính tình yêu đã tạo nên một cuộc cách mạng trong con người gã, biến gã từ một gã thủy thủ ngu dốt thành một sinh viên, một nghệ sĩ, và vì thế đối với gã, cái đẹp dễ nhất là tình yêu. Gã đã thấy trí óc gã vượt xa trí óc Ruth cũng như nó đã vượt xa trí óc của các anh em nàng, vượt xa trí óc cha nàng. Mặc dù nàng có cái thuận lợi được học tập ở trường đại học, mặc dù nàng có mảnh bằng tú tài văn chương, năng lực tri thức của gã đã vượt năng lực tri thức của nàng, chỉ trong vòng trên dưới một năm, tự học, tự vũ trang kiến thức cho mình, gã đã nắm được thấu đáo sự việc trên đời, nắm được nghệ thuật, được cuộc sống mà nàng không bao giờ có thể hy vọng đạt được.

Tất cả những điều đó gã đều đã nhận thấy nhưng nó không hề ảnh hưởng đến tình yêu của gã đối với nàng, cũng không hề ảnh hưởng đến tình yêu của nàng đối với gã. Tình yêu quá đẹp dễ, quá cao quý và gã là một người yêu quá trung thành không thể làm ô bản tình yêu bằng những lời bình phẩm. Tình yêu có can dự gì đến những quan điểm bất đồng của Ruth về nghệ thuật, về cách xử thế, về cuộc cách mạng Pháp, hoặc về quyền bình đẳng trong việc bỏ phiếu? Những cái đó là những hoạt động tinh thần, nhưng tình yêu thì vượt lên trên lý trí, nó có tính chất siêu lý tính. Gã không thể tầm thường hóa tình yêu được. Gã tôn thờ nó, tình yêu nằm trên những đỉnh núi cao, quá xa thung lũng của lý trí. Tình yêu là một điều kiện thiêng

liêng của tồn tại, là đỉnh cao nhất của cuộc sống, nó rất hiếm. Nhờ trường phái của những nhà triết học khoa học mà gã yêu thích, gã đã biết được ý nghĩa sinh vật học của tình yêu, nhưng qua một quá trình suy nghĩ tinh tế, với cùng một phương pháp suy luận khoa học ấy, gã đã đi tới kết luận con người chỉ có thể hoàn thiện được tới đỉnh cao nhất của nó trong tình yêu, không được nghi ngờ tình yêu, phải thừa nhận nó như một phần thưởng cao quý nhất của cuộc sống. Vì thế, gã cho rằng con người đang yêu đương hạnh phúc hơn hết mọi sinh vật ở đời, và gã thích thú khi nghĩ tới “người tình say đắm” vượt lên trên mọi sự vật trên trái đất, vượt lên trên của cải, trên sự suy xét, trên dư luận, trên mọi sự khen chê, vượt lên trên chính cuộc sống và chết đi trên một chiếc hòm.

Hầu hết những điều đó Martin đã suy luận ra, còn một vài điều nữa gã suy luận sau này. Trong khoảng thời gian đó gã làm việc, không một phút nghỉ ngơi trừ những lúc đến thăm Ruth, gã sống như một người Sparta^[67]. Gã trả hai đô la rưỡi tiền thuê nhà của chủ nhà người Bồ Đào Nha Maria Silva, một phụ nữ góa chồng chưa ngoa lắm điều. Phụ nữ phải làm việc quần quật, vì thế tính tình càng thêm cáu bẳn, bằng cách này hay cách khác, phụ nữ phải xoay xở nuôi một đàn con, thỉnh thoảng để nhấn chìm cái buồn, cái mệt, phụ nữ lại nốc một bình rượu nhạt phèo, chua loét, mua mười lăm xu ở cửa hàng vừa bán thực phẩm vừa là quán rượu ở góc phố. Từ chỗ ghét phụ nữ, ghét cái miệng lưỡi thô tục của phụ nữ lúc ban đầu, dần dần Martin thân phục phụ nữ, khi quan sát cuộc vật lộn dững cảm của phụ nữ. Trong căn nhà nhỏ bé cả thầy chỉ có bốn buồng – trừ buồng của Martin ra chỉ còn lại có ba. Một trong những cái buồng đó, buồng tiếp khách, trông vui mắt vì một tấm thảm dệt màu, nhưng lại ảm đạm vì một mảnh giấy báo tang và tấm ảnh của một đứa con đã chết trong lòng con lúc nhúc của phụ nữ, buồng này chỉ để tiếp khách thôi. Màn cửa lúc nào cũng buông; và lũ con chân dẫm đất tuyết đối không được bước vào khu vực thiêng liêng này, trừ những dịp long trọng. Phụ nữ nấu ăn, và cả nhà đều ăn ở bếp, ở đó phụ nữ vừa giặt, vừa hồ vừa là quần áo suốt cả tuần lễ trừ ngày chủ nhật. Tiền thu nhập của phụ nữ phần lớn nhờ ở công việc giặt quần áo cho những nhà hàng xóm khâm khá hơn. Chỉ còn lại một buồng ngủ, nhỏ như buồng của Martin, phụ nữ và bảy đứa con nhỏ sống chen chúc và ngủ ở đó. Làm thế nào mà thực hiện được cái việc đi ngủ ấy, đối với Martin

thật mãi mãi là một điều kỳ lạ, bên này bức vách mỏng, đêm đêm gã nghe rõ từng chi tiết, những tiếng cãi nhau, những tiếng nô đùa, những chuyện trò to nhỏ, những tiếng líu ríu ngái ngủ như tiếng một bầy chim. Một nguồn thu nhập khác nữa của mẹ Maria là hai con bò cái, mỗi ngày mẹ vắt sữa hai lần vào buổi tối và buổi sáng. Hai con bò này lén lút ăn cỏ ở những chỗ vắng người hoặc ở bờ đường cái quan, lúc nào cũng có một đứa con của mẹ quần áo rách rưới đi chặn, nhiệm vụ chính của chúng là để ý không cho lão gác khu nhốt súc vật lạc nhìn thấy.

Trong căn buồng nhỏ của mình, Martin sống, ngủ, học tập, viết lách và lo lấy mọi việc. Trước cửa sổ độc nhất trông ra cái cổng nhà, đằng trước kê một cái bàn nhà bếp vừa dùng làm bàn viết, giá sách, chỗ để máy chữ. Chiếc giường kê sát bức tường sau chiếm mất hai phần ba căn buồng rồi. Bên cạnh bàn có một cái tủ gương lòe loẹt, người làm ra nó cốt chỉ kiếm lời chứ không cốt để dùng, gỗ mặt tủ mỏng, cứ mỗi ngày bong ra một ít. Chiếc tủ gương ấy được kê ở một góc. Đối diện với nó ở góc bên kia cạnh bàn là bếp - một cái bếp dầu để trên một hòm gỗ trước kia để đóng hàng tơ lụa, trong có đựng bát đĩa, dụng cụ nấu nướng trên tường có giá để thức ăn, và ở trên sàn có sẵn một xô nước. Martin phải lấy nước từ bể nước trong bếp vì trong phòng gã không có vòi. Vào những hôm có đun bếp, khói xông lên mù mịt, thì những mảnh gỗ trên mặt của chiếc tủ gương lại bong ra một cách ghê gớm. Chiếc xe đạp của gã được treo vào một cái móc trên trần ngay ở đầu giường. Lúc đầu, gã vẫn để ở dưới đất, nhưng lũ con mẹ Silva quấy phá, tháo cả ốc chọc thùng cả lớp làm gã phát điên lên. Sau gã đem nó ra để ở chỗ cổng nhỏ đằng trước, nhưng một đêm gió đông nam kéo tới, mưa ướt hết xe. Thế rồi gã đành phải cất nó vào phòng và treo lên cao. Một cái tủ nhỏ để quần áo và sách vở, những cuốn sách gã mua tích lũy ngày càng chồng chất, trên bàn, dưới bàn, không còn chỗ để nữa. Cùng với việc đọc, gã đã tạo cho mình thói quen ghi chép, gã ghi nhiều đến nỗi, nếu không móc những tờ giấy ghi ấy vào những dây phơi quần áo chẳng dăng dịt khắp phòng thì có lẽ gã không còn chỗ nào để mà thở trong căn phòng chật hẹp này nữa. Ngay thế nữa, phòng vẫn bừa bộn chật chội quá đến nỗi đi lại ở trong đó là cả một chuyện khó khăn. Không thể nào mở được cửa ra vào nếu như không đóng cửa tủ, và ngược lại. Không thể nào đi từ chỗ này

đến chỗ kia bằng một con đường thẳng. Từ cửa đến đầu giường cũng phải đi vòng đi vào, lúc tối chẳng va vào cái nọ cũng đụng vào cái kia. Tránh được những cái cửa luôn luôn mâu thuẫn với nhau, thì phải tạt ngang sang phải để tránh cái bếp, rồi lại phải tạt ngay sang trái để tránh chân giường, nhưng nếu lại tạt mạnh quá thì lại va phải góc bàn. Vận mình, đảo người một cách đột ngột đi hết con đường vòng là tới một cái ngách, một bên là giường, một bên là bàn. Nếu cái ghế độc nhất của căn phòng mà cứ để nguyên ở chỗ thường lệ của nó trước bàn thì lại không thể nào đi qua được cái ngách đó. Khi không dùng đến ghế, gã đem đặt nó ở đầu giường, tuy nhiên, đôi khi gã cũng dùng nó ngồi để khi nấu ăn, gã đọc sách chờ nước sôi – gã còn đủ khéo léo thu xếp đọc được một vài đoạn trong khi đợi miếng thịt bò rán chín. Hơn nữa, chỗ dành để làm bếp quá nhỏ, cứ ngồi nguyên một chỗ, gã cũng có thể với lấy được mọi thứ cần dùng. Thực ra, cứ ngồi mà làm lại tiện, đứng dậy chỉ tổ vướng.

Vốn đã có một cái dạ dày rất khỏe, ăn gì cũng tiêu, gã lại biết làm nhiều món ăn vừa bổ vừa rẻ tiền. Súp đậu hòa lan là món thường xuyên của gã, cũng như món khoai tây với đậu biển, những củ thật to, nâu xám, gã nấu theo kiểu Mexico. Mỗi ngày ít nhất cũng có trên bàn ăn của gã một lần thứ gạo thổi theo một lối đặc biệt mà các bà nội trợ Mỹ không bao giờ thổi và cũng không thể nào học được cách thổi như thế. Quả khô rẻ hơn quả tươi, lúc nào gã cũng có sẵn một hộp vì gã thường dùng nó thay bơ để ăn với bánh mì. Thỉnh thoảng, gã lại tô điểm thêm cho bàn ăn của mình một món bít tết hay một ít xương nấu súp. Cà phê không kem và sữa, mỗi ngày gã uống hai lần, thay bữa trà buổi tối, nhưng cả cà phê lẫn trà gã pha rất ngon.

Gã cần phải tiết kiệm. Trong thời gian nghỉ ngơi gã đã tiêu mất gần hết số tiền dành dụm được ở xưởng giặt. Và việc bán những tác phẩm hầy còn xa xôi lắm, còn mất nhiều tuần lễ nữa mới hy vọng nhận được số tiền nhuận bút đầu tiên của những bài lật vạt. Chỉ trừ những khi gặp Ruth, hoặc thỉnh thoảng đến thăm chị Gertrude, còn gã sống như một người ẩn dật, mỗi ngày gã làm việc ít nhất bằng ba ngày của một người bình thường. Gã chỉ ngủ vện vện năm tiếng đồng hồ. Chỉ một cơ thể bằng sắt mới có thể chịu đựng nổi không bị gục ngã như gã, ngày này qua ngày khác, cứ làm việc cật lực liên tiếp mười chín tiếng đồng hồ liền. Gã không bỏ phí một phút nào. Gã

dán lên mặt gương những mảnh giấy ghi đầy đủ những định nghĩa và cách phát âm, khi cạo râu, khi mặc quần áo, khi chải đầu gã đều đọc hết lại một lượt. Gã cũng dán những mảnh giấy như thế lên tường, trên cái bếp và cũng lại đọc suốt lượt khi làm bếp hay khi rửa bát đĩa. Những mảnh giấy mới luôn luôn thay thế cho những mảnh giấy cũ. Cứ mỗi khi đọc gặp chữ lạ hay chưa thực sự rõ, gã lập tức ghi ngay lại, và sau khi thu thập được khá nhiều, gã đem đánh máy rồi dán lên tường hoặc lên giường. Gã đặt chúng cả vào túi, khi đi ở phố, khi đứng chờ ở cửa hàng thịt hoặc hàng thực phẩm, gã cũng đem nó ra ôn lại.

Gã còn đi xa hơn nữa trong việc học tập. Đọc tác phẩm của những người đã nổi tiếng, gã ghi tất cả những thành công của họ, nghiên cứu những kỹ thuật nhờ nó mà họ đã đạt được kết quả, lối trần thuật, cách diễn đạt, bút pháp, những quan điểm, cách đối tỉ, những cách nói dí dỏm. Gã ghi tất cả lại vào những mảnh giấy để nghiên cứu. Gã không bắt chước đâu, gã đi tìm những nguyên tắc. Gã ghi chép tất cả những lối hành văn hay và tìm hiểu văn phong cho đến khi từ lối viết văn của nhiều tác giả, gã có thể rút ra một nguyên tắc chung, và sau khi đã trang bị như vậy, gã tự tạo lấy một văn phong riêng, mới, độc đáo cho mình; đánh giá, phê bình, tán thưởng văn phong của người khác một cách đúng đắn. Gã cũng ghi chép cả những câu văn mạnh mẽ, những câu sống động, những câu rất bông như chất cường toan, những câu bốc lên như lửa, hay những câu sáng ngời, êm ái, dịu ngọt giữa cái sa mạc khô cằn của một thứ ngôn ngữ tầm thường. Gã luôn luôn đi tìm nguyên tắc ẩn ở bên trong, ở đằng sau những câu văn đó. Gã muốn biết người ta đã viết nó như thế nào để rồi chính mình sẽ viết. Gã không chỉ hài lòng với bộ mặt xinh tươi của cái đẹp. Gã đem cái đẹp ra mổ xẻ trong căn phòng thí nghiệm chật chội nhỏ bé của mình, nơi mà mùi bếp núc hòa lẫn với tiếng nô đùa ầm ĩ bên ngoài của bầy con mụ Silva, và sau khi đã mổ xẻ, đã phân tích được cái đẹp, gã đi gần tới chỗ tự mình sáng tạo nên cái đẹp.

Bản chất gã vốn là người chỉ có thể làm một việc gì khi đã hiểu rõ tính chất của việc đó. Gã không thể làm việc mù quáng, trong bóng tối, không biết mình đang sáng tạo ra cái gì, chỉ tin ở sự may rủi, ở ngôi sao định mệnh sẽ đem lại kết quả tốt đẹp cho mình. Gã không đợi ở may rủi, gã muốn biết tại sao và thế nào. Thiên tài của gã là một thiên tài sáng tạo có ý thức, trước

khi gã viết một truyện ngắn hoặc một vài bài thơ thì nó đã sống trong óc gã, gã đã nhìn thấy rõ mục đích và trong ý thức, gã đã có đầy đủ phương tiện để đạt tới mục đích đó. Nếu không thì mọi cố gắng của gã nhất định dẫn tới thất bại mà thôi. Mặt khác, gã đánh giá cao những từ và câu đến dễ dàng, nhẹ nhàng trong óc gã, và sau này, những từ và thành ngữ đó trải qua mọi thử thách về cái đẹp và sức mạnh phát triển thành những ý nghĩa rộng kỳ lạ không truyền đạt nổi. Trước những từ và câu như thế, gã cúi mình thán phục, biết rằng nó vượt lên mọi sáng tạo có ý thức của bất cứ ai. Và bất kể gã đã mở xẻ cái đẹp cận kề đến thế nào để tìm những nguyên tắc ẩn trong cái đẹp để với tới được cái đẹp cuối cùng, gã vẫn cảm thấy cái bí mật nằm sâu kín bên trong cái đẹp mà gã không thể thâm nhập vào được, và xưa nay không ai đã thâm nhập vào được. Nhờ Spencer của gã, gã biết rất rõ rằng con người không bao giờ có thể đạt được tri thức tuyệt đối của bất cứ một vấn đề gì, rằng cái bí mật của cái đẹp thật không kém gì bí mật của cuộc sống – không, còn hơn thế nữa – những đường gân thớ thịt của cái đẹp và của cuộc sống bện chặt lại với nhau, chính gã cũng chỉ là một mảnh nhỏ của cùng một cơ cấu không thể giải thích được ấy do ánh mặt trời, các vàng sao xa mờ, và sự kỳ ảo dật thành.

Sự thực là, đầu óc gã chứa đầy những tư tưởng đó khi gã viết tập tiểu luận nhan đề “Vàng sao xa mờ,” trong đó đối tượng gã tán công không phải là những nguyên tắc của phê bình mà là những nhà phê bình nổi tiếng nhất. Bài tiểu luận đó, viết rất tài, sâu sắc, có ý nghĩa triết học, lại đượm vẻ hài hước một cách nhẹ nhàng. Cho nên, cứ đến các tạp chí là nó bị trả về ngay không biết bao nhiêu lần. Nhưng giờ đây gã không bận tâm vì chuyện bản thảo bị trả lại, nên gã vẫn bình tĩnh tiếp tục con đường của mình. Gã đã tạo cho mình thói quen suy nghĩ thật kỹ càng chín chắn về một vấn đề gì, rồi sau đó lao ngay vào máy chữ đánh.

Những cái đó không được in đối với gã bây giờ chỉ là một vấn đề nhỏ. Dem những điều đó mà viết ra là đỉnh cao nhất của một quá trình suy nghĩ lâu dài, là tập hợp tất cả những mảnh tài liệu chứa nặng trong đầu óc gã. Viết được một bài như vậy tức là một sự cố gắng có ý thức giải phóng đầu óc mình khiến nó có thể tiếp thu được những tài liệu và những vấn đề mới. Cái đó cũng có một điểm nào đó giống như thói quen thông thường của

những người đàn ông đàn bà bị giằng vặt bởi những nỗi đau khổ thực sự hoặc chỉ là tưởng tượng, thỉnh thoảng lại muốn phá tan sự căm lạng chịu đựng từ bao lâu của mình và “nói thốt ra” cho đến lời cuối cùng.

[67] *Một dân tộc thời cổ Hy Lạp. Cuộc sống của họ rất khắc khổ và kỷ luật.*

CHƯƠNG 24

Tuần tiếp tuần, nhiều tuần trôi qua. Martin hết sạch cả tiền mà những tấm ngân phiếu của các nhà xuất bản thì vẫn còn xa xôi như bao giờ. Tất cả những bản thảo quan trọng của gã đều trở lại rồi lại được gửi đi, cả số phận những bài viết cốt để kiếm tiền cũng không hơn gì. Cái bếp nhỏ của gã không còn được điểm xuyết bằng những món ăn nhiều màu mè nữa. Gieo neo quá, chỉ còn một phần túi gạo và một vài cân mận khô, gạo và mận khô là món ăn ba lần trong một ngày của gã, đã năm ngày liền như vậy. Rồi gã bắt đầu thấy mình mắc nợ. Lão bán hàng thực phẩm người Bồ Đào Nha, trước đây mua gì gã đều trả tiền ngay, bây giờ thấy tiền nợ của gã đến lên tới con số ghê gớm là ba đôla tám mươi nhăm xu thì không bán chịu nữa. Lão nói:

“Anh biết đấy. Anh chả chịu đi làm đi ăn gì, thì tôi đến mất toi tiền.”

Martin không thể trả lời được, không có cách gì giải thích cả. Nguyên tắc làm ăn buôn bán nhất định không thể cho phép bán chịu cho một anh chàng còn trai trẻ sức vóc, xuất thân trong tầng lớp công nhân mà lại quá lười biếng, không chịu đi làm.

“Anh cứ đi kiếm việc làm đi. Tôi sẽ bán chịu thêm cho anh.” Lão cam đoan với Martin “Không có việc làm, không bán chịu. Công việc buôn bán là phải thế.” Rồi để chứng tỏ đó chỉ là sự lo xa trong việc buôn bán chứ không phải vì thành kiến, lão nói tiếp “Vào làm chén rượu đã, ta vẫn là bạn tốt với nhau mà.”

Thế là Martin nhận lời uống, theo cái lối tự nhiên dễ dãi của gã, để tỏ ra gã vẫn là bạn tốt với nhà hàng; rồi về giường đi ngủ, bụng rỗng không.

Cửa hàng bán hoa quả tươi, nơi Martin thường mua rau, chủ là một người Mỹ, nguyên tắc buôn bán của lão này lỏng lẻo đến nỗi đã để cho Martin nợ năm đôla rồi mới thôi không bán chịu nữa. Lão bán bánh cho nợ đến hai đôla thì thôi, lão hàng thịt, bốn đôla. Martin cộng các món lại và

thấy mình mang ở trên đời một món nợ tổng cộng là mười bốn đôla tám mươi năm xu. Gã còn nợ tiền thuê máy chữ, nhưng gã còn có thể chịu được hai tháng như thế là tám đôla. Đến lúc đó gã sẽ không còn trông vào đâu được nữa.

Lần mua cuối cùng ở cửa hiệu hoa quả là một túi khoai tây và suốt một tuần lễ liền gã chỉ có khoai tây, không gì khác ngoài khoai tây, ba lần một ngày. Họa hoằn ăn ở nhà Ruth giúp gã giữ được sức khỏe của cơ thể, tuy gã cũng thấy khá khổ tâm khi từ chối không lấy thức ăn thêm, trong khi bụng đói cồn cào thèm khát những thức ăn bày la liệt trên bàn. Thịnh thoảng, tuy trong thâm tâm cảm thấy xấu hổ, những gã vẫn tạt vào nhà bà chị đúng vào lúc bữa cơm và ăn no, ăn nhiều, nhiều hơn ở bàn ăn nhà ông Morse.

Gã làm việc hết ngày nợ đến ngày kia, và hết ngày nợ đến ngày kia, người đưa thư vẫn mang cho gã những tập bản thảo bị ném trả về. Gã không có tiền mua tem, vì thế mà bản thảo chất thành đống ở gầm bàn. Rồi một hôm, suốt bốn mươi tiếng đồng hồ gã không được nếm một chút thức ăn nào. Gã không thể hy vọng một bữa ăn ở đằng nhà Ruth, vì nàng đã đi San Raphael chơi hai tuần; và cũng vì xấu hổ gã không thể tới nhà bà chị. Không may hơn nữa, người đưa thư đi phát chuyên thư chiều đã mang tới cho gã năm tập bản thảo bị trả về. Rồi vì thế mà Martin phải mặc áo khoác ngoài xuống Oakland, lúc trở về không còn áo, nhưng có năm đôla lèng xèng trong túi. Gã trả bớt cho bốn cửa hiệu, mỗi người một đôla, và về bếp rán thịt bò với tỏi, pha cà phê, trộn một xoong mận to tương. Ăn xong, gã ngồi vào bàn hoàn thành trước nửa đêm một bài luận văn mà đặt tên cho nó là “Giá trị của sự cho vay lãi.” Đánh máy xong, gã quẳng nó xuống gầm bàn vì cũng không còn lại xu nào trong số năm đôla trên để mua tem.

Sau đó gã đem cầm đồng hồ, rồi sau đó lại cầm cả xe đạp, bớt tiền mua thức ăn để mua tem dán vào tất cả các bản thảo và gửi đi. Gã đã thất vọng đối với những bài viết cốt để kiếm tiền của mình. Không ai cần mua cả. So sánh chúng với cái gã thấy trên các tờ báo hàng ngày, các tuần báo, các tạp chí rẻ tiền, gã quả quyết rằng những bài của gã hơn những bài thông thường được đăng nhiều, hơn rất nhiều, ấy vậy mà chúng vẫn không bán được. Rồi gã khám phá ra hầu hết các báo chí hàng ngày đăng phần lớn những bài “do các nghiệp đoàn cung ứng đưa đến,” và gã tìm được địa chỉ của cái tổ chức

cung cấp những tài liệu đó. Nhưng những bài của gã gửi đi vẫn bị trả về kèm theo một bức thư in sẵn báo cho gã biết rằng ban biên tập đã cung cấp đủ tất cả những bài cần thiết.

Ở một trong những tờ báo thiếu niên lớn, gã thấy bao nhiêu cột đăng khi những giai thoại, những mẩu chuyện tạp nhạp. Lại một cơ hội đây rồi. Nhưng những mẩu chuyện của gã lại bị trả về; mặc dù gã đã cố gửi đi gửi lại nhiều lần, vẫn không một truyện nào gửi lọt. Mãi về sau, khi không cần đến nữa, gã mới rõ bọn chủ bút và bọn phụ việc đã tự tay viết những chuyện đó để tăng lương của chúng lên. Những tờ tuần báo trào phúng cũng gửi trả lại những mẩu chuyện khôi hài và những bài thơ châm biếm của gã, những bài thơ đả kích nhẹ nhàng gã viết cho những tạp chí lớn cũng không có chỗ dung thân. Lại còn những truyện ngắn trên báo hàng ngày nữa. Gã biết gã có thể viết hay hơn những cái đã được đăng. Tìm được địa chỉ của hai tổ chức cung cấp tài liệu cho các báo hàng ngày, gã tới tập gửi truyện ngắn của mình đến, khi đã viết xong tới hai mươi truyện mà vẫn không được nhận đăng truyện nào, gã thôi không viết nữa. Tuy vậy, hàng ngày, đọc những truyện ngắn trên các báo hàng ngày, hàng tuần, biết bao là truyện, gã không thấy một truyện nào có thể sánh nổi với truyện của gã. Thất vọng, gã kết luận rằng gã không biết đánh giá một chút nào, rằng gã bị mê hoặc vì những cái mình viết, rằng gã chỉ là một thằng kiêu căng tự lừa dối mình.

Cái bộ máy biên tập không có tính chất con người cứ chạy một cách trơn tru như thường. Gã dán tem lên bản thảo, gấp lại, bỏ vào thùng thư, và cứ từ ba tuần đến một tháng sau người đưa thư lại bước lên bậc cầu thang, đưa trả lại gã. Chắc chắn rằng ở đầu bên kia không có một ban biên tập con người. Đó chỉ toàn là những bánh xe, những răng cưa, những ổ dầu – một hệ thống máy móc tinh xảo được điều khiển bởi những người máy. Gã đã thất vọng tới mức nghi ngờ không biết bọn biên tập có thực tồn tại hay không. Gã không bao giờ nhận thức được một dấu hiệu gì về sự tồn tại của một tên chủ bút nào, và cái việc không có một lời nhận định mà cứ vớt trả lại tất cả những cái gã viết, dường như là một bằng chứng cụ thể tỏ ra rằng bọn chúng chỉ là những vật hoang đường được tạo ra, được nuôi dưỡng bởi một lũ lau nhau phụ việc, lũ thợ xếp chữ, bọn thợ in.

Những giờ phút bên Ruth là những giờ phút sung sướng độc nhất của gã, mà cũng không phải mọi giây phút đều sung sướng. Gã luôn luôn bị dằn vặt bởi một sự day dứt gặm nhấm tâm hồn, nó còn làm cho gã đau khổ hơn là những ngày xưa kia khi gã chưa chiếm được tình yêu của nàng; bởi vì bây giờ tuy đã chiếm được tình yêu của nàng rồi, những chiếm được nàng vẫn còn là chuyện xa xôi hơn bao giờ hết. Gã đã xin nàng hai năm. Thời gian qua đi như bay, gã vẫn chưa đạt được cái gì cả. Hơn nữa, gã luôn luôn nhận thức thấy một sự thật là nàng không tán thành cái việc gã đang làm. Nàng không nói thẳng như vậy. Nhưng gián tiếp nàng đã để cho gã hiểu một cách rõ ràng, dứt khoát y như nàng đã nói ra. Nàng không tỏ ý bực bội, nhưng không tán thành; những người đàn bà khác không hiền dịu như nàng có lẽ đã tỏ ra bực bội lắm trong khi nàng chỉ tỏ ra thất vọng. Sự thất vọng của nàng là ở chỗ con người mà nàng định nhào nặn này lại từ chối không chịu để cho nhào nặn. Trước đây, nàng vẫn cứ cho rằng đến một mức độ nào đấy chất đất sét trong con người này sẽ dẻo lắm, thế mà nó hóa ra bướng bỉnh, từ chối không để cho nặn theo hình dáng của cha nàng hay của ông Butler.

Những cái lớn lao, mạnh mẽ trong con người gã, nàng đều không nhìn thấy, hay tệ hơn nữa, nàng đã hiểu nhầm nó. Cái con người này, mà chất đất sét mềm dẻo đến độ có thể sống trong bất cứ một cái ổ nào trong cuộc sống của con người, nàng lại cho là bướng bỉnh, là ngoan cố nhất, bởi vì nàng không thể nặn được nó, không bắt được nó phải sống trong cái ổ chim câu của nàng, cái ổ duy nhất mà nàng biết. Nàng không thể nào theo được đôi cánh bay bổng của tư tưởng gã, và khi trí óc gã đã vượt quá xa nàng, thì nàng lại cho gã là một con người kỳ quái. Từ xưa đến nay, chưa trí óc một ai vượt qua trí óc nàng. Nàng vẫn có thể hiểu được cha nàng, mẹ nàng, các anh em nàng, và Olney, và vì thế khi không hiểu nổi Martin thì nàng tin rằng lỗi là ở gã. Đó chính là tấn bi kịch cổ xưa khi cái thiên cận lại muốn làm thầy cho toàn vũ trụ.

“Em sùng bái tư tưởng chính thống.” Một lần gã đã nói với nàng, khi hai người thảo luận với nhau về Prap và Vanderwater. “Anh thừa nhận rằng kẻ đúng về mặt những người có uy tín để trích dẫn, thì họ là những người xuất sắc nhất – hai nhà phê bình văn học tiên tiến của Mỹ. Tất cả các ông

giáo ở các trường trên đất này đều ngưỡng mộ coi Vanderwater như ông thần trong giới phê bình văn học ở Mỹ. Ấy vậy mà, anh đã đọc những bài viết lảm nhảm của hấn ta, và đối với anh hình như đó là biểu hiện đầy đủ nhất, của một thằng ngốc. Thật thế, hấn ta không hơn gì một tay nói sáo buồn tẻ như Gelett Burgess^[68] nói. Prap thì cũng chẳng hơn gì. Như cuốn “Rêu độc” của hấn chẳng hạn, viết thì văn hoa lảm, không đặt sai một dấu phẩy, giọng văn thì ái chà... chà, mới cao quý, cao quý chứ. Hấn là một nhà phê bình được trả hậu hĩ nhất ở nước Mỹ này. Nhưng, trời ơi! Hấn không phải là một nhà phê bình chút nào. Ở Anh người ta làm công việc phê bình tốt hơn.

“Nhưng điểm lý thú là lời lẽ nghe ra có vẻ hợp với đại chúng lắm, văn hoa, đạo lý, và có vẻ tự mãn. Những bài phê bình của các ông ấy làm cho anh nhớ tới một ngày Chủ nhật ở Anh^[69]. Họ là cái loa của đại chúng. Họ tôn các ông giáo sư văn học Anh của em lên, và các ông giáo sư văn học em cũng tôn họ lên. Nhưng trong bất cứ một cái sọ nào của bọn họ cũng chẳng có lấy được một tư tưởng độc đáo. Họ chỉ biết những cái đã được xác định. Tâm hồn họ yếu đuối và những cái đã được xác định nó in ngay vào con người họ dễ dàng như nhãn hiệu in vào một chai bia. Công việc của họ là bắt tất cả những chàng trai trẻ học ở Trường đại học phải xua đuổi khỏi đầu óc mình bất cứ một tư tưởng độc đáo le lói nào may ra có được ở trong đó và in vào đầu các chàng trai ấy tất cả những nhãn hiệu đã được xác định.”

Nàng trả lời:

“Khi em đứng về phía tư tưởng chính thống, thì em nghĩ rằng em gần với chân lý hơn anh là con người cứ hò hét quay cuồng như một gã đã phá thần tượng ở đảo Nam Hải.”

“Chính những nhà truyền giáo là những kẻ đã phá thần tượng,” gã cười lớn, “bất hạnh thay, tất cả những giáo sĩ đều vắng đi truyền giáo trong đám vô thần, vì thế ở nhà chẳng còn ai để mà phá hủy những thần tượng cổ lỗ là ông Vanderwater và ông Prap.”

“Và cả những giáo sư Đại học nữa chứ!” Nàng thêm.

Gã lắc đầu quả quyết. “Không, những giáo sư khoa học phải tồn tại. Họ là những người thực sự vĩ đại. Nhưng nên đem mà chặt cổ hết chín phần mười các ngài giáo sư văn học Anh, những con vẹt đầu óc nhỏ bé ấy đi!”

Đối với các giáo sư, lời nhận xét trên có phần nghiêm khắc, nhưng đối với Ruth đây là một lời báng bổ. Nàng không thể không so sánh những giáo sư, quần áo gọn gàng tề chỉnh, có vẻ học giả, lời nói uyển chuyển, lời nói ra là học thức, là tế nhị, với anh chàng trẻ tuổi hầu như không thể tả được này, con người mà không hiểu làm sao nàng đã yêu, con người mà quần áo không bao giờ vừa với thân hình, bắp thịt to, chắc, chứng tỏ đã phải lao khổ cực nhọc, con người mà mỗi lần nói là sôi nổi, là dùng những lời lẽ cộc cằn thay cho những nhận định bình tĩnh; những lời lẽ nóng nảy dễ bốc thay cho sự tự chủ trầm tĩnh. Ít nhất thì lượng các giáo sư cũng nhiều và – phải, nàng buộc lòng phải nhận thấy điều này – họ là những người thượng lưu, còn gã thì không thể kiếm được một đồng xu, và không như họ.

Nàng không coi trọng những lời nói của Martin mà cũng không căn cứ vào những lời nói đó để mà phê phán lý lẽ của gã. Nàng kết luận lý lẽ của gã sai bằng cách so sánh những cái bề ngoài giữa gã và họ, đành rằng việc so sánh nàng làm không có chủ tâm. Họ, những vị giáo sư, những lời phê bình văn học của họ là đúng, vì họ là những người thành công. Những lời phê bình văn học của Martin là sai bởi vì gã đã không bán được tác phẩm của mình. Hay là nói theo câu nói của gã, họ đã thành công, còn gã thì không thành công. Hơn nữa, hình như gã đúng là không hợp lẽ - gã, cái con người mà vừa mới độ nào thôi còn đứng, cũng ở trong cái phòng khách này, mặt đỏ dừ, vụng về đáp lễ khi được giới thiệu, sợ hãi nhìn quanh, chỉ lo cái vai đu đưa va phải làm vỡ đồ đạc, con người hỏi Swinburne chết từ bao giờ và khoe mình đã đọc “Vươn lên mãi” và “Bài ca cuộc sống.”

Vô tình, Ruth đã tự chứng minh cho quan điểm của gã, rằng nàng là một kẻ tôn thờ những cái đã được xác định. Martin theo dõi quá trình diễn biến của tư tưởng nàng, nhưng gã cố nén không tranh luận thêm nữa. Gã không yêu nàng vì những cái nàng nghĩ về Prap, về Vanderwater, về những ngài giáo sư văn học Anh. Gã bắt đầu thấy rõ và càng ngày càng thấy chắc chắn rằng gã đã nắm được những lĩnh vực của tri thức và tầm hiểu biết sâu rộng mà nàng không bao giờ có thể hiểu nổi, thậm chí cũng không biết rằng những cái đó tồn tại.

Về âm nhạc, thì nàng cho gã thật ra không hiểu biết, còn về nhạc kịch thì không những gã không hiểu biết mà còn bướng bỉnh một cách khó chịu.

“Anh có thích vở nhạc kịch không?” Nàng hỏi gã vào một buổi tối hai người ở nhà hát nhạc kịch về.

Đó là một đêm mà gã phải hết sức tiết kiệm, nhịn ăn trong một tháng mới mua được vé mời nàng. Đợi mãi không thấy gã phát biểu gì về vở nhạc kịch, nàng mới hỏi gã câu ấy, trong người nàng hẫng còn bàng hoàng kích động vì những cái nàng vừa được xem và nghe.

“Anh thích màn mở đầu. Hay lắm.”

“Đúng, nhưng còn chính vở thì sao?”

“Cũng hay lắm. Anh muốn nói là ban nhạc ấy. Giá mà những con rối yên đi đứng ra trò thì anh thấy còn thú hơn nhiều.”

Ruth lặng người đi.

“Anh không định nói về Tetralani hay Barillo đấy chứ?” nàng hỏi.

“Tất cả bọn họ.”

“Nhưng họ là những tài tử vĩ đại chứ,” nàng cãi.

“Thì họ vẫn cứ làm hỏng cả bản nhạc, với những trò múa may và những cái không chân thực của họ.”

“Nhưng anh có thích giọng hát của Barillo không? Người ta cho rằng chỉ kém có Caruso^[70] thôi.”

“Tất nhiên là có thích và anh còn thích giọng của Tetralani hơn nữa. Giọng của nàng thật là tuyệt diệu – hay ít nhất anh cũng nghĩ như thế.”

“Nhưng, nhưng...” Ruth ấp úng, “em không hiểu ý anh là thế nào. Anh tán phục giọng của họ, thế mà lại nói là họ làm hỏng cả bản nhạc.”

“Đúng thế đấy. Nghe họ cùng hát, thì mất gì anh cũng muốn nghe, nhưng giá không phải nghe họ hát khi ban nhạc chơi thì anh còn thấy thú vị hơn nhiều. Anh e rằng anh là một anh chàng hiện thực khó tính. Ca sĩ vĩ đại không hẳn là diễn viên vĩ đại. Nghe Barillo hát một đoạn tình ca với một giọng thiên thần, nghe Tetralani hát đối cũng với một giọng thiên thần như thế, hòa theo với điệu nhạc phong phú đầy màu sắc, sáng ngời thì thật là tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu. Không phải là anh chỉ thừa nhận, anh khẳng định như thế. Nhưng bao nhiêu cái hay cái đẹp đều hỏng hết khi nhìn họ – đào Tetralani cao năm bộ^[71] mười đi tất ngắn không giày, thân hình nặng có đến một trăm chín mươi “pao”^[72], kép Barillo ngắn ngủn năm thước tư, mặt bự mỡ, ngực ngang phè, trông như một anh thợ rèn lùn tịt, hai đào kép nhún

nhảy điệu bộ, ôm ngực, vung tay lên không khí như những kẻ mất trí trong nhà thương điên, thế mà người ta đòi anh thừa nhận tất cả những cái đó là một cảnh trung thành với cảnh yêu đương giữa một nàng công chúa kiêu diễm mảnh dẻ với một hoàng tử trẻ tuổi lãng mạn, đẹp trai, thì anh làm sao có thể thừa nhận được, có thể thôi. Thật là dơ dáy, thật là phi lý, không thực chút nào. Vấn đề là như vậy. Nó không thực. Không có một kẻ nào trên đời lại tỏ tình với nhau, theo cái kiểu như vậy. Chứ sao, nếu anh tỏ tình với em theo cái kiểu như vậy, thì có lẽ em đã bộp tai anh rồi.”

“Nhưng anh nhầm,” Ruth phản đối, “bất cứ hình thức nghệ thuật nào cũng đều có giới hạn của nó. (Nàng đang cố nhớ lại một bài thuyết trình về những quy ước của nghệ thuật mà nàng được nghe ở trường Đại học). Trong hội họa chỉ có hai chiều, trên nền vải, ấy thế mà anh vẫn phải thừa nhận trong tưởng tượng là có ba chiều mà nghệ thuật của một họa sĩ giúp anh ta có thể đưa lên nền vải. Hay nói đến chuyện viết văn nữa, tác giả phải là một người có quyền vô hạn. Anh phải thừa nhận là hợp lý tất cả những đoạn tác giả thuật những những ý nghĩ thâm kín của một nữ nhân vật chính trong truyện, thế mà thực ra như anh biết đấy, nhân vật khi nghĩ những tư tưởng đó thì chỉ có một mình, tác giả cũng như không một người nào khác có thể nghe thấy được. Trong sân khấu, trong điêu khắc, trong nhạc kịch, trong tất cả các hình thức của nghệ thuật đều như vậy cả. Ta phải thừa nhận một vài cái không thể hòa hợp với nhau được.”

“Đúng, anh hiểu điều đó. Nghệ thuật nào cũng đều có những quy ước của nó.”

Ruth ngạc nhiên khi gã dùng danh từ đó, y như thể chính gã đã từng theo học ở Đại học, chứ không phải là tự trang bị cho mình rất tồi bằng cách vớ được quyển nào đọc quyển ấy ở Thư viện.

“Nhưng ngay cả quy ước đi nữa cũng phải chân thực. Những cây cối vẽ trên tấm phông phẳng bằng bìa cứng đặt ở hai bên sân khấu, ta phải thừa nhận đó là một khu rừng. Đó là một quy ước khá chân thực. Nhưng, trái lại, ta không thể nào thừa nhận cảnh biển là cảnh rừng được. Không thể nào thừa nhận được. Nó trái với lẽ phải. Ngay cả em nữa, em cũng sẽ, hay nói đúng hơn em không thể thừa nhận cái lối quần quai vặn vẹo đau đớn như

sắp chết của hai kẻ điên rồ ấy trên sân khấu đêm nay, coi đó là một biểu hiện của tình yêu có sức thuyết phục người khác.”

“Nhưng anh không tự cho mình là giỏi hơn tất cả những nhà phê bình âm nhạc chứ,” nàng vặn lại.

“Không, không, không khi nào. Anh chỉ giữ cái quyền của một cá nhân. Anh chỉ nói với em những điều anh nghĩ, cái để giải thích cho em hiểu tại sao đối với anh những điệu nhảy nhót nặng nề ịch ịch như voi của bà Tetralani, đã làm hỏng cả ban nhạc. Những nhà phê bình âm nhạc trên thế giới này có thể là đúng cả. Nhưng anh là anh, anh không thể nào uốn cái sở thích của anh theo những lời bình phẩm chung của thiên hạ được. Nếu anh không thích một cái gì đó thì có nghĩa là anh không thích nó, có thể thôi; dưới bầu trời này không có một lý do gì khiến anh cứ phải đi bắt chước như một chú khỉ thích theo cái thích của người khác, chỉ vì đa số những người đồng loại với anh thích hay làm ra vẻ thích. Anh không thể nào đi theo một trong việc anh thích hay không thích.”

“Nhưng âm nhạc, anh biết đấy, là một vấn đề đòi hỏi phải tập luyện,” Ruth cãi lý, “mà nhạc kịch thì lại càng là một vấn đề đòi hỏi phải tập luyện lắm. Có thể là...”

“... anh không được tập luyện để hiểu nhạc kịch chứ gì?” Gã nói chặn ngay.

Nàng gật đầu.

“Đúng thế,” gã đồng ý. “Và anh tự coi là may mắn khi còn trẻ, anh không bị những cái đó hấp dẫn. Nếu không thì đêm nay chắc chắn anh đã phải nhỏ những giọt nước mắt tầm thường và những trò hề của đôi đào kếp quý hóa kia có lẽ đã làm tăng cái đẹp của giọng hát của họ, cái đẹp của ban nhạc hòa theo. Em nói đúng đấy. Đó chính là một vấn đề đòi hỏi phải tập luyện. Bây giờ anh quá già rồi. Anh phải có những cái chân thực hoặc không có gì hết. Một ảo ảnh không có sức thuyết phục nổi ai thì chỉ là một điều dối trá trắng trợn, và đối với anh bản nhạc kịch cũng thế thôi, khi anh chàng Barillo lùn tịt lên con, ghì chặt lấy nàng Tetralani béo ị trong cánh tay (bà này cũng đang lên con) và thô lộ là chàng đã yêu nàng say đắm biết chừng nào.”

Ruth lại đánh giá tư tưởng của gã bằng cách so sánh những cái bề ngoài phù hợp với niềm tin của mình vào những cái đã được xác định. Anh là ai mà lại có thể đúng còn cả thế giới học thức đều sai? Lời nói và tư tưởng của gã không gây một tác động nào đối với nàng. Nàng đã tin tưởng một cách quá vững chắc ở những cái đã được xác định nên không có thể có được một chút thiện cảm nào đối với những tư tưởng cách mạng. Nàng đã quá quen thuộc với âm nhạc, nàng đã đi xem nhạc kịch từ hồi còn nhỏ, và những người cùng tầng lớp với nàng cũng thích nhạc kịch. Thế thì cái anh chàng Martin Eden kia, một con người vừa mới nhồi lên khỏi những điệu nhạc xô bồ của giai cấp công nhân có quyền gì mà dám phê phán âm nhạc của thế giới? Nàng bức bối với gã, và trong khi đi bên cạnh gã, nàng có một cảm giác mơ hồ như đang bị sỉ nhục. Nhưng với lòng bao dung của mình, nàng nghĩ cho cùng ra, nàng coi những quan điểm của gã chẳng qua cũng chỉ là một ý nghĩ bất thường, hơi xấu tính, một lời đùa cợt không đúng lúc, bạ đâu nói đó. Nhưng khi gã ôm nàng trong cánh tay ở trước cửa nhà, hôn nàng từ biệt một cách rất dịu dàng, thì nàng quên hết, trong sự rộn ràng của tình yêu đối với gã và đêm khuya hôm đó, trần trọc trên chiếc gối nàng bối rối, như nàng vẫn thường bối rối trong những ngày gần đây khi nàng tự hỏi không hiểu tại sao mình lại yêu được một con người kỳ lạ như vậy, yêu bất chấp cả sự không đồng ý của gia đình.

Ngày hôm sau, Martin vứt hết những bài viết lật vạt sang một bên, gã say sưa mê mẩn gò một bài luận văn của gã đặt tên là: “Triết lý của tư tưởng.” Một cái tem dán lên đưa nó đi chu du, nhưng nó lại chịu chung cái số phận phải nhận nhiều cái tem dán lên mình để đi chu du nhiều chuyến trong những tháng tiếp theo.

[68] Một tác giả người Mỹ sinh năm 1866 không rõ chết năm nào.

[69] Ở Anh những người theo đạo Cơ đốc, ngày chủ nhật không lui tới những chỗ giải trí khiêu vũ, vui chơi, chỉ đi nhà thờ. Ý Martin muốn nói một ngày chủ nhật rất buồn nản, không có gì là hứng thú.

[70] Purico Caruso (1873 – 1921) một ca sĩ giọng nam cao người Ý.

[71] Bộ Anh (feet) = 0,3048m

[72] Một pao (pound) = 0,4538kg.

CHƯƠNG 25

Maria Silva nghèo, và mọi cảnh nghèo khổ chị đều đã rõ. Còn nghèo khổ đối với nàng Ruth chỉ là một danh từ có nghĩa là một hoàn cảnh sống không đẹp. Đó là toàn bộ sự hiểu biết của nàng về vấn đề này. Nàng biết Martin nghèo và trong trí óc mình nàng liên hệ hoàn cảnh sống của gã với thời thơ ấu của Abraham Lincoln, của ông Butler và của những người đàn ông khác đã thành đạt. Hơn nữa, trong khi quan niệm rằng nghèo khổ chỉ là một cái thú vị, nàng có một cảm giác thoải mái tiêu tư sản, nghèo khổ là trong sạch, là một cái đỉnh nhọn thúc đẩy những con người không sa đọa, những con người phải làm việc khổ cực một cách tuyệt vọng đi tới thành công. Vì thế, biết Martin nghèo đến nỗi phải đem cả đồng hồ, cả áo ngoài, nàng cũng không bận tâm. Nàng còn cho rằng đó là khía cạnh đầy hy vọng của hoàn cảnh, nàng tin rằng chẳng sớm thì muộn điều đó cũng làm cho gã thức tỉnh, buộc gã phải bỏ cái trò viết lách đi.

Ruth không hề đọc thấy cái đôi trên gương mặt Martin, gương mặt đó giờ đây gầy gò, hai hốc má sâu thêm. Trái lại, nàng lấy làm hài lòng khi nhận thấy những nét thay đổi trên khuôn mặt đó. Hình như nó làm cho gã thanh tú hơn, làm mất đi cả cái khối thịt vô dụng, cái sức mạnh quá cục súc vừa quyến rũ nàng vừa làm cho nàng khinh ghét. Đôi khi ở bên gã nàng nhận thấy một tia sáng khác thường trong cặp mắt gã, nàng rất thán phục vì nó làm cho gã giống một nhà thơ, một học giả hơn – điều mà gã muốn có, điều mà nàng muốn cho gã có. Nhưng Maria Silva thì lại nhìn thấy chuyện khác trong đôi má hóp, trong cặp mắt bùng bùng ấy; chị nhận thấy những thay đổi của chúng hàng ngày, nó chứng tỏ gã sa sút nghèo túng hay có tiền. Chị nhìn thấy gã lúc ở nhà đi ra có áo khoác ngoài, lúc về lại không, tuy trời rét căm căm, rồi chị thấy má gã đã hơi hơi đầy lại và ngọn lửa của đói khát đã rời cặp mắt gã. Chị cũng nhìn thấy chiếc xe đạp và cái đồng hồ của gã ra đi như thế, và sau mỗi lần chị lại thấy sức mạnh của gã sống lại.

Chị cũng để ý theo dõi công việc làm cực nhọc của gã và để biết rõ lượng dầu gã thấp đến tận nửa đêm. Làm việc! Chị biết gã vất vả hơn chị nhiều, tuy công việc của gã là một loại công việc khác. Và chị ngạc nhiên thấy càng ăn ít gã càng làm việc nhiều hơn. Đôi khi, nghĩ con đói đang hành hạ gã đến cũng cực, chị làm ra vẻ như ngẫu nhiên, đưa biếu gã một khoanh

bánh mới nướng, chị vụng về che giấu hành động của mình, nói đùa là gã nướng bánh chẳng thể nào khéo được bằng chị. Có khi chị sai một đĩa trong lũ con lóc nhóc của chị mang cho gã một liễn to súp nóng, trong thâm tâm chị cũng suy nghĩ không hiểu giết miếng ăn ra khỏi miệng của máu, của thịt mình đem cho đi như thế có đúng không. Martin cũng không phải là không biết ơn, vì gã đã hiểu rõ cuộc sống của những người nghèo khổ, và nếu ở trên đời có cái gì gọi là lòng nhân ái thì đây chính là lòng nhân ái.

Một hôm, sau khi đã cho lũ con ăn những thứ còn lại trong nhà, Maria dốc nốt mười lăm xu cuối cùng của chị mua một bình rượu rẻ tiền. Martin vào bếp lấy nước được chị mời ngồi cùng uống. Gã uống chúc sức khỏe chị, chị uống chúc gã làm ăn phát đạt; gã cũng chúc chị có hy vọng là lão James Grant đừng đánh bài lảng và sẽ đến trả chị nốt tiền giết còn chịu lại. James Grant là một gã thợ mộc rong, chẳng bao giờ chịu trả hết tiền nợ, lão còn chịu Maria ba đôla.

Cả Maria và Martin đều uống cái thứ rượu mời chua lét ấy vào dạ dày trống rỗng của mình, men rượu bốc nhanh lên đầu. Và tuy họ là những con người hoàn toàn khác nhau; họ cũng cảm thấy cô đơn trong đói khổ, và tuy họ đều ngậm muôn tránh không nói tới, sự đói khổ ấy vẫn là sợi dây nối họ lại gần gũi nhau. Maria rất ngạc nhiên khi biết rằng gã đã từng sống ở vùng Azores^[73], nơi mà chị đã sống cho đến năm mười một tuổi. Chị lại càng ngạc nhiên hơn khi biết gã đã sống ở những hòn đảo Hawaii, nơi chị đã di cư từ Azores đến cùng với gia đình. Nhưng sự ngạc nhiên của chị lên đến cực độ khi gã nói gã đã ở Maui^[74], một hòn đảo đặc biệt nơi chị đã trưởng thành và lấy chồng. Kahului^[75], nơi lần đầu chị gặp gỡ chồng chị thì gã, Martin đã từng đến đó hai lần! Chị nhớ những tàu biển chờ đường, và gã đã từng ở trên đó – đúng rồi, đúng rồi, đó là một thế giới nhỏ. Và, Wailuku^[76]! Cả nơi đó nữa! Gã có biết lão quản lý khu đồn điền chẳng? Có chứ, gã đã từng uống rượu với lão đôi ba lần.

Thế là họ nhớ lại những chuyện xưa và dim con đói của mình trong bình rượu chua lét. Đối với Martin, tương lai hình như chưa đến nỗi mờ mịt lắm. Thành công đang rung lên ngay trước mắt gã. Gã sắp sửa nắm được nó rồi. Gã ngẩng nhìn khuôn mặt hằn sâu đường nét của người đàn bà lao khổ đang ngồi trước mặt, gã nhớ lại những liễn súp, những khoanh bánh mới

nướng của chị, và gã thấy một niềm biết ơn, một tình nhân ái vô cùng ấm áp rộn lên trong lòng.

Gã bỗng nói:

“Này chị Maria, chị muốn có cái gì nào?”

Chị nhìn gã bối rối.

“Nếu có thể ước được, thì chị muốn ước có cái gì bây giờ, ngay bây giờ nào?”

“Mấy đôi giày cho các cháu, bảy đôi tất cả.”

“Chị sẽ có,” gã nói, chị nghe và gật đầu một cách nghiêm trang. “Nhưng ý tôi muốn nói một điều mong ước lớn cơ, một cái gì lớn mà chị mong ước cơ.”

Mắt chị long lanh một cách hiền hậu. Gã đang muốn nói đùa chị đây, với Maria, người mà những ngày gần đây chẳng ai buồn nói đùa.

“Chị cứ nghĩ kỹ đi đã.” Maria vừa định mở miệng thì gã ngăn lại.

“Tôi nghĩ kỹ rồi. Tôi chỉ muốn có một cái nhà, một cái nhà hoàn toàn là của riêng tôi, không phải trả tiền thuê bảy đôla một tháng.”

“Chị sẽ có,” hần quả quyết. “Chỉ một thời gian ngắn nữa thôi. Bây giờ chị hãy ước một cái gì thật lớn đi. Chị cứ tin như tôi là Thượng đế và tôi nói với chị là chị muốn gì được nấy. Và rồi chị ước, tôi nghe.”

Maria suy nghĩ nghiêm trang một lát.

“Cậu không sợ à?” Chị hỏi như có ý răn đe.

“Không, không,” gã cười. “Tôi không sợ, chị nói đi.”

“Tôi ước một điều lớn cực kỳ đây này,” chị lại răn đe.

“Được, chị cứ nói ngay đi!”

“À, thế này nhé!” Chị thở một hơi dài như một đứa trẻ khi chị gắng hết sức mình nói lên điều mà chị ao ước nhất đời. “Tôi chỉ ao ước có được một cái trại bò sữa, một cái trại thật tốt, có nhiều bò cái, nhiều đất, nhiều cỏ. Tôi muốn có một cái ở gần San Le-an^[77]; em gái tôi sống ở đó mà. Tôi sẽ đem sữa ra Oakland bán. Tôi sẽ có nhiều tiền. Thằng Joe và thằng Nick sẽ không phải chăn bò. Chúng nó sẽ đi học. Có thể chúng sẽ trở thành kỹ sư giỏi, đi làm đường xe hỏa. Phải, tôi muốn có một trại nuôi bò sữa.”

Chị ngừng lại, nhìn Martin với đôi mắt long lanh.

“Chị sẽ có,” gã trả lời ngay.

Chị gặt đầu và khê để moi vào cốc rượu một cách trân trọng, đưa cốc rượu cho người tặng chị cái vật mà chị biết không bao giờ có thể có được. Tâm địa gã tốt và trong thâm tâm chị cũng cảm động trước ý định của gã. Y như gã đã thực sự cho chị tặng vật rồi vậy.

“Không, chị Maria,” gã nói tiếp. “Thằng Nick và thằng Joe sẽ không phải đi bán sữa rong đâu. Tất cả các cháu sẽ được đi học, sẽ có giày đi quanh năm. Nhất định trại của chị sẽ là trại loại nhất – mọi thứ đầy đủ. Sẽ có một cái nhà để ở, một chuồng ngựa, nhiều chuồng bò, tất nhiên. Sẽ có gà, lợn, rau cỏ, cây ăn quả, mọi thứ. Sẽ có nhiều bò, phải thuê một, hai người trông nom. Rồi chị sẽ không phải làm gì cả, chỉ trông nom con cái thôi. Còn như, nếu chị gặp được một người tốt, chị có thể lấy người ta. Anh ấy sẽ trông nom trang trại, còn chị thì cứ sống an nhàn.”

Và rồi từ tặng vật lớn lao mà gã thu xếp để tặng trong tương lai ấy, Martin quay về lấy bộ quần áo tốt độc nhất của mình mang ra hiệu cầm đồ. Phải làm điều đó, hoàn cảnh của gã thật tuyệt vọng, vì nó cắt mất con đường đi lại của gã với Ruth. Gã không có một bộ đồ thứ hai nào khả dĩ có thể coi được, và tuy gã có thể đi ra hàng thịt, hàng bánh hay thậm chí khi có việc đến nhà chị gã nữa, nhưng gã thật không dám nghĩ tới chuyện bước chân vào nhà ông Morse với bộ đồ tồi tàn mất phẩm cách như thế.

Gã cứ tiếp tục làm việc, cực khổ gần như vô hy vọng. Hình như gã bắt đầu thấy cuộc chiến đấu thứ hai này đã thất bại và gã lại phải đi tìm việc làm. Như thế gã sẽ làm cho mọi người hài lòng – ông hàng thịt, bà chị, Ruth và ngay cả Maria, người mà gã còn chịu lại một tháng tiền thuê phòng. Gã còn nợ tiền thuê máy chữ hai tháng, cửa hiệu đã thúc tiền, nếu không trả được tiền thì phải đem trả lại máy. Tuyệt vọng, đành phải đình chiến, đầu hàng với số mệnh, đợi một thời cơ khác lại bắt đầu lại, gã thi vào Cục Bưu điện Đường sắt. Gã ngạc nhiên thấy mình đổ đầu. Công ăn việc làm như thế là đảm bảo, tuy nhiên đến bao giờ người ta mới gọi gã đi làm thì không ai biết cả.

Đúng vào thời gian này, trong lúc gã gặp vận bi nhất thì cái bộ máy tòa soạn chạy đều đặn trơn tru đã gãy gục. Một chiếc đinh ốc hằn là đã bị tuột hay ổ đựng dầu đã khô, vì một buổi sáng người đưa thư đã mang đến cho gã, một chiếc phong bì nhỏ, mỏng. Martin liếc nhìn vào góc phía trên, đọc

tên và địa chỉ của tờ nguyệt san Trans Continental (Xuyên lục địa). Tim gã đập rộn, gã bỗng cảm thấy người xiu đi, cái cảm giác bủn rủn tiếp theo là đầu gối run lên một cách kỳ lạ. Gã lão đảo bước vào phòng, ngồi lên giường, chiếc phong bì vẫn còn chưa bóc. Lúc ấy gã mới hiểu tại sao có người chết bất thành linh khi nhận được một tin vui bất thường.

Tất nhiên, đây là một tin vui. Không có bản thảo trong chiếc phong bì mỏng này, thế tức là nhận rồi. Gã biết truyện ngắn của gã đã ở trong tay tờ Xuyên lục địa nguyệt san, đó là “Tiếng chuông,” một trong những truyện rừng rợn vừa chẵn năm ngàn từ. Và vì theo thường lệ, những tạp chí loại nhất khi nhận đăng bài là trả tiền ngay, trong phong bì có một ngân phiếu. Hai xu một từ, hai mươi đôla một ngàn từ, ngân phiếu này nhất định phải là một trăm đôla. Một trăm đôla! Trong khi gã xé phong bì, tất cả những khoản nợ lại hiện lên trong trí óc gã – 3,85 đôla chịu của hàng thực phẩm; ông hàng thịt, 4 đôla chẵn; 2 đôla của ông hàng bánh; 5 đôla ở cửa hàng thực phẩm. Tổng cộng 14,85 đôla. Rồi còn tiền thuê buồng, 2,50 đôla nữa; 8 đôla tiền thuê máy chữ hai tháng, 4 đôla đặt trước một tháng. Tổng cộng 21,85 đôla. Cuối cùng, thêm vào đó lại còn những món đang cầm cố, cộng thêm khoản chịu lãi ở cửa hiệu cầm đồ: đồng hồ 5,50 đôla; áo khoác ngoài, 5 đôla; xe đạp, 7,75 đôla; bộ com-lê 5,5 đôla (lãi 60%; nhưng điều đó có hề chi?), tổng cộng là 56,10 đôla – gã nhìn thấy dường như là rất rõ trong khoảng không trước mắt gã, những con số sáng ngời, tổng số tiền nợ và số tiền trừ đi còn lại là 43,90 đôla. Khi gã đã trang trải hết nợ rồi, lấy lại những đồ đem cầm, thì trong túi gã vẫn còn rủng rỉnh như một ông hoàng với 43,90 đôla. Và hơn nữa, gã đã trả trước một tháng tiền thuê phòng và tiền thuê máy chữ.

Gã rút ở phong bì ra một bức thư đánh máy trên một mảnh giấy và mở ra. Không có một tấm ngân phiếu nào cả. Gã nhìn vào trong phong bì, giờ nó lên ánh sáng, nhưng gã không thể tin ở mắt mình, run run, vội vã gã xé chiếc phong bì ra. Không có một tấm ngân phiếu nào cả. Gã đọc bức thư, đọc lướt đi dòng nợ qua dòng kia, đọc lướt qua lời khen ngợi của ông chủ bút về truyện ngắn của gã, tìm chỗ cốt yếu của bức thư xem sao không có ngân phiếu gửi kèm theo. Gã không thấy đoạn nào trong bức thư nói về điều đó, nhưng gã lại thấy một câu làm cho gã bỗng nhiên xiu đi. Bức thư

tuột khỏi tay. Mắt gã tối sầm lại, gã nằm vật xuống kéo chăn lên đắp kín tới cằm.

Năm đôla truyện “Tiếng chuông,” - Năm đôla năm ngàn từ! Đáng lẽ hai xu một từ hóa ra mười từ một xu! Ấy là thằng cha chủ bút còn khen đấy! Sau khi truyện được đăng gã sẽ nhận được ngân phiếu. Toàn là những truyện hảo huyền cả, nào là ít nhất hai xu một từ, nào là được tiền ngay khi tòa soạn nhận đăng. Đó là một điều dối trá, có lẽ không bao giờ gã viết cả, và gã đã đi làm – đi làm cho Ruth, gã nhớ lại ngày đầu tiên gã thử viết và gã kinh hãi thấy cái khoảng thời gian bỏ phí thật là ghê tởm - tất cả chỉ để được mười từ một xu. Và tất cả những món tiền nhuận bút cao khác của những nhà văn, mà gã đã đọc thấy, ắt hẳn cũng chỉ là những điều dối trá. Những lời gã nghe đồn về nghề văn cũng đều là sai cả, vì đây là một chứng cứ.

“Xuyên lục địa nguyệt san,” giá bán hơn hai mươi năm xu một tờ, cái bìa ngoài sang trọng, trình bày mỹ thuật chứng tỏ nó là một trong những tạp chí loại nhất. Đó là một tạp chí đứng đắn, có tín nhiệm, liên tục xuất bản từ lâu, từ trước khi gã ra đời. Đúng thế, ở ngay bìa ngoài có in những lời của một trong những nhà văn lớn của thế giới, những lời nói lên cái sứ mệnh thiêng liêng của tờ “Xuyên lục địa nguyệt san,” những lời nói của một ngôi sao của nền văn học mà những tia sáng rực rỡ đầu tiên đã xuất hiện ngay ở bên trong tờ bìa. Ấy thế mà cái tờ nguyệt san cao quý giữ cái sứ mệnh thiêng liêng Thượng đế trao cho ấy lại chỉ trả có năm đôla năm ngàn từ! Thế thì – Martin nhớ lại – câu chuyện nhà văn lớn mới chết gần đây, nơi đất khách quê người trong cảnh khốn cùng cũng chẳng phải là chuyện gì đáng ngạc nhiên, cứ xem cái số tiền hậu hĩ mà các tác giả nhận được thì đủ rõ.

Phải, gã đã bị mắc mòi: tờ báo hàng ngày đã dối trá về các nhà văn và tiền nhuận bút của họ; và gã đã phải mất hai năm trời để làm công việc đó. Nhưng bây giờ gã sẽ gỡ ra. Gã sẽ không viết một dòng nào nữa. Gã sẽ làm cái mà Ruth muốn gã làm, cái mà mọi người muốn gã làm: kiếm công việc làm ăn. Ý nghĩ đi làm khiến gã nhớ tới Joe – Joe, con người đã từng lang thang khắp mảnh đất của vô công rồi nghề. Martin thở dài thêm muốn. Cái phản ứng của bao nhiêu ngày, mỗi ngày cặm cui mười chín tiếng đồng hồ thật là mạnh trong con người gã. Nhưng mà Joe có yêu cầu, có trách nhiệm

gì đối với tình yêu đầu, và có thể lang thang khắp mảnh đất của vô công rồi nghề được. Còn gã, Martin, gã còn cái để vì nó mà làm việc và nhất định gã sẽ đi làm. Sớm mai, gã sẽ đi tìm việc. Gã sẽ để cho Ruth biết gã đã sửa lại đường đi của gã và gã vui lòng vào làm việc ở phòng luật sư của cha nàng.

Năm đôla cho năm ngàn từ, mười từ một xu, đó là cái giá thị trường cho nghệ thuật. Nỗi thất vọng, sự dối trá, sự sỉ nhục về cái giá đó choán ngợp trí óc gã. Dưới đôi mắt nhắm nghiền con số 3,85 đôla nợ lão chủ hàng thực phẩm rừng rục thành những con số bốc lửa. Gã rùng mình, gã thấy đau nhói trong xương, nhất là sống lưng thì đau dữ dội. Đầu gã đau buốt, nhất là đỉnh đầu, cả phía sau nữa, cả bộ não ở bên trong cũng đau và hình như nó đang sung tấy lên, ở chỗ lông mày thì nhức không thể chịu nổi. Phía dưới lông mày, bên trong mi mắt, sừng sững con số tàn nhẫn 3,85 đôla. Gã mở mắt ra để trốn thoát nó, nhưng ánh sáng chói chang của căn phòng hình như muốn xé con người gã, buộc gã phải nhắm mắt lại, con số 3,85 đôla lại sừng sững hiện về.

Năm đôla cho năm ngàn từ, mười từ một xu. Ý nghĩ kỳ quặc ấy cứ bám riết lấy trí óc gã, gã không thể nào trốn thoát được nó cũng như gã không thể nào trốn thoát con số 3,85 đôla dưới mi mắt gã. Con số này, bỗng hình như có thay đổi, và gã tò mò theo dõi cho đến khi con số 2 đôla sáng rực lên thay thế cho nó. A, gã nghĩ, đây là khoản nợ thằng cha hàng bánh đây, số tiền tiếp theo hiện ra là 2,50 đôla. Nó làm cho gã luống cuống, gã suy nghĩ miên man dường như cái sống và cái chết đang lơ lửng trên lời giải đáp! Gã có nợ của ai 2,50 đôla, chắc chắn là có, nhưng ai? Tìm cho ra là nhiệm vụ mà cả cái thế gian độc ác và hách dịch này bắt gã phải làm; gã lang thang qua khắp tất cả những dãy hành lang dài vô tận của trí óc, mở toang tất cả những căn phòng chứa những đồ công kênh tạp nhạp, những góc ngách chòng chát ký ức và tri thức hỗn độn, nhưng tìm mãi vẫn không thấy lời giải đáp. Sau bao thế kỷ tìm tòi, tự nhiên nó lại đến với gã dễ dàng, không cần mất một chút cố gắng nào; người đó là Maria. Bất yên tâm, gã lại để tâm hồn quay về với tấm màn giầy vò gã bên trong mi mắt. Gã đã giải đáp được rồi, bây giờ gã có thể nghỉ ngơi. Nhưng không, con số 2,5 đôla mờ dần và thay thế vào đó, cháy rực lên con số 8 đôla. Ai nhỉ? Ấy thế là gã, lại phải làm một cuộc đi vòng khùng khiếp nữa trong trí óc để tìm cho ra.

Đi tìm như thế mất bao lâu, gã không biết nữa, chỉ biết sau một thời gian dường như dài ghê gớm, gã bừng tỉnh bởi tiếng gõ cửa, và tiếng Maria hỏi có phải gã ốm không. Gã trả lời là gã không ốm, chỉ đang ngủ trưa thôi, giọng nói của gã bị nghẹt, lạc hẳn đi đến nỗi gã không nhận ra được nữa. Gã ngạc nhiên thấy căn phòng tối đen. Lúc gã nhận được thư mới hai giờ trưa, bây giờ gã mới biết là mình đang ốm.

Thế rồi con số 8 đô la lại âm ỉ cháy dưới mi mắt, gã lại quay lại con đường khổ cực. Nhưng gã đã khôn ngoan hơn. Gã không cần phải lang thang khắp trí óc mình mãi làm gì. Gã đã là một thằng điên. Gã kéo cái đòn bẩy và bắt trí óc gã quay vòng xung quanh gã, cái bánh xe khủng khiếp của số mệnh, đu quay của ký ức, cuộc vận hành của trí tuệ. Nó cứ quay ngày càng nhanh cho đến khi cơn lốc qua những vực thẳm hỗn độn đen ngòm.

Tự nhiên, gã thấy mình đứng ở chỗ máy giặt đang tổng những cổ tay áo sơ mi đã hồ vào máy. Nhưng trong khi làm gã thấy những con số in trên những cổ tay áo ấy. Đây là một kiểu đánh dấu mới vào quần áo đưa giặt đây, gã nghĩ thế. Nhìn kỹ hơn, gã thấy con số 3,85 đôla trên một cổ tay áo. Gã chợt nhớ ra đó là khoản nợ lão chủ hàng thực phẩm, và tất cả những cổ tay áo này là những giấy biên nợ đang bay quanh cái thùng hình trụ của máy giặt. Một ý nghĩ ranh mãnh đến với gã. Gã sẽ ném tất cả những giấy biên nợ này xuống bàn và thế là gã thoát không phải trả, nghĩ thế gã làm luôn, gã hẳn học vò nhàu tất cả những cổ tay áo và ném chúng nó xuống bàn bần một cách kinh khủng. Đồng giấy nợ cứ cao ùn ùn lên, và tuy mỗi tờ lại được sao thành hàng ngàn hàng vạn bản, gã chỉ thấy có một tờ trên đó ghi số tiền 2,5 đôla, số tiền gã nợ Maria. Thế có nghĩa là Maria không thúc gã phải trả và gã quyết định một cách rất cao thượng đây là món nợ độc nhất gã sẽ trả, và thế là gã bắt đầu lục lợi khắp đồng giấy vớt ngổn ngang để tìm tờ giấy biên nợ Maria. Gã tìm một cách tuyệt vọng, tìm hàng thế kỷ, gã vẫn đang tìm thì lão quản lý khách sạn bước vào, thằng cha người Hà Lan béo phì, mặt bừng bừng giận dữ, lão quát tháo, tiếng oang oang dội vào vũ trụ: “Tao sẽ khấu lương của mày để đền vào những cổ tay áo này.” Đồng cổ tay áo chất lên như núi và Martin biết rằng gã sẽ phải làm việc cực khổ hàng ngàn năm mới trả hết được tiền đền. Đúng rồi, chỉ còn mỗi một cách là giết lão quản lý và đốt cái xưởng giặt này ra tro. Nhưng thằng cha người Hà Lan béo phì đã làm mưu toan của gã thất bại, lão nắm lấy gáy gã, nhắc gã lên dìm xuống. Lão tung gã qua những cái bàn để là, qua cái lò lửa, qua cái máy giặt, vào trong buồng, qua cái máy vắt, qua cái chậu giặt. Gã cứ bị tung lên như thế cho đến khi rằng gã va vào nhau lập cập, đầu gối nhúc nhối, và gã lấy làm lạ không hiểu sao thằng cha Hà Lan này lại khỏe đến thế.

Và rồi gã lại thấy mình đứng bên máy giặt, lần này gã nhận những cổ tay áo do một lão chủ bút tổng vào từ đầu máy bên kia. Mỗi cái là một ngân phiếu, Martin nhìn chúng một cách lo âu, trong cơn sốt cao đợi chờ, nhưng chúng đều để trắng cả. Gã đứng đó và nhận những tám ngân phiếu để trắng ấy một vạn năm hay khoảng thế, không để sót một tấm nào sợ rằng người ra sẽ đem ghi đầy vào đó. Cuối cùng, gã tìm thấy ngón tay run run giờ nó lên

ánh sáng. Năm đôla. “Ha, hà,” tên chủ bút ở đầu máy bên kia cười lớn. “Được, tao sẽ giết mày,” Martin nói. Gã chạy vào buồng giặt để lấy cái riu và trông thấy Joe đang hồ những bản thảo. Gã bắt Joe phải ngừng tay, ném cái riu cho anh ta. Nhưng cái riu cứ lơ lửng trong không khí và Martin lại thấy mình quay về buồng là quần áo, trong cơn bão tuyết. Không, không phải là tuyết rơi mà là những tấm ngân phiếu ghi những số tiền khổng lồ, số nhỏ nhất cũng không kém một ngàn đôla. Gã bắt đầu thu nhặt chúng lại, phân loại ra thành từng gói một trăm tấm một, mỗi gói lại lấy dây buộc thật chặt.

Vừa làm gã vừa ngược mắt nhìn lên, thấy Joe đứng trước mặt đang làm trò tung hứng nhưng chiếc bàn là, những cái áo sơ mi đã hồ rồi và những bản thảo. Thình thoảng, Joe lại chạy ra ngoài tung thêm một bộ những tấm ngân phiếu vào cái đám hỗn độn đang bay bổng qua mái nhà và mất hút trong cái vòng khùng khiếp. Martin xô lại đánh Joe, nhưng Joe đã nắm lấy cái riu và ném nó vào cái vòng đang bay kia. Rồi Joe túm chặt lấy Martin tung gã vào đó. Martin bay bổng qua mái nhà, gã vợ lấy những tập bản thảo, lúc quay về, gã ôm đầy một tay. Nhưng vừa xuống đến đất gã lại bị tung bổng lên, một lần, hai lần, ba lần, hằng hà sa số lần, gã cứ bay vòng, bay vòng trong cái vòng ấy. Từ ở nơi xa xôi, gã nghe thấy tiếng lanh lảnh của trẻ con hát: “Willi, Willi, hãy cùng ta lại nhảy một điệu waltz, một điệu waltz.”

Gã lấy lại được cái riu giữa dòng sông Ngân Hà những ngân phiếu, những chiếc áo sơ mi đã hồ xong và những tập bản thảo, gã chuẩn bị lúc trở xuống sẽ giết Joe. Nhưng gã không trở xuống. Vào lúc hai giờ sáng qua tấm vách mỏng nghe thấy tiếng gã rên rỉ, Maria chạy sang, chị đặt những chiếc bàn là nóng sát vào người gã và đắp khăn ướt lên cặp mắt đau nhói của gã.

[73]. Azores: một vùng ở phía bắc Đại Tây Dương, gần Bồ Đào Nha.

[74]. Maui: hòn đảo lớn thứ hai trong quần đảo Hawaii.

[75]. Kahului: một hải cảng phía tây bắc đảo Maui.

[76]. Wailuku: thủ phủ của đảo Maui.

[77]. Một tỉnh nhỏ ở California.

CHƯƠNG 26

Sáng hôm đó, Martin Eden không đi tìm việc. Mãi đến gần chiều gã mới dứt cơn mê sảng, gã đưa cặp mắt nhúc nhối nhìn quanh phòng. Mary, một đứa trong lũ con của Maria Silva lên tám tuổi, đang ngồi trông nom gã; thấy gã hồi tỉnh lại, nó rú lên. Maria đang ở bếp vội chạy vào. Chị đặt bàn tay đầy chai lên trán nóng rùng rục của gã và bắt mạch.

“Cậu muốn ăn không?” Chị hỏi.

Gã lắc đầu. Gã không thấy thèm ăn chút nào, và gã tự hỏi trong đời gã có lúc nào gã thấy đói không.

“Tôi ốm, chị Maria ạ.” Tiếng gã nói yếu ớt. “Bệnh gì thế nhỉ? Chị có biết không?”

“Cúm đấy!” Maria trả lời. “Chỉ một, hai ngày rồi lại khoẻ thôi. Bây giờ đừng ăn thì hơn. Rồi tha hồ ăn, có thể là mai sẽ ăn được.”

Martin không quen với ốm đau, khi Maria và cháu nhỏ ra khỏi phòng, gã cố gượng dậy mặc quần áo. Với một ý chí mãnh liệt, tuy đầu óc vẫn còn choáng váng, mắt vẫn còn nhúc nhối không mở ra được, gã cố lê ra giường chỉ để đứng chết lạng đi bên bàn làm việc, giác quan như tê liệt. Nửa giờ sau, gã cố quay được về giường, và gã đành phải nằm xuống, nhắm nghiền mắt lại, phân tích bệnh trạng của mình và những cơn đau khắp mình mẩy. Lúc lúc, Maria lại vào để thay cái khăn đắp nước lạnh trên trán gã. Còn chị để cho gã nằm yên, khéo léo không hỏi chuyện, sợ làm gã bức dọc. Điều đó làm cho Martin cảm động, thầm biết ơn và gã khẽ nói một mình: “Maria, chị sẽ có một trại bò sữa, chắc chắn là có, chắc chắn như vậy.”

Rồi gã nhớ lại tất cả cái quá khứ ngày hôm qua đã bị chôn vùi từ lâu. Hình như có cả một quãng đời đã trôi qua từ lúc gã nhận được bức thư của tờ Xuyên lục địa nguyệt san: cả một quãng đời đã trôi qua từ lúc mọi chuyện thế là kết thúc và một trang mới đã mở ra. Gã đã dốc sức, dốc hết sức và bây giờ thì gã bị gục, nằm xuống ở đây. Nếu gã không tự để mình chết đói, thì bệnh cúm đã chẳng có thể tấn công được gã thế này. Gã đã bị đánh gục và không còn đủ sức mạnh để đẩy lùi mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể. Kết quả là như thế này đây.

“Viết sách chứa đầy một thư viện để rồi mà chết thì phỏng được cái lợi gì?” Gã hỏi to. “Đây không phải là chỗ đứng của ta. Ta không dính vào

chuyện văn chương nữa. Chỗ của ta là phòng kế toán, là sổ sách chi thu, là đồng lương hàng tháng và một căn nhà nhỏ với Ruth.”

Hai hôm sau, sau khi ăn hết một quả trứng, hai khoanh bánh nướng và uống một tách trà, gã đòi Maria cho xem thư từ của gã, nhưng mắt gã còn đau quá chưa thể đọc được.

“Chị đọc dùm tôi, chị Maria,” gã nói. “Đừng đọc những bức thư lớn, dày. Vứt chúng xuống gầm bàn ấy, chị đọc những bức nhỏ thôi.”

“Tôi không biết đọc. Cháu Teresa, nó đi học, nó đọc được đấy.”

Và thế là Teresa Silva, con bé chín tuổi, mở những bức thư ra và đọc cho gã nghe. Gã lơ đãng nghe bức thư đòi nợ dài dằng dặc của hiệu cho thuê máy chữ, óc gã còn đương bàn phương tính kế kiếm việc làm. Bỗng gã tỉnh hẳn người.

“Chúng tôi xin trả 40 đô la tiền nhuận bút về chuyện đăng nhiều kỳ của ông.” Cháu Teresa đánh vần, đọc thông thả, “với điều kiện là ông cho phép sửa một vài đoạn mà chúng tôi đề nghị.”

“Tập chí nào thế?” Martin hét to. “Đưa cho chú xem nào?”

Bây giờ mắt gã có thể nhìn để đọc, gã không thấy lúc đọc nó vẫn đau nhức nhối. Tờ “Con chuột bạch” đã đề nghị trả gã 40 đô la, và truyện ngắn đó là “Cơn lốc,” một trong những truyện rừng rợn đầu tay của gã. Gã đọc đi đọc lại bức thư. Người chủ bút nói thẳng cho gã biết là gã xử lý đề tài chưa tốt lắm, nhưng chính do đề tài của truyện mà họ ưng mua, vì nó độc đáo. Nếu gã đồng ý cho cắt bớt một phần ba, họ sẽ nhận đăng và gửi trả gã ngay 40 đô la khi nhận được thư trả lời.

Gã đòi lấy bút và mực, trả lời người chủ bút rằng nếu muốn, ông ta có thể cắt cả ba phần ba đi cũng được và đề nghị gửi ngay số tiền 40 đô la.

Khi Teresa đã đem bỏ thư vào thùng, Martin lại nằm xuống suy nghĩ: “Vây cuối cùng cũng không phải là một điều dối trá.” Tờ “Con chuột bạch” trả tiền ngay khi nhận đăng. Truyện “Cơn lốc” dài ba nghìn từ, cắt đi một phần ba, còn lại hai ngàn. Trả bốn mươi đô la, như vậy là hai xu một từ. Trả tiền ngay và hai xu một từ, những tờ báo hàng ngày đã nói thật. Thế mà trước gã vẫn cứ nghĩ tờ “Con chuột bạch” là thuộc loại báo hạng ba. Đúng là gã chưa hiểu nhiều về các tạp chí. Gã vẫn cứ cho tờ Xuyên lục địa nguyệt san là tạp chí loại nhất, ấy thế mà nó chỉ trả gã mười từ một xu. Gã vẫn liệt

tờ “Con chuột bạch,” vào loại xoàng, nó lại trả gã gấp hai mươi lần hơn tờ Xuyên lục địa nguyệt san, mà lại trả tiền ngay khi nhận đăng.

Ồ, có một điều chắc chắn là khi khỏi gã sẽ không đi kiếm việc nữa. Trong óc gã còn nhiều truyện hay chẳng kém gì “Con lóc”; cứ tính 40 đô la một truyện, gã có thể kiếm được nhiều tiền hơn bất cứ một công việc hay một chức vụ nào khác. Đúng vào lúc gã nghĩ cuộc chiến đấu đã thất bại thì nó lại thắng lợi. Gã đã được thử thách và thành công trên con đường sự nghiệp của mình. Đường đi đã rõ ràng. Bắt đầu bằng tờ “Con chuột bạch,” rồi đây, ngày càng có nhiều tạp chí được xếp vào danh sách những người đỡ đầu của gã. Gã sẽ thôi không viết những bài lật vặt nữa. Nó chỉ làm mất thì giờ vì chẳng mang lại cho gã được đồng nào. Gã sẽ dốc hết tâm lực để làm việc, viết những tác phẩm tốt, viết ra tất cả những gì hay nhất chứa chất trong trí óc. Gã mong giá có Ruth ở đây lúc này để cùng chia sẻ niềm vui; và khi gã giở hết tập thư còn lại ở trên giường, gã thấy có một bức thư của nàng. Nàng trách gã một cách nhẹ nhàng, không hiểu có cái gì đã làm gã xa nàng một thời gian dài ghê gớm như thế. Gã âu yếm đọc đi đọc lại bức thư, ngắm nhìn nét chữ của nàng, yêu từng nét viết của nàng và, cuối cùng hôn lên chữ ký.

Khi gã viết thư trả lời, không giữ gìn ý tứ gì, gã nói cho nàng biết là đã lâu lắm gã không dám đến gặp nàng vì bộ quần áo sang trọng nhất của gã, đã bị đem cầm. Gã cũng kể cho nàng biết gã bị ốm nhưng hiện nay đã gần khỏi và chỉ trong khoảng mười ngày hay hai tuần lễ (khoảng thời gian từ lúc gã gửi thư đi New York City đến lúc có thư trả lời) gã sẽ chuộc lại quần áo và đến thăm nàng.

Nhưng Ruth không muốn phải đợi đến mười ngày hay hai tuần lễ. Hơn nữa, người yêu của nàng lại đang ốm. Chiều hôm sau, có Arthur đi kèm, nàng đến thăm gã bằng xe ngựa riêng của gia đình; lũ con nhà Silvas và bày trẻ ở phố thích quá, còn Maria thì ngạc nhiên quá đỗi. Chị bộp tai lũ con cái cứ đứng vây chặt lấy hai người khách lạ ở chỗ cổng đằng trước hẹp tanh tanh, và bằng một thứ tiếng Anh nói sai kinh khủng hơn lúc thường, chị cứ xin lỗi đi xin lỗi lại mãi vì cái bề ngoài của chị. Tay áo vén ngược lên, chỗ cánh tay để trần toàn bọt xà phòng, một mảnh khó tả ướm buộc ngang lưng nói lên rất rõ công việc chị đang làm trước mặt hai người trẻ tuổi sang trọng

đến hỏi người ở trọ nhà chị, chị quên cả mời họ ngồi xuống trong cái phòng khách nhỏ xíu của chị. Muốn vào phòng Martin, họ phải đi qua nhà bếp nóng rùng rục, ẩm ướt, hơi bốc mùi mịt vì đang giặt giũ ngổn ngang. Martin trong lúc hồi hả đem đóng ập cánh cửa buồng và cánh cửa tủ vào với nhau, và trong năm phút đồng hồ qua cánh cửa để mở, hơi nước, mùi xà phòng, mùi rác rưởi ủa vào phòng người ốm.

Ruth khéo lách mình sang phải, sang trái rồi lại sang phải, đi dọc theo cái quãng chật hẹp giữa bàn và giường đến bên Martin. Nhưng Arthur thì hết va cái nọ lại chạm vào cái kia, đụng vào những xoong, chảo kêu loảng xoảng ở góc phòng nơi Martin nấu nướng. Arthur không ở lại lâu trong phòng. Ruth đã ngồi xuống cái ghế độc nhất rồi. Sau khi làm xong nhiệm vụ của mình, anh ta bước ra ngoài, đứng ở cửa giữa, bảy đứa con nhà Silva đang trầm trồ nhìn anh ta như nhìn một cái gì kỳ lạ lắm trong đám xiếc. Bọn trẻ con hàng phố thì vây quanh cái xe ngựa, nóng lòng đợi chờ một cái gì thê thảm khủng khiếp sắp xảy ra. Xe ngựa chỉ đến phố chúng nó vào những dịp có đám cưới hay đám tang, ở đây chẳng có cưới mà cũng chẳng có tang, thế thì hẳn có chuyện gì hay ho đặc biệt lắm, đáng mất công chờ xem.

Martin sung sướng điên người khi được gặp Ruth. Bản chất gã là một người khao khát tình yêu, gã giàu tình cảm hơn bất cứ một người bình thường nào. Gã thêm khát tình cảm, đối với gã, tình cảm là sự cảm thông về tinh thần, nhưng gã vẫn chưa thấy rõ tình cảm của Ruth chỉ là đa cảm, chỉ là lịch thiệp xuất phát từ bản chất dịu dàng nhiều hơn từ sự hiểu biết thấu đáo đối tượng nàng yêu. Vì thế khi Martin cầm tay nàng sung sướng trò chuyện thì tình yêu của nàng đối với gã đã thúc giục nàng nắm lấy tay gã, mắt nàng rung rung và ánh lên khi nhìn thấy cảnh thiếu thốn của gã, những dấu vết của chịu đựng hằn trên khuôn mặt gã.

Nhưng khi gã kể lại cho nàng nghe về hai bức thư nhận đăng bài, về nỗi thất vọng của gã khi nhận được thư của tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” và nỗi vui sướng đổi lại khi nhận được thư của tờ “Con chuột bạch” thì nàng không để ý nghe. Nàng nghe rõ những lời gã nói, và hiểu nghĩa từng từ, nhưng nàng không cùng chia sẻ với gã niềm thất vọng cũng như niềm vui sướng. Nàng không thể nào thoát ra khỏi con người mình được. Nàng không để tâm gì đến việc bán tác phẩm cho các tạp chí. Hôn nhân mới là

điều quan trọng đối với nàng. Tuy nhiên, chính nàng cũng không nhận thức thấy điều đó cũng như nàng không nhận thức thấy lòng mong muốn Martin có một chức vụ chính là sự thôi thúc bản năng chuẩn bị làm mẹ. Nếu có ai nói thẳng, nói rõ ra thì hẳn nàng sẽ đỏ mặt, rồi có thể sẽ phẫn nộ và cãi lại rằng điều quan tâm duy nhất của nàng là người mà nàng yêu, và nàng chỉ ao ước sao cho người đó phát huy hết tài năng. Vì thế trong khi Martin thổ lộ nỗi lòng, hân hoan với thắng lợi đầu tiên mà những tác phẩm chọn lọc của gã đã được tiếp nhận cuộc đời thì nàng chỉ để ý tới những từ trần trụi, lúc lúc lại đưa mắt nhìn quanh căn phòng, phát kinh lên vì những cái nàng nhìn thấy.

Lần đầu tiên Ruth nhìn rõ bộ mặt nhợt nhúa của nghèo khổ. Đối với nàng, những người tình đói khổ hình như bao giờ cũng lãnh mạn, nhưng những người tình đói khổ ấy sống ra sao thì thật nàng không có một ý niệm nào cả. Nàng chưa bao giờ tưởng tượng được nó lại có thể như thế này. Nàng cứ đưa mắt nhìn từ căn phòng đến gã rồi lại từ gã tới căn phòng. Mùi quần áo bẩn bốc hơi theo nàng từ bếp vào thật buồn nôn. Nàng cho rằng nếu con mụ gớm ghiếc kia mà cứ giặt liên miên, thì nhất định cái mùi ấy phải thấm vào da thịt Martin, sự lây lan của sa đọa là thế đấy. Khi nhìn Martin, nàng tưởng như nhìn thấy tất cả những cái bẩn thỉu của mọi vật chung quanh in vết lên người gã. Chưa bao giờ nàng thấy gã, lúc chưa cạo mặt: râu ria gã lởm chởm ba ngày chưa cạo, làm nàng phát ốm. Không những nó làm cho gã trông tối tăm bẩn thỉu chẳng khác gì căn nhà của mụ Silva, bẩn từ ngoài vào trong mà như còn làm lộ rõ sức mạnh thú vật của gã, cái mà nàng không thích. Và giờ đây, vững tâm trong sự điên rồ của mình vì hai bức thư nhận đăng bài mà gã rất kiêu hãnh kể cho nàng nghe. Giá nó chỉ đến chậm ít lâu nữa thì gã đã phải đầu hàng và đi làm. Bây giờ thì gã vẫn cứ tiếp tục sống trong cái nhà kinh khiếp này, viết lách và chết đói dần thêm vài tháng nữa.

“Mùi gì thế nhỉ?” Nàng bỗng hỏi.

“Chắc là mùi quần áo giặt của chị Maria đấy, anh quen với những mùi ấy lắm rồi.”

“Không, không, không phải mùi ấy. Mùi gì khác cơ. Mùi mốc buồn nôn lắm, ôi thôi, tôm lợm!”

Martin hít hít không khí trước khi trả lời.

“Anh chả ngửi thấy mùi gì khác cả, chỉ có mùi khói thuốc lá mốc thôi.”

“Đúng rồi, kinh quá. Tại sao anh hút nhiều thế, Martin?”

“Anh cũng chẳng hiểu tại sao, có điều là lúc nào có một mình anh lại càng hút nhiều. Đó cũng là một thói quen từ lâu, từ ngày anh còn ít tuổi.”

“Thói quen ấy chẳng hay ho gì, anh biết đấy. Ngửi mùi kinh lắm.”

“Đấy là tại thuốc. Anh chỉ có thể mua loại rẻ tiền nhất. Để đến khi nào lĩnh cái ngân phiếu 40 đô la, anh sẽ hút loại thuốc mà ngay cả đến tiền ngửi cũng thấy dễ chịu. Nhưng cứ kể trong ba ngày mà nhận được hai bức thư liền thế này thì cũng không phải là tồi em nhỉ? Với bốn mươi nhăm đô la này, đủ để anh trả hết nợ.”

“Công hai năm trời làm việc?” Nàng hỏi.

“Không, không đầy một tuần lễ. Em làm ơn đưa cho anh quyển sách ở góc bàn đằng kia, quyển sổ ghi bìa xám ấy.” Anh mở sổ ra và ghi nhanh, “Đúng, anh nói đúng: “Tiếng chuông” bốn ngày, “Cơn lốc” hai ngày. Làm việc một tuần lễ được bốn mươi đô la; một tháng một trăm tám mươi đô la. Nó vượt mọi số lương anh có thể kiếm được. Hơn nữa, đây cũng mới chỉ là bắt đầu. Rồi đây, một ngàn đô la mỗi tháng để mua cho em tất cả những cái mà anh muốn em có cũng không phải là quá nhiều. Lương năm trăm đô la một tháng sẽ là quá ít. Bốn mươi nhăm đô la này chỉ là bước khởi động. Em hãy đợi anh ổn định. Rồi em sẽ thấy “khói” của anh.”

Ruth hiểu nhầm tiếng lóng ấy, nên quay lại chuyện thuốc lá.

“Anh hút thế này là nhiều quá đấy. Hút loại thuốc gì thì cũng vậy. Bản thân việc hút thuốc lá là không hay, không kể hút thuốc loại gì. Anh là một cái ống khói, một núi lửa đang phun, một ống khói tàu di chuyển thật là sa đoạ, Martin thân yêu, anh biết đấy!”

Nàng ngả người về phía gã, ánh mắt cầu khẩn. Nhìn khuôn mặt thanh tú và đôi mắt trong sáng của nàng, gã lại cảm thấy như trước đây, tất cả sự không xứng đáng của mình.

“Em muốn anh đừng hút nữa,” nàng thì thầm, “đừng hút nữa, vì... em.”

“Được, anh sẽ thôi không hút nữa,” gã nói to. “Anh sẽ làm tất cả những gì mà em muốn, tất cả, em thân yêu, em biết đấy.”

Một ý định táo bạo choán lấy nàng. Nàng nhìn thấy rất rõ khía cạnh rộng rãi, phóng khoáng trong bản chất của gã và nàng cảm thấy chắc chắn rằng nếu như nàng yêu cầu gã thôi không viết nữa, gã cũng sẽ làm cho nàng vui lòng. Trong một giây phút thoáng qua, những lời ấy run run trên môi nàng. Nhưng nàng không thốt ra được. Nàng không đủ can đảm, nàng không dám, nàng chỉ ngả người sát vào gã, trong cánh tay gã, nàng thì thầm:

“Anh biết đấy, thực ra không phải vì em, Martin à, mà chính vì anh. Em dám chắc chắc hút thuốc lá có hại cho anh. Và lại chẳng tốt đẹp gì khi phải làm nô lệ cho bất cứ một cái gì. Nhất là làm nô lệ cho một chất ma túy thì lại càng tồi tệ.”

“Anh sẽ mãi mãi là nô lệ của em,” gã mỉm cười.

“Nếu thế, thì em sẽ bắt đầu ra lệnh”

Nàng nhìn gã ranh mãnh, nhưng trong thâm tâm nàng thấy tiếc đã không đả động tới yêu cầu lớn nhất của mình.

“Tâu Nữ hoàng, tôi sống chỉ là để tuân lệnh.”

“Được, thế thì lệnh thứ nhất là: hàng ngày người không được quên cạo râu. Anh xem, râu của anh làm xước cả má em đây này.”

Và thế là câu chuyện kết thúc bằng những cái vuốt ve, những tiếng cười yêu đương. Nhưng nàng đã đạt được một điểm, nàng cũng không mong có thể đạt được nhiều hơn nữa trong một lúc. Nàng cảm thấy niềm kiêu hãnh của một người đàn bà ở chỗ đã bắt được gã bỏ thuốc lá. Lần khác, nàng sẽ thuyết phục gã phải kiếm một chức vụ gì, anh ấy chẳng nói là sẽ làm tất cả những gì nàng muốn đấy ư?

Nàng rời gã đứng dậy đi thăm khắp căn phòng, xem kỹ những mẫu giấy ghi ở dây phơi quần áo trên đầu, tìm hiểu bí mật của cái móc treo xe đạp trên trần nhà, buồn rầu nhìn tập bản thảo chất đống dưới gầm bàn, chứng tỏ Martin đã lãng phí bao thời gian. Nàng rất thích cái bếp dầu, nhưng nhìn lên cái giá để thức ăn nàng thấy nó trống trơn.

“Sao, anh không có gì ăn à, tội nghiệp!” Nàng nói giọng thương cảm dịu dàng. “Anh đến chết đói mất.”

“Anh cất nhờ ở chạn trong bếp của chị Maria,” gã nói dối. “Đề đây tốt hơn, lo gì có chuyện chết đói. Em nhìn đây này?”

Nàng đã quay lại bên gã và thấy gã co gập cánh tay vào, bóp thịt cuộn cuộn dưới tay áo sơ mi nổi lên thành một cái u to và rắn chắc. Nàng trông mà phát khiếp. Về mặt tình cảm, nàng không thích nó. Nhưng máu nàng, từng mạch máu, từng đường gân thớ thịt của nàng lại yêu nó, thêm muốn nó, và cũng như trước đây, không sao giải thích được, nàng cứ ngả người vào gã chứ không lùi ra xa. Những giây phút tiếp theo đó, khi gã ghì chặt nàng trong cánh tay; óc nàng với những ý niệm rất nông cạn về cuộc sống thì phản kháng mãnh liệt, nhưng tim nàng, người đàn bà trong nàng đang háo hức với cuộc sống thì lại rộn lên chiến thắng. Chính trong những giây phút như thế, nàng cảm thấy tất cả sự lớn lao vô cùng tận của tình yêu của nàng đối với Martin. Đối với nàng, gần như là một khoái cảm ngây ngất khi đôi cánh tay rắn chắc của gã, ghì chặt lấy nàng, làm cho nàng đau lên vì sự cuồng nhiệt của nó. Chính trong những lúc ấy nàng đã thấy những lý lẽ để bào chữa tại sao nàng đã phản bội giai cấp mình, đã vi phạm những lý tưởng cao cả của mình và nhất là đã ngấm ngấm không nghe lời bố mẹ. Bố mẹ nàng không muốn nàng lấy con người này. Họ rất kinh ngạc khi thấy nàng lại có thể yêu con người này được; nhiều khi chính nàng cũng kinh ngạc, những lúc nàng xa gã và trở về với con người bình tĩnh biết suy luận trong nàng. Nhưng ở bên gã thì nàng lại yêu gã - thực ra, có nhiều lúc đó là một mối tình khó chịu, bức bối, nhưng đó là tình yêu, một tình yêu mạnh mẽ hơn chính nàng.

“Bệnh cúm này thì ăn thua gì?” Gã nói. “Chỉ đau người và nhức đầu qua loa, thấm vào đầu với những trận sốt kinh khủng rồi rời xương cốt.”

“Anh cũng đã từng bị sốt như vậy rồi à?” Nàng lơ đãng hỏi, óc đang miên man với những lý lẽ bào chữa cho niềm hạnh phúc nàng thấy trong cánh tay gã.

Và cứ như thế, nàng đưa ra những câu hỏi lơ đãng, cho đến lúc chợt một lời nói của gã làm cho nàng giật mình.

Gã đã bị mắc bệnh sốt đó trong một trại bí mật có ba mươi người hủi ở trên một hòn đảo của quần đảo Hawaii.

“Nhưng tại sao anh lại đến đây?” Nàng hỏi.

Sự bừa bãi không giữ mình như vậy dường như là một trọng tội.

“Vì anh không biết,” gã trả lời. “Anh không bao giờ nghĩ là có những người hủi. Khi anh trốn khỏi con thuyền buồm và bơi được vào bờ, anh cứ đi thẳng vào phía trong tìm một chỗ để ẩn náu. Trong ba ngày liền anh toàn ăn vả, táo dại và chuối, những thứ này mọc đầy trong rừng. Đến ngày thứ tư, anh thấy một con đường mòn, một con đường chỉ vừa bước chân đi. Nó dẫn vào đất liền, ngược lên núi. Đó là con đường anh đang muốn đi. Có những dấu vết chứng tỏ có người mới qua lại ở đây. Có một chỗ nó chạy dọc theo đỉnh núi mảnh như lưỡi dao. Con đường mòn hẹp ở trên đỉnh núi rộng chưa đầy ba bộ, hai bên vách núi đổ xuống thành vực sâu thăm thẳm hàng mấy trăm bộ. Một người có đủ vũ khí, có thể giữ được chỗ đó chống lại hàng trăm ngàn người.

Đó là con đường duy nhất dẫn tới chỗ ẩn náu. Ba giờ sau khi thấy con đường, anh đã đến chỗ đó, trong một thung lũng nhỏ trên núi, một cái túi giữa những đỉnh núi phun thạch. Cả khoảng đất đã được san bằng để trồng khoai sọ, có cả những cây ăn quả mọc; có chín, mười túp lều cỏ. Nhưng vừa trông thấy những người ở đó, anh biết ngay anh đã gặp phải những người gì. Thoáng nhìn cũng đủ rõ.

“Rồi anh làm thế nào?” Ruth nín thở hỏi, chăm chú nghe như một nàng Desdemona, kinh hãi và mê say.

“Còn làm gì được. Trưởng trại là một ông già tử tế, bệnh đã khá nặng, nhưng lão cai quản cứ ý như một ông vua. Lão đã khám phá ra cái thung lũng nhỏ này và dựng nên khu trại. Tất cả việc làm ấy đều trái với pháp luật. Nhưng lão có đủ súng ống và rất nhiều đạn dược, những người Kanakas ấy được tập luyện bắn thú dữ và lợn rừng đều là những tay súng cừ. Không. Martin Eden này không còn cách nào trốn thoát được. đành phải ở lại – ba tháng.”

“Nhưng rồi anh làm thế nào mà trốn được?”

“Nếu không có một cô gái, nửa lai Trung hoa, phân tư lại Âu, phân tư lại Hawaii thì có lẽ đến bây giờ anh cũng vẫn còn ở đó. Cô ta rất đẹp và là người có học thức, thật tội nghiệp. Mẹ cô ta ở Honolulu, giàu có bạc triệu. Cuối cùng, cô ấy đã cứu anh ra khỏi trại. Mẹ cô ta đã cấp tiền cho bọn họ xây dựng khu trại này, vì thế cô ta không sợ bị họ trừng phạt về tội để anh trốn đi. Nhưng trước hết cô ấy bắt anh thề không bao giờ được tiết lộ cho ai

biết nơi có khu trại đó. Và anh không hề nói cho ai hay. Đây là lần đầu tiên anh nói ra. Cô gái ấy đã có những triệu chứng đầu tiên của bệnh hủi. Những ngón ở bên tay phải hơi cong lại và trên cánh tay có một chấm nhỏ. Câu chuyện thế đấy. Anh nghĩ bây giờ thì cô ấy đã chết rồi!”

“Thế anh không sợ ư? Thoát khỏi nơi đó, không nhiễm phải cái bệnh kinh khiếp ấy, anh có mừng không?”

“Ồ, anh thú thật, “lúc đầu anh cũng hơi run nhưng rồi về sau quen đi. Và lại, anh cảm thấy thương cô gái tội nghiệp. Điều đó làm cho anh quên cả sợ. Cô ấy đẹp lắm, đẹp cả tâm hồn lẫn vẻ bề ngoài; cô ấy mới chỉ bị nhẹ thôi, ấy thế mà phải đày đọa sống ở đây, sống cuộc sống của một người nguyên thủy man rợ, thói rữa dần mòn. Bệnh hủi kinh khủng lắm, em không thể tưởng tượng nổi đâu.”

“Thật tội nghiệp!” Ruth khẽ lắm bầm. “Thật là một điều kỳ lạ cô ấy đã để cho anh trốn đi.”

“Ý em muốn nói gì?” Martin bất giác hỏi.

“Vì hẳn là cô ấy phải yêu anh,” Ruth nói vẫn nhẹ nhàng. “Yêu một cách chân thực phải không?”

Công việc làm trong xưởng giặt và cuộc sống giữa bốn bức tường đã làm nhạt đi cái màu rám nắng trên khuôn mặt gã, đói khát ồm ồm lại làm cho nó xanh thêm; và trên khuôn mặt xanh xao ấy, máu dần dần dồn lên đỏ ửng. Gã mở miệng nói, nhưng Ruth ngăn lại.

“Không sao, đừng trả lời, không cần thiết anh ạ.” Nàng cười to.

Nhưng đối với gã, tiếng cười ấy hình như có một cái gì lạnh lạnh như tiếng kim khí, và ánh mắt nàng thì rất lạnh lùng. Ngay lúc đó, gã bỗng nhớ lại một trận cuồng phong gã đã gặp ngày nào ở Bắc Thái bình dương. Trong giây lát trận cuồng phong hiện lên rõ ràng trước mắt - một trận cuồng phong về đêm, bầu trời trong sáng, trăng tròn đầy, biển cả mênh mông, lạnh lẽo, lấp lánh dưới ánh trăng. Và rồi gã nhìn thấy cô gái trong trại hủi, nhớ lại chính vì yêu gã mà cô đã để gã đi thoát.

“Cô ta thật cao thượng,” gã nói đơn giản. “Cô ấy đã cho anh cuộc sống.”

Chỉ là một câu chuyện ngẫu nhiên nhưng gã nghe thấy Ruth cố nén một tiếng khóc nức khô khan trong cổ họng và thấy nàng quay mặt đi, nhìn ra

ngoài cửa sổ. Khi nàng quay lại thì nét mặt đã bình tĩnh, không còn một dấu vết gì của trận cuồng phong trong khoé mắt nữa.

“Em thật ngớ ngẩn quá,” nàng rầu rĩ. “Nhưng em không sao ngăn được. Em yêu anh, Martin à, yêu lắm, yêu lắm. Rồi đây em sẽ khoan dung hơn, nhưng bây giờ thì em không thể nào ngăn nổi mình không ghen với những bóng ma ấy của quá khứ. Mà anh biết đấy, quá khứ của anh thì đầy những bóng ma.”

Gã định nói nhưng nàng đã ngăn lại. “Hắn là phải như thế, không thể khác được. Mà anh Arthur tội nghiệp đang ra hiệu cho em lại kia kìa. Anh ấy chờ đến phát ngán lên rồi. Bây giờ thì tạm biệt anh nhé, anh thân yêu.”

“À, mà cửa hàng bào chế, có bán một thứ thuốc để cai thuốc lá đấy anh ạ,” đi ra đến cửa nàng còn ngoái cổ lại nói, “em sẽ gửi cho anh một ít.”

Cửa đã đóng rồi lại mở.

“Em yêu anh, yêu anh lắm,” nàng thì thầm. Và lần này thì nàng mới đi hẳn.

Maria đưa nàng ra xe, đôi mắt chị đầy vẻ chiêm ngưỡng nhưng vẫn rất tỉnh, nhận ra ngay thứ hàng và kiểu may của bộ quần áo của nàng đang mặc (một kiểu may lạ làm tôn vẻ đẹp một cách rất thần bí). Bọn trẻ con thì thất vọng, đôi mắt nhìn theo cho đến khi chiếc xe ngựa đi khuất; rồi chúng quay lại nhìn Maria. Chị bỗng trở nên một nhân vật quan trọng nhất phố này. Nhưng chính một trong những đứa con của chị đã làm cho chị mất cả cái tiếng tăm ấy, nó nói là hai vị khách sang trọng ấy đến thăm cái chú ở trọ nhà nó. Và sau đó Maria lại quay về với cái cảnh âm thầm tăm tối cũ của mình. Còn Martin thì bắt đầu nhận thấy bọn trẻ hàng xóm đối với mình có vẻ vị nể hơn. Còn đối với Maria, giá trị của Martin trong con mắt của chị được tăng lên một trăm phần trăm, và nếu như lão chủ hàng thực phẩm người Bồ Đào Nha mà được chính mắt trông thấy chiếc xe ngựa sang trọng buổi chiều hôm ấy thì lão đã để cho Martin mua chịu thêm ba đô la tám mươi năm xu nữa.

CHƯƠNG 27

Mặt trời vận may của Martin đã mọc. Ngay sau hôm Ruth đến thăm, gã nhận được một tấm ngân phiếu ba đô la của một tờ tuần báo trào phúng ở New York trả tiền ba bài thơ tám câu. Hai hôm sau, một tờ báo hàng ngày

xuất bản ở Chicago nhận truyện “Những người đi tìm châu báu,” hứa trả mười đô la khi đăng bài. Số tiền thì nhỏ, nhưng đó là bài viết đầu tiên của gã, lần đầu tiên gã thử diễn đạt ý tưởng của mình trên trang giấy in. Và, đặc biệt là, ngay cuối tuần ấy, truyện phiêu lưu nhiều kỳ viết cho thiếu nhi, tập truyện thứ hai của gã, cũng được một tờ báo thiếu niên hàng tháng tự mệnh danh là “Thiếu niên và Thời đại” nhận đăng. Truyện gần hai mươi một ngàn từ, và họ đề nghị trả mười sáu đô la khi đăng, tính như thế là khoảng bảy mươi năm xu một ngàn từ, điều đó là sự thực; nhưng cũng là sự thực đây là truyện thứ hai gã thử viết và chính gã cũng hoàn toàn nhận thấy nó vụng về, chẳng có giá trị gì.

Nhưng ngay những cố gắng đầu tay ấy của gã cũng không có những cái vụng về tầm thường. Cái vụng về của nó là do ở chỗ quá dồi dào sức mạnh, cái vụng về của một anh chàng mới vào nghề non tay, đập bướm mà phải dùng mái chèo, bẻ hoa mà phải dùng đến gậy tay. Martin rất sung sướng bán được những cố gắng đầu tay ấy dù với giá rẻ mạt. Gã biết giá trị của chúng, mà cũng phải lâu la gì gã mới nhận ra điều đó. Cái mà gã đặt sự tin tưởng vào chính là những tác phẩm viết về sau này. Gã đã phấn đấu trở thành một cái gì hơn là một nhà văn chỉ chuyên viết tiểu thuyết cho các tạp chí. Gã đã hết sức trang bị cho mình những công cụ của nghệ thuật. Mặt khác, gã không đem hy sinh sức mạnh. Mục đích có ý thức của gã là tăng cường sức mạnh bằng cách tránh quá lạm dụng nó. Mà gã cũng không rời bỏ lòng yêu sự thật của mình. Những tác phẩm của gã đều mang tính chất hiện thực dù gã có cố lòng vào đó những cái hư ảo, vẻ đẹp của tưởng tượng. Cái mà gã tìm tòi là chủ nghĩa hiện thực sôi nổi, mãnh liệt, chứa đựng tất cả những mong ước và niềm tin của nhân loại. Cái mà gã muốn là cuộc sống đúng với thực chất của nó, với tất cả những ước mơ tinh thần, những khát vọng lý tưởng của nó.

Trong quá trình đọc, gã khám phá thấy có hai trường phái tiểu thuyết. Một, coi con người như là thần thánh, quên hẳn cái nguồn gốc trần tục của nó. Một lại coi con người như một cục đất, quên hẳn những giấc mơ bay bổng lên tận thiên đàng và những khả năng thần thánh của nó. Theo gã, cả hai trường phái “thần thánh” và “cục đất” đều lầm, và lầm chỉ vì cách nhìn và mục đích của họ quá một chiều. Có một cách nhìn thoả hiệp tiếp cận với

chân lý, tuy nó không tán thành trường phái “thần thánh” nhưng lại không có cái quan niệm thô bạo man rợ của trường phái “cục đất.” Chính truyện “Mạo hiểm” của gã, một truyện đã không thu hút được sự chú ý của Ruth - khiến gã tin rằng gã đã đạt lý tưởng của mình về tính chân thực trong tiểu thuyết; và chính trong tiểu luận “Thần thánh và Cục đất” gã đã trình bày quan điểm của mình về toàn bộ vấn đề.

Nhưng “Mạo hiểm” và tất cả những truyện mà gã đã đánh giá là hay nhất thì vẫn còn đi ăn mày, ăn xin khắp tất cả các tòa soạn. Theo gã, những sáng tác đầu tiên của gã thật không có một chút giá trị gì ngoài các việc chúng đã mang lại cho gã một số tiền; và những truyện rùng rợn, cả hai truyện mà gã đã bán được, gã còn không cho là những tác phẩm có giá trị cao mà cũng không phải là những tác phẩm hay nhất. Đối với gã, những truyện đó vẫn có tính chất kỳ quặc, giàu tưởng tượng một cách chân thật, dù nó có mang tất cả cái vẻ quyến rũ của hiện thực, sức mạnh của nó nằm ở đó. Đưa cái kỳ quái, cái không thể có được vào cái hiện thực, gã chỉ coi là một mảnh khốe - một mảnh khốe tài tình, có thể thôi. Văn chương lớn không ở trong những loại như vậy. Hình thức nghệ thuật của nó có cao, nhưng gã không thừa nhận giá trị nghệ thuật khi nó tách rời tình người. Mảnh khốe là ở chỗ đem ném lên bộ mặt của nghệ thuật một cái mặt nạ con người, và điều đó gã đã làm trong một số năm sáu truyện ngắn rùng rợn trước khi gã vượt lên tới những đỉnh cao trong “Mạo hiểm,” “Niềm vui,” “Cái xong,” “Men rượu cuộc đời.”

Trong khi chờ đợi tám ngàn phiếu của tờ “Con chuột bạch” gã đem dùng ba đô la, số tiền nhận được về mấy bài thơ tám câu, tạm giải quyết cảnh gieo neo trước mắt. Gã lĩnh tám ngàn phiếu đầu tiên dưới con mắt ngò vực của lão chủ hiệu thực phẩm người Bồ Đào Nha; gã trả cho lão ấy một đô la, còn lại trả cho người hàng bánh và người bán hoa quả mỗi người một đô la. Martin chưa có đủ tiền để ăn thịt và vẫn phải ăn uống dè sẻn thì nhận được ngân phiếu của tờ “Con chuột bạch.” Gã phân vân về cách lĩnh tiền. Từ bó đến giờ gã chưa hề bước chân vào một nhà ngân hàng, lại cũng chưa hề vào đây để giao thiệp tiền nong, gã có một ý muốn trẻ con và ngây thơ là bước vào một trong những ngân hàng to nhất ở Oakland, rút tám ngàn phiếu ra để lĩnh bốn mươi đô la. Mặt khác, gã lại thấy nên thực tế hơn, cứ

đem đến chỗ hiệu thực phẩm mà lĩnh, sẽ gây được ấn tượng tốt để sau này còn có thể mua chịu nhiều hơn. Martin miễn cưỡng chịu trả hết nợ cho lão chủ hiệu thực phẩm, và lĩnh về đầy một túi tiền đồng rung rinh. Gã cũng thanh toán hết những món nợ khác, chuộc lại bộ quần áo và cái xe đạp, trả nốt tiền thuê máy chữ, trả Maria tiền phòng một tháng còn chịu lại và trả thêm một tháng trước. Như vậy trong túi chỉ còn lại gần ba đô la để phòng tiêu vào những món bất chợt cần đến.

Số tiền nhỏ bé này, bản thân nó, dường như là cả một gia tài. Chuộc được quần áo về, gã đến thăm Ruth liền. Và trên đường đi gã không thể nào ngăn được mình không lắc lắc nắm tiền ít ỏi rung rinh trong túi. Đã lâu lắm gã không có tiền, nên cũng giống một người sắp chết đói được cứu cho ăn, mắt không thể nào rời khỏi đĩa thức ăn chưa ăn hết, tay gã không thể rời khỏi mấy đồng tiền. Gã không phải là người ti tiện, cũng không phải là người keo bẩn, nhưng tiền đối với gã còn có ý nghĩa hơn là con số những đồng đô la, đồng xu ấy. Nó có nghĩa là sự thành công và mỗi con đại bàng^[78] khắc trên những đồng tiền đối với gã là một vị thần chiến thắng^[79] có cánh.

Bất giác, gã thấy cuộc đời thật là tốt đẹp. Chắc chắn là đối với gã nó đẹp hơn lên. Bao tuần nay, cuộc đời thật ảm đạm, buồn nản, nhưng bây giờ nợ nần trả gần hết, trong túi vẫn còn rung rinh ba đô la, và trong tâm trí thì có ý thức rõ rệt về sự thành công: mặt trời chiếu sáng rực rỡ, ấm áp và ngay một trận mưa rào có bất ngờ đổ xuống làm ướt sạch những người khách bộ hành không chuẩn bị thì đối với gã, vẫn cứ là vui. Khi gã từng đói, gã nghĩ tới hàng ngàn hàng vạn những người mà gã biết cũng đang chết đói dở trên khắp thế gian này. Nhưng bây giờ, gã no rồi, cảnh hàng ngàn người đang chết đói không còn đậm nét trong trí óc gã nữa. Gã quên họ, và vì gã đang yêu, gã chỉ nhớ đến những người đang yêu nhiều không kể xiết trên trái đất này. Không chú tâm suy nghĩ về nó, nhưng những đề tài cho những bản tình ca lại bắt đầu xáo động trí óc gã. Bị cuốn đi trong sự thôi thúc sáng tạo ấy, gã đi quá mất hai quãng đường mới nhảy xuống xe điện mà vẫn không cảm thấy bức bối gì.

Đến nhà ông Morse, gã thấy đã có một số người ở đó. Có hai người chị em họ của Ruth từ San Rafael về chơi. Bà Morse lấy cốc đón tiếp họ đã mời

nhieu nam nữ thanh niên quây quanh Ruth, cốt để thực hiện kế hoạch của mình. Chiến dịch được bắt đầu ngay trong thời gian Martin lại bắt buộc không thể đến được, và bây giờ nó đang tiến triển mạnh. Bà Morse chủ trương chỉ mời những người đã có nghề nghiệp chức vụ trong tay. Vì thế, ngoài hai cô chị em họ của nàng, Dorothy và Florence, Martin còn gặp hai vị giáo sư đại học, một là giáo sư tiếng La tinh, một là giáo sư tiếng Anh. Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Philippin về, bạn học cũ của Ruth; một anh chàng hầy còn trẻ tên là Melville, thư ký riêng của Joseph Perkins, giám đốc một ngân hàng tín dụng lớn ở San Francisco, và đặc biệt có một anh chàng là thủ quỹ một nhà băng tên là Charley Hapgood, một gã vui vẻ trẻ trung, tuổi ba mươi nhăm, tốt nghiệp ở trường Đại học Stanford, hội viên câu lạc bộ Nile và câu lạc bộ Thống Nhất, và là một diễn giả bảo thủ của Đảng cộng hoà trong các dịp tranh cử, tóm lại đúng là một anh chàng đang lên về mọi phương diện. Về phía nữ thì có một họa sĩ chuyên vẽ chân dung, một nhạc sĩ nhà nghề, và một người đã đỗ tiến sĩ xã hội học, nổi tiếng khắp vùng về cái tổ chức xã hội của chị ta trong những khu xóm nhà ổ chuột ở San Francisco. Thực ra, trong kế hoạch của bà Morse, các vị khách nữ không đóng một vai trò quan trọng lắm. Cùng lắm thì họ cũng chỉ là những vai phụ cần thiết. Những người đàn ông có nghề nghiệp chức vụ, nhất thiết phải được thu hút đến cái nhà này.

“Lúc nói chuyện thì anh đừng nổi nóng đấy,” Ruth dặn dò gã trước khi bắt đầu cái công việc nặng nề giới thiệu gã với mọi người.

Bị ám ảnh bởi ý nghĩ mình vụng về, nhất là đôi vai cứ quen cái thói chực va vào cái nọ hích vào cái kia làm đổ vỡ lung tung, nên lúc đầu gã cảm thấy ngượng ngịu, người cứ cứng đơ. Hơn nữa, đám đông làm cho gã lúng túng. Gã chưa bao giờ giao tiếp với những người thượng lưu thanh lịch mà nhất lại đông như thế này, Melville, anh chàng thủ quỹ nhà ngân hàng, thu hút tâm trí gã, và gã quyết định hể có dịp là tìm hiểu anh chàng này đầu tiên. Bởi vì đằng sau sự sợ hãi của gã, có ẩn một bản ngã tự tin. Gã cảm thấy sự thôi thúc muốn đem mình ra đo với những người đàn ông đàn bà ngồi kia để xem họ đã học được những gì mà gã chưa học được trong sách vở và trong cuộc đời.

Ruth lúc lúc lại đưa mắt nhìn gã ra sao. Nàng ngạc nhiên và vui sướng thấy gã làm quen một cách thoải mái dễ dàng với Dorothy và Florence. Chắc chắn là gã không bị kích động vì khi đã ngồi xuống, gã không còn phải băn khoăn gì về đôi vai của mình nữa. Ruth biết Dorothy và Florence là những cô gái thông minh, linh lợi nhưng chỉ hơi hợm nông cạn; và nàng hầu như không hiểu được lời họ khen ngợi gã, đêm hôm ấy khi đi ngủ. Nhưng về phía Martin, gã vốn là một tay thông minh dí dỏm đối với những người trong tầng lớp gã, ăn nói lém lỉnh có duyên hay pha trò trong những cuộc khiêu vũ và những buổi đi chơi ngày chủ nhật, gã thấy cái việc bông đùa, tranh luận nhẹ nhàng trong đám thượng lưu này cũng không có gì là khó khăn cả. Buổi tối hôm ấy, sự thành công đã đứng sau lưng gã, vỗ vai gã, nói cho gã hay gã đang đi trên con đường thẳng lợi, gã có thể cười, làm cho người ta cười mà vẫn không việc gì phải ngượng ngập.

Một lát sau, nỗi lo lắng của Ruth tỏ ra là đúng. Martin và giáo sư Caldwell cùng ngồi nói chuyện với nhau ở một góc phòng rất dễ nhìn thấy, và tuy Martin không hoa tay múa chân, nhưng dưới con mắt khát khe của nàng thì hình như gã đã cho phép mắt của gã long lên, quắc lên nhiều quá, gã nói nhanh quá, sôi nổi quá, nóng nảy quá, và đã để cho máu dồn lên mặt đỏ quá. Gã không còn giữ được vẻ lịch sự, mát cả bình tĩnh, trông gã thật trái ngược với vị giáo sư tiếng Anh trẻ tuổi mà gã đang nói chuyện.

Nhưng Martin thì hoàn toàn không để ý đến những cái bề ngoài ấy. Gã nhận thấy rất nhanh giáo sư Caldwell là người có một bộ óc được rèn luyện và gã đánh giá cao sự hiểu biết của ông ta. Còn giáo sư Caldwell thì chưa nhận thấy hết được quan niệm của Martin về một giáo sư tiếng Anh bình thường là thế nào. Martin muốn ông ta nói về nghề nghiệp chuyên môn của mình, và tuy lúc đầu ông ta có ý không bằng lòng, nhưng rồi sau gã cũng đã làm được cho ông ta phải nói đến. Bởi vì gã thấy không có lý do gì người ta lại không nói đến chuyện nghề nghiệp chuyên môn.

Mấy tuần trước đây, đã có lần gã tranh luận với Ruth về vấn đề này: “Phản đối nói chuyện về nghề nghiệp chuyên môn thì thật là không đúng, thật là vô lý. Còn có lý do gì nữa ở dưới ánh mặt trời này để cho đàn ông đàn bà gặp nhau nếu không phải là để trao đổi những điều mà người ta hiểu biết cận kề nhất. Và những điều hiểu biết cận kề nhất chỉ có thể có được ở

những công việc mà người ta thích thú, ở công việc nhờ nó người ta sinh sống, ở công việc chuyên môn mà đêm ngày người ta phải suy nghĩ và cả ước mơ nữa. Thử tưởng tượng ông Butler muốn sống cho thật đúng phép lịch sự xã giao, lúc nào cũng nói đến quan điểm của mình về Paul Verlaine^[80], về bi kịch Đức, hoặc tiểu thuyết của D'Annunzio^[81]. Như thế thì chán ngấy đến chết mất. Anh chẳng hạn, nếu có phải nghe ông Butler nói chuyện thì anh thích được nghe ông ấy nói về luật pháp hơn. Đó là cái mà ông ấy hiểu biết cặn kẽ nhất. Đòi ngán lắm và anh muốn được biết tất cả những điều hiểu biết cặn kẽ nhất ở từng người đàn ông đàn bà anh gặp.”

Và Ruth đã phản đối: “Nhưng có những vấn đề chung cho tất cả mọi người.”

“Đấy, em lầm rồi.” Gã nói ngay. “Tất cả mọi người trong xã hội, tất cả mọi tập đoàn trong xã hội – hay nói cho đúng hơn, hầu hết mọi người, mọi tập đoàn - đều bắt chước những kẻ hơn mình – Mà những kẻ hơn mình nhất là ai? Là những bọn vô công rồi nghề, những bọn vô công rồi nghề lắm tiền nhiều của. Thói thường, bọn họ có biết gì về những cái mà chỉ có những người lao động mới biết được. Nghe nói chuyện với những cái đó sẽ chán, do đó bọn vô công rồi nghề mới quy định cho những cái đó là chuyện nghề nghiệp chuyên môn không được nói đến. Và những cái mà họ cho không phải là chuyện nghề nghiệp chuyên môn có thể nói với nhau được là những vở nhạc kịch mới nhất, những cuốn tiểu thuyết mới nhất, chuyện đánh bài, chuyện đánh bi-a, chuyện uống rượu, chuyện ô-tô, chuyện đua ngựa, chuyện câu cá hồi, chuyện câu cá ngừ, chuyện đi săn, chuyện đi thuyền buồm vân vân và vân vân...em thấy không. Những cái đó là những cái mà bọn vô công rồi nghề hiểu biết. Nói cho thật đúng, những cái đó chẳng phải là chuyện nghề nghiệp chuyên môn của bọn vô công rồi nghề đó sao. Khôi hài là ở chỗ, nhiều người thông minh và tất cả những người làm ra vẻ là mình thông minh lại cứ chịu để cho bọn vô công rồi nghề bắt phải tuân theo cái luật lệ ấy. Còn anh, anh muốn được biết những cái gì mà một người hiểu biết cặn kẽ nhất, cái đó muốn cho nó là tầm thường hay gì nữa, tùy em.”

Ruth không hiểu gã. Cuộc tán công này của gã vào cái chính thống đối với nàng dường như là những ý kiến hết sức ngang bướng.

Thế là Martin đã làm cho giáo sư Caldwell chịu lấy cái sôi nổi của gã sang; bắt ông ta phải nói lên ý kiến của mình. Khi Ruth đứng lại bên cạnh hai người, nàng nghe thấy Martin nói:

“Chắc chắn là giáo sư không phát biểu những tà thuyết ấy ở trường Đại học California chứ?”

Giáo sư Caldwell nhún vai: “Ông biết đấy, đây là truyện ngụ ngôn người nộp thuế chân thực và nhà chính trị! Sacramento^[82] cấp cho chúng tôi kinh phí, vì thế chúng tôi phải quy lụy Sacramento, quy lụy cả Hội đồng giáo sư, cả báo đảng hay là báo của cả hai đảng.”

“Vâng, rõ rồi; nhưng còn chính giáo sư thì sao?” Martin hỏi dồn. “Ngài hẳn như một con cá mắc cạn.”

“Tôi nghĩ rằng có rất ít người như tôi trong cái ao tù của trường Đại học. Nhiều khi tôi cho rằng chắc chắn mình đã bị mắc cạn, và tôi thấy tôi phải ở Paris, ở phố Grub, trong hang của một ẩn sĩ, hay đi lang thang đây đó với đoàn người bôhêmiêng buồn bã man dại nào đó, uống rượu vang đỏ - mà ở San Francisco, người ta khinh bỉ gọi là rượu của bọn người Dago - ăn ở những quán ăn rẻ tiền ở xóm La tinh, và trình bày một cách rất om sòm những quan điểm cấp tiến của mình về mọi vấn đề về sáng tạo thì mới đúng. Thực vậy, luôn luôn tôi hầu như tin rằng tôi sinh ra để là một người cấp tiến. Nhưng còn có nhiều vấn đề mà tôi chưa nắm chắc. Tôi tỏ ra rụt rè khi đứng trước sự yếu đuối của bản thân; nó đã luôn luôn ngăn không cho tôi nắm hết những yếu tố của bất cứ một vấn đề nào - những vấn đề lớn của con người, những vấn đề quan trọng, ông biết đấy.”

Trong khi giáo sư Caldwell nói, Martin chợt thấy môi mình mấp máy hát những lời trong “Bài ca mậu dịch phong.”

Ta thổi mạnh nhất lúc giữa trưa;

Nhưng dưới ánh trăng

Ta làm cho

Rồn buồn cứng đờ.

Gã khẽ ngâm nga thầm trong miệng những lời thơ; giáo sư Caldwell đã làm cho gã nhớ tới những cơn gió mậu dịch, những cơn gió đông bắc, thổi mạnh lồng lộng, mát lạnh. Ông ta điềm đạm tin cậy được, nhưng bên trong vẫn có một cái gì khiến ông ta phải dè dặt. Martin có cảm giác: Ông ta

không bao giờ nói hết những ý nghĩ của mình, cũng như gã vẫn thường có cảm giác những cơn gió mậu dịch chưa bao giờ thổi hết sức mạnh của nó, mà bao giờ cũng dự trữ lại một phần sức lực không bao giờ dùng đến. Trí tưởng tượng của Martin lại hoạt động mạnh mẽ. Óc gã là một kho rất dễ vào của những sự việc để nhớ lại và những ảo tưởng và hình như những sự việc, những ảo tưởng ấy luôn luôn được sắp xếp ngăn nắp và sẵn sàng bày ra để cho gã kiểm soát. Bất cứ cái gì xảy ra trong hiện tại, trí óc gã đều liên hệ ngay tới một cái tương tự hoặc một cái đối lập, những cái đó thường biểu hiện ra thành những hình ảnh ở trước mắt gã. Nó xảy ra một cách hoàn toàn tự động và óc tưởng tượng của gã luôn luôn đi kèm theo cái hiện tại đang sống. Cũng như khuôn mặt của Ruth trong giây phút ghen tuông thoáng lát đã làm sống dậy trước mắt gã trận cuồng phong một đêm trăng non nào mà gã đã quên; và vì giáo sư Caldwell đã làm cho gã, lại nhìn thấy cơn gió mậu dịch đông bắc dồn những ngọn sóng trắng xoá trên mặt biển màu tím ngắt, nên từng lúc từng lúc, những hình ảnh mới của ký ức lại hiện lên trước mắt gã, hoặc trải ra dưới mi mắt, hoặc in hình lên trên cái màn ảnh trong ý thức, không làm rối mà lại đồng hoá với những hành động hoặc những sự việc đã qua và có phân loại. Những hình ảnh đó nảy ra từ những hành động và cảm xúc của quá khứ, tức những sự việc, những biến cố, những sách vở của ngày hôm qua, của tuần trước - hàng hà sa số những hình ảnh tràn ngập trí óc gã, lúc ngủ cũng như lúc thức.

Vì thế, trong khi nghe giáo sư Caldwell nói dễ dàng thao thao bất tuyệt, lời nói của một người thông minh, có học thức, - Martin liên tưởng lời quá khứ của mình. Gã nhớ lại gã, ngày xưa khi hoàn toàn là một côn đồ anh chị, đội cái mũ Stetson vành cứng, mặc một cái áo cộc cỡn khuy ngực cài hai bên, vai đi đung đưa, với một lý tưởng sống ngang tàng tới cái mức mà bọn cảnh sát cho phép. Gã không ngụy trang nó để lừa dối mình, mà gã cũng không tìm những lý lẽ để biện hộ cho nó. Đã có một thời trong cuộc đời gã, gã chỉ là một anh chị tầm thường đứng đầu một bọn côn đồ đã từng làm cho cảnh sát phải lo lắng, làm cho những người lao động lương thiện phải kinh hãi. Nhưng lý tưởng của gã đã thay đổi. Trong khi gã đưa mắt nhìn những người đàn ông đàn bà quần áo sang trọng, ăn uống no nê chung quanh, trong khi gã hít vào buồng phổi của mình làn không khí thanh nhã, học

thức này thì cùng lúc đó, cái bóng của thời thanh niên xa xưa với cái mũ vành cứng, cái áo cộc cốn, đôi vai đung đưa, cử chỉ ngang tàng lại hiện ra nghênh ngang bước qua gian phòng. Cái bóng của gã còn đồ ấy, gã thấy nó nhập vào gã, đang ngồi đây nói chuyện với một vị giáo sư đại học thật sự.

Bởi vì, nói cho cùng, gã chưa bao giờ tìm thấy một nơi trú chân vĩnh viễn cho mình. Ở đâu, gã cũng thích nghi được. Ở bất cứ nơi nào, gã cũng luôn luôn được mọi người yêu mến vì gã giữ được bản lĩnh của mình trong khi làm việc cũng như lúc vui chơi và vì cái ý chí và khả năng đấu tranh cho quyền lợi của mình, khiến mọi người phải kính nể. Nhưng gã chưa bắt rễ sâu ở nơi nào. Ở đâu, gã cũng có thể thích nghi đủ để làm cho bạn bè thoả mãn, nhưng không đủ để cho mình thoả mãn. Một nỗi băn khoăn luôn luôn day dứt tâm trí gã. Luôn luôn gã nghe thấy tiếng gọi của một cái gì từ nơi xa xôi, và gã đã đi lang thang suốt đời mình để tìm cái đó cho đến khi gã tìm thấy sách vở, nghệ thuật và tình yêu. Và bây giờ gã ngồi đây, giữa tất cả những cái này; trong tất cả những bạn bè đã cùng gã sống một cuộc đời giang hồ lang bạt, gã là người độc nhất đã tự làm cho mình có đủ tư cách để được vào ngồi trong phòng khách của gia đình nhà Morse này.

Nhưng những ý nghĩ và những hình ảnh ấy cũng không ngăn nổi gã, theo sát câu chuyện của giáo sư Caldwell. Gã lắng nghe có lĩnh hội, có phê phán, và gã thấy vốn hiểu biết của ông ta thật là mênh mông. Từng lúc từng lúc, qua câu chuyện gã thấy rất rõ trong vốn kiến thức của gã có nhiều lỗ hổng, nhiều khoảng trống. Có nhiều vấn đề đối với gã hãy còn xa lạ. Tuy nhiên, nhờ có Spencer, gã thấy gã đã nắm được hình thể của lĩnh vực tri thức. Lấp đầy hai cái hình thể đó chỉ là vấn đề thời gian. “Hãy coi chừng,” gã nghĩ, “coi chừng chỗ nông cạn!” Gã muốn ngồi ngay xuống chân giáo sư Caldwell, thành kính, chăm chú. Nhưng trong khi nghe, gã bắt đầu phát hiện chỗ yếu trong lập luận của ông ta. Nó tản mạn và lướt nhanh, nếu không chú ý không sao nhận thấy được. Và sau khi nắm được điều đó, lập tức gã liền thấy mình ngang hàng với ông ta.

Ruth lại gần chỗ hai người lần thứ hai, đứng vào lúc Martin bắt đầu nói:

“Tôi xin nói những điểm nào giáo sư đã lầm, hoặc nói cho đúng hơn những điểm yếu trong lập luận của giáo sư. Giáo sư chưa nghiên cứu kỹ

sinh vật học. Nó không có chỗ đứng trong lập luận của giáo sư.Ồ, tôi muốn nói một nền sinh vật học diễn giải chân chính, bắt nguồn từ ở trái đất, từ ở phòng thí nghiệm, ở những ống nghiệm, từ những vật vô cơ cho đến những quan niệm khái quát rộng rãi nhất về mỹ học và xã hội học.”

Ruth kinh ngạc. Nàng đã dự hai khoá thuyết trình của giáo sư Caldwell và nàng coi ông ta như là một kho tri thức sống.

“Tôi chưa hiểu hết ý ông định nói gì?” Giáo sư Caldwell nói, vẻ lưỡng lự.

Martin biết thừa là ông ta hiểu rõ, nhưng gã cứ nói:

“Tôi xin cố gắng nói cho rõ hơn. Tôi nhớ đã đọc trong lịch sử Ai cập có đoạn nói rằng người ta không thể nào hiểu nổi được nghệ thuật Ai cập nếu không nghiên cứu đất nước ấy trước.”

“Rất đúng,” giáo sư Caldwell gật đầu.

“Và đối với tôi, hình như...” Martin nói tiếp: “Sự hiểu biết về một đất nước và mọi vấn đề khác cũng vậy, không thể có được nếu trước đó không có sự hiểu biết về chính ngay sự cấu tạo của cuộc sống ở nước đó. Chúng ta làm thế nào mà hiểu được luật pháp, hiểu được các chế độ, các tôn giáo, các phong tục tập quán nếu chúng ta không hiểu, không những chỉ có cái bản chất của những kẻ đã tạo ra nó mà còn phải hiểu sự cấu thành của cái bản chất đó. Có phải văn chương không có tính chất con người bằng nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc ở Ai cập không? Có một vật nào trong khắp vũ trụ mà lại không chịu khuôn theo qui luật tiến hoá?Ồ, tôi biết có thuyết lý rất phức tạp về sự tiến hoá trong lĩnh vực nghệ thuật, nhưng đối với tôi, thuyết đó hình như quá máy móc. Chính sự tiến hoá của con người thì không thấy nói đến. Sự tiến hoá của một công cụ, của cây thụ cầm, của âm nhạc, của một bài ca, một điệu vũ thì đều được mô tả một cách rõ rệt. Nhưng sự tiến hoá của chính con người, sự phát triển của những phần cơ bản, nội tại trong con người trước khi con người làm ra các công cụ đầu tiên, hát lên bài ca đầu tiên thì sao? Chính cái đó là cái mà giáo sư chưa đề cập đến; chính cái đó là cái mà tôi gọi là sinh vật học, sinh vật học dưới khía cạnh cao cả nhất của nó.”

“Tôi biết rằng tôi diễn đạt chưa có hệ thống, nhưng tôi cố gắng nói hết ý của tôi. Những ý nghĩ đó đến với tôi trong khi nghe giáo sư nói, vì thế tôi

chưa kịp sắp xếp lại để trình bày. Chính giáo sư cũng đã nói đến tất cả mọi yếu tố của vấn đề. Vậy mà, hình như chính giáo sư cũng đã bỏ qua yếu tố sinh vật học, một yếu tố quan trọng nhất mà từ đó mọi hình thức nghệ thuật, mọi hành động và thành tựu của con người được tạo thành.”

Ruth ngạc nhiên khi nghe thấy Martin không bị đánh quỵ ngay và nàng cho rằng cái cung cách giáo sư Caldwell trả lời già, chỉ là thái độ khoan thứ của ông ta đối với sự bông bột sôi nổi của tuổi trẻ. Ông ngồi yên lặng một phút, tay mân mê chiếc dây đồng hồ. Sau cùng, ông nói:

“Trước đây, đã có lần tôi cũng bị phê phán tương tự như vậy. Chính Joseph Le Conte^[83], một con người vĩ đại, một nhà khoa học và tiến hoá luận đã phê phán tôi. Nhưng ông ấy chết rồi, và tôi định ninh rằng không ai thấy được chỗ yếu của tôi. Bây giờ đến lượt ông phát hiện và vạch ra. Dù sao, nghiêm túc mà nói, và đây là sự thú nhận, tôi nghĩ rằng trong cách lập luận của ông có một cái gì đúng, rất đúng, thực tế. Tôi cổ điển quá, chưa nắm được cách diễn giải của ngành khoa học và tôi chỉ còn biết trách những sự thiếu sót trong vốn học vấn của tôi, và cái tính lười biếng cố hữu nó ngăn không cho tôi đi sâu vào vấn đề như đáng lẽ ra tôi đã phải làm. Không biết ông có tin được rằng tôi chưa hề bao giờ bước chân vào một phòng thí nghiệm vật lý hoá học không? Thế mà đó là sự thực. Ông Le Conte đã nói đúng, cả ông nữa, ông Eden ạ, dù sao, ông cũng nói đúng, đến mức độ nào đó.”

Ruth kiếm cớ đưa Martin đi với nàng ra một chỗ khác. Nàng khẽ nói với già:

“Anh không nên cứ giữ giáo sư Caldwell nói chuyện với một mình anh như vậy. Còn có nhiều người khác cũng muốn nói chuyện với giáo sư chứ!”

“Ừ, anh có khuyết điểm thật.” Martin ngập ngừng nhận lỗi. “Nhưng vì anh đã buộc được cho ông ta thổ lộ một chút; và nói chuyện với ông ta thật là lý thú, nên anh cũng chẳng nghĩ ra nữa. Em biết không, ông ta quả thật là một người tài giỏi, học rộng biết nhiều, chưa bao giờ anh được nói chuyện với một người như thế. Anh sẽ nói cho em nghe một điều khác nữa. Trước kia, anh vẫn cứ nghĩ rằng tất cả những người đã học trường đại học hay là có địa vị cao trong xã hội đều thông minh và xuất chúng như ông ấy cả.”

“Ông ấy là ngoại lệ,” nàng trả lời.

“Anh cũng nghĩ thế. Bây giờ em muốn anh nói chuyện với ai nào? À, thôi được, em giới thiệu anh với anh chàng thủ quỹ ngân hàng vậy.”

Martin nói chuyện với hấn ta khoảng mười lăm phút. Và Ruth không thể chê trách thái độ của người yêu ở chỗ nào được. Mất gã không long lên, má không đỏ lên một tí nào; gã nói chuyện rất từ tốn, rất đĩnh đạc, khiến nàng phải ngạc nhiên. Nhưng theo sự đánh giá của gã, tất cả bảy lũ thủ quỹ ngân hàng đều là những kẻ vô giá trị một trăm phần trăm, và suốt buổi tối gã cứ quần quanh với ý nghĩ: “Thủ quỹ ngân hàng” và “những anh chàng nói chuyện tầm thường vô vị” chỉ là những cụm từ đồng nghĩa. Martin thấy ở anh chàng sĩ quan một thanh niên hiền lành, chất phác, khoẻ mạnh cường tráng thoả mãn với cái địa vị xã hội mà dòng dõi gia đình và số phận may mắn đã vớt cho mình. Khi biết rằng anh ta đã học hai năm ở trường Đại học, Martin rất ngạc nhiên không biết anh ta đã đem cất cái vốn kiến thức của mình vào đâu. Tuy nhiên, Martin vẫn thấy có thiện cảm đối với anh chàng này hơn là anh chàng thủ quỹ ngân hàng tầm thường kia.

“Thực ra, anh không phản đối gì những ý nghĩ tầm thường.” Về sau, gã nói với Ruth. “Cái làm cho anh khó chịu đến bực bội chính là thái độ huênh hoang rộng tuếch, tự mãn, tự cao tự đại, cái lối khệnh khạng của hấn khi nói ra những ý nghĩ đó. Sao, anh có thể dạy cho hấn ta cả một bài học về toàn bộ lịch sử. Thời kỳ cải cách tôn giáo^[84] trong lúc hấn ta lải nhải nói cho anh nghe là Đảng lao động Thống nhất đã sáp nhập với Đảng Dân chủ. Em có biết không, hấn cứ tĩa tọt lời nói y như một con bạc bịp chuyên nghiệp xỉa xỉa những quân bài được chia cho. Hôm nào, anh sẽ nói để em hiểu rõ hơn ý anh.”

“Em rất tiếc là anh không ưa Melville,” Ruth trả lời. “Anh ta là người thân tín của ông Butler đấy. Ông Butler thường nói anh ta là một người thật thà, có thể tin cậy được. Gọi anh ta là Rock, là Peter, và nói anh ta có đủ khả năng để quản lý bất cứ một nhà ngân hàng nào.”

“Anh không hề nghi ngờ điều đó – dù anh chỉ mới được gặp hấn ta chút ít, và nghe hấn ta nói chuyện thì lại còn ít hơn. Nhưng bây giờ anh không quan tâm lắm đến những chuyện ngân hàng như trước đây. Anh nói hết ý nghĩ của anh ra như vậy, em không để tâm chứ, em yêu quý.”

“Không, không, ý kiến anh hay lắm.”

“Đúng,” Martin vui vẻ nói tiếp. “Anh cũng không hơn gì một kẻ mọi rợ với những cảm giác ban đầu về văn mình. Những cảm giác ấy, người văn mình ắt là phải thấy mới lạ và lý thú lắm.”

“Thế anh thấy Dorothy và Florence thế nào?” Ruth hỏi.

“Anh thích hai cô ấy hơn những bà kia. Các cô ấy có nhiều cái hay, lại ít màu mè điệu bộ.”

“Thế còn những bà kia, anh cũng thích à?”

Martin lắc đầu.

“Cái bà đang làm công việc xã hội ấy thì thật không hơn gì một con vẹt nghiên cứu xã hội học. Anh dám chắc, cứ thử thôi bà lên giữa các vì sao, như Tomlinson^[85] cũng chẳng thấy được ở bà ta một tư tưởng nào gọi là độc đáo. Còn bà họa sĩ vẽ chân dung, thì thật chán ngấy. Tay thủ quỹ lấy được bà ta hẳn phải được một người vợ đảm. Còn bà nhạc sĩ nữa. Anh chẳng cần biết ngón tay bà ấy mềm dẻo thế nào, kỹ thuật của bà ấy hoàn hảo thế nào, cách biểu hiện kỳ diệu thế nào - sự thật là bà ấy không hiểu gì về âm nhạc cả.”

“Chị ấy chơi hay đấy chứ!” Ruth cãi lại.

“Đúng, đối với những công phu tập luyện bề ngoài của âm nhạc thì thật không nghi ngờ gì, bà ta thật thành thạo, nhưng còn tinh thần bên trong của âm nhạc thì bà ta không thấy được. Anh có hỏi âm nhạc có ý nghĩa như thế nào đối với bà ta – Em biết đấy, anh hay tò mò muốn biết những điều đặc biệt ấy – bà ta không biết ý nghĩa của nó ra thế nào đối với mình; chỉ biết rằng bà yêu âm nhạc lắm, rằng đó là một nghệ thuật vĩ đại nhất trong các nghệ thuật, và đối với bà ta nó còn hơn cả cuộc sống...”

“Anh lại bắt người ta nói đến chuyện nghề nghiệp chuyên môn rồi.” Ruth trách Martin.

“Anh thú thật là có thế. Nhưng nói chuyện nghề nghiệp chuyên môn của mình mà còn không xong thì em thử tưởng tượng anh khổ tâm đến thế nào nếu họ nói những vấn đề khác. Sao, anh thường vẫn cứ nghĩ rằng ở cái xã hội thượng lưu như thế này, nơi mà người ta được hưởng mọi thuận lợi của học vấn...” Gã ngừng lại một lát, ngắm nhìn cái hình bóng của gã, lúc thời trẻ với cái mũ vành cứng, cái áo cộc cổ, bước vào cửa, đôi vai đung đưa đi qua gian phòng. “... như anh đã nói, anh thường vẫn cứ nghĩ ở một

nơi như thế này tất cả những người đàn ông, đàn bà đều giỏi giang tài trí. Nhưng bây giờ mới được biết họ sơ qua, anh đã thấy hầu hết chỉ là một lũ ngớ ngẩn và chín mươi phần trăm số còn lại thì toàn là đồ chán ngấy. Chỉ có giáo sư Caldwell, ông này thì khác. Ông ấy thực sự là một người từ đầu đến chân, từ một nguyên tử nhỏ trong cái chất màu xám của ông ta.”

Nét mặt Ruth rạng lên.

“Anh hãy nói cho em nghe về giáo sư,” nàng giục, “không phải những cái lớn, cái xuất sắc; những cái đó em biết rõ rồi; em chỉ muốn biết những điểm nào anh cảm thấy chưa tán đồng. Em muốn biết lắm.”

“Có lẽ chính anh lại tự chuốc lấy cái vạ vào mình đấy.” Martin hóm hỉnh nói. “Hay là em cứ nói trước đi. Có thể là em đã thấy ở ông ta không còn cái gì ngoài những cái ưu tú nhất.”

“Em đã dự hai khoá thuyết trình của giáo sư, và biết rất rõ giáo sư hai năm nay rồi; vì thế em muốn biết cảm tưởng đầu tiên của anh.”

“Cảm tưởng xấu, ý em muốn nói thế chứ gì? Được, thế này. Chắc theo ý em thì ông ta là một người hoàn hảo. Ít nhất thì ông ta cũng là một mẫu người trí thức hoàn hảo nhất mà anh đã được gặp – Nhưng chính ông ta cũng có một điều xấu hổ ngẫm đấy.”

“Ồ, không không,” gã vội nói tiếp. “Không phải là cái gì tầm thường, ti tiện đâu. Anh chỉ muốn nói ông ta có một điều khiến anh chú ý là ông ta đã đi sâu vào nhiều vấn đề, nhưng lại quá sợ hãi về những điều đã nhìn thấy đến nỗi tự dối mình làm như chưa bao giờ nhìn thấy. Có lẽ nói thế chưa thật rõ. Để anh nói một cách khác. Ông ta như một người đã tìm thấy con đường ấy; như một người có lẽ đã thoáng trông thấy toà miếu rồi nhưng còn cố tìm cách tự thuyết phục mình rằng đó chỉ là ảo ảnh, một lùm cây. Hay nói một cách khác nữa, như một người có thể làm được rất nhiều việc đẹp đẽ, nhưng không tin ở giá trị của việc làm, rồi trong thâm tâm lúc nào cũng tiếc hận sao đã không làm những công việc đó; một người trong lòng coi thường sự khen thưởng nếu ông có làm những việc ấy, nhưng sâu kín hơn từ đáy lòng lại vẫn cứ ước ao đã làm để có được sự khen thưởng và có được niềm vui vì đã làm.

“Em không thấy như thế, hơn nữa, em cũng chưa rõ ý anh định nói gì?”

“Đó chỉ là một cảm giác mơ hồ của anh,” Martin tìm cách hoà hoãn. “Anh cũng không có lý lẽ nào cả. Chỉ là cảm giác và chắc nó sai lầm. Chắc hẳn là em còn biết ông ta rõ hơn anh nhiều.”

Từ đêm hôm ở nhà Ruth về, trong đầu óc Martin luôn luôn có những ý nghĩ trái ngược nhau, những nỗi băn khoăn bối rối kỳ lạ. Gã cảm thấy thất vọng vì cái đích đã đạt tới, vì những con người mà gã đã len lén đến nơi để tiếp xúc.

Mặt khác, gã thấy phấn khởi ở sự thành công của mình. Leo lên đến chỗ họ là một điều dễ dàng hơn là gã tưởng. Khả năng của gã còn hơn thế, - và chẳng cần gì phải khiêm tốn giả vờ, phải che đậy – gã thấy gã còn hơn những người trong đám mà gã leo tới, trừ giáo sư Caldwell, tất nhiên. Gã còn hiểu biết về cuộc sống, về sách vở nhiều hơn họ, và gã rất ngạc nhiên không biết họ đem vứt tất cả vốn học vấn của họ vào hang hốc, xó xỉnh nào. Gã không biết rằng gã, có một sức mạnh trí óc phi thường, mà cũng không biết rằng không thể tìm đâu ra được ở những phòng khách trong cái thế giới của gia đình nhà Morse này những con người có những ý nghĩ sâu sắc, những tư tưởng cao cả; mà gã cũng không bao giờ nghĩ rằng những người đó là những con đại bàng lẻ loi, bay đơn độc trên bầu trời xanh ngắt, xa trái đất, xa đàn chim đông vô kể của cuộc sống thành bầy.

[78]. Trên những đồng tiền 10 đô la (Mỹ) có khắc hình con chim đại bàng.

[79]. Nguyên văn “Winged victories” - Trong thần thoại Hy Lạp là nữ thần chiến thắng.

[80]. Paul Verlaine (1844 – 1896), một nhà thơ Pháp.

[81]. Gabriel Annunzio (1863 – 1938), một nhà văn Ý.

[82]. Thủ phủ bang California. Ý muốn nói những nhà cầm quyền ở Sacramento.

[83]. Joseph LeConte (1823 – 1900): một nhà địa chất học người Mỹ.

[84]. Reformation, đầu thế kỷ 16.

[85]. Một bài thơ nổi tiếng của Kipling viết năm 1891, tả một anh chàng tên là Tomlinson, chết ở Anh. Sau khi chết, linh hồn anh lên cửa thiên đàng. Thần gác cửa hỏi anh ta có làm được điều gì thiện không; anh ta không biết trả lời ra sao, nên thần gác cửa không cho vào. Sau đó anh

ta lại tới cửa địa ngục. Ác quỷ hỏi anh ta có làm điều gì ác không, anh ta cũng không biết trả lời ra sao, nên ác quỷ không cho vào. Linh hồn anh ta đành cứ lơ lửng giữa trời, mặc cho gió thổi lên xuống vạt vờ.

CHƯƠNG 28

Nhưng thành công đã để lại mất địa chỉ của Martin, những vị sứ giả của nó không còn đến cửa nhà gã nữa. Trong hai mươi năm ngày liền, làm việc cả ngày chủ nhật và ngày lễ, gã vùi đầu vào viết một bài luận văn dài ước độ ba mươi ngàn từ, nhan đề là “Sự hổ thẹn của mặt trời.” Đó là một cuộc tấn công có chủ định vào thuyết thần bí của trường phái Maeterlinck^[86] - một cuộc tấn công từ dinh lũy của khoa học thực nghiệm đánh vào những kẻ mơ những điều kỳ diệu; tuy nhiên, trong cuộc tấn công này gã vẫn còn giữ lại rất nhiều cái đẹp, cái kỳ diệu, những cái phù hợp với thực tế đã được xác định. Ít lâu sau, gã lại tiếp tục cuộc tấn công bằng hai bài luận văn ngắn “Những kẻ ước mơ những điều kỳ diệu” và “Cái thước của tôi.” Và cả bài dài lẫn bài ngắn gã lại bắt đầu bỏ tiền chi phí du hành cho chúng từ tạp chí này đến tạp chí khác. Trong thời gian hai mươi năm ngày viết bài “Sự hổ thẹn của mặt trời,” gã có bán được một số bài lật vạt được sáu đô la năm mươi xu. Một truyện khôi hài được năm mươi xu, một truyện khác bán cho một tờ báo trào phúng hàng tuần được một đô la. Rồi hai bài thơ trào phúng, một bài được hai, một bài được ba đô la. Kết quả là sau khi đã trả hết nợ cho mấy ông chủ hiệu (tuy số tiền gã nợ lão chủ hiệu thực phẩm đã tăng lên tới năm đô la), chiếc xe đạp và bộ quần áo lại phải quay lại hiệu cầm đồ. Hiệu cho thuê máy chữ cũng lại thúc tiền, khẳng khẳng nói rằng theo đúng hợp đồng thì tiền thuê bắt buộc phải trả trước.

Bán được một số bài cò con ấy, gã thêm hăng hái, lại quay lại viết những bài lật vạt. Không chừng rốt cuộc, viết thể hóa ra lại sống được. Còn chất đóng dưới gầm bàn là một lô đến hai mươi truyện bị Nghiệp đoàn cung cấp truyện ngắn cho các báo “trả về.” Gã đọc kỹ lại cả một lượt cốt đề xem xem viết truyện ngắn cho các báo thì nên tránh cái gì, và làm như vậy gã đã luận ra một công thức hoàn hảo. Gã thấy rằng viết truyện ngắn cho các báo thì không nên bi thảm quá, không bao giờ được kết thúc không có hậu; ngôn ngữ không được đẹp quá; tư tưởng tình cảm không được tẻ nhạt quá. Tất nhiên là phải có tình cảm, có nhiều, nhưng phải là những tình cảm trong

trắng, cao quý theo cái kiểu mà hồi còn trẻ ngồi xem trên “lô thượng tầng của rạp hát” gã thường tán thưởng, loại tình cảm “Vì-chúa-vì-Tổ-quốc-và-Sa-hoàng” hay “Tôi-có-thể-nghèo-nhưng-lương-thiện.”

Sau khi đã thấy được những điều cần phải phòng ngừa đó, gã đọc lại truyện “Bà quận chúa,” sửa lại giọng văn, thêm thắt pha trộn cho đúng với công thức. Công thức gồm ba phần: 1. Hai người yêu nhau, bị chia lìa – 2. Nhờ một hành động hay biến cố gì đó, lại đoàn tụ - 3. Hồi chuông lễ cưới. Phần thứ ba thì khối lượng không được thay đổi. Còn phần thứ nhất và phần thứ hai thì tha hồ kéo dài chừng nào cũng được. Thế đấy, đôi người yêu có thể bị chia lìa vì hiểu nhầm nhau, vì số phận rủi ro, vì có kẻ tình địch ghen tuông, vì bố mẹ nổi giận, vì người giám hộ xảo trá, vì họ hành mưu đồ xấu, vân vân và vân vân... Họ có thể được đoàn tụ nhờ một hành động nào của chàng hay một hành động tương tự của nàng, hoặc ý chàng hay ý nàng đã thay đổi, hoặc người giám hộ xảo trá bị bắt buộc phải thú nhận, hoặc kẻ tình địch ghen tuông, họ hành mưu đồ xấu xa phải tự nguyện nhận hết tội lỗi, hoặc đã khám phá ra một âm mưu bí mật nào đó, hoặc chàng đã kiên trì tấn công trái tim nàng, hoặc chàng có những hành động quên mình vô cùng cao cả vân vân... Không kể hết được. Lúc đoàn tụ mà để cho nàng ngỏ ý trước thì lại càng hấp dẫn lắm. Dần dần Martin khám phá thấy những mảnh lời làm cho truyện nhất định phải gay cấn, hấp dẫn. Nhưng hồi chuông lễ cưới ở đoạn kết là điều duy nhất gã không được tùy tiện, dù trời có nghiêng, đất có lệch, trăng sao có sa xuống đi nữa thì chuông đám cưới ở nhà thờ cũng chỉ rung đúng như thế thôi. Còn về khối lượng thì công thức quy định là ngắn nhất thì cũng phải là một ngàn hai trăm từ, mà dài nhất thì cũng chỉ đến ngàn rưỡi là cùng.

Trước khi đi sâu vào nghệ thuật viết truyện ngắn, Martin còn tìm ra được một số hình thức thông thường khác, và cứ mỗi lần viết gã lại đem ra tham khảo. Những hình thức này giống như những bảng tổng hợp tài tình mà các nhà toán học thường dùng, nhờ chúng mà có thể đi từ đầu đến cuối, từ phải sang trái; vào truyện bao nhiêu dòng, bao nhiêu cột, chẳng cần phải lý luận, chẳng cần phải suy nghĩ cũng có thể rút ra hàng trăm hàng ngàn kết luận khác nhau, kết luận nào cũng rõ ràng; cũng đúng không còn cãi vào đâu được. Như vậy, với những hình thức đó, trong nửa tiếng đồng hồ,

Martin có thể dựng lên mười mười hai truyện ngắn, cứ để sẵn đấy, lúc nào tiện thì viết. Gã thấy, gã có thể viết một mạch xong một truyện theo hình thức ấy vào lúc trước khi đi ngủ, sau một ngày liền vùi đầu vào những công việc quan trọng hơn. Sau đấy, có lần gã thú nhận với Ruth, hầu như ngay trong lúc ngủ, gã cũng có thể viết được. Công việc chính chỉ là dựng lên một cái khung, mà việc làm đó thì hoàn toàn máy móc.

Gã không còn nghi ngờ một chút nào về sự hiệu nghiệm của công thức trên, và cũng là lần đầu gã nắm được tâm lý của các ông biên tập, khi gửi hai truyện đầu tiên đó, gã dám nói chắc với mình là thế nào cũng nhận được ngân phiếu. Và sau mười hai ngày, gã nhận được hai tấm ngân phiếu thật, mỗi truyện bốn đô la.

Cũng trong thời gian này, gã khám phá thấy nhiều điều mới về các tạp chí, làm cho gã hết sức kinh hoàng. Tuy tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đã đăng truyện “Tiếng chuông” của gã, nhưng vẫn không thấy một tấm ngân phiếu nào đến cả. Martin cần đến nó, gã viết thư đòi. Gã chỉ nhận được một bức thư trả lời nói loanh quanh và yêu cầu gã gửi thêm các bài khác nữa. Gã đã phải nhịn đói mất hai ngày đợi thư trả lời, rồi gã đánh lại phải mang xe đạp trở lại hiệu cầm đồ. Đều đặn, mỗi tuần hai lần, gã viết thư cho tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đòi năm đô la, tuy năm thì mười họa gã mới nhận được thư trả lời. Gã không biết rằng tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đang lay lắt sống dở chết dở hàng mấy năm nay, và nó chỉ là một tạp chí hạng tư hay nói cho đúng hơn hạng mười, không có chút uy tín gì cả, phát hành cộc cạch, sống, phần thì nhờ vào cách làm tiền lật vặt, kêu gọi lòng yêu nước của độc giả, phần thì nhờ vào các bài quảng cáo không hơn gì là của bố thí. Gã cũng không biết rằng cả ông chủ bút, cả tòa soạn đều chỉ trông mong vào tờ báo mà sống, và họ chỉ còn sống được là do nay dọn chỗ này, mai dọn chỗ khác để trốn tiền nhà và không bao giờ trả một cái hóa đơn nào mà họ có thể lẫn được. Mà gã không thể nghĩ được rằng số tiền năm đô la của gã đã bị ông chủ bút đem dùng vào việc quét vôi lại căn nhà của ông ấy ở Alameda. Chính ông ấy quét lầy vào những buổi chiều trừ chiều chủ nhật, vì ông ấy không có tiền trả công thợ và vì anh chàng phụ việc bị tuột thang ngã gãy một cái xương cổ phải đưa vào nhà thương.

Số tiền mười đô la về bài “Những người đi tìm châu báu” bán cho tờ Chicago cũng không thấy tăm hơi đâu. Bài đã được đăng rồi, gã biết chắc như vậy vì đã đọc thấy ở Thư viện trung ương nhưng gã vẫn chưa nhận được một lời nào của ông chủ bút cả. Thư của gã cứ bị lờ đi. Để yên trí thư sẽ đến nơi, nhiều bức gã phải gửi bảo đảm. Gã đi đến kết luận, thật không khác gì trò ăn trộm, ăn cắp tâng tặn lương tâm. Trong khi đang chết đói dờ gã lại còn bị xoáy mất cả hàng hóa, cả sản phẩm của mình, mà bán được chúng là cách duy nhất để có bánh mà ăn.

Tờ “Thiếu niên và Thời đại” là một tờ tuần báo nó đã đăng hai phần ba truyện phiêu lưu dài hai mươi một ngàn từ của gã, nhưng ngay sau đó thì nó đóng cửa. Và thế là bao hy vọng lấy được mười sáu đô la cũng bị đóng theo.

Bi đát hơn cả là truyện “Cái xoong” mà gã cho là một trong những sáng tác hay nhất của gã, cũng bị cuốn mất. Sau khi cho nó đi chu du quay cuồng khắp các tòa báo, trong lúc thất vọng gã đã gửi nó cho tờ “Ngọn sóng,” một tuần báo xã hội ở San Francisco. Lý do chính việc gửi cho tờ báo này là từ Oakland sang bên kia chỉ phải qua vịnh, một quyết định nhanh chóng có thể đạt được. Hai tuần sau, gã sung sướng quá khi thấy toàn bài của mình được đăng trên số báo cuối cùng, có tranh minh họa và ở ngay trang danh dự. Gã trở về nhà, lòng rộn ràng băn khoăn không biết họ sẽ trả lại bao nhiêu cho một trong những sáng tác hay nhất ấy của mình. Hơn nữa, việc họ nhận và cho đăng nhanh như thế là một điều khiến gã vui thích. Việc người chủ bút không báo cho gã biết trước là nhận đăng lại càng làm cho sự ngạc nhiên thêm trọn vẹn. Sau khi chờ đợi một tuần, hai tuần, rồi nửa tuần nữa, thất vọng đã thắng được rụt rè, gã viết thư cho ông chủ bút tờ “Ngọn sóng” nhắc có thể do một sự sơ xuất nào đó của ban quản trị, số tiền nhuận bút nhỏ bé của gã đã bị quên đi.

Gã nghĩ thâm, dù là không được năm đô la đi nữa, thì ít nhất cũng đủ để mua đậu biển và súp rau để có sức viết được năm, sáu bài theo loại ấy và có thể cũng hay không kém.

Gã nhận được của ông chủ bút một bức thư lạnh lùng, ít nhất nó cũng làm cho gã phải thán phục. Thư viết:

“Chúng tôi xin cảm ơn về sự đóng góp vô cùng quý báu của ông. Tất cả tòa soạn chúng tôi rất vui sướng khi đọc sáng tác của ông và như ông đã biết, chúng tôi cho đăng nó ngay trên trang danh dự. Chúng tôi tha thiết hy vọng rằng những bức tranh minh họa đã làm cho ông hài lòng.

“Sau khi đọc lại thư ông, chúng tôi thấy hình như ông đã hiểu nhầm là tòa báo chúng tôi có trả tiền nhuận bút cho những bài không do tòa soạn yêu cầu. Đó không phải là lệ của tòa báo chúng tôi, và tất nhiên bài của ông là bài không do tòa soạn yêu cầu. Khi cho đăng bài, chúng tôi định ninh rằng ông đã rõ điều qui định ấy. Chúng tôi chỉ còn biết là rất tiếc có sự hiểu nhầm không may ấy và mong ông tin ở sự thành thực của chúng tôi.

“Một lần nữa, xin cảm ơn ông về sự đóng góp quý báu của ông. Chúng tôi hy vọng rằng trong một ngày rất gần đây sẽ nhận được thêm nhiều bài của ông. Kính chúc...”

Trong phần tái bút lại còn viết thêm, ý nói, tuy tờ “Ngọn sóng” không có lệ biểu không một vị độc giả nào, nhưng họ rất lấy làm vui sướng khi gửi tặng gã một năm báo trong năm tới.

Từ sau cái kinh nghiệm đó, mỗi lần gửi bản thảo, gã đều đánh máy thật rõ ràng ngay ở đầu trang đầu. “Xin thanh toán theo giá quy định của quý báo.”

Gã tự an ủi, sẽ có ngày, chúng phải được thanh toán theo giá quy định của “ta.”

Trong thời gian này gã phát hiện thấy ở gã niềm say mê cái toàn thiện toàn mỹ. Bị thôi thúc bởi niềm say mê đó, gã viết lại và gọt dũa “Khu phố hỗn độn”, “Men rượu cuộc đời”, “Niềm vui”, “Những bài ca về biển” và nhiều truyện khác nữa gã viết hồi đầu. Cũng như trước đây, mười chín giờ làm việc liên hình như cũng vẫn còn quá ít đối với gã. Gã viết liên miên, đọc liên miên. Trong lúc say sưa với công việc, gã quên cả những nỗi dằn vặt trong cơ thể do bỏ thuốc lá gây ra. Lọ thuốc cai mà Ruth đã hứa, có cái nhãn hiệu màu sắc lóa mắt, gã đem đút vào một xó kín nhất ở bàn làm việc. Đặc biệt trong lúc những cơn đói kéo dài, gã mới cảm thấy tất cả sự khổ sở vì thiếu thuốc lá, dù gã đã cố nén, cơn nghiện vẫn cứ giày vò mãnh liệt. Gã coi đó là một việc làm lớn nhất mà gã có thể đạt được. Ruth thì cho rằng gã chỉ làm một việc đúng đắn, không hơn. Nàng đem thuốc cai đến cho gã, rút

ở số tiền tiêu vặt ra mua và vài ngày sau, nàng cũng chẳng còn nhớ gì về việc đó nữa.

Những truyện ngắn viết như máy của gã, tuy gã không thích và mĩa mai giấu cột thì lại thành công. Nhờ chúng mà gã có tiền chuộc lại các thứ đem cầm, trả được gần hết các món nợ và còn mua được một đôi lốp mới lắp vào xe đạp. Ít nhất, chúng cũng giữ được cho gã có nồi súp nóng và cho gã có thời gian để thực hiện những tham vọng to tát hơn, trong khi số tiền độc nhất giúp gã giữ vững tinh thần vẫn là khoản 10 đô la gã đã nhận được của tờ “Con chuột bạch.” Gã đặt lòng tin vào đó. Gã tin rằng những tạp chí thực sự thuộc loại nhất ít nhất cũng trả cho các tác giả chưa có tiếng tăm gì bằng như thế nếu không hơn. Nhưng vấn đề là làm thế nào mà lách được vào các tạp chí loại nhất? Những truyện ngắn, những bài luận văn, những bài thơ hay nhất của gã cứ đi ăn mày hết tòa báo này sang tòa báo khác; ấy thế nhưng hàng tháng giữa những trang bìa đủ kiểu, gã vẫn chỉ đọc thấy hàng mớ những bài văn chương tầm thường, nhạt nhẽo, không có một chút gì là nghệ thuật. Đôi khi, gã tự nghĩ, giá có một chủ bút nào hạ cổ từ trên cái ghế kiêu hãnh cao vòi vọi, bước xuống viết cho gã một dòng khuyến khích! Ừ thì cứ cho là tác phẩm của gã chưa tốt, ừ thì cứ cho là nó chưa hay, chưa đăng được vì lý do thận trọng này khác... nhưng chắc chắn là trong đó cũng phải có một vài tia lửa nào, một vài thôi, ở đâu đó, để kích thích họ, để tán thưởng chứ. Và rồi gã lại lòi một trong những tập bản thảo ra – như tập “Mạo hiểm” và lại đọc đi đọc lại để trả thù một cách vô vọng sự im lặng ấy của các ông chủ bút.

Mùa xuân êm dịu của California trôi qua thì mùa thu hoạch của gã cũng chấm dứt. Hàng mấy tuần lễ liền gã băn khoăn lo lắng về sự yên lặng kỳ lạ của Nghiệp đoàn chuyên cung cấp truyện ngắn cho các báo. Rồi một hôm, gã nhận được qua nhà bưu điện một tập mười truyện ngắn viết như máy của gã còn sạch nguyên vẹn. Kèm theo có một bức thư rất ngắn ý nói là hiện nay bài còn ứ đọng nhiều quá, ít nhất vài tháng nữa thị trường mới lại cần đến những bản thảo. Martin vẫn hăng tin – thậm chí một cách ngông cuồng - ở giá trị của mười truyện ngắn này. Cho đến tận gần đây Nghiệp đoàn vẫn trả gã mỗi truyện năm đô la và nhận tất cả những bài gã gửi tới. Vì thế, gã coi mười bài kia như là đã bán xong xuôi rồi, và tiêu pha theo

mức như đã có năm mươi đô la để ở ngân hàng. Thế là đột ngột gã lâm vào thời kỳ gieo neo; trong khi đó gã vẫn tiếp tục đem bán những bài viết hồi đầu của mình cho những tờ báo không chịu trả tiền và gửi những bài viết về sau này cho những tạp chí không chịu mua. Một vài mẫu chuyện vui, một vài bài thơ trào phúng bán được cho các tuần san ở New York không cho gã đủ tiền để sống. Trong thời gian này, gã đã viết thư hỏi những tạp san lớn xuất bản hàng tháng hay hàng quý, nhưng qua thư trả lời gã mới biết ít khi họ nhận đăng bài không do tòa soạn yêu cầu; hầu hết những bài trong các tạp san đó đều do các nhà chuyên môn nổi tiếng, đã có uy tín về từng lĩnh vực viết theo yêu cầu của họ.

[86] *Maeterlinck (1852-1919) thi sĩ kiêm kịch tác gia người Bỉ, theo chủ nghĩa thần bí và ấn tượng.*

CHƯƠNG 29

Đó là một mùa hè gay go đối với Martin. Những ông chủ bút và những người phụ trách đọc bản thảo đều đi nghỉ hè; thường lệ chỉ ba tuần là các tòa báo đã trả lời quyết định đăng hay không, và bây giờ họ sẽ giữ bản thảo của gã ba tháng hay hơn thế nữa. Sự an ủi độc nhất gã thấy được ở sự đình đốn đó là đỡ mất tiền tem. Hình như chỉ có những tòa-soạn-ăn-cướp là vẫn hoạt động tích cực. Bao nhiêu những bài viết hồi đầu, gã đã giao cho bọn này cả, như “Mò ngọc trai,” “Biển cả là sự nghiệp,” “Bắt rùa,” “Những trận mậu dịch phong đông bắc.” Tất cả những bản thảo đó, gã không nhận được một xu nhỏ nào. Thực vậy, sau sáu tháng trời, thư từ đi lại, gã cũng đành đi đến một thỏa hiệp với họ, nhận một bộ đồ cạo mặt về bài “Bắt rùa”; và tờ “Vệ hành” thỏa thuận sẽ trả cho gã năm đô la tiền mặt và năm năm báo về bài “Những trận mậu dịch phong đông bắc,” nhưng chỉ thực hiện đầy đủ có khoản thứ hai.

Gã thúc mãi mới moi được của lão chủ bút ở Boston hai đô la cho bài xôn về Stevenson^[87]. Lão này làm báo với cái thị hiếu kiểu Matthew Arnold^[88] và một *cái bị đầy truyện giết gân rẻ tiền*. “Nàng tiên và viên ngọc,” một bài thơ trào phúng sắc sảo dài hai trăm câu, vừa mới hoàn thành, vừa mới ra khỏi óc gã, còn nóng hổi, được lão chủ bút của một tờ tạp chí ở San Francisco rất thích. Tạp chí này xuất bản để bảo vệ quyền lợi cho một

Công ty đường sắt lớn. Khi nhận được thư của lão ta đề nghị sẽ thanh toán tiền nhuận bút bằng vé đi xe lửa, gã viết thư hỏi vé có chuyên cho người khác dùng được không. Vì không chuyển được, và vì không đem bán rao được, gã đòi lại bài thơ. Bài thơ được gửi trả lại kèm theo một bức thư của lão chủ bút tỏ ý rất tiếc. Martin lại gửi đi San Francisco, lần này cho tờ “Con ong,” một tờ nguyệt san vào loại huênh hoang đã có một thời tiếng tăm lừng lẫy nhờ cái anh nhà báo tài ba sáng lập ra nó. Nhưng tiếng tăm của tờ “Con ong” cũng đã mờ đi từ lâu trước khi Martin ra đời. Lão chủ bút hứa sẽ trả cho Martin mười lăm đô la về bài thơ, nhưng khi đã đăng rồi thì hình như lão ta quên khuấy đi mất. Nhiều thư của gã bị lờ đi. Gã tổng thêm một bức nữa, lời lẽ thậm tệ. Lần này thì gã nhận được thư trả lời. Nhưng đó là của một tay chủ bút mới; hắn rất lạnh lùng báo cho Martin biết là hắn không chịu trách nhiệm gì về sự sai lầm của lão chủ bút trước, và theo ý hắn thì bài thơ “Nàng tiên và viên ngọc” không có giá trị gì lắm.

Nhưng tàn ác nhất là cách đối xử của tờ “Quả địa cầu,” một tạp chí ở Chicago. Martin đã cố giữ lại tập “Những bài ca về biển” cho đến tận khi túng đói quá không dùng được, gã mới gửi đi. Sau khi bị hàng chục tờ tạp chí quăng đi trả lại, nó mới nằm yên ở tòa soạn tờ “Quả địa cầu.” Tập thơ gần ba mươi bài, và gã sẽ được trả mỗi bài một đô la. Tháng đầu, bốn bài được đăng, và ngay sau đó gã nhận được một tám ngàn phiếu bốn đô la. Nhưng khi xem đến tờ báo, gã hết sức kinh ngạc vì thấy những bài thơ bị cắt xén một cách tàn bạo. Một vài bài bị đổi cả nhan đề, thí dụ bài “Hết” bị đổi là “Kết thúc.” “Bài ca của tảng đá ngầm ngoài khơi” bị đổi là “Bài ca của đá san hô.” Có một trường hợp nhan đề bị thay đổi hoàn toàn bằng một cái tên khác không thích hợp gì. Bài thơ nhan đề là “Ánh sáng của Medusa,” lão chủ bút khi đưa in đã chữa là “Con đường phía sau.” Nhưng sự cắt xén chính những bài thơ mới thật là kinh khủng. Martin rên lên, mồ hôi toát ra, gã vò đầu bứt tóc. Nhiều câu, nhiều dòng, nhiều đoạn bị cắt xén, thay đổi hay sắp xếp lại một cách hết sức kỳ quái không thể nào hiểu nổi. Có những dòng, những đoạn của gã bị thay hoàn toàn. Gã không thể tin được rằng một người chủ bút có lương tri lại có thể có một cách xử sự tàn ác như thế; và giả thiết mà gã cho là đúng đắn nhất là tập thơ của gã đã bị thằng bé chạy giấy của tòa soạn hoặc thằng cha ghi tốc ký sửa chữa làm sai

lạc đi. Lập tức, gã viết thư cho tòa soạn yêu cầu không được tiếp tục đăng nữa và gửi trả lại gã tập thơ ngay. Hết thư này đến thư khác, hết van nài, cầu khẩn lại đe dọa, thư gã vẫn bị lờ đi. Tháng này qua tháng khác, việc cắt xén tàn bạo ấy vẫn cứ tiếp tục cho đến khi ba mươi bài thơ được đăng hết, và tháng tháng gã vẫn cứ nhận được một tám ngàn phiếu trả tiền những bài thơ đăng trong số báo tháng ấy.

Mặc dù gặp phải những điều không may ấy, nhớ lại tám ngàn phiếu bốn mươi đô la của tờ “Con chuột bạch,” gã vẫn vững lòng tin, tuy càng ngày gã càng bắt buộc phải viết những bài lật vặt nhiều hơn. Gã khám phá thấy một nơi có thể kiếm ăn được, đó là những tờ tuần san nông nghiệp và những báo thương nghiệp; còn trông mong vào những tờ báo tôn giáo thì gã thấy có thể dễ dàng bị chết đói lắm. Trong lúc gặp vận bĩ nhất, - bộ quần áo đen của gã vẫn còn ở hiệu cầm đồ - gã lại đạt được một thành công lớn (đối với gã dường như là vậy) trong một kỳ thi có giải thưởng do Quận ủy Đảng Cộng hòa tổ chức. Có ba thể loại, gã tham dự cả ba, tự mình lại chưa chát cười mình bị dòn vào cái thế túng quẫn phải xoay mà sống. Bài thơ của gã được giải nhất mười đô la, bài hát cổ động cho cuộc tổng tuyển cử được giải nhì năm đô la, và bài tiểu luận về tôn chỉ của Đảng Cộng hòa được giải nhất hai mươi năm đô la. Số tiền đó cũng là một điều vui vui đối với gã, khi nào gã nhận được. Nhưng trong Quận ủy Đảng Cộng hòa có điều trục trặc gì đó; tuy trong đám ủy viên có một ông chủ nhà băng kéch xù và một ông thượng nghị sĩ, nhưng tiền thì vẫn không thấy gửi trả. Trong khi việc đó cứ trì chậm như vậy, gã lại tỏ ra rất am hiểu tôn chỉ của Đảng Dân chủ vì gã lại trúng giải nhất trong một cuộc thi tương tự. Hơn nữa, lần này gã nhận được tiền, hai mươi năm đô la. Nhưng còn bốn mươi đô la của cuộc thi trước thì biệt tăm hơi.

Vì cần phải đi thăm Ruth, và thấy con đường từ khu Bắc Oakland đến nhà nàng xa quá, mỗi lần đi đi về về mất rất nhiều thì giờ, gã đành để lại bộ quần áo đen ở hiệu cầm đồ thay thế cho chiếc xe đạp. Đi xe đạp vừa là một cách tập thể dục, vừa tiết kiệm được nhiều thời gian để làm việc, mà cũng vừa cho phép gã được gặp Ruth như thường. Một cái quần bằng vải len mỏng bó ống, một cái áo ni cũ mặc vào đi xe đạp trông cũng dễ coi chán, và thế cũng có thể cùng đi chơi với Ruth vào những buổi chiều được rồi. Và

lại, đạo này gã không còn có nhiều dịp gặp gỡ ở ngay nhà nàng. Bà Morse đang tích cực tiến hành kế hoạch tiếp tân của mình. Những người hào hoa phong nhã gã thường gặp ở đó và cách đây không lâu gã hằng ngưỡng mộ thì bây giờ đã làm cho gã phát ngáy lên. Họ không còn là những người hào hoa phong nhã nữa. Gã trở nên căm ghét, bần gắt, một là vì cuộc sống khó khăn quá, làm việc nhiều quá, lại gặp toàn chuyện thất vọng và cũng là vì chuyện trò của những người như vậy, làm cho gã phát điên lên. Không phải là gã tự thi một cách quá đáng. Dem so sánh với trí óc của những nhà tư tưởng gã được đọc trong sách, gã thấy trí óc họ chật hẹp quá. Ở nhà Ruth quả thật gã chưa hề gặp một người nào có trí óc rộng rãi, chỉ trừ giáo sư Caldwell, mà giáo sư Caldwell thì gã lại chỉ được gặp ở đó có một lần. Còn tất cả bọn kia đều chỉ là một lũ ngớ ngẩn, ngốc nghếch, nông cạn, giáo điều và ngu xuẩn. Chính sự ngu xuẩn đó đã làm cho gã ngạc nhiên. Không biết họ học hành gì? Không biết họ đem dùng vốn liếng học vấn của họ vào đâu? Họ cũng đọc những sách mà gã được đọc. Tại sao họ không rút ra được một cái gì từ những cuốn sách đó?

Gã biết rằng ở trên đời này có những bộ óc vĩ đại, có những nhà tư tưởng sâu sắc, vững vàng. Gã đã thấy những người ấy trong sách, những cuốn sách đã giúp gã có một nền học vấn vượt xa cái tiêu chuẩn của nhà Morse này. Và gã biết rằng có thể tìm thấy được ở trên đời này những nhà trí thức cao hơn cái bọn ở nhà Morse. Gã đã đọc những cuốn tiểu thuyết xã hội Anh, ở đó gã đã thấy những người đàn ông, đàn bà nói chuyện chính trị và triết học. Gã đã đọc thấy ở những thành phố lớn, ngay cả ở nước Mỹ này, có những phòng khách là nơi tụ hội của nghệ thuật và trí tuệ. Trước đây, gã đã quan niệm một cách ngớ ngẩn rằng tất cả những người ăn mặc sang trọng thuộc tầng lớp trên giai cấp công nhân đều là những người có khả năng trí tuệ và hiểu được cái đẹp. Gã đã cho rằng văn hóa và đô la luôn luôn đi đôi với nhau, gã đã bị đánh lừa để tin rằng đi học ở trường đại học và tài cao học rộng chỉ là một.

Được, gã quyết phấn đấu để đi xa hơn, lên cao hơn. Và gã sẽ mang Ruth đi với gã. Gã yêu nàng tha thiết và gã tin rằng ở bất cứ đâu Ruth cũng sáng ngời. Gã thấy rất rõ là đã bị hạn chế nhiều trong môi trường sống ban đầu của mình, và vì thế, bây giờ gã cũng thấy nàng bị hạn chế như vậy.

Nàng không có cơ hội để mở rộng tầm nhìn. Những cuốn sách trên giá sách của cha nàng, những bức tranh trên tường, bản nhạc trên chiếc dương cầm – tất cả chỉ có giá trị phô trương giả tạo. Đối với văn chương thực, hội họa thực, âm nhạc thực, gia đình nhà Morse và tất cả những người cùng loại đều là những người chết. Và lớn hơn tất cả những cái đó là cuộc sống thì họ lại càng mù mịt, tối tăm, ngu xuẩn một cách tuyệt vọng. Mặc dù có khuynh hướng duy nhất thần giáo, mặc dù đeo những mặt nạ tư tưởng rộng rãi một cách bảo thủ, họ vẫn lạc hậu đến hai thế hệ đối với nền khoa học diễn giải. Quá trình tiến triển của trí óc họ còn mang tính chất trung cổ, trong khi cách suy nghĩ của họ về những sự kiện mới nhất của cuộc sống và vũ trụ đối với gã, cũng chỉ là theo phương pháp siêu hình, nó trẻ như một chủng tộc trẻ nhất, và già như loài người ăn lông ở lỗ, và còn già hơn – cũng một cái phương pháp đã làm cho mọi người vượn Pleistocene sợ bóng tối, đã làm cho tên Do Thái hấp tấp man rợ đầu tiên hóa thân cho Eva thành người từ cái xương sườn của Adam, đã làm cho Descartes^[89] dựng lên cả một vũ trụ quan duy tâm phản ánh đúng cái tôi nhỏ bé của ông ta, đã làm cho cái ông thầy tu người Anh nổi tiếng lên án thuyết tiến hóa luận với một thái độ hết sức mỉa mai cay độc, được thiên hạ tức khắc hoan nghênh âm ỉ, và đã để lại trong trang sử của nhân loại một cái tên như bản mà mọi người đời ai cũng biết.

Như vậy, Martin suy nghĩ và cứ suy nghĩ mãi cho đến khi thấy lóe lên trước mắt gã, sự khác nhau giữa những ông luật sư, những công chức, những nhà kinh doanh, những ông thủ quỹ, ngân hàng mà gã đã được gặp với những người trong giai cấp công nhân mà gã được biết chỉ là sự khác nhau ở thức ăn của họ ăn, quần áo họ mặc và những người lân bang hàng xóm họ cùng chung sống. Chắc chắn là tất cả bọn họ đều thiếu một cái gì khác mà gã thấy có ở trong gã và trong sách. Gia đình nhà Morse đã cho gã thấy tất cả những cái đẹp đẽ nhất mà địa vị xã hội của họ có thể tạo ra được, nhưng những cái đó không gây cho gã một ấn tượng gì. Tuy gã chỉ là một kẻ nghèo nàn, một kẻ nô lệ của bọn cho vay lãi, nhưng gã tự thấy còn hơn những người gã thường gặp ở nhà Morse này. Và khi nào bộ quần áo sang trọng duy nhất của gã được chuộc về thì gã lại đi trong đám người ấy như

một ông hoàng cũng run lên với ý nghĩ mình bị sỉ nhục, giống như cảm nghĩ của một ông hoàng bị buộc tội phải cùng chung sống với bọn chần dề.

“Ông căm ghét và sợ những người theo chủ nghĩa xã hội,” gã nhận xét nói với ông Morse vào một buổi tối, lúc bữa ăn. “Nhưng tại sao thế? Ông không biết gì về họ mà cũng không biết học thuyết của họ cơ mà?”

Chính bà Morse đã đưa câu chuyện đến chỗ đó, vì bà đã ca ngợi Hapgood một cách quá đáng nghe phát tức. Martin rất ghét anh chàng thủ quỹ ngân hàng này và khi nào có chuyện gì dính đến cái anh chàng nói năng tầm thường ấy là gã dễ nổi nóng.

“Vâng,” gã nói. “Ông Charley Hapgood thuộc vào cái loại mà người ta thường gọi là người trẻ tuổi đang lên – có người đã nói với tôi như vậy. Kể ra cũng đúng. Rồi đây trước khi hết đời, ông ấy sẽ xoay sở nhảy lên cái ghế thống đốc, và biết đâu có thể sẽ nhảy vào thượng nghị viện nước Mỹ này không chừng.”

“Cái gì đã làm cho ông nghĩ như vậy?” Bà Morse hỏi.

“Tôi đã được nghe ông ấy diễn thuyết trong một cuộc tranh cử. Nó ngắn gọn một cách kỳ lạ và không có một chút độc đáo, ấy thế nhưng vẫn có sức thuyết phục, khiến các ngài lãnh tụ không thể nào coi ông ta là người chắc chắn đáng tin cậy; còn những cái tầm thường thấp kém của ông ta thì cũng y như những cái tầm thường thấp kém của một cử tri bình thường... Ồ phải, bà biết đấy, đem thêm hoa dẹt gấm những ý nghĩ riêng của một người nào rồi trình bày lại cho người đó hay cũng là một cách nịnh khéo đấy.”

“Quả thật em nghĩ rằng anh đã ghen tức với ông Hapgood,” Ruth nói len vào.

“Trời ơi!”

Vẻ kinh hoàng trên nét mặt Martin lại càng làm cho bà Morse có thái độ khiêu khích. Bà lạnh lùng nói:

“Chắc ông không có ý nói ông Hapgood là một người ngớ ngẩn chứ gì?”

“Không hơn gì một đảng viên Cộng hòa bình thường,” gã đáp lại, “hay một đảng viên Dân chủ bình thường – thì cũng thế. Khi nào các ông ấy không khôn ngoan thì các ông ấy rất ngớ ngẩn, và trong số họ rất ít ông khôn ngoan. Đảng viên Cộng hòa mà không khôn ngoan thì chỉ có những ngài

triệu phú và bọn tay sai có ý thức của các ngài ấy. Họ biết đứng về phía nào thì kiểm soát được và biết rõ tại sao.”

“Tôi là một đảng viên Cộng hòa,” ông Morse nói lên vào một cách nhẹ nhàng. “Thế ông liệt tôi vào loại nào nhỉ?”

“Ồ, ông là một tay sai không có ý thức.”

“Tay sai?”

“Vâng, đúng. Ông làm việc cho tập đoàn của ông. Ông không thuộc giai cấp công nhân, ông không làm những việc có tội. Ông không trông mong vào những anh chàng đánh vợ hoặc những kẻ ăn cắp vặt để có tiền thu nhập. Ông sống nhờ vào bọn thống trị xã hội, và bất cứ kẻ nào nuôi sống một người thì kẻ ấy là ông chủ của người ấy. Vâng, đúng, ông là một người làm tay sai. Ông quan tâm tới việc tăng tiến những quyền lợi của những tập đoàn tư bản mà ông phục vụ.”

Mặt ông Morse hơi đỏ lên một chút.

“Quả thật, thưa ông, lời nói của ông không khác gì một thằng xã hội đều cẳng.”

Đúng lúc này là lúc Martin đưa ra nhận xét.

“Ông ghét và sợ những người theo chủ nghĩa xã hội lắm, nhưng tại sao nhỉ? Ông không biết gì về họ mà cũng chẳng biết gì về những học thuyết của họ.”

“Thuyết của ông nghe thật đúng là chủ nghĩa xã hội,” ông Morse trả lời, trong khi Ruth lo lắng nhìn hết người nọ đến người kia; còn bà Morse thì mặt rạn rở, vẻ khoái chí vì đã có cơ hội khích ông hoàng của con gái nói lên quan điểm chống đối của mình.

“Tôi nói những đảng viên Cộng hòa là ngớ ngẩn và cho rằng Tự do, Bình đẳng, Bác ái đều là những bong bóng xà-phòng vỡ tan tành, thì không phải vì thế mà tôi thành một người xã hội.” Gã mỉm cười, trả lời. “Vì tôi chất vấn Jefferson và mấy người Pháp đốt nát đã có ảnh hưởng lớn đến quan điểm của ông ta thì cũng không phải vì thế mà tôi thành một người theo chủ nghĩa xã hội đâu. Thưa ông Morse, xin ông tin cho, ông còn gần chủ nghĩa xã hội hơn tôi nhiều, tôi một kẻ đã tự nhận là kẻ thù của chủ nghĩa ấy.”

“Ý ông muốn pha trò chắc?” Ông Morse không còn biết nói thế nào hơn.

“Thưa không, tôi không pha trò một chút nào. Tôi nói rất nghiêm túc. Ông vẫn cứ tin ở bình đẳng, ấy thế nhưng ông lại làm công việc của những tập đoàn, mà các tập đoàn thì ngày này qua ngày khác chăm chú làm công việc chôn vùi bình đẳng xuống đất đen. Ông cho tôi là người xã hội chỉ vì tôi phủ nhận bình đẳng, và chỉ vì tôi nói rõ cái lẽ sống của ông. Những người Cộng hòa là những kẻ thù của bình đẳng, tuy mồm thì vẫn hò hét khẩu hiệu bình đẳng nhưng thực ra hầu hết bọn họ đang chống lại nó. Lấy danh nghĩa bình đẳng, họ tiêu diệt bình đẳng. Vì thế tôi mới gọi họ là đồ ngớ ngẩn. Còn tôi, tôi theo chủ nghĩa cá nhân. Tôi tin rằng trong một cuộc thi, ai chạy nhanh người ấy được và trong chiến đấu phần thắng thuộc về kẻ mạnh. Đó là bài học tôi đã rút ra được trong môn sinh vật học, hay ít nhất, tôi nghĩ rằng tôi đã học được như vậy. Như tôi đã nói, tôi là một kẻ theo chủ nghĩa cá nhân, mà chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù muôn đời muôn kiếp của chủ nghĩa xã hội.”

“Nhưng ông thường dự những buổi hội họp của những người xã hội.” Ông Morse nói, vẻ thách thức.

“Nhất định rồi, cũng như những người tình báo thường phải ra vào doanh trại của đối phương luôn. Không làm thế thì làm sao mà biết được kẻ địch? Hơn nữa, tôi rất thích thú được dự những buổi họp của họ. Họ là những chiến sĩ giỏi, và dù phải hay trái họ cũng đã đọc nhiều sách. Bất cứ người nào trong bọn họ đều hiểu xã hội học và tất cả các thứ học thuyết khác hơn bất cứ ông chủ xí nghiệp bình thường nào. Vâng, tôi đã dự những buổi hội họp của họ dăm bảy lần, nhưng cái đó không thể làm cho tôi trở thành một người theo chủ nghĩa xã hội được, cũng như nghe ông Charley Hapgood diễn thuyết chẳng làm cho tôi trở thành một người Cộng hòa được.”

“Tất nhiên,” ông Morse nói, giọng đã dịu đi. “Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng ông có khuynh hướng như vậy.”

Trời ơi, gã nghĩ thầm, ông ta không hiểu mình đang nói gì. Ông ta không hiểu một tí gì cả. Không hiểu ông ta dùng cái vốn học thức của ông ta để làm gì?

Như thế đó, trí óc gã càng phát triển, gã càng thấy mình mặt đối mặt với cái đạo đức kinh tế hay là cái đạo đức giai cấp, và chẳng bao lâu đối với gã nó trở thành một con quái vật kinh tởm. Bản thân gã là một nhà đạo đức có lý trí, và gã thấy cái lối phô trương tầm thường còn không khó chịu bằng cái đạo đức của những người xung quanh; đó là mớ hỗn độn đủ tiền tài, siêu hình, tình cảm suốt ruột và thói bất chước lẫn nhau.

Một trong những cái mớ kỳ quái ấy, gã thấy ở gần, ngay trong gia đình gã. Em gái gã, Marian thường đi lại với một anh chàng thợ máy người Đức, trẻ tuổi, cần cù. Sau khi đã học thạo nghề, anh ta bỏ vốn ra mở một cửa hiệu sửa chữa xe đạp. Sau đó lại đứng làm đại lý cho một hãng xe loại thường, anh ta làm ăn phát đạt. Cách đây ít bữa, Marian đến tận chỗ Martin để báo cho anh trai biết hai người đã chính thức đính ước với nhau. Hôm ấy cô vui vẻ xem tướng tay cho gã. Lần sau, cô dẫn cả Hermann von Schmidt theo. Martin đón tiếp rất trang trọng và chúc mừng hai người, nhưng lời nói của gã dễ dàng quá, lịch sự quá khiến người yêu của cô em gái vốn là người đầu óc quê kệch cảm thấy khó chịu lắm. Cảm tưởng xấu ấy lại càng tăng lên khi Martin đọc to mấy đoạn thơ gã làm để ghi nhớ ngày Marian đến thăm gã lần trước. Đó là một vài thơ vui, nhẹ nhàng, tẻ nhạt mà gã đặt tên là “Người xem tướng tay.” Nhưng khi đọc xong, gã rất ngạc nhiên thấy trên nét mặt Marian không có ý gì là vui vẻ cả. Cô ta lo lắng nhìn người chồng chưa cưới của mình; Martin nhìn theo và thấy lộ rõ trên nét mặt không cân xứng của anh chàng chỉ có vẻ không tán thưởng, bức bối và khó chịu. Sự việc qua đi; hai người xin phép ra về sớm, và Martin cũng quên ngay chuyện đó, tuy lúc bấy giờ gã rất ngạc nhiên thấy có một người đàn bà dù người ấy thuộc giai cấp công nhân đi nữa – lại không thấy thích thú và sung sướng khi được người ta làm thơ về mình.

Mấy hôm sau, vào một buổi tối, Marian lại đến thăm anh, nhưng lần này đi có một mình. Cô ta không để mất thì giờ, mà đi thẳng ngay vào vấn đề, cô buồn rầu trách gã về việc gã đã làm.

“Sao, Marian?” Gã cự lại. “Em nói như thể em thấy xấu hổ về bà con họ hàng của em, xấu hổ về anh trai của em...”

“Em xấu hổ thật đấy,” cô nói tuột ra.

Martin rất bối rối khi thấy những giọt nước mắt tủi hổ của cô em gái. Dù sao chẳng nữa, tâm trạng của Marian cũng rất thành thực.

“Nhưng kìa Marian, tại sao Hermann của em lại có thể ghen tuông vì anh làm thơ về em gái anh?”

“Anh ấy không ghen đâu,” cô nức nở, “anh ấy bảo rằng làm thế bất lịch sự lắm, tục... tục tũn lắm.”

Martin huýt một tiếng sáo dài, khe khẽ, không tin rồi gã lục ra một bản sao đánh máy bài thơ “Người xem tướng tay.” Gã đọc lại rồi đưa cho Marian.

“Anh không thấy có chỗ nào; em hãy đọc đi và chỉ cho anh xem chỗ nào là tục tũn – em vừa dùng từ đó phải không nhỉ?”

Marian gạt tờ bản thảo ra không cần xem, vẻ căm ghét, trả lời.

“Anh ấy đã nói thế, và hẳn là anh ấy phải biết rõ. Anh ấy bảo rằng anh phải xé bài thơ đó đi. Anh ấy bảo anh ấy không muốn người ta làm thơ về vợ anh ấy để cho thiên hạ ai cũng đọc được. Anh ấy bảo đó là một điều sỉ nhục và anh ấy không chịu để thế đâu.”

“Kìa, Marian, thật vô lý quá!” Gã đáp lại, nhưng vội thay đổi ý kiến.

Gã thấy trước mặt gã một người con gái khổ sở, gã biết rằng không thể nào thuyết phục nổi cô ta hoặc chồng cô ta, nên tuy câu chuyện hết sức là vô lý và dơ bẩn, gã cũng đành chịu vậy.

“Thôi được,” gã vừa nói vừa xé bản thảo bài thơ ra làm nhiều mảnh và vứt vào sọt rác.

Gã yên chí là bản thảo chính đã nằm yên ở tòa soạn tạp chí New York rồi. Marian và chồng không bao giờ biết được điều đó, và cả gã, cả hai vợ chồng cô ta, cả thiên hạ không ai bị thiệt nếu bài thơ xinh xinh vô thưởng vô phạt ấy được đăng lên.

Marian định chạy lại chỗ sọt rác, nhưng ngừng lại.

“Em cầm về được không?” Cô khấn khoản.

Gã gật đầu, vẻ suy nghĩ nhìn cô ta nhặt những mảnh giấy xé vụn đút vào túi áo ngoài, - một bằng chứng cụ thể để chứng tỏ cô đã hoàn thành nhiệm vụ. Marian làm cho gã nhớ lại Lizzie Connolly. Tuy cô ta không bùng bùng sôi nổi và diêm dúa như cô gái công nhân mà gã đã được gặp hai lần ấy, nhưng hai người giống nhau trong cách ăn mặc, cách đi đứng. Gã

mỉm cười, thầm thích thú vì bỗng dung tưởng tượng một trong hai cô gái này xuất hiện trong phòng khách nhà bà Morse. Nhưng sự thích thú nhạt dần đi, gã cảm thấy một nỗi cô quạnh mênh mông. Cái cô em gái này của gã và phòng khách nhà bà Morse là những cột mốc trên con đường gã đã đi qua. Và gã đã bỏ chúng lại xa ở đằng sau. Gã trù mền nhìn xung quanh, nhìn những cuốn sách ít ỏi của gã. Chỉ còn lại những cuốn sách này là bạn thôi.

“Hừ, em hỏi gì anh nhỉ?” Gã giật mình ngạc nhiên hỏi.

Marian nhắc lại câu hỏi.

“Tại sao anh lại không đi làm?”

Gã phá lên cười nhưng hơi gượng gạo: “Chắc anh chàng Hermann của em nói thế với em chứ gì?”

Cô ta lắc đầu.

“Đừng nói dối!” Gã nghiêm giọng.

Cô khẽ gật đầu khẳng định gã đã nói đúng.

“Hừ, cô hãy về bảo với anh chàng Hermann của cô là cứ lo lấy việc của mình đã; rằng tôi làm thơ về người con gái mà anh ấy sắp lấy, anh ấy muốn can thiệp thì được, còn ngoài việc đó ra thì không được nói gì hết. Hiểu chưa?”

“Thế ra cô cũng nghĩ rằng anh không thể thành công trong nghề viết văn được hả?” Gã nói tiếp. “Cô cũng nghĩ rằng anh chẳng làm nên được trò trống gì, càng ngày càng xuống dốc và làm hổ nhục cho gia đình hả?”

“Em nghĩ rằng, anh nên kiếm một việc gì đi làm thì hơn,” cô nói, giọng quả quyết, và gã thấy em gái mình rất thành thực. “Anh Hermann nói...”

“Kệ xác cái anh Hermann của cô!” Gã vui vẻ ngắt lời. “Anh chỉ muốn biết khi nào thì hai cô cậu làm lễ cưới. Cô thử hỏi xem anh chàng Hermann của cô có cho phép cô nhận đồ mừng của anh không.”

Sau khi Marian ra về, gã ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Đôi lúc gã cười phá lên, chua chát nghĩ tới cô em gái và anh chồng chưa cưới của cô ta, nghĩ tới tất cả những người cùng giai cấp với gã và những người cùng giai cấp với Ruth sống một cuộc sống chật hẹp, nhỏ bé, - họ chỉ là những con cừu sống thành bầy thành đàn, bắt cuộc sống vào khuôn vào nếp, dập theo ý kiến của kẻ khác, không còn là những cá nhân sống một cuộc sống thực chỉ vì những

công thức ấu trĩ mà họ đem thân làm nô lệ. Gã tập hợp tất cả những con người đó lại để cho những hình bóng của họ lần lượt đi qua trước mặt gã: Bernard Higginbotham tay nắm tay với ông Butler, Hermann von Schmidt sát cánh với Charley Hapgood, và từng người một hay những đôi gã đánh giá rồi xua đuổi đi – gã đánh giá họ dựa trên những tiêu chuẩn đạo đức và tri thức mà gã đã học tập được trong sách vở. Gã hỏi mãi mà không tìm thấy câu trả lời: “Nhưng tâm hồn vĩ đại, những người đàn ông, đàn bà vĩ đại ở đâu?” Gã thấy họ không phải là đám người trí thức cầu thả, thô lỗ, ngớ ngẩn đang trở về kia trong căn phòng chật hẹp của gã theo tiếng gọi của trí tưởng tượng. Gã cảm thấy kinh tởm lũ người này, chẳng khác gì Circe^[90] kinh tởm con lợn cái của mụ. Khi gã đã xua đuổi cái hình bóng cuối cùng đi và nghĩ rằng gã chỉ còn lại một mình thì một hình bóng đến muộn bước vào, một hình bóng mà gã không mời, cũng không chờ đợi, Martin chăm chú nhìn và thấy một gã còn đồ trẻ, đầu đội mũ vành cứng, mặc một cái áo ngắn cộc cốn, ngực áo lót dây, vừa đi vừa đung đưa đôi vai, gã ấy chính là Martin một thời xa xưa.

“Thì mày cũng như tất cả bọn chúng nó thôi, gã trẻ tuổi kia ời!” Gã mỉa mai. “Đạo đức của mày, kiến thức của mày thì có khác chi chúng nó. Mày có ý nghĩ, một hành động gì riêng của bản thân mày đâu. Ý kiến của mày, cũng như quần áo của mày, đều là may sẵn, hành động của mày cũng dập khuôn theo sở thích của thiên hạ. Mày cầm đầu bọn còn đồ anh chị, chẳng qua chỉ vì bọn chúng tâng bốc mày. Mày gây gỗ đánh nhau và đứng đầu bọn chúng không phải là vì mày thích, mày biết là mày thực sự khinh ghét cái việc đó là đằng khác. Nhưng chính vì chúng nó vỗ về mày. Mày đánh gục thằng Mặt-pho-mát vì mày không muốn nhượng bộ đầu hàng; mà mày không muốn nhượng đầu hàng một phần vì mày là một thằng cục súc đến cực độ, còn thì vì mày cũng tin như tất cả những đứa khác quanh mày tin rằng sự đánh giá một thằng người là căn cứ vào cái thói đã man hung bạo đầy thú tính trong việc câu xé, đánh đập, gây tổn thương cho kẻ đồng loại. Chứ sao, đồ chó đẻ, mày phồng tay trên nhân tình của những thằng khác, không phải vì mày thích gì những đứa con gái ấy đâu, nhưng vì chính trong xương tủy những thằng chúng mày, đạo đức là theo bản năng con ngựa

giống hung dữ hay con cua biển đực. Hừ, năm tháng đã trôi qua rồi, bây giờ thì mày nghĩ gì về cái đó.”

Như để trả lời, hình bóng ấy biến dạng rất nhanh. Cái mũ vành cứng và cái cổ áo cộc cấn biến đi, thay thế vào đó là một bộ quần áo nhã nhặn hơn. Nét mặt không còn gân guốc nữa, đôi mắt không còn dữ tợn nữa và khuôn mặt đã được gột sạch vết nhơ, đẹp lên, ánh lên từ cuộc sống bên trong cảm thông với cái đẹp và tri thức. Càng nhìn gần càng thấy hình bóng ấy đúng là bản thân gã hiện tại. Gã nhận ra cái đèn làm việc đang tỏa ánh sáng và quẳng sách mà cái bóng ấy đang cúi xuống. Gã liếc nhìn nhan đề sách: “Khoa học của thẩm mỹ.” Rồi gã nhập mình vào cái bóng đó, sửa lại bậc đèn và đọc tiếp.

[87] Robert Louis Stevenson (1850-1899), nhà văn Anh, tác giả cuốn “Đảo giấu vàng”.

[88] Matthew Arnold (1822-1888), một nhà thơ kiêm phê bình Anh.

[89] René Descartes (1596-1650) – một triết gia Pháp.

[90] Nữ phù thủy trong thần thoại Hy Lạp. Mụ đã hóa phép làm cho tất cả những người đồng hành với Ulysses biến thành lợn cái.

CHƯƠNG 30

Một ngày thu đẹp, một ngày tiết trời cuối thu dịu dàng giống như hai người tỏ tình với nhau một năm trước đây, Martin đọc tập “Thơ tình” cho Ruth nghe. Đó là một buổi chiều cũng như một năm trước đây, hai người đi xe đạp lên ngọn đồi mà họ thích nhất. Thỉnh thoảng nàng lại thốt lên những lời tán thán thích thú, ngắt lời gã đọc. Và bây giờ, đặt tờ cuối cùng của tập bản thảo xuống bên những tờ kia, gã đợi chờ nàng phê phán.

Nàng không nói vội; cuối cùng, nàng áp úng ngập ngừng chọn lời sao nói lên được ý nghĩ gay gắt của mình.

“Em thấy những bài thơ của anh đẹp, rất đẹp. Nhưng anh không thể bán được chúng, có phải không? Anh hiểu ý em chứ!” Nàng nói gần như năn nỉ. “Những sáng tác của anh không thực tế, có thể là có một cái gì đó chưa phù hợp với thị trường chăng? Nó đã làm cho anh không thể nhờ nó mà sống được. Martin à, anh đừng hiểu nhầm em. Em rất sung sướng, rất tự hào anh đã làm thơ tặng em – nếu em không sung sướng không tự hào thì

quả em không phải thực sự là một người đàn bà nữa. Nhưng những sáng tác của anh vẫn không thể làm cho đám cưới cũng chúng ta tiến hành được. Anh thấy không, Martin? Anh đừng nghĩ rằng em là một kẻ chỉ thích tiền. Chính tình yêu, chính ý nghĩ về tương lai của chúng ta làm cho em lo lắng. Một năm trôi qua rồi từ ngày chúng ta bắt đầu biết rõ là chúng ta yêu nhau, thế nhưng ngày cưới vẫn chẳng gần hơn. Xin anh đừng cho em là thiếu tế nhị khi em nói đến chuyện cưới xin của chúng ta, bởi vì thực sự trái tim em, và tất cả đời em, em đã gửi gắm vào đó rồi. Tại sao anh không gắng kiếm việc làm ở một tờ báo hàng ngày nếu như anh cứ tha thiết theo đuổi nghề viết đến thế? Tại sao anh không đi làm một phóng viên? – Ít nhất thì cứ làm một thời gian?”

“Nó sẽ làm hỏng mất văn phong của anh!” Gã trả lời, giọng khe khẽ, đều đều. “Em không biết anh đã rèn luyện văn phong của anh như thế nào ư?”

“Thế những truyện ngắn ấy,” nàng vặn lại, “anh gọi chúng là những bài viết lặt vặt. Thế mà anh vẫn viết rất nhiều. Nó không làm hỏng văn phong của anh hay sao?”

“Không, hai vấn đề khác nhau. Những truyện ngắn đó đã được anh viết ra, sau một ngày dài miệt mài rèn luyện văn phong. Nhưng công việc của một người phóng viên thì hoàn toàn là những công việc lặt vặt từ sáng đến tối, và đó là công việc chính trong cuộc sống của anh ta. Đó là một cuộc sống quay cuồng như cơn lốc, một cuộc sống chỉ có trước mắt, không có quá khứ, không có tương lai và chắc chắn cũng chẳng cần phải nghĩ tới văn phong văn phiếm gì, ngoài cái văn phong phóng sự, mà đó thì chắc chắn không phải là văn chương. Đúng vào thời kỳ văn phong của anh thành hình, kết tinh mà anh đi làm nghề phóng viên thì tức là giết chết sự nghiệp văn học của mình. Đúng thế đấy, mỗi một truyện vặt, mỗi từ trong truyện ấy là một sự xúc phạm tới bản thân anh, tới lòng tự trọng của anh, tới lòng tôn kính cái đẹp của anh. Nói thật với em, điều đó thật là khổ tâm. Anh đã phạm tội. Và trong thâm tâm, anh rất mừng khi thấy nó không bán được ở thị trường dù cho vẫn phải đem quần áo đi cầm chẳng nữa. Nhưng niềm vui khi viết tập “Thơ tình” này! Niềm vui sáng tạo dưới hình thức cao quý nhất của nó! Đó là phần thưởng đền bù cho tất cả.”

Martin không biết rằng Ruth không thông cảm được với niềm vui sáng tạo ấy. Nàng đã dùng từ đó – lần đầu tiên gã được nghe từ đó chính ở đôi môi nàng thốt ra. Nàng đã đọc, đã nghiên cứu nó ở trường đại học khi chuẩn bị thi tú tài văn chương, nhưng nàng không có một cái gì là độc đáo, là sáng tạo, và tất cả những biểu hiện về học thức của nàng chỉ là nhai đi nhai lại những lời nhai đi nhai lại của kẻ khác.

“Biết đâu ông chủ bút lại chẳng có lý khi ông ấy hiệu đính lại toàn bộ tập “Những bài ca về biển” của anh?” Nàng hỏi. “Anh nên nhớ, ít nhất người ta cũng phải có đủ tư cách nhất định nếu không đã không làm nổi chủ bút.”

“Đây cũng là một sự khăng khăng cố chấp sẵn của cái đã xác định,” gã trả lời, sự bực bội của gã đối với bọn chủ bút làm cho gã không giữ được bình tĩnh. “Cái gì tồn tại đều không những là có lý mà còn không có gì hơn được. Bất kỳ một vật gì, chỉ cần nó tồn tại là đủ để chứng minh lý do tồn tại của nó – em nghe nhé, em tồn tại như con người bình thường vẫn tin một cách không tự giác, không phải chỉ ở hoàn cảnh hiện tại mà ở bất cứ hoàn cảnh nào. Tất nhiên chính vì họ ngu dốt nên họ mới tin được một điều vô lý như thế - và sự ngu dốt của họ chính là cái quá trình *tư tưởng theo thuyết nhất nguyên* đã được Weininger miêu tả không hơn không kém. Họ tưởng rằng họ suy nghĩ, thế mà tất cả những sinh vật không suy nghĩ một chút nào ấy lại là những kẻ cầm cân nảy mực cho cuộc sống của một số rất ít người thực sự suy nghĩ.

Gã ngừng lại, chợt thấy mình đang nói quá sức hiểu biết của Ruth.

“Quả thực, em không biết cái anh chàng Weininger là ai,” nàng cãi lại, “và lối nói của anh khá quát gộp quá, em không sao hiểu được. Em đang nói đến những tư cách để làm chủ bút.”

“Và anh xin nói với em là...” Gã ngắt lời, “tư cách chính của chín mươi năm phần trăm các ngài chủ bút là sự thất bại. Các ngài ấy đã thất bại trong nghề viết văn. Đừng nghĩ rằng các ngài ấy thích cái công việc bàn giấy cặm cùi, chán ngấy cái công việc khôn khổ lo cho báo phát hành, lo cho công việc quản lý kinh doanh hơn cái thú viết văn đâu. Các ngài ấy đã thử viết và đã thất bại. Và điều nghịch lý đáng nguyên rủa là ở chỗ đó. Tất cả những cửa ải dẫn tới sự thành công văn chương đều được bọn chó canh

cửa ấy canh giữ, chúng, một lũ đã thất bại trong văn chương. Các ngài chánh chủ bút, phó chủ bút, biên tập viên, phần lớn các ngài ấy, các ngài phụ trách đọc bản thảo cho các tạp chí, cho các nhà xuất bản, phần lớn các ngài ấy, hầu hết các ngài ấy đều muốn viết văn và đều đã thất bại. Ấy thế mà, tất cả những con người bất tài bất lực nhất dưới ánh mặt trời ấy, lại chính là những kẻ quyết định cái gì in được, cái gì không. Họ tỏ ra không có một chút gì độc đáo, tỏ ra thiếu một ngọn lửa thần kỳ, nhưng họ vẫn ngồi đó mà phê phán cái độc đáo, cái thiên tài. Và sau họ lại còn những ông biên tập – cũng toàn là những kẻ thất bại không kém. Đừng nói rằng họ không mơ giấc mơ ấy, đừng nói rằng họ không hề thử làm thơ và viết tiểu thuyết, vì họ đã mơ, đã thử, nhưng đã thất bại. Sao, một bài phê bình tầm thường còn lộng giọng hơn cả dầu cá thu. Nhưng em đã biết ý kiến của anh về bọn biên tập và bọn làm ra ta đây là những nhà phê bình rồi. Tất nhiên là có những nhà phê bình lớn, nhưng những người này thì hiếm như sao chổi vậy. Nếu anh thất bại trong nghề viết văn, anh sẽ xoay sang nghề chủ bút. Gì đi nữa, thì cũng có bánh, có bơ, có cả mứt mà ăn.”

Óc nhận xét của Ruth nhạy bén, nàng thấy ngay mâu thuẫn trong cách lập luận của người yêu và nàng lại càng không tán thành những quan điểm của gã.

“Nhưng, Martin, nếu sự thực là như vậy, nếu tất cả các cửa đều đã bị đóng chặt như anh vừa kết luận, thì tại sao lại có thể có những nhà văn lớn đã từng thành công?”

“Họ thành công vì học đã đạt tới cái không thể đạt được,” gã trả lời. “Họ sáng tạo những công trình huy hoàng sáng chói, họ có thể đốt thành tro tất cả những cái gì ngăn cản họ. Họ thành công vì họ đã làm được chuyện thần kỳ, đã chiến thắng trong một cuộc đấu gay go nghìn phần thắng một. Họ thành công vì họ là những con người khổng lồ dạn dày chiến đấu, nhất định không chịu khuất phục. Và chính đó là cái anh phải làm, anh phải đạt được cái không thể đạt được.”

“Nhưng nếu anh thất bại? Anh cũng phải nghĩ đến em nữa chứ, anh Martin!”

“Nếu anh thất bại,” gã nhìn nàng một lúc dường như ý nghĩ nàng vừa thốt ra đó là một điều không thể nghĩ tới được. Sự nhanh trí làm mất gã

sáng lên. “Nếu anh thất bại, anh sẽ trở thành một ông chủ bút, và em sẽ là vợ một ông chủ bút vậy.”

Nàng cau mày vì câu nói đùa ấy – một cái cau mày nom xinh quá, đáng yêu quá khiến gã phải ôm lấy nàng và hôn.

“Thôi thế đủ rồi,” nàng nói, cố sức tránh sự lôi cuốn mê hoặc của sức mạnh nơi Martin. “Em đã nói chuyện với ba và mẹ. Chưa bao giờ em lại trái ý ba, mẹ em như vậy. Em bắt ba, mẹ em phải nghe em. Em thật là khó bảo. Anh biết đấy, ba, mẹ em đều không ưa anh, nhưng em nói đi nói lại em nhất định chỉ yêu anh, và sau cùng ba phải đồng ý, nếu anh muốn, anh có thể đến làm việc ngay lập tức ở phòng luật sư của ba. Ba hứa rằng, ngay lúc đầu, ba sẽ trả lương cho anh đủ để hai chúng mình có thể làm lễ cưới được và có một căn nhà nho nhỏ ở đâu đó. Em nghĩ như thế là ba rất tốt, có phải không, anh?”

Martin cảm thấy nhói trong tim một nỗi thất vọng đau đớn, gã thò tay vào túi định lấy giấy và thuốc để cuốn (đã từ lâu gã không mang theo thuốc lá trong túi) vừa lẩm bẩm nói câu gì nghe không rõ. Ruth nói tiếp:

“Thành thực xin anh đừng tự ái – em phải nói thật để anh rõ ba đã nghĩ về anh như thế nào. Ba không thích những quan điểm cấp tiến của anh, và ba cho rằng anh là một người lười biếng. Tất nhiên, em thì em biết là anh không lười. Em biết rằng anh làm việc rất vất vả.”

Vất vả như thế nào thì chính cả em cũng không biết, Martin thoáng nghĩ.

“Hừ, được,” gã nói. “Thế còn em nghĩ thế nào về những quan điểm của anh? Theo ý em thì có cấp tiến không?”

Gã đắm đắm nhìn vào mắt nàng, đợi câu trả lời.

“Em thấy những quan điểm của anh làm cho người ta rối rắm khó hiểu lắm,” nàng đáp.

Câu hỏi đã được trả lời. Gã cảm thấy cuộc sống xám ngắt đè nặng lên người, nặng trĩu đến nỗi gã quên cả lời đề nghị hấp dẫn của nàng giục gã đi làm. Còn nàng, sau khi đã dám nói ra những ý nghĩ của mình thì sẵn sàng chờ đợi câu trả lời cho đến khi nàng có thể nêu lại vấn đề.

Nàng không phải chờ đợi lâu la gì. Martin cũng có một câu hỏi cần đặt ra cho nàng. Gã muốn biết rõ lòng tin của nàng đối với gã đến đâu. Và trong

tuần lễ đó cả hai đều được trả lời. Martin sớm biết được do gã đã đọc cho nàng nghe tập “Sự hồ thẹn của mặt trời.” Gã vừa đọc xong thì nàng hỏi ngay:

“Tại sao anh không trở thành một phóng viên? Anh thích viết như vậy, em tin chắc là anh sẽ thành công. Anh có thể đi lên được trong ngành báo chí, có thể có tên tuổi. Thiếu gì những đặc phái viên đã nổi danh. Lương họ cao, phạm vi hoạt động của họ là cả thế giới. Họ được cử đi khắp nơi, đến tận trung tâm châu Phi như Stanley, được phỏng vấn cả đức Giáo hoàng hay đi thám hiểm cả miền Tây Tạng chưa ai biết tới.”

“Như thế là em không thích bài luận văn của anh phải không? Em cho rằng anh chỉ có một chút khả năng nào đó về nghề làm báo chứ không có chút gì về văn chương phải không?”

“Không, không, em thích bài luận văn lắm. Nghe hay. Nhưng em e rằng nó vượt xa tầm hiểu biết của người đọc. Ít nhất nó cũng vượt xa tầm hiểu biết của em. Nghe thì hay lắm, nhưng em không hiểu được. Những thuật ngữ khoa học của anh vượt quá sức em. Anh là một con người cực đoan, anh thân mến, anh biết đấy, những cái gì có thể hiểu được đối với anh thì tất cả những người như em có thể không sao hiểu nổi.”

“Anh nghĩ chính những thuật ngữ triết học đã làm cho em bực mình đấy.” Gã chỉ còn biết trả lời như thế.

Gã còn đang bưng bưng rung cảm vì vừa được đọc lên những tư tưởng chín chắn nhất của mình diễn đạt thành văn thì lời kết án của nàng khiến gã choáng váng. Gã gặng hỏi:

“Cho là nó viết tồi đi nữa, nhưng em có thấy một cái gì trong đó không? Ý anh muốn nói về tư tưởng của nó?”

Nàng lắc đầu:

“Không, nó hoàn toàn khác với bất cứ cái gì em đã đọc. Em đã đọc Maeterlinck và hiểu được ông ta”

“Thuyết huyền bí của ông ta, em hiểu được?” Gã nói nhanh.

“Vâng, còn bản luận văn này của anh mà anh cho là một cuộc tấn công vào ông ta, thì em không sao hiểu nổi. Tất nhiên, nếu kể đến tính chất độc đáo thì...”

Gã ngắt lời nàng bằng một cử chỉ sốt ruột, nhưng tiếp sau đó, gã không nói gì. Bỗng gã nhận thấy nàng đang nói và nói một lúc lâu lâu.

“Nói cho cùng, anh viết văn để vui chơi. Chắc chắn anh vui chơi thế cũng mất khá nhiều thời gian rồi đấy. Đã đến lúc phải quan tâm đến cuộc sống một cách nghiêm túc – cuộc sống *của chúng ta* chứ anh Martin, cho đến nay anh mới chỉ nghĩ đến cuộc sống của riêng anh.”

“Em muốn anh đi làm ư?” Gã hỏi.

“Vâng. Ba đã cho...”

“Anh hiểu tất cả những điều đó.” Gã ngắt lời. “Nhưng điều anh muốn biết là em đã mất lòng tin ở anh rồi chẳng?”

Nàng yên lặng nắm lấy tay gã, mắt mờ đi.

“Vâng, ở việc viết lách của anh, anh thân yêu,” nàng khe khẽ thú nhận.

“Em đã đọc nhiều bài của anh viết,” gã sẵn giọng nói tiếp. “Em nghĩ thế nào về những bài viết đó? Có thật là hoàn toàn tuyệt vọng không? So sánh với những bài của người khác thì sao?”

“Nhưng họ bán được tác phẩm của họ, còn anh thì... không.”

“Nói thế là chưa trả lời câu hỏi của anh. Em có nghĩ rằng văn chương không phải là năng khiếu của anh không?”

“Thế thì em sẽ trả lời câu hỏi của anh.” Nàng ráng cứng cổ nói. “Em nghĩ rằng anh không phải sinh ra để viết văn. Tha lỗi cho em, anh thân yêu. Anh buộc em phải nói điều đó. Anh biết rằng em còn hiểu biết về văn chương nhiều hơn anh.”

“Phải, em đã có bằng tú tài văn chương,” gã trả lời, vẻ trầm ngâm, “hẳn là em phải hiểu biết hơn chứ?”

“Nhưng còn nhiều điều phải nói,” gã tiếp tục sau một lát im lặng nặng nề cho cả hai. “Anh biết anh có cái gì trong anh, không ai có thể biết cái đó rõ hơn anh. Anh biết anh sẽ thành công. Nhất định anh không chịu lùi bước. Anh thấy hừng hực bốc lửa tất cả những cái anh cần phải viết ra thành thơ thành truyện, thành những bài luận văn. Dù sao, anh cũng không đòi hỏi em tin ở cái đó. Anh không đòi hỏi em tin ở anh, tin ở những sáng tác của anh. Cái mà anh đòi hỏi là em yêu anh và tin ở tình yêu.

“Một năm trước đây, anh đã nói hãy để cho anh hai năm. Còn một năm nữa cơ mà. Với cả danh dự, cả tâm hồn, anh tin chắc rằng trước khi hết thời hạn hai năm, nhất định anh sẽ thành công. Chắc em còn nhớ những điều em đã nói với anh cách đây đã lâu là anh phải qua thời kỳ tập sự trong nghề viết văn. Ừ, thì anh đã qua thời kỳ tập sự đó. Anh đã miệt mài nhồi nhét, thu nhập cô đúc. Có em chờ ở cuối chặng đường thì không bao giờ anh nao núng. Em có biết không, đã từ lâu anh không biết thế nào là một giấc ngủ êm đềm. Hình như được ngủ cho đầy giấc và bừng thức dậy sau một giấc ngủ say đối với anh là một cái gì xa xưa từ mấy ngàn năm trong quá khứ. Bây giờ anh luôn luôn thức dậy theo tiếng chuông đồng hồ báo thức. Dù đi ngủ sớm hay muộn, anh cũng phải để giờ báo thức đúng qui định. Việc đó cùng với việc tắt đèn là những hành động có ý thức cuối cùng trong ngày của anh.

“Khi bắt đầu buồn ngủ, anh đổi cuốn sách khó hiểu nặng nề, đọc một cuốn nhẹ nhàng hơn. Khi anh gà gât buồn ngủ, anh lấy những đốt ngón tay đâm vào đầu để xua đuổi giấc ngủ đi. Anh có đọc ở đâu đó về một người sợ ngủ. Kipling đã viết truyện này. Người đó cắm một cái đinh thúc thế nào đó để khi anh ta gà gât ngủ thì mũi đinh bằng sắt ấy lại đâm ngay vào chỗ cơ thể dễ trần của mình. Anh cũng làm như vậy. Anh nhìn đồng hồ và quyết định phải thức làm việc cho đến nửa đêm, một giờ sáng, hai giờ, ba giờ rồi mới được cất đinh đi. Và thế là nó bắt anh phải tỉnh cho đến hết giờ quy định. Mũi đinh thúc ấy là bạn cùng giường với anh nhiều tháng nay rồi. Anh làm việc mê mẩn đến nỗi coi việc ngủ những năm tiếng rưỡi một đêm là một điều kỳ khôi. Bây giờ anh chỉ ngủ có bốn tiếng. Lúc nào anh cũng đói ngủ. Có những lúc đầu anh như loạng ra mênh mang vì thiếu ngủ. Có những lúc cái chết thực sự đã quyến rũ anh với giấc ngủ và sự nghỉ ngơi vĩnh viễn: có những lúc tâm trí anh bị ám ảnh bởi những dòng thơ của Longfellow:

Biên cả trầm lặng và thăm sâu
Muôn vật dưới đáy sâu im lìm ngủ
Chỉ một bước là xong, xong hết
Lao mình xuống,
Bọt nổi lên, và thế là hết

Tất nhiên, cái đó thật vô lý. Chính là do thần kinh bị căng thẳng, trí óc làm việc quá nhiều. Nhưng vấn đề là: tại sao anh lại làm như vậy? Vì em. Để rút ngắn thời gian tập sự. Để bắt Thành công phải đến nhanh hơn. Và bây giờ anh đã xong thời kỳ tập sự. Anh biết rõ mức trang bị của anh. Anh dám nói rằng anh học một tháng hơn một sinh viên bình thường học cả một năm. Điều đó anh biết chắc và anh dám nói với em thế. Nếu không vì sự cần thiết một cách ghê gớm phải nói ra để em hiểu anh, thì có lẽ cũng chẳng nói ra làm gì. Không phải là khoe khoang. Anh đánh giá kết quả bằng sách vở. Bây giờ các anh em của em chỉ là những kẻ man di ngu dốt nếu dám so sánh họ với anh, với những kiến thức mà anh đã bóp vắt ra được từ những cuốn sách anh đọc trong đêm khuya, lúc họ đang ngủ say. Đã từ lâu, anh luôn hằng ao ước được nổi tiếng. Bây giờ thì anh không cần gì lắm đến tiếng tăm. Cái mà anh cần là em, anh khao khát em hơn khao khát thức ăn, hơn quần áo, hơn tiếng tăm. Anh ước mơ được gói đầu vào ngực em, ngủ một giấc ngủ triền miên hàng thế kỷ, và giấc mơ của anh sẽ thành sự thật trước khi một năm nữa qua đi.”

Sức mạnh của gã xô vào người nàng, như sóng cồn, từng đợt từng đợt; và đúng vào lúc mà ý chí của gã đối lập với nàng nhất thì nàng lại cảm thấy bị gã cuốn hút mãnh liệt nhất. Sức mạnh luôn luôn trào ra từ con người ấy choán lấy nàng, giờ đây cuộn cuộn chảy trong giọng nói sôi nổi say sưa, trong đôi mắt sáng ngời, trong sức sống mãnh liệt, trong khí lực của trí tuệ trào dâng trong gã. Và lúc đó, trong giây lát nàng thấy vết nứt rạn trong niềm tin có thể uốn nắn lại được gã, - qua vết nứt rạn ấy nàng nhìn thấy một Martin Eden thực đẹp vô cùng và không gì chiến thắng nổi. Và cũng như những nhà dạy thú, thường có những lúc nghi ngờ, lúc này nàng cũng nghi ngờ không biết sức mạnh của mình có thuần hóa nổi một tâm hồn cuồng nhiệt của một con người như thế này không.

“Và còn điều này nữa,” gã nói tiếp. “Em yêu anh. Nhưng tại sao em yêu anh? Cái ở trong anh thôi thúc anh phải viết chính là cái đã làm cho em yêu anh đấy. Em yêu anh vì anh có chút nào khác những người đàn ông mà em biết và có thể đã yêu. Anh sinh ra không phải để ngồi bàn giấy hay trong buồng kế toán, không phải để làm công việc kinh doanh lật vật, tranh giành kiện cáo linh tinh. Bất anh làm những việc đó, thở hít cái không khí mà họ

thở hít, nuôi dưỡng những quan điểm mà họ đã tiêm nhiễm nuôi dưỡng, là em đã hủy diệt sự khác nhau ấy, hủy diệt anh, hủy diệt cái mà em yêu. Niềm ham muốn được viết là điều cốt tử nhất trong anh. Nếu anh chỉ là một cục đất, thì anh không ham muốn được viết mà em cũng chẳng muốn lấy anh làm chồng.”

“Nhưng anh đã quên rằng,” nàng ngắt lời, óc nhận xét nhạy bén của nàng thoáng ngay một ý đổi lại. “Có nhiều nhà phát minh kỳ quặc để cho gia đình phải chết đói trong khi họ mãi mê đi tìm những điều hảo huyền không tưởng, như tìm ra động cơ vĩnh cửu. Chắc chắn rằng vợ con họ vẫn yêu thương họ, vẫn phải chịu đựng, nhưng không phải là vì họ mãi mê mà mặc dù họ mãi mê với cái động cơ vĩnh cửu đó.”

“Đúng,” gã trả lời. “Nhưng cũng có những nhà phát minh không kỳ quặc: họ phải chịu đựng đói khổ trong khi tìm cách phát minh ra những cái rất thực tế, và đôi khi, như người ta đã ghi nhận, họ thành công. Nhất định không phải là anh đi tìm những cái không thể đạt được...”

“Thì anh vừa đã gọi đó là “đạt được những cái không thể đạt được,”” nàng nói thêm vào.

“Đó chỉ là một lời nói bóng. Anh gắng làm những cái mà nhiều người đã làm trước anh – viết và sống bằng những sáng tác của mình.”

Sự yên lặng của nàng thúc gã:

“Đối với em, phải chăng mục đích anh đang theo đuổi là một điều hảo huyền, là động cơ vĩnh cửu chẳng?” Gã hỏi.

Gã đọc thấy câu trả lời của nàng trong cái xiết chặt bàn tay – bàn tay của người mẹ hiền thương đứa con đau khổ. Đối với nàng lúc này, gã là một đứa con đau khổ. Một người đang mãi mê chiến đấu để đạt được những cái không thể đạt được.

Lúc hai người sắp chia tay, nàng lại nhắc lại sự phản đối của bố mẹ nàng.

“Nhưng em yêu anh chứ?” Gã hỏi và nàng kêu lên.

“Em yêu anh mà! Em yêu anh!”

“Và anh yêu em, chứ không phải yêu ba, mẹ em. Ba, mẹ em không thể làm gì khiến anh đau khổ được.” Đắc thắng vang lên trong giọng nói của gã. “Vì anh tin ở tình yêu của em, anh không sợ thái độ thù ghét của ba, mẹ

em. Tất cả mọi việc trên đời đều có thể làm lạc trừ tình yêu. Tình yêu không thể nào làm lạc trừ phi yêu đương mà lại yêu hèn kiệt sức, vấp ngã trên đường.”

CHƯƠNG 31

Tình cờ, Martin gặp chị Gertrude ở Broadway – cuộc gặp gỡ thật may mắn cho gã, nhưng cũng làm gã hết sức bối rối. Chị nhìn thấy gã trước, trong khi chị đang đứng đợi xe ở góc phố. Chị nhận thấy ngay nét đói khát thèm thuồng trên khuôn mặt, vẻ thất vọng ưu tư trong con mắt gã. Quả thật, gã đang thất vọng và ưu tư. Gã vừa ở hiệu cầm đồ ra sau khi nói chuyện với chủ hiệu chẳng có kết quả gì. Gã cố điều đình vay thêm một món tiền tính vào chiếc xe đạp. Tiết thu lầy lội đã tới, Martin đã đem cầm chiếc xe đạp cách đây ít bữa và giữ lại bộ quần áo đen.

Lão chủ đã biết rõ từng thứ đồ đạc của gã, nên trả lời:

“Nhưng anh còn bộ quần áo đen cơ mà. Đừng có nói là anh đã đem cầm cho thằng cha Do Thái Lipka rồi nhé. Vì nếu anh đã...”

Trông lão có vẻ hăm dọa, gã vội kêu lên:

“Không, không. Tôi vẫn còn giữ ở nhà. Nhưng hiện nay tôi cần mặc nó có việc.”

“Được,” lão chủ đáp, thái độ đã bớt hung hăng. “Nhưng tôi cũng có việc cần đến bộ quần áo của anh trước khi cho anh vay thêm tiền. Anh tưởng nhận cầm cho anh tôi khỏe thêm ra đấy à?”

“Nhưng chiếc xe đạp của tôi cũng đáng giá bốn mươi đô la rồi, nó hãy còn tốt.” Martin nài nỉ. “Ông mới đưa tôi có bảy đô la, mà làm gì được bảy, chỉ có sáu đô la hai mươi lăm xu, ông đã khấu trước lãi đi rồi.”

“Nếu anh cần thêm, thì cứ đưa bộ quần áo đến đây.” Chính câu trả lời ấy đã tống gã ra khỏi căn nhà nhỏ bé ngột ngạt của lão chủ hiệu cầm đồ. Gã thất vọng lộ ra mặt khiến chị gã trông thấy cũng phải ái ngại.

Hai người vừa gặp nhau thì xe chạy đường “Đại lộ Điện báo” tới, đỗ lại đón khách đi mua hàng buổi chiều về. Thấy gã nắm chặt lấy cánh tay đỡ chị lên xe, chị Gertrude đoán là Martin không có ý muốn đi theo mình. Đứng trên bậc xe, chị quay lại cúi xuống nhìn gã. Nét mặt hốc hác của gã lại làm cho lòng chị nhói lên.

“Cậu không cùng đi à?” Chị hỏi.

Rồi chị xuống xe, đến bên gã.

“Em đi bộ. Cũng là một cách tập thể dục đấy, chị à,” gã giảng giải.

“Thế thì chị cùng đi với cậu một quãng vậy, có lẽ thế lại dễ chịu hơn, mấy hôm nay chị thấy trong người không được khỏe.”

Martin đưa mắt nhìn chị và thấy chị nói đúng, cái vẻ lồi thối lóc thốc, người béo bệu, đôi vai chúc xuống, nét mặt mệt mỏi đầy vết nhăn, bước đi nặng nề, không còn cái dáng mềm dẻo nữa, - cái dáng vốn có của một người tự do và sống hạnh phúc.

“Chị nên dừng lại ở đây thôi,” gã nói, tuy lúc bấy giờ chị cũng đã đứng lại ở góc phố đầu tiên, “để đi chuyển xe sau.”

“Trời ơi, giá mà chị không thấy mệt như thế này!” Chị thở hổn hển. “Cậu cũng như chị, đi bộ nữa làm sao được với đôi giày cậu đang đi. Nó mòn quá rồi, không chừng chưa đến khu North Oakland nó đã long ra mất.”

“Em còn một đôi nữa tốt hơn để ở nhà.”

“Mai đến chị ăn cơm nhé?” Chị mời, vụng về. “Higginbotham không có nhà đâu. Anh ấy có việc phải đi San Leandro.”

Martin lắc đầu; nhưng nghe nói đến mời ăn, gã không thể nào ngăn được và thèm khát dữ dội lóe lên trong mắt anh.

“Mart à, cậu không còn tiền, nên mới phải cuộc bộ chứ tập thể dục gì?” Chị cố khịt khịt khinh bỉ, nhưng chỉ thốt ra được một tiếng khụt khụt khe khẽ. “Nào để chị xem...”

Và, thò tay vào lục túi, chị lấy ra một đồng năm đô la ấn vào tay gã và ngập ngừng nói: “Chị quên vứt đi mất ngày sinh nhật vừa rồi của cậu, Mart à...”

Tay gã tự nhiên nắm chặt lấy đồng tiền. Nhưng cùng lúc đó gã thấy rằng không nên nhận, lòng gã day dứt trong nỗi dày vò lương lự. Đồng tiền vàng nhỏ bé này là thức ăn, là sự sống, là ánh sáng cho cơ thể và trí óc gã, là sức mạnh giúp gã viết tiếp, và biết đâu? Có thể viết được một cái gì đó mang lại cho gã nhiều đồng tiền vàng. Rõ ràng trong trí tưởng tượng của bưng sáng lên tập bản thảo hai bài luận văn gã vừa mới viết xong. Gã nhìn thấy chúng ở dưới gầm bàn ngay trên đầu đồng bản thảo bị gửi trả về và vì không có tem nên chưa gửi đi. Gã nhìn thấy nhan đề của chúng, đúng như gã đã đánh máy. “Những vị tu sĩ của thần bí,” “Chiếc nôi của cái đẹp.”

Những bài này gã chưa gửi cho tạp chí nào. Nó cũng hay như tất cả những bài khác gã viết cùng loại. Nếu như gã có tiền mua tem cho chúng! Một niềm tin chắc chắn ở sự thành công cuối cùng rộn lên trong gã, một bạn đồng minh đắc lực của đói khát, và gã rút nhanh đồng tiền vào túi.

“Em sẽ trả lại chị, chị Gertrude, - trả lại chị một trăm lần hơn,” gã nghẹn ngào, cổ họng se lại, đau đớn mắt thoáng ướt. “Chị cứ nhớ lời em!” Gã bỗng nói to quả quyết. “Trước khi hết năm, nhất định em sẽ đặt vào tay chị một trăm đồng tiền vàng như thế này. Em không đòi chị phải tin em. Chị chỉ cần đợi và sẽ thấy.”

Mà chị cũng không tin ở gã thực, sự không tin đó làm cho chị lúng túng, không biết nói thế nào cho tiện, chị chỉ bảo gã:

“Chị biết là cậu đói lắm, Martin à. Đói nó lộ cả ra người. Lúc nào muốn lại đăng chị ăn thì cậu cứ lại. Chị sẽ cho một cháu đến báo cậu những khi nào anh Higginbotham đi vắng. À mà Mart này...”

Gã đợi chị nói tiếp tuy trong thâm tâm gã cũng đã biết chị định nói gì. Ý nghĩ của chị về gã đã rõ quá rồi.

“Thế cậu không nghĩ đến lúc phải kiếm lấy một việc làm à?”

“Thế chị không tin là em sẽ thành công hay sao?” Gã hỏi lại.

Chị lắc đầu.

“Không ai tin ở em cả, chị Gertrude ạ, trừ em.” Giọng nói của gã chống đối một cách gay gắt. “Em đã viết được những tác phẩm tốt, nhiều tác phẩm tốt và sớm muộn thế nào cũng bán được.”

“Sao em biết là tốt?”

“Vì...” Gã ngập ngừng, cả cái lĩnh vực văn chương và văn học sử mệnh mông bát ngát rộn lên trong trí óc gã, chỉ cho gã thấy rằng đem trình bày những lý lẽ để bênh vực niềm tin của gã với chị lúc này là vô ích. “À, vì nó còn hay hơn chín mươi năm phần trăm những bài đã được đăng trên các tạp chí.”

“Chị mong rằng cậu nên nghe theo lẽ phải.” Chị trả lời yếu ớt, nhưng vẫn tin chắc rằng sự suy nghĩ của mình về những cái đang dày vò gã là không sai. “Chị mong rằng cậu nên nghe theo lẽ phải.” Chị nhắc lại. “Mai lại đăng chị ăn cơm nhé!”

Sau khi Martin đã đưa chị lên xe, gã vội chạy đến nhà bưu điện, lấy ba trong số năm đô la đó mua tem. Và ngay buổi chiều hôm ấy, trên con đường đến nhà Ruth, gã đứng lại ở nhà bưu điện, vào cân một loạt những phong bì dài, dày cộm, dán tất cả số tem vừa mua chỉ để lại có ba cái loại hai xu.

Đối với Martin, buổi tối hôm đó là một buổi tối đáng ghi nhớ vì sau bữa ăn gã đã gặp Russ Brissenden. Vì một sự tình cờ nào mà anh ta đến đây, anh ta là bạn của ai, ai đưa anh ta đến, Martin đều không rõ. Gã cũng không có ý tò mò hỏi Ruth về anh ta. Tóm lại, gã chỉ thấy ở Brissenden, một anh chàng xanh xao, thiếu máu, có vẻ ngớ ngẩn, thê thoi, và ngay sau đó gã không để ý gì tới anh ta cả. Một giờ sau, gã thấy Brissenden là một gã thô kệch nữa với cái cung cách cứ đi vờ vẩn hết phòng này sang phòng khác, ngắm nghía những bức tranh, hoặc dí mũi vào những quyển sách hay những tạp chí anh ta nhặt được ở trên bàn, hay lấy ở giá xuống. Tuy là một người khách lạ đối với gia đình, nhưng, cuối cùng anh ta vẫn tách mình ra khỏi đám đông khách khứa, ngồi cách biệt trong một chiếc ghế bành kiểu Morris, chăm chú đọc một cuốn sách mỏng rút ở túi ra. Vừa đọc, anh ta vừa lơ đãng đưa ra những ngón tay lên vuốt nhẹ mái tóc. Buổi tối hôm ấy Martin cũng không để ý gì thêm tới anh ta, chỉ trừ có một lần gã thấy anh ta nói chuyện bông đùa với mấy bà trẻ tuổi có vẻ rôm rả lắm.

Tình cờ khi Martin ra về, anh gặp Brissenden lúc này đã đi được nửa quãng đường ra phố.

“Chào cậu, cậu đây hả?” Martin nói.

Anh ta trả lời bằng một tiếng ầm ừ không lấy gì làm lịch sự lắm, nhưng cũng bước lại đi bên cạnh gã, Martin cũng không gọi chuyện thêm, và hai người cố yên lặng đi như thế qua mấy dãy nhà liền.

“Thật là đồ lừa già huênh hoang!”

Lời nói mỉa mai cay độc bất chợt của anh ta làm cho Martin sững sốt. Gã cảm thấy hay hay, nhưng đồng thời gã cũng thấy không thích cái anh chàng này.

“Cậu đến một nơi như thế để làm gì?” Brissenden thỉnh thoảng ném câu hỏi ấy vào mặt gã sau khi yên lặng đi qua thêm một dãy nhà nữa.

“Thế tại sao cậu cũng đến đây?” Martin hỏi lại.

“Lạy chúa, tớ cũng không biết nữa. Ít nhất đó cũng là một hành động thiếu suy nghĩ đầu tiên của tớ. Mỗi ngày có những hai mươi bốn tiếng đồng hồ và bằng cách này cách khác, phải làm gì cho hết ngày chứ. Đi uống cái gì với tớ đi. ”

“Được thôi,” Martin trả lời.

Ngay sau đó, gã rất lúng túng tại sao lại có thể nhận lời vội vã thế được. Còn rất nhiều việc đợi gã ở nhà, phải thanh toán một số bài lật vật trước khi đi ngủ. Và vào giường rồi còn cuốn của Weismann^[91] đang đợi, ấy là chưa kể tập “tự thuật”^[92] của Herbert Spencer, một tác phẩm đối với gã cũng đầy những tình tiết lãng mạn chẳng kém gì một cuốn tiểu thuyết rung cảm. Tại sao lại đem tiêu phí thời gian một cách vô ích với một người mà gã không thích? Gã nghĩ thầm. Tuy nhiên, ai mời hay uống gì không phải là điều quan trọng mà chính là cái không khí quanh bàn rượu ánh đèn rực rỡ, những tấm gương, những dây cốc sáng lóe, những bộ mặt bùng bùng rạng rỡ và tiếng nói vang vang của những con người. Chính cái đó, chính tiếng nói của những con người, những con người lạc quan yêu đời, những con người đã thành công và đem tiêu xài tiền kiếm được vào rượu mạnh như những con người. Gã lẽ loi quá, tâm trạng gã là như thế, và vì thế, khi Brissenden mời, gã nhận lời ngay như một con cá giắc vội đón mảnh giẻ trắng buộc ở đầu lưỡi câu. Từ ngày còn sống với Joe ở Shelly Hot Springs đến nay, chỉ trừ có một lần gã uống rượu vang với lão chủ hiệu thực phẩm người Bồ Đào Nha, gã chưa hề bước chân vào tiệm rượu một lần nào. Sự mệt mỏi về tinh thần không đòi hỏi người ta phải dùng đến rượu mạnh như sự mệt mỏi về thể xác, và vì thế gã không cảm thấy cần phải uống. Nhưng bây giờ tự nhiên gã thấy thèm rượu, hay đúng hơn gã thấy thèm cái không khí của một nơi sẵn có rượu để uống. Không khí ấy có ở tiệm Grotto, nơi mà gã và Brissenden ngồi ngả người ra trong chiếc ghế da rộng, uống whiskey pha soda.

Hai người nói chuyện. Họ nói về nhiều vấn đề và lúc lúc lại thay lượt nhau gọi whiskey và soda. Martin vốn là một tay rượu cừ thế mà cũng phải ngạc nhiên trước tử lượng của Brissenden. Thỉnh thoảng, đang uống, gã phải ngừng lại, rất thán phục những ý kiến của anh ta trong câu chuyện. Chẳng cần lâu la gì gã thấy rõ ngay Brissenden là người am hiểu mọi điều

và gã cho rằng đây là một người trí thức thứ hai mà gã được gặp. Nhưng gã nhận thấy ở Brissenden có những cái mà giáo sư Caldwell thiếu – đó là ngọn lửa, đó là sự minh mẫn, sự nhạy cảm sắc bén, ngọn lửa của thiên tài rừng rực cháy không gì kiềm chế được. Từ trong con người anh ta lời nói sinh động trào ra. Đôi môi mỏng của anh, như những bàn đập của một cái máy làm bật ra những câu nói sắc nhọn, xuyên thẳng vào lòng người, hay là ve vuốt giữ lại cái âm thanh mới thoát ra trong cổ họng, đôi môi mỏng ấy nói lên những lời êm nhẹ mượt như nhung, những lời dịu dịu của ánh sáng, của hào quang, của cái đẹp vương vấn phản ánh tất cả cái bí mật, cái khôn cùng của cuộc sống, nhưng cũng vẫn đôi môi mỏng ấy có lúc lại như chiếc kèn đồng, vang lên những tiếng hỗn độn, dồn dập, xô xát của cuộc vật lộn trong vũ trụ, những lời nói trong như tiếng hạc, ngời sáng như bầu trời đầy sao, thấu tóm được tất cả lời nói cuối cùng của khoa học và còn hơn thế nữa – đó là lời nói của nhà thơ, một chân lý cao xa bay bổng không sao nắm được, khó có thể diễn đạt bằng lời; ấy thế nhưng bằng những lời lẽ thông thường nhưng không kém tinh vi, anh vẫn nói lên được ý nghĩa sâu sắc của nó. Nhờ có một trí tưởng tượng kỳ diệu, anh đã nhìn quá xa nơi tiền đồn xa xôi nhất của kinh nghiệm chủ nghĩa, nơi mà không một ngôn ngữ nào có thể tả lại được, nhưng nhờ có tiếng nói thần kỳ trác tuyệt, dùng những từ rất quen biết để diễn đạt những ý xa lạ, anh đã làm cho Martin nhận thức thấy những vấn đề mà những tâm hồn bình thường không sao hiểu nổi.

Martin quên hẳn cảm tưởng ban đầu không ưa Brissenden. Đây chính là những điều hay nhất mà sách vở có thể hiện cho gã đã thành sự thật. Đây chính là trí tuệ, là một con người sống để gã ngưỡng vọng. “Tôi quý sát đất dưới chân anh,” Martin cứ nhắc đi nhắc lại hoài câu nói đó.

“Chắc cậu có nghiên cứu sinh vật học,” Martin hỏi to, câu hỏi hàm ý nghĩa.

Nhưng gã ngạc nhiên thấy Brissenden lắc đầu.

“Nhưng những chân lý anh vừa nói ra chỉ có sinh vật học mới có thể chứng minh được,” Martin gắng hỏi và được đáp lại bằng cái nhìn bối rối. “Những kết luận của anh giống như những kết luận trong các sách mà hẳn là anh đã đọc.”

“Tớ rất sung sướng được nghe điều này,” Brissenden trả lời. “Việc cái kiến thức nông cạn của tớ đã cho tớ rút ngắn được con đường tới chân lý làm tớ vững dạ lắm. Còn đối với tớ, thì không bao giờ tớ quan tâm khám phá xem tớ đúng hay sai. Dù sao cũng có giá trị gì đâu. Con người không bao giờ có thể biết được những chân lý cuối cùng.”

“Cậu đích là môn đệ của Spencer rồi!” Martin kêu lên một cách đắc thắng.

“Tớ không hề đọc ông ta từ hồi bước vào tuổi thanh niên, trước đó tớ chỉ đọc mỗi cuốn “Giáo dục học”^[93] của ông ta.”

“Tớ cũng chỉ mong sao xây dựng được vốn tri thức cho mình một cách dễ dàng như vậy.” Một lúc sau, Martin nói thốt ra. Gã gắng phân tích kỹ cái vốn trang bị tinh thần của Brissenden. “Cậu chỉ là một người võ đoán, và chính điều đó mới làm cho nó thật kỳ lạ. Cậu khẳng định một cách võ đoán tất cả những chân lý cuối cùng mà khoa học chỉ có thể xác nhận được qua phương pháp thực nghiệm. Cậu nhảy vọt tới những kết luận đúng đắn. Quả thật cậu đã rút ngắn được con đường một cách phi thường. Bằng tốc độ của ánh sáng, với khả năng suy luận siêu phàm, cậu đã tìm thấy con đường tới chân lý.”

“Đúng, và chính cái đó cũng thường đã làm cho cha Joseph và thầy dòng Dutton băn khoăn,” Brissenden trả lời. “Ồ, nhưng mà không,” anh nói thêm. “Tớ chẳng là cái thá gì cả. Cũng là do số may tớ được gửi vào học trong một trường đạo. Thế những điều cậu hiểu biết, cậu thu nhặt được ở đâu?”

Và trong khi kể lại quá trình học tập của mình, Martin vẫn chăm chú nhìn Brissenden từ khuôn mặt dài, gầy, có vẻ quý phái đến đôi vai xuôi thông, nhìn cái áo bành tô vắt trên chiếc ghế bên cạnh, túi áo phình ra, xệ xuống vì trong chứa đầy sách. Mặt Brissenden, và đôi bàn tay dài thon thon của anh bị rám nắng – rám nắng một cách quá đáng, Martin nghĩ thầm. Nước da rám nắng ấy làm cho Martin băn khoăn. Chắc chắn Brissenden không phải là một người sống ở ngoài trời lang thang đây đó, thế thì tại sao nước da của anh lại bị ánh mặt trời tàn phá như thế kia? Có một cái gì bệnh hoạn và có ý nghĩa kín đáo trong cái nước da rám nắng ấy – Martin thầm nghĩ khi gã lại ngược nhìn khuôn mặt gầy choắt, gò mà cao, má hóp sâu

được tôn lên bằng một cái mũi hơi khoằm, một cái mũi thanh thanh và đẹp gã chưa từng thấy. Mắt anh ta không có gì đáng chú ý, không to mà cũng không nhỏ với một màu nâu khó tả; nhưng trong cặp mắt sâu ấy âm ỉ cháy một ngọn lửa, hay nói đúng hơn ẩn một vẻ gì có tính chất hai mặt trái ngược nhau một cách lạ kỳ. Nó có vẻ thách thức, bướng bỉnh, dữ tợn đến ghê gớm nữa, nhưng đồng thời nó cũng gợi niềm thương xót. Martin thấy thương anh ta không hiểu vì sao; nhưng mà rồi gã cũng sớm rõ.

“Ồ, tớ là một thằng bị bệnh phổi,” Brissenden nói thẳng, không giấu giếm, ngay một lát sau đó, sau khi đã cho Martin hay, là anh vừa ở Arizona về. “Tớ phải xuống đó sống ở cái khí hậu ấy liên hai năm.”

“Cậu không sợ liều về sống với khí hậu ở đây à?”

“Sợ?”

Brissenden không có ý gì nhấn mạnh đặc biệt vào việc nhắc lại từ Martin dùng; nhưng Martin thấy ngay trên nét mặt khắc khổ của anh ta hiện lên vẻ như muốn nói không có cái gì đáng sợ cả. Cặp mắt anh ta nheo lại cho đến khi trông như mắt chim đại bàng, và Martin gần như nín thở khi gã nhận thấy cái mũi đại bàng với hai lỗ mũi nở to ra, thách thức, quả quyết, ngang tàng. Đẹp thật, gã nghĩ thầm và máu gã rạo rực. Gã ngâm to:

Mặc cho búa số mệnh nện phũ phàng

Đầu ta chảy máu, nhưng không bao giờ cúi^[94]

“Cậu thích Henley,” Brissenden nói, thái độ của anh ta bỗng đổi ra dịu dàng, ôn hòa. “Tất nhiên, mình không thể đợi cái gì khác ở cậu được. Ồi Henley! Một tâm hồn dũng cảm. Anh ta nổi bật lên giữa bọn thợ ghép vắn hiện tại – bọn thợ ghép vắn của các tạp chí, chẳng khác gì một võ sĩ đấu bò nổi bật lên giữa đám hoạn quan.”

“Cậu không ưa các tạp chí?” Martin thấp giọng, trách.

“Thế cậu ưa à?” Brissenden vặn lại, gay gắt, làm Martin giật mình.

“Tớ... tớ viết, hay nói đúng hơn tớ đang thử viết cho các tạp chí.” Martin ngập ngừng.

“Thế là hơn,” Brissenden đã dịu đi, trả lời “Cậu thử viết nhưng cậu không thành công. Tớ kính trọng và khâm phục sự thất bại của cậu. Tớ biết là cậu viết cái gì. Chỉ cần liếc mắt qua cũng biết rồi; có một cái chất làm cho nó không lọt được vào cửa các tạp chí. Đó chính là cái dũng khí, mà

các tạp chí thì không quen với cái món hàng đặc biệt đó. Họ cần những cái gì yếu đuối, ủy mị cơ, và họ tìm thấy cái ấy ở đâu, có trời biết, nhưng nhất định không phải ở cậu.”

“Tớ không vượt xa hơn được những bài lật vạt,” Martin đáp lại.

“Trái lại...”Brissenden ngừng một lát, đưa cặp mắt xác xược nhìn cái bề ngoài nghèo khổ của Martin, từ cái ca-vát tàng tàng đến cái cổ áo sờn rách, từ cái ống tay áo nhẵn bóng đến cái cổ tay lột chỉ, rồi lại ngược nhìn chằm chằm vào đôi má hõm sâu của gã. “Trái lại, những bài lật vạt vượt xa tài năng của cậu đến nỗi cậu không hy vọng gì với tới được chúng đâu. Này anh bạn, tớ có thể sỉ nhục cậu bằng cách mời cậu đi chén một chút gì đi.”

Martin bất giác thấy mau dồn lên mặt nóng bừng: Brissenden cười lớn vẻ đắc thắng.

“Một người no đủ không bao giờ lại cho là bị sỉ nhục vì một lời như vậy,” anh ta kết luận.

“Cậu ác quá!” Martin kêu lên, bức bối.

“Mà nào tớ đã mời cậu đâu?”

“Cậu không dám...”

“Cái đó tớ không biết, còn xem đã. Thế bây giờ tớ mời cậu nào.”

Brissenden vừa nói vừa nhấp nhồm đứng dậy, dường như anh ta có ý định đi đến tiệm ăn ngay lúc đó.

Tay Martin nắm chặt lại, mạch máu gã đập thành thạch ở hai bên thái dương.

“Này cẩn thận! Nó nuốt sống chúng mày đấy! Nó nuốt sống chúng mày đấy!” Brissenden hét to lên, bắt chước tiếng hét ông bầu của một anh chàng ăn thịt rắn nổi tiếng trong vùng.

“Chắc chắn là tớ có thể ăn sống, nuốt tươi được cậu,” Martin nói, và cũng đưa cặp mắt xác xược nhìn từ đầu đến chân cái thân hình bị bệnh tật tàn phá của Brissenden.

“Chỉ có điều là tớ không đáng để cậu ăn thôi.”

“Trái lại,” Martin gật gù. “Chỉ vì chưa đúng lúc đấy thôi,” gã phá lên cười, thân mật, thẳng thắn. “Nói thật, cậu đã coi tớ như một thằng xuẩn ngốc, Brissenden ạ. Tớ đói và cậu biết là tớ đói, thì đó cũng chỉ là một hiện tượng bình thường, có gì là nhục nhã đâu. Cậu thấy không, tớ coi thường tất

cả những lẽ thói đạo đức nhỏ nhặt của người đời, ấy thế mà cậu mới nói có một từ rất đúng, rất thật, tớ đã lập tức thấy rõ mình là kẻ nô lệ của chính những lẽ thói đạo đức nhỏ nhặt ấy.”

“Cậu nghĩ cậu bị sỉ nhục đấy à?”

“Lúc này, tớ có thấy như thế thật. Những định kiến của thời còn ít tuổi, cậu biết đấy. Tớ học được những điều đó hồi còn ít tuổi. Giờ đây đôi khi vẫn còn rơi rớt chút ít. Một thứ bảo tàng trong phòng kín của mình.”

“Thế bây giờ cậu đã cất kỹ chúng đi rồi chứ?”

“Chắc chắc là kỹ rồi!”

“Chắc chứ?”

“Chắc!”

“Nếu vậy thì chúng ta hãy đi chén một chút gì đi!”

“Ừ, tớ theo cậu,” Martin trả lời, gã định dùng số tiền lẻ còn lại ở hai đô la sẽ trả tiền whiskey và soda, nhưng Brissenden nhất định bắt người hầu bàn phải để lại số tiền đó trên bàn. Martin đành nhăn mặt cầm lấy đút vào túi; vừa lúc đó gã cảm thấy bàn tay thân mật của Brissenden đặt lên vai mình.

[91] *August Welsman (1854-1914) một nhà sinh vật học người Đức.*

[92] *Tập “Tự thuật” của Spencer gồm hai tập, xuất bản năm 1904.*

[93] *Một tác phẩm của Spencer nhan đề là “Giáo dục học: trí dục, đức dục, thể dục.” Xuất bản năm 1861.*

[94] *Hai câu thơ trong bài “Không khuất phục” (Iuvictus) của Henley. Bài thơ ca ngợi ý chí đấu tranh bất khuất được thanh niên đương thời rất ưa thích.*

CHƯƠNG 32

Ngay buổi chiều hôm sau, Maria rời rít lên tiếp đón người khách thứ hai của Martin. Nhưng lần này chị không đến nổi mụ mẫm như lần trước, chị đã mời Brissenden vào ngồi trong phòng khách của chị, thái độ vẻ hết sức tôn kính.

“Hy vọng là cậu không lấy làm phiền vì tớ đến thăm chứ?” Brissenden bắt đầu.

“Không, không, không hề gì,” Martin trả lời, vừa bắt tay, vừa ra ý mời anh ta ngồi xuống cái ghế độc nhất, còn gã thì đi về phía giường. “Nhưng làm sao mà cậu biết được chỗ ở của tớ?”

“Gọi đây nói hỏi nhà Morse. Cô Morse trả lời. Và thế là tớ lên đây.” Brissenden rút ở túi áo ra một cuốn sách mỏng, vút lên bàn. “Có cuốn sách này của một nhà thơ, cậu đọc đi và giữ lấy.” Và khi thấy Martin từ chối, anh ta nói luôn: “Tớ giữ sách làm cái gì? Sáng hôm nay tớ lại bị thổ huyết. Cậu có whiskey không? Không hả, tất nhiên rồi. Đợi tớ một lát.”

Gã đứng dậy đi ra. Martin nhìn theo cái thân hình cao gầy bước xuống bậc hè bên ngoài; và khi quay lại đóng cửa, gã nhìn thấy rõ đôi vai trước khi hẳn rộng và to, bây giờ so rúm lại trên cái lồng ngực hom hem vì bệnh tật; lòng gã đau nhói lên. Martin sắp sẵn hai cốc to, giở cuốn sách ra đọc; đó là tuyển tập thơ mới nhất của Henry Vaughn Marlow.

“Không có rượu Scotch,” Brissenden trở về nói. “Thằng ăn mày chỉ bán whiskey Mỹ thôi. Nhưng mà cũng mua một phần tư lít đấy!”

“Đề tớ bảo một cháu đi mua cho mấy quả chanh về pha toddy,”^[95] Martin nói.

“Không biết một cuốn như thế này, Marlow được độ bao nhiêu tiền?” Gã nói tiếp, tay giơ cuốn sách lên có ý hỏi.

“Có thể được năm mươi đô la,” Brissenden trả lời. “Nhưng cũng phải là may mắn mới lĩnh được số tiền ấy hay cây cọc được nhà xuất bản nó liều mạng in cho.”

“Nếu thế thì làm thơ không sống được à?” Cả giọng nói và nét mặt Martin đều lộ vẻ thất vọng.

“Nhất định là không rồi. Có thằng nào điên mới hy vọng chuyện đó. Làm về thì sống được đấy. Như bọn Bruce, Virginia Spring, và Sedgwick, chúng sống đường hoàng. Còn thơ thì... Cậu có biết Vaughn Marlow kiếm sống như thế nào không? Dạy học ở một cái lớp luyện thi cho bọn trẻ con ở Pennsylvania; trong những công việc làm tư nhỏ nhoi khổ nhọc thì một việc như thế là hết mức đấy. Dù anh ta còn sống được năm mươi năm nữa, tớ cũng chẳng đánh đổi lấy địa vị của anh ta. Ấy thế mà tác phẩm của anh ấy nổi bật lên giữa đồng thơ của bọn thợ ghép vắn hiện tại, chẳng khác chi một

hòn ngọc quý giữa những củ cà rốt. Thế nhưng chúng nó phê phán anh ấy ghê lắm đấy! Thật khốn khiếp cả bọn chúng nó, lũ ngu xuẩn!”

“Nhiều kẻ không biết viết lách gì đã viết quá nhiều về những người viết thực sự,” Martin nói thêm vào. “Chà, tớ phát khiếp lên vì số lượng quá nhiều của những bài rom rác phê bình Stevenson và tác phẩm của ông.”

“Lũ quỷ, lũ hút máu,” Brissenden nói gay gắt giữa hai hàm răng nghiến lại. “Đúng, tớ biết rõ lũ vô lại ấy. Chúng hùa nhau chỉ trích ông ta một cách đặc ý về bức thư của ông viết gửi cho Damien, chúng phân tích, chúng đánh giá ông.”

“Lấy thước đo của con người vô giá trị của chúng để đo ông ta,” Martin nói.

“Đúng thế, nói hay lắm, chúng nó ba hoa tán dóc, bôi bẩn chân, thiện, mỹ rồi vỗ vỗ vào vai ông ta mà nói: “Con chó khá lắm. Trung thành lắm! Mẹ khi, một lũ khurou ba hoa. Richard Realf^[96] đã gọi chúng nó như thế đêm hôm ông ta mất.”

“Lấy mỏ mỏ sao trên trời,” Martin sôi nổi nói. “Chỉ trích ánh sao băng của các bậc thầy. Đã có lần tớ đã viết bài chửi cho bọn chúng một trận - bọn phê bình, nhất là bọn duyệt bài.”

“Đưa tớ xem,” Brissenden háo hức giục.

Martin lôi ra một bản sao đánh máy tập “Mảnh sao.” Brissenden vừa đọc, vừa cười khúc khích, quên cả uống rượu, hai tay cứ xoa xoa vào nhau.

“Tớ thấy rõ chính cậu cũng là một mảnh sao, bị ném vào cái thế giới toàn những thần lùn giữ cửa, đầu đội mũ thầy tu, không nhìn thấy gì hết.” Anh ta bình luận sau khi đọc xong. “Nhất định tờ tạp chí đầu tiên nhận được bài cậu gửi đến hẳn phải vô lấy đăng ngay, có đúng không nào?”

Martin lật giở những trang trong quyển sổ ghi ra và nói:

“Nó đã bị hai mươi bảy tạp chí gửi trả về đấy.”

Brissenden định cười một hồi dài, sáng khoái, nhưng tiếng cười của anh bị ngắt quãng vì một cơn ho rũ rượi.

“Này, cậu chẳng cần phải nói với tớ là cậu đã không thử làm thơ,” anh ta nói hỏn hển, “hãy cho tớ xem một vài bài thơ của cậu.”

“Đừng đọc bây giờ vội,” Martin khấn khoản. “Tớ muốn được nói chuyện với cậu. Tớ sẽ gói một bọc và cậu có thể mang về nhà.”

Lúc ra về Brissenden mang theo cả tập “Thơ tình” và bài “Nàng tiên và viên ngọc.” Hôm sau, anh ta trở lại chào Martin bằng câu:

“Tớ muốn đọc thêm nữa!”

Không những anh khẳng định Martin là một nhà thơ, mà Martin còn biết rằng Brissenden cũng là một nhà thơ. Martin bị cuốn đi trong những lời thơ của anh và rất ngạc nhiên tại sao Brissenden chưa hề gửi những tác phẩm của mình để xuất bản.

“Ôn dịch bắt hết bọn xuất bản chúng đi!” Brissenden trả lời khi Martin tình nguyện đem bán những tác phẩm ấy giúp anh. “Hãy yêu cái đẹp! Vì cái đẹp!” Anh khuyên. “Hãy để mặc các tờ tạp chí đấy. Hãy quay về với những con tàu, với biển cả của cậu, Martin Eden à, đó là lời tớ khuyên cậu. Cậu cần gì trong những thành phố ốm yếu, thối nát của những con người. Mỗi ngày cậu lãng phí ở những nơi đó, là cậu tự cắt cổ mình, đem đánh đi cái đẹp vì nhu cầu của tạp chí. Hôm nọ cậu đã trích dẫn một câu gì cho tớ nghe nhỉ? À, phải rồi “Người, con phù du cuối cùng của loài phù du, thì cần chi đến danh tiếng?” Cậu có được tiếng tăm chẳng nữa, thì cũng chỉ là thuốc độc đối với cậu thôi. Tớ nói thật, cậu quá giản đơn, quá chân thực, quá duy lý, không thể nào mở mảy mở mặt được trong cái đám bùn sệt ấy đâu. Tớ mong rằng cậu không bao giờ đem bán một dòng thơ nào cho các tạp chí. Cái đẹp là người thầy duy nhất để phụng sự. Hãy phụng sự nó và mặc thây đám quần chúng đông đảo! Thành công! Thành công còn ở chỗ quái quỷ nào nữa nếu không phải ở chính ngay trong tập “Thơ tình”, trong những bài thơ về biển, trong bài sonnet về Stevenson của cậu, một bài còn hay hơn cả “U linh” của Henley.

“Không phải là thành công trong công việc làm mới tìm thấy niềm vui, mà niềm vui ở ngay chính trong công việc làm đó. Cậu không thể giải thích với tớ được. Tớ biết rõ như vậy, cậu biết rõ như vậy. Cái đẹp làm cho cậu đau đớn. Đó là một nỗi đau đớn triền miên trong cậu, một vết thương không bao giờ lành, một con dao lửa. Tại sao cậu cứ phải loanh quanh với các tạp chí làm gì? Hãy lấy cái đẹp làm mục đích của đời cậu. Tại sao cậu cứ phải biến nó thành vàng? Dù sao cậu cũng không thể làm được việc đó, vì thế, cũng chẳng cần tớ phải băn khoăn về chuyện này làm gì. Cậu có thể đọc các tạp chí hàng trăm, hàng ngàn năm mà vẫn không thể thấy có gì giá trị như

một dòng thơ của Keats^[97]. Hãy bỏ tiếng tăm, tiền tài đấy, hãy bỏ hết và ngày mai xuống một con tàu nào đó mà quay về với biển cả của cậu.”

“Không phải vì tiếng tăm mà vì tình yêu.” Martin cười. “Hình như tình yêu không có chỗ đứng trong vũ trụ của cậu. Trong vũ trụ của tớ, cái đẹp là một thị nữ của tình yêu.”

Brissenden nhìn gã vừa thương hại vừa thán phục. “Cậu Martin, cậu còn trẻ lắm, trẻ lắm. Cậu sẽ bay cao, nhưng đôi cánh của cậu là dệt bằng những sợi tơ mịn màng phủ bụi màu rực rỡ nhất. Đừng làm cháy mất đôi cánh của cậu đi. Nhưng tất nhiên cậu đã làm cháy mất nó rồi còn đâu. Tập thơ tình này hẳn phải ca tụng một cái váy huy hoàng nào, và điều đó mới thật là xấu hổ.”

“Nó vừa ca tụng tình yêu cũng như ca tụng cái váy,” Martin cười.

“Triết lý của điên rồ,” Brissenden vặn lại. “Chính tớ cũng đã nghĩ như vậy khi lang thang trong những giấc mơ phiêu diêu. Nhưng hãy dè chừng, những thành phố tư sản này sẽ giết chết cậu đấy. Cậu thử nhìn lại cái sào huyết của bọn phản bội, nơi trước kia tớ đã gặp cậu. Gọi là thời nát, mực rửa cũng chưa đủ. Người ta không thể giữ được sự lành mạnh của mình trong một cái không khí như vậy. Thật là sa đọa. Không có một đứa nào trong bọn chúng không sa đọa, tất cả đều chỉ là những cái dạ dày hoạt động, chi phối bởi sự thôi thúc nghệ thuật và tri thức của loài trai hén...”

Anh bỗng ngừng lời, và nhìn chằm chằm vào Martin. Rồi anh ta vụt đoán ra thấy hết sự việc. Vẻ ngạc nhiên ghê khiếp lộ ra trên nét mặt anh.

“À, thế ra cậu viết “Tập thơ tình” ghê gớm này để tặng cô ta – cô ả xanh xao, dúm dó ấy đấy!”

Lập tức, bàn tay phải của Martin bóp chặt ngay lấy cổ anh ta và lắc cho đến khi hai hàm răng anh ta va vào nhau lập cập. Nhưng Martin nhìn vào cặp mắt anh ta vẫn không thấy một vẻ gì là sợ hãi – Không một vẻ gì khác mà vẫn chỉ là một con quỷ sứ kỳ quái, ngạo nghễ. Martin chợt tỉnh lại, nắm cổ Brissenden rồi buông tay ra, ném anh ta sòng soài xuống giường.

Brissenden thở hổn hển đau đớn một lúc, rồi bắt đầu cười khúc khích.

“Giá mà cậu lắc cho xong đời tớ đi, thì tớ phải mang ơn cậu mãi mãi đấy.”

“Thần kinh tớ ít bữa nay bị căng thẳng quá,” Martin xin lỗi. “Tớ không làm cậu đau quá chứ? Để tớ làm cho cậu một cốc toddy nữa”

“A, cậu khoẻ lắm!” Brissenden nói tiếp. “Không biết có bao giờ cậu tự hào về cái cơ thể của cậu không? Cậu khoẻ như vâm. Cậu là một con báo non, một con sư tử non. Này, này, rồi đây chính cậu phải trả giá cho cái sức khoẻ ấy đấy!”

“Cậu nói thế là thế nào?” Martin tò mò hỏi, tay đưa cốc rượu cho Brissenden. “Đây, uống cạn đi cho tỉnh lại.”

“Vì...” Brixendon nhấp nháp cốc toddy của mình và mỉm cười thích thú về cốc rượu. “Vì bọn đàn bà. Họ sẽ quấy rầy cậu cho đến khi cậu xuống lỗ mới thôi, cũng như họ đã quấy rầy cậu rồi đấy. Tớ mà nói sai thì tớ chỉ bé lại như mới đẻ ngày hôm qua. Này, đừng có bóp cổ tớ vô ích. Tớ sẽ nói hết. Mỗi tình của cậu là mỗi tình con nít, cái đó đúng quá đi rồi, nhưng vì cái đẹp, lần sau cậu nên tỏ ra có khiếu thẩm mỹ hơn. Vì có gì mà cậu lại đi yêu một ả thuộc tầng lớp tư sản? Hãy bỏ mặc chúng đấy. Hãy chọn một người đàn bà nào bùng bùng sức sống mãnh liệt, biết cười lớn với cuộc đời, ngạo nghễ với cái chết, biết yêu khi có thể yêu. Trên đời này có những người đàn bà như thế đấy. Họ sẽ sẵn sàng yêu cậu như bất cứ một ả yếu hèn, uỷ mị, sản phẩm của một cuộc sống trưởng giả, trưởng rủ màn che nào khác.”

“Yếu hèn!” Martin cãi lại.

“Đúng thế, yếu hèn: luôn luôn lải nhải những lễ thói đạo đức nhỏ nhặt, những điều đó được nhồi nhét vào đầu óc họ, và sợ sống cuộc sống thực sự. Họ sẽ yêu cậu, Martin à, nhưng họ còn yêu những lễ thói đạo đức nhỏ nhặt của họ hơn. Cái mà cậu cần chính là một cuộc sống phóng khoáng lồng lộng, là những tâm hồn rộng lớn, tự do, là những con bướm rực rỡ chứ không phải những con thiêu thân nhỏ bé xám ngoét. Ồ, rồi cậu cũng sẽ chán ngấy họ, cậu sẽ chán ngấy tất cả cái giống đàn bà nếu không may mà còn sống. Nhưng cậu sẽ không sống được đâu. Cậu không quay về với biển cả và những con tàu của cậu, vậy là cậu sẽ còn cứ loanh quanh mãi trong những thành phố - ở bệnh hoạn này cho đến khi xương cốt của cậu thối mục ra rồi cậu sẽ chết.”

“Cậu có thể lên lớp tớ, nhưng chẳng thể khiến tớ thay đổi ý kiến được,” Martin nói. “Nói cho cùng, cậu chỉ có cái khôn ngoan theo tính khí cậu, còn

cái khôn ngoan theo tính khí tớ cũng không có gì đánh chê trách, như của cậu.”

Họ bất đồng ý kiến về tình yêu, về các tạp chí, về nhiều vấn đề, nhưng họ vẫn mến nhau, và về phía Martin, đó là một sự yêu mến không kém phần sâu sắc. Ngày nào họ cũng gặp nhau, nếu không hơn thì ít nhất cũng là trong giờ khắc Brissenden ở chơi trong căn phòng chật chội của Martin. Không lần nào Brissenden đến mà lại không mang theo chai rượu whiskey, và khi hai người cùng nhau đi ăn tiệm ở dưới phố, suốt bữa, anh ta uống scotch và soda. Lần nào anh ta cũng trả tiền cho cả hai, và chính nhờ anh ta mà Martin đã biết những món ăn cầu kỳ sang trọng, được uống sâm banh lần đầu tiên và làm quen với rượu vang sông Ranh.

Nhưng Brissenden vẫn là một cái gì rất khó hiểu. Nét mặt anh khắc khổ như một thầy tu khổ hạnh và mặc dù sức khoẻ của anh đã suy yếu, anh vẫn thực sự là một người ham thích khoái lạc. Anh không sợ chết, chua chát, chán ghét mọi lẽ đời sống, ấy thế nhưng, tuy đang chết mòn, anh vẫn yêu cuộc sống, yêu cho đến phân tử cuối cùng của nó. Anh ham muốn sống đến điên cuồng, ham muốn được rung động, được “quần quai trong khoảng không nhỏ bé, trong đám cát bụi vũ trụ nơi mà ta sinh ra đời” – như đã có lần chính anh nói như vậy. Anh đã hút đủ thứ ma túy, làm những việc lạ kỳ để tìm những rung động mới, những cảm xúc mới. Như anh đã kể lại cho Martin nghe, có lần anh đã nhịn nước trong ba ngày liền, nhịn một cách hết sức tự nguyện, cốt chỉ để trải qua cái thú kỳ diệu được uống sau một cơn khát kinh khủng. Anh ta là ai, là một người thế nào, Martin không bao giờ biết được. Anh ta là một người không có quá khứ, một người mà tương lại là nắm mờ hiển hiện trước mắt, còn hiện tại là một cuộc sống đau đớn thác loạn.

^[95] Utyxki pha thêm đường, chanh hoà lẫn với một ít nước.

^[96] Richard Realf (1834 – 1878) một nhà thơ Mỹ gốc Anh.

^[97] John Keats (1795 – 1821), một nhà thơ lãng mạn Anh nổi tiếng thế kỷ 19.

CHƯƠNG 33

Martin vẫn cứ bại trận liên tiếp. Tuy đã hết sức tần tiện nhưng số tiền bán được những bài lật vật vẫn không cân bằng các món chi tiêu. Ngày lễ Tạ ơn Chúa đã tới mà bộ quần áo đen vẫn còn ở hiệu cầm đồ, gã không thể nhận lời mời đến ăn của gia đình Morse. Ruth tỏ ra không vui vì cái lý do gã không đến được, nên gã thấy buồn. Cuối cùng, gã phải nói với nàng rằng thế nào gã cũng đến, gã sẽ sang San Francisco, đến toà báo “Xuyên lục địa nguyệt san” đòi số tiền năm đô la họ còn nợ, để lấy tiền chuộc bộ quần áo về.

Buổi sáng hôm ấy, gã vay chị Maria mười xu. Lẽ ra gã muốn vay Brissenden hơn, nhưng con người đồng bóng ấy đã biến đi đâu mất. Đã hai tuần rồi, Martin không gặp anh ta, và gã cứ bóp óc nghĩ mãi không ra xem mình có làm điều gì để anh ta phật ý không. Mười xu ấy đã đưa Martin qua phà San Francisco, và trong khi cuộc bộ ngược lên Phố Chợ, gã suy tính không biết sẽ xoay xở ra sao nếu không đòi được tiền. Sẽ không có cách nào cho gã trở lại Oakland, mà ở San Francisco thì gã không quen biết một ai để có thể vay được mười xu nữa.

Cửa ra vào của toà báo “Xuyên lục địa nguyệt san” hé mở. Martin định đẩy cửa bước vào, bỗng dừng ngay lại vì một tiếng nói to từ trong vọng ra.

“Nhưng đó không phải là vấn đề, thưa ông Ford (qua thư từ, Martin biết Ford là tên lão chủ bút). Vấn đề là các ông đã sẵn sàng thanh toán chưa? – Thanh toán ngay tiền mặt, tôi muốn nói như vậy. Tôi không cần biết những triển vọng của tờ Xuyên lục địa của các ông định làm những trò gì. Tôi chỉ cần các ông thanh toán ngay cho những việc tôi đã làm. Ngay bây giờ tôi nói cho ông biết tờ Xuyên lục địa nguyệt san số Noel sẽ không lên khuôn khi mà chúng tôi chưa nắm được tiền trong tay. Thôi chào ông. Khi nào có tiền, mời ông lại gặp tôi.”

Cánh cửa bật mở, người đó giận dữ sầm sầm bước qua mặt Martin, đi dọc theo hành lang, mồm lẩm bẩm chửi rủa, hai tay nắm chặt. Martin thấy không nên vào vội, gã nấn ná ở chỗ lối đi khoảng mười lăm phút. Rồi gã đẩy cửa bước vào. Thật là một việc mới đối với gã, vì đây là lần đầu tiên gã ở trong phòng làm việc của một ông chủ bút. Rõ ràng là ở đây không cần phải đưa danh thiếp, vì có một chú bé chạy vào phòng trong và báo miệng rằng có một người muốn gặp ông Ford. Rồi quay lại, đến nửa quãng đường

chú bé vẫy gọi gã và đưa gã vào phòng riêng của ông chủ bút. Cảm tưởng đầu tiên của gã là căn phòng bừa bãi, hỗn độn quá. Sau đó, gã mới nhận thấy một người đàn ông đáng còn trẻ, để râu quai nón ngồi ở một cái bàn mặt xoay. Hắn ta nhìn gã vẻ lạ lùng. Martin rất ngạc nhiên thấy nét mặt hắn vẫn cứ thản nhiên như không. Rõ ràng là cuộc cãi lộn với ông nhà in vừa rồi không làm cho hắn mất bình tĩnh chút nào.

“Tôi... tôi là Martin Eden,” gã bắt đầu vào chuyện (và gã đã định nói thêm “Tôi cần lấy năm đô la của tôi”).

Nhưng đây là lần đầu tiên gã tiếp xúc với một tay chủ bút và trong hoàn cảnh này, gã không muốn làm cho hắn sợ hãi một cách quá đột ngột. Gã rất ngạc nhiên thấy hắn nhảy chồm ngay dậy, mồm hỏi “Thật à!” và ngay sau đó, hai tay nắm lấy bắt tay gã rồi rít.

“Ồ, ông Eden, không thể nào nói hết được gặp ông tôi sung sướng biết chừng nào. Tôi thường cứ tự hỏi không biết ông là người thế nào!”

Rồi hắn đứng lại ra cách gã một sải tay đưa cặp mắt rạng rỡ nhìn suốt bộ quần áo đẹp thứ nhì của gã, và cũng là bộ quần áo tồi nhất, nó đã rách tả không còn vá được nữa, tuy quần thì vẫn còn thẳng nếp vì trước khi đi gã đã lấy bàn là của Maria là lại cẩn thận.

“Thú thật chứ, tôi vẫn cứ đinh ninh rằng ông già hơn nhiều chứ không như thế này. Ông biết đấy, truyện của ông, thật là khoáng đạt, mạnh mẽ, tư tưởng thật thâm trầm chín chắn, sâu sắc. Truyện đó, thật là một kiệt tác. Đọc một vài dòng đầu thôi, là tôi thấy rõ ngay. Xin ông cho phép tôi nói lại lần đầu tiên tôi đã đọc tác phẩm của ông như thế nào. Nhưng thôi, cho phép tôi giới thiệu ông với các anh em trong toà soạn trước đã.”

Vừa nói, Ford vừa dẫn gã sang phòng làm việc chung ở đó, hắn giới thiệu gã với tay phó chủ bút, White, một người nhỏ bé, mảnh khảnh, râu thưa mềm óng, bàn tay lạnh một cách kỳ lạ, dường như hắn ta đương bị tê cóng.

“Và đây là ông Ends, thưa ông Eden, ông Ends là quản lý của chúng tôi, chắc ông đã biết.”

Và Martin thấy mình bắt tay với một anh chàng có đôi mắt xác lác, đầu hói, và qua một phần ít ỏi lộ ra trên khuôn mặt – vì hầu như nó đã bị hoàn toàn che lấp bởi một bộ râu trắng xoá được bà vợ sang sửa cho cẩn thận

– thì trông hấn còn khá trẻ trung. Mụ vợ thường sửa râu cho hấn vào những ngày chủ nhật và còn cạo cả gáy cho hấn nữa.

Cả ba đứng vây quanh Martin, tranh nhau tán dương, khiến Martin tưởng như họ thi nhau nói để tranh giải tranh cuộc gì.

“Chúng tôi vẫn cứ băn khoăn tại sao không thấy ông đến.” White nói.

“Tôi không có tiền lấy vé ô tô, tôi ở bên kia vịnh,” Martin trả lời thẳng, cố ý để cho họ hiểu rằng, gã đang rất cần tiền.

Gã nghĩ thầm, nguyên bộ quần áo “môi” này, chắc chắn cũng đã nói lên một cách hùng hồn sự cần tiền của gã rồi. Lúc lúc hễ có cơ hội là gã lại đã động đến mục đích của việc đến đây. Nhưng tai của các vị ngưỡng mộ gã điếc đặc. Và họ cứ tán dương, nào là đọc qua lần đầu tiên câu chuyện của gã họ đã nghĩ thế nào, sau đó họ nghĩ gì, nào là vợ con họ, gia đình họ nghĩ thế nào, nhưng tuyệt nhiên họ không nói gì đến chuyện trả tiền.

“Tôi đã kể lại ông hay lần đầu tiên tôi đã đọc tác phẩm của ông như thế nào rồi nhỉ!” Ford nói. “À, mà chưa. Hôm ấy tôi ở New York về miền Tây. Tàu đỗ lại ở Ogden, chú bé phục vụ chuyển đi ấy mang lên tàu tờ Xuyen lục địa nguyệt san số mới nhất.

“Lạy chúa tôi!” Martin nghĩ thầm. “Mày có thể đi tàu loại sang nhất trong khi ông thoi thóp ngóng chờ năm đô la mày nợ ông.” Con giận trào lên trong người gã. Điều sai trái của bọn này đối với gã hiện ra lù lù; những ngày tháng ảm đạm mong đợi tiền một cách vô vọng, đói rách, thiếu thốn đè nặng tâm trí gã; và cơn đói lúc này lại trỗi dậy, giày xé gã làm cho gã nhớ lại rằng từ hôm kia đến nay gã chưa có gì vào bụng, mà lúc ăn thì cũng có thấm tháp gì đâu. Lúc này gã tức điên lên. Gọi bọn này là kẻ trộm cũng không đáng, chúng chỉ là một bọn ăn cắp vặt. Dối trá, hứa hẹn hão huyền, chúng đã đánh cắp bài của gã. Được, gã sẽ cho chúng biết tay. Và vụt lên trong trí óc gã một ý định kiên quyết là chưa lấy được tiền nhất định gã không ra khỏi cái toà báo này. Gã chột nhớ nếu không lấy được tiền thì gã cũng không có cách nào mà trở về Oakland được. Gã cố nén để giữ bình tĩnh, nhưng vẻ mặt dữ như chó sói của gã đã làm cho chúng kinh khiếp và hoảng hốt.

Chúng càng liến láu hơn bao giờ hết. Ford lại kể lại lần đầu tiên hấn đã đọc truyện “Tiếng chuông” của gã như thế nào, cùng lúc đó, Ends cố nhắc

lại lời cháu gái hấn ta ca ngợi truyện ấy. Cháu gái hấn là một giáo viên ở Alameda.

Cuối cùng, Martin nói.

“Tôi sẽ nói các ông rõ mục đích tôi đến đây để làm gì. Để các ông thanh toán cho số tiền nhuận bút về cái truyện mà tất cả các ông đều rất thích đó. Năm đô la, tôi nghĩ như vậy, đó là số tiền các ông hứa sẽ trả khi đăng.”

Ford, với nét mặt biến đổi rất nhanh ra vẻ đồng ý ngay, vui vẻ lắm, thọc tay vào túi, nhưng chợt hấn quay về phía Ends và nói là hấn để quên mất tiền ở nhà. Rõ ràng là Ends ức lắm, Martin trông thấy hấn ta co ngay cánh tay lại như muốn bảo vệ cái túi quần, gã biết chắc là tiền ở trong đó.

“Thật tiếc quá,” Ends nói. “Tôi vừa trả tiền ông nhà in, chưa đầy một giờ, ông ta lấy mất hết cả tiền mặt. Tôi thật sơ xuất đem theo ít quá... Đúng ra thì hoá đơn ấy chưa đến kỳ phải thanh toán, nhưng ông ta cứ nài mãi, xin ân xin huệ ứng trước ngay cho một món, thật bất ngờ quá.”

Cả hai quay lại nhìn White có vẻ như chờ đợi, nhưng anh chàng này chỉ cười và nhún vai. Dù sao thì lương tâm hấn ta cũng rất trong sạch, hấn đến đây để học nghề viết bao, nhưng lại chỉ học được cái chính là vấn đề tài chính. Tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” còn nợ hấn ta bốn tháng lương, nhưng hấn ta cũng thừa hiểu rằng cần phải thoả mãn ông chủ nhà in trước khi thoả mãn một ông phó chủ bút.

“Thật là không ra làm sao, ông Eden ạ, ông đến đúng vào lúc chúng tôi thế này,” Ford đưa đẩy nói khéo. “Chỉ tại sơ xuất cả thôi, cam đoan là đúng thế. Nhưng xin thưa để ông rõ điều chúng tôi sẽ làm sáng mai, việc đầu tiên là sẽ gửi ngay tới ông một tám ngàn phiếu qua nhà bưu điện. Ông Ends, ông có địa chỉ của ông Eden rồi phải không?”

Vâng. Ông Ends đã có địa chỉ, và việc làm đầu tiên sang ngày mai là gửi ngay một tám ngàn phiếu. Vốn hiểu biết của Martin về những chuyện ngân hàng, ngân phiếu rất mơ hồ, nhưng gã cũng có thể thấy ngay không có lý do gì họ không đưa ngân phiếu cho gã ngay bây giờ mà lại phải đợi đến ngày mai.

“Ông Eden, như thế là ta thoả thuận với nhau để sáng mai chúng tôi sẽ gửi ngân phiếu phải không?” Ford nói.

“Tôi cần tiền ngay hôm nay,” Martin làm lì trả lời.

“Thật không may quá, - giá ông đến cho vào một ngày hôm khác,” giọng Ford ngọt xót, nhưng Ends đã ngắt lời - hắn ta vốn tính nóng nảy, hèn chi mà mắt hắn trông quàu quạu.

“Ông Ford đã giải thích rõ,” Ends nói, giọng xác lác, “và cả tôi cũng đã nói. Ngày mai là ngân phiếu sẽ được gửi đi...”

“Còn tôi,” Martin ngắt lời nói, “tôi cần tiền ngay hôm nay.”

Trước thái độ cộc cần của tên quản lý, gã thấy mạch máu đập nhanh lên một chút; gã phải để mắt cẩn thận tới thằng cha này, vì gã đoán chắc là tiền mặt của Tòa báo, hắn ta giữ ở trong túi quần kia.

“Thật là tệ quá!” Ford lại nói.

Nhưng đúng lúc ấy, với một cử động sốt ruột. Ends quay đi như định bước ra khỏi phòng. Cũng đúng lúc ấy, Martin nhảy chồm tới, một tay bóp lấy cổ hắn, bóp theo các kiểu làm cho bộ râu trắng xoá của hắn vẫn giữ được vẻ đồm dáng chải chuốt, chỉ vênh ngược lên phía trần nhà, làm thành một góc bốn mươi độ, trông thấy lão quản lý bị lắc như một tấm thảm lông cừu, Ford và White sợ xanh mặt.

“Moi ra ngay, đồ khốn nạn phá hoại hi vọng của những tài năng trẻ tuổi,” gã quát. “Moi ra ngay, nếu không ông lắc cho đến bật ra, dù toàn chỉ là tiền kền.” Rồi quay lại phía hai người đang sợ rúm lại. “Còn chúng mày, đứng tránh ra. Thằng nào can thiệp vào, ông cho dừ đòn!”

Ends nghệt thờ; mãi đến lúc Martin nới tay ra; hắn mới có thể làm nổi được cái việc “vui lòng moi ra ngay.” Móc mãi, móc mãi mới lòi ra được có bốn đô la mười lăm xu.

“Lộn hắn túi quần ra,” Martin ra lệnh.

Một đồng hào nữa rơi ra. Martin đếm lại một lần nữa cho chắc chắn.

“Còn thằng này!” Gã hét vào mặt Ford. “Tao cần bảy mươi nhăm xu nữa!”

Không chậm trễ, Ford vội vàng móc hết các túi cũng chỉ lòi ra được có sáu mươi xu.

“Thật hết chưa?” Martin nắm lấy tiền, sừng sộ hỏi. “Mày có cái gì trong túi áo gi-lê kia?”

Để tỏ ra mình thực thà, Ford lộn cả hai túi áo gi-lê ra. Một mảnh bìa cứng ở một túi rơi xuống sàn. Hắn cúi xuống nhặt và định bỏ vào túi thì Martin đã quát lên.

“Cái gì đó! - một cái vé phà hử? Đưa đây – Nó giá mười xu đấy. Tao sẽ tính vào số tiền chúng mày nợ. Kể cả cái vé như thế là bốn đô la chín mươi năm xu. Còn nợ lại tao năm xu.”

Gã nhìn White một cách dữ tợn. Anh chàng gầy gò yếu ớt này vội đưa ngay ra một đồng kền.

“Cảm ơn các vị,” gã nói với cả ba. “Chúc các vị vui vẻ.”

“Đồ kẻ cướp!” Ends lầu bầu tức tối.

“Đồ ăn cướp!” Gã chửi lại, và bước ra khỏi phòng, đóng sầm cửa lại.

Martin khoái chí quá – khoái chí đến nỗi gã chợt nhớ là tờ “Con Ong” cũng còn thiếu của gã mười lăm đô la bài “Nàng tiên và viên ngọc,” gã quyết định đến thẳng ngay toà báo để đòi. Nhưng bọn “Con Ong” gồm toàn những thằng cha trẻ tuổi mày râu nhẵn nhụi, lực lưỡng, một bọn cướp bề thực thụ. Chúng ăn cướp tất cả mọi thứ, tất cả mọi người, chẳng từ chuyện ăn cướp lẫn nhau. Sau một hồi ẩu đả gãy mất vài cái bàn vài cái ghế, thằng cha chủ bút (vốn trước đây là một vận động viên ở trường đại học) được sự hỗ trợ tích cực của mấy tên quản lý, phụ trách quảng cáo và chạy giấy, đã tổng được Martin ra khỏi phòng, hắn đẩy mạnh một cách ngay từ bậc đầu tiên để gã lăn xuống cầu thang được nhiều hơn.

“Ông Eden, mời ông lại chơi luôn nhé. Chúng tôi rất sung sướng được gặp ông bất cứ lúc nào.” Tất cả bọn đứng ở đầu cầu thang nhìn xuống, cười hô hô.

“Hừm!” Martin nhồm dậy cười gằn. Gã lảm bảm trả lời. Bọn “Xuyên lục địa nguyệt san” đều là hạng dê cái, còn chúng mày toàn những thằng võ sĩ nhà nghề cả.”

Tiếng cười lại vang lên hưởng ứng câu nói đó.

“Ông Eden này!” Thằng cha chủ bút gọi với xuống. “Tôi phải nói rằng đứng về mặt thi sĩ mà nói thì ông cũng là tay cứng đấy. Xin cho phép tôi hỏi ông học được ở đâu quả móc phải thế?”

“Thế ông học được ở đâu cái miếng khóa tay?” Martin trả lời. “Dù sao mắt ông cũng bị tím bầm đấy.”

“Mong rằng cổ ông không bị cứng đơ,” thằng cha chủ bút nói, về bản thảo. “Tất cả bọn mình cùng nhau đi uống một chén đi, tất nhiên là không phải để mừng cái cổ của cậu, mà để mừng cuộc tỉ thí nho nhỏ này, cậu thấy thế nào?”

“Được, nếu tớ thua, tớ sẽ bao hết.”^[98] Martin nhận lời.

Và thế là cả kẻ cướp lẫn kẻ bị ăn cướp cùng uống một chén thỏa thuận với nhau một cách thân ái rằng chiến thắng thuộc về kẻ mạnh, và số tiền mười lăm đô la về bài “Nàng tiên và viên ngọc” thuộc quyền sở hữu của Toàn soạn tờ “Con Ong.”

^[98] Nguyên văn: *I'll go if I lose (một câu nói lóng của những tay anh chị ở Mỹ). Martin vừa nói vừa tung một đồng tiền lên, nếu thua gã phải chi hết tiền rượu cho bọn kia.*

CHƯƠNG 34

Arthur đứng lại ở cổng trong khi Ruth bước lên những bậc hè ở cửa đằng trước nhà chị Maria. Nàng nghe thấy tiếng lách cách rất nhanh của máy chữ, và khi Maria đưa nàng vào, nàng thấy gã đã đánh đến trang cuối cùng của bản thảo. Nàng đến để biết chắc là gã có đến ăn cơm vào ngày lễ Tạ ơn Chúa hay không, nhưng nàng chưa kịp hỏi thì gã đã nói ngay vào một vấn đề mà gã đang say sưa.

“Để anh đọc em nghe cái này,” gã vừa nói vừa tháo tờ giấy than, sắp xếp lại tập bản thảo cho đúng số trang. “Đây là bài viết mới nhất của anh. Nó khác xa những bài anh đã viết, hoàn toàn khác đến nỗi chính anh cũng thấy sợ, nhưng anh vẫn thầm có ý nghĩ rằng nó hay lắm. Em sẽ cho ý kiến. Đây là một câu chuyện ở Hawaii, anh đặt tên cho nó là: “Wiki, Wiki.”

Khuôn mặt gã rạng lên bừng bừng hào quang của sáng tạo, mặc dù Ruth rùng mình trong căn phòng giá lạnh, và lúc bắt tay, nàng vẫn ngạc nhiên về bàn tay gã quá lạnh. Nàng chăm chú nghe khi gã đọc; tuy thỉnh thoảng ngược mắt lên, gã chỉ nhìn thấy vẻ chê bai trên nét mặt nàng, nhưng lúc đọc xong, gã vẫn hỏi:

“Xin em nói thực, em nghĩ thế nào về bài này?”

“Em... em cũng không biết nữa. Liệu nó... anh nghĩ nó có thể bán được không?”

“Anh e rằng không,” gã thú nhận. “Nó quá mạnh mẽ đối với các tạp chí. Nhưng nó là sự thực – anh dám nói thế, hoàn toàn sự thực.”

“Nhưng tại sao anh cứ mất công viết mãi những cái mà anh biết rõ là không bán được?” Nàng nói, không chút mỉa mai. “Mục đích của anh viết là để kiếm sống có phải không nào?”

“Đúng, đúng là như thế; nhưng câu chuyện khốn khổ này cứ bám dai đẳng trong trí óc anh. Anh không thể nào không viết nó ra được – nó đòi hỏi phải được viết ra.”

“Nhưng nhân vật chính trong truyện, cái gã Wiki Wiki đó, tại sao anh lại để cho gã ăn nói thô tục như vậy? Chắc chắn là độc giả sẽ thấy khó chịu, và chắc chắn vì thế mà bọn chủ bút rất có lý khi từ chối không nhận bài của anh.”

“Vì Wiki Wiki trong thực tế hẳn cũng ăn nói như vậy.”

“Văn chương viết thế không nhẽ.”

“Nhưng đó là cuộc sống,” gã trả lời thẳng thắn. “Nó là thực tế. Nó là sự thực. Anh phải mô tả cuộc sống như anh đã trông thấy.”

Nàng không trả lời, trong một lúc lúng túng, hai người ngồi yên lặng. Chính vì gã yêu nên gã đã không hiểu nàng một cách đầy đủ, còn nàng thì không thể nào hiểu nổi được gã vì gã lớn lao quá, vượt xa cái chân trời của nàng.

“À, anh đã lấy được tiền của bọn “Xuyên lục địa nguyệt san” rồi, gã nói, và cố lái câu chuyện sang một vấn đề khác vui vẻ hơn. Hình ảnh ba anh chàng râu ria xồm xoàm mà gã vừa gặp gần đây và đã bị bắt buộc phải lòi ra bốn đô la chín mươi xu với một cái vé phà làm cho gã cười khúc khích.

“Thế thì hẳn anh sẽ đến nhé!” Nàng reo lên sung sướng. “Mục đích em đến đây cũng chỉ là để xem anh có đến hay không?”

“Đến?” Gã làm bầm một cách lơ đãng. “Đến đâu?”

“Kìa, ngày mai đến ăn ở nhà em. Anh chả đã nói là lấy được món tiền ấy anh sẽ chuộc quần áo về mà.”

“Anh quên bẵng đi mất chuyện ấy,” gã nói, ngượng ngập. “Sáng nay, lão gác khu nhốt súc vật để lạc đà bắt mất hai con bò cái và con bê của chị Maria. Chị ấy chẳng còn một đồng nào, anh phải bỏ tiền ra nộp phạt cho chị ấy để lấy bò về. Tiền lấy được của bọn “Xuyên lục địa nguyệt san” tiêu vào

việc ấy cả. Tiền nhuận bút của truyện “Tiếng chuông” thế là vào túi ông gác.”

“Vậy thế là anh không đến à?”

Gã cúi xuống nhìn bộ quần áo của mình.

“Anh không thể đến được!”

Mấy giọt nước mắt thất vọng và trách móc long lanh trong đôi mắt xanh của nàng, nhưng nàng không nói gì hết.

“Ngày lễ Tạ ơn Chúa sang năm, chúng ta sẽ cùng ăn với nhau ở Delmonico.”^[99] Gã vui vẻ nói. “Hoặc ở London, hoặc ở Paris, hay ở bất cứ nơi nào em thích. Anh biết chắc như vậy!”

“Cách đây vài hôm, em có đọc thấy ở báo,” nàng nói đột ngột. “Sở bưu điện hỏa xa đã bổ nhiệm nhiều người làm việc ở địa phương. Anh thi vào đó đồ đầu phải không?”

Gã đành phải thú nhận là họ đã gọi gã đi làm, nhưng gã từ chối không đi. “Anh tin, rất tin ở anh.” Gã kết luận, chỉ một năm nữa thôi, anh sẽ kiếm được gấp mười lần một anh công chức sở Bưu điện hỏa xa. Em cứ đợi rồi sẽ thấy.”

“Ồ,” nàng chỉ nói thế khi gã nói hết câu, rồi đứng dậy, đeo bít tất tay vào. “Em phải đi chơi, anh Martin ạ, anh Arthur đang đợi em.”

Gã ôm nàng trong cánh tay và hôn, nhưng nàng tỏ ra rất thụ động, người nàng không dướn lên căng ra, cánh tay nàng không quàng lấy người gã, môi nàng không ghì chặt lấy môi gã như thường lệ.

Hắn là Ruth giận mình, gã trầm nghĩ khi ở cổng quay vào. Nhưng tại sao? Thật là không may, lão gác lại bắt mất đôi bò của chị Maria. Đúng chỉ tại số cả. Chẳng có ai đáng trách trong chuyện này. Mà gã tự nghĩ cũng không thể nào làm khác việc gã đã làm. Ừ, nhưng kể ra mình cũng đáng chê trách một chút, liền đó gã nghĩ vì đã từ chối không nhận việc ở Sở Bưu điện hỏa xa. Và xem ra nàng cũng không ưa gì cái truyện Wiki Wiki.

Ở chỗ bậc hè gã quay lại gặp người đưa thư đi chuyển buổi chiều. Một nỗi bồn chồn mong đợi như bao giờ lại choán lấy Martin khi gã cầm lấy tập phong bì dài. Có một phong bì không dài. Nó ngắn và mỏng, bên ngoài có in địa chỉ của tờ “Quan điểm New York.” Gã đứng lại, xé ra. Chắc chắn đây không phải là thư nhận đăng bài. Gã không gửi một bản thảo nào cho tờ này

cả. Có thể tìm gã gần như ngừng đập vì cái ý nghĩ ngông cuồng này – có lẽ họ yêu cầu gã viết bài, nhưng gã vội gạt đi ngay, cho rằng đó là một chuyện không thể nào có được.

Bức thư viết rất ngắn, theo lối công thức, dưới có chữ ký của người chủ bút, báo cho gã biết là tòa soạn có nhận được một bức thư nặc danh (có gửi kèm theo) và mong gã cứ yên tâm là bất cứ trong trường hợp nào tòa soạn tờ “Quan điểm New York” cũng không bao giờ quan tâm tới những loại thư nặc danh đó.

Bức thư gửi kèm theo là một bức thư viết tay, nét chữ thô. Một mớ hỗn độn những lời chửi rửa vô học, tố cáo cái anh chàng “tên gọi là Martin Eden” thường đem bán những truyện ngắn cho các tạp chí không phải là văn sĩ gì cả mà thực ra là một anh chuyên môn ăn cắp những truyện của các tạp chí cũ, đánh máy lại, gửi đi và mạo nhận là của mình. Ngoài phong bì có đóng dấu bưu điện “San Leandro.” Chẳng cần phải nghĩ lâu, Martin cũng biết ngay tác giả của nó. Những lỗi ngữ pháp, những câu thô tục, những mảnh khoé láu tôm láu cá của Higginbotham lộ ra rất rõ từ đầu đến cuối bức thư. Qua từng dòng, Martin thấy không phải lối chữ viết nắn nót hoa mỹ mà đúng là kiểu chữ của một anh chủ hiệu bán thực phẩm thô lỗ, lão anh rể của gã.

Nhưng tại sao nhỉ? Gã tự hỏi mãi mà vẫn không tìm ra câu trả lời. Gã đã làm gì hại Bernard Higginbotham? Thật là vô lý, thật là chó đẻ. Không thể nào giải thích nổi được việc làm ấy của lão. Trong suốt tuần ấy, gã nhận liên tiếp được đến mười hai bức thư tương tự của các chủ bút của những tạp chí ở miền Đông gửi đến cho gã. Martin phải kết luận là những người chủ bút này đã xử sự đúng đắn. Đối với họ, gã là người hoàn toàn không quen biết, nhưng nhiều người, tỏ ra có thiện cảm với gã. Rõ ràng là họ rất ghét cái lối viết thư nặc danh; và rõ ràng là mưu toan thâm hiểm định hãm hại gã đã thất bại. Thực ra, không chừng lại là điều hay cho gã, vì ít nhất tên gã cũng đã làm cho một số chủ bút các tạp chí chú ý tới. Và biết đâu sau đây, gã có gửi bản thảo tới, họ có thể lại chẳng nhớ đến cái anh chàng bị người ta viết thư nặc danh bôi xấu này. Và biết đâu chẳng vì nhớ lại như thế mà họ sẽ đánh giá bài hán một cách có lợi cho gã hơn một chút.

Vào khoảng thời gian này, cách nhìn nhận của Martin về gã khác trước nhiều. Một buổi sáng vào bếp, gã thấy chị Maria đang rên rỉ đau đớn, những giọt nước mắt yếu đuối chảy dòng dòng trên má. Chị đang gắng là cho xong một đồng quần áo lớn, nhưng không thể nào làm được. Gã đoán ngay là chị bị cúm, liền cho chị uống một ít rượu whiskey nóng (chỗ còn lại trong những chai mà Brissenden mang đến) và bắt chị phải đi nằm. Nhưng chị nhất định không nghe. Thế nào cũng phải là cho xong chỗ quần áo, và đem trả ngay đêm ấy, nếu không thì hôm sau không có gì vào bụng cho bấy đứa con nhỏ đói khát của chị.

Chị ngạc nhiên hết sức (cho đến khi chết chị vẫn không ngớt nhắc đi nhắc lại điều này) khi thấy Martin nhắc cái bàn là ra khỏi lò và trải một cái áo sơ mi nữ hạng sang lên tấm phản là. Đó là cái áo sômi diện nhất để mặc ngày chủ nhật của cô Kate Flanagan. Trong những khách hàng của chị thì không có ai là kỹ tính về ăn mặc diêm dúa như cô này. Hơn nữa, cô ta đã đặc biệt dặn dò thế nào chị cũng phải đem trả áo vào tối hôm ấy. Ai cũng biết dạo này cô ta đi lại với anh chàng John Collins, một anh thợ rèn. Và riêng chị còn biết cả chuyện sáng mai hai người sẽ đưa nhau đi chơi ở công viên Golden Gate. Chị Maria giằng lại cái áo thế nào cũng không được. Martin dìu chị lão đảo ra một cái ghế. Chị trở mặt ra mà nhìn gã. Chỉ một loáng - chị làm thì phải mất bốn lần thời gian như thế - gã đã đưa cho chị xem cái áo đã được là xong, không hỏng, không cháy và chị phải công nhận là giá chị có là thì cũng chỉ đẹp đến thế thôi.

“Tôi còn có thể là nhanh hơn nữa, nếu bàn là của chị nóng hơn,” gã nói.

Đối với chị, bàn là gã để nóng quá, không bao giờ chị dám để như thế.

“Chị vẩy nước thế này là hỏng,” gã phàn nàn. “Đây này, để tôi bày cho chị cách vẩy nước. Cần phải ép nữa cơ. Vẩy nước xong rồi ép lại nếu chị muốn là nhanh.”

Gã vào buồng kho lục lọi đồng củi lấy ra một cái hòm gỗ, làm một cái nắp đập, rồi kiếm những thanh sắt trong đồng sắt vụn bọn trẻ con nhặt nhanh để bán cho hàng đồng nát. Quần áo mới vẩy nước được xếp vào, mảnh gỗ đặt lên trên, rồi những thanh sắt nén chặt xuống; thế là cái máy ép đã xong và bắt đầu hoạt động.

“Bây giờ chị nhìn tôi làm nhé, chị Maria.” Gã vừa nói vừa cởi hết áo ngoài ra chỉ còn độc một cái áo lót mình; tay nắm chặt lấy cái bàn là mà gã cho là “thực sự nóng.”

Về sau đây, chị hay kể lại. “Là xong anh ấy lại đi giặt những bộ đồ len. Anh ấy bảo, này chị Maria, chị giặt kém lắm. Tôi sẽ bày cho chị cách giặt đồ len nhé. Và anh ấy bày thật. Chỉ mười phút, anh ấy đã làm xong một cái máy – nào có gì đâu, chỉ là một cái thùng, một cái trục bánh xe, hai cái sào, thế thôi, đúng như cái này này...”

Martin đã học được cái mẹo này của Joe khi còn ở Shelly Hot Springs. Một cái trục bánh xe cũ đóng chặt vào đầu cái sào thật thẳng dùng làm cần nhúng. Cần này được buộc vào một đầu cái sào bật, sào này được buộc chặt vào sà bếp, như vậy, trục xe quay trên những bộ đồ len trong thùng và chỉ cần một tay, gã cũng có thể vò được.

Và bao giờ chị cũng kết thúc câu chuyện như thế này. “Thế là từ đó Maria này không phải làm nữa. Cứ sai lũ con đưa đi đưa lại cái cần quay cái bánh xe trong thùng, thế là ổn. Cái anh Martin Eden, anh ấy tài thật.”

Tuy nhiên, chính do cái tài ấy và những cải tiến trong “xưởng giặt nhà bếp” của chị mà chị thấy gã không còn quá xa cách như trước nữa. Ánh hào quang kỳ ảo mà trí tưởng tượng của chị đã khoác vào cho gã dần dần mờ nhạt đi trong cái ánh sáng lạnh lùng của sự thật là trước đây gã cũng chỉ là một người thợ giặt. Tất cả những sách vở của gã, những bạn bè sang trọng đi xe ngựa đến thăm gã, hay mang theo không biết bao nhiêu là chai rượu whiskey bây giờ đều không có nghĩa gì to lớn lắm. Rút cục gã cũng chỉ là một người lao động, một thành viên trong cùng một giai cấp và tầng lớp với chị. Gã có vẻ người hơn và dễ gần hơn, gã không còn là một cái gì huyền bí nữa.

Mối bất hoà giữa Martin và gia đình vẫn tiếp tục. Sau cuộc tấn công ngầm của Higginbotham, thì đến Hermann von Schmidt ra tay. Nhờ may mắn bán được ít truyện ngắn, vài bài thơ trào phúng và mấy mẩu chuyện vui, Martin tạm thời cũng phong lưu. Không những gã đã trang trải được các món nợ, mà còn có đủ tiền chuộc về cái xe đạp và bộ quần áo đen. Cái xe đạp, trục bị vênh, cần phải đem chữa, và để tỏ tình thân thiện với cậu em rể tương lai, gã đưa đến hiệu của Von Schmidt.

Ngay buổi chiều hôm đó Martin rất hài lòng thấy một đứa bé con đem xe đến trả. Thấy có sự ưu đãi đặc biệt như vậy, gã thâm nghĩ chắc cậu ta cũng muốn làm lành với mình đây, vì thường là xe đạp đưa chữa là phải đi tự đích thân đến lấy. Nhưng khi gã xem lại xe, thì thấy chỗ hỏng vẫn còn nguyên chưa được sửa gì cả. Gã gọi đây nói hỏi anh chồng chưa cưới của cô em, và lúc đó mới biết là, hẳn ta không muốn dính dáng gì với gã “bất cứ theo kiểu, lỗi, hay hình thức nào.”

“Này Hermann von Schmidt,” gã nói vui vẻ. “Tớ đang muốn đến vẹo cái mũi Đức của cậu một cái chơi.”

“Anh cứ đến cửa hiệu tôi,” Von Schmidt trả lời. “Tôi sẽ cho gọi cảnh sát ngay, và cho anh biết tay.Ồ, tôi đã thừa biết anh đi rồi, nhưng anh đừng có hòng gây ầu ẩu được với tôi. Tôi không muốn dính dáng gì với cái hạng người như anh. Anh là một thằng vô công rồi nghề, đúng thế, tôi không mù đâu. Anh đừng tưởng là tôi sắp sửa lấy em gái anh mà anh hòng bắt nạt được. Này tôi bảo thật, tại sao anh không đi kiếm việc làm để sống cho lương thiện! Trả lời đi xem nào!”

Nghĩ đến triết lý sống của mình, Martin thấy hơi đau mà giận dữ với hẳn làm gì, gã mặc ông nói lên, huyết một tiếng sáo dài, trong lòng thấy vui vui một cách kỳ lạ. Nhưng sau lúc vui vui ấy, gã thấy ngay sự phản ứng, gã cảm thấy mình cô đơn quá. Không ai hiểu gã cả, không ai quan tâm đến gã, chỉ trừ có Brissenden, mà Brissenden thì lại đã biến đi đâu mất rồi, có họa trời mới biết anh chàng này biến đi đâu.

Hoàng hôn đã buông xuống lúc Martin ở cửa hiệu hoa quả ra, trở về nhà, tay xách mấy thứ lật vật vừa mua được. Một chiếc xe điện đỗ ở góc phố, trong thấy một dáng người gầy còm, quen quen bước từ trên xe xuống, lòng gã rộn lên vui sướng. Đúng là Brissenden, vừa mới thoáng trông thấy, trước khi xe điện đi tiếp, gã đã nhận thấy ngay hai cái túi áo ngoài, một cái thì to phình ra đầy sách, còn cái kia thì còm cộm một chai rượu whiskey.

[99] Một tiệm ăn rất sang trọng ở New York.

CHƯƠNG 35

Brissenden không giải thích tại sao anh vắng mặt lâu thế, mà Martin cũng không tò mò hỏi làm gì. Được nhìn bộ mặt xanh xao hốc hác của bạn,

qua làn hơi nhẹ nhẹ bốc lên từ cốc toddy, thế là thỏa mãn rồi.

Sau khi nghe Martin kể lại những công việc đã làm trong thời gian qua, Brissenden nói:

“Thì tớ cũng có ngồi không đâu.” Anh rút ở túi áo trong ra một tập bản thảo đưa cho Martin nhìn nhan đề rồi ngược mắt lên, vẻ tò mò.

Brissenden cười: “Thì đúng thế. Cái tên cũng khá hay đấy chứ? “*Phù du*” – đúng là danh từ ấy đấy. Chính cậu phải chịu trách nhiệm về cái tên đó, vì đây là con người theo quan niệm của cậu, là một vật vô cơ luôn luôn đứng thẳng, đầy sức sống, một phù du hoàn chỉnh nhất, một sinh vật mà thời tiết chỉ nhích lên một chút là nở ra với cái thân hình nhỏ bé hiên ngang đi trong ống hàn thử biểu. Ý nghĩ đó đã thâm nhập vào đầu óc tớ, và tớ phải viết nó ra để tổng khứ nó đi. Cậu đọc đi và cho mình biết ý kiến.”

Mặt Martin ửng đỏ, nhưng dần dần tái nhợt đi khi gã đọc tiếp. Đây là nghệ thuật tận thiện tận mỹ. Hình thức đã chiến thắng được nội dung, nếu có thể nói được là như thế khi tất cả những khía cạnh nhỏ nhất của nội dung được thể hiện bằng một hình thức hoàn mỹ, khiến đầu óc gã bơi trong một niềm khoái cảm kỳ thú, mắt gã trào ra những dòng lệ say sưa, sống lưng gã run lên ớn lạnh. Đó là một bài thơ dài khoảng sáu bảy trăm câu, một cái gì thật quái đản, kỳ lạ, siêu phàm. Nó kinh khủng quá, không thể có được, thế mà nó có đấy, được ghi bằng mực đen trên những tờ giấy trắng. Bài thơ nói về con người trong mối quan hệ cuối cùng với tâm hồn mò mẫm, thăm dò những vực sâu thẳm của vũ trụ bao la để tìm chứng cứ của mặt trời đã tắt và ánh phản quang của cầu vồng. Đây là một cuộc truy hoan điên cuồng của trí tưởng tượng, sự say sưa điên cuồng của một người sắp chết, lúc thâm nức nở, lúc rộn ràng theo nhịp hỗn độn của một trái tim đang yếu dần. Bài thơ oai nghiêm bay lên tới vùng hỗn độn lạnh lẽo của những trận xô xát giữa các vì sao, tới vùng hỗn mang của những mặt trời để trở nên băng giá, và đến đám tinh vân bốc lửa soi sáng khoảng không tăm tối; qua tất cả những cái đó, không ngừng và yếu ớt như tiếng con thoi bạc là tiếng nói như tiếng sáo yếu ớt của con người, tiếng kêu chiêm chiếp than vãn giữa tiếng thét của các hành tinh và tiếng va chạm âm âm của các hệ thống tinh cầu.

“Một cái như thế này trong văn học chưa hề có!” Martin nói khi cuối cùng gã có thể nói được. “Thật là kỳ diệu, kỳ diệu! Đọc nó, mình thấy

chóng mặt. Mình say sưa nó. Vấn đề vĩ đại, vô cùng kỳ diệu ấy mình không thể nào xua đuổi ra khỏi ý nghĩ của mình được. Tiếng nói yếu ớt như than vãn của con người, tiếng nói dò hỏi bất diệt, cứ luôn luôn nhắc đi nhắc lại ấy vẫn ngân vang trong tai mình. Nó như một khúc tang hành của một con bọt bọt giữa những tiếng rống của voi và tiếng gầm của sư tử. Không bao giờ thỏa mãn được nỗi khao khát vô cùng nhỏ bé. Mình cũng biết lúc này đây mình thực đáng buồn cười, nhưng cái đó nó cứ ám ảnh mình hoài. Cậu thật là, mình cũng không biết cậu là thế nào nữa – cậu thật là kỳ diệu, có thể thôi. Nhưng làm thế nào mà cậu viết được như vậy? Làm thế nào?”

Martin ngừng lại trong lời ca ngợi say sưa của mình, để rồi lại nói tiếp:

“Mình sẽ không bao giờ viết nữa. Mình chỉ là một anh thợ nặn vụng về. Cậu đã cho mình xem tác phẩm của một người thợ chân chính, kỹ xảo tuyệt vời. Thiên tài! Cái này còn là một cái gì hơn cả thiên tài. Đó là sự thực đến cùng cực. Hàng hàng đều là sự thực. Mình không biết cậu có nhận thấy điều đó không, cậu, một con người võ đoán. Khoa học cũng không thể chứng minh được là cậu sai. Đây là mĩa mai mà chân thực, ngôn từ luyện thép màu của vũ trụ, dệt bằng những nhịp điệu hùng mạnh của âm thanh thành một tấm thảm huy hoàng và đẹp đẽ. Và bây giờ mình không nói thêm một lời nào nữa. Nó khuất phục mình, nó bóp nghẹt mình, phải, đúng thế. Ừ, mình cũng muốn. Để mình đưa bài thơ của cậu cho họ xuất bản.”

Brissenden cười:

“Dám chắc là không một tạp chí nào trong cái thế giới theo đạo thiên chúa này lại dám in bài thơ ấy của mình. Chắc cậu cũng biết thế.”

“Mình không biết gì cả. Mình tin rằng không có một tạp chí nào trong cái thế giới theo đạo thiên chúa này lại không vồ lấy mà đăng ngay, không phải ngày nào họ cũng nhận được những bài hay như thế này. Đây không phải là một bài thơ của năm tháng mà là bài thơ của thế kỷ.”

“Tớ muốn được đúng như cậu nói.”

“Không nên quá khinh đời.” Martin cãi lại. “Không phải tất cả bọn chủ bút các tạp chí đều là ngu xuẩn cả. Mình biết chắc như vậy. Mình dám đánh cuộc với cậu. Dám đánh cuộc bằng bất cứ giá nào là chỉ gửi đi lần thứ nhất hay lần thứ hai là cùng, bài “*Phù du*” nhất định sẽ được đăng.”

Brissenden ngồi im một lát rồi nói:

“Chỉ có một điều làm cho tớ không theo ý cậu được. Đó là một bài thơ lớn – lớn nhất trong các bài tớ đã sang tác từ xưa đến nay. Tớ biết lắm. Đó là tác phẩm cuối cùng của mình. Tớ rất tự hào về nó, còn hơn cả rượu whiskey. Đó là cái tớ vẫn hằng mơ ước – cái vĩ đại và hoàn mỹ - ngay từ khi tớ hãy còn là một chàng trai chân thực với những ảo mộng êm đềm, những lý tưởng trong trắng. Và bây giờ, tớ đã nắm được nó trong tay, trong cái nắm tay cuối cùng của đời tớ. Không, tớ không nhận đánh cược với cậu. Bài thơ của tớ. Tớ đã sáng tác ra nó và cũng một phần là của cậu.”

“Nhưng hãy nghĩ tới những người khác nữa.” Martin phản đối. “Chức năng của cái đẹp là mang lại niềm vui.”

“Đó là cái đẹp của riêng tớ.”

“Không nên ích kỷ.”

“Tớ không ích kỷ,” Brissenden cười điềm đạm y như những lúc anh thích thú một điều gì mà đôi môi mỏng của anh sắp sửa nói ra. “Tớ không ích kỷ hơn một con chó đói.”

Martin hết sức thuyết phục Brissenden bỏ cái ý định đó, nhưng vô ích. Gã nói với Brissenden rằng sự căm ghét của Brissenden đối với các tạp chí là điên cuồng, là quá khích và thái độ của Brissenden còn trăm ngàn lần đáng khinh hơn cái anh chàng trai trẻ nào đó đã đem đốt tòa miếu cổ của thần Diana ở Ephesus. Trước những lời buộc tội gắt gao ấy, Brissenden vẫn cứ bình thản ngồi nhấp rượu. Anh đồng ý là tất cả những điều Martin nói đều hoàn toàn đúng, chỉ trừ những ý kiến về bọn chủ bút các tạp chí. Sự căm ghét của anh đối với bọn này thật không có giới hạn nào, và khi buộc tội chúng, anh còn gay gắt hơn Martin nhiều.

“Tớ muốn cậu đánh máy hộ,” anh nói. “Cậu còn thạo một ngàn lần hơn bất cứ một anh chàng ghi tốc ký nào. Bây giờ tớ có mấy lời khuyên cậu.” Anh rút ở túi ngoài ra một tập bản thảo dày cộm. “Đây là tập *Sự hổ thẹn của mặt trời* của cậu. Tớ đã đọc, không phải chỉ một lần, mà hai lần, ba lần. Đó là lời khen ngợi tốt đẹp nhất mà tớ có thể tặng cậu. Sau tất cả những ý kiến cậu nói về tập *Phù du* của tớ, thì tớ đành phải yên lặng thôi. Nhưng có một điều này thì tớ phải nói: Khi tập *Sự hổ thẹn của mặt trời* được xuất bản, nhất định nó sẽ gây một tiếng vang và làm nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi còn đáng giá gấp trăm ngàn lần hơn những bài quảng cáo.”

Martin cười lớn. “Hắn cậu cũng sẽ khuyên mình gửi nó cho các tạp chí chứ gì.”

“Nhất định không – có nghĩa nếu cậu muốn bài thơ ấy được in thì không nên. Hãy gửi nó đến những nhà xuất bản nổi tiếng nhất. Một anh chàng biên tập nào đó của nhà xuất bản có thể khá mê cuồng, khá say sưa để mà đề xuất những ý kiến có lợi cho cậu. Cậu đã đọc nhiều sách. Tinh túy của những cuốn sách đã biến đổi trong cái nôi đất của trí óc cậu chảy ra thành *Sự hổ thẹn của mặt trời* và một ngày kia Martin Eden sẽ nổi tiếng, tiếng tăm của anh ta nhờ vào tác phẩm này không ít. Thế nào cậu cũng phải tìm một nhà xuất bản cho nó, càng sớm càng tốt.”

Đêm ấy, khuya lắm, Brissenden mới ra về; vừa bước lên bậc thứ nhất của chiếc xe điện, anh chợt quay lại, giúi vào tay Martin một mảnh giấy vo tròn.

“Cầm lấy cái này,” anh nói. “Hôm nay tớ đi chơi cá ngựa và bỏ được đúng mỗi.”

Chuông kêu leng keng, và xe điện chạy, để lại Martin đứng đó băn khoăn không hiểu mảnh giấy vo tròn nhờn nhờn gã đang nắm trong tay là cái gì. Trở về phòng, gã giở ra thấy tờ một trăm đô la.

Martin chẳng cần phải câu nệ gì mà không tiêu số tiền đó. Gã biết Brissenden luôn luôn có nhiều tiền và với một niềm tin tưởng sâu xa, gã cũng biết rồi đây sự thành công của gã sẽ giúp gã trả lại được. Sáng hôm sau, gã đem thanh toán tất cả các món nợ, đưa cho chị Maria ba tháng trước tiền thuê phòng, và chuộc lại tất cả những thứ ở hiệu cầm đồ về. Sau đó, gã mua một bộ đồ mừng cưới cho cô Marian, và một vài tặng phẩm giản dị hơn, thích hợp với ngày lễ Noel để tặng Ruth và Gertrude. Cuối cùng, với số tiền còn lại, gã đưa cả nhà Maria xuống khu Oakland. Gã để chậm mất một mùa đông mới thực hiện được lời hứa của mình, nhưng cuối cùng thì lời hứa ấy đã được thành sự thật. Mỗi đứa, ngay đứa bé nhất, và cả chị Maria nữa cũng được một đôi giày mới. Và lại còn, nào là mấy cái còi, nào là búp bê, đủ thứ đồ chơi, kẹo bánh, hạt dẻ, gói to gói nhỏ chất đầy tay lũ trẻ con nhà chị Maria đến nỗi chúng không còn ôm được nữa.

Đúng vào lúc cái đám người kỳ lạ ấy bám sát gót gã và chị Maria đi vào một cửa hàng bánh kẹo, hỏi mua một hộp mứt to tướng thì gã gặp Ruth

và mẹ nàng. Bà Morse khó chịu lắm. Ruth cũng bức mình, vì nàng vốn hay kỹ tính về bề ngoài, thế mà cái cảnh người yêu của mình đi sánh vai cùng với mẹ Maria, dẫn đầu một bọn lau nhau người Bồ Đào Nha, quần áo rách như tổ đĩa, thì thực là một cảnh không đẹp chút nào. Nhưng điều đó cũng không làm cho nàng bức mình bằng cái điều mà nàng cho là gã thiếu tôn trọng đến như vậy. Hơn nữa, thậm chí hơn cả là qua sự việc trên nàng thấy rõ gã không thể nào gột bỏ được cái nguồn gốc công nhân của mình. Nguyên sự việc ấy thôi cũng đủ là một sự tủi hổ rồi, thế mà lại còn vênh vang phô bày nó ra một cách vô liêm sỉ trước mặt xã hội – cái xã hội của nàng – thì thật là quá lắm. Tuy việc nàng đính ước với Martin vẫn còn giữ bí mật, nhưng sự đi lại thân mật giữa hai người trong một thời gian dài như vậy, không phải là không gây nên những lời xì xào bàn tán và ở trong cửa hiệu lúc bấy giờ có rất nhiều người quen biết nàng đang kín đáo nhìn người yêu của nàng với cả một đàn lũ theo sau ấy. Nàng không có một tâm hồn khoáng đạt rộng rãi như Martin, và không thể vượt lên trên cái môi trường nàng đang sống được. Nàng bức mình đến phát uất lên, và bản chất nhạy cảm của nàng làm cho nàng run lên vì xấu hổ. Vì thế, sau đó, lúc về chiều, khi đến thăm nàng, gã cứ giữ cái tặng phẩm trong túi áo trong không dám đưa ra vội, đành đợi đến một dịp khác thuận lợi hơn. Ruth nước mắt giàn dụa – những giọt nước mắt giận dữ, phẫn nộ - là một điều mới lạ đối với gã. Về đau khổ của nàng làm cho gã càng thấy quả thật gã là một thằng thô lỗ, nhưng trong đáy sâu tâm hồn, gã vẫn không thể nào thấy được vì lẽ gì, và tại sao lại như vậy. Không bao giờ gã lại có ý nghĩ xấu hổ vì những người mình quen biết, và hình như đối với gã, đưa mẹ con chị Maria đi chơi mua cho họ một ít quà tặng nhân ngày Noel thì có gì là thiếu tôn trọng Ruth. Mặt khác, sau khi nàng giải thích, gã mới thấy rõ quan điểm của nàng. Gã coi đó chỉ là một sự yếu đuối đàn bà, người đàn bà nào cũng vậy, ngay cả những người tốt nhất cũng thường có những điểm yếu đuối như thế.

CHƯƠNG 36

Đi với tớ. Tớ sẽ cho cậu biết bọn hạ lưu chân chính,” Brissenden nói với gã một buổi chiều tháng giêng.

Hai người cùng ăn cơm với nhau ở San Francisco, và ở chỗ bến phà trở về Oakland, thì bỗng Brissenden nảy ra ý nghĩ đưa Martin đến chỗ “bọn hạ

lưu chân chính.” Anh quay lại và chạy qua khu nhà ở ven mép nước, một cái bóng gầy gò lồng trong một cái áo khoác ngoài bay phấp phất, Martin cố gắng chạy theo sau cho kịp. Ở một cửa hàng rượu, anh mua hai chai rượu vang cũ rồi mỗi tay xách một chai nhảy lên xe điện tuyến đường Nhà Chung. Martin bám sát, tay khệ nệ ôm một lô chai whiskey loại mỗi chai một lít.

Nếu Ruth trông thấy mình lúc này, gã thầm nghĩ trong khi bắn khoản tự hỏi bọn “hạ lưu chân chính” là hạng người thế nào.

“Có thể là không có thằng nào ở đây,” Brissenden nói khi hai người xuống xe và lao mình sang bên phải đi vào khu trung tâm của xóm công nhân, phía nam phố Chợ. “Như thế thì cậu sẽ không được gặp cái mà cậu kiếm từ lâu.”

“Nhưng cái ấy là cái quý gì mới được chứ?” Martin hỏi.

“Những con người, những con người thông minh, chứ không phải cái hạng nói năng rỗng tuếch mà tớ đã thấy giao thiệp với cậu ở cái ổ của tên lái buôn ấy đâu. Cậu đọc nhiều sách và cậu thấy hoàn toàn cô độc. Được, đêm nay tớ sẽ dẫn cậu đến với một số người khác cũng đọc nhiều sách, để cho cậu không còn cảm thấy cô độc nữa. Tớ không hề bận óc về những cuộc tranh luận không bao giờ chấm dứt của họ.” Anh nói khi đi hết một dãy phố. “Tớ không thích thú gì cái triết lý sách vở. Nhưng rồi cậu sẽ thấy họ là những người thông minh chứ không phải là bọn lợn tư sản. Nhưng coi chừng đấy, bất cứ về một vấn đề gì dưới ánh mặt trời này, họ cũng có thể nói không dứt được đấy.”

“Hy vọng rằng Norton có mặt ở đó,” một lát sau anh thở hắt hắt nói, nhất định không đồng ý cho Martin cầm đỡ hộ hai chai rượu. “Norton là một gã duy tâm, hấn tốt nghiệp ở Harvard. Trí nhớ của hấn cừ khôi lắm. Duy tâm chủ nghĩa đã đưa hấn ta đến chỗ vô chính phủ về triết học và gia đình hấn ta tổng cổ hấn đi. Bố là chủ tịch một công ty xe lửa vào cái loại tỷ phú, nhưng anh con thì chết đói ở Frisco, làm biên tập cho một tờ báo vô chính phủ, lương tháng hai mươi năm đô la.”

Martin không quen thuộc phố phường ở San Francisco lắm, nhất là khu nam phố Chợ thì lại không biết tí gì, nên gã không hiểu mình đang được dẫn đi đến đâu.

“Nào!” Gã nói. “Cậu hãy nói cho mình biết trước về họ đã. Họ làm gì để sống? Tại sao họ lại ở khu vực này?”

“Hi vọng rằng Hamilton cũng có mặt ở đó.” Brissenden dừng lại, nghỉ tay. “Tên hắn là Strawn-Hamilton, không phải người gốc Mỹ, cậu biết đấy, xuất thân từ một dòng họ lâu đời ở miền Nam. Hắn là một thằng ma cà bông – lười thượng hạng chưa bao giờ tỏ thấy một thằng nào lười như thế, tuy hắn cũng có đi làm thư ký – hoặc là thử làm, cho một cửa hàng hợp tác, được sáu đô la một tuần. Nhưng hắn là một thằng ma cà bông thực thụ lang bạt đến thành phố này. Có hôm tớ đã thấy hắn ngồi suốt ngày trên cái ghế dài, không một miếng gì bỏ mồm, thế mà đến buổi chiều, tớ mời hắn đi ăn – hiệu ăn chỉ cách có hai dãy nhà – hắn bảo: “Mất công lắm cậu ạ. Thôi mua cho tớ bao thuốc lá.” Hắn cũng đã từng là đệ tử của Spencer như cậu, cho đến khi Kreis đã làm cho hắn tin ở thuyết nhất nguyên luận duy vật. Nếu có thể, tớ sẽ làm cho hắn phải nói đến thuyết nhất nguyên luận. Norton cũng là một anh chàng nhất nguyên luận, duy có một điều là hắn ta chẳng thừa nhận một cái gì ngoài tinh thần. Kreis và Hamilton cần chi hắn cũng có thể cho được.”

“Kreis là ai?” Martin hỏi.

“Chúng mình đang đến nhà hần đây. Đã có thời hần là giáo sư bị tổng cổ ra khỏi trường đại học; chuyện cũng thường thôi. Một bộ óc như một cái bẫy thép. Kiếm sống bằng đủ mọi cách cũ kĩ. Tớ biết có hời hần xuống dốc quá phải đi làm fakir^[100] ở đầu đường. Chẳng câu nệ gì hết. Lấy trộm cả vải liệm của xác chết, chẳng từ cái gì. Có điều khác giữa hần ta với bọn tư sản là hần ăn trộm mà không có ảo tưởng gì cả. Hần nói về Nietzsche, hoặc Schopenhauer, hoặc Kant hoặc bất cứ cái gì, nhưng cái duy nhất ở trên đời này mà hần thực sự quan tâm tới – không trừ cả Mary – là thuyết nhất nguyên luận của hần. Haeckel^[101] là thần tượng bằng thiếc^[102] của hần đấy. Cách độc nhất để chửi hần là cho Haeckel một cái tát. Đây là nơi họ thường lui tới!” Brissenden đặt chai rượu ở bậc cửa lên cầu thang lồi vào, chuẩn bị trèo lên. Đó là một căn nhà hai tầng thông thường của góc phố, bên dưới có quán rượu và cửa hàng thực phẩm. “Họ ở đây – chiếm cả tầng trên. Nhưng Kreis là anh chàng độc nhất có hai buồng. Đi thôi.”

Không có một tí ánh sáng nào ở lầu trên, nhưng Brissenden lần qua nơi tối om om ấy như một bóng ma quen thuộc. Anh ngừng lại để nói với Martin:

“Còn có một thằng cha tên là Stevens, một anh chàng theo thuyết thần trí? Hần mà mở miệng ra là làm đảo lộn cả trời đất. Bây giờ hần ta làm nghề rửa bát ở tiệm ăn. Thích xì gà ngon. Tớ đã trông thấy gã ăn cơm có mười xu, nhưng lại chịu trả năm mươi xu một điếu xì gà để hút ngay sau đó. Tớ có sẵn hai điếu trong túi để cho hần nếu hần có nhà.

Còn một thằng cha khác nữa – Parry, người Úc, một nhà thống kê học, một quyển bách khoa toàn thư trung thực. Cứ hỏi hần ta sản lượng thóc của Paraguay năm 1903, hay số lượng vải Anh, xuất khẩu sang Trung Quốc năm 1890, hoặc Jimmy Britt đã hạ Battling Nelson ở loại nào hoặc võ sĩ nào vô địch Hoa Kỳ hạng gà^[103] năm 1808, cậu sẽ nhận được câu trả lời chính xác với một tốc độ máy móc của một cái máy bắn tự động. Còn Andy nữa, một anh thợ xây đá, vấn đề gì cũng có ý kiến, đánh cờ vào loại giỏi và một gã khác nữa, Harry, thợ làm bánh, một đảng viên xã hội đỏ chóc, một tay hoạt động công đoàn rất hăng. À, mà chắc cậu cũng còn nhớ cuộc đình công của những người thợ nấu bếp và hầu bàn chứ. Chính Hamilton là kẻ tổ

chức công đoàn và cho tiến hành cuộc đình công đó – hẳn đặt mọi kế hoạch từ trước, ngay ở trong những căn phòng của Kreis này. Hẳn ta làm thế chỉ để đùa chơi, nhưng hẳn lười quá không thể nào giúp đỡ công đoàn được. Tuy nhiên, nếu hẳn muốn, hẳn vẫn có thể tiến xa. Ví mà hẳn ta không lười một cách ghê gớm quá đến như vậy thì trong con người ấy khả năng thật là vô tận.”

Brissenden tiến sâu qua nơi tối om om cho đến khi thấy một vệt sáng, soi rõ chỗ ngưỡng cửa ra vào. Một tiếng gõ cửa, có tiếng trả lời, cửa mở ra và Martin thấy mình bắt tay Kreis, một người đẹp trai, tóc đen, răng trắng bóng, ria mép đen cụp xuống, mắt đen to, long lanh. Mary, một người đàn bà trẻ, tóc nâu, trông đứng đắn, đang rửa bát trong một buồng nhỏ ở đằng sau dùng làm nơi nấu bếp và buồng ăn. Căn buồng đằng trước dùng làm buồng ngủ và buồng tiếp khách. Trên đầu là những quần áo giặt trong tuần, treo lòa xòa xuống thấp quá đến nỗi thoát đầu, Martin không nhìn thấy hai người đàn ông đang nói chuyện ở góc phòng. Họ reo âm lên đón chào Brissenden và hai chai rượu. Qua giới thiệu, Martin biết đó là Andy và Parry. Anh nhập bọn với họ và chăm chú nghe Parry thuật lại cuộc đấu quyền anh nhà nghề, anh ta đi xem đêm trước. Trong lúc đó, Brissenden hứng chí, tíu tít pha toddy, rót rượu vang, whiskey và soda mời khắp lượt. Theo lệnh của anh: “bảo chúng nó sang cả đây,” Andy đi quanh một lượt khắp các phòng để gọi.

“May mắn cho bọn mình là hầu hết chúng nó đều có nhà cả.” Brissenden thì thầm với Martin. “Có cả Norton và Hamilton. Lại gặp họ đi. Stevens không có nhà, nghe chừng thế. Nếu có thể, tớ sẽ làm cho họ nói về thuyết nhất nguyên luận. Cứ đợi sau khi uống ít nhiều, họ sẽ bốc.”

Thoạt đầu, câu chuyện còn tản mạn linh tinh. Tuy nhiên, Martin không thể nào không tán thưởng sự sắc sảo của trí óc họ. Họ là những người có ý kiến, tuy ý kiến của họ thường va chạm nhau, và tuy họ là những người nhanh trí, thông minh, nhưng họ không nông cạn. Gã thấy rất nhanh, bất luận nói về một vấn đề gì, người nào cũng ứng dụng mối tương quan của trí thức và đều có một quan niệm thống nhất, sâu sắc về xã hội và vũ trụ. Không có ai tạo ra những ý kiến cho họ; họ đều là những kẻ chống đối thuộc loại này hay loại khác, và đôi môi của họ xa lạ với những lời nói tầm

thường vô vị. Ở nhà Morse, chưa bao giờ Martin được nghe thấy người ta tranh luận về nhiều vấn đề kỳ lạ như thế. Hình như không có một giới hạn nào, trừ thời gian, đối với những việc mà họ nhận thức. Câu chuyện của họ lan man từ tác phẩm mới của bà Humphry Ward^[104], đến vở kịch cuối cùng của Bernard Shaw^[105], qua tương lai của bi kịch đến những ký ức của Mansfield^[106]. Họ khen ngợi hay mỉa mai những bài xã luận của các tờ báo buổi sáng, nhảy từ những điều kiện lao động ở New Zealand đến Henry James^[107] và Brander Mathew^[108] chuyển sang những ý đồ của Đức ở Viễn Đông, tình hình kinh tế của cái “họa da vàng,”^[109] tranh cãi sôi nổi về cuộc bầu cử ở Đức, về bài diễn thuyết cuối cùng của Bebel^[110], rồi bàn luận đến tình hình chính trị ở địa phương, những kế hoạch mới nhất và những chuyện bê bối trong chính quyền Công đảng, những kẻ bị giạt dây tổ chức cuộc đình công của những người thủy thủ miền Coast. Martin rất ngạc nhiên về những chuyện bí mật mà họ nắm được. Họ biết những điều mà trên báo không bao giờ đăng: những dây thép, dây thừng và những bàn tay bí mật đã làm những con rối nhảy múa. Martin lại càng ngạc nhiên khi thấy người đàn bà – Mary – cũng góp chuyện và tỏ ra có một trí thông minh mà gã chưa bao giờ thấy ở một số ít những người đàn bà gã đã được gặp. Họ cùng nhau nói đến Swinburne và Rossetti^[111], sau đó chị Mary đã dẫn gã vượt qua tầm hiểu biết của gã vào những góc ngách của nền văn học Pháp. Gã đã có dịp rửa hận khi chị bênh vực Maeterlinck và gã đưa ra luận điểm đã được suy nghĩ cẩn thận trong *Sự hổ thẹn của mặt trời*.

Nhiều người khác cũng xen vào, và không khí mù mịt khói thuốc lá khi Brissenden vung lên lá cờ đỏ.

“Kreis, đây là miếng thịt tươi cho lưỡi rìu của cậu,” Brissenden nói. “Một thanh niên trong trắng với nhiệt tình, một đệ tử trung thành của Herbert Spencer đấy. Nếu cậu có thể, hãy biến cậu ta thành một đồ đệ của Haeckel đi.”

Kreis hình như bưng tỉnh và lóe lên như một chất kim khí có từ thạch, trong khi Norton nhìn Martin một cách có cảm tình, mỉm cười dịu dàng như con gái, dường như muốn nói anh sẽ được bảo vệ đến cùng.

Kreis bắt đầu nói thẳng với Martin nhưng dần dần Norton xen vào, cho đến khi hai người bóc lên cái nhau tay đôi. Martin lắng nghe và muốn dụi

mắt. Không thể nào như vậy được, nhất là lại ở xóm lao động khu nam phố Chợ. Sách vở sống động trong những con người này. Họ nói say sưa, đầy nhiệt tình. Chất kích thích tri thức làm cho họ sôi lên y như gã đã từng trông thấy men rượu và sự giận dữ làm cho những người khác sôi lên. Những điều gã nghe thấy không còn là triết học của những từ khô khan in trên giấy do một loại á – thánh – nửa thần thoại như Kant và Spencer viết nữa. Đó là triết học sống có màu, độ nóng âm hiện thân trong hai con người này cho đến khi chính những nét đặc trưng của nó hoạt động sôi nổi. Đôi lúc những người khác cũng xen vào, và mọi người đều theo dõi cuộc tranh luận với những điều thuộc lá vãn cháy đều trong tay, và những bộ mặt chăm chú căng thẳng.

Chủ nghĩa duy tâm chưa bao giờ lôi cuốn được Martin, nhưng bây giờ được bàn tay của Norton làm cho sống động, nó quả là một phát hiện mới đối với gã. Tính chất hợp lý logic của nó đã thức tỉnh lý tính của gã, cái này hình như Kreis và Hamilton đã bỏ qua. Họ giễu Norton siêu hình, và Norton cũng giễu lại họ là những nhà siêu hình. Hai từ “hiện tượng” và “thể chất” cứ bị trao qua đổi lại nhiều lần. Họ công kích Norton có ý định giải thích ý thức bằng ý thức. Anh ta công kích họ là chỉ biết chơi chữ, suy luận từ lời nói đến lý luận chứ không từ sự việc đi tới lý luận. Về điểm này, họ rất kinh ngạc. Nguyên tắc cơ bản trong phương pháp biện luận của họ là xuất phát từ những sự việc và đặt tên cho những sự việc ấy.

Khi Norton đi vào những chỗ mắc mớ khó hiểu của Kant, thì Kreis nhắc anh rằng tất cả những trường phái triết học tầm thường của Đức khi chết đều đi tới Oxford. Một lát sau, Norton nhắc họ về “luật Tồn Tiện” của Hamilton^[112], họ lập tức thừa nhận rằng họ đã áp dụng luật ấy trong tất cả mọi quá trình lập luận của họ. Và Martin ngồi ôm chặt lấy đầu gối, rất thú vị. Nhưng Norton cũng không phải là một đệ tử của Spencer, và anh ta cũng không tán thành quan điểm triết học của Martin, cũng đả Martin chẳng kém gì đả hai đối thủ của anh.

“Cậu biết đấy, chưa ai trả lời được Berkeley.^[113]” Anh ta vừa nói vừa nhìn thẳng vào Martin. “Herbert Spencer là người tới gần nhất, nhưng chưa phải là gần lắm đâu. Những tín đồ trung thành nhất của Spencer cũng sẽ không đi xa hơn được. Hôm nọ tớ đã đọc một bài tiểu luận của Saleeby^[114];

cái hay nhất có thể nói được thì mới chỉ là cái mà Spencer gán thành công khi trả lời Berkeley thôi.”

“Chắc cậu cũng biết những điều Hume^[115] nói chứ?” Hamilton hỏi. Norton gật đầu. Nhưng muốn để cho mọi người khác đều rõ, Hamilton cứ nói: “Ông ta nói rằng những luận điểm của Berkeley không ai trả lời được, và cũng không ai tin được.”

“Trong đầu óc của ông ta, đầu óc của Hume,” Norton trả lời, “và đầu óc của Hume thì cũng y như đầu óc của cậu, chỉ có điều khác là ông ta cũng khá khôn ngoan để thừa nhận rằng không ai trả lời được Berkeley.”

Norton dễ xúc động, dễ bị kích thích, tuy anh ta chưa hề bao giờ mất bình tĩnh trong khi Kreis và Hamilton như hai kẻ man rợ lạnh lùng cứ tìm đúng những điểm yếu của anh mà chọc vào, đâm vào. Trời đã tối, Norton, cứ bị họ công kích liên tiếp là siêu hình, bực mình nắm chặt lấy thành ghế để khỏi nhảy chồm lên, đôi mắt màu xám càu càu, bộ mặt như con gái đánh lại, nghiêm trang, anh quyết định mở một cuộc tấn công lớn vào quan điểm của họ.

“Được lắm, các cậu tin đồ của Haeckel. Tớ có thể lập luận như một người thầy thuốc, nhưng thử hỏi các cậu lập luận như thế nào? Các cậu không có cái gì để bảo vệ, các cậu đúng là những con người võ đoán với cái thuyết khoa học thực nghiệm mà chỗ nào các cậu cũng nhét vào, cả những chỗ không thích đáng. Từ lâu, trước khi trường phái nhất nguyên luận duy vật được dựng lên, nền đất đã bị chuyển đi rồi, không còn có thể có nền móng nữa đâu. Locke^[116] chính là người đã làm việc đó – John Locke. Hai trăm năm trước đây – còn hơn thế nữa – trong *Luận về sự hiểu biết của con người*^[117], ông ta đã chứng minh là không hề có những quan niệm tiên thiên. Cái hay nhất trong cuốn đó đúng là cái các cậu đang khẳng định. Đêm nay, các cậu cứ cãi nhãi nhãi về sự không hề có của những quan niệm tiên thiên.

Cái đó có nghĩa gì? Có nghĩa là không bao giờ các cậu có thể biết được cái thực tại cuối cùng. Khi các cậu sinh ra thì đầu óc các cậu trống rỗng. Những cái bề ngoài, những hiện tượng là tất cả những cái mà trí óc các cậu tiếp thu được qua giác quan của mình. Còn thể chất, cái mà không có trong trí óc các cậu khi các cậu sinh ra đời, thì không có đường nào vào cả.”

“Tớ phủ nhận điều đó,” Kreis ngắt lời.

“Cậu cứ để tớ nói hết đã,” Norton hét lên. “Các cậu chỉ biết tác dụng, phản tác dụng của lực và vật chất qua các giác quan, giải thích bằng cách này hay cách khác. Các cậu thấy đấy, để bênh vực cho quan điểm của tớ, tớ thừa nhận rằng vật chất tồn tại, và cái việc tớ sắp sửa làm đây là dùng chính quan điểm của các cậu để đánh bại các cậu. Tớ không thể làm khác được, và cả hai cậu vốn dĩ không thể hiểu nổi sự trừu tượng của triết học.

Nào thử hỏi, theo quan điểm khoa học thực nghiệm của các cậu, các cậu hiểu thế nào về vật chất. Các cậu hiểu nó chẳng qua chỉ qua những hiện tượng, những bề ngoài của nó mà thôi. Các cậu chỉ nhận thức thấy những thay đổi của nó, hay là những sự thay đổi đã gây ra những sự thay đổi trong nhận thức của các cậu. Khoa học thực nghiệm chỉ nghiên cứu những hiện tượng, nhưng các cậu lại quá ngu ngốc không thể trở thành những nhà thực thể luận và nghiên cứu thể chất được. Phải, theo đúng như định nghĩa của khoa học thực nghiệm, khoa học chỉ có liên quan đến những cái bề ngoài thôi. Như có người đã nói, tri thức về hiện tượng không thể nào vượt quá bản thân hiện tượng được.

Các cậu không trả lời nổi Berkeley, ngay dù các cậu có thủ tiêu cả Kant đi nữa, tuy nhiên, vì bắt buộc, các cậu vẫn cứ phải nói rằng Berkeley là sai khi các cậu khẳng định khoa học chứng minh về sự tồn tại của Thượng đế, hay nói thẳng vào vấn đề, khoa học chứng minh sự tồn tại của vật chất. Các cậu biết rằng tớ thừa nhận sự tồn tại của vật chất chỉ là để cho các cậu dễ hiểu tớ mà thôi. Các cậu là những nhà khoa học thực nghiệm ời, nếu các cậu thích, nhưng thực thể luận không có chỗ đứng trong khoa học thực nghiệm đâu, xin bỏ nó đấy cho Spencer có lý trong cái thuyết “Bất khả tri” của ông ta, song nếu Spencer...”

Nhưng đã đến giờ phải ra cho kịp chuyến phà cuối cùng về Oakland, Brissenden và Martin chuồn ra, bỏ mặc Norton vẫn còn đương nói, Kreis và Hamilton còn đang chờ đối phương nói hết để chồm lên mà cắn xé như đôi chó săn.

“Cậu đã hé cho mình xem một cảnh thiên đường,” Martin nói khi hai người ở trên phà. “Gặp những con người như thế làm cuộc đời đáng sống. Trí óc mình phấn chấn hẳn lên. Trước kia, mình chưa đánh giá hết chủ nghĩa duy tâm. Tuy nhiên mình không thể thừa nhận nó được. Mình biết

rằng bao giờ mình cũng là một người hiện thực. Có lẽ mình sinh ra đã như thế mất rồi. Nhưng mình cũng muốn trả lời cho Kreis, Hamilton và mình cũng muốn nói đôi ba câu với Norton. Mình không thấy địa vị của Spencer đã bị lung lay ở chỗ nào. Mình bị kích thích như một chú bé lần đầu tiên đi xem xiếc. Mình phải đọc thêm nữa mới được. Mình sẽ nắm được Saleeby. Mình vẫn nghĩ rằng Spencer, không ai có thể tấn công nổi. Lần sau mình sẽ ra tay.”

Nhưng Brissenden đang thở một cách đau đớn và đã ngủ gục lúc nào không biết, cắm cúi trong chiếc khăn quàng, gục xuống bộ ngực hom hem, thân hình anh cuộn trong chiếc áo choàng dài run lên theo sự rung động của cái máy chân vịt.

[100]. *Fakir: ở Ấn Độ, Fakir là một thầy tăng ăn mày.*

[101]. *Frustr Heinrich Hackel (1834 – 1919) một nhà sinh vật học người Đức chủ trương thuyết nhất nguyên luận.*

[102]. *Thần tượng bằng thiếc: (nguyên văn: Tin god) - thần tượng mà người ta thờ phụng một cách sai lầm.*

[103]. *Võ sĩ hạng gà: loại võ sĩ không nặng quá 66kg.*

[104]. *Humphy Ward (1851 – 1920) - một nhà tiểu thuyết người Anh.*

[105]. *Bernard Shaw (1856 – 1950) - một nhà văn và kịch tác gia Anh.*

[106]. *Richard Mansfield (1857 - 1907) - một diễn viên nổi tiếng người Mỹ.*

[107]. *Henry James (1843 – 1916) – một nhà viết tiểu thuyết người Mỹ.*

[108]. *Brander Mathew (1852 -1929) một nhà văn Mỹ chuyên viết tiểu luận.*

[109]. *Họa da vàng: bọn chính khách tư bản phương tây thường dùng để chỉ cái họa cạnh tranh của Nhật Bản.*

[110]. *August Bebel (1840 – 1913) một nhà lãnh đạo đảng Xã hội dân chủ Đức.*

[111]. *Dante Gabriel Rossetti (1828 -1882) một học sĩ kiêm nhà thơ Anh.*

[112]. *William Hamilton (1788 -1856) tác giả cuốn Luật Tằn Tiện (Law of Parsimony) chủ trương rằng ngoài một nguyên nhân cần thiết để giải thích một kết quả không cần một nguyên nhân nào khác nữa.*

[113]. *George Berkeley (1685 – 1753) một tu sĩ người Ái Nhĩ Lan, một triết gia duy tâm.*

[114]. *Caleb William Saleeby (1878 – 1940) một nhà xã hội học người Anh.*

[115]. *David Hume (1711 – 1776) một triết học gia theo phái kinh nghiệm học.*

Tác phẩm nổi tiếng là Nhân tính học.

[116]. *John Locke (1632 - 1704) - một nhà triết học theo phái kinh nghiệm của Anh.*

[117]. *Cuốn này xuất bản năm 1690.*

CHƯƠNG 37

Sáng hôm sau, việc đầu tiên Martin làm, trái với cả lời khuyên răn và nhắc nhở của Brissenden, là gói tác phẩm “Sự hổ thẹn của mặt trời” gửi ngay cho tờ “Vệ thành”. Gã tin rằng có thể các tạp chí sẽ đăng tác phẩm này, và gã cảm thấy một khi các tạp chí đã nhận thì có thể đưa đến các nhà xuất bản được. Gã cũng gói bài thơ “Phù du” gửi cho một nhà xuất bản khác.

Mặc dù những thành kiến của Brissenden đối với các tạp chí – đây là một thứ bệnh cuồng rõ ràng của anh ta – Martin vẫn cho rằng bài thơ vĩ đại ấy phải được in. Tuy nhiên, gã cũng không định cho xuất bản nếu không được phép của Brissenden. Kế hoạch của gã là trước hết tác phẩm đó phải được một trong những tạp chí có tên tuổi nhận đã, rồi mới lấy cái đó làm vũ khí đấu tranh với Brissenden, ép anh ta phải đồng ý.

Sáng hôm đó, Martin bắt tay vào viết một truyện ngắn mà gã đã phác thảo từ mấy tuần trước, và từ bấy đến nay nó luôn luôn làm gã bận tâm dai dẳng, đòi phải được sáng tạo. Đó hiển nhiên là một câu chuyện đẹp về biển, một câu chuyện phiêu lưu và lãng mạn của thế kỷ thứ hai mươi, mô tả những nhân vật chân thực. Nhưng ngoài những nhân vật chân thực trong một thế giới chân thực và trong những hoàn cảnh chân thực; ngoài những tình tiết, nhịp điệu của câu chuyện ra còn có một cái gì khác – cái mà một độc giả nông cạn không thể thấy được, nhưng đối với một độc giả tinh ý, nó lại rất hấp dẫn và hứng thú. Chính cái đó đã thúc Martin viết, chứ không phải bản thân câu chuyện. Nói cho đúng ra, chính cái chủ đề vĩ đại, có tính chất vũ trụ đã gọi cho gã những tình tiết của truyện. Sau khi đã tìm ra chủ đề, gã suy nghĩ xem nên lấy những nhân vật đặc biệt nào, trong điều kiện không gian và thời gian như thế nào để biểu hiện cái chủ đề có tính chất vũ trụ ấy của mình. “Quá hạn” đó là cái tên mà gã định đặt cho truyện, chiều

dài của nó, gã tin rằng không quá sáu mươi ngàn chữ - đối với sức sáng tạo mạnh mẽ của gã, thì nó không có nghĩa lý gì. Hôm đầu gã bắt tay vào viết, lòng vui sướng rộn ràng, thấy mình đã nắm chắc được những công cụ. Gã không còn lo lắng gì, không còn sợ những lưỡi dao sắc bén sẽ tuột mất và làm hỏng tác phẩm của mình nữa. Những tháng trời đằng đằng học tập căng thẳng và ứng dụng đã đem lại phần thưởng cho hắn. Bây giờ gã có thể đem toàn tâm toàn ý với bàn tay chắc chắn đưa cái mà gã tạo nên tới một phạm vi rộng hơn, và càng làm việc giờ nọ qua giờ kia, gã càng cảm thấy gã nắm được chắc chắn và rộng rãi cuộc sống, điều mà trước kia gã không hề cảm thấy. “Quá hạn” với những nhân vật đặc biệt, những sự kiện đặc biệt của nó sẽ là một truyện chân thực, nhưng gã tin chắc, nó cũng còn nói lên những điều vĩ đại và trọng yếu, những cái chân thực với mọi thời gian, mọi vùng và mọi cuộc sống; cái đó nhờ có Herbert Spencer, gã nghĩ bụng và ngã mình ra khỏi bàn một lát. Phải, chính nhờ Herbert Spencer, nhờ tiến hóa luận, cái chìa khóa mở được mọi cánh cửa của cuộc sống mà Spencer đã đặt vào tay gã.

Gã thấy mình đang viết một tác phẩm vĩ đại.

“Nhất định thành công! Nhất định thành công!” Đó là cái điệp khúc cứ vang lên trong tai gã. Tất nhiên nó sẽ thành công. Cuối cùng, gã đang viết ra những cái mà chính các tạp chí sẽ phải vồ lấy. Cả câu chuyện cứ hiện hiện ra trước mắt gã trong những tia chớp loang loáng. Gã ngừng lại một lúc khá lâu để viết một đoạn vào sổ tay. Đó là đoạn cuối của truyện “Quá hạn”, nhưng vì toàn bộ câu chuyện đã thành hình một cách rất rõ rệt trong óc gã rồi, gã có thể viết đoạn kết này nhiều tuần lễ trước khi viết đến phần kết thúc. Gã đem so sánh truyện này, lúc đó chưa viết xong, với những truyện của các nhà văn khác viết về biển và gã thấy nó vượt xa các truyện đó một cách không thể lường được. “Chỉ có một người có thể đụng đến đề tài này,” gã nói to. “Đó là Conrad^[118]. Và tác phẩm này sẽ làm cho ngay cả ông ta cũng phải đứng dậy, bắt tay mình và nói: Khá lắm, Martin, khá lắm, cậu cả của tôi.”

Gã cặm cụi làm việc suốt ngày, cho đến phút cuối mới nhớ ra rằng có hẹn ăn cơm tại nhà Morse. Nhờ có Brissenden, bộ quần áo đen của gã được chuộc ở hiệu cầm đồ về, và gã lại có thể đi dự tiệc. Vào đến thành phố, gã

còn dừng lại khá lâu để vào thư viện tìm những tác phẩm của Saleeby. Gã mượn cuốn “Vòng luân chuyển của cuộc sống”^[119] và khi ngồi trên xe, gã mở ra xem bài luận văn về Spencer mà Norton nói đến. Martin đọc và nổi giận. Mặt gã nóng bừng, quai hàm bạnh ra và bất giác bàn tay gã nắm lại rồi lại buông ra, rồi lại nắm lại, y như thể gã đang nắm lấy một vật gì đáng ghét, bóp cho nó tắt thở. Khi ở trên xe bước xuống, gã bước dọc theo bờ hè như một kẻ giận dữ. Gã rung chuông nhà ông Morse mạnh đến nỗi nó làm gã bừng tỉnh, tự mỉm cười với mình, vui vẻ bước vào. Nhưng vừa bước vào trong nhà gã đã lại cảm thấy chán ngán vô cùng. Gã đã ngã xuống từ đỉnh cao nơi gã bay bổng suốt ngày trên đôi cánh của cảm hứng. “Tư sản”, “sào huyệt của tên con buôn” - những hình dung từ của Brissenden cứ nhắc đi nhắc lại trong trí óc gã. Nhưng thế thì làm sao mới được chứ? Gã tự hỏi một cách giận dữ. Gã sẽ lấy Ruth chứ có phải lấy gia đình nàng đâu.

Hình như gã chưa bao giờ thấy Ruth kiều diễm, cao quý, thoát tục, mà lại vừa khỏe mạnh như hôm nay. Má nàng ửng hồng, và đôi mắt của nàng luôn luôn hấp dẫn gã – đôi mắt ở trong đó lần đầu tiên gã đã đọc thấy sự bất tử. Gần đây, gã đã quên mất hai chữ bất tử, vì những tác phẩm khoa học gã đọc xa cách với khái niệm đó, nhưng ở đây, trong đôi mắt Ruth, gã đã đọc thấy một bằng chứng không lời vượt lên trên hẳn mọi bằng chứng có lời. Gã thấy điều đó trong đôi mắt nàng. Trước đôi mắt ấy, mọi lý lẽ tranh cãi đều phải bay biến đi bởi vì gã nhìn thấy tình yêu trong đó. Và chính trong mắt gã cũng là tình yêu, và tình yêu là cái không thể trả lời được. Đó là cái học thuyết say mê của gã.

Nửa giờ bên nàng trước khi hai người vào phòng ăn, làm gã vô cùng sung sướng, vô cùng mãn nguyện với cuộc đời. Tuy nhiên, khi ngồi vào bàn ăn, cái phản ứng không thể nào tránh được, sự mệt mỏi rã rời, hậu quả của một ngày làm việc gian khổ choán lấy gã. Gã cảm thấy đôi mắt mình mệt mỏi, tâm trạng bức dọc. Gã nhớ lại cũng ở bàn ăn này, nơi lần đầu tiên gã ăn uống với những con người văn minh trong một bầu không khí mà gã tưởng tượng đầy học thức, cao cả và tế nhị, thì bây giờ gã lại cười nhạo, luôn luôn cảm thấy chán ngấy. Gã thoáng nhìn thấy cái bộ mặt đáng thương ấy của mình, cách đây đã lâu lắm rồi, một kẻ man rợ vụng về, lúng túng, mồ hôi vã ra từ khắp các lỗ chân lông, mê mẩn vì sợ hãi, bối rối trước những

cái tỉ mỉ đáng sợ của những dụng cụ ăn uống, bị dẫn dắt bởi anh người hầu như con quỷ, nhảy một bước lên cái đỉnh cao của xã hội làm cho người ta choáng váng này, rồi cuối cùng lại quyết định phải thành thực với mình, không tìm cách che giấu những kiến thức mình không biết, những cái tao nhã mà mình không có.

Gã đưa mắt nhìn Ruth để yên tâm, giống như một khách đi tàu thủy, bỗng lo sợ khi nghĩ tới con tàu có thể đắm, đưa mắt tìm những chiếc phao cứu đắm.

Phải, tất cả những cái còn lại được gọi là tình yêu và Ruth. Còn tất cả những cái khác đều không chịu đựng được sự thử thách của sách vở. Nhưng Ruth và tình yêu thì đã chịu đựng được; gã đã tìm thấy một chứng thực sinh vật học về cả hai điều đó. Tình yêu là biểu hiện cao quý nhất của cuộc sống. Tạo hóa đã vì tình yêu mà mất công sức để tạo ra gã, cũng như đã mất công sức để tạo ra tất cả những con người bình thường khác. Tạo hóa đã phải tốn mất hàng vạn thế kỷ - không, hàng mười vạn thế kỷ, hàng trăm vạn thế kỷ để làm nhiệm vụ này, và gã chính là cái kiểu mẫu hoàn thiện hoàn mỹ nhất mà tạo hóa có thể sáng tạo được. Tạo hóa đã làm cho tình yêu thành cái mạnh mẽ nhất trong con người gã, đã tặng gã trí tưởng tượng để làm cho sức mạnh của tình yêu tăng lên gấp vạn vạn lần, rồi biến gã thành con phù du dễ mà rung động, mà tan ra, mà yêu đương. Bàn tay gã tìm bàn tay Ruth bên cạnh gã, lấp dưới bàn, hai người xiết chặt tay nhau nồng nhiệt. Nàng liếc nhìn gã một thoáng nhanh, đôi mắt nàng long lanh. Đôi mắt gã trong niềm xúc động rộn ràng cũng liếc nhìn lại; gã cũng không nhận ra cái đẹp long lanh trong cặp mắt nàng chỉ là phản ánh cái đẹp long lanh mà nàng nhìn thấy trong mắt gã.

Bên kia bàn ở góc đối diện với gã, bên phải ông Morse là ông thẩm phán Blount, một viên thẩm phán ở tòa thượng thẩm địa phương. Martin đã gặp ông ta vài lần và không sao có thể ưa được con người này. Ông ta và cha Ruth đang bàn về đường lối chính trị của Hiệp hội lao động, về tình hình địa phương và về chủ nghĩa xã hội. Ông Morse có ý chê trách Martin về vấn đề này. Cuối cùng, ông thẩm phán Blount nhìn qua bàn với vẻ độ lượng và thương hại của một người cha. Martin mỉm cười một mình.

“Rồi cũng qua thôi, anh bạn trẻ ạ,” ông ta nói an ủi. “Thời gian là phương thuốc tốt nhất để trị những loại bệnh ngông cuồng ấy của tuổi trẻ.” Rồi ông ta quay sang nói với ông Morse. “Tôi cho rằng trong những trường hợp thế này thì bàn luận cũng không ích gì. Nó chỉ làm cho người bệnh thêm khó chữa.”

“Thật thế,” ông Morse đồng ý một cách trang trọng. “Nhưng cũng nên thỉnh thoảng báo trước cho người bệnh biết bệnh trạng của họ.”

Martin cười vui vẻ, hơi gượng gạo. Ngày đã quá dài, những cố gắng đã quá căng, khiến gã thấy khó chịu. Gã nói:

“Chắc chắn hai ông đều là những vị bác sĩ giỏi, nhưng nếu hai ông để ý một chút ý kiến của người bệnh, thì xin hãy để cho anh ta nói rằng, các ông là những nhà chẩn bệnh tồi. Thực ra, cả hai ông đều mắc cái chứng bệnh mà các ông nghĩ rằng các ông đã tìm thấy ở tôi. Còn tôi, tôi không nhiễm bệnh gì hết. Cái triết học xã hội đang lục đục, chưa tiêu hóa trong mạch máu các ông không hề đụng đến tôi.”

“Giỏi, giỏi!” Viên thẩm phán lẩm bẩm. “Một mưu tuyệt diệu đảo lộn vị trí trong tranh luận.”

“Tôi đánh giá ông qua chính những lời nói.” Mắt Martin tóe lửa, nhưng gã kìm được mình. “Thưa ông thẩm phán, tôi đã được nghe những bài ông diễn thuyết trong các cuộc tranh cử. Theo phương pháp tự kỷ ám thị, phải, tự kỷ ám thị là cái danh từ tôi ưa thích mà không ai có thể hiểu được, theo phương pháp tự kỷ ám thị nào đó ông tự thuyết phục mình rằng ông tin vào chế độ cạnh tranh và nguyên tắc kẻ nào mạnh, kẻ ấy sống, nhưng đồng thời ông lại đem hết sức tán thành mọi biện pháp làm giảm sức lực của kẻ mạnh.”

“Anh bạn trẻ của tôi...”

“Xin ông nhớ cho rằng tôi đã nghe những bài diễn thuyết của ông trong các cuộc tranh cử,” Martin nói chặn trước. “Nó là sự thực hiển nhiên, chủ trương của ông về sự điều chỉnh việc buôn bán giữa các bang, việc điều chỉnh công ty đường sắt, công ty dầu lửa, bảo vệ rừng và một nghìn lẻ một các biện pháp hạn chế, những biện pháp không có tính chất nào khác ngoài cái tính chất xã hội chủ nghĩa.”

“Có nghĩa anh định nói với tôi rằng anh không tin ở sự điều chỉnh những sự lạm dụng quyền hạn một cách ghê gớm ấy chứ gì?”

“Vấn đề không phải như vậy. Tôi chỉ muốn nói với ông rằng ông là một nhà chẩn bệnh tồi. Tôi chỉ muốn nói với ông rằng tôi không bị vi trùng của chủ nghĩa xã hội nhiễm bệnh đâu. Tôi chỉ muốn nói với ông rằng chính ông đang bị thứ vi trùng ấy tàn phá. Còn tôi, tôi là kẻ thù không đội trời chung của chế độ dân chủ lai giống của ông, nó không phải cái gì khác mà chính là cái thứ chủ nghĩa xã hội giả hiệu, núp dưới một cái áo khoác ngụy trang toàn những danh từ không sao có thể chịu đựng nổi sự thử thách của từ điển.

Tôi là một phần tử phản động - phản động đến nỗi các ông nghe mà không thể hiểu nổi ý kiến tôi, các ông, những người sống trong sự dối trá của một tổ chức xã hội, mà mắt các ông lại không đủ sắc để chọc thủng được bức màn che đậy ấy. Ông làm ra vẻ là ông tin ở nguyên tắc kẻ nào mạnh kẻ ấy sống sót và kẻ mạnh cai trị người khác. Tôi cũng tin vào điều đó. Chỗ khác nhau chính là ở đó. Khi tôi còn trẻ tuổi hơn một chút, vài tháng trước đây thôi, tôi cũng tin như vậy. Ông thấy đấy, tư tưởng của các ông đã ảnh hưởng đến tôi. Nhưng những con buôn, những bọn thương nhân, có giỏi lắm cũng chỉ là những kẻ thống trị hèn nhát; họ chỉ biết ỉn ỉn, cúi đầu suốt đời vào cái máng tiền và xin ông tha lỗi cho, tôi đã quay lại phía quý tộc. Tôi là kẻ cá nhân chủ nghĩa độc nhất trong gian phòng này. Tôi không mong đợi gì ở quốc gia cả. Tôi chỉ mong đợi ở kẻ mạnh, một hiệp sĩ cưỡi ngựa đến cứu quốc gia khỏi cảnh phù phiếm, hủ bại thời rữa của nó.

Nietzsche nói đúng. Tôi không muốn mất nhiều thì giờ để giải thích cho ông biết Nietzsche là ai, nhưng ông ta đã nói đúng. Thế giới thuộc về những kẻ mạnh - những kẻ mạnh cũng là những kẻ cao quý, họ không hục đầu vào chiếc máng lợn của buôn bán, trao đổi. Thế giới thuộc về những người cao quý chân chính, những con dã thú lông vàng^[120], những con người làm chủ được mình. Và họ sẽ nuốt sống ông, các ông, những con người xã hội chủ nghĩa, và nghĩ rằng mình là những kẻ cá nhân chủ nghĩa. Cái đạo lý nô lệ của kẻ hèn, kẻ yếu các ông vĩnh viễn không thể cứu nổi các ông đâu.Ồ, thật khó hiểu, tôi biết, thôi, tôi chẳng đem nó ra để làm phiền các ông làm gì nữa. Nhưng xin các ông nhớ cho một điều này. Ở Oakland

chưa có lấy nổi dăm người cá nhân chủ nghĩa, nhưng Martin Eden này là một trong bọn họ.”

Gã ra ý không muốn tranh luận nữa và quay sang Ruth.

“Hôm nay anh kích động quá,” gã nói nhỏ với nàng. “Thực ra anh chỉ muốn yêu đương thôi chứ có muốn nói đâu.”

Gã không để ý tới ông Morse đang nói:

“Tôi vẫn không tin. Tất cả những người xã hội chủ nghĩa đều là những người Jesuits^[121] cả. Phải gọi họ như thế mới đúng.”

“Ấy vậy mà chúng tôi sẽ làm anh trở thành một đảng viên xuất sắc của đảng Cộng hòa đây.” Ông thẩm phán Blount nói.

“Nhưng người hiệp sĩ cười ngạo sẽ đến trước lúc đó cơ.” Martin vui vẻ đáp lại, và quay về phía Ruth.

Nhưng ông Morse không hài lòng. Ông không thích sự lười biếng và cái khuynh hướng sai lạc, không chịu tìm lấy một công việc làm ăn đứng đắn, chính đáng của cậu con rể tương lai của ông, cái con người mà tư tưởng thì ông không tôn trọng, và bản chất thì ông không hiểu nổi. Ông lại hướng câu chuyện tới Herbert Spencer. Thẩm phán Blount nhiệt liệt tán thành, và Martin, ngay từ phút đầu nghe thấy nhắc đến Spencer, tai gã đã động lên lắng nghe. Viên thẩm phán thốt ra những lời công kích có vẻ tự mãn và trang trọng chống lại Spencer. Thình thoảng ông Morse lại đưa mắt nhìn Martin như muốn nói: “Đấy, anh thấy chưa?”

“Những con người ba hoa thảm hại.” Martin lẩm bẩm trong miệng tiếp tục nói chuyện với Ruth và Arthur.

Nhưng một ngày dài làm việc cật lực và “những người hạ lưu chân chính” đêm trước đã ảnh hưởng tới gã, ngoài ra những cái gã đọc trên xe đã làm gã giận dữ, vẫn bưng bưng trong đầu óc gã.

“Anh làm sao thế?” Ruth bỗng hỏi, nàng kinh ngạc thấy gã phải dùng hết sức để tự kiềm chế mình.

“Không có thượng đế, chỉ có “Bất khả tri, và Herbert Spencer là người tiên tri của nó.” Vừa lúc đó, lão thẩm phán Blount thốt ra nói.

Martin quay về phía ông ta.

“Thật là một nhận định rẻ tiền,” gã bình tĩnh nói. “Lần đầu tiên tôi nghe thấy câu đó tại công viên City Hall, ở cửa miệng một người công nhân,

đáng nhẽ anh ta phải hiểu rõ hơn mới phải. Từ đó đến nay tôi thường nghe người ta nhắc đến câu ấy, và lần nào câu nói khoa trương ấy cũng làm tôi buồn nôn. Ông phải tự lấy làm xấu hổ. Nghe thấy tên con người cao quý vĩ đại ấy ở môi ông thốt ra thực chẳng khác gì thấy một bông hoa trong sọt rác. Ông ăn nói kinh tởm quá.”

Thật chẳng khác gì một tiếng sét. Thẩm phán Blount nhìn gã, mặt ngơ ra như người bị trúng phong; một sự yên lặng nặng nề bao trùm. Ông Morse thích thú thẳm. Ông thấy cô con gái ông đang bị choáng váng. Đó chính là điều ông mong muốn làm lòi ra cái bản chất cục cằn thô bạo của con người này mà ông không ưa.

Bàn tay Ruth nắn nỉ tìm bàn tay Martin ở dưới bàn, nhưng máu gã đã bốc lên rồi. Gã sôi máu vì sự tự phụ, giả dối làm ra vẻ trí thức của những con người ngồi ở địa vị cao trong xã hội này. Một ông thẩm phán tòa thượng thẩm! Thế mà chỉ mới cách đây vài năm thôi, từ dưới bùn lầy tăm tối, gã ngược mắt nhìn lên những con người danh giá ấy và coi họ như những thánh thần!

Thẩm phán Blount đã trấn tĩnh lại, ông ta định nói tiếp, cố làm ra vẻ lịch sự, Martin thừa hiểu ông ta làm như thế chỉ vì có mấy người phụ nữ ngồi đây. Chính điều đó lại làm cho gã nổi giận thêm. Trên đời này không có sự thành thật hay sao?

“Ông không thể tranh luận về Spencer với tôi đâu?” Gã kêu lên. “Ông không biết gì về Spencer hơn những bọn đồng hương của ông ta đâu. Nhưng đó không phải lỗi ở ông, tôi thừa nhận như thế. Đó chỉ là một giai đoạn của sự ngu dốt đáng khinh của thời đại mà thôi. Tôi đã tìm thấy một dẫn chứng trên đường tới đây chiều hôm nay. Ông nên đọc bài đó. Kiểm nó rất dễ. Ông có thể ra mua ở bất cứ hiệu sách nào hoặc mượn nó ở thư viện. Ông phải cảm thấy xấu hổ vì những lời báng bổ quá ít ỏi và sự không hiểu biết gì của ông về con người cao quý ấy so với những cái mà Saleeby đã thu thập được. Đó là sự xấu hổ cùng cực, nó sẽ làm xấu cả sự xấu hổ của ông.

“Triết gia của những kẻ học thức dở” một triết gia viện sĩ không xứng đáng được hít thở, làm bản cái bầu không khí mà Spencer thở hít đã gọi ông ta như vậy. Tôi nghĩ rằng ông chưa đọc đến mười trang của Spencer, nhưng đã có những nhà phê bình, hẳn là còn thông minh hơn ông, vậy mà họ công

khai thác thức những môn đồ của Spencer viện dẫn ra được một tư tưởng trong toàn bộ tác phẩm của ông ta, trong toàn bộ tác phẩm của Spencer, con người đã đóng dấu ấn thiên tài của mình trong mọi lĩnh vực tìm tòi khoa học, và những tư tưởng hiện đại, người cha của tâm lý học, người đã cách tân cả khoa sư phạm, để cho ngày nay con em người nông dân lao động Pháp được học đọc, học viết, học tính theo những nguyên tắc mà ông đã đặt ra. Thế mà những kẻ tiểu nhân sâu bọ lại làm ố bẩn thanh danh của ông ta trong khi chúng vẫn dựa vào những ứng dụng chuyên môn của những tư tưởng của ông ta để kiếm lấy chính khoanh bánh miếng bơ của chúng. Trong đầu óc chúng có được một chút giá trị ít ỏi nào, phần lớn đều là nhờ ông ta. Chắc chắn nếu không có ông ta thì hầu hết những cái gì gọi là đúng trong cái tri thức học vẹt của chúng đều không thể có được.

Thế mà một người như ông Fairbanks, hiệu trưởng trường đại học Oxford – một người ở địa vị còn cao hơn ông, ông thẩm phán Blount ạ - đã nói rằng Spencer sẽ bị hậu thế gạt xuống, coi ông ta chỉ là một nhà thơ, là một người mơ mộng hơn là một nhà tư tưởng. Bọn chó sữa nhăng, bọn bẻm mép nói láo, cả lũ chúng nó! Một kẻ trong bọn chúng nói: *Nguyên lý cơ bản* không phải hoàn toàn không có một giá trị văn học nào. Có những kẻ khác lại nói rằng Spencer là một kẻ lao khổ cần cù, hơn là một nhà tư tưởng độc đáo. Thật là một lũ chó sữa nhăng, một lũ bẻm mép nói láo! Một lũ chó sữa nhăng, một lũ bẻm mép nói láo!”

Martin ngừng lại đột ngột, không khí im phăng phắc. Mọi người trong gia đình Ruth vẫn coi ông thẩm phán Blount là một người có quyền lực, một nhân vật thành đạt, nay họ kinh sợ về những lời nói bóp chát của Martin. Từ lúc ấy, bữa ăn diễn ra như nhà có đám, ông thẩm phán và ông Morse chỉ nói chuyện riêng với nhau, những người khác chuyện trò hết sức rời rạc. Cuối cùng, khi chỉ còn Ruth với Martin, hai người mới tranh cãi nhau.

“Anh thật không thể nào chịu được,” nàng vừa nói vừa khóc.

Nhưng cơn giận ở Martin vẫn chưa nguôi, gã vẫn lảm bảm: “Đồ súc vật! Đồ súc vật!”

Khi nàng cả quyết rằng gã đã sỉ nhục ông thẩm phán, gã cãi lại:

“Anh nói sự thật với ông ấy mà bảo là sỉ nhục ư?”

“Em không cần biết đó là sự thật hay không,” nàng nhấn mạnh. “Phải có một giới hạn nào đó trong phép lịch sự không được vượt qua chứ, anh không có quyền sỉ nhục ai cả.”

“Thế thì ông thẩm phán Blount kia có quyền gì mà công kích chân lý?” Martin hỏi. “Chắc chắn công kích chân lý còn là một tội lỗi nặng hơn là sỉ nhục một nhân cách bé bỏng như nhân cách của ông thẩm phán. Ông ta còn làm một điều tồi tệ hơn thế nữa. Ông ta đã bôi nhọ tên của một người cao quý, một người vĩ đại đã chết. Ôi! Thật là đồ súc vật! Đồ súc vật!”

Con giận dữ phức tạp của gã lại bùng bùng bốc lửa lên, khiến Ruth kinh sợ. Chưa bao giờ nàng thấy gã giận dữ như vậy, mà nó thật là hoàn toàn vô lý, khó hiểu đối với sự hiểu biết của nàng. Tuy vậy, qua sự kinh hãi, nàng vẫn thấy những sợi dây quyền rũ say đắm đã từng kéo nàng lại với gã, và trong phút say sưa cuồng nhiệt nhất, đã khiến nàng đặt tay lên cổ gã. Nàng đang bị tổn thương, xúc phạm vì những chuyện đã xảy ra, tuy nhiên, nàng vẫn nằm trong cánh tay gã và run lên, trong khi gã cứ lảm bảm: “Đồ súc vật! Đồ súc vật!” và nàng vẫn còn nằm trong cánh tay gã khi gã nói: “Em yêu quý, anh sẽ không bao giờ đến làm phiền cái bàn ăn nhà em nữa đâu. Họ không ưa anh, anh thật là sai lầm khi cứ vác cái bộ mặt khó chịu đến với họ. Hơn nữa, đối với anh, những bộ mặt của họ cũng rất đáng khó chịu. Hừ! Họ thật đáng lộn mửa. Nghĩ mà xem, anh đã gây thơ tưởng rằng những người ở địa vị cao trong xã hội, những người sống trong những căn nhà lộng lẫy, có học thức, có tiền gửi ngân hàng đều là ghê gớm lắm!”

[118]. *Joseph Conrad (1857 – 1924) – một nhà viết tiểu thuyết người Anh, chuyên lấy đề tài về biển.*

[119]. *Nguyên văn: The Cycle of Life – Đây là một tập luận văn bản về tiến hóa luận, xuất bản năm 1904.*

[120]. *Nguyên văn: Blond beast – Theo triết học của Nietzsche, đó là những con người lý tưởng, một dân tộc nguyên thủy ở Bắc Âu, tóc vàng, mặt như ngọc. Bọn phát xít Đức thường dùng luận điệu này, cho giống người Ariel là giống người siêu việt.*

[121]. *Jesuits: thầy tu dòng gia tô.*

CHƯƠNG 38

“Nào, chúng ta đến trụ sở đi.”

Brissenden nói, người anh yếu hần vì bị thổ huyết nửa tiếng đồng hồ trước đây, lần thổ huyết thứ hai trong ba ngày. Cầm cốc rượu whiskey “thường trực” trong tay, ngón tay run run, anh nâng lên uống cạn.

“Tôi cần gì với chủ nghĩa xã hội?” Martin hỏi.

“Những người ngoài đảng được năm phút để phát biểu,” anh bạn ồm ồm thúc giục. “Đứng dậy, đi mà trở tài hùng biện. Hãy nói với họ tại sao cậu không cần đến chủ nghĩa xã hội. Hãy nói cho họ biết cần nghĩ thế nào về họ và về cái đạo đức công nhân của họ. Đem Nietzsche mà nhét vào đầu óc họ, và hãy cho họ đập cho cậu toi bời ra. Hãy tranh luận cho thật căng vào. Cái đó sẽ làm cho họ sáng mắt ra. Họ rất thích tranh luận và cả cậu nữa. Cậu biết đấy, trước khi tớ nhắm mắt, tớ muốn được thấy cậu trở thành một người theo chủ nghĩa xã hội. Như thế nó mới làm cho sự tồn tại của cậu có ý nghĩa. Chỉ có cái đó mới có thể cứu cậu trong những lúc thất vọng sẽ đến với cậu.”

“Mình vẫn không thể hiểu tại sao trong tất cả mọi người, cậu lại theo chủ nghĩa xã hội.” Martin trầm ngâm. “Cậu ghét quần chúng lắm cơ mà. Chắc chắn không có một cái gì ở cái chôn đê tiện ấy hợp với tâm hồn yêu cái đẹp của cậu?” Martin giơ tay chỉ vào cốc rượu whiskey Brissenden đang lại rót đầy, như buộc tội. “Chủ nghĩa xã hội hình như cũng không cứu nổi cậu.”

“Tớ ốm lắm,” Brissenden trả lời. “Với cậu lại khác. Cậu có sức khỏe, có nhiều cái để mà sống, và dù sao cậu cũng bị ràng buộc vào cuộc đời. Còn như đối với tớ, cậu không hiểu tại sao tớ lại là một người theo chủ nghĩa xã hội. Tớ sẽ nói để cậu rõ. Chính vì chủ nghĩa xã hội là cái không thể nào tránh được, bởi vì cái chế độ hiện tại thối nát và phi lý không thể nào kéo dài được, bởi vì cái thời một con người hùng trên lưng ngựa của cậu đã qua rồi. Những người nô lệ không chịu để yên đâu. Họ rất đông, dù muốn hay không họ cũng sẽ lôi cái anh chàng cứ làm vẻ như là hiệp sĩ anh hùng kia xuống, trước khi anh kịp ngồi lên mình ngựa. Cậu không thể tránh họ được và cậu sẽ phải nuốt tất cả đạo đức nô lệ. Tớ thừa nhận rằng những cái đó không hay ho gì. Nhưng rượu đã rót ra, cậu phải uống thôi. Dù sao cậu đã quá lỗi thời với những tư tưởng Nietzsche của cậu. Quá khứ là quá khứ, và

kẻ nào nói rằng lịch sử sẽ tự điền lại là kẻ ấy nói dối. Tất nhiên, tớ không ưa gì quần chúng, nhưng một kẻ tội nghiệp như tớ còn làm gì được? Chúng ta không thể có con người hùng trên lưng ngựa, và gì gì đi nữa thì cũng còn hơn cái bọn lợn nhút nhát đang trị vì hiện nay. Thôi, dù sao thì cậu cũng nên đến đây. Rượu đã ngập đến cổ tớ rồi, nếu tớ ngồi đây lâu hơn nữa, tớ sẽ say mất. Và cậu biết bác sĩ nói – mẹ kiếp cái anh bác sĩ. Tớ sẽ lừa nó lần nữa cho mà xem!”

Đêm đó là đêm chủ nhật, họ thấy cái gian phòng nhỏ chật ních những người thuộc đảng xã hội khu Oakland, phần lớn đều là những người thuộc giai cấp công nhân. Diễn giả, một người Do Thái thông minh, ngay từ phút đầu đã chiếm được sự cảm phục của Martin, nhưng đồng thời cũng làm gã đổi lập lại. Dáng gù gù, vai hẹp, ngực lép, chứng tỏ anh ta là một người con chân chính của khu lao động đông dân cư; và ấn tượng về cuộc chiến tranh dai dẳng của những người yêu, của những người nô lệ khôn khổ chống lại một nhóm người thống trị, đã thống trị và sẽ còn thống trị họ cho đến ngày tận thế, đã khiến Martin xúc động mạnh. Đối với gã, cái mẫu người gầy còm này là một biểu tượng. Anh ta là hình ảnh nổi bật đại diện cho tất cả đám quần chúng khôn cùng, những kẻ yếu đuối, bất tài đã bị chết đi theo qui luật sinh vật học của cuộc sống phức tạp. Họ là những người không có sức đấu tranh để tồn tại. Mặc cái triết học khôn ngoan của họ, mặc cái khuynh hướng hợp tác như một bầy kiến của họ, tạo hóa cứ đào thải họ, dành chỗ cho con người kiệt xuất. Tạo hóa tung từ bàn tay màu mỡ của mình ra rất nhiều mầm sống, nhưng tạo hóa chỉ chọn những mầm tốt nhất. Bất chước tạo hóa, con người cũng áp dụng một phương pháp như thế để nuôi ngựa đua hoặc trồng dưa. Tất nhiên, kẻ sáng tạo ra vũ trụ có thể áp dụng một phương pháp tốt hơn; nhưng những sinh vật của cái vũ trụ đặc biệt này phải khuôn theo phương pháp đặc biệt ấy. Đương nhiên, những sinh vật đó có thể quần quai vùng vẫy khi bị hủy diệt, cũng như những người thuộc đảng xã hội quần quai vùng vẫy, cũng như người diễn giả đang đứng trên bục kia, và đám quần chúng mờ mờ nhể nhại ngay lúc này cũng đang quần quai vùng vẫy, bàn bạc cùng nhau để cùng nhau tìm ra một phương sách mới nào đó; đang làm giảm bớt hình phạt của cuộc sống và chiến thắng vũ trụ.

Martin nghĩ như vậy, và gã nói như vậy khi Brissenden giục gã quật cho họ một vố. Gã theo lời, bước lên bục diễn đàn, theo như tập quán ở hội trường và xin phép chủ tịch hội nghị. Gã bắt đầu nói khẽ, vấp vấp, sắp xếp lại cho có thứ tự những ý nghĩ nảy ra trong đầu óc gã trong khi người Do Thái nói. Trong những buổi họp như thế này, mỗi diễn giả chỉ được phép phát biểu năm phút, nhưng khi năm phút của Martin đã hết, gã nói đang sôi nổi, lời phát biểu tấn công vào chủ nghĩa của họ mới chỉ được một nửa. Gã đã lôi cuốn được sự hứng thú của họ, thính giả hò reo xin chủ tịch hội nghị kéo dài thêm thời gian phát biểu của Martin. Họ thấy gã là một địch thủ xứng đáng với trí tuệ của họ, họ chăm chú nghe, theo dõi từng lời. Gã nói say sưa và tin tưởng, không dè dặt trong khi gã tấn công vào bọn người nô lệ, vào quan niệm đạo đức của đám người này, vào sách lược đấu tranh của họ – gã nói thẳng không rào đón, ám chỉ chính đám thính giả là những người nô lệ gã đang nói đến. Gã trích dẫn Spencer và Malthus, nói lên qui luật phát triển của sinh vật học.

“Vì thế,” gã kết luận vắn tắt, “không một quốc gia nào gồm toàn những loại người nô lệ lại có thể tồn tại. Cái quy luật có từ xưa về sự phát triển vẫn còn thích dụng. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, như tôi đã nói, kẻ mạnh và dòng giống của kẻ mạnh sẽ sống sót, và chừng nào mà đấu tranh còn tồn tại, thì sức mạnh của mỗi thế hệ càng lớn lên. Đó là sự phát triển. Nhưng những người nô lệ các bạn – làm nô lệ thật là quá tồi tệ, tôi thừa nhận là như thế – nhưng những người nô lệ các bạn lại mơ tưởng một xã hội, nơi mà quy luật phát triển sẽ bị thủ tiêu, nơi mà không một kẻ yếu đuối, không một kẻ bất tài nào sẽ bị tiêu diệt, nơi mà mọi kẻ bất tài trong xã hội muốn ăn bao nhiêu cũng có, một ngày muốn ăn bao nhiêu bữa cũng được, nơi mà mọi người đều lập gia đình và sinh con đẻ cái – kẻ yếu cũng như kẻ mạnh. Kết quả sẽ như thế nào? – kết quả là sức mạnh và giá trị của cuộc sống ở mỗi thế hệ sẽ không còn tăng lên nữa. Trái lại, nó sẽ giảm đi. Đó là thần Nemesis^[122] đối với cái triết học nô lệ của các bạn. Cái xã hội nô lệ của các bạn – của những người nô lệ, bởi những người nô lệ và vì những người nô lệ – nhất định phải yếu đi không sao có thể tránh khỏi được và sẽ tan vụn ra từng mảnh vì cuộc sống của nó sẽ yếu đi và tan vụn ra từng mảnh.

“Hãy nhớ rằng, tôi giải thích theo sinh vật học chứ không phải đạo đức tình cảm đâu. Không một quốc gia của những người nô lệ nào có thể đứng vững...”

“Thế nước Mỹ thì sao?” Một người trong đám thánh giả hét lên.

“Còn sao nữa?” Martin trả lời. “Mười ba nước thuộc địa lật đổ kẻ thống trị của họ và lập nên cái gọi là nước Cộng Hoà.^[123] Những người nô lệ tự làm chủ mình, không còn những ông chủ thống trị bằng gươm giáo. Nhưng không thể kéo dài tình trạng không thể có một thứ ông chủ nào đó, và thế lại là có một loại chủ mới lại nảy ra – không phải là những con người cao quý, cường tráng, vĩ đại mà là bọn con buôn, bọn cho vay lãi lấu cá và quay quắt. Bọn chúng lại nô dịch các bạn một lần nữa, nhưng không phải thẳng thắn như những người chân chính cao quý vẫn làm với sức mạnh của chính cái vũ khí thích hợp của họ, mà bằng cách lén lút, dùng những thủ đoạn quay quắt, bằng cách lừa lọc, tán tỉnh, dối trá. Bọn chúng đã mua chuộc những tên chánh án nô lệ của các bạn, bọn chúng đã truy lạc hóa những viên lập pháp nô lệ của các bạn, bọn chúng còn cưỡng bức nam nữ thanh niên nô lệ của các bạn làm việc còn tồi tệ hơn cả bầy nô lệ như súc vật nữa. Hai triệu con em của các bạn đang phải quần quật làm việc trong cái chế độ thiếu số con buôn ấy ở cái nước Mỹ này. Mười triệu những người nô lệ các bạn hiện nay đang không có một chỗ ở cho tươm tất, mà cũng không được ăn cho no đủ.

“Nhưng ta trở lại vấn đề. Tôi đã nói rằng không một xã hội nào của những người nô lệ có thể tồn tại lâu dài bởi vì theo chính bản chất của nó, một xã hội như thế sẽ thủ tiêu mất quy luật phát triển. Một xã hội nô lệ vừa lập lên thì lập tức sự suy sụp sẽ tới ngay. Các bạn nói đến thủ tiêu quy luật phát triển thì dễ, nhưng thử hỏi đâu là cái quy luật phát triển mới nó sẽ giữ vững sức mạnh phát triển của các bạn? Các bạn hãy nói ra đi? Nó đã được đặt ra chưa? Các bạn nói xem?”

Martin ngồi xuống giữa những tiếng reo hò ồn ào náo nhiệt. Hai chục người đứng lên tranh nhau đề nghị chủ tịch cho họ được phát biểu trước. Và lần lượt, được sự cổ vũ âm ỉ của thánh giả, họ phát biểu sôi nổi, đầy nhiệt tình với những cử chỉ nóng nảy trả lời lại cuộc tấn công của Martin. Đó là một đêm cuồng nhiệt – nhưng cuồng nhiệt một cách có tri thức, một cuộc

chiến đấu về tư tưởng. Một vài người đi lạc đề, nhưng hầu hết những diễn giả đã trực tiếp trả lời Martin. Họ làm gã kinh ngạc với những tư tưởng rất mới đối với gã: họ làm cho gã nhìn một cách sâu sắc hơn, không phải là về những quy luật mới về sinh vật học mà chính là ở trong cách áp dụng mới những quy luật cũ. Họ hăng say quá, luôn luôn quên cả lịch sự, nhiều lần chủ tịch phải gõ và đập xuống bàn để lấy lại trật tự. Lúc đó, trong những thính giả tình cờ có một anh chàng ký giả non choẹt, anh ta ngồi nghe vì hôm đó thiếu tin tức và tòa soạn cần những tin giật gân.

Anh ta không phải là một ký giả có tài. Anh ta chỉ là một ký giả nói năng giáo hoạt, lém lỏm. Anh ta quá ngốc nghếch không theo dõi được cuộc tranh luận. Thực ra, anh ta có một cảm giác thoải mái rằng mình hơn cái bọn điên lảm lời thuộc giai cấp công nhân này nhiều. Hơn nữa, anh ta còn hết sức kính trọng những người ở địa vị cao, những người đặt ra chính sách của quốc gia và của báo chí. Đi xa hơn nữa, anh ta còn có một lý tưởng là trở thành một ký giả toàn thiện, toàn mỹ, một con người từ chỗ không có gì cả mà có thể làm nên một sự nghiệp nào đó – một sự nghiệp lớn nữa cơ.

Anh ta không hiểu tất cả câu chuyện bàn tới cái gì. Cái đó không cần thiết. Những từ như cách mạng, thế là đủ rồi. Giống như một nhà cổ-sinh-vật-học chỉ căn cứ vào một mẫu xương hoá thạch mà có thể dựng được cấu tạo của toàn bộ bộ xương, anh ta cũng chỉ căn cứ vào từ “cách mạng” là có thể dựng lại toàn bộ bài nói chuyện của người khác. Đến hôm nay, anh ta đã làm như thế đấy, và đã thành công: và vì hôm đó Martin bị kích động ghê gớm cho nên anh ta đặt những câu nói đó vào miệng Martin, biến Martin trở thành một kẻ cực kỳ vô chính phủ, trong tấn trò, biến cái chủ nghĩa cá nhân phản động của gã thành lời lẽ một người theo chủ nghĩa xã hội một cách cuồng tín nhất. Cái anh ký giả non choẹt này quả là một nghệ sĩ – anh ta đã phác một nét vẽ lớn lên các màu sắc của hội nghị – những con người tóc dài, mắt dữ tợn, những người mắc bệnh thần kinh và sa đọa, giọng nói run lên vì giận dữ, tay nắm lại gờ cao, tất cả những cái đó được phóng lên một bối cảnh đầy những lời chửi rủa, hò hét, và những tiếng gầm gừ của những con người giận dữ.

[122] Theo thần thoại Hy Lạp: Nemesis là nữ thần trả thù và trừng phạt.

[123] Câu này ý nói đến Cách mạng độc lập của Mỹ năm 1776.

CHƯƠNG 39

Trong căn phòng nhỏ của mình, Martin vừa uống cà phê vừa đọc báo buổi sáng. Thật là mới lạ khi thấy tên mình ở dòng đầu, hơn nữa lại trên trang nhất của tờ báo; và ngạc nhiên khi được biết rằng gã là người thủ lĩnh nổi tiếng nhất của những người thuộc đảng xã hội Oakland. Gã đọc lướt qua những lời phát biểu mãnh liệt mà cái anh chàng ký giả non choẹt kia gán cho gã – tuy lúc đầu gã giận giữ vì những lời bịa đặt ấy, nhưng cuối cùng gã quăng tờ báo sang bên, cười lớn:

“Hoặc là thằng cha ấy say rượu, hoặc là nó có ác ý giết người.” Chiều hôm đó Martin ngồi trên giường nói như vậy khi Brissenden tới, khẽ buông mình xuống cái ghế độc nhất.

“Nhưng mà cậu cần gì cơ chứ?” Brissenden hỏi. “Chắc chắn cậu không thèm cần đến những lời tán thưởng của bọn lợn ỉ tư sản khi chúng đọc từ báo này chứ?”

Martin suy nghĩ một lúc, rồi nói:

“Không, mình thực không cần đến những lời tán thưởng của bọn chúng, không cần một tí nào. Nhưng mặt khác, chúng làm cho quan hệ của mình với gia đình Ruth thêm khó xử một chút. Cha nàng luôn luôn đả mình là người theo chủ nghĩa xã hội, và cái bài báo đốn mạt này lại càng làm ông ta tin chắc hơn nữa. Không phải là mình quan tâm đến những ý kiến của ông ta – nhưng cần gì cái đó? Bây giờ mình muốn đọc cậu nghe những cái mình đã viết hôm nay. Tất nhiên đó là truyện “*Quá hạn*” mình mới viết xong được một nửa.”

Gã đang đọc thì Maria đẩy cửa dẫn vào một người đàn ông trẻ tuổi ăn mặc chỉnh tề, anh ta đưa mắt sắc sảo mình quanh, chú ý đến chiếc bếp dầu và cái bếp ở góc buồng rồi mới nhìn đến Martin.

“Mời ngồi.” Brissenden nói.

Martin nhường chỗ trên giường cho người trẻ tuổi đó và đợi anh ta nói mục đích cái việc anh ta đến đây.

“Ông Eden, tôi hôm qua tôi được nghe ông diễn thuyết, hôm nay, tôi đến đây để phỏng vấn ông,” ông ta bắt đầu.

Brissenden bật cười lớn.

“Đây có phải là người anh em trong đảng xã hội không?” Người ký giả vừa hỏi vừa đưa mắt nhìn vội Brissenden, đánh giá cái sắc nhợt nhạt của con người sắp chết trắng bệch như cái thây ma đó.

“Chính hắn viết bài báo đó?” Martin nói khẽ. “Sao, hắn chỉ là một tên oắt!”

“Sao cậu không tấn cho hắn một mẻ?” Brissenden hỏi. “Tớ sẵn sàng bỏ ra 1000 đô la để có lại được buồng phổi trước kia của tớ chỉ trong năm phút thôi.”

Cái gã ký giả non choẹt đó xem chừng hơi bối rối vì câu chuyện của hai người đang bàn về anh ta, chung quanh anh ta, nhằm vào anh ta. Nhưng anh chàng đã được người ta khen về cái bài xuất sắc tường thuật lại cuộc hội nghị của đảng xã hội, và anh chàng được chỉ định đi phỏng vấn riêng Martin Eden, vị lãnh tụ của cái tổ chức đang đe dọa xã hội ấy.

“Thưa ông Eden, ông không phản đối việc cho chụp ảnh ông chứ?” Anh ta hỏi. “Nhà nhiếp ảnh của chúng tôi đang ở ngoài kia. Ông thấy đấy, anh ta nói nên chụp ảnh ông ngay trước khi mặt trời xuống thấp hơn. Rồi chúng tôi sẽ xin phỏng vấn sau.”

“Một nhà nhiếp ảnh,” Brissenden nói, có vẻ trầm ngâm. “Martin, cho nó mấy quả! Cho nó mấy quả!”

Martin trả lời:

“Mình cho rằng mình đã già rồi. Mình biết rằng nện cho nó là đúng, nhưng mình thực không đành lòng. Xem ra chẳng cần thiết.”

“Thì vì mẹ nó!” Brissenden giục.

“Nên suy nghĩ xem đã,” Martin trả lời. “Nhưng mình thấy hình như không đáng để mình phải mệt người. Cậu thấy đấy, cũng cần phải có nghị lực mới đánh được người chứ? Vả lại, để làm gì?”

“Đúng đấy! Nên làm như vậy.” Anh chàng ký giả nói, vẻ bình tĩnh, mặc dù anh ta đã bắt đầu nhìn ra cửa một cách lo lắng.

“Nhưng không một lời nào hắn viết là đúng sự thật cả,” Martin tiếp tục nói riêng với Brissenden.

“Xin ông hiểu cho, đó là cách mô tả đại thể,” anh chàng ký giả đánh bạo nói. “Hơn nữa, đó là một lời quảng cáo đặc sắc. Ăn nhau ở chỗ đó. Đó là điều đặc biệt đối với ông.”

“Martin, anh bạn, đó là lời quảng cáo đặc sắc.” Brissenden nhắc lại một cách trịnh trọng.

“Đó là một đặc ân đối với mình nữa - nghĩ mà xem!” Martin nói thêm.

“Xin ông cho biết... ông sinh ở đâu, thưa ng Eden?” Cái anh chàng non choẹt này lại hỏi, và cố làm ra vẻ hết sức chăm chú chờ đợi.

“Hắn không hề ghi chép.” Brissenden nói. “Hắn nhớ tất cả!”

“Đối với tôi cái đó không cần thiết,” anh chàng ký giả cố giấu sự bối rối của mình. “Không một ký giả vững nào nào cần đến ghi chép.”

“Đêm hôm qua hắn cũng không cần phải ghi chép,” Brissenden vốn không phải là một tính đồ của đạo ngọt ngào, anh bỗng thay đổi thái độ đột ngột. “Martin, nếu cậu không quật cho nó một trận, thì tớ sẽ làm lấy vậy, dù một phút sau, tớ có chết trên sàn này cũng được.”

“Phát vào đấy có được không?” Martin hỏi.

Brissenden suy nghĩ một cách cẩn thận rồi gật đầu.

Một phút sau Martin đã ngồi ở thành giường, anh ký giả nằm sấp mặt trên đầu gối gã.

“Đừng có cắn đấy nhé!” Martin cảnh cáo. “Nếu không tao sẽ đập nát mặt mày ra. Như thế thì tội nghiệp lắm vì cái mặt mày rất ư là đẹp.”

Martin giơ tay lên rồi hạ xuống, giơ lên hạ xuống, nhịp điệu nhanh nhẹn, chắc chắn. Anh chàng ký giả dấy dựa, chửi rủa, quần quai, nhưng không dám cắn. Brissenden nhìn một cách nghiêm nghị, có một lúc anh bị kích thích, tay nắm lấy chai wishky nói:

“Nào, cho tớ quật hắn một cái.”

“Tội nghiệp cho cái bàn tay mình,” Martin nói, khi cuối cùng, gã ngừng tay. “Nó tê hắn đi...”

Gã dựng anh chàng ký giả dậy, đặt hắn ngồi lên giường:

“Ông sẽ cho mày ngồi tù vì chuyện này!” Anh chàng ký giả gằm gù, những giọt nước mắt trẻ con, bức bối chảy ràn rụa trên đôi má đỏ bừng của hắn. “Ông sẽ làm cho mày điêu đứng. Rồi mày sẽ biết tay.”

“Thằng bé hay thật!” Martin nhận xét. “Hắn không biết rằng hắn đang đi vào con đường xuống dốc. Nói năng những lời dối trá về người khác như hắn đã làm là không trung thực, không thẳng thắn, không phải việc làm của một trượng phu, thế mà hắn vẫn không hay biết.”

“Hắn đã đến để bọn mình dạy cho biết.” Brissenden thêm vào lúc Martin ngừng lại.

“Phải, hắn đã đến với mình, người đã bị hắn sỉ nhục và chơi xỏ. Lão chủ cửa hàng thực phẩm chắc chắn bây giờ sẽ không bán chịu cho mình nữa. Cái tệ hại nhất là thằng bé đáng thương này cứ tiếp tục trên con đường như vậy cho đến khi nó sa đọa trở thành một ký giả bậc nhất và đồng thời cũng là một thằng vô lại bậc nhất.”

“Nhưng hãy còn thời gian,” Brissenden nói. “Ai biết được có thể chính cậu là cái công cụ tâm thường đã cứu hắn. Tại sao cậu không để tớ quật hắn chỉ lấy một lần? Tớ thích được nhúng tay vào đó.”

“Ông sẽ cho tổng giam cả hai thằng chúng mày, đồ s... s... súc sinh khốn nạn,” cái tâm hồn làm lạc kia nức nở.

“Ồ không, cái mồm của nó đẹp dễ quá,” Martin lắc đầu buồn bã. “Mình sợ rằng mình đã làm bàn tay mình tê dại đi một cách vô ích. Thằng ranh con này không thể cải tạo được đâu. Rồi thế nào cũng trở thành một ký giả rất thành công và vĩ đại. Nó không có lương tâm. Riêng điều đó cũng đủ làm cho nó vĩ đại rồi.”

Nghe thấy thế, gã ký giả non choẹt run sợ lùi ra cửa, gã sợ Brissenden sẽ quật vào lưng hắn cái chai anh còn đang nắm trong tay.

Ở tờ báo sáng hôm nay, Martin đọc thấy nhiều điều hơn nói về gã, những điều đối với gã rất là mới lạ. “Chúng tôi là những kẻ thù không đội trời chung với xã hội.” Gã thấy trong một bài phỏng vấn người ta nói rằng đây là lời gã phát biểu. “Không, chúng tôi không phải là những người vô chính phủ, chúng tôi là những người theo chủ nghĩa xã hội.” Khi cái anh chàng ký giả ấy cho rằng hình như giữa hai trường phái này không có gì khác nhau lắm. Martin nhún vai im lặng thừa nhận. Bộ mặt gã được miêu tả thành hai phần không cân xứng, và còn rất nhiều dấu hiệu suy đồi khác nữa. Đáng chú ý nhất là đôi bàn tay gã giống như đôi bàn tay của một tên ác ôn, cặp mắt ngầu máu của gã đã bắn ra những tia lóe sáng hung dữ.

Gã còn đọc trên báo nói rằng đêm nào gã cũng diễn thuyết cho công nhân nghe ở công viên City Hall, rằng trong những kẻ vô chính phủ, trong những kẻ gây phiền động kích thích trí óc của quần chúng thì gã là một diễn giả thu hút được nhiều quần chúng, và phát biểu những lời lẽ cách mạng

nhất. Anh chàng ký giả nọ còn vẽ nên một bức tranh sinh động của gian phòng nhỏ tối tăm của gã, một cái bếp dầu, một cái ghế độc nhất và một thằng ma cà bông trông như một xác chết làm bạn với gã, một thằng cha trông như vừa mới ở ngực tối của một pháo đài nào đó chui ra sau hai mươi năm bị giam cầm cố.

Cái anh chàng ký giả này thật là đã chịu khó. Anh ta đã chạy ngược chạy xuôi thế nào, mà lôi ra được cái lịch sử của gia đình Martin, chụp được tấm ảnh “Higghinbotham thương điểm” với ông chủ Bernard Higghinbotham đứng ở trước cửa hiệu. Ông này được tả như một người thông minh, một nhà kinh doanh đứng đắn, không chịu được những quan điểm chủ nghĩa xã hội của cậu em rể và cũng không chịu được nổi chính cậu em rể ấy, người mà ông cho là một kẻ điển hình lười biếng, không được cái tích sự gì. Người ta đưa việc cho mà làm thì không chịu làm, rồi chắc chắn cũng đến phải ngồi tù thôi. Hermann Von Schmidt, chồng của Maria cũng được phỏng vấn như vậy. Gã này gọi Martin là con chiên ghẻ của gia đình và tuyên bố rằng mình đã từ Martin. “Hắn định bòn rút tôi, nhưng tôi cắt đứt ngay, nhanh và gọn.” Von Schmidt tuyên bố với anh chàng ký giả như vậy. “Hắn biết rằng quanh quẩn ăn bám vào tôi cũng chẳng ăn thua gì, một kẻ không làm việc quyết không phải là một kẻ lương thiện, tôi đoán với ông như thế.”

Lần này thì Martin nổi giận thật sự. Brissenden coi chuyện này như một chuyện đùa lý thú, nhưng già không sao có thể an ủi Martin, vì Martin thấy rằng giải thích chuyện này để Ruth hiểu ra thật không phải dễ. Còn đối với cha nàng, gã biết rất rõ hẳn ông ta sẽ rất sung sướng vì những chuyện đã xảy ra và ông ta sẽ tận dụng chuyện này để phá cuộc hôn nhân. Không phải lâu la gì, Martin cũng biết được hậu quả của nó tai hại như thế nào. Chuyến thư chiều mang đến cho gã một bức thư của Ruth. Martin bóc thư với linh tính sẽ có một tai họa xảy ra, gã cứ đứng ở chỗ cửa bỏ ngõ, nơi người phụ trạm trao thư cho gã và đọc. Gã vừa đọc, vừa như một cái máy, thọc tay vào túi tìm thuốc lá và cuộn giấy nâu của những ngày gã còn hút xưa kia. Gã không biết rằng túi gã lúc này rỗng không, mà cũng không biết ngay cả mình đã thọc tay vào túi tìm giấy và thuốc để cuộn một điếu thuốc lá nữa.

Đó không phải là một bức thư gay gắt. Lời lẽ trong thư cũng không một tí gì là giận dữ. Nhưng suốt cả bức thư, từ đầu đến cuối, đều toát lên lòng tự ái bị xúc phạm và nỗi thất vọng. Nàng vốn chờ đợi ở gã, những cái tốt đẹp hơn. Nàng những tưởng gã đã qua sự ngây cuồng của tuổi trẻ, rằng tình yêu của nàng đã xứng đáng để gã sống nghiêm chỉnh hơn, đứng đắn hơn. Bây giờ cha nàng và mẹ nàng đã nhất định kiên quyết bắt nàng từ bỏ đính ước. Nàng chỉ còn có thể thừa nhận là cha mẹ nàng làm như thế là đúng. Mọi quan hệ giữa hai người không thể có hạnh phúc được. Nó đã bắt hạnh ngay từ phút đầu. Nhưng toàn bộ bức thư chỉ toát lên một sự tiếc hận nơi nàng, điều này làm Martin cay đắng hơn cả. “Giá như anh đã tạo cho mình một địa vị nào đó, cố gắng xây dựng lấy một cái gì,” nàng viết. “Nhưng những cái đó đều không có. Cuộc đời quá khứ của anh quá ư phóng túng, quá ư vô định. Tôi hiểu rằng anh không đáng trách. Anh chỉ có thể hành động theo bản tính của anh, theo lối giáo dục từ khi còn bé của anh. Vì thế tôi không trách anh đâu, Martin ạ. Xin anh nhớ cho điều đó. Đó chỉ là một sự lầm lỗi thôi. Như cha tôi và mẹ tôi vẫn nói, chúng ta không phải sinh ra để hợp nhau, và cả hai chúng ta nên lấy làm sung sướng vì điều đó đã được phát hiện ra chưa đến nỗi quá ư là muộn.”

“... Anh đừng tìm gặp tôi làm gì nữa,” nàng nói ở cuối bức thư. “Một cuộc gặp gỡ như thế sẽ là một cuộc gặp gỡ bất hạnh cho cả hai người chúng ta và cho cả mẹ tôi. Tôi cảm thấy, thực sự, tôi đã làm cho mẹ tôi sầu muộn và đau đớn. Phải lâu lắm, tôi mới có thể chuộc lại tội lỗi được.”

Gã đọc bức thư cẩn thận từ đầu đến cuối, cẩn thận một lần thứ hai, rồi ngồi xuống, và viết thư trả lời. Gã đã viết lại những lời gã đã phát biểu ở hội nghị của những người thuộc đảng xã hội, nói rõ ràng những lời gã phát biểu đều ngược lại với những lời mà tờ báo đã gán cho gã. Đoạn cuối bức thư, gã đã dùng lời lẽ của một người tình say đắm, tha thiết xin được yêu đương. “Xin em hãy trả lời anh,” gã viết. “Và trong thư trả lời, em chỉ cần nói cho anh một điều. Em có yêu anh không? Thế thôi. Em chỉ trả lời một câu hỏi đó thôi.”

Nhưng hôm sau, rồi hôm sau nữa, vẫn không có thư trả lời. “*Quá hạn*” vẫn nằm yên trên bàn, và ngày nọ qua ngày kia những tập bản thảo bị gửi trả về dưới gầm bàn lại càng ùn lên hơn. Lần đầu tiên trong đời, giấc

ngủ say sưa của Martin bị cắt đứt, gã đã phải trần trọc bao nhiêu đêm dài. Ba lần gã đến nhà ông Morse, nhưng lần nào cũng bị người đầy tớ mở cửa đuổi đi. Brissenden nằm ốm liệt trong khách sạn của anh ta, yếu quá không bước chân ra ngoài được, và tuy Martin lại thăm Brissenden luôn, anh cũng không đem những nỗi phiền khổ của mình làm phiền bạn.

Bởi vì những nỗi phiền khổ của Martin thì nhiều. Tác hại của việc làm của tên ký giả kia lớn hơn Martin dự đoán. Lão chủ hiệu thực phẩm người Bồ Đào Nha không bán chịu cho gã nữa; lão bán hoa quả người Mỹ – hẳn ta vẫn tự hào về điều này – gọi gã là kẻ phản quốc, và từ chối không bán chác giao tiếp gì với gã nữa. Mức độ yêu nước của lão ghê gớm đến nỗi lão đã hủy bỏ cả số tiền Martin nợ và cấm anh không được trả nữa. Câu chuyện của bà con hàng xóm cũng nói lên cùng một ý như vậy, sự tức giận của mọi người đối với Martin ngày càng tăng. Không ai muốn dính dáng gì đến một thằng phản bội theo chủ nghĩa xã hội. Chị Maria tội nghiệp ngơ vực và sợ hãi, nhưng chị vẫn trung thành với Martin. Trẻ con hàng xóm đã thôi không kinh sợ về cái chuyện chiếc xe song mã lớn trước đây có lần đã đến thăm nhà Martin nữa, bây giờ chúng đứng tít ở đằng xa, gọi gã là “thằng ma cà bông,” “thằng vô công rồi nghề.” Tuy nhiên lũ con nhà Sylva vẫn bảo vệ gã một cách kiên quyết, và nhiều lần vì danh dự của gã, chúng đã đánh nhau dữ dội, mất thâm quầng, mũi toác máu là chuyện thường ngày, chuyện đó lại làm Maria thêm phiền hà khó xử.

Có một lần Martin gặp chị Gertrude ở dưới khu Oakland, và gã đã biết một điều mà gã thấy là không thể nào khác được – Bernard Higginbotham rất giận gã, vì gã đã đưa gia đình tới chỗ để cho thiên hạ phỉ nhổ, và hẳn ta cấm cửa gã.

“Martin ơi, tại sao em không đi nơi khác khác đi?” Chị Gertrude van vơ. “Đi đi, kiếm lấy một công ăn việc làm ở một nơi nào đó, rồi mà sinh sống. Sau đây, khi tất cả những chuyện tai hại này qua đi, em lại có thể trở về.”

Martin lắc đầu nhưng không giải thích gì cả. Gã biết giải thích thế nào? Gã kinh hãi vì cái vực sâu đáng sợ của tri thức ngăn gã với những người trong gia đình gã. Gã sẽ không bao giờ bước qua được cái vực đó và giảng giải cho họ hiểu được quan điểm của mình, quan điểm của Nietzsche đối

với chủ nghĩa xã hội^[124]. Trong ngôn ngữ Anh cũng như trong bất kỳ một ngôn ngữ nào đều không đủ từ để có thể làm cho họ hiểu thái độ và hành vi của gã. Quan niệm cao nhất của họ coi hành vi đúng đắn trong trường hợp của gã, là tìm một công việc. Đó là tiếng nói đầu tiên và cũng là cuối cùng của họ. Đó là toàn bộ từ vựng tư tưởng của họ. Kiếm một việc làm! Đi làm! Thương thay! Những kẻ nô lệ ngu xuẩn, gã nghĩ như vậy, trong khi chị gã nói. Không còn lạ lùng gì nữa, thế giới thuộc về kẻ mạnh. Những kẻ nô lệ bị ám ảnh bởi cái thân phận nô lệ của chính họ. Công việc đối với họ là một thần tượng bằng vàng mà họ sẽ quỳ xuống và tôn thờ.

Gã lại lắc đầu khi chị Gertrude đưa cho gã tiền, tuy gã biết rằng trong ngày hôm nay gã lại phải bước chân tới một hiệu cầm đồ.

“Bây giờ em đừng tới gần anh Bernard,” chị gã căn dặn. “Nếu em có muốn đến để ở vài tháng nữa, đợi anh ấy nguôi đi; lúc ấy em có thể đến lái xe giao hàng cho anh ấy. Còn bất cứ lúc nào cần đến chị, em cứ gọi, chị sẽ tới ngay. Đừng quên điều đó, em nhé!”

Chị vừa bước đi vừa nức nở khóc thành tiếng; gã thấy một nỗi buồn đau nhói xuyên qua người khi nhìn thân hình nặng nề, dáng đi xiêu vẹo của chị. Nhìn chị bước đi, cái cơ sở lý luận triết học Nietzsche hình như lung lay, xiêu vẹo. Cái giai cấp nô lệ trừu tượng chung chung thì được, không hề gì, nhưng một khi nó cụ thể trong gia đình gã thì không phải là chuyện hoàn toàn thỏa mãn lắm. Thật vậy, nếu có một người nô lệ nào bị kẻ mạnh chà đạp, thì người nô lệ đó chính là chị Gertrude của gã. Gã cười lên man rợ vì cái điều ngược đời ấy. Một tín đồ của Nietzsche xuất sắc như gã, mà lại để cho quan niệm lý tính của mình bị dao động vì một chút tình cảm, một phút xúc động đầu tiên vương vẩn trong đầu – ôi, mà lại bị dao động bởi chính cái quan niệm đạo đức nô lệ, vì đó thực sự là tình thương của gã đối với chị. Những người cao quý chân chính là những người vượt lên trên được tình thương và lòng trắc ẩn. Tình thương và lòng trắc ẩn phát sinh ra trong những hầm ở dưới đất nhốt những người nô lệ, nó không hơn những nỗi đau khổ, những giọt mồ hôi của đám đông những kẻ khốn khổ, yếu hèn.

^[124] Chỗ này, ý tác giả muốn nói Martin là tín đồ của triết học siêu nhân của Nietzsche, không tin vào lực lượng của quần chúng, lúc nào cũng nghĩ

tới chuyện một hiệp sĩ cưỡi ngựa sắp tới để làm chủ thế giới.

CHƯƠNG 40

“*Quá hạn*” vẫn còn bị nằm lẳng quên trên mặt bàn. Tất cả bản thảo của gã gửi đi đều quay trở về nằm dưới gầm bàn. Chỉ có một tập bản thảo hãy còn gửi đi, đó là tập “*Phù du*” của Brissenden. Chiếc xe đạp và bộ quần áo đen của gã lại nằm ở hiệu cầm đồ, người chủ hiệu cho thuê máy chữ lại thúc tiền. Gã đang đi tìm một phương hướng mới và cho đến khi phương hướng đó được tìm ra, cuộc sống của gã phải ngừng lại đã.

Sau bao nhiêu tuần lễ, điều mà gã chờ đợi đã đến. Gã đã gặp Ruth ở ngoài phố. Đúng thế, nàng đi cùng với cậu em, Norman; đúng thế, họ cố lờ gã đi, và Norman còn định gạt gã sang một bên.

“Nếu anh còn dính dáng với chị tôi, tôi sẽ gọi cảnh sát.” Norman dọa. “Chị tôi không muốn nói chuyện với anh, và sự nài ép của anh là một sự sỉ nhục.”

“Nếu anh muốn, anh cứ việc đi gọi cảnh sát, lần này thì tên anh sẽ được đăng lên báo đấy.” Martin trả lời một cách dữ tợn. “Thôi, bây giờ thì hãy tránh ra, và đi mà gọi cảnh sát đi, nếu anh muốn. Tôi sẽ cứ nói chuyện với Ruth.” Và gã nói với nàng: “Anh muốn chính môi em nói ra.”

Nàng tái mặt và run run, nhưng rồi nàng trấn tĩnh lại được và nhìn gã vẻ dò hỏi.

“Câu hỏi mà anh viết trong thư.” Gã nói ngay.

Norman tỏ vẻ sốt ruột, nhưng Martin đưa mắt nhìn nhanh một cái để ngăn anh chàng lại.

Ruth lắc đầu.

“Có phải đó là ý muốn tự nguyện của em không?” Gã hỏi.

“Chính thế,” nàng nói nhỏ, giọng cứng rắn và rành rọt. “Đó là ý muốn tự nguyện của tôi. Anh làm mất danh dự của tôi đến nỗi tôi xấu hổ khi gặp mặt bạn bè. Tôi biết họ đang bàn tán về tôi. Đó là tất cả những điều tôi có thể nói với anh. Anh làm cho tôi vô cùng khổ sở, tôi không bao giờ muốn nhìn mặt anh nữa.”

“Bạn bè! Những lời bàn tán! Những bài báo láo toét! Chắc chắn rằng những thứ đó không thể nào mạnh hơn tình yêu được. Tôi chỉ có thể tin rằng cô không hề bao giờ yêu tôi cả.”

Một nét ửng hồng xua tan vẻ nhợt nhạt trên mặt nàng.

“Sau tất cả những sự việc đã xảy ra ư?” Nàng nói yếu ớt. “Martin, anh không biết anh đang nói gì. Tôi không phải là một người bình thường đâu!”

“Anh thấy đấy, chị tôi không muốn dính dáng gì với anh nữa.” Norman nói tuột ra, rồi kéo chị bước đi.

Martin đứng sang bên, nhường chỗ cho hai chị em họ đi; bất giác gã thọc tay vào túi áo ngoài tìm thuốc lá và cuộn giấy nâu không có ở đó.

Đường về Bắc Oakland rất xa, nhưng mãi đến khi bước chân lên bậc thềm, vào đến trong buồng, gã mới biết là mình đã đi hết con đường ấy. Gã thấy mình ngồi trên thành giường, nhìn ngơ ngác xung quanh như một kẻ mộng du bừng tỉnh dậy. Gã thấy tập “*Quá hạn*” nằm trên bàn, gã kéo ghế lại, giờ tay với lấy chiếc bút. Trong bản chất gã có sự thôi thúc logic đã làm gì thì hoàn thành cho xong. Và đây là một cái gì chưa được hoàn thành. Vì phải hoàn thành một việc khác nên việc này đã bị tạm gác lại. Bây giờ thì cái việc khác kia đã xong rồi, gã sẽ dốc lực làm việc này cho đến khi xong. Sau đó, sẽ làm gì, gã cũng chưa biết. Gã chỉ biết rằng giai đoạn khủng hoảng cao độ nhất của đời gã đã đến. Một giai đoạn đã đạt tới và gã đã hoàn thành nó theo kiểu của một người công nhân. Gã không nghĩ gì nữa về tương lai. Chẳng bao lâu rồi gã sẽ thấy nó diễn ra trước mắt gã. Nó là gì cũng không hệ trọng. Giờ đây dường như không có gì là hệ trọng cả.

Năm ngày liền, gã miệt mài viết, không đi đâu, không gặp ai, ăn uống rất ít. Sáng ngày thứ sáu, người đưa thư mang lại cho gã một bức thư mỏng của người chủ bút tờ “Parthenon”. Nhìn qua gã biết rằng “Phù du” đã được chấp nhận. “Chúng tôi đã đưa bài thơ nhờ ông Cartwright Bruce đọc,” người chủ bút viết tiếp, “ông ta rất khen bài thơ đó, khiến chúng tôi nhất định sẽ đăng nó. Trong niềm sung sướng được đăng bài thơ, chúng tôi cũng xin báo cho ông biết rằng chúng tôi sẽ xếp nó vào số tháng tám, bài của tháng bảy đã xếp xong cả rồi. Xin ông vui lòng chuyển hộ niềm sung sướng và lời cảm ơn của chúng tôi tới ông Brissenden. Xin ông gửi cho qua bưu điện tám ảnh và tiểu sử sơ lược của ông ấy. Nếu ông chưa hài lòng với số tiền nhuận bút của chúng tôi, xin ông làm ơn điện cho chúng tôi và cho chúng tôi biết ông thấy giá nào là thích đáng?”

Vì số tiền nhuận bút của họ trả là ba trăm năm mươi đô la, nên Martin thấy không cần phải đánh điện nữa. Nhưng còn có sự đồng ý của Brissenden. Phải, cuối cùng gã đã nghĩ đúng. Đã có một ông chủ bút của một tờ tạp chí hiểu thế nào là một bài thơ chân chính khi ông ta đọc bài thơ đó. Và tiền thù lao họ trả cũng hậu, dù đây là một bài của thế kỷ. Còn đối với Cartwright Bruce, Martin biết ông ta là một nhà phê bình độc nhất mà Brissenden phần nào vẫn tôn trọng.

Martin đi xe điện xuống phố, và trong khi ngắm nhìn những ngôi nhà, những ngã tư đường phố lướt qua, gã thấy một niềm tiếc nuối rằng cả thành công của bạn và cả điểm báo hiệu sự thắng lợi của gã cũng không làm cho gã phấn khởi mạnh nữa. Nhà phê bình độc nhất ở Mỹ khen ngợi bài thơ, sự khẳng định của gã cho rằng những bài hay có thể tin tưởng được các tạp chí đăng chứng tỏ là đúng. Nhưng nhiệt tình đã mất hết sức bật trong gã, rồi gã thấy mình lại nóng lòng muốn lại thăm Brissenden hơn là đem đến cho bạn tin tức tốt lành này. Tờ “Parthenon” nhận bài thơ đã làm gã nhớ ra rằng năm ngày miệt mài với “Quá hạn,” gã đã không nhận được tin tức nào của Brissenden, thậm chí cũng không hề nghĩ tới bạn nữa. Lần đầu tiên Martin cảm thấy mình ở trong một trạng thái mê mụ, và gã cảm thấy xấu hổ vì đã quên bạn. Nhưng ngay cả sự xấu hổ nữa cũng không còn bùng lên mãnh liệt. Gã đã chai đá với mọi xúc cảm, trừ xúc cảm nghệ thuật trong khi gã viết tập “Quá hạn.” Đối với tất cả những việc khác, gã như người trong mộng. Ngay cả bây giờ đây gã cũng vẫn như người trong mộng. Tất cả cuộc sống trong đó, xe điện đang chạy rầm rầm, vùn vụt, hình như lúc này cũng xa lắc xa lơ, không thực chút nào, và gã cũng sẽ không quan tâm, không choáng váng, nếu như cái tháp chuông nhà thờ xây bằng đá kia có bỗng dưng đổ sụp xuống tan tành ngay trên đầu gã đi nữa.

Đến khách sạn, gã chạy vội lên buồng của Brissenden, rồi lại vội chạy xuống. Căn buồng trống không. Không còn đồ đạc hành lý gì trong đó cả.

“Ông Brissenden có để lại địa chỉ không?” Gã hỏi viên quản lý đang tò mò nhìn gã một lát.

“Ông không nghe tin tức gì sao?” Người kia hỏi.

Martin lắc đầu.

“Sao, báo nào chẳng đăng tin về chuyện này. Người ta tìm thấy ông ta chết ở trên giường. Tự tử – một phát đạn qua sọ.”

“Đã chôn cất chưa?” Martin nghe giọng nói của mình dường như là của một người nào khác, từ một nơi rất xa xôi vọng về hỏi câu đó.

“Không có chuyện chôn cất. Sau khi thẩm tra xong, tử thi được cho xuống tàu, chuyển ngay về miền đông. Những luật sư do gia đình ông ta mướn đã thu xếp việc này.”

“Chắc họ làm nhanh lắm!” Martin nói.

“Ồ, tôi cũng không rõ. Cách đây năm ngày rồi.”

“Cách đây năm ngày?”

“Vâng, cách đây năm ngày.”

“Ồi!” Martin thốt lên rồi quay gót bước ra.

Đến góc phố, gã bước vào “Phòng điện báo phía Tây” đánh điện cho tờ “Parthenon” bảo họ cứ cho in bài thơ. Trong túi gã chỉ còn năm xu để đi xe điện về nên gã đánh điện theo lối bên nhận trả tiền.

Về đến phòng của mình, gã lại bắt tay vào viết. Ngày nối ngày, đêm tiếp đêm trôi qua, gã vẫn ngồi trên bàn cầm cúi viết. Gã không bước chân đi đâu, trừ những lúc phải ra hiệu cầm đồ, gã không vận động gì cả, ăn lấy lệ khi đói và có cái để mà nấu ăn và cũng nhìn một cách rất đều đặn khi không có cái gì để nấu. Truyện đã rất dày, chương nọ tiếp chương kia, thế mà gã vẫn muốn phát triển đoạn mở đầu để làm tăng thêm sức mạnh của nó, tuy viết thế thì phải thêm đến hai vạn từ. Không phải là có một sự khẩn thiết gì buộc gã phải viết truyện này hoàn hảo, nhưng nguyên tắc sáng tác nghệ thuật của gã bắt gã phải làm hoàn hảo. Gã cứ tiếp tục làm việc như trong cơn mê sảng, tách rời một cách kỳ lạ với thế giới xung quanh; gã thấy mình như một bóng ma thông tỏ đường lối giữa những cái bẫy văn học của cuộc sống quá khứ của gã. Gã nhớ hình như có người đã nói rằng bóng ma là linh hồn của một người đã chết, nhưng lại không đủ trí suy xét để biết rằng mình đã chết; gã ngừng lại một phút để tự hỏi, không biết có phải gã đã chết thật rồi, mà không biết rằng mình đã chết không.

Rồi đến cái ngày mà tập “Quá hạn” được viết xong. Nhân viên của hiệu cho thuê máy chữ đến đòi máy, anh ta ngồi trên giường, còn Martin thì ngồi trên chiếc ghế độc nhất, đánh nốt những trang cuối của chương cuối cùng.

“HẾT”. Gã đánh chữ hoa ở cuối truyện, và đối với gã, nó cũng thật là hết. Gã ngẩng chiếc máy chữ được mang ra khỏi cửa với một cảm giác nhẹ nhõm, rồi gã trèo lên nằm dài trên giường. Gã bị lả đi vì đói. Ba mươi sáu tiếng đồng hồ qua, không một chút thức ăn gì vào trong miệng, nhưng gã không nghĩ tới điều đó. Gã nằm ngửa, mắt nhắm nghiền, không nghĩ gì cả, trong khi cơn bàng hoàng hoảng, sự mê mụ cứ dần dần dâng lên ứ đầy, bịt chặt lấy nhận thức của gã. Nửa như mê sảng, gã cất giọng đọc to những vần thơ vô danh mà Brissenden vẫn thích đọc cho gã nghe. Chị Maria lo lắng đứng nghe ở ngoài cửa, chị kinh hoàng thấy giọng đọc đều đều của gã. Bản thân những lời đó đối với chị không có nghĩa gì. Nhưng cái việc gã ngâm những lời đó lên đối với chị có nhiều ý nghĩa. “Ta đã hát xong lời ca” là điệp khúc của bài thơ.

“Ta đã hát xong lời ca
Đàn kia để xuống
Bài hát, câu ca bây giờ đã hết
Nó bay xa như những chiếc bóng nhẹ nhàng
Bay trong những vòm cây tím ngắt
Ta đã hát xong lời ca
Đàn kia để xuống
Xưa kia ta đã cao tiếng hát
Như những con họa mi buổi sớm
Hót trong những bụi cây đầm sương
Bây giờ ta lặng câm
Như con chim khuyển mệt mỏi
Trong cổ họng ta không còn lời ca
Ta đã hát hết rồi
Ta đã hát xong lời ca
Đàn kia để xuống bên ta.”

Maria không thể chịu được lâu nữa, chị vội quay về bếp lò, múc đầy “súp” vào bát, lấy muối vét ở trong nồi ra rất nhiều thịt thái nhỏ và rau.

Martin nhồm dậy, ngồi lên và bắt đầu ăn, cứ húp được một thìa gã lại an ủi chị Maria rằng gã không nói mê đâu và cũng không ốm sốt gì cả.

Sau khi chị Maria đi rồi, gã ngồi buồn bã ở thành giường, hai vai thông xuống, gã ngơ ngác nhìn quanh với cặp mắt lơ đãng không thấy gì hết, mãi đến khi tờ giấy bọc rách của tờ tạp chí gửi đến từ buổi sáng mà vẫn còn nằm nguyên chưa được bóc ra, làm lóe lên một tia sáng trong trí óc tối đặc của gã. Đó là tờ “Parthenon,” gã nghĩ như vậy, tờ “Parthenon” số tháng tám, và hẳn là phải có bài “Phù du.” “Giá mà Brissenden còn ở đây mà nhìn thấy nhỉ?”

Lật giờ từng trang tờ tạp chí, bỗng gã dừng lại. “Phù du” đã được đăng, với cái đầu đề lộng lẫy, mép bài thơ được trình bày theo kiểu Beardsley, một bên đầu bài thơ là ảnh của Brissenden, một bên là ảnh của Ngài John Value, đại sứ Anh. Trong lời nói đầu của tòa soạn có trích dẫn lời của Ngài John Value nói rằng ở Mỹ không có nhà thơ, và tờ “Parthenon” đã đăng bài “Phù du” như muốn nói: “Thưa Ngài John Value, ngài hãy xem đây!” Cartwright Bruce được coi là nhà phê bình lớn nhất nước Mỹ, và người ta đã trích dẫn câu ông nói cho rằng “Phù du” là một bài thơ lớn nhất từ xưa đến nay ở Mỹ. Và cuối cùng lời nói đầu của người chủ bút kết luận như thế này:

“Chúng tôi chưa có những nhận định đầy đủ về giá trị của bài thơ “Phù du,” có lẽ không bao giờ chúng tôi có thể làm được việc đó. Nhưng chúng tôi đã đọc đi đọc lại bài thơ và ngạc nhiên trước những từ và cách sắp xếp của nó, chúng tôi tự hỏi không hiểu ông Brissenden đã làm thế nào mà viết được những từ đó, làm thế nào mà có thể ghép chúng lại với nhau một cách chặt chẽ như vậy.” Tiếp theo là đến bài thơ.

“Briss ơi, anh chết như thế là hay lắm anh ạ.” Martin lẩm bẩm và để tờ báo lọt giữa hai đầu gối rơi xuống sàn.

Sự tâm thương, sự rẻ tiền của sự việc làm gã buồn nôn, nhưng Martin nhận thấy một cách thờ ơ không chút cảm xúc rằng sự buồn nôn ấy cũng không lấy gì làm ghê gớm lắm. Gã mong mình có thể nổi giận, nhưng gã không còn đủ nghị lực để mà nổi giận nữa. Gã đã quá tê dại mất rồi. Máu của gã đã quá đông lại, không bốc lên được theo với sự bức bối dâng tràn lên như nước thủy triều. Xét cho cùng thì có hề gì cơ chứ? Nó cũng như tất cả những cái khác mà Brissenden đã lên án trong xã hội tư bản. “Tội nghiệp cho Briss!” Martin tự nhủ. “Anh ấy sẽ không bao giờ tha thứ cho mình.”

Cố gắng đứng dậy, gã với lấy cái hộp trước kia vẫn dùng để đựng giấy đánh máy. Lục lọi một lúc, gã lôi ra mười một bài thơ bạn đã viết. Gã xé ngang xé dọc những bài thơ đó rồi vứt vào sọt rác. Gã làm việc đó uể oải, khi đã xé xong, gã ngồi trên thành giường, đưa mắt nhìn vào khoảng không về phía trước.

Gã ngồi như thế bao lâu, gã cũng không biết nữa, mãi đến khi, qua cặp mắt không nhìn thấy gì của gã, gã bỗng thấy một đường chân trời dài trắng muốt. Kỳ lạ. Nhưng khi ngẩng nhìn đường chân trời ngày một rõ ra, gã thấy, đó là một giải đá ngầm san hô bốc hơi lên trong những đợt sóng bạc đầu của Thái bình dương.

Rồi, gã thấy nhấp nhô trên sóng một chiếc thuyền con, một chiếc thuyền có móc chèo. Ở đằng mũi, gã trông thấy một chàng trai trẻ, mặt đen bóng, trông như một thiên thần với một mảnh vải đỏ thắm quấn ngang hông đang khua mái chèo lấp lánh trên mặt nước. Martin nhận ra chàng ta. Đó là Moti, con út của tù trưởng Tati và đây là Tahiti; xa hơn giải san hô bốc hơi kia là mảnh đất tươi đẹp của Papara và căn nhà bằng cỏ gần cửa sông của người tù trưởng. Ngày đã tàn và Moti đánh cá trở về. Chàng đang chờ một đợt sóng lớn xô tới để gởi sóng vượt qua dãy đá ngầm. Rồi Martin thấy mình cũng ngồi phía trước con thuyền đó, như gã vẫn thường ngồi khi xưa khua mái chèo và chỉ đợi Moti nói một tiếng là chèo thuyền lao đi như điên khi những đợt sóng lớn như một bức tường màu ngọc lam dựng đứng lên sau lưng họ. Rồi, gã không còn là người đứng nhìn nữa, mà chính gã ở trên con thuyền, Moti hét lên, cả hai đều cố sóng cố chèo như bay, trên mặt dốc của đợt sóng màu ngọc lam đang lao đi. Dưới thuyền, nước sôi réo lên như máy hơi nước, sóng bắn tung tóe đầy trời, chỉ nghe thấy thấy những tiếng rú, tiếng rít, tiếng gầm âm vang, và chiếc thuyền con lại trôi đi trên mặt vịnh êm ả. Moti cười lớn, và lắc rũ cho những giọt nước mặn rơi khỏi mắt, và cả hai cùng chèo về phía bờ bãi do san hô tạo thành, nơi những bức tường bằng cỏ của ngôi nhà của Tati, qua những cành lá dừa sáng lóe lên như vàng trong ánh mặt trời tà.

Bức tranh nhạt dần, và trước mặt gã trải ra cái cảnh hỗn độn của gian phòng bắn thiêu gã ở. Gã cố gắng một cách vô vọng hình dung lại cái cảnh Tahiti. Gã biết có những bài ca, câu hát cất lên giữa những hàng cây, và các

cô gái đang nhảy múa dưới trăng, nhưng gã không làm sao có thể hình dung lại được. Gã chỉ nhìn thấy cái bàn viết bữa bộn, cái khoảng trống nơi trước kia để chiếc máy chữ, cái ô cửa kính không ai lau chùi. Gã nhắm mắt lại, rên lên một tiếng và ngủ thiếp đi.

CHƯƠNG 41

Suốt đêm hôm đó gã ngủ một giấc nặng nề, không cựa mình, mãi đến khi người đưa thư đi chuyển sáng tới, đánh thức gã dậy. Gã cảm thấy trong người mệt mỏi, không buồn cất nhắc chân tay, gã lật giở những bức thư đó không nhằm một mục đích gì. Có một chiếc phong bì nhỏ mỏng, của một tờ tạp chí ăn cướp, trong có một ngân phiếu hai mươi hai đôla. Gã đã thúc đòi nó một năm rưỡi nay. Gã nhìn số tiền một cách dửng dưng không xúc động. Cái rộn ràng trước kia mỗi khi nhận được ngân phiếu của một nhà xuất bản nay đã qua rồi. Không giống như những ngân phiếu đầu tiên, ngân phiếu này không hứa hẹn những điều to tát vĩ đại sẽ tới. Đối với gã, đó chỉ là một tờ ngân phiếu hai mươi hai đôla, thế thôi, và nó sẽ giúp gã mua được một thức gì ăn dễ dàng.

Trong chuyển thư đó, còn có một ngân phiếu khác của tờ “New York tuần báo” trả cho một bài thơ trào phúng nào đó của gã đã được nhận đăng từ mấy tháng trước. Một ngân phiếu mười đôla. Một ý nghĩ đến với gã, và gã bình tĩnh suy xét. Gã không biết mình sẽ làm gì, gã cảm thấy không cần vội vàng làm một việc gì cả. Trong lúc đó thì gã phải sống. Gã cũng còn đang nợ rất nhiều món. Đem mua tem dán lên tất cả đồng bản thảo khổng lồ ở dưới bàn kia, và cho chúng đi chu du một chuyến nữa, biết đâu lại chẳng là một chuyến đầu tư có lời. Một, hai bản thảo sẽ có thể được nhận. Cái đó sẽ giúp gã sống. Gã quyết định làm cái chuyện đầu tư này, và sau khi đem ngân phiếu ra lĩnh tiền ở ngân hàng khu Oakland, gã mua mười đô la tiền tem. Ý nghĩ quay về nhà nấu ăn sáng trong căn phòng nhỏ hẹp, ẩm mốc làm gã thấy khó chịu. Lần đầu tiên, gã mặc kệ không nghĩ gì đến những món nợ. Gã biết gã có thể nấu một bữa sáng có đầy đủ chất bổ trong căn phòng của gã với giá tiền chỉ mười lăm đến hai mươi xu. Nhưng gã vẫn đi tới tiệm “Forum” gọi bữa ăn sáng mất hai đô la. Gã cho người hầu hai hào rưỡi, và bỏ ra năm mươi xu mua một gói thuốc lá Ai cập. Đây là lần đầu tiên gã hút thuốc kể từ khi Ruth bảo gã đừng hút nữa. Nhưng bây giờ gã thấy không vì

có gì lại không hút, hơn nữa, gã lại muốn hút. Tiền nong thì có kể gì? Bỏ ra năm xu gã có thể mua một gói thuốc lá chưa cuộn Durham^[125] và một tập giấy nâu để cuốn bốn mươi điếu – nhưng hà tiện thế để làm gì? Đối với gã, tiền bây giờ không có nghĩa lý gì ngoài những thứ nó có thể mua ngay được. Gã không có hải đồ, không có bánh lái, không có bến bờ nào để cập, mặc cho cuộc đời trôi đi tức là sống ít nhất, vì sống là đau khổ.

Ngày giờ cứ trôi qua, mỗi đêm gã ngủ đều đặn tám tiếng. Tuy bây giờ, trong khi chờ đợi thêm tiền nhuận bút, gã vẫn ăn ở quán ăn Nhật bản, mỗi bữa mất mười xu, nhưng cái cơ thể bị sọp đi của gã cũng đã đẩy lại, cũng như đôi má hóp của gã. Gã không tự hành mình bằng những giấc ngủ ngắn, bằng làm việc quá mức, học tập quá mức nữa. Gã không viết gì cả, sách đọc cũng gấp lại. Gã đi bộ nhiều, lên các ngọn đồi, lang thang hàng giờ trong các công viên yên tĩnh. Gã không có bạn hữu, không có người quen mà gã cũng chẳng làm quen với ai. Gã không còn có một hứng thú gì cả. Gã đang đợi chờ một sự thúc đẩy nào đó, mà cũng không biết ở đâu tới nữa, để làm cho cuộc sống bị ngưng trệ của gã lại hoạt động. Trong lúc đó thì cuộc sống của gã vẫn cứ trôi đi, không kế hoạch, trống rỗng và biếng nhác.

Có một lần gã đến San Francisco để thăm “bạn hạ lưu chân chính.” Nhưng đến phút cuối, khi đã bước chân lên lối cầu thang, gã bỗng lùi lại, quay ra, rồi chạy trốn qua cái khu công nhân lúc nhúc những người ấy; gã sợ hãi khi nghĩ rằng gã sẽ lại phải nghe tranh luận về triết học, gã chạy trốn một cách lén lút, sợ sẽ có người nào đó trong “bạn hạ lưu chân chính” tình cờ bắt gặp và nhận ra gã.

Đôi khi gã liếc nhìn các tờ tạp chí, các tờ báo để xem bài thơ “Phù du” đã bị rầy khổ như thế nào. Nó đã được hoan nghênh. Nhưng mà hoan nghênh cái kiểu gì không biết. Mọi người đều đọc và mọi người đều tranh luận xem nó có thực là thơ không. Những tờ báo địa phương hàng ngày nêu vấn đề, và hàng ngày có những cột đăng những bài phê bình có tính chất học thuật, những bài xã luận hài hước và cả những bức thư đứng đắn của độc giả nữa.

Helen Della Delmar (được công bố rùm beng là một nữ sĩ vĩ đại của nước Mỹ) đã cự tuyệt không để cho Brissenden có một chỗ ngồi bên cạnh

mình trên con Pegasus^[126], cô ta viết cơ man nào là thư cho công chúng chứng minh rằng Brissenden không phải là nhà thơ thần gì cả.

Tờ “Parthenon” ra số sau, tự tán tụng mình đã gây được một dư luận sôi nổi, một mặt thì cười nhạo Ngài John Value, một mặt thì bóc lột cái chết của Brissenden bằng một lối buôn bán vô cùng bất nhân. Một tờ báo hàng ngày đã tăng số phát hành lên tới mức kinh khủng, một nửa triệu số, đăng một bài thơ độc đáo thanh thoát của Helen Della Delmar cười nhạo Brissenden. Cô ta cũng chính là thủ phạm một bài thơ thứ hai trong đó cô ta nhại Brissenden.

Martin nhiều lần thấy sung sướng vì Brissenden đã chết. Brissenden vô cùng căm ghét quần chúng, và đây, tất cả cái tốt đẹp nhất, thiêng liêng nhất của anh, đã bị ném cho quần chúng. Hàng ngày người ta vẫn tiếp tục mô xê Cái Đẹp. Bất cứ một thằng ngốc nào trong nước cũng đua nhau đưa bài in bừa bãi, đem cái tôi khô xác nhỏ bé của nó trôi nổi trước công chúng trên cái vĩ đại như sóng cồn của Brissenden. Một tờ báo viết: “Cách đây ít lâu, chúng tôi nhận được thư của một độc giả, ông đã viết một bài thơ giống như bài thơ đó, duy có điều là hay hơn.” Một tờ báo khác, hết sức trang nghiêm đã trách Helen Della Delmar về bài thơ nhại của cô ta: “Chắc chắn rằng cô Delmar viết bài đó trong một lúc bông đùa và tỏ ra thiếu sự kính trọng mà một nhà thơ lớn cần phải có đối với một nhà thơ khác, có thể là một nhà thơ lớn nhất. Tuy nhiên, dù cô Delmar có ghen ghét hay không đối với người đã sáng tạo ra bài “Phù du” chắc chắn rằng cô, cũng như hàng nghìn người khác, vẫn bị bài thơ làm cho say mê, và rồi một ngày nào đó cô cũng sẽ cố gắng viết được những dòng thơ như thơ của Brissenden.”

Các giáo sĩ đã bắt đầu lên tiếng công kích bài “Phù du” trong những bài thuyết pháp, có một giáo sĩ và quá hăng hái ủng hộ đại bộ phận nội dung bài thơ đó, đã bị trục xuất vì tội tà giáo. Cái bài thơ vĩ đại này đã đóng góp vào sự vui vẻ của người đời. Những anh chàng viết thơ trào phúng, những kẻ biếm họa nắm lấy đề tài này, và cười lớn trong mục “việc riêng” ở những tờ báo của tầng lớp thượng lưu thường có xen vào những câu chuyện đùa đến nỗi Charley Frensham đã phải nói riêng với Archie Jennings rằng năm dòng của bài “Phù du” sẽ làm người ta đánh què người khác, mười dòng sẽ làm cho có người đâm đầu xuống sông.

Martin không cười mà gã cũng không nghiêng răng lại vì tức giận. Kết quả chỉ làm cho gã thấy buồn ghê gớm.

Trong sự đổ vỡ của cả cái thế giới của gã với tình yêu ở đỉnh cao nhất thì sự đổ vỡ của giới báo chí, và những độc giả thân mến thực chỉ là một sự đổ vỡ nhỏ bé. Brissenden hoàn toàn đúng khi nhận định về báo chí, còn gã, Martin, đã phải tốn mất bao nhiêu năm trời gian khổ, vô ích để tìm ra điều đó cho mình. Báo chí là tất cả những cái mà Brissenden đã nói, thậm chí còn tồi tệ hơn nữa. Phải, gã đã hát xong lời ca, gã tự an ủi mình như vậy. Gã đã kéo cái xe của gã lên tới một vì sao, và bị rơi xuống một bãi lầy độc hại. Cảnh Tahiti - Tahiti thanh tao êm đềm - đến với gã nhiều hơn. Và cả đảo Paumotus thâm thấp và đảo Marquesas^[127] cao cao. Bây giờ gã thường thấy mình trên những chiếc tàu buồm buôn lớn hay trên những chiếc thuyền nhỏ nhẹ ra đi từ lúc bình minh qua dải đá ngầm ở Papeete^[128], bắt đầu cuộc hành trình qua những hòn đảo san hô màu ngọc bích tới Nukahiva và vịnh Taiohae, nơi mà gã biết rằng Tamari sẽ giết lợn ăn mừng gã đến, nơi mà các cô gái của Tamari đeo những vòng hoa, sẽ nắm lấy tay gã cất tiếng hát, tiếng cười và khoác vào cổ gã những vòng hoa. Biển miền Nam đang gọi, và gã biết rằng không sớm thì muộn gã sẽ trả lời tiếng gọi đó.

Trong lúc này thì gã cứ sống buông trôi, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng cho hồi sức sau một cuộc hành trình dài qua lĩnh vực của tri thức. Khi tờ “Parthenon” gửi cho gã tám ngàn phiếu ba trăm năm mươi đô la, gã đã chuyển cho người luật sư đảm nhiệm những công việc của Brissenden để trao cho gia đình. Martin đưa ngân phiếu và lấy biên nhận, đồng thời viết giấy nhận nợ một trăm đô la mà Brissenden đã đưa cho gã trước đây. Cái thời gian mà Martin không còn là khách quen ở quán ăn Nhật bản cũng không lâu la gì nữa. Chính lúc gã từ bỏ cuộc đấu tranh thì thời vận lại đến. Nhưng nó đã đến quá muộn. Gã mở chiếc phong bì mỏng của tờ “Millennium,” lòng không một chút rung động, gã đưa mắt nhìn tám ngàn phiếu ba trăm đô la, và biết rằng đây là số tiền trả cho truyện ngắn “Mạo hiểm” được nhận đăng. Mọi món nợ của gã ở trên đời này, kể cả món ở cửa hiệu cầm đồ này với tiền lãi của nó, cũng chưa đến một trăm đô la. Khi đã trả xong các khoản nợ và đến nhà luật sư của Brissenden thanh toán với ông ta một trăm đô la, gã vẫn còn hơn một trăm đô la trong túi. Gã đến hiệu thợ

may may một bộ quần áo và ăn tại hiệu ăn ngon nhất thành phố. Gã vẫn ngủ tại gian phòng nhỏ nhà Maria, nhưng những bộ quần áo mới của gã đã khiến lũ trẻ hàng xóm thôi không đứng trên mái nhà kho để cúi, hoặc ở hàng rào đằng sau gọi gã là “thằng mà cà bông” hay “đồ vô công rồi nghề” nữa.

“Wiki - Wiki” truyện ngắn viết về Hawaii của gã cũng được tờ “nguyệt san Warren” mua với giá hai trăm năm mươi đô la. Tờ “Bình luận phương Bắc” cũng nhận bài luận văn “Chiếc nôi của cái đẹp,” tờ tạp chí “Mackintosh” nhận bài “Người xem tướng tay,” bài thơ gã viết tặng Marian.

Những ông chủ bút, những người soát bài đã đi nghỉ hè về, và những bản thảo của gã được nhận ngay. Martin không thể hiểu được một sự thay đổi tính nết kỳ quặc nào đã khiến các ông ấy đồng lòng nhận những tác phẩm mà các ông ấy đã khăng khăng gạt bỏ đi trong hai năm trời. Trước kia, không có một cái gì của gã được đăng. Trừ khu Oakland, còn không ở đâu người ta biết đến tên gã và ở Oakland với một số ít người tưởng rằng họ biết gã, thì gã được nổi tiếng là một kẻ áo đỏ, một kẻ thuộc đảng xã hội.

Vậy là, không có gì để giải thích việc bắt chọt những món hàng của gã được người ta nhận. Đó chỉ là một trò múa rối của số mệnh.

Sau khi bị nhiều tạp chí từ chối, gã làm theo lời khuyên của Brissenden mà trước đây gã đã không chấp nhận là gửi tập “Sự hổ thẹn của mặt trời” đến khắp lượt các nhà xuất bản. Sau nhiều lần từ chối, công ty xuất bản Singletree Darnley đã nhận và hứa sẽ cho xuất bản vào mùa thu. Khi Martin viết thư đề nghị trả trước một số tiền ứng trước về bản quyền tác giả, họ trả lời là nhà xuất bản không có lệ như vậy, sách loại này khó bán được hòa vốn, họ còn ngại sách của gã không biết có bán nổi một nghìn cuốn không. Martin phác tính gã sẽ được bao nhiêu tiền với con số sách xuất bản như vậy. Mỗi cuốn bán một đô la, tiền bản quyền tác giả mười lăm phần trăm, như vậy gã sẽ được một trăm năm mươi đô la. Gã quyết định nếu phải làm lại từ đầu thì gã sẽ chỉ chuyên viết tiểu thuyết. Truyện ngắn “Mạo hiểm” chỉ dài bằng một phần tư thôi là gã đã nhận được của tờ “Millennium” một món tiền gấp đôi. Té ra, bài báo về tiền nhuận bút mà gã đã đọc từ lâu là đúng sự thật. Những tạp chí loại nhất khi nhận đăng bài là trả tiền ngay, và họ trả khá hậu. Tờ “Millennium” đã trả gã không phải là hai xu mà là bốn xu một

chữ. Họ còn mua những tác phẩm hay, vì họ đã chả mua tác phẩm của gã là gì? Nghĩ như thế, gã cười gằn một tiếng.

Gã viết thư cho công ty xuất bản Singletree Darnley ngỏ ý muốn bán bản quyền bài “Sự hổ thẹn của mặt trời” lấy một trăm đô la, nhưng họ không muốn làm chuyện mạo hiểm như thế. Lúc này gã cũng không cần tiền, bởi vì rất nhiều truyện ngắn của gã đã được nhận và đã được trả tiền. Gã hiện thời đã mở một tài khoản ở Ngân hàng. Không còn nợ nần gì ai ở trên đời, ở Ngân hàng gã đã có mấy trăm đô la.

“*Quá hạn*” sau khi bị một số tạp chí cự tuyệt, cuối cùng đã đến nằm yên vị tại Công ty xuất bản “Meredith-Lowell.” Martin nhớ tới năm đô la mà chị Gertrude đã cho gã, gã quyết định trả lại chị một trăm lần hơn; vì vậy gã viết thư cho nhà xuất bản yêu cầu đặt trước năm trăm đô la tính vào bản quyền tác giả. Gã ngạc nhiên khi nhận được một ngân phiếu ghi số tiền đó có kèm theo một tờ hợp đồng gửi qua bưu điện. Gã đem tờ ngân phiếu đi lĩnh toàn những đồng năm đô la tiền vàng và gọi điện cho chị Gertrude bảo gã cần gấp chị.

Bà chị tới, thở hổn hển vì quá vội. Bà sợ có chuyện không hay xảy ra cho cậu em, nên đã thủ sẵn mấy đô la, số vốn liếng ít ỏi của chị, đút vào một cái túi nhỏ mang theo; định ninh cậu em đã gặp chuyện bất hạnh, chị vừa khóc nức nở vừa lão đảo bước vào, ngã vào cánh tay Martin, đồng thời chị yên lặng dúm cái túi cho gã. Gã nói:

“Đáng lẽ em đến chỗ nhà chị mới phải. Nhưng em không muốn xô xát với ông Higginbotham và chuyện đó chắc chắn thế nào cũng xảy ra.”

“Sau một thời gian anh ấy cũng sẽ quên đi thôi,” chị an ủi. Chị vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra với Martin. “Trước hết, tốt nhất em nên kiếm một công ăn việc làm lương thiện. Báo chí đăng cái chuyện đó làm anh ấy giận sôi lên. Chưa bao giờ chị thấy anh ấy giận như thế?”

“Em chẳng đi kiếm việc gì hết.” Martin vừa nói vừa cười. “Chị có thể nói lại với anh ấy như thế hộ em. Em không cần kiếm công việc, và đây là chứng cứ.”

Gã dốc một trăm đồng vàng vào lòng chị, tiền đồ xuống lạnh canh, sáng lóe.

“Chị có còn nhớ chị đã cho em năm đô la khi em không có tiền đi xe không? Vâng, đây, nó đây, với chín mươi chín đồng anh em của nó, tuy tuổi tác khác nhau nhưng cùng một khuôn khổ.”

Lúc bước chân đến đây, Gertrude đã sợ hãi, bây giờ chị lại vô cùng kinh hoàng. Nỗi kinh hoàng của chị đến mức trở thành sự thật. Chị không còn nghi ngờ. Chị đã tin chắc. Chị kinh hãi nhìn Martin, dòng suối vàng làm đầu gối nặng nề của chị quy uổng, như nó đang đốt cháy da thịt chị.

“Số tiền này là của chị đấy,” gã cười.

Chị bật lên khóc và bắt đầu rên rỉ: “Cậu em tội nghiệp của chị! Cậu em tội nghiệp của chị!”

Gã bối rối một phút. Rồi đoán được nguyên nhân nỗi kích động của chị, gã liền đưa chị xem bức thư của nhà xuất bản “Meredith-Lowell” gửi kèm theo tờ ngân phiếu. Chị ngập ngừng đọc, thỉnh thoảng lại dừng lại để lau nước mắt; khi đọc xong, chị nói:

“Có nghĩa là cậu đã kiếm được tiền một cách lương thiện?”

“Còn lương thiện hơn là trúng xổ số nữa. Tiền làm việc khó nhọc kiếm ra đấy.”

Dần dần niềm tin trở lại với chị, chị đọc lại bức thư một cách cẩn thận. Gã đã phải mất một lúc lâu hơn nữa để nói cho chị hiểu rằng số tiền này thực là của chị và gã không cần đến nó.

“Chị sẽ gửi nó vào ngân hàng cho em,” cuối cùng, bà chị nói.

“Chị đừng làm thế. Nó là của chị đấy, chị muốn dùng nó làm gì tùy chị, nếu chị không nhận, em sẽ đem cho chị Maria. Chị ấy sẽ biết cách dùng nó. Tuy nhiên em cũng khuyên chị nên thuê một người làm và chị thì hãy nghỉ ngơi một thời gian dài cho khỏe.”

“Chị sẽ kể hết với Bernard,” chị nói khi ra về.

Martin nháy mắt rồi cười.

“Vâng, chị cứ kể,” gã nói. “Rồi ông ấy sẽ lại mời em đến ăn cơm không chừng!”

“Tất nhiên, anh ấy sẽ mời cậu. Chị chắc thế nào anh ấy cũng sẽ mời cậu!” Chị kêu lên một cách nhiệt thành; rồi kéo gã lại gần, chị ôm chặt lấy gã mà hôn.

[125]. Một loại thuốc lá rẻ tiền.

[126]. Pegasus: theo thần thoại Hy Lạp, đó là một con ngựa biết bay, biểu tượng của thi hứng.

[127]. Một nhóm quần đảo ở Nam Thái Bình Dương.

[128]. Papeete ở phía Tây bắc Tahiti.

CHƯƠNG 42

Một hôm Martin cảm thấy mình cô đơn. Gã khỏe mạnh cường tráng và gã không có việc gì làm. Sự ngừng viết, ngừng học tập, cái chết của Brissenden, sự đoạn tuyệt với Ruth là một lỗ hổng lớn trong đời gã; và cuộc đời gã lại từ chối không muốn đóng đinh trong sự sung sướng, nhàn hạ, trong quán cà phê, trong việc hút những điều thuốc Ai cập. Biển miền Nam đương gọi gã thật, nhưng gã có cảm tưởng rằng ván bài còn chưa chơi xong ở đất Mỹ này. Ít lâu sau, hai cuốn sách của gã đã được xuất bản và gã còn nhiều cuốn nữa có thể xuất bản tiếp. Sách in ra là có tiền, gã sẽ đợi để mang một túi đầy tới biển miền Nam. Gã biết ở Marquesas, có một thung lũng và một cái vịnh có thể mua được với giá một nghìn đô la tiền Chile. Thung lũng đó chạy dài từ vịnh hình móng ngựa, có đất bao quanh tới tận đỉnh những dãy núi mờ mờ cao tít tắp tận chân mây, diện tích có lẽ phải đến mười mấy nghìn mẫu^[129]. Thung lũng đầy cây quả nhiệt đới, đầy những gà rừng, lợn rừng, thỉnh thoảng lại có từng đàn thú rừng, và ở tít trên cao giữa những đỉnh núi, là những đoàn dê rừng vẫn bị đàn chó rừng quấy đảo. Một nơi thật là hoang dại, không có một người nào sống ở đó. Gã có thể mua cả thung lũng lẫn vịnh kia với giá một nghìn đô la tiền Chile.

Gã nhớ lại, cái vịnh đó thật là đẹp, nước sâu đủ để một chiếc thuyền cỡ to nhất có thể đi vào, và lại rất an toàn. Công ty Nam Thái Bình Dương đã nói đó là một nơi trú chân tốt nhất cho những tàu ở quanh đây hàng trăm dặm. Gã sẽ mua một chiếc thuyền buồm - một loại thuyền nhẹ, loại bằng đồng lao nhanh như tên bắn - để đi bán dầu lửa, đi kiếm ngọc trai trong các đảo. Gã sẽ làm cho cái thung lũng và cái vịnh đó trở thành đại bản doanh của gã. Gã sẽ dựng một căn nhà cỏ theo kiểu của các tộc trưởng giống như nhà của Tati, trong căn nhà đó, trong thung lũng, trên thuyền, gã sẽ thuê những người làm công da đen. Vâng, gã sẽ tiếp đãi người đại diện ở

Taiohae, những thuyền trưởng các tàu buôn lui tới và tất cả những người đứng đầu trong đám tiên dân ở Nam Thái Bình Dương. Gã sẽ mở rộng cửa, đãi khách như một ông hoàng. Gã sẽ quên đi tất cả những sách vở mà gã đã đọc, và quên đi tất cả cuộc đời cũ được chứng tỏ chỉ là một ảo mộng.

Để thực hiện những cái đó, gã phải đợi ở California để có đầy túi tiền đã. Mà tiền cũng đã bắt đầu tủa đến rồi. Nếu một trong những tác phẩm của gã đột nhiên thành công, nó sẽ giúp gã có thể bán được tất cả cái đồng bản thảo. Gã còn có thể thu thập cả những truyện ngắn, những bài thơ thành công thành những tập, và như vậy thì cái thung lũng, cái vịnh và con thuyền kia, càng thêm chắc chắn gã sẽ mua được. Gã sẽ không bao giờ lại viết nữa. Gã quyết định như vậy. Nhưng trong thời gian đợi sách in ra, gã phải làm một cái gì đó hơn là cứ sống ngây dại chờ đợi trong trạng thái hôn mê, không suy nghĩ gì như tình trạng hiện nay.

Một sáng chủ nhật, gã được biết ở công viên Shell Mound có cuộc vui ngoài trời của những người thợ nề, thế là gã liền tới công viên Shell Mound. Trước kia, gã đã từng tới dự các cuộc vui của những công nhân luôn nên đã biết nó như thế nào rồi; vừa bước chân vào đến công viên, gã lại thấy rộn ràng trở lại những cảm giác cũ xưa. Rốt cục, những người lao động này là những người cùng một loại với gã. Gã đã sinh ra đời giữa những con người này, gã đã sống với họ, và tuy đã lạc lõng xa họ một thời gian, nay gã lại thấy sung sướng quay về với họ.

“Có phải Mart đấy không nhỉ?” Gã nghe thấy có tiếng một người nói và ngay sau đó, một bàn tay đầy nhiệt tình đã nắm lấy vai gã. “Cậu đi đâu mà biến biệt thế? Đi biển hả? Lại đây làm một chầu.”

Gã lại thấy mình ở giữa cái đám đông ngày xưa – cái đám đông ngày xưa, vắng vài bộ mặt và có một vài bộ mặt mới xuất hiện. Nhiều người không phải là thợ nề, nhưng cũng như ngày xưa, họ tham gia tất cả những cuộc vui ngoài trời ngày chủ nhật, để nhảy, để đánh nhau, và để nô đùa. Martin cùng uống với họ, một lần nữa gã lại bắt đầu cảm thấy mình là một con người thực sự. Gã quả là một thằng ngốc vì đã xa rời họ, gã nghĩ bụng, gã dám chắc hạnh phúc của gã sẽ lớn hơn nếu như gã vẫn ở bên họ và bỏ mặc những cuốn sách, bỏ mặc những kẻ ngồi ở địa vị cao sang. Nhưng mà bìa hình như không được ngon như ngày xưa. Mùi vị của nó không được

như mùi vị ngày xưa. Brissenden đã dùng bia hơi làm hại gã rồi, gã kết luận và tự hỏi, không hiểu có phải những cuốn sách đó rồi cuộc đã làm hỏng tình bè bạn của gã với những người bạn thời trẻ không. Gã cả quyết không để cho nó làm hỏng mình đến như vậy, và bước vào lều nhảy, gã gặp ở đó anh thợ nguội Jimmy đang đi cùng một cô gái vóc người cao, tóc vàng hoe; cô gái liền bỏ ngay Jimmy tiến đến chỗ Martin.

“Đây, y như ngày xưa,” Jimmy cắt nghĩa cho cái bọn đứng cạnh đang cười nhạo hần, trong khi Martin và cô gái tóc vàng hoa quay lướt một điệu van. “Nhưng tớ cũng không để bụng. Tớ rất sung sướng thấy cậu ta trở lại. Trông cậu ấy nhảy van kìa. Cứ nhẹ như lụa ấy. Trách gì người con gái?”

Nhưng Martin đã đưa cô gái tóc vàng hoe trả lại Jimmy và cả ba cùng mười người bạn nữa đứng ngắm những cặp khác nhảy, vừa cười vừa nói đùa với nhau. Thấy Martin trở lại ai cũng tỏ ra sung sướng. Chưa có một quyển sách nào của gã được in ra cả, họ không biết gì về công việc viết văn của gã. Họ quý gã chỉ và gã thôi. Gã cảm thấy mình như một ông hoàng bị đi đày trở về và trái tim cô đơn của gã lại bùng lên, tấm mát trong niềm thân thương. Gã tha hồ vui đùa ngày hôm đó và rất thỏa mãn. Hơn nữa, trong túi lại có tiền và cũng như ngày xưa sau khi đi biển về có lương, gã đã tung tiền ra.

Có một lần, trên sàn nhảy, gã trông thấy Lizzie Connolly khoác tay một người công nhân trẻ tuổi lướt qua; và một lát sau, khi gã đi quanh lều nhảy, gã thấy nàng ngồi ở bàn giải khát. Sửng sốt ngạc nhiên và thăm hỏi nhau xong, gã dẫn nàng ra ngoài vườn, để có thể chuyện trò với nhau khỏi bị tiếng nhạc át đi. Từ lúc gã nói chuyện với nàng là nàng đã là của gã rồi. Gã biết như thế. Và nàng cũng tỏ ra như thế trong đôi mắt kiêu hãnh phục tùng của nàng, trong mỗi động tác ve vuốt của cái dáng đi kiêu hãnh của nàng, và trong lối nàng lắng nghe như nuốt lấy những lời gã nói. Nàng không còn là một cô gái trẻ mà gã đã biết trước đây nữa. Bây giờ nàng đã là một người đàn bà, và Martin nhận thấy vẻ đẹp thách thức man rợ của nàng càng tăng lên, không kém đi một chút man rợ nào, còn sự thách thức và ngọn lửa bùng bùng ở nàng dường như nàng đã kiềm chế lại được hơn. “Một sắc đẹp, một sắc đẹp hoàn toàn,” gã lẩm bẩm khe khẽ nói một cách ngưỡng mộ.

Và gã biết rằng nàng là của gã, tất cả những cái gã cần làm chỉ là nói lên một tiếng “Đi,” và nàng sẽ đi cùng gã tới nơi chân trời cuối đất.

Ý đó vừa mới lóc qua óc gã, thì gã bỗng bị một quả đấm vào thái dương làm gã suýt ngã. Đó là nắm đấm của một người đàn ông - một người đàn ông nào đó quá tức giận và quá vội vàng đã đấm trượt quai hàm, cái đích mà y nhắm đánh tới. Martin lao đảo quay lại, gã thấy quả đấm tiếp theo đang hung dữ bay vọt tới. Vội vã, gã cúi đầu xuống, nắm đấm không trúng đích, lướt qua, anh chàng kia chúi người đi, Martin dùng sức mạnh toàn thân lấy tay trái bời cho anh chàng đang chúi xuống ấy một quả trời giáng. Anh chàng ngã nghiêng xuống đất, nhưng lại nhảy bật ngay dậy, lao vào như điên. Martin nhìn thấy bộ mặt nhăn nhúm vì tức giận của anh ta và tự hỏi không hiểu nguyên nhân vì đâu đã làm cho anh ta giận dữ như vậy. Nhưng trong khi tự hỏi như vậy thì gã lại dùng sức mạnh toàn thân, nắm tay trái đấm thẳng một quả. Anh chàng kia ngửa người ra, ngã đánh rầm xuống thành một đồng co rúm lại. Jimmy và những người khác chạy tới.

Martin rùng mình. Đây lại như ngày xưa với những cuộc trả thù, với những điệu nhảy, những trận đánh nhau, những chuyện vui đùa. Gã vừa dè chừng địch thủ của mình, vừa liếc nhìn Lizzie. Thường thường khi những người đàn ông đánh nhau thì bọn con gái hay kêu thét lên, nhưng nàng không kêu. Nàng đang nín thở đứng nhìn, người hơi ngả về phía trước, theo dõi chăm chú, một tay giữ chặt lấy ngực, má ửng hồng lên, vẻ hết sức kính phục và ngạc nhiên ánh lên trong đôi mắt.

Anh chàng kia đã đứng dậy được và đang vùng vẫy để gỡ những bàn tay đang giữ chặt lấy anh ta.

“Cô ấy đang đợi tôi quay lại,” hắn ta lên tiếng thanh minh với mọi người. “Cô ấy đang đợi tôi quay lại, thế mà cái thằng cha mới đến khôn kiếp này nó lại thọc vào. Buông tôi ra, tôi đã bảo mà, tôi quyết sống mái với nó.”

“Cậu làm sao thế?” Jimmy vừa hỏi vừa giữ hắn ta lại. “Martin Eden đấy mà. Cậu ấy là tay đấm lão luyện, tớ bảo cho cậu biết, cậu mà lơ ngơ thì bị nuốt sống đấy!”

“Hắn không thể cướp cô ấy của tôi như thế được,” anh chàng kia thét lên.

“Này, cậu ta đánh bại cả Thuyền ma^[130] đấy, cậu cũng biết cậu ta chứ!” Jimmy tiếp tục khuyên. “Cậu ta có thể đánh năm hiệp liền. Mà cậu thì không chịu được một phút đâu. Rõ không?”

Câu cảnh cáo như có một tác dụng làm dịu đi cái anh chàng đang nổi cơn thịnh nộ kia khiến anh ta đưa mắt nhìn Martin, ước lượng.

“Trông hắn không có vẻ gì là ghê gớm như thế,” anh chàng cười gằn, nhưng cái cười gằn không có gì là giận dữ nữa.

“Chính Thuyền ma cũng đã nghĩ lầm như vậy đấy.” Jimmy nói để anh chàng kia tin. “Thôi, đừng gây chuyện nữa. Thiếu gì con gái. Thôi đi!”

Cái anh chàng trai trẻ ấy thuận để cho người ta dẫn đi về phía lều nhảy, một bọn theo sau.

“Hắn là ai thế?” Martin hỏi Lizzie. “Vì chuyện gì hắn nổi điên lên như vậy?”

Cái máu hay đánh nhau rất hăng, rất bền bỉ ngày xưa, bây giờ đã chết rồi, giờ đây gã thấy mình hay tự phân tích mổ xẻ mình quá nên không thể sống vui vẻ, tin tưởng theo cái kiểu sống nguyên thủy như trước nữa.

Lizzie lắc đầu.

“Ồ, hắn ta chẳng là gì hết,” nàng nói. “Hắn ta chỉ đi với em cho có bạn.”

“Anh thấy đấy, em đành phải như vậy!” Ngừng một lúc rồi nàng giảng giải. “Em cô đơn quá. Nhưng em không bao giờ quên.” Giọng nàng thấp hần xuống, nàng nhìn thẳng phía trước. “Vì anh, em sẽ xua đuổi hắn đi bất cứ lúc nào.”

Martin nhìn vào gương mặt đang quay đi của nàng, gã biết chỉ cần đưa tay ra là gã nắm được nàng, nhưng vì miên man suy nghĩ cái tiếng Anh chau chuốt đúng ngữ pháp có thực sự đem lại hạnh phúc gì không nên gã đã quên không trả lời nàng.

“Anh đã cho hắn một trận ra trò,” thấy gã không trả lời, Lizzie nói ướm và cười.

“Dù sao hắn cũng là một tay khỏe đấy,” gã thừa nhận một cách độ lượng. “Nếu họ không lôi hắn đi, hắn cũng làm cho anh bận tay chứ không chơi!”

“Cái cô bạn quý phái mà em gặp cùng đi với anh tối hôm ấy là ai thế?”
Nàng đột ngột hỏi.

“Ồ, chỉ là một người bạn thôi,” gã trả lời.

“Đã lâu lắm rồi nhỉ!” Nàng lẩm bẩm một cách tự lự. “Hình như có đến hàng ngàn năm rồi ấy nhỉ?”

Nhưng Martin không muốn đi sâu vào vấn đề. Gã đưa câu chuyện sang những phía khác. Cả hai ăn trưa trong hiệu ăn, họ gọi rượu và những món ăn đắt tiền; sau đó, gã nhảy với nàng, không nhảy với ai khác ngoài nàng cho đến lúc nàng thấm mệt. Gã nhảy rất giỏi, nàng cứ quay tròn cũng gã trong một niềm thích thú mê man, nàng ngả đầu vào vai gã và ước mơ giây phút cứ kéo dài mãi mãi. Buổi quá trưa hôm đó, hai người lang thang đi giữa các hàng cây, và cũng như ngày xưa thú vị, nàng ngồi và gã nằm dài, gối đầu vào lòng nàng. Gã nằm đó, gà gật ngủ và nàng mơn man mái tóc gã, nhìn xuống đôi mắt nhắm nghiền của gã, và yêu gã, không chút e dè. Bỗng ngược mắt nhìn lên, gã đọc được những tình ý dịu dàng ấy trên khuôn mặt nàng. Mắt nàng chớp chớp, rồi mở ra nhòm vào mắt gã với sự thách thức êm dịu.

“Những năm qua em vẫn ăn ở giữ gìn,” nàng nói, giọng nàng thấp hẳn đi như một tiếng nói thầm.

Trong lòng gã, Martin biết rằng đó là sự thật kỳ lạ. Một ý định lớn lao đến nảy ra với gã. Làm cho nàng sung sướng là tùy thuộc vào gã. Chính mình bị khước từ hạnh phúc đối với nàng? Gã có thể lấy nàng, mang nàng đi với gã, cùng chung sống trong lâu đài có những bức tường cổ ở Marquesas. Lòng ao ước muốn làm điều đó thật là mạnh, nhưng còn mạnh hơn là cái mệnh lệnh của bản chất gã, nó ngăn cản không cho gã làm việc đó, mặc dù không muốn, gã vẫn còn trung thành với “Tình yêu.” Những ngày xưa sống dễ dãi phóng túng đã một đi không trở lại. Gã không thể đem chúng trở lại mà cũng không thể quay trở lại với chúng. Gã đã thay đổi – gã đã thay đổi đến mức nào, bây giờ gã mới rõ.

“Anh sẽ không bao giờ lấy vợ, Lizzie à.” Gã nói nhẹ nhàng.

Gã có cảm giác thấy bàn tay đang ve vuốt mái tóc gã ngừng lại, rồi nó lại tiếp tục ve vuốt dịu dàng. Gã nhận thấy nét mặt đanh lại, nhưng đó là cái

đanh của một quyết định, bởi vì nét ửng hồng dịu dàng vẫn còn trên đôi má nàng, nàng đang sung sướng rạng rỡ, dịu dàng.

“Em không hề muốn nói...” nàng bắt đầu, rồi ấp úng. “Hay dù sao em cũng không cần.”

“Em không cần,” nàng nhắc lại. “Được làm bạn của anh, em cũng đủ hãnh diện rồi. Em sẽ làm mọi thứ cho anh. Em sinh ra để như vậy, em thấy thế.”

Martin ngồi nhòm dậy. Gã cầm lấy bàn tay nàng trong tay gã. Gã thông thả nắm với một nỗi thông cảm ấm áp nhưng không phải với niềm thiết tha say mê; và cái ấm áp làm cho nàng ớn lạnh. Nàng nói:

“Thôi chúng ta đừng nói đến những chuyện ấy nữa!”

“Em là một người đàn bà vĩ đại và cao quý,” gã nói. “Và chính anh phải lấy làm hãnh diện vì được biết em. Và anh hãnh diện, quả là hãnh diện. Đối với anh, em là tia sáng trong cuộc đời quá ư đêm tối của anh, với em, anh muốn tỏ ra chân thực, cũng như con người chân thực của em.”

“Em không cần anh có chân thực với em hay không. Đối với em, anh muốn là gì cũng được, dù anh có thể ném em xuống đồng bùn rồi dẫm lên trên. Và chỉ có anh là người đàn ông duy nhất trên đời này có thể làm như thế,” nàng nói thêm, ánh mắt thách thức. “Từ bé em phải tự mình lo bảo vệ mình, điều đó không phải là vô ích.”

“Chính vì thế mà anh không dám,” gã nói dịu dàng. “Em vĩ đại quá, đại lượng quá khiến anh không thể không tỏ ra đại lượng bằng em. Anh sẽ không lấy vợ, anh không - ờ, giờ đây anh không muốn yêu ai mà không lấy người ta làm vợ; trước kia, anh có khác. Anh lấy làm buồn vì đã tới đây hôm nay và lại gặp em. Nhưng bây giờ thì đành vậy. Anh không ngờ rằng câu chuyện lại xoay ra như thế này. Nhưng Lizzie em, hãy nhìn đây, anh không thể nói với em anh mến em biết chừng nào. Còn hơn là mến em nữa cơ. Anh kính trọng và cảm phục em. Em thật là đẹp đẽ, tốt bụng một cách đẹp đẽ vô cùng. Nhưng những lời nói có ích lợi gì? Anh sẽ làm một việc thực tế cho em. Đời em đã khổ nhiều, để anh làm nó nhẹ bớt đi (một tia sung sướng bùng lên trong mắt nàng, rồi lại tắt đi). Chắc chắn là anh sắp được một món tiền - rất nhiều tiền.”

Lúc đó gã từ bỏ ý tưởng mua thung lũng, mua vịnh, dựng lâu đài có những bức tường cỏ, sắm chiếc thuyền buồm trắng gọn xinh. Xét cho cùng ra, như thế phỏng ích lợi gì? Gã sẽ lại đi biển, như gã vẫn thường đi ngày trước, một anh thủy thủ bình thường, trên bất cứ một con thuyền nào trôi nổi đi tới bất cứ một nơi nào đó.

“Anh muốn bàn kỹ chuyện đó với em. Chắc em cũng cần một thứ gì đó – đi học hoặc vào lớp học lớp trung cấp thương nghiệp chẳng hạn. Có lẽ em thích học để trở thành một người viết tốc ký. Anh có thể lo liệu việc đó cho em. Hay có lẽ cha mẹ em hãy còn sống – anh có thể giúp cha mẹ em có được một cửa hiệu thực phẩm hoặc gì đó. Bất cứ cái gì em muốn, em cứ nói ra, anh có thể giúp được em.”

Nàng không trả lời, nàng vẫn ngồi nguyên, nhìn thẳng phía trước không nhúc nhích, mắt ráo khô nhưng cổ họng nàng đau nhói. Martin thấy rõ, và nó cũng làm cho cổ họng gã đau nhói. Gã hối tiếc đã nói những câu ấy ra. Những cái mà gã dâng nàng dường như quá lòn loẹt tầm thường - tiền bạc đơn thuần – so với cái mà nàng đã dâng cho gã. Gã đã dâng nàng một vật ở bên ngoài mà gã có thể dứt đi không một chút đau đớn, trong khi nàng dâng cho gã cả bản thân mình với nỗi sỉ nhục, xấu hổ và tội lỗi, với cả niềm hy vọng khát khao hạnh phúc.

“Thôi ta đừng nói đến chuyện đó nữa!” Nàng nói, giọng nàng tắc lại, và nàng vội đổi thành một tiếng ho. Nàng đứng dậy. “Thôi chúng ta về đi. Em mệt lắm.”

Ngày đã tàn và những người tham dự cuộc vui đã ra về vãn cả. Nhưng Martin và Lizzie vừa ló ra khỏi những hàng cây đã thấy một bọn đang đợi họ. Martin hiểu ngay là có chuyện gì rồi. Có chuyện không hay đây. Bọn này là những người bảo vệ gã. Tất cả đi ra qua cổng công viên, phía sau có một bọn khác lượn đi lượn lại, đó là những người mà gã trai trẻ tuổi kia đã tụ tập lại để trả thù cho việc bị cướp mất người yêu. Một số đông cảnh sát và mấy viên sĩ quan tuần canh đặc biệt, phòng ngừa chuyện xô xát, theo sát để ngăn chặn, và dòn mỗi bọn đứng ra một nơi lần lượt lên chuyến tàu đi San Francisco. Martin nói với Jimmy rằng gã sẽ xuống ga khu phố thứ mười sáu và đi tàu điện về Oakland. Lizzie rất bình tĩnh, nàng không để ý gì đến chuyện có thể xảy ra. Con tàu đi vào Ga khu phố thứ mười sáu, chiếc

xe điện chờ ở đó đã nom rõ, người bán vé đang sốt ruột rung chuông leng keng.

“Tàu điện đấy,” Jimmy bảo Martin. “Chạy nhanh, nhảy lên nó, bọn mình sẽ giữ chúng nó lại. Đi đi! Lên tàu đi!”

Bọn địch thủ hơi bối rối một lúc vì cái mách khỏe ấy, sau đó chúng lao cả xuống tàu đuổi theo. Những người ở khu Oakland bình tĩnh và trầm ngâm ngồi trên xe điện hầu như không để ý tới một đôi thanh niên nam nữ đã nhảy lên và đang tìm chỗ ngồi ở phía trước, bên ngoài. Họ cũng không thấy mối liên quan giữa đôi thanh niên nam nữ này với Jimmy, anh chàng đang nhảy lên bậc xe điện, mồm thét lên bảo người lái:

“Cho chạy đi, ông bạn, phóng nhanh khỏi đây ngay!”

Một phút sau Jimmy đã xoay tròn người và hành khách thấy anh giáng nắm đấm vào mặt một gã đang chạy theo cô leo lên xe. Và những quả đấm tới tấp giáng vào mặt nhau suốt dọc tàu. Cứ như thế Jimmy và đồng bọn đứng chắn ở bậc lên xuống tàu dài và thấp để đối phó với bọn địch thủ đương tấn công.

Xe điện rung chuông rồi bắt đầu chuyển bánh, khi bọn của Jimmy đã xua hết được những tên địch thủ cuối cùng xuống, họ cũng nhảy xuống theo để tiếp tục trận đánh. Xe điện lao đi, để lại trận đánh dữ dội ở phía xa, đằng sau các hành khách lặng đi vì kinh ngạc không bao giờ có thể ngờ được rằng cái người đàn ông trẻ tuổi bình tĩnh và cô gái công nhân xinh đẹp đang ngồi ở góc phía ngoài kia lại là nguyên nhân của trận loạn đả.

Martin thích thú với trận loạn đả ấy, lòng lại rộn lên sự rung động của những trận đánh nhau ngày xưa. Nhưng sự rộn ràng ấy tắt ngay và gã cảm thấy nỗi buồn ghê gớm đến xâm chiếm trong lòng. Gã cảm thấy mình già quá – già hàng thế kỷ hơn những người bạn thanh niên vong mạng, không cần gì đời ngày xưa của gã. Gã đã đi xa, đi quá xa không còn quay trở lại được nữa. Lối sống của họ, xưa kia là lối sống của gã, bây giờ đối với gã thật đáng ghê tởm. Gã thất vọng vì những cái đó. Gã đã trở thành một người xa lạ rồi. Cốc bia hơi mùi vị đã nhạt nhẽo và đối với gã tình bạn của họ hình như cũng nhạt nhẽo. Gã đã đi quá xa rồi. Hàng nghìn, hàng nghìn quyển sách đã mở ra ngăn cách gã với họ. Gã đã tự đẩy mình đi. Gã đã chu du trong cái lĩnh vực mênh mông của tri thức, mãi đến lúc gã không còn có thể

trở về được nữa. Mặt khác, gã là một con người, và nhu cầu có bấy có bạn của gã vẫn chưa được thỏa mãn. Gã vẫn chưa tìm thấy một ngôi nhà mới nào cả. Bọn bạn gã đã không thể hiểu được gã, gia đình gã đã không thể hiểu được gã, bọn tư sản đã không thể hiểu được gã, thì cái cô gái bên cạnh gã mà gã rất tôn trọng này cũng không thể hiểu được gã, nàng cũng không thể hiểu được sự tôn trọng gã đã dành cho nàng. Nỗi buồn của gã không phải không nhuộm chút cay đắng khi gã nghĩ tới điều đó.

“Thôi, em dần hòa với hắn đi,” gã khuyên Lizzie lúc hai người chia tay trước căn nhà công nhân nhỏ bé nơi nàng sống, gần khu Sáu, phố Chợ. Gã định nói đến gã trai trẻ đã bị gã chiếm mất chỗ hôm nay.

“Bây giờ, em không thể dần hòa được nữa,” nàng nói.

“Ồ, em nói gì vậy?” Gã vui vẻ nói. “Em chỉ cần huýt sáo một cái là hắn sẽ chạy đến với em ngay.”

“Ý em không phải như vậy đâu,” nàng nói giọng buồn bã. Và gã hiểu ý nàng.

Nàng ngả người về phía gã khi gã sắp sửa từ biệt. Nhưng nàng không ngả người để thúc ép, để quyến rũ, mà thiết tha e ấp. Gã cảm động quá. Một niềm bao dung rộng lớn rộn lên trong lòng gã. Gã vòng tay ôm lấy nàng, hôn nàng và gã biết rằng trên môi gã còn đọng lại một cái hôn chân thực mà chưa bao giờ một người đàn ông có thể nhận được.

“Trời ơi!” Nàng nức nở “Em có thể chết vì anh. Em có thể chết vì anh!”

Nàng bỗng vùng ra rồi chạy vụt lên bậc thềm. Gã cảm thấy mắt mình thoáng ướt.

“Martin Eden,” gã tự nhủ. “Mi không phải là một con vật, mi chỉ là một thằng tìn đồ nhỏ nhoi đáng thương của Nietzsche. Nếu có thể mi sẽ lấy nàng và làm cho trái tim đang run rẩy kia của nàng tràn đầy hạnh phúc. Nhưng mi lại không thể, không thể lấy nàng được, và đó là một điều đáng xấu hổ tồi tệ.”

“Một thằng ma cà bông tội nghiệp xưa kia đang phân tích cái ung nhọt tội nghiệp của mình,” gã lầm bầm và nhớ lại Henly của gã. “Ta nghĩ rằng cuộc đời là một sự sai lầm, và là một điều xấu hổ.”^[131] Chính thế - một sự sai lầm, và một điều xấu hổ.”

[129] Một mẫu Anh bằng 4840 mét vuông.

[130] Nguyên văn: *Flying Dutchman*.

[131] một câu trích trong bài thơ.

CHƯƠNG 43

“*Sự hổ thẹn của mặt trời*” được xuất bản vào tháng mười. Trong khi Martin cắt những sợi dây buộc bưu kiện ra, dăm bảy cuốn sách của nhà xuất bản gửi biểu tung ra trên mặt bàn, một nỗi buồn nặng nề xâm chiếm lấy gã. Gã nghĩ tới cái giây phút sung sướng điên người nếu như sự việc này xảy ra vài tháng trước đây và gã đem đổi lập niềm vui có thể có được ấy với sự lạnh lùng thờ ơ hiện nay của mình. Cuốn sách của gã, cuốn sách đầu tiên của gã, thế mà mạch máu trong người gã không đập rộn lên một chút xíu nào, gã chỉ cảm thấy buồn thôi. Bây giờ nó chẳng có ý nghĩa gì đối với gã. Cái ý nghĩa lớn nhất giờ đây của nó là có thể đem lại một số tiền, và tiền đối với gã giờ đây cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Gã mang một cuốn sách xuống bếp đưa cho chị Maria.

“Sách của tôi viết đấy!” Gã cắt nghĩa để làm cho chị hết bàng hoàng. “Tôi viết nó ở trong buồng kia kìa, và tôi chắc rằng một ít súp rau của chị đã giúp vào việc tạo nên cuốn sách này. Chị giữ lấy, tôi xin biểu chị đấy. Chị giữ nó để nhớ đến tôi, chị hiểu không?”

Gã không khoe khoang, không trưng trổ gì cả. Động cơ duy nhất của gã là làm cho chị sung sướng, cho chị kiêu hãnh vì gã để xác minh lòng tin vững chắc của chị đối với gã bấy lâu. Chị mang cuốn sách ra phòng ngoài đặt lên trên cuốn kinh Thánh của gia đình. Cuốn sách này là vật thiêng liêng mà người thuê nhà của chị đã tạo ra, một vật thiêng của tình bạn. Nó đã làm nhẹ nỗi gian khổ làm nghề thợ giặt của gã, và tuy không hiểu một dòng nào trong đó, chị vẫn biết rằng mỗi dòng trong đó đều vĩ đại. Chị là người chất phác, thực tế, một người đàn bà cần cù, nhưng trời phú cho lòng tin vô cùng to lớn.

Cũng không một một chút cảm động như khi nhận cuốn sách “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” gã đọc những bài phê bình cuốn sách đó do Nghiệp đoàn Cung ứng gửi tới hàng tuần. Cuốn sách đã thành công, điều đó là rõ ràng. Như thế có nghĩa là túi tiền của gã có thêm nhiều vàng. Gã sẽ lo liệu cho

Lizzie, thực hiện những lời hứa của gã, gã vẫn còn đủ tiền để dựng một lâu đài với những bức tường bằng cỏ.

Công ty xuất bản Singletree Darnley đã thận trọng chỉ cho xuất bản một nghìn năm trăm bản, nhưng bài phê bình đầu tiên đã khiến phải cho tái bản lần thứ hai với số in gấp đôi, trước khi sách phát hành thì đã đặt in đợt thứ ba với số lượng năm nghìn cuốn. Một nhà xuất bản ở London đánh điện điều đình xin xuất bản ở Anh, liền theo đó là có tin bản dịch tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Scandinavian đang được tiến hành.

Sự công kích trường phái Maeterlinck không thể nào hợp thời hơn nữa. Một trận bút chiến kịch liệt nổ ra. Saleeby và Haeckel ủng hộ và bảo vệ tác phẩm “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” vì họ có cùng quan điểm. Crookes và Wallace^[132] đứng ở phía đối địch, còn ngài Oliver Lodge^[133] thì định đề xuất một quan điểm dung hòa để cho nó phù hợp với cái lý luận đặc biệt về vũ trụ của ông ta. Những môn đồ của Maeterlinck tập hợp quanh lá cờ của chủ nghĩa thần bí. Về vấn đề này Chesterton viết một loạt bài được cho là không đứng về phía bên nào, làm mọi người được một mẻ cười, vì tất cả sự việc đó, cả cuộc tranh luận và những người tranh luận đều hầu như bị gạt xuống hồ bởi một bài phê bình sắc sảo của George Bernard Shaw. Chả cần phải nói thêm là vũ đài chật chội những người có tài năng kém hơn, bụi, mồ hôi, tiếng rầm rầm vẫn kinh khủng.

“Thật là một điều hết sức kỳ lạ,” Công ty xuất bản Singletree Darnley viết cho Martin. “Một tác phẩm luận văn phê bình triết học lại bán chạy như một cuốn tiểu thuyết. Ông không thể nào chọn một đề tài tốt hơn như vậy; tất cả những nhân tố đóng góp vào thuận lợi một cách không giải thích được. Cũng chẳng cần nói với ông rằng chúng tôi đang cướp lấy thời cơ. Hơn bốn mươi ngàn cuốn đã được bán ở Mỹ và Canada, trên khuôn còn đang in một lần tái bản nữa với số in hai mươi ngàn cuốn. Chúng tôi đang làm việc quá sức, cố gắng làm thỏa mãn nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đã phải mất nhiều công sức để tạo ra nhu cầu ấy. Chúng tôi đã tiêu mất năm nghìn đô la để quảng cáo. Cuốn sách này nhất định là đã phá kỷ lục về số phát hành.

“Xin ông nhận ở đây bản sao tờ hợp đồng cho cuốn sách sau mà chúng tôi đã mạo muội gửi tới ông. Chắc ông cũng sẽ lấy làm hài lòng mà thấy

rằng chúng tôi đã tặng bản quyền tác giả lên hai mươi phần trăm, đó là giá tiền cao nhất mà một nhà xuất bản bảo thủ dám trả. Nếu đề nghị này hợp ý ông, xin ông làm ơn điền vào chỗ trống tên cuốn sách của ông. Chúng tôi không qui định gì về tính chất của cuốn sách. Bất cứ cuốn sách nào về bất cứ chủ đề nào cũng được. Nếu ông có cuốn nào đã viết rồi thì càng tốt. Đây là thời cơ cần phải ra lò. Sắt không thể nung nóng hơn được nữa.

“Nhận được bản hợp đồng có ký tên của ông, chúng tôi sẽ rất vui mừng gửi ngay ứng trước cho ông một số tiền bản quyền tác giả là năm ngàn đô la. Như ông rõ, chúng tôi tin ở ông, chúng tôi đang tiếp tục làm cái việc lớn này. Chúng tôi cũng đang muốn bàn với ông làm những hợp đồng dài hạn nhiều năm, có thể là mười năm, chúng tôi sẽ được độc quyền in thành sách tất cả những tác phẩm ông viết ra. Nhưng chuyện này chúng ta sẽ bàn thêm sau.”

Martin đặt bức thư xuống, gã làm một con tính nhân, nhân mười lăm xu lên sáu mươi nghìn lần như thế là được chín nghìn đô la. Gã ký vào tờ hợp đồng mới, rồi điền tên “Khói của niềm vui”^[134] vào chỗ trống, rồi gửi lại cho nhà xuất bản cùng với hai mươi truyện ngắn của gã đã viết từ những ngày gã còn chưa biết công thức viết những truyện ngắn để đăng báo như thế nào. Và ngay lập tức, rất nhanh, nhanh chóng nào mà thư tín ở Mỹ có thể tới nơi và trở lại, gã nhận được ngân phiếu năm ngàn đô la của Công ty Singletree Darnley.

“Chị Maria, chiều nay, khoảng hai giờ tôi muốn chị xuống phố với tôi.” Martin nói sáng hôm đó, khi tám ngân phiếu tới. “Hay tốt hơn là chị hãy đợi tôi ở Broadway, đường mười bốn, lúc hai giờ. Tôi sẽ tìm chị ở đó.”

Đúng giờ hẹn, chị Maria đã ở đó, nhưng “giày” là đầu mối duy nhất của các điều bí hiểm mà đầu óc chị có thể suy ra, và chị thấy thất vọng rõ ràng khi Martin dắt chị thẳng qua hiệu giày đến phòng văn khế thực sự. Những điều đã xảy ra ở đó còn đọng lại mãi mãi về sau trong óc chị như một giấc mộng. Những người quý phái lịch sự ở đó mỉm cười với chị một cách nhân từ khi họ nói chuyện với Martin hoặc nói chuyện với nhau; một cái máy chữ lách cách, những chữ ký được ký trên một tờ văn tự nom trang trọng, người chủ nhà của chị cũng ở đó và cũng ký vào. Khi đã xong đầu vào đấy và khi đã ra tới hè phố, người chủ nhà nói với chị:

“Bà Maria, tháng này bà không phải trả tôi bảy đô la rưỡi nữa.”

Maria quá mừng rỡ không nói được nữa.

“Cả tháng sau, tháng sau, tháng sau nữa cũng vậy,” người chủ nhà nói thêm.

Chị ấp úng cảm ơn ông ta, coi đây như một ân huệ. Mỗi đến lúc chị quay về nhà ở khu Oakland, hỏi bà con láng giềng và nhờ lão chủ hiệu thực phẩm Bồ đào nha xem kỹ lại cho, chị mới thật biết rằng chị đã là chủ nhân của căn nhà nhỏ mà chị đã sống và đã phải trả tiền thuê bao lâu nay.

“Tại sao ông lại thôi không giao thiệp mua bán hàng của tôi nữa?” lão chủ hiệu thực phẩm Bồ đào nha hỏi Martin chiều hôm đó; lão bước ra gọi gã khi gã ở trên xe điện xuống. Martin cắt nghĩa là gã đã thôi không nấu ăn lấy nữa, và rồi bước vào cửa hiệu, cùng uống rượu với chủ nhân. Gã nhận thấy đây là thứ rượu ngon nhất mà lão Bồ đào nha có trong kho.

“Chị Maria ạ,” Martin nói đêm hôm đó. “Tôi sắp sửa từ biệt chị đây. Cả chị nữa cũng sắp sửa từ biệt đây thôi. Chị có thể đem cái nhà này mà cho thuê, và trở thành chủ nhà. Chị có một người em trai ở San Leandro hoặc ở Haywards thì phải, anh ta buôn sữa mà. Tôi muốn chị trả lại tất cả những bộ quần áo người ta đem đến giặt này, cứ để nguyên thế trả lại không giặt, chị hiểu không, không giặt và ngày mai chị sẽ đi ngay San Leandro hoặc Haywards, hoặc một nơi nào đó, để gặp cậu em của chị. Bảo anh ta đến gặp tôi. Tôi sẽ ở khách sạn Metropole khu Oakland. Anh ta hẳn biết thế nào là một trại bò sữa tốt.”

Thế là Maria thành bà chủ nhà và bà chủ duy nhất của một trại sản xuất bò sữa, có hai người làm thuê giúp việc, có một tài khoản ở ngân hàng, tài khoản này cứ ngày một tăng lên một cách chắc chắn mặc dù đàn con chị đưa nào cũng có giày đi và đưa nào cũng được đi học. Rất ít người có may mắn được gặp những chàng hoàng tử trong truyện tiên mà họ hằng mơ tới, nhưng Maria, một con người suốt đời vất vả, đầu óc đã chai cứng, không bao giờ mơ tới những chàng hoàng tử trong truyện tiên thì đã lại gặp chàng hoàng tử của mình, chàng hoàng tử mà xưa kia đã từng làm nghề thợ giặt.

Trong lúc đó thì thiên hạ đã bắt đầu hỏi: “Martin Eden này là ai nhỉ?” Gã đã cự tuyệt không cung cấp cho nhà xuất bản một chút gì tiểu sử của mình, nhưng đối với báo chí thì không thể nào giấu được. Oakland là thành

phổ quê hương của gã, bọn ký giả moi ra được rất nhiều người có thể cung cấp tài liệu cho họ. Tất cả những cái có thật và không có thật về gã, tất cả những cái gã đã làm và hầu hết những cái gã không làm đều được tung ra để đáp lại cái thích thú của quần chúng, kèm theo những bức ảnh chụp vội, những tấm ảnh của gã – những tấm ảnh này do một người thợ ảnh trong vùng trước kia đã có lần chụp cho Martin, bây giờ anh ta vội phóng lại, tung ra bán. Lúc đầu, do sự ác cảm ghê gớm của gã đối với các tạp chí và đối với toàn bộ xã hội tư bản, gã phản đối kịch liệt cái việc quảng cáo đó, nhưng cuối cùng, bởi vì thà đừng phản đối nữa lại dễ chịu hơn nên gã đã phải đầu hàng. Gã thấy mình không thể nào từ chối không tiếp các nhà văn đặc biệt từ những miền rất xa xôi đến để gặp gã. Thế rồi hàng ngày cứ phải tiếp như vậy hàng giờ, nhưng vì gã không còn bận viết, bận học tập nữa, thì những giờ đó cũng phải dùng vào một việc gì đó chứ. Vì thế gã đành nhượng bộ, một điều mà đối với gã là một sự thay đổi bất thường – để cho phỏng vấn, và phát biểu ý kiến về văn học và về triết học, thậm chí còn nhận lời mời của bọn tư sản nữa. Gã đã tạo cho mình một tâm trạng lạ lùng và yên ổn. Gã không còn cần gì nữa. Gã tha thứ cho mọi người; ngay cả gã ký giả non choẹt đã tô vẽ gã là một “tên đỏ,” gã còn để cho gã ta viết bài đăng đầy một trang với những bức ảnh chụp theo các kiểu đặc biệt.

Thỉnh thoảng gã gặp Lizzie, rõ ràng là nàng thấy tiếc vì danh vọng đã đến với gã. Nó càng làm rộng thêm khoảng cách giữa hai người. Có lẽ với hy vọng làm hẹp bớt cái khoảng cách ấy mà nàng thuận theo lời gã thuyết phục, đi học lớp buổi tối và học ở viện thương nghiệp; chỉ mặc quần áo do một tay thợ may kỳ tài cắt, thằng cha chém một giá kinh khủng. Dần dần nàng tiến bộ trông thấy đến nỗi Martin phải tự hỏi gã làm như thế có đúng không, bởi gã biết rằng nàng thuận theo như vậy, cố gắng như vậy là vì gã. Nàng cố gắng làm cho mình xứng đáng trong con mắt gã – một loại xứng đáng mà hình như gã coi trọng. Tuy nhiên, gã vẫn không cho nàng một chút hy vọng nào, gã đối xử với nàng như một người anh trai và rất ít khi đến tìm nàng.

“*Quá hạn*” được Công ty xuất bản Meredith-Lowell tung ra thị trường trong lúc gã đang được người ta ngưỡng mộ nhất, và vì là tiểu thuyết nên số sách bán được còn lớn hơn “*Sự hổ thẹn của mặt trời*.” Tuần nọ kế tiếp tuần

kia, trong bản thống kê những sách bán chạy nhất thì hai tác phẩm của gã đứng đầu bảng, một sự thành công xưa nay chưa từng có. Truyện của gã không phải chỉ những độc giả thích tiểu thuyết đọc, mà cả những người đã đọc ngón ngấu cuốn “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” cũng bị câu chuyện về biển ấy hấp dẫn, vì sự hiểu thấu vũ trụ bậc thầy của gã đã dùng để xử lý câu chuyện. Trước hết, gã đã công kích thứ văn học thần bí chủ nghĩa, và gã đã rất thành công; sau đó, gã còn thành công trong việc cung cấp chính loại văn học mà gã muốn trình bày, gã đã tỏ ra mình là một thiên tài hiếm có, một nhà phê bình và đồng thời là một nhà sáng tạo.

Tiền bạc ùn ùn kéo đến, danh vọng cũng ùn ùn kéo đến với gã, gã lóe sáng, như một vì sao chổi qua cái thế giới của văn học, nhưng gã chỉ cảm thấy hay hay hơn là thích thú vì sự chấn động gã gây ra đó. Có một điều làm gã lúng túng, một điều nhỏ, mà nếu như thiên hạ biết thì hẳn cũng sẽ lầy lúng túng. Nhưng thiên hạ sẽ chỉ lúng túng vì sự lúng túng của gã thôi chứ không vì cái chuyện nhỏ nhặt mà đối với gã lại hiện ra lù lù to lớn. Thảm phán Blount mời gã đến ăn. Đó là một chuyện nhỏ, hay là bắt đầu một chuyện nhỏ rồi chẳng bao lâu nó sẽ trở thành một chuyện lớn. Gã đã sỉ nhục thảm phán Blount, đối xử với ông ta một cách tồi tệ, và thảm phán Blount gặp gã ở ngoài phố lại mời gã đến nhà ăn. Martin nhớ lại rất nhiều lần gã đã gặp thảm phán Blount ở nhà ông Morse, và hồi đó không lần nào ông ta mời gã đến ăn cả. Tại sao lúc đó ông ta lại không mời gã đến ăn? Gã tự hỏi. Gã vẫn không thay đổi gì. Gã vẫn là cái anh chàng Martin Eden ấy thôi. Cái gì đã làm nên sự khác nhau đó? Có phải những cái gã đã viết từ xưa đã xuất hiện bên trong các bìa sách không? Nhưng đó là tác phẩm đã viết xong từ lâu rồi. Đó có phải là cái gã làm ra từ đó đến giờ đâu. Những tác phẩm ấy hoàn thành chính ngay từ lúc thảm phán Blount cũng cùng chung một quan điểm này, vừa nhạo Spencer của gã và cả cái tri thức của gã. Vì thế, không phải vì một giá trị thực sự nào, mà chỉ là vì một giá trị hoàn toàn hư cấu đã khiến thảm phán Blount mời gã đến ăn.

Martin cười gằn và nhận lời, trong khi đó gã vẫn lạ lẫm về sự dễ tính của mình, Ở bàn ăn, giữa sáu bảy người có địa vị cao cùng các phu nhân, Martin hoàn toàn thấy mình như một vị chúa tể; thảm phán Blount được thảm phán Hanwell ủng hộ một cách nồng nhiệt, đã đề nghị riêng với

Martin cho phép ghi tên gã vào câu lạc bộ Styx – một câu lạc bộ chọn lọc bậc nhất, trong đó không phải chỉ những người có tiền tham gia mà cả những người đã thành đạt, có địa vị. Martin từ chối vì gã càng thấy lúng túng hơn bao giờ hết.

Gã đang bận túi bụi sắp đặt cho đồng bản thảo của gã. Gã đang bị dồn thúc bởi những đòi hỏi của các chủ bút. Người ta đã phát hiện ra gã là một nhà văn có phong cách đặc biệt, phong cách kèm theo cả tư tưởng nữa. Tờ “Bình luận phương Bắc,” sau khi đăng bài luận văn “Chiếc nôi của cái Đẹp” đã viết thư yêu cầu gã gửi cho năm sáu bài như thế nữa, những bài này đáng lý có thể lấy ngay từ đồng bản thảo kia, nếu tạp chí “Burton” xuất phát từ tâm lý đầu cơ không đặt gã năm bài và trả mỗi bài năm trăm đô la. Gã viết thư trả lời là sẽ đáp ứng yêu cầu nhưng đòi mỗi bài một nghìn đô la. Gã nhớ lại rằng tất cả những bản thảo của gã xưa kia đã bị từ chối bởi chính những tạp chí mà hiện đang ăm ỉ đòi mua này. Sự từ chối của họ thật là lạnh lùng, máy móc rập khuôn. Họ đã làm cho gã phải đổ mồ hôi; bây giờ, gã cũng định làm cho họ phải đổ mồ hôi. Tờ tạp chí “Burton” nhận trả năm bài luận văn với giá tiền gã yêu cầu, và bốn bài còn lại cũng bị tờ “Nguyệt san Mackintosh” vô lý với cùng một giá như vậy; tờ “Bình luận phương Bắc” quá nghèo không theo kịp. Thế là những bài luận văn “*Những vị đại mục sư của thần bí*”, “*Những kẻ mơ mộng những điều kỳ lạ*”, “*Cái thước của cái tôi*”, “*Triết học của ảo tưởng*”, “*Ông thánh và cục đất*”, “*Nghệ thuật và Sinh vật học*”, “*Phê bình và Ống nghiệm*”, “*Mảnh sao*”, “*Giá trị của sự cho vay nặng lãi*” ra đời để gây sóng gió; dư luận sôi nổi, bàn tán hàng bao nhiêu ngày liền mới lắng dần.

Các chủ bút viết thư yêu cầu gã cho biết điều kiện gã qui định, gã đã làm việc đó, nhưng tất cả tác phẩm đều là những cái gã đã hoàn thành từ lâu. Gã nhất quyết thề không viết một cái gì mới. Ý nghĩ lại đặt bút trên giấy làm gã phát điên lên. Gã đã từng thấy Brissenden bị quần chúng xé ra từng mảnh, và mặc dầu gã được quần chúng ngưỡng mộ, gã cũng không thể nào quên được nỗi bức bối mà cũng không thể có được một chút lòng tôn trọng đối với quần chúng. Chính sự nổi tiếng của gã hình như là một điều sỉ nhục, một sự phản bội đối với Brissenden. Điều đó làm gã rút lại, nhưng gã quyết định cứ tiếp tục làm đầy túi tiền của mình.

Gã nhận được thư của các ông chủ bút đại loại như thế này:

“Khoảng một năm trước đây chúng tôi thật là bất hạnh đã từ chối tập thơ tình của ông. Hồi ấy, những bài thơ đó đã làm cho chúng tôi xúc động rất nhiều, nhưng cũng còn một vài sự sắp xếp khác đã khiến chúng tôi lúc bấy giờ không thể nhận đăng được. Nếu bây giờ ông hãy còn giữ những tập thơ đó, và nếu ông vui lòng gửi lại, chúng tôi sẽ lấy làm sung sướng được in toàn bộ theo giá ông định. Chúng tôi cũng đã chuẩn bị những điều kiện có lợi nhất để cho in thành sách.”

Martin thu nhặt vở kịch không văn của gã gửi thay cho tập thơ tình. Gã đọc lại một lượt trước khi gửi đi, và gã có một ấn tượng đặc biệt vì sự non nớt như một bài luận của một cậu sinh viên và sự hoàn toàn vô giá trị của nó. Tuy nhiên, gã vẫn gửi đi, và vở kịch đã được in ra làm cho ông chủ bút phải tiếc hận đến muôn đời. Công chúng phần nộ và nghi ngờ. Đó là những lời lẽ lảm nhảm khác xa với cái tiêu chuẩn siêu việt của Martin Eden. Người ta đoán rằng gã không hề viết tác phẩm này, rằng toà soạn đã giở trò gian lận một cách quá ư vụng về, có người lại cho rằng Martin Eden đã bắt chước kiểu Dumas bố^[135], trong lúc lên tới đỉnh cao danh vọng, đã thuê người viết hộ. Nhưng khi gã tuyên bố vở bi kịch ấy chỉ là những cố gắng bước đầu trong thời kỳ mới tập viết văn của gã và tờ tạp chí nọ đã khẳng định đòi bằng được cho có bản thảo, nói là sẽ không được sung sướng nếu như không có bản thảo, thì thiên hạ được một trận cười ra trò và liền sau đó trong toà soạn có sự thay đổi chủ bút. Vở bi kịch đó không bao giờ được in thành sách, tuy Martin đã bỏ túi tiền bản quyền tác giả trả trước.

Tờ tuần báo “Coleman” đã đánh cho Martin một bức điện rất dài, mất gần ba trăm đô la yêu gã viết cho hai mươi bài, mỗi bài giá một nghìn đô la. Họ đề nghị gã đi du lịch một chuyến trên khắp đất Mỹ, tiền phí tổn bao nhiêu họ sẽ chịu hết, và gã có quyền chọn viết bất cứ đề tài nào mà gã thích. Nội dung bức điện gợi ý rất nhiều đề tài cốt để gã thấy rằng gã có quyền lựa chọn trong một phạm vi rất rộng rãi. Chỉ có một điều hạn chế duy nhất là gã chỉ được giới hạn viết văn đề trong đất nước Mỹ thôi.

Martin đánh một bức điện do bên nhận trả tiền trả lời là rất tiếc và không có khả năng nhận được.

“*Wiki – Wiki*” được đăng trên nguyệt san “Warren” là một thành công tức thì. Nó được in thành sách, mép để chừa ra rất rộng trình bày rất đẹp, hấp dẫn những độc giả đi nghỉ mát và bán rất chạy. Các nhà phê bình nhất trí tin rằng tác phẩm này đứng ngang hàng với hai tác phẩm cổ điển “Con quỷ trong bình”^[136] và “Miếng da lừa”^[137] của hai nhà văn vĩ đại.

Tuy nhiên công chúng lại tỏ ra có chiều hướng lãnh đạm và nghi ngờ đối với tập “*Khói của Niềm vui.*” Sự táo bạo và bất chấp cả ước lệ của những truyện ngắn này làm tổn thương tới đạo đức và thiên khiếu của giai cấp tư sản. Nhưng sau khi ở Paris phát cuồng lên vì bản dịch vừa xuất bản thì công chúng độc giả ở Mỹ và ở Anh cũng theo và tranh nhau mua rất nhiều đến nỗi Martin buộc nhà xuất bản bảo thủ Singletree-Darnley phải trả tiền bản quyền tác giả đúng hai mươi năm phần trăm cho quyền thứ ba, đúng ba mươi phần trăm cho quyền thứ tư. Hai tập này gồm tất cả những truyện ngắn gã viết đã được đăng hoặc đang đăng liên tiếp làm nhiều kỳ. “Tiếng chuông” và tất cả những chuyện rừng rợn của gã được in vào một tập; tập kia gồm có “Mạo hiểm”, “Cái xoong”, “Men rượu của cuộc đời”, “Con lóc”, “Khu phố hỗn độn” và bốn truyện khác. Công ty xuất bản Lowell-Meredith vớ được toàn tập những bài luận văn của gã. Công ty Maxmillian mua được tập “Tập thơ về biển” và “Tập thơ tình”. Tập thơ thứ hai này đã được đăng nhiều kỳ trên tờ “Người bạn gia đình của các bà” sau khi tờ này đã phải trả một giá cắt cổ.

Martin thở dài khoan khoái khi gã thu xếp xong cho tập bản thảo cuối cùng. Lâu đài thuyền cỏ và chiếc thuyền buồm bằng đồng trắng toát đã rất gần gũi với gã. Phải, rốt cuộc gã cũng thấy ra được ý kiến gã đúng khi tranh luận phản đối ý kiến của Brissenden cho rằng không có cái gì có giá trị mà lại có thể tìm đường đến được các tạp chí. Sự thành công của gã chứng tỏ rằng Brissenden đã lầm. Nhưng dù sao gã vẫn có cảm giác rằng Brissenden đúng. “Sự hổ thẹn của mặt trời” là nguyên nhân sự thành đạt của gã hơn là những cái khác mà gã đã viết. Những tác phẩm khác chỉ là ngẫu nhiên thôi. Nó đã bị các tạp chí vứt đi vứt lại. “Sự hổ thẹn của mặt trời” in ra dẫn tới một cuộc bút chiến và đã khiến mọi người đổ xô lại hoan nghênh gã. Nếu như không có “Sự hổ thẹn của mặt trời” thì đã không có sự đổ xô lại như thế và nếu như không có sự thành công huyền diệu của “Sự hổ thẹn của mặt

trời” thì đã không có sự đồ xô lại như thế. Công ty xuất bản Singletree-Darnley đã chứng thực sự huyền diệu đó. Họ đã cho xuất bản lần đầu với số một nghìn năm trăm cuốn và họ còn nghi ngờ không biết có bán được hết không. Họ là những nhà xuất bản có kinh nghiệm và không ai ngạc nhiên hơn họ vì sự thành công tiếp theo đó. Đối với họ, nó quả thực là một chuyện huyền diệu. Họ không bao giờ có thể quên được chuyện đó, trong mỗi lá thư viết cho gã đều lộ rõ sự kinh ngạc tôn sùng của họ đối với sự kiện thần bí lúc đầu đó. Họ không nghĩ tới chuyện cắt nghĩa hiện tượng này, không có cách nào để cắt nghĩa cả. Nó đã xảy ra. Bất chấp mọi kinh nghiệm ngược lại, nó cũng cứ đã xảy ra.

Lý luận như vậy, Martin bắt đầu nghi ngờ cái giá trị của sự nổi tiếng của mình. Chính giai cấp tư sản đã mua sách của gã, và đống vàng của nó vào túi gã và từ những điều hiểu biết rất ít của gã đối với giai cấp tư sản, gã không rõ tại sao giai cấp này lại có thể đánh giá được hoặc hiểu được những cái gã viết ra – Cái đẹp và sức mạnh thực chất của gã, có nghĩa gì đâu đối với hàng trăm hàng nghìn người đang tán thưởng và mua sách của gã. Gã là cái thị hiếu của thiên hạ lúc này; gã là một kẻ mạo hiểm đã dám lên quấy phá “Núi thơ” trong khi các thi thần đang gà gât. Hàng trăm hàng nghìn người đọc gã và tán thưởng gã với sự ngu dốt của bầy súc vật y như khi họ nhảy xổ vào bài thơ “Phù du” của Brissenden và xé nó ra từng mảnh – một bầy chó sói đáng lẽ giờ nhanh cắn xé gã thì lại ve vuốt nịnh nọt gã. Nịnh nọt hoặc cắn xé, đó chỉ là chuyện may rủi thôi. Có một điều gã biết chắc chắn: “Phù du” vô cùng lớn hơn bất cứ cái gì gã đã viết. Nó vô cùng lớn hơn bất cứ cái gì có trong gã. Đó là một bài thơ của thế kỷ. Thế thì cái cống vật mà bọn bọn tiện kia dâng gã là một cái cống vật đáng buồn, bởi vì cũng chính cái bọn bọn tiện ấy đã chìm bài thơ “Phù du” xuống bùn đen. Gã thờ dài nặng nề và mãn nguyện. Gã sung sướng vì tập bản thảo cuối cùng đã bán xong, và gã sắp được từ bỏ tất cả.

[132] Sir William Crookes (1832 – 1919) – một nhà hóa học kiêm vật lý học người Anh, đã phát hiện ra chất Thorium. Alfred Russell Wallace (1823 – 1918) – một nhà sinh vật học người Anh, đã sưu tầm nhiều máu côn

trùng, phát hiện ra nguồn gốc loài động vật và luật đào thải tự nhiên. Crookes và Wallace cảm thấy hứng thú với môn linh hồn học.

[133] Sir Oliver Lodge (1851 – 1940) – một nhà vật lý học người Anh, đã nghiên cứu về chớp, điện từ và chất phóng xạ.

[134] Nguyên văn: *The Smoke of Joy*.

[135] Alexandre Dumas (1802 – 1870) – một tiểu thuyết gia nổi tiếng của Pháp, tác phẩm của ông có chừng 270 cuốn. Ông viết rất nhiều, nên có những lúc ông đã mượn người giúp việc. Những người giúp việc này căn cứ vào cốt truyện ông phác ra mà viết. Sau khi họ viết xong, ông lại xem lại, chữa lại chút ít rồi cho xuất bản.

[136] Nguyên văn: *The Bottle Imp* – đó là một loại truyện viễn tưởng của R. Stevenson, lấy đảo Hawaii làm bối cảnh cùng với hai truyện vừa khác hợp thành một tập lấy đầu đề là “Đêm ngoài hải đảo”, xuất bản năm 1823.

[137] Nguyên văn: *The Imagic Skin* của Balzac, xuất bản năm 1831.

CHƯƠNG 44

Ông Morse gặp Martin trong phòng làm việc ở khách sạn Metropole. Hoặc ông ta tình cờ đến đó vì một việc gì khác, hoặc ông ta đến chỉ với mục đích trực tiếp là mời gã lại ăn, Martin không bao giờ có thể hiểu được, tuy gã vẫn thiên về giả thiết thứ hai hơn. Dù sao chẳng nữa thì vẫn là ông Morse, cha của Ruth, con người trước kia đã cấm gã và đã phá lời đính ước, giờ đây mời gã đến ăn.

Martin không giận. Thậm chí gã cũng không làm cao nữa. Gã tha thứ cho ông Morse mà lòng vẫn tự hỏi lòng không hiểu chịu đựng cái điều sỉ nhục ấy ông Morse cảm thấy thế nào. Gã không cự tuyệt lời mời. Gã chỉ dùng những lời lẽ lơ mờ không rõ để gạt đi, gã hỏi thăm gia đình, đặc biệt là bà Morse và Ruth. Gã nhắc đến tên nàng một cách tự nhiên không chút rụt rè, tuy gã thậm ngạc nhiên tại sao trong mạch máu gã không bùng lên một chút rung động, không một chút rộn ràng ấm áp quen thuộc xưa kia.

Gã nhận được rất nhiều lời mời đến ăn, thỉnh thoảng gã cũng có nhận lời đôi chỗ. Nhiều người nhờ người khác giới thiệu mình để được mời gã lại ăn. Và gã cứ lúng túng vì chuyện nhỏ đang trở thành chuyện lớn. Bernard Higginbotham mời gã đến ăn. Gã càng lầy lăm bối rối tột. Gã nhớ lại

những ngày đói ăn tuyệt vọng mà không có ai mời. Những lúc ấy là lúc gã cần đến những bữa ăn, và người gã cứ yếu đi, lả đi vì thiếu ăn, gã sút cân chỉ vì đói. Thật là chuyện ngược đời. Khi cần đến ăn thì không ai cho, bây giờ gã có thể mua được hàng trăm hàng nghìn bữa ăn, và ăn chẳng thấy ngon miệng nữa thì những bữa ăn lại tứ phía dồn dập tới. Nhưng tại sao thế nhỉ? Không có công bằng trong đó một chút nào, về phần gã cũng không có gì là xứng đáng. Gã có khác gì đâu. Tất cả những tác phẩm gã đã viết, gã đã viết xong từ dạo ấy cơ mà. Ông bà Morse đã kết tội gã là một thằng lười biếng, một kẻ trốn việc, và qua Ruth giục gã kiếm một chân thư ký ở một công sở, hơn nữa, lúc đó họ cũng biết công việc của gã đã làm xong rồi đấy chứ. Hết bản thảo này đến bản thảo khác của gã đã được Ruth chuyển qua tay họ. Họ đã đọc những bản thảo ấy. Vẫn những tác phẩm ấy đã làm cho tên tuổi gã nổi trên khắp mặt báo và chính cái tên tuổi gã nổi trên khắp các mặt báo đã làm cho họ mời gã đến ăn.

Có một điều chắc chắn là: Gia đình nhà Morse trước kia đã không cần gã vì gã, hoặc cần gã vì các tác phẩm của gã. Vì thế bây giờ họ cũng không thể cần gã vì gã, hoặc vì các tác phẩm của gã, họ cần là cần cái danh vọng của gã, bởi vì gã đã là ông nọ ông kia, và – tại sao lại không nhỉ? – bởi vì gã đã có trong tay một trăm nghìn đô la hoặc vào khoảng đó. Đó là cái cách mà xã hội tư sản đánh giá một con người, và gã là ai mà đợi người ta đánh giá cách khác? Nhưng gã lấy làm kiêu hãnh. Gã khinh bỉ cái cách đánh giá ấy. Gã muốn người ta đánh giá gã vì bản thân gã hay vì tác phẩm của gã, vì dù sao tác phẩm của gã cũng là biểu hiện của bản thân gã. Đó chính là cách Lizzie vẫn đánh giá gã. Đối với nàng, ngay cả tác phẩm của gã cũng không đáng kể. Nàng đánh giá gã vì bản thân gã. Đó cũng là cách mà anh thợ nguội Jimmy và tất cả bạn cũ của gã vẫn đánh giá gã. Điều đó đã được chứng tỏ khá rõ trong những ngày gã cùng sống với họ, nó đã được chứng tỏ trong cái ngày chủ nhật ở công viên Shell Mound. Tác phẩm của gã không có nghĩa lý gì đối với họ. Cái mà họ thích, cái mà họ sẵn lòng ra tay để bảo vệ chính là Martin Eden, một người trong bọn họ, một gã rất tốt bụng.

Còn đối với Ruth. Xưa kia nàng đã thích gã vì gã, điều đó là thực. Không còn bàn cãi gì nữa. Nhưng tuy thích gã đấy, nàng vẫn thích cái tiêu

chuẩn về giá trị của giai cấp tư sản hơn. Nàng đã phản đối việc viết văn của gã, đối với gã hình như cái chính là vì nó không kiếm ra tiền. Đó là lời phê bình của nàng về tập “Thơ tình” của gã. Cả nàng nữa đã thúc giục gã phải kiếm việc làm. Thực ra, nàng đã làm cho cái tên thanh nhã đi bằng cách gọi là “chức vị” nhưng nó vẫn cùng một ý ấy thôi, và cái cách đặt tên ngày ấy vẫn còn in sâu lắng trong óc gã. Gã đã đọc cho nàng nghe tất cả những cái gã đã viết – thơ, truyện ngắn, luận văn – “Wiki-Wiki,” “Sự hổ thẹn của mặt trời,” tất cả. Và nàng vẫn cứ luôn luôn trước sau như một thúc giục gã đi kiếm việc làm, đi làm – Trời ơi! Làm như thể gã không hề làm việc, không hề bỏ cả ngủ, dốc hết cả đời mình ra để làm cho xứng đáng với nàng.

Thế là câu chuyện nhỏ đã lớn lên. Gã khỏe mạnh, người bình thường, ăn đều, ngủ nhiều, thế mà cái chuyện nhỏ mọn đang lớn dần lên ấy đã trở thành một ám ảnh. Tác phẩm viết đã từ lâu rồi. Câu đó cứ ám ảnh trí óc gã. Gã ngồi đối diện với Bernard Higginbotham trước một bữa ăn thịnh soạn ngày chủ nhật ở “Higginbotham thương điểm”, gã phải cố gắng tự kìm mình lắm mới khỏi thét lên.

“Đây là những tác phẩm viết từ lâu rồi! Thế mà bây giờ anh mới mời tôi ăn, xưa kia anh mặc tôi chết đói, anh cấm cửa tôi, chửi tôi vì tôi không kiếm việc làm. Mà khi đó thì công việc tôi đã làm xong, làm xong tất cả. Và bây giờ, khi tôi nói anh ngậm miệng lại, anh chăm chú nhìn vào mặt tôi, kính cẩn chú ý lắng nghe tất cả những gì tôi nói. Tôi nói với anh rằng bạn của anh là một lũ thói tha, một lũ lừa bịp, thì đáng lẽ nổi giận anh lại âm ỉ ừ ừ và nhận rằng những điều tôi nói là có nhiều ý nghĩa lắm. Tại sao lại như vậy? Bởi vì tôi đã nổi tiếng; bởi vì tôi có nhiều tiền, không phải bởi vì tôi là Martin Eden, một gã tốt bụng và càng không phải đặc biệt vì tôi là một thằng ngốc. Tôi có thể nói với anh rằng mặt trăng làm bằng pho mát, anh cũng sẽ đồng ý với cái nhận định đó, hay ít nhất cũng không dám phủ nhận điều đó, vì tôi có tiền, có hàng núi tiền. Và những cái kiếm ra tiền đó thực ra đã làm xong từ lâu rồi; tôi nói cho anh biết, tôi làm xong nó vào cái lúc anh nhổ vào mặt tôi như nhổ vào đồng nơ dưới chân anh ấy!”

Nhưng Martin không thét lên. Ý nghĩ ấy găm nhăm trong óc gã, nó giầy vò gã không ngớt, trong khi gã vẫn cười và nén được mình. Vì gã ngồi yên nên Bernard Higginbotham tha hồ nói chuyện. Lão cũng đã thành công

và lão kiêu hãnh vì điều đó. Lão là con người tự lập. Không ai giúp đỡ lão cả. Lão không nợ nần ai. Lão đã làm đầy đủ bổn phận của một người công dân và đã nuôi nấng một gia đình đông con. Đây, cái “Higginbotham thương điểm”, cái công trình kết quả của cuộc đời cần cù và khéo léo của lão. Lão yêu cái “Higginbotham thương điểm” như nhiều người yêu vợ mình. Lão đã thổ lộ tất cả nỗi lòng mình ra cho Martin, đã nói cho gã biết do sự khéo léo, do tính toán ghê gớm đến thế nào mà lão đã dựng nên được cái thương điểm này. Lão đã có những kế hoạch cho nó, những kế hoạch đầy tham vọng. Cả cái khu xung quanh đây đang lớn lên rất nhanh. Cửa hiệu của lão thực là bé quá. Nếu có thêm chỗ, lão có thể lắp vài chục loại thiết bị cải tiến vừa tiết kiệm được sức, vừa đỡ tốn tiền. Và lão sẽ làm như thế. Lão đang cố dốc hết sức cho cái ngày lão có thể mua được khu đất bên cạnh, và dựng thêm một toà nhà hai tầng nữa. Trên gác lão sẽ cho thuê, tầng dưới của hai toà nhà sẽ là “Higginbotham thương điểm”. Mắt lão long lanh khi lão nói tới tấm biển mới sẽ giăng ra rõ ràng qua cả hai toà nhà.

Martin quên không nghe. Cái điệp khúc “tác phẩm đã viết từ lâu rồi” trong óc gã đã nhận chìm lời nói thao thao của lão anh rể. Cái điệp khúc đó làm gã phát điên lên; gã cố gắng trốn thoát nó.

“Anh nói là nó đáng giá bao nhiêu?” Martin bỗng hỏi.

Lão anh rể dừng lại giữa những lời lẽ dài dòng về những cơ hội làm ăn buôn bán của khu vực lân cận. Lão chưa hề nói nó đáng giá bao nhiêu. Nhưng lão vốn biết. Lão đã hình dung ra nó có đến hàng chục lần rồi.

“Tính theo giá gỗ hiện nay,” lão nói, “thì bốn nghìn có thể mua được.”

“Kể cả cái biển hàng?”

“Cái đó tôi chưa tính. Khi có nhà thì phải có biển hàng!”

“Còn đất bao nhiêu?”

“Hơn ba nghìn.”

Lão ngả người ra phía trước, liếm môi, hai tay cứ bòn chòn duỗi ra rồi lại nắm vào trong khi lão nhìn Martin viết tấm ngân phiếu. Khi tấm ngân phiếu được trao cho lão, lão nhìn số tiền – bảy nghìn đô la.

“Tôi – tôi không thể trả lãi hơn sáu phần trăm được,” lão nói, giọng khàn khàn.

Martin muốn cười lớn, nhưng gã lại hỏi:

“Thế bao nhiêu?”

“Để tôi xem – Sáu phân – sáu lần bảy là đi – bốn trăm hai mươi.”

“Như thế nghĩa là ba mươi đô la một tháng, có phải không?”

Higginbotham gật đầu.

“Thế này nhớ, nếu anh không phản đối, chúng ta sẽ thu xếp như thế này.” Martin liếc nhìn chị Gertrude. “Anh có thể giữ cả món tiền đó cho anh, nếu anh đem mỗi tháng ba mươi năm đô la thuê người nấu ăn, giặt giũ, lau nhà. Bảy nghìn đô la sẽ là của anh nếu anh bảo đảm rằng chị Gertrude sẽ không phải làm những công việc nặng nhọc nữa. Có thỏa thuận không?”

Higginbotham nuốt nước bọt khó nhĩ. Cái việc vợ lão không làm công việc gia đình nữa là một xúc phạm đến cái tâm hồn bủn xỉn của lão. Món quà phi thường này là cái vỏ ngoài của một viên thuốc, một viên thuốc đắng. Vợ lão không phải làm việc nữa! Điều đó làm lão ó cả người ra.

“Thôi được,” Martin nói. “Tôi sẽ trả ba mươi đô la một tháng và...”

Gã đưa tay qua bàn với lấy tờ ngân phiếu. Nhưng Higginbotham đã vò lấy trước, vừa vò vừa kêu lên:

“Tôi xin nhận, tôi xin nhận!”

Khi Martin lên xe điện, gã thấy người chán nản, mệt mỏi. Gã nhìn tám biển cửa hiệu, miệng lẩm bầm:

“Đồ lợn! Đồ lợn! Đồ lợn!”

Khi tạp chí “Mackintosh” in “Người xem tướng tay” do Berthier trình bày và Wenn vẽ hai bức tranh minh họa thì Herman Von Schmidt quên bẵng ngay rằng đã có lần hắn gọi những vần thơ ấy là tục tĩu. Hắn tuyên bố rằng vợ hắn đã gây ra thi hứng cho bài thơ đó, hắn tìm cách làm cho những lời ấy đến tai một ký giả, và hắn để cho một anh nhà báo đến phỏng vấn, đi theo có một anh chàng nhiếp ảnh và một họa sĩ. Kết quả là một trang phụ trương chủ nhật đầy những ảnh và những bức vẽ lý tưởng hoá Marian, với rất nhiều những chi tiết thuộc về đời tư của Martin Eden và gia đình gã, và toàn bộ bài thơ “Người xem tướng tay” bằng chữ lớn được tạp chí “Mackintosh” đặc biệt cho phép in lại. Điều đó gây một sự xao động cho bà con lân bang hàng xóm, các bà nội trợ hãnh diện được quen với em gái một nhà văn vĩ đại, còn những người chưa quen thì vội vã đến làm quen.

Herman Von Schmidt thì cứ cười hô hố trong cái cửa hàng chứa xe đạp nhỏ bé của hắn và quyết định sắm một cái máy tiện mới. “Tốt hơn là quảng cáo,” hắn nói với Marian, “mà lại chẳng tốn xu nào.”

“Chúng ta nên mời anh ấy lại ăn cơm,” cô Marian gợi ý.

Martin đến ăn, gã cố gắng làm vừa lòng lão chủ hàng thịt bán buôn phì nộn và vợ còn phì nộn hơn. Họ là những nhân vật quan trọng chắc chắn là sẽ giúp ích được cho một anh chàng trẻ tuổi đang lên như Herman Von Schmidt, kéo được họ đến nhà hắn ta cũng là một cái mối lớn không kém kéo được ông anh rể vĩ đại. Ở bàn ăn có một người khác cũng cần phải cái mối câu ấy, là viên tổng thanh tra các đại lý của hãng xe đạp Asa trên bờ biển Thái bình dương. Von Schmidt cũng muốn chiều chuộng, cũng muốn lấy lòng lão ta bởi vì nhờ lão mà hắn có thể được một chân đại lý xe đạp ở khu Oakland. Vì thế Von Schmidt cho rằng có được Martin làm anh rể, thì thật là một tài sản lớn, tuy trong thâm tâm, hắn không thể hiểu được do đâu mà Martin được như thế. Trong đêm tối tĩnh mịch, khi vợ hắn đã ngủ rồi, hắn lần giở tất cả các tác phẩm và thơ ca của Martin ra đọc, và hắn quả quyết rằng thiên hạ thật là một lũ ngốc mới đi mua những tác phẩm đó.

Và trong đáy lòng, Martin cũng hiểu quá rõ những ý nghĩ ấy trong khi gã ngả người ra phía sau, nhìn cái đầu của Von Schmidt một cách thêm thường, tưởng tượng, gã đang đám nó đến bật tung ra, những quả đám tới tấp nện vào cái đầu đó – cái đầu thẳng Đức ngu xuẩn ấy! Nhưng có một điều hắn thích ở Von Schmidt. Nghèo như hắn, quyết tâm vươn lên như hắn, thế mà hắn vẫn thuê một người làm để đỡ những công việc nặng nhọc cho Marian. Martin nói chuyện với viên tổng thanh tra của hãng Asa, sau bữa ăn gã kéo lão ta cùng Hermann ra một chỗ, và nói rằng gã sẽ bỏ tiền để mở một cửa hàng bán xe đạp tốt nhất cho Hermann với đầy đủ các thiết bị ở Oakland. Gã còn đi xa hơn nữa, trong khi nói riêng với Hermann, gã bảo hắn cứ chuẩn bị tinh thần kiếm cho mình một chân đại lý ô-tô nữa, và không lý gì hắn không thể đảm đương thành công cả hai cửa hàng một lúc.

Lúc từ biệt, Marian đầy nước mắt ôm vòng lấy cổ Martin, và nói với anh rằng cô yêu anh biết bao và bao giờ cũng vẫn yêu anh. Đúng như vậy, lời nói đoan chắc của cô ta mới thoát ra được một nửa đã dừng ngay lại, cô vừa khóc vừa hôn cùng với những lời nói lắp bắp rời rạc mà Martin cho là

cô ta kêu gọi sự tha thứ của anh vì đã có lúc cô thiếu lòng tin ở anh và cứ khẳng khẳng khuyên anh đi tìm một việc làm.

“Chắc chắn ông này không bao giờ giữ được tiền,” Herman Von Schmidt nói riêng với vợ. “Ông ta phát điên lên khi tôi nói đến lãi, ông ta nói mặc kệ nó tiền vốn với chẳng tiền vốn, và nếu tôi còn đả động đến nữa thì ông ta sẽ quật vào cái đầu Đức của tôi cho đến bật ra. Ông ta nói thế đấy – cái đầu Đức của tôi. Nhưng ông ta cũng không đến nỗi tôi, tuy không phải là người biết buôn bán. Ông ta đã tạo cho tôi dịp may, ừ, ông ta không đến nỗi tôi.”

Những lời mời đến ăn cứ tới dồn dập với Martin, nó càng dồn vào nhiều, gã lại càng lúng túng. Gã ngồi ở ghế danh dự một bữa tiệc tại câu lạc bộ Arden với những nhân vật nổi tiếng mà trước kia gã chỉ nghe tiếng hoặc đọc thấy tên ở trên báo, họ nói với gã rằng từ khi họ đọc “Tiếng chuông” trên tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” và “Nàng tiên và viên ngọc” trên tờ “Con ong” họ đã đoán ngay gã là người nhất định sẽ thành công. “Trời ơi!” Gã nghĩ thầm. “Thế mà lúc đó tôi đang ăn đói mặc rách. Tại sao lúc đó các ông không mời tôi một bữa. Có phải là đúng lúc không. Đây là những tác phẩm đã viết ra từ lâu rồi. Nếu ngày nay các ông mời tôi ăn vì những tác phẩm tôi đã viết thì tại sao các ông đã không mời tôi ăn lúc đó khi tôi đang cần ăn. Không một từ nào trong “*Tiếng chuông*” hoặc “*Nàng tiên và viên ngọc*” thay đổi cả. Không, các ông mời tôi ăn bây giờ không phải là vì những tác phẩm tôi đã viết đâu. Các ông mời tôi ăn là một vinh dự. Các ông mời tôi ăn bây giờ, bởi vì các ông là một bầy súc vật, bởi vì các ông thuộc về phường hạ tiện, bởi vì vừa đây trong đám đông có một kẻ có cái ý nghĩ mù quáng, máy móc là mời tôi tới ăn.”

“Martin Eden và những tác phẩm đã hoàn thành của Martin Eden đối với tất cả những chuyện đó có liên quan gì với nhau?” Gã rầu rĩ tự hỏi, rồi đứng dậy đáp lại một cách khôn ngoan tế nhị những cốc rượu chúc mừng khôn ngoan tế nhị.

Cứ như vậy ngày nọ tiếp ngày kia. Bất luận gã ở đâu – ở câu lạc bộ báo chí, ở câu lạc bộ Redwood, ở những bữa tiệc trà long trọng, ở những cuộc hội họp văn nghệ - đâu đâu, người ta cũng nhắc đến hai tác phẩm “Tiếng chuông” và “Nàng tiên và viên ngọc,” khi chúng mới được in lần đầu tiên.

Martin luôn luôn phát điên lên và tự hỏi: “Tại sao lúc đó các ông không mời tôi ăn? Những tác phẩm ấy đã viết xong từ lâu rồi. “*Tiếng chuông*,” “*Nàng tiên và viên ngọc*” đến bây giờ vẫn không thay đổi một chữ. Lúc đó chúng có đầy tính nghệ thuật, đầy giá trị như bây giờ. Các anh mời tôi không phải vì chúng, cũng không phải vì bất cứ một cái gì khác tôi đã viết ra đâu. Các anh mời tôi ăn bởi vì bây giờ đó là cái mới, bởi vì tất cả đám hạ lưu hèn mạt đang phát điên lên với ý tưởng mời được Martin Eden ăn.”

Thường thường, trong những lúc đó, gã lại bỗng thấy đáng đi thông vai, lẫn với những người khác của một gã côn đồ trẻ tuổi mặc chiếc áo ngắn, đầu đội chiếc mũ Stetson vành cứng. Câu chuyện đã xảy ra với gã trong Gallina hiệp hội ở khu Oakland, một buổi chiều. Khi Martin ở ghế đứng dậy và bước lên diễn đàn, gã lại trông thấy gã côn đồ trẻ tuổi mặc chiếc áo ngắn, đội mũ vành cứng đó nghênh ngang bước qua cửa chính phía sau gian phòng lớn. Martin cố hết sức chú ý căng mắt nhìn, đến nỗi năm trăm các bà các cô ăn mặc lịch sự, đứng một phải quay đầu lại nhìn xem gã đang nhìn gì. Nhưng họ chỉ trông thấy lối đi chính giữa trống rỗng không có một ai.

Martin thấy gã thô lỗ ấy lão đảo bước xuống lối đi đó, và tự hỏi không biết gã ta có bỏ cái mũ vành cứng mà không bao giờ thấy gã nọ rời ra không. Gã nọ bước thẳng xuống lối đi và lên diễn đàn. Martin đã suýt khóc cho cái bóng hình trai trẻ ấy của bản thân, khi gã nghĩ tới bao nhiêu điều mà gã phải chịu đựng. Gã nọ lão đảo bước qua diễn đàn, tới thẳng chỗ Martin và biến mất. Năm trăm các bà các cô vỗ nhè nhẹ với những bàn tay đeo gang, để khuyến khích cái con người vĩ đại e thẹn đang là khách của họ hôm nay. Martin rũ hình ảnh ấy ra khỏi trí óc, gã mỉm cười và bắt đầu nói.

Ông tổng giám thị các trường học, một ông già tốt bụng gặp Martin ở phố, đã đứng lại hỏi thăm gã và nhắc đến những chuyện xưa trong phòng làm việc của ông khi Martin bị đuổi ra khỏi trường vì tội đánh nhau.

“Tôi đã đọc “*Tiếng chuông*” của anh trên một tờ tạp chí từ lâu,” ông ta nói. “Hay giống Poe^[138] vậy. Thật là tuyệt, lúc đó tôi đã nói ngay thật là tuyệt!”

“Vâng, vậy mà mấy tháng trước đây, hai lần ông gặp tôi ngoài phố, ông có nhận ra tôi đâu.” Martin gần như nói to lên. “Mỗi lần là một lần tôi bị đối

và phải ra hiệu cảm ơn. Vậy mà các tác phẩm tôi đã viết xong từ lâu. Lúc đó ông không nhận ra tôi. Tại sao bây giờ ông lại nhận ra tôi?”

“Hôm nọ, tôi vừa nói với nhà tôi,” ông giám thị nói, “có dịp nào phải mời anh Martin lại ăn cũng hay đấy? Nhà tôi hoàn toàn đồng ý. Phải, nhà tôi đã hoàn toàn đồng ý với tôi!”

“Đến ạ!” Martin nói sáng quá gần như một tiếng gầm.

“Sao, vâng, vâng, mời anh đến ăn, anh biết đấy – lại đằng nhà uống mấy cốc cầu may với chúng tôi, với lão giám thị cũ của anh ấy mà, anh bạn ranh con nhé!” Ông ta rút rè thốt lên và đẩy Martin một cái ra ý thân mật, lỗi bạn bè.

Martin bước đi trên đường phố như trong một cơn mê. Gã đứng lại ở góc phố, đưa mắt lơ đãng nhìn quanh.

“Ồi mẹ khi!” Cuối cùng, gã lẩm bẩm. “Lão già sợ mình!”

[138] *Edgar Allan Poe (1803 – 1849) – một nhà viết truyện ngắn kiêm nhà thơ của Mỹ.*

CHƯƠNG 45

Một hôm Kreis đến gặp Martin – Kreis con người của “đám hạ lưu chân chính.” Martin quay lại nghe anh ta nói, trong lòng thấy nhẹ nhõm, những chi tiết sáng ngời của một mưu đồ khá liêu lĩnh làm cho gã thích thú, không phải là cái thích thú của một nhà đầu tư mà là cái thích thú của một nhà viết tiểu thuyết. Giữa lúc trình bày, Kreis ngừng lại khá lâu để nói với Martin rằng hầu hết những kiến giải trong “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” đã chứng tỏ gã là một thằng ngốc.

“Nhưng không phải tôi đến đây để thuyết lý về triết học.” Kreis nói tiếp. “Điều tôi muốn là anh có chịu bỏ ra một nghìn đô la để làm việc đó không?”

“Không, dù sao, tôi cũng không ngốc đến như thế.” Martin trả lời. “Nhưng tôi sẽ nói cho anh biết tôi sẽ làm gì. Anh đã cho tôi sống một đêm vĩ đại nhất trong đời tôi. Anh đã cho tôi cái mà tiền bạc không thể mua được. Bây giờ tôi có tiền, và tiền đối với tôi không có nghĩa lý gì hết. Tôi sẽ chuyển cho anh một nghìn đô la - cái mà tôi coi khinh - vì cái mà anh đã cho tôi đêm ấy, và cái đó thật là vô giá. Anh cần tiền. Mà tôi lại có nhiều

quá sự cần thiết. Anh cần tiền. Anh đến đây vì cái đó. Cũng chẳng cần phải bày mưu tính kế gì để lấy tiền ở tôi. Cầm lấy!”

Kreis không để lộ ra một chút ngạc nhiên. Anh ta gấp tám ngân phiếu đút vào túi.

“Theo giá này thì tôi muốn ký với anh một hợp đồng dành cho anh nhiều đêm như thế nữa!”

“Quá muộn rồi!” Martin lắc đầu “Đối với tôi đêm ấy là đêm duy nhất. Tôi đã được sống trong một thiên đường. Tôi biết, đối với anh, đó chỉ là một điều tầm thường. Nhưng đối với tôi nó lại không như vậy, không bao giờ tôi lại được sống những phút say mê tột đỉnh như thế nữa. Tôi đã đoạn tuyệt với triết học rồi. Tôi không bao giờ muốn nghe một chữ nào về triết học nữa.”

“Đây là đồng đô la đầu tiên trong đời tôi kiếm được nhờ môn triết học của tôi.” Kreis nói khi anh ta dừng lại ở cửa. “Rồi thị trường bị vỡ ngay.”

Một hôm bà Morse đi xe qua gặp Martin ở ngoài phố, bà mỉm cười và gật đầu chào. Gã mỉm cười và ngả mũ ra. Việc đó chẳng khiến gã xúc động chút nào. Một tháng trước, việc đó có thể đã làm gã kinh tởm, hoặc làm gã thấy kỳ lạ, và làm gã suy nghĩ về ý thức của bà ta lúc đó. Một phút sau là gã quên ngay. Gã quên chuyện đó y như gã quên nhà Ngân hàng trung ương hoặc Tòa thị chính ngay sau khi gã bước qua. Tuy nhiên, đầu óc gã hoạt động một cách khác thường, tư tưởng gã cứ diễn biến vòng vòng, vòng theo một đường tròn. Trung tâm của vòng tròn đó là câu “tác phẩm đã viết xong từ lâu” nó cứ gặm nhấm trí óc gã như một con giòi không bao giờ mỏi. Buổi sáng, thức dậy gã nghĩ tới nó. Buổi tối, trong giấc mơ gã cũng bị nó giày vò. Mọi sự việc của cuộc sống chung quanh gã thông qua các giác quan là tức khắc liên hệ ngay với não “tác phẩm viết xong đã từ lâu rồi.” Theo một phép lý luận tàn nhẫn gã đi tới kết luận gã là một kẻ vô danh tiểu tốt, gã không là cái gì cả. Martin Eden, thằng côn đồ, Martin Eden thằng thủy thủ là thật, chính là gã; nhưng Martin Eden, nhà văn nổi tiếng thì không hề có. Martin Eden, nhà văn nổi tiếng, chỉ là một ảo tưởng do đầu óc của bọn hạ tiện đặt ra. Nhưng cái đó không lừa được gã. Gã không phải là thần mặt trời để cái đám hạ tiện kia sùng bái, để chúng cung phụng gã những bữa ăn. Gã biết lắm.

Gã đã đọc trên báo chí những bài viết về mình, gã ngạc nhiên nhìn những bức ảnh của gã in trên mặt báo, gã không thấy những bức hình này có chút gì giống với bản thân gã. Gã là một kẻ đã từng sống, từng rung động, từng yêu thương, là một kẻ dễ dãi, sẵn lòng tha thứ cho những chuyện nhẹ dạ của cuộc đời; là kẻ đã từng làm việc trên khoang bánh lái, từng lang thang trên những miền đất lạ, từng lôi kéo cả bạn vào những trận đánh nhau ngày xưa. Gã là kẻ đã từng kinh ngạc lắng người đi lần đầu tiên khi trông thấy ngàn vạn cuốn sách ở thư viện, là kẻ sau này đã đọc những chồng sách đó và gã nắm chắc được chúng, gã là kẻ đã từng đốt đèn dầu đến tận nửa đêm, từng đi ngủ mang theo cả cái đỉnh thức và đã từng tự tay viết nên nhiều sách. Nhưng có một điều gã không phải là cái thứ yêu quái tham ăn mà bọn hạ tiện kia đua nhau mời những bữa ăn thịnh soạn.

Tuy nhiên trong các tạp chí có những cái làm gã thấy hay hay. Tạp chí nào cũng rêu rao là họ đã phát hiện được gã. Tờ “Nguyệt san Warren” quảng cáo với khách hàng rằng họ luôn luôn phát hiện những nhà văn mới, và trong số những nhà văn mới đó, họ đã giới thiệu được Martin Eden với bạn đọc. Tờ “Con chuột bạch” cũng cho rằng mình đã phát hiện được gã; cả tờ “Bình luận phương Bắc” và cả tạp chí “Mackintosh” cũng nói như thế, mãi tới khi tờ “Quả địa cầu” dương dương đắc ý nói ra rằng tập “Những bài thơ về biển” trước kia đã bị bỏ xó như thế nào, mới làm cho các tờ báo kia im ỉm. Tờ “Tuổi trẻ và thời đại”, sau khi trốn nợ xong, lại tái bản để rêu rao rằng chính họ phát hiện ra Martin Eden, những lời này chẳng ai thèm đọc, trừ lũ trẻ con các chủ trại. Tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đã dẫn chứng một cách trang trọng và đầy sức thuyết phục rằng chính họ đầu tiên đã khám phá ra Martin Eden như thế nào. Tờ “Con ong” đã đem bài “Nàng tiên và viên ngọc” ra làm phản chứng để kịch liệt đã phá lại. Lời phát biểu nhã nhặn của Công ty xuất bản Singletree-Darnley bị chìm đi trong những tiếng ồn ào huyên náo ấy. Hơn nữa công ty này cũng không có một tờ tạp chí để làm cho những lời phát biểu của mình kém phần nhã nhặn.

Các báo chí tính số tiền thu nhập bản quyền tác giả của Martin. Bằng cách nào đó tin có mấy tạp chí trả gã những món tiền nhuận bút rất cao lọt ra ngoài và những bọn mục sư ở Oakland đã đến thăm gã một cách rất tử tế, trong khi đó thì những bức thư xin xỏ chuyên nghiệp chất ùn lên. Nhưng tẻ

hơn tất cả là bọn đàn bà. Ảnh của gã được in đi khắp nơi, có nhiều anh chàng văn sĩ đặc biệt đã lợi dụng cả cái bộ mặt rám nắng, khỏe mạnh của gã, những vết sẹo, đôi vai nặng nề, đôi mắt trong sáng, trầm tĩnh và hai chỗ hóp nhẹ nhẹ trên má gã, như một nhà tu khổ hạnh để viết bài làm tiền. Nhìn đôi má ấy gã tưởng tượng lại thời thanh niên phóng túng của gã và không khỏi mỉm cười. Thường thường, trong số những người đàn bà gã đã gặp, gã thấy khi thì người này, khi thì người khác, nhìn gã, tán thưởng gã, chọn lựa gã. Gã cười một mình. Gã nhớ lại lời đe dọa của Brissenden và lại cười. Những người đàn bà không bao giờ hủy hoại được gã, điều đó là chắc chắn. Gã đã qua cái giai đoạn ấy rồi.

Có một lần gã cùng đi với Lizzie đến lớp học buổi tối, nàng thấy một người đàn bà đẹp, ăn mặc lịch sự, một người của giai cấp tư sản nhìn gã chăm chăm. Cái nhìn ấy hơi lâu quá một chút. Lizzie biết ý nghĩa của cái nhìn ấy, nàng giận nóng người lên. Martin nhận thấy, nhận thấy nguyên nhân câu chuyện gã nói với nàng rằng gã đã quen với chuyện đó lắm rồi và gã không hề để tâm đến nó.

“Anh cần phải để tâm,” nàng trả lời, mắt lóe lên. “Anh đang ôm đống. Vấn đề là thế.”

“Trong đời chưa bao giờ anh khỏe như bây giờ. So với trước anh nặng hơn những năm pao.”

“Bệnh không phải ở trong cơ thể anh. Nó ở trong đầu anh cơ. Trong cái máy... suy nghĩ của anh có chuyện chẳng lành. Ngay em chẳng là gì cả mà em cũng nhận thấy được như thế.”

Gã bước đi bên cạnh nàng, suy nghĩ.

“Em có thể đánh đổi hết bất cứ cái gì để thấy anh qua khỏi được tình trạng đó,” nàng trong lúc kích thích nói buột ra. “Anh cần phải quan tâm khi đàn bà nhìn anh kiểu ấy, một người như anh. Điều đó không tự nhiên. Đối với những anh chàng yếu đuối ẻo lả thì không sao. Nhưng anh vốn không phải là loại người như thế. Nói thật chứ, em sẽ vui lòng, em sẽ sung sướng nếu có người đàn bà xứng đáng nào đó có thể làm cho anh quan tâm đến họ.”

Từ biệt Lizzie ở lớp học ban đêm, gã quay về khách sạn Metropole.

Bước vào phòng, gã gieo người xuống chiếc ghế bành kiểu Morris, mắt nhìn đăm đăm về phía trước. Gã không ngủ gật mà cũng chẳng nghĩ gì hết. Đầu óc gã trống rỗng trừ lúc những bức tranh ký ức không gọi mà tới diễn ra với những sắc màu và những ánh hào quang rực rỡ ngay dưới mi mắt gã. Gã nhìn thấy những bức tranh đó nhưng hầu như không nhận thức được chúng – chẳng khác gì chúng là những giấc mộng. Thế mà nào gã có ngủ đâu. Có một lần gã đánh thức mình cho tỉnh táo, nhìn đồng hồ. Đúng tám giờ. Gã không có việc gì làm cả mà đi ngủ thì lại quá sớm. Thế rồi đầu óc gã trở lại trống rỗng và những bức tranh kia lại thành hình để rồi lại tan biến đi dưới mi mắt gã. Không có gì rõ rệt ở những bức tranh đó. Chúng vào chỉ là những đám lá, những cành cây mọc thành với ánh mắt trời nóng gắt xuyên qua.

Một tiếng gõ cửa làm gã bừng tỉnh. Gã không ngủ, và đầu óc gã tức khắc liên hệ tiếng gõ đó, với một bức điện, một lá thư hay có lẽ một trong những người hầu phòng nào đó mang quần áo sạch từ hiệu thợ giặt về. Gã nghĩ tới Joe và tự hỏi không biết bây giờ anh ta ở đâu trong khi gã nói “Cứ vào!”

Gã vẫn nghĩ đến Joe và không quay về phía cửa. Gã nghe thấy tiếng đóng cửa nhẹ nhẹ. Một sự yên lặng kéo dài. Gã quên rằng đã có một tiếng gõ cửa, gã vẫn nhìn một cách trống rỗng về phía trước cho đến tận lúc gã thấy tiếng nức nở của một người đàn bà. Đó là tiếng nức nở không chủ tâm, từng hồi, nghẹn ngào, tắc lại. Gã nhận thấy như thế khi gã quay người.

Ngay sau đó, gã đứng bật dậy:

“Ruth!” Gã thốt lên, vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng.

Mặt nàng trắng nhợt và căng thẳng. Nàng đứng ở phía trong cửa, một tay vịn lấy cửa cho khỏi ngã, một tay ôm lấy mạng sườn mình. Nàng giơ cả hai tay ra phía gã một cách đáng thương, bước tới để gặp gã. Trong khi nắm lấy tay, dẫn nàng tới chiếc ghế bành kiểu Morris, gã nhận thấy tay nàng sao mà lạnh thế. Gã kéo một chiếc ghế nữa lại và ngồi lên cái tay ghế rộng. Gã bối rối quá không nói được. Trong đầu óc gã, câu chuyện yêu đương của gã với Ruth đã khép kín, đã gắn chặt lại rồi. Gã có cùng một cảm giác y như thể cái khách sạn Metropole này bỗng dưng biến thành cái xưởng giặt ở

Shelly Hot Spring ùn ùn những quần áo của cả một tuần lễ buộc gã phải giặt. Nhiều lần gã định nói, gã lại ngập ngừng.

“Không ai biết là em ở đây cả,” Ruth nói, giọng yếu ớt và mím một nụ cười nắn nỉ.

“Cô nói gì cơ?” Gã hỏi.

Gã ngạc nhiên vì tiếng vang của chính giọng nói mình. Nàng nhắc lại.

“Ồ!” Gã nói, rồi tự hỏi không hiểu gã còn có thể nói thêm được gì không.

“Em thấy anh bước vào, và em đã đợi vài phút.”

“Ồ!” Gã lại nói.

Trong đời chưa bao giờ gã là một kẻ ít lời không mở nổi miệng như thế. Thực ra, trong đầu óc gã không có một ý niệm nào cả. Gã cảm thấy mình dần ngốc và vụng về, nhưng dù có chết đi nữa, gã cũng không thể nghĩ ra được cái gì để mà nói. Giá cái khách sạn này biến thành xưởng giặt Shelly Hot Spring, gã lại còn thấy dễ chịu hơn. Gã sẽ vén tay áo lên và bắt tay vào làm việc.

“Và rồi cô vào à?” Cuối cùng gã nói.

Nàng gật đầu, nét mặt hơi hóm hỉnh, rồi cởi chiếc khăn quàng cổ ra.

“Em thấy anh từ bên kia phố, khi anh đi với người con gái ấy.”

“Ồ, vâng,” gã nói đơn giản. “Tôi đưa cô ta đến lớp học ban đêm.”

“Thế anh có vui mừng khi gặp em không?” Nàng nói sau một phút yên lặng.

“Vâng, vâng, có.” Gã nói vội vàng. “Nhưng cô đến đây có phải là quá bạo không?”

“Em lén vào, không để ai biết là em ở đây. Bởi em muốn gặp anh. Em đến để nói với anh rằng em không thể nào nén được lâu nữa, bởi vì lòng em thúc giục em phải tới, bởi vì... bởi vì em muốn tới.”

Nàng bước ra khỏi ghế đi tới chỗ gã. Nàng đặt tay lên vai gã một phút, thở gấp rồi trườn người vào trong cánh tay gã. Gã là kẻ đại lượng dễ dãi, gã không muốn làm tổn thương người khác, gã biết rằng từ chối sự dâng hiến này của nàng là gây một tổn hại hết sức lớn, quá sức chịu đựng của một người đàn bà, vì thế gã vòng tay qua người nàng ôm chặt lấy nàng. Nhưng không một chút ấm áp nào trong cái ôm ấp ấy, không một chút ve vãn nào

trong sự đụng chạm ấy. Nàng đã tới trong cánh tay gã, gã đã giữ lấy nàng, có thể thôi. Nàng nép hết người vào gã rồi đổi thế ngồi, tay nàng lần lần lên ôm lấy cổ gã. Nhưng da thịt gã không bốc lửa dưới đôi bàn tay của nàng, gã cảm thấy lúng túng, khó chịu.

“Cái gì làm cô run cả người lên thế?” Gã hỏi. “Cô bị ớn lạnh à? Tôi đốt lò sưởi lên nhé!”

Gã cự mình định gỡ ra, nhưng nàng càng bám chặt lấy gã, toàn thân run lên bần bật.

“Thần kinh em bị kích thích quá đấy thôi!” Nàng nói, hai hàm răng va vào nhau. “Chỉ một chút nữa là em sẽ trần tỉnh được. Đây này, em đã khá hơn rồi đây này.”

Dần dần nàng hết run. Gã vẫn ôm nàng, nhưng gã không còn bối rối nữa. Bây giờ gã đã biết nàng đến làm gì rồi.

“Mẹ em muốn em lấy Charley Hapgood,” nàng nói.

“Charley Hapgood - cái anh chàng luôn luôn nói chuyện tầm thường vô vị ấy phải không?” Martin lầm bầm. Rồi gã nói thêm. “Và bây giờ, tôi chắc chắn mẹ em muốn em lấy tôi.”

Gã không đặt thành một câu hỏi. Gã nói câu đó, như một điều chắc chắn và trước mặt gã, những bảng con số tiền nhuận bút của gã lại bắt đầu rộn múa.

“Em chắc là mẹ em không phản đối điều ấy.” Ruth nói.

“Bây giờ bà nhà cho tôi là người hoàn toàn có đủ tư cách?”

Ruth gật đầu.

“Thế nhưng bây giờ tôi lại không hề có đủ tư cách hơn cái hồi bà đã khước từ lời đính ước một chút nào.” Gã nói. “Tôi không thay đổi một chút nào. Tôi vẫn là cái gã Martin Eden ấy, tuy rằng thực ra có tồi tệ hơn đi chút ít vì bây giờ tôi lại hút thuốc lá. Em không nghĩ thấy hơi thở của tôi sao?”

Để trả lời nàng ấn ngón tay của nàng lên môi gã, nàng đặt chúng lên môi gã một cách duyên dáng quá, có vẻ nghịch ngợm chờ một chiếc hôn, mà xưa kia đó là điều tất nhiên. Nhưng đôi môi của Martin không có một sự trả lời âu yếm nào. Gã đợi cho những ngón tay buông ra rồi lại tiếp tục nói.

“Tôi không có gì thay đổi hết. Tôi vẫn không có việc làm. Tôi vẫn không đi tìm công ăn việc làm. Hơn nữa, tôi sẽ không bao giờ đi tìm việc

làm đâu. Tôi vẫn cho rằng Herbert Spencer là một người cao quý và vĩ đại, còn cái ông thẩm phán Blount vẫn là một con lừa ngu ngốc không khác đi chút nào. Tối hôm nọ tôi có ăn cơm đằng nhà ông ấy, tôi thấy như thế rõ lắm.”

“Thế mà anh lại không nhận lời mời của ba em,” nàng trách.

“Thế ra em cũng biết à? Ai bảo ông ấy đến mời anh? Mẹ em à?”

Nàng yên lặng.

“Hắn mẹ cô bảo ba cô đi rồi. Tôi nghĩ thế. Chắc là giờ đây cũng mẹ cô bảo cô đến đây?”

“Không ai biết em ở đây cả mà,” nàng cãi. “Anh nghĩ rằng mẹ em lại cho phép em như thế hay sao?”

“Mẹ em cho phép em lấy tôi, điều đó thì chắc chứ?”

Nàng kêu thét lên:

“Ôi, Martin, anh đừng tàn nhẫn thế. Từ bấy đến giờ anh không hôn em lần nào. Anh vô tình như một tảng đá. Anh thử nghĩ xem em đã táo bạo làm những điều gì.” Nàng rung mình nhìn quanh, tuy cái nhìn ấy nửa có vẻ tò mò. “Anh hãy nghĩ xem em đang ở đâu.”

“Em có thể chết vì anh! Em có thể chết vì anh!” Câu nói của Lizzie lại vang lên trong tai gã.

“Tại sao trước kia cô đã không dám làm như thế?” Gã hỏi một cách phũ phàng. “Khi tôi chưa có việc làm? Khi tôi đang chết đói? Khi tôi vẫn là tôi bây giờ, một con người, một nhà nghệ sĩ, vẫn cái anh chàng Martin Eden ấy? Đó là câu hỏi tôi luôn luôn tự hỏi trong bao nhiêu ngày nay, không phải chỉ riêng đối với cô, mà đối với hết thảy mọi người. Cô thấy tôi có thay đổi gì đâu, tuy cái giá trị bề ngoài đột ngột của tôi khiến tôi luôn luôn thấy mình có thay đổi. Tôi vẫn có cùng một thứ da thịt bao bọc lấy xương, vẫn mười ngón tay và mười ngón chân. Tôi vẫn là con người ấy thôi. Tôi không có thêm một sức mạnh nào cũng không có một đức tính nào mới cả. Trí óc tôi vẫn là trí óc ngày xưa ấy. Tôi cũng không có đến một quan niệm nào mới về văn học và triết học. Bản thân tôi cũng có cùng một giá trị như khi không có một ai cần đến tôi. Điều làm tôi ngạc nhiên là không hiểu tại sao bây giờ người ta lại cần đến tôi. Chắc chắn rằng họ không cần đến tôi vì tôi, bởi vì tôi bây giờ vẫn là cái tôi ngày xưa khi họ không cần đến. Thế thì hẳn họ

phải cần đến tôi vì một cái gì khác, vì một cái gì đó ở bên ngoài tôi, một cái gì đó không phải là tôi. Tôi có thể nói cho cô biết cái đó là cái gì không? Đó là tiếng tăm mà tôi đã nhận được. Cái tiếng tăm đó không phải là tôi? Nó ở trong những bộ óc của người khác. Rồi đó là số tiền mà tôi đã kiếm được và đang kiếm được. Nhưng tiền đó không phải là tôi. Nó ở trong ngân hàng, ở trong cái túi của ông Tom, ông Dick, ông Harry nào đó. Có phải vì cái đó, vì tiếng tăm, vì tiền bạc mà bây giờ cô cần đến tôi không?”

“Anh làm tan vỡ trái tim em,” nàng nức nở. “Anh biết là em yêu anh, là em đến đây bởi vì em yêu anh!”

“Tôi e rằng cô chưa hiểu ý tôi,” gã nói dịu dàng. “Ý tôi muốn nói là: nếu bây giờ cô yêu tôi, tại sao tình yêu của cô bây giờ lại mạnh hơn ngày xưa khi tình yêu của cô yếu đuối đến nỗi có thể từ bỏ tôi?”

“Anh hãy quên đi và hãy tha thứ,” nàng kêu lên tha thiết. “Lúc nào em cũng yêu anh, anh nhớ cho như thế, và bây giờ em đã ở đây, trong cánh tay anh.”

“Tôi rất sợ mình là một anh lái buôn đa nghi, chỉ chăm chú nhìn vào đĩa cân, xem tình yêu của cô nặng đến bao nhiêu, và tính chất của nó là thế nào?”

Nàng vùng ra khỏi cánh tay gã, ngồi thẳng dậy và nhìn vào mặt gã rất lâu và soi mói. Nàng định nói, song lại ngậm ngừng rồi thôi.

“Cô thấy đấy, đối với tôi là như vậy,” gã lại nói tiếp. “Khi tôi vẫn là tôi bây giờ, chỉ trừ những người trong giai cấp của tôi ra còn hình như không ai cần đến tôi cả. Khi những tác phẩm của tôi đã viết xong, hình như không một người nào đã đọc bản thảo quan tâm đến chúng cả. Nói cho đúng ra, chính vì những bản thảo tôi đã viết ấy mà người ta lại càng khinh ghét tôi hơn. Viết những tác phẩm ấy hình như là tôi đã phạm phải những hành động, mà nói cho nó nhẹ nhất cũng là những hành động sa đọa. “Kiếm việc làm đi!” mọi người đều nói như vậy.”

Nàng huơ tay ra ý phản đối.

“Phải, phải,” gã nói tiếp. “Trừ cô, cô đã bảo tôi nên kiếm lấy một chức vị. Cái từ tầm thường *việc làm* cũng như tất cả những từ khác mà tôi đã viết, đều làm cô phật ý. Nó tàn nhẫn quá. Nhưng tôi cam đoan với cô rằng nó còn không tàn nhẫn bằng khi tất cả những người quen tôi đều ném nó vào

mặt tôi như thể khuyên một đứa vô đạo đức phải ăn ở cho đứng đắn. Nhưng ta hãy quay trở lại vấn đề. Những cái tôi viết được in ra, công chúng chấp nhận nó, đã tạo nên một sự thay đổi trong những sợi dây yêu đương của tình yêu của cô. Martin Eden không thôi với những tác phẩm đã viết xong từ lâu, cô không lấy đâu. Tình yêu của cô đối với hắn đã không đủ mạnh mẽ để khiến cô lấy hắn. Nhưng bây giờ thì tình yêu ấy đã đủ mạnh rồi và tôi khó mà có thể tránh được cái kết luận rằng sức mạnh của nó dâng lên do những tác phẩm của tôi đã được in ra và đã được công chúng chấp nhận. Đối với cô, tôi không nói đến tiền nhuận bút làm gì, tuy tôi chắc rằng nó đã đem lại sự thay đổi đối với ba cô và mẹ cô. Tất nhiên, điều đó chẳng làm tôi sung sướng. Nhưng tệ hơn cả là nó làm tôi phải nghi ngờ tình yêu, tình yêu thiêng liêng. Phải chăng tình yêu là cái gì thô kệch đến nỗi phải nhờ sách in, phải nhờ công chúng nuôi dưỡng? Hình như đúng như vậy đây... Tôi hằng ngồi, hằng suy nghĩ về nó cho đến khi đầu óc tôi rối tung lên.”

“Tội nghiệp cái đầu thân yêu,” nàng đưa bàn tay lên và lồng những ngón tay mình qua mớ tóc gã một cách triu mến. “Đừng để cho nó rối tung lên nữa. Chúng ta hãy bắt đầu lại từ đầu. Em vẫn yêu anh. Em biết rằng em yếu đuối đến nỗi đã vâng theo ý muốn của mẹ em. Đáng lẽ em không nên làm như vậy. Em vẫn thường nghe anh nói một cách hào hiệp, đầy lòng nhân ái đến sự yếu đuối, nhẹ dạ của con người. Anh hãy mở lòng nhân ái ấy đối với em. Em đã hành động sai lầm. Anh hãy tha thứ cho em.”

“Ồ, thì tôi tha thứ,” gã nói một cách bức tức. “Thật là dễ khi thực ra không có gì đáng phải tha thứ cả. Cô không làm gì mà phải cần đến sự tha thứ. Người ta chỉ hành động theo khả năng của mình, người ta không thể hành động hơn thế. Cũng giống như bây giờ tôi xin cô tha thứ cho vì tôi đã không đi tìm một việc làm.”

“Ý em là ý tốt,” nàng cãi. “Anh cũng biết đấy. Em không thể nào yêu anh mà lại không mong muốn những điều tốt cho anh.”

“Đúng rồi, nhưng cô cũng có thể hại tôi vì ý định tốt của cô đấy. Phải rồi, đúng rồi.” Gã nói át ý muốn phản đối của nàng. “Cô có thể làm hại công việc văn chương và sự nghiệp của tôi. Hiện thực chủ nghĩa là cái khản khiết đối với bản chất của tôi, bọn tư sản ghét hiện thực chủ nghĩa. Bọn tư sản là một lũ hèn nhát. Chúng sợ cuộc sống. Và mọi cố gắng của cô đều tập

trung vào chỗ làm cho tôi sợ cuộc sống. Cô muốn rập khuôn con người tôi. Cô muốn ép tôi vào cái chuồng chim rộng bốn phân của cuộc sống, nơi mà mọi giá trị của cuộc sống đều không thực, đều giả dối, đều tầm thường.” Gã cảm thấy nàng cự quây có ý phản đối. “Tầm thường – hết sức tầm thường là cái nền tảng của giáo dục và văn hóa tư sản, tôi khẳng định như thế. Như tôi đã nói, cô muốn rập khuôn tôi, làm tôi trở thành một người trong giai cấp của cô, những giá trị, những thiên kiến của giai cấp cô.” Gã lắc đầu buồn bã. “Cô đã không hiểu mà ngay bây giờ cô cũng không hiểu được tôi nói gì. Những lời tôi nói với cô không có cái ý nghĩa mà tôi muốn làm cho nó có. Những cái tôi nói cô cho hoàn toàn là ảo tưởng. Nhưng đối với tôi nó là thực tế sinh động. Cô chỉ thấy bối rối và buồn cười một chút cho cái gã thô kệch này, ngoi từ dưới bùn lầy của vực thẳm lên mà lại dám mạt sát giai cấp của cô cho nó là tầm thường.”

Nàng tựa đầu vào vai gã một cách mệt mỏi, thần kinh căng thẳng lại làm toàn thân nàng run lên. Đợi một lúc không thấy nàng nói gì, gã lại tiếp:

“Bây giờ cô muốn làm lại tình yêu của chúng ta. Cô muốn chúng ta lấy nhau. Cô muốn tôi. Nhưng, cô hãy nghe đây – nếu sách của tôi không được người ta hoan nghênh thì tôi sẽ không được như thế này đâu. Cô sẽ xa lánh tôi. Chính tất cả những quyền sách khôn nạn...”

“Anh đừng vắng tục!” Nàng ngắt lời.

Lời trách của nàng làm gã giật mình. Rồi gã phá lên cười – những tiếng cười phũ phàng.

“Thế đấy,” gã nói, “trong một giây phút khản yếu nhất, trong lúc hình như hạnh phúc của cuộc đời cô đang bị nguy khốn, vậy mà cô vẫn sợ cuộc sống theo cái lối ngày xưa – sợ cuộc sống và những tiếng chửi rủa đầy sức sống của nó.”

Những lời nói ấy của gã làm nàng nhận thấy hành động của mình thật là ấu trĩ, tuy nhiên, khi nàng thấy gã phóng đại nó lên một cách quá đáng thì nàng lại bức bối. Hai người ngồi yên một lúc lâu, nàng thì suy nghĩ một cách tuyệt vọng đến cách thuyết phục được gã, còn gã lại suy nghĩ về mối tình đã mất. Bây giờ thì gã biết rằng gã thực không yêu nàng. Gã chỉ yêu một nàng Ruth lý tưởng hóa nào đó, một con người cao quý thoát tục do gã tự tạo ra, một nàng tiên lung linh ngời sáng trong những vần thơ tình của gã.

Cái cô Ruth tư sản có thực này, với tất cả những nhược điểm tư sản của cô ta, với những cái chật hẹp vô vọng của cái tâm lý tư sản trong đầu óc cô ta, thì quả gã chưa hề yêu.

Nàng bỗng cất tiếng nói:

“Em biết rằng hầu hết những điều anh nói đều đúng cả. Em quả là có sợ cuộc sống. Em đã không yêu anh đầy đủ. Em cần phải học để yêu hơn nữa. Em yêu anh vì anh là anh bây giờ, vì anh đã là anh trước kia, yêu cả cái con đường mà anh đã tự cải biến mình. Em yêu cả những điều bất đồng của anh với cái mà anh gọi là của giai cấp em, yêu anh vì niềm tin của anh mà bây giờ em chưa hiểu được, nhưng em biết rằng sau này em có thể hiểu. Em sẽ tận tụy đem cả đời em ra để mà hiểu nó. Ngay cả đến việc anh lại hút thuốc, và những lời thề bồi, chửi rủa của anh – chúng là một phần của anh, và em cũng yêu cả chúng nữa. Em còn có thể học tập. Mấy phút qua em đã học được rất nhiều. Cái việc em dám đến đây hôm nay là một bằng chứng của những cái mà em đã học được. Ôi, Martin...”

Nàng nức nở và ép chặt vào người gã.

Lần đầu tiên cánh gã ôm lấy nàng một cách triu mến và có thiện cảm, nàng nhận thấy điều đó, nàng sung sướng tựa mình, nét mặt bừng lên rạng rỡ.

“Quá muộn rồi!” Gã nói và nhớ lại lời Lizzie. “Tôi là một con người ốm yếu, không phải ốm yếu về thể xác đây, trong tâm hồn tôi, trong trí óc tôi cơ. Hình như tôi đã mất hết cả lòng ham sống rồi. Tôi đứng đưng với tất cả. Nếu cô nói với tôi thế này vài tháng trước đây thì tình hình có lẽ đã khác. Bây giờ thật đã quá muộn.”

“Không quá muộn đâu,” nàng kêu lên. “Em sẽ cho anh thấy là không quá muộn đâu. Em sẽ chứng tỏ để anh thấy rằng tình yêu của em đã lớn lên, đối với em bây giờ nó lớn hơn cả giai cấp của em, hơn tất cả những gì thân thiết nhất đối với em. Tất cả những gì thân thiết nhất đối với giai cấp tư sản em đều vứt bỏ đi tất. Em không còn sợ cuộc sống nữa. Em sẽ rời bỏ ba em và mẹ em, mặc cho tên em trở thành một chuyện cười cho các bạn hữu. Em sẽ đến đây ở với anh ngay bây giờ, không cần cưới xin gì cả, nếu anh muốn như thế, em sẽ lấy làm kiêu hãnh và sung sướng được sống với anh. Nếu em đã là một kẻ bội phản trong tình yêu, thì bây giờ, vì tình yêu, em sẽ nguyện

là một kẻ bội phản đối với tất cả những gì xưa kia đã làm em trở thành kẻ bội phản.”

Nàng đứng trước mặt gã, mắt long lanh.

“Em đang chờ đợi, anh Martin, nàng thì thảo, đang chờ đợi anh tiếp nhận em. Anh hãy nhìn em đi nào!”

Nhìn nàng thật là lộng lẫy, gã nghĩ thế. Nàng đã chuộc lại tất cả những gì nàng thiếu sót khi xưa, và cuối cùng đã vươn lên thành một người đàn bà chân chính, vượt hơn hẳn những luật lệ bằng sắt của những quy ước tư sản. Thật là lộng lẫy, thật là huy hoàng, thật là táo bạo. Nhưng mà đối với gã nó có nghĩa lý gì? Gã không rung động, không rợn rùng vì những cái nàng đã làm. Nó chỉ huy hoàng, chỉ lộng lẫy trong lý trí thôi. Đáng lẽ phải là một ngọn lửa rừng rực thì gã lại chỉ tán thưởng nàng một cách lạnh lùng. Trái tim gã không xôn xang. Gã không cảm thấy ham muốn nàng một chút nào hết. Gã lại nhớ tới lời nói của Lizzie.

“Tôi ốm yếu, rất ốm,” gã nói với một cử chỉ tuyệt vọng. “Bây giờ tôi mới biết là tôi ốm yếu đến thế. Có một cái gì trong con người tôi đã biến mất. Xưa nay tôi vẫn không hề sợ cuộc sống nhưng tôi không ngờ rằng tôi lại chán ứ cuộc sống đến thế. Cuộc sống đối với tôi đã đầy ứ ra đến nỗi tôi không còn ham muốn một cái gì nữa. Nếu như còn ham muốn hẳn bây giờ có thể là tôi cần cô. Nhưng cô thấy đấy, tôi ốm yếu đến chừng nào!”

Gã ngả đầu ra sau, nhắm mắt lại, và giống như một đứa trẻ đang khỏe thấy ánh nắng mặt trời thấm qua màng nước mắt trong con người liền quên hết nỗi sầu khổ, Martin cũng quên bệnh tật của mình, quên cả sự có mặt Ruth và mọi thứ, chỉ nhìn thấy những hàng cây rọi ánh nắng lọt qua mắt gã, nó thành hình và rục róc lên dưới mi mắt gã. Nó không làm cho lòng người thanh thản đi chút nào, cái đám lá cây xanh ấy. Ánh mặt trời lóa sáng quá, gay gắt quá. Nó làm mắt gã chói lên khi nhìn vào, tuy nhiên không hiểu tại sao gã vẫn cứ nhìn.

Gã bỗng tỉnh lại vì tiếng quả đấm cửa lạch cạch. Ruth đã đứng ở bên cửa rồi.

“Em ra ngoài thế nào được bây giờ?” Nàng hỏi giọng đầy nước mắt. “Em sợ lắm.”

“Ồ, xin tha lỗi cho tôi,” gã kêu lên rồi đứng bật dậy. “Cô biết đấy đầu óc tôi thật thường. Tôi quên mất rằng cô ở đây.” Gã để tay lên đầu mình. “Cô thấy đấy, tôi không được bình thường. Để tôi đưa cô về. Chúng ta có thể đi theo lối đi của các người hầu phòng. Không ai nhìn thấy chúng ta đâu. Bỏ cái mạng xuống là mọi chuyện yên cả.”

Nàng bám lấy tay gã, qua những lối đi tối mờ mờ, và bước xuống những bậc cầu thang hẹp hẹp.

“Thôi yên rồi,” nàng nói khi họ đã ra tới đường, đồng thời định bỏ tay ra không vịn vào cánh tay gã nữa.

“Không mà, không mà, để tôi đưa cô về nhà.” Gã trả lời.

“Thôi xin đừng!” Nàng phản đối. “Không cần thiết.”

Nàng lại định bỏ tay ra. Gã cảm thấy tò mò trong thoáng lát. Bây giờ đến lúc hết nguy hiểm rồi thì nàng lại sợ. Nàng hầu như hoảng hốt muốn rời gã ngay. Gã không thể thấy một cơ gì, và cho rằng đó là do thần kinh của nàng. Vì thế gã giữ lấy bàn tay nàng và tiếp tục bước đi cùng nàng. Tới quãng đường chạy qua dãy nhà, gã thấy một người đàn ông mặc áo khoác dài đang lúi vào trong một cái khung cửa. Gã đưa nhanh mắt nhìn vào khi đi qua và mặc dù gã nọ đã kéo cao cổ áo lên, Martin vẫn nhận ra đó là Norman, cậu em của Ruth.

Dọc đường, Ruth và Martin chuyện trò rất ít. Nàng choáng váng cả người, gã thì lãnh đạm. Có một lúc gã nói cho nàng biết rằng gã sắp... sẽ quay trở lại miền Nam, có một lúc, nàng đã xin gã tha lỗi cho vì đã nói tới gặp gã. Chỉ có thể thôi. Cuộc chia tay ở cửa nhà nàng thật là đúng qui pháp. Họ bắt tay, chúc nhau ngủ ngon, gã nâng mũ lên chào. Cánh cửa khép lại, gã châm một điếu thuốc rồi quay về khách sạn. Khi gã quay lại chỗ khung cửa, nơi gã đã thấy Norman lúi vào, gã dừng lại, nhìn vào trong với một vẻ hài hước suy nghĩ.

“Cô ta nói dối,” gã lớn tiếng. “Cô ta làm cho mình tin rằng cô ta táo gan, trong lúc đó cô ta vẫn biết rằng thằng em dẫn cô ta đi đang đợi để đưa cô ta về.” Gã phá lên cười. “Ồ cái bọn tư sản này, khi mình không có một đồng xu dính túi, đừng hòng để cho thiên hạ nhìn thấy mình cùng đi với chị nó; còn khi mình có tài khoản ở ngân hàng, nó lại dẫn chị nó tới với mình.”

Trong khi gã quay gót bước tiếp, gã bỗng thấy một gã cùng đi về phía gã, nói qua vai gã, xin tiền.

“Thưa ông, xin ông cho tôi một xu để tìm chỗ ngủ trọ.”

Giọng nói đó làm Martin quay lại. Ngay sau đó, gã đã nắm lấy tay Joe.

“Anh có nhớ cái lần chúng ta từ biệt nhau ở Hot Spring không?” Joe nói. “Lúc ấy tôi đã nói thế nào chúng ta cũng gặp lại nhau. Tôi đã cảm thấy như vậy trong xương tủy tôi. Thế mà chúng ta gặp nhau ở đây thật.”

“Trông cậu khỏe lắm.” Martin nói, có vẻ khen ngợi. “Cậu lên cân đấy.”

“Hẳn rồi,” nét mặt Joe rạng rỡ. “Cho đến khi mình sống lang thang thì mới biết cuộc đời là thế nào. Mình đã nặng lên được ba mươi “pao” và cảm thấy dễ chịu lắm. Chứ sao, ngày xưa mình phải làm cho chúng đến chỉ còn cái da bọc xương, sống lang thang hẳn hợp với mình.”

“Nhưng cậu vẫn còn đang phải đi tìm chỗ ngủ trọ,” Martin nói đùa. “Đêm nay lạnh lắm.”

“À, ừ! Mình đang tìm chỗ ngủ trọ,” Joe thọc tay vào trong túi ở hông lôi ra đầy một nắm xu. “Cái nghề này khổ công lắm chứ có phải chơi,” anh ta vui lên. “Trông cậu có vẻ bánh, mình mới xin.”

Martin cười và đưa nắm tiền cho Joe.

“Với số tiền này, hẳn được tha hồ uống rượu!” Martin nói ướm.

Joe bỏ nắm tiền vào trong túi.

“Mình, bây giờ không uống nhiều rượu nữa,” anh ta nói. “Mình không nghĩ tới chuyện uống say rượu nữa, tuy rằng không uống là do mình không thích thôi, chứ không gì có thể ngăn cấm nổi mình. Từ ngày chia tay với cậu, mình chỉ uống có một lần, cũng là bất đắc dĩ vì dạ dày lép quá. Khi mình làm việc như một con vật, mình uống như một con vật. Khi mình sống như một con người, mình uống như một con người – thỉnh thoảng thấy thích thì nhấp nháp một tí, thế thôi.”

Martin hẹn gặp lại Joe vào sáng hôm sau, rồi đi về khách sạn. Gã dừng lại ở phòng xem giờ tàu chạy. Năm hôm nữa, tàu Mariposa sẽ nhổ neo đi Tahiti.

“Ngày mai anh hãy gọi điện thoại bảo để dành riêng cho tôi một phòng,” gã nói với người quản lý khách sạn, không lấy phòng ở phía trước

mà phòng ở phía sau nhé, chỗ có hướng gió ấy – phòng phía tay trái, nhớ nhé, phòng phía tay trái ấy. Anh nên ghi lại thì hơn.”

Về đến phòng gã trèo lên giường và ngủ nhẹ nhàng như một đứa trẻ. Sự việc lúc buổi chiều không để lại một ấn tượng nào trong gã cả. Không một ấn tượng nào để lại dấu vết trong trí óc gã. Cái giây phút ám áp gặp lại Joe chỉ là một giây phút thoáng qua. Phút sau gã lại bị giày vò bởi sự hiện diện của anh bạn thợ giặt ngày xưa, bởi câu chuyện không thể nào không nói. Cái chuyện hơn năm ngày nữa gã sẽ tới miền biển phương Nam thân yêu đối với gã cũng không có nghĩa gì hết. Vì thế, gã nhắm mắt lại và ngủ bình thường, yên ả tám tiếng đồng hồ liền không thức giấc. Gã không trần trọc. Gã không đổi tư thế nằm, gã cũng không nằm mê nữa.

Giấc ngủ đối với gã là một sự quên lãng, và mỗi ngày gã trở dậy, gã trở dậy với niềm tiếc hận. Cuộc sống làm cho gã buồn phiền, bức bối, thời gian là một sự quấy rầy.

CHƯƠNG 46

“Này, Joe,” đó là câu gã chào người bạn lao động ngày xưa sáng hôm sau. “Ở phố hai mươi tám có một người Pháp. Anh ta làm ăn phát tài và sắp trở về quê, muốn bán một xưởng giặt nhỏ, loại cừ, thiết bị đầy đủ. Đó là bước bắt đầu cho cậu nếu cậu muốn ổn định. Này, cầm lấy cái này, mua vài bộ quần áo, mười giờ cậu hãy lại phòng làm việc của gã đó. Gã ta đã cho mình xem cái xưởng giặt ấy, gã sẽ dẫn cậu đi xem xét các nơi. Nếu cậu thích và cho là phải giá – mười hai nghìn – thì cứ cho mình biết và nó sẽ thuộc cậu đấy. Thôi nhanh lên. Mình đang bận. Sẽ gặp cậu nhé.”

“Này, Mart này,” Joe nói chậm rãi, anh đang giận sôi lên. “Sáng hôm nay tớ đến để thăm cậu. Hiểu không? Tớ đến đây không phải là để lấy cái xưởng giặt. Tớ đến đây để chuyện trò với cậu vì tình nghĩa bạn bè ngày xưa, thế mà cậu lại đẩy đến cho tớ một xưởng giặt. Để tớ dạy cho cậu một bài học. Mặc xác cậu với cái xưởng giặt của cậu.”

Joe định lao ra khỏi phòng, nhưng Martin đã nắm lấy vai anh ta và quật lại.

“Nghe đây, Joe,” Martin nói. “Nếu cậu xử sự như thế tớ sẽ nện vào cái đầu cậu. Và vì tình nghĩa bạn bè ngày xưa tớ sẽ nện cho ra trò. Hiểu không? Hiểu chứ, hiểu không?”

Joe đã nắm lấy Martin định quật ngã xuống, anh ta đang oằn người quần quai vùng ra khỏi tay Martin. Họ đẩy nhau quanh phòng, ghì chặt lấy nhau, cuối cùng cả hai ngã xuống đánh rầm một cái, một chiếc ghế mây gãy. Joe nằm dưới, hai tay dang ra vì bị giữ chặt, đầu gối Martin tì lên ngực. Joe tỏ hồng hộc lấy hơi khi Martin buông anh ra.

“Bây giờ chúng ta nói chuyện một lúc,” Martin nói. “Đừng có khách khí với tớ. Tớ muốn cái chuyện xưởng giặt ấy xong cái đã. Thế rồi cậu sẽ lại đây, ta sẽ chuyện trò vì tình nghĩa bạn bè ngày xưa. Tớ đã bảo cậu là tớ đang bận. Cậu thấy đấy.”

Người hầu phòng bước vào, mang theo một tập to tương thư và tạp chí chuyên sáng.

“Tớ làm sao mà có thể vừa vùi đầu vào cái đồng này vừa nói chuyện với cậu được? Cậu cứ đi thu xếp – việc xưởng giặt, rồi chúng ta sẽ gặp nhau.”

“Thôi được,” Joe nhận một cách miễn cưỡng. “Tớ cứ tưởng rằng cậu định đuổi tớ đi, nhưng tớ chắc rằng tớ đã nhầm. Nhưng mà này, cứ đường đường chính chính mà đánh nhau thì cậu không thể hạ nổi tớ đâu. Quả đấm của tớ cũng có thể đương nổi với cậu đấy.”

“Rồi chúng ta sẽ cố gắng và xem thế nào.” Martin vừa nói vừa mỉm cười.

“Hiểu rồi, ngay sau khi thu xếp xong cái xưởng giặt,” Joe giơ cánh tay ra. “Cậu thấy quả đấm này chứ? Rồi nó sẽ cho cậu nếm thử một ít.”

Martin thở một hơi dài nhẹ nhõm khi cửa đóng lại sau lưng anh bạn thợ giặt. Gã đã trở thành người ghét những chuyện giao tiếp. Hằng ngày gã thấy thật phải căng thẳng lắm mới giữ được nhã nhặn hòa khí với mọi người. Sự có mặt của họ quấy rối gã, chuyện trò với họ làm gã bực mình. Họ làm gã khó chịu bồn chồn, chưa trò chuyện được với họ mấy câu gã đã tìm cách cáo lỗi để tổng họ đi.

Gã không động đến những bức thư, gã ngã mình trong chiếc ghế, suốt nửa tiếng đồng hồ, không làm gì hết trong khi những ý nghĩ mơ hồ chưa thành hình hẳn, thỉnh thoảng lại lọt vào đầu óc gã, hay nói cho đúng hơn, thỉnh thoảng làm đầu óc khi mờ khi tỏ của gã cũng chỉ có những ý nghĩ đó tự nó thành hình.

Gã cố phẩn chấn tinh thần và bắt đầu lướt nhìn những bức thư gửi tới. Có đến hơn chục bức xin xỏ nhà nghề, có những bức thư của những anh chàng kì quái, lần lượt từng một anh chàng khoe là đang chế được một cái máy có động cơ vĩnh cửu, một anh chàng đang cố chứng minh trái đất là phía trong của hình cầu rỗng, cho đến một anh chàng đương đi tìm nguồn giúp đỡ về tài chính để mua một bán đảo ở miền hạ California để làm một khu vực cộng sản. Có những bức thư của phụ nữ tìm cách làm quen với gã, có một bức làm gã mỉm cười vì trong thư gửi kèm một giấy biên lai và tiền đăng ký chỗ ngồi ở nhà thờ coi đó như chứng cứ của lòng sùng đạo và sự đoan trang của cô ta.

Các ông chủ bút của nhà xuất bản cũng đóng góp phần mình vào cái đồng thư hàng ngày đó, các ông chủ bút thì cầu xin bản thảo của gã, các nhà xuất bản thì cầu xin sách của gã – những bản thảo bị khinh miệt đáng thương đã khiến gã trước kia có bao nhiêu thứ đều phải mang ra hiệu cầm đồ trong bao nhiêu tháng dòng thê thảm cốt để lấy tiền mua tem gửi chúng đi. Có nhiều tấm ngân phiếu bất ngờ về quyền được đăng nhiều kỳ trong báo tiếng Anh và tiền đặt trước cho các bản dịch ra tiếng nước ngoài. Người đại lý của gã ở Anh báo cho biết ba cuốn sách của gã đã được bán bản quyền dịch ra tiếng Đức và cũng báo thêm là với nhà xuất bản Thụy Điển thì gã không mong đợi được gì đâu vì Thụy Điển không là một thành viên theo công ước Berne^[139] nhưng sách họ in đã bán ra thị trường. Ngoài ra còn một bức thư cho phép xin dịch một tác phẩm của gã ra tiếng Nga cũng không tham gia ký công ước Berne.

Gã giở cái đồng to tướng những bài cắt ở báo của Nghiệp đoàn cung ứng đã gửi đến cho gã, gã đọc những bài viết về gã và tình hình thiên hạ hoan nghênh gã, bây giờ nó đã trở thành điên cuồng. Toàn bộ sáng tác của gã trong một loại kỳ lạ đã được ném ra hết cho độc giả. Điều đó hình như giải thích được cái chuyện gã được hoan nghênh đến điên cuồng như vậy. Gã làm cho độc giả phát cuồng lên đi tìm đọc tác phẩm của gã như Kipling khi đã gần chết rồi thì đám quần chúng hạ tiện, bị kích động bởi một tư tưởng hạ tiện, bỗng nhiên bắt đầu đọc ông. Martin nhớ lại rằng cũng cái thế giới độc giả hạ tiện ấy đọc Kipling tán thưởng ông, và không hiểu nổi ông một chút nào, bỗng nhiên vài tháng sau lại quay qua đả phá ông, xé ông ra

từng mảnh nhỏ. Nghĩ như thế, Martin cười gằn. Gã là ai mà gã có thể sẽ không bị người ta đối xử như thế trong vài tháng nữa. Được lắm, gã sẽ chơi cho cái bọn hạ tiện này một vỏ. Gã sẽ đi xa, đến biển miền Nam, dựng tòa nhà bằng cỏ, buôn bán ngọc và củi dừa khô, cưỡi thuyền vượt những mòm đá ngầm san hô, săn cá mập và cá giếc, săn sơn dương trên những mòm núi cao tí của cái thung lũng gần thung lũng Taiohae.

Đúng vào lúc nghĩ như vậy, tình trạng tuyệt vọng lại đến với gã. Gã trông thấy rất rõ ràng là gã đã bước vào Thung lũng Tử thần. Tất cả cuộc sống trong gã mờ đi, nhạt đi, tiến gần tới cõi chết. Gã nhận thấy sao gã ngủ nhiều thế. Ngày xưa gã ghét giấc ngủ. Giấc ngủ ngày xưa đã cướp đi mất của gã những giây phút quý giá của cuộc sống. Bốn giờ ngủ trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ có nghĩa là nó đã cướp mất bốn giờ của cuộc sống. Sao mà lúc ấy gã ghét giấc ngủ đến thế? Bây giờ cái gã ghét lại chính là cuộc sống. Cuộc sống không có gì tốt đẹp, mùi vị của nó trong miệng gã không có một chút ngọt ngào nào, chỉ toàn là cây đắng. Nguy cơ của gã là ở chỗ đó. Cuộc sống mà không vươn tới sống thì chính là nó đang đi tới chỗ ngưng lại. Một bản năng bảo tồn xa xăm nào bỗng rộn lên trong lòng gã, khiến gã hiểu rằng gã phải đi xa. Gã đưa mắt nhìn quanh phòng, cái ý nghĩ phải xếp hành lý thật là một gánh nặng. Có lẽ cứ để cái đó đẩy cho đến phút cuối cùng.

Lúc này gã có thể đi sắm một ít đồ đã.

Gã đội mũ và bước ra, dừng lại ở cửa hiệu bán súng. Gã lấy số tiền còn lại buổi sáng mua súng tự động, mua đạn và mấy bộ đồ câu. Lẽ lối buôn bán bây giờ thay đổi rồi, và gã biết gã có thể đợi đến khi tới Tahiti rồi mới lấy hàng cũng được. Những thứ đó có thể gửi từ Úc bằng cách này hay cách khác. Biện pháp giải quyết này làm cho gã sung sướng. Gã đã tránh được khỏi phải làm một công việc, và làm bất cứ một công việc gì lúc này cũng đều khó chịu. Gã sung sướng quay về khách sạn với một cảm giác hài lòng nghĩ tới cái ghế bành thoải mái kiểu Morris đang đợi gã. Gã rên lên trong lòng lúc bước vào phòng thấy Joe đang ngồi trong chiếc ghế đó.

Joe sung sướng vì cái xưởng giặt. Mọi việc đều đã thu xếp xong, và ngày hôm sau anh ta đã trở thành ông chủ rồi. Martin nằm trên giường, mắt nhắm lại trong khi Joe cứ nói. Trí óc của Martin ở tận đâu đâu - ở rất xa đến

nổi hầu như gã không biết rằng mình đang nghĩ gì nữa. Phải cố gắng lắm thỉnh thoảng gã mới trả lời được. Ấy thế mà đây lại chính là Joe, con người mà gã vẫn luôn luôn yêu mến ấy. Nhưng Joe đang quá say sưa với cuộc sống. Sự say sưa âm ỉ của anh ta làm cho tâm hồn đã chán chường của Martin thấy khó chịu. Nó làm cho thần kinh đã mệt mỏi của gã đau đớn. Khi Joe nhắc tới chuyện rồi đây một ngày nào đó trong tương lai hai người cùng làm ăn với nhau, thì Martin gần như hét lên.

“Này Joe, cậu phải nhớ rằng cậu sẽ quản lý cái xưởng giặt theo những quy tắc mà cậu vẫn thường nói tới hồi ở Shelly Hot Spring đấy nhé. Không làm quá sức, không làm đêm. Không dùng trẻ con đứng máy giặt. Không dùng trẻ con ở bất cứ chỗ nào. Lương phải trả trả cho hậu.”

Joe gật đầu và rút ra một cuốn sổ tay.

“Cậu nhìn đây, mình đã thảo ra những quy tắc trước bữa điếm tâm sáng nay. Cậu thấy thế nào?”

Joe đọc to lên, Martin vừa tán thành đồng thời vừa bực mình không hiểu đến lúc nào anh chàng Joe này mới xéo đi cho.

Mãi đến chiều gã mới trở dậy. Thực trạng của cuộc sống lại chậm chạp quay lại với gã. Gã nhìn quanh căn phòng, chắc rằng Joe đã lên ra khi thấy gã gà gật ngủ. Gã nghĩ đó là một cử chỉ tế nhị của Joe. Rồi gã lại nhắm mắt và ngủ tiếp.

Những ngày sau, Joe còn bận tổ chức thu xếp xưởng giặt cho nên không đến quấy rầy gã nhiều. Và mãi đến tận hôm trước ngày khởi hành, các báo mới loan tin rằng gã đã lấy vé đáp tàu Mariposa. Có một lần, khi bản năng sinh tồn thúc giục, gã tới bác sĩ để khám toàn thân. Không thấy bệnh tật gì ở gã cả. Tim và phổi gã rất tốt. Mọi cơ quan, những cái mà bác sĩ có thể biết được, đều bình thường, hoạt động bình thường.

“Ông Eden, ông không có bệnh tật gì.” Bác sĩ nói. “Chắc chắn là ông không có bệnh tật gì đâu. Sức khỏe của ông rất tốt. Tôi rất thèm có được một sức khỏe như ông. Thật là tuyệt. Thử nhìn bộ ngực mà xem. Chính ở trong lồng ngực này và bộ dạ dày của ông đã ẩn tất cả những bí mật của cái thể chất đặc biệt của ông. Đứng về mặt thể chất mà nói, thì phải hàng nghìn người mới có một người cho ông. Trừ phi gặp tai nạn còn thì ông có thể sống đến trăm tuổi.”

Và Martin thấy rằng lời chẩn đoán của Lizzie là đúng. Về thể chất, gã không có bệnh tật gì. Chính cái “bộ máy suy nghĩ” của gã đang có bệnh, không có gì có thể chữa chạy được, chỉ trừ phải đi tới biển miền Nam. Phiền một nỗi là, lúc này ngay trước khi đi, gã lại không muốn đi nữa. Biển miền Nam không còn làm cho gã say đắm cũng như cái nền văn minh tư sản. Không có một chút hăng say nào trong ý nghĩ ra đi, trong khi việc ra đi lại làm cho gã kinh sợ như một nỗi mệt mỏi về thể xác. Giá như gã đã lên tàu và đi rồi thì có lẽ gã cảm thấy dễ chịu hơn.

Ngày cuối cùng là một sự thử thách đau buồn. Sau khi đọc báo buổi sáng được tin gã xuống tàu, Bernad Higginbotham, chị Gertrude cùng gia đình, cả hai vợ chồng Hermann Von Schmidt và Marian đều đến chào tiễn biệt gã. Rồi còn phải giải quyết một số công việc, phải thanh toán một số hóa đơn, còn phải chịu đựng các ông phóng viên không bao giờ hết. Lúc đưa Lizzie Connolly tới cửa lớp học ban đêm, gã đột ngột từ biệt nàng và vội vã quay đi. Gã gặp Joe ở khách sạn. Suốt ngày Joe quá bận với công việc ở xưởng giặt không đến sớm hơn được. Đã mệt mỏi lắm rồi, nhưng Martin vẫn nắm chặt lấy tay ghế, nói chuyện và nghe trong nửa tiếng đồng hồ.

“Này Joe ạ,” gã nói. “Cậu biết đấy, cậu không bị ràng buộc vào cái xưởng giặt ấy đâu. Không có sợi dây nào trói buộc cậu cả. Cậu có thể bán nó đi bất cứ lúc nào và xài cho hết tiền. Bất cứ lúc nào cậu chán nó và lại muốn sống cuộc đời lang thang thì cứ việc. Cứ làm thế nào cậu sung sướng nhất thì làm.”

Joe lắc đầu.

“Chân thành cảm ơn cậu. Mình không muốn sống lang thang nữa. Sống lang thang thì cũng được thôi, duy có một điều không ổn là thiếu con gái. Mình không sao khác được, mình là một thằng phải có đàn bà. Mình không thể sống nếu không có họ; và khi làm cái nghề lưu đàng thì đành phải chịu không có đàn bà thôi. Những lúc đi qua các nhà có nhảy nhót, có tiệc tùng, nghe thấy có tiếng đàn bà cười, trông thấy những bộ áo trắng của họ, những bộ mặt tươi cười của họ qua cửa sổ thì – trời ơi! Lúc đó thật khổ bằng sống trong địa ngục. Mình thích nhảy, thích cắm trại, thích đi chơi trăng và tất cả những cái khác, thích lắm. Mình, ông chủ một xưởng giặt, mẽ người bảnh

bao, với những đồng đô la to tướng rủng rinh trong túi. Mình đã gặp một cô, vừa mới hôm qua thôi, thế mà cậu có biết không, mình đã cảm thấy thế nào cũng phải lấy cô ta bằng được. Nghĩ tới chuyện đó, mình cứ huýt sáo cả ngày. Cô ta người thật đẹp, đôi mắt hiền hậu nhất đời, giọng nói dịu dàng nhất đời. Cậu không bao giờ được nghe một giọng nói như thế đâu. Mình thế nào cũng phải lấy cô ta. Cậu cứ yên trí điều đó. Này, cậu có bao nhiêu tiền để xài như thế, mà sao không kiếm lấy một cô vợ? Cậu có thể kiếm được một cô đẹp nhất trên đời.”

Martin lắc đầu mỉm cười, nhưng trong thâm tâm gã ngạc nhiên tự hỏi, tại sao người nào cũng cần lấy vợ. Hình như đó là một điều kỳ quái, không thể hiểu nổi.

Từ trên boong tàu Mariposa lúc khởi hành, gã trông thấy Lizzie Connolly lẫn trong đám đông trên bến. “Hay đưa nàng cùng đi với mình,” gã bỗng nghĩ. Làm điều đó cũng dễ. Nàng chắc sẽ vô cùng sung sướng. Trong một phút, nó hầu như là một điều cảm dỗ, nhưng phút sau nó trở thành một nỗi khủng khiếp. Gã kinh hoàng nghĩ tới điều đó. Tâm hồn của gã kêu lên phản đối. Gã quay mình khỏi lan can, rên lên một tiếng và lẩm bẩm: “Gã kia, mi ôm yếu lắm rồi, ôm yếu lắm rồi!”

Gã chạy trốn vào trong buồng riêng, gã náu kín trong đó cho đến khi con tàu khuất hẳn bến cảng. Trong phòng ăn, bữa chiều, gã thấy mình ngồi ở chỗ danh dự bên phải ông thuyền trưởng; và chẳng phải lâu la gì, gã thấy mình là một người vĩ đại không toại nguyện như thế. Suốt buổi chiều, gã ngồi trong một cái ghế trên boong, mắt nhắm nghiền gà gật, và đến tối gã đi ngủ sớm.

Sau ngày thứ hai, qua cơn say sóng, toàn bộ những hành khách đã ra mặt đông đủ: càng trông thấy họ, gã càng ghét. Gã biết như thế là bất công đối với họ. Họ đều là những người tử tế; gã bắt mình phải thừa nhận, và trong khi thừa nhận, gã lại thấy rằng họ tốt, tử tế như tất cả bọn tư sản với sự trói buộc về tâm lý, và sự rỗng tuếch về tri thức của bọn tư sản. Họ làm cho gã bức mình khi họ nói chuyện với gã, những bộ óc nhỏ bé nông cạn của họ thật là trống rỗng, trong khi đó sự vui nhộn âm ỉ và cái khí lực quá thừa thải của bọn trẻ làm cho gã khó chịu. Bọn này không bao giờ ngồi yên,

suốt ngày ném vòng ở trên boong, đi dạo, hay chạy xô ra lan can, la hét om xòm khi nhìn thấy những con cá heo chồm lên, hay những đàn cá bay.

Gã ngủ nhiều. Sau khi ăn sáng, gã ra ngồi ở chiếc ghế trên boong với tờ báo mà không bao giờ gã đọc hết. Những trang chữ in làm cho gã mệt mỏi. Gã thắc mắc không hiểu tại sao người ta lại tìm được nhiều cái để viết như thế, và trong khi thắc mắc, gã lại gà gât ngủ. Khi tiếng cồng báo bữa ăn chiều đánh thức gã, gã bực mình vì phải thức dậy. Phải thức, thật không có chút nào vui vẻ.

Có lần gã đã cố rũ mình khỏi trạng thái mê mộng này, bước vào buồng lái với các thủy thủ. Nhưng những người thủy thủ hình như cũng đã thay đổi, không như cái ngày gã đã sống ở buồng lái. Gã không thể tìm thấy một chút dây mớ rề má gì với những con người mặt mũi đàn độn, đầu óc ngu ngốc như thú vật này. Gã thất vọng. Trên cao kia, thì không ai cần Martin Eden vì gã, mà gã thì lại không thể quay lại với giai cấp của mình, với những người đã cần gã trong quá khứ. Gã không cần họ nữa. Gã không thể chịu được họ, cũng như gã không thể chịu đựng được những ông bà hành khách ngu xuẩn trong ca-bin hạng nhất và bọn trai trẻ âm ỉ kia.

Cuộc sống đối với gã như một luồng ánh sáng trắng mạnh mẽ làm đau nhói đôi mắt mệt mỏi của một người ốm. Trong những phút gã tỉnh lại, cuộc sống lại lóe lên trong ánh gay gắt, chung quanh gã, trên mình gã. Nó làm cho gã đau đớn. Nó làm cho gã đau đớn một cách tàn nhẫn. Đây là lần đầu tiên trong đời Martin đi hạng nhất. Ngày xưa, trên những chuyến tàu đi biển, gã chỉ ở phòng lái, chỗ bánh lái, hay ở những chỗ sâu thăm thẳm tối om của hầm than, sức than. Những ngày ấy trèo lên những bậc thang sắt, ra khỏi cái hầm nóng ngột ngạt, gã thường nhìn thấy những hành khách trong những bộ quần áo trắng mát, không làm gì cả, chỉ vui chơi dưới những mái che gió, che nắng với những người hầu khúm núm sẵn sàng chiều theo mọi ý muốn, mọi sở thích của họ; đối với gã hình như cái thế giới mà trong đó họ cử động và cuộc đời của họ không là gì khác mà chính là một thiên đường. Ừ, bây giờ gã ở đây, một con người vĩ đại trên tàu, ở đúng trung tâm của con tàu, ngồi ngay bên phải ông thuyền trưởng, ấy thế mà gã vẫn cứ đi tìm hoài một cách vô vọng nơi buồng lái, trong hầm than, cái Thiên đường

mà gã đã để mất. Gã không tìm thấy một thiên đường mới, và bây giờ gã lại chẳng thể tìm được cái thiên đường cũ nữa.

Gã cố kích động mình và lên tìm một cái gì để gây hứng thú cho mình. Gã vào buồng ăn những hạ sĩ quan, và sung sướng khi ra thoát. Gã nói chuyện với một gã thủy thủ hết giờ trực, một anh chàng thông minh, vừa mới gặp đã đem chủ nghĩa xã hội tuyên truyền thuyết phục gã và nhét vào tay gã một bó truyện đơn và những bài đã kích. Gã nghe anh chàng giải thích cái đạo đức nô lệ, vừa nghe gã vừa mệt mỏi suy nghĩ tới cái triết học Nietzsche của mình. Nhưng xét cho cùng, nó có giá trị gì cơ chứ? Gã nhớ lại một trong những lời phát biểu điên rồ của Nietzsche trong đó cái con người điên rồ ấy đã nghi ngờ chân lý. Nhưng ai là người nói đúng bây giờ? Có lẽ Nietzsche đúng chẳng? Có lẽ không có chân lý ở trong bất cứ một cái gì, không có chân lý trong chân lý – không có một cái thứ gì gọi là chân lý cả. Nhưng trí óc chóng mệt mỏi quá, gã hài lòng quay lại với chiếc ghế, và gà gât ngủ.

Đã khôn khổ đến như gã trên con tàu này, thế mà vẫn còn một nỗi khổ mới nữa đè nặng lên gã. Khi con tàu tới Tahiti rồi thì sao nhỉ? Gã sẽ phải lên bờ thôi. Gã sẽ phải đi lấy các thứ hàng đặt mua, tìm một chỗ. Trên con thuyền buồm tới Marquesas, làm hàng trăm hàng ngàn việc lật vật, nghĩ đến đã phát sợ lên rồi. Bất cứ lúc nào gã ráng sức để suy nghĩ, gã cũng có thể thấy được cái tình trạng nguy hiểm tuyệt vọng hiện nay của mình. Đúng quá rồi, gã đang ở trong Thung lũng của Tử thần, và cái điềm nguy hiểm của gã là ở chỗ là gã không thấy sợ hãi. Giá mà gã sợ thì gã có thể hướng tới cuộc sống được. Bởi chúng không sợ nên càng ngày gã càng chìm sâu xuống bóng tối của Tử thần. Gã không còn thấy một sự hứng thú nào trong những cái của cuộc sống quen thuộc xưa cũ. Con tàu Mariposa lúc này đang đi trong những trận gió mậu dịch Đông Bắc, những trận gió say người này nổi lên đập vào người làm cho gã bức dọc. Gã phải chuyển ghế đi để tránh sự ôm áp của người bạn những ngày đêm xưa đầy sức lực.

Hôm con tàu Mariposa tiến vào khu vực gần đường xích đạo lặng gió, Martin càng cảm thấy đau khổ hơn bao giờ hết. Gã không thể ngủ được nữa. Gã ngủ đã quá nhiều, và bây giờ gã buộc phải thức để mà chịu đựng cái ánh sáng chói chang của cuộc sống. Gã đi đi lại lại bồn chồn. Không khí

ẩm ướt nhớp nháp, những trận mưa xối xả không làm cho con người ta dễ chịu. Gã cảm thấy đau đớn với cuộc sống. Gã cứ đi quanh boong cho đến khi không thể nào chịu nổi sự đau đớn ấy nữa, rồi gã ngồi xuống ghế cho đến gã lại bắt buộc phải đi tiếp. Cuối cùng, gã buộc mình phải đọc hết tờ tạp chí, và gã mượn rất nhiều tập thơ trong thư viện trên tàu. Nhưng nó cũng chẳng giúp gì được gã, gã lại phải đứng dậy, đi đi lại lại.

Sau bữa ăn tối, gã nán lại trên boong rất khuya, nhưng cũng chẳng ăn thua gì, bởi khi gã bước xuống phòng bên dưới, gã vẫn không thể ngủ được. Cái sự ngừng sống tạm thời này không đến với gã. Thật là quá lắm. Gã bật đèn điện lên, và cố gắng đọc. Trong những tập thơ này có một cuốn của Swinburne. Gã nằm trên giường đưa mắt qua những trang giấy, cho đến lúc gã cảm thấy mình đang đọc một cách hứng thú. Gã đọc hết một đoạn, định đọc tiếp, nhưng rồi lại quay lại đoạn ấy. Gã đặt úp cuốn sách lên ngực, và bắt đầu suy nghĩ. Đây rồi. Chính nó đây rồi. Lại một điều là trước kia nó không hề đến với gã. Đó là tất cả ý nghĩa cuộc đời. Gã đã trôi nổi suốt cả đời mình theo chiều hướng đó, và bây giờ Swinburne đã chỉ cho gã con đường sung sướng để ra thoát. Gã cần nghỉ ngơi, và đây, nghỉ ngơi đang đợi gã. Gã đưa mắt nhìn qua cái cửa sổ để mở. Phải, nó cũng đủ rộng đây. Lần đầu tiên trong suốt mấy tuần lễ, gã cảm thấy sung sướng. Cuối cùng, gã đã tìm ra phương thuốc để trị bệnh. Gã lật cuốn sách lên, chậm chạp đọc to đoạn thơ đó.

Vì quá yêu cuộc sống,
Vì quá kinh khiếp cũng như quá nhiều niềm hy vọng,
Với những lời ngán ngủi, dù sao,
Ta cũng hãy cảm ơn thượng đế
Rằng không cuộc sống nào là vĩnh cửu,
Rằng người chết không bao giờ còn đứng dậy,
Và ngay đến những con sóng mệt mỏi nhất,
Cũng lượn khúc đâu đây êm ả trôi
Ra biển. ^[140]

Gã lại nhìn cái cửa thành tàu để mở. Swinburne đã cho gã chiếc chìa khóa. Cuộc sống đã ốm yếu, hay nói đúng hơn đã trở nên ốm yếu – không thể chịu đựng nổi nữa. “Rằng người chết không bao giờ còn đứng dậy!”

Dòng thơ này rộn lên trong lòng gã với một cảm giác biết ơn sâu sắc. Đó là cái điều nhân nghĩa nhất của vũ trụ. Khi cuộc sống đã trở thành một nỗi mệt mỏi đau đớn thì cái chết sẵn sàng đợi đi trong một giấc ngủ bất tận. Nhưng gã còn đợi gì nữa! Đã đến lúc phải đi rồi.

Gã đứng dậy, thò đầu ra khỏi cửa sổ mạn tàu, nhìn xuống dòng nước trắng như sữa. Con tàu Mariposa chở nặng, bấu tay vào cửa sổ, chân đã có thể chạm mặt nước. Gã có thể trườn xuống không một tiếng động. Không ai nghe thấy được. Gã thấy mạn mạn ở môi mùi vị thật là dễ chịu. Gã tự hỏi không biết có nên viết một bài thơ cuối cùng không, nhưng gã cười lớn xua đuổi ý tưởng đó đi. Không có thì giờ nữa. Gã nóng lòng muốn đi lắm rồi.

Tắt đèn trong phòng để khỏi bị lộ. Qua cửa sổ mạn tàu gã đưa hai chân ra trước. Vai gã vương, gã lại phải lùi lại để đưa một cánh tay ra trước. Một cái lắc của con tàu đã giúp gã, gã lọt qua, hai tay bấu lấy thành cửa. Khi chân gã chạm mặt biển, gã buông tay ra. Gã đã ở trong dòng nước tung bọt trắng như sữa. Thành tàu Mariposa lướt qua gã như một bức tường đen, đây đó có điểm những khung cửa sáng đèn. Chắc chắn con tàu đang đi nhanh. Nhưng trước khi nhận ra điều đó thì gã đã ở phía sau rồi, đang bơi nhẹ nhàng trên mặt nước sủi bọt.

Một con cá giác đớp vào cái thân thể trắng trẻo của gã, gã cười lớn. Nó đứt một miếng thịt ra, gã đau nhói và nhớ lại tại sao mình ở đây. Trong khi bắt tay vào việc gã đã quên mất mục đích của nó. Ánh sáng của con tàu Mariposa mờ đi ở phía xa, còn gã vẫn ở đây đang bơi một cách yên trí y như thể ý định của gã là bơi tới một miền đất gần nhất cách xa khoảng nghìn dặm chỉ đó.

Đó là cái bản năng máy móc, muốn sống. Gã ngừng bơi, nhưng khi thấy nước dâng lên quá mồm, tay gã lại sải mạnh với một động tác chồm lên. Ý chí muốn sống, đó là ý nghĩ của gã lúc bấy giờ, nhưng ý nghĩ đó lại kèm theo một tiếng cười mỉa. Phải, gã đã có ý chí - ừ, ý chí đủ mạnh đến nỗi chỉ cần một chút cố gắng cuối cùng, nó cũng có thể tự tiêu diệt và ngừng tồn tại.

Gã đổi thế, bơi đứng. Gã ngược mắt nhìn những vì sao yên tĩnh, đồng thời gã thở hết không khí ở phổi ra. Với những động tác nhanh, mạnh của tay và chân, gã chồm vai và nửa ngực ra khỏi mặt nước. Như thể để có đà

mà chìm xuống. Rồi gã cứ để mặc cho người chìm dần, không cử động, như một pho tượng trắng chìm sâu xuống biển. Gã thở mạnh, chậm chậm trong nước theo kiểu một người hít thuốc mê. Khi gã nghệt thở hoàn toàn không tự giác, tay và chân gã lại bấu lấy nước và nhô lên trên mặt biển dưới bầu trời sáng sao.

Ý chí muốn sống – gã nghĩ một cách khinh bỉ, cố gắng một cách vô ích không hít không khí vào buồng phổi đang rạn nứt của mình. Ừ, phải làm một kiểu khác vậy. Gã hít không khí vào buồng phổi, hít thật đầy. Cách này làm cho gã chìm sâu hơn. Gã lộn người, đầu chúc xuống dùng hết sức lấy hết ý chí để bơi. Càng ngày gã càng bơi sâu xuống. Mắt gã vẫn mở, gã nhìn thấy cái vệt sáng lân tân như bóng ma của những con cá giác lao đi. Gã vừa bơi, vừa hy vọng rằng chúng không cắn gã, vì chúng có thể làm đứt tung sự căng thẳng của ý chí gã. Nhưng chúng đã không cắn, và gã còn đủ thì giờ để mà biết ơn cái ân đức cuối cùng của cuộc đời này.

Xuống, xuống, gã cứ bơi mãi xuống cho đến tận khi tay chân gã mệt mỏi rã rời không còn cử động được nữa. Gã biết rằng mình đã ở sâu rồi. Sức ép của nước vào hai bên màng nhĩ làm gã đau nhói, đầu gã kêu vo vo. Sức chịu đựng của gã đã giảm đi. Nhưng gã bắt chân và tay phải đưa gã xuống sâu hơn cho đến khi ý chí của gã đứt tung, không khí ào ra khỏi buồng phổi bật nổ lớn. Những bong bóng lướt đi nhảy lên như những khinh khí cầu nhỏ chạm vào má, vào mắt gã trong khi chúng sủi lên. Rồi gã thấy đau đớn và nghệt thở. Nỗi đau đớn này không phải là cái chết, đó là ý nghĩ lay lút trong nhận thức đang quay cuồng của gã. Cái chết không làm cho đau đớn. Chính cuộc sống, những nỗi rày khổ của cuộc sống, cái cảm giác nghệt thở đáng sợ này mới làm cho đau đớn; đó là cái đòn cuối cùng mà cuộc sống đã giáng cho gã.

Đôi bàn tay và đôi chân bướng bỉnh của gã lại bắt đầu đập, quay cuồng loạn xạ và yếu ớt. Nhưng chính gã đã đánh lừa cả ý chí muốn sống đã làm cho chúng đập và quay cuồng như vậy.

Gã đã chìm quá sâu rồi. Chúng không còn bao giờ có thể đem gã lên mặt nước được nữa. Gã hình như trôi nổi một cách biếng nhác trong một biển cả của một giấc mơ. Những màu sắc, những ánh sáng lao quanh gã, tắm gã, tràn ngập con người gã. Cái gì thế nhỉ? Hình như đó là một ngọn

hải đăng, nhưng nó lại ở trong óc gã – một tia sáng lóe trắng, chói. Nó lóe lên càng ngày càng nhanh hơn. Có tiếng động rầm rầm kéo dài, hình như gã, đang rơi xuống một cái cầu thang mênh mông không bao giờ hết. Và đâu đây tận dưới đáy sâu, gã rơi xuống nơi tăm tối. Gã chỉ biết có thế. Gã đã rơi xuống nơi tăm tối rồi. Và lúc gã biết điều đó thì cũng là lúc gã ngừng biết.

Hết

[139] Nguyên văn: *Berne convention* – đây là một quy ước xuất bản ký năm 1886 gồm có các nước Anh, Đức, Ý và một số nước khác.

[140] Đó là một đoạn thơ trong bài “Khu vườn của Proserpine” (*The garden of Proserpine*) của Swinburne.

13) Mất mặt

Lê Bá Kông và Võ Hà Lang dịch

Thế là hết. Subienkow đã trải qua một đoạn đường dài đầy cay đắng và hãi hùng, mong trở về các thủ đô Âu Châu như một con bò câu trở về tổ ấm, và tới đây, một nơi xa xôi hơn bao giờ hết, tại một địa hạt trên Mỹ Châu thuộc Nga, con đường đã tận cùng. Chàng ngồi trên tuyết, hai tay bị trói dật cánh khủy sau lưng, chờ đợi đến lượt bị tra tấn. Gã tò mò chằm chằm nhìn người lính Cossack to lớn nằm sấp trên tuyết đằng trước mặt; miệng rên rỉ vì đau đớn. Bọn đàn ông đã hành hạ hắn xong, rồi giao hắn cho đám phụ nữ. Cứ nghe tiếng kêu thét của người Cossack đó thì rõ. Bọn này còn tàn ác hơn bọn đàn ông nhiều.

Subienkow tiếp tục nhìn và rùng mình vì kinh tởm. Chàng không sợ chết. Chàng đã dùng đôi tay tự bảo vệ đời mình trên con đường gian nan suốt từ Warsaw đến Nulato trong một thời gian dài đặc nên cái chết không làm chàng rùng mình được. Nhưng chàng rất ghét lối tra tấn đó. Nó xúc phạm tâm hồn chàng. Tâm hồn chàng bất bình không phải vì sự đau đớn chàng phải chịu đựng, mà vì cái cảnh thảm thương do nỗi đau đớn gây trên thân thể chàng tạo ra. Chàng biết rằng chàng sẽ cầu khẩn, van xin, lạy lục, như là Hộ Pháp Ivan và các kẻ khác đã làm. Điều này không đẹp đẽ chút nào. Chết can đảm và đàng hoàng, miệng mỉm cười, điệu cợt.. như thế mới là đúng cách. Còn để mất tự chủ, tâm hồn rối loạn vì đau đớn của xác thịt, miệng kêu chơe chơé và rên khừ khừ như con khỉ đột để trở thành thú vật thật sự - ôi, đó thật là một điều khủng khiếp!

Không còn hy vọng gì thoát thân được. Ngay từ buổi đầu, khi chàng mơ giấc mộng nồng nhiệt về nền độc lập của Ba Lan, chàng đã trở thành một tên bù nhìn đặt trong tay của định mệnh. Từ buổi ban đầu, ở Warsaw, ở St. Petersburg, trong miền hầm mỏ Tây Bá Lợi Á, ở Kamchatka trên những chiếc thuyền ba chìm bảy nổi của bọn hải tặc chuyên cướp da thú, định mệnh đã xô đẩy gã đến bước đường cùng này. Hiên nhiên trên nền tảng của thế giới bước đường cùng này cho đời chàng đã được khắc rồi, một con

người tể nhị và đa cảm, mà những dây thần kinh nằm sát ngay dưới làn da, một người vốn mơ mộng, có tâm hồn thi sỹ, và một nghệ sỹ. Trước khi mơ tưởng tới gã, tạo hóa đã định rằng cái mớ cảm giác sắc sảo dễ rung động tạo thành chàng sẽ bị dày dạn trong cảnh dã man khủng khiếp, và bỏ xác tại mảnh đất xa xôi tối tăm này, ở cái nơi tối âm u này, vượt quá những ranh giới cuối cùng của thế giới.

Gã thở dài. Vậy ra con người trước mặt gã là Hộ Pháp Ivan - Hộ Pháp Ivan, người không lồ, con người không cảm giác, con người bằng sắt, chàng Cossack quay ra theo nghề cướp biển, con người lạnh lùng bình thản, với bộ thần kinh hệ chai tới mức một sự đau đớn đối với người thường chỉ gây ngứa cho hắn. Phải, cứ tin ở những tên mọi da đỏ Nulato này đi, hãy xem chúng tìm ra những dây thần kinh của Hộ Pháp Ivan và theo dõi những dây thần kinh này tới gốc rễ của tâm hồn run rẩy của hắn. Chắc chắn là chúng đang làm công việc ấy. Người ta không thể tưởng tượng được là một người lại có thể chịu đựng nhiều đau đớn như thế mà còn sống được. Hộ Pháp Ivan đang phải trả một giá đắt vì bộ thần kinh chậm xúc cảm của hắn. Hắn đã sống lâu gấp đôi bất cứ kẻ nào khác.

Subienkow cảm thấy chàng không thể chịu đựng nổi những cảnh đau đớn của tên Cossack hơn nữa. Tại sao Ivan lại không chết quách đi? Chàng sẽ nổi điên mất, nếu những tiếng thét kia không kết thúc. Nhưng khi tiếng thét chấm dứt thì lại đến lượt chàng. Ngoài ra lại còn tên mọi Yakaga đang chờ chàng nữa, ngay lúc này hắn đã nhìn chàng mà cười khoái trá. Yakaga, mà tuần trước chàng đã tông cổ ra khỏi đồn và đã lấy roi đánh chó quất vào mặt nó. Yakaga sẽ ra tay tra tấn chàng. Chắc chắn Yakaga đang sửa soạn dành cho chàng những cách tra tấn tinh vi hơn, làm thần kinh đau buốt hơn. Ôi! Cứ nghe cách thức Ivan kêu thét lên cũng biết là họ vừa dùng một đòn tra tấn tinh vi lắm. Những mục đàn bà da đỏ bu chung quanh hắn bước lùi lại, vừa cười vừa vỗ tay. Subienkow trông thấy rõ sự tàn ác mà họ đã thi hành, chàng phá lên cười như điên dại. Bọn da đỏ nhìn chàng và ngạc nhiên là tại sao chàng lại còn cười được. Nhưng Subienkow không sao nín được.

Như vậy không chu đâu. Chàng tự kiềm chế, tiếng cười làm rung rinh người chàng dần dần im bật. Chàng cố gắng nghĩ tới những điều khác, và bắt đầu hồi tưởng lại những việc đã xảy ra trong đời chàng. Chàng nhớ tới

cha mẹ, nhớ tới con ngựa nhỏ bé có chàm lốm đốm, tới ông thầy dạy tư người Pháp đã dạy chàng khiêu vũ và dúai cho chàng cuốn sách cũ nát của triết gia Voltaire. Một lần nữa chàng thấy Paris, rồi thành phố London ảm đạm, rồi Vienna tung bùng, và La Mã cổ kính, và một lần nữa, chàng lại thấy nhóm thanh niên bông bột mơ tưởng, như chàng đã mơ tưởng, giấc mơ về một nước Ba Lan độc lập có hoàng đế Ba Lan trên ngai vàng ở Warsaw. Ôi! đoạn đường dài khởi đầu chính từ đó. Chàng đã sống lâu nhất. Lần lượt từng người, bắt đầu là hai người bị xử tử ở St. Petersburg, chàng tiếp tục đếm những con người có tâm hồn can đảm đã mất. Chỗ này một kẻ bị tên cai ngục đánh đập cho đến chết, rồi chỗ kia, trên con đường loang lổ máu của những kẻ tù đầy, nơi họ đã đi hàng tháng trời bất tận, đã bị những tên lính gác người Cossack đánh đập, một kẻ khác đã bị bỏ lại bên đường. Luôn luôn họ bị đối xử dã man hung bạo như thú vật vậy. Họ đã chết vì bị nóng lạnh trong những hầm mỏ, dưới ngọn roi da. Hai người cuối cùng đã chết sau khi trốn thoát, trong cuộc ẩu đả với bọn Cossack, và duy có chàng tới được Kamchatka với những giấy tờ ăn cắp được và tiền bạc của một du khách mà chàng đã bỏ nằm ngắc ngoải trên tuyết.

Chỉ toàn là cảnh dã man. Suốt bao năm trường, với tâm hồn gửi vào những phòng làm việc*, những rạp hát và những triều đình, chàng lại bị bao vây trong cảnh dã man. Chàng đã mua cuộc đời chàng bằng máu. Người nào cũng đã từng là kẻ sát nhân. Chàng đã giết người du khách để lấy giấy thông hành. Chàng đã tỏ ra là một người có can trường qua hai cuộc đấu kiếm với hai sỹ quan Nga cùng trong một ngày. Chàng phải tỏ ra là người thế nào thì mới dành được một địa vị trong bọn cướp da thú. Chàng phải dành bằng được chỗ đó. Đằng sau chàng là con đường đã có từ hàng ngàn năm xuyên qua Siberia và nước Nga, chàng không thể trốn theo con đường đó được. Con đường duy nhất là tiến về phía trước, vượt qua biển Bering tới tấm băng giá để tới Alaska. Con đường đó đưa từ cảnh dã man tới cảnh dã man hơn. Trên những con tàu hôi thúi mùi bệnh hoại huyết, thiếu thức ăn, thiếu nước uống, bị những trận bão bất tận của biển cả quất lên quất xuống, con người đã trở thành thú vật. Đã ba lần chàng đáp tàu từ Kamchatka đi về phía đông. Và cả ba lần, sau khi trải qua đủ cảnh gian truân khổ sở, những kẻ sống sót lại trở về Kamchatka. Ở đó không có lối thoát nào để trốn cả; và

chàng lại không thể trở về đường cũ được, vì hăm mỗ và roi da có buộc cục sắt vẫn chờ đợi chàng.

Một lần nữa, lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng, chàng đã đáp thuyền đó về hướng đông. Chàng đã sống chung với những người đầu tiên đầu tiên đã tìm ra những đảo Hải Cầu thần kỳ; nhưng chàng không quay lại với họ để chung hưởng cảnh giàu có phong túc do những tấm da thú mang lại, trong những bữa tiệc đầy hoan lạc tại Kamchatka. Chàng đã thề rằng không bao giờ quay trở lại. Chàng biết rằng muốn đặt chân trở lại những thủ đô thân mến ở Âu Châu, chàng phải tiếp tục tiến. Vì thế mà chàng thấy cần phải chuyển sang tàu khác và ở lại vùng đất tối tăm đó. Bạn bè của chàng là những thợ săn người Slovakia, những tay giang hồ Nga, người Mông Cổ, người Thát Đạt, thổ dân Siberia; họ đã mở đường máu qua những cảnh hoang dã của Tân Thế Giới. Họ đã tàn sát những làng không chịu cung phụng da thú; và sau đó đến lượt họ bị những công ty hàng hải tàn sát. Chàng cùng với một người Phần Lan là hai kẻ còn sống sót. Họ đã trải qua một mùa đông cô quạnh và đói khát trên hòn đảo chơ vơ Aleutian; một chiếc tàu chở da thú khác đã cứu họ vào mùa xuân năm ấy, và đó là một chuyện tình cờ quả thật hãn hữu.

Những khung cảnh man rợ khủng khiếp luôn luôn bao vây chàng. Vì không chịu quay trở lại, và cứ chuyển tàu này sang tàu khác, chàng đã tới chiếc tàu đến thám hiểm miền Nam. Suốt dọc bờ biển Alaska, họ toàn gặp những toán người man rợ. Mỗi lần bỏ neo, dù là ở một hòn đảo cheo leo hay tại những bờ biển lởm chởm đá của đất liền, là một lần xung đột hoặc một lần gặp bão tố. Hoặc gió thổi mạnh như muốn phá tan tành chiếc tàu; hoặc thổ dân, miệng hò hét, mặt vẽ sơn khi xuất trận, chèo những chiếc thuyền ra khơi để thử thách sức tàn sát của thuốc súng của những tay cướp biển. Họ cứ đi dọc theo bờ biển xuống tận miền Nam, tới mảnh đất thần bí của vùng California. Người ta nói rằng những kẻ phiêu lưu Tây Ban Nha đã từ Mexico tiến lên tới đây sau nhiều trận tranh hùng. Chàng nuôi hy vọng là sẽ gặp được những tay hảo hán Tây Ban Nha đó. Chỉ cần trốn thoát được để tới gặp họ, là hết khó khăn - một năm hay hai năm, chậm hay nhanh một chút, nào có quan hệ gì? - chàng sẽ tới Mexico, rồi lên một chiếc tàu, thế là chàng sẽ về tới Âu Châu. Nhưng họ không gặp người Tây Ban Nha nào. Họ

chỉ gặp bức tường man rợ vững chắc. Bọn thổ dân ở bên lề thế giới, mặt bôi những vết sơn khi xuất trận, đã đánh lui họ khỏi bờ biển. Sau cùng, khi một chiếc thuyền bị phá hủy và các người trên thuyền bị giết chết hết, viên thuyền trưởng liền bỏ dở cuộc thám hiểm rồi cho quay trở về hướng Bắc.

Nhiều năm tháng trôi qua. Chàng đã làm việc dưới quyền của Tebenkoff trong khi đồn Michaelovski đang được xây cất, và chàng đã sống hai năm tại xứ Kuskowin. Liên hai mùa hạ, vào tháng Sáu, chàng tìm cách để tới mũi eo biển Koizebue. Vào dịp này các bộ lạc hợp nhau để trao đổi hàng hóa; tại đây người ta thấy những tấm da hươu sao từ Siberia đem lại, ngà voi của xứ Diomedes, da hải mã từ những miền duyên hải Bắc Cực, những chiếc đèn bằng đá lạ lùng, được trao đổi từ bộ lạc này sang bộ lạc khác, nhưng không ai rõ xuất xứ, và có lần cả một con dao chế tạo tại Anh; Subienkow biết rằng đây là chỗ tiện lợi nhất để tìm hiểu về địa dư. Vì chàng đã gặp những người Eskimo ở eo biển Norton, Đảo King và đảo St. Lawrence, Mỏm Hoàng Tử Wales và Mỏm Barrow. Những nơi đó còn có những tên khác nữa, và khoảng cách phải tính bằng ngày đi đường.

Những người man rợ tới đổi chác hàng hóa tại đây đã từ một vùng rộng bao la tới, và những cây đèn bằng đá và con dao bằng thép kia lại từ một vùng rộng lớn hơn nữa tới sau khi được trao đổi qua tay nhiều người. Subienkow đã dùng đủ cách, hăm dọa, tán tỉnh, đút lót. Chàng gặp tất cả những người đã từng đi xa hay thuộc những bộ lạc lạ. Chàng được nghe kể nhiều chuyện hiểm nguy không kể xiết, được nghe người ta kể lại về những thú rừng, những bộ lạc không ưa người lạ, những khu rừng không sao vào được, những dãy núi cao hùng vĩ; nhưng ngoài những chuyện đó, chàng còn được nghe đồn đại về những người da trắng, mắt xanh, tóc vàng, chiến đấu dữ tợn như quỷ và luôn luôn chỉ lo tìm dã thú. Họ ở về phía đông, tuốt mãi về phía đông xa tắp. Chưa ai gặp họ. Người ta chỉ khát như vậy mà thôi.

Thật là một ngôi trường khó học. Người ta không thể hiểu rõ ràng về địa dư qua những thổ âm kỳ lạ, theo lời nói của những kẻ có đầu óc tối tăm coi chuyện hoang đường là chuyện thật và đo những khoảng đường xa bằng những "giấc ngủ" dài ngắn tùy theo đường đi khó hay dễ. Nhưng sau cùng có một câu chuyện phong thanh làm cho Subienkow phấn khởi. Những người mắt xanh đó sống tại một vùng ở về phía Đông bên một con sông lớn.

Con sông đó tên là Yukon. Phía Nam đồn Michaelovski cũng có một con sông lớn chảy ra, sông ấy người Nga mệnh danh là Kwipak. Theo lời người thuật chuyện thì hai con sông này chỉ là một.

Subienkow trở lại Michaelovski. Suốt một năm trời, gã hồi thúc mở một cuộc thám hiểm ngược dòng sông Kwipak. Thế rồi Malakoff, người lai Nga, đứng lên dẫn đầu những tên man dã và hung bạo nhất trong đám dân lai phiêu lãng từ Kamchatka tới. Subienkow làm phụ tá. Họ len lỏi qua những con đường ngoằn ngoèo trong miền trung châu sông Kwipak, leo lên những quả đồi thấp đầu tiên trên bờ phía Bắc, và suốt năm trăm dặm, trên những con thuyền độc mộc bọc da chở hàng hóa và đạn dược đầy đến tận mạn, họ chống cự lại guồng nước chảy xiết của con sông rộng từ hai đến mười dặm chảy trong một khe sâu hàng mấy sải tay. Malakoff quyết định xây một đồn trại ở Nulato. Subienkow thúc dục lão tiến xa hơn, nhưng rồi chàng cũng vội vàng đồng ý ở lại Nulato. Mùa Đông dài đặc sắp tới. Tốt hơn là hãy chờ. Mùa Hạ tới, khi tuyết tan hết, chàng sẽ trốn đi ngược dòng sông Kwipak và tiến tới những trạm mậu dịch của Công ty Vịnh Hudson. Malakoff chưa từng nghe nói rằng chính Kwipak là sông Yukon và Subienkow cũng dẫu không cho lão biết chuyện đó.

Công cuộc xây đồn lũy bắt đầu. Đồn đó xây bằng lao công cường bách. Những lớp tường bằng gỗ được dựng lên trong những tiếng thở dài và rên xiết của dân da đỏ Nulato. Lưng họ hứng chịu những ngọn roi da, và những ngọn roi đó do bàn tay sắt của quân cướp biển quất lên họ. Có một vài thổ dân da đỏ bỏ trốn, và khi bị bắt, họ bị đem về và căng nọc trước đồn, rồi họ và những dân trong bộ lạc được ném mùi hiệu lực của chiếc roi da đầu buộc cục sắt. Hai người chết dưới ngọn roi đó; nhiều kẻ khác phải mang thương tích suốt đời, những người còn lại nhớ đời bài học đó và không còn dám trốn đi nữa. Tuyết bay tả tơi trước khi pháo đài được hoàn thành, thám thoát tới mùa kiếm da thú. Các bộ lạc được lệnh phải cống hiến một số lớn da thú. Dân bộ lạc tiếp tục bị đánh đập, bị roi quất lên lưng; và để buộc họ phải cống hiến, đàn bà và con trẻ bị giữ làm con tin và bị đối xử rất dã man mà chỉ riêng có bọn cướp da thú mới biết làm mà thôi.

Ở đời ác giả ác báo, gieo gió thì gặt bão. Những kẻ đã gieo máu thì bây giờ lại phải gặt kết quả bằng máu. Đồn bị thiêu hủy. Trong khi đồn cháy,

bọn cướp da thú đã bị sát hại hết một nửa. Nửa sống sót kia đã chết dần mòn vì tra tấn. Chỉ còn sót có Subienkow, hoặc Subienkow và gã Hộ pháp Ivan, nếu cái hình thù đang ngắc ngoai rên xiết nằm trên tuyết kia còn có thể gọi là Hộ pháp Ivan. Subienkow bắt gặp Yakaga đang nhe răng cười với chàng. Nói với Yakaga cũng chẳng ăn thua gì. Vết roi hầy còn in hằn trên mặt hắn. Nói cho cùng, Subienkow chẳng thể trách hắn được, nhưng chàng không thích nghĩ tới những cách thức mà Yakaga sẽ áp dụng để tra tấn chàng. Chàng nghĩ tới giải pháp van xin tên Chúa tể Makamuk; nhưng suy đi nghĩ lại, chàng thấy là van xin cũng vô ích. Chàng còn nghĩ tới chuyện đứt đứt dây trói để được chết trong khi xung đột. Chết như thế sẽ mau chóng. Nhưng chàng không thể đứt dây trói được. Dây da hươu khoẻ hơn chàng. Đang suy mưu tính kế thì một ý nghĩ khác chợt hiện trong óc chàng. Chàng ra hiệu gọi Makamuk, và làm hiệu để cho gọi một người thông ngôn biết thổ âm miền Duyên Hải.

"Này, Makamuk", chàng nói: "Ta không định chết đâu. Ta là một siêu nhân, ta không điên rồ gì mà chết. Thật thế, ta sẽ không chết. Ta không giống những cái xác hèn kém này đâu."

Gã nhìn cái đồng thịt đang rên rỉ mà trước kia là Hộ pháp Ivan, rồi lấy ngón chân hất nhẹ một cách khinh bỉ.

"Ta quá khôn nên không chết được. Nghe này, ta có một môn thuốc thần bí truyền không ai biết. Vì ta không chết, nên ta sẽ đổi môn thần dược này cho mi."

"Thuốc đó là thuốc gì?" Makamuk nói.

"Nó là một môn thuốc kỳ lạ."

Subienkow tần ngần suy nghĩ một lát làm như tiếc rẻ không muốn lộ bí quyết.

"Ta sẽ bảo mi. Một chút thuốc đó xoa lên da sẽ làm cho da cứng như đá, cứng như sắt, đến nỗi không có khí giới nào cắt đứt được. Một võ khí dù chém mạnh đến đâu cũng không ăn thua gì cả. Một con dao bằng xương đối với nó cũng chỉ là cục bùn, thuốc này sẽ làm cho những con dao sắt của bọn ta mang tới đây phải cong lười. Mi sẽ cho ta gì để đổi lấy cái bí quyết của môn thuốc này?"

"Ta sẽ để cho mi sống." Makamuk trả lời qua tên thông ngôn.

Subienkow phá lên cười với một giọng khinh bỉ.

"Và mi sẽ làm nô lệ trong nhà ta cho đến chết."

Người Ba Lan cười bằng giọng khinh bỉ hơn.

"Cởi tay chân cho ta rồi chúng ta sẽ nói chuyện", chàng nói.

Viên chúa tể ra dấu hiệu; sau khi được thông thả, Subienkow quần một điều thuốc rồi châm lửa hút.

"Nói chuyện thế này là điên". Makamuk nói: "Làm gì có thứ thuốc như thế, không thể có được. Lưỡi dao sắc là mạnh hơn bất cứ môn thuốc nào cả."

Viên chúa tể không tin nhưng vẫn còn hồ nghi trong bụng. Hắn đã chứng kiến nhiều phép thuật quỷ quái của bọn cướp da thú. Hắn không thể hoài nghi hoàn toàn được.

"Ta sẽ để cho mi sống; và mi khỏi phải làm nô lệ". Hắn tuyên bố.

"Thế chưa đủ."

Subienkow đóng vai trò một cách bình tĩnh như là chàng đang điều đình đánh đổi một tấm da cáo.

"Nó là một thần dược kỳ diệu. Nó đã cứu sống ta bao nhiêu lần. Ta muốn một cái xe trượt tuyết, một đàn chó, sáu tay săn của mi để đi xuôi dòng sông cùng với ta và đưa ta an toàn tới chỗ còn một ngày ngủ nữa thì tới đồn Michaelovski.

"Mi phải sống ở đây, và dạy chúng ta tất cả các phép thuật của mi." Hắn trả lời.

Subienkow lặng lẽ nhún vai. Chàng phả khói thuốc vào làn không khí lạnh buốt, mắt tò mò nhìn thân mình tên Cossack to lớn.

"Vết sẹo kia!" Makamuk bỗng thốt lên, tay chỉ vào cổ anh chàng Ba Lan, chỗ một vết sẹo đỏ hơn ghi lại một nhát dao chém trong một cuộc xung đột tại Kamchatka. "Môn thuốc không công hiệu. Lưỡi dao mạnh hơn thuốc của mi."

"Người chém đó mạnh lắm." (Subienkow dẫn đo nói) "Mạnh hơn mi, mạnh hơn tay săn khỏe nhất của mi, mạnh hơn thằng này."

Một lần nữa, chàng lấy ngón chân đạp vào mình tên Cossack - một hình thù góm ghiếc đã mất tri giác - tuy nhiên, cái sống đau đớn còn bám lấy như luyến tiếc không muốn rời cái thân hình tàn tạ kia.

"Hơn nữa thuốc lại yếu. Vì ở nơi đó thiếu một vài loại trái cây mà ở xứ này ta thấy nhiều lắm. Món thuốc ở đây sẽ mạnh."

"Ta sẽ cho phép mi xuôi dòng sông". Makamuk nói. "Ta sẽ cho mi xe trượt tuyết, đàn chó, sáu tay thợ săn để giữ an ninh cho mi."

"Mi chậm chạp quá," chàng trả lời. "Mi đã xúc phạm môn thần dược của ta vì mi không chịu nhận các điều kiện ngay. Vậy ta phải đòi hỏi thêm nữa. Ta muốn một trăm tấm da hải ly." (Makamuk cười khẩy.) "Ta muốn năm chục ký cá khô" (Makamuk gật đầu, vì cá nhiều và rẻ) "Ta muốn hai chiếc xe trượt tuyết một để ta đi và một để chở da thú và cá khô. Mi phải trả lại ta khẩu súng. Nếu mi không muốn trả ta giá này, thì lát nữa nó sẽ lên nữa."

Yakaga ghé lại thì thầm với vị chúa tể.

"Nhưng làm cách nào ta biết được rằng thuốc của mi là thuốc thực?" Makamuk hỏi.

"Điều đó dễ lắm. Trước hết ta sẽ đi vào rừng."

Một lần nữa Yakaga lại thì thầm với Makamuk và Makamuk tỏ vẻ nghi ngờ không đồng ý.

"Mi có thể cử hai chục người theo ta" Subienkow nói tiếp. "Mi biết chứ, ta phải kiếm những trái cây và rễ cây để chế thuốc. Sau đó, khi mi đã sửa soạn hai chiếc xe trượt tuyết đã chất lên đó cá, da hải ly và súng, và đã ra lệnh cho sáu tay săn đi theo ta - khi tất cả đều sẵn sàng, ta sẽ thoa thuốc lên cổ rồi để cổ lên khúc cây kia. Bấy giờ tay săn khỏe nhất của mi có thể cầm rìu chém lên cổ ta ba lần. Chính mi cầm rìu chặt cũng được."

Makamuk đứng há hốc mồm, như muốn nuốt cái pháp thuật kỳ diệu và mới mẻ nhất này của bọn cướp da thú.

"Nhưng trước hết," gã Ba Lan vội nói thêm, "ta cần nhắc là cứ sau mỗi lần chém, ta phải bôi thuốc mới. Chiếc rìu nặng và sắc, vậy ta muốn ăn chắc".

"Tất cả những điều mi yêu cầu ta sẽ cho cả," Makamuk vội la lớn nhận lời. "Mi hãy lo chế thuốc đi."

Subienkow cô đầu về khoái trí. Gã đang đi một nước cờ tuyệt vọng, không thể sơ sẩy một chút nào cả. Gã ngạo mạn nói:

"Mi đã chậm chạp làm cho môn thần dược của ta bị xúc phạm. Để xóa bỏ sự xúc phạm này mi phải cho ta con gái mi."

Gã chỉ cô gái, một con bé dơ bẩn, một mắt lé và có một cái răng nhọn như răng chó sói. Makamuk tức giận lắm, nhưng gã Ba Lan điềm nhiên quần một điều thuốc lá khác và châm lửa hút.

"Mau lên," chàng dọa. "Nếu mi không mau, ta sẽ đòi thêm nữa."

Trong bầu không khí im lìm, quang cảnh nơi đất Bắc đìu hiu tan biến trước mắt chàng, và một lần nữa chàng lại nhìn thấy quê hương, và nước Pháp, và trong khi nhìn cô gái răng sói chàng lại nhớ tới một cô gái khác, một ca sỹ kiêm vũ nữ, mà chàng đã quen biết khi còn là một thanh niên sang thăm Paris.

"Mi muốn dùng con bé làm gì?" Makamuk hỏi.

"Để cùng xuôi dòng sông với ta." Subienkow nhìn bằng cặp mắt thăm định. "Nó sẽ là người vợ tốt, hơn nữa được kết hôn với dòng máu của mi là một vinh dự xứng đáng với môn thần dược của ta."

Một lần nữa, chàng lại nhớ tới cô ca sỹ kiêm vũ nữ và hát lớn một bài ca mà cô ta đã dạy chàng. Chàng sống lại với dĩ vãng, nhưng một cách rời rạc và vô tư, nhìn những hình ảnh của chính cuộc đời chàng như những tấm hình trong một cuốn sách nói về đời một kẻ khác. Tiếng nói của viên chúa tể bất chợt phá tan bầu không khí làm chàng giật mình.

"Mi sẽ được thỏa nguyện." Makamuk nói, "Con bé sẽ xuôi dòng sông cùng với mi. Nhưng mi phải biết rằng ta sẽ đích thân cầm rìu chém mi ba nhát."

"Nhưng sau mỗi lần ta sẽ bôi thuốc," Subienkow trả lời, làm bộ như áy náy mà vẫn cố giấu.

"Mi sẽ bôi thuốc sau mỗi lần chém. Đây là những tay săn có phận sự đi cùng để trông chừng mi khỏi trốn. Mi hãy vào rừng lo kiếm thuốc đi."

Makamuk đã tin tưởng giá trị của môn thuốc đó vì thấy gã Ba Lan tham lam đòi hỏi đủ thứ. Chắc chắn phải là môn thuốc thần diệu lắm mới có thể làm cho một người dưới bóng tử thần đứng lên mặc cả ráo riết như một bà già.

"Và lại," Yakaga thì thầm, trong khi chàng Ba Lan cùng với những tên canh chừng chàng khuất bóng giữa đám cây tùng. "Khi ông đã biết được

môn thuốc đó rồi, ông có thể trừ khử hắn dễ dàng."

"Nhưng làm thế nào tao giết nó được?" Makamuk cãi lại. "Thuốc của nó sẽ không để tao giết nó đâu."

"Làm gì chẳng có chỗ nó không bôi thuốc." Yakaga trả lời. "Chúng ta sẽ giết hắn bằng chỗ đó. Có thể như tai hắn chẳng hạn, chúng ta sẽ dùng cây lao đâm suốt từ tai bên này qua tai bên kia. Hoặc giả mắt nó cũng được. Chắc chắn là thuốc này sẽ mạnh nên không thể bôi vào mắt được."

Viên chúa tể gật đầu: "Yakaga, mày khôn lắm. Nếu nó không còn pháp thuật nào khác nữa, chúng ta sẽ giết nó."

Subienkow không phung phí thì giờ để thu thập những món dùng để chế thuốc. Chàng lượm lặt bất kỳ cái gì gần tay chàng như những lá từng dài, vỏ cây liễu, một mảnh vỏ cây phong, và một nắm dâu dại mà các tay săn đã đào dưới tuyết lên cho chàng. Thêm một ít rễ cây khô là đủ, và chàng dẫn đường trở về trại.

Makamuk và Yakaga ngồi xỏm bên chàng, chú ý nhớ nhấm từng món thuốc, loại, và số lượng bao nhiêu khi chàng bỏ những món ấy vào trong nồi nước đang sôi sùng sục.

"Các người cẩn thận cho dâu vào trước nhất." Chàng giải thích.

"Và... Ồ, phải rồi, một món nữa - một ngón tay người. Đây rồi, Yakaga, mi để cho ta cắt một ngón tay đi."

Nhưng Yakaga vội thu hai tay lại sau lưng, mặt nhăn nhó.

"Chỉ một ngón nhỏ thôi mà," Subienkow nài nỉ.

"Yakaga cho nó ngón tay đi," Makamuk ra lệnh.

"Xung quanh đây thiếu gì ngón tay," Yakaga nhăn nhó nói, tay hắn chỉ hàng chục xác nằm ngổn ngang trên tuyết đã chết vì bị tra tấn.

"Nhưng phải là ngón tay của một người sống mới được." Chàng Ba Lan nói.

"Nếu vậy mi sẽ có ngón tay của một người sống." Yakaga bước lại phía người Cossack và xẻo luôn một ngón tay.

"Nó chưa chết," hắn nói, tay ném ngón còn ròn ròn máu lên trên tuyết bên chân chàng Ba Lan. "Hơn nữa ngón tay này lại lớn nên càng tốt."

Subienkow ném ngón tay đó vào lửa dưới chiếc nồi và bắt đầu cất tiếng hát. Đó là một bài tình ca Pháp nhưng chàng hát bằng một giọng trịnh

trọng.

"Không có những lời thần chú của ta thêm vào thì môn thuốc sẽ không còn hiệu nghiệm," gã giải thích. "Những lời thần chú đóng vai trò cốt yếu trong môn thuốc. Này này! Thuốc được rồi!"

"Mi hãy đọc những tiếng này chậm chậm để ta nhớ với," Makamuk ra lệnh.

"Sau khi thí nghiệm mới được. Sau khi chiếc rìu bật khỏi cổ ta ba lần ta sẽ dạy cho mi những tiếng bí truyền này."

"Nhưng nếu môn thuốc không hiệu nghiệm thì sao?" Makamuk hỏi bằng giọng lo lắng.

Subienkow giận dữ quay lại nhìn hắn.

"Thuốc của ta bao giờ cũng hiệu nghiệm. Tuy nhiên, nếu nó không hiệu nghiệm thì người sẽ hành hạ ta như những người kia. Hãy xẻo ta ra từng miếng, dù như tên kia cũng được!" Chàng chỉ tên Cossack. "Thuốc nguội rồi đó. Ta chỉ việc bôi nó lên cổ và đọc thêm lời thần chú này nữa."

Hết sức trịnh trọng, chàng chậm chạp hát một đoạn trong bài quốc ca Pháp, đồng thời xoa thứ nước kinh khủng ấy lên khắp cổ.

Một tiếng thét làm gián đoạn màn trò của chàng. Người Cossack không lờ, trong một lúc hồi dương, đã quỳ được hắn lên. Những tiếng cười, những tiếng kêu kinh ngạc và những tiếng hoan hô từ miệng đám dân Nulato vang dậy, trong khi Hộ pháp Ivan bắt đầu giãy dựa trên tuyết.

Subienkow bị nôn nao vì cảnh này, nhưng chàng cố dẫn cho khỏi nôn mửa và làm bộ giận dữ.

"Thế này không được". Chàng nói. "Kết liễu nó đi, rồi chúng ta sẽ thí nghiệm. Này Yakaga, giết nó chết hẳn đi."

Trong khi lệnh này được thi hành, Subienkow quay về phía Makamuk.

"Mi nhớ là phải chém cho thật mạnh. Đây không phải là công việc trẻ con. Này, hãy cầm lấy chiếc rìu và bổ khúc cây này để ta xem mi chém có đàng hoàng không."

Makamuk vâng lời, vung rìu chém hai nhát, thật đúng và thật mạnh, chặt rời một miếng gỗ to lớn.

"Khá lắm". Subienkow nhìn quanh, ngó vào những khuôn mặt đã man đứng thành vòng tròn như tiêu biểu cho bức tường man rợ đã bao vây gã

suốt từ khi cảnh sát Nga Hoàng bắt gã lần đầu tiên tại Warsaw. "Makamuk, mi hãy cầm rìu và đứng như thế này. Ta sẽ nằm xuống. Khi ta giơ tay thì mi chém, chém hết sức. Phải cẩn thận đừng để cho ai đứng đằng sau mi. Môn thuốc thần hiệu lắm, chiếc rìu bật từ cổ ta ra có thể vượt tay mi đó."

Gã nhìn hai chiếc xe trượt tuyết, với đàn chó đã đóng dây cương, chở đầy da thú và cá khô. Khẩu súng của gã nằm trên chốc đóng da hải ly. Sáu tay săn làm vệ sỹ cho gã đứng hai bên cỗ xe.

"Còn con bé đâu?" Chàng Ba Lan hỏi. "Mang nó lại bên mấy chiếc xe rồi cuộc thí nghiệm mới tiến hành."

Khi lời yêu cầu này đã được thi hành, Subienkow nằm dài trên tuyết, đầu gối lên khúc cây như một đứa trẻ mệt mỏi sắp sửa đi ngủ. Chàng đã trải qua quá nhiều năm bị thảm đến nỗi chàng thấy mệt mỏi thật.

"Này Makamuk, ta cười mi và sức mạnh của mi," chàng nói. "Chém đi, chém mạnh."

Chàng giơ bàn tay lên. Makamuk vung chiếc rìu, chiếc rìu lưỡi rộng dùng để đốn cây. Ánh thép lấp lánh trong không khí lạnh lẽo, ngừng giây lát trên đầu Makamuk, rồi giáng xuống cổ Subienkow. Chiếc rìu cắt ngọt qua thịt và xương, cắm sâu vào khúc cây bên dưới. Những tên man rợ ngạc nhiên nhìn chiếc đầu bắn ra xa chừng một thước rồi khỏi thân mình đang phun máu.

Mọi người ngạc nhiên, im lặng, đầu óc họ dần dần nhận ra rằng chẳng có thuốc men quái gì cả. Tên cướp da thú đã đánh lừa được họ. Trong cả đám tù nhân có mỗi một mình chàng đã thoát khỏi sự tra tấn. Chàng đã đánh nước bài đó để giành được điều này. Mọi người ồ lên cười. Makamuk ngượng ngùng cúi đầu. Tên cướp da thú đã lừa hắn. Chúng vẫn tiếp tục hét cười rũ rượi. Makamuk quay mình bỏ đi, đầu cúi gằm. Hắn biết rằng từ nay trở đi người ta sẽ không gọi hắn là Makamuk nữa. Gã sẽ được mệnh danh là Mất Mặt; và nỗi nhục của hắn sẽ theo hắn mãi cho tới khi hắn lìa cõi đời; và khi các bộ lạc họp nhau vào mùa Xuân để đánh cá hồi, hoặc vào mùa Hạ để trao đổi hàng hóa, câu chuyện sẽ được truyền từ chỗ này qua nơi khác, qua những đám lửa trại, kể lại chuyện tên cướp da thú đã chết yên ổn do tay của Makamuk như thế nào.

"Ai là Mất Mất?" Hấn có thể hình dung trước khi nghe thấy một gã thanh niên hồn hào lên tiếng hỏi. Và người ta sẽ trả lời, "À, Mất Mất, trước khi hấn chặt đầu tên cướp da thú, vẫn được thiên hạ gọi là Makamuk."

** Dịch không sát nghĩa. Nguyên văn là chữ "studio", chỉ cả chỗ ăn ở, làm việc, lẫn tụ tập của giới nghệ sỹ. (chú thích của người đánh máy).*

Miếng bít tết

Đắc Lê dịch

Tôm Kinh dùng miếng bánh mì cuối cùng lau sạch chỗ bột còn lại trong đĩa sốt bột, rồi anh vừa chậm rãi nhai vừa ngẫm nghĩ. Anh đứng dậy, rời bàn ăn, cái cảm giác đói vẫn dần vặt. Tuy thế, chỉ có một mình anh được ăn. Hai đứa con đã được đưa đi ngủ sớm ở buồng bên để chúng có thể quên việc chưa được ăn tối. Vợ anh không động đến một tí gì, chị ngồi lặng lẽ, đưa cặp mắt buồn bã nhìn anh. Chị là một người phụ nữ gầy gò, héo hon, thuộc tầng lớp lao động; tuy vậy, trên khuôn mặt chị, những nét xinh đẹp xưa kia vẫn còn in lại. Bột để nấu sốt là do chị vay của bác hàng xóm ở gian bên kia. Hai hào cuối cùng dùng để mua bánh mì. Tôm Kinh ngồi trên ghế xích đu, bên cửa sổ. Cái ghế oằn xuống dưới sức nặng thân thể anh; hoàn toàn máy móc, anh đưa cái đầu lên miệng, rồi nhét vào túi áo bên. Trong túi không có thuốc lá, anh nhận ra được cái động tác máy móc của mình, anh nhăn nhó vì đăng trí, bèn bỏ cái túi đi. Động tác của anh chậm rãi, hầu như nặng nề tựa như anh phải chịu đựng sức nặng những bắp thịt của chính bản thân mình. Tôm Kinh là một người chắc nịch, trông vẻ dễ ưa. Bộ quần áo vải thô cũ kỹ và nặng nề. Cái mu giày không còn đủ độ bền để mang cái đế nặng đã được đóng lại từ lâu. Chiếc sơ-mi vải, loại rẻ tiền, giá hai đồng bạc, đã sờn cổ, có nhiều vết bẩn không thể nào tẩy sạch được nữa. Nhưng chính bộ mặt của Tôm Kinh mới quảng cáo rõ nghề nghiệp của anh, không làm vào đâu được. Đó là bộ mặt của một võ sĩ nhà nghề điển hình, bộ mặt của một người đã lăn lộn những năm trường trên cái võ đài hình vuông, và đã khiến cho trên bộ mặt ấy in rõ thêm những nét của một con thú dữ chiến đấu. Rõ ràng đó là một bộ mặt xấu, bất kì một nét nào cũng làm người ta phải chú ý, bộ mặt lại được cạo nhẵn nhụi. Đôi môi không thành hình thù gì cả, tạo thành một cái miệng quá xù xì trông như một vết rách hằn trên mặt. Cái hàm nhô ra, dữ tợn, man rợ, nặng nề. Cặp mắt lờ lờ, mí mắt dày cộp,

cặp mắt hầu như lạnh lùng dưới hàng lông mày rậm, thụt sâu vào. Anh có vẻ đích thực là một con thú, trên con người anh thì cặp mắt lại có vẻ động vật nhất. Đó là cặp mắt lim dim buồn ngủ, giống như mắt sư tử, cặp mắt của một con thú dữ chiến đấu. Trán dốc hẳn lên phía trên; mái tóc cắt ngắn làm lộ rõ từng cái bướu một trên cái đầu trông như đầu của một tên vô lại. Mũi đã hai lần bị vỡ và đã thay đổi hình dạng nhiều lần khác nhau do bị đâm không biết bao nhiêu lần. Tai rách như lá bắp cải, thường xuyên bị sưng và bị vụn gập làm đôi. Cái mũi và cái tai ấy hoàn chỉnh việc tô điểm khuôn mặt; thêm vào đó là bộ râu mới cạo, đã hơi nhú lên in trên khuôn mặt một vệt xanh đen. Nói chung, đó là một bộ mặt làm cho người ta sợ hãi, nếu bắt gặp trong ngõ tối hoặc ở nơi vắng vẻ. Tuy vậy, Tôm Kinh không phải là một kẻ phạm tội ác, anh cũng chẳng làm điều gì gây ra tội ác cả. Ngoài những trận đâm nhau ra – việc bình thường trong đời anh, – anh không hề làm hại ai cả. Người ta cũng chẳng bao giờ thấy anh gây ra một cuộc cãi cọ nào. Tôm Kinh là một võ sĩ chuyên nghiệp, tất cả những sự tàn bạo đánh đâm chỉ biểu lộ ở cái bề ngoài nghề nghiệp của anh. Ngoài võ đài, anh là một người có động tác chậm rãi, bản tính dễ dãi. Những ngày xưa, khi mà đồng tiền trong tay dồi dào, Tôm Kinh là một người rất hào phóng. Anh chẳng hề thù hằn ai, và anh cũng có rất ít kẻ thù. Đấm nhau là nghề nghiệp của anh. Trên võ đài, anh đấm thật đau, đấm cho thành thương tật, đấm để huỷ diệt đối thủ, nhưng hoàn toàn không mang một chút thù hằn nào cả. Đó là một yêu cầu đơn giản trong công việc làm ăn. Khán giả tụ tập lại, mất tiền để xem đấm nhau đến đo ván. Người thắng sẽ được phần chia lớn. Hai mươi năm trước, lúc Tôm Kinh gặp Gaogior Ulumulu, anh biết rằng hàm của Gaogior mới chữa khỏi được bốn tháng, sau khi bị vỡ trong một trận đấu ở Niucaxơn. Thế là, anh nhắm vào cái hàm đó, đấm nó vỡ một lần nữa ở hiệp chín, chẳng phải vì anh có chút ác ý nào đối với Gaogior, mà chỉ vì đó là một cách chắc chắn nhất để hạ Gaogior, chiếm được phần chia lớn. Về chuyện đó, Gaogior cũng chẳng mang chút thù hằn nào đối với Tôm Kinh. Đó là một ván bài, cả hai người đều hiểu rõ ván bài này, họ cùng tham gia vào. Tôm Kinh vốn là một người ít nói, anh ngồi lặng lẽ buồn bã bên cửa sổ, nhìn hai bàn tay mình. Những mạch máu lộ rõ trên mu bàn tay, chúng đều to xù, nổi hẳn lên, những khớp xương ngón tay bị gập nát, méo mó,

chứng minh rõ công dụng mà chúng đã đảm đương. Tôm Kinh chưa bao giờ nghe nói rằng cuộc đời của một con người là cuộc đời của các mạch máu trên cơ thể người đó, nhưng anh biết rất rõ ý nghĩa của những mạch máu to, nổi hẳn lên này. Trái tim anh đã đẩy, với một áp lực lớn, quá nhiều máu qua những mạch máu đó. Chúng không còn hoạt động tốt được nữa. Anh đã cố gắng quá sức đến nỗi làm chúng mất tính co giãn, và tình trạng quá căng của chúng đã làm anh mất cả sức bền bỉ. Hiện nay, anh rất dễ bị mệt nhọc. Anh không thể nào bền bỉ đấu được hai mươi hiệp nữa, thi nhau giáng những cú đấm, dồn ép nhau, đấm, đấm, đấm, từ tiếng cồng này đến tiếng cồng khác, hết đợt cố gắng mãnh liệt này đến đợt cố gắng mãnh liệt tốt đỉnh khác, chịu đánh bật vào dây thừng rồi lại đánh bật đối thủ vào dây thừng, và đợt cố gắng mãnh liệt nhất, tốc độ nhất trong hiệp thứ hai mươi làm cho toàn bộ khán giả đứng hẳn lên la hét, còn bản thân anh lao mạnh, giáng mạnh, né tránh, tung ra tới tấp hết trận mưa đấm này đến trận mưa đấm khác và cũng chịu những trận mưa đấm đánh trả lại, suốt trong những giây phút đó, trái tim anh vẫn trung thành đẩy những dòng máu sôi sục chảy qua các mạch máu thích ứng. Các mạch máu căng phồng lên lúc đó, nhưng rồi lại xẹp xuống, mặc dù không hoàn toàn xẹp xuống hết, mỗi lần như thế, lúc đầu không nhận ra được, mạch máu lại hơi to hơn lần trước một chút. Anh nhìn các mạch máu và những khớp ngón tay giáp nát, lúc này Tôm Kinh chợt nhìn thấy sự tuyệt mỹ trẻ trung của hai bàn tay đó trước lúc khớp xương ngón tay đầu tiên bị giáp nát vì đấm vào đầu Bênì Giônơ, được mệnh danh là Oensơ khủng khiếp. Cái cảm giác đói lại trở lại. - Em Blaimi, anh không thể có được một miếng bít-tết! – Tôm Kinh nói khá to, nắm chặt hai quả đấm to tướng và bật ra một lời nguyên rủa đã âm ỉ mãi trong lòng. - Em đã cố hỏi ở cả hiệu Bơơ lẫn hiệu Xoli, – vợ anh đáp, nửa như có vẻ xin lỗi. - Thế họ không bằng lòng? - Không có lấy một hào nào. Bác Bơơ bảo..., – chị ngập ngừng. - Hừ! Hừn bảo sao? - Vì bác ấy cho là tối nay Xendơn sẽ thắng anh, và số tiền nợ của anh đã khá lớn. Tôm Kinh làu bàu, nhưng không trả lời. Anh đang nghĩ tới con chó săn anh nuôi vào thời anh còn trẻ, anh đã cho nó ăn biết bao nhiêu là bít-tết. Lúc đó, Bơơ đã tin và bán chịu cho anh một nghìn miếng bít-tết. Nhưng thời thế đã thay đổi rồi. Tôm Kinh đã già đi, những võ sĩ nhiều tuổi, đấu ở câu lạc bộ loại hai, không thể hi

vọng thanh toán được những hoá đơn, dù nhiều tiền, dù ít tiền, cho những người bán hàng. Buổi sáng, lúc dậy khỏi giường, anh đã khao khát được ăn một miếng bít-tết, niềm khao khát đó vẫn còn dần vật. Anh không được tập luyện đầy đủ chuẩn bị cho trận đấu này. Đó là một năm hạn hán ở châu Úc, thời thế khó khăn, ngay cả những việc làm trái nghề nhất đối với anh cũng khó tìm được. Anh không có người cùng tập, đồ ăn thức uống của anh không phải là những thứ ngon lành, mà lại luôn luôn thiếu. Anh đã đi đào đất thuê trong ít ngày, lúc có thể kiếm được việc, và vào những buổi sớm tinh mơ, anh đã chạy quanh khu Đômênơ để luyện đôi chân. Nhưng luyện tập mà không có người cùng tập, và lại còn phải nuôi một vợ, hai con là một việc rất khó khăn. Anh sẽ đấu với Xendơ, nên anh rất khó mua chịu được thêm chút ít nữa ở các cửa hàng. Anh thư kí của câu lạc bộ Gâyoti đã ứng trước cho Tôm Kinh ba bảng – phần chia của người thua – không cho vay thêm nữa. Đôi khi anh vay mấy người bạn cũ được dăm hào, họ lẽ ra có thể cho vay nhiều hơn đôi chút, nhưng vì năm nay là năm hạn hán, bản thân họ cũng đã vất vả lắm rồi. Không, che giấu sự thật thực là vô ích, việc tập luyện của anh chẳng ra gì. Lẽ ra, anh phải có đồ ăn thức uống khá hơn và không phải lo lắng nghĩ ngợi. Hơn nữa, khi một người đã bốn mươi tuổi thì cũng khó được sung sức bằng lúc mới hai mươi. Tôm Kinh hỏi: - Mấy giờ rồi, em Lidi? Vợ anh đi qua hành lang, sang nhà bên cạnh hỏi giờ, rồi quay lại: - Tám giờ kém mười lăm, anh ạ. - Trận đấu đầu tiên sẽ bắt đầu trong ít phút nữa. Chỉ là một trận “dọn võ đài”. Rồi đến trận đấu bốn hiệp giữa Đilơ Oen và Gritli, và trận mười hiệp giữa một tay mới nổi với một gã thủy thủ nào đó. Anh không thể đấu được hơn một giờ. Đã mười phút lặng lẽ trôi qua, Tôm Kinh đứng dậy: - Sự thật là, em Lidi ạ, anh không được luyện tập đầy đủ. Anh với cái mũ, rồi đi ra phía cửa. Anh không định hôn vợ – anh không bao giờ làm thế vào những lúc ra khỏi nhà, – nhưng tối nay, Lidi lại liêu ôm hôn chồng. Chị quàng hai tay ôm lấy anh, ép anh cúi xuống sát mặt chị. Đứng sát vào cái thân hình to lớn của người đàn ông này, trông chị lại càng nhỏ bé. Chị nói: - Anh Tôm, chúc anh may mắn, anh phải thắng hán nhé. - Ồ, anh phải thắng hán, – anh nhắc lại. – Tất cả những việc phải làm chỉ có thể thôi. Anh phải thắng hán. Anh cố cười chân thật trong lúc Lidi nép chặt vào anh hơn nữa. Tôm Kinh đưa mắt qua vai vợ, nhìn xung quanh

căn phòng trống rỗng. Đó là tất cả những thứ anh có trên cõi đời này, cùng với tiền nhà chưa trả, người vợ và hai đứa con. Anh phải rời căn buồng, đi vào trong đêm tối để kiếm miếng thịt cho vợ và hai con nhỏ, nhưng không giống như người công nhân thời hiện đại đến làm những công việc đều đều như máy, mà cách kiếm ăn của anh thật như trong thời cổ, rất nguyên thủy, rất ngoạn mục, như thú vật, đó là cách đánh nhau để kiếm được miếng thịt.

- Anh phải thắng hẳn, – Tôm Kinh nhắc lại một lần nữa, giọng nói có vẻ tuyệt vọng. – Nếu thắng, đó là ba mươi bảng... anh có thể trả được nợ và còn lại một ít tiền. Nếu thua, anh chẳng còn được gì cả, ngay cả năm xu để đi xe điện về nhà cũng không. Anh thư kí đã đưa cho anh tất cả phần của người thua cuộc rồi. Anh đi nhé, em yêu. Nếu thắng, anh sẽ về thẳng nhà. - Em sẽ thức đợi anh, – Lidi nói với theo qua hành lang. Quãng đường đến câu lạc bộ Gâyoti dài trọn hai dặm, vừa đi, Tôm Kinh vừa nhớ lại những ngày xưa tươi đẹp (một lần, anh đã đoạt chức vô địch hạng nặng miền Niu Xao Uên), khi đó anh đi xe ngựa đến dự đấu, và hầu hết các lần đó những tay hâm mộ thể thao đều trả tiền xe để được ngồi cùng với anh. Còn Tômi Bơ và gã người Mỹ Giéc Giônxon, hai tay đó đi ô tô cơ. Giờ thì anh đi bộ! Ai mà chẳng biết: lê bộ hai dặm đường ngay trước trận đấu chẳng phải là tốt lắm đâu. Anh là một đấu thủ lớp cũ, cuộc đời chẳng hề vỗ tay tán thưởng những người lớp cũ. Anh chẳng còn được tích sự gì, ngoài việc đi đào đất, cái mũi bị vỡ và cái tai sưng vù gây cho anh khó khăn ngay cả trong việc xin đi đào đất thuê. Tôm Kinh ước mong giá anh đã học lấy một nghề. Như thế rút cục sẽ tốt đẹp hơn. Nhưng nào có ai là người bảo cho anh hay, từ thâm tâm, anh hiểu rằng giá họ có bảo thì anh cũng chẳng nghe. Chẳng là dễ dàng mà. Những món tiền lớn... những trận đấu vinh quang, sôi nổi... thời gian nghỉ ngơi, rồi rãi giữa hai trận đấu... một đoàn những tay tán dương say mê đi theo, những cái vỗ vào lưng ca ngợi, những cái bắt tay, các tay giàu có vui vẻ mua rượu mời uống để được hưởng năm phút trò chuyện với anh... và niềm vinh quang của môn quyền Anh, toàn bộ khán giả la hét vang trời, đợt tấn công cuối cùng như gió lốc, lời tuyên bố của trọng tài: “Kinh thắng!”. Và tên tuổi anh trong các trang thể thao trên báo ngày hôm sau. Huy hoàng thay thời đó! Nhưng bây giờ, Tôm Kinh nhận ra, theo cái kiểu chậm rãi, nghiền ngẫm của anh, rằng anh đã từng loại biết bao đấu thủ

lớp cũ. Anh là Tuổi trẻ, đang nổi lên, họ là Tuổi già, đang chìm xuống. Thật là dễ dàng, chẳng đáng ngạc nhiên: họ mang trên người những mạch máu sung phòng và những khớp xương ngón tay giập nát, đau đớn từng đốt xương một do những trận đấu kéo dài mà họ đã trải qua. Anh nhớ lại: lúc anh đã hạ anh bạn già Xtôơ Bìn tại vịnh Rắt Cắtơ, trong hiệp thứ mười tám, anh bạn già Bìn sau đó đã khóc trong buồng thay quần áo như một đứa trẻ con. Có lẽ anh bạn già Bìn cũng còn nợ tiền thuê nhà. Có lẽ anh ấy cũng có một người vợ và hai đứa con nhỏ ở nhà. Và có lẽ, anh Bìn, đứng vào ngày lên võ đài, cũng đã đói, đã khao khát được ăn một miếng bít-tết. Bìn, đã xuất trận và đã nhận lấy sự thất bại bất ngờ không thể tin được. Bây giờ, sau khi bản thân đã trải qua nhiều thử thách, Tôm Kinh đã có thể nhận ra là vào tối đó cách đây hai mươi năm, Xtôơ Bìn đã chiến đấu vì một mục đích lớn lao hơn anh chàng trai trẻ Tôm Kinh chiến đấu vì vinh quang và cả vì đồng tiền dễ dãi. Vậy sau đó, Xtôơ Bìn đã khóc trong buồng thay quần áo cũng chẳng phải là điều đáng ngạc nhiên. Phải, một con người đã trải qua nhiều trận đấu trong đời sẽ tất nhiên như thế. Đó là định luật thép của đấu trường. Người này có thể trải qua được một trăm trận đấu gay go, người khác chỉ hai mươi trận. Mỗi người tùy theo sự cấu tạo và chất lượng của cơ thể, chỉ trải được một số trận đấu nhất định nào đó, khi anh ta đã xuất trận đủ số lượng thì tất yếu phải chấm dứt. Đúng thế, so với tất cả bọn họ, bản thân Tôm Kinh đã trải qua số lượng trận đấu nhiều hơn, anh đã đi qua cái phần chiến đấu gay go kinh người của mình – những trận căng đến vỡ tim, vỡ phổi làm các mạch máu phòng quá mức đàn hồi, làm các thớ thịt mềm mại của tuổi trẻ biến thành những múi rắn đanh, làm thần kinh và sức chịu đựng mòn mỏi đi, và làm cho não, cho xương mệt mỏi vì phải cố sức quá mức, chịu đựng quá mức. Phải, anh đã chiến đấu xuất sắc hơn tất cả bọn họ. Những đấu thủ cũ cùng thời với anh không còn ai nữa. Anh là người đấu sĩ già cuối cùng. Anh đã nhìn thấy sự kết thúc của tất cả bọn họ và anh cũng đã góp một tay để kết thúc cuộc đời võ sĩ của một vài đấu thủ. Người ta đã đưa anh ra thử sức với những đấu thủ lớp cũ; anh đã lần lượt hạ hết người này đến người khác, và anh đã cười, khi họ, như Xtôơ Bìn chẳng hạn, đã phải khóc trong buồng thay quần áo. Và bây giờ, anh là một đấu thủ lớp cũ, họ lại đưa những tay trẻ ra thử sức với anh. Đó là anh chàng Xendôn. Anh

ta từ Niu Dilân tới, mang theo một kỉ lục đã lập được. Nhưng chẳng có ai ở châu Úc biết một điều gì về tên tuổi anh ta cả, thế là người ta sắp xếp Xendơn đấu với anh bạn già Tôm Kinh. Nếu Xendơn chơi được, anh ta sẽ được gặp các tay cứng hơn với những giải thưởng lớn hơn, vậy Xendơn sẽ đấu một trận quyết liệt. Nếu thắng trận này, anh chàng sẽ có mọi thứ: tiền tài, danh vọng và sự nghiệp; còn Tôm Kinh là một tảng đá cũ, mốc xám, đang rạn nứt, đứng lù lù trên con đường dẫn đến tiền tài và danh vọng. Nếu Tôm Kinh thắng, anh chẳng được gì, ngoài ba mươi bảng để trả chủ nhà và các người bán hàng. Vậy thì, khi Tôm Kinh ngẫm nghĩ, những hình ảnh lạnh lùng lại hiện lên, những biểu hiện của tuổi trẻ, tuổi trẻ vinh quang, sôi nổi, tươi vui, không gì thắng nổi, sự mềm mại của bắp thịt, vẻ mịn màng của da dẻ, cùng với trái tim, bộ phổi không hề biết mệt mỏi, đau đớn, trái tim bộ phổi cười khinh thường ý nghĩ giới hạn của sự nỗ lực. Phải rồi, tuổi trẻ là nữ thần Nêmedit (1). Tuổi trẻ tàn phá những người thuộc lớp cũ, và cũng chẳng hề lo ngại gì, nó cứ tiếp tục tàn phá, rồi lại tự tàn phá chính mình. Nó làm những mạch máu trẻ trung giãn thêm ra, nó làm giập nát những khớp xương ngón tay, và rồi đến lượt, nó lại bị tuổi trẻ lớp kế tiếp tàn phá. Bởi vì, tuổi trẻ vĩnh viễn là sức trẻ. Chỉ có tuổi già mới chính là già nua. Đến phố Caxonrây, Tôm Kinh rẽ trái, đi qua ba dãy nhà nữa, anh tới câu lạc bộ Gâyoti. Một đám đông những tay trẻ hâm mộ thể thao đang xúm ở ngoài cửa, kính trọng đứng dẹp thành một lối cho anh đi; anh nghe thấy một gã bảo với bạn: - Anh ấy đấy! Tôm Kinh đấy! Ở trong câu lạc bộ, trên đường đi đến phòng thay quần áo, Tôm Kinh gặp người thư kí – một tay thanh niên có bộ mặt láu lỉnh, cặp mắt sắc sảo. Anh ta bắt tay Tôm Kinh và hỏi: - Ông thấy trong người thế nào, ông Tôm? - Sung sức lắm, – Tôm Kinh trả lời, mặc dù biết rằng mình đã nói dối, rằng nếu có một bảng, anh nhất định đã mua một miếng bít-tết ngon. Anh từ buồng thay quần áo bước ra. Những tay săn sóc của anh theo sau. Anh bước dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế, đi tới các võ đài hình vuông đứng ở giữa phòng. Khán giả đang ngồi đợi thi nhau vỗ tay hoan nghênh, chào mừng anh. Anh nghiêng bên trái, nghiêng bên phải chào đáp lại, tuy vậy anh cũng chỉ quen mặt một số ít. Hầu hết khán giả là những tay trẻ, chưa ra đời lúc anh giành được trên cái võ đài hình vuông vòng hoa nguyệt quế đầu tiên. Anh nhẹ nhàng nhảy lên

võ đài cao và luồn qua dây thừng, vào góc của mình. ngồi xuống chiếc ghế gấp. Giéc Bon, trọng tài trận đấu, bước đến gần bắt tay anh. Bon là một võ sĩ đã mất sức mà đã hơn mười năm không bước lên võ đài với tư cách một đấu thủ nữa. Tôm Kinh rất vui mừng thấy Bon là trọng tài. Hai người đều là những đấu thủ lớp cũ. Nếu anh có chơi dữ với Xendôn, hơi phạm luật đôi chút, anh tin là Bon sẽ bỏ qua. Những võ sĩ hạng nặng trẻ tuổi, đầy cao vọng, lần lượt hết tay này đến tay khác, nhảy vào trong võ đài và được trọng tài giới thiệu với khán giả. Trọng tài tuyên bố những lời thách thức của họ. - Anh thanh niên Prontô, – Bon tuyên bố, – ở Bắc Xítni, thách đấu với người thắng trận này năm mươi bảng. Khán giả vỗ tay, và lại vỗ tay một lần nữa lúc Xendôn nhảy qua dây thừng, ngồi vào góc võ đài của mình. Tôm Kinh đưa mắt ngang qua võ đài, tò mò nhìn anh ta; bởi vì, chỉ trong ít phút nữa, họ sẽ cùng nhau bị cột vào một cuộc chiến đấu tàn nhẫn, mỗi người đều cố dốc hết sức lực của bản thân để đấm cho đối thủ gục xuống bất tỉnh. Nhưng anh chẳng nhìn thấy được bao nhiêu, bởi vì, cũng như anh, Xendôn mặc quần dài và áo nịt ra ngoài bộ quần áo dự đấu. Xendôn có khuôn mặt đẹp, khoẻ khoắn, đóng khung trong mái tóc vàng, xoăn, xù lên; cái cổ to. đầy bắp thịt gợi ra vẻ tuyệt đẹp về hình thể. Anh chàng trai trẻ Prontô bước đến một góc võ đài. rồi đi sang góc kia, lần lượt bắt tay hai đấu thủ, rồi nhảy xuống khỏi võ đài. Những cuộc thách thức vẫn tiếp tục. Bao giờ tuổi trẻ cũng nhảy qua dây thừng – tuổi trẻ vô danh, nhưng chẳng bao giờ thoả mãn – kêu to với nhân loại rằng với sức mạnh và tài năng mang trong mình, tuổi trẻ thách đấu với người thắng trận. Một vài năm trước, trong những ngày lầy lùng, bách chiến bách thắng của bản thân anh, Tôm Kinh thường được giải trí và bị làm phiền bởi những khúc dạo đầu như thế này. Nhưng lúc này anh lại như bị mê đi, không sao rũ bỏ được những hình ảnh của tuổi trẻ đang diễn ra trước mặt. Trong môn quyền Anh. những chàng thanh niên như thế luôn luôn nổi lên. nhảy qua dây thừng, hét to thách thức và các đấu thủ lớp cũ luôn luôn gục xuống trước lớp trẻ. Lớp trẻ trèo qua thân thể của lớp già để bước tới đài thành công. Họ xuất hiện không ngừng, ngày càng nhiều – tuổi trẻ không bao giờ tàn lụi, không gì ngăn lại được, – và lớp trẻ bao giờ cũng gạt những lớp già ra, rồi chính cái lớp trẻ đó lại trở thành lớp già và gục xuống cùng theo một con đường dốc

ấy, trong khi đó ở đằng sau họ, luôn luôn thúc ép họ là tuổi trẻ bất diệt – bọn trẻ sơ sinh, lớn lên mạnh mẽ và kéo lớp hơn tuổi xuống, đồng thời đằng sau chính cái lớp trẻ này lại là lớp trẻ sơ sinh khác, cứ thế chẳng bao giờ dứt, – tuổi trẻ phải thực hiện bằng được ý chí của mình, tuổi trẻ là bất diệt. Tôm Kinh hết nhìn khu vực các nhà báo, anh gật đầu chào Mogon, phóng viên tờ Nhà thể thao, và Cobít, phóng viên tờ Trọng tài. Rồi anh giơ tay ra. Xít Xalivơ và Chali Bâyto, hai người săn sóc của anh, lồng đôi găng vào tay anh và buộc chặt lại, trong khi đó, một trong những tay săn sóc của Xendơn quan sát chăm chú, đó là người đầu tiên xem xét những dải băng vải cuốn các khớp xương ngón tay của Tôm Kinh. Một tay săn sóc của Tôm Kinh đứng ở góc võ đài của Xendơn cũng tiến hành thủ tục như thế. Người ta kéo quần dài của Xendơn ra, anh ta đứng dậy, chiếc áo nịt được kéo qua đầu. Tôm Kinh đưa mắt nhìn, thấy đúng là hiện thân của tuổi trẻ, bộ ngực nở, những đường gân săn, những bắp thịt cuộn cuộn, đầy sinh lực nằm dưới lớp da trắng mịn như xa-tanh. Toàn bộ cơ thể tràn trề sức sống. Tôm Kinh biết rằng đó là một sức sống chưa hề bị ép một chút sinh lực nào ra khỏi những lỗ chân lông đau đớn trong những trận đấu kéo dài, trong những trận đấu mà tuổi trẻ phải trả bằng sức trẻ của mình, và lúc ra khỏi trận đấu thì không còn hoàn toàn trẻ trung như lúc bắt đầu bước vào nữa. Hai đấu thủ tiến lên gặp nhau, khi tiếng cồng vang lên và các tay săn sóc kéo mạnh hai cái ghế gấp ra khỏi võ đài, hai người liền chạm găng và tức khắc chuyển ngay sang tư thế chiến đấu. Cũng tức khắc, như một bộ máy bằng thép và lò xo lắp sẵn vào bộ phóng bằng lò-xo đã nén lại, Xendơn xông vào, lao ra, rồi lại xông vào giáng một cú tay trái vào mắt, bổ một cú tay phải vào sườn, né một cú phản công, nhẹ nhàng nhảy tránh, rồi lại nhảy bổ vào đe dọa. Anh ta rất linh hoạt và khéo léo. Một cuộc biểu diễn loá mắt. Khán giả hét âm lên tán thưởng. Nhưng Tôm Kinh không bối rối. Anh đã đấu rất nhiều trận, với rất nhiều các tay trẻ. Anh hiểu rõ những cú đấm, hiểu rõ tác dụng của những cú đấm đó: nhanh quá, đẹp mắt quá, nên không nguy hiểm. Rõ ràng Xendơn đã mở đợt tấn công tới tấp ngay từ đầu. Đúng như mọi người mong đợi. Đó là kiểu cách của tuổi trẻ, phô trương sự rực rỡ, tuyệt mỹ của mình trong sự vùng dậy điên cuồng, trong cuộc công kích sục sôi, dùng niềm vinh quang vô hạn của sức mạnh và ham muốn của mình để áp đảo đối phương.

Xendơn xông vào, lùi ra, lao vào chỗ này, nhảy sang chỗ khác, khắp võ đài, đôi chân nhẹ nhàng, linh hoạt, trái tim đầy nhiệt huyết, sục sôi, thật là một sức sống tuyệt diệu bao gồm những thớ thịt trắng hồng, những bắp thịt nhúc nhối đòi hoạt động, đã hợp thành một bộ máy tấn công kì diệu; anh ta lướt, nhảy như một con thoi đang bay, từ động tác này đến động tác khác cho tới một nghìn động tác, tất cả mọi thứ đó đều tập trung để tàn phá Tôm Kinh, người đứng chặn giữa anh ta và tiền tài, danh vọng. Tôm Kinh kiên nhẫn chịu đựng. Anh biết rõ công việc của anh, anh hiểu rõ tuổi trẻ, cái tuổi trẻ mà bây giờ không còn là của anh nữa. Không thể làm thế nào được, phải chờ cho đến khi anh chàng này mất bớt đôi chút sức lực, Tôm Kinh nghĩ như vậy, anh cười gằn với mình khi anh cố tình né người để cho một cú đấm nặng đồng cân giáng vào đỉnh đầu. Đó là một ngón chơi ác, nhưng hoàn toàn hợp luật quyền Anh. Nếu một võ sĩ muốn bảo vệ những khớp xương ngón tay của mình mà lại cứ nhất định đấm vào đỉnh đầu đối thủ thì thật là tự mua lấy nguy hiểm. Tôm Kinh có thể cúi xuống thấp hơn để cú đấm bay vụt qua đầu, nhưng anh nhớ lại những trận đấu đầu tiên của mình, và nhớ lại lần đầu tiên những khớp xương ngón tay của anh đập vào đầu Oensơ khủng khiếp đã bị giập nát như thế nào. Anh vẫn chơi đúng luật. Cú né vừa rồi của anh để tàn phá một trong những khớp xương ngón tay của Xendơn. Lúc này, Xendơn chưa chú ý đến điều đó. Anh ta vẫn tiếp tục, bất chấp đến tuyệt đỉnh, giáng rất mạnh suốt cả cuộc đấu. Nhưng sau đó, khi các trận đấu kéo dài trên võ đài đã bắt đầu ngấm, anh ta không khỏi thương tiếc cái khớp xương ngón tay đó, nhìn lại dĩ vãng, nhớ ra vì đập vào đầu Tôm Kinh nó đã bị giập nát như thế nào. Xendơn hoàn toàn làm chủ hiệp thứ nhất. Tốc độ tấn công tới tấp như gió lốc của anh ta làm khán giả hét ầm lên. Anh ta áp đảo Tôm Kinh bằng vô vàn những cú đấm. Tôm Kinh không tấn công. Chẳng lần nào anh đánh trả lại cả, anh vui lòng phòng thủ, ngăn chặn, né tránh và ôm ngoặc để tránh những cú đấm mạnh. Đôi khi, anh làm động tác giả, lắc đầu khi một quả đấm mạnh lao tới, và điềm tĩnh di động, anh không bao giờ nhảy hoặc chồm lên, không bao giờ để phí một chút sức lực nào. Sức trẻ trong con người Xendơn sục sôi lên, tan ra thành bột trước khi tuổi già thậm trọng dám đánh trả lại. Toàn bộ động tác của Tôm Kinh đều chậm rãi, đúng mức, cặp mắt lờ đờ dưới làn mi mắt dày, trông anh như

nửa thức nửa ngủ, như ngây dại. Nhưng cặp mắt đó nhìn thấy tất cả, cặp mắt đó đã được tôi luyện suốt hai mươi năm trường có lẽ lăn lộn trên võ đài để có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ. Cặp mắt đó không bị nhấp nháy hoặc hoa lên trước một cú đấm nguy hiểm, mà vẫn cứ lạnh lùng quan sát, lạnh lùng ước lượng khoảng cách. Ngồi ở góc võ đài của mình trong phút nghỉ ngơi sau hiệp đấu, Tôm Kinh ngả hẳn người ra, chân duỗi thẳng, hai tay đặt trên chỗ dây thừng chéo nhau ở phía phải, ngực và bụng phập phồng thực sự, mạnh mẽ lúc anh đón luồng không khí do các tay săn sóc của anh dùng khăn mặt phẩy phẩy tạt vào người anh. Mắt nhắm lại, anh lắng nghe tiếng hét của nhiều khán giả: - Sao lại không tấn công, hả Tôm? - Anh không sợ hấn, phải không? - Bắp thịt cứng rồi, – Tôm Kinh nghe thấy tiếng phê phán của một người ngồi ở hàng ghế phía trước. – Động tác của anh ta không thể nhanh hơn được nữa. Đánh cuộc Xendơn thắng, hai ăn một thôi, tiền mặt ngay. Tiếng cồng vang lên, từ hai góc võ đài, hai võ sĩ tiến lên. Xendơn tiến trọn ba phần tư khoảng cách giữa hai người, hăng hái bắt đầu hiệp đấu mới. Tôm Kinh vui lòng tiến một đoạn ngắn hơn. Điều đó nằm trong chiến thuật tiết kiệm sức lực của anh. Anh không được tập luyện đầy đủ, đồ ăn thức uống thiếu thốn, mỗi bước di động đều phải tính toán. Hơn nữa, anh đã phải đi bộ hai dặm để đến dự đấu. Lại cũng lặp lại như hiệp thứ nhất: Xendơn tấn công như một cơn lốc, khán giả giận dữ vì Tôm Kinh không tấn công trả lại. Ngoài những động tác giả và dăm bảy cú đánh trả chậm chạp, vô tác dụng, anh không làm gì khác, mà chỉ ngăn chặn, che cho kín và ôm ngoặc đối thủ. Xendơn muốn đánh nhanh, trong khi Tôm Kinh, rất thông minh, không hưởng ứng. Bộ mặt của anh, in hình bao dấu vết các trận đấu, hằn lên một nụ cười thương cảm, khôn ngoan, anh vẫn tiếp tục nâng niu sức lực của mình với vẻ ích kỷ mà chỉ người đứng tuổi mới có được. Xendơn là tuổi trẻ, anh ta phung phí sức lực với vẻ phóng túng vô vàn của tuổi trẻ. Tôm Kinh có cái khôn ngoan, có tài điều khiển trên võ đài, đó là kết quả của biết bao trận đấu ác liệt, kéo dài. Anh quan sát bằng cặp mắt lạnh lùng, đầu óc bình tĩnh, mọi động tác đều chậm rãi, anh đợi cho niềm sục sôi của Xendơn tan ra thành bọt. Đối với đa số khán giả, hình như Tôm Kinh chẳng có chút hi vọng nào thắng cả, họ lên tiếng biểu lộ ý kiến của mình: đánh cuộc cho Xendơn thắng với ba chỉ cần ăn một thôi. Nhưng cũng có những người

khôn ngoan, chỉ một số ít thôi, đã biết Tôm Kinh từ lâu, bèn ném tiền về phía họ cho là dễ “trúng”. Hiệp ba bắt đầu như thường lệ, vẫn cứ một chiều. Xendơn hoàn toàn áp đảo, tung ra toàn những cú đấm mạnh mẽ. Nửa phút trôi qua, Xendơn, quá tự tin, để lộ một thế sơ hở. Cặp mắt và cánh tay phải của Tôm Kinh loé lên cùng một lúc. Đó là một cú đấm thực sự đầu tiên của anh, một cú đấm móc, với cánh tay gấp cong đã xoay chéo đi nên cứng như thép, cùng với cả trọng lượng người anh ở tư thế nghiêng dòn vào. Thật là giống như một con sư tử có vẻ đang lim dim ngủ bỗng thành linh nhanh như chớp vung ra một cái vuốt. Xendơn, bị trúng vào một bên hàm, gục xuống nằm xoài như một con bò mộng. Khán giả giật nảy mình, lảo nhảm khiếp đảm tán thưởng. Xét cho đến cùng, con người này không phải là một đồng những bắp thịt đã bị xơ cứng, anh vẫn có thể giáng được một cú đấm như búa bổ. Người Xendơn run bắn lên. Anh ta lẫn lộn, định vùng dậy, nhưng tiếng hét giật giọng của các tay săn sóc cho anh ta bảo chờ trọng tài đếm đã tìm Xendơn lại. Xendơn quỳ một chân, sẵn sàng vùng dậy. Xendơn chờ đợi, trong lúc trọng tài đứng sát bên, đếm to vào tai anh ta. Đếm đến chín, Xendơn vùng dậy ở vào ngay tư thế chiến đấu. Tôm Kinh, đối diện với Xendơn, nhìn ra mới tiếc là cú đấm còn cách giữa cầm một inso (2). Lẽ ra đó đã là một cú nóc-ao, và anh đã có thể mang ba mươi bảng về nhà cho vợ con. Hiệp đấu tiếp tục đến cuối phút thứ ba. Lần đầu tiên, Xendơn thấy kính trọng đối thủ. Động tác của Tôm Kinh vẫn chậm rãi, mắt anh vẫn lim dim nửa thức nửa ngủ như cũ. Lúc hiệp đấu gần kết thúc, Tôm Kinh nhận thấy được vì thấy các tay săn sóc đang thu mình lấy đà chuẩn bị nhảy qua dây thừng. anh bèn lái trận đấu chuyển về góc võ đài của mình. Và khi tiếng cồng vang lên, anh bèn ngồi ngay xuống chiếc ghế đã để sẵn. Đó chỉ là một điều nhỏ mọn, nhưng tổng số những điều nhỏ mọn trở thành một con số đáng kể. Để trở về góc võ đài của mình, Xendơn bắt buộc phải đi đoạn đường dài hơn, tốn sức hơn và mất đi một phần thời gian trong phút nghỉ ngơi quý báu. Bắt đầu hiệp nào cũng vậy, Tôm Kinh đều lừ lừ rời góc võ đài của mình, như thế bắt buộc đối thủ phải tiến quãng đường dài hơn. Vào cuối mỗi hiệp, anh đều lái trận đấu về góc võ đài của mình để có thể ngồi xuống nghỉ ngay tức khắc. Hai hiệp nữa trôi qua. Tôm Kinh vẫn dè xẻn sức lực, còn Xendơn vẫn cứ phung phí. Ý định của Xendơn là đánh nhanh làm

cho Tôm Kinh bất lợi, bởi vì số lượng vô vàn cú đấm giáng tới tấp lên người Tôm Kinh sẽ làm cho anh bị thua. Nhưng Tôm Kinh vẫn kiên trì với kiểu đánh chậm rãi của mình, bất chấp cả những tiếng la hét của những tay thanh niên nóng nảy đòi anh phải xông vào, phải tấn công. Lại một lần nữa, trong hiệp thứ sáu, lúc Xendơn sơ hở, cú đấm khiếp đảm tay phải của Tôm Kinh lại vút đúng hàm, và Xendơn lại phải nằm chờ trọng tài đếm đến chín. Đến hiệp thứ bảy, trạng thái sung sức của Xendơn đã mất, anh ta biết là sắp phải đấu một trận gay go nhất trong đời. Tôm Kinh là một võ sĩ thuộc lớp cũ, nhưng là một võ sĩ lớp cũ trội hơn những võ sĩ mà Xendơn đã từng gặp. Đó là một võ sĩ lớp cũ không bao giờ mất bình tĩnh, có khả năng phòng ngự rất xuất sắc. Cú đấm nặng trịch như búa bổ, có cú đấm đo ván ở cả hai tay. Tuy vậy, Tôm Kinh không đấm bừa bãi. Anh chẳng bao giờ quên những khớp xương ngón tay bị giập nát, anh biết rằng mỗi cú đấm đều phải tính toán, nếu còn muốn sử dụng lâu dài những khớp xương ngón tay để xung trận. Ngồi ở góc võ đài của mình, Tôm Kinh liếc ngang võ đài nhìn đối thủ, một ý nghĩ chợt nảy ra trong óc anh: sự khôn ngoan của anh cộng với sức trẻ của Xendơn hẳn sẽ tạo ra được một võ sĩ hạng nặng, vô địch thế giới. Nhưng đó mới là điều rắc rối. Xendơn không bao giờ trở thành một quán quân vô địch thế giới được. Anh ta thiếu khôn ngoan. Chỉ có một cách duy nhất để có được sự khôn ngoan là phải mua bằng sức trẻ; và khi sự khôn ngoan đã thuộc về anh ta thì sức trẻ đã tiêu vào trong việc mua sự khôn ngoan mất rồi. Tôm Kinh tận dụng mọi ưu thế mà anh biết được. Anh không bao giờ bỏ qua một cơ hội ôm ngoặc nào; có hiệu lực nhất trong những miếng ôm ngoặc là vai anh tì mạnh vào xương sườn đối thủ. Trong môn triết học đấu trường, kể về mặt tác hại thì một lần tì vai cũng có tác dụng như một cú đấm mạnh, còn kể về mặt tiêu sinh lực thì có tác dụng hơn. Cũng trong những miếng ôm ngoặc đó, Tôm Kinh dựa cả trọng lượng của anh lên đối thủ và chỉ bắt đắc dĩ mới rời ra. Như thế, trọng tài bắt buộc phải can thiệp vào, tách hai đấu thủ ra. Xendơn luôn luôn hỗ trợ vào việc tách ra đó, anh ta chưa biết cách nghỉ lấy sức. Xendơn không kìm mình lại được mà không dùng những cánh tay quang vinh, vun vút của mình, khi đối thủ lao vào ôm ngoặc, ép vai lên xương sườn, rúc đầu dưới tay trái, thì Xendơn thường xuyên ngoặc tay phải ra sau lưng, đấm vào mặt của Tôm

Kinh đang nhô ra. Đó là một lối đánh khéo léo, đẹp mắt, nhưng không nguy hiểm, và do đó chỉ làm phí rất nhiều sức. Nhưng Xendơn không biết mệt, không biết đến chữ “giới hạn” là gì. Tôm Kinh cười gằn, kiên trì chịu đựng. Xendơn triển khai cú đâm mãnh liệt bằng tay phải vào mình đối thủ, làm cho Tôm Kinh phải chịu vô số những cú đâm mạnh, và chỉ những người già đời trong nghề quyền Anh mới đánh giá được cú chạm khéo léo do Tôm Kinh dùng găng trái đánh vào bắp cơ cánh tay của Xendơn trước khi cú đâm của anh ta tới đích. Thật vậy, mỗi lần cú đâm tung ra thì mỗi lần cú đâm lại mất đi sức mạnh do cú chạm khéo vào bắp cơ cánh tay. Trong hiệp chín. ba lần trong một phút, cú đâm móc tay phải mà cánh tay đã xoay chéo đi của Tôm Kinh bật đúng vào hàm, và ba lần tấm thân của Xendơn, nặng như thế đấy, gục ngay xuống sàn. Mỗi lần Xendơn đều đợi trong tài đếm đến chín thì vùng dậy, run run, lão đảo, nhưng vẫn mạnh mẽ. Tốc độ của Xendơn đã giảm đi, sức lực bớt phung phí hơn. Xendơn cắn răng lại mà đâm, nhưng vẫn dựa vào ưu thế chủ yếu của mình, đó là tuổi trẻ. Ưu thế chủ yếu của Tôm Kinh là kinh nghiệm. Vì sinh lực của anh đã bị giảm, khí lực đã cạn, anh phải thay thế bằng sự thông minh, và khôn ngoan nảy sinh từ những trận đấu kéo dài, và bằng việc gìn giữ sức lực thật cẩn thận. Không những không có một động tác thừa nào, mà Tôm Kinh còn dụ cho đối phương phung phí sức lực. Hết lần này đến lần khác, Tôm Kinh dùng chân, tay, thân thể làm động tác giả: anh tiếp tục dụ Xendơn phải nhảy lùi lại, né tránh hoặc phản công đâm trả. Anh nghỉ ngơi, nhưng không bao giờ để cho Xendơn nghỉ. Đó là chiến thuật của tuổi già. Ngay từ đầu hiệp mười, Tôm Kinh bắt đầu chặn cuộc tấn công tới tấp của đối thủ bằng những cú chọc thẳng tay trái nhằm vào mặt. Xendơn thận trọng đối phó bằng cách rút tay trái lại, rồi né tay trái và dùng tay phải đâm một cú móc tạt ngang vào bên cạnh đầu Tôm Kinh. Đó là một cú đâm nhằm quá cao, không có tác dụng quyết định, nhưng vừa bị cú đâm này, Tôm Kinh đã hiểu rõ sự xuống dốc quen thuộc của tuổi già, một màn sương đen sẫm mù mịt kéo qua óc anh. Chỉ trong một thoáng. hoặc đúng hơn là trong một thoáng rất ngắn, anh sững người lại. Trong khoảnh khắc đó, anh thấy đối thủ biến khỏi tầm mắt, cả cái nền phía sau bao gồm những khuôn mặt trắng trắng, đang chăm chú cũng biến mất, rồi trong khoảnh khắc tới, anh lại nhìn thấy đối thủ và cái

nền phía sau gồm những khuôn mặt đỏ. Tựa như anh đã ngủ trong một thoáng và chỉ vừa mới bừng mắt thức tỉnh, tuy nhiên cái khoảnh khắc bất tỉnh này quá ư ngắn ngủi đến nỗi không có đủ thời giờ để anh gục xuống nữa. Khán giả nhìn thấy anh lao đảo, đầu gối giãn ra, và rồi thấy anh hồi phục và ấn cằm thấp xuống thêm, nấp vào phía trong vai trái. Một lần, Xendơn nhắc lại cú đâm đó nhưng chỉ làm Tôm Kinh sững sốt đôi chút, rồi Tôm Kinh thực hiện chiến thuật phòng thủ, đồng thời cũng là một cuộc phản công. Tay trái làm động tác giả, anh lùi lại nửa bước, đồng thời đâm một cú móc quai hàm bằng toàn bộ sức mạnh của tay phải. Cú đâm chính xác đúng vào lúc đầu của Xendơn vừa gật mạnh xuống để né tránh, thế là Xendơn bị nhắc bổng lên không trung, lộn ngửa, đập đầu và vai đánh sầm xuống sàn. Hai lần, Tôm Kinh thực hiện thành công cú đâm này, rồi anh lùi lại giáng cho đối thủ ép vào dây thừng. Không để cho Xendơn có dịp nào nghỉ ngơi, hoặc hoàn hồn lại, anh giáng hết cú đâm này đến cú đâm khác cho đến khi toàn bộ khán giả đứng hẳn lên, hoan hô cổ vũ như biển động sục sôi không ngừng. Nhưng sức mạnh và sức chịu đựng của Xendơn thật là quá chừng, anh ta vẫn tiếp tục đứng vững. Rồi đến một cú nóc-ao tựa như đã chắc ăn, viên đội trưởng cảnh sát, thất kinh vì cú đâm kinh người này, từ bên cạnh võ đài đứng dậy để bắt ngừng trận đấu lại. Tiếng cồng báo hết hiệp vang lên, và Xendơn vừa lao đảo bước về góc võ đài của mình vừa phản đối viên đội trưởng cảnh sát rằng anh ta vẫn khỏe mạnh bình thường. Để chứng minh, Xendơn nhảy bật lùi về phía sau hai lần, viên đội trưởng cảnh sát đành nhượng bộ. Tôm Kinh tựa lưng ở góc võ đài của mình, anh thở nặng nhọc, thất vọng. Nếu trận đấu đã được ngừng lại thì trọng tài, cực chẳng đã, đã quyết định cho anh thắng, và số tiền thưởng thuộc về anh rồi. Không giống như Xendơn, anh không tranh đấu vì vinh quang, vì sự nghiệp, mà chỉ vì ba mươi bảng. Và lúc này, Xendơn đang hồi phục lại được trong phút nghỉ. Tuổi trẻ thật là đặc lực! – Câu nói này chợt loé lên trong óc Tôm Kinh, anh nhớ lại lần đầu tiên đã nghe câu nói đó, đó là vào buổi tối anh hạ được Xtôơ Bin. Sau trận đấu, một tay giàu có mua rượu mời anh, vừa vỗ vai anh vừa thốt ra những lời đó. Tuổi trẻ thật là đặc lực! Tay đó nói đúng thật. Tối hôm ấy đã qua lâu rồi, khi đó anh vẫn còn trẻ. Tối nay, tuổi trẻ đang ngồi ở góc đối diện. Còn Tôm Kinh thì đã chiến đấu nửa

giờ đồng hồ rồi, anh là một anh già. Nếu anh đã đấu như Xendơn, anh sẽ chẳng thể kéo được trận đấu trong mười lăm phút. Nhưng điểm mấu chốt là anh sẽ không thể hồi phục được. Những mạch máu đã giãn ra và trái tim đã trải qua nhiều thử thách đau đớn không có thể làm anh hồi lại sức trong những phút nghỉ giữa các hiệp đấu. Anh cũng sẽ không còn đủ sức mạnh để lao vào hiệp đấu mới. Đôi chân nặng nề và bắt đầu bị co rút. Lẽ ra anh đừng đi bộ hai dặm đường đó thì hơn. Và rất cần có miếng bít-tết mà anh đã khao khát từ sáng. Trong lòng anh trào lên một niềm căm ghét dữ dội và mạnh mẽ đối với những tay hàng thịt không chịu bán chịu cho anh. Một người đứng tuổi bước vào trận đấu mà không được ăn đầy đủ thì gay go thật. Một miếng bít-tết là một vật rất nhỏ bé, chỉ vài hào là cùng, nhưng đối với anh nó lại là ba mươi bảng. Tiếng cồng báo hiệp thứ mười một vừa vang lên, Xendơn bèn xông vào ngay, biểu lộ một sinh lực mới mẻ mà anh ta thực sự không có. Tôm Kinh biết rõ ý định của Xendơn, chỉ là một ngón bịp cũ kỹ, ra đời cùng với cái môn đấm nhau này. Anh ôm ngoặc lấy đối thủ để được an toàn, rồi anh rời ra để cho Xendơn hăm hở xông vào. Đúng như Tôm Kinh mong muốn. Tay trái làm động tác giả anh thu người né tránh, đưa vòng một cú đấm móc ngược lên, rồi lùi lại nửa bước, anh đấm một cú móc quai hàm chính diện, hất Xendơn xuống sàn. Sau đó, không lúc nào anh để cho Xendơn nghỉ ngơi, đồng thời cũng chịu những cú đấm mạnh đánh trả, anh lại giáng thêm nữa, đánh Xendơn ép vào dây thừng, đấm móc, đấm quạt thẳng đủ mọi kiểu nhằm vào Xendơn, gỡ ra khỏi những miếng ôm ngoặc hoặc đấm đối thủ bật ra khỏi những miếng ôm ngoặc cố tình, và lúc Xendơn sắp ngã xuống, Tôm Kinh bao giờ cũng dùng một tay giơ lên tì vào đối thủ, còn tay kia ngay tức khắc đấm Xendơn bật vào dây thừng để đối thủ không ngã xuống sàn. Thấy thế, khán giả phát cuồng lên ủng hộ Tôm Kinh, hầu như tất cả mọi cổ hòng đều hét lên: - Cố lên, Tôm! - Hạ hấn đi! Hạ hấn đi! - Anh hạ được hấn đấy, Tôm! Anh hạ được hấn đấy! Lúc này phải là lúc dứt điểm của trận lốc, chính là lúc mà khán giả quyền Anh bỏ tiền ra để được xem. Tôm Kinh đã để dành sức trong nửa giờ, bây giờ mới hào phóng tung ra với sự cố gắng lớn lao duy nhất theo tất cả khả năng của anh. Đó là cơ hội duy nhất của anh, lúc này hoặc không còn lúc nào nữa. Và khi tiếp tục giáng hết cú đấm này đến cú đấm khác, đồng thời vừa khách

quan đánh giá sức nặng những cú đấm của mình và hiệu quả của chúng, Tôm Kinh nhận thấy đấm đo ván một con người như Xendơn thực khó biết bao. Sức chịu đựng, sức bền bỉ của Xendơn thực là quá mức. Đó là sức chịu đựng và sức bền bỉ trọn vẹn của tuổi trẻ. Xendơn nhất định là một võ sĩ đầy triển vọng của tương lai. Anh ta mang trong người thời tương lai. Chỉ có những con người có thể chất cường tráng như vậy mới thích hợp để trở thành một võ sĩ thành công. Xendơn loạng choạng, lão đảo, nhưng hai chân Tôm Kinh đang bị co rút và những khớp ngón tay của anh đang phản lại anh. Tuy vậy, anh vẫn vững như thép để giáng những cú đấm mãnh liệt, mỗi cú đấm như thế đều làm bàn tay méo mó của anh đau đớn. Mặc dù, lúc này thực tế anh không phải chịu những cú đấm mạnh đánh trả lại nữa, nhưng anh cũng đang yếu đi nhanh như đôi phượng. Những cú đấm của anh trúng đích, nhưng không còn mang theo sức nặng, mỗi cú đấm đều là một sự cố gắng mãnh liệt của ý chí. Hai chân anh nặng như chì. rõ ràng đang lê trên sàn; trong khi đó những tay ủng hộ Xendơn, phần khởi nhận thấy hiện tượng đó, bắt đầu hét to cổ võ võ sĩ của họ. Trong con người Tôm Kinh trỗi dậy một cố gắng nữa. Anh giáng hai cú đấm liên tiếp: một cú tay trái hơi cao một chút, vào chỗ tập trung các đầu dây thần kinh và một cú tay phải tạt ngang quai hàm. Đó không phải là những cú đấm nặng đồng cân, nhưng vì Xendơn đã yếu và choáng váng, nên anh ta gục xuống, nằm run rẩy. Trọng tài đứng sát bên Xendơn, đếm to từng giây quyết định vào tai anh ta. Trước khi đếm đến mười, nếu không đứng dậy được, Xendơn sẽ thua trận. Khán giả đứng sững người đi! Tôm Kinh đứng nghỉ trên đôi chân run run. Anh thấy choáng váng ghê gớm, trước mắt anh một biển những khuôn mặt người đang lắc lư, lay động, trong khi từ một nơi xa xôi nào đó, vẳng vào tai anh tiếng đếm của trọng tài. Tuy vậy, anh coi phần thắng như đã thuộc về anh. Bị đấm những cú như thế, không võ sĩ nào còn có thể trỗi dậy được nữa. Chỉ có tuổi trẻ mới có thể trỗi dậy được và Xendơn đã trỗi dậy. Đếm đến bốn, anh ta vẫn nằm sấp, lẫn lộn. quờ quạng vào dây thừng. Đếm đến bảy, Xendơn thu mình lura trên một đầu gối, nghỉ lấy sức, đầu lắc lắc lão đảo. Khi trọng tài đếm: “Chín!” Xendơn vùng dậy ở vào ngay tư thế chiến đấu, tay trái che mặt, tay phải che bụng. Đó là tư thế phòng thủ cơ bản, đồng thời anh ta lão đảo lao vào Tôm Kinh hy vọng tạo được một miếng ôm ngoặc,

kiếm thêm thời gian hồi sức. Lúc Xendơn vùng dậy, Tôm Kinh nhằm vào anh ta, nhưng hai cú đấm của anh bị những cánh tay ở trong tư thế phòng thủ chặn lại. Khoảnh khắc sau, Xendơn đã ôm ngoặc được đối thủ, bám chặt lấy một cách tuyệt vọng trong lúc trọng tài cố gắng tách hai võ sĩ ra. Tôm Kinh hỗ trợ để rời được ra. Anh biết rõ tốc độ hồi phục của tuổi trẻ, và anh biết rằng chừng nào chưa hồi phục được thì Xendơn vẫn còn nằm trong tay anh. Một cú đấm chắc nịch tất sẽ dứt điểm. Xendơn đã nằm trong tay anh, chắc chắn nằm trong tay anh. Anh đã trội hơn Xendơn, anh đã chiến đấu tốt hơn Xendơn, anh đã thắng điểm Xendơn. Xendơn loạng choạng bật khỏi miếng ôm ngoặc, đứng cheo leo bên bờ vực thẳm thất bại. Chỉ một cú đấm ra trò là hất anh ta bật ra, nhào xuống, bị loại khỏi cuộc đấu. Một cảm giác cay đắng loé lên, Tôm Kinh nhớ đến miếng bít-tết, mong ước là đã được ăn miếng bít-tết đó để dùng vào cú đấm cần thiết anh sẽ phải tung ra. Anh tập trung hết sức lực vào cú đấm, nhưng cú đấm vẫn không đủ mạnh, không đủ nhanh. Xendơn lão đảo, nhưng không gục xuống. Anh ta lão đảo lùi lại hàng dây thùng và tựa vào Tôm Kinh lão đảo tiến theo, và với một sự đau đớn khủng khiếp, anh giáng một cú đấm nữa. Nhưng chính cơ thể anh đã phản lại anh. Tất cả những thứ còn lại trong con người anh chỉ là một sự thông minh chiến đấu đã bị sự kiệt lực làm giảm sút và u muội đi. Cú đấm đó nhằm vào hàm, nhưng lại trúng phía dưới vai. Anh nhằm cao hơn, nhưng các bắp thịt mệt mỏi không vâng lời. Và khi cú đấm chạm vào người đối thủ, thì chính bản thân Tôm Kinh bị bật lại, lão đảo, suýt ngã. Anh lại cố gắng một lần nữa. Lần này, cú đấm trượt hẵn và vì quá yếu, anh ngã tựa vào Xendơn, ôm ngoặc ngay lấy, bám chặt lấy anh ta để cho chính bản thân anh khỏi gục xuống sàn. Tôm Kinh quyết định không rời Xendơn ra. Anh đã dùng miếng đòn độc thủ của mình. Anh đã hết thời. Tuổi trẻ thật là đặc lực. Ngay cả trong khi ôm ngoặc, anh cũng có thể cảm thấy rằng Xendơn tựa vào anh hồi phục mạnh mẽ hơn anh. Khi trọng tài đẩy hai người tách ra, thì ngay trước mắt anh, anh nhìn thấy tuổi trẻ đang hồi phục. Mỗi lúc Xendơn một mạnh hơn. Cú đấm của anh ta, lúc đầu yếu và không có hiệu quả, đã trở nên mạnh và chính xác. Cặp mắt Tôm Kinh mờ mờ nhìn thấy quả đấm lao vào hàm mình, anh muốn dùng cánh tay để che hàm. Anh thấy nguy hiểm, muốn hành động, nhưng cánh tay anh quá nặng nề. Nó tựa như đã đeo một

trăm bảng chì. Bản thân nó không thể nào nâng lên được nữa, anh cố gắng dùng hết nghị lực để nâng nó lên. Rồi thì quả đấm ấy trúng đích. Cái cảm giác đau nhói loé lên như một tia lửa điện, đồng thời một màn đen kịt bao trùm lấy anh. Khi mở mắt ra, Tôm Kinh thấy anh đang ở góc võ đài của mình, anh nghe thấy tiếng la hét của khán giả âm vang như tiếng gầm của sóng bạc đầu ở bờ biển Bondi (3). Một miếng bọt biển nước nằm ép phía dưới đầu anh, Xít Xalivon đang phun nước lạnh thành từng dòng bụi nước mát dịu lên mặt, lên ngực anh. Đôi găng ở tay anh đã được tháo ra, Xendôn cúi xuống phía anh, đang bắt tay anh. Anh không thù oán người đã hạ được anh, anh chân thật nắm chặt tay Xendôn, những khớp xương ngón tay bị giập nát của anh đau đớn. Rồi Xendôn bước ra giữa võ đài, khán giả ngừng mọi sự huyên náo để nghe Xendôn nhận lời thách thức của anh chàng trai trẻ Pronto và tăng tiền đặt cược đã lên tới một trăm bảng. Tôm Kinh lãnh đạm nhìn trong lúc các tay săn sóc của anh lau khô nước đang chảy ròng ròng trên người anh, lau khô mặt anh và chuẩn bị đưa anh rời võ đài. Anh cảm thấy đói. Đó không phải là cái cảm giác âm ỉ, bình thường, mà là một cảm giác hết sức khó chịu, một sự co thắt ở tận đáy dạ dày, lan đến toàn bộ cơ thể. Anh nhớ lại cái giây phút trong trận đấu anh đã nắm được Xendôn đang lão đảo loạn choạng, đứng cheo leo bên bờ vực thẳm thất bại. Trời ơi, miếng bít-tết đó nếu có hẳn đã làm nên chuyện rồi! Anh đã thiếu nó đúng cho cú đấm dứt điểm, và anh đã thua. Tất cả chỉ vì miếng bít-tết. Các tay săn sóc cho Tôm Kinh đỡ anh trèo qua dây thừng. Anh rời họ ra, tự mình trèo qua dây thừng, không cần người đỡ, và nặng nề nhảy xuống sàn nhà, rồi đi theo họ lúc họ đang cố dẹp đám đông chen chúc ở giữa lối đi trung tâm lấy lối cho anh. Anh rời buồng thay quần áo, đi ra đường; trong lối vào hành lang, một tay thanh niên hỏi: - Tại sao anh lại không xông vào? Đã nắm hẳn trong tay, tại sao anh lại không cho nốc-ao? - Trời ơi, đi đi! - Tôm Kinh thốt lên, rồi bước theo các bậc thềm xuống tới vỉa hè. Mấy cánh cửa của quán rượu ở góc phố đang đứng đưa mở rộng, anh nhìn thấy những ánh đèn và các cô hầu bàn, nghe thấy nhiều giọng nói đang thảo luận về trận đấu và tiếng tiền đập trên mặt quầy. Một người nào đó gọi anh vào uống rượu. Anh ngần ngừ nghĩ ngợi, rồi từ chối và tiếp tục đi. Anh không còn một xu dính túi, đoạn đường hai dặm về nhà tựa như quá dài. Chắc

chấn là anh già mất rồi. Lúc ngang qua khu Đômêno, đột nhiên anh ngồi xuống một cái ghế, cảm thấy mất can đảm bởi nghĩ đến việc vợ anh đang thức đợi anh, cố chờ để biết kết quả trận đấu. Thật là khó hơn bất kì một trận đo ván nào, tựa như không thể nào chịu đựng được. Anh cảm thấy yếu đi và đau đớn, những khớp xương ngón tay bị giập nát đau buốt báo cho anh biết rằng, ngay cả khi tìm được việc đào đất thuê, phải một tuần nữa thì anh mới có thể nắm được cán cuốc, cán xẻng. Sự cùng khổ bao trùm lên con người anh, mắt anh uơn ướt bất thường. Anh úp mặt vào hai bàn tay, và khi nức nở khóc, anh nhớ đến Xtôso Bin, nhớ lại việc anh đã gây cho anh ta vào tối đó, cách đây đã lâu lắm rồi. Anh bạn già Xtôso Bin đáng thương! Lúc này, Tôm Kinh đã có thể hiểu lí do tại sao Bin đã phải khóc trong buồng thay quần áo./.

Chú thích:

- (1) *Nêmêdit*: theo thần thoại Hy Lạp, nữ thần Nêmêdit là vị thần phần phối lại công lí.
- (2) *Inso*: đơn vị đo chiều dài, bằng 2.54 cm.
- (3) *Bờ biển Bonđi* ở phía đông nam châu Úc, cạnh thành phố Bonđi.

14) Mỗi thù thiên thu

Người dịch: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang

Phần I

Xe lướt tuyết rên rĩ những âm điệu như than vãn hoà với tiếng rên rẹt của dây cương và tiếng leng reng của những quả chuông buộc nơi cổ những con chó đầu đàn; nhưng người và vật đều mệt mỏi nên chẳng buồn cất tiếng. Con đường mòn nằm lấp dưới lớp tuyết dày đặc mới rơi xuống. Họ đã vượt một khoảng đường xa, và những bàn trượt nặng trĩu dưới những tảng thịt nai rừng nặng như đá, bám rít lấy mặt tuyết chưa kết đông và chậm lại một cách bướng bỉnh hầu như có người xúi giục vậy. Màn đêm xuống dần, nhưng đêm hôm đó họ không có ý định cắm trại. Tuyết lả tả rơi trong bầu trời êm ả, không thành băng tuyết mà thành những mảnh pha lê li ti đủ hình thể xinh đẹp. Trời thực ấm áp - chỉ ngót 10 độ[1] dưới không độ - và mọi người cảm thấy thoải mái. Meyers và Bettles đã lật hai cánh mũi che tai lên, và Malemute Kid* lại còn tháo cả bao tay ra.

Đàn chó đã mệt mỏi từ lúc xế trưa, nhưng lúc này chúng lại tỏ ra hăng hái như vừa được tiếp một nguồn sinh lực mới. Trong đám những con chó khôn, có một vẻ bồn chồn – chúng hung hăng nhưng bị dây kéo cản lại, chúng hình mũi đánh hơi và dỏng tai lên nghe ngóng. Chúng bực tức với những con có vẻ thờ ơ, thúc dục những con này bằng cách tấp nhẹ vào mông chúng. Những con bị trách móc như vậy cũng dუმ lại và hùa vào làm cho vẻ hung hăng lan rộng thêm. Sau cùng con đầu đàn của chiếc xe dẫn lộ rít lên một tiếng mãn nguyện, rập mình sát xuống tuyết rồi lao tới phía trước. Những con khác cũng rít lên như vậy. Các đoàn sau đi tùm tùm lại, dây kéo siết lại gần nhau; những chiếc xe lướt trên tuyết băng tới trước, và mọi người nắm chặt lấy cây cột, nhấc chân bước mạnh mẽ càng lúc càng mau để khỏi bị xe lướt tuyết cán lên. Dường như họ vừa trút được hết sự mệt mỏi một lúc ban ngày, và họ lên tiếng hò khuyến khích đàn chó. Chúng đáp lại bằng những tiếng sủa ăng ẳng vui vẻ. Họ đang tiến với một sức phi mau như gió qua bóng tối đang xuống dần.

Mọi người lần lượt kêu mấy tiếng “Queo! Queo!” trong khi chiếc xe lướt tuyết bắt chợt rời bỏ đường chính, họ điều khiển những xe lướt tuyết đó như đoàn thuyền lướt trong gió.

Sau đó là cuộc chạy nước rút một trăm thước tới cái cửa sổ che bằng tấm da bên trong có ánh sáng le lói như báo cho mọi người biết đó là cái chòi có người ở, có lò lửa kiểu Yukon đang cháy rực, và những ấm trà đang bốc hơi nghi ngút. Người và vật đã đổ xô tới chiếc chòi đó. Chừng sáu chục con sủa vang như khiêu khích, và có những con vật lông xù to lớn xông lại phía những con chó kéo chiếc xe đi đầu. Cánh cửa mở bật ra, một người mặc áo màu đỏ tía thuộc Cảnh Sát miền Tây Bắc bước một cách khó khăn giữa những con vật hung hăng, lông chúng che phủ tới đầu gối người đó; ông dàn hoà chúng một cách bình tĩnh và vô tư bằng cái cán roi. Sau đó mọi người bắt tay chào hỏi, và Malemute Kid được người lạ bắt tay mời vào căn lều của chính mình.

Stanley Prince, lẽ ra phải ra đón anh, và có nhiệm vụ trông chừng cái lò và trà nóng, lại đang bận rộn khách khứa. Họ chừng hơn chục người, thật là một nhóm người hỗn tạp phụng sự Hoàng gia Anh để thi hành luật pháp hoặc phân phát thư tín. Họ thuộc nhiều nhân chủng khác nhau, nhưng cuộc đời thường nhật đã tạo họ thành một hạng người đặc biệt - một loại người dong dỏng và gân guốc, có bắp thịt cứng rắn vì phải đi lại đường rừng, khuôn mặt xạm nắng và tâm hồn thanh thản, cặp mắt sáng luôn luôn nhìn thẳng và thành thực. Họ đánh xe do chó của Hoàng gia kéo, gieo sợ hãi vào lòng những kẻ bất lương, họ ăn những thực phẩm thanh đạm của chính phủ ban cho và lấy thế làm sung sướng. Họ đã từng trải đời, tạo được nhiều thành tích, và sống những giờ phút nên thơ mà họ không ngờ.

Họ sống rất thân mật và hồn nhiên. Hai người trong bọn nằm dài trên giường của Malemute Kid, miệng hát những bài ca mà tổ tiên người Pháp của họ đã hát khi mới đặt chân tới mảnh đất miền Tây Bắc và sống chung với người Da Đỏ ở đó. Giường của Bettles cũng bị chiếm; ba hay bốn “khách du hành” lực lưỡng vừa cựa quậy ngón chân của họ trong đống chăn mền vừa nghe chuyện một người đã từng phụng sự trong lũ đoàn hải thuyền cùng với Wolseley khi ông này chiến đấu mở đường đi tới Khartoum. Và khi anh này mệt rồi, một chàng “chăn bò” thuật lại về những triều đình cùng

những ông hoàng bà chúa mà anh ta đã thấy hồi Buffalo Bill đi lưu diễn tại các kinh đô bên Âu Châu. Trong một góc phòng có hai chàng lai, cự đồng ngũ trong một cuộc bại trận, ngồi sửa lại dây cương và đàm luận về hồi mà miền Tây Bắc đang chìm trong khói lửa của cuộc nổi loạn và Louis Riel làm chúa tể.

Những lời giễu cợt và trò nghịch tình thô lỗ ồn ào như vỡ chợ, và những cuộc mạo hiểm gian truân trên những nẻo đường và khúc sông được kể lại như chuyện tầm thường, nhưng sở dĩ nó được nhắc lại là vì nó có đượm vẻ khôi hài hoặc ngộ nghĩnh. Prince say sưa theo dõi chuyện của những vị anh hùng không tên tuổi này, những người đã chứng kiến lịch sử diễn biến, đã coi những chuyến vĩ đại, những chuyện hào hùng là chuyện tầm thường hoặc tình cờ trong cuộc sống thường nhật mà thôi. Chàng đem thuốc lá quý ra cho mọi người chuyển tay quần hút một cách lãng phí; rồi trí nhớ dường như được mài dũa lại, mọi người đua nhau thuật lại những chuyện phiêu lưu kỳ thú cho anh nghe.

Khi buổi chuyện trò tàn và những kẻ du hành kia nhồi thuốc lá vào ống điếu cuối cùng rồi trải ra những cái túi ngủ bằng da thú được cuộn chặt, Prince quay lại bàn đề hỏi thêm tin tức.

Malemute Kid, đang bắt đầu cởi giày, cất tiếng trả lời: “Anh biết chàng chặn bò là ai rồi, và chắc anh cũng đoán được một cách dễ dàng là người nằm cùng giường với hấn có máu Anh Cát Lợi. Còn những người kia đều là dòng dõi của những tay lục lâm, lai với không biết bao nhiêu dòng máu khác. Hai người đang ở ngoài cửa đi vào thì lai máu Eskimo. Anh chàng có cái khăn quàng bằng len đan – hãy để ý cặp lông mày và cằm hấn - một người Tô Cách Lan đã từng khóc trong chiếc lều ám khói của người mẹ Da Đỏ của hấn. Và thằng đẹp trai đang đặt cái áo khoác xuống để gói đầu là một thằng lai Pháp – anh đã nghe hấn nói chuyện đó; hấn không ưa hai thằng Da Đỏ vào sau hấn. Anh hiểu không, khi bọn “lai” nổi loạn dưới sự chỉ huy của Riel thì bọn “thuần túy”, (không lai) lại cứ phớt tỉnh, và từ ngày đó tới giờ họ vẫn không ưa gì nhau mấy”.

“Nhưng này, thế cái thằng cha ngồi lăm lè bên cạnh cái lò là hạng thế nào? Tôi chắc hấn không nói được tiếng Anh. Suốt buổi tối tôi chưa thấy hấn hé miệng”.

“Anh làm rồi. Nó biết khá tiếng Anh đấy. Anh có để ý nhìn mắt hấn lúc hấn nghe không? Tôi có để ý. Nhưng nó không họ hàng quen thuộc gì với những kẻ khác. Khi bọn này nói tiếng lóng ta có thể thấy là hấn không hiểu. Chính tôi cũng tự hỏi rằng hấn là hạng người gì. Chúng ta thử khám phá coi”.

“Cho thêm mấy que củi vào lò!” Malemute Kid lên giọng ra lệnh và mắt nhìn thẳng người đó.

Hấn ta làm theo ngay.

Stanley Prince nói nhỏ phê bình: “Hấn đã được huấn luyện về kỷ luật ở một nơi nào hấn”.

Malemute Kid gật đầu, tuột nốt đôi bít tất (vớ), rồi len lỏi qua đám người nằm ngón ngang để tới phía lò. Tới nơi, chàng treo đôi vớ ẩm ướt vào giữa đám chường hơn chục đôi vớ khác.

“Anh cho chường nào thì tới Dawson?” Chàng ướm hỏi.

Hấn quan sát chàng một lát rồi mới trả lời: “Người ta nói là chường 75 dặm[2]. Có lẽ mất hai ngày”.

Giọng nói của hấn có hơi pha một chút, nhưng hấn nói không ngượng hoặc phải loay hoay tìm tiếng.

“Trước anh đã ở đây chưa?”

“Chưa”.

“Ở miền Tây Bắc lại à?”

“Phải”.

“Sinh tại đó hả?”

“Không”.

“Vậy thực ra anh sinh ở nơi nào hả? Anh không thuộc cùng xuất xứ với bọn người này”. Malemute Kid đưa tay lướt qua đám người đánh xe, kể cả hai cảnh sát viên đã chui vào giường của Prince. “Anh từ đâu tới? Tôi đã từng thấy những khuôn mặt giống như anh, nhưng tôi không nhớ ở nơi nào.”

“Tôi biết ông.” hấn trả lời lừng khừng làm những câu hỏi của Malemute Kid xoay hấn qua chiều khác.

“Ở đâu? Anh đã gặp tôi bao giờ chưa?”

“Không, bạn ông, làm mục sư ở Pastilik, lâu lắm rồi. Ông ta hỏi tôi có gặp ông là Malemute Kid không? Ông ta cho tôi thức ăn. Tôi không ở lâu: Ông có nghe ông ta nói về tôi không?”

“À! Anh là người đã đổi da rái cá lấy chó phải không?”

Hắn gật đầu, vỗ ông điếu, rồi cuộn tròn mình trong đồng da thú để tỏ vẻ không muốn nói chuyện nữa. Malemute Kid thổi tắt ngọn đèn mỡ rồi chui vào mền ngủ chung với Prince.

“Thế nào, hắn là ai?”

“Không biết - hắn tìm cách lắng câu chuyện rồi ngậm miệng như hến. Nhưng hắn là kẻ làm mình phải tò mò. Tôi có nghe về hắn. Cách đây tám năm, cả vùng bờ biển đều bàn tán về hắn. Hắn có một vẻ gì bí mật, anh ạ. Hắn từ phía Bắc xuống vào giữa mùa Đông, từ một nơi cách đây hàng ngàn dặm, vòng theo bờ biển Bering và đi như bị ma đuổi. Không ai biết hắn từ đâu tới, nhưng hắn là từ một nơi xa xôi lắm. Vì đi nhiều nên hắn có vẻ mệt mỏi, khi hắn xin thực phẩm của nhà truyền giáo Thụy Điển ở vịnh Golovin và hỏi thăm đường xuống phía Nam. Mãi sau chúng tôi mới nghe tới chuyện đó. Sau đấy hắn rời bờ biển và đi thẳng qua eo đất Norton. Thời tiết ở đó kinh khủng, bão tuyết và gió lộng, nhưng hắn vượt được qua nơi mà hàng ngàn kẻ khác có lẽ đã bỏ mạng, băng qua vùng St. Michael rồi tới Pastilik. Hắn mất hết cả, chỉ còn giữ được hai con chó, và có vẻ sắp chết đói.”

“Hắn quá nóng lòng muốn tiếp tục cuộc hành trình đến nổi linh mục Roubeau phải cho hắn thực phẩm; nhưng vị linh mục đó không thể giúp chó cho hắn được, vì ông ấy đang chờ tôi đến để cùng lên đường. Chàng Ulysses đó quá hiểu tình thế nên không dám lên đường nếu không có chó, và chàng phải quanh quẩn ở náu lại vài ngày. Trên xe lướt tuyết, hắn có một đồng da rái cá đã thuộc rất khéo, loại da thú quý như vàng. Ở Pastilik có một lão thương gia người Nga chuyên bóc lột. Lão này dư chó. Họ đổi chác mau chóng, và khi con người kỳ lạ đó tiếp tục cuộc hành trình về phía Nam, xe của hắn có một đàn chó đầy sinh lực kéo. Còn lão lái buôn bóc lột kia được hưởng da rái cá. Tôi có thấy, thực là những bộ da đẹp. Chúng tôi tính ra và thấy rằng mỗi con chó mang lại cho lão tới năm trăm đồng. Và không phải kẻ kỳ lạ kia không biết giá da rái cá đâu; hắn là thổ dân Da Đỏ thuộc

bộ lạc nào đó, và nghe vài câu hấn nói, người ta có thể đoán chừng hấn đã sống với người da trắng.”

“Sau khi băng ở ngoài biển tan, có tin từ đảo Nunivak cho hay là hấn có tới đó, để kiếm thực phẩm. Sau đó hấn biến dạng, không ai gặp hấn nữa, và tám năm nay, bây giờ người ta mới lại nghe tới hấn. Hấn từ đâu tới? Và hấn làm gì ở đó? Và tại sao hấn bỏ nơi đó để tới đây? Hấn là người Da Đỏ không ai biết ở nơi đâu, và hấn biết tuân kỷ luật, một điều đặc biệt đối với người Da Đỏ. Nay Prince, đây là một điều bí ẩn ở miền Bắc mà anh cần tìm ra giải đáp.”

Chàng trả lời: “Cảm ơn anh lắm lắm, nhưng tôi hiện đã có quá nhiều việc phải làm rồi.”

Malemute Kid đã thờ đều; nhưng chàng kỹ sư hàm mỏ vẫn mở mắt nhìn vào bóng tối mông lung, chờ cho cảm giác tò mò kích thích lạ lùng ngúi dần đi. Và khi chàng đã ngủ thật, đầu óc chàng vẫn còn tiếp tục làm việc, vì chính lúc đó chàng cũng đang phiêu lưu trên làn tuyết trắng, cùng với đàn chó vất vả tiến trên những đường mòn vô tận, và nhìn thấy những con người sinh hoạt, làm lụng và chết hiên ngang, đúng với tư cách của con người.

Sáng hôm sau, mấy giờ trước khi mặt trời mọc, những người đánh xe do chó kéo và những cảnh sát viên cùng lên đường tiến về Dawson. Nhưng những nhân viên chức trách bảo trì quyền lợi của Hoàng Gia Anh và định đoạt số phận của những bậc thần dân thấp kém hơn không để những người đưa thư được nghỉ ngơi nhiều, vì một tuần lễ sau họ đã xuất hiện ở sông Stuart, mang nặng thư từ gửi tới vùng Salt Water. Tuy nhiên, họ đã thay chó mới. Nhưng chỉ có chó là được nghỉ thôi.

Mọi người đã hy vọng được ở lại đó nghỉ ngơi ít lâu để lấy lại sức. Hơn nữa, vùng Klondike này là một khu vực mới của miền Bắc, và họ mong ước được quan sát vài điều về Thành Phố Vàng này, tại đó tiền bạc dồi dào như nước và vũ trường lúc nào cũng rộn ràng một bầu không khí tung bừng vui vẻ hầu như vô tận. Nhưng họ vẫn sẩy vớ và hút tẩu thuốc mỗi buổi tối một cách vui vẻ cũng như những lần tới thăm trước, tuy có một hai tay liều lĩnh bàn bạc về chuyện đào ngũ và vượt quá vùng Thạch Sơn hiểm trở để tới miền Đông, và từ đó, qua thung lũng Mackenzie, đặt chân trở lại vùng đất

xưa của họ ở xứ Chippewyan. Hai ba người còn định trở về quê hương bằng đường đó sau khi mãn hạn phục vụ và họ bắt đầu sắp đặt kế hoạch, mong mỗi ngày thi hành cuộc mạo hiểm ấy y như một dân thành thị xếp đặt chương trình cho một ngày nghỉ đi cắm trại trong rừng.

Anh chàng đôi da rái cá có vẻ bồn chồn đứng ngồi không yên và không chú ý gì tới cuộc đàm thoại, sau cùng hắn kéo Malemute Kid ra một bên và nói thầm một lát. Prince thỉnh thoảng tò mò nhìn họ, và vẻ bí mật càng tăng lên khi họ đội mũ, mang bao tay rồi đi ra ngoài. Khi trở lại, Malemute Kid đặt cái cân vàng lên bàn, cân ra chừng 60 lạng vàng và trút vào túi người Kỳ Dị. Sau đó, đoàn trưởng cầm đầu những người đánh xe tới tham dự cuộc bàn cãi bí mật, và dường như họ đã điều đình một chuyện gì với ông ta. Ngày hôm sau cả đoàn đi ngược dòng sông, duy chỉ có anh chàng đôi da rái cá lại mua một số thực phẩm và đã ngược về phía Dawson.

Trả lời những câu hỏi của Prince, Malemute Kid nói: “Chẳng biết chuyện gì, nhưng anh chàng khốn khổ đó lại muốn bỏ việc vì một lý do nào đó. Tuy hắn không nói ra, nhưng chắc chắn lý do đó phải hết sức quan trọng đối với hắn. Anh biết không, giống như trong quân đội: hắn ký hai năm, và chỉ có mỗi một cách để được tự do là bỏ tiền ra chuộc. Hắn không thể bỏ tiền rồi ở lại đây được, hắn đã quyết định ở lại vùng này từ khi tới Dawson, nhưng hắn không quen ai cả, mà trong túi không có một xu, và tôi là người duy nhất đã cùng hắn trao đổi một đôi lời. Thế nên hắn đã nói với viên phó quản đốc và lo dàn xếp mọi việc trong trường hợp hắn vay được tiền của tôi. Hắn nói là sẽ hoàn lại nội trong năm nay và nếu tôi muốn, hắn sẽ chỉ tôi chỗ làm giàu. Tuy hắn chưa trông thấy tận mắt nhưng hắn biết là chỗ đó có nhiều của lắm.”

“Khi kéo tôi ra ngoài, hắn gần như muốn khóc. Hắn cầu khẩn, van xin, quỳ xuống tuyệt lạy tôi, tôi phải kéo lên mới thôi, hắn nói mãi như một người điên. Hắn thề rằng bao nhiêu năm nay hắn làm việc chỉ cốt để thực hiện điều này và bây giờ hắn không thể nào chịu bỏ dở. Hỏi hắn việc đó là gì hắn không chịu nói. Hắn nói rằng người ta có thể bắt hắn chạy bên nửa phần đường bên kia và như vậy hai năm nữa hắn mới trở lại Dawson được, và lúc đó sẽ quá muộn rồi. Suốt đời tôi chưa thấy ai năn nỉ khẩn thiết như hắn. Và khi tôi nói là sẽ cho hắn vay tiền, hắn lại sụp lạy dưới tuyết làm tôi

lại phải kéo hẳn lên. Tôi bảo hẳn là hãy coi món tiền đó như tiền ra vốn để được chia một phần. Anh tưởng hẳn chịu liền phải không? Không? Hẳn thì là hẳn sẽ cho tôi tất cả những gì hẳn tìm được, sẽ làm cho tôi giàu có ngoài sự mơ ước của kẻ tham lam nhất. Thực ra một người bỏ cả tính mạng và thời giờ của mình để lấy một phần, thường thường chia một nửa số tài sản mình tìm thấy, cũng đã đứt ruột rồi. Nay Prince, chắc có điều gì bí ẩn trong câu chuyện, anh để ý mà coi. Nếu hẳn còn ở xứ này, chúng ta sẽ nghe nói về hẳn...”

“Thế nếu hẳn không ở đây?”

“Thì bản tính tốt của tôi sẽ bị tổn thương và tôi sẽ mất toi hơn 60 lạng vàng.”

Thời tiết lạnh lẽo đã tới với những đêm dài và mặt trời lại bắt đầu chiếu le lói dọc theo đường tuyết trắng ở phía Nam, nhưng chưa có tin gì về tiền vốn xuất trước của Malemute Kid cả. Nhưng rồi vào một buổi sáng lạnh lẽo đầu tháng Giêng, một đoàn xe chở nặng do chó kéo tiến tới căn lều của chàng ở phía dưới sông Stuart. Anh chàng da Rái Cá cũng đi theo đó, và cùng với hẳn là một người đàn ông mà tạo hoá hầu như đã quên không biết làm thế nào để tạo ra một người thứ hai giống như thế nữa. Người ta khẽ nói tới may mắn, tới bóc lột và tới nắm đất giá năm trăm Mỹ kim là phải nói tới Axel Gunderson và khẽ kể đến những chuyện gan góc, bạo lực hoặc liều lĩnh bên lửa trại là phải nói tới hẳn. Và khi câu chuyện bớt hào hứng, thì cứ nói tới người thiếu phụ đã chia sẻ số phận của hẳn là cuộc hội thoại lại sôi nổi ngay.

Trong khi câu chuyện Axel Gunderson, thần thánh đã nhớ lại nghệ thuật sắc sảo thời xưa của họ và đã đúc khuôn hẳn theo với những người được sinh ra khi thế giới còn trẻ trung. Với hai thước một bề cao, hẳn đứng sừng sững trong bộ y phục oai hùng. Ngực, cổ, và chân tay hẳn giống như của một ông hộ pháp. Để chịu đựng thân hình nặng trên trăm ký, đôi giày đi tuyết của hẳn lớn hơn giày những người khác cả gang tay. Nét mặt thô bạo, cặp lông mày rậm rạp, chiếc cằm banh ra và cặp mắt xanh đục không chớp, khuôn mặt hẳn như nói cho ta biết hẳn là con người chỉ biết luật lệ của sức mạnh. Mớ tóc màu vàng nâu râu ngô, cứng nhắc vì đọng nước đá toả xuống như ánh sáng ban ngày chiếu qua màn đêm dài và thông xuống tới lưng

chùng cái áo bằng da gấu của hắn. Hắn còn vương vís ít tác phong của dân đi biển khi ta nhìn hắn bước trên đường mòn nhỏ này trước đàn chó, rồi hắn lấy cán roi đập vào cửa căn lều của Malemute Kid chẳng khác nào như một tướng cướp miền biển Bắc trong khi ngao du xuống miền Nam đông đặc đòi vào cổng toà lâu đài.

Prince vén tay áo lên để lộ cánh tay mềm mại, và nhào nặn đồng bột bánh mì, thỉnh thoảng chàng liếc nhìn ba người khách – ba người khách mà không bao giờ ai có thể tưởng tượng được là có thể cùng họp nhau dưới một mái nhà. Người kỳ lạ, mà Malemute Kid đã mệnh danh là Ulysses, vẫn làm chàng rất chú ý; nhưng chàng để ý nhất tới Axel Gunderson và vợ gã. Nàng như thấm mệt vì chuyến đi trong ngày hôm đó. Từ khi chồng nàng làm chủ được một tài sản lớn lao, nàng đã quen những căn nhà đầy đủ tiện nghi, và trở nên mềm yếu; chuyến đi hôm nay làm nàng bị mệt mỏi thật. Nàng ngả người dựa vào cái ngực lớn như tấm phản của chồng, chẳng khác gì một bông hoa ẻo lả ngả vào một bức tường, uể oải đáp những câu đùa cợt vui vẻ của Malemute Kid và làm cho tim của Prince đập dồn dập bằng những cái liếc nhìn của cặp mắt âm u và sâu thẳm. Sở dĩ như thế là vì Prince là một người đàn ông khỏe mạnh và trong bao nhiêu tháng ít có dịp gặp gỡ phụ nữ. Và nàng lại nhiều tuổi hơn chàng, hơn nữa lại là một phụ nữ Da Đỏ. Nhưng nàng khác hẳn tất cả những phụ nữ bản xứ mà chàng đã gặp: nàng đã du lịch nhiều – đã từng sống tại xứ sở của chàng, và nhiều xứ khác nữa, chàng biết vậy trong khi theo dõi câu chuyện; và nàng biết hầu hết những điều mà phụ nữ đồng chủng của chàng biết, và biết thêm cả những điều mà phụ nữ chẳng nên biết. Nàng có thể dọn một bữa ăn với cá khô hoặc có thể làm một cái giường trong tuyết. Tuy nhiên, nàng lại trêu chọc họ với những câu mô tả tỉ mỉ về những bữa ăn thịnh soạn khiến họ phải nuốt nước miếng, và làm cho ruột họ cồn lên khi nàng nhắc lại các món cũ rích mà hầu như họ đã quên bẵng. Nàng biết những cách sinh hoạt của giống nai rừng, gấu, cáo nhỏ màu xanh và giống hải báo ở những biển miền Bắc, nàng thành thạo về rừng rú và sông ngòi, và những dấu vết do người, chim chóc và thú vật để lại trên mặt tuyết nàng đều thuộc lâu cả; tuy nhiên, Prince bắt gặp cái chớp mắt tán thưởng của nàng trong khi nàng đọc những luật lệ của Trại. Những luật lệ này do chàng Bettles bắt trí đặt ra trong một lúc hứng chí và viết

bằng một giọng khô hài thô lậu. Prince luôn luôn lật úp bài luật lệ đó vào tường trước khi có phụ nữ tới; nhưng ai có thể ngờ được rằng người phụ nữ bản xứ này – mà thôi, bây giờ quá chậm rồi.

Người đàn bà này là vợ Axel Gunderson, một phụ nữ mà tên tuổi cùng danh tiếng đã truyền tụng cùng với tên tuổi và danh tiếng của chồng trong toàn cõi miền Bắc Băng. Khi ngồi vào bàn ăn, Malemute Kid trêu ghẹo nàng với sự bình tĩnh của một người bạn thân thiết, và Prince trút bỏ được sự ngượng ngịu của buổi sơ giao và cùng góp chuyện. Nhưng nàng không hề sút kém trong cuộc đấu trí bất đồng, trong khi chồng nàng trí tuệ chậm chạp hơn, chỉ biết khen ngợi tán thành. Và gã lấy làm hãnh diện về nàng; mọi dáng điệu và hành động của gã đều biểu lộ cái địa vị cao cả mà nàng ngự trị trong đời gã. Anh chàng Da Rái Cá lặng lẽ ngồi ăn, bị quên lãng trong cuộc đấu khẩu vui nhộn; và khi mọi người mới ăn tới nửa chừng, hắn đã rời bàn đi ra với đàn chó. Tuy nhiên chỉ một lát sau những bạn đồng hành của hắn cũng mang bao tay và áo khoác để ra theo hắn.

Từ mấy hôm nay không có tuyết rơi, những chiếc xe lướt trên tuyết cũ đã đổ chạt về trên con đường mòn Yukon một cách dễ dàng như đi trên nước đá mịn màng. Ulysses dẫn chiếc xe đầu; theo sau là chiếc xe của Prince và vợ Axel Gunderson; trong khi Malemute Kid và chàng khổng lồ tóc vàng đi đoạn hậu trên chiếc xe thứ ba.

Hắn nói: “Đây chỉ là một chuyến cầu may nhưng tôi cho là có nhiều hy vọng lắm. Hắn chưa từng tới đó bao giờ, nhưng hắn kẻ rành mạch lắm và cho tôi xem một bản đồ mà tôi đã nghe nói tới khi còn ở xứ Kootenay cách đây đã lâu. Tôi muốn có anh cùng đi, nhưng tính hắn kỳ dị và hắn thề độc địa là sẽ bỏ hết nếu có thêm một người nữa vào. Nhưng khi về, tôi sẽ cho anh biết trước tiên, và tôi sẽ cấm cho anh một chỗ bên tôi, ngoài ra, tôi sẽ giành cho anh một nửa phần tại vị trí lập tỉnh.”

“Không! Không!” Hắn la lên khi Malemute Kid muốn ngắt lời hắn. “Tôi đang điều khiển công việc này và sẽ cần có hai người trước khi tôi làm xong. Nếu trôi chảy cả, nơi đó sẽ trở nên miền Cripple Creek thứ hai anh nghe không? – một Cripple Creek thứ hai! Anh biết không đó là cả mạch vàng chứ không phải vàng vụn phải đấy; và nếu làm đúng cách, chúng ta sẽ vớ được cả món bở - hết triệu này tới triệu khác. Trước tôi đã có nghe về

nơi đó và anh cũng vậy. Chúng ta sẽ dựng lên một tỉnh – hàng ngàn công nhân – có sông đào rộng rãi – có hãng tàu buôn bán phồn thịnh – tàu thủy để chở khách sang ngang – có lẽ phải tính lập đường xe lửa – nhà máy cưa – nhà máy điện – mở ngân hàng riêng – hãng buôn – nghiệp đoàn – Này! Anh đừng có trống chuyện với ai cho tới khi tôi trở về nhé!”

Đoàn ngừng lại chỗ đường mòn dựng cửa sông Stuart. Một biển sương muối kín mít toả ra về phía Đông bất tận. Những chiếc giày đi tuyết buộc ở xe bây giờ được tháo dây lòi ra. Axel Gunderson bắt tay rồi bước tới xe trước, hai chiếc giày có vành rộng để bước trên tuyết của chàng thụt xuống tuyết cả nửa thước và chàng nện tuyết xẹp xuống để đàn chó khỏi đầm mình dưới tuyết. Vợ chàng đi về phía xe sau, tỏ ra nàng đã quen xử dụng đôi giày phiền phức đó. Cảnh vật im lìm bị phá tan vì những tiếng chào tạm biệt lú lo, đàn chó đua nhau rít lên; và anh chàng Da Rái Cá dùng roi điều khiển một con chó ương ngạnh.

Một giờ sau, đoàn xe trông không khác nào một cây viết chì đen vạch một vạch thẳng dài trên mảnh giấy lớn.

Phần II

Nhiều tuần lễ sau, một đêm kia, Malemute Kid và Prince ngồi bàn cách giải mấy thế cờ trên một tờ giấy xé ở một tờ báo cũ. Kid mới đi thăm tài sản của chàng ở Bonanza về và đang nghỉ ngơi để sửa soạn đi săn nai rừng. Prince cũng đã qua vụ Đông bên những dòng suối và những đường mòn, và nay chàng mong mỗi được sống một tuần lễ sung sướng trong lều.

"Gạt pháo, chiếu tướng. Không, thế không được. Coi này, nước sau..."

"Sao không tiến xe hai nước? Bắt buộc họ phải binh sĩ, và tránh tượng..."

"Yên coi! Đi vậy trông một chỗ, và..."

"Không, thế cờ như vậy kín rồi. Cứ đi đi, anh sẽ thấy là được."

Cuộc bàn luận thật thú vị. Có người gõ cửa lần thứ hai, Malemute Kid mới lên tiếng: "Cứ vào!" Một hình thù loạng choạng đi vào. Prince nhìn lên và đứng phắt dậy. Nét mặt sợ hãi trong mắt chàng khiến Malemute Kid phải quay nhìn lại; và anh này cũng kinh ngạc, tuy anh đã từng thấy nhiều cảnh ghê gớm. Hình thù đó chấp chững tiến về phía họ. Prince tránh sang bên

chàng tới khi chàng với được cái đinh treo khẩu súng lục kiểu Smith & Wesson.

Chàng khẽ nói với Malemute Kid: "Trời đất ơi! Cái gì thế?"

"Không biết. Có vẻ như một người bị công lạnh và đói." Malemute Kid trả lời, chân bước tránh sang phía bên kia. "Coi chừng! Nó có thể điên đó," chàng cảnh cáo bạn sau khi ra đóng cửa trở vào.

Hình thù đó tiến về phía chiếc bàn. Ánh lửa của ngọn đèn thu hút mắt hắn. Hắn có vẻ khoái trá, miệng lấp bắp những tiếng quái dị biểu lộ lòng vui thích. Bỗng nhiên, hắn – vì đó là một người – vịn người quay phắt lại, chiếc quần bằng da thú cũng vịn theo và mồm miệng hô mấy câu, giống như những người hò dô ta khi họ chạy quanh cái ba lăng để cột dây neo trong khi sóng biển rít bên tai họ:

"Tàu Mỹ xuôi dòng sông.

Kéo đi! Các chú quả cảm! Kéo!

Các chú có muốn biết thuyền trưởng đó không?

Kéo đi! Các chú quả cảm! Kéo

Jonathan Jones ở Nam Carolina.

Kéo đi! Các chú..."

Hắn bỗng ngưng tiếng hát, miệng gầm gừ như chó sói kêu, chân loạng choạng tiến tới cái ngăn để thịt và khi mọi người chưa kịp ngăn cản, hắn đã lấy răng cắn xé thịt mỡ muối hãh còn sống. Hắn hung hăng vật lộn với Malemute Kid; nhưng sức khoẻ điên cuồng của hắn bỗng tan đi bất ngờ như lúc tới, và hắn yếu ớt buông miếng mồi ra. Họ kèm hai bên hắn rồi đặt hắn lên chiếc ghế đầu, nhưng hắn nằm xoài luôn nửa người lên bàn. Một hộp rượu giúp cho hắn khoẻ thêm một chút để đủ sức cầm cái muỗng múc vào hộp trà đựng đường của Malemute Kid đặt trước mặt hắn. Con đói dụ dằn. Prince dè dặt trao cho hắn cái tô xúp thịt bò.

Mặt hắn sáng lên một cách man dại, cứ sáng lên rồi lại mờ đi mỗi lần đưa thức ăn lên miệng. Mặt hắn chỉ còn rất ít chỗ da còn nguyên vẹn, và lại, còn hốc hác, xương xẩu chẳng còn vẻ người ngợm nữa. Lốp thịt công nứt này sau lốp thịt công nứt khác đã ăn sâu hoắm vào mặt hắn, mỗi lần lại làm dày thêm những cái vảy trên những vết sẹo đã gần lành khi trước. Lốp vảy khô đỏ màu đen bầm phủ nham nhở trên những vết nứt nẻ phô bày những

thớ thịt đỏ lôm. Quần áo da của hắn bẩn thỉu và rách tả tơi, và mớ lông ở một bên bị cháy sém mất một mảng cho ta thấy chỗ hắn đã nằm trên lửa.

Malemute Kid chỉ chỗ đôi giày da bị cắt từng giải một - đó là dấu hiệu khủng khiếp của những cơn đói.

"Anh là ai?" Malemute Kid thông thả hỏi dồn từng tiếng.

Người đó không buồn để ý.

"Anh ở đâu tới?"

"Tàu Mỹ đi xuôi dòng sông," hắn trả lời bằng một giọng run run.

"Đúng là hắn đã xuôi dòng sông," Malemute Kid vừa nói vừa lay hắn, mong được nghe những câu trả lời mạch lạc hơn.

Nhưng vừa đụng tới, người lạ đã hét lên, lấy tay ôm bên sườn tỏ vẻ đau đớn. Hắn chậm chạp đứng dậy, ngã người trên bàn.

"Nàng cười vào mũi tôi – cặp mắt chứa đầy thù hận, và nàng không chịu đi theo."

Giọng hắn lạc đi. Hắn đang định ngồi xuống thì Malemute Kid nắm lấy cổ tay hắn và la lớn. "Ai? Ai không chịu đi?"

"Nàng Unga. Nàng phá lên cười rồi đâm tôi, thế này này. Rồi..."

"Sao?"

"Rồi...."

"Rồi sao?"

"Rồi hắn nằm im lìm trên tuyết thật lâu. Hắn... hãy... còn...ở... trong.... tuyết."

Hai người đưa mắt nhìn nhau lắc đầu.

"Ai ở trong tuyết?"

"Nàng, Unga, nàng nhìn tôi với cặp mắt đầy hận thù, rồi...."

"Sao? Sao nữa?"

"Rồi nàng cầm con dao thế này, một nhát, hai nhát – nàng đã yếu. Tôi đi rất chậm. Ở đó có nhiều vàng, rất nhiều vàng."

"Unga đâu?" Malemute Kid sợ là biết đâu nàng lại không ở vào tình trạng thập tử nhất sinh cách đây một đoạn đường thôi. Chàng lay mạnh người lạ, miệng nhắc đi nhắc lại: "Unga đâu? Unga là ai?"

"Nàng... ở.... Trên... tuyết"

"Nói tiếp đi!" Malemute Kid bóp cổ tay người lạ một cách độc ác.

"Tôi... đáng.... lẽ.... cũng... nằm... trên... tuyết... nhưng.. tôi... còn.... một... món... nợ... phải... trả. Món.... nợ.... lớn.... tôi... phải... trả... tôi... phải". Những tiếng nhát gừng ngưng lại, hấn mò trong bọc kéo ra một cái túi bằng da hươu. "Một... món.... nợ... phải.... trả.... một.... kí.... rưỡi... vàng.... ra.... vốn... Mal.....e....mute.... Kid... tôi.....". Cái đầu kiệt sức gục xuống bàn; Malemute Kid không sao dựng nó lên được.

"Đây là Ulysses," chàng nói, tay ném túi vàng vụn lên bàn. "Chắc là Axel Gunderson và thiếu phụ đi đời rồi. Nào, ta vác nó lên giường đắp chăn. Nó là người Da Đỏ, nó sẽ qua khỏi và kể cho chúng ta nghe thêm một câu chuyện".

Họ cất bỏ quần áo của hấn và nhìn thấy gần nơi vú bên phải hai vết dao đâm hầy còn chưa lành.

Phần III

"Tôi sẽ kể hết mọi chuyện đã xảy ra bằng lối kể riêng của tôi nhưng các ông sẽ hiểu. Tôi sẽ kể từ đầu, sẽ nói về tôi và người thiếu phụ, sau đó, tới người đàn ông kia".

Anh chàng Da Rái Cá lết lại gần cái lò làm như từ lâu không được gần lửa và sợ rằng thần hoả có thể biến mất bất cứ lúc nào. Malemute Kid cầm đĩa đèn dầu lên và lựa chỗ đặt để cho ánh sáng chiếu vào mặt người thuật chuyện. Prince tuột xuống khỏi giường và tới ngồi với hai người.

"Tôi là Naass, vừa là chúa tể vừa là con một vị chúa tể, ra đời giữa lúc mặt trời đã lặn và mặt trời khác chưa mọc, trên mặt biển tối âm u, trong chiếc thuyền bọc da của cha tôi. Suốt đêm, đám đàn ông vát vả chèo thuyền và đàn bà lo tát nước khỏi thuyền, chúng tôi vật lộn chống lại trận bão. Bụi nước mặn đông thành tuyết trên ngực mẹ tôi cho đến khi hơi thở của người ra đi mãi mãi cùng với làn thủy triều. Riêng tôi lên tiếng hoà với gió bão, và tiếp tục sống".

"Chúng tôi ở tại Akatan..."

"Vào khoảng miền nào?" Malemute Kid hỏi.

"Akatan nằm trong quần đảo Aleutian; bên trên Chignik, trên Kardalak, trên Unimak. Như lời tôi nói, chúng tôi ở Akatan, nằm giữa biển bên lề thế giới. Chúng tôi sinh sống bằng nghề bắt cá biển, hải cầu, và rái cá; nhà cửa của chúng tôi ở sát bên nhau trên một giải núi đá nằm giữa bờ rừng và bờ

biển cát vàng, nơi chúng tôi đậu thuyền độc mộc. Chúng tôi ít người và thế giới rất nhỏ bé. Về phía đông có những đất lạ - những đảo giống như Akatan; nên chúng tôi cho rằng toàn thế giới đều là đảo và không buồn để ý.”

“Tôi khác hẳn dân tộc tôi. Trên bãi cát có những thanh gỗ cong và những tấm ván của một chiếc thuyền mà dân tộc tôi chưa hề đóng; tôi nhớ cái mỏm đảo nhìn được ra ba phía, có một cây gỗ thông chưa bao giờ mọc ở đó – một cây nhẵn nhụi, thẳng tắp và dài ngoằng. Người ta kể lại rằng có hai người tới nơi đó, quanh quẩn tại đó trong nhiều ngày và suốt ngày trông ngóng. Hai người này từ ngoài biển tới trên chiếc thuyền mà những mảnh vỡ còn nằm trên bờ biển. Họ là những người da trắng như các ông, và yếu đuối như trẻ con khi hải báo đi hết và thợ săn trở về tay không. Tôi biết những điều này là nhờ ông già bà cả kể lại, và những người này đã được nghe các cụ xưa kia thuật lại. Ban đầu hai người da trắng lạ mặt này không quen với cách sinh hoạt của chúng tôi, nhưng họ cũng mạnh dần nhờ cá và dầu. Họ tự dựng mỗi người một căn nhà, họ chọn lấy những người phụ nữ đẹp và giỏi nhất của chúng tôi, rồi dần dần sinh con đẻ cái. Chính người con của một trong hai người ấy là ông cụ tôi.

“Như tôi đã nói, tôi khác với người cùng dân tộc, vì tôi mang trong người dòng máu lạ lùng của người da trắng từ ngoài biển tới. Người ta nói rằng thời xưa trước khi họ tới, chúng tôi có những luật lệ khác. Nhưng họ hung tợn và hiếu chiến, họ đã đánh nhau với đàn ông trong bộ lạc tôi cho đến khi không còn người nào dám đương đầu với họ nữa. Rồi họ tự xưng là chúa tể, xoá bỏ những luật lệ cũ của chúng tôi và ban ra luật lệ mới như: con trai sinh ra là con của cha chứ không phải của mẹ theo như cổ truyền của chúng tôi. Họ cũng ra luật lệ rằng người con đầu lòng phải được hưởng tất cả những đồ đạc trước kia thuộc về người cha, còn những đứa con thứ phải lo mà tự túc lấy. Họ còn đặt cho chúng tôi những luật khác nữa. Họ chỉ bảo chúng tôi những cách thức mới để bắt cá và giết gấu mà trong rừng có nhiều. Họ dạy chúng tôi để dành nhiều thực phẩm hơn, phòng những thời kỳ đói kém. Những điều này thực là hay.

Nhưng khi họ lên làm chúa tể và không còn ai đương đầu với những con giận dữ của họ, thì những người da trắng lạ lùng này quay lại đánh lẫn

nhau và người mà dòng máu còn chảy trong huyết quản tôi đã cầm cái lao sẵn hải báo xuyên qua mình người kia cả một cánh tay. Con cái họ tiếp tục cuộc chiến đấu, rồi đến cháu chắt họ; giữa họ có một mối hận thù ghê gớm cho đến thời tôi cũng hãy còn, đến nỗi trong mỗi gia đình chỉ còn một người sống để nối dõi những người quá cố.

Bên dòng tôi còn mỗi mình tôi và dòng máu của người kia còn có mỗi một cô gái. Đó là Unga. Nàng sống chung với bà mẹ. Một đêm kia cha nàng và cha tôi đi câu rồi mất tích; về sau thủy triều đưa xác họ lên bãi, họ hãy còn nắm chặt lấy nhau.

“Vì mối thù giữa hai nhà, nên mọi người bàn tán về cái chết của hai người, và những ông già lắc đầu nói rằng cuộc chiến đấu sẽ tiếp tục khi nàng có con và tôi cũng có con. Họ nói với tôi như thế khi tôi còn nhỏ, đến nỗi tôi phải tin như thế và coi Unga như một kẻ thù, và con cái nàng sau này sẽ kình địch với con cái của tôi. Hằng ngày, tôi liên tưởng tới những điều này, và khi tôi bước vào tuổi thanh xuân, tôi hỏi tại sao lại phải như thế. Và người ta trả lời rằng: “Không biết, nhưng ông cha anh vẫn làm như vậy.” Tôi tò mò tự hỏi tại sao những người sắp sinh ra lại phải đánh nhau, chém giết nhau vì những người quá cố, và tôi không thấy điều gì hợp lý cả. Nhưng người ta nói rằng đó là sự bắt buộc, và tôi mới chỉ là một thanh niên.

“Rồi họ bảo rằng tôi phải gấp rút lên để dòng máu của tôi mạnh mẽ hơn lên trước của nàng. Điều này dễ, vì tôi là người đứng đầu, và dân chúng tôi kính tôi vì những thành tích và luật lệ của cha tôi, và vì tài sản của tôi. Thiếu nữ nào cũng muốn đến với tôi, nhưng tôi không kiếm được người nào ưng ý. Và những cha mẹ của các thiếu nữ giục giã tôi, vì ngay hồi đó đã có những thợ săn đề nghị những giá cao với mẹ của Unga, và nếu các con của nàng lớn mạnh trước con của tôi, chắc chắn là các con tôi sẽ chết.”

“Cho tới một buổi chiều đi đánh cá về, tôi vẫn chưa lựa chọn được thiếu nữ nào cả. Mặt trời xuống thấp và chiếu thẳng vào mắt mọi người, gió thổi ào ào, những chiếc độc mộc chạy thi với những làn sóng biển trắng xoá. Bỗng nhiên chiếc thuyền của Unga, vượt qua tôi, nàng liếc nhìn tôi, làn tóc đen của nàng phấp phới bay như một đám mây đen và bụi nước lấp lánh trên hai gò má. Như tôi đã nói, ánh mặt trời chiếu thẳng vào mắt và tôi mới chỉ là một thanh niên, nhưng dầu sao tôi cũng thấy rõ ràng, có điều gì tương

hợp giữa chúng tôi. Khi vút thẳng tới phía trước nàng quay lại nhìn tôi trong khoảng thời gian giữa hai nhịp chèo – cái nhìn mà chỉ riêng Unga mới có được – và tôi biết rằng đó là tiếng gọi của sự đồng ý đồng tình. Mọi người hò reo khi chúng tôi rẽ nước vượt qua những chiếc thuyền lớn lười biếng và bỏ rơi họ lại sau. Nhưng nàng chèo thực mau, và trái tim tôi căng lên như lòng cánh bướm, tôi không thắng được. Gió mát dần, biển càng lúc càng trắng và nhảy vọt lên như những con hải báo, chúng tôi xuôi theo dòng nước lấp lánh màu vàng của mặt trời”.

Naass khom mình trên chiếc ghế đầu, dáng điệu như một người đang chèo thuyền, như đang sống lại thời xa xưa và đang ganh đua chèo về đích một lần nữa. Hình như bên kia chiếc lò hần còn nhìn thấy chiếc thuyền độc mộc nhấp nhô và làn tóc phấp phới của Unga. Tiếng gió rít văng vẳng bên tai hần và hơi muối mặn đập vào mũi hần.

“Nhưng nàng đã cặp thuyền vào bờ, miệng cười vang và chạy ngược lên bãi cát về phía nhà mẹ nàng. Một ý nghĩ quan trọng đã đến với tôi đêm đó – một ý nghĩ xứng đáng với con người cầm đầu tất cả dân cư ở Akatan. Vì thế, khi trăng lên, tôi đi xuống nhà mẹ nàng và đưa mắt nhìn số hàng hoá của Yash-Noosh chất đông bên cửa – những đồ vật của Yash-Noosh – một tay săn mạnh khoẻ muốn làm cha đám con cái của Unga. Nhiều thanh niên khác đã xếp đông hàng hoá của họ tại đó, rồi lại phải đem đi; và thanh niên tới sau lại chất một đống lớn hơn đống hàng hoá của thanh niên trước”.

“Tôi ngừng mặt cười vang với trăng sao rồi đi về nhà, nơi tồn trữ tài sản. Tôi đã đi lại nhiều lần cho đến khi cái đống hàng hoá của tôi cao hơn đống của Yash-Noosh gấp nhiều lần, bằng số ngón tay trên một bàn tay. Nào là cá khô phơi có, sấy có, bốn mươi tám da hải báo lông ngắn và một số da hải báo có lông dài bằng nửa số kia, mỗi tấm đều thắt chặt ở miệng và trong bụng đựng đầy dầu, và một chục tấm da gấu mà tôi đã hạ được trong rừng khi chúng tôi kiếm ăn mùa Xuân. Ngoài ra, lại còn có những chuỗi hạt, chăn mền, quần áo đỏ tía, những món đồ tôi đổi được của những người ở phía Đông, và những người này lại đổi của những người khác ở về Phía Đông nữa. Tôi nhìn cái đống của Yash-Noosh và phá lên cười, vì tôi là chúa tể Akatan, và tài sản của tôi lớn hơn tài sản của tất cả các thanh niên dưới

quyền tôi và ông cha tôi đã tạo được những thành tích, đã ra những luật lệ và làm cho dân chúng phải muôn đời nhắc đến tên họ.

“Thế rồi sáng ra, tôi đi xuống bờ biển, liếc nhìn nhà mẹ Unga. Đống đồ của tôi vẫn y nguyên không suy suyển. Đám phụ nữ mỉm cười kháo chuyện với nhau những câu tinh quái. Tôi ngạc nhiên vì xưa nay chưa ai từng đưa ra một cái giá cao như thế; và đêm đó tôi lại bỏ thêm vào đống đồ những hoá vật khác, và đặt ở bên cạnh một chiếc thuyền độc mộc bọc da thuộc chưa từng đi biển lần nào. Nhưng ngày lại ngày nó vẫn còn ở đó để làm trò cười cho mọi người. Mẹ Unga là người quý quyết, và tôi uất ức vì nỗi hổ thẹn tôi phải chịu trước dân chúng. Vì thế đêm đó tôi lại phải đem thêm nữa để làm thành một đống kéch sù và tôi còn hì hục kéo thêm chiếc thuyền lớn đáng giá hai mươi chiếc độc mộc. Sáng ngày ra, đống đồ không còn đó nữa.

“Sau đó tôi sửa soạn lễ cưới, và dân cư ở tận phía Đông cũng tới dự tiệc và nhận quà tặng. Unga hơn tôi bốn mùa theo lối tính năm của chúng tôi. Tôi chỉ là một thanh niên nhưng tôi là chúa tể, và là con của một chúa tể, tuổi tác không đáng kể”.

“Nhưng một chiếc tàu hiện lên với những cánh buồm in hình trên nền đại dương, mỗi lúc càng lớn theo sức gió thổi. Nước từ những lỗ ở mạn tàu chảy ra, những thuỷ thủ đi lại tíu tít và hì hục bơm nước. Trên mũi thuyền có một người lực lưỡng đứng trông chừng nước và ra lệnh bằng một giọng oang oang như sấm sét. Cặp mắt gã màu xanh lơ nhạt của nước biển sâu, và đầu gã bông lên giống như đầu một con hải sư. Tóc gã màu vàng như rom gặt ở miền Nam hoặc như những sợi chảo của thuỷ thủ kết bằng sợi gai”.

“Những năm sau này chúng tôi có nhìn thấy những tàu ở đằng xa nhưng đây là chiếc đầu tiên tới bờ đảo Akatan. Bữa tiệc đã bị gián đoạn, đàn bà con trẻ chạy trốn về nhà trong khi đàn ông chúng tôi dương sẵn cung và chờ đợi họ với những chiếc lao lăm lăm trên tay. Nhưng khi mũi tàu chạm bãi biển bọn người lạ không chú ý đến chúng tôi mà chỉ lo công chuyện của họ. Khi nước triều xuống, họ kéo nghiêng chiếc tàu và vá một lỗ lớn ở dưới đáy. Thấy thế đám phụ nữ len lén quay trở lại, và bữa tiệc tiếp tục.”

“Khi nước triều lên những thuỷ thủ neo tàu ra chỗ nước sâu rồi tới thăm chúng tôi. Họ mang tặng vật và tỏ vẻ thân thiện; tôi ra lệnh dọn chỗ

cho họ và bản tính rộng lượng, tôi ban cho họ quà cưới như tôi đã cho tất cả các khách khác; vì hôm đó là ngày cưới của tôi và tôi là chúa tể ở Akatan. Người có cái bòm hải sư cũng ở đó, hấn cao lớn và mạnh mẽ đến nỗi người ta phải nhìn xem đất có rung chuyển khi hấn đặt chân xuống không. Hai tay khoanh trước ngực, hấn nhìn Unga chăm chăm và ở lại mãi tới khi mặt trời khuất và sao trên trời xuất hiện hấn mới xuống thuyền. Sau đó tôi nắm tay Unga, dẫn nàng về nhà tôi. Mọi người hát xướng, cười giỡn, và phụ nữ trao đổi những câu tình quái theo lối đàn bà vào những dịp đó. Nhưng chúng tôi không để ý. Sau cùng mọi người ra về cả chỉ còn lại có hai chúng tôi”.

“Khi tiếng chân người chưa xa hấn thì viên thuyền trưởng đã đẩy cửa bước vào. Gã mang theo những chai màu đen và chúng tôi mở ra uống vui vẻ. Các ông biết, lúc đó tôi chỉ là một thanh niên mới lớn và suốt đời chỉ sống ở ngoài lề thế giới. Một lát sau máu tôi như biến thành lửa và tim tôi nhẹ nhàng như bột nước bay từ mặt sông lên đầu ghềnh. Unga ngồi nín lặng giữa đồng da trong góc nhà, cặp mắt mở rộng như sợ hãi và gã đàn ông có cái bòm hải sư cứ nhìn thẳng vào mặt nàng hồi lâu không chớp. Sau đó bộ hạ của gã mang vào những bọc đồ và gã chắt đồng trước mặt tôi một tài sản mà tất cả dân ở Akatan góp lại cũng không có nhiều như thế. Có những khẩu súng, lớn có, nhỏ có, thuốc súng, đạn chì, vỏ đạn, những cái rìu sáng loáng và dao bằng thép, những dụng cụ tinh xảo cùng những đồ vật lạ tôi chưa hề trông thấy bao giờ. Khi hấn ra hiệu cho tôi biết rằng tất cả những thứ đó là của tôi, tôi cho rằng gã là một vĩ nhân nên mới rộng rãi như thế; nhưng hấn lại ra hiệu thêm rằng Unga phải theo hấn lên tàu. Các ông có biết không? Unga phải theo hấn lên tàu. Máu của ông cha tôi bùng cháy lên, và tôi định cầm lao đâm suốt người hấn. Nhưng ma quỷ trong những chai hấn mang tới đã đoạt hết sinh lực của cánh tay tôi, thành ra hấn nắm được cổ tôi và đập đầu tôi vào tường nhà. Tôi trở nên yếu ớt như một đứa trẻ sơ sinh, và tôi không còn đứng vững nữa. Unga gào thét, nàng nắm chặt lấy những đồ vật trong nhà, làm những món đồ đồ ngổn ngang xung quanh chúng tôi trong khi gã kia kéo nàng ra cửa. Sau đó hấn nhấc bổng nàng lên trong hai cánh tay hộ pháp. Khi nàng dứt làn tóc vàng của hấn, hấn phá lên cười như tiếng con hải báo rú lên trong khi giao hợp.”

“Tôi bò ra bờ biển và kêu gọi dân của tôi, nhưng họ sợ. Chỉ có Yash-Noosh là còn xứng đáng một con người, nhưng họ lấy bơi chèo đập vào đầu anh ta cho đến khi anh nằm sấp mặt xuống cát không nhúc nhích. Rồi họ vừa giương buồm vừa ca hát và chiếc tàu ra đi theo làn gió.”

“Dân chúng trên đảo nói rằng như thế lại hay, vì sẽ không còn chiến tranh giữa hai dòng máu ở trên đảo Akatan nữa, nhưng tôi không nói nửa lời. Lặng lẽ chờ đến lúc trăng non, tôi bỏ cá và dầu xuống thuyền độc mộc của tôi và ra đi về phía Đông. Tôi đã nhìn thấy nhiều hòn đảo và nhiều dân tộc và tôi, vốn chỉ sống bên lẻ, nhận thấy rằng thế giới rất rộng. Tôi nói chuyện bằng cách ra dấu hiệu; nhưng người ta không hề trông thấy chiếc tàu hai buồm nào, và cũng không thấy người nào có cái bờm hải sư, và họ cứ chỉ mãi về phía Đông. Tôi ngủ ở những nơi kỳ lạ, ăn những món kỳ quặc và gặp những bộ mặt lạ lùng. Nhiều người cười vì họ cho rằng tôi lãng trí, nhưng đôi khi những ông già quay mặt tôi về phía ánh sáng mà cầu phúc cho tôi, và mắt những thiếu phụ trẻ tuổi trở nên dịu dàng khi họ hỏi tôi về chiếc tàu lạ, về Unga và về những người của biển cả.

“Cứ như thế, vượt qua những biển rộng sóng to cùng những trận bão ghê gớm, tôi đặt chân lên Unalaska. Tại đó có hai chiếc tàu hai buồm, nhưng không có chiếc tàu tôi đang lùng kiếm. Tôi đi mãi về hướng Đông và thấy thế giới càng ngày càng rộng lớn. Tôi tới đảo Unamok rồi Kadiak, rồi Atognak, nhưng đều không được tin gì về chiếc tàu đó cả. Tôi đi mãi như thế cho tới một ngày tôi đặt chân tới một nơi núi non, có những người đào những hố lớn trong núi. Ở đó có một chiếc tàu nhưng không phải chiếc tôi tìm và mọi người chuyển những tảng đá họ đào được lên tàu đó. Tôi nghĩ rằng họ làm một việc trẻ con vì khắp thế giới đâu chẳng bằng đá; nhưng họ cho tôi thức ăn và bắt tôi làm việc. Khi chiếc tàu đã nặng trĩu, viên thuyền trưởng trả tiền cho tôi và bảo tôi đi; nhưng tôi lại hỏi ông ta đi về hướng nào và ông ta chỉ về hướng Nam. Tôi ra hiệu xin đi theo. Ban đầu ông ta cười, nhưng về sau vì thiếu người nên ông mướn tôi theo giúp việc trên tàu. Nhờ thế mà tôi tập nói năng như họ, tập kéo dây, tập cuốn buồm khi gặp bão bất ngờ, và tới lượt cũng ra cầm lái tàu. Nhưng tôi không bỏ ngỡ với lối sống đó, vì máu của ông cha tôi là máu những người đi biển.

“Tôi vẫn tưởng rằng một khi tôi đến chỗ dân tộc của người tôi đang tìm kiếm ở thì tôi sẽ tìm thấy hần một cách dễ dàng; và một hôm, khi chúng tôi cho tàu cập bến, tôi tưởng sẽ thấy một số tàu nhiều bằng những ngón tay trên hai bàn tay của tôi. Nhưng tàu nằm dọc theo bến dài cả hàng dặm, chen chúc nhau như đàn cá con. Tôi đi giữa đám tàu bè đó để hỏi thăm tìm một người có cái bờm hải sư, người ta cười và trả lời tôi bằng nhiều thứ tiếng khác nhau. Tôi nhận thấy rằng họ là những người từ những nơi xa xôi nhất trên thế giới tới đây”.

“Tôi đi vào trong tỉnh để nhìn mặt từng người nhưng họ đông như đàn cá thu xô nhau lội vào bờ làm tôi không sao đếm xuể. Những tiếng ồn ào đập vào tai tôi đến nỗi tôi chẳng còn nghe gì được, và cảnh nhộn nhịp làm cho tôi choáng váng. Cứ thế, tôi đi, đi mãi, qua những vùng tung bừng ca hát trong ánh nắng ấm áp, những nơi mùa màng phong phú trải ra khắp cánh đồng, qua những thành thị lớn chen chúc những đàn ông sinh hoạt giống như đàn bà, miệng lưỡi dối trá và tâm địa đen tối vì quá ham muốn vàng bạc. Trong khi đó, dân tộc của tôi ở Akatan vẫn chỉ săn bắn và chài lưới, và họ sung sướng với ý nghĩ rằng thế giới này nhỏ bé”.

“Nhưng cái nhìn hiện ra trong khoé mắt Unga khi nàng trở về sau buổi đánh cá không lúc nào rời bỏ tôi, và tôi biết rằng tôi sẽ tìm thấy nàng khi thời cơ đến. Nàng bước trên những con đường êm ả trong buổi chiều tà, hoặc dẫn tôi đi săn qua những cánh đồng còn ướt sương mai, và trong mắt nàng hiện lên một lời hứa hẹn mà chỉ có Unga mới có được”.

“Cứ như thế, tôi lang thang qua hàng ngàn thành phố. Có người tử tế với tôi và cho tôi thức ăn, có người chế diễu, và có người lại còn nguyên rửa tôi nữa; nhưng tôi cẩn rằng không nói, tiếp tục đi trên những con đường lạ và nhìn những quang cảnh lạ. Đôi khi tôi, vốn là một chúa tể và con của một chúa tể, phải làm việc cực khổ cho những người khác – những người ăn nói phũ phàng, tâm địa sắt đá, bóc lột mồ hôi nước mắt của những người đồng chủng để lấy vàng. Tuy nhiên không ai trả lời câu tôi hỏi cho mãi tới khi tôi trở lại biển giống như con hải báo trở về hang. Nhưng đây là một hải cảng khác, tại một xứ khác, nằm ở miền Bắc. Tại đó tôi được nghe những chuyện lờ mờ về người đi biển tóc vàng. Tôi được biết là hần đi săn hải báo và hỏi đó hần đang đi tàu trên Đại dương.”

“Vì vậy tôi cũng lên một chiếc tàu buồm săn hải báo với những người Siwash lười biếng, và theo họ lên phía Bắc nơi mà cuộc săn bắt đang rộn rịp. Chúng tôi trải qua nhiều tháng mệt nhọc, nói chuyện với nhiều nhân viên tàu khác, và nghe nhiều chuyện về những hành động hoang đàng của con người mà tôi tìm kiếm; nhưng không lần nào chúng tôi gặp hắc trên mặt biển. Chúng tôi tiến về hướng Bắc, đến tận Pribilofs, giết cả đàn hải báo trên bờ và đem những xác nóng hổi của chúng lên tàu, nhiều đến nỗi những lỗ ở mạn tàu bắt mỡ và máu và không ai đứng vững được ở trên boong. Thế rồi chúng tôi bị một chiếc tàu chạy bằng hơi nước đuổi theo và dùng súng lớn bắn chúng tôi. Nhưng chúng tôi căng buồm lên, tàu chạy mau khiến nước bắn tung toé lên sàn rửa sàn sạch bong, rồi chúng tôi lạc trong đám sương mù”.

“Người ta nói rằng trong khi chúng tôi sợ hãi chạy trốn thì gã đi biển tóc vàng lái tàu tới Pribilofs, đậu ngay tại nhà máy, và trong khi một số người của hắc bắt giữ những người làm của công ty, những đứa còn lại cướp mười ngàn tấm da tươi trong những nhà muối đem lên tàu. Tôi nói rằng người ta kể lại vậy, nhưng tôi tin họ nói đúng, vì trong chuyến tôi đi dọc theo bờ biển, tuy không được gặp hắc nhưng được biết rằng hắc làm những việc dã man tàn bạo khắp các biển Bắc đến nỗi ba nước có đất đai ở đó phải cho tàu đi lùng bắt hắc. Và tôi được nghe cả về Unga nữa, vì các thuyền trưởng không tiếc lời khen ngợi đã học những lối sinh hoạt của dân tộc hắc và sống một cách sung sướng. Nhưng tôi biết rõ hơn – tôi biết rằng tâm hồn nàng vẫn hướng về dân tộc nàng ở bên bãi cát vàng xứ Akatan”.

“Vì thế, sau một thời gian, tôi trở về hải cảng gần công ngõ của biển cả, và tại đó tôi biết được rằng hắc đã vượt qua hải phận bên này để săn hải báo ở phía Đông miền đất ấm áp từ những biển Nga La Tư chạy xuống phía Nam. Và tôi, tôi đã trở thành thủy thủ, nên tôi đã lên tàu cùng với những người đồng chủng của hắc, và rượt theo hắc trong cuộc săn hải báo. Ít tàu bè đi lại ở ngoài khơi giải đất mới đó; nhưng chúng tôi theo sát bên đàn hải báo và săn đuổi chúng mãi về phía Bắc suốt cả mùa xuân. Nhưng khi hải báo cái có mang và vượt sang hải phận Nga, những người đồng bọn của tôi cầu nhàu và lấy làm lo sợ vì ở đó nhiều sương mù, và ngày nào cũng có người mất tích cùng với thuyền bè. Họ không chịu làm việc, vì thế viên

thuyền trưởng cho thuyền quay về đường cũ. Nhưng tôi biết rằng gã tóc vàng không biết sợ hãi, hắn sẽ bám sát đàn hải báo, dù phải đi đến tận những đảo thuộc Nga, nơi ít người tới. Vì thế giữa đêm tối, tôi lấy một chiếc thuyền và nhân lúc tên gác ngủ gật tôi ra đi một mình để tới giải đất dài âm áp. Tôi đi về phía Nam để gặp những người ở vịnh Yeddo là những người man rợ không biết sợ hãi là gì. Những cô gái Yoshiwara nhỏ bé thông minh, nhanh nhẹn và dễ coi, nhưng tôi không thể dừng chân lại đó vì tôi biết rằng Unga đang đứng trên sàn tàu bập bênh gần những nơi ẩn trú của hải báo ở miền Bắc.”

“Những người ở vịnh Yeddo đã từ những chân trời góc biển tới gặp nhau, họ là những người vô tín ngưỡng vô gia cư, và họ đi tàu cắm cờ Nhật Bản. Cùng với họ tôi tới những bờ biển phong phú của Đảo Đông, nơi mà những đồng muối của chúng tôi trở nên cao vợi vợi với những tấm da. Mỗi tới khi chúng tôi sẵn sàng ra về, chúng tôi không thấy một bóng người nào trên mặt biển im lìm đó. Một hôm sương mù vừa bị gió thổi mạnh làm tan đi, chúng tôi thấy một chiếc tàu hiện ra sát bên chúng tôi, theo sau nó là những làn khói của một chiếc tàu chiến Nga. Chúng tôi chạy trốn theo chiều gió, và chiếc tàu mỗi lúc càng gần hơn vì nó chạy nhanh hơn. Ở đuôi tàu là con người có cái bờm hải sư đang tỉ bên lan can tàu, miệng cười như nắc nẻ. Unga cũng ở đó – trông thấy nàng tôi nhận ra ngay – nhưng hắn bảo nàng xuống hầm tàu khi tiếng đại bác bắt đầu vang rền trên mặt biển. Như tôi nói, chiếc tàu đó chạy nhanh gấp rưỡi tàu chúng tôi nên một lát sau chúng tôi nhìn thấy cái bánh lái của nó nhấp nhô – tôi vừa quay bánh lái vừa nguyên rửa, lưng tôi quay về phía họng súng của chiếc tàu Nga. Chúng tôi biết rằng hắn định chạy trước chúng tôi để có thể trốn thoát trong khi chúng tôi bị bắt. Những cột buồm của chúng tôi bị bắn gãy, nên tàu đi chậm hẳn lại như một con hải âu bị thương, trong khi hắn tiếp tục vượt qua chân trời - hắn và cả Unga nữa.”

“Chúng tôi còn cãi sao được? Những tấm da mới kia đã đủ để tố cáo chúng tôi. Thế là họ điệu chúng tôi tới một hải cảng Nga, và sau đó tới một xứ hẻo lánh. Nơi đây họ bắt chúng tôi đi đào muối trong những hầm mỏ. Một số người chết và một số sống sót.”

Naass tuột chiếc khăn trên vai xuống cho chúng tôi thấy những mảnh thịt sần sùi, răn rúm, rõ ràng là những vết sẹo do những làn roi da để lại. Prince vội vã khoác chắn lại cho hắn vì đó không phải là một cảnh đẹp mắt gì.

“Chúng tôi sống một thời gian cực khổ tại đó. Đôi khi có người trốn được về phía Nam, nhưng rồi đều phải quay lại, vì vậy, khi bọn người bị bắt ở vịnh Yeddo chúng tôi nổi loạn vào ban đêm và tước được súng ống của bọn gác, chúng tôi bèn đi về phía Bắc. Đất đai ở đó rộng mênh mông, với những cánh đồng sũng nước cùng những rừng rậm bao la. Rồi mùa lạnh tới, đất phủ dày tuyết, và không ai biết đường cả. Bao tháng trời khổ sở, chúng tôi đi qua khu rừng hầu như bất tận – bây giờ tôi không nhớ được, vì thức ăn thiếu thốn và đôi khi một vài người lăn ra chết. Nhưng sau cùng chúng tôi tới được bờ biển lạnh lẽo, nhưng chỉ còn có ba người được trông thấy cảnh đó thôi. Một người trong bọn giữ chức thuyền trưởng từ lúc rời Yeddo, và gã thông thạo tất cả những vùng đất rộng và gã biết một nơi người ta có thể đi qua tuyết để sang một vùng đất khác. Gã dẫn đường chúng tôi – lâu lắm, tôi không biết là bao lâu nữa – cho đến khi chỉ còn hai người. Khi chúng tôi tới nơi đó, chúng tôi gặp năm người lạ vẫn sống tại đó. Họ có chó và da, nhưng chúng tôi chẳng còn có gì để đổi. Chúng tôi đánh nhau với họ trên tuyết cho đến khi họ chết và ông thuyền trưởng cũng chết. Thành ra chó và da đều thuộc về tôi. Sau đó tôi vượt qua vùng tuyết, nhưng tuyết bị vỡ. Tôi trôi nổi trên biển mãi, sau nhờ một cơn gió từ phía tây thổi tới đưa tôi lên bờ. Sau đó là vịnh Golovin, Pastilik, rồi gặp vị linh mục. Tôi tiếp tục đi về hướng Nam, tới những vùng ấm áp mà tôi đã đi qua lúc ban đầu.”

“Nhưng biển cả không còn đem lại nhiều lợi nữa. Những người đi biển để săn hải báo kiếm được ít lợi lại gặp nhiều nguy hiểm. Tàu bè thưa dần, những thuyền trưởng cùng những thủy thủ đều không biết về hai người mà tôi tìm kiếm. Vì thế, tôi rời bỏ Đại Dương luôn luôn sống động, và đi vào đất liền, nơi mà cây cối, nhà cửa, núi non luôn luôn im lìm một chỗ không bao giờ di chuyển. Tôi đi nhiều nơi và dần dần biết được nhiều điều, kể cả viết và đọc chữ trong sách. Tôi học được điều này thật là hay, vì tôi nghĩ rằng Unga thế nào cũng biết đọc và biết viết, và một ngày kia, khi thời cơ đến – chúng tôi – các ông hiểu đó, khi thời cơ đến”.

Cứ thế, đời tôi trôi dạt đi giống như những con cá nhỏ kia chỉ biết lao mình trước sóng gió nhưng không điều khiển được nó. Nhưng mắt tôi và tai tôi luôn luôn mở rộng. Tôi len lỏi trong đám người đã từng trôi nổi nhiều, vì tôi biết rằng thế nào họ cũng gặp những người tôi tìm kiếm. Sau cùng, có một người mới ở vùng núi tới mang theo những hòn đá trong đó lẫn những cục vàng ròng lớn bằng hạt đậu phụng. Anh chàng này nghe tiếng họ, đã gặp gỡ họ, và đã quen biết họ. Hắn nói rằng họ giàu có và sống tại nơi mà người ta lấy vàng từ dưới đất lên.

Nơi đó ở vào một vùng rừng rú xa xôi; nhưng rồi tôi cũng tới trại đó, khuất giữa những hòn núi, nơi người ta làm việc đêm ngày, xa cách ánh sáng mặt trời. Tuy nhiên, thời cơ vẫn chưa đến. Tôi nghe mọi người nói chuyện. Người ta cho biết là hắn đã ra đi – họ đã ra đi – sang Anh Cát Lợi để quy tụ những người có tiền và thành lập công ty. Tôi nhìn thấy toà nhà họ ở; toà nhà đó giống như một toà lâu đài mà người ta thấy ở những nước cổ xưa. Ban đêm, tôi len qua một cái cửa sổ để xem cách hắn đối xử với nàng như thế nào. Tôi đi từ phòng này sang phòng khác, và tôi cho rằng vua chúa cũng chỉ sống như vậy thôi, vì tất cả đều rất đẹp. Và ai cũng nói rằng hắn đối xử với nàng như một bà hoàng, và nhiều người ngạc nhiên không biết nàng thuộc về dòng giống nào vì trong mạch máu của nàng có dòng máu khác, và nàng khác với những phụ nữ ở Akatan, nhưng không ai biết nàng là ai cả. Ừ, thì nàng là một bà hoàng, nhưng tôi là một chúa tể, và là con một chúa tể, và tôi đã trả một giá không ước lượng được bằng da thú, thuyền bè và chuỗi hạt để cưới nàng.

“Nhưng nói nhiều như thế làm chi? Tôi là một thuỷ thủ, tôi biết những chuyến đi của tàu bè trên mặt biển. Tôi theo sang tới Anh Cát Lợi, rồi tới các xứ khác. Đôi khi tôi nghe người ta nói về họ, đôi khi tôi đọc tin tức nói về họ trong báo chí, tuy nhiên tôi không bắt kịp họ, vì tôi nghèo trong khi họ có nhiều tiền bạc, đi lại mau chóng. Nhưng rồi họ gặp chuyện khó khăn, tài sản của họ một hôm tan đi như một làn khói. Hồi đó tất cả các báo đều đăng tin ấy; nhưng sau đó bật hẳn tin tức. Tôi biết rằng họ đã quay lại nơi người ta đào được vàng ở dưới đất lên”.

“Bây giờ họ nghèo nên họ lạc lõng ra ngoài thế giới. Tôi đi lang thang tìm họ hết trại này đến trại khác. Lên tới phía Bắc xứ Kootenay, tôi mới tìm

được tông tích của họ. Họ đã tới nhưng lại đi rồi, người nói đường này, kẻ nói đường khác, có người lại bảo rằng họ đi về xứ Yukon. Lúc đi đường này, khi theo đường khác, tôi xê dịch hết chỗ này tới chỗ nọ, mãi tới khi tôi cảm thấy mệt nhọc vì thế giới rộng lớn quá. Ở Kootenay tôi đã chọn phải một con đường xấu, con đường mòn dài dặc, để cùng đi với một gã ở vùng Tây Bắc, và gã này lặn ra chết khi bị con đói dần vật. Gã đã từng tới Yukon bằng một con đường xuyên sơn chưa ai biết, và khi biết mình sắp chết gã đã cho tôi bản đồ và chỉ cho biết một chỗ bí mật và hắn đem tất cả thần thánh ra thề rằng ở đó có rất nhiều vàng.”

“Sau thời đó, tất cả mọi người đều đổ xô về miền Bắc. Vì nghèo tôi phải bán mình làm phu đánh xe. Chuyện về sau các ông đã biết. Tôi gặp hấn và nàng ở Dawson. Nàng không nhận ra tôi vì hồi trước tôi chỉ là một chàng trai mới lớn, và đời nàng bao la quá, nên nàng không có thì giờ để nhớ tới con người đã trả một giá không ước lượng được để cưới nàng.”

“Thế rồi ông bỏ tiền chuộc tôi. Tôi thoát ra để thực hiện mọi điều theo đường lối của tôi vì tôi đã chờ đợi lâu rồi. Bây giờ tôi không vội vã vì tôi đã nắm được hấn. Như tôi nói, tôi quyết làm theo đường lối của tôi. Tôi nhớ lại quãng đời xưa kia, qua tất cả những điều tôi đã chứng kiến và chịu đựng, tôi nhớ nhất cảnh lạnh lẽo và đói khát trong khu rừng vô tận bên những biển Nga La Tư. Như các ông biết, tôi dẫn hấn – hấn và Unga – về phía Đông là nơi người ta ra đi thì nhiều và trở về rất ít. Tôi dẫn họ tới nơi mà xương cốt của những kẻ tìm vàng còn nằm phơi bên đồng vàng mà họ không lấy nổi và lời nguyện rửa của họ như còn phảng phất đây đó”.

“Đường xá xa xôi, nẻo đi mờ mịt. Đàn chó của tôi đã nhiều lần ăn khỏe, và những xe lướt tuyết của chúng tôi chỉ dùng được cho tới giữa mùa Xuân. Chúng tôi phải trở về trước khi dòng sông chảy xiết. Vì thế chúng tôi giấu thức ăn chỗ này chỗ nọ, để xe của chúng tôi nhẹ bớt và lúc về khỏi bị chết đói. Ở McQuestion có ba người, và chúng tôi giấu thực phẩm ở gần đó. Chúng tôi giấu cả ở Mayo, nơi có trại săn của hơn một chục người Pelly đã từ miền Nam vượt qua đường biên giới. Sau đó chúng tôi không gặp một bóng người trong khi tiếp tục tiến về phía Đông; chỉ thấy dòng sông im lìm, rừng sâu vắng lặng và cảnh vật trắng xoá của miền Bắc. Như tôi nói, đường xá xa xôi và nẻo đi mờ mịt. Đôi khi, cả ngày chúng tôi vất vả lắm mới đi

được hơn chục cây số, và đêm tối chúng tôi lăn ra ngủ như chết. Nhưng họ không bao giờ ngờ rằng tôi là Naass, chúa tể Akatan, thần công lý của họ.”

“Lúc này chúng tôi làm những chỗ giấu thực phẩm nhỏ hơn, và ban đêm, tôi đỡ phải khổ nhọc hơn khi đi ngược lại những quãng đường cũ, đem giấu các thực phẩm sang chỗ khác, và nguy trang chỗ giấu để người ta tưởng làm bày chó sói đã ăn trộm hết thực phẩm. Nhiều nơi có thác đổ xuống sông, nước chảy xiết, phía trên nước biến thành băng, còn bên dưới chẳng có gì. Tại một chỗ thác đó, chiếc xe tôi ngồi bị lọt xuống một khe đá vỡ và đàn chó cũng chết cả; nhưng hăn và Unga chỉ coi đó là một chuyện không may. Ấy là xe đó có nhiều thức ăn và những con chó khoẻ mạnh nhất. Nhưng hăn cười, vì hăn đầy sinh lực. Hăn cho những con chó còn lại ăn rất ít, rồi chúng tôi bắt đầu giết dần từng con chó một trong đoàn để lấy thịt nuôi đồng bọn. Hăn nói rằng chúng tôi nên mang nhẹ khi trở về, chúng tôi sẽ lấy thực phẩm ở một chỗ giấu ăn cho tới chỗ giấu kế đó, chúng tôi chẳng cần chó mà cũng chẳng cần xe; điều này rất đúng, vì thức ăn của chúng tôi rất khan và con chó cuối cùng đã chết ngay đêm chúng tôi tới nơi người ta để lại vàng, xương cốt và những lời nguyện rửa.”

“Muốn tới chỗ đó, ở trong lòng những hòn núi vĩ đại – và tâm bản đồ đã nói đúng – chúng tôi đào những bụi ở trong tuyết trên bức tường ngăn. Chúng tôi đưa mắt tìm một thung lũng ở bên kia, nhưng không có thung lũng nào cả, tuyết trải dài tới phía xa, bằng phẳng như những cánh đồng lúa, và đó đây xung quanh chúng tôi, có những mỏm núi hùng vĩ đưa những mũi nhọn trắng xoá chỉ thẳng vào trăng sao. Và ở giữa cánh đồng kỳ lạ mà trước kia là một thung lũng, đất và tuyết tan đi đâu mất thành một lỗ hồng đâm thẳng vào lòng đất. Nếu chúng tôi không từng làm thuỷ thủ thì cảnh này đã làm đầu óc chúng tôi choáng váng, nhưng chúng tôi vẫn đứng ở trên bờ và suy tính xem có cách nào để đi xuống không. Ở một mé, chỉ có mé đó thôi, bức tường sụp đi trông như con đường dốc của boong tàu bị trận gió thổi nghiêng. Tôi không biết tại sao chỗ đó lại như vậy, nhưng nó đúng như thế. Hăn nói: “Đây là miệng hoả ngục, chúng ta xuống đi.” Thế rồi chúng tôi đi xuống.

“Ở dưới đây có một căn lều không biết của ai dựng lên bằng những cây gỗ từ bên trên vút xuống. Đó là một căn lều dựng lâu ngày lắm rồi, vì đã có

nhiều người chết trơ trọi tại đó vào nhiều thời kỳ khác nhau và trên những mảnh vỏ cây chúng tôi đọc được những lời trời trần và những lời nguyện rửa của họ. Một người đã chết vì bệnh thũng; một người khác đã bị bạn đồng hành ăn cắp hết tất cả thực phẩm và thuốc súng rồi bỏ trốn; một người thứ ba đã bị một con gấu vồ làm cho bị thương nặng mà chết; người thứ tư đi săn thú rồi chết bên đồng vàng bằng cách này hay cách khác. Và đồng vàng vô giá trị mà họ đã thu thập phủ kín sàn lều, một màu vàng ôi giống như trong giấc chiêm bao”.

“Nhưng con người mà tôi đã dẫn tới chôn đó vẫn bình tĩnh sáng suốt. Hấn nói: “Chúng ta không có gì để ăn. Chúng ta chỉ nhìn đồng vàng này và coi xem nó ở đâu tới và được tất cả bao nhiêu. Xong rồi chúng ta phải bỏ đi mau, trước khi vàng làm mờ mắt chúng ta và làm chúng ta mất trí suy xét. Như thế, sau này chúng ta có thể quay lại với nhiều thực phẩm hơn và lấy tất cả số vàng.” Thế rồi chúng tôi tới xem mạch vàng ăn dọc theo bức vách thung lũng, chúng tôi đo mạch vàng đó, vạch phía trên và phía dưới, lấy cọc đóng để giữ chủ quyền và đốt những cây để làm dấu là vàng đã có chủ. Thế rồi đầu gối run run vì thiếu thức ăn, bụng nôn nao, tim như muốn trào lên miệng, chúng tôi leo lên bức tường hùng vĩ một lần cuối cùng và quay lại đường về.

“Trong đoạn cuối chúng tôi dìu Unga đi, chúng tôi ngã lộn, nhưng sau cùng cũng tới được chỗ giấu thức ăn. Nhưng kìa, chẳng còn gì cả. Tôi xếp đặt thật khéo và hấn cho là bọn sói ăn mất, và hấn nguyện rửa chúng và thần thánh của hấn luôn một hồi. Nhưng Unga rất can đảm, nàng cười và đặt tay lên tay hấn, đến nỗi tôi phải quay đi để giữ cho lòng bình tĩnh. Nàng nói: “Chúng ta sẽ nghỉ bên đồng lửa cho tới sáng và chúng ta sẽ ăn da giày để lấy lại sức.” Thế là chúng tôi cắt cổ những đôi giày thành những dải dài và nấu đến tận nửa đêm để chúng tôi có thể nhai nuốt được. Tới sáng chúng tôi bàn cách thoát. Chỗ giấu thức ăn tiếp ở đó cách xa năm ngày đường; chúng tôi không thể tới được. Chúng tôi phải tìm thú săn.

”Hấn nói: “Chúng ta sẽ đi săn!”

Tôi nói: “Phải, chúng ta đi săn!”

“Hấn ra lệnh Unga phải ở lại bên đồng lửa để dưỡng sức. Chúng tôi ra đi, hấn đi tìm tuần lộc để săn còn tôi thì đi lại chỗ giấu thực phẩm mà tôi đã

chuyển đi nơi khác. Nhưng tôi ăn cảm chừng để họ thấy là tôi cũng không khoẻ lắm. Đến tối trên đường trở về trại, hăn ngã lên ngã xuống. Tôi cũng làm bộ yếu đuối lắm, luôn luôn vấp ngã làm như mỗi bước chân là bước cuối cùng của tôi. Chúng tôi lại xẻo bớt da giày để ăn lấy sức.”

“Hăn là một tên cừ khôi. Tâm hồn hăn nâng đỡ thể xác hăn cho tới phút cuối cùng; hăn không than khóc mà chỉ xót xa cho Unga. Ngày thứ hai tôi cố tình đi theo hăn để được chứng kiến phút cuối cùng. Hăn phải ngồi xuống nghỉ luôn. Đêm đó hăn mệt gần chết; nhưng đến sáng hăn chửi thề bằng một giọng yếu ớt rồi lại ra đi nữa. Hăn như người say rượu, nhiều lần tôi trông đợi hăn bỏ cuộc, nhưng sức hăn là sức của một người lực lưỡng và tâm hồn hăn là tâm hồn của một người khổng lồ, vì hăn vác nổi xác hăn vượt qua được cái ngày cực nhọc đó. Hăn bắn được hai con gà rừng, nhưng không chịu ăn. Hăn ăn sống cũng được, và hăn sẽ thoát chết nhờ chúng nhưng tâm trí hăn đều hướng về Unga nên hăn quay trở về nơi cắm trại.

“Hăn không đi được nữa mà phải bò như một đứa con nít trên tuyết. Tôi tới gần hăn và nhìn thấy thần chết hiện trong mắt hăn. Đến lúc đó nếu hăn chịu ăn thịt gà rừng thì hẳn còn chưa quá chậm. Hăn ném khẩu súng đi và đưa hai con gà lên mồm ngậm như một con chó. Tôi đi bên hăn, người đứng thẳng. Trong những lúc nghỉ, hăn nhìn tôi và tự hỏi tại sao tôi lại khoẻ như thế. Tôi có thể nhìn thấy câu hỏi đó, tuy hăn không còn nói được nữa, dù miệng hăn có mấp máy hăn cũng chẳng thốt ra được lời nào. Như tôi nói, hăn là một tay cừ khôi và lòng tôi như khẽ giục tôi nhẹ tay với hăn, nhưng tôi nhớ lại quãng đời đã trải qua, nhớ lại cảnh đói rét trong khu rừng bất tận gần những biển Nga La Tư. Hơn nữa, Unga là của tôi và tôi đã mua nàng bằng một giá chưa từng thấy với những tấm da, những chiếc thuyền, và những chuỗi hạt.

“Cứ như thế, chúng tôi đi qua khu rừng trắng toát, với bầu không khí im lặng đè nặng lên chúng tôi như một đám sương mù ướt át của biển cả. Những hồn ma của dĩ vãng phảng phất trong không khí, lẫn quất chung quanh chúng tôi; tôi nhìn thấy bờ biển cát vàng của Akatan, những chiếc thuyền bọc da chạy đua trở về sau buổi đánh cá và những túp lều bên ven rừng. Những người đã tự tôn lên làm chúa tể cũng có mặt ở đó, những người ra luật lệ mà dòng máu còn để lại trong huyết quản tôi và trong Unga

mà tôi đã cưới làm vợ. Lại còn Yash-Noosh cùng đi với tôi, cát ảm dính vào tóc gã, và chiếc lao, đã gãy khi hắn ngã đè lên, hãy còn trong tay gã. Tôi biết rằng thời cơ đã đến, và tôi nhìn thấy trong mắt Unga lời hứa hẹn.”

“Chúng tôi đi xuyên qua rừng cho đến khi làn khói của trại phả vào mũi chúng tôi. Tôi cúi xuống phía hắn và giật lấy con gà hắn cắn giữa hai hàm răng. Hắn nằm nghiêng, vẻ ngạc nhiên hiện lên trong mắt hắn và bàn tay phía dưới chậm chạp lần tới phía con dao hắn đeo ở bên hông. Nhưng tôi dằng lấy dao của hắn và nhe răng cười sát vào mặt hắn. Nhưng tới lúc đó hắn vẫn không hiểu. Vì thế tôi phải làm bộ uống ở những cái chai màu đen, làm bộ chất trên tuyết một đồng hoá vật và diễn lại tất cả những chuyện đã xảy ra trong đêm cưới. Tôi không nói một lời, nhưng hắn hiểu. Tuy vậy hắn không sợ hãi. Mối hận trề ra một cách khinh bỉ, hắn giận dữ và hắn như được tiếp thêm sức lực mới sau khi biết rõ chuyện. Đường không xa nhưng tuyết dày và hắn lê mình rất chậm. Có lần hắn nằm lâu quá đến nỗi tôi phải lật hắn lại và nhìn vào hai mắt. Có lúc chính hắn nhìn tôi qua đôi mắt hắn, có lúc lại là thần chết nhìn tôi. Khi tôi buông hắn ra hắn lại tiếp tục lết tới. Cứ như thế chúng tôi lần về đồng lửa. Unga tới ngay bên hắn. Mối hận mấp máy không ra tiếng; rồi hắn chỉ tôi để may ra Unga hiểu chăng. Sau đó hắn nằm im trên tuyết không cử động một hồi lâu. Cho tới lúc này hắn vẫn còn nằm trên tuyết.”

“Tôi chẳng nói chẳng rằng, lặng lẽ nướng chín con gà. Sau đó tôi nói với nàng bằng tiếng của nàng, thứ tiếng mà bao nhiêu năm nàng không hề nghe. Nàng thẳng người lên, mắt mở to kinh ngạc. Nàng hỏi tôi là ai và tôi học thứ tiếng đó ở đâu.

”Tôi nói: “Tôi là Naass.”

Nàng nói: “Anh? Anh?” Và nàng lết lại gần để nhìn tôi cho rõ.

Tôi trả lời: “Phải, tôi là Naass, chúa tể ở Akatan, người cuối cùng của dòng máu, cũng như nàng là người cuối cùng của dòng máu kia.”

“Nàng phá lên cười. Nhân danh tất cả những điều mắt tôi đã thấy, và tất cả những hành động đã qua của tôi, tôi van vái cho đừng bao giờ phải nghe lại một tràng cười như vậy nữa. Tôi ngồi đó, giữa vùng trắng xóa im lìm, trơ trọi, với cái chết và người đàn bà đang cười như rú lên, làm lòng tôi lạnh buốt.”

“Tuồng rằng nàng đã mất trí, tôi nói: “Nào ăn đi rồi chúng ta đi. Từ đây tới Akatan đường còn xa lắm.”

“Nhưng nàng rúc mặt vào làn tóc vàng của hắn và phá lên cười khiến tôi tưởng chừng như tất cả trời đất đều sụp xuống xung quanh tai chúng tôi. Tôi nghĩ rằng nàng sẽ hết sức vui mừng được nhìn thấy tôi, được nhắc lại những kỷ niệm thuở xa xưa, nhưng câu chuyện hình như xoay ra một chiều hướng kỳ lạ.”

“Tôi cầm chặt bàn tay nàng và nói lớn: “Đi đường xa và tối lắm. Chúng ta gấp lên!”

“Nàng ngồi dậy. Con vui lạ lùng của nàng chấm dứt. Nàng hỏi: “Đi đâu?”

“Tôi trả lời: “Đi Akatan”, và chờ đợi ý nghĩ này sẽ làm cho mặt nàng vui lên. Nhưng nàng cũng giống hắn, nàng bấu mỗi một cách khinh bỉ và mặt nàng có vẻ giận.

”Nàng nói: “Phải, anh và tôi sẽ cầm tay nhau đi về Akatan. Chúng ta sẽ sống trong những túp lều bần thủ, sẽ ăn cá và dầu và sẽ sinh con đẻ cái - những đứa con mà chúng ta sẽ tự hào suốt đời. Chúng ta sẽ quên thế giới và sẽ sống sung sướng, rất sung sướng. Tốt đẹp, tốt đẹp vô cùng. Đi! Chúng ta trở về Akatan đi. Mau lên kéo muện.”

“Nàng luôn tay vào đám tóc vàng của hắn và mỉm cười một cách kỳ cục. Trong mắt nàng không có lời hứa hẹn nào cả.”

“Tôi ngồi im, ngạc nhiên suy nghĩ về tâm tính kỳ lạ của phụ nữ. Tôi nhớ lại cái đêm hắn kéo nàng ra khỏi tay tôi, nàng kêu thét lên và dứt tóc hắn – làn tóc mà ngày nay nàng mân mê chẳng chịu rời. Tôi nhớ lại cái giá tôi đã trả và những năm chờ đợi dài lê thê; tôi túm lấy nàng và kéo nàng đi như hắn đã làm. Nàng giằng trở lại, giống như đêm hôm đó, và kháng cự như một con mèo cái bảo vệ đàn con. Khi tôi kéo được nàng sang bên kia đồng lửa, tôi mới buông nàng ra, và nàng ngồi nghe tôi nói. Tôi thuật cho nàng tất cả những chuyện xảy ra trong thời gian xa cách, tất cả những điều đã xảy ra cho tôi trên những vùng biển lạ lùng, tất cả những việc tôi đã làm tại những nơi xa lạ; chuyện tôi đi hỏi thăm, những năm đói khát, và lời hứa hẹn từ ban đầu là nàng sẽ thuộc về tôi. Phải, tôi thuật lại tất cả, cả câu chuyện đã xảy ra ngày hôm đó giữa hắn và tôi. Trong khi tôi nói, tôi nhìn

thấy lời hứa hẹn càng lúc càng hiện rõ trên mắt nàng, cặp mắt tròn to như cảnh bình minh. Tôi đọc trong đó nỗi thương hại, tính dịu dàng, tình yêu, lòng dạ và tâm hồn của Unga. Và tôi lại biến thành chàng trai mới lớn, vì cái nhìn là cái nhìn của Unga khi nàng chạy trên bãi biển, miệng cười vang, về hướng nhà của mẹ nàng. Những nỗi lo âu, đói khát và chờ đợi cực nhọc đều tan hết. Thời cơ đã đến, tôi cảm thấy tiếng gọi trong ngực nàng, tôi thấy như tôi phải ngã đầu vào đó để quên hết chuyện đời. Nàng mở hai cánh tay đón tôi, và tôi đến dựa vào nàng. Bỗng nhiên hận thù bùng cháy trong mắt nàng và bàn tay nàng đã ở bên hông tôi. Nàng cầm dao đâm một lần, hai lần.

“Nàng bấu môi nói: “Đồ chó!” và xô tôi xuống tuyết. “Đồ heo!” Rồi nàng phá lên cười cho đến khi bầu không khí im lìm bị nứt rạn, rồi nàng trở lại bên người chết.

“Như tôi nói, nàng cầm dao đâm tôi một lần, rồi hai lần; nhưng nàng yếu đuối và thiếu ăn, và trời chưa muốn tôi chết. Tuy vậy tôi đã định ở lại nơi đó và nhắm mắt ngủ giấc triền miên với những người mà cuộc đời đã va chạm với đời tôi và đưa chân tôi lên những nẻo đường vô định. Nhưng tôi còn một món nợ khiến tôi không thể nằm nghỉ được.

“Con đường thật dài, trời lạnh như cắt, và thực phẩm thiếu thốn. Bọn Pelly không sẵn được tuần lộc nên ăn cắp mất chỗ thực phẩm của tôi giấu. Cả chỗ ba người da trắng cũng vậy, nhưng khi tôi đi qua căn lều của họ, tôi thấy cả ba đều nằm chết, thân hình gầy quắt lại. Sau đó tôi không nhớ gì nữa, cho mãi tới khi tôi tới đây, và thấy thực phẩm và lửa - nhiều lửa.”

Nói xong hắn ngồi thu mình sát vào cái lò như sợ nó mất đi. Một lúc lâu chỉ có ngọn đèn dầu chập chờn chiếu những thảm cảnh lên tường.

”Nhưng Unga!” Prince kêu lớn, hình ảnh này hãy còn in rõ trong trí chàng.

”Unga à? Nàng không chịu ăn con gà. Nàng nằm, hai tay ôm cổ hắn, mặt nàng rúc vào đám tóc vàng của hắn. Tôi xê động lửa lại gần để nàng đỡ bị lạnh, nhưng nàng lại trèo qua phía bên kia. Tôi đốt thêm đám lửa bên đó nữa, tuy nhiên nó cũng chẳng ích lợi gì mấy vì nàng không chịu ăn. Tới bây giờ họ vẫn còn nằm như thế trên tuyết.”

“Còn anh?” Malemute Kid hỏi.

“Tôi không biết; nhưng Akatan là một nơi nhỏ bé, và tôi cũng chẳng muốn trở lại sống bên lề thế giới. Đời sống thật là vô nghĩa. Tôi có thể đi gặp ông Constantine, ông ta sẽ xiềng xích tôi, một ngày kia người ta sẽ buộc một vòng thong lọng, như thế này, rồi tôi sẽ được ngủ yên. Nhưng không; tôi chưa biết sẽ làm gì.”

“Prince cất giọng phản đối: “Nhưng này, anh Kid, đây là một vụ sát nhân!”

Malemute Kid nói: “Hừ! Trong đời có những điều vượt trên sự khôn ngoan của chúng ta, cao cả hơn nền công lý của chúng ta. Chúng ta không thể phê phán được sự phải hay trái của điều này, và nó không thuộc quyền chúng ta phán xét.”

Naass xích lại gần ngọn lửa hơn nữa. Mọi người đều im lặng và trong mắt mỗi người đều có rất nhiều hình ảnh hiện lên rồi lại mờ dần.

Chú thích:

[1] Độ Fahrenheit

* Chữ malemute nghĩa là giống chó kéo xe, còn kid là 1 từ có ý như thằng nhóc. Đại khái cái tên này có nghĩa như “Câu Chó”, “Tiểu Cầu”, v.v. nhưng trong tiếng Anh, nhất là đối với vùng này, nó không có nghĩa xúc phạm mà còn có hàm ý “giang hồ”, chỉ sự can đảm, dày dạn. (Chú thích của người hiệu đính)

[2] Chừng 120 cây số

15) Nanh trắng

Chương 1

Cuộc hành trình bất tận!

Miền Wild chìm ngập trong cảnh hiu quạnh không cùng phần nào dịu bớt nhờ những ngọn đồi, đồng cỏ và những dãy núi lô nhô, dẫn dắt ta vào thế giới băng giá của nó.

Wild là một vùng mênh mông ở vành đai Bắc cực. Tuy chưa hẳn ở chính giữa cực Bắc quanh năm vùi dưới lớp băng vĩnh cửu nhưng điều kiện sinh sống cũng rất bất bênh.

ở đây mặt đất chỉ là một không gian lạnh lẽo vô tận với những khu rừng rộng tới sẫm bị tuyết phủ phần lớn trong năm, đến tận tháng Sáu. Đất không bao giờ tan giá hoàn toàn, sự sống hầu như bị dập tắt từ cội nguồn của nó.

Sau mùa xuân nhợt nhạt là mùa hè ngắn ngủi, tiếp đó mùa đông lên nắm quyền thống trị trong nhiều tháng dài đằng đẳng. Cuộc chiến đấu quyết liệt của con người và muôn vật để được sống hay phải chết đều dưới sự chế ngự của Wild. Nhưng mặt khác miền đất này cũng mời gọi phiêu lưu:

nhiều người tới đây với hi vọng kiếm tiền bằng cách đào bới vùng đất giàu vàng và than đá, tuy ở nơi hoang mạc do bọn gấu và chó sói làm chúa tể này con người chẳng đáng kể gì.

Trên mặt con sông đóng băng một đàn chó dạng sói đang oằn ung kéo cỗ xe. Lối đi vòng vèo giữa hàng thông cao vút xanh thẫm lúc bóng đêm đang từ từ trùm xuống lối theo bầu không khí càng lúc càng quạnh quẽ nặng nề.

Rặng cây dựa vào nhau khẽ đung đưa trong làn gió hiu hiu. Đàn chó mang bộ lông nặng trĩu vì tuyết bám dày cổ gồng mình kéo cỗ xe trượt tuyết sau lưng. Hơi thở của chúng đông cứng ngay thành hạt rơi xuống mặt đất đóng băng. Cỗ xe không gấn lười trượt tí toàn bộ thân xe xuống tuyết. Xe bằng vỏ cây phong bạc, mũi uốn cong hình ống nên không lún vào tuyết mềm mà dũi tuyết thành đống trước mũi xe. Trên xe buộc một chiếc hòm

lớn, chiều dài gấp nhiều lần chiều rộng, bên cạnh chất đồng nhiều loại đồ dùng:

một cây rìu, một bình pha cà phê, một lò bếp và nhiều tấm chắn. Một người đàn ông mang giày vệt đi trước đàn chó, một người khác đi đoạn hậu. Có một người thứ ba nữa, nhưng người này không còn phải lo nghĩ gì. Anh ta đã chết, hiện đang nằm trong chiếc hòm dài kia. Anh không còn phải vật lộn với miền đất thù ghét sự sống này nữa, miền đất làm đông cứng nhựa khiến cỏ cây cũng chết khô chết héo. Hai người còn sống vẫn tiếp tục cuộc hành trình bất tận. Hơi thở của họ cũng đóng băng như hơi thở đàn chó, phủ lên mí mắt, lên môi lên má lên toàn bộ gương mặt họ một lớp tinh thể tuyết dày tạo thành chiếc mặt nạ che lấp mọi nét phân biệt giữa hai người. Giá buốt kéo dài đâm thủng các lớp áo choàng lông và các làn áo da, cắt xé thân thể họ dữ dội. Nhưng họ vẫn tiến lên, bất chấp vùng đất quanh hiu, tiếp tục chiến đấu với thế giới thù nghịch xung quanh, một thế giới thản nhiên như sự vô tận của đất trời.

Họ là ai vậy?

Chắc họ định cử hành tang lễ cho người đang yên giấc ngàn thu trong cỗ quan tài.

Những nhân viên nhà đồn khác thường này đi đâu, họ định mang người chết tới ngôi nghĩa trang kì dị nào? Sao không đào cho người chết nằm mộ ở một nơi nào đó trên miền Wild này?

Sao không chôn cất ở ngay đây mà phải mang đi nơi khác?

Cuộc hành trình gian khổ vẫn tiếp tục. Cả hai người đều im lặng. Họ cần giữ sức vì biết rõ tự nhiên đang rình rập từng suy yếu nhỏ nhất của họ.

Đêm đã xuống. Xung quanh hai người im lặng nặng nề. Im lặng đè xuống họ như khối nước đè lên người đang từ từ lặn sâu xuống lòng biển cả. Thời gian chậm chạp trôi qua từng giờ từng giờ, tới lúc trời sắp tối thì bỗng một tiếng tru nổi lên xuyên qua tĩnh lặng. Thoạt đầu nghe rất xa rồi lớn dần, lớn dần, kéo dài trong một lúc, nhỏ đi rồi tắt hẳn.

Người đi trước quay đầu nhìn lại, bắt gặp luồng mắt anh bạn cùng đi.

Một tiếng tru khác nổi lên ở phía sau lưng họ, rồi một tiếng thứ ba phía tay trái. Tiếng gào rú thú vật nói lên sự khủng khiếp, sự man rợ đang đói ăn.

Người đi đầu nói:

- Bill này, chúng nó đuổi theo ta.

- Đúng. - Người thứ hai đáp. - ở cái xứ sở đáng nguyên rửa này, thịt là của hiêm... Bọn sói chẳng có gì nhiều để nhai... nên lúc này chúng đang kháo nhau: "Kìa, có mấy cha và lũ chó của chúng xem ra có vẻ vừa miệng cánh ta lắm!". Họ không nói gì thêm. Đêm càng tới gần họ càng phải cảnh giác cao vì mỗi tiếng động, mỗi tiếng cành cây rãng rắc đều có thể báo hiệu một đe dọa nguy hiểm hơn.

Đêm đã xuống, hai người hạ trại trên bờ sông, dưới rừng thông. Cỗ quan tài được dùng làm bàn. Lửa trại nhanh chóng bốc cao... Đàn chó được tháo dây kéo thả vào một lùm thông gần trại. Được tự do, chúng bắt đầu gây lộn nhưng vẫn không rời xa chủ.

Bill nói:

- Henry, theo mình có lẽ không cần xích chúng lại.

- ừ. - Henry đang làm tan một ít băng để pha cà phê đáp. - Chúng rời xa chúng mình là bị chén thịt liền. Chúng nó đủ thông minh để hiểu rõ điều gì đang chờ chúng.

Bill gật đầu.

- Nhưng đôi lúc mình cũng nghi ngờ trí thông minh của chúng đấy.

- Cậu nói gì lạ?

- Mình thấy chúng tỏ ra căng thẳng tợn. -Bill tiếp. - Lâu nay chưa bao giờ thấy chúng như vậy. Henry, cậu có bao nhiêu chó?

- Sáu.

- Cậu nói sáu con chó phải không?

- Chứ gì nữa? Cậu cũng biết rõ như mình:

chúng ta có sáu con.

- Đúng, có sáu con... Mỗi con được chén một con cá, và mình đã lấy trong bao ra đủ sáu con cá. Vậy mà khi phân phát, một con chó không có phần! Nghĩa là thiếu mất một con cá!

- Cậu hơi yếu môn toán!

- Dù sao thì con Một Tai vẫn mất phần!

- Cậu đã giải quyết thế nào?

- Lấy con cá thứ bảy ra cho nó chén.

- Thế là phải.

- Nhưng như vậy nghĩa là thay vì phục vụ sáu miệng trong bữa ăn tối nay mình đã phải phục vụ bảy tên.

- Bảy tên? Trời, mong sao chóng kết thúc chuyến đi này, chắc cậu bị chứng hoang tưởng ảo giác rồi!

- Không đâu, không đâu... Mình đã tận mắt trông thấy dấu vết vị thực khách thứ bảy, nếu cậu muốn xem mình sẽ chỉ cho.

Bữa ăn của hai người tiếp tục trong im lặng.

Bỗng một tiếng tru man rợ thê thảm một lần nữa cất lên xuyên thủng màn đêm. Henry nói:- Chắc tiếng tên thực khách thứ bảy đấy.

- Chắc với lép gì nữa! - Bill đáp. - Nhìn đàn chó thì biết. Chúng xán vào sát đồng lửa đến nỗi xém cả lông kia kia.

- ừ nhỉ, con nào con nấy run cầm cập.

Tiếng tru man rợ, dữ dần đối đáp nhau từ xa đến gần kéo dài không dứt. Cả vùng Wild dường như biến thành một đàn giao hưởng những tiếng gầm gừ khùng khiếp khiến đàn chó cuống cuống chen lẫn nhau vào gần đồng lửa. Bill ném thêm vài thanh củi.

- Chúng khá đông. May ra lửa sẽ xua chúng ra xa, mình hi vọng như vậy. Dù sao thì anh chàng nằm trong hòm kia cũng yên ổn hơn hai chúng mình! Tuy nhiên mình vẫn thắc mắc không hiểu tại sao có gia sản ở quê hương mà anh ta lại mò tới xứ sở bất hạnh này để làm gì.

- ừ, nếu ở lại bên đó, chắc chắn bây giờ anh ta vẫn còn sống! - Henry tiếp. - Nhưng làm sao hiểu nổi những điều thầm kín trong tâm hồn con người...

- Suyt! - Bill thì thầm. - Nhìn hai con mắt sáng rực kia kia. Sáng rồi tắt, như những ngôi sao trên trời.

Henry chỉ cho bạn nhìn một cặp mắt thứ hai, thứ ba.

- Bọn thú rừng bao vây chúng mình, làm lũ chó sợ mất vía. Sự tụ họp này chẳng dễ chịu chút nào.

Đàn chó đã rúc hết vào cạnh hai ông chủ.

Chúng sủa ầm lên khiến những cặp mắt rực lửa kia lảng xa, nhưng chỉ trong chốc lát...

Chúng lại tiến đến gần. Một con chó hoảng quá ngã giúi vào đồng lửa. Nó rú lên vì đau, tiếng rú làm vòng vây các cặp mắt háu đói tạm thời giãn ra

một lúc ngẩn ngui.

- Thật không may cho chúng mình! - Bill than thở. - Trong tay còn quá ít đạn.

- Còn mấy viên nữa? - Henry hỏi và ngả người xuống tám da hươu.

- Ba. - Bill đáp.

- Ba thôi ư? Chỉ còn ba viên? Quá ít!

- Chà, giá có được một thùng vài trăm viên, mình sẽ dạy cho bọn tiểu yêu của quỷ Xa tăng này biết cách sống cho phải đạo. Lao vào cuộc hành trình điên rồ này, mình thật dại. Nhưng phàn nàn cũng vô ích. Mong sao mọi chuyện đều tốt đẹp để một ngày kia ta sẽ lại được ngồi chơi bài trong pháo đài M'Gurry bên lò sưởi đỏ lửa.

Này Henry! Mình thắc mắc tại sao đàn chó không tổng cổ vị khách đã nâng con cá thứ bảy!

Khó hiểu quá!

- Thôi đừng lắm chuyện nữa. - Henry gà gât, giọng lè nhè. - Ngày nào việc nấy. Đã đến lúc nghỉ ngơi lấy lại sức rồi đó. Có Trời biết chuyện gì đang đợi ta ngày mai.

Hai người gần như cùng một lúc ngủ thiếp đi. Đồng lửa lụi dần, những cặp mắt sáng rực mon men tiến đến gần, tình hình rất nguy ngập...

Đàn chó gầm gừ, bất chợt Bill sực tỉnh. Anh rón rén chui ra khỏi chăn để khỏi đánh động bạn, ném thêm củi khô vào đồng than hồng, lửa bốc lên làm vòng vây những con mắt sáng lùi ra.

Henry vẫn ngủ say. Bill liếc qua đàn chó, giụi mắt, nhìn một lần nữa, kĩ hơn. Anh hoảng sợ, chui vội vào chăn đánh thức bạn dậy.

- Henry! Mình vừa đếm đàn chó... Thấy những bảy con... Không thể nhầm lẫn gì được, mình đếm đi đếm lại mấy lần, và thấy đúng bảy con! Thật đấy!

- Để cho tôi yên! ông quáng gà rồi đó! - Henry chẳng thiết nghe anh bạn lải nhải.

Henry thức giấc trước, lo chuẩn bị ăn sáng.

Lát sau Bill tới đứng bên. Henry bảo:

- Cuộn chăn cho gọn rồi chắt lên xe trượt.

Bỗng Bill la to:

- Henry, ta có mấy con chó?
- Còn phải hỏi. Sáu chứ mấy.
- Sai rồi.
- Thì bảy, như cậu nói đêm qua.
- Không. Chỉ có năm con. Mất một!
- ừ nhỉ... - Henry ngó ra. - Cậu nói đúng.

Không thấy con Cục Mỡ... Chắc bị sói ăn thịt rồi... Tội nghiệp nó... Tội nghiệp chúng ta... Nếu cứ đà này, chẳng mấy chốc chúng mình sẽ phải nai lưng ra mà kéo xe thay chó.

- Cục Mỡ là con chó xấu thói nhất trong đàn.

- Hôm nay càng thấy rõ. Nó tự kết án tử hình khi rời xa chúng ta... Những con khác đều hiền trong rừng kia có hiểm họa gì chờ sẵn chúng. Nên thà chịu ăn đòn đến chết chứ không rời bỏ trại. Ta có thể trông cậy vào chúng. Dù sao tình thế chưa đến nỗi tuyệt vọng.

Hai người ăn sáng, thu xếp mọi thứ lên cỗ xe sau khi thận trọng đặt lên đó chiếc hòm dài, rồi rời đồng lửa..Mặt trời chưa mọc. Bốn phía xung quanh họ, tiếng thú rừng gầm rú vẫn dồn dập. Chúng sẽ chỉ chấm dứt khi trời sáng rõ, tức vào khoảng chín giờ. Lúc đó, một thứ ánh sáng nhợt nhạt sẽ thay thế đêm đen, kéo dài tới ba giờ chiều, rồi bóng tối lại chiếm lĩnh toàn bộ vùng đất này kéo theo tiếng gầm rú của muôn loài thú dữ khiến đàn chó của Bill và Henry khiếp đảm... Bill cũng tỏ ra rất khó chịu:

- Lũ thú bám đít chúng ta thật đáng chết.

- ừ. - Henry tiếp. - Chúng bắt đầu làm ta phải bận tâm... Nào, đã tới lúc hạ trại rồi đó.

- Ngọn lửa sẽ che chở cánh ta.

Như bữa qua, chẳng mấy chốc một đồng lửa đỏ hừng hực đã bốc cao bên bờ dòng thác đóng băng.

Henry đang nấu bữa tối bằng giết nầy.

Bill vừa rú lên một tiếng rất to. Henry thoáng thấy trong bóng đêm chập choạng một bóng đen bỏ chạy trong khi Bill đứng giữa bầy chó, một tay vung chiếc gậy tổ bố, tay kia nắm chắc một khúc cá khô.

- Nó cướp của mình nửa con cá hồi, nhưng mình cũng kịp nện trúng một phát. Một gậy đau chí mạng.

- Chó hay gì? - Henry hỏi.
- Nhìn không rõ. Trông như con chó nhưng không dám nói chắc.
- Hay con sói?
- Một con sói đã thuần dưỡng!
- Có thể lắm chứ, tại sao không?
- Nếu thế tên trộm này đặc biệt táo tợn. Mọi chuyện đều rất có thể, tất nhiên.

Như mọi khi, hai người ngồi bên chiếc quan tài, vừa ăn món đậu hầm vừa tiếp tục tranh luận về vụ vừa rồi. Mắt bọn thú rừng nhấp nháy xung quanh họ. Henry nhận xét:

- Chúng tới gần hơn bữa qua. Có vẻ bạo dạn hơn...
- Nếu chúng vớ được một đàn nai sừng tấm thì cánh ta được yên thân... nếu không... Mình không dám hình dung cảnh sẽ xảy ra cho hai ta...
- Cậu bị quan quá. - Henry nói. - Dạy cậu làm việc tồi thành thử nói chuyện với cậu mình không khoái tí nào. Thôi đừng than thở nữa, cố ngủ đi một giấc. Như vậy hay hơn.

Nói là làm. Họ chất thêm củi khô vào đống lửa rồi lăn ra ngủ giữa bầy chó..Sáng ra Henry giật mình tỉnh dậy trong tiếng kêu của Bill đang huơ chân múa tay.

- Gì thế? - Henry hỏi.
- Mất một con nữa.
- Cái gì?
- Con ếch biến rồi.
- Chà, xui xẻo quá. Ai ếm chúng mình thế nhỉ!

Henry tới đứng bên bạn, đếm từng con chó và buộc phải thừa nhận sự thực phũ phàng: mất một con. Anh buồn rầu:

- Thiệt hại quá lớn. ếch là con chó dũng cảm nhất và khỏe nhất đám.

Ngày hôm đó thật buồn. Hai người tiến chậm hơn trước và bắt đầu cảm thấy lo lắng vì bị những kẻ thù vô hình bám theo rình rập.

Họ làm việc cật lực trong im lặng. Thứ im lặng làm đầu óc choáng váng và chỉ bị đứt đoạn khi những tiếng gào rú bám chặt vào hành trình của họ cất lên. Cuộc hành trình càng trở nên gian khổ vì những con chó luôn tìm đường lẫn trốn. Cả Bill và Henry đều mệt lử, đều mất tinh thần. Đêm

nay cũng như những đêm trước, họ hạ trại khi chiều tới nhưng khác với những tối qua họ xích các con chó rất chặt. Theo cách của người Anhđiêng, Bill tròng một sợi dây da to bản quanh cổ từng con, nối sợi dây vào cây gậy dài chừng năm sáu piê. Đầu kia của gậy buộc chặt vào cây cọc cắm sâu xuống đất.

- Như vậy, - Bill nói. - mình tin chúng sẽ không còn tìm cách bỏ rơi chúng ta nữa.

- Tốt lắm. Nhìn kìa, những con mắt lửa đã vây quanh chúng ta! Thật đáng tiếc, ta không có nhiều đạn để cho chúng ăn một bữa no chì! Hình như chúng biết ta thiếu đạn nên càng lúc càng vào gần thế kia...

Hai người không sao ngủ được. Bị vây kín giữa hiểm họa chết người, họ luôn phải căng mắt dõi theo những hình dáng lơ mờ ẩn hiện như bóng ma quanh trại. Nhìn mãi vào những con người sáng rực kia, cuối cùng họ cũng nhận ra hình thù một con vật. Bỗng đàn chó nháo nhác, theo nhau cắn các sợi dây da. Con Một Tai rên the the, ngoạm mạnh cây gậy ra sức lôi về phía bóng tối. Henry rĩ tai bạn:

- Bill! Đừng nhúc nhích. Nhìn kìa!

Bill buột miệng kêu lên một tiếng ngạc nhiên khi trông thấy bóng đen đang thận trọng trườn dần về phía trại. Một bóng đen hình con chó đang len lén luồn qua ánh lửa phập phùng. Con vật vừa có ý sợ hãi vừa táo tợn trừng mắt quan sát hai người trong khi vẫn tiến gần tới đàn chó.

Một Tai chăm chú nhìn con vật và cất tiếng rên rĩ càng thiếu não hơn. Bill nói:

- Một con chó rất bự.

- Có khi là chó sói.

- Nó tiến về phía lũ chó nhà.

- Cậu nhìn con Một Tai kìa! Nó tỏ ra rất hoảng!

- Con kia là sói cái đấy. Mình thừa biết thủ đoạn của nó. Nó lảng vảng quanh trại, dụ một con chó nào đó của ta theo nó vào rừng để cả bày được bữa no bụng.

Đúng lúc khúc củi bị nứt giữa đồng lửa phát ra tiếng nổ lớn khiến con vật vội nhanh nhẹn rút lui.

- Lạ thật. - Henry nhận xét.

- Càng lạ hơn nữa vì chính nó là tên trộm bị mình nện tới qua. Con này không ngại nguy hiểm dám lên vào tận chỗ ta hạ trại tuy có đồng lửa rất lớn. Từ cổ chí kim chưa từng có chuyện như thế bao giờ. Sau này kể lại chắc chẳng ai tin...

- ừ, lạ thật.

- Nó biết cả giờ chúng ta ăn tối nữa chứ!

- Mình nhớ lại hồi bắn hạ một con chó chạy theo lũ sói. Chó của ông già Villon. Thấy nó lảng vảng trong bãi chăn thả nai sừng tấm, mình nổ súng bắn luôn. Nghĩ là nó chết ông già Villon òa khóc thảm thiết chẳng khác khóc con. Đã ba năm ông không thấy nó vì nó bỏ chạy theo bầy sói rừng.

- Theo mình thì con sói kia cũng là một con chó nhà đã trở lại hoang dã và vẫn chưa quên cảnh con người phân phát cá cho chó.

- Thế thì nhất định phải giết nó. Không thể kéo dài tình trạng này. Và lại đây là chuyện sống còn của chúng mình.

- Chà, nếu sẵn đạn thì xong ngay.

- Chỉ còn ba viên duy nhất, ta không được phí phạm... hành trình còn dài.

- Đồng ý!

- Vậy phải làm gì bây giờ?

- Ngủ cái đã. Qua một đêm sẽ có sáng kiến.

Hai chàng lặn ra đánh một giấc tốt.

Sáng, Henry dậy trước pha cà phê, rồi đánh thức bạn. Bill cần nhắc:- Cậu quên không phục vụ mình rồi.

- Lạ thật. - Henry đang nghĩ đi đâu nên không trả lời vào câu hỏi của bạn. - Không biết mình đang loạn óc hay đang ngủ mê thế này...

- Henry, tách của mình chẳng có lấy một giọt nào gọi là có!

Càng bực mình, Bill hét to:

- Nói đi chứ! Tại sao thế?

- Cậu nhìn xem... Con Bự chuồn rồi!

Bill nhồm người đếm: "Một... hai... ba..." - ừ nhỉ, thiếu một. Dây da bị nhai nát.

Cả hai người đều sững sờ. Một lúc Henry mới nói:

- Con Bự đã chạy xa lửa trại. Bị rơi vào bẫy của vị khách tới thăm hội đêm. Đàn sói đã ăn thịt nó. Ta đành phải chịu thiếu nó chứ biết sao giờ?... Vĩnh biệt Bự nhé... Đưa tách đây Bill, suất cà phê của cậu đây này!

- Khởi, cảm ơn Henry, mình không khát nữa... Đêm nay phải đề phòng kĩ hơn.

Hai người và ba con chó lại lên đường như mấy ngày trước. Đi khỏi chỗ cắm trại chừng vài mươi mét, họ phát hiện trên mặt tuyết một mẩu dây da và một khúc xương.

- Tất cả những gì còn lại của con Bự... Bị chúng nó xơi gọn rồi. - Bill lau bầu. - Mong sao cảnh này không đến với anh em mình! Cứ đà này rất có thể chúng mình sẽ phải chịu chung số phận đó...

Henry bật cười:

- Lại bị quan, luôn luôn bị quan! Vài con sói háu đói chưa thể làm tớ mất vui ngay hôm nay. Chúng nó đã từng đeo bám mình hàng chục lần vòng xơi tái mình nhưng cậu thấy đây, mình vẫn sống như thường. Không đâu, không đâu, bọn chúng không hạ nổi cánh ta.

- Biết đâu đấy...

- Thôi mà Bill, phải can đảm lên! Mặt tái nhợt thế kia, chắc cậu phải uống kí ninh mới ổn.

- Chúng mình chỉ còn có ba con chó.

- Thế cũng đủ. Rồi cậu xem, mọi chuyện sẽ ổn.

Ngày hôm đó và những ngày tiếp theo trôi đi trong khung cảnh mênh mông băng giá vắng tanh. Lúc chín giờ, trời bắt đầu sáng. Đến giữa trưa có thể trông thấy ánh phản chiếu từ một ông mặt trời vô hình, sau đó là buổi chiều xám lạnh báo tin đêm sắp ập xuống. Vào một lúc gần giữa trưa, khi mặt trời đang cố xua tan sương mù, Bill cầm súng nói:

- Mình cần biết rõ tình thế. Phải tới thăm cái bọn đang ám chúng mình xem sao.

- Hãy thận trọng, Bill! Rất thận trọng!

Henry nhìn theo bạn, trong lòng đầy lo ngại.

Một giờ sau Bill trở về. Anh nói:

- Thấy chúng nó rồi. Chúng lượn lờ quanh trại chúng ta, thấy mình tới chúng bỏ chạy hết.

Con nào con nấy đói trơ xương. Mình chưa hề trông thấy những con vật đói đến thế. Chắc phải nhịn từ nhiều tuần nay không có miếng gì vào bụng... ngoài ba con chó. Có những con chắc không còn sức bám theo chúng mình xa hơn.

Xương sườn nhô ra như những tấm ván ủi áo quần, bụng lép kẹp thót lên sát sống lưng. Chúng gần như hóa dại, nhất định chờ ngày chén thịt chúng ta.

Cuộc hành trình lại tiếp tục: Bill đi đầu, Henry đi sau đẩy cỗ xe trượt.

Bất chợt Henry huýt sáo báo động.

- Nhìn kia! Chúng bám theo ta.

Một con sói chạy dọc theo vết xe, không cần ẩn nấp. Nó dừng lại khi thấy người đi phía trước đứng lại, trừng mắt nhìn, mũi hít hà đánh hơi.

Bill nói:

- Một con sói cái.

- Con sói đã chồm cửa ta ba con chó.

Bill đi tới sau xe đứng cạnh bạn nhìn con vật kì quặc vẫn bám theo họ từ mấy ngày qua.

Nó nhảy vài bước, dừng lại, rồi tiếp tục diễn trò đó lần nữa. Dần dần nó tới rất gần cỗ xe, cuối cùng nó ngồi bệt xuống bên một khóm thông.

Con chó cái phập phồng mũi đánh hơi, mắt nhìn thẳng vào hai người chẳng khác một con chó nhà.

Nhưng trong đôi mắt nó không biểu lộ tình cảm thân thiết, trái lại thể hiện rõ tính hung bạo dữ dằn. Henry nhận xét:

- Nó đói tợn, nhìn mắt nó thì biết.

- Trông to con hơn sói đực.

- ừ, màu lông cũng rất lạ. Mình chưa thấy bao giờ...

Bộ lông xám có xen lẫn màu đỏ, màu cam.

Nhưng lại lấp loáng những ánh khó tả khiến con vật có màu lông không thực, khó xác định: hơi hung hung đỏ nhưng màu xám nổi rõ hơn.

- Hay nó là chó kéo xe? Nếu đúng, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Đây con chó to.con kia, tới đây tao xem! Nào, tới đây! Không ai làm hại mày đâu mà sợ!... Tới tao xem...

Con vật bí ẩn không nhúc nhích.

Nó vẫn nhìn chăm chú vào hai người, trông vẻ đủ thấy rõ nó chỉ muốn một điều duy nhất:

ăn thịt cả hai.

- Để mình cho nó ăn kẹo chì. - Bill nói. - Con thú này coi khinh ta quá!

Anh thận trọng lôi khẩu súng lại gần, nhưng đúng lúc anh vừa giương súng lên vai thì con vật nhảy dựng lên và biến mất sau rừng thông. Bill lau bầu:

- Biết ngay mà! Một con vật dám tới ăn chung với chó nhà tất nhiên phải biết khẩu súng là thứ gì. Nhưng hãy đợi đây. Sớm muộn tao sẽ lột da mày, không ở đây thì ở chỗ khác...

- Giá cậu bắn hạ nó tại đây thì hay hơn. - Henry nói. - Không chừng nó định dụ cậu vào bẫy đó! Lúc cả bầy nó xúm lại, cậu đối phó cách nào khi súng chỉ có mỗi ba viên đạn!

- Để mặc tở, sẽ có cách!

Hai người lại hạ trại. Bầy chó thăm mệt.

Chúng đã phải làm việc quá sức.

Hai người trần trọc ngủ không yên giấc. Họ cảm nhận rõ mối đe dọa ngày càng tới gần. Chỉ còn trông mong ngọn lửa xua đuổi được lũ sói ra xa, nên suốt đêm họ phải lo canh đống lửa không để lụi đi.

Bill càng ngày càng sa sút tinh thần, luôn mồm ca cẩm:

- Bọn thủy thủ đã nhiều lần kể chuyện tàu của họ bị cá mập bám theo. Đàn sói này có khác gì cá mập, chúng chỉ chờ dịp thuận lợi là xin bọn ta tí tiết. Chúng sẽ ăn thịt cả hai.

Henry trấn an:

- Cậu nản thế là sai. Người nản lòng là người đã chiến bại một nửa. Anh bạn thân mến ơi, hãy dừng cảm lên. Chưa đến nỗi gì đâu! Hy vọng giúp ta sống còn, nên ta hãy hy vọng!

- Khôn nổi, đường đi còn quá dài....

Chương 2

Trận chiến cuối cùng

Ngày hôm sau mở đầu với nhiều may mắn hơn những ngày qua. Không mất thêm một con nào, hình như đàn chó can đảm hơn, kéo cỗ xe đi nhanh hơn.

Bill và Henry cũng cảm thấy vui vẻ hơn.

Cỗ xe trượt đi trong im lặng tê buốt của đêm tối đang khó nhọc tan dần. Bỗng xe bị lật nghiêng, hai người vẫn tươi tỉnh vừa huýt sáo và nói vui vừa cố lật cỗ xe trở lại tư thế cũ. Không ngờ trục trặc nhỏ lại trở thành tai họa lớn. Cỗ xe bị lật sập hẳn, treo lơ lửng giữa một bên là thân cây thông và bên kia là tảng đá lớn. Bill tháo đàn chó. Trong khi Henry đang mải thu dọn mọi thứ, con Một Tai len lén bò sát đất hình như muốn đào ngũ.

- ủa, - Henry nói, - con Một Tai được thả lỏng hình như định đánh bài chuồn... Một Tai!

Tới đây! Tới ngay!

Nhưng con chó không tuân lệnh. Trái lại, nó kéo theo toàn bộ dây đai lao về phía con sói cái đang chờ đằng xa. Hai con đứng nhìn nhau.

Con sói cái bước thêm một bước tới bên con Một Tai - cũng đang xán lại gần nó. Hai cái mõm đã có thể chạm vào nhau, con cái bắt chợt lùi lại.

- Tới đây! - Henry quát. - Nào, Một Tai tới đây! Tới ngay đây!

- Để mình lấy súng...

Khôn nổi khẩu súng bị kẹt dưới đồng hành lí vùi trong tuyết, thành thử khi bới ra được thì đã muộn. Con Một Tai vừa nhận ra sai lầm. Nó hốt hoảng quay đầu định chạy chối chết trở lại cỗ xe nhưng không kịp. Khoảng một tá con sói háu đói chồm lên, con sói cái chấm dứt mọi động tác âu yếm e thẹn cầm đầu đuổi theo "gã si tình".

Bill nhặt súng.

- Quá đáng! Không thể đứng im nhìn chó của mình bị ăn thịt mà không làm gì! Không, không để ai có thể trách mình đã bỏ mặc chó bị giết chết.

Anh lao vào rừng.- Cẩn thận! - Henry nói với theo. - Chúng rất đông và dữ lắm. Đừng liều mạng vì một con chó. Phải thận trọng!

Bill biến mất sau hàng cây.

Ngồi lại một mình trên cỗ xe trượt Henry nhìn rõ cảnh tượng rừng rợn của cuộc chiến đấu giữa cái sống với cái chết. Con Một Tai tuyệt vọng chạy thực mạng qua các rặng thông thưa thớt cố thoát thân. Bill định chặn đứng cuộc rượt đuổi kinh hoàng, không ngờ tới thảm họa đã cận kề: lũ sói từ bốn phía ủa ra. Một phát súng nổ vang, ngay sau đó hai phát nữa liên tiếp.

- Thế là xong. - Henry lẩm bẩm. - Hết nhẩn đạn.

Tiếng nhiều con sói rú lên. Con Một Tai kêu ăng ăng. Vài tiếng gầm gừ, tiếng vật lộn uỳnh ạch, sau đó im lặng chế ngự hoàn toàn cảnh vật khắp bốn bề.

Henry vẫn ngồi trên xe trượt, hai con chó còn sống sót nằm dưới chân. Cả hai con đều run lẩy bẩy tuồng như chúng hiểu rõ chuyện vừa xảy ra.

Henry nhặt chiếc rìu làm vũ khí tùy thân.

- Bill đáng thương thế là tiêu rồi. Mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại cậu ấy nữa. Bây giờ mình phải tự xoay xở sao cho khỏi phải để lại nắm xương tàn ở vùng đất tai ương này.

Anh đóng chó vào xe, tự mình khoác một bộ dây đai lên vai kéo xe cùng hai con vật.

Chiều tối, anh hạ trại như mọi bữa, nhóm lửa, nấu ăn cho mình, cho chó ăn, nhưng không sao chợp nổi mắt. Những cặp mắt lửa nhấp nháy rất gần anh, thành một vòng tròn bao quanh.

Thỉnh thoảng bầy sói chuyển động, nhích vào gần thêm. Chúng chỉ còn ngại đồng lửa, chẳng mấy lúc sau Henry đã phải nhặt những thanh củi đang cháy dở và những cục than đỏ lửa ném về phía các vị khách nguy hiểm buộc chúng phải dừng lại cách chỗ cắm trại vài mét.

Đến sáng Henry gần như mệt muốn chết vì cả đêm không ngủ, nhưng tinh thần vẫn vững.

- Bill đã gục dưới nanh vuốt lũ sói, nhưng mình thì hi vọng sẽ không bị chúng làm thịt.

Một người chết là đủ rồi. Xác chết mình đang chở theo sẽ được đặt vào nơi an toàn...

Henry dùng rìu đốn mấy cây thông non, buộc bắt chéo với nhau thành một tấm sàn rồi nâng lên thật cao đặt giữa bốn cây thông lớn, buộc thật chắc....- Đặt quan tài chàng trai này lên đó, bọn sói không thể với tới. Chuyện của mình thì khác.

Mình chưa chịu nói lời cuối cùng đâu!

Hai con chó đã hăng hơn. Cỗ xe chúng kéo không còn nặng như trước, mỗi bước chân sẽ đưa chúng tới gần pháo đài M'Gurry hơn, chúng sẽ được nghỉ ngơi trong an toàn.

Tuy nhiên bọn sói lì lợm vẫn chưa chịu ngưng bám theo tốp người và chó nhỏ nhoi. Lưỡi thè lè đỏ ngòm, hai mạn sườn trơ xương nhấp nhô theo nhịp chạy đều đều, chúng dàn đội hình thành nhiều hàng dọc bám theo chiếc xe trượt với tốc độ ngang tốc độ hai con chó kéo. Giữa trưa, mặt trời ló ra trong mây phút, tung vài chùm nắng vàng làm Henry thấy khỏe hẳn lên.

Nhưng ngay sau đó ánh nắng tắt phụt nhường chỗ cho cảnh u ám như những ngày trước.

Henry dừng lại sớm vì bữa nay phải chặt nhiều, rất nhiều cành khô làm củi đốt qua đêm.

Anh hạ trại, nấu ăn, cho chó ăn no rồi quấn kín chăn nằm ngủ, chiếc rìu kẹp giữa hai đùi, hai con chó còn lại nép chặt bên mình.

Lũ sói chăm chú nhìn anh, hình như chúng đang nghĩ bụng:

- Bọn ta đủ kiên nhẫn chờ đợi để cuối cùng sẽ ăn tươi nuốt sống nhà ngươi. Ngày ấy sẽ tới và chẳng còn xa mấy đâu!

Anh chàng cô đơn lần đầu tiên ngắm nghía thân hình mình một cách tỉ mỉ khác thường.

Nắn nắn bắp tay bắp chân, lắc lắc hai bàn tay và mỉm cười khoái chí thấy chúng rất mềm mại, rất vâng lời. Bỗng anh cảm thấy thương xót tấm thân có thể sẽ bị xâu xé tan tành. Giờ đây anh là thứ gì? Chỉ còn là món đồ ăn cho bầy sói đói.

Chẳng khác thân phận con thỏ rừng mà anh đã dùng làm thức ăn một tội nọ.

Con sói cái ngồi cách Henry vài bước chân nhìn anh ta không chớp mắt. Thịnh thoảng nó há rộng mồm khoe những chiếc răng đáng gờm trắng nhớn. Có lúc nó còn liếm mép.

- Người kia! Ta sẽ ngoạm cổ ngươi, sẽ ăn thịt ngươi, xé xác ngươi...

Henry hốt hoảng ném vội một thanh củi đang cháy làm con vật biến mất. Đêm trôi qua, không xảy ra sự cố gì thêm...

Khi trời đã sáng, bầy sói lì lợm vẫn không chịu rút vào rừng. Chúng vẫn an vị ngồi chồm hổm thành vòng tròn quanh hai con chó và chủ chúng. Henry quát tháo, dứ nắm đấm dọa, ném củi, làm hết cách vẫn chẳng đuổi được chúng.

Một con cáo tợn lao vào nhưng vồ hụt Henry.

Trước nguy cơ bị chúng tấn công ồ ạt, Henry nhặt những thanh củi còn đỏ lửa ném ra. Cuộc vây hãm của bọn sói kéo dài suốt ngày, mỗi khi chúng tạm ngưng Henry lại tranh thủ chuẩn bị thêm củi. Đêm đang tới gần mang theo nhiều hiểm nguy hơn bất cứ bao giờ.

Mệt quá, hai mắt căng ra vì mất ngủ, Henry càng lúc càng cảm thấy khó chống lại cơn mệt mỏi. Anh tự nhủ:

- Không được ngủ. Ngủ là toi mạng. làm cách nào để khỏi ngủ gục bây giờ?

Bất chợt anh nhận ra con sói cái đã tới gần, chỉ còn cách chừng một mét. Nhanh tay Henry chộp ngay một thanh củi đang cháy thọc mạnh vào mõm con vật khiến nó rú lên bỏ chạy, để lại sau lưng mùi thịt cháy khét lẹt.

- Thấy chưa? - Henry sung sướng reo to. -Thấy đòn khuyến cáo những kẻ thích thử tài nhau chưa?

Đêm còn dài, nguy cơ ngủ quên vẫn còn đó.

Henry buộc vào bàn tay phải một cành thông cháy dở. Khi cháy gần hết, lửa sẽ đánh thức anh tỉnh dậy nếu lỡ ngủ quên. Trong đêm anh phải lặp đi lặp lại động tác này nhiều lần.

Có một lần cành củi buộc không chặt rơi xuống đất lúc nào không biết. Henry từ từ chìm vào giấc ngủ say, mơ thấy mình về tới pháo đài M'Gurry. Anh vào một căn phòng ấm áp, tiện nghi, ngồi chơi bài với nhân viên thương điểm.

Rất nhiều chó sói tấn công pháo đài, cố xông vào bên trong. Hai người ngồi cười trước những cố gắng vô ích của bọn chúng. Bỗng cánh cổng sắt bị xô đổ, đàn sói xông thẳng vào Henry. Đúng lúc cơn ác mộng biến thành sự thực. Bầy sói gầm rú chồm lên vồ anh. Một con ngoạm chặt vào cánh tay. Để gỡ ra Henry lôi nó theo tay anh vào đồng lửa, dùng chân đá văng than hồng ra khắp xung quanh, dùng tay trần vớ những thanh củi cháy vung về phía bầy sói khiến chúng phải núng thế tính chuyện tháo lui. Một cuộc chiến đấu bằng lửa và tiếng la hét. Hai bàn tay Henry sạm đen, anh phải nhiều lần vùi xuống tuyết cho đỡ nóng. Mồm hét như điên:

- Chúng mày đã ăn thịt mấy con chó của tao, nhưng giờ chết của bản thân tao chưa điểm đâu! Tao có kế hoạch phòng thủ rồi.

Henry xếp các bó củi thành vòng tròn quanh chỗ nghỉ, đốt lên rồi nằm vào giữa hàng rào lửa.

Nằm đây ít ra cũng được yên thân chừng nào lửa còn cháy.

Bọn thú bắt chước anh, cũng xúm xít tới ngồi gần đồng lửa. Chúng tỏ vẻ thích hơi nóng bốc ra, ngửa cổ thi nhau tru từng hồi dài...

Sáng sớm, các bó củi đã gần tàn hết, củi dự trữ không còn nhiều, phải kiếm thêm. Henry định ra khỏi vành đai lửa, nhưng bọn sói vẫn rình sẵn, cản không cho anh ra. Làm gì bây giờ?

Ném củi chẳng? Chúng đã quen nên không sợ nữa. Henry lão đảo. Con người cam chịu thua con vật, buông mình xuống nệm. Cả phần xác phần hồn đều gầy gục, phút buông trôi số phận đang tới gần. Đầu Henry ngã xuống sát đất, và trong một cố gắng cuối cùng anh ngẩng lên nhìn đóm lửa đang lụi dần. Từng tí một ánh lửa tắt lụi hẳn, lũ sói chuẩn bị chồm lên. Henry đã hoàn toàn suy sụp, chỉ còn nghĩ lơ mơ:

- Mình kiệt sức rồi. Chiến đấu nữa có ích gì đâu. Thà nằm xuống ngủ lịm đi cho rồi... ngủ giấc cuối cùng trong cuộc đời...

Anh đảo mắt nhìn quanh lần nữa, thoáng thấy con chó cái... Rồi thiếp hẳn.

Henry ngủ có lâu không? Chính anh cũng không biết. Lúc tỉnh dậy anh sững sốt thấy có điều gì là lạ đang diễn ra xung quanh. Không sao hiểu nổi. Bầy sói đã biến mất! Nửa tỉnh nửa mê, Henry nghe loáng thoáng đâu đó không xa lắm có tiếng người nói, tiếng chó sủa. Chuyện gì đang xảy ra? Nhiều cỗ xe trượt, bốn chiếc cả thảy, đang tới gần. Chẳng mấy chốc, sáu người đàn ông đã vây quanh anh.

Henry vẫn nghĩ mình còn mê ngủ, khẽ lúng búng:

- Bill chết rồi... Chó bị ăn thịt... Con sói cái lông hung hung là thủ phạm mọi chuyện... Tôi đã làm hết sức mình...

- Biết rồi. - Một người vừa tới lắc mạnh vai Henry làm anh tỉnh hẳn. - Ngài Alfred đâu?

- Bọn sói không chạm được vào ông ta... ông được an toàn, trên cây thông, ngoài tầm nanh vuốt của chúng nó...

- Ngài qua đời rồi ư?

- Phải, trong quan tài... Tôi kể các anh nghe hết rồi đó. Cho tôi ngủ, không sao gương nổi nữa.

Mắt Henry khép lại, đầu gục xuống ngực.

Mấy người đàn ông đặt anh nằm ngay ngắn trên nệm, đắp chăn thật kín. Họ bảo nhau:

- Để anh ta ngủ... Thế là dừng cảm lắm rồi, không thể làm hơn được..

Chương 3

Con sói cái

Từ rất xa vọng lại một tiếng gào chơi vơi giữa mênh mông hoang vắng. Tiếng gào sâu thẳm ghê rợn của bầy sói đói đang trên đường lùng bắt một con mồi khác chắc chắn sẽ được Wild cung cấp cho chúng.

Sói cái là con sói nghe thấy trước tiên tiếng sáu người đàn ông và tiếng chó của họ sủa. Nó chạy trốn trong khi những con khác thấy khó bỏ qua con mồi dễ ăn. Chúng nán lại ít lâu nữa, mãi tới khi thấy nguy hiểm đã cận kề chúng mới lao theo vết chân con sói cái. Một con đực rất bực chỉ huy cả bầy, luôn mồm gầm gừ cản không cho lũ sói choai choai tạt ngang tạt ngửa... Khi cần, nó ban phát cho bọn trẻ vài cú ngoạm ra trò. Đuổi kịp con cái, nó sánh vai chạy ngay bên tuy thỉnh thoảng bị sói cái cắn vào vai một miếng.

Nó to con hơn hẳn nhưng tỏ ra ân cần gần như kính nể con cái.

Con cái đi giữa, bên phải nó là con đực bực, bên trái là một con sói già chột mắt, lông xám rụng gần trụi, thân hình đầy sẹo chứng tỏ nó hay gây gỗ đánh lộn.

Thỉnh thoảng lão xám cổ tình ép sát sói cái và lần nào cũng bị nó độp một miếng. Sói cái hết ngoạm thẳng bên phải lại quay sang ngoạm lão bên trái, nhưng những cơn tức bực của nó hình như không tác động gì tới hai con kia. Có thể chúng đang mãi ghen nhau, sẵn sàng cắn xé nhau chí mạng...

Một con khác trẻ hơn hai con kia nhiều lon ton chạy bên lão chột, tận dụng mọi sơ hở lén tới bên con sói đẹp gái khéo léo trượt nhẹ vào người nó. Con cái quay lại gầm gừ, hai chàng vô duyên kia cũng quay lại gầm gừ họa theo.

Cuộc dừng chân đột ngột của chúng khiến cả bầy sói ngạc nhiên, từ ngạc nhiên chuyển thành bực tức, bầy sói đua nhau gào lên, phá vỡ đội hình

một lúc rồi chúng chinh đồn lại hàng ngũ tiếp tục chuyển viễn du.

Bầy sói vượt qua nhiều dặm đường như vậy, những con khỏe nhất dẫn đầu, những con yếu nhất chạy phía sau....Trông chúng như một đạo quân gồm toàn những bộ xương không thể phá rã, với những cơ bắp bằng thép toát ra nguồn năng lượng vô tận.

Chúng tiến lên như một cỗ máy, không có đích đến, không ngơi nghỉ, sục sạo khắp không gian hoang vắng một sự sống khác để cắn xé và nuốt gọn.

Vượt qua nhiều dòng sông đóng băng, xuyên qua nhiều cánh đồng cỏ, cuối cùng chúng gặp một đàn nai sừng tấm.

Ngay lập tức bầy sói ào ạt tấn công khối thịt thơm ngon không có chó bảo vệ không có hàng rào lửa bao quanh.

Một con nai già chịu thua trước số đông.

Nó bị sói cái ngoạm chặt cổ quật ngã xuống đất.

Bốn chục cái mõm hau háu xé xác nó, nuốt chửng nó. Trong chốc lát con vật đẹp là thế, nặng hàng mấy trăm livơ chỉ còn là vài khúc xương rải rác trên mặt tuyết.

Bọn sói no nê lăn ra ngủ, trừ vài con mãi gây sự đánh nhau. Nguy cơ chết đói chấm dứt.

Nơi chúng vừa tới rất sẵn mồi. Chúng lưu lại đây một thời gian, săn bắt nai sừng tấm lấy cái ăn.

Sau ít lâu chúng chia thành hai đàn. Một đàn do sói cái, sói xám và sói chột cùng với con sói trẻ lên ba tuổi dẫn đầu tiến về sông Mack-enzie và vùng Hồ.

Mỗi ngày đàn lại giảm mất vài thành viên.

Chúng rủ nhau bỏ đi từng đôi một. Cuối cùng chỉ còn lại sói cái và bộ ba đực rựa si tình...

Sói cái không tỏ ra âu yếm, thường thường công đeo bám của cả ba chàng bằng những cú ngoạm đau điếng.

Con sói ba tuổi càng ngày càng tỏ ra bạo dạn hơn, không ngần ngại ngoạm tai lão chột cắn xé toi bời. Lão đồ vật già với những vết sẹo chứng tích của lòng dũng cảm không phản ứng vội. Lão rất ranh ma, nhẫn nại chờ dịp tốt. Quả nhiên thời cơ thuận lợi đã đến.

Một cuộc chiến tàn bạo diễn ra. Sói già chột mắt cùng với sói xám to con không do dự đồng loạt tấn công sói trẻ. Lúc này quãng đời sống bên nhau trước kia chẳng còn ý nghĩa gì. Sói phận nghiệt ngã giáng xuống đầu gã trẻ si tình bắt gã phải mang sinh mạng trả giá cho thói cả gan yêu đến mê muội đầu óc.

Sói cái ngồi im ngắm cuộc chiến đấu mà nó là món tiền đặt cược. Máu phun tung tóe, lông đứt ra bay khắp nơi... sói trẻ ngã gục. Nó nằm chết gí trên tuyết đỏ, sói cái thản nhiên nhìn nó, hai mép nhếch cao như mỉm cười.

Trong khi đó sói xám nằm liếm vết thương trên vai đang hành nó dữ dội. Sói già liếc con mắt độc nhãn còn lại, quan sát kĩ, chắc chắn nó đang toan tính một kế hiểm. Sói xám muốn liếm vai dĩ nhiên phải ngoẹo cổ để lộ yết hầu.

Đó chính là lúc lão chột chờ đợi. Nó lao tới, cắn bộ nanh sắc nhọn vào thịt kẻ cùng bầy.

Hai hàm răng tàn bạo khép lại rất mạnh. Tiếng xương gãy rào rạo, động mạch cổ đứt tung, máu phun ồng ộc. Sói xám cố vùng ra khỏi gọng kìm chết người của địch thủ, lùi lại, chống cự thêm vài phút, định nhảy lên chụp cổ sói già nhưng kiệt sức gục xuống.

Sói cái vẫn ngồi im không nhúc nhích. Và vẫn mỉm cười.

Một Mất bước tới bên sói cái. Bộ điệu vừa kiêu hãnh vừa thận trọng, kiêu hãnh vì đã dừng cảm chiến đấu và chiến thắng, thận trọng vì chưa biết sói cái sẽ đối xử thế nào.

Sói cái đón tiếp sói già khá thân tình, mồm dụi mồm. Nó nhảy cõn lên, sánh vai chạy lảng vảng bên kẻ đã chiến đấu vì nó. Nhưng thỉnh thoảng sói già phải dừng lại. Các vết thương làm nó đau, nó phải liếm cho dịu bớt. Nó cúi xuống ngoạm vài nắm tuyết nhuộm đỏ máu, thấy khỏe lên. Nó đuổi theo sói cái, các trò nô giỡn vui vẻ lại tiếp diễn.

Từ sau bữa đó hai con sói không rời nhau nửa bước. Chúng cùng nhau săn mồi, cùng chia sẻ thành quả... trong nhiều tuần lễ.

Một bữa kia sói cái tỏ vẻ lo lắng, hình như nó cố tìm bằng được một nơi ẩn nấp. Lỗ hổng dưới đồng cây đỏ, những đường nứt sâu dưới tuyết là những chỗ nó chú ý, nó chui hẳn vào trong, đánh hơi rất kĩ.

Trong khi đó Một Mắt vẫn thản nhiên không quan tâm tới thái độ bạn nó tuy vẫn không bỏ qua một hành động nhỏ nào của bạn. Mỗi khi sói cái lẩn la đây đó quá lâu, nó kiên nhẫn nằm chờ bạn trở về.

Chúng sống bên nhau sung sướng như vậy trong nhiều ngày, cùng nhau vượt qua nhiều vùng xa xôi.

Trong các cuộc viễn du lang bạt ấy đôi khi chúng gặp những con sói khác, cũng cặp đôi một đực một cái như chúng, nhưng không con nào tỏ ý muốn hợp thành nhóm thành bầy để cùng nhau sống lang thang như trước.

Cũng có khi một con sói lẻ bạn muốn làm thành viên thứ ba trong gia đình một đôi vợ chồng sói nào đó, nhưng những hàm răng nhe hết ra ngoài, những bộ lông xù lên lởm chởm nhanh chóng làm nó hiểu: đừng tưởng bở, phải tiếp tục cuộc hành trình cô đơn.

Một đêm sáng trăng, hai vợ chồng sói già đang chạy tìm mồi trong khu rừng yên tĩnh, bỗng Một Mắt đứng khựng lại héch mồm phập phồng mũi đánh hơi. Điều gì khiến nó đột ngột lo lắng?

Nó có vẻ chưa hài lòng với kết quả thăm dò, lại tiếp tục hít hà không khí cố tìm hiểu ý nghĩa bản thông điệp đang nhận. Sói cái để ý quan sát con đực, tỏ vẻ không đồng tình với thái độ lo lắng của bạn. Nó cứ tiếp tục chậm rãi tiến bước.

Một Mắt miễn cưỡng bám theo.

Từng quăng từng quăng nó dừng lại vênh tai nghe ngóng, héch mũi dò hỏi ý nghĩa các làn hơi phảng phất trong bầu trời đêm.

Chúng tới trước một trảng rộng. Rất thận trọng, chúng không đi vào trảng mà len lén tới sát bìa rừng căng mắt quan sát khoảng trống trước mặt.

Tiếng chó ủa ủa ủa nhau, tiếng đàn ông đàn bà cười nói râm ran bay tới tai hai con sói.

Nhiều lều vải san sát, nhiều bóng người tới thăm đi đi lại lại trước đồng lửa lớn.

Trại của người Anhđiêng.

Một Mắt tỏ ra lo lắng, nghi hoặc.

Trái lại sói cái tỏ vẻ vui thích được hít thở các mùi từ trại theo gió bay tới. Điều gì đang diễn ra trong đầu nó? Tại sao nó run rẩy thế kia, hơn nữa còn có truyền nổi xúc động của nó sang sói già đang không giấu giếm ý

muốn tránh xa nơi này. Sói cái cảm thấy một ý nghĩ kì lạ: thích vào hẻm nơi cắm trại, nằm bên đồng lửa, chia sẻ đồ ăn với lũ chó nhà, chơi đùa với bọn trẻ nhỏ...

Một Mắt sốt ruột và càng lúc càng căng thẳng khiến sói cái phải thuận tình rời bỏ nơi nguy hiểm, quay trở vào rừng. Chúng còn nhiều việc phải làm, không rồi hơi đứng ngắm cảnh sinh hoạt của người Anđiêng.

Hai cái bóng của chúng song song lướt trong ánh trăng giữa tĩnh lặng của một đêm giá buốt.

Dưới các lùm cây, chúng thấy có con đường mòn mang những dấu chân còn mới. Cần thận trọng!

Một Mắt gí mũi sát đất chạy chậm chậm phía trước sói cái. Gan bàn chân mềm mại của chúng in vết trên mặt tuyết đánh dấu cuộc đi thăm lạng.

Một lúc sau sói già phát hiện một khối trắng đang ngo ngoáy trước mặt nó.

Có sự sống! Có con mồi! Có thức ăn rồi! Sói già chồm lên ngoạm mạnh vào cái khối tròn biết cựa quậy, và tung hứng thấy nó bay vọt lên cao rồi quẫy đạp như nhảy như múa ngay trên đầu nó.

Một Mắt nhận ra một chú thỏ trắng, nhưng tại sao thỏ bị treo lên cây thông non thế kia?

Thoạt đầu sói thấy hoảng, sau đó nó tức giận gầm lên một tiếng chuẩn bị nhảy lên vồ lần nữa nhưng sói cái huých nó sang bên, xấn lên trước và nhảy lên con thỏ. Sói cái vồ hụt một lần, nhiều lần. Bọn nó càng lúc càng tức điên lên bèn nhảy theo, cắn được những chiếc nanh sắc nhọn của nó vào con thỏ. Nó giữ thật chắc và khoan khoái thưởng thức dòng máu nóng đang rỉ ra tưới đầm hai hàm răng nó, nhưng chú thỏ vẫn bị cây thông uốn cong giữ chặt.

Thế là thế nào?

Một Mắt nhả con mồi, hốt hoảng lùi lại, ngửa cổ nhìn cây thông vừa dựng thẳng lên kéo theo cục tròn màu trắng. Con thỏ lông trắng vương đầy máu tươi vẫn cựa quậy. Sói già lồng lên tức giận, cào vào mõm sói cái đang cắn vai nó. Hai con quay sang đánh nhau, nhưng Một Mắt không đánh trả, cam chịu nhận đòn, chịu để sói cái cắn rách mấy miếng thịt rồi cúi đầu tỏ ý tuân phục...

Sói cái chiến thắng ngồi xuống tuyết thở hồng hộc, để mặc bạn nó xử trí con mồi.

Lần này Một Mắt nhảy một phát rất chính xác, ngoạm trúng con thỏ lôi xuống sát đất. Cây thông lắc lư, oằn xuống, nhưng không tỏ ra nguy hiểm.

Sói cái tới, cắn một cắn rất mạnh dứt đứt đầu thỏ. Sói chợt giật mình: ngay lập tức, cây thông bật lên đứng thẳng theo tư thế tự nhiên vốn có của nó giữa hàng thông, không lắc lư nữa.

Hai con sói bắt đầu ăn thịt con mồi bị cây rừng bắt sống một cách bí ẩn.

Chắc sói cái đang giải thích cho bạn nó hiểu cách con người dùng cây rừng làm bẫy bắt thỏ như thế nào.

Sói cái và sói chợt không vội rời xa khu vực người Anhđiêng cắm trại. Chúng lảng vảng trong các bụi cây quanh đó, mãi tới bữa một viên đạn.rít qua tai xuyên vào thân cây sát đầu con sói già chúng mới chịu bỏ chạy.

Sói cái chạy chậm hơn trước kia, trông có vẻ nặng nề hơn, mới đuổi theo con thỏ rừng một quãng ngắn đã thở hồng hộc mà nào có bắt được thỏ! Một Mắt nhận ra sự thay đổi ấy và muốn bày tỏ tình bạn nhưng bị sói cái đẩy ra, cắn cho mấy miếng. Lão sói già đáng thương không vì thế mà nản lòng, càng thấy sói cái làm già nó càng tìm đủ cách hòng làm sói cái mềm lòng.

Từ ít lâu nay sói cái hình như muốn tìm kiếm một thứ gì rất quan trọng.

Mãi nó cũng tìm ra. Đó là một vách đá dựng đứng bên dòng thác nhỏ đổ vào sông Mackenzie.

Vào mùa này, khí lạnh, băng giá và tuyết trùm lên khắp vùng. Mọi dòng thác đều đông cứng, chỉ còn là những khối băng lớn.

Vách đá bên bờ sông đã nhiều năm bị bão tố, mưa nguồn và tuyết tan bào mòn, một số chỗ để lộ những vết nứt sâu. Con sói cái mệt lử dừ, đi vòng vèo chữ chi xuống tới tận chân vách. Nó dừng lại, hít hà đánh hơi thăm dò rồi trèo ngược trở lại chui vào một vết nứt. Nó ép bụng bò qua một hành lang hẹp dài ba piê vào tới căn phòng nhỏ hình tròn có đường kính trên dưới sáu piê.

Căn phòng ẩm cúng, khá khô ráo. Sói già bám theo sau nhưng không vào hẳn trong phòng, nó đứng lại ở đầu hành lang, từ chỗ này có thể canh

chùng bạn nó. Sói cái đi nhiều vòng, đánh hơi rất kĩ mọi chỗ rồi buông mình nằm vật xuống, kêu khê một tiếng như tiếng than.

Một Mắt vẫn theo dõi không bỏ sót một chi tiết nào, nhưng không dám tới gần. Lão vui mừng vẫy đuôi. Lúc này sói cái nhìn lão với vẻ thân thiết hơn. Nó ve vẩy tai, thè lưỡi, mọi cử chỉ đều biểu lộ sự hài lòng. Sói già nằm dài ra định ngủ nhưng không sao ngủ được. Phần vì đói bụng, phần vì ngoài kia vừa có những tín hiệu mới. Cảnh vật đang biến đổi sâu sắc, không khí dịu hân, thiên nhiên ngan ngát nhiều hương lạ.

Mùa xuân đã về. Dưới lớp băng lấp lánh nhiều mạch nước lặn tẩn, nhựa trong thân cây bắt đầu chảy lên nuôi chồi lá. Mặt trời tháng tư ngả dần xuống chân trời xa, những tia nắng ấm trườn trên mặt đất tuy còn lạnh nhưng đang thức tỉnh, toàn bộ vùng đất miền Bắc đang hồi sinh. Khắp nơi nơi thấm đượm hương xuân, sự sống bừng tỉnh dưới lớp tuyết dày, mầm xanh kiên quyết phá vỡ lớp vỏ chết chóc của mùa đông..Một đàn chim khoảng sáu bảy con bay qua bầu trời.

Sức quyến rũ của thiên nhiên đang run rẩy cựa mình sống lại càng lúc càng mãnh liệt khiến sói già không cưỡng nổi, nó quay nhìn con bạn mời gọi bạn đi theo.

Nhưng sói cái tỏ vẻ ngán ngẩm, vẫn nằm im, cố ngủ thêm một giấc. Một Mắt đành ngồi xuống ngay lối vào hang. Bỗng có tiếng vo ve lướt qua tai rồi dừng lại ngay trên chót mũi nó. Con muỗi táo tợn dám đứng tại chỗ vờn vai duỗi cánh cho tỉnh hân giấc ngủ dài. Chắc suốt mùa đông qua nó đã rúc trong hốc một khúc rễ cây vừa được nắng làm tan băng cho nó thoát ra. Sói già càng thấy khó cưỡng lại tiếng gọi của thiên nhiên, hơn nữa con đói bụng dai dẳng vẫn thúc giục nó phải lên đường tìm thức ăn. Nó quay nhìn bạn một lần cuối, nhưng sói cái vẫn nằm im.

Lúc đầu ánh sáng đột ngột làm sói già lóa mắt không nhận ra đường nhưng rồi nó cũng lội xuống vũng tuyết tan, vượt qua dòng thác đóng băng lạnh buốt. Cuối cùng nó đặt được chân lên vùng đất phủ tuyết mềm.

Trong nhiều giờ liền, sói già lảng vảng quanh quẩn, chui lủi rình mò, nhưng chẳng kiếm được miếng gì. Gần như chết đói dở, nó lủi thủi quay về. Vừa chui vào hành lang hẹp nó sừng sốt đứng khựng, nghi nghi hoặc hoặc trước tiếng động lạ hoặc chưa nghe bao giờ.

Nó dong tai nghe ngóng những âm thanh khác thường. Chuyện gì xảy ra khi nó vắng nhà?

Những tiếng rên rĩ kia thật đáng nghi. Nó ép chặt bụng xuống đất bò vào, sắp tới căn phòng nhỏ hình tròn thì một tiếng gừ chặn nó đứng lại.

Sói già sững sờ đứng im, rồi thu xếp chỗ nằm ngoài hành lang ngủ khi một giấc tới sáng.

Sáng ra, tiếng gằm gừ của sói cái và những tiếng rên rĩ y hệt tối qua dựng sói già dậy... Nó thấy năm cục thịt sống động, chẳng ra hình thù gì đang nép vào nhau nằm giữa cẳng con sói mẹ.

Tuy không phải lần đầu tiên chứng kiến sự kiện loại này nhưng sói chột vẫn rất ngạc nhiên.

Sói cái chưa tỏ ra dễ tính. Vừa thấy sói già hơi động đây là nó gằm gừ, nhe hết răng cửa, răng nanh ra ngoài.

Một Mắt thông cảm ngay:

- Yên tâm đi! Anh không làm hại bọn nhóc của em đâu! Trái lại, trong khi em lo giữ chúng trong hang, anh sẽ đi kiếm cái ăn cho chúng..Sói già ra đi.

Nó vượt qua nhiều dặm đường mới phát hiện được một dấu vết mới toanh. Nhưng xem ra đây là dấu một con vật lớn hơn nó nhiều, chắc khó thắng nên nó không lần theo. Đi xa thêm chút nữa, nó gặp một con nhím. Thứ này không dễ chơi, vả lại Một Mắt chưa được ném thử bao giờ. Phải làm gì đây? Nó thận trọng xoay quanh con vật kì quặc vừa cuộn mình lại thành một cục tròn xoe.

Lão chột nằm dài ra cách cục tròn một khoảng an toàn chờ lúc con nhím yên tâm trước cảnh thanh bình sẽ tiếp tục bò đi. Khi đó sói già sẽ ra đòn ngay giữa bụng, nơi không có sợi lông nhọn hoắt nào. Nhưng con nhím cứ kiên trì nằm im như chết, cuối cùng lại là lão chột mất kiên nhẫn, bỏ đi thẳng.

Gấp lắm rồi. Đêm sắp xuống, nhất thiết phải có thức ăn mang về hang. Sói chột lại lên đường, vượt qua một quãng khá dài mới bắt gặp chú gà rừng đứng trên một gốc cây đổ. Gà không biết nó đã tới bên. Sói chột tát một tát, chú gà giãy đành đạch cố tìm đường thoát nhưng nhanh chóng bị sói vô hiệu hóa.

Con sói vừa bắt đầu đánh chén thì sực nhớ ra sói cái và bọn sói con. Nó ngoạm con mồi tha về. Trên đường về, nó lại đi qua lối mòn mang những dấu chân lớn đã thấy hồi sáng. Sói già càng thận trọng hơn. Quả là khôn ngoan.

Cách đây không xa, nó vừa thoáng thấy con vật in dấu chân trên tuyết. Một con linh miêu cái, rất to. Giống như nó hồi nãy, con linh miêu đang đứng trước con nhím vẫn cuộn tròn thu lu.

Sói chột đặt con gà chết xuống bên, bò sát đất chui vào đồng cành khô, từ đây nó có thể nhìn rõ mọi chuyện mà không sợ bị lộ mặt.

Nó nằm đợi nửa giờ, một giờ... Con nhím chắc đã yên chí, từ từ duỗi thẳng mình.

Chà! Giá được cắm nanh vào khối thịt tươi sống thơm ngon kia thì sung sướng biết mấy!

Nước rãi ứa đầy mép sói già.

Bất thành linh nhím phát hiện ra linh miêu.

Nó định cuộn mình lại dựng bức rào gai lên.

Nhưng chậm mất rồi! Móng con linh miêu cày lên bụng nó xé một đường rộng. Chàng nhím cũng không vừa. Nó quất mạnh đuôi phóng luôn một lúc mấy mũi lao vào chân địch thủ. Tiếng gào đau đớn nổi tiếp tiếng than giã chết..Sói già nằm im theo dõi diễn biến tấn bị kịch. Nó linh cảm sẽ không xảy ra điều gì không may cho nó. Nó kiên nhẫn đợi thời.

Con linh miêu tức giận một lần nữa, chồm lên kẻ thù đang trút hết sức lực còn lại cố cuộn tròn như trước. Không chịu lép, con nhím cố trả đòn, nện trúng mõm địch thủ, gây thêm nhiều vết thương mới. Con linh miêu đau quá, rú lên, nhảy sang phải sang trái, lăn dưới tuyết, cọ mình vào gốc cây hòng gỡ hết những mũi tên lông nhím nhưng không thoát.

Sói già vẫn nằm bất động.

Con linh miêu như phát điên. Nó nhảy chồm chồm trong các lùm cây, nhảy tới đâu tuyết quanh người nó đỏ lôm. Bất thành linh nó lao vút đi, biến mất. Chờ tới khi tiếng kêu của nó tắt hẳn phía xa, con sói già mới bước ra khỏi chỗ nấp. Nó bước thật chậm, thật thận trọng như thể đang còn vô vàn hiểm họa đang rình rập đâu đây.

Con nhím vẫn chưa chết, nó còn đủ sức để nhận biết nỗi bất hạnh khủng khiếp: một kẻ thù khác đang tới gần. Nhím ta hét lên một tiếng xung trận, bập hai hàm răng vào nhau thật kêu và cố cuộn tròn mình nhưng không cuộn hẳn được. Cơ bắp đã bị tổn thương nặng, lại mất quá nhiều máu nên nó không còn đủ sức tự vệ.

Một Mắt thấy rõ tình thế của con mồi bèn tiến đến gần thêm.

Trước hết nó nuốt nhiều vốc tuyết nhuộm máu, tận hưởng vị ngon của chúng và càng thấy đói thêm. Tuy vậy, với kinh nghiệm của kẻ lão luyện trường đời, nó vẫn giữ khoảng cách an toàn.

Kiên nhẫn ngồi đợi trong khi nhím ta đang thu hết tàn lực nghiền răng chèo chèo, cất lên nhiều tiếng kêu than thê thảm, tiếng rít eo éo chói tai.

Sau cùng nhím giật mình co rúm người trong cơn giãy chết. Những chiếc lông cứng nhọn từ từ cụp hết xuống, người nó mềm ra duỗi thẳng.

Một Mắt tát một tát lật ngửa con vật, không thấy nhím phản ứng.

Yên trí lớn, sói già ngắm kĩ con mồi rồi ngoạm chặt lôi đi, một nửa kéo lê dưới đất, nửa kia nằm gọn trong mồm.

Lúc ấy nó sực nhớ ra đã để một con gà rừng gần đó.

Tha một lúc hai con mồi là công việc quá nặng nề. Sói già có ngay quyết định xử trí tình huống. Nó chén hết con gà, chỉ mang xác nhím về nhà.

Trong hang sói cái và sói con đang nằm đợi, sói chột đặt chiến lợi phẩm xuống. Sói cái tới quan sát con nhím.

Tốt, rất thích hợp với bọn nhóc! Cảm ơn sói già nhé! Sói cái liếm vai sói già tỏ ý cảm ơn, nhưng ngay sau đó nó gầm gừ...

Của đáng tội, tiếng gầm lúc này không hung hăng như trước. Sói cái đã nhận biết sói già có thể làm một sói bố tốt, nó và đàn sói con không có gì phải sợ hãi lão chột.

Chương 4

Sói con lông xám

Bốn chú sói con giống hệt sói mẹ, có bộ lông màu hơi hung hung. Con thứ năm lông xám như lông sói chột, nhưng khác bố nó ở chỗ có đủ hai mắt.

Trước khi mở mắt, bọn sói con nhận được những thông tin đầu tiên về sự vật nhờ ở xúc giác. Qua đụng chạm cọ sát bọn chúng nhận biết nhau, bắt đầu đùa nghịch với nhau bằng những động tác mò mẫm sờ soạng chứ không nhìn thấy nhau. Và các chú nhóc cũng sớm học cách lên tiếng hăm hợe, ra sức rung mạnh cổ họng tập phát ra những âm thanh khác nhau, khi giận hờn thì họng chúng phát ra những tiếng như tiếng rít.

Cũng qua sờ mó đụng chạm trên da thịt, qua vị nếm trên lưỡi và mùi ngửi qua mũi mà bọn nhóc nhận biết sói mẹ là nguồn sưởi ấm, nguồn thức ăn và tình yêu thương. Chúng đặc biệt nhận biết cái lưỡi dịu dàng của mẹ chúng luôn luôn vuốt ve thân hình mềm mại của chúng làm ngày càng mềm mại hơn.

Sói con trải qua tháng thứ nhất như vậy. Rồi nó mở mắt, nhờ vậy mà học cách tìm hiểu thế giới xung quanh cho rõ nét và đầy đủ hơn.

Nhưng vẫn chưa biết đến ánh sáng ban ngày vì vẫn còn phải sống trong hang tối. Chỉ riêng lối vào hành lang cho nó thấy một nguồn ánh sáng yếu ớt. Nó lơ mơ cảm nhận có một bên ngoài, một thế giới khác sáng sủa hơn, sau này nó mới biết rõ.

Lúc này sói con chưa cảm thấy ngột ngạt tù túng vì nó chưa biết rằng ngoài cái thế giới nó đang sống còn có một thế giới khác hẳn. Nhưng nhờ có một bức vách khác các bức khác, bức vách đưa vào hang luồng ánh sáng mỏng manh giúp sói con tuy chưa mở mắt nhìn rõ thế giới ban ngày nhưng cũng có một cảm giác vô thức về ánh sáng. Như một cây non hướng về mặt trời, từng thớ thịt trong cơ thể sói con ngày càng bị nguồn sáng đó hút theo. Cùng với các anh chị em, nó bò ra phía cửa hành lang, phía có luồng sáng bí ẩn từ ngoài rọi vào. Bọn sói con không bao giờ bò về phía các chỗ ẩn nấp tối tăm ở các bức vách khác.

Tất cả những khối thịt mồm mĩm này đều như cái máy không biết mệt mỏi bò ra phía sáng theo sự thúc đẩy của nhu cầu tồn tại mà chúng đang cố bám vào thật chắc. Ít lâu sau, cùng với sự hình thành ý thức riêng với những ham muốn những thôi thúc riêng, sức hấp dẫn của ánh sáng đối với chúng càng mãnh liệt, cửa hành lang gần như biến thành điểm thu hút duy nhất. Bọn nhóc liên tục bò ra đấy. Cũng vào dịp này, mỗi đứa có thể khám phá thêm những của báu trên cơ thể mẹ. Mẹ chúng không chỉ có cái lưỡi để liếm

để âu yếm chúng mà còn có cái mõm để ra đòn, những cái chân để hất thân hình bé nhỏ của chúng lăn lông lốc vào tận cuối hang.

- Các con còn quá nhỏ! Hãy chờ ít bữa nữa!

Các con chưa đủ cứng rắn để mạo hiểm ra ngoài kia, nơi các con có thể gặp vô vàn nguy hiểm. Hãy kiên nhẫn, sẽ có ngày mẹ con mình cùng đi dạo.

Nhờ vậy bọn nhóc học được ý nghĩa các trận đòn và học được cả cách tránh đòn.

Khi sói con đầy tháng cũng là lúc chúng đã mở mắt nhìn xung quanh từ một tuần trước. Một con trong bọn lên mặt ta đây hơn hẳn những con khác: con lông xám. Con này cũng biết ăn thịt như các anh chị em nó, như cả gia đình nó.

Sữa nó bú nói cho cùng cũng là thịt được biến đổi thành chất lỏng. Thứ thức ăn này đã giúp nó lớn lên, cho nó sức mạnh. Bây giờ nó bắt đầu ăn thịt do sói mẹ nhai nát và tiêu hóa một phần rồi mớm cho con.

Tiếng con sói xám vang to hơn bốn con kia, trong vui đùa nó là đứa vượt trội hơn cả, nó luôn quật ngã các con khác rồi nhảy nhay tai chúng.

Nó cũng là đứa quậy phá sói mẹ nhiều nhất. Và cũng là đứa bị luồng sáng mờ mờ lọc qua cửa hành lang quyến rũ mạnh hơn những con sói con khác.

Tuy sói xám bị điểm sáng mờ mờ đó cuốn hút rất mạnh nhưng nó hoàn toàn không biết có cái gì phía sau. Nó tưởng cửa vào hầm là một bức tường sáng. Bức tường này là mặt trời của nó, là ngọn nến mà nó là con thiêu thân. Lạ thật, tại sao sói bố lại có thể xuyên qua tấm màn không thực ấy để mang đồ ăn vào? Nó đã nhiều lần tìm cách đi qua tường, nhiều lần thử đi qua các bức vách khác xem sao nhưng lần nào cũng đau điếng vì cụng cái chót mũi non nớt vào vách cứng. Bức tường ánh sáng càng khó hiểu càng bí ẩn càng hấp dẫn nó mạnh. Cuối cùng nó đành chấp nhận ý nghĩ: khả năng biến được vào tấm màn đó là phép lạ của bố nó, cũng như sữa và thức ăn nhai dư là thứ chỉ riêng mẹ nó có. Sói con đâu có đầu óc suy luận như con người! Ta không biết óc nó hoạt động ra sao, nhưng chắc chắn những kết luận nó rút ra cũng không kém rõ ràng, theo quan điểm của nó. Nó không thắc mắc tại sao sự vật tồn tại mà chỉ quan tâm tới cái cách sự vật làm thế

nào để tồn tại. Vì thế nó đã học được cách khoi cụng mõm vào vách hang và biết những điều nó không làm được thì bỏ nó lại có thể làm rất cừ.

Cũng như mọi sinh vật khác ở Wild, sói con nhanh chóng hiểu thế nào là đói kém. Chẳng mấy chốc, không những thịt không còn đủ cho mẹ nó mớm mà sữa cũng không đủ cho nó bú.

Trong hang bắt đầu dậy lên những tiếng kêu than, rên xiết. Bọn sói con thôi đùa nghịch, thôi đánh lộn, rơi vào trạng thái mê mệt. Trông bên ngoài như chết nhưng thực ra chúng chỉ ngủ lịm đi. Cảnh đó khiến Một Mắt rất đau lòng. Nó lòng lộn chạy khắp nơi tìm thức ăn, nhưng hình như mọi sự sống đã chạy trốn khỏi xứ sở đáng nguyên rủa này..Cũng như sói già, sói cái ngày đêm vất vả săn lùng nhưng cũng chẳng gặp may hơn.

Nó mon men tới rìa trại người Anhđiêng cuồn được vài con thỏ rừng sa bẫy. Nhưng rồi tuyết tan, băng trên các dòng thác cũng tan, toán Anhđiêng nhổ trại đi nơi khác, bộ mặt ghê tởm của đói kém lại hiện ra trong hang sói.

Khi thời tiết thuận lợi trở lại, săn bắt kết quả hơn, trong căn phòng tròn cuối hành lang đã có nhiều thay đổi. Chỉ còn hai sói con sống sót: con xám và con sói cái em út của nó. Ba con kia đã chết đói hết.

Sói xám nhanh chóng hồi phục sức khỏe và lại bị luồng sáng ngoài cửa hành lang cuốn hút.

Con sói em tuy được sói mẹ ra sức chăm bẵm, cho ăn đầy đủ nhưng ngày càng suy kiệt dần. Như một ngọn lửa nhỏ nhoi chập chờn trước gió không có cách gì thổi bùng lên được.

Rồi tắt hẳn.

Một ngày kia, sói con không thấy bố nó đi qua bức tường ánh sáng. Bất hạnh ập đến trong trận đói thứ hai, tuy không khốc liệt bằng trận trước.

Sói già từ bỏ gia đình chăng? Không! Sói cái nhanh chóng nhận ra điều gì đã xảy ra với bạn nó. Lúc tới săn mồi trong vùng con linh miêu sinh sống bên nhánh phải con suối, sói cái phát hiện dấu chân sói già in trên mặt đất từ đêm trước. Dấu chân dẫn tới chỗ có dấu con linh miêu, sau đó tới chỗ xảy ra cuộc chiến đấu giữa hai con thú, kết thúc bằng thắng lợi của con linh miêu.

Vài khúc xương là tất cả những gì còn sót lại của con sói già bạn nó. Nó lần theo dấu vết linh miêu và tìm ra hang ổ kẻ thù. Biết đích xác chỗ kẻ thù vẫn rút về với lũ con nhưng sói già không dám đương đầu. Liệu sau này nó sẽ có cơ hội trả thù cho sói già? Sau bữa đó, sói cái tránh không bén mảng tới gần lãnh địa của linh miêu nữa, nó thừa biết bản chất hung tợn và tính tình bất trị của giống thú này. Dĩ nhiên nếu huy động cả một bầy sói tấn công thì dễ dàng tổng khứ nó đi biệt khỏi nơi đây. Nhưng một chọi một là chuyện khác, nhất là khi con linh miêu kia có cả một đàn con sau lưng, cả một gia đình đang đói rã họng phải nuôi nấng, phải che chở. Trong cuộc chiến đó Một Mắt đã phải trả giá bằng sinh mạng của mình. Wild có những luật lệ khắc nghiệt riêng của nó, cuộc sinh tồn ở miền đất này như ngàn cân treo sợi tóc..Khi sói cái đi săn mỗi nó thường phải để sói con xám ở nhà một mình. Nó đã dạy con hiểu điều cấm kị: không được tới gần cửa vào hành lang. Theo bản năng, sói con vâng lời mẹ vì nó cũng cảm thấy một nỗi sợ tự nhiên, tuy trước nay, trong quãng đời còn ngắn ngủi của mình nó chưa hề gặp bất cứ điều gì làm nó sợ. Nó trực tiếp thừa kế của sói bố sói mẹ nỗi sợ này, sói bố mẹ lại thừa kế của nhiều thế hệ sói lần lượt nối tiếp nhau qua đời.

Tóm lại, sói con biết sợ trước khi hiểu sợ hãi có ý nghĩa gì trong cuộc sống hàng ngày.

Chắc nó xếp cảm xúc này vào loạt dài những hạn chế trong cuộc sống, những hạn chế nó đã biết sơ sơ. Cảnh bị giam hãm trong bóng tối, những xô đẩy của sói mẹ và nạn đói đã dạy nó hiểu trên đời này không phải mọi thứ đều được tự do, nó phải tuân theo điều luật về những sự bó buộc, những giới hạn. Phải tránh làm những điều gây va chạm thì mới được hưởng những điều không va chạm. Vừa vì nghe lời sói mẹ, vừa vì nỗi sợ hãi mơ hồ và không tên đó nên sói con tránh xa cửa hang. Phần lớn thì giờ ở nhà một mình, nó lăn ra ngủ vùi, giữa hai giấc ngủ nó nằm im, cố nén những tiếng kêu than trong cổ làm họng nó căng phồng.

Một bữa kia đang nằm nghỉ nó chợt nghe có tiếng động lạ từ bức tường ánh sáng lọt vào hang. Một hiểm họa lớn đang đe dọa nó! Con chồn thông, một con thú dữ dần đã len vào hành lang nhưng chưa dám xông tới. Sói con

nghe tiếng chân lạ bèn thử thế. Nó xù lông dựng đứng hết lên, toàn thân chuẩn bị bước vào cuộc chiến.

Nhưng liệu nó làm gì nổi con thú mạnh hơn nó nhiều lần? Sói con biết thân biết phận, khôn hồn nằm im thín thút, không cựa cựa, không dám thử mạnh, như hóa đá, như chết rồi.

Sói mẹ trở về đánh hơi thấy vị khách không mời mà đến. Nó lao ngay vào hang, cuống quít vuột ve đũa con, mừng hết biết thấy nó vẫn nguyên vẹn.

Sói con lớn phồng lên. Nó càng thấy cần ra ngoài sáng, cần biết rõ cái thế giới mẹ nó vẫn lui tới, thế giới có nhiều thịt tươi nóng hôi mẹ nó vẫn cắn chặt giữa hai hàm răng mang về.

Nhiều sức ép mới nảy nở trong người nó, nhất là sức ép của nhu cầu trưởng thành và nhu cầu tồn tại. Khốn nỗi cuộc sống thật rắc rối: bản năng và luật sống đòi hỏi nó phải vâng lời nhưng trưởng thành và tồn tại buộc nó phải trái lời. Cuối cùng, sói con gạt phắt sợ hãi và vâng lời. Không tự kiểm chế nổi nữa, một bữa kia nó liều mạng ra hành lang và rất kinh ngạc khi thấy càng đi ra xa ánh sáng càng sáng hơn, càng dễ chịu hơn.

Ngay chất liệu bức tường cũng hình như chảy tan ra, sói con không thấy có thứ gì va vào mõm.

Nó bước hẳn vào bức tường, tấm mình trong cái trước đây tưởng là vật chất! ánh sáng càng lúc càng chói hơn, dần dần sói con đâm hoảng. Bất chợt nhận thấy mình đã ra tới cửa hang tự lúc nào! Sau phút lóa mắt, nó đứng lặng đi, ngơ ngác trước khung cảnh rộng lớn trước kia nó đâu có ngờ tới! Bức tường ánh sáng trải dài đến vô tận.

Mắt nó tự động điều chỉnh để nhìn rõ cảnh vật dưới luồng sáng mới. Thế giới của sói con biến thành một thế giới muôn màu nghìn vẻ với sông suối núi non cỏ cây và bầu trời lồng lộng. Chúng là gì vậy, những lùm cây, sông suối kia? Liệu sói con có dám mạo hiểm bước vào thế giới lạ hoắc này không? Bất giác nó thấy hoảng, lùi lại một chút rồi ngồi bệt xuống. Ngồi giữa cửa hang, sói con phóng tầm mắt nhìn khắp chung quanh.

Lông nó dựng đứng lên trước sự thù nghịch đáng ngờ, đôi môi mím chặt thốt ra một tiếng gầm tuồng như nó thách thức cái thế giới lạ vừa khám phá ra. Nhưng không có gì đáp lại thách thức của nó, chưa có gì tấn công

nó. Sói con tiếp tục quan sát, cảm thấy thích thú đến quên hẳn sợ, bắt đầu ngắm nghía các vật ở gần nhất. Nhìn cây thông khô từ dưới vực đâm lên tới tận chỗ nó, hít hà ngửi các tảng đá, ngửi mặt đất nó đang đi, bắt chợt trượt ngã. Nó hốt hoảng tưởng đất sụp dưới chân! Sói con lâu nay chỉ quen đi trên nền hang bằng phẳng, đâu có biết sườn dốc là gì, cũng chưa biết thế nào là té ngã! Đang ham khám phá thế giới nên nó cứ tiếp tục bước tới.

Nhưng lại bước quờ quạng hai chân trước vào khoảng trống, hai chân sau vẫn đứng im tại chỗ.

Thế là cu cậu ngã lăn theo sườn dốc. Nó lăn mãi, lăn lông lốc như cục đá, bụng nghĩ: cái thế giới kì lạ này lấy mất mạng mình rồi! ý nghĩ đó làm nó mất hết hồn vía. May sao mặt đất càng lúc càng bớt dốc, cuối cùng sói con dừng lại ở chân vách đá. Nó kêu lên tiếng cuối cùng vĩnh biệt cuộc đời kèm theo một tiếng rên dài thê thảm. Nhưng rồi thấy mình vẫn chưa chết, nó lồm cồm ngồi dậy, cảm thấy yên tâm và chợt nhận ra mình vừa phá vỡ bức tường giam hãm nó bấy lâu. Đương nhiên lúc này sói con nghĩ tới việc làm vệ sinh cá nhân, bắt đầu liếm thật sạch lớp đất sét phủ trên bộ cánh. Rồi trí tò mò lại bị cảnh thiên nhiên cuốn hút, nó tiếp tục ngắm nhìn mọi thứ xung quanh: thảm cỏ đang ngời, các lớp rêu xanh, các bụi cây. Một chú sóc mải tung tăng gần đó vô tình húc vào mặt nó làm sói con thất thần. Nhưng chính chú sóc lại còn khiếp hãi hơn, vội tót lên ngọn cây cao rồi rít lên những tiếng man rợ. Sói con còn thấy một con chim gõ kiến xanh, rồi một con chim khác vô ý lao xuống chệch chệch ngồi lên đầu nó. Nó giờ căng định đập nhưng con chim nhanh hơn mỏ cho một phát giữa mõm. Đau quá sói con rú lên, con chim bay vút đi. Dần dần sói con rút ra nhiều kinh nghiệm sống, nó thử phân loại những sự vật đã quan sát được. Vậy là có những vật sống và những vật không có sức sống. Loại thứ nhất có thể gây nguy hiểm vì chúng cử động được, ta không thể lường trước cử động của chúng sẽ mang lại cho ta điều gì, còn loại sau đứng im tại chỗ, không cần phải đề phòng.

Bước chân của sói con còn vụng về. Nó không ước lượng đúng khoảng cách nên bị một cành cây quất trúng mõm, cào xước một bên sườn. Có lúc brou đầu sút trán, lúc trật khớp cẳng chân. Các viên đá cuội cũng gây rắc rối vì chúng luôn lăn tròn dưới chân làm nó loạng choạng. Qua đó sói con

rút ra kết luận: độ vững chắc của nhiều vật không sống rất khác độ vững chắc của vách hang, những vật nhỏ không vững chắc bằng những vật lớn. Một ngày đang học một sàng khôn, sói con đi thêm một bước lại già dặn thêm một ít, nó hòa nhập khuấy hơn với môi trường xung quanh.

Nhưng cuộc sống không chỉ có rong chơi mà còn phải ăn. Là thợ săn bẩm sinh nhưng bữa nay chẳng cần săn nó tình cờ vớ được bữa thịt tươi sống... Đang đi lóng ngóng trên một thân cây đổ, bất thành linh sói con trượt chân rơi tòm xuống bụi rậm, trúng một ổ gà rừng có bảy con gà con. Bọn gà con kinh hãi chí chóe ầm lên.

Sói con không khoái lắm. Nó ngắm đàn gà, đánh giá chúng quá nhỏ con không bỏ dính răng. Lũ gà cuống quít, nháo nhác. Sói đề chân lên một con, cả đàn càng giãy mạnh làm sói thấy hay hay.

Nhìn hồi lâu, sói ngoạm một con nhai thử và thấy ngon. Sáu con còn lại lần lượt chịu chung số phận.

Sói nhớ lại động tác của sói mẹ, ngồi liềm mép rồi chuẩn bị bò khỏi ổ gà đã bị phá tan hoang. Bất chợt một con chim khá to lao xuống.

Đó là con gà mẹ đang cực kì căm giận. Sói con bị gà mẹ mổ tới tấp, đau muốn chết, nó hét toáng lên. Bất ngờ nó đứng vụt dậy, chấp nhận giao chiến - trận đầu thử lửa của nó!.Sói con cắn được một bên cánh của địch thủ, giữ thật chặt giữa hai hàm răng nhất quyết không nhả, mặc cho gà mẹ mổ lia lịa và giãy giụa trong tuyệt vọng, lông rụng bay lả tả như bông tuyết.

Sau một lúc, con gà dường như đã chịu thua nhưng sói vẫn ngoạm chặt cánh nó. Cả hai nằm rạp dưới đất, trợn mắt nhìn nhau. Bất thành linh gà phản công, mổ tới tấp, nhưng sói con chỉ nhắm nghiền mắt chịu trận, không chịu nhả mồi.

Gà càng ra đòn mạnh hơn, nhắm vào mõm đánh liên tiếp làm sói phải tính chuyện rút lui. Trong cơn đau nó quên phứt mõm vẫn ngoạm vào cánh địch thủ nên kéo cả con gà đi theo. Gà mẹ càng được dịp tấn công dồn dập. Sói con chịu không thấu, nghĩ bụng: tốt hơn hết là tìm chỗ trốn.

Chẳng thiết gì tới con mồi nữa, nó ba chân bốn cẳng chạy thục mạng. Chạy được một quãng chưa xa bụi cây lùm nhưng nó quá mệt đành nằm phủ phục, thè lưỡi, thở hồng hộc. Mõm xung vù đau quá, sói rên hừ hừ.

Đang nằm, bỗng sói con cảm thấy có mối nguy khủng khiếp đang lơ lửng trên trời. Theo bản năng tự vệ, nó lù vào nắp trong bụi rậm gần đó. Tên lạ mặt đang bay trên cao. Sói con vừa nắp kín thì một luồng gió rất mạnh xượt qua người, một bóng chim lướt ngay bên cạnh, lạng lẽ mà hung tợn. Con chim ung từ mây xanh nhào xuống vồ trượt sói con trong gang tấc. Bầy vía còn ba, sói con hỏn hển ghé mắt nhìn xem điều gì sẽ tiếp tục xảy ra. Con gà mẹ vẫn chấp chới bay trên chiếc ổ trống trơn tan tành. Nỗi đau mất con khủng khiếp làm nó không đề phòng con chim ung trên cao. Như tia chớp, chim ung lao xuống cắm bộ móng sắc như dao vào con gà mẹ. Nạn nhân chỉ kịp quát lên một tiếng đã bị con chim săn mồi quắp lên cao.

Trong một ngày hôm đó sói con đã học được nhiều điều, nó đã biết những vật sống là thức ăn ngon nhưng những con to đều biết tự vệ, biết ra đòn, cần đề phòng kẻ mất mạng như chơi. Sói con rời chỗ nắp đi tới bờ sông. Trước đây nó chưa từng biết nước là thứ gì. Đạo chơi trên cát sang sảng trong trong mặt nhẵn lì không gợn chút sần sùi này chắc thú vị. Sói chậm chạp bước xuống, bất ngờ bị hụt chân chìm ngấm chỉ kịp hét một tiếng kinh hãi. Nước ủa vào phổi làm nó nghẹt thở tưởng chết đến nơi. Chưa biết chết là thế nào, nhưng cũng như tất cả các sinh vật miền Wild, nó biết cái chết theo bản năng tự nhiên. Lúc nổi lên mặt nước, cảm nhận được luồng không khí ủa vào miệng, nó biết không được để mình bị chìm xuống lần nữa, bèn khua chân và bắt đầu bơi. Động tác bơi của nó cũng tự nhiên, như một thói quen từ lâu. Sói con bơi về phía bờ bên kia. Dòng thác lúc đầu tuy nhỏ nhưng rộng dần, nước càng lúc càng chảy mạnh hơn cuốn sói con đi. Lúc này bơi chẳng còn tác dụng gì. Dòng sông phẳng lặng đã biến thành thác lũ, vẫn sói con không thương tiếc, lúc nhún chìm xuống đáy lúc kéo lên mặt nước, lôi đi, ném vào ghenh đá, ném nữa... mỗi lần ném là mỗi lần làm sói rú lên đau đớn, những tiếng rú đánh dấu đoạn đường sói bị trầm hà. Dưới hạ lưu, dòng thác dẫn đến một vũng nước lặng, nước chảy đưa sói giạt vào bãi sỏi trên bờ. Sói con lại học thêm được bài học mới. Nước không có sức sống nhưng nó cử động, di chuyển, trông tưởng vững chắc như mặt đất nhưng thực ra thì không.

Ngày hôm đó quả là giàu sự kiện, nhưng chưa phải đã hết. Mí mắt sói con bắt đầu nặng trĩu, cơn buồn ngủ đã tới.

Nó cảm thấy cô đơn, bị bỏ rơi, muốn trở về hang. Sói con lại lên đường, nhưng chưa đi được bao xa thì chợt thấy hai con vật nhỏ vút qua trước mặt: hai mẹ con chồn bolét.

Sói con không do dự vung một đám quật bolét con quay lơ. Bolét con gào lên. Con mẹ quay ngay lại và nhanh như chớp nhảy vào sói cắn một miếng đau điếng rồi ngoạm con biến vào rừng, giấu kín vào nơi an toàn. Sói con đau lắm, nằm rên hừ hừ. Con chồn mẹ quay trở lại chiến địa. Thấy con chồn dài ngoẵng và nguy hiểm chẳng khác rắn độc, sói con khiếp vía nằm im, dựng hết lông, găm gù. Chồn lao tới cắn vào cổ sói. Sói ra sức quẫy đạp, lắc người thật mạnh nhưng chồn nhất định không buông. Nó tìm tĩnh mạch chủ hòng uống dòng máu nóng ngon lành của sói con.

Phen này sói con chắc mất mạng... nếu sói mẹ không ập tới.

Con chồn nhảy lên định đớp cổ sói mẹ, tuy đớp hụt nhưng nó vẫn bám được vào hàm địch thủ. Sói mẹ lắc thật mạnh đầu, hất tung con chồn lên không trung. Thân hình mảnh mai vàng óng chưa kịp rơi xuống đất đã bị sói mẹ hứng gọn vào mồm, bập mạnh những chiếc nanh nhọn hoắt. Sói mẹ mừng rỡ gập lại con, liếm các vết thương cho nó, vuốt ve nó. Hai mẹ con cùng chén thịt con mụ chuyên hút máu rồi đưa nhau về hang.

Sói con nghỉ ngơi hai ngày rồi tiếp tục ra khỏi hang đi khám phá thế giới.

Nó đã từng trải hơn trước. Biết lúc nào nên tấn công, lúc nào phải chạy trốn. Nó đặc biệt thù ghét bọn gà rừng, hễ thấy chúng là nó nổi giận đùng đùng. Thấy sóc ngồi tít trên cây cao ngoài tầm nanh vuốt, nó găm gù chửi bới. Thấy bóng chim ưng nó vội vàng lủi vào thật sâu trong rừng nấp kín.

Già dặn dần lên, sói càng tự tin. Nó biết có nhiều con vật khiếp sợ nó, nó xép bọn sóc, chồn bolét và gà rừng vào loại tép riu không đáng làm nó phải lo lắng nữa.

Sói con rất nể phục sói mẹ. Mẹ nó quả là tài giỏi, luôn sẵn được mồi và mang phần về cho nó.

Hơn nữa, sói mẹ không biết sợ là gì. Dĩ nhiên sói con chỉ thấy hiện tượng bên ngoài: sức mạnh vượt trội của sói mẹ, mà không biết nguyên nhân do đâu. Không biết sói mẹ có được sức mạnh ấy là do đã học được nhiều hơn nó, hiểu biết nhiều hơn, nhờ vậy mà dũng cảm hơn. Vì thế, sói

mẹ càng buộc sói con phải vâng lời, nó càng lớn lên sói mẹ càng nghiêm khắc, không chỉ dùng mõm húc, dùng chân quật mà dùng cả răng cắn. Thấy vậy sói con càng kính nể mẹ nhiều.

Mùa đông năm đó rất khắc nghiệt, nạn đói lại hoành hành. Sói cái không nản lòng, ra sức săn lùng không ngại nghỉ nhưng hiếm khi mang được thức ăn về. Sói con cũng đi săn nhưng cũng chẳng kiếm được gì nhiều. Tuy vậy, cơn hoạn nạn này lại có tác động rèn luyện tinh thần cho sói con, giúp nó thêm thông minh và khôn ngoan.

Nó phân tích các thói quen của sóc, tập chạy nhanh hơn để vồ sóc dễ hơn. Nó chẳng thèm để ý tới bọn chim ưng nữa, thấy bóng dáng chúng trên cao nó chẳng cần chạy vào nắp kín trong bụi rậm như trước. Hơn nữa, còn ao ước được thử sức với chúng. Nó ngồi đằng hoàng giữa bãi trống để nhử, không thấy chim ưng sà xuống, nó điên tiết giờ đủ trò khiêu khích vì biết rõ thứ đang lượn trên trời xanh kia là thứ có thịt rất thơm ngon. Nhưng con chim săn mồi tỏ vẻ khinh khỉnh không chấp nhận đánh lộn. Sói ta đành bỏ đi, luôn mồm rên ư ử vì thất vọng và vì đói.

Một bữa kia sói mẹ một mình nuốt trọn ổ linh miêu con, tha về hang một con bằng tuổi sói con. Sói con không biết mẹ nó đã xơi hết những con cùng lứa với con này. Nó đang đói cồn cào ruột gan, mỗi miếng thịt linh miêu non đều làm nó rất khoái khẩu và cảm thấy dễ chịu.

Đầy bụng nó nằm lãn ra, dựa vào lưng mẹ định đánh một giấc đã đời.

Nó ngủ không được lâu. Tiếng gầm dữ dội làm nó giật mình tỉnh dậy. Tiếng gầm khủng khiếp, lâu nay nó chưa từng nghe lần nào.

Chuyện gì vậy? Con linh miêu mẹ khát máu phục thù đã tới, đã vào tận hang lang.

Sói con không chần chừ. Nó vùng ngay dậy, dũng cảm đứng sát bên sói mẹ. Sói mẹ khinh thường gạt phắt nó ra phía sau. Con linh miêu ngồi trong hang lang thấp không nhảy lên chụp địch thủ được, nó từ từ bò vào, mồm gầm gừ dữ tợn. Sói cái chồm lên quật nó ngã lãn. Cuộc chiến rất ác liệt. Hai con rít lên, sùi bọt mép, phun nước dãi, cắn xé nhau chí mạng. Sói con cũng xông tới cắn chặt nanh vào đuôi sau linh miêu, treo mình vào đó nhảy nhảy không nhả.

Bỗng tình thế đảo ngược, sói con bị hất văng ra, vai bị linh miêu đớp một miếng thâu xương.

Tiếng thét the thé cùng với tiếng rên của nó hòa vào tiếng gầm rú đỉnh tai nhức óc của hai địch thủ. Khi nó ngừng rên rỉ, cuộc chiến vẫn chưa kết thúc. Cuối cùng, con linh miêu gục xuống.

Sói cái cũng gần chết. Mình mảy đầy vết thương, mất quá nhiều máu. Nó thở hổn hển, nằm liệt trên xác kẻ thù, trong nhiều ngày không ra khỏi hang.

Sau khi ăn nhấm nhụi thịt con linh miêu sói mẹ mới thận trọng mò ra ngoài, dăng đi lảo đảo.

Sói con cũng đi cà nhắc nhưng rất hãnh diện, tự cho mình từ nay có thể đương đầu với tất cả, coi trời bằng vung!

Chẳng phải nó đã tham dự một trận đánh ra đánh đó sao?

Nó tự thấy từ giờ trở đi có đủ sức theo sói mẹ trong mọi cuộc săn mồi..

Chương 5

Các thượng đế

Bữa đó sói con chưa tỉnh ngủ hẳn chẳng?

Hay vì mắt còn kèm nhèm không nhìn rõ? Dù sao sự thể vẫn là: lúc đi xuống lối mòn dẫn tới dòng thác để uống nước, sói con bất ngờ chạm trán với con người. Năm người chứ không ít.

Sói con chưa thấy người bao giờ. Khi người thấy mùi lạ, thì đã quá muộn. Nó quẩn ngay vào chân họ, và ngạc nhiên đến nỗi đứng đờ ra không động dậy được nữa. Nhưng vẫn hiểu lơ mơ: nó đang đối mặt với những kẻ thù ác nghiệt nhất của muôn loài trong rừng rậm, những kẻ thống trị tất cả, đánh thắng tất cả vì lắm mưu nhiều kế và rất mạnh, rất thông minh.

Quá khiếp hãi nên sói ta tê liệt, nằm bẹp gí dưới đất không nhúc nhích.

Một người Anhđiêng tới gần cúi nhìn. Sói con dựng hết lông, nhãn mép để lộ hai hàm răng sắc. Người đó vẫn thản nhiên:

- Chà chà! Nhe nanh ra dọa tớ hử?

Một bàn tay đưa tới gần con vật. Nó đớp luôn.

Ngay lập tức, đòn đánh trả giáng xuống rất mạnh hất nó ngã nghiêng. Tinh thần dũng cảm tiêu tan, ý chí chiến đấu biến mất. Nó khẽ kêu vài tiếng, ngồi dậy. Người kia giáng thêm đòn nữa, sói con càng rên to.

Năm người Anhđiêng xúm xít vây quanh con sói.

Họ cười khanh khách, làm đủ trò chế giễu nó.

Bỗng từ trong rừng có tiếng động khiến tốp người quay lại nhìn, sói con giông tai và nhận ngay ra tiếng động lạ đó. Nó hét rên, kêu lên một tiếng mừng rỡ rồi im bật ngồi chờ sói mẹ tới giải thoát. Sói mẹ xông thẳng vào giữa toán người, vẻ rất oai hùng, trông khác hẳn mọi khi.

Sói con nhảy tới bên mẹ nó, tốp Anhđiêng vội lùi ra. Sói mẹ chừng chạc đứng trước mặt họ, từ cổ họng phát ra tiếng gầm trầm đục dữ tợn.

Tốp người lại lùi thêm bước nữa. Bỗng một người trong bọn bước tới, gọi: "Kiche!" Con sói cái hình như dịu hẳn. Người kia nhắc lại lần nữa "Kiche", giọng cứng cỏi hơn.

Sói con kinh ngạc thấy mẹ nó gần như bò rạp dưới đất tiến về phía người đó, và chịu để anh ta đặt tay lên đầu. Những người khác cũng bước lên, sờ vào người sói cái.

Sói cái nằm im, ve vẩy đuôi. Sói con tới nằm bên sói mẹ và cũng được nhận phần vuốt ve dành cho nó. Một người Anhđiêng nói:

- Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Mẹ con Kiche này là chó nhà còn bố nó là chó sói.

- Rái cá-Xám còn nhớ chứ? Con Kiche bỏ đi khỏi trại chúng mình đã hơn một năm rồi!

- Chắc nó ở với lũ sói suốt năm qua. - Người thứ ba xen vào.

Rái cá-Xám lại vuốt ve sói con lúc này đã hoàn toàn thuần phục. Anh nói:

- Bố của nhóc này là sói, mẹ nó là con Kiche.

Nó vừa là chó nhà vừa là chó sói. Mình sẽ nuôi nó. Từ hôm nay nó là của mình. Đặt tên nó là Nanh Trắng.

Thế là bản thỏa hiệp đã kí kết xong, hòa bình được xác lập. Người và vật sẽ sống với nhau trong tình bạn.

Lát sau Nanh Trắng thấy nhiều người Anh điêng nữa leo lên lối mòn. Có đàn bà, đàn ông, trẻ con, người nào cũng gùi nặng. Rất nhiều chó đi theo họ, trên lưng cũng cồng đồ buộc thành gói.

- ồ! - Nanh Trắng nghĩ bụng. - Có rất nhiều những con vật đồng loại với mình!

Đàn chó của người Anhđiêng ngạc nhiên khi thấy Nanh Trắng và mẹ nó. Chúng lao tới và chắc sẽ xé hai mẹ con ra từng mảnh nếu mọi người không đỡ xô tới cứu.

Họ vùng gậy dẹp tan đàn chó, giải thoát hai mẹ con Kiche và Nanh Trắng vừa rồi đã chống cự rất dũng cảm.

Sói con tiếp tục tập cách sống trong thế giới đầy cạm bẫy ngày càng phức tạp này. Tuy trong bộ não nó không có chỗ cho khái niệm công bằng nhưng nó cảm nhận theo cách của nó sự công bằng của con người, những sinh vật định ra và áp đặt luật lệ của họ. Chỉ có cái cách thi hành luật của họ là kì cục. Khác hẳn các sinh vật khác nó đã gặp, con người không cắn nhau, không cấu xé nhau. Họ thực thi luật qua trung gian những vật chết: gậy gộc, đá hòn đá cục. Sói con cho rằng để làm được như vậy họ phải có một quyền lực khác thường, vượt quá giới hạn của tạo hóa, chắc do một vị thần linh ban cho.

Sói con nghĩ tới lần tiếp xúc đầu tiên với những con vật độc ác được coi là anh em ruột thịt với nó. Qua suy nghĩ Nanh Trắng khám phá ra rằng có những sinh vật cùng giống loài với nó, và nó thấy thật không công bằng khi chúng xông vào đánh hai mẹ con. Nó cũng buồn khi thấy con người buộc mẹ nó vào một cây gậy.

Như vậy là phải làm nô lệ, điều xưa nay Nanh Trắng không quen. Té ra quyền tự do chạy nhảy, săn đuổi, nằm ngủ bất cứ chỗ nào thích nằm đã bị thay thế bằng sự cầm tù. Nó cũng không hài lòng chuyện Kiche bị một người thông dây vào cổ dẫn đi theo khi đoàn Anhđiêng di chuyển chỗ cắm trại. Nanh Trắng bám theo sau mẹ nó, trong lòng đầy thắc mắc, bất an trước sự việc mới mẻ này.

Đoàn Anhđiêng đi xuôi theo triền thung lũng tới nơi dòng thác đổ vào sông Mackenzie. Họ gác xuồng lên cọc chống mũi lên trời, rồi cắm trại. Nanh Trắng càng thấy rõ quyền lực tối thượng của con người. Họ có thể buộc những vật đứng im phải chuyển động, do đó họ có thể biến đổi bộ mặt của thế giới. Nó ngạc nhiên nhìn những người Anhđiêng cắm sào xuống đất rồi phủ những tấm vải rộng lên trên. Lều phập phồng trong gió làm nó sợ. Lúc đầu nó tưởng đây là những con quái vật, sau nhiều ngày mới quen mắt. Đàn ông, đàn bà, cả bọn trẻ con cũng được vào trong đó, nhưng chó thì bị

họ ném đá đuổi kì được mới thôi. Có bữa Nanh Trắng lảng vảng quanh mấy căn lều, ngửi cái mùi lạ lạ của chúng, thử nhay vài miếng, dứt mạnh vài lần.

Suýt nữa nó làm đổ một cái lều, may mà có người tới đỡ nên tránh được tai họa.

Sau bữa đó nó chẳng thiết để ý tới những chiếc lều vải làm gì.

Nanh Trắng tiếp tục cuộc sống nhỏ nhoi yên ả trong trại, sướng hơn sói mẹ luôn bị sợi dây da buộc chặt một chỗ.

Nhưng thanh bình yên ả có bao giờ kéo dài mãi được!...

Một bữa kia Nanh Trắng chạm trán con chó dạng sói còn ít tuổi được đặt tên là con Lip Lip.

Con này tỏ ra hiếu chiến, nhe ngay răng ra rồi lượn quanh người Nanh Trắng. Định đùa chằng?

Bất thành linh Lip Lip chồm lên cắn giữa vai, đúng chỗ con linh miêu hồi trước đã cắn. Nanh Trắng tức điên lên chụp cổ Lip Lip cắn trả.

Nhưng Lip Lip to khỏe hơn nó nên chỉ sau ít phút Nanh Trắng đã đổ máu cúp đuôi chạy về nấp bên sói mẹ.

Sau trận đó còn nổ ra nhiều trận đấm máu khác.

Sói xám vẫn rất tò mò nên mỗi ngày lại học thêm nhiều điều mới lạ... Thấy Rái cá-Xám ngồi xổm dưới đất xếp đặt mấy que củi và dúm rêu khô, nó xán tới cọ người vào Rái cá-Xám. Bỗng nó thấy từ tay người Anhđiêng bốc lên một làn mây rất mảnh tựa sương mù rồi một cái lưỡi đỏ sáng như ánh nắng thập thò ló ra.

Nanh Trắng chưa trông thấy lửa hồi nào.

Thấy ngọn lửa sinh động quá nó tới gần, thò mõm thử chơi. Nó giật mình nhảy dựng ra sau rú lên đau đớn trong khi Rái cá-Xám cười như nắc nẻ, gọi các bạn tới thuật lại câu chuyện.

Nanh Trắng rất đau, nằm rên hừ hừ, tiếng rên hòa lẫn tiếng thở than của sói mẹ đang muốn tới giúp con mà không được.

Sói xám càng rên rĩ, bọn người Anhđiêng càng cười to. Thử âm thanh ầm ỉ lạ tai ấy làm Nanh Trắng bức mình. Nó xấu hổ, cúi gằm mặt lảng xa bọn họ, tới nằm bên sói mẹ. Sói mẹ âu yếm liếm khắp người sói con.

Cuộc sống với người Anhđiêng dĩ nhiên có nhiều cái tốt nhưng cũng có những mặt xấu.

Hoàng hôn về. Đêm ập xuống rất nhanh.

Nanh Trắng nằm bên sói mẹ, mấy vết bỏng trên mũi trên lưỡi vẫn đang hành nó nhưng nó rầu rĩ về chuyện khác quan trọng hơn. Nó tiếc những ngày qua, chiếc hang, những vách núi dựng đứng, những cuộc săn mồi, tiếc nhất không khí thanh bình của một vùng thiên nhiên biết tôn trọng yên tĩnh. Không như ở đây, mọi cái đều di chuyển, đều ồn ào. Những người Anhđiêng này không lúc nào ngừng đi lại, nói năng, gào thét.

Ngay bầu không khí cũng sống động trong tiếng rì rầm ong ong không ngớt với cường độ thay đổi bất chừng tung ra những âm thanh khác lạ xoáy vào thần kinh làm sói con bực bội. Nó luôn bị căng thẳng, lo lắng và vô cùng mệt mỏi, lúc nào cũng nơm nớp sợ sắp xảy ra một tai họa.

Làn gió nhẹ đưa vòm cây, nước chảy róc rách dưới lớp băng, đàn chim lặng lẽ rải cánh trên trời cao... tất cả giờ đây đã biến thành tiếng ồn ào huyên náo không dứt.

Nanh Trắng nhìn mọi người với vẻ kính nể.

Đối với nó, họ là những sinh vật mạnh mẽ, bề trên, nắm trong tay những quyền uy bí ẩn. Họ làm chủ tất cả những thứ có và không có sự sống, buộc được tất cả những thứ biết cử động phải phục tùng, họ làm cho rêu và gỗ phải bật ra ngọn lửa của mặt trời. Họ làm ra lửa! Họ là những vị thần!

Trong khi sói mẹ bị buộc chặt vào chiếc cọc, Nanh Trắng được tự do chạy nhảy trong trại..Nó tha hồ quan sát con người và biết rõ mọi thói quen của họ. Dần dà nó đâm ghét các ông chủ, đồng thời ngày càng khiếp sợ sức mạnh kì lạ của họ. Nó nhớ lại thái độ phục tùng của sói mẹ khi vừa nghe gọi đến tên. Mẹ nó đã lập tức tuân lệnh, chấp nhận thân phận nô lệ. Nó làm gì khác được, ngoài việc noi gương sói mẹ, khi người gọi thì chạy tới, khi bị đuổi thì chạy đi, khi bị đe dọa hoặc mắng mỏ thì thu mình lại cho thật nhỏ bé, thật tầm thường?

Nó thuộc quyền sở hữu của con người, chẳng khác mẹ nó và các con vật khác trong trại. Thân thể và mọi hoạt động của nó đều thuộc về họ.

Nó nhanh chóng thuộc lòng bài học này, tuy không vì dễ thuộc mà bài học bớt phần đau xót cho con vật đã từng phát triển một sức mạnh độc lập từ hồi được sống trong thế giới riêng của nó... Tuy nhiên, trong khi sói con thấy căm ghét hoàn cảnh mới của mình thì đồng thời và vô ý thức nó cũng

học được cách hiểu và yêu cuộc sống này... Bởi lẽ nỗi lo cho thân phận nó đã được trao vào tay người khác, coi như những trách nhiệm trong cuộc sống đã có nơi dựa dẫm.

Có thể coi đây là sự bù trừ, vì khi sống có điểm tựa vào một cuộc sống khác bao giờ cũng dễ dàng hơn sống cô độc. Mặc dù vậy sói con vẫn không thể dễ dàng chấp nhận hoàn cảnh mới, nó vừa chấp nhận vừa chống đối. Trong lòng luôn vang vọng tiếng nói xa xăm gọi nó về với những khu rừng tuyết vời vợi tuyết phủ, những con sông những dòng thác đóng băng. Sói con tha thân quanh khu trại, đôi lần nó đã định trốn đi, trở về với cuộc sống lang thang thuở đầu đời.

Khốn nỗi Kiche mẹ nó vẫn phải ở lại đây, xích chặt vào cây cọc.

Không, nó không thể rời xa mẹ nó. Sói con trở vào trại, tới kiểm mẹ nó, cọ mình vào bộ lông ấm áp của mẹ rồi liếm lên mõm sói mẹ.

Nanh Trắng không ưa bọn chó nhà tham ăn và độc ác nhưng nó chỉ tìm cách lẩn tránh chúng.

Nó cũng đã nhận biết: đàn ông công bằng hơn, bọn trẻ con tàn nhẫn hơn còn các bà thì dịu dàng hơn và sẵn lòng ném cho nó một miếng thịt hơn những kẻ kia.

Tuy vậy cuộc sống của sói con trong trại có một tai họa: con Lip Lip.

Lip Lip lớn tuổi hơn, to con hơn, khỏe hơn và dày dạn trận mạc hơn Nanh Trắng. Mỗi khi có dịp nó đều bám theo sói con, gầm gừ, sủa luôn mồm, chờ thời cơ tấn công..Nanh Trắng tự vệ rất dũng cảm nhưng không đủ sức đánh bại địch thủ. Lip Lip cao tay hơn, trở thành con ác mộng hãi hùng của sói con...

Cứ hễ vừa rời xa sói mẹ vài bước là thể nào cũng đụng đầu tên khốn kiếp lao tới khiêu chiến. Mà trận nào Lip Lip cũng thắng. Nanh Trắng tuy liên tục bại trận nhưng không đầu hàng. Nó không khuất phục, trái lại càng dũng cảm đương đầu.

Nhưng những cực hình phải chịu đựng không dứt đã ảnh hưởng tai hại đến tính tình nó.

Nanh Trắng trở nên hung ác, thủ đoạn, nham hiểm.

Bị tước đoạt mất nhiều niềm vui tuổi ấu thơ, nó già trước tuổi, co mình lại, suy nghĩ rất nhiều.

Nó không nghĩ tới gì khác ngoài việc tìm cách trả thù kẻ hành hạ nó. Bị Lip Lip nhiều lần nãng mất phần thịt cá khi chủ phân phát suất ăn, Nanh Trắng sinh ra thói ăn cắp vặt, nghĩ ra cách đột nhập vào lều vải rất bí mật mà không bị phát hiện. Nó trở thành một đe dọa thực sự cho các phụ nữ Anhđiêng, nhiều lần bị họ ném đá brou đầu sứt trán.

Trí thông minh ngày càng phát triển, nó học theo cách sói mẹ đưa lũ chó vào bẫy để đối phó với con Lip Lip.

Một bữa kia, trong lúc đang ẩu đả với địch thủ, nó lùi dần, dụ đối phương theo vào giữa các túp lều. Con Lip Lip đang hăng máu nên không đề phòng, hồng hộc đuổi theo nó, chẳng cần biết mình đang ở chỗ nào. Nanh Trắng thoát ần thoát hiện rất khôn khéo cho tới lúc Lip Lip vừa đuổi theo nó qua một khúc ngoặt thì rơi đúng vào chân Kiche. Sói mẹ vồ ngay lấy, quật con Lip Lip ngã sóng soài, đè lên người nó cắn xé toí bời. Khi thoát ra được, tình trạng Lip Lip vô cùng tồi tệ: máu tuôn xối xả từ nhiều vết thương, nhiều mảng lớn thịt rách lủng lẳng bên mình.

Nó gào lên thê thảm vì tức giận và đau đớn.

Nhưng cực hình vẫn chưa buông tha nó.

Nanh Trắng lợi dụng lúc địch thủ đang hốt hoảng len lén tới gần đớp một miếng vào mông.

Lip Lip không dám chống cự, nhục nhã bỏ chạy thục mạng trước kẻ đã từng cúi đầu chịu để nó làm tình làm tội bấy lâu.

Các ông chủ Anhđiêng cho rằng Kiche đã lại quen với cuộc sống trong trại nên họ thả ra. Nó liền theo Nanh Trắng đi tham quan các vùng lân cận lâu nay chưa có dịp lui tới.

Nanh Trắng định đưa sói mẹ đi xa khu lều vải nhưng Kiche không chịu, buồn bã ngồi xuống. trong khi sói con nhảy tung tung quanh mình, liếm mũi mẹ nó.

Tuồng như sói con muốn nói:

- Đi thôi, mẹ ơi! Thời cơ rất tốt, mẹ con mình trốn đi!

- Không. - Sói mẹ đáp. - Mẹ không rời xa người lần nữa đâu. Mẹ muốn phục vụ họ. Giờ đây niềm vui của mẹ là cùng chia sẻ cuộc sống với người, dù cuộc sống đó hay dở thế nào mặc lòng.

Nanh Trắng hoàn toàn có thể bỏ trốn một mình, trở về với cuộc đời lang bạt nó đã sống ngay từ khi lọt lòng mẹ, nhưng tình yêu mẹ giữ chân nó ở lại.

Hương rừng quyến rũ nó. Thê xác và tâm hồn cuồng nhiệt của nó đều hướng về rừng, nhưng tình yêu mẹ còn mãnh liệt hơn nhiều.

Không đời nào nó tự ý rời xa sói mẹ.

Nanh Trắng buồn bã trở lại trại, đầu cúi gằm, miệng không ngừng thốt ra những tiếng thở than khe khẽ.

ở Wild, thời gian mẹ ở gần các con không dài, dưới sự thống trị của người, thời gian đó lại càng rút ngắn.

Vì thế đã tới lúc Nanh Trắng phải rời xa sói mẹ. Rái cá-Xám quyết định bán con Kiche cho Ba Phượng hoàng. Anh này đang chuẩn bị đi thăm thú vùng sông Mackenzie và hồ nô lệ.

Nanh Trắng định đi theo sói mẹ, nhưng mấy ngọn roi cháy lưng cho nó thấy rõ điều khoản này không có trong hợp đồng.

Nó lao xuống nước định bám vào chiếc xuồng chở người nó yêu quý hơn tất cả mọi thứ trên đời, nhưng một chiếc xuồng khác đuổi kịp lôi nó lên. Sói con bị đánh đập rất dã man hai bên sườn theo nhau húng đòn. Người đánh rất nặng tay, mỗi đòn đều có thể gây thương tật.

Đầu óc Nanh Trắng rối tung, lẫn lộn. Từ kinh ngạc chuyển sang khiếp sợ, rồi từ khiếp sợ chuyển thành căm phẫn. Nó nhe nanh, gầm gừ, nhưng chỉ tỏ làm cho người đánh nó càng ra đòn dữ dằn hơn. Cuối cùng Nanh Trắng chịu phép im mồm, lúc ấy Rái cá-Xám mới nguôi giận.

Sói chịu khuất phục. Sau đá ném, gậy quăng, giờ đây đến lượt bàn tay con người trực tiếp đánh lên mình nó... Nghĩ tội phạm nó nằm khóc thầm cho nỗi bất hạnh của mình.

Rái cá-Xám thẳng tay ném Nanh Trắng xuống lòng chiếc thuyền độc mộc đang trôi theo dòng nước..Anh ta bước tới định lấy bơi chèo. Thấy Nanh Trắng nằm vương lồi đi, anh chàng An-hđiêng co cẳng đá nó một đá cực mạnh. Bản tính tự do của Nanh Trắng một lần nữa nổi khùng, nó ngoạm thủng chiếc giày da mộc, cắn những chiếc nanh nhọn hoắt vào bàn chân Rái cá-Xám.

Hành động này mang về cho nó sự trừng phạt nặng nề nhất từ trước tới giờ. con giận của Rái cá-Xám cũng ghê gớm không kém nỗi khiếp đảm của sói con. Không chỉ bàn tay mà cả chiếc bơi chèo gỗ cũng được sử dụng. Sau khi đánh đã chán tay Rái cá-Xám vút Nanh Trắng xuống lòng thuyền, thân hình bé nhỏ của sói con đã như đòn tan xác. Vậy mà vẫn chưa được buông tha, vẫn bị anh chàng Anđiêng này tiếp tục đá, đập liên hồi kì trận. Nanh Trắng đã thấm thía bài học nhớ đời nên không phản công lại. Nó đã hiểu: dù gặp tình thế nào cũng không được phép cản lại vị thượng đế là chủ nhân, là chúa tể của mình.

Thân thể con người là thứ thiêng liêng, dùng răng cắn vào đó là sự xúc phạm không thể tha thứ, là tội ác của mọi tội ác.

Thuyền vào tới bờ, Nanh Trắng vẫn nằm bẹp gí, bất động, rên xiết, chờ lệnh chủ. Lệnh của Rái cá-Xám thể hiện bằng việc anh ta nhắc con sói lên và không nương tay quăng xuống đất.

Nanh Trắng run cầm cập cổ lết đi. Định thủ Lip Lip từ nãy vẫn đứng trên bờ theo dõi từ đầu đến cuối, lúc này thấy sói con đã kiệt sức bèn lập tức xông tới, cắn răng vào da thịt bầm dập của con vật đáng thương.

Nanh Trắng hết đường chống cự, cầm chắc cái chết nếu Rái cá-Xám không tới đá Lip Lip một đá bắn tung ra xa.

Công lí của con người thể hiện như vậy đó.

Cho dù đang trong tình trạng vô cùng bi đát nhưng sói con vẫn thấy lòng hơi rung động biết ơn. Nó ngoan ngoãn bám theo Rái cá-Xám, cà nhắc lết qua trại tới lều của ông chủ.

Đêm hôm đó, trong khi người người đều yên giấc, một mình Nanh Trắng bồi hồi nghĩ tới sói mẹ và cảm thấy đau khổ vô cùng.

Nó đau khổ hơi lớn tiếng làm Rái cá-Xám thức giấc, anh ta bực mình nện nó mấy đòn. Từ đó sói con rút kinh nghiệm, lúc nào thấy thượng đế có thể nghe rõ, nó chỉ dám khóc thầm. Nhưng những khi một mình lữn thững trong rừng, nó tha hồ bộc lộ nỗi buồn, gào lên thật to cho hả. Trong thời kì sau đó, nhờ vẫn được sống tương đối tự do, rất có thể nó không cưỡng lại được sức lôi cuốn của kí ức về chiếc hang, của dòng thác và tìm đường quay trở lại Wild.

Nhưng những kỉ niệm về sói mẹ vẫn mạnh hơn.

Thấy các ông chủ thường đi săn xa trại nhưng sau đó lại trở về, nó hi vọng sẽ có ngày mẹ nó quay lại. Nanh Trắng sống cuộc đời nô lệ nhưng sự lệ thuộc này không chỉ mang lại toàn đau khổ.

Sói con vẫn giữ nguyên tính tò mò không mỗi một của nó nên luôn luôn khám phá thêm những điều mới lạ. Mỗi ngày đều có những sự kiện bất ngờ, hoạt động của con người không lúc nào ngưng. Sói con cũng đã hiểu cần phải ăn ở với Rái cá-Xám như thế nào: phục tùng và tuyệt đối vâng lời. Thịnh thoả được chủ cho miếng thịt, nó đánh giá cử chỉ này quan trọng hơn rất nhiều so với cử chỉ của các bà cho nó thức ăn. Rái cá-Xám không bao giờ vuốt ve nó, vậy mà nó vẫn càng ngày càng thấy gần bó chặt chẽ hơn với vị thượng đế này.

Điều duy nhất khiến nó rầu rĩ không nguôi là sự thiếu vắng sói mẹ Kiche và nỗi khát khao tìm lại cuộc sống tự do của kiếp thợ săn vùng Wild.

Con Lip Lip vẫn chưa thôi quấy đảo Nanh Trắng. Do đó sói con càng trở nên độc ác, hung dữ. Thậm chí nó còn bị tất cả mọi người An-hiêng trong trại coi là phần tử bất hảo đáng ghét. Mỗi khi ở đâu đó xảy ra lộn xộn, náo loạn, có tiếng la hét, đánh lộn hoặc có bà nào phàn nàn bị mất trộm miếng thịt là y như rằng Nanh Trắng có liên can.

Các ông chủ không tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới tính cách của Nanh Trắng, họ chỉ nhìn thấy hậu quả, những hậu quả rất tai hại. Ai cũng cho Nanh Trắng là tên kẻ cắp gian ngoan, tên vô đạo chuyên nghĩ cách gây tội lỗi.

Đáp lại Nanh Trắng nhìn con người bằng đôi mắt ranh mãnh, luôn nhấp nhồm sẵn sàng chuồn dưới trận mưa sỏi đá, dưới cơn lũ nguyên rửa của các bà phụ nữ nổi cơn lôi đình. Vì thế nó bị mất tư cách thành viên của trại. Toàn thể bọn chó đối xử với nó theo gương con Lip Lip, hùa theo con này để hành hạ nó. Có lẽ chúng cảm nhận được sự khác biệt về góc gác ngăn cách Nanh Trắng với bọn chúng và không cưỡng lại được mỗi hận thù bản năng của chó nhà đối với chó sói. Chúng thi nhau rượt đuổi Nanh Trắng tuy chẳng con nào thoát khỏi ăn đòn vì sói con. giờ đây đã biết cách cho nhiều hơn nhận. Một chọi một thì nó luôn giành phần thắng. Địch thủ của nó thường không chấp nhận kiểu giao chiến này. Khi con sói xông vào đánh một con cũng tức là phát ra tín hiệu kéo cả đàn cả lũ chó tới đánh đòn hội

đồng. Qua nhiều trận không cân sức như vậy sói con rút ra nhiều bài học. Nó hiểu được rằng muốn chống lại sói đồng kẻ địch ào ạt tấn công như vậy nó phải giáng cho quân thù những tổn thất nặng nề nhất trong thời gian ngắn nhất.

Điều chủ yếu là phải đứng vững trên bốn chân, đây là một yêu cầu sinh tử. Vì thế Nanh Trắng ra sức luyện thân hình cho thật dẻo như mèo.

Khi giao đấu, bọn chó thường tuân theo một số qui tắc nhất định. Chúng có tập tục biểu lộ ý định khiêu chiến bằng động tác xù lông, gầm gừ, nhe răng. Ngược lại, sói con bỏ hết mọi màn dạo đầu vô ích, đối với nó chờ đợi nghĩa là sẽ bị cả lũ li bọn địch ập tới đánh. Vì thế nó không bỏ phí thì giờ, không mảy may chần chừ xông vào nhanh như sét nổ, không để địch thủ kịp đề phòng. Và đớp luôn, nhay, xé toí bời. Phần lớn nạn nhân của nó chưa kịp nhận định tình thế đã bị nát vai, rách tai. Nhiều con choai choai rút chạy về trại mang theo cổ họng rách toang.

Trong một trận giao chiến gần bìa rừng, Nanh Trắng quật địch thủ ngã chống bốn vó, lôi đi xềnh xệch một quãng dài rồi cắn đứt tĩnh mạch chính ở cổ con chó làm nó chết đứ đừ.

Tối đó, cả trại Anhđiêng ồn ào.

Các bà nhắc lại những vụ mất trộm thịt trước đây rồi kéo tới chất vắn Rái cá-Xám. Họ gào lên:

- Con chó của anh là kẻ cắp! Là đồ phản chủ! Nó là chó sói!

Anh chàng này kiên quyết đứng chắn ngoài cửa không cho ai vào lều, nơi anh giấu Nanh Trắng và khăng khăng chống lại mọi người, nhất định không chịu trừng phạt kẻ tội phạm.

Trong suốt thời gian lớn lên Nanh Trắng bị lũ chó và mọi người căm ghét, không một lúc nào được yên thân.

Nó luôn bị bàn tay con người và nanh bọn chó đe dọa, luôn được tiếp đón bằng tiếng gầm gừ của đồng loại và tiếng nguyên rủa cùng với gạch đá của các thượng đế tới tập ném vào nó.

Sói con lúc nào cũng căng thẳng đề phòng bị tấn công hay phản kích, luôn luôn trong tư thế sẵn sàng chồm lên với hàm răng trắng lóe sáng nhe hết cỡ. Khi nó cất tiếng, không con chó nào trong trại có thể sánh bằng.

Trong tiếng gừ của nó chứa đựng tất cả những gì là tàn nhẫn, độc ác và đáng ghê tởm.

Với chiếc mũi thót lại vì không ngót nhãn nhó, bộ lông luôn dựng ngược, cái lưỡi thò ra thụt vào liên tục, đôi mắt sáng lửa hung tàn, cặp môi lật lên lộ hết hai hàm răng, tướng mạo nó trông quái đản đến nỗi bọn địch thỉnh thoảng phải tạm thời ngưng chiến trong giây lát, thậm chí có khi phải tháo lui.

Lũ chó là thủ phạm tập thể gây nên những cực hình cho nạn nhân Nanh Trắng. Chúng không chấp nhận nó là một thành viên, đáp lại Nanh Trắng cũng không cho phép con nào được rời xa đồng loại. Chỉ trừ con Lip Lip, tất cả bọn chúng đều phải dính chặt vào nhau để chung sức đối phó có hiệu quả với kẻ thù. Một con đi lẻ hầu như bao giờ cũng toi mạng. Con nào thoát được nanh vuốt của sói con cũng bị nó đuổi theo về tận trại và chỉ thoát chết nhờ được cả trại chạy tới hò hét giải vây. Về sau Nanh Trắng không những chỉ tấn công bọn đi lẻ mà còn tấn công cả khi chúng đi thành bầy. Chiến thuật của nó là co căng chạy khi bị chúng rượt đuổi. Chờ khi nào một con quá hăng máu vượt lên tách xa bầy, Nanh Trắng bất ngờ quay lại ra đòn sấm sét rồi lại chạy. Mẹo này lần nào cũng thành công, vì bọn chó non thường dễ quên còn sói con luôn luôn làm chủ được mình.

Cuộc chiến này không lúc ngưng nghỉ, không hồi kết thúc. Thậm chí còn trở thành trò vui cho bọn trẻ, một trò vui chết người.

Nanh Trắng ý thế am hiểu tường tận vùng Wild nên thường hay dụ lũ chó đi vào những cánh rừng kế bên trại. Chỉ trong chốc lát, lũ chó bị lạc đường kêu ừng ửng khác nào lạy ông tôi ở bụi này, nộp mạng cho sói con có bước chân êm như bọc nhưng lạng lẽ như cái bóng lướt qua cây rừng xông tới.

Một kế khác được sói ưa thích: xóa dấu vết bằng cách lợi qua các con suối khiến bọn chó không biết đường nào lần theo. Sang tới bờ bên kia, sói con chui vào một bụi cây nằm dài, khoan khoái thưởng thức tiếng kêu la thất vọng của lũ chó.

Trong tình trạng thường xuyên phải biểu thị thái độ độc ác với các con vật, sự phát triển tinh thần của Nanh Trắng diễn ra rất nhanh và phiến diện. Nó chỉ học được một đạo luật duy nhất:

cúi đầu phục tùng kẻ mạnh, thẳng tay áp bức kẻ yếu. Nó được giáo dục theo tư tưởng tôn sùng quyền uy. Vì thế sói con ra sức luyện cho mọi động tác của nó đều rất linh hoạt. So với các con chó khác trong trại, nó linh lợi hơn, nhanh nhẹn hơn, bền bỉ, hung tợn và hiếu sát hơn. Sự phát triển như vậy là tất yếu giúp nó có thể chống cự và sống sót trong môi trường thù địch nó đang sống.

Khi mùa đông trở về mang theo mưa tuyết và sương mù Nanh Trắng đã có thời cơ thuận lợi để xa rời chủ, trở lại thành một sinh vật tự do.

Đoàn Anhđiêng nhỏ lẻ trại, chất mọi thứ lên thuyền độc mộc. Họ sẽ đi tới những miền nhiều con mồi hơn, ít giá buốt hơn. Kế hoạch của Nanh Trắng rất đơn giản. Chờ khi các con thuyền khuất sau khúc sông, nó chui vào nắp kín trong lùm cây, không đáp lại tiếng gọi của Rái cá-Xám, của Kloo Kooch vợ anh ta và Mit Sah con trai anh ta.

Nó nằm im trong nhiều giờ, chờ khi biết chắc toán Anhđiêng đã đi khỏi, nó chui ra cắn đầu chạy như điên vào rừng. Nanh Trắng được tự do! Tự do như cũ!

Nhưng nó nhanh chóng vỡ mộng. Lòng nó tràn ngập một nỗi buồn vô hạn.

Mọi ý nghĩ của sói con đều tối đen, trong nỗi buồn tê tái. Không khí yên tĩnh làm nó bối rối, cảm thấy một nguy hiểm rất gần đang đe dọa. Đã thế, khí lạnh như dao cắt thịt. Khí lạnh ác nghiệt luôn vào tận xương tủy. Không có góc lều làm nơi trốn rét, nó phải lần lượt vận động từng chân cho máu chảy đều, quắp chiếc đuôi lông dài phủ lên người cho đỡ cóng.

Nhiều hình ảnh tái hiện trong ký ức sói.

Những căn lều bạt, những đồng lửa, những người Anhđiêng tấp nập lui tới. Tiếng the thé của đàn bà, tiếng trầm trầm của đàn ông, tiếng chó sủa...

Tất cả những cái đó đều không còn nữa.

Thấy đói bụng, sói con nhớ ngay tới những mẩu thịt, những con cá từ tay con người ném cho. ở đây chẳng có miếng thịt nào, đâu đâu cũng chỉ có sự im lặng khó tả, đầy đe dọa. Nanh Trắng không còn là con thú rừng ngày trước. Cuộc sống điều độ bên con người đã làm tính cách nó mềm đi, cảnh nô lệ đã làm nó mất hết ý thức về trách nhiệm.

Thay cho tiếng rì rầm sinh động của cuộc sống thường nhật, lúc này im lặng và bóng đêm đang vây hãm bóp nghẹt nó, làm nó tê liệt. Rồi đây nó sẽ ra sao? Nhanh Trắc rùng mình. Vừa có một bóng đen khổng lồ, đáng sợ vút qua tầm nhìn của nó. Gì vậy? Đó chỉ là bóng cây do ánh trăng chiếu vào. Sói rên khe khẽ, sức nhớ ra vội ngậm chặt mồm để khỏi đánh thức mối nguy đang vây quanh. Có tiếng răng rắc ngay trên đỉnh đầu nó. Gì vậy? Đó là tiếng cành khô gãy. Nó chồm lên chạy thục mạng về phía trại. Một nguyện vọng mãnh liệt thôi thúc nó: được bảo vệ. Mùi khói củi phả vào lỗ mũi. Sói con ra khỏi rừng, khỏi những khoảng tối và những bóng đen đáng sợ của rừng, tới một khoảng trống tràn ngập ánh trăng. Nó ngơ ngác tìm trại Anđiêng, quên rằng trại đã dời đi từ lâu.

Nhanh Trắc đột ngột dừng lại, không biết nên đi đâu bây giờ. Cô độc, thiếu não, nó đi loang quanh trên mảnh đất vắng teo tuy mới đây còn đông vui những căn lều của người Anđiêng.

Mũi nó phập phồng hít mùi các đồ vật bỏ đi và rác rưởi của thượng đế vút lại.

Sói vừa tới đứng chỗ trước kia chủ nó dựng lều. Nó ngồi xuống héch mồm lên mặt trăng, há thật to thốt lên một tiếng than dài, tiếng than từ trái tim tan nát, tiếng than nói lên tất cả nỗi cô đơn hãi hùng, nỗi đau mất mẹ, những thiếu thốn và sự khốn cùng của nó trong quá khứ.

Tiếng tru đầu tiên của sói con, rất dài và thê thảm.

Ánh bình minh làm giảm bớt một phần nỗi lo sợ của sói nhưng lại làm tăng cảm giác cô đơn, thất vọng. Nhanh Trắc nhanh chóng quyết định. Nó lao thẳng vào rừng, tới bờ sông, men theo bờ đi về phía hạ lưu.

Sói chạy không nghỉ suốt một ngày hôm đó.

Sức bền bỉ di truyền giúp sói con có thể bắt các cơ bắp tuy đã nhừ mỗi lần đưa nó tiến lên không ngừng. Tới chỗ dòng chảy bị thu hẹp giữa hai bên bờ vách đá cheo leo, nó vòng tránh tìm đường lên đỉnh núi. Có những đoạn sói phải lội phải bơi qua sông qua suối, nhiều chỗ phải liêu đi trên lớp băng mới bắt đầu đông cứng ven bờ.

Đôi lần vượt qua khúc sông chảy xiết, nó phải chống chọi kịch liệt mới không bị nước cuốn đi.

Đầu óc nó không lúc nào rời khỏi ý định tìm ra dấu vết các thượng đế. Điều lo lắng duy nhất của nó là họ đã rời bờ sông đi sâu vào nội địa.

Trí thông minh của Nanh Trắng hơn hẳn các đồng loại. Nhưng nó chưa đủ khôn để nghĩ tới bờ bên kia con sông Mackenzie. Biết đâu toán người Anhđiêng đã chẳng di chuyển sang đó? Sau này, cùng với năm tháng và sự từng trải, chắc Nanh Trắng sẽ không bỏ qua khả năng đó, còn lúc này nó chỉ đi hú họa vậy thôi. Suốt đêm hôm đó nó vẫn chạy không ngừng, vượt qua nhiều trở ngại, nhất quyết không bỏ cuộc. Mãi tới trưa hôm thứ hai cơ thể nó mới bắt đầu suy kiệt: tính ra nó đã chạy liên một mạch suốt ba mươi tiếng mà chưa có miếng gì vào bụng. Bộ lông mịn màng trên mình đã bết lại sau nhiều lần ngụp lặn dưới nước giá buốt. Gan bàn chân tóe máu tươi, càng về sau sói con càng cà nhấc dữ. Họa vô đơn chí, trời bỗng tối sầm, tuyết bắt đầu rơi như roi quất, tuyết tan chảy dưới chân làm đường trơn như mỡ, che lấp tầm nhìn ra xa khiến tốc độ của nó càng chậm lại.

Tối đó Rái cá-Xám quyết định sang hạ trại bên bờ đối diện của con sông Mackenzie. Nhưng trước khi trời tối hẳn, Kloo Klooch vợ anh ta phát hiện một con nai sừng tấm đang xuống sông uống nước. Sự tình cờ may mắn này đã đảo ngược tình hình theo hướng có lợi cho sói con. Bởi lẽ nếu con thú rừng kia không xuống sông uống nước, nếu Kloo Klooch không phát hiện ra và nếu Rái cá-Xám không bắn hạ được nó bằng hai phát súng, chắc hẳn Nanh Trắng đã bị lạc và sẽ hoặc chết vì đói khát vì rơi vào tay địch, hoặc gặp lại bầy sói anh em ruột thịt của nó và trở lại sống đời sói đến lúc chết. Tuyết rơi càng dày, sói con đang lao đảo, lê chân khập khiễng bước đi thì phát hiện trên mặt đất trắng tuyết một dấu chân mới toanh. Nó lần theo dấu chân đi từ bờ sông vào bìa rừng. Chẳng mấy chốc tiếng ồn ào của trại đã bay tới tai, nó trông thấy ánh lửa bếp chập chờn của vợ Rái cá-Xám đang nấu ăn. Trong trại có thịt tươi rồi!

Sói con định ninh sắp ăn đòn. Nó dấn mình xuống đất. Nghĩ tới trận đòn sẽ tới, lông hơi dựng lên nhưng nó vẫn nhoài dần về phía căn lều. Vừa sợ và căm ghét hình phạt đang đe dọa lại vừa thèm hơi ấm của bếp lửa và sự che chở của các thượng đế. Nên nó cứ tiến, thân hình co quắp, khúm núm, kéo lê bụng tới vùng sáng bếp lửa.

Rái cá-Xám trông thấy Nanh Trắng, ngừng nhai miếng thịt đang ăn dở. Nanh Trắng trườn thẳng tới trước mặt ông chủ, đầu cúi gằm tỏ ý thuận phục. Lúc này nhích được một tấc đất tới gần vị thượng đế sao mà chậm chạp, nhọc nhằn.đến thế! Mãi nó cũng tới nơi, nằm phủ phục dưới chân Rái cá-Xám.

Sói con run hết biết nhắm nghiền mắt chờ đòn trừng phạt giáng xuống. Bàn tay ông chủ Anhđiêng vừa giơ cao trên đầu, nó vội gồng mình chịu trận. Không thấy bàn tay đó nện xuống nó liều mạng ngược nhìn. Thì ra Rái cá-Xám đang xé đôi miếng thịt, đưa cho nó một nửa.

Sói con chưa hết nghi ngại, rụt rè đánh hơi, rồi nhẹ nhàng đón miếng thịt. Rái cá-Xám ra lệnh mang thêm thịt cho nó, và ngồi canh chừng lũ chó khác để Nanh Trắng yên chí đánh chén.

No phưỡn bụng, Nanh Trắng nằm dưới chân ông chủ, âu yếm nhìn đồng lửa sưởi ấm nó. Hoàn toàn yên tâm về ngày mai hết cảnh lang thang trong rừng tối, được làm bầu bạn với giống người.

Chương 6

Luật kẻ mạnh

Ít bữa sau Rái cá-Xám phải lên đường.

Anh chuẩn bị hai cỗ xe trượt, chiếc lớn cho anh ta và chị vợ Klooch, chiếc nhỏ cho cậu con trai Mit Sah có dịp tập điều khiển đàn chó kéo. Chắc chẳng cần nói thêm: cậu ta rất hãnh diện được giúp bố mẹ chở theo hơn một trăm kí hành lí.

Nanh Trắng cũng phải đóng một bộ dây đai.

Nó chẳng lấy thế làm ngạc nhiên, vì có những sáu con khác cùng kéo xe với nó. Mỗi con bị buộc vào cỗ xe bằng những sợi dây dài ngắn khác nhau.

Xe trượt tuyết trông giống loại xe trượt băng toboggan, nhưng làm bằng vỏ cây phong bạc, mũi uốn cong để khỏi lún xuống tuyết. Trọng lượng hàng được rải đều trên bề mặt chiếc xe. Chó buộc vào xe bằng những đoạn dây dài ngắn khác nhau để chúng khó bề đánh lộn. Con nào thích gây.gỗ chỉ có thể quay lại cắn con phía sau và sẽ bị lọt vào tầm roi của người điều khiển. Trái lại, nếu định gây sự với con chạy trước tất nhiên nó phải dướn mạnh lên kéo theo tất cả những con chạy phía sau làm tốc độ xe tăng lên.

Con Lip Lip dẫn đầu đoàn chó, nghiêm nhiên được đặt vào cương vị chỉ huy làm cả bọn chó đều rất tức tối ganh tị.

Mit Sah là chàng trai cũng khôn ngoan như người bố. Chú đã thấy Nanh Trắng thường xuyên bị Lip Lip hành hạ. Nhưng vì hồi đó Lip Lip là chó của chủ khác nên chú chẳng thể làm gì được ngoài việc thỉnh thoảng ném nó một cục đá.

Sau khi mua về Mit Sah bắt đầu trút căm tức lên đầu con Lip Lip bằng cách buộc nó vào sợi dây dài nhất. Về hình thức thì có vẻ là một vinh dự. Nhưng thực ra thì Lip Lip chẳng những không chỉ huy được mấy con kia mà còn lãnh đủ nỗi căm ghét của chúng, thường xuyên bị chúng hành hạ tới số. Lũ chó chỉ nhìn thấy đuôi và hai chân sau của nó nhấp nhôm chồm chồm trước mặt. Chúng nghĩ: cha này sợ nên mới quắp đuôi chạy chí mạng thế kia. Ý nghĩ đó làm chúng hăng tiết muốn bắt kịp Lip Lip. Thế là trong suốt ngày đường cỗ xe trượt như bay. Con đầu đàn Lip Lip nổi cáu vì bị rượt đuổi đến cùng, định quay lại trị lũ địch thủ nhưng ngay lập tức bị ngọn roi dài ba chục piê quất giữa mồm buộc nó phải trở về vị trí. Mit Sah còn chơi khăm tìm cách kích lũ chó đuổi theo Lip Lip hăng hơn nữa bằng cách ưu tiên thưởng thịt cho nó khiến những con khác lòng lên tị nạnh. Riêng Nanh Trắng vẫn làm lũ làm nhiệm vụ rất chu đáo, sợi dây của nó luôn kéo căng, Mit Sah công nhận nó rất tận tụy trong công việc. Sói xám đã quên mẹ, chỉ lo ngoan ngoãn phục tùng ông chủ. Nó chấp nhận kỉ luật dễ dàng hơn các con khác.

Không quên những trò tai ác của bọn chó, nó luôn lảng xa chúng. Nhưng cũng thấy khoái vì Lip Lip giờ đây đã thay nó đóng vai kẻ chịu tội.

Nó luôn tự nhắc nhở: chó có đại đột xa rời Rái cá-Xám, xa rời bà chủ và con trai ông bà chủ, nó sẽ bị bày chó kia nhào tới giết chết không thương tiếc.

Dần dần Nanh Trắng được trọng thị. Không con nào dám nâng tay trên của nó một miếng thịt nhỏ, trái lại chính nó thường cướp của chúng miếng thịt chúng chưa kịp nuốt hết. Kỉ luật do thượng đế đề ra chặt chẽ chừng nào thì kỉ luật do Nanh Trắng áp đặt cho bọn chó cũng không kém khắc nghiệt. Nó đòi hỏi bọn chúng phải tuyệt đối phục tùng.

Chuyến đi kéo dài nhiều tháng. Sói xám ngày càng được nể sợ, đã trở thành một thứ nhân vật thượng đẳng trong xã hội chó. Nhưng nó vẫn coi con người là thượng đế.

Sói không cảm thấy yêu Rái cá-Xám. Nó coi anh ta là một thượng đế hoang dã, chẳng một lần vuốt ve nó, cũng chẳng bao giờ nói với nó một lời mềm mỏng. Anh ta thực thi công lí bằng chiếc gậy tổ bố, khi nó lập thành tích thì được anh thưởng công bằng cách không đánh đòn.

Bàn tay anh ta đáng lẽ có thể rất dịu dàng nhưng lại chỉ ban phát sỏi đá, những cái tát nẩy lửa, những ngọn roi quất cháy da cháy thịt, những đòn gậy nện như xương. Bàn tay bọn nhóc Anhđiêng càng độc địa hơn. Mỗi khi có dịp, chúng thi nhau ném đá vào Nanh Trắng, có đứa suýt làm nó chột mắt một mắt.

Một bữa kia, Nanh Trắng gặp rắc rối nghiêm trọng gần một hồ lớn, hồ Nô lệ. Thấy một chàng trai đang dùng rìu pha những tảng thịt đông lạnh, nó mon men tới gần. Những mảnh thịt vụn bắn tung tóe đỏ lòm như tia lửa. Sói con nhảy tới vồ. Anh chàng Anhđiêng cau mặt buông rìu, nhặt chiếc gậy định nện. Tên kẻ cắp ngay bỏ chạy, ló ngó không thuộc đường nên mắc kẹt giữa hai căn lều và một taluy cao.

Nó phạm tội gì? Nhặt nhanh những thứ vương vãi đâu phải là tội! Vậy tại sao dám vung gậy đánh nó? Con chó lai sói chồm lên. Chàng trai bị hất ngã, bị nó ngoạm một miếng đau.

Nanh Trắng bỏ chạy liền, về nấp bên ông chủ.

Lát sau chàng Anhđiêng nọ kéo cả nhà tới gặp Rái cá-Xám.

- Chó của anh cắn con trai tôi. Phải trị nó tận mạng.

- Không. - Rái cá-Xám đáp, - nó không làm gì sai. Không đánh nó mới đúng!

Kloo Kloooh và Mit Sah cũng đồng tình với anh ta. Vậy sao? Mình có thể cắn một loại thượng đế nào đó mà không bị trừng phạt ư?

Nanh Trắng sẽ không bao giờ quên ý tưởng này.

Chưa hết. Ngay sau đó ít bữa Mit Sah đi rừng và chạm trán anh chàng bị Nanh Trắng cắn bữa trước. Hai đứa cãi nhau, lát sau nhiều đứa nữa kéo tới. Cậy đông chúng hè nhau đánh Mit Sah. Đòn hội đồng giáng như mưa xuống người Mit Sah. Tuy chống cự rất kiên cường nhưng con trai Rái cá-

Xám sắp quì đến nơi. Đúng lúc Nanh Trắng tới. Chuyện gì thế nhỉ? à, thì ra các ông con của thượng đế nện nhau! Không phải chuyện của mình. Mặc xác chúng... ồ, nhưng người bị chúng choảng là Mit Sah, mà Mit Sah lại là con ông chủ mình! Sói con xông vào. Trong nháy mắt chiến trường sạch bóng quân thù! Mit Sah kể lại câu chuyện rắc rối đó với bố mẹ. Hôm đó Nanh Trắng được Rái cá-Xám thưởng vô số thịt.

Sói con rút ra nhiều bài học. Từ bảo vệ thân thể thượng đế đến bảo vệ tài sản của họ, hai nhiệm vụ cách nhau không xa. Vậy nó phải bảo vệ họ chu đáo cả thân thể lẫn tài sản, dù có phải vì công việc đó mà cắn các thượng đế khác...

Thượng đế cũng có dăm bảy đường, có loại tối cao đòi hỏi nó phải phục tùng và bảo vệ, có loại nhát như thỏ đế mà nó có thể cắn nếu tình thế đòi hỏi.

Rái cá-Xám huấn luyện Nanh Trắng làm công việc giữ nhà. Nó được trả công bằng thức ăn và sự che chở của chủ. Từ đó Nanh Trắng biết canh giữ tài sản, bảo vệ thân thể thượng đế, làm việc cho chủ.

Khoảng tháng tư, chuyến đi dài của chàng Anhđiêng kết thúc. Nanh Trắng vừa tròn tuổi tới. Mit Sah tháo dây đai cho nó. Không kể Lip Lip, nó là con đẹp nhất trong đàn chó choai choai của toàn trại. Nó thừa hưởng của bố mẹ cả sức khỏe lẫn tầm vóc. So với các con đã trưởng thành thân hình nó dài hơn tuy nhìn tổng thể thì các bộ phận chưa phát triển cân xứng, vẫn mảnh mai thon thả. Bộ lông màu xám y hệt lông sói rừng. Lang thang trong trại, nó nhanh chóng lấy lại các thói quen cũ, dễ dàng nhận ra những địa điểm đã rời xa từ nhiều tháng nay. Giờ đây Nanh Trắng có thể dạo chơi khắp chốn không lo bị tấn công, hơn nữa bọn chó thấy nó đi qua còn vội vàng lánh mặt. Trong đám chó già có một con trước kia vẫn làm nó run bắn lên: con Baseek. Hồi đó hề vừa trông thấy nó là Nanh Trắng đã hoảng.

Nó bị con Baseek đánh bại nhiều trận.

Nhưng bây giờ, nó đã biết rõ những thay đổi trong sự phát triển thân hình và sức mạnh của nó, biết rõ Baseek đã suy yếu vì tuổi già.

Hai địch thủ chạm trán nhau nhân dịp xẻ thịt một con nai sừng tấm vừa bị bắn hạ, Nanh Trắng được chia phần một chiếc móng và một khúc xương ống chân còn dính một miếng thịt.

Nó mang phần tới sau bụi cây xa lũ chó đang chen lấn tranh cướp nhau, điềm tĩn nằm thưởng thức. Bống Baseek lao đến. Sói con phản công ngay, chồm lên cắn kẻ địch một nhát rồi lùi ra xa thủ thế. Con chó già sững sờ trước thái độ ngang tàng của sói con, trước đòn phản kích chớp nhoáng, đứng ngó ra, nhìn trân trân vào địch thủ.

Baseek đã có kinh nghiệm về sức mạnh ngày càng gia tăng của lớp trẻ, nó biết cần phải vận dụng sự khôn ngoan để chịu đựng điều nó không thể ngăn cản. Nó xù bộ lông đầy oai phong, trừng mắt qua khúc xương nhìn sói con với vẻ khinh miệt. Nanh Trắng tuy ra đòn thành công nhưng trong tâm trạng vẫn còn rơi rớt đôi chút nào đó của nỗi khiếp đảm ngày xưa. Nó thu mình thật nhỏ, nghĩ cách rút lui sao cho đỡ mất thể diện.

Con Baseek phạm sai lầm khi nhận định tình thế, tưởng cái nhìn khinh miệt của mình đã làm Nanh Trắng mất tinh thần sắp bỏ chạy để lại miếng thịt. Nhận định đó làm Baseek nôn nóng mất kiên nhẫn.

Con chó già coi như mình đã thắng, bước thẳng tới miếng thịt. Nó chẳng cần đề phòng, cúi xuống hít hà đánh hơi. Nanh Trắng gừ một tiếng. Lúc này, nếu như con chó già chịu đứng yên tại chỗ, tình thế của nó vẫn chưa đến nỗi nguy ngập. Chỉ cần ngẩng đầu, phóng tia mắt dữ tợn thẳng vào địch thủ, nhất định nó sẽ làm Nanh Trắng táng đờm kinh hồn bỏ chạy. Khôn nỗi mùi thịt tươi ngon lành vừa xộc vào lỗ mũi lại quá hấp dẫn làm Baseek không sao cưỡng nổi cơn thèm rỏ dãi, muốn ăn sống nuốt tươi ngay lập tức.

Baseek quá quắt tới mức đó, sói con chịu sao thấu! Từ lâu nay nó đã được tôn vinh là vị chỉ huy xứng đáng của các bạn đồng hành, đời nào nó chịu để yên cho kẻ kia ngang nhiên cuỗm phần thịt của nó! Nanh Trắng liền ra đòn theo cách lâu nay: bất ngờ, không dạo đầu. Ngay đòn thứ nhất tại Baseek đã bị xé rách te tua. Chưa kịp hoàn hồn, các đòn tiếp theo đã tới tấp giáng xuống.

Nó bị hất ngã chổng bốn vó, cổ họng rách toang, đang ra sức quẫy đạp có bò dậy thì bị Nanh Trắng đớp hai miếng vào bả vai. Đòn phản công của Baseek chẳng nhằm nhò gì: hai hàm răng nó bập rất mạnh phát ra một tiếng ghê hồn nhưng chỉ bập vào không khí. Lát sau Baseek bị cắn trúng mõm, bị hất tung ra xa miếng thịt.

Tình thế hoàn toàn đảo ngược. Nanh Trắng dựng lông nhe nanh đứng chặn khúc xương, Baseek lùi xa phía sau chuẩn bị chuồn. Nó đã.tồn không dám liều mạng tiếp tục chọi với sói con rất giỏi tấn công chớp nhoáng. Nhưng vẫn cố thu hết can đảm hồng rút lui trong danh dự.

Nó quay lưng lại, đằng hoàng bỏ đi rất oai vệ coi như Nanh Trắng và khúc xương ống kia chẳng la cái thá gì đáng quan tâm. Cho tới khi không trông thấy sói con đâu nữa nó mới dừng lại liếm các vết thương đỏ máu.

Nanh Trắng nghiêm nhiên trở thành vị chúa soái độc tôn trong trại. Không tên nào dám chống lại nó. Nó tha hồ lên mặt, không bè bạn, luôn buồn so, xa lánh mọi con khác.

Giữa mùa hè, bữa sói con đang một mình lặng lẽ ngao du bỗng bắt gặp một căn lều mới dựng ngay bên trại. Nó để ý thăm dò và nhận ra Kiche. Sói con nao nao nhìn mẹ, trong lòng rạo rực bao kí ức ngày xưa. Nhưng sói cái nhe răng, gừ khê. Những kỉ niệm đầm thắm trong quá khứ vụt sống lại trong lòng sói con. Nó chồm tới con sói mẹ đã từng một thời là cả thế giới của nó. Con Kiche đớp nó một miếng làm sói con đau quá lùi lại, không hiểu tại sao. Ta đừng vội chê trách sói mẹ. Nó không nhìn nhận con chỉ vì nó đã có những đứa con khác.

Hai chú nhóc vầy đuôi đòi chơi với Nanh Trắng trong khi con này lạnh lùng đánh hơi, rất thắc mắc không hiểu từ đâu ra hai nhóc con lạ mặt, không biết đây là hai đứa em cùng mẹ khác bố. Con Kiche lại đớp nó lần nữa rồi không ngớt gừ gừ đe dọa.

Nanh Trắng không còn là trung tâm cuộc sống của sói cái nữa. Nó ngơ ngác đứng nhìn Kiche liếm hai sói con, thỉnh thoảng lại gầm gừ xua đuổi nó. Nó không còn có ý nghĩa gì, không còn chỗ đứng trong tình cảm của Kiche, như Kiche lẽ ra cũng không còn chỗ trong tâm hồn nó.

Nhưng Nanh Trắng vẫn đứng im, trong tâm trạng cực kì choáng váng cố đấu tranh với những kỉ niệm rồi bời. Một lần nữa mẹ nó lại tấn công.

Sói con nhẫn nhục chịu đựng không chống lại, theo đúng luật của loài chó: không đánh chó cái.

Nó biết luật này theo bản năng tự nhiên.

Nhiều tháng trôi qua. Nanh Trắng đã trở thành con chó lai sói cao lớn. Tính cách nó tiếp tục phát triển theo khuôn mẫu của hoàn cảnh xung quanh.

Quy luật cuộc sống là như vậy: tính cách hình thành trong khuôn mẫu của hoàn cảnh. Nếu Nanh Trắng không đến với ngọn lửa của con người, chắc chắn Wild đã biến nó thành con sói rừng thực thụ. Con người đã tạo cho nó một môi trường khác, trong đó nó lớn lên thành chó nhà nhưng vẫn giữ lại đôi nét gì đó của chó sói.

Càng lớn lên nó càng khó hòa đồng, càng tỏ ra hung tợn với các con chó trong trại, nhưng vì thế lại được Rái cá-Xám ngày càng ưu ái hơn.

Tuy thể chất rất khỏe nhưng Nanh Trắng có điểm yếu chí tử về tính cách không thể khắc phục nổi: không chịu đựng được tiếng cười chế giễu của mọi người. Khi các ông chủ Anhđiêng cười nó, máu Nanh Trắng lập tức sôi lên khiến nó trở nên cực kỳ nguy hiểm. Vô phúc cho con chó non, thậm chí cả con chó già nào lúc ấy loạng quạng trên đường đi của nó! Nó hiểu luật lệ nên không dám trút cơn giận lên Rái cá-Xám, biết rõ sau lưng anh ta có cây gậy tổ bố và chiếc roi rất dẻo. Còn sau lưng lũ chó chỉ có khoảng không gian trống trơn để chúng quắp đuôi chạy thẳng khi Nanh Trắng xuất hiện trong cơn điên bị người cười nhạo.

Lúc Nanh Trắng lên ba, vùng lưu vực sông Mackenzie lâm vào cơn đói kém rất nặng. Cá sông, thỏ rừng và nai sừng tấm biến đi đâu sạch.

Ngay bốn tuần lộc cũng hình như quên đi trú tới đây. Khắp miền Wild bị bao phủ trong chết chóc. Thiếu lương thực, bị cái đói hành hạ, các con vật ăn thịt lẫn nhau, con nào thật khỏe mới sống sót. Đã thế chúng còn bị người Anhđiêng săn bắt ngày đêm. Người già, người yếu lặn ra chết đói, tiếng kêu than ai oán tràn ngập trại.

Đàn bà trẻ con kiệt sức gục hàng loạt, số ít thức ăn còn lại chui vào bụng các thợ săn mất sâu hoắm vì đói. Các thượng đế phải ăn cả những chiếc giày da mọc và bao tay da của họ thì dĩ nhiên bọn chó phải ăn dây đai kéo xe, khi đã ăn hết những thứ đó thì ăn thịt lẫn nhau. Những con xấu xí nhất, yếu ớt nhất bị thịt trước, vài con chạy thoát vào rừng thì rơi vào nanh vuốt chó sói. Một mình con Nanh Trắng đã từng qua thời thơ ấu ở Wild nên có khả năng sống độc lập trong rừng.

Thấy chó bị các ông chủ ăn thịt dần, sói con biết thân biết phận đông tuốt vào rừng, kiên nhẫn săn bắt sóc làm thức ăn cầm hơi, nhiều phen nó phải phục kích hàng giờ mới thấy con vật nhỏ thó này rời cây nhảy xuống.

†n mãi cũng hết sóc, nó tự bằng lòng với thịt chuột. Bữa tấn công một con chồn thông nó bị đánh trả kịch liệt.

Khi nạn đói lên tới đỉnh điểm, cực chẳng đã sói con phải tìm về với bếp lửa của các thượng đế. Dừng lại ở chỗ khá xa dây lều bạt, nắp kín dưới cây rừng nó quan sát tình hình trong trại, len lén gỡ trộm các con vật mắc bẫy người Anh điêng. Có lần nó liều mạng gỡ cả bẫy của Rái cá-Xám. Mệt muốn chết, sức lực gần cạn kiệt, nhiều lần nó phải nằm bẹp xuống thở. Tình cờ bắt gặp một con sói con lảng vảng gần trại, nó giết luôn không thương tiếc rồi tiếp tục đi lang thang. Có lẽ số còn may, nên mỗi khi lên cơn đói bụng thể nào nó cũng kiếm được miếng gì nhét vào dạ dày. Nó đã suy yếu nhưng trong rừng có những con vật còn yếu hơn. Có bữa cả một đàn sói xông vào đúng lúc Nanh Trắng vừa một mình chén hết con linh miêu cách đây hai ngày nên rất sung sức. Cuộc chiến cực kì quyết liệt nhưng Nanh Trắng có phong độ cao hơn hẳn bọn địch thủ, buộc chúng phải bỏ dở cuộc truy kích. Hơn nữa, nó còn bất ngờ quay lại quật chết rồi nuốt gọn một con đang mải đuổi theo nó. Những chuyến ngao du liên miên đưa Nanh Trắng trở về vùng nó sống thời thơ ấu, gặp lại chiếc hang nó đã sống với sói mẹ và sói già lông xám. Nó ngạc nhiên thấy Kiche trong đó. Cũng như Nanh Trắng, sói mẹ đã chạy trốn bàn tay con người.

Kiche cùng sống với một con sói nhỏ. Thấy Nanh Trắng tới, sói mẹ kiên quyết đuổi ra. Nanh Trắng không cưỡng lại, tới ở trong hang con linh miêu đã đánh nhau với nó hồi xưa.

Mùa hè trôi qua. Nhờ may mắn săn được nhiều mồi nên Nanh Trắng đã phục hồi sức lực, cảm thấy tràn đầy tự tin. Một bữa tình cờ nó gặp Lip Lip cũng đã vào sống trong rừng như nó. Hai con đang chạy ngược chiều nhau dọc theo chân một bức vách đá bọc hai bên bờ dòng thác. Bất thành linh chúng chạm trán khi cả hai vừa vòng qua một tảng đá. Chúng lập tức thủ thế, gườm gườm nhìn nhau đầy nghi ngờ.

Nanh Trắng vừa ăn no nên rất sung sức, con mồi nó vừa ăn còn chưa kịp tiêu hết. Vậy mà vừa thoáng thấy Lip Lip, toàn bộ lông dọc sống lưng nó tự động dựng hết lên, y hệt hồi bị địch thủ bắt nạt ngày trước.

Sự việc tiếp theo diễn ra trong nháy mắt.

Con Lip Lip định bỏ chạy nhưng không kịp.

Nanh Trắng hắt nó ngã chổng gọng, lăn lông lốc mấy vòng. Rồi ngoạm giữa cổ nó. Con Lip Lip thở hắt ra chờ chết, Nanh Trắng lượn quanh địch thủ canh chừng một lúc rồi bỏ đi dọc theo vách đá.

Một lát sau nghe có nhiều tiếng động trong rừng, nó thận trọng tới bìa rừng đưa mắt nhìn ra trắng trổng. Gần con sông, có một trại Anhđiêng.rộn rã tiếng động, tiếng người, mùi cá mùi thịt theo gió đưa vào mũi thơm phưng phức. Nghe những âm thanh vui vẻ, xen lẫn tiếng càu gắt của phụ nữ, Nanh Trắng hiểu ngay rằng đằng sau sự giận dữ của các bà là những chiếc dạ dày no căng. Lương thực đã sẵn, nạn đói đã qua. Biết thế sói con mạnh dạn ra khỏi rừng, chạy xuyên qua trại đi thẳng tới lều Rái cá-Xám. Chàng An-hđiêng này không có nhà, chị vợ Klooch mừng rỡ tiếp đón con sói. Chị ném cho nó một miếng thịt.

- Ớn đi, rồi nằm đó mà ngủ. Rái cá-Xám sắp về rồi. ông ấy sẽ rất vui khi thấy mày quay về.

Cuộc sống trở lại như xưa, Nanh Trắng lại làm chó kéo xe trượt tuyết.

Nó lại được đóng vai đầu đàn, do đó càng bị những con khác căm ghét. Suốt ngày, bọn chúng có cảm giác phải rượt đuổi nó không lúc nào được ngơi nghỉ. Khi dừng, chúng chỉ muốn xông tới nện cho nó một trận cho bỏ ghét nhưng lại bị ngọn roi của Mit Sah làm nguôi cơn hăng máu. Ngay Nanh Trắng mỗi khi định sửa một con trong đàn cũng không tránh khỏi bị ngọn roi da tàn nhẫn quất giữa mõm. Buộc phải tuân lệnh chủ bắt kéo xe hết ngày này sang ngày khác, nó đâm ra ngán cái nghề khó chịu này.

Mỗi khi Mit Sah ra lệnh khởi hành, cả đàn chó đồng loạt dướn lên đuổi theo sói con, kèm theo những tiếng gầm gừ tức tối. Sói con cảm thấy lòng tự ái bị tổn thương nặng nề vì không có cách nào dừng lại để trị tội cái bọn cứ lẳng nhặng bám đuôi đuổi theo nó suốt ngày. ý chí ngấm ngấm nổi loạn và lòng căm thù của nó lớn dần. Nó không mong được nương nhẹ và cũng không nhẹ tay với địch thủ, nhất định tìm mọi cơ hội hãm hại lũ chó trong trại. Đêm nào nó cũng loanh quanh giữa các căn lều, hòng vớ được một con đại đột dám đi đêm để nện cho một trận bò lê bò càng.

Mỗi khi về tới đích, chó được thả ra, các con đầu đàn khác thường nép vào chân các thượng đế để được che chở. Con Nanh Trắng không thế. Nó một mình lững thững đi khắp trại, đêm đêm lung đánh những con đã chọc

tức nó trong ngày. Nhưng lũ chó không tìm đường lánh mặt nó như trước nữa.

Chúng đã quen nhìn nó bỏ chạy suốt ngày, đầu óc chúng đã quen với ý nghĩ coi ưu thế của sói con là thứ giả tạo. Vì vậy hễ Nanh Trắng xuất hiện là chúng hè nhau xông vào đánh tới tấp.

Bầu không khí xung quanh sói con chất đầy thù hận, độc ác. Những bữa ở lại trại, nó hết bị bày chó này đến bày khác thay phiên nhau kéo tới tấn công, quấy rối làm nó suốt ngày không yên. Tuy con nào cũng được Nanh Trắng cho những bài học nhớ đời nhưng đêm nào chúng cũng hè nhau kéo tới khiêu chiến. Lòng căm thù của chúng có nguồn gốc sâu xa từ sự khác biệt chúng cảm thấy giữa chúng và con sói.

Chắc chắn chó nhà cũng là chó sói được thuần dưỡng. Nhưng được thuần dưỡng qua nhiều thế hệ nên chúng đã quên hết thói quen sống ở Wild, chỉ còn giữ lại một ý niệm mơ hồ, coi đó là một miền xa lạ, khủng khiếp, đầy đe dọa. Wild chính là cái mà chúng căm thù ở Nanh Trắng vì Nanh Trắng là kẻ vẫn còn quá gần gũi với Wild, là tượng trưng của Wild. Nó là con sói vẫn giữ nguyên kí ức về cuộc sống tự do giữa rừng hoang dại, vẫn nhớ những cuộc săn đuổi quyết liệt, những cuộc tấn công con mồi, vẫn thêm nhớ mùi vị những tia máu nóng hổi và những tảng thịt tươi rói nảy bần bật dưới hàm răng kẻ thắng trận.

Qua các trận giáp chiến, bọn chó rút ra kinh nghiệm xương máu: đừng bao giờ một mình tấn công con sói đáng gờm. Vì vậy, lần nào chúng cũng tụ năm tụ bảy kéo tới, tránh bị Nanh Trắng lần lượt nuốt chửng từng con. Nhờ chiến thuật đó nên chúng không bị tiêu diệt. Tuy Nanh Trắng có thể quật ngã một con trong bọn, nhưng ngay lập tức cả lũ xông vào trước khi con sói kịp giáng đòn kết liễu. Vừa có lệnh tấn công phát ra, ngay những con hèn nhất cũng tham gia đội hình tấn công Nanh Trắng tuy không lần nào đánh bại được nó. Nó quá mạnh, quá nhanh và quá thận trọng. Luôn tránh bị dồn vào chỗ hẹp, khi bày chó định bao vây nó phóng ngay ra xa. Khó có thể bắt ngã nó, vì bộ móng của nó bám xuống đất cũng chắc như con người nó bám vào cuộc sống. Nanh Trắng tuyên chiến với bọn anh em cùng loài đã bị sự che chở của thượng đế làm cho mềm yếu, nhu nhược. Nó hung dữ tới mức tuy Rái cá-Xám là con người cực kì tàn nhẫn cũng phải tự thú nhận: trong

đời anh ta chưa từng thấy con vật nào như nó. Điều này làm anh ta rất khoái..

Chương 7

Pháo đài Yukon

Khi Nanh Trắng lên năm tuổi, Rái cá-Xám cùng nó thực hiện chuyến đi theo đường khác: vượt qua dãy Núi Đá tới bờ sông Yukon và sông Nhím, một nhánh của Yukon. Trong mấy vùng này, bọn chó không đề phòng Nanh Trắng vì chưa biết miếng đòn bất ngờ không đạo đầu của nó.

Trong lúc bọn chúng đang phí thì giờ với những động tác dương oai điệu võ, con sói đã như tia chớp xông tới ra đòn chí tử, kết liễu mạng chúng. Những cuộc tàn sát kinh hồn!

Nanh Trắng đã trở thành một con chó rất đẹp ai cũng trầm trồ khen ngợi, khả năng chiến đấu của nó không con nào bì kịp. Không bao giờ đánh kéo dài, nên nó rất coi trọng đòn chớp nhoáng. Sau khi ra đòn trúng đích, nó không bao giờ để bị vướng vào địch thủ mà luôn nhanh chóng thoát ra. Như tất cả mọi con sói rừng Nanh Trắng rất ghét đánh giáp lá cà. Đó là cái bẫy nguy hiểm, Wild đã dạy nó như vậy.

Tuy nhiên, ta đừng nghĩ sói con không bao giờ bị cắn hoặc bị đòn đau. Cũng có những khi cả một bầy chó đeo vào người nó tấn cho một trận ra trò, nhưng rồi nó cũng chạy thoát.

Nanh Trắng theo Rái cá-Xám tới pháo đài Yukon nơi có rất đông người Anhđiêng. Lên đường vào mùa đông Rái cá-Xám tận dụng các con sông đóng băng nằm giữa Mackenzie và Yu-kon.

Trong mùa xuân vừa rồi anh ta lên Núi Đá săn bắt thú, chờ khi bắt đầu mùa tan băng anh làm chiếc xuồng xuôi theo dòng con sông Nhím tới chỗ hợp lưu với sông Yukon, ngay dưới vành đai Bắc cực. Đây là nơi có pháo đài kể trên.

Năm 1898, rất đông người từ khắp nơi đổ về Yukon, từ đó đi về hướng Dawson và Klondike để tìm vàng. Tới được đây họ vẫn còn cách xa đích mấy trăm dặm tuy nhiều người đã lên đường từ hơn một năm nay.

Rái cá-Xám dừng chân. Anh ta đã nghe tin đồn về cuộc chạy đua săn vàng nên chờ theo nhiều bọc da thú, nhiều bọc bao tay, giày da thô.

Chàng Anhđiêng này tính toán:

"Bọn họ thiếu thôn đủ thứ... bán áo lông thú, găng, bao tay, giày da thô cho họ ta sẽ được lãi lớn".

Dự tính của anh ta còn thua xa thực tiễn.

Trong những tính toán bốc đồng nhất Rái cá-Xám cũng không dám mơ đạt tỉ lệ lãi hơn một trăm phần trăm giá gốc. Nhưng khi bán hàng anh ta được những một ngàn phần trăm. Thấy thế, anh ta bố trí công việc kinh doanh thật cẩn thận, không nóng vội, dự tính nếu cần sẽ ở lại cả mùa hè và mùa đông năm tới để tranh thủ thu lợi cao nhất với số hàng mang theo.

Lần đầu tiên Nanh Trắng trông thấy ở pháo đài Yukon những người không giống người Anh điêng tí nào. Da họ trắng, trông rất mạnh mẽ.

Các thượng đế da trắng hình như hơn hẳn những thượng đế nó đã biết lâu nay. Vì thế nó quan sát họ với vẻ nghi ngờ, và trong mấy giờ đầu nó dành toàn bộ thì giờ để nghiên cứu thật kĩ nơi họ cắm trại và những cư dân trong trại.

Nó rất thận trọng, không để lộ cho ai biết. Sau đó thấy bọn chó trong trại người da trắng có vẻ được chăm sóc tử tế, nó mon men tới gần. Người trong trại cũng rất tò mò để ý quan sát Nanh Trắng, vì hình dáng nó rất lạ mắt.

Cứ cách vài ba ngày lại có một con tàu to dùng chạy bằng hơi nước tới cặp bến. Nanh Trắng coi đó là một biểu hiện nữa của quyền uy tối thượng trong tay các thượng đế da trắng. Rất đông người từ con tàu xuống bờ và cũng rất đông người từ bờ lên tàu. Chỉ trong một ngày, sói con nhìn thấy nhiều người da trắng hơn số người Anh điêng nó trông thấy trong suốt cuộc đời.

Các thượng đế da trắng rõ ràng rất mạnh nhưng chó của họ lại rất xoàng. Đầu chúng trông rất kì, nhiều con chân ngắn thun lùn, lông rất mảnh nhìn kĩ mới thấy. Chẳng con nào biết đánh nhau. Nanh Trắng khinh chúng ra mặt, nó chỉ hắt ngã chúng, cắn chúng trọng thương rồi để lại cho các con chó Anh điêng khác kết liễu. Như vậy nó vẫn hoàn tất công việc mà không phải hứng đòn trừng phạt. Trong khi đồng bọn của nó bị mọi người chửi bới nguyên rủa, bị ném đá tới tấp mặt mũi, nó vẫn yên ổn đứng xa xa cười thầm.

Tàn sát chó của người da trắng thoát tiên chỉ là thú tiêu khiển, sau đó nhanh chóng trở thành mối quan tâm duy nhất của Nanh Trắng.

Nó còn biết làm gì khác trong khi Rái cá-Xám mãi mê buôn bán làm giàu? Sói con cùng các con chó Anhđiêng khác kiên nhẫn nằm chờ tàu cập bến. Bọn người da trắng vừa đổ bộ, cuộc chơi lập tức mở màn. Hồi này lũ chó Anhđiêng cũng đã khôn ngoan hơn trước. Hễ thấy có người nổi nóng giương súng định bắn lập tức chúng bỏ chạy tán loạn. Bao giờ Nanh Trắng cũng là kẻ khơi mào cuộc chiến, một việc rất dễ đối với nó vì trong con mắt bọn chó, con Nanh Trắng đại diện cho miền Wild dữ dằn mà chúng rất sợ không muốn cho quay trở lại. Được thuần dưỡng hoàn toàn, mất hết dây mơ rễ má với tổ tiên hoang dã, những con chó từ thế giới hiền dịu phương Nam tới lưu vực con sông Yukon, tới miền đất u ám và đáng gờm trên miền Bắc này khó có thể cưỡng lại xung năng vô ý thức đẩy chúng xông vào cắn xé sói con.

Nanh Trắng là con mồi hợp pháp của chúng, cũng như chúng là con mồi hợp pháp của sói con.

ở pháo đài Yukon có hai loại người da trắng.

Những người tới định cư ở đây từ lâu tự xưng là Bột Chua vì họ ăn thứ bánh mì không có bột nở. Những người mới từ con tàu đổ bộ xuống là những người ăn bánh mì có nhào lặn bột nở.

Loài người là như vậy, chỉ một khác biệt nho nhỏ thế thôi cũng đủ làm cho họ kinh địch nhau chí tử.

Người Bột Chua căm ghét những kẻ mới tới, nên rất khoái khi thấy Nanh Trắng và băng của nó xử ác với chó của họ.

Mỗi lần có tàu tới, người địa phương kéo nhau ra hết bờ sông xem Nanh Trắng choảng nhau với chó người da trắng.

Trong số khán giả đó, có một gã gầy nhom, tướng mạo rất xấu xí nhưng lại mang biệt danh là Đẹp. Gã không bỏ qua một trận nào, hễ có tin tàu cập cảng, gã là người có mặt trước tiên và là kẻ hăng hái số một kích bầy chó Anhđiêng xung trận. Gã ngắm con Nanh Trắng với vẻ thèm thuồng ra mặt.

Chà chà, ước gì có trong tay một con chó như nó!

Gã Đẹp là con người khó ưa, có bộ mặt thật tởm. Hàm răng vàng khè dài như răng ngựa thò hai chiếc nanh ra ngoài. Toàn bộ thân hình chỉ là một mẩu nhỏ thó gắn một cái đầu bé tí tẹo.

Vì thế, hồi còn nhỏ gã được chúng bạn đặt tên là Đầu ghim. Phần sau đầu chạy một mạch thẳng đuột xuống gáy, phần phía trước mang chiếc trán thấp to bè bè. Tạo hóa hình như không ưa gã nên ngoài những thứ đó còn gắn thêm cho gã cặp mắt tổ bố cách nhau rất xa và bộ quai hàm quá cỡ trông dễ sợ. Quai hàm gì mà to đùng, nặng chình chịch, nhô hẳn ra phía trước như phải tì xuống ngực vì cái cổ không đủ sức mang một khối nặng đến thế. Bộ quai hàm gây cảm giác chứa một nguồn năng lượng khủng khiếp. Nhưng đó là cảm giác giả tạo, là sự cường điệu lạc lõng của tạo hóa, thực ra mọi người đều biết Đẹp là một gã yếu nhất trong các kẻ yếu, hèn nhất trong bọn người hèn... Để kết thúc phần mô tả hình dạng gã, cần nói thêm: cặp mắt gã cũng vàng khè như bộ răng. Tóm lại gã Đẹp là một quái thai, tuy gã không có lỗi trong chuyện này, không đáng bị chê trách.

Trong pháo đài, gã làm đủ mọi việc tạp nham: vào nhà bếp thì lo rửa chén bát, ra ngoài thì gánh vác mọi công việc nặng nhọc nhất. Ai cũng khiếp hãi gã như khiếp hãi thú rừng hoặc rắn độc. Bù lại gã Đẹp nấu ăn khá ngon, nên mọi người bỏ qua mọi chuyện khác cho gã ta.

Trên đây là chân dung con người đang nhìn con Nanh Trắng với vẻ thèm muốn chiếm được nó. Gã bắt đầu tán tỉnh con sói, mỉm cười với nó, nói chuyện với nó, thò tay định vuốt ve nó nhưng thấy con sói nhe răng gã hiểu ngay ý tứ của nó. Nanh Trắng căm ghét gã theo bản năng.

Nó ngửi thấy gã toát ra một mùi khó chịu, nó linh cảm có cái xấu cái ác trong con người gã ta.

Một bữa kia Nanh Trắng bắt gặp Đẹp bước vào căn lều của Rái cá-Xám, nó lập tức xù hết lông lên. Thấy hai người trao đổi rất lâu, nó cảm thấy mình đang là đối tượng trong câu chuyện của họ. Và lại, nhiều lần nó thấy gã Đẹp chỉ tay vào nó.

Họ nói những gì?

- Bán con cho cho tôi.

- Không đời nào! Nanh Trắng là con chó duy nhất trên đời này! Tôi không bao giờ rời nó ra.

Gã Đẹp thất vọng bỏ về.

Nhưng gã có nhiều thủ đoạn trong tay, gã thừa biết người Anhdìêng ham mê thứ gì. Sau bữa đó, gã ta thường xuyên lui tới trại, mỗi lần mang cho Rái cá-Xám một chai Uýtki. Chàng Anhdìêng mắc mưu, uống liền. Càng uống càng mềm môi muốn uống Uýtki nữa. Và chỉ mê uống một thứ đó thôi.

Cuối cùng, cả tiền bạc, hàng hóa và nghị lực đều tan thành mây khói. Chỉ còn lại cơn khát Uýtki ma quái làm chủ anh ta, cơn khát có mãnh lực ngày càng tăng không sao cưỡng lại.

Chờ tới lúc ấy gã Đẹp trở lại vấn đề.

- Bán con chó kia cho tôi. Tôi sẽ trả anh bằng thật nhiều chai Uýtki..-
Được. Mang rượu tới, con chó sẽ thành của anh.

Một tối kia, Rái cá-Xám trở về lều, trông vào cổ Nanh Trắng một sợi dây da. Anh ta ngồi xuống bên, một tay giữ sợi dây, tay kia cầm chai rượu thỉnh thoảng ngửa cổ tợp một ngụm. Một giờ sau gã Đẹp dẫn xác tới. Nanh Trắng giằng mạnh sợi dây da nhưng những ngón tay anh chàng Anhdìêng lập tức xiết chặt làm con sói không chạy được. Nó gừ gừ. Gã Đẹp chìa tay đưa dần tới gần đầu con chó. Nó càng gừ dữ tợn hơn nhưng bàn tay gã Đẹp cứ tiếp tục hạ xuống thấp dần. Nanh Trắng cong người trong cơn tức giận sắp nổ bùng. Nó định đớp một miếng, nhưng bàn tay kia đã kịp rút lại, hàm răng nó bập vào không khí nêu cái rắc.

Gã Đẹp vớ cây gậy, tay kia cầm sợi dây Rái cá-Xám vừa đưa. Nanh Trắng lại gừ, định cắn miếng nữa. Chàng Anhdìêng bợp tai nó, gã Đẹp cầm gậy đánh nó tới tấp.

Chống lại một lúc hai người sao nổi?

Nanh Trắng chịu phép, bò rạp dưới chân họ.

Gã Đẹp vừa để mắt canh chừng vừa lôi nó về pháo đài, buộc thật chắc rồi đi ngủ, hài lòng về công việc đã hoàn tất trôi chảy.

Một giờ sau Nanh Trắng cắn đứt sợi dây da và giành lại tự do. Nó nhảy vài bước về nhà chủ cũ.

Rái cá-Xám không mấy ngạc nhiên khi thấy Nanh Trắng trở về, anh ta trông vào cổ nó sợi dây khác. Rồi lôi nó trở lại pháo đài nhận trận đòn như tử chưa bao giờ trải qua. Đòn đánh như mưa xuống lưng con sói đáng

thương. Gã Đẹp nện không thương tiếc, thậm chí còn tỏ vẻ thích chí khi thấy con sói rú lên gào lên vì đau đớn.

Gã Đẹp rất hèn. Hai con mắt ốc nhồi trợn trừng đánh ác, tay roi tay gậy vụt tới tấp lên con sói đang oằn mình quần quai rên la vì quá đau.

Gã Đẹp còn là kẻ tàn nhẫn thích chứng tỏ quyền thống trị ma quỷ trên lưng những kẻ yếu hơn gã.

Nanh Trắng thừa biết lí do trận đòn trừng phạt này. Khi Rái cá-Xám trao nó cho gã Đẹp, nó đã hiểu ý của thượng đế Anhđiêng muốn nó đi theo người da trắng đó, và khi người này xích nó trong pháo đài, nó đã hiểu ý của gã Đẹp muốn nó phải ở đây. Vậy là nó đã đi ngược ý muốn hai vị thượng đế, bị trừng trị là đáng đời.

Nanh Trắng không yêu Rái cá-Xám nhưng cảm thấy gắn bó với anh ta và chỉ thừa nhận anh ta là vị thượng đế duy nhất nó phải tuân phục..Khi bị xích lần thứ hai nó vẫn nghĩ dù xảy ra chuyện gì mặc lòng nó vẫn chỉ trung thành với vị thượng đế Anhđiêng này. Rái cá-Xám là thượng đế của nó, vị thượng đế riêng của nó, nó không bao giờ từ bỏ.

Còn gã Đẹp ghê tởm này chẳng là cái gì đối với nó. Nó bắt đầu gặm dần cây gậy vừa thay thế sợi dây xích.

Sau nhiều cố gắng hết mình nó gặm đứt cây gậy, tự do ra khỏi pháo đài.

Cảnh cũ lại tái diễn. Nanh Trắng tới nằm dưới chân Rái cá-Xám, bị anh ta tròng dây vào cổ lôi về pháo đài trao trả gã Đẹp. Gã này nện nó một trận thừa sống thiếu chết.

Vậy là Rái cá-Xám không che chở nó nữa.

Nó không còn là con chó trung thành của anh ta. Khi đòn đánh dừng lại con sói đã gần chết. Nếu là con chó miền Nam thì chắc không sống nổi sau những trận đòn ác liệt như thế này.

Nanh Trắng nằm liệt nhiều ngày không lê nổi chân. Khi đứng dậy được, nó bị Đẹp dùng xích sắt buộc vào thanh xà gỗ to đùng. Nó cố cắn chiếc khóa sắt, gã Đẹp ngồi nhìn nó cười nhạo nhử.

Vài ngày sau, Rái cá-Xám ăn cạn hết vốn liếng, đã thế lại nghiện rượu nặng, một mình thui thủi lên đường trở về quê. Nanh Trắng vẫn bị cầm tù bởi một thượng đế nửa điên nửa tỉnh, độc ác hết chỗ nói. Nhưng sói không

biết thế nào là điên. Chỉ biết nó phải tuân phục tên súc sinh nửa người nửa ngợm này, chịu để gã giở đủ trò quỷ sứ với nó..

Chương 8

Vị thượng đế điên rồ

Điều phải đến đã đến, Nanh Trắng bị ảnh hưởng ông chủ mới, trở thành độc ác không kém gã ta.

Gã luôn xích chặt con sói, thấy nó thường nổi cáu khi nghe tiếng cười nhạo báng nó, gã kích bẹn bẻ ra sức châm chọc chê cười làm con sói thực sự phát điên vì tức giận.

Nanh Trắng đâm ra thù ghét tất cả, từ các thượng đế đến bọn chó, sợi xích, các đồ vật xung quanh...

Một bữa kia gã Đẹp tháo xích cho nó chạy trong khu đất có rào kín. Ngay lập tức con sói muốn chồm lên cắn đứt cổ tất cả những người đứng xem nó.

Hồi này thân nó đã dài tới năm piê, cao hai piê rưỡi, dáng rất đẹp. Nó thừa kế của sói mẹ thân hình thon lẳn, lực lưỡng và cân đối, gân bắp cuộn cuộn nặng tới chín mươi livơ.

Nó chợt để ý sang một chuyện khác. Cánh cổng khu rào vừa mở cho một con chó cao lớn bước vào rồi đóng sập ngay lại. Nanh Trắng chưa từng thấy con chó nào to như con này. Nó nghĩ thầm: vậy là đã có dịp trút lên con này tất cả những nổi nhục nhã ê chề đã chịu đựng bấy lâu.

Nó chồm ngay lên cắn đứt cổ họng con chó.

Con này định chống cự, nhưng sói nhanh hơn, hết nhảy sang trái lại tót sang phải, con chó không sao đỡ nổi.

Mọi người reo lên: "Hoan hô! Đánh tới đi!" Họ vỗ tay rầm rầm.

Cuối cùng, người ta phải dùng gậy nện lia lịa mới gạt được hai con vật tách xa nhau. Con chó nằm rũ ra, gần chết. Gã Đẹp cười hô hố.

Hắn đã cá độ và thắng lớn.

Sau bữa đó, mong mỏi lớn nhất của Nanh Trắng là thấy mọi người xúm đông xúm đỏ quanh khu rào, vì như thế nghĩa là có giao chiến, mà giao chiến là cách duy nhất để sói chứng tỏ sức sống mãnh liệt và lòng thù hận ăn sâu trong lòng nó.

Khả năng chiến đấu siêu việt khiến trận nào nó cũng thắng..Mùa đông đang tới gần. ông chủ nhốt sói con vào cũi đưa lên tàu thủy. Những người biết tiếng nó tới sát bên ngắm nghía. Tin chắc không thể bị nó ngoạm, họ trêu chọc, thọc gậy qua chấn song đánh vào người nó.

Con sói nằm phủ phục, gầm gừ, quắc mắt nhìn mọi người với lòng căm ghét sâu xa.

Tới Dawson, nó bị chủ trưng bày trên bến, ai trả gã vài hạt bụi vàng thì được tới xem mặt.

Chưa hết. Khi có thời cơ thuận lợi - không bị cảnh sát nhòm ngó - gã Đẹp tổ chức những cuộc đấu chó.

Sói vẫn luôn luôn là kẻ chiến thắng, nhờ đã tập dượt nhiều trong chiến đấu với Lip Lip và lũ chó trong trại nên nó rất mạnh, bất khả chiến bại. Chiến thuật vẫn là tấn công kiểu sét đánh, không dạo đầu và rất chính xác, khiến địch thủ bị bất ngờ và hoàn toàn mất khả năng tự vệ.

Nhưng khán giả xem mãi cũng chán, mặt khác họ không tìm đâu ra đâu thủ ngang tài. Họ mang cả sói rừng tới tỉ thí với Nanh Trắng nhưng bọn này cũng ôm đầu máu gục chết như rạ. Cạn kiệt mọi nguồn đấu thủ, sói con chỉ còn là con vật triển lãm tầm thường.

Một hôm có người tên là Tim Keenan chủ một sòng bạc mang tới con chó ngao. Mọi người trong vùng sôi nổi bàn tán về cuộc giao đấu không tránh khỏi giữa Nanh Trắng với con chó có cái mõm ngắn và tẹt. Họ thi nhau cá độ om sòm.

Ngày hội lớn đã tới. Khi đối diện với địch thủ, Nanh Trắng không nhúc nhích. Con gì trông lạ hoắc thế kia? Nó là thứ gì vậy, sao từ hồi cha sinh mẹ đẻ tới giờ mình chưa trông thấy hồi nào?

Tim Keenan thúc chó của gã xông tới, nhưng con này hình như ngu ngốc không hiểu phải làm gì.

Nhiều người hét: "Tới đi Cherokee! Hăng lên! Tấn công ngay! Thịt nó đi!" Con Cherokee vẫn phớt tỉnh. Lại còn ngoe nguẩy đuôi trông tức cười.

Không phải vì sợ Nanh Trắng, chỉ đơn giản vì nó thấy không cần thiết phải choảng nhau với con chó vừa được đưa tới trước mặt nó. Mặt khác, nó thấy đây không phải loại chó nó vẫn quen đấu đá lâu nay. Nó chờ có con khác được mang tới. Tim Keenan bước vào trường đấu hòng kích thích con

chó của gã ta. Gã gãi hai vai nó, tuốt ngược lông nó. Tay gã càng gãi càng tuốt.nhanh lên, tiếng con chó gầm gừ cũng càng lúc càng dữ dội hơn.

Cherokee sửa mấy tiếng liền rồi quyết định tấn công theo ý mọi người đang mong đợi.

Nó vừa cựa mình đã bị cắn rưng một bên tai. Nanh Trắng ra đòn nhanh nhẹn như mèo vồ, chỉ trong nháy mắt đã chồm tới sát địch thủ. Bị thương ngay phút đầu nhưng Cherokee không ngạc nhiên, vẫn lừ lừ tiến đến như không có chuyện gì xảy ra. Nanh Trắng chưa lần nào gặp đối thủ kì quặc đến thế, tuy khắp người đỏ lôm máu tươi mà vẫn cứ đuổi theo nó. Thấy rõ như vậy nó đâm ra hoang mang, mất phương hướng.

Địch thủ này kì quặc thật!

Lông nó ngắn cùn cốn, không có tác dụng làm áo giáp đỡ đòn, mỗi miếng cắn của Nanh Trắng đều ngập sâu vào lớp thịt mỡ màng không vương tẩm lót bên ngoài. Nó cũng không tỏ ra tức giận, máu chảy lênh láng mà vẫn tỉnh bơ không rên một tiếng nhỏ. Thật khó hiểu, Nanh Trắng bối rối quá chừng.

Con chó ngao không phải loại bị thịt không biết xoay chuyển, nó cũng khá nhanh nhẹn. Khốn nỗi xoay qua phía nào cũng không thấy địch thủ.

Thành thử chính nó cũng đâm ra hoang mang.

Chưa lần nào nó giao đấu với thứ địch thủ luôn chân nhảy múa xiên xẹo quanh người nó như tên này.

Khác mọi khi, lần này sói con không sao đớp trúng cổ họng con chó ngao. Cổ nó đã thấp gần sát đất, lại được bộ quai hàm tổ bố làm lá chắn rất hiệu quả. Tuy vẫn tiếp tục bị Nanh Trắng cắn xé khắp người, máu chảy rùng rùng nhưng Cherokee vẫn làm lui tiến, thân nó và thân con sói tạo thành một vòng tròn di động không ngừng. Bất thành linh con chó ngao cắt đứt đường lượn vòng xộc tới họng con sói. Nó đớp hụt trong gang tấc. Tiếng vỗ tay đồm độp cổ vũ Nanh Trắng vừa nhanh nhẹn né đòn. Hai con tiếp tục trận đấu. Con sói liên tiếp tấn công, con chó ngao vẫn lì lợm chịu đòn, đỉnh ninh sớm muộn gì cũng đạt được mục đích. Đòi lần Nanh Trắng nhảy lên định quật địch thủ ngã chổng vó, nhưng vai nó cao quá tầm vai địch thủ nên miếng đánh không thành. Không nản, nó rún người lần nữa, nhảy lên. Nhưng nhảy quá đà, nó vọt qua người Cherokee. Lần đầu tiên sói bị hẫng

chân, lộn trên không một giây đồng hồ rồi uốn mình lật sấp dẻo như mèo, nhưng không kịp xoạc chân đỡ. Nó rơi nghiêng người xuống đất, vừa.gượng đứng thẳng dậy thì nanh con chó ngao đã cắn sâu vào cổ họng.

Cũng còn may cho nó vì con Cherokee ngoạm hơi thấp xuống dưới ngực. Nhưng ngoạm rất chắc. Sói ta cuống quýt lắc mạnh địch thủ hông buộc nó nhả ra. Sự khiếp hãi cái chết vừa bùng lên trong đầu nó, một nỗi sợ mù quáng, tuyệt vọng khiến nó bỏ chạy, quay cuồng, quẹo gấp, vừa để tin chắc mình vẫn chưa chết vừa để cố vút bỏ cái khối nặng năm chục livrơ đang bám vào họng. Con Cherokee chẳng làm gì khác, chỉ ra sức ngoạm thật chặt, không chịu rời ra.

Theo bản năng, con chó ngao hiểu nó phải làm gì. Nó biết rõ phải giữ thật chặt, và cảm thấy có phần hài lòng khi thấy mình làm được điều đó. Nó lim dim mắt, mềm người, để mặc địch thủ lẳng nó sang bên này bên kia, chẳng thèm đếm xỉa tới những va đập nó phải chịu đựng. Khi thấy Nanh Trắng mệt không lắc nổi nữa, Cherokee mới tranh thủ thời cơ lần lên cổ họng con sói. Nanh Trắng chưa bao giờ lâm vào tình huống này, nó hoảng hồn nằm bẹp xuống, người mềm oặt, thở hổn hển. Trong một cố gắng đột khởi nó ngoạm được cái cổ mũm mĩm của chó ngao nhưng chỉ xé rách được một miếng thịt rồi phải nhả liền.

Vị thế hai địch thủ thay đổi, con Cherokee quật Nanh Trắng ngã ngửa, cười hằn lên bụng, mõm vẫn ngoạm chặt cổ họng nó. Nanh Trắng thì mông xuống đất thật chắc, cào mạnh móng vào bụng địch thủ. Con Cherokee có nguy cơ lòi ruột nếu nó không cắn chặt hai hàm răng làm trụ nhanh chóng xoay người tránh xa đòn phản công bất ngờ.

Hàm răng con chó ngao vẫn lần lên dọc theo tĩnh mạch cảnh. Lớp da nhẽo xếp thành nhiều nếp ở cổ, có lông dày phủ kín đã cứu sói con khỏi chết tức thì. Nhưng con Cherokee vẫn tiếp tục ngậm thêm được nhiều da nhiều lông vào mõm nó, từ từ bóp cổ con Nanh Trắng làm nó nghẹt thở rít khò khè.

Cuộc đấu dường như kết thúc, những người đặt cược vào Nanh Trắng tỏ vẻ thất vọng. Bỗng gã Đẹp bước vào đấu trường há miệng cười hô hô hí hí, tay chỉ vào con sói.

Rất nhanh, tiếng cười đưa con sói vào con điên mãnh liệt. Nó vùng dậy, bỏ chạy kéo theo con chó ngao vẫn bám chặt vào họng nó. Bóng đen của tử thần chụp lấy nó, nó vấp ngã giúi giúi, gương đứng lên chạy nữa, cố giữ lấy mạng sống.

Mọi người reo to "Cherokee! Cherokee!", họ vui mừng vẫy mũ, tung mũ.

Đúng lúc một cỗ xe trượt tuyết chở hai người đàn ông xích tới. Họ dừng chó, tới bên khu rào.

Người dẫn đàn chó kéo xe để rìa mép, người cùng đi với anh ta cao lớn cầm cào nhẵn thín.

Nanh Trắng vẫn còn thoi thóp, thân hình tiều tụy thỉnh thoảng giật giật vì những cơn co thắt không làm chủ được. Gã Đẹp đưa cặp mắt ác quỷ nhìn con sói, đầu óc không nghĩ đi đâu khác ngoài thất bại cay đắng vừa diễn ra nên không thấy hai người vừa tới. Khi nhìn vào mắt Nanh Trắng thấy chúng đã dại đi, mọi tia hi vọng cuối cùng về chiến thắng đã tiêu tan, gã Đẹp nổi cơn điên tàn bạo. Thói hung tợn đã man trối dậy, gã xông tới dùng hết sức lực đá con sói liên hồi.

Một số người gần đấy huýt gió, la ó, nhưng không ai ra tay can thiệp.

Bỗng chàng trai ít tuổi nhất trong hai người vừa tới trên cỗ xe trượt tuyết rẽ đám đông lách vào khu rào, tới trước mặt gã Đẹp đâm một quả trời giáng giữa mõm. Gã văng xa mười mét, lăn mấy vòng giữa bãi tuyết.

Gã lồm cồm bò dậy, bước tới, nhận một quả thôi sơn thứ hai dữ dằn không kém quả trước.

Lần này gã khôn hồn nằm im dưới tuyết.

Scott bảo anh bạn đồng hành:

- Tới giúp một tay, Matt. Tách hai địch thủ này ra.

Anh ta vẫn cố dùng tay nện mồm con chó ngao nhưng không được.

Đám đông bắt đầu nổi giận, lên tiếng nhao nhao phản đối. Sao dám phá đám trò tiêu khiển của bọn tôi?

Scott vẫn không sao tách rời được hai con chó. Anh đâm mạnh lên đầu con Cherokee nhưng nanh nó vẫn găm sâu vào thịt con sói. Thấy vậy đám đông ré lên cười thì nhau chế giễu hai người.

Scott lại đánh Cherokee nhưng vẫn không nhằm nhò gì. Anh rút súng lục, thử nhét đầu nòng súng vào mõm nó.

Tim Keenan ngăn lại:

- Khéo kéo làm gãy răng nó đấy.

- Không muốn bị gãy răng thì sẽ gãy cổ. -Scott đáp, - nếu anh không chịu tiếp tay. Chó của anh đẩy hử?

- Của tôi. Nhưng việc này liên quan gì tới anh?.- Nói chuyện bằng giọng đó thì biến khỏi đây ngay, đừng quấy rầy tôi nữa.

Tim Keenan không đi, trái lại anh ta tới hợp lực với hai chàng trai. Cuối cùng họ cũng gỡ được hai con chó. Nanh Trắng không còn đứng nổi nữa, lão đảo rồi gục xuống, hai mắt lim dim như sắp chết. Scott hỏi Tim:

- Một con chó kéo xe khỏe mạnh giá bao nhiêu?

- Ba trăm đô, khoảng đó.

- Còn con này? Trong tình trạng như anh đang thấy...

- Xấp xỉ một nửa chừng đó.

Scott quay sang bảo gã Đẹp vừa xán tới bên.

- Nghe đây, tôi mua con chó của cậu. Một trăm năm chục đô đây. Cầm lấy và đi cho khuất mắt.

- Không bán. Đây là quyền của tôi.

- Được thôi. Hoặc lấy tiền hoặc ăn đòn, tùy cậu.

Gã Đẹp không dám cù nhây, nhận tiền đứt túi rồi biến.

Đám khán giả giải tán gần hết. Tim Keenan đứng ba hoa trước một tốp năm bảy người.

- Cha nào mà sĩ thế? - Anh ta chỉ vào chàng trai vừa bỏ tiền mua Nanh Trắng.

- Weedon Scott chứ ai.

- Nói thế cũng bằng không! Weedon Scott là ai, là người thế nào?

- Một trong những kĩ sư trưởng của nước ta.

Là bạn thân của các quan chức cao cấp. Chủ tịch ủy ban Vàng cũng là bạn anh ta. Khôn hồn thì chớ có đụng vào!

- Biết ngay mà! Mình biết ngay cha này chẳng phải loại xoàng. - Tim Keenan kết luận..

Chương 9

Ông chủ thân thương

Weedon Scott bảo Matt:

- Chúng mình không thể dạy cho nó thuần tính được đâu.

Scott ngồi trên bậu cửa căn nhà gỗ của anh gần Dawson. Anh đang cùng với Matt ngắm con Nanh Trắng.

Con chó lai sói đang bị xích không xa căn nhà của Scott. Thấy người lại gần, nó xù lông, gầm gừ.

Scott nhận định:

- Đúng là chó sói.

- Dù là gì đi nữa, - Matt gật gù, - phần lớn của nó là sói rừng, cộng với một ít của chó nhà.

Ta xích thế đủ rồi. Tôi thấy có lẽ nên thả ra xem thái độ nó thế nào.

- Cậu có dám tới gần không? Nhớ cầm sẵn một cây gậy.

Matt lấy gậy rồi bước tới gần. Con vật dán mắt vào cây gậy. Matt nói:

- Nó thủ thế đấy. Cây gậy này làm nó nhớ lại chuyện gì...

Matt đưa tay kia tới gần cổ con vật. Nanh Trắng gừ một tiếng, xù hết lông nhưng nằm ẹp xuống đất, mắt vẫn nhìn chăm chú vào cây gậy.

Matt cởi xích cho nó rồi lùi lại. Nanh Trắng không biết nên sử dụng quyền tự do mới có này như thế nào, nó vừa trải qua một thời kì bị giam hãm lâu ngày trong nhà tên Đẹp khùng khùng điên điên. Nó chưa hiểu rõ các thượng đế mới tới, không biết các vị đang toan tính những gì.

Nó nhìn xung quanh, lưỡng lự không biết nên làm gì, bước lên vài bước rồi lùi lại, đánh hơi hết chỗ nọ tới chỗ kia, đi vào nhà rồi quay trở ra.

Scott bỏ đi kiếm miếng thịt.

- Trông nó thật đáng thương.

Anh ném miếng thịt cho Nanh Trắng. Một con chó khác nhanh chân hơn nhảy tới vồ.

Nhưng nó không giữ được lâu, vì con sói chồm tới nhanh như chớp đập anh chàng đại dột một phát nằm thẳng cẳng.

Matt bước lên một bước định trừng trị Nanh Trắng nhưng phải lập tức nhảy lùi với một ông quần rách toang..- Bằng chứng thế là đủ. - Scott nhận định. - Phải giết thôi. Con vật này rất nguy hiểm.

Anh rút súng lục, lên đạn. Matt can:

- Khoan đã, anh Scott. Con chó này bị hành hạ nhiều rồi. Phải có thời gian cho nó thay đổi tính tình chứ. Làm sao biến quỷ sứ thành thiên thần trong ngày một ngày hai? Ta thử kiên trì xem sao. Và lại con chó kia dám nâng tay trên miếng thịt của nó, còn tôi thì đại đột tới gần khi nó đang tức giận.

- Thôi được, - Scott đáp, - ta chờ ít bữa.

Thử tiếp cận nó với thái độ dịu dàng xem sao.

Anh bước tới gần con chó lai sói, tay không cầm gậy.

Nanh Trắng căng mắt nhìn. Phân vân:

thượng đế sẽ trừng phạt nó cách nào về tội không những vừa giết chết một con chó, lại còn cắn rách quần một thượng đế?

Nhưng vị thượng đế này không đánh. Trái lại, bàn tay anh ta chạm vào đầu rồi lướt xuống dọc sống lưng nó. Con chó lai sói rùng mình.

Nó cong người, hai mắt mở to canh chừng, mọi cơ bắp căng thẳng. Điều gì sẽ đến với nó? Sẽ xảy ra chuyện gì đây? Nó chẳng còn lạ gì các thượng đế, chẳng lạ gì bàn tay nhanh lẹ của họ, sức mạnh siêu nhiên và đòn đánh khủng khiếp của họ. Chưa ai sờ vào người nó như thế này. Nó gù to hơn dừ dãn hơn, tỏ vẻ càng đe dọa hơn. Vậy mà bàn tay kia vẫn cứ vuốt xuống. Nanh Trắng không định cắn, nhưng bản năng tự vệ trỗi dậy mãnh liệt lấn át ý chí, thế là nó cắn!

Scott nhìn bàn tay chảy máu tươi. Anh không kịp tránh vì đòn giáng xuống như sét đánh không kịp trở tay. Matt vớ cây súng gầm lên:

- Quá quái! Thật quá quái! Anh chẳng làm gì nó mà nó dám cắn bậy. Tôi phải giết nó!

Scott điềm tĩnh ngăn lại.

- Đứng. Cứ thử chờ ít lâu.

Bây giờ Scott lại là người bào chữa cho Nanh Trắng. Một con vật bị phản bội bị đánh đập lâu ngày như nó làm sao có thể thay đổi tính nết, trở nên hiền lành như con cừu non trong một thời gian rất ngắn? Không, không thể! Anh bảo Matt:

- Nhìn kìa, chúng mình không còn được nó chú ý tới nữa. Nó lo ngại khẩu súng của cậu đấy.

Bỏ súng xuống.

Matt làm theo. Con chó trấn tĩnh lại ngay.

Matt lại cầm súng lên, giả bộ chĩa vào con vật.

Nó lùi ngay vào trong nhà. Matt nhận xét:- Con chó rất khôn. Nó biết súng là gì, biết con người có thể làm gì với khẩu súng trên tay.

Hôm sau Scott một tay quần băng treo trước ngực lại mon men tới gần Nanh Trắng. Nó tưởng sẽ bị trừng trị tận mạng về tội cần thương để bèn gằm gù nhe nanh. Scott ngồi xuống ngay bên. Nanh Trắng thấy đỡ sợ, hơn nữa nó thấy rõ thương để không mang súng cũng chẳng mang gậy và cũng không vung chân vung tay. Nanh Trắng hết gù, buông hai bên mép xuống. Thương để cất tiếng dịu dàng nói lên những điều nghe có vẻ dễ thương. Xưa nay Nanh Trắng chưa bao giờ được nghe thứ nhạc này, như ru ngủ. Một cái gì lạ lẫm vừa nảy nở trong người nó. Hình như thương để muốn làm điều tốt lành cho nó.

Scott rời chỗ ngồi, đi vào nhà, lát sau trở ra, vẫn không súng không gậy, trái lại trên tay cầm tảng thịt đưa cho con sói. Thế là thế nào?

Cạm bẫy gì chẳng? Nanh Trắng cảnh giác, để mặc tảng thịt lướt qua lướt lại ngay dưới mõm, không ăn.

- Ớn đi, ăn đi, cho mày đây!

Con chó nửa sói quay mặt không thèm. Scott ném tảng thịt cho nó. Anh lặp đi lặp lại trò này nhiều lần, các miếng thịt nằm chất đống gần con chó nhưng nó vẫn làm ngơ. Một lần nữa, anh cầm trên tay một miếng chìa về phía con chó. Nanh Trắng đã đói lả. Nó hít hà miếng thịt, liếc nhìn người đang đứng bên. Thấy anh ta không có vẻ gì ác ý nó rụt rè ngoạm miếng thịt, nuốt chửng. Rồi lần lượt xơi hết chẳng chê miếng nào, thỉnh thoảng khẽ gừ một tiếng ra cái điều ta vẫn đề phòng đây.

Nhưng mọi việc diễn ra suôn sẻ không xảy ra sự cố gì. Bây giờ bàn tay người kia đang nhẹ nhàng vuốt ve nó làm nó rùng mình. Nó cảm thấy đã sẵn sàng nhả nhục, vâng lời, thuần phục...

Matt reo lên:

- Lạ thật! Tôi không ngờ! Anh thành người dạy thú rừng rồi đó!

Nghe giọng Matt, Nanh Trắng gừ một tiếng, hơi lùi lại thủ thế nhưng bàn tay Scott làm nó trấn tĩnh lại.

Hình như một cuộc đời mới sắp đến với Nanh Trắng. Nó sắp rời bỏ thế giới hận thù tàn nhẫn, bước vào một cuộc đời đẹp đẽ hơn, xứng đáng hơn. Một cuộc đời có ánh mặt trời sau thời gian dài chìm trong bóng đêm dày đặc.

Thời kì khủng khiếp đã chấm dứt. Một cuộc sống tràn đầy yêu thương vừa mở ra trước mắt nó. Nhưng để thực hiện được điều đó Weedon Scott sẽ phải tốn rất nhiều công sức. Nanh Trắng không còn là chú sói con xuất thân từ miền Wild đất dữ. Nó đã lớn lên trong thù hận, trong tàn bạo, trong người nó dường như không có chút dấu vết nào của lòng nhân từ. Giờ đây phải làm sống lại lòng nhân từ đó, làm sống lại tình yêu thương đó. Đây là việc của Scott, là món nợ của con người đối với con vật, một món nợ nhất thiết phải trả bằng xong.

Nanh Trắng dần dần cảm thấy gần bó với thượng đế mới của nó và để chứng minh thiện ý, trước hết nó canh giữ tài sản cho anh ta.

Bù lại Scott cũng ngày càng có cảm tình với con chó đẹp của mình. Anh vuốt ve nó, nuôi nấng chu đáo, tiếng gừ của Nanh Trắng giờ đây bày tỏ sự hài lòng và niềm vui thay vì biểu thị lòng căm tức.

Con sói cảm thấy sung sướng khi được gần thượng đế của nó và buồn khổ khi thiếu vắng.

Nhiều bữa nó nằm ngoài cửa đợi Scott nhiều giờ liền giữa băng tuyết chỉ cốt để được nhìn mặt và cảm nhận những ngón tay thượng đế gãi trên người nó.

Trong quá khứ Nanh Trắng chỉ sống cho bản thân, giờ đây thì khác, ngay thịt tươi cũng bị đặt xuống hàng thứ yếu, có khi nó bỏ phứt bữa ăn để đi theo chủ. Thượng đế Weedon Scott của nó không ác độc, không dã man mà đầy tình yêu thương. Nanh Trắng đã hiểu nó không nên ngược đãi các con chó khác. Chúng đều tôn vinh nó là chỉ huy, đáp lại nó không cắn chúng nữa.

Nanh Trắng cũng tôn trọng Matt, một người bạn tốt của chủ nó, nhiều khi mang thức ăn tới cho nó. Nhưng nó không chịu để anh ta đóng vào xe, nhất thiết phải do Scott nó mới chịu.

Khi đó nó cúi đầu tuân phục, thuận tình làm việc, ngoan ngoãn dẫn đầu đàn chó lên đường.

Ngày vui ngắn chẳng tày gang. Một bữa kia Scott phải đi công chuyện, để Nanh Trắng ở lại với Matt. Ngay sau khi chủ ra đi Nanh Trắng cảm thấy rất lo lắng, sục tìm khắp nơi.

Đêm đó nó khắc khoải chờ Scott về nhưng không thấy. Nó ngồi mãi trên bậc cửa cho tới lúc ngọn gió lạnh buộc nó phải tìm chỗ kín nằm chờ rồi ngủ quên mất. Khoảng hai giờ sáng nó giật mình tỉnh dậy, lại ra bậc cửa ngồi chờ trong gió buốt.

Matt hiểu rõ tâm tư con chó nhưng không có cách nào làm nó hiểu chủ nó hiện nay ra sao.

Nanh Trắng ngã bệnh, yếu dần, bỏ ăn, mặc cho bọn chó tha hồ hành hạ.

Matt lo lắng:

- Nó sắp chết đến nơi rồi.

Anh viết thư cho Scott.

Một đêm đang thao thức Nanh Trắng bỗng giật mình dựng thẳng hai tai lắng nghe, cổ bắt từng tiếng động nhỏ bên ngoài cho tới lúc nghe tiếng chân bước gấp. Cửa mở, Weedon Scott xuất hiện!

Trông thấy chủ về nhưng Nanh Trắng không còn đủ sức đứng dậy. Matt nói:

- Nó còn quấy được đuôi là còn hi vọng.

Scott gọi:

- Nanh Trắng, tới đây nào!

Con chó tuân lệnh.

Hai mắt nó long lanh niềm vui mãnh liệt.

Scott ngồi xuống vuốt ve. Nanh Trắng khẽ gừ gừ khoan khoái rồi rúc đầu vào ngực chủ. Chỉ sau hai ngày nó khỏi hết mọi bệnh, các con chó khác phải trả giá bằng xương máu mới biết nó đã hồi phục sức lực và niềm tự hào.

Một đêm khác, Scott đang chơi bài với Matt bỗng nghe bên ngoài có tiếng la hét, tiếng đánh lộn huỳnh huych.

Có chuyện gì vậy? Hai người ra xem và thấy một người đàn ông nằm giữa tuyết, đang dùng tay cổ che mặt che cổ không cho Nanh Trắng ngoạm vào. Gã đã bị thương khá nặng, người đầy máu.

Nanh Trắng tỏ ra cực kì căm tức, nó gầm gừ dữ tợn, xông vào cắn xé như điên, đặc biệt nhằm vào những chỗ hiểm nhất. áo nạn nhân bị nó xé rách tả tơi từ vai xuống cổ tay, hai cẳng tay gã bị cắn nát, máu tuôn xối xả. Scott phải dùng hết sức mới lôi được con chó ra để Matt lo băng bó cho gã. Matt nhặt dưới tuyết hai thứ:

sợi xích sắt và cây gậy to dùng. Weedon Scott nhìn rồi bảo Matt:

- Mình nhận ra gã này rồi. Nó là thằng Đẹp, định tới bắt con Nanh Trắng của ta nhưng Nanh Trắng không chịu. Mặc mẹ thằng súc sinh đi tìm thầy tìm thuốc ở đâu thì đi ngay đi cho rảnh.

Đáng đời nhà nó!.Scott chẳng thèm ngó ngang, để mặc tên Đẹp lui thủi ra đi trong tiếng gừ hần học của Nanh Trắng.

Bất hạnh đã lơ lửng trên đầu, Nanh Trắng cảm thấy rất rõ như vậy. Hai thương đế da trắng sắp phản thùng nó. Matt nói:

- Nghe kìa!

Ngoài cửa có tiếng rên nghe như tiếng khóc nức, rồi tiếng than vãn chuyển thành tiếng hít hà đánh hơi, Nanh Trắng biết chủ nó vẫn còn trong nhà nên yên tâm không thở than nữa. Điều bất hạnh chưa xảy ra ngay trong đêm nay.

- Con chó này thật khác thường. - Matt nói.

- Hình như nó đoán biết ý định của anh.

- Có thể lắm. - Scott đáp. - Nhưng con vật nửa chó nửa sói này sống sao được ở California?

Scott tỏ vẻ buồn, anh thực tâm lấy làm buồn về chuyện này.

- Đúng thế. - Matt tiếp. - Vấn đề ở chỗ: làm gì với một con sói ở Cali?

- Ta hãy hình dung tình cảnh các con chó khác khi tôi đặt chân xuống đó mang theo con Nanh Trắng. Nó sẽ lần lượt giết sạch bọn chúng, còn tôi thì nai lưng ra mà bồi thường cho các ông chủ bà chủ. Chẳng mấy chốc mà sạt nghiệp!

- Đúng thế.

Một tiếng tru dài xuyên qua cánh cửa, tiếp theo là tiếng hít hà đánh hơi. Matt nói:

- Nó biết anh sắp ra đi. Sao thế nhỉ?

- Thật không thể hiểu nổi. - Scott buồn rầu tiếp.

Một ngày nọ, không còn nghi ngờ gì nữa:

thượng đế da trắng đặt chiếc vali và bày nhiều bọc đồ khác lên sàn nhà. Anh chuẩn bị ra đi, và xem cung cách đủ thấy anh không định mang theo con chó. Nanh Trắng sẽ bị bỏ rơi.

Trong đêm sau đó, con sói tru thê thảm như nó đã từng tru hồi sống giữa miền Wild hoang dã. Nó vươn cổ thật cao trút vào không gian giá lạnh tất cả nỗi khổ đau, tất cả tấn bi kịch cuộc đời nó.

- Anh nghe đấy, - Matt nói, - tiếng tru nghe lạnh xương sống. Nó sẽ nhịn ăn. Tôi biết tính nó: nó có thể nhịn ăn đến chết.

- Thôi đừng nói nữa! - Scott buồn bực gạt đi. Hôm sau Nanh Trắng bám riết chủ không chịu rời nửa bước. Hành lí vẫn để trên sàn, thỉnh thoảng có thêm vài thứ được mang tới. Matt bận tíu tít, luôn tay hết xếp dọn đồ lông thú lại gấp quần áo cho chủ. Lát sau, mấy người Anh điêng tới mang các bọc đồ đi, Matt chỉ huy họ và tự tay mang các bọc quần áo với chiếc vali.

Khi Matt quay về, Scott gọi Nanh Trắng tới:

- Vào đây, vào đây ta bảo. - Thượng đế da trắng gọi rồi vuốt ve con vật đang run rẩy. - Nói cho mày biết: ta phải đi một nơi thật xa và rất buồn không mang mày theo được. Nào anh bạn thân mến! Gừ lên một tiếng chia tay nhau đi! Để ta nghe tiếng mày một lần cuối cùng!

Từ dưới sông vọng lên tiếng còi tàu giục giã.

Matt gọi to:

- Tàu tới rồi, anh Scott! Lẹ lên! Anh chào từ biệt nó thế là được rồi. Ra thật lẹ nhé! Tôi sẽ đóng chặt các cửa không cho nó ra theo.

Scott làm đúng như vậy. Nanh Trắng bị nhốt trong phòng. Nó rên rĩ, hít hà, nghe như tiếng khóc nức nở. Scott dặn:

- Hãy chăm sóc nó chu đáo. Và thường xuyên báo tôi biết tình hình của nó. Tôi trông cậy hết ở cậu.

- Xin hứa. - Matt đáp.

Bỗng một tiếng tru thê thảm kéo dài làm hai người đứng lại. Matt nói:

- Nó đòi chết đấy.

Tiếng tru vút lên như khúc ca tuyệt vọng.

Hai người buồn bã cúi đầu tiếp tục đi xuống bến cảng. Tàu Bình Minh chở một số lớn người tìm vàng trở về quê hương. Một số trong bọn họ đã thành công, số khác thất bại thảm hại.

Nhưng tất cả đều hăm hở trở về cố quốc.

Scott bắt tay Matt chuẩn bị xuống tàu. Bỗng Matt há hốc mồm nhìn vào sau lưng Scott.

Nanh Trắng đã đứng đó tự bao giờ!

Matt phân bua với chủ:

- Tôi đóng chặt cửa rồi đấy chứ! Không hiểu nó làm cách nào thoát ra được.

Nanh Trắng vẫn đứng im như chó đá. Matt tới bên nó.

- Tôi sẽ mang nó về.

Nanh Trắng lảng ra xa. Matt đuổi theo nhưng nó chen vào nấp sau lưng các tốp hành khách. Khi Scott gọi một tiếng nó chạy ngay tới đứng dưới chân ông chủ. Scott vuốt ve con chó, bảo Matt:

- Nhìn này! Có nhiều vết thương trên mõm...- Vâng. Và dưới bụng nữa. Con quỉ này đã lao qua cửa sổ nên mới bị như vậy. Ta không dự kiến chuyện này.

Còi tàu Bình Minh rúc lên hồi nữa. Giờ nhổ neo đã tới. Matt chuẩn bị lôi Nanh Trắng xuống bến. Bỗng Scott lên tiếng:

- Chia tay cậu nhé! Hãy để nó ở đây. Cậu khỏi cần viết thư kể tình hình con Nanh Trắng cho mình nữa. Nó sẽ đi với mình!

Chương 10

Sói được nghỉ ngơi

Về tới San Francisco, Nanh Trắng rất ngạc nhiên. ở đây các thương đế da trắng còn tỏ ra mạnh mẽ hơn nhiều so với ở vùng hoang mạc băng giá miền cực Bắc. Họ làm những con đường thẳng tắp, xây những ngôi nhà đá cao gấp nhiều lần những căn nhà gỗ nó đã thấy ở Wild. Nhiều mối nguy khác lạ thường xuyên uy hiếp nó. Phải nhanh chân nhanh mắt tránh đủ thứ xe, nào ô tô, nào xe ngựa chạy như mắc cửi trên đường. Có cả những cỗ máy điện lăn bánh rầm rầm xuyên qua sương mù, tiếng bánh xe rít nghe như tiếng linh miêu trong rừng rậm. Mọi thứ đều do người da trắng làm ra và chỉ huy.

Nanh Trắng thấy họ quá giỏi quá mạnh, rất đáng sợ.

Nỗi sợ hãi của nó rất lớn, rất khủng khiếp, càng lúc càng tăng cao, y hệt hồi tới trại người Anhđiêng nó đã phát sợ khi thấy rõ sự yếu đuối của mình trước các công trình của thượng đế.

Giờ đây tới thành phố này nó lại càng thấy mình nhỏ bé, bạc nhược trước đám thượng đế đông đúc luôn di chuyển giữa tiếng ầm ầm như sấm nổ. Nó lủi thủi bám sát ông chủ. Nhưng nào đã hết! Scott và Nanh Trắng xuyên qua thành phố tới một nhà ga xe lửa. Nanh Trắng bị xích trong một toa đen còn Scott thì bỏ đi biệt. Sao lại thế này? Xung quanh nó, rất nhiều vali, hòm xiềng.

Lát sau có người mang thêm những bọc những chiếc vali tới. Nanh Trắng nhận ra tài sản của chú nó, bèn ngồi bên cạnh giữ.

Khi Scott quay lại, người trưởng toa đen cau có:

- ông quay lại đúng lúc quá. Con chó chết dịch này nhất định không cho tôi đụng vào hành lí của ông.

Nanh Trắng được tháo xích. Ra khỏi toa tàu, nó sững sốt. Thành phố ồn ào đã biến đâu mất tiêu. Xung quanh chỉ thấy một vùng quê trơ trọi ánh nắng thanh bình. Nó càng thấy rõ sức mạnh của thượng đế quả là vô tận.

Gần ngay đấy có chiếc xe. Hai người, một đàn ông một đàn bà bước xuống. Người đàn bà đi tới gặp Scott, dang rộng hai tay. Định làm gì ông chủ thế? Định đánh ư? Con sói nổi giận gầm lên một tiếng. Scott vội né sang bên.

- Mẹ! Con chó tưởng mẹ định đánh con nên nó chuẩn bị bênh con đó!

Bà mẹ cười, nhưng nhìn vẻ mặt có thể thấy bà vừa sợ mất vía.

- Thế làm sao mẹ có thể gặp gỡ con khi có nó ở đây?

- Rồi nó sẽ quen chứ, mẹ!

Nanh Trắng vẫn gầm gừ.

- Đủ rồi! - ông chủ thét. - Đủ rồi! Im ngay!

Nằm, nằm xuống!

Nanh Trắng nằm xuống. Nhưng vừa thấy hai mẹ con ôm hôn nhau nó lại gầm gừ.

- Nằm! Im mồm! - Scott ra lệnh.

Nanh Trắng im bặt, nhưng mắt vẫn không rời chủ.

Hành lí được xếp gọn lên xe. Các thượng đế cũng lên ngồi trên đó. Ngựa bắt đầu phi, Nanh Trắng chạy theo xe, mắt vẫn theo dõi chặt chủ nó.

Đừng kể nào liều mạng làm hại ông chủ, nó sẽ cho kẻ đại dốt biết bộ nanh này sắc nhọn tới mức nào!.Mười lăm phút sau xe chạy qua chiếc cổng xây đá, lăn bánh trên con đường rất đẹp hai bên trồng cây dẻ uôn vòm lá che mát mặt đường.

Bên phải bên trái đều có những thảm cỏ xanh rì trải rộng giữa những hàng sồi cao ngất vươn dài những cành to khỏe. Xa xa, những cánh đồng cỏ chín vàng dưới nắng tạo một nét tương phản ngoạn mục cuốn hút mắt nhìn. Máy ngọn đồi màu nâu trên đỉnh khoanh tròn những bãi chăn thả gia súc vạch một nét chấm phá trên đường chân trời. Cuối con đường lớn đang đi, một tòa nhà nhiều cửa sổ, cổng vòm bề thế nổi bật trên sườn đồi.

Nanh Trắng không có điều kiện thưởng thức toàn bộ phong cảnh đẹp đẽ trên, vì cỗ xe vừa chồm vào khu nhà thì một con béc giê to đùng, mõm nhọn, mắt sáng đã xông tới với vẻ thù ghét gã mới tới nhà.

Nó xen vào đứng chặn giữa Nanh Trắng và chủ nhà, chuẩn bị đánh đuổi kẻ lạ mặt. Nanh Trắng xù lông, chuẩn bị giáng đòn chớp nhoáng chết người. Nhưng nó dừng ngay lại, bốn chân cứng như sắt duỗi thẳng hăm dọa chạy, phân vân, không muốn tiếp cận đối thủ. Nó vừa nhận ra con chó cái. Theo luật loài chó, nó không được tấn công chó cái. Nhưng con béc giê không dừng lại. Nó thâm thù tất cả những gì của miền Wild hoang dã, hơn nữa Nanh Trắng là một con sói, một tên trộm truyền kiếp chuyên tàn sát các đàn cừu, xưa nay chó béc giê từ thế hệ này sang thế hệ khác đều làm nhiệm vụ đánh lại chúng.

Nanh Trắng vẫn đứng im, con chó cái xông tới ngoạm vào vai nó. Bất giác nó buột miệng gừ một tiếng. Chỉ thế thôi. Nó quay đầu tránh nhưng bị con chó cái rượt đuổi đến cùng.

Một người hét:

- Collie! Lại đây!

Scott vẫn đứng xem hai con chó đuổi nhau, tằm tằm:

- Mặc chúng nó, bố ạ. Đằng nào con chó của con cũng phải học cách sống ở đây.

Collie vẫn hung hăng. Nó chặn đường không cho Nanh Trắng tới với ông chủ Scott hình như đang sắp bỏ đi. Làm gì đây? Nanh Trắng húc một húc vào tên địch hất nó tung lên rơi xuống lăn mấy vòng ra xa vài mét. Con chó cái rú lên vừa đau vừa kinh ngạc, Nanh Trắng thản nhiên bỏ đi. Mới được mấy bước, bất thành lình nó bị con Dick hèn nhát đánh úp. Nanh Trắng không trông thấy con chó săn Dick len lén từ đâu tới nên bị nó đánh ngã lăn. Vùng dậy được, Nanh Trắng định xông vào thanh toán tên địch khốn kiếp thì Collie lao tới. Trận đánh lộn sắp tới hồi quyết liệt thì Scott xuất hiện. Anh giữ chặt Nanh Trắng, bố anh giữ hai con chó kia. Scott nói:

- Ai lại đón tiếp con sói đáng thương của vùng cực Bắc kiểu này. Trước đây nó chỉ mới một lần bị đánh ngã, thế mà bữa nay mới trong ba mươi giây đã bị quật ngã hai lần!

Hai người vừa từ trong nhà bước ra, lặp lại động tác tấn công Scott: bám chặt vào cổ anh.

Lần này Nanh Trắng cho qua, nó thấy hình như cử chỉ này không gây đau cho chủ nó. Nhiều thượng đế định vuốt ve nó, nhưng con sói gù gù tỏ ý không chấp nhận sự suồng sã quá trớn này.

Một lúc lâu sau các thượng đế bước lên bậc thêm trở vào nhà. Một bà đưa tay vuốt ve con Collie định làm nó nguôi giận nhưng nó vẫn bưng bưng sát khí tuồng như không thể chấp nhận sự có mặt của con sói miền Wild trong ngôi nhà này.

Con Dick nằm sẵn trên đầu cầu thang, thấy Nanh Trắng đi qua, nó nhe nanh gừ một tiếng dữ tợn.

Nhưng con sói vẫn tỉnh bơ, lấy hết gân, duỗi thẳng đuôi bước tiếp. Chỉ dãn hai mắt gườm gườm nhìn Dick, sẵn sàng đối phó. Nó rất cảnh giác.

Không xảy ra sự cố gì. Nanh Trắng yên trí nằm tròn dưới chân chủ nó.

Một cuộc sống mới bắt đầu.

Nanh Trắng rất thông minh. Nó đã hiểu ở đây không như ở Wild, nó cần phải thích nghi với đất nước mới, hoàn cảnh mới và những con người mới.

Giờ đây nó sống trong ngôi nhà ông thẩm phán Scott, bố của Weedon Scott thượng đế của nó. Vùng này được gọi là Sierra Vista. Con chó săn

Dick đã thôi gây sự, đôi khi còn chủ động làm quen nhưng Nanh Trắng thích sống cô đơn nên khinh khỉnh lờ đi.

Riêng con Collie vẫn thù dai. Nó nhất định không chịu kết thân với loài sói, khi có thời cơ nó không bỏ lỡ dịp tặng cho Nanh Trắng một miếng đóp. Nanh Trắng không thèm chấp, thậm chí khi thấy Collie tới nó còn vênh mặt lảng đi chỗ khác.

Cuộc sống ở Sierra Vista không đơn giản như ở miền Bắc.

Hồi trước, vị thượng đế đầu tiên Rái cá-Xám có một gia đình cùng chia sẻ thức ăn, chăn mền với anh ta. Bây giờ Scott vị thượng đế mới của nó cũng có một gia đình, nhưng gia đình này đông đúc hơn nhiều: có bà mẹ chủ nó, hai bà cô Beth và Mary, chị vợ Alice và hai đứa con Weedon lên bốn, Maud lên sáu.

Con sói học được cách chơi với hai đứa trẻ, dần dần quên đi những cực hình ác hiểm, những sự ngược đãi đã phải chịu với bọn nhóc Anđiêng hồi trước. Nó biết chịu đựng các trò tinh nghịch của chúng, khi nào hai đứa trẻ làm phiền quá, nó bỏ đi với thái độ kẻ cả. Nó không cho phép những người đầy tớ phục vụ ông chủ được vuốt ve nó.

Cơ ngơi của ông chủ nằm kề cơ ngơi các thượng đế khác. Nanh Trắng quen như ở miền Bắc, tự do chén mọi con vật nó tóm được. Về Sierra Vista, một bữa tóm được con gà mái, nó nuốt trọn con gà trong nháy mắt, thấy rất khoái khẩu. Vài ngày sau một con gà mái khác sắp chịu chung số phận với con kia thì một người đầy tớ chạy tới cứu.

Nanh Trắng nhả con gà, quay lại đôi phó.

Anh chàng kia không biết hiểm họa đang đe dọa, vớ cây roi nhỏ quất con sói. Nó chồm ngay lên cắn vào cổ hất anh ta ngã ngựa. Anh này buông roi, dùng hai tay chống đỡ. Kết quả hai cánh tay bị con sói cắn lòi xương. Chắc toi mạng nếu con Collie không xuất hiện. Như mọi lần Nanh Trắng rút lui, không thèm đôi co với phái yếu.

Chuyện này đến tai Scott. Anh quyết định trừng trị thủ phạm khi có dịp thuận tiện. Cơ hội đó tới liền. Một đêm nọ, khi bọn gà mái đã lên chuồng, Nanh Trắng trèo lên đóng gỗ, chuyễn sang mái chuồng gà rồi tụt xuống sân chuồng.

Vụ tàn sát vô cùng khủng khiếp, hơn năm chục con gà mái bị nó làm thịt ngay trong đêm.

Khi Scott tới xem quang cảnh vụ giết chóc Nanh Trắng không tỏ ra hối hận mảy may. Trái lại còn ra vẻ ta đây như thể vừa thực hiện một chiến công hiển hách.

Nó sưng sốt khi bị thương để gí mõm vào đồng gà chết nện cho một trận như xương, Nanh Trắng đau lắm nhưng đã hiểu. Từ đó không bao giờ nó đụng vào một con gà còn sống. Một bữa người ta còn thử thách nó bằng cách nhốt chung với gà trong chuồng, nó nằm lăn ra ngủ khi một giấc chẳng ngó ngang gì tới lũ gà. Nó còn hiểu thêm rằng gà giò, mèo, gà tây của hàng xóm cũng là những con vật thiêng liêng. Chỉ hổ rừng, sóc, chim cú, gà gô là không được pháp luật bảo vệ.

Nó tha hồ đuổi bắt, chẳng sợ rắc rối gì..Hồi trước, mỗi lần bị Rái cá-Xám hay gã Đẹp hành hạ, Nanh Trắng chỉ thấy đau về thể xác, còn bây giờ những đòn của thượng đế thân thương đều ngấm sâu vào người nó, khó chịu đựng hơn xưa rất nhiều. Những lệ luật ấy thật quá phức tạp, khó hiểu, khó tuân thủ vì chúng kìm hãm các xung năng tự nhiên. Tình trạng này làm con sói vô cùng hoang mang.

Mỗi lần theo chủ sang thành phố bên cạnh, Nanh Trắng cũng phải chặt vật kìm hãm bản năng tự nhiên của nó.

Các quây thịt treo đầy những súc thịt tươi đỏ au. Nó thèm rõ rồi, chỉ muốn ngoạm một miếng nhưng chủ quát KHẶNG, nó phải tuân lệnh.

Đôi khi bị bọn nhóc ném đá, nhưng nó không được phép trả thù tuy việc này đối với nó dễ ợt. Đích thân chủ nó một bữa kia phải tự tay trừng trị bọn mất dạy, từ đó chúng mới để Nanh Trắng yên thân. Ven thành phố, ba con chó rất bụi có thói quen cắn trộm Nanh Trắng nhưng nó không dám đánh lại vì sợ bị chủ mắng.

Mãi tới một bữa nọ, thượng đế bảo: "Cho chúng một bài học! Xong vào! Chúng đáng ăn đòn!" Nanh Trắng chần chừ. Có đúng là được phép thật không?

- Làm tới đi! - Scott mỉm cười nhắc lại.

Xong ngay! Sau vài phút, hai con chó bị đứt cổ chết còng queo, con thứ ba bị Nanh Trắng đuổi kịp ngoài cánh đồng và cũng chịu chung số phận.

Sau thành tích đó, danh tiếng Nanh Trắng nổi như cồn. Không kẻ nào dám lơ mơ với nó nữa.

Thời gian trôi qua. Nanh Trắng được ăn đầy làm ít nên phát phì. Nó thấy sống ở California thật là sướng, chẳng bị bất cứ cái gì đe dọa. Chỉ riêng con chó cái Collie vẫn tỏ ra ác cảm với nó.

Collie luôn để mắt theo dõi, bám đuôi nó đi khắp nơi hòng bắt quả tang nó phạm khuyết điểm. Thành thử hễ Nanh Trắng nhìn vào một con chim cu, một con gà mái là thể nào cũng thấy xuất hiện chị chàng Collie vẫn lẳng nhặng đeo bám để giám sát nó. Con chó cái chưa bỏ qua vụ năm chục con gà giò bị tàn sát. ôi, vùng Wild băng tuyết sao mà xa vời vợi! Đôi khi bị nắng hè thiêu đốt quá xá Nanh Trắng lại nhớ về chốn cũ. Một nỗi buồn nhớ man mác vùng Cực Bắc làm nó băng khuâng thao thức, nhưng không kéo dài. Thỉnh thoảng chủ nó rong ruổi trên lưng ngựa, Nanh Trắng không kéo xe cũng không phải cõng hàng, lẻo đẻo theo sau vó ngựa.

Công việc chỉ có vậy. Không bao giờ bị mệt quá sức, chuyển đi dài năm chục dặm cũng chỉ là chuyện nhỏ đối với nó.

Trong một chuyến viễn du Scott có ý muốn dạy cho con ngựa nòi của anh một bài tập khó.

Anh nhiều lần đưa ngựa tới trước rào chắn, nhưng lần nào nó cũng hốt hoảng lùi lại, chồm hai chân trước. Bị đỉnh giày thúc đau quá, nó khụy chân quì xuống rồi đá hậu. Tức không chịu nổi Nanh Trắng nhảy tới đứng trước mặt con ngựa sữa một tiếng, tiếng sữa đầu tiên của nó. Hậu quả thật tai hại, con ngựa vùng dậy, phóng như bay rồi bất chợt giật mình nhảy sang bên khi một con thỏ từ bụi rậm lao ra. Scott ngã ngựa, gãy một bên chân.

Nanh Trắng định nhảy lên cắn đứt cổ con ngựa nó coi là thủ phạm gây ra tai nạn, nhưng chủ nó ngăn lại:

- Về nhà ngay, về xin cấp cứu! Ta không nhúc nhích nổi nữa. Về!

Nanh Trắng không tuân lệnh ngay. Nó chần chừ, rên ư ử, không muốn bỏ chủ bị thương ở lại đây một mình.

Giọng Scott càng nghiêm nghị:

- Về nhà! Người nhà thấy mày sẽ biết có chuyện chẳng lành. Nào sói, nghe ta đi chứ! Chạy thật nhanh!

Con sói đã hiểu ý ông chủ. Nó bước đi vài bước, quay lại nhìn thượng đế của nó lần nữa rồi lao đi, thái độ rõ ràng tỏ ra miễn cưỡng.

Lúc con sói đầy mình lấm bụi lao hết tốc độ về tới nơi, cả nhà đang ngồi trên thềm. Bà mẹ Scott thấy Nanh Trắng từ xa, nói:

- Con Nanh Trắng kìa! Con trai ta đã trở về.

Bọn nhóc chạy tới bên con sói, nhưng nó gầm gừ làm chúng lùi lại. Chị vợ Scott hốt hoảng:

- Con chó này làm mình sợ hết hồn.

Ông bố Scott giải thích:

- Nó là chó sói mà! Tốt nhất là đừng quá tin nó.

Con chó vẫn gầm gừ. ông bố nhận xét:

- Nó có vẻ khác mọi bữa. Nào nào, ra khỏi đây ngay! Ra ngay lập tức!.Nanh Trắng ngoạm áo Alice xé một miếng.

Mọi người khiếp hãi, tưởng nó hóa dại.

Nanh Trắng trừng mắt nhìn cả nhà đang đứng nép vào nhau. Người nó run run. Beth lên tiếng:

- Nó muốn nói cái gì ấy!

Cổ họng con chó co giật liên tiếp.

- Nó muốn nói thật đấy!

Con chó lên tiếng thật. Nó chỉ có thể tung ra một tiếng sủa ngắn, nhưng thế là rõ. ông bố nói ngay:

- Có chuyện bất thường rồi.

Alice tiếp:

- Không nghi ngờ gì nữa, anh Scott đã gặp chuyện không may nên Nanh Trắng chạy về báo tin cho ta. Phải đi theo nó ngay, nó sẽ dẫn tới chỗ chủ nó. Lẹ lên mới được. Tranh thủ sớm phút nào quý phút ấy.

Nanh Trắng lao ngay xuống khỏi thềm, cả nhà chạy theo sau.

Scott thoát nạn.

Khỏi cần nói thêm sau chiến tích này Nanh Trắng được cả thành phố Sierra Vista mến mộ.

Ngay những người đã có lần bị nó đớp giờ đây cũng vui vẻ thừa nhận nó là con chó rất đặc biệt.

Nanh Trắng đã qua một mùa đông ở Sierra Vista, mùa đông thứ hai đang tới gần.

Ngày ngắn dần. Đúng vào lúc này Nanh Trắng nhận thấy thái độ Collie đối xử với nó đã thay đổi. Chị chàng không cần nữa, có chăng cũng chỉ hơi nhay nhẹ trong lúc vui đùa với nó. Những ngày đôi đầu đã lùi xa.

Một bữa kia Collie rủ Nanh Trắng theo nó chạy như điên qua nhiều rừng cây nội cỏ.

Chuyện đó xảy ra khi Scott còn đang nằm trên giường bệnh. Bữa đã qua khỏi, anh bảo thẳng yên cương vào ngựa rồi gọi Nanh Trắng tới:

- Ta lại làm theo thói quen trước kia. Hãy cùng ta đi dạo cho vui, chó con thân thương!

Collie đang có mặt ở đó. Nó tới bên con sói, cọ cọ tấm thân tha thướt vào Nanh Trắng tuồng như nói:

- Đừng bỏ em! Chúng mình ở lại bên nhau có hơn không? Ta ra chơi ngoài cánh đồng cỏ đi!

Nên làm gì bây giờ? Tuân theo lời thượng đế? Hay đi theo Collie đã trở nên rất dễ thương?.- Đi theo ta, Nanh Trắng!

- Đi với em nào, anh Nanh Trắng!

Hôm đó Nanh Trắng đi theo tiếng gọi của bạn gái, bỏ mặc thượng đế thui thủi đi chơi một mình.

Có lẽ Nanh Trắng nhớ lại chuyện mẹ nó đã bỏ đi cùng với Một Mắt lang thang trong rừng già mênh mông.

Tiếng gọi sâu xa khẩn thiết hơn cả luật lệ của thượng đế, mãnh liệt hơn cả ý chí của nó đã vạch đường cho Nanh Trắng đi theo.

Hồi đó các báo đăng nhiều tin xung quanh vụ Jim Hall một tên cướp vừa vượt ngục San Quentin. Hắn là một tên rất hung tợn ai cũng khiếp sợ. Sự độc ác choán hết cá tính hắn ta, không thể cải tạo nổi hắn dù bằng phương pháp cứng rắn hay nhẹ nhàng. Hắn độc ác và nguy hiểm hơn cả thú rừng. Đã phạm tội ba lần, đã bị xã hội kết án tù nặng, nhưng hình phạt khiến tâm hồn hắn càng đòi bại càng đen tối hơn. Vào tù lần thứ ba, hắn rơi vào tay một gã quản tù tồi tệ chẳng kém hắn ta. Gã ngược đãi, truy hại, hành hạ Jim từ sáng đến tối. Tên cướp làm gì được gã? Nó chỉ có chân tay không, còn quản tù lúc nào cũng kè kè khẩu súng lục tổ chàng.

Một hôm chịu không nổi nữa, Jim chồm lên cắn cổ gã quản tù, y hết Nanh Trắng trong ác chiến với đồng loại của nó. Jim bị trừng phạt rất nặng.

Nó bị vút vào một căn xà-lim không cửa sổ, không được trông thấy ai, không được nghe tiếng người, mỗi lần thấy thức ăn ném vào nó lại găm gù như thú dữ.

Nó sẽ không bao giờ còn được trông thấy ánh nắng, bầu trời hoặc một khuôn mặt người, không được biết lúc nào là ngày lúc nào là đêm.

Chẳng khác đã bị chôn vùi trong nắm mộ bằng sắt.

Jim không ngớt gào rú, tâm thần kinh rối loạn ngày càng trở nên quái đản. Nó phải chịu cực hình đó trong nhiều năm đằng đẳng.

Một đêm kia, nó trốn thoát. Các quản tù kinh ngạc.

- Vô lí, không thể có chuyện như vậy.

Nhưng họ buộc phải thừa nhận sự thật. Jim đã vượt ngục sau khi giết chết gã quản tù đứng gác ngay cửa hầm tối, ra tới hành lang nó giết thêm hai người nữa. Vũ khí của cả ba người lọt hết vào tay nó. Nhà chức trách treo giải thưởng cho ai lấy được đầu nó. Jim phải lẩn trốn trên núi cao nhưng vẫn bị nhiều chủ trại săn lùng, có cả những người thành thị mang theo chó săn được huấn luyện của họ. Toàn bộ lực lượng cảnh sát lần theo dấu vết nó. Họ đã đôi lần bao vây nó nhưng Jim chống trả quyết liệt, bắn nhau với cảnh sát. Báo chí đưa tin về cuộc xô xát với đầy đủ chi tiết, nêu cả tên những người chết và bị thương.

Jim Hall vẫn nhớn nhơ ngoài vòng pháp luật.

Rồi biến mất tăm, không để lại tung tích.

Nó đi đâu, làm gì? Không ai biết. Nhưng không vì thế mà tình hình dịu bớt. Giải thưởng khá lớn còn treo đó vẫn kích thích nhiều người hăng hái săn lùng, mặt khác, người ta nơm nớp lo Jim bất thành linh tái xuất giang hồ, tiếp tục những hành động tội ác.

Chẳng ai yên tâm, nhất là các phụ nữ trong các trang trại hẻo lánh càng bội phần khiếp hãi.

Thẩm phán Scott đã kết án Jim Hall và tống nó vào tù không biết lần này nó bị buộc tội oan.

Cảnh sát đã hành động theo lệ lâu nay: họ quyết định chấm dứt sự nghiệp của tên tội phạm nguy hiểm bằng cách dựng lên những bằng chứng

giả.

Thẩm phán Scott chủ tọa phiên tòa không biết chuyện đó nên đã tuyên án Jim năm mươi năm chôn sống dưới mồ.

Tại phiên tòa Jim gào lên:

- Tao sẽ trả thù. Lao thẩm phán sẽ phải trả giá nỗi khổ lão bắt tao gánh chịu. Bọn bay sẽ biết đòn thù của tao ghê gớm cỡ nào.

Từ bữa tên cướp vượt ngục, mọi người ở Sierra Vista đã ráo riết đề phòng.

Chị Alice, vợ Scott bí mật bố trí con sói làm nhiệm vụ canh giữ ngôi nhà. Đêm đêm, chờ mọi người ngủ say, chị cho Nanh Trắng vào nằm trong tiền sảnh dưới tầng trệt. Sáng sớm, chị dậy trước cả nhà thả con sói ra ngoài vì nó không được phép ngủ trong nhà. Có nó canh giữ như vậy, mọi người có thể yên tâm nghỉ ngơi.

Một đêm kia Nanh Trắng bỗng cảm thấy có điều gì khác thường quanh quất đâu đây. Trong gió có những mùi lạ lâu nay nó chưa ngửi thấy bao giờ. Loáng thoáng lọt vào tai nó những tiếng động nhẹ, có một cái gì di chuyển rất thận trọng.

Nhất định một thượng đế da trắng nào đó đang lẩn quất gần nhà... Hắn vào tới hành lang. Nanh Trắng không động dậy, nằm im trong bóng tối.

Tên đột nhập nhẹ nhàng đặt chân lên cầu thang gác, không gây một tiếng động nhỏ. Trên lầu các thượng đế thân thương của Nanh Trắng vẫn đang ngủ say. Chắc chắn tên gian phi định làm hại họ.

Nanh Trắng không chần chừ, chồm lên ngoạm.giữa cổ tên gian, quật hẳn cùng với nó lặn xuống chân cầu thang đánh huych một tiếng rất to.

Tiếng súng nổ vang xen lẫn tiếng hét tiếng rú dữ dội. Rồi im lặng.

Đèn bật sáng. Weedon Scott xuất hiện với khẩu súng lục trên tay, ông bố đi phía sau. Giữa mấy chiếc bàn ghế đổ lổng chổng, một gã đàn ông nằm thẳng đơ. Weedon Scott hỏi:

- Tên nào vậy?

Vị thẩm phán kinh ngạc:

- ủa! Jim Hall. Nó chết rồi.

Nanh Trắng nằm sổng soài ngay bên. Nó mở mắt nhìn chủ, người nó khê giật giật, đuôi hơi ve vẩy. Scott ngồi xuống vuốt ve con chó, nó rên lên

ư ử vài tiếng rồi nằm im trông như chết rồi.

Một bác sĩ phẫu thuật được mời tới gấp.

Ông nói:

- Tội nghiệp, con chó bị rất nặng. Không biết liệu có thoát chết không. Cơ may cứu sống nó chỉ có một trên một ngàn. Tôi sẽ làm hết sức mình, cố thực hiện điều không thể thực hiện.

Nanh Trắng bị gãy một chân, ba xương sườn, một lá phổi bị thủng, ngoài ra còn bị trúng ba viên đạn. Bác sĩ khám xong lắc đầu:

- Vừa rồi tôi làm. Không phải một trên một ngàn mà chỉ có một trên mười ngàn cơ may.

Thẩm phán Scott kiên quyết:

- Phải làm tất cả để cứu sống nó, dù tôi có tốn vào đó cả một gia tài. Theo tôi, có lẽ ta nên phen cho bác sĩ Nichols ở San Francisco.

Bác sĩ phẫu thuật gật đầu:

- Tôi cũng thấy thế. Hai cái đầu sáng suốt hơn một cái. Tôi rất mừng nếu có thêm ý kiến của đồng nghiệp. Xin chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng.

Tôi sẽ quay lại sau vài giờ nữa. Thịnh thoảng nên lấy nhiệt độ của con chó đáng thương.

Chắc bạn đọc cũng đoán biết Nanh Trắng được chăm sóc rất chu đáo. Các con của Weedon Scott đều là những y tá rất tận tình. Bị bó bột cứng ngắc trong nhiều tuần lễ, nó có đủ thì giờ để mơ màng. Nó thấy hiện hiện quanh nó nhiều bóng dáng ngày xưa. Thấy lại Kiche, mẹ nó trong hang, thấy lại lúc nằm dưới chân Rái cá-Xám, rồi lúc cùng con Lip Lip kéo xe trượt tuyết, nghe rõ tiếng roi của Mit Sah vun vút trên đầu..Trong những con ác mộng ấy, có lúc nó thấy mình đang rình một con sóc, khi sắp vồ được thì đột nhiên con sóc biến thành đoàn tàu điện to ùng suýt tông vào nó. Cũng có lúc Nanh Trắng nằm mê thấy phải sống cực khổ với gã Đẹp, nó rên rỉ, gừ gừ, như đang tìm cách chống lại gã.

Một bữa khác nó mơ thấy đang dõi theo đường bay của con chim ưng tấn công nó thì con ưng cũng đột nhiên biến thành đoàn tàu điện lao xuống.

Bác sĩ phẫu thuật tháo bột cho Nanh Trắng.

Nó lão đảo đứng lên định đi tới chỗ Scott nhưng sức quá yếu, nó lại quy chân nằm xuống.

Các bà tỏ vẻ thương cảm:

- Một con sói thánh thiện. Từ nay ta sẽ gọi nó như thế.

Bác sĩ bảo:

- Phải tập cho nó đi đứng bình thường. Chỉ vài buổi là được thôi, không lâu đâu. Bắt đầu ngay từ hôm nay.

Nanh Trắng được đỡ đứng dậy, lát sau cơ bắp của nó hồi phục dần. Như một ông vua, nó được đoàn người liên hô hậu ủng dẫn ra thăm cỏ trước nhà. Nó nằm nghỉ một lát rồi lại tiếp tục được đám rước dẫn tới chuồng ngựa. Tại đây, Nanh Trắng thấy Collie đang nằm dài, xung quanh có tới nửa tá chó con xúm xít. Rất ngạc nhiên, Nanh Trắng nghiêng đầu nhìn cảnh tượng lạ, thấy con Collie trợn mắt gừ một tiếng nó dừng lại không dám tới gần. Weedon Scott nhẹ tay đẩy một chú chó con tới gặp Nanh Trắng nhưng anh chàng này vẫn ngần ngại, lo giữ thế thủ tuy thấy ông chủ tỏ ý mọi chuyện đều tốt đẹp. Chú chó con ục ịch chạy quanh con sói...

hai cái mũi chum vào nhau... Nanh Trắng cảm nhận một cái lưỡi bé tí vuốt ve lên mõm mình.

Nó chẳng hiểu sao tự dưng mình cũng làm y hệt thằng nhóc. Các thượng đế vỗ tay, hò reo rầm trời. Nanh Trắng cảm thấy mệt bèn nằm lăn ra đất. Tuy chó mẹ Collie gầm gừ không bằng lòng nhưng bọn chó con phớt lờ, tranh nhau trèo lên lưng lên sườn bố chúng. Chúng đùa nghịch, vui vẻ vật nhau lăn lông lốc trên mình chó bố trong khi Nanh Trắng lim dim mắt ngủ thẳng một giấc dưới nắng vàng!.

16) Nhóm Lửa

Trời đã sáng mà vẫn âm u lạnh lẽo vô cùng. Anh rẽ khỏi con đường chinh dọc theo dòng sông I-u-con và leo lên bờ đất cao, nơi đây 1 con đường mòn ít người qua lại chạy lơ mờ về hướng đông, qua khu rừng thông bát ngát. Bờ đất dốc, nên leo lên đến đỉnh, anh dừng lại thở, nhưng để tỏ ra mình làm như thế không phải do mệt, anh nhìn vào đồng hồ. Đã 9h sáng. Mặt trời chưa xuất hiện, thậm chí chưa có dấu hiệu gì tỏ ra hôm nay mặt trời sẽ xuất hiện, dấu trên trời không có 1 bóng mây. Đó là 1 ngày quang đãng, vậy mà vẫn như có 1 tấm màn vô hình bao phủ lên vạn vật, 1 cảnh âm u làm cho ngày tối lại, và lại cũng do không có mặt trời. Dầu thế, anh vẫn không tỏ ra lo lắng. Anh đã quen với cảnh thiếu ánh mặt trời. Đã từ bao ngày nay anh có nhìn thấy ánh mặt trời đâu, hơn nữa anh cũng biết rằng phải 1 vài ngày nữa cái quả cầu rạng rỡ kia mới lộ ra khỏi chân trời phương nam trong chốc lát để rồi lại biến mất ngay.

Anh ngoái nhìn lại con đường vừa đi qua. Con sông I-u-con rộng gần 2 cây số nằm giấu mình dưới 1 lớp băng dày 1 thước. Trên mặt lớp băng đó là 1 lớp tuyết dày hơn thế. Tuyết trắng 1 màu, chỗ nào băng ùn lại nhiều, mặt tuyết cuộn lên thành những đợt sóng gợn lăn tăn. Từ bắc xuống nam, xa hút tầm mắt, tuyết trải trắng 1 màu mênh mang, trừ có con đường nhỏ như sợi tóc kia in thẫm ngoằn ngoèo quanh khu rừng thông về phía nam, rồi lại chạy quanh co ngược lên phía bắc, và biến mất sau khu rừng thông khác. Con đường vạch nhỏ thẫm như sợi tóc này là con đường mòn - lại là con đường chính - chạy về phía nam, khoảng ngót 1000 cây số để đến đèo Trincút và hồ nước mặn! Rồi về phía bắc, hơn 100 cây số để tới Đo-xon, và chạy tiếp về phương bắc 2000 cây số nữa để tới Na-la-tô, cuối cùng đến Xanh Mai-son nằm trên bờ biển Be-rinh, phải tới trên 2000 cây số nữa.

Nhưng tất cả những thứ như con đường mòn nhỏ như sợi chỉ thần bí, dài muôn dặm ấy, cảnh thiếu ánh mặt trời, cái rét khủng khiếp, cho đến cảnh hoang vu kỳ quái quanh đây đều không gây ấn tượng gì đối với anh. Không phải do anh đã quen thuộc từ lâu với cảnh tượng ấy. Anh là người mới đến

khu này, 1 kẻ "xa lạ", và đây là lần đầu tiên anh qua mùa đông ở vùng này. Khốn nỗi anh không có óc tưởng tượng. Anh lạnh lẹn, nhảy bèn trước việc đòi, nhưng chỉ đối với công việc, chứ trước ý nghĩa của những công việc ấy, anh lại chẳng hay biết gì. 50 độ dưới không có nghĩa là độ lạnh giá phải là 80 độ. Thực tế đó chỉ gây cho anh 1 cảm giác lạnh và khó chịu, thế thôi, chứ anh không nghĩ đến 1 điều là mình, cũng như con người nói chung, rất mỏng manh trước nhiệt độ, chỉ có thể chịu đựng được nhiệt độ nóng hay lạnh ở mức rất giới hạn; và cũng vì thế mà anh không nhận ra 1 điều rằng con người đâu có phải là bất tử, và anh không xác định được vị trí của con người trong vũ trụ. 50 độ dưới không đối với anh chỉ là cái rét lạnh thấu xương, mà muốn chống lại, chỉ việc đeo găng, đội mũ che tai, đi giày da và tất thật ấm. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng liệu ở nhiệt độ dưới 0 độ còn có điều gì khác nữa hay không.

Lúc quay lại tiếp tục cuộc hành trình, anh nhỏ nước bọt xem trời lạnh đến mức nào. Vừa mới nhỏ xong, 1 tiếng nổ giòn tan làm anh giật mình. Anh lại nhỏ 1 lần nữa. Lần này nước bọt chưa kịp rơi xuống tuyết đã nổ tan ngay trong không khí. Anh vẫn biết là 50 độ dưới 0 độ, nước bọt nhỏ xuống tuyết là nổ vỡ, nhưng lần này nước bọt lại nổ vỡ ngay trong không khí. Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, nhiệt độ phải lạnh hơn 50 độ dưới 0, nhưng lạnh hơn bao nhiêu độ thì anh không biết. Song thế đã hề chi. Anh phải về khu mỏ cũ ở nhánh sông bên trái của con sông Hen-đơ-xon, nơi đó anh em đang đợi. Họ từ miền sông In-đi-on đến đây trước, sau khi băng qua lưu vực sông, trong khi đó anh còn đi vòng quanh để quan sát xem liệu mùa xuân tới có thể chở củi từ các cù lao trên sông I-u-con ra được không. Anh mong về tới trại vào khoảng 6h chiều. Lúc đó chân trời đã tối và anh em chắc cũng về đến nơi, bếp lửa sẽ bùng lên và bữa cơm tối chắc cũng sẵn sàng. Sực nhớ đến bữa ăn trưa nay, anh lấy tay nắn vào cái gói cốm cộm dưới áo, gói trong 1 chiếc khăn tay và đang nằm dưới chiếc áo sơ-mi, sát ngay da thịt anh. Chỉ có cách đó mới giữ cho bánh bích-quy khỏi bị khô cứng vì giá lạnh. Anh khoan khoái mỉm cười 1 mình khi nghĩ đến những chiếc bánh bích-quy cắt đôi chấm mỡ và chiếc nào cũng kẹp 1 miếng thịt rán to bự.

Anh tiến sâu vào khu rừng thông bát ngát. Con đường mòn chỉ còn lơ mờ. Từ hôm có chiếc xe trượt tuyết cuối cùng đi qua, đến giờ tuyết đã rơi ngập tới 30 phân còn anh lại cảm thấy mừng vì không cần đến xe trượt tuyết, như thế đi lại đỡ công kèn. Đúng ra anh chẳng mang theo người cái gì trừ bữa ăn trưa gói trong chiếc khăn tay. Dầu sao anh cũng phải kinh ngạc trước cái rét. Quả là rét ghê người, anh nghĩ khi đưa bàn tay đeo găng lên xoa mũi và 2 bên gò má đã tê cứng. Anh có râu rậm đến thế mà vẫn không sao che nổi hết 2 bên gò má cao và cái mũi nhọn hoắt nhô ra 1 cách khiêu khích trước bầu không khí giá buốt.

Theo sau sát gót anh là 1 con chó to thuộc giống địa phương, lai sói, lông xám, từ thân hình tới tính khí đều không có gì khác mấy với người anh em của nó là giống sói rừng. Con vật có vẻ lo lắng trước cái rét kinh hồn đó. Nó biết trời rét như vậy thì đi đâu cũng không phải lúc. Linh tính của nó nhạy bén hơn sự xét đoán của con người nhiều. Thực tế hôm đó không phải trời chỉ rét hơn 50 độ dưới 0 mà là rét đến 60, 70 độ la đằng khác. Đúng ra trời rét đến 75 độ dưới 0. Vì điểm đông lạnh là 32 độ, nên độ lạnh giá phải là 107 độ. Con chó không biết gì về bàn thử biểu, có lẽ trí óc nó không có được ý thức nhạy bén về 1 hoàn cảnh rét buốt như trí óc con người. Nhưng nó lại có bản năng riêng, khiến cho nó linh cảm được mối nguy hiểm, dù chỉ lơ mơ, làm nó sợ, cứ bám lấy gót chủ, rồi mỗi lần anh có cử chỉ khác thường là nó lại mong chủ mình chóng về đến trại, hay tìm 1 chỗ nào đó để ẩn nấp và nhóm lửa sưởi. Con chó đã biết lửa là gì nên nó rất mong có lửa, bằng không, đành phải đào 1 lỗ dưới tuyết để chui xuống nằm thu mình cho ấm.

Hơi thở của nó đóng thành bụi tuyết bám trên lông, nhất là dưới cằm, trên mõm và trên mí mắt của nó trắng xoá cả. Bộ râu của anh như râu ngô cũng đọng đầy tuyết và mỗi lúc 1 thêm dày khi anh phả hơi thở ấm ra. Ngoài ra, anh lại nhai thuốc lá nên miệng đông cứng toàn băng tuyết, khiến cho có nhử cũng không gọn. Kết quả là bộ râu trông như pha lê có màu hồng như hổ phách do nước bọt quỳện nhựa thuốc tạo thành cứ mỗi lúc 1 dài ra dưới cằm. Giá anh ngã chắc bộ râu ấy đã vỡ tan ra như thủy tinh. Nhưng anh không quan tâm đến cái vật lòng thông phụ ấy. Ai là người nghiện nhai thuốc ở cái xứ sở này đều phải gánh chịu hình phạt ấy, mà

trước đây cũng đã 2 lần anh ra đi trong khi trời giá buốt đột ngột như thế này rồi nhưng hồi đó hàn thử biểu bằng rượu ở Xic-xti Mai-lơ có lần chỉ 50 độ, có lần chỉ 55 độ dưới 0 độ.

Anh tiếp tục đi được 20 cây số qua khu rừng bằng phẳng, rộng, toàn những bụi cây thấp mọc, sau đó rẽ xuống 1 dòng sông nhỏ đã đóng băng. Đó là con sông Hen-đơ-xon, và anh biết mình còn cách những nhánh sông độ 15 cây số. Anh nhìn đồng hồ - mới 10h. Như vậy, tốc độ đi khoảng 6 cây số 1 giờ, nên anh nhắm tính mình sẽ tới chỗ ngã ba sông vào khoảng 12h trưa. Anh quyết định sẽ dừng lại ăn trưa ở đó để mừng kết quả.

Con chó vẫn bám sát gót anh, và khi thấy chủ đi xuống men theo lòng sông, nó cụp đuôi thất vọng. Vết xe trượt tuyết cũ vẫn còn rõ, nhưng 1 lớp tuyết dày đến gang tay đã phủ hết dấu những chiếc xe cuối cùng đi qua đó. Đã hàng tháng nay không có ai qua lại dòng sông lặng lẽ này. Anh vẫn bước đều. Vốn là người không hay suy nghĩ, mà ngay lúc đó cũng chẳng có gì làm anh phải nghĩ ngợi cả ngoài việc sẽ ăn trưa khi đến chỗ ngã ba sông và đến 6h sẽ về tới trại với anh em. Anh chẳng có ai mà trò chuyện, mà có chẳng nữa, anh cũng không thể nói được vì băng đã đông cứng nơi miệng. Vì vậy anh tiếp tục nhai thuốc lá bồm bồm, và bộ râu màu hổ phách cứ dài thêm.

Chốc chốc anh lại nhớ rằng trời lạnh khủng khiếp. Chưa bao giờ anh chịu 1 cảnh rét buốt đến thế. Vừa đi, anh vừa đưa mu bàn tay đeo găng lên xát mạnh vào gò má và mũi. Anh làm thế 1 cách vô ý thức, hết tay bên này lại đổi sang tay bên kia. Nhưng dù cho anh có xoa thế chẳng nữa, cứ hễ ngời tay là hai gò má lại tê cóng, và 1 lát sau, đầu mũi của anh cũng tê cóng lại. Anh biết chắc 2 má mình đã bị tê cóng và bỗng nhiên thấy hối tiếc là đã không nghĩ ra cách làm thêm 1 cái bao bọc lấy mũi như kiểu anh chàng Bát vẫn đeo khi trời trở rét đột ngột. Cái bao mũi ấy cũng che cả má nữa. Nhưng dầu sao điều đó cũng chẳng hệ trọng mấy. Má tê cóng thì đã sao? Có chẳng cũng chỉ hơi buốt 1 chút, hoàn toàn không gì nghiêm trọng.

Dù không nghĩ ngợi gì, anh vẫn chăm chú quan sát và nhận thấy có nhiều thay đổi trên dòng sông, những chỗ gấp khúc và những đồng gỗ để chồng chất, ngoài ra anh cũng luôn nhận ra 1 cách nhạy bén nơi mình đang đi lên đó. Đó lần đến 1 chỗ rẽ, anh vội nhảy sang 1 bên như 1 con ngựa kinh

hoảng, rồi lại đi vòng trở về con đường cũ mấy bước. Anh biết dòng sông đóng băng trong suốt đến tận đây - không có con sông nào có thể chảy vào mùa đông Bắc cực - nhưng anh cũng biết là vẫn có những dòng sừn từ những sừn đồi chảy giữa lớp tuyết và băng. Anh biết rằng cả trong những buổi trời rét đột ngột nhất, cũng không bao giờ những dòng suối đó đóng băng được song như thế lại nguy hiểm. Đó là những cạm bẫy, chúng dấu những vùng nước ngầm dưới lớp tuyết dày từ 7 phân đến hàng thước. Đôi khi có 1 lớp băng mỏng chừng 1 phân phủ trên mặt nước, rồi trên là 1 lớp tuyết. Cũng có khi nước và băng lại chồng lên nhau lẫn lộn, khiến cho ai sảy chân trượt xuống, thì cứ gọi là phải ngập đến ngang lưng.

Chính vì thế mà anh đã hoảng hốt nhảy lùi lại. Anh thấy dưới chân mình đã hơi lún và nghe thấy lớp băng ở dưới tuyết kêu răng rắc. Trời rét như thế này mà để chân ướt thì thật rầy rà và nguy hiểm. Ít ra cũng bị chậm trễ vì phải dừng lại để nhóm lửa, cởi giày, hong chân và hong tất, giày cho khô. Anh đứng xem xét kỹ lòng sông và 2 bên bờ rồi mới dứt khoát cho rằng mạch nước chảy từ phía bên phải. Đắn đo 1 lát, lấy tay xoa mũi và má, anh đi vòng sang bên trái, dò từng bước, vừa đi vừa nghe ngóng. Khi thấy không còn nguy hiểm nữa, anh mới lấy 1 miếng thuốc lá khác ra nhai và lại tiếp tục đi với tốc độ 6 cây số 1h.

Suốt 2 tiếng đồng hồ sau, anh gặp nhiều những cái bẫy tương tự. Thường lớp tuyết phủ trên những vùng nước ngầm trông như trũng xuống và kết đặc lại như đường phèn, báo hiệu sự nguy hiểm. Ấy thế mà có lần anh vẫn suýt chết. Thấy bị nguy hiểm, anh bắt con chó đi lên trước. Con chó không muốn đi, nó cứ chùn lại, làm anh phải thúc mạnh, khiến nó phải chạy nhanh qua mặt tuyết trắng bằng phẳng đó. Bỗng nó hụt chân nghiêng về 1 bên, rồi chạy thoát đến chỗ vững chắc hơn. 2 chân trước của nó bị ướt nên nước bám vào đấy lập tức đóng thành băng. Con chó vội liếm lấy liếm để cho hết chỗ băng đóng ở chân, rồi nằm lăn ra tuyết, lấy răng gặm hết chỗ băng đóng giữa những kẽ chân. Đây là bản năng, vì để băng vướng vào đấy, chân của nó sẽ đau. Nó không biết như thế, mà chỉ làm theo lời nhắc nhở thân bí từ nơi sâu thẳm trong con người nó. Nhưng chủ nó lại biết nên anh tháo găng bên phải ra sau khi phán đoán sự việc, và giúp con chó gỡ hết những mảng băng nhỏ đi. Vừa tháo găng ra chưa quá 1' mà anh cũng phải

ngạc nhiên khi thấy mấy ngón tay của mình bị tê cứng lại. Rõ ràng trời rất rét. Anh vội đi ngay gỡ tay vào, rồi đập mạnh vào ngực.

Đã 12h trưa, lúc này bầu trời trở nên sáng sủa nhất. Nhưng trong cuộc hành trình mùa đông của mình, mặt trời hãy còn xa tít tắp ở phương Nam, chưa thấy sáng nơi chân trời. Gò đất cao đứng sừng sững giữa chân trời và dòng sông Hen-đơ-xon, nơi anh đã đi dưới bầu trời trong sáng vào giữa trưa mà không để lại 1 bóng nào. Vào đúng 12h rưỡi, anh đến chỗ ngã ba sông, trong lòng thấy thoải mái trước tốc độ đó. Nếu giữ được tốc độ đó, chắc chắn đến 6h anh sẽ có mặt bên các bạn của mình. Anh cởi cúc áo choàng, sau đó đến chiếc áo sơ-mi và kéo ra gói bánh ăn trưa. Anh làm động tác đó không quá 15 giây đồng hồ, vậy mà những đầu ngón tay để hở đã bị tê cứng liền. Anh không đeo găng tay, mà lại đập mạnh các ngón tay hàng chục cái vào đùi. Sau đó, anh ngồi xuống 1 khúc cây phủ đầy tuyết và ăn trưa. Những cảm giác đau nhói sau khi đánh mạnh những ngón tay vào chân biến đi thật nhanh, khiến anh hoảng sợ. Anh không còn kịp ăn miếng bánh nữa, liền đập những ngón tay liên hồi, rồi đi gỡ tay vào, và tháo găng bên kia ra để ăn bánh. Anh định cắn 1 miếng lớn, nhưng tuyết đông cứng quanh miệng không sao há ra được. Anh quên khuấy không nhóm lửa cho hết cứng. Trước sự ngu ngốc của mình, anh chắc lưỡi chưa dứt thì ngay lúc ấy, mấy ngón tay để trần kia bị tê cứng lại. Anh cũng nhận thấy rằng lúc đầu ở mấy đầu ngón chân còn có cảm giác nhúc nhối, nay khi vừa ngồi xuống thì cảm giác ấy không còn nữa. Anh cũng sẽ không hiểu những ngón chân ấy ấm hay bị tê cứng nữa, nhưng khi cố ngoáy ngoáy những ngón chân trong giày mới biết là chúng đã bị tê thật.

Anh vội vã đi gỡ tay vào rồi đứng dậy, trong người thấy hơi sờ sờ. Anh ráng sức dậm chân cho tới khi hai bàn chân thấy đau, nghĩ bụng quả là trời rét ghê thật. Ông già từ vùng sông Lưu huỳnh đã nói đúng là thỉnh thoảng ở vùng này lại có 1 đợt rét khủng khiếp. Vậy mà lúc ấy anh đã cười nhạo ông ta! Điều đó chứng tỏ rằng đừng có bao giờ dám chắc 1 điều gì. Rõ ràng là trời rét thật, không còn làm vào đâu được. Anh đi đi lại lại, dậm chân, rồi lại đập tay cho đến khi thấy nóng người lên mới yên tâm. Đoạn anh chạy đi kiếm củi còn mắc lại ở những bụi cây khi nước tràn lên vào mùa xuân năm ngoái, rồi rút diêm ra nhóm lửa. Cẩn thận lắm mới nhen

được ngọn lửa, dần dần ngọn lửa bùng lên cháy vù vù. Anh hơ mặt vào gần lửa cho tan hết băng, và nhờ có hơi nóng của lửa, anh mới ăn được bánh. Tạm thời cái rét của không gian bị lùi bước. Con chó cũng thấy khoan khoái, duỗi chân sát vào đồng lửa để lấy hơi ấm, nhưng cũng nằm đủ xa để khỏi bị cháy lông.

Ăn xong, anh nhồi thuốc vào tẩu rồi ngồi hút 1 cách khoan khoái. Đoạn anh đi găng, kéo 2 giải mũ che cho tai thật chặt, rồi lại tiếp tục men theo con đường mòn bên sông ngược lên phía nhánh sông bên trái. Con chó tỏ ra chán nản, ngoài lại nhìn đồng lửa 1 cách thèm khát. Anh chủ thật không biết lạnh. Có lẽ đời ông cha của anh ta cũng không biết lạnh, 1 cái lạnh không lường, lạnh tới 107 độ dưới 0. Nhưng con chó biết lạnh tổ tiên của nó biết, và nó thừa hưởng được sự hiểu biết đó. Nó biết trời rét khủng khiếp như vậy mà đi ra ngoài thì thật nguy hiểm. Đã thế, chỉ nên nằm cuộn tròn trong 1 cái lỗ đào dưới tuyết và đợi cho đến lúc mây kéo về giăng kín cả bầu trời mang đi, cái lạnh đó. Và lại giữa người và vật đâu có sự tương thân tương ái. Con vật chỉ làm nô lệ cho người mà thôi và những cái vuốt ve mà nó từng được hưởng chỉ là những cái vuốt ve của những cái roi và những tiếng quát tháo ác nghiệt dọa đánh. Vì vậy, con vật đã không tỏ ra muốn nhọc lòng truyền nỗi lo sợ của nó cho người chủ. Đâu có phải người chủ mà nó nuôi tiếc đến lửa, chẳng qua nó tỏ thái độ ấy là vì chính bản thân nó; nhưng chủ nó huýt sáo và gọi nó bằng tiếng roi quát vun vút trong không khí, khiến con vật vội chạy sát theo gót anh ta.

Anh nhai thuốc tiếp, 1 bộ râu mới màu hổ phách lại bắt đầu hình thành. Và trong nháy mắt; hơi thở của anh đã đóng băng trắng xóa như bột trên bộ ria mép, lông mày và mi mắt. ở phía bên trái của dòng sông Hen-đơ-xơn có vẻ không có nhiều những con suối ngầm, vì anh đã đi được nửa tiếng đồng hồ mà không thấy dấu hiệu gì, vậy mà vẫn có. ở 1 chỗ chẳng có dấu hiệu gì, nơi mặt tuyết phủ mềm mại phẳng lì như báo hiệu là bên dưới cũng rắn chắc, thì anh lại thụt chân. Chỗ đó không sâu lắm, nên chỉ bị trót đến giữa bắp chân, sau đó anh leo lên được 1 khoảng bằng vững chắc.

Bực mình, anh chửi đồng mấy câu. Cứ hy vọng thế nào cũng về tới trại với anh em vào lúc 6h, vậy mà lúc này lại phải chậm hàng tiếng đồng hồ mãi rồi, vì phải ngồi nhóm lửa và hong cho khô giày và tất. ở nhiệt độ thấp

nghư vậy, anh biết việc đó rất cần thiết. Anh tiến lại gần bờ sông và leo lên. Trên bờ sông lẫn lộn trong bụi cây mọc quanh những cây thông nhỏ, có vô khối củi khô - đặc biệt những cây con, ngoài ra, còn có cả khô vương lại từ năm ngoái. Anh chất mấy cành lớn xuống mặt tuyết làm nền cho ngọn lửa mới nhóm khỏi bị tắt vì tuyết tan. Anh đánh diêm đốt 1 cái vỏ cây phong lấy từ trong túi ra. Cái vỏ đỏ cháy nháy hơn giấy. Anh đặt miếng vỏ lên mấy cành cây lớn, sau đó cho thêm củi khô và những cành cây con để mỗi ngọn lửa mới bén.

Anh làm công việc đó 1 cách từ từ và cẩn thận vì hiển nhiên mỗi ngày nguy hiểm đang đợi anh. Dần dần ngọn lửa bốc mỗi lúc 1 to hơn, nên anh lại chất thêm củi khô. Anh ngồi xổm trên tuyết, kéo những cành cây khô nằm vương trong bụi rồi vứt thẳng vào đống lửa. Anh biết rằng không được để lửa tắt, vì khi thời tiết ở 75 độ âm, chân lại bị ướt nữa thì ngay từ đầu là phải nhóm lửa sao cho nó không được tắt. Giá mà chân khô, thì dù nhóm lửa không được, anh có thể chạy dọc theo con đường mòn trên nửa cây số là máu lại lưu thông. Nhưng khi 2 bàn chân đã ướt và tê cứng ở nhiệt độ 75 độ âm thì đừng có nói đến chuyện chạy cho máu được lưu thông. Dù cho anh có chạy nhanh đến đâu chẳng nữa, bàn chân ướt sũng đó chỉ thêm tê cứng hơn mà thôi.

Anh biết rõ như thế. Ông già ở vùng sông Lưu Huỳnh đã nói đến điều đó từ mùa thu năm ngoái, và giờ anh mới thấy hết những lời khuyên đó. Anh đã mất hết cảm giác ở bàn chân. Muốn nhóm lửa, anh đã phải bỏ găng tay ra, do đó các ngón tay cũng bị tê cứng lại ngay. Đi với tốc độ 6 cây số 1h đã tạo cho tim anh bơm máu đi khắp cơ thể, đến tận các đầu ngón chân và ngón tay. Nhưng khi vừa mới dừng lại, máu cũng kém lưu thông. Cái giá lạnh của không gian đang giáng xuống mồm địa cầu trơ trụi, mà anh lại ở trong cái vùng ấy nên đã phải hứng lấy cái đòn tàn khốc đó. Máu trong người anh dường như co lại trước cái lạnh. Máu cũng sống, cho nên giống như con chó, máu cũng muốn trốn cái lạnh kinh hồn đó. Chừng nào còn đi được 6 cây số 1h, dù muốn hay không, máu vẫn được bơm đi khắp cơ thể, song giờ đây máu rút đi, lẫn sâu vào tận nơi sâu kín trong người anh, nên đầu ngón chân và ngón tay là nơi cảm thấy thiếu máu trước tiên. Những ngón chân bị ướt tê cứng nhanh hơn, cả những ngón tay bị hỏ cũng thế, mặc

dù chúng chưa bị tê hẳn. Mũi và gò má đã bị tê cứng lại, trong khi đó, do thiếu máu, da anh lạnh tê tái.

Ấy thế mà anh vẫn không sao cả. Những ngón tay, mũi và má chỉ chớm bị cong thôi, vì lửa đã bắt đầu cháy mạnh. Anh vẫn còn cho thêm những cành cây to bằng ngón tay để lửa cháy to thêm. Lát nữa có thể mỗi thêm vào ngọn lửa những cành to bằng cổ tay, chắc đến lúc đó anh có thể cởi giày và tát ướt ra hơi cho khô, và đôi chân trần sẽ được sưởi ấm bên đông lửa, nhưng dĩ nhiên, nhóm lửa thì trước hết phải xoa tuyết vào chân đã. Nhóm được lửa là mỹ mãn lắm rồi, vì thế mà anh thoát chết. Anh lại nhớ đến lời khuyên của ông già miền sông Lưu Huỳnh, rồi mỉm cười. Ông già đề ra 1 luật lệ rất nghiêm khắc là không ai được đi 1 mình trong vùng Klôn-đai với cái rét 50 độ dưới 0. Thế mà anh đã có mặt ở đây, rồi gặp tai nạn 1 thân 1 mình, cuối cùng đã tự cứu lấy bản thân. Anh cho rằng ông già này tính rụt rè như đàn bà. Điều cần phải làm đối với người đàn ông là phải giữ bình tĩnh, và thế là ổn cả. Bất cứ ai là đàn ông đều có thể đi lại 1 mình. Nhưng thật là lạ, má và mũi của anh sao mà chóng bị tê cứng thế. Hơn nữa, anh cũng không nghĩ rằng những ngón tay của mình lại có thể mất sinh khí nhanh đến thế, vì chúng không sao cầm được thanh củi lên. Rõ ràng những ngón tay mất hết sinh khí rồi, chúng dường như ở xa hẳn thân thể và chính bản thân anh. Tay cầm thân củi mà mắt cứ ngơ ngác không hiểu mình đã nắm được nó chưa. Nhưng sợi dây thần kinh từ óc anh tới mấy đầu ngón tay dường như liệt hẳn.

Tất cả những điều đó chẳng hệ trọng là mấy. Chính ngọn lửa đang nhảy múa kia, đang kêu răng rắc, lớp bốc đó, là hứa hẹn của sự sống. Anh bắt đầu tháo giày. Đôi giày phủ 1 lớp băng, còn đôi tất trông giống như 2 cái bao bằng sắt bọc từ đầu gối trở xuống, trong khi đôi dây giày giống như 2 thanh sắt cong queo thắt nút lại như bị cháy. Thoạt đầu anh còn lấy mấy ngón tay tê cứng để giật dây ra, nhưng sau mới nhận thấy có họa là rồi mới làm như thế, nên anh vội rút con dao con ra.

Chưa kịp cắt dây giày, lại có chuyện xảy ra. Đó là do lỗi, hay nói đúng ra, là do sai lầm của anh. Đáng lẽ không được nhóm lửa dưới cây thông, mà phải nhóm ở ngoài khoảng trống. Khôn 1 nổi có nhóm ở dưới gốc thông mới dễ lấy củi ngay từ trong bụi ra thì ném thẳng vào lửa. Cây thông mà

anh đã nhóm lửa ở dưới lúc này lại nặng trĩu tuyết. Mỗi lần anh rút củi từ trong bụi ra là cái cây lại bị động nhẹ, vậy mà anh không hay biết gì. Song cái động nhẹ ấy cũng đủ gây ra tai nạn. Cành cao tí trên ngọn trút tuyết xuống những cành dưới, và cứ như thế truyền ra khắp cây, chẳng khác gì 1 trận tuyết lở, cuối cùng đột ngột rơi ào ào xuống anh và đồng lửa, dập ngọn lửa tắt ngấm! Nơi trước đây là 1 đồng lửa, giờ ngổn ngang những tuyết là tuyết.

Anh hoảng sợ, cứ như vừa mới nghe lời cáo chung đối với mình. Anh ngồi nhìn đăm đăm vào chỗ lúc này còn là đồng lửa. Nhưng rồi anh lấy lại được bình tĩnh. Có lẽ ông già vùng sông Lưu Huỳnh lần này lại nói đúng. Giá có 1 người bạn đồng hành thì bây giờ đâu đến nỗi nguy hiểm. Người bạn đó sẽ có thể nhóm lửa được. Còn bây giờ anh lại phải đi nhóm đồng lửa khác mà lần này không được để hổng. Thậm chí có nhóm được lửa chẳng nữa, chắc đâu mấy ngón chân còn có tác dụng nữa. Đến lúc này, 2 bàn chân của anh đã tê dại rồi, mà cũng còn chán mới nhóm lửa xong.

Anh nghĩ thế, nhưng không chỉ ngồi mà nghĩ. Trong lúc ngồi nghĩ như thế, chân tay luôn luôn phải cử động. Anh làm 1 cái nền mới để nhóm lửa, lần này ở ngoài chỗ bãi trống để không có 1 cái cây xảo trá nào có thể làm tắt ngọn lửa được. Tiếp đó anh đi kiếm cỏ khô và những cành cây con bị trôi giạt quanh đó từ vụ nước tràn về lần trước. Anh không thể lấy mấy ngón tay kéo từng cái 1, nhưng vẫn có thể dùng cả 2 bàn tay mà vơ cả những cành củi mục và rêu xanh. Biết làm cách nào khác được? Anh làm như 1 cái máy, thậm chí nhặt cả 1 ôm lớn những cành to để dùng sau khi lửa đã bùng to. Trong lúc đó, con chó nằm im và chăm chú nhìn anh, với con mắt thêm muồn, vì nó coi anh là người cung cấp lửa, vậy mà mãi không thấy lửa đâu.

Khi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng, anh móc túi lấy ra 1 miếng vỏ cây Phong nữa. Vẫn biết cái vỏ còn nằm trong túi, thế mà tìm mãi vẫn không có cảm giác gì, mà rõ ràng anh nghe thấy tiếng lạo xạo của các vỏ cây va vào nhau. Anh cố hết sức mà không sao nắm được miếng vỏ cây. Trong khi đó anh vẫn nhận biết được rằng mỗi lúc bàn chân mình thêm tê cóng. Nghĩ thế, anh đâm hoảng sợ, nhưng cố gắng giữ bình tĩnh. Anh lấy răng kéo căng tay rồi vung cánh tay, đập mạnh 2 bàn tay vào 2 bên sườn. Hết ngồi, anh lại

đứng dậy vung tay trong khi đó con chó vẫn ngồi yên dưới tuyết, đuôi nó quăn lấy 2 chân trước trông ấm áp, 2 tai sói thính của nó vểnh lên nghe ngóng, chăm chú nhìn chủ nó. Còn anh, trong lúc vung tay đập như thế bỗng cảm thấy trong lòng dội lên 1 nỗi ghen tức với con vật vì nó có bộ lông thiên nhiên che chở cho ấm áp và an toàn.

1 lát sau, anh bắt đầu nhận thấy ở đầu những ngón tay đập đó còn lờ mờ 1 chút cảm giác. Cái cảm giác ngứa ran mỗi lúc 1 tăng lên thành 1 cái đau buốt hành hạ anh, vậy mà anh lại sung sướng reo lên. Anh tháo chiếc găng tay bên phải và thọc vào túi tìm vỏ cây. Những ngón tay vừa để trần đã bị tê cứng liền. Anh bèn rút ra 1 bao diêm. Nhưng cái lạnh khủng khiếp đã làm cho mấy ngón tay bị tê liệt hẳn. Còn đang loay hoat tách ra lấy 1 qua diêm, thì lại đánh rơi cả bao xuống tuyết. Anh cố nhặt lên mà không sao nhặt nổi. Những ngón tay đã chết hẳn, không có khả năng sờ hay cầm được nữa. Anh rất cẩn thận. Gạt bỏ hết những ý nghĩ về 2 bàn chân, cái mũi và 2 má bị tê cứng, anh tập trung tâm trí vào việc nhặt bao diêm lên. Dồn cả 2 mắt vào nhìn, dùng thị giác thay cho xúc giác và đến khi nhìn thấy 2 ngón tay ở 2 bên bao diêm, anh liền kẹp lấy, đã đành ý chí là vậy, nhưng những dây thần kinh đã bị tê liệt nên những ngón tay cũng không tuân theo nữa. Anh lại đi găng tay phải vào rồi đập thật mạnh vào đầu gối. Sau đó anh dùng cả bàn tay đeo găng mà xúc bao diêm lên, mang theo cả 1 nắm tuyết, đặt vào lòng. Nhưng tình hình cũng không tốt đẹp gì hơn.

Loay hoay mãi, anh mới kẹp được bao diêm vào giữa cùi 2 bàn tay đeo găng, rồi đưa lên miệng. Tuyết đóng quanh miệng vỡ tan ra khi anh lấy hết gân sức để há ra. Anh rút hàm dưới vào, uốn cong môi trên trông đến kỳ quái, rồi lấy hàm răng trên ngậm bao diêm nhằm để tách lấy 1 qua. Anh đã tách được 1 qua nhưng lại để rơi xuống đất. Cũng chẳng ăn thua gì. Không thể nào nhặt que diêm đó lên được. Anh mới nghĩ ra 1 cách, liền ghé răng cắn lấy que diêm và quẹt mạnh vào chân. Quẹt đến 20 lần que diêm mới cháy. Khi diêm cháy, anh vẫn cắn răng và dí sát vào vỏ cây. Nhưng mùi diêm sinh ở diêm bốc ra bay vào mũi, luồn vào phổi, làm cho anh ho sặc sụa. Qua diêm rơi xuống tuyết tắt ngấm.

Ông già vùng sông Lưu Huỳnh nói có lý, anh nghĩ như vậy vào lúc sự tuyệt vọng đã được kiềm chế lại trời dậy: quá 50 độ dưới 0, ai muốn đi đâu

phải có bạn đồng hành. Anh đập mạnh 2 bàn tay nhưng không gây nên 1 cảm giác gì. Bỗng nhiên anh lấy răng còi cả 2 chiếc găng tay ra. Anh lấy cùi tay kẹp bao diêm vào. Do cơ bắp ở 2 cánh tay không bị cồng, nên anh có thể kẹp chặt bao diêm ở chỗ 2 cùi tay. Sau đó anh quẹt cả năm diêm dọc theo cẳng chân. Bó diêm cháy bùng lên, cả 70 que diêm lưu huỳnh cùng bùng cháy lên 1 lúc! Không khí lặng như tờ nên diêm không tắt được. Anh nghiêng đầu sang 1 bên để tránh khỏi bị ngạt thở, rồi dí cả năm diêm đang cháy vào vỏ cây Phong. Giơ diêm như thế anh mới nhận ra cảm giác ở nơi tay mình. Thịt đang bị cháy. Có thể nghĩ thấy mùi thịt cháy, có cảm giác như nó cháy vào tận trong thịt. Cảm giác ấy dần dần biết thành cái đau nhức nhối. Song anh vẫn cố gắng chịu đựng, vụng về dí ngọn lửa vào vỏ cây, nhưng miếng vỏ lại không bắt lửa ngay, vì chính bàn tay đang bị cháy đó đã cuốn hết lửa.

Cuối cùng không chịu nổi, anh rời cả 2 tay ra. Năm diêm đang cháy rơi xuống nghe xèo xèo trong tuyết, nhưng miếng vỏ cây cũng đã cháy. Anh liền chặt cỏ khô và những cành cây nhỏ tí vào ngọn lửa. Anh không còn khả năng chọn được nữa, vì phải dùng 2 cùi tay mà kẹp củi. Những mẫu gỗ mục và những đám rêu xanh bám cả vào củi, nên anh phải cố ghé răng mà nhặt bớt đi. Anh nâng niu ngọn lửa 1 cách cẩn thận, song đến vụng. Lửa và sự sống, vì vậy không thể để nó tắt được. Máu rút ra khỏi làn da trên thân thể của anh nên anh bắt đầu thấy run lên cầm cập, và thấy người trở nên vụng về hơn. 1 mảnh rêu to rơi xuống đúng ngay giữa đống lửa nhỏ. Anh lấy ngón tay cố cời nó ra, nhưng tám thân run lẩy bẩy làm cho anh cời lửa đi đâu ấy, hất tung những mớ cỏ đang cháy và những cành khô, và thế là cả đống lửa nhỏ bị hỏng ở giữa. Anh lại vun chúng lại, nhưng có cố mấy cũng chẳng ăn thua gì, vì toàn thân anh đang run bắn lên mà cùi lại bắn rải rác. Từng cảnh 1 phun ra 1 cuộn khói rồi tắt ngấm. Người nhóm lửa lại thất bại. Nhìn quanh 1 cách lãnh đạm, anh chợt bắt gặp con chó đang ngồi bên đống lửa đã lụi, người nó cử động có vẻ bứt rứt bồn chồn, hết nhấc chân bên này lại đến chân bên kia và toàn thân cứ quây luôn, nhưng đang háo hức muốn có 1 cái gì đó.

Trông thấy con chó, anh liền nảy ra 1 ý nghĩ man rợ. Anh nhớ đến câu chuyện về 1 người bị cuốn trong cơn bão tuyết, đã giết chết con nai và chui

vào xác của nó mà nằm cho ấm, nên mới thoát chết. Anh sẽ giết con chó và thọc tay vào người nó cho đến khi hết tê dại thì thôi, sau đó lại có thể nhóm được đồng lửa khác. Anh bèn gọi nó lại gần, nhưng trong giọng nói có pha chút sợ hãi, khiến con chó cũng sợ, vì từ trước đến giờ nó chưa nghe thấy chủ nó nói giọng như thế. Chắc có chuyện sao đây, và linh tính đa nghi của nó đã đánh hơi thấy sự nguy hiểm nhưng không biết đó là mối nguy hiểm gì. Đâu đó trong óc nó bỗng nhiên thấy xuất hiện 1 nỗi sợ hãi đối với người chủ. Nó cụp tai xuống khi nghe thấy tiếng gọi của người chủ, rồi những động tác bồn chồn, vặn vẹo mình, hết nhấc chân trước lên lại đặt xuống: nhưng nó không lại. Anh bèn chống 2 tay quỳ 2 gối và bò lại phía nó. Tư thế lạ lùng đó lại gây thêm mối ngờ vực, nên con chó len lét lùi lại.

Anh lại ngồi lên tuyết 1 lát và cố lấy lại bình tĩnh. Sau đó anh lấy răng đi gỡ tay vào và gượng đứng dậy. Trước hết anh liếc nhìn xuống chân xem có chắc là mình đứng thật không, vì anh không có cảm giác là chân mình đụng đất. Tư thế đứng thẳng của anh làm cho con vật hết nghi ngờ, và khi anh quát lên ra lệnh nghe như tiếng roi quất, con chó lại ngoan ngoãn nghe theo như thường ngày. Khi nó tiến đến gần tầm tay, anh đã mất tự chủ, vội giơ tay vô lấy nó, nhưng đến lúc đó anh mới nhận ra rằng tay mình không còn nắm được nữa, còn những ngón tay thì không sao co lại được, mà cũng không có cảm giác gì cả. Trong chốc lát anh quên khuấy mất rằng không những đôi bàn tay mình đã tê cóng mà mỗi lúc chúng còn tê cóng hơn, mọi việc xảy ra rất nhanh, nên con chó chưa kịp bỏ chạy, anh đã ôm chầm lấy nó. Anh ngồi xuống tuyết, và cứ thế ôm lấy nó, dù cho nó cứ găm gù, sủa và vùng vẫy mấy để thoát cũng mặc.

Nhưng anh cũng chỉ có thể làm được đến thế, nghĩa là úr ngồi ôm khư khư lấy con vật. Anh biết mình không có khả năng giết được nó. Không sao tìm ra được cách gì để giết chết nó. Với đôi tay vô dụng, anh không thể rút hoặc cầm lấy con dao găm hay bóp cổ nó. Anh đành buông nó ra, con vật vội cụp đuôi phóng 1 mạch chừng 10 thước, nó dừng lại, ngoảnh nhìn anh đáng dò hỏi, 2 tai vểnh lên.

Anh ngồi xuống nhìn 2 bàn tay xem nó ở đâu, và thấy nó còn đang lủng lẳng ở cổ tay. Anh bỗng ngạc nhiên thấy mình lại phải dùng đến mắt để xem tay mình ở đâu. Anh liền vùng tay đập mạnh 2 bàn tay đeo găng vào 2 bên

sườn. Làm như vậy trong 5', ráng hết sức đủ để bơm máu lên làn da, thế là anh hết run. Nhưng 2 bàn tay không cảm giác gì. Anh có cảm tưởng chúng như 2 quả cân treo ở đầu cánh tay, vậy mà anh cố truyền cảm tưởng đó xuống thì lại không thấy gì.

1 nỗi sợ chết lơ mờ và nặng nề xâm chiếm anh. Sự sợ hãi đó nhanh chóng trở nên sâu sắc vì anh nhận ra rằng đây không còn là vấn đề những ngón tay và ngón chân bị tê cứng hoặc để mất cả 2 bàn tay và bàn chân mà đó là vấn đề sinh tử, trong đó cơ hội để sống rất mỏng manh. Điều đó làm anh hoảng hốt, khiến anh quay cổ chạy 1 mạch trên lòng sông dọc theo con đường mòn cũ, lơ mờ sáng. Con cò chạy theo sau sát anh. Anh chạy thực mạng không biết trời đất là gì, trong nỗi hoảng loạn anh chưa bao giờ phải trải qua trong đời. Trong lúc chạy loạn choạng trên tuyết, anh lại dần dần nhìn rõ mọi vật: bờ sông, những đống gỗ cả ngổ ngang, những cây dương trụ lá và cả bầu trời. Chạy như thế làm cho anh cảm thấy dễ chịu hơn, người không thấy run nữa. Chắc nếu cứ tiếp tục chạy thì 2 bàn chân sẽ hết cứng; mà nhờ đâu chạy gắng 1 đoạn xa nữa chẳng về đến nơi với anh em ở trại. Ngón tay, ngón chân và 1 phần trên mặt chắc không còn nguyên vẹn, nhưng sẽ nhờ anh em cứu vớt cho phần còn lại khi về đến trại. Song lúc ấy anh lại nảy ra ý nghĩ cho rằng sẽ không bao giờ mình trở về được tới trại và sum họp cùng anh em, rằng đến đó đường còn xa, mà người đã bị tê cứng thế này, chắc sớm muộn cũng sẽ chết cứng thôi. Anh cố xua đuổi ý nghĩ đó, gác nó lại phía sau, nhưng đôi lúc nó lại hiện ra làm anh cứ phải cố sức nghĩ đến chuyện khác cho quên đi.

Anh ngạc nhiên không hiểu sao mình vẫn chạy được với đôi chân tê dại như thế, tê dại đến mức khi cả khối thân người đè nặng xuống và lúc chúng chạm đất vẫn không có cảm giác gì. Anh thấy như mình đang lướt trên mặt đất, chân không đến đất, cật không đến trời. Có lúc anh thấy như mình đã nhìn thấy thần Méc-cua có cánh ở đâu đó, rồi cứ thắc mắc liệu thần Méc-cua có cảm giác giống như anh khi bay lướt trên mặt đất không.

Chạy 1 mạch về trại và gặp gỡ bạn bè lúc này là điều vô lý hết sức vì lấy đâu ra sức nữa. Nhiều lần anh vấp ngã, loạn choạng đứng dậy rồi lại ngã. Anh cố gượng đứng lên, nhưng không nổi, quyết định đành phải ngồi nghỉ và nghĩ bụng sẽ không chạy mà chỉ bước đều. Lú ngồi xuống thở, anh

thấy người ấm và dễ chịu hẳn lên. Người không còn run nữa thậm chí hơi ấm như tràn râm ran khắp ngực và bụng. Nhưng sao sờ tay lên mũi và má vẫn không có cảm giác gì? Chạy cũng không làm hết tê cóng được. Cả 2 bàn tay và bàn chân cũng vẫn không hết tê. Rồi anh lại nghĩ có lẽ phần tê cóng trên thân thể lan rộng hơn thì phải. Anh cố không nghĩ đến điều đó, chỉ nghĩ đến điều khác cho quên đi: anh biết mình cứ nghĩ như thế sẽ gây hoảng sợ, mà anh vốn lại sợ sự hoảng hốt. Dù vậy, ý nghĩ đó cứ ám ảnh anh 1 cách dai dẳng cho đến khi mừng tượng ra cảnh toàn thân mình tê cóng lại. Nghĩ đông dài chán cũng đến thế thôi, thế là anh lại vùng đứng dậy chạy thực mạng dọc theo con đường. Có lần anh chạy chậm lại và bước bộ từ từ, nhưng rồi nghĩ đến chỗ tê cóng đang lan khắp, anh lại lao đầu chạy.

Trong suốt thời gian ấy, con chó vẫn chạy theo sau anh. Lúc anh ngã lần thứ 2, nó lại ngồi xuống trước mặt, đuôi quăn lấy 2 chân trước, chăm chú nhìn anh 1 cách dò hỏi. Trước cảnh ấm cúng và an toàn của con vật, anh thấy trong người mình nổi cău, rồi chửi cho nó 1 chập, khiến con vật phải cụp tai xuống ra chiều ngoan ngoãn. Lần này cái rét đến với anh nhanh hơn. Anh đang bó tay trước cái giá rét đang lan khắp thân mình. Nghĩ đến cái rét tê cóng, anh lại càng chạy thực mạng, nhưng chưa được 30 mét đã lão đảo ngã chúi xuống. Lần hoảng hốt này lên đến tột đỉnh. Khi đã lấy lại được bình tĩnh anh ngồi lên và nghĩ mình có chết cũng phải chết cho có tư thế. Song ý nghĩ đó không đến 1 cách rõ nét như vậy. Anh chỉ thấy mình như 1 thằng ngốc, chạy quẩn như con gà bị cắt tiết - anh lại nảy ra sự so sánh đó trong đầu. Thôi thì đằng nào cũng chết cóng, nên phải chết cho đàng hoàng. Khi đã tìm được sự tĩnh tâm mới này, anh bỗng thấy buồn ngủ. Anh nghĩ đến giấc ngủ ngàn thu ngon lành, chẳng khác gì uống 1 liều thuốc ngủ. Chết cóng thì có gì đau đớn như người ta tưởng đâu! Còn gặp cái chết khác ghê sợ hơn nhiều.

Anh tưởng tượng ngày mai anh em tìm thấy xác anh. Bỗng nhiên anh thấy mình đang đi cùng mọi người dọc theo con đường mòn và tìm kiếm anh. Rồi anh lại cùng với họ đi tới chỗ rẽ của con đường và thấy mình đang nằm trên tuyết. Anh không còn thuộc về bản thân mình nữa, vì thậm chí ngay lúc đó anh đã thoát xác, đứng cùng với anh em và nhìn vào xác mình nằm trên tuyết: Trời quả là rét quá, anh nghĩ thế. Khi nào về đến xứ sở, anh

sẽ kể lại cho bà con nghe cái lạnh thực sự nó như thế nào. Nghĩ miên man, anh lại nhớ đến ông già vùng sông Lưu Huỳnh. Anh mừng tượng rõ mồn một ông ta đang ngồi hút tẩu trong cảnh ẩm cúng dễ chịu.

"Ông nói đúng ông già ạ; ông nói đúng đấy" anh lẩm bẩm như đang nói với ông già.

Sau đó anh thiếp đi trong 1 giấc ngủ ngon lành mà dường như chưa bao giờ mình được hưởng. Con chó vẫn ngồi nhìn anh và chờ đợi. 1 ngày ngắn ngủi tan dần trong ánh hoàng hôn còn đọng lại mãi không tan. Không có dấu hiệu nào tỏ ra là có nhóm lửa, và lại trong đời của con vật chưa bao giờ nó thấy con người ngồi ở tư thế như vậy trên tuyết mà lại không đốt lửa sưởi. Khi trời mỗi lúc 1 tối dần, lòng khao khát có 1 đống lửa xâm chiếm con vật, chân trước của nó động đậy liên hồi, rồi nó kêu khe khẽ, nó cụp tai xuống như sợ chủ mắng. Nhưng chủ nó vẫn ngồi yên. Sau đó con vật rên to hơn, bò lê dần tới anh và đánh hơi thấy cái chết. Nó xù lông lên lùi lại. Nấn ná 1 lát, nó rú lên nghe thê thảm dưới bầu trời lạnh buốt điểm những ngôi sao sáng lấp lánh như nhảy múa. Sau đó, nó quay đi và chạy ngược theo con đường mòn về hướng trại mà nó quen thuộc, nơi đó sẽ có người cho nó ăn và đốt lửa cho nó sưởi.

17) Sóng lớn Canaca

Nguyễn Đình Phòng dịch

Khi đôi vợ chồng Li Báctơn và Iđa bước ra khỏi phòng thay quần áo, đám phụ nữ Mỹ đang nghỉ ngơi dưới bóng rặng cây "hao" bao quanh bãi tắm của khách sạn Môn đều khẽ thốt lên: "A!" Và họ tiếp tục tỏ thái độ như thế suốt trong lúc đôi vợ chồng Báctơn đi ngang qua chỗ họ, nghỉ để ra phía bờ biển. Anh chồng chắc gì đã tạo cho họ ấn tượng mạnh đến như vậy. Những phụ nữ Mỹ nghỉ ở đây đâu thuộc loại người phải thốt lên "A!" khi nhìn thấy một người đàn ông mặc đồ tắm biển, cho dù đây là một chàng trai tuyệt diệu, vạm vỡ và rắn rỏi đi nữa. Thật ra một thân thể hoàn chỉnh đến như thế sẽ phải làm cho bất kỳ huấn luyện viên bơi lội nào nhìn thấy cũng phải thở dài một cách hài lòng sâu sắc. Nhưng những huấn luyện viên ấy sẽ không kêu "A" lên như đám phụ nữ trên các bãi tắm, bởi vì những người phụ nữ này đã bị xúc phạm đến những tình cảm tốt đẹp nhất.

Chính chị vợ anh, Iđa Báctơn mới là người làm cho đám phụ nữ kia khó chịu và lo lắng. Họ dè bủ chị. Họ chê trách một cách dứt khoát, ngay từ khi mới nhìn thấy chị lần đầu. Họ chính là những người có biệt tài tự lừa dối bản thân. Họ tưởng tượng ra rằng, bộ đồ tắm của chị làm họ chướng mắt. Nhưng Phrôidor đã có lý khi ông quả quyết rằng, mỗi khi đụng đến vấn đề giới tính, con người ta dễ có chiều hướng dùng điều mình tưởng tượng ra thay thế cho điều có thật một cách vô tình, rồi lại đau khổ với cái điều do chính mình tưởng tượng ra, không kém so với trường hợp khi điều ấy là có thật.

Bộ đồ tắm biển của Iđa Báctơn rất hấp dẫn, đan bằng thứ sợi len màu đen rất mịn, đường viền và thắt lưng màu trắng, mở cổ không rộng, hai ống tay rất ngắn và váy cũng rất ngắn. Dù cho váy của chị có ngắn đến mấy đi nữa thì đồ lót dệt kim bên trong vẫn cứ còn ngắn hơn. Tuy nhiên, ở bãi tắm cạnh đây của Câu lạc bộ Thuyền buồm, và ở dải cát sát bờ biển có cả hàng chục phụ nữ ăn mặc còn táo bạo hơn, nhưng có khiến ai chú ý đến một cách đặc biệt như thế đâu. Đồ tắm của họ cũng ngắn cũn cỡn và cũng ôm chặt

lấy người như thế, mà lại hoàn toàn không có ống tay, giống như áo tắm đàn ông. Còn cổ, lưng và nách của họ đều mở rất rộng chứng tỏ họ nằm vững thời trang năm 1916.

Như vậy, không phải bộ đồ tắm của Ida làm đám phụ nữ kia khó chịu, mặc dù họ định ninh đúng là như thế. Thật ra cái làm họ thấy chướng mắt lại chính là đôi chân của chị, hay nói cho đúng hơn, là toàn bộ con người Ida, vẻ đẹp rực rỡ của tính nữ lộ lộ đầy quyến rũ và khiêu khích của chị. Từ những mệnh phụ tuổi tác và đáng kính đến những bà trung niên và những cô gái trẻ đều cảm thấy rõ ràng sự khiêu khích ấy. Họ là những người sợ nắng gió đang cố bảo vệ tấm thân yếu ớt, mềm nhẽo và làn da mặt nhợt nhạt của họ khỏi bị mặt trời chiếu vào. Đúng, nhìn chị người ta thấy sự khiêu khích, sự thách thức lẫn sự khinh miệt đối với tất cả những nữ đối thủ trong cuộc giành giật nhỏ nhen và chính họ tự bày đặt ra rồi tiến hành với một niềm tin rằng nhất định họ phải thắng.

Nhưng đám phụ nữ kia không nói thẳng ra điều ấy. Thậm chí cả trong ý nghĩ họ cũng không tự cho phép được thú nhận điều ấy. Họ tưởng tượng ra rằng toàn bộ tội lỗi của cô gái kia là nằm trong bộ đồ tắm. Họ lên án nó, làm như thể họ không nhìn thấy hàng chục phụ nữ khác ăn mặc còn táo bạo hơn Ida, nhưng không đẹp đến mức nguy hiểm như chị.

Nếu có cách nào sàng lọc ý nghĩ của những vị bảo vệ đạo đức ấy được, thì sẽ đọng lại trên mặt sàng cái ý nghĩ ghen ghét thuần túy phụ nữ: "Không thể cho phép một đứa con gái nào được xinh đẹp đến thế! Không thể cho phép nó tự do khoe khoang toàn bộ sắc đẹp của nó như thế được!" Để một đối thủ nguy hiểm như thế xuất hiện thì liệu còn người đàn ông nào ngó ngang đến họ nữa?

Họ nghĩ như thế là đúng. Bởi vì khi hai ông bà Páttecxơn tắm xong, nằm nghỉ trên bãi cát bên cạnh con suối, nơi vợ chồng Li Báctơn và Ida lội ngang qua để sang bãi tắm của Câu lạc bộ Thuyền buồm, thì ông Xtenli Páttecxơn đã nói với vợ như sau:

- Ôi, lạy vị thánh bảo hộ nghệ thuật và bảo hộ các cô gái làm đẹp làm mẫu cho các họa sĩ! Bà nhìn kìa, bà đã thấy một cô gái nào có đôi giò tuyệt diệu đến mức kia bao giờ chưa? Thon, chắc và cân đối kỳ lạ! Như hệt chân con trai vậy! Tôi chỉ mới được thấy một đôi giò như thế của một tay võ sĩ

hạng nhẹ trên võ đài quyền Anh. Nhưng đây lại là đôi giò thuần túy của phái nữ! Vì chân phụ nữ có cái dáng khác hẳn chân đàn ông. Kia kia, đường cong phía trước của bắp đùi và ở phía sau lượn tròn vừa đủ mức cần thiết. Rồi hai đường cong ấy chụm lại chỗ đầu gối. Mà cái đầu gối mới đẹp làm sao! Tiếc mình không có sẵn đất sét ở đây mà nặn.

- Đầu gối của cô ta tuyệt vời thật! - bà vợ cũng thán phục không kém, vì bà ta cũng là một nghệ sĩ điêu khắc. - Mình nhìn kia, các móm xương di động dưới làn da mới nhịp nhàng làm sao! Đầu gối cô ta lại không hề có lớp mỡ bao bọc! Lạ thật! - Bà thở dài, sức nghĩ đến hai đầu gối của bản thân. - Chà! Vừa cân đối, vừa đẹp lại vừa duyên dáng. Đây đúng là sự quyến rũ của da thịt. Cô ta là ai thế nhỉ?

Ông Xtenlin Páttecxon, mắt không rời chị phụ nữ không quen biết kia, sôi nổi biểu diễn phần của mình trong bản song tấu gia đình:

- Bà thấy không? Chị ta không hề có bắp thịt đệm ở phía bên trong đầu gối, những bắp thịt đệm khiến cho hầu hết các bà các cô đều trở thành cong chân. Chính vì thế đôi giò của chị này y hệt giò con trai: rắn chắc, vững chãi...

- Nhưng lại vẫn là chân phụ nữ: tròn trịa, mềm mại, - bà vợ bổ sung. - Ông thử nhìn cô ta đi kia. Xtenli! Cô ta đặt mũi chân xuống trước cho nên dáng đi nhẹ như lông chim. Mỗi lần cất bước, cô ta chỉ khẽ nhấc chân lên khỏi mặt đất, tưởng chừng như cô ta bay cao dần lên, và chỉ lát nữa sẽ thoát khỏi mặt đất, bay bổng lên không trung.

Ông Xtenli Páttecxon và bà vợ thán phục đến như thế. Nhưng họ là nghệ sĩ. Mắt họ không giống như dàn pháo đại bác của những cặp mắt đang chĩa nòng về nơi Iđa đang sắp đặt chân tới, những cặp mắt từ trên hàng hiên của Câu lạc bộ Thuyền buồm, từ dưới rặng cây hao bao quanh khách sạn bờ biển. Trong câu lạc bộ Thuyền buồm đa số không phải khách du lịch mà những vận động viên thể thao và những người dân đã sống lâu năm ở quần đảo Haoai. Nhưng ngay cả những người dân bản địa này cũng phải thốt lên "A".

- Con bé chẳng lịch sự chút nào! - bà Henli Blếch nói với chồng. Bà là một người đẹp đã hết thời chừng bốn chục xuân xanh, vốn sinh trưởng ở

Haoai và thậm chí cũng chưa hề nghe thấy nói đến thành phố nghỉ mát Oxtendor bao giờ.

Ông Henli Bléch đưa cặp mắt suy tư và tàn nhẫn liếc nhìn tấm thân sò sè đến mức quái gở và bộ đồ tắm cổ lỗ của bà vợ, bộ đồ tắm mà đến các nữ tu sĩ chân chính ở miền Tây Anh quốc cũng chẳng ai buồn chê trách. Hai ông bà lấy nhau từ lâu lắm rồi, lâu đến nỗi bây giờ ông có thể nói toạc ra mọi điều suy nghĩ của mình mà không phải e dè gì hết.

- Nếu so sánh giữa bà ta và cô ấy thì chính bộ đồ tắm của bà mới không lịch sự. Tưởng chừng như bà quần những mảnh vải dơ bẩn ấy vào người để che dấu một khuyết tật xấu xí gì bên trong vậy.

- Cô ta đi đứng y hệt một vũ nữ Tây Ban Nha! - bà Páttecxon nói với chồng. Để khỏi mất hút bóng dáng của cô gái đẹp kia, họ cũng lợi qua con suối đi theo.

- Đúng thế, - ông Xtenli Páttecxon tán thành. - Tôi cũng sức nhớ đến cô vũ nữ Extrêlita. Bộ ngực đầy đặn nhưng không quá to. Eo nhỏ nhưng không nhỏ quá, lại chắc nịch như bụng các nhà võ sĩ quyền Anh vậy. Nếu eo không như thế thì cô ta không thể đi đứng duyên dáng như thế được. Mà bộ ngực với cái eo sao lại cân xứng với các bắp thịt ở lưng đến thế. Bà có thấy đường cong ở sống lưng của cô ta không? Y hệt như lưng vũ nữ Extrêlita vậy.

- Ông đoán cô này cao bao nhiêu? - bà vợ hỏi.

- Khó đoán lắm, - câu đáp có vẻ thận trọng. - Có thể là năm phút một inơ mà cũng có thể hơn thế, đến bốn inơ không biết chừng. Kiểu đi của cô ta dễ làm ta lạc hướng lắm. Kiểu đi như bà vừa nói ấy. Đi mà giống như bay.

- Đúng, đúng. - bà Páttecxon tán thành. - Trông cô ta lúc nào cũng như kiễng chân. Chứng tỏ cô ta rất nhiều sức sống.

Ông Xtenli không đáp lại ngay. - Bà nói đúng, - mãi sau này ông mới kết luận.

- Chị ta vóc người bé nhỏ. Chỉ đến năm phút hai inơ là cùng. Còn cân nặng, tôi đoán khoảng trăm mười hoặc trăm linh tám, cùng lắm là một trăm mười lăm pao, không thể hơn được.

- Cô ta không nặng đến một trăm mười pao đâu, - bà vợ kiên quyết phản đối.

- Là tôi nói khi chị ta mặc đầy đủ quần áo, - ông Xtenli Páttecxon nói tiếp. - Với lại nhìn cách chị ta đi đứng (do dồi dào sức sống và mạnh mẽ ý chí) tôi tin rằng chị ta không thuộc loại người nhỏ bé đâu.

- Tôi biết loại con gái này, - bà vợ gật đầu. - Nhìn họ người ta có cảm tưởng họ không to lớn, nhưng dù sao cũng trên trung bình. Ông đoán cô ta bao nhiêu tuổi?

- Về tuổi thì chắc bà đoán giỏi hơn tôi, - ông chồng lảng tránh câu hỏi.

- Có thể hai mươi lăm mà cũng có thể là ba mươi tám.

Nhưng ông Xtenli, quên cả lịch sự, không nghe vợ nói.

- Mà không phải chỉ cặp giò! - ông thét lên vẻ thán phục. - Toàn bộ con người của chị ta là tuyệt vời. Bà nhìn kìa: cánh tay! Từ bàn tay đến khuỷu tay thì thon nhỏ, lên gần vai lại thành tròn trĩnh. Bắp cơ hai đầu mới tuyệt vời làm sao! Tôi đánh cuộc rằng nếu chị ta lên gân, hai cái bắp ấy sẽ phình ra khá lớn cho mà xem!

Bất cứ một phụ nữ nào, nhất đây lại là Iđa Bácton, không thể không nhận thấy nỗi chấn động do mình gây ra trên bãi biển Vaikiki. Nhưng điều ấy không hề làm chị thấy hãnh diện thêm mà trái lại còn làm chị khó chịu.

- Sao họ đề tiện đến thế nhỉ? - chị cười nói với chồng. - Em vốn là người sinh trưởng ở nơi này, đã sống ở đây suốt soát một phần ba thế kỷ rồi. Ngày đó con người đâu có lố bịch như bây giờ. Phải chăng vì ngày ấy chưa có ai đi du lịch đến đây. Ngày nhỏ em đã học bơi ở đúng chỗ này, ngay trước cái Câu lạc bộ Thuyền buồm kia. Em còn nhớ vào những dịp nghỉ hè hoặc chủ nhật, bố thường đưa em ra đây. Hai bố con nghỉ trong một túp lều lợp cọ. Túp lều ngày ấy nếu còn thì nằm ở đúng chỗ các bà ở Câu lạc bộ Thuyền buồm đang ngồi uống trà kia kìa. Ban đêm lũ cuốn chiếu lao xuống chỗ hai bố con nằm. Bố với em ăn sò huyết, ăn cá sống, suốt ngày bơi lội và đánh cá, không mặc quần áo gì hết. Mà bây giờ đường xá từ thành phố đến đây có ra cái gì. Những hôm mưa to, đường ngập hết, hai bố con em phải về làng bằng thuyền, luôn lách qua những tảng đá ngầm rồi vào thẳng bến, ngay giữa thành phố Honôlulu ấy.

Li Bácton tiếp lời vợ:

- Em đừng quên rằng cũng chính vào thời gian ấy, thằng bé mà bây giờ là anh đây này, thằng bé ấy đã từng nằm lại đây liền mấy tuần lễ trong dịp đi chu du vòng quanh thế giới. Chắc chắn rằng bây giờ anh đã nhìn thấy em trong đám trẻ con bơi lội ở đây như cá. Đến bây giờ anh còn nhớ, ở đây phụ nữ đã cưỡi ngựa như đàn ông, trong khi ở các xứ sở khác, mãi khá lâu sau này nữ giới mới khắc phục được thói uỷ mị và mới dám ngồi bỏ hai chân sau hai bên lưng ngựa. Bản thân anh cũng đã học bơi ở nơi này. Rất có thể hai chúng mình đã cùng tập cưỡi trên một ngọn sóng, và không biết chừng đã có lúc anh té nước vào mặt em và để cảm ơn, em đã thè lưỡi ra với anh...

Vừa lúc ấy, một tiếng "A" rất to, giọng khó chịu cắt lời anh. Tiếng ấy thốt ra từ miệng một mụ gầy đét, có vẻ là một bà cô già, đang phơi nắng trên bãi cát trong bộ đồ tắm dị dạng. Và Li Báctơn cảm thấy vợ mình co rúm người lại như phải bỏng.

- Anh rất hài lòng, - anh nói. - Em như thế cũng là giỏi lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở thành gan lì cho mà xem. Cái thái độ vừa rồi đã làm em hơi khó chịu. Nhưng không sao, càng làm em tự tin hơn mà thôi. Chỉ có điều em phải thật vững.

Bởi vì, rồi bạn đọc sẽ thấy, Li Báctơn là một siêu nhân, và Ida cũng thế. Ít ra, đây cũng là cách xếp loại của những phóng viên mới vào nghề, những kẻ chuyên đập gót giày trên các sàn khách sạn và của những nhà phê bình uyên bác bị thiếu mắt cơ quan sinh dục. Họ không có khả năng nhìn nhận ra những người hoàn chỉnh hơn họ ở nơi chân trời, đằng sau bình nguyên đơn điệu của cuộc sống bản thân họ. Họ là những sinh vật tẻ nhạt, dư âm của quá khứ đã chết, là những kẻ đào huyết tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống huyết tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống của người khác và cũng giống như những hoạn quan, họ phục vụ cho nhục cảm của kẻ khác.

Do bản thân họ cần cỗi, do môi trường của họ và những cảm xúc tủn mủn của họ què quặt và thô bỉ, họ quả quyết rằng không một anh đàn ông nào, không một chị đàn bà nào vươn được lên trên sự què quặt và thô bỉ.

Trong bản thân con người của họ làm gì có vẻ đẹp và tầm cỡ. Vì vậy họ không công nhận rằng người nào đó lại có những phẩm chất ấy. Do quá hèn

nhất, họ không dám làm việc gì táo bạo. Họ khẳng định rằng sự táo bạo đã không còn tồn tại trên cõi đời này, từ thời Trung thế kỷ kia, nếu không phải là từ trước nữa. Bản thân họ chỉ là những ngọn nến leo lắt, và cặp mắt bạc nhược của họ nhìn sao thấy nổi ngọn lửa chói loà trong tâm hồn người khác, và đang chiếu sáng bầu trời của họ. Sức lực trong thân thể họ chỉ vừa bằng sức lực của loài chim chích, và họ không thể biết được rằng lại có người khoẻ mạnh hơn họ. Đúng, thời xa xưa trên trái đất đã từng có những con người khổng lồ. Nhưng trong những cuốn sách cổ cũng lại có nói rằng, đã lâu không còn những người khổng lồ nữa. Bây giờ chỉ còn sót lại xương cốt của họ. Những kẻ nhỏ mọn ấy không bao giờ nhìn thấy núi. Và như thế nghĩa là, đối với họ, chẳng làm gì có núi.

Nấp kín dưới đám bùn trong cái vũng nước đọng của bản thân, họ định ninh rằng, những tráng sĩ hiển hách mang vàng trán cao với những bộ giáp trụ sáng loáng chỉ có trong truyện cổ tích, trong lịch sử xa xưa và trong những mê tín hoang đường của dân gian. Họ chưa bao giờ nhìn thấy tinh tú, cho nên họ phủ nhận sự tồn tại của các tinh tú. Mắt họ không thấy được những con đường vinh quang, và cũng không thấy được những con đường bằng xương bằng thịt đi trên những con đường ấy. Vì vậy họ không công nhận có những con đường vinh quang và những con người dũng cảm. Coi cặp mắt mờ của mình là trung tâm vũ trụ, họ tưởng như mọi vật đều được tạo thành theo mẫu của họ, và họ dùng nhân cách thảm hại của họ làm thước để đo những tâm hồn khí phách rồi lên giọng chê trách: "Mọi tâm hồn chỉ bằng ngần này, không lớn hơn. Không thể có ở đâu những tâm hồn lớn hơn chúng tôi, mà các vị thần thánh của chúng tôi đã thừa biết là chúng tôi to lớn".

Nhưng khi Iđã đặt chân xuống nước, tất cả hoặc gần như tất cả những ai đang trên bờ đều tha thứ cho bộ đồ tắm của chị, cho tấm thân tuyệt diệu của chị.

Đôi mắt chị ánh lên một vẻ mời mọc, bàn tay chị khẽ chạm vào tay chồng và họ chạy vài bước theo sát chân nhau, rồi cùng một lúc, đập mạnh xuống nền cát cứng dưới đáy nước, nhảy lên, tạo thành một đường vòng thấp bên trên mặt nước, rồi đâm đầu xuống nước.

Ở Vaikiki có hai loại sóng: sóng lớn, sóng bạc đầu Canaca tức là sóng ông, lồng lộng tít tận ngoài khơi và sóng nhỏ gọi là sóng Vakhina, nghĩa là sóng bà, vỗ nhẹ vào bờ. Dọc bờ biển là một dải nước nông khá rộng. Ở chỗ này có thể lội ra xa tới một trăm hoặc hai trăm phút vẫn chưa ngập đầu. Tuy nhiên nếu như sóng ông lồng lộng ngoài khơi thì sóng bà cũng cao đến ba - bốn phút, cho nên ngay sát bờ, đáy nước có thể sâu từ ba inso đến ba phút, nếu tính từ đáy lên đến đỉnh sóng ngàu bọt trắng xoá. Muốn nhảy vào đám bọt trắng ấy, nghĩa là lấy đà rồi đập mạnh xuống đáy cát, nhảy vọt lên không trung, xoay người cho chân chổng lên trời, lao đầu xuống nước, cần hiểu rõ các đợt sóng và biết cách khéo lựa. Đó là một nghệ thuật phải tập dượt nhiều năm để lao đầu vào cái hiện tượng tự nhiên bất định ấy bằng một động tác dứt khoát và đẹp mắt mà lại không xuống sâu quá trong nước.

Cái tiết mục biểu diễn táo bạo, đẹp mắt và duyên dáng ấy không phải ai muốn làm là cũng làm được ngay. Cần tập luyện khá lâu. Một sự tập luyện kèm theo nhiều trận đập đầu xuống đáy cát, không phải chỉ đau mà có khi còn vỡ sọ hay vẹo xương cổ nữa. Ở ngay chính cái chỗ mà đôi vợ chồng trẻ Báctơn lao đầu xuống nước một cách ngon lành như vậy, trước đây hai ngày, một lực sĩ nói tiếng Mỹ đã bị vẹo cổ. Ông ta không biết ước tính sự dâng lên và hạ xuống của những đợt sóng Vakhina.

- Cô ta là tay bơi lội nhà nghề đấy mà, - bà Henli Bléch thốt lên khi theo dõi Iđa Báctơn.

- Chắc chắn đây là một diễn viên xiếc chuyên nhào lộn. Đám phụ nữ ngồi dưới bóng cây đã dùng những nhận xét như thế và tương tự như thế để an ủi nhau. Họ dùng phương pháp đơn giản là tự lừa dối. Họ để ra khoảng cách to lớn giữa những người làm nghề để kiếm sống với tầng lớp của họ, những người chẳng phải làm lụng gì mà cũng vẫn được ăn no nê.

Vào ngày hôm ấy, sóng ở Vaikiki rất mạnh. Ngay sóng bà cũng đã làm thoả mãn những tay bơi giỏi. Không có ai định ra đến chỗ sóng ông Canaca. Chẳng phải vì những vận động viên bơi lội tụ tập trên bãi tắm sợ bơi lạc ra xa, mà chỉ vì họ biết rằng, những đợt sóng khổng lồ cuộn xuống dưới đáy, đám nhân chìm cả những chiếc thuyền lớn nhất của họ, và sẽ lật úp bất cứ một tấm ván nào.

Thật ra đa số trong bọn họ cũng có thể nhảy xuống nước để bơi, vì con người có thể bơi qua được những ngọn sóng mà thuyền mảng không thể theo nổi. Nhưng những chàng trai trẻ từ Honôlulu đến đây đâu phải để làm như thế. Điều thích thú nhất của họ là đùa rờn trên ngọn sóng rồi đột nhiên rướn cả người lên khỏi mặt nước, bay cùng với đợt sóng vào bờ như một mũi tên.

Thuyền trưởng chiếc thuyền số chín, một trong những sáng lập viên của Câu lạc bộ Thuyền buồm, đồng thời là quán quân nhiều lần về môn bơi cự ly dài, đã không nhìn thấy lúc đôi vợ chồng Bắctơn xuống nước. Và bây giờ khi ông nhìn thấy họ thì họ đã vượt ra xa ngoài cả sợi dây chằng để đánh dấu, cách tốp người bơi xa bờ nhất một quãng lớn. Từ lúc ấy, đứng trên hàng hiên của Câu lạc bộ, ông không rời mắt khỏi họ. Khi họ vượt qua đập chắn sóng bằng thép, cạnh đó chỉ có một vài vận động viên táo tợn nhất đang lặn hụp, thì người thuyền trưởng bức tức lắm bầm: "Đồ malakhini quái quỷ!"

Tiếng Haoai "malakhini" nghĩa là lính mới, tập sự. Nhưng thuyền trưởng thuyền số chín, mặc dù nhìn thấy đôi trai gái kia bơi rất giỏi, biết rằng chỉ những kẻ "tập sự" mới không hiểu gì hết và liều lĩnh dám bơi ra đến dòng nước khủng khiếp sâu thẳm và chảy xiết ở ngoài đập chắn mà thôi. Điều đó làm ông bức tức. Ông bước xuống dưới bãi, khề ra lệnh cho một người nào đó trong số những tay chèo khỏe nhất của ông, rồi quay lên hiên, đem theo chiếc ống nhòm. Sáu thủy thủ, cố không để ai chú ý đến họ, lặng lẽ khiêng chiếc thuyền số chín ra sát địa nước. Họ kiểm tra lại, các mái chèo và cọc chèo, rồi ngồi ngả nghiêng trên bãi cát, làm như kiểu thờ ơ. Nhìn họ không ai nghĩ rằng đang sắp xảy ra chuyện nguy cấp. Còn bản thân họ thì thỉnh thoảng ngược mắt lên nhìn người thuyền trưởng, và ông này thì vẫn dán mắt vào chiếc ống nhòm.

Độ sâu khủng khiếp ở bên ngoài đập chắn là do con suối từ trong đất liền chảy ra biển tạo thành. San hô không sống được ở nước ngọt. Còn dòng chảy xiết là do những đợt sóng lao quá mạnh vào bờ. Nước do những đợt sóng Canaca dữ tợn liên tiếp xô vào phía bờ. Trong khi hạ xuống, chúng lại nhảy ngược ra khơi cùng với dòng chảy nói trên, lẫn xuống bên dưới những đợt sóng dữ tợn khác đang xô tiếp đến. Ngay cả ở chỗ này, nơi có dòng

chảy, sóng cũng dâng lên rất cao, nhưng vẫn không ghê gớm bằng ở hai bên. Do đó, đúng chỗ dòng chảy, thuyền bè không gặp nguy hiểm gì đáng kể. Nhưng phải là loại thủy thủ có tay chèo thật khỏe mới cưỡng lại được với dòng nước chảy xiết. Chính vì vậy, thuyền trưởng thuyền số chín bám chắc vị trí quan sát, miệng không ngớt cầu nhàu. Ông tin chắc rằng hai kẻ "lính mới" kia sẽ bắt ông phải hạ thủy con thuyền để bơi ra cứu, khi họ đã kiệt sức. Ngay bản thân ông, vào địa vị của họ, cũng sẽ bơi sang bên trái, về phía mỏm Kim Cương, và phó mặc cho sóng lớn Canaca đánh dạt vào bờ. Nhưng vì ông, chính là ông, một lực sĩ hai mươi hai tuổi với làn da đen cháy do phơi quá nhiều dưới ánh nắng mặt trời nhiệt đới và có màu như gỗ mun, với tấm thân và các bắp thịt cứng như của Đuốc Cahanomóc. Trong những cuộc bơi thì cự ly một trăm phút, người quán quân thế giới kia bao giờ cũng đến đích trước anh cả một giây đồng hồ. Nhưng khi bơi cự ly dài, anh lại bỏ rơi người quán quân kia khá xa.

Trong số mấy trăm người có mặt trên bãi tắm lúc bảy giờ, ngoài người thuyền trưởng và các thủy thủ của ông, không một ai biết rằng đôi vợ chồng trẻ Bacton đã bơi ra khỏi đập chắn. Tất cả những người nhìn thấy họ bơi ra khỏi bờ đều định ninh rằng, họ đã cùng với những người khác, nhảy từ trên đập xuống.

Đột nhiên người thuyền trưởng nhảy phốc lên lan can hàng hiên rồi một tay bám chiếc cột, một tay hướng ống nhòm ra phía hai chấm đen phía xa kia. Dự đoán của ông đã chính xác. Hai kẻ ngu ngốc kia, thoát được ra khỏi dòng chảy, đã quay sang, bơi về phía mỏm Kim Cương. Muốn vào đến bờ, họ phải vượt qua những đợt sóng lớn Canaca. Nguy hiểm hơn nữa, có vẻ họ còn định bơi ngang qua những con sóng dữ tợn ấy. Ông liếc nhanh xuống phía dưới. Nhưng đến khi các thủy thủ - đang giả vờ lim dim ngủ - đáp lại cái liếc mắt ấy, từ từ đứng dậy và chiếm lĩnh vị trí trên chiếc thuyền, thì người thuyền trưởng lại thay đổi ý kiến. Đôi nam nữ kia chắc chắn sẽ chết trước khi thuyền của ông kịp đến cứu. Thậm chí nếu thuyền cứu có đến kịp thì nó cũng sẽ bị lật chìm ngay lúc rời khỏi dòng chảy bơi vào vùng sóng lớn. Và những thủy thủ lành nghề nhất trong đội thuyền của ông chắc gì đã cứu sống được một người đã bị những ngọn sóng bạc đầu khủng khiếp và tàn nhẫn kia quật xuống đáy biển?

Người thuyền trưởng nhìn thấy, ở xa tít ngoài khơi, đằng sau hai chấm nhỏ xíu kia, ngọn sóng Canaca đầu tiên đang xô tới, ngọn sóng này khá lớn nhưng chưa phải loại lớn nhất. Rồi ông nhìn thấy đôi nam nữ kia bơi trườn bên cạnh nhau, úp mặt xuống nước, vươn dài người, chân đập như chân vịt, tay sải dài về phía trước, cố theo kịp với tốc độ của ngọn sóng đang đuổi theo họ, để khi chạm vào sóng, họ không bị tụt lại phía sau, mà để nó cuốn họ theo. Đến lúc ấy, nếu như họ có đủ bình tĩnh và khôn ngoan để giữ vững mình trên ngọn sóng chứ không để cho nó cuốn đi rồi quật xuống đáy, thì họ cũng sẽ bị nó đẩy vào bờ, bằng sức của nó, chứ không còn bằng sức của bản thân họ nữa.

Và họ đã làm được đúng như thế. "Giỏi đấy!" Viên thuyền trưởng thuyền số chín tự nhủ thầm như vậy. Nhưng ông vẫn không rời mắt khỏi chiếc ống nhòm. Vì tay bơi lội giỏi nhất cũng chỉ có thể bơi trên những ngọn sóng như vậy được vài trăm phút. Còn hai người này? Nếu như họ không đuổi sức thì cũng chỉ vượt được một phần ba quãng đường mà họ đã tự ý lựa chọn. Và đúng như thuyền trưởng dự đoán, chị phụ nữ gặp khó khăn trước. Vì phần nổi của cơ thể chị nhỏ hơn. Bơi được khoảng bảy chục phút, người thuyền trưởng thấy chị không giữ vững được nữa và chị biến mất. Cả một khối nước hàng mấy tấn trùn lên người chị. Rồi người đàn ông cũng biến mất.

Nhưng lát sau cả hai lại hiện ra trên mặt nước, đằng sau ngọn sóng một quãng xa, ngọn sóng mà họ để tuột mất.

Đợt sóng tiếp theo, người thuyền trưởng nhìn thấy trước họ. "Nếu như họ định bắt lấy ngọn sóng này nữa thì thế là hết!" - ông rít lên qua kẽ răng. Ông biết rằng bất cứ ai táo tợn dám làm như thế thì sẽ nguy. Ngọn sóng này chiều dài chừng một dặm, chưa có bọt, nhưng nguy hiểm hơn một ngọn sóng bạc đầu. Nó đang dâng dần lên ở khá xa sau lưng họ, cao mãi, cao mãi rồi đến khi biến thành một bức tường lưng lửng che lấp cả đường chân trời, mới bắt đầu xuất hiện một đường bọt trắng trên đỉnh, lúc đầu mảnh mai rồi sau mới to rộng.

Nhưng rõ ràng là đôi nam nữ kia rất thông thuộc biển cả. Đáng lẽ tránh ngọn sóng thì họ lại quay mặt về phía nó để đón đợi. Người thuyền trưởng thầm thán phục họ. Một mình ông chứng kiến cảnh tượng này, và nhìn thấy

hết sức rõ ràng nhờ chiếc ống nhòm. Bức tường bằng nước dâng cao dần, và ở tí phía trên đỉnh, chỗ nước mỏng hơn, ánh hoàng hôn xuyên qua lớp nước xanh biếc.

Màu xanh lục sáng dần rồi trở thành màu xanh lam. Và màu xanh lam này loé lên dưới ánh mặt trời, thành muôn vàn tia lấp lánh màu hồng và màu kim tuyến. Cả một đám màu sắc dâng lên cao, cao nữa, đến tận đỉnh bạc đầu, lan toả ra mãi cho đến khi toàn thể ngọn sóng biến thành một khối loang loáng những ánh cầu vồng đủ mọi màu sắc.

Trên cái nền của ngọn sóng, hai cái đầu, một nam, một nữ, biến thành hai chấm đen. Đó cũng là hai cái chấm lọt thỏm giữa sức mạnh mù quáng của thiên nhiên và đang thách thức với mãnh lực vô biên của đại dương. Sức nặng của ngọn sóng cao vút, khi đổ xuống, có thể đè bẹp người đàn ông, bẻ gãy xương cốt của người đàn bà. Viên thuyền trưởng thuyền số chín bỗng nín thở lúc nào chính bản thân ông cũng không để ý thấy. Ông quên mất người đàn ông. Ông chỉ chăm chú vào người đàn bà. Chỉ cần chị ta luống cuống, hay hốt hoảng, hoặc làm một động tác kém chính xác một cái, là lập tức một sức mạnh khủng khiếp sẽ hát chị ra xa một trăm phút, đè bẹp rồi quật cái thân xác dúm dó kia xuống đáy san hô để mặc cho dòng nước dưới sâu cuốn chị ta ra ngoài biển khơi làm mồi cho đàn cá mập háu đói, nhưng nhát gan, không dám tấn công những người đang còn sống.

Tại sao, viên thuyền trưởng tự hỏi, tại sao họ lại không lặn từ trước xuống sâu hơn một chút, mà lại đại dốt đón đợi cho cái dây phút an toàn cuối cùng biến thành giây phút đầu tiên của nỗi hiểm nguy chết người kia? Ông nhìn thấy chị phụ nữ vừa cười vừa quay mặt sang phía anh đàn ông và anh chàng này cũng cười vang đáp lại. Ngọn sóng đã đang nâng họ lên trên cao, và phía trên nữa, đỉnh sóng màu trắng đục như sữa bật lên những đám bọt lấp lánh như vàng ngọc. Ngọn gió mát mẻ từ trong bờ thổi ra, hứng lấy những đám bọt trắng ấy, đưa chúng lên cao rồi tạt chúng về phía sau. Đến đúng lúc ấy, vẫn giữ khoảng cách giữa họ sáu phút, đôi nam nữ đột nhiên cùng lặn xuống dưới đáy con sóng một lượt. Và cũng chính lúc ấy, ngọn sóng tan ra và hạ xuống. Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi.

Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi trong một giò phong lan khổng lồ. Còn ngọn sóng bạc đầu và đám bọt trắng xoá cùng những giọt nước bắn lên cao kia, tất cả đều âm âm đổ xuống vào đúng chỗ mà đôi nam nữ vừa ngụp xuống.

Cuối cùng, đôi nam nữ kia lại hiện ra ở phía sau lưng ngọn sóng. Họ vẫn giữ khoảng cách sáu phút giữa họ. Họ sải dài hai tay, bơi về phía bờ, luôn luôn sẵn sàng hoặc đón ngọn sóng tiếp theo, hoặc chờ nó đến để ngụp xuống dưới chân nó. Viên thuyền trưởng thuyền số chín vẫy tay ra hiệu cho đội thuỷ thủ, ý nói họ có thể giải tán. Ông ngồi lên hàng lan can, cảm thấy một nỗi mệt mỏi khó tả, nhưng vẫn cầm ống nhòm theo dõi một đôi nam nữ đang bơi.

- Họ là ai thế nhỉ? - ông lẩm bẩm. - Có điều chắc chắn họ không phải là malakhini. Điều ấy thì mình dám khẳng định.

Sóng ở Vaikiki không phải thường xuyên lên đến độ cao. Thậm chí còn rất hiếm khi. Và mặc dù thời gian sau đó hai vợ chồng Báctơn vẫn tiếp tục làm cho các bà các cô đến nghỉ phải chú ý và khó chịu, nhưng các thuyền trưởng trong Câu lạc bộ Thuyền buồm thì thôi không lo lắng gì cho họ nữa. Những người thuyền trưởng này đã nhìn thấy đôi vợ chồng này bơi ra xa bờ, tan biến giữa làn nước xanh biếc rồi sau đấy vài tiếng đồng hồ, họ sẽ nhìn thấy hoặc không nhìn thấy hai người kia quay trở về. Các viên thuyền trưởng không lo lắng gì vì họ biết chắc rằng đôi vợ chồng kia sẽ trở về.

Bởi vì họ không phải là malakhini. Họ là dân bản địa. Nói cách khác, hay nói cho đúng hơn, có thể gọi họ theo tiếng Haoai: đây là những camaaina. Những người dân địa phương đều còn nhớ cậu bé Li Báctơn, khi cậu đứng còn là một malakhini, mặc dù còn rất nhỏ tuổi. Từ bấy đến nay, do hay đến nơi này và do ở đây lâu, cậu đã vinh dự được mọi người coi là một camaaina.

Còn Ida Báctơn thì những phụ nữ bản địa trạc tuổi chị, mỗi khi gặp chị đều ôm hôn thắm thiết theo kiểu Haoai (trong bụng thầm ngạc nhiên làm sao chị lại giỏi giữ thân thể trẻ lâu như vậy). Các bà già thường mời chị uống trà và trò chuyện nhắc lại quá khứ trong những góc sân, những ngôi nhà trong ngõ hẻm, nơi khách du lịch không ai nhìn thấy bao giờ. Ngay sau hôm chị về đây, chưa được một tuần lễ, bà hoàng già lụ khụ Liliucalani đã

sai người tìm chị để mời đến chơi nhà và đã quở mắng đầy tớ về tội chưa tiếp đãi chị cho thật chu đáo. Còn những cụ già móm mém, ngồi trên những chiếc chiếu mát rượi và thơm phức, thường kể chị nghe về ông nội của chị, thuyền trưởng Uynton. Bản thân họ chưa hề được gặp cụ nhưng lại thích gọi lại những kỷ niệm về cuộc đời phóng đảng, về những hành vi điên rồ của cụ, mà họ biết được do cha mẹ họ kể lại. Ông nội chị - thuyền trưởng Uynton, - chính là Đêvít Uynton, cũng được gọi là "Người bách nghệ" - biệt danh do dân Haoai yêu mến đặt cho cụ thời bấy giờ. Cụ lúc đầu là người buôn bán ở vùng Tây-Bắc hoang dã, về sau trở thành kẻ giang hồ, thuyền trưởng không có thuyền. Cũng chính cụ năm 1820, đứng trên bờ biển Cailoa đã chào đón những nhà truyền giáo đầu tiên đến hòn đảo này trên chiếc thuyền buồm lớn Tadêus", và sau đây vài năm chính cụ đã quyến rũ được con gái của một trong những nhà truyền giáo kia, cưới cô làm vợ, trở nên người chín chắn rồi phục vụ một cách chăm chỉ và trung thành các vị vua Camêhamêha trong một thời gian dài với chức vụ Thượng thư Bộ tài chính và Giám đốc Nha thuế vụ, đồng thời đóng vai môi giới và hoà giải giữa một bên là những nhà truyền giáo, một bên là đám người phức tạp và luôn thay đổi, gồm những dân du thủ du thực, lái buôn và những tù trưởng Haoai.

Li Bácton cũng không thể có gì phải phàn nàn về sự lạnh nhạt của mọi người ở đây đối với anh. Mỗi khi nhân một dịp nào đó, dân ở đây tổ chức những cuộc vui chơi ngoài biển, nhảy múa hoặc những bữa ăn uống nhậu nhẹt theo kiểu dân tộc gọi là "luao", các bè bạn cũ đều không quên kéo anh vào dự vui với họ.

Đã có thời họ là những kẻ táo toan, sống ngày nay không cần biết đến ngày mai. Bây giờ họ phát hiện ra rằng, thiên nhiên đã phú cho họ chức năng tiêu hoá và nhiều chức năng khác của cơ thể, thế là họ trở lại lành hiền, bớt càn quấy, tăng chơi quần ngựa và thường xuyên đến dự những cuộc đấu bóng. Những bè bạn cùng chơi bài pôke với Li Bácton cũng đã trải qua một cuộc biến hoá tương tự. Bây giờ họ hạ thấp mức tiền đặt cọc xuống rất nhiều, uống toàn nước suối và nước cam, kết thúc canh bạc trước mười hai giờ đêm.

Giữa lúc sôi nổi nhất của cuộc vui chơi, trên sân khấu bỗng xuất hiện Xani Grendixson, người gốc rể và đồng thời cũng là người hùng của quần đảo Haoai. Mới bốn mươi một tuổi anh đã có thể từ chối lời đề nghị anh làm chức thống đốc xứ sở này. Trước đây một phần tư thế kỷ, anh đã từng quăng cô bé Iđa vào con sóng ở bờ biển Vaikiki. Còn trước đó thì trong khi nghỉ vụ hè ở trong trại chăn nuôi to lớn của cha anh trên đảo Lacanai, anh đã long trọng thu nạp cô bé Iđa cùng vài cậu bé nữa từ năm đến bảy tuổi vào "băng" của mình mang tên "Băng thợ săn đầu" hay còn gọi "Bão tố Lacanai". Còn trước đó nữa thì ông của anh và ông của Iđa đã cùng cộng tác với nhau trong những hoạt động chính trị và kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Haoađơ, anh đã vừa chu du rất nhiều nơi, vừa nghiên cứu khoa học. Và đến mỗi nơi anh lại kết thân với những bạn bè mới. Anh đã phục vụ ở Philipin, với tư cách nhà côn trùng học đã tham gia một loạt đoàn khảo sát khoa học ở quần đảo Malaixia châu Phi và châu Mỹ La-tinh. Năm bốn mươi một tuổi anh vẫn còn đứng trong biên chế của Học viện Xmítxon. Và bè bạn quả quyết với anh rằng, anh hiểu biết về loại sâu đục thân mía còn hơn những chuyên gia côn trùng học ở trạm thực nghiệm do anh cùng những chủ đồn điền mía khác sáng lập nên. Ở quê hương, anh là nhân vật có tiếng tăm và cũng là người đại diện nổi tiếng nhất của dân Haoai ở nước ngoài. Những người Haoai đã du lịch ra nước ngoài đều đồng thanh công nhận rằng, bất cứ đến nơi nào trên trái đất, cứ hễ biết họ là dân Haoai, lập tức người ta hỏi ngay: "Vậy ông (hay bà) có biết Xani Grendixson không?"

Tóm lại, anh là con nhà giàu, lại là người đã đạt nhiều thành công lớn trong cuộc đời. Anh đã biến số tiền một triệu đôla thừa hưởng của cha thành mười triệu. Trong khi đó anh vẫn không giảm bớt những món tiền góp vào các hội từ thiện mà thuở sinh thời cụ vẫn thường góp, thậm chí còn tăng thêm.

Nhưng đây chưa phải toàn bộ những gì có thể kể về con người này. Cách đây mười năm, vợ anh đã qua đời. Hai người không có con. Và không một người đàn ông nào trên khắp quần đảo Haoai lại được nhiều phụ nữ mơ ước được kết duyên như anh. Dáng người cao thon, bụng nhỏ như bụng lực sĩ, anh bao giờ cũng ăn mặc chỉnh tề, lịch sự. Tóc đen, nét mặt cương nghị,

chỗ thái dương có ít sợi bạc, da mặt trẻ trung, nhẵn bóng, mắt sáng và linh hoạt, anh nổi bật lên ở bất cứ nơi đông người nào. Tưởng chừng như toàn bộ thời giờ của anh đều bị cuốn vào những cuộc vui chơi phù phiếm, những cuộc họp của các uỷ ban, các ban quản trị và các hội nghị chính trị. Ngoài ra anh còn làm đội trưởng đội bóng pôlô đã nhiều lần đoạt giải. Và trên hòn đảo Lacana của mình, anh đã nuôi ngựa chuyên phục vụ môn thể thao pôlô. Và công việc kinh doanh này cũng thu lợi không kém gia đình Bonouyn trên đảo Maoi.

Khi trên sân khấu đã có mặt hai nhân vật mạnh mẽ và độc đáo - một đàn ông và một đàn bà - nay lại xuất hiện thêm nhân vật đàn ông thứ hai, cũng mạnh mẽ và độc đáo không kém, thì hầu như tất yếu sẽ phải tạo nên một bộ ba đầy bi kịch. Nếu dùng ngôn ngữ của những kẻ chuyên lê gót giày ở những nơi công cộng thì một bộ ba như thế có thể gọi là một bộ ba "siêu bi kịch" hoặc bộ ba "kinh thiên động địa". Người đầu tiên nhận ra được tình thế này tất nhiên phải là Grendixơn bởi vì toàn bộ câu chuyện bắt đầu từ ý định tảo hôn của anh. Hơn nữa, chắc gì trí thông minh của anh, cho dù nhạy bén đến mấy đi nữa, có thể vượt được trực giác của một phụ nữ như Ida Báctơn. Nhưng điều này thì rõ ràng: "Li Báctơn là người cuối cùng nhận ra. Và anh tìm cách biến mọi chuyện thành trò đùa cợt, trong khi chuyện ấy chẳng phải trò đùa chút nào.

Nhưng chẳng bao lâu anh nhận ra rằng, mình biết quá muộn, nghĩa là khi quá nửa số người mà anh đến thăm đã biết hết cả rồi ôn lại thời gian qua, anh nhận thấy rằng, đã từ lâu, bất cứ nơi nào vợ chồng anh được mời đến thì nơi ấy Xani Grendixơn cũng được mời đến. Vợ chồng anh đi đến đâu cũng có mặt Xani ở đó và là người thứ ba! Đám người vui vẻ kia đi bất cứ đâu, đến Cahuca, Halâyva, Ahnimana, hoặc thăm những khu vườn san hô ở Cannêôhê, hoặc tắm ở mũi Cocô, cũng dẫn đến tình trạng Ida ngồi trong ô tô của Xani hoặc cả hai cùng ngồi trong xe của một người nào khác. Hai người ấy, Ida và Xani, gặp nhau trong các cuộc vũ hội, các bữa tiệc, các cuộc thăm qua, trong các "luao", tóm lại, ở khắp mọi nơi.

Nhận xét được ra rồi, Li Báctơn không thể không nhận thấy thêm nữa rằng, khi có mặt Xani Grendixơn, vợ anh tươi tỉnh hẳn lên. Chị vui lòng ngồi cùng xe ô tô với Xani, nhảy với anh ta hoặc sẵn lòng bỏ một điệu nhảy

để trò chuyện với anh ta. Nhưng lộ liễu nhất là nét mặt của bản thân Xani. Bất chấp tuổi tác, bất chấp tính điềm đạm và kinh nghiệm sống, nét mặt anh ta luôn luôn bộc lộ tình cảm một cách lộ liễu không kém gì một cậu trai hai mươi tuổi. Tuổi đã trên bốn mươi, có nghị lực, từng trải, nhưng Xani Grendixon vẫn chưa tập được cách che giấu cảm xúc đằng sau một chiếc mặt nạ lạnh lùng. Vì vậy, Li Bácton, vốn cùng tuổi, chẳng phải tốn công sức gì cũng nhìn thấy được rõ ràng ruột gan của Xani, như qua một tấm kính trong suốt.

Và không phải chỉ một lần, trong khi Ida chuyện phiếm với những người phụ nữ khác, và khi câu chuyện đụng đến Xani, Li Bácton đã nghe thấy vợ mình ca ngợi anh ta, hết lời ca tụng cách Xani chơi pôlô, ca tụng các hoạt động xã hội và mọi ưu điểm khác của anh ta.

Thế là tâm trạng của Xani không còn có gì khó hiểu đối với Li Bácton nữa. Và không phải chỉ với anh, mà đối với bất cứ ai. Nhưng còn Ida, người vợ mà anh đã cùng chung sống trong hạnh phúc hoàn toàn suốt mười hai năm trời, không một chút gọn, chệch thì thế nào?

Anh thừa biết rằng phụ nữ là loại người khó hiểu. Họ rất biết cách giữ kín tình cảm thật. Thái độ thân mật một cách công khai với Xani Grendixon phải chăng chỉ là do tình bạn thuở nhỏ? Hay thái độ ấy chính lại là tấm bình phong để che giấu một mối tình say đắm? Để che giấu một tình cảm đáp lại, biết đâu còn mãnh liệt hơn cả tình cảm lộ lộ trên mặt Xani?

Li Bácton rất buồn. Mười hai năm sống chung thủy và hợp pháp với vợ, anh thấy rõ rằng Ida là người phụ nữ duy nhất mà anh cần đến, rằng trên trái đất này không có một người phụ nữ nào có thể thay thế được vị trí của Ida trong tim và óc anh. Anh không thể tưởng tượng được ra một người phụ nữ nào lại có thể làm anh sao lãng được Ida, chứ chưa nói đến

chuyện có thể vượt được chị trong việc làm vừa lòng anh mọi lúc và mọi nơi.

Anh hoảng hốt thầm tự hỏi mình, phải chăng giống như những người khác của dòng họ Bênêdic, khi đang yêu, đây là "chuyện lãng mạn đầu tiên" của vợ anh chăng? Điều băn khoăn ấy dẫn dắt anh không nguôi. Và điều làm cho những bề bạn cùng chơi bài pôke với anh, những con người có tuổi và chín chắn, phải ngạc nhiên, cũng như làm cho những bà những cô theo

đôi anh trong các bữa tiệc lấy làm mừng rỡ, là Báctơn bắt đầu dùng cônhắc thay cho nước cam, lớn tiếng tán thành việc tăng số tiền đặt cửa, chiều chiều phóng xe ô tô như điên trên con đường ra mũi Kim Cương và ra bờ vực Pali, và trong bữa ăn, anh dùng nhiều rượu cồctai và Uytiki Scótlén hơn mức dùng cho một người bình thường.

Xưa nay Iđá vẫn thường bỏ qua, không hề trách cứ gì thói say mê cờ bạc của chồng. Qua bao năm chung sống với vợ, anh đã quen với thái độ dễ dãi ấy. Nhưng đến nay, khi mối hiềm nghi đã xuất hiện, anh có cảm giác như vợ anh chỉ mong cho anh đánh bạc thật nhiều. Hơn thế nữa, anh còn nhận xét thấy rằng, đã lâu Xani Grendixơn thôi không đến những nơi chơi bài pôke và britgiơ nữa. Người ta bảo anh rất bận. Nhưng trong khi Li Báctơn chơi bài thì Xani dùng thời gian ấy làm gì? Không thể lúc nào anh ta cũng họp với các hội đồng, các ban quản trị như thế được. Li Báctơn bèn thử đi điều tra. Chẳng vất vả gì anh cũng kết luận được rằng trong những thời gian ấy, Xani đã tiêu khiển với Iđá. Khi thì thấy ở vũ hội, khi thì dự tiệc, khi thì tắm biển dưới ánh trăng. Và cái hôm mà Xani, viện cớ việc không thể trì hoãn được để không chơi bài britgiơ với Li Báctơn, Lenho Giônxor và Giéch Hônxtâyơ trong Câu lạc bộ "Thái Bình Dương" thì ra anh ta bận phải chơi bài, cũng là bài britgiơ, nhưng ở nhà bà Dôra Natlôđơ cùng với ba người phụ nữ, trong đó có Iđá.

Một lần, sau khi đi kiểm tra việc xây dựng một ụ để tàu trên cạn, Li Báctơn từ Pioclơ Habo trở về. Anh gài số ba cốt phóng xe thật nhanh để về đến nhà còn kịp thay quần áo trước khi ngồi vào bàn ăn bữa trưa. Hôm ấy xe anh đã vượt xe của Xani, và anh nhìn thấy trong xe của Xani có một người nữa là Iđá. Cách đây một tuần lễ, mà trong tuần ấy anh không hề ngồi vào chiếu bạc lần nào, sau khi dự bữa ăn độc thân ở Câu lạc bộ Đại học, mười một giờ khuya anh mới về đến nhà, thì liền sau đấy, vợ anh cũng về. Iđá vừa ăn bữa tối và nhảy ở nhà ông bà Anxtơn xong. Người chở xe đưa chị về chính cũng lại là Xani Grendixơn. Họ nói rằng Xani đã phải đưa cả vợ chồng thiếu tá Phrenclin về Phóoc Sápơ ở tận đầu kia thành phố, cách trung tâm Vaikiki rất xa.

Li Báctơn cũng chỉ là một con người và anh rất đau khổ trong lòng, mặc dù trước mặt mọi người anh vẫn tỏ ra vô cùng thân ái với Xani. Ngay

đến Ida cũng không biết chồng mình đang đau khổ, và chị vẫn hồn nhiên, vui vẻ không nghi ngờ gì cả, có chăng chị chỉ hơi ngạc nhiên đôi chút thấy gần đây chồng uống quá nhiều rượu trước các bữa ăn mà thôi.

Tưởng mọi sự vẫn y như trước, anh vẫn thổ lộ hết mọi điều với vợ. Nhưng thực ra anh giấu chị điều đau khổ và không cho chị biết chút nào về cuốn "sổ kế toán" mà anh tiến hành ghi trong óc, đêm cũng như ngày, có mau chóng đạt đến một kết luận rõ ràng. Trong "cuốn sổ" ấy, một cột ghi tất cả những biểu hiện thực sự chân thành tình yêu của chị đối với anh: những sự chăm sóc, những lời an ủi, những lần hỏi ý kiến, và những việc chị đã làm để chiều ý chồng. Một cột khác ghi nhiều hơn, đó là những câu nói và thái độ của chị mà anh cho là khả nghi. Những câu nói và thái độ ấy có thực lòng không? Hay có chứa đựng một chút giả dối, mặc dù giả dối không có dụng ý? Cột thứ ba, dài nhất và cũng quan trọng nhất theo quan điểm tâm hồn con người, ghi những điều có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp đến vợ anh và Xani Grendixon. Li Báctơn làm cuộc ghi chép đều đặn vào "cuốn sổ" này không định nhằm một mục đích gì hết. Chỉ đơn giản là anh không thể không ghi. Nếu như có thể thôi được cái công việc này, thì anh sẽ vui vẻ mà chấm dứt nó ngay. Khốn nỗi anh đã nhiễm thói quen mọi thứ đều phải rành rọt. Và mọi điều anh nhận xét thấy đều cứ như tự chúng xếp vào từng cột một, ngoài ý muốn của anh.

Bây giờ mọi thứ anh đều nhìn một cách méo mó. Mỗi con ruồi anh đều nhìn thành con voi, mặc dù anh biết rõ đấy chỉ là con ruồi. Cuối cùng anh đã tìm đến Mắc Luâyơn, người mà có lần anh đã giúp cho một việc khá lớn. Mắc Luâyơn là Giám đốc Sở cảnh sát điều tra. Li Báctơn hỏi ông ta: "Xani Grendixon có phải người đào hoa không?" Người giám đốc cảnh sát không trả lời gì hết. Li Báctơn kết luận: "Nghĩa là có chứ gì?" Nhưng ông ta cũng vẫn im lặng.

Sau đây ít ngày, Li Báctơn nhận được một tờ giấy mật có chữ ký của Mắc Luâyơn, và đọc xong anh vội huỷ ngay như huỷ một vật nhơ bẩn nguy hiểm. Kết luận tổng quát là: Kể từ khi vợ qua đời đến nay, Xani Grendixon đã sống không buông tuồng nhưng cũng không phải hoàn toàn đúng đắn. Cuộc hôn nhân giữa anh và vợ đã một thời từng là đề tài của giới thượng lưu Honôlulu, vì họ yêu nhau say đắm, không phải chỉ trước khi

cưới mà cả khi đã chung sống với nhau rồi, cho đến tận khi chị vợ anh chết một cách bí thảm cách đây đã mười năm, cả người lẫn ngựa đều trượt khỏi con đường mòn Nanicu và rơi xuống vực thẳm. Và theo như Mắc Luâyno, trong một thời gian dài sau đó, Xani không hề chú ý đến người phụ nữ nào. Còn về sau thì nếu anh ta có quan hệ với người phụ nữ nào thì cũng hoàn toàn đúng đắn, không gây nên điều tiếng gì. Vì vậy mọi người cho đến nay vẫn tin rằng Xani Grendixon là người chồng thủy chung và sẽ không bao giờ lấy ai nữa. Riêng vài cuộc tình thoáng qua mà Mắc Luâyno kê ra trong mảnh giấy thì theo như ông ta nhận định, chính bản thân Xani cũng định ninh rằng chỉ những người trong cuộc biết mà thôi.

Li Bácton đọc lướt qua rất nhanh, tuồng như thẹn với chính bản thân mình, cái bản kê ngắn ngủi những tên phụ nữ và những ngày tháng. Và chính bản thân anh cũng phải ngạc nhiên trước khi đưa tờ giấy vào ngọn lửa. Đúng! Cái gì thì chưa biết, chứ thậm trọng thì Xani có thừa. Nhìn mảnh giấy đã cháy thành than, Li Bácton bỗng chợt nghĩ rằng, không biết trong số những chuyện tình thuở trẻ của mình, những chuyện nào đã nằm vào hồ sơ mật của ông già Mắc Luâyno kia. Và đột nhiên anh cảm thấy mặt nóng bừng. Sao anh ngốc thế! Nếu như Mắc Luâyno đã biết rõ đòi tư của bất kỳ người nào trong tầng lớp của họ đến như vậy thì cũng có nghĩa rằng bản thân anh, người chồng, người che chở cho Ida, đã cung cấp cho ông ta một cái cớ để nghi ngờ vợ mình rồi còn gì.

- Không có chuyện gì lạ chứ? - anh hỏi vợ vào đúng cái buổi tối hôm ấy, khi chị vừa mặc quần áo xong, còn anh thì đứng cạnh, cầm sẵn chiếc áo măngtô.

Câu hỏi hoàn toàn phù hợp với điều đã quy ước giữa hai vợ chồng, là không giấu giếm nhau điều gì hết. Và trong khi chờ đợi Ida trả lời, Li Bácton ân hận là đã không hỏi vợ câu ấy từ trước.

- Không, -chị mỉm cười. - Không có chuyện gì lạ hết... Cũng có thể là để rồi lúc nào...

Chị soi gương, thoa phấn vào mũi, rồi lại lấy cái búp phẩy bớt phấn đi. Sau đó chị nói tiếp:

- Anh thừa biết tính em như thế nào rồi. Em cần phải có thời gian để nhìn ra cho rõ. Và sau khi đã rõ rồi thì thế nào em cũng sẽ nói hết với anh.

Chỉ có điều là nhiều khi chưa có điều gì đáng nói, cho nên cũng chưa muốn để anh phải nghĩ ngợi làm gì.

Chỉ giờ hai cánh tay ra phía sau, để anh khoác áo măngtô vào cho. Đôi cánh tay dửng dưng và thông minh, khi vật lộn với sóng biển thì cứng như thép, đồng thời lại vẫn là cánh tay phụ nữ: tròn trĩnh, ấm áp, trắng ngần. Lốp da mịn màng phủ lên những bắp thịt tuyệt vời và ngoan ngoãn, sẵn sàng tuân theo sự điều khiển của chủ nhân.

Li Bácton ngắm vợ với lòng khâm phục. Anh vừa thoáng buồn lại vừa đau xót. Lúc này sao vợ anh mảnh mai, yếu đuối đến thế. Nhìn chị người ta có thể tưởng như bất cứ một người đàn ông khoẻ mạnh nào cũng có thể chỉ dùng một tay cũng nhấc bổng chị được.

- Nhanh lên, còn đi chứ, anh? - chị kêu lên vì thấy chồng còn chân chừ, chưa khoác chiếc áo măngtô ra ngoài chiếc áo dài tuyệt đẹp và mỏng dính của chị. - Trễ mất đấy. Nếu ở Nuuanu trời mưa thì lại phải lên lầu và vợ chồng mình sẽ không kịp tham gia điệu nhảy thứ hai đâu.

Anh quyết định sẽ phải xem cho kỹ điệu vũ thứ hai vợ mình sẽ nhảy với ai. Và anh đi theo chị ra cửa, ngắm dáng đi của vợ, cái dáng đi mà anh vẫn thường thâm nhận xét rằng bao giờ cũng bộc lộ toàn bộ bản chất, cả tinh thần lẫn thể xác của chị.

- Em không giận khi thấy anh chơi bài pôke nhiều quá và bỏ mặc em đi một mình đấy chứ? - Lại một câu thăm dò nữa.

- Đây là quyền của anh! Với lại anh thừa biết rằng em tán thành để anh mê đánh bạc. Vì sự say mê ấy làm cho anh thoải mái hơn. Không những thế, mỗi khi anh đánh bài, anh trở nên rất đáng yêu. Mà hình như có lần anh chơi bài khuya quá, đến sau một giờ sáng thì phải.

Đến Nuuanu trời chưa mưa. Gió nhẹ và trời đầy sao. Họ đến kịp điệu nhảy thứ hai vì Li Bácton nhìn thấy vợ mình bước vào sàn nhảy cùng với Xani Grendixon. Chuyện này chẳng có gì đặc biệt, nhưng anh vẫn thâm ghi nó vào cuốn sổ kế toán nằm trong óc.

Một tiếng đồng hồ sau, bỗng nhiên anh thấy bồn chồn. Anh rời khỏi chiếu bạc Britgiơ, lách qua mấy người phụ nữ trẻ, bước ra ngoài vườn, đi lững thững. Bên kia ao có một rặng hoa quỳnh. Hoa quỳnh chỉ sống được có một đêm: khuya mới nở, và gần sáng đã tàn. Những bông hoa to, đường

kính đến một phút, màu vàng nhạt, tựa như được làm bằng sáp ong, lấp lánh như những ngọn hải đăng trong đêm tối, toả hương thơm ngào ngạt và chúng đang cố tận hưởng mau kéo đã sắp phải tàn.

Nhưng trên con đường nhỏ dọc theo rặng hoa quỳnh, người đi dạo rất đông. Họ đi thành từng đôi, vào quãng thời gian giữa hai điệu nhảy, hoặc có khi họ bỏ một vài điệu nhảy để chuyện trò với nhau. Họ nói rất khẽ, mắt như đắm đuối ngắm nghía điệu huyền diệu kia: cuộc sống tình ái của một loài hoa. Ban hợp xướng nam hát bài "Hanalâ" du dương vắng từ trên sân nhà vọng xuống vườn. Li Báctơn hơi nhớ lại một truyện ngắn hình như của Ghidơ Môpaxăng nói về một thầy tu. Ông ta tin một cách thành kính, rằng mọi vật trên thế gian này đều do Chúa Trời tạo nên nhằm những mục đích mà chỉ có Ngài mới biết được. Nhưng đến khi phải dùng cái cách nhìn ấy để giải thích sự tồn tại của hiện tượng ban đêm, thì ông thầy tu kia cuối cùng đã hiểu được ra rằng, Chúa Trời sáng tạo ra ban đêm là để nhằm phục vụ cho tình yêu.

Thấy cả hoa lẫn người đều say đắm ban đêm, Li Báctơn thấy đau xót. Anh quay bước, định trở vào nhà theo con đường ngoằn ngoèo dưới bóng những cây xiêm gai và dừa. Đến chỗ con đường ló ra khỏi bóng cây, anh nhìn thấy cách mình vài bước chân, trên một con đường nhỏ khác, một đôi trai gái đang hôn nhau trong bóng tối. Anh phát hiện ra họ, vì nghe thấy giọng thì thào tha thiết của người đàn ông. Nhưng cũng đúng lúc ấy, đôi trai gái nhìn thấy anh. Anh con trai ngừng bật, không nói nữa. Và cả hai cố giữ bất động hoàn toàn.

Anh bước chân tiếp, trong lòng xót xa với ý nghĩ rằng, bóng tối dưới các lùm cây chính là giai đoạn sẽ phải xảy tới với những người hiện còn đứng ngoài chỗ trống, đang ca ngợi những đoá hoa quỳnh kia. Ôi, anh nhớ rất rõ cái thời mà chỉ cốt để được hưởng một phút yêu đương, anh sẵn sàng đổi trả, sẵn sàng mưu mẹo, và chỉ mong được đứng dưới bóng lùm cây càng tối càng tốt. Người ta giống như những bông hoa. Trước khi quay trở về với cuộc sống quen thuộc nhưng giờ đây anh cảm thấy không chịu nổi nữa, anh dừng chân lại một lát ngoài vườn, lơ đãng ngắm nhìn khóm phù dung hoa kép đang rực rỡ dưới luồng ánh sáng từ trên hiên nhà hắt xuống. Và bỗng nhiên tất cả những gì làm anh đau khổ, những gì anh vừa nhìn thấy và nghe

thấy: những bông hoa quỳnh chỉ nở có một đêm, những lời thăm thì của những kẻ đang yêu và đôi trai gái hôn nhau vụng trộm như kẻ cắp, tất cả những thứ ấy hoà lẫn vào nhau tạo thành một câu chuyện ngụ ngôn về cuộc đời, được thể hiện trong những đoá phù dung mà anh đang ngắm nghía. Anh cảm thấy cuộc đời và khát vọng của con người cũng giống như những đoá hoa kia: khi nở ra lúc bình minh, chúng trắng như tuyết, gặp ánh nắng mặt trời, chúng chuyển màu hồng, đến tối, chúng đỏ rực và sau đó thì bắt đầu tàn, không sống nổi cho đến bình minh hôm sau!

Không biết còn những ý nghĩ so sánh nào nảy ra trong óc anh nữa, bởi vì từ phía sau lưng anh, nơi có những rặng xiêm gai và dừa nước, chợt vọng đến một giọng cười quen thuộc, tiếng cười tươi vui và hồn nhiên của Iđa. Sợ phải nhìn thấy vợ mình, anh không dám ngoái đầu lại, bước vội lên hiên nhà. Do luống cuống, chân anh dúi lại làm anh suýt ngã. Và mặc dầu anh thừa biết nếu quay lại anh sẽ nhìn thấy gì, nhưng anh cũng vẫn quay đầu lại, và nhìn thấy vợ anh và Xani vừa mới hôn vụng trộm trong bóng tối. Mắt anh hoa lên. Và anh phải vịn vào lan can mới đứng được vững, đôi mắt lơ đãng hướng về phía tốp nam trong dàn hợp xướng đang hát đoạn điệp khúc ngọt ngào "Hani Caua Nikiviki" trong cái đêm cũng ngọt ngào này.

Một lát sau, anh liếm môi, gắng lấy lại bình tĩnh và nói được một câu pha trò với nữ chủ nhân, bà Insokíp. Nhưng không thể để chậm trễ được - hai kẻ tội lỗi kia đã đang bước lên những bậc lên hiên nhà rồi.

-Tôi khát cháy cả cổ, cứ như vừa vượt qua sa mạc Gôbi ấy, - anh nói. - Phải uống ngay một cốc rượu, kéo chết khát bây giờ.

Bà Insokíp mỉm cười đưa tay trở về phía góc sân dành cho những người hút thuốc lá. Anh đến nơi thì cũng đúng lúc mọi người tản ra. Anh sôi nổi trò chuyện với mấy ông già về tình trạng sản xuất đường hiện nay.

Có mấy chiếc xe cùng đi về thành phố Vaikiki. Li Bắctơn phải nhận chở ông bà Becxton và đôi vợ chồng Lexli. Anh cũng vừa nhìn thấy Iđa ngồi vào xe của Xani, ngay bên cạnh anh ta. Chị về đến nhà trước. Khi anh bước vào đã thấy chị đang chải tóc chuẩn bị đi ngủ. Hai vợ chồng tạm biệt nhau để đi nghỉ, như thường lệ. Anh cố làm ra vẻ tự nhiên, nhưng chợt nhớ rằng mỗi một kẻ khác đã chạm vào môi vợ mình, anh phải gắng hết sức mới

không lộ vẻ gì khác thường. Gắng đến nỗi, anh tưởng chừng mình suýt ngất đi.

"Chẳng lẽ bản tính của phụ nữ đúng là vô đạo đức thật, như những triết gia yếm thế, bi quan chủ nghĩa Đức đã quả quyết?" - anh tự hỏi, không làm sao ngủ được, cũng không thể đọc nổi một cuốn sách nào. Trằn trọc khoảng một tiếng đồng hồ, anh đành dậy, tìm trong tủ thuốc một liều thuốc ngủ tác động mạnh. Sau đấy một tiếng vẫn không ngủ được, sợ không dám một mình suy nghĩ vẩn vơ, anh lại uống thêm một liều thuốc ngủ nữa.

Anh còn uống thêm hai lần nữa, mỗi lần cách nhau một tiếng đồng hồ. Nhưng thuốc tác động quá chậm, nên đến khi anh ngủ thiếp đi được, thì bên ngoài trời đã bắt đầu rạng sáng. Đến bảy giờ anh lại thức giấc. Miệng đắng ngắt, mắt vẫn cay xè nhưng anh không làm sao ngủ lại được nữa. Đến khi thấy rõ ràng có cố cũng vô ích, anh gọi người phục vụ đem điêm tâm vào, anh ăn ngay trên giường và đọc báo chí buổi sáng. Nhưng thuốc ngủ tiếp tục tác động và thình thoảng anh lại ngủ thiếp đi vài giây, ngay trong lúc đang đọc báo. Anh cứ trong tình trạng nửa thức nửa ngủ như thế cả trong lúc tám và mặc quần áo. Và anh sung sướng thấy rằng, mặc dù thuốc không làm anh ngủ được ban đêm, nhưng cũng tạo được cho anh một cảm giác lơ mơ dễ chịu vào buổi sáng.

Mãi cho đến khi Ida trở dậy và bước vào phòng anh, trong chiếc áo choàng duyên dáng, miệng nở một nụ cười hóm hỉnh, và vẫn như mọi khi, tươi vui và tanh thẳng, anh mới cảm thấy chất thuốc phiện ngấm vào người. Bằng thái độ đơn giản và rõ ràng, chị nói để anh hiểu rằng, tuy hai vợ chồng đã thỏa thuận với nhau từ lâu là phải nói thật và nói hết ra với nhau nhưng hôm nay chị cũng chưa có điều gì để nói với anh. Do thuốc ngủ tác động, Li Báctơn bắt đầu nói dối. Khi Ida hỏi anh có ngủ ngon giấc không, anh đã trả lời:

- Rất không ngon. Đêm qua anh phải thức dậy hai lần vì bị chuột rút ở chân. Thậm chí có lúc khỏi chuột rút, mãi vẫn không ngủ lại được. May về sau chuột không rút lần nào nữa. Nhưng chân vẫn nhức khiếp lên được.

- Năm ngoái anh cũng bị một lần đúng y như thế, - chị nhắc.

- Bệnh theo mùa ấy mà, - anh mỉm cười. - Không nguy hiểm đâu, nhưng rất bực mình, khi thức dậy cả một cái chân tê buốt. Chắc từ giờ đến

tôi sẽ không xảy ra chuyện gì nữa đâu. Nhưng anh có cảm giác người đau như dân.

Nhưng ngay hôm ấy, tất nhiên là sau đó một lúc, hai vợ chồng Li Báctơn và Ida đã lao đầu xuống nước chỗ khu vực nước nông cạnh Câu lạc bộ Thuyền buồm, rồi nhanh chóng vòng qua đập chắn, bơi ra xa, đến tận những ngọn sóng Canaca. Biển lặng đến nỗi khi quay vào phía hướng bờ, sau hai tiếng đồng hồ bơi lội, rồi từ tốn lướt qua những đợt sóng, họ chỉ còn hai người trên mặt nước. Sóng yếu quá chẳng khiến ai thích thú bơi thuyền hay mảng, và mọi người đã lên bờ từ lâu.

Đột nhiên, Li Báctơn xoay người, chuyển sang bơi ngửa.

- Anh làm sao thế? - Ida gọi chồng. Chị vẫn đang bơi cách anh khoảng hai chục phút.

- Chân lại bị chuột rút! - anh khẽ trả lời, toàn thân co rúm lại một cách khủng khiếp. Chất thuốc phiện tiếp tục hiệu nghiệm khiến anh trong trạng thái nửa thức nửa ngủ. Nhìn vợ sai tay đều đặn, nhịp nhàng tiến về phía mình, anh thán phục sự bình tĩnh của chị. Nhưng lập tức anh thoáng có ý nghĩ nghi ngờ, chị bình thản phải chăng vì không yêu anh, hoặc nói khác đi, không yêu anh bằng yêu Xani Grendixon.

- Anh bị chân nào? - chị hỏi, chuyển sang bơi đứng.

- Chân trái... Ôi! bây giờ thì sang cả chân phải nữa.

Anh làm như thể đầu gối bị quặp lại. Anh cố ngẩng đầu để vươn lên khỏi mặt nước, rồi liền sau đó chìm xuống dưới một làn sóng không lớn gì. Vài giây sau anh lại nhô đầu lên, khạc nước trong miệng ra và lại bơi ngửa.

Anh như cố mỉm cười, nhưng nụ cười biến thành một sự nhăn nhó. Chân anh bị chuột rút thật, ít ra thì cũng là một chân và anh cảm thấy đau đớn thật sự.

- Bây giờ thì chân bên phải đau hơn, - anh nói, khi nhìn thấy vợ định xoa nắn cho mình. - Nhưng em đừng lại gần. Thứ này đối với anh là thường. Nếu khó chịu hơn, anh sẽ bám vào em.

Ida lấy tay nắn những bắp thịt bị chuột rút ở chân chồng và bắt đầu xoa nắn cho anh.

- Em lui ra! Anh tha thiết đề nghị em lui xa ra, - anh rít lên qua kẽ răng.
- Để anh nằm yên. Anh co duỗi các khớp xương một lúc là khỏi thôi. Anh biết cách chữa chuột rút mà.

Chị buông chồng ra nhưng vẫn bơi đứng bên cạnh, mắt chăm chú nhìn mặt anh, cố đoán xem cách chữa của chồng có kết quả gì không. Còn anh thì cố tình gập đầu gối lại và căng bắp thịt để tăng thêm tình trạng co thắt. Năm ngoái đã một lần anh bị chuột rút như thế này. Anh đã tập được cách chữa. Anh nằm trên giường, tay cầm sách, buông lỏng các bắp thịt. Và trong khi chữa, anh vẫn không ngừng đọc. Còn bây giờ anh làm ngược lại, thậm chí thích thú cảm thấy sự co rút tăng thêm và chuyển sang cả bụng chân bên phải. Anh hét lên, làm bộ như hoảng hốt, cố nhào người lên khỏi mặt nước, rồi lại chìm ngấm xuống bên dưới một con sóng vừa xô tới.

Anh lại nhô lên, sặc sụa rồi bơi ngửa, duỗi hai tay ra. Lập tức những ngón tay mảnh dẻ nhưng cứng như sắt của Ida nắm chặt lấy bụng chân của chồng.

- Không sao đâu, - chị nói, tay vẫn tiếp tục xoa nắn. - Kiểu chuột rút như thế này, không bao giờ kéo dài lâu đâu.

- Chưa bao giờ anh bị chuột rút mạnh đến như thế này, - anh rên rỉ. - Chỉ mong nó không lan rộng lên những bắp thịt khác! Anh không thể cử động gì được nữa.

Đột nhiên anh bám cả hai tay vào vai Ida, như một kẻ chết đuối bám lấy chiếc mái chèo để tìm cách leo lên thuyền. Bị sức nặng của chồng kéo xuống, chị chìm ngấm. Trong lúc anh ghì không cho chị ngoi lên, chiếc mũ cao su trên đầu chị tuột ra, mấy chiếc cặp tóc rơi xuống. Và đến lúc chị gắng hết sức mới ngoi lên được trên mặt nước, miệng thở dốc ra, thì những sợi tóc loà xoà bết vào, che kín cả mắt mũi. Anh đoán chắc rằng, do bị bất ngờ, chị đã uống khá nhiều nước mặn.

- Đã bảo em tránh ra kia mà, - anh nhắc chị và lại thông hai tay xuống, làm ra vẻ tuyệt vọng.

Nhưng những ngón tay của Ida đã lần được tới bụng chân bị co rút của chồng. Và anh không rõ chị đang trong trạng thái ngập ngừng hay hoảng hốt.

- Chuột rút lan cả lên phía trên nữa rồi, - anh thốt lên như thể không ghì lại được.

Anh lên gân toàn bộ các bắp thịt bên chân phải, và tình trạng co rút thực sự tăng lên ở bụng chân, cả bắp thịt ở đùi cũng ngoan ngoãn tuân theo và co cứng lại, như thể chúng cũng bị chuột rút.

Chất nha phiến trong thuốc ngủ vẫn chưa tan hết khiến Li Báctơn có thể cùng một lúc vừa tiến hành trò chơi độc ác, vừa thích thú nhận thấy ý chí mạnh mẽ hiện lên trên bộ mặt bơ phờ của vợ, và nỗi sợ hãi mà chị cố nén lại nhưng vẫn lộ ra trong cặp mắt. Và đằng sau tất cả những cái ấy, anh nhận thấy ở chị một tâm hồn vững chắc, không gì lay chuyển nổi và một lòng quyết đoán đầy cương nghị.

Rõ ràng chị không chịu khuất phục với cái chiêu bài rẻ tiền "em sẽ cùng chết với anh". Và Li Báctơn cảm phục vợ vô cùng khi anh nghe thấy chị nói:

- Không sao! Anh cứ thả mình chìm thêm nữa cho khỏi mệt. Chỉ cần giữ miệng ở bên trên mặt nước, đủ để thở là được. Em sẽ đỡ cái đầu cho anh. Chuột rút không thể kéo dài vô cùng tận được đâu. Nếu ở trên cạn, không ai chết vì bị chuột rút bao giờ. Nghĩa là dưới nước, nếu bơi giỏi cũng không thể chết được. Các bắp thịt co rút đến một độ nào đấy sẽ phải ngừng. Cả hai vợ chồng mình đều bơi rất giỏi và lại cùng bình tĩnh.

Anh nhắm mắt làm như thể bị đau đớn đến cao độ, rồi níu vợ, kéo chị chìm xuống dưới nước. Nhưng đến khi ngoi được lên, chị vẫn ở bên cạnh chồng như cũ, vẫn bơi đứng, tay vẫn đỡ lấy đầu anh và miệng vẫn quả quyết:

- Anh cứ bình tĩnh! Tiếp tục buông thả các cơ bắp. Đầu đã có em đỡ cho rồi. Chịu khó một lúc nữa thôi. Sắp hết ngày bây giờ. Anh đừng cố quấy cựa. Đừng căng thẳng thần kinh thì thân thể sẽ không bị co cứng. Anh quên là chính anh đã từng dạy em cách buông thả mình trên mặt nước rồi à!

Một con sóng nữa, cao vọt vọt so với làn sóng yếu lúc này, đang sắp ập tới. Li Báctơn túm lấy vai vợ và kéo chị chìm nhím xuống dưới nước vào đúng lúc bọt trắng trên đỉnh con sóng cuộn lên rồi đổ xuống.

- Xin lỗi em! - anh thều thào bằng một giọng đau đớn sau khi hít vội một hơi. - Buông anh ra, - anh nói hỏn hển, dần từng tiếng, giọng đau đớn. -

Tội gì để chết cả hai đứa. Anh không còn hy vọng gì nữa rồi. Chuột rút cả tay nữa thì anh sẽ không buông em ra được đâu. Van em, hãy để mặc anh. Hãy để một mình anh chết. Cuộc đời em còn đáng sống lắm.

Chị nhìn anh với cặp mắt đầy oán trách, và không còn chút nào vẻ sợ hãi nữa. Tuy không dùng lời, chị cũng vẫn diễn tả được đầy đủ ý nghĩ hiện lên trong khoé mắt: "Em sống làm gì nếu không phải để vì anh?"

Nghĩa là chị quý chồng hơn Xani! Li Báctơn cảm thấy sung sướng nhưng bỗng anh chợt nhớ lại rằng, Xani đã ôm hôn chị dưới bóng cây xiêm gai, và anh thấy hành hạ vợ như thế vẫn còn chưa đủ. Có thể chất nhựa phiền trong thuốc ngủ đã đẩy anh sâu thêm vào tội lỗi. Chất nhựa cây quái ác kia như thì thầm: "Mi đã khởi đầu cuộc thử thách này thì phải đẩy nó đến độ cao nhất!"

Anh co chân, ngụp xuống rồi ngoi lên mặt nước, làm ra vẻ như cố duỗi chân nhưng không nổi. Chị vẫn một mực bám sát bên chồng.

- Không - Anh không thể! - anh thét lên, giọng bi thảm. - Thế là hết! Không thoát nổi đâu. Em có cố đến mấy cũng không cứu nổi anh đâu! Em tránh ra. Nhanh lên kéo chết cả hai bây giờ.

Nhưng chị không tránh. Chị quay đầu anh cho nước biển khỏi trào vào miệng, rồi nói:

- Không sao đâu! Không sao đâu! Anh đừng lo. Chịu khó một lúc nữa là hết thôi.

Li Báctơn thét lên, mặt co rúm lại, rồi túm lấy vợ, kéo tuột xuống dưới nước. Lần này suýt nữa thì anh chìm chị chết. Nghĩa là anh đã diễn lớp kịch này khéo đến quá mức. Vừa ngoi được lên mặt nước chị đã đỡ luôn lấy đầu chồng nâng lên, và trong khi đang còn thở hồng hộc, chị vẫn tiếp tục thì thào vào tai anh những lời động viên:

- Bình tĩnh! Anh hãy bình tĩnh... buông lỏng các cơ bắp... Thấy chưa? Anh đã đỡ đau rồi đấy... Chịu khó một chút nữa thôi... Không sao đâu... Sắp khỏi bây giờ... Anh đã cảm thấy hơi dễ chịu rồi chứ?

Còn anh vẫn tiếp tục nhận chìm và nhận chìm vợ xuống nước, lần sau phũ phàng hơn lần trước, bắt chị uống mãi nước biển. Trong đáy lòng, anh tin chắc rằng làm như thế vẫn chưa đến nỗi nguy hiểm cho tính mạng của

chị. Họ thoáng nhô lên trên mặt đại dương vàng nắng rồi lại chìm xuống. Và bọt trắng của những ngọn sóng trào qua đầu họ.

Chị vẫn kiên trì phấn đấu, cố thoát khỏi những ngón tay bầu chặt của chồng. Nhưng mỗi khi anh buông chị ra, ngoi lên được mặt nước, chị vẫn không chịu bơi ra xa. Sức chị kiệt dần, óc chị mụ đi nhưng chị vẫn cố giúp đỡ chồng. Cuối cùng, đến khi thấy đã trừng phạt vợ như thế đã đủ, anh trở nên bình tĩnh hơn, thả hai tay ra và trải dài người trên mặt nước.

Anh thở phào, vẽ khoan khoái, rồi nói giọng đứt quãng, vừa nói vừa thở hổn hển:

- Khỏi rồi! May quá. Ôi, anh uống nhiều nước biển quá. Nhưng bây giờ chuột không rút nữa. Anh thấy dễ chịu như đang trên thiên đường vậy!

Chị định đáp lời, nhưng mệt quá, không gắng được.

- Anh dễ chịu rồi, - anh lặp lại. - Ta nghỉ ngơi một chút đã. Em cũng bơi ngửa cho đỡ mệt.

Họ nằm ngửa nửa giờ đồng hồ liền trên mặt sóng Canaca hiền lành. Đã đỡ mệt, Ida lên tiếng trước:

- Anh cảm thấy trong người thế nào, anh yêu quý? - chị hỏi.

- Như thể một cái xe lu vừa lăn trên người anh vậy. Còn em?

- Em thấy em là người phụ nữ hạnh phúc nhất trên đời này. Em sung sướng đến nỗi có thể khóc oà lên được. Nhưng em không muốn khóc. Anh vừa làm em sợ quá. Có một lúc, em tưởng như sắp mất anh của em rồi.

Tim Li Bácton đập rộn ràng. Vợ anh không hề nói đến chuyện chính chị cũng có thể chết. Thì ra đây chính là tình yêu chân chính, tình yêu đã được thử thách, tình yêu lớn lao khi con người ta quên đi bản thân, chỉ nghĩ đến người mình yêu.

- Còn anh thì là người đáng tự hào nhất trên trần gian, - anh nói, - bởi vì anh có người vợ dũng cảm nhất trên đời.

- Dũng cảm ư? - chị phản đối. - Tại em yêu anh. Khi chưa có nguy cơ mất anh, em vẫn còn chưa biết em yêu anh đến mức nào. Bây giờ thì vợ chồng mình quay vào bờ đi. Em muốn được riêng một mình bên anh, để anh ôm em và em sẽ kể anh nghe, em yêu anh đến mức độ nào và sẽ mãi mãi yêu anh như thế.

Sau đấy nửa tiếng đồng hồ, họ bơi một mạch vào đến bờ rồi bước trên mặt cát rắn và ẩm, tiến vào phòng thay quần áo, giữa đám người ăn không ngồi rồi đang trên bãi tắm.

- Hai anh chị làm cái trò gì ngoài ấy thế? - một trong số thuyền trưởng của Câu lạc bộ hỏi đôi vợ chồng trẻ. - Chỉ đùa thôi chứ gì?

- Vâng, chúng tôi đùa đấy, - Ida mỉm cười trả lời.

- Các ông thừa biết vợ chồng tôi thích đùa rồn rồi còn gì, - chồng chị phụ hoạ thêm với vợ.

Tối hôm ấy, bỏ cuộc đi dự tiệc thường lệ, họ ngồi ôm nhau trong chiếc ghế bành đặt trên sân nhà họ.

- Anh Xani sẽ đi khỏi đây ngày mai, lúc mười hai giờ trưa, - Ida nói, như câu chuyện không liên quan gì với những điều trước đấy. - Anh ấy đi Malaixia, kiểm tra hoạt động của Công ty cao su và Công ty gỗ của anh ấy tại đó.

- Sao anh chưa nghe thấy ai nói gì về chuyện ấy nhỉ? - Li Bácton thốt lên rất khẽ, như thể ngạc nhiên.

- Em là người đầu tiên biết việc anh ấy đi khỏi đây, - Ida giải thích. - Anh ấy nói với em tối hôm qua.

- Lúc ở vũ hội?

Ida gật đầu.

- Anh ấy quyết định hơi đột ngột, có phải thế không?

- Đột ngột quá đi ấy chứ, - Ida nhích ra xa chồng rồi vươn vai trong chiếc ghế bành. - Em muốn kể anh nghe về anh Xani. Chưa bao giờ em giấu anh điều gì. Chỉ vì em chưa muốn kể anh nghe đấy thôi. Nhưng hôm nay, lúc vật lộn với những đợt sóng Canaca, em thoáng nghĩ, nếu như chúng mình chết, thì giữa hai vợ chồng vẫn còn một điều chưa nói ra được với nhau.

Chị dừng lại và anh linh cảm được điều gì vợ mình sắp nói ra. Anh không giục mà chỉ bóp chặt bàn tay của vợ.

- Anh ấy yêu em, - giọng chị run run. - Chắc hẳn anh cũng đã nhận thấy... Và tối hôm qua anh ấy đã rủ em cùng đi Malaixia với anh ấy... Nhưng em không hề tiếc chút nào...

Li Bácton lặng lẽ chờ đợi.

- Em chỉ ân hận, - chị nói tiếp. - Là em đã không nghiêm khắc trước mặt anh ấy. Em đã thấy rất buồn và rất thương hại anh ấy. Vì thực ra, ngay bản thân em cũng hơi... nói cho đúng ra, không phải chỉ hơi mà em có mến anh ấy thật. Chính vì thế mà tối hôm qua em đã dễ dãi với anh ấy. Em không ngu dần gì. Em thừa biết chuyện gì có thể xảy ra. Em cũng vẫn là một phụ nữ ưa được chiều chuộng. Thấy một người đàn ông như Xani yêu mình tha thiết, em cũng cảm thấy thích thú. Em đã không ngăn chặn ngay tình cảm của anh ấy. Em đã có lỗi. Nếu như em vững vàng thì sự việc tối hôm qua đã không xảy ra. Lỗi không phải ở anh ấy mà lỗi do em, trong việc anh ấy đã dám ngỏ lời rủ em đi khỏi đây với anh ấy. Nhưng em đã từ chối. Em chưa đến mức chiều anh ấy như thế được. Tại sao, thì anh thừa hiểu rồi. Em chẳng nhắc lại làm gì. Em đã dịu dàng với anh ấy. Rất dịu dàng nữa kia. Em đã để anh ấy ôm mà không đẩy anh ấy ra. Đây là lần đầu tiên nhưng cũng là lần cuối cùng. Em đã để cho anh ấy hôn, và cũng đã tự cho phép mình nhận cái hôn ấy. Em biết rằng anh sẽ hiểu, vì đó là cái hôn vĩnh biệt. Thực ra em không yêu anh ấy. Trước kia cũng như bây giờ, em chỉ yêu anh, chỉ yêu có mỗi một mình anh.

Chị ngừng bật. Và ngay lúc ấy, chị cảm thấy bàn tay chồng ôm lấy vai mình và khẽ kéo về phía anh.

- Đúng thế. Em đã làm cho anh nhiều lúc phải lo sợ, - anh thú thật. - Có lần anh đã nghĩ rằng em sẽ bỏ anh. Và anh... - Anh không nói được nữa, rõ ràng anh đang xấu hổ. Sau đó, trấn tĩnh lại được, anh nói tiếp. - Em thừa biết rằng, anh chỉ biết có một mình em. Nhưng thế là đủ.

Đã móc túi chồng lấy ra bao diêm, rồi bật lửa châm điếu xì gà của anh đã tắt từ bao giờ.

- Đúng, - anh nói qua đám khói thuốc bao bọc lấy họ. - Do quá hiểu rõ em, anh chỉ có thể nói rằng, anh rất thương Xani, rất thương. Anh ấy đã mất mát nhiều. Nhưng anh lại mừng cho anh. Và... còn một điều này nữa... Sau đây năm năm anh sẽ kể em nghe một chuyện rất thú vị, rất nực cười, về bản thân anh và về những điều ngu ngốc nhất mà anh có thể làm được vì em. Năm năm nữa! Em chờ được chứ?

- Năm chục năm em cũng chờ được, - chị thở dài và nép chặt vào người chồng.

18) Sự điên rồ của Giôn Han

Câu chuyện tôi kể ra đây là có thật, xảy ra tại trường đấu bò ở Kitô. Tôi ngồi trên khán đài với Giôn Han, Maria Valenxuêla và Lui Xécvalôt. Chúng tôi chứng kiến sự việc xảy ra đó từ đầu đến cuối. Tôi đi trên chuyến tàu du lịch mang tên Êcuado từ Panama đến Goayakin, Maria Valenxuêla là chị họ tôi. Tôi biết chị ấy từ lâu. Chị ấy đẹp lắm. Tôi là người Tây Ban Nha - người Êcuado thì đúng hơn, nhưng tôi lại là con cháu Peđrô Patinô, 1 trong những thuyền trưởng của Pixarô. Họ là những người dũng cảm. Họ là những anh hùng. Thế chẳng phải chính Pixarô đã dẫn 350 kỵ sĩ Tây Ban Nha và 4000 người da đỏ đến tận vùng Coócđilêrát xa xôi để tìm vàng sao? Và chẳng phải những con người đó đã chết trong cuộc thám hiểm vô ích đó sao? Vậy mà Peđrô Patinô đã không chết. Chính ông ta đã sống sót và lập nên thế, nhưng tôi là người Tây Ban Nha. Tôi tên là Manuêđơ Giêxu Patinô. Tôi là chủ nhiều ấp trại, và hàng chục nghìn dân da đỏ là nô lệ của tôi, dù luật pháp có nói rằng họ là những người tự do làm việc theo hợp đồng tự do. Luật pháp là cái gì đến buồn cười. Những người Êcuado chúng tôi khinh thường luật pháp. Đó là luật pháp của chúng tôi. Tự chúng tôi làm ra luật pháp. Tên tôi là Manuêđơ Giêxu Patinô. Hãy nhớ đến tên đó. 1 ngày nào cái tên đó sẽ được ghi vào sổ sách. ở Êcuado có những cuộc cách mạng. Chúng tôi gọi đó là những cuộc tuyển cử. Nghe cũng hài hước đấy chứ? Có phải thế bạn gọi là chơi cho không nhỉ?

Giôn Han là 1 người Mỹ. Lần đầu tiên tôi gặp anh ta ở khách sạn Tivôli ở Panama. Anh có rất nhiều tiền - mà điều này tôi cũng chỉ nghe đồn thôi. Anh đi Li-ma, nhưng lại gặp Maria Valenxuêla ở khách sạn Tivôli, Maria Valenxuêla là chị họ tôi và là 1 bà chị xinh đẹp. Đẹp thật đấy, đẹp nhất trong đám phụ nữ ở Êcuado. Nhưng cũng là 1 phụ nữ đẹp nhất trên thế gian này, dù đó là ở Pari, ở Mađorít, ở New york hay ở Viên. Đi đâu đàn ông cũng phải ngắm nhìn chị, và Giôn Han đã ngắm chị ấy ở Panama. Anh ta yêu chị ấy, tôi biết chắc chắn là vậy. Đúng chị ấy là người Êcuado nhưng cũng là người của mọi dân tộc, của toàn thế giới. Chị nói được nhiều thứ

tiếng. ồ, mà chị hát thì chẳng khác gì nghệ sĩ. Nụ cười của chị ấy, sao mà kỳ diệu và tuyệt trần làm vậy. Đôi mắt của chị - Ôi! Đám đàn ông ngẩn nhìn đôi mắt của chị mới đắm đuối làm sao! Đó là đôi mắt mà người Anh các bạn gọi là đôi mắt làm ta sững sờ. Đó là đôi mắt của chốn đào tiên. Giới nam nhi đắm mình trong đôi mắt của chị.

Maria Valenxuêla giàu có, giàu hơn tôi, 1 người đã được coi là rất giàu ở Êcuado rồi đấy. Nhưng Giôn Han không quan tâm đến tiền của chị tôi. Anh ta có 1 trái tim, mà lại là 1 trái tim khác người. Anh ta là 1 tên rồ. Anh ta đã không đi Lima, mà xuống làm ở Goayakin và theo chị ấy đến Kitô. Chị ta đang trên đường về nhà sau khi đi chơi Châu Âu và những nơi khác. Tôi không hiểu chị ấy tìm thấy gì. ở anh ta, nhưng chị ấy thích anh ta. Tôi biết rõ điều đó, nếu không, anh ta chẳng việc gì lại lẻo đẻo theo chị ấy đến Kitô. Chị ấy mới anh ta đến. Tôi nhớ lúc đó chị ấy nói:

-Mời anh đến Kitô, tôi sẽ dẫn anh đi xem đấu bò, dừng cảm, thông minh, tuyệt vời lắm nhé.

Nhưng anh ta nói:

-Tôi lại đi Lima chứ không phải đi Kitô. Mục đích chuyến đi của tôi trên con tàu này là như vậy.

-Anh đi chơi phải không? - Maria Valenxuêla nói, rồi chị nhìn anh ta đầy quyến rũ, chứa chan hứa hẹn.

Thế là anh ta nhận lời. Không, không phải anh ta đến để xem đấu bò. Anh ta đến là vì những gì anh ta nhìn thấy trong đôi mắt của chị ấy. Đàn bà như chị Maria Valenxuêla là vô cùng hiếm, trăm năm nay mới có 1 người. Họ không thuộc riêng của dân tộc nào, họ vĩnh cửu. Họ là những người ta thường gọi là vũ trụ. Họ là những nữ thần, đáng nam nhi quỳ mọp dưới chân họ. Họ thao túng đàn ông và điều khiển đàn ông như những con rối. Nàng Cleopatra là 1 người phụ nữ như vậy, và cả mụ phù thủy Sosi nữa. Mụ ta đã biến tất cả đàn ông thành lợn hết. A! Haha! Thế không phải à?

Sự việc xảy ra đột ngột bởi vì Maria Valenxuêla lại nói:

-Người Anh nhà các anh là... là gì nhỉ? Là dã man: có đúng không? Các anh đấu quyền Anh ăn giải. 2 người đàn ông đánh nhau, đâm vào mặt cho hoa cả mặt mày, mũi gãy đi mới thôi. Thật gớm ghiếc! Còn người xem lại la ó ầm ĩ, sướng như điên. Thế không phải là man rợ sao?

-Nhưng họ là con người - Giôn Han nói - và họ đấu ăn giải là vì họ muốn thế. Không ai bắt họ. Họ hành động như thế vì không có gì trên đời này họ thích bằng.

Maria Valenxuêla mỉm cười khinh bỉ và nói:

-Họ thường giết chết nhau, không phải thế sao? Tôi đọc thấy trên báo.

-Thế còn con bò - Giôn Han nói - Con bò đã bị giết chết nhiều lần trong những cuộc đấu bò, mà con bò lại không muốn ra trường đấu chút nào. Làm như thế là không công bằng với con bò. Con bò buộc phải đấu. Trong khi đó con người trong đấu ăn giải lại không bị bắt buộc.

-Tuy thế, người đấu quyền Anh tàn bạo hơn - Maria Valenxuêla nói - Anh ta dã man. Anh ta hoang dại. Anh ta là thú vật. Anh ta lấy vuốt của mình đánh chẳng khác gì con gấu ở trong hang, và anh ta dữ tợn. Những cuộc đấu bò - ôi! Chắc anh chưa bao giờ được xem đấu bò nhỉ? Người đấu bò thông minh. Anh ta phải có kỹ xảo. Anh ta hiện đại. Anh ta lẳng mạn. Anh ta chỉ là con người, dịu dàng và dễ thương, vậy mà anh ta đứng ra đối chọi với con bò hung dữ. Rồi anh ta dùng thanh kiếm mảnh mai đâm 1 phát vào trái tim con vật to lớn và giết chết nó. Thật là vui mắt. Nó làm trái tim ngừng đập: con người nhỏ bé, con thú to lớn, mặt cắt rộng, hàng nghìn người hồi hộp theo dõi, con thú to lớn lao vào tấn công, con người nhỏ bé đứng yên như tượng; anh ta không động dấy, anh ta không sợ, và trong tay anh ta lưỡi kiếm mỏng manh vung lên lấp lánh ánh bạc trong ánh nắng: con thú có đôi sừng nhọn hoắt lao vào mỗi lúc 1 gần, con người đó vẫn đứng không nhúc nhích, thế rồi chiếc kiếm vung lên, đâm thẳng vào tim con thú ngập đến tận cán kiếm, con vật ngã quỵ xuống cái chết, còn con người không bị thương tích gì. Thật là dũng cảm. Thật là tuyệt vời! Ôi! Giá mà mình yêu người đấu bò nhỉ! Con người đấu quyền Anh tranh giải - anh ta tàn bạo, là con thú mang hình người, là người nguyên thủy ăn lông ở lỗ, là tên điên, để người ta đâm như máy vào bộ mặt ngu ngốc của mình mà còn vui sướng. Anh cứ đến Kitô đi, tôi sẽ dẫn đi xem môn thể thao dũng cảm, thể thao dành cho con người, cho người đấu bò và con bò.

Nhưng Giôn Han đến Kitô đâu có phải là để xem đấu bò, mà là vì Maria Valenxuêla. Anh ta lực lưỡng, chân tay thô thiển hơn. Thật ra anh còn to lớn hơn cả những người thuộc dòng giống của anh ta. 2 con mắt của anh

ta xanh, dầu cho tôi thấy chúng màu xám, mà đôi lúc chúng lại lạnh ánh thép. Những nét trên khuôn mặt của anh ta cũng thô thiển, không duyên dáng như của chúng tôi, còn quai hàm của anh ta trông khỏe. Hơn nữa, mặt anh ta lại cạo râu nhẵn thín như cha cố. Tại sao có người lại tự thấy hổ thẹn về bộ râu trên mặt mình? Thế không phải là Chúa đã đánh nó vào đây à? Đúng, tôi tin ở Chúa, ngài không phải thuộc loại tà giáo như nhiều người Anh. Chúa tốt lắm. Người đã làm nên tôi, 1 người Êcuado có hàng vạn nô lệ. Vậy nên khi tôi chết, tôi sẽ đi theo Chúa. Đúng, các vị cha cố nói đúng.

Nhưng Giôn Han thì sao? Anh ta là 1 người trầm tính. Anh ta lúc nào nói chuyện cũng hạ giọng, và không bao giờ nói chuyện mà lại vung tay vung chân cả. Chắc người ta sẽ nghĩ có lẽ trái tim anh ta là đá: vậy mà anh ta vẫn có chút nhiệt tình trong tim, vì anh ta đã theo Maria Valenxuêla đến Kitô. Mà anh ta nói thấp giọng, tay lại không vung vẩy, cho nên anh ta là súc vật, rõ ràng là 1 người vượn, 1 con thú đàn độn, dữ tợn của thời xa xưa khoắc cho mình lớp da hoang dại và sống trong hang hốc cùng với gấu và chó sói.

Lui Xécvalốt là bạn tôi, người bạn tốt nhất trong những người Êcuado. Anh ta là chủ 3 cái đồn điền cacao ở Naranhitoo và Chobô. ở Milagorô còn có 1 đồn điền mía to của anh ta. Anh ta có những cái áp lớn ở Ambatô và Latacunga, và xuôi dưới bờ biển anh ta có cỏ phần ở những giếng dầu. Ngoài ra anh ta cũng tiêu ổi tiền vào việc trồng cao su ở dọc theo sông Goayat. Anh ta hiện đại, giống người Mỹ; mà cũng giống người Mỹ, anh ta làm ăn buôn bán tất bật. Anh ta có nhiều tiền, nhưng cũng mang đi phung phí trong nhiều cuộc phiêu lưu, và lúc nào anh ta cũng cần nhiều tiền nữa để dành cho những cuộc phiêu lưu mới cũng như cho những cuộc phiêu lưu cũ. Anh ta có mặt ở khắp nơi và xem đủ mọi thứ. Khi anh ta còn rất trẻ, anh ta đã học ở học viện quân sự Mỹ mà ta gọi là Oetx Poanh. Có chuyện rắc rối. Anh ta bắt buộc phải từ chức. Anh ta không thích người Mỹ. Nhưng anh ta rất thích Maria Valenxuêla, người cùng 1 đất nước. Anh ta cũng cần tiền của chị ấy để có những cuộc phiêu lưu và cho mỏ vàng của anh ta ở động Êcuado, nơi có người da đỏ vẽ mặt sừng. Tôi là bạn anh ta. Chính tôi muốn anh ta lấy Maria Valenxuêla. Và lại, 1 đồng tiền của tôi nằm trong những cuộc phiêu lưu của anh ta, mà ở trong mỏ vàng rất giàu có, nhưng thoát tiền

cần phải tiêu nhiều tiền trước khi nó sản sinh ra lãi. Nếu Lui Xécvalót mà lấy Maria Valenxuêla chắc chắn tôi sẽ có nhiều tiền liền.

Nhưng Giôn Han đã theo Maria Valenxuêla về Kitô và chúng tôi thấy rõ ngay - chúng tôi đây là Lui Xécvalót và tôi - rằng chị ấy rất đối tử tế với anh ta. Người ta nói rằng phụ nữ muốn được sao hay vậy, nhưng trường hợp này lại không phải thế; vì Maria không đòi hỏi gì, ít nhất là đối với Giôn Han. Có thể câu chuyện đó vẫn xảy ra như thường, thậm chí Lui Xécvalót và tôi không có mặt ở trường đấu bò ở Kitô ngày hôm ấy. Nhưng thực ra hôm ấy chúng tôi lại có mặt. Và đây tôi xin kể cho các bạn nghe về những gì đã xảy ra.

Cả 4 chúng tôi ngồi 1 chỗ, vì chúng tôi là khách của Lui Xécvalót. Chỗ đó gần ngay chỗ dành riêng cho Tổng thống. Phía bên kia là chỗ ngồi của tướng Hôxê Êlixêô Xalada. Cùng ngồi với ông ta có 2 vị tướng khác tên là Hoakin Emđara và Uaxixinô, rồi đến đại tá Haxintoo Phieroo và đại úy Bantaxadê Êchêvaria. Chỉ có Lui Xécvalót mới có được địa vị của ảnh hưởng để kiểm được chỗ ngồi gần ngay tổng thống. Tôi biết rõ là bản thân Tổng thống đã bày tỏ lòng mong muốn với viên quản lý rằng Lui Xécvalót nên ngồi chỗ đó.

Ban nhạc kết thúc bài quốc thiều Êcuado. Đám rước của những người đấu bò đã xong. Tổng thống gật đầu cho phép bắt đầu. Tiếng tù và nổi lên, và con bò lao vút vào, cả trường đấu huyên náo, bàng hoàng, những mũi phi tiêu cắm trên vai con vật rực như lửa còn bản thân con thú tìm kiếm điên cuồng bất cứ kẻ thù nào để tiêu diệt. Những người đấu bò ẩn ở phía sau những chỗ nấp và đợi. Đột nhiên có 5 người đấu bò xuất hiện từ phía, tay vung những chiếc áo choàng sặc sỡ. Con bò dừng lại khi nhìn thấy sự hào hiệp của kẻ thù, lưỡng lự không biết nên tấn công người nào. Rồi 1 người đấu bò tiến lên 1 mình để đến con bò. Con thú rất tức giận. 2 chân trước của nó bới cát bụi mù. Rồi nó lao vào tấn công. Đầu cúi thấp xuống bọc thẳng vào ngực 1 người đấu bò đó.

Lần tấn công đầu tiên của con bò luôn là 1 điều thú vị. Sau đó 1 lúc, tất nhiên là mọi người phải thấy chán, 1 trò chơi nhỏ mọn nên sự hứng thú cũng biến dần. Những cái lúc đầu tiên của con bò mới lý thú làm sao! Giôn Han mới xem lần đầu, nên cũng không tránh khỏi sự hồi hộp đó, cảnh 1

người tay cầm chỉ độc có 1 mảnh vải, còn con bò có 2 cái sừng nhọn hoắt giương ra qua bãi cát hút vào anh ta.

-Xem kìa! - Maria Valenxuêla kêu lên - Có tuyệt vời không chứ kìa?

Giôn Han gật đầu, nhưng không nhìn vào chị ấy. 2 mắt anh ta long lên, nhìn chăm chú vào cuộc đấu bò. Người đấu bò bước sang bên, rồi xoay cái áo choàng để tránh con bò và trải rộng cái áo lên vai mình.

-Theo ý anh thế nào? - Maria Valenxuêla hỏi - Thế không phải, theo anh gọi, là hành động thể thao chẳng?

-1 việc làm rất thể thao - Giôn Han nói - Thật là thông minh.

Chị ấy vỗ tay reo mừng. 2 bàn tay bé nhỏ. Khán giả hoan hô. Con bò quay lại và người đấu bò lại tránh, tung chiếc áo choàng lên vai, và khán giả lại hoan hô. Trò đó diễn ra 3 lần. Người đấu bò thật là tài giỏi. Sau đó, anh ta lui vào, 1 người đấu bò khác lại ra đấu tiếp với con bò. Tiếp theo đó, họ cầm những ngọn thương có gắn cờ vào 2 vai, vào 2 bên xương sống con bò, cứ 2 cái 1 lần, rồi Oócđênet bước ra - người đấu bò chính, tay cầm lưỡi kiếm dài và khoác chiếc áo màu đỏ. Những tiếng tù và rú lên báo hiệu giờ tận số của con bò. Anh ta đấu không được giỏi như Matextini. Song vẫn tốt chán. Bằng 1 lưỡi kiếm đâm thẳng vào tim con vật, và con bò quy hãn xuống nằm lăn ra chết liền. Đó là 1 mũi kiếm đẹp, dứt khoát và gọn. Tiếp đến là những tiếng hoan hô vang lừng, khán giả bình dân ném cả mũ xuống trường đấu. Maria Valenxuêla cùng những người khác vỗ tay, còn Giôn Han, với trái tim lạnh giá nên không xúc động trước sự việc đó, đã nhìn chị ấy 1 cách tò mò.

-Chị thích lắm à? - anh ta hỏi.

-Lúc nào cũng thích - Chị ấy nói, lại vỗ tay tiếp.

- Ngay từ khi còn bé cơ - Lui Xécvalôt nói - Tôi nhớ hôm đầu tiên cô ấy đi xem đấu bò. Lúc ấy mới có 4 tuổi. Cô ấy ngồi cạnh mẹ, và cũng giống như bây giờ, cô ấy vỗ tay. Cô ấy đúng là 1 phụ nữ Tây Ban Nha chính cống.

-Anh đã được xem đấu bò rồi nhé - Maria Valenxuêla nói với Giôn Han khi họ đang buộc những con la vào con bò chết đó và kéo ra ngoài - Anh đã nhìn thấy đấu bò và anh thích chứ? Anh có ý kiến gì không?

-Tôi thiết nghĩ con bò tiến thoái lưỡng nan - anh ta nói - Ngay từ đầu đã thấy nó sẽ bị tiêu diệt. Vấn đề quá rõ ràng. Mọi người đều biết trước khi

con bò bước vào trường đấu, số phận của nó đã được định đoạt. Theo tinh thần thể thao, người ta sẽ đặt vấn đề nghi vấn. 1 con bò chưa đấu với 1 người nào lại phải ra đấu với 5 người đã được đấu với nhiều con bò. Hoạ chẳng còn có đôi chút công bằng nếu để cho 1 người 1 bò đấu với nhau.

-Hoặc là 1 người đấu với 5 con bò - Maria Valenxuêla nói và chúng tôi phá lên cười. Lui Xécvalốt là người cười to nhất.

-Đúng thế - Giôn Han nói - Phải đấu 5 con bò mà phải là người, cũng như con bò, chẳng bao giờ vào trường đấu ấy, một người như ông chẳng hạn, ông Xécvalốt ạ.

-Nhưng người Tây Ban Nha chúng tôi lại thích đấu bò - Lui Xécvalốt nói. Và tôi dám chắc anh ta đã nhận được lời gợi ý bí mật mà tôi sẽ kể sau.

-Vậy đó chắc phải là 1 thú vui có văn hoá? - Giôn Han trả lời - Chúng tôi hàng ngày giết hàng nghìn con bò ở Chicagô, song có ai rỗi hơi mà vào xem đấu.

-Đó là sát sinh - tôi nói - Nhưng đây là... là 1 nghệ thuật. Nó tinh tế. Nó đẹp, nó hiếm lắm.

-Không phải luôn luôn thế - Lui Xécvalốt nói - Tôi cũng đã xem nhiều người đấu bò vụng về và như vậy đâu có đẹp.

Anh ta rùng mình, và bộ mặt anh ta thể hiện cái mà ta thường gọi là sự ghê tởm, còn tôi, biết điều thâm kín về anh ta, bắt đầu đóng vai của mình.

-Ông Han đây có lẽ đúng - Lui Xécvalốt nói - Như thế là không công bằng với con bò. Phải chăng chúng ta đây không biết rằng con bò đã không được uống nước trong 24 tiếng đồng hồ và chỉ trước khi trận đấu bắt đầu, nó mới được uống no nê nước sao?

-Vậy là nó bước vào trường đấu bụng đầy nước - Giôn Han nói nhanh và tôi thấy mắt anh ta xám ngoét lại, sắc như dao và lạnh lùng.

-Điều đó rất cần đối với thể thao - Lui Xécvalốt nói - Thế ông muốn con bò rất khoẻ để nó giết chết 5 người đấu bò kia chẳng?

-Tôi muốn là nó có 1 cơ hội để đánh lại - Giôn Han nói, quay mặt về phía trường đấu nhìn con bò thứ 2 bước vào.

Con bò này không được tốt giống lắm. Nó sợ sệt. Nó chạy quanh trường đấu tìm lối thoát thân. Những người đấu bò tiến lên và vung chiếc áo choàng, nhưng con vật không lao vào.

-1 con bò ngu xuẩn - Maria Valenxuêla nói.

-Tôi xin lỗi chị - Giôn Han nói - Nhưng tôi thấy đó chính là con bò khôn ngoan. Nó biết là không thể đấu lại với người được. Chị thấy không! Nó đã đánh hơi thấy cái chết trong trường đấu đấy.

Đúng vậy. Con bò dừng lại chỗ con bò trước nằm chết, hít hít chỗ cát ướt và khịt khịt mũi. Nó lại vùng vẫy chạy nhanh, đầu ngừng lên, nhìn vào hàng nghìn con người đang la ó nó, quăng vỏ cam vào nó và cất tiếng chửi nó. Nhưng người thấy mùi máu, nó quyết định lao vào tấn công người đấu bò, làm cho người đó không kịp tránh. Anh ta vứt bỏ cái áo choàng và chạy vào chỗ ẩn. Con bò lao xâm vào bức tường của trường đấu. Và Giôn Han nói, giọng bình thản tựa như anh ta nói với bản thân mình:

-Tôi sẽ đóng góp 1000 đồng sucơ giúp trại hủi của thành phố Kitô nếu hôm nay con bò nào giết được 1 người.

-Anh thích bò à? - Maria Valenxuêla mỉm cười hỏi.

-Tôi không thích những người như vậy - Giôn Han nói - 1 người đấu bò không phải là 1 người dũng cảm. Dứt khoát không phải là 1 người dũng cảm. Chị xem kia, lưỡi con bò đã thè cả ra rồi. Nó mệt lắm vậy mà chưa bắt đầu đấu.

-Nó khát nước - Lui Xécvalốt nói.

-Đúng là nó khát - Giôn Han nói - Thế mang cát gân nó đi trước khi nó tiếp tục có an toàn hơn không?

Maria Valenxuêla nổi nóng trước lời nói miệt thị đó của Giôn Han. Nhưng Lui Xécvalốt mỉm cười, chỉ để tôi nhìn thấy, và trong óc tôi đã hình dung ra cái trò mà anh ta đang chơi. Anh ta và tôi sẽ là những ngọn thương. Con bò Mỹ to bự kia đang ngồi cùng với chúng tôi. Chúng tôi chỉ việc chích những ngọn giáo đó vào anh ta là anh ta nổi nóng ngay, và thế là sẽ không thể có việc cưới xin với Maria Valenxuêla. Đó là 1 trò thể thao hay. Mà tinh thần đấu bò đã ăn sâu vào máu thịt chúng tôi.

Con bò lúc này đã sôi máu lên rồi. Những người đấu bò càng chọc tức con vật. Nó nhanh hơn, và đôi lúc quay ngoắt lại khiến cho 2 chân sau vấp loạn choạng và cái hông của nó cạy trên cát. Song nó chỉ húc vào những chiếc áo choàng được tung ra nên chẳng gây thiệt hại gì.

-Thật vô ích - Giôn Han nói - Nó đang đánh không khí kia!

-Nó tưởng cái áo choàng là kẻ thù của nó - Maria Valenxuêla giải thích
- Anh hãy trông xem, người đấu bò thông minh chưa kìa, anh ta đánh lừa con bò giỏi quá!

-Bản chất của loài bò sinh ra là để bị lừa - Giôn Han nói - Đánh gió thế kia làm gì không bị giết. Những người đấu bò biết điều đó, khán giả biết điều đó. Chị biết điều đó, tôi biết điều đó, tất cả chúng ta ngay từ đầu đều biết rằng nó sẽ đánh nhau với gió thôi. Chỉ có con vật là không biết điều đó. Bản chất của loài vật là ngu si đần độn như thế. Nó không có cơ hội nào khác.

-Điều đó rất đơn giản - Lui Xécvalốt trả lời - Khi tấn công, con bò lại nhắm mắt. Vì vậy...

-Người đấu bò tránh sang 1 bên và con vật lao trượt - Giôn Han ngắt lời.

-Đúng thế - Lui Xécvalốt nói - Đúng vậy. Con vật nhắm mắt lại và người đấu bò biết điều đó.

-Nhưng những con bò cái lại không nhắm mắt - Giôn Han nói - Tôi biết con bò ở quê, loại bò sữa giống Giơ-đi, làm cho cả bọn chạy toán loạn.

-Nhưng những người đấu bò không đấu với những con bò cái - Tôi nói.

-Họ sợ đấu với bò cái - Giôn Han nói.

-Đúng! - Lui Xécvalốt nói - Họ sợ đấu với bò cái. Giết chết những người đấu bò thì đâu còn gọi là thể thao nữa!

-Nhưng nếu thỉnh thoảng có 1 người đấu bò chết thì mới gọi là thể thao được - Giôn Han nói - Khi tôi trở về già, và có thể còn bị tàn tật nữa, mà vẫn phải kiếm ăn trong khi không có khả năng làm việc nặng nhọc, lúc đó tôi sẽ trở thành 1 người đấu bò. Đó là 1 công việc nhẹ nhàng dành cho các nhà quý phái lớn tuổi và những người đã về hưu.

-Trông kìa! - Maria Valenxuêla nói khi con bò lao dũng mãnh, làm người đấu bò phải vung cái áo choàng để tránh - Cần phải khéo léo mới tránh nổi con vật chứ!

-Đúng thế - Giôn Han nói - Nhưng tôi nghĩ rằng phải cần nghìn lần khôn khéo hơn thế để tránh những cú đâm liên tiếp và nhanh của võ sĩ quyền Anh có đôi mắt mở to và đánh những cú đánh thông minh. Hơn nữa, con bò không muốn đấu. Xem kìa, nó bỏ chạy kìa!

-Con bò đó không tốt, vì nó bỏ chạy quanh trường đấu, tìm đường thoát ra ngoài.

-Tuy thế, những con bò này đôi lúc cũng vô cùng nguy hiểm - Lui Xécvalôt nói - Không ai có thể biết trước được nó sẽ có những hành động gì tiếp theo. Chúng rất khôn ngoan. Chúng chỉ giống bò cái có 1 nửa. Những người đấu bò không ưa gì chúng. Xem kìa! Nó quay lại kìa!

1 lần nữa, bị lạc hướng và tức giận trước việc bức tường chắn không cho nó thoát ra, con bò liền tấn công kẻ thù của mình 1 cách dũng cảm.

-Lưỡi con thú thè ra kìa - Giôn Han nói - Trước hết, họ cho nó uống nước no nê. Sau đó vắn cho nó mệt nhoài ra, hết người này tiếp đến người khác, dừ nó đấu với không khí. Khi 1 vài người làm cho nó mệt, những người kia ngồi nghỉ, nhưng con vật không được nghỉ 1 giây nào. Sau đó, khi không còn sức và nhanh nhẹn nữa, người đấu bò chính đâm nhát gươm vào nó.

Đã đến lúc đâm những ngọn thương vào. 1 người cố sức đâm những ngọn thương vào đúng chỗ hiểm 3 lần liền, nhưng cả 3 lần đều đâm trượt. Làm như thế chỉ gây thêm bức tức và khiến nó điên lên. Như ta biết mỗi lần phải đâm 2 ngọn thương vào vai, rồi vào 2 bên xương sống và sát ngay đó. Nếu chỉ đâm trúng 1 chỗ thôi thì vẫn không ăn thua. Đám người ngồi xem hò hét và gọi Oócđônét. Rồi Oócđônét làm nên chuyện vĩ đại. 4 lần anh ta đứng ra, và cả 3 lần chỉ cần lần đầu thực hiện việc đâm đã trúng ngay, làm ngọn thương đâm đúng chỗ không trượt ngọn nào, trên lưng con vật đeo tám ngọn thương chum vào 1 chốc. Cả đám người điên cuồng reo hò, rồi 1 trận mưa mũ và tiền rơi lả tả xuống bãi cát của trường đấu.

Nhưng ngay lúc đó, con bò bất ngờ tấn công 1 người đấu bò. Người đó trượt chân ngã và sợ cuống cuồng. Con bò đâm trúng anh ta, nhưng cũng may anh lại lọt vào 2 cái sừng rộng. Trong lúc khán giả nín thở và im lặng theo dõi, thì Giôn Han đứng dậy và hét lên vui sướng. Mọi người chúng tôi im phăng phắc, chỉ riêng anh ta hò hét, mà lại hò hét ủng hộ con bò. Ta thấy ngay là anh ta muốn người đó bị giết chết. Trái tim anh ta thật tàn bạo. Cử chỉ xấu xa này làm mọi người ngồi chỗ tướng Xaulađa phẫn nộ, sau đó họ la ó phản đối. Còn Uxixinô Caxtilô thì bảo thẳng vào mặt anh ta rằng anh ta là giống chó lai và những thứ xấu khác. Những câu chửi đó bằng tiếng Tây

Ban Nha nên Giôn Han không hiểu gì. Anh ta vẫn đứng và hò hét, có lẽ đến 10 giây, và con vật bị nhử sang tấn công những người đầu bò khác, do đó người kia đứng dậy được.

-Thế là con vật lại bỏ lỡ dịp - Giôn Han buồn bực nói khi anh ta ngồi xuống - Anh ta lại không bị thương tích. Họ dủ cho con vật bỏ anh ta - Sau đó anh ta quay sang Maria Valenxuêla nói - Tôi xin lỗi. Tôi hứng quá.

Chị ấy mỉm cười rồi lấy cái quạt đánh khẽ vào cánh tay như quả trách:

-Lần đầu anh xem đấu bò mà - chị ấy kêu lên - Càng xem anh sẽ càng không muốn con người chết. Người Mỹ các anh tàn bạo hơn chúng tôi. Chính đó là vì các anh đấu quyền anh ăn tiền. Chúng tôi chỉ đến xem bò chết thôi!

-Nhưng tôi muốn con bò có 1 dịp nào đó - anh ta trả lời - Rõ ràng đúng lúc ấy tôi sẽ thôi không khó chịu trước những người lợi dụng con bò.

Tiếng tù và rú lên báo hiệu đến giờ con bò bị hạ thủ. Oócđônét đứng dậy, tay giơ kiếm và tấm vải đỏ. Nhưng con vật lại thay đổi và không muốn đấu nữa. Oócđônét giậm chân trên cát và hét lên, rồi vung tấm vải đỏ. Con bò lao vào nhưng không còn lòng nào mà chiến đấu. Lần tấn công đó không có trọng lượng, rất yếu ớt. Lưỡi kiếm cắm ngập vào tận xương và cong lại. Oócđônét lấy lưỡi kiếm khác. Con bò lại nổi máu tấn công lần nữa. 5 lần Oócđônét tấn công và lần nào kiếm cũng cắm, nhưng chỉ cắm có 1 nửa, hay cắm sâu vào tận xương. Lần thứ 6, lưỡi kiếm cắm ngập tận cán. Nhưng lần đâm đó lại không trúng đích, vì đâm trượt tim, xuyên qua xương sườn thò cả mũi kiếm sang sườn bên kia. Khán giả la ó người đầu bò. Tôi liếc nhìn Giôn Han. Anh ta ngồi im lặng, không nhúc nhích. Tôi có thể nhìn thấy anh ta nghiền răng, 2 bàn tay nắm chặt vào thành lan can chỗ ngồi.

Cuộc đấu bò lúc này đã kết thúc. Con bò bị đâm thương nặng vẫn lê lặc lè vì lưỡi kiếm đâm xuyên qua người nó. Nó bỏ chạy vòng quanh trường đấu, ngược nhìn biết bao bộ mặt.

-ý nó nói: "Lạy chúa cho tôi ra khỏi đây, tôi không muốn đấu nữa" - Giôn Han nói.

Thế là hết. Anh ta không nói gì nữa, mà chỉ ngồi nhìn mặc dù đôi lúc có ngoảnh nhìn Maria Valenxuêla xem chị ấy thương thức ra sao. Chị ấy rất

bực với người đấu bò. Anh ta vụng về, mà chị ấy lại muốn được xem 1 cuộc biểu diễn thông minh.

Lúc này con bò rất mệt, và quy dần vì mất nhiều máu, nhưng vẫn còn lâu mới chết. Nó bước chậm chạp vòng quanh trường đấu, tìm lối ra. Nó không lao vào tấn công. Đối với nó, thế là đủ lắm rồi. Nhưng người ta phải giết chết nó. Có 1 chỗ ở cổ con bò, phía sau đó là nó chết liền. Oócđônét bước lên phía trước nó và hạ thấp tấm vải đỏ xuống sát đất. Con vật không lao vào. Nó đứng nguyên và hí vào tấm vải, hạ thấp hẳn đầu xuống. Con bò quay đầu lên, và thế là đâm bị trượt. Rồi nó nhìn cái kiếm. Khi Oócđônét di chuyển cái khăn trên đất, con bò quên cái kiếm và lại cúi đầu xuống ngửi cái khăn. Oócđônét lại đâm, và anh ta lại đâm trượt. Anh ta đâm nhiều lần. Thật là 1 hành động ngu xuẩn. Giôn Han không nói gì. Cuối cùng cũng đâm trúng và con bò ngã lăn ra bãi cát, chết ngay, rồi những con la vội được đưa vào để kéo nó ra.

-Những người nước nói đây là 1 môn thể thao tàn bạo chứ gì? - Lui Xécvalốt nói - Rằng như vậy là không nhân đạo. Rằng như vậy là không tốt đối với con bò, chứ gì?

-Không - Giôn Han nói - Đối với con bò thì không quan trọng lắm. Những kẻ ngồi xem mới khốn nạn, những kẻ như thế thật là hèn hạ. Nó dạy họ tìm nguồn vui trong cái đau đớn của loài vật. 5 kẻ đấu bò thật là hèn hạ, lại đi đấu với 1 con bò ngu si. Vì vậy, những kẻ đứng xem cũng để học trở thành những kẻ hèn hạ đó. Con bò chết, nhưng những kẻ ngồi xem thì vẫn sống và học được 1 bài học.

Maria Valenxuêla không nói 1 lời. Chị cũng không nhìn anh ta. Nhưng chị nghe hết những gì anh ta nói và 2 má chị giận tái mét. Chị ấy nhìn suốt trường đấu và lấy tay quạt, nhưng tôi biết 2 bàn tay chị ấy run lên, Giôn Han cũng không nhìn chị ấy. Anh ta nói tiếp, coi như không có chị ấy ở đó. Cả anh ta cũng tức giận, sôi máu lên.

-Đó là môn thể thao hèn hạ của 1 loại người hèn hạ - anh ta nói.

-à - Lui Xécvalốt nói khẽ - anh cho là anh hiểu chúng tôi?

-Giờ đây tôi hiểu toà án Dị Giáo Tây Ban Nha - Giôn Han - Chắc nó phải lý thú hơn đấu bò.

Lui Xécvalốt mỉm cười không nói gì. Anh ta liếc nhìn Maria Valenxuêla và biết rằng cuộc đấu bò ở chỗ họ ngồi đã thắng. Từ lúc ấy chẳng bao giờ chị ấy đáp lời tên người nước ngoài nói những điều như vậy. Nhưng cả tôi và Lui Xécvalốt đều không ai ngờ đến kết quả của ngày hôm đó. Tôi sợ rằng mình không hiểu hết những người nước ngoài. Làm thế nào chúng tôi có thể biết được Giôn Han, từ 1 người tức giận 1 cách dữ tợn như vậy lại đột nhiên hiền được? Nhưng như chúng ta sẽ biết, anh ta đã hiền. Anh ta tự nhủ rằng con bò đối với anh ta không quan trọng gì lắm. Vậy tại sao con ngựa lại quan trọng làm vậy? Như thế tôi không thể nào hiểu nổi. Đầu óc của Giôn Han thiếu logic. Đó là lời giải thích duy nhất.

-ở Kitô đưa ngựa vào trường đấu bò là chuyện không phải thường xuyên. - Lui Xécvalốt nói nhìn lên bảng chương trình - ở Tây Ban Nha, vấn đề này là phổ biến. Còn ở Kitô, hôm nay do được phép đặc biệt, chúng tôi mới có ngựa đấu trong trường đấu. Sau đây là cuộc đấu giữa bò và ngựa cùng người đấu bò. Những người vác thương và cưỡi ngựa ấy mà.

-Con bò sẽ bị giết trước tiên - Giôn Han nói - Thế những con ngựa sau đó cũng bị chết như vậy chứ?

-Người ta bịt mắt những con ngựa để chúng không nhìn thấy những con bò - Lui Xécvalốt nói - Tôi đã chứng kiến nhiều con ngựa bị giết chết. Cảnh tượng thật là ghê gớm.

-Tôi đã nhìn thấy người ta giết bò - Giôn Han nói - Bây giờ tôi lại chứng kiến cảnh ngựa bị giết chết để tôi may ra có thể hiểu 1 cách đầy đủ hơn những điểm cao đẹp của môn thể thao này.

-Đó là những con ngựa già - Lui Xécvalốt nói - Không còn dùng được vào việc gì nữa.

-Ra vậy - Giôn Han nói.

Con bò thứ 3 tiến vào, và trong nháy mắt cả 2 người đấu bò xông ra, 1 người đứng ngay ở dưới chỗ chúng tôi ngồi. Anh ta cưỡi 1 con ngựa gầy và già, đúng thế, trông trơ xương và gẻ lở.

-Thật là tuyệt vời cho con ngựa đáng thương kia, lại có thể chịu được gánh nặng của con người cưỡi nó - Giôn Han nói - Bây giờ con ngựa đấu với con bò, dùng loại vũ khí gì?

-Con ngựa không đấu với con bò đâu - Lui Xécvalốt nói.

-ồ - Giôn Han nói - Vậy con ngựa chỉ dùng để cho con bò nó húc? Vì thế mà nó bị bịt mắt để không nhìn thấy con bò xông lại húc nó.

-Hoàn toàn không phải thế - tôi nói - Ngọn thương của người đấu bò dùng để ngăn không cho con bò húc con ngựa.

-Thế ra cũng hiếm khi ngựa bị bò húc? - Giôn Han hỏi.

-Không đúng - Lui Xécvalốt nói - ở Xôvin tôi chứng kiến có 18 con bò bị giết chết trong

1 ngày, và khán giả còn hò hét cho thêm ngựa nữa vào đấu.

-Thế chúng cũng bị bịt mắt như con ngựa này chứ? - Giôn Han hỏi.

-Đúng - Lui Xécvalốt trả lời.

Sau đó, chúng tôi không nói chuyện nữa, mà chăm chú theo dõi cuộc đấu. Giôn Han luôn luôn tỏ ra điên đầu, nhưng chúng tôi không hiểu nguyên nhân tại sao vậy. Con bò lùi bước không tấn công con ngựa. Còn ngựa thì đứng lì ra, mà cũng do nó không nhìn thấy người đấu bò đang kích động cho con bò tấn công nó. Những người đấu bò trêu con bò bằng cách vung chiếc áo choàng lên, và khi con bò tấn công, họ chạy về phía con ngựa rồi về chỗ ẩn của mình. Cuối cùng, con bò nổi nóng, rồi nhìn thấy con ngựa đứng trước mặt mình.

-Con ngựa không biết, con ngựa không biết - Giôn Han thì thầm 1 mình, không hay rằng anh ta đã bày tỏ ý nghĩ của mình quá to.

Con bò lao vào tấn công, và dĩ nhiên con ngựa chẳng hay biết tí gì cho đến khi người đấu bò thua và cả 2 cái sừng bò cắm phập vào bụng con ngựa. Con bò khoẻ kỳ lạ. Nhìn cảnh con vật biểu diễn sức mạnh thì thật tuyệt vời. Nó nhấc bổng con ngựa lên trên không, rồi khi nó hạ xuống đất ngay bên người nó, người đấu bò nhảy vọt xuống chạy thoát thân, trong lúc đó những người đấu bò khác dủ cho con bò đi chỗ khác. Những bộ phận chính trong người con ngựa đã ngừng hoạt động, nhưng nó vẫn vùng dậy kêu rống lên. Tiếng kêu đó chính là tiếng kêu của loài ngựa, nó làm cho Giôn Han hoàn toàn điên lên. Anh ta cũng đứng dậy. Tôi nghe thấy anh ta khẽ nguyên rủa. Mắt anh ta dán vào con ngựa đang rống ầm ĩ, cổ vùng chạy nhưng nó lại ngã quỵ xuống ngay, lăn ngửa người và chổng 4 vó lên trời, vùng vẫy loạn xạ. Con bò lại lao vào và húc đi húc lại cho đến lúc con ngựa chết hẳn.

Giôn Han lúc này đứng dậy. Mắt anh ta không lạnh như thép nữa, mà bùng lên ngọn lửa xanh. Anh ta nhìn vào Maria Valenxuêla, chỉ ấy nhìn anh ta, và trên khuôn mặt anh ta hiện lên sự ghê tởm. Con người anh ta lúc này trở nên điên loạn. Con ngựa lúc này đã chết: mọi người nhìn, mà anh ta lại to lớn. Nên trông càng rõ.

-Ngồi xuống đi! - Lui Xécvalốt nói - kéo trông anh lồ bịch lấm đấy.

Giôn Han không đáp lại. Anh ta vung nắm đấm ra đánh thẳng vào mặt Lui Xécvalốt, khiến anh ngã lăn quay ra ghế và không đứng dậy nổi. Anh không còn nhìn thấy gì nữa. Nhưng tôi chứng kiến hết mọi chuyện Uxixinô Caxtilô ngồi ở chỗ bên cạnh ngã người ra lấy cái gậy giáng thẳng vào mặt Giôn Han. Giôn Han đấm anh ngã dúi vào tường Xalada, khiến ông ta cũng lăn kên ra. Ta gọi cơn giận lôi đình của Giôn Han lúc này là cơn giận Trương Phi chứ còn gì nữa? Con người dã thú của anh ta bung ra và gặm rú con người dã thú ăn lông ở lỗ từ ngàn xưa.

-Mi đến xem đấu bò - tôi nghe thấy anh ta nói như thế - Thề có Chúa, ta sẽ cho mi biết thế nào là trận đấu người.

Thế là đánh nhau. Lính gác chỗ Tổng thống ngồi nhảy vội lại, nhưng anh ta vớ được khẩu súng của 1 người lính, vung lên phang vào đầu họ. Từ chỗ khác, đại tá Haxintô Phiêrô giơ súng lục bắn anh ta. Phát súng đầu tiên bắt chết 1 người lính. Tôi chứng kiến đúng như vậy. Nhưng phát súng thứ 2 bắn đúng sườn Giôn Han. Anh ta cất tiếng chửi rồi lao mạnh lưỡi lê đâm vào mình đại tá Haxintô Phiêrô. Trông thấy mà cứ rùng cả mình. Người Mỹ và người Anh là giống người dã man. Họ khinh miệt trò chơi đấu bò của chúng tôi, vậy mà họ lại vui sướng trước cảnh máu chảy. Hôm đó nhiều người bị giết vì Giôn Han, con số cao nhất chưa từng thấy trong lịch sử đấu bò ở Kitô, mà đúng ra của Goayakin và cả nước Êcuado.

Đó là tiếng kêu rống của loài ngựa. Nhưng tại sao Giôn Han lại không điên rồ trước cảnh con bò bị giết chết? Con vật vẫn là con vật, dù cho đó là con bò hay con ngựa. Giôn Han bị điên. Không còn có thể giải thích khác được. Anh ta điên 1 cách khát máu, chính anh ta là 1 con thú. Cái đó tôi để tuỳ các bạn đánh giá. Cái nào tồi tệ hơn cái nào - việc con bò húc chết con ngựa. Hay việc Giôn Han lấy lưỡi lê đâm đại tá Haxitô Phiêrô? Hơn nữa, Giôn Han còn dùng lưỡi lê đâm chết những người khác. Anh ta đúng là

hung dữ như quỷ. Anh ta vật lộn với những viên đạn trong người, đúng là khó mà có thể giết chết được anh ta. Và Maria Valenxuêla là 1 phụ nữ dũng cảm. Khác với những người phụ nữ khác, chị ấy không kêu khóc cũng không ngất xỉu. Chị ấy ngồi yên nhìn chăm chăm qua trường đấu. Mặt chị ấy trắng bệch, rồi chị ấy quật nhưng không nhìn quanh đi đâu cả.

Tứ phía, lính và sĩ quan kéo đến, cả những người dân thường đã dưng cảm dệp được tên người nước ngoài điên rồ. Đúng là lúc ấy mọi người hét lên đòi giết chết tất cả những tên người nước ngoài. Đó là tiếng kêu thét cổ xưa của các nước Châu Mỹ Latinh, phản kháng lại những tên người nước ngoài và những hành động man rợ của họ. Đúng thế, tiếng kêu gào vang lên. Nhưng những người Êcuado dũng cảm chỉ giết chết có Giôn Han, nhưng anh ta lại giết chết 7 người Êcuado trước. Ngoài ra, còn có nhiều người bị thương. Tôi đã xem nhiều cuộc đấu bò, nhưng chưa bao giờ tôi lại chứng kiến cái cảnh ghê tởm ở trên khán đài sau khi cuộc đấu bò kết thúc như thế. Chẳng khác gì 1 bãi chiến trường. Người chết nằm rải rác khắp nơi, trong khi đó người bị thương nằm khóc than và rên rỉ, rồi 1 số trong họ cũng chết. Có 1 người bị Giôn Han đâm lưỡi lê xuyên qua bụng ôm chặt lấy người mà kêu thét lên. Tôi xin nói thật cảnh tượng này khủng khiếp hơn tiếng kêu rống của hàng ngàn con ngựa.

Không, Maria Valenxuêla không lấy Lui Xécvalôt. Tôi thấy tiếc. Anh ta là bạn tôi, và lại bao nhiêu tiền của tôi đã tung vào những cuộc phiêu lưu làm ăn của anh ta. 5 tuần sau những nhà phẫu thuật mới tháo băng khỏi mặt anh ta. Trên má anh ta vẫn còn 1 chiếc sẹo ngay dưới mắt cho đến ngày nay. ấythế mà Giôn Han chỉ đánh anh ta bằng 1 quả đấm để tay trần. Maria Valenxuêla hiện nay đang ở áo. Người ta đồn chị ấy lấy hoàng tử nước áo hay 1 người quý tộc nào đó. Tôi không biết. Tôi nghĩ chị ấy yêu Giôn Han trước khi anh ta theo chị ấy đến Kitô để xem đấu bò. Nhưng tại sao lại vì con ngựa nhỉ? Đó chính là điều tôi muốn biết. Tại sao anh ta xem đấu bò mà lại nói điều đó không quan trọng, rồi liền ngay đó anh ta phát điên đến là khủng khiếp chỉ vì con ngựa kêu rống lên? Không thể nào hiểu nổi những người nước ngoài. Họ là những kẻ dã man.

19) Tiếng gọi nơi hoang dã

chương 1

Vào cõi nguyên thủy

Ôi khát vọng xưa đất trời rộng bước
Giận thói thường xích chặt tựa lao tù
Đêm đông lạnh từ giấc nồng mộng ước
Lại bừng sôi huyết thống của hoang vu!

Bác không hề đọc báo, chứ nếu có đọc thì hẳn đã biết là sắp gay go đến nơi rồi, không chỉ gay go cho riêng nó, mà còn cho cả họ hàng nhà chó vùng duyên hải, từ vịnh Piugít Xao đến tận Xan Điêgô thứ chó có bắp thịt rắn khỏe và bộ lông dày ấm áp. ấy là bởi vì con người, qua quá trình dò dẫm giữa đất trời tối tăm vùng Bắc Cực, đã tìm thấy 1 thứ kim loại màu vàng và bởi vì các công ty tàu biển và vận tải khao rầm lên về sự phát hiện đó, cho nên có hàng ngàn người đã đổ về xô vào vùng đất phương Bắc. Những con người đó cần có chó, mà thứ chó họ cần là thứ chó cỡ lớn, có bắp thịt rắn khỏe để mà lao động nặng nhọc, và có bộ lông dày rậm rạp để mà chống đỡ với giá tuyết.

Bác sống trong 1 khu nhà rộng lớn giữa thung lũng Kanta Clara ngập nắng. Người ta gọi đó là trang trại của ngài thẩm phán Milơ. Khu nhà ở xa đường cái, hơi khuất trong lùm cây rậm. Qua kẽ lá có thể nhìn thấy tháp thoáng hàng hiên rộng, mát rượi chạy suốt 4 bên nhà. Từ ngoài vào đến nhà những con đường xe chạy rải sỏi, lượn quanh co qua mấy bãi cỏ rộng, dưới những lớp cảnh xen nhau của những hàng bạch dương cao lớn. Khu đằng sau, đất đai còn rộng bát ngát hơn. Có những chuồng ngựa lớn, ở đó hơn chục người chần giữ ngựa hò hét ầm ĩ, nhiều dây lán trại cho đầy tớ ở có dây nhô leo kín mái, 1 dãy nhà ngang ngăn nắp dài dằng dặc, những chỗ ngồi mát dưới giàn nho dại, những bãi cỏ xanh rờn, vườn cây ăn quả và những khóm dâu. Rồi thì còn có cả 1 trạm bơm cho chiếc giếng phun, và 1 bể lớn xây bằng xi-măng, là nơi các cậu con trai nhà thẩm phán Mi-lơ nhào lặn mỗi buổi sáng và ngâm mình cho mát trong những buổi chiều nóng nực.

Vậy mà Bắc ta đã ngự trị cả cái dinh cơ rộng lớn này. Tại nơi đây Bắc đã sinh ra, và cũng tại nơi đây Bắc đã trải qua 4 năm tuổi đời của nó. Dĩ nhiên cũng còn có những con chó khác. Giữa 1 nơi rộng bát ngát thế này, không thể không có thêm nhiều những con chó khác được, nhưng chúng không đáng đếm xỉa tới. Chúng lảng xảng, sống chen chúc trong những chiếc cũi hay trong những xó xỉnh nào đó của khu nhà, ít ai nhận thấy, có 1 con chó là chó Tút, loại chó i Nhật Bản lùn tịt, 1 con khác là Idaben, loại chó Mêhicô trụi lông - nhưng giống chó kỳ quặc hiếm khi thấy chúng ló ra khỏi cửa hay đặt chân xuống đất. Ngoài ra, còn có lũ chó săn cáo, ít ra cũng vài chục con: chúng thường sủa lên những tiếng ghê sợ dọa con Tút và Idaben mỗi khi bọn này thò đầu ra cửa sổ nhìn chúng, và 2 con được cả 1 đoàn con ở vũ trang bằng chổi và cán tải lau sàn bảo vệ.

Nhưng Bắc không phải là hạng chó chui rúc trong nhà, cũng không phải là hạng chó nhốt trong cũi. Toàn bộ vương quốc này là của Bắc. Nó cũng ngụp lặn trong bể bơi hoặc cùng đi săn với các cậu con trai của ông Thẩm. Nó hộ tống Mo-li và Ê-lêx, các cô con gái của ông Thẩm, trong những buổi dạo chơi đông dãi của 2 cô vào buổi hoàng hôn hoặc sáng tinh mơ. Những đêm giá lạnh, nó nằm dài dưới chân ông chủ trước ngọn lửa lò sưởi rừng rực trong phòng đọc sách. Nó cống những đứa cháu của ông chủ trên lưng, hoặc đùa với chúng lăn tròn trên cỏ, và canh giữ từng bước chân của bọn trẻ khi chúng mạo hiểm mò ra đến vòi nước ở sân chuồng ngựa, hay có khi xa hơn nữa, đến tận các bãi cỏ chăn ngựa và đám đất trồng dâu. Khi đi qua lũ chó săn, Bắc bước trông oai vệ. Còn đối với bọn con Tút và Idaben thì Bắc hoàn toàn phớt lờ. Vì Bắc là vua mà! Vua của mọi thứ sinh vật bò, lét và bay, kể cả con người nữa, trong cái trang trại này của ngài thẩm phán Mi-lơ.

Bố của Bắc, tên gọi En-mô, là 1 con chó nòi Xanh Béc-na khổng lồ, đã từng là bạn khăng khít của ngài Thẩm, còn Bắc có đầy triển vọng nối gót bố. Nó không thật to lớn bằng bố - Bắc chỉ nặng có 140 pao - bởi vì Sép, mẹ của Bắc, chỉ là 1 con chó chăn cừu nòi Xcôtlen. Tuy nhiên, nặng 140 pao, lại cộng thêm vẻ chững chạc đường hoàng nhờ cuộc sống sung túc và được mọi loài kính nể, đã tạo cho Bắc 1 phong cách thật đúng là vương giả. Trong 4 năm trời từ khi sinh ra, Bắc đã sống cuộc đời của 1 nhà quý tộc

được thoả mãn mọi điều. Nó rất đỗi kiêu hãnh về mình. Thậm chí có phần nào tự cho mình là đáng độc tôn - như các ngài trưởng giả nông thôn thỉnh thoảng cũng trở nên như vậy, do hoàn cảnh ếch ngồi đáy giếng của các ngài. Thế nhưng, nó đã tránh cho mình khỏi trở thành 1 giống chó nhà chỉ quen được nuông chiều. Những cuộc đi săn và những cuộc vui chơi ngoài trời tương tự đã ngăn không cho mỡ phát triển và giúp cho các bắp thịt của nó trở nên rắn chắc. Và đối với nó, cũng như đối với mọi loài thích tắm trong bồn nước lạnh, việc yêu thích nước đã là 1 món thuốc bổ giúp giữ gìn sức khoẻ.

Bắc là 1 con chó như thế đấy vào cái mùa thu năm 1897, giữa lúc "con sốt vàng" ở Clondai đang lôi cuốn biết bao nhiêu người trên khắp thế gian lao vào vùng đất phương Bắc giá buốt. Nhưng Bắc lại chả hề đọc báo và Bắc cũng không biết rằng Menuon, 1 trong những người phụ vườn, là 1 người quen bắc đắc dĩ. Menuon có 1 nét xấu khó chữa. Gã máu me chơi xổ số Tàu. Ngay trong cuộc đổ đen, gã lại có 1 cô tật: tin vào 1 lối đánh phân loại. Điều này chắc chắn đẩy gã vào tai hoạ. Bởi vì muốn chơi lối đánh phân loại phải có nhiều tiền, mà đồng lương của 1 chàng phụ vườn thì nay đến việc bao cho nổi nhu cầu của vợ và cả 1 bầy con cũng còn không xong nữa là!

Ông Thảm đang đi dự cuộc họp của Hội những người trồng nho, còn bạn trẻ thì đang bận tổ chức 1 câu lạc bộ điền kinh, trong cái đêm đáng ghi nhớ đã xảy ra vụ phản trắc của Menuon. Chẳng 1 ai nhìn thấy Menuon cùng Bắc băng qua vườn cây ăn quả chuồn ra ngoài, mà Bắc cũng tưởng đấy chỉ là 1 cuộc dạo chơi bình thường thôi. Khi Menuon và Bắc ra đến ga xếp Colitgio Pác thì chỉ có độc 1 người đó đứng nhìn thấy. Người đó chuyện trò với Menuon 1 chốc, rồi người ta nghe thấy tiền trao đổi qua lại xúng xoảng.

-Mày có quần cổ nó lại hay không? Để thế mà trao à? - người lạ mặt nói cộc cằn. Menuon lấy 1 sợi dây thừng thắt buộc 2 vòng quanh cổ Bắc bên dưới cái vòng cổ.

-Cứ xoắn chặt lại là thừa sức làm cho nó nghẹt thở - Menuon nói. Người lạ mặt hừm 1 tiếng tán thành trong cổ họng.

Bắc đã đứng yên để cho Menuon buộc dây vào cổ mình. Tất nhiên, nó cũng thấy sự việc diễn biến khác thường. Nhưng Bắc đã tạo được thói quen

tin tưởng vào những người nó quen biết, và nó công nhận là những con người ấy có 1 trí khôn vượt xa hẳn trí khôn của nó. Nhưng khi đầu của sợi dây thừng được đặt vào bàn tay của người lạ mặt, thì nó gừ lên đe dọa. Ấy là nó cũng chỉ đơn giản muốn gợi ý cho kẻ kia biết là nó không bằng lòng, mà với đức tính kiêu hãnh của nó thì nó cho rằng gợi ý tức là ra lệnh. Thế mà có ngờ đâu chiếc dây thừng lại thít chặt lấy cổ nó, làm nó nghẹt thở. Tên này đón lấy nó nửa chừng, túm chặt lấy họng nó, rồi bằng 1 cái vịn tay khéo léo, quật nó ngã ngửa. Thế rồi, sợi dây thắt chặt lại không thương xót, còn Bắc thì điên cuồng vùng vẫy, lưỡi thè ra, lồng ngực to lớn hỏn hển 1 cách vô ích. Suốt đời nó, chưa bao giờ nó lại bị đối xử tệ hèn đến như vậy, và cũng suốt đời nó, chưa bao giờ nó lại giận đến như vậy. Nhưng sức Bắc kiệt dần, đôi mắt mờ dần, và Bắc lịm đi chả còn biết gì nữa, khi chuyến tàu hỏa dừng lại theo hiệu còi và 2 tên kia ném nó vào toa chở hành lý.

Khi nó tỉnh lại, nó lơ mơ cảm thấy đau ở lưỡi và nhận thấy mình đang bị đưa đi trong 1 loại xe cộ nào đó chạy xóc nảy lên. Tiếng rít khàn khàn của chiếc còi đầu máy xe lửa đi qua ngã tư đã mách bảo cho nó hiểu là nó đang ở đâu. Đã quá nhiều lần đi đường với ông Thảm nên nó chẳng lạ gì cái cảm giác khi ngồi trong 1 toa hành lý. Nó mở mắt. Trong đôi mắt vụt bừng lên cơn giận lôi đình của 1 đức vua bị bắt cóc. Người lạ mặt vội nhảy bổ vào để túm lấy cổ nó, nhưng Bắc nhanh hơn gã. 2 hàm răng Bắc bập vào bàn tay đang lao tới, và không chịu nói lỏng tí nào cho đến khi Bắc lại bị thắt cổ đến ngạt thở và ngất đi lần nữa.

Nghe tiếng huỳnh huych vật lộn, người công nhân khuôn vác hành lý chạy đến.

-Thế đây! Nó lên con! - Gã bắt cóc vừa nói với người công nhân, vừa giấu kín bàn tay rách nát không cho người này nhìn thấy - Tôi đưa nó lên Phrixcô hộ ông chủ. 1 ông thú y cừ khôi ở đấy bảo là ông ta chữa được.

Trong 1 cái lán nhỏ đằng sau 1 quán rượu tại bến cảng San Francisco, gã lại biện bạch cho mình rất đỗi hùng hồn khi gã nói về cái đêm đi tàu ấy.

-Về món này, tôi chỉ lấy 50 thôi - gã lảm bảm - Có trả đến 1000 tiền mặt hẳn hoi, tôi cũng không thiết.

Bàn tay của gã quắn chiếc mùi soa dẫm máu, ống quần bên phải của gã rách toạc từ gối xuống đến mắt cá chân.

Người chủ quán hỏi:

-Thế thằng cha kia thì đã bao nhiêu?

-100. Không kém 1 xu. Đẩy bác liệu cho.

Lão chủ quán tính:

-Vị chi là 150. Được, nó cũng đáng giá ngần ấy. Tớ không phải là kẻ không biết người biết của.

Tên bắt cóc tháo mảnh băng đâm máu và nhìn bàn tay rách tươm của mình:

-Phải bệnh đại thì bỏ mẹ...

Lão chủ quán cười lớn:

-ấy nếu có vậy thì cũng do cái nghiệp chướng của chú mày đấy, chú mày ạ!

Lão nói tiếp:

-Nào giúp tớ 1 tay trước lúc chú mày phôi!

Đầu choáng váng, họng và lưỡi đau nhức nhối, trong tình trạng đã bị bóp cổ đến gần như ngắc ngoải, Bắc gắng sức đương đầu với những tên hành hạ mình, nhưng nó liên tiếp bị quật nã và thất nhệt thở nhiều lần, cho đến khi chúng dũa đứt được cái vòng đai bằng đồng nặng nề và gỡ ra khỏi cổ nó. Sau đó sợi dây thừng được tháo ra, và Bắc bị ném vào 1 cái thùng thừa giống chiếc cũ.

Bắc nằm đấy cho đến hết cái đêm chán ngán rã rời ấy, ủ nặng trong lòng mối phần nộ và niềm kiêu hãnh bị thương tổn. Nó không thể hiểu nổi tất cả những điều xảy ra đó nghĩa là thế nào. Những con người lạ lùng kia muốn gì ở nó? Tại sao họ lại giam giữ nó trong cái thùng chật hẹp này? Nó không hiểu tại sao cả, nhưng trong lòng nặng trĩu 1 cảm giác mơ hồ là có mối tai họa nào đó đang lơ lửng trên đầu nó. Đêm ấy, nhiều lần nó đã vùng đứng dậy khi chiếc cửa lán lách cách mở, hy vọng được nhìn thấy ông Thẩm, hoặc ít nhất là bọn trẻ. Nhưng mỗi lần như vậy, nó chỉ bắt gặp cái mặt núng nính của lão chủ quán nó ra nhòm nó dưới ánh sáng vàng ệch của 1 ngọn nến làm bằng mỡ. Và mỗi lần như vậy, tiếng sữa vui mừng đang run run sắp bật ra từ cổ họng Bắc lại tan đi thành 1 tiếng giận dữ.

Nhưng rồi lão chủ quán cũng để cho nó yên 1 mình rồi sáng hôm sau, 4 người bước vào và khiêng cái thùng ra. Lại thêm những kẻ hành hạ mình

đây. Bắc khẳng định như vậy, bởi vì trông chúng có vẻ ác độc, đầu tóc bờm xờm, quần áo lếch thếch, và Bắc gầm thét, nổi cơn thịnh nộ lên với chúng qua các then cửa chiếc thùng gỗ. Chúng chỉ cười giễu và thọc gậy vào Bắc. Bắc chồm tới dòn dập tấn công những đầu gậy thọc vào, cho đến khi nó nhận thấy là hoá ra bọn chúng muốn như vậy. Buồn nản, Bắc đành thức thủ nằm dài, để mặc cho chúng nâng cái thùng đưa vào 1 chiếc xe ngựa. Và thế là từ đây, Bắc cùng chiếc thùng giam giữ bắt đầu được chuyển từ tay người này sang tay người khác. Các nhân viên của hãng vận tải tốc hành nhận trách nhiệm chuyển nó. 1 chiếc xe ngựa khác chở Bắc đến 1 nơi nào đấy; rồi 1 chiếc xe tải lại mang nó đi, cùng với 1 đồng những hòm và gói, trên 1 chiếc tàu phà, từ chiếc tàu phà này, xe tải lại đưa nó tới 1 ga xe lửa lớn và cuối cùng, nó được đưa vào trong 1 toa tàu tốc hành.

Trong suốt 2 ngày đêm, chiếc toa tàu được kéo theo sau những đầu máy rít liên hồi. Và suốt 2 ngày đêm ấy, Bắc không ăn không uống. Lòng chứa chất căm giận Bắc đã đáp lại thái độ làm thân của những nhân viên hãng tốc hành bằng những tiếng gầm gừ, và họ đã trả đũa bằng cách trêu tức nó. Khi nó lao ình ra then thùng gỗ, run lên và sùi bọt mép vì giận dữ, họ cười giễu và chế nhạo nó. Họ gầm gừ và sủa như những con chó đáng ghét, kêu meo meo, đập tay đen đét và gậy. Tất cả những cái đó đều rất đáng dằn, nó biết vậy; nhưng chính vì vậy mà nó thấy danh giá của nó càng bị xúc phạm, và nỗi căm giận càng mỗi lúc 1 tăng. Đòi ăn không phải là điều nó quan tâm nhiều lắm, nhưng khát nước đã làm cho nó cực kỳ khổ sở và thôi bùng sự phẫn nộ của nó lên đến mức như phát sốt. Trong lúc nó đang căng thẳng cao độ và hết sức nhạy cảm, những đôi xử xấu xa đã xô đẩy nó vào 1 cơn sốt, cơn sốt này càng tăng thêm vì họng bị viêm tấy và lưỡi khô khốc, sưng phồng.

Chỉ có 1 điều làm nó hài lòng: sợi dây thừng đã rời khỏi cổ nó. Sợi dây ấy đã tạo cho bọn người kia 1 lợi thế, nhưng không công bằng đối với nó. Song bây giờ chẳng còn sợi dây ấy ở cổ, thì Bắc sẽ cho chúng biết tay. Chúng đừng bao giờ hòng đặt 1 sợi dây nào khác vào cổ nó. Bắc quả quyết như vậy. Suốt 2 ngày đêm nó không ăn không uống, và trong 2 ngày đêm bị hành hạ ấy, nỗi căm giận chứa chất bên trong nó báo trước sự chẳng lành cho kẻ nào vô phúc chạm phải nó đầu tiên. Đôi mắt nó vằn lên đỏ ngầu. Nó

đã hoá thành 1 con quỷ nộ khi xung thiên. Nó thay đổi đến nỗi dù bản thân ông Thẩm có gặp cũng sẽ không thể nhận ra được nó nữa. Và những nhân viên trên tàu phảò nhẹ nhõm lúc họ tổng khứ được nó ra khỏi tàu hoả tại thành phố Seattle.

4 người rất thận trọng bê chiếc thùng thừa từ chiếc xe ngựa vào trong 1 mảnh sân sau hẹp có tường cao vây kín. 1 người chắc mập mặc chiếc áo nịt màu đỏ dẫn rộng ở cổ, bước ra và ký vào sổ của người đánh xe ngựa. Bắc đoán chắc tên này sẽ hành hạ mình tiếp, thế là nó lao mình ra sát thành gỗ 1 cách dữ tợn. Người kia mỉm cười nham hiểm, mang đến 1 chiếc rìu nhỏ và 1 cái dùi cui.

Người đánh xe hỏi:

-Ông không định thả nó bây giờ chứ?

-Sao lại không? - người kia vừa trả lời, vừa bỏ chiếc rìu vào cái thùng để nạy ra.

Lập tức 4 người mang chó đến vội bỏ chạy tán loạn, rồi từ vị trí ngồi vắt vẻo trên đỉnh tường cao an toàn, họ chuẩn bị chứng kiến cảnh tượng sắp diễn ra.

Bắc xông tới cắn ngập răng vào thanh gỗ vỡ toác, nhay xé, vật lộn với thanh gỗ. ở bên ngoài, rìu bổ xuống đầu, thì ở bên trong Bắc sấn tới đó, gù gào gầm rít. Người mặc áo đỏ chăm chú tháo cũi cho nó ra với thái độ điềm tĩnh bao nhiêu, thì nó lồng lộn chực xông ra với thái độ hung dữ bấy nhiêu.

Khi đã phá được 1 lỗ trống vừa người Bắc chui lọt, gã đàn ông lên tiếng:

-Nào! Cái con quỷ mắt đỏ kia! - đồng thời gã vút chiếc rìu đi và chuyển chiếc dùi cui sang tay phải.

Và Bắc quả đã trở thành 1 con quỷ mắt đỏ, với thân hình thu hết lại chuẩn bị nhảy vọt, lông dựng đứng, mép sủi bọt, đôi mắt ngầu đỏ ánh lên 1 ngọn lửa điên dại. Nhằm thẳng người kia, nó phóng toàn bộ 140 pao nặng chứa chất sự giận dữ của nó, cộng thêm cả sức nặng của mỗi cảm giận bị đè nén trong suốt 2 ngày đêm tù hãm.

Đang lao nửa chừng, đúng vào lúc 2 hàm của nó sắp bập vào con người trước mặt, thì 1 đòn giáng đột ngột chặn đứng cả thân hình nó lại và đánh gập 2 hàm răng của nó đập vào nhau đau đớn. Nó ngã lộn nhào, giáng lưng

và sườn xuống đất. Trong đời nó, chưa bao giờ nó bị đánh bằng dùi cui, nên nó không hiểu ra sao cả. Với 1 tiếng giống tiếng rú hơn là tiếng sữa, nó lại bật dậy và lao vọt lên. Đòn trí mạng lại giáng tới và quật nó xuống đất. Lần này thì nó biết đó là chiếc dùi cui, nhưng điên lên rồi, nó chả còn biết thận trọng gì nữa. Hàng chục lần, nó lao lên tấn công, và cũng bấy nhiêu lần chiếc dùi cui bẻ gãy cuộc tấn công và đánh gục nó.

Sau 1 đòn đặc biệt ác liệt, Bắc bò lê ra, quá choáng váng, không vọt lên được nữa. Nó khập khiễng lảo đảo bước quanh, máu ứa ra cả mũi, cả mồm, và cả tai, bộ lông đẹp của nó lấm tẩm những đốm nước bọt đầm máu. Lúc này, người mặc áo đỏ bèn bước tới, cố tình quật cho nó 1 cú khủng khiếp vào mũi. Mọi đòn đau đớn từ nãy đến giờ thật chả mùi mẽ gì so với cú đánh đau đến thấu gan, thấu ruột này. Rống lên 1 tiếng hung tợn gần như tiếng gầm của sư tử, nó lại lao vào người kia. Nhưng gã chuyển chiếc dùi cui từ tay phải sang tay trái, bình tĩnh tóm lấy hàm dưới của Bắc, đồng thời vặn nó xuống phía dưới và ra đằng sau. Bắc vùng vẫy trên không, vạch thành 1 vòng tròn, lộn thêm nửa vòng nữa rồi đâm đầu và úc xuống đất.

Lần cuối cùng, Bắc lao tới, gã đàn ông bèn giáng cho nó 1 đòn ác hiếp mà gã đã chủ tâm giữ lại cho đến lúc này chưa thi thố, và thế là Bắc gục hẳn, rơi xuống, hoàn toàn bất tỉnh.

-ái dà! Trị chó như vậy phải nói là tuyệt! - 1 người trên tường cao reo lên thích thú.

Tiếng gã đánh xe đáp:

-Tốt hơn hết là trị mấy con nghêu, trị hàng ngày, chủ nhật trị 2 lần - và gã trèo lên xe ra roi thúc ngựa đi.

Bắc hồi tỉnh, nhưng sức lực của nó thì đã kiệt. Nó vẫn nằm bẹp ở chỗ nó rơi xuống lúc nãy, theo dõi người mặc áo nịt đỏ.

-Tên nó là Bắc - người đàn ông nói 1 mình, nhắc lại mấy chữ trong bức thư của lão chủ quán đã viết cho gã báo trước về cái thùng đựng món hàng - Nào! Bắc! Anh bạn! - Gã nói tiếp bằng 1 giọng thân mật vui vẻ - Chúng ta đã có 1 cuộc ẩu đả nho nhỏ với nhau, thôi đến đây tốt hơn hết là chúng ta cho qua, đừng để tâm nữa nhé! Chú mày đã hiểu được cương vị của chú mày, còn ta, thì ta biết cương vị của ta. Hãy trở thành 1 con chó ngoan, rồi

tất cả mọi việc sẽ trôi chảy êm đẹp. Còn nếu chú mày mà buống, thì ta sẽ quật cho sặc cơm ra. Nghe chưa?

Gã vừa nói vừa mạnh bạo lấy tay vỗ về trên cái đầu mà vừa rồi gã đã nện cho không thương tiếc, và mặc dù lông Bắc vô tình dựng ngược cả lên mỗi khi bàn tay ấy chạm vào nó, nó vẫn cam chịu sự vỗ về mà không phản ứng. Và khi gã mang nước đến, nó uống háo hức, rồi sau đó lại vò vập ngón 1 bữa thịt sống thoải thuê, hết súc này đến súc khác, ngay trong bàn tay gã bòn cho nó.

Nó đã bị đánh gục - nó biết vậy - nhưng không bị đánh đến tan xương. Nó vĩnh viễn nhận thấy là nó không hòng gì chống lại 1 con người có chiếc dùi cui trong tay. Nó đã học được 1 bài học mà sau này cho đến hết đời nó vẫn không hề quên. Chiếc dùi cui này là 1 sự phát hiện mới. Đó là vật đưa nó vào lãnh địa của luật lệ nguyên thủy, và nó nhớ rõ bài học đó.

Sự thật của cuộc đời đã mang 1 bộ mặt hung tàn hơn trước. Và trong lúc nó đương đầu với bộ mặt ấy mà không khiếp sợ, thì ấy cũng là lúc nó đương đầu bằng tất cả cái khôn ranh tiềm tàng đã được khơi dậy từ trong bản chất nó. Ngày lại ngày trôi qua, có những con chó khác đã đến, con thì bị nhốt trong thùng thừa, con thì được dắt đến bằng sợi dây thừng buộc cổ. 1 số con ngoan ngoãn, 1 số con thì điên giận và gầm thét như Bắc lúc mới đến. Và Bắc đã quan sát được tất cả bọn chúng, không sót 1 con nào, kinh qua bàn tay chế ngự của người mặc áo nịt đỏ. Đã bao lần, mỗi khi nó nhìn thấy cảnh tượng tàn bạo diễn ra, thì bài học lại trở về trong trí nó: 1 con người cầm dùi cui là 1 kẻ làm ra luật, 1 ông chủ phải được tuân lệnh, mặc dù không nhất thiết phải thần phục gã. Về điểm cuối cùng này, Bắc không bao giờ có lỗi. Mặc dù nó quả đã thấy có những con chó sau khi bị đánh vẫn lại xun xoe bên cạnh người ấy, rồi nào là vẫy đuôi mừng, nào là liếm tay gã. Và Bắc cũng đã thấy 1 con chó không chịu thần phục nhưng cũng không chịu tuân lệnh, cuối cùng bị giết trong cuộc tranh đấu để giành thế thắng.

Thỉnh thoảng lại có người đến, những người lạ, họ nói chuyện với người mặc áo nịt đỏ bằng cái giọng sôi nổi, hoặc tán tỉnh nhỏ to, bằng đủ thứ giọng. Và vào những lần như vậy, sau khi 2 bên rao tiền cho nhau, thì những người lạ mặt lại mang đi 1 vài con chó. Bắc tự hỏi không biết những con chó ấy đi đâu, vì chúng không bao giờ trở lại cả; nhưng bên trong Bắc

canh cánh 1 nỗi lo sợ cho tương lai, do đó, mỗi lần không ai đã động gì đến nó cả thì nó lại mừng.

Thế nhưng cuối cùng cũng đến lượt nó. ấy là cái hôm xuất hiện 1 anh chàng bé nhỏ, nhăn nhoe, nói bô bô 1 thứ tiếng Anh tồi với nhiều thán từ kỳ dị và mới lạ mà Bắc không thể hiểu nổi.

-Quý tha ma bắt! - anh chàng kêu to, 2 mắt sáng lên khi phát hiện ra Bắc - Thật là 1 con chó tuyệt vời! Ê! Bao nhiêu?

-300. Coi như biết không thôi đấy! - tiếng người áo đỏ trả lời ngay tức thì - Vì rằng đây cũng là tiền Nhà nước thôi, tớ chắc là cậu cũng chả phản đối gì, hả Perôn?

Perôn toét miệng cười nhăn nhở. Cứ xét giá chó nói chung đã vọt lên đến tầng mây do nhu cầu tăng 1 cách ít có, thì số tiền này cũng không phải là qua sá đối với 1 con vật tuyệt như vậy. Chính phủ Canada chẳng thiệt gì, mà những công văn, thư từ của chính phủ chuyển đi cũng chả bị chậm hơn tí nào. Perôn là người sành về chó nên khi nhìn thấy Bắc, anh biết là trong 1000 con chó mới được 1 con như thế.

"Thậm chí 1 vạn con mới được 1 con như thế" anh thầm nhận xét trong óc.

Bắc nhìn thấy tiền trao qua đổi lại giữa 2 người, và không ngạc nhiên chút nào khi nó cùng với Coli, 1 con chó có cái hiên lành thuộc nòi Niuphaolân, bị người đàn ông bé nhỏ nhăn nhoe dắt đi. Đó là lần cuối cùng nó nhìn thấy người mặc áo nịt đỏ, và khi nó cùng con Coli đứng trên boong tàu Nauôn dõi theo thành phố Seattle đang lùi dần, thì đó là lần cuối cùng nó ngắm nhìn vùng đất phương Nam ấm áp.

Perôn đưa Bắc và Coli xuống bên trong tàu và bàn giao chúng cho 1 anh chàng to lớn mặt đen tên là Phrăngxoa. Perôn là 1 người Canada gốc Pháp, da ngăm ngăm đen; còn Phrăngxoa, thì lại là người Canada gốc Pháp lai thổ dân, và da còn đen hơn gấp bội. Đối với Bắc, họ thuộc 1 loại người mới lạ (loại người mà số phận đã định ra cho Bắc là còn phải gặp nhiều nữa). Bắc không thấy trong lòng mình nảy nở mối thiện cảm gì đối với họ, tuy nhiên nó dần dần dăm ra kính trọng họ thật sự. Nó nhanh chóng nhận thấy rằng Perôn và Phrăngxoa là những con người công minh, bình tĩnh và

vô tư trong việc thi hành công lý, và quá thông thạo về tính cách của chó, nên chó không thể lừa bịp nổi.

Trên tàu Nauôn, Bắc và Coli đã kết bạn với 2 con chó khác: 1 con to lớn, lông trắng như tuyết, gốc gác từ quần đảo Xpítxbogân. Hắn được 1 thuyền trưởng đánh cá voi mang đi khỏi quần đảo đó, rồi sau hắn đi theo 1 đoàn nghiên cứu địa chất đến vùng Berân cần cỗi ở Canada.

Con chó này bề ngoài làm ra điều thân thiện theo 1 kiểu xảo trá, mỉm cười trước mặt kẻ khác nhưng đồng thời lại trù tính 1 bữa chơi khăm lén lút nào đó. Ví dụ như ngay trong bữa ăn đầu tiên cùng với Bắc, hắn đã xoáy trộm 1 phần thức ăn của Bắc. Bắc vừa vọt sang để trị tội hắn, thì sợi dây buộc đều chiếc roi của Phrăngxoa đã vút trong không khí bay đến trước quấy vào tên kẻ cắp. Thế là Bắc không còn phải làm gì nữa ngoài việc thu hồi cái xương của nó Phrăngxoa thế là công bằng, Bắc khẳng định vậy, và uy tín anh chàng người lai bắt đầu lên cao trong lòng quý trọng của Bắc.

Còn 1 con chó nữa thì không thêm làm thân với ai mà cũng không nhận sự làm thân của ai. Gã cũng không mưu toan đánh cắp gì của kẻ mới đến. Gã là 1 kẻ rầu rĩ ủ ê. Gã thẳng thừng tỏ cho Coli biết rằng tất cả mong muốn của gã là hãy để cho gã yên 1 mình, và hơn nữa, nếu cứ động vào gã thì rồi sẽ có chuyện phiền toái đấy! Đêvơ là tên gọi của gã. Gã ăn rồi ngủ, thẳng hoặc ngáp dài chẳng quan tâm đến cái gì sát, ngay cả lúc con tàu Nauôn vượt qua vịnh Nữ hoàng Sáclôt, hết lắc bên này lại đảo bên nọ chồm lên chúi xuống, rồi lại nhảy hất ngược cả dít lên, cứ y như đồ bị ma ám. Khi Bắc và Coli bị kích động mạnh, hoảng sợ đến gần như phát cuồng lên, thì gã ngênh đầu có vẻ khó chịu, nhưng rồi gã lại tỏ thái độ khoan dung với chúng bằng 1 cái liếc nhìn thờ ơ, ngáp 1 cái, rồi lại vùi đầu nằm ngủ.

Ngày cũng như đêm, con tàu rộn ràng nhịp đập không hề mệt mỏi của chiếc chân vịt, và mặc dù ngày nào cũng giống hết như ngày nào, Bắc nhận giấy rõ ràng là tiết trời cứ càng ngày càng rét thêm lên mãi. Cuối cùng 1 buổi sáng, tiếng chân vịt ngừng bật, và con tàu Nauôn bỗng tràn ngập 1 không khí nhộn nhạo. Nó cảm thấy điều đó, lũ chó kia cũng cảm thấy như vậy, và chúng biết rằng sắp có 1 thay đổi gì đấy. Phrăngxoa lấy dây buộc mấy con chó lại, rồi dắt chúng lên boong. Vừa đặt chân lên trên mặt boong giá lạnh, chân Bắc sục ngay vào 1 chất trắng nõn, sền sệt như bùn. Nó vội

nhảy lùi lại, khịt lên 1 tiếng. Thêm nhiều vụn của chất trắng ấy đang lả tả rơi từ trên không xuống. Nó lắc mình để giữ, nhưng lại có nhiều vụn khác rơi xuống mình nó tò mò hít cái của lạ ấy, rồi tợp 1 mảnh lên lưỡi. Cái chất ấy ran rát như lửa đốt, nhưng mất ngay. Điều đó làm nó bối rối, không hiểu được. Nó thử lại 1 lần nữa, kết quả như cũ. Những người đứng nhìn cười âm lên, và nó cảm thấy xấu hổ, không hiểu sao cả bởi vì đó là bông tuyết đầu tiên xuất hiện trong cuộc đời của nó.

chương 2

Luật của dùi cui và răng nanh

Ngày đầu tiên của Bắc trên bờ sông Đaiê giống như 1 cơn ác mộng. Nó bị gây sửng sốt, kinh ngạc từng giờ. Bắc đột ngột bị hất mạnh ra khỏi trung tâm của cội văn minh và bị tống vào trung tâm của những vật nguyên thủy. ở đây không có cuộc sống nhàn nhã tắm ánh nắng mơn man, không có gì để làm ngoài việc đi tha thẩn và buồn chán. ở đây không có yên tĩnh, không có nghỉ ngơi, cũng không có 1 phút nào an toàn. Tất cả đều là rối loạn và chiến đấu, và bất kỳ lúc nào tính mệnh cũng bị đe dọa. Thường xuyên cảnh giác là 1 nhu cầu bắt buộc, bởi vì chó và người ở đây không phải là chó và người của thị thành. Tất cả bọn chúng đều man rợ, chúng không tuân theo 1 luật lệ gì ngoài luật của dùi cui và răng nanh.

Bắc chưa bao giờ thấy chó đánh nhau theo cái kiểu những thứ sinh vật như sói lang này đánh nhau, và kinh nghiệm đầu tiên của nó đã cho nó 1 bài học không bao giờ quên được. Nói cho đúng ra, đây là 1 kinh nghiệm mà nó rút ra thay cho kẻ khác, chứ nếu không phải như vậy thì nó đã chẳng còn tồn tại để mà vận dụng kinh nghiệm ấy cho bản thân nó sau này. Coli chính là nạn nhân của sự việc đã xảy ra. Đoàn người và chó đóng trại gần kho chứa gỗ. Tại kho này, cô nàng Coli theo thói quen thân thiện của mình sán lại đánh bạn với 1 con chó étkimô to bằng 1 con sói trưởng thành, mặc dù không bằng 1 nửa vóc dáng của Coli. Không có 1 dấu hiệu báo trước nào cả, chỉ có 1 bước nhảy vào nhanh như chớp, 1 tiếng răng đập vào nhau chói như tiếng kim loại, và mỗi 1 bước nhảy ra cũng nhanh như chớp, và thế là mặt Coli bị rách toạc từ mắt đến hàm.

Ấy cái kiểu đánh nhau của chó sói là như vậy, đá 1 cái rồi vọt ra ngoài; nhưng không chỉ có như vậy, mà còn nữa. Khoảng 30 đến 40 con chó

ét kimô khác chạy đến, bao vây lấy 2 con vật đang đánh nhau, hình thành 1 vòng tròn chăm chú im lặng. Bắc không sao hiểu được sự chăm chú im lặng ấy, và cũng không thể hiểu nổi cái lối chúng đang liếm mép 1 cách hau háu như thế kia. Coli lao vào đối thủ. Con vật này lại đớp 1 cái rồi vọt ra 1 bên. Đến khi Coli lao vào lần nữa thì hấn dơ ức ra chặn 1 cách đặc biệt làm cho Coli ngã nhào chổng cả 4 vó lên. Coli không còn bao giờ đứng dậy được nữa. Và chính đó là điều mà bày súc vật đứng nhìn kia đã chờ đợi. Chúng lập tức ủa vào vỗ nghiêng lấy Coli, gừ gào và gầm rít, và Coli bị vùi dập, thét lên đau đớn trong cơn hấp hối dưới đồng thân hình chen chúc lổn nhổn.

Sự việc xảy ra đột ngột quá, bất ngờ quá, làm cho Bắc sững sốt. Bắc nhìn thấy Xpít thè cái lưỡi đỏ tươi ra cười theo cái kiểu của hấn. Và Bắc thấy Phrăngxoa, tay vung 1 chiếc rìu, nhảy bổ vào bày chó hỗn loạn. 3 người khác cầm dùi cui xông đến giúp anh đánh đuổi chúng. Họ không phải mất nhiều thì giờ. Chỉ trong vòng 2 phút từ khi Coli ngã xuống, những con cuối cùng trong bày hung đồ xâu xé Coli đã bị dùi cui đánh xua đi hết. Nhưng Coli nằm đó, mềm nhũn và tắt thở, gần như bị xé hằn ra từng mảnh, trong đám tuyết nát nhừ và vấy máu. Anh chàng người lai da ngăm đen đứng sát bên xác số, đang nguyên rửa khuôn khiếp. Quang cảnh đó đã thường lớn vồn trở lại trong trí Bắc, làm cho nó không yên trong giấc ngủ. A thì ra cái lối như vậy đây. Lối chơi không quân tử. 1 khi anh ngã xuống, thế là anh hết đời. Được rồi, nó sẽ cố gắng giữ cho mình không bao giờ ngã xuống. Kia Xpít lại thè lưỡi ra mà cười. Kể từ lúc ấy, Bắc mãi mãi ghét cay ghét đắng Xpít.

Bắc chưa kịp trấn tĩnh sau cơn bàng hoàng vì cái chết thê thảm của Coli, thì 1 điều khác lại làm cho nó sững sốt, Phrăngxoa buộc vào mình nó 1 mớ bộ xâu những đai da và khoá gài bằng sắt. Đó là 1 bộ đại cương, giống như các thứ mà Bắc đã nhìn thấy các chú bò ngựa đặt lên lưng ngựa hồi Bắc còn ở nhà. Và hồi ấy Bắc đã nhìn thấy lũ ngựa làm việc gì, thì nay Bắc cũng lại bị bắt làm việc ấy; nó phải kéo 1 chiếc xe trượt tuyết có Phrăngxoa ngồi trên, đi đến 1 khu rừng sát mép thung lũng, rồi trở về với chiếc xe chạt đầy củi. Mặc dù danh giá của Bắc bị tổn thương đau xót khi bị biến thành 1 con vật kéo xe như vậy, nhưng Bắc đủ khôn ngoan để tự kiểm

ché, không chống đối lại. Nó xác định quyết tâm làm công việc ấy, và đã làm hết sức mình, mặc dù tất cả đều mới mẻ và lạ lẫm.

Phrăngxoa là con người nghiêm khắc, đòi hỏi sự tuân lệnh ngay lập tức, và nhờ có chiếc roi da nên mệnh lệnh được tuân theo ngay lập tức. Trong khi đó thì Đêvơ, con chó ở vị trí kéo sát xe đã có kinh nghiệm trong vai trò này, lại đớp vào hông của Bắc mỗi khi Bắc phạm sai lầm.

Về phần Xpít, con chó ở vị trí dẫn đầu, cũng có kinh nghiệm trong nghề, nhưng vì hắn không phải lúc nào cũng chạm được tới Bắc, nên thỉnh thoảng hắn lại gừ lên những tiếng gay gắt để quở trách Bắc, hoặc láu cá đâm bổ dồn cả trọng lượng của hắn vào các dây kéo để bắt Bắc trở lại đúng vào hướng vào Bắc phải đi. Bắc đã học tập được 1 cách dễ dàng, và dưới sự phối hợp dạy nghề của 2 con chó kia cùng với Phrăngxoa, Bắc đã đạt được những tiến độ rõ rệt. Trước khi trở về đến trại, nó đã nắm được những điều cần thiết, đủ để biết đứng lại khi nghe tiếng "họ", biết đi tới khi nghe tiếng "mots", biết ngoặt rộng ở những khuỷu đường vòng, và biết tránh khỏi chạm phải con chó ở vị trí sát ngay trước xe mỗi khi chiếc xe trượt chớ nặng đổ dốc lao xuống sát gót chúng.

-3 con chó rất giỏi - Phrăngxoa bảo Perôn - Còn con Bắc kia, nó kéo chết thôi. Nó tiếp thu những điều đó rất nhanh.

Buổi chiều hôm đó, Perôn trở về với 2 con chó nữa vì anh đang cần gấp rút lên đường với đồng công văn thư từ của anh. Anh gọi chúng là "Bili" và "Jô". Chúng là 2 anh em ruột, và cả 2 đều là nòi chó étkimô chính cống. Tuy là cùng 1 mẹ, nhưng chúng khác nhau như đêm với ngày. 1 điều đáng chê trách ở Bili là cái nét quá đổi nhu nhược, còn Jô thì hoàn toàn trái ngược, hay cáu bẳn và hẹp hòi thường xuyên gầm gừ và có cái nhìn ác ý. Bắc tiếp đón chúng bằng thái độ bạn bè, Đêvơ thì phớt lờ chúng, còn Xpít thì xông vào hoạch hoạc hết tên này đến tên kia. Bili vẫy đuôi cầu hoà, quay mình để chạy khi thấy là cầu hoà không ăn thua, và kêu lên (cũng kêu lên với giọng cầu hoà) khi hàm răng sắc nhọn của Xpít rạch vào sườn nó. Nhưng còn Jô thì bất chấp Xpít lượn quanh như thế nào nó trụ 2 chân sau rồi thoăn thoắt quay vòng để đối đầu với Xpít, bồm cồ dựng đứng lên, tai kéo xéch ra đằng sau, mép dần giật nhảu nhở và gầm rít, 2 hàm răng liên hồi vập vào nhau đến mức nhanh nhất, và mắt loé lên 1 ánh hiể ác - biểu thị

sẵn sàng chấp nhận cuộc giao tranh. Trông diện mạo của nó đến phải khiếp, làm cho Xpít buộc phải thôi không còn dám ghép nó vào khuôn phép gì nữa. Nhưng để gỡ lại thể diện Xpít lại quay sang tên Bili lành như đất và hay kêu van kia và rượt đuổi Bili đến tận cùng khu trại.

Đến tối hôm ấy, Perôn kiếm được thêm 1 con chó nữa, 1 lão chó étkimô già, mình dài, gầy guộc, có vẻ dữ tợn, với bộ mặt có những vết sẹo chinh chiến, và chỉ còn có 1 con mắt độc nhất trong đó rục lên dấu hiệu của sự can đảm, khiến kẻ khác phải kính nể. Người ta gọi lão là "Xônléch", có nghĩa là "Kẻ tức giận".

Cũng giống như Đêvơ, lão không đòi hỏi ai cái gì cả, không cho ai cái gì cả, không trong mong vào cái gì cả. Và khi lão bước chậm rãi, khoan thai đi vào chính giữa đám chó kia, thì ngay cả Xpít cũng để cho lão yên, không dây vào lão. Lão có 1 tính đặc biệt, thật không may mà Bắc đã phát hiện ra: lão không thích kẻ nào sấn gần đến bên mặt mù của lão. Bắc đã phạm phải điều này 1 cách vô tình và Bắc bắt đầu nhận thức được sự vô ý của mình là để Xônléch lao bổ vào nó và dữ dội cắn vào vai nó rạch thành nhiều vết sâu đến tận xương và dài có đến ba inch. Thế là mãi mãi về sau Bắc kiêng không đi qua bên mặt mù của lão nữa. Quan hệ giữa Bắc với lão từ đây không còn điều gì rắc rối. Mong muốn hiển nhiên của Xônléch cũng giống như của Đêvơ, chỉ là được để yên 1 mình, đừng ai động đến, mặc dù, như sau này Bắc đã thấy, mỗi gã đều có 1 ham muốn khác, 1 ham muốn mang tính chất còn sinh tử hơn nhiều.

Đêm ấy Bắc đi ngủ 1 cách vô cùng vất vả. Chiếc lều, có ngọn nến chiếu sáng, rục lên âm cúng giữa cảnh đồng trắng toát. Bắc bước vào đó, ấy là điều dĩ nhiên thôi. Thế nhưng khi nó bước vào, cả Perôn lẫn Phrăngxoả đều tới tập tẩn công nó bằng những dụng cụ nấu ăn và những lời chửi rủa, mãi cho đến khi nó trấn tĩnh lại được sau cơn sững sờ kinh ngạc và bỏ chạy nhục nhĩ trở ra ngoài trời giá lạnh. 1 cơn gió sét thổi qua, làm nó tê buốt và chọc 1 thứ nọc độc nhức nhối vào vết thương trên vai. Nó nằm dài trên tuyết và cố làm sao để ngủ, nhưng chẳng mấy chốc sương giá đã đánh bật nó đứng dậy run lẩy bẩy. Khôn khổ và thất vọng, nó lang thang đi quanh quần giữa những chiếc lều, nhưng chỉ thấy chỗ nào cũng rét cả. Rải rác đây đó 1 vài con chó hoang xông đến lao vào nó, nhưng nó dựng bờm cổ lên và

gầm rít (ấy là nó học kinh nghiệm cũng khá nhanh) và thế là chúng để cho nó tiếp tục đi qua yên ổn.

Cuối cùng, nó nảy ra 1 ý. Nó sẽ trở lui và xem thử các bạn trong đàn nó xử sự như thế nào? Lạ lùng thay, chúng nó đều đi đâu mất cả. Nó lại lang thang quanh quẩn qua giữa khu lều trại thênh thang để đi tìm bọn chúng, nhưng rồi nó lại trở về không. Hay là chúng nó ở trong lều. Không, không thể như vậy được, vì nếu chúng ở trong lều thì bản thân nó đã không bị đuổi ra ngoài như vậy. Thế thì chúng nó có thể ở đâu? Đuôi cụp xuống, toàn thân run lẩy bẩy, quả là rất đau khổ tuyệt vọng nó tha thân bước vòng quanh chiếu lều. Bỗng nhiên tuyết tụt xuống dưới 2 chân trước của nó, làm nó rụt chân xuống. Có 1 cái gì đó quẩn quại dưới bàn chân Bắc. Nó vội nhảy lui, lông dựng ngược cả lên và gầm gừ, kinh sợ trước vật không nhìn thấy và không nhận ra được đó. Nhưng 1 tiếng ư ử nhỏ thân thiện cất lên, làm nó vững dạ, nên nó lại bước tới xem xét. 1 luồng hơi ấm toả nhẹ bốc lên mũi nó. Và ở đây Bili đang nằm cuộn lại dưới tuyết thành 1 cục tròn, kín gió ấm áp. Bili kêu lí nhí bằng cái giọng xoa dịu, vắn vẹo mình mẩy để bày tỏ thiện chí của nó, và lại còn dám đánh bạo, như là 1 hành động dứt lốt để cầu hoà, liếm mặt Bắc bằng cái lưỡi ươn ướt ấm áp của nó.

Lại 1 bài học nữa! à thì ra chúng làm cái kiểu như thế này đây! Với 1 niềm tự tin, Bắc chọn 1 chỗ, rồi, rất rồi rít và lãng phí sức, Bắc tiến hành đào cho mình 1 cái lỗ. Và thế là trong nháy mắt, hơi ấm của thân thể Bắc toả đầy trong hố kín, và nó ngủ thiếp đi. Ngày hôm ấy thật là quá dài và gay go gian khổ, nên nó ngủ rất ngon và khoan khoái, mặc dù thỉnh thoảng nó lại gầm gừ, sủa và giật mình vì nằm mơ thấy những điều dữ dội.

Mãi cho đến khi những tiếng ồn ào của khu trại đang thức dậy khuấy động làm Bắc tỉnh giấc thì nó mới mở mắt. Thoạt đầu nó không biết là đang ở đâu. Cả đêm tuyết đã rơi và đã lấp kín nó. Những bức tường tuyết áp vào nó khắp 4 chung quanh, khiến trong lòng nó đột nhiên rộ lên 1 nỗi hoảng sợ ghê gớm - nỗi thảng thốt của con thú hoang đã sợ mắc vào bẫy. Đây là 1 dấu hiệu chứng tỏ Bắc kéo cuộc đời của nó lui trở về với 1 cuộc đời của tổ tiên nó, bởi vì Bắc là 1 con chó đã trở thành văn minh, 1 con chó quá đổi văn minh, vậy nếu chỉ qua kinh nghiệm của bản thân nó thôi thì làm sao biết được cái bẫy là gì, và do đó từ nhận thức của bản thân nó thì không thể

nào lại sợ bấy. Các bắp thịt trong toàn thân nó co giật từng hồi theo linh tính, lông trên cổ và vai nó dựng ngược cả lên, và với 1 tiếng gầm hung tợn, nó bật nhảy vọt thẳng đứng lên ra giữa ánh ban ngày chói loà, tuyết hay tung ra xung quanh nó thành 1 đám bụi ngời sáng. Trước khi 4 chân chạm đất, nó đã kịp nhìn thấy khu trại trắng toát trải ra trước mắt và hiểu ngay là nó đang ở đâu, và nó nhớ lại tất cả, từ cái buổi nó đi dạo chơi cùng Menuon cho đến cái hồ nó tự đào cho mình đêm qua.

1 tiếng reo của Phrăngxoa chào đón sự xuất hiện của nó. Anh chàng đánh xe chó kêu to gọi Perôn:

-Này tớ bảo! Cái con Bắc học gì cũng cực kỳ nhanh.

Perôn trang trọng gật đầu. Là 1 nhân viên giao liên cho chính phủ Canada, mang chuyển những công văn giấy tờ quan trọng, anh ta lo tìm cho được những con chó tốt nhất, và anh đặc biệt hài lòng khi kiếm được Bắc.

Trong vòng 1 tiếng, đàn chó được tăng cường thêm 3 con chó étkimô nữa, vị chi tổng số là 9 con, và nhanh chóng, tất cả bọn chúng đều đã nai nịt đai cương và ngoặt lên con đường đi về phía hẻm núi sông Đaiê. Bắc hài lòng khi được lên đường, và mặc dù công việc gay go nặng nhọc, nó nhận thấy rằng nó cũng không đặc biệt khinh ghét gì loại công việc như thế này, Bắc rất ngạc nhiên khi thấy hứng lên 1 không khí hăm hở háo hức trong cả đàn chó, và sự hăm hở ấy cũng đã lây sang cả nó. Nhưng có 1 điều còn đáng ngạc nhiên hơn, đó là sự thay đổi ở 2 con Đêvơ và Xônlếch. Chúng đã trở thành những con chó khác hẳn, hoàn toàn biến đổi sau khi thắng bộ đai cương. Tất cả những gì là thụ động và hồ hững không còn thấy ở chúng. Chúng nhanh nhẩu và linh lợi hẳn lên, lo lắng cho công việc được chu toàn, và dễ nổi cáu 1 cách dữ tợn với bất kỳ cái gì trở ngại hoặc rối rắm làm chậm trễ công việc ấy. Lao động cực nhọc trong vòng dây kéo hình như là ý nghĩa tuyệt đỉnh của sự tồn tại của chúng, là tất cả lẽ sống của chúng, và là điều duy nhất mà chúng ham mê.

Đêvơ là con chó ở vị trí kéo sát xe. Kéo đằng trước nó là Bắc rồi đến Xônlếch. Số còn lại buộc tiếp thành xâu dài, 1 hàng dọc, thẳng về phía trước cho đến con chó đầu đàn, và Xpít là con chó chiếm vị trí đầu đàn ấy.

Bắc đã được đặt 1 cách có chủ ý vào giữa Đêvơ và Xônlếch, để 2 gã này kèm cặp cho nó. Nó là cậu học trò có năng khiếu, thì chúng cũng là

những ông thầy giỏi, không bao giờ cho phép nó nhùng nhằng lâu trong 1 cái lỗi nào đó, và bằng đôi hàm răng sắc nhọn, chúng đã buộc nó phải tuân theo sự dạy bảo của chúng. Đêvơ công bằng và rất thông thạo. Gã chẳng bao giờ trị Bắc 1 cách vô cớ, nhưng gã cũng không bao giờ bỏ qua mà không trị Bắc khi cần thiết. Và vì có cái roi của Phrăngxoa ủng hộ Đêvơ, nên Bắc thấy là thà chịu sửa mình đi thì còn lợi hơn là trả đũa lại. Có lần sau 1 phút tạm dừng, Bắc làm rối dây kéo và gây nên chậm trễ không đi ngay được, thế là cả Đêvơ và Xônleích xông vào nó và đã cho nó 1 trận ra trò. Kết quả là lại càng làm rối tung cả lên. Nhưng sau đó Bắc hết sức cẩn thận tránh không vướng vào dây kéo nữa; và trước khi ngày lao động kết thúc. Bắc đã trở nên thành thạo đến mức các bạn nghề của nó thôi không còn rầy la nó nữa. Chiếc roi da của Phrăngxoa quất xuống ít hơn, và thậm chí Bắc còn vinh dự được Perôn nâng các bàn chân lên xem xét cẩn thận.

Ngày hôm ấy là 1 ngày chạt cật lực, trèo qua hẻm núi, xuyên những thị trấn nhỏ Sip và Xkên, vượt qua bìa rừng cuối cùng, qua những sông băng và những khối tuyết gió dồn dày hàng trăm bộ, rồi leo lên ngọn đèo Chincút sừng sững, vạch phân thủy chắn ngang giữa vùng nước biển và vùng nước ngọt và đứng như 1 vị hung thần trợn trừng hăm dọa, canh giữ miền đất phương Bắc buồn tẻ và hiu quạnh. Chiếc xe chạy khá nhanh xuống dọc dãy hồ lấp kín những miệng núi lửa đã tắt, và khuya hôm ấy, đoàn người và chó kéo vào 1 khu trại khổng lồ ở đầu hồ Bennét, tại đây có hàng ngàn người đi tìm vàng đang đóng thuyền để dự phòng băng tan trong mùa xuân. Bắc đào 1 qua 1 cuộc thi đấu kiệt sức, nhưng từ quá sớm đã bị lôi cổ ra trong bóng đêm lạnh buốt và bị thả vào chiếc xe trượt tuyết cùng lũ bạn của nó.

Hôm ấy chúng chạy 40 dặm, vì vệt đường đã có sẵn, băng tuyết đã được nện chặt. Nhưng ngày hôm sau, và nhiều ngày tiếp sau nữa, đoàn người và chó phải tự mở đường đi, nên làm việc mệt nhọc hơn mà lại đi chậm hơn. Theo lệ thường, Perôn dẫn đầu trước đàn chó, dùng liếp đi tuyết nện chặt tuyết lại để cho chó kéo xe dễ dàng hơn Phrăngxoa ở vị trí điều khiển chiếc xe cản lái xe, thỉnh thoảng đổi chỗ cho Perôn, nhưng không thường xuyên. Perôn đang rất vội, và anh lại tự hào là người thông thạo nghề băng tuyết, sự thông thạo ấy không thể thiếu được lúc nào bởi vì lớp

băng mùa thu rất mỏng, và ở nơi nào nước bên dưới chảy xiết thì nơi đó không đóng 1 tí băng nào.

Ngày lại ngày qua những ngày nối nhau bất tận. Bắc lao động nhọc nhằn trong vòng đai cương. Hôm nào cũng vậy, trời còn tối mờ mà đã nhổ trại, và khi tia sáng nhợt nhạt đầu tiên của buổi bình minh vừa hé ra thì đã thấy chúng rong ruổi trên con đường mòn, trút lại sau thêm những dặm đường mới. Và hôm nào cũng vậy, sau khi trời đã tối sập xuống mới dừng lại đóng trại, lũ chó ăn phần cá ít ỏi của mình rồi bò lê ra ngủ trong tuyết, Bắc đói cào cả ruột. Phần thức ăn của nó mỗi ngày, 1 suất cá hồi khô nặng 1 pao rưỡi, thật chả thấm vào đâu. Nó không bao giờ ăn đủ, thường xuyên bị con đói dần vặt. Ấy thế mà các cno chó kia, vì không nặng cân bằng nó và sinh ra chính là để sống cuộc sống này, nên tuy chỉ được 1 khẩu phần cá nặng 1 pao thôi, nhưng vẫn giữ được trạng thái bình thường.

Bắc nhanh chóng mất cái tính kén cá chọn canh vốn là đặc tính sinh hoạt của nó trước kia. Cu cậu khảnh ăn nên lũ bạn của nó ăn xong trước, lại xông đến cướp luôn cả phần của nó đang ăn dở. Nó cũng không chống giữ được. Trong khi cu cậu đánh đuổi đi 2, 3 tên thì phần thức ăn của nó lại lọt vào họng những tên khác. Để khắc phục, nó cố ăn nhanh bằng chúng. Rồi thì, vì con đói bức bách quá thế, nó đành hạ mình đi làm cái việc cuồn lấy những thứ không phải của nó. Nó đã để ý theo dõi và học tập. 1 hôm nó nhìn thấy Paicơ, 1 trong những con chó mới nhập đàn - 1 tên láu cá thường giả ốm để trốn việc và là 1 tên kẻ cắp tinh quái - khôn khéo thó được 1 lát thịt lợn muối lúc Perôn vừa quay lưng đi. Thế là ngày hôm sau, Bắc diễn lại tiết mục ấy y hệt, mà lại tha đi cả khúc thịt. Tiếng la ó ầm lên, nhưng chẳng ai nghi ngờ Bắc, trong khi Đốp, 1 con chó ngờ nghệch vụng về và luôn bị bắt gặp ở nơi có chuyện, lại bị trừng trị về cái tội mà Bắc đã phạm.

Vụ ăn cắp đầu tiên này là dấu hiệu chứng tỏ Bắc đã thích ứng được để tồn tại trong cái môi trường cừ địch của vùng đất phương Bắc này. Sự việc đó biểu hiện khả năng thích nghi của Bắc, có thể tự điều chỉnh cho hợp với những hoàn cảnh biến đổi: thiếu khả năng ấy sẽ có nghĩa là rơi vào cái chết nhanh chóng và khủng khiếp. Sự việc đó lại còn biểu hiện sự suy sụp, tan nát của bản chất có đạo đức của nó, 1 thứ phù phiếm rỗng tuếch và 1 điều bất lợi trong cuộc đấu tranh sinh tồn tàn nhẫn này. ở vùng đất phương Nam,

dưới luật lệ của tình yêu và tình bạn, việc tôn trọng của cá nhân và cảm xúc riêng tư của kẻ khác là đúng. Nhưng ở cái vùng đất phương Bắc này dưới luật lệ của dùi cui và răng nanh, thì kẻ nào lưu tâm đến những điều đó là kẻ khờ dại, và nếu như Bắc cứ tuân thủ những điều đó thì chắc hẳn Bắc đã không thể thành công.

Cũng chả phải Bắc đã suy luận ra được rành rọt như vậy. Nó đã phù hợp được, có thể thôi. Nó đã làm cho nó thích nghi được với lối sống mới, 1 cách không tự giác. Trong cả cuộc đời của nó trước kia, nó chưa hề chạy trốn khỏi 1 cuộc chiến đấu, dù nó ở vào thế bất lợi như thế nào đi nữa. Nhưng chiếc dùi cui của người mặc áo nịt đỏ đã nện ngấm vào trong đầu nó 1 thứ đạo lý cơ bản hơn và nguyên thủy hơn. Lúc con là 1 con vật văn minh, nó đã có thể sẵn sàng chết vì nghĩa, ví dụ như để bảo vệ cho ngọn roi điều khiển của ngài Thảm Mìlor chẳng hạn. Thế nhưng bây giờ thì Bắc đã bị phi văn minh hoá trọn vẹn rồi, bởi vì rõ ràng là bây giờ nó có khả năng chạy trốn khỏi việc bảo vệ cho 1 đòi hỏi về đạo đức, cốt để cứu lấy sinh mạng của mình cái đã. Nó ăn cắp không phải vì thích thú gì thói ăn cắp, mà là vì cái dạ dày của nó kêu gào. Nó không đánh cướp 1 cách lộ liễu, mà xoáy trộm 1 cách bí mật và ranh mãnh, vì nó lưu tâm đến dùi cui và răng nanh. Nói tóm lại, những điều đó, nó đã làm là bởi vì làm thì lại dễ hơn là không làm.

Sự phát triển của nó (hay có thể nói là sự thoái hoá của nó) diễn biến thật nhanh chóng. Những bắp thịt của nó trở nên cứng như sắt, và nó thành ra chai sạn đối với mọi nỗi đau thông thường. Nó đã tận dụng được tới đa mọi thứ, cả ở bên ngoài nó lẫn bên trong nó. Nó có thể ăn bất kỳ cái gì dù cái đó gớm ghiếc hoặc khó tiêu đến đâu đi nữa. Và sau khi đã nuốt xuống, những dịch vị trong dạ dày nó chiết xuất ra cho đến kiệt ti chất dinh dưỡng nhỏ nhất cuối cùng: máu của nó mang chất dinh dưỡng ấy đến tận nơi xa nhất trong cơ thể nó, cấu tạo thành những mô cứng rắn nhất, bền dai nhất. Thị lực và tài đánh hơi của nó trở nên sắc sảo phi thường, và tai nó trở nên thính đến nỗi trong khi ngủ nó vẫn nghe được những tiếng động nhỏ nhất và biết là tiếng động ấy báo điềm lành hay dữ: nó đã học được cách cắn vỡ lớp băng giá đóng chặt giữa các ngón chân. Và khi nó khát, mà trên hồ nước có 1 vầng băng dày che kín, nó biết chồm thẳng mình, lên gân cứng đơ 2 chân

trước mà đập cho vỡ mặt băng ra. Điều rõ nét nhất ở nó lúc này là cái tài đánh hơi triệu chứng gió, và dự kiến được ngọn gió trước 1 đêm. Dù trời lặng gió đến mấy đi nữa, khi nó đào ổ nằm cạnh gốc cây hoặc bên bờ đất, thì đến khi cơn gió nổi lên chắc chắn là chỗ ngủ của nó đã nằm đúng ở phía dưới gió, được che kín và ấm áp.

Nhưng không phải nó chỉ hiểu biết qua kinh nghiệm mà những bản năng tắt lịm từ lâu đời nay lại trỗi dậy. Những thể hệ thuần hoá rơi rụng ra khỏi nó. 1 cách mơ hồ, nó nhớ lại tận buổi sơ khai của nòi giống, nhớ lại tự cái thời những con chó hoang ào ạt từng bầy chạy lung mõi khắp những khu rừng nguyên thủy và giết chết con thịt mà chúng đuổi đến cùng đường. Bắc không phải khổ công học đánh nhau với những miếng đòn cắn bập, cắn toạc và cái tát nhanh như chớp của chó sói. Những tổ tiên đã bị lãng quên của nó xưa kia vốn đã đánh nhau theo cách ấy. Những tổ tiên hoang dã ấy đã nhen nhóm lại bên trong nó cuộc sống cổ xưa, và những mảnh khoé xưa kia của chúng đã thành dấu in sâu vào huyết thống di truyền của nòi giống thì nay cũng chính là những mảnh khoé của bản thân nó. Những cái đó đã đến với tự nhiên, nó chả phải nhọc công gắng sức học tập hoặc khám phá ra, dường như luôn luôn đã là của nó tự những bao giờ. Và mỗi khi, trong bóng đêm lạnh lẽo nín lặng, nó ghéch mõm lên 1 vì sao mà hú dài như chó sói, thì ấy chính là tổ tiên nó, những nắm bụi tàn trong cõi chết, đã ghéch mõm lên các vì sao mà hú về qua bao nhiêu thế kỷ và qua bản thân nó. Nhịp điệu trong tiếng hú của nó cũng chính là nhịp điệu trong tiếng hú của chúng, những nhịp điệu diễn tả nỗi niềm thông khổ của chúng và điều mà đối với chúng là ý nghĩa của tỉnh mịch, lạnh lẽo và bóng tối âm thầm.

Vậy là, như 1 dấu hiệu biểu hiện sự sống của 1 vật bị chi phối, tiếng hát tự ngàn xưa đã trỗi dậy qua bản thân Bắc, và nó đã trở lại với chính nó về bản chất, mà nó trở lại như vậy bởi vì con người đã tìm thấy 1 thứ kim loại màu vàng ở phương Bắc, và bởi vì Menuon là 1 gã phu vườn mà đồng lương không thể bao nổi nhu cầu của vợ cùng mọi món chi tiêu vật vãnh của bản thân gã.

chương 3

Con thú nguyên thủy thông soái

Tính chất con thú nguyên thủy muốn chiếm địa vị thống soái đã trở dậy mạnh mẽ bên trong Bắc, và dưới những điều kiện ác liệt của cuộc sống trên con đường mòn vùng băng tuyết, tính chất ấy càng phát triển, phát triển lên mãi. Tuy nhiên, đó là 1 sự phát triển thầm kín. Sự khôn ranh mới nảy sinh ở Bắc đã tạo cho nó tính đĩnh đạc và tự chủ. Nó quá bận vào việc tự điều chỉnh mình cho phù hợp với cuộc sống mới, nên không cảm thấy tự buông thả thoải mái được, và không những nó không gây chuyện đánh nhau, mà nó còn cố tránh xung đột khi nào có thể tránh được. Đặc điểm trong tư thế của nó bây giờ là 1 thứ tác phong thận trọng, có tính toán. Nó không dễ sa vào sự liều lĩnh và hành động hấp tấp thiếu suy nghĩ. Và trong mối căm ghét cay độc giữa nó và Xpít, nó không để lộ ra 1 tí nóng vội nào lãng tránh mọi hành vi gây gổ.

Còn về phía Xpít, thì có thể là vì Xpít không đoán thấy ở Bắc 1 địch thủ nguy hiểm, nên hẳn không bỏ lỡ 1 cơ hội nào mà không nhe nanh ra với Bắc. Thậm chí hẳn còn trêu chọc Bắc 1 cách vô cớ, luôn luôn cố tìm cách làm nổ ra 1 cuộc đánh nhau mà kết thúc phải là cái chết của tên này hoặc của tên kia.

Ngay trong những ngày đầu của chuyến đi, đáng ra điều đó đã có thể xảy ra, nếu như không có 1 sự tình cờ đặc biệt làm cho vụ xung đột bị chặn đứng lại.

Buổi tối hôm đó, đoàn người và chó đứng lại nghỉ đêm ở 1 chỗ trông trải và tiêu tụy bên bờ hồ Lơ Bắcgiơ. Tuyết cuồn cuộn xô tới, gió rét cắt da cắt thịt như những lưỡi dao nung trắng, và bóng đêm mù mịt, tất cả những thứ đó buộc 2 người phải dò dẫm tìm ngay 1 nơi cắm trại. Khó có ai lâm phải 1 tình trạng tồi tệ hơn thế nữa. Đằng sau họ là 1 vách đá dựng đứng, nên Perôn và Phrăngxoa buộc phải nhóm ngọn lửa và trải túi ngủ ngay trên mặt hồ đóng băng. Lều đã phải bỏ lại Đaiê để đi đường cho gọn nhẹ, ngọn lửa bốc lên từ 1 vài que củi giạt cóp nhặt đã nhanh chóng làm tan băng rồi tụt xuống nước tắt đi, thế là họ phải ăn trong bóng tối.

Bắc đào 1 ổ nằm kín đáo dưới vách đá che khuất. Ổ nằm kín gió và ẩm cúng đến nỗi Bắc rất miễn cưỡng khi phải bỏ chỗ ra nhận phần cá mà Phrăngxoa phân phát sau khi anh đã hơ cá trên ngọn lửa cho tan băng. Nhưng khi Bắc ăn xong quay trở lại thì ổ nằm của nó đã bị chiếm mất.

Nghe 1 tiếng gừ đê net trong ổ phát ra, nó biết ngay tên xâm đoạt là Xpít. Cho đến tận lúc này Bắc đã cố tránh rắc rối với kẻ thù địch của mình nhưng đến nước này thì thật là quá quắt. Con thú dữ bên trên Bắc gầm lên. Nó nhảy xò vào Xpít với 1 sự điên tiết hung tợn mà cả Xpít lẫn bản thân nó đều không ngờ tới, đặc biệt là Xpít lại càng ngạc nhiên, bởi vì theo sự đánh giá của Xpít qua toàn bộ quá trình tiếp xúc với Bắc, thì địch thủ của hắn chỉ là 1 con chó nhút nhát, bấy lâu nay sở dĩ đứng vững được chẳng qua là nhờ nặng cân và to xác mà thôi.

Phrăngxoa cũng ngạc nhiên khi 2 con chó loạn đã quần nhau rồi mù lên từ trong chiếc hố vỡ toang vọt ra. Anh đoán được lý do cuộc xung đột. Anh kêu to lên với Bắc:

-Thế! Thế! Cho hắn 1 trận, đồ chết tiệt! Trị cho hắn 1 trận, cái quân kẻ cướp đê tiện!

Xpít cũng đã sẵn sàng huyết chiến. Hắn vừa gào lên với 1 vẻ hết sức giận dữ và hăm hờ, vừa lượn tới lượn lui để tìm cơ hội nhảy vào. Bắc cũng hăm hờ không kém, mà cũng thận trọng không kém, trong khi nó, cũng như Xpít, lượn tới lượn lui để tìm lợi thế.

Nhưng chính lúc đó thì sự việc bất ngờ đã xảy ra. Sự việc này đã đẩy lùi cuộc huyết chiến giành quyền lực giữa 2 con chó về 1 thời điểm khác, mãi xa về sau, tận đến khi đã vượt qua bao nhiêu dặm đường lao động rã rời nặng nhọc.

1 tiếng rủa của Perôn, tiếng đánh cốp của chiếc dùi cui quật lên 1 thân hình xương xẩu, và 1 tiếng thú kêu ré đau đớn, báo hiệu 1 vụ hỗn loạn tột độ sắp nổ ra. Giữa khu vực cắm trại đột nhiên nhốn nháo những hình thù lông lá vừa lén lút lẫn vào - những con chó étkimô đói ăn, có đến gần khoảng trăm con, từ 1 làng người da đỏ vào đây đánh hơi mà tới. Chúng đã lén vào trong lúc Bắc và Xpít đang choảng nhau, và khi Perôn cùng Phrăngxoa cầm dùi cui nhảy bổ vào giữa bọn chúng thì chúng nhe răng ra chống trả. Mùi thức ăn làm chúng điên cuồng lên. Perôn bắt gặp 1 con rúc ngạp đầu vào trong thùng đựng thực phẩm. Chiếc dùi cui của anh giáng như búa bổ xuống mạng sườn hộc hác, chiếc thùng thực phẩm đổ lật úp xuống đất. Ngay lập tức, mấy chục con vật đói ăn lẫn xả vào tranh cướp đồng bánh mì và thịt lợn muối. Những chiếc dùi cui quật xuống chẳng làm chúng nao

núng. Chúng kêu ăng ăng và rú lên dưới trận đòn giáng như mưa, ấy thế mà vẫn cứ điên cuồng bám chặt cho đến khi chúng ngốn sạch mẫu vụn cuối cùng.

Trong khi đó, đàn chó kéo xe sừng sốt vừa bật dậy khỏi ổ nằm của chúng liền bị bảy thú kẻ cướp tấn công ngay. Bắc chưa bao giờ nhìn thấy những con chó như vậy. Trông cứ như là xương của chúng sắp bật tung ra khỏi da. Chúng chỉ là những bộ hài cốt lùng thùng bọc trong những tấm bì lồi thoi lếch thếch với những con mắt rực cháy và những hàng nanh ngấp nước dãi. Nhưng con điên đại vì đói đã làm chúng trở nên kinh khủng, không ai cưỡng nổi. Chẳng có cách gì chống lại chúng. Lũ chó kéo xe bị đẩy lùi dồn vào chân vách đá ngay từ đầu, Bắc bị 3 con chó étkimô bao vây, và trong nháy mắt đầu và vai Bắc bị cắn xé rách toạc ra nhiều chỗ. Tiếng kêu thét náo động khủng khiếp. Bili, như thường lệ, kêu rên ầm lên. Đêvơ và Xônlếch, đầm đìa máu vì hàng chục vết thương, sát cánh bên nhau dũng cảm chiến đấu. Jô táp lia lịa như điên như cuồng. 1 cái đóp của nó bập vào chân trước 1 con chó étkimô và cắn ngập vào nghiêng cho xương gãy đánh rắc. Lập tức Paicơ, con chó lấu cá, nhảy xổ vào con vật bị què, và bằng 1 cái táp nhanh và 1 cái giật mạnh đột ngột, cắn gãy cổ đối thủ. Bắc chộp được họng 1 tên địch đang lờng lộn sùi bọt mép, cắn ngập vào mạch máu ở cổ hần, làm máu phun ra đầy mình Bắc. Vị máu ấm tủa ra trong mồm có kích thích nó trở thành hung tợn hơn. Nó lao mình vào 1 địch thủ khác. Vừa lúc đó, bỗng nhiên nó cảm thấy 1 hàm răng cắn ngập vào họng mình. Đó là Xpít, quân phản bội, từ 1 bày nhảy xổ vào cắn trộm nó.

Perôn và Phrăngxoa, sau khi đã quét sạch lũ chó kẻ cướp khỏi chỗ của họ, liền hối hả chạy ra cứu đàn chó của mình. Làn sóng những con vật đói ăn điên cuồng phải cuốn lui trước sự tấn công của 2 người, và Bắc vùng ra thoát được. Nhưng chỉ được 1 lát thôi. 2 người buộc phải chạy lui về để bảo vệ lấy thực phẩm, thế là bảy chó étkimô lại quay lại xông vào lũ chó kéo xe, Bili, hoảng quá hoá liều, vọt bừa qua vòng vây của những con thú man rợ và phóng qua bãi băng tuyết bỏ chạy. Paicơ và Đóp nối theo gót Bili, tiếp, theo sau chúng là những con chó khác trong đàn. Bắc đang run mình chuẩn bị vọt theo chúng thì bỗng qua khoeé mắt nhác thấy Xpít đang lao đến nó với ý định rõ ràng muốn hất nó ngã ngửa. 1 khi đã ngã hẫng chân lên, dưới cả

đồng chó étkimô thì không còn hy vọng gì nữa. Nhưng Bắc đã dốc hết sức mình trụ lại được dưới cái húc mạnh của Xpít, rồi nổi theo đàn bỏ chạy trên mặt hồ.

1 lát sau, 9 con chó trong đàn túm lại với nhau và tìm 1 chỗ ẩn náu trong rừng. Mặc dù không bị đuổi theo tình trạng của chúng thật là khôn khổ. Không con nào không bị đến 4 hoặc 5 vết thương trên mình, 1 số con bị thương nặng. Đóp bị thương trầm trọng 1 chân sau. Đôli, con chó étkimô mà cuối cùng nhập đàn tại Đê-e, bị rách toạc họng. Jô mất 1 con mắt. Con Bili, con chó lành nết, thì 1 tai bị nhay xé rách như xơ mướp, kêu la rên rĩ suốt đêm. Trời vừa sáng, chúng khắp khiêng lê trở về nơi đóng trại, vừa đi vừa coi chừng. Về đến nơi thì thấy bầy kẻ cướp đã đi hết, còn 2 ông chủ thì đang mặt nhăn như bị. Có đến 1 nửa số thức ăn của họ đã đi tong. Lũ chó étkimô đã nhai nghiền cả những dây da buộc xe và những tấm bạt. Thực tế là không có cái gì thoát khỏi hàm răng chúng, dù có khó xơi đến đâu đi nữa. Chúng đã ngốn mất 1 đôi giày da nai của Perôn, nhiều khúc dây kéo và đai cương, thậm chí cả 1 đoạn dài đến 2 bộ ở sợi dây gắn đầu chiếc roi của Phrăngxoa.

Phrăngxoa đang ủ ê nhìn ngắm chiếc roi thì đàn chó bị thương trở về. Anh quay sang xem xét chúng. Giọng anh dịu dàng:

-Chao ôi! Các bạn thân mến! Bao nhiêu là vết cắn thế này, chắc làm các bạn phát điên cả mất thôi. Thành chó đại cả mất thôi, trời đất quỷ thôn ôi! Ê, Perôn, cậu nghĩ sao?

Người giao liên lắc đầu không muốn tin vào điều đó. Trước mắt còn những 400 dặm đường từ đây đến Đoxân, anh ta khó mà có thể chịu được cái tai họa con đại nỏ ra trong đàn chó của anh ta.

Phải 2 tiếng đồng hồ vừa nguyên rửa, vừa ráng sức mới buộc xong đai cương đầu vào đấy, đàn chó bị thương trở nên cứng đơ, lóng cóng lại lên đường, đau đớn vật lộn với đoạn đường gian nan nhất từ trước đến nay chúng chưa hề gặp phải, và cũng là đoạn đường gian nan nhất từ đây đến Đoxân.

Phía trước, con sông "30 Dặm" mở rộng. Dòng nước ngổ ngược của nó bất chấp sức mạnh của đông giá. Chỉ ở những chỗ xoáy nước và những nơi yên lặng mới có băng đông lại. Để vượt qua 30 dặm đường ghê gớm ấy, cần

phải 6 ngày lao khổ đến kiệt sức. Những dặm đường quả là ghê gớm, bởi vì mỗi bước tiến lên phía trước là mỗi bước liều mạng của người và chó, Perôn đi đầu dò đường, đã hàng chục lần sụt cả người xuống mặt băng mỏng bị vỡ. Anh thoát nạn được là nhờ có chiếc gậy dài cầm ngang, mỗi khi người anh sụt xuống phá thành cái hố giữa mặt băng thì chếc gậy gác ngang miệng hố giữ anh lại. Trời đang rét kinh người, hàn thử biểu chỉ âm 50 độ, nên sau mỗi lần anh sụt xuống như vậy thì anh lại buộc phải nhóm lên đồng lửa để cứu sống lấy sinh mạng mình và hơ cho khô quần áo, giày tất.

Nhưng không có gì làm thoái chí anh cả. ấy cũng chính vì không có gì làm anh thoái chí được nên người ta mới chọn anh làm giao liên cho chính phủ. Anh dám dùng mọi cách mạo hiểm, kiên quyết vượt cái khuôn mặt bé nhỏ khô quắt của mình xóc tới giữa đông giá và quần quật vật lộn suốt từ mờ sáng đến tối mịt. Anh đi men theo những rìa sông buồn thảm trên 1 dải băng viền bờ, mặt băng võng xuống và kêu răng rắc dưới bàn chân, khiến họ không dám dừng xe lại. 1 lần, chiếc xe sụt thõm xuống cùng với Đêvơ và Bắc, chúng như bị ướp đông hẳn lại, và lúc được kéo lên thì gần chết đuối. Lại phải nhóm lên đồng lửa mới cứu sống được chúng. Băng đóng chặt thành lớp cứng quanh thân chúng, và 2 người phải lia lia đảo chúng quanh ngọn lửa, cho chảy nước và tan băng ra, sát lửa đến nỗi lông chúng bị cháy sém.

1 lần khác, Xpít sụt xuống, kéop theo toàn bộ đoàn chó cho đến tận Bắc. Bắc dốc toàn lực trụ lại, ráng rức kéo về đằng sau, 2 chân trước đạp trên mép băng trơn tuột, mặt băng 4 chung quanh run lên và phát tiếng nứt rạn. Nhưng đằng sau nó còn có Đêvơ, cũng ráng sức kéo lui, và đằng sau chiếc xe trượt là Phrăngxoa cật lực kéo đến mức gân cốt anh kêu răng rắc.

Dải băng hẹp lại bị vỡ thêm và đằng trước và đằng sau, và không còn lối thoát nào khác ngoài cào chồm vách đá cheo leo ven bờ.

Ôi, kỳ diệu làm sao, Perôn đã leo lên được cái vách đá ấy, trong khi Phrăngxoa đang cầu nguyện để có được chính điều kỳ diệu đó. Và thế là, với mọi thứ dây đai buộc xe cùng đai cương nhặt nhạnh đến mẩu cuối cùng góp lại buộc thành 1 sợi dây dài, họ kéo bổng lũ chó, con này đến con khác, lên đến chồm vách đá. Phrăngxoa lên cuối cùng, sau chiếc xe trượt và các

thứ chở trên xe. Rồi lại đến việc tìm 1 chỗ để tụt xuống và họ tụt xuống cũng bằng sợi dây ấy. Khi họ trở xuống trên mặt sông thì đêm đã sập xuống, với kết quả công lao của cả 1 ngày chỉ đi được vền vền có 1 phần 4 dặm.

Khi cả đoàn đến sông Hutolinqua và gặp được mặt băng rắn chắc, thì Bắc đã mệt lả. Những con chó khác cũng vậy. Nhưng Perôn, để tranh thủ bù lại thời gian bị mất, thúc ép chúng đi sớm và nghỉ muộn. Ngày đầu chúng chạy suốt 35 dặm cho đến trạm "Cá hồi lớn", hôm sau thêm 35 dặm nữa đến trạm "Cá hồi nhỏ" và ngày thứ 3 chạy 40 dặm, đến tận trạm "Sao biển".

Chân Bắc không cứng rắn và dạn dày bằng chân của lũ chó étkimô. Chân nó đã mềm yếu đi nhiều qua bao nhiêu thế hệ kể từ cái này kể tổ tiên hoang dã cuối cùng của nó bị con gười nguyên thủy ở hang hoặc ở ven sông, bắt về thuần dưỡng. Suốt ngày nó đau đớn khắp khiêng, và mỗi lần cắm trại xong là nó nằm im lìm như xác chết. Đói hết sức nhưng nó không thể dậy để nhận phần cá của nó, và Phrăngxoa phải mang đến cho nó. Anh chàng lái xe chó lại còn xoa bóp chân cho Bắc mỗi đêm nửa tiếng đồng hồ sau bữa ăn tối, và hy sinh lớp trên của đôi giày của anh để khâu 4 chiếc giày cho Bắc. Những chiếc giày này giảm nhẹ đau đớn đi rất nhiều. 1 buổi sáng, Phrăngxoa quên đeo giày cho Bắc, Bắc đã làm cho bộ mặt héo quắt của Perôn cũng phải xệch ra thành 1 nụ cười nhăn nhó khi Perôn thấy Bắc nằm ngửa ra, 4 chân hươ trong không khí với dáng điệu van lơn, cứ nằm ỳ ra không chịu dậy nếu không được mang giày. Nhưng về sau, chân của bắc dày dần dần lên, chịu đựng được con đường gian khổ, và mấy cái bao chân mòn rách bị vứt đi.

1 buổi sáng, trên dòng sông Penli, trong khi đàn chó đang được thả đi cương thì Đôli, con chó từ trước đến nay không có điều gì khiến người ta để ý đến, đột nhiên phát đại. Con đại được báo hiệu bằng 1 tiếng tru như tiếng chó sói, dài và ghê rợn, làm cho mọi con chó khác hoảng sợ lông dựng đứng cả lên. Và sau tiếng tru, nó nhảy bổ vào Bắc. Bắc chưa bao giờ thấy 1 con chó phát đại, mà cũng chả có lý do gì khiến cho nó sợ bệnh đại. Nhưng nó nhận biết được đấy là 1 cái gì khủng khiếp, và nó hoảng hốt bỏ chạy. Thẳng tới phía trước, nó phóng cật lực. Đôli, hồn hên và sùi bọt mép, bám riết đằng sau, chỉ cách 1 bước, Đôli không thể đuổi kịp, bởi nỗi ghê sợ của Bắc lên đến cực độ, mà Bắc cũng không bút ra được, bởi cơn đại của Đôli

cũng lên đến cực độ, Bắc lao xuyên qua khu rừng trên cù lao, phóng xuống bờ thấp, vượt qua 1 con kênh phủ bằng lờm chờm để chạy lên 1 cù lao khác, rồi băng qua 1 cù lao thứ 3, vòng trở lại dòng sông chính, và bắt đầu vượt qua dòng sông trong tình trạng tuyệt vọng. Và mặc dù Bắc không nhìn thấy, lúc nào Bắc cũng có thể nghe thấy Đôli gầm gừ chỉ sau nó 1 bước. Cách Bắc 1 phần 4 dặm, Phrăngxoa cất tiếng gọi nó, nên nó rẽ ngoặt lại, vẫn luôn bị Đôli bám theo cách 1 bước, đau đớn thở dốc và đặt tất cả hy vọng vào bàn tay Phrăngxoa cứu nó. Anh chàng đánh xe chó lăm lăm chiếc rìu trong tay chờ sẵn, và khi Bắc vừa vút qua khỏi thì chiếc rìu lập tức bỏ xuống đầu con chó đại Đôli.

Bắc lao đảo bước lại phía trước chiếc xe trượt, kiệt sức, thở dốc, và không đứng vững được nữa. Thời cơ của Xpít đây rồi. Hắn nhảy xổ vào Bắc, và 2 lần hàm răng của hắn cắn ngập vào kẻ đối thủ không chống đỡ gì rồi nhảy, rồi xé rách toạc thịt ra đến tận xương. Nhưng chiếc roi của Phrăngxoa đã giáng xuống, và Bắc hài lòng đứng xem Xpít nhận 1 trận đòn trừng phạt dữ dội chưa từng thấy đối với bất kỳ 1 con chó nào trong đàn.

-1 con quỷ dữ, cái con Xpít ấy - Perôn nhận xét - Mẹ kiếp, 1 ngày nào đó nó giết chết con Bắc mất thôi!

Phrăngxoa đáp ngay:

-ấy con Bắc thì lại bằng 2 con quỷ dữ. Tớ theo dõi suốt con Bắc nên tớ biết dám chắc. Tớ nói cho mà nghe: rồi có ngày, mẹ kiếp, nó sẽ phát điên lên kinh khủng, rồi nó sẽ nhai nghiền gọn con Xpít đó, rồi nó khạc xương con Xpít ra giữa tuyết cho mà xem. Chắc chắn không sai đâu, tớ biết.

Kể từ lúc ấy, giữa 2 con chó là 1 cuộc sống máu. Xpít, con chó đầu đàn, kẻ chỉ huy được thừa nhận của toàn chó, cảm thấy quyền lực tối cao của mình bị con chó kỳ lạ của đất phương Nam kia đe dọa. Mà đối với hắn, Bắc kỳ lạ thật, bởi vì trong số những con chó phương Nam mà hắn đã gặp, không có con nào tỏ ra làm nên trò trống gì tại nơi đóng trại và trên đường kéo xe. Tất cả bọn chúng đều quá mềm yếu, chết gục vì lao động cực nhọc, vì băng giá và vì đói. Bắc là 1 trường hợp ngoại lệ. Chỉ 1 mình nó chịu đựng được mà lại còn phát triển lên, sánh được với lũ chó étkimô về sức mạnh, tính man rợ và sự khôn ranh. Hơn nữa, nó lại là con chó ham muốn quyền thế, và điều làm cho nó trở thành nguy hiểm là chiếc đuôi cui của

người nặc áo nịt đỏ đã quật cho tiêu tan hết những gì là gan liều mù quáng và hấp tấp vội vàng ra khỏi vòng khát vọng quyền lực của nó. Nó đã khôn ranh lên 1 cách khác thường và sẵn sàng chờ đợi thời cơ với 1 sự kiên nhẫn mang 1 tính chất không có gì khác hơn là tính nguyên thủy. Cuộc xung đột để tranh giành quyền lực nhất định sẽ nổ ra, không thể không tránh khỏi. Bác muốn như vậy. Nó muốn như vậy bởi vì đó là bản chất vốn có của nó, và cũng bởi vì nó đã bị hút chặt vào cái niềm tự hào vô danh và thật là khó hiểu ấy về lao động trên vết đường mòn - cái niềm tự hào đã giữ riết lũ chó trong công việc lao khổ nhọc nhằn cho đến hơi thở hắt cuối cùng, đã cảm dỗ chúng đến mức chúng sẵn sàng chết hân hoan trong vòng đai cương và chúng sẽ đau buồn như xé ruột nếu bị dứt ra khỏi đai cương ấy. Đó là niềm tự hào của Đêvơ, khi đảm nhận vị trí kéo sát trước xe, của Xônlêhc khi ra sức kéo cật lực, niềm tự hào đã cuốn hút lấy chúng mỗi khi nhổ trại biến đổi chúng từ những con thú cẩu bản và ỉu rũ trở thành những sinh vật nỗ lực, hăm hở, đầy khát vọng; niềm tự hào đã liên tục kích thích chúng suốt ngày dài nhưng rồi lại bỏ rơi chúng vào lúc cấm trại ban đêm, để chúng rơi trở lại vào trong tâm trạng bồn chồn và bất mãn u sầu. Đó là niềm tự hào đã giữ vững khí thế của Xpít và thúc hấn nhảy vào vị trí những con chó mắc sai lầm và trốn tránh công việc trong vòng dây kéo hoặc lẩn trốn khi đến giờ thắng đai cương buổi sáng. Cũng chính niềm tự hào đó đã khiến hấn sợ Bác sẽ có thể giành mất địa vị con chó đầu đàn. Và đó cũng là niềm tự hào của cả Bác nữa.

Bác công khai đe dọa quyền chỉ huy của Xpít. Nó xông vào giữa Xpít và những con chó trốn việc đáng ra phải bị Xpít trừng trị. Và Bác chủ tâm làm như vậy. 1 đêm nọ, tuyết rơi tầm tã, và sáng ra thì Paicơ, con chó hay giả ốm để trốn việc, biến đi đâu mất. 1 lớp tuyết dày đến 1 bộ đã phủ lên ổ nằm của nó, che giấu nó hoàn toàn kín đáo. Phrăngxoạ gọi nó và đi tìm mãi nhưng chịu không phát hiện ra. Xpít thì tức giận điên cuồng. Hấn hung tợn lòng lộn khắp khu đóng trại, đánh hơi và đào bới bất kỳ chỗ nào đáng ngờ, gầm rít khùng khiếp đến nỗi Paicơ trong chỗ ẩn náu của mình cũng nghe thấy và run sợ.

Nhưng rồi cuối cùng Paicơ cũng bị phát hiện. Khi nó vừa bị lôi cổ lên, Xpít xông ngay vào để trừng trị nó, thì Bác cũng lập tức nhảy bổ tới, cũng

hung tợn chẳng kém, lao ngang vào giữa 2 con chó. Động tác của nó quá bất ngờ và khéo tính toán đến nỗi Xpít bị hất lật nhào về đằng sau hất cả chân lên. Paicơ, vừa nãy còn đang hèn nhát run sợ, bây giờ nhờ sự nổi dậy chống đối ra mặt đó của Bắc nên lấy lại được can đảm, nhảy xổ vào kẻ chỉ huy đã bị lật đổ. Đối với Bắc lúc này, lối chơi ngay thẳng là 1 luật lệ đã bị bỏ qua rồi, nên Bắc cũng nhảy xổ vào Xpít. Trước cảnh tượng đó, Phrăngxoa khoái trá cười thầm trong bụng nhưng đồng thời vẫn kiên định trước sau như 1 trong việc thi hành công lý, nên anh dốc toàn lực vụt sợi roi da xuống Bắc. Nhưng sợi dây không đuổi được Bắc ra khỏi địch thủ của nó đang sóng soài trên mặt đất, nên anh phải trở đầu cán roi mà quật. Phải 1 đòn choáng váng. Bắc bị đánh bật lùi về phía sau và chiếc dây da buộc đầu roi giáng xuống nó tới tấp, trong khi Xpít trừng trị đích đáng tên Paicơ đã nhiều lần lêu láo.

Những ngày tiếp sau, trong khi đi dần tới Đoxân, Bắc vẫn tiếp tục xen vào giữa Xpít và những con chó phạm lỗi, nhưng nó láu cá, chỉ làm điều đó khi Phrăngxoa không có mặt ở quanh đây. Với sự nổi loạn kín đáo đó của Bắc, đã nảy ra tình trạng là nói chung lũ chó không chịu phục tùng nữa, và tình trạng ấy cứ nghiêm trọng dần lên. Đêvơ và Xônlếch không chịu ảnh hưởng gì, nhưng những con chó khác thì càng ngày càng tệ hơn. Mọi việc không còn trôi chảy nữa. Chúng liên tục cắn cấu nhau và vặc nhau om sòm. Những vụ rắc rối luôn luôn diễn ra, mà đầu trò là Bắc. Nó làm cho Phrăngxoa phải bận tâm suốt, vì anh chàng đánh xe chó thường xuyên e sợ cuộc chiến đấu 1 mất 1 còn giữa 2 con chó mà anh biết sớm muộn thế nào cũng xảy ra, và đã nhiều lần, ban đêm đang ngủ anh phải tung chăn vùng dậy khi nghe tiếng chó gáy gồ và cắn lộn nhau, sợ Bắc và Xpít lại đánh đánh vào đây.

Nhưng cơ hội chưa đến, và 1 buổi chiều ảm đạm, đoàn người và chó kéo vào Đoxân, trận sông mái vẫn còn gác lại đây. Thị trấn Đoxân đông nghịt người, và chó nhiều vô kể. Bắc thấy con nào cũng đang làm việc. Hình như trật tự của vạn vật đã quy định là chó cũng phải làm việc. Suốt ngày chúng nối nhau đi từng xâu dài vòng lên rồi lại vòng xuống dọc con đường chính của thị trấn, và ban đêm những chiếc nhạc đeo ở cổ chúng vẫn leng keng đi qua trên đường. Chúng kéo xe chở gỗ súc làm nhà và chở củi,

vận chuyển hàng lên mỏ, và làm mọi thứ việc mà ngựa phải làm ở thung lũng Xanta Clara. Đây đó Bắc chỉ gặp vài con chó của vùng đất phương Nam, còn đa số bọn chúng là chó étkimô thuộc nòi sói hoang. Hôm nào cũng vậy, theo 1 nếp đều đặn, cứ đến 9h tối, 12h khuya, và 3h sáng, chúng lại cất cao tiếng hát ban đêm, 1 bài ca huyền bí và ròn rợn, trong đó có giọng của Bắc hoà theo đầy cảm khoái.

Với ánh hồng Bắc cực toả sáng lạnh ngắt trên đầu, hoặc dưới những ngôi sao rập rình trong điện nhảy giữa băng giá, trên vùng đất chết lặng và lạnh cứng trùm tấm vải liệm bằng tuyết bao la, tiếng hát ấy của lũ chó étkimô đáng ra phải là tiếng thách thức của sự sống, nhưng chỉ có điều là nó được lấy giọng theo điệu thứ, với những âm thanh rền rĩ kéo dài và những tiếng thồn thức nắc nghẹn, nên lại nghe như là tiếng nài xin của sự sống, là tiếng rên đau của sinh mệnh bị dọa đầy, nói vậy thì có lẽ đúng hơn. Đó là 1 tiếng hát cổ xưa, cổ xưa như chính bản thân giống nòi của chúng - 1 trong những tiếng hát đầu tiên của thế giới man sơ, vào cái thời mà những tiếng hát hầy còn buồn bã. Nó chứa đựng nỗi thống khổ của xiết bao thế hệ, cái tiếng than vãn nào nùng đã khích động Bắc 1 cách kỳ lạ. Khi Bắc cất tiếng ai oán và thồn thức, thì ấy là lúc nó mang trong mình nỗi đau của sự sống đã từng là nỗi đau của những tổ tiên hoang dã của nó xưa kia, cùng nỗi lo sợ và điều huyền bí của lạnh lẽo và tối tăm đã từng là nỗi lo sợ và điều huyền bí đối với tổ tiên nó. Và cái điều khiến Bắc phải bị khích động vì tiếng kêu than kia là dấu hiệu chứng tỏ Bắc đã quay lui hẳn lại, lùi qua các thời kỳ mà sự sống đã có bếp lửa và mái nhà, để trọn vẹn trở về với buổi ban đầu thô sơ của sự sống giữa thời của tiếng hú rầu rĩ xa xưa.

7 ngày sau khi vào Đoxân, đoàn người và chó lai ra đi, tụt xuống theo bờ dốc bên răng Beróc chạy về sông I-u-con, rồi kéo về phía sông Đaiê và thành Xon-oa-tơ, Perôn đang mang theo những công văn giấy tờ có thể còn khăn hơn cả những thứ anh đã mang đến Đoxân; hơn nữa, niềm tự hào của cuộc hành trình cuốn hút lấy anh và anh có ý định thực hiện 1 chuyến đi kỷ lục trong năm ấy. Lần này anh gặp 1 số thuận lợi. Nhờ 1 tuần nghỉ ngơi, sức khoẻ đàn chó đã hồi phục, và chúng đã hoàn toàn sung sức. Đường mòn trên băng mà họ tự mở ra để đi vào đây hôm trước đã được nện cứng lại dưới bước chân những kẻ đi sau. Thêm nữa, cảnh sát đã bố trí ở vài 3 địa

điểm dọc đường những kho chưa thức ăn cho người và chó, và nhờ vậy kẻ đi đường được gọn nhẹ.

Ngày đầu họ đi đến tận pháo đài "60 dặm" nghĩa là chạy được 1 thôi dài 50 dặm. Ngày thứ 2, họ tăng vọt tốc độ ngược dòng I-u-con chạy bằng băng thuận đường thẳng tới sông Peli. Nhưng chả phải là họ đã ngon ơ đạt được chuyển chạy nhanh tuyệt đẹp như vậy mà không có điều gì khó nhọc và bức mình cho Phrăngxoa cả đâu! Cuộc nổi đầu âm ỉ do Bắc cầm đầu đã phá vỡ khối thống nhất của đàn chó.

Trong vòng dây kéo, chúng không còn như trước nữa. Sự cô vũ của Bắc đã khiến những con chó làm loạn phạm vào đủ mọi thứ tội lặt vặt. Xpít không còn là 1 vị chỉ huy được kính sợ rất mực nữa. Nổi sợ hãi trước kia đã bay biến, và chúng trở thành đủ khả năng thách thức quyền lực của Xpít. 1 đêm nọ, Paicơ đoạt của hấn nửa con cá và nuốt trôi, dưới sự bảo vệ của Bắc. 1 đêm khác, Đóp cùng với Jô đánh lại Xpít và làm Xpít phải chịu từ bỏ không thi hành được đòn trừng phạt mà chúng đáng phải chịu. Ngay cả Bili, con chó lành nết, cũng bớt lành đi, và có rên rĩ thì cũng không rên rĩ kiểu xoa dịu như những ngày trước nữa. Bắc không bao giờ đến gần Xpít mà không gầm gừ và dựng đứng lông lên đầy vẻ đe dọa. Quả là thái độ cư xử của Bắc giống thái độ của 1 tên du côn, và nó có thói quen nghênh ngang lượn lụi tới ngay trước mũi Xpít.

Sự suy sụp kỷ luật đã ảnh hưởng cả đến quan hệ giữa những con chó khác với nhau. Chúng gây gổ và cắn cấu lẫn nhau nhiều hơn bao giờ hết, đến mức đôi lúc cả khu vực cắm trại rộ lên tiếng rú rít hỗn loạn âm ỉ. Chỉ riêng Đêvơ và Xônléch là không thay đổi gì, mặc dù những cuộc xung đột liên chi hồ điệp xung quanh làm chúng phát cáu lên. Phrăngxoa gào lên những tiếng nguyên rủa hung tợn kỳ lạ, giậm chân bứt tóc điên tiết mà không làm gì được. Sợi roi da của anh leien tục vun vút quất vào giữa đàn chó, nhưng chả có hiệu quả gì mấy. Anh vừa quay lưng đi là đâu lại vào đấy. Chiếc roi của anh ủng hộ Xpít, còn Bắc thì lại ủng hộ những con chó còn lại. Phrăngxoa biết Bắc là tên đầu nậu đứng đằng sau mọi sự rối loạn, và Bắc cũng rõ là anh biết. Nhưng Bắc khôn ranh ma mãnh làm rồi, đừng hòng bắt quả tang nó 1 lần nào nữa. Trong vòng đai cương, nó làm việc thật là tận tụy, bởi công việc nhọc nhằn cũng đã trở thành 1 điều thích thú đối

với nó: thế nhưng tấm ngấm tấm ngấm gây ra 1 vụ đánh nhau giữa các bạn nó và làm rối tung cả dây kéo lên lại là 1 điều còn thích thú hơn.

Tại cửa sông Takinơ, 1 đêm nọ sau bữa ăn tối Đóp sục ra được 1 con thỏ Bắc cực, nhưng vụng về vô trượt. Trong nháy mắt toàn bộ đàn chó hò hét đuổi theo. Cách đó 100 mã là 1 khu trại của cảnh sát Tây Bắc, có 50 con chó, toàn chó étkimô, lũ này cũng ào đến tham gia cuộc săn đuổi. Con thỏ phóng nhanh xuống dòng sông, ngoặt vào 1 nhánh sông nhỏ, và ngược nhánh sông đóng băng nó vẫn vững bước lao tới. Nó lướt nhẹ nhàng trên mặt tuyết, trong khi lũ chó dốc hết sức lặn lội đằng sau. Bắc dẫn đầu bày chó hùng hậu 60 con, quành từ khúc sông này sang khúc sông nọ, nhưng không thể nào đuổi kịp. Bắc rập mình xuống chạy, rít lên háo hức, khối thân hình tuyệt đẹp của nó vun vút phóng tới, bước này tiếp bước khác, dưới ánh trăng nhợt nhạt. Và cũng bước này tiếp bước khác, như 1 mảnh hồn ma băng giá tái mét, con thỏ vun vút lao lên phía trước.

Tất cả những gì đã kích động những bản năng cổ xưa trời dậy, sự kích động để thúc đẩy con người trong từng thời kỳ nhất định, vọt ra khỏi những thành phố vang động để vào rừng hoặc ra đồng tìm giết các thú vật bằng những thành phố vang động để vào rừng, hoặc ra đồng tìm giết các thú vật bằng những viên đạn chì do hoá chất đẩy đi. Sự thèm khát máu tươi, niềm vui của giết chóc - tất cả mọi kích động ấy cũng đang xô đẩy Bắc, chỉ có điều là những cái đó lại càng vô cùng gắn bó hơn bên trong bản chất của Bắc. Nó đang dẫn đầu bày chó chạy săn mồi, đuổi cho đến cùng đường sự sống hoang dã kia sự sống ấy là miếng thịt ăn, để giết bằng đôi hàm răng của chính nó, để tắm cả mõm mình ngập cho đến tận mắt vào trong máu nóng.

1 sự mê mẩn ngây ngất biểu thị điểm tuyệt đỉnh của sự sống, bên trên đỉnh ấy, sự sống không còn dâng lên được nữa. Nghịch lý của sự sống là như vậy đó, sự mê mẩn ngây ngất ấy xuất hiện lúc mình đang sống mãnh liệt nhất, ấy thế mà nó xuất hiện như 1 trạng thái quên đứt đi là mình đang sống. Sự mê mẩn ngây ngất ấy, trạng thái quên rằng mình đang sống ấy, đã xuất hiện ở người nghệ sĩ, chiếm lĩnh lấy anh, lối anh thoát khỏi bản thân mình theo luồng lửa tâm hồn phụt ra rực cháy; nó xuất hiện ở người lính, cổ thủ trên trận địa bị tấn công, sôi máu chiến đấu cho đến phút chót, quyết không

hạ súng đầu hàng; và đây, nó đã xuất hiện ở Bắc, đang dẫn đầu bày chó, thét vang tiếng hò hét tự ngàn xưa của sói hoang, ra sức rượt theo miếng thức ăn, cũng là 1 sự sống, đang xuyên qua ánh trắng chạy trốn vùn vụt trước mặt. Bắc đang thét lên những tiếng tự đáy sâu trước mặt. Bắc đang thét lên những tiếng tự đáy sâu của bản chất nó, và của những phân nào đó trong bản chất còn sâu hơn cả cuộc đời sống còn của sự sống, theo ngọn triều dâng của cõi sinh tồn, theo niềm vui tuyệt đỉnh của từng thớ thịt đường gân, trong mọi thứ không phải là cái chết, mà là sức sống đang toả ánh chói loà và bùng lên mạnh mẽ, thể hiện thành chuyển động, hân hoan tung cánh bay dưới những vì sao và trên bề mặt của vật chất chết lặng không hề động đậy.

Nhưng còn Xpít, bình tĩnh đến lạnh lùng và có tính toán ngay cả khi tâm thần bị kích động đến cực điểm, hấn tách ra khỏi bày và chạy tắt ngang 1 dải đất hẹp nơi nhánh sông nhỏ lượn quanh thành 1 vòng cung rộng. Bắc không hay biết điều đó, và trong khi Bắc cứ chạy theo vòng lượn của dòng sông, con thỏ như 1 bóng ma băng giá vù vút theo bay trước mặt nó, thì bỗng thấy 1 bóng ma khác băng giá, lớn hơn, từ mũi đất bên bờ vọt ra chắn ngang trên đường con thỏ chạy. Đó là Xpít. Con thỏ không tài nào chuyển hướng kịp. Đang nửa chừng phóng tới, bị đôi hàm răng trắng bổ xuống cắn gãy sống lưng, nó kêu thét lên như tiếng hé hắt thanh của 1 con người bị đánh. Nghe tiếng kêu ấy, tiếng kêu của Sự Sống ngã nhào xuống từ tột đỉnh của Sinh Tồn rơi vào nanh vuốt của Thần Chết, toàn bộ bày chó nổi sau gót Bắc đồng thanh rộ lên 1 tiếng rú đầy khoái cảm.

Chỉ riêng Bắc là không kêu lên 1 tiếng nào. Nó không dừng chân lại, mà phóng sang phía Xpít. Vai nó húc vào vai đối thủ, đà đi quá mạnh nên nó vồ trượt cổ họng của Xpít. Chúng lẫn nhào mấy vòng trong đám tuyết bay tung thành bụi. Xpít lật mình đứng thẳng dậy được ngay như thể vừa rồi không hề bị hất ngã, cắn 1 miếng toạc vai Bắc rồi nhảy tránh xa ra 1 bên. 2 lần răng hấn bập mạnh như 2 hàm thép của chiếc bẫy, cắn xong lại nhảy lùi ra để tạo thế đứng chân vững hơn, mép nhếch lên giần giật nhăn nhó và găm rít.

Trong chớp mắt Bắc vụt hiểu. Thời điểm đã đến. Trận tử chiến là đây rồi. Trong khi nó cùng Xpít lượn vòng quanh nhau, găm gào, tai kéo xệch ra đằng sau, tinh tường quan sát rình cơ hội xông vào giành lợi thế, Bắc nhìn

thấy cảnh tượng diễn ra như quen thuộc từ lâu. Dường như nó nhớ lại tất cả: cũng khu rừng trắng xoá này, cũng ánh trắng này, cũng tinh thần chiến đấu hùng hực này. Bao trùm lên cảnh vật trắng toát và im lặng là 1 sự yên tĩnh ma quái rừng rợn. Không có 1 tí thì thảo nào của thỉnh không - không gì động đây, đến 1 ngọn lá nhỏ cũng không lung lay, hơi thở của lũ chó động lại nhìn thấy rõ, lừ đừ bốc lên và vương vất mãi giữa không trung lạnh giá. Chúng nó, những con sói mới được thuần hoá đang dở, chúng nó đã thanh toán xong ngay con thỏ Bắc cực, và giờ đây chúng được tập hợp lại dân thành 1 vòng tròn chờ đợi. Bản thân chúng cũng yên lặng, chỉ có những cặp mắt đang ngời sáng và làn sương hơi thở của chúng đang chậm rãi bốc lên. Đối với Bắc, cảnh tượng này chả có gì là mới mẻ lạ lùng cả nó đã hằng diễn ra trong thời cổ xưa. Dường như nó đã luôn luôn là thói thường của sự vật, mãi cho đến nay vẫn thế.

Xpít là 1 đầu sĩ có kinh nghiệm. Từ Xpítxbogân qua tận Bắc cực, rồi qua Canada và vùng đầm lầy Berân, đâu đâu hắc cũng đã đối địch được vững vàng với chúng. Con điên giận của hắc dù có sôi lên ghê gớm đấy nhưng không bao giờ là cơn giận mù quáng. Nung nấu ý muốn giày xé và huỷ diệt, hắc không hề quên rằng kẻ địch của hắc cũng nung nấu ý muốn giày xé và huỷ diệt giống như hắc. Hắc chẳng bao giờ lao vào đối phương nếu chưa chuẩn bị đầy đủ để đương đầu với 1 đòn lao vào của đối phương; chả bao giờ tấn công nếu chưa bảo vệ được mình chẳng lại cuộc tấn công của đối phương.

Bắc cố gắng hết sức nhưng không tài nào thọc được hàm răng mình vào cổ con chó trắng to lớn. Đôi lúc hàng nanh của nó lao tới nhằm vào nơi thịt thì lại vấp phải hàng nanh của Xpít. Nanh choảng vào nanh, mép rách toạc và bật máu, nhưng Bắc không lọt qua được miếng thủ thế của kẻ địch. Thế là Bắc sôi sục lên, vây kín Xpít trong 1 cuộc tấn công lẫn xả vào tới tấp như cơn lốc. Hết lần này lại lần khác, Bắc cố gắng tìm cách thọc răng vào mảng cổ họng trắng như tuyết, nơi mà sự sống đang sủi bọt sát ngay dưới mặt da, nhưng mỗi lần và tất cả những lần như vậy Xpít đều bỏ vào nó 1 miếng cắn rách toạc rồi vọt ra. Bắc bèn dùng cách xông vào làm ra vẻ như muốn nhằm vào họng đối thủ, nhưng bất thần quay ngoắt đầu lại và uốn cong sườn dùng vai lao mạnh vào vai Xpít như 1 nhát búa nện hông hất ngã Xpít. Nhưng

không những không làm gì được, mà mỗi lần xông vào Bắc lại còn bị cản toạc vai trong khi Xpít nhẹ nhàng vọt tránh ra ngoài.

Xpít vẫn nguyên vẹn không chút sây sát, còn Bắc thì đầm đìa máu và hôn hên thở gấp. Trận chiến đấu dần trở thành tuyệt vọng. Trong suốt thời gian ấy, vòng tròn những con vật sói lang im thin thít kia vẫn đang chờ đợi để kết liễu đời con chó nào ngã xuống.

Thấy Bắc kiệt lực dần, Xpít bắt đầu chuyển sang thế tấn công, lao vào tới tấp, làm Bắc cứ phải loạng choạng để tìm cách trụ lại thế đứng thẳng. 1 lần Bắc bị hất nhào, thế là toàn bộ vòng tròn 60 con vật kia vội trườn tới. Nhưng Bắc đã trụ lại được hầu như ngay khi đang bị hất bổng lên giữa không trung, và vòng tròn kia lại rút lại và chờ đợi.

Tuy nhiên, Bắc lại có 1 đức tính nâng nó lên 1 tầm vóc lớn: óc sáng tạo. Nó chiến đấu bằng bản năng nhưng nó còn có thể chiến đấu bằng trí nữa. Nó xông đến, làm ra vẻ như định dùng miếng đòn hất vai như trước, nhưng đến giây lát cuối cùng thì rập mình xuống thấp sát mặt tuyết và lao vào. 2 hàm răng của nó bập vào chân trước bên trái của Xpít. 1 tiếng xương gãy giòn đánh rắc. Thôi thế là con chó trắng chỉ còn có 3 chân bám trụ để đối đầu với nó. 3 lần Bắc cố tìm cách hất ngã hẳn, rồi Bắc gập lại mưu mẹo trên và nghiêng gãy chân trước bên phải của Xpít. Mặc dù đau đớn và hết phương cứu vãn, Xpít vùng vẫy điên cuồng để giữ cho mình khỏi đổ. Hẳn nhìn thấy vòng tròn những con thú lặng ngắt, với những cặp mắt sáng ngời, những chiếc lưỡi thè dài, và giải hơi thở đọng lại màu ánh bạc lững lờ bốc lên, vòng tròn ấy đang khép dần, sát lại gần hẳn y như hẳn đã từng nhìn thấy những vòng tròn giống như vậy khép dần lại quanh những địch thủ bị hẳn đánh bại trước kia. Duy chỉ có lần này chính hẳn là kẻ bị đánh bại.

Hẳn chẳng còn chút hy vọng gì nữa. Bắc không mấy may động lòng. Lòng thương hại là 1 điều chỉ dành cho những môi trường hiền hoà thôi. Bắc chuẩn bị cho miếng đòn lao vào cuối cùng. Vòng tròn những con chó étkimô đã khép chặt lại đến mức Bắc có thể cảm thấy hơi thở của chúng phả vào bên sườn Bắc. Bắc có thể nhìn thấy chúng ở bên kia Xpít và cả ở mọi phía, nó hơi thu mình xuống trong tư thế lấy đà sẵn sàng vọt tới, những cặp mắt dán chặt vào hẳn. Không gian lắng xuống, như có 1 giây phút tạm nghỉ. Mọi con vật im phăng phắc như đều đã biến thành tượng đá. Chỉ riêng Xpít

run rẩy lông dựng đứng loạng choạng đảo tới đảo lui, gào lên những tiếng đe dọa khủng khiếp như để xua đuổi cái chết đang lơ lửng trên đầu.

Thế rồi Bắc bật nhảy vào rồi lại lao ra. Lần này, khi nó lao vào, miếng đòn vai cuối cùng đã hất được trúng thẳng vào vai địch. Vòng tròn đen sẫm tụ lại thành 1 điểm trên mặt tuyết tràn ngập ánh trắng, và Xpít biến mất không nhìn thấy đâu nữa. Bắc đứng thẳng và ngắm nhìn. Nhà vô địch đã thắng trận, con thú nguyên thủy thống soái đã hoàn thành trận đánh tiêu diệt, và hài lòng với trận đánh tốt đẹp của mình.

chương 4

Kẻ đã đạt tới quyền lực

-Ồ! Trông kia! Tớ nói không sai, cái con Bắc rõ bằng 2 con quỷ dữ chưa nào.

Đó là lời Phrăngxoa thốt lên sáng hôm sau, khi anh phát hiện là Xpít biến mất, còn Bắc thì mình đầy thương tích. Anh kéo Bắc đến gần ngọn lửa, và dưới ánh lửa, anh chỉ vào những vết cắn.

-Cái con Xpít ấy, hấn đánh thật khủng khiếp - Perôn vừa xem xét các vết toạc và vết thủng há hoác vừa nói.

-Còn cái con Bắc này, hấn đánh khủng khiếp gấp đôi - Phrăngxoa đáp - Thôi bây giờ thì ta sẽ đi được nhanh. Không còn Xpít nữa, là không còn rắc rối nữa, chắc chắn như thế.

Trong khi Perôn buộc lại món đồ lều đóng trại và chất các thứ lên xe, anh chàng lái xe tiến hành thẳng đai cương vào lũ chó. Bắc lon ton chạy lên vị trí của Xpít trước đây, ở đầu đàn. Nhưng Phrăngxoa không để ý đến nó, lại đưa Xônlếch đến cương vị đang được khao khát đó. Theo anh, trong số chó còn lại, Xônlếch là con đầu đàn tốt nhất. Bắc giận dữ nhảy bổ vào Xônlếch đánh bật Xônlếch lại, và đứng vào chỗ ấy.

Phrăngxoa vỗ đùi thích thú reo lên:

-Ồ kia! Ồ kia! Trông con Bắc kia! Hấn giết chết con Xpít rồi hấn tưởng là hấn thay được Xpít cơ đấy!

Anh thốt lên:

-Cút đi! Xéo!

Nhưng Bắc cứ ỳ ra đấy, không nhúc nhích.

Anh tóm lấy gáy Bắc, và mặc dù Bắc gầm gừ với giọng hăm dọa, anh lôi Bắc ra 1 bên và lại đặt Xônlếch vào chỗ ấy. Con chó già không muốn thế, và tỏ rõ ý là nó sợ Bắc. Phrăngxoa không hề lay chuyển, anh cứ làm theo ý anh, nhưng khi anh vừa quay lưng thì Bắc lại hất Xônlếch ra khỏi chỗ, còn Xônlếch thì cũng sẵn sàng bỏ đi chứ chẳng thiết tha chút nào.

Phrăngxoa nổi giận:

-Nào, đồ khốn! Bây giờ thì tao cho mày 1 trận - anh thét và trở lại với 1 chiếc dùi cui nặng trong tay.

Bắc vụt nhớ lại con người mặc áo nịt đỏ, nó từ từ bước giật lùi; nó cũng không còn tìm cách xông vào đánh Xônlếch khi lão này lại 1 lần nữa được lôi lên. Nhưng nó lượn vòng sát ngay ngoài tầm chiếc dùi cui, gầm gào quyết liệt và điên giận. Và trong khi lượn vòng, nó vẫn để mắt theo dõi chiếc dùi cui để tránh nếu Phrăngxoa ném vào nó bởi vì đối với cái khoản dùi cui này, Bắc đã lắm kinh nghiệm rồi.

Anh chàng đánh xe bắt tay vào việc của mình, và khi anh đã chuẩn bị sẵn sàng để đặt Bắc vào vị trí cũ của nó, phía trước Đêvơ, anh gọi Bắc. Bắc giật lùi 2, 3 bước. Sau vài lần như vậy, Phrăngxoa vứt chiếc dùi cui xuống đất, vì anh tưởng rằng Bắc sợ bị đánh đòn. Nhưng không phải. Bắc tỏ thái độ chống đối rõ ràng. Không phải nó muốn tránh trận đòn dùi cui, mà nó muốn chiếm được cương vị đầu đàn. Cương vị ấy phải là của nó, nó có quyền xứng đáng được hưởng. Nó đã chiến đấu mà giành được, thì nó sẽ không thể nào vừa lòng với 1 địa vị thấp kém hơn.

Perôn cũng phải ra tay. Cả 2 người đuổi Bắc chạy quanh trong gần 1 tiếng đồng hồ. Họ ném dùi cui vào nó. Nó né tránh. Họ chửi rủa nó, chửi cả cha ông đã sinh ra nó chửi rủa tất cả con cái chút chút mà nó sẽ sản sinh ra, chửi rủa mọi sợi lông trên mình nó, mọi giọt máu trong thân thể nó. Còn nó thì nó trả lời lại những câu chửi bằng những tiếng gầm gừ, và cứ giữ khoảng cách ngoài tầm tay 2 người. Nó chẳng tìm cách bỏ chạy xa, mà chỉ lùi, hết quanh bên này lại quanh bên nọ xung quanh nơi đóng trại, hiển nhiên tỏ ý báo cho họ biết rằng khi nào điều mong muốn của nó được toại nguyện thì nó sẽ vào chỗ và sẽ ngoan ngoãn.

Phrăngxoa ngồi xuống vò đầu bứt tai. Perôn cứ nhìn đồng hồ rồi rửa. Thời gian bay qua nhanh, đáng lẽ họ đã lên đường được 1 tiếng rồi.

Phrăngxoa lại vò đầu bứt tóc. Anh lắc đầu rồi quay sang nhìn nhử cười ngao ngán với anh chàng giao liên. Perôn nhún vai ý bảo họ bị thua nó rồi Phrăngxoa bèn đến chỗ Xônléch đứng, rồi gọi Bắc. Thế là Bắc cười, cười theo kiểu của chó, nhưng vẫn đứng cách 1 khoảng. Phrăngxoa cởi các dây buộc Xônléch ra rồi đưa Xônléch trở về chỗ cũ. Đàn chó thẳng vào xe nối liền nhau thành 1 hàng không gián đoạn, sẵn sàng lên đường. Bây giờ thì không còn chỗ nào khác cho Bắc, ngoài chỗ đứng đầu đàn kia. Lần nữa Phrăngxoa lên tiếng gọi, và lần nữa Bắc lại cười nhưng cứ đứng xa.

-Vút chiếc đuôi cui đi! - Perôn ra lệnh.

Phrăngxoa làm theo. Thế là Bắc lon ton chạy vào, cười đắc thắng, và quay mình đứng vào chỗ đầu đàn chó. Đai cương được thắng mình nó, chiếc xe trượt phá vỡ lớp băng bám giữ ở càng, lướt tới, và với cả 2 người cùng chạy bộ, tất cả lao nhanh về phía con đường trên mặt sông.

Dù trước đây anh chàng đánh xe chó đã đánh giá Bắc khá cao khi anh bảo là Bắc bằng 2 con quỷ dữ nhưng đến bây giờ, khi ngày lao động hầy còn dài, trời còn sớm sủa, anh đã nhận thấy là mình hầy còn đánh giá thấp Bắc. Vụt 1 cái Bắc đảm nhiệm trôi chảy ngay công việc đầu đàn, và ở chỗ nào cần phải có sự phán xét, cần suy nghĩ nhanh, hành động nhanh, thì ở đấy Bắc đã tỏ ra xuất sắc hơn cả Xpít, mà trước kia thì Phrăngxoa chưa bao giờ gặp con chó nào sánh kịp Xpít cả.

Đặc biệt Bắc trội hẳn trong vấn đề bắt lũ bạn nghề phải theo ý mình và phải rậm rập vào khuôn phép. Đêvơ và Xônléch thì chả màng bạn tâm gì đến sự thay đổi kẻ cầm đầu. Đó không phải là việc của chúng. Việc của chúng là lao động, và lao động cật lực, trong vòng đai cương. Chừng nào điều đó không bị ai quấy rầy, thì có xảy ra việc gì cũng mặc, chúng chả cần để ý tới. Ngay cả tên Bili lành như đất kia có lên làm chỉ huy thì chúng cũng chấp nhận thôi, chả việc quái gì phải thắc mắc, nếu như nó duy trì được trật tự. Nhưng còn những con chó khác trong đàn, thì trong những ngày cuối cùng của Xpít, chúng đã trở thành ngỗ ngược, và bây giờ chúng ngạc nhiên hết sức khi thấy Bắc lại ghép chúng vào kỷ luật.

Paico, ở vị trí kéo xe sát ngay sau Bắc, từ trước đến nay chỉ kéo lấy lệ vì bị bắt buộc, chứ chưa bao giờ chịu dần thêm được 1 lạng nào của trọng lượng mình nó vào chiếc day da quàng ngang ức, ấy thế mà lần này liên tiếp

bị hất lắc, nhún nhở luôn vì cái tội lười nhác, nên trước khi ngày lao động đầu tiên kết thúc, nó đã chịu nài lưng ra kéo mạnh hơn bất kỳ lúc nào trước đây trong đời nó. Đêm đóng trại đầu tiên, Jô, con chó cái bản, bị trừng trị đến nơi đến chốn - 1 điều mà trước kia Xpít không bao giờ làm nổi. Bác đơn giản chỉ có dùng cái cái thề xác nặng cân hơn hẳn của mình mà đè trum lên kia, làm cho hấn ngột ngạt, rồi tới tấp thọc cắn cho đến khi hấn thôi không còn dám tấp lại nữa và bắt đầu phải rên rỉ để xin tha.

Khí thế chung của đàn chó lập tức khá lên trông thấy. Nó đã trở lại với sự thống nhất trước kia, và 1 lần nữa, mọi con như 1 lại nhảy cùng 1 nhịp trong vòng dây kéo. Tại khu vực Thác Rinh, đàn được bổ sung thêm 2 con chó étkimô địa phương Tích và Kuna. Bác đã kèm cặp đưa chúng vào làm quen được với công việc 1 cách mau lẹ đến nỗi Phrăngxo phải sừng sốt kêu lên:

-Trời đất quỷ thần! Chưa có bao giờ có con chó nào như con Bác cả! Chưa bao giờ! Hấn đáng đến 1000 đôla ấy chứ! Ê! Cậu thấy thế nào, Perôn?

Và Perôn gật đầu. Lúc này anh đã vượt được kỷ lục, và càng ngày lại càng được dôi thêm. Con đường trên băng đã trở nên tốt tuyệt vời, được nện chặt và rắn chắc, và không có tuyết mới rơi thêm khiến phải chiến đấu để vượt qua. Trời không quá rét. Nhiệt độ tụt xuống âm 50 độ và dừng lại mức đó trong suốt chuyến đi. 2 người thay nhau khi ngồi xe khi chạy bộ, bắt lũ chó thường xuyên chăm chỉ phóng tới, hoả hoăn mới phải dừng lại đôi lúc.

Con sông "30 dặm" tương đối phủ kín băng, và chỉ trong 1 ngày chạy ra, họ vượt được trọn cả 1 quãng đường đã ngón mắt của họ 10 ngày lúc đi vào. Họ chạy 1 thôi phóng qua được 60 dặm từ bờ hồ Lơ Bácgiơ đến thác "Ngựa trắng". Qua các hồ Mác-ê, Têghiê và Bennét (dãy hồ dài 70 dặm), đàn chó lao nhanh đến nỗi người đến phiên chạy bộ phải túm lấy 1 sợi dây cho chiếc xe lôi tuột mình theo đằng sau. Và đến đêm cuối của tuần thứ 2, họ đã leo lên đỉnh "Đèo Tuyết" rồi đổ dốc xuống bờ biển, nhìn thấy dưới chân mình lấp lánh những đốm ánh sáng của thành phố Xkeguê và của những con tàu trên mặt nước.

Thật là 1 chuyến chạy kỷ lục. Trong 14 ngày liền, mỗi ngày họ chạy được trung bình 40 dặm. Tại Xkeguê, suốt 2 ngày Perôn và Phrăngxo ưỡn ngực tự hào phấn khởi đi lên đi xuống dọc đường phố chính và tới tấp được

người ta mời đánh chén, trong khi đó thì đàn chó của 2 anh liên tục bị vây kín giữa 1 đám đông người dạy chó và chủ chó kéo xe ngắm nghía ngưỡng mộ.

Nhưng rồi có 3, 4 tên vô lại từ miền Tây đến với mưu đồ quơ sạch của cải trong thành phố, được người ta thưởng cho những loạt đạn lỗ chỗ khắp người chết thẳng cẳng, và thế là sự chú ý của công chúng lại chuyển sang mục tiêu khác.

Tiếp đó, có lệnh điều động của chính phủ truyền xuống, Phrăngxoa gọi Bắc đến, quàng tay ôm lấy nó, gục đầu vào mình nó khóc từ biệt. Và đó là phút cuối cùng cạnh Phrăngxoa và Perôn. Cũng như bao người khác trước đây, họ đi ngang qua rồi biến khỏi cuộc đời của Bắc không bao giờ trở lại.

1 chủng người lai Xcôtlen tiếp nhận Bắc và lũ bạn nghề của nó. Rồi cùng với 10 đàn chó kéo xe khác, Bắc bắt đầu ngược trở lại con đường chán ngắt hướng về Đoxân. Bây giờ thì không còn chạy được nhẹ nhàng nữa, cũng không còn kỷ lục về thời gian, mà là ngày ngày lao động cực nhọc, nặng nề, kéo theo sau 1 khối nặng trình trịch. Bởi vì lần này là đoàn xe chở thư, mang những lời nhắn gửi từ khắp nơi chuyển đến những con người đang tìm vàng giữa bóng tối vùng Bắc Cực.

Bắc chả thích nhưng nó đủ nghị lực chịu đựng được công việc, tự hào với công việc ấy theo lối của Đêvơ và Xônléch, và lo liệu sao cho lũ bạn của mình, dù chúng có tự hào với việc ấy hay không, cũng phải đóng góp phần chính đáng của chúng. Cuộc sống thật là đơn điệu, vận động đều đều như cái máy. Ngày này giống hệt ngày khác. Đến 1h nào đó mỗi buổi sáng tỉnh mơ, những anh đều bếp trở dậy, lửa lập loè nhóm lên, rồi tất cả ăn bữa sáng. Tiếp đó, trong khi 1 số người nhổ trại, 1 số khác thắng đai cương vào chó, và họ lên đường vào khoảng 1 tiếng trước khi trời rạng sáng. Đêm đến lại đóng trại. 1 số người dựng lều, 2 số hái củi và chặt cành thông lót chỗ nằm, 1 số khác mang nước hoặc những tảng băng đến cho những anh đầu bếp. Các con chó cũng được ăn uống. Đối với chúng, đây là tiết mục hấp dẫn nhất trong ngày, dù rằng còn có cái thú đi chơi rong, sau khi chén xong khẩu phần cá, loanh quanh dạo khoảng chừng 1 tiếng với những con chó khác, lũ chó đông đến 100 con có lẽ. Trong bọn chúng có những đấu sĩ hung dữ, nhưng chỉ cần 3 trận với những tên hung dữ nhất là đã đủ đưa Bắc

lên địa vị thống lĩnh, và từ đó khi Bắc dựng đứng bờm lên và nhe răng ra là chúng liền tránh lối cho nó đi.

Có lẽ điều mà Bắc yêu thích hơn cả là nằm bên đống lửa, chân sau xếp dưới bụng, chân trước duỗi trước mặt, đầu ngẩng lên, đôi mắt chập chờn mơ màng nhìn ngọn lửa. Thịnh thoảng nó nhớ lại ngôi nhà lớn của ông thẩm Milor trong thung lũng Xanta Clara mơn man ánh nắng, cái bể bơi xây xi măng, nhớ lại Idaben, con chó Mêhicô trần trụi, và Put, con chó Nhật bản; nhưng thường hay nhớ nhất là cái lão mặc áo nịt đỏ, cái chết của Coli, cuộc chiến đấu dữ dội với Xpít và mọi thứ ngon lành mà nó đã ăn và muốn ăn. Trong lòng nó không có cái nỗi nhớ nhà da diết. Vùng đất phương Nam đầy ánh nắng đã rất mờ nhạt và xa xăm, và những ký ức kia không còn có sức tác động gì đối với nó. Có những thứ khác có sức mạnh hơn rất nhiều: đó là những ký ức di truyền của dòng giống, những ký ức đã tạo ra cho những vật mà trước đây nó chưa hề nhìn thấy bao giờ 1 cái vẻ thật là thân thuộc. Những bản năng (không có gì khác hơn là những ký ức của tổ tiên nó dần dần trở thành thói quen) vốn đã tắt dần đi trong những thời kỳ về cuối, vậy mà nay, đến nó, tuy càng về cuối hơn nữa, nhưng lại trỗi dậy và sống lại.

Thịnh thoảng, giữa lúc nó nằm thu hình ở đấy, chập chờn mơ màng nhìn ngọn lửa, nó bỗng thấy dường như ánh bập bùng kia là từ 1 thứ lửa khác phát ra, và nó nhìn thấy con người trước mặt nó không phải là anh chàng đầu bếp người lai kia nữa, là 1 con người khác hẳn. Con người này chân ngắn hơn, tay dài hơn, có những bắp thịt cuộn cuộn như dây chảo và cõn lên nhiều chứ không phải những bắp thịt tròn trĩnh căng phồng. Tóc của người này dài và dài như tấm thảm, và đầu gã từ đôi mắt trở lên vát hẳn về phía sau khuất vào trong đám tre rậm ấy. Gã phát ra những tiếng kỳ lạ và có vẻ như rất sợ bóng tối, luồng mắt liên tục xoáy vào màn đêm dày đặc nắm khư khư trong bàn tay thông quá đầu gối 1 cái gậy, đầu gậy có hòn đá nặng buộc chặt. Gã hầu như trần truồng, chỉ có 1 tấm da rách tả tơi và cháy sém rủ lưng chừng xuống lưng gã, nhưng người gã phủ đầy lông lá. ở 1 vài chỗ, ngang ngực và vai, và dọc mặt ngoài cánh tay cùng bắp đùi, lông quện lại thành những đốm dày cộp. Gã không đứng thẳng, mà thân gã từ hông trở lên đổ về phía trước, đầu gối hơi khuỵu xuống. Toàn thân gã toát ra 1 vẻ đặc biệt, như mang tính đàn hồi, hoặc như đang nhún xuống sẵn sàng bật nảy,

gần giống như con mèo, và 1 vẻ cảnh giác thính nhạy của kẻ sống thường xuyên trong môi hải hùng, lo sợ những thứ nhìn thấy được cũng như không nhìn thấy được.

Có những lúc, con người lông lá đó lại ngồi chồm hổm bên đồng lửa, đầu kê giữa 2 chân mà ngủ. Những lúc ấy 2 cùi tay gã chống trên đầu gối, 2 bàn tay chắp lại trên đầu như muốn dùng 2 cánh tay lông lá để che mưa. Và phía bên kia đồng lửa, trong vòng tròn bóng tối vây quanh, Bắc có thể nhìn thấy nhiều đóm than cháy sáng óng ánh, từng đôi một, khi nào cũng từng đôi, từng đôi một, mà Bắc biết là những cặp mắt của lũ thú lớn săn mồi. Bắc có thể nghe thấy tiếng va chạm xoàn xoạt của thân thể chúng băng qua bụi bờ và những tiếng độ chúng gây ra trong đêm thanh vắng. Trong khi Bắc nằm mơ màng ở đấy, cạnh bờ sông I-u-con, với đôi mắt lơ lơ chập chờn nhìn ánh lửa, tất cả những thứ âm thanh và cảnh vật ấy của 1 thế giới khác biệt, thường làm nó rớn cả lông dọc theo sống lưng, bờm lòng ngang vai và cổ dựng ngược cả lên, cho đến khi nó bật ra 1 tiếng rên âm thầm và nghẹn tắc hoặc 1 tiếng gừ khe khẽ, và anh chàng người lai đầu bẹp lại lên tiếng quát: "Ê! Tên Bắc kia! Tỉnh dậy đi!" Thế là cái thế giới kia lập tức biến mất, và cái thế giới thực lại hiện ra trước mắt nó, nó đứng dậy, ngáp dài rồi đuổi mình như thể vừa rồi nó đã ngủ thật.

Chuyến đi ấy thật là gian khổ, với khối bưu kiện trình trịch kéo theo sau, và công việc nặng ngọc làm lũ chó kiệt sức dần. Khi tới Đoxân, chúng sút hẳn cân và trông thật tiêu tụy. Đáng lẽ ra chúng phải được nghỉ ít nhất là 10 ngày hoặc 1 tuần. Thế nhưng chỉ 2 ngày sau là chúng lại đã phải lên đường, từ mé rừng Berot tụt xuống bờ sông I-u-con, kéo theo 1 khối nặng thư từ chuyển ra bên ngoài. Lũ chó mệt nhoài, những chàng lái xe cần nhằn, và 1 điều khiến tình hình càng thêm điều đứng là ngày nào cũng có tuyết rơi. Điều đó có nghĩa là mặt đường mềm nhũn ra, ma sát vào càng xe lớn hơn, và đàn chó phải kéo nặng nhọc hơn. Tuy nhiên các chàng lái xe cũng công bằng, và họ cố gắng hết sức chăm lo cho chúng.

Đêm đêm dừng lại, họ săn sóc đàn chó trước tiên. Chúng được ăn trước khi người ăn, và mỗi người đều chăm nom xem xét các bàn chân của lũ chó xong rồi mới lo sắp xếp chỗ ngủ cho mình. Tuy vậy, sức khỏe của chúng vẫn suy sụp dần. Kể từ đầu mùa đông, chúng đã chạy 1800 dặm quả là thấm

thía, cả đôi với những con vật dai sức nhất. Bắc chịu đựng được, đồng thời phải trông coi cho lũ bạn nghề của nó tiếp tục làm việc tốt và duy trì kỷ luật, mặc dù bản thân nó tiếp tục làm việc tốt. Bili đêm nào cũng kêu la rên rĩ trong giấc ngủ. Giờ trở nên cáu bẳn hơn bao giờ hết. Còn lão Xônléch thì không kẻ nào dám đến gần, cả bên mắt mù và bên mắt không mù của lão.

Nhưng Đêvơ là kẻ đau đớn nhiều nhất. Có 1 cái gì đó không ổn định trong mình gã. Gã trở nên ủ ê hơn và dễ bẳn tính hơn. Lúc đứng lại đóng trại nghỉ là gã lập tức đào tổ nằm, và người lái xe phải đưa thức ăn đến tận chỗ nằm cho gã. Mỗi khi đã được tháo ra khỏi đai cương và nằm xuống là gã nằm miết, không đứng dậy nữa, cho đến tận giờ thắt đai cương sáng hôm sau. Thỉnh thoảng trong vòng dây kéo, thì bị giật mạnh vì chiếc xe trượt tuyết dừng đột ngột hoặc vì kéo căng dây để lôi xe đi, gã kêu thét lên đau đớn. Người lái xe xem xét gã cẩn thận, nhưng không phát hiện ra được cái gì cả. Tất cả các chàng lái xe đều quan tâm đến tình trạng sức khỏe của gã. Họ trao đổi về cái đau của gã trong khi họ ngồi ăn, trong khi họ cùng nhau rít tẩu thuốc cuối cùng trước lúc đi ngủ, và 1 đêm họ cùng nhau khám bệnh cho gã. Họ bê gã từ trong ổ nằm đến bên đống lửa, rồi họ đè, họ nắn, họ chọc vào chỗ này chỗ nọ cho đến khi gã kêu rú lên nhiều lần. Họ biết gã bị đau cái gì đó ở bên trong, nhưng họ không xác định được là cái gì, không tìm thấy được chỗ xương nào bị gãy, cũng không tìm ra được là đau ở đâu.

Vào lúc đoàn người và chó đến mỏm núi Kexio, gã đã quá yếu, đến nỗi gã nhiều lần ngã xuống trong vòng dây kéo. Anh chàng người lai Xcôtlen hô dừng lại và đưa gã ra ngoài đàn chó, buộc con chó kế tiếp là Xônléch vào chiếc xe trượt. Anh có ý cho Đêvơ được nghỉ ngơi, để cho gã chạy không ở đằng sau xe. Nhưng, dù ốm đến như vậy, Đêvơ rất phật ý vì bị đưa ra ngoài, gã càu nhàu và gầm gừ khi người ta tháo các dây kéo ra khỏi mình gã, và rên rĩ đến nỗi cả lòng khi gã nhìn thấy Xônléch thay thế vào vị trí mà gã đã giữ và phục vụ từ bao lâu nay. Bởi vì lao động trên vệt đường mòn chính là niềm tự hào của gã, và dù ốm đến gần chết gã vẫn không thể nào chịu được khi thấy 1 con chó khác gánh mất phần việc của gã.

Khi chiếc xe trượt tuyết bắt đầu chuyển động, gã loạng choạng thì thụp trong bãi tuyết mềm dọc bên đường, dùng răng công kích Xônléch, đâm bỏ

vào Xônlếch và cố gắng để hất Xônlếch sang phía tuyết mềm bên kia đường, ra sức tìm cách nhảy vào trong vòng dây kéo và len vào giữa Xônlếch và chiếc xe trượt và suốt trong quá trình đó gã rên rỉ, kêu ăng ẳng, rú lên những tiếng sàu nảo và đau đớn. Đêvơ cự tuyệt không chịu chạy thanh thản trên đường mòn phía sau xe, là nơi gã có thể chạy dễ dàng, mà cứ tiếp tục loạng choạng lặn lội trong đám tuyết mềm dọc theo đường là nơi khó đi nhất, cho đến khi gã kiệt sức ngã xuống. Gã nằm bẹp nơi gã vừa ngã gục, gào lên nảo nùng trong khi dãy dài các xe trượt khuấy tung bụi tuyết nổi tiếp lướt qua.

Thu hết sức tàn, gã cố gắng đứng dậy lao đảo bước theo sau, cho đến khi đoàn xe dừng lại 1 lần nữa. Nhân lúc này, gã loạng choạng cố tiến lên vượt qua những chiếc xe trượt cho đến khi tới được chiếc xe của mình, và dừng lại bên cạnh Xônlếch.

Người lái xe nán lại 1 lúc để đến cạnh người đi sau chằm nhờ tẩu thuốc. Đoạn anh quay lại và thúc đàn chó bước đi. Nhưng khi cất bước để ngoặt ra giữa đường thì kỳ lạ chưa, chúng đi nhẹ tênh không phải ráng sức gì cả. Chúng bần khoản, quay đầu lại nhìn rồi đứng sững kinh ngạc. Người lái xe đứng sững sốt. Chiếc xe trượt vẫn nguyên tại chỗ, chưa dịch đi tí nào. Anh gọi các bạn anh cùng chứng kiến cảnh tượng vừa xảy ra: Đêvơ đã cắn đứt cả 2 sợi dây kéo của Xônlếch từ bao giờ và đang đứng ngay trước chiếc xe trượt tuyết ở đúng vị trí của gã trước kia.

Qua đôi mắt của Đêvơ, người ta thấy gã đang van nài xin được tiếp tục ở lại vị trí ấy. Người lái xe thật là bối rối. Các bạn anh sôi nổi bàn tán. Họ nói rằng 1 con chó có thể đau lòng đến như thế nào khi bị người ta từ chối không giao cho nó 1 công việc mà người ta biết là làm thì nó chết mất. Họ kể lại những chuyện mà họ đã biết về những con chó quá già không thể lao động nặng được nữa hoặc bị thương, khi bị tháo ra khỏi các dây thừng thì buồn rầu mà chết. Họ cũng bàn rằng, vì Đêvơ thế nào rồi cũng chết, âu la cứ cho gã được chết trong vòng đai cương, cho gã vui lòng thì cũng là làm ơn cho gã. Do đó, họ lại thừng đai cương vào cho gã. Và thế là gã lại đầy vẻ tự hào gò lưng kéo như xưa, mặc dù nhiều lúc gã đã không nén được những tiếng kêu rú lên vì con đau bên trong cắn xé gã. Đôi khi gã ngã xuống, và bị

kéo lả đi trong vòng dây thừng, và 1 lần chiếc xe trượt đề lên gã, làm bị thương 1 chân sau của gã và sau đó gã phải chạy khắp khiêng.

Nhưng gã vẫn ráng sức chịu đựng, mãi cho đến khi dừng lại đóng trại nghỉ đêm. Người lái xe xếp 1 chỗ nằm cho gã bên đống lửa. Sang hôm sau, gã đã quá yếu xem chừng khó mà đi được. Đến giờ thặng đai cương, gã cố lết đến chỗ người lái xe của mình. Bằng những cố gắng vất vả, gã ráng sức đứng lên, lảo đảo, rồi lại ngã vật xuống. Nhưng rồi gã lại vịn mình chậm chạp trườn lên bò về phía những bạn nghề của gã đang được thặng cương. Gã duỗi 2 chân trước ra và bằng 1 thứ động tác giật mạnh, kéo cả thân mình lên, rồi lần nữa lại duỗi 2 chân trước ra và lại co mình lên, nhích được thêm vài inch nữa. Nhưng sức gã kiệt dần, và phút cuối cùng các bạn nghề của gã còn nhìn thấy gã là lúc gã đang nằm thở hổn hển trên mặt tuyết và gã nhìn theo chúng bằng đôi mắt khát khao. Nhưng sau đó, chúng vẫn còn nghe được tiếng hú thê thảm của gã vọng theo mãi cho đến khi chúng đi khuất hẳn đằng sau 1 rừng cây bên dòng sông.

Đến đây đoàn xe dừng lại. Anh chàng người lai Xcôtlên chậm rãi quay trở về nơi họ vừa ra đi. Tất cả im bất không ai chuyện trò nữa. 1 tiếng súng lục vang lên. Anh người lai hồi hã quay lại. Nhưng chiếc roi vút trong không khí, những chiếc nhạc ở cổ chó rung lên leng keng vui vẻ, những chiếc xe trượt lại khuấy tung bụi tuyết lướt trên đường. Nhưng Bắc hiệu, cũng như mọi con chó khác đều hiểu, cái gì đã xảy ra phía đằng sau rừng cây bên dòng sông.

chương 5

Lao khổ trên vệt đường mòn

30 ngày sau khi rời Đoxân, khối bưu kiện từ Xontoato kéo theo sau Bắc và lũ bạn nghề của nó đi đến Xkeguê. Tình trạng của lũ chó thật là thảm bại, chúng tả tơi và kiệt quệ. 140 pao của Bắc tụt xuống chỉ còn 115. Bạn nghề của nó, tuy là những con chó nhẹ cân hơn, nhưng so sánh theo cách tương đối thì lại sút cân nhiều hơn, Paico, tên hay giả ốm để trốn việc, trước kia trong cuộc đời gian dối của hắn đã từng thực hiện thành công thủ đoạn giả vờ đau chân, nay thì khắp khiêng thật sự chứ không còn là trò bịp nữa. Xônlech cũng khắp khiêng, còn Đóp thì đau đớn vì sai khớp 1 xương vai.

Tất cả bọn chúng đều đau chân dữ dội. Cơ thể chúng chả còn tí sức bật hoặc khả năng đàn hồi nào nữa. Bàn chân chúng nặng nề rơi từng bước xuống mặt đường mòn, làm chấn động mạnh toàn thân và nhún lên gấp bội nỗi mệt mỏi đến chết đi được ấy. Không phải là cái thứ mệt chỉ từ do 1 sự rã sức quá đáng nhưng ngắn ngủi, mệt như vậy thì chỉ nghỉ vài giờ là hồi sức ngay; mà đây là cái thứ mệt do sự tiêu huỷ thể lực từ từ và kéo dài suốt trong bao nhiêu tháng trời lao động cực nhọc. Không còn 1 khả năng phục hồi nào nữa, không còn tí sức lực dự trữ nào để mà vét ra nữa. Tất cả đã được sử dụng hết, cho đến tí chút hơi sức nhỏ nhất cuối cùng. Tất cả mọi cơ bắp, mọi thớ thịt, mọi tế bào đều mệt, mệt đến chết được. Vì sao mà mệt đến như vậy, thật đã quá rõ ràng. Trong không đầy năm tháng, chúng đã chạy đến 2500 dặm, và trong 1800 dặm cuối cùng, chúng chỉ được nghỉ có 5 ngày. Khi chúng đến Xkeguê, thì người ta thấy rõ ràng là chúng đã kiệt quệ, như chỉ còn thoi thóp. Chúng khó mà kéo cho căng được các dây thắng, và khi xuống dốc, sức chúng chỉ vừa đủ để xoay xở tìm cách tránh khỏi bị chiếc xe lao xuống đê phải.

-Nào! Cố lên đi! Khốn khổ chúng mày, đau chân quá mà! - người lái xe động viên chúng trong khi chúng bước lảo đảo không vững dọc đường phố chính của Xkeguê - Tí nữa thôi là hết! Rồi chúng mình sẽ nghỉ thật lâu! Nghe không? Chắc chắn như vậy! Nghỉ thật là lâu!

Những người đánh xe tin tưởng chắc chắn là họ sẽ được dừng lại nghỉ ngơi trong 1 thời gian dài. Chính bản thân họ cũng đã phải rong ruổi suốt 1200 mà chỉ mới nghỉ được có 2 ngày, mà theo sự hợp lý và lẽ công bằng chung cho tất cả mọi người thì họ xứng đáng được 1 thời gian nhàn gian dài rồi. Thế nhưng đã có quá nhiều người đổ xô vào vùng Klondai, mà có quá nhiều người yêu, người vợ, người thân của họ không cùng đổ xô vào đấy, cho nên đóng thư từ bưu kiện ứ lại chồng chất như núi; thêm nữa, lại có lệnh của chính phủ truyền tới. Thế là phải kiếm 1 lớp chó Vịnh Hât-xơn còn khoẻ nguyên để thay thế cho những con chó đã hết tác dụng, không còn kéo xe trên đường mòn được nữa. Những con hết tác dụng thì phải tống khứ đi và vì so với những đồng đôla thì chó cũng chả có giá trị gì mấy, cho nên người ta bán chúng đi đổi lấy đôla.

3 ngày trôi qua. Trong thời gian 3 ngày ấy, Bắc và lũ bạn nghề của nó cảm thấy cơ thể chúng sao mà mệt và yếu lả đi đến thế. Nhưng rồi đến sáng hôm thứ 4, có 2 gã đàn ông người Hoa Kỳ đến nơi này và mua chúng, cùng cả đại cương và mọi thứ, với 1 giá rẻ. 2 người ấy gọi tên nhau là "Han" và "Sác". Sác là 1 gã trung niên, da nâu nhạt, có đôi mắt yếu đuối ươn trớt, 1 bộ ria xoắn lại và vênh lên hung dữ, tương phản với nét môi ẻo lả ủ rũ cụp xuống khuất dưới bộ ria ấy. Han là 1 tay trai trẻ trạc 19, 20, có 1 khẩu súng còn to tướng và 1 con dao sẵn đeo ở chiếc thắt lưng cài tua tủa những đạn. Chiếc thắt lưng ấy là vật tiêu biểu nhất ở con người của gã. Nó thể hiện tính chất non nớt của gã, 1 sự non nớt hoàn toàn và khó mà diễn tả được. Cả 2 con người ấy rõ ràng là rất lạc lõng đối với nơi này. Vì lẽ gì mà họ phải mạo hiểm xông pha vào vùng đất phương Bắc này, điều đó là 1 phần trong màn bí ẩn của vạn vật mà mọi người không thể hiểu nổi.

Bắc nghe người ta cò kè mặc cả với nhau, thấy những đồng tiền trao qua đổi lại giữa người lạ với anh nhân viên nhà nước, thế là Bắc biết rằng anh chàng người lai Xcôtlên cùng những chàng lái xe khác của đoàn xe thư lại sắp sửa rời khỏi cuộc đời của Bắc theo gót Perôn. Phrăngxoa và những con người khác đã đi qua trước đây.

Khi Bắc cùng lũ bạn nghề của nó bị dẫn đến khu đóng trại của những người chủ mới, Bắc nhìn thấy 1 quang cảnh luộm thuộm và nhếch nhác, lều căng nửa vơi, bát đĩa bẩn không rửa vứt lổng chổng, mọi thứ lộn xộn bừa bãi. Bắc còn thấy 1 người đàn bà mà mấy gã đàn ông gọi là Mecxêđét. ả là vợ của Sác và chị của Han - 1 nhóm gia đình khá xinh xẻo.

Bắc để ý theo dõi họ, thấp thỏm e ngại, trong khi họ tiến hành dỡ lều và chất đồ lên chiếc xe trượt tuyết. Cung cách của họ phí rất nhiều công sức, mà chả có phương pháp ngăn nắp gì cả. Chiếc lều được cuộn thành 1 bó bùng nhùng, đáng lẽ ra có thể xếp gọn lại chỉ bằng 1 phần 3. Những chiếc đĩa thiếc chưa rửa, cứ thế gói lại đưa đi. Mecxêđét cứ liên tục xăng xít ngáng trở trước mặt 2 người đàn ông và luôn mồm huyên thiên can gián và góp ý. Khi họ đặt 1 túi đựng quần áo lên đầu chiếc xe trượt, thì Mecxêđét lại gợi ý cho họ là phải đặt ở cuối xe. Rồi khi đã đặt túi ấy vào thì ả lại muốn lôi cái túi ấy ra để bỏ vào đâu khác nữa. Và thế là họ lại phải tháo dỡ đồ đoàn ra khỏi xe để lôi cái túi ấy lên.

3 người đàn ông từ 1 chiếc lều bên cạnh bước tới và đứng nhìn, vừa nhìn vừa nhăn nhở nhẹ nhàng ra cười và nháy mắt với nhau.

-Các vị mang 1 khối tương đối đấy! - 1 người trong bọn họ lên tiếng - Chả phải tôi dám chỉ bảo cho các vị, nhưng tôi mà như các vị thì tôi chả khuân các lều ấy đi làm quái gì.

-Ôi! Thật không tưởng tượng nổi! - Mecxêđét kêu to, vung 1 cái cả 2 tay lên trời tỏ vẻ thất vọng 1 cách rất điệu - Không có lều thì làm thế nào mà sống được!

Người kia đáp:

-Sang xuân rồi! Các vị không gặp thời tiết giá rét nữa đâu!

Mecxêđét vẫn khẳng khẳng lắc đầu, và Sác với Han tiếp tục đặt những thứ linh tinh lặt vặt cuối cùng lên trên chóp cái đóng đồ đặc to như núi.

Mọi người khác hỏi:

-Liệu có kéo đi được không?

-Sao lại không? - Sác vặn lại cộc lốc.

-ồ! Thôi được, thôi được! - người kia vội vàng trả lời hiền lành - Tôi chỉ thắc mắc 1 tí thôi mà. Hình như nó có hơi nặng trên chóp đấy.

Sắc quay lưng và cố đem hết khả năng của mình ra để rút các dây buộc cho đồng đồ đặc hạ thấp xuống nhưng khả năng của y lại quá tồi.

1 người thứ 2 lên tiếng:

-Lũ chó kéo cái máy cái tiến này tất nhiên sẽ được dịp rèn luyện kịch liệt bộ chân suốt ngày đây!

-Hắn là thế! - hắn đáp lời với 1 vẻ lễ phép lạnh lùng, rồi 1 tay gã nắm lấy chiếc cần xe, tay kia vung roi lên - Mot-s! - gã thét - Mot-s! Đi!

-Lũ chó lao bỏ về đằng trước, đề lên đai ngựa, ra sức kéo 1 lát, rồi chững lại. Chúng không thể kéo chiếc xe nhích đi được chút nào.

-Đồ súc sinh lười biếng, tao sẽ cho chúng mày biết tay! - gã vẫn gào lên, vừa vung roi chuẩn bị quật xuống.

Nhưng Mecxêđét xông vào, kêu to:

-Han! Đứng em! - ả vội tóm lấy chiếc roi và giật ra khỏi tay Han - Ôi, những con vật đáng yêu tội nghiệp. Bây giờ em phải hứa với chị là từ đây đến hết chuyến đi em sẽ không tàn nhẫn với chúng nữa, nếu không thì thôi, chị sẽ không đi đâu hết.

Thằng em cười khẩy:

-Gớm, cái vốn hiểu biết của chị về chó đã quý hoá chưa! Tôi xin chị cứ để mặc tôi. Tôi bảo cho chị biết chúng nó lười nếu chị muốn chúng làm việc thì chị phải quật. Cái lỗi của chúng là như vậy. Chị cứ hỏi bất kỳ ai mà xem! Hỏi thử 1 ông kia kia!

Mecxêđét nhìn mọi người bằng đôi mắt van xin trên khuôn mặt xinh đẹp hiện rõ vẻ xiết bao ghê sợ không muốn nhìn thấy cảnh đau đớn.

1 trong những người đứng đây trả lời:

-Các vị muốn biết thì tôi xin thưa! Chúng nó yến nhũn ra như bún rồi. Đã làm việc kiệt hết sức rồi, vấn đề là như vậy đây. Chúng cần phải được nghỉ ngơi cái đã.

-Nghỉ cái con khỉ! - Từ đôi mép nhăn nhín của Han vang tiếng rủa, khiến Mecxêđét thốt lên 1 tiếng "ôi" đau đớn phiến não.

Nhưng ả lại là 1 con người trung thành với cánh của mình, nên ả liền vội quay lại bảo vệ cho em trai:

-Thôi đừng bận tâm đến lời ông ta nữa em ạ - ả nói - Em là người điều khiển đàn chó của chúng ta, thôi thì em thấy cần phải xử với chúng như thế

nào cho được việc thì em cứ làm.

Thế là cây roi của Han lại vụt xuống đàn chó. Chúng lao tới đè vào đai ngựa, chân đạp thọc sâu vào lớp tuyết nén chặt: rập mình xuống sát mặt tuyết, dốc cả toàn bộ sức lực. Nhưng chiếc xe trượt tuyết cứ trụ lại không nhúc nhích, như 1 cái mỏ neo cắm chặt. Sau 2 lần dốc sức, lũ chó đứng lặng, thở hổn hển. Chiếc roi đang vun vút rít 1 cách man rợ, thì Mecxêđét lại nhảy ra can thiệp 1 lần nữa. ả sụp xuống quỳ gối trước mặt Bắc, nước mắt lưng tròng, quàng 2 tay ả quanh cổ Bắc, kêu lên giọng đầy xúc cảm:

-Ôi, nhưng con vật tội nghiệp, những con vật đáng yêu khôn khổ! Tại sao chúng mày không kéo cật lực vào? Có vậy mới khỏi bị roi chứ!

Bắc không thích gì ả, nhưng nó đang cảm thấy khôn khổ quá nên không cưỡng lại sự vồ về của ả, và chịu đựng điều đó coi như là 1 phần của mọi nỗi khôn khổ phải chịu đựng trong ngày.

1 trong những người đứng nhìn, từ nãy đã cắn chặt răng để khỏi buột ra ý kiến nóng nảy, nay không nhịn được nữa phải thốt lên:

-Này, các vị có ra làm sao thì cũng chả việc quái gì đến tôi mà tôi phải lo, thế nhưng, vì thương thân phận của lũ chó kia, tôi muốn bảo cho các vị biết rằng các vị có thể giúp đỡ cho chúng rất nhiều bằng cách phá vỡ lớp băng bám chặt vào xe kia kìa. Càng xe đóng băng chặt cứng rồi, thấy không? Xô mạnh vào cái cần lái ấy xô sang phải, rồi sang trái, phủ băng cho càng xe bung ra!

Lần thứ 3, Han lại khởi động chiếc xe, nhưng lần này gã chịu nghe theo lời chỉ vẽ, nên đã phá vỡ được lớp băng dán chặt càng xe xuống mặt tuyết. Chiếc xe trượt chở quá tải và chông chênh bắt đầu nhích lên phía trước. Bắc và lũ bạn nó vật lộn điên cuồng để kéo, dưới trận mưa roi xối xả. Tiến được 100 mã thì con đường mòn rẽ ngoặt và đổ dốc xuống đường phố chính. Muốn giữ cho chiếc xe bị nặng trên chóp phố chính. Muốn giữ cho chiếc xe bị nặng trên chóp khỏi nghiêng đổ, phải có người lái kinh nghiệm, mà Han thì không phải là loại người đó. ở khúc ngoặt, chiếc xe đổ nhào. Đến 1 nửa số đồ đạc trên xe bung ra khỏi những dây buộc lỏng lẻo, văng tung toé. Lũ chó cứ chạy, không đứng lại. Đằng sau chúng, chiếc xe nhẹ hẫng đi cứ nằm nghiêng nhảy chồm chồm trượt tới. Lũ chó nổi giận vì đã bị đối xử tàn tệ và vì phải kéo 1 khối trọng tải phi lý. Bắc điên tiết lên. Nó chồm lên phóng

nước đại, cả đàn theo gót nó. Han hét "Họ! Họ!" nhưng chúng chả thèm để ý. Gã nhảy theo ngáng lại, nhưng bị kéo gã chổng gọng. Chiếc xe lật úp nghiêng lên người gã, còn lũ chó thì cứ theo đường cái phóng tới, gây thêm cảnh buồn cười cho dân phố Xkeguê trong khi chúng tiếp tục làm vung vãi nốt mọi thứ đồ đạc còn trên xe ra dọc con đường phố lớn.

1 số người tốt bụng bắt giữ đàn chó lại và nhặt nhanh hộ những thứ đồ đạc bị tung toé khắp nơi. Họ cùng góp 1 ý kiến khuyên bảo. Đồ đạc chỉ 1 nửa thôi, còn chó thì phải gấp đôi, có thể mới hòng đi được tới Đoxân, họ bảo Han và chị gã với anh rể gã miễn cưỡng nghe theo họ, hắt lều xuống, xem xét lại toàn bộ đồ đạc, rồi thải ra 1 số đồ hộp làm cho mọi người phải bật cười, bởi vì đối với cuộc hành trình đường dài thì đồ hộp lại là thứ mà người ta mơ ước.

Mọi người vừa cười vừa giúp việc xếp dọn:

-Gớm! Chát nhiều thế! Đủ dùng cho cả 1 khách sạn! Giảm đi 1 nửa cũng vẫn còn quá nhiều đấy. Tổng khứ bớt đi! Vứt cái lều kia đi, và cả những cái đĩa kia nữa, chứ có để lại thì rồi ai rửa? Trời đất ơi! Các vị tưởng là các vị đi du lịch trên 1 toa ngủ đầy tiện nghi kiểu Phun-man ư?

Và cứ thế, họ giúp vào việc thanh toán thẳng thừng những thứ không cần thiết. Mecxêđét kêu la khi những quần áo của ả bị ném phịch xuống đất và hết thức này đến thức khác bị quăng ra ngoài. ả vừa kêu khóc về mọi thứ nói chung, lại vừa kêu khóc về từng món bị vứt bỏ nói riêng. ả siết tay trên đầu gối, mình ả lắc lư gục tới ngã lui với vẻ rất ư là đau khổ. ả quả quyết là ả sẽ chẳng đi đâu nữa hết, 1 tác cũng không đi, có vì đến 10 chàng Sác, ả cũng không đi. ả kêu xin mọi người và kêu xin mọi thứ. Nhưng rồi cuối cùng ả lau sạch nước mắt và cũng bắt tay vào quăng các thứ ra ngoài, cả đến những món quần áo tốt cần thiết không thể thiếu được. Đến nỗi hăng lên, khi vứt xong những thứ của ả, là ả bèn xông vào vứt các thứ của 2 gã đàn ông, sục tung suốt lượt mọi đồ đạc của họ ra như 1 cơn lốc.

Thanh toán xong, đồng đồ đạc tuy đã giảm đến 1 nửa, nhưng vẫn còn là 1 khối to kinh khủng. Buổi tối hôm đó, Sác và Han đi tìm mua được 6 con chó thuộc các giống chó ở miền bên ngoài. Lũ này, cộng với 6 con cũ, cùng Tish và Kuna, 2 con chó étkimô bổ sung tại thác Rinh trong chuyến đi kỷ lục hợp thành 1 đàn đông đến 14 con. Nhưng lũ chó miền ngoài, mặc dù từ

khi được đưa vào đến nay đã được tập luyện trong thực tế, vẫn chả có tác dụng gì đáng kể. Trong bọn chúng có 3 con chó săn lông ngắn, 1 con nòi Niufaolan, còn 2 con nữa là chó lai thuộc nòi gì không xác định được. Cái đám lính mới này chẳng có vẻ biết làm ăn gì cả. Bắc và lũ bạn nghề của nó đứng nhìn chúng bằng những con mắt khinh bỉ. Mặc dù Bắc nhanh chóng dạy được cho chúng ổn định vào vị trí từng con và những gì chúng không được làm. Chúng không hứng thú gì đảm nhiệm 1 cách dễ dàng công việc lao động trên vệt đường mòn. Trừ 2 con chó lai, bọn chúng đều bị cái môi trường man rợ kỳ lạ này và những sự đối xử tàn tệ làm cho hoảng hốt ngơ ngác và tinh thần suy sụp. 2 con chó lai thì chả có tí tinh thần nào, ở chúng chỉ có bộ xương là thứ duy nhất có thể bị suy sụp mà thôi.

Với những con chó mới vô tích sự và khổ não, cùng lũ chó kiệt quệ vì 2500 dặm đường gian khổ liên tục, cái viễn cảnh của đàn chó thật chả sáng sủa chút nào. Thế nhưng 2 gã đàn ông thì lại rất vui mừng hơn hở. Và họ lại còn tự hào nữa. Họ đang giải quyết công việc đâu ra đấy, với những 14 con chó! Họ đã từng thấy những chiếc xe trượt tuyết tới đây, nhưng họ chưa bao giờ nhìn thấy 1 chiếc xe nào với số chó nhiều đến 14 con như thế. Trong các loại hành trình giữa miền Bắc cực này, có 1 lý do tại sao không nên dùng nhiều chó đến mức 14 con trượt tuyết không thể chở đủ thức ăn cho 14 con chó. Khôn nổi Sác và Han không biết điều đó. Họ đã vạch ra trên giấy toàn bộ kế hoạch cuộc du hành đối với mỗi con chó cần ngân này này, có ngân này con chó, và đi trong ngân này ngày, cứ thế nhân lên. Mecxêđét nhìn qua vai 2 gã rồi gật đầu tán thưởng. Mọi sự quả là rất đơn giản.

Sáng hôm sau, lúc đã hết già nửa buổi, Bắc dẫn đầu đàn chó xếp thành 1 hàng dài, ngược đường phố bắt đầu ra đi. Chả có gì sôi nổi sống động, Bắc và lũ bạn của nó không hăng hái cũng chẳng nhiệt tình. Chúng ra đi mà mệt rã rời, mệt đến chết được, Bắc đã 4 lần nữa lại phải đương đầu với con đường gian khổ ấy, Bắc cảm thấy cay đắng. Nó chả có bụng dạ nào muốn làm công việc này nữa, mà những con chó khác cũng đều như vậy. Lũ chó miền ngoài thì nhút nhát và hoảng sợ, còn số chó cũ thì không tin vào chủ của nó.

Bắc lờ mờ cảm thấy là không thể trông mong gì được vào 2 gã đàn ông và mụ đàn bà này. Họ chả biết làm bất cứ điều gì. Đã mấy ngày trôi qua, họ

càng tỏ rõ là họ không thể học được kinh nghiệm gì trong thực tế. Họ chậm chạp trong mọi thứ việc, không có trật tự, không có tính nghiêm ngặt. Họ mất cả đến 1 nửa đêm mới xong 1 chỗ cắm trại lồi thoi lệch thếch. Họ mất đến nửa buổi sáng để nhổ trại và chất các thứ lên xe trượt đồ đặc xếp lũng củng luộm thuộm đến nỗi trong ngày họ phải mất thì giờ đứng lại nhiều lần để sắp đặt lại mọi thứ trên xe. Có những ngày họ không đi được đến 10 dặm. Cũng có những ngày họ chịu không thể nào lên đường được. Và không có ngày nào họ có thể đạt được trên 1 nửa chặng đường mà người ta thường dùng làm yếu tố cơ bản để tính toán đường đi so với lượng thức ăn mang theo cho đàn chó.

Biết chắc chắn không thể tránh khỏi là họ sẽ thiếu thức ăn cho chó. Nhưng họ lại cho ăn quá mức, như vậy là lại càng rút ngắn thời gian làm cho cái ngày thiếu ăn sẽ đến sớm hơn. Lũ chó miền ngoài, mà bộ máy tiêu hoá chưa được rèn luyện qua những trận đói kinh niên ngón ngấu ăn rất dữ. Thêm vào đó, Han lại thấy những con chó étkimô mệt lử kéo yếu ớt, thế là Han quả quyết rằng khẩu phần ăn quy định theo lệ thường là quá ít. Y tăng lên gấp đôi. Đâu phải chỉ có thế, Mecxêđét với đôi mắt xinh đẹp rớm lệ và giọng nói rung rung xúc động, ngọt ngào dỗ dành Han cho lũ chó ăn thêm nữa, nhưng không được Han nghe theo, ả bèn bí mật đánh cắp cá trong túi đựng thức ăn rồi đút cho chó. Nhưng điều cần thiết nhất lúc này đối với Bắc và lũ chó étkimô đâu phải là thức ăn, mà là sự nghỉ ngơi. Và mặc dầu trong cả thời gian vừa qua, đoạn đường đi chả có là bao, nhưng khối đồ đặc nặng nề mà chúng phải kéo mà huỷ hoại sức khỏe của chúng 1 cách nghiêm trọng.

Thế rồi cái ngày ăn đói đã tới. 1 hôm Han sực nhận thấy được sự thật là lượng thức ăn cho chó đã vơi mất 1 nửa mà quãng đường đi mới được 1 phần 4. Hơn nữa, không có cách gì kiếm ra thêm thức ăn cho chó. Vậy là gã cắt giảm khẩu phần của chúng, thậm chí cắt xuống dưới mức quy định theo lệ thường, và cố làm sao để tăng thêm quãng đường đi từng ngày. Chị gã và anh rể gã ủng hộ biện pháp đó. Nhưng họ thất bại vì đống đồ lè của họ quá nặng và bản thân họ thì kém cỏi bất tài. Bớt thức ăn của chó đi là 1 điều đơn giản; nhưng làm cho lũ chó đi nhanh hơn thì họ chịu, không thể nào làm được, trong khi đó thì bản thân họ buổi sáng nào cũng loay hoay mãi không

thể ra đi sớm hơn được, cho nên không thể tăng thêm thời gian đi đường. Họ không những không biết làm thế nào để điều hành lũ chó mà họ còn không biết làm thế nào để điều hành cả bản thân họ nữa.

Con chó đầu tiên đi tong là Đóp. Tội nghiệp cái thân nó, nó là 1 tên kẻ cắp vụng về luôn bị bắt quả tang và bị trừng trị, tuy thế nhưng nó lại là 1 kẻ phục vụ trung thành. Cái xương bả vai của nó bị sai khớp, không được chữa chạy và không được nghỉ ngơi, càng ngày càng đau trầm trọng, thế là cuối cùng Han đã rút khẩu súng còn to tướng cho nó 1 viên đạn.

Trong địa phương có 1 câu truyền miệng rằng 1 con chó miền ngoài mà ăn khẩu phần chó étkimô thì tất phải đói mà chết, vậy dĩ nhiên là 6 con chó miền ngoài nhập đàn của Bắc không thể có số phận nào khác hơn là chết, bởi vì chúng chỉ được 1 nửa khẩu phần chó étkimô. Con chó nòi Niufaolan chết trước. Rồi đến 3 con chó săn lông ngắn. Còn 2 con chó lai thì cứng cỏi gắng nín lấy sự sống được lâu hơn, nhưng cuối cùng cũng đi nốt.

Cũng trong thời gian ấy tất cả những gì là hứng thú và dịu dàng của vùng đất phương Nam đã bay biến hết khỏi 3 con người. Chả còn gì là quyết rũ và thơ mộng, cuộc hành trình giữa miền Bắc cực đã trở thành 1 thực tế quá phũ phàng đối với loại đàn ông và loại đàn bà như họ. Mecxêdét thôi không còn than khó cho thân phận đàn chó nữa, vì quá bận vào việc khóc than cho thân phận mình và cãi nhau với chồng và em. Cãi nhau là việc duy nhất mà họ không bao giờ thấy chán. Tình cảnh khốn khổ đã làm họ sinh ra để cáu giận. Sự cáu kỉnh tăng lên cùng 1 nhịp với nỗi khốn khổ, rồi tăng gấp đôi, rồi vượt xa nó. Cái tính nhẫn nại diệu kỳ trên vệt đường mòn ở những con người lao động cật lực và khổ sở cùng cực nhưng vẫn giữ lời nói êm dịu và thái độ ân cần, không thể có được ở 2 gã đàn ông và ả đàn bà này. Họ chả có tí ý niệm mơ hồ nào về 1 sự nhẫn nại như vậy. Họ vất vả và đau khổ; bắp thịt của họ nhừ nhối, xương cốt của họ nhừ nhối, và ngay cả tim của họ cũng nhừ nhối; và do đó sinh ra ăn nói gay gắt, và những lời lẽ khó chịu nặng nề luôn luôn ở đầu cửa miệng, từ lúc bảnh mắt cho đến tối đến.

Sắc và Han cãi lộn nhau bất cứ khi nào có cơ hội do Mecxêdét gây ra. Mỗi người đều giữ trong lòng 1 điều mặc cảm là mình đã phải làm quá cái phần trách nhiệm của mình, và không ai là không nhắc đến điều mặc cảm

ấy mỗi khi có dịp để nhắc. Thịnh thoảng Mecxêđét về hòa với chồng, thịnh thoảng, ả lại về hòa với em. Kết quả là 1 cuộc cãi lộn trong gia đình thật là đẹp đẽ và triền miên không dứt. Mở đầu bằng cuộc tranh chấp là ai phải chẻ vài que củi chẳng hạn (cuộc tranh chấp chỉ liên quan đến Sác và Han thôi) thế mà chẳng mấy chốc họ đã lôi hết mọi người khác trong gia đình ra mà xỉa xói, nào bố mẹ, nào chú bác cô dì, anh em họ hàng, cả người đã chết ngòm từ lâu. Rồi nào là quan điểm nghệ thuật của Han, nào là cái thứ võ tuồng xã hội mà người anh của mẹ y đã viết. Nhưng vấn đề đó thì nào có liên quan gì đến việc chẻ vài que củi?

Chịu chả ai hiểu được! ấ thế mà cuộc cãi cộ thường hay xoay sang cái hướng đó, cũng như hay xoay sang cái hướng đả kích vào những định kiến chính trị của Sác. Và lại còn cái mồm lẩm lờn ngòi lê đôi mách của bà chị của Sác thì liệu có liên quan gì đến việc đốt đồng lửa cắm trại bên bờ I-u-con, điều đó thì chắc chỉ có Mecxêđét mới hiểu rõ. Cô ả trút hết nỗi bức dọc trong người ra thành bao nhiêu là ý kiến phong phú moi móc vào cái tiết mục này rồi nhân thể lại chì chiết luôn cả 1 vài nét đặt trưng khó ưa khác của gia đình nhà chồng. Và trong quá trình họ cãi vã nhau như vậy thì lửa vẫn chưa nhóm được, chỗ cắm trại dở dang chưa xong, và chó vẫn chưa được ăn.

Mecxêđét mang nặng trong lòng 1 nỗi bất bình đặc biệt - nỗi bất bình của giới tính. Cô ả là con người xinh đẹp và uỷ mị, và trong cả cuộc đời trước đây đã luôn luôn được mọi người đối xử lịch sự. Nhưng sự đối xử hiện nay của chồng và em thì là đủ kiểu trừ phép lịch sự ra. Cái thói của ả là không bao giờ tự lo liệu lấy được. 2 gã đàn ông quở trách ả. Tức tồ vì cái điều mà ả cho là đặc quyền chủ yếu nhất của phái đẹp đó lại bị đưa ra chê trách như vậy, ả bèn làm cho 2 tên đàn ông phải khốn khổ vì ả. ả chả còn thềm đếm xỉa gì đến lũ chó, và với lý do là ả đau đớn trong mình và mệt mỏi, ả khăng khăng đòi ngồi trên xe. Cô ả thật là xinh đẹp và uỷ mị, nhưng cô ả nặng đến 120 pao - 1 tí chút trọng tải thêm vào sau cùng nhưng lại là cái tí chút cường tráng nhất cộng vào khối nặng vào những con vật yếu mọn và đôi lá đã phải kéo. Cô ả ngồi trên xe suốt mấy ngày cho đến khi lũ chó gục xuống trong vòng dây kéo và chiếc xe trượt tuyết đứng sững lại không nhúc nhích được nữa. Sác và Han cầu xin ả bước xuống đi bộ, nài nỉ với ả,

khẩn khoản van lạy ả, trong khi đó thì ả vừa khóc lóc vừa kể lể sự bạc ác bất nhân của 2 gã đàn ông, kêu cầu thượng đế ra tay cứu khổ cứu nạn cho ả.

Có 1 lúc, 2 gã đã dùng sức mạnh bốc cô ả ra khỏi chiếc xe trượt tuyết. Nhưng sau đó 2 gã không còn bao giờ dám làm như vậy nữa. Vì cô ả lết 2 chân bước lết xệt 1 lát như đứa bé hư hờn dỗi rồi ngồi bệt xuống trên đường mòn. Mấy gã đàn ông tiếp tục đi, nhưng ả cứ ngồi đó không nhúc nhích. 2 gã đi được 3 dặm, rồi 2 gã lại phải đỡ đồ ra khỏi xe, trở lui lại phía ả, rồi cũng phải dùng đến sức mạnh để bốc ả đặt lên ngồi lại trên xe trượt tuyết.

Trong tình cảnh khốn khổ quá độ của họ, họ đã thành ra chai sạn đối với nỗi đau đớn của đàn chó. Lý luận của Han, mà Han đem ra ứng dụng đối với kẻ khác, là phải rắn đanh lại. Y bắt đầu đưa lý luận ấy ra thuyết với chị và anh rể, nhưng không có kết quả, y bèn dùng đuôi cui để mang cái lý luận ấy vào lũ chó.

Đến khu vực trạm "Sao biển" thì thức ăn của chó hết nhẵn. 1 người đàn bà thổ dân da đỏ già móm mém gạ đổi cõn họ 1 vài pao da ngựa đông lạnh để lấy chiếc súng lục cõn bầu bạn của chiếc dao săn to đeo bên của sườn Han. Thật là bần cùng mà phải dùng đến thứ da ngựa này làm thức ăn, vì đây là những mảng da lột từ những con ngựa chết đói của những người chăn nuôi trâu bò cách đây những 6 tháng. ở cái thế đông lạnh này, nói rằng nó giống như những mảnh sắt mạ thì có lẽ đúng hơn, và khi con chó đánh vật với thứ da đó để nhét được nó vào dạ dày thì băng tan a làm cho nó rời thành nhữngx dải da mảnh dai nhách và chả có tí chất dinh dưỡng nào, cùng 1 đồng lông ngắn chỉ tổ gây kích thích và khó tiêu hoá.

Vừa qua tất cả mọi nỗi như vậy Bắc vừa bước những bước lão đảo dẫn đầu đàn chó tiến lên phía trước, như đi trong 1 cơn ác mộng. Khi nào còn có thể kéo được thì nó kéo. Khi không thể nào kéo được nữa nó ngã quỵ xuống và nằm đấy cho đến khi ngọn roi hoặc chiếc đuôi cui tới tấp giáng xuống đánh bật nó đứng trở dậy. Bộ áo lông dày đẹp của nó không còn săn cứng và bóng mượt như trước nữa. Những sợi lông rũ xuống, mềm ỉu rũ và kéo lê lết, hoặc dính bết lại từng mảng cùng với máu khô ở những chỗ bị đuôi cui của Han đánh thành thương tích. Các cơ bắp của nó đã gầy mòn đi thành những thớ nhỏ như dây thừng cõn lên nhiều nút, và những lớp đệm thịt dày đã tiêu đi đâu mất, để lộ từ từng chiếc xương sườn cho đến cả toàn bộ

khung xương của nó hằn rõ nét qua lớp da lùnh nhùng nhăn nhiu lại vì bên dưới là cả 1 sự trống rỗng. Thật là 1 tình cảnh đau lòng. Duy chỉ có điều là lòng của Bắc không còn có thể đau được nữa. Dưới bàn tay của lão mặc áo nịt đỏ trước đây, điều này đã được thử thách rồi.

Tình trạng của Bắc như thế nào thì tình trạng lũ bạn nghề của nó cũng như vậy. Chúng đã thành những bộ xương, những bộ xương biết di động. Lũ này chúng còn tất cả 7 con, kể cả Bắc. Trong nỗi khốn khổ cùng cực của chúng, chúng chả còn cảm thấy đau đớn gì dưới những miếng ngoạm của sợi dây roi hoặc những đòn búa bổ của chiếc dùi cui. Cái đau của đòn giáng xuống đã trở nên mơ hồ và xa xăm, cũng giống như những thứ mà mắt chúng thấy và tai chúng nghe, đều có vẻ mơ hồ và xa xăm tất cả. Chúng chỉ không phải là còn sống 1 nửa, hay còn sống 1 phần 4. Chúng chỉ còn là những bọc xương không hơn không kém, trong đó những tàn lửa của sự sống chỉ còn chập chờn leo lắt. Mỗi khi dừng lại, chúng đổ sụp xuống trong vòng dây kéo như những xác chết, và những tàn lửa của sự sống lu mờ đi, lụi dần, hình như muốn tắt hẳn. Rồi khi chiếc dùi cui hoặc ngọn roi quật xuống, thì tàn lửa kia lại chập chờn yếu ớt ánh lên trở lại, và chúng lại lao đảo đứng lên và loạng choạng bước đi.

Cho đến 1 ngày kia, Bili, con chó lành nết, gục xuống và không dậy nữa, Han đã đánh đổi mất khẩu súng lục rồi, nên y lấy chiếc rìu bổ vào đầu Bili trong khi Bili nằm gục trong vòng dây kéo, rồi cắt rời cái xác ra khỏi đai cương và kéo nó sang 1 bên, Bắc nhìn thấy, và lũ bạn nghề của nó cũng nhìn thấy, chúng biết rằng số phận đó sắp đến với chúng, chỉ trong thời gian rất ngắn nữa thôi. Hôm sau thì Kuna chết. Thế là chúng chỉ còn có 5. Jô, đã quá nhược đi rồi nên không còn hiềm ác được nữa; Paicơ, què quặt và bước khập khiễng đang trong tình tạng nửa mê nửa tỉnh, và thời gian tỉnh không đủ lâu để mà tìm được cách giả vờ hòng trốn việc; còn Xônléch lão chột mặt, vẫn rất mực trung thành với công việc lao khổ trên vệt đường mòn, nay buồn rầu ủ ê vì lão còn quá ít sức lực để kéo; Tích, mùa đông vừa qua không phải đi xa như bọn kia, nhưng nay lại bị kiệt sức, tiêu tụy hơn bởi vì nó non nớt, thiếu kinh nghiệm hơn cả; và Bắc, vẫn dẫn đầu đàn chó, nhưng không còn buộc được lũ bạn phải tuân theo kỷ luật, hoặc không còn cố gắng để ép buộc chúng vào khuôn phép nữa; có đến 1 nửa thời gian dọc đường

đôi mắt Bắc mờ đi vì quá suy nhược, nó chỉ còn có thể cố gắng dõi theo cái bóng chập chờn của vệt đường mòn và dựa vào xúc giác mơ hồ dưới những bàn chân để đi cho đúng.

Thời tiết đang xuân, thật là tươi đẹp, nhưng cả chó lẫn người đều không nhận thấy điều đó. Cứ mỗi ngày trôi qua, mặt trời lại mọc sớm hơn và lặn muộn hơn 1 ít. Khoảng 3h sáng trời đã rạng, và đến buổi chiều, bóng hoàng hôn vương vất mãi cho đến 9h tối. Suốt ngày dài là ánh nắng rực rỡ. Sự yên lặng rùng rợn ma quái mùa đông đã phải lùi bước nhường chỗ cho tiếng rì rắc vĩ đại của mùa xuân, sự sống đang thức giấc tiếng rì rào trời dậy khắp nơi trên mặt đất, chan chứa niềm vui cuộc sống. Có cất lên từ những vật đang hồi sinh và chuyển động trở lại, những vật như đã chết và đã im lìm bất động trong suốt những tháng dài đông giá. Từ các cành liễu và cành dương hoàn điệp, bật tung ra những chồi non mơn mớn. Những bụi cây và những dây leo khoác tấm áo mới xanh tươi. Họ hàng nhà đế ca hát suốt đêm, còn ban ngày thì mọi thứ sinh vật biết bò, biết trườn đều hồi hả xông ra, tung tăng ngoài ánh nắng. Gà gô và chim gõ kiến kêu vang và gõ nhịp trong rừng. Những bày sóc chuyện trò riu rít, chim hót líu lo, và trên cao vang tiếng kêu của từng đàn ngỗng trời từ phương Nam bay lên thành đội hình mũi nhọn duyên dáng xuyên qua khung trời.

Từ mọi lung đòi vắng đến tiếng nước róc rách, tiếng nhạc của những dòng suối ần kín. Mọi thứ đều thoát dần ra khỏi băng tuyết đang tan, vặn mình, phát ra tiếng nứt rạn tanh tách. Dòng sông I-u-con đang ráng sức vào phá khối băng kìm chặt nó để được sở lòng. Nó xói mòn ở bên dưới, ông mặt trời ăn mòn ở bên trên. Những lỗ hồng hình thành, những khe nứt há ra rồi toạc dài, trong khi toàn bộ từng mảng băng mỏng tụt hẳn xuống lòng sông.

Và ở giữa tất cả những sự bật tung, vùng ra, sôi lên rộn ràng đó của sự sống đang thức giấc, dưới ánh mặt trời chói lọi và trong làn gió nhẹ thoảng qua dịu dàng, 2 gã đàn ông, ả đàn bà và đàn chó loạng choạng bước đi, như những du khách dẫn mình vào cõi chết.

Với lũ chó rừ rươi, Mecxêđét khóc lóc và ngồi trên xe, Han nguyên rửa lưng tung và Sác đôi mắt đăm chiêu ướt át, đoàn người và chó thất thủ bước vào khu cắm trại của Giôn Thoóctơn ở cửa sông Hoaitơ. Khi họ dừng

lại, lũ chó đồ sập xuống như tất cả bọn chúng đều bị đánh chết tươi, Mecxêđét lau nước mắt ngược nhìn Giôn Thoóctơn. Sác ngồi xuống 1 khúc gỗ để nghỉ. Gã ghé mình xuống rất chậm rãi và cẩn thận vì toàn thân đau nhức đến cứng đờ lại. Han đứng ra bắt chuyện cùng Giôn Thoóctơn. Giôn Thoóctơn đang đẽo gọt những phát cuối cùng để hoàn chỉnh 1 cái cán rìu làm bằng 1 khúc cành bulô. Anh vừa đẽo vừa lắng nghe, trả lời, và khi Han hỏi ý kiến anh nêu những lời chỉ vẽ ngắn gọn. Anh biết rõ cái hạng người này, anh vẫn góp ý nhưng anh biết tổng đi là họ sẽ chẳng nghe theo.

Khi anh bảo cho họ biết là họ không còn có thể liều thân được nữa trên cái mặt băng kia vì nó đã ruỗng nát bên dưới rồi, thì Han đáp lại:

-Ấy ở trên kia người ta đã bảo chúng tôi là đây con đường này đang sụt dần ra rồi, và tốt hơn hết là chúng tôi nên nằm lại thôi. Họ bảo là chúng tôi không thể đến được sông Hoaitơ đâu, ấy thế mà chúng tôi vẫn cứ đến được đây này!

Han nói câu cuối cùng này với 1 cái giọng cười khẩy đắc thắng.

-Họ nói với các ngài như vậy là nói đúng đấy - Giôn Thoóctơn trả lời - Đây con đường có khả năng sụp hẳn xuống bất kỳ lúc nào, chỉ có những kẻ khờ dại với cái may mắn mù quáng của những anh khờ, là đi qua được mà thôi. Tôi xin nói thẳng với ngài, dù có được tất cả vàng của miền Alaxen, tôi cũng sẽ không liều mạng mình trên mặt băng kia đâu.

-Bởi vì ngài không phải là thằng khờ chứ gì - Han nói - Dù thế nào đi nữa, chúng tôi cứ tiếp tục đi Đoxaan!

Y đuổi thẳng ngọn roi ra:

-Đứng dậy Bắc! Ê! Đứng dậy! Đi!

Thoóctơn tiếp tục đẽo gọt thanh gỗ. Anh biết không hơi đâu đi làm thầy thẳng đại. Tăng thêm hoặc bớt đi vài 3 đũa ngóc trên đời cũng chả làm biến đổi gì được hệ thống sắp xếp của vạn vật.

Nhưng đàn chó không đứng dậy theo lệnh. Từ lâu rồi đã chuyển sang giai đoạn phải dùng đến đòn vọt mới khua chúng dậy được. Chiếc roi vun vút quất xuống loang loáng, hết chỗ này lại chỗ nọ vùng vãi không thương xót. Giôn Thoóctơn mím chặt môi. Xôn lếch là con chó đầu tiên lết tới để đứng dậy. Tích nối theo. Sau đó là Jô, vừa trườn lên vừa ăng ăng kêu đau đớn. Paicơ đau khổ vật vã để nhô dậy. 2 lần nó nhấc mình lên đến nửa vờ

lại ngã vật xuống, mãi đến lần thứ 3 mới đứng lên được. Còn Bắc thì không động đậy. Nó nằm lặng nguyên chỗ nó đã gục xuống. Ngọn dây roi ngoạm vào thân nó hết miếng này đến miếng khác nhưng nó không kêu rên mà cũng không vật vã. Nhiều lần Thoóctơn quay ngoắt sang định lên tiếng, nhưng anh lại thôi. Nước mắt anh ứa ra cay cay trong mắt, và trong khi ngọn roi cứ tiếp tục vụt xuống tới tấp, anh đứng dậy và đi đi lại lại bồn chồn, lưỡng lự.

Đây là lần đầu tiên Bắc không tuân theo ý chủ, chỉ riêng điều này thôi đã đủ làm cho Han giận điên tiết lên rồi. Han bỏ chiếc roi, chuyển sang dùng chiếc dùi cui theo lệ thường. Dưới cơn mưa xối xả của những đòn nặng chùy hơn đang giáng xuống thân nó, Bắc vẫn không chịu nhúc nhích. Giống như lũ bạn nghề của nó, nó có thể có đủ sức để đứng dậy được, thế nhưng không giống như bọn chúng, nó quyết định không đứng dậy. Nó lờ mờ cảm thấy là cái kết cục bi thảm sắp xảy đến. Cảm giác ấy đã rõ lên mạnh mẽ bên trong nó khi nó kéo chiếc xe đi vào bờ, và cứ ám ảnh nó mãi không thôi. Suốt ngày nó đã cảm thấy dưới bên chân nó là băng chỉ còn 1 lớp mỏng, ruỗng nát bên dưới, từ sự cảm thụ đó, chỉ trong tầm tay nữa thôi, ở ngay trên khoảng băng trước mặt kia, nơi chủ nó đang cố thúc nó phải bước tới. Nó quyết không chịu động đậy. Nó đã chịu đau đớn quá rồi, đã suy nhược quá mức rồi nên những đòn đánh xuống không còn gây đau đớn vì lắm nữa. Và vì những đòn ấy cứ tiếp tục giáng xuống mình nó, tàn lửa của sự sống bên trong nó lung linh chập chờn và mờ dần, gần như muốn tắt ngấm. Nó cảm thấy thân thể nó tê liệt đi 1 cách lạ thường. Dường như là từ 1 khoảng cách xa xăm nào đó, nó nhận biết là nó đang bị đánh. Những cảm giác đau đớn cuối cùng dần dần tách rời ra khỏi nó. Nó không còn cảm thấy gì nữa mặc dù nó còn nghe được rất lơ mơ tiếng quật của chiếc dùi cui vào thân thể nó. Nhưng phải đâu là thân thể của nó nữa? Hình như cái vật bị đánh ở mãi tận nơi nào xa lắc.

Thế rồi, đột nhiên, không 1 dấu hiệu báo trước gào lên 1 tiếng lạc giọng nghe như tiếng rú của loài thú. Giôn Thoóctơn đâm bổ vào con người đang vùng chiếc dùi cui. Han bị hất bật nhào về phía sau, như bị 1 thân cây đổ quật ngã. Mecxêdét thét lên 1 tiếng thất thanh. Sác nhìn sững sốt, lau vội đôi mắt ướt nhoà nhưng cả người cứng đờ không đứng dậy được.

Giôn Thoócton đứng sát bên mình Bắc, gắng sức để tự kiềm chế, cơn giận làm anh run, không thốt được ra lời.

Cuối cùng, anh nói lên được bằng 1 giọng tắc nghẹn:

-Nếu mày còn đánh con chó này nữa, tao sẽ giết mày.

-Chó của tao, tao đánh - Han vừa đập vừa tiến lại bàn tay quệt vết máu ngang mồm - Cút đi cho rảnh mắt tao, nếu không thì tao cho mày 1 trận. Tao đang cần đi Đoxân.

Thoócton đứng chắn giữa hăn và Bắc không tỏ ra ý gì chịu tránh ra cả. Han rút phắt con dao sẵn dài của hăn sượt sượt trong cơn điên loạn buông thả. Thoócton dùng chiếc cán rìu gõ vào những khớp ngón tay của Han, thế là con dao rơi xuống đất. Khi hăn xoay sang định nhặt, anh lại đánh vào khớp ngón tay của hăn lần nữa. Rồi anh cúi xuống, tự mình nhặt con dao lên, và cắt 2 nhát đứt phăng các dây thừng trên mình Bắc.

Máu hấu đá của Han đã ngội ngất. Vả lại, chị của hăn đã lăn vào túm lấy hăn, vướng hết cả 2 bàn tay, hay nói đúng hơn là cả 2 cánh tay của hăn; hơn nữa Bắc cũng đã gần như chết hăn, chả còn có tác dụng gì cho việc kéo xe. Vài phút sau, đoàn người và chó rút ra khỏi bờ đi xuống dòng sông. Bắc nghe tiếng chúng ra đi, ngẩng đầu lên nhìn theo. Paicơ dẫn đầu, Xônlech ở vị trí sát trước chiếc xe trượt, ở quãng giữa là Jô và Tích. Chúng đang bước khập khiễng, lão đảo. Mecxêđét ngồi trên chiếc xe chở nặng. Han giữ cần lái, còn Sác thì lập cập nối theo, lúc lúc lại vấp ở phía sau.

Trong khi Bắc dõi theo chúng, Thoócton quỳ xuống bên Bắc và đưa đôi bàn tay thô ráp nhưng âu yếm của anh dò dẫm tìm xem có chỗ xương nào bị gãy không. Anh không phát hiện thấy gì khác ngoài nhiều thương tích bầm tím và 1 tình trạng đói ăn suy nhược khủng khiếp. Trong khi anh đang lúi húi thì chiếc xe trượt đã đi ra được khoảng 1 phần 4 dặm. Anh cùng Bắc nhìn theo chiếc xe đang trườn tới trên mặt băng. Bỗng nhiên, họ thấy đuôi xe gục xuống, như tụt vào 1 chỗ lún, và chiếc cần lái bật tung lên trời, kéo theo cả Han đang bấu chặt lấy nó. Tiếng kêu thét của Mecxêđét văng đến tai họ. Họ nhìn thấy Sác quay ngoắt lại và cố dấn thêm 1 bước để chạy trở lui, rồi thì toàn bộ cả 1 mảng băng lớn tụt hẳn xuống, lũ chó và người biến mất. Tất cả chả còn gì, chỉ còn nhìn thấy 1 cái hố to há hoác. Đáy con đường đã sụp xuống.

Giôn Thoócton và Bắc nhìn nhau.

-Tội nghiệp! Cái con quỷ đáng thương này! - Giôn Thoócton lên tiếng, và Bắc liếm tay anh.

chương 6

Vì tình yêu thương đối với 1 con người

Khi Giôn Thoócton bị cồng liệt chân hồi tháng chạp vừa qua, bạn phường của anh đã sắp xếp cho anh chỗ nghỉ ngơi thoải mái và để anh ở lại chờ hồi phục, còn họ cứ tiếp tục ngược dòng sông để kiếm 1 bè gỗ sẽ đưa đi Đoxân bán. Vào lúc Thoócton cứu Bắc, anh vẫn còn hơi khấp khiễng, nhưng nhờ thời tiết tiếp tục ấm áp, nay anh đã khỏi hẳn.

Và tại nơi đây, nằm cạnh bờ sông qua suốt những ngày xuân dài, dõi theo dòng nước chảy, nhàn nhã lắng nghe tiếng chim hót và tiếng rì rào của thiên nhiên, Bắc dần lấy lại được sức lực.

Thật không còn gì bằng được nghỉ ngơi sau 1 cuộc hành trình những 3000 dặm, và cũng phải thú thật là Bắc đã đâm ra lười nhác trong khi những vết thương của nó kín miệng dần, các cơ bắp nở ra và thịt lại đẩy lên che kín xương cốt nó. Nói cho đúng ra, tất cả đều lên che kín xương cốt nó. Nói cho đúng ra, tất cả đều ngồi đưng chả làm gì - Bắc, Giôn Thoócton, Xkít và Ních - trong khi chờ chiếc bè đến chở họ xuôi dòng đi Đoxân. Xkít là 1 con chó săn lông xù nhỏ nhắn gác Ailen, đã sớm đánh bạn với Bắc vào lúc Bắc đang trong tình trạng dở sống dở chết không còn hơi sức nào cự lại những động tác làm thân ban đầu của cô ả. Cô nàng Xkít có cái nét đặc sắc của thầy thuốc mà người ta thường thấy ở 1 số con chó. Giống như 1 con mèo mẹ liếm lông cho con, cô nàng đã liếm và làm sạch những vết thương của Bắc. Theo 1 nếp đều đặn, mỗi buổi sáng sau khi Bắc ăn xong, cô nàng lại thực hiện cái nhiệm vụ mà cô nàng đã tự giao cho mình, cho đến khi Bắc quen đi đâm ra mong ngóng sự chăm sóc của Xkít chả khác gì mong ngóng sự chăm sóc của Thoócton vậy. Còn Ních, 1 con chó đen to lớn, là giống chó dò thú, lai chó săn Xcôtlen, có đôi mắt tươi cười và tính tình dễ thương vô hạn, cũng thân mật với Bắc như Xkít mặc dù không bọc lộ bằng.

Điều làm cho Bắc phải ngạc nhiên là những con chó này không tỏ ra ghen tị với Bắc chút nào. Chúng hình như cùng chia sẻ lòng tốt và sự rộng lượng của Giôn Thoócton. Khi Bắc đã cứng cáp lên, chúng lôi kéo nó vào

đủ loại trò chơi ngộ nghĩnh mà chính Thoócton cũng lao vào tham gia không nhin được. Cứ như vậy, Bắc vượt qua 1 cách dễ dàng thời kỳ hồi phục và bước vào 1 cuộc sống mới.

Tình yêu thương, 1 tình yêu thương thực sự và nồng nàn, lần đầu tiên phát sinh ra bên trong nó. Trước kia nó chưa hề cảm thấy 1 tình yêu thương như vậy lúc ở tại nhà Thảm phán Milor giữa thung lũng Xanto Clara môn man ánh nắng. Với những cậu con trai của ông Thảm. Trong những buổi đi săn hoặc đi lang thang đây đó, tình cảm của Bắc chỉ là thứ tình bạn làm ăn cùng hội cùng phường. Với những đứa cháu nhỏ của ông Thảm, đó là 1 thứ trách nhiệm hộ vệ trong niềm kiêu hãnh tự cao tự đại. Còn đối với bản thân ông Thảm thì đó là thứ tình bạn trịnh trọng và đường hoàng. Nhưng, tình thương yêu sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến mức tôn thờ, thương yêu đến cuồng nhiệt, thì phải đến Giôn Thoócton mới khơi dậy lên được trong lòng Bắc.

Con người này đã cứu sống nó, đó là 1 lẽ: nhưng hơn thế nữa, con người này là 1 ông chủ lý tưởng. Những người khác trông nom chó của họ xuất phát từ 1 ý thức về nghĩa vụ và về lợi ích, kinh doanh; còn Giôn Thoócton thì chăm sóc chó của mình như thể chúng là con cái của anh vậy, là bởi vì anh không thể nào dừng được. Và anh còn chăm sóc nhiều hơn nữa kia. Anh không bao giờ quên chào chúng bằng 1 cử chỉ thân ái hoặc 1 lời hơn hờ. Ngồi xuống nói chuyện lâu với chúng (mà anh gọi là "tầm phào") là điều mà cả anh và chúng đều thích thú. Anh có cái thói quen túm chặt lấy đầu Bắc rồi dựa đầu anh vào đầu nó, hoặc lắc nó đảo qua đảo lại, vừa lắc vừa khe khẽ thốt lên những tiếng rủa mà đối với nó lại là những lời nói nựng âu yếm. Bắc thấy không có gì vui sướng bằng được cái ôm ghì mạnh mẽ ấy và những rủa rử rĩ bên tai ấy, và theo mỗi cái lắc đảo qua đảo lại, nó tưởng chừng như quả tim mình muốn nhảy tung ra khỏi lồng ngực vì quá ngây ngất rạo rực. Khi được buông ra, nó bật dậy đứng thẳng lên, miệng cười, mắt hùng hồn diễn cảm, họng rung lên những âm thanh không thốt nên lời, và cứ như vậy trong tư thế đứng yên bất động. Những lúc ấy Giôn Thoócton lại kêu lên, trân trọng: "Trời đất! Mày hầu như biết nói đấy!"

Bắc có 1 kiểu biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy tay Thoócton rồi ép răng xuống mạnh

đến nỗi vết răng hằn vào da thịt 1 lúc sau mới mất. Và cũng như Bác hiểu những tiếng rủa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vờ ấy là 1 cử chỉ âu yếm yêu thương.

Tuy nhiên, tình thương yêu của Bác phần lớn được diễn đạt bằng sự tôn thờ. Mặc dù nó sung sướng đến cuồng lên mỗi khi Thoócton vuốt ve hoặc nói chuyện với nó, nó không sẵn đón những biểu hiện tình cảm đó. Bác khác với Xkít mà cũng khác với Ních, Xkít có thói quen thọc cái mũi của nó vào dưới bàn tay của Thoócton rồi hích, hích mãi cho đến khi được vỗ về. Ních thì thường hiên ngang bước tới rồi tựa cái đầu to lớn của nó lên đầu gối của Thoócton. Còn Bác thì bằng lòng với việc đứng cách 1 quãng mà tôn thờ anh. Nó thường nằm phục ở chân Thoócton hàng giờ, mắt hau háu, tinh táo linh lợi, ngược nhìn thẳng vào mặt anh, chăm chú vào đấy, xem xét kỹ nét mặt, theo dõi với 1 mối quan tâm đặc biệt từng biểu hiện thoáng qua, mọi cử động hoặc đổi thay trên thần sắc. Hoặc, cũng có lúc do tình cờ, nó nằm xa ra hơn, về 1 bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và dõi theo những cử động từng lúc của con người anh. Và thường thường, do mối giao cảm giữa chó và người, sức mạnh của cái nhìn của Bác làm cho Giôn Thoócton quay đầu sang, và nhìn trở lại nó không nói năng gì, nhưng đôi mắt anh toả rạng linh cảm tự đáy lòng, trong khi tình cảm của Bác cũng ánh ngời lên qua đôi mắt nó.

Trong 1 thời gian dài sau khi được cứu sống, Bác không muốn rời Thoócton ra 1 bước. Từ lúc anh bước ra khỏi lán cho đến lúc anh lại trở vào đấy, khi nào Bác cũng bám gót anh. Việc thay thầy đổi chủ xoành xoạch kể từ khi nó vào vùng đất phương Bắc đã làm nảy sinh ra trong lòng nó nỗi lo sợ không có người chủ nào có thể gắn bó lâu dài cả. Nó sợ Thoócton cũng lại biến khỏi cuộc đời của nó như Perôn và Phrăngxoá và anh chàng người lai Xcôtlen đã đi qua rồi biến mất trước đây. Ngay cả ban đêm, trong giấc mơ, nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ảnh. Những lúc ấy nó vội vùng dậy không ngủ nữa, trườn qua giá lạnh đến tận mép chiếc lều, rồi đứng ở đấy lắng tai nghe tiếng thở đều đều của chủ.

Nhưng mặc dù Bác mang mối tình cảm sâu nặng như vậy đối với Giôn Thoócton - mà điều này hình như chứng tỏ ảnh hưởng hiền hoà của sự văn minh hoá - nhưng huyết thống của nguyên thủy mà vùng đất phương Bắc đã

khởi dậy bên trong nó, vẫn tồn tại và sống động. Nó vẫn có sự trung thành và lòng tận tụy, những đức tính nảy sinh ra từ bếp lửa và mái nhà; thế nhưng nó còn giữ lại bản tính man rợ và quỷ quyệt. Nó là 1 vật của hoang dã, từ cõi hoang dã đến đây ngồi cạnh bếp lửa của Giôn Thoóctơn, đúng hơn là 1 con chó của vùng đất phương Nam dịu dàng mang dấu ấn của bao nhiêu thế hệ văn minh. Do tình thương yêu sâu nặng của nó, nó không thể nào đánh cắp của con người này, nhưng đối với bất kỳ người nào khác, tại bất kỳ khu vực lán trại nào khác, nó đã không hề ngần ngại 1 giây phút nào, trong khi nó lại đủ khôn ranh để xoáy trộm mà không bị phát hiện.

Mặt mũi và thân mình nó đầy vết răng của nhiều con chó nó vẫn đánh nhau dữ tợn như trước và lại có nhiều mưu mẹo hơn. Xkít và Ních thì lành nết quá nên không phải là đối tượng để gây chuyện - hơn nữa, chúng lại là của Giôn Thoóctơn. Nhưng bất cứ con chó lạ nào, dù thuộc nòi gì hoặc dũng mãnh đến đâu đi nữa, đều phải nhanh chóng thừa nhận quyền uy tối cao của Bắc, nếu không sẽ buộc phải giao tranh 1 mất 1 còn với 1 đối thủ ghê gớm. Và Bắc không hề thương hại. Nó đã học được sâu sắc luật của dùi cui và răng nanh, và nó không bao giờ từ bỏ 1 lợi thế hoặc lùi bước trước 1 kẻ thù mà nó đã đẩy vào con đường dẫn đến cõi của Thần Chết. Nó đã học được những bài học ở Xpít và ở những con chó chiến đấu đầu đàn của cảnh sát và ngành bưu điện, nó biết được là không có con đường trung dung. Nó phải thống trị hoặc bị thống trị: mà tỏ lòng thương hại là dấu hiệu của sự mềm yếu. Lòng thương hại không tồn tại trong cuộc sống nguyên thủy. Lòng thương hại dễ bị hiểu lầm là sự sợ hãi, mà những thứ hiểu lầm như vậy dẫn đến cái chết. Giết hoặc bị giết, ăn thịt hoặc bị ăn thịt, đó là quy luật; và đối với mệnh lệnh ấy, truyền xuống đến nó từ những nơi sâu thẳm của thời gian, nó đã tuân theo.

Nó già đời hơn số nhưng năm tháng mà nó đã trải qua và số những hơi thở của lồng ngực nó. Nó là môi dây nối liền quá khứ với hiện tại và cõi vĩnh cửu ngàn xưa phía đằng sau nó vẫn rộn ràng truyền qua nó 1 nhịp đập đầy uy lực mà nó dao động hoà theo, giống như sóng triều lên xuống và 4 mùa tuần hoàn vẫn bằng dao động. Nó ngồi cạnh bếp lửa của Giôn Thoóctơn, nó đầy, con chó ức nở rộng, nanh trắng, và lông mao dài rậm: nhưng đằng sau nó là bóng dáng của 1 loại chó, nửa sói hoang, hoặc sói

hoang chính cống như thúc giục, như nhắc nhở, thưởng thức mùi vị miếng thịt nó ăn, thèm khát hớp nước nó uống, cùng nó đánh hơi làn gió, cùng nó lắng tai nghe và mách cho nó xác định những tiếng động của sự sống hoang vu trong rừng thẳm, chỉ đạo tâm tính của nó, điều khiển hành vi của nó, cùng nằm xuống ngủ với nó khi nó nằm xuống cùng mơ với nó và mơ còn xa hơn về kiếp sau của nó, và bản thân chúng còn trở thành những hình ảnh hiện lên ngay trong giấc mơ của nó.

Những bóng dáng hiển hiện ấy đã ra hiệu, vẫy gọi nó với 1 sức mạnh bức bách đến nỗi ngày trôi qua, loài người và những đòi hỏi của loài người cứ tuột ra xa khỏi nó. Từ 1 nơi sâu thẳm trong rừng hoang 1 tiếng gọi thường cất lên, xốn xang và quyến rũ 1 cách huyền bí. Và do nó luôn luôn nghe thấy cái tiếng gọi đó, nó cảm thấy buộc phải quay lưng lại ngọn lửa của con người và nền đất đã được chân người nện chặt ở chung quanh, để lao vào rừng sâu, và cứ lao tới, lao tới tới nơi nào và tại sao như vậy nó cũng không biết nữa. Mà nó cũng không tự hỏi là từ nơi nào và tại sao tiếng gọi kia lại đang vang lên khẩn thiết như vậy, ở đâu đó sâu thẳm trong rừng hoang. Nhưng những khi nó chạy ra đến nơi đất hoang còn mềm chưa ai đặt chân tới dưới bóng rừng xanh, thì tình yêu thương đối với Giôn Thoóctơn lại kéo nó trở lui về bên bếp lửa.

Chỉ vì mỗi 1 mình Thoóctơn mà nó còn ở lại. Toàn bộ những kẻ khác của loài người không còn ý nghĩa gì. Những du khách ngẫu nhiên gặp nó có thể ngợi khen hoặc vỗ về nó, nhưng đối với tất cả những điều đó nó đều lạnh lùng, và khi gặp phải 1 người quá vồ vập quẩn quít thì nó thường đứng dậy và bỏ đi. Khi những bạn phường của Thoóctơn là Hendor và Phiti đưa chiếc bè lâu nay mong đợi đến nơi này, Bắc phớt lờ họ cho đến khi nó biết được là họ thân cận với Thoóctơn; khi đó nó mới chịu khoan thứ với họ theo 1 kiểu thụ động chấp nhận những sự chiều cố của họ như thể chính vì nó chiều cố họ và chấp nhận đấy thôi. Họ cũng thuộc loại người rộng lượng hào phóng như Thoóctơn, sống sát với thực tế, suy nghĩ đơn giản nhưng đầu óc sáng suốt, minh mẫn. Và qua 1 thực tế thời gian, trước khi họ lái chiếc bè gỗ ngoặt vào vũng nước xoáy lớn bên cạnh nhà máy cưa ở Đoxân, họ đã hiểu được Bắc và tính nết của nó, nên họ không cố đòi Bắc phải thân thiết với họ như Xkit hay Ních.

Tuy nhiên, đối với Thoócton, tình yêu thương của nó hình như cứ ngày càng tăng lên, tăng lên mãi. Trong những con người, duy nhất chỉ có anh là có thể đặt được 1 túi hành lý trên lưng Bắc trong cuộc hành trình ngày hè. Khi Thoócton ra lệnh thì không có công việc gì là quá khó khăn đối với Bắc. 1 hôm (sau khi họ đã kiếm được 1 số lương thực và vốn liếng nhờ bán chiếc bè gỗ và rời Đoxân ngược nguồn sông Tanana), người và chó đang ngồi trên chồm 1 vách đá dựng đứng bên 1 cái vực sâu đến 300 bộ, đáy vực là nền đá trần trụi, Giôn Thoócton ngồi gần mép vực, Bắc tựa vào vai anh, Thoócton chợt nảy ra 1 ý nghĩ nông nổi, anh lưu ý Hendor và Piti hãy xem anh thử 1 điều vừa thoáng qua trong óc:

-Nhảy đi, Bắc! - anh vung tay ra trên vực sâu, ra lệnh.

Trong khoảnh khắc, anh đã phải ôm ghì lấy Bắc ở mép đá cheo leo trong khi Hendor và Piti đang gò người kéo cả anh và Bắc trở lui vào nơi an toàn.

-Thật là đại đột! - Piti thốt lên, sau khi sự việc đã xong xuôi và họ đã hoàn hồn.

Thoócton lắc đầu:

-Không! Thật là tuyệt vời, mà cũng thật là khủng khiếp. Các cậu có biết không, đôi khi nó làm cho tớ phát sợ.

-Vô phúc cho kẻ nào dám chạm vào anh trong khi nó ở quanh quần bên anh. Tôi thì chả dám - Piti tuyên bố như đề kết luận, hất đầu chỉ về phía Bắc.

-Lạy Chúa! - Hendor góp thêm ý mình - Cả tôi nữa tôi cũng chả dám.

Chính tại thị trấn Xóccon, vào 1 ngày cuối năm, điều lo sợ đó của Piti đã được thực tế chứng minh là đúng. Bócton "Đen", 1 con người xấu tính và hiểm độc, đang gây sự với 1 anh chàng mới đến lạ nước lạ cái ở bên quầy bán rượu, thì Thoócton bước vào giữa 2 người, ôn tồn can ngăn Bắc, theo thói quen đang nằm trong 1 góc phòng, đầu đặt trên 2 chân, đưa mắt theo dõi từng cử chỉ của chủ, Bócton chẳng nói chẳng rằng, giáng bốp ngay 1 quả vào mặt Thoócton. Anh lão đảo, suýt nữa thì ngã vật xuống nếu không kịp bầu vào song sắt của quầy rượu.

Những người đứng đấy chứng kiến sự việc lúc bấy giờ bỗng nghe 1 tiếng không phải là tiếng suả, cũng không phải là tiếng ré, mà đúng hơn là 1

tiếng gầm, và họ nhìn thấy thân hình của Bắc từ nền nhà bay lên lao vút qua không trung, nhằm thẳng vào cổ họng Bócton phóng tới. Tên này thoát chết nhờ hấn kịp vung cánh tay ra theo bản năng, nhưng bị hất nhào và đằng sau ngã ngửa ra sàn nhà, Bắc đè lên người hấn. Bắc nhả cánh tay của hấn ra rồi lại nhè vào họng hấn mà cắn. Lần này hấn chỉ che đỡ được phần nào, và họng của hấn bị xé toạc. Đám đông vội xô vào Bắc và đánh đuổi nó ra. Nhưng khi 1 viên thầy thuốc băng bó vết thương cho Bócton, Bắc cứ quanh quẩn lượn tới lượn lui, gầm rít hung tợn, cứ chực xông vào, nhưng bị 1 loạt những chiếc dùi cui thù địch đẩy lùi. 1 "cuộc hội ý của những người khai mỏ" được triệu tập ngay tại chỗ, đã phán xử rằng cuộc tấn công của con chó có lý do chính đáng, vì bị khiêu khích đến mức phải phản ứng, và Bắc được tha miễn.

Ấy thế là Bắc bắt đầu nổi tiếng, và từ hôm đó tên tuổi của Bắc được truyền tụng từ trại này sang trại khác khắp vùng Alaxen.

Sau sự việc ấy, vào mùa thu năm đó, Bắc lại có 1 hành động theo cách thức khác, cứu sống được Giôn Thoócton. 1 hôm 3 người bạn phường đang giòng 1 chiếc thuyền xuôi 1 đoạn thác ghềnh hiểm trở trên nhánh sông 40 Dặm. Hendor và Piti men theo bờ, dùng 1 chiếc dây thừng nhỏ bện bằng dây chuối sợi buộc neo thuyền từ gốc cây này sang gốc cây khác, còn Thoócton thì đứng trên vừa chống vừa hò hét chỉ dẫn cho người trên bờ. Bắc ở trên bờ lo lắng bồn chồn, tiến lên theo ngang với chiếc thuyền, đôi mắt không bao giờ rời khỏi chủ.

Đến 1 nơi đặc biệt hiểm trở vì 1 gò đá ngầm mập mé mặt nước nhô ra ngoài sông. Hendor tháo dây néo ra khỏi cây, và trong khi Thoócton chống thuyền tránh ra giữa dòng. Hendor dọc theo bờ chạy xuống phía dưới, tay nắm chặt đầu dây để sẵn sàng néo lại khi nào thuyền vượt qua khỏi gò đá. Vào lúc con thuyền đã vượt qua được và đang băng băng lao xuống theo 1 luồng nước chảy xiết. Hendor níu dây kìm thuyền lại, nhưng anh kìm quá đột ngột. Chiếc thuyền giạt mạnh rồi lật úp, bị lúi vào bờ ngửa bụng lên trời, còn Thoócton thì văng ra khỏi thuyền và bị nước cuốn xuôi và phía nguy hiểm nhất của dòng thác, nơi có vùng nước cuộn dữ dội mà không có kẻ nào có thể thoát chết được.

Ngay lập tức Bắc lao xuống dòng nước. Bơi được 300 mã, giữa vùng nước xoáy điên cuồng, Bắc đuổi kịp Thoócton. Khi nó cảm thấy anh đã nắm được đuôi nó, Bắc nhằm thẳng vào bờ bơi vào với tất cả sức lực tuyệt vời của nó. Nhưng sự chuyển động tiến vào bờ thì chậm, mà sự chuyển động xuôi dòng thì lại nhanh lạ lùng. Từ bên dưới vọng lên tiếng gầm rít ghê người ở nơi mà dòng nước điên cuồng xoáy cuộn càng dữ dội và bị xé nát vụn ra tung toé thành bụi nước giữa những mỏm đá lô nhô thọc qua như những chiếc răng của 1 cái lược khổng lồ; sức hút của nước khi bắt đầu đổ xuống đoạn dốc cuối cùng thật là khủng khiếp, và Thoócton biết rằng bơi vào bờ là 1 điều không thể nào thực hiện nổi. Anh vật lộn quyết liệt để bám vào 1 tảng đá, nhưng bị trượt, sượt qua 1 tảng đá thứ 2, rồi đâm sầm vào 1 tảng đá thứ 3 như bị giáng 1 đòn búa tạ. Anh buông Bắc ra, dùng cả 2 tay bấu chặt lấy cái chòm tron tuột của tảng đá, và thét to đê át tiếng gầm của luồng nước cuộn tung toé: "Vào bờ đi, Bắc! Đi đi!".

Bắc không thể nào trụ lại nổi, nó bị cuốn theo dòng nước, vật lộn 1 cách tuyệt vọng nhưng không tài nào quay lại được. Khi nó nghe tiếng Thoócton nhắc lại mệnh lệnh, nó chồm 1 phần thân mình lên khỏi mặt nước, cật cao đầu như để nhìn anh lần cuối, rồi ngoan ngoãn quay vào bờ. Nó bơi mãnh liệt, và được Piti cùng Hendor kéo vào bờ đúng ngay tại nơi không còn có thể bơi tiếp được nữa mà chỉ có đâm đầu vào cỏi huỷ diệt.

Piti và Hendor biết là thời gian 1 con người có thể bám vào 1 tảng đá tron trước 1 sức nước cuốn mạnh như vậy chỉ còn tính từng phút, nên họ dốc hết sức chạy thật nhanh ngược lên phía trên, đến 1 chỗ cách xa nơi Thoócton đang bám trụ. Họ dùng chiếc gậy mà họ vừa néo thuyền lúc nãy buộc vào cổ và vai Bắc cẩn thận tránh không để sợi dây làm nghẹt cổ Bắc và làm nó vướng khi bơi, rồi tung nó xuống dòng nước. Bắc dừng cảm lao vút ra, nhưng tiếc thay không ra thật đúng thẳng giữa dòng. Khi nó thấy ra được sai lầm của mình thì đã quá muộn, vị trí của Thoócton đã nằm ngang với nó, cách nó ít nhất là sáu nhịp hơi, trong khi nó bị tiếp tục cuốn trôi qua không làm sao lại cưỡng lại được.

Hendor nhanh chóng néo sợi dây, như thể Bắc là 1 chiếc thuyền vậy. Do sợi dây kéo căng ra níu nó lại giữa dòng nước đang cuộn ào xuống, nên nó bị giúi mạnh xuống dưới mặt nước, và cứ thế bị nhận chìm nghiêm cho đến

khi thân mình nó húc vào bờ và được kéo lên Bắc gần như chết đuối, và Hendor cùng Piti vội lao vào cứu nó, làm hô hấp nhân tạo và dốc cho nước chảy ra. Nó loạng choạng đứng dậy rồi lại ngã xuống. Vừa lúc ấy, tiếng kêu của Thoócton văng đến tai họ. Mặc dù họ không nghe ra được Thoócton đang nói gì, nhưng họ biết là anh đã kiệt sức. Tiếng gọi của chủ tác động đến Bắc như 1 luồng điện giật. Nó bật dậy và chạy trước 2 người, ngược bờ sông lên đến điểm xuất phát của nó lúc này.

Lần nữa, sợi dây lại được buộc vào, nó được tung xuống nước, và nó lại lao vút ra. Nhưng lần này nó lao ra đúng thẳng giữa dòng. Nó đã tính nhầm 1 lần, nay quyết không phạm sai lầm lần thứ 2. Hendor thả dây cố giữ không để cho dây chùng, còn Piti thì cố đảm bảo cho đến khi nó ra tới 1 điểm chiếu xuống Thoócton theo 1 đường thẳng; lúc đó nó mới ngoặt xuống, và với tốc độ của 1 con tàu tốc hành, nó lao thẳng vào anh. Thoócton nhìn thấy nó lao đến, và khi thân Bắc đâm sầm vào anh như 1 cái chùy phá thành, với toàn bộ sức mạnh của luồng nước xô đằng sau nó, anh vội vờ tới và quăng cả 2 tay ôm chặt lấy cái cổ xòm xọm của nó. Hendor néo sợi dây vào 1 thân cây. Bắc cùng Thoócton liền bị giúi mạnh xuống dưới mặt nước. Cổ họng nghẹn tắc, ngạt thở, lộn lên lộn xuống giúi giúi, khi thì Bắc nằm đè lên trên, khi thì Thoócton nằm đè lên trên, cả 2 bị kéo xệt dưới đáy sông lởm chởm, thân thể bị va đập vào những tảng đá và những gốc cây gãy, và cuối cùng được kéo lên bờ.

Thoócton hồi tỉnh thấy mình đang được đặt nằm sấp vắt ngang lên 1 khúc gỗ trên bờ, và Hendor cùng Piti đang kéo cò của người anh, đẩy lui đẩy tới cật lực. Anh lập tức nhìn sang phía Bắc. Bên thân hình mềm rũ và có vẻ như không còn sự sống của Bắc, Ních đang đứng tru dài, còn Xkít thì đang liếm bộ mặt ướt sũng và đôi mắt nhắm nghiền của Bắc. Bản thân Thoócton cũng bị những vết thương thâm tím vì bị va đập mạnh. Khi Bắc được cứu cho tỉnh lại, Thoócton cẩn thận sờ nắn khắp mình nó thì tìm thấy 3 xương sườn bị gãy.

-Thôi, không cần phải bàn nữa - anh tuyên bố - Chúng ta cắm trại ngay tại đây.

Và thế là họ ở lại đó, chờ cho đến khi xương của Bắc liền lại và nó có thể lên đường được.

Mùa đông năm ấy, tại Đoxan, Bắc lại lập nên 1 kỳ công khác, có lẽ không được anh hùng như vậy, nhưng là 1 kỳ công đã tôn tên tuổi của Bắc lên thêm nhiều nấc trên cột totem lưu truyền danh tiếng giữa miền Alaxen. Kỳ công đặc biệt làm hài lòng 3 người bởi vì nhờ nó mà họ sắp được những thứ đồ lễ họ đang cần, nhờ nó họ có thể mở 1 cuộc hành trình họ hằng ao ước từ lâu: đi vào miền Đông hoang vu, nơi những người khai mở vàng chưa bao giờ bén mảng tới. Sự kiện ấy đã bắt đầu từ 1 buổi chuyện trò tại quán rượu Endôradô, giữa lúc những người ngồi đây đang bốc lên huyền hoang khoáng lác về những con chó cưng của họ, Bắc, do những thành tích của nó, trở thành mục tiêu của mọi người, và Thoócton bị dồn vào chỗ phải nói cứng để bảo vệ cho thanh danh của Bắc. Sau nửa tiếng sôi nổi, 1 người tuyên bố là con chó của ông ta có thể khởi động 1 chiếc xe trượt tuyết chở 500 pao hàng và kéo nó đi được; 1 người thứ 2 khoe là chó của mình có thể làm được như vậy với 1 chiếc xe chở 600 pao; và 1 người thứ 3, 700 pao.

-Mềng! Mềng! - Giôn Thoócton nói - Bắc có thể khởi động 1000 pao.

-Chuyên dịch được xe? Và kéo đi được 100 mã? - Mátthinxon, 1 tay cự phú cỡ bự, kẻ vừa khoe chó mình kéo được 700 pao, hỏi vặn Thoócton.

-Đúng! Chuyên dịch được xe, và kéo đi được 100 mã. - Giôn Thoócton điềm tĩnh đáp lại.

-Được rồi! - Mátthiuxon nói chậm rãi khoan thai cốt để cho mọi người nghe rõ - Đánh cuộc 1000 đôla là nó không làm như vậy được. Tiền đây!

Nói đoạn, gã ném phịch xuống mặt quầy rượu 1 túi vàng cộm lớn bằng 1 cái xúc xích bôlônho.

Không ai hé răng nói nửa lời. Sự phét lác của Thoócton, nếu quả là phét lác, đã bị thách đấu. Anh cảm thấy máu dồn lên mặt nóng bừng. Cái lưỡi của anh đã chơi xỏ anh rồi. Anh không hề biết là liệu Bắc có thể khởi động được 1000 pao hay không. Những nửa tấn! Khối lượng khổng lồ đó làm anh kinh hoàng. Anh vốn rất tin vào sức lực của Bắc và đã thường nghĩ là Bắc có thể khởi động được 1 khối nặng như thế. Nhưng chưa bao giờ như lúc này, anh bị đặt vào tình thế phải suy xét giữa khả năng và hiện thực, trước những con mắt của hơn chục con người chăm chăm nhìn anh, yên lặng và chờ đợi. Hơn nữa, anh không có 1000 đôla, Hendor và Piti cũng chẳng có.

-Tôi có 1 chiếc xe trượt tuyết đang nằm ngoài kia, chờ đúng 20 bao bột mì mỗi bao 50 pao - Mátthiuxon nói tiếp với thái độ thẳng thừng đến tàn nhẫn - Vậy xin mời cứ tự nhiên cho!

Thoócton không trả lời. Anh biết nói thế nào bây giờ? Anh đảo mắt nhìn qua hết bộ mặt này đến bộ mặt khác với cái vẻ ngơ ngác của 1 người đã mất khả năng suy nghĩ và đang tìm kiếm ở đâu đó 1 điều gì có thể giúp phục hồi lại khả năng ấy. Đôi mắt anh chợt bắt gặp bộ mặt của Jim Ôbrien, cũng là 1 phú ông giàu sụ và là bạn cũ của anh. Bộ mặt ấy như 1 tín hiệu đối với anh, nó như khích động anh phấn chấn làm cái điều mà lẽ ra anh không hề bao giờ mơ tưởng có thể làm được.

-Anh có thể cho tôi vay 1000 được không? - Anh hỏi, hầu như thảm thì.

-Được lắm chứ! - Ôbrien trả lời và đặt mạnh xuống quầy 1 cái túi nặng chứa ngàn đôla có dư bên cạnh cái túi của Mátthiuxon - Mặc dù tớ chẳng tin mấy là con vật có thể làm được cái trò ấy, Giôn ạ!

Khách khứa trong quán Endôradô đổ hết ra đường xem cuộc thử thách. Các bàn rượu vắng tanh, những người ham mê cờ bạc và những tay ga bạc đều ứa cả ra để xem kết cục ra sao và để đánh cuộc với nhau. Mấy trăm con người trong những bộ áo lông và găng tay dày cộm xúm đông xúm đỏ quanh chiếc xe trượt tuyết, cách xe 1 quãng vừa phải để có thể nhìn thoải mái. Chiếc xe trượt của Mátthiuxon chờ 1000 pao bột đã đứng đấy từ vài giờ rồi, và trong cái lạnh ghê gớm (lúc này là 60 độ âm các càn xe đã bị gắn chặt vào lớp băng tuyết đông cứng. Người ta đánh cuộc 2 ăn 1 rằng Bác không thể nào làm cho xe nhúc nhích được. 1 câu hỏi hắc búa được đặt ra về chữ "chuyển dịch". Ôbrien cho rằng Thoócton được quyền phá cho càn xe trượt bung ra khỏi băng tuyết, rồi để cho Bác "chuyển dịch chiếc xe" từ vị trí đứng yên. Nhưng Mátthiuxon thì cứ khẳng khẳng là chữ "chuyển dịch" bao hàm cả việc làm sao cho càn xe bung ra được khỏi lớp băng tuyết gắn chặt vào nó. Đa số những người chứng kiến việc thách đố lúc này đều ủng hộ ý kiến của Mátthiuxon, và do đó liền đánh cuộc lập tức tăng lên 3 ăn 1, cho rằng Bác sẽ thất bại.

Không người nào dám nhận đánh cuộc tin rằng Bác có thể làm được kỳ công đó, Thoócton bị ép nhận cuộc 1 cách vội vàng, lòng anh trĩu nặng mối hoài nghi; và bây giờ đây lúc anh tận mắt nhìn vào chính chiếc xe trượt ấy,

cái sự vật cụ thể rành rành, với 1 đàn chó kéo xe 10 con (số lượng theo thường lệ) đang nằm co tròn trên mặt tuyết phía trước xe, anh lại càng thấy là công việc này có vẻ không thể làm nổi. Còn Mátthiuxon thì càng trở nên hơn hớn.

-3 ăn 1 đây! - gã tuyên bố - Nay Thoócton tôi đặt cược thêm 1000 đôla thách 3 ăn 1. ý anh thế nào?

Mỗi hoài nghi của Thoócton lộ rõ trên nét mặt, nhưng tinh thần tranh đấu của anh đang được khuấy động - cái tinh thần tranh đấu bất chấp mọi sự chênh lệch, không hề cam chịu bó tay trước điều không thể làm nổi, và không thềm để tai đến gì ngoài tiếng la hét xung trận, anh gọi Hendor và Piti đến bên anh. Các túi tiền của họ đều lép kẹp, và cùng với cái túi của anh, cả 3 chỉ góp lại được có 200 đôla. Giữa lúc họ lâm vào tình cảnh khó khăn, tất cả vốn liếng của họ chỉ còn có bấy nhiêu; ấy thế nhưng họ dốc tuột ra không 1 chút do dự, đặt cược với 600 đôla của Mátthiuxon.

Người ta tháo đàn chó 10 con ra khỏi chiếc xe, và đưa Bắc trong bộ đai cương của nó vào thay thế. Không khí kích động xung quanh đã lây sang cả Bắc, và nó cảm thấy là nó sẽ phải làm như thế nào đó để thực hiện được 1 điều rất lớn lao của Giôn Thoócton. Hình dáng tuyệt vời của Bắc vừa xuất hiện thì những tiếng rì rào thán phục nổi lên trong đám đông. Thể trạng của Bắc đang giữa lúc hoàn hảo, không có lấy 1 lạng thịt thừa nào, và toàn bộ 150 pao trọng lượng của nó là bấy nhiêu pao can trường và sức mạnh. Bộ lông dày của nó sáng bóng lên ánh mượt mà của tơ lụa. Dọc cổ và trên đôi vai, lớp lông bờm của nó tuy đang lúc nằm yên nhưng vẫn hơi nghênh lên chênh chếch, và hình như cứ dựng đứng lên theo mỗi cử động của thân mình nó, như thể là sức lực thừa ứ của nó đã làm cho từng sợi lông riêng lẻ đều có sự sống và tính năng động. Tấm ức rộng và đôi chân trước vạm vỡ không to quá khổ mà thật là cân đối với phần còn lại của toàn thân, và trên cơ thể Bắc những bắp thịt nổi lên thành từng cuộn bó chặt hẳn rõ dưới làn da. Người ta đưa tay sờ nắn thử các cơ bắp ấy rồi kháo nhau là nó rắn như sắt, và thể là nước bạc đặt cược tụt xuống 2 ăn 1.

-Ch-chà-chà, t-tuyệt quá, thừa ngài! T-tuyệt quá! - bên tai Thoócton lập cập tiếng nói lấp của 1 gã cóc vàng thuộc nhóm phú ông mới phát lên gần đây nhất (nhóm Xcucum Benso) - Ng-ngài để lại cho tôi con ch-chó, tôi x-

xin nộp ngài 800, th-thưa ngài, ngay trước khi vào cuộc thử thách, thưa ngài! T-tám trăm ngay khi nó còn đứng đấy, th-thưa ngài.

Thoócton lắc đầu, anh bước đến bên cạnh Bắc:

-Ông đứng xa ra nhé! - Mátthiuxon phản đối - Cuộc thi tự lực, không ai nhúng vào, thiếu gì nơi đứng.

Đám đông im bật. Chỉ còn có tiếng những gã máu mê tao đánh cuộc 2 ăn 1 nhưng chả ai hưởng ứng. Mọi người thừa nhận Bắc là 1 con vật tuyệt vời, nhưng 20 bao bột, mỗi bao 50 pao, lù lù ra đó thành 1 đồng quá lớn trước mặt họ, khiến họ không dám thò tay cời hầu bao.

Thoócton quỳ xuống bên Bắc. Anh giữ đầu Bắc giữa 2 bàn tay anh và kê má anh vào má nó. Anh không lắc nó theo lối đùa nghịch như hướng lệ, hoặc nhỏ nhẹ rửa yêu nó, mà anh thì thâm vào tai nó:

-Đã thương ta thì cố lên, Bắc! Hãy vì ta, cố lên!

Bắc rên lên ư ử, với giọng háo hức nén lại trong cổ họng.

Đám đông tò mò ngăm nhìn theo dõi. Sự việc đang trở thành bí ẩn. Có vẻ như 1 sự phù phép. Khi Thoócton đứng lên, Bắc ngoạm lấy bàn tay đeo găng của anh, từ từ cắn vào rồi nhả dần, có phần không muốn rời ra. Đó là sự đáp lại, không phải bằng lời, mà bằng tình cảm thương yêu, Thoócton lùi hẳn ra xa.

-Nào, Bắc! - anh nói.

Bắc kéo căng bộ dây cương, rồi lại thả chúng ra khoảng vài inch. Đó là cách thức mà nó đã được huấn luyện.

-Ji-i! - tiếng Thoócton vang lên sắc nhọn, xói vào bầu không khí im lặng căng thẳng.

Bắc đâm bổ sang bên phải, kết thúc động tác bằng 1 cái chúi mạnh căng hẳn phần chung của dây cương, và cả sức nặng 150 pao của nó bổ nhào tới bị chặn sững lại thành 1 cú thúc mạnh đột ngột. Đống hàng đồ sộ rung động, và từ bên dưới đôi càng trượt phát ra tiếng rạn nứt tanh tách.

-Hô-ô! - Thoóctăn lại ra lệnh.

Bắc lặp lại động tác như cũ, nhưng lần này sang bên trái. Tiếng rạn nứt chuyển thành tiếng gầy rãnh rắc chiếc xe trượt tuyết xoay tại chỗ và đôi càng xe nghiêng kèn kẹt trượt đi mấy inch về 1 bên. Chiếc xe đã bung ra

được khỏi băng giá. Mọi người chăm chú theo dõi, hoàn toàn không hay biết là mình đang nín thở.

-Nào! Mot-s!

Lệnh của Thoócton phát ra đánh như 1 phát súng lục. Bắc lao bỏ về đằng trước, những sợi dây cương bị giật tới đột ngột rung động mạnh và căng thẳng. Sức mạnh toàn thân Bắc thu hết lại thành 1 khối rắn chắc trong 1 nỗ lực ghê gớm ấy. Các bắp thịt cuộn lên và nổi thành nút như những vật có sự sống đang chuyển nó rạp xuống thấp, đầu nó vươn về phía trước và cúi xuống, trong khi 4 chân cào bới như điên như cuồng, những vuốt sắc rạch trên lớp băng tuyết đông cứng thành những vạch song song.

Chiếc xe trượt tuyết lắc lư và rung chuyển, gần như di dịch được về phía trước. Bỗng 1 chân Bắc bị trượt và có tiếng ai đó rú lên lo lắng. Nhưng rồi chiếc xe lao đảo dịch tới, nhích dần theo 1 loạt những cái giật nhanh liên tiếp, dường như không bao giờ dừng lại. Nửa inch... 1 inch... 2 inch... Những cái giật giảm đi trông thấy khi xe đã lấy được đà. Bắc bắt kịp từng cái giật để dần tới vượt qua, cho đến khi chiếc xe lướt đều tiến lên phía trước theo 1 đà trượt vững chắc không còn giật nữa.

Người đứng xem thở hắt 1 cái mạnh và bắt đầu lấy lại hơi thở bình thường, không nhận thấy là trong những phút vừa qua họ đã ngừng thở. Thoócton chạy theo sau xe, khích lệ Bắc bằng những tiếng ngắn, hân hoan. Khoảng cách đã được đo sẵn, và khi Bắc tiến đến gần đồng củi đánh dấu cái đích của đoạn đường 100 mã, thì tiếng reo hò cổ vũ nổi lên mạnh dần, mạnh dần, rồi phá lên thành 1 tiếng hoan hô như sấm dậy khi Bắc vượt qua đồng củi và dừng lại theo mệnh lệnh. Mọi người nhảy căng lên vì khoái chí, ngay cả Mátthiuxon cũng vậy. Người ta tung mũ và giăng tay lên trời. Người ta bắt tay nhau, bắt tay với bất kỳ ai không cần phân biệt và nháo nhác trao đổi với nhau những câu hoan hỉ rộn lên thành 1 mớ tiếng nói hỗn độn chả đâu vào đâu.

Trong khi đó thì Thoócton quỳ xuống bên cạnh Bắc. Đầu anh áp vào đầu nó, anh lắc mình nó đảo qua đảo lại. Những người chạy vội lên đến bên anh nghe thấy tiếng anh rửa Bắc, anh rửa rất lâu và rất nồng nàn, rửa với giọng dịu dàng và thương yêu.

-Ôi! Tuyệt quá! Tuyệt quá, thưa ngài! - lại tiếng nói lấp bắp của tay cóc vàng Xcucum Bensor bên tai anh - Tôi xin nộp ngài 1000, ngài để nó cho tôi thưa ngài, 1000, thưa ngài, 1200, thưa ngài.

Thoócton đứng dậy. Đôi mắt anh ướt đầm. Những giọt nước ứa ra, không cần giấu giếm, chảy ròng ròng xuống má anh.

-Thưa ngài! - anh nói với gã phú ông - Không được đâu, thưa ngài! Xin ngài hãy bước đi cho rảnh. Tôi chỉ có thể đáp lại ngài như vậy thôi, thưa ngài!

Bắc ngoạm lấy bàn tay của Thoócton, Thoócton lắc mình nó đảo lui đảo tới. Những người đứng nhìn, như cùng chia sẻ niềm vui chung sôi nổi, đã lùi ra xa 1 quãng, tỏ vẻ tôn trọng, họ giữ ý không còn ai khiếm nhã cắt ngang 1 lần nữa những giây phút ân tình giữa anh với Bắc.

chương 7

Tiếng gọi

Với 1600 đôla mà Bắc kiếm được cho Giôn Thoócton chỉ trong vòng 5', Bắc đã giúp cho chủ mình trang trải xong 1 số nợ nần và mở được cuộc hành trình cùng với các bạn phường đi về phía Đông để tìm 1 cái mỏ vàng mất tăm tích chỉ còn lại trong truyền thuyết, mà sự tích cũng xa xăm như chính sự tích cái xứ sở này vậy. Trước kia, đã có nhiều người săn tìm cái mỏ vàng ấy; ít người tìm ra được nó; mà số người đi tìm rồi chả bao giờ trở về nữa cũng không phải là ít. Tình tiết về cái mỏ vàng mất tăm tích ấy đầy rẫy chuyện đau thương và ảm kín sau 1 bức màn thần bí. Không kẻ nào biết được người đầu tiên phát hiện ra nó là ai. Những lời truyền miệng từ xa xưa nhất cũng đã dừng lại trước khi phanh ra mối, lần ngược đến tung tích người đó. Mở đầu câu chuyện truyền thuyết, người ta kể lại về 1 túp lều cỏ đồ nát, nó là vật đánh dấu nơi có cái mỏ vàng bí ẩn. Những kẻ thiệt mạng vì cuộc săn tìm này trong giờ phút hấp hối đã thề thốt là túp lều ấy có thực, là cái mỏ vàng ấy có thực và để làm bằng cho lời nói của họ, họ đã đưa ra cho xem những thỏi vàng thật là tuyệt vời, không có bất kỳ loại vàng nào ở các độ tuổi mà người ta đã thấy tại vùng đất phương Bắc này có thể sánh kịp.

Nhưng trong những người đang sống, chẳng có ai mang được thứ của quý ấy về nhà, mà người chết thì đã chết mất xác rồi. Do đó, Giôn Thoócton, Piti và Hendơ, cùng với Bắc và nửa tá chó khác nữa, đã xông

pha vào vùng phía Đông theo 1 con đường mòn họ chưa từng biết đến, để hòng thực hiện cái điều mà những đoàn người và chó khác trước họ, cũng giỏi giang như họ, đã thất bại không làm nổi. Họ đi xe trượt tuyết băng qua 70 dặm đường ngược dòng I-u-con, rồi ngoặt sang trái đi vào sông Xtiu-át, vượt qua Mayê và Mắcquêxon, và cứ tiếp tục ngược dòng cho đến khi bản thân con sông Xtiu-át chỉ còn là 1 dòng suối nhỏ xíu, len lỏi qua sườn những ngọn núi dựng đứng đánh dấu cột xương sống của lục địa Bắc Mỹ.

Giôn Thoóctơn không yêu cầu gì mấy ở con người hoặc ở thiên nhiên. Anh không sợ hoang dã. Với 1 vốc muối và 1 cây súng, anh có thể lao vào cõi hoang vu và có thể làm ăn được ở bất cứ nơi nào và lâu đến bao nhiêu cũng được, tùy theo sở thích. Không có gì phải vội, anh cứ theo phong cách của người thổ dân da đỏ, hàng ngày vừa đi đường vừa săn bắn để kiếm cái ăn; và nếu không tìm ra cái ăn, thì cũng giống như người da đỏ, anh cứ tiếp tục đi tới, biết chắc chắn rằng chẳng chóng thì chầy thế nào anh cũng tìm ra. Vậy là trong cuộc hành trình lớn lao này vào vùng phía Đông, thực đơn là thịt cá chén ngay tại trận khi vừa săn bắn được, vật chở trên xe chủ yếu là đạn và dụng cụ, còn chương trình kế hoạch thì vạch ra thực hiện trong tương lai không hạn định.

Đối với Bắc cuộc sống như thế này thật là khoái vô cùng tận, được săn thú nhé, được bắt cá nhé, rồi lại còn được ngao du vô định qua bao miền đất lạ. Có những thời gian hằng mấy tuần liền đoàn người và chó cứ đi miệt, ngày này qua ngày khác. Lại có lúc hằng mấy tuần liền họ cắm trại tại chỗ ở 1 nơi nào đó, đàn chó xả hơi đi chơi rong, còn người thì đốt lửa cho bùng và sỏi tan băng ra rồi moi thành lỗ, và cạnh hơi nóng của ngọn lửa, họ cặm cùi đãi không biết cơ man nào đất cát để tìm vàng. Có những lúc họ bị đói, nhưng có những lúc họ lại ăn uống thịnh soạn bữa trưa, mọi sự tùy thuộc vào số lượng thú săn nhiều hay ít và công việc săn bắt gặp may hay không. Mùa hè tới, người và chó đeo đồ lều lên lưng, dùng bè vượt qua những hồ nước xanh biếc giữa đồi núi, và khi xuôi khi ngược dọc các dòng sông chưa hề quen biết, trên những chiếc thuyền thoi do họ đốn gỗ trong rừng tự đẽo khoét lấy.

Ngày tháng trôi qua, đoàn người và chó cứ miệt mài dần bước, vòng vèo khi tới khi lui xuyên qua cõi đất mênh mông chưa hề được đồ họa, chưa

ai từng đặt chân tới hay biết đâu đã có người đến, nếu như câu chuyện về Túp Lều Mất Tích là có thực. Họ đi qua những đường phân thủy, giữa những trận bão tuyết mùa hè dữ dội, họ run cầm cập dưới ánh mặt trời nửa đêm trên những ngọn núi trọc nằm xen giữa bìa rừng và vùng tuyết vĩnh cửu, họ tụt xuống những thung lũng giữa tiết hè tràn ngập ruồi muỗi, và dưới bóng những núi băng, họ dừng lại hái những quả dâu chín mọng và những bông hoa tươi đẹp chẳng thua kém bất kỳ loại hoa quả nào mà miền đất phương Nam có thể tự hào. Mùa thu năm ấy họ lọt vào 1 vùng hồ kỳ ảo, buồn tẻ và tĩnh mịch, nơi đây xưa kia đã từng có chim trời trú ngụ, nhưng nay thì không còn sự sống, đến cả dấu vết của sự sống cũng không còn - chỉ có luồng gió ớn lạnh thổi qua, băng đang dần đóng lại ở những nơi bị che khuất, và tiếng sóng rì rào buồn man mát vỗ nhẹ vào những bãi bờ hiu quạnh.

Rồi họ lang thang suốt 1 mùa đông nữa, mò theo hướng những người đã đi qua trước đây mà dấu vết đã bị xoá sạch. 1 lần họ chợt bắt gặp 1 lô đi mở xuyên qua rừng, 1 lối mòn rất cũ, và tưởng chừng như Túp Lều Mất Tích đã ở đâu đây rất gần. Nhưng lối mòn ấy bắt đầu từ chỗ không đâu ra đâu và tận cùng ở 1 chỗ cũng không đâu ra đâu cả. Kết cục, nó vẫn là 1 điều bí ẩn, cũng như ai đã mở ra lối đi ấy và mở ra để làm gì, đều vẫn là điều bí ẩn. 1 lần khác, họ lại tình cờ phát hiện thấy 1 chiếc lán của người đi săn, từ 1 thời xa xưa, nay đã đổ nát, và giữa những mảnh chần đã mục, Giôn Thoócton tìm thấy 1 khẩu súng kíp nòng dài. Anh nhận ra đó là 1 thứ súng của Công ty Vịnh Hâtxon trong thời kỳ hạn sơ ở Vùng Tây Bắc, vào cái thời mà 1 cây súng như thế này xứng đáng với vị trí cao quý được đóng hộp bọc da hải ly đàn hoàng. Nhưng tất cả chỉ có thế - không có 1 dấu vết nào mách bảo về con người trong 1 ngày xa xưa nào đó đã dựng lên chiếc lán này và còn để lại khẩu súng trong đóng chẵn.

1 mùa xuân nữa lại đến, và sau khi đã lang thang mãi hết nơi này đến nơi nọ, cuối cùng họ đã tìm thấy, không phải là Túp Lều Mất Tích, mà là 1 bãi sỏi cát nông có vàng giữa 1 thung lũng rộng, trên bãi này vàng hiện ra như 1 lớp bơ nằm dưới đáy của chiếc giần đãi. Họ không đi tìm đâu xa nữa. Mỗi ngày làm việc đem lại cho họ hàng ngàn đôla vàng cốm và vàng cục đã đãi sạch, và ngày nào họ cũng làm. Vàng được đóng gói vào những chiếc

túi bằng da nai, mỗi túi chứa 50 pao. Họ xếp những túi ấy thành chồng như xếp củi bên ngoài chiếc lán làm bằng cành cây bách. Nhưn những người khoẻ phi thường, họ làm việc quần quật không mệt mỏi, ngày nối ngày vùn vụt trôi qua như những giấc mơ trong khi đồng vàng của họ cứ chất cao thêm mãi.

Lũ chó chả có gì để làm ngoài việc thỉnh thoảng kéo về lán những con thú do Thoócton săn được, và Bắc có những buổi nằm dài trầm ngâm hàng giờ bên đồng lửa. Bây giờ đây, khi công việc chả có bao nhiêu, thì cảnh mộng về con người lông lá chân ngắn lại hiện về với Bắc thường xuyên hơn; và thường thường, giữa lúc nằm yên chớp mắt nhìn ánh lửa, Bắc lại mơ thấy mình lang thang cùng con người ấy trong cái thế giới bên kia mà Bắc hồi tưởng lại.

Đặc điểm nổi bật của cái thế giới kia hình như là nỗi sợ hãi. Khi Bắc để ý nhìn con người lông lá ấy ngủ bên đồng lửa, đầu đặt giữa 2 gối và cái bàn tay đan lại trên đầu Bắc thấy gã ngủ không yên, nhiều lần giật mình tỉnh dậy, và những lúc ấy gã thường sợ hãi nhìn chằm chằm vào bóng tối và ném thêm củi vào ngọn lửa. Nếu gã cùng Bắc đi dọc bờ biển nơi gã thường nhặt sỏi hên, nhặt đầu ăn đấy, thì gã vừa đi vừa đảo mắt nhìn khắp mọi chôn dè chừng những mối đe dọa ẩn nấp đâu đó, và đôi chân sần sùng vắt lên cỏ chạy tháo thân ngay khi vừa thấy mối đe dọa ấy lộ ra. Những khi xuyên qua rừng rậm, gã cùng Bắc bước rón rén không 1 tiếng động, Bắc bám gót gã: cả 2 đều cảnh giá, tỉnh táo, đề phòng, đôi tai vểnh lên, giần giật, lỗ mũi phập phồng, bởi con người này nghe và đánh hơi cũng thính chả kém gì Bắc. Con người lông lá này có thể nhún mình nhảy tót lên cây, và chuyển cành đi tới phía trước cũng nhanh như đi trên mặt đất, 2 cánh tay đánh đu tung người từ cành này sang cành khác có khi cách nhau đến mười bộ, thoăn thoắt buông chỗ này bắt chỗ nọ, không bao giờ rơi ngã, không bao giờ bắt hụt. Trên thực tế, hình như gã ở trên cây cũng thoải mái chả kém gì ở trên mặt đất; và Bắc mừng tượng ra trong ký ức những đêm Bắc thức trắng nằm chờ dưới gốc cây, bên trên là con người lông lá đang bám chặt vào cành cây nằm ngủ.

Và có 1 thứ luôn gắn chặt với cảnh mộng về con người lông lá ấy là tiếng gọi, cái tiếng gọi cứ vang lên trong rừng thẳm. Mỗi lần nghe tiếng gọi

ấy là lòng Bắc tràn ngập 1 nỗi xao xuyến bồi hồi và những ham muốn kỳ lạ. Nó mang đến cho Bắc 1 niềm vui mơ hồ mà thú vị, và Bắc nhận thấy trong lòng mình sôi lên cuồn cuộn nhiệt bao nỗi khát khao mong muốn những điều mà Bắc không rõ là điều gì. Thỉnh thoảng Bắc vùng dậy chạy vào rừng đuổi theo tiếng gọi, sục tìm nó như thể nó là 1 vật có thể sờ mó được, vừa chạy vừa sửa nhẹ từng tiếng nhỏ hoặc sửa với vẻ thách thức, tùy theo tâm trạng thay đổi từng lúc. Có lúc Bắc thọc mũi vào các tảng rêu mát lạnh bám trên thân cây hay vào lớp đất đen dưới bãi cỏ ống, và khịt khịt với vẻ vui sướng khi ngửi thấy mùi đất mỡ màng; hoặc có lúc nó nằm thu mình hàng giờ sau những thân cây đổ đầy nấm mọc, như để ẩn nấp, rình mò, giương mắt giống tai theo dõi mọi sự chuyển động và mọi tiếng thóc thách xung quanh nó. Có thể bằng cách nằm rình như vậy, nó hy vọng sẽ bắt chợt bắt gặp được cái tiếng gọi mà nó không hiểu nổi đó. Nhưng không, nó không biết tại sao nó lại làm mọi điều như vậy. Có 1 cái gì đó buộc nó phải làm thế, và nó tuyệt nhiên không lý giải được.

Nó chịu tác động của những lực thôi thúc không thể cưỡng lại nổi. Có những khi đang nằm dài vô tích sự trong khu đóng trại ngủ gà ngủ gật dưới ánh nắng ấm áp ban ngày, nó đột nhiên cất đầu, vểnh tai chăm chú lắng nghe, rồi bật dậy và lao đi, và cứ thế lao tới, lao tới mãi, hàng mấy tiếng liền, theo những lối hờ giữa cây rừng và qua những bãi trống đầy những cụm cỏ lác. Nó thích chạy xuôi những dòng suối khô cạn, và thích rón rén theo dõi cuộc sống của chim chóc trong rừng. Có khi cả ngày liền nó nằm trong bụi rậm, từ nơi ẩn nấp này nó có thể quan sát những chú gà gô gõ nhịp liên hồi và khệnh khạng đi đi lại lại. Nhưng nó đặc biệt thích chạy trong bóng tối mờ mờ vào lúc nửa đêm mùa hạ, giống tai nghe tiếng rì rầm lắng dịu và buồn ngủ của núi rừng, dọc những tín hiệu và những âm thanh như con người đọc cuốn sách, và sục tìm cái vật huyền bí nào đó đã cất lên tiếng gọi - gọi nó đến, gọi vào mọi lúc, cả lúc đang thức, cả lúc đang ngủ.

Rồi 1 đêm nọ, nó đang ngủ bỗng giật nảy mình bật dậy, đôi mắt rực lên háo hức, cánh mũi rung động phập phồng đánh hơi, bờm lông dựng lên từng hồi như sóng cuộn. Từ trong rừng sâu vắng tới tiếng gọi (hay có thể nói là 1 âm tiết của nó, bởi tiếng gọi có nhiều âm tiết khác nhau), minh bạch và rõ ràng hơn bao giờ hết - 1 tiếng hú kéo dài, nghe giống như lại cũng

không giống bất kỳ tiếng kêu nào của loài chó mà nó đã từng nghe thấy thuở trước. Bắc vọt ra khỏi khu trại đang yên giấc lặng lẽ lao vun vút đi qua các khu rừng. Tiếng hú càng gần lại, Bắc giảm dần tốc độ, thận trọng trong từng cử động, nó nhìn ra, thì kìa, trước mắt nó 1 vật ngồi chồm hồm, 1 con sói xám thân dài, gầy guộc, đang rướm thẳng mình, ghéch mõm lên trời.

Bắc tới đây không hề gây ra 1 tiếng động, ấy thế mà con vật kia ngừng bật tiếng hú và đánh hơi cố tìm cách phát hiện ra nó. Bắc rón rén bước ra bãi trống, hơi rún mình xuống, toàn thân thu hết lại thành 1 khối chắc nịch, đuôi duỗi thẳng cứng đờ, chân khuyu xuống trong tư thế thận trọng khác thường. Mọi cử động của Bắc biểu hiện 1 thái độ vừa đe dọa, vừa tỏ ý muốn làm thân. Chính đó là cái kiểu hoà hoãn tạm thời nhưng chứa đựng sự đe dọa, nó là dấu hiệu đặc trưng của những cuộc chạm trán giữa những con dã thú trên đường đi săn mồi. Nhưng con chó sói vội vàng bỏ chạy khi vừa trông thấy Bắc, Bắc phóng theo, nhảy những bước dài điên cuồng quyết ra sức đuổi kịp hần. Bắc dòn hần vào 1 cái lối cụt, giữa lòng 1 nhánh suối con, nơi có những gốc cây ken nhau dày chi chít chặn nghẽn đường. Con sói quay ngoắt lại, trụ trên 2 chân sau để xoay mình theo kiểu của Jô và mọi con chó étkimô khác khi bị cùng đường, găm thét và lông dựng đứng, 2 hàm răng vập nhanh vào nhau liên tiếp.

Bắc không tiến công, chỉ lượn vòng bao quanh hần đón chặn hần lại với thái độ tỏ ý muốn làm thân. Con sói nghi hoặc và sợ hãi: bởi Bắc to gấp 3 hần, đầu hần chỉ vừa chắm vai Bắc. Nhè lúc Bắc sơ hở, hần vọt ra ngoài phóng đi. Thế là cuộc săn đuổi lại tiếp tục. Hết lần này đến lần khác, hần lại bị Bắc đuổi dòn vào nơi cùng đường, rồi sự việc lại cứ diễn đi diễn lại như cũ, mặc dù hần ở trong tình trạng yếu thế, mà nếu hần không yếu thế thì Bắc cũng không dễ gì đuổi kịp hần. Hần cứ chạy cho đến khi thấy đầu của Bắc nhô lên đến ngang sườn hần là hần quay ngoắt lại giữ không cho Bắc chạm vào hần, để rồi lại vọt ra bỏ chạy ngay khi chớp được cơ hội đầu tiên.

Nhưng cuối cùng, cuộc đuổi bám dai dẳng của Bắc đã được đền đáp. Con chó sói thấy đối phương không có ý gì muốn hại hần, rút cuộc đã hít mũi với Bắc. Thế là chúng đánh bạn với nhau, và đùa giỡn bên nhau với cái vẻ hay hốt hoảng và có phần rụt rè mà thú dữ thường biểu hiện ra bên ngoài, làm người ta có thể nhầm không rõ bản chất hung dữ của chúng. Sau

khi nó đùa với nhau 1 lát, con chó sói bỏ đi, ung dung chạy những bước dài nhún nhảy nhịp nhàng với 1 cung cách tỏ ra hảnh đang nhằm đi tới 1 nơi nào đó. Hảnh lại tỏ ý với Bắc là hảnh muốn Bắc cùng đến nơi đó với hảnh, và chúng chạy bên nhau trong bóng tối mờ mờ, ngược xuôi theo lòng suối, đi vào hẻm núi nơi con suối chảy ra, và vượt qua đường phân thủy hoang vắng nơi con suối bắt nguồn.

Qua sườn dốc bên kia đường phân thủy, chúng ta xuống 1 vùng bằng phẳng, có những dải rừng lớn và nhiều khe suối, và cứ thế mãi miết chạy qua các dải rừng ấy hết giờ này sang giờ khác. Mặt trời lên cao và khí trời ấm dần. Bắc vui sướng như ngây như dại. Nó biết thế là cuối cùng nó đã đáp lại tiếng gọi, nó đang chạy bên cạnh kẻ anh em ruột thịt chốn núi rừng, và phía chắc chắn là nơi xuất xứ của tiếng gọi. Nhưng ký ức tự thuở cổ xưa đang kéo về với nó nhanh chóng và lòng nó đang náo nức với những ký ức ấy, cũng giống những điều thực tại mà chính các ký ức xa xưa ấy là cái bóng lồng theo. Nó đã sống những giây phút như thế này thuở trước, đâu đó trong cái thế giới kia mà nó đang lơ mơ hồi tưởng lại, và giờ đây nó lại được sống những giây phút như vậy, tự do chạy thênh thênh giữa cõi thiên nhiên khoáng đãng, dưới chân là mặt đất còn tinh khôi nguyên vẹn, và trên đầu là bầu trời mở rộng bao la.

Chúng dừng lại bên 1 dòng suối róc rách chảy để uống nước. Và khi dừng lại, Bắc sực nhớ tới Giôn Thoócton. Nó ngồi xuống tại chỗ, con sói tiếp tục đi tới trước, lại quay lại với Bắc, hít mũi với Bắc và làm những động tác như để khuyến khích Bắc. Nhưng Bắc quay đằng sau và từ từ lui trở về theo lối cũ. Trong gần 1 tiếng đồng hồ, con chó hoang anh em chạy lui theo bên cạnh Bắc, vừa chạy vừa khe khẽ kêu ư ử, rồi hảnh ngồi xuống hếch mõm lên trời, tru lên 1 tiếng dài. Tiếng tru sao mà thâm trầm, Bắc cứ tiếp tục mãi miết chạy trở về không quay lại, nó nghe tiếng hú kia mỗi lúc 1 nhỏ dần, nhỏ dần rồi mất hút ở phía sau xa.

Giôn Thoócton đang ăn bữa tối thì Bắc lao vào khu trại và nhảy bổ vào anh trong 1 cơn lốc thương yêu như điên như dại, đẩy anh lật nhào, trèo lên người anh liếm mặt anh, ngoạm lấy bàn tay anh - chơi cái trò ông tướng ngốc, như Giôn Thoócton thường mệnh danh cho lối biểu thị ấy - còn Thoócton thì ôm lấy nó lắc, đảo tới đảo lui và rửa yêu nó.

Trong suốt 2 ngày đêm, Bắc không rời khu trại đến nửa bước, không hề để Giôn Thoócton rời khỏi tầm mắt của nó. Nó quần quít quanh anh trong khi anh làm việc, chăm chú quan sát anh khi anh ăn, đưa mắt trông theo anh chui vào chăn đi ngủ, và chờ đón nhìn anh buổi sáng thức dậy từ trong chăn chui ra.

Nhưng sau 2 ngày ấy, tiếng gọi trong rừng sâu lại bắt đầu vang lên thúc giục khẩn thiết hơn bao giờ hết, Bắc lại bồn chồn trở lại, đầu óc lại tơ tưởng đến hình ảnh con chó hoang anh em, đến vùng đất tươi đẹp đầy sức quyến rũ bên kia đường phân thủy, và đến cái buổi chạy sóng đôi bên nhau qua những dải rừng rộng lớn. Thế là lần nữa, nó lại lao vào rừng lang thang hết nơi này đến nơi khác, nhưng kẻ anh em chốn hoang dã không trở lại với nó nữa, và mặc dù có chú ý lắng tai nghe suốt nhiều đêm dài thao thức, tiếng hú nào nùng kia không còn bao giờ cất lên trở lại.

Nó bắt đầu ngủ đêm ngoài rừng và có khi đến mấy ngày liền nó bỏ đi khỏi khu trại. 1 lần nó vượt qua đường phân thủy ở đầu nguồn nước và chạy xuống vùng đất có nhiều cây to, và nhiều khe suối, tại đó nó lang thang trong suốt 1 tuần để tìm kiếm dấu vết của kẻ anh em nơi hoang dã, nhưng vô vọng. Nó vừa đi vừa săn mỗi để ăn, và trên đường nay đây mai đó nó khoan thai chạy những bước dài nhún nhảy nhịp nhàng hình như không bao giờ biết mệt. Nó săn bắt cá hồi trong 1 dòng suối rộng đang trút ra đầu đây nơi biển cả, và cạnh dòng suối này nó giết chết 1 con gấu đen to lớn. Con gấu này cũng đang bắt cá như nó thì bị muỗi xúm lại đốt mù cả mắt, và giữa lúc này thì Bắc bị tấn công. Gấu ta đã găm thét dữ dội phóng qua rừng rậm bỏ chạy, nom thật khủng khiếp nhưng hoàn toàn bất lực. Mặc dù vậy, cuộc chiến đấu cũng khá gay go, và trận đánh quyết liệt này đã khơi dậy hết những tàn dư tiềm tàng cuối cùng của tính hung dữ truyền lại bên trong Bắc. Và 2 ngày sau, khi Bắc trở lên bên con vật nó đã giết chết, nhìn thấy khoảng chục con chồn gulô đang tranh giành nhau ăn xác con mồi, nó đã xông vào đánh lũ chồn chạy tan tác bỏ lại 2 con gục xuống đây không còn bao giờ biết tranh giành gì nữa.

Tính thèm khát máu tươi đã trở dậy bên trong Bắc mạnh hơn bao giờ hết. Nó đã thành 1 kẻ chuyên giết chóc, 1 vật săn mồi, sống bằng thịt những vật sống đang đi lẻ loi và cô thế, nhờ ở chính sức mạnh và sự dũng cảm của

bản thân mình, tồn tại oanh liệt bằng chiến thắng trong 1 môi trường cừu địch, mà ở đó chỉ có kẻ mạnh mới tồn tại. Do tất cả những điều ấy, trong lòng nó phát sinh 1 niềm kiêu hãnh lớn lao về bản thân mình, niềm kiêu hãnh này truyền lan như 1 sự nhiễm lây sang phần vật chất của cơ thể nó. Niềm kiêu hãnh ấy tự phô bày trong mọi động tác của nó, thể hiện rõ ràng trong lối vận động của từng cơ bắp, diễn đạt minh bạch như lời nói trong cung cách đi đứng của nó, và làm cho bộ lông dày lông lầy của nó như có phần thêm lông lầy. Nếu không có mấy đốm nâu lác lõng ở mõm nó và phía trên đôi mắt, và cái vệt lông trắng chạy dọc ở chính giữa ức nó, thì người ta rất có thể nhầm tưởng nó là 1 con chó sói khổng lồ, lớn hơn cả con nhất của dòng họ nhà sói. Nó kế thừa được cái vóc và trọng lượng của bố nó thuộc nòi Xanh Bécna nhưng chính là mẹ nó, thuộc nòi chó chăn cừu, đã di truyền lại cái hình dáng cho tầm vóc ấy và trọng lượng ấy. Mõm nó là cái mõm dài của nòi sói, chỉ khác là nó lớn hơn mõm của bất kỳ con chó sói nào; và cái đầu của nó đích thị là hình dạng 1 cái đầu chó sói phóng đại.

Cái khôn ranh của nó là cái khôn ranh của loài sói, 1 thứ khôn ranh man rợ; cái thông minh của nó là cái thông minh của nòi chó chăn cừu kết hợp với cái thông minh của nòi Xanh Bécna; và tất cả những cái đó cộng với kinh nghiệm đã thu lượm được trong trường đời hung bạo nhất, đã biến nó thành 1 sinh vật cũng ghê gớm như bất kỳ thứ sinh vật nào lang thang giữa nơi hoang dã. Là 1 nòi ăn thịt, ngày ngày sống bằng thịt ăn sống nuốt tươi ngay khi săn bắt được, Bắc đang trong thời kỳ phát triển rực rỡ nhất, ở ngọn triều cao của cuộc đời mình, tràn trề sức mạnh và khí thế. Mỗi khi Giôn Thoócton lướt bàn tay vuốt ve dọc sống lưng nó, thì từng sợi lông đã tích ây từ điện bị chạm vào liền phóng điện phát ra những tiếng tanh tách nhỏ theo bàn tay vuốt tới. Mỗi 1 bộ phận, từ bộ não đến cơ thể, từ mô thần kinh đến thớ thịt, đều được làm cho thích ứng với độ nhạy bén cao nhất; và giữa tất cả các bộ phận ấy, có 1 sự cân bằng và điều chỉnh cho ăn ý đến mức hoàn hảo. Khi bắt gặp 1 cảnh tượng, tiếng động hoặc sự việc gì đòi hỏi phải phản ứng, nó lập tức phản ứng nhanh như chớp. Để chống lại 1 cuộc tấn công hoặc để tấn công, 1 con chó étkimô bật nhảy nhanh là thế, vậy mà Bắc còn bật nhảy nhanh gấp đôi. Thời gian để nó nhìn thấy 1 chuyển động hoặc để nghe thấy 1 tiếng gì đó, rồi phản ứng, tất cả chỉ trong chớp mắt, còn

ngắn hơn cả thời gian cần thiết cho bất kỳ con chó nào khác để cho kịp nhìn thấy hoặc nghe thấy. Nó vừa nhận thức, vừa quyết định, vừa phản ứng cùng 1 lúc. Thực ra thì 3 hoạt động nhận thức, quyết định và phản ứng là kế tiếp nhau; thế nhưng khoảng cách thời gian giữa các việc ấy đều vô cùng ngắn ngủi nên có vẻ như 3 việc diễn ra đồng thời. Các bắp thịt của nó thừa ứ sinh lực, sẵn sàng bật nảy lao vào hành động, nhạy như những lò xo thép. Sự sống trào dâng trong mình nó như 1 ngọn triều từng bùng, hân hoan, sôi sục, dâng lên mãi đến mức tưởng chừng như có thể làm nó vỡ tung ra từng mảnh trong trạng thái ngây ngất thoát bung ra khỏi bản thân mình, để dòng sinh lực kia tuôn trào tràn trề hào phóng ra khắp mọi ngõ của cõi đời.

-Chưa bao giờ có 1 con chó như nó! - 1 hôm Giôn Thoóctơn đã phải thốt lên như vậy, trong khi anh cùng các bạn phường dõi theo Bắc đang bước ra khỏi khu trại.

-Khi ông Tạo đúc ra nó thì cái khuôn bị vỡ - Piti tiếp lời.

-Ôi lạy Chúa! Tôi cũng nghĩ như các anh vậy đó - Hendor xác nhận.

Họ nhìn thấy nó bước ra khỏi khu trại, nhưng họ không nhìn thấy sự biến đổi đột ngột và ghê gớm đã diễn ra ngay khi nó vừa khuất trong màn bí mật của núi rừng. Đến nơi đó là nó không bước ra nữa. Ngay tức khắc nó biến thành 1 vật của hoang dã, len lén luồn tới nhẹ nhàng, bước chân êm như mèo, trở thành 1 cái bóng đen thấp thoáng lướt qua, khi ẩn khi hiện giữa những bóng đen khác. Nó biết cách lợi dụng mọi vật che khuất, trườn sát bụng xuống đất như con rắn, và cũng như con rắn, nó biết cách xuất kỳ bất ý bật nhảy vọt lên tấn công. Nó có thể lôi cổ 1 chú gà gô từ trong tổ ra, giết chết 1 con thỏ đang ngủ, và chộp gọn giữa lưng chừng không khí những chàng sóc chuột bé nhỏ đang vọt lên nhưng chỉ vì chậm chân có 1 tích tắc nên chưa kịp bám được vào thân cây leo lên chạy thoát. Cả cá lội trong vũng trũng không phải là quá nhanh đối với nó; mà hải ly luôn be bờ đập đập cũng không phải là quá cảnh giác đề phòng đến nỗi nó không tóm được. Nó giết các thú vật khác là để ăn thịt, chứ không phải để đùa giỡn; nhưng ăn những vật gì tự nó giết được thì nó vẫn thích hơn. Do vậy, có 1 thứ tình nghịch ngâm ngâm trogn hành động của nó, và nó rất khoái cái trò len tới sát nách những chú sóc, rồi đến khi chắc chắn là nó chộp được chúng

ngon ơ, chúng không tài nào thoát được thì nó lại tha cho chúng, làm cho các chú sóc hoảng sợ hết hồn hết vía leo tót lên ngọn cây, chí chóe mãi.

Mùa thu đã tới, nai sừng Bắc Mỹ xuất hiện nhiều hơn, chuyển dần xuống phía dưới để đón mùa đông ở những thung lũng thấp, nơi khí hậu đỡ khắc nghiệt hơn. Bắc đã hạ được 1 con nai choai lạc đàn. Nhưng nó lại hết sức thèm muốn những con mồi to hơn và ghê gớm hơn, và 1 hôm nó đã bắt gặp được 1 con đúng như nó mong ước tại đường phân thủy ở đầu ngọn suối. 1 đàn 20 con nai sừng đã từ vùng đất có nhiều cây to và khe suối kéo sang, và chúa tể đầu đàn là 1 gã nai đực to lớn. Gã này đang trong con thịnh nộ dữ tợn, và với thân hình sừng sừng đứng cao hơn sáu bộ, gã quả là 1 đối thủ ghê gớm mà Bắc có thể mơ ước. Gã nai đực hất tới đảo lui bộ sừng to lớn xoè thành hình chân vịt, chĩa ra 14 mũi và đang rộng đến 7 bộ từ mút bên này sang mút bên kia. Khi nhìn thấy Bắc, đôi mắt ti hí của gã rục lên 1 ánh lửa ác độc và quyết liệt; và gã rống lên giận dữ.

ở 1 bên thân của gã, ngay phía trước sườn, thò ra đoạn đuôi của 1 mũi tên cắm lông chim, thì ra chính vì cái này mà gã sinh ra điên giận đến như vậy.

Được sự dắt dẫn của cái bản năng truyền lại từ những ngày săn bắt trong thế giới nguyên thủy xa xưa, Bắc tìm cách tách con nai đực kia ra khỏi đàn. Đó không phải là việc dễ. Bắc vừa sửa vừa nhảy nhót quanh quần trước mặt gã nai đực, vừa vặn ngoài tầm của bộ sừng to lớn và bộ móng loe kinh khủng chỉ cần bổ cho nó 1 đòn thôi là đủ làm nó đi đứt. Không thể nào dứt ra khỏi cái vật tai tác nguy hiểm có răng nanh kia để mà tiếp tục đi, gã nai đực nổi những cơn điên giận đến cực điểm. Những lúc nổi điên lên, gã lao vào tấn công Bắc, nhưng Bắc láu cá rút lui, dù gã leo theo bằng cách giả vờ làm ra vẻ như không thể nào chạy thoát nổi. Nhưng mỗi khi gã nai vì vậy mà tách ra xa khỏi đàn, thì lại có 2 3 con nai đực khác trẻ hơn quay lui xông vào tấn công Bắc, giúp cho gã nai đực bị thương có thể trở lại theo đàn.

Có 1 thứ tính kiên nhẫn của hoang dã - rất bền bỉ không biết mệt mỏi, gan lì như chính bản thân sự sống vậy - thứ tính kiên nhẫn đã giữ cho con vật chờ mồi im phăng phắc từ giờ này sang giờ khác như trong thời gian vô tận: con nhện giữa cái mạng tơ, con rắn trong tư thế cuộn vòng, con báo tại

nơi mai phục; cái thứ kiên nhẫn này là thuộc tính của sự sống khi sự sống sẵn bắt 1 sự sống khác làm thức ăn cho mình; và thứ kiên nhẫn này cũng là thuộc tính của Bắc khi Bắc bám riết bên sườn đàn nai, cản trở làm chậm cuộc hành quân của chúng, chọc tức những con nai đực trẻ, quấy rầy những con nai cái với lũ nai choai lẻo đẻo theo sau, và làm cho gã nai đực bị thương kia phát điên lên trong cơn thịnh nộ bất lực. Trong suốt nửa ngày trời, sự việc cứ thế tiếp diễn, Bắc tăng cường độ của mình lên gấp bội, tấn công từ mọi phía, vây bọc lấy đàn nai trong 1 cơn lốc đe dọa, tìm cách tách nạn nhân của nó ra khỏi đàn mỗi khi gã vừa kịp trở lại nhập bọn với lũ nai đàn, làm hao kiệt dần sự kiên nhẫn của những sinh vật bị săn vốn không bền bỉ được bằng sự kiên nhẫn của những sinh vật đi săn.

Ngày tàn dần và ông mặt trời tụt xuống nơi yên nghỉ của mình phía chân trời Tây Bắc (mấy hôm nay bóng tối đã lại quay về nơi đây, và đêm mùa thu kéo dài 6 tiếng). Những chàng nai đực trẻ mỗi lúc 1 miễn cưỡng hơn trong việc quay lui hỗ trợ cho gã nai đầu đàn bị vây hãm. Mùa đông đang lan xuống dần, thúc chúng mau chân đi tới những rẻo đất thấp hơn, và lại chúng thấy hình như chúng không bao giờ có thể tổng khứ đi được cái sinh vật không hề biết mệt mỏi kia đang kìm chân chúng lại. Hơn nữa không phải là tính mệnh của cả đàn hay tính mệnh của lũ nai đực trẻ bị đe dọa, mà chỉ có 1 thành viên của đàn bị đòi nộp mạng, điều đó không đáng quan tâm bằng chính cái mạng của chúng, và thế là cuối cùng chúng bằng lòng nộp món tiền mãi lộ ấy.

Khi bóng hoàng hôn trùm xuống, gã nai đực già đứng lặng, đầu cúi thấp, đưa mắt dõi theo những bạn cùng đàn - những nàng nai cái mà gã đã thân thuộc, những bé nai con mà gã đã sinh ra, những chàng nai trẻ mà gã đã thống lĩnh - trong khi chúng lóng ngóng bước gấp trong ánh chiều đang mờ dần. Gã không thể chạy theo bởi vì trước mũi gã cái mối đe dọa khủng khiếp có răng nanh không thương xót kia vẫn cứ nhảy nhót, không chịu buông tha gã. Gã nặng đến hơn 600 ký, gã đã sống 1 cuộc đời dài và dững mãnh, đầy chiến đấu và vật lộn, thế mà cuối cùng gã lại đối mặt với cái chết nơi hàm răng của 1 sinh vật mà cái đầu vượt chưa quá khuỷu đầu gối to lớn của gã.

Từ lúc đó, suốt đêm suốt ngày, Bắc không bao giờ rời khỏi con mồi của mình, không bao giờ cho nó 1 giây phút nào nghỉ ngơi, không bao giờ để cho nó gặm được tí lá cây nào hoặc tí chồi non nào của những cây bulô và liễu mới mọc. Bắc cũng không để cho gã nai bị thương có 1 cơ hội nào để làm dịu cơn khát cháy họng. Trong tình cảnh tuyệt vọng, gã nai thường đột nhiên vùng chạy những thoi dài. Những lúc ấy Bắc không tìm cách chặn gã lại, mà cứ ung dung chạy những bước dài nhún nhảy nhịp nhàng bám sát gót gã, hài lòng với kiểu chơi cái trò ấy, rồi khi gã nai đứng lặng thì nó nằm xuống nghỉ, khi gã cố gắng tìm cách để ăn hoặc uống thì nó tấn công gã ác liệt.

Cái đầu to tướng mỗi lúc 1 gục xuống thấp hơn dưới bộ ngực đồ sộ, và bước chạy lóng ngóng mỗi lúc 1 yếu dần đi. Gã đã phải đứng lặng hồi lâu, mũi chúc xuống đất, đôi tai chán nản cụp xuống ỉn rĩ; và Bắc nhờ đó có thêm thời gian để bản thân mình kiếm nước uống và nghỉ xả hơi. Giữa những lúc này, trong khi nằm thở hồn hển, chiếc lưỡi đỏ tươi thè dài và đôi mắt đan chặt vào con nai đực to lớn, Bắc bỗng cảm thấy hình như có 1 sự thay đổi nào đó đang diễn ra trên bộ mặt của mọi vật. Nó cảm thụ được 1 sự xáo động mới lạ truyền lan qua miền này. Trong thời gian lũ nai sừng kéo đến nơi đây, có những loài khác của sự sống cũng đang kéo đến. Cả rừng cây, khe suối, và cả không khí nữa, hình như đều đang phập phồng vì sự có mặt của những loài đó. Bắc hoàn toàn tin vào các tín hiệu mách bảo rằng những loài đó đã xuất hiện, không phải bằng mắt nhìn, hay tai nghe, hay mũi ngửi mà bằng 1 thứ giác quan khác tinh tế hơn. Quả là nó chẳng nghe thấy gì, chẳng nhìn thấy gì, thế nhưng nó vẫn nhận ra là miền đất này có cái gì khang khác, có những vật lạ đang hoạt động và đang đi lung lay khắp nẻo; và nó quyết định sẽ tìm hiểu xem sao sau khi kết thúc cái việc đang làm dở.

Cuối cùng, đến hết ngày thứ 4, nó hạ được con nai to lớn đồ gục. Suốt 1 ngày và 1 đêm, nó ở lại đó bên con mồi nó đã giết được, ăn thịt nai rồi ngủ, quanh đi quẩn lại tại chỗ. Thế rồi, sau khi đã được nghỉ ngơi, tỉnh táo khoan khoái và sung sức, nó quay đầu trở về khu trại với Giôn Thoócton. Nó sải chân, nhảy những bước dài nhịp nhàng thoải mái, cứ thế chạy miết từ giờ này sang giờ khác, không bao giờ phải lúng túng tìm lối đi giữa tầng tầng lớp lớp rêu rậm phức tạp của núi rừng, nhằm thẳng hướng về trại qua

mọi miền đất lạ, à xác định phương hướng với 1 sự tin chắc chính xác đáng để cho con người và chiếc kim nam châm của mình phải lấy làm hồ thẹn.

Càng đi tới, Bắc mỗi lúc 1 nhận thấy rõ hơn sự xáo động mới lạ trong miền này. Khắp nơi đang có 1 sự sống nào đó khác với sự sống đã từng có ở đây trong suốt mùa hè qua. Không còn chỉ là tin vào sự kiện đó qua 1 sự cảm thụ tinh tế và huyền bí nữa. Kìa lũ chim chóc đang bàn tán về điều đó, những chú sóc đang kháo nhau xôn xao và cả làn gió nhẹ nữa cũng đang thì thào mách bảo. Đã mấy lần Bắc dừng lại, hít những hơi dài giữa luồng không khí tươi mát buổi sáng, và đọc thấy 1 tín hiệu truyền đến khiến nó càng vọt tới gấp bước nhanh hơn. Trong lòng nó nặng trĩu 1 cảm giác là có 1 mối tai họa sắp xảy ra; và khi nó vượt qua đường phân nước cuối cùng rồi tụt xuống khoảng thung lũng dẫn về phía khu trại, nó tiến tới 1 cách thận trọng hơn.

Cách khu trại 3 dặm, nó chợt thấy 1 lối mòn mới, khiến cho lông cổ nó cuộn lên như sóng và dựng ngược. Cái lối mòn ấy dẫn thẳng tới phía trại, tới phía Giôn Thoócton, Bắc hồi hả chạy, vừa phóng nhanh vừa lén lút giấu mình, mọi dây thần kinh căng thẳng, cảnh giác chú ý đến vô vàn chi tiết đang thuật lại 1 câu chuyện - gần như đến lúc kết thúc. Giác quan của mũi nó tường thuật cho nó 1 bước đi qua cửa cái sự sống mới lạ mà nó đang bám đuôi theo sát gót. Nó để ý thấy sự im lặng đầy ý nghĩa của núi rừng. Cuộc sống của chim chóc đã vắng teo. Những chú sóc đã lần trốn đi đâu cả. Nó chỉ thấy có mỗi 1 chú - 1 chú sóc xám mượt mà, nằm bẹp gí dán mình vào 1 cành cây khô cũng màu xám, trông chú như là 1 phần của cành cây ấy, như 1 cái bươu gỗ nhô lên trên thân gỗ.

Trong khi Bắc lướt tới âm thầm như 1 cái bóng mũi nó bỗng nhiên bị giật mạnh sang 1 bên như thể có 1 lực thực sự nào đó đã chộp lấy và kéo sang. Nó vội bám theo cái mùi mà nó vừa đánh hơi thấy, lặn vào 1 bụi rậm và nhìn thấy Ních. Ních đã chết sau khi lết được vào đó, xác nằm nghiêng, 1 mũi tên xuyên qua thò cả đầu và đoạn đuôi cắm lôn chim ra 2 bên mình nó.

Chạy thêm độ được khoảng 100 mã, Bắc bắt gặp 1 trong những con chó kéo xe mà Thoócton đã mua ở Đoxan. Con chó này đang vật vã trong con giẫy chết ngay trên vệt đường mòn. Bắc chạy vòng qua bên nó không

dừng lại. Từ phía khu trại vẳng đến tiếng lao xao của nhiều giọng người, khi trầm khi bổng trong 1 điệu hát đều đều ê a. Trườn lên phía trước đến rìa bãi trống, Bắc chợt thấy Hendor nằm sấp mặt xuống đất, trên mình tua tủa những mũi tên trông như con chim. Ngay lập tức, Bắc đảo mắt về phía vốn có chiếc lán làm bằng cành bách, và thốt nhìn thấy 1 cảnh tượng khiến cho lông trên cổ và vai nó bật thẳng lên dựng đứng. 1 con điên giận không thể nén nổi bùng lên trong đầu nó. Nó gầm lên 1 tiếng hung tợn và khủng khiếp, mà bản thân không hay biết là mình đã để bật ra tiếng gầm như vậy. Đây là lần cuối cùng trong đời nó Bắc đã để cho xúc cảm lấn lướt mất khôn ranh và lý trí. Chính vì lòng thương yêu nồng cháy của nó đối với Giôn Thoócton nên nó không tự chủ nổi.

Bọn người da đỏ thuộc bộ tộc Yhét được nhảy múa quanh đồng đồ nát của chiếc lán làm bằng cành bách bỗng nghe 1 tiếng rống ghê rợn và nhìn thấy 1 con vật đâm bổ vào chúng, 1 loại thú vật chúng chưa từng nhìn thấy bao giờ. Đó là Bắc, 1 luồng bão tố giận dữ biểu hiện thành sự sống, lao mình vào chúng trong 1 cơn cuồng loạn chỉ quyết huỷ diệt. Nó nhảy xổ vào 1 tên mà nó thấy là nổi bật nhất (đó chính là thủ lĩnh của đám người Yhét), cắn rách toang cổ họng y cho đến khi máu ừng ực tuôn ra như suối từ mạch máu cổ bị xé nát. Bắc không dừng lại để tiếp tục nhảy xé tên này, mà cứ vọt tới, vừa phóng qua vừa cắn xé, thêm 1 bước nữa là xé rách toan họng thêm 1 tên thứ 2. Không có gì chống lại được nó. Nó cứ thế nhào lộn ngay giữa bọn chúng, cắn toạc, xé nát, huỷ diệt, chuyển động vùn vụt, khủng khiếp, bất chấp những mũi tên mà chúng bắt loạn xạ vào nó. Thực tế là vì những động tác của bắc nhanh đến mức không thể lường được và vì bọn người da đỏ dồn đông lại tùm tùm với nhau rồi bởi cả lên, nên những mũi tên chúng phóng ra đều bắn cả vào người nhau; và 1 ngọn giáo trong tay 1 gã trai trẻ nhắm phóng vào Bắc, trong khi Bắc đang lao giữa không trung lại cắm phập vào ngực 1 tên khác, mũi giáo đâm mạnh đến nỗi nó xuyên hẳn qua thò ra sau lưng tên này. Thế là bọn người Yhét rú lên khiếp đảm, kinh hoàng tháo chạy vào rùn, vừa chạy vừa kêu ầm lên là Hung Thần hiện hình.

Và quả thực Bắc là quỷ dữ hiện thân, điên giận bám sát gót chúng và quật ngã chúng như quật ngã hươu nai trong khi chúng chạy bán sống bán chết qua giữa rừng cây. Thậ là 1 ngày thảm khốc đối với bọn người Yhét.

Chúng bỏ chạy tan tác ra khắp nơi trong miền, mãi đến 1 tuần sau bọn sống sót mới tập hợp lại được trong 1 thung lũng thấp hơn và điếm xem ai còn ai mất. Còn Bắc, sau khi truy đuổi đến chán chê mệt mỏi, nó quay trở về khu trại tiêu điều hoang vắng. Nó tìm thấy xác Pti bị giết ngay trong giây phút bất ngờ đầu tiên giữa lúc anh còn nằm trong chăn. Dấu vết của cuộc vật lộn tuyệt vọng của Thoócton còn in rành rành trên mặt đất, và Bắc đánh hơi theo từng chi tiết của cuộc vật lộn ấy cho đến tận mép 1 cái nơ sâu. Ven bờ ao là xác của Xkít, đầu và 2 chân trước chúi ngập trong nước trung thành với chủ cho đến phút cuối cùng. Chính trong cái ao này đây, làn nước lầy bùn và vẩn đục vì đất gột ra từ các máng đãi vàng chắc chắn đang che kín cái mà nó chứa đựng, và chính nó đang chứa đựng Giôn Thoócton không sai. Bởi vì Bắc đánh hơi theo vết của anh đến tận mặt nước này, và đến đây là hết, không còn 1 dấu vết nào từ đây đi chỗ khác nữa.

Suốt ngày Bắc ủ ê thần thờ bên bờ ao hoặc bồn chồn đi lang thang quanh quẩn giữa khu trại. Cái chết, 1 sự ngừng cử động, 1 sự mất đi khỏi cuộc sống của vật đang sống, Bắc biết như vậy, và Bắc biết là Giôn Thoócton đã chết. Cái chết đó để lại 1 nỗi trống trải lớn trong lòng nó, phần nào giống như cơn đói, nhưng là 1 nỗi trống trải gây đau đớn, đau đớn mãi, mà thức ăn nuốt vào bao nhiêu cũng không lấp kín được. Đôi lúc, khi nó đứng lại lặng ngẫm những xác chết của bọn người Yhét, nó quên được nỗi đau đớn đi; những lúc ấy nó cảm thấy 1 niềm tự hào lớn về bản thân mình - lớn hơn bất kỳ niềm tự hào nào mà nó đã từng cảm thấy. Xưa nay, nó đã giết chết con người, loại con thịt cao quý hơn tất cả, và nó đã giết được mặc dầu có luật của dùi cui và răng nanh. Nó tò mò ít hít các xác chết. Chúng chết sao mà dễ dàng thế! Giết 1 con chó étkimô còn khó hơn giết chúng. Chúng chẳng xứng là đối thủ của Bắc tí nào cả, nếu không có những mũi tên ngọn giáo, dùi cui của chúng. Từ nay trở đi nó sẽ không sợ gì chúng nữa, trừ khi chúng cầm trong tay những mũi tên, những ngọn giáo, những dùi cui.

Màn đêm buông xuống, 1 mặt trăng tròn vành vạch nhô cao vượt khỏi vòm cây lên giữa bầu trời, ánh trăng trải dần xuống cho đến khi mặt đất chan hoà 1 ánh bạc ma quái. Cùng với bóng đêm vừa đến, trong khi quanh quẩn thần thờ đau buồn cạnh bờ ao, Bắc bỗng nhận thấy 1 thứ xáo động

khác của sự sống mới lạ trong rừng, khác với sự xáo động của bọn người Yhét. Nó đứng dậy, lắng nghe và đánh hơi. Từ xa văng vẳng vọng lại 1 tiếng kêu lạnh lạnh, rồi 1 loạt tiếng kêu cũng lạnh lạnh như vậy đồng thanh nổi theo. Trong giây lát, những tiếng kêu đó dần dần gần lại và to lên. 1 lần nữa, Bắc lại nhận ra ngay, đó là những tiếng mà Bắc đã từng nghe trong cái thế giới trước kia, cái thế giới vẫn còn dai dẳng bám diết lấy ký ức của nó. Nó bước ra chính giữa bãi trống và lại lắng tai nghe. Đúng rồi, chính là cái tiếng gọi ấy, cái tiếng gọi có nhiều âm tiết đang vang lên với 1 sức quyến rũ và bức bách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Và cũng hơn bao giờ hết, Bắc sẵn sàng tuân theo tiếng gọi, Giôn Thoócton đã chết rồi. Mỗi dây ràng buộc cuối cùng đã đứt. Con người và những đòi hỏi của con người không còn giữa nó lại được nữa.

Trên đường săn đuổi món mồi sống, cùng trong lúc bọn người Yhét cũng đang săn đuổi món mồi thịt ấy bầy sói bám theo bên sườn đàn nai di trú, cuối cùng đã từ vùng đất có nhiều cây to và nhiều khe suối kéo sang rồi tràn vào thung lũng của Bắc. Như 1 dòng nước lũ màu ánh bạc, chúng đổ vào bãi trống chan hoà ánh trăng. Chính giữa bãi trống, Bắc đứng yên lặng như 1 pho tượng, chờ chúng đến. Chúng kính sợ, bởi Bắc đứng đấy trông sừng sững im lặng quá, to lớn quá. 1 giây lát ngập ngừng chững lại, cho đến khi 1 con táo tợn nhất trong lũ sói chồm thẳng vào Bắc. Nhanh như chớp Bắc đón đánh, cắn gãy cổ đối thủ. Rồi nó lại đứng yên như cũ, không mấy may cử động, con sói bị hạ lặn lộn giẫy chết đằng sau nó. 3 con sói khác liên tiếp dồn dập cố xông vào; nhưng con này tiếp con khác lại phải lùi ra, máu tuôn xối xả từ những vết toạc ở họng hoặc ở vai chúng.

Thế là đủ để kích động cả bầy sói ồ ạt lao tới, hỗn loạn, dồn đóng lại, lộn xộn ngáng trở nhau vì cả bầy đều hăm hở muốn hạ con mồi. Sự nhanh nhẹn và lạ lùng kỳ diệu của Bắc thật là lợi hại cho Bắc lúc này. Trụ vào 2 chân sau, liên tục tấp, liên tục xé, nó đối phó với khắp mọi phía cùng 1 lúc, dàn ra 1 thế trận rõ ràng là không bị phá vỡ, bởi nó quay lộn và phóng giữ hết bên này sang bên nọ nhanh như chớp. Nhưng để ngăn không cho chúng đến phía sau nó, nó buộc phải lùi dần, xuống quá bờ ao rồi vào lòng 1 con suối, cho đến khi đứng lại sát 1 vách sỏi cao. Nó men vách sỏi dịch đến 1 cái góc vuông do những người trong đoàn của Thoócton đào ra trong lúc

tìm vàng và trong cái góc ấy nó bám trụ lại để chống giữ, 3 phía đều được che đỡ, chỉ còn phải đương đầu với phía trước.

Và nó đã đương đầu giỏi đến nỗi chỉ sau nửa tiếng đồng hồ, lũ sói phải chịu thua lùi lại. Những cái lưỡi thè dài, những chiếc nanh nhe ra trắng nhớn đầy vẻ hung ác dưới ánh trăng. 1 só con nằm xuống, ngẩng đầu, tai vểnh về phía trước; 1 só con khác đứng thẳng quan sát Bắc; lại có những con xuống tợp nước uống ở dưới ao. Bỗng 1 con sói thân dài, gầy guộc lông xám, thận trọng tiếng lên với 1 dáng bộ thân thiện, và Bắc nhận ra kẻ anh em nơi hoang dã đã cùng chạy sóng đôi với Bắc suốt 1 đêm và 1 ngày hôm nọ. Hân khe khẽ kêu ư ử, và khi Bắc cũng ư ử đáp lại, chúng hít mũi nhau.

Rồi 1 con sói già, có vẻ dữ tợn và đầy vết sẹo chiến đấu, bước tới. Bắc nhếch mép chuẩn bị lên tiếng gầm gừ, nhưng lại thôi, và hít mũi với gã. Thế là gã sói già ngồi xuống, ghéch mõm lên vùng trăng, cất cao tiếng hú dài của loài sói. Những con sói khác cũng ngồi xuống và hú theo. Bây giờ thì tiếng gọi đến với Bắc đã rõ ràng, với những âm sắc không thể nào nhầm lẫn được Bắc cũng như chúng, ngồi xuống và cất tiếng hú. Dứt tiếng, Bắc bước ra khỏi cái góc của mình. Bầy sói xúm lại quanh nó, hít hít nó với thái độ nửa thân thiện, nửa dữ tợn. Rồi những con đầu bầy cất cho tiếng gọi bầy, và bật dậy, phóng vào rừng. Cả bầy sói đồng thanh kêu lên, cất bước nhịp nhàng nối theo sau. Và Bắc chạy theo chúng, sóng đôi bên con sói hoang anh em, vừa chạy vừa cất tiếng kêu theo.

Đến đây, câu chuyện về Bắc đáng ra có thể kết thúc. Năm tháng trôi qua chưa nhiều lắm thì bỗng những người Yhét nhận ra 1 sự đổi thay ở loài sói xám trong rừng cho thấy 1 só con có những đốm nâu trên đầu và mõm, có 1 vết lông trắng chạy dọc xuống giữa ức. Nhưng có 1 điều còn đáng chú ý hơn, là những người Yhét kháo nhau về 1 con Chó Thần luôn chạy dẫn đầu bầy sói. Họ kinh sợ con Chó Thần này, vì nó khôn ranh hơn họ, ăn trộm các thứ ở các lán trại của họ trong những mùa đông khắc nghiệt, đánh cắp những đồ dùng của họ, giết chết chó của họ, và coi thường cả những người thợ săn dũng cảm nhất của họ.

Chưa hết, câu chuyện còn diễn biến xấu hơn. Thợ săn có kẻ ra đi rồi không trở về trại nữa, mà thợ săn cũng đã có kẻ mà bà con trong bộ lạc tìm thấy xác giữa rừng, họng bị xé rách toang 1 cách thảm khốc, và trên mặt

tuyệt xung quanh các xác chết còn hằn những vết chân sói to hơn bất kỳ vết chân sói nào mà họ đã từng thấy. Mỗi độ thu về, khi những người Yhét bám theo bước chân di trú của đàn nai, thì có cái thung lũng nọ là họ không bao giờ dám bén mảng tới. Và đàn bà có kẻ đã mặt ủ mày chau khi quanh bếp lửa người ca truyền miệng về sự thể làm sao mà Hung Thần đã chọn cái thung lũng kia làm nơi trú ngụ.

Tuy nhiên, vào những ngày hè, vẫn có 1 kẻ đến thăm cái thung lũng ấy người Yhét không hay biết. Đó là 1 gã sói to lớn, khoác bộ áo lông đẹp lộng lẫy trông gã giống mà lại cũng không giống tất cả những con sói khác. Gã đi 1 mình, từ vùng đất tươi đẹp có nhiều cây to sang đây, rồi chạy xuống 1 cái bãi trống giữa rừng. Nơi đây có 1 dòng suối màu vàng chảy ra từ những chiếc túi da nai đã mục nát rồi biến hút vào lòng đất, cỏ dài mọc đan qua và rêu xanh lan đầy che kín màu vàng của nó khuất dưới ánh mặt trời, và nơi đây gã trầm ngâm đứng lặng hồi lâu, rồi rú lên 1 tiếng hú dài và thảm thiết, trước khi gã ra đi.

Nhưng không phải bao giờ gã cũng đi 1 mình. Khi những đêm đông dài kéo về và lũ sói bám theo mỗi thặng xuống những thung lũng thấp, người ta có thể nhìn thấy gã chạy dẫn đầu bày dưới ánh trăng nhợt nhạt hoặc trong ánh bắc cực quang mờ ảo, nhảy những bước dài phi thường vượt hẳn bạn cùng bày từ cổ họng to lớn của gã phát ra âm thanh vang dội khi gã hát lên 1 bài ca của thế giới hoang sơ, bài ca của bày sói.

Hết.....

20) Tình yêu cuộc sống

Dịch giả: Dương Tường

Họ hì hụi tập tễnh xuống bờ suối, và có lần gã đi đầu trong số hai người loạng choạng giữa lớp đá lờm chờm. Họ mệt, yếu lử lả và mặt họ thuôn ra cái vẻ nhẫn nại do chịu đựng gian khổ đã lâu. Họ đeo những bó nặng bọc mềm có quai đeo vào vai. Những bọc này còn có những đai đầu quàng qua trán cho đỡ nặng. Mỗi người mang một cây súng trường. Họ bước đi trong tư thế lom khom, vai chúi hẳn về đằng trước, đầu còn nhô xa hơn, mắt cúi gằm xuống đất.

- Giá như chúng mình có hai viên đạn ở chỗ giấu của chúng mình - người thứ hai nói.

Giọng gã hoàn toàn vô cảm một cách buồn tẻ. Gã nói không một chút hào hứng; và người đi đầu trật trạ trật trường trong dòng suối trắng như sữa sủi bọt trên những mô đá, không buồn trả lời.

Gã kia theo sát gót hần ta. Họ không cởi giày, tất gì hết, mặc dầu nước giá lạnh, lạnh đến nổi đau cả mắt cá và bàn chân tê cóng. Có những chỗ, nước xô vào đầu gối họ, và cả hai chệch choạng quờ tìm chỗ đặt chân.

Gã đi sau trượt chân trên một phiến đá nhẵn lì, suýt ngã, nhưng hết sức cố gắng gượng dậy, đồng thời ré lên một tiếng kêu đau. Gã có vẻ lả đi, chóng mặt và trong khi lao đảo, gờ bàn tay rảnh ra như muốn níu vào không khí. Khi đứng vững rồi, gã bước tiếp nhưng lại lao đảo và suýt ngã lần nữa. Rồi gã đứng im và nhìn người kia, tay này không ngoảnh đầu lại lấy một lần.

Gã đứng im cả một phút như bàn luận với chính mình, rồi lên tiếng gọi:

- Này Bil, mình bị tẹo mắt cá rồi.

Bil vẫn ngật ngưỡng đi qua dòng nước trắng sữa. Hần không quay lại nhìn. Gã kia ngó theo hần đi và tuy mặt gã vẫn đờ đẫn như trước, nhưng cặp mắt thì lại như mắt một con nai bị thương.

Người nọ tập tễnh lên bờ bên kia và tiếp tục đi thẳng không nhìn lại. Gã ở giữa dòng ngó theo. Môi gã run rẩy khiến lớp lông nâu phủ bên trên

động đây rõ rệt. Cả lưỡi gã cũng thè ra liếm môi.

- Bil! - gã gọi to

Đó là tiếng kêu khẩn cầu của một người khoẻ mạnh trong cơn quần bách, nhưng Bil không ngoái đầu lại. Gã kia nhìn theo hắn đi, tập tễnh đến tức cười và loạng quạng tiến dần từng bước theo bờ dốc thoải hướng tới nét lượn mềm in lên nền trời của trái đồi thấp. Gã nhìn theo cho đến khi Bil đi qua đỉnh đồi và biến mất. Rồi gã xoay hướng nhìn và từ từ đảo mắt vòng quanh thế giới còn lại với gã giờ đây khi Bil đã đi khỏi.

Gần chân trời, vàng dương thoi thóp mờ mờ, gần như bị những đám sương mù và hơi không ra hình thù gì che khuất, gây một cảm giác về tầng khối và đậm đặc không đường nét hoặc không cụ thể. gã rút đồng hồ ra xem, dòn trọng lượng toàn thân trên một chân. Đã bốn giờ và vì đạn này đã gần cuối tháng bảy hay đầu tháng tám - trong vòng một, hai tuần nay, gã không còn nhớ đích xác ngày tháng - gã biết là mặt trời lúc này ang áng chỉ hướng tây bắc. Gã nhìn về phía nam và biết rằng đâu đó bên kia những trái đồi heo hút này, là Hồ Gấu Lớn; gã cũng biết rằng ở phía ấy vòng tròn bắc cực cắt ngang vùng hoang địa Canada. Con suối mà gã đang đứng giữa dòng là một nguồn tiếp nước ra sông Mỏ Đồng, sông này lại chảy theo hướng bắc đổ vào Vịnh Đẳng Quang và Bắc Băng Dương. Gã chưa bao giờ tới đó, nhưng gã đã thấy nơi ấy một lần trên một tấm bản đồ của công ty Vịnh Haxdon.

Một lần nữa, mắt gã lại đảo khắp một vòng cái thế giới quanh gã. Một quang cảnh không lấy gì làm phấn khởi. Đâu đâu cũng là đường chân trời mềm mại. Các trái đồi đều thấp. Chẳng có cây to, cây nhỏ cũng chẳng có cỏ, chẳng có gì ngoài một sự tiêu điều mênh mông và ghê gớm, khiến cái sợ mau chóng nhóm lên trong mắt gã.

- Bil! - gã thì thào, một lần rồi hai lần: - Bil!

Gã co ro giữa dòng nước trắng sữa, như thể khoảng không rộng lớn đang ép lên gã với một sức mạnh áp đảo, đè dí gã một cách thô bạo với sự uy nghi đầy tự mãn của nó. Gã bắt đầu run lên như con sói, cho đến khi cây súng rơi đánh tồm khỏi tay gã. Điều đó có tác dụng khuấy động gã. Gã đấu tranh với nỗi sợ và trấn tĩnh lại, mò xuống nước nhặt cây súng lên. Gã nhích cái bọc qua về phía vai trái, để chuyển bớt một phần trọng lượng khỏi đề

lên phía mắt cá bị thương. Rồi gã từ từ và thận trọng tiến vào bờ, mặt nhăn nhó vì đau.

Gã không dừng lại. Với một sự tuyệt vọng như điên, bất kể đau, gã hổi hả lên dốc tới tận đỉnh đồi, nơi ban gã đã đi khuất, dáng vẻ còn tức cười hơn nhiều so với tay bạn tập tễnh, ngật ngưỡng nọ. Nhưng tới đỉnh, gã trông thấy một thung lũng nông, trống vắng sự sống. Gã lại đấu tranh với cái sợ, vọt lên được, nhích thêm cái bọc qua nửa vòng phía vai trái và tiếp tục lao xuống dốc.

Đáy thung lũng sũng nước được lớp rêu dày, tựa bột biển, hút xâm xấp trên mặt. Nước ấy, cứ mỗi bước, lại bắn vọt từ dưới chân gã và mỗi lần gã nhấc chân lên, lại nghe kêu đánh oạp khi lớp rêu ướt miến cưỡng nhả ra. Gã lách đường từ đám lầy này sang đám lầy khác và dò theo dấu chân của người kia, dọc, ngang những gờ đá lô nhô như những hòn đảo nhỏ giữa biển rêu.

Tuy có một mình, nhưng gã không lạc. Gã biết đi quá nữa, gã sẽ đến chỗ có những cây vân sam và linh sam chết nhỏ xíu và quắt queo bên bờ một con hồ nhỏ, Titsinisili, tiếng địa phương có nghĩa là " Vùng đất của những chiếc que nhỏ ". Và chảy vào hồ ấy, là một con suối nhỏ, nước không lờ lờ màu trắng sữa. Trên bờ dòng suối này có cỏ bắc, điều này gã nhớ rất rõ, nhưng không có cây to, và gã sẽ ngược theo nó đến đầu nguồn của một đường phân thủy. Gã sẽ qua đường phân thủy đó, tới đầu nguồn một con suối khác chảy vào sông, ở đây gã sẽ tìm thấy một chỗ cát giấu dưới một cái xuống lạt xấp, với nhiều phiến đá xếp chồng lên trên. Và trong chỗ cát giấu ấy, sẽ có đạn cho cây súng rỗng không của gã, lưỡi câu và dây câu, một cái lưỡi nhỏ, tất cả những thứ đó dùng cho việc giết và bẫy mồi làm thức ăn. Gã cũng sẽ tìm thấy bột mì, không nhiều, một miếng thịt lợn và chút ít đậu.

Bil sẽ đợi gã ở đó và họ sẽ chèo xuồng xuôi về nam trên sông Dijơ đến Hồ Gấu Lớn. Và họ sẽ xuyên qua hồ về phía nam, cứ phía nam đi miết cho đến khi tới sông Meckenji. và lại hướng nam, vẫn hướng nam, họ sẽ tiếp tục đi, trong khi mùa đông hoài công đuổi theo họ, băng đóng trong những xoáy nước, và ngày trở nên lạnh giá và hanh, cứ hướng nam mà tiến, đến một trạm ấm áp nào đó của công ty Vịnh Haxđơn, ở đó có cây mọc cao và thoáng, ở đó có ê hề đồ ăn, thức uống.

Đó là những ý nghĩ của người đàn ông này, khi gã gắng sức dần bước. Nhưng dầu nỗ lực mấy về thể xác, gã cũng nỗ lực không kém về tinh thần, cố nghĩ rằng Bil không bỏ gã, rằng Bil chắc chắn sẽ chờ gã ở chỗ cất giấu. Gã buộc phải nghĩ vậy, nếu không thì việc gì phải ráng sức, cứ nằm xuống và chết cho rồi. Và trong khi mặt trời như quả cầu mờ từ từ lặn xuống mé tây bắc, gã điếm qua suốt lượt, nhiều lần, từng phần một chặng đường trốn chạy xuống phía nam của gã và Bil trước khi mùa đông tới. Và gã xem đi xét lại những đồ ăn ở nơi cất giấu và ở trạm của mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng, nhai và nuốt công ty Vịnh Haxdon. Đã hai ngày, gã không ăn gì cả, trong một thời gian dài hơn thế nhiều, gã phải bóp miệng, không có đủ những gì gã muốn ăn. Nhiều lúc, gã cúi xuống nhặt những quả tai tái mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng, nhai và nuốt. Đó là một tí hạt bọc trong một tí cùi nước. Bỏ vào mồm, cùi nước tan ra và hạt nhai găng gát, đắng nghét. Gã biết quả ấy chẳng bổ béo gì, song cứ kiên nhẫn nhai, với một hi vọng lớn hơn kiến thức và bất chấp kinh nghiệm.

Đến chín giờ, gã vấp ngón chân vào một mô đá và chỉ vì mệt và yếu, gã lao đảo, quy ngã. Gã nằm nghiêng một lúc, không động cựa. Rồi gã rút tay ra khỏi quai đeo bọc và lóng ngóng gương ngồi dậy. Trời chưa tối hẳn và trong ánh hoàng hôn còn vương lại, gã rờ rẫm quanh, tìm những mảnh rêu khô giữa những phiến đá. Khi đã vun lại được một đống, gã đốt lên một ngọn lửa, một ngọn lửa lom rom, lem nhem, và đặt lên một bình thiếc đựng nước để đun sôi.

Gã mở cái bọc và việc đầu tiên là đếm các que diêm. Có sáu mươi bảy que. Gã đếm tới ba lần cho chắc. Gã chia làm nhiều phần, gói bằng giấy dầu, cất một bó vào cái túi đựng thuốc lá đã rỗng không, một bó khác vào đai trong của chiếc mũ nhàu nát, bó thứ ba vào dưới ngực áo sơ mi. Làm xong việc đó, gã chợt hoảng và giở tất cả ra đếm lại. Vẫn còn nguyên sáu mươi bảy que.

Gã hong giày tất bên bếp lửa cho khô. Đôi giày da đánh rách bươm, ướt sũng. Bít tất nhiều chỗ thủng, chân gã trầy da cả rướm máu. Mất cá giần giật và gã xem xét kỹ chỗ đau. Nó đã sưng lên to bằng đầu gối. Gã xé ở một trong hai tấm mền ra một miếng dài và buộc chặt lấy mắt cá. Gã xé thêm

nhều dải khác buộc quanh hai chân thay cả giày lẫn tất. Rồi gã uống bình nước nóng bốc hơi, lên giầy đồng hồ và mò vào giữa hai lớp mền chăn.

Gã ngủ như chết. Bóng tối ngăn ngủi vào khoảng nửa đêm, đến rồi đi. Mảnh trời lên ở mạn đông bắc, chỉ ít là ngày đã rạng ở khu vực ấy, vì mặt trời bị những đám mây xám che khuất.

Sáu giờ, gã thức giấc, nằm ngủ bình thản. Gã nhìn thẳng lên bầu trời xám và biết rằng mình đói. Khi chống khuỷu tay xoay người đi, gã giật mình vì một tiếng khịt to và trông thấy một con tuần lộc caribu đực đang nhìn gã với vẻ tò mò cảnh giác. Con vật cách gã không quá mười lăm mét và lập tức trong óc gã bật lên hình ảnh và vị thơm ngon của một miếng bit-tét caribu rán xèo trên bếp lửa. Như cái máy, gã với tay ra lấy cây súng rồng không nhằm và bóp cò. Con tuần lộc khịt khịt và nhảy đi, móng nện lóc cóc khi chạy qua những mô đá.

Gã rửa mặt tiếng rồi quẳng cây súng rồng không khỏi mình. Gã rên to khi bắt đầu nhồm người đứng dậy. Đó là một công việc chậm chạp và gay go. Các khớp xương của gã như những bản lề gỉ. Chúng ngúc ngắc khó khăn trong hốc xương vì cọ sát nhiều, và mỗi động tác gập vào hay duỗi ra đều chỉ thực hiện được với sự cố gắng ghê gớm. Cuối cùng khi gã điều khiển được đôi chân, lại mất độ một phút nữa để đứng thẳng lên được, đứng như tư thế của một con người.

Gã bò lên một cái gò nhỏ và nhìn khắp xung quanh. Không có cây to, cũng chẳng có cây bụi, chẳng có gì ngoài một biển rêu xám, lác đác điểm tuyết bằng những tảng đá xám, những hồ nhỏ màu xám, những suối nhỏ màu xám. Bầu trời cũng xám. Không có nắng, cũng chẳng thấy dấu hiệu gì của mặt trời; gã không còn biết đâu là phương bắc và gã đã quên đêm qua gã đã đến chỗ này bằng cách nào. Nhưng gã không lạc. Điều đó thì gã biết. Chẳng bao lâu gã sẽ đến Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Gã cảm thấy nó nằm bên trái đầu đấy không xa, có thể ngay sau trái đồi thấp sắp tới.

Gã quay lại xếp cái bọc cho vuông vức để lên đường. Gã kiểm tra cho chắc chắn là vẫn còn ba gói diêm riêng rẽ, tuy nhiên gã không mất thì giờ đếm lại. Nhưng gã có lần chân, cân nhắc về một cái túi da nai bè bè. Nó không to. Gã có thể che dấu nó dưới hai bàn tay mình. Gã biết nó nặng mười lăm "pao" - bằng phần còn lại của cái bọc- và nó làm gã băn khoăn.

Cuối cùng, gã để nó sang một bên và cuộn cái bọc lại. Gã ngừng lạ, đắm đắm nhìn cái túi da nai bè bè. Gã nhặt vội nó lên, đưa mắt nhìn quanh ra chiều thách thức, tựa hồ sự hoang sơ đang chực cướp nó đi vậy, và khi gã đứng dậy để loạng choạng đi vào ngày mới, thì nó đã được gói gọn trong cái bọc trên lưng.

Gã rẽ sang bên trái, thỉnh thoảng dừng lại để ăn những trái cây đầm lầy. Mắt cá gã đã cứng ngắc, bước đi cà nhắc hơn, nhưng cái đau ấy hồ như chẳng thấm gì so với cái đau hành hạ dạ dày. Những cơn đói quặn thắt ruột thắt gan cứ nhay huỷ cho đến khi gã không thể giữ cho đầu óc tập trung vào lộ trình gã phải theo để tới Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Những trái cây đầm lầy không làm sao giảm nhẹ được sự nhay nghiêng đấy, mà chỉ làm cho lưỡi và vòm miệng gã đau rộp lên.

Gã tới một thung lũng, tại đó gà gô núi đá vỗ cánh rào rào bay lên từ những gò đá và bãi lầy. "Kéc... kéc... kéc", chúng kêu như vậy. Gã lấy đá ném nhưng không trúng con nào. Gã đặt cái bọc xuống đất và rón rén đến gần chúng như mèo định lén bắt chim sẻ. Đá nhọn cửa qua ống quần đến độ đầu gối gã để lại một vết máu. Nhưng cái đau ấy chìm trong cái đau đói bụng. Gã bò ngoằn ngoèo trên lớp rêu ướt, quần áo ướt đầm, người rét run; những cơn sốt cuồng đòi ăn quá lớn, khiến gã không còn biết tới cảm giác đói. Và lũ gà gô vẫn bay lên rào rào trước mặt gã, đến khi tiếng "kéc... kéc" của chúng trở thành một sự trêu chọc đối với gã, và gã rửa chúng, quát ngậu lên với chúng.

Một lần, gã bò tới một con, chắc đang ngủ. Mãi đến lúc nó vụt lên từ hốc đá ngay trước mặt gã, gã mới trông thấy nó. Gã chộp một cái, cũng bắt thần như con gà gô bay lên, và trong tay gã còn lại ba cái lông đuôi. Nhìn theo nó bay, gã thấy căm thù nó như thể nó đã hại gã một điều gì ghê gớm lắm. Rồi gã quay lại và khoác cái bọc lên vai.

Giờ này qua giờ khác gã đi vào những thung lũng hoặc những chỗ đất thấp lầy còn nhiều thú săn hơn nữa. Một đàn tuần lộc caribu đi qua, có tới hơn hai chục con, ở trong tầm súng như trên người. Gã cảm thấy một khao khát cuồng dại muốn đuổi theo chúng, tin chắc mình có thể bắt được chúng. Một con cáo đen tiến về phía gã, mồm ngậm một chú gà gô. Gã la lên. Đó

là một tiếng kêu ghê sợ, nhưng con cá hốt hoảng nhảy đi, không buông rơi con gà gô.

Xế chiều, gã lần theo một con suối, nước lờ lờ chất vôi, chảy qua những vạt cỏ bắc rải rác. Năm chặt những bụi cỏ bắc ấy ở quãng gần rẽ, gã nhổ lên một cái gì tựa tựa một đợt hành non, không lớn hơn chiếc đinh ván. Nó mơn mớn và răng gã cắm ngập vào đó, gặm rau rầu tưởng chừng sẽ là món ăn tuyệt diệu. Nhưng thớ nó rắn các. Nó gồm những sợi dầm nước, như những trái cây bãi lầy nọ, và chẳng có chất dinh dưỡng gì. Gã quăng cái bọc xuống và quỳ gối bò vào đám cỏ bắc, gặm và nhai trệu trạo như trâu bò.

Gã rất mệt và nhiều lúc muốn nghỉ, nằm ềnh ra và ngủ; nhưng gã vẫn bị thôi thúc dần bước liên tục bởi cái đói hơn là bởi nỗi mong muốn tới được Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Gã sục những vũng nước mò ếch nhái và lấy móng tay đào đất tìm giun, mặc dầu gã biết ở mạn cực bắc này chẳng làm gì có ếch nhái cũng như giun.

Gã hoài công soi mói từng vũng nước, cho đến khi hoàng hôn đến, gã mới phát hiện ra một con cá lẻ loi, bằng cỡ một con cá tuê, trong một cái vũng như vậy. Gã thọc tay xuống nước đến tận vai, nhưng con cá lẩn thoát. Gã vói cả hai tay ra chụp nó, khuấy tung lớp bùn đục lờ dưới đáy. Thế là nước đục ngầu lên khiến gã không thấy nó đâu nữa và buộc phải đợi cho bùn lắng xuống.

Cuộc săn bắt tiếp tục, cho đến khi nước lại đục ngầu lên. Nhưng gã không thể đợi được nữa. Gã tháo chiếc xô thiếc và bắt đầu tát nước. Thoạt đầu gã tát như điên, bắn vung cả lên người, và hắt nước gần quá thành thử lại chảy về vũng. Rồi gã làm thận trọng hơn, cố gắng bình tĩnh, mặc dầu tim đập vào thành ngực thỉnh thoảng và hai tay run lên. Được nửa giờ, vũng nước gần cạn khô. Chỉ còn không đầy một cốc nước. Mà chẳng thấy cá đâu. Gã tìm ra một khe nứt giữa lớp đá, nó đã chui qua đó trốn sang cái vũng bên cạnh to hơn, một cái vũng mà có bỏ cả một ngày, một đêm gã cũng chẳng thể tát cạn. Nếu có biết cái khe nứt ấy thì gã ắt đã lấy một hòn đá bịt lại từ đầu và giờ đây con cá ắt đã là của gã.

Nghĩ thế, gã vật mình vật mảy trên nền đất ướt. Mới đầu gã khóc khe khẽ một mình, rồi khóc to tướng với cả cảnh hoang sơ vô tình bao quanh

gã; và hồi lâu sau, người gã còn rung lên những tiếng nấc khan.

Gã đốt một đồng lửa, uống hàng ca nước nóng cho ấm người; và hạ trại trên một gò đá như đêm trước. Việc làm sau cùng của gã là lo cho số diêm thật khô ráo và lên dây đồng hồ. Những tấm mền thì ướt và dính nháp. Mắt cá gã đau giàn giạt. Nhưng gã chỉ biết rằng gã đói và, qua giấc ngủ nào động, gã mơ thấy tiệc lớn, tiệc nhỏ và thức ăn bày la liệt theo đủ mọi cách có thể tưởng tượng được.

Gã thức dậy, rét run và nôn nao. Không một chút nắng. Màu xám của đất và trời đã trở nên đậm hơn, sâu hơn. Một ngọn gió rét căm căm thổi và những bông tuyết đầu tiên làm trắng xoá những đỉnh đồi. Không khí quanh gã dày đặc thêm và quánh dần trong khi gã đốt một đồng lửa và đun thêm nước. Tuyết ướt, gàn như mưa, và những bông tuyết vừa to vừa sũng nước. Thào đầu, mới chạm đất, chúng đã chảy liền, nhưng mỗi lúc một xuống nhiều, phủ kín mặt đất, dập tắt lửa làm hỏng cả chỗ rêu dự trữ làm chất đốt của gã.

Điều đó thành một tín hiệu cho gã khoác cái bọc lên vai và ngật ngưỡng bước tiếp, không biết là đi đến đâu. Gã không bận tâm đến Vùng đất của những chiếc que nhỏ, cũng như đến Bil và chỗ cất giấu dưới cái xuống lật sập bên dòng sông Đir nữa. Thống ngự gã lúc này là động từ "ăn". Gã đang đói điên người. Gã chẳng để ý gì đến hướng đường gã đang đi theo, chừng nào hướng ấy dẫn gã qua những bãi thấp. Gã dò dẫm qua tuyết ướt lặn tới những trái cây đầm lầy mọng nước và đi bằng cảm giác trong khi gã nhò những rễ cỏ bắc. Nhưng cái món này thật vô vị không thoả mãn được gì cả. Gã tìm được một thứ cỏ có vị chua và kiếm được bao nhiêu cỏ ấy, gã ăn tuốt, cũng chẳng nhiều nhận gì, vì nó là loại cây bò sát, dễ bị lấp dưới tuyết dày hàng mấy phân.

Đêm ấy, gã không có lửa, cũng không có nước nóng, gã chui vào chăn ngủ giấc ngủ đứt quãng vì đói. Tuyết chuyển thành mưa lạnh. Gã tỉnh dậy nhiều lần để cảm thấy nó rơi trên khuôn mặt úp sập của mình. Ngày đến, một ngày đen xám và không có mặt trời. Mưa đã tạnh. Cái nhói buốt của cơn đói đã biến đi. Về sự háo hức muốn có cái ăn, mức nhạy cảm đã kiệt. Bụng gã âm ỉ một cái đau nặng trĩu, song nó không quấy rầy gã nhiều như

trước. Gã trở nên duy lý hơn, và một lần nữa gã lại quan tâm chủ yếu tới Vùng đất của những chiếc que nhỏ và chỗ cất giấu ở bờ sông Dir.

Gã xé mảnh còn lại của một tấm mền thành từng dải để buộc đôi bàn chân tướt máu. Gã cũng buộc chặt lại chỗ mắt cá bị thương và chuẩn bị cho một ngày đương. Khi đụng đến cái bọc, gã ngừng lại hồi lâu suy tính về chiếc túi da nai bè bè, nhưng rốt cuộc vẫn mang nó đi theo.

Dưới mưa, tuyết đã tan chảy và chỉ còn những đỉnh đồi là phô màu trắng. Mặt trời ló ra và gã định vị được các hướng địa bàn, mặc dầu giờ đây gã biết là mình đã lạc. Có lẽ, trong khi lang thang những hôm trước, gã đã quá lệch về bên trái. Giờ đây gã ghé sang phải cho cân lại độ có thể sai lệch khỏi hướng chính gã cần đi theo.

Mặc dầu cái đói không còn hành hạ dữ dội như trước nữa, nhưng gã nhận biết rằng mình rất yếu, gã buộc phải dừng lại nghỉ luôn, để nhá những trái cây đầm lầy và những vạt cỏ bắc. Gã cảm thấy lưỡi mình khô và to tướng như mọc đầy một lớp bông nhỏ li ti, và có vị đắng ngắt trong mồm. Tim gã làm rầy gã ghê gớm. Đi được ít phút, nó đã bắt đầu nện không thương xót thành thịch, thịch thịch, thịch thịch, rồi nhảy loạn xạ trong một thôi đập xao xuyến, đau đớn, khiến gã nghẹn thở, lử lả và chóng cả mặt. Đến giữa trưa, gã tìm được hai con cá tuê ở một cái vũng to. Không thể tát cạn nó được, nhưng bây giờ gã bình tĩnh hơn và xoay xở bắt được chúng vào trong cái xô thiếc. Chúng không dài hơn ngón tay út của gã, nhưng gã không đói lắm. cái đau âm ỉ trong bụng gã đã lắng xuống và yếu đi. Như thể dạ dày gã đang ngủ gà ngủ gật vậy. Gã ăn cá sống, thận trọng nhai một cách vất vả, vì việc ăn là một hành động thuần túy lý trí. Tuy gã chẳng muốn ăn chút nào, nhưng gã biết mình phải ăn để mà sống.

Chiều đến, gã bắt được thêm ba con cá tuê, ăn hai con và để dành một con cho bữa điểm tâm sáng hôm sau. Mặt trời đã sấy khô những mảng rêu rải rác và gã có thể sưởi ấm bằng nước nóng. Hôm ấy gã không đi được quá mười dặm; và hôm sau, cất bước khi nào tim gã cho phép, gã đi được không quá năm dặm. Nhưng dạ dày gã lại không hề làm gã khó chịu tí nào. Nó đã ngủ. Một điều nữa: gã đang ở một vùng đất lạ và tuần lộc caribu tại đây tăng nhiều hơn, cả sói nữa. Lắm lúc tiếng hú của chúng vang qua cảnh tiêu điều, và một lần gã trông thấy ba con lẩn tránh trước mặt gã, trên đương đi.

Lại một đêm nữa; và sáng hôm sau, duy lý hơn, gã cởi dây da buộc cái túi da nai bè bè. Từ miệng túi đã mở, chảy tuôn một dòng bụi vàng thô và quặng vàng. Gã chia đại khái số vàng ra làm hai phần, giấu một nửa vào một gờ đá nhô ra, gói nửa kia vào một mảnh chăn và bỏ trở vào túi. Gã cũng bắt đầu dùng những giải của cái chăn còn lại để buộc chân. Gã vẫn níu giữ cây súng vì ở chỗ cát giấu bên sông Đir có đạn.

Đó là một ngày đầy sương mù, và ngày hôm ấy cái đói lại thức dậy trong gã. Gã rất yếu và bị chóng mặt đến nỗi đôi lúc hoa mắt không thấy gì. Bây giờ, đối với gã, vấp ngã không phải là chuyện không bình thường, và một lần bị vấp ngã, gã ngã trúng giữa một tổ gà gô núi. Có bốn chú gà con mới nở được một ngày, những đốm sọc phập phồng, vừa một miếng, không hơn, và gã ăn chúng ngấu nghiến, nhét chúng vào mồm nhai sống nuốt tươi rầu rầu giữa hai hàm răng như nhai vỏ trứng. Gà gô mẹ lông lộn quanh gã, kêu rầm rĩ. Gã dùng cây súng như một chiếc chùy để đánh nó, nhưng nó tránh xa khỏi tầm với. Gã ném ba hòn đá về phía nó và một hòn ngẫu nhiên trúng, làm gãy một bên cánh. Rồi nó chao chao chạy đi, kéo lê chiếc cánh gãy, gã đuổi theo sau.

Mấy chú gà con chỉ làm cho gã thêm háu đói. Gã nhảy loi choi một cách vụng về với vết thương mắt cá chân, chốc chốc lại ném đá và kêu la khàn giọng, lắm lúc lại lạng lữ chạy lật đật lật đặt, mỗi lần ngã lại hằm hằm bò dậy một cách kiên nhẫn, hoặc đưa tay lên dụi mắt khi cơn chóng mặt đe dọa quật ngã gã.

Cuộc săn đuổi đưa gã qua bãi đất lầy xuống đáy thung lũng và gã bắt gặp những vết chân trên lớp rêu sũng nước. Không phải vết chân gã, gã có thể thấy rõ là thế. Chắc là vết chân Bil. Song gã không thể dừng lại, vì con gà gô mẹ vẫn chạy tiếp. Gã sẽ bắt nó trước, rồi quay lại dò tìm điều tra sau.

Gã quần con gà gô mẹ kiệt sức, nhưng gã cũng tự làm mình kiệt sức. Con gà nằm nghiêng thở dốc. Gã cũng nằm nghiêng thở hồng hộc, chỉ cách nó khoảng ba, bốn mét mà không sao bò được tới nó. Và khi gã hồi tỉnh lại, nó cũng hồi sức, vỗ cánh chạy khỏi tầm với, khi ga vươn bàn tay đói lả về phía nó. Cuộc săn đuổi lại tiếp diễn. Đêm xuống hẳn và gà gô mẹ chạy thoát. Yếu ớt, gã loạng quạng vấp và lao đầu ngã sấp mặt xuống, toạc cả

má, chiếc bọc vẫn trên lưng. Hồi lâu, gã không động cựa; rồi gã xoay nghiêng người, lên dây đồng hồ và nằm đó đến sáng.

Lại một ngày mù sương. Nửa cái màn cuối cùng đã xé ra để làm giẻ bọc chân. Gã không thấy lại được dấu chân Bil. Chẳng hề gì. Cái đói đang đôn thúc gã quá xá... có điều... có điều gã băn khoăn không biết Bil có lạc nốt không. Đến trưa, cái bọc trở nên quá nặng, không chịu nổi. Gã lại chia đôi số vàng, lần này thì đơn giản là dốc toẹt một nửa xuống đất. Đến chiều, gã vớt nốt số còn lại và gã chỉ còn độc nửa cái chần, cái xô thiếc và cây súng.

Một huyền cảm bắt đầu quấy rầy gã. Gã tin rằng mình còn một viên đạn. Nó nằm trong ổ nòng súng và gã đã quên bém mắt. Mặt khác, gã luôn biết rằng ổ đạn rỗng không. Thế nhưng huyền cảm ấy vẫn dai dẳng. Gã xua đuổi nó hàng giờ liền, rồi mở súng ra và thấy tận mắt là ổ đạn rỗng tuếch. Sự thất vọng cũng cay đắng như thể gã thực sự chờ đợi thấy viên đạn trong đó.

Gã lại hội đi tiếp được nửa giờ thì cơn huyền cảm lại nổi dậy lần nữa, gã lại cố dẹp đi mà nó vẫn dằng dai cho đến lúc gã mở súng tự thuyết phục là chẳng có gì. Đôi lúc đầu gã phiêu diêu đi xa hơn, và gã lại hội đi như thằng người máy, với những ý nghĩ ngộ nghĩnh và ngông cuồng kỳ lạ găm nhăm óc như những con sâu. Nhưng những cuộc du ngoạn khỏi thực tại ấy đến gần ngủi, vì bao giờ những dằn vặt của cái đói cào cấu cũng gọi gã trở lại. Một lần, đang phiêu du như vậy, thành linh gã bị kéo giật trở lại bởi một cảnh khiến gã suýt ngất xỉu. Trước mặt gã sừng sững một con ngựa. Một con ngựa! Gã không thể tin ở mắt mình. Một màn sương dày rủ trong mắt gã, điểm những chấm sáng lấp lánh. Gã dụi mắt như điên để nhìn cho rõ và nhận ra không phải một con ngựa mà là một con gấu lớn màu nâu. Con vật đang ngắm nghía gã với một vẻ tò mò hung hãn.

Gã đã nâng súng lên vai rồi mới nhớ ra là không có đạn. Gã hạ súng xuống và rút con dao sẵn bên hông ra khỏi vỏ. Trước mặt gã là thịt và sự sống. Gã lướt ngón tay cái trên lưỡi dao. Lưỡi sắc, mũi nhọn. gã sẽ lao cả người vào con gấu và giết chết nó. Nhưng tim gã bắt đầu báo động: thành thịch, thành thịch, thành thịch. Rồi tiếp theo là nhịp nhảy lên cuồng loạn và

sức nén ép như một vành đai sắt thít quanh trán, cơn chóng mặt len lõi bò vào trong đó.

Sự can đảm tuyệt vọng của gã bị một nỗi sợ dâng trào mãnh liệt đánh bật ra. Gã đang yếu thế này, nhờ con vật tấn công gã thì sao? Gã đứng thẳng lên trong tư thế hùng dũng nhất, nắm chặt con dao và nhìn chăm chăm vào con gấu. Con gấu vung về tiến lên vài bước, lùi lại và trút ra một tiếng gầm gừ thăm dò. Nếu con người chạy ắt nó sẽ đuổi theo. Nhưng con người không chạy. Lúc này, trong gã dấy lên lòng can đảm của khiếp sợ. Gã cũng gầm gừ, man rợ, gớm ghiếc thốt lên nỗi sợ vốn là thích hợp với sự sống và vốn xoắn xuýt quanh những rẽ sâu nhất của sự sống.

Con gấu né sang một bên lùi đi, gầm gừ đe dọa. Bản thân nó cũng kinh hãi trước cái sinh vật bí ẩn hiên ngang thẳng đứng, không biết sợ ấy. Nhưng con người không động đậy. Anh ta đứng sững như một pho tượng cho đến khi con nguy hiểm qua hẳn, bấy giờ mới chịu khuất phục run bắn lên một hồi và quy xuống lớp rêu ướt.

Gã định thần lại và đi tiếp, bây giờ lại sợ theo cách khác. Không phải là sợ sẽ chết một cách thụ động vì không có cái ăn, mà sợ sẽ bị tiêu diệt một cách cuồng bạo trước khi cái đói làm suy kiệt nốt chút xíu cố gắng cuối cùng trong gã nhằm vươn tới sự sống sót. Vùng này có chó sói. Suốt cảnh tiêu điều này, vắng tới vắng lui tiếng sói hú, dẹt cả bầu không khí thành một tấm màn đe dọa có thể sờ mó thấy, đến độ gã bỗng giơ tay lên trời, đẩy không khí ra khỏi mình, như thể nó là thành vải của một cái lều bị gió thổi ép vào.

Thỉnh thoảng, sói đi từng tốp hai hoặc ba con, kéo qua đường đi của gã. Nhưng chúng tránh gã. Chúng không đủ đông, vả lại, chúng đang săn tìm tuần lộc caribu, tụi này không đánh trả, trong khi cái sinh vật đi thẳng đứng này có thể vừa cào vừa cắn.

Xế chiều, gã bắt gặp những ống xương rải rác ở chỗ lũ chó sói đã giết một con thú. Đám xương tàn, trước đó một giờ, còn là một chú tuần lộc Caribu non kêu quang quác, chạy nhảy và đầy sức sống. Gã ngắm đống xương đã lóc sạch thịt và nhẵn bóng, với sinh bào hồng hồng bên trong còn chưa hết hẳn. Liệu có khả năng, gã cũng có thể như thế trước khi ngày tàn không? Sự sống là thế ư? Một sự hão huyền và thoáng qua. Chỉ có sống là

đau đớn mà thôi. Chết thì chẳng đau gì hết. Chết là ngủ. Có nghĩa là thôi, là nghỉ ngơi. Thế thì tại sao gã lại không bằng lòng chết.

Nhưng gã không lý luận rộng dài. Gã đang ngồi xồm trên lớp rêu, với một cái xương trong miệng, mút mát những vụn sinh bào còn nhuộm hồng hồng chất xương. Cái vị thịt ngọt, loãng và thoảng thấy thoảng mát gần giống như một hồi ức làm gã tức điên. Gã ngoạm hàm vào những đốt xương và nhai rào rào. Lúc thì xương gãy, lúc thì răng gã gãy. Rồi gã bỏ xương vào giữa những hòn đá, nghiền nát như và nuốt chửng. Trong lúc vội vàng gã giã cả vào ngón tay mình, và có lúc lại ngạc nhiên thấy những ngón tay không đau lắm khi bị kẹp vào đá.

Rồi đến những ngày tuyết xuống, mưa rơi kinh khủng. Gã không còn biết mình hạ trại lúc nào, nhổ trại lúc nào. Gã đi ban đêm cũng nhiều bằng đi ban ngày. gã nghỉ luôn ở bất cứ chỗ nào gã ngã xuống, bò đi tiếp bất cứ lúc nào ngọn lửa sống đang tabnf trong gã bùng lên và đỡ mù mịt hơn. Với tư cách là một con người, gã thôi không ráng sức nữa. Chính là cái sinh lực trong gã không muốn chết, nó thôi thúc gã dần bước. Gã không đau đớn. Thần kinh gã đã cùn mòn, tê dại đi trong khi đầu óc gã đầy viễn ảnh kỳ lạ và những giấc mơ thú vị.

Nhưng gã vẫn mút và nhai những đốt xương nát của con tuần lộc non, mà những dư tàn nhỏ nhất của nó đã vun vén lại và đã mang theo. Gã không vượt đồi, cũng chẳng qua những đường phân thủy nữa mà cứ tự động theo một con suối lớn chảy qua một thung lũng rộng và nông. Gã không nhìn thấy con suối ấy cũng như thung lũng ấy. Gã không nhìn thấy gì ngoài những tấm ảnh. Hồn và xác hoặc đi hoặc bò cạnh nhau, nhưng riêng rẽ, vì sợi dây buộc chúng lại với nhau quá mạnh.

Gã thức dậy mình mãi, nằm ngủ trên một gò đá. Mặt trời chiếu rực rỡ và ấm áp. Xa xa gã nghe thấy tiếng những con tuần lộc non kêu quác quác. Gã nhớ mang máng là đã có mưa, có gió, có tuyết rơi, nhưng còn về việc gã đã bị dãi gió dầm mưa hai ngày hay hai tuần thì gã không biết.

Gã nằm gần như không động đậy một lúc, ánh mặt trời hiền hoà chảy tràn trên gã và toả hơi ấm thấm đẫm cái thân hình khốn khổ của gã. Một ngày đẹp, gã nghĩ. Chưa chừng gã có thể xác định được mình đang ở đâu cũng nên. Bằng một cố gắng cực nhọc gã xoay người nằm nghiêng. Phía

dưới gã, một con sông rộng và lờ đờ chảy. Vẻ lạ lẫm không quen thuộc của nó khiến gã bối rối. Gã chậm rãi đưa mắt nhìn theo dòng sông uốn lượn thành những khúc rộng giữa những ngọn đồi trọc đều hiu, đều hiu hơn, trơ trụi hơn và lún thấp hơn mọi trái đồi gã gặp cho đến nay. Chậm rãi, từ tốn, không chút kích động hoặc chỉ với sự quan tâm hết sức bình thường, gã theo dõi dòng chảy của con sông lạ về phía đường chân trời, và thấy nó đổ vào một vùng biển sáng lấp lánh. gã vẫn không thấy náo nức gì. Thật khác thường, gã nghĩ một tấm ảnh hay một ảo giác, có vẻ là một tấm ảnh thì đúng hơn, một trò ranh ma do tâm trí rối loạn của gã. Gã chắc chắn vậy khi nhìn thấy một con tàu nằm thả neo giữa vùng biển lấp lánh. Gã nhắm mắt một lát, rồi lại mở ra. Kỳ lạ thay, tấm ảnh ấy vẫn còn! Thế nhưng lại không kỳ lạ. Gã biết chẳng làm gì có biển hay tàu nào giữa vùng đất cằn này, cũng như gã đã biết chẳng có viên đạn nào trong cây súng rỗng không.

Gã nghe thấy một tiếng khụt khịt đằng sau mình, một tiếng thở dốc gần như bị nghẹn, hoặc một tiếng ho. Rất chậm chạp, do quá yếu và người cứng đờ, gã xoay nghiêng mình sang mé kia. Gã không trông thấy gì gần kề, nhưng gã kiên nhẫn chờ. Lại thấy tiếng khịt và ho, và in bóng giữa hai tảng đá lờm chờm cách đó không đầy sáu mét, gã nhận ra cái đầu xám của một con sói. hai cái tai nhọn không dựng hoắt lên như gã thường thấy ở những con sói khác, đôi mắt mờ và vằn tia máu, cái đầu như gục xuống rũ rượi và tuyệt vọng. Con vật chớp mắt lia lịa dưới nắng. Nó có vẻ ốm. Khi gã nhìn, nó lại khịt và ho.

Chỉ ít điều này cũng là thực tế, gã nghĩ và quay người sang mé kia để có thể thấy được sự thực của cái thế giới ban nãy bị tấm ảnh che phủ. Nhưng birt vẫn lấp lánh đằng xa và con tàu nhìn rõ mồn một. Rút cục, nó có phải là thực tại không? Gã nhắm mắt một hồi lâu suy nghĩ, thế rồi vỡ lẽ ra. Gã đã hướng về phía đông bắc, tách xa khỏi đường phân thủy sông Đir và đi vào thung lũng Mỏ Đồng. cái con sông rộng và lờ đờ này là sông Mỏ Đồng. Vùng biển lấp lánh kia là Bắc Băng Dương. Con tàu kia là một tàu đánh cá voi từ cửa sông Mêchkengi lạc về hướng đông, viễn đông, và nó nằm bỏ neo trong vịnh Đăng Quang. Gã nhớ lại bản đồ của công ty Vịnh Haxđơn mà gã đã xem cách đây đã lâu, và gã thấy mọi sự trở nên rõ ràng, hợp lý.

Gã ngồi dậy và tập trung chú ý vào những công việc trước mắt. Những dải mền bọc chân đã mòn xơ ra và đôi chân gã chỉ còn là những cục thịt trầy trụa không ra hình thù gì. Cái chân cuối cùng của gã đã đi tong. Cả súng lẫn dao đều đã mất. Gã đã đánh mất cái mũ ở đâu đó, cùng với bó diêm dặt ở vành trong, nhưng số diêm trước ngực vẫn nguyên vẹn và khô ráo trong cái túi đựng thuốc lá sợi, bọc bằng giấy dầu. Gã nhìn đồng hồ. Nó chỉ mười một giờ và vẫn đang chạy. Hiển nhiên là gã vẫn lên giây đều.

Gã bình tĩnh và tự chủ. Tuy cực kỳ yếu sức, nhưng gã không cảm thấy đau đớn gì cả. gã không đói. ý nghĩ về thức ăn thậm chí cũng chẳng thú vị gì đối với gã và mọi điều gã làm đều do lý trí đơn thuần. Gã xé ống quần đến tận đầu gối để buộc chân. Không biết làm sao mà gã vẫn giữ được cái xô thiếc. Gã sẽ uống một chút nước nóng trước khi bắt đầu làm cái mà gã thấy trước sẽ là một chặng hành trình ghê gớm để tới con tàu.

Gã cử động chậm chạp. Run rẩy như bị chứng liệt. Khi bắt đầu thu thập rêu khô lại, gã không nhấc nổi chân được nữa. Gã thử đi thử lại rồi đánh bò quanh bằng tay và đầu gối vậy. Một lần gã bò đến gần con sói ốm. Con vật miễn cưỡng lê ra khỏi đường đi của gã, liếm những chỗ nứt nẻ trên mình bằng một cái lưỡi hầu như không còn đủ sức để uốn nữa. Gã nhận thấy lưỡi nó không có cái màu đỏ lạnh mạnh thông thường. Nó nâu nâu vàng ệch và như phủ một lớp nhầy ram ráp và gàn như khô.

Sau khi uống một ca nước nóng, gã thấy mình có thể đứng dậy và thậm chí có thể đi với mức một người sắp chết có thể đi. Cứ khoảng một phút, gã lại phải nghỉ. Bước chân gã khật khưỡng, y hệt như bước chân của con sói theo sau gã. và đêm ấy, khi bóng tối xóa mờ vùng biển lấp lánh, gã biết mình mới chỉ tiến gần thêm nó được độ hơn bốn dặm, không hơn.

Suốt đêm, gã nghe thấy tiếng ho của con sói ốm, và thỉnh thoảng, tiếng quác quác của bầy tuần lộc non. Xung quanh gã đều có sự sống, sự sống cường tráng, rất sinh động và tốt lành, và gã biết con sói ốm bám theo con người ốm với hy vọng là con người sẽ chết trước. Sáng dậy, mở mắt ra, gã thấy nó đứng lom khom, đuôi cụp giữa hai chân như một con chó khốn khổ, thiếu não. Nó run cầm cập trong làn gió sớm lạnh giá và nhe răng cười buồn nản khi con người nói với nó bằng một giọng không hơn gì một tiếng thì thầm khàn khàn.

Mặt trời lên rực rỡ và suốt buổi sáng, con người chập chững vừa đi vừa ngã về phía con tàu trên biển lấp lánh. Thời tiết thật tuyệt. Đó là cỡ thu muộn ngắn ngủi ở vùng vĩ độ cao. Nó có thể kéo dài một tuần. Mai kia, nó có thể qua đi.

Đến chiều, gã bắt gặp một vết đường. Đó là dấu vết của một người khác. Không đi mà bò bốn chân. Gã nghĩ đó có thể là Bil, song chỉ nghĩ một cách thờ ơ, không chút quan tâm. Gã chẳng tò mò muốn tìm hiểu gì. Thực tế, cảm giác và xúc động đã từ bỏ gã. Gã không còn biết đau. Dạ dày và thần kinh gã đã ngủ rồi. Tuy nhiên, sự sống trong gã vẫn thúc gã dần tới. Gã thì rất mệt, nhưng nó lại không chịu chết. chính vì nó không chịu chết mà gã vẫn cứ ăn trái cây đầm lầy và cá tuê, uống nước nóng và thận trọng canh chừng con sói ốm.

Gã đi theo dấu vết của người kia, anh chàng bò lê ấy, và chẳng mấy chốc đến chỗ tận cùng của nó: một chút xương mới lóc hết thịt, quanh đó lớp rêu sũng nước in hằn vết chân của nhiều con sói. Gã trông thấy một cái túi da nai bè bè, hết như túi của gã, bị xé toạc ra bằng răng nhọn. Gã nhắc nó lên, tuy nó hầu như quá nặng đối với những ngón tay yếu ớt của gã. Bil đã mang nó đến phút cuối cùng. Ha ha! Gã sẽ cười vào mũi Bil. Gã sẽ sống sót và sẽ mang cái túi đến con tàu trên biển lấp lánh kia. Tiếng cười của gã khàn khàn và ghê rợn như tiếng quạ kêu, và con sói ốm cũng cất tiếng tru sầu thảm hoà theo. Con người bỗng nhiên ngừng bật. Làm sao gã có thể cười vào mũi Bil nếu như cái này là Bil, đám xương trắng hồng và sạch bong này là Bil?

Gã quay đi. Ồ, Bil đã bỏ rơi gã, nhưng gã sẽ không lấy số vàng này, cũng chẳng mút xương Bil làm gì. Tuy nhiên, nếu là trường hợp ngược lại, ắt Bil sẽ chẳng tha, gã vừa chệnh choạng bước tiếp vừa nghĩ vậy.

Gã tóu một vũng nước. Cúi xuống tìm cá tuê, gã bỗng giật đầu lại đằng sau như bị ong châm. Gã đã trông thấy mặt mình phản chiếu trong đó. Nó gớm ghiếc đến nỗi khua được sự nhạy cảm trong gã thức dậy đủ lâu để thấy bàng hoàng. Có ba con cá tuê ở trong vũng, vũng quá rộng không tát cạn được, và sau mấy lần lấy cái xô thiếc vục bắt không được, gã bỏ cuộc. Gã sợ vì quá yếu sức, có thể ngã tòm xuống và chết đuối. Chính vì lý do ấy mà

gã không dám cuời lên một trong những khúc gỗ dạt vào những hố cát ven bờ sông để buông trôi theo dòng nước.

Hôm ấy, gã đã giảm được ba dặm khoảng cách giữa gã và con tàu. Hôm sau được hai dặm, vì bây giờ gã cũng bò, như Bil đã từng bò. Và đến hết ngày thứ năm, con tàu vẫn cách độ bảy dặm thì gã thậm chí mỗi ngày không vượt nổi một dặm. Cũ thu muộn vẫn còn, và gã vẫn tiếp tục bò rồi lại ngất xỉu, loanh quanh luẩn quẩn hoài, và con sói ốm vẫn ho và khụt khịt sau gót gã. Đầu gối gã đã trầy cả thịt như bàn chân gã, và mặc dầu gã đã cởi áo sơ mi làm đệm lót cho cho đầu gối, gã vẫn để lại đằng sau một vệt đỏ trên rêu và đá. Một lần, ngoái nhìn lại, gã thấy con sói thềm thương liếm vết máu của gã, và gã hình dung đậm nét cái kết thúc của mình có thể sẽ như thế nào... trừ phi gã xơi tái được con sói. Thế rồi bắt đầu một tấn bi kịch để tồn tại, khốc liệt chưa từng thấy: một con người ốm phải bò lết, một con sói ốm phải tập tà tập tễnh, hai sinh vật kéo lê thân xác hấp hối qua cảnh hoang sơ, và bên nọ rình cướp sự sống của bên kia.

Giá nó là một con sói khoẻ mạnh, thì hẳn con người cũng chả xem vấn đề hệ trọng đến thế đâu, nhưng nghĩ đến việc phải làm mỗi cho dạ dày của cái vật ghê tởm và gần như chết rồi này, gã chẳng ưng chút nào. Gã vốn khó tính. Đầu óc gã lại bắt đầu lang bang và bị những huyền tượng ám ảnh, trong khi những giây phút sáng suốt trở nên mỗi lúc một hiếm và ngắn hơn.

Một lần, gã tỉnh dậy khỏi một cơn ngất nhờ một tiếng khụt khịt sát bên tai. Con sói khập khiễng nhảy lùi lại, mất thăng bằng và ngã nhào trong cơn suy kiệt. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng gã không thấy buồn cười. Thậm chí gã cũng không thấy sợ. Gã đã vượt quá xa những phản ứng đó. Nhưng lúc ấy, trí óc gã sáng suốt, và gã nằm suy tính. Con tàu chỉ còn cách không quá bốn dặm. Gã có thể trông thấy nó rõ ràng khi gã dụi lớp sương mờ khỏi mắt, và gã trông thấy cánh buồm trắng của một con thuyền nhỏ rẽ nước trên biển lấp lánh. Nhưng gã không bao giờ có thể bò nốt bốn dặm ấy. Gã biết vậy. Tuy nhiên rất bình tĩnh trong nhận thức, gã biết mình không thể bò nổi nửa dặm. Và mặc dù thế, gã vẫn muốn sống. Thật là vô lý nếu gã phải chết sau khi chịu đựng tất cả ngàn ấy thứ. Số mệnh đòi hỏi gã quá nhiều. Và đến lúc sắp chết, gã từ chối không chịu chết. Có lẽ đó là điều cực kỳ điên rồ, những

ngày trong móng vuốt của cái chết, gã lại thách thức cái chết và khước từ không chịu chết.

Gã nhắm mắt lại với sự tĩnh tâm một cách thận trọng. Gã cố vượt lên sự suy nhược như một lớp sóng trào dâng, bập bênh xô vào mọi góc ngách trong người gã. Nó rất giống biển, cái sự suy nhược giết người ấy, nó cứ dâng lên hoài và từng tí một nhận chìm ý thức gã. Đôi lúc, gã gần như bị chìm ngấm, loạng quạng vung tay đập chân bơi qua quên lãng. và một lần nữa, do một phép màu nào đó cứu tâm hồn, gã lại tìm thấy một mảnh ý chí và rẽ sóng lao vút đi mạnh hơn.

Không động đậy, gã nằm ngửa, và gã có thể nghe thấy tiếng hít vào thở ra khò khè của con sói ồm ồm mỗi lúc một sát lại gần hơn. Nó tiến lại gần, gần nữa, qua một quãng thời gian tưởng như bất tận và gã không nhúc nhích. Nó đã kề bên tai gã. Cái lưỡi khô sần sùi có vào má gã như giáp ráp. Hai tay gã phóng ra, hay chí ít là gã muốn phóng tay ra. Các ngón tay quắp lại như móng vuốt, nhưng thòp vào quãng không. Sự nhanh nhẹn và chính xác đòi hỏi sức khỏe, mà gã thì không có sức khỏe đó.

Sự kiên trì của con sói thật ghê gớm. Sự kiên trì của con người cũng ghê gớm không kém. trong nửa ngày liền, gã nằm im không cựa quậy, đấu tranh để khỏi thiếp đi, chờ con vật định ăn thịt gã. Mà gã cũng muốn ăn thịt nó. Đôi khi, biển-suy-nhuộc dâng trào trong gã và gã mơ những giấc mơ dài, nhưng suốt thời gian đó, tỉnh hay mơ, gã vẫn chờ tiếng thở khò khè và cái lưỡi thô liếm láp.

Gã không nghe thấy tiếng thở, và truôi dần từ một cơn mơ nào đó đến cảm giác thấy chiếc lưỡi kia lia dọc bàn tay. Gã chờ. Những chiếc nanh ấn khe khẽ, rồi mạnh hơn; con sói đang huy động hết sức tàn trong một cố gắng để cắm ngập răng vào miếng mồi nó đã chờ đợi bao lâu. Nhưng con người đã chờ sẵn từ lâu và bàn tay nát bươm nắm lấy hàm nó. Trong khi con sói vật lộn một cách yếu ớt và bàn tay bóp lại một cách yếu ớt, thì bàn tay kia từ từ trườn qua thành một gọng kìm. Năm phút sau, cả trọng lượng của con người đè lên trên con sói. Hai bàn tay không đủ sức để bóp nghẹt con sói nhưng mặt con người áp sát vào họng con sói và mồm con người đầy những lông. Hết nửa giờ, con người nhận thấy một dòng âm ấm chảy vào họng mình. Cái đó chẳng lấy gì làm thú vị. Nó như chì nóng chảy đọng

vào dạ dày gã, và gã được tọng vào hoàn toàn chỉ do ý chí của gã mà thôi. Sau đó con người lặn kênh ra, nằm ngửa lên và ngủ...

... Có một số thành viên của đoàn thám hiểm khoa học trên chiếc tàu đánh cá voi Bedford. Từ trên bông, họ nhận thấy một vật kỳ lạ trên bờ. Vật ấy di chuyển xuôi bãi biển về phía mặt nước. họ không thể xác định đó là loại gì. Và, vốn là những nhà khoa học, họ trèo vào chiếc xuồng bên sườn tàu, đáp vào bờ để xem cho rõ. Và họ thấy một cái gì còn sống nhưng khó mà có thể gọi là một con người. Nó loà lẫm, không ý thức. Nó oằn oại trên mặt đất như một con sâu kỳ quái. Phần lớn những cố gắng của nó đều vô hiệu. nhưng nó bền bỉ, nó vận mình, quần quai và mỗi giờ có lẽ tiến lên được năm sáu mét.

Ba tuần sau, người đàn ông nọ nằm trong một chiếc giường trên tàu đánh cá voi Bedford, và nước mắt rùng rùng trên đôi má hốc hác, gã kể lại lai lịch mình là ai và đã trải qua những nông nổi gì. Gã cũng nói lồm ba lồm bồm về mẹ gã, về miền nam California đầy nắng và một ngôi nhà giữa những lùm cam và những khóm hoa.

ít ngày sau, gã ngồi cùng bàn ăn với những nhà khoa học và các sĩ quan trên tàu. Gã hau háu nhìn cảnh đồ ăn ê hề, bồi hồi theo dõi những thức ăn ấy biến voà miệng những người khác. Cứ mỗi miếng mất đi, trong mắt gã lại hiện lên một vẻ tiếc nuối sâu sắc. tâm thần gã hoàn toàn lạnh mạnh, tuy nhiên gã căm ghét họ vào giờ ăn. gã bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi là lương thực không còn tồn tại lâu dài. Gã hỏi đầu bếp, hầu phòng và thuyền trưởng về lương thực dự trữ. Họ trấn an gã không biết bao nhiêu lần, nhưng gã không thể tin họ, và gã khôn khéo nhòm ngó quanh chỗ hầm kho để thấy tận mắt.

Người ta nhận thấy gã béo ra. Mỗi ngày gã một to xù. Các nhà khoa học lắc đầu là hợp lý. Họ hạn chế gã trong những bữa ăn, nhưng vòng bụng gã vẫn tăng và gã trương phình ra kỳ lạ dưới chiếc áo sơ mi.

Đám thủy thủ tùm tùm cười. Họ biết. Và khi các nhà khoa học cắt người theo dõi gã, họ cũng biết. Họ thấy gã thông thạo đi ra phía trước, sau khi điểm tâm, và lại gần một thủy thủ, chìa tay ra như một kẻ hành khất. Tay thủy thủ nhe răng cười và đưa cho gã một miếng bích quy. Gã bo bo nắm chặt lấy, nhìn ngấm như một anh hà tiện ngấm vàng, rồi nhét vào ngực áo. Các tay thủy thủ khác vừa cười vừa cho như vậy.

Các nhà khoa học vốn kín đáo. Họ để mặc gã. Nhưng họ bí mật xem xét giường của gã. Giường được lót bằng bánh quy khô, đệm được nhồi bằng bánh quy khô, mọi xó xỉnh góc ngách đều lèn đầy bánh quy khô. Tuy nhiên, gã không loạn trí. Gã lo đề phòng một cơn đói khác có thể xảy ra, có thể thôi. Rồi gã sẽ qua, các nhà khoa học nói thế. Và quả nhiên, gã qua khỏi thật, trước khi cây neo của tàu Bedford gieo ùm xuống vịnh San Francisco.

Tình yêu cuộc sống

Dịch giả: Dương Tường

Họ hò hụi tập tễnh xuống bờ suối, và có lần gã đi đầu trong số hai người loạng choạng giữa lớp đá lởm chởm. Họ mệt, yếu lử lả và mặt họ thuôn ra cái vẻ nhẫn nại do chịu đựng gian khổ đã lâu. Họ đeo những bó nặng bọc mềm có quai đeo vào vai. Những bọc này còn có những đai đầu quàng qua trán cho đỡ nặng. Mỗi người mang một cây súng trường. Họ bước đi trong tư thế lom khom, vai chúi hẳn về đằng trước, đầu còn nhô xa hơn, mắt cúi gằm xuống đất.

- Giá như chúng mình có hai viên đạn ở chỗ giấu của chúng mình - người thứ hai nói.

Giọng gã hoàn toàn vô cảm một cách buồn tẻ. Gã nói không một chút hào hứng; và người đi đầu trật trà trật trường trong dòng suối trắng như sữa sủi bọt trên những mô đá, không buồn trả lời.

Gã kia theo sát gót hần ta. Họ không cời giày, tất gì hết, mặc dầu nước giá lạnh, lạnh đến nổi đau cả mắt cá và bàn chân tê cóng. Có những chỗ, nước xô vào đầu gối họ, và cả hai chệch choạng quờ tìm chỗ đặt chân.

Gã đi sau trượt chân trên một phiến đá nhẵn lì, suýt ngã, nhưng hết sức cố gắng gượng dậy, đồng thời ré lên một tiếng kêu đau. Gã có vẻ lả đi, chóng mặt và trong khi lão đảo, gờ bàn tay rảnh ra như muốn níu vào không khí. Khi đứng vững rồi, gã bước tiếp nhưng lại lão đảo và suýt ngã lần nữa. Rồi gã đứng im và nhìn người kia, tay này không ngoảnh đầu lại lấy một lần.

Gã đứng im cả một phút như bàn luận với chính mình, rồi lên tiếng gọi:

- Này Bil, mình bị trẹo mắt cá rồi.

Bil vẫn ngật ngưỡng đi qua dòng nước trắng sữa. Hần không quay lại nhìn. Gã kia ngó theo hần đi và tuy mặt gã vẫn đờ đẫn như trước, nhưng cặp

mắt thì lại như mắt một con nai bị thương.

Người nọ tập tễnh lên bờ bên kia và tiếp tục đi thẳng không nhìn lại. Gã ở giữa dòng ngó theo. Môi gã run rẩy khiến lớp lông nâu phủ bên trên động đập rõ rệt. Cả lưỡi gã cũng thè ra liếm môi.

- Bil! - gã gọi to

Đó là tiếng kêu khẩn cầu của một người khoẻ mạnh trong cơn quần bách, nhưng Bil không ngoái đầu lại. Gã kia nhìn theo hắn đi, tập tễnh đến tức cười và loạng quạng tiến dần từng bước theo bờ dốc thoải hướng tới nét lượn mềm in lên nền trời của trái đồi thấp. Gã nhìn theo cho đến khi Bil đi qua đỉnh đồi và biến mất. Rồi gã xoay hướng nhìn và từ từ đảo mắt vòng quanh thế giới còn lại với gã giờ đây khi Bil đã đi khỏi.

Gần chân trời, vàng dương thoi thóp mờ mờ, gần như bị những đám sương mù và hơi không ra hình thù gì che khuất, gây một cảm giác về tầng khối và đậm đặc không đường nét hoặc không cụ thể. gã rút đồng hồ ra xem, dôn trọng lượng toàn thân trên một chân. Đã bốn giờ và vì đạn này đã gần cuối tháng bảy hay đầu tháng tám - trong vòng một, hai tuần nay, gã không còn nhớ đích xác ngày tháng - gã biết là mặt trời lúc này ang áng chỉ hướng tây bắc. Gã nhìn về phía nam và biết rằng đâu đó bên kia những trái đồi heo hút này, là Hồ Gấu Lớn; gã cũng biết rằng ở phía ấy vòng tròn bắc cực cắt ngang vùng hoang địa Canada. Con suối mà gã đang đứng giữa dòng là một nguồn tiếp nước ra sông Mỏ Đồng, sông này lại chảy theo hướng bắc đổ vào Vịnh Đẳng Quang và Bắc Băng Dương. Gã chưa bao giờ tới đó, nhưng gã đã thấy nơi ấy một lần trên một tấm bản đồ của công ty Vịnh Haxdon.

Một lần nữa, mắt gã lại đảo khắp một vòng cái thế giới quanh gã. Một quang cảnh không lấy gì làm phấn khởi. Đâu đâu cũng là đường chân trời mềm mại. Các trái đồi đều thấp. Chẳng có cây to, cây nhỏ cũng chẳng có cỏ, chẳng có gì ngoài một sự tiêu điều mênh mông và ghê gớm, khiến cái sợ mau chóng nhóm lên trong mắt gã.

- Bil! - gã thì thào, một lần rồi hai lần: - Bil!

Gã co ro giữa dòng nước trắng sữa, như thể khoảng không rộng lớn đang ép lên gã với một sức mạnh áp đảo, đè dí gã một cách thô bạo với sự uy nghi đầy tự mãn của nó. Gã bắt đầu run lên như con sốt, cho đến khi cây

súng rơi đánh tồm khỏi tay gã. Điều đó có tác dụng khuấy động gã. Gã đấu tranh với nỗi sợ và trấn tĩnh lại, mò xuống nước nhặt cây súng lên. Gã nhích cái bọc qua về phía vai trái, để chuyển bớt một phần trọng lượng khỏi đè lên phía mắt cá bị thương. Rồi gã từ từ và thận trọng tiến vào bờ, mặt nhăn nhó vì đau.

Gã không dừng lại. Với một sự tuyệt vọng như điên, bất kể đau, gã hổi hả lên dốc tới tận đỉnh đồi, nơi ban gã đã đi khuất, đáng vẻ còn tức cười hơn nhiều so với tay bạn tập tễnh, ngật ngưỡng nọ. Nhưng tới đỉnh, gã trông thấy một thung lũng nông, trống vắng sự sống. Gã lại đấu tranh với cái sợ, vọt lên được, nhích thêm cái bọc qua nửa vòng phía vai trái và tiếp tục lao đảo xuống dốc.

Đáy thung lũng sũng nước được lớp rêu dày, tựa bột biển, hút xâm xấp trên mặt. Nước ấy, cứ mỗi bước, lại bắn vọt từ dưới chân gã và mỗi lần gã nhấc chân lên, lại nghe kêu đánh oạp khi lớp rêu ướt miễn cưỡng nhả ra. Gã lách đường từ đám lầy này sang đám lầy khác và dò theo dấu chân của người kia, dọc, ngang những gờ đá lô nhô như những hòn đảo nhỏ giữa biển rêu.

Tuy có một mình, nhưng gã không lạc. Gã biết đi quá nữa, gã sẽ đến chỗ có những cây vân sam và linh sam chết nhỏ xíu và quắt queo bên bờ một con hồ nhỏ, Titsinisili, tiếng địa phương có nghĩa là " Vùng đất của những chiếc que nhỏ ". Và chảy vào hồ ấy, là một con suối nhỏ, nước không lờ lờ màu trắng sữa. Trên bờ dòng suối này có cỏ bắc, điều này gã nhớ rất rõ, nhưng không có cây to, và gã sẽ ngược theo nó đến đầu nguồn của một đường phân thủy. Gã sẽ qua đường phân thủy đó, tới đầu nguồn một con suối khác chảy vào sông, ở đây gã sẽ tìm thấy một chỗ cát giấu dưới một cái xuống lạt xấp, với nhiều phiến đá xếp chồng lên trên. Và trong chỗ cát giấu ấy, sẽ có đạn cho cây súng rỗng không của gã, lưỡi câu và dây câu, một cái lưỡi nhỏ, tất cả những thứ đó dùng cho việc giết và bẫy mồi làm thức ăn. Gã cũng sẽ tìm thấy bột mì, không nhiều, một miếng thịt lợn và chút ít đậu.

Bil sẽ đợi gã ở đó và họ sẽ chèo xuống xuôi về nam trên sông Dijor đến Hồ Gấu Lớn. Và họ sẽ xuyên qua hồ về phía nam, cứ phía nam đi miết cho đến khi tới sông Meckenji. và lại hướng nam, vẫn hướng nam, họ sẽ tiếp tục đi, trong khi mùa đông hoài công đuổi theo họ, băng đóng trong những

xoáy nước, và ngày trở nên lạnh giá và hanh, cứ hướng nam mà tiến, đến một trạm âm áp nào đó của công ty Vịnh Haxđon, ở đó có cây mọc cao và thoáng, ở đó có ê hề đồ ăn, thức uống.

Đó là những ý nghĩ của người đàn ông này, khi gã gắng sức dần bước. Nhưng dầu nỗ lực mấy về thể xác, gã cũng nỗ lực không kém về tinh thần, cố nghĩ rằng Bil không bỏ gã, rằng Bil chắc chắn sẽ chờ gã ở chỗ cất giấu. Gã buộc phải nghĩ vậy, nếu không thì việc gì phải ráng sức, cứ nằm xuống và chết cho rồi. Và trong khi mặt trời như quả cầu mờ từ từ lặn xuống mé tây bắc, gã điếm qua suốt lượt, nhiều lần, từng phần một chặng đường trốn chạy xuống phía nam của gã và Bil trước khi mùa đông tới. Và gã xem đi xét lại những đồ ăn ở nơi cất giấu và ở trạm của mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng, nhai và nuốt công ty Vịnh Haxđon. Đã hai ngày, gã không ăn gì cả, trong một thời gian dài hơn thế nhiều, gã phải bóp miệng, không có đủ những gì gã muốn ăn. Nhiều lúc, gã cúi xuống nhặt những quả tai tái mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng, nhai và nuốt. Đó là một tí hạt bọc trong một tí cùi nước. Bỏ vào mồm, cùi nước tan ra và hạt nhai găng gắt, đắng nghét. Gã biết quả ấy chẳng bổ béo gì, song cứ kiên nhẫn nhai, với một hi vọng lớn hơn kiến thức và bất chấp kinh nghiệm.

Đến chín giờ, gã vấp ngón chân vào một mô đá và chỉ vì mệt và yếu, gã lao đảo, quy ngã. Gã nằm nghiêng một lúc, không động cựa. Rồi gã rút tay ra khỏi quai đeo bọc và lỏng ngóng gương ngồi dậy. Trời chưa tối hẳn và trong ánh hoàng hôn còn vương lại, gã rờ rẫm quanh, tìm những mảnh rêu khô giữa những phiến đá. Khi đã vun lại được một đồng, gã đốt lên một ngọn lửa, một ngọn lửa lom rom, lem nhem, và đặt lên một bình thiếc đựng nước để đun sôi.

Gã mở cái bọc và việc đầu tiên là đếm các que diêm. Có sáu mươi bảy que. Gã đếm tới ba lần cho chắc. Gã chia làm nhiều phần, gói bằng giấy dầu, cất một bó vào cái túi đựng thuốc lá đã rỗng không, một bó khác vào đai trong của chiếc mũ nhàu nát, bó thứ ba vào dưới ngực áo sơ mi. Làm xong việc đó, gã chột hoảng và giở tất cả ra đếm lại. Vẫn còn nguyên sáu mươi bảy que.

Gã hong giày tất bên bếp lửa cho khô. Đôi giày da đánh rách bướm, ướt sũng. Bít tất nhiều chỗ thủng, chân gã trầy da cà rướm máu. Mất cá giần

giật và gã xem xét kỹ chỗ đau. Nó đã sưng lên to bằng đầu gối. Gã xé ở một trong hai tấm mền ra một miếng dài và buộc chặt lấy mắt cá. Gã xé thêm nhiều dải khác buộc quanh hai chân thay cả giày lẫn tất. Rồi gã uống bình nước nóng bốc hơi, lên giày đồng hồ và mò vào giữa hai lớp mền chăn.

Gã ngủ như chết. Bóng tối ngấn ngủi vào khoảng nửa đêm, đến rồi đi. Mảnh trời lên ở mạn đông bắc, chỉ ít là ngày đã rạng ở khu vực ấy, vì mặt trời bị những đám mây xám che khuất.

Sáu giờ, gã thức giấc, nằm ngủ bình thản. Gã nhìn thẳng lên bầu trời xám và biết rằng mình đói. Khi chống khuỷu tay xoay người đi, gã giật mình vì một tiếng khịt to và trông thấy một con tuần lộc caribu đục đang nhìn gã với vẻ tò mò cảnh giác. Con vật cách gã không quá mười lăm mét và lập tức trong óc gã bật lên hình ảnh và vị thơm ngon của một miếng bit-tét caribu rán xèo trên bếp lửa. Như cái máy, gã với tay ra lấy cây súng rồng không nhằm và bóp cò. Con tuần lộc khịt khịt và nhảy đi, móng nện lóc cóc khi chạy qua những mô đá.

Gã rửa một tiếng rồi quẳng cây súng rồng không khỏi mình. Gã rên to khi bắt đầu nhồm người đứng dậy. Đó là một công việc chậm chạp và gay go. Các khớp xương của gã như những bản lề gỉ. Chúng ngúc ngắc khó khăn trong hốc xương vì cọ sát nhiều, và mỗi động tác gập vào hay duỗi ra đều chỉ thực hiện được với sự cố gắng ghê gớm. Cuối cùng khi gã điều khiển được đôi chân, lại mất độ một phút nữa để đứng thẳng lên được, đứng như tư thế của một con người.

Gã bò lên một cái gò nhỏ và nhìn khắp xung quanh. Không có cây to, cũng chẳng có cây bụi, chẳng có gì ngoài một biển rêu xám, lác đác điểm tuyết bằng những tảng đá xám, những hồ nhỏ màu xám, những suối nhỏ màu xám. Bầu trời cũng xám. Không có nắng, cũng chẳng thấy dấu hiệu gì của mặt trời; gã không còn biết đâu là phương bắc và gã đã quên đêm qua gã đã đến chỗ này bằng cách nào. Nhưng gã không lạc. Điều đó thì gã biết. Chẳng bao lâu gã sẽ đến Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Gã cảm thấy nó nằm bên trái đầu đấy không xa, có thể ngy sau trái đồi thấp sắp tới.

Gã quay lại xếp cái bọc cho vuông vức để lên đường. Gã kiểm tra cho chắc chắn là vẫn còn ba gói diêm riêng rẽ, tuy nhiên gã không mất thì giờ đếm lại. Nhưng gã có lần chần, cân nhắc về một cái túi da nai bè bè. Nó

không to. Gã có thể che dấu nó dưới hai bàn tay mình. Gã biết nó nặng mười lăm "pao" - bằng phần còn lại của cái bọc- và nó làm gã băn khoăn. Cuối cùng, gã để nó sang một bên và cuộn cái bọc lại. Gã ngừng lạ, đắm đắm nhìn cái túi da nai bè bè. Gã nhặt vội nó lên, đưa mắt nhìn quanh ra chiều thách thức, tựa hồ sự hoang sơ đang chực cướp nó đi vậy, và khi gã đứng dậy để loạng choạng đi vào ngày mới, thì nó đã được gói gọn trong cái bọc trên lưng.

Gã rẽ sang bên trái, thỉnh thoảng dừng lại để ăn những trái cây đầm lầy. Mắt cá gã đã cứng ngắc, bước đi cà nhắc hơn, nhưng cái đau ấy hồ như chẳng thấm gì so với cái đau hành hạ dạ dày. Những cơn đói quặn thắt ruột thắt gan cứ nhảy huỷ cho đến khi gã không thể giữ cho đầu óc tập trung vào lộ trình gã phải theo để tới Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Những trái cây đầm lầy không làm sao giảm nhẹ được sự nhảy nghiêng đấy, mà chỉ làm cho lưỡi và vòm miệng gã đau rộp lên.

Gã tới một thung lũng, tại đó gà gô núi đá vỗ cánh rào rào bay lên từ những gờ đá và bãi lầy. "Kéc... kéc... kéc ", chúng kêu như vậy. Gã lấy đá ném nhưng không trúng con nào. Gã đặt cái bọc xuống đất và rón rén đến gần chúng như mèo định lén bắt chim sẻ. Đá nhọn cửa qua ống quần đến độ đầu gối gã để lại một vết máu. Nhưng cái đau ấy chìm trong cái đau đói bụng. Gã bò ngoằn ngoèo trên lớp rêu ướt, quần áo ướt đầm, người rét run; những cơn sốt cuồng đòi ăn quá lớn, khiến gã không còn biết tới cảm giác đói. Và lũ gà gô vẫn bay lên rào rào trước mặt gã, đến khi tiếng "kéc... kéc" của chúng trở thành một sự trêu chọc đối với gã, và gã rửa chúng, quát ngậu lên với chúng.

Một lần, gã bò tới một con, chắc đang ngủ. Mãi đến lúc nó vụt lên từ hốc đá ngay trước mặt gã, gã mới trông thấy nó. Gã chớp một cái, cũng bất thần như con gà gô bay lên, và trong tay gã còn lại ba cái lông đuôi. Nhìn theo nó bay, gã thấy căm thù nó như thể nó đã hại gã một điều gì ghê gớm lắm. Rồi gã quay lại và khoác cái bọc lên vai.

Giờ này qua giờ khác gã đi vào những thung lũng hoặc những chỗ đất thấp lầy còn nhiều thú săn hơn nữa. Một đàn tuần lộc caribu đi qua, có toীর hơn hai chục con, ở trong tầm súng như trêu ngươi. Gã cảm thấy một khao khát cuồng dại muốn đuổi theo chúng, tin chắc mình có thể bắt được chúng.

Một con cáo đen tiến về phía gã, mồm ngậm một chú gà gô. Gã la lên. Đó là một tiếng kêu ghê sợ, nhưng con cáo hốt hoảng nhảy đi, không buông rơi con gà gô.

Xế chiều, gã lần theo một con suối, nước lờ lờ chất vôi, chảy qua những vạt cỏ bắc rải rác. Nằm chặt những bụi cỏ bắc ấy ở quãng gần rề, gã nhổ lên một cái gì tựa tựa một đợt hành non, không lớn hơn chiếc đinh ván. Nó mon mớn và răng gã cắm ngập vào đó, gặm rau rầu tưởng chừng sẽ là món ăn tuyệt diệu. Nhưng thớ nó rắn các. Nó gồm những sợi đâm nước, như những trái cây bãi lầy nọ, và chẳng có chất dinh dưỡng gì. Gã quăng cái bọc xuống và quỳ gối bò vào đám cỏ bắc, gặm và nhai trệu trạo như trâu bò.

Gã rất mệt và nhiều lúc muốn nghỉ, nằm ềnh ra và ngủ; nhưng gã vẫn bị thôi thúc dần bước liên tục bởi cái đói hơn là bởi nỗi mong muốn tới được Vùng đất của những chiếc que nhỏ. Gã sục những vũng nước mò ếch nhái và lấy móng tay đào đất tìm giun, mặc dầu gã biết ở mạn cực bắc này chẳng làm gì có ếch nhái cũng như giun.

Gã hoài công soi mói từng vũng nước, cho đến khi hoàng hôn đến, gã mới phát hiện ra một con cá lẻ loi, bằng cỡ một con cá tuê, trong một cái vũng như vậy. Gã thọc tay xuống nước đến tận vai, nhưng con cá lẩn thoát. Gã với cả hai tay ra chụp nó, khuấy tung lớp bùn đục lờ dưới đáy. Thế là nước đục ngầu lên khiến gã không thấy nó đâu nữa và buộc phải đợi cho bùn lắng xuống.

Cuộc săn bắt tiếp tục, cho đến khi nước lại đục ngầu lên. Nhưng gã không thể đợi được nữa. Gã tháo chiếc xô thiếc và bắt đầu tát nước. Thoạt đầu gã tát như điên, bắn vung cả lên người, và hắt nước gần quá thành thử lại chảy về vũng. Rồi gã làm thận trọng hơn, cố gắng bình tĩnh, mặc dầu tim đập vào thành ngực thành thịch và hai tay run lên. Được nửa giờ, vũng nước gần cạn khô. Chỉ còn không đầy một cốc nước. Mà chẳng thấy cá đâu. Gã tìm ra một khe nứt giữa lớp đá, nó đã chui qua đó trốn sang cái vũng bên cạnh to hơn, một cái vũng mà có bỏ cả một ngày, một đêm gã cũng chẳng thể tát cạn. Nếu có biết cái khe nứt ấy thì gã ắt đã lấy một hòn đá bịt lại từ đầu và giờ đây con cá ắt đã là của gã.

Nghĩ thế, gã vật mình vật mảy trên nền đất ướt. Mới đầu gã khóc khe khẽ một mình, rồi khóc to tướng với cả cảnh hoang sơ vô tình bao quanh gã; và hồi lâu sau, người gã còn rung lên những tiếng nấc khan.

Gã đốt một đồng lửa, uống hàng ca nước nóng cho ấm người; và hạ trại trên một gò đá như đêm trước. Việc làm sau cùng của gã là lo cho số diêm thật khô ráo và lên dây đồng hồ. Những tấm mền thì ướt và dính nháp. Mắt cá gã đau giàn giụa. Nhưng gã chỉ biết rằng gã đói và, qua giấc ngủ náo động, gã mơ thấy tiệc lớn, tiệc nhỏ và thức ăn bày la liệt theo đủ mọi cách có thể tưởng tượng được.

Gã thức dậy, rét run và nôn nao. Không một chút nắng. Màu xám của đất và trời đã trở nên đậm hơn, sâu hơn. Một ngọn gió rét căm căm thổi và những bông tuyết đầu tiên làm trắng xoá những đỉnh đồi. Không khí quanh gã dày đặc thêm và quánh dần trong khi gã đốt một đồng lửa và đun thêm nước. Tuyết ướt, gàn như mưa, và những bông tuyết vừa to vừa sưng nước. Thạo đầu, mới chạm đất, chúng đã chảy liền, nhưng mỗi lúc một xuống nhiều, phủ kín mặt đất, dập tắt lửa làm hỏng cả chỗ rêu dự trữ làm chất đốt của gã.

Điều đó thành một tín hiệu cho gã khoác cái bọc lên vai và ngật ngưỡng bước tiếp, không biết là đi đến đâu. Gã không bận tâm đến Vùng đất của những chiếc que nhỏ, cũng như đến Bil và chỗ cất giấu dưới cái xuống lật sập bên dòng sông Dir nữa. Thông ngự gã lúc này là động từ "ăn". Gã đang đói điên người. Gã chẳng để ý gì đến hướng đường gã đang đi theo, chừng nào hướng ấy dẫn gã qua những bãi thấp. Gã dò dẫm qua tuyết ướt lặn tới những trái cây đầm lầy mọng nước và đi bằng cảm giác trong khi gã nhổ những rễ cỏ bắc. Nhưng cái món này thật vô vị không thoả mãn được gì cả. Gã tìm được một thứ cỏ có vị chua và kiếm được bao nhiêu cỏ ấy, gã ăn tuốt, cũng chẳng nhiều nhận gì, vì nó là loại cây bò sát, dễ bị lấp dưới tuyết dày hàng mấy phân.

Đêm ấy, gã không có lửa, cũng không có nước nóng, gã chui vào chăn ngủ giấc ngủ đứt quãng vì đói. Tuyết chuyển thành mưa lạnh. Gã tỉnh dậy nhiều lần để cảm thấy nó rơi trên khuôn mặt úp sập của mình. Ngày đến, một ngày đen xám và không có mặt trời. Mưa đã tạnh. Cái nhói buốt của cơn đói đã biến đi. Về sự háo hức muốn có cái ăn, mức nhạy cảm đã kiệt.

Bụng gã âm ỉ một cái đau nặng trĩu, song nó không quấy rầy gã nhiều như trước. Gã trở nên duy lý hơn, và một lần nữa gã lại quan tâm chủ yếu tới Vùng đất của những chiếc que nhỏ và chỗ cất giấu ở bờ sông Đir.

Gã xé mảnh còn lại của một tấm mền thành từng dải để buộc đôi bàn chân tướt máu. Gã cũng buộc chặt lại chỗ mắt cá bị thương và chuẩn bị cho một ngày đương. Khi đụng đến cái bọc, gã ngừng lại hồi lâu suy tính về chiếc túi da nai bè bè, nhưng rốt cuộc vẫn mang nó đi theo.

Dưới mưa, tuyết đã tan chảy và chỉ còn những đỉnh đồi là phô màu trắng. Mặt trời ló ra và gã định vị được các hướng địa bàn, mặc dầu giờ đây gã biết là mình đã lạc. Có lẽ, trong khi lang thang những hôm trước, gã đã quá lệch về bên trái. Giờ đây gã ghé sang phải cho cân lại độ có thể sai lệch khỏi hướng chính gã cần đi theo.

Mặc dầu cái đói không còn hành hạ dữ dội như trước nữa, nhưng gã nhận biết rằng mình rất yếu, gã buộc phải dừng lại nghỉ luôn, để nhá những trái cây đầm lầy và những vật cỏ bấc. Gã cảm thấy lưỡi mình khô và to tướng như mọc đầy một lớp bông nhỏ li ti, và có vị đắng ngắt trong mồm. Tim gã làm rầy gã ghê gớm. Đi được ít phút, nó đã bắt đầu nện không thương xót thành thịch, thình thịch, thình thịch, rồi nhảy loạn xạ trong một thôi đập xao xuyến, đau đớn, khiến gã nghẹn thở, lử lả và chóng cả mặt. Đến giữa trưa, gã tìm được hai con cá tuê ở một cái vũng to. Không thể tát cạn nó được, nhưng bây giờ gã bình tĩnh hơn và xoay xở bắt được chúng vào trong cái xô thịch. Chúng không dài hơn ngón tay út của gã, nhưng gã không đói lắm. cái đau âm ỉ trong bụng gã đã lắng xuống và yếu đi. Như thể dạ dày gã đang ngủ gà ngủ gật vậy. Gã ăn cá sống, thận trọng nhai một cách vất vả, vì việc ăn là một hành động thuần túy lý trí. Tuy gã chả muốn ăn chút nào, nhưng gã biết mình phải ăn để mà sống.

Chiều đến, gã bắt được thêm ba con cá tuê, ăn hai con và để dành một con cho bữa điểm tâm sáng hôm sau. Mặt trời đã sấy khô những mảng rêu rải rác và gã có thể sưởi ấm bằng nước nóng. Hôm ấy gã không đi được quá mười dặm; và hôm sau, cất bước khi nào tim gã cho phép, gã đi được không quá năm dặm. Nhưng dạ dày gã lại không hề làm gã khó chịu tí nào. Nó đã ngủ. Một điều nữa: gã đang ở một vùng đất lạ và tuần lộc caribu tại đây

tăng nhiều hơn, cả sói nữa. Lắm lúc tiếng hú của chúng vang qua cảnh tiêu điều, và một lần gã trông thấy ba con lần tránh trước mặt gã, trên đường đi.

Lại một đêm nữa; và sáng hôm sau, duy lý hơn, gã cởi dây da buộc cái túi da nai bè bè. Từ miệng túi đã mở, chảy tuôn một dòng bụi vàng thô và quặng vàng. Gã chia đại khái số vàng ra làm hai phần, giấu một nửa vào một gò đá nhô ra, gói nửa kia vào một mảnh chăn và bỏ trở vào túi. Gã cũng bắt đầu dùng những giải của cái chăn còn lại để buộc chân. Gã vẫn níu giữ cây súng vì ở chỗ cất giấu bên sông Đir có đạn.

Đó là một ngày đầy sương mù, và ngày hôm ấy cái đói lại thức dậy trong gã. Gã rất yếu và bị chóng mặt đến nỗi đôi lúc hoa mắt không thấy gì. Bây giờ, đối với gã, vấp ngã không phải là chuyện không bình thường, và một lần bị vấp ngã, gã ngã trúng giữa một tổ gà gô núi. Có bốn chú gà con mới nở được một ngày, những đốm sọc sặc sỡ, vừa một miếng, không hơn, và gã ăn chúng ngấu nghiến, nhét chúng vào mồm nhai sống nuốt tươi rầu rầu giữa hai hàm răng như nhai vỏ trứng. Gà gô mẹ lông lộn quanh gã, kêu rầm rĩ. Gã dùng cây súng như một chiếc chùy để đánh nó, nhưng nó tránh xa khỏi tầm với. Gã ném ba hòn đá về phía nó và một hòn ngẫu nhiên trúng, làm gãy một bên cánh. Rồi nó chao chao chạy đi, kéo lê chiếc cánh gãy, gã đuổi theo sau.

Mấy chú gà con chỉ làm cho gã thêm háu đói. Gã nhảy loi choi một cách vụng về với vết thương mắt cá chân, chốc chốc lại ném đá và kêu la khàn giọng, lắm lúc lại lạng lữ chạy lết đà lết đặt, mỗi lần ngã lại hằm hằm bò dậy một cách kiên nhẫn, hoặc đưa tay lên dụi mắt khi cơn chóng mặt đe dọa quật ngã gã.

Cuộc săn đuổi đưa gã qua bãi đất lầy xuống đáy thung lũng và gã bắt gặp những vết chân trên lớp rêu sũng nước. Không phải vết chân gã, gã có thể thấy rõ là thế. Chắc là vết chân Bil. Song gã không thể dừng lại, vì con gà gô mẹ vẫn chạy tiếp. Gã sẽ bắt nó trước, rồi quay lại dò tìm điều tra sau.

Gã quần con gà gô mẹ kiệt sức, nhưng gã cũng tự làm mình kiệt sức. Con gà nằm nghiêng thở dốc. Gã cũng nằm nghiêng thở hồng hộc, chỉ cách nó khoảng ba, bốn mét mà không sao bò được tới nó. Và khi gã hồi tỉnh lại, nó cũng hồi sức, vỗ cánh chạy khỏi tầm với, khi ga vươn bàn tay đói lả về phía nó. Cuộc săn đuổi lại tiếp diễn. Đêm xuống hẳn và gà gô mẹ chạy

thoát. Yếu ớt, gã loạng quạng vấp và lao đầu ngã sấp mặt xuống, toạc cả má, chiếc bọc vẫn trên lưng. Hồi lâu, gã không động cựa; rồi gã xoay nghiêng người, lên dây đồng hồ và nằm đó đến sáng.

Lại một ngày mù sương. Nửa cái màn cuối cùng đã xé ra để làm giẻ bọc chân. Gã không thấy lại được dấu chân Bil. Chẳng hề gì. Cái đói đang đôn thúc gã quá xá... có điều... có điều gã băn khoăn không biết Bil có lạc nốt không. Đến trưa, cái bọc trở nên quá nặng, không chịu nổi. Gã lại chia đôi số vàng, lần này thì đơn giản là dốc toẹt một nửa xuống đất. Đến chiều, gã vứt nốt số còn lại và gã chỉ còn độc nửa cái chăn, cái xô thiếc và cây súng.

Một huyền cảm bắt đầu quấy rầy gã. Gã tin rằng mình còn một viên đạn. Nó nằm trong ổ nòng súng và gã đã quên bém mắt. Mặt khác, gã luôn biết rằng ổ đạn rỗng không. Thế nhưng huyền cảm ấy vẫn dai dẳng. Gã xua đuổi nó hàng giờ liền, rồi mở súng ra và thấy tận mắt là ổ đạn rỗng tuếch. Sự thất vọng cũng cay đắng như thể gã thực sự chờ đợi thấy viên đạn trong đó.

Gã lui hui đi tiếp được nửa giờ thì cơn huyền cảm lại nổi dậy lần nữa, gã lại cố dẹp đi mà nó vẫn dằng dai cho đến lúc gã mở súng tự thuyết phục là chẳng có gì. Đôi lúc đầu gã phiêu diêu đi xa hơn, và gã lui hui đi như thằng người máy, với những ý nghĩ ngộ nghĩnh và ngông cuồng kỳ lạ găm nhăm óc như những con sâu. Nhưng những cuộc du ngoạn khỏi thực tại ấy đến gần ngủ, vì bao giờ những dần vật của cái đói cào cấu cũng gọi gã trở lại. Một lần, đang phiêu du như vậy, thành linh gã bị kéo giật trở lại bởi một cảnh khiến gã suýt ngất xỉu. Trước mặt gã sừng sững một con ngựa. Một con ngựa! Gã không thể tin ở mắt mình. Một màn sương dày rủ trong mắt gã, điểm những chấm sáng lấp lánh. Gã dụi mắt như điên để nhìn cho rõ và nhận ra không phải một con ngựa mà là một con gấu lớn màu nâu. Con vật đang ngăm ngửa gã với một vẻ tò mò hung hãn.

Gã đã nâng súng lên vai rồi mới nhớ ra là không có đạn. Gã hạ súng xuống và rút con dao săn bên hông ra khỏi vỏ. Trước mặt gã là thịt và sự sống. Gã lướt ngón tay cái trên lưỡi dao. Lưỡi sắc, mũi nhọn. gã sẽ lao cả người vào con gấu và giết chết nó. Nhưng tim gã bắt đầu báo động: thành thịch, thành thịch, thành thịch. Rồi tiếp theo là nhịp nhảy lên cuồng loạn và

sức nén ép như một vành đai sắt thít quanh trán, cơn chóng mặt len lõi bò vào trong đó.

Sự can đảm tuyệt vọng của gã bị một nỗi sợ dâng trào mãnh liệt đánh bật ra. Gã đang yếu thế này, nhờ con vật tấn công gã thì sao? Gã đứng thẳng lên trong tư thế hùng dũng nhất, nắm chặt con dao và nhìn chăm chăm vào con gấu. Con gấu vung về tiến lên vài bước, lùi lại và trút ra một tiếng gầm gừ thăm dò. Nếu con người chạy ắt nó sẽ đuổi theo. Nhưng con người không chạy. Lúc này, trong gã dấy lên lòng can đảm của khiếp sợ. Gã cũng gầm gừ, man rợ, góm ghiếc thốt lên nỗi sợ vốn là thích hợp với sự sống và vốn xoắn xuýt quanh những rẽ sâu nhất của sự sống.

Con gấu né sang một bên lùi đi, gầm gừ đe dọa. Bản thân nó cũng kinh hãi trước cái sinh vật bí ẩn hiên ngang thẳng đứng, không biết sợ ấy. Nhưng con người không động đậy. Anh ta đứng sững như một pho tượng cho đến khi con nguy hiểm qua hẳn, bấy giờ mới chịu khuất phục run bắn lên một hồi và quy xuống lớp rêu ướt.

Gã định thần lại và đi tiếp, bây giờ lại sợ theo cách khác. Không phải là sợ sẽ chết một cách thụ động vì không có cái ăn, mà sợ sẽ bị tiêu diệt một cách cuồng bạo trước khi cái đói làm suy kiệt nốt chút xíu cố gắng cuối cùng trong gã nhằm vươn tới sự sống sót. Vùng này có chó sói. Suốt cảnh tiêu điều này, vắng tới vắng lui tiếng sói hú, dật cả bầu không khí thành một tấm màn đe dọa có thể sờ mó thấy, đến độ gã bỗng giơ tay lên trời, đẩy không khí ra khỏi mình, như thể nó là thành vãi của một cái lều bị gió thổi ép vào.

Thỉnh thoảng, sói đi từng tốp hai hoặc ba con, kéo qua đường đi của gã. Nhưng chúng tránh gã. Chúng không đủ đông, vả lại, chúng đang săn tìm tuần lộc caribu, tụi này không đánh trả, trong khi cái sinh vật đi thẳng đứng này có thể vừa cào vừa cắn.

Xế chiều, gã bắt gặp những ống xương rải rác ở chỗ lữ chó sói đã giết một con thú. Đám xương tàn, trước đó một giờ, còn là một chú tuần lộc Caribu non kêu quang quác, chạy nhảy và đầy sức sống. Gã ngắm đồng xương đã lóc sạch thịt và nhẵn bóng, với sinh bào hồng hồng bên trong còn chưa hết hẳn. Liệu có khả năng, gã cũng có thể như thế trước khi ngày tàn không? Sự sống là thế ư? Một sự hão huyền và thoáng qua. Chỉ có sống là

đau đớn mà thôi. Chết thì chẳng đau gì hết. Chết là ngủ. Có nghĩa là thôi, là nghỉ ngơi. Thế thì tại sao gã lại không bằng lòng chết.

Nhưng gã không lý luận rộng dài. Gã đang ngồi xồm trên lớp rêu, với một cái xương trong miệng, mút mát những vụn sinh bào còn nhuộm hồng hồng chất xương. Cái vị thịt ngọt, loãng và thoảng thấy thoảng mát gần giống như một hồi ức làm gã tức điên. Gã ngọam hàm vào những đốt xương và nhai rào rào. Lúc thì xương gãy, lúc thì răng gã gãy. Rồi gã bỏ xương vào giữa những hòn đá, nghiền nát như và nuốt chửng. Trong lúc vội vàng gã giã cả vào ngón tay mình, và có lúc lại ngạc nhiên thấy những ngón tay không đau lắm khi bị kẹp vào đá.

Rồi đến những ngày tuyết xuống, mưa rơi kinh khủng. Gã không còn biết mình hạ trại lúc nào, nhổ trại lúc nào. Gã đi ban đêm cũng nhiều bằng đi ban ngày. gã nghỉ luôn ở bất cứ chỗ nào gã ngã xuống, bò đi tiếp bất cứ lúc nào ngọn lửa sống đang tabnf trong gã bùng lên và đỡ mù mịt hơn. Với tư cách là một con người, gã thôi không ráng sức nữa. Chính là cái sinh lực trong gã không muốn chết, nó thôi thúc gã dần bước. Gã không đau đớn. Thần kinh gã đã cùn mòn, tê dại đi trong khi đầu óc gã đầy viễn ảnh kỳ lạ và những giấc mơ thú vị.

Nhưng gã vẫn mút và nhai những đốt xương nát của con tuần lộc non, mà những dư tàn nhỏ nhất của nó đã vun vén lại và đã mang theo. Gã không vượt đồi, cũng chẳng qua những đường phân thủy nữa mà cứ tự động theo một con suối lớn chảy qua một thung lũng rộng và nông. Gã không nhìn thấy con suối ấy cũng như thung lũng ấy. Gã không nhìn thấy gì ngoài những tấm ảnh. Hồn và xác hoặc đi hoặc bò cạnh nhau, nhưng riêng rẽ, vì sợi dây buộc chúng lại với nhau quá mảnh.

Gã thức dậy mình mãi, nằm ngủ trên một gò đá. Mặt trời chiếu rực rỡ và ấm áp. Xa xa gã nghe thấy tiếng những con tuần lộc non kêu quác quác. Gã nhớ mang máng là đã có mưa, có gió, có tuyết rơi, nhưng còn về việc gã đã bị dãi gió dầm mưa hai ngày hay hai tuần thì gã không biết.

Gã nằm gần như không động đậy một lúc, ánh mặt trời hiền hoà chảy tràn trên gã và toả hơi ấm thấm đẫm cái thân hình khốn khổ của gã. Một ngày đẹp, gã nghĩ. Chưa chừng gã có thể xác định được mình đang ở đâu cũng nên. Bằng một cố gắng cực nhọc gã xoay người nằm nghiênggã. Phía

dưới gã, một con sông rộng và lờ đờ chảy. Vẻ lạ lẫm không quen thuộc của nó khiến gã bối rối. Gã chậm rãi đưa mắt nhìn theo dòng sông uốn lượn thành những khúc rộng giữa những ngọn đồi trọc đều hiu, đều hiu hơn, trơ trụi hơn và lún thấp hơn mọi trái đồi gã gặp cho đến nay. Chậm rãi, từ tốn, không chút kích động hoặc chỉ với sự quan tâm hết sức bình thường, gã theo dõi dòng chảy của con sông lạ về phía đường chân trời, và thấy nó đổ vào một vùng biển sáng lấp lánh. gã vẫn không thấy náo nức gì. Thật khác thường, gã nghĩ một tấm ảnh hay một ảo giác, có vẻ là một tấm ảnh thì đúng hơn, một trò ranh ma do tâm trí rối loạn của gã. Gã chắc chắn vậy khi nhìn thấy một con tàu nằm thả neo giữa vùng biển lấp lánh. Gã nhắm mắt một lát, rồi lại mở ra. Kỳ lạ thay, tấm ảnh ấy vẫn còn! Thế nhưng lại không kỳ lạ. Gã biết chẳng làm gì có biển hay tàu nào giữa vùng đất cằn này, cũng như gã đã biết chẳng có viên đạn nào trong cây súng rỗng không.

Gã nghe thấy một tiếng khịt khịt đằng sau mình, một tiếng thở dốc gần như bị nghẹn, hoặc một tiếng ho. Rất chậm chạp, do quá yếu và người cứng đờ, gã xoay nghiêng mình sang mé kia. Gã không trông thấy gì gần kề, nhưng gã kiên nhẫn chờ. Lại thấy tiếng khịt và ho, và in bóng giữa hai tảng đá lờm chờm cách đó không đầy sáu mét, gã nhận ra cái đầu xám của một con sói. hai cái tai nhọn không dựng hoắt lên như gã thường thấy ở những con sói khác, đôi mắt mờ và vằn tia máu, cái đầu như gục xuống rũ rượi và tuyệt vọng. Con vật chớp mắt lia lịa dưới nắng. Nó có vẻ ốm. Khi gã nhìn, nó lại khịt và ho.

Chỉ ít điều này cũng là thực tế, gã nghĩ và quay người sang mé kia để có thể thấy được sự thực của cái thế giới ban nãy bị tấm ảnh che phủ. Nhưng birt vẫn lấp lánh đằng xa và con tàu nhìn rõ mồn một. Rút cục, nó có phải là thực tại không? Gã nhắm mắt một hồi lâu suy nghĩ, thế rồi vỡ lẽ ra. Gã đã hướng về phía đông bắc, tách xa khỏi đường phân thủy sông Đir và đi vào thung lũng Mỏ Đồng. cái con sông rộng và lờ đờ này là sông Mỏ Đồng. Vùng biển lấp lánh kia là Bắc Băng Dương. Con tàu kia là một tàu đánh cá voi từ cửa sông Mêchkengi lạc về hướng đông, viễn đông, và nó nằm bỏ neo trong vịnh Đăng Quang. Gã nhớ lại bản đồ của công ty Vịnh Haxđơn mà gã đã xem cách đây đã lâu, và gã thấy mọi sự trở nên rõ ràng, hợp lý.

Gã ngồi dậy và tập trung chú ý vào những công việc trước mắt. Những dải mền bọc chân đã mòn xơ ra và đôi chân gã chỉ còn là những cục thịt trầy trụa không ra hình thù gì. Cái chân cuối cùng của gã đã đi tong. Cả súng lẫn dao đều đã mất. Gã đã đánh mất cái mũ ở đâu đó, cùng với bó diêm dặt ở vành trong, nhưng số diêm trước ngực vẫn nguyên vẹn và khô ráo trong cái túi đựng thuốc lá sợi, bọc bằng giấy dầu. Gã nhìn đồng hồ. Nó chỉ mười một giờ và vẫn đang chạy. Hiển nhiên là gã vẫn lên giây đều.

Gã bình tĩnh và tự chủ. Tuy cực kỳ yếu sức, nhưng gã không cảm thấy đau đớn gì cả. gã không đói. ý nghĩ về thức ăn thậm chí cũng chẳng thú vị gì đối với gã và mọi điều gã làm đều do lý trí đơn thuần. Gã xé ống quần đến tận đầu gối để buộc chân. Không biết làm sao mà gã vẫn giữ được cái xô thiếc. Gã sẽ uống một chút nước nóng trước khi bắt đầu làm cái mà gã thấy trước sẽ là một chặng hành trình ghê gớm để tới con tàu.

Gã cử động chậm chạp. Run rẩy như bị chứng liệt. Khi bắt đầu thu thập rêu khô lại, gã không nhấc nổi chân được nữa. Gã thử đi thử lại rồi đánh bò quanh bằng tay và đầu gối vậy. Một lần gã bò đến gần con sói ốm. Con vật miễn cưỡng lê ra khỏi đường đi của gã, liếm những chỗ nứt nẻ trên mình bằng một cái lưỡi hầu như không còn đủ sức để uốn nữa. Gã nhận thấy lưỡi nó không có cái màu đỏ lạnh mạnh thông thường. Nó nâu nâu vàng ệch và như phủ một lớp nhầy ram ráp và gàn như khô.

Sau khi uống một ca nước nóng, gã thấy mình có thể đứng dậy và thậm chí có thể đi với mức một người sắp chết có thể đi. Cứ khoảng một phút, gã lại phải nghỉ. Bước chân gã khật khưỡng, y hệt như bước chân của con sói theo sau gã. và đêm ấy, khi bóng tối xóa mờ vùng biển lấp lánh, gã biết mình mới chỉ tiến gần thêm nó được độ hơn bốn dặm, không hơn.

Suốt đêm, gã nghe thấy tiếng ho của con sói ốm, và thỉnh thoảng, tiếng quác quác của bầy tuần lộc non. Xung quanh gã đều có sự sống, sự sống cường tráng, rất sinh động và tốt lành, và gã biết con sói ốm bám theo con người ốm với hy vọng là con người sẽ chết trước. Sáng dậy, mở mắt ra, gã thấy nó đứng lom khom, đuôi cụp giữa hai chân như một con chó khốn khổ, thiếu não. Nó run cầm cập trong làn gió sớm lạnh giá và nhe răng cười buồn nản khi con người nói với nó bằng một giọng không hơn gì một tiếng thì thầm khàn khàn.

Mặt trời lên rực rỡ và suốt buổi sáng, con người chập chững vừa đi vừa ngã về phía con tàu trên biển lấp lánh. Thời tiết thật tuyệt. Đó là cỡ thu muộn ngắn ngủi ở vùng vĩ độ cao. Nó có thể kéo dài một tuần. Mai kia, nó có thể qua đi.

Đến chiều, gã bắt gặp một vết đường. Đó là dấu vết của một người khác. Không đi mà bò bốn chân. Gã nghĩ đó có thể là Bil, song chỉ nghĩ một cách thờ ơ, không chút quan tâm. Gã chẳng tò mò muốn tìm hiểu gì. Thực tế, cảm giác và xúc động đã từ bỏ gã. Gã không còn biết đau. Dạ dày và thần kinh gã đã ngủ rồi. Tuy nhiên, sự sống trong gã vẫn thúc gã dần tới. Gã thì rất mệt, nhưng nó lại không chịu chết. chính vì nó không chịu chết mà gã vẫn cứ ăn trái cây đầm lầy và cá tuê, uống nước nóng và thận trọng canh chừng con sói ốm.

Gã đi theo dấu vết của người kia, anh chàng bò lê ấy, và chẳng mấy chốc đến chỗ tận cùng của nó: một chút xương mới lóc hết thịt, quanh đó lớp rêu sũng nước in hằn vết chân của nhiều con sói. Gã trông thấy một cái túi da nai bè bè, hết như túi của gã, bị xé toạc ra bằng răng nhọn. Gã nhắc nó lên, tuy nó hầu như quá nặng đối với những ngón tay yếu ớt của gã. Bil đã mang nó đến phút cuối cùng. Ha ha! Gã sẽ cười vào mũi Bil. Gã sẽ sống sót và sẽ mang cái túi đến con tàu trên biển lấp lánh kia. Tiếng cười của gã khàn khàn và ghê rợn như tiếng quạ kêu, và con sói ốm cũng cất tiếng tru sầu thảm hoà theo. Con người bỗng nhiên ngừng bật. Làm sao gã có thể cười vào mũi Bil nếu như cái này là Bil, đám xương trắng hồng và sạch bong này là Bil?

Gã quay đi. ồ, Bil đã bỏ rơi gã, nhưng gã sẽ không lấy số vàng này, cũng chẳng mút xương Bil làm gì. Tuy nhiên, nếu là trường hợp ngược lại, ắt Bil sẽ chẳng tha, gã vừa chệnh choạng bước tiếp vừa nghĩ vậy.

Gã tóu một vũng nước. Cúi xuống tìm cá tuê, gã bỗng giật đầu lại đằng sau như bị ong châm. Gã đã trông thấy mặt mình phản chiếu trong đó. Nó gớm ghiếc đến nỗi khua được sự nhạy cảm trong gã thức dậy đủ lâu để thấy bàng hoàng. Có ba con cá tuê ở trong vũng, vũng quá rộng không tát cạn được, và sau mấy lần lấy cái xô thiếc vục bắt không được, gã bỏ cuộc. Gã sợ vì quá yếu sức, có thể ngã tòm xuống và chết đuối. Chính vì lý do ấy mà

gã không dám cuời lên một trong những khúc gỗ dạt vào những hố cát ven bờ sông để buông trôi theo dòng nước.

Hôm ấy, gã đã giảm được ba dặm khoảng cách giữa gã và con tàu. Hôm sau được hai dặm, vì bây giờ gã cũng bò, như Bil đã từng bò. Và đến hết ngày thứ năm, con tàu vẫn cách độ bảy dặm thì gã thậm chí mỗi ngày không vượt nổi một dặm. Cũ thu muộn vẫn còn, và gã vẫn tiếp tục bò rồi lại ngất xỉu, loanh quanh luẩn quẩn hoài, và con sói ốm vẫn ho và khụt khịt sau gót gã. Đầu gối gã đã trầy cả thịt như bàn chân gã, và mặc dầu gã đã cởi áo sơ mi làm đệm lót cho cho đầu gối, gã vẫn để lại đằng sau một vệt đỏ trên rêu và đá. Một lần, ngoái nhìn lại, gã thấy con sói thềm thương liếm vết máu của gã, và gã hình dung đậm nét cái kết thúc của mình có thể sẽ như thế nào... trừ phi gã xơi tái được con sói. Thế rồi bắt đầu một tấn bi kịch để tồn tại, khốc liệt chưa từng thấy: một con người ốm phải bò lết, một con sói ốm phải tập tà tập tễnh, hai sinh vật kéo lê thân xác hấp hối qua cảnh hoang sơ, và bên nọ rình cướp sự sống của bên kia.

Giá nó là một con sói khoẻ mạnh, thì hẳn con người cũng chả xem vấn đề hệ trọng đến thế đâu, nhưng nghĩ đến việc phải làm mỗi cho dạ dày của cái vật ghê tởm và gần như chết rồi này, gã chẳng ưng chút nào. Gã vốn khó tính. Đầu óc gã lại bắt đầu lang bang và bị những huyền tượng ám ảnh, trong khi những giây phút sáng suốt trở nên mỗi lúc một hiếm và ngắn hơn.

Một lần, gã tỉnh dậy khỏi một cơn ngất nhờ một tiếng khụt khịt sát bên tai. Con sói khập khiễng nhảy lùi lại, mất thăng bằng và ngã nhào trong cơn suy kiệt. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng gã không thấy buồn cười. Thậm chí gã cũng không thấy sợ. Gã đã vượt quá xa những phản ứng đó. Nhưng lúc ấy, trí óc gã sáng suốt, và gã nằm suy tính. Con tàu chỉ còn cách không quá bốn dặm. Gã có thể trông thấy nó rõ ràng khi gã dụi lớp sương mờ khỏi mắt, và gã trông thấy cánh buồm trắng của một con thuyền nhỏ rẽ nước trên biển lấp lánh. Nhưng gã không bao giờ có thể bò nốt bốn dặm ấy. Gã biết vậy. Tuy nhiên rất bình tĩnh trong nhận thức, gã biết mình không thể bò nổi nửa dặm. Và mặc dù thế, gã vẫn muốn sống. Thật là vô lý nếu gã phải chết sau khi chịu đựng tất cả ngần ấy thứ. Số mệnh đòi hỏi gã quá nhiều. Và đến lúc sắp chết, gã từ chối không chịu chết. Có lẽ đó là điều cực kỳ điên rồ, những

ngày trong móng vuốt của cái chết, gã lại thách thức cái chết và khước từ không chịu chết.

Gã nhắm mắt lại với sự tĩnh tâm một cách thận trọng. Gã cố vượt lên sự suy nhược như một lớp sóng trào dâng, bập bênh xô vào mọi góc ngách trong người gã. Nó rất giống biển, cái sự suy nhược giết người ấy, nó cứ dâng lên hoài và từng tí một nhận chìm ý thức gã. Đôi lúc, gã gần như bị chìm ngấm, loạng quạng vung tay đập chân bơi qua quên lãng. và một lần nữa, do một phép màu nào đó cứu tâm hồn, gã lại tìm thấy một mảnh ý chí và rẽ sóng lao vút đi mạnh hơn.

Không động đậy, gã nằm ngửa, và gã có thể nghe thấy tiếng hít vào thở ra khò khè của con sói ồm ồm mỗi lúc một sát lại gần hơn. Nó tiến lại gần, gần nữa, qua một quãng thời gian tưởng như bất tận và gã không nhúc nhích. Nó đã kề bên tai gã. Cái lưỡi khô sần sùi có vào má gã như giáp ráp. Hai tay gã phóng ra, hay chí ít là gã muốn phóng tay ra. Các ngón tay quắp lại như móng vuốt, nhưng thòp vào quãng không. Sự nhanh nhẹn và chính xác đòi hỏi sức khỏe, mà gã thì không có sức khỏe đó.

Sự kiên trì của con sói thật ghê gớm. Sự kiên trì của con người cũng ghê gớm không kém. trong nửa ngày liền, gã nằm im không cựa quậy, đấu tranh để khỏi thiếp đi, chờ con vật định ăn thịt gã. Mà gã cũng muốn ăn thịt nó. Đôi khi, biển-suy-nhuợc dâng trào trong gã và gã mơ những giấc mơ dài, nhưng suốt thời gian đó, tỉnh hay mơ, gã vẫn chờ tiếng thở khò khè và cái lưỡi thô liếm láp.

Gã không nghe thấy tiếng thở, và truôi dần từ một cơn mơ nào đó đến cảm giác thấy chiếc lưỡi kia lia dọc bàn tay. Gã chờ. Những chiếc nanh ấn khe khẽ, rồi mạnh hơn; con sói đang huy động hết sức tàn trong một cố gắng để cắm ngập răng vào miếng mồi nó đã chờ đợi bao lâu. Nhưng con người đã chờ sẵn từ lâu và bàn tay nát bươm nắm lấy hàm nó. Trong khi con sói vật lộn một cách yếu ớt và bàn tay bóp lại một cách yếu ớt, thì bàn tay kia từ từ trườn qua thành một gọng kìm. Năm phút sau, cả trọng lượng của con người đè lên trên con sói. Hai bàn tay không đủ sức để bóp nghẹt con sói nhưng mặt con người áp sát vào họng con sói và mồm con người đầy những lông. Hết nửa giờ, con người nhận thấy một dòng âm ấm chảy vào họng mình. Cái đó chẳng lấy gì làm thú vị. Nó như chì nóng chảy đọng

vào dạ dày gã, và gã được tọng vào hoàn toàn chỉ do ý chí của gã mà thôi. Sau đó con người lặn kênh ra, nằm ngửa lên và ngủ...

... Có một số thành viên của đoàn thám hiểm khoa học trên chiếc tàu đánh cá voi Bedford. Từ trên bông, họ nhận thấy một vật kỳ lạ trên bờ. Vật ấy di chuyển xuôi bãi biển về phía mặt nước. họ không thể xác định đó là loại gì. Và, vốn là những nhà khoa học, họ trèo vào chiếc xuồng bên sườn tàu, đáp vào bờ để xem cho rõ. Và họ thấy một cái gì còn sống nhưng khó mà có thể gọi là một con người. Nó loà lẫm, không ý thức. Nó oằn oại trên mặt đất như một con sâu kỳ quái. Phần lớn những cố gắng của nó đều vô hiệu. nhưng nó bền bỉ, nó vận mình, quần quai và mỗi giờ có lẽ tiến lên được năm sáu mét.

Ba tuần sau, người đàn ông nọ nằm trong một chiếc giường trên tàu đánh cá voi Bedford, và nước mắt rùng rùng trên đôi má hốc hác, gã kể lại lai lịch mình là ai và đã trải qua những nông nổi gì. Gã cũng nói lồm ba lồm bồm về mẹ gã, về miền nam California đầy nắng và một ngôi nhà giữa những lùm cam và những khóm hoa.

ít ngày sau, gã ngồi cùng bàn ăn với những nhà khoa học và các sĩ quan trên tàu. Gã hau háu nhìn cảnh đồ ăn ê hề, bồi hồi theo dõi những thức ăn ấy biến voà miệng những người khác. Cứ mỗi miếng mất đi, trong mắt gã lại hiện lên một vẻ tiếc nuối sâu sắc. tâm thần gã hoàn toàn lạnh mạnh, tuy nhiên gã căm ghét họ vào giờ ăn. gã bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi là lương thực không còn tồn tại lâu dài. Gã hỏi đầu bếp, hầu phòng và thuyền trưởng về lương thực dự trữ. Họ trấn an gã không biết bao nhiêu lần, nhưng gã không thể tin họ, và gã khôn khéo nhòm ngó quanh chỗ hầm kho để thấy tận mắt.

Người ta nhận thấy gã béo ra. Mỗi ngày gã một to xù. Các nhà khoa học lắc đầu là hợp lý. Họ hạn chế gã trong những bữa ăn, nhưng vòng bụng gã vẫn tăng và gã trương phình ra kỳ lạ dưới chiếc áo sơ mi.

Đám thủy thủ tùm tùm cười. Họ biết. Và khi các nhà khoa học cắt người theo dõi gã, họ cũng biết. Họ thấy gã thông thạo đi ra phía trước, sau khi điểm tâm, và lại gần một thủy thủ, chìa tay ra như một kẻ hành khất. Tay thủy thủ nhe răng cười và đưa cho gã một miếng bích quy. Gã bo bo nắm chặt lấy, nhìn ngấm như một anh hà tiện ngấm vàng, rồi nhét vào ngực áo. Các tay thủy thủ khác vừa cười vừa cho như vậy.

Các nhà khoa học vốn kín đáo. Họ để mặc gã. Nhưng họ bí mật xem xét giường của gã. Giường được lót bằng bánh quy khô, đệm được nhồi bằng bánh quy khô, mọi xó xỉnh góc ngách đều lén đầy bánh quy khô. Tuy nhiên, gã không loạn trí. Gã lo đề phòng một cơn đói khác có thể xảy ra, có thể thôi. Rồi gã sẽ qua, các nhà khoa học nói thế. Và quả nhiên, gã qua khỏi thật, trước khi cây neo của tàu Bedford gieo ùm xuống vịnh San Francisco.

21) Từ bỏ thế giới vàng

PHẦN I - Chương 1

Chương 1

Jack London (1876-1916)

Jack London sinh ngày 12 – 01 – 1876 ở San Francisco, (California) nước Mỹ. Tên thật là John Troy Chaney, mất ngày 22.11.1916

Quán Tivoli đêm nay thật lặng lẽ. Có khoảng năm, sáu người đang tụ tập tại chiếc quầy rượu chạy dọc một bên căn phòng lớn làm bằng những thân gỗ ghép không được kín lăm. Phía bên kia căn phòng là một dãy bàn cờ bạc. Bàn tài xỉu không có ai cả. Ở bàn faro chỉ có độc một người đang chơi. Ở bàn rulet, con quay chẳng buồn hoạt động bởi vì anh chàng hồ li đứng bên chiếc lò sưởi rực lửa đang mải tán gẫu với một thiếu nữ mắt đen, thân hình và vẻ mặt rất ưa nhìn, được mọi người từ Juneau đến Fort Yukon quen gọi là Mộng Trinh(1). Ở bàn xì phé có được ba người, nhưng họ chỉ chơi cò con vì hình như không có hứng. Trên sàn nhảy ở phía sau căn phòng lớn này chỉ có ba cặp đang nhảy một cách uể oải theo tiếng rền rĩ của chiếc dương cầm và chiếc vĩ cầm.

Thật ra thị trấn Vùng Cực này không phải bị bỏ hoang, mà cư dân ở đây thì cũng chẳng phải nghèo tiền bạc. Những người đào vàng ở Lạch Da Hươu cũng như ở các vùng khác về phía tây đều đã trở về đây. Công việc đãi vàng trong mùa hạ vừa qua rất có kết quả, nên túi của họ đều nặng trĩu vừa vàng cục vừa vàng bụi. Vào thời gian này, người ta chưa biết đến sông Klondike(2), và những người thợ mỏ ở dọc theo sông Yukon(3) chưa biết cách đốt lửa cho đất mềm ra cho dễ đào. Bởi thế, về mùa đông, đám thợ mỏ nghỉ việc, quay về trú đông ở các trại lớn như thị trấn Vùng Cực này cho qua đêm dài Bắc Cực. Thị giờ rồi rồi, túi lại rỗng rinh tiền, nên họ thường đến các quán rượu tìm vui. Ấy thế mà đêm nay, quán Tivoli cứ như bị bỏ hoang.

Đứng bên lò sưởi, Mộng Trinh ngáp dài không thềm đưa tay che miệng, và nói với Charley Bates:

- Nếu cứ cái điệu này mãi thì đến phải đi ngủ mất thôi. Mà có chuyện gì với cái trại này vậy nhỉ? Bộ mọi người chết hết rồi à?

Bates chẳng buồn mở miệng trả lời, cứ lặng lẽ cuốn thuốc. Dan McDonald, chủ quán Tivoli kiêm chủ các sòng bạc ở đây, râu rĩ băng ngang căn phòng trống trải, đến nhập bọn với hai người đang đứng bên lò sưởi. Mộng Trinh quay sang hỏi hấn:

- Bộ có ai chết hay sao vậy?

- Hình như thế.

- Vậy thì có lẽ cả cái trại này chết hết rồi cũng nên. - cô gái nói với vẻ dứt khoát rồi lại ngáp dài.

McDonald nhe răng cười, gật đầu, và mở miệng định nói thì cánh cửa cửa trước bỗng mở tung và một người chột hiện ra trong ánh đèn. Đưa tay lấy cây chổi con móc trong cửa, người mới đến phải tuyết bám trên đôi giày da đánh kiểu thổ dân Bắc Mỹ và trên đôi vớ cao kiểu Đức. Hấn là anh ta trông cũng cao lớn nếu như ngay lúc đó không có anh chàng khổng lồ người Gia Nã Đại gốc Pháp từ phía quầy rượu bước lại nắm chặt lấy anh ta.

- Kia Ánh Sáng Ban Ngày! Lạy chúa, bọn này mong cậu đến mòn con mắt!

- À, Louis, xin chào. Các cậu về lúc nào vậy? - Người mới đến đáp lại.

- Nào, ta đi làm một ly đi, rồi cậu kể cho tớ nghe toàn bộ câu chuyện ở Lạc Khúc Xương nhé. Chà, quý tha ma bắt cậu đi, bắt tay cái nữa nào. Cái anh bạn đi với cậu đâu rồi? Tớ đang tìm hấn đây.

Một người khổng lồ nữa từ phía quầy rượu cũng bước lại đưa tay ra bắt tay người mới đến.

Anh chàng này tên Olaf Henderson, cũng là dân đào vàng chung với French Louis ở Lạc Khúc Xương. Cả hai đều là người to lớn nhất vùng, và mặc dù họ chỉ cao hơn người mới đến khoảng nửa cái đầu thôi, thế mà đứng giữa họ anh ta trong loắt choắt hấn đi.

- Ôi chào Olaf, tớ tìm cậu mãi đấy, hiểu không? - Người được gọi là Ánh Sáng Ban Ngày nói. - Ngày mai là sinh nhật của tớ, và tớ sẽ quật cho cậu ngã ngựa ra đấy, hiểu không? Cả Louis nữa, tớ cũng sẽ quật cho cậu ngã ngựa ra đấy, hiểu không? Cả Louis nữa, tớ cũng sẽ quật cho cậu ngã

ngửa luôn, hiểu không? Nào, bây giờ đi uống với tớ một ly cái đã, rồi tớ sẽ cho các cậu biết.

Người mới đến dường như đem theo cả hơi ẩm tràn ngập căn phòng. Mộng Trinh kêu lên:

- Đúng là Ánh Sáng Ban Ngày rồi!

Nàng là người đầu tiên nhận ra anh ngay khi anh vừa bước vào vùng sáng của căn phòng. Sự xuất hiện của Ánh Sáng Ban Ngày làm cho cả căn phòng hình như bỗng sáng và vui tươi hơn hẳn. Những người phục vụ trong quán tíu tíu hẳn lên. Người ta cất cao giọng hát hơn. Có kẻ còn bật cười nữa. Nhịp luân vũ nhanh hẳn lên, và những cặp đang khiêu vũ, như lấy phải cái nhịp nhịp chung, cũng bắt đầu quay tít như thể họ đang bốc hứng. Đã từ lâu mọi người đều biết rằng hễ ở đâu có Ánh Sáng Ban Ngày là ở đó không thể buồn nản được.

Tại quầy rượu Ánh Sáng Ban Ngày xoay người lại thì thấy Mộng Trinh đứng cạnh lò sưởi đang nhìn anh với vẻ đón chào nồng nhiệt.

- Kia, Mộng Trinh, cô bạn cũ, - anh gọi. - Kia, cả Charley nữa. Chuyện gì thế? Sao mặt mày lại ủ ê như người chết không có đất chôn vậy? Lại đây uống cái gì đi nào. Tất cả lại đây nào, hồi những kẻ chết chưa có đất chôn kia, muốn uống gì thì cứ việc gọi. Nào, mọi người. Đêm nay là đêm của tớ, và tớ sẽ làm chủ nó. Ngày mai tớ đã ba mươi tuổi, thế là già mất rồi. Đây là giây phút cuối cùng của tuổi trẻ. Tất cả đã sẵn sàng cả rồi chứ? Nào, vô nào, vô.

- Khoan đứng lên đã, Davis, - anh quay qua gọi với người chào faro, lúc này đang đẩy ghế ra sau dớm đứng lên. - Tớ muốn chơi với cậu một ván để xem tớ hoặc cậu ai sẽ phải trả tiền rượu cho mọi người ở đây nào.

Móc trong túi áo khoác ra một gói vàng bụi nặng trĩu, anh đặt nó vào số lớn.

- Tớ đặt năm mươi đô-la trị giá bằng vàng bụi đây! - anh nói.

Nhà cái bàn faro chia hai lá. Số lớn ăn. Nhà cái nguyệt ngoạc số tiền thắng vào một mảnh giấy trong lúc người chung tiền cân một đúm vàng bụi tương đương với năm mươi đô là rồi trút nó vào bao của Ánh Sáng Ban Ngày. Lúc này điệu luân vũ đã chấm dứt. Ba cặp nhảy lúc này cùng với anh chàng nhạc công kéo vĩ cầm và anh chàng nhạc công chơi dương cầm theo

nhau bước ra khỏi phòng rượu đúng lúc Ánh Sáng Ban Ngày quay lại và nhìn thấy họ.

- Lại đây uống nào, máy ông bạn, - anh ta kêu lên, - lại đây uống nào, và muốn kêu gì thì kêu. Đêm nay là đêm của tớ, không phải lúc nào cũng có được Lại. đây uống nào, máy ông bạn cố tri, tớ nói thật đấy, vì đêm nay chính là đêm của tớ.

- Một đêm chó đẻ - Charley Bates nói xen vào.

- Đúng đấy, con ạ - Ánh Sáng Ban Ngày vẫn cứ vui như không, - Một đêm chó đẻ, nhưng nó là đêm của ta, bởi vì ta là con sói đực già. Nghe ta tru đây này.

Và anh cất tiếng tru thật to giống hệt như một con sói rừng xám cô độc đến nỗi Mộng Trinh phát run lên vội đưa hai ngón tay nút chặt lấy tai. Ngay lập tức Ánh Sáng Ban Ngày bẻ bỗng nàng lên đưa vào sàn nhảy. Ba cặp nhảy lúc này cũng theo họ vào, rồi tất cả cùng quay cuồng theo điệu vũ xoay tròn âm ỉ, của vùng Virginia. Ánh Sáng Ban Ngày là trung tâm của sự náo nhiệt ấy, là ngọn lửa hừng hực, đến đâu là châm chọc, cười đùa âm ỉ đến đó, nên giúp họ thoát khỏi cái vùng lầy ử ơ đã dìm họ trước khi anh đến.

Rất ít người biết rằng Ánh Sáng Ban Ngày tên thật là Elam Harnish, bởi lẽ ngay từ những ngày đầu tiên đi mở đất, người ta đã gọi anh bằng biệt hiệu đó vì thấy anh có thói quen vừa lôi bạn bè mình ra khỏi chần êm nệm ấm vừa làu bàu là trời đã sáng bết ra rồi. Trong số những người tiên phong tiến vào vùng đất hoang ở vùng Bắc Cực xa xôi này thì anh được liệt vào hạng cổ cự nhất. Mặc dù cũng có những người đã đến vùng đất này sớm hơn anh như Ai May hoặc Jack Mc Question chẳng hạn, nhưng thường thì họ đến đây từ vùng Vịnh Hudson về phía đông băng ngang qua rừng Thạch Sơn. Còn anh đã dám vượt qua vùng đèo Chilcoot và Chilcat. Vào mùa xuân năm 1883, cách đây mười hai năm, dù lúc đó mới chỉ có mười tám tuổi anh đã cùng với năm người bạn của mình vượt qua đèo Chilcoot. Đến mùa thu thì anh trở về, năm người bạn trước kia nay chỉ còn có một. Bốn người kia đã bỏ mạng trong cái bất trắc của vùng đất bất ngát lạnh lẽo chưa được ghi lên bản đồ ấy. Từ đó cho đến suốt mười hai năm sau, Elam

Harnish vẫn tiếp tục mò mẫm tìm vàng trong cảnh tối tăm của vùng Bắc Cực.

Thật chưa có ai mò mẫm tìm vàng một cách kiên trì và buồng bình như anh. Anh đã lớn lên với vùng đất này và chẳng biết đến vùng đất nào khác nữa. Đối với anh, nền văn minh cũng chỉ giống như một giấc mơ đã qua lâu lắm rồi, và những trại Bốn Mươi Dặm hoặc trại thị trấn Vùng Cực thực sự là những đô thị lớn. Không phải anh chỉ lớn lên với vùng đất này mà thôi, mà còn giúp xây dựng nó nữa, dù rằng hiện giờ nó cũng vẫn còn hoang sơ lắm. Anh đã tạo nên lịch sử và địa dư của vùng đất; những kẻ đến sau anh chỉ cần viết về những chuyến đi của anh và vẽ lại những con đường mòn mà chính chân anh đã vạch ra là đủ.

Thường thì anh hùng ít sùng bái anh hùng, vậy mà những con người sinh sống ở vùng đất mới này vẫn xem anh là một anh hùng già dặn, mặc dù anh vẫn còn rất trẻ. Về thời gian, anh đã đến đây trước họ. Về công việc, anh đã làm nhiều hơn họ. Về sức dẻo dai bền bỉ, mọi người đều công nhận là anh có thể giết chết được cả những tay sùng sỏ nhất. Hơn nữa, họ còn coi anh như một kẻ táo gan, ngay thẳng và thuộc giống người da trắng.

Ở bất cứ vùng đất nào mà cuộc đời chỉ là một trò may rủi không đáng bận tâm thì con người thường tự nhiên quay sang cờ bạc để tiêu khiển và nghỉ ngơi. Ở dọc sông Yukon, bọn đàn ông đặt cả cuộc đời họ vào canh bạc ăn vàng. Rồi những ai lấy được vàng từ lòng đất lại đem vàng ra đánh bạc với nhau. Elam Harnish cũng không phải là một ngoại lệ bởi vì anh đáng mặt đàn ông nhất trong bọn đàn ông, và trong người anh, cái bản năng thôi thúc chơi canh bạc của cuộc đời rất mạnh mẽ. Chính môi trường sống của anh đã quyết định hình thức của canh bạc ấy. Anh sinh ra trong một nông trại ở Iowa, sau theo bố di cư đến Đông Oregon và sống suốt qua ng đời niên thiếu ở cái vùng mà người ta kéo tới tìm vàng đó. Bởi vậy, anh đã chẳng học được gì ngoài cách chịu đựng ăn xôi. Trong canh bạc này dĩ nhiên lòng can đảm và sức bền bỉ là cần thiết, nhưng các con bài lại do Thần Số Mệnh chia. Cứ từ tốn mà đánh thì cũng kiếm được chút đỉnh, nhưng chút đỉnh thì lại chẳng bỏ công. Bởi vậy người ta thường đánh lớn. Elam Harnish thích đánh tất cả để có thể thắng được tất cả và một khi đã không thắng được tất cả thì dù có thắng lớn đến đâu chẳng nữa anh cũng vẫn tự coi mình

là người thua cuộc. Trong suốt mười hai năm đào vàng vừa qua trên vùng Sông Yukon, Elam Harnish tự coi mình là người thất bại. Thật ra chỉ mới mùa hè trước đây thôi, ở Lạch Da Hươu anh đã đào được hai mươi ngàn đô-la, chưa kể con số tương đương như vậy vẫn còn nằm trong lòng đất. Nhưng anh như anh đã tuyên bố, đó cũng chỉ như gỡ lại tiền đặt cược trước mà thôi. Anh đã đặt cược cuộc đời mình trong mười hai năm trời, và cái số bốn mươi ngàn đô-la vừa gỡ được đó chẳng đủ để đền bù. Nó chỉ đủ để trả một châu nhậ và nhảy nhót ở quán Tivoli, vi rút chút đỉnh cho qua mùa đông ở trại thị trấn Vùng Cực và mua lương thực dự trữ cho năm tới là sạch bách.

Sau khi điệu vũ xoay tròn chấm dứt, Elam Harnish lại hò hét mời mọi người ra uống rượu. Cứ mỗi ly rượu là một đô-la. Một ounce(4) vàng đổi được mười sáu đô-la. Trong phòng có ba chục người tất cả đều nhận lời mời uống rượu của Elam Harnish, và cứ sau một bản nhạc họ lại được mời uống. Đêm nay là đêm của anh, nên anh không cho phép ai trả tiền cho bất kỳ món gì. Thật ra Elam Harnish không phải là một kẻ ưa rượu. Đối với anh Whisky chẳng có ý nghĩa gì cả. Anh quá mạnh mẽ, quá tràn trề sinh lực; con người anh, trí óc anh hoàn toàn không có tâm sự nặng nề gì để buộc anh phải trở thành con sâu rượu. Anh có thể đi cả năm trời không uống một giọt cà phê rồi đấy. Chỉ có điều là anh thích sống hợp quần, mà ở khu vực sông Yukon cách duy nhất để biểu lộ tính hợp quần của mình là kéo nhau vào quán uống rượu, nên Elam Harnish cũng đành phải làm như vậy. Ngay từ khi anh còn là một thanh niên sống ở các vùng mỏ vàng miền Tây, người ta đã làm như thế, nên bây giờ anh cho đó là cách đúng đắn nhất để thể hiện tính hợp quần của mình. Thật ra ngoài cách đó anh chẳng còn biết cách nào nữa cả.

Dù quần áo cũng chẳng có gì khác với những người chung quanh, trông anh vẫn nổi bật hẳn lên. Chân đi giày da hươu mềm có đinh hạt theo kiểu thổ dân, quần yếm bình thường, áo khoác may bằng vỏ chăn. Anh đeo găng tay da dài hở ngón trong có lót len, và bên hông lưng lửng một đai da quàng qua eo và vài theo kiểu dân miền sông Yukon. Đầu đội nón lông thú, vành nón cuộn lên để hở những dây cột nón lòng thông. Gương mặt xương xương, hơi dài, má hóp làm lưỡng quyền nhô hẳn lên trông giống gương

mặt của thổ dân trong vùng. Người ta lại càng có lên tướng ấy khi nhìn vào làn da cháy nắng và đôi mắt đen láy tinh tường của anh, mặc dù rõ ràng là cái màu da đồng ấy và đôi mắt ấy chỉ người da trắng mới có. Anh trông già hơn tuổi ba mươi. Thế nhưng nếu anh không có những vết nhăn và cạo râu sạch sẽ thì trông anh không có những vết nhăn và cạo râu sạch sẽ thì trông anh lại rất "trẻ con". Bởi vậy, nếu chỉ căn cứ vào nét mặt mà thôi thì khó có thể nói được tại sao trông anh lại già trước tuổi như vậy.

Thực ra cái vẻ già trước tuổi như vậy. Thực ra cái vẻ già trước tuổi ấy toát ra từ toàn bộ con người anh. Từ những điều anh đã phải chu đưng để sinh tồn, và nó vượt quá sức chịu đựng của một con người. Anh đã sống một cuộc đời trần trụi và dã man, và người ta có thể thấy được phần nào cái cuộc đời ấy âm ỉ trong cặp mắt, vang lên trong giọng nói hoặc như thủ thỉ thốt lên từ đôi môi anh.

Mà môi anh thì mỏng, lúc nào cũng mím chặt che khuất hàm răng trắng đều. Tuy nhiên đôi môi trông cũng đỡ khô khốc hơn nhờ ở hai bên mép cong lên làm cho chúng có một vẻ dịu dàng, cũng giống hệt như những nếp nhăn ở hai bên khoé mắt đã làm cho khuôn mặt anh lúc nào trông cũng có vẻ như đang cười cợt. Những nét duyên dáng ấy đã giúp anh thoát được vẻ cay độc, kết quả tất yếu của một đời sống man dã. Mũi anh gầy, cánh mũi nở thanh trông rất hợp với khuôn mặt. Trán anh hẹp nhưng cao và đều đặn. Mái tóc anh cũng giống như tóc thổ dân, bởi vì nó thẳng và đen nhánh, óng ánh cái màu tóc mà chỉ những con người khỏe mạnh mới có được.

- Ánh Sáng Ban Ngày bộ tính đốt sáng cả đêm nay chắc? - McDonald nói rồi cười to giữa những tiếng la ó hò reo của đám người đang nhảy nhót. Olaf Henderson nói thêm:

- Mà nó cũng dám làm như thế đấy, Louis nhỉ?

Nói có chúa, chắc chắn là nó làm như thế đấy - French Louis đáp - Đúng là một cậu con trai làm bằng vàng ròng.

McDonald nói chen vào:

- Rồi khi đến Ngày Đãi Vàng cuối cùng, lúc Đức chúa Trời xúc một xẻng cát bỏ vào trong nôi đãi, hẳn là sẽ thấy có cả nó lẫn ở trong ấy đấy.

- Nói nghe hay lắm - Olaf Henderson vừa lẩm bầm vừa nhìn tay chủ sòng bài một cách thần phục...

- Ủ, hay thật - French Louis cũng khẳng định - cũng xứng đáng để chúng ta uống mừng một ly, phải không.

Chú thích:

- (1) *Biệt hiệu tiếng Anh của nhân vật nữ này là Virgin. Từ Virgin có nghĩa tiếng Việt là Gái đồng trinh. Chúng tôi xin được Việt hoá biệt hiệu của nhân vật nữ này và tạm dịch là Mộng Trinh*
- (2) *Klondike: con sông dài 90 dặm ở Canada, ở trung tâm Hạt Yukon, chảy về phía Tây đổ vào sông Yukon*
- (3) *Yukon: con sông dài 1979 dặm ở Hạt Yukon và Alaska, chảy về phía Tây Bắc và phía Tây Nam đổ vào biển Bering.*
- (4) *ounce: đơn vị đo lường Anh, bằng 0,28g*

Chương 2

Đến hai giờ sáng thì đám người khiêu vũ bắt đầu thấy đói nên đành tạm hoãn cuộc vui lại trong vòng nửa giờ. Đúng lúc ấy Jack Kearns đề nghị chơi một ván xì phé. Jack Kearns là một người to lớn, trông thô kệch nhưng chất phác, trước đã cùng với Bettles lập một trạm đãi vàng ở vùng thượng nguồn Sông Koyokuk(1) nằm tuốt phía trong vùng cực Bắc, nhưng thất bại. Sau đó anh ta lại trở về các trạm đãi vàng cũ của mình ở các trại Bốn Mươi Dặm và Sáu Mươi Dặm, rồi đổi hướng làm ăn bằng cách gửi tiền sang Hiệp Chúng Quốc đặt mua một trại cửa nhỏ và một tàu chạy bằng hơi nước...

Khi Jack Kearns đề nghị chơi xì phé, French Louis, Dan McDonald và Hai Campbell (người đã dò được mạch vàng ở Lạch Da hươu) hưởng ứng ngay lập tức. Lúc họ đang tìm người thứ năm cho đủ chân thì Ánh Sáng Ban Ngày vừa từ sàn nhảy bước ra, trên tay còn bế bổng Mộng Trinh, theo sau là những người lúc nãy đã tham dự vào cuộc khiêu vũ. Để đáp lại lời mời của những tay chơi xì phé, anh bước lại bàn của họ. Campbell nói:

- Bọn này muốn cậu chơi một chân, để xem đen đỏ thế nào?

- Chắc chắn là đỏ thôi - Ánh Sáng Ban Ngày đáp lại một cách hào hứng, cùng lúc ấy anh nhận thấy Mộng Trinh kéo tay mình ra chiều cảnh giác. Nàng muốn anh đi nhảy hơn - Vận tở chắc chắn là đỏ thôi nhưng tở thích nhảy hơn. Tở chẳng muốn ăn tiền của các cậu làm gì.

Chẳng có ai mời thêm tiếng nào nữa, bởi vì họ cho rằng có nói cũng vô ích mà thôi. Thế nhưng khi Mộng Trinh kéo tay anh đi theo đám người

đang kiếm cái gì đó để bỏ bụng thì anh đột nhiên đổi ý. Không phải là anh không muốn nhảy, mà cũng không phải là anh muốn làm Mộng Trinh phật lòng. Chỉ vì cái vẻ chèo kéo như ra lệnh của nàng đã làm con người ưa tự do trong anh trỗi dậy, bởi vì chẳng bao giờ anh muốn phải làm theo bất kỳ một người phụ nữ nào. Phụ nữ rất thích anh, nhưng anh lại chẳng coi họ ra gì cả, bởi vì họ cũng chỉ như những món đồ chơi giúp anh khuây khoả phần nào sau canh bạc lớn hơn của cuộc đời. Anh đến với phụ nữ cũng giống như đến với rượu *Whisky* và cờ bạc, và anh còn nghiệm thấy rằng từ bỏ rượu chè cờ bạc còn dễ hơn từ bỏ phụ nữ rất nhiều, nhất là khi đã thực sự vương mắc vào họ.

Là người có cái tôi lạnh mạnh, anh sẵn sàng tự nô lệ cho bản thân mình, nhưng anh sẽ phản ứng một cách hoặc hoảng loạn hoặc nguy hiểm nếu bị buộc phải làm nô lệ cho bất kỳ một ai. Anh chẳng hiểu được thế nào là cái dịu ngọt của sự nô lệ cho ái tình, bởi vì đối với anh thì những kẻ yêu nhau chỉ là những kẻ điên. Song, tình bạn giữa đàn ông với nhau thì rất khác với ái tình, bởi đó không phải là một sự nô lệ mà là một kế hoạch làm ăn, một sự giao dịch bình đẳng giữa những con người chung lưng đấu cật chia sẻ những hiểm nguy trên cạn dưới nguồn với mục đích là cốt tìm đường sống và cốt làm giàu. Đàn ông và đàn bà lúc nào cũng đeo đuổi nhau, và hoặc người này hoặc người kia phải buộc người còn lại làm theo ý mình. Tình bạn thì khác hẳn, bởi vì chẳng có ai phải nô lệ ai cả. Là một người có sức khỏe phi thường nên anh thường cho nhiều hơn là nhận, mà khi đã cho thì không phải chỉ cho đi cái phần mình phải cho mà thường cho với một sự hào phóng vương giả. Đôi tay anh sẵn sàng hết sức giúp đỡ người khác một cách không tính toán. Đối với anh, việc mang vác nặng nhọc đi hàng mấy ngày liền qua những đường đèo lộng gió hoặc qua những cánh đầm lầy đầy muỗi vắt, hoặc phải mang nặng gấp đôi những người bạn đồng hành hoàn toàn không có gì là bất công hoặc do bị bắt buộc cả. Mỗi người phải làm ăn với nhau. Đương nhiên là có một số người khỏe mạnh hơn những người khác, nhưng nếu ai cũng cố làm hết sức mình thì coi như đã bình đẳng rồi, tinh thần của việc làm ăn chung coi như đã được tôn trọng, và việc cho hay nhận như vậy là đã ổn thỏa.

Nhưng đối với phụ nữ thì không. Phụ nữ cho đi rất ít mà lại muốn vơ về tất cả. Phụ nữ có sẵn những sợi dây tạp đề nên sẵn sàng cột tay bất kỳ người đàn ông nào đưa mắt liếc nhìn họ đến lần thứ hai. Như Mộng Trinh chẳng hạn, lúc anh mới bước vào thì nàng còn đứng ngáp đến sái quai hàm và rất bằng lòng được anh mời nhảy. Nếu chỉ nhảy một lần thì chả sao cả. Đàng này anh lại nhảy đến lần thứ hai, rồi lần thứ ba, rồi thêm nhiều lần nữa với nàng, thế là nàng tự cho mình cái quyền nắm tay anh lôi đi khi đám đàn ông mời anh tham gia vào bàn xì phé. Đó chính là cái sợi dây tạp đề đáng ghét, báo hiệu cho nhiều sự trói buộc khác mà nàng sẽ bắt anh phải chịu đựng nếu anh không chống ngay lại. Chẳng phải là nàng không đẹp.

Nàng vốn khỏe mạnh, cân đối và ưa nhìn, mà nhảy lại giỏi nữa. Thế nhưng nàng vẫn là một người đàn bà có tất cả những ham muốn rất đàn bà là được dùng sợi dây tạp đề của mình mà trói tay trói chân anh lại để làm của riêng. Vì thế cho nên đi chơi xì phé là hay hơn cả. Và lại anh vốn cũng thích chơi xì phé như là thích nhảy vậy.

Anh quay về phía mấy người đàn ông và nói:

- Tớ lại muốn chơi với các cậu một ván đây.

Mộng Trinh lại giật tay anh. Nàng lại cố trông sợi dây tạp đề quanh người anh. Trong khoảnh khắc ấy anh chợt biến thành một con người man dã bị chế ngự bởi một làn sóng sợ hãi có thể thôi thúc anh đi đến chỗ giết người. Trong khoảng thời gian thật ngắn ngủi đó, anh giống hệt như một con hổ sợ bị sục bẫy, trong lòng vừa kinh hoảng vừa giận dữ. Nếu anh chỉ là một kẻ man dã không hơn không kém thì ắt hẳn anh đã hốt hoảng nhảy thoát khỏi chỗ đang đứng hoặc lao vào xé xác nàng rồi. Thế nhưng cũng ngay trong giây phút ấy trong anh đã trỗi dậy cái tinh thần kỷ luật di truyền từ bao đời nay bắt buộc con người phải làm một động vật xã hội bất đắc dĩ. Sự khéo léo và tính cảm thông đang đấu tranh với chính con người anh. Cuối cùng, anh nhìn thẳng vào mắt Mộng Trinh, cười và nói:

Đi kiếm cái gì mà ăn đi, cưng. Anh không thấy đói. Rồi mình sẽ còn nhảy với nhau dài dài. Đêm còn dài quá mà. Thôi, đi đi, cưng.

Anh gỡ khỏi tay nàng, rồi quăng nàng lên vai một cách đùa giỡn. Cùng lúc đó, anh quay lại nói với những tay chơi bài xì phé:

- Chơi "bút gân" thì tớ mới chơi.

- Thì cứ tùy khả năng, - Jack Kearns đáp lại.
- Phải cháy túi mới thôi cơ.

Mấy tay chơi đưa mắt liếc nhau. Cuối cùng, Kearns tuyên bố:

- Thì cháy túi mới thôi cũng được Elam Harnish ngồi phục xuống chiếc ghế đã đợi sẵn. Anh định móc túi vàng ra nhưng lại đổi ý.

Mộng Trinh đứng bấu môi một lúc rồi cũng theo những người bạn nhảy đi kiếm đồ ăn. Nàng nói với qua bờ vai:

- Ánh Sáng Ban Ngày, em sẽ mang cho anh một cái bánh sandwich nhé.

Ánh Sáng Ban Ngày gật đầu. Nàng đã mỉm cười tha thứ rồi. Thế là anh đã thoát khỏi sợi dây tạp dề mà không làm cho nàng phật lòng nhiều.

- Ta dùng thẻ thay tiền mà chơi, - Ánh Sáng Ban Ngày đề nghị.- Tiền chỉ tổ làm chật bàn. Quý vị đồng ý cả chứ?

- Tớ đồng ý, - Hai Campbell trả lời - Cứ mỗi thẻ của tớ là năm trăm đô-la.

- Thẻ của tớ cũng vậy - Ánh Sáng Ban Ngày nói.

Những tay chơi khác cũng định giá thẻ của họ. French Louis khiêm tốn nhất, chỉ định mỗi thẻ của mình là một trăm đô-la.

Hồi ấy, ở Alaska không có những tay cờ bạc đều cáng hoặc ba xạo. Hễ đã chơi là chơi cho ngay thẳng, và người ta tin tưởng lẫn nhau. Cũng vào những buổi đầu ở vùng Sông Yukon ấy, không ai nghĩ đến chuyện đánh bạc phải chung bằng tiền mặt cả. Ai cũng có thể chơi miễn là anh ta có sở hữu, không cần biết vật sở hữu ấy là gì và nó đang nằm ở tận đâu đâu. Sau khi kênh bài. Harnish được quyền chia. Rõ ràng đây là một dấu hiệu may mắn nên trong khi anh xào bài anh gọi người phục vụ ở quầy rót cho mọi người có mặt trong quán mỗi người một ly rượu. Rồi trong lúc chia lá bài đầu tiên cho Dan McDonald, người ngồi bên trái anh, anh hét toáng lên:

- Nào, chuẩn bị đi, mấy chú cậu. Chuẩn bị và chú ý nào. Kéo căng dây cột vào nào. Vận toàn lực vào dây đai cương cho đến lúc tám chân ngực phải bật tung ra nào. A-lê. Dzot! Ta lên đường đi đến thị trấn của nàng Helen Breakfast nào! Nói cho mấy chú cậu hay, muốn đến chỗ cô em đó ta phải leo nhiều con dốc và phải phóng nước đại suốt mấy đêm đấy. Nhất định thế nào cũng có đứa vấp ngã đánh... sầm!

Ấy vậy mà lúc đã bắt đầu chơi thì đám bạc lại rất lặng lẽ. Chẳng ai nói chuyện với ai hoặc nói rất ít dù ở chung quanh mọi người vẫn cười đùa ầm ĩ. Chính Elam Harnish đã nhóm lên cái ngọn lửa ầm ĩ đó. Những thay thợ mỏ tràn vào quán Tivoli và ở lại đó ngày càng nhiều. Chẳng ai muốn nhờ một cuộc vui có Ánh Sáng Ban Ngày cả. Sàn nhảy đầy đặc người. Vì thiếu đào nên nhiều tay đàn ông phải buộc khăn có thêu hình giả làm đào để nhảy với những người đàn ông khác. Các bàn cờ bạc cũng đầy người. Tiếng người nói ở quầy rượu hoặc ở lò sưởi xen lẫn với tiếng lắc cắc của tiền và tiếng vù vù lên xuống của bánh xe rulet. Tất cả những chất liệu của một đêm đặc thù ở vùng sông Yukon đều tìm thấy tại đây và đang quện lẫn vào nhau. Ở bàn xì phé cái hên thay đổi một cách đơn điệu. Chưa thấy có bài ai lớn cả. Cứ thế họ sát phạt nhau theo kiểu cò con, mà mỗi ván như vậy cũng không kéo quá lâu. Có lần tay bài của French Louis có "suốt" nên lớn hơn hai tay bài "hai đôi" của Campbell và Kearns thành thử ăn được năm ngàn đô-la. Ở một ván khác, có người cầm "một đôi" mà vẫn ăn được tám trăm đô-la. Một lần Harnish ăn được Kearns hai ngàn đô-la nhờ dám hùn mạnh. Khi Kearns lật bài ra trình làng thì tay bài của hắn là "suốt còn tay bài của Harnish thì chỉ có "đôi mười" mà thôi, nhưng anh vẫn thắng vì dám táo gan hùn mạnh.

Nhưng đến ba giờ sáng thì bài lớn bắt đầu xuất hiện. Đó chính là giây phút mà người ta phải chờ đợi hàng tuần mới được thấy trong loại bài xì phé. Khắp quán Tivoli người ta kháo nhau về giây phút ấy. Những tay châu rìa im bật. Những người ở đằng xa cũng ngưng nói chuyện và bước lại bên bàn bài. Người ta bỏ hết các trò chơi khác, ngay cả sàn nhảy cũng vắng lặng. Có tất cả khoảng hơn trăm người đứng chen nhau im lặng quanh bàn xì phé. Ngay trước lúc rút thêm bài thì tiền đặt đã cao rồi, và nó tiếp tục cao mãi mà vẫn chưa thấy ai đòi rút thêm bài cả. Ván này do Kearns chia. French Louis là người "mở hàng" đầu tiên với giá một trăm đô-la Campbell chỉ "xin theo". Nhưng đến lượt Elam Harnish thì anh không những quảng vào năm trăm đô-la mà còn quay lại nói với McDonald là sở dĩ tố ít như thế để cho hắn dễ bề theo.

McDonald liếc nhìn những quân bài của mình rồi tố một ngàn đô-la bằng thẻ thay tiền. Kearns nhìn bài mình tính toán một lúc rồi cũng "xin

theo". Lúc này nếu French Louis muốn được tiếp tục chơi thì phải bỏ ra thêm chín trăm đô-la nữa. Sau một hồi tính toán, hắn cũng "xin theo". Campbell cũng phải ra thêm chín trăm đô-la nữa cho đủ số một ngàn mới được đánh tiếp và rút bài. Mọi người giật thót cả mình khi thấy không những hắn chỉ ra thêm chín trăm đô-la mà còn tố thêm một ngàn đô-la nữa.

- Vậy là ta bắt đầu leo dốc ngược rồi đấy - Harnish vừa buông lời nhận xét vừa bỏ thêm một ngàn năm trăm đô-la cho đủ, trước khi nâng mức tố lên thêm một ngàn đô-la nữa - Cô em Helen Breakfast nhất định nằm trên đỉnh dốc này đây. Các cậu phải khéo, kéo đứt cương hết đấy.

- Tớ cũng muốn tới chỗ cô em đấy, - McDonald vừa nói vừa góp thêm hai ngàn đô-la bằng thẻ thay tiền rồi lại nâng mức tố lên thêm một ngàn nữa.

Chính vào lúc này, các tay chơi bắt đầu ngồi thẳng dậy và hiểu rằng thế là bài lớn chắc chắn đã xuất hiện. Mặc dù họ không để lộ điều gì qua vẻ mặt, song mỗi người đều bắt đầu căng thẳng. Ai cũng cố làm mặt tỉnh, và cách tỉnh của mỗi người mỗi khác. Hai Campbell cố giữ vẻ thận trọng thường ngày. French Louis không giấu được vẻ chú ý McDonald vẫn giữ thái độ rất mực độ lượng, tuy cũng hơi được cường điệu lên đôi chút. Kearns vẫn lạnh lùng giữ vẻ thản nhiên. Còn Elam Harnish thì vẫn châm chọc, đùa cợt như thường.

Số tiền đã lên đến mười một ngàn đô-la, và những tám thẻ thay tiền được chất đống lộn xộn ngay chính giữa bàn.

- Tớ không chơi thẻ thay tiền nữa đâu - Kearns nói với vẻ rầu rầu - Chơi theo lối ghi giấy nợ đi.

- Rất mừng là cậu không tố thêm nữa - McDonald tiếp lời một cách vui vẻ...

- Chưa đâu. Tớ đã bỏ vào một ngàn đô-la rồi. Số tiền tố lên đến bao nhiêu rồi nhỉ?

- Cứ bỏ vào ba ngàn đô-la nữa thì được tiếp tục. Còn nếu muốn tố thêm thì tùy.

- Tố thêm, mẹ kiếp. Cậu phải nhớ là bài của tớ cũng lớn như bài của cậu vậy - Kearns nhìn vào bài của hắn - Để tớ nói cho cậu hay là tớ sẽ làm gì, Mác ạ. Tớ có linh cảm, vì vậy tớ xin theo các cậu ba ngàn đô-la nữa.

Kearns viết số tiền lên một mảnh giấy, ký tên, rồi ném ra giữa bài...

Tất cả những con mắt bây giờ đều đổ vào French Louis. Hắn mân mê mấy lá bài một cách lo lắng trong một lúc, rồi sau khi thốt lên câu nói:

- Lạy Chúa, tớ lại chẳng có một tí linh cảm nào cả, - hắn quăng mấy lá bài của mình vào đồng bài vút đi một cách tiếc nuối.

Ngay sau đó hơn một trăm cặp mắt chuyển qua Campbell. Campbell nói:

- Tớ không nở chẹt chết cậu đâu, Jack ạ, - và ra vẻ rất hài lòng sau khi đã bỏ thêm hai ngàn đô-la theo quy định.

Những cặp mắt lại chuyển qua Harnish, lúc này anh đang nguệch ngoạc viết lên một mảnh giấy rồi quăng nó ra phía trước.

- Tớ báo cho các cậu biết đây không phải là chỗ thương hại nhau một cách dấm dớ. Tớ xin theo cậu Jack ạ, và tớ thêm một ngàn đô-la nữa. Đây mới đúng là lúc biết bài ai lớn hay không lớn, phải không Mác?

- Các cậu cứ việc tiếp tục, chỉ có lợi cho tớ mà thôi, - Mác đáp - Tớ xin tớ thêm một ngàn đô-la nữa đó. Sao, Jack, cậu vẫn còn cái linh cảm ấy chứ?

- Còn chứ, - Kearns mân mê mấy lá bài một lúc lâu rồi nói tiếp - Tớ lẽ chơi đến cùng, nhưng tớ cần báo cáo các cậu biết khả năng tớ đến đâu. Tớ có một chiếc tàu chạy bằng hơi nước tên là Bella. Nó cũng trị giá đến hai mươi ngàn đô-la, nếu như nó có chút giá trị gì. Rồi còn năm ngàn đô-la hàng hoá đang được cất ở trại Sáu Mươi Dặm. Thêm nữa, hắn là các cậu cũng biết tớ đã đặt mua một trại cưa, lúc này nó đã được vận chuyển đến bến Linderman rồi. Còn một chiếc tàu chở cát nữa đang được đóng. Sao, tớ đủ sức chơi với các cậu chứ?

- Tớ luôn đi. Cậu thì đủ sức rồi - Ánh Sáng Ban Ngày đáp lời - Mà nhân tiện đang nói đến chuyện này, tớ cũng xin báo qua với các cậu là tớ có được hai mươi ngàn đô-la gửi trong tủ sắt của Mác và hai mươi ngàn đô-la khác còn nằm trong lòng đất Lạch Da Hươu nữa đấy. Campbell, cậu biết vùng đất đó mà có hai mươi ngàn đô-la ở đó, phải không?

- Đúng vậy.

Kearns hỏi ngang:

- Số tiền tớ lên đến bao nhiêu rồi?

- Cậu bỏ ra hai ngàn đô-la nữa thì được tiếp tục. Tớ sẽ chẹt chết cậu nếu cậu dám theo - Ánh Sáng Ban Ngày hăm dọa.

- Cũng may là linh cảm của tớ lại rất tốt - Kearns đáp lại, đồng thời thêm vào đồng tiền đang lớn dần một mảnh giấy ghi hai ngàn đô-la.

- Tớ cảm thấy nó đang bò ngược xuôi trên lưng tớ đây này.

- Tớ thì chẳng có linh cảm gì ráo, nhưng được cái là bài của tớ cũng khá, - Campbell tuyên bố rồi bỏ thêm tiền lên bàn - Tuy vậy, tớ không muốn tớ thêm nữa.

- Tớ thì khác, - Ánh Sáng Ban Ngày nói để viết - Tớ xin gộp một ngàn cho đủ số và tớ thêm một ngàn nữa.

Mộng Trinh đang đứng sau lưng anh đột nhiên làm một chuyện mà ngay cả người bạn thân nhất cũng không được phép làm. Rướn người qua vai Ánh Sáng Ban Ngày, nàng đưa tay giở năm lá bài của anh lên để xem, cố tình dí chúng sát vào ngực anh để không ai nhìn thấy. Năm quân bài mà nàng trông thấy gồm có ba con đầm và một đôi tám, nhưng không ai đoán được nàng đã thấy gì. Trong khi nàng đang nhìn, mấy lá bài thì tất cả những tay chơi khác đều dán mắt vào mặt nàng. Nhưng nàng không để lộ một dấu hiệu nào. Vẻ mặt nàng hệt như được chạm từ một tảng băng, bởi lẽ nét mặt nàng không mấy may thay đổi trước, trong, cũng như sau khi xem bài. Không một thớ thịt nào trên mặt nàng chuyển động. Cánh mũi cũng tuyệt nhiên không phập phồng, dù chỉ là một chút. Mắt nàng cũng không loé sáng thêm chút nào cả. Khi nàng đặt trả những lá bài lên bàn thì những cặp mắt còn chần chừ cũng thôi không nhìn nàng nữa, bởi vì cũng không thể biết gì thêm.

McDonald mỉm cười độ lượng:

- Tớ bắt cậu đấy Ánh Sáng Ban Ngày ạ, và tớ xin chẹt thêm hai ngàn nữa. Sao, cái linh cảm vẫn còn đấy chứ Jack?

- Nó đang bò đây này, Mac ạ. Cậu chơi như vậy là chẹt được tớ rồi đấy. Nhưng chết nỗi cái linh cảm của tớ lạ lắm cơ. Nó cứ như một sinh vật đã thuyết phục được tớ, và thế là tớ phải theo nó vậy. Tớ xin theo ngàn đô-la nữa, và tớ có một linh cảm khác là Ánh Sáng Ban Ngày cũng sẽ theo.

- Chắc chắn rồi, - Ánh Sáng Ban Ngày công nhận sau khi Campbell đã bỏ cuộc - Tớ biết khi nào thì phải chơi hết mình và chơi liều. Tớ xin ra thêm

hai ngàn đô-la cho đủ số và xin rút thêm bài.

Trong căn phòng im lặng như tờ chỉ còn nghe được tiếng rì rào của ba tay chơi, cuộc rút thêm bài bắt đầu. Lúc này số tiền đã lên đến ba mươi bốn ngàn đô-la mà vẫn chưa được nửa ván bài. Mộng Trinh phát hoảng khi thấy Ánh Sáng Ban Ngày chỉ giữ lại ba con đấm, còn hai con tám thì anh bỏ đi để xin rút hai lá bài khác. Lần này thì ngay cả Mộng Trinh cũng không dám lật mấy lá bài anh vừa rút để xem nữa, bởi vì nàng biết giới hạn sự tự của mình. Ánh Sáng Ban Ngày cũng không nhìn đến hai lá bài mới này. Chúng cứ thế nằm úp mặt trên bàn ngay chỗ người ta đã chia chúng cho anh.

Kearns quay sang hỏi McDonald.

- Rút thêm không?

- Đủ rồi, - Mac trả lời.

Kearns vẫn cảnh giác Mac.

- Nếu cậu muốn thì cứ rút thêm.

- Khỏi. Vậy cũng đủ rồi.

Kearns rút thêm hai lá nhưng cũng không xem chúng.

Harnish vẫn để nguyên mấy lá bài trên bàn.

Anh bảo McDonald.

- Tớ chả đại gì tớ thêm khi biết bài cậu lớn, - anh từ từ ngược mắt nhìn tay chủ quán - Cậu đi tiếp xem nào, Mac.

McDonald cẩn thận đếm lại bài của mình để biết cho thật chắc là nó không tòi, rồi viết một số tiền lên một mảnh giấy và tuồn nó vào đồng thẻ thay tiền và giấy ghi nợ trên bàn. Hắn chỉ nói vồn vện:

- Năm ngàn đô-la.

Kearns, lúc này mọi người đang nhìn chăm chăm vào hắn, liếc vào hai quân bài mới rút, đếm lại ba lá cũ để chắc chắn là mình chỉ cầm đúng năm lá, rồi cũng viết vào một mảnh giấy.

- Tớ theo cậu đây, Mac, và tớ thêm một ngàn nữa để Ánh Sáng Ban Ngày khỏi bị loại ra ngoài vòng chiến.

Tia mắt chú ý của mọi người lại chuyển qua Ánh Sáng Ban Ngày. Anh cũng xem hai lá bài mới rút và đếm lại xem tất cả có đủ năm lá hay không.

- Tớ theo sáu ngàn nữa cho đủ, và tớ thêm năm ngàn nữa để loại cậu ra khỏi vòng chiến đây, Jack ạ.

- Tớ cũng xin tớ thêm năm ngàn nữa để góp phần loại Jack ra ngoài - McDonald tiếp lời, giọng khàn đi vì căng thẳng và mép khê giật giật vì run.

Mặt Kearns tái hắc, và mọi người đều thấy tay hắc run run khi viết vào mảnh giấy. Nhưng giọng hắc vẫn không thay đổi:

- Đã vậy thì tớ xin tớ thêm năm ngàn nữa.

Lúc này Ánh Sáng Ban Ngày trở thành trung tâm của sự chú ý. Những giọt mồ hôi đọng trên trán anh lóng lánh ánh sáng từ chiếc đèn dầu trên trần cao. Máu dồn lên mặt anh làm khoảng da màu đồng ở vùng má đậm thêm. Mắt anh long lanh. Hai cánh mũi nở phồng đầy ham muốn.

Khác với McDonald, giọng anh vẫn chắc nịch như lúc bình thường. Cũng khác với Kearns, tay anh không một chút run rẩy khi viết. Anh nói:

- Tớ xin theo mười ngàn đô-la nữa. Chẳng phải tớ sợ cậu đâu, Mac ạ, mà chỉ vì ngán cái linh cảm của thằng Jack đây thôi.

- Vậy thì tớ xin chết chết cái linh cảm của nó bằng năm ngàn đô-la nữa vậy - McDonald nói - Trước khi rút thêm, bài tớ khá nhất. Bây giờ tớ đoán là bài tớ vẫn còn khá nhất đây.

- Có lẽ đây là ván bài mà sự linh cảm sau khi rút thêm lại càng chính xác hơn sự linh cảm trước khi rút, - Kearns đáp - Nó bảo tớ rằng: "Jack, mày phải tớ thêm vào, tớ mạnh nữa vào!" vì thế cho nên tớ xin tớ thêm năm ngàn nữa.

Ánh Sáng Ban Ngày ngửa người ra sau, ngược nhìn ngọn đèn dầu trên đầu và tính toán để mọi người đều nghe:.

- Trước khi rút thêm bài, tớ đã bỏ ra chín ngàn đô-la. Sau đó tớ theo và tớ thêm hai mươi một ngàn nữa. Vị chi là ba mươi ngàn. Vậy là tớ chỉ còn mười ngàn, - anh vươn người về phía trước và nhìn vào Kearns - Bởi vậy tớ chỉ xin theo mười ngàn nữa thôi.

- Cậu muốn tớ thêm cũng được, - Kearns trả lời - Trong ván này, mấy con cầu của cậu cũng đáng giá năm ngàn đấy.

- Chẳng bao giờ tớ đụng đến mấy con cầu cả. Các cậu muốn ăn hết vàng trong két lẫn vàng dưới đất của tớ thì tùy, nhưng đừng hòng đụng đến được một chú cầu. Tớ theo ngàn ấy thôi.

McDonald suy nghĩ một hồi lâu, Không ai cựa quậy hoặc xì xầm. Mặt những người đứng xem đều căng thẳng. Đó là lúc im lặng thiêng liêng. Chỉ

còn nghe được tiếng gió chạy ù ù trong chiếc lò sưởi khổng lồ và tiếng cho tru mơ hồ vọng vào qua những lớp vách gỗ. Không phải đêm nào người ta cũng đánh lớn như vậy ở vùng sông Yukon. Mà đây lại là lần đánh lớn nhất trong lịch sử của vùng đất này. Cuối cùng, gã chủ quán mở miệng nói:

- Nếu ai đó thắng thì cũng phải nhận cái quán Tivoli này thế cho tiền mất thôi.

Cả hai tay chơi còn lại gật đầu:

- Tớ cũng chỉ theo được ngân này nữa thôi - McDonald bỏ thêm vào nhột mảnh giấy ghi năm ngàn đô-la.

Như vậy là không ai tố thêm để loại địch thủ. Mà cũng chẳng có ai tuyên bố về nước bài của họ. Cùng một lúc và thật yên lặng, họ lật ngửa các quân bài của mình trên bàn. Những kẻ châu rìa vội nhón gót, vươn dài cổ ra nhìn. Bài của Ánh Sáng Ban Ngày có bốn con đầm và một con ách, McDonald được bốn con bồi và một con ách; Kearns có bốn con già và một con ba. Kearns vươn tới trước vòng tay kéo toàn bộ số thẻ thay tiền và giấy ghi nợ về phía mình. Toàn thân hắn run lẩy bẩy.

Ánh Sáng Ban Ngày nhặt con ách của mình rồi ném nó đến cạnh con ách của McDonald, nói:

- Chính nó làm cho tớ vững tin đấy. Tớ biết chỉ có mấy con già mới thắng nổi tớ thôi. Thế mà hắn lại có thật - Quay qua Campbell, anh hỏi với về quan tâm, - Cậu có những quân gì vậy?

- Bốn quân cùng nước, hai đầu mở. Nếu chịu rút thêm thì cũng có thể khá.

- Hắn thế! Cậu có thể rút thêm cho được đi năm quân cơ liền, năm quân chuồn liền, hoặc năm quân rô liền.

- Mình cũng nghĩ vậy, - Campbell nói một cách buồn bã - Thế là đi đứt sáu ngàn đô-la.

- Tớ ước gì lúc đó tất cả các cậu đều rút thêm bài, - Ánh Sáng Ban Ngày vừa cười vừa nói - Được vậy thì tớ đã không vớ phải cái con đầm thứ tư ấy.

Giờ thì chỉ có nước nhận đưa thư cho lão Billy Rawlins bằng xe trượt có chó kéo qua mấy vùng băng giá đến Dyea để kiếm ăn thôi. Tổng số tiền là bao nhiêu vậy Jack?

Kearns cố đếm, nhưng bị kích động quá thành thử không đếm được. Ánh Sáng Ban Ngày kéo toàn bộ số tiền về phía mình, và với những ngón tay chắc nịch, chia sẻ tay tiền ra khỏi giấy ghi nợ rồi cộng tất cả lại một cách chính xác.

- Tất cả được một trăm hai mươi bảy ngàn đô-la, - anh tuyên bố. Bây giờ cậu có thể đổi tất cả thành tiền mặt rồi về nhà nghỉ cho khỏe.

Kẻ thắng cuộc mỉm cười và gật gù, nhưng hình như hẳn không nói được nên lời.

- Bây giờ tớ xin gọi rượu cho mọi người, - McDonald nói - Chỉ có điều là từ nay cái quán này không thuộc về tớ nữa.

- Có chứ, - Kearns đáp, đưa lưỡi liếm môi, - Mình cầm số giấy ghi nợ này rồi chừng nào cậu trả cũng được. Có điều rượu phải để cho mình đi.

- Nào, quý vị, ai uống gì cứ gọi. Người thắng bao hết! - Ánh Sáng Ban Ngày hét lớn lên với mọi người chung quanh. Cùng lúc đó anh đứng dậy nắm lấy tay Mộng Trinh - Mấy ông bạn nhảy, ta đi làm một bản đi. Đêm còn dài chán, mà sáng sớm mai tớ đã phải đi chuyển thư rồi. Rawlins này, tớ nhận làm hợp đồng với cậu đấy, và ngày mai lúc chín giờ tớ sẽ lên đường đi Salt Water; phải không? Ta đi nào, các cậu. Ủa, anh chàng nhạc công kéo violin đâu rồi?

Chú thích:

(1) *Koyokuk (hoặc Kyoukuk) con sông dài 425 dặm, ở phía Bắc trung tâm Alaska, chảy từ rừng Brooks, phía Tây Bắc đổ vào sông Yukon*

Chương 3

Thật đúng là một đêm của Ánh Sáng Ban Ngày. Anh là trung tâm và là kẻ khơi mào cuộc vui làm nó lây lan từ người này sang người khác mà không tài nào dập tắt được. Anh tự hoá thân mình thành nhiều người, do đó sự huyền ảo cũng được nhân lên gấp bội. Không có trò nào anh bày ra là quá bạo và mọi người đều tham gia vào trò chơi đó, trừ những kẻ dở người ngã gục giữa chừng nhưng miệng vẫn hát lảm nhảm bằng một giọng run rẩy.

Ánh Sáng Ban Ngày hình như không biết mệt. Trong lúc chờ nhảy bản kế tiếp, anh chung cho Kearns hai mươi ngàn đô-la bằng vàng bụi và giao cho hẳn giấy tờ chủ quyền của anh về Lạch Da Hươu. Anh cũng thu xếp

luôn việc nhận chuyển thư cho Billy Rawlins và chuẩn bị hành lý để mai đi sớm. Anh còn phái người đi đánh thức Kama, tay điều khiển chó, một thổ dân thuộc bộ lạc Tananaw nhưng từ lâu đã từ bỏ bộ lạc của mình để phục vụ cho những kẻ da trắng xâm lăng. Kama bước vào quán Tivoli, dáng cao gầy, gân guốc, mặc áo lông thú, trông rõ là tay chèo nhất trong cái chủng tộc của hắn. Hắn bước vào quán Tivoli giữa đám người đang chơi bởi huyền não để nhận lệnh của Ánh Sáng Ban Ngày mà không mảy may lúng túng hay sợ sệt.

- Ủ - Kama vừa nói vừa đưa ngón tay ra đếm những chỉ thị mà hắn nhận được - Nhận thư của Rawlins này. Chặt thư lên xe kéo này. Lấy thực phẩm dự trữ đủ dùng cho đến Selkirk này. Ủ, này ông, ở trạm Selkirk có kiếm được thực phẩm cho chó không?

- Nhiều lắm, Kama ạ.

- Ủ. Mang xe trượt đến đây lúc chín giờ này. Mang cả giày đi tuyết này. Không cần mang lều này. Chắc phải mang theo bật chứ?

- Không cần, - Ánh Sáng Ban Ngày trả lời dứt khoát - Lạnh nhiều đấy. Ta đi thật gọn nhẹ, hiểu không? Khi đi mình mang nhiều thứ, khi về cũng nhiều thứ. Cậu chịu đựng giỏi. Lạnh nhiều, đi nhiều cũng chẳng thấm gì, phải không?

- Đương nhiên, - Kama lắm bả, vẻ cam chịu - Lạnh tôi cũng cóc sợ. Khởi hành lúc chín giờ hả ông?

Hắn xoay người trên đôi giày da đánh của thổ dân và bước ra ngoài, điềm tĩnh như tượng nhân sư không cho mà cũng không nhận một lời chào hỏi nào, cũng không nhìn ngang nhìn ngửa. Mộng Trinh dẫn Ánh Sáng Ban Ngày vào một góc phòng.

- Nghe này, Ánh Sáng Ban Ngày, - nàng khẽ nói, - Anh khánh kiệt rồi...

- Bây giờ anh còn nhẹ hơn cả một con điều giấy nữa đấy.

- Em còn tám ngàn đô-la gửi trong tủ sắt của Mac, - nàng bắt đầu vào chuyện.

Ánh Sáng Ban Ngày lập tức ngắt ngang. Cái dây tạp dề đang lò dò lại gần mà anh thì nhát một chú ngựa non chưa ai cưỡi.

- Không cần, - anh nói - Anh sinh ra có các nào đâu, nên đi ra khỏi thế giới này cũng chẳng cần các nào cả. Mà anh cũng đã cháy túi nhiều lần nên đã quen rồi. Thôi ta đi nhảy đi...

- Thì anh cứ nghe em đã nào - Mộng Trinh chèo kéo - Tiền em để đây cũng thế thôi. Em cho anh mượn vậy - gọi là để đóng góp vào việc tìm mỏ thôi mà - nàng nói gấp gấp khi thấy vẻ hoảng hốt lộ trên mặt anh.

- Chẳng ai phải đóng góp cho anh cả. - Ánh Sáng Ban Ngày trả lời, - Anh tự lo liệu lấy, để khi kiếm được tiền ấy sẽ hoàn toàn thuộc về anh. Không, anh xin cảm ơn cô bé. Rất cảm ơn, nhưng để anh tự lo bằng cách chạy thư thì hơn.

- Kìa anh? - Mộng Trinh dịu dàng phản đối.

Nhưng làm như thể đang rất phấn khởi, anh kéo nàng lại phất sà n nhảy. Trong lúc hai người đang quay cuồng theo điệu luân vũ, Mộng Trinh cứ miên man suy nghĩ về trái tim sắt đá của gã đàn ông đang ôm nàng trong vòng tay và đã tránh né được mọi cạm bẫy của nàng.

Lúc sáu giờ sáng, người nóng ran lên vì men rượu *Whisky*, nhưng vẫn còn giữ được phong độ, anh đứng ở quầy rượu quật tay mọi người xuống mặt quầy. Đây là trò gồng tay. Hết người này đến người khác ra độ sức với anh, nhưng chẳng ai đề nổi tay anh xuống, ngay cả hai người to lớn như Olaf Henderson và French Louis cũng chịu thua. Khi có người cho rằng đó là chẳng qua chỉ là một trò bịp, một mảnh khoé do cơ bắp đã được luyện tập nhiều mà thôi, thì anh liền thách đấu sức theo một cách khác.

- Các cậu nhìn đây này, - anh la lên - Tớ sẽ làm hai chuyện sau đây. Trước hết là cân túi vàng của mình xem còn bao nhiêu. Sau đó là đánh cuộc với các cậu là tớ đủ sức nhấc bổng tất cả các bao bột mì mà các cậu có thể nhấc được sau khi đã chắt thêm hai bao nữa vào số đó.

- Lạy Chúa, để tớ, - French Louis nói át tất cả các tiếng reo hò.

- Gượm đã! - Olaf Henderson cũng la lên - Tớ với cậu mạnh ngang nhau, vậy cho tớ tham gia nửa số tiền cuộc với.

Trên bàn cân, túi vàng của Ánh Sáng Ban Ngày đánh giá bốn trăm đô-la. Louis và Olaf chia đôi số tiền cuộc. Những bao bột mì nặng năm mươi cân Anh được mang vào từ phòng kho của McDonald. Những người khác

đòi thể trước. Họ đứng dạng chân trên hai chiếc ghế, dưới đất là bốn bao bột mì được cột với nhau bằng dây thừng.

Bằng cách này, nhiều người có thể nhất đến bốn hoặc năm trăm cân. Một số ít khác đạt đến mức sáu trăm cân. Cuối cùng hai gã khổng lồ ra thử sức với các bao bột mì nặng bảy trăm cân. French Louis chắt thêm vào một bao nữa thành bảy trăm năm mươi cân và nhấc bổng lên. Olaf cũng làm được như vậy. Nhưng đến tám trăm cân thì họ đành chịu. Họ thử đi thử lại đến nỗi mồ hôi trán vã ra thành giọt; xương cốt kêu răng rắc. Họ có thể rê hoặc giật giạt chúng từ chỗ này qua chỗ khác, nhưng nhấc bổng chúng lên thì họ bó tay.

- Nói có Chúa, lần này thì cậu sau lắm lớn rồi. Ánh Sáng Ban Ngày ạ, - French Louis vừa nói vừa đứng thẳng lưng dậy và bước xuống ghế. Có là mình đồng da sắt thì mới nhất nổi thôi. Nhớ là phải thêm một trăm cân nữa, chứ không phải chỉ mười cân đâu nhé ông bạn.

Người ta cởi dây cột mấy bao bột mì ra và định thêm vào hai bao nữa thì Kearns nói xen vào.

- Một bao nữa thôi chứ.

- Hai chứ? - có tiếng người la lên - Lúc đầu đánh cuộc là hai cơ mà.

Kearns phản đối:

- Nhưng mà họ có nhấc nổi cái bao cuối cùng đâu. Họ chỉ nhấc bổng được có bảy trăm năm mươi cân thôi mà.

Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã giải quyết cuộc cãi vã một cách hào hiệp:

- Có gì mà các cậu phải nặng nề lên vậy. Thêm hay bớt một bao thì nhằm nhò gì? Nếu tớ không nhấc nổi được ba bao nữa thì tớ cũng chẳng nhấc nổi hai bao. Cứ bỏ hết vào đi.

Anh đứng lên ghế, hơi rùn người và còng lưng xuống cho đến khi bàn tay chạm phải sợi dây thừng. Anh hơi dịch đôi chân một chút, lên gậy tay kéo thử, rồi lại nhả ra để sửa lại thế đứng cho thật hoàn hảo.

French Louis la lên với giọng không tin:

- Kéo mạnh lên nào, Ánh Sáng Ban Ngày. Kéo mạnh lên nào!

Ánh Sáng Ban Ngày lại lên gân tay, lần này kéo thật, sức lực của toàn thân được vận lên từ từ cho đến khi cái khối chín trăm cân còng kèn được

nhắc bổng khỏi mặt đất đong đưa tới lui như một con lắc giữa hai chân của anh.

Olaf Henderson thở hắt ra một hơi rõ to.

Mộng Trinh, lúc này cũng vô tình vận sức theo đến nỗi toàn thân nàng đau cứ như dầm, thở phào nhẹ nhõm. Còn French Louis thì lằm lằm một cách kính nể:

- Thưa ông Ánh Sáng Ban Ngày, cho phép tôi chào thua. Tôi chỉ là một đứa bé to xác. Ông mới thật là một người đàn ông bự con.

- Chung đi, - Ánh Sáng Ban Ngày kêu lên, rồi thấy túi vàng của mình lại chỗ bàn cân. Ở đó vàng từ hai chiếc túi của hai kẻ thua cuộc được trút vào chiếc túi ấy cho đủ số bốn trăm đô-la.

- Vô nào! Vô nào!- Ánh Sáng Ban Ngày lại nói- Ai muốn uống gì cứ gọi. Người thắng xin bao.

Mười phút sau, anh lại la lên:

- Đêm nay là đêm của tớ. Tớ là một con chó sói già cô độc. Tớ đã chứng kiến ba mươi mùa đông rồi. Hôm nay là sinh nhật của tớ, cả năm chỉ có một lần. Tớ có thể quật cho mọi người ngã ngựa. Đi nào, mọi người. Tớ sẽ cho các cậu ngã ngựa trên tuyết. Đi nào, ma mới cũng như ma cũ ra đây tớ làm lễ rửa tội cho nào.

Tất cả đám người đang chè chén đều kéo nhau ra khỏi quán, chỉ trừ mấy gã phục vụ và những kẻ đã say bí tỉ lúc này vẫn lè nhè giọng hát, McDonald muốn giữ thể diện nên hấn giang rộng vòng tay tiến về phía Ánh Sáng Ban Ngày.

- Sao? Cậu muốn thử trước à? - Ánh Sáng Ban Ngày vừa nói vừa cười cùng lúc ấy tay anh nắm lấy tay Mac như thể họ đang chào nhau vậy.

- Không phải, không phải! - Mac chối bai bãi. - Tớ chỉ muốn chúc mừng sinh nhật của cậu thôi. Dĩ nhiên là cậu có thể cho tớ ngã ngựa trên tuyết rất dễ dàng. Ai mà dám cự lại một người đã nhắc bổng chín trăm cân bao giờ? McDonald nặng một trăm tám mươi cân, ấy mà Ánh Sáng Ban Ngày ch nắm một tay và chỉ giật một cái là đã nhắc bổng hấn lên và ném hấn ngã sóng xoài úp mặt xuống tuyết. Liền sau đó anh chộp khoảng sáu người đứng gần và ném xuống tuyết. Không ai cưỡng lại được Anh cứ tóm và hắt một cái là họ bay ào ào rồi rơi xuống tuyết mềm theo đủ tư thế một

cách lạ lùng nhưng vô hại. Chẳng mấy chốc anh khó phân biệt được ai là người bị ném rồi và ai là người còn đang đợi tới phiên trong cái ánh sao mờ mờ nên anh đành phải rờ lưng và vai họ xem có bị dính tuyết hay chưa.

- Đã được rửa tội chưa nào? - anh cứ lặp lại câu hỏi này mỗi khi chìa đôi bàn tay khùng khiếp của mình ra.

Hàng chục người nằm sóng xoài theo mỗi hàng dài trên mặt tuyết. Nhiều người khác quỳ gối với vẻ khiêm tốn trông thật buồn cười, vọc tuyết xát lên đầu, và thề rằng họ đã được làm lễ rửa tội rồi. Nhưng có một nhóm năm người là vẫn đứng hiên ngang. Họ là những kẻ chuyên sống trong rừng sâu và vùng biên thủy, và họ sẵn sàng cự lại những ai muốn tở ra khỏe hơn họ vào ngày sinh nhật của mình.

Tuy là những tay cự phách thuộc các lò đào tạo khắc nghiệt nhất, những cựu chiến binh của hàng trăm trận loạn đả, những con người chịu đựng giỏi, sẵn sàng đổ máu và mồ hôi, họ vẫn thiếu cái mà Ánh Sáng Ban Ngày có và có rất nhiều: sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa đầu óc và bắp thịt. Bởi vậy, anh chỉ vừa ra tay một cái, đối thủ chưa kịp hiểu và kháng cự, thì anh đã đạt được mục đích của mình rồi. Cũng vậy, khi có ai vừa chạm đến anh là anh liền biết phản ứng và đánh trả lại ngay nhanh như chớp.

- Đứng chờ ở đó mà làm gì, - Ánh Sáng Ban Ngày vừa nói vừa tiến lại phía năm người đang đợi - Các cậu đến nhận lễ rửa tội của tớ đi cho rồi. Các cậu có thể cho tớ đo ván vào bất kỳ ngày nào khác trong năm, nhưng vào ngày sinh nhật của tớ thì tớ muốn các cậu thấy tớ là vô địch. Có phải cái bản mặt của Pat Hanrahan đang nhìn tớ một cách khao khát và tự nguyện kia không? Lại đây nào, Pat.

Pat Hanrahan, cựu võ sĩ quyền anh đấu tay không và là cao thủ trong các trò vui mạnh bạo, bước tới trước. Hai người chộp lấy tay nhau, và hầu như anh chàng Ái Nhĩ Lan chưa kịp động thủ thì đã thấy tay mình bị khoá chặt đau điếng và bị ném đến nỗi đầu và vai họ vùi hẳn trong tuyết. Joe Hines, trước làm nghề xẻ gỗ, cũng bị quật xuống đất mạnh y như thể vừa ngã từ tầng lầu hai xuống. Rõ là hắn đã bị anh chộp ngay bàn toạ, nhấc lên, và ném xuống khi chưa kịp trở tay. Doc Watson, cái gã có bộ râu cầm xám, mình rắn như thép, không biết trước kia gã làm gì, chỉ biết là gã rất kinh khủng trong một vật lộn, cũng bị hất ngã trong tích tắc trước khi hắn kịp tấn

công. Olaf Henderson, biết là tới phiên mình, tính lợi dụng lúc Ánh Sáng Ban Ngày đang khom người đưa ta đỡ Doc Watson dậy để ra đòn bất ngờ về phía hông. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã lập tức bò toài ra trên mặt đất. Đà lao của Olaf rất mạnh, mà đầu gối lại đột nhiên bị tư thế của Ánh Sáng Ban Ngày ngáng lại, nên bị hất lao rất xa về phía trước. Trước khi hấn kịp ngồi dậy thì Ánh Sáng Ban Ngày đã lật ngửa hấn ra, vọc tuyết chà lên mặt và ta hấn, lại còn tọng tuyết vào mồm cho đến khi lợ vào cuống họng mới thôi.

- Tớ cũng khoẻ chẳng kém gì cậu, Ánh Sáng Ban Ngày ạ! - Olaf nói lúng búng khi đã đứng dậy được - Nhưng nói có Chúa, tớ chưa thấy ai có cái gì mạnh như vậy.

French Louis là người cuối cùng trong số năm người lúc này. Hấn đã chứng kiến nhiều rồi nên hề sức cảnh giác. Hấn cứ lòng vòng né tránh cả phú trước khi chịu nắm tay Ánh Sáng Ban Ngày. Rồi họ vận sức bẻ tay nhau qua lại nghiêng ngửa cả phút nữa mà chẳng ai chiếm được ưu thế. Rồi ngay lúc cuộc chiến đấu đang đến phần hào hứng thì Ánh Sáng Ban Ngày đã lẹ làng tăng thêm lực và vận hết gân cốt. French Louis gượng chống đỡ cho đến khi xương cốt hấn kêu răng rắc và người hấn từ từ nghiêng hấn qua cho đến khi ngã bệt xuống đất.

- Kẻ thắng đãi nữa nào! - Ánh Sáng Ban Ngày vừa nói vừa đứng thẳng dậy và dẫn đoàn người trở vào quán Tivoli - Vào đi, theo ngã này vào phòng "độc dược" đi!

Họ đứng thành hàng dọc theo chiếc quầy dài. Bettles, tay cứng cựa nhất trong số những người tiên phong về khả năng và óc mạo hiểm, ngừng lè nhè bài ca "Rễ Cây De Vàng" để chào đón Ánh Sáng Ban Ngày, nhưng nửa chừng lại thấy cần phải phát biểu đôi lời nên liền cao giọng một cách rất ư là hùng biện:

- Tôi xin báo cho quý vị biết là tôi rất hãnh diện được gọi Ánh Sáng Ban Ngày là bạn. Trước kia tôi và anh ta là bạn đồng hành. Từ chân lên đến đầu anh ta là vàng mười tám cara, mặc dù anh ta còn là một chú nhóc. Còn quý vị khi bằng tuổi đó thì chúi tai cũng còn chưa sạch. Anh ta không bao giờ là một đứa con nít cả. Ngay khi mới ra đời, anh ta đã là một người trưởng thành hoàn toàn rồi. Mà quý vị phải biết, vào thời đó đàn ông phải tỏ

ra mình là đàn ông đấy nhé, chứ chẳng phải như cái thời đại văn minh thối rữa bây giờ đâu, - Bettles ngưng một lúc lâu để quàng tay mình qua vai Ánh Sáng Ban Ngày theo kiểu một chú gấu - Khi cậu với tôi phiêu lưu vào cái vùng sông Yukon này trong những ngày xa xưa tươi đẹp ấy thì trời đâu đã mưa ra súp và làm gì có những trạm ăn trưa khỏi mất tiền như bây giờ nhỉ? Hễ săn được thú chỗ nào làm phải đốt lửa nấu ăn ngay chỗ đó. Mà lúc đó mình chỉ sống nhờ vào cá hồi và thịt thỏ ai thôi, và phải xơi luôn cả ruột gan của chúng. Tôi nói có phải không nào?

Khi thấy mọi người phá lên cười vì thấy mình nói nhảm, Bettles buông tay đang khoác trên vai Ánh Sáng Ban Ngày ra và giận dữ quay về phía đám đông.

- Cười đi mấy thằng đầu bò kia, cứ cười đi! Nhưng tao nói thẳng tuột cho bọn bay nghe, đũa khá nhất trong bọn bay cũng chẳng xứng đáng cạo giày cho Ánh Sáng Ban Ngày đây. Nói vậy có đúng không hử, Campbell? Nói vậy có đúng không hử Mac? Ánh Sáng Ban Ngày là một tay vệ binh kỳ cựu một tay đào vàng thực sự. Lúc đó chẳng có tàu chạy bằng hơi nước mà cũng chẳng có chỗ bán buôn gì cả, và bọn tớ chỉ toàn sống bằng cá hồi và thịt thỏ mà thôi.

Nói xong, hắn nhìn khắp lượt một cách đắc thắng trong tiếng vỗ tay tán thưởng, sau đó có cả mấy giọng nói cất lên đòi Ánh Sáng Ban Ngày phát biểu. Anh ra hiệu đồng ý. Người ta liền nhắc ghế ra và giúp anh trèo lên. Anh thật cũng chẳng tỉnh táo gì hơn cái đám người đứng dưới - một đám người ồn ào, ăn mặc thô kệch, chân mang giày da đánh kiểu thổ dân hoặc giày kín bằng da hải cẩu viền lông thú, bao tay đeo ở cổ lưng lẳng, đầu độ mũ da có vành che tai được cuộn lên trông giống như những cái nón sắt có đỉnh cánh của người Bắc Âu. Đôi mắt đen láy của Ánh Sáng Ban Ngày loé sáng và máu dồn lên do men rượu làm đôi má màu đồng của anh xạm thêm. Anh được đón chào nồng nhiệt nhiều lần bằng những lời hoan hô đến độ hình như anh phải ứa nước mắt, dù rằng có rất nhiều tiếng hoan hô chỉ là những tiếng phều phào hoặc lè nhè.

- Các bạn, bây giờ tớ chẳng biết phải nói gì với các bạn cả - Ánh Sáng Ban Ngày bắt đầu một cách lừng khừng, cố kiểm soát cái đầu lúc này đang quay cuồng của mình - Tớ nghĩ tớ sẽ kể cho các bạn nghe một câu chuyện.

Trước kia tớ có một người bạn cũng làm việc chung ở Juneau. Anh ta từ Bắc Caroliney đến và anh ta thường kể cho tớ nghe câu chuyện này. Chuyện xảy ra trong một đám cưới ở một vùng núi thuộc quê hương anh ta. Cả gia đình và bạn bè đang tề tựu đông đủ. Ông cha xứ sắp hoàn tất lễ cưới và bảo: - Họ Thượng đế đã kết hợp đừng để ai chia rẽ(1) - thì đột nhiên chú rể đứng lên nói: "Thưa Cha, con xin phép đứng lên để chất vấn về ngữ pháp của Cha trong câu Cha vừa nói. Con muốn đám cưới của con phải được làm cho đúng". Khi khói súng tan đi, cô dâu mới nhìn quanh thì thấy cha xứ đã chết, chú rể chết, anh trai chết, hai ông cậu chết, năm người khách cũng chết. Cô dâu bèn thở dài và nói: "Mấy khẩu súng lục tự động loại mới này là thế đã cho đi đời nhà ma tất cả dự định về tương lai của mình rồi!". Vì thế cho nên tớ muốn nói với các bạn điều này - Ánh Sáng Ban Ngày nói tiếp khi tiếng cười ồn ào đã lắng xuống - rằng bốn quân già của Jack Kearns cũng đã cho đi đời nhà ma tất cả dự định tương lai của tớ rồi, thành thử tớ đành phải lên đường đi Dyea.

- Bỏ trốn khỏi đây à? - Có ai đó hỏi to.

Một cơn giận bùng bùng lên làm mặt anh cau lại, nhưng chỉ một thoáng sau anh đã vui vẻ trở lại.

- Tớ biết các bạn hỏi câu đó chỉ là để đùa thôi. - Ánh Sáng Ban Ngày mỉm cười nói - Dĩ nhiên là tớ không bỏ đây mà đi rồi.

- Vậy thì đi, Ánh Sáng Ban Ngày, - cũng người nào đó la lên.

- Dĩ nhiên tớ thì. Lần đầu tiên tớ vượt đèo Chilcoot là vào năm 88. Trận bão tuyết mùa thu năm đó buộc tớ phải trở ra, chỉ còn độc có chiếc sơ mi toi tả và một cốc bột sống. Mùa đông năm đó tớ lại lấy thêm lương thực ở Juneau và đến mùa xuân thì lại vượt đèo lần nữa. Rồi cái đói lại tống cổ tớ ra. Mùa xuân năm sau tớ lại trở vào, lần này thề rằng sẽ không trở ra nếu chưa tìm thấy được gia tài. Cho đến bây giờ tớ vẫn chưa tìm thấy nó nên còn ở đây. Nhưng tớ sẽ không bỏ cuộc. Đưa thư xong, tớ sẽ quay về ngay, không nghỉ lại đêm ở Dyea. Rồi tớ sẽ lại vượt đèo Chilcoot ngay sau khi đã đổi chó mới, nhận thư và thực phẩm. Bởi vậy tớ xin thề một lần nữa, có quỷ thần và đầu thánh John chứng giám, tớ sẽ không bao giờ bỏ nơi này mà đi khi chưa kiếm được gia tài. Mà tới báo cho các bạn ở đây vào giờ này biết là gia tài sẽ rất lớn.

- Gia tài đó khoảng bao nhiêu nào? - đứng ở dưới, Bettles hỏi với lên và quàng tay quanh chân Ánh Sáng Ban Ngày một cách thân thiết.

- Ừ, bao nhiêu? Gia tài khoảng bao nhiêu nào? - Những người khác cũng la lên.

Ánh Sáng Ban Ngày chờ cho mình bớt kích động đi rồi nói:

- Khoảng bốn hoặc năm triệu đô-la, - anh nói chậm rãi, và khi thấy mọi người ồ lên chế giễu câu nói của mình, anh giơ tay ra hiệu cho họ im lặng.- Tớ sẽ bảo thủ ý kiến đó, và vạch mức kiếm được thấp nhất là một triệu đô-la. Khi còn dưới mức đó, dù chỉ một cắc, tớ cũng chưa chịu rời bỏ vùng này.

Mọi người lại ồ lên chế giễu, bởi vì toàn bộ số vàng cho đến nay đã tìm được ở khu vực Sông Yukon cũng chưa tới năm triệu và chẳng ai một mình mà kiếm được đến một trăm ngàn đô-la, nói chi đến một triệu. Các bạn nghe đây. Đêm nay các bạn đã thấy Jack, Kearns có linh cảm như thế nào rồi đó. Trước khi rút thêm bài, nước bài của chúng tôi lớn hơn của hần nhiều. Ba con già hắc ám của hần chả là cái quái gì cả. Nhưng hần biết trước rằng một con già nữa sẽ đến - đó là linh cảm của hần- và hần đã chộp được nó thật. Tớ báo cho các bạn biết là tớ cũng đang xuất hiện ở vùng sông Yukon này, và thời gian đã điểm rồi đấy. Tớ không muốn nói về cái thứ gia tài hắc ám mà tớ đã tìm thấy ở Lạch Da Hươu hay ở Lạch Cây Dương đâu. Tớ muốn nói đến một gia tài mà ai nghe nói đến cũng phải dựng tóc gáy. Tớ báo vớ các bạn, cái gia tài đó đang lờn vờn trong không khí và đang chọn mặt gửi vàng đấy. Nó sẽ đậu đâu đó ở chỗ các nguồn sông, và chẳng ai có thể cản ngăn nó được. Sau này nếu các bạn muốn tìm tớ thì cứ theo dấu giày của tớ mà lần đến vùng sông Steward, sông Indian hoặc sông Klondike thì sẽ thấy. Khi đã đem thư về đây rồi, tớ sẽ lập tức ra đi theo hướng đó, nhanh đến để các bạn không còn thấy tớ nữa vì sương mù bao phủ. Các bạn, cái gia tài đó đang đến thật đấy. Cú bật rể cỏ lên là đã thấy vàng, cứ xúc một rá là đã được một trăm đô-la. Sẽ có đến năm chục ngàn người từ bên ngoài đổ về nơi ấy. Đến cả địa ngục cũng sẽ phát hoảng lên vì số vàng tìm được.

Ánh Sáng Ban Ngày nâng ly lên môi:

- Xin chúc cho tinh thần của chúng ta. Hy vọng là các bạn cũng sẽ tham gia vào cuộc tìm kiếm gia tài đó.

Anh uống cạn ly rồi bước xuống ghế. Bettles lại đưa tay quàng lấy cổ anh.

- Nếu tớ là cậu, tớ sẽ không lên đồng vào hôm nay đâu - Joe Hines khuyên sau khi đã xem cái hàn thử biểu treo ngoài cửa - Một đợt giá lạnh lại ập đến đây. Nhiệt độ bây giờ là sáu mươi hai độ F dưới không rồi, mà nó vẫn còn đang xuống nữa đấy. Đợi qua đợt giá lạnh này rồi hãy đi, cậu ạ.

Ánh Sáng Ban Ngày phá lên cười.

- Đúng là giọng lưỡi mấy thằng nhát gan - Bettles rống lên - Có tí giá lạnh mà đã sợ. Nếu mày nghĩ là cái giá lạnh có thể cản Ánh Sáng Ban Ngày thì hoá ra mày chẳng hiểu cái cóc gì về nó cả.

- Thì cứ đi đi để phổi nó đông cứng lại, - Joe đáp.

- Có cái bình sữa và cây kẹo ngậm của cậu đông thì có. Nghe đây này, Joe, cậu mới đến vùng này được ba năm. Cậu chưa được tôi luyện đủ. Tớ thì tớ đã thấy Ánh Sáng Ban Ngày đi năm mươi dặm trên sông Koyokuk vào cái ngày nhiệt độ xuống đến bảy mươi hai độ F dưới không rồi đấy.

Joe lắc đầu một cách thảm hại.

- Cái lạnh này sẽ làm phổi đông cứng lại thôi, - Hấn than thở náo nùng - Nếu Ánh Sáng Ban Ngày ra đi vào lúc này thì chẳng bao giờ đi thoát được. Mà hấn lại chẳng mang lều mang bạt gì cả.

- Từ đây tới Dyea xa đến một ngàn dặm, - Bettles vừa tuyên bố vừa trèo lên ghế, tay bá lấy cổ Ánh Sáng Ban Ngày để đỡ cho cái thân hình siêu vẹo của mình - Một ngàn dặm đấy, mà đường đi chưa có sẵn. Tớ xin dành cuộc với mấy tay ma mới muốn cuộc gì thì cuộc - là Ánh Sáng Ban Ngày đi Dyea chỉ mất ba mươi ngày mà thôi.

- Nghĩa là trung bình mỗi ngày phải đi được ba mươi dặm, - Doc Watson cảnh giác - Tôi cũng đã có chút ít kinh nghiệm đi đường rồi. Chỉ cần một trận bão ở đèo Chilcoot là đủ cầm chân hấn đến cả tuần lễ rồi.

- Đúng vậy, - Bettles đáp ngay - mà Ánh Sáng Ban Ngày sẽ phải đi thêm một ngàn dặm khác và mất thêm ba mươi ngày nữa mới quay về đây được. Tớ xin cuộc năm trăm đô-la đấy. Chấp luôn cả bão tuyết.

Để nhấn mạnh thêm lời mình nói, Bettles lôi trong túi ra một gói vàng to như khoanh xích xích hỗn hợp và quăng nó xuống quầy rượu đánh thịch một cái. Doc Watson cũng quăng túi vàng của hắn ngay bên cạnh.

- Gượm đã, - Ánh Sáng Ban Ngày la lên - Bettles nói đúng đấy, nên tớ cũng muốn đánh cuộc. Tớ cuộc năm trăm đô-la là sau sáu mươi ngày tính từ ngày hôm nay tớ sẽ dừng xe trước cửa quán Tivoli với toàn bộ thư tín của tỉnh Dyea.

Cả phòng ầm lên một cách nghi ngờ, và có đến chục người móc túi vàng của họ ra. Jack Kearn áp sát lại để gây sự chú ý cho Ánh Sáng Ban Ngày:

- Tớ bắt cậu đó, Ánh Sáng Ban Ngày, - hắn la lên, - tớ cuộc hai ăn một là cậu không làm được, dù trong bảy mươi lăm ngày đi nữa.

- Tớ không cần cậu bố thí đâu, Jack ạ, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp - Đã đánh cuộc là phải một ăn một. Mà chỉ cần sáu mươi ngày thôi.

- Tớ cứ cá hai ăn một là trong bảy mươi lăm ngày cậu không đi về nổi, - Kearns vẫn khẳng khẳng - Trại Năm Mươi Dặm đã bị bỏ trống, mà tuyết ở đó lại rất tệ hại.

- Tiền cậu ăn được của tớ là tiền của cậu, - Ánh Sáng Ban Ngày như không để ý, nói tiếp - Mẹ kiếp, Jack, cậu không được cho lại tớ theo cách đó. Tớ không cuộc với cậu đâu. Tớ biết tổng là cậu muốn gì rồi, Jack, cậu nghe tớ nói đây này, tớ cũng có một linh cảm là một ngày nào đó tớ sẽ ăn lại của cậu đấy. Cứ đợi đến lúc tớ tìm thấy gia tài đã. Lúc đó tớ với cậu sẽ chơi cho cháy túi để rõ mặt anh hào. Dám không nào?

Hai người bắt tay nhau.

- Dĩ nhiên là cậu thắng cuộc thôi, - Kearns nói nhỏ vào tai Bettles, rồi nói lớn cho mọi người nghe - Tớ cuộc năm trăm đô-la là Ánh Sáng Ban Ngày sẽ trở về trong vòng sáu mươi ngày.

Billy Rawlins liền nhận cuộc, và Bettles ôm lấy Kearns một cách rất cao hứng.

- Mẹ kiếp, tớ cuộc với cậu đó - Olaf Henderson vừa nói vừa kéo Ánh Sáng Ban Ngày ra khỏi chỗ Bettles và Kearns.

Sau khi nhận lời đánh cuộc, Ánh Sáng Ban Ngày lại la lên:

- Người thắng lại bao nào! Nhất định tớ sẽ thắng, mà đợi đến sáu mươi ngày mới được uống rượu thì lâu quá nên ngay bây giờ tớ xin bao luôn. Ai uống gì cứ gọi, nào các bạn, gọi đi nào.

Bettles tay cầm ly *Whisky*, lại trèo lên ghế, và trong lúc người hấn cứ lảo đảo qua lại, hấn cất giọng hát bài hát duy nhất mà hấn biết:

"Ô cái anh chàng Henry Ward Beecher
Và mấy ông thầy dạy giáo lý
Tất cả đang ngợi ca rể cây Dẻ Vàng
Nhưng bạn có thể chắc chắn rằng
Nếu như phải gọi nó bằng tên nào cho đúng
Thì phải gọi nó là thứ nước ép ta từ trái cắm".

Cả phòng lập tức đồng thanhร้อง lên:

"Nhưng bạn có thể chắc chắn rằng
Nếu như phải gọi nó bằng tên nào cho đúng
Thì phải gọi nó là thứ nước ép ra từ trái cắm".

Có ai đó chọt mở cánh cửa trước, và một tia nắng lờ mờ lọt vào phòng.

- Trời sáng rồi, trời sáng rồi? - có ai đó loan báo như nhắc nhở.

Ánh Sáng Ban Ngày không thềm nghỉ một chút để lấy sức, quay đầu đi liền ra cửa, vừa đi vừa kéo vành nón xuống che phủ tai. Kama đang đứng bên ngoài, cạnh chiếc xe trượt tuyết. Chiếc xe hẹp và dài, ngang sáu inch(2) dọc bảy *foot*(3) rưỡi; thùng xe bằng gỗ cách mấy cái bánh xe bọc thép sáu inch. Trên xe chất những túi vải nhẹ đựng thư, đựng thực phẩm và các dụng cụ khác dùng cho người và chó, được ràng chặt bằng những đai da hươu. Phía trước xe là năm chú chó lăm lem những tuyết nằm co ro thành một hàng. Chúng là giống chó Eskimo, về hình dạng và màu sắc giống nhau, lông xám, rất to lớn và khoẻ mạnh. Từ cái mõm trông dữ dằn đến cái đuôi xù, chúng đều giống hệt như mấy con sói rừng. Dù đã được thuần hoá, chúng vẫn giữ được các đặc tính của những con sói. Nằm trên những túi vải là hai đôi giày đi tuyết được cài dưới mấy sợi dây ràng.

Bettles chỉ vào một chiếc áo choàng bằng da thỏ vùng Bắc Cực nằm ló khỏi miệng bao và nói:

- Giường của hấn đấy. Dúm lông thỏ ấy chỉ nặng có sáu cân. Nó là cái chăn ấm nhất của hấn đấy. Tớ mà đắp thì chẳng thấy ấm tí nào cả, ấy là tớ

cũng đã có tí dày dặn phong trần rồi đấy. Ánh Sáng Ban Ngày thật đúng là một cái lò lửa của địa ngục. Hẳn là như thế.

- Tớ không thích được như cái gã mọi ấy đâu, - Watson nói.

- Ánh Sáng Ban Ngày rồi đến giết chết gã mọi ấy thật. Rồi cũng đến giết chết gã thật - Bettie nói một cách khoái trá - Tớ biết, bởi vì tớ cũng đã từng đi đường với Ánh Sáng Ban Ngày rồi. Hẳn chẳng bao giờ thấy mệt mỏi cả. Tớ chẳng hiểu ra làm sao cả. Tớ đã thấy hắn đi găng ướn ngoài trục lạnh dưới bốn mươi lăm độ âm. Chẳng có người sống nào có thể làm như vậy cả.

Trong lúc họ nói chuyện thì Ánh Sáng Ban Ngày đang bận từ giã những người đứng vây lấy anh. Mộng Trinh muốn hôn anh, và mặc dù đã rượu làm cho mờ mắt, anh vẫn tìm cách thoát được sợi dây tạp dề mà không phải nhượng bộ. Anh hôn Mộng Trinh, nhưng cũng ôm hôn ba người phụ nữ khác một cách nhiệt thành không kém. Anh xỏ tay vào găng, đánh thức mấy con chó, rồi nắm lấy cần lái phía trước xe.

- Đi đi nào, các nàng, - anh la lên.

Ngay lập tức mấy chó chó phóng mình tới trước, ngực đập mạnh vào sợi đai chần phía trước, thân hình rùn xuống, móng vuốt bầu chặt và tuyệt. Chúng tru lên một cách hăm hở, và trước khi chiếc xe chạy được khoảng chục bước thì Ánh Sáng Ban Ngày, theo sau là Kama, đã vội chạy theo cho kịp. Người và chó cứ thế lao qua bờ xuống đến lòng sông Yukon giờ đã đóng băng và mất hút trong cái ánh sáng xám xịt.

Chú thích:

(1) Nguyên văn *"They as the Lord have Jined let no man put asunder"*. Câu nói này của ông cha xứ không chính về âm và ngữ pháp nên chúng tôi tạm dịch như trên để độc giả có thể thấy được những điểm sai về âm và ngữ pháp trong câu dịch tiếng Việt.

(2) inch (in sớ): đơn vị đo chiều dài Anh bằng 2,54 cm.

(3) foot (foot): đơn vị đo chiều dài Anh bằng 0,3048m.

Chương 4

Trong lòng sông, băng đóng cứng nên lũ chó có thể chạy trung bình sáu dặm một giờ. Để đuổi kịp chúng, cả hai người đều phải chạy. Ánh Sáng Ban Ngày và Kama cứ đều đặn thay phiên nhau ở chỗ cần lái, bởi vì việc chạy

phía trước xe để điều khiển rất nặng nhọc. Người được thay sẽ chạy tụt về phía sau, thỉnh thoảng lại nhảy tót lên xe ngồi nghỉ.

Công việc thật cực nhọc, nhưng nó làm người ta hưng phấn. Họ chạy như bay trên mặt đất, cố lợi dụng tối đa điểm của mặt băng cứng. Một lát nữa họ sẽ đến đoạn đường không có người qua lại và băng rất xộp, giỏi lắm cũng chỉ đi được ba dặm một giờ.

Kama và Ánh Sáng Ban Ngày không ai trò chuyện với ai. Công việc không cho phép, mà bản thân họ cũng không thích trò chuyện trong lúc làm việc. Hiếm lắm và thật cần thiết lắm thì họ mới trao đổi với nhau những tiếng đơn âm, đặc biệt là Kama hầu như chỉ ừ hử mà thôi. Thảng hoặc cũng chung chúng chỉ im lặng. Chỉ còn gầm gừ, nhìn nói chung chúng chỉ im lặng. Chỉ còn nghe thế tiếng bánh xe thép nghiền vào mặt băng còn nghe ghê tai và tiếng chiếc xe bị kéo mạnh kêu lê kéo kẹt.

Cứ như thể là Ánh Sáng Ban Ngày vừa vực qua một bức tường từ cái râm ran và âm ỉ của quán Tivoli để vào một thế giới của im lặng và bất động. Không có một cái gì động đập cả. Sông Yukon ngủ vùi dưới lớp băng dày non một thước. Không có đến một làn gió. Ngay cả nhựa sống trong lòng các cây vân sam dày đặc hai bên bờ sông cũng bị đông cứng.

Đó là một thế giới chết, hơn nữa, một thế giới xám xịt. Trời lạnh như cắt và trong. Trong khôn khí không có hơi nước, không có hơi sương. Vậy mà bầu trời vẫn cứ xám xịt như một màu tang, dù chẳng có mây để che khuất đi cái sáng sữa của ngày, nhưng vì không có mặt trời nên không thể có ánh sáng. Vào khoảng mười hai giờ kém mười lăm phút, họ đến khúc quanh to lớn của sông Yuko cho phép họ nhìn xa được về hướng nam. Họ thấy mặt trời nhô phần trên lên khỏi chân trời, nhìn nó không nhô thẳng lên mà lại đi xiên, cho nên ngay cả lúc giữa ngo, phần dưới của mặt trời cũng không nhô hẳn khỏi chân trời. Mặt trời trông nhợt nhạt lơ mờ. Nắng của nó không có nhiệt. Ngay khi vừa lên tới đỉnh thì nó lại lập tức lặn xuống dưới đường chân và vào lúc mười hai giờ mười lăm phút thì trái đất đã lại phủ bóng đêm lên toàn bộ khu vực rồi.

Người và chó vẫn tiếp tục chạy. Ánh Sáng Ban Ngày và Kama quả đúng là những con người man dã, nếu chỉ xét về cái dạ dày của họ mà thôi.

Họ có thể ăn bất chấp giờ giấc và số lượng. Có lúc họ ăn ngón ăn ngấu, có lúc lại đi một quãng rất lâu mà chẳng ăn gì cả. Máy chú chó chỉ ăn ngày một bữa mà mỗi lần như vậy mỗi con cũng chỉ được tối đa một cân cá khô mà thôi. Tuy đói khủng khiếp như thế, song chúng vẫn khỏe mạnh. Cũng giống như tổ tiên của chúng là loài sói, quá trình dinh dưỡng trong cơ thể chúng rất tiết kiệm và tuyệt hảo. Chúng không phí phạm một thứ gì cả. Ngay cả cái miếng ăn cuối cùng nhỏ nhất cũng được chuyển thành năng lượng. Kama và Ánh Sáng Ban Ngày giống chúng ở điểm này. Là con cháu của biết bao thế hệ phải chịu đựng, họ cũng chịu đựng. Cái tiết kiệm của cơ thể họ là cái tiết kiệm tự nhiên và đơn giản. Một chút thức ăn cũng cung cấp cho họ một khối lớn năng lượng. Không mất đi thứ gì cả. Cái khẩu phần đủ để Ánh Sáng Ban Ngày và Kama duy trì sức lực ở mức cao nhất sẽ làm cho một người thuộc một thời đại văn minh suốt ngày ngồi bàn giấy bị gầy rộc và héo hắt đi.

Khoảng ba giờ chiều, cái tranh tối tranh sáng sẫm dần thành đêm. Những ánh sao hiện ra gần rõ ràng và sáng, nên chó và người vẫn có thể tiếp. Hình như họ không bao giờ biết mệt. Mà đã không phải là chạy để thoát kỷ lục trong một ngày mà là trong sáu mươi ngày như thế. Mặc dù suốt đêm qua không hề chợp mắt, chỉ uống rượu và nhảy suốt. Ánh Sáng Ban Ngày cũng chẳng bị ảnh hưởng gì. Có thể có hai cách giải thích. Một là do cái sức sống đặc biệt mãnh liệt trong người anh hai là trong đời sống anh cũng hiếm có những đêm như thế.

Ánh Sáng Ban Ngày đi không cần đồng hồ bởi vì anh có thể cảm nhận được dòng thời gian trôi qua và có thể dùng tiềm thức tính giờ. Lúc anh nghĩ là đã đến sáu giờ, anh liền tìm một chỗ để hạ trại. Đến một khúc quanh, con đường bỗng rẽ qua ngang sông. Vì không tìm được chỗ nào thuận tiện nên họ rẽ sang bên bờ đối diện cách khoảng một dặm. Giữa đường họ gặp một tảng băng chắn ngang nên phải mất một giờ lao động cực nhọc mới qua được. Cuối cùng Ánh Sáng Ban Ngày thấy thứ mà anh muốn tìm. Đó là một thân cây chết nằm sát bờ. Họ đưa xe trượt đến đó. Kama lau bầu một cách khoái trá và công việc dựng trại bắt đầu.

Họ phân công lao động rất tuyệt hảo. Mỗi người đều biết mình phải làm gì. Với một chim búa, Ánh Sáng Ban Ngày đốn cái cây thông đã chết

ấy xuống. Kama dùng một chiếc giày đi tuyết và một chiếc búa khác gạt lớp tuyết dày hơn nửa thước phủ trên mặt băng sông Yukon rồi chặt lấy một miếng nước đá để đem về nấu ăn. Dùng một miếng bùi nhùi bằng vỏ cây hồ đào khô, Ánh Sáng Ban Ngày nhóm lửa và nấu nướng trong lúc gã thổ dân bốc dỡ hàng trên xe xuống và đem khẩu phần cá khô cho lũ chó. Rồi hắn quăng những bao thực phẩm của đám chó. Kế đến, hắn đốn một cây vân sam non xuống và chặt hết cành đi. Đi lại gần phía đông lửa, hắn dậm tuyết cho chặt xuống rồi phủ cành cây lên trên. Xong hắn quăng những túi đựng đồ dùng của cả hai người gồm gang tay, đồ lót, và áo ngủ khô lên trên cái nền đó. Kama có đến hai cái áo ngủ bằng lông thỏ trong khi Ánh Sáng Ban Ngày chỉ cần một mà thôi.

Họ cứ thế mà làm việc, không ai nói tiếng nào, và không để phí thời gian. Hễ ai thấy tiện làm gì thì cứ làm, không nghĩ đến chuyện đùn việc cho ai. Chẳng hạn khi thấy cần thêm nước đá, hắn đã tự động đi lấy thêm, và Ánh Sáng Ban Ngày khi thấy một con chó làm đổ đôi giày đi tuyết, đã tự động dựng chúng lên. Khi cà phê đã sôi, miếng thịt muối đã ráo nước, và bột làm bánh đã đánh xong, Ánh Sáng Ban Ngày liền bắc lên bếp một nồi đậu lớn. Khi trở lại, Kama ngồi ghé bên chỗ được lót cành cây lúc nãy, và trong khi chờ đợi, đem dây đai cương ra ngồi vá lại.

- Tôi nghĩ là con Skookum và con Booga sẽ cắn nhau cho mà coi - Kama nói khi họ bắt đầu ăn.

- Nhớ coi chừng chúng nhé, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp lại.

Đây là toàn bộ câu chuyện họ trao đổi với nhau trong suốt bữa ăn. Có một lần Kama vừa rửa chảo vừa chop một thanh củi chạy đến nện vào mấy con chó đang cắn lộn nhau cho đến khi chúng dang ra mới thôi. Sau khi ăn xong, Kama khơi ngọn lửa, chặt thêm củi để dùng vào sáng hôm sau, rồi quay lại chiếc giường lót bằng cành cây tiếp tục vá đai cương. Ánh Sáng Ban Ngày thì chặt thịt muối ra thành từng miếng lớn, rồi thả chúng vào nồi đậu đang sôi sùng sục. Mặc dù trời rất lạnh, đôi giày của họ vẫn ướt sũng, nên khi đã lên giường và không phải đi làm gì thêm nữa, họ tháo giày ra treo vào mấy cây que cắm trước ngọn lửa, chốc chốc lại xoay vòng cho chúng chóng khô. Khi nồi đậu đã chín, Ánh Sáng Ban Ngày đồ một phần

vào một cái túi bằng loại vải làm bao đựng bột dài và hẹp, rồi đặt trên tuyết cho đông lại. Phần còn lại vẫn để trong nồi cho bữa ăn sáng mai.

Lúc hơn chín giờ thì họ chuẩn bị đi ngủ. Những chú chó đã thôi học hặc nhau từ lâu và những con vật mệt mỏi này đang nằm thu lu trên tuyết, chân và mũi chụm vào nhau, được che kín bằng những cái đuôi xù. Kama trải chiếc áo ngủ bằng da ra rồi châm tẩu thuốc. Ánh Sáng Ban Ngày cũng quần một điều thuốc bằng giấy nâu và nói lần thứ hai trong cả ngày hôm đó:

- Mình đi cũng được sáu mươi dặm rồi nhỉ?

- Ừ, tôi cũng nghĩ như vậy, - Kama đáp.

Họ cuộn người trong tấm áo ngủ, nằm ngay đơ. Mỗi người vận một chiếc áo len mackinaw thay cho chiếc áo trùm đầu parka mà họ đã mặc suốt ngày hôm đó. Thật lạnh, khi vừa nhắm mắt lại là họ đã ngủ ngay. Trên bầu trời giá lạnh, các vì sao nhảy múa. Trên đầu họ, chùm ánh sáng xanh đỏ phương bắc vụt qua như những ngọn đèn pha.

Trong bóng đêm, Ánh Sáng Ban Ngày thức giấc và lay gọi Kama. Mặc dù chùm ánh sáng phương bắc vẫn còn hiện rõ, nhưng một ngày mới đã bắt đầu. Họ hâm lại bánh, đậu, thịt, pha cà phê và ăn sáng. Lũ chó không được ăn mà chỉ ngồi ở xa xa, đuôi quần quanh chân, nhìn lại một cách thèm thuồng. Trời thật lạnh, ít nhất cũng phải sáu mươi lăm độ dưới không. Khi Kama ra cột đai cương cho lũ chó bằng đôi tay trần, hần nhiều lần phải chạy lại bên đống lửa để sưởi ấm những đầu ngón tay bị tê cóng. Rồi cả hai người chất đồ đạc lên xe và cột chúng lại. Cuối cùng, họ hơ tay, đeo găng vào, qua lũ chó chạy qua bờ xuống khu vực lòng sông có đường đi. Theo sự tính toán của Ánh Sáng Ban Ngày, lúc này khoảng bảy giờ. Vậy mà những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và những vạch sáng xanh vẫn còn lung linh trên đầu họ.

Hai giờ sau, trời đột nhiên tối sầm, tối đến độ Ánh Sáng Ban Ngày hiểu rằng lúc này anh đã đoán giờ đúng, bởi cái tối này là cái tối trước lúc bình minh mà không ở đâu có thể nhận rõ rệt như khi đi đường ở Alaska vào mùa đông. Một luồng ánh sáng xám chầm chậm len dần vào bóng tối, chậm đến độ không nhận biết được, đến độ người ta phải ngạc nhiên khi chợt nhận ra con đường lúc mờ dưới chân mình... Kế đó là nhận ra được con chó chạy đầu, rồi đến cả hàng chó, và cuối cùng là những dải tuyết ở hai

bên. Sau đó là bờ sông ở gần bên họ, lúc đầu hiện ra rồi biến mất, rồi lại hiện ra. Một phút sau, rồi họ có thể thấy cả dòng Yukon đã đóng băng hiện ra ở trước mặt và sau lưng. Cuối cùng, họ có thể thấy được, về phía trái xa xa, rặng núi dài phủ tuyết và nổi rõ trên nền trời. Chỉ có vậy thôi. Mặt trời không mọc lên, và ánh sáng cứ có màu xam xám như thế. Trong ngày hôm đó, đã có lần có một con chồn nhảy ngang qua đường họ đi ngay sát mũi con chực đi đầu rồi mất hút trong rừng cây tuyết trắng.

Bản năng hoang dã của lũ chó trời dậy. Chúng đồng thanh tru lên một tiếng đuôi mồi, nhào về phía trước, và bị dây đai cổ ghì lại, nhưng liền lạng qua một bên tính đuôi theo. Ánh Sáng Ban Ngày hét lên một tiếng: "Oa!" cố ghì lấy cần lái rồi lật xe cho đổ kênh xuống tuyết mềm. Lũ chó đành chịu thua. Chiếc xe được lật lại, và năm phút sau, họ lại được nện chặt. Con chồn là dấu hiệu sống duy nhất mà họ thấy trong hai ngày qua. Nó nhảy qua êm như ru rồi vụt biến mất y hệt như một bóng ma.

Lúc mười hai giờ, khi mặt trời nhô lên khỏi đường cong chân trời, họ dừng lại và gầy một ngọn lửa trên tuyết. Ánh Sáng Ban Ngày dùng búa chặt thanh xúc xích đậu thành miếng, rồi bỏ vào nồi đun nóng cho chảy ra để ăn. Họ không dùng cà phê. Họ phải tranh thủ đi lúc trời còn có chút ánh sáng, không thể tiêu phí thời gian một cách xa xỉ để uống cà phê.

Đợt lạnh vẫn tiếp tục. Chỉ có những người mình đồng da sắt mới đi đường vào lúc nhiệt độ xuống thấp đến thế. Cả Kama và Ánh Sáng Ban Ngày đều là những tinh hoa trong chủng tộc của họ, nhưng Kama hiểu rằng người đồng hành với hắn chịu đựng giỏi hơn, và ngay từ đầu đã biết rằng mình sẽ thua cuộc. Dù rõ ràng hắn không giảm sút nỗ lực và sự tự nguyện, hắn vẫn bị thua cuộc bởi chính cái ý nghĩ đè nặng trong đầu hắn.

Thái độ của hắn đối với Ánh Sáng Ban Ngày là thái độ sùng kính. Là người khắc kỷ, ít nói, và kiêu hãnh về can đảm của con người mình, hắn vẫn tìm thấy những đặc tính đó biểu lộ rất rõ trong người bạn đồng hành da trắng. Đó quả là một con người tội hãn về bất cứ cái gì mà con người cần tội, là một ông thần hiện diện ngay bên mình và Kama chỉ có việc sùng bái anh mà thôi, cho dù hắn không biểu lộ điều đó ra ngoài. Ngay cả những thổ dân cũng không dám ra đi khi nhiệt độ xuống thấp như thế này, mà đây là bài học kinh nghiệm do hàng ngàn thế hệ trước truyền lại cho họ. Vậy mà

lại nảy ra cái anh chàng Ánh Sáng Ban Ngày này, sinh trưởng ở phương nam khí hậu ôn hoà dám dầm mình trên đường từ mười đến mười hai tiếng đồng hồ mỗi ngày. Mà anh ta lại còn dám tin là sẽ đi được ba mươi dặm một ngày trong suốt sáu mươi ngày liền. Cứ đợi đến được tuyết mới hoặc khi phải vừa đi vừa mở đường hoặc lúc gặp phải chỗ băng đã mủn dọc mép nước để xem anh ta sẽ hành động ra sao cho biết.

Trong lúc chờ đợi điều đó, Kama vẫn cố bám tóc độ, không ca thán mà cũng chẳng trốn tránh. Trời sáu mươi lăm độ dưới không thì phải nói là rất lạnh. Vì nước đông ở ba mươi hai độ dương, nên sáu mươi lăm độ dưới không có nghĩa là chín mươi bảy độ dưới điểm đông đặc(1). Muốn hiểu rõ ý nghĩ, của điều này cần xem xem mức độ nóng sẽ như thế nào nếu nhiệt độ cũng cùng mức đó nhưng the chiều ngược lại. Khi hàn thử biểu chỉ một trăm hai mươi chín độ thì phải nói là thời tiết rất nóng; vậy mà nó cũng chỉ là chín mươi bảy độ trên điểm đông đặc mà thôi. Gấp hai lần cái mức nóng đó lên thì hoá chẳng mới hiểu được sơ bộ cái lạnh giá mà Kama và Ánh Sáng Ban Ngày phải chịu đựng khi đi xuyên từ màn đêm này qua màn đêm khác.

Vào đêm thứ hai, sau khi đã đi thêm được năm mươi dặm nữa, họ hạ trại ở gần biên giới nữa Alaska và vùng Tây Bắc. Phần còn lại của cuộc hành trình, trừ một khoảng ngắn dẫn đến Dyea, sẽ nằm trên lãnh thổ Gia Nã Đại. Vì đường tốt và không có tuyết rơi nên Ánh Sáng Ban Ngày dự tính sẽ đến trại Bốn Mươi Dặm vào đêm thứ tư. Anh thông báo với Kama như vậy, nhưng vào đêm thứ ba, nhiệt độ bắt đầu lên cao và họ biết là sắp có tuyết rơi, bởi vì trên sông Yukon chỉ khi nào trời ấm lên thì mới có tuyết. Cũng vào ngày này, họ phải đương đầu với mười dặm đường bị kẹt bởi những tảng băng nằm lộn xộn. Đã có đến hàng ngàn lần họ phải dùng sức mạnh của đôi tay nâng toàn bộ xe và hàng hoá vượt qua những khối băng lớn rồi lại để xuống. Gặp những chỗ như vậy thì chó cũng vô dụng và cả chúng lẫn người đều phải vật lộn hết sức mình với những trắc trở của đường đi Đêm ấy họ phải đi dần thêm một tiếng đồng hồ nữa cũng chỉ bù đắp được có một phần thời gian bị mất.

Buổi sáng khi thức dậy, họ thấy tuyết đã phủ trên tấm lông đắp một lớp dày đến mười inches. Chó cũng bị tuyết vui và không muốn rời cái tổ ấm

của chúng nữa. Tuyết rơi như vậy sẽ làm cho đường rất khó đi. Những bánh xe không quay được dễ dàng nữa, và một trong hai người phải chạy lên trước mấy con chó dùng giày đi tuyết nện tuyết xuống cho cứng để chó khỏi bị lún. Tuyết ở vùng này khác với thứ tuyết mà người ta thường thấy ở các vùng đất phương nam. Nó cứng nhuyển, và khô, tựa như đường cát trắng. Đá vào nó, nó sẽ bắn đi vèo vèo như cát. Những hạt tuyết không bám vào nhau nên không thể nặn chúng thành những cục hình tròn được. Nó không được cấu tạo thành bông mà thành những tinh thể nhỏ bé và có dạng hình học. Thực ra thì nó chẳng phải là tuyết mà là sương giá thì đúng hơn.

Có tuyết mà trời vẫn ấm, nhiệt độ chỉ chừng hai mươi độ dưới không. Cả hai người, vành nón cuộn lên, găng tay treo lòng thòng trước cổ, lao động đến vã mồ hôi. Tối hôm đó họ không đến được trại Bốn Mươi Dặm, nên ngày hôm sau, khi đi ngang chỗ đó, họ chỉ dừng chân để nhận thêm thư và lương thực rồi lại lên đường ngay lập tức. Khoảng chiều hôm sau, họ hạ trại ở cửa sông Klondike. Từ khi rời trại Bốn Mươi Dặm, họ không gặp một người nào cả, và họ đã phải vừa đi vừa mở đường lấy. Thật ra, vào mùa đông năm ấy chưa có ai qua lại trên dòng sông phía nam trại Bốn Mươi Dặm, mà cũng có thể là trong suốt mùa đông này họ là những người duy nhất đi qua đó.

Đêm cắm trại ở cửa Sông Klondike. Ánh Sáng Ban Ngày không đi ngủ khi công việc buổi tối đã xong xuôi. Nếu lúc đó có một người da trắng thì Ánh Sáng Ban Ngày đã bảo với hắn rằng anh đang cảm thấy linh cảm hồi thúc trong người. Anh mang giày đi tuyết vào, bỏ mặc các chú chó nằm cuộn mình trong tuyết và anh chàng Kama đang ngáy say sưa trong tấm chăn da thỏ, và leo lên chỗ đất bằng to lớn nằm trên một dải đất cao. Khi thấy những cây vân sam mọc quá dày che khuất tầm nhìn bao quát, anh lội qua bờ đất rồi trèo lên những bờ dốc đứng đầu tiên của ngọn núi mọc phía sau. Từ chỗ này, anh có thể thấy dòng Klondike từ hướng đông quặt ngang chảy về và dòng Yukon hùng vĩ từ phương nam rẽ vòng lại. Về phía trái, xuôi theo dòng là Núi Da Hươu trắng xóa hiện lồ lộ trong ánh sao. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày chỉ nhìn thoáng qua ngọn núi mà thôi. Sự chú ý của anh chủ yếu tập trung vào cái chỗ đất bằng to lớn lúc này, ở đó, dọc theo một bên mép, nước đủ sâu để làm bến cho thuyền bè đậu. Anh lăm bắm.

- Chỗ này mà xây thị trấn thì tuyệt. Đủ chỗ dựng nên một trại cho bốn chục ngàn người. Chỉ cần chỗ này có chứa vàng là xong ngay, - anh nghĩ ngợi một lát - Chỉ cần mỗi lần đãi được mười đô-la thôi là thiên hạ sẽ đổ xô về đây đông đến mức cả vùng Alaska chưa từng bao giờ được chứng kiến cho mà xem. Nếu vàng không ở đây thì cũng chỉ ở đâu đó quanh đây mà thôi. Từ đoạn này trở đi, mình phải chú ý tìm những chỗ có thể dựng thị trấn mới được.

Anh đứng lâu thêm một chút nữa, nhìn đắm đắm vào dải đất bằng quanh quẽ đó, và cố hình dung trong đầu cái quang cảnh của vùng đất khi đông người đổ xô về đó. Anh tưởng tượng ra nơi đâu sẽ đặt nhà máy cưa, cửa hàng buôn bán, nơi đâu sẽ là quán rượu; tiệm nháy và nơi đâu sẽ là những con lộ có nhà cửa của những người thợ mỏ mọc ở hai bên. Dịch theo những con lộ đó anh hình dung thấy hàng ngàn người đang qua lại, và trước những cửa tiệm là những chiếc xe trượt tuyết chở nặng do những dây chó dài kéo. Anh cũng thấy cả những chiếc tàu hàng đang chạy cặp theo con đường chính ngược dòng Klondike băng giá đến cái chỗ nào đó mà trong tưởng tượng anh thấy người ta đang đào vàng.

Anh chợt cười lớn và lắc đầu xua đuổi cái hình ảnh tưởng tượng đó khỏi mắt mình. Rồi anh lao xuống, băng qua dải đất bằng để trở về chỗ hạ trại. Sau khi nằm cuộn tròn người trong tấm áo choàng được năm phút đồng hồ, anh lại mở mắt ra và ngồi nhồm dậy, lấy làm lạ là tại sao mình chưa ngủ được. Anh liếc nhìn người thổ dân đang ngủ bên cạnh anh, nhìn đống than hồng trong đống lửa đang lụi dần, nhìn năm con chó nằm phía xa xa đuôi xù vắt lên che kín lấy mũi, và nhìn vào bốn chiếc giày đi tuyết được cắm chổng ngược lên trời.

- Quỷ thật, rõ ràng là cái linh cảm đang thôi thúc mình đây mà, - anh lẩm bẩm. Đầu óc anh chợt trở về với bài xì phé vừa rồi - Bốn con già, - anh vừa nhớ lại vừa nhe răng ra cười - Có thể mới đúng là linh cảm chứ!

Anh lại nằm xuống, kéo tấm áo đắp lên tận cổ che lấp luôn cả vành tai, nhắm mắt, và lần này thì ngủ thiếp đi.

Chú thích:

(1) Tác giả sử dụng nhiệt độ F thay cho độ C

Chương 5

Đến trại Sáu Mươi Dặm, họ lấy thêm thực phẩm, vài cân thư từ, rồi lại tiếp tục đi. Từ lúc rời trại Bốn Mươi Dặm họ phải vừa đi vừa mở đường.

Và từ đây cho đến Dyea, họ cũng phải làm như thế. Ánh Sáng Ban Ngày chịu đựng việc ấy một cách tuyệt vời, nhưng cái tốc độ giết người đó bắt đầu có tác dụng xấu đối với Kama. Dù kiêu hãnh đến độ không thèm mở miệng phàn nàn, hắn cũng không sao che giấu được cái hậu quả của việc phổi bị nhiễm lạnh. Những tế bào quanh mô phổi, tuy rất nhỏ, cũng bị tác động bởi cái giá lạnh và bắt đầu chết đi, gây cho hắn những cơn ho khô khốc vật vã. Cứ mỗi khi phải rán quá sức là cơn ho lại kéo đến làm cho hắn trông giống như một kẻ bị động kinh. Máu dồn lên làm mắt hắn lồi hẳn ra. Nước mắt chảy ròng ròng xuống má. Cứ mỗi lần bị khói bếp lúc chiên thịt mỡ muối bay vào mắt là hắn đau đớn đến hàng nửa giờ, nên hắn luôn luôn thận trọng đứng xuôi theo chiều gió mỗi khi Ánh Sáng Ban Ngày nấu ăn.

Cứ thế họ chậm chạp vượt qua vùng tuyết mềm lún hết ngày này qua ngày khác tưởng như vô tận. Đây là một công việc cực nhọc và đơn điệu, thiếu hẳn cái thú vui say sưa khi được lao như bay trên mặt băng cứng. Lúc này người này tiến lên phía trước với đôi giày đi tuyết, lúc khác lại đến phiên người kia, cứ thế mà lội đi, chậm chạp, đều đặn một cách buồn tẻ. Từng thước, từng thước tuyết rời cần được dậm xuống, và đôi giày đi tuyết, dưới sức nặng của một người, lún sâu xuống mặt tuyết mềm đến mười inches. Trong điều kiện như thế, việc dậm tuyết bằng giày đòi hỏi một sự hoạt động của cơ bắp khác hơn lúc đi bình thường.

Đi theo những đoạn tuyết nén không hoàn chỉnh này là mấy con chó, rồi đến người nắm cần lái cuối cùng là chiếc xe. Mạnh khỏe đến như thế mà cố gắng hết sức họ cũng chỉ đi được có ba dặm một giờ. Điều này có nghĩa là phải đi nhiều giờ hơn, và Ánh Sáng Ban Ngày, để đảm bảo tốc độ, cũng như cố nhìn ra chút ít đề phòng trường hợp gặp tai nạn, đã phải bám đường mỗi ngày mười hai giờ liền. Vì phải tốn ba giờ đồng hồ để hạ trại nghỉ đêm, hầm đậu, dọn ăn sáng, nhổ trại và hâm lại đậu ăn trưa, họ chỉ còn có chín tiếng đồng hồ để ngủ cho lại sức, nên cả người lẫn chó đều không dám phạm một giây phút nào của chín tiếng đồng hồ ấy.

Ở Selkirk, trạm mậu dịch nằm gần sông Pelly(1), Ánh Sáng Ban Ngày đề nghị Kama nằm lại rồi sẽ nhập lại với anh khi anh từ Dyea qua trở về.

Một thổ dân từ Hồ Le Barge lạc bước qua nơi đó sẵn lòng thế chỗ cho Kama, nhưng Kama vẫn bướng bỉnh. Hắn mở miệng làu bàu tỏ vẻ hơi bực bội, và thế là xong. Tuy vậy, Ánh Sáng Ban Ngày vẫn thay chó, để bày năm con đã rũ rượi nghỉ lại cho đến lúc về, và lấy theo sáu con chó mới.

Đêm hôm đến Selkirk họ đã phải đi đến tận mười giờ khuya, vậy mà mới sáu giờ sáng hôm sau họ đã lại lao mình vào cái vùng hoang dã trải dài gần năm trăm dặm từ trạm Selkirk đến Dyea. Một đợt lạnh thứ nhì lại đổ về, nhưng dù lạnh dù ẩm thì công việc đối với họ cũng vẫn như cũ, nghĩa vừa đi vừa mở đường. Ánh Sáng Ban Ngày tăng gi bám đường lên đến mười ba giờ một ngày. Anh hết sức duy trì số chênh lệch mà anh đã cố nhìn ra, bởi vì anh biết rằng sắp tới còn nhiều đoạn khó đi nữa. Ánh Sáng Ban Ngày đoán là chưa đến giữa mùa đông và sông Năm Mươi Dặm cuộn cuộn chảy đã chứng tỏ là anh đoán đúng. Ở nhiều khi dòng sông chảy lan rộng, hai bên bờ có băng đóng hết sức bênh bênh. Ở nhiều chỗ khác, nước mạnh vào kè đá dốc cho nên băng không hình thành nổi. Hai người hết rẽ ngoặt lại đi vòng, lúc thì băng ngang sông, lúc thì lộn trở lại, có lúc phải mất cả năm, sáu lần cố công mới mở được đường để vượt qua một đoạn khó đi. Công việc được tiến hành thật chậm chạp. Cứ mỗi khi qua một cái cầu băng là họ lại phải thử sức chịu đựng của nó. Hoặc Ánh Sáng Ban Ngày hoặc Kama tiến lên phía trước, chân mang giày đi tuyết tay cầm một cái đòn dài nằm ngang. Nếu có bị rơi xuống, họ có thể bám vào cái đòn lúc này đã bắc ngang qua miệng hố vừa bị nạn như thế. Khi nhiệt độ xuống đến năm mươi độ dưới không thì một người bị ướt đến ngang hông không thể tiếp tục đi được nữa vì thân thể bị tê cóng. Bởi vậy, cứ mỗi lần rơi xuống là mỗi lần cuộc hành trình bị chậm lại. Ngay khi vừa được vớt lên, người bị ướt phải chạy tới chạy lui để giữ cho máu lưu thông trong khi người kia phải gầy ngay một đồng lửa. Được bảo vệ theo lối này, người ấy có thể thay quần áo khô, bộ đồ ướt sẽ được hong khô phòng khi bị nạn lần sau.

Tình hình còn tồi tệ hơn nữa vì không thể đi trên sông như vậy khi trời tối đen như mực. Do đó thời gian đi bị giảm xuống còn sáu giờ một ngày vào lúc tranh tối tranh sáng. Mỗi giây phút đều trở nên rất quý, và họ cố không để mất một giây nào.

Bởi vậy, ngay trước khi có dấu hiệu ngày đã bắt đầu, họ đã nhổ trại, chất đồ lên xe, thẳng chổ vào, rồi ngồi co ro bên đông lửa đợi giờ lên đường. Họ cũng không còn dừng lại để ăn trưa nữa. Hiện nay họ đã không theo kịp tốc độ dự kiến; và cứ mỗi một ngày trôi qua là họ thêm thâm lạm vào cái mức chênh lệch mà họ đã nhìn được lúc trước. Có những ngày họ chỉ đi được mười lăm dặm hoặc chỉ mười hai dặm. Có một đoạn đường quá xấu đến nỗi trong hai ngày mà họ chỉ đi được có chín dặm vì ba lần phải trở lui, bỏ đường sông để vác xe cộ và đồ đạc đi vòng theo đường núi.

Cuối cùng họ cũng vượt qua được Sông Năm Mươi Dặm đáng sợ để đến Hồ Le Barge. Nhìn Ánh Sáng Ban Ngày đã chào mừng việc đi thoát được sông Năm Mươi Dặm bằng cách bám đường trễ hơn mọi khi. Vào lúc mười một giờ sáng họ bắt đầu đi vào vùng hồ. Lúc ba giờ chiều, khi đêm Bắc Cực đã buông xuống, họ nhìn thấy bờ bên kia củ nó. Ánh Sáng Ban Ngày ngắm những ngôi sao mọc sớm để định phương hướng. Lúc tám giờ tối, họ đã bỏ vùng hồ phía sau lưng và đi vào vùng cửa sông Lewes(2). Đến đây họ nghỉ chân nửa giờ đồng hồ để hâm lòng mấy khoanh đậu đã nấu sẵn với thịt để ăn và quăng cho đám chó thêm một khẩu phần cá nữa. Xong xuôi họ ngược dòng sông đi tiếp cho đến một giờ sáng mới hạ trại ngủ đêm.

Ngày hôm sau đó họ đã đi mười sáu giờ liền. Lũ chó mệt đến độ không thể cắn nhau hoặc ngay cả gầm gừ nữa. Còn Kama thì trong mấy dặm đường cuối cùng rõ ràng là phải đi khập khiễng. Vậy mà mới sáu giờ sáng hôm sau, Ánh Sáng Ban Ngày lại lên đường.

Ánh Sáng Ban Ngày vẫn không giảm tốc độ đi. Cứ mỗi ngày mười hai giờ họ bám đường, sáu giờ trong khoảng tranh tối tranh sáng, sáu giờ trong màn đêm. Họ để ra ba giờ để nấu ăn, vá đai cương, dựng trại và nhổ trại. Chín giờ còn lại, cả chó lẫn người lẫn ra ngủ say như chết. Cái sức khỏe sắt thép của Kama đã bị bẻ gãy. Cử động của hắn chậm dần, cơ bắp không còn dẻo dai nữa và hắn cứ đi khập khiễng suốt. Vậy mà hắn vẫn ráng sức chịu đựng, không trốn tránh công việc mà cũng không ca thán dù chỉ một lời. Mặt Ánh Sáng Ban Ngày trông hốc hác và mệt mỏi, song nhờ cái cấu tạo thân thể tuyệt hảo của mình, anh vẫn tiếp tục, tiếp tục một cách không thương tiếc. Trong đầu óc Kama, chưa lúc nào lại thần thánh như những ngày cuối cùng của cuộc hành trình xuyên về phương nam này.

Rồi đến lúc Kama không còn đủ sức để đi trước mở đường được nữa. Rõ ràng là hấn đã cạn kiệt lắm rồi nên mới chịu để Ánh Sáng Ban Ngày dặm tuyết cho chặt để mở đường suốt ngày. Họ băng qua hết hồ này đến hồ khác, qua dãy hồ từ Marsh đến Linderman, rồi bắt đầu leo đèo Chilcoot. Ánh Sáng Ban Ngày có thể tự cho mình quyền được hạ trại lúc đã lên được gần tới đỉnh đèo và khi ngày đã tắt, nhưng anh vẫn vượt đèo rồi lúc xuống cho đến khu Trại Cừu, bỏ lại sau lưng trận bão tuyết có thể đã cầm được chân anh trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Cái nỗ lực quá mức cuối cùng này đã hoàn toàn đánh quỵ Kama. Vào sáng hôm sau, hấn không còn đi đứng được gì nữa. Lúc năm giờ, khi được gọi, hấn ngồi dậy một cách vất vả, hộc lên một tiếng rồi ngã ngay xuống đất. Ánh Sáng Ban Ngày phải đỡ trại thay cho cả hai, buộc chó vào xe, và đến lúc khởi hành, cuộn người thổ dân đáng thương trong ba lớp áo đắp rồi cột hấn lên trên cá đóng đồ. Đi đường không gặp trắc trở gì. Lúc này họ đã ở đoạn cuối cùng của cuộc hành trình, và Ánh Sáng Ban Ngày thúc cho chó chạy ào ào qua hẻm núi Dyea. Cứ thế, mặc Kama nằm trên đóng đồ luôn miệng ca cẩm, mặc cho Ánh Sáng Ban Ngày phải bám cần lái và liên tục nhảy vọt lên để tránh bị ngã xuống dưới gầm xe, họ cứ lao đi cho tới lúc đến Trạm Dyea nằm bên bờ biển.

Giữ đúng lời hứa, Ánh Sáng Ban Ngày không nán lại, chỉ bỏ ra một tiếng đồng hồ để lấy lương thực và nhận thư, đổi chó và thuê một thổ dân mới phụ việc. Kama không hé môi nói một tiếng nào kể từ lúc đến trạm cho tới khi ánh Sáng Ban Ngày đến bên hấn từ biệt để lên đường. Họ bắt tay nhau:

- Ông giết chết thằng mọi đó mất, - Kama nói, - sẽ giết nó đấy, hiểu không?

- Hấn sẽ chịu được cho đến sông Pelly đấy, - Ánh Sáng Ban Ngày nhe răng cười.

Kama lắc đầu tỏ vẻ nghi ngờ, lẩn mình qua một bên, quay lưng về phía anh để thay lời từ biệt.

Cũng ngày hôm đó, Ánh Sáng Ban Ngày vượt qua đèo Chilcoot, thả dốc xuống được năm trăm *foot* trong trời đêm tuyết lát phát bay rồi hạ trại ở Hồ Miệng Núi Lửa. Lần này anh phải cắm trại "lạnh" vì đã không

mang theo mọc được. Đêm đó họ bị vùi dưới một lớp tuyết dày ba *foot*. Đến sáng, lúc trời còn đen như mực, họ phải đào tuyết để chui ra và người thổ dân đã toan bỏ trốn. Hắn cho là đi chung đường với một kẻ điên rồ như thế là quá đủ rồi. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã và doạ nạt hắn phải ở lại với đoàn rồi tiếp tục đi qua Hồ Sâu Hồ Dài xuống đến vùng đất bằng thuộc Hồ Lindrman.

Lúc vào cũng như lúc ra họ đều đi với tốc độ giết người, và người thổ dân mới này chịu đựng không bằng Kama. Dù vậy hắn cũng không than một tiếng nào mà cũng không tìm cách trốn nữa. Hắn làm hết sức mình, nhưng vừa làm hắn vừa quyết định sau này sẽ cách mặt Ánh Sáng Ban Ngày ra.

Lúc đến sông Năm Mươi Dặm thì họ gặp nạn. Khi đang băng ngang một cây cầu băng, mấy con chó bị sụp hố nước và bị nước cuốn đi mất dưới lớp băng. Sợ dai cột mấy con chó này với con đi đầu bị đứt tung và không còn thấy tăm tích chúng đâu nữa. Vì còn lại có mỗi con chó đầu đàn nên Ánh Sáng Ban Ngày phải cột chính anh và người thổ dân vào xe trượt tuyết. Nhưng con người làm sao có thể thay chó trong công việc đó được. Đã vậy, chỉ có mỗi hai người mà lại phải kéo thay cho những năm con chó. Bởi vậy chỉ mới được có một giờ là Ánh Sáng Ban Ngày đã phải quẳng bớt đồ đạc đi.

Trước tiên là thức ăn cho chó, những đồ đạc không dùng tới, và cái búa dự trữ. Ngày hôm sau, vì phải làm việc quá căng, con chó bị đứt gân, trở thành tàn phế hoàn toàn. Ánh Sáng Ban Ngày đành phải bắn bỏ nó và bỏ luôn chiếc xe trượt. Anh chất trên lưng mình một trăm sáu mươi cân thư từ và thực phẩm, còn người thổ dân phải mang một trăm hai mươi lăm cân. Càng đi càng quẳng bỏ bớt đồ đạc một cách không thương tiếc. Người thổ dân đã phải phát hoảng lên khi thấy anh cố giữ đến từng lá thư một song lại quẳng bỏ hết đậu đến chén đĩa, xô chậu, áo quần dư, và chỉ giữ lại cho mỗi người mộ bộ áo đắp, một cái búa, một cái xô bằng thiếc và một ít bột với thịt muối. Ngay cả khẩu súng và hai mươi vòng đạn cũng bị bỏ lại.

Cứ theo cách này, họ vượt qua được hai trại dặm đường để tới Selkirk. Sáng họ khởi hành rất sớm, tối rất trễ mới dừng chân, bởi vì những thì giờ trước kia dành cho việc hạ, dỡ trại và chăm sóc chó nay được dồn cả cho

việc bám đường. Khi còn vài dặm nữa là đến Selkirk, Ánh Sáng Ban Ngày buộc lòng phải bắt người thổ dân đi trước bởi lúc này hấn cứ như người sắp chết, má hóp lại, mặt hốc hác lúc nào cũng chỉ chực quỵ xuống tiếp đi hoặc quẳng bỏ đồng thư đang đè nặng trên lưng.

Ở Selkirk, sau khi thắng đai cương vào bầy chó trước kia, lúc này đã lại sức và sẵn sàng vào xe trượt tuyết, Ánh Sáng Ban Ngày lại lên đường, lấy theo người thổ dân ở Hồ Le Barge mà lúc anh ra đi đã tình nguyện theo anh. Họ lại thay phiên nhau cầm cần lái. Cứ theo như kế hoạch thì Ánh Sáng Ban Ngày đã bị trễ mất hai ngày, và suốt quãng đường từ đó đến trại Bốn Mươi Dặm trở anh vẫn cứ bị trễ như vậy vì trời đổ tuyết và đường trở đi thời tiết lại ưu đãi anh. Một cơn lạnh lại sắp ập về và anh quyết định bạc với nó, ra đi mà chỉ mang rất ít thực phẩm cho chó và người. Dân ở trại Bốn Mươi Dặm thấy vậy cũng lắc đầu ái ngại. Họ sợ anh sẽ làm gì nếu tuyết cứ rơi.

- Chắc chắn đợt lạnh sẽ đến thôi - anh cười và lên đường.

Vào mùa đông năm ấy đã có một số xe trượt tuyết đi đi về về từ trại Bốn Mươi Dặm đến thị trấn Vùng Cực nên mặt đường được nện rất cứng.

Hơn nữa đợt lạnh cũng đến và kéo dài, mà cũng chỉ còn hai trăm dặm nữa là đến thị trấn Vùng Cực rồi. Thêm vào đó, người thổ dân ở Hồ Le Barge cũng còn trẻ, hiếu thắng và không biết gì về những hạn chế của sức mình. Hấn không những bám sát được Ánh Sáng Ban Ngày mà lúc đầu còn mơ tưởng là sẽ tỏ ra xuất sắc hơn cả anh nữa. Trong một trăm dặm đầu hấn cứ để ý xem Ánh Sáng Ban Ngày có tỏ ra dấu hiệu xuống sức nào chẳng, và khi không thấy điều đó thì hấn rất lấy làm lạ. Đến một trăm dặm cuối thì hấn tự cảm thấy mình xuống sức dần, nhưng cũng đành cắn răng theo cho kịp Ánh Sáng Ban Ngày. Còn Ánh Sáng Ban Ngày thì cứ phóng như bay, lúc thì vừa chạy vừa nắm cần lái, lúc thì lại tót lên chiếc xe trượt tuyết đang lao hết cỡ để nghỉ. Vào ngày cuối cùng trời trong và lạnh hơn, đường rất dễ đi nên họ đã vượt được bảy mươi lăm dặm. Đến mười giờ đêm thì họ đã vượt qua chỗ bờ đất và phóng như ban dọc theo con lộ chính của thị trấn Vùng Cực. Người thổ dân trẻ, đang ngồi trên xe vì đến phiên hấn được nghỉ, cũng nhảy tót xuống và chạy theo xe một cách vui vẻ và vênh váo,

mặc dù lúc này hắn đã hiểu những giới hạn của hắn và đã phải phấn đấu đến gần tuyệt vọng.

Chú thích:

(1) *Pelly: con sông dài 880 dặm ở phía Tây Bắc Canada tron Hạt Yukon chảy về phía Tây đổ vào sông Yukon*

(2) *thượng nguồn sông Yukon, gặp sông Pelly ở phía Nam*

Chương 6

Cũng cái đám người mà hai tháng trước đây đã tiễn chân Ánh Sáng Ban Ngày giờ đây lại tụ tập tại quán Tivoli, bởi vì đêm nay là đêm thứ sáu mươi. Cho đến lúc này, họ vẫn không thống nhất về việc anh có hoàn thành được chuyến đi đúng hạn hay không. Đã mười giờ đêm mà cuộc cá độ vẫn còn tiếp diễn, mặc dù số tiền cuộc là anh sẽ thất bại ngày càng tăng. Tận trong thâm tâm mình, Mộng Trinh cũng không tin là anh sẽ trở về đúng hạn, mặc dù nàng vẫn cứ đánh cuộc với Charley Bates hai mươi *ounce* vàng ăn bốn mươi là Ánh Sáng Ban Ngày sẽ về tới đây trước lúc nửa đêm.

Chính nàng là người đầu tiên nghe thấy tiếng chó tru.

- Nghe kia, - nàng la lên - Đúng là Ánh Sáng Ban Ngày rồi.

Đám người vội vã ủa ra cửa, nhưng khi cánh cửa hai lớp để chống tuyết vừa được mở toang ra thì họ vội vàng thụt lùi trở lại. Họ nghe tiếng chó rên rĩ có vẻ hăm hở, tiếng chiếc roi đánh chó quất véo một cái, và tiếng Ánh Sáng Ban Ngày thúc chó ầm ĩ buộc chúng phải làm một việc tội hơn hẳn những việc chúng đã làm là kéo cho chiếc xe trượt tuyết nằm hẳn lên cái sàn gỗ. Chúng lao qua cánh cửa để ngỏ. Sương lạnh cũng ủa theo vào trong như một đám khói trắng che phủ hết chỉ để lộ đất và lưng mấy con chó mà thôi. Ngay sau chúng, ở chỗ cần lái là Ánh Sáng Ban Ngày, cũng ngáp trong sương tuyết đến tận đầu gối.

Cũng vẫn là Ánh Sáng Ban Ngày của hai tháng trước, tuy gầy đi và có vẻ mệt mỏi, nhưng đôi mắt đen láy của anh lại lấp lánh sáng hơn lúc nào hết. Vẫn chiếc áo trùm đầu phủ dài đến đất gối làm anh trông cứ như một ông thầy tu. Phần bị cháy phần bị ám vì lửa và khói của những lần lửa trại, bản thân chiếc áo cũng nói lên được cuộc hành trình. Bộ râu đã hai tháng chưa cạo bao lấy gương mặt anh. Hơi nước từ hơi thở của anh trong suốt

quãng đường bảy mươi dặm vừa qua cũng đã biết thành băng dính đầy vào bộ râu đó.

Việc anh xuất hiện trong căn phòng thật ngoạn mục và giật gân, và anh hiểu điều đó. Đây là cuộc đời anh, và anh đang sống cuộc đời đó đúng vào giai đoạn sung mãn nhất của nó. Trong đám bạn bè của mình, anh là một con người vĩ đại, một vị anh hùng miền Bắc Cực, một người vừa vượt qua hai ngàn dặm đường, nay lại lao vào phòng rượu dẫn theo cả chó, cả xe, cả thư tư, cả thổ dân, và tất cả những thứ linh kinh cá nhân khác. Anh vừa lập thêm một chiến công sẽ làm cho khắp vùng sông Yukon ca ngợi tên tuổi mình: anh, Ánh Sáng Ban Ngày, vua của những kẻ vượt đường trường và điều khiển chó.

Anh ngạc nhiên một cách thích thú khi nghe tiếng reo hò chào đón mình vang lên và khi thấy mọi chi tiết quen thuộc của quán Tivoli vẫn còn đó - nào là chiếc quầy dài với dãy chai rượu, những bàn bài, cái lò sưởi lớn, nào là người cân vàng, các nhạc công, cả đàn ông lẫn phụ nữ, Mộng Trinh, Celia, Nellie, rồi McDonald, Bettles, Billy Rawlins, Olaf Henderson, Doc Watson; tất cả mọi cái vẫn cứ y hệt như vào ngày anh từ giã chúng vậy, mà cũng có vẻ như anh đang ở đúng vào cái ngày ấy nữa chứ. Sáu mươi ngày đi không nghỉ qua các vùng hoang vu tuyết trắng vừa qua như xa lắc đầu rồi, như không hề có ấy. Tất cả chỉ như là một chuyện nhỏ nhất trong thoáng giây. Anh phải liếc nhìn chiếc xe trượt tuyết với những túi đựng thư bằng vải thô để tự khẳng định chuyện sáu mươi ngày qua anh đã vượt được hai ngàn dặm trên băng là có thật. Như thể trong mơ, anh đưa tay bắt những bàn tay chìa về phía mình. Anh chợt cảm thấy hứng thú khôn cùng. Đời thật tuyệt diệu và anh thấy yêu nó quá. Anh hít một hơi dài rồi la lên:

- Người thắng bao và tớ là người chiến thắng, phải không nào? Có đi các bạn cố tri, ai uống gì cứ gọi. Còn kia là thư của các bạn được đưa thắng từ Dyea về. Không có phỉnh phờ gì đâu. Cứ tháo dây ràng ra rồi lội cả vào mà lấy?

Một chục đôi bàn tay vội nắm lấy dây ràng. Ngay lúc đó, anh chàng thổ dân miền Hồ Le Barge, lúc này đang lom khom tháo dây ràng, bỗng đứng thẳng dậy một cách loạng choạng. Hắn đưa mắt nhìn chằm chằm chung quanh mình một cách dữ tợn, bởi vì hắn đang cảm thấy một điều gì đó thật

lạ lùng quá mức. Cái giới hạn mà trước kia hắn không bao giờ ngờ tới bây giờ mới giáng cho hắn một cú rất mạnh. Hắn chợt run lẩy bẩy như một kẻ bị bại liệt, đầu gối yếu hèn và hắn từ từ khụy xuống, người vắt ngang qua chiếc xe trượt tuyết đồng thời thấy trời đất tối xầm hẳn lại.

- Hắn kiệt sức đây, - Ánh Sáng Ban Ngày nói - Có ông bạn nào đưa giúp hắn vào giường ngủ đi! Kể ra hắn cũng khá đấy!

- Ánh Sáng Ban Ngày nói đúng đấy, - Doc Watson một lúc sau cũng phán - Hắn bị kiệt sức hoàn toàn rồi.

Sau khi thư từ đã được giao cho người cất, bầy chó đã được đem về chuồng cho ăn, Bettles lại bắt giọng cho mọi người cùng hát vang bài ca vui nhộn về *Rễ Cây De Vàng* trong lúc họ đứng dọc theo quây để uống rượu và thanh toán với nhau tiền cá độ.

Chỉ ít phút sau là Ánh Sáng Ban Ngày đã quay cuồng với Mộng Trinh trên sàn nhảy theo một bản luân vũ. Anh đã thay tấm áo trùm đầu bằng một cái nón lông thú và một chiếc áo khoác may từ vỏ chăn, đá văng đôi giày da đánh bóng cứng băng sang một bên và cứ để nguyên cả vớ mà nhảy. Ánh Sáng Ban Ngày- một người hùng già dặn trong cái vùng đất trẻ trung đó, cùng lúc lại trẻ hơn hầu hết bọn họ, đã sống giữa bọn họ như một sinh vật đặc biệt, như một con người trên tất cả con người, một con người hết sức người và chỉ có thể là người. Bởi vậy cũng chẳng lạ gì khi Mộng Trinh cứ để mặc cho anh ôm lấy mình hết điệu nhảy này qua điệu nhảy khác, dù trong lòng rất phiền muộn vì chuyện anh chỉ tìm thấy ở nàng một người bạn tốt và một người nhảy giỏi thế thôi. Tuy vậy nàng cũng được an ủi đôi chút khi hiểu rằng anh cũng chưa yêu bất kỳ một người phụ nữ nào khác. Nàng thì cảm thấy yêu anh đến phát ốm, ấy thế mà anh lại nhảy với nàng như rất sẵn lòng nhảy với bất kỳ một người phụ nữ nào khác, cũng như sẵn lòng nhảy với bất kỳ người đàn ông nhảy giỏi nào mà trên cánh tay có cột một chiếc khăn tay để giả làm đào theo quy ước.

Đêm đó Ánh Sáng Ban Ngày đã nhảy với một người đàn ông như thế. Những người sống dọc theo vùng biên thủy lúc đó thường hay thử sức chịu đựng của nhau bằng cách cùng quay vòng vòng xem ai sẽ chóng mặt ngã xuống trước. Cuộc đo sức vui nhộn bắt đầu khi Ben Davis, người canh bài bài faro, tay cột một chiếc khăn sặc sỡ, bắt cặp với Ánh Sáng Ban Ngày

trong điệu vũ xoay vòng vùng Virginia. Davis rất điêu luyện về cái ngón tay, vì trong khắp vùng sông Yukon này hẳn đã cho rất nhiều người mạnh mẽ phải đo ván rồi. Nhưng sau ít phút, rõ ràng là hẳn, chứ không phải Ánh Sáng Ban Ngày, đã bắt đầu loạng choạng. Nhưng họ vẫn cứ quay vòng thêm một lúc nữa, rồi đột nhiên, Ánh Sáng Ban Ngày đứng khựng lại, buông người bạn nhảy ra, bước lùi lẹ rồi lại tiếp tục xoay vòng, hai tay vẫy vẫy một cách vô cớ, hình như để chống đỡ thân mình cho thăng bằng trong không khí. Trong khi đó thì Davis bỗng mỉm cười vừa ngơ ngác vừa hoảng hốt, người đảo qua một bên, nhưng vội gượng lại để giữ thăng bằng, rồi bỗng ngã quay lơ, đầu chúi xuống sàn gỗ đánh xầm một cái. Lúc này Ánh Sáng Ban Ngày vẫn cứ quay vòng, người hơi loạng choạng, và đưa tay chộp không khí liên tục. Bỗng nhiên, anh vồ lấy người phụ nữ đứng gần anh nhất, rồi cùng nàng chơi tiếp luôn một điệu luân vũ. Thế là anh lại lập thêm một kỳ tích nữa. Tuy đã mệt mỏi phải đi suốt hai ngàn dặm trên băng và cả ngày hôm đó lại phải chạy suốt bảy mươi dặm, anh vẫn có thể quay cho một kẻ khỏe mạnh phải ngã lăn ra mà kẻ đó lại chính là Ben Davis.

Ánh Sáng Ban Ngày yêu thích những tầm cao, và mặc dù trong cuộc sống hạn hẹp của mình có rất ít những tầm cao, anh luôn luôn muốn đạt đến cái tầm cao nhất mà anh được biết. Trong anh lúc nào cũng sôi sục ước muốn làm chủ, mà trong bất kỳ việc gì cũng vậy, từ việc vật lộn với thiên nhiên, với con người hoặc với Thần đồ đen trong các canh bạc. Cuộc sống này và tất cả mọi việc đời đều là một canh bạc, mà anh lại là một con bạc cho đến tận chân răng. Chơi liều mạng và chộp thời cơ là thức ăn và nước uống hàng ngày. Dĩ nhiên không phải anh chơi một cách hoàn toàn mù quáng, bởi vì anh luôn luôn vận dụng trí óc, tài năng và sức lực vào cuộc chơi. Nhưng đằng sau cuộc chơi vẫn luôn luôn là Thần May Rủi, một kẻ có lúc lại quay lưng lại với những ai đeo đuổi theo mình và huỷ diệt người khôn trong khi đó lại ưu đãi bọn khù khờ. Thần May Rủi chính là cái mà mọi người đều mong muốn tìm cách chinh phục được Ánh Sáng Ban Ngày cũng thế. Trong tất cả những cảnh đời mà anh đã trải qua, cuộc sống luôn luôn cất lên tiếng hát quyến rũ ngợi ca sự huy hoàng của chính nó, lúc nào cũng rì rầm hối thúc, báo cho anh biết là anh có thể đạt được nhiều hơn cái những người khác đạt được thắng trong khi kẻ khác thất bại, và đạt đến

thành công trong khi kẻ khác thất bại, và đạt đến thành công trong khi họ phải chịu huỷ diệt.

Bởi vậy, lúc thì bằng những tiếng thì thầm xa vắng, lúc thì bằng những hồi kèn rộn rã, trong óc anh luôn luôn vang lên bản thông điệp là vào một lúc nào đó, ở một nơi nào đó và bằng một cách nào đó, anh sẽ chinh phục được Thần May Rủi, làm chủ nó, cột nó lại và đánh dấu nó để làm của riêng. Trong lúc chơi xì phé, tiếng thì thầm đó báo cho anh biết là anh phải rút được bốn con ách hoặc bài cao nhất. Trong lúc dò tìm vàng, cũng tiếng thì thầm đó báo cho anh biết là có vàng ở chỗ rẽ cỏ trên mặt đá bị giấu bởi đất cát và trên suốt dọc đường đi. Trong những giây phút hiểm nguy nhà trên cạn dưới nguồn hay khi cạn lương thực, thông điệp ấy báo cho anh rằng ai đó có thể chết nhận anh thì sẽ vượt qua được một cách vẻ vang.

Ánh Sáng Ban Ngày lúc đang nhảy luân y lại lâu lâu quay vòng ngược trở lại để hết chọn mặt rồi tiến dần về phía quầy rượu. Nhưng tất cả những người có mặt âm lên phản đối. Họ không thể chấp nhận cái lý thuyết của anh là hề thắng thì sẽ bao rượu nữa. Thật là trái với tập tục và thường và mặc dù nó phải ánh tinh thần vì bạn anh, cũng phải vì bạn mà nên chấm dứt chuyện đó. Ben Davis kêu rượu là hợp lý nhất và hẳn phải trả tiền. Hơn nữa, tất cả những ly rượu và những thứ khác mà Ánh Sáng Ban Ngày đã khoản đãi thì chủ quán phải chịu, bởi vì cứ mỗi lần anh đến chơi đêm ở đây thì quán lại bán được nhiều. Bettles là người đã phát biểu điều này, và tuy lời lẽ của hắn cụt ngủn và sai ngữ pháp đến độ chối tai, nó cũng vẫn được mọi người tán thưởng.

Ánh Sáng Ban Ngày chỉ nhe răng cười, rồi bước sang một bên tiến đến bàn rulet và mua một chồng thẻ màu vàng dùng để chơi thay tiền. Mười phút sau anh lại chỗ bàn cân để lĩnh tiền thắng. Hai ngàn đô-la tính bằng vàng bụi được trút vào túi của anh và một cái túi khác nữa mới chứa đủ.

Đây chỉ đơn thuần là một cú may mắn thôi, nhưng nó lại là cái may của anh. Đã cao hứng anh lại càng cao hứng thêm. Anh đang sống và đêm nay là đêm của anh, anh quay lại phía những người vờ phản đối anh vì lòng tốt vừa rồi và nói:

- Bây giờ thì người thắng được quyền trả chứ?

Thế là người ta đành đầu hàng. Không có cách gì cưỡng lại Ánh Sáng Ban Ngày được một khi anh đã cuoir lên lưng cuộc sống, gò cương và thúc nó chạy.

Lúc một giờ sáng, anh thấy Elijah Davis lừa Henry Finn và Joe Hines, anh thợ sẻ gỗ, về phía cửa. Ánh Sáng Ban Ngày liền chặn họ lại.

- Đi đâu cả thế này - anh vừa hỏi vừa cố kéo họ trở lại quầy rượu.

- Đi ngủ thôi, - Elijah trả lời.

Hắn là dân vùng New England, người gầy gầy và lúc nào cũng nhai thuốc. Trong gia đình, hắn là kẻ duy nhất đã bạo gan đáp lại cái tiếng gọi của miền Tây vọng qua ngọn Sa Mạc Sơn đến tận vùng đồng cỏ và rừng rú.

- Phải ngủ thôi, - Joe Hines nói như xin lỗi. - Sáng mai bọn này phải lên đường rồi.

Ánh Sáng Ban Ngày vẫn cố níu kéo:

- Đi đâu? Có việc gì vậy?

- Có gì đâu, - Elijah giải thích - Bọn tớ tính đi thử cái linh cảm của cậu đấy mà, thử kiếm xem có gì ở miệt phía bắc không. Cậu có muốn đi với bọn tớ không?

- Đi là cái chắc - Ánh Sáng Ban Ngày khẳng định.

Nhưng Elijah chỉ hỏi chơi thôi, cho nên cũng không quan tâm lắm đến việc nhận lời của anh.

- Bọn tớ tính dò tìm ở vùng sông Stewart - Elijah nói tiếp - Al Mayo bảo tớ rằng lúc hắn xuôi dòng Stewart hắn thấy mấy doi cát có khả năng chứa vàng. Trong lúc sông còn đóng băng bọn tớ thử đi kiểm tra xem sao. Ánh Sáng Ban Ngày, cậu nghe và nhớ điều tớ nói đây này, rồi có lúc người ta sẽ chuyển qua đào vàng vào mùa đông thôi. Lúc đó họ sẽ cười cái việc cào vọc đất vào mùa hè của chúng mình cho mà coi.

Vào giai đoạn đó, những tay đào mỏ thuộc vùng sông Yukon không dám mơ tưởng đến việc đào vàng vào mùa đông, bởi vì từ lớp rong rêu và cỏ trên mặt cho đến lớp đá ngầm nằm sâu dưới đất đều bị cái lạnh làm cho cứng lại và lớp sỏi cát cứng như đá granit ấy thách thức mọi thứ cuộc xẻo. Đến mùa hạ, người ta mới lật lớp đất sỏi ấy lên được nhờ có sức nóng mặt trời làm cho nó mềm đi.

Lúc đó mới là mùa đào vàng. Còn suốt mùa đông họ chỉ lo vận chuyển thực phẩm, đi săn hươu để chuẩn bị cho mùa hè. Trong những tháng lạnh giá tối tăm còn lại, họ đành phải chơi vớ vẩn cho hết thời gian ở những khu trại trung tâm lớn như trại thị trấn Vùng Cực này hoặc trại Bốn Mươi Dặm.

- Chắc chắn là người ta sẽ đào cả mùa đông nữa - Ánh Sáng Ban Ngày đồng ý - Hãy cứ đợi tới lúc đào được một khối lượng vàng lớn ở nguồn sông rồi xem. Lúc ấy các cậu sẽ thấy được một cách khai thác vàng mới mẻ. Lúc đó ai mà cản được họ đem củi về đốt cho đất mềm ra cho dễ đào, rồi còn khoan hầm, rồi đào dọc theo các thớ đá? Mà cũng chẳng cần phải làm vác việc gì cả. Đất sỏi đào lên không còn sợ rớt trở lại xuống hầm nữa mà cứ đứng đông ở đáy cho đến khi biến thành kem thì thôi. Hừ, lúc ấy họ còn đào sâu xuống cả trăm *foot* để kiếm cho được nhiều vàng hơn nữa là đằng khác. Chắc chắn là tớ sẽ đi với các cậu đấy!

Elijah Elijah phá lên cười rồi lại kéo các bạn mình đi về phía cửa. Ánh Sáng Ban Ngày gọi với theo:

- Gượm đã. Tớ nói nghiêm túc đấy.

Cả ba người vội quay lại nhìn anh, trên nét mặt họ lộ rõ vẻ vừa ngạc nhiên, vừa thích thú, lạ vừa nghi ngờ.

- Thôi đi, cậu cứ đùa mãi, - Finn nói. Hắn cũng là một tay xẻ gỗ, một con người chừng mực lặng lẽ, quê ở bang Wisconsin.

- Chó và xe của tớ để kia kìa, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp lời. - Vậy là được hết thấy hai xe chia nhau mà chở đồ, tuy nhiên bù lại ta cũng phải đi chậm lại mất một quãng vì những chú chó ấy cũng đã mệt lắm rồi.

Cả ba người đều rất vui, song họ vẫn còn bán tín bán nghi.

- Nào, nhìn đây này, Ánh Sáng Ban Ngày, - Joe Hines buột miệng nói - Bọn tớ không muốn cậu đùa cợt đâu. Chuyện làm ăn đấy. Cậu thật tình muốn đi với bọn tớ chứ?

Ánh Sáng Ban Ngày chỉ chìa tay ra bắt ta họ.

- Thế thì cậu nên đi ngủ thì hơn, - Elijah khuyên - Bọn tớ khởi hành lúc sáu giờ sáng, mà chỉ còn có bốn tiếng đồng hồ nữa để ngủ thì cũng chẳng nhiều nhận gì.

- Hay là mình hoãn lại một ngày để cậu ấy nghỉ cho lại sức đã - Finn đề nghị.

Rõ ràng là lòng kiêu hãnh của Ánh Sáng Ban Ngày bị xúc phạm.

- Không cần, - anh ta la lên - Chúng ta cứ lên đường lúc sáu giờ. Các cậu muốn tớ đánh thức vào lúc mấy giờ nào? Năm giờ nhé? Được rồi, tớ sẽ đánh thức các cậu.

- Mà cậu cũng nên ngủ một chút đi, - Elijah khuyên một cách nghiêm túc - Cậu không thể cứ đi mãi được.

Ánh Sáng Ban Ngày cũng có mệt, rất mệt là đằng khác. Ngay cả cái thân thể rắn như sắt thép của anh cũng phải công nhận thế. Mỗi cơ bắp đều đang la ó lên đòi nghỉ, đều rất hoảng hốt khi nghĩ đến việc phải tiếp tục làm việc và bám đường. Tất cả sự phản kháng của cơ thể này như một cơn sóng tác động mạnh vào đầu óc anh. Thế nhưng sâu lắng hơn lại là cuộc sống, là ngọn lửa của cuộc sống, như thách thức, như khinh bỉ, lại thì thâm vào tai anh rằng mọi người chung quanh đang đưa mắt nhìn anh chờ đợi, rằng đây là lúc phải lợi dụng thời cơ để lập thêm kỳ tích và để biểu diễn cho sức mạnh biết thế nào là sức mạnh. Rõ ràng là cuộc sống đang thì thầm cái giọng phỉnh phờ cũ rích của nó. Tiếp tay với cuộc sống ấy là rượu *Whisky* với tất cả những sự trơ trẽn kiêu căng nhắm nhĩ đến cùng cực của nó.

- Thế các cậu tưởng tớ bị cách ly như vậy chưa đủ sao? - Ánh Sáng Ban Ngày nghiêm giọng hỏi - Hừ, đã hai tháng rồi tớ không được uống một giọt rượu, không được nhảy nhót, không được thấy một người nào cả. Các cậu cứ đi ngủ đi. Tớ sẽ đánh thức các cậu dậy vào lúc năm giờ sáng.

Suốt đêm hôm đó, Ánh Sáng Ban Ngày cứ để nguyên vớ mà ngủ, và đến năm giờ sáng người ta lại nghe anh đập ầm ầm lên cửa phòng của những người bạn làm ăn mới, miệng lại không ngớt hát vang cái điệp khúc mà bạn bè đã theo đó đặt tên cho anh.

- Trời đã sáng bét ra rồi kìa, mấy ông bạn đi tìm linh cảm ở sông Stewart? Trời đã sáng bét rồi kìa! Trời đã sáng bét rồi kìa! Trời đã sáng bét rồi kìa!

Chương 7

Lần này đường dễ đi hơn. Mặt băng trên đường được nện chặt hơn, và họ không phải chạy thur nên chẳng cần gấp gáp làm gì. Mỗi ngày không phải đi nhiều nên số giờ bám đường cũng ít.

Lúc phải chạy thur, Ánh Sáng Ban Ngày đã loại hết ba gã thổ dân. Còn những người bạn làm ăn này hiểu rằng họ không được tự cho phép mình bị loại khỏi cuộc khi tới những doi đất ở sông Stewart nên phải đi với tốc độ chậm hơn. Tới trại Bốn Mươi Dặm, họ dừng lại hai ngày cho chó nghỉ ngơi. Ở trại Sáu Mươi Dặm, bày chó của Ánh Sáng Ban Ngày được giao cho một người khách thương giữ bởi vì, khác với anh, chúng không phục hồi sức lực được sau cái chuyến chạy kinh khủng từ Selrk về lại trại thị trấn Vùng Cực. Bốn người đành phải thắt một bày chó mới vào xe của Ánh Sáng Ban Ngày rồi lên đường.

Đêm hôm sau họ hạ trại trong vùng đảo ở cửa Sông Stewart. Ánh Sáng Ban Ngày cứ nói mãi về việc chọn địa điểm để sau này xây dựng thị trấn, và để mặc cho họ cười nhạo, anh cứ đánh dấu chủ quyền cái vùng đảo cao có lắm cây ấy.

- Cứ giả dụ như kiếm được vàng trên sông Stewart đi, - anh bảo - Có thể là các cậu sẽ lao vào kiếm ăn và cũng có thể không. Nhưng tớ thì chắc. Tốt nhất là các cậu cứ nghĩ kỹ lại đi và cùng công ty với mình.

Nhưng họ vẫn bướng bỉnh.

- Cậu cũng giống hết cái bọn Harper và Joc Ladue, - Joe Hines nói - Bọn chúng lúc nào cũng chơi cái màn đó. Cậu biết cái bờ đất bằng phẳng dưới sông Klondike chỗ chân núi Da Hươu đấy chứ, cái lão lo việc đăng ký đất ở trại Bốn Mươi Dặm mới nói với tớ là thảng trước họ cũng đánh dấu chủ quyền chỗ đó đấy. Lại còn lấy tên là thị trấn Harper và Ladue nữa chứ. Nghe thật buồn cười! Ha, ha, ha!

Elijah và Finn cũng hô hố cười theo. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày lại rất nghiêm túc:

- Thế đấy? - Anh la lên - Đúng là cái linh cảm ấy đấy! Tớ đã bảo các cậu là nó đang lờn vờn trong không khí, phải không nào? Nếu như họ không cảm thấy điều đó thì họ xin chúng nhận quyền sở hữu cái bờ đất bằng đó làm gì? Ước gì tớ sở hữu nó.

Cái vẻ tiếc nuối trong giọng nói của anh làm ba người kia phá lên cười.

- Cứ cười đi rồi xem! Cái ngọc của các cậu là ở chỗ đó. Các cậu cứ nghĩ rằng cách kiếm tiền duy nhất là đi tìm vàng. Để tớ báo cho các cậu biết, khi vàng được phát hiện các cậu sẽ đi cào đất và vọc bùn chó gì, nhưng

rồi các cậu cũng chẳng còn được bao nhiêu đâu. Cứ thấy vàng ở các doi đất là các cậu đã vội cười toáng lên rồi. Các cậu nghĩ là Thượng Đế tạo ra vàng bụi là để thỏa mãn những nhu cầu cấp bách của mấy tay hám vàng kỳ cựu mà ngốc nghếch như các cậu. Rồi ra các cậu cũng sẽ chỉ hưởng được vàng xấu mà thôi, mà cũng chỉ đào được khoảng phân nửa trữ lượng nằm trong đất là cùng, rồi lại mất đứt phân nửa cái số đào được ấy vào việc sàng đãi cho mà coi. Thế nhưng kẻ thủ lợi nhiều nhất lại chính là người sở hữu cái phần đất đó, dựng lên những công ty thương mại, thiết lập các ngân hàng...

Đến đây thì ba người kia lại phá lên cười làm Ánh Sáng Ban Ngày không nói được nữa. Mở ngân hàng ở cái vùng Alaska này. Cái ý đó mới thật đau đầu.

- Hừ, rồi mở các thị trường chứng khoán...

Họ lại cười đến lăn lộn. Joe Hines lăn trên tấm áo ngủ, cười đến vỡ bụng.

- Rồi những tay đầu nậu về hàm mỏ sẽ đổ về đây mua lại hết tất cả các vùng lạch mà trước đó các cậu chỉ biết có cào bới như những chú gà ngơ nghếch. Rồi họ sẽ dùng thủy lực vào mùa hè, mùa đông thì dùng hơi nước nóng làm mềm đất.

- Bơm hơi nước nóng xuống cho mềm đất? Quá lắm rồi. Ánh Sáng Ban Ngày pha trò hay thật! Bơm hơi nước nóng xuống cho mềm đất? trong khi việc đốt củi làm cho mềm đất cũng còn chưa thử nghiệm, còn là một giấc mơ ở trên trời!

- Cười, mẹ các cậu, cứ cười đi? Rõ thật các cậu có mắt mà cũng như mù. Các cậu ngốc như một lũ mèo con meo meo ấy. Tớ nói cho các cậu biết khi vàng đã được phát hiện trên dòng Klondike rồi thì Harper và Ladue sẽ thành triệu phú đấy. Mà nếu có vàng ở sông Stewart này thì các cậu cứ ngẩn mặt ra mà xem Elam Harnish này. Lúc ấy mà các cậu đến mình mở miệng xin xỏ thì... anh thử một hơi rõ dài, về chịu đựng. Hừ, mình cũng đành đưa các cậu ít vốn liếng hoặc thực phẩm hoặc cái gì đó mất thôi.

Ánh Sáng Ban Ngày có khả năng nhìn xa. Tầm nhìn đó đương nhiên rất hạn hẹp, nhưng một khi anh đã nhìn cái gì thì anh luôn luôn nhìn nó ở tầm cỡ lớn. Đầu óc anh rất trật tự. Sự tưởng tượng của anh rất thực tế và anh chẳng khi nào mơ mộng hão. Khi anh nghĩ đến việc dựng một đô thị

trên một vùng đất hoang vu chỉ có cây và tuyết phủ, anh đặt nền tảng đầu tiên là vùng đó phải có vàng đã mới nói chuyện dựng đô thị được. Kế đó anh để ý tìm chỗ làm bến tàu, rồi chỗ cho nhà kho và xưởng cưa; rồi đến những nhu cầu khác của một thành phố mở miền cực Bắc. Nhưng tất cả chuyện đó lại cũng chỉ làm nên cho một chuyện khác còn lớn lao hơn nữa, đó là để thoả mãn cái trò chơi của tính khí. Rồi thì trong những con đường, những toà nhà, những liên hệ về con người và kinh tế của cái đô thị trong mơ ấy sẽ cung cấp cho anh bao nhiêu là cơ hội. Đây chính là một canh bạc rộng lớn hơn, mà người chơi ngồi bên kia bàn là miền Nam, còn người bên này là chùm ánh sáng xanh đỏ phương Bắc, sát phạt nhau một trận sống mái.

Canh bạc ấy nhất định phải lớn, lớn hơn bất kì mọi canh bạc nào mà người dân ở vùng sông Yukon có thể tưởng tượng nổi, và anh, Ánh Sáng Ban Ngày sẽ phải tham dự vào canh bạc đó.

Trong lúc chờ đợi, Chẳng có cái gì để chứng tỏ có chuyện đó cả, ngoại trừ cái linh cảm, mà cái linh cảm đó đang đến. Cũng giống y như anh tổ đến đồng các cuối cùng vào nước bài xì phé tốt, bây giờ anh sẽ đặt toàn bộ cuộc đời vào canh bạc và nỗ lực vào cái linh cảm là tương lai rồi sẽ dành cho anh một mỏ vàng rất lớn ở thượng nguồn sông. Thế nên lúc nào đây anh và ra người bạn đồng hành, cùng với chó, xe trượt, giày đi tuyết, mới phải lội ngược trên bộ mặt đóng băng của dòng sông Stewart, qua vùng hoang dã tuyết phủ trắng xóa nơi mà sự im lặng không cùng chưa bao giờ bị phá vỡ bởi tiếng người, tiếng búa, hoặc tiếng súng bắn vọng từ xa.

Họ không thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ là có người, mặc dù có một lần họ đi qua một chiếc xuồng chống bằng sào đáng cục mịch nằm ẩn mình trên một bờ đất cao bên cạnh sông. Người giấu nó ở đó, đã không quay lại để lấy nó. Đoàn người thối mắc một chút rồi lại tiếp tục đi. Một lần khác, họ chột đi ngang qua một làng thổ dân, nhưng thổ dân ở đây đã bỏ đi hết rồi. Rõ ràng là họ theo đã theo các nhánh sông Stewart chạy ngược vào vùng núi cao để tìm hươu. Khi đã đi được hai trăm dặm ngược về phía bắc tính từ sông Yukon, đoàn người tới một nơi mà Elijah nhất định là chỗ có các doi đất mà Al Mayo đã nói đến. Họ dựng trại để ở lâu, đem giấu lương thực trên một bờ đất cao để tránh bị chó ăn, rồi bắt tay vào việc ở ngay chỗ

có các doi đất, cắt lớp băng đóng ở xung quanh cho tới khi đục đến lớp sỏi.

Cuộc sống cực khổ và đơn giản. Sau khi ăn sáng, lúc ánh sáng xám đầu tiên vừa ló dạng là họ đã bắt tay vào việc. Khi màn đêm buông xuống, họ nấu nướng và làm một số công việc thường nhật khác rồi ngồi hút thuốc, đầu lảo một lúc trước khi cuộn mình vào những bộ áo đắp và ngủ thiếp đi trong những chùm ánh sáng xanh đỏ Bắc Cực toả sáng trên đầu và các ngôi sao nhảy múa trong trời đêm lạnh lẽo. Thức ăn của họ thật đơn điệu: bánh mì nướng có nhiều men, thịt muối, đậu, lâu lâu mới thêm được món gạo nấu chung với một nắm mận khô. Họ không kiếm được thịt tươi vì tuyết nhiên lúc này ở đây lại không có thú. Hiếm hoi lắm họ mới thấy dấu vết một chú thỏ chân bè hoặc một chú chồn ecmin.

Trên những doi đất họ cũng tìm thấy vàng, nhưng số lượng không bõ công. Trong lúc đi tìm hươu để săn ở một vùng cách đây Năm Mươi Dặm, Elijah xúc một ít đất cát trên bề mặt của một con lạch lớn để đãi thử thì được những hạt vàng lóng lánh. Thế là cả đoàn người vội thắng chó vào xe mang theo một ít đồ rồi đi đến chỗ đó. Chính ở đây, mà có lẽ là lần đầu tiên trong lịch sử vùng sông Yukon, việc đốt củi cho đất mềm ra để dễ đào đã được thử nghiệm. Đó là sáng kiến của Ánh Sáng Ban Ngày. Sau khi đã dọn sạch lớp rêu và cỏ, họ lấy những cành vân sam khô để gây một đồng lửa.

Sau khi đốt được sáu tiếng đồng hồ, đất mềm ra được tám inch. Họ bỏ đến ngập cuộc vào chỗ đó, và sau khi đã xúc hết lớp đất ấy ra, họ lại gây một đồng lửa khác. Sáng họ làm việc rất sớm và tới khuya mới nghỉ. Cuộc thử nghiệm thành công khiến họ rất phấn khởi. Sau khi đã đào được sáu *foot* thì họ đục đến một lớp đá sỏi cứng đã bị đông cứng. Lúc này tiến độ công việc có chậm hơn, nhưng được cái là họ đã học được cách dùng lửa tốt hơn, và cứ mỗi lần như thế có thể làm mềm được từ năm đến sáu inch. Trong lớp đá sỏi này họ tìm thấy vàng bụi, nhưng nó chỉ dày hai *foot* là lại đến lớp đất ở độ sâu mười bảy *foot* họ lại chạm phải một lớp sỏi đá có chứa vàng thô, cứ mỗi nơi đãi thử thu được được từ sáu đến tám đô-la. Tiếc thay, lớp đá sỏi này chỉ dày một inch mà thôi. Dưới lớp đó lại là đất có lẫn những thân cây cổ xưa và những khúc xương hoá thạch của những quái vật mà con người đã quên mất rồi. Nhưng họ cũng đã tìm thấy vàng. Vàng thô. Vậy thì

trên mặt lớp đá nằm sâu trong lòng đất hẳn là còn trữ lượng vàng còn nhiều nữa chứ? Vậy thì họ sẽ đào cho đến lớp đá đó, cho dù nó có sáu đến bốn mươi *foot* cũng mặc. Họ chia làm hai ca, đào hai hố, công việc tiến hành suốt ngày lẫn đêm, khói từ những đồng lửa cứ liên tục bốc lên.

Chính vào lúc này họ hết đậu để ăn và Elijah được phái trở về trại chính lấy thêm. Elijah là dân đi đường kỳ cựu và chịu đựng giỏi. Cuộc hành trình cả đi và về là một trăm dặm, vậy mà hắn hứa là sẽ trở lại đây vào ngày thứ ba, một ngày để đi vì chỉ có tay không còn hai ngày để về vì phải mang nặng. Thế nhưng vào đêm ngày thứ hai đã thấy hắn trở về rồi. Họ vừa nằm xuống định ngủ thì nghe tiếng chân hắn đi tới.

- Có chuyện quỷ gì thế không biết? - Henry Finn hỏi khi thấy chiếc xe trượt tuyết trông rộng được kéo vào vùng lửa sáng và bộ mặt của Elijah vốn đã dài và nghiêm trọng nay lại càng dài và nghiêm trọng hơn.

Joe Hines bỏ thêm củi vào đồng lửa, rồi cả ba người mình khoác áo đắp túm túm lại bên cạnh đó.

Bộ mặt râu ria của Elijah bám đầy băng, cả lông mày cũng thế, đến nổi trong bộ áo lông thú trông hắn cứ như một bức kí họa ông già Noel của vùng New England vậy.

- Các cậu có nhớ cái cây vân sam to lớn đứng đỡ một đầu cái bờ đất cao chỗ mình giấu lương thực ở gần bờ sông không?- Elijah mở đầu.

Sau đó hắn nhanh chóng kể lại cái thảm họa. Cái cây lớn đó, trông thì có vẻ rất cứng cáp và hứa hẹn sẽ đứng vững đến hàng trăm năm, ngờ đâu lại bị mục ngầm. Không hiểu vì lý do gì mà rễ của nó không còn bám chặt vào đất được nữa. Sức đè của bờ đất và tuyết đóng trên cành nặng quá sức chịu đựng của nó, và thế là sự thăng bằng mà nó đã duy trì được với môi trường xung quanh trong bấy lâu bị phá vỡ. Cái cây đổ đánh xầm xuống đất, làm cho bờ đất cũng đổ và phá vỡ luôn sự thăng bằng mà bốn con người và mười một con chó từ trước tới nay vẫn giữ được với thiên nhiên. Nguồn lương thực thế là mất hết. Lũ chồn gulo đã kéo đến chỗ lương thực đó Cái gì không ăn được thì chúng phá cho hư hết.

- Chúng nó ăn hết thịt muối, mận khô, đường và thức ăn của chó - Elijah báo cáo - Nói sai xin Chúa phạt, chúng nó gặm thủng hết các bao, các

túi làm đồ vung vãi bột, đậu, gạo suốt từ Dan đến Beersheba. Tôi tìm thấy mấy cái bao rỗng nằm lẫn lóc cách đây cả 1/4 dặm.

Trong một phút không ai nói tiếng nào. Thật là một đại họa khi phải ở giữa một nơi không có thú vào mùa đông Bắc Cực mà lại mất hết lương thực. Họ không hoảng hốt, Nhưng họ còn mãi nhìn thẳng vào tình thế để suy xét. Joe Hiaes là người đầu tiên lên tiếng:

- Chúng mình có thể đãi tuyết để thu lại đậu và gạo... mặc dù cũng chỉ còn được tám đến mười cân gạo là cùng. Rồi một người trong bọn ta phải đánh xe về trại Sáu Mươi Dặm - Ánh Sáng Ban Ngày tiếp lời.

- Để tôi đi cho, - Finn nói.

Họ suy nghĩ thêm một lúc nữa.

- Nhưng ba người ở lại và bây chớ kia sẽ lấy gì mà ăn đây? - Hines hỏi.

- Chỉ còn có mỗi một cách, - Elijah góp ý - Cậu đánh chiếc xe còn lại, Joe, đi ngược dòng Stewart cho đến khi gặp thổ dân, rồi kiếm một ít thịt đưa về. Cậu sẽ về đây trước khi Henry từ trại Sáu Mươi Dặm quay lại nhiều. Trong khi cậu đi thì ở đây chỉ còn phải nuôi hai miệng ăn là mình và Ánh Sáng Ban Ngày mà thôi. Bọn này sẽ ráng ăn dè.

- Sáng mai mình sẽ trở về chỗ giấu đồ đó đã tuyết để tìm xem còn có thể lấy lại được những gì? - Ánh Sáng Ban Ngày vừa nói vừa nằm xuống và cuộn mình vào trong tấm áo đắp. Anh nói thêm - Tốt hơn là đi ngủ để mai đi sớm. Hai cậu mai nhớ đem theo chó nhé, Elijah và tớ sẽ đi rải ra hai bên xem có xua được con hươu nào không.

Chương 8

Không ai để mất thời gian. Hines và Finn cùng với các con chó đã lên đường đi thẳng về trại cũ được hai ngày rồi. Họ đã phải nhịn ăn bớt. Vào trưa ngày thứ ba Elijah tới chỗ họ báo cho biết là không thấy bóng dáng một con hươu nào cả. Đêm đó Ánh Sáng Ban Ngày cũng tới với cùng một nội dung báo cáo như thế. Ngay khi tới chỗ trại cũ, họ liền bắt tay vào việc sàng lọc chỗ tuyết xung quanh khu vực cất giấu thực phẩm một cách hết sức cẩn thận. Công việc quả là khó, bởi vì họ thấy những hạt đậu nằm vung vãi cách chỗ cất giấu đến cả trăm thước. Cả ngày hôm sau, họ cũng tiếp tục công việc đó, nhưng kết quả thật đáng buồn. Bản lĩnh của bốn người đã được chứng minh qua việc phân chia cái số thực phẩm ít ỏi mà họ vừa vớt vát

được. Tuy nhỏ nhoi nhưng phần lớn số thực phẩm đó được dành cho Ánh Sáng Ban Ngày và Elijah. Hai người sẽ ra đi với bầy chó, một ngược lên và một xuôi xuống dòng Stewart, như thế sẽ tiếp cận với nguồn lương thực một cách mau chóng hơn. Hai người ở lại phải cố sống sót cho đến khi họ trở về. Hơn nữa, dù đám chó có phải chạy chậm vì mỗi ngày mỗi con chỉ được mấy *ounce* đậu để ăn đi nữa thì khi cần họ vẫn có thể giết chó mà ăn thịt, còn những người ở lại thì khi cần cũng chẳng đào đâu ra thịt mà ăn. Chính vì lý do này mà Ánh Sáng Ban Ngày và Elijah đã tình nguyện chịu phần bấp bênh hơn đó. Họ không thể tỏ ra kém cỏi, mà họ thực cũng chẳng muốn tỏ ra kém cỏi nữa. Ngày cứ thế trôi qua và mùa đông đã bắt đầu - một cách khó nhận biết được - lẫn vào trong mùa xuân phương Bắc lúc nào cũng đến một cách hết sức bất ngờ. Mùa xuân năm 1896 đang đến dần. Mỗi một ngày qua là mặt trời mọc ở phương nam hơi nghiêng về phía đông, ở lại trên bầu trời lâu hơn rồi lặn hơi chệch về phía tây một chút. Khi tháng Ba chấm dứt và tháng Tư bắt đầu, Ánh Sáng Ban Ngày và Elijah lúc này rất gầy guộc và đói ăn, bắt đầu tự hỏi không hiểu chuyện gì đã xảy ra với hai người bạn kia. Cho dù họ có phải bị trễ vì bất kỳ lý do gì chẳng nữa thì lẽ ra họ đã phải trở về đây lâu rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ đã phải trở về đây lâu rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ đã gặp phải tai họa rồi. Họ đã dự kiến trước trường hợp một người sẽ bị nạn nên đã phái hai người đi hai hướng khác nhau. Thật là tuyệt vọng nếu cả hai người ấy đều bị nạn.

Trong lúc vừa chờ đợi vừa hy vọng mong manh, Ánh Sáng Ban Ngày và Elijah cố tìm cách tồn tại cho bằng được. Tuyết chưa bắt đầu tan nên họ có thể hút tuyết ở chỗ thực phẩm vung vãi lúc trước cho vào nồi, vào xô, vào chậu để đãi để đun cho lỏng ra. Đợi cho nước lắng lại rồi gạn đi họ sẽ thu được một lớp keo mỏng bám ở đáy nồi và chậu. Trong lớp keo bột này, đôi khi lẫn cả lá chè hoặc bã cà phê, cũng có bám cả đất và rác. Tuyết ở càng xa chỗ giấu thực phẩm càng chưa ít bột hơn, và khi họ đun nó lên thì chỉ thu được một lớp keo ngày càng mong.

Elijah lớn tuổi hơn nên là người đầu tiên ngã quỵ, hầu như suốt ngày nằm chết dí trong tấm áo đắp bằng lông thú. Thịnh thoảng họ bắn được một con sóc và nhờ nó mà họ kéo dài sự sống. Việc săn bắn này đổ cả lên Ánh Sáng Ban Ngày, và chuyện này cũng chẳng dễ dàng gì. Vì chỉ còn có ba

mười vòng đạn nên anh không dám bắn trật một phát nào. Mà khẩu súng của anh thuộc loại 45-90 nên muốn hạ được thú anh phải bắn vào đầu chúng, và cũng chỉ bắn được thú nhỏ mà thôi. Thú rất hiếm, và có khi trong nhiều ngày liền anh không thấy bóng dáng một con nào. Mỗi khi phát hiện được một con là anh hết sức cẩn thận. Anh bám theo nó đến hàng giờ đồng hồ. Có đến hàng chục lần anh yếu tay run rẩy nên chỉ ngấm vào con vật mà không dám bóp cò. Chỉ khi nào chắc chắn tuyệt đối thì anh mới bắn. Mặc cho cái đói và dòng ham muốn cái khối sinh vật lúc nào cũng lít chít phập phồng kia có hành hạ anh đến thế nào chẳng nữa, anh cũng không chịu bắn phiêu một phát đạn. Là kẻ sinh ra để đánh bạc, lúc này đây anh đang chơi một canh thật lớn. Tiền đặt là sinh mạng của anh, các con bài là các viên đạn, và anh đã chơi như chỉ có những tay đại cò bạc mới dám chơi, hết sức cẩn thận, hết sức cẩn thận, hết sức cảnh giác, và hết sức suy xét. Kết quả là chưa bao giờ anh bắn trật. Cứ mỗi phát đạn là một con sóc, và tuy có nhiều ngày liền anh chẳng có gì để bắn, song phương châm bắn của anh vẫn không thay đổi.

Họ không bỏ một thứ gì trong con sóc bắn được ngay cả da cũng được nấu thành nước xúp, còn xương thì được giã thành mảnh nhỏ để nhai và nuốt. Ánh Sáng Ban Ngày cũng đi lùng trong tuyết và đôi lúc cũng bắt gặp ba vạt dâu râu. Những quả tốt nhất chứa hạt và mọng nước, bên ngoài có một lớp vỏ thô bao bọc. Nhưng những quả dâu râu mà anh tìm được lại là những quả đã mọc từ năm trước, bây giờ đã khô héo quắt queo, và chất dinh dưỡng của chúng coi như chẳng còn gì. Tốt hơn một chút là những vỏ cây non đem hầm trong một tiếng đồng hồ, sau đó phải nhai thật lâu trước khi nuốt.

Khoảng cuối tháng Tư thì mùa xuân đến. Ngày dài ra. Dưới sức nóng của mặt trời, tuyết bắt đầu tan trong khi đó từ phía dưới những dòng nước nhỏ bắt đầu rỉ lên. Gió từ đèo Chinoot thổi về suốt trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Những chú chim tuyết mình trắng toát từ phương nam bay về, dừng lại đó một ngày, rồi lại tiếp tục cuộc hành trình về phương Bắc. Phía dưới chân bờ sông Ánh Sáng Ban Ngày tìm thấy một bụi liễu tí hon đang đơm nụ. Những nụ này khi đem hầm lên thì hình như có thể nuôi sống con

người được. Elijah đã hơi hơi hy vọng, nhưng liền thất vọng ngay khi biết Ánh Sáng Ban Ngày không còn tìm được một bụi liều nào nữa.

Cây cối thêm nhựa sống, và hàng ngày những dòng nước nhỏ rỉ lên nghe càng rõ trong lúc mặt đất lạnh cũng đang sống lại. Tuy vậy, dòng sông vẫn cứ bị băng xiềng cứng. Trong những tháng đang dài, băng đã bị đóng cứng ở đó rồi, không thể ngày một ngày hai mà mùa xuân có thể phá đi nổi. Vào khoảng ngày 10 tháng Năm, băng đóng trên dòng Stewart, sau một tiếng rắc dữ dội, đã bị tách khỏi bờ và nâng cao lên ba *foot*, băng ở hạ nguồn sông Yukon chỗ dòng Stewart chảy vào bị tách ra khỏi bờ và trôi đi trước.

Vào ngày 12 tháng Năm, hai người bắt đầu đi trên băng xuôi theo dòng sông, mang theo áo đắp, một cái xô, một cái búa và khẩu súng quý báu. Mục đích của họ là đến cho được nơi cất giấu chiếc xuồng chống băng sào mà họ đã thấy lúc trước để khi sông hết đóng băng họ có thể cho xuồng trôi theo dòng đến trại Sáu Mươi Dặm. Họ đi rất chậm chạp và khó nhọc, bởi vì người đã yếu sức mà lại thiếu lương ăn. Elijah cứ vấp ngã luôn không đứng dậy nổi. Ánh Sáng Ban Ngày phải dùng hết sức dựng hấn dậy, vậy mà hấn cũng chỉ loạng choạng đi được một đoạn như kẻ mất hồn rồi lại vấp ngã lần nữa.

Vào cái ngày mà đứng ra họ phải đến chỗ giấu xuồng, Elijah hoàn toàn ngã quỵ. Khi Ánh Sáng Ban Ngày dựng hấn dậy hấn lại ngã ngay. Anh bèn cố dìu hấn đi, nhưng sức anh cũng đã yếu lắm rồi nên cả hai lại cùng ngã vật ra. Kéo Elijah lại gần bờ sông. Ánh Sáng Ban Ngày dựng tạm một cái lều rồi bắt tay ngay vào việc săn lùng sóc. Bây giờ anh cũng hay vấp ngã. Đến tối anh bắt gặp con sóc đầu tiên, nhưng anh không thể nhắm cho chính xác được vì trời quá tối. Với sự kiên nhẫn của những người sơ khai, anh đợi cho đến ngày hôm sau, và sau một tiếng đồng hồ rình ngắm, anh đã hạ được nó. Anh dành phần lớn thịt con sóc cho Elijah, còn mình chỉ ăn xương và các phần khó ăn khác.

Song sự chuyển biến hoá học của sự sống thật kỳ diệu nên khi họ đã ăn xong sinh vật bé nhỏ đóm cái cục thịt tí teo biết nhúc nhích đó đã truyền vào thân thể họ cái khả năng cử động, và giúp họ có thể loạng choạng đi hết

những chặng đường còn lại Khi vừa đến chỗ giấu chiếc xuồng, cả hai người cùng ngã gục và cứ thế nằm bất động trong một thời gian rất lâu.

Đối với một con người khỏe mạnh thì việc hạ chiếc xuồng từ chỗ cất giấu xuống mặt đất không phải là một vấn đề khó, nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã phải mất mấy giờ liền mới làm được chuyện ấy. Rồi anh lại phải bỏ ra nhiều giờ nữa, hết ngày này qua ngày khác, vừa lê mình quanh chiếc xuồng vừa dùng rêu để trét lại cho kín những mép nổi bị hở. Khi mọi việc đã xong, băng đóng trên sông vẫn chưa chịu thoát đi. Nó dâng cao thêm nhiều *foot*, nhưng không theo dòng thoát đi ra biển được. Trong lúc chờ đợi, còn một việc khác phải làm, đó là chuẩn bị cho chiếc xuồng hạ thủy. Để làm việc này, Ánh Sáng Ban Ngày, dù đi không vững và vấp ngã liên tục, cũng phải cố bò trong tuyết lạnh hay trên mặt băng về đêm, cốt tìm bắt cho được một con sóc nữa, hy vọng cái sức giúp con sóc nhảy nhót và kêu chí chóe sẽ được chuyển thành sức lực giúp anh nài và kéo chiếc xuồng đến bên mép băng bên bờ sông sẵn sàng chờ dịp hạ thủy. Nhưng anh đã thất vọng.

Đến tận ngày 20 tháng Năm băng đóng trên sông mới chịu chuyển dịch. Vào năm giờ sáng, các tảng băng bắt đầu trôi xuôi dòng ra biển, hết va vào bờ sông lại bật ra, làm bật rễ những thân cây đưa được chiếc xuồng lên chỗ đỉnh bức tường băng, mũi xuồng hơi nghéch ra ngoài song chắc chắn.

Sau đó anh phải bò bằng cả hai tay lẫn hai chân, đi lấy tấm áo đắp bằng da thỏ, khẩu súng và cái xô đem chắt lên xuồng. Anh không bận tâm về cái búa, bởi vì như vậy thì anh sẽ phải bò thêm hai mươi *foot* đi rồi về nữa. Mà anh cũng chẳng cần gì đến nó nữa, bởi vì nếu có khi nào cần phải dùng đến búa, anh cũng chẳng là anh không còn đủ sức để sử dụng nó.

Việc di chuyển Elijah khó khăn hơn là anh đã dự kiến. Mỗi lúc một vài inches rồi lại nghỉ lấy sức, cuối cùng anh cũng kéo được hán qua phần đất băng, ngược lên đông băng vỡ đến cạnh chiếc xuồng. Nhưng anh không làm sao đưa được hán vào xuồng. Cái thân hình mềm oặt của Elijah khó nhấc lên hơn so với một vật cùng trọng lượng và kích thước nhưng rắn cứng. Ánh Sáng Ban Ngày không nâng hán lên được bởi vì thân người hán cứ thụng xuống ở quãng giữa giống y như một bao ngô không được nén chặt. Ánh Sáng Ban Ngày phải trèo vào trong xuồng rồi ra sức kéo Elijah

lên nhưng vô vọng. Anh chỉ có thể đưa được phần đầu và vai của hắn lên được mép xuống. Nhưng khi anh buông ra, đưa tay định nắm phần dưới của hắn để kéo tiếp vào thì người Elijah lại gãy gập lại và đổ ập xuống mặt băng.

Thất vọng. Ánh Sáng Ban Ngày bèn thay đổi chiến thuật. Anh giơ tay tát vào mặt hắn.

- Lay chúa, cậu là một thằng đàn ông đấy chứ? - anh hét lớn - Tớ bảo này, mẹ kiếp, nghe không hử?

Cứ mỗi lần "hử" như vậy là anh lại giơ tay tát vào má, vào mũi, vào mồm Elijah, hy vọng cái đau sẽ làm linh hồn đang lịm đi của hắn tỉnh táo lại và ý chí đã lạc mất của hắn trở về. Mắt của hắn hấp háy mở ra.

- Nghe đây này! - Ánh Sáng Ban Ngày la lên giọng khàn khàn - Khi tớ kéo được đầu cậu lên mép xuống thì cậu phải rán bám lấy nó. Nghe chưa? lấy răng mà ngoạm vào ổ chèo cũng được nhưng phải bám lấy.

Mắt Elijah hấp háy rồi khép lại. Ánh Sáng Ban Ngày biết là hắn đã nghe. Anh lại cố kéo đầu và vai hắn đặt lên mép xuống.

- Bám lấy nào! Mẹ kiếp, cứ ngoạm chặt lấy ổ chèo ấy! - anh vừa hét vừa đưa vôi tay nắm lấy phần dưới của hắn.

Một bàn tay của Elijah tuột khỏi ổ chèo. Những ngón tay của bàn tay kia cũng bắt đầu rời lỏng nhưng Elijah vẫn tuân lệnh có dùng răng cắn chặt lấy ổ chèo. Khi Ánh Sáng Ban Ngày kéo lần thứ hai, mặt hắn chà lên mép xuống về phía trước, mũi, môi, cằm bị thớ gỗ cạo trọt cả da. Cứ thế, mặt chúc xuống, hắn được Ánh Sáng Ban Ngày kéo dần vào cho đến khi hắn nằm vắt vẻo ngang ổ chèo, hai chân lòng thòng bên ngoài. Như vậy là chỉ còn đôi chân nữa mà thôi, và Ánh Sáng Ban Ngày dễ dàng hất chúng vào trong xuống. Vừa thở hồng hộc anh vừa lật hắn cho cho nằm ngửa lại rồi đắp tấm áo ngủ lên mình hắn. Thế là chỉ còn có mỗi một việc cuối cùng, đó là việc hạ thủy chiếc xuống. Đây là công việc cần nhất mà cũng nặng nề nhất vì buộc phải để Elijah nằm ở phía sau xuống để xuống khỏi lật nhào. Như vậy muốn nhấc xuống thì phải rán hết sức bình sinh. Ánh Sáng Ban Ngày gồng người lên và bắt đầu. Có một cái gì đó trong anh chột đứt tung, bởi vì dù không biết đó là cái gì, ngay sau đó anh biết là mình đang nằm vắt ngang người trên đuôi xuống nhọn cạnh. Lần đầu tiên trong đời anh hiểu là

mình đã bị kiệt sức hoàn toàn, không còn cử động gì được nữa. Mà thật lạ thay, anh thấy mình cũng đứng đung vớ tất cả chuyện ấy. Những ý niệm sắc cạnh như những lưới thép, và những hình ảnh rõ ràng như thật hiện ra trước mắt anh.

Chính anh, kẻ đã từng coi khinh cuộc sống trần trụi này, lại chợt thấy rằng từ trước đến giờ chưa lúc nào anh lại chứng kiến cái trần trụi của cuộc sống nhiều đến như vậy. Lần đầu tiên trong đời anh đâm ra nghi ngờ cái bản chất tuyệt vời của mình. Trong một lúc cuộc sống đâm ra phân vân và quên cả nói dối. Ngẫm cho cùng thì anh cũng chỉ là một con mọt đất nhỏ bé, hết như những con mọt đất khác vậy, hết như con sóc mà anh đã ăn thịt, hết như những người khác mà anh đã từng thấy thất bại rồi chết, như Joe Hines và Henry Finn rõ ràng là đã thất bại hoặc chết rồi, hoặc như Elijah đang nằm kia đã thất bại hoặc chết rồi, hoặc như Elijah đang nằm kia, dưới đáy xuồng, mặt trầy trụa và mặc kệ sự đời.

Anh đã từng thấy người và vật chết. Bây giờ những cái chết đó, có đến hàng chục hàng chục, hiện ra trong óc anh. Anh thấy lại những cái chết này hết như lúc chúng mới xảy ra ấy, vậy mà chúng vẫn không làm anh thấy rung mình. Có gì đâu nào? Họ đã chết rồi, chết lâu rồi, mà họ nào có bận tâm về việc đó đâu. Họ đâu còn phải nằm gác bụng lên một chiếc xuồng mà chờ chết. Chết dễ chịu thật dễ chịu hơn anh đã tưởng nhiều, và, vì cái chết lúc này rất gần anh nên khi nghĩ đến nó anh lại thấy vui vẻ.

Trong đầu anh, một hình ảnh khác lại hiện ra. Anh thấy cái thành phố nhộn nhịp trong mơ của mình, cái đô thị vàng của miền Bắc Cực, nằm phía trên sông Yukon, trên bờ cao và chạy dài suốt dải đất bằng ấy. Anh thấy những con thuyền chạy bằng hơi nước được neo dọc theo bờ, cứ mỗi một chỗ là ba chiếc xếp từ trong ra ngoài. Anh thấy những xưởng cưa đang hoạt động, và những toán chó nhiều con, kéo theo sau những chiếc xe trượt lớn gấp đôi, đang chuyên chở đồ tiếp tế ra những chỗ đào vàng. Rồi anh thấy cả những nhà chứa bài, ngân hàng, thị trường chứng khoán, rồi tất cả những hàng hoá và tiền, những miếng thẻ thay tiền lúc chơi bài, những vận hội của một canh bạc lớn hơn tất cả những vận hội của một canh bạc lớn hơn tất cả những anh. bạc mà anh đã từng thấy.

Thật là địa ngục, anh nghĩ, khi cái linh cảm kia ngày một rõ hơn, khi chắc chắn sẽ có rất nhiều vàng đào được mà lại phải ở ngoài cuộc chơi. Cuộc sống như run lên, như cục cựa trong người anh khi nghĩ đến điều đó. Nó lại bắt đầu cất lên cái tiếng lừa dối cũ kỹ. Trong lúc chờ đợi điều đó anh phải rán vận sức lên. Anh biết rõ tình trạng của mình. Nếu như nỗ lực đầu tiên thất bại thì những nỗ lực sau chắc chắn cũng sẽ thất bại. Anh phải gom hết tàn lực vào một nỗ lực duy nhất, lấy hết sức đến độ sẽ không còn gì cho những nỗ lực sau nữa.

Anh nâng đuôi xuống lên, nâng với cả tâm hồn lẫn thể xác, sẵn sàng huỷ hoại chính bản thân anh, cả tâm hồn lẫn thể xác, trong cái nỗ lực đó. Chiếc xuống nhích lên. Anh có cảm giác là anh sắp ngất, nhưng anh vẫn cố nâng. Anh cảm thấy chiếc xuống trượt đi, bắt đầu lao theo bờ băng dốc. Bằng tàn lực cuối cùng, anh lao nhanh vào chiếc xuống rồi rớt xuống một cách thảm hại trúng vào đôi chân của Elijah. Anh không gượng dậy được nữa, và trong lúc nằm đó, anh nghe và cảm thấy chiếc xuống lướt trên mặt nước nhẹ nhàng thoải mái.

Ánh Sáng Ban Ngày tỉnh lại và hiểu rằng anh đã thiếp đi. Nhìn mặt trời anh biết là đã ngủ được nhiều giờ rồi. Trời lúc này đã về chiều. Anh lê mình về phía đuôi xuống và ngồi dậy. Chiếc xuống lúc này đang trôi lênh đênh giữa dòng. Hai bờ sông phủ băng lấp lánh và có cây mọc, đang lướt qua trước mắt anh. Gần chỗ anh có một cây thông to lớn bị bật gốc đang trôi. Một sự chuyển đổi của dòng nước mang chiếc xuống lại sát thân cây thông. Bò ra phía trước, anh lấy sợi dây neo ở mũi xuống buộc vào một nhánh rẽ. Thân cây thông, chìm sâu dưới mặt nước, trôi nhanh hơn chiếc xuống, và sợi dây neo căng ra cùng lúc chiếc xuống bị kéo hất về phía trước. Sau khi nhìn khắp chung quanh một lượt để thấy bờ sông ngả nghiêng xiêu vẹo và mặt trời đánh đu như một con lắc ở ngang trời, Ánh Sáng Ban Ngày đưa tay kéo chiếc áo đắp bằng ba thỏ lên người, nằm ngả xuống đáy xuống và thiếp đi.

Anh lại lại vào những giấc mơ và suy nghĩ của anh, liên tục bị ngắt ngang bởi những khoảng trống trong đó anh không ngủ, không ngất đi mà cũng không nhận biết được gì cả. Anh có cảm giác như các mẫu răng bánh xe đang trượt trong đầu mình vậy. Cứ như thế, lúc nghĩ được lúc không, anh

duyet lại tình hình. Anh vẫn còn sống, và hình như chắc sẽ được cứu sống, nhưng thế thì tại sao anh lại không chết khi nằm vắt mình ở đuôi xuống khi còn ở trên bức tường băng nhỉ? Anh nhớ lại cái nỗ lực to lớn cuối cùng mà mình đã làm. Mà tại sao anh lại làm như thế chứ? Anh tự hỏi. Chẳng phải là anh sợ chết. Anh không sợ điều đó, chắc chắn thế. Rồi anh nhớ đến cái linh cảm và cái số vàng lớn lao mà anh tin là sẽ tìm thấy, và anh hiểu rằng anh đã bị thôi thúc bởi cái ước muốn được chơi một tay trong canh bạc lớn đó. Mà tại sao như vậy? Giả dụ như có được một triệu đô-la đi nữa thì cũng để làm gì? Anh cũng sẽ chết đi thôi, cũng hết như những kẻ chỉ kiếm đủ vàng để trang trải phí tổn đào vàng mà thôi. Vậy thì tại sao nhỉ? Đến đây sự suy nghĩ của anh bị cắt ngang bởi những khoảng trống càng lúc càng nhiều đến nỗi anh đành đầu hàng cái mệt mỏi dễ chịu đang lan dần khắp cơ thể.

Rồi anh tự ngồi bật dậy. Có một cái gì đó nói thầm vào tai anh là anh phải thức dậy ngay. Ngay lúc đó anh nhìn thấy trại Sáu Mươi Dặm, cách xuống không đầy trăm *foot*. Dòng nước đã đưa anh đến ngay cổng trái. Nhưng cũng dòng nước đó đang kéo anh trôi tiếp về vùng hoang dã phía cuối sông. Anh không trông thấy ai cả. Ngoài cột khói từ một ống khói bếp đang bốc lên, hẳn là chỗ này đã bị bỏ hoang. Anh cố thử gọi, nhưng đã hết hơi rồi. Một tiếng rít khàn khàn lạ lùng lúc lúc lại hờ hờ thoát khỏi cổ họng. Anh đưa tay mò mẫm lấy khẩu súng, tựa bả lên vai và bóp cò. Báng súng giật ngược làm toàn thân anh đau như bị ai nện cho hàng ngàn cú. Khẩu súng rớt xuống nằm ngang đầu gối anh. Anh cố nhấc nó lên vai lần nữa nhưng không được. Anh biết rằng anh phải hành động mau lẹ, và cảm thấy như mình sắp ngất đi. Cứ để khẩu súng nằm như vậy, anh bóp cò. Khẩu súng giật lui rớt ra ngoài mạn xuống. Nhưng ngay trước khi mất anh tối sầm lại, anh kịp thấy cánh cửa bếp mở ra và một người đàn bà nhìn ra ngoài từ căn nhà ghép bằng những thân gỗ to lớn, lúc này như đang nhảy loạn trong rừng cây xung quanh.

Chương 9

Mười ngày sau, Harper và Joe Ladue có mặt ở trại Sáu Mươi Dặm. Ánh Sáng Ban Ngày tuy còn hơi yếu, vẫn còn đủ sức để tuân theo sự thôi thúc của linh cảm, đã đổi một phần ba chỗ đất của mình ở sông Stewart lấy một phần ba đất ở sông Klondike của Harper và Joe Ladue. Họ tin là có

vàng ở vùng phía Bắc, và Harper đã rời trại Sáu Mươi Dặm xuôi dòng theo một chiếc xà lan chở đầy dụng cụ để dựng một cái trạm nhỏ ở cửa sông Klondike. Trước khi chia tay hăn khuyên Ánh Sáng Ban Ngày:

- Sao cậu không thử tìm ở chỗ sông Indian coi? Chỗ đó có nhiều ngòi rạch lắm, và vàng đang đợi mình đến đấy đấy. Tớ có linh cảm như thế. Thế nào cũng tìm được nhiều vàng ở đó và con sông đó cũng sẽ chẳng còn xa xôi gì nữa đâu.

- Mà lại có nhiều hươu nữa chứ, - Joe Ladue nói thêm - Bob Henderson cũng đã lên đó được ba năm nay rồi. Hăn thề sẽ có chuyện lớn xảy ra, suốt tháng chỉ sống bằng thịt hươu và mò tìm như một thằng điên vậy.

Ánh Sáng Ban Ngày quyết định thử "chơi một ván" trên sông Indian, theo cách nói của anh. Nhưng anh không thuyết phục nổi Elijah đi theo mình. Cái đói huỷ hoại tâm hồn hăn rồi, và cứ nghĩ đến phải chịu đựng như vậy một lần nữa là hăn lại thấy sợ.

- Mình chẳng thể rời thức ăn ra được, - hăn giải thích - Mình biết như vậy thật chẳng khác gì một thằng ngốc, nhưng mình không dừng được. Điều duy nhất mình làm được lúc này là rời bàn ăn khi biết mình đã no đến căng bụng chẳng còn có thể chứa thêm được nữa. Mình sẽ về thị trấn Vùng Cực ẩn náu một thời gian cho đến khi cơn bệnh sợ đói này khỏi hăn đã.

Ánh Sáng Ban Ngày nán ná thêm ít ngày nữa cho lại sức và để thu xếp số đồ đạc ít ỏi của mình. Anh dự tính sẽ đi gọn nhẹ, tự mình vác một bao đồ khoảng bảy mươi lăm cân, cả năm con chó cũng phải mang như vậy, theo kiểu thổ dân, mỗi con chịu ba mươi cân. Theo lời Ladue khuyên, anh dự tính bắt chước Bob Henderson và chỉ sống bằng thịt săn được. Khi chiếc tàu kéo chở trại của Jack Kearns từ Hồ Linderman ghé lại trại Sáu Mươi Dặm, Ánh Sáng Ban Ngày gói ghém đồ đạc và đưa chó lên tàu, chuyển giấy xin chủ quyền đất mà anh đã chọn cho Elijan nhờ vô sở giùm. Cùng ngày hôm đó, anh đáp tàu xuống cửa sông Indian.

Về phía trên sông khoảng Bốn Mươi Dặm ở chỗ mà anh nghe người ta gọi là Lạch Thạch Anh, anh phát hiện ra dấu vết của Bob Henderson, rồi ở Lạch Úc Châu cách đó ba mươi dặm cũng thế. Nhưng hết tuần này sang tuần khác, Ánh Sáng Ban Ngày vẫn không gặp được hần. Tuy vậy, anh lại gặp rất nhiều hươu, và anh cùng bày chó được vỗ béo bằng thịt hươu. Trên một số doi đất nổi, anh chỉ đãi được vàng đủ để trả công lao động mà thôi, nhưng khi thấy đất sỏi ở một số con lạch có lẫn rất nhiều vàng bụi thì anh tin là còn rất nhiều vàng thô ở dưới đất chỉ đợi người đào lên mà thôi. Anh hay đưa mắt nhìn về rặng đồi phía bắc và tự hỏi không hiểu vàng có từ đó mà đến không. Cuối cùng anh đi lần ngược Lạch Thuộc Địa đến tận đầu nguồn rồi băng qua vách đá chắn đi xuống đến phụ lưu sông Klondike mà sau này người ta gọi là Lạch Hunter. Lúc còn ở trên vách đá, nếu anh cứ đi theo hướng mỏm đồi lớn nằm ở phía bên phải anh thì anh đã xuống được đến khu mà Bob Henderson đặt tên là Đáy Vàng và đã gặp được anh ta ở đó, đang đãi được mẻ vàng lớn đầu tiên trên dòng Klondike. Thay vì vậy, Ánh Sáng Ban Ngày tiếp tục đi qua Lạch Hunter đến khu đánh cá mùa hè của thổ dân trên bờ sông Yukon.

Anh nghỉ lại nơi đây một ngày với một người da trắng có vợ thổ dân tên Carmack và anh vợ hần là Skookum Jim, sau đó mua một chiếc xuồng, chất bày chó lên rồi cho chạy xuôi dòng Yukon về trại Bốn Mươi Dặm. Tháng Tám sắp qua đi, ngày bắt đầu ngắn lại và mùa đông đang về. Tuy vậy, anh vẫn tin vào linh cảm của mình là vàng sắp xuất hiện rất nhiều trên vùng đất phương Bắc, và dự định sẽ rủ bốn, năm người, hoặc tệ lắm cũng một người cùng anh chống xuồng ngược dòng trước khi mặt nước bắt đầu

đóng băng để tìm vàng trong mùa đông. Nhưng dân ở trại Bốn Mươi Dặm chẳng ai tin tưởng gì ở cái vùng đất phương Bắc ấy cả. Đối với họ những chỗ đào được vàng về phía Tây cũng tốt chán rồi.

Thế rồi tự nhiên anh chàng Carmack, Skookum Jim anh vợ hắn, và Cultus Charlie, một thổ dân khác đi xuống. đến trại Bốn Mươi Dặm đến thẳng chỗ nhân viên phụ trách đất đai mở xin đăng ký chủ quyền ba mảnh đất và một chỗ đã tìm được vàng ở Lạch Thịnh Vượng. Đêm đó, tại Quán Dân Kỳ Cự, họ giở vàng thô ra cho đám người ở đó xem. Họ chỉ lắc đầu, nhe răng cười tỏ vẻ không tin tưởng. Trước kia họ đã chứng kiến những vụ lường gạt như thế nào rồi. Đây rõ ràng là ý đồ của Harper và Joe Ladue muốn dụ dỗ dân tìm vàng đổ xô đến vùng phụ cận của khu đất họ đã đăng ký chủ quyền và có trạm mua bán của họ. Mà Carmack là người như thế nào kia chứ? Chỉ là một anh chàng da trắng có vợ thổ dân. Mà đã có ai nghe thấy một người như vậy tìm thấy vàng bao giờ chưa? Và Lạch Thịnh Vượng là cái gì? Chỉ là một cánh đồng hươu ăn, đổ ra chỗ trên sông Klondike một đoạn và được những dân thổ công ở đây biết đến với cái tên Lạch Con Thỏ. Nếu như chính Ánh Sáng Ban Ngày hoặc Bob Henderson đã đăng ký đất và cho họ thấy vàng thô thì họ sẽ tin ngay là có gì đây rồi. Nhưng đó lại là Carmack, tên da trắng có vợ thổ dân, Skookum Jim và Cultus Charlie. Không, không thể được! Như vậy là bắt họ tin tưởng một cách quá đáng. Chính Ánh Sáng Ban Ngày cũng không tin, mặc dù anh không nghi ngờ gì cả là vùng đất phía Bắc có vàng. Chẳng phải là chỉ mấy ngày trước đây thôi anh đã thấy Carmack đi lang thang với mấy người bạn thổ dân của hắn, và không có cả đến cái ý nghĩa tìm vàng đấy sao? Thế nhưng vào mười một giờ đêm, lúc đang ngồi ở mép giường tháo dây ủng, một ý nghĩ chợt đến với anh. Anh mặc áo và đội nón vào rồi trở lại Quán Dân Kỳ Cự, Carmack vẫn còn ở đó, vẫn để vàng lóng lánh trên tay cho mọi người xem. Họ vẫn chẳng tin tưởng gì, Ánh Sáng Ban Ngày bước lại bên Carmack và dốc cả túi vàng của hắn vào ống thử. Anh xem xét một hồi lâu. Rồi lấy trong túi của mình ra một ít *ounce* vàng tìm thấy ở thị trấn Vùng Cự và trại Bốn Mươi Dặm, anh bỏ nó vào một ống thử khác. Rồi anh lại xem xét và so sánh một hồi lâu. Cuối cùng anh bỏ phần vàng của mình

vào túi, đưa trả lại Carmack chỗ vàng của hắn rồi giơ tay ra hiệu cho mọi người im lặng.

- Tớ muốn nói với các cậu một chuyện. Vàng trên nguồn sông đã xuất hiện rồi đấy. Rõ ràng và chắc chắn là như vậy. Chưa bao giờ vàng bỏ vào ống thử của vùng này lại giống như vậy. Vàng này là loại vàng mới. Nó có nhiều bạc hơn. Các cậu cứ nhìn màu của nó thì biết. Chắc chắn là Carmack đã tìm thấy vàng rồi. Bây giờ có cậu nào đủ tin để đi theo tớ không nào?

Không ai tình nguyện cả. Thay vào đó chỉ có những tiếng cười chế giễu.

- Chắc cậu cũng có đất ở trên đấy chứ gì? - có ai đó hỏi.

- Dĩ nhiên là có, - Ánh Sáng Ban Ngày trả lời - Tớ còn có một phần ba số đất của Harper và Ladue nữa kìa. Rồi cậu sẽ thấy một vạt đất của tớ bán ra cũng còn được giá hơn tất cả cái số vàng gà bới của cậu ở vùng Lạch Bulô cho mà xem.

- Thôi cũng được đi, - một người tên Curly Parson nói xen vào, vẻ xoa dịu - Bọn này biết là cậu nổi tiếng ngay thẳng. Nhưng cậu cũng có thể bị lường gạt như ai với cái trò bày đặt của những kẻ lang thang như vậy. Tớ hỏi thẳng cậu vậy chứ thẳng cha Carmack này đi tìm vàng lúc nào vậy? Cậu có nói là hắn nằm ườn với bọn thổ dân trong trại câu cá hồi, mà mỗi ngày kia đây thôi chứ nào có lâu la gì.

- Ánh Sáng Ban Ngày nói đúng đó, - Carmack cắt ngang một cách nóng nảy - Mà tôi cũng nói thật, thật Kinh Thánh ấy. Tôi không đi tìm vàng. Chẳng khi nào tôi có ý nghĩ ấy. Nhưng khi Ánh Sáng Ban Ngày đi rồi thì hôm đó Bob Henderson đi chiếc bè chở đồ đạc tới. Anh ấy đang đi về phía trại Sáu Mươi Dặm, dự tính sẽ ngược dòng Indian rồi vác cả bè lẫn đồ đạc vượt qua vách đá chắn ngang Lạch Thạch Anh và Đáy Vàng...

- Đáy Vàng là chỗ quỹ nào vậy? - Curly Parson hỏi.

Ở phía bên kia Lạch Thịch Vượng, tức là Lạch Con Thỏ đấy, - Carmack tiếp tục nói - Nó là cái lạch lớn đổ vào sông Klondike ấy mà. Đó là con đường bọn tôi đi lên, nhưng lúc xuống thì lại băng qua vách đá, đi dọc máy dặm theo mồm núi rồi xuống lạch Thịch Vượng. Bod Henderson bảo tôi: "Đi theo tớ đi, Carmack, đi mà xí phần. Lần này thì tớ đào trúng rồi, ở chỗ Đáy Vàng ấy. Tớ tìm được bốn mươi lăm *ounce* vàng rồi đây này

Thế là tôi xí ba mảnh đất ở Đáy Vàng. Rồi bọn tôi theo Lạch Thịnh Vượng trở về xem có kiếm được con hươu nào không. Bọn tôi có ngừng lại ở cái lạch đó để nấu ăn. Sau đó tôi lăn ra ngủ còn Skookum Jim tự nhiên muốn thử kiếm vàng chơi. Chẳng là anh ấy đã thấy Bok Henderson làm rồi nên thử bắt chước. Anh ấy đi đến một gốc cây bulô. Anh ấy xúc đầy đất vào chậu rồi đãi thì được một đô-la vàng. Anh ấy liền gọi tôi dậy và tôi cũng đặt tên con lạch là Thịnh Vượng, cảm bằng đã tìm thấy vàng rồi quay về đây để đăng ký chủ quyền.

Carmack lo lắng nhìn xung quanh xem có ai tin mình không, nhưng chỉ thấy xung quanh mình hoàn toàn là những gương mặt nghi ngờ, trừ có mỗi Ánh Sáng Ban Ngày. Trong khi hắn kể chuyện anh để ý quan sát về mặt hắn rất kỹ.

- Harperr và Ladue trả cho mày bao nhiêu đề phía chuyện này ra vậy? - có ai đó hỏi.

- Hai người đó chẳng biết gì về chuyện này cả, - Carmack trả lời - Tôi nói thật có Chúa chứng giám. Tôi đã đãi được ba *ounce* vàng trong vòng có một giờ đồng hồ.

- Và hiện tại thì số vàng đó kia kìa, - Ánh Sáng Ban Ngày nói - Tớ nói với các cậu rồi, ở cái xứ này chưa bao giờ có loại vàng như thế. Cứ nhìn màu của nó thì biết.

- Có hơi tồi hơn thật, - Curly Parson nói - Nhưng chắc thằng Carmack để chung vàng với mấy đồng đô-la bằng bạc chứ gì. Vả lại, nếu có gì thì tại sao Bob Henderson không tạt về để đăng ký chủ quyền chứ?

- Anh ấy còn ở khu Đáy Vàng mà, - Carmack giải thích - Còn bọn tôi kiếm được anh ấy lúc quay trở lại.

Thay cho lời tán thưởng là cả một tràng cười chế giễu. Ánh Sáng Ban Ngày nói:

- Có cậu nào mai canh ty với tớ chống xuống ra Lạch Thịnh Vượng không nào?

Cũng chẳng có ai xung phong cả.

- Vậy thì ai làm cho tớ, lương trả tiền mặt và trả trước, mai chống xuống chuyên giùm tớ khoảng một ngàn cân thực phẩm nào?

Curly Parson và một người nữa tên Pát Monaha nhận làm. Ánh Sáng Ban Ngày, theo cái thói quen làm liều của mình, trả lương trước cho họ và đặt mua những đồ dùng cần thiết. Thế là anh chẳng còn đồng nào dính túi. Khi đã bước ra đến cửa Quán Dân Kỳ Cự để đi về, anh bỗng quay trở lại quầy rượu.

- Lại có thêm một linh cảm nào mới nữa hả? - có tiếng người hỏi.

- Đúng vậy. Mùa đông năm nay trên dòng Klondike giá bột mì sẽ lên rất cao. Cậu nào có thể cho tớ mượn ít tiền nào?

Ngay lập tức cả chục người trước kia đã từ chối theo anh đi đuổi ngỗng trời lúc này vây quanh anh chìa các túi vàng ra:

- Cậu muốn mua bao nhiêu bột mì nào? - tay thủ kho của Công ty Thương mại Alaska hỏi.

- Khoảng hai tấn.

Đám người chìa túi vàng ra cho Ánh Sáng Ban Ngày mượn không rút tay lại, nhưng họ vẫn không ngăn nổi chuyện phá lên cười khi nghe anh nói vậy.

- Cậu làm gì cần đến những hai tấn vậy?- tay thủ kho hỏi.

- Chú bé ơi, - Ánh Sáng Ban Ngày trả lời - Chú chưa sống ở cái xứ sở này đủ lâu để hiểu hết mọi góc ngách của nó đâu. Tớ tính mở một xưởng làm kim chỉ và dầu gội đầu đấy.

Anh quay sang mượn tiền hết bên này rồi bên kia. Xong, anh lại thuê thêm sáu người nữa, trả tiền ngay, để nhờ chuyển số bột mì chất lên ba chiếc xuồng chống bằng sào nữa. Lần này không những túi cạn sạch mà anh còn nợ ngập đầu nữa.

Curly Parson gục đầu xuống bàn với vẻ tuyệt vọng.

- Điều tớ thắc mắc, - hần rên rĩ, - là không biết cậu làm gì với cái đồng bột mì ấy đây chứ?

- Để tớ nói cho các cậu nghe theo thứ tự A, B, C hoặc 1, 2, 3 cho dễ hiểu đây này, - Ánh Sáng Ban Ngày đưa một ngón tay lên cao và bắt đầu đếm: Linh cảm thứ nhất: Vàng sắp xuất hiện rất nhiều ở vùng đất phía Bắc. Linh cảm thứ hai: Carmack đã lần ra nó rồi. Linh cảm thứ ba: Chẳng phải linh cảm gì ráo. Nó là điều chắc chắn phải đến. Nếu linh cảm một và hai đúng thì giá bột mì sẽ vọt lên đến tận trời. Linh cảm một và hai mà đúng thì

linh cảm ba cũng đúng nên tớ phải theo; mà nếu tớ đúng thì mùa đông năm nay bột mì và vàng trị giá ngang nhau trên bàn cân. Tớ nói cho các cậu hay, một khi các cậu đã có linh cảm thì phải chơi cho đến cùng. Vận may là cái gì nếu các cậu không biết tóm lấy nó? Mà khi tóm lấy nó rồi thì phải lợi dụng nó cho đến cùng. Tớ ở đây đã bao năm nay rồi chỉ để chờ cái linh cảm này đến đấy thôi. Mà giờ thì nó đã đến rồi. Hà hà, tớ phải chơi cú này cho đến cùng. Thôi tớ chào các cậu đây. Xin chào.

Chương 10

Người ta vẫn không tin là sẽ tìm thấy vàng. Khi Ánh Sáng Ban Ngày cùng với các xuồng bột đổ lại chỗ cửa sông Klondike, anh thấy cả dải đất bằng rộng lớn đó vẫn hoang vắng. Ở sát mé sông, anh gặp thủ lĩnh Isaac và bộ lạc của ông ta hạ trại cạnh những giàn phơi cá hồi. Có nhiều tay đào vàng kỳ cựu cũng ở chung với họ. Sau khi làm xong việc đào vàng mùa hè ở Lạch Mười Dặm, họ theo dòng Yukon tính trở về thị trấn Vùng Cực. Nhưng lúc còn ở trại Sáu Mười Dặm, họ đã nghe phong phanh về chuyện phát hiện được vàng ở vùng này nên ghé lại để xem. Lúc họ đang quay trở về xuồng thì Ánh Sáng Ban Ngày tới nơi. Và đang bốc dỡ bột mì. Họ báo lại với anh về rất bí quan.

- Cái cánh đồng hươu quý này ấy mà, - một người tên Long Jim Harney nói và ngừng lại để thổi cho nguội nước trà đựng trong một cái ca bằng thiếc - Cậu chẳng nên dây vào nó mà làm gì, Ánh Sáng Ban Ngày ạ. Thật là thối, bọn chúng tính đánh lừa mình đấy mà. Âm mưu này là của bọn Harper và Ladue. Thằng Carmack cò mồi cho bọn chúng. Có ai đã từng nghe nói đến chuyện tìm vàng ở một cánh đồng hươu rộng nửa dặm giữa hai bờ đá lộ thiên mà chỉ có Chúa mới biết được phải đào sâu bao nhiêu mới tới được mặt đá ngầm bao giờ đâu?

Ánh Sáng Ban Ngày vừa gạt đầu tỏ vẻ thông cảm vừa ngẫm nghĩ một lúc. Sau cùng anh hỏi:

- Thế các cậu đã thử đãi mề nào chưa?

- Đãi cái con khi? - người kia bực mình trả lời - Bộ cậu tưởng tớ là con nít sao chứ? Chỉ có mấy thằng chân ướt chân ráo ngốc nghếch mới chịu khó đi quanh cái cánh đồng ấy vét cho đầy một rổ đất mà đãi thử. Tớ thì chẳng làm cái chuyện ngốc nghếch ấy đâu. Chỉ cần nhìn qua tớ cũng đủ biết vùng

này chẳng có cái quái gì hết. Sáng mai bọn này trở về thị trấn Vùng Cực đây. Tớ chẳng tin tưởng gì ở cái vùng đất phía Bắc này cả. Đối với tớ mấy nhánh thượng nguồn sông Tanana(l) là tốt quả rồi. Các cậu nghe tớ nói này, nếu vàng có xuất hiện thì nó sẽ xuất hiện ở vùng hạ lưu sông kia. Thằng Johnny này đây cũng đăng ký một mảnh đất phía dưới chỗ bọn Carmack cấm bảng đã tìm thấy vàng có một, hai dặm thôi mà nó cũng chẳng tìm thấy gì ráo.

Johnny nghe thấy thế tỏ vẻ bẽn lẽn.

- Tớ cũng chỉ đăng ký chơi thôi mà, - hấn giải thích - Tớ sẵn sàng đổi mảnh đất chỗ vùng lạch đó để đổi lấy một cân thuốc lá hiệu Ngôi Sao đây.

- Thế tớ đổi cho cậu vậy, - Ánh Sáng Ban Ngày nói ngay - Mà nếu tớ có đào lên được hai ba mươi ngàn đô-la ở chỗ đó thì cũng đừng đến mè neho đây nhé.

Johnny toét miệng cười vui vẻ. Hấn hỏi:

- Thế thuốc đâu đưa đây.

- Ước gì tớ cũng đăng ký một miếng đất ở cạnh đó nhỉ, - Long Jim thở ra một cách buồn bã.

- Cũng chưa muộn đâu mà - Ánh Sáng Ban Ngày trả lời.

- Nhưng từ đây đến đó đi cũng phải đến hai mươi dặm chứ bộ chơi à.

- Để mai tớ lên tớ sẽ xí phần cho cậu, - Ánh Sáng Ban Ngày đề nghị - Rồi cậu lại đổi nó cho tớ giống như thằng Johnny đã làm nhé. Các cậu đến thằng Tim Logan mà lấy thuốc. Bây giờ nó đang trông quầy rượu ở Quán Dân Kỳ cự ầy. Cứ bảo nó cho tớ vay mấy cân thuốc. Rồi các cậu ghi tên các cậu vào tờ đăng ký đất, đề là đã nhượng lại cho tớ rồi nộp lại cho thằng Tim là xong.

- Vậy làm cho tớ nữa nhé, - người thứ ba trong bọn Long Jim Harney cũng đề nghị theo.

Vậy là với ba cân thuốc lá nhãn hiệu Ngôi Sao, Ánh Sáng Ban Ngày đã mua được ba mảnh đất, mỗi mảnh rộng năm trăm *foot* ở vùng Lạch Thịnh Vượng. Bản thân anh có thể đăng ký xin một mảnh riêng cho mình nữa, vì ba mảnh kia chỉ là đất nhượng lại.

- Về cái khoản thuốc lá đó, phải nói là cậu chơi phóng tay thật, - Long Jim cười nói - Bộ cậu có hăng thuốc lá ở đâu đó hả?

- Không. Mình chỉ có linh cảm thôi!

Ánh Sáng Ban Ngày đang ở căn lều riêng của mình thì Joe Ladue bước đến. Hắn vừa mới từ Lạch Thịnh Vượng về. Lúc đầu hắn chẳng lộ vẻ quan tâm gì đến chuyện Carmack tìm thấy vàng cả, nhưng sau đó hắn hơi sinh nghi. Cuối cùng, hắn đề nghị anh chia cho hắn một phần đất với giá một trăm đô-la.

- Tiền mặt chứ? Ánh Sáng Ban Ngày hỏi.

- Dĩ nhiên là tiền mặt. Đây này.

Vừa nói Ladue vừa móc túi vàng ra. Ánh Sáng Ban Ngày cầm túi vàng trong tay như để xem nặng nhẹ một cách lơ đãng, rồi cùng với vẻ lơ đãng đó anh cởi dây buộc và đổ một ít vàng bụi ra lòng bàn tay. Cũng giống như vàng của Carmack, vàng của Ladue xảm màu hơn bất kỳ thứ vàng nào mà anh đã thấy. Anh bỏ vàng vào túi, cột lại và đưa trả cho Ladue.

- Tớ nghĩ cậu cần vàng đó hơn mình, - Ánh Sáng Ban Ngày thăm dò.

- Chẳng cần đâu. Tớ còn nhiều đây này - Ladue vội trấn an anh.

- Cậu đào được ở đâu vậy?

Ánh Sáng Ban Ngày hỏi như thể tình cờ vậy thôi. Ladue nghe câu hỏi mà vẫn làm mặt tỉnh queo như một thổ dân vậy. Nhưng ngay lúc ấy cả hai người nhìn thẳng vào mặt nhau, và từ toàn bộ con người của Ladue như nhợt loé lên một cái gì đó rất khó nhận biết. Thế nhưng Ánh Sáng Ban Ngày như đã nhận biết điều đó và đánh hơi thấy có gì bí ẩn trong mắt kẻ đối diện.

- Cậu biết về vùng lạch đó rành hơn tớ, - anh nói - và nếu như với những điều cậu biết về mảnh đất của tớ mà cậu ra giá một trăm đô-la thì tớ cũng dám ra một cái giá tương tự dù tớ chưa biết gì về nó cả.

- Vậy thì ba trăm đô-la chịu không?- Ladue đề nghị với vẻ tuyệt vọng.

- Tớ cũng vẫn chỉ nói với cậu như vậy thôi. Cậu có ra giá nào đi nữa thì mảnh đất đó cũng trị giá với tớ ngay như vậy mặc dù tớ chưa biết tí gì về nó cả.

Cuối cùng Joe Ladue phải chịu thua. Hắn dẫn anh ra xa khỏi chỗ trại có bọn Long Jim Harney đang đứng và tiết lộ với anh mọi việc. Sau cùng hắn kết luận:

- Chắc chắn là có vàng đó. Tớ chẳng cần dùng rá sàng mà cũng chẳng cần đến máng đãi gì cả. Tớ chỉ hốt đất ở chỗ bờ đá lộ thiên cho vào rổ đãi mà được cả túi vàng đấy. Mới hôm qua thôi chứ nào phải lâu la gì. Tớ cam đoan với cậu là cứ nhỏ bột gốc cỏ lên mà lắc cũng ra vàng nữa đấy. Nếu mà đào đến mặt đá ngầm thì vàng nhiều. Nhưng cậu cứ im lặng mà dò xem chỗ nào có vàng, bởi vì cũng còn tùy từng khoảnh đất. Tớ sẽ không ngạc nhiên nếu như một vài khoảnh chứa đến cả năm chục ngàn đô-la vàng. Chỉ chết có một nỗi là đất đã bị chiếm hết rồi.

Một tháng đã trôi qua mà Lạch Thịnh Vượng vẫn yên lặng. Có một số người cũng đến đó cắm đất nhưng phần lớn sau khi cắm đất xong lại quay về trại Bốn Mươi Dặm hay thị trấn Vùng Cực cả. Cái số ít ỏi còn lại tin chắc là sẽ tìm thấy vàng ở đó thì lại đang bận lo đôn gỗ cất nhà phòng mùa đông đang tới. Họ lui cui làm việc với nhau một cách lặng lẽ, không hỏi han ai mà cũng chẳng thổ lộ điều gì với ai cả. Ánh Sáng Ban Ngày đã thử đãi ở chỗ bờ lạch thuộc khu đất của Carmack và đã giữ rế cỏ ra vàng thô, nhưng cả trăm lần thử khác suốt vách đá dọc Lạch Thịnh Vượng anh lại chẳng thấy gì cả. Bởi vậy lúc này anh rất muốn biết xem dưới mặt đá ngầm có gì không. Anh đã chú ý thấy bọn bốn người kia đào hố sát bên bờ lạch và nghe tiếng họ xẻ gỗ để làm máng đãi. Không đợi được mời anh cũng có mặt ở chỗ họ vào ngày họ đãi lần đầu tiên. Trong cái số đất mà một người trong bọn họ đào lên sau năm tiếng đồng hồ; họ thu được tất cả mười ba *ounce* rưỡi vàng. Đó là vàng thô, có cục nhỏ như đầu kim, có cục lớn trị giá đến mười hai đô-la. Tất cả số vàng đó đều từ mặt đá ngầm mà ra. Ngày hôm đó một trận tuyết mùa thu bắt đầu rơi, và mùa đông Bắc Cực thế là đã gần kề, nhưng Ánh Sáng Ban Ngày chẳng để ý gì đến vẻ ảm đạm xám xịt và lạnh lẽo của cái mùa thu ngắn đang tàn đó cả. Anh chỉ mãi nghĩ đến điều tưởng tượng trước kia của anh nay đang thành sự thật: trên suốt dải đất bằng này rồi đây sẽ mọc lên thành phố vàng trong tuyết. Vàng đã được phát hiện trên mặt đá ngầm. Điều đó rất quan trọng vì nó khẳng định điều Carmack đã nói trước kia. Ánh Sáng Ban Ngày cắm một khoảnh đất cho riêng mình tiếp giáp với ba miếng đất mà trước kia anh đã đổi bằng ba cân thuốc lá. Sở hữu của anh bây giờ là một mảnh đất liền nhau chạy dài hai ngàn *foot* và rộng suốt từ bờ đá lộ thiên bên này sang bờ đá lộ thiên bên kia.

Tối hôm đó, khi trở về trại của mình dựng bên cửa sông Klondike, anh thấy Kama, gã theo dân mà anh đã bỏ lại ở Dyea. Kama đi xuống đến chỗ theo chuyến thư cuối cùng trong năm. Hắn có khoảng hai trăm đô-la vàng bụi và Ánh Sáng Ban Ngày mượn ngay số tiền đó. Để đáp lại, anh hứa sẽ cầm một mảnh đất riêng cho hắn, và hắn chỉ việc đăng ký khoảnh đất đó khi ghé vào thị trấn Bốn Mươi Dặm. Sáng hôm sau, khi Kama lên đường, Ánh Sáng Ban Ngày giao cho hắn một lá thư đề gửi cho những tay đào vàng kỳ cựu đang ở phía dưới sông. Trong những lá thư này, anh hối thúc họ hãy mau mau lên chỗ này mà cầm đất. Mấy người khác trên vùng Lạch Thịnh Vượng cũng gửi theo Kama nhưng lá thư có nội dung tương tự.

- Rồi người ta sẽ đổ xô về đây một cách vội vã như chưa từng bao giờ như vậy cho mà xem, - Ánh Sáng Ban Ngày vừa cười khanh khách vừa hình dung cái cảnh dân ở trại Bốn Mươi Dặm và ở thị trấn Vùng Cực nhón nháo lên lên xuống đưa nhau vượt hàng trăm dặm ngược Sông Yukon lên đây, bởi vì anh biết rằng mọi người sẽ tin lời anh một cách không thắc mắc. Với những người đầu tiên đổ xô tới, khu Lạch Thịnh Vượng như sống dậy, và thế là cuộc đua đường dài giữa bốc phét và sự thật bắt đầu, trong đó có những lời bốc phét dù có nhanh đến mấy chẳng nữa cũng vẫn bị sự thật bắt kịp và qua mặt.

Những kẻ trước kia đã nghi ngờ chuyện Carmack đãi được bằng đó. Nhưng cũng chính họ lại bốc phét đó chẳng bao lâu thì đã được không chỉ một *ounce* mà đến năm *ounce*. Họ lại lập tức bốc phét là được đến mười *ounce*. Rồi khi họ đãi cho mọi người xem đúng sai thế nào thì họ lại thu được đến hai mươi *ounce*. Cứ thế họ mạnh dạn bốc phét, nhưng sự thật lại muôn lượt vượt quá sự bốc phét của họ.

Một hôm vào tháng Chạp, Ánh Sáng Ban Ngày hót đầy một rổ đất ở chỗ mặt đá ngầm thuộc phạm vi đất của anh và đem về lều. Tại đây anh đã đốt một đồng lửa để giữ cho nước đựng trong chiếc túi may bằng vải bố khỏi bị đông đặc. Anh ngồi xồm trước cái túi vải đựng nước đó và bắt đầu đãi. Trong rổ đãi hình như chỉ có đất và sỏi. Khi anh hươ rổ một vòng, những vật nhẹ hơn trôi ra khỏi thành rổ. Lâu lâu anh lại đưa tay cào cào vào rổ để hót từng nắm sỏi cho ra ngoài. Đồng đất cát trong rổ vơi dần. Khi chỉ còn một ít bám ở đáy rổ, anh lắc mạnh cái rổ, nhấc lên cho ráo nước và nhìn

qua xem có gì không. Toàn bộ đáy rỏ như được phủ một lớp bơ. Càng lắc bao nhiêu thì nước bùn trong rỏ càng cạn bấy nhiêu, và vàng càng rõ hơn, lóng lánh. Đồng vàng đó gồm vàng bụi, vàng thô, vàng cục cả nhỏ lẫn lớn. Lúc đó chỉ có một mình anh trong lều. Anh đặt chiếc rỏ đãi xuống và suy nghĩ một hồi lâu. Sau đó anh rửa cho thật sạch và đem cân thử số vàng. Nếu cứ tính mười sáu đô-la ăn một *ounce* thì chiếc rỏ đó chứa tới bảy trăm đô-la có lẽ. Thật là quá sức tưởng tượng của anh trước kia anh tính cao lắm cũng chỉ đãi được khoảng hai mươi đến ba mươi ngàn đô-la một mảnh đất là cùng. Bây giờ hoá ra một mảnh đất như vậy cũng cho được ít nhất là nửa triệu đô-la, dù cho vàng có nằm phân tán đi chăng nữa.

Cả ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa anh cũng không thềm quay lại đãi tiếp vàng ở chỗ đất của mình. Thay vào đó, anh đội mũ, đi găng tay vào và đeo trên lưng một bộ đồ dùng đi đường bao gồm cả tấm áo đắp bằng da thỏ, rồi ra đi lang thang hết ngày nay qua ngày khác, qua đèo lội suối để khảo sát toàn bộ vùng đất xung quanh đó.

Cứ ở mỗi con lạch là anh có quyền cắm một mảnh đất, nhưng anh chọn lựa rất cẩn thận. Chỉ khi đến con Lạch Hunker là anh chọn một mảnh. Anh thấy suốt từ nguồn trở xuống con Lạch Thịnh Vượng đã bị cắm hết rồi, ngay cả những rãnh, những khe đổ ra con lạch đó cũng đều bị chiếm cả. Thật ra ít hy vọng gì ở những rãnh và khe này. Chỉ những ai không kiếm nổi một chỗ Lạch Thịnh Vượng mới phải đành đến cắm đất ở đó. Trong tất cả những rãnh và khe này thì chỗ được người ta chuộng nhất là rãnh Adams, còn rãnh người ta ít tra nhất là Eldorado chảy vào Lạch Thịnh Vượng ngay phía trên phần đất của Carmack. Ngay cả Ánh Sáng Ban Ngày khi nhìn thấy nó cũng chẳng ưa gì, song tuân theo linh cảm của mình, anh cũng sẵn sàng bỏ ra một nửa bao bột mì để mua lại một nửa mảnh đất ở đó. Một tháng sau, anh mua luôn cả phần đất tiếp giáp nó với giá tám trăm đô-la. Ba tháng sau, để nới rộng phần đất của mình, anh bỏ ra bốn trăm đô-la để mua thêm một mảnh thứ ba.

Rồi chẳng bao lâu sau, thật chẳng ai ngờ nổi, anh đã phải bỏ ra một trăm năm mươi ngàn đô-la để mua thêm một phần đất thứ tư ở chính ngay cái rãnh mà rất ít người ưa chuộng.

Trong suốt quãng thời gian kể từ cái ngày anh đãi một rổ đất được bảy trăm đô-la và ngồi xỏm nghĩ ngợi rất lâu đo, anh chẳng đụng đến cuộc xẻng nữa. Cũng vào chính cái đêm đãi vàng kỳ diệu đó, anh đã nói với Joe Ladue:

- Joe này, từ nay tớ chẳng thèm đãi vàng làm chi cho khổ sở. Tớ muốn dùng đầu óc tính toán hơn. Tớ sẽ đi trồng vàng. Chỉ cần cậu có đầu óc và có ít lưng vốn gọi là để làm hạt giống thì cậu sẽ làm cho vàng đẻ ra vàng ngay. Lúc tớ thấy ở đáy rổ có bảy trăm đô-la, tớ hiểu ngay rằng thế là tớ đã có đủ hạt giống rồi.

Lúc đó Joe Ladue hỏi:

- Vậy chứ cậu tính trồng ở đâu?

Ánh Sáng Ban Ngày khoát tay chỉ vào toàn bộ khu vực và những khe lạch nằm cả ở bên kia các vách đá:

- Ở kia kia, - anh nói - Rồi các cậu cứ chống mắt mà xem. Có cả hàng triệu triệu đô-la ở đó cho những ai có thể thấy được chúng. Hồi chiều nay tớ đã thấy được chúng khi bảy trăm đô-la đó từ đáy rổ nhìn lên tớ mà hét lên rằng "Vậy là Ánh Sáng Ban Ngày cuối cùng đã tới".

Chú thích:

(1) *Tanana: con sông dài 475 dặm ở phía Đông và Trung tâm Alaska, chảy về phía Tây Bắc đổ vào sông Yukon.*

Chương 11

Trước kia, khi Carmack chưa phát hiện ra vàng, Ánh Sáng Ban Ngày đã là người hùng của vùng sông Yukon mới được khai phá. Giờ đây anh lại là người hùng của cuộc tìm vàng. Dọc ngang suốt dải đất đó mọi người đều biết về chuyện anh có linh cảm như thế nào và đã lợi dụng nó ra sao. Anh đã lợi dụng nó triệt để đến nỗi giá trị đất chứa vàng của năm người may mắn nhất cộng lại cũng không bằng giá trị đất chứa vàng mà anh sở hữu.

Vậy mà anh vẫn tiếp tục lợi dụng nó tạo bạo không kém gì từ trước đến nay. Những kẻ khôn ngoan chỉ biết lắc đầu và tiên đoán là anh sẽ mất tất cả số tiền đã kiếm được cho đến *ounce* cuối cùng. Họ cho rằng anh cứ mua đất đầu cơ theo kiểu này thì trừ trường hợp đất là vàng thì không kể, còn cái điệu chỉ có một phần vàng lẫn trong đất như vậy thì chỉ có lỗ mà thôi.

Tuy vậy sở hữu đất của anh vẫn được ước tính đến hàng triệu đô-la và cũng có những kẻ lạc quan cho rằng anh chắc chắn sẽ thắng. Đằng sau sự phóng tay coi tiền như rác của anh vẫn là sự tính toán, óc tưởng tượng và một tầm nhìn thực tiễn đến nghiệt ngã, Anh thấy trước được những cái mà bằng chính mắt thường của anh cũng không thấy và anh quyết chơi theo kiểu được ăn cả ngã về không. Anh nói:

- Có quá nhiều vàng ở Lạch Thịnh Vượng này nên không thể bảo nó là nơi duy nhất được. Chắc chắn là còn có một mạch chủ ở đâu đó. Ở các vùng lạch khác rồi cũng sẽ phát hiện ra vàng. Các cậu chú ý khu vực sông Indian đi. Cả những con lạch chảy vào sông Klondike ở phía bờ bên kia nữa, rồi cũng sẽ có vàng như mấy con lạch bên này cho mà coi!

Anh ủng hộ ý kiến của chính mình bằng cách cung cấp lương thực, dụng cụ cho khoảng sáu toán người vượt bờ đá lớn qua vùng sông Indian để tìm vàng. Với những người kém may mắn trong việc cầm được đất tốt, anh thuê họ làm việc cho anh trên những phần đất anh sở hữu trên Lạch Thịnh Vượng. Anh trả công cho họ rất hậu, mỗi người làm một ca tám tiếng được mười sáu đô-la một ngày, và anh chia họ ra làm ba ca. Những tay chủ mỏ khác cũng phải trả công cho thợ mười lăm đô-la một ngày, nhưng anh là người đầu tiên thuê thợ và ngay từ đầu đã trả cho họ mười sáu đô-la một ngày nên thợ của anh toàn là những tay giỏi. Và lại, ngoài tiền công cao ra họ còn có lợi nhiều mặt khác nữa.

Khi mùa đông bắt đầu và băng xuất hiện, anh chơi một cú mà ai cũng cho là anh điên. Khi hàng trăm kẻ đổ xô đi tìm vàng đã cầm đất ở những vùng lạch khác hơn Lạch Thịnh Vượng nhưng đành thất vọng trở về trại Bốn Mươi Dặm và thị trấn Vùng Cực, Ánh Sáng Ban Ngày liền đem cầm một đồng đất vàng ở Lạch Thịnh Vượng cho Công ty Thương mại Alaska. Sau khi đã đút tám chi phiếu vào bọc, anh thắng chó vào xe trượt và vượt băng về trại Bốn Mươi Dặm và thị trấn Vùng Cực với tốc độ mà chỉ có một mình anh mới đạt nổi.

Lúc đi, anh thuê một thổ dân, lúc về lại thuê một người khác và sử dụng đến bốn đàn chó. Ở hai nơi trên anh vùng tiền mua lại hàng chục phần đất. Có những phần đất rõ ràng là vô giá trị, nhưng cũng có một ít sau này lại cho ra nhiều vàng hơn bất kỳ phần đất nào anh đã sở hữu trên Lạch

Thịnh Vượng. Ai bán anh cũng mua, có phần đất anh chỉ phải trả có năm mươi đô-la nhưng cũng có những phần đất anh đã phải trả đến năm ngàn.

Anh mua miếng đất đắt giá nhất này tại Quán Tivoli. Phần đất này thuộc về phía trên Lạch Eldorado. Lúc anh đồng ý mua nó với cái giá đó thì Jacob Wilkins, cũng là một tay kỳ cựu, vừa đi xem qua cái cánh đồng hươu ở khu đó đột nhiên đứng dậy rời phòng và nói:

- Nay Ánh Sáng Ban Ngày, tớ biết cậu được bảy năm rồi, và lúc nào cũng thấy cậu tỉnh táo. Thế mà lúc này cậu lại để cho hết thằng này đến thằng nọ ăn cướp của cậu. Sự thật là một trò như vậy đấy - một trò ăn cướp. Năm ngàn đô-la để đổi lấy một khoảnh đất ở cái cánh đồng hươu quý quái đó thì đúng là lường gạt. Tớ không thể nào ở lại trong phòng này để nhìn cái cảnh cậu bị lường gạt như vậy.

- Tớ nói cho cậu hay, - Ánh Sáng Ban Ngày trả lời - Wilkins à, điều Carmack phát hiện rất quan trọng và to lớn. Mình chưa nhìn thấy hết tầm to lớn của nó đâu. Vậy thì đành phải chơi xổ số. Mà thế nào rồi cũng có vé trúng giải đặc biệt.

Jacob Wilkins, lúc này đã ra đến cửa, đứng lại hít hít tỏ vẻ không tin. Ánh Sáng Ban Ngày nói tiếp:

- Wilkins này, giả dụ như cậu biết là trời sẽ mưa ra súp thì cậu sẽ làm gì nào? Dĩ nhiên là phải mua muông ngay thôi. Vậy thì lúc này đây tớ cũng đang mua muông. Đâu đó trên dòng Klondike trời sẽ mưa ra súp, Lúc đó kẻ nào chỉ có nĩa không thôi thì sẽ chẳng vớt vát được gì.

Wilkins nghe đến đây bước ra khỏi cửa và đóng lại đánh rầm một cái. Ánh Sáng Ban Ngày cũng ngắt ngang để quay qua tiếp tục mua đất.

Trở về khu Dawson, Ánh Sáng Ban Ngày giữa đúng lời hứa trước kia với Ladue, không đụng tới cuộc xêng. Tuy vậy, anh vẫn cặm cụi làm việc. Trên bếp lửa của anh luôn luôn có một ngàn cây que sắt và chúng làm anh bận rộn suốt ngày. Việc làm ăn phải nhờ tới người đại diện thì rất tốn kém nên anh phải đích thân đi hết vùng lạch này đến vùng lạch khác để xem xét và quyết định xem phần đất nào nên bỏ và phần đất nào nên làm tiếp. Là một kẻ chuyên đi tìm mỏ vàng trước khi đến vùng Alasks này nên lúc nào anh cũng mơ tưởng đến chuyện tìm ra được mỏ chính. Ở những chỗ vàng lẫn trong đất như vậy thì chỉ khai thác một lúc là hết, duy có mỏ chính là

lâu bền, nên anh thuê hàng chục người đi tìm trong hàng tháng trời. Anh không bao giờ tìm thấy cái mỏ vàng chính đó, và nhiều năm sau này khi tính lại anh thấy mình đã tốn năm mươi ngàn đô-la vào công việc đó.

Nhưng lúc này đây anh nhất định phải chơi một canh bạc lớn. Anh tiêu nhiều nhưng thu vào cũng lắm. Anh sẵn sàng liều, vung tiền ra mua lại nửa phần đất của người khác, cung cấp dụng cụ và lương thực cho những kẻ tìm vàng để chia lời và cắm đất. Ngày cũng như đêm, lúc nào bầy chó của anh cũng ở tư thế sẵn sàng và thuộc loại chạy nhanh nhất. Cứ nghe nói ở đâu vừa phát hiện ra vàng là anh phóng đi trước, bất kể đêm dài lạnh lẽo và luôn luôn dành được phần đất ngay kề chỗ vàng vừa được phát hiện. Bằng cách này hay cách khác, bên cạnh rất nhiều những con lạch vô giá trị, anh còn sở hữu được rất nhiều đất những vùng lạch tốt như Lạch Lưu Huỳnh, Lạch Thuộc Địa, Lạch Excelsis, Lạch Siwash, Lạch Cristo, Lạch Alhambra và Lạch Doolittle. Cứ mỗi một ngàn đô-la anh bỏ ra là lại thu vào hàng chục ngàn. Dân ở trại Bốn Mươi Dăm vẫn kể đi kể lại chuyện hai tấn bột mì của anh và tính rằng nó cũng đem lại cho anh từ nửa triệu đến một triệu đô-la. Ai cũng biết rõ là nửa phần đất ở Lạch Eldorado mà anh mua lại với giá nửa bao bột mì đã đem lại cho anh đến năm trăm đô-la. Tuy vậy người ta cũng biết chuyện về cô nàng Freda, vũ nữ, từ phía bên kia mấy dãy đèo đi xuống vượt băng đóng trên dòng Yukon đến hỏi mua mười bao bột mì với giá một ngàn đô-la mà không ai chịu bán. Nghe thấy thế, Ánh Sáng Ban Ngày liền gửi đến cha cố mười bao bột mì để cha tiếp tục đeo đuổi việc dựng một bệnh viện đầu tiên ở trong vùng.

Sự rộng rãi của anh kể ra cũng quá mức. Những người khác cho rằng anh điên. Vào cái thời điểm mà anh đang cố phát lên, mà một nửa bao bột mì cũng đem lại cho anh năm trăm ngàn đô-la thì việc phóng tay cho không một cô vũ nữ và một cha cố hai chục bao bột mì là gì nếu không phải là sự điên rồ. Nhưng đó là cung cách xử sự của anh.

Tiền bạc đối với anh chỉ là thước đo. Đối với anh chỉ có cuộc chơi là đáng kể mà thôi. Việc sở hữu hàng triệu đô-la cũng chẳng làm anh thay đổi. Có chăng là nó đã khiến anh lao vào cuộc chơi một cách nhiệt thành hơn. Là một con người luôn luôn điều độ trừ những trường hợp hiếm hoi, bây giờ tuy có đủ điều kiện để nhậu nhẹt thoải mái vào bất kỳ lúc nào, anh lại

càng uống rượu ít đi. Cái thay đổi triệt để nhất bây giờ là, ngoại trừ những lúc phải bám đường, còn thì anh không tự nấu ăn nữa.

Một tay thợ mỏ hết thời bây giờ sống cùng với anh trong căn phòng làm bằng gỗ ghép của anh và nấu ăn cho anh. Nhưng thức ăn thì vẫn thế, vẫn thịt muối, đậu, bột, mỡ, quả khô và gạo. Ngay cách ăn mặc cũng vẫn như xưa, vẫn quần bảo hộ, vớ Đức, giày da đánh kiểu thổ dân, áo sơ mi dạ, nón lông thú và áo choàng may bằng vỏ chồn.

Trong mùa đông năm 1896 đó, khu Dawson phát triển rất nhanh. Tiền đổ vào túi Ánh Sáng Ban Ngày nhờ việc bán những lô đất mà trước kia anh đã mua với giá rẻ để dân đổ về đây dựng nhà. Có tiền trong tay, anh lập tức đầu tư nó vào chỗ khác để sinh lợi. Thật ra việc dùng hết tiền mới kiếm được đầu tư cả vào những chuyện khác để sinh lời như vậy thật nguy hiểm, nhất là ở vùng không có mỏ mà chỉ có vàng lẫn trong đất như vậy. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày lao vào cuộc chơi mà mắt vẫn mở to.

- Các cậu cứ đợi cho đến khi ngoài kia biết tin trong này đang khai quật được vàng, - anh nói với mấy người bạn cố cựu lúc đang ngồi trong quán Sừng Hươu - Đến mùa xuân năm sau thì tin đó mới lọt được ra ngoài. Lúc đó thiên hạ sẽ đổ xô về đây làm ba đợt. Đợt mùa hè, họ sẽ đi người không; đợt mùa thu, họ sẽ đem theo dụng cụ linh tinh, và đợt mùa xuân vào năm sau nữa sẽ có khoảng năm mươi ngàn người. Các cậu sẽ chẳng còn thấy được phong cảnh ở đây nữa, vì lúc đó đã đầy đặc những dân mới đến. Trước mắt sẽ có đợt mùa hè và mùa thu năm 1897. Lúc đó thì các cậu sẽ làm gì nào?

- Còn cậu thì làm gì nào? - một người bạn hỏi lại.

- Chẳng làm gì cả, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp - Vì tớ đã làm tất cả mới thứ rồi. Tớ đã mướn cả chục toán thợ cho rải suốt dọc phía trên sông Yukon để đốn gỗ. Khi băng trên sông bắt đầu vỡ thì bè của họ sẽ chở gỗ về đây. Nhà cửa. Đó là thứ mà người ta sẽ cần mua với giá cao vào mùa thu tới. Và gỗ nữa, giá nó sẽ cao vọt. Tớ đang cho chở hai trại cửa qua đường đèo. Khi băng trên hồ tan, người ta sẽ chuyển chúng về đây, Nếu các cậu có nghĩ đến việc mua gỗ lúc này thì tớ sẵn sàng ký giao kèo với các cậu. Cứ ba trăm đô-la một ngàn cây chưa xẻ.

Mùa đông năm ấy Ánh Sáng Ban Ngày bán những lô đất góc ngách thuộc những khu thuận lợi cũng được từ mười đến ba mươi ngàn đô-la. Anh nhấn tin cho những người tính vượt đèo vào khu này đem theo bè chở gỗ vào. Kết quả là mùa hè năm 1897 đó hai xưởng cưa của anh hoạt động liên tục theo ba ca, vậy mà anh vẫn còn dư gỗ để dựng nhà. Cứ mỗi căn như vậy tính luôn đất giá từ bốn mươi đến năm mươi ngàn đô-la. Số tiền ngày càng lớn này lại lập tức được anh đem đầu tư vào các hoạt động kinh doanh khác. Vàng của anh quay vòng rất nhanh, và cứ hễ anh đụng đến cái gì thì cái đó lập tức biến thành vàng.

Nhưng cũng vào cái mùa đông đầu tiên của cơn sốt vàng ngay sau sự phát hiện của Carmack đó anh cũng học được nhiều thứ. Mặc dù bản chất tiêu hoang, anh vẫn cố giữ được chừng mực. Anh quan sát sự phung phí quá độ của những tay triệu phú mới mọc lên như nấm ở đây mà không tài nào hiểu được họ. Theo bản chất và cách nhìn của anh thì việc tiêu hết số tiền ban đầu trong một đêm ăn chơi là chuyện thường. Chính anh cũng đã làm như vậy trong cái đêm đánh bài xì phè ở thị trấn Vùng Cực. Anh đã mất hết năm mươi ngàn, tất cả vốn liếng anh có lúc đó. Nhưng anh luôn luôn coi đó như là số tiền mình phải mất đi để được tham dự vào cuộc chơi mà thôi. Đến lúc trong tay đã có hàng chục triệu bạc thì lại là chuyện khác. Số tiền lớn đó là để chơi một canh bạc lớn, chứ không phải để đem vung vãi trên bàn nhậu - vung vãi theo nghĩa đen, từ những chiếc túi da hươu của những tay triệu phú say sưa đến độ mất hết ý thức về sự quân bình. Ví dụ như tay McManu chẳng hạn, tiêu một lúc hết ba mươi tám ngàn đô-la trong quán rượu. Hoặc Jimmie Coc chẳng hạn, sống phóng đãng ồn ào trong suốt bốn tháng trời, mỗi tháng tiêu bay một trăm ngàn đô để đến nỗi vào một đêm tháng ba kia vì say mà ngã vùi xuống tuyết và bị lạnh cứng cho đến chết. Hoặc như thằng Bill Nước Cuốn chẳng hạn, đã bán mất cả ba khoảnh đất chứa nhiều vàng để có tiền trác táng. Đến lúc trắng tay, hắn bèn mượn anh em ba ngàn đô-la để bỏ xứ đó mà đi, nhưng khi biết được cô nhân tình cũ đã phụ bạc mình thích trứng, hắn bèn ra chợ Dawson lòng mua hết trứng, trả hai mươi bốn đô-la một chục, rồi lấy cả ngàn quả trứng đó đem cho chó ăn.

Tuy vậy, vào những dịp đặc biệt, anh vẫn bỏ tiền tổ chức những đêm vui chơi âm ỉ. Anh làm như vậy vì nhiều lý do. Thứ nhất, mọi người trông đợi ở anh điều đó, vì đó là cái lệ đối với anh trước kia. Kế đó, vì anh có thể đài thọ được. Nhưng, anh không để tâm nhiều đến cái cách tiêu khiển đó nữa. Bây giờ trong anh có sự ao ước quyền lực.

Điều đó đã trở thành một đam mê. Tuy đã là người giàu nhất vùng Alaska rồi, anh vẫn muốn giàu thêm. Đây là một canh bạc lớn, và anh thích nó ri bất kỳ canh bạc nào khác. Nói theo một cách nào đó thì anh chơi rất sáng tạo, bởi vì anh đang làm được một cái gì đó. Một mặt tính cách mới của anh đã được khơi dậy; và việc khai thác được cả triệu đô-la vàng ở Eldorado không còn làm sung sướng bằng việc đứng ngắm hai trại cura của mình hoạt động và những chiếc bè gỗ lớn xuôi dòng cho đến khi trông tránh cập bến phía trên vùng Núi Da Hươu giữa con nước xoáy. Vàng, ngay khi đặt trên bàn cân, dầu sao cũng vẫn chỉ là một thứ trừu tượng. Nó tượng trưng cho những thực thể và quyền lực hành động đó. Còn trại cura lại là chính những thực thể đó, cụ thể và rõ rệt. Hơn nữa, chúng còn là phương tiện để thực hiện thêm nhiều việc khác nữa. Chúng là những thực thể đó, cụ thể và rõ rệt. Hơn nữa, chúng còn là phương tiện để thực hiện thêm nhiều việc khác nữa. Chúng là những ước mơ nay đã thành sự thật, là sự thực hiện tuy khó nhọc nhưng đã thành công, những phiêu diêu cổ tích như trong truyện thần tiên.

Cùng với dòng người đổ xô về đây vào dịp hè còn có những phóng viên đặc biệt của các tờ báo và tạp chí lớn. Tất cả bọn họ đã viết rất nhiều về Ánh Sáng Ban Ngày đến độ mọi người ở thế giới bên ngoài(1) đều biết về anh như một nhân vật có tầm cỡ nhất vùng Alaska. Dĩ nhiên khi cuộc chiến tranh Tây Ban Nha nổ ra nhiều tháng sau đó, mọi người bị thu hút vào cuộc chiến tranh đó nên đã quên bằng anh, nhưng nội trong vùng sông Klondike thì anh vẫn là nhân vật nổi bật nhất. Khi anh đi trên phố, mọi người đều quay lại, nhìn anh, và trong các quán rượu, những tay tìm vàng mới đến đều ngắm anh một cách nể sợ và không rời mắt khỏi anh khi anh vẫn còn trong tầm nhìn của họ. Không chỉ vì anh là người giàu nhất vùng mà còn vì anh là Ánh Sáng Ban Ngày, kẻ tiên phong, kẻ đã dám vượt đèo Chilcoot và thả bè theo dòng Yukon để gặp những người hùng tìm vàng kỳ

cực hơn như Al Mayo và Jack McQuestion khi vùng này còn hoang dã. Anh là Ánh Sáng Ban Ngày, kẻ đã thực hiện hàng chục cuộc phiêu lưu mạo hiểm, kẻ đã dám vượt vùng đất hoang đại không một bóng cây đến tận Bắc Băng Dương để nhắn tin cho đoàn tàu đánh cá voi bị kẹt băng ở đó, kẻ đã chạy thốt từ thị trấn Vùng Cực đến Salt Water rồi quành trở về chỉ trong sáu mươi ngày, kẻ đã cứu giúp toàn thể bộ lạc Tanana khỏi bị diệt vong trong mùa đông 1891. Nói tóm lại, anh là kẻ đã cuốn hút trí tượng tượng của dân mới đến mạnh bằng mười kẻ khác gộp chung lại.

Anh có khả năng tự quảng cáo. Bất kỳ điều gì anh làm, dù là ngẫu nhiên hay tùy hứng cũng đều được mọi người cho là đáng kể. Điều mà anh vừa làm xong luôn luôn nằm trên cửa miệng mọi người, từ việc anh là kẻ đầu tiên trong cuộc đổ xô về Lạch Damsh để tìm vàng hay việc giết một con gấu mặt trắng khổng lồ ở Lạch Lưu Huỳnh, đến việc chiếm giải nhất trong cuộc đua thuyền đơn vào ngày kỷ niệm sinh nhật của Nữ Hoàng, sau khi bị buộc phải tham gia vì dân tìm vàng kỳ cựu ở đây không ai chịu đại diện bị thi đấu cả. Một đêm kia, tại Quán Sừng Hươu, anh lại gặp Jack Kearns trong một canh bạc phục thù mà họ hứa hẹn đã lâu. Lần này họ tổ thắng cánh và cùng hẹn đến tám giờ sáng hôm sau sẽ ngừng. Khi ván bài chấm dứt, Ánh Sáng Ban Ngày thắng hai trăm ba mươi ngàn đô-la. Đối với Jack Kearns, lúc này đã giàu nứt đổ đổ vách, số tiền thua đó không đáng kể. Nhưng số tiền đó cũng khiến cho mọi người ở vùng đó phải giật mình, và có đến cả chục tay phóng viên viết những bài báo giật gân về sự kiện đó.

Chú thích:

(1) Chỉ thế giới ngoài vùng Alaska

Chương 12

Dù có rất nhiều nguồn thu lợi, song việc tái đầu tư luôn luôn làm cho Ánh Sáng Ban Ngày bị kẹt tiền mặt trong suốt mùa đông đầu tiên. Số đất chứa vàng được làm tươi ra ở mặt đá ngầm khi được đem lên đến mặt đất thì liền bị đông cứng lại. Bởi vậy những đồng đất đó, tuy chứa đựng hàng triệu đô-la, hoá ra không đem ra sử dụng được. Anh phải chờ cho đến mùa hè, khi mặt trời làm tan đất và biển băng thành nước để rửa, thì mới có thể sử dụng được số vàng đó. Lúc này thì anh lại dư vàng và đành phải đem gửi vào hai ngàn hàng mới mở.

Lập tức anh bị những người hoặc những nhóm người bao vây đề nghị anh đầu tư vốn của mình vào công việc làm ăn của họ. Nhưng anh chọn lối chơi riêng của mình. Anh chỉ tham gia các tổ chức khi chúng nhằm mục đích bảo vệ hoặc tấn công. Theo cách này, mặc dù tiền công anh trả cho thợ thuộc loại cao nhất, anh vẫn tham gia vào Hội Chủ Mỏ, tổ chức những kế hoạch chống lại người làm công và đã thành công trong việc kìm hãm sự bất trị ngày càng tăng của họ.

Thời thế đã đổi thay, những ngày xưa cũ đã qua rồi. Đây là thời đại mới, và Ánh Sáng Ban Ngày, lúc này đã là một ông chủ mỏ giàu có, luôn trung thành với những ràng buộc giai cấp của mình. Quả thật là anh đã đề cho những người bạn tìm vàng thời xưa làm cai trông coi cái đám người tìm vàng mới đến để tránh cho họ khỏi bị Hội Chủ mỏ áp bức; song đối với anh đấy là vấn đề của con tim hơn là của khối óc. Trong thâm tâm anh không quên những ngày xưa cũ, nhưng trong đầu anh tức nào anh cũng muốn chơi canh bạc kinh tế theo những phương pháp mới nhất và thực tế nhất.

Ngoài Hội Chủ mỏ bóc lột đó, anh không ràng buộc mình vào bất kỳ một ai cả. Anh chơi lớn và chơi một mình, và anh cần tiền của mình để làm chỗ dựa. Cái thị trường chứng khoán mới thành lập rất thu hút sự chú ý của anh. Trước đây anh chưa từng thấy một tổ chức như thế, song anh đã nhanh chóng hiểu được tác dụng của nó và lợi dụng nó. Nó cũng như một canh bạc, và trong nhiều trường hợp, chẳng phải là để làm lợi cho việc làm ăn của mình, anh sẵn lòng "chơi" cho nó một cú, nói theo cách của anh, để chơi hoặc để thoả mãn cái tính bất trị của mình.

- Bụng dạ cha con tụi nó đánh lô tô hết?- một hôm anh nói sau khi đã làm cho đám đầu cơ chứng khoán ở Dawson phải điên ruột trong suốt một tuần lễ bằng cách hết nâng lại hạ giá chứng khoán. Trong cái trò nghịch ngợm này, anh đã mất hẳn một số tiền mà đối với kẻ khác là cả một gia tài.

Thường thì những người khác sau khi kiếm được một số vàng kha khá rồi đều quay trở về Hiệp Chúng Quốc để tránh cuộc vật lộn khốc liệt vùng Bắc Cực. Nhưng khi người ta hỏi Ánh Sáng Ban Ngày bao giờ sẽ bỏ đi thì anh cười lớn và nói rằng chỉ đi khi nào anh đã chơi xong canh bạc. Anh cũng nói thêm là chỉ có đứa ngốc mới nghỉ chơi khi đang thắng lớn.

Hàng ngàn người trong số dân tìm vàng mới đến rất tôn sùng thần tượng và cho là Ánh Sáng Ban Ngày chẳng sợ cả. Nhưng Bettles, Dan McDonald và những tay kỳ cựu khác nghe thấy thế chỉ lắc đầu nói rằng có một thứ anh sợ đó là đàn bà. Mà họ nói rất đúng. Anh sợ đàn bà ngay từ khi mới mười bảy tuổi khi Queen Anne ở Juneau chòng ghẹo anh bằng cách tỏ tình công khai. Vấn đề này thật anh chẳng biết gì. Sinh trưởng trong một khu mỏ nơi mà đàn bà rất hiếm và là một điều bí mật, không có chị em, mẹ lại mất khi anh mới là một đứa bé chập chững, nên anh chưa bao giờ được tiếp xúc với họ. Đúng là sau khi chạy trốn khỏi Queen Anne anh đã gặp những người đàn bà khác ở vùng sông Yukon và làm quen với họ. Đây là những người đàn bà tiên phong đã theo gót những người đầu tiên đến vùng này tìm vàng. Một con cừu non khi đi với một con sói cũng không sợ hãi và run rẩy bằng lúc anh đi sóng đôi với họ. Việc đi với họ thật ra cũng chỉ là một vấn đề tự ái đàn ông, và anh ráng giữ tư thế của mình không đến nỗi tòi. Thế những đàn bà đối với anh vẫn là một quyền sách đóng kín, và anh thích chơi bài xô lô hoặc bài bảy nút(1) bất cứ lúc nào có dịp.

Ngay lúc này đây, khi anh đã là Vua của vùng sông Klondike và còn được biết đến với nhiều biệt hiệu vương giả khác như Vua vùng Eldorado. Vua vùng Lạch Thịnh Vương. Ông chủ gỗ, ông hoàng của những kẻ tìm vàng, ấy là chưa kể đến tên gọi vinh dự nhất. Cha của những dân kỳ cựu, anh lại sợ đàn bà hơn bao giờ hết. Họ sẵn sàng giang rộng vòng tay vẫy gọi anh, và ngày càng có nhiều đàn bà đổ về đây. Bất cứ ở đâu, khi anh ngồi ăn tối ở nhà người phụ trách việc đăng ký mỏ, khi anh gọi rượu cho những người đang nhảy trong quán, hoặc khi anh được một nữ ký giả của báo *Mặt Trời* ở Nữ Ước phỏng vấn, tất cả đám đàn bà đó đều giang tay mời gọi anh.

Tuy vậy vẫn có một ngoại lệ. Đó là Freda, cô vũ nữ, người mà trước kia anh đã gửi tặng bột mì. Cô là người duy nhất mà khi ở gần anh cảm thấy thoải mái, bởi vì cô không bao giờ giang tay mời gọi anh. Vậy mà chính cô lại là người làm anh kinh hoảng (chỉ kém sự kinh hoảng của anh đối với những người đàn bà khác một chút). Chuyện xảy ra vào mùa thu năm 1897. Lúc đó anh đang trên đường về sau khi đi kiểm tra vùng Lạch Henderson đổ vào sông Yukon phía dưới sông Tewart. Mùa đông ập đến thật nhanh, và

anh đã phải cố vượt bảy mươi dặm trên dòng Yukon bằng một chiếc canô mảnh mai giữa lúc nước bắt đầu đóng băng xộp và đẩy từng tảng trôi lênh bênh theo dòng nước. Sau khi men theo bờ bang cứng dọc theo mép sông, anh phóng canô qua chỗ sông Klondike đổ vào sông Yukon, cố tránh những tảng băng đang trôi về. Ngay lúc đó, anh thấy một gã đàn ông đứng trên bờ băng cứng ở mép sông đang hốt hoảng chỉ tay xuống dòng nước và đang chìm dần trong lúc các tảng băng trôi tới. Lợi dụng lúc vùng nước xoáy ở cửa sông hơi lặng đi một chút, anh vội phóng canô lại cửa sông hơi lặng đi một chút, anh vội phóng canô lại chỗ đó, đưa tay nắm vai cô ta kéo lên cạnh một cách gượng nhẹ. Người phụ nữ ấy chính là Freda. Mọi chuyện tưởng thế là xong, nào ngờ khi tỉnh dậy, cô quắc đôi mắt xanh và hỏi một cách giận dữ:

- Sao anh làm vậy? Trời ơi, sao anh lại làm như vậy chứ?

Câu hỏi đó làm anh hết sức băn khoăn. Trong những đêm sau đó, thay vì quay ra ngủ liền theo thói quen? Anh nằm thao thức, tưởng tượng lại nét mặt và tia nhìn giận dữ của cô, suy nghĩ mãi về những lời cô nói. Những lời đó đầy vẻ thành thật, và sự trách móc của cô không phải là giả dối. Cô thật sự muốn nói những gì cô đã nói. Anh cứ suy nghĩ mãi về điều ấy.

Lần sau, khi gặp lại anh, cô đã quay đi một cách giận dữ và khinh bỉ. Nhưng sau đó cô lại đến xin lỗi anh, và nói bóng gió về một người đàn ông nào đó, ở đâu đó và vào một lúc nào đó - tuy cô không nói đầu đuôi ra sao cả - đã làm cho cô không còn thiết sống nữa. Lời cô nói thẳng thắn nhưng thiếu mạch lạc, và anh cũng chỉ mang máng hiểu ra rằng câu chuyện đó - không biết là chuyện như thế nào - đã xảy ra cách đó nhiều năm rồi. Anh cũng mang máng hiểu rằng cô đã yêu người đàn ông đó.

Đây mới là vấn đề: tình yêu. Nó thật rắc rối. Nó kinh khủng hơn cả cái đói và cái lạnh. Đàn bà không thì cũng được thôi, bởi vì họ cũng đáng yêu và ưa nhìn. Thế nhưng lại có thêm cái nón tình yêu này nữa. Nó làm cho họ héo hắt đến tận xương, làm cho họ trở thành vô lý đến độ chẳng ai có thể hiểu được là họ sẽ làm cái gì nữa cả. Cái người đàn bà tên Freda này chẳng hạn, cô thật tuyệt vời, thân hình tròn lẳn, xinh đẹp và chẳng u mê gì. Thế rồi tình yêu đến và làm cô chua chát với mọi thứ trên đời, đưa đẩy cô đến

Klondike, rồi buộc cô nhất quyết phải tự vẫn đến độ đâm ra căm ghét ngay cả người đã cứu mình.

Từ trước tới nay, anh đã lẩn tránh tình yêu như lẩn tránh bệnh đậu mùa vậy. Ấy thế mà nó vẫn có mặt ở đó, lây lan như bệnh đậu mùa, và có phần còn tệ hại hơn cả bệnh đậu mùa nữa. Nó bắt người ta - đàn ông cũng như đàn bà - phải làm những chuyện đáng sợ và nghịch lý. Nó cũng y như bệnh bị ma men hành, có điều còn tệ hại hơn nữa.

Nếu anh, Ánh Sáng Ban Ngày, vướng vào nó thì anh cũng trở thành tệ hại như bao người khác mà thôi. Tột cùng của tình yêu chỉ là sự điên loạn - điên loạn hoàn toàn - và là một sự tréo ngoe. Đã có đến cả nửa tá đàn ông phát điên lên vì Freda. Ai cũng đều muốn cưới cô làm vợ. Ấy thế mà cô lại điên lên vì một gã đàn ông nào khác đang ở thế giới bên ngoài, và chẳng màng gì đến cái đám đàn ông ở thế giới trong này cả.

Song chính Mộng Trinh mới là người làm cho anh kinh hoàng hoàn toàn. Một buổi tối người ta phát hiện nàng nằm chết ở trong phòng. Một viên đạn xuyên qua đầu đã giết chết nàng. Nàng không để lại một bức thư hoặc một lời giải thích nào cả.

Rồi mọi người bắt đầu bàn tán. Có những kẻ hóm hỉnh khi phát biểu thay cho mọi người, cho rằng đó là một trường hợp "quá mê" Ánh Sáng Ban Ngày. Nàng đã tự kết liễu đời mình vì anh. Tất cả mọi người đều hiểu và nói như vậy. Máy tay phóng viên liền viết những bài tiêu đề, và một lần nữa Ánh Sáng Ban Ngày, vua của vùng Klondike, lại được nói đến một cách hết sức giật gân trong các tờ phụ trương *Chủ nhật* ở khắp Hiệp Chúng Quốc.

Các bài báo nói rằng Mộng Trinh đã tu tỉnh - mà thật đúng như vậy. Từ khi từ thị trấn Vùng Cực đến đây, nàng không bao giờ bước vào phòng nhảy trong vùng. Trước tiên nàng kiếm sống bằng cách giặt thuê. Sau đó nàng mua một chiếc máy khâu và may áo trùm đầu cho đàn ông, mũ đông thú và bao tay da hươu. Rồi nàng xin vào làm kế toán trong một ngân hàng đầu tiên ở Yukon. Tất cả những điều này và nhiều điều khác nữa đã được kể lại. Tuy nhiên những bài báo đều thống nhất ở một điểm là, dù Ánh Sáng Ban Ngày là nguyên nhân về cái chết của người phụ nữ ấy, anh vẫn hoàn toàn vô tội về cái chết không hợp lúc này.

Điều tệ hại nhất với Ánh Sáng Ban Ngày là anh biết rằng chuyện đó có thật. Anh sẽ nhớ mãi cái đêm cuối cùng gặp nàng. Lúc đó anh chẳng nghĩ gì cả. Nhưng bây giờ nhìn lại, những chi tiết nhỏ nhất nhất của buổi gặp gỡ đó vẫn ám ảnh anh.

Từ lúc xảy ra tâm thảm kịch này, anh hiểu hết mọi sự hiểu cái lặng lẽ, cái vẻ chắc chắn thâm lặng toát ra từ con người nàng như thể tất cả những vấn đề rắc rối đã được dàn xếp và gác qua một bên, hiểu cái dịu dàng như có lẫn tình mẫu tử trong tất cả những lời nói và cử chỉ của nàng. Anh nhớ lại cách nàng nhìn anh, cách nàng cười khi anh thuật cho nàng nghe về sai lầm của Mickey Dolan khi hắn cầm một khoảnh đất ở Thung lũng Skookum.

Nụ cười của nàng có vẻ vui tươi nhưng thiếu vắng cái mạnh mẽ của những ngày xưa cũ. Chẳng phải nàng buồn hoặc muốn làm cho sự việc nghiêm trọng. Trái lại, rõ ràng nàng rất hài lòng và tâm hồn nàng không còn bị điều gì khuấy động nữa.

Nàng đã vừa được anh, bởi vì anh quá ngốc nghếch. Thế mà anh lại tưởng rằng cái tình cảm nàng dành cho anh đã qua rồi, và anh vui vẻ nghĩ rằng từ nay về sau giữa họ chỉ còn có tình bạn và không bị tình yêu chen vào làm phiền nữa.

Thế rồi khi anh đứng ở ngưỡng cửa, nón trong tay và chào nàng để về, anh vừa bối rối vừa buồn cười khi nàng cúi xuống hôn vào tay anh. Lúc đó anh có cảm giác như mình ngớ ngẩn lắm, nhưng lúc này khi hồi tưởng lại chuyện ấy anh rung mình cảm thấy như làn môi của nàng còn đọng lại trên tay mình. Đó là lúc nàng muốn nói lời vĩnh biệt với anh, thế mà anh đã không đoán ra. Vào giây phút đó cũng như suốt buổi tối, lạnh lùng và cẩn thận như anh đã biết nàng trước kia, nàng đã quyết định sinh. Giá như lúc đó anh biết chuyện ấy? Tuy không bị căn bệnh yêu đương hành hạ, anh cũng sẽ cưới nàng nếu như anh biết chút ít gì về điều nàng suy nghĩ. Tuy vậy, anh cũng biết là nàng rất kiêu hãnh đến độ bướng bỉnh, và chắc chắn sẽ không chịu cho anh cưới nếu đó chỉ là một hành động vì nhân đạo. Vậy thì chẳng có cách gì cứu nàng được nữa. Căn bệnh tình yêu đã chụp trúng nàng và ngay từ đầu số phận đã định là nàng sẽ chết vì nó.

Cơ hội duy nhất để cứu nàng là chính Ánh Sáng Ban Ngày cũng bị cơn bệnh tình yêu chung trúng. Nhưng anh lại thoát được. Hơn nữa, nếu anh có bị vướng vào nó đi nữa, thì anh cũng vướng vào nó vì Frenda hay vì một phụ nữ nào khác. Cũng như Dartworthy, anh chàng sinh viên đã cầm được một khoảnh đất có nhiều vàng ở Lạch Thịnh Vương phía trên khoảnh đất của Carmack. Mọi người đều biết rằng Bertha, con gái của lão Doolittle yêu hấn đến phát điên lên; thế mà khi hấn vướng phải cơn bệnh tình yêu, hấn lại nhằm ngay đúng mục vợ của lão Đại tá Walthstone, chuyên gia đào vàng thuộc công ty Guggenhammer mà yêu. Kết quả là có ba trường hợp điên loạn: Dartworthy bán tổng bán tháo miếng đất vàng của mình chỉ lấy một phần mười giá trị thực của nó; người đàn bà đáng thương đã hy sinh sự tự trọng và địa vị vững vàng trong xã hội để trốn đi với người tình trên một con thuyền phong phanh xuôi dòng Yukon; cuối cùng là lão Đại tá, miệng đe dọa là sẽ giết hết và phá hết, rượt theo họ trên một chiếc thuyền khác. Toàn bộ tấn thảm kịch chỉ đợi giờ nổ ra đó đã trôi dọc theo dòng Yukon bùn lầy, vượt qua trại Bốn Mươi Dặm, qua cả thị trấn Vùng Cực, rồi biến mất vào vùng hoang dã phía trước. Mà đó cũng lại là tình yêu đấy. Nó đã phá hoại cuộc sống của cả đàn ông lẫn đàn bà, đẩy họ vào chỗ chết và tận diệt, làm đảo lộn tất cả những thứ hợp lý và tất lành, biến những người đàn bà đạo đức thành dâm phụ hoặc đẩy họ vào chỗ tự tử, và biến tất cả những người đàn ông ngay thẳng chính trực thành những tên vô lại hoặc những kẻ giết người.

Lần đầu tiên trong đời. Ánh Sáng Ban Ngày bị mất tinh thần. Anh hoảng hốt một cách tệ hại trông thấy. Đàn bà là những sinh vật kinh khủng và xung quanh họ đầy đặc vi trùng yêu. Mà họ lại quá bạo dạn, chẳng biết sợ là gì. Chuyện đã xảy ra với Mộng Trinh chẳng làm họ hốt hoảng. Họ lại càng giang rộng vòng tay mời gọi anh một cách quyến rũ hơn bao giờ hết. Ngay cả khi chỉ xét anh về khía cạnh là một người đàn ông, vừa quá tuổi ba mươi, khỏe mạnh, đẹp trai và hoà nhã, và không đả động gì đến gia tài của anh, thì anh cũng đủ là miếng mồi để phần lớn các bà bình thường tranh nhau giành giật. Vậy mà thêm vào những nét đẹp mà trời đã ban cho anh lại còn có cả những giai thoại hào hùng và cả cái gia tài đồ sộ kia nữa thì cũng dễ hiểu tại sao tất cả những người đàn bà độc thân nào khi gặp anh cũng

đều ve vuốt anh bằng đôi mắt sung sướng và thán phục, ấy là chưa kể có nhiều bà đã có nơi có chỗ mà cũng làm như vậy. Như những người khác thì có lẽ anh đã bị điều đó làm hư hỏng hoặc phát rồ lên rồi, nhưng anh thì chỉ thấy càng kinh hoàng hơn mà thôi. Kết quả là anh từ chối mọi lời mời đến nhà chơi nếu biết rằng ở đó anh có thể chạm mặt với đàn bà và chỉ lui tới chỗ của mấy anh chàng độc thân, hoặc lai vãng đến Quán Sùng Hươu, một quán rượu không có phòng nhảy.

Chú thích:

(1) Những lời chơi bài của người Mỹ

Chương 13

Vào mùa đông năm 1897, có sáu người làm việc ở vùng Dawson. Công việc khai mỏ dọc các con lạch tiến triển mau lẹ, và ở phía bên kia đường đèo còn khoảng một trăm ngàn người nữa đang đợi mùa xuân đến sẽ kéo vào. Vào một buổi chiều ngắn ngủi, đứng trên các bờ lạch cạn giữa Đồi Pháp và Đồi Skookum, một ý nghĩ lớn lao chợt nảy ra trong đầu Ánh Sáng Ban Ngày. Phía dưới anh là vùng đất nhiều vàng nhất thuộc Lạch Eldorado, còn Lạch Thịnh Vượng trải dài hàng dặm trước mắt anh. Toàn bộ cảnh vật thật điều tàn, cây cối trên các ngọn đồi bị đốn trụi, sườn đồi trần trụi lộ chỗ những hố, nhiều đến độ tuyến không phủ hết được. Phía dưới anh, trong mọi ngóc ngách là nhà ở, nhưng không thấy có mấy người ở đó. Một màn khói phủ trùm khắp thung lũng biến cái ánh sáng xám của ngày thành một màn tranh tối tranh sáng ảm đạm. Khói thoát lên từ hàng ngàn miệng hố đào trông tuyệt. Nơi đó, sâu trong lòng đất chỗ mặt đá ngầm, người ta bò lết, vừa cào vừa đào những lớp đất sỏi đã bị đóng băng, rồi lại đốt thêm lửa để đất mềm ra. Ở những nơi người ta đào bỏ mới, lửa bỏ bập bùng. Những hình người từ trong hố bò ra, hoặc lại bò vào mất hút. Những người khác đứng trên các bụi gỗ dùng tay quay ròng rọc kéo những xô đất sỏi đã được đốt nóng cho tơi ra từ đáy hố lên bờ. Đám đất đó vừa lên đến mặt hố là đông cứng lại liền. Khắp nơi đều ngổn ngang những dụng cụ đãi vàng được sử dụng trong mùa xuân vừa qua: hàng đồng máng đãi, từng mảng bờ dẫn nước đắp cao, những bánh xe quạt nước khổng lồ - tất cả những thứ mà cả một đạo quân săn vàng điên rồ đã bỏ lại.

- Thật cứ như chuột chũi đào hầm ấy, - Ánh Sáng Ban Ngày chột nói to một mình.

Anh nhìn những ngọn đồi trọc và nhận ra rằng biết bao nhiêu gỗ đã bị phí phạm. Nội cái chuyện nhỏ nhất này thôi cũng đã giúp anh hiểu được cái hỗn loạn khủng khiếp của việc đào bới điên cuồng của những người ở đây. Đó là cả một sự bất hợp lý lớn lao. Mỗi người chỉ lo làm cho mình nên kết quả là một sự hỗn loạn. Trong cái vùng lăm vàng nhất này, để đãi được hai đô-la thì phải mất hết một đô-la, và cứ mỗi đô-la lấy được bằng phương pháp đào như mê sảng và không tính toán này lại có một đô-la phải vùi xuống đất mà không có hy vọng lấy lại. Chỉ cần một năm nữa thôi, khi hầu hết các mảnh đất đã được khai thác xong, số vàng lấy lên sẽ ngang với số vàng bỏ lại.

Anh quyết định ngay là cần phải tổ chức lại. Trí tưởng tượng mau lẹ của anh liền hình dung cả vùng Lạch Eldorado, từ nguồn đến cửa sông, từ bờ núi bên này đến bờ núi bên kia, khi đã nằm trong những bàn tay điều hành có năng lực. Lúc đó ngay cả việc dùng hơi nước để làm mềm đất cũng chỉ là tạm bợ. Điều cần làm là dùng sức nước đẩy đất ở sườn đồi và các bờ lạch đã cạn cho rớt xuống lòng lạch rồi dùng tàu vét bùn đó lên mà đãi lại theo phương pháp mà anh nghe nói đang được áp dụng ở California.

Vậy là còn một dịp để khai thác vàng rất lớn. Trước kia anh đã tự hỏi không hiểu tại sao công ty Guggen-hammer và các công ty Anh khác lại phát chuyên gia lương cao vào vùng này. Hoá ra kế hoạch của họ là vậy. Đó là lý do tại sao họ cứ gạ anh bán lại cho họ những khoảnh đất đã khai thác hết. Họ sẵn sàng để những tay chủ mỏ cò con đục khoét được tí nào hay tí này, bởi vì chắc chắn sẽ còn cả triệu triệu đô-la nằm lại trong lòng đất.

Khi ngấm nhìn cái hoả ngục đầy khói mà con người đang đào vàng một cách thô sơ đó, anh đã hình dung được ván bài mà anh sắp chơi, trong đó một mình anh sẽ đối chọi lại công ty Guggenhammer và tất cả các công ty khác. Tuy nhiên cùng với niềm vui trong cái kế hoạch mới này lại là sự mệt mỏi. Anh đã chán ngấy những năm tháng dài dằng dặc ở vùng Bắc Cực này và bắt đầu tò mò về thế giới bên ngoài, cái thế giới mà anh chỉ nghe người khác kể lại và anh chẳng hiểu biết gì về nó cả. Hẳn là ở đó cũng có những canh bạc để cho anh được tham gia. Canh bạc sẽ lớn hơn nhiều, và chẳng có

lý do nào anh lại không tham gia vào đó khi trong tay đã có hàng triệu đô-la. Vì thế cho nên, chính vào buổi chiều đó, khi đứng trên đồi Skookum, anh quyết định sẽ ra đi khi đã chơi xong ván bài cuối cùng này ở Klondike.

Công việc cũng mất nhiều thời gian. Anh phái những nhân viên đáng tin cậy bám sát gót những chuyên gia, và ở bất kỳ vùng lạch nào họ mua đất là anh cũng mua. Mỗi khi họ tính được quyền một vùng lạch nào đó đã được khai thác xong thì họ lại thấy anh ngăn đường họ bằng cách chiếm lấy những vùng đất lớn hoặc những khoảng đất nhỏ rời rạc nhưng được tính toán một cách khéo léo để phá hỏng ý đồ của họ.

- Tôi sẽ thắng các anh, phải không? - anh đã nói như vậy trong một phiên họp căng thẳng với họ.

Tiếp sau đó là chiến tranh, hoà hoãn, nhượng bộ, những chiến thắng và những thất bại. Vào năm 1898 ở Klondike có tất cả sáu mươi ngàn người và tất cả công việc làm ăn cũng như tài sản của họ phải bị điều đứng hoặc ảnh hưởng ít nhiều bởi những cuộc chiến tranh mà Ánh Sáng Ban Ngày chủ động. Càng lao vào cuộc anh càng bị kích thích. Anh đã đấu với công ty Guggenhammer và đã thắng, thắng lớn. Trận căng nhất có lẽ là trận tranh chấp về vùng đất Ophir, một cánh đồng hươu mà đất ở đó chứa ít vàng đến độ nó quý giá chỉ vì nó rộng lớn. Ở đây là anh đã có sẵn bảy khoảnh đất nằm chung một khối và do đó có thể để đối địch với công ty Guggenhammer. Hai bên không dàn xếp êm thấm được. Khi họ gửi tới hậu thư cho anh bảo rằng anh không đủ sức mua đứt cả vùng đất rộng lớn như vậy, anh liền vung tiền ra mua nó với giá mà công ty Guggenhammer cũng không dám trả.

Kế hoạch khai thác là của anh, nhưng anh cũng thuê những tay kỹ sư có năng lực từ Hiệp Chúng Quốc đến giúp anh thực hiện. Cánh vùng đất Ophir tám mươi dặm có hồ nước Rinkabilly. Anh biến nó thành bể chứa, và cho dựng đường dẫn nước bằng gỗ suốt từ đó về vùng đất Ophir. Số tiền dự chi cho bể chứa và đường dẫn nước là ba triệu đô-la, nhưng sau đó thực chi lên đến bốn triệu. Anh không ngừng lại ở đây, mà còn xây thêm nhà máy điện để chạy máy và thắp sáng.

Những tay đào vàng kỳ cựu, tuy lúc này đã giàu quá mức họ mơ ước, cũng lắc đầu bi quan cho rằng anh sẽ phá sản và từ chối đầu tư vào một kế

hoạch phiên lưu và tốn kém như vậy. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày chỉ mỉm cười và bán hết các lô đất trong tỉnh còn lại để lấy tiền anh bán thật đúng lúc vì cơn sốt tìm vàng đang lên đến đỉnh cao nhất. Bởi vậy chẳng cần ai giúp cả, anh cũng có đủ tiền để làm đường dẫn nước, đóng tàu, tậu máy móc và lập tức làm cho vàng ở vùng Ophir phải xuất hiện.

Chính anh, người mà năm năm trước đây còn từ sông Indian vượt vách núi ngăn và lăm lụi bước trong cả một vùng đất hoang vu lạnh lẽo, cả người lẫn chó đều mang vác theo kiểu thổ dân và sống nhờ thịt hươu như thổ dân, bây giờ cũng cũng chính anh lại nghe thấy tiếng còi hú gọi hàng trăm người ra làm cho anh, và thấy họ lao động trong ánh điện huỳnh quang chói sáng.

Nhưng khi công việc đã xong, anh liền chuẩn bị rời bỏ vùng đất đó. Lúc anh bán tiếng là sẽ ra ngoài, công ty Guggenhammer và các công ty Anh, Pháp khác liền tranh nhau mua lại vùng đất Ophir và nhà máy điện. Công ty Guggenhammer trả giá cao nhất. Tính ra với cái giá đó anh được lời chẵn một triệu đô-la. Người ta truyền miệng nhau là lúc này anh đã phải có khoảng hai mươi đến ba mươi triệu đô-la. Chỉ mình anh mới biết rõ là, sau khi đã bán khoảnh đất cuối cùng và nghỉ ngơi để đếm bạc, trong toàn bộ thời gian tuân theo linh cảm của mình anh đã thu được hơn mười một triệu đô-la.

Việc ra đi của anh cũng như những việc khác mà anh đã làm đã đi vào lịch sử của vùng sông Yukon. Toàn bộ dân vùng đó là khách của anh, và thị trấn Dawson là trung tâm của hoạt động vui chơi. Vào đêm cuối cùng đó không có vàng của ai là có giá trị cả trừ vàng của anh. Rượu không bán cho ai hết, mà được phục vụ tự do. Hết tốp phục vụ này đến tốp phục vụ khác thay nhau rót rượu mời khách. Ở tất cả các quán đều như thế. Bất kỳ ai từ chối hảo ý này và khăng khăng đòi trả tiền đều bị cả chục người phê bình. Ngay cả những kẻ mới chân ướt chân ráo đến đây tìm vàng cũng sẵn sàng đứng lên phản đối sự từ chối bất lịch sự đó để bảo vệ tên tuổi của Ánh Sáng Ban Ngày.

Đêm đó là một đêm mà thị trấn Dawson chưa từng thấy. Ánh Sáng Ban Ngày muốn mọi người phải nhớ nó, và anh đã thành công. Đêm đó hầu hết dân ở Dawson đều say khướt. Tuy trời vẫn còn đang độ tiết thu và vùng sông Yukon chưa đóng băng nhưng nhiệt độ cũng đã xuống đến hai mươi

lắm độ dưới không và sẽ còn xuống thấp hơn nữa. Cần phải tổ chức những đội tuần tra đường phố để lượm những kẻ quá say bị ngã lăn xuống tuyết. Nếu cứ để họ nằm như vậy trong tuyết thì chỉ một giờ sau là họ sẽ chết ngay. Tuy Ánh Sáng Ban Ngày có ý muốn làm cho cả trăm ngàn người phải say, song chính anh lại là người đưa ra sáng kiến tổ chức những đội tuần tra đó. Anh muốn cả thị trấn Dawson phải vui chơi đêm đó, nhưng là một con người bản chất vốn thận trọng và không quá trớn, anh cố gắng không để xảy ra một tai nạn nào cả.

Ngày hôm sau, khi bình minh vừa hé rạng, cả thị trấn Dawson ra tiễn chân Ánh Sáng Ban Ngày. Dọc theo bờ sông là hàng ngàn người đầu đội mũ kín cả tai và tay đeo găng. Nhiệt độ xuống đến ba mươi độ dưới không. Dọc bờ sông băng đã bắt đầu đóng cứng và trên dòng sông có những khối băng xộp trôi lênh bênh. Đứng trên boong tàu Seattle, Ánh Sáng Ban Ngày vẫy tay chào từ biệt. Khi tháo dây cáp neo tàu và con tàu quay đầu ra giữa sông thì những người đứng gần thấy mắt anh ứa lệ Theo một cách nào đó, anh đang chia tay với quê hương của anh, vùng Bắc Cực, tuy khắc nghiệt nhưng lại là vùng đất duy nhất mà anh quen biết.

Anh giờ mũ ra vẫy vẫy:

- Xin chào các bạn! - anh hét to - Xin chào tất cả các bạn!

PHẦN II - Chương 1

Việc Ánh Sáng Ban Ngày đến San Francisco không được đón chào nồng nhiệt. Chẳng phải chỉ riêng anh mà cả vùng Klondike cũng đã bị đưa vào quên lãng. Người ta bận chú ý đến những chuyện khác nên câu chuyện săn vàng ở Alaska, giống như cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, đã trở thành chuyện xưa tích cũ. Từ đó đến nay có quá nhiều chuyện xảy ra. Tin giết gân diễn ra hàng ngày, mà mặt báo chí có hạn. Việc bị quên lãng như vậy dầu sao cũng có tác dụng kích thích. Việc một nhân vật tầm cỡ trong canh bạc vùng Bắc Cực như anh, với một quá khứ đầy huyền thoại và nằm trong tay cả mười một triệu đô-la, lại không được ai chú ý đến nói lên một điều là ở nơi đây canh bạc còn lớn hơn nhiều.

Ánh Sáng Ban Ngày thuê phòng ở khách sạn Thánh Francis. Anh được vài phóng viên cò con chuyên săn tin về các khách sạn phỏng vấn và được nhắc đến một lần trên vài tờ nhật báo bằng vài dòng ngắn gọn. Anh chỉ cười

thăm về chuyện đó và bắt đầu làm quen với trật tự mới. Anh có vẻ rất vững về song cũng rất trầm tĩnh. Cộng thêm vào cái vẻ chững chạc của một người biết rằng mình nắm trong tay mười một triệu đô-la là sự tự tin mạnh mẽ. Không gì có thể làm anh bối rối. Sự lộng lẫy, nếp văn hoá và quyền lực xung quanh không làm anh hoảng sợ. Đối với anh, tất cả những điều ấy cũng chỉ là một kiểu hoang vu mới mà anh phải học để nhận biết các dấu hiệu của nó, đâu là đường đi, đâu là hồ nước, nhằm tìm ra đâu là vùng đất sẵn tốt và để tránh khỏi sa vào bãi lầy. Cũng như trước kia, anh vẫn ngại đàn bà. Anh vẫn sợ họ một cách thâm hại và không dám quan hệ mật thiết với những sinh vật bóng bẩy hào nhoáng mà mười một triệu đô-la cho phép anh tiến lại gần. Họ nhìn anh một cách thèm muốn, nhưng anh che đậy sự nhút nhát của mình tài tính đến nỗi mọi người cứ tưởng anh rất tỉnh. Mà chẳng phải chỉ có gia tài anh thu hút họ. Anh rất đàn ông, không giống như những người đàn ông khác. Còn trẻ chưa đầy ba mươi sáu tuổi, rất đẹp trai, khỏe mạnh và tràn trề nam tính, bước đi phúng túng rất lạ với các vỉa hè, ánh mắt đen láy gợi nhớ về các vùng trời bát ngát chứ không mỗi một như ánh mắt của thị dân sống cuộc đời tù túng, tất cả những điều ấy khiến đám phụ nữ cứ phải ngoái cổ nhìn theo một cách tò mò.

Anh thấy tất cả những cái nhìn đó, nhưng chỉ cười thầm, và coi chúng như những hiểm nguy mà anh phải dè chừng bằng vẻ lạnh lùng còn hơn là khi anh đối phó với cái đói, cái rét và lụt lội.

Anh đến Hiệp chủng Quốc là cốt để chơi một canh bạc của những người đàn ông, chứ không phải để gió hót với đàn bà. Thế mà anh vẫn chưa thật hiểu bọn đàn ông ở đây. Họ làm anh ngạc nhiên vì vẻ mềm yếu - mềm yếu về thể chất, nhưng anh đoán bên trong cái vẻ mềm yếu đến độ khúm núm đó là sự tính toán khắc nghiệt. Họ cũng làm anh ngạc nhiên vì vẻ bất ổn như mèo. Khi gặp họ trong các hội quán, anh tự hỏi không biết cái tình thân mà họ biểu lộ thật đến mức nào và không biết lúc nào thì họ sẽ giương vuốt thật nhanh mà cào mà xé - Đây mới là vấn đề cần bàn, anh thường tự nhủ - Họ sẽ làm gì đây khi cuộc chơi đến hồi quyết liệt. Anh cảm thấy nghi ngờ họ mà không sao giải thích được - Nhất định là họ rất khôn khéo, - anh kín đáo đánh giá họ như vậy.

Từ những điều nghe lỏm được, anh biết là mình đã đánh giá đúng. Tuy vậy, nhìn bề ngoài họ vẫn có vẻ đàn ông và thẳng thắn trong luật chơi, một tính cách gắn liền với đàn ông. Họ có thể cào xé một cách hết sức tự nhiên, nhưng anh vẫn cảm thấy rằng đâu sao họ cũng sẽ cào xé theo đúng luật chơi. Đây là ấn tượng anh có về họ, một sự khái quát hoá đã đạt được sau khi đã loại số phần trăm bọn vô lại lẫn lộn trong đám họ.

Nhiều tháng trôi qua ở San Francisco. Trong suốt thời gian đó, anh nghiên cứu cuộc chơi và luật chơi để chuẩn bị tham gia. Anh cũng kín đáo học lại tiếng Anh và đã thành công trong việc tránh những lỗi tệ hại nhất, tuy rằng trong những khi cao hứng anh vẫn nói sai ngữ pháp như trước. Anh cũng học cách ăn, mặc, cách đi đứng theo lối thị thành. Tuy thế, dưới cái lớp vỏ đó thì anh vẫn là anh, không quá coi trọng và lệ thuộc vào ý kiến của người khác, và luôn mạnh dạn gạt qua một bên những ước thúc xã hội quá tinh tế đến độ gò bó tới mức có nhiều người cũng phát bực vì anh. Khác với những người yếu đuối từ những vùng xa xôi hẻo lánh đến đây, anh chẳng thèm tôn sùng những thần tượng bằng thiếc mà các bộ lạc người văn minh thường tôn sùng. Trước kia anh đã thấy nhiều vật tổ rồi, và anh đánh giá chúng đúng với bản chất của chúng. Chán làm kẻ ngoài cuộc, anh bèn đến Nevada, nơi mà con sói khai thác vàng bắt đầu lên cao điểm, mục đích là để - theo cách dùng từ của anh - chơi cho nó một cú. Cú chơi của anh ở Thị trường Chứng Khoán Tonopah chỉ kéo dài có mười ngày. Trong thời gian đó, anh vung tiền ra chơi loạn và đè bẹp các tay chơi quy củ khác. Cuối cùng sau khi mua đứt vùng mỏ Floridel, anh bán nó đi và thu về được đúng nửa triệu đô-la tiền lời. Sau khi chép miệng như vừa ăn xong một bữa ngon lành, anh trở về khách sạn Thánh Francis ở San Francisco. Cú chơi vừa qua rất mỹ mãn và anh càng muốn được chơi thêm nhiều cú khác.

Một lần nữa, các báo lại đăng những bài giật gân về anh. Cái tên Ánh Sáng Ban Ngày lại được in bằng chữ khổ lớn. Người ta đổ xô đến anh để phỏng vấn. Những chồng báo và tạp chí cũ lại được giở ra xem lại, và cái anh chàng Elam Harnish hào hùng, kẻ phiêu lưu trong băng tuyết, Vua của vùng Klondike, cha của những dân đào vàng kỳ cựu lại chễm chệ trên bàn ăn sáng sữa hàng triệu gia đình cùng với bánh mì nướng và các thức ăn khác. Ngay lúc bản thân anh còn phân vân thì anh đã bị quăng vào cuộc

chơi rồi. Các nhà tài chính và các tay cổ đông cũng như tất cả các tay đầu cơ căn bã khác đổ xô vào cái đồng mười một triệu đô-la của anh. Để tự bảo vệ, anh buộc phải mở văn phòng giao dịch. Anh đã làm bọn họ ngồi thẳng dậy mà chú ý đến anh. Bây giờ họ chia bài đòi anh tham gia cuộc chơi thì dù muốn dù không anh cũng phải dự phần. Vậy thì anh sẽ chơi và sẽ cho họ biết tay, mặc dù có nhiều tờ báo, sau khi mô tả anh như một kẻ tóc quăn, có dáng vẻ rùng rú và cách chơi quê mùa thô lậu của anh, lại cao hứng tiên đoán là chẳng mấy chốc anh sẽ bị lột sạch.

Trước tiên, anh đầu tư vào những chuyện làm ăn nhỏ nhặt - Phải chơi thời đã, - anh nói như thế với Holdsworthy, một người bạn anh mới quen ở câu lạc bộ Alta-Pacific. Chính Holdsworthy đã tiến cử anh làm hội viên của câu lạc bộ đó. Ánh Sáng Ban Ngày rất cẩn thận, bởi lẽ anh cũng hoảng khi thấy quanh mình có quá nhiều tay đại tài phiệt mà anh gọi là "con cá mập trên cạn". Anh hiểu rõ các ý đồ của chúng, và tự hỏi sao bằng đó tay cá mập lại có thể tìm đủ mồi. Tính đều cáng và khó tin của chúng lộ rõ đến nỗi anh không hiểu tại sao lại có người bị chúng lừa được.

Càng ngày anh càng thấy có nhiều tay tài phiệt cá mập hơn. Holdsworthy đối đãi với anh như một người anh em hơn là chỉ thuần túy như một người cùng hội. Anh ta để ý cho anh, khuyên bảo và giới thiệu anh với các bậc đàn anh trong giới tài chính địa phương. Gia đình Holdsworthy sống trong một căn nhà một tầng xinh xắn có hiên rộng ở gần công viên Menlo(1) Ánh Sáng Ban Ngày thường đến đây vào các ngày cuối tuần để hưởng cái không khí ấm cúng của đời sống gia đình mà anh chưa bao giờ tưởng tới. Holdsworthy rất yêu hoa và khá say mê việc nuôi gia cầm để tranh giải.

Ánh Sáng Ban Ngày cảm thấy vui vui mỗi khi ngắm nhìn sự say mê yêu thích này của chủ nhà, bởi vì những điểm yếu đáng yêu này chứng tỏ sự lành mạnh của anh ta và ngày càng kéo hai người lại gần nhau hơn. Ánh Sáng Ban Ngày nhận xét anh ta là một nhà kinh doanh thành công và khá giả nhưng không có tham vọng lớn, là người dễ dàng bằng lòng với những canh bạc cò con và không đủ sức chơi những canh bạc thật lớn.

Vào một ngày cuối tuần nọ. Holdsworthy giới thiệu với anh một chuyện làm ăn nhỏ, một lò gạch trong thung lũng Ellen. Ánh Sáng Ban

Ngày chăm chú nghe anh mô tả vị thế của lò gạch. Đó là một chuyện làm ăn rất hợp lý và Ánh Sáng Ban Ngày chỉ phản đối mỗi một điểm là nó có tính chất cò con và nằm quá xa ngoài các dự định làm ăn của mình.

Anh đồng ý tham gia vào chuyện đó chỉ vì tình bạn. Holdsworthy nói rằng bản thân anh ta cũng đã có phần hùn trong đó và nghĩ rằng, vì nó sẽ mang lại lợi nhuận, anh ta sẽ buộc được Ánh Sáng Ban Ngày phải bỏ ra chút đỉnh tiền từ các hướng đầu tư khá dễ tham gia vào chuyện này. Ánh Sáng Ban Ngày đã bỏ ra năm mươi ngàn đô-la. Sau này khi nói về chuyện ấy, anh vừa cười vừa giải thích: "Đúng là tôi bị lừa, nhưng không phải Holdsworthy mà là những con gà và những bông hoa quý quái của hắn đã lừa tôi. Dẫu sao đó cũng là bài học hay dạy anh rằng trong thế giới làm ăn không thể cả tin nhau được". Ngay cả sự tin tưởng đơn giản giữa những người đã cùng ngồi chung mâm với nhau cũng sẽ biến mất khi họ cần lừa nhau để đổi cái trại gạch bỏ đi lấy năm mươi ngàn đô-la. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày vẫn cho rằng bọn cá mập lớn có nhỏ có chỉ nằm trên bề mặt mà thôi. Ở sâu phía dưới vẫn là sự bền vững và tính nhất quán. Bởi vậy anh vẫn quyết định là mình cần phải làm việc chung với các tay lãnh đạo công nghiệp và tài chánh cỡ bự đó, vì dù sao tính chất của việc làm ăn lớn sẽ buộc họ phải chơi ngay thẳng. Không có chỗ cho những trò lưu manh vặt vãnh. Dĩ nhiên là có những tay làm ăn cò con sẵn sàng làm hàng giả như thật để lừa bán cho bạn bè như trong vụ cái lò gạch bỏ đi kia, nhưng trong giới kinh doanh cao cấp, những mảnh khoé đó không mang lại nhiều lợi lộc. Canh bạc của những kẻ tham gia vào việc mở mang đất nước, tổ chức đường xe lửa, khai mỏ lấy quặng thì nhất định phải lớn và cần ổn định - Đương nhiên họ không dám áp dụng chiến thuật lường gạt - Ánh Sáng Ban Ngày kết luận như vậy.

Bởi vậy anh quyết định tránh giao dịch với bọn cò con kiểu Holdsworthy. Tuy vẫn vui vẻ với họ, anh không kết thân với ai cả. Chẳng phải là anh ghét gì bọn họ, kiểu những người trong Câu lạc bộ Alta-Pacific chẳng hạn. Anh chỉ không chọn họ làm kẻ chung hùn vốn với mình trong canh bạc lớn anh tính chơi mà thôi. Canh bạc này như thế nào thì anh vẫn chưa biết. Anh đành chờ đợi, và trong khi chờ đợi, anh đành đầu tư vào

những kế hoạch nho nhỏ chẳng hạn như việc cải tạo đất cần cỗi và mở mắt chờ cơ hội làm ăn lớn đến là chụp lấy ngay.

Rồi anh, gặp John Dowsett, cái lão Jonh Dowsett nổi tiếng đó. Rõ ràng đây chỉ là một chuyện tình cờ, và Ánh Sáng Ban Ngày cũng biết như vậy. Lúc còn ở Los Angeles, anh nghe nói có giống cá ngư California đang di cư về vùng đảo Santa Catalina nên ghé lại đó thay vì đi thẳng về San Francisco như đã dự tính. Ở đây anh đã gặp John Dowsett, lúc này đang nghỉ lại đó vài ngày giữa chuyến bay về miền Tây. Dĩ nhiên Dowsett cũng đã nghe nói về ông Hoàng vùng sông Klondike độc đảo và tin đồn về số bạc ba mươi triệu đô-la của anh rồi. Hai người làm quen với nhau, và Dowsett rất chú ý đến Ánh Sáng Ban Ngày. Vào những ngày mới quen này, trong đầu Dowsett chợt nảy ra một ý định, nhưng lão không vội nói về nó mà có ý đợi đến lúc nó tự chín muồi. Do đó lão chỉ trao đổi những chuyện chung chung, và cố tỏ ra đáng mến để tranh thủ tình cảm của Ánh Sáng Ban Ngày.

Dowsett là nhân vật có tầm cỡ đầu tiên mà Ánh Sáng Ban Ngày được thực diện. Anh như bị mê hoặc và lấy làm thích thú. Ở con người đó có vẻ tốt bụng thương người và dân chủ hoà đồng đến nỗi anh khó mà nhận ra được đây chính là John Dowsett, người đứng đầu của một loạt ngân hàng và hà ng bảo hiểm đồng minh của những đại diện công ty xăng dầu và công ty Guggenhammer. Cứ nhìn lão thì cũng đủ biết lão là người như thế nào.

Thể chất của lão đảm bảo tất cả những gì Ánh Sáng Ban Ngày biết về lão. Tuy tuổi đã lục tuần và tóc đã bạc trắng, lão vẫn bắt tay một cách mạnh mẽ thân tình. Lão không có vẻ già yếu, đang đi nhanh gọn, bước nào ra bước nấy. Nước da lão hồng hào khỏe mạnh, và đôi môi mỏng thanh biết nhếch lên một cách chân tình khi nghe một câu nói đùa. Mắt lão màu xanh nhạt, ngay thẳng, núp dưới hai hàng lông mày rậm luôn chiếu vào người đối diện những tia nhìn chăm chú, thẳng thắn. Đầu óc lão rất trật tự và có kỷ luật, chính xác như một cái bẫy thép đến nỗi Ánh Sáng Ban Ngày phải kinh ngạc. Lão chính là người biết việc phải làm và không thêm nguy trang kiến thức của mình bằng những thứ tình cảm hoa hoè hoa sỏi vớ vẩn. Trông lão rõ là người đã quen ra lệnh, mỗi một lời nói hay một cử chỉ đều toát lên vẻ uy quyền. Thêm vào tất cả cái đó là tính thông cảm và sự khéo léo, và Ánh Sáng Ban Ngày có thể dễ dàng phân biệt lão với những kẻ có tính cách kiêu

Holdsworthy. Anh cũng biết cả tiểu sử của lão, thuộc gốc người Mỹ lâu đời và từng tham gia chiến tranh, biết bố của lão đã từng là cột trụ vững chắc cho sự nghiệp của Mỹ Quốc, làm Thiếu tướng Hải Quân trong cuộc chiến tranh năm 1812, sau lên Đại tướng tiếng tăm lừng lẫy, và ông nội lão là một điền chủ có nô lệ thuộc vùng New England thuở xưa.

- Ông ấy mới là thứ thiệt, - Ánh Sáng Ban Ngày về sau nói với một trong những hội viên Câu lạc bộ Alta-Pacific khi ở phòng hút thuốc - Nói cho cậu biết Gallon ạ, ông ta thật làm tớ giật mình. Tớ vẫn biết những tay làm ăn lớn phải như thế, nhưng tớ phải tận mắt nhìn thì mới hiểu hết họ như thế nào. Ông ta là một con người hành động. Cứ nhìn ông ta là biết liền. Rõ ràng là trong cả ngàn người mới kiếm được một người như vậy, tất đáng để mình cộng tác. Canh bạc mà ông ta chơi thật không biết đâu là giới hạn. Cậu có thể cuộc chắc là ông ta sẽ chơi theo lối được ăn cả ngã về không. Được hoặc thua một lúc năm, bảy triệu đô-la cũng không làm ông ta chớp mắt.

Gallon cứ bập bập điều xì gà, và sau khi Ánh Sáng Ban Ngày kết thúc lời ngợi khen John Dowsett, hắn đưa mắt nhìn anh một cách tò mò. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã quay qua gọi một ly rượu *cocktail* nên không chú ý đến cái nhìn đó.

Gallon nói:

- Chắc anh với lão ta đã tham gia vào một chuyện gì rồi phải không?
- Không, tớ không nghĩ đến chuyện ấy. Chỉ thuần túy là sự cảm thông nhau mà thôi. Tớ chỉ muốn giải thích cho cậu hiểu là tớ đã khám phá những tay sừng sỏ đó làm ăn như thế nào mà thôi.

Cậu biết không, ông ta cho tớ cảm giác là ông ta hiểu biết mọi chuyện đến độ tớ phải phát thẹn - Sau một hồi trầm ngâm, anh nói tiếp: - Nếu có phải điều khiển xe trượt tuyết thì tớ cũng sẽ chỉ dẫn lại cho ông ta ít nhiều. Mà nếu có thì khi đánh bài, hoặc đãi vàng, hoặc chèo thuyền thì chắc chắn ông ta sẽ khôn đốn vì tớ mất. Mà cũng có thể cuộc chơi ở đây không khó khăn bằng cuộc chơi mà tớ đã tham dự ở phương Bắc.

Chú thích:

(1) *Menlo Park (Công viên Menlo): một thành phố ở phía Tây của bang California, phía Đông Nam của thành phố cảng San Francisco.*

PHẦN II - Chương 2

Sau đó ít lâu, Ánh Sáng Ban Ngày đi Nữ Ước John Dowsett vừa gửi thư cho anh. Lá thư đánh máy vồn vện có vài dòng nhưng đã làm anh phấn kích một cách kỳ lạ. Anh nhớ lại sự phấn kích của mình lúc còn là một cậu bé mười lăm tuổi non nớt khi nghe Tempas Butte, vì thiếu tay chơi thứ tư là Tom Galsworthy, đã nói với anh: "Ngồi vào chơi đi, Nhỏ" - Sự phấn kích đó lúc này sống lại trong anh. Nhận dòng chữ đánh máy trần trụi như chứa đựng những điều kỳ bí: "Ông Howison ở chỗ chúng tôi sẽ đến gặp ông tại khách sạn. Ông ta là một người đáng tin cậy. Chúng ta không tiện gặp nhau công khai. Ông sẽ hiểu mọi chuyện sau khi chúng ta trao đổi". Ánh Sáng Ban Ngày đọc đi đọc lại mấy dòng chữ ấy. Vậy là cuộc chơi lớn đã xuất hiện, và hình như người ta đang giang tay mời anh tham dự. Nếu không phải vì chuyện đó thì một người đã chẳng khẩn cấp yêu cầu một người khác phải làm một chuyến đi dài băng ngang đại lục như vậy.

Họ đã gặp nhau - nhờ có ông Howison "ở chỗ chúng tôi" - trong một ngôi nhà nghỉ mát lộng lẫy ở miền quê phía trên sông Hudson. Theo lời chỉ dẫn, Ánh Sáng Ban Ngày đã đến đó bằng một chiếc ô tô riêng mà người ta cho anh mượn. Anh không biết chủ xe là ai, mà thậm chí ngay cả chủ nhân ngôi biệt thự với những thảm cỏ bát ngát có những hàng cây cao đó anh cũng không biết nốt. Khi đến chơi, Ánh Sáng Ban Ngày thấy Dowsett và một người đàn ông khác đang đợi sẵn ở đó. Chẳng cần giới thiệu anh cũng biết người đàn ông ấy là ai. Đó chính là Nathaniel Letton. Anh đã thấy hình ông ta cả chục lần trên báo chí và đã đọc nhiều bài viết về vị trí của ông ta trong giới tài phiệt và về ngôi trường Đại học ở Daratona do ông ta tài trợ. Về quyền lực toát lên từ con người của ông ta cũng gây ấn tượng mạnh trong anh, nhưng anh hơi bối rối khi thấy rằng giữa ông ta và Dowsett chẳng có gì giống nhau cả. Trừ cái vẻ sạch sẽ - sạch sẽ đến tận những tế bào trong người - còn ngoài ra hai người khác nhau về mọi phương diện. Thân hình gầy ốm xanh xao, trông ông ta như một ngọn lửa nguội lạnh, bí mật, loại lửa hoá học, thế nhưng người ta lại có cảm giác là sau lớp vỏ băng giá đó đang toát ra sức nóng của hàng ngàn mặt trời.

Chính đôi mắt xám mở to của ông ta đã khiến người ta có cảm giác ấy. Chúng như đang cháy bỏng giữa một khuôn mặt gầy như của người chết,

gầy guộc, nước da trắng như sáp, đục lờ lờ trông thật kinh khủng. Tuy chưa đến năm mươi tuổi nhưng mái tóc lưa thưa màu xám thép làm ông trông già hơn Dowsett đến mấy lần. Nhưng Nathaniel Letton rất tự chủ. Ánh Sáng Ban Ngày thấy rõ điều đó. Ông ta là một người khắc kỷ, mặt xương xương, thâm lặn đến yếu đuối, trông hết như một hành tinh lỏng nằm dưới một lớp băng liên lục địa. Ánh Sáng Ban Ngày có ấn tượng mạnh nhất về cái vẻ sạch sẽ đến kinh khủng của ông ta. Trong người ông ta không có một căn bản, như thể ông ta đã được gột sạch bằng lửa vậy. Ánh Sáng Ban Ngày có cảm tưởng là ngay một tiếng chửi thề lạnh mạnh làm ông chối tai như một lời phạm thánh.

Họ uống rượu. Nathaniel Letton dùng nước khoáng do người hầu trong nhà rót từ một chiếc máy bấm nút rất êm. Dowsett dùng rượu Scotch pha xô đa, còn Ánh Sáng Ban Ngày uống một ly *cocktail*. Không ai chú ý đến rượu *Martini* bất thường vào lúc nửa đêm này, dù anh rất muốn thấy điều ấy. Đã từ lâu anh biết rằng chỉ nên uống các loại rượu *Martini* vào những nơi và giờ nhất định. Nhưng anh rất thích loại rượu *Martini*, và vốn là một con người thoải mái nên anh cố tình uống theo sở thích của mình. Những người khác đều chú ý thấy thói quen lạ lùng đó của anh, nhưng Dowsett và Letton thì không. Anh thầm nghĩ trong đầu là giá mà anh có gọi một ly rượu tinh chất thật nặng thì họ cũng chẳng buồn chớp mắt.

Lúc họ đang uống rượu thì Leon Guggenhammer đến. Anh ta cũng gọi một ly Scotch. Ánh Sáng Ban Ngày chăm chú quan sát anh ta. Đây là một thành viên của gia đình Guggenhammer nổi tiếng, tuy còn trẻ nhưng vẫn là một trong những kẻ mà anh đã từng đo sức ở phương Bắc. Leon Guggenhammer cũng không quên chuyện cũ. Anh ta ngợi khen dũng khí của anh: "Tiếng vang của vụ Ophir đến tận chỗ chúng tôi và tôi phải thú nhận, thừa ông Ánh Sáng Ban Ngày... À thừa ông Elam Harnish, là ông đã quay cho chúng tôi một mẻ ra trò".

Tiếng vang! Ánh Sáng Ban Ngày không khỏi giật mình khi nghe Leon Guggenhammer dùng những từ đó. Trận đánh mà tầm cỡ đó chỉ là một cuộc tập kích nhỏ mà họ hạ cố nhận là có nghe tiếng vang của nó - Hẳn là cuộc chơi ở đây phải rất lớn, - anh kết luận như vậy, và đồng thời cảm thấy vui vì anh đang được mời dự phần vào chính cuộc chơi đó. Trong một thoáng anh

tiếc rằng những lời đồn đại đã không đúng sự thật là anh chỉ có mười một triệu đô-la chứ không phải ba mươi triệu. Mà cũng không sao, anh sẽ thắng thắn về chuyện đó. Anh sẽ bảo cho họ biết khả năng của anh chỉ mua được bao nhiêu tấm thẻ chơi bài. Leon Guggenhammer còn trẻ và mập mạp, đúng ba mươi tuổi, gương mặt anh ta trừ hai vết thâm quầng nằm dưới mắt, láng mượt không một vết nhăn như mặt của một cậu thanh niên. Anh ta cũng cho người khác cảm tưởng về sự sạch sẽ. Người anh ta khỏe mạnh hồng hào. Chỉ nhìn làn da cạo nhẵn thín và không tìm vết cũng đủ thấy điều đó. Có một nước da như vậy thì cái chuyện mập mạp và phệ bụng là sẽ tự nhiên. Thân thể anh ta được cấu tạo để phát phì, giản dị vậy thôi.

Sau khi Guggenhammer nói về cuộc đua thuyền quốc tế sắp tới và chiếc thuyền lông lầy của anh ta, chiếc *Electra*, tuy mới được trang bị máy mà đã hoá ra cổ lỗ rồi, câu chuyện bắt đầu bàn về việc làm ăn. Dowsett nói về kế hoạch chung, hai người kia lâu lâu lại xen vào. Còn Ánh Sáng Ban Ngày thì chỉ lo hỏi. Bất kỳ kế hoạch làm ăn gì đi nữa thì anh cũng cần phải mở to mắt. Họ bày ra trước mắt anh tất cả cái viễn tượng thực tế của những điều họ có trong đầu.

- Họ sẽ không tưởng tượng nổi là ông cộng tác với chúng tôi, - Guggenhammer nói chen vào, như để khái quát hoá lại vấn đề sau khi đã bàn xong, đôi mắt đẹp Do Thái của anh ta ánh lên vẻ nhiệt tình - Họ sẽ nghĩ là ông chơi lẻ theo kiểu hải tặc.

Nathaniel Letton cũng nói, vẻ nghiêm trọng:

- Mong ông hiểu sự cần thiết phải giữ tuyệt mật quan hệ giữa chúng ta.

Ánh Sáng Ban Ngày gật đầu.

- Và cũng mong ông hiểu cho là chúng ta sẽ chỉ có lợi, - Letton nói tiếp - Mọi chuyện đều đúng đắn và hợp pháp. Chỉ có những đứa đầu cơ chứng khoán mới bị thiệt mà thôi. Chuyện này không dính dáng gì đến chuyện phá rối thị trường cả. Việc ông nâng giá chứng khoán sẽ có lợi cho những kẻ đầu tư lương thiện.

- Vấn đề chính là ở chỗ đó, - Dowsett nói - Nhu cầu về đồng tiền thị trường đang tăng. Mỏ đồng ở thung lũng Ward cùng tất cả những gì liên quan đến nó, mà như tôi vừa nói với ông, đang cung cấp một phần tư sản lượng thế giới, là một vấn đề lớn. Lớn như thế nào thì ngay cả chúng tôi

ủng khó mà ước đoán nổi. Chúng tôi đã tính toán cả rồi. Vốn thì chúng tôi cũng có sẵn, nhưng chúng tôi vẫn muốn có thêm. Và lại, cổ phần mở đồng nằm quá nhiều trong tay người ngoài, không phù hợp với những kế hoạch hiện tại của chúng ta. Như vậy chỉ bằng một phát đạn là chúng ta có thể giết cả hai con chim...

- Và các ông dùng tôi làm phát đạn đó chứ gì? Ánh Sáng Ban Ngày vừa cười vừa nói chen vào.

- Đúng thế. Ông sẽ không chỉ đầu cơ nâng giá cổ phần mà còn mua gom các cổ phần đó nữa. Điều này sẽ có lợi vô kể đối với chúng tôi, mà ông cũng có phần. Và lại, như ông Letton vừa nói, chuyện làm ăn này cũng ngay thẳng và hợp pháp thôi. Vào ngày mười tám này, ban giám đốc sẽ họp và thay vì tuyên bố mức lãi cổ phần như thường lệ, họ sẽ tuyên bố nâng gấp đôi mức lãi đó.

- Mà nhằm có đứa nào chịu bán không đã chứ!- Leon Guggenhammer nóng nảy hỏi.

- Bọn chuyên đầu cơ sẽ bán khi thấy ta chịu mua cao giá, - Nathaniel Letton giải thích - Đó là những tay cờ bạc ăn xổi ở thì của phố Wall. Những người đầu tư đứng đắn sẽ chẳng mất mát gì. Hơn nữa, cứ theo như kế hoạch của chúng ta mà tiến hành thì sẽ dạy cho bọn chúng phải biết tin tưởng vào Công ty đồng thung lũng Ward. Với sự tin tưởng đó, chúng ta sẽ dễ dàng thực hiện các dự án phát triển mà chúng tôi vừa trình bày với ông.

- Sẽ có nhiều tin đồn đấy - Dowsett cảnh giác Ánh Sáng Ban Ngày trước - Nhưng xin ông đừng hoảng hốt. Nhiều khi chính chúng tôi sẽ tung ra những tin đồn đó. Rồi ông sẽ hiểu vì sao. Chỉ mong ông đừng bận tâm đến chúng. Ông là người trong cuộc. Việc ông cần làm là thu mua, thu mua từ nay cho đến khi ban giám đốc tuyên bố nâng mức lời cổ phần lên gấp đôi. Sau thời điểm đó, giá cổ phần đồng thung cũng Ward sẽ vọt cao, mua không có lợi - Điều chúng tôi muốn, - Letton phụ họa, sau khi đã cố ý ngừng lại nhấp một ngụm nước khoáng - Điều chúng tôi muốn là thu lại phần lớn các cổ phần hiện nằm trong tay người ngoài. Dĩ nhiên chúng tôi có thể làm chuyện này một cách dễ dàng bằng cách kèm giá làm cho họ phát hoảng. Làm theo cách đó thì rất rẻ. Nhưng chúng tôi làm chủ tình thế và muốn sòng phẳng bằng cách mua lại cổ phần đồng khi giá đang lên. Chẳng

phải chúng tôi nhân đạo gì, song chúng ta sẽ cần họ đầu tư thêm cho công cuộc phát triển sau này. Và lại chúng ta cũng không bị thiệt một cách trực tiếp đâu. Ngay sau khi quyết định của ban giám đốc được công bố, giá cổ phần sẽ vọt đến tận trời. Như vậy bằng một cách bất hợp pháp chúng ta cũng moi được của bọn đầu cơ một số tiền lớn. Nhưng đấy chỉ là chuyện tình cờ, và, như anh cũng hiểu đấy chỉ là chuyện chẳng đáng dừng. Mà nói cho ngay, chúng ta cũng không thể để bọn đầu cơ thao túng mãi được. Chúng là những con bạc thì dĩ nhiên không thể hưởng cái mà chúng không đáng được hưởng.

- Còn một điều này nữa, thưa ông Harnish,- Guggenhammer nói - Nếu số tiền bỏ ra mua cổ phần vượt quá số tiền ông có, hoặc vượt quá số mà ông định bỏ ra cho việc này thì mong ông đừng quên cho chúng tôi biết. Mong ông nhớ cho rằng chúng tôi luôn ở sau ông.

Dowsett cũng lập lại:

- Đúng thế. Chúng tôi luôn luôn ở sau ông.

Nathaniel Letton cũng gật đầu xác nhận.

- Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề nâng giá lời 200 cổ phần gấp đôi vào ngày mười tám sắp tới - Dowsett vừa nói vừa rút từ quyển sổ tay một mảnh giấy và sửa lại gọng kính - Tôi xin cung cấp cho ông vài con số. Đây, ông hãy xem...

Đoạn lão giải thích về lịch sử thành lập và những vấn đề liên quan đến lợi nhuận và việc phân chia lợi nhuận theo cổ phần trong Công ty đồng thung lũng Ward.

Toàn bộ cuộc họp kéo dài không quá một tiếng đồng hồ. Trong suốt khoảng thời gian này Ánh Sáng Ban Ngày như đang sống ở đỉnh cao của cuộc đời mình. Đây là những tay làm ăn tầm cỡ, rất có thể lực. Anh biết họ chưa thật sự thuộc về vòng trong, chưa thể xếp ngang hàng với những tay kiểu Morgan và Harriman. Tuy vậy họ cũng thường tiếp xúc với những tay khổng lồ đó, và bản thân họ cũng là những tay khổng lồ cấp thấp hơn.

Anh cũng rất bằng lòng với thái độ của họ đối với một thái độ vị nể, chứ không theo kiểu ban ơn. Đó là thái độ vị nể giữa những người ngang bằng, và Ánh Sáng Ban Ngày cảm thấy tự ái được ve vuốt, bởi vì anh cũng hiểu rằng so về kinh nghiệm lẫn tài sản thì họ vượt xa anh.

- Chúng ta sẽ làm rung chuyển toàn bộ thế giới đầu cơ - Lon Guggenhammer hí hửng tuyên bố khi họ đứng dậy ra về - Mà ông chính là người sẽ làm chuyện đó, thưa ông Harnish. Họ sẽ tưởng bở là ông đơn thương độc mã làm việc này và sẽ mài kéo để thịt ông như đã thịt các tay mới đến khác.

- Chắc chắn họ sẽ nhảm - Letton đồng ý, cặp mắt sáng kỳ quái sáng lên giữa những nếp gấp lớn của chiếc khăn choàng khổng lồ mà ông ta quấn kín cổ lên đến tận tai - Họ chỉ có thể suy luận theo những vết mòn. Những cái bất ngờ sẽ làm đảo lộn tất cả sự tính toán theo công thức cho sẵn của họ, dù là một cơ cấu mới, một yếu tố lạ hoặc một biến chuyển lạ. Ông sẽ là tất cả những cái đó đối với họ, thưa ông Harnish. Tôi xin nhắc lại, họ chỉ là những con bạc và rất đáng gán chịu tất cả những gì xảy đến với họ. Họ gây trở ngại cho chuyện làm ăn chính đáng. Ông không thể tưởng được bọn đó đã quấy rầy chúng tôi đến mức nào đâu. Đôi khi, bằng những mảnh khoé cờ bạc của họ, họ đã đảo lộn ngay cả những kế hoạch hay ho nhất, và cả những cơ chế vững chãi nhất.

Dowsett và anh chàng Guggenhammer đi chung một xe, còn Letton thì có xe riêng. Ánh Sáng Ban Ngày, đầu óc vẫn nhớ như in những chuyện vừa xảy ra cách đây một tiếng đồng hồ, bị ấn tượng mạnh bởi quang cảnh lúc họ từ giã nhau.

Ba chiếc ô tô đậu ngay lối cổng trên có mái che, dưới trái sồi, và không được thấp sáng, nằm ngay chân một chiếc cầu thang rộng lớn trông như ba con quái vật kỳ dị trong đêm. Trời tối, và những ngọn đèn pha ô tô cắt đứng màn đêm sặc như những lưỡi dao xấn vào vật thể. Tên người hầu khúm núm, cái gã khổng lồ biết cử động trong ngôi nhà không thuộc về bất kỳ ai trong số ba người đó, sau khi đã giúp họ vào trong xe, đứng lặng im như một pho tượng điêu khắc. Dáng những người tài xế mặc áo lông thú hiện lờ mờ trên ghế ngồi của họ.

Từng chiếc một, những chiếc xe như những con ngựa được giật cương, lao nhanh vào màn đêm, rẽ theo khúc quanh ở lối ra vào rồi mất hút.

Xe của Ánh Sáng Ban Ngày ra sau cùng. Khi nhìn ra, anh thấy ngôi nhà không đèn đóm to như một vách núi sừng sững trong đêm. Của ai vậy nhỉ? Anh tự hỏi. Sao họ lại có thể sử dụng nó cho cuộc gặp gỡ bí mật này

được? Không hiểu tên người hầu có thể nói cho mình biết được chẳng? Còn mấy gã tài xế nữa, không hiểu họ có đáng tin cậy như ông Howison "ở chỗ chúng tôi", không nhỉ? Bí mật ư?

Toàn bộ câu chuyện này thật bí mật. Và cùng với sự bí mật là quyền lực. Anh ngả lưng ra sau ghế và rít một hơi thuốc lá. Canh bạc lớn đã bắt đầu. Các lá bài đã được dự phần. Anh nhớ lại ván xì phè chơi với Jack Kearns và bật cười to. Vào những ngày đó, anh ăn thua bạc ngàn, còn bây giờ anh ăn thua bạc triệu. Nghĩ đến hôm mười tám, khi số tiền lời cổ phần tăng gấp đôi được công bố, anh bỗng cười khoái trá khi hình dung ra cảnh hoảng loạn của những kẻ trong lúc này đang mài kéo để chuẩn bị thịt anh - Ánh Sáng Ban Ngày.

PHẦN II - Chương 3

Trở về khách sạn, tuy đã gần hai giờ sáng, anh thấy đám ký giả đang chờ đợi để phỏng vấn anh. Đến sáng hôm sau còn nhiều hơn nữa. Như vậy báo chí đã thay cho kèn trống để chào đón anh đến Nữ Uớc và một lần nữa hình anh cùng những lời tán dương ầm ĩ lại được đăng suốt các trang báo. Vua của Vùng Klondike, vị anh hùng vùng Bắc Cực, nhà triệu phú ba mươi triệu đô la của phương Bắc, đến Nữ Uớc cũng như anh đã vét tiền của trị trường Chứng khoán Tonopan ở Nevada chẳng? Giới tài phiệt của Phố Wall tốt nhất là nên cẩn thận, bởi vì con người bạt mạng của vùng sông Klondike đã xuất hiện rồi. Hoặc cũng có thể Phố Wall sẽ vét sạch túi biết bao tay bạt mạng rồi. Rồi ra số phận của anh cũng sẽ như thế chẳng? Ánh Sáng Ban Ngày chỉ cười, đưa ra những câu trả lời lập lờ. Tất cả những điều đó có lợi cho công việc của anh, và anh lại mỉm cười khi nghĩ rằng phố Wall cũng phải vỡ nợ ít nhiều trước khi có thể vét sạch túi của anh.

Dư luận đã được chuẩn bị để đón nhận những bước đi của anh, và khi có hiện tượng thu mua các cổ phần đồng ở thung lũng Ward, người ta nhanh chóng nhận ra chính anh là tác giả. Giới tài phiệt xì xầm bàn tán. Vậy là anh lại tấn công công ty Guggenhammer một lần nữa rồi. Câu chuyện về vụ Ophir lại được thuật lại một cách giật gân đến độ chính Ánh Sáng Ban Ngày cũng khó nhận ra nó.

Tuy vậy, cứ vào lưới là cá rồi. Đám đầu cơ chứng khoán rõ là đang bị lừa. Họ bán cổ phần ra ào ào đến độ tuy mỗi ngày Ánh Sáng Ban Ngày nói

thăm một cách vui vẻ khi chứng kiến cái cảnh xáo trộn mà anh đang gây ra. Báo chí cứ đoán già đoán non, và Ánh Sáng Ban Ngày bị cả một tiểu đoàn phóng viên liên tục bám sát. Những bài phỏng vấn anh được mọi người đọc đi đọc lại. Khi thấy báo chí vui sướng ghi nhận những thành ngữ lạ tai mình dùng, anh lại càng hay nói theo kiểu địa phương và dùng cả những cụm từ mà anh đã nghe dân vùng biên thủy sử dụng, đôi khi lại tự chế thêm một vài từ mới.

Suốt tuần lễ trước ngày thứ năm 18 đối với anh thật là nhộn nhịp. Không phải chỉ vì lý do anh đang đánh bạc như trước kia, mà anh còn đang đánh canh bạc lớn hơn trước kia, mà anh còn đang đánh canh bạc lớn nhất thế giới và ăn thua nhau những số tiền lớn tới mức ngay cả những kẻ đã quá quen với chuyện này đến độ nhàm chán cũng phải ngồi dựng dậy để theo dõi. Mặc dù số cổ phần được bán ra vô hạn định, thung lũng Ward dần dần lên cao. Gần đến ngày Thứ năm tình hình rất căng thẳng, chắc chắn là sẽ có kẻ phá sản. Tay cờ bạc vùng sông Klondike này sẽ mua được bao nhiêu cổ phần? Khả năng anh có thể mua được bao nhiêu? Lúc này Công ty Đồng thung lũng Ward đang làm gì để đối phó? Ánh Sáng Ban Ngày rất hài lòng với những bài phỏng vấn họ, bởi vì chúng bình thản và vô thưởng vô phạt đến độ đáng mừng. Leon Guggenhammer đưa ý kiến là có lẽ anh chàng khổng lồ vùng Bắc cực đang sai lầm. Nhưng họ chẳng thêm quan tâm đến việc đó, John Dowsell giải thích thêm như vậy. Mà họ cũng chẳng phản đối. Họ bảo là tuy chưa hiểu rõ ý đồ của anh, song họ có thể chắc chắn một điều là anh đang đẩy giá cổ phần đồng thung lũng Ward lên. Nhưng họ cũng chẳng màng đến chuyện đó. Không cần biết chuyện gì sẽ xảy ra với anh và với việc làm của anh. Công ty Đồng thung lũng Ward vẫn cứ vững như bàn thạch. Không, xin cám ơn, họ không bán đi một cổ phần nào của họ cả. Cái biến động giả tạo của thị trường này rồi cũng sẽ mau chóng qua đi, và cơn sốt điên rồ về giao dịch chứng khoán này cũng chẳng làm Công ty đồng thung lũng Ward thay đổi chút nào.

Letton nói:

- Chúng tôi chẳng muốn dính dáng và cũng chẳng muốn để tâm đến chuyện ấy làm gì.

Trong suốt thời gian này, Ánh Sáng Ban Ngày vẫn thường xuyên gặp gỡ những tay chung hùn với mình, một lần với Guggenhammer, một lần với John Dowsett, và hai lần với ông Howison. Ngoài những lời ngợi khen ra họ chẳng có gì phải bàn cãi, bởi vì, theo lời họ nói với anh, mọi chuyện đang diễn biến hết sức tốt đẹp.

Tuy vậy, vào sáng Thứ Ba, có một tin đồn làm Ánh Sáng Ban Ngày mất tinh thần. Tin đó sau lại được đăng trên *Nhật báo phố Wall*, mục đích là để thông báo nội bộ, rằng đến Thứ Năm này, ban giám đốc công ty sẽ họp, và thay vì tuyên bố mức lời chia cho cổ phần như mọi khi, họ sẽ tuyên bố công ty bị phá sản. Lần đầu tiên Ánh Sáng Ban Ngày khựng lại. Anh hoảng hốt nhận ra rằng nếu đúng như vậy thì anh sẽ bị phá sản. Anh cũng nhận ra rằng từ trước đến giờ anh toàn bỏ tiền túi ra để mua lại các cổ phần. Dowsett. Guggenhammer và Letton thì chẳng bỏ ra một đồng nào cả. Tuy con hoảng hốt của anh chỉ thoáng qua nhưng cũng làm anh nhớ đến vụ Holdsworthy và cái lò gạch và buộc anh phải ngưng ngay việc mua gom và cầm lấy ống điện thoại.

- Có gì đâu, chỉ là tin đồn ấy mà, - giọng nói khản khàn của Leon Guggenhammer vang lên trong ống nghe.

Nathaniel Letton nói:

- Ông biết đó tôi là một thành viên trong ban giám đốc, nếu có một chuyện như vậy thì tôi phải biết chứ.

John Dowsett cũng nói:

- Tôi đã báo trước với ông là đừng tin những lời đồn đại ấy rồi mà. Không có một tí sự thật nào trong tin đồn ấy cả, không có gì cả. Tôi xin lấy danh dự của một người quân tử mà nói với ông như thế.

Hồ thẹn vì chuyện mất bình tĩnh vừa qua, Ánh Sáng Ban Ngày lại tiếp tục việc thu mua. Việc anh đột ngột ngừng thu mua các cổ phần vừa rồi đã làm Sở giao dịch chứng khoán náo loạn cả lên.

Những tay đầu cơ có liên quan đến vụ này tưởng mình bị phá sản đến nơi. Riêng về giá cổ phần đồng ở thung lũng Warrd, vì chịu ảnh hưởng trực tiếp nên tụt hẳn xuống đến mức không còn gì, Ánh Sáng Ban Ngày lặng lẽ tăng gấp đôi sức thu mua.

Suốt ngày thứ Ba, Thứ Tư, và Thứ Năm, anh tiếp tục thu mua và đẩy giá cổ phần đồng Thung lũng Ward lên cao một cách đáng kiêu hãnh. Vậy mà cổ phần cứ tiếp tục được bán ra và anh cứ tiếp tục mua với số lượng vượt quá khả năng tài chính của anh đến nhiều lần. Sau hết là chuyện bàn giao chính thức. Thì đã sao nào? Hôm nay người ta sẽ công bố tăng gấp đôi số lời chia cho các cổ phần, anh tự trấn an như thế. Bàn giao chính thức xong rồi thì bọn người đã bán cổ phần cho anh sẽ thấy họ bị thiệt và đến điều đình với anh mà xem.

Và rồi sấm chớp nổ ra. Đúng như tin đồn, Công ty đồng thung lũng Ward tuyên bố vỡ nợ. Ánh Sáng Ban Ngày tung hai tay lên trời. Anh xem lại bản báo cáo rồi rút nó đi. Những tay bán cổ phần ra lúc trước đã thắng lợi. Họ đã kèm được giá, không những của các cổ phần đồng thung lũng Ward mà còn của tất cả các chứng khoán khác nữa. Ánh Sáng Ban Ngày chẳng màng quan tâm xem giá cổ phần đồng thung lũng Ward đang xuống hay đã xuống đến mức chót rồi hay chưa.

Trong khi cả phố Wall như phát rồ lên thì Ánh Sáng Ban Ngày rút lui khỏi thị trường để suy ngẫm về toàn bộ chuyện ấy, không bàng hoàng cũng không hoang mang. Sau khi hội ý với những nhân viên thu mua cổ phần của mình, anh trở về khách sạn, trên đường đi tiện tay mua mấy tờ báo buổi chiều và liếc nhìn các hàng tit lớn: *Ánh Sáng Ban Ngày hết nhẫn nại; Ánh Sáng Ban Ngày đã nhận lãnh số phận của mình; thêm một người miền tây nữa đã thất bại trong việc làm giàu*, anh đọc thấy như vậy. Khi anh bước vào khách sạn, một tờ báo phát hành trễ hơn lại công bố vụ tự tử của một anh chàng trẻ tuổi non nớt đã bắt chước việc mua cổ phần như anh. Ánh Sáng Ban Ngày lầu bàu bình luận: "Mẹ kiếp, sao nó lại tự tử nhỉ?". Anh lên phòng, gọi một ly rượu *cocktail*, cởi giày và ngồi suy nghĩ. Sau nửa giờ, anh với tay lấy ly rượu uống. Khi men rượu ấm nóng lan toả khắp nhân thể, gương mặt anh giãn ra và trên môi anh từ từ nở một nụ cười thật lòng nhưng đầy ảm ý. Anh đang cười nhạo chính mình: "Mẹ kiếp, đúng là bị lừa rồi".

Nụ cười tắt hẳn. Gương mặt anh trở lại vẻ nghiêm trang một cách lạ lùng. Gạt qua một bên các phần hùn trong các công trình khai hoang đang bị đánh thuế rất nặng, anh đã mất tất cả.

Nhưng bị thương tổn hơn hết là lòng kiêu hãnh của anh. Anh đã quá dễ dãi. Bọn họ đã lừa anh, vậy mà anh không có gì để chứng minh điều đó. Ngay một anh nông dân khờ khạo nhất cũng phải đòi giấy tờ chứng cứ, vậy mà anh chẳng có gì ngoài sự đồng ý của một con người quân tử, mà lại là một lời đồng ý trên cửa miệng. Sự đồng ý của một người quân tử! Thật đáng phỉ nhổ. Giọng nói của John Dowsett lại vang lên trong tai anh, hệt như khi anh nghe nó qua máy điện thoại: "Xin lấy danh dự của một người quân tử". Chúng nó là những tên ăn cắp vặt, những tên lừa đảo. Bản chất của chúng là như thế và chúng đã chơi trò lường gạt anh. Báo chí đã nói đúng. Anh đến Nữ Uớc là để cho thiên hạ làm thịt anh, và các quý ông Dowsett, Letton, và Guggenhammer đã làm điều đó. Anh chỉ là một chú cá con, và họ đã bỏ ra mười ngày để nuốt gọn anh và cả số mười một triệu đô-la của anh. Dĩ nhiên là trong suốt quãng thời gian đó họ liên tục lột tiền của anh. Bây giờ thì họ đang mua lại các cổ phần đồng Thung lũng Ward để như ăn cướp sừng trước khi thị trường ổn định trở lại. Có lẽ là Nathaniel Letton sẽ dùng phần tiền cướp được của anh để dựng thêm vài cơ sở cho trường đại học của hắn; Lon Guggenhammer sẽ mua thêm mấy động cơ mới cho chiếc du thuyền của hắn. Còn tên quý Dowsett sẽ làm gì thì anh không biết chắc - có lẽ là hắn sẽ xây thêm một loạt ngân hàng mới.

Ánh Sáng Ban Ngày ngồi uống rượu và ôn lại cuộc đời của anh ở Alaska, sống lại những tháng năm gian khổ mà anh đã phải chiến đấu để có được mười một triệu đô-la. Trong một thoáng, cái ý đồ sát nhân găm nhăm trái tim anh, những ý tưởng ngông cuồng và những kế hoạch vội vã nhằm giết cho được những kẻ đã phản bội loé lên trong đầu anh. Chính đây mới là điều cái anh chàng trẻ tuổi cần làm thay vì tự tử. Lẽ ra anh ta phải bắn chết hết bọn chúng. Ánh Sáng Ban Ngày mở chiếc va li lấy ra một khẩu súng lục tự động - một khẩu Coll 44 to. Anh mở khoá an toàn và xoay ổ đạn. Tám viên đạn theo nhau chạy ra. Anh lại lắp đạn vào, cho một viên lên nòng, kéo cần mỏ lên, rồi đóng khoá an toàn lại. Anh đút khẩu súng vào túi trong của chiếc áo khoác, đứng lên gọi một ly *Martini* nữa rồi lại ngồi phịch xuống ghế.

Anh nghĩ ngợi liên tục trong suốt một tiếng đồng hồ, lần này không cười nữa. Mặt anh nhăn nheo lại, và trong những nếp nhăn ấy có thể thấy

được cái gian khổ của phương Bắc, cái lạnh cắt da, tất cả những cái mà anh đã đạt được và chịu đựng - những tuần lễ bám đường tưởng chừng như vô tận, bờ biển Point Barrow lạnh lẽo, hoang vắng và không có lấy một bóng cây, những tảng băng kẹt cứng đang nghiêng vào nhau trên dòng Yukon, những cuộc đấu tranh với người và vật, những ngày đói rét đến mòn người, những tháng ngày dài dằng dặc chịu muối cắn trên dòng Koyokuk, công việc đào bới nặng nhọc, những vết sẹo, vết thương do dây ràng quất vào người để tải đồ gây ra, những bữa cả người và chó chỉ ăn thịt sống cùng quăng đời hai mươi năm cật lực lao động đến vã mồ hôi.

Lúc mười giờ, anh đứng dậy và tìm quyền sách hướng dẫn về thành phố để đọc. Đoạn anh xỏ giày, gọi tắc xi và biến vào bóng đêm. Anh đổi xe hai lần, rồi cuối cùng dừng lại văn phòng làm việc về đêm của một sở mật thám. Anh tự tay điều khiển lấy công việc, bỏ ra một số tiền lớn ứng trước, chọn sáu người anh cần và chỉ dẫn cho họ việc phải làm. Chưa bao giờ họ được trả công hậu hĩ như thế để làm một việc quá đơn giản như vậy, bởi vì, ngoài số tiền công mà họ được hưởng, mỗi người còn được anh thưởng thêm một tờ giấy bạc năm trăm đô-la kèm theo lời hứa sẽ cho thêm một tờ nữa nếu thành công. Anh tin rằng không sớm thì muộn, nội nhật ngày hôm sau, ba tên hùn thap thầm lặng của anh sẽ họp lại. Cứ hai thám tử phải bám sát một người trong bọn họ. Các tay thám tử phải báo được cho anh thời gian và địa điểm họ sẽ gặp nhau.

- Các anh phải đập bằng mọi trở ngại, - anh nhắc lại lần cuối với họ như vậy - Tôi phải có tin tức về việc đó. Dù các anh có làm gì, dù có chuyện gì xảy ra, tôi cũng sẽ theo các anh. Trên đường trở về khách sạn, anh lại đổi xe như lúc đi. Khi lên đến phòng, anh uống thêm một ly rượu *cocktail* rồi lên giường ngủ. Buổi sáng, khi thức dậy, anh mặc quần áo, cạo râu, gọi người phục vụ dọn bữa điểm tâm và đem lên vài tờ báo, và ngồi đợi. Anh không uống rượu, khoảng chín giờ, chuông điện thoại reo vang, các thám tử gửi tin tức về. Nathaniel Leiton đang đáp tàu hỏa ở Tarrytown. John Dowsett đang đi tàu điện ngầm đến. Lon Guggenhammer không ra khỏi nhà mặc dù chắc chắn là hắn có trong nhà. Cứ theo cách đó, với tấm bản đồ thành phố trải rộng trước mặt, Ánh Sáng Ban Ngày theo dõi hành động của ba người đang tiến lại gần nhau. Nathaniel Letton đã đến phòng

làm việc của hắn ở cơ sở Mutual-Solander. Kế đó Guggenhammer xuất hiện. Dowsett vẫn còn ở lại văn phòng riêng của hắn. Nhưng đến mười một giờ, các thám tử báo về là hắn cũng đã xuất hiện. Một phút sau, Ánh Sáng Ban Ngày đã ngồi trong một chiếc ô tô thuê phóng hết ga đến sở Mutual-Solander.

PHẦN II - Chương 4

Nathaniel Letton đang nói thì cánh cửa đột nhiên mở tung. Hắn vội ngừng bật và, cùng hai người kia cố nén sự hoảng hốt, đưa mắt nhìn Ánh Sáng Ban Ngày lúc này đang bước những bước dài vào phòng. Đó rõ ràng là cái dáng đi lúc lắc, phóng khoáng của một kẻ từng bám đường, tuy bản thân anh không cố ý. Thật ra anh cảm thấy hình như dưới chân anh lại là mặt đường vùng Bắc Cực.

- Mạnh giỏi chứ quý ông, mạnh giỏi chứ anh nói và phớt lờ cái việc khác thường là họ không lên tiếng chào đáp lại. Anh tiến đến bắt tay từng người, tay anh nắm tay họ chặt đến nỗi Nathaniel Letton phải rùn người lại vì đau. Sau đó Ánh Sáng Ban Ngày ném mình vào một chiếc ghế bành to lớn và vờn người ra một cách lười biếng như thể mỗi mệt lắm. Chiếc vali da mà anh xách theo được đặt xuống sàn cạnh bên anh một cách cầu thả.

- Đã thật? Trúng mánh lớn rồi, - anh thở hắt ra - Chúng ta chặt họ thật đẹp. Ngọt sớt đi ấy. Gần đến cuối cuộc chơi, tôi mới thấy mưu kế của các ông thật tuyệt vời. Chỉ cần một cú thôi là xong hết. Nhìn thấy bọn họ ngã ngựa ra thật đã đời.

Cái nét vui vẻ trong giọng nói kéo dài lười lỉnh của dân miền Tây của anh làm họ bình tĩnh trở lại. Dầu sao anh cũng chẳng có gì đáng sợ lắm.

Dù rằng anh đã lọt qua được các nhân viên ngồi ở phòng ngoài, những kẻ đã được Letton dặn kỹ là không cho anh vào, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu là anh sẽ làm toáng lên hoặc dùng biện pháp mạnh bạo.

- Kia, - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi một cách vui vẻ - Bộ các ông không ngợi khen kẻ đã hùn hạp với các công được một tiếng hay sao? Hay là vì hắn quá tháo vát nên các ông ngạc nhiên đến lặng đi chẳng?

Letton khẽ tăng hắng. Dowset ngồi im chờ đợi trong khi Leon Guggenhammer cố lắm mới lên tiếng được:

- Ông thì chuyện gì lại không làm nổi.

Đôi mắt đen láy của Ánh Sáng Ban Ngày lên vẻ mãn nguyện.

- Chứ không à - anh la lên một cách hừng khởi - Chúng ta mà không lừa được bọn ngốc nghếch ấy sao? Chính tôi cũng ngạc nhiên quá đỗi, không ngờ chuyện đó lại dễ ăn đến thế, - anh ngừng một chút rồi vội nói tiếp, cố làm cho câu chuyện được tự nhiên, - Mà thôi bây giờ chúng ta hãy thử quyết toán lại xem. Chiều nay tôi phải đáp chuyến tàu hỏa Thế Kỷ hai mươi về miền Tây rồi.

Anh nhắc chiếc vai lên, mở ra và thọc cả hai tay vào trong đó - Nhưng các ngài đừng quên rằng chừng nào các ngài muốn lừa bọn phố Wall một cú nữa thì cứ nói nhỏ với tôi một tiếng. Tôi sẽ thỏa mãn các ông ngay.

Anh rút tay lên, ôm theo từng đồng cùi chi phiếu và giấy biên nhận để lên lên trên mặt chiếc bàn lớn, rồi lại thọc tay vào vali lấy ra nốt những thứ giấy còn lại và cũng để gom chung với đồng trước. Đoạn anh rút trong túi áo khoác ra một mảnh giấy, nhìn rồi đọc to lớn:

- Mười triệu hai mươi bảy ngàn bốn mươi hai đô-la sáu mươi tám xu. Theo sự tính toán của tôi thì tôi đã bỏ ra ngần ấy. Dĩ nhiên số tiền này phải được hoàn lại cho tôi trước khi ta chia đều số lời. Các ông đã tính toán chưa? Tiền lời hẳn phải lớn lắm nhỉ.

Ba người kia nhìn nhau ngơ ngác. Hoặc là anh ngốc hơn họ tưởng, hoặc là anh đang bày ra một trò mà họ không hiểu gì cả.

Nathaniel Letton đưa lưỡi liếm môi và nói:

- Cũng phải mất vài tiếng đồng hồ trước khi có thể kết toán được, ông Harnish ạ. Ông Howison đang tính toán chuyện ấy. Chúng tôi - Ồ - như lời ông đã nói, tiền lời đúng là lớn thật. Tôi đề nghị chúng ta cùng ăn trưa và bàn qua chuyện ấy luôn thể. Tôi sẽ cho nhân viên làm việc không nghỉ trưa để ông có đủ thì giờ đón tàu hỏa.

Dowsett và Guggenhammer lộ rõ vẻ vui mừng vì thoát nạn. Tình hình có vẻ sáng sủa ra. Thật bất tiện trong hình hình như vậy mà lại bị nhốt chung trong phòng với tên mọi rợ có bắp thịt săn chắc mà họ vừa hè nhau cướp. Họ nhớ lại một cách không thoải mái những chuyện kể về sức mạnh và tính bất mạng của Ánh Sáng Ban Ngày. Nếu Letton có thể dùng kế hoãn binh để họ có thể đi qua cánh cửa văn phòng đến với thế giới có cảnh sát

ngoài kia thì mọi chuyện sẽ ổn cả. Ánh Sáng Ban Ngày có vẻ như chấp thuận đề nghị của Letton.

- Tôi rất mừng được nghe ông nói thế, - anh nói - Tôi không muốn lỡ tàu. Các ông đã cho tôi niềm tự hào khi kéo tôi vào việc này. Tôi rất đội ơn các ông mà không biết nói thế nào cho phải đạo. Có điều tôi hơi tò mò, thưa ông Letton, tôi rất muốn biết tiền lời của chúng ta theo sự tính toán của quý ông là bao nhiêu. Ông cho tôi con số ước đoán cũng được.

Nathaniel Letton tuy không đưa mắt cầu cứu hai người bạn của hắn, song họ cũng cảm thấy rõ ràng là hắn đang muốn họ đỡ lời. Dowsett, nghiêm túc hơn mấy tay kia, bắt đầu đoán có lẽ tên vùng Klondike này đang đỡ trò. Nhưng hai người kia vẫn cứ nghĩ là anh ngây thơ lắm:

- Thật là, ừ, thật khó quá - Leon Guggenhammer bắt đầu nói - ông thấy đấy, giá cổ phần đồng Thung lũng Ward lên xuống bất thường quá...

- Đến mức khó có thể tính trước được chúng ta lời bao nhiêu, - Letton bổ xung.

- Cứ ước chừng thôi. Cứ ước chừng đại đi nào, - Ánh Sáng Ban Ngày gợi ý một cách vui vẻ - Hơn kém một triệu đô-la chẳng ăn nhằm gì. Sau khi tính toán lại ta sẽ biết chính xác thôi. Nhưng chưa biết ngay được con số phỏng chừng thì tôi còn ngửa ngáy khó chịu lắm. Các ông nói thử xem nào.

Dowsett đột nhiên hỏi một cách lạnh lùng:

- Tại sao cứ vòng vo mãi như vậy. Chúng ta hãy nói thẳng ra với nhau đi nào, ông Harnish đây đang hiểu nhầm, và chúng ta cần giúp ông ấy hiểu đúng vấn đề trung canh bạc này.

Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày ngắt ngang lời hắn. Anh có quá nhiều kinh nghiệm chơi xì phè nên hiểu rõ giá trị của yếu tố tâm lý. Anh gạt ngang lời của Dowsett để đóng vờ tuồng của anh cho đến đoạn kết.

- Nói đến canh bạc tôi lại nhớ đến ván xì phè mà tôi đã chứng kiến ở Ren vùng Nevada. Đó chẳng phải là canh bạc ngay thẳng. Bọn chơi với nhau đó toàn là phường bịp bợm. Lúc ấy có một tay mơ, mà người ta quen gọi là những tên bò sữa, đứng lơ ngơ sau tay cái. Hắn thấy tay cái tự chia cho mình bốn con ách rút lên từ dưới bộ bài ra. Hắn hoảng quá bèn vội đi vòng lại phía tay chơi ngồi đối diện với tay cái và nói thầm:

- Này, tôi thấy nó chia lén cho chính nó bốn con ách đấy - Thì đã sao nào? - tay chơi bài hỏi lại.

- Tôi nói cho anh biết vì đoán rằng anh cần biết thế thôi,- tay mơ trả lời
- Tôi thấy rõ ràng là hần chia lén bốn con ách cho hần đấy.

- Này thôi, thưa ông,- tay chơi bài nói - Tốt nhất là ông rút ra ngoài kia đi. Ông chẳng hiểu gì về luật chơi cả. Đó là phiên của hần chia mà, phải không nào?

Ba người kia tán thưởng câu chuyện bằng mấy tiếng cười khan, cười vì phải cười chứ không thật lòng. Ánh Sáng Ban Ngày vờ như không chú ý đến điều đó. Dowsett nói một cách châm chọc:

- Ông kể chuyện ấy hần phải có một ẩn ý gì.

Ánh Sáng Ban Ngày nhìn hần về thơ ngây và không trả lời. Anh quay sang Nathaniel Letton nói một cách vui vẻ:

- Nói đi nào. Cho con số phỏng chừng cũng được mà. Tôi đã nói rồi, hơn kém một triệu cũng chẳng can hệ gì. Số tiền lời lớn lắm mà.

Lúc này Letton cũng bắt chước thái độ cứng rắn của Dowsett. Hần trả lời ngay lập tức và rành rọt:

- Thưa ông, Harnish, tôi e là ông làm lẫn đấy Chẳng có tiền lời nào để chưa cả đâu. Xin ông chớ vội nổi nóng. Tôi chỉ cần bấm cái nút này là...

Ánh Sáng Ban Ngày không nổi nóng. Anh làm bộ kinh ngạc đến đờ người ra. Anh thần thờ đưa tay vào túi áo gilê lấy diêm đánh lửa, rồi nhận ra là mình chưa có thuốc lá. Ba người kia rình anh chăm chú như những con mèo. Bây giờ mọi chuyện đã sỗ toẹt ra rồi và họ biết rằng những giây phút sắp tới sẽ rất căng thẳng.

- Các ông làm ơn lập lại xem, - Ánh Sáng Ban Ngày nói - Hình như tôi nghe không rõ lắm thì phải. Có phải các ông vừa nói rằng... Anh hau hâu nhìn vào miệng Letton một cách đau khổ.

- Tôi nói là ông đã làm lẫn. Đúng vậy đấy, ông Harnish ạ. Ông đã đánh bạc với chứng khoán, và ông đã thua sạch. Nhưng Công ty đồng thung lũng Ward này, cũng như tôi hay các người đang ngồi đây chẳng thấy phải mắc nợ gì ông về chuyện ấy cả.

Ánh Sáng Ban Ngày đưa tay chỉ vào đồng biên nhận và và cùi chi phiếu trên bàn hỏi:

- Tất cả đồng giấy tờ này phải đổi bằng mười triệu hai mươi bảy ngàn bốn mươi hai đô-la sáu mươi tám xu tiền mặt. Bộ chúng chẳng có giá trị gì cả sao?

Letton mỉm cười nhún vai.

Ánh Sáng Ban Ngày quay qua Dowsett nói nhỏ:

- Cuối cùng thì tôi cũng phải cho là câu chuyện lúc này có ẩn ý đấy, - anh cười khăng khắc - Từ trước tới giờ là phiên các ông chia. Và các ông đã chia khá lắm. Tôi chẳng phản ứng làm gì. Tôi cũng như cái tay chơi bài trong ván xì phè đó. Phiên các ông chia thì các ông muốn làm gì thì tùy ý. Và các ông đã thắng, đã lột sạch sành sanh của tôi rồi. - Anh nhìn chăm chăm vào đồng giấy tờ trên bàn với vẻ mù mẫm.

- Tất cả cái đó giờ không bằng một đồng giấy lộn. Mẹ kiếp, các ông còn có thể dùng chúng để chơi một ván nữa khi có dịp. Mà thôi, tôi chẳng hạch sách gì các ông đâu. Phiên của các ông chia nên các ông có lột sạch của tôi thì tôi cũng đành chịu. Làm âm ỉ khi đang phiên người khác chia thì chẳng đáng mặt nam nhi chút nào. Thế nhưng bây giờ ván bài đã chất dứt, các quân bài đã lật ngửa trên bàn rồi, và các ông cũng đã hết phiên chia...

Ánh Sáng Ban Ngày thọc nhanh tay vào túi trong áo khoác và rút ra khẩu súng Colt tự động khổ lớn.

- Như tôi vừa nói, các ông đã hết phiên chia. Giờ đến lượt tôi, và tôi chờ xem có chộp được bốn con ách không nào, - Cất tay ra nào cái xác trắng nhợt kia - anh thét lên danh gọn.

Bàn tay của Nathaniel Letton đang lò mò đến cái nút bấm trên bàn không khựng lại.

- Đổi xe đi nào, - anh ra lệnh - Đem cái ghế lại phía đằng kia đi nào, cái thằng có lá gan thôi kia. Nhanh lên, mẹ kiếp, không tao lại nã cho mày thùng lỗ chỗ đến độ thiên hạ sẽ tưởng bố đẻ của mày là cái máy nước, còn mẹ mày là chiếc xe phun nước trên đường bây giờ. Còn mày nữa, Guggenhammer, mày cũng kéo ghế theo thằng kia đi nào. Thằng Dowsett thì cứ ngồi yên đó mà nghe tao giải thích qua về đặc tính của khẩu Cold tự động này. Súng này được lắp đạn để dùng vào những canh bạc lớn. Nó nổ tám phát đấy. Bắt đầu khạc là đi hết băng đấy. Thôi mào đầu như vậy đủ rồi, bây giờ tao bắt đầu chia đây. Hãy nhớ rằng hồi chúng mày chia tao chả

phần nà tí gì đấy nhé. Bọn chúng mày chơi rất đều, nhưng không sao. Bây giờ đến lượt tao chia thì tao chơi bản cũng kệ tao. Trước hết, chúng mày biết tao rồi đấy. Tao là Ánh Sáng Ban Ngày - hiểu chứ? Chẳng sợ trời, chẳng sợ quỷ, chẳng sợ chết, cũng chẳng sợ ai hại cả. Bốn con ách của tao như thế đó, cũng đủ chơi lại bọn chúng mày rồi chứ. Nhìn cái bộ xương động đậy kia kìa. Letton, mày chắc chắn là sợ chết. Mày đang run lên đến độ xương đụng vào nhau nghe lộp cộp kìa. Nhìn cả thằng Do Thái mập kia nữa kìa. Cái món vũ khí nhỏ này chắc chắn phải là tim hấn biết sợ Chúa. Còn Dowsett, mày trầm tĩnh lắm. Mặt mày cũng chẳng cháy mà tóc mày cũng chẳng rung. Ấy là vì mày giỏi toán lắm nên mới có thể bình tâm như vậy. Mày đang lo tính toán xem có được bao nhiêu tiền, và biết chắc trước sau gì tao cũng lột của mày. Mày hiểu là tao chẳng sợ làm bất cứ việc gì nên mới tính sẵn, và biết rằng mày sẽ không chết nếu đừng muốn chết.

- Rồi mày sẽ bị treo cổ, - Dowsett đáp lại.

- Cặp mắt bản thủ của mày không thấy được cảnh đó đâu. Khi cuộc vui bắt đầu, mày sẽ là thằng bị tao nã trước tiên. Tao có bị chết treo thì bọn chúng mày cũng chẳng còn sống để mà chứng kiến. Chúng mày sẽ ngổm tức khắc và ngay trong căn phòng này, còn tao sẽ đợi cái luật pháp lè mề ở đây xử cho xong rồi mới chết. Hiểu không? Khi đã ngổm rồi, xác chúng mày sẽ mọc cỏ, và chúng mày sẽ chẳng biết được lúc nào tao mới bị treo cổ. Còn tao thì chắc chắn còn sống khá lâu để tự an ủi là cũng chỉ tại bọn chúng mày đã buộc tao phải làm chuyện đó.

Ánh Sáng Ban Ngày ngừng một lúc.

- Anh không giết chúng tôi chứ? - Letton hỏi, giọng khê kháng kỳ lạ.

Ánh Sáng Ban Ngày lắc đầu. Giết chúng mày đắt quá. Chúng mày không đáng cái giá đó. Tao chỉ muốn chúng mày hoàn tiền lại cho tao. Tao đoán rằng chúng mày muốn hoàn tiền lại cho tao hơn là muốn đi vào nhà xác.

Tiếp theo đó là sự im lặng kéo dài.

- Tao đã chia bài rồi đấy! Tùy chúng mày muốn chơi sao thì chơi. Có điều trong khi chúng mày tính toán, tao muốn cảnh cáo chúng mày một việc. Nếu cánh cửa đó mở ra mà bất kỳ thằng nào trong số chúng mày lộ vẻ gì

bất thường thì tao sẽ nã đạn ngay lập tức. Sẽ không có một linh hồn nào ra khỏi căn phòng này được trừ phi đi bằng cổng đưa ra trước.

Liên sau đó là một cuộc họp kéo dài ba tiếng đồng hồ. Yếu tố quyết định không phải là cái khẩu Colt tự động to tướng ấy mà là sự hiểu biết chắc chắn rằng Ánh Sáng Ban Ngày sẽ sử dụng nó.

Chẳng chỉ riêng ba gã kia biết như thế, mà ngay cả Ánh Sáng Ban Ngày cũng tin chắc như vậy. Ánh Sáng Ban Ngày tin chắc như vậy. Anh quyết giết bọn này nếu chúng không xì tiền ra trả cho anh.

Không dễ gì ngay một lúc gom đủ mười triệu đô-la bạc giấy, nên công việc cứ bị ngưng trệ một cách bực mình. Lão Howison và tay thư ký trưởng bị điệu vào phòng cả chục lần. Vào những lúc như vậy Ánh Sáng Ban Ngày để khẩu súng lên lòng, lấy tờ báo che lại, rồi vờ như đang mài cuốn thuốc châm hút. Nhưng sau cùng thì công việc cũng chấm dứt. Một tay thư ký xuống chiếc ô tô của anh đang đợi phía dưới mang lên một cái va li và sau đó xấp tiền cuối cùng đã được bỏ vào, anh đóng nó lại. Ra đến cửa, anh còn ngoái lại nói mấy lời cuối cùng:

- Có ba việc tao muốn nói với chúng mày. Khi tao đã bước qua cánh cửa này rồi, chúng mày sẽ tự do hành động, nhưng tao cũng muốn báo cho chúng mày biết là phải làm gì. Việc đầu tiên là đừng gọi cảnh sát bắt tao, hiểu chưa? Tiền này là tiền của tao, chứ không phải tiền ăn cướp của chúng mày. Nếu biết chuyện chúng mày lừa tao như thế nào và bị tao trả đũa ra sao thì thiên hạ sẽ cười chúng mày, cười cho thối óc ra đấy. Chúng mày chắc chẳng muốn bị cười như vậy. Hơn nữa, sau khi đã lấy lại được tiền mà chúng mày ăn cướp của tao rồi, nếu chúng mày cho người bắt tao và âm mưu cướp của tao lần nữa, thì tao sẽ lũng chúng mày để giết. Chắc chắn là tao sẽ tóm được chúng mày thôi. Loại tôm tép như chúng mày cũng vẫn sẽ thua. Chắc chắn sẽ có vài đám tang bất ngờ trong thành phố này. Nhìn thẳng vào mắt tao đi nào, và chúng mày sẽ hiểu là tao chẳng nói đùa. Cái đồng biên nhận và cuốn chi phiếu kia là của chúng mày đấy. Thôi xin chào.

Khi cánh cửa vừa khép lại sau lưng anh, Nathaniel Letton nhào đến bên chiếc máy điện thoại, nhưng Dowsett liền ngăn hãm lại.

- Ông làm gì thế - Dowsett gặng hỏi.

- Gọi cảnh sát. Nó ăn cướp của mình trắng trợn. Tôi không chịu nổi. Các ông hiểu là tôi không chịu nổi điều đó.

Dowsett mỉm cười nghiêm nghị, nhưng cùng lúc lại kéo tên tài phiệt mảnh khảnh đó ấn ngồi xuống ghế.

- Để chúng ta bàn lại xem đã nào, - hắn nói.

Leen Guggenhammer cũng đồng tình trong sự lo lắng.

Sau đó thì chẳng có gì xảy ra cả. Toàn bộ câu chuyện được cả ba người giữ bí mật. Ánh Sáng Ban Ngày cũng không hé môi nói gì về chuyện ấy, mặc dù chiều hôm ấy, anh ngồi ngả người trong toa xe hạng nhất của con tàu Thế Kỷ Hai Mươi, chân không giày đặt gác lên ghế, và cứ buồn cười mãi về chuyện ấy. Cả thành phố Nữ Ước mãi mãi chẳng hiểu câu chuyện như thế nào, mà cũng chẳng thể đưa ra lời giải thích nào thoả đáng cả. Theo lẽ thường thì Ánh Sáng Ban Ngày đã phải phá sản, vậy mà người ta được tin anh đã lập tức xuất hiện lại San Francisco với số vốn còn nguyên như trước.

Điều này được chứng minh bằng những công việc kinh doanh lớn lao mà anh lao vào, chẳng hạn như Công ty dịch vụ Bưu Điện Panama. Bằng cách tung tiền ra và bằng khả năng kiểm soát của mình, anh đã giật khỏi tay Sheftly quyền kiểm soát công ty này, và trong vòng hai tháng đã bán nó lại cho công ty Harriman để hưởng một số lời mà thiên hạ đồn là kékch xù.

PHẦN II - Chương 5

Trở về San Francisco, tiếng tăm của Ánh Sáng Ban Ngày tăng nhanh. Theo một nghĩa nào đó, tiếng tăm này cũng chẳng có gì đáng thêm muốn. Người ta sợ anh. Anh được nói đến như một kẻ gây hấn, một con quỷ, một con hổ dữ. Lối chơi của anh chỉ máng lại sự tan hoang đổ vỡ, và chẳng ai đoán nổi là đòn kế tiếp của anh sẽ giáng vào đâu, như thế nào. Luôn luôn là một sự bất ngờ.

Anh dừng lại ở những chuyện không lường trước, và vì mới từ miền Bắc Cực hoang vu tới đây, đầu óc chưa nhiệm phải lối suy nghĩ theo đường mòn, anh có khả năng lạ lùng trong việc sáng chế ra những mảnh khoé, mưu mẹo. Một khi đã thắng cuộc rồi, anh dần tới một cách không thương tiếc. "Tàn bạo như một tên Mọi Da Đỏ". người ta nói về anh như vậy Mặt khác, anh cũng nổi tiếng là sòng phẳng.

Lời nói miệng của anh cũng có giá trị như một bản hợp đồng, tuy rằng bản thân anh lại chẳng tin lời của ai cả. Anh tối kỵ những lời đề nghị làm ăn dựa trên danh dự của một người quân tử. Bất kỳ ai trong khi làm việc với anh mà hay đưa ra cái danh sự của người quân tử thì trước sau gì cũng bị anh làm cho khốn đốn. Mà Ánh Sáng Ban Ngày cũng chẳng bao giờ mở miệng hứa hẹn điều gì, trừ phi đã nắm đằng chuôi. Người bạn làm ăn kia có chịu hay không thì cũng kệ.

Trong các canh bạc của Ánh Sáng Ban Ngày không có chỗ cho việc đầu tư hợp pháp. Điều đó trói buộc tiền vốn của anh, và làm giảm tính linh mạng. Chỉ có khía cạnh cờ bạc của việc làm ăn làm hấp dẫn được anh mà thôi, và cái lối chơi ào ạt bất ngờ của anh bắt buộc lúc nào anh cũng phải có sẵn tiền trong tay. Không bao giờ anh để bị kẹt vốn, trừ trường hợp trong một thời gian ngắn. Anh luôn quay vòng vốn, kiếm lời chỗ này rồi nhảy liên qua chỗ khác, hành động như một tay cướp biển tài chính. Tiền lời bảo đảm năm phần trăm chẳng hấp dẫn được anh. Vậy mà may rủi cả triệu đô-la trong các cuộc đụng độ ác liệt, được ăn cả ngã về không, đối với anh lại làm cho cuộc sống thú vị. Đương nhiên anh vẫn chơi đúng luật, nhưng anh chơi rất tàn nhẫn. Một khi đã đốn ngã được người nào hoặc một tập đoàn làm ăn nào thì dù cho họ có kêu nài đến đâu anh cũng chẳng nương tay. Những van xin ân huệ về tài chính cũng giống như nước đổ lá môn. Anh là một kẻ tự do, không bị ràng buộc bởi bất cứ hội làm ăn nào. Đôi khi giữa anh và các người khác cũng có liên kết, nhưng đó chỉ vì họ hợp với các ý đồ của anh mà thôi. Anh cho rằng những kẻ cộng tác này sẽ lường gạt và tiêu diệt anh khi có thời cơ. Mặc dù vậy, anh vẫn trung thành với họ, trung thành ở mức độ họ còn là đồng minh với anh. Anh không phản bội họ, mà cứ để họ phản bội anh trước, đến lúc đó thì hãy coi chừng Ánh Sáng Ban Ngày.

Giới làm ăn và tài phiệt vùng bờ biển Thái Bình Dương không bao giờ quên bài học của Charles Klinkner và Công ty Tín dụng California & Altamont. Klinkner làm chủ tịch công ty. Hắn liên kết với Ánh Sáng Ban Ngày bất ngờ tấn công Công ty Liên Tỉnh San José. Khi Công ty Thủy Điện đầy thế lực nhảy vào vòng chiến để cứu nguy cho Công ty Liên tỉnh San Jose. Klinkner tưởng thời cơ đã đến, bèn cầu kết với phe cánh quạt lạ; Ánh Sáng Ban Ngày giữa lúc trận chiến đang đến hồi quyết

liệt. Ánh Sáng Ban Ngày thất bại và mất trắng ba triệu đô-la. Nhưng trước khi chịu thua, anh cũng đã làm cho Công ty Tín Dụng California & Altamont phải tan hoang và chủ tịch Klinkner phải tự sát trong tù đại hình. Không phải chỉ ngưng tấn công Công ty Liên tỉnh San José mà thôi, anh còn bị thiệt hại nặng nề nữa. Những người đủ thẩm quyền để nhận định nói rằng lẽ ra anh đã có thể dàn hoà và với vát lại với Công ty Liên Tỉnh San José và Công ty Thủy Điện và, lúc mà ai cũng nghĩ là anh đã bỏ cuộc, anh quay sang giáng cho Klinkner một đòn chí tử, đột ngột như kiểu của Napoleon. Anh biết Klinkner sẽ không bao giờ ngờ đến điểm đó. Anh cũng biết rằng Công Ty Tín Dụng California & Altamont là một cơ sở rất vững chãi, nhưng lúc đó nó đang ở trong tình trạng rất bấp bênh vì Klinkner đã dùng toàn bộ số tiền của công ty đó để đầu cơ. Anh hiểu rằng nếu để thêm một vài tháng nữa thì chính các hoạt động đầu cơ của Klinkner sẽ làm cho công ty đó vững vàng hơn bao giờ hết. Bởi vậy nếu anh muốn tấn công nó thì phải tấn công ngay lúc này.

- Tôi mất nhiều tiền thật đấy, - về sau anh đã nói về lỗ lã của mình như vậy - Nhưng đó sẽ là một sự bảo đảm cho tương lai. Từ nay về sau kẻ nào đang hùn hạp với tôi sẽ phải nghĩ cho kỹ trước khi định lừa gạt tôi.

Sở dĩ anh dữ dằn như vậy là vì anh coi khinh những kẻ mà anh cùng làm ăn. Anh tin rằng trong cả trăm người cũng không có lấy một người sòng phẳng. Còn đối với những người sòng phẳng, anh tiên đoán rằng nếu cứ tiếp tục tham dự vào canh bạc bịp bợm này thì rồi cũng sẽ thất bại và phá sản mà thôi. Kinh nghiệm ở Nữ Ước đã mở mắt cho anh. Anh đã xé bỏ cái ảo tưởng che đậy lên canh bạc làm ăn và nhìn vào sự trần trụi của nó. Anh khái quát hoá về nền công nghiệp và xã hội như xã hội được tổ chức như một trò lừa đảo. Có nhiều người sinh ra đã thiếu năng lực, tuy không quá yếu đến mức phải đem nhốt vào nhà thương dành cho những kẻ ngớ ngẩn, nhưng cũng chẳng đủ khỏe để làm một cái gì khác hơn là thân phận tôi đòi Ngoài ra còn có những thằng khùng luôn luôn quan niệm một cách đứng đắn về cái trò lừa đảo có tổ chức đó, trân trọng, tán dương nó. Bọn này chỉ là những con mồi ngon cho những kẻ nhìn rõ được bản chất và đánh giá cái trò lừa đảo đó theo đúng giá trị của nó. Còn lao động, lao động hợp pháp, là nguồn gốc của mọi của cải. Điều này có nghĩa là, dù là một bao

khoai tây, một cây dương cầm vĩ đại, hoặc một cái xe du lịch bảy chỗ ngồi, tất cả đều do lao động mà có. Sau khi đã được lao động sản xuất ra, chúng được phân phối, và đây là lĩnh vực mà trò lừa đảo mon men vào. Ánh Sáng Ban Ngày chẳng bao giờ thấy những đứa con của chai phòng có đàn dương cầm để chơi và có ô tô để đi. Chuyện này chỉ có thể dùng cái trò lừa đảo thì mới giải thích được thôi. Có cả mười ngàn hoặc cả trăm ngàn người thức suốt đêm trường để nghĩ kế làm sao chen vào được giữa người thợ và sản phẩm do anh ta làm ra. Bọn này chính là lũ thương gia. Khi mà họ đã chen vào giữa người thợ và sản phẩm, họ sẽ thu được một phần tiền lời. Phần tiền lời lớn hay nhỏ không tùy thuộc vào luật công bằng, mà tùy thuộc vào sức mạnh và sự bản thủ của họ. Luôn luôn là cái kiểu lập luận "bọn lao động chịu đựng được mà". Anh thấy tất cả bọn thượng gia ai cũng nghĩ như vậy.

Một hôm, cảm thấy vui vui sau một bữa ăn trưa đầy đủ và mấy ly rượu cốc tay, anh bắt chuyện với tay điều khiển thang máy tên Jones. Jones gầy guộc, đầu tóc bù xù, vóc dáng đã ra vẻ người lớn, lông luôn có vẻ muốn gây gổ với khách. Chính điều này làm Ánh Sáng Ban Ngày chú ý đến anh ta, và chẳng bao lâu đã tìm hiểu được tại sao anh ta lại như thế. Theo sự xếp loại có tính chất gây hấn của anh ta thì anh ta vốn là một người vô sản muốn kiếm sống bằng nghề viết lách. Bị các tạp chí từ chối, anh buộc lòng phải đi tìm cái ăn chốn ở trong một thung lũng nhỏ ở Petacha cách Los Angeles không đầy một trăm dặm. Ban ngày anh ta lao động, ban đêm anh ta học thêm và viết lách chút ít. Nhưng bọn chủ công ty hoá xa đã bòn rút của anh ta theo cái kiểu "bòn lao động chịu đựng được mà". Petacha là một thung lũng hẻo lánh, chỉ sản xuất được ba thứ: bò, củi và than đốt. Giá cước chuyên chở bò mỗi toa là tám đô-la. Jones giải thích là vì bò có chân, nếu thuê người chăn đến Los Angeles thì sẽ mất một số tiền công bằng với tiền chuyên chở trên xe lửa. Nhưng củi lại không có chân nên bọn chủ hoá xa lấy đúng hai mươi bốn đô-la tiền cước chở củi mỗi toa. Sự tính toán như vậy kể cũng được, bởi vì sau mười hai tiếng đồng hồ lao động cật lực mỗi ngày và trừ tiền cước chuyên chở củi đến Los Angeles ra, thợ đồn củi còn lời được đúng một đô-la sáu mươi xu. Jones tính qua mặt công ty hoá xa bằng cách biến gỗ thành than. Theo tính toán của anh ta thì như vậy sẽ lời hơn.

Nhưng bọn chủ hoả xa cũng tính toán và ra giá cước chuyên chở một toa than là bốn mươi hai đô-la. Sau ba tháng, Jones tổng kết lại và thấy rằng anh ta cũng chỉ kiếm được đúng một đô-la sáu mươi xu một ngày.

- Thế là tôi bỏ cuộc, - Jones kết luận - Tôi đi làm công lang thang suốt một năm trời, sau quay về chơi cho công ty hoả xa một vốn. Bỏ qua những cái không đáng giá, tôi vượt qua dãy núi Sierras hiểm trở vào mùa hè rồi châm một que diêm vào dãy nhà trú tuyết. Ngọn lửa đó nhỏ thôi, chỉ làm cho công ty hoả xa thiệt có ba mươi ngàn đô-la. Tôi nghĩ rằng tôi với họ như thế là huê.

- Này chú bé, bộ chú không sợ khi nói với tôi điều ấy ư? - Ánh Sáng Ban Ngày nghiêm giọng hỏi.

- Có gì mà sợ, - Jones đáp - Họ chẳng chứng minh được điều đó. Ông có thể đi mà không nói điều ấy, như vậy thì bồi thẩm cũng chẳng biết đâu mà mò.

Ánh Sáng Ban Ngày trở về căn phòng ngồi suy nghĩ. Đúng là cái luận điệu "bọn lao động chịu đựng được mà". Từ thượng tầng đến hạ tầng, luật chơi là như vậy. Cái làm cho trò lừa đảo có thể tiếp tục được là vì cứ mỗi phút lại có thêm một thằng ngốc ra đời. Nếu cứ mỗi phút lại có người như Jones được sinh ra thì cái trò lừa đảo đó ắt là không tồn tại được lâu. Thật may cho đám chủ là công nhân không giống Jones.

Những trò lừa đảo còn có ở cấp khác, cao rộng hơn. Những tay thương gia, chủ tiệm cò con và những hạng đại loại như vậy kiếm lời trên sản phẩm của người công nhân. Nhưng nói cho cùng thì chính những tay làm ăn cá mập đã nhờ những tay cò con ấy mà tổ chức lại công nhân. Khi mọi việc đã xong thì thợ thuyền - những người như Jones lúc còn ở thung lũng Petacha - chẳng nhận được gì ngoài số tiền công trích từ số lợi nhuận của bọn chủ. Như vậy thân phận của họ cũng chỉ là những thân phận của những kẻ làm thuê. Rồi trên nữa, lại còn những tay cá mập lớn hơn nữa.

Họ dùng những phương tiện phức tạp to lớn để kiếm lợi nhuận theo quy mô cộng hơn, chen vào giữa hàng trăm ngàn công nhân và sản phẩm của họ. Những tay cá mập lớn này không chỉ là những tên ăn cướp mà còn là những tay cò bạc nữa. Vì là phường cò bạc nên khi không thoả mãn với số tiền bòn rút được trực tiếp của người công nhân, chúng quay qua cướp

của nhau. Chúng gọi việc này là nền tài chính phỗng tay trên. Chủ yếu vẫn là cướp của thợ thuyền, nhưng thắng hoặc chúng lại thành lập tập đoàn để cướp tiền lời tích trữ của nhau.

- Điều này giải thích tại sao Holdsworthy đã cướp của anh năm mươi năm ngàn đô-la cũng như Dowsett, Letton và Guggenhammer đã cướp của anh mười triệu. Khi anh tấn công Công ty Dịch Vụ Bưu Điện Panama, anh cũng làm một chuyện giống hệt như thế. Vậy thì, anh kết luận, cướp của kẻ cướp vẫn là lành mạnh hơn cướp của đám công nhân nghèo khổ và ngu muội.

Theo cách trên, Ánh Sáng Ban Ngày, tuy chẳng hiểu biết gì về triết học, đã dành cho mình địa vị và cách làm ăn của một siêu nhân thể kỷ hai mươi. Anh nghiệm ra rằng không có *noblesse oblige*(1) giữa những siêu nhân về chuyện làm ăn và tài chính cả, ngoại trừ một số rất ít trường hợp bí hiểm. Có một du khách thông minh đã ghé lại Câu Lạc Bộ Alta-Pacific, và sau bữa ăn tối đã phát biểu như sau: "Có sự trọng vọng nhau giữa những tên trộm cướp, và điều này đã phân biệt chúng với những người lương thiện". Đúng thế. Anh ta đã nói trúng phóc, những tên siêu nhân hiện đại là hạng đầu trộm đuôi cướp dám muối mặt truyền giảng cho nạn nhân của chúng đạo lý đúng sai mà bản thân chúng chẳng tuân theo. Đối với chúng thì lời nói của một người chỉ có giá trị khi người đó bị bắt buộc phải giữ nó. Điều răn "người không được ăn cắp" chỉ để đem áp dụng cho những công dân lương thiện mà thôi. Họ, những siêu nhân đứng trên những lời răn đó. Họ cứ việc ăn cắp để được những kẻ cùng hội cùng thuyền trọng vọng nhiều ít tùy theo số tiền họ đã đánh cắp được.

Ánh Sáng Ban Ngày cùng tham gia vào cái trò lừa bịp đó thì anh càng hiểu rõ tình hình hơn. Mặc dù bọn cá mập vẫn cứ cướp bóc lẫn nhau khi có cơ hội, tổ chức của chúng vẫn vững vàng. Chúng vẫn kiểm soát được guồng máy chính trị của xã hội, từ tay chính khách của khu vực đến tay nghị sĩ của Hiệp Chúng Quốc. Chúng thông qua những luật lệ cho chúng được quyền cướp bóc. Chúng buộc người ta phải tuân thủ các luật lệ này bằng cảnh sát, bằng cai ngục, bằng quân đội dự bị và thường trực, và bằng toà án. Tất cả những cái đó cho họ cơ hội làm tiền... Mối hiểm nguy lớn nhất đối với một siêu nhân chính là những siêu nhân đồng loại của chúng. Cái đám quần

chúng ngu xuẩn kia không đáng kể. Họ được cấu tạo bằng một loại đất sét hạ đẳng đến độ chỉ khéo léo một chút là có thể lường gạt được họ ngay. Bọn siêu nhân điều khiển trò chơi, và khi nào chúng thấy chuyện cướp của công nhân đã quá nhàm hoặc quá chậm chạp thì chúng lại nhảy xổ vào cướp lẫn nhau.

Ánh Sáng Ban Ngày vẫn triết lý, tuy anh chưa phải là triết gia. Anh chưa bao giờ đọc sách. Là một người cứng đầu và thực tế, việc đọc sách là một cái gì quá xa vời. Anh đã sống một cuộc đời giản đơn, và trong cuộc đời đó sách chẳng giúp anh hiểu thêm được gì về nó. Cuộc đời mà anh đang sống đây tuy thật là rắc rối song cũng lại giản đơn không kém. Anh hiểu thấu được những giả dối ma mĩ anh của nó, và thấy nó cũng thô thiển như cuộc sống ở vùng Yukon ngày trước. Con người thì ở đâu cũng vậy. Họ có cùng một đam mê và tham vọng.

Tài chính chỉ là loại bài xì phè trên quy mô to lớn hơn: Kẻ ngồi vào chơi là kẻ có tiền. Công nhân là những người làm thuê cật lực để kiếm cái ăn. Anh thấy cuộc chơi này cũng lại theo những luật lệ muôn đời mà thôi, và anh cũng tham gia vào cuộc chơi. Cái vô ích to lớn của bọn đầu trộm đuôi cướp đã tổ chức xã hội rồi lại làm cho nó rối tung lên thật chẳng làm cho anh ta ngạc nhiên chút nào. Đó là lẽ thường. Thực tế mà nói thì mọi nỗ lực của con người đều vô ích. Anh đã chứng kiến những điều đó quá nhiều rồi. Những người công ty với anh trên dòng sông Stewart đã chết vì đói. Hàng trăm người tìm vàng thuộc loại kỳ cựu đã chẳng kiếm được một mảnh đất có vàng nào ở Lạch Thịnh Vượng và Lạch Eldorado, ấy vậy mà bọn chân ướt chân ráo đến vùng đồng cỏ hươu ăn đó lại nhắm mắt cũng kiếm được cả triệu đô-la. Đời là thế, khá lắm thì nó cũng chỉ là một đề nghị làm ăn dã man. Con người văn minh cướp bóc lẫn nhau vì họ được tạo nên để làm chuyện đó. Họ cướp bóc một cách tự nhiên như là loài mèo thì phải cào xé, cái đói thì phải làm chết người, và cái lạnh thì phải làm cho da tê buốt.

Vậy là Ánh Sáng Ban Ngày đã trở thành một tay tài phiệt thành công. Anh không lường gạt bọn làm thuê. Không những thuê. Nhưng anh không đành lòng làm thế mà anh còn cảm thấy như vậy chẳng có gì là thú vị. Dân lao động quá dễ dãi, quá ngu dốt. Cướp của họ cũng giống như giết những

con gà lôi béo mập nuôi trong sân nhà anh nghe nói ở nước Anh người ta thường hay làm thế.

Giống như chàng Robin Hood thuở xưa; Ánh Sáng Ban Ngày đánh cướp của bọn giàu có rồi, theo một cách nho nhỏ nào đó, chia lại cho kẻ khó. Song anh tốt bụng theo cách riêng của anh. Cái khổ đau to lớn của nhân loại chẳng có nghĩa gì với anh cả, bởi vì đây là một phần của trật tự muôn đời. Anh không chịu nổi những tổ chức từ thiện cũng như những kẻ bán rao từ thiện chuyên nghiệp. Mặt khác, cái mà anh cho đi cũng chẳng phải để lương tâm đỡ cắn rứt. Anh chẳng nợ nần ai cả nên chẳng nghĩ tới việc hoàn trả. Cái mà anh cho đi là quà tặng, tự nguyện vì muốn cho ai thì cho. Thường thì anh cho những kẻ xung quanh mình. Chẳng bao giờ anh đóng góp vào quỹ cứu giúp nạn nhân động đất ở Nhật Bản hoặc vào quỹ câu lạc bộ ngoài trời của thành phố Nữ Ước. Thay vào đó, anh trợ cấp cho Jones, chàng thanh niên gác thang máy, liên tục trong một năm để anh ta có thể viết một cuốn sách. Khi anh nghe báo là vợ của người phục vụ cho anh tại Khách Sạn Thánh Francis bị mắc bệnh lao phổi, anh liền gửi bà ta đến Arizona để chữa chạy. Sau khi bác sĩ bảo rằng trường hợp của bà không còn hy vọng cứu chữa thì anh cũng gửi ông chồng đến đó để săn sóc vợ cho đến khi bà ta xuôi tay nhắm mắt. Cũng vậy anh mua một bộ dây cương đàn bằng lông ngựa của một tội nhân thuộc một trại cải tạo ở miền Tây. Anh này đi đâu cũng nói về chuyện ấy cho đến lúc có gần phân nửa số tội nhân ở đó làm dây cương ngựa để bán cho anh. Anh mua tất cả, trả mỗi bộ dây như cương vậy từ hai mươi đến năm mươi đô-la. Những bộ dây cương này thật đẹp và do sức lao động lương thiện tạo ra nên anh dùng chúng để trang hoàng phần tường còn lại trong phòng ngủ của mình.

Cuộc sống khắc nghiệt ở Yukon đã không làm Ánh Sáng Ban Ngày chai đá. Chỉ có nền văn minh mới làm anh trở thành như vậy. Trong cuộc chơi dã man, dữ dội mà anh đang tham dự, cái thói quen hoà nhã đã biến dần khỏi anh mà anh chẳng ngờ, cũn như cái giọng nói kếp dài nguyên âm lười lỉnh kiêu miền Tây của anh vậy. Giọng nói của anh trở nên sắc bén và gấp gáp, đầu óc anh cũng thế. Cuộc chơi biến chuyển lạ lùng khiến anh không còn thì giờ để quan tâm giúp đỡ kẻ khác nữa. Sự biến chuyển này đã lại dấu ấn trên gương mặt của anh. Vẻ mặt trở nên nghiêm nghị hơn. Hiếm

còn bắt gặp vành môi anh cong lên vui nhộn hoặc nụ cười ở đuôi mắt có nếp nhăn. Ngay cả đôi mắt đen lấp lánh như mắt thổ dân cũng toát lên vẻ độc ác và ý thức tàn tạo là mình có quyền lực. Sức mạnh vô song vẫn còn, và toát ra từ bộ con người anh. Nhưng sức mạnh này bây giờ là sức mạnh của một con người mới, con người chinh phục chà đạp lên người khác. Những đấu tranh của anh chống lại thiên nhiên sơ khai. Những đấu tranh của anh hiện tại là toàn với giống đực thuộc chủng loại của anh. Cái gian khổ leo đèo lội suối, chịu đựng băng giá không làm hỏng anh nhiều bằng cái gay gắt cay đắng của việc vật lộn với đồng loại.

Đôi lúc anh vẫn còn giữ được tính hoà nhã vui vẻ, nhưng điều đó chỉ xảy ra theo con và không tự nguyện, thường là sau khi uống vài ly rượu *cocktail* trước bữa ăn. Khi còn ở phương Bắc, anh uống nhiều nhưng không đều. Bây giờ anh uống có hệ thống và kỷ luật. Tuy đây là một thói quen không tự giác song nó là kết quả của một trạng thái tinh thần và thể xác. Những ly rượu *cocktail* có tác dụng hạn chế bớt. Dù không nghĩ ngợi hoặc lý luận gì về chuyện ấy, anh cũng biết rằng sự căng thẳng khi ở văn phòng, kết quả của những cú làm ăn táo tợn và bạt mạng, cần phải được hạn chế lại, hoặc làm cho quên đi.

Qua năm tháng anh khám phá rằng những ly rượu đem lại cho anh điều này. Chúng tạo ra một bức tường đá. Anh không uống rượu vào buổi sáng hay trong giờ làm việc. Nhưng một khi đã rời văn phòng thì anh lập tức dùng rượu tạo quanh mình bức tường cảm này. Lúc đó, chuyện làm ăn biến ngay thành một chuyện khép kín, không còn tồn tại nữa. Vào buổi chiều, sau bữa ăn trưa, chuyện làm ăn lại sống lại thêm một hoặc hai giờ đồng hồ nữa, để rồi, khi rời văn phòng, anh lại dựng lên bức tường cản đó lần nữa.

Đương nhiên cũng có những trường hợp ngoại lệ. Những khi anh phải ăn tối hoặc dự họp với kẻ thù hoặc người cùng cánh để bàn về những chiến dịch làm ăn, những lúc ấy anh tuân thủ kỷ luật và không uống rượu, anh lại quay về với tiếng réo gọi muôn đời của một ly rượu *Martini*, với số lượng gấp đôi rót vào một cái ly dài hơn.

Chú thích:

(1) *Tiếng Pháp trong nguyên văn: Hành động đúng địa vị.*

PHẦN II - Chương 6

Một cách lặng lẽ, Dede Mason đã len lỏi vào cuộc sống của Ánh Sáng Ban Ngày. Lúc đầu anh chấp nhận sự hiện diện của nàng không như một cá nhân riêng biệt, mà như một phần của đồ đạc trong văn phòng, như chú bé giúp việc, như anh chàng Morison, người nhân viên trưởng đáng tin cậy duy nhất, cũng như tất cả các vật cần thiết khác cho một nơi làm ăn có tính cò bạc của một siêu nhân. Trong những tháng nàng mới vào làm, nếu có ai bất chợt hỏi đến, anh cũng không thể nói nổi mất nàng màu gì. Tóc nàng vốn màu vàng hoa, vậy mà trong tiềm thức của mình, anh lại lơ mơ nghĩ rằng nàng không gầy, song anh lại chẳng biết là nàng có mập hay không. Về cách ăn mặc của nàng thì anh lại càng mù tịt. Mất anh không được tinh lắm về những chuyện ấy, vả lại anh cũng chẳng quan tâm. Anh cho rằng đương nhiên nàng phải ăn mặc theo một cách nào đó, bởi vì chưa bao giờ anh có ấn tượng ngược lại cả. Anh biết rằng nàng đánh máy có vẻ nhanh và chính xác. Cảm giác này cũng chẳng rõ ràng lắm, bởi vì anh chẳng có kinh nghiệm gì với các cô đánh máy khác, và luôn quan niệm cô đánh máy nào cũng lạnh lẽo và chính xác cả.

Một sáng nọ, khi ký tên mình dưới các bức thư, anh chợt bắt gặt hai chữ *I shall*(1). Anh vội liếc qua toàn bộ trang giấy để tìm xem còn đâu có những chữ đó nữa không, nhưng chỉ thấy toàn những chữ *I will* mà thôi. Hai chữ *I shall* đó đứng đơn độc, nổi bật hẳn lên. Anh bấm chuông gọi hai lần, và một lát sau Dede Mason bước vào.

- Tôi có đọc như vậy không, cô Mason? - anh hỏi, chìa bức thư ra và chỉ vào hai chữ phạm lỗi ấy.

Mặt nàng thoáng lộ vẻ bức bối, nhưng đành chịu để bị buộc tội.

- Đây là lỗi của tôi, - nàng nói - Xin ông hãy thứ lỗi. Nhưng viết như vậy không sai, ông cũng biết điều đó mà.

- Sao lại không sai? - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi, giọng thách thức - Theo tôi thì viết như vậy nghe không được.

Lúc này nàng đã ra đến cửa, nhưng phải quay người lại, trên tay còn cầm bức thư phạm lỗi.

- Nhưng nó vẫn cứ đúng như thường.

- Đúng thế, - nàng bạo dạn trả lời - Thế tôi có phải thay hai chữ ấy không ạ?

"Tôi sẽ(2) đến đó xem xét lại việc này vào ngày thứ hai" Ánh Sáng Ban Ngày to giọng lập lại câu ấy trong bức thư. Anh lập lại một cách nghiêm trang trịnh trọng, vừa lắng tai nghe giọng nói của chính mình. Rồi anh lắc đầu nói:

- Nghe chẳng ra sao cả, cô Mason ạ. Nghe không được chút nào cả. Chưa có ai viết cho tôi như thế. Ai cũng nói *I will*, kể cả một vài người có học nữa. Đúng không nào?

- Thưa ông, đúng ạ!

Nàng gật đầu công nhận, rồi rời phòng về bàn máy đánh chữ sửa lại hai chữ ấy. Tình cờ đúng vào ngày hôm ấy, anh ngồi ăn trưa với mấy người, trong đó có một tay kỹ sư mỗ trẻ tuổi người Anh. Vào một lúc nào khác thì anh đã chẳng để ý, nhưng vì vừa mới tranh luận với cô thư ký nên anh rất ngạc nhiên bởi cách dùng những chữ *I shall* của tay kỹ sư này. Trong suốt bữa ăn, hai từ này cứ được lập lại nên Ánh Sáng Ban Ngày không nghi ngờ là mình lầm nữa.

Sau bữa ăn chiều dài đó, anh kéo McIntosh ra một góc, bởi vì hắn là một trong những người đã học qua đại học. Anh biết thế bởi vì hắn rất nổi tiếng về đá bóng.

- Nghe này, anh bạn, - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi - "Tôi sẽ (*I shall*) đến đó xem xét lại việc này vào ngày Thứ Hai" với lại "Tôi sẽ (*I will*) đến đó xem xét tại việc này vào Thứ Hai" thì câu nào đúng?

Người cựu đội trưởng bóng đá suy nghĩ rất lung trong một lúc.

- Chịu thôi, - hắn thú nhận - Thường thì tôi hay nói như thế nào nhỉ?

- Ồ dĩ nhiên là cậu nói *I will*.

- Nếu như vậy thì cách nói kia đúng hơn. Ngữ pháp của tôi bết lắm.

Trên đường trở về văn phòng, Ánh Sáng Ban Ngày ghé vào hiệu sách mua một quyển ngữ pháp. Ngồi gác chân lên bàn, anh đọc hết trang này qua trang khác một cách khó nhọc trong một tiếng đồng hồ.

- Nếu cô bé ấy không nói đúng thì cứ đem đầu mình ra mà chặt, - anh nói to lên như vậy sau khi đã đọc xong.

Lần đầu tiên anh nhận ra rằng có một cái gì đó trong cô thư ký đánh máy của mình. Từ trước đến giờ, anh đã xem nàng như một giống cái, một món đồ trong văn phòng của mình. Nhưng giờ đây, sau khi nàng đã tỏ ra

biết nhiều về ngữ pháp hơn nhưng dân làm ăn và dân đại học, đối với anh nàng đã trở thành một cá nhân. Trong ý thức của anh, nàng nổi bật lên, y như hai chữ *I shall* đã nổi bật trên trang giấy đánh máy. Anh bắt đầu chú ý đến nàng.

Chiều hôm đó, anh được nhìn thấy nàng rời khỏi văn phòng. Lần đầu tiên anh nhận ra rằng thân hình nàng cân đối và cách ăn mặc của nàng trông thật hợp mắt. Anh không biết gì về y phục phụ nữ, và chẳng nhận thấy được chi tiết là cái áo ôm gọn lấy cô và bộ đồ khoác ngoài của nàng được may khéo Anh chỉ thấy được những nét chung chung và nhận biết là nàng trông cũng được, bởi vì anh chẳng thấy có gì sai trái hoặc trật chĩa cả.

- Thật là một cô bé ưa nhìn, - anh kết luận như vậy khi cánh cửa văn phòng bên ngoài đóng lại phía sau nàng.

Sáng hôm sau, lúc đọc cho nàng đánh máy, anh công nhận là anh thích cách nàng chải tóc, mặc dù anh thà chết chứ không sao diễn ra được. Anh chỉ biết là kiểu tóc đó trông được, thế thôi. Nàng ngồi giữa anh và chiếc cửa sổ, và anh chú ý thấy tóc nàng màu nâu sáng, có vẻ gần như màu vàng chói của đồng. Ánh Sáng Ban Ngày của mặt trời xuyên qua ô cửa sổ chiếu lên mái tóc vàng ấy làm nó rực lên trông rất là hay. Anh nghĩ thật là buồn cười vì từ trước đến nay anh đã không chú ý đến hiện tượng đó.

Lúc đọc đến đoạn giữa bức thư, anh gặp phải cái câu trúc hôm trước đã gây rắc rối. Anh nhớ lại cuộc vật lộn với quyển ngữ pháp nên bèn đọc:

- Trong việc làm ăn này, tôi sẽ (*I shall*) gặp ông vào khoảng giữa...

Cô Mason ngay lập tức đưa mắt nhìn anh. Cử chỉ này hoàn toàn do phản xạ và, thật ra, cũng có phần do sự ngạc nhiên. Nhưng ngay lập tức nàng lại nhìn xuống, chờ anh đọc tiếp. Trong cái giây phút ngắn ngủi mà nàng ngược lên nhìn đó, anh chú ý thấy mắt nàng màu xám. Về sau, anh lại chú ý thấy cũng đôi mắt xám ấy lâu lâu lại loé lên những ánh màu vàng rực. Nhưng bây giờ, chỉ bằng đó điều quan sát thấy cũng đã đủ làm anh ngạc nhiên lắm rồi, bởi vì anh chợt nhận ra rằng từ trước tới nay anh vẫn cứ ngỡ rằng tóc nàng có màu nâu xám và mắt nàng cũng màu nâu theo lẽ thường tình.

- Lần trước cô nói rất đúng, - anh thú nhận như vậy với một nụ cười bên lên trông chẳng thích hợp với gương mặt thô dân nghiêm khắc của anh

cho lắm.

Một lần nữa anh lại được ban thưởng một cái ngược mắt nhìn lên và một nụ cười ngụ ý nàng đã nghe anh nói. Lần này anh xác nhận thêm là ánh mắt nàng màu xám.

- Nhưng tôi nghe nói nó vẫn cứ làm sao ấy, - anh phàn nàn.

Nghe vậy nàng bật cười lớn.

- Xin ông thứ lỗi cho, - nàng vội chữa lời, nhưng rồi lại nói thêm một câu có tác dụng ngược lại ông thật buồn cười.

Ánh Sáng Ban Ngày bắt đầu cảm thấy mình cũng có phần kỳ quặc. Ánh mặt trời vẫn cứ làm cho tóc nàng vàng rực hằn lên.

- Tôi có đầu có muốn tự làm cho mình trông có vẻ buồn cười, - anh nói.

- Chính điều đó khiến tôi bật cười đấy. Nhưng câu ông vừa đọc rất đúng ngữ pháp. Đúng hoàn toàn.

- Thôi được, - anh thở ra, - "Trong việc làm ăn này tôi sẽ (I shall) gặp ông vào khoảng giữa..." cô đánh máy đến đó chưa?

Ánh Sáng Ban Ngày lại tiếp tục đọc cho nàng đánh máy.

Đôi lúc không có việc gì làm, anh chú ý thấy nàng hay đọc sách và tạp chí hoặc ngồi đan lát thêu thùa như những phụ nữ khác thường làm.

Có một lần, khi đi ngang bàn làm việc của nàng, anh gặp một tập thơ của Kipling(3) bèn cầm lên đọc qua vài trang mà không hiểu gì cả.

- Cô thích đọc sách lắm nhỉ, cô Mason? - vừa nói anh vừa đặt tập thơ xuống bàn.

- Thừa vâng, - nàng đáp - Rất thích ạ.

Lần sau anh lại thấy quyển Những bánh xe xửa thời cơ của Wells(4).

- Nó nói về gì thế - anh hỏi.

- Dạ, đó chỉ là một quyển tiểu thuyết. Một truyện tình thôi ạ.

Nàng chỉ nói có thế, nhưng Ánh Sáng Ban Ngày vẫn đứng như chờ đợi nên nàng buộc phải nói tiếp:

Truyện kể về một nhân viên trong một hiệu vải thuộc tầng lớp thấp kém trong xã hội ở Khu Đông Luân đôn(5). Anh ta đi nghỉ hè bằng xe đạp, rồi đem lòng yêu một cô gái có địa vị xã hội cao hơn anh ta nhiều. Mẹ của cô gái là một nhà văn rất nổi tiếng. Tình tiết của truyện rất ly kỳ, buồn lắm. Ông có muốn đọc không ạ.

- Thế rồi anh chàng kia có lấy được cô gái không? - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi.

- Thưa, không. Vấn đề là ở chỗ đó. Anh ta không. Anh ta không lấy được cô gái.

- Bộ cô đọc cả trăm trang giấy như vậy chỉ để biết được điều đó thôi ư?

- Ánh Sáng Ban Ngày lẩm bẩm, vẻ kinh ngạc.

Cô Mason vừa bực mình vừa thấy buồn cười.

- Vậy chứ ông chả đọc tin tức về hầm mỏ và tài chính cả giờ đồng hồ là gì đấy, - nàng trả đũa.

- Nhưng điều đó đem lại lợi lộc cho tôi. Đó là chuyện làm ăn nên khác hẳn. Tôi có thể hái ra tiền nhờ những tin tức đó. Còn cô thì thu được cái gì từ mấy quyển sách nào?

- Được những quan điểm, ý tưởng mới, cuộc đời.

- Chẳng đáng một xu tiền.

- Nhưng cuộc đời đáng giá hơn tiền bạc, - nàng cãi lẽ.

- Thôi cũng được, - anh đầu dụ theo kiểu dễ dãi của những người đàn ông - Nếu cô thấy thích thì cung chẳng sao cả. Điều quan trọng là ở chỗ đó, phải không? Sở thích cá nhân thì không thể nói được.

Dù có mặc cảm tự tôn, Ánh Sáng Ban Ngày vẫn nghĩ rằng nàng biết rất nhiều, và anh thoáng có cảm giác của một kẻ mọi rợ khi đối mặt với chứng cứ của một nền văn hoá lớn. Đối với anh văn hoá là thứ bỏ đi, tuy vậy, anh vẫn không hoàn toàn an tâm vì cảm thấy rằng trong văn hoá còn có một cái gì đó mà anh không tưởng tượng ra được.

Một lần nữa, lúc đi ngang qua bàn của Dede Mason, anh lại gặp một quyển sách rất quen thuộc với anh. Lần này anh không dừng lại bởi vì anh đã nhận ra bìa sách. Đây là quyển sách do một tay phóng viên của một tờ tạp chí viết về vùng sông Klondike, chủ yếu là viết về anh và có đăng hình anh. Anh còn biết là quyển sách đó có một chương nói về vụ tự tử của một phụ nữ do "quá mê Ánh Sáng Ban Ngày" mà ra.

Sau lần đó, anh không nói chuyện với nàng về sách vở nữa. Anh tưởng tượng đến những kết luận sai lầm mà nàng sẽ rút ra từ chương sách ấy và thấy đau nhói vì chúng không xứng đáng với anh.

Trong tất cả những chuyện thù ghét về anh, Ánh Sáng Ban Ngày - lại được tặng cho cái danh hiệu là người bóp nát trái tim phụ nữ! Một phụ nữ đã tự tử vì quá yêu anh! Anh cảm thấy mình là một kẻ bất hạnh nhất trên đời. Anh tứ hải không hiểu số mệnh đã run rủi làm sao mà trong hàng ngàn quyển sách thì đúng quyển sách đó lại rơi vào tay người nữ thư ký của mình. Trong suốt mấy ngày sau đó, hễ lần nào gặp hoặc đứng gần có Mason thì anh lại cảm thấy mình có tội, và rất lầy lăm khó chịu vì chuyện ấy. Anh còn quả quyết là có một lần nàng nhìn anh một cách chăm chú tò mò, như thể muốn tìm hiểu xem anh thuộc hạng người nào.

Anh dò hỏi Morison, người nhân viên trưởng. Như được dịp, anh chàng này phun ra những lời than phiền cá nhân về Dede Mason trước khi chịu kể lại cho anh nghe số tin tức ít ỏi mà anh ta biết về nàng. Cô ấy quê ở Hạt Siskiyou. Làm việc chung với cô ấy rất thính, nhưng cô ấy hơi kiêu hãnh, thừa ông.

- Làm sao anh biết chuyện đó?- Ánh Sáng Ban Ngày hỏi.

- Cô ấy tự nghĩ về bản thân quá cao nên không chịu hoà đồng với những đồng nghiệp của mình. Ở văn phòng này cũng vậy, cô ấy chẳng qua lại với bất kỳ ai cả. Tôi đã nhiều lần mời cô ấy đi chơi, đi xem hát hoặc đi trượt tuyết, nhưng lần nào cô ấy cũng từ chối. Cô ấy viện lý do nào là cần phải ngủ, không được thức khuya, rồi nào là nhà xa, ở mãi Berkeley(3) lận.

Nghe Morison thuật lại đến đây, Ánh Sáng Ban Ngày có vẻ rất hài lòng. Nàng không giống với hạng tầm thường, chắc chắn như vậy. Nhưng Morison lại nói thêm khiến anh hơi buồn:

- Mà cô ấy chỉ làm bộ làm tịch vậy thôi. Cô ấy hay giao dịch với học viên. Hiện giờ cô ấy vẫn thế. Cô ấy bảo cần phải ngủ nên không thể đi xem hát với tôi được vậy mà cô ấy có thể đi nhảy nhót với cái lũ sinh viên hàng mấy giờ liền. Chính tai tôi nghe nói là cô ấy tham dự mọi cuộc nhảy nhót của bọn chúng. Kể ra cô ấy hơi quá kiêu kỳ so với địa vị một thư ký. Mà cô ấy lại có cả một con ngựa nữa chứ. Ngồi cưỡi ngựa chàng hăng y như đàn ông ở khu đồi ngoài kia kia. Có một lần, vào ngày chủ nhật tối thấy cô ấy cưỡi ngựa đấy. Ôi, cô ấy ham với cao quá, mà tôi chẳng hiểu cô ấy đào đâu ra tiền để sống như vậy. Lương sáu mươi lăm đô-la một tháng thì có nhiều nhanh gì, mà lại còn phải đèo thêm cả một cậu em đau ốm nữa chứ.

- Cô ấy sống với gia đình chứ? - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi.

- Không, cô ấy chẳng còn ai cả. Nghe nói trước kia gia đình cô ấy cũng thuộc loại khá giả. Chắc đúng như vậy, nếu không thì cậu em của cô ấy đã chẳng đi học ở Đại học California được. Bố cô ấy có một trại chăn nuôi bò lớn lắm, nhưng không hiểu vì sao lại quay qua nghề đào vàng để rồi phải phá sản mà chết. Mẹ cô ấy chết trước đó khá lâu. Còn cậu em thì đã làm tốn khá bộn tiền. Trước kia cậu ấy to con lắm, chơi bóng đá, giỏi về săn bắn và leo núi. Có một lần cậu ấy bị ngã ngựa, thế rồi chứng phong thấp hay là một chứng bệnh quái quỷ gì đó đã nhập vào người. Bây giờ thì một chân của cậu ấy bị teo lại và ngắn hơn so với chân kia, đến mức phải đi bằng nạng. Có một lần tôi thấy hai chị em đi với nhau ở bến đò. Bác sĩ cứu chữa cho cậu ấy đã mấy năm nay rồi đấy. Nghe đâu cậu ấy đang nằm bệnh viện Pháp thì phải.

Tất cả những tin tức bên lề này càng làm cho Ánh Sáng Ban Ngày chú ý đến nàng nhiều hơn. Song, tuy rất muốn, anh vẫn không làm quen được với nàng. Anh có ý định mời nàng đi ăn trưa, nhưng đó chỉ là kết quả của lòng hào hiệp bẩm sinh của một người sống ở vùng biên thủy mà thôi, nên rốt cuộc ý định đó cũng chẳng đi đến đâu. Anh hiểu một người sòng phẳng, tự trọng thì không bao giờ được đưa cô thư ký của mình đi ăn trưa. Những chuyện đó không phải là không xảy ra. Anh có nghe các hội viên trong câu lạc bộ của anh xì xào rất gay gắt về những chuyện như thế. Bản thân anh chẳng thêm để ý đến loại đàn ông kiểu đó và cảm thấy rất tiếc cho mấy cô gái. Anh có quan niệm hơi kỳ lạ là người ta có ít quyền đối với những người họ thuê mướn hơn là đối với những kẻ quen biết hoặc khách lạ. Giá như cô Mason này không phải là nhân viên của anh thì anh tin là anh có thể mời nàng đi ăn hoặc đi xem hát bất cứ lúc nào. Anh cho rằng người chủ sẽ mang tiếng là xử ép nếu sau khi đã mua những giờ làm việc của nhân viên mình rồi mà còn muốn sử dụng thêm thời gian còn lại của họ dù theo cách nào đi nữa. Làm như thế chẳng khác nào ăn hiếp và không công bằng, là lợi dụng việc người nhân viên đó phải dựa vào mình để mà kiếm sống. Người nhân viên có thể vì sợ mất lòng chủ mà chiều ý ông ta, chứ không phải do tự nguyện.

Riêng trường hợp của anh thì làm như vậy càng thô bỉ vì chẳng phải là nàng đã đọc cái quyển sách nói về vùng Klondike do tên phóng viên đáng nguyên rủa ấy đã viết rồi đó sao? Một người con gái kiêu kỳ cả với anh chàng Morison đẹp trai lịch lãm như thế hẳn phải nghĩ về anh chẳng mấy hay ho gì.

Hơn nữa, ngoài các lý do trên còn có lý do là anh nhút nhát. Cái duy nhất mà anh sợ trong đời là đàn bà. Suốt đời anh sợ họ. Mà anh cũng chẳng dễ dàng thoát khỏi cái tính nhút nhát đó, dù là bây giờ trong anh đã bắt đầu nhen nhúm lòng khát khao phụ nữ. Bóng ma của việc kiêng kỵ sợ dây tạp dề vẫn cứ ám ảnh anh, và giúp anh có cơ để không tiến thêm bước nào nữa trong quan hệ giữa anh và Dede Mason.

Chú thích:

- (1) *I shall* và *I will* đều có nghĩa tiếng Việt: Tôi sẽ. Theo ngữ pháp tiếng Anh truyền thống thì chữ *shall* được dùng với ngôi thứ 1 số ít (*I*) và ngôi thứ 1 và số nhiều (*We*) để cấu tạo thì tương lai. Chữ *will* chỉ được dùng với ngôi thứ 2 số ít và số nhiều (*You*), và ngôi thứ 3 và số ít và số nhiều (*He, She, It, They*) Dede Mason muốn nói là Ánh Sáng Ban Ngày dùng sai ngữ pháp tiếng Anh
- (2) Tôi sẽ trong nguyên văn là *I shall*
- (3) *wipling*, Rudyard (1865-1936): nhà viết tiểu thuyết và nhà thơ Anh. Giải thưởng Nobel năm 1907
- (4) *Wells*, Herbert George (1866-1946): nhà văn Anh
- (5) Thành phố Luân Đôn được chia thành hai khu có cuộc sống trái ngược hẳn nhau: Khu Tây Luân Đôn (*West End*) là một khu nhà ở sang trọng của những người giàu có, và Khu Đông Luân Đôn (*East End*) là khu nhà ở tồi tàn của những người nghèo khổ
- (6) *Berkeley*: thành phố cảng ở phía Tây của bang California, nằm trên Vịnh San Francisco. Ở phía Bắc Oakland

PHẦN II - Chương 7

Vì không được may mắn lắm trong việc làm quen với Dede Mason nên sự chú ý của Ánh Sáng Ban Ngày đối với nàng cứ nhạt dần. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì anh lại bị cuốn hút vào những chuyện làm ăn phiêu lưu, và

sức mê hoặc của cuộc chơi cũng như tầm cỡ lớn lao của nó đã đòi hỏi tất cả năng lực mà cái cơ thể tuyệt vời của anh có thể thể cung cấp.

Anh mê mải đến độ hình ảnh của cô thư ký đánh máy xinh xắn bị xoá từ từ khỏi ý thức của anh. Lòng khao khát phụ nữ mới nhen nhúm trong anh giờ lại không thôi thúc nữa. Mỗi khi nghĩ về Dede Mason, anh chỉ còn cảm thấy bằng lòng vì anh có được một cô thư ký đánh máy trông hay hay thế thôi.

Những hy vọng rơi rớt cuối cùng của anh về nàng hoàn toàn biến mất khi anh lao vào cuộc chiến đấu gay gắt và ngoạn mục với Công ty Vận tải Duyên Hải và Công ty tàu biển Hạ Uy Di, Nicaragan và Mễ Tây Cơ - Thái Bình Dương. Anh làm tình hình rối tung hơn anh đã dự kiến. Cuộc chiến đấu trở nên chằng chịt và anh kinh ngạc khi thấy biết bao bộ phận không dính dáng gì không ngờ cũng bị lôi vào trong vòng chiến. Báo chí ở San Francisco quay ra đả kích anh. Thật ra cũng có một hoặc hai tờ báo lộ rõ ý muốn được anh tài trợ, nhưng anh phán đoán là tình hình chưa căng đến mức phải mất tiền làm chuyện đó. Cho đến lúc này báo chí vẫn nuông chiều và thường viết những tin giật gân về anh một cách rất ư là thoải mái.

Nhưng bây giờ anh mới hiểu là báo chí có thể gay gắt đến chết người một khi nó đã muốn tấn công ai. Tất cả những quãng đời của anh được làm sống lại để làm nền cho những chuyện thiêu dẹt đầy ác ý. Ánh Sáng Ban Ngày hết sức ngạc nhiên khi thấy tất cả những cái anh đã đạt được hoặc làm được lúc này được diễn dịch theo một lối mới. Từ một người hùng vùng Alaska, anh được làm biến dạng thành một kẻ chuyên hiệp đáp, nói dối, tuyệt vọng, nói chung là một người xấu về mọi mặt. Vậy mà vẫn chưa thôi, báo chí còn bịa đặt hết chuyện này đến chuyện kia về anh. Anh không thềm trả lời, anh nói với năm, sáu nhà báo về ý nghĩa của mình:

- Các ông cứ việc làm những chuyện bẩn thỉu nhất đi. Ánh Sáng Ban Ngày đã từng đương cự lại những việc lớn lao hơn là mấy tờ báo xuyên tạc nhơ nhớp của các ông nhiều. Tôi chẳng trách móc các ông làm gì - tôi muốn nói là chẳng trách nhiều đâu. Các ông không làm thế không được. Các ông phải kiềm ăn chứ. Trên thế gian này có hàng đông đàn bà cũng kiềm sống theo kiểu các ông thôi, bởi vì họ chẳng biết làm gì sạch sẽ hơn cả. Phải có người nào đó làm các chuyện bẩn thỉu, vậy thì các ông làm cũng được chứ

sao. Các ông được người ta trả lương để làm chuyện đó, các ông không có dũng khí để đu đuôi một nghề trong sạch hơn.

Các báo theo quan điểm xã hội trong thành phố đã rất lấy làm thú vị trong việc lợi dụng lời phát biểu này và dùng hàng chục ngàn tờ truyền đơn phát tay để phổ biến nó. Bọn ký giả bị chạm nọc liền trả đũa bằng phương tiện duy nhất mà họ có - dùng báo chí để bôi nhọ. Họ tấn công Ánh Sáng Ban Ngày ngày càng gay gắt, cay cú và ác độc hơn. Người phụ nữ đã tự tử rất đáng thương lại bị lôi ra khỏi mồ và được diễu hành trên hàng ngàn ram giấy như một kẻ tử vì đạo, một nạn nhân của sự ác độc đến điên cuồng của Ánh Sáng Ban Ngày. Những bài báo theo kiểu thống kê nghiêm túc cũng được viết để chứng minh rằng anh bắt đầu sự nghiệp bằng cách cướp đất vàng của những tay đào vàng nghèo khổ, mà đỉnh của là việc lường gạt lòng tin của công ty Guggenhammer trong vụ làm ăn ở vùng Ophir. Còn có những bài xã luận gọi anh là kẻ thù của xã hội, có hành vi văn hoá của một kẻ ăn lông ở lỗ, kẻ chuyên gây gổ trong thương trường, kẻ phá hoại sự phồn vinh của thành phố, một tên vô chính phủ đáng sợ. Có một bài đề nghị một cách nghiêm túc là bài học cho anh và những loại như anh phải là sợ dây treo cổ và kết luận bằng sự mong đợi nhiệt thành là một ngày nào đó chiếc ô tô của anh sẽ tông vào một vật gì đó để anh chết tan xương. Anh như một chú gấu đối phó với bầy ong, coi thường những cú đốt để vọc chân vào tổ lấy mật cho bằng được. Anh nghiêng răng nghiêng lợi quát lại. Cuộc chiến đấu bắt đầu với hai công ty vận tải biển này đã biến thành cuộc giằng co với một thành phố, một bang, rồi suốt miền biển. Tốt lắm, nếu chúng muốn đánh nhau thì chúng sẽ được đánh. Đây là điều anh mong muốn, và anh - thấy việc mình rời bỏ miền Klondike xuống đây là đúng, bởi vì ở đây anh đang chơi một canh bạc lớn hơn tất cả những canh bạc mà vùng Yukon có thể có.

Chung lưng với anh và được anh trả lương rất cao ngoài những món tiền thưởng hậu hĩ là một tay luật sư tên Lay Hegan, người Ái Nhĩ Lan, tuy chưa nổi tiếng nhưng đã lộ rõ tài năng ngay từ khi vào làm việc cho anh. Hegan có óc tưởng tượng và sự táo tợn của dòng giống Celtic, đến độ cần phải có cái đầu lạnh lùng của Ánh Sáng Ban Ngày mới kềm hãm nổi những dự định ngông cuồng của anh ta. Đầu óc về luật pháp của anh ta giống hệt

như của Napoleon, chỉ có điều là không được thắng bằng. Chính Ánh Sáng Ban Ngày đã bổ xung cho anh ta sự thắng bằng đó. Nếu để một mình, anh chàng Ái Nhĩ Lan này ắt là sẽ thất bại, nhưng dưới sự chỉ đạo của Ánh Sáng Ban Ngày, anh ta có thể thắng tiến đến tiền tài và danh vọng. Cũng như Napoleon, anh ta chẳng có chút gì gọi là lương tâm của người công dân hoặc của cá nhân.

Chính Hegan đã hướng dẫn Ánh Sáng Ban Ngày qua những rắc rối của chính trị hiện đại, của tổ chức lao động cũng như các luật lệ về tổ hợp thương mại. Chính Hegan, do những đề nghị và tưởng tượng phong phú của mình, đã giúp Ánh Sáng Ban Ngày thấy được những khả năng không ngờ trong chiến tranh thương mại thế kỷ hai mươi. Ánh Sáng Ban Ngày chỉ việc từ bỏ hoặc chấp thuận những gợi ý này, rồi lên kế hoạch thực hiện.

Bởi thế cho nên khi suốt dọc bờ biển Thái Bình Dương từ Puget Sound đến Panama và cả San Francisco đang bu lầy anh như một bầy ong phần nộ, ai cũng tưởng Ánh Sáng Ban Ngày đang dần dần bị đè bẹp. Vậy mà anh chợt quật lại, vào cả hai công ty vận tải biển, vào cả San Francisco và cả suốt dọc bờ biển Thái Bình Dương.

Lúc đầu chẳng có ai nghĩ đó là cú đánh trả. Tại một hội nghị của Tổ chức Nỗ Lực Thiên Chúa Giáo, Nghiệp Đoàn Lái Tàu Tốc hành số 927 đã gây ra một cuộc ẩu đả nhân vụ chuyên chở một đồng nhỏ hành lý để lại Bến phà. Một ngài người bị vỡ đầu, cảnh sát đã bắt khoảng hai mươi người khác, rồi mọi chuyện tưởng đã êm. Không ai ngờ rằng đằng sau trận ẩu đả nhỏ này là bàn tay của chàng Ái Nhĩ Lan Hegan, được làm cho có hiệu lực nhờ vàng ở vùng Klondike của Ánh Sáng Ban Ngày. Sự việc tưởng vô nghĩa. Ít ra thì cũng có vẻ như vậy. Thế nhưng Nghiệp đoàn tài xế xe hàng thổi to chuyện ấy lên rồi bắt đầu đình nông. Liên Đoàn đường thủy cũng vào ủng hộ. Dần dần cuộc đình công lan rộng. Các tay đầu bếp và bồi bàn và cũng đình công, từ chối phục vụ bọn chủ xe hàng và bọn tài xế được thuê để phá đình công. Những người bán thịt giúp sức cho họ bằng cách không cung cấp thịt cho những nhà hàng còn mở cửa. Khi hội những người chủ liên kết lại để đối phó thì trước họ đã có 40.000 công nhân công đoàn thực hiện đình công rồi. Tiếp đó, các thợ làm bánh, thợ giao bánh, thợ vắt sữa,

thợ giao sữa, và thợ nhỏ long gà cũng đình công. Các nghiệp đoàn xây dựng cũng đứng về phe họ. Cả San Francisco rồi tung lên.

Nhưng sự việc vẫn chỉ nằm ở San Francisco mà thôi. Hegan lại âm mưu và chiến dịch của Ánh Sáng Ban Ngày phát triển tiếp. Nghiệp đoàn thủy thủ Thái Bình Dương từ chối làm việc trên những chiếc tàu mà hàng hoá sẽ được bốc xếp bởi đám người được thuê để thế chỗ cho những thợ đã đình công. Tinh thần đấu tranh của tổ chức này rất mạnh. Sau khi hạ tới hậu thư, nghiệp đoàn phát đi lời kêu gọi thủy thủ đình công. Đây chính là mục tiêu của Ánh Sáng Ban Ngày. Bất kỳ chiếc tàu nào chạy dọc bờ biển cập vào bến là nhân viên nghiệp đoàn liền lên tàu kêu gọi thủy thủ đoàn lên bờ đình công. Cùng với các thủy thủ này là thợ đốt lò, kỹ sư, đầu bếp và bồi bàn cũng theo lên tuân. Số tàu nằm chơi mỗi ngày mỗi tăng. Bọn chủ tàu không tài nào muốn được thủy thủ đoàn mới, vì những đoàn viên của Nghiệp đoàn thủy thủ đều là những tay đã từng lăn lóc với sóng gió, nên một khi họ ra tay thì đám người được thuê để phá đình công chỉ có hoặc đổ máu hoặc chết mà thôi. Cuộc đình công của thủy thủ lan khắp dọc bờ biển Thái Bình Dương đến độ tất cả các cảng đều đầy nhóc những tàu nằm không, và giao thông đường biển bị ngưng trệ hoàn toàn. Hết ngày lại sang tuần, cuộc đình công cứ tiếp tục kéo dài. Công ty vận tải Duyên Hải và Công ty Tàu biển Hạ Uy Di, Nicaragua và Mễ Tây Cơ - Thái Bình Dương bị tê liệt hoàn toàn. Số tiền họ bỏ ra để chống đình công thật là khổng lồ, mà bản thân họ chẳng làm ra thêm được cái nào, và tình hình ngày càng trở nên tồi tệ. Sau cùng họ phải xin ngừng chiến bằng mọi giá. Tuy vậy, cuộc đình công cũng không chấm dứt ngay, mà phải đợi cho đến lúc Ánh Sáng Ban Ngày và các đồng minh của anh đã bỏ trọn tiền lời vào túi thì một phần lớn của cái lục địa đó mới hoạt động bình thường trở lại.

Mấy năm sau, người ta chú ý thấy nhiều lãnh tụ công nhân xây nhà lầu để ở và cho thuê, lại có tiền đi du lịch ở châu Âu nữa. Trong khi đó, những lãnh tụ khác, hoặc những nhân vật lúc trước còn lu mờ, nay tiến thân rất nhanh trên đường chính trị, họ kiểm soát chính quyền và tài chính của toàn thành phố. Thật ra tình trạng bọn chủ năng tay ở San Francisco chủ yếu là do chiến dịch do Ánh Sáng Ban Ngày sách động lan rộng hơn bất kỳ chiến dịch nào từng xảy ra ở San Francisco. Tuy mọi người chỉ có thể phỏng đoán

chi tiết của chiến dịch ấy, song ai cũng biết là anh có nhúng tay vào. Kết quả là anh trở thành người bị ghét cay ghét đắng. Bản thân Ánh Sáng Ban Ngày cũng không ngờ là việc tấn công hai công ty vận tải biển lại có tác dụng rộng lớn đến thế.

Dẫu sau anh cũng đã đạt được cái mà anh đeo đuổi. Anh đã chơi một cú rất ngoạn mục, và anh đã thắng, đã chôn vùi hai công ty vận tải biển xuống bùn, và đã cướp được của những người có cổ phần trong hai công ty đó bằng những biện pháp hoàn toàn hợp pháp. Những kẻ cùng phe với anh, ngoài số tiền lớn mà anh trả họ, còn lợi dụng cơ hội này để chuẩn bị định cướp thành phố này về sau nữa.

Việc anh liên minh với bọn cắt cổ đã gây ra nhiều việc cắt cổ dã man, nhưng anh không thấy lương tâm cắn rứt tí nào. Anh nhớ lại có lần đã nghe một nhà truyền giáo nói rằng kẻ nào tiến thân bằng lưỡi kiếm thì cũng sẽ chết vì lưỡi kiếm. Chơi với phường cắt cổ phải biết lợi dụng thời cơ. Cũng may là cổ anh không bị hề hấn gì. Đúng vậy, và anh đã thắng lợi. Đây là một canh bạc giành ăn giữa những kẻ mạnh với nhau. Dân đen chẳng đáng kể. Họ luôn luôn bị hại mà thôi. Đó là kết luận mà anh đã rút được từ vốn kiến thức ít ỏi của mình về lịch sử San Francisco đã muôn chiến tranh thì anh cho họ chiến tranh. Canh bạc này là như vậy. Tất cả các tay cá mập đều làm thế, và thậm chí họ còn làm nhiều điều tệ hại hơn thế nữa.

- Đừng có nói chuyện với tôi về đạo đức và nghĩa vụ công dân - Anh trả lời một tay nhà báo cứ đòi phỏng vấn anh - Nếu anh bỏ toà báo anh đang làm để nhảy qua một toà báo khác thì anh cũng sẽ viết điều mà người ta bảo anh viết. Việc anh đang làm đây là đạo đức và nghĩa vụ công dân. Đến khi qua toà báo mới, anh sẽ viết ủng hộ một công ty hoá xa ăn cắp cũng lại vì đạo đức và nghĩa vụ công dân, phải không nào? Cái giá của anh chỉ độ ba mươi đô-la mỗi tuần thôi, anh bạn nhỏ ạ. Anh sẽ bán cho đủ cái giá đó. Toà báo của anh sẽ bán với giá cao hơn một tí. Cứ trả cho nó đúng cái giá đó thì nó sẽ lại nhảy từ chính sách thối tha này qua một chính sách thối tha khác. Vậy mà nó vẫn cứ mạnh miệng nói chuyện đạo đức và nghĩa vụ công dân như thường.

Tất cả cũng chỉ vì mỗi phút lại có một thằng ngốc được sinh ra. Chừng nào mà dân đen còn chịu được thì họ sẽ được chịu, anh bạn nhỏ ạ. Những

tay có cổ phần hoặc giới làm ăn tốt nhất là nên im đi cho được việc, đừng la toáng lên là mình bị hại nữa. Anh bạn có bao giờ nghe thấy họ la toáng lên khi họ đã hạ người khác và móc hầu bao của người ta đâu. Lúc này là lúc họ bị móc hầu bao lại, có thể thôi. Ôi chào, nói chuyện về mấy cái thằng có tính khí như đàn bà ấy làm gì. Bọn chúng ăn cắp vàng của cả những xác chết, ấy thế mà nếu có cái xác nào đập lại một phát thì lại la oai oái lên như một mụ đàn bà. Bọn chúng lớn nhỏ đều rập một khuôn cả. Cứ xem cái Công ty Đường thì biết - giàu hàng triệu đô-la mà vẫn ăn cắp nước y như một tên ăn cắp vặt ở thành phố Nữ Ước, mà khi bán hàng cho chính phủ thì lại cân gian. Đạo đức với lại nghĩa vụ công dân! Xin anh bạn nhỏ hãy quên nó đi cho!

PHẦN II - Chương 8

Việc Ánh Sáng Ban Ngày tiếp xúc với nền văn minh chẳng làm anh khá hơn chút nào. Đúng là anh ăn mặc có thơm tấp hơn, cử chỉ có vẻ lịch thiệp hơn, và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp hơn. Anh giỏi hơn trong nghề cờ bạc và dẫm đạp lên người khác. Anh cũng quen với mức sống cao hơn và đầu óc cũng được mài sắc như dao cạo để đối phó với những cuộc vật lộn phức tạp gay go với những tên đực rựa khác. Nhưng thay vào cái vẻ hoà nhã toàn tâm ngày xưa, anh trở nên chu đáo. Anh chẳng biết gì về những ưu điểm chủ yếu của nền văn minh cả. Anh chẳng biết là chúng có tồn tại hay không nữa. Anh đã trở nên nghi ngờ, cay cú và tàn bạo. Quyền lực đã để lại dấu ấn trên người anh cũng như trên biết bao người khác. Nghi ngờ những tên cá mập bóc lột, khinh rẻ cái đám dân ngu bị bóc lột, anh chỉ còn tin ở chính mình. Việc này dẫn đến sự coi trọng bản thân, làm lẫn và quá đáng. Lòng tốt hay nghĩ về người khác, ngay cả lòng tôn trọng họ, cũng bị huỷ diệt, đến độ trong anh chẳng còn gì ngoài sự sùng bái điện thờ cái Tôi.

Về thể lực, anh không còn là một con người có bắp thịt rắn như sắt mới vờ vùng Bắc Cực đến nữa. Anh không tập thể dục đầy đủ, ăn quá mức cần thiết và uống rượu quá độ. Cơ bắp anh bắt đầu nhão và người thợ may của anh phải nhắc anh là vòng eo anh ngày càng bành trướng. Thật ra, anh đã bắt đầu có bụng. Bộ mặt của anh cũng lộ vẻ bạc nhược về thể xác. Cái khuôn mặt gầy gầy giống thổ dân đang bị đô thị làm biến dạng. Những hốc má nằm dưới gò má cao đã đầy đặn ra. Mí mắt chảy xệ lộ ra khá rõ. Cổ béo

ra đang lấp dần chiếc cằm. Cái vẻ khắc khổ do lao động và cực khổ tạo ra đã biến mất. Đường nét trên mặt lộ lộ nặng nề nói lên tác động của cuộc sống hiện tại phản ánh sự vô điều độ sự thô bạo và tính độc ác.

Ngay cả quan hệ của anh với những người chung quanh cũng xấu đi. Quen kiêu chơi riêng lẻ, khinh bỉ những kẻ trong cuộc, không thêm thông cảm tìm hiểu họ, độc lập hẳn với họ, anh thấy không có gì chung nhất giữa anh với những người anh chung đụng, như ở Câu lạc bộ Alta-Pacific chẳng hạn. Thật ra, khi cuộc chiến với hai công ty vận tải biển đang đến hồi khốc liệt, khi mà việc anh làm đang gây ra những tổn thất to lớn cho tất cả cái giới làm ăn, người ta yêu cầu anh rút tên khỏi câu lạc bộ. Ý kiến đó cũng rất hợp với anh, và anh tìm ngay đến các câu lạc bộ như câu lạc Bờ Sông, được tổ chức và duy trì thực sự bởi những tay chủ nhân ông của thành phố. Anh thấy anh ưa đám người này hơn. Họ đơn giản, sơ khai, và họ không làm bộ. Họ là những tay làm ăn mảnh mung, chân thật trong trò chơi móc túi thiên hạ, trông bề ngoài có vẻ sống sượng, mọi rợ, nhưng ít ra họ không phết lên mình lớp sơn đạo đức giả óng ả. Câu lạc bộ Atla-Pacific đề nghị anh giữ kín việc ra khỏi hội, nhưng rồi lại bí mật báo cho chúng biết chuyện ấy. Báo chí đã lợi dụng nguồn tin này và kiếm được khá tiền, nhưng Ánh Sáng Ban Ngày chỉ nhe răng cười và lặng lẽ đi đường riêng của mình, đồng thời điểm mặt vài hội viên, những người về sau sẽ thấy được thế nào là sức nặng tàn phá của bàn chân tài chính của con gấu vùng sông Klondike.

Là trung tâm của cơn bão tấn công theo kiểu đánh hội đồng của báo chí kéo dài hàng tháng, thanh danh của Ánh Sáng Ban Ngày đã tan tành. Không một sự kiện nào trong cuộc đời anh lại không bị bóp méo thành một tội ác hoặc một điều bẩn thỉu. Việc báo chí hè nhau biến anh thành một con quái vật độc ác đã làm tan hoang tất cả những hy vọng còn rơi rớt của anh trong việc làm quen với Dede Mason. Anh cảm thấy không còn cơ hội nào để làm cho nàng nhìn một kẻ như anh với con mắt thiện cảm nữa nên sau khi đã nâng lương nàng lên bảy mươi đô-la một tháng anh dần dần quên nàng đi. Anh nhờ Morison báo cho nàng biết về việc tăng lương. Nàng chỉ ngỏ lời cảm ơn anh rồi thôi.

Vào một ngày cuối tuần, trong lòng cảm thấy nặng nề buồn bã và chán cảnh sống của chốn phồn hoa đô hội, anh bèn tuân theo sự thôi thúc của

một ý muốn bất chợt mà về sau lại trở thành quan trọng trong cuộc đời anh. Đây là ý muốn được rời thành phố để về miền quê đồi gió. Để thực hiện ý muốn này, anh phải tự dối mình là về Thung lũng Ellen để xem xét cái lò gạch mà Holdsworthy đã lừa anh mua.

Anh nghỉ đêm trong một ngôi nhà trọ nhỏ miền quê. Rồi sáng Chủ nhật hôm sau, ngồi vắt vẻo trên mình con ngựa thuê của bác hàng thịt ở thung lũng Ellen, anh cười ra khỏi làng. Lò gạch không xa lắm, nằm trên bờ đất bằng cạnh Lạch Sonoma. Những chiếc lò nung lộ rõ giữa tàng cây khi anh nhìn về phía tay trái và bắt gặp một cụm đồi nhỏ cây cối um tùm cách chỗ anh đứng độ nửa dặm, nằm trên những con đường nhấp nhô của núi Sonoma. Ngọn núi này, cũng có cây cối um tùm, nổi bật sau cụm đồi. Tàng cây xanh trên các ngọn đồi như đang mời mọc anh. Cái không khí khô ráo đầu mùa hạ trong ánh mặt trời có mùi vị như rượu nho khiến anh chợt hít vào những hơi dài. Lò gạch chẳng có gì hấp dẫn cả. Anh chán ngấy tất cả những gì dính dáng đến chuyện làm ăn lắm rồi, mà cụm đồi xanh cây lại đang vẫy gọi. Con ngựa anh đang cười là một con ngựa tốt, anh nghĩ vậy, và nó khiến anh nhớ đến con ngựa mà anh đã cười khi còn là một đứa trẻ sống ở Đông Oregon. Trong những ngày xa xưa đó anh cười ngựa để thạo lắm rồi. Bây giờ tiếng trêu trạo phát ra từ chiếc hàm thiếc và tiếng yên cương cọt két của con ngựa anh đang cười vang bên tai nghe cũng hay hay.

Quyết định là phải giải trí trước rồi sau đó mới đến chuyện xem xét cái lò gạch, anh thúc ngựa đi ngược lên đồi, cố tìm một con đường ngang qua vùng quê để đến mấy ngọn đồi nhỏ. Đến một nơi có công rẽ, anh ngoặt ngựa vào con đường chạy giữa cánh đồng cỏ khô. Cỏ mọc cao đến ngang hông. Anh phồng mũi hít cái mùi thơm ấm áp vào ngực một cách khoái trá. Chín chiến chiến bay lượn trên đầu và khắp nơi tiếng chim hót vọng về nghe thật du dương. Con đường này rõ ràng đã là đường dùng cho xe bò chở đất sét về khu lò gạch. Lòng nhủ thầm là như thế cũng kể như đã xem xét xong được một phần công việc rồi, anh phì ngựa lại chỗ khai thác đất sét trông như một vết sẹo lớn trên sườn đồi. Nhưng anh không dừng lại ở đó lâu mà lại ngật ngựa về phía tay trái và rời con đường ấy. Bốn bề không có một trang trại nào cả. Anh rất lấy làm thích thú là đã rời cái thành phố đông đúc về đây. Anh cho ngựa chạy xuyên qua mấy cánh rừng, nhiều đoạn có

hoa; rồi dừng chân bên một bờ suối. Nằm ép mình xuống đất, anh hớp mấy ngụm nước trong mát. Khi ngồi dậy nhìn quanh, anh thấy thế giới tuyệt đẹp. Đó như là một khám phá, trước kia anh không bao giờ nhận ra điều đó, anh kết luận như thế, mà anh cũng đã bỏ quên quá nhiều thứ. Người ta không thể vừa tham gia chơi trò tài chính ăn cướp vừa để tâm đến những thứ ấy được. Trong lúc anh hít thở khí trời, ngắm nhìn quang cảnh và lắng nghe tiếng chim chiền chiện hót vang, anh có cảm giác như một tay chơi xì phè, sau một đêm thức trắng bên bàn bài, giờ đây rời bỏ cái không khí tù hãm bước ra ngoài hít thở cái trong lành của buổi bình minh.

Đột nhiên anh thấy mình đang đứng trước một khu đất rộng chừng vài mẫu. Ở đây không thấy bên cạnh suối có một cây hoa loa kèn đại của vùng California. Bông hoa thật tuyệt vời, mọc trong một hốc có hình dáng như vòm giáo đường do những cây cao đan kết vào nhau tạo thành. Cành hoa mong manh, mọc thẳng khoảng tám phút. Từ dưới đất đến hai phần ba chiều cao của thân cây thì trơn tru và có màu xanh. Từ đó trở lên, thân cây đâm ra vô số bông hoa hình chuông có màu trắng như sáp. Cũng phải có đến cả trăm bông hoa, tất cả cùng mọc ra từ một thân, phát phor trong gió và mỏng manh như tơ trời. Từ trước đến nay, Ánh Sáng Ban Ngày chưa hề thấy bất kỳ cái gì như thế. Anh từ từ rời mắt khỏi cây hoa để nhìn khắp chung quanh. Một xúc cảm thiêng liêng len vào anh và anh giờ mở ra. Đây quả là một nơi khác biệt. Không còn chỗ cho sự khinh bỉ và lòng độc ác, mà chỉ có sự sạch sẽ, tinh khiết và cái đẹp, những cái mà anh có thể đem lòng kính trọng. Chỗ này cũng tự như một nơi thờ phượng, và bầu không khí thật tôn nghiêm. Đứng giữa chốn này, con người cảm thấy bị thôi thúc phải làm một điều gì đó cao đẹp. Trong khi anh đưa mắt nhìn khắp chung quanh, trong lòng anh cảm thấy rõ rệt như vậy. Tuy thế, anh cũng chỉ mới cảm nhận điều đó mà thôi chứ không suy nghĩ nhiều về nó.

- Hệt như thể mình đang đi lạc vào một khu nào xa lơ xa lắc ấy, - Ánh Sáng Ban Ngày tự nói thầm. Nhưng chốc anh lại đưa mắt nhìn về phía cây hoa loa kèn tuyệt vời mọc bên bờ suối.

Anh cột ngựa rồi đi lang thang hết ngọn đồi này đến ngọn đồi khác. Trên đỉnh các ngọn đồi này là những cây vân sam già hàng thế kỷ, còn ở sườn đồi thì mọc đầy những cây sồi, cây madrono và những cây nhựa ruồi

địa phương. Nhưng trong cái vực sâu thẳm nhỏ như sợi chỉ chạy quanh các ngọn đồi chỉ thấy toàn những cây gỗ đỏ. Ở khu này không có đường cho ngựa chạy. Anh bèn lộn trở về chỗ cây hoa loa kèn bên bờ suối. Tay dắt ngựa, lúc lúc lại bị trượt té, anh cố đi ngược lên ngọn đồi lớn.

Trên suối lối anh đi mọc đầy những bụi cây dương xỉ rừng cây mọc dọc theo sườn đồi đan kết và nhau thành vòm. Niềm vui và sự ngọt ngào tinh khiết cứ len vào các giác quan của anh.

- Chỗ này chắc chắn hơn hẳn các vùng đất miền quê khác và khu nhà gỗ một tầng ở công viên Menlo, - anh nói to - Nếu có lúc nào mình thấy thích cảnh sống ở đồng quê nhất định mình phải trở lại chỗ này. Trở về căn trại. Ánh Sáng Ban Ngày lên ngựa rời khỏi khu trại đó đến những hẻm núi và sườn dốc hoang dã xa hơn nữa. Lúc này anh chỉ muốn leo lên núi Sonoma. Ba giờ sau anh đã lên đến đỉnh, người mệt nhoài, mồ hôi nhễ nhại, quần áo rách toạc, mặt và tay trầy trụa. Tuy vậy, mặt anh lộ vẻ hứng khởi chưa từng thấy, và mắt anh lóng lánh. Anh cảm thấy niềm vui tội lỗi của một cậu học trò trốn học. Cái canh bạc lớn ở San Francisco như đã xa lắm rồi. Thật ra trong anh còn có một cái gì lớn lao hơn niềm vui tội lỗi đó nữa. Anh cảm thấy như thể đang được tẩy rửa. Ở đây không có chỗ cho những sự bẩn thỉu, dễ tiện, độc ác đầy dẫy trong cái vũng bùn sinh tồn dơ dáy của thành phố.

Tuy không nghĩ ngợi nhiều về điều đó, anh vẫn cảm thấy mình như đang được trong sạch và cao thượng hơn.

Trên đỉnh Núi Sonoma không có nhà cửa gì cả Một mình dưới bầu trời California xanh ngắt, anh dừng ngựa ở chỗ bờ nam của đỉnh núi. Trước mắt anh là những cánh đồng cỏ ngút ngàn, có những hẻm núi đầy cây cắt ngang, từ chỗ anh đứng thấp dần về phương nam và phương tây, uốn lượn thành những nếp gấp, những bậc thấp dần cho đến lòng Thung lũng Petaluma, bằng phẳng như mặt bàn bia, chia thành những mảnh hình học đều đặn trông như những miếng cạc tông được người ta cắt tạc. Xa xa về phía tây là những dãy núi liên tiếp với nhau, xen kẽ là những thung lũng đầy sương tím. Xa hơn nữa, ở phía bên kia dãy núi cuối cùng, anh thấy bờ mặt đất bạc của biển Thái Bình Dương.

- Đã lâu rồi không được ngắm cảnh đồng quê nhiều như vậy, - Ánh Sáng Ban Ngày nói to sự suy nghĩ của mình.

Anh không muốn rời chỗ đó. Phải mãi đến một giờ sau anh mới bỏ xuống núi được. Anh tự mở một lối đi mới vì thấy thích làm thế, và khi trở lại đến cụm đồi cây thì trời đã về chiều.

Ánh Sáng Ban Ngày không thích trở lại theo lối đã đi ban sáng nên đã đi tắt theo một con đường mới để về Thung lũng Ellen. Đi được một đoạn, anh bị một hẻm núi chắn ngang đường nên đành phải vui vẻ men theo một lối đi dành cho gia súc.

Lối đi này đưa anh đến một căn chòi nhỏ. Cửa cái và cửa sổ mở toang hoác. Một chú mèo đang cho đàn con bú ngay cửa ra vào nhưng hình như trong nhà không có ai cả. Anh lại thả ngựa theo một lối mòn rõ ràng là chạy băng ngang hẻm núi. Đang đi xuống được một đoạn, anh gặp một ông già đang lặn ngược lên trong ráng chiều. Tây ông cụ xách một xô sữa còn sủi bọt. Ông cụ không đội nón. Khuôn mặt được viền quanh bởi mái tóc và bộ râu trắng như tuyết rậm đỏ vì nắng hè. Ánh Sáng Ban Ngày chưa bao giờ gặp một người nào có vẻ thoải mái như vậy.

- Chào bố già. Bố mạnh giỏi chứ? - anh hỏi.

- Tám mươi tư tuổi rồi còn gì, - ông cụ trả lời - Đúng vậy, tám mươi tư tuổi còn, nhưng vẫn năng nổ hơn chán vạn kẻ khác.

- Chắc là bố chăm sóc sức khỏe dữ lắm chứ gì? - Ánh Sáng Ban Ngày gợi chuyện.

- Chẳng biết nữa. Lão chẳng bao giờ rong chơi cả. Năm 51 lão vượt khu đồng bằng với một đàn bò và đánh bọn da Đỏ, mà lúc đó lão đã có vợ và có bảy con rồi đấy. Có lẽ lúc đó lão cũng bằng tuổi anh, hoặc xấp xỉ tuổi anh đấy.

- Sống ở đây bố không thấy huu quạnh à?

Ông cụ đôi xô sữa qua tay bên kia và suy nghĩ.

- Cũng còn tùy anh ạ, - ông cụ nói như một nhà thông thái - Chả lúc nào lão thấy huu quạnh cả trừ lúc bà nhà tôi qua đời. Có nhiều người đứng giữa đám đông mà vẫn thấy huu quạnh đấy. Lão cũng vậy. Lần lão cảm thấy huu quạnh duy nhất là lần lão ra "Frisco"(1). Bây giờ có chết lão cũng chẳng ra đó nữa. Xin cám ơn thôi. Chỗ này đối với lão là quá tốt rồi. Lão đã

ở thung lũng này từ năm 54, là người đầu tiên lập nghiệp ở vùng này sau bọn Tây Ban Nha đây.

Ánh Sáng Ban Ngày chuẩn bị thúc ngựa đi. Anh nói:

- Thôi, chào bố nhé. Bố cứ vậy mà sống. Bố còn hơn bọn trẻ xa. Chắc là bố cũng đã từng chôn nhiều đứa rồi nhỉ.

Ông cụ cười hềnh hếch, Ánh Sáng Ban Ngày thúc ngựa đi, lòng cảm thấy yên ổn với chính mình và với thế giới xung quanh. Sự bằng lòng khi bám đường và hạ trại trong những ngày còn ở vùng sông Yukon như đang trở lại với anh. Anh không thể nào quên được hình ảnh ông cụ già đang lần ngược đường trong ráng chiều. Ở độ tuổi tám tư mà được như ông cụ là khỏe lắm. Ánh Sáng Ban Ngày chợt có ý nghĩ là sẽ bắt chước sống như ông cụ, nhưng rồi canh bạc đang đợi anh ở Francisco lại phủ quyết ngay cái ý nghĩ ấy.

- Thôi, dầu gì đi nữa thì khi đã có tuổi và từ bỏ cuộc chơi rồi, mình sẽ kiếm một chỗ giống chỗ này mà dưỡng già. Còn thành phố thì cứ kệ mẹ nó muốn ra sao thì ra, - anh quyết định như vậy.

Chú thích:

(1) Frisco: San Francisco

PHẦN II - Chương 9

Sáng thứ Hai hôm sau, thầy vì trở về thành phố, Ánh Sáng Ban Ngày thuê lại con ngựa của bác hàng thịt thêm một ngày nữa, vượt thung lũng đến những ngọn đồi ở phía đông để xem qua khu mỏ. Khu vực này khô cằn sỏi đá hơn khu vực anh đã qua ngày hôm trước. Trên các sườn đồi chỉ toàn cây con và bụi rậm chẳng chịt không thể đi ngựa xuyên qua được. Tuy nhiên, trong hẻm núi có nhiều nước và cả một rừng cây xanh tốt. Vùng mỏ đã bị bỏ hoang, nhưng anh vẫn thích thú đi xem xét một vòng trong nửa tiếng đồng hồ. Trước khi đến Alaska anh đã có kinh nghiệm về việc khai mỏ thạch anh(1), và lúc này anh muốn thử lại kinh nghiệm của mình về việc đó. Anh hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra ở đây. Những dấu hiệu tốt dẫn đến việc đào một đường hầm vào sườn đồi. Sau ba tháng hì hục, những người tìm vàng cạn sạch cả tiền. Họ phải tạm ngưng một thời gian, đi chỗ khác kiếm việc làm để có tiền; sau đó họ trở lại và làm tiếp. Vàng vừa lòi cuốn họ vừa rút dần vào núi. Sau nhiều năm hy vọng, người ta đành bỏ nơi đó mà đi.

Chắc là họ đã chết cả rồi. Ánh Sáng Ban Ngày ngồi trên mình ngựa và ngoái đầu nhìn lại đồng đất và miệng hố đen ngòm bên kia hẻm núi vừa nghĩ như vậy.

Nửa giờ sau, men theo các đỉnh đồi, anh đến một khu đất đã được khai quang. Ở đây nho được trồng trên mảnh đất không đều nằm ở những nơi độ dốc cho phép và đất màu mỡ. Ánh Sáng Ban Ngày thấy ngay là công việc trồng nho ở đây thật gay go, thiên nhiên hoang dã rõ ràng đang lấn áp.

Những bụi cây nhỏ đã mọc lan vào chỗ trước đây đã được khai quang. Các khu đất trồng nho nhiều chỗ không được tĩa, cỏ mọc tràn lan và bị bỏ phế. Khắp mọi nơi là những hàng rào cũ kỹ đang cố gắng đứng vững. Con đường chạy đến một căn trại có các gian nhà phụ to lớn bao quanh thì dừng hẳn lại. Xa hơn tí nữa, các bụi cây nhỏ bắt đầu mọc lại.

Anh gặp một bà cụ đang cào phân bên trong căn nhà kho. Dừng ngựa ngoài hàng rào, anh cất tiếng chào:

- Chào mẹ. Bộ nhà không có đàn ông làm công việc đó thay mẹ sao?

Bà cụ tựa người trên chiếc cào, đưa tay vắn lại váy áo và nhìn anh một cách vui vẻ. Đôi bàn tay cần cù dãi nắng dầm sương của bà cụ trông như tay đàn ông, chai u và sần sùi. Đôi chân không đi vớ của cụ xỏ vào đôi giày đàn ông to nặng.

- Chẳng có mong đàn ông nào cả, - bà cụ trả lời - Anh ở đâu mà lên tận đây? Sao không cột ngựa lại đi và vào đây làm một ly rượu với già nào?

Bước đi một cách vụng về nhưng chắc chắn như một người lao động, bà cụ dẫn anh vào căn nhà lớn nhất. Ở đây anh thấy một cái máy ép tay và các dụng cụ nhỏ để làm rượu. Bà cụ giải thích là đường xá vừa xấu vừa quá xa không tiện chuyển nho đến các nhà máy rượu ở dưới thung lũng nên họ phải tự ép rượu lấy. Về sau anh mới biết từ "họ" ở đây ám chỉ bà cụ và con gái của bà - một goá phụ độ hơn bốn mươi tuổi. Trước kia, lúc đưa cháu trai chưa phải qua Phi Luật Tân đánh nhau với bọn thổ dân thì đời sống có dễ dàng hơn.

Ánh Sáng Ban Ngày uống hết một cốc đầy loại rượu Riesling hảo hạng, nói chuyện dăm ba phút rồi lại xen thêm cốc thứ hai. Đúng, họ chỉ kiếm đủ để khỏi chết đói mà thôi. Chồng bà, cụ và bà cụ đã nhận đất này của chính

phủ vào năm 57, khai hoang và trồng trọt miếng đất đó cho đến khi ông cụ qua đời. Bà cụ tiếp tục công việc một mình.

Thật ra thì chẳng bỏ công gì cả, nhưng họ biết phải làm gì bây giờ? Có tổ hợp rượu ép giá. Cái loại rượu Riesling này ư? Bà cụ giao cho công ty hoá xa ở dưới thung lũng với giá hai mươi hai xu bốn lít. Rượu đưa từ đây đến chỗ đó mất rất nhiều thời gian, cả đi và về hết đúng một ngày đường. Con gái của bà cụ đã đi giao rượu rồi.

Ánh Sáng Ban Ngày biết rằng ở các khách sạn thì loại rượu Riesling không được ngon như vậy giá cũng từ một đô-la rưỡi đến hai đô-la một lít, mà bà cụ chỉ được có hai mươi hai xu cho bốn lít. Đó là một canh bạc. Bà cụ là một trong số những người hèn mọn ngu xuẩn, bà cụ và cả những người trước bà nữa. Đó là những kẻ đã nai lưng ra lao động, đánh bò qua vùng đồng bằng khai phá đất hoang, làm cật lực suốt ngày đêm, bị đánh thuế, và phải cho con cháu đi đánh nhau và chết cho cái lá cờ bảo vệ họ tốt đến độ họ có thể bán chai rượu của họ làm để lấy hai mươi xu. Vậy mà người ta bán cũng loại rượu ấy cho anh ở Khách sạn Thánh Francis với giá hai đô-la một lít hoặc tám đô-la bốn lít với. Canh bạc là như vậy đó.

Giữa bà cụ với cái máy ép tay trên vùng núi này và anh khi gọi rượu ở khách sạn là một khoảng chênh lệch bảy đô-la mười tám xu. Một nhóm người bóng bẩy ở thành phố đã chen vào giữa bà cụ và anh để lấy bằng đó tiền. Ngoài bọn ấy ra, còn biết bao đứa khác cũng ăn có vào, là ngân hàng, là bán sỉ là bất động sản, và nhiều thứ khác nữa, nhưng chủ yếu là bọn chúng hưởng lợi, còn bà cụ thì chỉ được cái phần thừa lại là hai mươi xu mà thôi. Anh thở dài, ấy là vì cứ mỗi phút lại có thêm một đứa ngốc chào đời. Chẳng trách ai được vì đó là một canh bạc. Một số ít thắng, nhưng những kẻ ngốc nghếch thì thua thiệt nặng nề. Anh hỏi:

- Mẹ bao nhiêu tuổi rồi?
- Tháng Giêng tới thì được bảy mươi chín.
- Chắc mẹ phải làm cực lắm nhỉ?
- Từ năm lên bảy đã như vậy rồi. Già ở bang Michigan cho đến khi khôn lớn. Sau đó già đẩy chồng và càng ngày công việc càng nặng nhọc hơn.
- Mẹ tính bao giờ thì nghỉ ngơi đây?

Bà cụ nhìn anh như thể cho rằng câu hỏi của anh quá ngô nghê và không trả lời.

- Mẹ có tin là có trời không?

Bà cụ gật đầu.

- Một ngày nào đó mẹ sẽ được đền bù, - anh an ủi bà cụ, tuy trong thâm tâm anh tự hỏi không biết ông trời ở đâu mà lại để cho ra đời những kẻ ngốc nghếch và không chịu giải tán cái canh bạc đã cướp bóc họ từ lúc nằm trong nôi cho đến khi chui xuống mồ cho rồi.

- Loại rượu Riesling đó mẹ còn được bao nhiêu?

Bà cụ đưa mắt nhìn các thùng rượu ước lượng:

- Cũng phải hơn ba ngàn lít đấy.

Anh suy nghĩ xem có thể làm gì với từng ấy rượu, và nghĩ xem anh có thể đem cho ai không.

Anh hỏi:

- Mẹ sẽ làm gì nếu mẹ bán được một đô-la bốn lít?

- Chắc già này chết ngất mất.

- Không, con nói nghiêm túc đấy.

- Nếu vậy già sẽ mua một hàm răng giả, lớp lại mái nhà và mua một chiếc xe bò mới. Đường xá ở đây làm hại xe mau lắm.

- Rồi sau đó thì sao nào?

- Mua cái hòm.

- Thôi được, mẹ sẽ có tất cả những cái đó. Hòm và cả những cái kia nữa.

Bà cụ lộ vẻ không tin.

- Không, con nói thật mà. Con đưa trước cho mẹ năm mươi đô-la tiền cọc đây này. Không cần biên nhận gì cả. Chỉ có bọn nhà giàu mới cần cẩn thận mà thôi; trí nhớ của bọn chúng kém cỏi lắm, mẹ biết đấy. Đây là địa chỉ của con. Mẹ cứ đem gửi theo đường xe hoả cũng được. Thôi bây giờ mẹ chỉ cho con đường ra khỏi đây đi. Con muốn đi thử lên đỉnh xem sao.

Băng qua các bụi cây, theo vệt lờ mờ của lối đi dành cho gia súc, anh men dần cho đến khi lên tới đỉnh. Anh ngắm nhìn thung lũng Napa ở phía trước và Núi Sonoma ở phía sau.

- Đẹp thật - anh lẩm bẩm - Vùng này đẹp thật.

Đi một vòng quanh đỉnh về phía tay phải và lần xuống theo lối đi dành cho gia súc, anh cố tìm một lối trở về thung lũng Sonoma. Nhưng lối đi

dành cho gia súc mất hút dần, bụi cây thì mỗi lúc một dày thêm ra một cách bí hiểm. Có vài chỗ anh cũng lần qua được, nhưng liền lúc đó lại gặp phải hẻm núi hoặc lối đi quá dốc ngựa không dám xuống nên đành phải quay lại. Tuy vậy, anh vẫn không thấy bức bối gì cả. Trái lại anh cảm thấy vui vì lại được chơi trò đối đầu với thiên nhiên. Khi trời đã xế chiều, anh mới tìm được một lối đi rõ ràng dẫn xuống một hẻm núi khô ráo.

Sau hẻm núi khô ráo ấy là đến một hẻm núi khác có một dòng nước nhỏ chảy qua. Con đường dẫn tiếp đến một con đường lót ván. Con đường lót ván này băng qua một vạt đất bằng rồi bắt vào một con đường làng ít người qua lại. Trong khu vực xung quanh không có trang trại mà cũng chẳng có nhà của gì cả. Đất xấu, mặt đá ngầm quá gần mặt đất hoặc lồi hẳn lên. Tuy vậy, hai bên đường vẫn có những cây manzanita và cây sồi mọc dày đặc như rừng. Bỗng có một người từ trong rừng cây đó chạy vọt ra làm anh nhớ tới một chú thỏ.

Đó là một người đàn ông nhỏ thó, mặc quần có đai và nhiều chỗ. Đầu hói, chiếc sơ mi vải bông để phanh ngực. Mặt ông ta nâu đỏ vì nắng. Nắng cũng làm cho mái tóc có màu vàng sậm của ông ta nhạt bớt màu. Ông ta ra hiệu cho Ánh Sáng Ban Ngày dừng ngựa và chìa cho anh một bức thư.

- Nếu ông ra tỉnh, nhờ ông gửi giúp lá thư này, - ông ta nói.

- Được thôi, - Ánh Sáng Ban Ngày rút bức thư vào túi áo khoác - Anh bạn sống gần đây hả?

Nhưng người đàn ông nhỏ thó không trả lời. Ông ta nhìn anh chăm chăm ra vẻ ngạc nhiên.

- Tôi biết ông là ai rồi, - người đàn ông nhỏ thó tuyên bố - Ông là Elam Harnish mà báo chí quen gọi là Ánh Sáng Ban Ngày. Phải vậy không?

Ánh Sáng Ban Ngày gật đầu.

- Ông đến cái vùng cây cối rậm rạp này làm gì vậy?

Ánh Sáng Ban Ngày toét miệng cười và nói:

- Để xem có con đường nào chuyên hàng dễ dàng không.

- Tôi rất mừng là mình đã viết thư đó hồi chiều - người đàn ông nhỏ thó nói tiếp, - Nếu không thì tôi đã lỡ dịp gặp ông rồi - Tôi đã thấy ảnh ông trên báo nhiều gần rồi. Tôi giỏi nhận diện lắm, nên nhìn ông là tôi biết liền. Tôi tên là Ferguson.

- Anh bạn sống ở gần đây hả? - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi lại.

- Tôi có một túp lều ở phía sau này, trong lùm cây cách đây khoảng một trăm thước, cạnh một con suối rất đẹp. Tôi có một ít cây ăn trái và vài bụi dâu. Mời ông ghé vào chơi. Con suối đó đẹp lắm. Ông chưa bao giờ được uống thứ nước nào như nước suối ấy đâu. Mời ông vào nếm thử, đi nào.

Tay dắt ngựa, Ánh Sáng Ban Ngày theo chân người đàn ông nhỏ thó, nhanh nhẹn và hăm hở, đi qua một đường hầm xuyên qua các bụi cây rồi đột nhiên đến một khu đất đã phát quang - hoặc gọi là khu đất phá hoang để trồng trọt cũng được, bởi vì cây cối cũng chỉ mới được dọn sạch từng phần mà thôi. Chỗ này lọt thỏm giữa các ngọn đồi và được những bức tường dốc ở cửa hẻm núi bảo vệ. Rõ ràng đất ở đây rất tốt vì có nhiều cây sồi không lồ mọc.

Chính sự xói mòn sườn đồi qua bao thế kỷ rồi đã tạo ra cái lớp đất màu mỡ này. Nấp dưới những cây sồi, và hầu như bị chúng che khuất là một túp lều nhỏ thô sơ, không sơn phết. Hiện túp lều rộng, có kê ghế và mắc võng, chứng tỏ chủ nhân ngủ ở ngoài này.

Cặp mắt tinh tường của Ánh Sáng Ban Ngày chú ý đến mọi thứ. Đất vỡ hoang không đều, chỉ có những khoảnh đất tốt là được chăm sóc mà thôi. Từng cây ăn trái, từng bụi dâu, từng cây rau đều được tưới nước. Khắp nơi đều có những rãnh dẫn nước tí hon. Trong một vài rãnh, nước vẫn còn đang chảy.

Ferguson nhìn đắm đắm vào mặt vị khách của ông ta, trông chờ một sự tán thưởng.

- Ông thấy thế nào?

- Anh tĩa tốt từng cây một cẩn thận quá đấy!

Ánh Sáng Ban Ngày phá lên cười, nhưng niềm vui và sự bằng lòng lộ rõ trên mặt anh đã làm người đàn ông nhỏ thó vui sướng.

- Ông biết đấy thôi, tôi coi những cái cây này như con cái của mình vậy. Tôi trông chúng, chăm sóc, nuôi nấng chúng cho chúng lớn. Ta đi xem con suối đi!

Sau khi quan sát sẽ và uống thử một ngụm, Ánh Sáng Ban Ngày khen:

- Tuyệt thật!

Họ quay về túp lều. Phía trong túp lều là cả một sự đáng ngạc nhiên. Nhà bếp là một cái chái bắc thêm, còn toàn bộ túp lều được dành làm phòng khách. Trên chiếc bàn lớn kê ở giữa phòng ngổn ngang sách báo và tạp chí trông thật thích mắt. Trên các bức vách, từ sàn lên đến trần nhà, cũng chỉ toàn là kệ chứa đầy sách. Ánh Sáng Ban Ngày chưa từng thấy nhiều sách vở như thế tập trung tại một chỗ bao giờ. Trên sàn nhà bằng ván thông có những bộ da mèo rừng, da gấu trúc Mỹ và da hươu nằm la liệt.

- Tôi tự sẵn thú rồi lột da thuộc lấy đây - Ferguson tự hào xác nhận.

Nét độc đáo nhất của căn phòng là chiếc lò sưởi vĩ đại làm bằng đá tảng.

- Tự tay tôi xây đây - Ferguson nói - Nói không phải ngoa chứ nó thông phải biết. Chẳng một lợn khòi nào bị trạch ra ngoài đường ông thoát cả. Ngay vào mùa gió đông nam thổi mạnh cũng thế.

Ánh Sáng Ban Ngày bị người đàn ông nhỏ thó mê hoặc. Anh tò mò muốn biết ông ta là ai mà lại đến đây ở ẩn cùng với tất cả số sách vở ấy. Ông ta chẳng ngốc nghếch gì. Ai cũng thấy rõ điều ấy. Vậy thì tại sao nào? Câu chuyện có vẻ nhuộm màu phiêu lưu. Anh nhận lời mời ăn tối, nghĩ rằng ông ta chắc chỉ sống bằng hoa quả và rau hoặc đại loại như thế để giữ sức khỏe. Lúc ngồi vào bàn ăn cơm với cà ri thỏ do chính Ferguson săn được, anh hỏi và được biết là ông ta không có chế độ ăn cố định nào cả. Ông ta ăn bất cứ cái gì mà ông ta thấy thích hoặc muốn ăn, chỉ trừ những thứ mà kinh nghiệm dạy ông ta rằng dạ dày ông ta không chịu tiêu hoá.

Ánh Sáng Ban Ngày cũng cho là có lẽ ông ta theo một tôn giáo đặc biệt nào, nhưng dù để ý kỹ, trong suốt câu chuyện đả động đến hàng loạt các đề tài khác nhau, anh cũng không thấy có gì kỳ lạ hoặc bất thường cả. Vì thế cho nên, sau khi họ đã cùng rửa chén đĩa và cất chúng đi, rồi ngồi xuống ghế để thưởng thức vài hơi thuốc ngon, Ánh Sáng Ban Ngày liền nêu lên điều anh thắc mắc.

- Ferguson này, từ khi gặp nhau đến giờ, tôi đã cố tìm hiểu xem có gì trực trặc với anh không, cố đoán xem có con ốc nào bị tuột ở đâu không, nhưng vẫn đoán không ra. Vậy thì anh làm gì ở cái chốn này vậy? Điều gì đã đẩy anh tới đây? Trước kia anh làm gì để sống? Anh giải thích cho tôi hiểu xem nào.

Ferguson rõ ràng có vẻ bằng lòng khi nghe anh hỏi.

- Trước hết, - ông ta bắt đầu nói. Các bác sĩ đều tuyệt vọng về tôi. Họ cho là giỏi lắm thì tôi cũng chỉ sống thêm được vài tháng mà thôi, ấy là sau khi tôi đã nằm viện một thời gian và qua châu Âu và Hạ Uy Di để dưỡng bệnh rồi đấy nhé. Họ thử chạy điện, bắt tôi ăn kiêng, nói chung là họ đã thử mọi cách. Các đơn thuốc và tiền chữa chạy làm cho tôi sạt nghiệp, vậy mà bệnh của tôi ngày càng tồi tệ hơn. Vấn đề của tôi là ở chỗ tôi sinh ra cơ thể đã yếu sẵn. Hơn nữa, tôi sống phi tự nhiên - làm việc nhiều, trách nhiệm nhiều, lúc nào cũng căng thẳng. Tôi là chủ bút của báo *Diễn đàn thời đại*.

Ánh Sáng Ban Ngày thậm giạt mình kinh ngạc, bởi vì tờ *Tờ Diễn đàn thời đại* đã là tờ báo lớn nhất và có thế lực nhất ở San Francisco. Ngay lúc này đây nó cũng vẫn giữ vị trí đó.

- Tôi không đủ sức khỏe để chịu đựng sự căng thẳng như thế. Dĩ nhiên là thể lực cũng như trí lực của tôi phản ứng lại ngay. Tôi phải dùng rượu *Whisky* để trợ lực, nhưng rượu *Whisky* thì cũng chẳng tốt gì, cũng như cuộc sống suốt ngày ở các câu lạc bộ và khách sạn chẳng tốt gì cho dạ dày và các cơ quan khác trong người tôi. Tôi mắc bệnh là vì thế đấy. Tôi đã sống sai nguyên tắc.

Ông ta nhún vai rồi đưa tàu thuốc lên miệng hút.

- Khi các bác sĩ đã chào thua thì tôi cũng chào họ luôn. Chuyện này cách đây mười lăm năm rồi. Hồi còn trẻ, khi còn ngồi dưới mái trường đại học, tôi thường đến đây săn bắn vào những kỳ nghỉ hè. Khi bệnh tôi hết hy vọng rồi thì tự nhiên tôi thấy muốn trở về sống với đồng quê. Thế là tôi từ bỏ, từ bỏ tất cả, để về sống tại Thung lũng Mặt Trăng này. Thổ dân ở đây gọi thung lũng Sonoma này là thung lũng Mặt Trăng. Năm đầu tôi sống trong cái trái sầu lều đấy. Sau tôi cất túp lều này rồi cho chuyển sách vở đến. Trước kia tôi chẳng bao giờ hiểu hạnh phúc hay sức khỏe là gì cả. Ông cứ nhìn tôi mà xem. Ông có dám nói là tôi đã bốn mươi bảy tuổi rồi không?

- Khoảng bốn mươi tuổi là nhiều - Ánh Sáng Ban Ngày công nhận.

- Vậy mà ngày mới đến đây, mười lăm năm về trước, trông tôi cứ như là đã gần sáu mươi rồi đấy.

Họ cứ thế nói chuyện với nhau. Ánh Sáng Ban Ngày như được nhìn thế giới dưới những góc độ mới. Đây là một con người không cay cú mĩa mai.

Ông ta cười vào mặt những kẻ sống ở đô thị, và gọi họ là những thằng điên. Ông ta chẳng cần chi đến tiền bạc. Niềm đam mê quyền lực trong ông ta đã chết từ lâu rồi. Về tình bằng hữu giữa những người thành phố ông ta có ý kiến rất rõ ràng:

- Họ đã làm gì cho tôi, những thằng bạn mà tôi quen biết, những thằng bạn trong câu lạc bộ mà tôi đã từng kẻ cận không biết bao lâu rồi? Họ chẳng coi tôi ra gì cả, khi tôi bỏ đi chẳng có thằng nào thèm viết cho tôi lấy một dòng để hỏi thăm sức khỏe hoặc xem có thể giúp đỡ tôi được gì không?

Vài tuần đầu chúng còn hỏi "Cái gì đã xảy đến với Ferguson vậy cả?" Nhưng sau đó thì tôi đã trở thành một hồi tưởng, một kỷ niệm. Mà bất kỳ đứa nào trong bọn họ cũng đều biết rằng tôi chẳng có một lợi tức nào ngoài đồng lương cả, mà lại còn hay tiêu quá mức nữa đấy nhé.

- Thế bây giờ anh làm gì? - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi - Anh cũng phải cần tiền mặt để mua sách báo và quần áo chứ?

- Thịnh thoảng tôi làm việc một tuần hay một tháng. Mùa đông thì cày cấy, mùa thu thì hái nho, còn suốt mùa hè thì làm việc vặt vãnh cho các tay chủ trại. Tôi không có nhu cầu nhiều nên cũng chẳng phải làm việc nhiều lắm. Tôi bỏ phần lớn thì giờ dạo chơi quanh khu vực này. Tôi có thể viết thuê cho các báo, nhưng tôi thích cày bừa và hái nho hơn. Cứ trông tôi là ông hiểu ngay. Người tôi rắn chắc như đá thế này. Vả lại tôi cũng thích lao động. Nói cho ông biết phải khó nhọc lắm mới quen được đấy, nhưng cũng rất hay khi học hái nho suốt ngày và đêm về cảm thấy mệt mà vui, còn hơn là cảm thấy thể xác như đồ sục. Cái lò sưởi đó xây bằng đá tảng. Lúc đó tôi yếu lắm, bị rượu tàn phá mà, yếu như sên vậy, và sức chịu đựng chỉ bằng một phần trăm mà thôi, nên có vài tảng đá lớn đã làm cho tôi muốn gãy cả lưng và nhụt chí. Nhưng tôi vẫn rán và sử dụng thân thể tôi theo cách mà thiên nhiên muốn, chứ không theo cái lối còng lưng trên bàn viết và nốc rượu *Whisky*. Vậy mà cũng xong thôi. Tôi thì khỏe hơn và cái lò sưởi thì được hoàn thành vừa tốt vừa đẹp, phải không? Thôi, bây giờ ông hãy kể cho tôi nghe về vùng Klondike và nói xong ông đã đảo lộn San Francisco bằng cú cướp vừa qua như thế nào đi. Ông chơi cừ lắm và đã khêu gợi được trí tưởng tượng của tôi, mặc dù, khi bình tâm suy nghĩ thì tôi cho rằng ông cũng chỉ là một kẻ điên như những người khác mà thôi. Lòng ham muốn

quyền lực? Nó chỉ làm cho mình khổ sở mà thôi. Sao ông không ở lại vùng Klondike? Sao ông không từ bỏ tất cả để sống một đời tự nhiên như tôi chẳng hạn? Ông thấy đấy, tôi cũng có nhiều câu hỏi về ông đấy nhé. Nào ông nói đi tôi nghe đây.

Đến tận mười giờ đêm Ánh Sáng Ban Ngày mới từ già Ferguson. Trong lúc đang cưỡi ngựa dưới bầu trời đầy sao, anh chợt có ý định mua căn trại nằm phía bên kia thung lũng, mặc dù anh chẳng có suy nghĩ là một ngày nào đó sẽ về đây sống.

Canh bạc của anh là ở San Francisco. Nhưng anh thích căn trại đó, nên tính là khi về đến văn phòng thì anh sẽ điều đình mua ngay lập tức. Hơn nữa căn trại bao gồm cả bãi đất sét, như vậy anh sẽ nắm được đằng đuôi nếu như Holdsworthy có muốn dờ trò gì với cái lò gạch.

Chú thích:

(1) Những bờ hoặc lòng các dòng nước có những lớp đá sỏi, cát lẫn chất vàng chính là loại mỏ vàng đầu tiên, ngay trên mặt đất, gọi là "bờ cát vàng (placer), hoặc "bờ mỏ". Loại mỏ vàng thứ hai là các mạch mỏ, phần lớn là các mạch thạch anh nham, ở sâu dưới lòng đất như phần nhiều các mỏ kim loại khác

PHẦN II - Chương 10

Thời gian cứ trôi qua và Ánh Sáng Ban Ngày cứ tiếp tục lao vào canh bạc. Nhưng giờ đây canh bạc đã đi vào chiều hướng mới. Niềm đam mê quyền lực để được chơi và được thắng đã chuyển thành niềm đam mê quyền lực để trả đũa. Ở San Francisco có nhiều người đã được anh ghi vào sổ bìa đen, và bây giờ anh dùng những đòn tấn công chớp nhoáng của mình để xóa sổ họ. Anh không cần ai thương, mà anh cũng không thương ai cả, ngoại trừ tay luật sư Larry Hegan, người sẵn sàng hy sinh cả mạng sống của mình vì anh. Anh ta là người duy nhất mà Ánh Sáng Ban Ngày sẵn sàng thổ lộ tâm can, mặc dù về mặt bạn bè thì anh thích chơi với bọn chủ thô lỗ và vô nguyên tắc trong Câu lạc bộ Bờ Sông hơn.

Hơn nữa, thái độ của San Francisco đối với anh cũng đang thay đổi. Anh đã dùng những phương pháp đánh cướp quá ghê gớm đến nỗi anh trở thành một hiểm họa rõ rệt đối với những con bạc tài chính chính thống nhưng cũng vì cái ghê gớm đó mà họ thích để anh yên hơn. Anh đã dạy cho

họ biết cái lợi của việc để chó ngủ nằm yên. Nhiều người hiểu rằng một khi bàn tay gấu của anh đưa ra thò vào bụng mật thì họ sẽ nguy to nên bằng mọi cách họ để anh và để lấy cảm tình của anh. Câu lạc Bộ Alta-Pacific đề nghị kết nạp lại anh nhưng anh từ chối. Anh muốn trả đũa một số hội viên trong câu lạc bộ đó, và chỉ chờ dịp là vươn tay ra xé xác họ thôi. Ngay cả báo chí, trừ những tờ được đứt lốt thì không kể, còn tất cả đều ngưng nói xấu và tỏ vẻ kính trọng anh hơn. Tóm lại, anh được xem như một chú gấu nâu hoang dã của vùng Bắc Cực mà tốt hơn hết là nên nhường đường cho nó.

Lúc anh đang tấn công hai công ty vận tải biển, họ đã hè nhau sửa vào anh và quấy rầy anh, nhưng làm thế chỉ khiến anh quay ngược lại giáng cho họ một đòn chí tử. Họ đâu dễ quên trận đình công của Nghiệp Đoàn Thủy Thủ Thái Bình Dương và việc phải trao chính quyền thành phố vào tay những lãnh tụ công đoàn và những chính trị gia được anh tài trợ. Sự phá sản của Charless Klinkner và Công ty Tín Dụng Altamont và California là một cảnh cáo. Nhưng đó chỉ là một trường hợp riêng lẻ mà thôi nên lúc đầu họ vẫn còn tin vào sức mạnh của số đông. Phải đợi đến khi anh dạy cho họ những bài học khác nữa thì họ mới chịu yên.

Ánh Sáng Ban Ngày cứ thế mà lao vào những cuộc đầu cơ táo tợn. Chẳng hạn như khi chiến tranh Nhật-Nga sắp nổ ra, anh đã gạt những kinh nghiệm và thế lực của bọn đầu cơ vận tải biển để độc quyền tất cả tàu bè cho thuê. Bởi vậy hiếm có chiếc tàu hàng nào, dù cũ kỹ, đang di chuyển trên bảy vùng biển mà không nằm trong diện thuê của anh. Cũng như những trường hợp khác, anh đặt mình vào vị thế "các người phải đến chỗ tôi thôi".

Bọn cần tàu bè phải đến cầu cạnh anh thật, và họ đã phải, theo cách nói của anh, "vừa trả tiền vừa gặm gù" để được anh cho thuê lại. Tất cả những hoạt động phiêu lưu táo tợn này của anh bây giờ chỉ có một mục đích. Anh tỏ lộ với Hegan là một ngày nào đó, khi đã đủ mạnh về tiền bạc, anh sẽ trở lại Nữ Uớc để giáng cho bọn Quý ông Dowsett, Letton và Guggenhammer một trận mềm xương.

Anh sẽ cho họ biết những răng cưa của anh có thể vươn đến tận đâu và chứng tỏ cho họ thấy họ đã phạm sai lầm như thế nào khi dờ dỏng ra với anh. Tuy vậy, anh cũng chưa điên đến mức không nhận thấy anh chưa đủ

sức để lao vào một trận sinh tử với ba kẻ thù đầu tiên ấy. Tuy vậy, trong tương lai anh sẽ xoá sổ họ.

Dede Mason vẫn làm việc cho anh. Anh không nói chuyện hay bàn luận về sách vở và ngữ pháp với nàng nữa. Anh không còn chú ý nhiều đến nàng và chỉ coi nàng như một kỷ niệm đẹp về một điều nàng và chẳng bao giờ xảy ra, một niềm vui mà bản chất đặc biệt của con người anh ngăn anh không bao giờ được tìm biết. Thế nhưng, dù không còn thích nàng nữa, dù anh đã dồn toàn bộ sinh lực vào những cuộc chiến tài chính vô tận, anh vẫn biết rất rõ về vẻ sáng sủa của mái tóc nàng, về những cử chỉ nhanh nhẹn, chính xác của nàng cũng như về tất cả những đường nét trên thân hình của nàng được bộ quần áo may thật khéo làm nổi bật hẳn lên. Cứ khoảng sáu tháng một lần anh lại tăng lương cho nàng. Bây giờ nàng lĩnh chín mươi đô-la một tháng. Anh không dám tăng thêm nữa, mặc dù anh vẫn cố làm cho công việc của nàng trở nên nhẹ nhàng hơn. Anh làm việc đó bằng cách giữ lại cô gái đã đến làm thay cho nàng lúc nàng nghỉ phép. Anh cũng thay phòng làm việc để cho cả hai cô có thể dùng hẳn một phòng riêng.

Anh luôn luôn để mắt nhận xét về bất kỳ cái gì có dính dáng đến nàng. Đã từ lâu, anh chú ý thấy nàng rất tự hào về đáng đi của mình. Rõ ràng là có chuyện đó, mặc dù nó chẳng làm cho ai bức mình cả. Quan sát cách đi đứng của nàng, anh cho là nàng tự đánh giá thân hình nàng như một cái gì đáng tự hào, đáng được quan tâm đến như một tài sản đẹp và quý giá. Về khoản này cũng như về khoản ăn mặc, anh luôn so sánh nàng với cô gái phụ việc, với những nữ thư ký đánh máy mà anh đã gặp ở những cơ sở khác, cũng như với các phụ nữ trên đường phố. "Cô ta trông thật hay, - anh nói với mình như thế - Cô ta biết cách ăn mặc, biết cách đi đứng sao cho thật tự nhiên mà vẫn tuyệt vời".

Càng ngắm nàng bao nhiêu, anh càng nghĩ là anh hiểu biết về nàng bấy nhiêu, và do vậy càng thấy nàng khó gần bấy nhiêu. Nhưng vì anh không có ý định tiếp cận với nàng, nên điều đó chẳng mấy may làm anh phật lòng. Anh mừng là có được một cô nhân viên như vậy trong văn phòng của anh và hy vọng là nàng sẽ còn làm việc ở đây lâu nữa, chỉ vậy thôi.

Năm tháng qua đi mà con người anh không khá hơn được chút nào. Cuộc sống đối với anh không được lành mạnh lắm. Anh bắt đầu phát phì và

mềm nhão. Khác với trước kia, cơ bắp anh bắt đầu chảy xệ. Những ly rượu *cocktail* anh uống ngày càng nhiều mới đủ tác dụng làm thần kinh anh dịu xuống sau khi anh đã chịu đựng sự căng thẳng của nhiều canh bạc tài chính gộp lại. Đạo đức của anh cũng mỗi ngày mỗi xấu đi bởi vì anh chỉ kết bạn với những tay làm ăn không trong sạch lắm. Vì không thuộc hạng người muốn che đậy giấu giếm nên cũng có vài chuyện làm anh vượt quá mức cho phép lộ ra ngoài, chẳng hạn như việc phóng xe ào ào hoặc cùng với đám bạn ngả nghiêng trong chiếc ô tô lớn màu đỏ của anh một cách hết sức trào lộng. Những chuyện này được báo chí thuật lại hoặc như những trò vui hoặc một cách giễu cợt.

Mà thật ra cũng chẳng có gì cứu vớt được anh cả. Anh đã bỏ tôn giáo. "Cái đó chết từ lâu rồi" - anh tóm tắt như thế về tôn giáo. Anh cũng chẳng thương xót gì nhân loại cả. Theo cách suy nghĩ sần sùi về xã hội học của anh thì đó chỉ là một canh bạc. Thượng đế là một cái gì điên khùng, trù tượng và trớ trêu mà người ta gọi là Thần May Rủi chia bài và những đứa bé phải nhận những lá bài đã chia cho mình, chống đối nài cũng chẳng ích gì. Những lá bài đã chia cho chúng rồi thì chúng phải đánh thôi, muốn hay không cũng mặc, thắng thì giàu, thắng được thắng lưng, kẻ thì què quặt, kẻ thì lành lặn, đứa thì đàn độn, đứa lại ranh ma. Chẳng có gì gọi là công bình trong chuyện đó cả. Đại đa số nhận được lá bài sẽ làm cho chúng thành những kẻ bị lừa phỉnh; một số ít nhận được những lá bài cho phép chúng bóc lột kẻ khác. Suốt đời phải chơi một canh bạc mà kẻ tham gia là toàn xã hội. Sòng bài là cả thế giới, và cả thế giới này, mọi thứ to nhỏ, từ ổ bánh mì cho đến những chiếc ô tô lớn màu đỏ chót, đều là tiền cuộc cả. Cuối cùng rồi thì kẻ may cũng như người rủi đều phải chết cả thôi.

Dĩ nhiên là cái đám tiện dân ngu xuẩn phải khổ thôi, bởi vì ngay từ đầu số phận của họ đã là thua rồi. Nhưng anh đã quan sát nhiều những kẻ rõ ràng đã thắng và thấy họ cũng chẳng có gì để mà hãnh diện, bởi vì họ cũng chết mà thôi, và cuộc sống của họ nào có dài là bao. Tất cả chỉ là một cuộc vật lộn tàn khốc của loài thú; kẻ mạnh đè bẹp kẻ yếu, nhưng những kẻ mạnh này - tí như bọn Dowsett, Letton và Guggenhammer chẳng hạn, anh cũng thấy rằng chưa nhất thiết chúng đã là mạnh nhất. Anh nhớ lại những người bạn đào vàng ở vùng Bắc cực. Họ thuộc hạng dân ngu khu đen, họ nai lưng

ra làm việc để rồi thành quả của họ bị kẻ khác cướp mất, cũng y hệt như bà cụ nấu rượu ở vùng đồi Sonoma vậy. Ấy thế mà họ lại là những người thành thật, chung thủy và sòng phẳng hơn nhiều so với những kẻ đã ăn cướp của họ. Những kẻ thắng là những kẻ xảo trá, điêu ngoa và độc ác. Nhưng họ cũng chẳng may thay đổi được số phận của mình. Họ chỉ chơi những lá bài đã chia cho họ. Còn Thần May Rủi, tên Thượng Đế điên loạn quái vật, chủ nhân ông của toàn bộ cuộc chơi đó lại nhe răng ra cười và thô lỗ mắt nhìn. Chính nó mới là đấng chia bài để đánh lừa nhân loại.

Chẳng có gì là công bình trong canh bạc đó cả Những con người bé mọn đó, những đứa trẻ đỏ hồng đó, đâu được ai hỏi xem có thích chơi hay không. Chúng không có quyền lựa chọn. Thần May Rủi hất chúng vào đời, ấn chúng ngồi vào bàn bài đầy người chen chúc đó, và bảo: "Chơi đi, mẹ chúng mày, phải chơi đi!" - Chúng chỉ còn có việc là rán mà chơi hết sức mình, thật là một lũ khốn khổ. Một vài đứa khác được tổng và nhà thương điên hoặc vào xóm nhà lá. Một vài kẻ, cũng một quân bài chơi đi chơi lại, suốt ngày chui rúc trong rừng nấu rượu với hy vọng là cuối cùng có thể thắng được một hàm răng giả và một cỗ áo quan. Những đứa trẻ khác bỏ cuộc sớm vì đã rút phải những lá bài đưa chúng đến với cái chết vì tai nạn, chết vì đói ở những vùng cằn cỗi hoặc chết vì những cơn bệnh dai dẳng đáng ghét. Có kẻ nhận được những lá bài để làm vua, hưởng quyền lực không đáng được hưởng và vô trách nhiệm. Cũng có những kẻ nhận được lá bài làm chúng suốt ngày mơ tưởng đến tiền bạc hàng kho, hoặc làm cho chúng phải nhục nhã, hoặc làm cho chúng suốt ngày quay cuồng vì đàn bà và rượu.

Riêng phần mình, Ánh Sáng Ban Ngày đã rút những lá bài may mắn, mặc dù chưa phải là anh đã thấy hết được các quân bài đó. Đâu chắc gì sẽ không có ai đó hoặc chuyện gì đó xảy ra làm anh khốn đốn. Tên Thượng Đế điên khùng Thần May Rủi đó biết đâu đang đánh lừa anh để đưa anh đến một kết cục như thế. Chỉ cần một chuỗi những hoàn cảnh không may xảy đến với anh thôi thì nội trong một tháng cả cái băng cướp ấy sẽ lại nhảy nhót quanh cái xác tài chính của anh ngay lập tức.

Hoặc ngay ngày hôm nay đây, một chiếc ô tô cỡ thể tông vào anh, hoặc một tấm bảng hiệu từ trên một toà cao ốc có thể rơi xuống làm anh bể sợ.

Hoặc cũng có thể là một con bạo bệnh nào đó, một trong những đòn trở trêu cây đắng nhất của Thần May Rủi và chẳng chữa một ai cả. Ai có thể nói trước được đâu? Ngày mai, hoặc một ngày nào khác, một con vi trùng ptomaine hoặc một con vi trùng nào đó trong số hàng ngàn loại vi trùng có thể nhảy vào người anh và quật anh ngã gục. Như Bác sĩ Bascom, Lee Bascom, chẳng hạn. Một tuần trước ông ta còn đứng bên anh, cười nói âm âm, xứng đáng là biểu tượng của sức thanh niên cường tráng, ấy thế mà chỉ ba ngày sau là lăn đùng ra chết vì sung phổi, vì chứng phong thấp chạy vào tim, và vì gì nữa thì chỉ có trời mới biết, trước khi chết đã la hét vì đau đớn, hét lớn đến nỗi cả dãy phố đều nghe thấy. Thật là khủng khiếp. Trong ý thức của Ánh Sáng Ban Ngày, chuyện đó vẫn còn rõ như in. Khi nào thì đến anh? Ai nói trước được nào? Trong khi chờ đợi, anh cứ phải chơi những quân bài đã nằm trong tay mình thôi. Những quân bài đó là: đánh cướp, trả thù và uống rượu. Mà Thần May Rủi thì cứ đang ngồi ngắm và nhe răng ra cười đấy.

PHẦN II - Chương 11

Vào một buổi chiều Chủ nhật, người ta thấy Ánh Sáng Ban Ngày ở vùng đồi Piedmont, phía sau Oakland, ở bên kia bờ vịnh. Như thường lệ, anh ngồi trên một chiếc ô tô lớn, không phải của anh, bởi vì anh đang là khách của Bill Nước Cuốn, đưa con cưng của Thần May Rủi, vừa từ vùng Bắc Cực đến đây để tiêu cho hết số vàng khổng lồ mà hắn vừa đào được lần thứ bảy. Vốn là kẻ tiêu hoang có tiếng, đồng vàng kiếm được lần thứ bảy này cũng đang theo gót sáu đồng trước mà rời bỏ hắn. Chính hắn là kẻ trong năm đầu ở thị trấn Dawson đã khai một biển rượu sâm banh lúc đó giá năm mươi đô la bốn lít để đãi đằng, rồi khi tiền sắp cạn, lại đi mua gom tất cả trứng ở chợ, lúc đó giá hai mươi bốn đô la một chục, được tất cả mười ngàn quả, chỉ để chọc tức kẻ phụ tình.

Cũng chính hắn đã bỏ ra khỏi tiền để thuê những tàu hoả đặc biệt, rồi cho chúng chạy từ San Francisco đến Nữ Ước với tốc độ vượt mọi kỷ lục đã có trước. Bây giờ hắn lại đến đây, cái đứa con cưng quý quái đó của Thần May Rủi - Ánh Sáng Ban Ngày gọi hắn như thế - chỉ để tiêu cho hết cái gia tài vừa kiếm được với sự dễ dãi hệt như ngày xưa.

Đám người ngồi trên xe của Bill Nước Cuốn thật vui nhộn và họ đã có một ngày thật vui nhộn bằng cánh cho xe chạy vòng khu vịnh từ San Francisco qua San José để đến Oakland. Họ bị bắt giữ lại ba lần cả thảy vì phóng xe quá tốc độ. Lần thứ ba, trên đoạn đường Haywards, họ đã bỏ chạy luôn sau khi đã thộp cổ lôi lên xe cả anh chàng cảnh sát tính phạt họ. Sợ rằng cảnh sát đã báo cho trạm kế cận bắt họ, họ phải rẽ xe vào con đường vắng chạy xuyên qua vùng đồi và bây giờ, trên đường đến Oakland theo lối đi mới này, họ âm ỉ bàn tán xem phải xử lý anh chàng cảnh sát như thế nào đây.

- Mười phút nữa chúng ta sẽ đến Công viên Blair, một người ngồi trên xe tuyên bố.

- Nghe này, Bill Nước Cuốn, trước mặt chúng ta có một con đường băng ngang với rất nhiều ngõ ngách. Nó sẽ đưa chúng ta tiến sâu vào vùng nông thôn đến tận Berkeley. Từ đó chúng ta có thể trở lại Oakland theo ngã đôi diện, rồi băng ngang qua vịnh bằng đò. Nội đêm nay ta có thể hoàn xe và tài xế lại cho chủ của chúng.

Nhưng Bill Nước Cuốn thấy không có lý do gì mà không đến Oakland theo ngã Công viên Blair. Thế là họ quyết định đi theo con đường đó.

Một lúc sau, trong khi đang phóng xe như bay trên một khúc quanh, họ thấy con đường băng ngang mà họ không muốn theo lúc này. Ở phía trong một cái ngõ nhỏ, có một phụ nữ cưỡi một con ngựa màu hạt rẻ đang ngoái người ra phía sau để đóng một cái cổng dựng ở đầu ngõ. Vừa đưa mắt nhìn qua Ánh Sáng Ban Ngày nhận ra ngay cô gái ấy có một vẻ quen thuộc lạ lùng. Ngay lúc đó, cô gái uốn thẳng người trên yên và giật cương cho ngựa phóng đi, lưng quay về phía những người ngồi trên ô tô. Ánh Sáng Ban Ngày không nhận ra cái dáng điệu đó. Nàng chính là Dede Mason. Ánh Sáng Ban Ngày nhớ Morison có lần đã bảo với anh rằng nàng có nuôi một con ngựa. Anh rất mừng là nàng đã không trông thấy anh cùng với đám bạn bát nháo này. Bill Nước Cuốn đứng thẳng người bên, một tay nắm lấy lưng ghế ngồi phía trước, tay kia đưa ra vẫy vẫy để gọi sự chú ý của nàng. Nhưng lúc hấn vừa dẫu môi định huýt sáo - hấn nôi tiếng về lối huýt sáo

này và Ánh Sáng Ban Ngày đã vội ngáng chân lôi mạnh hấn ngồi bẹp xuống băng ghế. Bill Nước Cuốn ngạc nhiên quay lại, lắp bắp hỏi:

- Bộ cậu b... b... biết cô bé đó hả?

- Biết chứ, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp - Bởi vậy cậu nên cảm mến lại.

- Thế thì cho tớ ngợi khen cái khiếu thẩm mỹ của cậu vậy. Cô bé thom như mũi mít. Lại còn phi ngựa rất cừ nữa chứ. Lúc đó những làng cây đã che khuất thân hình nàng nên Bill Nước Cuốn lại quay trở về với vấn đề xử lý tay cảnh sát, còn Ánh Sáng Ban Ngày thì ngả người ra sau, nhắm mắt, và tưởng tượng hình ảnh của Dede Mason phóng ngựa trên con đường quê, Bill Nước Cuốn nói đúng thật. Dĩ nhiên là nàng biết cưỡi ngựa, và cái thể ngồi chàng hăng của nàng thật tuyệt. Hay quá, nàng lại có thêm một ưu điểm nữa là dám cưỡi ngựa theo thể tự nhiên và hợp lý duy nhất. Đầu óc nàng thật là lành mạnh, anh có thể chắc chắn về điều đó.

Sáng Thứ Hai, khi nàng vào phòng làm việc của anh để nghe anh đọc cho nàng đánh máy, anh nhìn nàng với một sự hứng thú mới, mặc dù anh không để lộ điều đó ra ngoài. Công việc thường nhật trôi qua theo lối thường nhật. Nhưng chỉ đến Chủ nhật, anh thuê một con ngựa cưỡi lang thang qua vùng đồi Piedmont nằm phía bên kia bờ vịnh. Anh rong ruổi suốt ngày, nhưng không thấy bóng dáng Dede Mason đâu cả, mặc dù anh đã theo con đường quê có nhiều ngõ ngách đi đến tận Berkeley. Trong khi cưỡi ngựa qua hết đường này đến đường khác, hết dãy nhà này đến dãy nhà khác, anh tự hỏi không hiểu nàng cư ngụ ở đâu.

Trước đây lâu rồi, Morison có bảo là nàng ngụ tại Berkeley, và chiều Chủ nhật tuần trước nàng cũng đã quay đầu ngựa về hướng đó, rõ ràng là để đi về nhà. Anh lang thang cả ngày nhưng chẳng được tích sự gì, bởi vì chẳng thấy bóng dáng Dede Mason đâu cả. Nhưng cũng không hoàn toàn không đưa lại kết quả gì. Anh đã được hưởng không khí đồng quê và thấy thích con ngựa của anh cưỡi đến độ ngày Thứ Hai hôm sau anh bắn tin cho lái biết là anh muốn mua một con ngựa màu hạt dẻ tốt nhất mà tiền bạc có thể mua được. Suốt tuần lễ đó, anh cứ phải đi coi ngựa, và thử cưỡi rất nhiều con nhưng chẳng có con nào làm anh hài lòng cả. Mãi đến thứ Bảy anh mới gặp được một con tên Bob. Vừa nhìn thấy nó, anh biết ngay đó chính là con ngựa anh đang tìm. Nếu chỉ để cưỡi thôi thì Bob là một con

ngựa to lớn, nhưng nó cũng chẳng phải là quá to lớn đối với một người có thân hình khổng lồ như anh. Trông con ngựa thật đẹp, bộ lông của nó đỏ rực trong ánh nắng, cái cổ cong của nó mới thật là rực lửa, thật quý giá biết bao.

- Chắc chắn con ngựa này chạy rất hay, - Ánh Sáng Ban Ngày nhận xét như vậy.

Nhưng tay tài ngựa không phấn khởi như thế. Hắn ta bán ngựa giùm người khác, và người chủ thực sự của nó chỉ đồng ý bán sau khi đã nói rõ tính khí con ngựa cho người mua biết. Tay lái ngựa nói:

- Nó không thuộc loại mà ông sẽ gọi là thật sự tráo trở. Nhưng cũng nguy hiểm. Nó khó ưa và đủ mọi thứ bà đàn khác, nhưng không ác ý. Có thể giết chết người cưỡi nhưng chỉ là vì đùa bỡn mà thôi, chứ không thật có ý đó. Bản thân tôi chẳng bao giờ muốn cưỡi loại ngựa như vậy. Nhưng con ngựa này rất vững chãi. Cứ nhìn bộ ngực của nó, rồi nhìn cặp giò của nó mà xem. Không một tí vết. Chưa bao giờ nó bị thương hoặc bị bắt làm việc quá sức cả. Chưa có ai làm nổi điều đó bao giờ. Loại ngựa núi đây, nhưng cũng đã được huấn luyện để cưỡi rồi. Nó được nuôi lớn ở vùng đồng quê đây. Chân chắc nịch và lẹ làng như một con dê, miễn là nó không tự nhiên nảy ra ý định nhảy cồm lên. Nó không nhát, không sợ hãi nhưng lại hay ra vẻ như thế. Không nhảy vọt về phía trước, mà chỉ thích đứng dựng lên hai chân sau thôi. Muốn cưỡi nó thì ông phải dùng đai ghim đầu nó lại. Nó có tật xấu là cứ quay mòng mọng mà chẳng có lý do gì cả. Nó chỉ muốn bỡn cợt người cưỡi vậy thôi. Nó thích vậy thì nó làm như vậy. Ngày hôm nay nó có thể cho người ta cưỡi hai mươi dặm một cách thoải mái và hiền lành. Nhưng ngày hôm sau, chưa kịp bắt đầu thì nó đã lại trở chứng rồi. Quen với ô tô đến độ nó có thể nằm dài ngay bên cạnh mà ngủ, hoặc thọc đầu vào thùng xe mà gặm cỏ. Nó chịu để cho mười chín chiếc xe chạy qua trước mặt mà không thêm nháy mắt. Nhưng đến chiếc thứ hai mươi, làm như tự nhiên thấy thích, nó nhảy dựng lên, lồng lộn như một con ngựa của thổ dân nuôi trên đồng cỏ rộng. Nói chung, nó hơi quá hiếu động và bất ngờ đối với những người dịu dàng. Ông chủ hiện tại của nó đặt tên đùa cho nó là Judas Iscariot, và không chịu bán trước khi người mua đã được thông tin đầy đủ về nó. Đó là tất cả những điều tôi biết về nó đây. Nhưng ông hãy thử nhìn

cái bờm và đuôi của nó xem. Ông đã bao giờ thấy có con ngựa nào như thế chưa? Lông nó mượt mượt như một đứa trẻ con vậy.

Tay lái ngựa nói đúng. Ánh Sáng Ban Ngày quan sát cái bờm ngựa và thấy quả đúng là chưa bao giờ anh được nhìn thấy con ngựa nào có bộ lông tuyệt đẹp như vậy. Màu sắc của bộ lông còn đặc biệt ở chỗ nó màu nâu đỏ. Khi anh đưa tay vuốt ve con ngựa, nó quay đầu cọ cọ vào vai anh để đùa.

- Thắng cương cho nó đi. Tôi thử cưỡi xem sao, - anh nói với tay lái ngựa - Không biết nó có quen với gót đinh thúc ngựa không nhỉ? Đừng dùng yên ăng-lê đấy nhé. Lấy cho nó loại yên Mề Tây Cơ ấy, cả hàm thiếc nữa, nhưng đừng xiết chặt quá, kéo nó lại lỏng lên đấy.

Ánh Sáng Ban Ngày coi sóc việc thắng yên cương, chỉnh hàm thiếc và dây máng chân cho vừa và tự buộc lấy yên. Anh lắc đầu khi thấy chiếc đai ghìem đầu, nhưng rồi cũng thuận để cho hấn quàng lên con ngựa. Ngoài vài cử động, đùa giỡn và vẽ kích động không đứng yên được, con Bob không giở trò gì khác cả. Trong suốt một tiếng đồng hồ nó để yên cho anh cưỡi, sau đó nó cũng chẳng giở trò gì trừ một vài lần nhảy tung bốn vó lên khỏi mặt đất. Nhưng đó là điều có thể tha thứ được. Ánh Sáng Ban Ngày rất mừng. Và việc mua bán được tiến hành ngay lập tức. Còn con Bob thì được gửi đến Trường Huấn Luyện ngựa ở Oakland phía bên kia bờ vịnh, cùng với tất cả yên cương của nó.

Ngày hôm sau là Chủ nhật, Ánh Sáng Ban Ngày ra khỏi nhà từ sớm. Anh đi đò qua vịnh, mang theo con Sói - con đầu trong đàn chó kéo xe trượt tuyết của anh - con chó duy nhất mà anh đã chọn mang theo khi rời vùng Alaska. Anh đi lòng suốt vùng đồi Piedmont, rồi cả trên con đường quê có nhiều ngõ ngách lên đến tận Berkeley nhưng cũng không thấy tăm dạng Dede Mason và con ngựa màu hạt dẻ của nàng đâu cả. Nhưng anh không có thì giờ để thất vọng bởi vì anh còn phải lo cho con ngựa màu hạt dẻ của riêng anh. Bob tỏ ra rất tinh quái và bướng bỉnh. Nó quàn anh cũng dữ dội như anh quàn nó vậy. Anh phải thi thố tất cả những hiểu biết của anh về ngựa, còn con Bob thì cũng giở đủ trò. Thấy đai ghìem đầu lỏng lẻo hơn thường khi, con ngựa liền biểu diễn trò đứng dựng lên và đi bằng hai chân sau. Sau mười phút vô vọng, Ánh Sáng Ban Ngày thấy yên tâm nên cho ngựa đi thong thả, bỏ dây cương lên cổ ngựa để được rảnh tay vắn một điều

thuốc, đầu gối anh cũng nói ra, thế ngồi thoải mái. Đột nhiên con Bob quay một vòng, rồi nhanh như chớp đứng dựng dậy, nhấc bổng cả hai vó trướng lên trời. Chân phải của Ánh Sáng Ban Ngày tuột ra khỏi chỗ máng bàn chân, và anh vội đưa cả hai tay ôm choàng lấy cổ ngựa. Lợi dụng thời cơ, con Bob liền phóng như bay trên đường. Ánh Sáng Ban Ngày cố ngồi lại cho ngay và cho nó đứng lại, hy vọng rằng Dede Mason không tình cờ thấy anh trong tư thế vừa rồi.

Sau khi trở về chỗ cũ, con Bob lại quay vòng thêm lần nữa. Lần này Ánh Sáng Ban Ngày vẫn ngồi vững trên yên, nhưng ngoài việc giật cương không kết quả, anh chẳng làm gì để giữ cho ngựa khỏi quay cả. Sau cùng anh chú ý Bob hay quay về bên phải nên quyết định làm cho nó đứng thẳng lại bằng cách thúc gót đỉnh vào mé sườn bên trái của nó. Nhưng từ lúc Bob tỏ dấu hiệu định quay vòng cho đến lúc quay xong là chỉ trong tích tắc khiến anh không kịp thúc.

- Hừ, chú mày, - anh nói với con ngựa, vừa đưa tay lau mồ hôi đọng trên mắt - Tao phải công nhận là chú mày nhanh như quỷ ấy, chưa thấy ai như chú mày cả. Có lẽ tao phải hõm sẵn gót đỉnh vào sườn mày thì... Ái! Đồ quý sứ?

Ngay khi gót đỉnh vừa đụng vào sườn thì con ngựa đã dùng chân trái phía sau đá văng bàn để chân ra rồi. Tò mò, Ánh Sáng Ban Ngày nhiều lần thử hõm sẵn gót đỉnh vào sườn ngựa, nhưng lần nào Bob cũng đá văng bàn để chân ra. Sau cùng, bất chước kiểu bất ngờ của con ngựa, anh đột nhiên thúc cả hai gót đỉnh sâu vào sườn ngựa làm nó đau đến oằn người lại.

- Chưa có ai cho chú mày một bài học đích đáng cả, - anh nói, trong khi con ngựa, bị cú thúc làm hết ham quay vòng để đùa nữa, phóng vọt về phía trước.

Ánh Sáng Ban Ngày cứ thúc như vậy đến năm, sáu lần, và thích thú khi con ngựa điên cuồng phóng về phía trước. Sau khi chạy được nửa dặm và khi thấy anh không trừng phạt nó bằng cách thúc gót đỉnh vào sườn nữa, con ngựa chạy chậm lại theo nhịp bình thường. Con Sốt, bị bỏ lại phía sau, cũng chạy dần lên cho ngang bằng ngựa. Mọi chuyện tiếp diễn yên ổn.

Ngày cứ thế qua dần. Ngoài những trò vừa kể, con ngựa còn giở thêm trò giả vờ như định quay vòng nhưng rồi lại không quay nữa. Những cú giả

vờ như thế cũng làm Ánh Sáng Ban Ngày bức mình không kém gì những cú thực sự, bởi vì mỗi lần như vậy là anh lại dùng đuôi kìm chặt mình ngựa, và vận gân cốt toàn thân lên. Thế rồi, sau vài lần giả tảng, con ngựa làm thật một cú khiến anh suýt ngã và phải vội vàng đưa cả hai tay ôm lấy cổ. Chục chiếc ô tô lúc đang chạy về hướng Oakland, Bob lại đột nhiên giả điên giả khùng sợ hãi bất cứ một vật động đậy tầm thường nhất nào. Và trước khi về đến chuồng ở Trường Huấn Luyện Ngựa, nó lại làm một cú, vừa quay vòng vòng vừa đứng dựng dậy mạnh đến nỗi dây ghim đầu bị đứt tung, cho phép nó đứng dựng thẳng băng trên hai chân sau. Đúng vào lúc này một bàn đạp chân bị đứt khiến Ánh Sáng Ban Ngày lại suýt ngã khỏi lưng ngựa.

Nhưng anh vẫn thích con ngựa như thường và không lấy làm tiếc là đã mua nó. Anh nhận thấy rằng không phải con Bob có ác ý hoặc đệ tiện, mà chỉ vì nó tràn trề nhựa sống và được trời phú cho một bộ óc thông minh quá mức bình thường.

Chính nhựa sống, trí thông minh cộng với tính tình quái quá độ đã biến nó thành một con ngựa như thế. Muốn làm cho nó thuần thực thì cần phải có một bàn tay khỏe mạnh, một sự nghiêm khắc đúng mức để cho nó biết rằng người ta sẽ không nương tay để khuất phục nó.

- Hoặc chú mày thắng hoặc tao thắng, Bob ạ,- hôm đó anh đã nói với con ngựa nhiều lần như vậy.

Đêm đó anh lại bảo với tay giữ ngựa:

- Đây, trông nó có bảnh không nào? Có bao giờ cậu thấy một con ngựa nào như nó chưa? Nó là con ngựa hay nhất mà tôi được cưỡi đấy. Nhưng con khác tôi chỉ được xem thôi, mà số đó cũng không nhiều.

Rồi quay qua Bob, lúc này lại đang đưa mõm cạ vào anh để đùa anh nói:

- Thôi chào chú mày nhé, chú mày khá lắm. Tuần tới tao sẽ gặp lại chú mày vào sáng Chủ nhật. Hôm đó thì cứ dỡ hết mọi trò quỷ quái ra đi nhé, chú ngựa quỷ ạ?

PHẦN II - Chương 12

Suốt tuần lễ ấy Ánh Sáng Ban Ngày nhận thấy mình hầu như quan tâm rất nhiều đến Bob và Dede. Trong thời gian này có lẽ anh quan tâm nhiều đến cả hai hơn là quan tâm đến canh bạc lớn trong thương mại, bởi lẽ đó

không phải là lúc ác liệt nhất của canh bạc lớn. Cái trò quay vòng của con Bob có một tầm quan trọng đặc biệt đối với anh. Làm thế nào để thắng được nó - đó mới là vấn đề. Giả sử anh tình cờ gặp Dede ngoài khu đồi, và giả sử số phận trở trêu xui khiến anh được cưỡi ngựa đi sóng đôi với nàng thì chắc là cái trò quay vòng ấy của Bob sẽ làm cho anh hết sức lúng túng và bối rối, bởi vì anh không những lo rằng nàng sẽ trông thấy cái cảnh anh bấn người về phía trước ôm chầm lấy cổ ngựa mà trái lại còn lo rằng nàng thấy bỗng nhiên anh lại ra roi, thúc gót đỉnh vào sườn ngựa để nó phóng như bay xuống con đường cũ bỏ trơ nàng lại một mình. Vì thế anh cần phải tìm được cách để chế ngự cái ngón quay vòng nhanh như chớp ấy của con ngựa. Anh phải chặn đứng được con vật trước khi nó trở chứng. Ghì cương, thúc gót đỉnh, hoặc thẳng cánh quất roi vào mình nó cũng chẳng ăn thua gì. Thế thì chế ngự nó bằng cách nào đây?

Suốt tuần lễ ấy có lắm lúc anh ngồi thờ người trên ghế trong phòng làm việc, tưởng tượng là mình đang cưỡi con ngựa màu hạt dẻ tuyệt vời ấy và đang cố ngăn chặn cái ngón quay vòng của nó mà anh có thể tiên đoán được. Vào một ngày cuối tuần, có lúc anh đã thờ người ra như thế trong khi đang bàn chuyện với Hegan, Hegan, tuy đang trình bày chi tiết một vụ việc mới có liên quan đến pháp luật mà ai nghe qua cũng phải sửng sò, bỗng nhận thấy rằng Ánh Sáng Ban Ngày không để ý đến những gì anh ta đang nói. Ánh mắt của anh trở nên đờ đẫn và chính anh cũng đang nhìn bằng một sức nhìn của nội tâm.

- Biết cách rồi - anh chột reo lên - Hegan, hãy chúc mừng tớ đi. Chuyện ấy đúng là dễ ợt như lặn một khúc cây vậy. Tớ chỉ cần quất vào mũi nó một cái là xong ngay, và quất thật mạnh vào.

Sau khi đã giải thích cho anh chàng Hegan đang hết sức ngạc nhiên ấy rõ đầu đuôi câu chuyện, anh lại trở lên chú ý lắng nghe như trước, mặc dù thỉnh thoảng anh vẫn không sao ngăn được vài tiếng cười khăng khắc tỏ vẻ đắc ý và vui sướng.

Kế hoạch là phải làm như vậy. Bob luôn luôn quay tròn về phía bên phải. Được thôi. Anh sẽ chập đôi roi lại và quất thật mạnh vào mũi Bob ngay lúc nó định giở chứng quay vòng. Nếu sau khi đã nhận được một bài

học như vậy mà con ngựa vẫn còn dám quay vòng thì đúng là chưa từng thấy.

Trong tuần lễ ấy, ngồi trong phòng làm việc của mình, Ánh Sáng Ban Ngày nhận thức một cách thấm thía hơn bao giờ hết là đối với Dede anh chưa hề có những tiếp xúc mang tính chất xã hội và ngay cả những tiếp xúc tình cảm của con người.

Tình trạng bí đất đến nỗi anh không dám mở miệng hỏi xem nàng có cưỡi ngựa dạo chơi vào Chủ nhật tuần tới hay không. Đó chính là một thử thách gay go mới đối với ông chủ của một cô gái xinh đẹp. Ngày nào cũng thế, trong lúc nàng đang làm việc thì anh cứ mãi ngắm nhìn nàng và cứ ngựa miệng chực thốt ra câu hỏi mà anh vẫn hằng giữ kín trong lòng "Cô có định cưỡi ngựa dạo chơi vào Chủ nhật tuần tới không?" Và trong lúc ngắm nhìn nàng như thế, anh thường tự hỏi không biết là năm nay nàng bao nhiêu tuổi, đã có và chắc là phải có những quan hệ tình cảm gì với cái lũ nhóc con bằng nhặng học đại học mà nàng thường hay đàn đúm và đi nhảy nhót theo lời của Morison thuật lại. Suốt cả tuần lễ ấy, lúc nào anh cũng nghĩ về nàng, và chỉ biết được rất rõ có mỗi một điều là anh yêu nàng, yêu nàng nhiều đến nỗi với sợ dây tạp dề bây giờ đã bị mất đi. Sau khi trốn chạy phụ nữ gần suốt cả đời mình, giờ đây anh đã trở nên có đủ can đảm để đeo đẳng họ. Chẳng chóng thì chầy, vào một Chủ nhật đẹp trời nào đó, anh sẽ đón gặp nàng ngoài phòng làm việc hoặc tại một nơi nào đó ở khu đồi, và rồi, nếu như hai người không làm quen với nhau được, thì đó chính là vì nàng chẳng muốn làm quen.

Như thế là trong tay anh đã có thêm một lá bài khác nữa do chính tên Thượng đế điên cuồng chia. Anh không mờ tưởng đến chuyện lá bài ấy sẽ quan trọng đến mức nào, song anh khẳng định đó là một lá bài khá tốt. Rồi anh lại có chiều hướng nghi ngờ. Có lẽ đó là một nước bài mà Thần May Rủi định gieo tai họa và thảm họa cho anh. Giả sử Dede không yêu anh mà anh thì ngày càng yêu nàng say đắm hơn thì biết cư xử sao đây? Tất cả những sự khiếp sợ tình yêu được suy rộng trước đây lại sống dậy trong anh. Anh nhớ lại những cuộc tình bất hạnh của những cặp tình nhân mà anh đã biết trong quá khứ. Chẳng hạn như Bertha Dortworthy, chủ nhân của một lô đất có thừa vàng, giàu có ở Lạch Thịnh Vượng, thế nhưng anh chàng

Dortworthy lại chẳng đoái hoài gì đến Bertha mà lại chết mê chết mệt một vợ của lão Đại tá Walthstone và đã cùng vợ bỏ trốn xuống vùng hạ lưu sông Yukon; và Đại tá Walthstone vẫn còn rất yêu vợ mình nên lão đã đích thân đi tìm cặp gian phu dâm phụ ấy. Và kết cuộc ra sao? Xin thưa, chắc chắn là tình yêu của Bertha sẽ kết thúc một cách bất hạnh và bi thảm; còn tình yêu của bộ ba kia cũng thế. Ở dưới vùng Minooock, Đại tá Walthstone và Dortworthy đã choảng nhau một trận để giải quyết vấn đề ấy. Dortworthy toi mạng. Một viên đạn xuyên qua phổi lão Đại tá đã làm cho lão yếu sức và chết vì bệnh sung phổi ngay mùa xuân năm sau. Và thế là trong hai người đàn ông ấy đã chẳng còn ai sống sót trên đời để mà yêu mà thương vợ của lão Đại Tá.

Và một trường hợp khác nữa là Frenda. Cô này đã tự tử bằng cách trảm mình trong hồ băng trôi vì một người đàn ông nào đó ở Thế giới bên ngoài, và cô đã ghét cay ghét đắng Ánh Sáng Ban Ngày vì anh vô tình lôi cô ra khỏi hồ băng trôi ấy và cứu cô thoát chết. Và Mộng Trinh ... Những ký ức trong quá khứ đã làm anh hoảng sợ. Nếu cái thứ vi trùng yêu cứ bám chắc lấy anh, và nếu Dede không thật mạnh mẽ thì ắt hẳn những ký ức trong quá khứ ấy sẽ làm anh hoảng sợ mà không còn dám mơ tưởng đến nàng nữa. Theo thực trạng bây giờ thì anh chỉ có thể tìm được nguồn an ủi bằng cách nghĩ rằng rất ít mối tình được diễn ra suôn sẻ. Và theo như anh biết thì trước đến nay Thần May Rủi vẫn xếp bài gian lận để cho anh thắng cuộc. Có người sinh ra là đã gặp may mắn, sống may mắn suốt đời, và cho đến lúc chết vẫn còn gặp điều may mắn. Có lẽ anh cũng là một người như thế, một người sinh ra để gặp may mắn nên không thể là người thua cuộc.

Ngày chủ nhật đến và Bob đã xử sự tuyệt vời như một thiên thần ở vùng đồi Piedmont. Mặc dù thỉnh thoảng nó tung mình lên một cách hứng khởi, nhưng nói chung nó vẫn hiền lành như một chú cừu nòn. Ánh Sáng Ban Ngày, tay phải cầm sẵn chiếc roi được chập đôi, ao ước con Bob thử làm một cú quay vòng và chỉ cần một chú thôi, ấy thế mà với một thái độ trên người rất tuyệt vời, Bob đã không chịu làm cái trò đó. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã không gặp được Dede. Anh dạo ngựa quanh những con đường đồi, song chẳng được kết quả gì. Đến trưa, anh cười ngựa men theo con đường dốc đi lên đỉnh của rặng đồi thứ nhì rồi thả xuống thung lũng

Maraga. Vừa xuống đến chân con đường dốc ấy, anh nghe thấy có tiếng vó ngựa từ phía trước mặt và đang tiến dần về phía anh. Biết làm gì đây nếu đó chính là Dede? Anh cho con Bob quay đầu lại và bắt đầu vờ như đang đi dạo. Anh thầm nghĩ nếu đó chính là Dede thì anh đúng là một người sinh ra để gặp may mắn, bởi vì đây chính là hoàn cảnh thuận tiện nhất để anh được gặp nàng. Cả hai người đã có mặt ở nơi này và đang đi cùng một hướng. Và cái nước kiệu ấy sẽ khiến nàng gặp anh ngay chỗ con đường dốc buộc hai người phải xuống ngựa đi dạo. Nàng sẽ không thể làm gì hơn được ngoài việc cùng anh cưỡi ngựa sóng đôi lên đến đỉnh của dãy đồi ấy. Và một khi đã lên đến đó thì một con đường dốc tương tự như thế ở sườn đồi bên kia sẽ buộc họ phải dạo chơi thêm nữa.

Tiếng vó ngựa mỗi lúc một gần hơn, nhưng anh cứ đi thẳng về phía trước không ngoái lại nhìn cho đến khi anh nghe thấy tiếng vó ngựa ở phía sau lưng chậm hẳn lại. Lúc đó anh mới hơi ngoái đầu lại liếc qua vai. Đúng là Dede rồi. Anh nhanh chóng nhận ra nàng và nàng cũng rất đổi ngạc nhiên khi nhận ra anh. Còn gì tự nhiên hơn là bây giờ anh cứ quay ngang mình ngựa đứng chờ nàng; và rồi khi nàng đến bên anh thì cả hai sẽ cùng cưỡi ngựa đi sóng hàng với nhau ngược lên sườn đồi?

Bây giờ anh có thể thở phào nhẹ nhõm. Anh đã có thể thực hiện được chuyện ấy một cách rất dễ dàng. Sau khi chào hỏi, hai người sóng đôi đi tiếp thêm hàng nhiều dặm.

Anh để ý thấy nàng nhìn con Bob trước rồi mới nhìn anh.

- Ô con ngựa đẹp quá! - Nàng kêu lên khi nhìn Bob.

Từ đáy mắt long lanh và vẻ mặt vui sướng của nàng anh khó có thể tin rằng đó chính là khuôn mặt của cô gái trẻ mà anh đã biết trong phòng làm việc của mình, cô gái trẻ có một gương mặt trầm tĩnh, biết kiềm chế trong khi ở văn phòng.

- Tôi không ngờ ông biết cưỡi ngựa, - đó là một trong những câu nói đầu tiên của nàng khiến anh phải chú ý, - Tôi cứ ngỡ ông chỉ quen dùng ô tô mà thôi.

- Tôi chỉ vừa mới cưỡi ngựa trong khoảng thời gian gần đây thôi, - anh đáp - Như cô biết đấy, tôi thấy mình bắt đầu phát phì, nên bằng cách này hoặc cách khác tôi phải làm cho mình bớt mập đi.

Nàng nghiêng đầu liếc nhìn anh từ đầu chí chân, nhìn cả bộ yên cương, và nói:

- Nhưng chắc chắn là ông đã biết cưỡi ngựa rồi.

Thăm nghĩ chắc chắn là nàng có cặp mắt rất tình về những gì có liên quan đến ngựa, anh trả lời:

- Đúng, nhưng không được mấy năm. Nhưng tôi thường cho là mình cưỡi ngựa rất giỏi. Hồi còn là một cậu thanh niên sống tận ở miền Đông Oregon, tôi thường hay trốn trại để cưỡi bò và tập cưỡi loại ngựa của thổ dân và nhiều loại ngựa khác nữa.

Anh rất vui mừng bởi vì họ đang đi vào một đề tài mà cả hai cùng ưa thích. Anh kể cho nàng nghe về các trò quỷ quái của con Bob, đặc biệt là cái trò quay vòng của nó, và cách anh đã chế ngự được cái trò đó. Nàng đồng ý với anh là cần phải có một sự nghiêm khắc hợp lý nào đó trong việc điều khiển loài ngựa cho dù người ta có thương yêu chúng đến mấy đi chăng nữa. Nàng đã nuôi con ngựa Mab của mình trong tám năm nay, và nàng đã phải luyện tập cho nó bỏ cái tật hay cất vó đá lung tung trong chuồng ngựa. Trong quá trình tập luyện ấy, Mab đã bị ăn đòn khá đau, song nhờ thế mà chữa được thói hư của nó.

- Chắc là cô cưỡi ngựa sành lắm - Ánh Sáng Ban Ngày nói.

- Thực sự tôi không nhớ là mình bắt đầu cưỡi ngựa từ bao giờ, - nàng nói với anh - Tôi sinh ra ở một trang trại, thừa ông, cho nên gia đình không thể cấm tôi tiếp xúc với loài ngựa. Ất hẳn tôi đã được sinh ra để yêu thương loài ngựa. Năm lên sáu tuổi tôi đã có riêng cho mình một chú ngựa con. Lên tám tuổi, tôi rất thích thú khi được cưỡi ngựa suốt ngày với cha tôi. Năm mười một tuổi, lần đầu tiên tôi được cha tôi dẫn đi săn nai, và lần đó nếu không có ngựa thì tôi đã bị lạc trong rừng mất rồi. Tôi thù ghét cái cuộc sống ru rú trong bốn bức tường, và nếu như không có con Mab này đây thì tôi nghĩ rằng mình đã phát ốm và chết từ lâu rồi.

- Cô yêu miền quê lắm nhỉ? - anh hỏi, cũng lúc ấy anh thấy trong ánh mắt xám của nàng còn loé lên một tia có màu khác nữa.

- Tôi yêu mến quê bao nhiêu thì ghê tởm thành phố bấy nhiêu, - nàng đáp, - Nhưng phụ nữ không thể kiếm sống ở miền quê được. Vì thế cho nên

tôi đành phải bằng lòng với con Mab này trong những lúc nghĩ đến miền quê.

Sau đó nàng kể cho anh nghe thêm nhiều chuyện về cuộc sống ở trang trại trong những ngày cha nàng còn sống. Ánh Sáng Ban Ngày rất vui vì anh và nàng đã làm quen được với nhau. Trong suốt nửa giờ cưỡi ngựa sóng đôi bên nhau, cuộc chuyện trò của hai người vẫn không kém đi phần sinh động.

- Có thể cho rằng chúng ta là những người bạn đồng hương - anh nói - Tôi sinh trưởng ở Đông Oregon, một nơi không cách xa Siskiyou nhiều lắm.

Anh biết ngay là mình đã lỡ lời khi nghe nàng hỏi.

- Sao ông lại biết tôi quê ở Siskiyou? Tôi dám chắc là mình chưa bao giờ nói ra điều ấy mà.

- Tôi không biết, - anh thoáng lộ vẻ lúng túng. Tôi tình cờ nghe thấy người nào đó nói là có quê ở đó mà.

Vừa lúc đó thì con Sói phóng lên phía trước một cách nhẹ nhàng như một chiếc bóng khiến cho con ngựa của nàng phải tránh sang một bên và khiến nàng không còn chú ý đến sự ngượng ngịu của anh, bởi vì họ lại bắt qua câu chuyện về những con chó của vùng Alaska trước khi trở lại câu chuyện về loài ngựa. Và trong suốt thời gian đi lên con đường dốc và xuống đến vườn đồi bên kia, họ vẫn cứ mãi mê nói chuyện về loài ngựa.

Lúc nàng nói thì anh chăm chú lắng nghe, tuy nhiên trong suốt thời gian đó anh cũng vẫn theo đuổi những suy nghĩ và những cảm tưởng của riêng mình. Nàng dám ngồi chàng hảng trên lưng ngựa thì quả là táo bạo thật, và anh không biết là mình có thích điều ấy hay không. Những quan niệm của anh đã sớm hấp thụ những quan niệm ấy từ khi còn trẻ và khi sống ở vùng biên thủy. Thời bấy giờ người ta chỉ chấp nhận cho phụ nữ ngồi một bên trên mình ngựa. Anh đã quen với nếp suy nghĩ là phụ nữ mà cưỡi ngựa thì không phải là động vật có hai chân, nên anh lấy làm sững sốt khi thấy nàng ngồi chễm chệ trên lưng ngựa y như một người đàn ông vậy. Song, anh cũng phải thú nhận là nhìn thấy nàng cưỡi ngựa như thế kể cũng hay hay.

Ở nàng còn có hai đặc điểm nữa khiến anh phải lập tức chú ý. Một là trong ánh mắt nàng loé lên hai đốm màu vàng rực. Anh thấy lạ bởi vì trước đây anh chưa bao giờ để ý thấy chúng: Có lẽ ánh đèn trong phòng làm việc đã đánh lừa đôi mắt của anh, hoặc có lẽ những đốm vàng có màu vàng âm áp - một thứ ánh sáng màu vàng bị khuếch tán. Đúng ra thì nó cũng không phải là màu vàng nữa. Nhưng nó lại rất giống với màu đỏ hơn bất kỳ một màu nào khác mà anh được biết. Chắc chắn nó không mang một sắc thái nào của màu vàng chanh. Những ý nghĩ của một kẻ đang yêu thường được tô màu, và chắc chắn có ai trên thế gian này lại dám cho rằng đôi mắt của Dede có màu vàng rực. Nhưng tâm trạng của Ánh Sáng Ban Ngày giờ đây có chiều hướng thấy vật gì cũng dịu dàng mềm mại nên anh thích cho rằng đôi mắt của nàng có màu vàng rực. Và thế là chúng có màu vàng rực.

Và lại nàng vốn rất tự nhiên. Anh đã chuẩn bị tư tưởng là rất khó làm quen với một thiếu nữ như nàng. Ấy thế mà ở đây anh đã thực hiện được chuyện ấy một cách dễ dàng. Trong lúc cưỡi ngựa sổng đôi bên anh, nàng không tỏ thái độ gì gọi là kiêu ngạo - lời nói không kiêu cách của nàng khiến anh thấy cô Dede ngồi trên mình ngựa khác hẳn với cô Dede có những cách cư xử theo lễ thói văn phòng mà anh đã biết. Tuy nhiên trong lúc anh đang mừng thầm vì thấy mọi chuyện diễn ra tốt đẹp, và hai người có nhiều chuyện để nói với nhau, anh vẫn thấy có một cái gì đó tẻ nhạt. Bởi vì nói cho cùng thì cuộc chuyện trò ấy thật là trống rỗng và vớ vẩn. Anh vốn là một con người hành động, và anh yêu nàng, người con gái tên Dede Mason ấy; anh muốn nàng phải đáp lại tình yêu của anh và được anh yêu. Anh muốn đạt ngay đến đỉnh cao của tình yêu đó. Vì đã quen dùng vũ lực, quen túm chặt lấy người và vật và bắt họ phục tùng ý muốn của mình, giờ đây anh cảm thấy trong người có sự thôi thúc được chiếm lĩnh nàng. Anh muốn nói với nàng là anh yêu nàng và nàng không còn cách nào hơi là phải lấy anh. Nhưng anh vẫn không nghe theo sự thôi thúc ấy. Phụ nữ vốn là những người rất dễ bị hoảng sợ nên sự chiếm lĩnh đơn thuần sẽ dẫn đến đổ vỡ tất cả. Anh nhớ đến tất cả những mưu mẹo trong săn bắn: những khi đói lả mà vẫn phải kiên trì bám sát mục tiêu không dám bóp cò, bởi vì lúc ấy phát đạn bắn ra dù trúng hay trật đích đều có ý nghĩa sống hay là chết. Đối với anh thì cô gái này không chỉ là một con mồi săn để sống mà còn có ý

nghĩa nhiều hơn thế nữa, nhất là lúc này, khi anh đang cưỡi ngựa đi sóng đôi với nàng, len lén nhìn nàng khi có đủ can đảm; còn nàng, tuy đang vận bộ quần áo đi ngựa bằng nhung kẻ của phụ nữ, trông rất dịu cảm như một người đàn ông không nhưng vẫn lộ ra những nét của bản chất phụ nữ, tươi cười, chuyện trò vui vẻ, long lanh ánh mắt sự hừng sáng của một ngày nắng đẹp và cơn gió nhẹ mùa hè thổi mát đôi má nàng.

PHẦN II - Chương 13

Chủ nhật sau, người và ngựa lại lang thang trong vùng đồi Piedmont. Ánh Sáng Ban Ngày lại được cưỡi ngựa sóng đôi với Dede. Nhưng lần này, trong sự ngạc nhiên của nàng khi gặp anh có pha chút nghi ngờ; hoặc ít ra thì nàng cũng không ngạc nhiên hết như trước nữa. Hôm Chủ nhật vừa rồi của thật chỉ là ngẫu nhiên, nhưng việc anh lại lảng vảng lần thứ nhì ở chỗ nàng thích đi dạo còn có một cái gì đó không hẳn chỉ do tình cờ. Nàng nhẹ nhàng cho anh biết sự nghi ngờ của mình. Ánh Sáng Ban Ngày chợt nhớ đến cái mỏ đá lớn mà anh đã thấy gần công viên Blair nên vội nói liêu là anh đang tính chuyện mua nó. Đầu anh chợt nảy ra ý nghĩ đó là do việc trước kia anh đã một lần đầu tư vào cái lò gạch. Ý nghĩ đó thật tốt đẹp - anh cho là như vậy - bởi vì nó giúp anh có cơ mời nàng cùng cưỡi ngựa với anh đến xem mỏ đá.

Anh đã được sóng vai với nàng trong nhiều tiếng đồng hồ. Trong suốt thời gian đó, nàng lại trở thành cô gái trước kia, tự nhiên, không kiêu cách, hồn nhiên, cười đùa như một người bạn tốt, sôi nổi hào hứng nói chuyện về ngựa, làm quen với con Sói khó chịu và tuyên bố rằng nàng rất muốn cưỡi thử con Bob, con ngựa mà lúc này nàng cảm thấy yêu hơn bao giờ hết. Ánh Sáng Ban Ngày phản đối lời đề nghị cuối cùng này, và bảo rằng con Bob hay dở những trò quỷ quái và chắc chắn nó không chịu để cho ai ngoài kẻ thù khủng khiếp nhất của nó cưỡi trên lưng.

- Chắc ông cho rằng em là nữ nhi nên không biết gì về ngựa chứ gì? - nàng hỏi gặng lại - Em đã từng bị ngựa nhảy chum bốn vó hất ngã nhiều lần đủ để hiểu là không thể khinh suất được. Hơn nữa em cũng đâu có ngốc. Gặp con ngựa hay nhảy dựng lên thì em chẳng cưỡi làm gì. Em biết khôn rồi. Còn bất kỳ loại ngựa nào khác thì em cũng chẳng chán ngán. Chính ông có nói rằng con Bob này không hay nhảy dựng lên kia mà.

- Nhưng cô chưa bao giờ thấy nó trở chứng cả, - Ánh Sáng Ban Ngày vẫn phản đối.

- Nhưng ông nên nhớ là em đã thấy một vài con loại đó và đã từng cưỡi nhiều con khác rồi. Ngay cả con Mab này đây cũng đã được em tập cho quen với xe điện, xe lửa, và cả ô tô nữa đấy. Lúc mới vào tay em, nó chỉ là một con ngựa non hoang dã; vậy mà sau khi đã tập quen với yên cương rồi là xong. Hơn nữa, em sẽ không làm hại ngựa của ông đâu.

Tuy biết là sai. Ánh Sáng Ban Ngày cuối cùng rồi cũng phải chiều ý nàng. Khi đến một đoạn đường ít người qua lại, họ đổi yên cương cho nhau.

Lúc giúp nàng leo lên lưng con Bob, anh cẩn thận dặn lại.

- Nhớ là nó nhanh hơn chớp nữa đấy nhé.

Nàng gật đầu, còn bon Bob thì vênh tai lên khi biết rằng trên lưng nó đang có một người lạ ngồi. Ngay lập tức con ngựa liền giở chứng, quá nhanh đến độ Dede chỉ kịp ôm chầm lấy cổ ngựa thì nó đã quay ngược lại và lao vút về phía sau rồi.

Ngồi trên lưng con Mab, Ánh Sáng Ban Ngày vội phóng theo canh chừng. Anh thấy nàng đã kèm cho ngựa đứng yên, rồi bằng cách kéo mạnh dây cương và thúc gót đỉnh bên trái vào sườn ngựa, nàng buộc nó phải quay vut lại theo hướng cũ.

- Cứ chuẩn bị sẵn sàng để quất vào mũi nó ấy! - Ánh Sáng Ban Ngày gọi to.

Nhưng con Bob lại quay lộn trở lại một lần nữa, cũng nhanh đến độ nàng không kịp trở tay như trước. Tuy vậy, lần này nhờ cố gắng hết sức, nàng không bị rơi vào tư thế không đẹp mắt là phải ôm chầm lấy cổ ngựa nữa. Lần này con ngựa có vẻ kiên quyết chạy ngược trở lại hơn, nhưng Dede đã kèm cho nó phải chạy chậm lại, rồi bằng một cú thúc góc đỉnh vào sườn ngựa, nàng đã buộc nó phải lộn trở lại đường cũ. Trong cách nàng điều khiển ngựa không có vẻ gì là yếu đuối cả, mà rất kiên quyết như nam giới. Nếu không phải vì điều này thì Ánh Sáng Ban Ngày đã mong nàng xin thôi cưỡi con Bob cho rồi. Ánh Sáng Ban Ngày không nhắc nhở gì thêm nữa mà vui vẻ chờ xem nàng sẽ tặng cho con ngựa khó chịu đó đòn gì khác. Bob nhận được đòn tặng đó ngay khi nó định quay vòng lần nữa. Thật ra nó chưa kịp quay ngang thì Dede đã quất đánh bốp lên phần mềm của mũi

ngựa. Con ngựa vừa bâng khuâng vừa ngạc nhiên, lại vừa đau đớn nên hai vó trước của nó vừa mới nhấc lên khỏi mặt đất đã vội hạ xuống ngay.

- Tuyệt lắm! - Ánh Sáng Ban Ngày vỗ tay khen - Vài cú như thế nữa là nó sẽ bỏ ngay thôi. Nó đủ thông minh để biết là lúc nào nó sẽ bị đánh.

Bob vẫn thử quay vòng lần nữa, nhưng lần này nó vừa được xoay mình thì chiếc roi được đập đôi lại đã buộc nó phải buông thông chân trước xuống đất. Sau đó chẳng cần phải kéo cương hay thúc gót đinh vào sườn ngựa mà chỉ cần dứt roi là nàng cũng có thể giữ cho ngựa chạy thẳng.

Dede đưa mắt nhìn Ánh Sáng Ban Ngày ra vẻ chiến thắng:

- Em cho nó chạy tiếp nhé? - nàng hỏi.

Ánh Sáng Ban Ngày gật đầu. Nàng liền phóng ngựa chạy đi. Anh nhìn theo cho đến khi nàng đã khuất dạng sau một khúc quanh, rồi lại nhìn nàng khi nàng trở lại. Anh nghĩ rõ ràng là nàng có thể cưỡi được nó, vừa cưỡi vừa ca cũng còn được nữa là đằng khác. Lạy Chúa, thế mới đúng là một người vợ chứ? Đứng trước nàng một số lớn đàn ông sẽ thấy bé nhỏ hẳn đi. Vậy mà suốt tuần cứ phải ngồi gõ vào cái máy chữ. Đây không phải là chỗ của nàng. Nàng phải là vợ của một người đàn ông, sống trong cảnh nhung gấm lụa là và kim cương (đó là quan niệm của dân lớn lên ở vùng biên thủy như anh về một người vợ được yêu thương), cùng với chó, ngựa, và những thứ đại loại như vậy. Anh tự nói với mình: "Thưa ngài Ánh Sáng Ban Ngày, ngài và tôi thử xem rồi sẽ làm gì được cho nàng nào?" - rồi anh nói lớn lên với Dede:

- Được lắm, cô Mason ạ, được lắm. Đối với một phụ nữ cưỡi ngựa giỏi như cô thì chẳng có gì là không đáng được hưởng cả. Không, cô cứ cưỡi nó cùng đi với tôi đến mỏ đá cũng được - anh bật cười khăng khắc. Rõ là con ngựa phải rên lên vào cái lần cuối cùng cô quất vào nó đấy, cô có nghe thấy không? Mà cô có thấy cái cách nó phải buông thông chân xuống đất không? Cứ y như là nó va phải một bức tường đá ấy. Từ giờ trở đi nó sẽ hiểu là bất cứ lúc nào nó cũng có thể húc vào bức tường đá ấy.

Chiều hôm đó, khi chia tay nhau ở chỗ cổng con đường dẫn về Berkeley, anh nép mình vào một thân cây. Từ nơi kín đáo đó, anh dõi mắt theo nàng cho đến khi bóng nàng khuất hẳn. Lúc phi ngựa trở về Oakland, anh vừa cười một cách thảm hại vừa suy nghĩ: "Rồi bây giờ thì liệu mà mua

cho xong cái mỏ đá khốn khổ ấy đi nhé. Nếu không thì khó mà biện minh được về việc đã sục mồm vào những núi đồi này đây".

Nhưng rồi anh đã phải tạm gạt ra khỏi kế hoạch việc mua cái mỏ đá ấy một thời gian, bởi vì ngay Chủ nhật tuần sau anh lại lủi thủi cưỡi ngựa một mình. Không thấy Dede xuất hiện trên lưng con ngựa màu hạt dẻ từ Berkeley đến nữa chủ nhật sau nữa cũng thế. Ánh Sáng Ban Ngày cảm thấy mất bình tĩnh và lo lắng, nhưng anh thấy nàng không có vẻ gì khác lạ cả, nên cũng cố giữ mình cho được bình thường. Công việc tẻ nhạt cứ tiếp tục một cách đều đặn. Chỉ khác là bây giờ nó làm cho anh khó chịu đến mức phát điên lên được.

Anh thấy mình như đang xung đột với tất cả mọi người chỉ vì họ đã không cho phép một người đàn ông xử sự với cô thư ký của mình theo cách xử sự của một người đàn ông với một người đàn bà. Vậy thì có bạc triệu trong tay để làm gì cơ chứ? Một ngày nọ khi nàng đánh máy xong lời anh đọc và ra khỏi phòng, anh đã hỏi quyền lịch để bàn của mình như vậy.

Khi tuần lễ thứ ba sắp hết và anh sắp phải đối diện với một ngày chủ nhật hoang vắng khác nữa, Ánh Sáng Ban Ngày quyết định phải nói với nàng, cho dù ở trong phòng làm việc cũng mặc.

Trung thành với bản chất của mình, anh vào đề một cách đơn giản và thẳng thắn. Nàng đã làm việc với anh xong, định dọn dẹp sổ sách và bút để rời văn phòng, thì anh nói:

- Còn một điều này nữa, cô Mason ạ. Tôi hy vọng là cô cho phép tôi được nói thẳng và nói thật. Cô đã gây cho tôi ấn tượng cô là một cô gái hiểu biết nên tôi không nghi cô sẽ cảm thấy bị xúc phạm vì những điều tôi sắp nói. Cô biết là cô đã làm việc ở đây lâu rồi - nhiều năm, ừ, nhiều năm rồi; và cô biết là tôi luôn luôn thẳng thắn và rõ ràng đối với cô. Tôi chưa bao giờ, như người ta nói, đi quá giới hạn cho phép cả. Vì cô làm việc trong văn phòng của tôi nên tôi đã phải thận trọng hơn là nếu cô không làm việc ở đây - chắc là cô hiểu. Nhưng gì thì gì, điều đó cũng không làm tôi bớt là người đi được. Tôi cô độc. Không phải tôi nói thế để mong cô xót thương cho tôi đâu. Tôi nói thế cốt để cô hiểu rằng hai lần cưỡi ngựa chung với cô vừa qua đối với tôi có ý nghĩa như thế nào mà thôi. Nên bây giờ tôi hy vọng là cô sẽ

không bức mình nếu tôi hỏi tại sao hai Chủ nhật vừa qua cô đã không cưỡi ngựa nữa.

Anh ngừng nói và chờ đợi, cảm thấy mình hết sức lố bịch nên người nóng ran lên, mồ hôi đọng thành hột lấm tấm trên trán. Nàng không trả lời ngay nên anh phải băng ngang căn phòng để kéo tiếp cửa sổ cho cao hơn.

- Em có cưỡi ngựa đấy chứ, - nàng trả lời - Có điều là em đi hướng khác thôi.

- Nhưng tại sao...? - anh cảm thấy không hỏi được cho trọn câu - Cô cứ thẳng thắn nói với tôi đi anh nài nỉ - cũng như tôi đã thẳng thắn với cô vậy? Tại sao cô không cưỡi ngựa ở vùng đồi Piedmont nữa vậy? Tôi đã tìm cô khắp nơi.

- Lý do chính là ở chỗ đó, - nàng cười, và đưa mắt nhìn thẳng vào mắt anh trong vài giây, rồi cúi xuống - Chắc ông phải hiểu điều đó, thưa ông Harnish.

Anh lắc đầu buồn bã:

- Hiểu mà cũng không hiểu. Tôi quen với nếp sống thị thành chưa được bao lâu. Có những điều mà người ta không được quyền làm. Tôi sẽ không làm những điều đó chừng nào mà tôi không muốn.

- Còn khi ông muốn thì sao? - nàng liền hỏi.

- Thì lúc đó tôi sẽ làm, - đôi môi của anh căng ra đầy vẻ cương quyết, nhưng ngay lập tức anh chữa lại câu vừa nói - Tôi muốn nói là thường thì tôi sẽ làm. Điều làm tôi băn khoăn là tại sao ta lại không được phép làm ngay cả những chuyện chẳng hề sai trái mà cũng chẳng có hại gì cho ai cả - như cái chuyện cưỡi ngựa này chẳng hạn.

Dede bòn chòn xoay xoay cây bút chì trên tay một lúc như thế để tìm câu trả lời, Ánh Sáng Ban Ngày kiên nhẫn chờ đợi.

- Cái chuyện cưỡi ngựa này, - nàng bắt đầu nói, - đó không phải là chuyện mà thiên hạ cho là đúng đắn. Em để ông tự suy xét lấy. Ông hiểu việc đời ông là ngài triệu phú Harnish.

- Và là một kẻ cờ bạc, - anh nói xen vào một cách cộc lốc.

Dede gạt đầu công nhận lời anh là đúng, và nói tiếp:

- Còn em chỉ là một nhân viên đánh máy trong văn phòng của ông.

- Nhưng cô còn tốt hơn tôi gấp ngàn lần - anh tính chặn ngang lời nói của nàng, nhưng nàng liền nói tiếp:

- Vấn đề không phải ở chỗ đó. Vấn đề ở đây đơn giản và thông thường hơn nhiều. Em làm việc cho ông. Hơn nữa, điều quan trọng không phải ở chỗ em hoặc ông nghĩ gì, mà là thiên hạ sẽ nghĩ gì. Em không cần phải nói với ông điều đó. Tự ông cũng đã biết rồi!

Dede đã che giấu tình cảm thật của mình bằng lời nói thực tế lạnh lùng đó. Ánh Sáng Ban Ngày nghĩ như thế khi nhìn thấy vẻ bối rối đầy nữ tính của nàng, thấy cái đường nét tròn lẳn của thân hình và vòng ngực phập phồng cũng như màu đỏ ửng trên đôi má nàng.

- Rất tiếc là tôi đã làm cho cô phải bỏ chỗ cưới ngựa mà cô thích vì sợ.

- Ông chẳng làm cho em sợ được đâu, - nàng phản ứng có vẻ gay gắt - Em chẳng phải là một cô nữ sinh ngờ nghệch nữa. Em đã sống một thân một mình lâu lắm rồi, mà chẳng thấy sợ hãi ai cả. Chúng ta đã cùng cưới ngựa suốt hai Chủ nhật rồi, và chắc là cả ông lẫn con Bob cũng đã không làm em sợ được. Vấn đề không phải như vậy. Thân em thì em chả cần gì, nhưng thiên hạ thì cứ bắt người ta phải giữ lấy thân người ta. Rắc rối là ở chỗ đó. Thiên hạ sẽ bàn tán nếu em cứ tiếp tục gặp ông và cưới ngựa với ông ở vùng đồi ấy vào ngày chủ nhật. Nói ra thật tức cười, song nhất định là họ sẽ bàn tán. Em có thể cùng cưới ngựa với bất kỳ một nhân viên nào khác ở đây và thiên hạ sẽ bỏ qua không thèm để ý. Nhưng với ông thì khác.

- Nhưng thiên hạ thì cần gì phải xía mũi vào chuyện đó cơ chứ? - anh cao giọng nói.

Nói như vậy thì lại càng khó hơn nữa. Giống như thể là bản thân mình thì không thấy có gì là tội lỗi. Vậy mà lại cứ lén lút lút lút ở những chỗ ít người qua lại với cảm giác là mình đang phạm tội ấy Điều đó còn tệ hại và hèn nhát hơn là cứ công khai.

- Đi ăn trưa với tôi vào một ngày nào đó, - Ánh Sáng Ban Ngày đoán trước được ý nàng nên nói như vậy.

Dede gật đầu.

- Em chẳng có ý đó trong đầu đâu. Nhưng thà như thế còn hơn. Em thích thác mình làm một chuyện trâng tráo nào đó ngay trước mắt thiên hạ còn hơn là làm một chuyện lén lút để họ khám phá thấy. Em nói thế không

phải là vì muốn được ông mời đi ăn trưa đâu nhé, - nàng vừa cười vừa nói thêm, - mà chỉ mong ông hiểu được cái thế kệt của em thôi.

- Vậy tại sao chúng ta không cưới ngựa ở vùng đồi ấy một cách công khai không giấu giếm nào? - Ánh Sáng Ban Ngày nài nỉ.

Nàng lắc đầu. Trong cái lắc đầu đó anh tưởng tượng thấy như có một vẻ tiếc nuối, nên đột nhiên anh cảm thấy khao khát nàng đến độ điên cuồng.

- Cô Mason ạ, tôi biết cô không thích nói về những chuyện như thế này tại nơi làm việc. Tôi cũng chẳng thích thú gì. Có lẽ đó là một phần của những nguyên tắc chung; nó buộc một người đàn ông chỉ được nói chuyện về công việc với người thư ký của anh ta. Cô có thể cưới ngựa với tôi vào Chủ nhật tới chứ? Chúng ta sẽ thảo luận kỹ để giải quyết cho xong vấn đề này. Ở vùng đồi đó sẽ chẳng có ai cấm chúng ta nói về những chuyện ngoài phạm vi công việc. Tôi hy vọng là cô đã biết tôi đủ để hiểu là tôi ngay thẳng. Tôi ngưỡng mộ và kính trọng cô... và... đại khái là như thế, và tôi... - nói đến đây anh bắt đầu lúng túng không tìm được lời Bàn tay của anh để trên đồ chấm mực rõ ràng là đang run run. Anh cố gắng lấy lại bình tĩnh - Trong đời tôi chưa bao giờ cảm thấy ham muốn mãnh liệt như thế... Tôi - Tôi... tôi không thể giải thích được, mà chỉ cảm thấy điều đó, thế thôi. Cô đồng ý nhé? Chỉ một Chủ nhật nữa thôi. Ngày mai cô nhé?

Ánh Sáng Ban Ngày không bao giờ có thể tưởng tượng được rằng khi nàng lặng lẽ gật đầu nhận lời yêu cầu của anh, ngoài những lý do khác, còn do ở những giọt mồ hôi túa ra trên trán anh, do ở bàn tay run run của anh, và do cả ở cái vẻ thảm hại từ toàn bộ con người anh toát ra một cách quá rõ rệt.

PHẦN II - Chương 14

Dĩ nhiên chẳng thể biết được một người nào đó thực sự muốn gì nếu như chỉ căn cứ vào những lời người ấy thốt ra từ cửa miệng, - Ánh Sáng Ban Ngày vừa dùng chiếc roi xoa xoa vào cái tai ngo ngoay của con Bob vừa không bằng lòng nghĩ về những lời anh vừa nói. Chúng không chuyên chở được điều anh ta muốn nói:

- Cô Mason ạ, điều tôi muốn nói là cô đã bảo thẳng thừng là cô không muốn gặp tôi và cô đã viện dẫn một số lý do. Nhưng làm sao tôi có thể chắc rằng đó là những lý do thật tình? Có thể là cô không muốn quen với tôi

nhưng không nói ra vì ngại làm tôi phật lòng. Cô thấy không? Kể trong khắp bàn dân thiên hạ này thì tôi sẽ là kẻ cuối cùng có mặt ở chỗ mà người ta không muốn tôi có mặt. Nếu tôi được biết là cô chẳng may muốn nhìn mặt tôi thì tôi sẽ biến liền lập tức.

Dede mỉm cười ra vẻ đã nghe những lời anh nói, nhưng nàng vẫn cứ lặng lẽ cười ngửa về phía trước, Ánh Sáng Ban Ngày nghĩ rằng đó là nụ cười tuyệt vời nhất mà anh đã được thấy. Anh nhủ thậm chí trong nụ cười đó có một cái gì khác với những nụ cười mà trước kia nàng đã cho anh. Đó là nụ cười của một người đã một chút gì đó biết anh, một chút gì đó quen anh. Tuy vậy, anh cũng lập tức tự kìm chế để không tưởng tượng quá mức.

Có lẽ là nàng chỉ mỉm cười tự nhiên vậy thôi. Điều này xảy ra trong bất kỳ cuộc giao tiếp nào giữa hai con người. Một kẻ lạ mặt, một tay làm ăn, một người thư ký hoặc bất kỳ một ai khác sau vài lần gặp gỡ tình cờ cũng có những biểu hiện thân thiện như vậy. Điều này chắc chắn phải xảy ra thôi. Tuy vậy việc nó xảy ra ở nàng đã gây cho anh một ấn tượng mạnh mẽ hơn. Hơn nữa, nụ cười đó thật ngọt ngào tuyệt diệu. Những người đàn bà khác anh quen khác bao giờ cười như thế. Điều này thì anh biết chắc.

Ngày hôm đó thật vui. Ánh Sáng Ban Ngày gặp nàng trên đoạn đường đi từ Berkeley đến, và họ đã ở bên nhau hàng tiếng đồng hồ. Chỉ đến lúc này, khi ngày đã gần hết, khi cánh đồng ở con đường dẫn về Berkeley bang đến gần thì Ánh Sáng Ban Ngày mới đề cập đến câu chuyện quan trọng hôm trước.

Khi nàng trả lời thắc mắc vừa qua của anh, anh lắng nghe một cách biết ơn.

- Nhưng thí dụ, chỉ thí dụ thôi, những lý do mà em đã nói với ông là những ký do duy nhất, rằng không có vấn đề em không thích thân với ông, thì sao nào?

- Trong trường hợp đó thì tôi sẽ tiếp tục bám lấy cô như đĩa ấy, - anh vội vàng trả lời - Cô thấy đấy, một khi người ta đã để tâm đến chuyện gì rồi thì chỉ muốn chuyện ấy mau chóng rõ ràng ra thôi. Nhưng nếu như còn một lý do nào đó mà cô muốn giấu, thí dụ như cô không muốn làm quen với tôi chẳng hạn thì... thì... ồ, nếu cô cho rằng không nên làm tôi phật lòng vì cô đang có một chỗ làm tốt ở văn phòng của tôi thì... - Đến đây thì sự bình

tĩnh của anh khi đặt giả thiết đó bỗng biến mất bởi nỗi sợ hãi là có thể giả thiết đó là sự thật, và anh chẳng còn biết phải nói tiếp như thế nào nữa - ô, cô cứ nói một tiếng thôi là tôi biến liền. Bảo đảm với cô là tôi sẽ không lấy làm phật đâu. Tôi sẽ coi mình không may vậy thôi. Bởi vậy, cô Mason ạ, xin cô cứ thẳng thắn đối với tôi, cứ nói với tôi đây là lý do cô không muốn gặp tôi đi. Sao tôi cứ có linh cảm lý do chính của cô là ở chỗ đó quá cô à.

Dede ngược mắt liếc nhìn anh, bỗng nhiên mắt nàng ươn ướt, nửa vì bị thương tổn nửa vì tức giận.

- Trời ơi, vậy thì thật chẳng công bình chút nào, - nàng kêu lên - Sao ông lại cứ bắt buộc em hoặc phải nói dối ông, làm ông buồn để được rảnh nợ với ông, hoặc phải nói thật để rồi chịu đựng sự tấn công của ông vì như ông đã nói là ông sẽ bám riết lấy em.

Hai má nàng ửng đỏ, môi nàng run run, nhưng nàng vẫn tiếp tục nhìn thẳng vào mắt anh.

Ánh Sáng Ban Ngày mỉm cười vẻ hài lòng:

- Tôi rất lấy làm mừng được nghe những điều cô vừa nói, cô Mason ạ.
- Nhưng những lời ấy chẳng ích gì cho ông đâu - nàng vội vàng nói tiếp
- Chúng không thể có ích gì cho ông đâu. Em không cho phép. Đây là lần cuối cùng chúng ta cười ngửa với nhau... A, cánh cổng đây rồi.

Áp sát ngựa vào cổng, nàng cúi xuống mở then rồi đánh ngựa chạy vào.

- Đứng, đứng, em ông - nàng nói thế khi thấy Ánh Sáng Ban Ngày tính theo vào.

Ánh Sáng Ban Ngày nhẩn nhục thụt ngựa lại theo lời yêu cầu của nàng. Cánh cổng đóng lại ngăn đôi hai người. Nhưng câu chuyện chưa phải là đã kết thúc nên Dede không ra roi cho ngựa chạy đi.

- Cô Mason à, - anh nói, giọng nhỏ nhưng đầy thành khẩn, - Tôi muốn cô hiểu cho điều này, là không phải tôi chỉ muốn tính chuyện ong bướm qua đường với cô đâu. Tôi mến cô, tôi cần có cô. Chưa bao giờ trong đời tôi lại thành khẩn như lúc này. Không có gì là sai trái trong dự định của tôi cả. Tôi muốn nói một cách nghiêm túc đây - Nhưng anh vội nín bật khi nhìn vào vẻ mặt của nàng. Nàng vừa cảm thấy bức tức lại vừa cảm thấy buồn cười đến mức không kìm chế được.

- Ông nói điều đó ra nghe thật dở, - nàng nói to - Cứ như là ở... ở phòng đăng ký kết hôn ấy: nào là chuyện quan hệ nghiêm túc, nào là nhất định tiến tới hôn nhân. Hoá ra là em cũng chỉ đáng được hưởng có ngần ấy thứ thôi. Bây giờ em mới hiểu ra khi ông nói là sẽ bám riết lấy em như đĩa là ông chỉ nghĩ đến cái chuyện ấy mà thôi.

Từ khi vào sống trong thành phố suốt ngày có mái che trên đầu da anh đã nhả nắng, nên bây giờ nổi then thùng làm cho từ cổ lan dần lên khắp khuôn mặt anh bỗng đỏ bừng lên một cách rõ rệt.

Trong cơn bối rối, anh không hiểu được rằng chính vào thời điểm ấy nàng đã nhìn anh với ánh mắt dịu dàng hơn bao giờ hết. Chưa bao giờ nàng thấy người đàn ông nào lại đỏ bừng mặt như những cậu trai tơ như vậy, nên nàng có vẻ hơi hận là đã thốt ra những lời độc địa mà chính nàng cũng phải ngạc nhiên.

- Cô Mason à, - anh nói, lúc đầu chậm chạp và ngập ngừng, nhưng sau nhanh dần đến độ lời lẽ trở thành rồi rắm - Tôi là một con người thô lỗ. Tôi biết vậy, mà cũng biết luôn là tôi không có nhiều kinh nghiệm. Tôi không được làm quen với những lời nói dịu dàng đẹp đẽ. Trước đây tôi chưa bao giờ tỏ tình. Đây chỉ là một tình thế đặc biệt, mà tôi thì lại bị dồn vào chân tường, thế thôi. Tôi biết một người đàn ông không nên lấy cô hôn nhân để làm quen với một cô gái. Tôi bị dồn vào chân tường chính là ở chỗ đó đấy. Một là tôi không thể làm quen với cô ở phòng làm việc. Hai là cô không chịu gặp mặt ở chỗ nào khác để tôi có thể có điều kiện làm quen. Ba là cô nại lý do thiên hạ sẽ bàn tán vì cô đang làm việc ở chỗ tôi. Bốn là tôi muốn làm quen với cô và muốn cô hiểu rằng tôi không có ý đồ xấu xa gì. Năm là cô thì đứng bên kia cánh cổng sửa soạn đi, tôi thì đứng bên này đang tuyệt vọng phải tìm cho ra một cái gì đó để nói hầu mong cô nghĩ lại. Sáu là thế là tôi đành phải nói ra những lời thô lỗ đó. Bây giờ tôi chẳng biết làm gì hơn là mong cô nghĩ lại.

Nàng thấy thích cái vẻ mặt bối rối nhưng chân thành của anh, thích nghe những lời nói giản dị chân chất làm tăng vẻ chân thành và làm anh khác hẳn với hạng đàn ông tầm thường mà nàng hay gặp, đến độ nàng không chú tâm vào ý nghĩa của những gì anh đang nói nữa, mà thả hồn theo những suy nghĩ anh đang nói nữa, mà thả hồn theo những suy nghĩ riêng tư.

Đối với một với một người đàn bà bình thường thì tình yêu của một người đàn ông mạnh mẽ bao giờ cũng đặc biệt thu hút, và Dede chưa lúc nào cảm thấy bị thu hút mạnh mẽ như lúc này, - khi nàng nhìn Ánh Sáng Ban Ngày bên kia cổng đã bị đóng lại. Không phải là nàng muốn được lấy anh, - có rất nhiều lý do để chống lại chuyện ấy - song nàng tự hỏi tại sao lại không thể cứ gặp gỡ anh thêm một ít lâu nữa? Ở anh không có gì làm cho nàng cảm thấy khó chịu cả, trái lại, nàng còn cảm thấy thích anh nữa là đằng khác. Nàng đã luôn luôn thích anh kể từ lần đầu nàng gặp và nhìn vào bộ mặt xương xương và đôi mắt sáng như thổ dân của anh. Cơ bắp của anh đúng là tuyệt vời, nhưng nét nam tính của anh không chỉ dừng lại ở đó. Hơn nữa, người ta đã kể bao huyền thoại về anh, về tay phiêu lưu cộc cằn táo bạo của phương Bắc này, kẻ đã làm lắm chuyện, có tiền muôn bạc triệu, kẻ đã rời bỏ vùng Bắc Cực để về đây vật lộn một cách tuyệt vời với đám người ở phương Nam này. Tàn bạo như một tên da đỏ, có tính cách của một tên kẻ cướp bịp bợm không theo một tiêu chuẩn đạo đức nào, không bao giờ thỏa mãn với việc trả thù, sẵn sàng đập lên mặt những kẻ chống lại mình. Dede biết là thiên hạ còn gán cho anh nhiều cái tên ghê gớm khác. Vậy mà nàng vẫn không cảm thấy sợ hãi anh, bởi vì biệt hiệu của anh - Ánh Sáng Ban Ngày - còn gọi lên những điều khác nữa. Những điều này nằm trong những trang báo, trong những tạp chí và trong những quyển sách nói về vùng sông Klondike. Những điều này gắn liền với tên gọi Ánh Sáng Ban Ngày làm nó có một âm hưởng mạnh mẽ có khả năng kêu gọi sức tưởng tượng của bất kỳ một người đàn bà nào. Lúc này đây, đứng sau cánh cổng và lắng nghe những lời lẽ giả dối, nhưng cháy bỏng đam mê ấy của anh, Dede cũng cảm thấy bị cuốn hút mạnh mẽ, bởi vì dấu sao nàng cũng chỉ là một người đàn bà mang trong mình tất cả cái phù phiếm thuộc giới tính đó, nhất là khi cái phù phiếm này lại đang được môn trớn bằng việc một người đàn ông như thế mà lại phải đi cầu cạnh nàng.

Đầu óc nàng lúc này còn nghĩ đến nhiều thứ nữa - đến những cảm giác mệt mỏi và cô đơn: đến hàng hàng lớp lớp những cảm giác, những thôi thúc mà nàng không định nghĩa được, đã đến với nàng lúc thì âm ỉ, lúc lại lặng lẽ; đến những pháp phông của cuộc sống qua biết bao nhiêu thế hệ bị lãng quên đã kết tụ lại trong người, lúc nào cũng cựa quậy, mới mẻ, mà cho dù ta

không tưởng tới, không dò đoán nổi, cho dù có lúc tinh tế, có lúc mãnh liệt, chúng chính là tinh túy, là linh hồn của cuộc sống mà cho dù có bị che đậy và lừa dối bằng muôn vàn cách đi chẳng nữa, cuối cùng cũng buộc con người phải thừa nhận chúng. Được cưới ngựa với một người đàn ông như thế giữa vùng đồi núi quả là một điều hấp dẫn mạnh mẽ. Chỉ cưới ngựa thôi, còn ngoài ra không có gì nữa cả, bởi vì nàng tin chắc rằng cách sống của anh sẽ không bao giờ là cách sống của nàng. Mặt khác, nàng không quan tâm đến những thẹn thùng, sợ hãi của loại nhi nữ thường tình. Nàng tin chắc rằng dù trong bất kỳ trường hợp nào nàng cũng có thể tự làm chủ đời mình. Vậy thì tại sao lại không cùng cưới ngựa với anh kia chứ. Kia xét cho cùng thì chuyện đó nào có đáng gì.

Cuộc sống của nàng bình thường đến tẻ nhạt. Nàng ăn, ngủ, rồi làm việc, vồn vện có thể thôi. Cảnh sống này chợt hiện ra trước mắt nàng, sáu ngày trong tuần phải làm việc ở văn phòng và đi về trên những chuyến phà. Mỗi ngày, trước khi lên giường, nàng chỉ còn được vài giờ để đàn hát một vài đoạn nhạc bên chiếc dương cầm, để giặt giũ, khâu vá và tính toán sổ sách để khỏi phải tiêu quá số thu nhập ít ỏi; mỗi tuần chỉ có hai buổi tối để tụ tập vui vẻ với bạn bè; những giờ còn lại và chiều thứ Bảy lại phải đến bệnh viện thăm cậu em bị ốm. Duy có ngày chủ nhật là được thoải mái, có thể ngồi trên lưng con Mab rong chơi trong vùng đồi thần thánh. Nhưng việc cưới ngựa một mình như vậy kể ra quá lẻ loi. Chẳng có ai trong số bạn bè của nàng có thú cưới ngựa cả. Đã có lần nàng thuyết phục được mấy cô sinh viên ở trường đại học thử cưới ngựa, nhưng cứ sau một hoặc hai Chủ nhật cưới ngựa, nhưng cứ sau một hoặc hai Chủ nhật cưới ngựa cho thuê là họ lại bỏ cả. Chỉ có Madeline là đã mua ngựa và hăm hờ cưới được vài tháng, nhưng sau đó cô ta cũng lập gia đình và theo chồng về lập nghiệp tận Nam California mất. Sau nhiều năm cứ phải cưới ngựa lẻ loi như thế thì ai cũng phải phát chán.

Mà cái anh chàng không lồ triệu phú này, người mà một nửa số dân có máu mặt ở San Francisco phải sợ hãi, hoá ra cũng chỉ là một cậu trai tơ không hơn không kém. Đúng là một cậu trai tơ? Nàng chưa bao giờ ngờ đến khía cạnh này trong tính cách anh ta.

- Làm sao thiên hạ có thể nên vợ nên chồng được nào? - Ánh Sáng Ban Ngày nói - Tôi cho là như vậy, cô à. Một là trai gái gặp nhau; hai là họ thấy hợp nhau; ba là họ làm quen; bốn là họ sẽ cưới nhau hay không tùy mức độ thích nhau nhiều hay ít sau khi đã làm quen. Nhưng tôi không hiểu làm sao chúng ta có cơ hội để biết chúng ta có thích nhau hay không, trừ phi chính chúng ta tạo cho mình những điều kiện đó. Tôi muốn đến thăm cô hoặc ghé nhà cô chơi, song có điều là tôi biết cô đang ở trọ nhà người khác nên ngại chưa dám đến.

Đột nhiên tâm trạng của Dede thay đổi, và nàng bỗng cảm thấy tình thế thật phi lý đến nực cười. Nàng muốn cười phá lên - chẳng phải vì tức giận và cũng chẳng phải vì muốn phát điên lên được mà chỉ vì nàng thấy tình thế đó quá ư là ngộ nghĩnh. Thân phận nàng chỉ là một nhân viên đánh máy, vậy mà anh - một tay triệu phú liêu lĩnh khét tiếng và có thế lực - lại đứng bên kia cánh cổng, cãi nhảm lý luận về cách thiên hạ làm quen và cưới hỏi nhau. Mà tình trạng này cũng thật khó quá. Rõ ràng là nàng không thể tiếp tục gặp gỡ anh một cách lén lút trong vùng đồi như thế được. Chuyện đó phải chấm dứt thôi. Không gặp gỡ gì nữa cả. Song, nếu nàng từ chối, anh sẽ lại cố tán tỉnh nàng ở văn phòng. Nàng sẽ buộc phải bỏ một chỗ làm rất tốt đó, và thế là hết chuyện. Phải suy nghĩ đến chuyện ấy thật chẳng thú vị gì; nhưng liệu còn có thể có gì thú vị khi phải chung đụng với thế giới đàn ông, nhất là bọn đàn ông thị thành, không kia chứ. Nàng đã phải lăn lộn kiếm sống nhiều năm rồi nên cũng đã mất gần hết những ảo tưởng.

- Chúng ta sẽ không lén lút hoặc giấu giếm gì về chuyện này cả - Ánh Sáng Ban Ngày vẫn giải thích - Chúng ta cứ việc cưới ngựa công khai như cô muốn, và nếu có ai đó nhìn thấy thì cũng mặc xác họ. Nếu họ có bàn tán thì cũng thây kệ. Lương tâm chúng ta ngay thẳng thì việc gì chúng ta phải lo ngại. Cô hãy đồng ý cho tôi gặp mặt vào Chủ nhật sau nhé, và con Bob này sẽ có trên lưng nó một người hạnh phúc nhất trần gian.

Nàng lắc đầu và liếc nhìn bóng mình đang dài ra trên mặt đất một cách đầy ngụ ý. Con Mab cũng nóng lòng muốn về nhà làm nàng phải kim cương giữ nó lại. Thấy vậy, Ánh Sáng Ban Ngày vội vàng nói:

- Trời bây giờ đã trễ rồi, mà chúng ta thì chưa nói xong câu chuyện này. Tôi không dám đòi hỏi cô nhiều, chỉ xin cô cho thêm một ngày chủ nhật

tuần sau nữa để nói cho xong. Cô đồng ý nhé?

- Chúng ta đã có cả ngày hôm nay rồi còn gì, - Dede nói.

- Nhưng chúng ta bắt đầu câu chuyện quá trễ. Kỳ tới chúng ta sẽ bắt đầu sớm hơn. Tôi thành thật cầu xin như vậy đây. Chủ nhật sau, cô nhé?

- Em không hiểu cánh đàn ông có bao giờ công bình không nhỉ? - nàng hỏi - ông cũng biết tổng là khi nói "Chủ nhật sau" tức là ông muốn cả những Chủ nhật sau đó nữa.

- Vậy thì xin có cả những Chủ nhật nữa vậy! - Ánh Sáng Ban Ngày buột miệng thốt lên như thế, trong khi đó Dede lại nghĩ rằng chưa bao giờ nàng lại thấy anh ưa nhìn như lúc đó. - Cô đồng ý nhé. Cô cứ nói đồng ý đi. Cứ cho tôi cái hẹn Chủ nhật sau, lại khu mỏ đá...

Dede đưa tay cầm cương chuẩn bị cho ngựa chạy.

- Thôi xin chào ông, và... - nàng nói.

- Xin đồng ý - Ánh Sáng Ban Ngày thì thầm tiếp lời, giọng nói có một chút gì như ra lệnh.

- Dạ, - nàng nói, giọng nhỏ nhưng rõ.

Ngay khi vừa thốt ra tiếng đó, nàng vội và thúc ngựa chạy đi không ngoái đầu nhìn lại mà cố gắng tập trung phân tích tâm trạng của nàng lúc bấy giờ. Trong đầu nàng đã quyết định nói "không" - cho đến phút cuối cùng nàng vẫn kiên quyết như vậy thế mà không hiểu tại sao môi nàng lại thốt lên lời ấy. Hẳn là do môi nàng thôi, chứ không phải do nàng, bởi vì chưa bao giờ nàng có ý định đồng ý. Vậy thì tại sao nàng lại thốt ra tiếng ấy cơ chứ? Hành động hoàn toàn không tiên liệu ấy lúc đầu chỉ làm cho nàng ngạc nhiên khó hiểu, sau lại làm cho nàng bức bối khi nàng bắt đầu nghĩ đến hậu quả của nó. Nàng biết rằng Ánh Sáng Ban Ngày không phải là loại đàn ông dễ dàng bị bỡn cợt, rằng dưới vẻ chân chất trai tơ đó của anh là cả một con người chính phục mạnh mẽ, rằng thế là nàng đã tự cột chặt đời mình vào một tương lai đầy áp bức và sóng gió. Nghĩ đến điều này, nàng tự hỏi tại sao mình lại đồng ý khi mà nàng chẳng may mắn muốn thế.

PHẦN II - Chương 15

Cuộc sống ở văn phòng vẫn không có gì thay đổi so với trước đây. Cả hai người không hề để lộ ra, dù bằng lời nói hay ánh mắt, là giữa họ đã có gì khác lại. Cứ mỗi Chủ nhật họ lại hẹn gặp nhau vào Chủ nhật sau, nhưng

họ không bao giờ hẹn gặp như vậy tại phòng làm việc, Ánh Sáng Ban Ngày rất khe khắt về điểm này. Anh không muốn mất nàng. Trong phòng làm việc cứ được nhìn thấy mặt nàng cũng là một niềm vui bất tận đối với anh rồi. Tuy vậy, anh cũng không tìm cách kéo dài việc đọc thư cho nàng đánh máy hay nhờ nàng làm thêm việc này việc khác. Thật ra, ngoài những ước muốn mang tính vị kỷ ra, trong anh còn có sự yêu chuộng tính sòng phẳng. Anh khinh bỉ việc lợi dụng những thuận lợi mà tình thế mang lại. Anh coi trọng tình yêu hơn là sự chiếm đoạt. Anh muốn được người khác yêu vì bản thân anh, chứ không phải vì ép buộc phải làm như thế.

Mặt khác, cách hành động của anh thật khôn ngoan, và dù ai có thông minh đến mấy đi nữa cũng không thể làm hơn thế được. Như một cách chim yêu tự do, Dede không muốn bị ép trong vấn đề tình cảm nên rất tán thành cách xử sự tế nhị của anh. Việc nàng tán thành này hoàn toàn có ý thức, nhưng hậu quả của việc tán thành đó lại thoát khỏi tầm nhận thức của nàng. Nhẹ nhàng như một sợi tơ trời và rất khó nhận biết trừ những giây phút cực điểm, cá tính của Ánh Sáng Ban Ngày như một lưới nhện bủa ra bao bọc lấy nàng.

Từng chút từng chút, sự ràng buộc bí mật mà trước kia nàng không bao giờ tưởng tới đã được hình thành. Có lẽ chính sự ràng buộc này là cái đã thúc nàng lúc trước phải gạt đầu nói dạ trong khi nàng chỉ muốn nói không. Với một sự ràng buộc như thế thì liệu rằng trong tương lai, khi giây phút quan trọng hơn trong quan hệ giữa hai người đã đến, nàng có thể một lần nữa gạt đầu đồng ý một cách không chủ tâm hay không, dù đó không phải là điều nàng muốn và đầu óc tỉnh táo của nàng luôn luôn bảo là không nên?

Trong số những điều tốt đẹp do sự quen biết ngày càng khăng khít với Dede mang lại là việc Ánh Sáng Ban Ngày cuối cùng cũng nhận thấy. Nói theo một cách nào đó thì chính Dede đã đem đến cho anh sự kiên cữ cần thiết này. Cứ nghĩ về nàng thôi cũng như là đã uống một ly rượu, hoặc ít ra, nàng đã thế chỗ cho một phần rượu anh uống. Sự căng thẳng trong cuộc sinh tồn nơi chốn thị thành trái ngược với bản chất của anh cũng như trong những canh bạc anh chơi đã đẩy anh vào vòng rượu chè. Cần phải có một bức tường nào đó để giúp anh bớt bị căng thẳng và Dede đã trở thành một phần của bức tường này. Cá tính của nàng, tiếng cười của nàng, ngữ điệu

của giọng nói, ánh vàng tuyệt diệu toả ra từ đôi mắt, màu sáng của mái tóc, thân hình nàng, quần áo nàng mặc, cách nàng cười ngửa, cũng như tất cả những cử chỉ nhỏ nhặt của nàng - tất cả được anh gọi đi gọi lại trong đầu - đã được sự thể chỗ cho những ly rượu *cocktail* hoặc rượu Scotch pha với xô đa.

Mặc dù không muốn, các cuộc gặp gỡ của hai người vẫn có vẻ lén lút rõ rệt. Họ không dám ngang nhiên điều ngửa trước mắt thiên hạ. Trái lại, họ cố không để ai biết là họ gặp nhau. Nàng thường đi theo ngả đường vắng vẻ và có nhiều công từ Berkeley lại để gặp anh giữa đường.

Họ tránh không cười ngửa trên những ngả đường có lắm người qua lại mà thích băng ngang dãy đồi thứ hai và đi lẫn vào đám nông dân đi lễ ngày chủ nhật bởi vì những người này, dù đã nhìn thấy hình anh trên báo đi nữa, cũng khó lòng nhận được mặt anh.

Ánh Sáng Ban Ngày nhận thấy Dede quả là một tay kỵ mã cừ khôi không chỉ trong cách cười ngửa mà còn cả trong sức chịu đựng nữa. Có những ngày họ đã đi đến sáu mươi, bảy mươi hoặc tám mươi dặm đường, vậy mà chưa bao giờ anh nghe nàng than là đã đi quá xa. Một điểm nữa mà anh rất thích là cho dù quãng đường có khó nhọc đến đâu chẳng nữa, lưng con ngựa màu hạt dẻ của nàng vẫn không mấy may trầy trụa.

Ánh Sáng Ban Ngày thường hào hứng nói đi nói lại với chính mình là Dede có thể vừa cười ngửa vừa ca hát được. Qua những buổi cười ngửa liên tiếp đó, họ hiểu nhau hơn. Họ không nói gì nhiều ngoài chuyện về chính họ. Nàng lắng nghe những câu chuyện anh kể về những cuộc phiêu lưu ở vùng Bắc Cực và việc đào vàng. Điều này giúp anh hoàn chỉnh dần bức tranh về nàng. Dede thuật lại cho anh nghe nhiều về thời hoa niên của nàng ở trang trại, nói huyền thuyên về ngựa về chó, về người, và về các sự việc ở đó đến độ cuối cùng anh có cảm giác đã tận mắt chứng kiến quãng đời thuộc tuổi hoa niên của nàng. Anh có thể dễ dàng nối quãng đời đó với giai đoạn cha nàng thất bại rồi chết, với lúc nàng buộc lòng phải bỏ học đại học đại học để đi làm. Nàng cũng kể cho anh nghe về chuyện cậu em của nàng, và những nỗ lực chạy chữa cho cậu ta mà đến nay vẫn không mấy gì kết quả. Ánh Sáng Ban Ngày khám phá ra là Dede cũng không khó hiểu như anh tưởng. Tuy vậy, anh vẫn biết rằng người phụ nữ đó vẫn còn chứa đựng

những rắc rối bí hiểm của giới tính. Anh phải thành thật nhận rằng trong nàng vẫn có những vùng biển bao la đầy bí ẩn. Tuy chưa biết gì về chúng cả, anh vẫn nhất định phải lao vào khám phá.

Suốt đời anh đã sợ hãi phụ nữ. Điều này một mặt xuất phát từ việc anh không hiểu họ, mặt khác đã gây trở ngại cho việc anh tìm hiểu họ. Việc Dede cưới ngựa, việc Dede nhặt những cánh hoa nha phiến rơi trên sườn đồi vào mùa hạ, việc Dede lạnh lẽo ghi tấc ký những điều anh đọc - tất cả những điều này anh đều hiểu được. Song anh vẫn không tài nào hiểu được tại sao đang từ tâm trạng này nàng lại vụt chuyển sang tâm trạng khác, tại sao đã khẳng khái từ chối cưới ngựa chung với anh nàng lại đột nhiên đổi ý, tại sao đôi mắt nàng lại toả ra cái ánh vàng lúc ẩn hiện và lúc nào cũng như đang thăm thì những lời bóng gió, đầy đưa nhưng rõ ràng không phải là dành cho anh. Anh chỉ biết rằng những điều ấy thuộc về sâu thẳm của giới tính, và mặc dù công nhận là chúng hấp dẫn, anh đồng thời cũng hiểu rằng chúng vượt quá khả năng hiểu biết của anh.

Ngoài ra, trong nàng còn có một thứ nữa mà anh cố tình không biết đến, đó là nàng hiểu biết những quyền sách và làm chủ cái bí ẩn và khủng khiếp mà người ta gọi là "văn hoá". Tuy vậy, điều làm anh mãi ngạc nhiên là tại sao cái văn hoá ấy chưa bao giờ chen vào câu chuyện trao đổi giữa hai người. Nàng không bao giờ đá động đến chuyện sách vở, nghệ thuật hoặc những chuyện đại loại như vậy. Anh nhận ra rằng đầu đầu óc nàng cũng mộc mạc như đầu óc anh. Nàng thích cái bình dị, thích cuộc sống ngoài trời, thích cưới ngựa dạo quanh các ngọn đồi, thích ánh nắng trời và cỏ cây hoa lá. Đi với nàng, anh như được dẫn vào một thế giới cỏ cây mới lạ. Nàng chỉ cho anh xem tất cả những loài cây thuộc họ sồi, tập cho anh làm quen với những cây *madrono* và cây *manzanita*, dạy cho anh biết tên, cách phát triển và môi trường sống của vô số các loài cây cỏ và hoa dại. Ngay đôi mắt tinh tường của nàng đối với mọi thứ trong rừng cũng làm anh thích thú. Chúng như được huấn luyện để làm quen với thiên nhiên nhiều đến độ không vật vì có thể thoát khỏi chúng. Có một lần họ thử thi xem ai có thể phát hiện được nhiều tổ chim hơn. Dù là người tự nhận có khả năng quan sát rất tinh tường, anh vẫn thấy rất chật vật mới giữ được tỉ số nghiêng về phía mình. Lúc ngày đã hết anh chỉ phát hiện hơn nàng khẳng khái cho là

không đúng và bản thân anh cũng phải nhận là không chắc. Anh hết lời khen ngợi nàng và nói rằng sở dĩ nàng làm được điều đó là bởi vì chính nàng cũng là một cánh chim nên mới có được cái nhìn tinh tường và lạ lùng của loài chim như thế.

Càng hiểu càng nhiều hơn anh càng chắc rằng nàng giống với loài chim. Anh thường nói vì vậy mà nàng thích cưỡi ngựa, bởi vì cưỡi ngựa cũng gần giống như bay. Một cánh đồng nha phiến, một thung lũng hẹp phủ đầy dương xỉ, một, dãy bạch dương dọc theo con đường làng, cái màu vàng nâu của sườn đồi, tia mặt trời rơi lên đỉnh núi xa - tất cả những cái đó đều nhanh chóng gợi cho nàng những niềm vui mà Ánh Sáng Ban Ngày tưởng là những bài ca bộc phát. Nàng vui vì những cái nhỏ nhặt và lúc nào cũng như thể nàng đang ca hát.

Ngay cả khi gặp những chuyện khó khăn hơn nàng cũng không thay đổi. Khi cưỡi con Bob và vật lộn với nó để xem ai phải khuất phục ai, trông nàng hết như một cánh chim ưng.

Những niềm vui nhanh chóng và nhỏ nhặt của nàng cũng là những nguồn vui của anh. Ánh Sáng Ban Ngày vui trong cái vui của nàng, đôi mắt anh luôn thích thú dán chặt vào nàng cũng như đôi mắt nàng dán chặt vào sự vật. Nhờ nàng mà anh đã nhận thức rõ ràng hơn, thẩm thấu được tinh tế hơn về thiên nhiên. Nàng chỉ cho anh những màu sắc của phong cảnh mà anh không ngờ tới. Trước kia anh chỉ nhận biết được những màu chính. Tất cả những màu đỏ đối với anh cũng chỉ là màu đỏ. Màu đen là màu đen, còn màu nâu là màu nâu, và nếu nó đã ngả sang màu vàng rồi thì nó không còn là màu nâu nữa. Trước kia và anh vẫn tưởng màu tím cũng là màu đỏ, giống như màu máu, cho đến khi nàng dạy anh phân biệt chúng. Có một lần khi họ rong ngựa lên đỉnh một ngọn đồi, hoa nha phiến rụng đỏ ối dưới chân ngựa. Dede đã sung sướng nhận ra những vệt ngấn không gian ra thành nhiều dải, nàng đếm được tất cả bảy dải, và anh, dù đã suốt đời nhìn ngắm cảnh vật, lần đầu tiên nhận ra quả đúng là như vậy. Sau lần đó, anh luôn luôn nhìn bộ mặt của thiên nhiên với đôi mắt thấu hiểu hơn, và anh biết được niềm vui khi ngắm nhìn những bậc kế tiếp nhau của những dãy núi hoặc khi đứng chiêm ngưỡng cái màu tím sương hè đang lượn lờ trong các nếp gấp ôm mơn của dãy đồi xa.

Xuyên suốt những điều đó dĩ nhiên là sợi chỉ tình lấp lánh ánh vàng. Lúc đầu anh bằng lòng với việc cùng cưỡi ngựa với nàng và coi nàng như bạn. Dần dần anh cảm thấy thích và cần có nàng hơn. Càng hiểu nàng, anh càng tỏ lòng hâm mộ. Nếu như nàng đã tỏ ra kiêu ngạo, khép kín hoặc chỉ là một người con gái ổng a ổng ọ thì mọi chuyện đã khác hẳn. Trái lại, nàng tỏ ra là một người bạn, giản dị và tinh khiết đến mức khiến anh phải ngạc nhiên. Điều này trước kia anh không bao giờ ngờ tới. Chưa bao giờ anh nhìn người đàn bà theo cách ấy. Đối với anh, đàn bà chỉ là một món đồ chơi, một con yêu tinh, một người vợ và một người mẹ cần thiết để duy trì nòi giống. Anh hiểu và cho họ là như thế cả. Việc Dede tỏ ra là một người bạn có thể cùng chơi đùa và vui thú được đã làm anh ngạc nhiên. Nàng càng tỏ ra xứng đáng bao nhiêu thì tình yêu trong anh càng bùng cháy mãnh liệt bấy nhiêu. Dù không nhận biết được, giọng nói của anh có chiều hơn và đôi mắt anh thường bùng lên những ánh lửa tình. Không phải Dede không nhận thấy những điều đó, song cũng giống như trăm ngàn phụ nữ khác, nàng vẫn thấy thích đùa với những ánh lửa đó mặc dù nàng cố tránh không để chúng tấy nên một trận đại hỏa tai. Một hôm nàng nói với vẻ vừa tiếc nuối vừa khiêu khích:

- Mùa đông sắp tới rồi. Chúng ta sắp không còn được cưỡi ngựa dạo chơi nữa.

- Nhưng chúng ta vẫn cần gặp nhau như thường, - Ánh Sáng Ban Ngày vội vàng thốt lên.

Nàng lắc đầu.

- Chúng ta đã vui vẻ với nhau nhiều rồi, - vừa nói nàng vừa nhìn anh một cách thẳng thắn - Em vẫn nhớ lời bàn ngô nghê của ông về việc làm quen. Nhưng chuyện đó sẽ chẳng đi đến đâu cả. Không thể có gì cả. Em hiểu em rất rõ nên không nhầm lẫn gì về chuyện ấy.

Về mặt nàng nghiêm trang, rõ ràng là nàng cố không để tình cảm của anh bị tổn thương. Ánh mắt nàng nhìn thẳng và anh vẫn thấy trong đôi mắt ấy có cái ánh vàng, cái sâu thẳm của giới tính mà giờ đây anh không còn cảm thấy sợ khi phải nhìn thẳng vào chúng nữa.

- Tôi đã tỏ ra dửng dưng, - anh nói - Chính cô cũng có thể thấy điều đó. Phải nói thật là khó khăn lắm tôi mới kìm chế được lòng mình. Cô cứ nghĩ

lại mà xem, chưa bao giờ tôi đã động đến một lời nào về tình yêu mặc dù tôi rất yêu cô. Điều đó khó lắm chứ, nhất là đối với một người từ trước tới nay chỉ làm theo ý mình. Trong mọi việc tôi luôn luôn thúc giục mọi người là phải nhanh chóng. Ngay cả Thượng Đế mà lợi tuyệt với tôi cũng còn bị tôi thúc giục nữa đấy. Nhưng tôi chưa bao giờ thúc giục cô. Tôi cho rằng đó là vì tôi rất yêu cô. Dĩ nhiên là tôi muốn cô lấy tôi. Vậy mà có bao giờ tôi hở môi nói với cô về chuyện đó đâu. Chưa bao giờ tôi yêu cầu cô lấy tôi cả. Nhưng còn bản thân tôi thì sao? Liệu cô có hiểu về tôi đủ để có thể biết được tôi có hợp ý với cô hay không chưa? - Ánh Sáng Ban Ngày nhún vai - Tôi không rõ về điều đó, và tôi cũng chẳng muốn lợi dụng cơ hội để tìm hiểu về chuyện đó. Chính cô phải quyết định xem cô có thể chung sống với tôi được hay không, vì thế cho nên tôi phải nhẫn nại chờ đợi. Nhưng tôi sẽ không chịu để mất cô chỉ vì điều ấy.

Cách tỏ tình này thật Dede chưa bao giờ biết đến. Mà nàng cũng chưa nghe ai kể một chuyện tương tự như thế bao giờ. Hơn nữa, trong lời tỏ tình đó thiếu hẳn cái nồng nàn và hẳn cái nồng nàn và hẳn đã làm cho nàng ngạc nhiên nếu như nàng không kịp nhớ lại là đã có một lần bàn tay anh đã run rẩy, là trong ngày hôm đó và cả những ngày về sau nữa nàng vẫn luôn luôn chú ý thấy sự say đắm trong ánh mắt anh nhìn và trong giọng anh nói. Lúc này nàng cũng nhớ cả lời anh nói với nàng mấy tuần trước "Có lẽ cô không hiểu nhẫn nại là gì" - Anh đã nói như vậy và liền lúc đó kể cho nàng nghe câu chuyện bắn mấy con sóc bằng khẩu súng to nặng vào cái hôm anh Elijah Davis gần chết đói trên sông Stewan.

- Cô thấy không, - giọng anh nài nỉ, - Để được công bình, chúng ta cần gặp nhau thêm một thời gian trong mùa đông này. Hình như cô chưa quyết định dứt khoát xem cô có thể yêu tôi được không thì phải.

- Em đã quyết rồi, - nàng ngắt lời anh, - Em không dám tự cho phép mình chăm sóc ông. Hạnh phúc của đời em, không nằm ở chỗ đó. Ông Harnish ạ, em rất thích ông, nhưng tình cảm của em cũng chỉ dừng lại ở mức đó thôi.

- Có lẽ đó là do cô không ưa nếp sống của tôi đấy thôi!

Anh vừa trả lời vừa nghĩ đến sự phóng đảng mà báo chí đã gán cho anh cùng như cả về những lần cùng bạn bè phóng xe bạt mạng tìm vui mà dám

ký giả đã dựng thành những thiên phóng sự hết sức giật gân. Vừa nghĩ đến những điều này anh vừa tự hỏi không biết tính cả thẹn trịnh nữ của nàng có cho phép nàng nhận là đã nghe nói về lối sống phóng đảng đó của anh hay không.

- Không, em không thích, - nàng trả lời thẳng thừng khiến anh rất đổi ngạc nhiên.

- Tôi hiểu là mình đã quá mức trong các cuộc phóng xe mà báo chí đã đề cập đến, - anh cố bào chữa, - cũng như trong việc anh đã đánh bạn với những tay cuồng loạn quá.

- Ý em không muốn nói về những chuyện đó, - nàng nói, - mặc dù em cũng có nghe như vậy, và thú thật là cũng chẳng ưa gì cái trò đó. Điều mà em muốn má chỉ là cuộc đời ông nói chung, là công việc ông làm. Có nhiều phụ nữ có thể cưới những người như ông và cảm thấy hạnh phúc, nhưng em thì không. Nếu phải quan tâm chăm sóc cho những người như vậy thì em chỉ cảm thấy buồn khổ mà thôi. Mà một khi em buồn khổ thì người đó cũng chẳng thể nào hạnh phúc được. Đồng ý lấy một người như vậy sẽ là một sai lầm đối với em, mà về phần người ấy cũng làm lẫn lộn, mặc dù nói cho cùng thì làm lẫn lộn ấy cũng sẽ không làm người ấy đau khổ lắm vì anh ta còn có thể tìm vui trong công việc.

- Công việc? - Ánh Sáng Ban Ngày há hốc miệng vì kinh ngạc - Công việc tôi làm có gì sai đâu nào? Tôi chơi rất công bằng và thẳng thắn. Không có gì là mờ ám cả. Ngay cả những tổ hợp lớn hoặc những tay bán tạp hoá cò con lường gạt, dối trá cũng không được như vậy. Tôi chơi đúng luật, không dối trá, lường gạt hoặc nuột lòi với ai cả.

Dede cảm thấy nhẹ nhõm khi câu chuyện đã chuyển hướng và cho phép nàng nói thật ý nghĩ của mình.

- Ở xứ Hy Lạp thời cổ, - nàng bắt đầu nói như thể đang giảng bài, - một người chỉ được coi là một công dân tốt nếu người ấy chịu xây dựng nhà ở và trồng cây - nàng không đọc hết lời trích dẫn mà vội vàng kết luận ngay - Ông đã xây được bao nhiêu nhà ở và trồng được bao nhiêu cây nào?

Ánh Sáng Ban Ngày lắc đầu tỏ ý không hiểu nàng đông nói gì.

- À, - nàng nói tiếp, - Ông có nhớ là cách đây hai năm vào mùa đông ông đã thu mua than góp chứ?

- Cũng chỉ là chút đỉnh thôi, - anh toét miệng cười nhớ lại, - Chút đỉnh thôi, gọi là lợi dụng việc khan hiếm xe tải và cuộc đình công ở British, Colombia.

- Nhưng bản thân ông có tự tay mình đào được tí than nào đâu. Vậy mà ông đã đẩy giá than lên bốn đô-la một tấn và thu được khối tiền. Công việc của ông là như thế đó. Ông làm cho dân nghèo phải mất thêm tiền để mua than. Ông nói là ông chơi ngay thẳng thế mà ông lại thọc tay vào túi đến nghèo để cướp tiền của họ. Em biết chuyện đó lắm, bởi vì ở phòng khách nhà em cũng có lò sưởi. Thay vì giá loại than Rock Wells là mười một đô-la một tấn, em đã phải trả mười lăm đô-la vào mùa đông năm đó. Coi như ông đã cướp của em bốn đô-la. Em thì còn gắng gượng được, nhưng còn có cả hàng nghìn người dân nghèo không thể gắng gượng được như thế. Ông cứ việc coi đó là một canh bạc hợp pháp, nhưng em thì cho đó là một sự ăn cướp trắng trợn.

Ánh Sáng Ban Ngày chẳng thấy lúng túng gì, bởi vì chuyện Dede nói với anh chẳng có gì mới mẻ cả. Anh nhớ đến bà cụ ở vùng đồi Sonoma và hàng triệu những người khác như thế sinh ra là để bị cướp.

- Cô Mason, cô nghe đây này, tôi công nhận là lời cô nói cũng có phần đúng, song cô đã thấy tôi làm ăn lâu rồi nên thừa hiểu là tôi không hay cướp bóc của người nghèo. Chủ đích của tôi là nhằm vào kẻ giàu có. Chúng mới chính là con mồi của tôi. Chúng cướp của người nghèo, nên tôi phải cướp lại của chúng. Lúc tôi thu gom than, tôi đâu có cố tình đánh vào người nghèo. Tôi đánh vào bọn giàu có thế lực đấy chứ, nhưng chẳng may đụng cả đến dân nghèo. Hoàn toàn do tình cờ mà họ bị lôi vào cuộc và nhận lãnh hậu quả, vậy thôi.

- Cô thấy không, - anh nói tiếp, - toàn bộ chỉ là một canh bạc. Mỗi người đánh theo một cách riêng. Người nông dân đánh bạc với thời tiết và với giá cả nông sản trên thị trường. Tổ hợp Thép Hợp Chúng Quốc cũng là một bọn cờ bạc như vậy mà thôi. Còn có chán vạn bọn khác cũng chuyên đi cướp của người nghèo nữa kia, nhưng tôi không cho đó là công việc của tôi. Cô cũng hiểu đấy, tôi chỉ cướp lại của bọn cướp thôi.

- Ông đợi em một tí, - Dede nói - Em không định nói đến điều ấy đâu.

Rồi hai người cưỡi ngựa đi một đoạn trong im lặng.

- Em hiểu những nói ra không được rõ ràng cho lắm. Vấn đề như vậy nè. Có những công việc hợp pháp, và có những công việc phải nói là không hợp pháp lắm. Khi người nông dân vỡ đất trồng lúa thì anh ta đang làm một việc có ích cho con người. Nói theo một cách nào đó thì anh ta đã thực sự tạo ra của cải, tạo ra thóc gạo để kẻ đói có cái mà ăn.

Ánh Sáng Ban Ngày nói chen vào:

- Nhưng rồi công ty hoá xa và bọn đầu cơ phá rồi thị trường cùng với tất cả những bọn khác tiến hành cướp trắng cả số thóc gạo đó.

Dede mỉm cười đưa tay lên.

- Gượm đã ông làm em rối lên bây giờ. Dù cho họ có cướp tất cả của người nông dân và để mặc cho anh ta chết đói đi chẳng nữa thì cũng chẳng quan trọng gì. Điều quan trọng là số thóc gạo anh ta làm ra vẫn còn đó. Ông thấy không? Khi người nông dân làm ra được mười tấn thóc chẳng hạn, thì mười tấn đó vẫn hiện hữu trên cõi đời này. Công ty hoá xa sẽ chuyên chở số thóc gạo đó đến chợ, rồi từ chợ số thóc gạo đó lại chạy vào miệng người ta. Việc này có gì bất hợp pháp đâu. Nó cũng giống như người ta đem cho ông một ly nước hoặc lấy đi một cái dầm mà thôi. Điều cần thiết là ta phải làm một cái gì đó, phải sáng tạo ra một cái gì đó, như người nông dân làm ra thóc gạo vậy.

- Nhưng bọn công ty hoá xa sẽ cướp cái đó ngay, cướp bạo nữa kìa,
- Ánh Sáng Ban Ngày phản bác.

- Lúc đó thì công việc họ làm sẽ trở thành nửa hợp pháp nửa bất hợp pháp. Bây giờ chúng ta hãy bàn việc của ông nhé. Ông chẳng tạo ra được cái gì cả. Sau khi kết thúc công việc của ông, ông chẳng làm ra được cái gì mới cả. Chẳng hạn như cái vụ thu gom than ấy. Ông có đào nó đâu. Ông thấy không? Đây chính là điểm em muốn nói khi đã động về chuyện xây nhà và trồng cây. Ông chưa bao giờ xây được một căn nhà hoặc trồng được một cái cây nào cả.

- Tôi không thể ngờ rằng trên đời này lại có một người phụ nữ nói về chuyện làm ăn tài như vậy - Ánh Sáng Ban Ngày nói nhỏ, giọng khâm phục
- Cô nói cũng có nhiều cái đúng. Nhưng về phần tôi cũng chẳng phải là sai hoàn toàn. Cô nghe nhé. Tôi xin chia vấn đề thành ba hạng mục. Một là cuộc đời thật ngắn ngủi. Ngay những kẻ tài ba nhất chẳng mấy chốc cũng

chết cả thôi. Cuộc đời này cứ như một canh bạc lớn vậy. Một số người sinh ra đã may mắn, những kẻ khác thì kém may mắn hơn. Mọi người đều ngồi vào bàn bài, và kẻ này cố mà cướp của kẻ khác. Đa số sẽ bị cướp, vì họ bẩm sinh đã khờ khạo rồi. Ngay lúc đó một kẻ như tôi xuất hiện để bước vào cuộc. Trước mặt tôi chỉ có hai cách lựa chọn. Hoặc theo phe kẻ bị cướp, hoặc theo kẻ được cướp. Nếu theo cách thứ nhất, tôi sẽ chẳng được gì. Ngay một mẩu bánh mì để bỏ vào miệng cũng bị bọn ăn cướp giật mất. Tôi sẽ phải lao động quần quật suốt đời, đến chết vẫn phải lao động. Vậy mà tôi sẽ chẳng có gì hết. Suốt đời sẽ chỉ làm lưng, làm lưng và làm lưng. Người ta thường nói lao động là vinh quang. Tôi nói cho cô biết, cứ phải nai lưng ra mà làm thì chẳng có gì là vinh quang cả. Vậy thì chỉ còn cách đi với bọn ăn cướp và tôi đã làm thế. Tôi chọn cách đó để thắng, và đã thắng được nào xe cộ, nào là cái ăn ngon và nào là chăn êm nệm ấm. Hai là giữa việc ăn cướp một nửa theo kiểu bọn công ty hoá xa trong việc chuyên chở thóc gạo của nông dân đến tay người tiêu dùng và việc ăn cướp hoàn toàn, kiểu cướp của những kẻ cướp như tôi đã làm đó, thật chẳng có gì khác nhau cho lắm. Hơn nữa, cái kiểu cướp một nửa như thế chậm chạp quá, mà tôi thì lại muốn thắng nhanh kia.

- Nhưng mà ông muốn thắng để làm gì kia chứ? - Dede chất vấn - ông đã có hàng triệu bạc trong tay rồi còn gì. Ông đâu có thể lái hai xe một lúc hoặc nằm hai giường một lúc bao giờ.

- Điều thứ ba sẽ trả lời thắc mắc của cô đây, - anh nói - Thế này nhé. Con người và vạn vật sinh ra đã có những ý thích khác nhau. Loài thỏ thì thích rau cỏ. Loài linh miêu thì lại thích thịt. Giống vịt ham bơi, còn gà thì lại sợ nước. Người này thích sưu tầm tem, người kia thì thích bướm. Có kẻ chọn hội hoạ, có kẻ khoái chơi thuyền đua, kẻ khác nữa thì lại thích săn thú lớn. Có người chỉ thích đua ngựa, cho nó là nhất, người khác lại tìm vui với những cô đào hát. Họ chẳng thể nào không thích những điều đó được. Lỡ vậy rồi, biết làm sao bây giờ? Tôi thì có máu mê cờ bạc. Tôi thích món đó, thích chơi lớn và thắng nhau. Tôi sinh ra đã vậy rồi thì đành phải vậy thôi.

- Nhưng tại sao ông không dùng tiền để làm việc thiện?

Ánh Sáng Ban Ngày phá lên cười:

- Dừng tiền để làm việc thiện? Làm như vậy cũng chẳng khác gì tát vào mặt Thượng Đế và nói rằng ngài chẳng biết điều khiển cái thế giới này nên làm ơn đi chỗ khác chơi để tôi điều khiển giùm cho. Tôi thì chẳng thêm phí sức thức khuya để băn khoăn về cách làm ăn của Thượng Đế, nên suy nghĩ có hơi khác. Cô thử nghĩ mà xem có buồn cười hay không nếu tôi xông xáo, tay cầm gậy, tay cầm khoá đồng đập đầu thiên hạ cướp tiền, rồi sau khi đã kiếm được kha khá thì lại quay ra hối hận, bèn đi hết lơi này đến nơi kia bằng bó lại cái đầu mà những bọn cướp khác đã đập bể. Có tiền mà đi làm việc thiện thì cũng giống như vậy đấy. Cô cứ thử nghĩ mà xem. Vậy mà thỉnh thoảng cũng có kẻ trước kia từng đi căn cướp giờ lại mềm lòng để đi làm một tên tài xế lái xe cứu thương. Như cái lão Carnegie đấy, lão là một tay chuyên đập đầu thiên hạ hàng loạt. Biết bao cái đầu đã bị lão nghiền nát; lão đã chặn cướp của họ cả trăm triệu đồng vậy mà bây giờ lão lại đi đây đi đó chia lại số tiền ấy cho họ theo lối nhỏ giọt. Thế có buồn cười không cơ chứ? Cô cứ thử nghĩ mà xem.

Ánh Sáng Ban Ngày cuốn một điều thuốc và đưa mắt nhìn Dede vừa có vẻ chờ xem nàng sẽ trả lời thế nào vừa có vẻ giấu cợt. Lời giải đáp và những khái quát hoá nặng nề của anh về trường đời làm cho nàng bối rối, nên nàng đành phải trở lại với lối lập luận ban đầu.

- Em không thể tranh luận với ông được. Hẳn ông cũng biết thế. Người phụ nữ dù có đứng đến mấy chẳng nữa thì người đàn ông cũng tìm được cách nói cho xuôi. Tuy cách lập luận của họ nghe rất thuyết phục, cánh phụ nữ vẫn biết chắc là họ sai. Nhưng em xin hỏi ông thêm một điều này nữa - về nguồn vui sáng tạo thì sao? Nếu ông nói đó cũng là một cách đánh bạc thì tuy, nhưng em vẫn cho rằng sáng tạo ra được cái gì đó hoặc là ra được cái gì đó vẫn hay hơn là ngồi đấy mà đổ sức sức suốt ngày. Nhiều lúc, để vận động một chút, hoặc mỗi khi em phải trả mười lăm đô-la cho một tấn than, em thường bỏ ra nửa tiếng đồng hồ để chải chuốt lại cho con Mab. Và khi ngắm nhìn cái bộ lông sạch sẽ óng mượt như xa tanh của nó, em cảm thấy rất hài lòng. Người xây nhà hoặc trồng cây cũng cảm thấy thế. Anh ta có thể chiêm ngưỡng nó, bởi vì chính anh ta đã sáng tạo ra nó bằng đôi tay của mình. Ngay cả khi có một người như ông xuất hiện và cướp cái cây khỏi tay anh ta thì cái cây vẫn còn đó và vẫn chính anh ta là người đã sáng

tạo ra nó. Điều đó thì ông không thể cướp đi được, ông Harnish ạ, cho dù ông có cả bạc triệu trong tay cũng thế thôi. Đây chính là niềm vui trong sáng tạo nó lớn lao hơn cái niềm vui của việc đánh bạc nhiều. Bộ ông chưa từng tự tay mình sáng tạo ra cái gì sao - một căn nhà gỗ trên vùng sông Yukon, hoặc một chiếc xuồng, hoặc một chiếc bè chẳng hạn? Bộ ông không nhớ là mình đã cảm thấy hay hay, thoả mãn thế nào trong khi hoặc sau khi đã tạo ra chúng hay sao?

Trong khi nghe nàng nói, đầu óc anh liền nhớ lại tất cả những điều nàng vừa gợi lên. Anh thấy lại bờ đất bằng bên cạnh dòng Klondike, thấy lại những căn nhà gỗ và nhà kho đã mọc lên ở đó, cũng như tất cả những căn nhà khác mà anh đã dựng lên, cả những trai cưa làm việc ba ca cả ngày lẫn đêm.

- Chết thật, cô Mason ạ, lời cô nói cũng có phần đúng đấy. Tôi đã dựng cả căn nhà ở vùng đó. Tôi cũng nhớ là mình đã vui sướng và hãnh diện biết bao khi chúng kiến chúng mọc lên. Bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn thấy hãnh diện. Lại còn cả cái vùng Ophir nữa chứ. Có nhìn thấy nó cô mới hiểu cái cánh đồng hươu ở vùng lạch đó đã bị Thượng Đế bỏ hoang như thế nào. Vậy mà tôi đã biến nó thành một khu quan trọng đấy. Tôi đã dẫn nước từ khu Rinkabiui cách đó tám mươi dặm về. Người ta cứ bảo là không làm được chuyện đó, vậy mà tôi vẫn cứ làm, mà làm một mình nữa chứ. Tôi đã phải bỏ ra bốn triệu đô-la để làm cái đập và hệ thống dẫn nước. Nhưng cô phải nhìn thấy cái vùng đó thì mới hiểu được là tôi đã làm được gì - nào là nhà máy điện, đèn điện sáng choang này, rồi hàng trăm người thợ được tôi trả công làm việc suốt cả ngày đêm này. Tôi hiểu điều cô muốn nói khi bảo phải sáng tạo ra một cái gì đó. Chính tôi đã tạo ra cái vùng Ophir ấy. Trời ơi, nó mới thật tuyệt làm sao? Xin lỗi cô, tôi đã lỡ miệng, nhưng cái vùng Ophir đó mới thật là - lúc này tôi vẫn cảm thấy hành diện về nó, hết như cái lần cuối cùng tôi nhìn nó vậy.

- Trong vụ ấy, ngoài tiền ra ông còn được cả những cái khác nữa thấy chưa, - Dede nói khích - ông có biết nếu em có nhiều tiền và bị buộc đi vào kinh doanh thì em sẽ làm gì không nào? Em sẽ mua tất cả dải sườn đồi quay về hướng tây nam đó, rồi em sẽ cho trồng cây bạch đàn. Đương nhiên em sẽ làm việc đó để tìm vui thôi, nhưng giả dụ em cũng có máu mê cờ bạc theo

kiểu ông nói đó, thì em vẫn cứ trồng loại cây ấy rồi bán đi để lấy tiền. Ở đây còn có một điểm nữa mà em đã nói, là thay vì đẩy giá than lên trong khi không tự tạo ra được ounce than nào thêm cho thị trường, em có thể tạo ra cả ngàn cord(1) củi đất - tức là từ chỗ không có mà làm cho có. Lúc đó bất cứ ai đi phà ngang qua vùng này cũng đều nhìn lên những sườn đồi phủ cây đó mà lấy làm sung sướng. Lúc ông đẩy giá than Rock Wells lên thêm bốn đô-la một tấn thì thử hỏi có ai thấy sung sướng gì không chứ?

Lần này Ánh Sáng Ban Ngày im lặng một hồi lâu. Dede cố chờ câu trả lời của anh.

- Bộ cô mong muốn tôi làm chuyện đó ư? - sau cùng anh hỏi.

- Làm như vậy chỉ có lợi cho mọi người và cho cả bản thân ông thôi, - nàng trở lời như thể nàng chẳng can dự gì đến chuyện ấy cả.

Chú thích:

(1) cord (coóc): đơn vị đo củi Anh bằng $3,63m^3$

PHẦN II - Chương 16

Suốt tuần lễ sau đó, mọi người làm việc trong văn phòng đều nhận thấy hình như Ánh Sáng Ban Ngày lúc nào cũng mãi nghĩ đến một điều gì đó mới mẻ và lớn lao. Đã nhiều tháng qua, ngoài những vụ làm ăn nhỏ nhặt, anh chẳng chú ý gì đến những chuyện khác cả. Giờ đây hầu như lúc nào anh cũng mãi mê, lúc thì làm những chuyến đi dài ngày và bất ngờ qua vùng vịnh đến Oakland, lúc thì lại ngồi im lặng tại bàn làm việc với những suy nghĩ của mình. Thỉnh thoảng lại có người đến gặp gỡ bàn chuyện với anh. Họ đều là những người lạ mặt và tư cách của họ khác hẳn với những kẻ từ trước đến nay vẫn đến liên hệ với anh.

Ngày chủ nhật tuần đó, Dede nghe anh nói.

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về cuộc nói chuyện giữa chúng ta, - anh mở đầu như vậy, - và tôi chợt có ý định cứ thử làm theo lời cô xem sao. Tôi có một kế hoạch này hẳn làm cho cô phải dựng tóc gáy Theo như cách hiểu của cô thì việc này hoàn toàn hợp pháp nhưng phải thú thật là nó kinh khủng đến độ chẳng có ai dám xâm mình vào cả. Cô nghĩ sao về việc trồng phút đại trà, thay vì trước kia chỉ có ruột phút thì bây giờ ta làm cho nó thành hai phút nào? Ủ, rồi cũng cần trồng thêm một ít cây nữa - cứ cho là khoảng vài triệu gốc đi. Cô còn nhớ cái mỏ đá mà trước kia tôi đã phía với

cô là tôi định mua không? Ừ, tôi sẽ mua nó thật đấy. Và mua cả những khu đồi này nữa, suốt một dải kéo dài từ đây vòng lên đến Berkeley rồi quặt theo hướng kia xuống đến tận San Leandro(1). Tính đến hôm nay thì một số lớn đất đai đó đã thuộc quyền sở hữu của tôi rồi. Song tôi chưa hề hỏi môi nói với ai về chuyện ấy, bởi vì như vậy sẽ tránh được việc giá đất sẽ nhảy vọt lên đến tận trời. Cô thấy ngọn đồi đằng kia không? Đó là ngọn đồi mà tôi đã mua đấy. Sườn của nó chạy qua Piedmont, ăn dài đến giữa rặng đồi chập chùng ở xa kia vào tận Oakland. Vậy mà so với số đất tôi sẽ mua thì dãy đồi ấy cũng chả thấm vào đâu cả.

Anh ngừng nói, vẻ đắc thắng.

- Ông làm tắt cả chuyện đó chỉ để biến một phút thành hai phút thôi ư?

- Dede hỏi và phá lên cười vui vẻ khi thấy anh làm bộ ra vẻ bí mật.

Anh nhìn nàng ngây ngất. Cái kiểu hất đầu về phía sau trong lúc cười của Dede có vẻ bộc trực như một chàng trai. Ngay cả hàm răng của nàng cũng làm anh thích thú, bởi vì tuy không được nhỏ nhắn lắm, song hàm răng đó đều và chắc và hoàn hảo đến độ anh cho rằng chưa bao giờ được thấy ai có hàm răng đẹp, trắng và sạch đến như vậy. Anh đã bỏ ra nhiều tháng trời để so sánh hàm răng đó với hàm răng của những người đàn bà mà anh gặp.

Chờ cho nàng cười xong anh mới tiếp tục nói.

- Cái hệ thống phà từ Oakland qua San Francisco là hệ thống chậm chạp tệ hại nhất nước Mỹ. Cô phải qua đò mỗi ngày. Như vậy là một tuần sáu ngày, một tháng là hai mươi lăm ngày, và một năm là ba trăm ngày. Cứ mỗi lượt đi hoặc về như vậy thì có mất bao nhiêu thời gian nào? Ít ra cũng phải mất bốn mươi phút, ấy là nếu cô may mắn đấy. Tôi sẽ chờ cô qua trong vòng hai mươi phút thôi. Như vậy không phải là làm một phút biến thành hai phút thì là gì nào. Mỗi một lượt như vậy tôi sẽ tiết kiệm cho cô hai mươi phút, mỗi ngày đi về như vậy tôi sẽ tiết kiệm cho cô hai mươi phút, mỗi ngày đi về như vậy là bốn mươi phút, nhân với ba trăm ngày thì được mười hai ngàn phút mỗi năm. Vậy mà mới chỉ tiết kiệm cho có một mình cô thôi đấy nhé, mới có một người thôi đấy nhé. Xem nào như thế là được cả thảy hai trăm giờ. Nếu tôi có thể tiết kiệm mỗi năm hai trăm giờ cho hàng ngàn người khác thì đó cũng là một kiểu trông trọt phải không nào?

Dede chỉ có thể vừa run thở vừa gật đầu. Nàng đã bị lây cái nhiệt tình của anh, mặc dù bản thân nàng chưa hình dung được cách để thực hiện cái dự án tiết kiệm thời gian này.

- Cô lại đây, - anh nói, - chúng ta hãy đi ngựa lên ngọn đồi kia. Đứng trên đỉnh đồi ấy thì có thể nhìn thấy rõ hơn, rồi tôi sẽ nói cho cô nghe.

Một con đường nhỏ đưa họ xuống đáy một thung lũng hẹp khô ráo. Sau khi băng qua đó, họ bắt đầu leo lên đồi. Sườn đồi dốc, có những bụi cây đan chằng lầy nhau khiến ngựa cứ vấp chúi về phía trước. Con Bob bực mình nên bất thành linh nó quay ngoắt lại định vượt ngang con Mab để xuống đồi. Con ngựa của Dede bị đẩy giạt qua một bên vướng vào một bụi cây rạp rạp hơn khiến nó loạng choạng suýt té. Khi đã lấy lại thăng bằng, con Mab hất mình nẩy vào con Bob khiến chân của hai người ngồi trên lưng ngựa móc dính vào nhau.

Lúc con Bob tiếp tục phóng xuống đồi, Dede suýt bị kéo tuột khỏi mình ngựa chồng vó ngồi bệt xuống đất và kéo Dede trở lại yên ngựa của nàng. Sau nhiều lần gặp khó khăn như vậy, chịu để cành lá rớt rào rào lên người, họ mới tới được đỉnh đồi; áo quần xóc xếch, nhưng rất vui và hào hứng. Từ trên đỉnh đồi, tầm nhìn của họ không bị cây cối che khuất, vì ngọn đồi mà họ đang đứng nằm nhô hẳn ra khỏi dãy đồi nên họ có thể nhìn khắp ba phía. Bên dưới, chỗ đất bằng nằm sát bờ vịnh là Oakland, còn phía bên kia vịnh là San Francisco. Đứng ở khoảng giữa hai thành phố đó, họ có thể nhìn thấy những chiếc phà trắng đang trôi trên mặt nước. Ở phía tay phải của họ là Berkeley, còn phía tay trái là vài ngôi làng nằm rải rác giữa Oakland và San Leandro. Ngay sát dưới chân họ là Piedmont với những mái nhà và những mảnh đất canh tác nằm không theo một hàng lối nào cả. Từ Piedmont mặt đất lượn sóng dài đến tận Oakland.

- Cô nhìn xem- Ánh Sáng Ban Ngày nói và đưa tay khoát một vòng rộng lớn, - Có cả trăm ngàn người ở đó. Mà cũng có thể đến nửa triệu không chừng. Chúng ta có thể làm cho chỗ trước kia chỉ có một người ở trở thành một nơi sẽ có năm người đến ở. Nói tóm lại kế hoạch của tôi là như vậy. Tại sao thiên hạ lại không thềm đến sống ở Oakland? Chỉ vì không tiện đường đi lại với San Francisco. Hơn nữa Oakland đang còn say ngủ. Dĩ nhiên là sống ở đây thoải mái hơn ở bên San Francisco nhiều. Thế này nhé,

tôi sẽ mua lại tất cả hệ thống đường hoả xa của Oakland, Berkeley, Alameda, San Leandro và tất cả những nơi còn lại. Tôi sẽ gom chúng lại dưới một đầu mối điều hành hữu hiệu duy nhất. Rồi tôi sẽ giảm phân nửa thời gian đi phà qua San Francisco bằng cách xây một bến đò lớn ở chỗ kia, kéo dài đến tận Đảo Con Dê và thiết lập một hệ thống phà với những chiếc phà hiện đại. Dĩ nhiên lúc đó thiên hạ sẽ thích qua bên này sống hơn. Được thôi. Họ sẽ cần đất để cất nhà. Như vậy tôi phải mua đất trước đã. Đất bây giờ rất rẻ. Cô biết tại sao không? Tại vì bây giờ nó còn là vùng quê, không có đường xe điện và những phương tiện giao thông nhanh chóng, và chẳng ai ngờ nổi là vùng quê, không có đường xe điện. Tôi sẽ làm những đường xe điện này. Lúc đó giá đất sẽ vọt lên cao. Tôi sẽ tha hồ mà bán, bởi vì khi thấy đã có hệ thống phà và hệ thống chuyên chở tốt xuất hiện, thiên hạ sẽ đổ xô qua đây mua đất cất nhà. Cô thấy đấy, tôi đem lại giá trị cho vùng đất bằng cách xây đường xe điện. Sau đó tôi sẽ bán đất đi để thu hệ thống đường xe điện chở thiên hạ đi đây đi đó. Món ấy cũng đem lại khối tiền. Không thể lỗ được. Tiền thu được kể ra cũng phải đến bạc triệu chứ chẳng chơi. Tôi cũng sẽ mua lại một phần bờ và những chỗ đất nổi kéo dài từ chỗ bến tàu cũ đến chỗ mà tôi sẽ xây bến tàu mới nữa. Chỗ đó nước nông, nhưng tôi sẽ cho nạo vét cho sâu thêm rồi xây hẳn một hệ thống cảng có thể chứa được hàng trăm thuyền bè. Bờ bên San Francisco đã chật cứng rồi, không còn chỗ cho tàu đậu nữa. Khi ở bờ bến đây đã có hàng trăm chiếc tàu có thể bốc dỡ hàng hoá lên thẳng những chuyến xe lửa chở hàng chạy trên ba hệ thống đường ray lớn rồi thì các xí nghiệp sẽ mọc lên ở bên này thay vì phải qua bên San Francisco. Như vậy phải chuẩn bị sẵn mặt bằng cho các xí nghiệp chứ gì? Tôi sẽ mua sẵn những mặt bằng đó trước khi thiên hạ kịp hiểu ra. Mà đã có xí nghiệp rồi thì sẽ có theo cả chục ngàn công nhân và gia đình của họ. Tức là cần có đất để xây nhà. Lúc đó tôi sẽ tiếp tục bán đất cho họ.

Hàng chục ngàn công nhân và gia đình họ cũng lại có nghĩa là hàng chục ngàn đồng tiền năm xu chạy vào túi tôi mỗi ngày, bởi đơn giản là họ phải sử dụng xe điện của tôi. Dân số ở đây càng tăng thì càng cần có nhiều cửa hàng, ngân hàng và mọi thứ khác nữa. Thiên hạ sẽ phải cần đến tôi. Bởi

vì chỉ có tôi mới có nhà ở và cơ sở làm ăn để bán cho họ mà thôi. Sao, cô thấy kế hoạch đó thế nào?

Trước khi nàng kịp trả lời, anh lại nói tiếp rồi. Đầu óc anh chứa đầy hình ảnh của cái thành phố mới trong mơ mà anh xây dựng lên giữa những dãy đồi vùng Alameda cạnh cửa ngõ dẫn về phương Đông.

- Cô biết không, tôi đã tra cứu sách vở và thấy rằng Vịnh Clyde, nơi mà người ta đóng những con tàu thép, cũng không rộng bằng phân nửa lạch Oakland, nơi có mấy chiếc tàu cũ kĩ đang đậu dưới kia kia. Vậy thì sao nó không biến thành một cái Vịnh Clyde được cơ chứ? Cũng chỉ vì Hội Đồng Quản trị thành phố Oakland chỉ lo cãi nhau về mận và nho thôi. Cần có một người nào đó thấy được vấn đề, và sau đó là đứng ra tổ chức. Tôi sẽ làm việc đó. Kinh nghiệm vụ Ophir sẽ giúp tôi trong vụ này. Một khi công việc đã bắt đầu chạy rồi thì tư bản bên ngoài sẽ đổ vào. Lúc ấy tôi sẽ chỉ cần đứng ra khỏi công là xong. Tôi sẽ nói với họ: "Thưa quý ông, vùng đất này có đủ sự ưu đãi của thiên nhiên để biến thành một đô thị lớn. Thượng Đế đã phú cho nó những ưu đãi đó và đưa tôi đến đây để nhận mặt chúng. Các ông có muốn bóc dỡ trà và tơ lụa từ châu Á đến và chở thẳng chúng về miền Đông không nào? Vậy thì đây, có cả bến cảng cho tàu bè của các ông đậu lẫn đường xe lửa để chở hàng. Các ông muốn có những xí nghiệp thuận tiện đường tàu và xe không nào? Vậy thì xin thưa với các ông là có sẵn mặt bằng cho các ông xây xí nghiệp đây, và có cả một thành phố hiện đại với tất cả những tiện nghi mới nhất để các ông và công nhân của các ông có thể sống thoải mái". Lại còn vấn đề nước sinh hoạt nữa chứ. Tôi sẽ cố mua cái khu trữ nước và luôn cả những công ty cấp nước nữa. Tại sao không nhỉ? Hiện giờ ở Oakland có hai công ty cấp nước suốt ngày chỉ lo chửi nhau như chó với mèo và đã gần sập tiệm cả rồi. Mà một thành phố hiện đại thì cần phải có một hệ thống cung cấp nước cho thật tốt. Hai công ty đó đâu làm nổi điều này. Họ đã lún sâu vào bùn rồi thì còn ngo ngậy gì được. Tôi sẽ nuốt chửng họ để rồi đem lại đúng cái mà thành phố cần. Tiền không đây chứ. Rờ chỗ nào cũng ra tiền. Mọi chuyện phải thật ăn khớp với nhau. Bất cứ một khâu nào được cải tiến cũng làm tăng giá trị của những thứ khác. Chỉ có dân chúng là lết đệt theo sau giá trị mà thôi. Người ta cùng tụ lại một chỗ nào đó đông bao nhiêu thì giá trị bất động sản ở đó tăng bấy nhiêu. Mà

cùng đất này chính là nơi để thiên hạ tụ về. Cô cứ nhìn xem, cứ nhìn là thấy ngay. Không đâu có thể có có được đất để xây dựng một thành phố lớn tốt hơn ở đây. Điều cần thiết là làm sao để thu hút thiên hạ tụ về đây. Tôi tin là có thể xua khoảng vài trăm ngàn người về chỗ này trong vòng hai năm tới. Trong chuyện này không có gì là lường gạt bất hợp pháp mà hoàn toàn hợp pháp. Trong vòng hai mươi năm nữa sẽ có một triệu người đến sống bên này bờ vịnh. Lại còn vấn đề khách sạn nữa. Trong khắp vùng này chẳng tìm đâu được một cái cho ra hồn cả. Tôi sẽ cho xây dựng đăm ba cái thật hiện đại đến nỗi thiên hạ phải ngồi bật dậy mà chú ý. Tỉ như trong mấy năm đầu những khách sạn này không đem lại lãi thì tôi cũng chẳng cần. Nội tác dụng của chúng không thôi cũng đã dư sức để bù vào chỗ đó, bởi vì tôi sẽ thu được rất nhiều tiền nhờ bán những khoản đất khác. Mà rồi tôi cũng cho trồng cả cây bạch đàn nữa, trồng cả triệu gốc, ngay trên những ngọn đồi này đây.

- Nhưng làm sao ông có thể thực hiện được tất cả những điều đó? - Dede hỏi - Ông sẽ không đủ tiền để làm như dự tính đâu.

- Bây giờ tôi có ba mươi triệu đô-la. Nếu có cần thêm tôi sẽ đi vay nhờ có đất đai và những thứ khác bảo hiểm. Việc trả lãi cho khoản vay mượn này sẽ chẳng thấm gì so với giá trị tăng vọt của đất. Mà lúc đó thì tôi có thể bán đất để có tiền rồi.

Suốt những tuần lễ kế tiếp Ánh Sáng Ban Ngày lúc nào cũng bận rộn. Anh suốt ngày ở Oakland, ít khi về văn phòng làm việc. Anh còn dự tính sẽ dời văn phòng về hẳn Oakland, nhưng, như anh đã nói với Dede, chiến dịch đầu tiên là mua đất cần phải làm cho trót lọt một cách kín đáo. Cứ đến ngày chủ nhật, khi thì đứng trên mỏm đồi này khi thì trên mỏm đồi khác, họ cùng nhìn xuống khu thị trấn có trang trại bao quanh, và Ánh Sáng Ban Ngày chỉ cho Dede thấy những khoảnh đất mà anh vừa mua được. Lúc đầu những chỗ đất này còn nằm rải rác mỗi nơi một khoảnh.

Nhưng sau nhiều tuần, những khoảnh đất mà anh chưa mua được cứ hiếm dần đến nỗi cuối cùng chúng chỉ còn là những hòn đảo nằm lẻ loi giữa vùng đất mênh mông của Ánh Sáng Ban Ngày.

Một công việc lớn lao như vậy cần phải được tiến hành thật nhanh chóng, bởi vì chẳng mấy chốc thì Oakland và những vùng phụ cận đã cảm

nhận được việc mua bán lớn lao đó. Nhưng được cái là Ánh Sáng Ban Ngày có sẵn tiền mặt, hơn nữa chính sách của anh từ trước đến nay vẫn là làm ăn gọn lẹ. Trước khi mọi người có thể nhận biết được những dấu hiệu về các hoạt động tích cực của anh. Ánh Sáng Ban Ngày đã lặng lẽ làm xong nhiều việc: Cùng lúc với việc nhân viên của anh đang bận mua những lô đất bên rìa hoặc ở ngay trung tâm khu thương mại cũng như những khoảnh đất hoang để chuẩn bị mặt bằng cho xí nghiệp. Ánh Sáng Ban Ngày cũng liên tiếp nộp đơn lên Hội Đồng Quản Trị thành phố và đã xin được phép thầu lại hai công ty cấp nước đã kiệt quệ cũng như tám, chín đường xe lửa của tư nhân.

Anh cũng nắm được trong tay quyền sử dụng Lạch Oakland và những khu đất nổi tiếng vịnh sẵn sàng để xây dựng hệ thống bến cảng. Trong nhiều năm qua, chủ quyền về những khu đất nổi này vẫn thuộc vòng tranh chấp. Ánh Sáng Ban Ngày đã giải quyết chuyện này một cách táo bạo. Một mặt anh mua chúng từ này từ những kẻ nhận là sở hữu chủ, mặt khác anh xin chính quyền cho phép anh được thuê lại chúng.

Khi Oakland bắt đầu nhận biết được những hoạt động bất bình thường trong mọi hướng này và ồn ào tự hỏi xem điều đó có nghĩa gì thì Ánh Sáng Ban Ngày cũng đã bí mật mua đứt luôn hai tờ báo chính của Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ, rồi ngang nhiên dọn về cơ sở mới. Vì cần cho những hoạt động lớn lao, cơ sở mới này chiếm hẳn bốn tầng lầu của một toà nhà hiện đại duy nhất trong thành phố - Theo lời của Ánh Sáng Ban Ngày thì đây là toà nhà duy nhất mà sau này sẽ không bị đập bỏ. Trong cơ sở mới này có đến cả hai mươi phòng làm việc với hàng trăm nhân viên và thư ký đánh máy. Anh nói với Dede:

- Bây giờ tôi đã nắm trong tay một số lượng công ty nhiều hơn cô có thể đếm được. Tôi đã nắm được Nghiệp Đoàn Nhà đất Alameda và Contra Costa. Liên Hiệp Công ty cấp nước. Công ty bất động sản Piedmont, Công ty khách sạn Fairview và Portola và khoảng nửa tá những công ty khác mà muốn nhớ hết thì chỉ còn cách tham khảo lại sổ tay mà thôi. Lại còn cả trại giặt ủi Piedmont và Liên Hiệp Mỏ đá Redwood nữa chứ. Mới đầu tôi chỉ có cái mỏ đá cũ đó thôi, nhưng sau đó tôi cứ mua gom dần, cho nên giờ đây đã nắm trong tay tất cả những cái khác. Hoặc như cái công ty đóng tàu mà tôi

chưa kịp đặt tên. Biết là sẽ cần phà nên tôi đã quyết định tự đóng lấy. Những chiếc phà sẽ được hoàn tất ngay khi cầu tàu đã sẵn sàng để đón chúng. Trời ơi, chắc chắn là tôi sẽ nắm được gáy bọn chúng thôi. Bọn chúng vừa mới nhào vô kiểm ăn là tôi đã triệt chúng rồi.

- Nhưng tại sao ông lại căm ghét họ đến thế cơ chứ? - Dede hỏi.

- Bởi vì chúng là những quân đồn mạt.

- Nhưng công việc của ông và họ thì có khác với nhau?

- Đúng vậy, công việc không khác, nhưng cách tiến hành thì lại khác.

- Ánh Sáng Ban Ngày nhìn nàng với vẻ suy tư - Khi tôi nói chúng là những quân đồn mạt thì ý của tôi đúng là như vậy. Một lũ đồn mạt. Chúng huênh hoang là những tay chơi bạc mà chẳng đứa nào có đủ can đảm để làm một tay chơi thực thụ cả. Bọn chúng chỉ giỏi hù dọa, nước bài thì nhỏ mà muốn tố cho thật nhiều để thiên hạ ớn. Nếu cô biết chơi xì phè thì sẽ hiểu điều này. Bọn chúng chỉ là lũ thỏ đuôi bông mà lại làm ra vẻ sói rừng ghê gớm lắm. Chúng lúc nào cũng ra vẻ sắp nuốt chửng một cái gì đó, vậy mà vừa thấy có dấu hiệu rắc rối là đã vội vàng cúp đuôi chạy biến vào bụi rậm. Chẳng hạn như khi bọn cá mập muốn bán tổng bán tháo những cổ phiếu của Mỏ Đồng Nhỏ đi cho rảnh nợ, chúng liền phái Jakey Fauow đến Thị trường Chứng Khoán Nữ Ước hét toáng lên: "Tôi sẽ mua tất cả hoặc một phần các cổ phiếu Mỏ đồng Nhỏ với giá năm mươi lăm đô là mỗi cổ phiếu!" Lúc đó mỗi cổ phiếu của Mỏ Đồng Nhỏ giá chỉ có năm mươi bốn đô-la.

Chỉ ba mươi phút sau, bọn tái phiệt thỏ đuôi bông- một số người gọi chúng là những nhà tư bản tài chính - vội vàng đẩy giá cổ phiếu của Mỏ Đồng Nhỏ lên đến sáu mươi đô-la. Vậy mà mới được có một tiếng đồng hồ sau thì bọn chúng đã hoảng hốt vừa cúp đuôi chạy vừa rao bán cổ phiếu với giá bốn mươi lăm thậm chí còn có bốn mươi đô-la mà thôi. Lũ thỏ đuôi bông này chỉ là công cụ của bọn cá mập mà thôi. Hễ chúng vừa cướp của dân ngu được tí gì là bọn cá mập liền nhào đến phỗng tay trên của chúng ngay tức khắc. Cũng có khi bọn cá mập sử dụng chúng để cướp lẫn của nhau. Chính nhờ như vậy mà bọn "Tổ hợp kinh doanh" đã nuốt chửng được Công ty Than - Sắt Chattanooga trong phút hoảng loạn cuối cùng đấy. Chính bọn "tổ hợp kinh doanh" đã tạo ra cuộc hoảng loạn đó. Để đánh gục một số công ty ngân hàng lớn đồng thời để o ép những tay cá mập khác,

bọn "tổ hợp kinh doanh" đã cố tình làm cho lũ thỏ đuôi bông phát hoảng lên. Khi lũ này đã phát hoảng lên thì kể như rồi.

Bọn "tổ hợp kinh doanh" chỉ cần mua gom cổ phiếu của Công Ty Than - Sắt Chattanooga là xong. Bất kỳ người nào có chút can đảm và hiểu biết cũng có thể làm cho lũ thỏ đuôi bông đó phát hoảng lên được. Bản thân tôi không thực sự ghét bỏ gì chúng, nhưng tôi cũng chẳng cần phải kính trọng lũ người chuyên hù dọa mà thực sự thì lại nhát như cáy ấy làm gì.

Chú thích:

(1) *San Leandro: thành phố ở phía Tây tiểu bang California phía Đông Nam Oakland.*

PHẦN II - Chương 17

Suốt mấy tháng trời. Ánh Sáng Ban Ngày cứ phải bù đầu với công việc. Tiền bỏ ra thật khủng khiếp mà chẳng thấy khoản thu vào. Mặc dù giá đất ởOakland có lên cao, song thành phố vẫn chưa chính thức công nhận sự xâm nhập của anh vào nền tài chính xứ này. Toàn thành phố vẫn có ý chờ xem anh tính làm gì nên anh bèn bắt tay ngay vào việc Tất cả những bộ óc tuyệt vời về vấn đề thị trường đều được anh thuê làm trong những bộ phận khác nhau. Anh không chấp nhận sai lầm dù là ở bước đầu, và muốn là đã khởi công thì phải đúng. Có thể thấy được điều này qua việc anh thuê Wilinson. Anh đã tăng hầu như gấp đôi số lượng vốn đã rất cao của Wiklkinson và móc anh ta từ Chicago về đây để lo khâu tổ chức đường xe lửa.

Những toán phu lục lọi làm việc suốt ngày đêm. Và cũng suốt ngày đêm các máy đóng cừ cứ động thành thịch những cây cột lớn xuống lớp bùn của Vịnh San Francisco. Bến tàu sẽ kéo dài ba dặm. Tất cả rừng cây bạch đàn già trên các ngọn đồi ở Berkeley bị đốn sạch để làm cột đóng cừ.

Cùng lúc với việc xây dựng đường xe điện chạy qua các vùng đồi, anh cũng cho đo đạc và phân lô những cánh đồng cỏ khô thành các khu đô thị, có cả những đại lộ ngoằn ngoèo và những khu công viên theo những phương pháp tối ưu nhất.

Những con đường lớn được đắp đất cho bằng mặt, có những hệ thống cống rãnh và ống dẫn nước hoàn chỉnh trước khi mặt đường được rải nhiều lớp sỏi đá lấy từ các mỏ đá của Ánh Sáng Ban Ngày. Lề đường cũng được

tráng xi măng sẵn. Người mua sau này chỉ việc chọn lô đất và kiểu kiến trúc là có thể khởi công xây cất. Những đường xe điện do anh mới xây dựng giúp việc giao thông với vùng Oakland rộng lớn được chóng vánh đến độ tuy hệ thống phà chưa hoạt động mà đã có đến hàng trăm ngôi nhà mọc lên rồi. Tiền lãi do việc bán đất thu lãi thật lớn. Chỉ trong một ngày thôi nhờ bung tiền ra mà anh đã biến những vùng đồng quê trước kia thành những khu nhà ở tốt nhất thành phố.

Nhưng số tiền lãi thu được qua việc bán đất này liền được Ánh Sáng Ban Ngày đổ vào những việc đầu tư khác. Nhu cầu về xe điện lớn đến nỗi chính anh phải cho lắp đặt những xưởng máy để chế tạo chúng. Tuy giá đất trên thị trường đang tăng, anh vẫn tiếp tục mua vào những cơ sở cũng như những khoảnh đất lý tưởng cho việc xây dựng xí nghiệp sau này. Theo lời khuyên của Wilkinson, anh cho xây dựng lại hầu như tất cả những thanh ray chắc chắn nhất mà người ta có thể chế tạo được. Anh cũng mua lại các lô đất bên rìa nằm ngay những khúc ngoặt của những con đường nhỏ rồi chuyển giao chúng cho thành phố để cải tạo thành những khúc quanh rộng lớn tiện lợi cho việc đặt đường ray giúp xe điện đạt tốc độ nhanh.

Ngoài tuyến đường sắt chính anh còn cho xây dựng những tuyến đường phụ giúp cho những con tàu tốc hành chạy từ bất cứ vùng nào thuộc Oakland, Alameda, và Berkeley đến thẳng bến phà. Anh cũng cho đặt hệ thống cấp nước theo quy mô rộng lớn như vậy. Anh hiểu là việc đầu tư vào đất đai chỉ có thể thành công khi đã làm cho vùng đất đó có được mọi thứ tiện nghi hoàn hảo nhất. Ý anh muốn Oakland phải trở thành một đô thị xứng đáng. Ngoài những khách sạn lớn, anh còn cho xây công viên để dân thường giải trí cũng như những phòng trưng bày tranh tường và các hội quán cho những giới chọn lọc hơn. Ngay khi dân số trong vùng chưa tăng thì lượng lưu thông trên các đường xe điện đã tăng lên một cách rõ rệt rồi. Trong tất cả các kế hoạch của Ánh Sáng Ban Ngày chẳng có gì là viễn vông cả. Việc đầu tư của anh là hoàn toàn đúng đắn. Phải có một nhà hát hạng nhất cho Oakland, anh nói thế, và sau khi thất bại trong việc vận động tài chính địa phương, anh đã tự đứng ra xây dựng nhà hát. Chỉ có anh mới tin chắc rằng hai trăm ngàn người mới sẽ đến ở tại thành phố này.

Tuy công việc có căng thẳng đến thế nào chăng nữa. Ánh Sáng Ban Ngày vẫn dành riêng ngày chủ nhật để cưỡi ngựa dạo chơi ở vùng đồi. Nhưng không phải vì mùa đông năm ấy trời mưa nhiều mà những cuộc cưỡi ngựa chung với Dede phải chấm dứt. Một buổi chiều thứ Bảy tại phòng làm việc, nàng báo cho anh biết là đừng chờ nàng vào ngày hôm sau nữa. Khi anh yêu cầu nàng giải thích lý do, nàng đáp:

- Em đã bán con Mab rồi.

Ánh Sáng Ban Ngày đứng chết trân trong một lúc. Việc nàng bán ngựa là một trong các sự việc nghiêm trọng mà anh không thể phân loại nổi. Có thể đó là một sự phản bội. Có thể là Dede đang gặp khó khăn về tài chính. Hoặc có thể là nàng muốn dùng cách đó để báo cho anh hiểu là nàng không còn muốn gặp anh nữa. Hoặc cũng có thể là...

- Có chuyện gì xảy ra vậy? - cuối cùng anh cũng gắng hỏi được một câu.

- Em không đủ sức nuôi nó khi cỏ đã lên đến bốn mươi lăm đô-la một tấn, - Dede trả lời.

- Đó có phải là lý do duy nhất của cô không? - anh hỏi, đồng thời nhìn thẳng vào mặt nàng, bởi vì anh còn nhớ rõ đã có lần nàng nói với anh là cách đó năm năm nàng đã gắng gượng nuôi được con ngựa cho qua mùa đông mặc dù giá cỏ lúc đó là sáu mươi đô-la một tấn.

- À không. Còn một lý do nữa là trả tiền viện phí cho cậu em của em cũng cao hơn rồi. Vì không đủ tiền cho cả hai nên em thấy tốt nhất là chia tay với con ngựa để giữ lại cậu em.

Ánh Sáng Ban Ngày thấy buồn khôn tả. Anh đột nhiên cảm nhận một nỗi trống vắng to lớn. Còn gì là ngày chủ nhật nữa nếu không có Dede. Mà Chủ nhật nào cũng vậy thì làm sao anh chịu nổi.

Anh bối rối lấy ngón tay gõ gõ trên mặt bàn.

- Ai mua con ngựa? - anh hỏi.

Đôi mắt nàng chột loé lên đúng như kiểu anh đã từng thấy khi nàng giận dữ.

- Em không muốn ông đi mua lại con ngựa đó cho em đâu, - nàng la lên - ông đừng chối là ông vừa có ý nghĩ đó?.

- Không, tôi không chối. Đúng là tôi có ý định đó thật. Nhưng tôi sẽ không làm chuyện đó mà không hỏi ý cô. Và vì tôi hiểu cô sẽ phản ứng như thế nào nên đâu dám hỏi. Nhưng tôi biết là cô nghĩ nhiều về con ngựa đó và rất đau lòng khi phải từ giã nó. Tôi rất buồn cho cô. Mà tôi cũng buồn cả cho tôi vì ngày mai không được cùng cô cưới ngựa nữa. Tôi thấy bơ vơ quá. Không hiểu rồi tôi sẽ phải làm gì.

- Em cũng vậy, - Dede rầu rĩ thú nhận - Có điều là như thế em sẽ có thì giờ nhiều hơn để khâu vá những thứ mà trước kia còn bỏ dở.

- Nhưng còn tôi thì biết khâu vá cái gì bây giờ?

Giọng nói của anh trầm buồn, nhưng trong thâm tâm anh lại thấy vui khi nàng thú nhận về nỗi cô đơn của nàng. Dù phải mất đi những cuộc cưới ngựa mà được nghe nàng thổ lộ như vậy kể cũng đáng. Dù gì đi nữa thì anh vẫn là một cái gì đó đối với nàng, chứ không phải là nàng hoàn toàn không thấy thích anh.

- Tôi chỉ xin cô xét lại, cô Mason ạ, - anh nói nhỏ nhẹ - Không phải chỉ vì con ngựa, mà cả vì tôi nữa. Trong việc này tiền bạc chẳng có nghĩa lý gì cả. Đối với tôi việc mua lại con ngựa đó chẳng thấm thía gì so với việc một người đàn ông khác mua một bó hoa hoặc bột hộp kẹo tặng cho người yêu của anh ta. Thế mà trước nay tôi có gửi tặng cô đoá hoa hay tí kẹo nào đâu - Ngay lúc đó nhận thấy mắt nàng sắp sửa loé lên tia giận dữ, anh vội nói tiếp để nàng khỏi từ chối - Hay là như vậy, cô nhé. Tôi sẽ mua và nuôi con ngựa đó. Khi nào cô muốn cưới thì tôi sẽ cho cho cô mượn. Việc này có gì là sai trái đâu nào. Bất cứ ai cũng có lúc mượn ai đó một con ngựa. Cô cũng biết như vậy mà.

Một lần nữa anh lại nhận thấy nàng sắp từ chối. Anh vội vã nói gạt đi liền:

- Có nhiều người đàn ông vẫn thường đánh xe độc mã đưa phụ nữ đi chơi đấy thôi. Việc đó có gì là sai trái đâu nào. Mà người đàn ông lại luôn luôn phải lo cho con ngựa và chiếc xe nữa chứ. Thế thì nếu tôi đưa cô đi chơi bằng xe độc mã của tôi vào ngày mai hoặc đưa cô đi cưới ngựa với con ngựa tôi mua thì có gì khác nhau đâu nào?

Nàng vẫn lắc đầu không trả lời, đồng thời đưa mắt nhìn ra cửa như thể muốn nói rằng đến lúc câu chuyện không liên quan gì đến công việc ấy phải

chấm dứt. Ánh Sáng Ban Ngày vẫn cố nói thêm:

- Cô Mason à, cô có biết là ngoài cô ra thì tôi chẳng còn một người bạn nào trên cõi đời này hay không? Ý tôi muốn nói là một người bạn thực sự, đàn ông hay đàn bà cũng được, miễn là phải thân thiết, gần nhau thì thấy vui mà xa nhau thì thấy nhớ. Hegan là người gần gũi tôi nhất, ấy thế mà anh ta vẫn cách xa tôi cả triệu dặm. Ngoài công việc ra, chúng tôi không chơi với nhau. Anh ta có cả một thư viện thật lớn, một nền văn hoá điền khùng nào đấy, hề được rảnh rỗi một tí là lại lôi mấy quyển sách tiếng Pháp, tiếng Đức, hay một thứ tiếng lạ hoặc nào đó ra đọc, còn không thì lại ngồi viết kịch và làm thơ. Ngoài cô ra tôi không còn cảm thấy thân thiết với ai cả. Mà chúng ta cũng đâu còn cảm thấy thân thiết với ai cả. Mà chúng ta cũng đâu đi chơi với nhau nhiều nhanh gì cho cam, mỗi tuần chỉ được có một lần, vào ngày Chủ nhật nếu như trời không mưa. Lúc này tôi đã lệ thuộc vào cô rồi. Việc cưỡi ngựa chung với cô đã thành... thành...

- Một thói quen, - nàng vừa tiếp lời anh vừa mỉm cười.

- Cũng gần như thế. Hình ảnh cô cưỡi con Mab xuất hiện ở đầu đường đằng kia dưới những tàng cây và nắng trời - ôi, nếu vắng cô và con ngựa ấy thì tôi sẽ phải chờ đợi cả tuần để làm gì bây giờ? Giá mà cô cho phép tôi mua lại con ngựa cho...

- Không, không, em không cho phép đâu, - Dede nóng vội đứng dậy rời phòng, nhưng đôi mắt của nàng bắt đầu hoen lệ khi nhớ đến con vật - Xin ông đừng nói với em về nó nữa. Nếu ông cho rằng em đã từ bỏ nó một cách dễ dàng là ông làm rồi đấy. Nhưng dẫu sao em cũng xa nó rồi nên tốt nhất là quên đi thôi.

Ánh Sáng Ban Ngày im lặng. Cánh cửa khép lại sau lưng nàng.

Nửa giờ sau. Ánh Sáng Ban Ngày thảo luận với Jones, anh chàng vô sản điên cuồng điều khiển thang máy khách sạn mà anh đã nhận tài trợ trong một năm để anh ta có điều kiện viết văn. Tác phẩm do anh ta viết đã bị thất bại. Các tay chủ bút và xuất bản sách từ chối không thèm xem qua tác phẩm đó. Thấy vậy Ánh Sáng Ban Ngày bèn sử dụng tay nhà văn bất mãn ấy trong hệ thống trình sát bé nhỏ mà anh buộc phải thành lập vì lợi ích của bản thân. Jones, sau kinh nghiệm nặng nề của anh ta về số tiền cược mà công ty hoá xa đánh trên cũi và than, bây giờ hay tỏ ra xem thường mọi

chuyện. Giờ đây khi nghe Ánh Sáng Ban Ngày yêu cầu tìm cho ra kẻ đã mua một con ngựa cái màu nâu đỏ nào đó, anh ta không hề lộ vẻ ngạc nhiên. Anh ta chỉ hỏi lại:

- Giá bao nhiêu thì tôi có thể mua được?

- Giá nào cũng được, miễn mua được thì thôi. Hãy kỳ kèo trả giá cho thật gắt vào để tránh nghĩ ngờ về sau, nhưng phải mua cho bằng được. Mua xong rồi đem gửi nó đến địa chỉ này ở Hạt Sonoma. Hiện thời ở đó có một người đang chăm sóc một cái trại nhỏ của tôi. Cậu bảo ông ta hãy lo cho con ngựa thật chu đáo. Sau khi xong việc thì cứ quên hết cả đi. Không cần phải nói cho tôi biết tên người chủ của con ngựa đó. Cũng không cần phải nói cho tôi hay bất kỳ việc gì khác ngoài việc cậu đã mua và gửi nó xong. Cậu hiểu chứ?

Nhưng chưa hết tuần thì Ánh Sáng Ban Ngày đã lại thấy đôi mắt của Dede long lanh báo hiệu có chuyện rắc rối.

- Lại có chuyện gì trục trặc phải không? - anh đánh bạo hỏi.

- Cũng chuyện con Mab ấy mà, - nàng đáp - Người mua ngựa đã bán nó mất rồi: Em chắc chắn là chuyện này có dính dáng đến ông?

- Cô nói trật rồi. Ngay cả mặt người mua ngựa tôi còn không biết nữa là, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp - Hơn nữa, tôi hơi đầu mà bận tâm đến chuyện ấy. Con ngựa đó là của cô nên cô muốn làm gì nó thì tùy cô. Cô không giữ được nó ghì kẻ cũng buồn. Mà thôi, sẵn câu chuyện phiền hà này tôi cũng đánh bạo nói với cô chuyện này luôn thể. Mong cô nghe nhưng đừng giận lây, vì thật ra câu chuyện cũng chẳng có dính dáng đến cô là bao, mà chủ yếu là cậu em của cô cơ, - anh chột ngừng ngang. Nàng nhìn anh với ánh mắt ngờ vực và chờ anh nói tiếp.

- Cậu ấy cần nhiều hơn khả năng cô có thể chu cấp cho cậu ấy. Tiền cô bán ngựa chẳng đủ để đưa cậu ấy sang Đức đâu. Vậy mà các bác sĩ đều nói là phải đưa cậu ấy sang Đức gặp tay chuyên gia số một ở đó là người duy nhất có thể gỡ xương thịt của người ta ra thành một đồng rồi sau đó ghép lại y như cũ. Được lắm, tôi muốn gửi cậu em của cô sang Đức để thử tài nghệ tay chuyên gia đó một phen xem sao.

Nghe thấy thế Dede như nín thở. Nàng nói không một ý giận dữ nào:

- Giá mà được như vậy! Nhưng rất tiếc là không. Ông cũng biết là không thể thực hiện được mà. Em không thể nhận tiền của ông được...

- Gượng đã, - anh chặn ngang - Nếu cô đang chết khát, bộ cô cũng không chịu uống cốc nước mà một trong số Mười Hai Thánh Tông Đồ đưa cho hay sao? Hay là cô sợ người ta có ý xấu? - Khi Dede làm một cử chỉ phủ nhận, anh nói thêm, - Hay là cô sợ thiên hạ xàm xì chứ gì?

- Nhưng hai chuyện đó đâu có giống nhau, - Dede nói.

- Cô nghe đây, cô Mason. Cô phải từ bỏ một số quan niệm ngốc nghếch đi. Quan niệm của cô về vấn đề tiền bạc thật tức cười. Chẳng hạn như cô đang rơi xuống vực sâu, thế tôi không được đưa tay nắm cô lại hay sao? Được quá đi ấy chứ. Nhưng giả sử cô cần một sự giúp đỡ khác - thay vì cần sức mạnh của cánh tay tôi thì cô lại là hoàn toàn sai trái. Tại sao người ta lại tiêm nhiễm vào đầu cô cái quan niệm như thế nhỉ, cô có biết không? Bởi vì bọn ăn cướp lúc nào cũng muốn tất cả những kẻ bị bóc lột phải ngay thẳng và coi trọng tiền bạc. Nếu không như thế thì bọn ăn cướp còn tồn tại ở đâu được? Cô thấy không nào? Bọn ăn cướp đó không kinh doanh sức mạnh của cánh tay. Chúng kinh doanh đô-la. Vì thế cho nên đưa tay ra giúp nhau thì được, thì là chuyện bình thường. Còn đô-la thì lại rất thiêng liêng - thiêng liêng đến độ cô không dám để tôi cho cô vay một ít.

- Hay là tôi nói như vậy cho dễ hiểu, - anh nói tiếp khi thấy Dede vẫn tỏ vẻ không đồng ý - Tôi tặng cô sức mạnh của cánh tay khi cô rơi xuống vực sâu thì được. Nhưng nếu tôi dùng sức mạnh của cánh tay đó lao động để kiếm mỗi ngày hai đô-la thì cô lại không chịu dấn dấp gì đến hai đô-la đó cả. Mà có khác gì đâu, hai đô-la đó cũng là sức mạnh của đôi tay dưới một dạng khá thôi mà. Hơn nữa, trong chuyện này cô đâu có dấn dấp gì. Cũng chẳng phải là tôi cho cô vay mượn gì cả. Tôi chỉ đưa tay ra giúp cậu em của cô như thể cậu ấy đang bị rơi xuống vực sâu mà thôi. Thật là đẹp mặt, đang khi ấy thì cô từ đâu chạy ra hét toáng lên: "Dừng tay lại!" - và cứ mặc kệ cho cậu ấy rơi xuống vực. Cậu ấy cần phải gặp tay chuyên gia ở Đức đó để chữa chân, và tôi muốn đưa tay ra giúp cậu ấy thế thôi. Ước gì có thể nhìn thấy căn phòng của tôi. Tường được trang hoàng bằng dây cương đàn bằng lông ngựa. Kê cũng có thể cả trăm cái. Chúng có ích lợi gì cho tôi đâu, mà lại đắt tiền nữa chứ. Thế nhưng tôi vẫn mua, vì chúng do

những người tù làm ra. Cô không biết chứ, chỉ một đêm thôi số tiền tôi tiêu về khoản rượu *Whisky* cũng còn hơn phí tổn trả cho các chuyên gia hạng nhất để chữa chạy cho hàng chục trường hợp như của cậu em cô đấy. Cô cần nhớ là cô chẳng dính dáng gì đến chuyện này đâu. Nếu cậu em của cô coi đấy là một món nợ thì tùy, nhưng cô phải tránh ra chỗ khác để tôi kéo cho cậu ấy ra khỏi rơi xuống vực.

Nhưng Dede vẫn từ chối. Ánh Sáng Ban Ngày nói bằng một giọng đau đớn hơn.

- Chắc là cô ngăn cản tôi vì cho rằng tôi làm thế để tán tỉnh cô chứ gì. Cô lầm rồi. Có lẽ cô cũng cho rằng tôi tán thành mấy người tù khi tôi mua những sợi dây cương của họ chắc? Tôi chưa hề ngỏ lời xin cô ưng thuận lấy tôi, mà nếu tôi có làm thế thì tôi cũng không đòi dùng tiền bạc để mua chuộc sự đồng ý của cô đâu. Tôi sẽ không làm chuyện gì mờ ám để đạt đến điều đó cả.

Mặt Dede đỏ bừng vì giận dữ.

- Nếu ông nhận thức được mình lỗi bịch đến mức nào thì ông sẽ im miệng ngay, - nàng nói bốp chát - Lấy ông sẽ làm cho em đau khổ hơn bất kỳ lấy người nào khác. Cứ mỗi chốc là ông lại cố ý cho em hiểu rằng ông chưa hỏi cưới em. Em đâu cần ông hỏi, mà ngay từ đầu em đã báo trước cho ông biết là ông chẳng có hy vọng gì rồi mà. Vậy mà lúc nào ông cũng cố làm cho em hiểu là một lúc nào đó, một ngày nào đó ông sẽ hỏi cưới em. Ông cứ hỏi ngay bây giờ đi nào, em sẽ trả lời cho ông nghe một lần rồi thôi.

Ánh Sáng Ban Ngày nhìn nàng với vẻ hết sức thán phục:

- Cô Mason à, tôi cần cô nhiều đến độ tôi không dám mở lời lúc này, - anh nói, vẻ đùa cợt pha lẫn nét thành khẩn làm Dede phải hất đầu về phía sau bật ra một tràng cười bộc trực như một chàng trai - Hơn nữa, tôi đã nói rồi, tôi non nớt về chuyện đó lắm. Tôi chưa từng tán tỉnh ai. Bây giờ tôi chẳng muốn mình phạm sai lầm.

- Ông thì lúc nào cũng chả sai lầm, - nàng buột miệng thốt lên - Em chưa thấy ai đi tán tỉnh một người đàn bà mà cứ đe là sẽ cưới cô ta như cầm gậy mà đe ấy.

- Thế thì tôi sẽ không làm như thế nữa! - Ánh Sáng Ban Ngày nói xuôi xị - Nhưng chúng ta đã đi trật ra ngoài đề rồi. Câu chuyện chính giữa chúng

ta là câu chuyện mà tôi vừa nói cách đây ít phút. Cô đang đáng ngáng đường cậu em của cô đấy. Cô muốn nghĩ gì tùy cô, nhưng cô phải tránh ra để cậu em của cô có thể có một cơ hội. Cô có chịu để tôi đến gặp và nói chuyện đó với cậu ấy không nào? Tôi sẽ coi chuyện đó như một đề nghị làm ăn thuần túy. Tôi sẽ giúp cho cậu ấy chữa bệnh, thể thôi, và sẽ tính lời.

Rõ ràng Dede vẫn còn trù trừ.

- Xin cô nhớ cho một điều, cô Mason ạ. Đó là cái chân của cậu ấy, chứ không phải của cô đâu.

Dede vẫn không trả lời dứt khoát. Ánh Sáng Ban Ngày nói tiếp để nhấn mạnh thêm mục đích của việc làm này:

- Và xin cô nhớ là tôi sẽ đến gặp cậu ấy một mình. Cậu ấy là một người đàn ông, và tôi sẽ nói chuyện với cậu ấy thoải mái hơn khi không có phụ nữ bên cạnh. Chiều mai tôi sẽ đến chỗ cậu ấy.

PHẦN II - Chương 18

Ánh Sáng Ban Ngày hoàn toàn thất lòng khi anh nói với Dede là anh không có bạn theo đúng nghĩa của nó. Dù có thể giao du, tiếp chuyện với hàng ngàn người hoặc chén chú chén anh với hàng trăm người, anh vẫn là một kẻ cô đơn. Anh không thể tìm được một người hoặc một nhóm người nào đó để kết thân. Khác với ở vùng Bắc Cực, ở thành phố khó tìm ra được tình bạn, tình đồng chí. Hơn nữa, con người ở đây cũng khác. Một mặt anh rất khinh bỉ những tay làm ăn buôn bán, mặt khác anh phải liên minh với bọn chủ sở San Francisco vì lợi ích hơn là vì bất cứ cái gì khác. Anh cảm thấy gần gũi họ vì tính tàn bạo thẳng thắn của họ, nhưng lại không kính trọng những tay cá mập và bọn chủ này. Tất cả bọn họ thường là phường đẽu cáng. Trong cái thế giới tân tiến này, lời nói miêng, không chắc chắn bằng những ký kết đó có thị thực của pháp luật, mà với những loại ký kết đó thì người ta phải hết sức thận trọng. Ở vùng sông Yukon thì không như vậy. Chẳng có lý với kết gì ráo. Lúc đó người ta chỉ cần nói là mình có bao nhiêu, thế là đủ. Ngay cả trong một canh xi phê, lời nói của họ cũng sẽ được mọi người chấp nhận.

Lay Hegan, một người đã đáp ứng được những yêu cầu công tác lớn lao do Ánh Sáng Ban Ngày giao phó, một người ít ảo tưởng và không đạo

đức giả hửn là người mà Ánh Sáng Ban Ngày có thể kết bạn nếu không vì cái tính khí của anh ta.

Tuy là một vĩ nhân kỳ lạ, rành luật pháp như Napoleon, có khả năng thấy xa vượt hửn Ánh Sáng Ban Ngày, anh ta lại không có sở thích nào chung với Ánh Sáng Ban Ngày khi đã rời phòng làm việc. Anh ta dành nhiều thì giờ cho việc đọc sách, một chuyện mà Ánh Sáng Ban Ngày không làm theo được. Anh ta cũng hiến mình cho kịch nghệ, mặc dù những vở kịch anh ta viết vẫn không bao giờ thoát khỏi dạng bản thảo. Anh ta cũng hút hasit(1) điều độ và đều đặn, mặc dù về điều này Ánh Sáng Ban Ngày chỉ biết lờ mờ mà thôi. Suốt đời anh ta giam mình cùng với những quyển sách vào thế giới tưởng tượng. Anh ta không hiểu và cũng không chấp nhận thế giới ngoài trời. Anh ta ăn uống kiêng cử như một thầy tu và ghét cay ghét đắng việc tập thể dục.

Những quan hệ bạn bè của Ánh Sáng Ban Ngày chỉ là những quan hệ uống rượu và quây phá, chứ chẳng có gì là thân thiết cả. Bây giờ, khi không còn được cưỡi ngựa sóng đôi với Dede vào những ngày chủ nhật nữa, anh liền trở về với những thói quen cũ để tìm quên. Anh uống rượu nhiều hơn trước. Anh cũng thêm một người để coi sóc và tập dượt con Bob, còn mình thì thường đi chiếc ô tô đồ lớn mà thôi. Trong những ngày đầu tiên anh đến San Francisco, anh làm ăn, nhưng giữa những canh làm ăn anh còn được nghỉ. Nhưng giờ đây, trong cuộc kinh doanh lớn nhất về đất đai, cường độ căng thẳng không lúc nào giảm.

Công việc đầu tư một số vốn khổng lồ vào việc mua đất này không thể thành công chóng vánh trong một, hai hoặc ba tháng. Hơn nữa, ảnh hưởng của công việc rất phức tạp và sâu rộng đến độ lúc nào cũng có thể nảy sinh những tình huống rắc rối và nan giải. Ngày nào cũng có vấn đề, và mỗi khi anh đã giải quyết chúng xong theo phương cách tuyệt vời của mình là anh lại rời văn phòng bằng ô tô, thở phào nhẹ nhõm khi nghĩ đến ly rượu *Martini* đó. Vì cơ thể khỏe nên ít khi anh say rượu. Nhưng trái lại anh uống rất đều đặn, có tính toán và kìm chế, và thường thì anh uống một lượng rượu lớn hơn so với những kẻ uống không thường xuyên nhưng uống rất mạnh.

Trong sáu tuần liền, anh không tìm gặp Dede ngoài những lúc cùng làm việc trong văn phòng. Anh nhất định không tìm đến nàng nữa. Nhưng đến Chủ nhật của tuần thứ Bảy thì anh không còn chịu đựng được nữa. Hôm ấy là một ngày có bão. Một trận gió lớn từ hướng đông nam thổi lại, và từng đợt mưa gió cứ nối tiếp nhau quất xuống thành phố. Đầu óc anh lúc nào cũng nghĩ đến nàng. Hình ảnh nàng ngồi bên song cửa sổ mãi mê khâu vá một món đồ gì đó dành cho phụ nữ cứ bám chặt lấy óc anh. Đến giờ người phục vụ lên phòng dọn cho anh một ly rượu *cocktail* khai vị trước bữa ăn, anh không đựng đến nó, mà đánh bạo tìm số điện thoại của nàng trong sổ tay và yêu cầu điện thoại viên nối cho anh số máy đó.

Lúc đầu anh nghe thấy giọng nói cô con gái của bà chủ nhà trọ vang qua máy điện thoại, nhưng một phút sau anh được nghe giọng nói mà anh đang khao khát.

- Tôi chỉ muốn báo cho cô biết là tôi sẽ đến gặp cô, - anh nói - Tôi không muốn xông xộc vào nhà mà không báo trước, thế thôi.

Có tiếng nàng đáp lại:

- Có chuyện gì vậy, thưa ông?

Anh đánh trống lảng:

- Để lúc đến tôi sẽ nói cho cô nghe.

Anh đậu chiếc ô tô đỏ của mình cách hai dãy phố rồi đi bộ đến ngôi nhà ba tầng xinh xắn, mái lợp bằng ván mỏng, tọa lạc ở Berkeley. Anh cảm thấy do dự trong một thoáng nhưng ngay sau đó anh mạnh dạn nhấn chuông. Anh biết việc mình đang làm trái hẳn với ý muốn của nàng. Đồng thời anh cũng biết rằng anh đang đặt nàng trước một tình huống khó xử khi phải tiếp một vị khách Chủ nhật là Elam Harnish, một tay triệu phú kéch sù khét tiếng trên các mặt báo. Tuy vậy, anh biết chắc là nàng sẽ không làm mình làm mẩy theo cái cách mà anh thường gọi là "kiểu ông ẹo ngốc nghếch của đàn bà". Về điều này thì anh không phải thất vọng.

Đích thân Dede ra mở cửa và bắt tay anh. Sau khi treo áo mưa và mũ lên cái mắc trong gian phòng tiền sảnh vuông vắn và ấm cúng, anh quay sang phía nàng để chờ sự chỉ dẫn.

- Trong kia họ đang bận, - nàng vừa nói vừa đưa tay chỉ về phía phòng khách, nơi đang phát ra những giọng nói vui nhộn ồn ào của một đám người

trẻ tuổi của phòng để ngỏ nên Ánh Sáng Ban Ngày có thể nhìn thấy nhiều sinh viên đại học đang ở trong đó - ông vào tạm phòng em vậy.

Dede dẫn anh đi vào một cánh cửa nằm bên phải gian phòng tiền sảnh. Sau khi đã vào phòng, Ánh Sáng Ban Ngày đứng ngây người trên sàn, đưa mắt ngó quanh quẩn, ngó luôn cả Dede, song đồng thời lại giả tảng như không ngó. Trong cơn bối rối, anh không nghe tiếng nàng mời anh ngồi xuống. Té ra đây là chỗ nàng ăn ở, đây là chốn phòng the, vậy mà nàng dám lạng lẽ đưa anh vào thì thật là kinh khủng. Tuy vậy, anh cũng hiểu con người nàng là như thế. Căn phòng như được ngăn đôi. Chỗ anh đang đứng là phòng khách. Phía trong mà anh có thể nhìn thấy là phòng ngủ. Ngoại trừ một cái bàn trang điểm làm bằng gỗ sồi trên có mấy cái lược và một vài món đồ linh tinh khác của phụ nữ được xếp đặt rất ngăn nắp, không còn gì khác chứng minh là căn phòng đó được dùng làm phòng ngủ, có một chiếc trường kỷ lớn phủ vải màu hồng cũ được lót nệm dày mà anh tin chắc rằng đó là chiếc giường ngủ, nhưng nó thật khác xa với những chiếc giường hiện đại mà anh được thấy.

Thật ra trong lúc đứng ngây người ra như vậy anh không thấy được căn kẽ mọi chi tiết. Anh chỉ có cảm giác chung chung là nó ấm cúng và đẹp dễ. Sàn nhà làm bằng gỗ cứng, không được trải thảm mà chỉ có những bộ da chó sói. Cái rõ ràng đã thu hút cặp mắt của anh là một bức tượng *Thần Vệ Nữ* khom mình đặt trên một chiếc dương cầm hiệu Steinway nổi bật trên nền tường lót da sư tử núi.

Nhưng trên hết mọi thứ vẫn là Dede. Nàng đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ giác quan của anh. Từ lâu anh vẫn nghĩ rằng Dede rất đàn bà, nhìn đường nét của thân hình, mái tóc, đôi mắt, giọng nói, kiểu cười như chim hót, tất cả đã tạo nên vẻ đàn bà ấy. Nhưng lúc này, đứng trong phòng mình, mặc chiếc áo dài mềm mại bó gọn thân hình, thì nét đàn bà ở nàng càng nổi bật đến độ kinh ngạc. Trước kia anh chỉ quen thấy nàng mặc những bộ quần áo gọn ghẽ, phía trong là áo chèn, hoặc những bộ đồ kỳ mã may bằng vải nhung kẻ, nên bây giờ anh chuẩn bị tinh thần để đón nhận sự mới mẻ này. Trông nàng như có vẻ mềm mại, dịu dàng, duyên dáng hơn nhiều. Nàng như một bộ phận của bầu không khí lạng lẽ và đẹp dễ này. Nàng thích nghi

với nó một cách thoải mái hết như nàng đã thích nghi thoải mái với các vật dụng trang nhã trong văn phòng ở chỗ anh vậy.

- Mời ông ngồi ạ? - Dede lập lại mời mời.

Anh có cảm giác như mình là một con thú đói ăn lâu ngày. Sự khao khát Dede trào dâng mạnh mẽ trong lòng anh, và anh như đang "nuốt chửng" lấy cái vật xinh đẹp đang đứng trước mặt mình.

Không thể kiên nhẫn và khéo léo được nữa, anh có cảm giác là phải trút tuột nỗi lòng mình cho nàng hiểu. Anh có ngờ đâu như vậy sẽ ít đem lại thất bại cho anh nhất.

- Em Dede ạ, - anh nói, giọng run run vì xúc động đê mê - Có một điều tôi không làm, là hỏi cưới em ở văn phòng. Bởi vậy mà tôi phải đến đây. Dede Mason, tôi yêu em, tôi chỉ yêu em thôi.

Trong khi nói, anh tiến gần về phía nàng, đôi mắt đen của anh rực sáng, máu dồn lên mặt làm da mặt xăm hằn lại.

Anh bước đến định ôm chầm lấy nàng nhanh đến độ nàng chỉ kịp lùi lại, tay nắm lấy tay anh và miệng buột la lên một tiếng hoảng hốt.

Trái với anh, mặt nàng như không còn chút máu. Bàn tay nàng nắm lấy tay anh xô ra đang run lên bần bật. Khi nàng nói tay ra. Ánh Sáng Ban Ngày liền buông thõng cánh tay mình xuống.

Nàng muốn nói một cái gì đó, làm một cái gì đó để thoát khỏi tình huống khó xử này, nhưng nàng không nghĩ ra. Nàng chỉ cảm thấy muốn phá lên cười mà thôi. Cảm giác đó nửa như vô thức nửa như vì cảm thấy khôi hài quá - bởi vì tuy việc vừa xảy ra có vẻ khủng khiếp thật, nàng vẫn thấy nó thật buồn cười. Nàng có cảm giác của một người mới đầu cứ ngỡ là có một tên cướp của giết người đang tấn công mình, nhưng sau mới vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là một khách bộ hành hiền lành muốn đến hỏi thăm giờ mà thôi.

Ánh Sáng Ban Ngày là người đầu tiên lên tiếng:

- Trời ơi, tôi biết là tôi đã hành động như một kẻ điên khùng. Tôi... tôi nghĩ là tôi nên ngồi xuống. Xin cô đừng sợ, cô Mason ạ. Tôi không nguy hiểm lắm đâu?

- Em không sợ đâu, - nàng vừa nói vừa mỉm cười rồi lẹ làng lách mình ngồi xuống ghế. Bên cạnh chiếc ghế, nằm trên sàn nhà là chiếc giỏ

khâu. Ánh Sáng Ban Ngày chú ý thấy trong đó có một miếng vải muxolin màu trắng vó viền đăng ten phồng phồng nằm thò ra ngoài mép giỏ.

Dede lại mỉm cười và nói: - Mà cũng phải thú thật lúc đầu ông làm em phát hoảng lên đấy chứ.

- Thật buồn cười, - Ánh Sáng Ban Ngày thở dài, vẻ ân hận - Tôi khỏe mạnh đến dường ấy, có thể uốn cong cô lại để cột thành một cái gút. Đối với những người đàn ông khác, những con thú dữ, hoặc bất kỳ cái gì khác, tôi cũng có thể chiến thắng và làm theo ý của mình, ấy thế mà lúc này tôi lại ngồi ì ra ở đây, yếu đuối và bất lực như một chú cừ non. Trước mặt cô tôi mất hết cả vẻ cứng cáp của mình.

Dede cố moi óc tìm câu đáp lại nhưng vẫn nghĩ không ra, bởi vì đầu óc nàng cứ mãi nghĩ ngợi về việc Ánh Sáng Ban Ngày đang giữa lúc tỏ tình hùng hổ lại bước qua một bên để nói những lời chằng ăn nhập vào đâu cả. Nàng ngạc nhiên khi thấy sao anh lại có vẻ chắc ăn đến thế. Anh không nghi ngờ vì về việc trước sau cũng chiếm được nàng đến độ có thể ngừng lại giữa chừng để khái quát hoá về tình yêu và tác động của tình yêu. Dede chú ý thấy bàn tay anh có thói quen thọc vào túi bên của chiếc áo khoác. Đó là chỗ mà nàng biết anh cất thuốc lá và xấp giấy nâu cuộn thuốc:

- Nếu không muốn, ông có thể hút thuốc, - nàng nói.

Anh chợt rút tay lại như thể vừa có con gì trong túi cắn vào tay anh vậy.

- Không, tôi không nghĩ đến chuyện hút thuốc. Tôi đang mãi nghĩ về cô đấy thôi. Một người đàn ông phải làm gì khi anh ta yêu và muốn ngỏ lời cầu hôn với một cô gái nhỉ? Tôi đang làm cái việc đó đấy Tôi biết là tôi không hiểu cách làm cái việc đó đấy. Tôi biết là tôi không hiểu cách làm nào coi cho được, nhưng tôi có thể nói toạc ra, bởi vì như vậy tốt cho cho tôi hơn. Cô Mason à, tôi rất muốn có cô. Hình ảnh cô lúc nào cũng ở trong đầu tôi. Bây giờ tôi chỉ muốn biết một điều là cô có muốn lấy tôi không? Vậy thôi.

- Em... em ước gì ông đừng nói ra điều ấy, - nàng nói nhỏ nhẹ.

- Có lẽ cô cần biết một số điều trước khi cô trả lời tôi - Ánh Sáng Ban Ngày tiếp tục nói, không chú ý rằng nàng đã trả lời anh rồi - Từ trước đến nay tôi chưa hề đeo đuổi một người phụ nữ nào cả, mặc dù có nhiều bài báo đã nói ngược lại như thế. Nhưng tất cả những chuyện bọn giả nói trong sách

vở hoặc trên báo chí cho tôi là một kẻ Sở Khanh đều hoàn toàn sai sự thật. Không có một tí sự thật nào cả Tôi nghĩ là có thể tôi đã đánh bài bạc và uống rượu hơi nhiều hơn mức cần thiết thật, nhưng tôi không dính dáng gì đến phụ nữ cả. Đúng là có một cô gái đã phải tự tử vì tôi, nhưng đó là vì tôi không biết cô ta lại yêu tôi đến thế, chứ nếu như tôi biết chuyện ấy thì chắc là tôi đã cưới cô ta, không phải vì yêu cô ta, nhưng để cô ta đừng phải tự sát. Đúng là cô ta trông khá nhất trong đám đàn bà con gái ở đó thật, nhưng tôi chưa bao giờ ỡm ờ với cô ta cả. Tôi nói cho nghe chuyện này vì tôi đã đọc thấy nó trên báo chí và tôi muốn cô hiểu sự thật do chính tôi nói ra.

- Một kẻ Sở Khanh? - anh thốt to - Trời ơi, cô Mason ạ, tôi không ngại nói cho cô biết rằng suốt đời tôi tôi rất hải phụ nữ. Cô là người đầu tiên mà tôi không thấy sợ. Thật là kỳ lạ. Tôi rất tôn thờ cô, nhưng tôi không cảm thấy sợ cô. Có lẽ là vì cô khác với những người đàn bà mà tôi đã gặp. Cô chưa bao giờ đeo đuổi tôi - vậy mà thiên hạ lại cho tôi là một kẻ Sở Khanh! Trời ơi, từ khi bắt đầu hiểu biết là tôi đã luôn cố chạy cho thật xa phụ nữ rồi. May mà tôi cũng khỏe mạnh nên khi chạy nhanh như vậy mà gió không xô tôi ngã gãy chân nổi đấy. Trước khi gặp cô và cả một thời gian rất lâu sau khi gặp cô, chẳng bao giờ tôi nghĩ đến chuyện lấy vợ. Ngay từ đầu quả là tôi đã muốn làm quen với cô, nhưng tôi không nghĩ tình thế sẽ xấu đến độ tôi phải lấy cô cho bằng được. Vậy mà bây giờ cả đêm tôi không tài nào chợp mắt được, lúc nào cũng chỉ nghĩ về cô và muốn cưới cô thôi.

Anh ngưng nói để chờ đợi. Dede đã lấy miếng vải muxolin riềm đăng ten từ trong giỏ ra để khâu tiếp, có lẽ là để trấn tĩnh tinh thần và đầu óc. Vì thấy nàng không nhìn nên Ánh Sáng Ban Ngày bạo dạn nhìn như nuốt chửng lấy nàng. Anh chú ý thấy đôi tay nàng thật rắn rỏi và chuẩn xác. Đôi tay đó có thể chế ngự nổi con ngựa giở chứng như Bob, có thể lướt trên bàn máy chữ nhanh gần bằng tốc độ của đàn ông, có thể khâu vá những thứ quần áo đẹp đẽ và dĩ nhiên cũng có thể chơi chiếc dương cầm kê ở góc phòng đằng kia. Ở nàng còn một đặc điểm siêu phụ nữ mà anh chú ý thấy - đó là đôi dép của nàng. Đôi dép nhỏ nhắn có màu đồng đỏ. Chưa bao giờ anh tưởng tượng là nàng lại có bàn chân nhỏ nhắn đến thế. Trước đây, anh chỉ thấy nàng mang giày đi đường hoặc giày ống để cưới ngựa. Những đôi giày ấy không làm nổi bật được cái vẻ nhỏ nhắn của bàn chân nàng. Đôi

dép có màu đồng đỏ ấy như có sức hấp dẫn khiến anh cứ phải đưa mắt nhìn về phía chúng.

Bỗng có tiếng gõ cửa. Dede bước ra. Ánh Sáng Ban Ngày nghe tiếng người kia báo là có ai đó đang gọi điện thoại cho nàng.

- Nói với anh ấy là mười phút sau gọi lại nhé, - Ánh Sáng Ban Ngày nghe nàng đáp như thế.

Cái tiếng "anh" trong câu trả lời của nàng làm tim anh nhói lên vì ghen. Ánh Sáng Ban Ngày quyết định dù kẻ ấy có là ai đi nữa thì anh cũng cho hắn biết tay. Anh chỉ ngạc nhiên ở điểm là một cô gái như Dede đáng lẽ phải lập gia đình từ lâu.

Khi trở lại, nàng mỉm cười với anh và tiếp tục khâu. Ánh Sáng Ban Ngày, ánh mắt anh hết động lại trên đôi tay chuẩn xác của nàng lại chuyển xuống đôi dép màu đồng đỏ rồi lại chuyển lên. Anh thề là rất hiếm có một cô thư ký nào như Dede trên thế gian này. Hắn là nàng xuất thân và được giáo dục trong một gia đình khá giả. Nếu không phải như thế thì không tài nào lý giải được cách bày biện trong phòng và cách nàng chọn quần áo và ăn mặc như thế.

- Sắp hết mười phút rồi kìa, - anh giục nàng.

- Em không thể lấy ông được, - nàng nói.

- Cô không yêu tôi ư?

Nàng lắc đầu.

- Thế cô có thích tôi không - một chút thôi cũng được?

Lần này nàng gật đầu, cùng lúc trên đôi môi nàng nở một nụ cười thú vị. Sở dĩ nàng cười có vẻ thú vị là do thấy tình thế thật khôi hài, chứ tuyệt nhiên không hàm ý khinh bỉ.

- Như vậy cũng là được rồi, - anh tuyên bố - Bất cứ chuyện gì cũng phải có khởi điểm rồi mới tiến triển thêm được. Lúc đầu tôi cũng chỉ thích cô thôi, vậy mà cô xem chuyện đó đã tiến triển như thế nào. Cô còn nhớ là có lần cô nói không thích lối sống của tôi chứ? À, từ đó đến nay tôi đã thay đổi nhiều rồi. Tôi không còn làm ăn theo kiểu đánh bạc như trước kia nữa. Tôi đã theo kiểu làm ăn mà cô gọi là hợp pháp bằng cách biến một phút thành hai, biến nơi trước kia chỉ có một trăm ngàn ba trăm ngàn người. Thêm nữa, vào giờ này năm tới sẽ có hai triệu cây bạch đàn mọc trên các

ngọn đồi. Cô nói cho tôi nghe đi, cô có thấy thích tôi thêm được chút nào không?

Dede nhường mắt lên khỏi món đồ khâu nhìn Ánh Sáng Ban Ngày, đáp:

- Em thích ông nhiều lắm chứ, nhưng...

Anh cố chờ nghe cho trọn câu, nhưng thấy nàng không nói gì thêm nên anh đành nói tiếp:

- Tôi không hoang tưởng về cá nhân mình nên tôi biết mình không nói quá khi bảo rằng rồi sẽ là một người chồng tốt. Cô sẽ thấy tôi không hay trì chiết bắt lỗi gì đâu. Tôi hiểu là với một phụ nữ như cô cần phải có sự độc lập như thế nào. Khi đã là vợ tôi cô vẫn được độc lập. Tôi không ràng buộc gì cô cả. Cô có thể cứ làm theo ý cô. Bởi vì bất cứ điều gì cô làm điều tốt cả. Tôi sẽ chu cấp cho cô mọi thứ cô muốn...

- Chỉ trừ có bản thân ông thôi, - nàng bỗng gay gắt chen ngang.

Ánh Sáng Ban Ngày ngạc nhiên trong một thoáng.

- Tôi không biết gì về chuyện ấy đâu. Tôi sẽ sống thẳng thắn và trung thực. Tôi không bao giờ thích chuyện chia sẻ tình cảm với người phụ nữ khác đâu.

- Em không có ý nói như vậy, - nàng đáp - Thay vì sống vì vợ, ông sẽ sống vì ba trăm ngàn người ở Oakland, vì những tuyến đường xe điện, đường phà, và vì hai triệu cây bạch đàn trên vùng đồi... vì tất cả những gì là làm ăn... và... và... những điều liên quan đến chúng.

- Tôi sẽ cố không như thế, - anh đồng ý tuyên bố - Tôi sẽ làm theo sự sai bảo của cô.

- Ông nghĩ như vậy thôi, chứ rồi ra sẽ không như thế đâu, - Đột nhiên Dede lộ vẻ bồn chồn - Ta phải ngưng câu chuyện này thôi. Nó có vẻ như mặc cả mua bán ấy. "Anh muốn bao nhiêu nào?" Tôi sẽ bỏ ra bằng đó đó". "Tôi muốn nhiều hơn cơ". Đại loại là như thế. Em có thích ông thật, nhưng chưa đủ thích để có thể lấy ông. Mà chắc chắn là không bao giờ có chuyện đó đâu.

- Làm sao cô dám chắc như vậy? - anh hỏi.

- Bởi vì mỗi lúc em lại thấy thích ông ít đi.

Ánh Sáng Ban Ngày ngồi ngây ngời ra. Sự đau khổ lộ hẳn trên mặt anh.

- Ôi, ông chẳng hiểu gì cả, - Dede la lên hoảng loạn như thể bắt đầu mất tự chủ - Em không muốn nói như vậy. Em thích ông đấy chứ - Em không muốn nói như vậy. Em thích ông đấy chứ; mà càng biết về ông em lại càng thấy thích ông. Vậy mà không hiểu sao càng biết về ông em lại càng không nghĩ đến chuyện lấy ông.

Lời nói khó hiểu của nàng làm Ánh Sáng Ban Ngày hết sức hoang mang.

- Ông không hiểu ư? - Dede vội nói tiếp - Em đã có thể dễ dàng nhận lời lấy ông Elam Harnish hồi ông ta mới từ vùng sông Klondike về đây và em lần đầu gặp mặt hơn là nhận lời lấy ông lúc này đang ngồi trước mặt em đây.

Ánh Sáng Ban Ngày chậm rãi lắc đầu.

- Tôi thật không hiểu gì cả. Cô nói là càng hiểu và càng thích người đàn ông thì cô lại càng không muốn lấy anh ta. Tôi đoán có lẽ ý cô cũng giống cái câu người ta thường nói là "Quen quá hoá khinh"?

- Không, không đâu, - Dede thốt lên, nhưng trước khi nàng kịp nói tiếp thì có tiếng ai đó gõ cửa.

- Mười phút thế là hết! - Ánh Sáng Ban Ngày nói.

Trong lúc Dede ra ngoài, Ánh Sáng Ban Ngày đảo cặp mắt mắt tinh tường như của thổ dân khắp căn phòng. Anh có ấn tượng mạnh mẽ về cái vẻ ấm cúng, thoải mái và đẹp đẽ của căn phòng, nhưng anh không thể phân tích rành rọt do đâu mà có cái vẻ ấy. Vẻ giản dị của căn phòng cũng làm anh thích thú. Anh thấy rõ đó là vẻ giản dị đắt tiền, bởi vì phần lớn đồ đạc là do người cha để lại sau khi phá sản và chết. Chưa bao giờ anh hiểu được giá trị của một sàn nhà gỗ đơn sơ trên có trải vài bộ da chó sói. Thật ra trông nó có vẻ đẹp hơn bất kỳ một tấm thảm nào trên thế gian này. Anh nhìn cái tủ sách có chứa đến vài trăm cuốn sách một cách nghiêm trang. Đây là cả một bí hiểm. Anh không thể hiểu được tại sao người ta lại có nhiều điều để viết đến thế. Viết và đọc sách không giống với làm việc mà anh vốn là một người ưa hoạt động nên chỉ khi nào làm một cái gì đó thì anh mới hiểu được mà thôi.

Tia nhìn của anh chuyển từ bức tượng *Thần Vệ Nữ* khom mình sang chiếc bàn nhỏ trên có để một bộ đồ trà mỏng mảnh đẹp đẽ rồi sang cả chiếc ấm và đồ hâm thức ăn bằng đồng sáng nhoáng. Anh còn lạ gì với những đồ dùng hâm thức ăn nữa, nên vừa nhìn thấy chúng là anh nhận ra ngay, và anh tự hỏi không biết là nàng có hay dùng chúng để chuẩn bị bữa ăn đêm cho mấy anh chàng sinh viên đại học trẻ tuổi mà anh đã từng nghe thiên hạ xì xầm bàn tán hay không. Một hoặc hai bức tranh vẽ bằng màu nước treo trên tường khiến anh đoán là có lẽ nàng đã vẽ chúng. Trên tường còn treo cả ảnh ngựa, ảnh của những bậc thầy hội hoạ. Cái màu tím day dứt của bức hoạ *Cảnh an táng Chúa Ki-tô* cứ làm anh chú ý. Nhưng thường thì ánh mắt của anh hay quay nhìn bức tượng *Thần Vệ Nữ* khom mình đặt trên chiếc dương cầm. Đối với một người đã từng sống ở vùng biên thủy và có tâm hồn mộc mạc như anh thì việc một người phụ nữ trẻ đẹp lại đem phô ra trong phòng của mình một vật táo bạo, nếu không nói là tội lỗi như thế thì quả là kỳ lạ. Nhưng sau cùng anh phải dùng đức tin để thắng cảm giác đó. Điều gì Dede đã làm thì chắc chắn phải đúng thôi. Những vật như thế rõ ràng là văn hoá. Larry Hegan cũng có những bức tranh và tượng đúc tương tự như thế trong căn nhà đầy ắp sách vở của anh ta. Dầu sao Larry Hegan cũng vẫn không thật giống nàng. Ở Hegan có một vẻ gì đó không lành mạnh mà mỗi lần gặp là Ánh Sáng Ban Ngày đều cảm thấy. Trái lại ở Dede

luôn có một vẻ khỏe mạnh, luôn luôn toả ra xung quanh một thứ không khí gồm cả nắng cả gió lẫn xung quanh một thứ không khí gồm cả nắng cả gió lẫn cả bụi đường. Vậy nếu một người phụ nữ khỏe mạnh sạch sẽ như nàng mà chịu đặt bức tượng khoả thân cúi mình trên mặt đàn dương cầm thì nhất định phải đúng đắn thôi. Dede làm thế quả là hết sức đúng đắn. Mà hầu như bất cứ điều gì nàng cũng đều đúng đắn cả. Hơn nữa, về các vấn đề văn hoá mình cũng chẳng biết đường nào mà nói cả.

Khi Dede trở lại và băng ngang căn phòng đến chỗ ghế ngồi, Ánh Sáng Ban Ngày ngáy mắt chiêm ngưỡng dáng đi của nàng. Đôi dép màu đồng đỏ anh đến phát điên lên được.

- Tôi muốn hỏi cô nhiều điều nữa, - anh bắt đầu một cách sốt ruột - Lúc này cô có nghĩ đến chuyện lấy ai không?

Dede phá lên cười vui vẻ và lắc đầu.

- Thế cô có thích ai nhiều hơn tôi không? Cái anh chàng vừa nói chuyện với cô ở điện thoại đấy chẳng hạn?

- Không có ai cả. Em không quen một ai có thể làm em thích đến mức muốn lấy người ấy cả. Về vấn đề này thì em cho là có lẽ em sinh ra không phải để lấy chồng. Có lẽ công việc văn phòng làm cho người ta thành ra như thế đấy.

Ánh Sáng Ban Ngày đưa mắt nhìn khắp người Dede, từ khuôn mặt đến tận đôi dép dưới chân, làm nàng đỏ bừng mặt. Trong lúc nhìn ngắm nàng, anh lắc đầu nhè nhẹ tỏ vẻ không tin.

- Tôi thì cho rằng cô mới chính là loại phụ nữ được sinh ra để lấy chồng, loại phụ nữ làm cho bất cứ một người đàn ông nào cũng phải ngồi bật dậy mà chú ý. Còn câu hỏi này nữa. Lúc này tôi hỏi vậy là để thăm dò. Bây giờ tôi muốn biết thêm là cô có thích ai nhiều hơn tôi không?

Nhưng Dede rất cảnh giác.

- Như vậy thật không công bình chút nào cả, - nàng đáp - Nếu ông chịu khó suy nghĩ một chút thì sẽ thấy rằng ông đang làm cái điều mà ông đã nói ông sẽ không làm. Đó là việc trì hoãn. Em không trả lời các câu hỏi của ông nữa. Thôi, chúng ta nói qua chuyện khác đi. Đạo này con Bob thế nào?

Nửa tiếng đồng hồ sau, phóng ô tô như bay trên Đại lộ Điện Tín về Oakland trong mưa. Ánh Sáng Ban Ngày hút một điếu thuốc vãn giấy nâu,

và suy nghĩ về những chuyện đã xảy ra. Anh kết luận là tình hình không đến nỗi tồi, mặc dù cũng còn nhiều cái rối rắm. Chẳng hạn như việc nàng thích anh khi càng biết nhiều hơn về anh, vậy mà sao nàng lại không muốn lấy anh. Vấn đề này quả là rối rắm quá mức. Song, trong việc nàng từ chối lấy anh cũng có khía cạnh làm anh thấy vui vui, bởi vì như thế có nghĩa là nàng đã từ chối số bạc ba mươi triệu đô-la của anh. Đối với một cô thư ký đánh máy có số lượng chín mươi đô-la mỗi tháng và trước kia đã từng ném mùi sung sướng thì điều đó cũng lạ thật.

Rõ ràng là nàng không ham tiền. Tất cả những người đàn bà khác mà anh đã gặp đều tỏ vẻ sẵn sàng vồ vập lấy anh vì tiền. Rõ khi thật, anh đã tăng tài sản của mình lên gấp đôi, đã kiếm được thêm mười lăm triệu đô-la kể từ ngày lần đầu tiên đến làm việc cho anh. Vậy mà, tuy lúc đầu có thể nàng đã sẵn sàng ưng lấy anh, lúc này lại không chịu nữa chỉ vì tài sản của anh cứ lớn dần lên.

- Trời ơi? - anh lẩm bẩm - Nếu trong vụ kinh doanh đất đai này mà mình lại vớ thêm khoảng một trăm triệu đô-la nữa thì có lẽ nàng sẽ chẳng thèm hé môi nói chuyện với mình nữa cho mà xem.

Ý nghĩ này không làm anh cười được. Đầu óc anh cứ rối tung lên khi nhớ lại câu nàng nói là nàng đã có thể dễ dàng nhận lời lấy anh chàng Elam Harnish lúc anh ta mới chân ướt chân ráo từ vùng sông Klondike về đây hơn là ông Elam Harnish của hiện tại. Sau cùng anh đành cho là anh phải cố làm sao để có thể giống trở lại cái anh chàng Ánh Sáng Ban Ngày vừa từ miền Bắc Cực về đây để tham dự vào canh bạc lớn hơn vậy.

Nhưng làm sao thực hiện điều đó được đây? Anh không thể nào vặn ngược kim thời gian. Cứ ngồi mà ước thì chẳng xong, mà thật cũng chả còn cách nào khác. Nhưng ao ước như vậy thì có khác nào ao ước được trở lại thành một đứa trẻ, một điều không thể xảy ra.

Khi nhớ lại câu chuyện giữa anh và Dede, còn một điều nữa làm anh thấy vui vui. Anh đã nghe nói là trước kia có những cô thư ký đánh máy sau khi cự tuyệt với ông chủ là nghỉ việc ngay. Nhưng Dede đã không may may nói bóng gió gì chuyện đó cả Nàng quả có rắc rối thật, nhưng nàng không ngốc nghếch vớ vẩn. Nàng rất là tinh táo. Sở dĩ được như thế một phần cũng là nhờ ở anh ta nữa, bởi vì anh cũng rất tinh táo vì không lợi tán tình

nàng ở văn phòng. Đúng là có hai lần anh đã xé rào nhưng được cái là cả hai lần đó anh đều ngưng lại kịp và không tái phạm nữa. Nàng hiểu là nàng có thể tin ở anh. Tuy vậy, anh vẫn cho rằng phần lớn phụ nữ đều ngốc nghếch khi từ chối làm việc cho người đàn ông mà họ đã cự tuyệt. Và lại, sau khi nghe anh trình bày một cách đúng đắn, Dede cũng đã đồng ý để gửi cậu em của nàng sang Đức nên không thể cho rằng nàng là một con người ngốc nghếch.

- Trời ơi? - anh kết luận khi dừng xe trước cổng khách sạn - Giá mà mình biết sớm hơn thì ngay lúc nàng mới đến làm việc cho mình, mình hỏi cưới nàng thì xong rồi. Cứ theo lời nàng thú nhận thì đó là lúc thời cơ thuận lợi nhất. Bây giờ khi nàng càng thích mình hơn thì lại càng không muốn lấy mình nữa. Thế là thế nào nhỉ? Hay là nàng lại ỡm ờ rồi.

Chú thích:

(1) *Hasheesh (hasit): thuốc lá chế bằng lá non và đốt gai dầu, dùng ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ...*

PHẦN II - Chương 19

Nhiều tuần sau đó, vào một ngày chủ nhật đầy mưa gió, một lần nữa Ánh Sáng Ban Ngày lại đến ngõ lời cầu hôn với Dede. Cũng như lần trước, anh cố kìm chế mình cho đến khi nhớ nàng tới mức không thể chịu nổi nữa anh mới phóng chiếc ô tô đỏ như bay đến Berkeley. Anh dừng xe cách mấy dãy phố rồi đi bộ lại nhà nàng. Nhưng cô con gái của bà chủ nhà trọ nói với anh là nàng không có nhà. Suy nghĩ thêm một chút, cô ta cho anh biết nàng đang đi dạo ở vùng đồi. Cô chủ nhỏ còn cho anh biết thêm cả nơi mà Dede có khả năng đang đi dạo.

Ánh Sáng Ban Ngày làm theo lời chỉ dẫn của cô gái. Anh đi dọc theo dãy phố, qua căn nhà cuối cùng rồi bắt đầu lội ngược lên sườn đồi dốc không có nhà cửa chi cả. Bầu không khí ẩm thấp báo hiệu trời sắp đổ mưa gió bão đang thổi mạnh. Ánh Sáng Ban Ngày cố căng mắt ra nhìn khắp vùng đồi xanh cỏ bằng phẳng nhưng vẫn không thấy bóng dáng Dede đâu cả. Ở phía tay phải của anh là một thung lũng lòng chảo mọc toàn những cây bạch đàn to lớn. Những thân cây cao thon chao mình trong gió, cành lá cọ vào nhau thật sinh động và ồn ào. Tiếng gió thổi mạnh tạo thành một âm điệu phung phung như tiếng của một chiếc đàn bạc vĩ đại phát ra làm át hẳn

tất cả những tiếng rít kéo kẹt khác. Vốn biết rất rõ tính tình của Dede nên Ánh Sáng Ban Ngày đoán chắc là sẽ gặp được nàng ở đâu đó trong khu rừng bạch đàn nơi mà tác dụng của cơn bão sắp đến sẽ thể hiện rõ nét nhất. Khi đã băng qua vùng thung lũng lòng chảo ấy, anh thấy nàng đang đứng trên một đỉnh đồi lộng gió ở phía đối diện. Ở đây gió đang gào thét thật dữ dội.

Trong cách tỏ tình của anh lần này vẫn có vẻ gì đó đơn điệu, mặc dù không đến nỗi nhàm chán lắm. Không cần màu mè rào đón chi cả, anh ngỏ lời thẳng tuột và ào ào hết như cơn gió lốc. Anh chẳng thời giờ chào hỏi hoặc xin lỗi gì cả. Anh nói:

- Tôi đến đây cũng chỉ câu chuyện cũ thôi. Tôi cảm thấy cần có em nên phải đến. Em phải lấy tôi thôi Dede ạ, bởi vì càng ngẫm nghĩ lại, tôi càng chắc chắn rằng trong lòng em thấy thích tôi hơn mức bình thường. Em không chối điều ấy chứ, phải không nào?

Lúc bắt đầu nói anh đã chìa tay ra bắt tay nàng. Bây giờ anh vẫn còn giữ lấy tay nàng trong tay anh. Nàng không trả lời và có cảm giác anh đang kéo nàng nhẹ nhàng nhưng kiên quyết, về phía anh. Lúc này, sự khát khao trong lòng như đã thắng lướt được ý chí của nàng, và nàng toan ngã vào vòng lòng anh thì tự dừng lại giật người trở lại.

Tuy vậy, nàng vẫn để yên tay mình trong tay anh.

- Em không sợ tôi chứ? - anh hỏi, lòng cảm thấy ân hận về hành động vừa rồi.

- Không, - nàng mỉm cười buồn bã - Em không sợ ông, nhưng em lại sợ chính em.

Nghe nàng nói thế. Ánh Sáng Ban Ngày được thể dần tới.

- Em không chối là em thích tôi chứ, phải không nào?

- Em van ông, em van ông, - nàng năn nỉ - Chúng ta không thể lấy nhau được thì xin đừng nói đến chuyện đó nữa.

- Thế thì tôi cuộc là em sẽ thua tôi đây!

Lúc này anh ảm thấy sung sướng, bởi vì cho dù có khéo tưởng tượng đến mấy anh cũng không tưởng tượng được là mình có thể thành công nhanh đến thế.

Không còn nghi ngờ gì nữa về việc nàng thích anh, bởi vì nàng đã chịu để cho anh nắm tay, để cho anh đứng sát người nàng, mà chẳng hề né tránh.

Nhưng Dede lại lắc đầu.

- Không, không thể được. Ông sẽ phí tiền cuộc mất thôi.

Lần đầu tiên trong đầu Ánh Sáng Ban Ngày nảy sinh một mối nghi ngờ âm ỉ - một đầu mối giải thích cho toàn bộ câu chuyện lằng nhằng này.

- Như vậy là em đã bí mật đính hôn với một người nào khác rồi ư?

Nhìn nổi hoảng hốt trên gương mặt và trong giọng nói của anh, nàng không thể nào nhịn được cười. Tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên như thoát ra từ cổ họng của một chú chim. Ánh Sáng Ban Ngày biết là mình đã đoán sai.

Anh thấy bức mình và quyết định là nếu dùng hành động thay lời nói thì sẽ có kết quả hơn. Anh liền bước lại đứng chắn gió cho nàng và kéo nàng lại gần đến độ thân hình to lớn của anh che khuất hẳn nàng. Một cơn gió lớn đang thổi ào ào quanh người họ và tạo thành những tiếng phung phung trên các ngọn cây. Cả hai người cùng im lặng lắng nghe. Một trận mưa lá đổ xuống bao quanh lấy họ.

Ngay lúc cơn gió vừa dứt mưa bắt đầu rơi nặng hạt, Ánh Sáng Ban Ngày cúi xuống nhìn Dede, nhìn những lọn tóc bị gió thổi bay loà xoà trên gương mặt của nàng. Vì đang được đứng áp sát vào người phụ nữ mà anh biết là có ý nghĩa rất lớn lao với cuộc đời mình, anh sướng run lên đến mức nàng cũng cảm nhận điều này qua đôi bàn tay anh xiết chặt lấy tay nàng.

Tự nhiên nàng dựa người vào anh, và nhẹ nhàng ngả đầu lên ngực anh. Một cơn gió mạnh khác ập tới. Hai người cứ đứng như vậy trong cảnh mưa rơi lá đổ. Rồi Dede ngẩng đầu nhìn vào mặt Ánh Sáng Ban Ngày, nói:

- Anh biết không, đêm không qua em đã cầu nguyện cho anh. Em cầu cho anh sẽ thất bại, sẽ mất hết tất cả... mất hết tất cả.

Ánh Sáng Ban Ngày kinh ngạc nhìn nàng khi nghe thấy câu nói đầy bí ẩn đó.

- Chết thật. Anh thường bảo phụ nữ rất khó hiểu, cũng như bây giờ em quả là khó hiểu đối với anh. Tại sao em lại muốn anh mất hết tất cả trong khi rõ ràng là em rất thích anh?

- Em nói thích anh hồi nào?

- Thì rõ ràng là em không dám chối điều đó mà. Thích anh, vậy mà không hiểu sao em lại muốn anh phá sản. Điều này cũng lung tung như lần trước khi em nói là càng thích anh thì em lại càng không muốn lấy anh. Vậy, em hãy giải thích cho anh hiểu xem nào?

Anh đưa tay ôm choàng lấy người nàng. Lần này nàng cứ để mặc cho anh ôm. Đầu nàng cúi xuống nên anh không nhìn thấy mặt nàng, nhưng anh có cảm giác là nàng đang khóc. Anh đã học được lợi ích của sự im lặng nên anh cứ chờ đợi chứ không thúc giục. Sự việc đã phát triển đến lúc nàng sẽ tự nói cho anh nghe một điều gì đó. Anh chắc chắn như vậy.

- Em không lãng mạn đâu, - nàng bắt đầu nói và ngược mắt nhìn anh - Nếu như em lãng mạn bước liêu để sau đó khổ suốt đời. Nhưng em tỉnh táo đến đáng sợ và sự tỉnh táo đó đã ngăn cản em đừng làm thế. Nhưng dù như vậy, em cũng không cảm thấy hạnh phúc hơn chút nào cả. Anh vẫn cứ như một kẻ chết đuối đang ngoi ngóp ấy, vẫn chẳng hiểu gì cả.

Sau khi chờ đợi không thấy nàng nói nữa, Ánh Sáng Ban Ngày mới nói:

- Em phải giải thích cho anh rõ đi. Anh không hiểu, em muốn nói gì khi bảo là sự tỉnh táo đã ngăn cản em cũng như việc em cầu cho anh bị phá sản ấy. Hỡi người em gái bé bỏng, anh chỉ biết yêu em và muốn cưới em thôi. Thẳng thắn và giản dị có vậy thôi. Em ưng lấy anh không nào?

Nàng chậm chậm lắc đầu, rồi, trong khi trả lời anh, nàng có vẻ giận dữ, giận dữ một cách buồn bã. Ánh Sáng Ban Ngày biết là nàng đang tức giận vì anh.

- Hãy để cho em được giải thích, cũng thẳng thắn và giản dị như ý anh muốn - Nói đến đây, nàng ngừng lại cố tìm lời cho thích hợp để bắt đầu - Anh là một người trung thực và thẳng thắn, vậy anh có muốn em, tuy là một phụ nữ, cũng thẳng thắn và trung thực để nói cho anh nghe những điều mà có lẽ chẳng làm anh hài lòng lắm không? Hoặc nói cho anh nghe những điều em giấu kín trong lòng vì thẹn không? Nghĩa là anh có muốn xử sự theo kiểu mà cánh đàn ông cho là không thích hợp với phụ nữ không?

Anh không trả lời, mà chỉ xiết cứng vòng tay đang ôm chặt lấy nàng để khuyến khích.

- Em muốn lấy anh lắm chứ, nhưng em sợ. Em vừa cảm thấy tự hào vừa cảm thấy tủi thân khi thấy một người như anh đến gần em. Nhưng anh là người có tiền bạc, nhiều tiền. Đây là điều mà sự tỉnh táo đáng sợ không cho phép em bỏ qua. Cho dù chúng ta có lấy được nhau chẳng nữa thì anh cũng sẽ không trọn vẹn thuộc về em... trọn vẹn là người yêu và người chồng của em. Anh sẽ thuộc về tiền bạc của anh. Em biết mình không khao lắm, nhưng em vẫn cứ muốn người đàn ông của em phải trọn vẹn thuộc về em. Anh sẽ không được tự do dành tình cảm của anh cho em. Tiền bạc sẽ làm chủ đời anh, sẽ chiếm hết thời gian của anh, những suy nghĩ của anh, năng lực của anh và tất cả mọi thứ. Nó buộc anh phải suốt ngày đi đây đi đó làm việc này, việc nọ. Anh hiểu không? Có lẽ em ngốc nghếch thật, nhưng em thấy em có thể yêu nhiều, trao tặng nhiều... trao tặng tất cả, thì ngược lại, dù không tham lam đến mức đòi chiếm cả, em cũng đòi hỏi được trao tặng lại nhiều... và nhiều hơn mức mà tiền bạc sẽ cho phép anh trao tặng cho em. Mà anh đang bị tiền bạc huỷ hoại; nó làm cho anh ngày càng tệ hại hơn. Em không hổ thẹn khi nói là em yêu anh, bởi vì sẽ chẳng bao giờ em lấy anh cả. Em đã yêu anh rất nhiều ngay khi em chưa biết gì về anh, khi anh mới từ Alaska về đây và khi em mới đến làm việc cho anh. Lúc đó anh là thần tượng của em, là anh chàng Ánh Sáng Ban Ngày, là một tay tìm vàng, một tay phiêu lưu táo bạo. Cả con người anh lộ rõ những điều này. Lúc đó bất cứ một người phụ nữ nào nhìn anh cũng không thể không yêu anh được. Nhưng bây giờ anh không còn những nét của ngày xưa nữa. Em xin anh tha lỗi vì đã nói với anh những điều đó. Nhưng anh đã muốn nói thẳng nên em nói thẳng. Trong những năm vừa qua anh đã sống trái với bản chất của anh. Anh là một con người của trời rộng, vậy mà anh đã giam mình trong cuộc sống thành thị. Anh không còn là con người trước kia nữa, anh đang bị tiền bạc huỷ hoại. Anh đang biến dần thành một con người nào khác, không còn lạnh mạnh, sạch sẽ và tốt đẹp như xưa nữa. Tiền bạc và lối sống của anh hiện nay đã biến anh thành một kẻ như thế đấy. Anh biết điều ấy mà. Ngay cả thân hình anh cũng đã đổi khác rồi. Anh đã mập hơn trước, mà đây lại là cái vẻ mập không lạnh mạnh. Anh vẫn tốt bụng và tử tế với em, em biết chứ, nhưng đối với mọi người khác thì anh không còn tốt bụng và tử tế với họ như trước kia nữa. Anh trở nên cộc cằn và độc ác. Em biết cả

đầy chữ. Em đã quan sát anh mỗi tuần sáu ngày, hết tháng năm này qua tháng năm khác. Em biết cả những điều nhỏ nhất nhất về anh, chứ không như anh biết về em. Sự độc ác không chỉ nằm trong tim, trong tư tưởng, mà còn hằn rõ trên cả gương mặt anh thành những đường nét nữa kia. Em đã quan sát thấy chúng hiện ra ngày càng rõ, mà nguyên nhân đưa đến chuyện đó chính là đồng tiền và cuộc sống của anh. Con người anh đang thoái hoá, và ngày càng trở nên tàn bạo hơn. Tình trạng này sẽ càng tồi tệ hơn, không cách gì cứu chữa được cho đến lúc con người anh sẽ hoàn toàn bị huỷ hoại.

Ánh Sáng Ban Ngày muốn chen ngang, nhưng Dede đã ngăn anh. Nàng nói không kịp thở và giọng nàng run run:

- Gượng nào, để em nói hết đã! Trong suốt những tháng vừa qua, em không làm gì ngoài việc suy nghĩ, suy nghĩ mãi từ cái lần anh cưới ngựa sóng đôi với em. Bây giờ em được nói thì em sẽ nói cho hết mọi nhẽ. Em yêu anh, nhưng em không thể lấy anh để rồi phá hỏng tình yêu đó. Anh đang biến thành một hạng người mà cuối cùng em sẽ buộc lòng phải khinh bỉ. Nhưng anh không tránh được điều đó bởi vì anh yêu cái trò làm ăn hơn là anh yêu em. Việc làm ăn này đối với anh sẽ có nghĩa gì đâu, vậy mà nó đã biến anh thành nô lệ của nó. Đôi khi em nghĩ thà phải chia sẻ tình yêu của anh với một người đàn bà nào khác còn dễ chịu hơn là chia sẻ nó với cái trò làm ăn này, bởi vì với người đàn bà khác em vẫn còn được một nửa tình yêu của anh, còn với chuyện làm ăn thì em sẽ phải mất đến chín phần mười hoặc chín mươi chín phần trăm tình yêu của anh. Đối với em, lấy một người không phải là để tiêu tiền của người ấy. Em chỉ muốn bản thân của người ấy thôi. Anh đã nói là anh cần có em. Tỉ như em đồng ý lấy anh, và chỉ trao tặng cho anh có một phần trăm tình yêu của em. Tỉ như trong đời em còn có một cái gì khác thu hút hết chín mươi chín phần trăm còn lại của tình em, thậm chí nó còn tàn phá nhan sắc em, làm mí mắt em phỉ ra, làm đuôi mắt em nhăn nheo, làm cả tâm hồn lẫn thể xác em kém đẹp đi, thì liệu anh có bằng lòng với cái số một phần trăm còn lại đó không? Vậy mà anh lại muốn em bằng lòng với chuyện đó. Anh có còn thắc mắc tại sao em không lấy anh... không thể lấy anh được... nữa không?

Ánh Sáng Ban Ngày chờ xem nàng nói đã hết chưa. Nhưng nàng lại nói tiếp:

- Không phải là em ích kỷ. Nghĩ cho cùng thì tình yêu có nghĩa là trao tặng, chứ không phải là đón nhận. Nhưng em thấy rõ là tất cả những trao tặng em dành cho anh cũng không ích lợi gì cho anh cả. Anh cũng như một con bệnh vậy. Anh chơi trò làm ăn không giống với những người khác. Anh để hết tâm hồn, tình yêu vào chuyện đó. Không cần biết anh có ý định, có niềm tin như thế nào chẳng nữa thì người vợ của anh cũng sẽ chỉ là một giây phút giải trí ngắn ngủi. Anh có con Bob tuyệt vời biết mấy thế mà anh đang để nó chết rũ trong chuồng kia. Có thể anh sẽ muta cho em một biệt thự lộng lẫy, nhưng rồi anh cũng sẽ bỏ mặc em ở đó để chết héo hoặc để khóc cho sung mắt vì không biết phải làm gì để cứu vớt anh. Cái căn bệnh làm ăn này sẽ xói mòn và huỷ hoại con người anh. Anh lao vào nó cũng say sưa như trước kia ở Alaska anh đã say mê bám đường vậy. Anh không cho phép bất kỳ ai vượt lên trước mình hoặc tỏ ra có sức làm việc hoặc chịu đựng hơn mình. Anh đem hết bản thân mình để lao vào cuộc đua, anh đem tất cả những gì đã làm được để làm thêm cái khác Không lúc nào có giới hạn!

Ánh Sáng Ban Ngày xác nhận.

- Ước gì anh cũng chơi trò tình yêu vợ chồng theo lối ấy thì... - Nói đến đây, giọng Dede ngập ngừng rồi ngưng bật. Đôi má ửng đỏ của nàng đỏ bừng lên và nàng then không dám nhìn vào mắt Ánh Sáng Ban Ngày nữa. Nhưng nàng nói thêm:

- Em nói hết rồi đó. Em nói cứ như giảng đạo ấy phải không?

Lúc này Dede đã hoàn toàn ngã người trong vòng tay của Ánh Sáng Ban Ngày. Cả hai người như quên hẳn cơn gió đang mỗi lúc một thổi mạnh hơn. Trận mưa dữ dội chưa đổ xuống, nhưng những cơn gió mạnh mang theo hơi nước dày đặc tựa một màn sương mù càng lúc càng ập tới nhanh hơn. Rõ ràng Ánh Sáng Ban Ngày bị bối rối, và khi anh bắt đầu nói anh cũng vẫn chưa hết bối rối.

- Anh hoang mang quá, người cứ như đang bị treo lơ lửng trên cây ấy. Anh thấy hoảng quá, em Dede ạ. Anh công nhận là lời em nói có nhiều ý hay cứ như lời em nói thì em sẽ lấy anh nếu anh không có xu nào dính túi hoặc nếu anh không phát phì. Không, không... anh không giấu cọt đâu, mà chỉ muốn nói toạc cái lỗi sần sùi của vấn đề em đã đặt ra, thế thôi. Nếu anh

không có đến một xu dính túi và sống một cuộc đời lạnh nhạt để dành hết thì giờ cho em, để xứng đáng là chồng em, thay vì để mình ngập đầu vào chuyện làm ăn và những chuyện khác thì... ừ, em sẽ lấy anh. Ý em rõ ràng là như vậy, và em đã nói nói đúng, có lý hơn trước kia anh tưởng. Em đã mở mắt cho anh phần nào. Nhưng anh bị sa lầy rồi, đã trói chặt chân tay của anh rồi nên anh không thể đứng dậy để chạy nhảy giữa đồng xanh được nữa. Giờ đây anh như một kẻ đang cưỡi lưng cọp ấy, anh không thể nhảy xuống được nữa. Vậy mà anh yêu em, và muốn có em thì anh phải nhảy xuống. Bây giờ anh thật chẳng biết phải làm gì cả. Nhưng chắc chắn anh sẽ làm một cái gì đó, bởi vì anh không muốn mất em. Anh không chịu như thế được mà anh cũng sẽ không cho phép điều đó xảy ra. Lạ quá, em đã ám ảnh anh cũng gần như việc làm ăn đã ám ảnh anh vậy. Chỉ có điều là công việc không làm anh trần trọc suốt đêm, còn em thì lại làm cho anh phải mất ăn mất ngủ. Anh chẳng tìm được lời nào để biện hộ cho mình sau khi em đã nói thế. Anh biết là mình không còn giống với hồi từ Alaska về đây. Anh không còn khả năng cùng đàn chó bám đường như ngày xưa nữa. Cơ bắp anh đã nhão, và đầu óc anh đã chai đặc ra rồi. Trước kia anh tôn trọng con người, còn giờ đây anh lại miệt thị họ. Em biết không, suốt đời anh đã sống giữa thiên nhiên bao la, anh cho rằng mình sinh ra là để sống như vậy à, em biết không, anh đã mua một căn trại nhỏ, tuyệt đẹp ở Thung lũng Ellen. Chắc em còn nhớ có lần anh đã nhờ em liên lạc thư từ với người ở đó chứ. Anh chỉ mới ngắm căn trại ấy có mỗi một lần thôi, vậy mà anh đã cảm thấy yêu nó và liền bỏ tiền ra mua nó. Khi anh cưỡi ngựa lang thang giữa các vùng đồi, anh cảm thấy sung sướng hết như một đứa trẻ trốn học đi chơi ấy. Cuộc sống ở đồng quê hẳn sẽ làm cho anh tốt hơn. Cuộc sống thành thị không được như thế. Em rất đúng về điểm đó. Anh biết chứ. Nhưng tỉ như lời cầu nguyện của em trở thành sự thật, là anh sẽ phá sản và phải đi làm thuê kiếm sống qua ngày thì sao nào?

Dede không trả lời, nhưng toàn bộ con người nàng như toát lên vẻ đồng tình với việc ấy.

- Tỉ như anh chẳng còn gì ngoài căn trại nhỏ ấy, và phải lâm vào cảnh kiếm sống qua ngày bằng việc nuôi gà hay làm một công việc lật vật nào đó, thì liệu em có ưng lấy anh không Dede?

- Như vậy mình sẽ suốt ngày được kề cận bên nhau, phải không anh? - Dede reo lên.

- Nhưng đôi lúc anh cũng phải bận việc cày cuốc nữa chứ, hoặc cũng phải ra tỉnh mua thực phẩm, - Ánh Sáng Ban Ngày đe.

- Nhưng lúc đó sẽ không còn văn phòng văn phiếc gì cả, mà cũng chẳng phải gặp biết bao người như bây giờ nữa. Nhưng nói là để nói vậy thôi, chứ làm gì có chuyện đó, phải không anh? Chúng ta rõ là ngớ ngẩn! Hãy quay về đi thôi kẻo bị mắc mưa mất.

Ngay lúc đó, đứng giữa rừng cây, trước khi bắt đầu bước trở xuống đồi, Ánh Sáng Ban Ngày đã có thể kéo nàng lại sát người anh và hôn nàng.

Nhưng vì anh còn bận bịu với những ý nghĩ do Dede vừa tiêm nhiễm vào đầu anh nên anh không nghĩ đến chuyện ấy. Anh chỉ đưa tay diu nàng qua những đoạn khó đi thôi.

- Vùng đất ở Thung lũng Ellen đẹp tuyệt vời - Ánh Sáng Ban Ngày nói với vẻ trầm tư, - Anh ước gì em được thấy nó nhỉ.

Lúc đến bìa rừng cây, anh nói có lẽ họ nên chia tay nhau ở đó.

- Chỗ này gần nhà em. Anh sợ thiên hạ lại xì xầm.

Nhưng nàng khăng khăng yêu cầu anh đưa nàng đến tận nhà trọ. Khi đến chân cầu thang, nàng chìa tay ra và nói:

- Em không mời anh vào nhà được đâu.

Gió từng cơn vẫn thổi mạnh, nhưng mưa vẫn chưa rơi.

- Em biết không, - Ánh Sáng Ban Ngày nói, - nói chung hôm nay là ngày vui nhất đời anh - Anh ngả mũ và nói một cách nghiêm trang trong khi ngọn gió thổi tung tóc anh rối vào nhau, - Anh cảm ơn Thượng Đế hoặc bất cứ ai đó hoặc cái gì đó đã sinh ra em trên cõi đời này và em đã mến anh nhiều. Hôm nay được nghe em nói lên điều ấy anh rất vui. Thật là...- anh không nói hết câu, mà đột nhiên chuyển thành giọng thì thầm, và khuôn mặt bỗng trở lại giọng bốn cột thường thấy - Dede ơi, Dede ơi, chúng mình phải cười nhau thôi chứ không còn cách nào khác, và hãy tin là vận may rồi sẽ thu xếp mọi việc ổn thoả cả.

Nhưng đôi mắt của Dede như lại sắp trào lệ.

Nàng lắc đầu quay lưng và bước lên bậc thang vào nhà.

PHẦN II - Chương 20

Khi hệ thống phà bắt đầu hoạt động và thời gian để đi từ Oakland đến San Francisco chỉ mất bằng nửa lúc trước thì số tiền khổng lồ mà Ánh Sáng Ban Ngày phải chi ra bắt đầu quyền hướng. Thật ra số tiền ấy cũng chẳng phải thật sự quay trở lại túi anh, bởi vì ngay khi cầm được tiền là anh liền đem đầu tư nó vào những công việc khác. Anh cũng đã bán được những lô đất tại nơi anh ở, và hàng ngàn căn hộ đang được xây dựng. Anh cũng đã bán cả những mặt bằng làm xí nghiệp và những cơ sở thương mại nằm ở trung tâm thành phố Oakland nữa. Tất cả những điều này có nghĩa là giá trị tài sản của anh đang tăng dần. Nhưng cũng như trước kia, anh đang gặp may và cố khai thác cho hết dịp may đó. Anh vay thêm tiền ở ngân hàng. Số tiền lãi khổng lồ anh thu được nhờ bán đất lại được chuyển thành đất hoặc được dùng để phát triển những của khác. Thay vì lo thanh toán những khoản nợ cũ, anh lại vay thêm. Cũng như trước kia anh đã từng đứng đầu thị trấn Dawson, bây giờ anh đứng đầu ở Oakland. Nhưng thay vì chỉ là một con sói vàng chóng qua như trước kia, bây giờ anh hiểu là việc anh làm có khả năng bền vững.

Những kẻ khác cũng theo gương anh với quy mô nhỏ hơn. Họ cũng tham gia mua bán đất và giàu lên nhờ vào những phát triển chung mà anh đem lại cho thành phố. Tuy nhiên, chuyện ăn theo này cũng không đáng ngạc nhiên và những món tiền lời nhỏ mọn mà nhờ anh họ thu được đó không làm anh thấy khó chịu. Tuy nhiên cũng có một trường hợp ngoại lệ, đó là trường hợp của một người tên Simon Dolliver. Hắn nhờ có tiền, và nhờ ở sự khôn ngoan táo bạo, nên đã lợi dụng công sức của Ánh Sáng Ban Ngày để phát lên đến mức bây giờ hắn đã nắm được cả triệu bạc trong tay cũng như Ánh Sáng Ban Ngày, hắn cũng trở thành một tay cứng đầu ở Oakland, nhờ cách đầu tư nhanh chóng, chính xác, và để vốn quay vòng liên tục. Có nhiều lần Ánh Sáng Ban Ngày cảm thấy hắn làm vướng chân anh, cũng như trước kia anh làm vướng chân bọn Guggenhammer khi chúng mới để mắt đến Lach Ophir vậy.

Việc xây dựng hệ thống cảng của Ánh Sáng Ban Ngày vẫn được tích cực tiến hành, nhưng nó thuộc vào loại những công việc tốn tiền kinh khủng và không thể hoàn thành chóng vánh như hệ thống phà được. Có nhiều khó khăn lớn về kỹ thuật. Việc nạo vét và dẫn nước chẳng dễ dàng gì. Chỉ việc

đóng cọc thôi cũng đủ tốn tiền rồi. Vào thời điểm đó một cây cọc tốt khô trung bán tại chỗ cũng đã hai mươi đô-la vàng một cây, mà phải cần đến cả ngàn cây như vậy. Tất cả những rừng cây bạch đàn đã trưởng thành mà tiện đường vận chuyển đều bị đốn sạch. Có cả nhiều bè lớn chở những thân cây thông từ Puget Sound về chỗ xây cảng nữa.

Không thoả mãn với việc sản xuất điện để dùng cho hệ thống đường xe điện theo kiểu lạc hậu bằng cách dựng các trạm sản xuất điện nhỏ. Ánh Sáng Ban Ngày tổ chức hẳn một công ty lớn lấy tên Công ty Điện lực Sierra và Salvador. Đây là một công việc to lớn, bởi vì sốt một dải từ vùng núi qua thung thũng San Joaquin đến tận vùng đồi Contra Costa đều có nhiều thị trấn và cả thành phố lớn cần điện để thắp sáng và sử dụng vào những việc khác. Ánh Sáng Ban Ngày dự tính biến công ty của mình thành công ty chiếu sáng vỉa hè và nhà cửa.

Ngay sau khi vừa mua được mặt bằng ở vùng Sierra, để xây dựng cơ sở, anh liền cử những đội khảo sát bắt tay ngay vào việc thiết kế. Công việc cứ thế tiến hành. Tiền trong túi anh chảy ra liên tục như suối và bị nuốt chửng cả.

Nhưng cú làm ăn này quá thuận lợi và hợp pháp đến độ Ánh Sáng Ban Ngày, kẻ sinh ra là để đánh bạc, lại được phú cho tầm nhìn sâu rộng tinh táo, cảm thấy không thể ngừng lại ở mức chơi từ tốn để chắc ăn được. Cơ hội duy nhất là chơi lớn. Ngay cả người cố vấn duy nhất đáng tin cậy của anh là Larry Hegan cũng không muốn kèm anh lại. Thật ra cái anh chàng hay mơ mộng và dùng hasit này còn đề nghị nhiều ý kiến táo tợn đến độ chính Ánh Sáng Ban Ngày phải gạt đi. Ánh Sáng Ban Ngày không những chỉ vay những món tiền lớn của ngân hàng và các công ty tín dụng mà còn bán đi cổ phần trong nhiều công ty của mình. Tuy nhiên chuyện bán đi bớt cổ phần chỉ là vụn vặt đắc dĩ, và anh không làm thế đối với những công ty quan trọng của mình. Trong số những công ty mà anh buộc lòng phải để người khác mua lại một số cổ phần là Công ty Bên cảng Kim Môn, Công ty Công viên Văn Hoá, Công ty Cấp nước Thống Nhất. Công ty đóng tàu Encinal và Công ty Điện lực Sierra và Salvador. Tuy vậy, anh và Hegan vẫn giữ một số cổ phần khổng lồ trong những công ty đó. Chuyện riêng của anh với Dede vẫn còn lơ lửng. Một mặt anh trì hoãn việc xem xét cái vấn đề

kỳ cục nảy sinh trong quan hệ với nàng, mặt khác tình yêu anh dành cho nàng ngày càng mãnh liệt. Ví von theo cách cờ bạc của mình, anh cho là Thần May Rủi đã chia cho anh một lá đáng ý nhất trong cả bộ bài, thế mà đã từ bao năm nay không ngó ngang gì đến nó cả. Đó là quân bài tình yêu, và quân bài này đã thắng tất cả những quân bài khác. Tình yêu là lá bài lớn nhất trong một ván bài xì. Nó là lá bài cao hơn mọi lá bài khác, nên khi canh bạc bắt đầu anh sẽ chơi lá bài đó cho đến cùng. Trong khi canh bạc mới này chưa bắt đầu thì giờ đây anh phải cố chơi cho dứt điểm canh bạc còn đang dang dở.

Tuy nhiên anh vẫn không xoá khỏi đầu óc và trí tưởng tượng của mình cái hình ảnh ám áp của đôi dép màu đồng đỏ, chiếc áo dài ôm gọn thân hình thướt tha đó cũng như tất cả cái vẻ đàn bà dịu dàng mềm mại của Dede khi ở trong căn phòng riêng xinh xắn tại Berkeley. Một lần nữa, vào một ngày chủ nhật mưa gió, anh báo qua điện thoại cho nàng biết là anh sẽ đến. Và, hết như đã xảy ra từ khi người đàn ông lần đầu tiên nhìn người đàn bà và cảm thấy ham muốn, Ánh Sáng Ban Ngày muốn van xin tình yêu của Dede theo cái cách chẳng mấy gì là vinh dự ấy. Trái lại, anh có thể làm bất cứ chuyện gì một cách tuyệt vời. Chẳng qua anh chỉ muốn dùng cái cách lạ kỳ đó là cốt để cho Dede không thể dễ dàng từ chối lời khẩn cầu của anh như đối với lời van xin của một gã tình nhân hay quý lụy. Hậu quả hành động của anh dĩ nhiên chẳng thú vị gì, bởi Dede, đau khổ vì bản thân cũng ham muốn nhưng lại cảm thấy tuyệt vọng vì hiểu rằng đó là một sự yếu đuối đáng ghét, đã phải thốt lên:

- Anh cứ bắt em phải lao vào trò may rủi, cứ lấy anh rồi để mặc cho số mệnh tự sắp xếp mọi chuyện. Anh cứ bảo đời là một canh bạc. Được lắm, vậy thì chúng ta hãy cứ đánh bạc một phen. Anh thử lấy một đồng xu ra và quăng nó lên trời. Nếu ngửa, em sẽ lấy anh; nếu xấp anh phải mãi mãi để em yên và đừng bao giờ nói chuyện cưới xin với em nữa.

Đôi mắt của Ánh Sáng Ban Ngày loé lên một ánh lửa lẫn lộn giữa yêu đương và đam mê trò đen đỏ. Tự nhiên anh đưa tay thọc vào túi toan lấy đồng xu. Nhưng anh đã ngừng tay lại, ánh lửa trong mắt anh như mờ hẳn.

- Lấy đồng xu ra đi nào, - Dede gắt như ra lệnh - Đừng trù trù kéo em mà đòi ý thì anh sẽ mất một dịp may đấy.

- Cô bé ơi! - Ánh Sáng Ban Ngày ví von, vẻ giễu cợt nhưng ý rõ ràng không có gì là giễu cợt cả. Suy nghĩ lẫn lời nói của anh đều đượm vẻ nghiêm trang. - Cô bé ạ, anh sẽ đánh bạc từ thuở *Tạo Thiên Lập Địa* cho đến *Ngày phán xét*. Anh sẵn sàng đánh bạc một chiếc đàn hạc bằng vàng để thắng được vòng hào quang trên đầu kẻ khác. Anh sẽ lập sòng bạc ăn tiền ngay ngoài cửa tân Jerusalem(1) hoặc gây bàn bài faro ngay ngoài Cổng Ngọc(2). Nhưng anh sẽ mãi mãi bị nguyên rửa nếu toan tính đánh bạc trong chuyện tình cảm. Tình yêu vốn là một cái gì quá to tát nên anh không thể nào phó mặc cho may rủi được. Tình yêu phải là một thứ chắc chắn và anh muốn tình yêu giữa anh và em cũng sẽ chắc chắn. Dầu cho anh có chắc thắng một trăm phần đi nữa thì cũng vậy thôi. Không bao giờ anh lại muốn đánh bạc trong tình cảm cả.

Vào mùa xuân năm đó đã xảy ra Cuộc Tổng khủng hoảng. Người ta nhận thấy dấu hiệu đầu tiên của nó khi các ngân hàng bắt đầu đòi lại những món nợ không có bảo chứng. Khi giấy đòi nợ được gửi đến Ánh Sáng Ban Ngày, anh liền trả trước một số, song anh cũng đoán rằng sự việc đó ngầm chỉ gió đã đổi chiều, rằng một trong những cơn bão tài chính khủng khiếp mà anh đã từng nghe kể sắp thổi qua Hiệp Chúng Quốc. Anh không dự đoán được trận bão này sẽ kinh khủng hoảng như thế làm cho giá trị mọi vật teo lại, đó lại là dịp để anh vớ bờ. Còn bây giờ anh đành giương mắt ra mà ngó những tay làm ăn theo kiếm bài bạc khác, những kẻ trước kia đã làm giàu và gây ra cơn khủng hoảng này, giờ đây đang ngoi ra một cách an toàn để chuẩn bị ôm trọn một vụ bội thu chắc chắn. Ánh Sáng Ban Ngày chỉ còn cách là cố đứng vững cho qua cơn hoạn nạn này. Anh hiểu rất rõ tình hình. Anh biết rằng một khi các ngân hàng đòi anh trả nợ là họ đang rất kẹt về tiền mặt. Nhưng anh cần tiền mặt còn nhiều hơn họ nữa. Anh cũng biết rằng các ngân hàng chẳng thiết gì cái số giấy tờ chứng khoán mà họ đang giữ của anh để làm bằng, bởi vì cái số giấy tờ đó bây giờ chẳng có lợi gì cho họ cả. Trong lúc giá trị đang tụt xuống ào ào như vậy thì đem bán đi bất cứ món gì cũng đều không phải lúc. Đương nhiên số giấy tờ chứng khoán đó của anh rất có giá trị, nhưng trong lúc mọi người như phát rồ lên vào thiếu tiền mặt thì chúng cũng trở thành vô giá trị. Khi thấy Ánh Sáng Ban Ngày không chịu trả nợ, các ngân hàng bèn buộc anh phải giao cho họ giữ nhiều giấy tờ

chứng khoán hơn nữa. Tiền mặt càng khan hiếm thì họ càng đòi anh phải giao thêm, thường là nhiều gấp hai, ba lần số giấy tờ chứng khoán mà lúc đầu hai bên đã thoả thuận. Đôi lúc anh đành chiều theo lời đòi hỏi của các ngân hàng, nhưng thường thì không, và giữa anh với họ lúc nào cũng phải đấu tranh với nhau hết sức gay gắt.

Nỗ lực đứng vững qua cơn bão táp này cũng tựa như đem đất sét mà vá một bức tường sắp sụp đổ và anh chạy cách nào cũng có nguy cơ sụp đổ, và anh chỉ còn cách chạy tới chạy lui dùng đất sét ở đây chính là tiền mặt được dùng ở chỗ này một ít chỗ kia một ít khi cần thiết, song phải thật là cần thiết. Anh còn đương cự được với tình thế nhờ ở Công Ty Phà Yerba Buena, Công ty Xe điện và Công Ty Cấp nước Thống Nhất của mình, bởi vì mặc dù người ta thôi không mua đất của anh để cất xí nghiệp hoặc cơ sở thương mại nữa, họ vẫn buộc phải dùng đến xe điện cũng như các chiếc phà và nước do anh em cung cấp. Trong khi cả thế giới tài chính đang thét gào lên đến chết vì thiếu tiền thì vào ngày đầu mỗi tháng dịch vụ cấp nước đổ vào các két sắt của anh hàng ngàn đô-la, và mỗi ngày tuyến xe điện và phà đem lại cho anh cả chục ngàn đô là loại tiền một hào và tiền năm xu. Bây giờ điều cần nhất là nắm được tiền mặt. Giá như anh có thể sử dụng cho riêng mình toàn bộ dòng suối tiền liên tục đó thì anh chẳng có gì phải lo cả. Thế nhưng cố gắng lắm anh cũng chỉ giữ lại được có một phần. Dĩ nhiên anh đành phải ngưng phát triển cơ sở, và chỉ chịu chi tiền cho những sự tu bổ tối cần thiết mà thôi. Gay nhất vẫn là những phí tổn trong việc điều hành. Đó là một cuộc vật lộn tưởng như vô tận. Anh liên tục tìm cách tiết kiệm và mua chịu. Đối với những người cung cấp hàng sỉ, đôi với việc trả lương cho nhân viên cũng như việc mua văn phòng phẩm và tem, anh luôn luôn hạn chế chỉ tiêu đến mức thấp nhất.

Khi những trưởng phòng và cai thợ đã cắt giảm lương thợ đến mức kinh khủng rồi, anh vẫn cứ vờ vai họ và đòi họ phải cắt giảm hơn nữa. Khi họ buông thông tay tỏ vẻ tuyệt vọng, anh liền chỉ cho họ thấy làm thế nào để tiết kiệm được tiền nhiều hơn nữa.

- Anh đang thu nhập tám ngàn đô-la một năm, - anh nói với Matthewson - Đó là mức thu nhập cao hơn bất kỳ mức thu nhập nào của anh trước kia. Lợi ích của anh cũng chung với lợi ích của tôi, vậy thì anh

cũng phải gắng chịu đựng cơn bão táp gay go nguy hiểm này một tí. Ở thành phố này anh có thể mua chịu được mà. Vậy thì hãy cứ mua chịu đi. hãy tạm tránh xa các hàng thịt, hàng bánh và những hàng khác nữa. Hiểu chưa nào?

- Hiện nay anh đang lĩnh lương mỗi tháng sáu trăm sáu mươi đô-la. Tôi cần số tiền đó. Kể từ nay hãy hạn chế chi tiêu trong tất cả mọi thứ, và mỗi tháng tự lĩnh tạm một trăm đô-la thôi. Tôi sẽ trả lãi cho phần tiền lương còn lại mà tôi nhận vay của anh đến khi nào cơn ngặt nghèo này qua khỏi thì thôi.

Hai tuần sau, với bảng lương để trước mặt. Ánh Sáng Ban Ngày nói:

- Matthewson này, cái cậu kế toán tên Rogers này là ai vậy? Cháu anh phải không? Tôi nghĩ vậy thôi. Cậu ấy đang lĩnh tám mươi lăm đô-la một tháng. Sau kỳ lương này, cho cậu ấy lĩnh ba mươi lăm đô-la thôi nhé. Tôi vay tạm số năm mươi đô-la còn lại và sẽ tính lãi sau.

- Không được đâu! - Matthewson thốt lên - Với số lương lương tám mươi lăm đô-la một tháng hẳn cũng chật vật lắm rồi. Hẳn còn phải nuôi vợ và hai đứa nhỏ nữa!

Ánh Sáng Ban Ngày mắng như tát nước vào mặt Matthewson:

- Không được là thế nào? Thế anh nghĩ tôi đang điều hành một cơ sở gì đấy? Một cơ sở nuôi toàn những thằng dở hơi không tự săn sóc được, nên suốt ngày tôi phải lo bón cơm, mặc quần áo và chùi mũi cho chúng chắc? Đâu có phải như vậy. Tôi đang phải làm việc bỏ cả hơi tai ra đây này, và lúc này tôi muốn mọi người làm việc chung với tôi cũng phải như vậy. Tôi không muốn nhân viên của mình toàn là những con chim chỉ bay được trong thời tiết thuận hoà. Thời tiết lúc này xấu, rất xấu, nên tôi muốn họ và tôi cùng lao vào đỡ cho nhau. Ngay lúc này đây ở Oakland đã có đến mười ngàn người thất nghiệp rồi, ở San Francisco thì con số thất nghiệp lên đến hơn sáu mươi ngàn. Người cháu của anh, hay bất kỳ ai khác hiện đang làm ăn lương ở đây đều phải làm theo lệnh tôi, còn không thì cứ việc nghỉ. Anh hiểu chứ? Nếu họ không mua chịu thực phẩm được anh thì anh hãy đích thân bảo lãnh cho họ với mấy tay chủ hàng rồi cắt giảm lương họ cho tôi. Từ trước đến nay tôi đã cáng đáng cho mấy ngàn người được, vậy lúc này họ phải rán tự cáng đáng lấy một thời gian, thế thôi.

Anh cũng nói với tay kỹ sư trưởng công ty cấp:

- Anh nói phải thay cái lọc nước này chứ gì? Được chúng ta sẽ thay thôi. Nhưng bây giờ cứ tạm cho mọi người ở Oakland uống bùn một thời gian gọi là để thay đổi khẩu vị. Như vậy họ sẽ biết có nước tốt để uống là quý giá như thế nào. Cứ cho nhà máy tạm ngưng hoạt động ngay lập tức và cho công nhân nghỉ việc. Hãy bỏ tất cả các đơn đặt mua nguyên vật liệu đi. Anh sợ bọn họ kiện vì mình đã ký hợp đồng rồi mà ngưng ngang ả. Cứ để mặc cho họ kiện. Trước khi họ nhận được phán quyết của toà án thì mình đã hoặc phá sản hoặc đã tai qua nạn khỏi rồi, lo gì.

Với Willson, anh ra lệnh:

- Cắt bớt chuyến phà khuya đi. Cứ mặc cho thiên hạ la ó, nhưng họ sẽ được về với vợ sớm hơn. Cả chuyến xe điện cuối rước khách của chuyến phà lúc 12 giờ 45 ở khu Hai Mươi Hai và Hastings nữa cũng cắt bớt đi. Chỉ có hai hoặc ba hành khách thì đón làm gì. Nói với họ răn đón phà về sớm hơn, còn không thì cứ việc cuộc bộ. Lúc này không thương xót họ được. Cả các chuyến xe chạy vào giờ cao điểm cũng phải rút bớt đi. Cứ để hành khách trả tiền cho xe rồi cho họ đứng cũng được. Họ sẽ giúp ta tiết kiệm thêm một số tiền để sống qua cơn bão này.

Với một tay trưởng phòng khác không chịu đựng nổi mức tiết kiệm căng thẳng này. Ánh Sáng Ban Ngày nói.

- Anh nói là tôi không làm thế này thế khác được, phải không? Tôi sẽ chỉ cho anh xem vài trường hợp người ta vừa đối xử với những kẻ lúc nào cũng bảo không làm thế này thế nọ được. Anh muốn nói anh buộc lòng phải từ chức hả? Nếu anh nghĩ như vậy, cũng được thôi. Từ trước tới nay tôi chưa thấy có ai tôi cần mà tôi không kiếm được cả. Còn đối với những ai nghĩ rằng tôi sẽ gặp khó khăn nếu không có họ thì tôi sẵn sàng chỉ cho họ biết người ta sẽ đối xử với họ như thế nào bằng cách cho họ tự đi tìm việc ở nơi khác.

Cứ thế anh thúc đẩy mọi người, đấu tranh với họ, dọa dẫm họ, có khi lại nói ngọt với họ để mọi việc chạy đều. Sự phấn đấu từ lúc mờ sáng đến tối mịt không lúc nào ngưng nghỉ. Mỗi ngày, tại phòng làm việc riêng của mình, anh phải tiếp rất nhiều người. Tất cả mọi người đều đến hoặc được gọi đến để trao đổi với anh, lúc thì một ý kiến lạc quan về cuộc khủng

hoảng, lúc thì một ý kiến lạc quan về cuộc khủng hoảng, lúc thì một câu chuyện vui nhộn, lúc lại để nói chuyện làm ăn một cách nghiêm chỉnh hoặc để giải quyết thanh toán thẳng thừng với nhau. Không ai có đủ sức để đỡ đàn cho anh cả. Suốt ngày anh cứ phải đôn đốc mọi người để công việc chạy đều, mà anh phải làm việc đó một mình. Anh cứ phải làm như thế hết ngày này qua ngày khác, trong khi xung quanh ảnh thế giới kinh doanh cứ tiếp tục chao đảo và các cơ sở làm ăn cứ thi nhau vỡ nợ.

- Tình hình vẫn khả quan, ông bạn ạ! - Sáng nào anh cũng nói với Hegan như vậy. Suốt ngày anh cứ lập đi lập lại những lời phấn khởi ấy, chỉ trừ những lúc anh phải bù đầu đấu tranh để mọi người và mọi việc theo ý mình.

Mỗi sáng, lúc tám giờ là anh đã ngồi vào bàn làm việc rồi. Đến mười giờ anh đánh xe ô tô đi một vòng các ngân hàng, và trong xe lúc nào cũng có sẵn hơn mười ngàn đô-la do hệ thống phà và xe điện đem lại cho anh ngày hôm trước. Số tiền này được dùng vào những chỗ yếu của con đề tài chính.

Cảnh gặp gỡ giữa anh và tay chủ ngân hàng nào cũng tương tự như nhau. Tất cả bọn họ đều hoảng sợ đến mức không còn biết làm gì và việc đầu tiên là anh phải tỏ ra hết sức lạc quan. Anh sẽ bảo với họ là tình hình đang chuyển biến tốt. Dĩ nhiên là như thế, vì cứ ngửi mùi không khí cũng đủ thấy được điều đó. Việc cần làm lúc này là rán gắng gượng chịu đựng thêm một chút xíu nữa thôi thì mọi chuyện lại đâu sẽ vào đấy cả. Anh cũng nói thêm là ở miền Đông giờ đây tiền bạc đã có vẻ rủng rỉnh hơn rồi. Cứ nhìn hoạt động thương mại ở Phố Wall trong hai mươi bốn giờ qua chỉ cũng đủ thấy là gió đang ngả chiều nào. Mà chẳng phải là Ryan đã nói thế này thế nọ đấy ư? Chẳng phải thiên hạ đồn rằng Morgan đang chuẩn bị làm này làm nọ đấy ư?

Riêng phần anh, chẳng phải mức lãi do hệ thống xe điện mang lại cứ gia tăng đều đặn đấy ư? Mặc dù đang có khủng hoảng thực sự, nhưng ngày lại càng có nhiều người đổ xô đến Oakland. Rồi người ta bắt đầu mua bất động sản. Cô người đã chịu mua cả ngàn mẫu đất của anh ở vùng ngoại ô, song chỉ có điều là anh chưa ngả giá đấy thôi.

Đương nhiên cái gì mà chẳng có hy sinh, nhưng rồi sức ép cùng sẽ phải nhẹ đi và rồi những tay yếu bóng vía cũng sẽ lấy lại được tinh thần. Cái rắc rối chủ yếu là ở bọn yếu bóng vía này mà ra cả. Nếu không có bọn này thì làm gì có khủng hoảng được.

Như Nghiệp Đoàn Miền Đông chẳng hạn, giờ đây họ đang thương lượng mua lại hầu hết cổ phần của anh trong Công ty Điện Lực Sierra và Salvador đây thôi. Điều này chứng tỏ chính họ cũng tin là cơn khủng hoảng sắp qua rồi còn gì.

Nhưng nếu các tay chủ ngân hàng không chịu lối lạc quan như thế, mà lại van nài, cầu khẩn hoặc làm thẳng cạn tàu ráo máng với anh thì anh sẽ tuý nghi mà xử sự. Nếu họ cứng thì anh cũng cứng lại. Chẳng hạn khi anh hỏi một điều gì mà họ từ chối thì anh sẽ không coi đó là một lời thỉnh cầu nữa mà là một đòi hỏi đến khi họ muốn sự cạn tàu ráo máng, muốn xé tan bức màn tình cảm và ảo tưởng về nhau đi, thì anh cũng sẵn sàng đôn họ và chỗ chết.

Tuy vậy, anh cũng biết khi nào cần phải đầu dụi. Lúc nào anh thấy bức tường lung lay sụp vô phương cứu chữa ở một chỗ nào đó thì anh liền dùng tiền mặt do ba công ty có khả năng thu tiền mặt của anh để vá vào chỗ đó. Anh biết rằng nếu các ngân hàng vỡ nợ thì anh cũng vỡ nợ theo. Nhất định các ngân hàng phải gắng gượng mà tồn tại, bởi vì nếu họ phá sản, họ sẽ tung tất cả số giấy tờ chứng khoán mà họ đang giữ của anh ra cái thị trường hỗn loạn bên ngoài kia thì mọi việc của anh cũng đổ bể hết. Vậy mà nhiều lúc ngoài số tiền hàng ngày ra anh còn phải mang theo trong xe cả những giấy tờ quý giá nhất mà anh giữ của Công ty Phà, Công ty cấp nước Thống Nhất, Công ty Xe điện để giao cho ngân hàng thế nợ. Dĩ nhiên anh làm chuyện này một cách bất đắc dĩ mà thôi, sau khi đã đấu tranh với họ từng ly từng tý một.

Có lần anh đã nói với chủ tịch Ngân hàng Thương mại San Antonia khi ông này than phiền là đã phải giữ quá nhiều giấy thế nợ rồi:

- Cứ để cho bọn cò con ấy chết hết đi. Tôi là con bài chủ ở đây. Chỉ có tôi mới đem lại cho ông được nhiều tiền mặt mà thôi, chứ đừng có hòng gì ở cái bọn đó. Đúng là ông đang phải giữ quá nhiều giấy thế nợ, vậy thì ông phải lựa chọn đi. Hoặc ông hoặc bọn chúng sẽ sống hay là chết. Tôi thì

chẳng đời nào chết được. Cùng lắm thì ông cũng chỉ làm cho tôi bị rắc rối chút đỉnh, nhưng rồi thì ông cũng bị rắc rối to thôi. Cách giải quyết tốt nhất là ông cứ để mặc cho bọn cò con chết hết đi, và tôi cũng sẽ giúp ông một tay để triệt chúng.

Trong cơn hỗn loạn kinh tế này, cũng chính Ánh Sáng Ban Ngày đã đánh giá và giúp một tay để triệt đối thủ của mình là Simon Dolliver. Sức mạnh của Dolliver là ở Ngân hàng Kim Môn Quốc Gia, và Ánh Sáng Ban Ngày đã nói với ông chủ tịch ngân hàng đó như sau:

- Tôi đã giúp đỡ ông từ trước tới nay, vậy mà ông thì đang chết dở, còn Dolliver thì cứ bình yên cười lên đầu chúng ta. Như vậy không ổn đâu. Ông cứ nghe tôi, như vậy, là không ổn đâu. Trong cơn hoạn nạn này Dolliver cũng chẳng dễ gì chịu nhả ra mười một đô-la để giúp ông. Vậy thì cứ bắt hắn leo xuống mà cuộc bộ đi, rồi tôi sẽ nói cho ông biết là tôi sẽ làm gì. Tôi sẽ dồn cho ông toàn bộ số tiền mà công ty xe điện của tôi thu được trong bốn ngày liền, tức là khoảng bốn mươi ngàn đô-la tiền mặt đây. Thêm nữa, vào ngày 6 tây mỗi tháng, tôi sẽ đưa cho ông thêm hai mươi ngàn đô-la trong số thu của Công ty Cấp Nước - Ánh Sáng Ban Ngày nhún vai - Ông có nghe tôi hay không, điều đó tùy ông. Điều kiện của tôi là như vậy đó.

- Đúng là cá ăn kiến. Gặp con kiến nào lảng vảng chung quanh là tôi đớp liền thôi - Chiều hôm đó Ánh Sáng Ban Ngày đã nói với Hegan như thế.

Và thế là Simon Dolliver đã phải chịu chung số phận với những kẻ kém may mắn trong Cuộc Tổng khủng hoảng này, những kẻ bị kẹt cứng trong một đồng giấy tờ mà thật trong tay chẳng có một cắc bạc nào cả.

Những mảnh lời và cách thức anh gỡ rối thật tài tình, không có điều gì, dù lớn dù bé, có thể lọt qua được cặp mắt quan sát tinh tường của anh.

Đương nhiên đầu óc anh tức nào cũng căng thẳng một cách khủng khiếp. Anh không còn thì giờ ăn trưa nữa. Lúc này ngày đối với anh quá ngắn, và ngay cả trong giờ nghỉ trưa văn phòng anh cũng vẫn đầy người. Đến cuối ngày thì anh hoàn toàn kiệt sức, và khác với trước kia, bây giờ anh thường dùng rượu dựng lên một bức tường để đỡ cho đầu óc mình bớt căng thẳng vì công việc. Anh thường bảo tài xế đưa anh thẳng về khách sạn, rồi anh lên thẳng phòng mình. Ở đây anh gọi người phục vụ pha cho một

ly *Martini* đúp. Rồi anh cứ nốc hết ly này đến ly khác, và khi đến giờ ăn tối thì anh đã thấy đầu óc choáng váng và quên hết mọi chuyện về cuộc khủng hoảng rồi. Đến giờ đi ngủ, sau khi uống thêm một ly rượu *Whisky, Scotch* là anh đã "đủ đô" - đủ đô ở đây không có nghĩa là anh la hét ầm ĩ hoặc mụ hấn người đi mà chỉ có nghĩa là cảm giác của anh đã tê liệt một cách nhẹ nhàng dễ chịu.

Sáng hôm sau, khi thức dậy anh thấy miệng mòm khô đắng đầu óc vẫn còn nặng nề thêm một lúc nữa, nhưng cảm giác đó rất chóng qua. Đến tám giờ anh lại có mặt ở bàn làm việc, lại lao đầu vào cuộc vật lộn. Đến mười giờ anh lại đi một vòng các ngân hàng. Từ sau lúc đó cho đến tận tối, anh lại phải đối phó không lúc nào ngừng nghỉ với những vấn đề rắc rối nan giải của kỹ nghệ, của tài chính và của con người lúc nào cũng bu quanh lấy anh. Đến khuya anh lại trở về khách sạn, lại uống những ly *Martini Scotch* đúp. Chương trình hàng ngày của anh là như thế, kéo dài hết tuần này qua tuần khác.

Chú thích:

(1) *Tân Jerusalem: Thiên đường*

(2) *Pearly Gates (Cổng Ngọc): mười hai cổng của Thiên Đường, mỗi cổng làm bằng một loại ngọc quý*

PHẦN II - Chương 21

Mặc dù trước mặt bạn bè Ánh Sáng Ban Ngày lúc nào cũng có vẻ chân tình, không mệt mỏi và tràn trề sinh lực, song thâm tâm anh lại cảm thấy hết sức rã rời. Một vài lần, sau khi uống rượu, đầu óc anh chợt loé lên những tia sáng khôn ngoan mà ngay cả lúc tỉnh táo anh cũng không có được.

Chẳng hạn có một lần khi đang ngồi trên mép giường, tay cầm một chiếc giày, anh chợt nghĩ về câu nói bóng bẩy của Dede là người ta không thể cùng một lúc ngủ trên hai chiếc giường khác nhau.

Vẫn cầm chiếc giày trong tay, anh đưa mắt nhìn hàng dây cương đan bằng lông ngựa treo giày, và bắt đầu đếm một cách nghiêm trang. Sau khi đã đi dọc theo căn phòng, anh đi tiếp vào hai phòng kế cận để đếm cho hết số dây cương. Sau đó anh trở về giường ngồi và nhìn vào chiếc giày trên tay nói:

- Cô bé nói rất đúng. Một lúc chỉ có thể ngủ trên một chiếc giường mà thôi. Tất cả có đến một trăm bốn mươi sợi cương ngựa, vậy mà mình có dùng được sợi nào đâu, chứ đừng nói chi đến mỗi lần dùng một sợi hoặc mỗi lần cưỡi một con ngựa! Thật tội cho con Bob. Nhẽ ra ta phải cho mi nhớn nhor ngoài đồng cỏ mới đúng. Mình hiện có ba mươi triệu đô-la, và trước mắt còn có thêm một trăm triệu hoặc sẽ chẳng có gì, vậy mà mình làm sao để chứng tỏ mọi người thấy mình có bằng đó tiền nhỉ? Có nhiều thứ mà tiền bạc không thể nào mua được. Tiền không thể mua được cô bé đó cũng không thể làm tăng sức chứa của con người mình. Ba mươi triệu đô-la thì có ích gì trong khi bụng mình cũng chỉ chứa được mỗi ngày không quá một lít rượu *cocktail*? Nếu mình có thể uống được một trăm lít thì mọi chuyện đã khác rồi. Vậy mà chỉ có một lít - vòn vện có một lít thôi mới chán chứ. Như mình đây triệu phú gấp ba mươi lần, vậy mà lại phải làm việc căng thẳng hơn cả chục người dưới quyền mình cộng lại, vậy mà mỗi ngày mình cũng chỉ được hưởng có hai bữa cơm ăn chẳng thấy ngon, một cái giường, một lít rượu *Martini* và một trăm bốn mươi sợi dây cương treo trên tường để ngắm chơi - Anh buồn bã nhìn lên dây dây cương ngựa rồi nói tiếp - ông bạn Giày ọi, tớ cứ như đang bị chiên sống ấy. Thôi xin chào nhé!

Uống rượu một mình còn tệ hại hơn là uống rượu một cách đều đặn và có chừng mực. Ánh Sáng Ban Ngày đang lâm vào thói uống rượu một mình. Bây giờ anh không chè chén với bạn bè nữa, mà thường về phòng ngồi uống một mình. Cứ sau mỗi ngày vật lộn liên tục, anh lại trở về khách sạn, thân thể rã rời, và cố uống rượu để tìm giấc ngủ, cùng lúc hiểu rằng ngày mai khi thức dậy miệng anh sẽ khô đắng và anh sẽ lại phải lao vào công việc hàng ngày.

Nhưng cả nước vẫn chưa hồi phục lại được sớm như sau các cơn khủng hoảng trước. Tiền bạc vẫn chưa lưu thông một cách tự do, mặc dù bất cứ ai bắt chợt đọc báo do Ánh Sáng Ban Ngày hoặc do các cơ sở khác tài trợ ở đất nước này cũng đều phải cho rằng cơn khan hiếm tiền đã qua đi và cuộc khủng hoảng đã đi vào quá khứ. Mặc dù những phát biểu trước công chúng đều vui vẻ lạc quan, trong thâm tâm những kẻ phát biểu đó đều cảm thấy tình thế thật tuyệt vọng. Nếu được thấy cảnh tượng xảy ra trong phòng làm việc riêng của Ánh Sáng Ban Ngày, hoặc cuộc họp kín giữa các ban giám

đốc của anh, người ta sẽ thấy ngay rằng những bài xã luận mà anh buộc các báo của mình phải đăng đều là láo toét cả. Chẳng hạn tháng một lần họp với các tay hùn họp lớn trong Công ty Điện lực Sierra và Salvador, Công ty cấp nước Thống nhất và các công ty cổ phần khác, Ánh Sáng Ban Ngày đã nói:

- Các ông phải chịu đầm ăn xôi thôi. Đúng là các ông đang nắm trong tay nhiều món béo bở thật đấy, nhưng các ông cũng sẽ phải hy sinh chúng đi để mà tồn tại cứ mãi mãi rằng thời buổi quá khó khăn thật cũng chẳng ích lợi gì. Bộ tôi không biết là thời buổi này khó khăn lắm sao? Mà cũng chính vì nó khó khăn nên chúng ta mới phải ngồi đây như thế này đấy chứ. Như tôi đã nói với các ông, là các ông phải rán chịu đầm để ăn xôi thôi. Tôi nắm trong tay đa số các cổ phần nhưng cũng đành chấp nhận tuyên bố phá sản thôi. Hoặc các ông chấp nhận như thế hoặc chấp nhận chết. Một khi tôi đã quyết triệt các ông thì các ông chẳng thể biết được đâu, và tôi sẽ triệt thẳng cánh đấy. Bọn cò con muốn bỏ cuộc thì kệ chúng, nhưng các ông phải theo tôi. Con thuyền của chúng ta sẽ không chìm chừng nào chúng ta còn bám vào nó. Còn nếu các ông muốn rời nó ra thì chắc chắn các ông sẽ chìm ngấm trước khi vào được đến bờ. Các ông phải nghe tôi, chúng ta đành phải sẵn sàng đón nhận sự phá sản thôi.

Những công ty lớn chuyên cung cấp hàng sỉ, những kẻ lo thực phẩm cho các khách sạn của Ánh Sáng Ban Ngày cũng như tất cả những kẻ khác, cứ mỗi lần họ bu lại đòi tiền là đều được anh giảng cho một mẻ ra trò bằng nửa giờ liền. Anh thường cho gọi họ vào phòng làm việc và bảo cho họ biết thế nào là phải hoặc không phải.

- Trời ơi, các ông phải đỡ cho tôi chứ? - anh nói với họ - Nếu mà các ông tưởng chúng ta đang cùng nhau ngồi ở phòng khách để chơi chung một ván bài whist(1) một cách vui vẻ và các ông muốn bỏ ra về lúc nào cũng được thì các ông lầm to rồi. Ông Watkins, ông nghe đây. Cách đây năm phút ông vừa bảo là ông không thể cung cấp hàng chịu cho tôi nữa. Tôi xin báo cho ông hay, ông sẽ phải làm thế và tiếp tục làm thế. Ông sẽ phải tiếp tục cung cấp cho tôi và nhận lại những tờ giấy nợ cho đến khi tình thế khó khăn này qua đi. Ông làm sao để làm được chuyện đó là tùy, đó đâu phải là việc của tôi. Chắc ông còn nhớ tôi đã cho tên Klinkner và Công ty Tín dụng Altamont một trận như thế nào chứ? Tôi biết về nội bộ công việc làm của

ông còn nhiều hơn cả ông nữa đấy, và nếu ông tính bỏ rơi tôi cũng rán dành một phút nào đó để quay sang triệt cho ông chết theo tôi luôn. Đối với chúng ta bây giờ thì chỉ có việc là cố mà bơi hoặc là chìm ngấm cả nút, và tôi nghĩ rằng có lẽ ông hiểu cần cho tôi ngoi lên cao được chừng nào thì càng có lợi cho ông chừng ấy chứ?

Có lẽ các cổ đông trong Công ty Cấp nước Thống Nhất là những kẻ mà anh phải đấu tranh gay go nhất, bởi vì anh buộc họ phải chấp thuận cho anh vay hầu như toàn bộ số lợi tức do công ty này mang lại để chống đỡ cho cơ nghiệp rộng lớn của mình. Tuy vậy anh cũn không bao giờ o ép họ quá đáng. Một mặt anh buộc những ai có quyền lợi gắn chặt với anh phải hy sinh cho anh, mặt khác mỗi khi có ai bị dồn đến chân tường và cần sự giúp đỡ là anh liền có mặt để vực người đó dậy. Tình hình khó khăn phức tạp như vậy thì cần phải có một con người thật mạnh mới vượt qua được, và Ánh Sáng Ban Ngày chính là người đó. Anh đỡ bên này gạt bên kia, tính toán các bước đi, đe nạt những kẻ kém thế, giúp những kẻ non gan tiếp tục đứng vững trong cuộc chiến đấu, và không bao giờ thương xót những kẻ đào ngũ.

Cuối cùng, vào khoảng đầu mùa hạ, tình hình bắt đầu sáng sủa hơn. Một hôm Ánh Sáng Ban Ngày làm việc chưa hề thấy. Hôm đó anh rời phòng làm việc một giờ sớm hơn thường lệ, lý do là vì hôm đó là ngày đầu tiên kể từ khi cuộc khủng hoảng nổ ra anh không còn công việc gì cần phải giải quyết cả. Trước khi rời cơ quan, anh tạt qua phòng làm việc riêng của Hegan để nói chuyện phiếm. Trước lúc đứng dậy đi, anh nói:

- Hegan này, chúng ta đúng là cừ thật. Chúng ta đã thoát khỏi cửa hiệu cầm đồ tài chính một cách an toàn rồi, nhưng trước khi thoát đi chúng ta sẽ chuộc lại tất cả các giấy tờ đã đem cầm thế. Điều tệ hại nhất đã qua, giai đoạn kết thúc đang đến gần rồi đấy. Chỉ phải chịu đựng trong một vài tuần nữa thôi, chỉ thêm một chút khó khăn lộn xộn nữa thôi, rồi ta có thể ung dung nhổ nước bọt lên tay xoa để chấm dứt mọi sự.

Hôm ấy anh thay đổi chương trình. Thay vì đi thẳng về khách sạn như mọi khi, anh đánh xe đi một vòng ghé vào các quán rượu và quán cà phê, uống chỗ này một ly chỗ khác một ly. Nếu có gặp người quen thì anh dừng lại cùng uống với họ hai, ba ly liền. Khoảng một giờ sau, anh ghé quán

Parthenon để làm một ly cuối cùng trước khi ăn tối. Lúc bảy giờ men rượu đã làm người anh ấm lên một cách dễ chịu và anh cảm thấy hết sức vui vẻ yêu đời. Bỗng anh chợt trông thấy một đám thanh niên đang chơi trò gồng tay mà trước kia anh vẫn thường chơi. Trong số họ có một anh chàng khổng lồ vai rộng liên tiếp quật tay của những người khác xuống bàn một cách dễ dàng. Ánh Sáng Ban Ngày chợt thấy hứng thú và chú ý đến gã. Anh hỏi người chủ quán rượu xem gã là ai thì được nghe ông ta trả lời:

- Hẳn tên Slosson, và là tay ném búa hạng nặng của Trường đại học California. Sau khi phá kỷ lục quốc gia năm nay, hẳn phá luôn kỷ lục thế giới. Hẳn khỏe lắm đấy.

Ánh Sáng Ban Ngày gật gù và tiến về phía Slosson. Anh kê cánh tay mình vào cánh tay hắn và nói:

- Này chú em, tôi muốn thử sức với chú em trong cái trò gồng tay ấy xem sao.

Slosson phá lên cười và ngoặc tay mình vào tay Ánh Sáng Ban Ngày. Ánh Sáng Ban Ngày, rất đổi ngạc nhiên khi thấy chính tay mình bị đối thủ đè dí xuống quầy rượu.

- Gượm đã! - anh nói - Thử một cái nữa xem sao. Có lẽ lúc này tôi chưa chuẩn bị.

Hai người lại ngoặc tay vào nhau. Chuyện xảy ra chỉ trong khoảnh khắc. Bắp thịt tay của Ánh Sáng Ban Ngày vừa định tấn công thì đã lập tức bị đẩy vào thế thủ, rồi mặc dù cố chống chọi, cánh tay anh cũng bị đè xuống. Ánh Sáng Ban Ngày chẳng hiểu ra sao cả. Rõ ràng đối thủ anh không dùng một mảnh lối nào cả. Cả hai đều không ai lợi thế hơn ai. Rõ ràng đối thủ của anh khỏe hơn. Anh bèn gọi rượu cho mọi người rồi vừa suy nghĩ mà vẫn không hiểu vì sao mình thua cuộc, anh vừa đưa cánh tay ra nhìn vào nó như thể đang nhìn vào một thứ gì đó hoàn toàn mới mẻ và xa lạ. Anh không nhận ra được cánh tay ấy là của chính anh nữa. Rõ ràng đây không phải là cánh tay mà anh đã mang theo mình trong suốt những năm tháng của ngày xưa. Nếu còn là cánh tay đó thì việc đè tay của gã thanh niên khổng lồ kia xuống mặt quầy chỉ là một trò trẻ mà thôi. Còn cánh tay này thì... anh cứ nhìn nó với vẻ bối rối, nghi hoặc làm cho tất cả bọn trai trẻ xung quanh phải phá lên cười.

Tiếng cười vang ấy đã thức tỉnh anh. Lúc đầu anh cũng bật cười theo, nhưng dần dần nét mặt anh trở lại vẻ đăm chiêu. Anh vươn người về phía anh chàng ném búa và nói:

- Chú bé ơi, tôi nói nhỏ cho chú nghe điều này. Chú hãy bỏ rượu và rút khỏi cái chỗ này ngay đi!

Anh chàng ném búa đỏ mặt gì giận dữ, nhưng Ánh Sáng Ban Ngày vẫn kiên quyết:

- Chú hãy nghe bố chú nói đây này. Tôi tuy còn trẻ nhưng tôi đã đánh mất sức trẻ rồi. Chú nghe đây, nhiều năm trước đây nếu chú gặp tôi trong cái trò gồng tay này thì tôi đã hạ chú một cách dễ dàng như hạ lũ con nít học mẫu giáo ấy.

Slosson lộ vẻ không tin. Những thanh niên khác chỉ nhe răng cười và vây quanh Ánh Sáng Ban Ngày như muốn động viên anh nói tiếp.

- Không phải tôi muốn giảng đạo cho chú nghe đâu. Quả đây là lần đầu tiên trong đời tôi thấy hối tiếc về bản thân, mà chính chú lại là người làm nên chuyện ấy. Đường đời thì tôi cũng có được chút ít kinh nghiệm, nhưng tôi cũng không khó tính lắm như chú thấy đấy. Tuy nhiên tôi phải nói chú nghe điều này, là trong tay tôi giờ đây có cả chục triệu bạc, nhưng tôi sẵn sàng cho đi tất cả số tiền đó ngay tại quầy rượu này đây nếu như tôi lại có được sức khỏe như xưa để đề nỏ tay chú xuống. Điều tôi muốn nói là thế này: tôi sẵn sàng cho đi tất cả chỉ để khôi phục lại cái sức khỏe mà tôi đã có khi rời bỏ những đêm ngủ giữa bầu trời đầy sao để về sống trong cái chuồng gà thành thị để nốc rượu và đi một bước là có xe đưa ngựa đón. Chú bé ạ, rượu để nốc và xe đưa ngựa đón mà làm gì? Chú rán mà giữ sức, và lâu lâu hãy nhớ lại lời tôi khuyên chú. Thôi xin chào.

Ánh Sáng Ban Ngày quay lưng đi ngả nghiêng ra khỏi quán rượu. Tác dụng lời khuyên của anh rõ ràng là kém mạnh khi bản thân anh nói ra điều ấy trong cơn say rượu.

Trong lúc đầu óc vẫn còn nghi nghi hoặc hoặc về chuyện vừa rồi, anh lái xe về khách sạn, ăn tối rồi chuẩn bị lên giường.

- Cái thằng lỏi quỷ tha ma bắt! - anh lẩm bầm - Đề tay mình xuống đến là dễ dàng. Hừ, bàn tay mình?

Anh giờ bàn tay gồng thua cuộc lên và ngậy người nhìn nó. Trước kia chưa ai hạ nổi bàn tay này! Chính bàn tay này trước kia đã làm cho biết bao gã khổng lồ ở thị trấn Vùng Cực phải thối lui. Vậy mà một thằng nhãi con ở trường đại học lại có thể vừa cười cợt vừa quật nó xuống mặt quây đến hai lần? Dede đã nói đúng. Anh không còn là anh của ngày xưa nữa. Anh phải xem lại toàn bộ chuyện này một cách nghiêm túc hơn mới được.

Nhưng bây giờ chưa phải lúc. Cứ để đến sáng mai, sau khi ngủ một giấc no nê rồi anh sẽ nghĩ đến nó cũng được.

Chú thích:

(1) *Whist* - một lối đánh bài gồm có bốn người chơi được phân thành hai cặp của mình

PHẦN II - Chương 22

Sau khi thức dậy cùng với cái cảm giác khô đắng quen thuộc còn đọng ở môi miệng và cuống họng, Ánh Sáng Ban Ngày lấy bình nước đặt cạnh giường uống một hơi dài và bắt đầu suy nghĩ tiếp về vấn đề mà tối qua anh đã bỏ dở. Trước hết anh nhớ lại rằng những khó khăn về tài chính giờ đây đã bớt căng thẳng. Mọi thứ đang dần dần đi vào ổn định. Tuy vẫn còn những trắc trở phải vượt qua, song những nguy hiểm đáng sợ giờ đây không còn nữa. Anh đã bảo Hegan là bây giờ chỉ cần quản lý chặt và khéo léo thêm chút nữa thì sẽ thoát khỏi mọi khó khăn. Dĩ nhiên là sẽ còn những xáo trộn đáng ngại, nhưng chúng không đáng sợ như những giai đoạn ngặt nghèo mà họ đã trải qua. Tuy đã bị một vố thật đau, nhưng anh cũng đã thoát nạn mà không bị gãy một cái xương nào. Simon Dolliver và nhiều người khác khó có thể nói một điều như vậy về bản thân họ. Tất cả những bẽ bặt làm ăn của anh chẳng ai bị hại cả. Chính anh đã buộc họ phải chiến đấu để cứu anh và cứu lấy chính họ.

Rồi anh nghĩ đến chuyện đã xảy ra ở góc quán rượu Parthenon, lúc anh bị gã lực sĩ trẻ tuổi đè tay xuống mặt quây. Thất bại này không còn làm cho anh bàng hoàng nữa, nhưng anh vẫn cảm thấy hoảng hốt và đau khổ như bất cứ một người khỏe mạnh nào khi chợt nhận ra sức lực của mình đã tiêu tan. Sự thất bại này rõ rệt đến độ anh không thể lẩn tránh nó được, ngay cả đối với chính bản thân mình. Anh biết tại sao anh đã thua cuộc. Không phải vì bây giờ anh đã già. Anh chỉ mới bước vào độ tuổi cường tráng nhất của một

người đàn ông, và đáng lý ra chính gã lực sĩ kia phải là kẻ thua cuộc mới đúng. Ánh Sáng Ban Ngày biết là anh đã tự buông thả mình quá đáng. Anh đã luôn luôn cho rằng trong những năm vừa qua nó đã liên tục rỉ thoát ra khỏi cơ thể của anh. Đúng như anh đã tự chẩn bệnh cho mình, anh đã từ bỏ trời sao để về ủ mình trong cái chuồng gà thành thị. Hầu như anh đã quên mất cách đi bộ; hễ cần đi đâu, anh chỉ cần nhấc chân leo lên xe ô tô, taxi, xe lửa hoặc xe điện là chúng sẽ đưa anh đến chỗ đó. Anh không rèn luyện thể lực nữa, và để mặc cho rượu làm héo khô các cơ bắp của mình.

Liệu những thứ anh đã làm có đủ để đền bù cho điều đó không? Nói cho cùng thì tất cả tiền bạc anh đã kiếm được có nghĩa gì cơ chứ? Dede đã nói đúng. Tiền bạc không thể giúp anh ngủ cùng một lúc trên hai chiếc giường, mà trái lại nó đã biến anh thành một tên nô lệ khốn khổ nhất của nó. Nó đã trói chặt chân tay anh. Ngay lúc này đây cũng vậy dù có muốn đến mấy đi chẳng nữa, anh cũng không thể nằm ườn trên giường vào một ngày như hôm nay được. Tiền đã cho lệnh gọi anh. Chẳng bao lâu nữa, chuông báo hiệu giờ làm việc sẽ rung và anh sẽ phải tới phòng làm việc. Nắng sớm mai đang tràn qua khung cửa sổ vào phòng - một ngày đẹp trời như thế này mà được cưới con Bob, bên cạnh có Dede ngồi trên lưng con Mab, thông dong dạo chơi giữa vùng đồi thì còn gì thú vị bằng. Vậy mà cả mấy chục triệu bạc anh có trong tay vẫn không mua nổi một ngày thanh thoi như thế. Có thể sẽ có một xáo trộn nào đó buộc anh phải có mặt ở văn phòng để giải quyết.

Ba mươi triệu đô-la! Vậy mà số tiền này không thể giúp anh thuyết phục được Dede ngồi lên lưng con Mab - con ngựa mà anh đã mua lại được lại và lúc này đang phát phì vì ăn nhiều mà không được vận động. Ba mươi triệu đô-la có ích gì khi chúng không giúp người đàn ông mua được một dịp cưới ngựa với người con gái mình yêu? Ba mươi triệu đô-la! - Chúng đã bắt anh phải lê gót hết nơi này đến nơi khác, đè nặng lên đầu anh như những cối đá, càng lớn thêm bao nhiêu chúng càng huỷ hoại anh bấy nhiêu, càng đưa chân của chúng ra ngáng trở không cho anh chiếm được tình yêu của một người con gái mà lương mỗi tháng chỉ vền vẹn chín chục đô-la.

Thế thì đăng nào tốt hơn? Ánh Sáng Ban Ngày tự hỏi như thế. Dede đã nghĩ về tất cả những điều này. Rõ ràng nàng có ý như vậy khi nói rằng nàng

chỉ cầu cho anh phá sản. Ánh Sáng Ban Ngày lại giơ cánh tay phải đã gồng thua tới qua lên ngấm và phát bực mình cánh tay này không còn là cánh tay ngày xưa nữa. Đương nhiên là nàng không thể yêu cánh tay và thân thể này như cái thân thể và cánh tay cân đối khỏe mạnh của những năm về trước. Chính anh cũng còn thấy không yêu nổi chúng nữa là. Ngay cả một thằng nhãi quỷ tha ma bắt cũng có thể muốn làm gì nó thì làm. Đúng là cánh tay này đã phản bội anh rồi. Đột nhiên Ánh Sáng Ban Ngày ngồi bật dậy. Không. Thượng đế ơi, chính anh đã phản bội nó đấy chứ? Anh đã phản bội chính anh, và phản bội cả Dede nữa. Nàng đứng một ngàn lần. Nàng có lý khi nhận ra điều đó, có lý khi từ chối lấy một tên nô lệ của đồng tiền mà thân thể chỉ còn là một cái thân đã mục rữa vì rượu mạnh.

Ánh Sáng Ban Ngày ra khỏi giường và đến soi mình trước tấm gương dài trên cánh cửa tủ quần áo. Trông anh chẳng đẹp tí nào. Đôi gò má xương xương của ngày xưa giờ đã mất chỉ còn lại một cặp má nặng nề như chạy về xuống vì núc thịt. Anh cố tìm những nét độc ác mà Dede nói là hiện rõ trên mặt anh, và anh đã tìm thấy chúng. Anh cũng thấy cả cái vẻ thô lỗ trong đôi mắt của mình, đôi mắt mà giờ đây đã đục nhờ nhờ như bùn vì tác hại của châu rượu đêm trước cũng như của những năm tháng vừa qua. Anh nhìn thấy cả những bờ thịt chảy xệ rõ ràng dưới mí mắt và cảm thấy hoảng hốt. Anh vén tay áo pyjama lên để nhìn lại cánh tay mình. Thật chẳng có gì lạ khi gã ném búa đã đè dí được nó xuống mặt quây, bởi vì các bắp thịt giờ đây không còn nữa. Một lớp mỡ dày đã lấp hẳn những bắp thịt đỏ rồi còn đâu. Ánh Sáng Ban Ngày cởi luôn áo pyjama ra, và khi vào thân thể mình anh lại thấy hoảng hốt. Thật chẳng đẹp để gì bởi vì cái bụng săn chắc giờ đây đã phệ hẳn ra. Những mảng thịt tròn trịa giờ đã thay cho những bắp thịt cuộn cuộn trên ngực, trên lưng và trên bụng dưới của anh.

Anh lại ngồi phịch xuống giường. Trong đầu anh lớn vồn hiện ra những hình ảnh về vẻ tráng kiện của tuổi trẻ, về những khổ cực mà anh đã chịu đựng vượt hẳn những người khác, về những người thổ dân và bầy chó mà anh đã giục chạy đến rã cả chân trong những ngày đêm không kịp thở trên các nẻo đường Alaska, về những cuộc biểu diễn thể lực đã khiến cho tất cả những cư dân khỏe mạnh của chốn biên thủy phải suy tôn anh làm một ông vua.

Tiếp đến là hình ảnh của tuổi già. Trước mắt anh hiện lên cảnh ông già mà anh đã gặp ở Thung lũng Ellen lúc ông cụ đang leo đồi trong ánh nắng chiều rực lửa, râu tóc bạc phơ, tám mươi tư tuổi mà vẫn còn xách nổi chiếc xô đựng đầy sữa sủi tăm, và trên gương mặt còn đọng lại cái sức nóng hừng hực âm ỉ của một ngày hè. Đã già rồi mà vẫn còn khỏe như thế đấy. Lời ông cụ nói như còn văng vẳng bên tai anh: *"Đúng đấy, tám mươi tư tuổi rồi, nhưng vẫn năng nổ hơn chán vạn kẻ khác. Lão chẳng bao giờ rong chơi cả. Năm 51, lão vượt Khu đồng bằng với một đàn bò và đánh bọn Da đỏ, mà lúc đó lão đã có vợ và có bảy con rồi đấy"*.

Kể đó anh nhớ đến bà cụ làm nghề ép nho sống giữa cánh rừng lá thấp tại một khu đất đã được khai quang nằm trên triền núi, rồi đến anh chàng Ferguson nhỏ thó, kẻ đã từ trong rừng chạy tọt ra nhanh như một chú thỏ để chặn đường anh, trước kia đã có thời làm chủ bút điều hành cả một toà báo lớn, vậy mà giờ đây lại bằng lòng sống giữa rừng bên cạnh một con suối núi cùng với những loại cây ăn trái do anh ta tự vun trồng và tỉa tót rất cẩn thận. Ferguson đã giải quyết được một vấn đề. Từ một kẻ ốm yếu nghiện rượu, anh ta đã bỏ chạy khỏi tay những bác sĩ và những chuồng gà đô thị để rồi trở nên căng lên vì khỏe mạnh y như một miếng xốp hút nước đến trĩu nặng. Ánh Sáng Ban Ngày thầm nghĩ: Thế đấy, một kẻ ốm đau quặt quẹo đến mức các bác sĩ cũng phải chào thua mà còn có thể trở thành một nhà nông mạnh khỏe như thế, vậy một người còn tráng kiện như mình nếu được sống trong hoàn cảnh tương tự thì sẽ còn khỏe mạnh biết dường nào - Anh chợt nghĩ đến lúc thân thể anh sẽ trở lại cường tráng như xưa. Rồi anh liền nghĩ ngay đến Dede và ngồi bệt xuống giường, tự lấy làm ngạc nhiên vì một ý nghĩ hay ho vừa vụt đến trong đầu.

Anh ngồi không lâu. Đầu óc anh vốn quen làm việc lạ làng như một chiếc bẫy thép nên đã hình dung ngay được hết những ý nghĩ của cái ý nghĩ vừa chợt đến với anh. Nó thật lớn lao, lớn lao hơn bất cứ điều gì anh đã từng chứng kiến. Anh đã xem xét nó một cách thẳng thắn, đã để nó vào hai lòng bàn tay lật đi lật lại mà xem xét. Điều đó giản dị đến độ làm anh sung sướng. Anh chợt bật cười.

Trong anh đã hình thành một quyết định, và anh bắt đầu mặc quần áo. Trong lúc đang mặc đồ, anh dừng tay để với lấy ống điện thoại. Người đầu

tiên anh gọi điện thoại là Dede.

Anh nói:

- Sáng nay em đừng đến sở làm. Anh sẽ đến chỗ em ngay bây giờ.

Rồi anh quay tiếp những số khác. Anh cho tài xế đưa ô tô đến. Anh ra lệnh cho Jenes đem gửi con Bob và con Sói đến thung lũng Ellen. Anh cũng làm Hegan kinh ngạc khi yêu cầu anh ta lục lại giấy chủ quyền căn trại ở thung lũng Ellen và cho làm một bản mới đứng tên Dede Mason. Anh ta phải hỏi lại cho rõ:

- Thưa, ai ạ?

Ánh Sáng Ban Ngày thản nhiên đáp:

- Dede Mason. Bộ sáng nay cái điện thoại này bị rè sao cả. Tôi đánh vần cho nghe này: D-e-d-e M-a-s-o-n. Rõ chưa?

Nửa giờ sau anh phóng xe như bay đến Berkeley. Lần đầu tiên anh dừng chiếc ô tô đồ to lớn của mình ngay trước nhà trọ của Dede. Nàng định tiếp anh tại phòng khách, nhưng anh lắc đầu và hất hàm về phía phòng riêng của nàng và nói:

- Vào trong kia đi em. Không chỗ nào khác có thể thích hợp với câu chuyện anh sắp nói cả.

Khi cửa phòng đã đóng lại, anh đưa tay ôm choàng lấy Dede. Rồi giữ lấy bờ vai của Dede, anh nhìn vào mặt nàng, nói:

- Dede, nếu anh nói với em rằng anh sắp đến sống ở căn trại trong Thung lũng Ellen, rằng anh sẽ không đem theo một xu nào, mà sẽ lao động để kiếm miếng ăn và không bao giờ tham dự vào canh bạc làm ăn nữa, thì liệu em có theo anh không?

Dede thốt lên một tiếng vui sướng và anh ôm gọn nàng vào ngực mình. Nhưng ngay lập tức nàng nhích người về chỗ cũ. Nàng nói như người bị mất hơi:

- Em.. em chẳng hiểu gì cả.

- Em chưa trả lời anh, nhưng có lẽ cũng chẳng cần phải trả lời làm gì. Chúng ta sẽ cưới nhau ngay bây giờ rồi lên đường. Anh đã cho gửi con Bob và con Sói lên đó rồi. Khi nào thì em chuẩn bị xong?

Dede không nhin được cười:

- Trời ơi. anh làm gì mà gấp gáp quá vậy. Em cứ như bị gió cuốn bay đi ấy! Mà anh chưa giải thích gì cho em hiểu cả?

Ánh Sáng Ban Ngày cũng mỉm cười.

- Em nghe đây này, đây là chuyện mà bọn cờ gian bạc lận thường gọi là "lật bài". Giữa anh và em lúc này không cần phải vờn nhau, giả đò hoặc vớ vẩn nữa. Chúng ta cần nói thẳng với nhau để hiểu thật rõ lòng nhau. Em hãy trả lời các câu hỏi của anh trước đã rồi anh sẽ trả lời em - Anh ngừng một lúc rồi nói - Mà thật ra anh cũng chỉ có một câu hỏi này thôi: Em có yêu anh đến mức muốn lấy anh không?

- Nhưng mà... - nàng ngập ngừng.

- Không nhưng với nhị gì cả, - anh ngắt ngang thẳng thừng - Đã đến lúc chúng ta phải nói thẳng với nhau thôi. Khi anh nói đến việc hai đứa mình lấy nhau là anh muốn nói chúng ta sẽ cùng lên căn trại ở Thung lũng Ellen chung sống. Em có yêu anh đủ để cùng anh làm chuyện đó không?

Nàng nhìn anh một lúc, rồi đôi mi mắt càng sụp xuống. Toàn bộ con người nàng như muốn nói với anh là nàng rất sẵn lòng.

- Vậy thì mình đi! - Bắp thịt chân anh như vô tình được vận lên trong động tác sẵn sàng đưa nàng đi về phía cửa - Ô tô anh để bên ngoài. Em đội mũ vào rồi ta đi ngay. không phải chờ đợi gì cả.

Anh cúi xuống gương mặt của nàng:

- Anh nghĩ là có lẽ em sẽ cho phép, - anh nói tiếp, và hôn nàng.

Sau đó họ ôm nhau thật lâu. Cuối cùng Dede lên tiếng:

- Anh chưa trả lời câu hỏi của em. Sao lại có chuyện này? Làm sao anh có thể bỏ hết công việc của anh được? Có chuyện gì xảy ra phải không?

- Không, chưa có gì xảy ra cả. Nhưng chắc là sẽ có, liền tức thì thôi. Anh đã hiểu ra những điều em nói, và giờ đây anh thấy ân hận. Em là Thượng Đế của anh, và anh sẽ hết lòng tận tụy vì em. Còn mọi chuyện khác muốn ra sao thì ra. Em rất đúng khi nói rằng anh đã biến thành một tên nô lệ của đồng tiền, mà một thân anh không thể phục dịch cho hai chủ cùng một lúc được, nên anh quyết định từ bỏ ông chủ tiền. Anh muốn có em hơn tất cả tiền bạc trên thế gian này. Chuyện giản dị có vậy thôi! - Nói xong anh lại xiết chặt nàng trong vòng tay của mình. - Bây giờ thì anh có em rồi, phải không? Anh đã có em thật rồi, phải không? Còn một điều nữa anh muốn nói

với em. Anh đã uống xong ly rượu cuối cùng của đời mình. Em đang lấy một tên hủ chìm, nhưng chồng em sẽ không như thế. Chẳng bao lâu hủ sẽ biến thành một con người hoàn toàn khác đến độ em không còn nhận ra nữa. Khoảng hai tháng nữa, khi chúng ta đã lên sống ở căn trại trong Thung cũng Ellen rồi, một buổi sáng kia, khi thức dậy em sẽ thấy có một người hoàn toàn lạ mặt ở trong nhà em và em sẽ yêu cầu hủ tự giới thiệu lại với em cho mà xem. Em sẽ nói với hủ: "Tôi là bà Harnish, còn ông là ai?" Lúc đó anh sẽ trả lời: "Tôi là em trai của Elam Harnish vừa từ Alaska về đây để dự đám táng anh ấy!". Em sẽ hỏi lại; "Đám táng nào vậy cà? - Và anh sẽ trả lời: "Ủa đám táng cái thằng cha Ánh Sáng Ban Ngày cờ bạc rượu chè vô tích sự ấy, cái thằng cha suốt ngày chỉ lo lao đầu vào chuyện làm ăn đến độ tim hủ phát phì ra mà chết đó, chứ còn đám táng nào nữa?" Rồi anh sẽ nói tiếp: "Đúng vậy, thưa bà, hủ đã đi đời nhà ma thật rồi, và bây giờ tôi xin được thế chỗ hủ để đem lại hạnh phúc cho bà đây. Bây giờ nếu như bà cho phép, tôi xin được ra đồng vắt sữa bò trong khi bà chờ dọn bữa ăn sáng".

Nói xong anh liền đưa tay nắm lấy tay nàng như chực kéo nàng ra cửa. Khi nàng rút lại, anh cúi xuống hôn nàng tới tấp và lẩm bầm:

- Trời ơi, anh thèm muốn em quá, cô bé ạ. Em đã làm cho ba mươi triệu đô-la của anh biến thành ba mươi xu rồi đấy.

- Thôi, ngồi xuống và tỉnh táo lại đi nào, - nàng thúc giục anh. Đôi má nàng đỏ bừng, cái ánh vàng loé lên trong mắt nàng sáng hơn lúc nào hết.

Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày đã quyết, và anh chỉ chịu ngồi xuống khi Dede cùng ngồi trong vòng tay của anh.

- Rồi anh sẽ nói tiếp: "Thưa bà, đúng đấy, cái thằng cha Ánh Sáng Ban Ngày kể ra cũng không đến nỗi nào, nhưng để hủ chết đi cũng vẫn hay hơn. Hủ đã cỏ những đêm cuộn mình trong tấm da thỏ nằm ngủ dưới trời tuyết lạnh để tìm về sống chui rúc trong một chuồng gà. Hủ bỏ thói quen đi bộ và lao động để nhích đi đâu một bước là lại lên xe và chỉ sống bằng rượu mạnh. Hủ cứ tưởng rằng hủ yêu bà và đã cố hết sức mình vì bà, nhưng thật ra thì hủ yêu mấy ly rượu *Martini* hoặc rượu *Whisky*, *Scotch*, yêu tiền bạc và hàng trăm thứ khác hơn là yêu bà". Anh cũng sẽ nói thêm: "Thưa bà, bà hãy nhìn tôi thật kỹ xem tôi và hủ khác nhau như thế nào. Bà

xem, tôi không nghiện rượu. Tôi chỉ có mỗi một đô-la và bốn mươi đồng xu thôi. Tôi sẽ mua một cái rìu mới vì cái cũ đã mòn quá rồi. Rồi tôi sẽ yêu bà mười một lần hơn cái thằng chồng cũ của bà. Bà thấy đấy, thằng cha ấy cứ phì nộn ra thôi, còn tôi thì thân thể không có một tẹo mỡ nào cả. Sau đó anh vén tay áo lên cho em xem và nói: "Thưa bà Harnis, sau khi bà đã có kinh nghiệm với cái bị tiền phì nộn già nua đó rồi liệu bà có chịu lấy một kẻ trai trẻ vóc người dong dong như tôi không nào?". Lúc đó em sẽ lau giọt nước mắt đã khóc cho cái lão Ánh Sáng Ban Ngày đáng thương đó đi rồi với ánh mắt sẵn sàng ưng thuận, em mỉm cười ngả người về phía anh, và có lẽ anh sẽ đỏ mặt lên chút ít - vì lúc đó anh là một gã trai trẻ mà, - rồi anh sẽ vòng tay ôm chặt lấy em, như thế này này, rồi anh - xem nào, rồi anh sẽ cưới người vợ goá của anh mình, rồi đi làm một số việc lặt vặt trong nhà trong khi bà ta đang bận nấu ăn.

- Nhưng anh chưa trả lời câu hỏi của em mà, - Dede trách anh, rồi đứng dậy mặt đỏ bừng rạng rỡ vì lúc Ánh Sáng Ban Ngày vừa nói dứt lời là anh lại ôm chầm lấy nàng.

- Vậy bây giờ em muốn biết gì nào? - Ánh Sáng Ban Ngày hỏi.

- Em muốn biết sao lại có chuyện này? Sao anh lại có thể bỏ hết công việc vào một lúc như thế này được? Anh muốn nói gì khi bảo là sẽ có cái gì đó xảy đến liền tức thì? Em... - Nói đến đây nàng ngáp ngừng và đỏ bừng cả mặt - Em đã trả lời câu hỏi của anh rồi, anh biết đấy.

- Vậy thì chúng ta hãy cưới nhau đi nào, - Ánh Sáng Ban Ngày thúc giục, vẻ giễu cợt trong lời nói hiện rõ trong mắt anh - Em thấy đấy, anh sẽ phải nhường chỗ cho cái thằng em khỏe mạnh của anh, nên có còn sống được bao lâu nữa đâu?

Khi thấy Dede tỏ vẻ khó chịu bằng một *moué*(1), anh chuyển sang giọng nghiêm túc:

- Chuyện như vậy nè, Dede ạ. Từ lúc xảy ra cuộc khủng hoảng đáng nguyên rủa này, anh phải làm việc cực khổ bằng bốn mươi con ngựa. Trong suốt thời gian đó thì những điều em nói với anh cứ nằm phục sẵn trong đầu anh. Đến sáng nay thì chúng đã hình thành hẳn một ý tưởng. Giản dị vậy thôi. Sáng nay, khi thức dậy anh đã định đến văn phòng, nhưng sau đó lại thôi. Đứng vào lúc đó thì ý tưởng ấy nảy mầm. Lúc nhìn thấy ánh mặt trời

chiều xuyên vào cửa sổ, anh nghĩ rằng hôm nay ở vùng đồi trời hẳn là phải đẹp. Và anh thấy muốn được cùng em cưỡi ngựa ra dạo chơi ở đó đúng ba mươi triệu lần hơn là đi đến văn phòng. Nhưng đồng thời anh cũng hiểu là không thể thực hiện được chuyện đó. Mà tại sao vậy? Chỉ tại cái văn phòng đó thôi. Nó không cho phép anh. Tất cả tiền bạc của anh như đứng dưng cả lên ngang đường không cho anh làm chuyện ấy. Em cũng biết là tiền bạc thường ngang đường người ta như thế đấy. Anh thấy là mình đang đứng trước hai con đường. Một con đường dẫn đến văn phòng. Con đường còn lại dẫn đến Berkeley. Và anh đã quyết định đi theo con đường đến Berkeley. Anh sẽ không bao giờ đặt chân đến văn phòng nữa. Tất cả như vậy là đã xong, đã được quyết định, và anh sẽ cứ để mặc cho mọi chuyện muốn tan hoang ra sao thì ra. Anh đã dứt khoát rồi. Bây giờ anh đã hiến mình cho một tôn giáo. Đây chính là thứ tôn giáo có từ ngàn xưa, tôn giáo của tình yêu và em. Tôn giáo đó xưa hơn bất kỳ một thứ tôn giáo nào khác. Nó mới thật sự là Tôn giáo của đời anh, đúng vậy, nó là Tôn Giáo được viết hoa.

Nàng nhìn anh rồi bỗng lộ rõ vẻ hoảng hốt.

- Thế ra anh muốn... - nàng nói

- Anh muốn làm đúng như những điều anh vừa nói với em. Anh đã xoá sạch mọi thứ. Anh sẽ để cho chúng muốn tan hoang ra sao thì ra. Khi ba mươi triệu đô-la đứng ngang trước mặt anh và ra lệnh cho anh không được đi dạo với em giữa vùng đồi vào ngày hôm nay thì anh hiểu là đã đến lúc anh phải quyết định thôi. Và anh đã quyết định. Bây giờ anh chỉ còn có em, có sức khỏe để làm việc cho em, và có cái trại nhỏ ở Sonoma mà thôi. Mà anh cũng chỉ cần có ngân đó, chỉ giữ lại có ngân đó, cùng với con Bob, con Sói, một cái va-li và một trăm bốn mươi bộ dây cương đàn bằng lông ngựa. Còn tất cả những thứ khác anh bỏ hết, bỏ hẳn. Chúng chẳng đáng giá gì cả.

Nhưng Dede vẫn cố hỏi thêm cho rõ:

- Thế tất cả sự mất mát to lớn này liệu có phải là không cần thiết không?

- Cần thiết thứ, anh đã nói với em rồi. Nếu tiền bạc cho rằng nó có thể chắn trước mặt anh và ra lệnh cho anh rằng anh không được cưỡi ngựa đi dạo với em thì...

Dede ngắt ngang lời anh:

- Không, không, anh hãy nghiêm chỉnh một tí xem nào. Anh hiểu là em không muốn ám chỉ chuyện ấy. Em muốn biết là nếu xét về khía cạnh thuần túy của công việc thì sự phá sản này có phải là cần thiết không?

Ánh Sáng Ban Ngày lắc đầu.

- Em có thể chắc chắn là không phải thế. Vấn đề chính là ở chỗ đó. Anh từ bỏ làm ăn không phải vì cuộc khủng hoảng vừa qua buộc phải đình chỉ và buông trôi công việc. Anh đã vượt qua và thắng cơn khủng hoảng thấy rõ. Nhưng anh vẫn bỏ làm ăn để em hiểu rằng anh chẳng màng gì đến chuyện đó nữa. Chỉ có em là đáng kể thôi, nên anh muốn tham gia vào cuộc chơi này cùng với em, cô bé ạ.

Nghe thấy thế Dede vội lách người ra khỏi vòng tay của Ánh Sáng Ban Ngày.

- Như vậy thì anh điên rồi, Elam ạ.

- Hãy nói như vậy với anh một lần nữa đi, - anh thốt lên một cách vui sướng. Những từ đó nghe còn ngọt ngào hơn cả tiếng leng xeng của bạc triệu!

Nàng không để ý đến lời anh mà cứ nói:

- Đúng là điên rồi. Anh không còn hiểu là anh đang làm gì nữa cả.

- Anh hiểu chứ, - Anh đoán chắc với nàng - Anh đang nhận được điều ao ước lớn nhất của lòng mình. Trời ơi, chỉ cần một ngón tay tí xíu của em thôi cũng đáng giá...

- Anh tỉnh táo lại một chút xem nào.

- Cả đời anh chưa lúc nào anh lại tỉnh táo như lúc này. Anh biết cái anh muốn, và anh đang đạt được cái đó. Anh chỉ muốn có em và không khí tự do. Anh không muốn đặt chân lên lề đường lót đá hoặc áp tai vào điện thoại nữa. Anh chỉ muốn có một căn trại nhỏ ở một trong những nơi đẹp nhất là Thượng Đế đã tạo lập và muốn được làm những công việc lật vật trong căn trại đó như vắt sữa, chẻ củi tắm cho ngựa, cuốc đất và những chuyện khác nữa. Và anh muốn được cùng sống với em trong căn trại đó. Anh chán nản mọi chuyện rồi, mệt mỏi lắm rồi. Phải nói anh là một con người may mắn nhất trên cõi đời bởi vì anh đã dó được cái mà tiền bạc không tài nào mua được, ba mươi triệu hay là ba mươi xu cũng chẳng...

Có tiếng gõ cửa ngắt ngang lời anh. Trong khi Dede ra khỏi phòng để trả lời điện thoại, anh còn lại một mình ngắm nhìn bức tượng *Thần Vệ Nữ* khom mình và tất cả những đồ vật đẹp đẽ khác một cách thích thú. Khi về phòng, Dede nói:

- Ông Hegan nói điện thoại tới. Ông ta đang chờ anh ở đầu dây đây. Ông ta nói có chuyện rất quan trọng.

Ánh Sáng Ban Ngày lắc đầu mỉm cười.

- Em ra nói với anh ta là hãy cúp máy đi. Anh đã không còn liên hệ vì với văn phòng nữa rồi, và chẳng muốn nghe bất cứ chuyện gì nữa cả.

Một phút sau nàng trở lại, nói:

- Ông ta không chịu. Ông ta bảo em báo lại với anh là Unwin và Harrison đang chờ gặp anh ở văn phòng. Ông Hegan nói là Grimshaw và Hodgkins đang gặp khó khăn, dường như họ sắp sập tiệm đến nơi rồi đấy. Hình như ông ta cũng nói là anh phải bảo vệ cho họ hay sao ấy.

Tin tức này thật khủng khiếp. Cả Unwin và Harrison đều là đại diện cho những liên đoàn ngân hàng lớn, và anh biết nếu Grimshaw và Hodgkins mà sập tiệm thì chúng sẽ liên kéo theo một số cơ sở nữa cũng sập tiệm và làm cho tình hình rắc rối chung thêm nghiêm trọng. Nhưng Ánh Sáng Ban Ngày vẫn mỉm cười lắc đầu và bắt chước cái lối nói mà anh hay dùng trong văn phòng nghe đến là nhàm tai để nói với Dede:

- Cô Mason, xin cô vui lòng báo lại với ông Hegan là chẳng có gì đáng đến tới cả, và bảo ông ta nên cúp máy đi thôi.

- Nhưng anh làm như vậy là không được, - nàng năn nỉ.

- Em nhìn anh đây này, - anh nghiêm giọng trả lời.

- Trời ơi, anh Elam!

- Em hãy gọi anh như thế nữa đi, - anh thốt lên - Hãy gọi anh như thế một lần nữa thì cả chục cái Grimshaw và Hodgkins có vỡ nợ cũng chẳng nhảm nhò gì.

Anh đưa tay nắm lấy tay nàng và kéo nàng về phía anh.

- Thôi em cứ mặc kệ Hegan chờ ở đầu dây cho đến khi nào anh ta chán thì thôi. Vào một ngày như thế này thì chúng ta không nên phí một giây nào vì anh ta cả. Anh ta chỉ yêu sách vở và đồ vật mà thôi, nhưng anh thì lại

đang ôm trong tay mình một phụ nữ sống động chẳng bao giờ chịu sự kiềm thúc gò ép nhưng lúc nào cũng yêu anh tha thiết.

Chú thích:

(1) (tiếng Pháp trong nguyên văn): cái bữu môi

PHẦN II - Chương 23

- Em đã được biết về những nỗ lực phấn đấu của anh, - Dede cãi - Nếu bây giờ anh ngưng ngang thì tất cả những gì anh đã làm sẽ bị tiêu huỷ. Anh không có quyền làm như thế. Anh không thể làm như thế được.

Ánh Sáng Ban Ngày vẫn bừng bình. Anh lắc đầu và mỉm cười như trên ngời.

- Sẽ không có gì bị tiêu huỷ cả, Dede ạ. Em không hiểu gì về cái trò làm ăn này đâu. Tất cả mọi thứ đều là trên giấy tờ cả, em hiểu không? Cái số vàng anh đã đào được ở vùng Sông Klondike đâu rồi? À, thì ra nó vẫn ở trong đồng vàng hai mươi đô-la, trong những chiếc đồng hồ đeo tay và nhẫn cưới bằng vàng chứ ở đâu nữa. Dù có chuyện gì xảy đến với anh chẳng nữa thì những đồng vàng hai mươi đô-la, những chiếc đồng hồ đeo tay và những chiếc nhẫn vàng đó vẫn cứ tồn tại thôi. Tỉ như anh có ngã lăn ra chết lúc này đây thì chuyện đó cũng chẳng ăn nhằm gì đến số vàng đó cả. Trong tình hình hiện nay thì số vàng ấy vẫn còn đó. Anh chỉ có giấy tờ thôi, giấy chủ quyền của hàng ngàn mẫu đất. Cứ đốt hết đồng giấy tờ ấy đi và đốt luôn cả anh đi nữa thì số đất đai đó vẫn tồn tại phải không nào? Mưa vẫn rơi, các hạt giống sẽ nảy mầm, cây cối sẽ mọc lên, nhà cửa vẫn còn nguyên, xe cộ vẫn cứ qua lại trên số đất đai đó. Tất cả công việc chỉ là giấy tờ. Nếu anh có mất hết cả giấy tờ hoặc mất mạng đi nữa thì mọi thứ cũng vẫn thế. Nó sẽ không thay đổi được ngay cả một hạt cát trong số đất đai đó, hoặc không thể bắt một ngọn cỏ phải quay ngược hướng được cơ mà.

- Sẽ không có gì mất đi cả. Không mất đi một thứ gì hết, ngay cả một cây cột móng ở bên tàu, một cái đinh đóng đường ray xe lửa, hoặc một ounce hơi trong chiếc máy đo của một chiếc phà. Dù anh hoặc ai đó giữ những giấy tờ đó đi nữa thì xe cộ vẫn cứ tiếp tục chạy như thường. Con nước đã hướng về Oakland. Thiên hạ đang đổ xô về đó. Mọi người sẽ lại bán những lô đất dành để cất nhà. Làm sao mà chặn đứng nổi con nước đó. Cho dù có gì xảy đến với anh hoặc cái đồng giấy tờ của anh đi nữa thì ba

trăm ngàn dân vẫn cứ đổ xô về đó như thường. Rồi sẽ vẫn có xe để đưa họ đi đây đi đó, vẫn có nhà cho họ ở, vẫn có nước trong cho họ dùng, vẫn có điện cho họ ánh sáng và tất cả những thứ khác nữa.

Ngay lúc đó chiếc ô tô chở Hegan xịch đến. Hai người có thể nghe thấy tiếng còi xe vang qua ô cửa sổ để ngỏ, và thấy chiếc ô tô đậu lại song song với chiếc ô tô đỗ lớn. Trong xe có cả Unwin và Harrison nữa. Jones ngồi chung băng với tài xế.

Ánh Sáng Ban Ngày nói với Dede:

- Anh sẽ chỉ gặp Hegan thôi. Những kẻ khác thì chẳng cần gặp làm gì. Họ cứ ngồi trong xe mà đợi!

Khi đến cửa phòng, Hegan hỏi Dede:

- Bộ ông ấy say hả?

Nàng lắc đầu và đưa anh ta vào phòng. Ánh Sáng Ban Ngày lên tiếng:

- Chào cậu, Larry. Ngồi xuống nghỉ chân đi. Cậu chắc đang bán lắm hả?

- Dĩ nhiên, - anh chàng Ái Nhĩ Lan nhỏ thó quật lại ngay - Hai ngân hàng Grimshaw và Hodgkins sẽ sập tiệm ngay nếu chúng ta không làm một chuyện gì đó để giúp họ. Sao anh không đến văn phòng? Anh định giải quyết giúp họ như thế nào đây?

- Chẳng thế nào cả, - Ánh Sáng Ban Ngày kéo dài giọng nói một cách lười lỉnh - Tớ nghĩ có lẽ cứ để cho họ sập tiệm quách cho rồi.

- Nhưng mà...

- Từ trước đến nay tớ chẳng có dính dáng gì đến bọn Grimshaw và Hodgkins cả. Tớ chẳng nợ nần gì chúng hết. Hơn nữa bản thân tớ cũng sắp sập tiệm rồi còn gì. Nghe này, Larry, cậu biết tớ mà cậu biết một khi tớ đã quyết định việc gì thì sẽ không thay đổi nữa. Bây giờ đã quyết định rồi. Tớ đã chán ngấy toàn bộ cái trò chơi này rồi. Tớ sẽ phui tay khỏi mọi thứ càng nhanh chừng nào càng tốt chừng nấy. Mà cách nhanh nhất có lẽ là cử để mặc cho nó sập tiệm.

Hegan nhìn chăm chăm vào ông chủ của mình. Rồi anh ta hướng cái nhìn hoảng loạn của mình về phía Dede. Nàng gật đầu tỏ vẻ thông cảm.

Ánh Sáng Ban Ngày nói tiếp:

- Cứ để nó sập tiệm đi Larry ạ. Việc bây giờ cậu rán làm là cố mà bảo vệ cho cậu và cho những người bạn của ta. Bây giờ cậu hãy nghe tớ nói cho

biết phải làm gì đây này. Rán làm mọi chuyện cho thật gọn và thật khéo. Đừng để hại đến ai cả. Tất cả những ai đã từng chung lưng đấu cật với ta thì cần được thoát khỏi cuộc khủng hoảng này một cách an toàn. Tất cả lương bổng mà ta đã giữ lại của cộng nhân thì phải thanh toán lại cho họ sòng phẳng ngay lập tức. Tất cả số tiền mà ta đã mượn của công ty cấp nước, công ty xe điện và công ty phà cũng phải hoàn trả lại cho họ. Đương nhiên bản thân cậu cũng không thể để bị hại. Tất cả những công ty nào mà cậu có cổ phần cũng đều phải thoát nạn an toàn...

- Anh điên rồi, Ánh Sáng Ban Ngày à! - anh chàng luật sư nhỏ thó kêu lên - Anh nói như một kẻ loạn trí ấy. Anh làm sao thế? Bộ ăn nhầm thuốc lú rồi hay sao vậy?

- Đúng thế, - Ánh Sáng Ban Ngày mỉm cười đáp - Tớ đã ăn phải thuốc lú và bây giờ tớ đang phải khắc ra đây này. Tớ đã phát ốm lên vì cuộc sống đô thị và cái trò làm ăn này rồi. Tớ sẽ bỏ đi để đến với ánh mặt trời, với miền quê và với đồng cỏ xanh tươi. Tớ sẽ cùng đi với Dede. Như thế cậu rất hân hạnh là người đầu tiên chúc mừng bọn mình đấy nhé.

- Chúc mừng cái... cái con khi? - Hegan buột miệng nói - Tôi không chịu nổi cái kiểu khủng lung điên điên này được?

- Ồ cậu chịu nổi chứ sao lại không, bởi vì nếu cậu không chịu nổi điều đó thì sự sập tiệm sẽ còn ghê gớm hơn và nhiều kẻ khác sẽ bị hại. Bây giờ cậu cũng có đến hơn một triệu bạc rồi đấy, nếu cậu chịu nghe tớ thì cậu sẽ thoát khỏi cơn khủng hoảng này mà không bị sút đến một miếng da. Riêng tớ thì tớ lại muốn bị hại cơ, bị hại cho đến cùng cực. Tớ muốn như vậy, và chẳng có ai, cá nhân hay tập thể, có thể đứng chắn không cho tớ đạt được điều tớ muốn cả. Cậu hiểu chứ Hegan? Hiểu rồi chứ?

- Cô đã làm gì anh ta vậy? - Hegan quay sang sùng sộ với Dede.

- Thôi im đi nào, Larry, - Lần đầu tiên trong cuộc nói chuyện Ánh Sáng Ban Ngày nói bằng giọng gay gắt. Trên gương mặt anh lại hiện lên những nét độc ác - Cô Mason sẽ là vợ tôi. Tôi cho anh tự do muốn nói gì với cô ấy thì cứ nói, nhưng anh phải nói bằng một giọng điệu khác kìa, nếu không thì anh chỉ có nước đi nhà thương thôi đấy. Như thế cũng là một kiểu sập tiệm mà bản thân tôi cũng không ngờ tới. Còn một điều này nữa tôi muốn nói với anh. Tất cả chuyện này là tự tôi gây ra, chính nàng cũng nói là tôi điên đấy.

Hegan buồn đến mức không còn biết nói gì. Anh ta chỉ giương mắt ra nhìn và lắc đầu.

- Dĩ nhiên toà án sẽ phái người đến xem xét sự thể, Ánh Sáng Ban Ngày nói - Nhưng họ sẽ không làm phiền chúng ta lâu đâu. Chuyện anh cần làm ngay bây giờ là lo cho mọi người - những người đã cho tôi vay tạm lương, tất cả các chủ nợ và công ty đã sát cánh bên ta. Có cái miếng đất mà bọn người ở New Jersey cứ nài nỉ mua lại đó. Anh chỉ cần gợi ý là họ sẽ mua ngay vài ngàn mẫu. Cả miếng đất tốt nhất ở Fairmount nữa, nếu họ được mua một phần ở đó thì họ dám sẵn sàng trả mỗi mẫu một ngàn đô-la lắm đấy. Như vậy cũng đỡ cho ta được phần nào. Còn cái miếng đất năm trăm mẫu nữa, nếu họ chịu trả mỗi mẫu hai trăm đô-la thì kể cũng may.

Từ nãy đến giờ Dede vẫn lơ đãng. Bỗng nhiên nàng nảy ra một ý định và nàng bước tới trước mặt hai người đàn ông. Mặt nàng tái đi nhưng đầy vẻ kiên quyết khiến cho Ánh Sáng Ban Ngày nhớ lại anh đã thấy cũng cái vẻ mặt ấy vào ngày đầu tiên nàng cưới thử con Bob.

- Gượm đã, nàng nói - Em có điều muốn nói. Anh Elam, nếu anh làm cái việc điên rồ này thì em không lấy anh đâu. Em từ chối thẳng đấy.

Hegan, trong cơn đau khổ, vội đưa mắt nhìn nàng với vẻ biết ơn.

- Em đã nói thế thì anh cũng đành phó mặc cho số mệnh thôi, - Ánh Sáng Ban Ngày vừa bắt đầu nói thế thì Dede đã chặn ngay.

- Gượm đã! Em sẽ lấy anh nếu như anh không làm chuyện đó!

- Như vậy để anh nói lại xem có đúng ý em không nhé, - Ánh Sáng Ban Ngày nói một cách chậm rãi y như đang lựa từng lời khiến người nghe phải bực mình - Theo chỗ anh hiểu, nếu anh cứ tiếp tục cái trò làm ăn này thì em sẽ lấy anh chứ gì? Em sẽ lấy anh nếu anh cứ tiếp tục làm việc đến暮 cả người và suốt ngày nốc rượu *Martini* chứ gì?

Cứ sau mỗi lần hỏi, anh lại dừng lại, và Dede gật đầu xác nhận.

- Mà em sẽ lấy anh ngay chứ?

- Đúng.

- Ngay hôm nay? Ngay bây giờ chứ?

- Đúng.

Ánh Sáng Ban Ngày suy nghĩ một hồi.

- Không, cô bé ạ, anh không chịu đâu. Không thể như vậy được, và chính em cũng biết đấy. Anh muốn có em - toàn bộ đời em. Và để đạt được điều đó thì anh cũng phải cho em toàn bộ đời anh. Nếu anh còn tiếp tục làm ăn thì anh sẽ chẳng còn gì để cho em cả. Dede ơi, nếu em cùng sống trên căn trại ấy với anh thì anh sẽ chắc chắn giữ được em và giữ được cả cho anh nữa. Anh muốn chắc chắn giữ được em cơ. Em muốn nói gì thì cứ nói, nhưng chắc chắn em vẫn phải lấy anh như thường. Thôi Larry, bây giờ cậu đi đi. Một lát nữa tới sẽ có mặt tại khách sạn. Vì tớ không muốn bước chân vào văn phòng nữa nên cứ đem tất cả giấy tờ đến phòng ở khách sạn cho tớ ký. Lúc nào cậu cần, cứ việc gọi điện thoại đến đó. Cứ để cho mọi thứ sập tiệm, cậu hiểu rõ rồi chứ? Đối với tớ coi như đã xong.

Ánh Sáng Ban Ngày đứng dậy tỏ ý tiễn Hegan ra cửa. Hegan rõ ràng là bị kinh hoàng quá mức. Anh ta cũng đứng dậy, nhưng không đi ngay mà đưa mắt nhìn khắp căn phòng với vẻ tuyệt vọng.

- Thật là điên rồi, điên đặc, điên hết chỗ nói - Anh ta lẩm bẩm.

Ánh Sáng Ban Ngày đặt một tay lên vai anh ta.

- Thôi, phần khởi lên nào, Larry. Cậu lúc nào cũng thuyết giảng về những điều kỳ diệu của con người, vậy mà lúc này tớ đưa cho cậu xem một mẫu của những điều kỳ diệu đó thì cậu lại không bằng lòng. Vấn đề là ở chỗ tớ mơ mộng nhiều hơn cậu, nhưng tớ đang mơ những cái sẽ trở thành sự thật. Đây chính là giấc mơ to lớn nhất mà tớ đã từng mơ và tớ sẽ đeo đuổi nó cho đến lúc nào đạt được nó...

- Bằng cách để mất đi những gì đã đạt được sẵn rồi chứ gì - Hegan quật lại.

- Đúng vậy - bằng cách để mất đi tất cả những thứ mà tớ không cần. Chỉ trừ một trăm bốn mươi bộ dây cương đàn bằng lông ngựa là tớ giữ lại thôi. Nào, bây giờ cậu xuống ngay với Unwin và Harrison rồi trở thành thành phố đi. Tớ sẽ ở khách sạn, nếu cần thì cậu cứ gọi điện thoại cho tớ lúc nào cũng được.

Sau khi Hegan đã đi khỏi, Ánh Sáng Ban Ngày quay sang Dede nắm lấy tay nàng.

- Còn cô bé, giờ thì cô bé không cần phải đến sở làm nữa. Cứ coi như cô đã bị sa thải. Hãy nhớ rằng tôi là người đã thuê cô, vậy cô phải đến chỗ

tôi mà lấy mấy lời nhận xét. Nếu cô không tỏ ra ngoan ngoãn thì tôi không nhận xét tốt cho cô đâu đấy nhé. Trong lúc chờ đợi, cô hãy đi nghỉ một chút và xem cần mang theo những thứ gì, bởi vì chúng ta sẽ tự lo lấy việc trang bị nhà cửa bằng đồ đạc của cô bé đấy nhé - ít nhất là trong gian trước của căn nhà.

- Nhưng, anh Elam này, em không chịu đâu, nhất định không. Nếu anh cứ làm cái chuyện điên rồ đó thì nhất định em sẽ không bao giờ lấy anh đâu!

Nàng cắt rút tay ra khỏi tay anh, nhưng anh đã áp chặt nó trong tay mình với vẻ che chở của một người cha.

- Em hãy nói thật cho anh biết đi nào. Thế này nhé, em sẽ lấy thứ nào - anh và tiền hay anh và căn trại?

- Nhưng mà... - nàng toan mở miệng nói.

- Không nhưng với nhị gì cả. Em lấy anh và tiền chứ gì?

Nàng không trả lời.

- Vậy em chịu lấy anh và căn trại chứ?

Nàng vẫn không trả lời. Nhưng anh không vì thế mà nao núng.

- Em thấy chưa. Chính em cũng biết phải trả lời như thế nào rồi, nên đâu cần phải nói gì thêm nữa. Thôi thế coi như xong rồi nhé. Anh và em sẽ cùng vượt đồi đến Sonoma. Em coi xem cần đem theo những thứ gì. Anh sẽ cho người lên đây giúp em thu dọn đồ đạc trong đôi ngày. Đây là lần cuối cùng chúng ta nhờ người khác làm giùm. Lên đó rồi tự tay chúng ta sẽ dỡ đồ đạc và xếp đặt mọi thứ.

Nàng vẫn cố nài nỉ một lần cuối cùng:

- Elam, anh tỉnh táo một chút xem nào. Vẫn còn thời gian để tính toán lại. Em vẫn có thể gọi điện cho ông Hegan kịp lúc ông ta vừa về đến văn phòng.

- Trời ơi, bây giờ trong tất cả mọi người anh mới là kẻ duy nhất tỉnh táo đây, - anh tiếp lời không để nàng nói hết - Em cứ nhìn anh đây này. Trong khi anh đang điềm nhiên hạnh phúc như một ông hoàng thì bọn họ cứ bắn lên chạy tán loạn như một lũ gà cắt tiết đến nơi ấy.

- Trời ơi, sẽ có biết bao nhiêu chuyện tai hại. Em đến khóc mất thôi! - Dede dọa.

- Như vậy thì có lẽ anh phải ôm lấy em mà an ủi thêm một chút nữa vậy, - anh cũng dọa lại - Thôi bây giờ anh phải đi đây. Thật chẳng may là em đã bán mất con Bab rồi, nếu không thì đem nó theo lên căn trại luôn thể. Nhưng không sao, anh sẽ xoay cho em một con ngựa khác vậy.

Lúc anh đứng trên bậc thềm chuẩn bị đi, nàng nói:

- Anh khỏi cần phải cho người xuống đây giúp em làm gì. Em sẽ không chuẩn bị gì cả, bởi vì em sẽ không lấy anh đâu!

- Em dọa như vậy anh không sợ đâu, - anh trả lời rồi bước xuống bậc thềm

PHẦN II - Chương 24

Ba ngày sau, Ánh Sáng Ban Ngày lại lái chiếc ô tô đỏ đến Berkeley. Đây là lần cuối cùng anh sử dụng nó. Bởi vì ngày mai nó sẽ thuộc quyền sở hữu của người khác rồi. Ba ngày vừa qua thật căng thẳng, bởi vì cú sập tiệm của anh là cú lớn nhất và nhanh nhất xảy ra ở California kể từ khi có cuộc khủng hoảng. Báo chí đăng đầy những tin tức về vụ này. Ngay cả những kẻ sau này tuy biết Ánh Sáng Ban Ngày đã phát rồ. Tất cả những ai thuộc giới làm ăn đều nhất trí cho rằng một người tinh táo thì không đời nào làm những chuyện như thế.

Cũng may là thiên hạ chỉ dừng lại ở chỗ cho là gã tài phiệt hoang dã vùng Alaska đã bị điên loạn, bởi vì họ không biết gì về việc anh đã liên tục uống rượu và việc anh quan hệ với Dede. Nghe những kết luận như thế. Ánh Sáng Ban Ngày chỉ nhe răng ra cười, và anh càng làm cho thiên hạ nghi ngờ anh điên hơn nữa khi anh từ chối gặp gỡ các tay nhà báo.

Anh dừng xe trước cửa nhà trọ của Dede. Và cũng áp dụng chiến thuật tấn công ào ạt cũ nên vừa gặp nàng là anh ôm chầm lấy nàng trước khi kịp nói được một lời nào. Chỉ sau khi nàng đã thoát khỏi vòng tay của anh và bắt anh ngồi xuống rồi, anh mới bắt đầu nói:

- Thế là xong rồi. Chắc em cũng đã xem báo rồi chứ. Vậy là anh đã thoát nợ rồi. Anh ghé đây để xem em tính ngày nào có thể khởi hành đi thung lũng Ellen. Em tính gấp gấp một tí, bởi vì lúc này sống ở Oakland tốn kém lắm. Anh chỉ thanh toán tiền phòng ở khách sạn cho đến cuối tuần thôi. Sau đó thì anh không còn tiền để trả nữa. Bắt đầu từ ngày mai anh sẽ phải đi xe công cộng thôi. Chắc cũng mất khá nhiều tiền xu đấy.

Anh ngừng nói nhìn nàng chờ đợi. Trên gương mặt nàng lộ rõ vẻ khó xử. Rồi nụ cười mà anh đã biết quá rõ dần dần hiện lên trên môi và trong ánh mắt của nàng. Cuối cùng nàng phá lên cười, đầu ngả hẳn ra sau trông như kiểu cười bộc trực của một chàng trai.

- Khi nào thì mấy người ấy mới đến giúp em thu xếp đồ đạc nào? - nàng hỏi, rồi lại phá lên cười và giả tảng như muốn thoát khỏi đôi cánh tay như gau của anh nhưng không được. - Ôi anh Elam thân yêu, - nàng thì thầm, - anh Elam thân yêu, và lần đầu tiên nàng chủ động hôn anh. Rồi nàng đưa tay mơn trớn mái tóc anh.

- Đôi mắt em lúc này đang rực sáng như vàng ấy! - anh nói - Cứ nhìn vào đó là anh biết em yêu anh đến mức nào!

- Đôi mắt em khi nhìn anh vẫn rực sáng như vàng từ lâu rồi ấy chứ. Khi chúng ta cùng chung sống trên căn trại nhỏ ấy rồi thì đôi mắt em vẫn còn sáng rực như vậy mãi.

- Tóc em cũng vàng nữa, vàng rực như lửa ấy - Đột nhiên anh đưa tay xoay mặt nàng về phía mình. Anh áp khuôn mặt ấy trong hai lòng bàn tay mình và nhìn rất lâu vào mắt của nàng - Ngay vào ngày hôm kia. Lúc em nói em sẽ không lấy anh, trong mắt em cũng vẫn có ánh vàng đấy.

Nàng gật đầu và phá lên cười.

- Anh muốn làm gì thì em cũng phải chịu thôi, - nàng thú nhận - Nhưng em không chịu nổi cái trò điên khùng của anh. Tiền đó là tiền của anh chứ không phải của em. Tuy vậy em vẫn yêu anh, Elam ạ, bởi vì anh cứ như một chú bé con to xác sau khi đã chán món đồ chơi ba mươi triệu rồi thì liền đập vỡ nó đi. Anh biết không, ngay lúc em nói sẽ không lấy anh thì em cũng hiểu là em sẽ lấy anh thôi. Em biết chắc là lúc nào nhìn anh mắt em cũng vàng rực lên như thế cả. Thật ra em chỉ sợ có mỗi một điều là anh sẽ không tự làm cho mình mất tất cả được bởi vì, anh yêu ạ, em biết là trước sau gì em cũng phải lấy anh, mà em chỉ muốn có anh, có con Bob, con Sói và mấy sợi dây cương ngựa thôi. Em tiết lộ cho anh nghe điều bí mật này nhé. Hôm đó, ngay khi anh vừa đi khỏi là em vội gọi điện thoại cho người mà trước kia em đã bán con Mab đấy.

Nàng giấu mặt vào ngực anh một lát rồi lại ngẩng lên nhìn anh với nét mặt rạng rỡ vì vui sướng.

- Anh thấy đấy, mỗi em cứ việc nói gì thì nói, nhưng trong đầu em đã quyết định rồi. Em... em quyết định sẽ lấy anh. Em chỉ cầu mong sao cho anh chịu mất đi tất cả. Vì thế cho nên em mới lo dò hỏi về con Mab. Nhưng cái ông mua ngựa chẳng biết bây giờ nó ra sao cả. Anh thấy không, ngay lúc đó em đã muốn được cưỡi ngựa với anh đến thung lũng Ellen, em trên lưng con Mab còn anh trên lưng con Bob, hết như ngày xưa khi chúng mình còn hay dạo chơi với ở vùng đồi Piedmont vậy.

Ánh Sáng Ban Ngày toan tiết lộ cho Dede biết là hiện giờ con Mab đang ở đâu, nhưng anh đã cố kìm lại.

- Anh hứa sẽ kiếm cho em một con ngựa mà em sẽ thấy thích hết như thích con Mab vậy.

Nhưng Dede lắc đầu buồn bã, nhất định không tin chuyện đó.

Ánh Sáng Ban Ngày thấy vậy bèn vội vã chuyển câu chuyện sang một hướng ít nguy hiểm hơn.

- Bây giờ anh có ý này. Chúng mình đang từ bỏ thành phố. Em thì chẳng có họ hàng gì ở đây cả. Bởi vậy nếu chúng mình khởi đầu bằng cách tổ chức lễ cưới ở thành phố thì không hay lắm. Anh có ý như vậy: Anh sẽ phóng lên căn trại chuẩn bị sẵn mọi thứ đâu ra đó và cho người trông nom căn trại đó nghỉ việc. Hai hoặc ba ngày sau em đáp chuyến tàu sáng lên đó. Anh sẽ chờ sẵn cùng với ông cha đạo. Còn thêm một ý này nữa. Em hãy xếp theo trong va-ly bộ đồ cưới ngựa của em. Khi lễ cưới xong, em có thể về khách sạn thay đồ ngay. Khi em trở ra, anh sẽ đứng chờ sẵn cùng với hai con ngựa. Chúng mình sẽ đi dạo để em có dịp xem qua những chỗ đất đẹp nhất của căn trại đã. Chắc chắn là đẹp, căn trại ấy đấy. Như vậy nhé, anh sẽ chờ em đến theo chuyến tàu sáng ngày kia.

Dede nói mà mặt đỏ bừng:

- Sao anh lúc nào cũng gấp gáp quá vậy.

- Vâng, thưa bà, - Ánh Sáng Ban Ngày kéo dài giọng, - tôi không thích mất thời gian, mà chúng ta đã để mất nhiều thời gian làm rồi. Chúng ta khá là hoang phí đấy. Lẽ ra chúng ta đã lấy nhau từ mấy năm nay rồi mới phải.

Hai hôm sau Ánh Sáng Ban Ngày đứng chờ bên ngoài cái khách sạn nhỏ ở Thung lũng Ellen.

Sau khi buổi lễ thành hôn chấm dứt, anh tạm chia tay với Dede. Nàng vào khách sạn để thay đồ đi ngựa, còn anh thì đi đem hai con ngựa lại đón nàng. Lúc này anh đang cầm cương con Bob và con Mab. Con Sói thì nằm trong chỗ bóng dâm của chiếc máng nước giương mắt ngó ra. Trong hai ngày qua, ánh nắng chói lọi của vùng California đã làm da mặt của Ánh Sáng Ban Ngày đỏ au lên như cũ. Nhưng mắt anh vẫn sáng lên và đôi gò má anh vẫn hồng lên khi anh thấy Dede xuất hiện ở cửa khách sạn, tay cầm roi ngựa, mặc bộ đồ nhưng kẻ quen thuộc như những ngày trước ở vùng đồi Piedmont. Khi nàng nhìn lại anh và liếc qua cặp ngựa, da mặt nàng cũng ứng hồng lên. Lúc nhận ra con Mab, nàng liền quay lại nhìn Ánh Sáng Ban Ngày.

- Ôi, anh Elam thân yêu! - nàng khẽ thốt lên.

Lời nàng thốt lên nghe như một lời cầu nguyện, một lời cầu nguyện mang cả ngàn ý nghĩa.

Ánh Sáng Ban Ngày cố làm ra vẻ bền lễn, nhưng anh thấy trong lòng tràn ngập niềm vui và rộn rã tiếng ca. Tất cả tình cảm của Dede đã được bộc lộ khi nàng gọi tên anh - đó rõ ràng là một lời trách cứ một lời trách cứ đã được làm nhẹ đi bởi lòng biết ơn lẫn lộn với niềm vui và tình yêu.

Dede bước tới vuốt ve con ngựa rồi quay sang nhìn Ánh Sáng Ban Ngày và thốt lên:

- Ôi, anh Elam thân yêu.

Cả giọng nói lẫn ánh mắt của nàng đều toát lên điều nàng muốn nói. Ánh Sáng Ban Ngày nhìn và đó và thấy tất cả cái sâu thẳm rộng lớn mà cả tư tưởng lẫn lời nói đều không diễn đạt nổi. Đó chính là cái bí ẩn tuyệt đối không phát biểu thành lời của giới tính và tình yêu.

Anh cố nói một cái gì đó vui nhộn, nhưng rồi anh lại nhận thấy giây phút ấy quá trọng đại nên không thể đùa bỡn được, dù là một lời đùa bỡn khi yêu. Cả hai người đều không nói tiếng nào. Nàng nắm lấy cương ngựa, Ánh Sáng Ban Ngày khom mình đưa tay để nàng đặt chân lên. Khi anh vừa nâng nàng lên, nàng liền nhảy thót lên yên ngựa. Anh cũng lập tức lên ngựa và đến sát bên nàng.

Cùng với con Sói đang lon ton chạy tước theo kiểu chạy chậm chậm quen thuộc của loài sói, hai kẻ yêu nhau theo hướng ngược lên đồi ra khỏi

thành phố. Ngồi trên lưng hai con ngựa màu hạt dẻ, họ đi ra khỏi thành phố và đi thật xa để hưởng tuần trăng mật trong một ngày hè ấm áp. Ánh Sáng Ban Ngày có cảm giác lâng lâng như người say rượu. Anh như người đang đứng trên đỉnh cuộc đời. Chưa ai lên được hoặc vượt qua được cái đỉnh ấy. Cả cuộc đời anh chỉ có ngày này, ngày anh yêu và tình tự, ngày anh làm chủ một người con gái trinh trắng đã gọi anh bằng những tiếng: "Ôi, anh Elam thân yêu" như nàng đã từng gọi, và đã nhìn anh bằng cả tâm hồn như nàng đã từng nhìn.

Khi họ lên đến đỉnh đồi, Ánh Sáng Ban Ngày say sưa nhìn ngắm niềm vui lộ rõ trên mặt Dede kiểng nhìn về dải đất tươi mát ngọt ngào nằm ở phía dưới. Anh chỉ cho nàng xem một cụm đồi nhỏ phủ đầy cây ở xa tít bên kia những cánh đồng bát ngát cỏ vàng.

- Khu đồi ấy là của chúng ta đấy, - anh nói - Nhưng chúng cũng mới chỉ là một phần của căn trại mà thôi. Rồi em sẽ thấy cả cái hẻm núi thật lớn nữa. Ở đó có nhiều gấu trúc lắm. Còn ở Thung lũng Sonoma phía đằng này thì có rất nhiều chồn Vizon. Có cả hươu nữa đấy, nhất là ở rặng núi kia thì dày đặc. Không chừng ở đấy mình còn gặp cả cọp núi nữa nếu mình chịu khó tìm kiếm. Có cả đồng cỏ nữa. Mà thôi, anh không kể cho em nghe nữa đâu. Cứ để tự em nhìn rồi khắc biết.

Đến chỗ có một cánh cổng, họ rẽ vào. Ở đấy có một con đường băng ngang qua những cánh đồng dẫn đến khu rừng hằm đất sét. Cả hai người sung sướng hít cái hương vị ấm áp của cỏ khô đang bay xộc vào mũi họ. Cũng như lần đầu tiên anh đến thăm chốn này, trên đường đi họ đã nghe thấy tiếng chim chiến chiến ca hát véo von và vỗ cánh phàn phật ngay trước mũi ngựa. Lúc họ đến khu rừng có những khoảng đất trống đầy hoa, thay vì tiếng chim chiến chiến họ lại được nghe tiếng chim giẻ cùi và chim gõ kiến. Khi đã đi khỏi cánh đồng cỏ, Ánh Sáng Ban Ngày nói:

- Đến đây là đất của mình rồi đây này. Đất của mình trải dài qua những khu vực hiểm hóc nhất của vùng này. Rồi em sẽ thấy.

Cũng như lần đầu tiên đến đây, Ánh Sáng Ban Ngày bỏ khu hằm đất sét, băng rừng về phía tay trái, lội qua con suối đầu tiên và cho ngựa phóng qua chiếc hàng rào xiêu vẹo. Từ chỗ này trở đi, Dede cảm thấy vui sướng tột độ. Bên cạnh con suối chảy rì rầm qua rừng qua rừng cây gỗ đỏ, lúc này

lại có thêm một cây hoa loa kèn đại thật to nữa. Phía trên thân cây mảnh dẻ của nó nở rộ một cụm hoa hình chuông màu trắng như sáp. Lần này anh không xuống ngựa mà dẫn Dede phi ngựa thẳng tới hẻm núi chỗ con suối đã cắt một lối đi nằm giữa các ngọn đồi nhỏ. Lần trước, khi đến đây, anh đã cố mở một con đường cho ngựa đi bằng ngang qua con lạch. Lúc này họ cứ lần theo con đường dốc ngược trơn trượt đó mà đi lên, xuyên qua rừng cây gỗ đỏ ảm đạm trong ánh hoàng hôn, qua cả một rừng cây sồi và cây madrono rậm rạp. Cuối cùng họ đến một chỗ đất trống rộng khoảng vài mẫu. Nơi đây cỏ mọc đến ngang hông.

- Của chúng ta đây, - Ánh Sáng Ban Ngày nói.

Từ trên lưng ngựa, Dede nhổm mình bứt một nhánh cỏ chín rồi đưa lên miệng nhấm nháp.

- Cỏ núi ngọt thật, - nàng chọt reo lên - Đúng là thứ con Mab thích đây.

Trong suốt cuộc đi ngựa nàng cứ liên tục thốt lên những tiếng kêu đầy ngạc nhiên và thích thú như thế.

- Thế mà anh chẳng nói gì cho em biết cả? - nàng trách anh khi cả hai cùng ngồi dõi tầm mắt qua vùng đất trống, qua những đồi dốc cây mọc đến Thung lũng Sonoma rộng lớn.

- Thôi mình quành về đi, - anh nói.

Họ quay ngựa rồi lần theo bóng dâm trong rừng mà đi. Họ băng qua con suối về chỗ cây hoa loa kèn mọc. Từ chỗ này còn có một con đường dẫn lên ngọn đồi dốc cây mọc um tùm. Trước kia anh cũng đã mở một lối đi cho ngựa ngay trên con đường này. Bây giờ họ lại theo con đường quanh co đó mà lên đồi. Họ thấy xung quanh mình là một biển cây dày đặc. Thảng hoặc cũng có những khoảng trống, nhưng tầm nhìn của họ không thể vươn xa được và lúc nào cũng có những rừng cây xanh um san sát ở ngay trước mắt. Ngay trên đầu họ cũng vậy, cây đan vào nhau thành vòm kín mít, chỉ thỉnh thoảng mới có những khe hổng để cho ánh sáng mặt trời xen kẽ lọt vào. Lúc này bên cạnh họ cũng có cả chục loại dương xỉ, từ loại dương xỉ vàng và dương xỉ đuôi chồn tí hon cho đến những bụi cây khổng lồ cao từ sáu đến tám *foot*.

Trong khi leo đồi, nhìn lên hoặc nhìn xuống thì họ cũng chỉ thấy toàn những thân và cành cây cổ thụ đầy những mắt.

Dede dừng ngựa và thở ra một hơi dài tỏ ý ngưỡng mộ vẻ đẹp của thiên nhiên.

- Cứ như là mình đang bơi ấy, - nàng nói, - bơi trong một hồ nước xanh ngắt, sâu thẳm và lặng lẽ. Phía trên kia là bầu trời và vùng thái dương, nhưng chỗ này là hồ nước và chúng mình đang lặn sâu đến mấy sải.

Họ vừa định đi tiếp thì Dede lại dừng ngựa vì nàng trông thấy một đoá hoa bách hợp màu tím mọc cạnh một gốc dương xỉ đuôi chồn. Cuối cùng họ lên khỏi rừng cây và tới đỉnh đồi. Đây là một thế giới khác hẳn, bởi vì họ đang đứng trước một vùng mọc toàn cây madrono non có thân màu tím ngắt, và khi nhìn xuống sườn đồi không có cây ở phía bên kia, họ thấy những ngọn cỏ đang gập gù trong nắng và những bông hoa nemophili trắng và xanh đang đong đưa trong dãy đồng cỏ nhỏ nằm hai bên bờ con suối nhỏ. Dede thích chí vỗ tay.

- Đẹp hơn cái mớ đồ đạc trong văn phòng nhiều chứ? - Ánh Sáng Ban Ngày nhận xét.

- Hẳn thế rồi, - Dede đáp.

Ánh Sáng Ban Ngày đặc biệt thích dùng hai từ "hẳn thế", nên khi nghe Dede nói vậy anh hiểu ngay là nàng đã cố tình dùng đúng hai từ đó để cho anh hiểu là nàng yêu anh đến mức độ nào.

Họ băng ngang con suối rồi lần theo lối đi dành cho gia súc để vượt qua ngọn đồi đá thấp, qua cả những bụi cây mazanita cho đến khi họ đến cái thung lũng nhỏ có con suối chảy giữa hai bờ cỏ.

- Anh chắc chắn là chẳng mấy chốc mình sẽ gặp những chú chim cun cút cho mà xem, - Ánh Sáng Ban Ngày nói.

Anh vừa mới dứt lời thì đã nghe thấy tiếng một bầy chim cun cút giũ vỗ cánh phành phạch bay lên từ chỗ con Sói đang đứng. Những chú cun cút con chạy lúc chúc tìm chỗ núp và biến mất một cách kì diệu ngay trước mắt họ.

Sau đó họ theo con đường đất vàng đến một khu đất trống rộng chừng chục mẫu. Ở đây có những cây nho mọc trên vùng đất núi lửa có màu rêu đỏ. Sau đó họ theo con đường dành cho họ bỏ đi để băng qua những rừng cây, thưa có rậm rạp có xen kẽ là những khoảng đất trống, cho đến khi họ xuống đồi đi về phía căn trại nằm trên hẻm núi mà chỉ khi đến gần họ mới

nhìn thấy. Dede dừng lại trên hàng hiên chạy dài suốt căn nhà trong khi Ánh Sáng Ban Ngày lo cột ngựa.

Dede cảm thấy cảnh vật thật yên tĩnh, hết như cái lặng lẽ âm áp, khô ráo và lặng gió của một buổi trưa ở California. Vạn vật như đang yên ngủ. từ nơi nào đó vọng lại tiếng gù gù lười lười của những chú chim bồ câu. Con Sói sau khi đã uống một bụng đầy nước ở khắp những con suối dọc trên đường đi, giờ thở hắt ra một hơi mãn nguyện và tìm một chỗ nằm mát dưới hiên nhà nằm xuống.

Khi Dede nghe tiếng chân Ánh Sáng Ban Ngày bước lại gần, nàng giật thót người. Anh đưa tay ra nắm lấy tay nàng. Khi anh xoay quả đấm của anh cảm thấy nàng có vẻ ngập ngừng. Anh bèn quàng một tay quanh vai nàng, và khi cánh cửa mở bung ra, họ cùng sóng đôi bước vào.

PHẦN II - Chương 25

Có nhiều người dù sinh ra và lớn lên ở thành phố, nhưng vẫn bỏ về với ruộng vườn và đã tìm được nguồn hạnh phúc lớn ở đó. Tuy nhiên họ chỉ thành công như vậy sau khi đã trải qua cả một quá trình vỡ mộng tàn bạo. Đối với Dede và Ánh Sáng Ban Ngày thì khác hẳn, bởi vì họ vốn sinh ra ở vùng quê và đã hiểu thấu mọi vẻ giản đơn và thô sơ ở đó. Họ giống như hai kẻ sau một thời gian đi hoang nay lại trở về mái nhà xưa của mình vậy. Trong khi tiếp cận với thiên nhiên họ không bị bất ngờ, mà chỉ thấy niềm vui trong sự hồi tưởng. Những cái mà một người được nuôi dưỡng chăm chút cho là có vẻ dơ dáy và bẩn thỉu thì họ lại cho là hết sức lành mạnh và tự nhiên. Việc tiếp cận với thiên nhiên đối với họ không phải là một cái gì chưa biết đến học chưa thử qua. Họ ít va vấp bởi vì họ đã biết tất cả, và rất vui lòng khi nhớ lại những gì mà họ đã quên.

Hai người còn học thêm được một điều nữa, là một người đã từng ăn thịt đến căng bụng thì dễ dàng hài lòng với một mẩu bánh ít ỏi hơn là một kẻ suốt đời chỉ biết có mỗi mẩu bánh. Nói như vậy không có nghĩa là họ sống thiếu thốn mà chỉ có nghĩa là họ đã tìm được niềm vui và sự thỏa mãn sâu sắc hơn trong những thú nhỏ nhặt. Sau khi đã tham dự vào những canh bạc lớn ngoài sức tưởng tượng. Ánh Sáng Ban Ngày thấy rằng ở đây, trên những sườn núi Sonoma này, cuộc sống cũng vẫn là một canh bạc muôn

thuở. Con người cũng vẫn phải lao động, phải chiến đấu, và phải vượt qua những trở ngại.

Khi anh thử nuôi một ít chim bồ câu để bán, anh cứ say sưa đếm đi đếm lại những chú chim non hết như trước kia anh đã say sưa đếm từng triệu bạc. Đạt được cái gì cũng là đạt được, mà việc nuôi chim này thì hợp lý hơn và chính tự thâm tâm mình anh cũng thấy rất ư là đẹp ý.

Anh nhận xét thấy khi con mèo anh nuôi trong nhà bỗng nhiên trở chứng hay rình chộp những con chim bồ câu thì nó cũng nguy hiểm chẳng kém gì Charles Klinkner khi hắn muốn chơi anh một ván để lấy mấy triệu đô là của anh trong lĩnh vực tài chính. Những con ó, nhưng con chồn và những con gấu trúc thì cũng giống như bọn Dowsett, Letton, và Guggenhammer chỉ chuyên rình mò đánh lén anh thôi. Đám cỏ hoang lúc nào cũng chỉ chực lẩn vào những khu đất anh đã dọn quang, và đã vài lần lẩn vào, rồi chỉ trong một tuần lễ là đã mọc tràn lan, cũng là một kẻ thù mà anh phải chiến đấu và chiến thắng. Nếu khu vườn rau màu mỡ nằm lọt trong một góc của vùng đồi mà không xanh tốt thì đó cũng là một vấn đề đã khắc phục được điều đó bằng cách rải thêm đá hút nước trong lòng anh tràn ngập một niềm vui thắng lợi. Cứ mỗi khi anh ra làm ở khu vườn đó và thấy đất bờ toi dễ sỏi là anh lại cảm nhận được niềm vui ấy.

Hệ thống ống dẫn nước cũng là một vấn đề. Anh đã may mắn kiếm đủ tiền mua các đường ống nhờ bán được một số dây cương đan bằng lòng ngựa. Anh tự lắp ráp lấy, tuy một đôi khi anh cũng phải gọi Dede lại nhờ giữ giùm mỗ lết. Cuối cùng, sau khi đã lắp xong chiếc bồn tắm và những chiếc bồn chứa nước cố định khác, anh cứ đứng ngẩn ngía mãi cái tác phẩm do chính bàn tay lao động của anh làm ra mà không biết chán. Đêm đầu tiên, khi không thấy anh, Dede đi tìm thì gặp anh đang lặng lẽ cầm đèn, sung sướng đứng ngắm mấy chiếc bồn. Anh cứ đưa tay mân mê mãi cái mép bồn bằng gỗ láng mượt và cười lớn. Khi Dede bắt gặp anh đang kín đáo thầm phục tài năng của chính mình, anh thấy xấu hổ như một cậu bé con vậ.

Sau cú phiêu lưu tự lắp ống nước và dựng những chiếc bồn bằng gỗ này, anh tiến tới việc dựng hẳn một cái xưởng nhỏ và dần dần thu thập đồ nghề. Trong những ngày còn nắm bạc triệu trong tay, anh có thể mua ngay

bất cứ thứ gì anh muốn. Bây giờ anh biết được thế nào là niềm vui khi mua được những thứ anh rất muốn nhưng phải chờ cho đến khi dành dụm được đủ tiền. Chẳng hạn anh đã phải chờ đến ba tháng trước khi dám vung tiền mua một chìa vít, và anh rất lấy làm sung sướng với cái vật dụng bé nhỏ kỳ diệu đó đến độ Dede nảy ra một ý định lớn trong đầu. Trong suốt sáu tháng trời, nàng cố dành dụm số tiền bán trứng là tiền riêng của nàng theo sự phân chia giữa hai người để mua một chiếc máy tiện vạn năng đơn giản làm quà sinh nhật tặng anh. Cả hai rất lấy làm vui sướng vì chiếc máy tiện này bây giờ đã là của riêng anh. Niềm vui này cũng lớn ngang với niềm vui khi con Mab, tài sản riêng của Dede, đẻ được một chú ngựa con đầu lòng mà thôi.

Phải chờ đến mùa hè năm sau Ánh Sáng Ban Ngày mới xây xong chiếc lò sưởi tốt hơn cái lò sưởi ở nhà Ferguson phía bên kia thung lũng, bởi vì việc này tốn nhiều thời gian, mà cả Ánh Sáng Ban Ngày lẫn Dede đều không muốn vội vã làm gì. Họ không mắc phải cái sai lầm mà bọn dân thành phố thơ ngây hay mắc phải khi về sống ở miền quê. Hai người không thấy cần phải cố sức làm gì. Họ không phải mang công mắc nợ ai, mà họ cũng chẳng phải trả tiền thuê nhà cửa gì cả. Vì thế cho nên khi lên kế hoạch cho họ không tham lam, mà chỉ muốn dành trọn vẹn cuộc đời cho nhau cũng như để thụ hưởng những đền bù của miền quê mà những dân quê bình thường khác thường không được hưởng.

Họ cũng họ hỏi ở Ferguson được nhiều điều. Ferguson là một người chỉ cần những thực phẩm đơn giản nhất, người thoả mãn những nhu cầu giản dị của mình bằng sức lực của chính đôi tay mình, người chỉ lao động khi cần kiếm tiền mua sách báo, và là người lúc nào cũng cho rằng cốt yếu nhất là tìm được sự vui sướng càng nhiều càng tốt. Anh ta chỉ thích vợ vẫn đọc sách suốt buổi chiều trong bóng cây râm mát, hoặc sáng thức dậy sớm để đi dạo giữa vùng đồi mà thôi.

Thỉnh thoảng Ferguson theo Ánh Sáng Ban Ngày và Dede vào những hẻm núi hoang vu hoặc leo lên những sườn dốc mấp mô của Núi Mũ Trùm Đầu để săn hươu. Nhưng thường thì Dede và Ánh Sáng Ban Ngày đi một mình. Những cuộc cưỡi ngựa này là một trong những niềm vui chính của hai người. Họ cùng nhau thám hiểm những vết nhẵn cũng như các vết nứt của núi đồi đến độ cuối cùng họ biết trong suốt vành đai thung lũng chỗ nào

có một con suối kín đáo hoặc chỗ nào có một thung lũng hẹp bí mật. Họ cũng biết hết mọi đường đi lối rẽ ngang dọc. Nhưng họ đặc biệt vui thú khi phải cố gắng lên lối giữa những chỗ hầu như không đi được. Họ rất vui khi được khom người bò men theo những lối hươu đi chật hẹp, để mặc cho con Bob và con Mab phải bám theo một cách chật vật.

Dede rất thích cây hoa đuôi mèo, và nàng đã đem trồng chúng dọc theo mép con suối chạy ngang cánh đồng cỏ. Những cây hoa đuôi mèo này lần dần những bụi cải xoong từ trước đến nay vẫn mọc ở đây. Khi Ánh Sáng Ban Ngày thấy những bụi cải xoong sắp bị tận diệt, anh bèn đem chúng trồng ở một con suối râm mát mà không để cho hoa đuôi mèo xâm nhập vào khu vực đó. Vào đúng ngày kỷ niệm lễ cưới của mình, Dede tìm thấy một cây hoa bách hợp màu tím thật cao mọc bên con đường quanh co phía trên con suối giữa rừng gỗ đỏ, nàng bèn tìm thêm giống hoa ấy trồng vào chỗ đó.

Khu sườn đồi trồng phía trên cánh đồng cỏ nhỏ trở thành khu vực dành riêng cho các loại hoa loa kèn Mariposa là chủ yếu nhờ công lao của Dede; còn Ánh Sáng Ban Ngày thì ngồi trên cát yên ngựa, tay cầm búa đốn hết những cây già cỗi đang chết dần hoặc những cây è uột trong khu rừng manzanita nhỏ mọc trên ngọn đồi đá.

Thật ra những công việc này cũng chẳng làm cho hai người phải mất sức quá nhiều. Mà chúng cũng chẳng hẳn là công việc nữa. Chỉ những lúc chợt đi qua những nơi đó họ mới dừng lại và giúp thiên nhiên một tay để làm cho vạn vật tăng thêm vẻ kiêu diễm mà thôi. Họ cứ để những bụi hoa phát triển tự nhiên, và chúng không ảnh hưởng gì đến quang cảnh thiên nhiên cả. Không bao giờ Ánh Sáng Ban Ngày hoặc Dede lại đem trồng một bông hoa hoặc một bụi cây vào chỗ mà trước đây chúng không xuất hiện. Họ cũng chẳng ra sức bảo vệ cho chúng khỏi những kẻ thù khác. Họ để mặc cho bò, ngựa lớn nhỏ cứ việc chạy xéo lên chúng, còn chúng có sống sót được hay không là tùy. Tuy nhiên, những con vật đó phá hoại cũng chẳng nhiều vì số lượng của chúng cũng chỉ có dăm con, mà căn trại thì lại quá rộng. Ngược lại, Ánh Sáng Ban Ngày cũng tránh gây thiệt hại cho những khu trồng hoa bằng cách không nhận khoảng một chục con ngựa của người

khác vào ăn trên đồng cỏ của mình, mặc dù nếu làm như vậy mỗi tháng người ta sẽ trả cho anh được chừng một đô-la ruồi một con.

Sau khi chiếc sò sưởi đã được xây xong, Ferguson ghé đến chỗ họ để dự buổi lễ sưởi ấm nhà. Trước đó Ánh Sáng Ban Ngày đã nhiều lần phi ngựa qua thung lũng đến nhà Ferguson để hỏi anh ta về nghi thức buổi lễ, và lúc này anh ta là người khách duy nhất có mặt nhân dịp đốt lò sưởi lần đầu tiên này. Căn phòng rộng hẳn ra vì Ánh Sáng Ban Ngày dời bức vách ngăn để biến hai phòng thành một phòng khách lớn cho Dede trưng bày tất cả các kho báu của nàng gồm sách vở, tranh ảnh, chiếc dương cầm, bức tượng *Thần Vệ Nữ* khom mình cùng cái lò hâm nóng thức ăn và những món đồ sáng nhoáng cùng một bộ với nó. Thêm vào số bộ da mà nàng đã có trước kia là những bộ da hươu, da chó sói và da của một con sư tử núi mà Ánh Sáng Ban Ngày đã giết được. Chính Ánh Sáng Ban Ngày đã tự tay thuộc những bộ da này theo kiểu thuộc da của cư dân miền biên thủy.

Ánh Sáng Ban Ngày trao que diêm cho Dede. Nàng quẹt nó và châm vào lò sưởi. Khi ngọn lửa bùng lên, tiếng lách tách giòn tan của gỗ manzanita át hẳn những tiếng nổ khô khan của những khúc cây lớn hơn. Xong, nàng dựa hẳn người vào cánh tay của chồng mình, và cả bà người cùng hồi hộp nín thở đứng ngắm ngọn lửa.

Ferguson mặt hớn hở, tay dang rộng, la lên:

- Nó thông khói rồi. Chu choa, nó thông khói rồi?

Nói xong anh ta bắt tay Ánh Sáng Ban Ngày một cách nồng nhiệt. Ánh Sáng Ban Ngày cũng bắt tay anh ta nồng nhiệt không kém. Rồi anh cúi xuống hôn môi Dede. Họ cảm thấy phấn khởi về thành công của tác phẩm bằng tay nhỏ mọn đó hết như một vị chỉ huy tài năng cảm thấy phấn khởi về một chiến công vang dội. Hình như Ferguson cảm động đến ứa nước mắt. Người phụ nữ lại dựa sát hơn nữa vào người đàn ông đã tự tay xây dựng chiếc lò sưởi này. Đột nhiên Ánh Sáng Ban Ngày bế bổng Dede trên tay mình rồi vừa quay vòng vòng lại gần chiếc dương cầm vừa la lên:

- Chơi một bản nhạc đi nào, Dede! Chơi bản Gloria đi nào! Chơi bản Gloria đi nào!

Rồi trong ánh sáng của ngọn lửa càng lúc càng bùng to trong chiếc lò sưởi, những giai điệu của bản *Thánh Lễ Thứ Mười Hai* đặc thảng vang lên.

PHẦN II - Chương 26

Ánh Sáng Ban Ngày đã không thể là sẽ chữa hẳn rượu, mặc dù trong nhiều tháng kể từ ngày anh quyết định để mặc cho việc làm ăn của mình sập tiệm anh không hề đụng đến giọt nào. Bây giờ anh đã tự chứng tỏ anh có thể uống một ly mà không thấy thêm uống thêm ly thứ hai nữa. Mặt khác từ khi về sống ở miền quê, anh không còn thấy rượu là cần thiết với anh nữa. Anh không còn thiết gì đến nó và còn quên hẳn là nó hiện hữu trên cõi đời này. Tuy vậy, anh không sợ rượu, và trong những dịp vào thành phố, nếu được người chủ quán mời uống anh thường đáp:

- Được thôi anh bạn, nếu việc tôi uống sẽ làm bạn vui thì tôi sẽ uống. Rót cho tôi *Whisky* đi.

Nhưng ly rượu đó không làm cho anh thấy thêm ly thứ hai nữa. Nó chẳng để lại cho anh một ấn tượng nào cả. Một chút rượu đó không ảnh hưởng gì đến một người quá khoẻ mạnh như anh.

Đúng như lời tiên đoán của anh trước kia với Dede, cái anh chàng Ánh Sáng Ban Ngày tài phiệt đã chết ngay khi đến căn trại, và người em trai của anh ta, cái anh chàng Ánh Sáng Ban Ngày vừa từ Alaska đến, đã thế vào chỗ trống đó. Cái khuynh hướng phát phì đã biến mất, và cái vẻ gầy gầy của thổ dân, cùng cái nhạy bén của cơ bắp ngày xưa đã trở lại. Má anh cũng tóp lại như trước, chứng tỏ một thể lực sung mãn. Toàn thể những nông dân vạm vỡ ở Thung lũng Sonoma đều phải công nhận anh là một kẻ có sức lực, có thể nhấc bổng những vật nặng nhất và làm việc không hề biết mệt. Cứ mỗi năm một lần, anh đón mừng sinh nhật của mình như hồi còn ở chốn biên thủy bằng cách mời mọi người trong thung lũng lên đồi đến căn trại của anh ở, rồi thách họ thử sức và quật cho họ ngã ngựa ra. Vào những dịp như vậy, một số lớn cư dân ở thung lũng nhận lời mời, và họ đem theo cả vợ con để cắm trại luôn thể.

Lúc đầu, mỗi khi cần tiền, anh theo gương Ferguson đi làm công nhật. Nhưng chẳng bao lâu anh đã chuyển sang làm một công việc hứng thú hơn và cho phép anh có nhiều thời gian rảnh rỗi để ở bên Dede, ở bên căn trại cũng như tha hồ cưỡi ngựa qua các vùng đồi. Có một lần tay thợ rèn vì muốn ghẹo anh chơi nên đã thách anh thuần hoá một con ngựa bất kham. Lần ấy anh thành công vang dội đến độ anh trở nên nổi tiếng là một tay

thuần hoá ngựa. Chẳng bao lâu sau, anh đã có thể kiếm đủ tiền để trang trải các thức cần dùng bằng cái nghề mà anh cho là rất thú vị này.

Một ông vua đường có một trại nuôi và huấn luyện ngựa giống ở Caliente cách đó ba dặm đã phải nhờ đến anh, và chưa đầy một năm ông ta đề nghị, Ánh Sáng Ban Ngày chỉ mỉm cười và lắc đầu.

Anh cũng không chịu thuần hoá tất cả số ngựa mà người ta nhờ. Anh thường bảo với Dede:

- Anh không muốn chết vì làm việc quá sức đâu! Anh chỉ nhận làm khi anh cần tiền mà thôi.

Một ít lâu sau, anh dựng hàng rào lập một trường huấn luyện ngựa trên cánh đồng cỏ của mình, và mỗi lần chỉ nhận thuần hoá một số ngựa hạn chế mà thôi. Anh thường nói với vợ:

- Chúng mình đã có căn trại và có nhau. Anh cùng em cưỡi ngựa đến Núi Mũ Trùm Đầu vào bất kỳ ngày nào hơn là kiếm được bốn mươi đô-la. Người ta đâu có thể dùng bốn mươi đô-la mà mua được những buổi hoàng hôn, những bà vợ đáng yêu những vốc nước suối mát lạnh, hoặc những vật dụng nhỏ nhất như thế. Mà cho dù có bốn mươi triệu đô-la đi chẳng nữa thì anh cũng không thể mua lại một ngày anh không cùng em cưỡi ngựa đến Núi Mũ Trùm Đầu được.

Đôi khi gặp lúc đẹp trời mà họ lại tích lũy được một ít tiền, họ thích lên ngựa, mang theo những thức cần dùng ở hai túi đeo bên mình ngựa, và phi ngựa vượt qua thung lũng màn đêm buông xuống, họ sẽ dừng chân ở một căn trại hoặc một khu làng nào đó thuận tiện để rồi sáng hôm sau lại tiếp tục cuộc hành trình bất định, cứ thế thúc ngựa về phía trước hết ngày này qua ngày khác cho đến khi hết tiền mới chịu trở về. Vào những dịp như thế, họ có thể rong ruổi quãng một tuần, hoặc mười ngày, hoặc hai tuần. Có lần họ đi suốt ba tuần liền.

Hai người còn dự định là một ngày nào đó khi họ khá giả - điều này họ cho là một sự đáng xấu hổ - họ sẽ làm một cuộc hành trình về tận quê nhà tuổi nhỏ Ánh Sáng Ban Ngày ở tận Đông Oregon, và đương nhiên trên đường đi sẽ ghé quê của Dede ở Siskiyou, nơi nàng đã sống hồi còn bé. Họ cảm thấy vui gấp ngàn lần mỗi khi nghĩ về những thú vui nhỏ nhất trong chuyến lãng du lớn mà họ dự kiến đó.

Một ngày kia, khi họ dừng chân tại bưu điện thung lũng thì nhận được tin của Slosson. Nhân viên bưu điện kể rằng: "Chiếc ô tô chở gã ghé tạt ngang đây trên đường đi Santa Rosa. Gã muốn tìm xem anh có ở đây không, nhưng mấy người bạn cũ của gã vội quá nên gã đành phải lên đường, chỉ nhờ tôi chuyển lời hỏi thăm, và nhờ tôi nhắn với anh rằng gã đã làm theo lời khuyên của anh và nhờ vậy đã liên tục phá được kỷ lục của chính mình".

Trước kia Ánh Sáng Ban Ngày đã có lần kể cho Dede nghe về chuyện này.

- Slosson à - Ánh Sáng Ban Ngày ngẫm nghĩ - Slosson nào vậy nhỉ? Hẳn phải là cái gã lực sĩ ném búa tạ rồi. Thằng nhãi đó đã đè tay tôi bẹp dí xuống mặt quầy đến những hai lần - Đột nhiên anh quay sang Dede - Này, Santa Rosa chỉ cách đây có mười hai dặm, mà ngựa của mình còn khỏe chán.

Nàng đoán ngay ra điều anh đang nghĩ trong đầu bởi vì cứ nhìn cặp mắt hấp háy, đôi môi mỉm cười bên lên như một đứa trẻ của anh thì cũng đủ biết rồi. Nàng mỉm cười và gật đầu ưng thuận.

- Chúng mình đi tắt qua Thung lũng Bennet. Như vậy gần hơn, - Ánh Sáng Ban Ngày nói.

Một khi họ đã đến Santa Rosa rồi thì việc tìm kiếm Slosson không có gì là khó cả. Anh ta và các bạn đã đăng ký phòng trọ tại khách sạn Oberlin. Khi Ánh Sáng Ban Ngày vào văn phòng của khách sạn, anh gặp đúng Slosson đang ở đó. Sau khi đã giới thiệu Dede, Ánh Sáng Ban Ngày tuyên bố.

- Anh bạn trẻ nghe đây. Tôi đến đây để thử sức với chú em một lần nữa đây. Chỗ này tiện chứ?

Slosson mỉm cười ưng thuận. Hai người đứng đối diện nhau, tay phải của họ tì trên mặt quầy và nắm chặt vào nhau. Ngay lập tức tay của Slosson bị đẩy ra sau và bị đè dí xuống mặt quầy.

- Anh là người đầu tiên làm được chuyện ấy đấy - Slosson nói - Ta thử một lần nữa nào.

- Được thôi, - Ánh Sáng Ban Ngày đáp - Nhưng chú em cũng đừng quên rằng lần đó chú em cũng là người đầu tiên gồng tay ăn tôi đấy. Thế

nên bây giờ tôi mới lặn lội đến đây tìm chú em để phục thù.

Tay họ lại nắm chặt lấy nhau, và tay của Slosson lại bị đè dí xuống mặt quày. Slosson là một kẻ khổng lồ có đôi vai bè bè, bắp thịt mạnh mẽ, cao hơn Ánh Sáng Ban Ngày ít nhất là nửa cái đầu nên khi thấy mình thua Ánh Sáng Ban Ngày anh ta lấy làm bức bối ra mặt và đề nghị thử sức lần thứ ba nữa. Lần này anh ta vận hết sức khiến cho cả người biến thành một khối thép. Trong một lúc hai người bất phân thắng bại. Anh ta nghiêng răng, mặt đỏ bừng, cố gắng đương cự lại sức mạnh của địch thủ, nhưng cơ bắp của anh chỉ chực đứt tung. Cuối cùng không thể chịu nổi nữa, anh ta thở hộc ra một hơi và buông tay rút phịch xuống mặt quày.

- Tôi chịu thua anh, - anh ta công nhận - Tôi chỉ còn nước mong là anh đừng bao giờ đi thi ném búa tạ thôi.

Ánh Sáng Ban Ngày phá lên cười và lắc đầu.

- Chúng ta có thể thoả thuận với nhau là mỗi người sẽ cứ tiếp tục nghề cũ của mình. Chú em cứ đi mà thi ném búa, còn tôi thì sẽ tiếp tục thi gồng tay mà thôi.

Nhưng Slosson không chịu thua. Khi Ánh Sáng Ban Ngày và Dede đã lên ngựa chuẩn bị đi, anh ta gọi với theo:

- Này, nếu năm sau tôi đến tìm anh thì có phiền gì không? Tôi muốn thử sức với anh một lần nữa.

- Được thôi chú bé ạ. Tôi lúc nào cũng sẵn sàng gồng tay với chú em. Nhưng tôi phải báo trước cho chú em hay là thắng được tôi cũng gay lắm đấy. Chú em phải rán mà luyện tập thêm, vì lúc này tôi hay cuộc đất, bỏ củi và huấn luyện ngựa chứng đấy.

Trên đường về nhà, lúc lúc Dede lại nghe ông chồng trẻ con khổng lồ của mình cười khăng khắc một cách vui vẻ. Khi họ dừng ngựa trên đỉnh vách núi ngăn phía bên kia thung lũng Bennet để ngắm cảnh trời chiều, Ánh Sáng Ban Ngày cho ngựa đứng song song với ngựa của Dede và vòng tay ôm lấy eo nàng.

- Này cô bé, - anh nói, - cũng nhờ cô mà anh được như thế. Tuy cô muốn nói gì thì nói, nhưng một cánh tay như vậy mà được ôm ngang eo một người phụ nữ nhỏ nhắn dịu dàng như thế này thì dù có bao nhiêu tiền cũng chẳng sung sướng bằng.

Đối với anh, trong số tất cả những niềm vui trong cuộc sống mái này, Dede là nguồn vui lớn nhất của anh. Anh đã nhiều lần nói với Dede, suốt đời anh lúc nào cũng chỉ sợ tình yêu, vậy mà cuối cùng anh nhận ra tình yêu chính là điều vĩ đại nhất trên cõi đời này. Hai người không những rất xứng đôi vừa lứa mà còn chọn được đất tốt cho tình yêu của họ ngày càng nảy nở khi đến sống trên căn tại này. Mặc dù nàng thích đọc sách và say mê âm nhạc, trong người nàng vẫn có vẻ giản dị lành mạnh và tình yêu thiên nhiên phóng khoáng, còn Ánh Sáng Ban Ngày là người yêu trời rộng trong từng đường gân thớ thịt.

Có một điều ở Dede mà không lúc nào anh hết ngạc nhiên, đó là đôi bàn tay khéo léo của nàng. Đó là đôi tay trước kia đã từng ghi những đoạn tốc ký như bay, đã gõ rào rào trên máy đánh chữ, đôi tay đã đủ sức điều khiển Bob, một con ngựa tuy dữ dằn nhưng thật là cừ; đôi tay ấy đã từng lướt trên những phím đàn dương cầm một cách tuyệt vời, thuần thục trong việc nội trợ, tuyệt vời như phép lạ khi ve vuốt, khi luồn qua mái tóc của anh. Tuy vậy, Ánh Sáng Ban Ngày cũng không mê vợ quá đáng. Anh vẫn sống như một người đàn ông, cũng như Dede sống như một người phụ nữ. Trong các công việc họ làm rõ ràng có sự phân công hợp lý, chỉ có điều là chúng đan quện với nhau làm một, cả hai cùng quan tâm đến nhau và vì nhau. Anh rất thích xem nàng nấu nướng hoặc chơi đàn, cũng như nàng thích thú theo dõi những lần anh thử nghiệm thứ gì mới trong khu vườn rau. Vì anh tuyệt nhiên không muốn chết lo làm việc quá sức nên anh cũng để ý giúp nàng tranh khỏi điều đó.

Chính vì thế mà sau khi đã suy đi nghĩ lại anh nhất quyết không cho phép nàng bận bịu vì lo cho khách khứa. Suốt trong mùa hè dài và ấm áp họ thường có khách, chủ yếu là khách của Dede từ thành phố đến. Anh để họ tự cắm trại, tự lo liệu tự nấu ăn lấy như những người cắm trại thực thụ. Có lẽ chỉ ở California, nơi mà mọi người đều quen với cuộc sống ngoài trời, cách xử sự của anh mới được chấp nhận. Anh nhất quyết không để vợ mình phải thủ vai bồi bếp, hầu bàn, hoặc bồi phòng chỉ vì nàng không có được một đội quân phục dịch trong nhà. Thường thì những vị khách này hay ở lại đêm ăn tối với họ ở trong căn phòng khách rộng lớn, nhưng vào những lúc như vậy Ánh Sáng Ban Ngày thường phân công cho những người khách ấy

và buộc họ phải thực hiện phần việc được giao chỉ những người nào ở lại một đêm thôi, hoặc cậu em của Dede lúc này đã ở Đức về và đã có thể ngồi trên lưng ngựa được, thì mới được đối xử khác. Mỗi lần cậu ấy về đây nghỉ dài ngày thì cậu ấy lại trở thành thành viên thứ ba của gia đình và được phân cho những công việc như nhóm lò quét nhà và rửa bát.

Ánh Sáng Ban Ngày luôn tìm cách làm nhẹ bớt công việc của Dede. Chính cậu em của nàng là người khuyến khích anh lợi dụng sức nước tuyệt vời trong căn trại lúc này đang để phí. Ánh Sáng Ban Ngày buộc phải nhận thêm ngựa về thuần hoá để có tiền mua vật liệu. Cậu em của Dede cũng bỏ ra ba tuần lễ để đến giúp và họ đã cùng nhau dựng lên hệ thống bánh xe quay nước kiểu Pelton. Ngoài việc dùng sức nước để cưa củi, chạy máy tiện và máy mài, Ánh Sáng Ban Ngày còn dùng sức nước để quay thùng đánh kem làm bơ. Nhưng thắng lợi lớn nhất của anh là việc anh đưa tay quảng quanh eo Dede để đưa nàng đi xem chiếc máy giặt hoạt động rất tốt nhờ chạy bằng sức nước.

Dede và Ferguson thay phiên nhau cố dạy Ánh Sáng Ban Ngày hiểu được thơ ca. Sau biết bao cố gắng nhần nại, họ mới khiến được anh vừa cho ngựa thông thả xuân núi xuyên qua những cánh rừng ngập hoa nắng vừa ngâm to bài thơ "*Tomlinson của Kipling*"(1), hoặc vừa mài rìu bên chiếc đá mài vừa ngâm nga bài "*Bài ca thanh kiếm*" của Henley(2). Không phải là anh có thể thưởng thức thi ca được như hai người thầy dạy của mình. Ngoài hai bài "*Fra Lippo Luppini*" và "*Caliban và Setebos*" của Browning(3) thì anh chẳng còn thấy nhà thơ này có gì hay nữa. Còn George Meredith(4) thì muôn đời anh chẳng hiểu được. Tuy nhiên, chính anh lại tự ý học chơi vĩ cầm và ráo riết tập dượt đến độ cuối cùng anh và Dede hàng đêm có thể hoà nhạc chung với nhau một cách vui vẻ.

Cuộc sống của cặp vợ chồng hoà thuận này cứ thế trôi qua êm ả. Không khi nào họ cảm thấy thời gian kéo lê một cách nặng nề. Đối với họ buổi sáng luôn mới mẻ tuyệt vời, còn buổi hoàng hôn luôn êm đềm dịu mát. Luôn luôn có cả ngàn chuyện Ánh Sáng Ban Ngày vui thích, và Dede cùng chia sẻ sự vui thích với anh. Ánh Sáng Ban Ngày đã hiểu được tính tương đối của mọi vật, mặc dù anh không hoàn toàn tự giác được điều này. Trong cuộc chơi mới này, anh đã tìm được trong những điều nhỏ nhất tất cả những

ham muốn và thoả mãn anh đã cảm thấy trước kia, khi anh còn là một thể lực điên cuồng có thể rung chuyển cả một nửa đại lục bằng những hoạt động bão táp của mình. Đối với anh, việc đem cả chân tay và khối óc, không kể đến an nguy của bản thân, để thuần hoá một con ngựa non bất kham để nó trở nên có ích cho loài người cũng là một thắng lợi to lớn không kém gì các thắng lợi ngày trước. Mà cuộc chơi mới này hoàn toàn trong sạch, không có nói dối, không có lừa đảo, không có đạo đức giả. Cuộc chơi mà trước kia anh đã tham dự chỉ đưa đến rửa nát và huỷ diệt, còn cuộc chơi mới này sẽ dẫn anh đến với sự sống mạnh mẽ trong sạch. Anh rất lấy làm bằng lòng khi được đứng bên Dede trong căn trại chênh vênh trên hẻm núi ngắm nhìn từng ngày, từng ngày trôi qua, hoặc được rong ngựa với nàng vào những buổi sáng giá lạnh dưới ánh nắng hè bóng bóng, hoặc được ngồi trong căn phòng lớn ấm áp bên ánh lửa bập bùng trong chiếc lò sưởi do chính tay anh xây dựng, trong khi ngoài trời ngọn bão đông nam đang rung chuyển vạn vật.

Có một lần Dede hỏi anh là có bao giờ anh cảm thấy hối hận không. Anh chỉ trả lời bằng cách ôm chặt nàng vào vòng tay mình và phủ kín đôi môi nàng bằng đôi môi mình. Sau đó anh mới trả lời:

- Cô bé ạ, cho dù anh phải trả ba mươi triệu đô-la để có cô bé thì đó vẫn là một cái giá rất hời - Rồi dừng một chút anh nói thêm - Đúng, anh cũng có một điều hối tiếc, một hối tiếc rất lớn là đấng khác. Anh chỉ muốn được chinh phục em thêm một lần nữa. Anh chỉ ước ao được hôn hít lang thang trong rừng đồi để ngắm em. Anh ước ao lại được đặt chân vào căn phòng của em ở Berkeley như cái lần đầu tiên ấy. Nói như thế nào cho em hiểu hết đây nhưng anh thực sự tiếc là sẽ chẳng bao giờ được ôm em vào vòng tay như cái lần em dựa đầu vào ngực anh lặng lẽ khóc giữa trời mưa gió ấy.

Chú thích:

(1) Kipling, Rudyard (1865-1936): nhà viết tiểu thuyết và nhà thơ Anh

(2) Henley Willlam Ernest (1849-1903): chủ bút và nhà văn Anh

(3) Browning Robert (1812-1889): nhà thơ Anh

(4) Meredith George (1828-1909): nhà viết tiểu thuyết và nhà thơ Anh

PHẦN II - Chương 27

Một năm nọ, vào một ngày đầu tháng Tư, Dede đang ngồi trên chiếc ghế có tay dựa kê ngoài hàng hiên khêu và lật vật, còn Ánh Sáng Ban Ngày thì đang cất tiếng đọc thơ cho nàng nghe. Trời đã về chiều, ánh mặt trời chói chan chiếu lên vạn vật xanh tươi. Dòng nước đang chảy trong những rãnh dẫn nước ngang dọc ở ngoài vườn rau. Chốc chốc Ánh Sáng Ban Ngày lại ngừng đọc để chạy ra đổi chiều dòng nước. Anh cũng lấy làm thích thú được chọc ghẹo quá mức, nàng cũng đỏ mặt tỏ vẻ bối rối hoặc phải nhả mặt trách yêu anh một câu.

Từ chỗ ngồi của mình, hai người có thể nhìn bao quát được cảnh vật xung quanh. Trước mắt họ Thung lũng Hằng Nga trải dài cong vút như một lưỡi đao, lúc lúc lại có những căn trại nổi lên xen giữa những cánh đồng cỏ xanh vàng và những vườn nho. Xa hơn nữa là vách thung lũng mà cả Ánh Sáng Ban Ngày lẫn Dede đều biết rõ rừng đường nhãn kẻ nứt, có một chỗ bị ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào có khu mỏ bị bỏ hoang từ lâu trắng toát chói lọi như một viên ngọc quý. Xích lại gần hơn một chút là khu đất huấn luyện ngựa nằm cạnh nhà kho. Con Mab đang ở trong khu đất đó lảng xảng lo lắng cho con ngựa non mà nó đã đẻ vào đầu mùa xuân vừa qua lúc này đang lót tót chạy quanh mẹ bằng đôi chân còn yếu.

Trời nắng dịu làm cho ngày trở thành lười lỉnh và dễ chịu. Ở phía sau nhà, trên sườn đồi cây cối um tùm vọng lại tiếng những con cun cút già đang gọi bầy con. Chim bồ câu cất tiếng gù giọng; còn trong cái chiều sâu xanh thẳm của hẻm núi lớn có tiếng chim câu rừng vọng lại nghe thê lương như tiếng ai than khóc. Một lần có tiếng mấy con gà mẹ đang kiếm ăn cục tác báo động và tiếng bầy gà con lúp xúp chạy đến núp dưới cánh mẹ, trong khi ít trên cao một con diều hâu vừa xuất hiện in cái bóng lượn lờ của nó trên mặt đất.

Có lẽ cảnh tượng ấy làm sống lại trong con Sói những kỷ niệm săn bắn ngày trước. Cũng có thể không hẳn là như vậy, nhưng cả Dede lẫn Ánh Sáng Ban Ngày bỗng nhận thấy có sự chộn rộn trong khu vực huấn luyện ngựa. Khi nhìn ra họ thấy tán bi kịch không mấy thú vị của những ngày đầu tạo thiên lập địa đang được diễn lại, tuy chẳng có gì đáng ngại cho lắm. Con chó sói đã được thuần hoá đang tìm cách tiến lại gần cái sinh vật bé nhỏ hấp dẫn mà con Mab vừa sinh ra. Chú chó có vẻ chăm chú đến lạ lùng, chân

như được lót nhưng bước đi lặng lẽ như một bóng ma, lúc lướt nhanh tới trước, lúc lại đi lom khom, rón rén. Còn con Mab, dường như các bản năng xa xưa của nó chợt sống lại đang run rẩy xoay mình vòng vòng đứng chắn cho con khỏi cái mối đe dọa là con chó sói mà ngay cả tổ tiên xa xưa của nó cũng đã biết sợ. Có một lần, con ngựa xoay mình cố đá con chó bằng chân sau, nhưng thường thì nó dùng chân trước để giáng vào mình chó hoặc đuổi tai há miệng lao đến cổ cắn gãy lưng con chó. Còn con chó vừa cụp tai khom mình vừa lướt tránh qua một bên để rồi lại vòng ra phía sau tấn công con ngựa non khiến cho mẹ nó lại phải thêm một phen hốt hoảng. Thấy Dede lộ vẻ lo lắng nên Ánh Sáng Ban Ngày vội cất tiếng đe con chó. Vừa nghe thấy tiếng anh, con Sói vội buông thông mình ra về thuần phục và lĩnh ngay ra phía sau căn nhà kho.

Sau đó một vài phút, Ánh Sáng Ban Ngày ngừng đọc thơ để ra đổi chiều nước trong khu vườn rau, anh nhận thấy nước đã ngừng chảy. Anh đi về nhà kho vác lên vai cái cuốc chim và cái xẻng, tay cầm thêm cái búa và cây mỏ lét rồi trở lại chỗ Dede đang ngồi dưới hàng hiên.

- Anh phải ra đào cái ống nước lên đây, - anh bảo nàng - Suốt mùa đông qua mình cứ sợ cái dốc đó bị sập. Bây giờ thì có lẽ nó đã sập xuống thật rồi!

Trong khi đi vòng ra sau nhà để đến con đường mòn dẫn xuống vách hẻm núi anh nói thêm:

- Này, em đừng đọc trước đấy nhé. Chờ anh về đã!

Đi được nửa con đường mòn thì anh đến chỗ cái dốc. Khối đất sụp cũng chẳng lớn lắm, chỉ độ vài tấn đất lẫn với đá vụn mà thôi. Nhưng vì rớt từ độ cao năm mươi mét xuống nên nó đã làm vỡ một đoạn nối của đường dẫn nước. Trước khi bắt tay vào việc dọn đất, anh nhìn lên đường đi của cái dốc lở. Dĩ nhiên anh nhìn bằng con mắt của một người thợ đào mỏ đã từng quen với đất, và đột nhiên anh nhìn thấy một cái gì đó khiến cho mắt anh phải hoảng hốt đến độ trong một lúc anh không dám nhìn xa hơn nữa.

- Ôi chao? - anh nói to - Cái gì thế này?

Rồi anh đưa mắt nhìn lên chỗ bờ đất dốc vừa mới lở từ bờ bên này qua bờ bên kia. Ở một đôi chỗ anh có thể thấy những cây mazanita còn cong queo bám rễ thật chênh vênh, nhưng nói chung, trừ cỏ dại ra, khu hẻm núi

đó không có cây cối nào khác mọc. Có nhiều dấu hiệu chứng tỏ mặt đất ở đó luôn luôn được bồi thêm bằng đất bị sói mòn theo nước mưa trôi từ trên mép hẻm núi xuống.

- Chắc chắn là phải có một mạch đá ngầm ở đó rồi - anh khề thốt lên.

Rồi cũng hết như bản năng sẵn bắt đã sống lại ở con Sói trong ngày hôm đó, trong anh lúc này bỗng trời dậy lòng khát khao tìm vàng cháy bỏng ngày trước. Bỏ cái búa và cái mỏ lết xuống đất, tay chỉ còn giữ lại cái cuốc và cái xẻng, anh lần theo bờ dốc lở leo lên cho đến khi tìm thấy một mạch đá tuy đã bị phủ kín gần hết nhưng vẫn còn để lộ ra một đường nét mờ. Mạch đá tuy gần như bị che khuất, nhưng đôi mắt được huấn luyện của Ánh Sáng Ban Ngày vẫn có thể đoán được mạch đá bị chôn sâu dưới đất có hình dạng ra sao. Anh dùng cuốc đào hết chỗ này đến chỗ khác dọc theo vách của mạch đá rồi dùng xẻng dọn sạch đất đá vờ vụn đi Anh dùng mắt quan sát những mẫu đá ở đây. Có vài chỗ đá mềm đến độ anh có thể bóp vụn nó trong tay mình. Xích lên phía trên quãng một chút nữa, anh lại dùng cuốc xẻng đào bới tiếp.

Lần này khi nhặt một mẫu đá lên và dùng tay cạo sạch lớp đất bám trên mặt đã để nhìn cho kỹ hơn, anh bỗng dựng đứng dậy, hợp một hơi không khí với vẻ khoái trá. Rồi như một chú hươu đang uống nước bên bờ một bờ hồ bỗng sực nhớ đến những kẻ thù có thể đang rình rập mình. Ánh Sáng Ban Ngày vội liếc nhanh xung quanh xem có cặp mắt nào đang quan sát mình không. Anh nhoẻn miệng cười thầm sự ngớ ngẩn của mình và cúi xuống tiếp tục xem xét mẫu đá. Một tia mặt trời chiếu xiên lên mặt đá làm hiện lên những đốm nhỏ lấp lánh mà anh nhận ra ngay là vàng.

- Vàng nằm dưới rễ cỏ cho đến mặt đá, - anh nói thẳng thốt rồi bỗng ném mạnh cái cuốc cho ngập vào mặt đất toi.

Anh như đang trải qua một cơn thoát xác. Chưa lít rượu cocktail nào có thể làm đôi má anh nóng bừng và cặp mắt anh bốc lửa nhiều như thế. Lúc anh tiếp tục đào, anh như bị cuốn đi bởi cái đam mê xưa cũ, cái đam mê đã chi phối hầu như toàn bộ cuộc đời anh. Anh như rơi vào trạng thái kích động điên rồ ngày càng mạnh mẽ. Anh đào bới như một kẻ điên cho đến lúc anh phải thở hồng hộc vì quá sức và mồ hôi rỏ giọt từ mặt anh xuống đất. Anh lại xem xét suốt từ mặt của bờ dốc đến tận vách bên kia của mạch đá

ngầm rồi vòng ngược trở lại. Đến đoạn giữa anh dùng cuốc đào sâu xuống xuyên qua lớp nham thạch trước kia nằm ở ngọn đồi phía trên sau bị mưa xói mòn nên trôi xuống chỗ này. Anh cứ đào sâu xuống cho đến khi đụng phải lớp thạch anh đã mục. Khi anh nhặt những miếng thạch anh này lên thì chúng vỡ vụn trong tay anh để lộ toàn vàng.

Có những lúc việc đào bới của anh chạm phải những bờ đất khiến chúng lở sụt xuống che khuất hẳn chỗ anh đang đào làm anh phải bắt đầu hì hục đào trở lại. Có một lần đất lở kéo anh tụt hẳn xuống triền hẻm núi sâu đến năm mươi foot. Nhưng anh liền gắng gượng trầy trật mò lên không kịp dừng lại để lấy hơi. Cuối cùng anh đào đến lớp thạch anh đã bị mục đến độ mềm như đất sét. Chính ở đây anh thấy vàng đọng lại nhiều hơn hết.

Thật đúng là một hầm vàng. Anh lại tiếp tục men theo vách đá ngầm mà đào tới một trăm foot và lui một trăm foot nữa. Anh còn trèo hẳn lên mép hẻm núi để quan sát đỉnh đồi xem còn chỗ nào có khả năng chứa nhiều vàng nữa không. Song anh quyết định chuyện đó để xem xét sau, còn bây giờ thì cứ trở lại chỗ đã tìm thấy vàng lúc này đã.

Anh cứ hì hục đào bới với tốc độ điên cuồng như thế cho đến lúc lưng anh đau như dằm và người hoàn toàn kiệt sức thì anh mới chịu ngừng tay. Ngay lúc đó anh ngẩn người ra vì nhặt được một miếng thạch anh còn chứa nhiều vàng hơn cả những miếng trước. Lúc còn lom khom đào bới mồ hôi trên trán anh đã vã ra nhỏ xuống đất. Bây giờ khi anh đứng thẳng dậy, mồ hôi chảy tràn vào mặt làm anh không còn thấy đường nữa. Anh đưa lưng bàn tay lau mắt rồi tiếp tục quan sát số lượng vàng trong chỗ thạch anh đó. Anh biết rằng cứ một tấn đất ở đây có khả năng chứa một một số vàng trị giá đến ba mươi ngàn, hoặc năm mươi ngàn đô-la, hoặc còn nhiều hơn nữa. Trong lúc anh vừa ngẩn nhìn cái màu vàng hấp dẫn đó, vừa thở hồng hộc và quệt mồ hôi trên trán, thì nhiều hình ảnh liên tiếp nhảy múa trong đầu anh. Anh tưởng tượng thấy một con đường phụ chạy từ thung lũng băng ngang những cánh đồng cỏ cao lên đến tận chỗ này. Rồi anh tưởng tượng là sẽ cho đắp những con dốc và xây hẳn một cái cầu bắc ngang hẻm núi đến nổi nó như thực sự hiện hữu trước mắt anh vậy. Phía bên kia hẻm núi là chỗ thuận lợi để dựng xưởng, Anh sẽ dựng nó đúng ngay chỗ đó. Anh cũng sẽ xây dựng luôn một chuỗi thùng treo lơ lửng trên dây cáp và được điều khiển

bằng trọng lực. Những chiếc thùng này sẽ tải quặng ngang qua hẻm núi đến tận chỗ những chiếc máy đập vụn thạch anh để lấy vàng. Cũng bằng tưởng tượng anh thấy toàn cảnh khu vực mỏ vàng hiện lên ngay trước mắt và ngay dưới chân anh - nào là hầm ngang hồ dọc, nào là các dãy hành lang và những chiếc cầu. Trong tai anh vang lên tiếng mìn phá đất, và vọng lại từ bên kia hẻm núi là những tiếng chày nghiền quặng cứ vang lên thành thịch. Bàn tay đang cầm miếng thạch anh của anh run lên bần bật và bụng dạ anh bỗng nao nao nhộn nhạo làm toàn thân anh rã rời. Tự nhiên anh thèm được uống rượu - một ly Whisky, một ly cocktail, hoặc bất cứ loại rượu gì cũng được, miễn là có rượu. Ngay lúc cơn thèm rượu đang cháy bỏng trong anh thì anh bỗng nghe thấy giọng của Dede mơ hồ vọng lại rồi rơi dần xuống đáy hẻm núi xanh um cây ở sâu tít dưới kia.

- Nào, chiếp, chiếp, chiếp chiếp, chiếp! Nào, chiếp, chiếp chiếp!

Anh chợt giật mình vì thấy thời gian đã qua quá mau. Lúc này Dede đã thôi không ngồi khâu dưới hiên nhà nữa mà đang cho gà ăn và chuẩn bị bữa cơm chiều. Chiều đã tắt. Ánh Sáng Ban Ngày không ngờ là mình đã bỏ đi lâu đến thế. Tiếng Dede gọi đàn gà lại vọng đến chỗ anh:

- Nào, chiếp, chiếp, chiếp, chiếp, chiếp... chiếp, chiếp, chiếp...

Dede thường gọi đàn gà theo cách đó - lần đầu năm tiếng, lần sau ba tiếng. Từ lâu anh đã để ý thấy điều đó. Từ những suy nghĩ này về nàng, trong đầu anh lại nảy lên những suy nghĩ khác khiến anh cảm thấy sợ hãi. Nỗi sợ hãi càng lúc càng lộ rõ ra trên nét mặt của anh, bởi vì anh chợt ý thức được là anh vừa suýt đánh mất nàng. Trong suốt những giờ đào bới điên cuồng vừa qua không lúc nào anh nghĩ đến nàng cả, ít nhất trong suốt khoảng thời gian đó anh đã đánh mất nàng rồi.

Anh quăng miếng thạch anh xuống đất, tụt xuống bờ dốc, rồi theo con đường mòn vừa chạy về vừa thở hồng hộc. Khi đến rìa khu đất trống gần nhà, anh chậm bước và bò đến một chỗ kín đáo để có thể quan sát mà không sợ bị phát hiện. Anh thấy Dede đang cho gà ăn, vừa cầm từng nắm thóc vung ra vừa cười như nắc nẻ khi thấy những điệu bộ buồn cười của đàn gà.

Khi nhìn thấy nàng, anh cảm thấy nỗi sợ hãi hoảng hốt lúc nãy dường như vơi đi được phần nào, và anh quay người chạy ngược trở lại con đường

mòn. Khi đến bờ dốc anh lại trèo lên. Nhưng lần này anh trèo cao hơn lần trước, mang theo cả cuốc lẫn xẻng. Anh lại điên cuồng đào bới, nhưng lần này mục đích của anh khác hẳn. Anh dùng cuốc phá rời những bờ đất đỏ một cách khéo léo để chúng vỡ ra tràn xuống phủ kín những chỗ mà anh đã đào bới để chôn đi cái kho tàng anh vừa khám phá ra. Anh còn vào rừng vác về từng ô lá rụng từ năm trước để rải lên bờ dốc. Nhưng sau đó anh cho rằng làm như thế vô ích nên anh lại leo lên tiếp tục phá đất cho đổ xuống chỗ anh đã đào bới cho đến khi không ai còn có thể phát hiện ra những vách đá ngầm nhô ra ấy nữa mới thôi.

Sau đó anh chữa lại đoạn ống nước bị vỡ, thu dọn hết dụng cụ, rồi trở lại con đường mòn. Anh bước đi một cách chậm chạp, cảm thấy hết sức mệt mỏi như một kẻ vừa trải qua một cơn khủng hoảng thật khủng khiếp. Sau khi đã cất dụng cụ xong, anh uống một ngụm nước lớn ở đường ống lúc này đã chảy lại, rồi ngồi xuống chiếc ghế dài kê ngoài cửa bếp. Dede đang đứng phía trong chuẩn bị bữa cơm chiều. Anh cảm thấy hết sức yên lòng khi nghe tiếng chân nàng đi lại. Như một người thợ lặn vừa trồi lên mặt biển khơi, anh căng ngực hít lấy hít để làn không khí thơm tho của vùng núi. Trong lúc anh như đang uống cái không khí đó vào người, anh đưa mắt ngắm bầu trời, ngắm mây bay, và ngắm cả cái thung lũng như thể anh cũng muốn nuốt chửng cả chúng vào người.

Dede vẫn chưa biết anh đã về. Lúc lúc anh lại quay đầu lên nhìn nàng, lên nhìn đôi bàn tay khéo léo tuyệt vời của nàng, lên nhìn mái tóc nâu màu đồng đỏ của nàng mà cứ mỗi lần nàng đi ngang qua ô cửa sổ có nắng rọi vào là lại sáng rực lên như lửa, lên nhìn thân hình của nàng, một thân hình mà đối với anh luôn luôn hứa hẹn những sự thân thương dịu ngọt đến kỳ lạ. Khi anh nghe tiếng chân nàng tiến về phía cửa bếp, anh quay đầu giả tảng như đang chăm chú ngắm nhìn về phía thung lũng. Ngay lúc ấy, anh chợt cảm thấy sướng ran lên như anh đã từng cảm thấy khi nàng đưa những ngón tay dịu dàng luôn nhẹ vào mái tóc anh.

- Em không biết anh đã về, - nàng nói - Hư hại nó nặng lắm không anh?

- Cũng khá nặng. Mà cũng chỉ vì cái bờ dốc đó mà ra cả, - anh trả lời, mắt vẫn ngó ra xa và sung sướng cảm nhận sự va chạm của bàn tay nàng -

Nặng hơn là anh tính nhiều. Em biết bây giờ anh đang tính gì không? Anh vừa nảy ra một kế hoạch. Anh sẽ mua bạch đàn về trồng trên khắp bờ dốc đó. Những cây bạch đàn sẽ giữ cho đất khỏi lở nữa. Anh sẽ trồng bạch đàn sát vào nhau như eo ấy, đến độ một con thỏ đói cũng khó lòng mà len qua được. Khi những cây bạch đàn đã bám rễ rồi thì trời cũng không thể làm lở đất ở đó được nữa.

- Ủa, bộ hỏng nặng đến mức đó cơ à?

Ánh Sáng Ban Ngày lắc đầu.

- Cũng chẳng có gì đâu. Nhưng có điều là anh không muốn bất kỳ một cái dốc lở nào hành xác anh nữa. Anh sẽ chốt chặt cái dốc đó xuống để nó sẽ tồn tại ở đó đến hàng triệu năm sau. Khi đến lúc hồi kèn tận thế vang lên, khi toàn bộ núi Sonoma và những ngọn núi khác sẽ biến mất, cái bờ dốc ấy vẫn còn đứng đó nhờ có những rễ cây giữ chặt nó lại.

Anh vòng tay ôm lấy nàng rồi kéo nàng ngồi xuống đầu gối anh.

- Nay cô bé, hửn khi đến sống ở đây cô bé phải nhớ nhiều thứ ở thành phố lắm - chẳng hạn như những buổi hoà nhạc, những buổi xem hát, và những thứ đại loại như vậy. Có bao giờ cô bé có ý muốn từ bỏ tất cả để trở về thành phố không?

Khi hỏi câu này, trong lòng anh cảm thấy hết sức lo lắng đến nỗi anh không dám nhìn vào mặt nàng. Khi nghe thấy nàng phá lên cười và lắc đầu mới cảm thấy yên lòng. Anh cũng nhận thấy cái sức trẻ trung không bao giờ cạn trong cái cười giòn tan như một cậu con trai thuở trước của nàng.

- Nghe này, - anh đột nhiên nói với vẻ dữ dằn - Em không được vớ vẩn đến gần cái bờ dốc đó chừng nào anh chưa trồng xong những cây bạch đàn lên chỗ đó. Nhớ chưa? Chỗ đó nguy hiểm lắm. Và anh thì không chịu đựng nổi nếu phải mất em.

Anh áp môi nàng vào môi anh, và hôn nàng một cách khao khát nồng nàn.

- Ôi anh yêu! - nàng thốt lên, trong giọng nói, nàng lộ rõ vẻ tự hào của nàng về anh và về chính cái nét quyến rũ của mình.

- Em nhìn kia mà xem, - Ánh Sáng Ban Ngày buông một cánh tay đang ôm Dede ra và khoát một vòng về hướng thung lũng và những dãy núi phía xa - Thung lũng Hằng Nga - cái tên nghe thật hay nhỉ. Em biết không, khi

anh ngấm nhìn toàn bộ quang cảnh ở đó và nghĩ về em và tất cả những ý nghĩa ẩn giấu trong tất cả điều đó, anh cảm thấy cổ họng mình như nghẹn lại và trong tim chất chứa biết bao điều mà anh không tìm lời để diễn tả được. Những lúc như vậy anh có cảm giác là mình phần nào đã hiểu được Browning và tất cả những thi sĩ viễn mơ khác. Em cứ nhìn núi Mũ Trùm Đầu, ngay chỗ mặt trời đang rọi vào kia mà xem. Chính ở dưới cái khe kia chúng mình đã tìm thấy dòng suối đầy em có nhớ không?

- Em còn nhớ là đêm đó mãi đến mười giờ đêm anh mới sực nhớ ra là chưa vắt sữa bò nữa cơ - Nàng cười phá lên - Còn bây giờ nếu anh cứ giữ em ngồi đây thì dám lại đến mười giờ đêm mình mới được ăn tối đây.

Cả hai người đứng dậy, Ánh Sáng Ban Ngày ra lấy cái xô treo trên một cái đinh chỗ cửa bếp. Anh ngừng lại thêm một lúc để ngấm nhìn cái thung lũng.

- Tuyệt diệu thật, - anh nói.

- Tuyệt diệu thật, - Dede nhại lại, rồi vừa bước qua cửa bếp nàng vừa cười phá lên một cách vui vẻ với anh, với chính nàng và với mọi thứ trên cõi đời này.

Còn Ánh Sáng Ban Ngày, hết như ông già mà có lần anh đã gặp, khoác trên tay cái xô đựng sữa, lưng thưng đi xuống đồi trong ráng chiều chói lọi.

Hết

22) Văn Phòng Âm Sát

Dịch giả: Đặng Thu Hương

Lời tựa của Nhà xuất bản

“Văn Phòng Âm Sát” là tác phẩm cuối cùng trong sự nghiệp văn học của Jack London - “Nhà văn vô sản đầu tiên của thế giới phương Tây, ngôi sao chổi rực sáng phía chân trời của thế kỷ XX” (Irving Stowe)

“Văn Phòng Âm Sát” là dấu tích cuối cùng trong đời nhà văn Mỹ tiền bộ này. Ông đã không sống cho đến ngày hoàn thành tác phẩm. Nhà văn Robert L. Fish đã dựa trên các ghi chú chi tiết của ông để viết nốt phần kết của câu chuyện. 47 năm sau ngày ông tự vẫn, tác phẩm này mới được ra mắt độc giả Mỹ. Chẳng bao lâu sau đó, nó đã được dựng thành phim, và đón nhận sự tán thưởng nhiệt liệt của khán giả khắp mọi nơi.

Độc giả có thể nhầm lẫn xếp “Văn Phòng Âm Sát” với các tiểu thuyết hình sự, giết người máu me hay súng ống giết gân vẫn xuất hiện nhan nhản trên thị trường sách báo Mỹ. Cuốn sách với cái tựa khá “kích động” này, tuy cũng chứa đựng các cảnh săn đuổi gay cấn và đấu trí phức tạp, thực sự chính là một tiểu thuyết Xã hội mang màu sắc Triết lý, trong đó có thể hiện tâm sự của chính tác giả.

“Văn Phòng Âm Sát” do Pazini - một thiên tài, một học giả uyên bác dựng nên, là một tổ chức hoạt động ngoài vòng Pháp luật, có khuynh hướng chống lại xã hội tư bản lúc bấy giờ. Các thuộc hạ trong tổ chức đều là những trí thức lỗi lạc, những nhà đạo đức nhiệt thành, những con người can đảm và rất đáng yêu. Dù có nhận tiền công sòng phẳng, Văn phòng âm sát không đơn thuần chỉ là một băng đảng thuê chém mướn. Pazini và các thuộc hạ của ông đều tin tưởng “Văn Phòng Âm Sát” là tổ chức của lẽ phải vì họ chỉ nhận thi hành các vụ ám sát được lương tâm đạo đức cho phép. Nạn nhân của họ có thể là bậc vua chúa hay hàng dân giả, nhưng nhất thiết phải là những kẻ đã từng gây tội ác: những tên nha cảnh sát dã man, những tên cai cường quyền, những tên lãnh đạo phản bội công đoàn, kẻ tàn bạo, kẻ cho vay lãi,... Pazini xem những hạng người đó như những mầm bệnh trong

xã hội cần phải được trừ khử để xã hội trở nên tốt đẹp hơn. *“Ông thủ tiêu chúng khỏi bộ máy xã hội đúng như nguyên tắc của các bác sĩ phẫu thuật cắt bỏ các mụn nhọt ung thư ra khỏi cơ thể”*.

Sự xuất hiện của Hall, đại diện cho một lực lượng tiên bộ khác trong xã hội Mỹ, đã thử thách lý tưởng của Pazini và giúp ông nhận thức được chân lý mới, chân lý ông đã nêu ra trong bức thư cuối đời mình: *“... Việc bảo vệ lẽ công bằng không thể tồn tại như mục tiêu hành động của một thiểu số chọn lọc nào đó.... sự cứu rỗi phải được phát sinh từ một nền đạo đức lớn hơn mọi nền đạo đức mà ta đã đưa ra. Sự cứu rỗi phải được phát sinh từ mạch luân lý không ngừng phát triển trong lòng chính bản thân nhân loại”*. Hiệp sĩ Pazini với con tuấn mã là “Văn Phòng Âm Sát” dù cố gắng thi hành nhiệm vụ trừ gian diệt bạo đến mức nào đi nữa thì cũng hoài công. Thủ tiêu những phần tử độc ác, xấu xa trong xã hội Tư bản chưa có nghĩa là đã thủ tiêu được nguồn gốc sâu sa sinh ra xã hội độc ác đó. Một xã hội công bằng, tốt đẹp chỉ có thể là kết quả của một phong trào cách mạng toàn dân, toàn nhân loại: Cuộc Cách mạng XHCN. Hoạt động của Văn phòng Âm sát nhằm thực hiện lẽ phải cuối cùng chỉ là một hành động tự phát. Nhận thức trên đã dẫn Pazini đến hành động tiêu diệt toàn bộ Văn phòng Âm sát và cả mạng sống của chính mình. Cái chết của Pazini ở cuối câu chuyện là cái chết của một người khao khát thực hiện lẽ công bằng trong một xã hội bất công, muốn thiết lập những lý tưởng đạo đức cao cả trong một xã hội đen tối, gian ác... nhưng thất vọng không tìm ra phương hướng đúng đắn.

Thất vọng của Pazini phải chăng cũng chính là nỗi thất vọng kín đáo của chính bản thân Jack London? Ông là người đã đọc các tác phẩm Cách mạng của Marx và Engels, và với bài giảng Cách mạng đã đi khắp các thành phố nước Mỹ ủng hộ nhân dân Nga, tỏ rõ niềm tin vào thắng lợi CM XHCN trên toàn thế giới. Nhưng cũng chính ông trong năm cuối đời mình, đã tỏ thái độ hoài nghi sự phát triển chậm chạp của giai cấp vô sản Mỹ bấy giờ và do đó từ bỏ Đảng Xã Hội vì: *“Đảng này thiếu lòng nhiệt thành và tính chiến đấu, vì Đảng này đã không quan tâm đến đấu tranh giai cấp..., vì toàn bộ trào lưu của CNXH ở nước Mỹ trong những năm qua là là một trào lưu chủ trương không đấu tranh và thỏa hiệp”*. Pazini sai lầm trong phương hướng thực hiện khát vọng về lẽ công bằng của mình và chọn lối thoát duy

nhất là cái chết, thì Jack London cũng đau khổ thấy mình bất lực trước hoàn cảnh xã hội Mỹ bấy giờ. Còn quá sớm để đưa ra một kết luận khẳng định, nhưng phải chăng có một dây liên hệ nào đó giữa vụ tự sát của Pazini trong tác phẩm dang dở “Văn Phòng Âm Sát” với vụ tự sát đêm 22-11-1916 trong đời thực.

Đưa “Văn Phòng Âm Sát” đến với độc giả, Nhà xuất bản chúng tôi chỉ mong giới thiệu thêm một tác phẩm nữa trong sự nghiệp văn học của Jack London, nhà văn vốn đã được độc giả nhiều nước và độc giả trong nước rất yêu mến, và một phần nào giúp độc giả hiểu thêm các mâu thuẫn trong xã hội tư bản Mỹ vào đầu thế kỷ XX.

Nhà xuất bản Trẻ 1987

Chương 1

Đó là một người đàn ông rất đẹp trai, với đôi mắt to đen lấp lánh, làn da màu ô liu sáng mượt mà, mịn êm như nhung và mái tóc quăn đen nhánh như mồi mọc bàn tay mon trón vuốt ve - nói tóm lại, đó là loại đàn ông phụ nữ thích chiêm ngưỡng, và cũng là loại đàn ông nhận thức rõ cái giá trị gợi cảm trong cái mã bề ngoài của mình. Với thân hình thon đẹp, cường tráng và đôi vai rộng, có một dáng điệu đàng hoàng, hãnh rất mạnh mẽ, tự tin và có phần kiêu hãnh, vẻ trầm tĩnh đó khó có thể nhận rõ hơn trong ánh mắt thông minh khi hắn liếc nhìn khắp phòng, và khi hắn quan sát gã người hầu giờ đang lui ra, người vừa đưa hắn vào khi này - đó là một gã vừa cầm vừa điếc, và ngay điều này thì với sự miêu tả của Lenigan về chuyến đi lần trước, hắn vẫn khó có thể dễ dàng đoán ra được.

Ngay sau khi gã người hầu vừa xoay lưng khép cửa phòng lại, người khách lạ khẽ chột rung mình. Tuy nhiên căn phòng tự nó chẳng có gì để làm người ta phải sợ hãi cả. Đó là một căn phòng yên tĩnh và trang nghiêm, chung quanh là những giá chật ních những sách, trên tường treo rải rác những bức tranh theo trường phái khắc kim và acid, ở một góc phòng là giá đựng bản đồ. Trên tường cũng có treo một cái hộp lớn đựng đầy những biểu đồ chỉ giờ xe lửa và tàu thủy chạy. Giữa hai cửa sổ là một bàn giấy rộng trên đó đặt một máy điện thoại và một máy đánh chữ. Tất cả mọi thứ đều được sắp xếp một cách rất thận trọng và tỉ mỉ, điều ấy biểu hiện thiên tài của vị chủ nhân - linh hồn của toàn bộ cơ quan.

Những quyển sách thu hút sự chú ý của người khách đang đợi. Hắn rảo bước qua những giá sách, đôi mắt kinh nghiệm của hắn lướt qua tất cả các tựa sách sắp trên từng hàng một. Cũng chẳng có gì đáng sợ trong những quyển sách bìa dày chắc chắn này. Hắn đặc biệt chú ý đến những quyển: “*Kịch phẩm của Ibsen*”, những vở kịch và tiểu thuyết đủ loại của Shaw, các tác phẩm in bằng giấy quý của Wilde, Smollett, Fielding, Sterne, “*Nghìn lẻ một đêm*”, “*Sự tiến hóa của tài sản*” - của La Fargue, “*Marx với sinh viên*”, “*Tiểu luận của nhóm xã hội Fabian*”, “*Sự ưu thế về kinh tế*” - của Brook, “*Bismarck và chủ nghĩa Xã hội Nhà nước*” - của Dawson, “*Nguồn cội của gia đình*” - của Engels, “*Hoa Kỳ ở phương Đông*” - của Conant, và “*Lao động có tổ chức*” của John Mitchell. Nằm riêng một góc giá sách là những tác phẩm nguyên bản tiếng Nga của Tolstoy, Gorki, Turgenev, Andreyev, Goncharov và Dostoyevski.

Hắn lững thững bước đến một chiếc bàn xếp đầy những chồng tạp chí và các bài phê bình mới nhất. Ở góc bàn có khoảng chục quyển tiểu thuyết vừa xuất bản. Hắn kéo một chiếc ghế dựa ra, ngồi duỗi chân, châm một điếu thuốc lá và nhìn qua những quyển tiểu thuyết. Một quyển sách mỏng bìa đỏ đập vào mắt hắn. Bìa quyển sách vẽ một người đàn bà trang phục lòe loẹt, đáng điệu ngổ ngáo. Hắn nhấc nó lên và đọc tựa sách: “*Bốn tuần: Một quyển sách kịch liệt*”. Khi hắn vừa mở sách ra, một tiếng nổ nhỏ nhưng chát chúa đột ngột phát ra từ trong lòng những trang giấy, theo sau đó là một chớp sáng và một làn khói phụt ra. Người hắn co rúm lại vì sợ hãi. Hắn rơi phịch xuống ghế, tay chân giơ cả lên trời, và hắn quăng bay quyển sách đi như kiểu một người vứt con rắn độc anh ta đã trót dại cầm lên. Người khách run lên bần bật. Làn da màu ô liu sáng đẹp của hắn biến ra xanh dần, trong khi đôi mắt đen trợn ngược lên vì sợ.

Chính khi đó cánh cửa của căn phòng phía trong bật mở, vị chủ nhân thiên tài bước vào. Một nụ cười lạnh như băng giá hiện trên khuôn mặt ông khi ông quan sát người khách thảm hại trong nỗi khiếp sợ hãi hùng. Ông cúi xuống nhặt quyển sách, mở rộng nó ra và chỉ cho người khách xem một bộ máy nhỏ như đồ chơi đã làm khâu súng giấy phát nổ.

Ông cười, giọng chế nhạo:

- Hèn gì những người như các anh lại buộc phải đến tìm tôi. Bọn khủng bố các anh thật khó hiểu. Tại sao cái điều quyền rũ các anh nhất lại chính là cái điều làm các anh khiếp sợ nhất? - Giọng ông nghiêm lại, đượm vẻ khinh bỉ - Thuốc súng, chính nó đấy. Giả sử anh có phát nổ khẩu súng đồ chơi đó trên cái lưỡi thịt của anh đi nữa thì nó cũng chỉ làm anh hơi ran rát khó chịu khi ăn, hay khi nói một lát mà thôi. Nào bây giờ nói đi. Anh muốn giết ai???

Chủ nhân là một sự tương phản hoàn toàn với người khách. Da ông màu vàng, một màu vàng rất hoe đến nỗi có thể miêu tả nó như màu vàng rửa nước. Đôi mắt ông với hai hàng lông mi, loại thật thanh thật mảnh trông hết như lông mi của người bạch tạng, có màu xanh nhạt nhất trong những màu xanh nhạt. Đầu ông đã hói một phần, phần còn lại mọc một lượt tóc thưa thưa, sợi cũng rất thanh và mảnh màu bạch kim trắng gần như tuyết, không hề đổi sắc bởi thời gian. Miệng ông tình cảm và kiên nghị, nhưng không khắc nghiệt, vầng trán cao rộng mênh mông của ông là biểu hiện hùng hồn của một bộ óc phi thường đằng sau nó. Ông nói tiếng Anh chính xác một cách đáng sợ, thứ Tiếng Anh trong đó hoàn toàn không thể phân biệt là có pha ảnh hưởng của giọng nào, lại hầu như tạo nên một bản sắc giọng riêng biệt. Mặc dù ban nãy ông đã thốt ra những lời trêu đùa ác ý, trông ông vẫn toát ra một vẻ gì đó hóm hỉnh. Vẻ đường hoàng trang trọng và u uẩn bộc lộ sự uyên bác thông thái là đặc trưng của ông, trong khi người ông tỏa ra một sự thỏa mãn về quyền lực và ẩn chứa những tư tưởng triết lý thâm thúy vượt xa hẳn những cuốn sách giả tạo và những khẩu súng lục đồ chơi. Cá tính của ông quá khó hiểu, vẻ bề ngoài của ông quá nhạt nhẽo, và gương mặt mịn màng hầu như không có một nếp nhăn nào làm người ta rất khó đoán được tuổi ông là bao nhiêu, ông có thể trong độ từ 30 - 50, hay cũng có thể là 60. Người ta có cảm giác ông trẻ hơn tuổi.

- Ông là Carlos Pazini? - Người khách hỏi

- Đó là tên người ta gọi tôi. Nó cũng được việc như bất kỳ cái tên nào khác, cũng được việc như cái tên Will Hausmann anh từng mang. Tôi biết anh. Anh là bí thư của nhóm Caroline Warfield. Tôi đã từng giao dịch với nhóm anh trước đây. Nếu tôi không lầm, lần trước Lanigan đại diện cho anh thì phải?

Ông ngừng lại, đội một cái mũ chồm lên mái tóc thưa rồi ngồi xuống.

- Hy vọng anh không có gì để than phiền chứ? - Ông nói một cách lạnh lùng.

-Ồ không, không có gì để than phiền cả, - Hausmann vội vàng trấn an ông - vụ đó hoàn toàn êm đẹp cả. Lý do duy nhất làm cho chúng tôi không đến ông nữa là vì chúng tôi không có đủ tiền. Còn bây giờ chúng tôi muốn thủ tiêu McDuffy, tên Trưởng nha Cảnh sát.

- À, tôi có biết hắn - Người kia ngắt lời.

- Tên đó là đồ súc sinh - Hausmann vội vàng tiếp tục, giọng càng lúc càng gay gắt giận dữ - y đã không ngừng hủy hoại sự nghiệp của chúng tôi, và cướp mất của chúng tôi những nhân tài chọn lọc nhất. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần cảnh cáo, y lưu đày Tawney, Cicerole và Gluck. Y liên tiếp phá vỡ những cuộc họp của chúng tôi. Bọn sĩ quan của y nện dùi cui và đánh đập chúng tôi như đánh đập thú vật. Cũng chính do y mà bốn đồng chí trung kiên của chúng tôi giờ đang chịu cực hình trong lao tù.

Trong khi hắn tiếp tục kể lể những nỗi đau khổ khác nữa, Pazini khẽ gật đầu một cách trang nghiêm như thể đang ghi lại một bản tường thuật sống động.

- Có một đồng chí già tên Sanger, 72 tuổi, một bậc trưởng lão cao niên, một con người cao quý và trong sạch nhất trong xã hội văn minh ô nhiễm này. Ông già sức đã kiệt, giờ đang nằm chết dần chết mòn với bạn tù mười năm ở Sing Sing ngay trên mảnh đất tự do này. Mà vì tội gì cơ chứ??? - Hắn hét lên một cách cuồng nhiệt - Và rồi giọng hắn chùng xuống một khoảng không tuyệt vọng khi hắn yếu ớt trả lời câu hỏi của chính mình - Chẳng có tội gì cả!!!

- Phải dạy cho lũ chó săn của luật pháp đó thêm một bài học thích đáng nữa. Chúng nó không thể tiếp tục tự do hành hạ chúng tôi mãi thế được! Tội sĩ quan của tên McDuffy khi làm nhân chứng đã khai man trước Tòa. Chúng tôi biết rõ mà. Nó đã thọ quá lâu rồi. Giờ lâm chung của nó đã đến. Và đáng lẽ ra nó phải chết từ lâu rồi mới phải, âu cũng chỉ vì chúng tôi không góp nhặt đủ tiền. Nhưng khi chúng tôi quyết định rằng tiền thuê người ám sát còn rẻ hơn tiền thuê luật sư, chúng tôi đành để cho những

đồng chí đáng thương ngồi tù không có ai biện hộ, và tích cực đi gom góp tiền bạc.

- Anh biết nguyên tắc của chúng tôi là không bao giờ thực hiện một vụ giết người nào cho đến khi chúng tôi nắm chắc rằng vụ giết người đó là chính đáng về mặt đạo đức - Pazini trình bày một cách nhẹ nhàng.

Hausmann giận giữ cắt ngang:

- Tôi biết chứ

- Nhưng trong trường hợp này - Pazini tiếp tục một cách bình tĩnh và vô tư - chỉ có một vướng mắc nhỏ là không biết sự nghiệp của các anh có chính nghĩa hay không? McDuffy chết có vẻ đúng và có lợi cho xã hội. Tôi biết hấn và những gì hấn đã làm. Anh yên tâm, qua điều tra tôi tin rằng chúng tôi có thể kết luận chắc chắn như vậy. Còn bây giờ vấn đề tiền công.

- Nhưng nếu ông nhận thấy cái chết của McDuffy là không chính đáng về mặt đạo đức???

- Tiền công sẽ được hoàn lại cho anh, trừ đi 10% trả cho chi phí điều tra. Đó là luật lệ của chúng tôi.

Hausmann rút ra khỏi túi một ví tiền dày cộp rồi lưỡng lự:

- Có cần trả hết một lần không?

- Đương nhiên, anh hiểu điều kiện của chúng tôi chứ? - Trong giọng nói của Pazini có phảng phất một sự trách cứ.

- Nhưng tôi nghĩ... Tôi hy vọng... Ông biết rõ những người vô chính phủ như chúng tôi rất nghèo tiền bạc.

- Đó là lý do tại sao tôi đòi một giá rẻ như vậy. Giết một Trưởng nha Cảnh sát của một thành phố lớn với giá 10.000\$ (đô-la) đâu phải là quá đắt. Hãy tin tôi đi, nó chỉ vừa đủ để trả các chi phí mà thôi. Tiền công giết các nhân vật riêng biệt còn đắt hơn nhiều. Giả sử các anh không phải một nhóm đấu tranh nghèo mà là một triệu phú chẳng hạn, tôi sẽ đòi tiền công giết McDuffy mức tối thiểu là 50.000\$.

Hấn la lên:

- Trời đất ơi! Thế giết một ông vua ông sẽ đòi bao nhiêu???

- Cũng còn tùy. Một ông vua, vua nước Anh chẳng hạn, giá nửa triệu. Những ông vua nhỏ loại thứ 2 hay thứ 3, giá vào khoảng 75 nghìn đến 100 nghìn đô-la.

Hausmann lâu bầu:

- Tôi không ngờ giá lại cao đến như vậy!!!

- Điều đó giải thích tại sao rất ít người bị giết. Và anh đừng quên những khoản chi phí nặng nề để trang trải cho tổ chức hoàn thiện mà tôi đã dựng lên. Chỉ nội khoản chi phí đi đường cũng đã lớn hơn anh tưởng tượng nhiều. Cộng sự của tôi rất nhiều, và chắc anh không nghĩ rằng họ hy sinh mạng sống của mình và giết người chỉ để vui đùa. Và nhớ việc này, chúng tôi hoàn thành tất cả mọi công việc mà không hề gây một tí nguy hiểm nào cho khách hàng. Nếu anh nghĩ 10.000 đô-la cho mạng McDuffy quá đắt, thử hỏi anh có đánh giá mạng anh rẻ hơn không? Ngoài ra, bọn vô chính phủ các anh hoạt động rất tồi. Mỗi khi các anh định làm một vụ gì đó, nếu các anh không làm hỏng việc thì cũng dễ cho bị bắt. Hơn thế nữa, các anh luôn chủ trương sử dụng mìn hay chất nổ, mà dùng những thứ đó thì cực kỳ nguy hiểm.

Hausmann giải thích:

- Chúng tôi cần phải tạo cho những vụ xử tử một tiếng vang nhằm gây chấn động trong dư luận.

Ông Xếp của Văn phòng Âm sát gật đầu.

- Đúng, tôi hiểu. Nhưng đó là cách giết người rất ngu xuẩn và thô bạo. Do đó, như tôi đã trình bày, sẽ cực kỳ nguy hiểm cho các cộng sự của tôi. Bây giờ, nếu nhóm của các anh cho tôi sử dụng một thứ khác, thuốc độc chẳng hạn, tôi sẽ bớt hẳn 10%, và nếu là súng hãm thanh, bớt 25%.

- Không thể được - Tên vô chính phủ đó la lên - Nó không phù hợp chủ trương của chúng tôi. Vụ xử tử phải thật đầm máu.

- Trong trường hợp như vậy, tôi không thể giảm giá cho anh được. Anh là người Mỹ, phải không anh Hausmann?

- Phải, người Mỹ, sinh ở bên kia Saint Joseph - Michigan.

- Tại sao anh không tự tay giết McDuffy, như thế nhóm của anh sẽ đỡ tốn kém tiền bạc?

Tên vô chính phủ xám xanh cả mặt.

- Không, không. Văn phòng của ông làm việc vô cùng, vô cùng tuyệt hảo, ông Pazini ạ. Mà tôi cũng có cái tính... À! Cái tính hơi rụt rè e ngại về chuyện giết người hay đổ máu. Cái tính, ông hiểu cho, của riêng cá nhân tôi

thôi. Đối với tôi việc đó thật gớm ghiếc. Về mặt lý luận mà nói, tôi có thể công nhận việc giết một người nào đó là chính đáng, nhưng trong thực tế tôi không thể cho phép mình làm điều đó. Tôi - đơn giản là tôi không giết người được - tất cả là... là như vậy. Tôi không thể làm khác được. Tay tôi chưa hề giết một con ruồi.

- Vậy mà anh lại tham gia một nhóm bạo động?

- Tôi biết. Lý trí buộc tôi phải tham gia. Tôi không thể tham gia tổ chức của những tên nhu nhược, triết lý lảm cẩm. Tôi không giống như những tên trong nhóm Martha Brown chẳng hạn, tin vào triết lý: *“Người ta tát mình má này, mình chia má kia ra”*. Nếu người ta đánh tôi, tôi phải đánh trả lại.

- Ngay cả bằng cách ủy nhiệm - Pazini lạnh lùng cắt ngang.

- Đành phải ủy nhiệm vậy. Vì chân tay tôi yếu đuối nên chẳng còn cách nào khác. Tiền đây.

Trong khi Pazini đếm tiền, Hausmann cố gắng mặc cả một lần cuối cùng.

- Mười ngàn đô không thiếu một xu. Lấy đi và xin nhớ rằng đó là tiền có được từ sự cống hiến hy sinh của mấy chục đồng chí của chúng tôi đã vất vả lắm mới xoay sở được số tiền đóng góp nặng nề mà chúng tôi đòi hỏi. Ông có thể... ừm.... ừm... Ông có thể tính luôn gã thanh tra Morgan vào đó luôn được không? Gã cũng là một con thú ghê tởm.

- Không, không thể được. Các anh là những người đã được hưởng giảm giá nhiều nhất từ trước đến nay đó.

- Một quả bom thôi, ông biết mà - Hấn nài nỉ - Ông có thể giết hai tên đó với một quả bom thôi.

- Tôi sẽ rất thận trọng không làm như vậy. Đương nhiên là chúng tôi sẽ phải điều tra tên McDuffy. Tất cả những vụ giết người của chúng tôi đều đòi hỏi phải được lương tâm cho phép. Nếu chúng tôi xét thấy việc giết ông ta về mặt đạo đức là chính đáng...

Hausmann bần chồn chen lời:

- Mười ngàn đô sẽ ra sao???

- Số tiền sẽ được hoàn lại cho anh, trừ đi 10 % chi phí điều tra.

- Còn nếu như ông thất bại.

- Nếu cho đến cuối năm chúng tôi vẫn không giết được hắn, số tiền cũng sẽ được hoàn lại cho ông, cộng với 5% tiền lời.

Pazini nhấn nút gọi và đứng dậy, ý nói cuộc trao đổi đã đến lúc chấm dứt. Hausmann cũng đứng dậy theo, và lợi dụng thời gian khi gã người hầu chưa ra, hắn hỏi ông thêm một câu nữa.

- Nhưng giả sử ông chết vì tai nạn, bệnh tật, hay một nguyên nhân bất kỳ nào. Tôi không có lấy một mảnh giấy biện nhận. Khi đó tiền tôi sẽ mất.

- Mọi việc sẽ được sắp xếp ổn cả. Khi ấy trưởng nhóm của nhánh Chicago sẽ lập tức chịu trách nhiệm điều hành công việc cho đến khi trưởng nhóm nhánh San Francisco đến. Một trường hợp như thế mới xảy ra năm ngoái. Anh nhớ tên Burgess không?

- Burgess nào?

- Vua đường sắt. Một cộng sự của chúng tôi lo việc đó, làm hợp đồng và nhận tiền công trước như thường lệ. Dĩ nhiên điều kiện về lương tâm và đạo đức đã được thỏa mãn. Và rồi hai sự kiện xảy ra. Burgess chết trong một tai nạn xe lửa và cộng sự của chúng tôi chết vì sung phổi. Tuy vậy chúng tôi cũng hoàn trả tiền công lại. Chính tôi giám sát việc hoàn tiền đó, mặc dù theo đúng luật, chẳng ai có thể buộc tội tôi phải trả lại cả. Sự thành công lâu năm của chúng tôi đã chứng tỏ sự tín nhiệm của khách hàng đối với Văn phòng. Hãy tin tôi, mặc dù chúng tôi hoạt động ngoài vòng pháp luật, nguyên tắc tối cao của chúng tôi là tuyệt đối trung thực. Nếu không chúng tôi sẽ không thể tồn tại. Còn bây giờ, nói về tên McDuffy...

Ngay khi ấy gã người hầu bước vào, và Hausmann đưa tay ra dấu im lặng. Pazini mỉm cười.

- Hắn không nghe được gì đâu.

- Nhưng ông vừa mới bấm chuông gọi hắn thôi. Và trời ạ, hắn mở cửa cho tôi khi tôi bấm chuông mà.

- Chuông cho hắn là đèn hiệu. Thay thế cho tiếng chuông reo là một nút điện lóe lên. Cả đời hắn chưa nghe thấy một âm thanh nào. Nếu hắn không nhìn vào môi anh mấp máy thì hắn sẽ chẳng hiểu anh nói gì. Bây giờ trở lại chuyện McDuffy, anh đã suy nghĩ kỹ về việc trừ khử hắn chưa? Nhớ rằng đối với chúng tôi, lệnh giết người ban xuống là phải thi hành. Bằng ngược lại, mọi công việc sẽ hỏng cả. Chúng tôi có luật lệ của chúng tôi.

Mệnh lệnh đã ban ra, không bao giờ có thể thu hồi được. Anh hài lòng rồi chứ?

- Rất hài lòng! - Hausmann dừng lại ở cửa - Khi nào thì chúng tôi có thể biết tin về... hành động?

Pazini suy nghĩ một lát.

- Trong vòng một tuần. Trong trường hợp này, việc điều tra chỉ là vấn đề thủ tục mà thôi. Việc kết liễu hẳn vô cùng đơn giản. Tôi sẽ phái người của tôi đến hiện trường. Chào anh!

Chương 2

Buổi chiều một tuần lễ sau đó, một chiếc xe bóng nhoáng đậu bên ngoài tòa cao ốc đồ sộ của công ty xuất nhập khẩu Ý Antonio Brosi. Đúng 3h, Antonio Barosi rời khỏi văn phòng riêng ra xe. Viên giám đốc công ty tiễn ông ra tận xe và lắng nghe những chỉ thị của ông. Nếu Hausmann và Lanigan có nhìn thấy ông lúc này đây khi ông leo lên xe, họ có thể nhận dạng được ông ngay lập tức, nhưng không phải dưới cái tên Antonio Barosi. Giả sử ai đó hỏi họ, và giả sử họ trả lời, họ sẽ gọi ông là Carlos Pazini.

Người đàn ông đó chính là Carlos Pazini. Ông lái xe xuôi về khu Nam của thành phố rồi rẽ xuống mạn khu Đông sầm uất. Một cậu bé bán báo dạo gào lên: “Báo đây, báo đây. Tin đặc biệt đây”. Ông dừng xe lại và đón mua một tờ. Ông đọc cho đến hết những tit lớn và bài tường thuật ngắn về vụ bạo loạn vừa xảy ra của tổ chức phi chính phủ ở thành phố lân cận, về cái chết của Trưởng nha Cảnh sát McDuffy rồi mới nổ máy chạy tiếp. Khi ông đặt tờ báo xuống và tiếp tục cuộc hành trình, gương mặt ông ngời sáng vẻ tự hào, mãn nguyện. Tổ chức do ông thành lập đang hoạt động, và lần này đã hoạt động vô cùng hữu hiệu như mọi lần trước. Cuộc điều tra được tiến hành - trong vụ này hầu như chỉ điều tra chiếu lệ mà thôi - lệnh giết được ban ra, và thế là mạng tên McDuffy được kết liễu. Ông khẽ mỉm cười khi cho xe lui đến trước tòa chung cư hiện đại nằm tiếp cận một trong những khu ổ chuột xô bồ nhất ở khu Đông. Nhóm Caroline Warfield - Ông nghĩ - giờ này chắc phải đang ăn mừng. Cái bọn khùng bố mà gan thỏ đế không có đủ can đảm giết người!

Antonio đi thang máy lên tầng cao nhất, bấm nút phòng và một thiếu nữ trẻ ra đón ông. Cô vòng hai tay ôm cổ ông, hôn và rót vào tai ông hàng

bao nhiêu lời âu yếm yêu thương bằng tiếng Ý. Và ông trù mẩn gọi cô là Rita.

Cô đưa ông vào một căn phòng đầy đủ tiện nghi, thiết kế tuyệt hảo và vô cùng lịch sự đối với một căn hộ ở khu Đông. Cách bày biện đồ đạc và trang trí nội thất toát lên sự giản dị thanh khiết, trang nhã và sành điệu. Quanh phòng là vô số tủ sách, một chiếc bàn đầy những tạp chí và ở góc kia là một chiếc đàn dương cầm cỡ lớn. Rita là một cô gái Ý tóc vàng, màu vàng hoe đẹp khác hẳn với mái tóc của Antonio.

- Đáng lẽ bác phải điện thoại cho con biết trước chứ - Cô trách yêu bằng thứ tiếng Anh rất nhẹ, cũng giống như thứ tiếng Anh của ông - Con có thể đi đâu chơi thì sao. Bác thật là bất thường, con chẳng bao giờ biết khi nào bác đến cả.

Buông tờ báo buổi chiều xuống bên cạnh, ông ngả lưng xuống mấy chiếc nệm bông trên chiếc xa-lông cạnh cửa sổ.

- À, Rita thân yêu này, con không nên mắng mỏ bác như thế - Ông trách cứ và nhún cô tràn đầy thương mến - Bác có phải là các cô giữ trẻ khốn khổ của con đâu, và bác sẽ chẳng để con điều khiển bác, dù là chỉ ra lệnh khi nào khi nào cần rửa mặt hay hỉ mũi. Bác đến xem con có nhà không, nhưng chủ yếu để chạy thử chiếc xe mới. Con có muốn đi thử xe một vòng không nào?

Cô gái lắc đầu.

- Chiều nay không được bác à, con có khách lúc 4h.

- Bác sẽ nhớ đến giờ hẹn của con - Ông xem đồng hồ - À, mà bác muốn đến hỏi xem con có về nhà cuối tuần này không? Cả bác lẫn con đều không về thì ở Edge Moor sẽ hiu quạnh lắm!

- Con mới ở đằng đó cách đây ba hôm mà - Cô phụng phịu - Grosset kể rằng cả tháng rồi mà bác chưa về.

- Bác bận quá. Nhưng bác sẽ nghỉ xả hơi một tuần và tha hồ đọc sách. Thế nhưng tại sao Grosset lại phải kể lể với con là bác đã không về đó một tháng nay, nếu chẳng phải vì con cũng đã không về?

- Ôi, bác điều tra con đấy à, con bận, bận lắm, cũng như bác ấy mà - Cô cười ròn rã và chồm người sang vuốt ve bàn tay ông.

- Cuối tuần con về không?

- Giờ mới thứ Hai mà bác - Cô suy nghĩ... - Vâng, con sẽ về, nếu... - Cô ngưng lại, giọng tinh nghịch... - Nếu con được phép mời một người bạn về nhà chơi. Con biết chắc bác sẽ thích anh ấy.

- À, hóa ra là thế. Anh chàng của con đây à? Chắc lại là một trong những nhà xã hội tóc dài chứ gì!

- Không phải, anh này khác hẳn bác à. Nhưng, bác yêu quý này, bác hẳn phải biết nhiều chuyện để kể hơn là lặp đi lặp lại những lời bông đùa như vậy chứ. Con cả đời chưa nhìn thấy một nhà xã hội tóc dài nào. Bác có thấy chưa?

- Chưa. Nhưng bác có nhìn thấy họ uống bia - Ông nói giọng chắc nịch.

- Con phải phạt bác mới được - Cô nhặt một cái nệm bông và tiến đến ông một cách đe dọa - Con sẽ làm như mấy cô dạy trẻ của con thường đe - “Cô sẽ đánh đòn em cho mà xem!” - Bác xem này, này, này...

- Rita! Bác phản đối. - Ông vừa càu nhàu, vừa thở hỏn hển đổ chiếc nệm bông giáng xuống - Chẳng đúng chút nào, chẳng ra thể thống nào cả. Ai lại đi đối xử với bác như thế. Bác già rồi mà.

- Rõ vớ vẩn! - Rita nhanh nhẩu ngăn không cho ông nói tiếp và quăng chiếc nệm bông đi. - Cô cầm tay ông lên, xem xét những ngón tay - Con đã nhìn thấy những ngón tay này xé cả bộ bài làm hai và bẻ cong những đồng xu.

- Đó là chuyện ngày xưa con ạ. Bây giờ tay bác... yếu lắm.

Ông để những ngón tay của mình nằm im lìm mềm xiu trong tay cô, và điều này chỉ làm cô thêm tức giận. - Cô đặt tay lên bắp tay của ông và ra lệnh - Bác gồng lên đi

- Bác, bác không thể gồng được - Ông lấp bắp - Ôi, ôi chao ôi! Đây, gồng thế này là hết sức bác rồi đây! - Ông cố gắng một cách yếu đuối - Thật bác bắt đầu nhão rồi con ạ, gân cốt lỏng lẻo cả vì tuổi già sông sộc kéo tới...

- Bác gồng đi! - Cô la lên, vừa la vừa giậm chân đùng đùng.

Barosi chịu thua và chiều ý cô. Khi bắp tay ông nổi lên cuộn cuộn dưới tay cô, mắt cô ngời lên vẻ thần phục.

- Cứng như thép - Cô lẩm bẩm - chỉ khác rằng đây là thép sống. Thật là tuyệt vời. Bác mạnh kinh khủng thật. Bác mà đánh đòn chắc con chết mất thôi!

- Con nhớ - Ông đáp - và phải công nhận rằng khi con còn bé, bác chưa hề đánh con, thậm chí khi con rất hư đi nữa.

- Vâng, con nhớ. Nhưng bác này, hẳn vì lương tâm bác không cho phép bác đánh con chứ gì?

- Đúng như vậy, nhưng cũng có khi lương tâm bác bị chao đảo, mà đó là do lỗi tại con quá quắt lắm. Thường là vào dạo con từ 3 đến 6 tuổi. Rita thương yêu của bác này, bác không muốn làm con giận, nhưng thực sự mà nói, con là một con bé rất hung tợn, dã man, hoang dại, con giống như một con thú dữ, một con... quý nhỏ, một con sói cái không biết phải trái, không biết cư xử, một con...

Nhưng Rita đã đưa chiếc nệm lên đe dọa làm ông phải ngừng lại và đưa vong hai tay che lấy đầu.

- Thấy chưa! - Ông la lên - Sự khác biệt duy nhất mà bác nhận thấy giữa con hồi đó và con bây giờ là con đã thành một con thú trưởng thành. Con thú ý thức về sức mạnh của mình, và đang bắt đầu sử dụng sức mạnh đó với bác. Nhưng cũng chưa muộn đâu. Nếu lần tới con lại quất bác như thế này, bác nhất định sẽ đét đít con, dù là con đã trở thành một thiếu nữ, một thiếu nữ đầy đà đi nữa.

- Ôi, ông bác tàn nhẫn. Con đâu có thế! - Cô đập thẳng tay

- Hãy nhìn đây này. Con sờ thử coi. Toàn bắp thịt cả. Bác nặng gần 60 ki-lô. Con có chịu thôi chưa nào?

Cái đệm bông lại phủ tới tấp lên người ông, và ngay đang khi ông đang vùng vẫy bảo vệ mình, vừa cười vừa cẩn thận, vừa tránh né vừa vung tay che đầu thì cô người hầu bước vào, tay xách một ấm nước sa-mô-va. Rita ngừng lại để pha trà.

- Một trong những cô dạy trẻ của con đây phải không? - Ông hỏi khi cô người hầu lui ra.

Rita khẽ gật đầu.

Ông nhận xét - Cô ta trông đang hoàng đấy chứ. Gương mặt cô ta thật là thanh khiết.

- Đừng làm con phồng mũi lên vì sự nghiệp của con - Cô mỉm cười đáp, và đưa tay vuốt ve khi mời ông tách trà - Coc chỉ mới thực hiện cuộc

cách mạng trong quy mô cá nhân, thế thôi. Bác không còn tin những gì bác đã làm khi ở tuổi hai mươi đâu, phải không bác?

Barosi lắc đầu.

- Có lẽ bác chỉ là một người hay mơ mộng - Ông nói, giọng dăm chiêu.

- Bác đã học nhiều, đọc sách nhiều. Vậy mà bác chẳng làm gì giúp cho xã hội tốt đẹp hơn. Bác chẳng bao giờ ra tay cả!

- Bác chẳng bao giờ ra tay cả - Ông nhắc lại một cách buồn bã, và cũng ngay khi đó, mắt ông chạm phải những dòng tit lớn trên tờ báo tường thuật về cái chết của McDuffy. Ông phải cố gắng kiềm chế lắm mới khỏi nhếch mép cười.

- Bản tính người Ý là như vậy - Rita cao giọng - Học hành, nghiên cứu, suy tưởng tất cả mọi thứ nhưng không bao giờ hành động. Nhưng con... - Giọng nói trẻ trung của cô cất cao một cách chiến thắng -... con thuộc một thế hệ mới, thế hệ thanh niên Mỹ đầu tiên...

- Nhớ rằng con là gốc Ý - Ông lạnh lùng xen vào.

- Nhưng con đã lớn lên ở Mỹ. Khi mới sang đây con còn ăm ắp. Con chỉ biết duy nhất có đất nước này, đất nước của hành động. Nhưng bác Antonio này, bác có thể trở thành một thế lực lớn, nếu bác không theo đuổi việc kinh doanh nữa.

- Hãy nhìn lại tất cả những gì con đã làm ở đây - Ông đáp - Đừng quên chính nhờ công việc kinh doanh của bác mà con có thể thực hiện được sự nghiệp của con. Con thấy không, bác làm tốt do... - Ông ngập ngừng và nhớ đến Hausmann, tên khủng bố nhu nhược - Bác làm tốt do được ủy nhiệm. Chính là thế. Con là sự ủy nhiệm của bác...

- Con biết điều đó. Nãy giờ con nói những điều thật tồi tệ quá - Cô nói, giọng hối hận - Chính bác làm hư con đấy. Con chưa hề biết mặt cha con, do đó con thực tâm biết ơn bác đã thay thế cha con. Cha con - mà cũng không có người nào - lại có thể yêu thương con với tấm lòng nhân từ bao la như bác...

Và lần này, thay cho những cú đập bằng nệm bông, cô hôn tới tấp người đàn ông tóc thưa màu vàng kia với những bắp thịt cứng như thép giờ đang ngả lưng trên chiếc ghế xa-lông cạnh cửa sổ.

- Chủ nghĩa vô chính phủ của con ra sao rồi? - Ông hỏi một cách ranh mãnh, thực tâm để che giấu những tình cảm khó tả và niềm hạnh phúc đang dâng lên trong lòng ông khi nghe những lời bộc lộ ban nãy - Cách đây vài năm, bác trông con đã ra vẻ sắp trở thành một nhà xã hội bản lĩnh rồi đấy.

Cô miễn cưỡng thú nhận:

- Con... con thực sự có khuynh hướng như vậy.

- Chỉ có khuynh hướng thôi à. - Ông hét lên - Con dẫn vật bác, con cố thuyết phục bác bỏ công việc kinh doanh để cống hiến cuộc đời cho sự nghiệp phụng sự nhân loại. Con có nhớ không, con luôn nói đến “sự nghiệp”, thứ sự nghiệp viết hoa. Rồi con lao vào cái công việc ở khu ổ chuột này - mà thực chất là con đã hòa hoãn với kẻ thù - đi chấp vá lại những mảnh rách khốn khổ của một xã hội mà con khinh bỉ...

Cô giơ một tay lên phản đối.

- Chứ con gọi nó là cái gì khác cơ chứ? - Ông gằn giọng - Hội Thanh Niên, Hội Thanh Nữ, Hội Những Người Mẹ Trẻ. Tại sao con không đi thành lập cái nhà giữ trẻ ban ngày cho các bà mẹ công nhân? Điều đó chỉ có nghĩa là, bằng cách trông nom con cái họ trong giờ làm việc, con đã tạo điều kiện cho bọn chủ bóc lột những bà mẹ nhiều hơn nữa.

- Nhưng con đã tử tế bỏ cái kế hoạch giữ trẻ ban ngày rồi, bác biết đấy.

Barosi gật đầu.

- Và còn vài một điều khác nữa. Con đã trở nên thực sự bảo thủ rồi. Người có tinh thần cách mạng không thể như thế được.

- Con đang tập trưởng thành, bác ạ. Việc phát triển xã hội đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực. Đó không phải chuyện một sớm một chiều. Phải thi hành từng bước một. Ồ, con cũng chỉ là một kẻ vô chính phủ hay triết lý. Tất cả những nhà hoạt động xã hội thông minh đều như thế cả.

- Tên anh ta là gì? - Barosi đột nhiên hỏi.

- Ai cơ? Cái gì ạ? - Đôi má cô chột ửng hồng lên vì xấu hổ.

Barosi lặng lẽ nhấp trà và chờ đợi.

Rita trấn tĩnh lại và nhìn ông hết sức chân thành trong một lúc.

- Con sẽ kể cho bác nghe vào tối thứ bảy, ở Edge Moor. Anh ta - anh ta cắt tóc ngắn.

- Người khách con định mời về nhà đấy phải không?

Cô gật đầu.

- Đến lúc ấy con sẽ kể cho bác nghe nhiều hơn.

- Có phải con đã...? - Ông hỏi.

- Con nghĩ... con nghĩ con đã... - Cô lấp bắp.

- Anh ta có nói gì với con chưa?

- Dạ rồi... và chưa. Anh ta có một cách nói cứ y như mọi việc đã được công nhận. Bác đợi mà xem. Bác sẽ thích anh ấy, bác Antonio ạ, con tin chắc như thế. Và bác cũng sẽ nể đầu óc của anh ấy nữa. Anh ấy là khách của con lúc 4h đấy. Bác đợi gặp anh ấy nhé. Con năn nỉ bác đấy.

Nhưng Antonio Barosi, bí danh Carlos Pazini, xem đồng hồ và vội đứng dậy.

- Không được. Con mời anh ta đến Edge Moor thứ bảy này Rita ạ, và bác sẽ cố hết sức để thích anh ta. Khi đó bác sẽ có nhiều cơ hội hơn là bây giờ. Bác sẽ nghỉ xả hơi một tuần. Nếu câu chuyện đã trở nên nghiêm trọng như cách con nói, hãy lưu anh ta ở chơi với bác suốt tuần.

- Anh ấy bận lắm - Cô đáp - Con phải cố thuyết phục lắm anh ấy mới chịu đến chơi vào cuối tuần.

- Công việc làm ăn à?

- Cũng có thể nói như vậy. Nhưng không phải là công việc làm ăn theo đúng nghĩa của nó. Anh ta không kinh doanh. Anh ấy rất giàu, bác ạ. Việc làm anh ta bận rộn, nếu diễn tả đúng nhất, là việc cải tạo xã hội. Nhưng bác sẽ tán phục đầu óc anh ta cho mà xem, bác Antonio ạ, và cả kính trọng nữa.

- Bác hy vọng như thế... vì con đấy, Rita ạ - Barosi nói lời cuối cùng khi họ ôm nhau và chia tay ở cổng.

Chương 3

Người thiếu nữ thùy mị đón Winter Hall vào nhà chỉ vài phút sau khi ông bác đi khỏi. Rita vô cùng dịu dàng khi rót trà và trò chuyện với anh về đủ loại đề tài, từ cuốn tiểu thuyết mới nhất của Gorki đến tin gần đây nhất về cuộc Cách mạng Nga, rồi đến khu Hull House, và cuộc đình công của giới thợ máy.

Winter Hall kịch liệt phản đối những kế hoạch cải thiện, kiến thiết của cô.

- Em hãy trông gương khu Hull House - Anh nói - Đó là một điểm sáng trong cái rừng nhà ổ chuột tối tăm Chicago. Cho tới nay nó cũng chỉ là một điểm sáng không hơn không kém. Nhưng khu rừng nhà ổ chuột đã lan rộng khủng khiếp. So với thời gian khu Hull House được thành lập, tổng số những vụ tệ nạn xã hội và tội phạm hiện nay ở Chicago đã tăng gấp bao nhiêu lần. Khu kiểu mẫu Hull House cũng đã thất bại như tất cả các biện pháp cải thiện khác. Em không thể cứu vãn một con thuyền thủng đáy với một chậu nước mực ra chẳng được bao nhiêu so với lượng tràn vào.

- Em biết, em biết - Rita buồn bã khẽ nói.

- Nói về vấn đề nhà ổ chuột - Hall tiếp tục - sau cuộc nội chiến, ở New York có sáu chục ngàn nhà ổ chuột. Từ khi đó, người ta đã liên tục thi hành những chiến dịch dẹp quang khu ổ chuột. Rất nhiều người đã cống hiến đời họ cho công việc đó. Hàng ngàn, hàng chục ngàn công dân có tinh thần phục vụ nhân sinh đã không ngừng đóng góp cả công lẫn của. Từng dãy, từng dãy nhà ổ chuột bị kéo sập xuống và thay vào đó là những công viên và những khu vui chơi. Cuộc đấu tranh thật là kinh khủng và gay go. Và kết quả là gì? Hiện nay, năm 1911, trong thành phố New York có đến hơn ba trăm ngàn nhà ổ chuột.

Anh nhún vai và nhấp một ngụm trà.

- Anh làm em càng lúc càng nhận thấy rõ hơn hai vấn đề - Rita thú nhận - Thứ nhất sự tự do không bị giới hạn bởi luật pháp do con người làm ra chỉ có thể đạt được bằng cuộc cách mạng dẫn đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa (XHCN). Giai đoạn XHCN chắc chắn phải đến. Em biết như vậy, vì em đã nhận thức rõ vấn đề thứ hai - sự thất bại của những biện pháp nhằm cải tạo xã hội. Cô bất ngờ dừng lại, tặng cho anh một nụ cười xinh tươi rạng rỡ và nói - nhưng chúng mình đang tranh luận về những vấn đề khô khan giữa thời tiết nóng nực này làm gì cơ chứ! Sao anh không đi xa để đổi gió?

- Sao em không đi? - Anh hỏi ngược lại.

- Bạn quá.

- Anh cũng thế - Anh ngừng lại, và gương mặt anh dường như chợt trở nên nghiêm nghị, như thể bộc lộ một tư tưởng trọng đại - Thực ra suốt đời anh chưa bao giờ bận rộn như lúc này, và chưa bao giờ anh thấy mình gần đạt đến một điều gì đó lớn lao như vậy.

- Nhưng anh sẽ đến gặp em cuối tuần này chứ? - Cô buộc miệng ra lệnh
- Bác vừa mới rời khỏi đây có vài phút. Bác muốn đề nghị có một buổi họp mặt gia đình trong tuần, chỉ có bác, em và anh thôi.

Anh miễn cưỡng lắc đầu.

- Anh rất hân hạnh, và anh sẽ đến, nhưng anh không thể lưu lại một tuần được. Công việc anh đang làm hiện nay là tối quan trọng. Chỉ nội ngày hôm nay thôi, anh đã biết được những gì anh đã tìm kiếm hàng mấy tháng trời.

Và trong khi anh nói, cô quan sát gương mặt anh với một vẻ đặc biệt của những người phụ nữ đang yêu quan sát gương mặt đối tượng của mình. Cô biết rõ từng chi tiết nhỏ trên gương mặt Winter Hall, từ vòm trán giữa đôi mày giao đến hai khóe môi thanh như vẽ, từ cái cằm đầy cương nghị đến tận nếp xếp cuối cùng trên vành tai. Nhưng là đàn ông, dù đang rất yêu cô, Hall cũng không biết gương mặt Rita tường tận như thế. Anh yêu cô, nhưng tình yêu không mở mắt cho anh soi thấy những chi tiết tỉ mỉ. Nếu có ai đó đột nhiên yêu cầu anh mô tả cô bằng những ấn tượng lý trí anh đã ghi nhận được, anh cũng chỉ có thể miêu tả những từ rất chung chung, chẳng hạn như cô rất hoạt bát, mềm mỏng, cô có gương mặt thanh tao, vàng trán thấp, mái tóc luôn luôn hợp với khuôn mặt, đôi mắt biết cười và bừng sáng lên khi đôi má ửng hồng, miệng cô tình cảm và rất đáng yêu, và giọng nói cô ngân vang thật tuyệt vời khó tả. Cô cũng tạo cho anh những ấn tượng về một mẫu người khỏe mạnh, ưa sự sạch sẽ, tính điềm đạm cao quý, nhanh trí và có trình độ trí thức đặc đáo.

Còn trước mắt Rita là một người đàn ông cân đối, ba mươi hai tuổi. Anh có vàng trán của nhà tư tưởng, còn tất cả nét mặt là của một nhà hành động. Anh cũng mắt xanh, da màu vàng ánh có sắc đồng đỏ của những người Mỹ thường phơi mình dưới nắng. Anh hay mỉm cười, còn khi cười to thì cười rất thỏa mái. Nhưng những khi dăm chiêu, mặt anh thường lộ một vẻ nghiêm nghị đến mức hầu như dữ tợn. Rita, người ngưỡng mộ sức mạnh nhưng kinh sợ sự hung tợn, đôi khi cảm thấy lo ngại trước những biểu hiện trong mặt trái tính cách của anh.

Winter Hall là một sản phẩm khá bất thường của thời đại. Không màng đến những nhung lụa đã bao bọc anh suốt thời thơ ấu và một gia sản đáng kể thừa kế từ cha và hai bà cô độc thân, anh đã sớm cống hiến đời mình cho

công cuộc phục vụ nhân loại. Tại đại học, anh chuyên khoa về Kinh tế và Xã hội học, và thường bị bọn sinh viên xem là kẻ hơi lập dị. Sau khi tốt nghiệp đại học, anh đóng góp tiền bạc và cả công sức ủng hộ Riis trong chiến dịch cải tạo New York. Quá nhiều công của đổ vào việc cải thiện xã hội đã làm anh đâm ra bất mãn. Anh luôn tìm kiếm cái sự vật nằm đằng sau những sự vật, cái chính nghĩa thực sự là chính nghĩa. Do đó, anh lao vào nghiên cứu chính trị và sau đó theo dõi một đường dây ăn hối lộ từ New York đến Albany và ngược trở lại, anh cũng xem xét đường dây này hoạt động ngay chính tại thủ đô nước anh.

Sau nhiều năm hoạt động hầu như vô hiệu quả, anh bỏ mấy tháng về học lại đại học, giờ thực sự đã trở thành một điểm nóng của chủ nghĩa cấp tiến, và quyết tâm bắt đầu việc nghiên cứu lại từ đầu. Anh bỏ một năm lang thang khắp đất nước như một người lao động thời vụ, rồi thêm một năm nữa lê la như một kẻ du thủ du thực, làm bạn với các hạng ăn xin, đầu trộm đuôi cướp. Trong hai năm ở Chicago, anh là một công nhân từ thiện chuyên nghiệp, làm quần quật suốt ngày để lãnh đồng lương năm mươi đô-la một tháng. Và bắt nguồn từ đó, anh trưởng thành và trở thành một nhà xã hội - “nhà xã hội triệu phú” như cái tên mà báo chí đã gán cho anh.

Anh đi rất nhiều nơi, đến đâu cũng hỏi thăm điều tra, và luôn tiên phong nghiên cứu vấn đề. Không có một cuộc đình công quan trọng nào lại không thấy anh xuất hiện đầu tiên tại hiện trường. Anh tham dự tất cả các cuộc Hội nghị Công đoàn quốc tế và quốc nội, và sống ở Nga một năm trong thời gian tiền khởi nghĩa trước Cách mạng 1905. Anh viết nhiều bài đăng trên các tạp chí, là tác giả của vài cuốn sách. Anh viết rất hay, sau sắc, thâm thúy và đối với một nhà xã hội, còn khá bảo thủ.

Và đó là người đàn ông mà Rita Barosi đang ngồi hàn huyên, uống trà trên chiếc xa-lông cạnh cửa sổ trong căn hộ ở khu Đông của cô.

- Nhưng anh chẳng việc gì phải giam cầm mình mãi trong cái thành phố khốn khổ, ngột ngạt này - Cô nói - xét địa vị anh, em không thể tưởng tượng nổi điều gì đã thúc đẩy anh...

Nhưng cô bỏ lửng câu hỏi, vì ngay khi ấy cô phát giác ra rằng Hall đã không còn để tai lắng nghe cô nữa. Mắt anh đang chăm chú nhìn tờ báo

buổi chiều nằm trên ghế. Hoàn toàn quên mất sự hiện diện của cô, anh nhặt tờ báo lên và bắt đầu đọc.

Mặt Rita nũng nịu dịu xuống, nhưng anh không để tâm gì đến cô.

- Anh quả là lịch sự, em... em nói thật đấy - Cô không nhin được nữa và cuối cùng mới làm anh chú ý - Ai lại đi đọc báo khi em đang nói chuyện với anh kia chứ!

Anh giở tờ báo cho cô xem dòng tit lớn về vụ ám sát McDuffy. Cô nhìn anh ngơ ngác không hiểu.

- Anh xin lỗi em, Rita à, nhưng khi anh trông thấy bài báo này, anh quên đi tất cả - Anh gõ gõ ngón tay trở lên tit bài báo - Đó là lý do tại sao anh bận rộn như vậy. Đó là lý do tại sao anh lưu lại New York. Đó là lý do tại sao anh chỉ có thể ở chơi với em vào cuối tuần, và em hiểu anh tha thiết muốn được ở bên em suốt tuần như thế nào.

- Nhưng em không hiểu - Cô lắp bắp - Bởi vì nhóm vô chính phủ đã làm nổ tung một tên Trưởng nha cảnh sát ở một thành phố khác... Em.... Em không hiểu được.

- Anh sẽ nói cho em biết. Anh đã băng nghi ngờ trong suốt hai năm, rồi mỗi nghi ngờ đó trở thành chắc chắn và mấy tháng nay anh đã không ngừng bỏ công sức thu thập sự kiện để khẳng định niềm tin của anh rằng có một tổ chức ám sát nguy hiểm đang phát triển ở Mỹ, hay ở một nơi bất kỳ nào khác. Thực ra, anh hầu như chắc chắn rằng đó là một tổ chức quốc tế.

Em có nhớ vụ John Mossman tự tử bằng cách nhảy từ tầng bảy của tòa cao ốc Fidelity xuống đất không? Ông ta là bạn anh, và trước đây là bạn với cha anh. Chẳng có lý do gì thúc đẩy ông ta phải tự tử cả. Công ty liên hợp Fidelity đang rất thịnh vượng. Và những hoạt động kinh doanh khác của ông ta cũng thế. Gia đình ông ta vô cùng hạnh phúc. Sức khỏe ông ta đang khang kiện. Đầu óc ông ta đâu có bệnh hoạn gì. Vậy mà bọn cảnh sát ngu ngốc gọi đó là một vụ tự tử. Người ta bàn tán rùng rợn đó là vụ tự tử gây ra do bệnh đau dây thần kinh với ba đặc trưng - không chữa được, không giả thoát được và không chịu đựng được. Khi con người mắc bệnh đó, họ sẽ tự tử. Nhưng ông ta không mắc bệnh đó. Anh với ông ta còn ăn trưa chung với nhau cái ngày ông ta chết. Anh biết ông ta không mắc bệnh đó, và anh quyết định kiểm nghiệm lại sự kiện bằng cách nói chuyện với bác sĩ riêng

của ông ta. Đó chỉ là giả thuyết, và giả thuyết đó là điều vớ vẩn. Ông ta không bao giờ tự tử, không bao giờ nhảy từ tầng bảy của cao ốc Fidelily xuống đất cả. Vậy thì ai giết ông ta? Và tại sao? Một người nào đó đã ném ông ta từ tầng bảy xuống đất? Ai? Tại sao?

Vụ giết người đó có lẽ đã được anh xua ra khỏi đầu óc như một điều bí ẩn không giả thích nổi, nếu như nghị sĩ tỉnh Northampton đã không bị giết bằng súng hãm thanh chỉ ba ngày sau đó. Em có nhớ không? Ngay trên đường phố, từ một cửa sổ bất kỳ nào trong số hàng ngàn cửa sổ. Cảnh sát chẳng tìm ra một chứng cứ nào. Anh bắt giắc nghĩ ngợi về hai vụ giết người này, và từ đó trở đi, anh đặc biệt qua tâm đến bất kỳ một hiện tượng khác thường nào xảy ra, trong danh sách những vụ giết người hàng ngày trên cả nước.

Ồ, anh không liệt kê cả danh sách ra đâu, chỉ một vài trường hợp mà thôi. Trường hợp của Borff, tên chuyên môn ăn hối lộ trong công đoàn ở Sannington. Hắn đã chế ngự thành phố đó hàng bao nhiêu năm. Hết vụ tố cáo này đến vụ tố cáo khác cũng chẳng làm gì được hắn. Khi người ta kiểm tra tài sản của hắn, người ta mới biết được rằng hắn có đến sáu triệu đô-la. Vụ kiểm tra xảy ra ngay sau khi hắn mưu toan nhúng tay vào bộ máy chính trị của tiểu bang. Chính khi hắn đạt tới tột đỉnh của quyền lực và tội ác thì hắn bị đánh gục.

Và còn những trường hợp khác nữa: Little - Trưởng nha cảnh sát, Welchorst - nhà đại doanh nghiệp, Blankhurst - Vua bông vải,... vân vân và vân vân. Không ai tìm ra được thủ phạm. Lại còn những vụ giết người trong giới thượng lưu: Charley Atwater bị giết trong lần đi săn cuối cùng, phu nhân Hastings Reynolds, ngài Van Austoon... quả là một danh sách rất dài.

Tất cả những vụ ám sát đó làm anh tin tưởng rằng một tổ chức với quy mô nào đó đang hoạt động. Anh đoán chắc rằng đây không chỉ đơn thuần là một dịch vụ của nhóm Bàn Tay Đen. Những vụ giết người trên không giới hạn về mặt quốc tịch hay giai cấp xã hội. Đầu tiên anh nghĩ chắc bọn vô chính phủ là thủ phạm. Xin lỗi em, Rita ạ... - Tay anh vội nắm lấy tay cô - Anh đã nghe nói nhiều về em, và người ta bảo em có quan hệ mật thiết với những nhóm bạo động. Anh biết em tiêu rất nhiều tiền, và anh đam mê nghi ngờ. Dù sao đi nữa, em có thể khiến anh đến gần nhóm vô chính phủ hơn.

Anh nghi ngờ em, nhưng anh vẫn yêu em. Đối với anh, em là một kẻ vô chính phủ dịu dàng nhất, một kẻ vô chính phủ mềm mỏng. Và em cũng đã bắt đầu công cuộc cải tạo dân sinh ở đây.

- Và anh cũng định làm em thoái chí về việc này nữa - Cô cười, đồng thời nhấc bàn tay anh ra khỏi tay cô và áp má mình vào đó - Nhưng anh cứ nói tiếp đi. Em háo hức muốn nghe lắm.

- Anh đã liên lạc với nhóm vô chính phủ, và anh càng tìm hiểu họ kỹ hơn thì anh lại càng tin rằng họ không đủ khả năng giết người. Họ chẳng thực tế chút nào. Họ mơ mộng, vẽ vờ thêm dệt giả thuyết này, lý thuyết kia và nổi loạn chống lại sự đàn áp của cảnh sát. Nhưng chỉ có thể thôi. Họ chẳng bao giờ tiến xa hơn cả. Họ động vào cái gì là hỏng việc cái đó - đương nhiên anh muốn nói đến những nhóm bạo động. Còn đối với những nhóm như Martha Brown hay Kropotkinian, họ chẳng qua chỉ là những triết gia đạo mạo hiền hành. Họ chẳng thể xuống tay giết một con kiến, và nhóm bạo động bạn bè với họ cũng thế thôi.

Em thấy không, những vụ giết người đó thuộc đủ mọi loại. Nếu chúng chỉ đơn thuần là những vụ ám sát chính trị, hoặc xã hội, chúng có lẽ là do một tổ chức cao cấp tuyệt đối bí mật. Nhưng tổ chức này vừa cao cấp, lại vừa thương mại. Như thế, anh kết luận rằng, hẳn phải có một cách nào đó cho những người bình thường liên lạc được với tổ chức ấy. Nhưng làm cách nào bây giờ? Anh đặt giả thuyết rằng anh muốn giết một người nào đó. Và thế là anh bí. Anh không biết địa chỉ của cái công ty có thể giúp anh làm cái công việc đó. Đây chính là chỗ yếu trong lập luận của anh, hay nói đúng hơn, trong chính bản thân giả thuyết anh nêu ra. Anh thực sự chẳng muốn giết ai cả.

Nhưng sau đó, chỗ yếu này đã được sáng tỏ, khi Coburn kể cho tụi anh nghe tại Hội Liên Hiệp về một chuyện li kỳ hẳn mới gặp vào buổi chiều. Hẳn chỉ xem đó như một sự kiện kỳ cục, nhưng anh nắm được ý nghĩa và nội dung việc đó ngay. Hẳn đang đi bộ băng ngang Đại lộ số 5 ở khu dưới thì có một người đàn ông ăn vận như thợ máy leo khỏi xe mô tô và đi kè kè hẳn. Gã đàn ông trình bày vắn tắt rằng nếu hẳn muốn giết một ai đó, sẽ có người lo vụ đó một cách rất nhanh gọn và an toàn. Khi Coburn đe dọa sẽ đâm vào mặt tên kia, hẳn nhảy phắt lên xe và chạy mất.

Vấn đề là thế này, Coburn đang lâm vào thế kẹt. Hắn vừa mới bị tên Mattison, một tên hùn hạp với hắn, lừa gạt lấy mất một món tiền lớn. Thêm vào đó, Mattison đã quyến rũ luôn vợ Coburn sang Châu Âu. Em thấy không? Thứ nhất, Coburn phải có ý định, hoặc ắt hẳn phải có định trả thù tên Mattison. Và thứ hai là, cũng do báo chí mà công chúng đều biết rất rõ về cái chuyện rủi của hắn.

- Em hiểu rồi - mắt Rita sáng lên - Trong giả thuyết của anh có một chỗ yếu. Vì anh không thể làm cho công chúng biết rằng anh giả dụ đang muốn giết một ai đó, do đó tổ chức ám sát đương nhiên không thể đề nghị với anh về chuyện đó được.

- Đúng như thế. Nhưng anh không phải là kẻ tiên phong. À không, trên một phương diện nào đó, có thể anh là một người như vậy. Bây giờ thì anh đã biết làm cách nào người ta có thể liên lạc với tổ chức ấy. Từ đó trở đi anh nghiên cứu những vụ giết người nổi tiếng và bí ẩn nhằm mục đích đó. Anh nhận xét rằng những vụ giết người trong giới thượng lưu hầu như luôn luôn theo sau những vụ scandal giật gân gây náo động dư luận. Còn những vụ án thương mại thì theo sau những vụ làm ăn mờ ám hay chia chác không đều trong một số lớn những tên đại doanh nghiệp, chuyện bê bối như vậy cũng thường bị tiết lộ luôn, mặc dù không đến nỗi bị đăng tải lên báo chí. Khi tên Hawthorn chết một cách bí ẩn trên chiếc du thuyền của hắn, thì những lời đồn đại về các vụ làm ăn mách khoe trong cuộc đấu tranh với Công ty Liên hợp Combine đã được truyền miệng trong các Câu lạc bộ mấy tuần liền. Có lẽ em quên rồi, vào thời đó những vụ scandal về Atwater và Jones, về Langthorne Haywards đã được báo chí thổi phồng lên bằng những tình tiết hết sức giật gân.

Do đó anh đoán chắc rằng tổ chức giết người ấy phải móc nối với những nhân vật giữ địa vị quan trọng trong chính trường, thương trường và xã hội. Và anh cũng chắc chắn rằng không phải ai cũng từ chối thẳng thừng những đề nghị của họ như trường hợp của anh chàng Coburn. Anh đảo mắt xung quanh anh và tự hỏi không biết ai trong số các nhân vật anh vẫn gặp gỡ tại các câu lạc bộ, tại các hội nghị giám đốc, lại có thể là thân chủ của tổ chức giết người ấy? Chắc hẳn anh có quen biết những kẻ đó, nhưng họ là ai

mới được chứ? Và em thử tưởng tượng xem, nếu anh hỏi thăm họ về địa chỉ của tổ chức họ đã thuê để trừ khử kẻ thù của họ.

Nhưng cuối cùng, và chỉ mới đây thôi, anh tìm ra một phương án trực tiếp. Anh quan tâm theo dõi tất cả những người bạn của anh hiện đang có địa vị cao trong xã hội. Khi bất kỳ ai trong số họ lâm vào tình cảnh khó khăn quần bách, anh bắt liên hệ mật thiết với họ. Trong một thời gian, việc làm này chẳng được tích sự gì, mặc dù có một người ắt hẳn đã nhờ cậy đến dịch vụ của tổ chức đó vì chỉ trong vòng sáu tháng, cái gã đầu mối gây phiền muộn rắc rối cho hắn đã chết. Cảnh sát cũng nói do tự tử.

Và rồi cơ hội đến. Em hẳn biết sự phẫn nộ của dư luận cách đây vài năm về cuộc hôn nhân giữa Gladys Van Martin với nam tước Portos de Moigne. Đó là một trong những vụ hôn nhân quốc tế bất hạnh nhất. Gã Nam tước đó là đồ súc sinh. Hắn cướp đoạt tài sản của người vợ rồi ly dị cô ta. Các chi tiết về cách cư xử của hắn chỉ vừa mới được tiết lộ ra, và thật gớm ghiếc không thể tin nổi. Hắn đã đánh đập người vợ vô cùng tàn nhẫn đến nỗi có lúc bác sĩ tưởng hết hy vọng cứu chữa, và sau này họ kết luận rằng cô mất khả năng hoạt động về trí tuệ. Và theo luật nước Pháp, hắn được phép nuôi hai đứa con trai.

Anh cô ta, Percy Van Martin, là bạn học của anh ở Đại học. Anh quyết định liên lạc mật thiết với anh ta. Tụi anh gặp nhau rất thường xuyên trong nhiều tuần gần đây. Chỉ mới hôm kia thôi, cái sự kiện anh hằng trông đợi đã xảy ra, và anh ta kể lại cho anh nghe. Tổ chức đó đã móc nối với anh ta. Khác với Coburn, Percy đã không đuổi cổ người liên lạc đi mà chịu nghe tên này trình bày cho đến hết. Nếu Van Martin đồng ý đi sâu vào vấn đề, hắn sẽ phải cho đăng một chữ mật mã MESOPOTAMIA trong mục nhắn tin của tuần báo Herald. Anh vội vàng thuyết phục Martin để anh nắm lấy vụ này. Anh cho đăng mật mã MESOPOTAMIA như đã dặn với tư cách người đại diện cho Martin, anh đã gặp và nói chuyện với một trong những nhân vật của tổ chức đó. Họ rất thận trọng và đa nghi. Nhưng tối hôm nay anh sẽ được gặp tên đầu não. Tất cả đã được sắp xếp, và khi đó...

- Thế..., thế - Rita cuống quýt hẳn lên - thế khi đó thì sao?
- Anh không biết. Anh chưa có kế hoạch gì cả.
- Nhưng sẽ nguy hiểm lắm!

Hall mỉm cười trấn an,

- Anh nghĩ sẽ không có gì liều lĩnh lắm đâu. Anh sẽ đến đó, và đơn thuần nhằm mục đích giao dịch làm ăn với văn phòng về vụ ám sát tên em rể của Percy Van Martin. Văn phòng đó đâu có giết khách hàng của họ.

- Nhưng khi họ biết anh không phải là một khách hàng thì sao? - Cô phản đối.

- Lúc ấy thì anh đâu còn ở đây nữa. Và nếu họ có biết được thì cũng đã quá muộn để gây nguy hiểm cho anh.

- Hãy cẩn thận, rất cẩn thận anh nhé - Rita khẩn cầu anh khi họ chia tay tại cổng nửa giờ sau đó - Và cuối tuần anh nhớ đến nhé.

- Chắc chắn em ạ.

- Em sẽ đến đón anh tại sân ga.

- Và vài phút sau đó, anh sẽ tiếp kiến ông bác đáng gờm của em chứ? - Anh giả vờ run rẩy - Hy vọng rằng bác em không phải là ông kẻ.

- Anh sẽ yêu bác ấy - Cô tự hào tuyên bố - Bác ấy tử tế hơn, tốt bụng hơn hàng chục ông bố cộng lại. Bác không hề từ chối em bất cứ một thứ gì, ngay cả...

- Anh? - Hall ngắt lời.

Rita cũng muốn làm gì đó để đáp lại thái độ táo tợn của anh, nhưng cô đỏ bừng mặt lên vì xấu hổ và cúi đầu xuống, để yên cho anh âu yếm ôn cô vào lòng.

Chương 4

- Thế ra ông là Carlos Pazini?

Winter Hall ngừng lại khoảng một giây. Đôi mắt tò mò của anh đảo một lượt khắp những bức tường xếp đầy sách rồi cuối cùng trở lại quan sát người đàn ông da màu vàng nhạt, đầu đội chiếc mũ chòm đen. Ông chẳng hề đứng dậy bắt tay anh.

- Tôi phải nói rằng việc liên lạc với ông quả thật vô cùng khó khăn. Điều đó làm cho người ta tin rằng văn phòng của ông hoạt động không chỉ hữu hiệu mà còn rất kín đáo.

Pazini mỉm cười hài lòng một cách tinh quái.

- Mời anh ngồi - Ông ra dấu chỉ chiếc ghế đối diện ông, nơi ánh sáng chói lòa giúp ông nhìn thấy rõ mặt người khách.

Một lần nữa, ánh mắt Hall đảo khắp căn phòng và rồi chăm chú vào người đàn ông trước mặt.

- Tôi rất ngạc nhiên - Hall nhận xét.

- Chắc anh tưởng sẽ gặp một tên lưu manh dốt nát, ăn nói lỗ mãng chứ gì? - Pazini nhẹ nhàng hỏi.

- Không, không phải thế. Tôi hiểu cần phải có một bộ óc đặc biệt thông minh mới có thể điều khiển nổi các hoạt động của... à... hội của ông.

- Các hoạt động của chúng tôi đều thành công như nhau.

- Tôi xin được mạn phép hỏi - Tổ chức của ông đã hoạt động bao lâu rồi?

- Chúng tôi thực sự hoạt động đã được mười một năm - mặc dù công việc chuẩn bị và chỉnh trang đã bắt đầu khoảng vài năm trước đó.

- Ông không ngại kể cho tôi nghe về tổ chức của ông chứ? - Hall nói tiếp.

- Tất nhiên là không - Ông đáp - Với tư cách một thân chủ, ông cũng cùng hội cùng thuyền với tôi, vì mối quan tâm của tôi cũng là mối quan tâm của ông. Và do chúng tôi không bao giờ tống tiền thân chủ sau khi thi hành xong công việc, mối quan tâm của chúng ta vẫn là đồng nhất. Tiết lộ một vài tin tức quan trọng cũng chẳng có gì là khá nguy hiểm, và tôi có thể nói không e ngại rằng tôi khá tự hào về tổ chức này. Như anh nói, và nếu tôi có thể tự khoe khoang, đây là một tổ chức khéo điều hành.

- Nhưng tôi không thể hiểu nổi - Hall thốt lên - Tôi không bao giờ có thể ngờ được một người như ông lại là thủ lĩnh của một băng giết người.

- Và tôi cũng không thể ngờ được, một người như anh lại đến đây nhờ cậy một băng giết người chuyên nghiệp do thủ lĩnh đó cầm đầu - Ông lạnh lùng đáp lại - Tôi thích nét mặt của anh. Anh mạnh mẽ, trung trực, can đảm và đôi mắt anh ánh lên vẻ mệt mỏi khó tả nhưng rất độc đáo của một học giả. Anh nghiên cứu và đã đọc nhiều. Anh hoàn toàn khác hẳn loại thân chủ mà tôi thường gặp, cũng như tôi hoàn toàn khác hẳn con người anh tưởng sẽ gặp với tư cách thủ lĩnh của bọn sát nhân. Tuy nhiên, danh từ những người xử tử là từ mô tả họ đúng hơn, thực hơn.

- Tên gọi chẳng ăn thua gì - Hall đáp - Nó chẳng làm tôi bất ngạc nhiên về việc ông đang điều khiển... à... dịch vụ này.

- Ô, nhưng anh chẳng biết chúng tôi điều khiển nó như thế nào - Pazini đan những ngón tay thanh mảnh nhưng mạnh mẽ của ông lại với nhau, rồi mở chúng ra và trầm tư suy nghĩ để giải thích rõ hơn. - Tôi có thể trình bày rằng chúng tôi hành nghề với một tiêu chuẩn đạo đức cao hơn tiêu chuẩn các thân chủ đem tới.

- Đạo đức à! - Hall phá lên cười.

- Phải, chính xác như vậy. Và tôi công nhận đề cập đến Văn phòng Âm sát mà lại nói đến tiêu chuẩn đạo đức thì nghe buồn cười thật.

- Ông đặt tên nó như thế à?

- Tên nào cũng thế thôi - Thủ lĩnh Văn phòng Âm sát thản nhiên tiếp tục - Nhưng với tư cách là một thân chủ, anh sẽ nhận thấy chúng tôi có một tiêu chuẩn về lẽ phải nghiêm túc hơn, sâu sắc hơn thế giới doanh thương nhiều. Ngay từ đầu tôi đã thấy rõ sự cần thiết của tiêu chuẩn đó. Nó là điều bắt buộc. Mặc dù tổ chức của chúng tôi nằm ngoài vòng pháp luật và giáp mặt với hiểm nguy, chúng tôi chỉ có thể thành công được bằng cách hành động theo lẽ phải. Cư xử theo lẽ phải trong nội bộ với nhau, với các thân chủ, với mọi người, mọi việc. Anh không tưởng tượng được số lượng công việc mà chúng tôi đã phải từ chối đâu.

- Cái gì? - Hall la lên - Nhưng tại sao cơ chứ?

- Bởi thực hiện những vụ giết người đó không hợp với lẽ phải. Xin anh đừng cười. Sự thực là tất cả các thành viên trong Văn phòng chúng tôi đều khá cuồng nhiệt khi đụng đến phạm trù đạo đức. Tất cả mọi hành động của chúng tôi đều phải được lương tâm cho phép. Nếu không, chúng tôi không thể tồn tại lâu được. Hãy tin tôi, sự thực là như thế. Còn bây giờ, trở lại với công việc. Anh đến đây với tư cách được ủy quyền. Và anh chỉ được gặp tôi một lần thôi. Anh muốn xử tử ai?

- Thế ông không biết à? - Hall ngạc nhiên hỏi.

- Đương nhiên là không. Đó không phải phần hành của tôi. Tôi đâu có thì giờ đi quảng cáo rùm beng lôi kéo khách hàng.

- Khi tôi nói tên người đó, có thể ông sẽ giết hấn không hợp với lẽ phải. Dường như ông vừa là người xử tử, vừa là người phán xét.

- Tôi không phải là kẻ xử tử. Tôi không bao giờ xử tử ai. Đó không phải phần hành của tôi. Tôi là người chỉ huy. Tôi phán xét tại chỗ, và các

thành viên khác thi hành mệnh lệnh.

- Nhưng giả sử có những thành viên yếu đuối nhu nhược?

Pazini tỏ ra rất hài lòng.

- À, đó cũng là một vấn đề. Tôi đã nghiên cứu nó rất lâu. Cũng quan trọng như bất kỳ điều nào khác, chính việc đó giúp tôi nhận biết rằng các hoạt động của chúng tôi chỉ có thể được thực hiện dựa trên một nền tảng đạo đức. Chúng tôi có lẽ phải riêng, có luật lệ riêng. Chỉ có những người có tinh thần đạo đức cao nhất, cộng với sức chịu đựng cần thiết về cả thể xác lẫn trí tuệ mới được thu nạp vào hàng ngũ chúng tôi. Do đó, chúng tôi đều tuyên thệ rất tâm huyết và long trọng. Đã có những người nhu nhược - một vài người... - Ông dừng lại, và dường như buồn buồn - Họ phải trả giá cho sự nhu nhược đó. Đó là bài học rất hay cho những người khác.

- Ông muốn nói là...?

- Phải, họ bị xử tử hình. Phải làm như thế thôi. Nhưng rất hiếm khi phải áp dụng kỷ luật trong tổ chức chúng tôi.

- Ông chỉ đạo việc ấy như thế nào?

- Sau khi chúng tôi đã chọn được một người hiểu biết, thông minh và mạnh bạo - à, nhân tiện nói thêm, chính các thành viên tiến hành việc chọn lựa này. Trong quá trình gia tiếp với đủ mọi hạng người trong xã hội, họ có nhiều cơ hội gặp gỡ và đánh giá anh hùng hảo hán chính xác hơn tôi. Khi đã chọn được một người như thế, anh ta sẽ được thử thách. Để chứng tỏ sự trung thành và tận tụy của mình, anh ta lấy mạng sống ra để làm tin. Tôi biết những người đó và có báo cáo về họ. Tôi rất hiếm khi tiếp xúc với họ, trừ khi họ chiếm những vị trí quan trọng trong tổ chức, và cũng do phương thức như vậy, rất ít người biết mặt tôi.

Một trong những việc đầu tiên phải làm là giao cho thành viên dự bị đó thi hành một nhiệm vụ giết người không quan trọng và không cao giá lắm - thí dụ như giết một tên thủy thủ tàn bạo, một tên cai cường quyền, một tên cho vay lãi, hay một gã chính khách ăn hối lộ đê tiện nào đó... Cần phải loại trừ những cá nhân như thế ra ngoài xã hội, anh biết chứ. Nhưng hãy trở lại vấn đề. Nhất cử nhất động của thành viên dự bị trong vụ giết người đầu tay này sẽ được chúng tôi ghi nhận, và chúng tôi sẽ thu thập một số lời chứng, vừa đủ để chúng tôi có thể cuộc tội anh ta trước bất kỳ tòa án nào trong

nước. Và vụ đó sẽ được sắp xếp sao cho những lời chứng được cung cấp bởi những người ngoài tổ chức. Chúng tôi không phải xuất đầu lộ diện. Nhờ cách đó, chúng tôi chưa hề cảm thấy cần thiết phải sử dụng luật pháp quốc gia để kỷ luật một thành viên nào cả.

Sau khi anh ta hoàn thành nhiệm vụ đầu tiên này, anh ta trở thành người của chúng tôi, và sẽ gắn bó với chúng tôi cả phần hồn lẫn phần xác. Và rồi anh ta sẽ hoàn toàn được giáo dục theo phương pháp của chúng tôi...

- Đạo đức có nằm trong chương trình giáo dục không? - Hall thắc mắc trả lời.

- Có chứ, có chứ - Ông hăng hái đáp - Đó là điều rất quan trọng mà chúng tôi giáo dục các thành viên. Bất kỳ hành động nào không dựa trên nền tảng lễ phải đều không được chấp nhận.

- Ông là một người theo phái vô chính phủ? - người khách đột nhiên hỏi ra ngoài đề.

Ông Xếp của Văn phòng Âm sát lắc đầu.

- Không, tôi là một triết gia.

- Cũng thế mà thôi.

- Khác biệt chứ. Thí dụ, những người vô chính phủ có chủ trương tốt, nhưng tôi hành động tốt. Triết học mà không áp dụng được vào đâu cả thì phỏng có ích lợi gì. hãy nhìn những tên vô chính phủ nước ta trước đây. Họ quyết định thực hiện một vụ ám sát. Họ lập âm mưu ròn rã cả ngày lẫn đêm, cuối cùng họ hạ lệnh tấn công, và hầu như luôn luôn bị cảnh sát bắt được. Còn nhân vật họ cố giết thì thường vượt mất một cách bình an vô sự. Đối với chúng tôi thì không thể như vậy.

- Ông chẳng bao giờ thất bại à?

- Chúng tôi cố gắng hạn chế thất bại đến mức tối thiểu. Bất kỳ thành viên nào thất bại vì yếu đuối hay sợ hãi sẽ bị trừng phạt bằng cái chết - Pazini trang trọng dừng lại, đôi mắt xanh nhạt của ông lóe lên một tia đắc thắng - Chúng tôi chưa hề thất bại. Dĩ nhiên chúng tôi kỳ hạn cho người đó một năm để thi hành vụ ám sát. Nếu đó là một vụ quan trọng, anh ta cũng sẽ có một vài trợ thủ, và tôi nhắc lại, chúng tôi chưa hề thất bại. Đây là tổ chức được hoàn thiện đến mức tối đa mà óc con người có thể nghĩ ra được. Thậm

chỉ nếu tôi có tự ý rút chân ra, hay chết bất ngờ, tổ chức của chúng tôi vẫn tiếp tục hoạt động như thường.

- Ông có đặt ra một giới hạn nào trong việc nhận hợp đồng thuê ám sát không? - Hall hỏi.

- Không có giới hạn nào cả - chúng tôi nhận ám sát từ vua chúa tới hàng dân giả - với điều kiện, và đây là điều kiện quan trọng - việc giết họ nhất thiết phải hợp với lẽ phải. Và một khi chúng tôi đã nhận tiền công trả trước, và đã công nhận việc giết một người nào đó là đúng, việc ám sát phải được thi hành. Đó là một trong những luật lệ của chúng tôi.

Trong khi Winter Hall lắng nghe, trong đầu anh chợt lóe lên một ý tưởng cuồng dại. Ý tưởng đó kỳ quái đến độ hầu như điên loạn, đến nỗi anh cảm thấy bị nó hấp dẫn không sao tả xiết.

- Phải công nhận ông là một người vô cùng đạo đức, - Anh bắt đầu - một người - mà tôi có thể gọi là nhà đạo đức nhiệt thành.

- Hay là một người quái dị - Pazini nhẹ nhàng thêm vào - Phải, tôi rất có thiện hướng đó.

- Ông sẽ làm bất kỳ điều gì ông cho là đúng?

Pazini gật đầu xác nhận, và rồi sau một sự im lặng bao trùm cả hai người. Ông lên tiếng đầu tiên.

- Anh có ý định trừ khử một người nào đó. Ai vậy?

- Tôi rất hiếu kỳ, - Anh đáp - và cũng rất quan tâm, ông biết đấy, đến việc dàn xếp những điều kiện trong hợp đồng, do đó tôi muốn hỏi ước thử vài điều. Ông chắc hẳn phải có một thang giá tiền công quy định bởi vị trí và tầm ảnh hưởng của... nạn nhân chứ?

Pazini gật đầu.

- Giả sử tôi muốn thủ tiêu một ông vua? - Anh hỏi.

- Vua cũng có trăm ngàn loại vua. Giá cả do đó cũng thay đổi. Kể anh muốn giết là một ông vua à?

- Không kẻ ấy không phải là một ông vua. Đó là một người rất có uy lực, tuy nhiên hẳn không mang tước hiệu Hoàng Gia.

- Hẳn là Tổng thống à? - Pazini vội hỏi.

- Không, hẳn không giữ một địa vị chính trị nào cả. Sự thực, hẳn là một dân thường. Để đảm bảo việc thủ tiêu một người dân thường, ông đòi bao

nhiều.

- Giết một người như thế sẽ dễ hơn và ít nguy hiểm hơn. Giá cũng sẽ rẻ hơn.

- Không như thế đâu, - Hall nhấn mạnh - tôi có thể chi rộng rãi trong vụ này. Đây sẽ là vụ ám sát rất khó khăn và nguy hiểm. Hắn là một người có đầu óc xuất chúng và trí tuệ phi thường.

- Một tên triệu phú?

- Tôi không biết.

- Tôi đề nghị giá 40.000 \$ - Thủ lĩnh Văn phòng kết luận - Đương nhiên, sau khi điều tra lí lịch y, tôi có thể tăng giá lên. Mặt khác, tôi có thể giảm giá xuống.

Hall rút trong ví ra một xấp giấy bạc khổ lớn, đếm tiền và giao cho ông.

- Tôi nghĩ rằng ông làm ăn trên cơ sở tiền mặt, - Anh nói - do đó tôi đã chuẩn bị trước. Và bây giờ, theo như tôi hiểu, ông sẽ đảm bảo giết....

- Tôi không làm công việc giết người - Pazini ngắt lời.

- Ông sẽ đảm bảo cho người giết nhân vật tôi nói tên.

- Đúng như thế, đương nhiên với điều kiện là cuộc điều tra của chúng tôi công nhận việc giết người đó được lương tâm cho phép.

- Rất tốt. Tôi hoàn toàn hiểu vấn đề. Bất kỳ người nào tôi nói tên, thậm chí có thể là cha tôi hay cha ông.

- Phải, mặc dù hiện nay tôi chẳng còn cha hay con nào cả.

- Giả sử tôi nói người đó là chính tôi?

- Công việc vẫn phải thi hành. Lệnh giết sẽ được ban ra. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về những ý tưởng bốc đồng của thân chủ.

- Nhưng giả sử, vào ngày mai hay tuần tới tôi chợt thay đổi ý định?

- Khi đó đã quá muộn - Pazini cương quyết nói - Một khi lệnh giết đã được ban ra, nó sẽ không bao giờ rút lại được. Đó là một trong những luật lệ cần thiết nhất của chúng tôi.

- Rất tốt. Tuy nhiên, tôi không phải là kẻ đó.

- Thế kẻ đó là ai?

- Người ta gọi hắn bằng cái tên Carlos Pazini.

Hall nói câu đó một cách khá trầm tĩnh, và người kia đón nhận câu nói đó bằng vẻ trầm tĩnh như vậy.

- Tôi muốn biết rõ hơn về lý lịch hấn - Pazini đề nghị.

- Tôi tin rằng hấn là một người gốc Ý. Tôi biết hấn đang cư trú tại New York. Da hấn vàng hoe, vàng một cách độc đáo, và kích thước, chiều cao, cân nặng cũng như tuổi tác trạc bằng khoảng ông.

Đôi mắt xanh nhạt của Pazini nhìn chăm chăm vào người khách một hồi lâu. Cuối cùng ông nói.

- Tôi sinh ra ở miền Sicily. Người ông nói sinh ở đâu?

- Ở miền Sicily.

Pazini nhìn đăm đăm dò xét người khách không chớp mắt.

- Tôi buộc phải tin rằng người ông đang ám chỉ chính là tôi.

Hall gật đầu khẳng định.

- Điều này quả thật ngoài dự đoán - Pazini tiếp tục - Tôi vô cùng hoang mang. Thành thực mà nói, tôi không thể hiểu tại sao anh lại muốn lấy mạng tôi. Tôi chưa hề gặp anh bao giờ. Chúng ta không biết nhau. Tôi không thể đoán được động cơ, dù là xa xôi nhất, trong hành động của anh. Dù sao đi nữa, anh quên rằng tôi phải được lễ phải cho phép trước khi tôi ban lệnh thi hành vụ xử tử này.

- Tôi sẵn lòng cung cấp cho ông lễ phải đó - Hall đáp.

- Nhưng anh phải chứng minh cho tôi tin.

- Tôi sẵn sàng làm việc đó. Chính bởi tôi tin rằng ông là một nhà đạo đức quái dị như ông đã tự nhận nên tôi mới đưa ra đề nghị này. Tôi tin rằng, nếu tôi có thể chứng minh cho ông thấy việc ông chết là hợp với lễ phải thì ông sẽ tiến hành việc thủ tiêu này. Đúng chứ?

- Anh nói đúng - Pazini dừng lại và gương mặt ông sáng lên một nụ cười - Nhưng như thế vụ đó đương nhiên thành một vụ tự tử, và anh biết đấy, đây là Văn phòng Âm sát mà.

- Ông sẽ ban lệnh xuống cho một trong những thành viên của ông. Theo như tôi hiểu, vì muốn bảo toàn sinh mạng, người đó buộc phải thi hành mệnh lệnh.

Pazini thậm chí tỏ ra rất hài lòng.

- Rất đúng. Điều đó chứng tỏ bộ máy tôi sáng tạo ra hoàn thiện đến mức nào. Nó thích ứng được với tất cả sự bất ngờ, ngay cả sự bất ngờ nhất do anh đặt ra. Được. Anh làm tôi chú ý. Anh rất độc đáo. Anh có óc tưởng

tượng kỳ lạ. Hãy chứng minh cho tôi thấy lẽ phải và đạo đức trong việc thủ tiêu tôi khỏi cuộc đời này.

- Người không nên giết người [1], - Hall bắt đầu.

- Xin lỗi - Pazini ngắt lời - Chúng ta cần phải đồng ý trên nền tảng của cuộc tranh luận này, mà tôi e rằng sẽ nhanh chóng biến thành lý luận trừu tượng. Vấn đề đặt ra là anh phải chứng minh được tôi đã phạm sai trái gì để dẫn đến kết luận tôi chết là đúng. Và tôi sẽ phán xét. Tôi đã phạm sai trái gì? Tôi đã ban lệnh xử tử một người vô tội nào chưa? Tôi đã vi phạm những nguyên tắc đạo lý do chính tôi đặt ra như thế nào, hay thậm chí có phạm tội vì vụng về hay ngu ngốc không?

- Tôi hiểu, và tôi sẽ thay đổi nội dung cuộc nói chuyện theo chiều hướng đó. Thứ nhất, tôi muốn biết ông có chịu trách nhiệm về cái chết của John Mossman không?

Pazini gật đầu.

- Anh ta là bạn tôi. Tôi không biết rõ cả cuộc đời anh ta. Anh ta không có tội. Anh ta không hề làm hại ai cả.

Hall đương thao thao nói rất chân thành thì người kia mỉm cười thích thú và giơ tay ngăn anh lại.

- Cách đây khoảng bảy năm, John Mossman xây cao ốc Fidelity. Hắn ta đào tiền ở đâu ra? Một người như hắn ta - một nhân viên quèn ở ngân hàng, suốt đời an phận thủ thường - ngau lúc đó đột nhiên xuất hiện nhiều vốn đầu tư vào những tổ chức kinh doanh lớn. Anh nhớ đến số tài sản hắn ta để lại chứ? Hắn đào tất cả tiền bạc đó ở đâu ra cơ chứ?

Hall định nói thì Pazini ra hiệu rằng ông chưa dứt lời.

- Anh nhớ, một thời gian ngắn trước khi hắn xây cao ốc Fidelity, Công ty liên hợp Combine ra tay chèn ép Công ty thép Carolina đến độ nó bị phá sản và nhẹ nhàng tịch thu toàn bộ tài sản còn lại. Giám đốc Công ty thép Carolina đã phải tự tử.

- Để khỏi phải ngồi tù - Hall xen lời.

- Ông ta đã bị lừa.

Hall gật đầu nói: - Tôi nhớ rồi. Bị một tên hùn hạp trong công ty Combine lừa.

- Gã lừa bịp đó chính là John Mossman.

Hall im lặng sững sờ, trong khi người kia tiếp tục.

- Anh yên tâm, tôi có khả năng chứng minh sự kiện đó, và tôi sẽ cho anh thấy. Nhưng tạm thời, mong anh hãy chấp nhận những gì tôi tuyên bố. Tất cả những điều đó sẽ được chứng minh để anh thỏa mãn.

- Thôi được. Ông có giết Stolypin?

- Không. Hoàn toàn vô tội. Bọn khủng bố Ý giết ông ta.

- Ông hứa danh dự chứ?

- Tôi hứa.

Hall lục lại trong óc những vụ ám sát mà anh đã thống kê và bắt đầu một cố gắng mới.

- Còn James và Hardman, Giám đốc và Thư ký Hội Liên Hiệp Những người thợ mỏ vùng Tây Nam...

- Chúng tôi giết, - Pazini cắt ngang - và có gì sai, anh nói đi, trong việc giết chúng?

- Ông là một nhà nhân đạo. Sự nghiệp của Công Đoàn cũng như của công nhân hẳn là mối quan tâm mật thiết của ông chứ. Cái chết của hai người lãnh đạo đó là tổn thất rất lớn với Công Đoàn.

- Ngược lại là đằng khác - Pazini đáp - Chúng bị giết năm 1904. Trong suốt 6 năm trước đó, Liên Hiệp Công Đoàn không hề giành được một thắng lợi nào, mà lại còn bị đàn áp tàn bạo trong ba cuộc đình công kinh hoàng. Trong vòng sáu tháng sau khi hai tên lãnh đạo kia bị thủ tiêu, Liên Đoàn thắng lợi trong cuộc đình công năm 1905, và từ đó đến nay không ngừng đạt được những thành quả đáng kể.

- Ông nói thế có nghĩa gì? - Hall hỏi gặng.

- Có nghĩa là không phải Liên minh các chủ mỏ tạo ra cuộc ám sát. Tôi muốn nói chính James và Hardman đã bị Liên minh các chủ mỏ nay bí mật mua chuộc, và mua chuộc bằng số tiền lớn. Tôi muốn nói chính những người thợ mỏ đã trưng cho chúng tôi xem bằng chứng về sự phản bội của hai tên lãnh đạo, và họ trả tiền công cho chúng tôi để thủ tiêu chúng. Chúng tôi giết hai tên đó với giá 25.000 \$.

Winter Hall bối rối ra mặt, anh suy nghĩ một lúc lâu trước khi nói tiếp.

- Tôi tin ông, ông Carlos Pazini ạ. Ngày mai hay ngày mốt tôi sẽ cùng ông kiểm chứng lại sự việc. Nhưng đó chỉ đơn thuần là vấn đề thủ tục cần

thiết. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ tìm một cách khác để thuyết phục ông. Danh sách của những vụ ám sát còn rất dài.

- Dài hơn anh nghĩ.

- Và tôi tin rằng ông cũng có những cách biện hộ tương tự để chứng minh tất cả những vụ ám sát đó là đúng. Hãy cẩn thận, không phải tôi không tin những vụ giết người đó là đúng, nhưng tôi tin chúng chỉ đúng với ông thôi. Ông sợ cuộc tranh cãi sẽ đi sâu vào lý luận, và nỗi sợ hãi đó rất có cơ sở. Chính nhờ cách đó mà tôi hi vọng sẽ thắng ông. Đề nghị chúng ta tạm hoãn đến ngày mai. Ông sẽ dùng cơm trưa với tôi chứ? Hay ông thích chúng ta gặp lại ở nơi nào khác?

- Tôi nghĩ ta nên gặp lại ngay đây, say bữa trưa. - Pazini khoát tay về phía những bức tường phủ đầy sách - Có rất nhiều tài liệu tin cậy, anh thấy đó, và chúng ta có thể dễ dàng đặt mua thêm nhiều hơn nữa ở chi nhánh thư viện Carnegie ở góc phố.

Ông nhấn nút gọi, và cả hai cùng đứng dậy khi gã người hầu bước vào.

- Tôi tin tôi sẽ thắng ông - Hall nói giọng tin tưởng khi chia tay.

Pazini nở một nụ cười kỳ lạ.

- Tôi không nghĩ như vậy - Ông nói - Nhưng nếu anh thắng, đó sẽ là một điều rất hãn hữu.

Chú thích:

[1] Nguyên văn: *Thou shalt not kill. Điều răn thứ sáu trong mười điều răn mà Đức Chúa trời ban cho Moses khi Moses dẫn đoàn giáo dân Do Thái đi đến miền đất hứa Palestine.*

Chương 5

Cuộc tranh luận giữa Hall và Pazini kéo dài trong nhiều ngày đêm. Ban đầu nó chỉ giới hạn trong phạm trù đạo đức, rồi nhanh chóng mở rộng và đào sâu hơn. Vì đạo đức là đỉnh điểm của tất cả các ngành khoa học, họ cảm thấy cần phải đi xuyên suốt những ngành khoa học đó để tìm kiếm những nền tảng nguyên thủy. Pazini yêu cầu Hall phải chứng minh được rằng quan niệm đạo đức “Người không nên giết người” do anh nêu ra là một lẽ phải có giá trị đầy triết lý kiên định và đầy sức thuyết phục, chứ không phải là niềm tin mang màu sắc Tôn giáo. Trong khi đó, để cho việc suy luận có thể tiến hành một cách thông minh và dễ theo dõi, họ thấy cần

bày tỏ và xác định những niềm tin căn bản nhất và lý tưởng tối cao của đối phương.

Đó là cuộc đọ sức giữa hai học giả, có đầu óc thực tế, và kết quả tồi hậu mà họ tìm kiếm thường bị chìm ngập giữa những cơn hào hứng cao độ và những xung đột về tư tưởng. Và Hall đã đánh giá đúng đối phương khi nhận thức được rằng, về phần ông, tất cả những gì ông làm chỉ đơn thuần là một sự tìm kiếm chân lý. Nếu ông thua và bị mất mạng thì điều đó cũng chẳng có tí gì ảnh hưởng đến sự suy luận của ông. Vấn đề cần giải quyết hiện nay là xét xem Văn phòng Ám sát do ông thành lập có phải là một tổ chức của lẽ phải hay không.

Hall kiên quyết dùng tất cả mọi lý lẽ để bảo vệ luận điểm duy nhất của anh là trong lịch sử tiến hóa của xã hội, thời đại hiện nay là thời đại mà xã hội như một tổng thể, phải tìm ra cách cứu cánh cho nó. Anh kết luận rằng, thời đại mà một kỵ sĩ trên lưng ngựa, hay những nhóm anh hùng hiệp sĩ lãnh sứ mệnh quyết định vận mạng cho toàn xã hội đã vĩnh viễn qua rồi. Anh nhấn mạnh rằng Pazini đã hành động theo kiểu một chàng hiệp sĩ như vậy, cưỡi trên lưng con chiến mã là Văn phòng Ám sát. Trên nền tảng niềm tin đạo đức đó, ông đã thi hành việc phán xét và trừng phạt, và trong một chừng mực, ông đã dẫn dắt và chà đạp xã hội theo hướng ông muốn.

Pazini, mặt khác, không phủ nhận việc ông đã đóng vai một hiệp sĩ trừ gian diệt ác, người suy nghĩ cho xã hội, quyết định cho xã hội và dẫn dắt xã hội, nhưng ông dứt khoát phủ nhận rằng xã hội, như một tổng thể, có đủ khả năng tự điều khiển nó, phủ nhận rằng, dù không kể đến những sai phạm ngu ngốc, sự tiến bộ của xã hội lại có thể đạt được do sự điều khiển của chính bản thân tổng thể đó. Và đây chính là điểm then chốt của vấn đề. Để giải quyết nó, họ giờ lại lịch sử, và theo dõi lịch sử tiến hóa của xã hội loài người, từ những chi tiết tỉ mỉ nhất trong cộng đồng người nguyên thủy đến nền văn minh cao nhất.

Sự thực, cả hai học giả đều rất thực tế và rất cụ thể, do đó họ đều công nhận và đồng ý rằng, yếu tố có lợi cho xã hội là yếu tố quyết định và cũng là yếu tố có ý nghĩa cao nhất về đạo đức. Và cuối cùng dựa trên thước đo này, Winter Hall đã thắng. Pazini chấp nhận thua cuộc, và Hall, phấn khởi

và hài lòng chột nấp lấy tay. Mặc dù rất ngạc nhiên, Pazini cũng đưa tay xiết chặt tay anh.

- Bây giờ tôi mới thấy, rằng tôi đã không quan tâm đầy đủ đến các yếu tố xã hội. Những vụ ám sát, đứng về mặt thực chất, cũng không sai nhiều khi đứng về mặt xã hội. Giữa những cá nhân với nhau thì không có gì sai cả. Nhưng cá nhân không phải là cá nhân đơn thuần. Họ là những phần tử trong khối nhân quần phức tạp. Tôi đã phạm sai lầm ở chỗ đó. Vấn đề đã khá sáng tỏ. Tôi đã sai. Còn bây giờ... - Ông ngừng lại và xem đồng hồ - Hai giờ rồi. Chúng ta đã bàn bạc khuya quá. Bây giờ tôi đã sẵn sàng để nhận hình phạt. Chắc anh cũng sẽ cho phép tôi có thời giờ thu xếp công việc trước khi tôi ban lệnh giết xuống cho các cộng sự chứ?

Hall do say sưa với cuộc tranh luận, đã quên mất đi các điều kiện trước đây, giờ giạt bắn cả người.

- Tôi không mong điều này, - Anh nói - và thực tình mà nói, tôi đã quên bằng nó rồi. Có lẽ điều đó không cần thiết nữa. Bản thân ông đã tin rằng việc ám sát là sai lầm. Đề nghị ông giải tán tổ chức này. Như thế là đủ.

Pazini lắc đầu.

- Thỏa thuận là thỏa thuận. Tôi đã thỏa thuận thi hành một vụ giết người cho anh. Mỗi cá nhân đều có những đặc quyền, và một trong những đặc quyền đó là việc giữ lời hứa. Tôi phải giữ lời hứa. Nhiệm vụ sẽ được thi hành. Tôi e rằng đó sẽ là nhiệm vụ cuối cùng do Văn phòng thực hiện. Bây giờ là sáng thứ bảy. Giả sử anh đợi đến tối mai để ban hành mệnh lệnh?

- Ngày... ngày mai à! - Hall thốt lên.

- Không tranh luận gì nữa cả - Ông nghiêm giọng trách - Hơn thế nữa, tất cả mọi cuộc tranh luận đều đã chấm dứt. Tôi từ chối không nghe gì hết. Dù vậy, tôi muốn nói thêm một việc nữa cho công bằng: Hãy nghĩ xem ám sát một người như tôi khó như thế nào, do đó tôi đề nghị tăng tiền công lên tối thiểu là 10.000 \$ nữa - Ông giơ tay ra hiệu còn muốn nói thêm nữa - Anh yên tâm, tôi rất khiêm tốn. Tôi sẽ làm các cộng sự của tôi lao đao để xứng đáng với món tiền công 50.000 hay hơn thế nữa...

- Nếu như ông giải tán tổ chức...

Pazini ra hiệu cho anh im lặng.

- Không bàn cãi nữa. Bây giờ là việc của tôi. Tổ chức này có thể được giải tán bất kỳ lúc nào, nhưng tôi báo để anh đề phòng: Thôi luật lệ của chúng tôi, tôi có thể trốn thoát. Và anh nhớ tôi có hứa rằng nếu đến kỳ hạn, nghĩa là cuối năm nay, mà nhiệm vụ không hoàn thành thì tiền công sẽ được hoàn lại cho anh cộng thêm 5%. Nếu tôi thoát, tôi sẽ tự tay hoàn lại anh số tiền.

Winter Hall nóng nảy khoát tay.

- Nghe tôi - Anh nói - tôi xin nhấn mạnh một điều. Ông và tôi đã đồng ý trên một nền tảng đạo đức. Lợi ích xã hội là nền tảng của tất cả các tiêu chuẩn đạo đức...

- Xin lỗi... - Ông ngắt lời -... của đạo đức xã hội mà thôi. Cá nhân, trong những phương diện nhất định vẫn là cá nhân.

- Cả tôi lẫn ông - Hall tiếp tục - đều không chấp nhận xái luật cổ xưa: nợ máu phải trả bằng máu. Chúng ta không tin vào việc trừng phạt tội ác. Những vụ giết người của Văn phòng ông, được xem là hợp với lẽ phải vì nạn nhân đều là những kẻ gây tội ác, nên đã không bị xếp loại như những sự trừng phạt. Ông xem những nạn nhân đó như những mầm bệnh trong xã hội, và xã hội sẽ tốt đẹp hơn nếu trừ khử chúng đi. Ông thủ tiêu chúng khỏi bộ máy xã hội theo đúng như nguyên tắc của những nhà phẫu thuật cắt bỏ những mụn nhọt ung thư. Tôi đã nắm rõ được quan điểm đó ngay lúc khởi đầu cuộc tranh luận.

Trở lại vấn đề khi nãy. Không chấp nhận chủ thuyết trừng phạt, ông và tôi đều xem tội ác đơn thuần là một khuynh hướng bất mãn chống lại xã hội, và như vậy, một cách tiện lợi và cảm tính, chúng ta đã xếp loại nó. Như thế, tội ác là một hiện tượng bất thường có tính xã hội, mang vài đặc tính bệnh hoạn. Nó chính là một thứ bệnh. kẻ phạm tội là một người mắc bệnh, và anh ta phải được đối xử thích hợp để có thể thoát khỏi bệnh đó.

Bây giờ xin nói về ông và quan điểm của tôi. Văn phòng Ám sát của ông mang khuynh hướng chống lại xã hội. Ông tin vào nó. Do đó ông đã bị bệnh. Niềm tin vào việc ám sát tạo nên căn bệnh của ông. Nhưng bây giờ ông không còn tin vào nó. Ông đã khỏi bệnh. Ông không còn có khuynh hướng chống lại xã hội. Cái chết của ông không còn cần thiết vì đó chính là

sự trừng phạt căn bệnh mà ông đã khỏi hẳn. Giải tán tổ chức và chấm dứt hoạt động. Đó là tất cả những gì ông phải làm.

- Anh nói hết chưa? - Pazini nhăn mặt hỏi.

- Rồi.

- Thế hãy nghe tôi trả lời và chấm dứt cuộc tranh luận. Tôi đã cho Văn phòng của tôi là hợp với lẽ phải, và tôi đã dùng lẽ phải điều hành nó. Tôi cũng đã biến nó thành một bộ máy hoàn hảo. Nền tảng của nó là những nguyên tắc đúng mực nhất định. Trong lịch sử hoạt động của Văn phòng, chưa hề có một nguyên tắc nào bị vi phạm. Một nguyên tắc đặc biệt trong những nguyên tắc này là điều lệ về hợp đồng với các thân chủ, trong đó chúng tôi đảm bảo thi hành nhiệm vụ đã nhận. Tôi nhận nhiệm vụ từ anh. Tôi đã nhận 40.000 \$. Thỏa thuận đặt ra là tôi sẽ ban lệnh xử tử chính tôi, nếu anh chứng minh cho tôi thấy rằng những vụ ám sát do Văn phòng thực hiện là trái với lẽ phải. Anh đã chứng minh thành công. Việc còn lại phải làm là thi hành hợp đồng.

Tôi rất tự hào về tổ chức này. Tôi sẽ không dùng hành động cuối cùng này để hủy hoại những nguyên tắc cơ bản và phá vỡ những luật lệ đã quyết định hoạt động của nó. Tôi xem đây là quyền của tôi với tư cách một cá nhân, và quyền này không hề mâu thuẫn với lợi ích xã hội. Tôi không muốn chết. Nếu tôi giữ cho không bị giết trong một năm, nhiệm vụ tôi nhận từ anh, như anh biết, sẽ tự động chấm dứt. Tôi sẽ cố hết sức để thoát thân. Và bây giờ, đừng bàn cãi thêm gì nữa cả. Tôi đã quyết định. Về việc giải tán Văn phòng, anh có đề nghị gì không?

- Cho tôi biết tên và tất cả chi tiết về mọi thành viên. Tôi sẽ thông báo cho họ biết để giải tán...

- Chỉ sau khi tôi chết hay đã hết thời hạn một năm - Pazini phản đối.

- Được rồi, sau khi ông chết, hay sau khi hết thời hạn một năm, tôi sẽ ra thông báo kèm theo lời đe dọa rằng tôi sẽ trình cảnh sát.

- Họ có thể sẽ giết anh - Pazini cảnh cáo.

- Phải, có thể lắm chứ. Cũng đành vậy thôi.

- Anh có thể tránh bị giết! Khi anh gửi thông cáo, báo cho họ biết tất cả tài liệu đã được một người thứ ba cất giữ ở sáu thành phố khác nhau, và nếu anh bị giết, tài liệu sẽ được giao cho cảnh sát.

Mãi đến ba giờ sáng họ mới giải quyết xong các chi tiết về việc giải tán tổ chức. Một sự yên lặng kéo dài sau đó, và mãi thật lâu Pazini mới lên tiếng.

- Anh biết không, Hall, tôi rất thích anh. Chính anh cũng có thể là một nhà đạo đức nhiệt thành. Anh cũng có thể thành lập một Văn phòng như thế này, tôi không biết nên khen anh thế nào hơn nữa, vì tôi tin rằng Văn phòng của tôi là một thành tích độc đáo. Dù sao đi nữa, tôi không chỉ thích anh, mà tôi biết tôi có thể tin cậy anh được. Anh biết giữ lời hứa như tôi đã giữ lời hứa. Tôi có một cô con gái. Mẹ nó đã mất, và nếu như tôi chết đi, nó sẽ chẳng có ai thân thuộc trên đời. Tôi muốn ủy thác con tôi cho anh. Anh có vui lòng nhận trách nhiệm đó không?

Hall gật đầu ưng thuận.

- Con tôi đã trưởng thành, do đó không cần làm giấy giám hộ gì cả. Nhưng con bé còn độc thân, tôi sẽ để lại cho con tôi một món tiền lớn, và anh sẽ coi sóc việc đầu tư món tiền đó. Tôi sẽ gặp con tôi chiều nay. Anh đi cùng với tôi chứ? Không xa lắm đâu, ở Edge Moor đường Hudson đây thôi.

- Lạ nhỉ, tôi cũng ghé thăm Edge Moor cuối tuần này - Hall buột miệng.

- Vậy sao! Edge Moor, nhưng ở chỗ nào?

- Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ đến đó cả.

- Không sao, khu vực đó nhỏ thôi. Anh có thể dành ra hai tiếng đồng hồ vào sáng chủ nhật. Tôi sẽ lái xe xuống chỗ anh. Gọi điện thoại cho tôi hay thời gian và địa điểm gặp anh. Số điện thoại của tôi là Suburban 245.

Hall ghi số điện thoại và đứng dậy.

Pazini ngáp khi họ bắt tay nhau.

- Giá mà ông suy nghĩ lại - Hall nài nỉ.

Nhưng Pazini lại ngáp, lắc đầu và tiễn khách ra về.

Chương 6

Rita lái xe đón Winter Hall từ nhà ga Edge Moor về.

- Bác rất nóng lòng gặp anh - Cô trấn an - Bác chưa biết anh là ai cả. Có lẽ do em bông đùa nên bác càng lộ vẻ sốt ruột ra mặt.

- Em có nói cho bác hay chưa? - Hall ý tứ hỏi.

Rita đột nhiên chăm chú vào việc lái xe.

- Gì cơ? - Cô hỏi

Để trả lời, Hall nắm lấy bàn tay cô. Cô liếc sang anh, nhìn đắm đắm vào mắt anh một lúc. Rồi mặt cô đỏ hồng lên thú nhận, ánh nhìn dịu đi, cô cúi xuống chăm chú lái xe.

- Có lẽ điều đó làm bác sốt ruột. - Hall nhẹ nhàng nhận xét.

- Em... em chưa hề nghĩ như vậy.

Cô quay mặt đi, nhưng anh có thể quan sát thấy một màu hồng đang lan dần trên má cô. Một lúc sau anh lại nói.

- Giấu giếm loanh quanh trong buổi hoàng hôn tuyệt vời như thế này thì thật uổng quá.

- Đồ ngốc - Cô la lên, nhưng cách cô nói biến từ đó thành một lời yêu thương.

Rồi cô quay lại nhìn anh, cười phá lên, và anh cùng cười, cả hai cảm thấy buổi hoàng hôn không hề bị vẩn đục, và thế giới thật tuyệt diệu.

Khi họ rẽ xe vào con đường dẫn đến ngôi nhà một tầng, anh hỏi cô nhà Pazini nằm hướng nào.

- Em chưa hề nghe đến tên Pazini, - Cô đáp - em biết chắc không có ai mang tên đó sống ở Edge Moor cả. Chuyện gì vậy?

- Họ có lẽ mới dọn đến - Anh gợi ý.

- Có lẽ vậy. Chúng ta đến nơi rồi. Grosset, đem vali của ông Hall vào. Bác tôi đâu rồi?

- Thưa cô, ông đang viết trong thư viện. Ông dặn để ông yên tĩnh làm việc cho đến bữa tối.

- Anh sẽ gặp bác trong bữa ăn - Cô bảo Hall - Và anh không có nhiều thời gian đâu. Chỉ phòng cho ông Hall, Grosset.

Mười lăm phút sau, trong khi Rita vắng mặt, Winter Hall bước vào phòng khách và bất ngờ đối mặt với người đàn ông anh vừa chia tay lúc ba giờ sáng nay.

- Quý thần ơi, ông làm gì ở đây? - Hall buột miệng la lên.

Nhưng người kia vẫn giữ vẻ mặt vô cùng điềm tĩnh.

- Tôi đang đợi được giới thiệu - Ông nói và chìa tay ra bắt tay Hall - Tôi là Antonio Barosi. Rita ắt hẳn đã tặng cả hai ta một sự bất ngờ đặc biệt.

- Và ông cũng chính là Carlos Pazini?

- Phải, nhưng không phải trong ngôi nhà này.

- Nhưng tôi không hiểu nổi! Ông nói có một cô con gái...

- Rita là con gái tôi mặc dù con bé tin rằng nó chỉ là cháu tôi. Đó là một câu chuyện dài, sau bữa tối tôi sẽ kể vắn tắt cho anh nghe khi không có mặt Rita. Nhưng tôi phải nói là tình thế lúc này thật mỹ mãn. Anh, người tôi đã chọn để giám hộ cho con gái tôi là Rita, cũng là, nếu tôi không lầm, người yêu của con bé, đúng không nào?

- Tôi... tôi không biết nên nói gì bây giờ - Hall lắp bắp, không biết phản ứng ra sao, đầu óc anh như tê liệt bởi sự kiện không thể tưởng tượng nổi này.

- Đúng không nào? - Pazini nhắc lại.

- Vâng đúng - Mãi rồi Hall mới đáp - Tôi rất yêu cô ấy. Tôi rất yêu Rita. Nhưng cô ấy có biết... ông không?

- Chỉ biết như một người bác, bác Antonio Barosi - chủ Công ty xuất nhập khẩu cùng tên, con bé ra rồi kìa. Như tôi đã nói, tôi cũng thích Turgenev hơn Tolstoy, như anh. Nói vậy không có nghĩa là chế bai giá trị của Tolstoy. Triết lý của Tolstoy... à, Rita, con đây rồi.

- Hai người làm quen rồi à, - Cô nàng nụ - con đã mong được có mặt trong giây phút gặp gỡ trọng đại này biết bao - Cô quay sang trách Hall, trong khi Pazini quàng tay ôm ngang lưng cô - Sao anh không nói cho em biết trước là anh có thể thay quần áo nhanh như vậy?

Cô đưa tay nắm tay anh.

- Đi anh, - Cô nói - chúng ta đi ăn tối nào.

Cứ như thế, tay Barosi quàng qua Rita, còn tay cô nắm nhẹ tay Hall dắt anh đi, cả ba bước vào phòng ăn.

Ngồi vào bàn, Hall cứ ao ước được cầu mình thật đau để có thể tỉnh táo nhận thấy rõ thực tế mà anh đang bị lôi cuốn vào. Tình thế đã trở nên lố bịch đến độ hầu như vô lý. Rita, người anh yêu, lúc thì nghiêng người, lúc thì mỉm cười với người cha mà cô tin là ông bác mình, người cô không thể ngờ được chính là người sáng lập và thủ lĩnh của Văn phòng Âm sát đáng sợ, còn anh, người Rita yêu, đang dự vào trò chống lại người anh đã trả 50.000 \$ để xử tử chính người đó, và Pazini, vẻ điềm tĩnh, khoan thai, vẫn

giữ nụ cười chung chung đó cho đến khi vẻ lạnh lùng thường nhật của ông tan biến đi nhường lại cho giọng nói ân cần thực sự.

Sau bữa ăn, Rita chơi đùa, ca hát cho đến khi Pazini viện hai lí do là có khách và muốn nói chuyện riêng với Hall để bảo cô đi ngủ. Ông trêu cô như kiểu bố trêu con rằng cô bé còn bé quá phải lên giường sớm. Cô chúc họ ngủ ngon, xoay một vòng ra cửa nhưng tiếng cười ròn rã của cô vẫn còn vọng lại. Pazini đứng lên khép cửa và trở lại ghế.

- Câu chuyện thế nào? - Hall chờ đợi.

- Cha tôi là một thầu khoán, - Ông kể - tên ông - à, anh chẳng cần nhớ tên ông làm gì. Gia sản của ông lên tới sáu mươi triệu lía, và tôi - với tư cách là con trai độc nhất, thừa hưởng toàn bộ món tiền đó. Tại Đại học, tôi bị nhiễm các tư tưởng cấp tiến và có tham gia một tổ chức chống đối. Nhóm chúng tôi gồm những tên không tưởng và hay mơ mộng, và đương nhiên nhóm chúng tôi gặp nhiều chuyện lồi thối. Tôi đã bị bỏ tù nhiều lần. Vợ tôi chết vì bệnh đậu mùa cùng một lúc với anh vợ tôi là Antonio Barosi, cũng chết vì bệnh đó. Cả hai chết trong nhà tôi. Âm mưu cuối cùng của chúng tôi đã bị bại lộ và lần này có nghĩa là tôi sẽ bị lưu đày. Tôi thoát thân một cách hết sức đơn giản. Anh vợ tôi, một người bảo thủ tiêu biểu, được chôn cất dưới tên tôi, và tôi trở thành Antonio Barosi. Rita khi đó còn bé. Tôi trốn khỏi nước khá dễ dàng, mặc dù tài sản còn lại bị nhà nước tịch thu. Và ngay tại New York, nơi đầy rẫy bọn mật thám Ý hoạt động, tôi vẫn đội tên giả của mình, cái tên anh hằng biết. Tôi thậm chí có trở lại Ý một lần, với tư cách của anh vợ tôi và bán các tài sản của ông. Tôi đã mang lý lịch giả này quá lâu rồi, Rita tưởng tôi là bác con bé, và tôi đã đóng vai trò ông bác bấy lâu nay. Toàn bộ câu chuyện là như vậy.

- Thế còn Văn phòng Âm sát? - Hall hỏi.

- Tôi tổ chức Văn phòng Âm sát vì tin tưởng rằng nó hợp với lẽ phải, và để chống lại định kiến cho rằng những người Ý chỉ là những nhà tư tưởng chứ không biết hành động, rất thành công, rất hoàn hảo. Nó cũng đem lại rất nhiều món lợi. Tôi đã chứng tỏ rằng tôi biết hành động, cũng như biết mơ mộng. Tuy nhiên, Rita vẫn gọi tôi là một người hay mơ mộng. Nhưng con bé không hiểu. Đợi tôi một chút...

Ông đi sang phòng bên cạnh và trở về mang theo một phong bì lớn.

- Bây giờ ta nói sang những chuyện khác. Người khách tôi đợi là người tôi sẽ ban lệnh xử tử. Tôi định làm việc này ngày mai kia, nhưng sự có mặt đúng lúc của anh tối nay đã xúc tiến cho công việc. Đây là những chỉ thị tôi dành cho anh - Ông giao cho anh một phong bì.

- Theo luật pháp, Rita phải kí vào những giấy từ chứng thư này, nhưng anh phải cố vắn cho con bé. Di chúc tôi để trong két sắt. Anh sẽ phải quản lý tiền bạc của tôi cho đến khi tôi mất hay trở về. Nếu tôi đánh điện cần thêm tiền hay bất cứ thứ gì, anh sẽ phải làm như tôi đã dặn. Trong phong bì này là mật mã tôi sẽ sử dụng, đồng thời cũng là mật mã tổ chức đã sử dụng.

Có một số tiền mặt lớn dùng trong trường hợp khẩn cấp mà tôi đã quản lý cho văn phòng bấy lâu nay. Số tiền này thuộc về các thành viên. Tôi sẽ ủy quyền cho anh giữ nó. Các thành viên sẽ rút số tiền đó ra để sử dụng khi cần thiết - Pazini lắc đầu ra chiều buồn bã rồi mỉm cười - Tôi e rằng họ sẽ phải trả giá rất đắt trước khi giết được tôi.

- Trời đất ơi! - Hall ra lên - Ông lại còn cung ứng tài lực, vật lực để họ tiến hành cuộc chiến nữa. Đáng lẽ ra ông phải làm họ không thể động đến món tiền đó.

- Như thế không công bằng, Hall ạ. Tôi là loại người lúc nào cũng cư xử công bằng. Trong vụ này anh nên vinh dự tin rằng anh cũng sẽ hành động một cách tương tự và tuân theo những chỉ thị của tôi. Đúng chứ?

- Nhưng ông đang yêu cầu tôi tiếp sức cho những người sẽ giết ông, cha của cô gái tôi yêu. Thật là vô lý! Thật là khủng khiếp! Hãy ngưng tất cả mọi việc này lại. Giải tán tổ chức và chấm dứt toàn bộ.

Pazini không hề bị lay chuyển.

- Ý tôi đã quyết. Anh biết mà. Tôi phải làm cái điều tôi tin tưởng, điều tôi tin là đúng. Anh sẽ tuân theo các chỉ thị của tôi chứ?

- Ông là một con quái vật! Một con quái vật bướng bỉnh, cứng đầu cứng cổ tượng trưng cho lẽ phải ngu xuẩn và điên loạn. Ông là một học giả đầu óc bệnh hoạn, ông là một nhà đạo đức đã hóa rồ, ông là... là...

Winter Hall không thể tìm ra những lời khuếch đại nào hơn nữa. Anh lấp bắp rồi im hẳn. Pazini nhún nhin mỉm cười.

- Anh sẽ tuân theo chỉ thị của tôi chứ? Đúng không nào?

- Đúng. Đúng. Đúng. Tôi sẽ tuân lệnh - Hall giận dữ hét lên - Rõ ràng là ông sẽ đi theo con đường ông chọn. Không có cách nào ngăn ông lại được. Nhưng tại sao phải là tôi nay cơ chứ? Bộ ngày mai không kịp để ông bắt đầu cuộc phiêu lưu điên loạn sao?

- Không. Tôi nóng lòng muốn bắt đầu ngay. Và anh đã dùng một từ rất chính xác. Cuộc phiêu lưu. Chính nó là như vậy. Từ thời thơ ấu, từ thời còn là thanh niên ở Ý áp ủ những giấc mơ về sự tự do cho toàn thể loài người, tôi chưa hề có một cuộc phiêu lưu nào. Tôi là một cái máy nghĩ. Tôi đã thành đạt trong thương trường. Tôi đã có sự nghiệp vững chắc. Tôi đã sáng lập Văn phòng Âm sát và điều hành nó. Và đó là tất cả. Tôi chưa hề được “sống”. Tôi chưa hề phiêu lưu. Tôi chỉ là một cá nhân, một bộ óc đồ sộ quanh quẩn mãi trong mạng lưới suy nghĩ và tính toán. Nhưng giờ là lúc tôi đập toang mạng lưới đó. Tôi sẽ lên đường phiêu lưu. Anh biết không, suốt đời tôi chưa hề giết một ai. Tôi cũng chưa hề thấy ai bị giết cả. Tôi chưa bao giờ bị tai nạn xe lửa. Tôi không biết thế nào là bạo lực, tôi lại chưa hề sử dụng sức mạnh đó, trừ những khi vui đùa với bạn bè, để đánh quyền anh, đô vật, và chơi những môn thể thao đai loại như thế. Bây giờ tôi sẽ thực sự sống, cả hồn lẫn xác, và đóng một vai khác. Hồi sức mạnh!

Ông chìa bàn tay trắng trẻo ra và giận dữ nhìn nó.

- Rita sẽ kể cho anh nghe rằng tôi có thể bẻ một đồng xu đặt ở giữa hai ngón tay. Những ngón tay sinh ra chỉ để bẻ những đồng xu thôi sao? Này, mượn cánh tay anh một lát nhé.

Chỉ với ngón tay cái và mấy đầu ngón tay, ông bắt lấy cánh tay Hall ở khoảng giữa từ cổ tay đến khuỷu tay. Ông nhấn mạnh, và Hall giật bắn người lên vì chỗ bầm tím đau nhói, như thể các ngón tay xuyên suốt xương thịt. Một phút sau, cánh tay anh được buông ra, Pazini cười khô khan.

- Không thương tích gì đâu, - Ông nói - mặc dù chỗ đó sẽ bầm tím khoảng một tuần. Bây giờ anh có hiểu tại sao tôi muốn thoát khỏi mạng lưới của tôi không? Tôi đã sống một cuộc đời vô vị suốt hai mươi năm nay. Tôi đã dùng những ngón tay để ký tên và giở sách. Từ mạng lưới nơi đây tôi đã đẩy những cộng sự của tôi vào cuộc phiêu lưu. Bây giờ tôi sẽ chống lại họ, và tôi cũng sẽ phiêu lưu. Đó sẽ là một trò chơi trọng đại. Trí tuệ tôi là trí tuệ bậc thầy đã sáng lập nên một bộ máy hoàn hảo. Chưa bao giờ nó thất bại,

không hủy diệt được người đã chỉ định. Bây giờ tôi là người được chỉ định. Câu hỏi đặt ra là: Liệu bộ máy đó có mạnh hơn tôi, người sáng tạo ra nó? Nó sẽ hủy diệt được người sáng tạo nó không. hay người sáng tạo nó sẽ đánh lừa được nó?

Ông chợt dừng, xem đồng hồ và bấm chuông.

- Đưa xe đến đây, - Ông bảo người hầu - và đem chiếc vali trong phòng tôi xuống xe.

Ông quay lại Hall khi người hầu đi khỏi.

- Bây giờ cuộc trốn chạy của tôi bắt đầu. Haas sẽ có mặt ở đây bất cứ lúc nào.

- Haas là ai?

- Thành viên hữu hiệu tuyệt đối nhất trong nhóm chúng tôi. Giết không sợ một ai. Hắn luôn được giao những nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm nhất. Hắn là một nhà đạo đức điên cuồng. Không một “thiên thần” hủy diệt nào có thể kinh khủng như hắn. Hắn là một ngọn lửa. Hắn không phải người mà là lửa. Rồi anh sẽ thấy! Hắn đến kia rồi.

Người đàn ông được đưa vào một phút sau đó. Hall hoàn toàn sửng sốt khi vừa trong thấy mặt hắn, một khuôn mặt cần cỗi bị tàn phá, hai má trũng sâu với đôi mắt sáng quắc, cháy rực, chỉ có thể thấy trong những cơn ác mộng. Chính lửa trong đôi mắt làm cả khuôn mặt dường như bị thiêu đốt.

Hall được giới thiệu, và vô cùng kinh ngạc khi người khách xiết chặt tay anh, chặt đến độ hầu như nhói buốt. Anh quan sát cử động của hắn khi hắn lấy ghế ngồi xuống. Hắn di chuyển nhẹ như mèo, và Hall tin chắc rằng hắn mạnh như hổ, mặc dù khuôn mặt khô cần xấu xí làm người ta đánh giá sai lầm về sức mạnh của hắn. Bộ mặt tạo nên ấn tượng rằng phần thân thể còn lại là một cái vỏ mong manh rút lại. Mặc dù hắn gầy, Hall vẫn nhận rõ những bắp tay và bắp vai cuộn cuộn.

- Anh Haas, tôi giao cho anh một nhiệm vụ - Pazini bắt đầu - Có lẽ nó sẽ là nhiệm vụ nguy hiểm nhất, khó khăn nhất mà anh từng được giao từ trước tới nay.

Hall thấy tỏ mồn một là đôi mắt gã cháy bùng lên một cách dữ tợn khi nghe tin.

- Vụ này đã được lương tâm tôi cho phép - Pazini tiếp tục - Nó hợp với lẽ phải. Người đó phải chết. Văn phòng đã nhận tiền công 50.000 \$ để giết hắn. Theo luật lệ của chúng ta, một phần ba số tiền đó thuộc về anh. Nhưng tôi e rằng công việc sẽ vô cùng khó khăn, nên tôi đã quyết định lần này phần anh sẽ được phân nửa. Đây là năm ngàn cho chi phí...

- Tiền chia thật khác thường - Haas ngắt lời, vừa nói vừa liếm môi như thể lửa trong người hắn đã làm đôi môi nứt nẻ.

- Người mà anh phải giết cũng rất khác thường - Pazini đáp lại - Anh cần gọi Schwartz và Harrison đến tiếp sức ngay lập tức. Nếu, sau một thời gian cả ba anh đều thất bại...

Haas khịt mũi tỏ vẻ không tin, và ngọn lửa trong con người hắn bùng rực bốc lên trên bộ mặt gầy gò, tham lam.

- Nếu sai một thời gian mà cả ba anh đều thất bại, triệu tập toàn bộ tổ chức.

- Người đó là ai? - Haas hỏi gặng, và hầu như gầm gừ nhả ra từng tiếng một.

- Đợi một lát - Pazini quay sang Hall - Anh sẽ nói gì với Rita?

Hall suy nghĩ một lúc.

- Phân nửa sự thật. Tôi đã phác cho cô ấy biết về tổ chức trước khi tôi biết ông. Tôi có thể kể rằng ông đang bị đe dọa. Thế là đủ. Và dù kết quả ra sao đi nữa, cô ấy không cần biết phần còn lại.

Pazini gật đầu đồng ý.

- Ông Hall đây sẽ giữ vai trò thư ký - Ông giải thích cho Haas hiểu - Anh ta giữ mật mã. Tất cả những yêu cầu về tiền bạc hay bất cứ thứ nào khác đều phải liên lạc qua anh ta. Thông báo từng lúc một cho anh ta biết công việc đi tới đâu.

- Người đó là ai? - Haas kèn kệt hỏi một lần nữa.

- Một phút nữa, anh Haas. Có một điều tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh với anh. Anh có nhớ lời cam kết chứ? Dù người đó là ai đi nữa anh hiểu rằng anh phải thi hành nhiệm vụ. Anh hiểu rằng anh phải bảo vệ tính mạng anh bằng mọi giá. Anh hiểu nếu anh thất bại, các đồng chí sẽ giết anh ngay.

- Tôi hiểu tất cả - Haas ngắt lời - Ông không cần phải nhắc lại.

- Tôi tha thiết mong rằng anh hoàn toàn nắm vững điểm này. Dù người đó là ai đi nữa...

- Cha, mẹ, vợ... à, quý sứ hay Thượng đế... Tôi hiểu. Người đó là ai? Tôi sẽ tìm hắn ở đâu? Ông biết tôi mà. Khi tôi có việc để làm, tôi muốn làm việc đó ngay.

Pazini quay sang Hall, nở một nụ cười hài lòng.

- Như tôi đã nói, tôi đã chọn người cộng sự giỏi nhất.

- Chúng ta mất thì giờ quá. - Haas sốt ruột lầu bầu.

- Rất tốt - Pazini đáp - Anh đã sẵn sàng chưa?

- Sẵn sàng.

- Ngay lúc này?

- Ngay lúc này.

- Người đó là tôi, Carlos Pazini.

Haas choáng váng trước sự hiện bất ngờ đó.

- Là ông à? - Hắn lẩm bẩm hỏi, như thể cố hòng hắn đã thiêu đốt những âm thanh lớn hơn khiến chúng không phát ra được.

- Chính tôi - Pazini vẫn tắt trả lời.

- Thế thì không có cơ hội nào tốt hơn bây giờ - Haas nói nhanh, đồng thời tay phải hắn thọc vào túi áo bên sườn.

Nhưng Pazini đã nhanh hơn, ông nhảy chồm lên Haas. Trước khi Hall kịp đứng dậy thì sự việc đã xảy ra và mối nguy hiểm không còn nữa. Hall thấy Pazini móc hai đầu ngón tay cái cứng như thép vào lỗ trũng nằm hai bên cẳng cổ Haas. Động tác của ông nhanh như cắt đến nỗi ngay khi hai đầu ngón tay cái vừa ấn xuống, bàn tay Haas định thò lấy vũ khí phải khựng lại. Hai tay hắn giơ lên và giằng giật nắm lấy tay ông. Mặt hắn nhăn nhó biểu hiện nỗi đau đớn cực độ. Hắn quần quai lăn lộn trong một phút, rồi nhắm mắt lại, hai tay thông xuống và người mềm nhũn ra. Pazini đỡ hắn nằm xuống sàn, ngọn lửa trong người hắn đã tắt và hắn bất tỉnh.

Pazini lật xấp hắn lại, dùng một khăn tay trói chặt hai tay hắn ra sau lưng. Ông trói rất nhanh, vừa trói vừa nói:

- Hall, hãy quan sát thuật gây mê đầu tiên dùng trong phẫu thuật. Đây chỉ đơn thuần là một động tác máy móc. Hai ngón tay cái nhấn mạnh lên hai động mạch chủ, ngăn không cho máu chảy lên óc. Người Nhật đã áp dụng

cách này vào các cuộc giải phẫu trong hàng nhiều thế kỷ. Nếu tôi nhấn mạnh khoảng một phút hay hơn nữa, hắn đã chết rồi. Còn như thế này, hắn sẽ tỉnh lại trong vài giây ngay thôi. Nhìn kia! Hắn bắt đầu động đậy.

Ông lật Haas lại, mắt hắn chớp chớp mở ra và hoang mang nhìn vào mặt Pazini.

- Tôi đã nói trước đây là một vụ khó khăn mà anh Haas - Pazini trấn an hắn - Anh đã thua trong lần ra tay đầu tiên. Tôi e rằng anh còn thua nhiều keo nữa.

- Tôi đoán ông sẽ chi tiền cho tôi - Hắn đáp - mặc dù tại sao ông lại muốn bị giết thì tôi không tài nào hiểu nổi.

- Nhưng tôi không muốn bị giết.

- Thế ông ban lệnh giết cho tôi làm gì cơ chứ?

- Đó là việc của tôi, anh Haas ạ. Việc của anh là phải làm thật tốt. Cố anh cảm thấy thế nào?

Người đàn ông đang nằm lắc đầu qua lại.

- Còn đau - Hắn nói.

- Anh nên học cái trò đó.

- Giờ tôi biết rồi, - Haas xoa tay lại - và tôi cũng biết rất chính xác hai ngón tay cái bấm vào nơi nào. Ông định làm gì tôi đây?

- Đem anh theo xe tôi và bỏ anh xuống đường. Đêm nay âm, anh sẽ không bị cảm lạnh đâu. Nếu tôi để anh ở lại đây, ông Hall có thể cởi trói cho anh trước khi tôi bắt đầu. Còn bây giờ anh cảm phiền cho tôi xem món vũ khí trong túi áo vest của anh.

Pazini chồm người sang và lôi trong túi áo của Haas ra một khẩu súng lục tự động.

- Đã lắp đầy đạn và lên cò sẵn sàng - Ông xem xét súng và nói

- Hắn chỉ việc dùng ngón tay gạt khóa an toàn và bóp cò. Anh đi ra xe với tôi chứ Haas? Haas lắc đầu.

- Ở đây thoải mái hơn ngoài đường.

Để trả lời, Pazini cúi xuống và nhẹ nhàng bấm ngón tay cái khủy khuỷu của ông vào cổ Haas.

- Tôi sẽ đi - Haas thở hắt ra.

Mặc dù hai tay bị trói sau lưng, người đàn ông đang nằm nhôm đứng dậy, rất nhanh và nhẹ, rõ ràng không có một chút khó nhọc, cho Hall thấy sức mạnh như hổ báo trong con người hắn.

- Thôi được, - Haas lầu bầu - tôi sẽ không kháng cự, và tôi sẽ nhin. Nhưng ông tấn công tôi bất ngờ và tôi nói cho ông biết điều này. Ông sẽ không thể giờ cái trò đó, hay bất kỳ thứ nào khác được nữa đâu.

Pazini quay sang Hall.

- Người Nhật nói con người có bảy tử huyệt khác nhau, nhưng tôi chỉ biết có bốn. Và người này tưởng có thể đấu tay đôi thắng tôi. Anh Haas, tôi nói cho anh biết. Anh nhìn cạnh bàn tay tôi đây này. Không cần đánh vào tử huyệt, không cần sử dụng vũ khí gì khác, chỉ cần sử dụng cạnh bàn tay như một cái rựa, tôi có thể đập nát xương anh, làm gãy xương anh và cắt đứt gân cốt anh như chơi. Bộ máy nghĩ mà anh từng biết cũng chơi khá đấy chứ nhỉ? Nào đi, chúng ta hãy bắt đầu. Đi đường này vào cuộc phiêu lưu. Tạm biệt Hall.

Cánh cửa chính khép lại sau lưng họ, và Winter Hall sững sờ nhìn quanh căn phòng hiện tại anh đang đứng. Trong anh tràn ngập cái cảm giác rằng mọi sự vật đều không có thực, đều không hiện hữu. Nhưng chiếc đàn dương cầm lớn vẫn đứng kia và những tạp chí đang lưu hành vẫn nằm đây, trên chiếc bàn đọc. Anh thậm chí còn liếc nhìn những tựa báo quen thuộc để cố xác định lại chỗ đứng của mình. Anh tự hỏi không biết ít phút nữa mình có tỉnh lại không. Anh liếc nhìn những tựa sách trên bàn - rõ ràng là sách của Pazini. Sắp xếp lộn xộn, nằm sát bên nhau là những tác phẩm “*Vấn đề Châu Á*” của Mahan, “*Lực lượng và sự vật*” của Buckner, “*Ông Polly*” của Wells, “*Bên ngoài cái Thiện và cái Ác*” của Nietzsche, “*Gánh nặng*” của Jacob, “*Học thuyết về giới ăn chơi*” của Veblen, “*Từ Epicurus đến Chúa Giatô*” của Hyde, và những tiểu thuyết mới nhất của Henry James - tất cả giờ đã bị một con người kỳ lạ xưa đã giam cuộc đời mình vào rừng sách vở từ bỏ để lao vào một cuộc phiêu lưu điên loạn không tưởng tượng nổi.

Chương 7

- Em khỏi đợi bác mất công, - Hall bảo Rita sáng hôm sau - chúng ta phải dùng điểm tâm và sửa soạn xuống phố.

- Chúng ta? - Cô hỏi, giọng ngạc nhiên thực sự - Để làm gì?

- Để thành hôn. Trước khi ra đi, bác em ủy nhiệm anh làm giám hộ cho em, và theo anh, việc làm tốt nhất là chính thức hóa vai trò của anh - nghĩa là, nếu em không có gì phản đối nghiêm trọng.

- Chắc chắn là có - Cô đáp - Thứ nhất, em không thích bị nắm đầu làm việc gì, ngay cả một việc rất vui sướng là thành hôn với anh. Kế nữa, em ghét những gì bí ẩn. Bác đâu rồi? Chuyện gì đã xảy ra? Bác đi đâu? Bác đón tàu hỏa đi lên thành phố từ sớm à? Và tại sao bác lại phải lên thành phố vào ngày Chủ Nhật?

Hall buồn bã nhìn cô.

- Rita, anh sẽ không khuyên em phải can đảm hay phải thế này, thế khác. Anh hiểu em, và điều đó không cần thiết. - Anh nhận thấy mặt cô càng lúc càng lộ vẻ lo lắng và vội tiếp - Anh không biết khi nào bác em sẽ trở lại. Anh không biết bác có trở lại hay không nữa. Em nghe đây. Em có nhớ Văn phòng Âm sát anh kể cho em nghe không?

Cô gật đầu.

- Đây, nó đã chọn bác em làm nạn nhân lần này. Bác phải chạy trốn để mong thoát thân.

- Ôi! Thật là tàn bạo! - Cô la lên - Bác Antonio! Bây giờ là thế kỷ XX. Người ta không còn làm những việc như thế nữa. Anh và bác đang âm mưu một trò gì đó lừa em.

Và Hall, tự hỏi không biết cô nghĩ thế nào nếu cô biết được toàn bộ sự thật về ông bác cô, mỉm cười khô khan.

- Anh thề danh dự sự thực là vậy - Anh trấn an cô - Bác đã bị chọn làm nạn nhân kế tiếp. Em có nhớ bác viết rất nhiều chiều hôm qua không? Bác đã nhận được thư đe dọa, do đó phải thu xếp công việc và chuẩn bị chỉ thị cho anh.

- Nhưng còn cảnh sát? Tại sao bác không yêu cầu họ bảo vệ bác khỏi tay lũ giết người đó?

- Bác em là một người kỳ lạ. Bác không chịu nghe một lời đề nghị nào của cảnh sát. Hơn thế nữa, bác đã bắt anh hứa không báo gì với cảnh sát.

- Nhưng em thì không - Cô ngắt lời anh, và đoạn bước ra cửa - Em sẽ điện thoại cho cảnh sát ngay đây.

Anh nắm chặt tay cô, và cô giận dữ xoay tròn chung quanh anh.

- Em yêu, nghe này - Anh đã dành - Toàn bộ sự việc là điên rồ, anh biết. Đó là một sự điên loạn hoàn toàn không thể có được. Thế nhưng nó lại là sự thực, một trăm phần trăm sự thực. Bác em không muốn cảnh sát xen vào. Đó là ý bác. Đó là mệnh lệnh đối với anh. Nếu em làm ngược ý bác, đó là do anh đã sai lầm kể cho em nghe. Anh tin rằng anh đã không sai lầm.

Anh thả tay cô ra, và cô lưỡng lự đứng ở ngưỡng cửa.

- Không thể thế được! - Cô buột miệng - không thể tin được! Anh... ồ... anh chỉ đùa thôi!

- Anh cũng không thể tin được, thế mà anh cũng buộc phải tin. Bác em xách theo một vali và ra đi tối hôm qua. Ông giao cho anh trông nom công việc của ông và của em. Đây là chỉ thị của ông về việc đó.

Hall rút ví ra và lựa vài tờ giấy với nét chữ không lẫn được của Antonio Barosi trên đó.

- Và đây cũng có một lá thư gửi cho em. Em hiểu là bác rất vội. Em vào đi rồi đọc thư trong bữa điếm tâm.

Bữa ăn trôi qua rất buồn tẻ. Rita không dùng gì ngoài một tách cà phê, còn Hall cố nuốt một quả trứng. Khi Rita đọc bức điện tín gửi cho Hall, cô cuối cùng mới tin đó là sự thực. Việc bức điện viết bằng mật mã, và Hall có chìa khóa giải mã làm cô thấy rõ vấn đề hơn, nhưng không làm cô hiểu rõ sự bí ẩn hơn.

Hall giải bức điện cho cô nghe: “Sẽ báo tin cho anh biết về tôi từng giai đoạn một. Thương yêu Rita. Nói với cô ấy tôi bằng lòng gả cô ấy cho anh. Còn cô ta quyết định sao thì tùy”

- Nhờ bức điện này, anh hy vọng sẽ theo dấu bác được - Hall giải thích
- Còn bây giờ, chúng mình hãy đi làm lễ thành hôn.

- Trong khi bác bị săn đuổi khắp nơi à? Không bao giờ! Chúng ta phải làm gì chứ. Em tưởng anh sẽ đập tan cái ổ giết người đó? Đập tan nó đi, và cứu bác.

- Anh không thể giải thích tất cả cho em hiểu - Anh nhẹ nhàng nói - Nhưng đây chính là một phần trong kế hoạch đập tan tổ chức đó. Anh không dự định kế hoạch theo phương hướng này, nhưng rồi nó vượt khỏi sự kiểm soát của anh. Tuy nhiên, anh có thể nói với em thế này. Nếu bác em có thể trốn thoát trong một năm, ông sẽ được an toàn, và không bao giờ sống

trong nguy hiểm nữa. Và anh nghĩ bác có thể tránh những người những người săn đuổi trong thời gian đó. Còn anh sẽ làm tất cả những gì trong khả năng để giúp bác, mặc dù các chỉ thị của bác hạn chế anh, thí dụ bác dặn dù hoàn cảnh thế nào đi chăng nữa cũng không được cầu viện cảnh sát.

- Đến cuối năm, em sẽ thành hôn - Rita cuối cùng quyết định.

- Rất tốt. Còn tạm thời, em có lên thành phố hôm nay không, hay em ở lại đây?

- Em sẽ đón chuyến tàu kế lên thành phố.

- Anh cũng thế.

- Vậy ta cùng đi - Rita nói, và lần đầu tiên suốt từ sáng nay, cô khẽ mỉm cười.

Đó là một ngày bận rộn đối với Hall. Chia tay Rita khi đến thành phố, anh lao vào thu xếp công việc của Pazini và thực hiện các chỉ thị của ông. Giám đốc công ty Antonio Barosi vẫn bướng bỉnh nghi ngờ Hall, mặc dù Hall đã đưa ông ta xem lá thư do chính tay ông chủ viết. Khi Hall gọi điện cho Rita để xác minh, viên giám đốc nghi ngờ không biết có phải cháu gái của ông chủ Barosi ở đầu dây không. Do đó Rita phải đích thân tới để chứng minh cho lời tuyên bố của Hall.

Sau đó anh và Rita cùng ăn trưa. Sau bữa ăn, anh một mình đến giữ chủ quyền căn hộ của Pazini. Anh đoán Rita không biết gì về căn nhà do gã người hầu câm-điếc canh giữ, Hall đã hỏi dò cô và biết anh đã đoán đúng.

Gã câm điếc không gây phiền phức gì nhiều. Bằng cách đối thoại trực diện để hấn có thể nhìn thấy môi anh mấp máy, anh nhận ra rằng nói chuyện với gã cũng dễ dàng như nói chuyện với người bình thường. Mặt khác, gã câm buộc phải viết ra những gì hấn muốn nói với Hall. Khi anh giao cho hấn lá thư của Pazini, hấn lập tức dí sát nó lên mũi và cẩn thận ngửi ngửi hít hít một lúc lâu. Hài lòng rằng đây là một bức thư thật, hấn công nhận Hall như chủ nhân tạm thời của ngôi nhà.

Tối hôm đó Hall tiếp ba người khách. Người khách thứ nhất là một người vui vẻ, phốp pháp, để râu mép, xưng tên là Burdwell, và là một trong những cộng sự của văn phòng. Tham khảo danh sách miêu tả các thành viên, Hall nhận ra hấn nhưng không phải dưới cái tên mà hấn xưng.

- Tên anh không phải là Burdwell - Hall nói

- Tôi biết - Hấn đáp - Có lẽ anh có thể nói tên tôi là gì.
- Tôi có thể. Tên anh là Thompson - Sylranius Thompson.
- Nghe cũng quen quen - Hấn vui vẻ trả lời - Có lẽ anh có thể nói vài điều khác chứ.

- Anh đã liên lạc với tổ chức được năm năm. Anh sinh ở Toronto. Anh bốn mươi bảy tuổi. Anh là giáo sư môn Xã hội học tại trường Đại học Tổng hợp Barlington, và anh bị buộc phải thôi dạy vì cách giảng dạy môn Kinh tế học của anh xúc phạm đến người sáng lập. Anh đã thi hành mười hai nhiệm vụ. Tôi có cần liệt kê ra đây không?

Sylranius giơ tay lên ngăn.

- Chúng ta không đề cập đến những vụ đó.
- Chúng ta làm điều đó ở ngay đây - Hall đáp lại. Vị cựu giáo sư Xã hội học lập tức nhận ngay câu nói bị chữa.

- Không cần liệt kê tất cả ra - Hấn nói - Kể lại vụ đầu và vụ cuối, và tôi sẽ biết có thể nói chuyện làm ăn với anh được hay không.

Hall lại tham khảo danh sách.

- Nhiệm vụ đầu tiên của anh là Sig Lemuels, Chánh án Cảnh sát. Đó là nhiệm vụ thử thách. Nhiệm vụ cuối cùng là Bertram Festle, người được giả sử bị chết đuối trong khi đang đi du thuyền ở Bar Point.

- Rất tốt - Sylranius Thompson ngưng lại để đốt một điếu xì gà - Tôi chỉ muốn kiểm nghiệm lại, thế thôi. Trừ Xếp ra tôi chưa hề gặp một người nào khác ở đây, do đó cũng khá bất ngờ khi phải nói chuyện với một người lạ. Thôi bây giờ nói chuyện công việc. Khá lâu rồi tôi không được giao nhiệm vụ nào, và giờ tôi đang kẹt tiền.

Hall rút ra một bản đánh máy những chỉ thị của Pazini và đọc cẩn thận một đoạn trong đó.

- Hiện nay, chưa có việc gì để giao cho anh - Anh nói - Nhưng đây là hai ngàn đô tôi đưa anh để chi dùng. Đây là tiền công trả trước những nhiệm vụ sau này. Hãy giữ liên lạc thường xuyên, vì có thể cần đến anh bất cứ lúc nào. Văn phòng đang giải quyết một vụ quan trọng, và có thể yêu cầu sự hiệp sức của tất cả các thành viên bất cứ lúc nào. Sự thực tôi được phép nói anh biết rằng sinh mạng của tổ chức đang lâm nguy. Xin anh ký biên nhận cho.

Vị cựu giáo sư ký vào biên nhận lấy tiền, pập xì gà và rõ ràng chưa định đi.

- Anh có thích giết người không? - Hall buột miệng hỏi.

-Ồ, tôi không phản đối - Thompson đáp - mặc dù tôi không thể nói rằng tôi thích làm việc đó. Nhưng chúng ta phải kiếm sống. Tôi có một vợ và ba con.

- Anh có tin rằng cách kiếm sống như vậy là đúng không? - Hall hỏi tiếp.

- Chắc chắn đúng, nếu không tôi đã chẳng kiếm sống bằng cách đó. Ngoài ra, tôi không phải là kẻ giết người. Tôi là người xử tử. Chưa hề có người nào bị Văn phòng thủ tiêu mà không có nguyên do, và tôi muốn nói là nguyên do chính đáng. Chỉ có những kẻ tội phạm xảo quyệt chống lại xã hội mới bị thủ tiêu thôi, như anh biết đấy.

- Tôi không ngần ngại nói để giáo sư biết rằng tôi biết rất ít về việc này. Đúng là như thế, mặc dù tôi đang chịu trách nhiệm điều hành văn phòng và hoạt động dưới những chỉ thị nghiêm khắc nhất. Xin anh nói cho biết, anh có sai lầm đặt lòng tin vào ông Xếp không?

- Tôi chưa nắm kịp ý anh.

- Tôi muốn nói đến niềm tin về mặt đạo đức. Ông ta có thể phán đoán sai lầm không? Ông ta có chọn anh giết, chẳng hạn, tôi xin lỗi, chọn anh xử tử một người không phải là một kẻ tội phạm xảo quyệt chống lại xã hội không, hay là một người có thể hoàn toàn vô tội về những hành vi sai trái người ta buộc cho anh ta không?

- Không, anh bạn trẻ ạ, điều đó không thể xảy ra. Bất kỳ khi nào tôi được giao nhiệm vụ, và tôi tin rằng các cộng sự khác cũng thế, trước tiên tôi yêu cầu có được bằng chứng, rồi sau đó cân nhắc rất cẩn thận. Tôi thậm chí có lần đã từ chối một nhiệm vụ được giao vì tôi có những điều nghi ngờ hợp lý. Quả là sau đó người ta đã chứng minh cho tôi thấy rằng mình sai, nhưng nguyên tắc vẫn là nguyên tắc, anh thấy chứ. Văn phòng sẽ không tồn tại nổi một năm, nếu nó không được xây dựng vững chắc trên lẽ phải. Các nhân tôi, lấy đơn cử một ví dụ, sẽ không thể nhìn thẳng vào mắt vợ tôi hay ôm các đứa con ngây thơ của tôi vào lòng nếu tôi tin rằng Văn phòng và các nhiệm vụ mà nó giao cho tôi thi hành là trái với lẽ phải.

Sau khi vị cựu giáo sư ra về, Haas đến, dữ tợn và mệt mỏi để báo cáo công việc.

- Xếp đang đi về hướng Chicago - Hấn bắt đầu - Ông lái xe chạy thẳng tới Albany và lên xe lửa ở ga Trung tâm New York. Vé tàu nằm của ông đi Chicago. Tôi đến trễ quá không theo dõi ông ta được, do đó tôi đã đánh điện cho Schwartz ở thành phố này, và hấn đã đón chuyến tàu kế đuổi theo. Tôi cũng đã đánh điện cho trưởng nhánh Chicago, anh biết hấn chứ?

- Biết, Starkington.

- Tôi hãnh diện kể cho hấn biết tình hình và bảo hấn phải hai cộng sự bám theo Xếp. Sau đó tôi đến New York để liên lạc với Harrison. Sáng sớm mai, việc đầu tiên hai chúng tôi sẽ làm là lên đường đi Chicago. Nếu từ giờ đến khi đó, Starkington không báo về là đã có tin tức về Xếp.

- Nhưng anh đã hành động vượt quá mệnh lệnh - Hall phản đối - Tôi nghe Pa... Xếp dặn anh kỹ lưỡng là Schwartz và Harrison phải hỗ trợ anh, và chỉ yêu cầu các thành viên còn lại tiếp sức khi ba anh thất bại, và đã nhiều lần thất bại kia. Anh chưa thua mà. Anh thậm chí cũng chưa thực sự bắt đầu nữa.

- Rõ ràng là anh biết rất ít về hệ thống của chúng tôi. - Haas đáp - Thông lệ của chúng tôi là nếu có một sự săn đuổi sang các thành phố khác thì có quyền gọi bất kỳ một thành viên nào đang có mặt ở thành phố đó.

Khi Hall vừa định nói thì gã cầm điếu bước vào mang theo một bức điện gửi cho Pazini. Hall đọc bữ điện và biết người gửi là Starkington. Anh giải mã và đọc lớn cho Haas nghe:

“Haas điên rồi à? Nhận được điện từ Haas nói rằng ông chỉ định hấn xử tử ông, rằng ông đang trực chỉ Chicago và tôi phải phải hai cộng sự theo dõi ông. Haas chưa hề nói láo. Chắc hấn điên rồi. Hấn có lẽ sẽ nguy hiểm. Coi chừng hấn”.

- Harrison cũng nói ý như vậy khi tôi kể cho hấn nghe cách đây chưa đầy một tiếng - Haas nhận xét - Nhưng tôi đâu có nói láo, cũng đâu có điên. Hall, anh phải làm sáng tỏ vụ này.

Với sự giúp đỡ của Haas, Hall viết một bức điện trả lời:

“Haas không điên cũng không nói láo. Anh ta đã nói đúng... Cộng tác với anh ta như đã được yêu cầu - Winter Hall - Quyền Thư ký”.

- Chính tôi sẽ gửi bức điện - Haas nói, và đứng dậy ra về.

Vài phút sau Hall gọi điện cho Rita, báo tin bác cô đã trực chỉ đến Chicago. Theo sau đó là cuộc gặp gỡ với Harrison. Tên này đến để kiểm chứng những gì Haas đã kể với hắn và sau khi nghe Hall giải thích ngọn ngành đã tin tưởng ra về.

Hall ngồi một mình suy nghĩ về những biến cố đã xảy ra. Anh đưa mắt nhìn quanh chiếc bàn giấy và những bức tường đầy sách, cái cảm giác rằng mọi sự vật đều không có thực lại trở về. Làm sao có thể tồn tại một Văn phòng Âm sát gồm toàn những nhà đạo đức điên loạn? Làm sao lại có thể là chính anh, người dự định phá hủy Văn phòng Âm sát, giờ lại đang ngồi ở tổng hành dinh và thực sự điều hành Văn phòng đó, chỉ huy việc săn đuổi và cũng có thể là việc xử tử người đã sáng lập ra tổ chức, cha của cô gái anh yêu, và người mà vì cô, anh tha thiết mong cứu thoát - Làm sao lại có thể như vậy được nhỉ?

Và để chứng minh rằng toàn bộ sự việc đang thực sự xảy ra, bức điện thứ hai từ trưởng nhánh Chicago bay đến, gặng hỏi:

“Anh là kẻ nào vậy?”

Hall điện trả lời:

“Thư ký tạm thời do Xếp chỉ định”

Vài giờ sau đó Hall bị đánh thức dậy để nhận bức điện thứ ba từ Chicago:

“Mọi việc quá bất thường. Từ chối không liên lạc gì thêm với anh nữa. Xếp đâu? - Starkington”

Hall giận dữ đáp lại:

“Xếp đã đi Chicago. Theo dõi các chuyến xe lửa đến và bám theo ông ta để chỉ thị cho Haas. Nếu anh không liên lạc thì tôi cũng chẳng cần”.

Đến trưa hôm sau, tin tức từ Starkington tới tập gửi về:

“Đã gặp Xếp. Ông xác minh tất cả. Tôi xin lỗi. Xếp bẻ lợi tay tôi và thoát đi rồi. Đã phái bốn thành viên ở Chicago đuổi theo ông”.

“Schwartz vừa mới đến”.

“Đoán Xếp sẽ đi về hướng Tây. Đương điện cho St.Louis, Denver và San Francisco canh chừng ông. Có lẽ sẽ tốn kém. Gửi tiền tới trước phòng bắt trộm”.

“Dempsey bị gãy ba xương sườn và liệt tay phải. Không liệt vĩnh viễn. Xếp thoát rồi”.

“Xếp vẫn còn ở Chicago nhưng không xác định được nơi nào”.

“St.Louis, Denver và San Francisco đã trả lời. Họ nói tôi điên. Xin phiên anh xác minh”.

Trước khi bức điện cuối cùng đến, Hall đã nhận được tin từ ba thành phố nói trên. Tất cả đều không tin vào thông báo và chỉ thị điên cuồng của Starkington, và anh đã trả lời họ như đã trả lời Starkington như lúc ban đầu.

Ngay trong khi vụ lộn xộn còn đang rối ren thì Hall nảy sinh một ý tưởng, và anh gửi một bức điện dài cho Starkington làm sự việc đã rối càng rối thêm:

“Ngưng săn đuổi Xếp. Triệu tập một hội nghị các thành viên và xem xét đề nghị sau đây. Quyết định xử tử Xếp là bất thường. Xếp chấp nhận quyết định giết chính ông ta. Tại sao? Chắc chắn ông bị điên. Giết một người không làm gì sai trái là không đúng. Xếp đã phạm sai trái gì? Lương tâm các anh không cân nhắc à?”

Bức điện trả lời chứng tỏ vấn đề Hall nêu ra rất hóc búa và đã ngăn chặn được hoạt động của Chicago.

“Đã bàn bạc. Anh đúng. Quyết định của Xếp nhằm giết chính mình không đứng vững. Xếp không phạm sai trái gì. Sẽ để ông tự do. Cánh tay Dempsey đã khá hơn. Tất cả đều đồng ý rằng Xếp đã hóa điên”.

Hall rất hân hoan. Anh đã đẩy những nhà đạo đức điên này đến cơn điên tột đỉnh. Pazini đã được an toàn. Tối hôm đó anh đưa Rita đi xem hát, ăn tối và lạc quan khuyên cô hy vọng đợi bác. Nhưng về đến nhà anh đã thấy một chồng điện tín nằm đợi.

“Chicago hủy bỏ lệnh giết Xếp. Luật lệ của chúng ta là không bao giờ mệnh lệnh bị hủy bỏ. Chuyện gì đã xảy ra? - Denver”

“Đã nhận được điện từ Chicago hủy vụ giết Xếp. Bức điện cuối cùng của anh chỉ thị ngược lại. Chúng tôi nên kết luận thế nào? - St.Louis”

“Xếp đâu? Tại sao ông ta không liên lạc với chúng tôi. Trong bức điện cuối cùng Chicago báo đã rút lui khỏi nhiệm vụ trước. Mọi người điên rồi à? Hay đây chỉ là chuyện đùa? - San Francisco”

“Xếp vẫn ở Chicago. Xếp gặp Carthey trên đường State. Cố như để Carthey theo dõi ông rồi bám theo Carthey và mắng hấn. Carthey nói không làm gì nữa. Xếp rất bức. Khẳng định lệnh giết phải được thi hành. - Starkington”

“Xếp gặp Carthey sau đó. Tấn công Carthey trước. Carthey không bị thương. - Starkington”

“Sự can thiệp của anh làm tất cả rối beng lên. Anh có quyền gì xen vào chứ? Phải chấn chỉnh lại việc này. Anh đang âm mưu gì? Trả lời! - Drago”

Hall trả lời.

“Mưu định việc hợp với lẽ phải. Anh không thể vi phạm luật lệ của chính anh. Anh viên không được quyền tự ý hành động”.

Và bức điện cuối cùng tối hôm đó từ Pazini gửi về.

“Tầm bậy quá!”

Chương 8

Mãi đến mười giờ sáng hôm sau Hall mới nhận được tin về trò chơi kẻ của Pazini. Chính Xếp gửi đến.

“Đã gửi bức điện này tới tất cả các chi nhánh. Đã đích thân đến chi nhánh Chicago và họ sẽ xác nhận tin này. Tôi tin rằng tổ chức của chúng ta là sai. Tôi tin rằng tất cả những thành viên, dù khôn ngoan hay không, đều sai. Hãy xem đây như lệnh cho phép hành động và hãy thi hành nhiệm vụ”.

Chẳng bao lâu các nhận định từ các chi nhánh tới tấp gửi đến Hall. Anh mỉm cười chuyển những bức điện đó đến Pazini. Tất cả đều nhất trí rằng không có lý do gì để lấy mạng Xếp.

New Orleans viết.

“Niềm tin không phải là một tội lỗi”.

Boston tham dự vào cuộc thảo luận.

“Không phải là tin lầm mà tin dối trá mới gây tội ác”.

St.Louis kết luận.

“Niềm tin trung thực của Xếp không có gì sai”.

Denver tuyên bố.

“Bất đồng về quan điểm đạo đức không thể tạo nên một lệnh giết”.

Trong khi đó San Francisco xác xược nhận định.

“Việc duy nhất Xếp phải làm là nghỉ chỉ huy nữa hoặc quên tất cả đi”.

Pazini trả lời bằng cách gửi đi một bức điện chung khác, nội dung như sau:

“Niềm tin của tôi sẽ được thực hiện bằng hành động. Tôi tin rằng tổ chức là sai trái, tôi sẽ hủy bỏ tổ chức. Tôi sẽ tự tay thủ tiêu các thành viên, và nếu cần thiết sẽ nhờ đến cảnh sát. Chicago sẽ xác minh điều này đến tất cả các chi nhánh. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ cung cấp cho các chi nhánh những cơ sở chắc chắn hơn nữa cho phép chống lại tôi”.

Hall nóng ruột đợi trả lời, chính anh phải thú nhận không thể tiên đoán cái xã hội của những người điên đúng đắn này rồi sẽ ra sao. Các bức điện trả lời thể hiện nhiều ý kiến khác nhau. San Francisco viết:

“Xếp đáng giết. Đợi chỉ thị”.

Denver khuyên:

“Đề nghị chi nhánh Chicago xem xét tình trạng thần kinh của Xếp. Chúng ta có nhiều Viện điều dưỡng tốt ở đó”.

New Orleans không đồng ý:

“Mọi người điên rồi à? Chúng ta không có đủ dữ kiện. Ai sẽ làm sáng tỏ vụ này?”

Boston viết:

“Trong cơn khủng hoảng này chúng ta phải sáng suốt. Có lẽ Xếp bị bệnh. Vấn đề này phải được xác định một cách thỏa đáng trước khi ban hành một quyết định”.

Chính sau bức điện này, Starkington đánh điện đề nghị Haas, Schwartz và Harrison trở về New York. Hall đồng ý, nhưng anh vừa mới đánh điện đi thì bức điện kể của Starkington đã đến và làm thay đổi tình hình đang độ phức tạp.

“Carthey vừa mới bị giết. Cảnh sát đang lùng bắt thủ phạm nhưng chưa tìm ra tung tích. Chúng tôi tin Xếp chịu trách nhiệm vụ này. Hãy báo cho tất cả các chi nhánh”.

Hall, với tư cách đầu não liên lạc với các chi nhánh, giờ đang ngập trong một rừng điện tín. Hai mươi bốn giờ sau đó, Chicago gửi về một tin còn đáng sợ hơn.

“Schwartz bị thất cổ lúc ba giờ chiều nay. Chắc chắn lần này do Xếp giết. Cảnh sát đang truy lùng ông. Và cả chúng tôi cũng thế. Xếp đã biến

mất. Tất cả chi nhánh đặt trong tình trạng báo động. Dấu hiệu nguy hiểm. Đang xúc tiến mặc dù chưa có sự đồng ý của các chi nhánh, nhưng mong được vài sự đồng ý”.

Và các bức điện đồng ý tới tập gửi về kịp lúc cho Hall. Pazini đã đạt được mục đích. Các nhà đạo đức điên loạn đã bị khiêu khích và đang truy đuổi ông.

Còn Hall thì đang ở trong một tình thế khó xử. Anh nguyên rửa bản chất đạo đức của anh đã buộc anh phải giữ lời hứa. Bây giờ anh tin rằng Pazini đã thực sự là một người mất trí, bứt ra khỏi cuộc sống tẻ nhạt chỉ có sách vở và kinh doanh để trở thành một tên điên giết người. Việc anh đã hứa với một tên điên để thực hiện nhiều điều khác nhau đặt ra cho anh một câu hỏi là nếu anh không giữ lời hứa thì về mặt đạo đức anh có đúng hay không. Lương tri cho anh biết rằng anh đúng - đúng trong việc đi báo cảnh sát, đúng trong việc bắt tất cả thành viên của Văn phòng Ám sát, đúng trong bất kỳ việc gì có thể ngăn chặn được cuộc tàn sát dường như sắp xảy đến. Nhưng anh còn đặt đạo đức trên cả lương tri, và đôi khi anh tin rằng mình cũng điên như bất kỳ người điên nào trong tổ chức anh đang tiếp xúc.

Và thêm vào tình trạng rối bời đó. Rita đến thăm anh. Cô đã lần ra địa chỉ qua số điện thoại anh cho cô biết.

- Em đến để từ giã anh - Cô bắt đầu - Anh có ngôi nhà tiện nghi quá. Và một người hầu thật lạ lùng. Hẳn chẳng thèm hỏi han em gì cả.

- Từ giã à? - Hall hỏi lại - Em lại về Edge Moor sao?

Cô lắc đầu và vui vẻ cười.

- Không, đi Chicago. Em đi tìm bác và xem có giúp gì được bác không. Tin cuối cùng anh nhận được ra sao? Bác vẫn còn ở Chicago phải không.

- Theo tin cuối cùng - Hall ngập ngừng - Phải, theo tin cuối cùng bác vẫn chưa rời Chicago. Nhưng em không thể giúp gì được đâu, và em không nên đi.

- Em vẫn cứ đi.

- Hãy nghe lời khuyên của anh, em yêu.

- Không, không nghe gì cả cho đến hết năm nay, chỉ ngoại trừ trong những công việc kinh doanh. Sự thực em đến nhờ anh trông nom giúp mấy

công việc nhỏ cho em. Em sẽ đón chuyến tàu “Thế kỷ XX” và khởi hành chiều nay.

Tranh luận với Rita là vô ích, nhưng Hall rất biết điều. Anh không đòi co bàn cãi gì. Anh âu yếm chia tay cô và ở lại tổng hành dinh của Văn phòng Ám sát để điều hành hoạt động điên loạn của nó.

Không biết có gì xảy ra trong 24 giờ kể đó. Rồi hàng loạt bức điện dòn dập gửi về, dưới tác dụng của bức điện thúc giục từ Starkington.

“Xếp vẫn còn đây. Bẻ gãy cổ Harrison hôm nay. Cảnh sát không liên hệ vụ này với vụ Schwartz. Hãy cầu cứu tất cả các chi nhánh”.

Hall gửi lời kêu cứu chung đi, và một giờ sau anh nhận được bức điện sau đây từ Starkington.

“Xếp đột nhập vào bệnh viện và giết Dempsey. Chắc chắn sẽ rời thành phố. Haas đang đuổi theo. St.Louis đang cảnh giác”.

Boston báo cáo với Hall.

“Rastenaff và Pillsworthy khởi hành lập tức”.

Điện từ New Orleans viết.

“Lucoville đã được phái đến Chicago”.

St.Louis tường thuật.

“Không gửi ai đi cả. Đang đợi Xếp đến”.

Và bức điện ai oán của Rita từ Chicago.

“Anh đã nhận được tin gì mới chưa?”

Anh không trả lời bức điện này, nhưng chẳng bao lâu nhận thêm bức điện thứ hai của cô.

“Hãy giúp em nếu anh đã biết tin”.

Hall trả lời.

“Bác đã rời Chicago. Có lẽ đang trực chỉ St.Louis. Anh sẽ đến chỗ em”.

Và lần này anh không nhận được điện cô trả lời. Cô để anh một mình suy nghĩ đến cuộc trốn chạy của ông Xếp Văn phòng Ám sát bị con gái mình và những kẻ ám sát ở bốn thành phố đuổi theo, và giờ đang trực chỉ đến hang ổ của những kẻ ám sát chực chờ ở St.Louis.

Thêm một ngày nữa trôi qua, rồi một ngày nữa. Những kẻ săn đuổi tiên phong đã đến St.Louis, nhưng không có tung tích gì của Pazini. Haas được

báo cáo đã mất tích. Rita không tìm ra một dấu vết nào của ông bác. Chỉ có trưởng nhánh ở lại Boston, và hắn báo cáo với Hall rằng sẽ đuổi theo ngay nếu có biến cố nào khác xảy ra. Ở Chicago còn lại Starkington với cánh tay bị thương.

Nhưng vào cuối hai ngày kể đó, Pazini lại tấn công lần nữa. Rastenaff và Pillsworthy đã đến St.Louis từ sáng sớm. Mỗi tên lãnh một viên đạn từ nòng súng cỡ nhỏ bắn xuyên suốt qua người, và được nhân viên của văn phòng điều tra những vụ ám sát bí ẩn khiêng ra từ toa tàu nằm. Hai cộng sự St.Louis đã chết bí ẩn như thế đấy. Trưởng nhánh St.Louis, người duy nhất sống sót, gửi tin về. Haas đã xuất hiện lại, nhưng chẳng thêm giải thích gì cả về sự mất tích trong bốn ngày của hắn. Pazini lại biến mất. Rita không ngớt lo lắng và gửi điện tới tập về cho Hall. Trưởng nhóm Boston nhận tin rằng hắn đã lên đường. Cả Starkington cũng vậy, mặc dù đang bị thương. Ý kiến của San Francisco cho rằng Denver sẽ là mục tiêu kế tiếp của Xếp, và do đó đã phái hai người đến đó tiếp sức, trong khi đó Denver cũng cùng chung ý kiến và đã thủ sẵn hai người trong tư thế sẵn sàng.

Tất cả tạo nên những món chi khổng lồ trong Ngân quỹ khẩn cấp của Văn phòng và Hall, căn cứ theo chỉ thị được giao và với một thái độ rất hài lòng, gửi hết món tiền này đến món tiền khác tới các thành viên khác nhau. Nếu cứ theo đà này, anh chắc rằng Văn phòng sẽ bị phá sản trước khi thời hạn cuối năm kết thúc.

Và sau đó là giai đoạn tạm nghỉ. Do các cộng sự đã đi về miền Tây và liên lạc với nhau ở đó, Hall chẳng có việc gì để làm. Anh chịu đựng sự chờ đợi và nhàn rỗi trong khoảng một ngày kể đó, rồi sau khi thu xếp công việc tài chính và dặn gã câm điếc gửi các bức điện đến địa chỉ mới. Hall đóng cửa Tổng hành dinh của Văn phòng và mua vé xe lửa đi St.Louis.

Chương 9

Đến St.Louis, Hall thấy tình hình chưa có gì thay đổi. Pazini vẫn chưa xuất hiện và mọi người đang đợi một điều gì đó xảy ra. Hall tham dự cuộc hội nghị tại nhà Murgweather là trưởng nhóm nhánh St.Louis, đang sống cùng với gia đình trong một căn nhà đầy đủ tiện nghi ở vùng ngoại ô. Khi Hall đến, mọi người đã tụ họp đông đủ, và anh nhận ra ngay Haas, người

đàn ông gầy gò thân chất chưa lửa, và Starkington nhờ cánh tay bó bột đang đeo nẹp.

- Anh ta là ai? - Lucoville, một thành viên New Orleans hỏi gặng, khi Hall được giới thiệu với hội nghị.

- Quyền thư ký của Văn phòng. - Murgweather bắt đầu giải thích.

- Tôi không thể chấp nhận một điều hoàn toàn bất thường như vậy - Lucoville đập lại ngay - Anh ta không phải là người của chúng ta. Anh ta chưa hề giết một ai. Anh ta chưa hề trải qua thử thách của tổ chức. Sự có mặt của anh ta trong chúng ta không những rất bất ngờ, mà đối với những người làm một nghề nguy hiểm như chúng ta, sự hiện diện của anh ta là một mối đe dọa. Và liên quan đến vấn đề đó, tôi muốn nêu lên hai điểm. Thứ nhất, về danh tiếng, chúng ta thấy đều biết đến anh ta. Tôi không muốn xúc phạm đến công việc của anh ta trong xã hội. Tôi đã thích thú đọc các tác phẩm của anh ta, và có thể nói rằng tôi đã học hỏi ở đó. Anh rõ ràng là có những đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực xã hội học. Thế nhưng, một mặt khác, anh ta là một nhà xã hội. Anh ta được mệnh danh là “Nhà Xã hội triệu phú”. Điều đó có nghĩa gì? Có nghĩa là anh ta không cùng quỹ đạo với chúng ta, không cùng một nguyên tắc về hành vi đạo đức với chúng ta. Có nghĩa là anh ta là một tín đồ mù quáng của Pháp luật. Pháp luật là tín ngưỡng của anh ta. Anh ta đắm mình trong vũng bùn ngu dốt và sùng bái Pháp luật. Đối với anh ta, chúng ta - những người đứng trên tầm Pháp luật, đều là những tội phạm chống lại xã hội. Do đó, sự có mặt của anh ta không đem lại lợi lộc gì cho chúng ta. Anh ta buộc phải hủy diệt chúng ta để bảo vệ tín ngưỡng của anh ta. Đó là một điều tự nhiên. Đó là mệnh lệnh của chính con người anh ta và cái triết lý mà anh ta theo đuổi.

Và điều thứ hai, hãy để ý mà xem, anh ta không chọn lúc nào khác mà lại chọn ngay cái giai đoạn khủng hoảng trong tổ chức để nhảy vào can thiệp. Ai đảm bảo cho anh ta? Ai lại tin cậy giao cho anh ta những bí mật nội bộ? Chỉ có một người và người đó là Xếp - người hiện nay rắp tâm tiêu diệt chúng ta, người đã giết sáu thành viên và đe dọa nộp chúng ta cho cảnh sát. Tình thế thật bất lợi đối với anh ta, và cả đối với chúng ta. Tôi đề nghị khử anh ta...

- Xin lỗi, Lucoville thân mến - Murgweather ngắt lời - Cuộc bàn cãi này đã ra ngoài đề. Ông Hall đây là khách của tôi.

- Cổ chúng ta thấy đều nằm trong tròn rồi - Lucoville quát lại - Và dù là khách hay chẳng là khách đi nữa, bây giờ không phải là lúc làm bộ tịch nhả nhận. Hắn là một tên do thám. Hắn ráp tâm tiêu diệt chúng ta. Tôi buộc tội ngay mặt hắn như vậy. Hắn cãi gì không nào.

Hall đảo mắt nhìn những khuôn mặt nghi ngờ ngòai quanh anh và nhận xét rằng, trừ Lucoville, không một ai lộ vẻ giận dữ. Thực tình mà nói, anh tin rằng họ là những nhà triết gia khùng.

Murgweather cố gắng mãi để xen vào nhưng không được.

- Anh có gì để nói không, Hall? - Hanover - trưởng nhánh Boston ra lệnh.

- Nếu tôi được phép ngồi, tôi sẽ rất hân hoan trả lời,- Hall đáp.

Mọi người trong phòng rới rít xin lỗi anh và họ kéo ra một chiếc ghế bành lớn nối thêm vào vòng tròn và anh ngồi gọn lỏn trong đó.

- Câu trả lời của tôi, cũng như lời buộc tội khi nãy, cũng bao gồm hai vấn đề lớn - Anh bắt đầu - Vấn đề thứ nhất, tôi có ráp tâm tiêu diệt tổ chức của các anh.

Lời tuyên bố của Hall được mọi người đón nhận bằng một sự im lặng trang trọng, và một ý nghĩ vụt đến trong óc anh là những triết gia và những người điên này thật vô cùng kiên định. Khuôn mặt họ hoàn toàn không bộc lộ một cảm xúc nào. Bằng thái độ tập trung của những học giả, họ đợi anh nói tiếp. Thậm chí cơn giận dữ của Lucoville cũng đã biến mất, và bây giờ hắn cũng ngồi nghe điềm đạm như mọi người khác.

- Tại sao tôi có chủ định tiêu diệt tổ chức của các anh là một đề tài quá lớn để trình bày vào lúc này - Hall tiếp tục - Để thông qua, tôi có thể nói rằng chính tôi là người chịu trách nhiệm về hành vi thay đổi của Xếp các anh. Khi tôi khám phá ra rằng ông ta, cũng như mỗi người trong các anh, quả là một nhà đạo đức cực đoan biết bao, tôi giao cho ông ta 50.000 \$ để nhận một nhiệm vụ chống lại chính ông ta. Tôi đương nhiên đã trình bày cho ông ta thấy sự cho phép của lương tâm và đạo đức trong việc thực hiện nhiệm vụ đó, và ông ta đã giao nhiệm vụ xử tử đó cho anh Haas ngay trước mặt tôi. Đúng thế không, thưa anh Haas.

- Đúng vậy.

- Và trước mặt tôi, Xếp đã thông báo cho anh biết về Quyền thư kí của tôi. Đúng thế không?

- Đúng vậy.

- Bây giờ tôi đi sang vấn đề thứ hai. Tại sao ông Xếp tin tưởng giao cho tôi công việc điều hành đầu não của Văn phòng. Câu trả lời rất đơn giản đi thẳng vào vấn đề. Ông ta biết rằng về mặt đạo đức, tôi tôi thiếu cũng điên khoảng bằng nửa các anh. Ông ta biết rằng tôi không thể bội tín. Tôi đã chứng minh điều này bằng những hành động sau đó. Tôi đã cố hết sức để hoàn thành nhiệm vụ Thư ký của Văn phòng. Tôi đã gửi đi tất cả những điện tín, lời kêu cứu chúng và những mệnh lệnh. Tôi đã đáp ứng tất cả những yêu cầu về tiền bạc. Tôi sẽ tiếp tục làm như tôi đã thỏa thuận, mặc dù về mặt đạo đức, tôi ghét và khinh sợ tất cả những gì các anh đại diện. Tôi đang làm cái việc mà tôi tin là đúng. Đúng thế không?

Một phút yên lặng rất ngắn theo sau đó. Lucoville đứng dậy, đi đến chỗ anh và trịnh trọng chìa tay ra. Những người khác cũng làm như vậy. Kế đó Starkington nêu đề nghị rằng Văn phòng trích quỹ ra một số tiền tương xứng để trợ cấp cho bà quả phụ Dempsey và vợ con Harrison. Mọi người bàn bạc một lát, và sau khi đã nhất trí về số tiền trợ cấp, Hall viết chi phiếu và giao cho Murgweather gửi đi.

Vấn đề được đề cập kế tiếp là vấn đề về cuộc khủng hoảng và phương thức tốt nhất để đối phó với ông Xếp phản bội. Hall không tham gia ý kiến vào chuyện này, do đó, ngồi lọt vào trong ghế, anh có thể quan sát và nghiên cứu những người điên kỳ lạ này. Họ có bảy người và ngoại trừ Haas và Lucoville, tất cả họ đều mang diện mạo của những học giả trung niên, thuộc tầng lớp trung lưu. Anh không làm sao có thể hiểu được những người như họ là những kẻ giết mướn, những tên sát nhân tàn bạo. Và căn cứ vào khuôn mặt bình tĩnh của họ, thật khó tin rằng họ là những người sống sót trong cuộc nội chiến chí mạng đang diễn ra. Phân nửa số thành viên đã chết. Hanover là người sống sót duy nhất của nhánh Boston. Haas của New York, Starkington của Chicago và người chủ nhà vui vẻ để râu mép Murgweather của St.Louis.

- Tôi rất thích quyển sách cuối cùng của anh - Ông chủ nhà chòm người sang và thì thầm nói chuyện với anh trong lúc nghỉ - Lý lẽ ủng hộ tổ chức công nghiệp chống lại tổ chức thủ công của anh thật không bắt bẻ vào đâu được. Nhưng theo quan niệm của tôi, phần trình bày của anh về định luật giảm hàng trả lại còn hơi yếu đây. Tôi có điểm cần tranh luận với anh về vấn đề đó.

Và người này đây là một tên giết người! Tất cả những người này đều là những tên giết người! Hall chỉ có thể tin như vậy bằng cách công nhận họ là những người mất trí. Sau cuộc họp, khi đón xe điện xuống phố, Hall ngồi nói chuyện với Haas và rất kinh ngạc được biết Haas và cựu giáo sư dạy tiếng Hy Lạp và Do Thái cổ. Lucoville là chuyên gia trong lĩnh vực khảo sát phương Đông. Anh cũng biết thêm rằng Hanover đã có đạo là Hiệu trưởng của một trong những phân viện chọn lọc nhất ở New Zealand, trong khi Starkington là cựu chủ bút của một tờ báo nổi tiếng.

- Nhưng tại sao anh, chẳng hạn, lại chọn một cuộc đời sống như vậy? - Hall hỏi.

Họ đang ngồi ở phía dãy ngoài và xe đã đi vào khu vực khách sạn của thành phố. Các rạp hát vừa mới vắng, và lề đường chật ních những người.

- Vì nó đúng, - Haas đáp - và vì đó là một phương tiện sinh kế có lợi hơn dạy tiếng Hy Lạp và Do Thái cổ nhiều. Nếu tôi có thể làm lại cuộc đời một lần nữa.

Nhưng Hall chẳng bao giờ được nghe phần cuối của câu nói đó nữa. Xe điện ngừng lại ở ngã tư một lát, và Haas đột nhiên giật nảy người lên bởi một điều gì đó vừa mới thấy. Trong nháy mắt, không một lời hay một cử chỉ từ già, hần nhảy phóc ra khỏi xe và mất hút vào trong đám đông.

Sáng hôm sau Hall mới hiểu. Báo đăng một tin giật gân về một mưu toan giết người đầy bí hiểm. Haas đang nằm trong bệnh viện với một lá phổi lung đạn. Khám nghiệm của bác sĩ cho thấy rằng hần thoát chết nhờ có trái tim bất thường nằm trệch vị trí. Tờ báo tường thuật rằng nếu trái tim hần nằm đúng vị trí, viên đạn hay phi đạn có lẽ đã xuyên suốt trái tim hần rồi. Nhưng điều bí ẩn là không có ai nghe thấy tiếng súng nổ. Haas bất thành linh thụp xuống ngay giữa đám đông dày đặc. Một phụ nữ chen sát cạnh hần ta khai rằng ngay trước khi hần quỵ xuống, bà có nghe một tiếng

“click” nhỏ nhưng chát chúa. Người đàn ông phía trước hẳn nghĩ rằng ông có nghe thấy tiếng “click” đó nhưng không chắc chắn lắm.

“Cảnh sát rất hoang mang” - Tờ báo viết. “Nạn nhân là một người lạ vừa đến thành phố, cũng hoang mang như vậy. Anh ta nói rằng không biết một người nào hay một nhóm người nào có khả năng muốn lấy mạng anh. Anh cũng không nhớ là có nghe tiếng “click” hay không. Anh chỉ cảm thấy rõ cái chấn động kinh khủng khi phi đạn xâm nhập vào cơ thể anh. Trung sĩ điều tra O’Connell tin rằng vũ khí sử dụng phải là súng hãm thanh, nhưng Trưởng phòng điều tra Randall đã bác bỏ giả thuyết này. Ông tuyên bố rất am tường các loại súng hãm thanh và không tin rằng một loại súng như vậy lại có thể được sử dụng trong một đám đông dày đặc mà không có ai thấy”.

- Chính là Xếp, không còn nghi ngờ gì cả - Murgweather bảo đảm với Hall vài phút sau đó - Ông vẫn còn ở trong thành phố. Anh cảm phiền báo cho Denver, San Francisco, New Orleans về biến cố này. Chính Xếp phát minh ra loại vũ khí đó. Ông đã đưa cho Harrison mượn vài lần, và Harrison luôn trả lại ông sau khi sử dụng. Ổ đạn chứa khí nén được buộc vào người, phía dưới cánh tay hay bất cứ nơi nào thuận tiện nhất. Toàn thể bộ máy bắn đó không lớn hơn một khẩu súng lục đồ chơi và có thể được giấu gọn trong lòng bàn tay. Từ giờ trở đi, chúng ta phải vô cùng cẩn thận.

- Tôi đâu có bị nguy hiểm - Hall đáp - Tôi chỉ giữ vai trò Quyền thư ký, và tôi cũng không phải là một thành viên.

- Tôi rất mừng rằng Haas sẽ hồi phục - Murgweather nói - Hẳn là một người rất đáng quý và là một học giả. Tôi đánh giá cao nhất trình độ trí thức của hẳn, mặc dù đôi khi hẳn tỏ ra quá nghiêm nghị, và tôi e rằng hẳn khá thích thú việc giết người.

- Ông không thể sao? - Hall vội hỏi.

- Không, và những người khác cũng không, chỉ trừ Haas. Khí chất của hẳn thích hợp với việc đó. Tôi xin nói với anh rằng mặc dù tôi đã trung thành thực hiện những nhiệm vụ Văn phòng giao và lương tâm tôi tin tưởng rằng những hành động của tôi là hợp với lẽ phải, cứ xong mỗi lần xử tử tôi lại thấy ray rứt dần vặt. Tôi biết cảm giác đó là ngu ngốc, nhưng tôi không thể nén nó xuống. Anh biết không, sau vụ giết người đầu tiên tôi nôn mửa cả đêm. Tôi đã viết một chuyên khảo vấn đề này, đương nhiên không phải

vấn đề ẩn hành, nhưng đó là một lĩnh vực nghiên cứu rất thú vị. Nếu quan tâm, tôi rất hân hạnh mời anh một buổi tối nào đó đến nhà tôi chơi và xem những gì tôi đã viết.

- Cảm ơn, tôi sẽ đến.

- Đó là một việc kỳ lạ - Murgweather nói tiếp - Sự thiêng liêng của mạng sống con người là một quan niệm mang tính xã hội. Người nguyên thủy không bao giờ ray rứt khi giết đồng loại. Nguyên tắc mà nói, tôi cũng không nên ray rứt. Thế mà tôi vẫn mãi nuôi cảm giác đó. Câu hỏi đặt ra là tại sao tôi lại cảm thấy dằn vặt? Có phải quá trình tiến hóa lâu dài của sự văn minh đã ghi khắc quan niệm đó lên bộ não của nhân loại. Hay do sự giáo dục tôi tiếp nhận được trong thời thơ ấu và thiếu niên trước khi tôi trở thành một nhà tư tưởng tự do? Hay do cả hai nguyên nhân? Thật kỳ lạ!

- Tôi chắc nó là như vậy - Hall khô khan trả lời - Nhưng anh sẽ định làm gì với Xếp?

- Giết ông ta. Đó là tất cả việc chúng tôi có thể làm, và chúng tôi chắc chắn phải bảo vệ sinh mạng của mình. Tuy nhiên đây là một hoàn cảnh mới đối với chúng tôi. Từ trước đến nay, người chúng tôi định tiêu diệt không hề biết gì đến mối hiểm họa rình rập họ. Họ cũng không bao giờ săn đuổi chúng tôi. Nhưng Xếp đã biết ý định của chúng tôi, và hơn thế nữa, ông đang tiêu diệt chúng tôi. Trước đây chúng tôi chưa hề bị săn đuổi. Ông ta rõ ràng đã may mắn hơn chúng tôi. Nhưng tôi phải đi đây. Tôi hẹn gặp Hanover lúc 8h15.

- Nhưng anh không sợ à? - Hall hỏi.

- Sợ cái gì?

- Sợ Xếp giết anh?

- Không, chẳng ăn thua gì. Anh biết đấy, tôi đã được bảo hiểm đang hoàng và tôi nghiệm thấy đã vượt qua khỏi cái quan niệm chung rằng một người đã giết quá nhiều nhân mạng thì kết quả sẽ sợ chết hơn những người khác. Điều đó không đúng. Tôi đã khẳng định nó. Tôi càng gieo rắc chết chóc bao nhiêu - theo tôi đếm thì 18 lần - thì cái chết càng trở nên dễ dàng đối với tôi bấy nhiêu. Nhưng nỗi ray rứt dằn vặt trong tôi nói đến là những ray rứt trong cuộc sống. Chúng tôi thuộc về cuộc sống, chứ không phải

thuộc về cái chết. Tôi đã ghi vài suy nghĩ riêng về đề tài này. Nếu anh quan tâm muốn đọc...

- Rất muốn - Hall khẳng định.

- Thế thì tôi nay nhé. Khoảng 11h đi. Nếu tôi bận việc về trễ, anh cứ nói người nhà đưa vào phòng làm việc của tôi. Tôi sẽ đặt bản thảo và cả bài chuyên khảo nữa trên bàn viết để anh đọc. Tôi thích đọc cho anh nghe và bàn cãi với anh về những vấn đề đó, nhưng nếu tôi không về, nhờ anh ghi lại bất cứ nhận xét, phê bình nào của anh về tài liệu anh đọc.

Chương 10

- Em biết anh đang giấu diếm em rất nhiều điều, nhưng em không thể hiểu tại sao như thế. Chắc anh không muốn giúp em cứu bác Antonio chứ gì?

Rita nói câu cuối cùng đó một cách thống thiết và đôi mắt cô tỏa lên những tia ấm áp, may mà duy nhất lần này lại không làm Hall xúc động.

- Bác Antonio dường như chẳng cần cứu giúp gì nhiều đâu. - Anh nghiêm mặt lâu bầu.

- Anh muốn nói gì đấy? - Cô la lên, lộ vẻ nghi ngờ.

- Không có gì, không có gì cả. Anh trấn an em, và chỉ muốn nói là bác đã thoát thân xa lắm rồi.

- Nhưng làm sao anh biết là bác đã thoát. - Cô hỏi gặng - Bác có thể đã chết. Chúng ta không được tin tức gì về bác từ khi bác rời Chicago. Làm sao anh biết rằng lũ thú vật đó không giết bác?

- Người ta thấy bác có mặt ở St.Louis đây mà...

- Ra thế. - Cô xúc động ngắt lời - Em biết là anh đang giấu giếm em mà! Giờ anh nói thật đi, có phải thế không nào?

- Có thật như thế - Hall thú nhận - Nhưng đó là do chính chỉ thị của bác em. Em hãy tin anh, em không thể giúp bác một tý nào cả đâu. Em thậm chí cũng không thể tìm ra bác. Điều không ngoan bây giờ là em hãy trở về New York.

Suốt một tiếng đồng hồ sau đó, cô thì ra sức tra hỏi lục vấn, còn anh thì khan hơi tìm cách khuyên nhủ cô mãi không được. Và cả hai giận dữ chia tay nhau.

Đúng 11h, Hall bấm chuông ngôi nhà một tầng của Murgweather. Một cô hầu gái độ 14 - 15 tuổi mặt còn ngái ngủ, rõ ràng vừa bị đánh thức dậy, ra mở cổng cho anh và đưa anh vào phòng làm việc của Murgweather.

- Ông chủ đang ở trong đó. - Cô ta nói, đẩy cửa cho anh vào và lui ra.

Murgweather ngồi tại bàn phía cuối phòng, người hấn một phần hiện ra nhờ ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn để bàn, còn phần lớn chìm trong bóng tối. Hấn tựa đầu lên cánh tay đang khoanh trên bàn. Rõ ràng là hấn đang ngủ, Hall nghĩ khi anh tiến tới. Anh gọi hấn, rồi lay vai hấn, nhưng hấn chẳng hề nhúc nhích. Anh cầm tay người ám sát vui tính và thấy nó lạnh toát. Một vết máu trên sàn nhà, và một lỗ thủng trên chiếc áo vét phía dưới bả vai cho biết việc gì đã xảy ra. Tim của Murgweather nằm đúng vị trí. Một cánh cửa sổ mở ở phía sau lưng cho thấy hành động đã được thực hiện như thế nào.

Hall lôi ra một chồng bản thảo nằm bên dưới cánh tay người đã chết. Hấn bị giết trong khi đang đọc những gì hấn viết "*Vài suy nghĩ về cái chết*". Hall đọc đề tựa, và tiếp tục lục lọi cho đến khi anh tìm thấy tập chuyên khảo "*Một lời giải thích đề nghị cho một số tính chất tâm lý kỳ lạ*".

Hall quyết định rằng sẽ rất bất lợi cho gia đình Murgweather nếu người ta tìm thấy chứng cứ chết tiệt này bên cạnh xác chết. Anh ném chúng vào lò sưởi, tắt đèn và khe khẽ bò ra khỏi nhà.

Sáng sớm hôm sau, Starkington đến nhà báo tin cho anh hay, nhưng mãi tới chiều báo chí mới đăng bài tường thuật. Hall kinh hoàng, cô hầu gái nhỏ đã được phỏng vấn, và đôi mắt ngái ngủ của cô đã được chứng minh là vô cùng hữu dụng qua sự mô tả tuyệt hảo về người khách mà cô đã mở cửa mời vào lúc 11h tối hôm trước. Những chi tiết cô nêu ra thật quá rõ ràng. Hall đột nhiên đứng bật dậy và nhìn mình trong gương. Không còn làm lẫn gì nữa. Hình ảnh anh nhìn thấy trong gương cũng chính xác là hình ảnh kẻ tình nghi mà cảnh sát đang săn đuổi. Nhất nhất trong từng chi tiết một, anh chính là kẻ bị tình nghi là hung thủ.

Anh vội vàng lục tung hết hành lý lên, và cố ăn vận sao cho khác biệt đi. Sau đó anh thoát khỏi khách sạn bằng cửa phụ, chui vào xe taxi và lượn vòng qua các cửa hiệu để mua một bộ trang phục mới từ đầu đến chân.

Trở về khách sạn, anh thấy mình chỉ còn kịp giờ để đón xe lửa đi về phía Tây. May là anh đã gọi điện cho Rita để báo cho cô về chuyến ra đi

của anh. Anh cũng tự phán đoán rằng Pazini sẽ xuất hiện kế tiếp ở Denver và dặn cô bám theo anh.

Chỉ khi đã yên vị trên xe lửa và ra khỏi thành phố, anh mới thở ra nhẹ nhõm và lấy lại bình tĩnh để cân nhắc tình hình. Anh nhận thấy chính anh rồi cũng lao vào con đường phiêu lưu, một con đường phiêu lưu chẳng chịt điên cuồng. Tất cả khởi đầu với ý định đánh gục và tiêu diệt Văn phòng Ám sát, anh đã yêu con gái của người sáng lập ra tổ chức, rồi trở thành Quyền Thư ký của Văn phòng, còn bây giờ thì bị cảnh sát săn đuổi sau cái chết của một thành viên do chính Xếp Văn phòng hạ sát. “Mình sẽ không áp dụng Xã hội học thực hành nữa” - Anh nhủ thầm - “Khi nào mình thoát ra khỏi cái mớ bòng bong này, mình sẽ tự giới hạn trong phạm vi lý thuyết. Từ giờ trở đi sẽ chỉ có Xã hội học trong phòng mà thôi”.

Harkins, trưởng nhánh Denver buồn bã đón anh ở ga Denver. Cho đến khi họ đã ngồi vào trong xe, đi ngược lên phía trên thành phố, anh mới biết được nguyên nhân tạo ra vẻ buồn bã của Harkins.

- Tại sao anh không báo cho chúng tôi biết trước? - Hấn trách cứ - Anh để ông ta lẩn trốn, và chúng tôi cứ chắc mẫm rằng ông ta còn ở St.Louis nên chẳng chuẩn bị gì cả.

- Thế ông ấy đã đến đây rồi à?

- Đến đây? Ôi trời ôi? Tin đầu tiên chúng tôi biết là hau người chúng tôi đã mất mạng - Bostwick, người tôi xem như em ruột, và Calkins ở nhánh San Francisco. Và bây giờ là Harding, một thành viên San Francisco đã mất tích. Thật à kinh khủng - Hấn ngừng lại, run rẩy - Tôi chia tay Bostwick chưa đầy 15 phút thì vụ án xảy ra. Cậu ấy rất vui vẻ và thông minh. Và giờ đây cái gia đình bé nhỏ ngập tràn hạnh phúc của cậu ấy sẽ ra sao! Nỗi đau khổ của cô vợ thân yêu của cậu ấy thật không có gì xoa dịu nổi.

Nước mắt rơi lã chã xuống gò má của Harkins làm nhòa mắt đến nỗi hấn phải lái xe chậm lại. Hall cảm thấy tò mò. Đây là một loại người mất trí mới, một kẻ ám sát ủy mị.

- Nhưng tại sao điều đó lại kinh khủng cơ chứ? - Anh hỏi - Anh đã gieo rắc cái chết đến người khác. Đây cũng là một hiện tượng như tất cả cái chết khác.

- Nhưng lần này khác. Cậu ấy là bạn tôi, là đồng chí của tôi.
- Có lẽ những người anh đã giết cũng có bạn bè và đồng chí vậy.
- Nhưng giá mà anh thấy được cậu ấy sống trong cái tổ ấm nhỏ bé của cậu ấy - Harkins tiếp tục lảm nhảm - Cậu ấy là một người cha, một người chồng kiểu mẫu. Cậu ấy là một người tốt, một người tốt tuyệt hảo, một vị thánh, một người rất đổi ân cần đến nỗi không nỡ xuống tay giết một con kiến.

- Nhưng chuyện đã xảy ra cho anh ta cũng là chuyện anh ta đã đem đến cho những người khác - Hall phản đối.

- Không, không, nó khác hẳn - Người kia cuồng nhiệt la lên - Giá mà anh biết cậu ấy. Mọi người đều yêu mến cậu ấy. Hể đã biết cậu ấy là phải đem lòng yêu mến.

- Chắc hẳn nạn nhân của anh ta cũng vậy?

- À, à... nếu họ có cơ hội, họ cũng không thể không yêu mến cậu ấy được - Harkins hăng hái tuyên bố - Giá mà anh biết được những việc thiện cậu ấy đã làm và đang liên tục làm. Cậu ta là chủ tịch Hội Nhân Ái, là thành viên có uy tín nhất trong số những người chống mổ xẻ thú vật sống. Trong con người cậu ta chưa đựng cả một xã hội ngăn chặn sự tàn bạo đối với sinh vật.

- Bostwick... có phải Charles N.Bostwick - Hall nói khẽ - Tôi nhớ rồi, tôi có đề ý đến vài bài viết của anh ta trên tạp chí.

- Ai lại không biết cậu ấy? - Harkins hứng khởi ngắt lời, và ngưng lại một lúc lâu để hỉ mũi - Cậu ấy là một sức mạnh to lớn tượng trưng cho cái Thiện. Tôi sẽ hân hoan đổi chỗ cho cậu ấy ngay bây giờ để mang cậu ta trở về cuộc sống.

Tuy nhiên, bên ngoài tấm lòng yêu mến dành cho Bostwick, Hall nhận thấy Harkins là một người sắc sảo thông minh. Hắn dừng xe lại trước một trạm điện tín.

- Tôi có dẫn họ giữ các điện tín cho tôi sáng nay, hấn giải thích khi bước ra khỏi xe.

Một phút sau hắn trở ra, họ cùng giải mã bức điện vừa nhận được. Bức điện do Harding viết và gửi đi từ Ogden.

Bức điện viết:

“Xếp đi về phía Tây. Đang trên tàu. Đang đợi cơ hội. Sẽ thành công”.

- Anh ta sẽ không thành công - Hall tiên đoán - Xếp sẽ lấy mạng hắn.

- Harding là một người rất mạnh mẽ và cảnh giác cao. - Harkins xác nhận.

- Tôi cho anh biết, các anh không nhận thức rõ các anh đang chống lại một người như thế nào.

- Chúng tôi nhận thức rằng sinh mạng của tổ chức đang lâm nguy, và chúng tôi phải đối đầu với một ông Xếp phản bội.

- Nếu anh nhận thức thông suốt tình thế hiện nay anh sẽ leo lên một ngọn cây rất cao và để cho tổ chức bị nghiền nát.

- Nhưng làm thế là sai trái. - Harkins nghiêm trang phản đối.

Hall tuyệt vọng giơ tay lên trời.

- Để chắc chắn gấp đôi, - Người kia tiếp tục - tôi sẽ lập tức gọi các đồng chí ở St.Louis sang tiếp sức. Nếu Harding thất bại...

- Chắc chắn sẽ như vậy.

- Chúng tôi sẽ đi San Francisco. Trong khi chờ đợi...

- Trong khi chờ đợi phiền anh đưa tôi trở lại nhà ga - Hall ngắt lời và liếc nhìn đồng hồ - Xe lửa đi về hướng Tây sắp khởi hành. Tôi sẽ gặp anh tại San Francisco, khách sạn St.Francis, nếu anh không gặp Xếp đầu tiên. Còn nếu anh gặp phải Xếp đầu tiên thì... thôi, tạm biệt anh bây giờ và mãi mãi.

- Trước khi xe lửa khởi hành, Hall còn kịp viết một bức thư ngắn cho Rita và giao cho Harkins gửi đến cô đang ở trên tàu. Lá thư báo cho cô biết bác cô đã tiếp tục chạy về hướng Tây và dặn cô đăng ký tại khách sạn Fairmount khi đến San Francisco.

Chương 11

Tại Reno, Nevada, Hall nhận được một thông báo từ tên ám sát ủy mị ở Denver.

“Một người tan xác ở Winnemucca. Chắc chắn là Xếp. Trở lại ngay. Tất cả các thành viên đã đến Denver. Chúng ta phải tổ chức lại”.

Nhưng Hall chỉ cười và vẫn ngồi trên xe lửa về phía Tây. Anh đánh điện trả lời:

“Nhận dạng kỹ hơn. Anh gửi thư cho cô ấy chưa?”

Ba ngày sau, tại khách sạn St. Francis, Hall nhận được tin từ trưởng nhánh Denver. Bức điện đánh đi từ Winnemucca, Nevada.

“Tôi làm. Đó là Harding. Xếp hẳn đang trực chỉ San Francisco. Báo tin chi nhánh đó. Đang theo sau. Đã gửi thư. Cô ta vẫn còn ở trên xe lửa”.

Nhưng Hall chẳng tìm ra tung tích gì của Rita ở San Francisco. Hai thành viên địa phương là Breen và Alsworthy cũng chẳng giúp được gì. Anh sang cả khu Oakland và đi lùng kiếm cô khắp toa nằm cô đã đi và điều tra tên phu khuân vác người da đen ở trên toa. Rita đã đến San Francisco và biến mất ngay tức thì sau đó.

Những tên ám sát bắt đầu nối đuôi nhau đến: Hanover của nhánh Boston, Haas - con người khô cằn với trái tim nằm lệch, Starkington của Chicago, Lucoville của New Orleans, John Gray của New Orleans và Harkins của Denver. Cộng với hai thành viên San Francisco, họ có cả bảy tám người. Đó là toàn bộ số thành viên sống sót trên đất Mỹ. Như mọi người đều biết, Hall không được tính vào số này. Với tư cách là Quyền thư ký tổ chức, giữ nhiệm vụ chi tiền và chuyển giao điện tín, anh không phải là người của họ và mạng sống anh không bị đe dọa bởi người lãnh đạo điên loạn.

Điều làm Hall tin là họ cả bảy đều là những người điên là thái độ tử tế trong cách bọn họ đối xử với anh, và sự tin cậy họ dành cho anh. Họ biết anh là nguyên nhân ban đầu tạo ra mọi phiền phức, họ biết anh rắp tâm tiêu diệt Văn phòng Ám sát, và anh đã trả 50.000 \$ tiền công giết ông Xếp, thế mà họ vẫn công nhận cái mà Hall gọi là hành vi cư xử hợp với lẽ phải, công nhận một nét đặc biệt mang tính điên điên khùng khùng bị nén đầu đó trong bản chất con người anh và buộc anh phải xử sự đàng hoàng với họ. Anh đã không phản bội họ. Anh quản lý tiền bạc của họ một cách trung thực, và anh nghiêm túc thi hành các nhiệm vụ của một Quyền thư ký.

Ngoại trừ Haas, con người mang thú tính khao khát muốn giết người, mặc dù đã đạt được những thành quả trong nghiên cứu tiếng Hy Lạp và Do Thái cổ, Hall chẳng thể không đem lòng ưa thích những nhà bác học giả điên, những người sùng bái tín ngưỡng đạo đức và giết đồng loại mình với thái độ bình tĩnh và kiên định như khi họ giải một bài toán, dịch những chữ tượng hình hay phân tích phản ứng hóa học trong các ống nghiệm ở phòng

thí nghiệm. Anh thích John Gray hơn cả. Là một người Anh tính tình yên lặng, có diện mạo và phong cách như một địa chủ miền quê, John Gray có những tư tưởng cấp tiến về vai trò của kịch nghệ. Trong những tuần lễ chờ đợi khi chưa có tăm hơi gì của cả Pazini và Rita, Gray và Hall thường đi xem kịch với nhau, và đối với Hall, tình bạn của họ bộc lộ một nền giáo dục tự do. Trong thời gian này, Lucoville bắt đầu nghiên cứu nghề đan giỏ và đặc biệt quan tâm đến kiểu giỏ ba con cá đang rất phổ biến trong nhánh đan giỏ của những người Ấn Độ Ukiah. Harkins vẽ cây, lá, rêu cỏ, và các loại dương xỉ bằng màu nước theo trường phái Nhật Bản. Breen, một nhà sinh vật, tiếp tục công trình lâu năm về ký sinh trùng trên sâu bọ. Thú tiêu khiển của Alsworthy là điện thoại vô tuyến. Anh và Breen ngăn đôi phòng thí nghiệm trên gác để sử dụng. Và Hanover, một thân chủ sát vách thư viện thành phố, chất quanh anh những sách khoa học kỹ thuật và nghiên cứu chương thứ mười bốn trong một quyển sách buồn tẻ mà anh đặt tựa là *“Những Cường chế Vật lý trong Mỹ học về Màu sắc”*. Một buổi trưa âm ỉ, anh đọc cho Hall nghe chương thứ nhất và chương thứ mười bốn, và Hall ngủ gục lúc nào chẳng biết.

Có lẽ đã chẳng có hai tháng chờ đợi thụ động và những tên ám sát hẳn đã quay về thành phố quê hương nếu như họ không bị nhử cho ở lại bằng một mẩu tin do Pazini gửi đến hằng tuần. Cứ đều đặn mỗi tối thứ bảy, Alsworthy nhận được một cú điện thoại, và qua đường dây nghe thấy giọng nói đều đều nhẹ nhàng không thể làm lẫn được của Xếp. Ông luôn luôn nhắc lại đề nghị duy nhất là những thành viên sống sót của Văn phòng Ám sát hãy giải tán tổ chức. Hall, có mặt trong một buổi họp mặt của họ, tán thành đề nghị trên. Họ chỉ lắng nghe anh nói lịch sự, vì anh không phải là người của họ, và chỉ có anh đơn độc đưa ra ý kiến của mình.

Theo cách nhìn của họ, họ chẳng thể hủy bỏ lời tuyên thệ. Luật lệ của Văn phòng chưa hề bị vi phạm. Ngay cả Pazini cũng không vi phạm những luật đó. Ông đã chặt chẽ tuân theo luật lệ và nhận 50.000 \$ tiền công của Hall, tự phán xét bản thân ông và những hành động ông làm là có hại cho xã hội, tự tuyên án mình và chọn Haas để hành quyết ông. Họ là loại người gì cơ chứ, họ nhân mạnh, mà lại có thể cư xử tồi tệ hơn ông Xếp của mình. Giải tán một tổ chức mà họ tin là hợp với lẽ phải của xã hội sẽ là một điều hoàn toàn sai. Như Lucoville nói:

- Làm như vậy là vùi dập tất cả giá trị lương tâm đạo đức và đặt chúng ngang hàng với súc vật. Chúng ta có phải là súc vật không?

Và các thành viên đã cuồng nhiệt la lên hưởng ứng:

- Không! Không! Không!

- Chính bọn anh là những người điên - Hall bảo họ - Các anh cũng điên khùng như Xếp các anh vậy.

- Tất cả những nhà đạo đức đều bị xem là điên khùng - Breen đáp lại - Hay nói một cách chính xác, đều bị những người tầm thường cùng thời xem là điên khùng... Không một nhà đạo đức chân chính nào lại có thể hành động ngược lại đức tin của anh ta. Họ hân hoan đón nhận sự hành hình và đọa đày thống khổ. Đó là cách duy nhất để ban sức mạnh cho các bài giảng của họ. Đức tin! Chính là đây! Và, như cách nói hiện nay, họ đã ban phát điều thiện. Họ đặt đức tin vào lẽ phải đã được hình dung hóa. Cuộc đời con người có nghĩa lý gì đâu nếu so sánh với chân lý sống trong tư duy con người. Giáo huấn suông mà không làm gương thì thật là phù phiếm. Có phải chúng ta là những tên giáo điều mà không dám làm gương không?

- Không! Không! Không! - Họ đồng thanh hưởng ứng.

- Như những nhà tư tưởng chân chính và những người sống theo lẽ phải, chúng ta không dám phủ nhận, dù trong tư tưởng chứ khoan nói đến hành động, những nguyên tắc cao cả mà chúng ta đã thuyết giảng - Harkins nói.

- Ngược lại chúng ta không thể bò ngược lên về phía ánh sáng - Hanover thêm vào.

- Chúng ta không phải là những kẻ điên - Alsworthy la lên - Chúng ta là những người sáng suốt! Chúng ta là những linh mục cao cả đứng trước điện thờ đức hạnh. Cũng nên gọi người bạn tốt của chúng ta, Winter Hall, là một người điên. Nếu chân lý là điên loạn và nó đã lay động chúng ta thì chẳng phải Winter Hall đã bị xúc động như vậy sao? Anh ta đã gọi chúng ta là những tên đạo đức khủng. Vậy cách cư xử của anh ta bấy lâu nay là gì cơ chứ, nếu không phải là một thứ đạo đức khủng điên. Tại sao anh ta không giao nộp chúng ta cho cảnh sát? Tại sao anh ta kính trọng quan điểm của chúng ta mà vẫn tiếp tục giữ nhiệm vụ thư ký cho chúng ta? Anh ta thậm chí cũng không bị ràng buộc bởi những lời hứa danh dự như chúng ta. Anh ta chỉ cúi đầu và bằng lòng làm một số việc mà ông Xếp phản bội của chúng ta yêu cầu. Trong cuộc đối đầu hiện nay, anh thuộc cả hai phe. Xếp tin anh ta, chúng ta cũng tin anh ta, vậy mà anh ta chẳng phản bội phe nào cả. Chúng ta hiểu anh ta, thích anh ta. Lấy tôi làm thí dụ đơn cử, tôi chỉ nhận thấy có hai điểm đáng ghét trong con người anh ta: thứ nhất, môn xã hội học của anh ta, và thứ hai, ý muốn hủy diệt tổ chức của chúng ta. Nhưng về đạo đức thì quan điểm của anh ta và quan điểm của chúng ta cũng giống nhau như hai giọt nước.

- Tôi cũng bị xúc động - Hall buồn bã nói khẽ - Tôi công nhận, và tôi xin thú thật điều đó. Các ông thật là những người điên vô cùng dễ thương, và tôi thì quá yếu đuối hay quá mạnh mẽ, hay quá ngu ngốc, hay quá không ngoan - tôi không biết nói ra sao nữa - đến nỗi tôi không thể nuốt lời hứa. Giá mà tôi có thể hướng các ông theo cách nghĩ của tôi, như tôi đã làm với Xếp.

- Ô, anh làm thật à? - Lucoville kêu lên - Như thế tại sao Xếp không rút ra khỏi tổ chức.

- Bởi vì ông ta đã nhận tiền công tôi trả cho mạng của ông - Hall đáp.

- Và cũng chính vì lý do đó chúng tôi buộc phải lấy mạng ông ta - Lucoville nhấn mạnh - Chẳng lẽ chúng tôi không đạo đức bằng Xếp của chúng tôi? Theo hợp đồng của chúng tôi, khi Xếp đã nhận tiền công, chúng tôi bắt buộc phải thực hiện vụ xử tử như anh và Xếp đã thỏa thuận. Sự thỏa thuận là gì đi nữa thì cũng không quan trọng. Một cách ngẫu nhiên, lần này nó hóa ra là cái chết của Xếp - Hấn nhún vai - Anh sẽ làm gì? Xếp phải chết, nếu không chúng tôi sẽ không thể làm gương cho những gì chúng tôi tin là đúng.

- Rồi, ông cứ trở lại vấn đề đạo đức mãi thôi - Hall cần nhần.

- Và tại sao không trở lại? - Lucoville long trọng kết luận - Xã hội được xây dựng trên nền tảng đạo đức. Không có đạo đức, xã hội sẽ tàn lụi. Ngay trong những yếu tố thiên nhiên cũng chứa đựng lẽ phải. Huy diệt đạo đức là huy diệt trọng lực. Đến đất đá rồi cũng long rời ra. Toàn bộ hệ thống tinh tú sẽ tan biến thành một mớ hỗn mang không thể tưởng tượng nổi.

Chương 12

Một buổi tối nọ, tại quán cà phê Chó Xù, Hall đợi mãi mà không thấy John Gray đến để cùng ăn tối. Như thường lệ, họ đã hẹn nhau đi xem kịch sau bữa tối. Nhưng John Gray không tới, và đến tám rưỡi, Hall đành quay về khách sạn St. Francis, tay ôm một chồng tạp chí mới, dự định đi ngủ sớm. Có một vẻ gì đó quen quen trong dáng đi của người phụ nữ phía trước đang đi về phía thang máy. Anh thở một hơi thật sâu và vội vã theo sau cô ta.

- Rita - Anh khẽ gọi cô, khi thang máy bắt đầu chạy.

Đôi mắt to của cô nhìn sang anh sửng sốt trong một giây và ngay sau đó cô đưa tay nắm lấy tay anh và giữ chặt nó mãi như tìm sự nương tựa.

- Ôi, anh Winter - Cô hồn hên - Anh đấy sao? Đó là lý do tại sao em đến khách sạn St. Francis. Em nghĩ là em sẽ tìm thấy anh ở đây. Em cần anh ghé góm. Bác Antonio đã điên rồi, điên kinh khủng. Bác ra lệnh cho em thu xếp hành lý đi xa. Ngày mai lên tàu rồi. Bác buộc em phải dọn xuống một khách sạn dưới phố. Bác hứa sẽ sang chỗ em sau, hay sẽ đón em cùng đi tàu thủy sáng mai. Em đã thuê phòng cho bác. Nhưng có một việc gì đó sắp xảy ra. Em biết bác đang có một âm mưu ghé góm nào đó trong đầu. Bác...

- Thưa ông lên tầng mấy ạ? - Người trực thang máy ngắt lời.

- Cho xuống dưới lại - Hall ra lệnh, vì trong thang máy chẳng có người khách nào khác.

- Đợi nhé, - Anh dặn - chúng ta sẽ đến quán Lá Cọ nói chuyện.

- Thôi, thôi - Cô phản đối - Chúng ta ra phố đi. Em muốn đi bộ. Em muốn hít thở khí trời. Em muốn bình tâm suy nghĩ. Anh có nghĩ là em hóa khùng không, hả Winter? Nhìn em đây này. Trông em có giống con mụ đại không?

- Yên nào - Anh bảo, và nắm chặt cánh tay cô - Đợi từ từ đã. Chúng ta sẽ nói chuyện ấy sau.

Rõ ràng là cô đang ở một trạng thái bị xúc động đến cao độ, và mặc dù cô đã lấy lại bình tĩnh khi thang máy hạ dần xuống, trông cô thật tội nghiệp.

- Sao em không liên lạc với anh? - Anh hỏi cô khi hai người đã ra tới hè phố và đi về phía góc phố Powell, nơi anh dự định sẽ băng ngang công viên Liên Hiệp - Chuyện gì đã xảy ra với em khi em đến San Francisco? Em nhận được điện tín của anh ở Denver. Sao em không đến St. Francis?

- Em không kịp kể với anh đâu - Cô vội tiếp - Đầu em muốn vỡ tung ra đây. Em không biết nên tin cái gì nữa. Dường như tất cả đều là một ác mộng. Những việc như thế này không thể xảy ra được. Bác đã loạn trí rồi. Đôi khi em tin chắc rằng không có một cái Văn phòng Âm sát nào cả. Bác Antonio chỉ tưởng tượng ra nó mà thôi. Anh cũng chỉ tưởng tượng mà thôi. Đây là thế kỷ XX. Không thể có một tổ chức kinh khủng như thế được. Em... đôi khi em tự hỏi không biết em có bị sốt thương hàn không, không biết ngay phút này đây em có lên cơn mê sảng với nào là y tá, bác sĩ đứng xung quanh em, làm nhảm một mình về cơn ác mộng này không? Anh nói đi, nói đi, có phải anh cũng là một yêu ma kỳ quái - một nhân ảnh mang đầu óc bệnh hoạn không?

- Không - Anh nghiêm trang và từ tốn nói - Em đang thức và rất tỉnh táo. Em đang cùng anh băng qua đường Powell. Hè phố rất trơn trượt. Em không cảm thấy đường trơn dưới chân em sao? Em nhìn những sợi xích bánh xe của chiếc xe kia kìa. Tay anh đang quàng tay em... Đây là một màn sương mù thực đang bay sang từ Thái Bình Dương. Kia, xa xa là những con người thực đang ngồi trên các băng ghế. Em nhìn người ăn mày đang xin tiền anh đây này. Ông ta là người thực. Em nhìn đây, anh cho ông ta đồng

năm mươi xu thực. Rất có thể ông ấy sẽ lấy tiền đó mua whisky thực. Anh nghĩ thấy hơi thở của ông ta. Còn em, em có nghĩ thấy không? Hơi thở thực, anh cam đoan với em, rất thực. Và chúng ta có thực. Em hãy nắm cái này đây. Nào, em đang lo lắng gì? Hãy kể cho anh nghe tất cả.

- Tổ chức ám sát có thực không?

- Có thực - Anh đáp.

- Làm sao anh biết? Hay anh chỉ phỏng đoán thôi? Hay anh bị lây bệnh điên của bác?

Hall buồn bã lắc đầu.

- Giá mà anh được điên như vậy. Khốn thay anh lại biết anh chẳng điên chút nào.

- Làm sao anh biết - Cô la lên, bàn tay kia đưa lên bóp mạnh vào thái dương.

- Bởi vì anh là Quyền thư ký của Văn phòng Ám sát.

Cô chùn người hẳn lại, cánh tay cô nửa định rút ra khỏi tay anh thì anh đã trấn an giữ lại.

- Anh là một tên trong băng sát nhân đang cố giết bác Antonio à?

- Không, anh không phải là một tên sát nhân. Anh chỉ chịu trách nhiệm quản lí tiền bạc của tổ chức đó thôi. Em có... à... bác Antonio của em đã kể cho em nghe về... à... cái băng đó chưa?

- Ô, bác lắm nhảm không ngừng. Bác đã quá loạn trí đến nỗi bác tin rằng bác tổ chức ra nó.

- Chính bác đấy - Hall khẳng định - Bác bị khủng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa, tuy nhiên bác là người đã sáng lập và điều hành Văn phòng Ám sát đấy.

Cô chùn người lại và cố rút cánh tay ra.

- Và rồi anh có công nhận rằng chính anh là người đã đưa trước cho Văn phòng 50.000 \$ để giết bác không? - Cô hỏi gặng.

- Đúng thế - Anh công nhận.

- Sao anh nỡ lòng làm thế? - Cô rên rỉ.

- Nghe anh nói đây, Rita thân yêu - Anh van nài - Em chưa nghe hết ngọn ngành. Em không hiểu. Khi anh trả tiền công anh không biết bác là cha em.

Anh chợt im bặt, hoảng sợ biết mình đã lỡ lời.

- Phải - Cô đáp, giọng đã bình tĩnh hơn - bác cũng nói rằng bác chính là cha ruột em. Mãi rồi em mới tin được. Anh nói tiếp đi.

- À, khi đó anh không biết bác là cha em, cũng không biết là bác mất trí. Sau đó, khi anh tìm hiểu biết được, anh nài nỉ bác thay đổi ý định. Nhưng bác ấy điên. Tất cả bọn họ đều điên cả. Và bây giờ bác ấy đang gấp tâm thực hiện một âm mưu điên loạn mới nữa đây. Kể cho anh biết đi, em nghi ngờ gì vậy? Chúng ta có thể ngăn chặn âm mưu đó.

- Nghe đây! - Cô nép sát vào anh, trấn tĩnh lại, hạ giọng xuống và nói thật nhanh - Còn rất nhiều điều chúng ta cần giải thích cho nhau nghe. Nhưng trước tiên hãy nói đến sự nguy hiểm đã. Khi em đến San Francisco, không biết tại sao em có một linh cảm không hay. Em đi tới nhà xác trước, rồi em đi một vòng các bệnh viện. Và em tìm thấy bác trong bệnh viện Đức với hai vết dao đâm rất trầm trọng. Bác nói với em rằng một trong những tên ám sát đã đâm bác...

- Người đó tên Harding - Hall ngắt lời và suy đoán - Chuyện xảy ra trên xe lửa ở Nevada, gần Winnemucca.

- Vâng, đúng rồi. Chính tên đó. Bác nói như vậy mà.

- Em thấy mọi việc ăn khớp với nhau chưa - Hall nhấn mạnh - Có lẽ có rất nhiều sự điên khùng trong việc này, nhưng thậm chí sự điên khùng đó cũng có thực, nhưng dấu sao còn anh và em là vẫn tỉnh trí.

- Vâng, nhưng để em kể tiếp - Cô bấu lấy tay anh, giọng đã tin tưởng trở lại - Ôi chúng ta còn biết bao nhiêu chuyện kể cho nhau nghe. Bác rất tín nhiệm anh. Nhưng đó không phải là điều em muốn nói. Em thuê một căn nhà có sẵn đồ đạc ở tận đỉnh đồi Rincon, và ngay khi được bác sĩ cho phép, em chuyển bác Antonio về nhà đó. Hai bác cháu đã ở nhà đó trong mấy tuần gần đây. Bác, hay đúng hơn là cha em đã hoàn toàn bình phục. Bác ấy chính là cha em. Bây giờ em đã tin điều ấy là đúng, vì dường như em phải tin tất cả mọi việc. Và em sẽ tin... trừ khi em thức dậy và thấy tất cả chỉ là một cơn ác mộng. Mấy ngày nay, bác... cha em luôn tay sửa đổi ngôi nhà. Hôm nay, sau khi mọi thứ chuẩn bị cho chuyến đi Honolulu đã sắp xếp xong, cha em gửi hành lý lên tàu và bảo em đi ở khách sạn. Em không biết gì về chất nổ, ngoài những kiến thức nhật đầu đó qua sách vở, nhưng em

biết là cha em đã đặt chất nổ trong nhà. Cha đã đào cái hầm kho lên, đục những bức tường trong phòng khách rồi trám chúng lại. Em biết cha đã chạy dây điện đằng sau bức vách, và em biết hôm nay cha đã chuẩn bị sẵn sàng để chạy một đường dây từ ngôi nhà đến một bụi cây rậm ở gần cổng. Có lẽ anh đã đoán được cha em đang toan tính chuyện gì.

Hall chợt nhớ ra John Gray đã không đến xem kịch như đã hẹn.

- Chắc chắn sẽ có chuyện gì đó xảy ra tối nay - Rita tiếp tục - Cha định sau đó sẽ sang chỗ em ở đằng khách sạn St.Francis, hoặc đón em sáng mai trên tàu thủy. Trong lúc này...

Nhưng Hall đã nhận định được cần phải làm gì. Anh kéo tay cô chạy ra khỏi công viên đến góc phố, nơi hàng dãy xe taxi đang đậu chờ khách.

- Trong lúc này, - Anh bảo cô - chúng ta phải khẩn trương đến đồi Rincon. Ông ấy sẽ giết họ. Chúng ta phải ngăn chặn việc này lại.

- Chỉ mong cha đừng chết - Cô thì thầm - Lũ hèn nhát! Lũ hèn nhát!

- Xin lỗi em, nhưng họ không phải là lũ hèn nhát đâu. Họ rất can đảm, và là những người đáng mến nhất trên đời, duy chỉ có hơi kỳ quái. Ai biết họ đều sẽ yêu mến họ. Và đã xảy ra nhiều vụ giết chóc quá rồi.

- Bọn họ muốn giết cha em.

- Và cha em muốn giết họ - Hall đáp lại - Em đừng quên điều đó. Và đó là mệnh lệnh của cha em. Cha em đã phát điên cuồng lên, và họ cũng sẽ điên cuồng y như vậy. Đi em! Nhanh lên! Nhanh lên! Họ đang tập hợp lại trong ngôi nhà đã được gài chất nổ đó. Chúng ta có thể cứu họ hay cứu cha em không chừng.

- Đồi Rincon, thời gian là tiền bạc, anh hiểu chứ? - Hall nói với người tài xế taxi khi đã đỡ Rita vào xe - Nhanh lên nào! Xả hết máy! Mở hết tốc lực! Làm sao đưa chúng tôi đến đó càng nhanh càng tốt.

Đồi Rincon, xưa là một khu sinh sống dành cho giới trưởng giả San Francisco, ngẩng cao mái đầu quý phái đã tiêu tụy khỏi những ngôi nhà lụp xụp bần thủ trong khu lao động của người da đen trải rộng từ phía Nam đường Market. Đến chân đồi, Hall trả tiền xe taxi, và cùng Rita thoăn thoắt leo lên đồi. Mặc dù trời mới có chạng vạng, chưa quá chín giờ rưỡi tối, có rất ít người qua lại. Tình cờ liếc nhìn về phía sau, Hall nhắc thấy một bóng người quen quen vừa băng ngang qua vùng ánh sáng từ ngọn đèn đường tỏa

xuống. Anh kéo Rita thụt vào bóng tối của mấy ngôi nhà ở hai bên đường và chờ đợi. Vài phút sau, anh thấy Haas lướt ngang, bước đi một cách nhẹ nhàng, kỳ quái như kiểu mèo đi. Họ bám theo sau, cách hắn khoảng một dãy phố, họ trông thấy hắn nhảy qua một hàng rào sắt thấp kiểu cổ. Rita thúc tay Hall ra hiệu.

- Ngôi nhà đó kia, nhà em đấy - Cô thì thầm - Quan sát hắn xem. Chắc hắn không ngờ rằng hắn đang đi vào chỗ chết.

- Anh cũng không ngờ như thế - Hall thì thầm thì đáp lại, giọng lộ vẻ nghi ngờ - Anh nghĩ Haas là một loại người rất khó giết.

- Bác Antonio rất cẩn thận. Em chưa bao giờ thấy bác làm hỏng việc. Bác đã sắp đặt tất cả mọi thứ, và khi ông Haas của anh đi qua cổng chính...

Cô ngừng lại. Hall bấu vào tay cô đau điếng.

- Hắn sẽ không đi qua cổng chính đâu, Rita. Xem hắn ta kia. Hắn đang bò qua cổng sau.

- Không có cổng sau - Cô nói - Đồi đồ dốc xuống một vách ngăn ở sân sau sâu bốn mươi độ ở bên dưới. Hắn sẽ bò trở lại cổng trước. Khu vườn rất nhỏ.

- Hắn đang toan tính gì đó - Hall lẩm bẩm khi bóng đen xuất hiện lại - Ái chà, ông Haas này! Thật là một người đa mưu. Nhìn kia Rita, hắn đã bò vào ẩn nấp trong bụi rậm gần cổng. Có phải dây điện chạy vào đó không?

- Phải, và đó là bụi rậm duy nhất có thể nấp được. Có ai đến nữa kia. Không biết có phải một tên ám sát nữa không?

Không chờ đợi, Hall và Rita băng ngang qua ngôi nhà và nấp vào góc tường kế. Người đàn ông đi từ hướng ngược lại rẽ vào nhà của Pazini và leo lên các bậc thang dẫn đến cổng. Sau một phút ngần ngừ, họ nghe tiếng mở cửa ra và đóng lại.

Rita nhất định đòi theo Hall. Đây là nhà cô, cô nói, và cô biết rõ từng viên gạch một. Hơn nữa, cô vẫn còn giữ chìa khóa nhà, và do đó khỏi cần bấm chuông.

Phòng đợi phía ngoài sáng trưng làm hiện rõ số nhà và họ mạnh dạn băng ngang qua lùm cây Haas đang nấp, và mở cổng chính bước vào. Hall treo mũ lên giá và tháo găng tay ra. Từ cánh cửa bên phải chọt vọng ra các giọng nói rì rầm. Họ dừng lại phía ngoài và lắng nghe.

- Cái đẹp là một sự cưỡng bách - Họ nghe một giọng nói điều khiển cuộc hội đàm vang lên.

- Đó là Hanover, thành viên nhóm Boston - Hall thì thầm.

- Cái đẹp là tuyệt đối - Giọng nói tiếp tục - Cuộc sống con người, mọi dạng cuộc sống đều hướng về cái đẹp. Đây không phải là một trường hợp thích nghi hợp lý. Cái đẹp không hướng về cuộc sống. Cái đẹp nằm trong vạn vật, còn con người thì không. Cái đẹp sẽ tồn tại mãi trong vạn vật trong khi con người tan biến đi. Cái đẹp là... à, chính cái đẹp, cái đẹp là tất cả, là từ nói đến đầu tiên và sau cùng, là điều không phụ thuộc vào con người nông cuồng nhỏ mọn đang lê lét trong vũng bùn.

- Siêu hình học [1] - Họ nghe tiếng Lucoville vang lên chế nhạo - Chỉ toàn là hình ảnh siêu hình học thôi ông Hanover thân mến ạ. Khi một người bắt đầu liệt một hiện tượng ngăn ngại trong cuộc tiến hóa phù du là tuyệt đối thì...

- Chính anh mới là nhà Siêu hình học - Họ nghe tiếng Hanover ngắt ngang - Anh sẽ đoán chắc rằng không có vật chất tồn tại ngoài ý thức, và khi ý thức bị hủy diệt thì cái đẹp bị hủy diệt, và bản thân vật chất, cái nguyên tố quyết định mà cuộc sống phát triển hướng tới, cũng bị hủy diệt theo. Chúng ta, tất cả chúng ta đều biết, và anh phải biết rằng chỉ có nguyên tố đó tồn tại mãi mãi. Như Spencer đã nói rất hay về sự thay đổi vĩnh cửu của lực lượng và sự vật với nhịp điệu thay đổi giữa tiến hóa và phân hủy *“Nguyên tố thì luôn luôn là một, nhưng kết quả cụ thể thì không phải lúc nào cũng như nhau”*.

- Các quy tắc mới, các quy tắc mới - Lucoville buột miệng xen vào - Các quy tắc mới luôn xuất hiện trong những quá trình tiến hóa khác biệt và liên tục.

- Bản thân quy tắc! - Hanover reo lên đắc thắng - Anh đã cân nhắc điều đó chưa? Chính anh đã khẳng định rằng quy tắc luôn tồn tại. Thế quy tắc là gì? Nó là sự vĩnh cửu, sự tuyệt đối, là yếu tố tồn tại bên ngoài ý thức, là nguồn phát sinh ý thức.

- Khoan đã - Lucoville xúc động la lên.

- Ô hay! - Hanover tiếp tục nói, giọng hân hoan bộc lộ chủ nghĩa giáo điều chính thống của những học giả uyên bác - Anh định phục hồi lại cái chủ

nghĩa lý tưởng Berkeley [2] cũ đã sụp đổ. Siêu hình học - Những thể hệ sau thời đại. Trường phái mới, anh nên biết đấy, nhấn mạnh rằng vật chất tồn tại tự bản thân nó. Ý thức, trong khi nhìn thấy và cảm nhận vật chất, chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi. Chính anh, anh Lucoville thân mến ạ, mới là một nhà Siêu hình học.

Tràng vỗ tay rào rào và những tiếng nói xôn xao hưởng ứng nổi lên.

- Gậy ông đập lưng ông - Họ nghe một tiếng nói thanh tao mang giọng Anh không lẫn vào đâu được vang lên.

- John Gray đấy - Hall thì thầm nói với Rita - Nếu nhà hát không bị thương mại hóa kinh khủng như hiện nay thì hẳn đã làm một cuộc cách mạng toàn bộ giới kịch nghệ rồi.

- Toàn là tranh cãi về từ ngữ - Họ nghe Lucoville lên tiếng - Thậm xưng, bội ngữ, chơi chữ, thay từ tráo ý. Nếu các anh cho tôi 15 phút, tôi sẽ dẫn giải lập trường của tôi.

- Em nhìn kìa! - Hall thì thầm thì - Những kẻ ám sát thân thiện, những triết gia đáng phục của chúng ta. Bây giờ em tin là họ giống những người mất trí hơn là những kẻ sát nhân ác độc dã man chứ?

Rita nhún vai.

- Họ có thể hướng vào cái đẹp theo bất cứ kiểu nào họ thích, nhưng em không thể quên rằng họ đang rắp tâm giết bác Antonio - cha em.

- Nhưng em không thấy đó sao? Họ bị các tư tưởng ám ảnh. Họ không màng đến sinh mạng con người, kể cả sinh mạng họ. Họ là nô lệ của tư tưởng. Họ sống trong thế giới của tư tưởng.

- Với giá 50.000 \$ mỗi người - Cô đáp lại.

Lần này, đến lượt anh nhún vai.

- Đi em! - Anh nói - Chúng ta vào thôi. Không để anh vào trước.

Anh vặn chốt cửa và bước vào. Rita theo sau. Cuộc nói chuyện ngừng ngay lại, và bảy người đàn ông đang ngồi thoải mái quanh phòng nhìn chăm chú vào hai người khách vừa đột nhập.

- Hall này - Harkins nói, giọng bức bối thấy rõ - Anh không được phép xen vào chuyện này. Và chúng tôi đã để anh đứng ngoài cuộc. Vậy mà anh lại mò đến đây, cùng với, xin lỗi, một người lạ hoắc lạ huơ.

- Và nếu chuyện này phụ thuộc vào các anh, thì tôi hẳn đã đứng ngoài cuộc lâu rồi - Hall đáp - Làm gì phải bí mật như thế!

- Đó là lệnh của Xếp. Xếp mời chúng tôi đến đây. Và vì chúng tôi quân theo chỉ thị của Xếp và không để anh tham dự, chúng tôi kết luận rằng chính ông ta đã để anh lọt vào.

- Không, không phải - Hall cười to - Và các ông cũng có thể mời chúng tôi ngồi chứ. Thưa các ông, đây là cô Barosi. Thưa cô Barosi, đây là ông Gray, ông Harkins, ông Lucoville, ông Breen, ông Alsworthy, ông Starkington và ông Hanover, chỉ thiếu ông Haas - những thành viên sống sót của Văn phòng Âm sát.

- Như vậy là vi phạm lời tuyên thệ! - Lucoville giận dữ la lên - Hall, tôi thật không ngờ!

- Anh không hiểu gì cả, anh bạn Lucoville ạ! Đây là nhà của cô Barosi. Khi cha cô vắng mặt thì tất cả các anh đều là khách của cô ta.

- Chúng tôi được biết rằng đây là nhà của Pazini - Starkington nói - Ông ta bảo như vậy. Chúng tôi đến từng người một, nhưng căn cứ vào sự kiện là tất cả chúng tôi đến đây, chúng tôi chỉ có thể kết luận rằng chúng tôi không thể lầm lẫn về số nhà hay tên đường được.

- Cũng thế thôi - Hall đáp, và anh nhẹ nhàng mỉm cười - Cô Barosi là con gái của Pazini.

Mọi người lập tức bao quanh Rita và Hall, rồi bắt tay Rita. Cô giấu tay ra sau lưng, và đồng thời lùi lại một bước.

- Ông muốn giết cha tôi - Cô nói với Lucoville - Tôi không thể bắt tay ông được.

- Đây, ghế này đây, xin mời cô ngồi xuống. - Lucoville nói, và Starkington cùng Gray phụ ông mang ghế đến cho cô - Chúng tôi vô cùng hân hạnh, thưa ái nữ của Xếp chúng tôi, chúng tôi không được biết Xếp có cô con gái, chúng tôi rất vui được đón tiếp cô, rất vui được đón tiếp bất kỳ cô con gái nào của Xếp chúng tôi.

- Nhưng các ông muốn giết cha tôi - Cô tiếp tục phản đối - Các ông là những tên sát nhân.

- Chúng tôi là bạn hữu, mong cô tin tôi. Chúng tôi đại diện cho một tình bằng hữu còn cao cả hơn, sâu đậm hơn vấn đề sống chết. Thưa cô, sinh

mạng con người chẳng có gì giá trị cả - còn thua cả cát bụi. Đời người! Ôi, đời chúng ta chỉ là những con tốt trong bàn cờ tiến hóa xã hội. Chúng tôi khâm phục cha cô, chúng tôi kính trọng ông, ông là một con người vĩ đại. Ông ta là, hay nói đúng hơn, ông ta đã là... Xếp của chúng tôi.

- Thế mà các ông lại muốn giết cha tôi - Cô căn vặn.

- Và đó là do lệnh của ông ban ra. Xin mời cô ngồi - Sự ân cần của ông được đáp lại, và cô ngồi xuống ghế, - Người bạn của tôi đây, ông Hall - Hân tiếp tục - Cô vẫn công nhận anh ta là bạn cô. Cô đâu có gọi anh ta là kẻ sát nhân. Thế mà anh ta đã giao 50.000 \$ tiền công để lấy mạng cha cô. Như cô biết, anh ta đã tiêu diệt được phân nửa tổ chức. Thế nhưng chúng tôi có lấy đó để căm thù anh ta đâu. Anh ta là bạn của chúng tôi. Chúng tôi quý trọng anh ta vì chúng tôi biết rằng anh ta là một người trung thực, một người trọng chữ tín, một nhà đạo đức cao quý.

- Thật tuyệt vời phải không cô Barosi! - Hanover hào hứng cắt ngang - Tình bạn làm cái chết trở nên vô nghĩa! Quy luật của lẽ phải! Sự tôn thờ lẽ phải! Nó không làm con người muốn hy vọng sao? Chúng ta hãy suy nghĩ mà xem! Nó chứng tỏ rằng tương lai nằm trong tay chúng ta, rằng tương lai thuộc về những ai, nam cũng như nữ, suy nghĩ đúng và hành động đúng, rằng những xúc cảm sôi nổi bùng bột nhất thời, những khao khát thú tính, tình yêu cá nhân và tình yêu mến họ hàng thân thích sẽ tan biến như làn sương mai khi ánh dương của một lẽ phải cao cả hơn tỏa rạng. Lẽ phải, và hãy ghi nhớ lời tôi, *lẽ phải chân chính* sẽ chiến thắng. Một ngày nào đó, tất cả nhân loại sẽ xử sự không phải theo cảm tính và thú tính nữa, mà là theo lẽ phải chân chính và cao cả.

Rita cúi đầu và giơ hai tay lên trời tỏ vẻ tuyệt vọng.

- Em không chống lại họ, hử? - Hall cúi xuống nói với cô, vẻ đặc chí.

- Mớ hỗn mang của những tư tưởng siêu đẳng - Cô bắt lực nói - Đây là thứ đạo đức điên loạn.

- Anh đã nói với em rồi mà - Anh đáp - Tất cả họ đều điên, cũng điên như cha em, và anh và em cũng sẽ điên như vậy nếu chúng ta để tư tưởng của họ lung lạc. À, em nghĩ gì về các nhà ám sát của chúng ta.

- Phải, cô nghĩ gì về chúng tôi nào? - Mắt Hanover bừng vui sau làn kính trắng.

- Tôi chỉ có thể nói rằng, - Cô đáp - các ông trông không giống như những tên giết người, còn đối với ông Lucoville, tôi sẽ bắt tay ông và tôi sẽ bắt tay tất cả các ông nếu các ông hứa sẽ bỏ ý định giết cha tôi đi.

- Co Barosi ạ, phải thật lâu nữa cô mới hiểu ra vấn đề - Hanover ngậm ngùi trách.

- Giết? Giết à? Lucoville sôi nổi hỏi - Tại sao phải e sợ việc giết chóc? Cái chết không có nghĩa lý gì cả. Chỉ có những con thú, những con vật sống trong vũng vùn mới sợ chết. Thưa cô, chúng tôi ở ngoài tầm cái chết. Chúng tôi là những nhà thông thái đã nhận chân được Thiện, Ác. Chúng tôi chấp nhận việc bị giết cũng dễ dàng như việc giết người. Giết - việc đó diễn ra trong mọi lò sát sinh, lò xẻ thịt trên thế giới. Đó là việc rất bình thường đến độ đã hầu như trở nên tầm thường.

- Ai chưa từng đập muỗi? - Starkington hét lên - Ai chưa từng vung bàn tay sát sinh giáng xuống và đập nát bộ máy biết bay có tri giác tuyệt vời nhất, đáng khâm phục nhất? Nếu cái chết là một tấn bi kịch - hãy nghĩ đến bi kịch của thân phận con muỗi, con muỗi bị đập nát bét, nàng tiên nhẹ nhàng đang bay lượn bị đập nát và nghiền vụn ra một cách thảm khốc, mà chưa hề một viên phi công nào trải qua, ngay cả McDonald, người đã rơi từ độ cao năm mươi ngàn bộ xuống. Có bao giờ nghiền cứu về loài muỗi chưa cô Barosi? Không uống công đâu. Cô biết không, trong các hiện tượng sinh vật, loài muỗi cũng tuyệt vời như chính con người vậy.

- Nhưng có sự khác biệt - Gray xem lời.

- Tôi đang nói tới điều đó. Và sự khác biệt đó là gì? Đập một con muỗi.
- Anh ta dừng lại để nhấn mạnh - À, thế là chú ta bị đập chết, có phải không? Và thế là hết. Mạng chú ta đã kết liễu. Chẳng ai nhớ tới chú ta cả. Nhưng còn đập chết một con người - thì vẫn còn một cái gì đó sót lại và tồn tại. Cái còn lại đó là gì? Đó không phải là bộ máy di động, một bao tử háu ăn, một cái đầu hói hay một hàm răng sâu. Những tư tưởng vương giả lộng lẫy. Sự khác biệt là ở chỗ đó. Những tư tưởng! Những tư tưởng cao cả! Những tư tưởng chân chính! Lẽ phải của tư duy!

- Khoan đã - Hanover hét lên, và vì quá kích động đã nhảy phắt lên và múa máy đôi tay - Starkington, tôi chấp nhận cách anh sử dụng từ “đập chết”. Mặc dù đó là một từ khá thô thiển, nhưng nó rất diễn cảm. “Đập

chết” - và tôi báo cho anh biết, Starkington - anh chỉ cần đập chết một tế bào sắc tố nhỏ li ti nhất trong làn cánh mỏng trong mờ vừa mới mọc của con muỗi, là toàn bộ vũ trụ từ mặt trời trung tâm đến các tinh tú bên ngoài đã bị chấn động. Đừng quên rằng có một trật tự hợp lý hài hòa trong tế bào sắc tố đó, trong từng mỗi triệu phân tử cấu tạo nên tế bào sắc tố đó, và trong từng mỗi vô số tiểu thể cái tạo nên những triệu phân tử đó.

- Thưa các ông, hãy nghe đây - Rita nói - Thế các ông ở đây làm gì? Tôi không muốn nói ở trong vũ trụ này, mà muốn nói là ở trong ngôi nhà này. Tôi chấp nhận tất cả những gì ông Hanover vừa hùng hồn dẫn giải về tế bào sắc tố trong cánh loài muỗi. Rõ ràng là - đập muỗi là không đúng. Thế với cái đạo đức các ông vừa thuyết giáo đó, các ông sẽ thanh minh thế nào về sự hiện diện của các ông nơi đây nhằm âm mưu thực hiện một vụ giết người đầm máu?

Mọi người nhao nhao cố giải thích cho Rita hiểu.

- Thôi! Yên đi nào - Hall quát họ và quay sang cô gái, anh ra lệnh - Rita, thôi đi. Em nóng quá rồi. Năm phút nữa thì em cũng sẽ lên cơn như họ. Các ông hãy hoãn cuộc tranh luận lại. Bỏ nó đi. Quên nó đi. Chúng ta bàn chuyện công việc nào. Ông Xếp, cha cô Barosi đâu? Các ông nói Xếp bảo các ông tới đây. Thế các ông đến đây làm gì? Để giết ông ta à?

Hanover lau mồ hôi trán, mặt đỏ sau cơn cuồng nhiệt tư tưởng. Hắn gật đầu.

- Đó là mục đích chúng tôi đã vạch ra - Hấn bình tĩnh nói - Đương nhiên sự có mặt của cô Barosi rất bất tiện cho chúng tôi. Chúng tôi e rằng cần phải mời cô lui khỏi nơi đây.

- Ông thật là tàn nhẫn - Cô nghiêm trang nói với nhà học giả điềm đạm - Tôi sẽ cứ ở lại đây. Và ông không thể giết cha tôi được. Tôi cho ông biết, ông không thể giết cha tôi được đâu.

- Tại sao Xếp không có mặt ở đây? - Hall hỏi.

- Vì chưa đến giờ. Ông gọi điện thoại cho chúng tôi, chính ông nói chuyện mà, và bảo rằng ông sẽ gặp chúng tôi ở đây, ngay tại căn phòng này vào lúc 10h. Bây giờ đã gần đến 10h.

- Có lẽ ông ta sẽ không đến - Hall đoán.

- Ông ta đã hứa danh dự - Hanover trả lời đơn giản nhưng rất tin tưởng.

Hall nhìn đồng hồ. Kim chỉ 10h kém vài giây. Và trước khi vài giây này qua đi, cửa bật mở và Pazini, khuôn mặt màu vàng nhạt nhẽo, mặc bộ đồ lễ hành màu xám, bước vào. Đôi mắt óng ánh xanh nhạt của ông liếc qua toàn thể buổi họp.

- Xin chào các anh em bạn hữu thân mến - Ông nói giọng đều đều - Tôi thấy tất cả các anh em đã có mặt tại đây, trừ Haas. Haas đâu?

Những kẻ ám sát không biết nói dối nhìn nhau bối rối.

- Haas đâu? Pazini nhắc lại.

- Chúng tôi... a... chúng tôi không biết đích xác, vâng, không biết đích xác - Harkins ngập ngừng bắt đầu.

- Thôi được, tôi biết, và biết đích xác - Pazini chặn lời - Tôi đã quan sát các anh đến từ cửa sổ trên lầu. Tôi nhận ra tất cả các anh. Haas cũng đã đến. Anh ta giờ đang nấp trong bụi cây rậm sau cổng, phía bên phải lối đi, cách bản lề dưới của cổng sắt bốn phút bốn inch. Tôi đã đo khoảng cách hôm trước. Các anh có nghĩ rằng tôi đã dự định như thế không?

-Chúng tôi không màng đoán trước các dự định của ông đâu, Xếp thân mến ạ - Hanover ôn hòa nói, nhưng hấn lập luận rất chặt chẽ - Chúng tôi bàn bạc về lời mời và chỉ thị của ông rất kỹ lưỡng, và chúng tôi nhất trí kết luận rằng việc phân công Haas ở vị trí bên ngoài không hề vi phạm lời giao ước. Ông vẫn nhớ các chỉ thị chứ?

- Hoàn toàn nhớ - Pazini tán thành - Hãy đợi tôi tự ôn lại đã - Ông yên lặng nửa phút để ôn lại các chỉ thị và rồi gương mặt ông bừng lên vẻ mãn nguyện - Các anh đúng - Ông tuyên bố - Các anh đã cư xử theo đúng giao ước. Còn bây giờ, các đồng chí thân mến, tất cả kế hoạch của chúng ta đều bị phá vỡ do sự cam thiệp của con gái tôi và người thanh niên đang giữ Quyền Thư ký cho các anh, và cũng là người tôi hy vọng sẽ là con rể tương lai của tôi.

- Kế hoạch của ông nhằm mục đích gì? - Starkington vội hỏi.

- Nhằm tiêu diệt các anh, Pazini cười - Còn kế hoạch của các anh nhằm mục tiêu gì?

- Nhằm tiêu diệt ông - Starkington thú nhận - Và chúng tôi nhất định sẽ tiêu diệt ông. Chúng tôi rất tiếc cô Barosi, và cả ông Hall nữa, đã có mặt nơi đây. Chẳng ai mời họ đến cả. Đương nhiên họ có thể rút lui.

- Tôi sẽ không đi đâu cả! - Rita hét lên - Các ông là những con quái vật lạnh lùng, khô khan, tàn nhẫn. Đây là cha tôi, và các ông có thể cho tôi là tội lỗi, tầm thường, ngu dốt hay là gì gì đi nữa thì tùy ý, nhưng tôi quyết sẽ không rút lui đâu, và các ông sẽ chẳng thể làm hại được cha tôi.

- Các anh hãy thỏa hiệp với tôi về vấn đề này - Pazini khẩn khoản - Hãy xem như cả hai phe chúng ta đều thất bại. Tôi đề nghị đình chiến.

- Được - Starkington đồng ý - Đình chiến trong năm phút, trong thời gian đó cả hai phe đều không được phép công khai phản công và không ai được phép ra khỏi phòng. Chúng tôi sẽ hội ý ở phía đàn dương cầm đằng kia. Ông đồng ý chứ?

- Rất đồng ý. Nhưng đầu tiên các anh hãy để ý đến vị trí tôi đang đứng. Bàn tay tôi đang đặt lên trên quyển sách nằm trong tủ sách này đây. Tôi sẽ không đi hề di chuyển cho đến khi các anh quyết định nên hành động theo chiều hướng nào.

Các tên ám sát rút về góc phòng và bắt đầu xì xầm bàn tán.

- Đi thôi - Rita nói khẽ vào tai cha - Cha chỉ cần bước qua cửa và thoát chạy là xong.

Pazini cười bao dung

- Con chẳng hiểu gì cả - Ông nhẹ nhàng nói.

Cô vừa khóc lóc vừa nắm chặt hai tay lại một cách cuồng nhiệt.

- Cha hóa điên như họ mất rồi.

- Nhưng Rita thân yêu này, - Ông nài nỉ - nếu con cho đó là một sự điên cuồng như con vừa gọi nhầm đây - thì con chẳng thấy đó là một sự điên cuồng tuyệt đẹp hay sao? Ở đây tư duy và lẽ phải thống trị. Đối với cha, có lẽ đó là sự hợp lý và kiềm chế cao cả nhất. Điều phân biệt con người với những động vật hạ đẳng khác chính là khả năng biết kiềm chế. Cứ chứng kiến cảnh tượng này mà xem. Kia là bảy người quyết giết cha. Cha đứng đây quyết giết họ. Thế mà, chỉ với một lời nói thần kỳ, cha và họ đã thỏa hiệp đình chiến. Họ tin cha và cha tin họ. Đây chính là một thí dụ tốt đẹp về đức hạnh cao cả của sự kiềm chế.

- Tất cả mọi nhà ẩn dật, từ người sống trên đỉnh núi cao đến người sống trong hang đá sâu thẳm với loài rắn, đều là những thí dụ tốt đẹp về sự kiềm

ché cha vừa nói đó - Cô bực tức cãi lại - Sự kiểm chế áp dụng trong các nhà thương điên thường cũng rất độc đáo đấy chứ.

Nhưng Pazini không để cho cô lung lạc. Ông mỉm cười và đùa cợt cho đến khi nhóm ám sát quay lại. Cũng như lần trước, Starkington giữ vai trò phát ngôn viên cho cả nhóm.

- Chúng tôi đã quyết định rằng - Hấn nói - Chúng tôi có nhiệm vụ phải thủ tiêu ông, Xếp thân mến ạ. Ông vẫn còn một phút để tháo chạy. Sau một phút đó, chúng tôi sẽ tiến hành công việc. Trong một phút nghỉ đó, chúng tôi cũng xin yêu cầu một lần nữa rằng hai vị khách không mời mà đến hãy rút lui.

Rita cương quyết lắc đầu - Tôi có vũ khí - Cô lôi một khẩu súng lục tự động cỡ nhỏ ra đe dọa nhưng lại không gạt khóa an toàn làm người ta thấy ngay là cô chẳng hiểu gì về súng cả.

- Tôi rất tiếc - Starkington xin lỗi - Nhưng chúng tôi vẫn cứ phải thi hành công việc như dự định.

- Nếu không có gì bất ngờ cản trở? - Pazini gợi ý.

Starkington liếc mắt nhìn các đồng chí của mình và thấy họ gật đầu. Hấn tiếp.

- Đương nhiên, trừ phi có gì bất ngờ...

- Và đây chính là điều bất ngờ - Pazini nhẹ nhàng ngắt lời - Anh nhìn tôi đây này, Starkington thân mến. Tôi không mang theo một thứ vũ khí nào. Đợi một chút, anh nhìn quyển sách mà tay trái tôi đang tựa vào đây này. Đằng sau quyển sách, trên phần lưng kệ, là một cái nút điện. Tôi đẩy mạnh cuốn sách vào lưng kệ sẽ nhấn được cái nút điện đó. Cả căn phòng đã được đặt chất nổ. Tôi có cần phải giải thích rõ hơn không? Kéo tám tấm dưới chân anh qua một bên đi... à, đúng rồi. Bây giờ anh hãy cẩn thận nhấc tám tấm rời lên. Các anh hãy nhìn những sợi dây điện xếp nằm bên nhau. Hết thấy đều được nối với nhau thành một hệ thống.

- Độc đáo nhất từ xưa tới nay - Hanover lầm bầm và đôi mắt nhìn chăm chú vào khối chất nổ - Giết người kiểu này thật đơn giản biết bao! Tôi chắc đây là một phản ứng hóa học mãnh liệt. Trong tương lai khi nào rảnh rang, tôi sẽ nghiên cứu về chất nổ.

Đến lúc này đây, Hall và Rita mới nhận thức rõ rằng các tên ám sát kiêm triết gia này thực sự chẳng sợ gì cái chết. Như họ đã từng tuyên bố, họ chẳng màng gì đến thân xác. Họ không hề khát sống. Họ chỉ biết khát tư tưởng.

- Chúng tôi không dự đoán được điều này - Gray cam đoan với Pazini - Nhưng chúng tôi đã nghi ngại có biến cố xảy ra ngoài dự đoán. Đó là lý do tại sao chúng tôi phân công Haas giữ vị trí bên ngoài. Ông có thể thoát khỏi tay chúng tôi, nhưng không thoát nổi tay hắn đâu.

- Các đồng chí vừa nhắc cho tôi nhớ ra một điều nữa - Pazini nói - Tôi đã chạy một sợi dây ngầm dưới đất dẫn đến vị trí Haas đang nấp. Hy vọng rằng hắn không ngẫu nhiên tìm thấy cái nút điện tôi giấu ở đó, nếu không, tất cả chúng ta sẽ nổ tung hết lên. Đề nghị một người trong các anh ra gọi hắn vào đây cùng họp với chúng ta. Và tạm thời, chúng ta hãy thỏa hiệp một đình chiến thứ hai nữa. Theo như hoàn cảnh hiện nay, các anh đã thất bại.

- Bẫy mạng đổi một mạng - Harkins nói - Cứ theo toán học mà xét thì đỡ ẹc.

- Đúng là tính toán kinh tế rồi - Breen nhất trí.

- Và đề nghị, - Pazini tiếp - chúng ta sẽ đình chiến cho đến một giờ, và mời các anh cùng đi ăn tối với tôi.

- Nếu Haas đồng ý, - Alsworthy nói - giờ tôi đi gọi hắn đây.

Haas đồng ý và thế là họ cùng rời khỏi nhà, đón xe điện lên phố như một nhóm bạn hữu thân thiết.

Chú thích:

[1] Siêu hình học (Metaphysics): Metaphysics xuất phát từ một từ Hy Lạp "*mets ta physika*" có nghĩa là điều xuất hiện sau physics. Từ này do Andronicus, người xứ Rhodes đặt ra. Ông là người đầu tiên biên tập bản thảo của Aristotle, ông đã ngẫu hứng dùng từ này để đặt tựa cho bản thảo không tựa theo sau tác phẩm "*Physics*" trong tuyển tập các tác phẩm của Aristotle. Từ này dần dần được các triết gia công nhận như tên gọi của một phạm trù nghiên cứu về thực thể trong những lĩnh vực tổng quát nhất. Về thực chất, lịch sử của môn Siêu hình học phát triển song song với lịch sử Triết học. Trong thế kỷ XX, cũng như trong suốt lịch sử triết học, đã xảy ra

nhiều tranh cãi về môn Siêu hình học. Những người ủng hộ thì chủ yếu dựa trên khẳng định “*lẽ phải*” rằng hình diện kiến thức của con người là phạm vi cảm nhận của giác quan anh ta đối với thế giới khách quan, kể cả bản thân anh ta như một phần tử trong thế giới đó. Siêu hình học bao gồm hoặc dựa theo những lời “*tuyên ngôn*” như “*Thượng đế là hiện hữu*”, “*Linh hồn của con người là bất tử*”, “*Thực thể là thể thống nhất của tinh chất và sự hiện hữu*”. Những người chống lại thì cho rằng Siêu hình học chỉ là những lời nói trù tượng, những lý thuyết suông vô nghĩa. (Phỏng theo *The American Peoples Encyclopedia*).

[2] Geogre Berkeley (1685 - 1753) - triết gia Ireland (Ái Nhĩ Lan). Những tác phẩm triết học nổi tiếng nhất của ông: “*Tiểu luận về lý thuyết ảo ảnh mới*” (1709), “*Những Nguyên lý về Tri thức Con người*” (1710). Trong “*Ba mẫu đối thoại giữa Hylas và Philonias*” (1713), ông đưa ra những lập luận mạnh mẽ nhất ủng hộ việc phủ nhận sự hiện hữu của sự vật, một đóng góp quan trọng trong môn Siêu hình học. Ông khẳng định rằng vật chất chỉ hiện hữu khi được cảm nhận. Trong triết học, ông là mối dây liên hệ quan trọng giữa John Locke và David Hume.

Chương 13

Tám tên ám sát, Pazini, Hall và Rita ngồi quanh bàn trong một phòng ăn riêng ở quán Chó Xù. Đó là một bữa ăn tối rất vui vẻ, gần như náo nhộn nữa, mặc dù Harkins và Hanovers ăn chay, Lucoville kiêng ăn tất cả các món nấu chín và lừ đừ nhá một đĩa toàn rau diếp, củ cải và cà rốt sống, còn Alsworthy từ đầu bữa đến cuối bữa chỉ ăn độc hạt dẻ, nho khô và chuối. Trái lại, Breen, người trông như mắc chứng khó tiêu, lại ngón miếng thịt bít tết tái dày cộm và rùng mình khi được mời uống rượu vang. Pazini và Haas uống rượu vang đỏ bản xứ pha loãng, còn Hall, Gray, Rita chia nhau uống nửa lít rượu vang trắng hiệu “Rhine” loại nhẹ. Phần Starkington thì khai vị bằng hai cốc Martini và trong suốt bữa ăn liên tiếp ngụp mặt vào cốc bia vĩ đại Wurzburger của Đức.

Họ nói chuyện với nhau rất thẳng thắn, mặc dầu tình cảm biểu lộ vẫn thân ái và chan hòa tình đồng chí.

- Đáng lẽ chúng tôi đã tóm được ông rồi, - Starkington bảo Pazini - nếu cô con gái ông đã chẳng đến ngang xương như vậy.

- Starkington thân mến ạ - Pazini đáp lại - Chính con gái tôi đã cứu các ông đây. Nếu không tôi đã chụp gọn và bẫy ông rồi.

- Ông không làm thế được đâu - Breen góp tiếng vào cuộc bàn cãi - Theo tôi hiểu, sợi dây điện dẫn ngay đến lùm cây Haas đang nắp.

- Anh ta nắp ở đó do ngẫu nhiên, hoàn toàn do ngẫu nhiên mà thôi - Pazini thản nhiên trả lời, nhưng vẫn không giấu được vẻ hơi tiu nghỉu.

- Tính ngẫu nhiên đã được loại ra khỏi các yếu tố của quá trình tiến hóa từ lúc nào nhỉ? - Hanover bắt đầu hỏi, giọng thông thái.

- Xếp không thể cắt đứt đường dây đó được đâu - Haas nói với Pazini cùng một lúc khi Lucoville gắng hỏi Hanover - Thế tính ngẫu nhiên được xem như một yếu tố tiến hóa từ lúc nào?

- Có lẽ các ông chỉ thuần túy bất đồng về mặt định nghĩa - Hall hòa hoãn nói - Măng tây đó là măng đóng hộp đấy, Hanover ạ. Anh không biết sao?

Hanover quên ngay cuộc tranh luận và ngả lưng vào ghế, mặt lộ vẻ kinh hoàng.

- Tôi chưa hề ăn bất kỳ một thực phẩm đóng hộp nào cả. Anh có chắc thế không Hall? Chắc đúng vậy chứ?

- Cứ hỏi người phục vụ xem. Hẳn cũng sẽ nói y như tôi mà thôi.

- Thôi được rồi, anh Haas ạ - Pazini nói - Lần tới tôi sẽ chắc chắn cắt đứt sợi dây đi, và anh sẽ không trở ngại gì nữa. Khi đó anh sẽ ở đầu bên kia của dây nổ.

- Ôi trời ơi, tôi không thể hiểu được, tôi chịu không thể hiểu được - Rita la lên - Dường như tất cả chỉ là chuyện đùa. Tất cả đều không có thật. Các ông ngồi đây như những bằng hữu chí thiết, cùng ăn cùng uống với nhau còn thân mật kể lại các ông đã âm mưu giết nhau như thế nào. - Cô quay sang Hall - Hãy lay em dậy đi Hall. Đây chỉ là một giấc mộng thôi!

- Giá mà nó chỉ là một giấc mộng.

- Con đang tỉnh đây mà, Rita.

- Thế thì tôi tỉnh, - Cô tiếp tục, giọng kiên quyết đến độ hầu như giận dữ - thì chính các ông đang mộng du. Các ông hãy tỉnh dậy đi! Trời ơi, xin hãy bừng tỉnh đi! Giá mà có một cơn động đất, hay bất kỳ một cơn chấn

động nào đủ mạnh để dừng các ông tỉnh lại. Cha, cha có thể dàn xếp được mà. Cha hãy rút lại mệnh lệnh giết cha do chính cha ban ra đi.

- Nhưng cô không thấy sao, ông ta không thể làm thế được - Starkington từ đầu góc bàn bên kia nói vọng sang với cô.

Pazini ngồi ở góc bàn bên này, lắc đầu.

- Rita, con không muốn cha bội tín chứ?

- Tôi chẳng sợ bội tín gì cả! - Hall cắt ngang - Cái lệnh giết khởi đầu là do tôi. Nay tôi thu hồi nó lại. Hãy trả lại cho tôi 50.000 \$, hay dùng nó vào công việc từ thiện. Tôi chẳng thiết gì món tiền đó nữa. Điều quan trọng là tôi không muốn ai lấy mạng ông Pazini nữa.

- Chính anh lại quên rồi - Haas nhắc nhở anh - Anh chỉ là một thân chủ của Văn phòng. Khi anh hợp đồng với Văn phòng, anh đã thỏa thuận trên một số điểm nhất định. Anh có thể mong muốn hủy bỏ hợp đồng, nhưng điều đó đã vượt khỏi khả năng anh. Bây giờ Văn phòng chịu trách nhiệm thi hành, và Văn phòng không hủy bỏ hợp đồng. Văn phòng chưa và sẽ không bao giờ hủy bỏ hợp đồng. Nếu chúng ta không đặt một niềm tin tuyệt đối vào lời giao ước, nếu lời giao ước không chắc như đinh đóng cột, thì sẽ chẳng còn niềm tin vào cuộc sống nữa, và thế giới sẽ tan vỡ thành một mớ hỗn loạn vì bản chất giả trá của nó. Chúng ta phải nhận sự giả trá đó. Chúng ta chứng minh bằng hành động rằng lời giao ước là tối hậu, và không có gì có thể thay đổi hay xóa bỏ lời giao ước đó được. Tôi nói có đúng không, thưa các đồng chí?

Mọi người nhất loạt tán thành. Pazini rướn người lên, chồm sang phía bên kia và nắm chặt lấy tay Haas. Một tình cảm mạnh mẽ trào dâng trong lòng Pazini, và lần đầu tiên giọng nói đều đều, kiên quyết của ông bỗng run run xúc động. Ông tự hào tuyên bố.

- Đây chính là niềm hy vọng của thế giới! Một dân tộc thượng đẳng và một nền văn minh tột đỉnh hứa hẹn sẽ ra đời! Lẽ phải sẽ thống trị và những nhà tư tưởng sẽ lên ngôi vua! Mọi ước mơ và khát vọng của con người sẽ được thực hiện, từ trong tăm tối ngu dốt, nhân loại sẽ vươn tới ánh sáng, lời hứa của Thượng đế sẽ biến thành hiện thực!

Hanover rời khỏi chỗ ngồi và đi tới ôm chầm lấy ông Xếp, sung sướng biểu lộ tình đồng chí thấm thiết và lòng ngưỡng mộ đối với sự thông thái

của ông. Rita và Hall buồn bã nhìn nhau.

- Những nhà tư tưởng lên ngôi vua - Anh tuyệt vọng lắm lắm.

- Viện dưỡng trí nào cũng đầy nhóc những nhà tư tưởng đòi làm vua như thế đó - Cô giận dữ nhận xét.

- Luận lý học là thế đấy! - Anh chế giễu.

- Em cũng sẽ viết một quyển sách - Cô tiếp - Và em sẽ đặt tựa là “*Luận lý học của Kẻ Diên*” hay “*Tại sao những Nhà tư tưởng hóa rồ*”.

- Chưa bao giờ lý luận học của chúng tôi lại được chứng minh rõ ràng như bây giờ - Starkington nói với cô khi niềm hân hoan hào hứng của các ông vua tư tưởng đã lắng xuống.

- Luận lý học của các ông gieo tai họa - Rita đốp chát - Tôi sẽ chứng minh điều đó cho các ông thấy.

- Bằng lý luận à? - Gray chột xen vào, và làm cho mọi người cười ầm cả lên, và Rita đành phải cười theo...

Hall trịnh trọng giơ tay lên ra dấu yêu cầu mọi người lắng nghe. Anh tuyên bố.

- Bao giờ tôi thoát ra khỏi cái mớ bong bóng này của các ông, tôi sẽ từ bỏ lý luận. Tôi sẽ không bao giờ nói đến lý luận nữa.

- Sự thú nhận của một tri thức đã mệt mỏi - Lacoville nhận xét.

- Duy có điều là anh ta chỉ nói chứ không định làm như vậy - Harkins lên tiếng - Anh ta chẳng thể sống mà không dùng đến lý luận. Nó nằm trong huyết quản anh ta, nó là di sản mà anh ta thừa hưởng, là di sản mà nhân loại thừa hưởng. Nó phân biệt con người với các loài động vật thấp hơn...

- Khoan - Hanover cắt ngang - Anh quên rằng vũ trụ được cấu tạo trên nền tảng một lý luận logic. Không có logic thì vũ trụ sẽ không thể tồn tại. Logic ngự trị và chi phối trong từng thành tố, từng nguyên tử, từng phân tử, từng điện tử. Trong túi áo tôi đây có một bài chuyên khảo tôi đặt tên là “Logic điện tử”, tôi xin đọc các ông nghe. Nó...

- Người hầu bàn kia, - Hall tàn nhẫn cắt lời ông - anh ta chắc hẳn sẽ bảo rằng đây là mớ đóng hộp.

Hanover ngưng không lục lọi trong túi áo tìm bài chuyên khảo nữa để trút cơn thịnh nộ lên người hầu bàn và cách tổ chức của quán Chó Xù.

Khi người hầu bàn đã lui ra khỏi phòng, Hall mỉm cười nói.

- Như thế là không hợp lý.
- Tại sao không hợp lý chứ? - Hanover hỏi, giọng hơi sáng.
- Bởi vì bây giờ đâu phải mùa măng tươi.

Trước khi Hanover kịp phản ứng, Breen bắt đầu tấn công ông.

- Hanover, ban nãy trước khi đến đây, anh tỏ ra rất quan tâm đến các loại chất nổ. Tôi sẽ cho anh xem một thí dụ hoàn thiện về logic tổng thể - tính logic không thể phủ nhận được trong các thành tố, tính logic trong hóa học, tính logic trong cơ học, và tính logic của thời gian, tất cả hòa quyện chặt chẽ lại với nhau thành một vật dụng xinh xắn nhất mà óc con người có thể nghĩ ra được. Do tôi hoàn toàn đồng ý với anh, tôi sẽ chỉ cho anh xem sự logic bất hợp lý trong vật thể vũ trụ.

- Tại sao lại bất hợp lý chứ? - Hanover yếu ớt hỏi và khẽ rùng mình nhìn đĩa măng tây chưa ai động đến - Thế anh cho rằng trong điện tử không có sự hợp lý à?

- Tôi không biết. Tôi chưa từng trông thấy một điện tử. Nhưng để cho cuộc tranh luận được trôi chảy, chúng ta hãy cứ giả định rằng nó hợp lý đi. Tuy nhiên, như các anh sẽ đồng ý cả thôi, đây là một tính logic sâu sắc nhất, chặt chẽ nhất, tuyệt đối nhất mà các anh biết. Hãy nhìn vật này đây. - Breen đã đi đến chỗ chiếc áo khoác anh ta treo trên tường và từ đó lôi ra một gói dài đẹp. Khi đã bóc lớp bao ngoài ra, nó trông giống như một chiếc máy chụp hình bỏ túi cỡ vừa được xếp lại. Anh đưa cao vật đó lên và đôi mắt ngời sáng vẻ thán phục - Ái chà, Hanover này! Hấn kêu lên - Tôi nghĩ anh đúng đấy. Hãy xem đây! - Đây là tiếng nói hùng biện, là lời giải đối với các cuộc tranh chấp và các tín ngưỡng đối chọi nhau, là người thẩm phán tối cao. Nó ban ra lời phán xét cuối cùng. Khi nó lên tiếng, từ Vua Chúa, Hoàng đế, bọn lọc lừa ăn của hối, những kẻ thần học Do Thái và đạo đức giả Phari đến toàn bộ những nhà tư tưởng lầm lạc đều phải vĩnh viễn nín lặng.

- Hãy để nó lên tiếng đi - Haas nhả răng cười - Có lẽ nó sẽ làm Hanover nín lặng đấy.

Tất cả mọi người cười phá lên và chột nín ngay lại khi họ trông thấy Breen, một tay nâng cái vật thể bí ẩn, mà mặt lộ vẻ suy nghĩ đăm chiêu. Và họ yên lặng thấy rằng hấn đã nhận ra mình cần phải hành động.

- Được rồi - Hấn nói - Nó sẽ lên tiếng - Hấn móc từ trong túi áo ngoài ra một chiếc đồng hồ thép trông rất thường. - Đây là đồng hồ báo thức - Hấn tiếp - hiệu Thụy Sĩ, có lắp mười bảy chân kính. Xem nào, bây giờ là nửa đêm. Thỏa thuận đình chiến của chúng ta - Hấn nghiêng người về phía Pazini - sẽ chấm dứt vào lúc một giờ. Xem đây, tôi lên dây đồng hồ chính xác vào lúc một giờ một phút - Hấn chỉ vào một khe hở nằm trong cái vật thể giống chiếc máy chụp hình - Nhìn kỹ cái khe này đi. Nó đã được chế tạo đặc biệt để thu nhận chiếc đồng hồ này vào, hãy chú ý lời tôi nói, nó đã được chế tạo một cách đặc biệt. Và như thế, tôi nhấn chiếc đồng hồ này vào máy. Các anh nghe rõ tiếng máy “click” chứ? Tiếng đó phát ra từ bộ phận khóa tự động. Bây giờ không có sức mạnh nào có thể lấy chiếc đồng hồ ra được cả. Tôi không thể lấy ra được. Bản án đã được đưa ra, và không có thể thu hồi lại. Tôi đã sáng chế ra toàn bộ máy, ngoại trừ giọng nói. Đó là giọng nói của Nakatodaka, một nhà khoa học Nhật Bản vĩ đại đã mất năm ngoái.

- Chỉ là một máy ghi âm thôi à - Hanover than phiền - Tôi lại nghĩ anh nói về chất nổ kia chứ.

- Giọng nói của Nakatodaka chính là một thứ chất nổ - Breen giải thích - Nếu các anh còn nhớ, ông Nakatodaka đã bị giết trong phòng thí nghiệm bởi chính giọng nói của ông ta.

- Chất Formose! - Haas nói, gục gặc đầu - Tôi nhớ ra rồi.

- Anh cũng nhớ ra rồi - Hall nói với Rita - Nakatodaka là một nhà khoa học vĩ đại.

- Nhưng theo tôi biết, bí mật của chất đó đã theo ông ta xuống mồ rồi mà - Starkington nói.

- Toàn thế giới đã hiểu như thế - Breen đáp - Nhưng chính quyền Nhật đã tìm ra công thức chế tạo, và rồi một nhà cách mạng đã đánh cắp được nó từ trong Văn phòng Chiến tranh. - Giọng hấn cất cao đầy tự hào - Và đây chính là chất Formose đầu tiên được sản xuất trên đất Mỹ. Chính tôi đã sản xuất ra nó.

- Trời ạ - Rita la lên - Và khi nó phát nổ, nó sẽ nổ tung tất cả chúng ta lên!

Breen gạt đầu với vẻ hài lòng tốt độ.

- Nếu các anh còn ở lại đây, nó sẽ nổ tung các anh lên - Anh nói - Dân chúng quanh vùng này sẽ nghĩ rằng đây là một vụ động đất hay một vụ phá hoại của bọn vô chính phủ.

- Bắt nó ngưng lại - Cô ra lệnh.

- Tôi không thể bắt nó làm việc đó được. Và chính cái đẹp của nó nằm ở chỗ đó. Như tôi đã nói với Hanover, đây chính là tính logic của hóa học, tính logic của cơ học, và tính logic của thời gian, tất cả quyện chặt lại với nhau không thể tách rời ra được. Bây giờ không có một sức mạnh nào trong vũ trụ lại có thể phá vỡ mối hàn gắn đó cả. Bất kỳ một cố gắng nào cũng chỉ thúc đẩy nó phát nổ sớm hơn mà thôi.

Rita nắm lấy tay Hall tuyệt vọng nhìn anh, còn Hanover thì lên cơn hưng phấn đến tột độ. Hắn quán quít quanh chiếc máy giết người, và đôi mắt sau làn kính trắng chăm chú quan sát với vẻ đầy vui sướng.

- Tuyệt vời! Tuyệt vời! Breen, tôi xin chúc mừng anh. Bây giờ chúng ta đã có khả năng giải quyết những vấn đề của quốc gia và đặt thế giới trên một cơ sở cao quý hơn. Tiếng Do Thái cổ Hebrew chỉ là một trò tiêu khiển. Đây mới chính là sự tiện ích. Tôi quyết tâm sẽ lao vào việc nghiên cứu các loại chất nổ... Lucoville, lý lẽ của anh đã bị bác bỏ rồi. Trong các thành tố, mặc nhiên hiện hữu đạo đức, suy luận và tính logic.

- Anh bạn Hanover thân mến ạ, anh quên rằng, - Lucoville đáp - đằng sau cái bộ máy cơ học, hóa học và thời gian trừu tượng này chính là bộ óc của con người đang phát minh, quản lý và sử dụng...

Nhưng Hall đã xô bật ghế đứng dậy và cắt ngang lời hắn.

- Đồ điên khùng! Sao các ông ngồi chết dí ra vậy! Bộ các ông không ý thức được rằng cái thứ chết tiệt đó sắp nổ tung hay sao?

- Đến một giờ một phút nó mới nổ cơ mà - Hanover nhẹ nhàng trấn an anh - Với lại Breen đã nói cho chúng ta biết anh ta làm gì đâu nào.

Starkington chồm người sang phía Hall và trầm giọng nói với anh.

- Thử dựng màn này lên sân khấu cho khán giả ở con đường đầy nhà chọc trời Wall street tại New York xem! Hắn sẽ kinh hoàng lắm!

Nhưng Hall gạt phắt lời cắt ngang của Starkington.

- Này, Breen, thế anh dự định làm trò gì kia chứ? Tôi và cô Barosi sẽ ra khỏi đây ngay tức thời.

- Vẫn còn thông thả mà - Người giữ gìn giọng nói của Nakatodaka đáp

- Tôi sẽ nói cho quý vị biết tôi dự định làm gì. Cuộc đình chiến hết hạn lúc một giờ. Tôi đang đứng giữa cánh cửa và Xếp thân yêu của chúng ta. Ông không thể đi xuyên qua tường được. Tôi sẽ canh cửa. Các quý vị còn lại có thể ra về. Nhưng tôi sẽ ở lại đây với Xếp. Chát nổ đã được lên giây. Không có gì có thể làm nó ngưng lại được. Một phút đồng hồ sau khi vụ đình chiến hết hạn, nhiệm vụ cuối cùng do Văn phòng thực hiện sẽ được thi hành. Xin lỗi Xếp thân yêu, cho tôi nói thêm một lát. Tôi đã nói rằng ngay chính tôi cũng không thể ngăn chặn chu trình hoạt động của bộ máy này. Thế nhưng tôi có thể thúc đẩy chu trình hoạt động nhanh hơn. Các anh nhìn thấy ngón tay trái của tôi đang đặt nhẹ lên cái lỗ này chứ? Ngón tay tôi chỉ khẽ chạm lên một cái nút nhỏ. Tôi chỉ cần nhấn mạnh ngón tay xuống, thì bộ máy sẽ lập tức nổ tung lên. Bây giờ, với tư cách là một đồng chí, một con người đáng kính và có khả năng suy luận cao, ông cũng có thể nhận định được rằng bất kỳ một mưu toan nào của ông nhằm thoát khỏi cửa sẽ làm nổ tung tất cả chúng ta lên, kể cả anh chàng Quyền thư ký và cô con gái của ông nữa. Do đó, ông sẽ phải ngồi yên vị tại chỗ. Hanover ạ, công thức chế tạo đã được để ở một nơi an toàn. Tôi sẽ ở lại đây và cùng chết với Xếp vào lúc một giờ một phút. Anh sẽ tìm thấy công thức đó trong ngăn kéo trên cùng của tủ đựng hồ sơ đặt trong phòng ngủ của tôi.

- Làm gì đi anh! - Rita van nài Hall - Anh phải làm gì đi chứ.

Hall, đã ngồi xuống, giờ lại đứng hẩn dậy. Anh nhấc ly rượu sang một bên và đặt một tay lên mặt bàn.

- Thưa quý ông - Anh nói giọng trầm trầm nhưng lập tức giọng nói đó buộc mọi người phải yên lặng và chăm chú lắng nghe - Từ trước đến nay, mặc dù tôi rất ghe tởm việc giết người, tôi thấy cần phải tôn trọng những lý tưởng đã điều khiển hành động của các ông. Dẫu vậy, bây giờ đây, tôi buộc phải hỏi cho ra nhẽ động cơ của các ông.

Anh quay sang Breen, người đang cẩn thận quan sát anh.

- Hãy nói cho tôi biết, - Hall tiếp tục - xem cá nhân anh có nghĩ rằng anh xứng đáng bị mai một không? Nếu anh thí mạng anh để giết Xếp anh, anh đã vi phạm cái điều luật vẫn qui định rằng anh chỉ có quyền xuống tay giết một nạn nhân đã phạm tội ác. Thế anh đã phạm những tội ác gì để có

thể nói rằng bản án mà chính đã trông vào cổ anh là công bằng, hợp với lẽ phải chứ?

Breen mỉm cười trước lời lẽ tranh luận khéo léo, sắc sảo của Hall. Những người khác vẫn lịch sự lắng nghe.

- Nhưng anh thấy đó, - Nhà vi khuẩn học vui vẻ giải thích - những thành viên trong Văn phòng Ám sát chúng tôi đã ý thức được khả năng phải hy sinh mạng sống của mình trong việc thi hành những bản án xử tử. Việc liều mạng đó rất bình thường trong công việc của chúng tôi.

- Phải, nhưng đó là rủi ro mà chết do gặp phải một tình huống bất ngờ - Hall điềm đạm đáp - Còn ở đây, chúng ta đang nói đến một cái chết có chủ tâm, cái chết của một người vô tội - của chính bản thân anh. Điều này đã vi phạm đến chính nguyên tắc của các anh.

Mọi người lặng đi suy nghĩ trong một lúc.

- Anh ấy nói rất đúng, Breen, Anh thấy đó - Gray cuối cùng lên tiếng. Trán hấn nhú hấn lại trong khi nghe cuộc đấu khẩu giữa hai người - Tôi e rằng giải pháp của anh thật khó chấp nhận được.

- Tuy nhiên, - Lucoville góp ý kiểm - hãy nghĩ thử điều này xem: Breen, bằng cách dàn xếp bắt một người vô tội phải chết, đã cung cấp cho cái chết của chính anh một lý do xác đáng - anh đã vi phạm nguyên tắc.

- Cái trước lại ra sau - Haas nóng nảy cắt ngang - Chỉ khéo nguy biệ. Anh tranh luận lẫn thân quá thôi. Cho đến khi anh ta chết, anh ta chẳng có tội gì cả, nếu anh ta không có tội, anh ta không có quyền chết.

- Thật là điên! - Rita nói thêm - Họ điên cả rồi!

Cô kinh hãi nhìn đăm đăm những khuôn mặt linh hoạt đang ngồi quanh bàn tiệc. Trong mắt họ sáng lên những tia nhìn tập trung của các vị học giả trong buổi hội thảo. Dường như chẳng một ai thèm để ý chút nào đến cái quả bom giết người đang “tích-tắc” đếm những giây phút trôi qua. Breen đã buông lơ ngón tay cái khỏi chiếc nút nhỏ ở bên hông hộp chất nổ. Đôi mắt hấn bồn chồn dõi theo từ người phát biểu này đến người phát biểu khác khi họ tranh luận về đề nghị của hấn.

- Có một giải pháp có thể chấp nhận được - Harkins chậm rãi nhận định và rướn người về phía trước để tham gia cuộc thảo luận. - Breen, qua hành động đặt bom nổ chậm trong thời gian tiến hành cuộc đình chiến, đã vi

phạm lời cam kết. Tôi không nói rằng tự bản thân hành động này xứng đáng phải chịu một sự trừng phạt nặng nề như anh ta đã nghĩ ra, nhưng chắc chắn rằng anh ta đã có tội làm một việc vượt ngoài quy tắc đạo đức chặt chẽ của tổ chức chúng ta...

- Đúng thế! - Breen la lên, đôi mắt anh sáng rỡ - Sự việc đúng là như vậy, và đó cũng là câu trả lời! Bằng cách sắp xếp giáng một đòn tấn công trong thời gian đình chiến, tôi đã phạm tội ác. Tôi thấy bản thân mình tội lỗi và rất đáng chết. Anh liếc nhanh chiếc đồng hồ treo tường. Trong đúng 30 phút nữa.

Nhưng chỉ một khoảnh khắc Breen lơ đãng, Pazini đã đem đến tai họa. Nhanh như một con rắn hổ mang chụp mồi, đôi tay cứng rắn của ông Cựu thủ lĩnh Văn phòng Ám sát đã bắt được những sợi thần kinh cứng rắn trên cần cổ Breen. Kỹ thuật bầm chết người của Nhật kiến hiệu ngay tức thì, ngay cả trong khi những người khác sửng sốt nhìn bàn tay Breen buông lỏng quả bom nhỏ đang cầm ra và quỵ dần xuống sàn trút hơi thở cuối cùng. Hầu như với chỉ cùng một động tác, Pazini đã giăng phất được chiếc áo khoác và bay về phía cửa.

- Cha sẽ gặp con trên tàu, Rita thân yêu - Ông khẽ nói, và trước khi những người kia kịp phản ứng, đã nhảy vọt ra cửa và mất dạng.

- Đuổi theo ông ta! - Harkins nhảy bật dậy và thét lên. Nhưng thân hình cao lớn của John Gray đã chặn đường ông lại.

- Cuộc đình chiến vẫn còn đó! - Gray dữ tợn nhắc nhở ông - Chính Breen đã phá vỡ đình chiến và phải trả giá đắt cho sự vi phạm đó. Danh dự buộc chúng ta phải tiếp tục thi hành thỏa thuận đình chiến thêm 20 phút nữa.

Starkington, ngồi ở đầu bàn kia từ nãy giờ đã điềm tĩnh theo dõi toàn bộ cuộc tranh luận, giờ mới ngẩng đầu dậy và cất tiếng nói.

- Quả bom, - Hẩn lặng lẽ nhận xét - đề tài cuộc luận chiến của chúng ta, tôi e rằng cần phải vận nó chậm lại. Còn đúng - Hẩn liếc nhìn đồng hồ treo tường - 18 phút nữa thì nó sẽ phát nổ như dự định.

Haas tò mò cúi xuống nhặt chiếc hộp nhỏ lên từ bàn tay mềm nhũn của Breen.

- Hẩn phải có một cách nào đó...

- Breen đã đảm bảo với chúng ta rằng không có cách nào cả - Starkington khô khan đáp - Tôi tin anh ta. Breen chẳng bao giờ thốt ra một lời phát biểu khoa học lập lờ nào cả - Hấn đứng hấn dậy - Với tư cách là trưởng nhánh Chicago, tôi phải nhận lấy trách nhiệm điều khiển lực lượng đã chịu nhiều tổn thất nặng nề của chúng ta. Harkins, anh và Alsworthy phải mang quả bom này thả xuống vịnh càng nhanh càng tốt. Chúng ta không thể để nó nổ tại đây và giết hại những người vô tội.

Hấn chờ đợi trong khi hai người lấy áo khoác và ra đi mang theo chiếc hộp chứa chất Formose giết người giờ vẫn đang “tích-tắc”

- Ông cựu thủ lĩnh của chúng ta có đề cập đến một chiếc tàu, hấn tiếp tục giọng đều đều - Tôi đã cho rằng đây chính là động cơ của ông trong việc đi đến San Francisco, và lời nói của ông chỉ giúp xác định rõ thêm suy nghĩ đó. Do chúng ta không thể hạ mình hỏi cô con gái đáng yêu của ông ta tên của chiếc tàu thủy đó, chúng ta phải thu xếp cách khác. Haas...?

- Chỉ có ba chiếc tàu thủy khởi hành vào buổi sáng khi thủy triều lên - Haas bật trả lời nhanh như máy khiến Rita thán phục nguồn tin tức phong phú ẩn chứa sau cái trán rờ của anh ta - Chúng ta còn lại vừa đủ để có thể kiểm tra dễ dàng ba cả ba chiếc tàu đó.

- Tốt - Starkington đồng ý - Ba tàu đó là...?

- Tàu *Argosyn* ở Oakland, tàu *Eastern Clipper* ở bến Jasen và tàu *Takku Maru* ở bến Thương Mại.

- Tốt. Thế thì Lucoville, anh sẽ lên tàu *Argosyn*. Haas, tàu *Takku Maru* sẽ thích hợp với anh hơn. Gray, lên tàu *Eastern Clipper*.

Ba người nhanh nhẹn đứng dậy, nhưng Starkington đã vẫy họ ngồi xuống.

- Vẫn còn kịp thì giờ cho đến khi thủy triều lên, quý ông ạ - Hấn nhẹ nhàng nhận xét - Với lại, thỏa thuận đình chiến của chúng ta còn có hiệu lực thêm 12 phút nữa. - Hấn đăm đăm nhìn xác của Breen nằm co quắp trên sàn nhà. - Chúng ta còn phải thu xếp việc an táng anh bạn quý của chúng ta đây nữa chứ. Tôi sẽ báo cáo rằng đây là một cơn đau tim ác tính. Hanover, phiền anh gọi điện thoại giùm... Cảm ơn.

Hấn vờ tay qua bàn tìm bảng kê các loại rượu vang.

- Sau đây tôi sẽ đề nghị chúng ta uống rượu mạnh, một loại rượu mạnh bồi bổ. Có lẽ nên uống rượu Tây Ban Nha, một loại rượu thích hợp để kết thúc bữa tiệc. Thưa quý ông, chúng ta sẽ uống cho hồi chúng cuộc của nhiệm vụ khó khăn nhất này. Và thưa quý ông, chúng ta hãy uống chúc mừng sức khỏe người đã tạo cho chúng ta khả năng thực hiện nhiệm vụ này.

Hall xoay hẳn người lại định phản đối lối khôi hài kinh khủng đang nhắm vào anh, nhưng anh chưa kịp lên tiếng thì cái giọng đều đều của Starkington đã lặng lẽ tiếp tục.

- Thưa quý ông, hãy nâng cốc chúc sức khỏe Carlos Pazini!

Chương 14

Winter Hall, với một túi tiền dày cộm, chẳng khó ngọc là bao khi thuyết phục người quản lý tàu *Eastern Clipper* rằng trên tàu vẫn còn chỗ cho khách đến trễ như anh. Anh đã tạt ngang khách sạn để lấy túi hành lý, và lưu lại một lá thư ngắn để gửi đi sớm trong sáng nay. Anh đã gặp Rita với bộ mặt lo lắng tại ván cầu dẫn xuống *Eastern Clipper*. Trong khi anh đang bận hoàn tất những thủ tục tài chính cho cuộc hành trình, Rita biến mất xuống phía dưới để báo cho cha cô biết rằng Hall đã có mặt trên tàu. Gương mặt Pazini rạng lên một nụ cười tinh quái.

- Con yêu này, con có nghĩ rằng cha sẽ nổi giận không? - Ông hỏi cô - lo lắng hay thậm chí ngạc nhiên không? Chỉ nội việc được đi du lịch với cô con gái vừa tìm thấy của cha cũng đủ làm cha thấy thú vị lắm rồi, huống hồ bây giờ khi con tràn đầy hạnh phúc thì cuộc hành trình sẽ thú vị gấp bao nhiêu lần hơn thế nữa.

- Bác, à quên, Cha, cha luôn đem lại cho con hạnh phúc - Cô trẻ môi phụng phịu, nhưng đôi mắt lại lấp lánh sáng.

Pazini cười.

- Con yêu ạ, đến một lúc nào đó, hạnh phúc mà một người cha ban phát cũng sẽ bị hạn chế. Còn bây giờ, nếu con không phiền thì cha đi ngủ đây. Ngày hôm nay vất vả quá.

Rita ôm hôn ông thắm thiết, nhưng khi cô đang mở cửa thì chợt sực nhớ ra một việc.

- Cha này - Cô thốt lên - Văn phòng Âm sát! Họ dự định điều tra tất cả các tàu thủy ra khơi theo nước triều sáng nay đó.

- Nhưng đương nhiên là như vậy chứ - Ông nhẹ nhàng nói - Đó là việc họ cần phải làm - Ông hôn con một lần nữa và đưa tay ra sau khép cánh cửa lại.

Cô leo lên boong tàu phía sau và gặp Hall ở đó. Tay đan vào nhau, hai người đứng tựa vào lan can tàu ngắm nhìn những ánh đèn trong thành phố đang ngủ yên, tay anh siết chặt tay cô.

- Thực sự phải đến một năm cơ à? - Anh buồn bã hỏi.

- Chỉ còn lại ba tháng nữa thôi - Cô cười - Đừng sốt ruột như vậy chứ - Nụ cười trên môi cô nhạt dần - Thực ra lời khuyên đó dành cho em thì thích hợp hơn.

- Rita em!

- Đúng như vậy - Cô công nhận - Ôi, anh Winter, em mong mỗi được làm vợ anh biết bao!

- Em yêu! Thuyền trưởng có thể làm lễ hôn phối cho đôi ta ngay ngày mai!

- Không được. Em cũng đã điên như tất cả các anh thôi. Em đã nói thì sẽ không bao giờ sai lời. - Cô điềm tĩnh đối diện anh - Em sẽ không kết hôn với anh cho đến hết năm. Và nếu như trước đó ngộ có việc gì xảy cho cha em...

- Không có việc gì xảy ra cho ông cả đâu - Hall trấn an cô.

Cô nhìn anh đăm đăm.

- Thế nhưng anh lại chẳng hứa với em rằng sẽ ngăn chặn bất cứ chuyện gì xảy ra.

- Em yêu của anh, anh không thể làm điều đó được. - Hall nhìn chăm chăm xuống mặt biển tối đen bên dưới - Những người điên đó, và anh phải xép cha em vào cùng chung loại với họ, sẽ chẳng cho phép ai can thiệp vào trò chơi nguy hiểm của họ. Và em biết đó, điều đó đối với họ chỉ là thế mà thôi. Một trò chơi không hơn không kém.

- Trong đó sẽ chẳng có ai thắng cả - Cô buồn bã đồng ý, và liếc nhìn đồng hồ đeo tay của mình - Đã khuya lắm rồi. Em phải về phòng đi ngủ đây. Mai em sẽ gặp anh chứ?

- Trên cái tàu thủy tí hon này, em khó lòng có thể tránh mặt anh được đâu - Anh cười và cúi đầu xuống, cuồng nhiệt hôn lên những ngón tay cô.

* * * * *

Pazini thấy phòng mình hơi nóng. Ông nhấc then lên và mở tung cửa sổ ra. Phòng ngủ riêng của ông hướng mặt về phía bến tàu và dãy nhà kho vững chắc không nhận rõ được hình dáng vì chỉ được thấp leo lắt bởi một hàng bóng điện nhỏ xíu lắc lư khe khẽ trong làn gió đêm. Gió thổi qua cũng chẳng làm khá hơn bao nhiêu, đêm không có gió, thật là yên lặng và ngột ngạt.

Ông đứng trong căn phòng tối, người tựa vào khung cửa sổ bằng đồng và hít hơi thật sâu. Ý nghĩ của ông lui lại chín tháng đã qua và những lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Ông cảm thấy mệt mỏi, rã rời cả từ tâm hồn lẫn thể xác. Tuổi già, ông nghĩ. Đó là biến cố duy nhất trong phương trình cuộc đời vượt ra ngoài năng lực kiểm soát và đánh giá của bộ não. Tối thiểu cũng còn mười ngày tới nữa được tự do, thoải mái, mười ngày du lịch trên biển thú vị để hồi phục lại sức khỏe. Đột nhiên, khi ông đang đứng bên cửa sổ, ông nghe một giọng nói quen thuộc phát ra từ vùng tối bên dưới.

- Ông chắc chứ? Pazini. Rất có thể ông ta đang là hành khách trên tàu.

- Hoàn toàn chắc chắn - Người quản lý tàu đáp - Không có một ai mang tên đó ở trên tàu cả. Ông có thể tin rằng chúng tôi sẽ làm tất cả mọi việc trong khả năng của mình để giúp đỡ Chính quyền Liên Bang.

Đứng an toàn trong căn phòng ngủ tối đen, Pazini nhếch mép cười. Khi ông dỏng tai lên lắng nghe cuộc đối thoại, tất cả các giác quan của ông đã tỉnh táo và nổi bật hơn đã biến mất. Gray đã khôn ngoan cải trang thành một nhân viên chính quyền Liên Bang, như Gray vẫn hằng tỏ ra vô cùng xứng đáng với vị trí của mình trong Văn phòng.

- Có khả năng người đang ông không sử dụng tên thật của mình - Gray tiếp - Ông ta tương thấp bé, trông có vẻ yếu đuối - mặc dù, cứ tin tôi đi, ông ta chẳng hề yếu đuối tí nào. Ông ta đi cùng với cô con gái, một phụ nữ rất trẻ và xinh đẹp tên Rita.

- Có một ông đi cùng với cô con gái...

Pazini nhếch mép cười rộng hơn. Trong căn phòng tối đen, những ngón tay nhỏ nhưng mạnh mẽ của ông mở ra, nắm vào trong tư thế sẵn sàng chờ đợi.

Một giây yên lặng bao trùm bên tàu bên dưới, rồi tiếng Gray đăm chiêu nói.

- Nếu ông không phiền, tôi muốn được kiểm tra cho chắc. Ông có thể nói cho tôi biết số phòng của ông ta được không.

- Dạ, được ạ. Thưa ông đợi cho một lát. À, đây rồi - phòng 31 - ở boong dưới. - Người quản lý tàu ngáp ngừng dừng lại. - Nhưng nếu ông nhầm...

- Tôi sẽ xin lỗi - Giọng của Gray lạnh lùng cất lên - Chính quyền Liên Bang không mong quấy quả những người vô tội. Tuy nhiên, tôi có nhiệm vụ thi hành phận sự.

Hai bóng người ở chân cầu tách nhau ra, chiếc bóng cao hơn nhanh nhẹn leo lên chiếc cầu thang dốc và qua mặt chiếc bóng kia.

- Cảm ơn ông, tôi có thể tìm được phòng. Ông không cần phải rời vị trí làm việc.

- Vâng, thưa ông. Tôi hy vọng...

Nhưng Gray đã đi quá xa chẳng thể nghe gì nữa. Hắn bước nhẹ lên boong tàu và sải chân đến cánh cửa dẫn vào một lối đi phía trong. Khi đã đột nhập vào bên trong lối đi, hắn lập tức kiểm tra các phòng đối diện. Trước mặt hắn là phòng đánh số 108, không chần chừ hắn xoay người về phía cầu thang và leo xuống. Phòng ở dưới đây có hai số. Hắn mỉm cười và lần theo hành lang vắng ngắt để tìm kiếm số phòng.

Căn phòng số 31 nằm sau một chỗ quặt trên đường đi và tọa lạc trong một cái hốc nhỏ. Ép sát mình vào bức tường của hốc phòng này, Gray cân nhắc xem bước hành động kế tiếp của mình sẽ là gì. Gray không đánh giá thấp Pazini, người không những cho hắn biết cái đẹp của tính logic, đạo đức và lương tâm, mà còn dạy hắn làm cách nào để có thể chém gẫy cổ một người chỉ với một cú phạt thần tốc. Con tàu đột nhiên rung lên, và hắn gồng cứng người lại, nhưng đó chẳng qua là tiếng động phát ra từ chiếc động cơ lớn ở bên dưới đang quay cho nóng máy chuẩn bị ra khơi.

Trong hành lang vắng lặng như tờ, Gray sut nghĩ rồi gạt bỏ ý định sử dụng súng lục. Trong khoảng không gian chật hẹp thế này, tiếng súng nổ sẽ vang lên chói chúa và làm cho việc tẩu thoát khó khăn thêm bội phần. Thay cho súng, hắn rút từ trong chiếc bao trên cánh tay ra một con dao lưỡi mỏng

sắc lèm và dùng ngón tay thử qua xem độ sắc của lưỡi dao. Hoàn toàn ưng ý, hắn nắm chặt lấy con dao, chuôi xoay ra ngoài, còn bàn tay kia giữ chiếc chìa khóa và trườn dần về phía ổ khóa cánh cửa.

Hắn đảo mắt liếc quanh một cái và yên tâm biết chỉ có mỗi mình hắn trong hành lang, mọi hành khách đều đang yên giấc. Thật khẽ, thật nhẹ, hắn tra chìa khóa vào ổ và chậm chạp xoay chìa.

Hắn hoảng hồn khi thấy cánh cửa đột nhiên bị kéo bật vào phía trong. Chưa kịp lấy lại thăng bằng, hắn đã bị lôi tuột vào phòng, và những ngón tay mạnh, cứng kẹp chặt lấy bàn tay đang cầm dao của hắn. Nhưng Gray vốn có phản ứng rất nhanh nhạy. Thay vì thối lui, hắn lao người về phía kẻ tấn công, lấy hết sức bình sinh đẩy y ra và cộng thêm sức nặng của hắn và lực xô tới của đối phương. Cả hai cùng té nhào xuống đất sát bên chiếc giường kê dưới cửa sổ. Vùng rướn người lên, Gray đã đứng hẵn dậy, hắn lắc người sang một bên và chuôi dao một lần nữa lại nằm chắc gọn trong tay hắn. Pazini cũng đã đứng dậy được, hai bàn tay ông xò ra, những ngón tay duỗi căng, tìm kiếm một chỗ hở để giáng cho đối phương một đòn chí mạng.

Họ đứng cách nhau độ một thước trong một lúc. cả hai đều thở hổn hển. Những ngọn đèn điện nhỏ xíu ở phía dưới bên hắt ánh sáng lên căn phòng và tạo nên cái bóng kỳ quái. Rồi, nhanh như điện, cánh tay Gray vụt tới trước và ngọn dao rít lên trong bóng tối. Nhưng lưỡi dao vụt vào khoảng không vì Pazini đã hụp mình xuống nền nhà, và ngay khi cánh tay địch thủ quét ngang đầu ông, ông nhào người lên chụp lấy nó. Gray hét lên một tiếng kêu thất thanh, đành buông lưỡi dao rơi xuống nền nhà rồi ngã chồm lên người ông, cố đưa cánh tay kia lên bóp cổ địch thủ.

Hai kẻ sát nhân chuyên nghiệp quần thảo nhau ác liệt trong yên lặng, cả hai đều hiểu rõ khả năng địch thủ của mình, đều tin chắc rằng việc kết liễu mạng sống của đối phương là đúng và cần thiết. Mọi miếng đòn và gỡ đòn đều nhuần nhuyễn đến độ như máy móc, tài nghệ của họ nằm trong nghệ thuật giết người theo lối Nhật đều đồng cân đồng sức. Guồng máy ầm ầm dưới hầm tàu dần dần chuyển động nhanh hơn. Còn trong căn phòng này, cuộc chiến giữa hai kỳ phùng địch thủ đang diễn ra khốc liệt, tiếng thở hồng hộc của họ chìm mất, hút vào tiếng động cơ hồng hộc của tàu thủy.

Hai đôi chân quần thảo nhau đập mạnh vào cánh cửa, đóng sầm nó lại. Gray xoay người gỡ đòn và bỗng nhiên cảm thấy xương bả vai hẫc ấn mạnh vào lưỡi dao đánh rơi ban nãy. Hẫc ưỡn người trườn mình xa hơn, dùng một tay đỡ đòn của Pazini còn tay kia mò tìm vũ khí. Rồi những ngón tay hẫc nắm được nó. Hẫc xoay người vùng dậy và đâm lún vào một vật gì mềm mềm và bỗng thấy nhẹ nhõm cả người. Ngay lúc ấy, ngón tay Pazini tìm thấy tử huyết và ông bấm sâu xuống. Gray tê liệt ngã người ra sau, thu hết tàn lực rút lưỡi dao ra khỏi tấm nệm giường.

Pazini lão đảo đứng dậy, đôi mắt ông u ám nhìn trừng trừng xuống cái xác lờ mờ của người bạn cố tri đang nằm dưới chân chiếc giường hẹp. Ông tựa người vào khung cửa sổ khép kín, cố thu hồi lại hơi sức đã mất và nhận ra rằng năm tháng đã lấy mất đi của ông quá nhiều khả năng chiến đấu. Ông uể oải chà xát khắp mặt. Dầu sao mình cũng đã không thua sức Gray, và mình đã kết liễu mạng hẫc như mình đã kết liễu mạng những thành viên khác.

Bỗng có tiếng gõ cửa dồn dập làm ông hoàn hồn ngay lại. Ông nhanh nhẹn cúi xuống, lăn xác chết vào khuất sau trong gầm giường, rồi thản nhiên đến đứng cạnh cửa.

- Ai đấy?
- Thưa ông Barosi, tôi có thể gặp ông một lát được không?
- Đợi một chút.

Pazini bật đèn phòng ngủ lên, ông đảo mắt nhìn quanh phòng và nhận thấy không có bằng chứng nào quá lộ liễu. Ông dựng chiếc ghế lên, kéo tấm chăn để che khuất chỗ nệm bị đâm rách và khoác áo choàng vào. Ông liếc quanh căn phòng một lần nữa. An tâm rằng tất cả ổn thoả, ông mở hé cửa và há rộng miệng ngáp vào mặt tên quản lý tàu.

- Cái gì thế?

Tên quản lý lộ vẻ lúng túng.

- Thưa ông, có một ông Gray nào đó ghé xuống phòng ông không?
- À, thế ư. Ừ, có đấy. Nhưng ông biết không, thằng cha ấy quấy rầy tôi dữ quá. Hẫc tìm một tên Barzini nào đó. Hẫc đã cáo lỗi và đi rồi. Có chuyện gì vậy?

- Thưa ông, tàu sắp rời bến. Ông có nghĩ rằng trong khi tôi đang trên đường xuống đây thì ông ấy đã lên bờ rồi chăng?

Pazini lại ngáp và nhìn chăm chăm vào mặt tên quản lý.

- Tôi chẳng biết ắt giáp gì cả. Còn bây giờ, xin ông cảm phiền để tôi vào nghỉ.

- Thưa vâng. Xin lỗi ông và xin cảm ơn ông.

Pazini khóa cửa lại và tắt đèn. Ông ngồi xuống chiếc ghế nhỏ và đắm chiêu nhìn khung cửa sổ khép kín. Để đến ngày mai e quá trễ vì sẽ có những người lao công đến lau chùi phòng. Để đến sáng mai e vẫn trễ vì lúc đó cũng có người đi dạo sớm trên boong tàu. Do những mối hiểm nguy trước mắt đó, mình phải hành động ngay bây giờ. Ông tựa lưng vào ghế, kiên nhẫn đợi chiếc tàu nhỏ neo.

Tiếng người nói lao xao từ trên boong vọng xuống khi họ ném dây thừng, và con tàu sửa soạn rời bến. Tiếng rầm rầm của máy tàu ngày càng lớn hơn, và các phòng trên tàu cũng nhẹ nhàng lắc lư theo. Ông nghe trên đầu tiếng chân thủy thủ chạy rầm rập tới lui, họ đang cuốn các cuộn dây thừng và tuân thủ các đòi hỏi của con quái vật bằng thép sẽ mang họ xuyên Đại Dương.

Những tiếng la trên boong lắng dần xuống. Pazini thận trọng mở cửa sổ và ló đầu ra ngoài. Khoảng cách giữa bến và con tàu mỗi lúc mỗi xa, ánh điện treo dọc theo dây nhà mỗi lúc một mờ dần. Ông cố lắng nghe xem có tiếng chân ở bên trên hay không, nhưng bốn bề đều yên lặng. Quay lại với công việc của mình, ông lặn xác chết ra khỏi chỗ giấu và khom mình nhẹ nhàng nhấc nó lên cho dựa vào giường. Ông đảo mắt kiểm tra lần cuối và thấy chung quanh đều trống trải. Ông thò tay cứng đờ của xác chết xa ngoài cửa sổ và đẩy toàn khối bay thẳng vào khoảng không. Nó rơi “bồm” xuống nước. Pazini trấn tĩnh đợi xem có động tĩnh gì ở trên không. Nhưng bốn bề đều yên lặng. Mặt lạnh như tiền, ông cài then cửa sổ, kéo màn khép kín cửa lại và bật đèn lên.

Là một người chu đáo, ông thấy cần phải kiểm tra lại lần cuối trước khi đi nghỉ. Ông giấu con dao vào vali, và kéo khóa sắc tay lại. Ông lật ngược tấm đệm rách, phủ lên nó một tấm trải giường và chèn góc thật kỹ. Ông

vuốt thẳng tấm thảm. Chỉ khi căn phòng này đã lấy lại vẻ bình thường của nó, ông mới nghỉ tay và chậm rãi thay quần áo.

Đêm nay thật là một đêm mệt nhọc, nhưng ông đã tiến thêm một bước nữa trên con đường đầy chông gai của mình.

Chương 15

Lucoville gõ đòn đập lên cánh cửa phòng khách sạn nơi Starkington đang ở, và khi cánh cửa bật mở, y bước vào rồi lặng lẽ đặt tờ báo lên bàn. Những dòng tít lớn màu đen đập vào mắt Starkington, và hắn đọc liền một mạch bản tường thuật kinh khủng.

HAI NGƯỜI CHẾT TRONG MỘT VỤ NỔ BÍ ẨN

Ngày 15-8: Vào sáng sớm hôm nay trên đường Worth Street, gần khu vực Vịnh, một vụ nổ bí ẩn đã xảy ra làm hai nạn nhân chưa rõ danh tính chết thê thảm. Cảnh sát chưa tìm ra manh mối gì về nguyên nhân gây ra vụ nổ thảm khốc. Vụ nổ làm vỡ các cửa sổ của các căn nhà trong khu lân cận, cũng như đã làm thiệt mạng hai người mà người ta nghĩ rằng đang đi dạo trong khu vực nói trên vào thời gian xảy ra vụ nổ.

Sức tàn phá của chất nổ quá mạnh làm người ta không thể nhận diện được hai nạn nhân. Vật lạ duy nhất mà người ta tìm thấy trong khu vực là những mảnh vụn từ một chiếc hộp kim loại nhỏ, nhưng cảnh sát cho rằng một cái hộp nhỏ như thế không thể gây ra cuộc thảm sát đó được. Hiện nay giới hữu trách thú nhận rằng họ đang còn hoang mang.

- Đúng là Harkins và Alsworthy rồi! - Starkington nghiêng răng nói - Chúng ta phải tập hợp các thành viên khác lại đây càng sớm càng tốt.

- Tôi đã gọi điện cho Haas và Hanover - Lucoville đáp - Họ sẽ đến ngay thôi.

- Còn Gray thì sao?

- Không có ai trả lời điện thoại của hắn trong phòng khách sạn cả. Tôi hơi ngạc nhiên vì chúng tôi đã thỏa thuận sẽ báo cáo sáng nay về việc điều tra các chiếc tàu thủy tối qua.

- Anh không tìm thấy gì trên tàu *Argosyn* cả à?

- Chẳng có gì cả. Haas cũng chẳng tìm được gì trên tàu *Takku Maru*.

Cả hai đắm đắm nhìn nhau, ánh mắt họ bộc lộ một ý nghĩ chung.

- Anh có cho rằng...? - Starkington lên tiếng, nhưng ngay sau đó có tiếng gõ cửa dồn dập gấp rút, cả hai chưa kịp đứng lên mở cửa thì cánh cửa đã bật mở tung ra, và Hanover cùng Haas hiện ra.

Haas lao vào phòng và đặt lên bàn số báo vừa mới ấn hành.

- Các anh đọc bài báo này chưa? - Hần la lên - Gray chết rồi!

- Chết à?

- Người ta tìm thấy xác hần nổi dọc theo bên tàu Jansen, nơi con tàu *Eastern Clipper* đã đậu! Pazini hiện đang có mặt trên chiếc tàu đó, và tàu đã ra khơi mất rồi.

Một nỗi yên lặng kinh hoàng bao phủ lấy căn phòng trong một lúc. Starkington đi về phía bàn và chậm rãi ngồi xuống. Đôi mắt hần quan sát những gương mặt nghiêm trọng của bằng hữu mình, hết người này sang người khác, đoạn hần nói.

- Chà, thưa các ông, - Hần nhẹ nhàng nói - chúng ta đã bị tiêu diệt chỉ còn lại một trên mười. Toàn bộ số thành viên sống sót của Văn phòng Âm sát đều đang hiện diện trong phòng này. Ba thành viên của chúng ta đã bỏ mạng chỉ trong vòng mười hai tiếng đồng hồ. Sự thành công tưởng thưởng cho tất cả mọi nỗ lực của chúng ta trong những năm nay đâu cả rồi? Có lẽ nào nó lại ngoảnh mặt rời bỏ chúng ta cùng một lúc như thế này hay sao?

- Không ai có thể đứng vững mãi được - Haas phản đối - Harkins và Alsworthy chết là do sự cố.

- Sự cố à? Chính anh cũng không tin điều đó mà Haas. Anh không thể tin được. Chẳng có sự cố nào xảy ra cả. Nếu chúng ta không kiểm soát được chính sinh mạng của chúng ta, chúng ta sẽ chẳng kiểm soát được cái gì cả.

- Hoặc giả tối thiểu chúng ta tin vào điều này, nếu không chúng ta sẽ chẳng thể tin vào điều gì hết - Lucoville lạnh lùng bổ sung.

- Nhưng đồng hồ trên tường hần đã chạy sai giờ rồi! - Haas nhấn mạnh.

- Hần nhiên là như vậy - Starkington công nhận - Nhưng chịu thất bại do quá ỷ lại vào bộ phận máy móc có phải là một sự cố không? Anh bạn Haas thân mến à, những thứ phát minh là để cho các nhà hành động sử dụng, chứ có phải cho những nhà tư tưởng chúng ta đâu.

- Thật là một lời phát biểu buồn cười - Haas chế nhạo.

- Chẳng buồn cười tí nào. Chính vì con người không có khả năng giải quyết vấn đề bằng cách tư duy suy luận, nên họ phải tìm kiếm những biện pháp giải quyết bằng máy móc. Lấy cái đồng hồ này làm thí dụ chẳng hạn. Khái niệm về sự chính xác của thời gian có giải quyết được những vấn đề thời gian đặt ra không? Về mặt thẩm mỹ và đạo đức, biết rằng ngay thời điểm này đây là mười giờ tám phút thì phỏng có ích lợi gì chứ?

- Anh nhìn vấn đề đơn giản quá - Haas đáp lại - Một ngày nào đó đồng hồ sẽ trả thù anh.

Hanover chồm người tới trước.

- Còn về việc anh chế nhạo những người hành động, - Hấn nhận xét - khi đó anh có cho rằng chúng tôi chỉ là những tên biết nghĩ mà không biết hành động chẳng?

Starkington mỉm cười.

- Tình thực mà nói, dạo gần đây chúng ta chẳng nghĩ mà cũng chẳng hành động. Bây giờ chúng ta phải làm cả hai.

Lucoville từ nãy giờ vẫn đứng cạnh cửa sổ nhìn xuống đường bỗng dung xoay người lại.

- Nghe đây - Hấn nói thẳng thừng - Pazini đã lên tàu rời đất nước. Chắc gì ông ta đã quay lại. Tại sao chúng ta không chấm dứt cuộc đuổi bắt này đi? Tự chúng ta có thể gây dựng nên một Văn phòng Âm sát mới. Tự thân một mình Pazini đã sáng lập ra nó, còn bây giờ chúng ta có những bốn người.

- Chấm dứt cuộc săn đuổi này á? - Haas sững sốt nói - Anh cho nó là vô lý sao? Làm sao chúng ta có thể gây dựng lại Văn phòng nếu việc đầu tiên chúng ta thất bại không thực hiện được không phải là cuộc săn đuổi mà các nguyên tắc đã đặt ra.

Lucoville cúi đầu xuống.

- Anh nói rất đúng. Tôi đã thiếu suy nghĩ. À, còn bây giờ chúng ta phải hành động tiếp ra sao đây?

Haas đáp lời ông. Ngọn lửa sôi sục trong con người gầy gò của hấn bùng lên và bao trùm cả bàn, vầng trán mệnh mông của hấn nhú lại.

- Có một chiếc tàu thủy sẽ nhổ neo vào 4h chiều nay - tàu *Sao Phương Đông* tại bến Dearborn. Đó là tàu thủy chạy nhanh nhất trên hải trình Thái

Bình Dương. Nó sẽ dễ dàng cập bến Hawaii một ngày trước khi tàu *Eastern Clipper* đến. Tôi đề nghị chúng ta sẽ đợi Pazini khi tàu ông ta cập bến Honolulu, và khi gặp ông ta, đề nghị chúng ta phải thận trọng hơn những đồng chí trước.

- Một ý kiến tuyệt hảo - Hanover hăng hái đồng ý ngay - Như thế sẽ làm cho ông ta chủ quan tưởng đã an toàn.

- Xếp hẳn bao giờ chủ quan như thế cả - Starkington nhận định - Duy chỉ có điều là ông ta chẳng bao giờ để cảm giác bất an chi phối mình. Thôi, thưa các ông, các ông thấy đề nghị của Haas ổn cả chứ?

Mọi người yên lặng một lúc. Đoạn Lucoville lắc đầu.

- Tôi nghĩ rằng không cần thiết tất cả chúng ta phải lên đường. Vết thương của Haas chưa bình phục hẳn. Tôi cũng cho rằng không nên dồn tất cả lực lượng vào một trận đánh. Tôi đề nghị Haas ở lại đây. Rất có thể chúng ta phải cần đến những hoạt động hỗ trợ từ đất liền.

Đề nghị của hắn được ba người kia cân nhắc cẩn thận. Rồi Starkington gật đầu.

- Tôi đồng ý. Haas nghĩ thế nào.

Gã đàn ông bé nhỏ gân guốc mỉm cười với vẻ tiếc rẻ.

- Đương nhiên tôi thích tham dự kế hoạch giết ông ta hơn. Tuy nhiên tôi công nhận sự cân nhắc lo xa của Lucoville là hợp lý. Bản thân tôi cũng đồng ý.

Hanover gật đầu tỏ ý nhất trí.

- Chúng ta có đủ tiền chứ?

Starkington chồm người sang bàn giấy và rút ra một phong bì.

- Sáng nay có một người cầm phong bì này đến giao cho tôi. Hall đã kí một tờ giấy ủy quyền cho tôi được phép rút số tiền của chúng ta ra.

Hanover nhướn mày lên.

- À, thế ra anh ta đã cùng đi với Pazini.

- Với con gái ông ta thì đúng hơn - Haas mỉm cười chữa lời của Hanover - Anh chàng Hall tội nghiệp! Anh ta đã sa vào bẫy tình để nhận một ông bố vợ mà chính anh ta đã bỏ tiền ra thuê người ta giết.

- Ốc duy lý của Hall bị tình cảm chi phối - Starkington nhận xét - Số phận của những kẻ giàu tình cảm đều đã được an bài - Hắn đứng dậy - Thôi,

bây giờ tôi đi thu xếp cho cuộc hành trình của chúng ta đây - Hấn đột nhiên nhìn chăm chăm vào Lucoville lộ vẻ quan tâm - Anh nhú mày lo chuyện gì vậy?

- Thức ăn ở trên tàu - Lucoville khỏ sở thờ dài - Anh có nghĩ rằng họ có thể cung cấp rau tươi cho cả chuyến đi hay không?

* * * * *

Vùng hồng từ từ ló dạng ở phương Đông. Winter Hall đang say sưa thưởng thức làn gió ban mai ấm áp từ Thái Bình Dương thổi vào thì chợt nhận thấy có người đứng kề sát bên mình. Anh xoay người lại bắt gặp Pazini đang dỗi mắt nhìn vào khoảng không xa xôi.

- Chào buổi sáng tốt lành! - Hall mỉm cười với ông - Ông ngủ ngon giấc chứ?

Pazini buộc phải mỉm cười đáp lại.

- Cũng tạm tạm. - Ông lạnh lùng đáp.

- Mỗi khi tôi thấy hơi khó ngủ, - Hall bày - tôi thường tản bộ trên boong, tôi thấy nhờ vận động như vậy sẽ dễ ngủ hơn.

- Không phải do thiếu vận động - Pazini vụt xoay hẳn người lại nhìn trừng trừng vào người thanh niên cao lớn tuấn tú đứng bên ông - Đêm qua có một người khách đã đến tìm tôi trước khi tàu rời bến.

Hall choáng váng nhớ lại.

- Chính Gray rồi! Anh ta có nhiệm vụ điều tra chiếc tàu này mà!

- Phải, Gray đã ghé thăm tôi.

- Anh ta còn trên tàu không? - Hall nhìn quanh, nụ cười tươi của anh tắt ngấm.

- Không. Hấn không đi cùng với chúng ta. Hấn đã ở lại.

Hall sững sờ nhìn người đàn ông bé nhỏ tóc hoe màu nắng đứng cạnh anh và dần dần hiểu ra.

- Ông đã giết anh ta?

- Phải, tôi đã giết hấn. Bị buộc phải giết hấn.

Hall xoay lại và trầm ngâm ngắm bình bình trên biển. Gương mặt rắn rỏi của anh đánh lại.

- Ông nói ông buộc phải giết anh ta. Tôi có thể xem lời thú nhận đó như một dấu hiệu cho thấy ông đã thay đổi niềm tin chứ?

- Không phải thế - Pazini lắc đầu - Mặc dù tất cả niềm tin đều phải tuân thủ quy luật biến đổi nếu một người biết suy nghĩ muốn khẳng định mình có khả năng duy lý đúng đắn. Tôi bảo tôi bị buộc phải giết hắn chính vì Gray là bằng hữu của tôi. Trên một phương diện nào đó, người ta có thể nói rằng hắn là người được tôi bảo hộ, dạy dỗ. Chính là nhằm thực hiện những lời giáo huấn của tôi mà hắn cố lấy mạng tôi. Và chính do nhận thức được động cơ trong sáng thúc đẩy hắn hành động mà tôi đã lấy mạng hắn.

Hall thở dài chán nản.

- Quả thật ông chẳng thay đổi gì cả. Xin ông làm ơn nói xem bao giờ thì cơn điên loạn này sẽ chấm dứt?

- Cơn điên loạn à? - Pazini nhún vai - Hãy định nghĩa thuật ngữ anh dùng đi. Thế cái khái niệm tinh thần lạnh mạnh không điên loạn có nghĩa là gì? Là cho phép một số người được tự do hành động, giết chóc người vô tội, đôi khi cả hàng ngàn người vô tội chứ gì?

- Chắc hẳn ông không ám chỉ John Gray đây chứ?

- Không, tôi chỉ biện minh cho nền tảng của cái giáo thuyết do tôi đặt ra, cái giáo thuyết mà John Gray hằng tin tưởng, và cái giáo thuyết mà anh vừa mới gọi là cơn điên loạn.

Hall tuyệt vọng nhìn ông.

- Nhưng ông đã công nhận rằng cái triết lý chỉ là giả dối và ảo tưởng. Con người không có khả năng để phán xét, anh ta chỉ có thể chịu sự phán xét mà thôi. Và không phải là sự phán xét từ một cá nhân nào, mà là từ tập thể.

- Đúng thế. Trên cơ sở đó anh đã thuyết phục được tôi rằng mục tiêu hành động của Văn phòng Ám sát là không đúng đắn. Hay có lẽ nói cho đúng hơn là “thiếu chín chắn”. Anh nên nhớ rằng bản thân Văn phòng đã là một tập thể tượng trưng cho Xã hội. Nếu anh thử hình dung, anh sẽ thấy Văn phòng bao gồm hình ảnh của toàn nhân loại. Như thế những lý lẽ mà anh đã dùng để thuyết phục tôi sẽ chẳng còn đứng vững nữa. Nhưng không sao cả. Dầu sao thì anh cũng đã thuyết phục được tôi và tôi cũng đã nhận cái công việc giao cho người ta ám sát chính tôi. Nhưng rõ chẳng may, chính cái tính hoàn thiện cao độ của tổ chức này đã chống lại tôi.

- Hoàn thiện à! - Hall cáu tiết la lên - Sao ông lại có thể dùng từ đó được nhỉ? Họ đã thất bại tối thiểu là từ sáu tới tám lần khi mưu sát ông kia mà!

- Sự thất bại đó là bằng chứng của tính hoàn thiện - Pazini nghiêm trang tuyên bố - Tôi biết anh không thể hiểu được. Có thể tính toán được số lần thất bại vì trong bản thân Văn phòng đã bao gồm những biện pháp kiểm soát và cân bằng. Thất bại của họ chứng tỏ rằng những biện pháp kiểm soát và cân bằng đó hoạt động hữu hiệu và hợp lý.

Hall kinh ngạc nhìn trừng trừng vào người đàn ông bé nhỏ bên cạnh mình.

- Ông thật là một con người không thể tưởng tượng nổi! Ông nói đi, khi nào thì, à thôi, tôi sẽ không dùng từ “điên loạn” nữa - khi nào thì cuộc phiêu lưu này chấm dứt?

Anh ngạc nhiên thấy Pazini thân thiện mỉm cười.

- Tôi thích cái từ “cuộc phiêu lưu” đó. Toàn bộ cuộc đời là cuộc phiêu lưu, nhưng chúng ta chỉ đánh giá nó đúng khi chính chúng ta lâm vào cảnh hiểm nghèo. Khi nào thì cuộc phiêu lưu chấm dứt? Tôi cho rằng khi đời chúng ta chấm dứt. Kho óc chúng ta thôi hoạt động, khi chúng ta nằm yên nghỉ cùng với loài giun dế. Trong trường hợp đặc biệt của tôi, - Ông tiếp, và nhận thấy khuôn mặt Hall lộ vẻ nôn nóng - thì sẽ đến cuối thời hạn một năm kể từ khi tôi ban chỉ thị đầu tiên cho Haas.

- Và cũng sắp đến hạn cuối đó rồi. Chưa đầy ba tháng nữa hợp đồng của ông sẽ hết hạn. Khi đó thì sẽ như thế nào?

Anh ngạc nhiên thấy nụ cười trên môi Pazini đột nhiên tắt ngấm.

- Tôi không biết. Tôi không tin rằng cái tổ chức tôi đã vất vả gây dựng nên lại để cho tôi tồn tại đến chung cuộc. Điều đó có nghĩa như một sự phủ định tính hoàn thiện của nó.

- Nhưng ông chắc hẳn không mong họ sẽ thành công chứ.

Pazini đan hai bàn tay chặt vào nhau. Ông nhú mày và mặt nghiêm hẳn lại.

- Tôi không biết nữa. Đó là cái điều càng lúc càng ray rứt ám ảnh tôi khi ngày tháng nối tiếp nhau trôi qua.

- Ông quả thật là một người lạ lùng! Điều đó đã ray rứt ông như thế nào?

Người đàn ông bé nhỏ tóc vàng hoe xoay mặt đối diện với chàng thanh niên cao lớn hơn ông.

- Tôi chẳng rõ tôi có mong được toàn mạng khi khi thời hạn chấm dứt hay không nữa. Thời gian không thể là đầy tớ mà là chủ con người. Anh thấy đó, thời gian là một bộ máy hoàn thiện, trong đó các răng cưa đồng hồ được lên dây bằng các tinh tú, còn kim đồng hồ thì được điều khiển từ cõi vĩnh hằng. Tôi cũng đã sản sinh ra một bộ máy hoàn thiện là Văn phòng Âm sát. Nhưng Văn phòng phải phụ thuộc vào chính hoạt động của bản thân nó để khẳng định tính hoàn thiện của mình. Nó nhất thiết không thể để cho một bộ máy khác lớn hơn, hoạt động kiên định hơn cứu vớt những lỗi lầm và thiếu sót của nó.

- Thế nhưng chính ông đang lợi dụng yếu tố thời gian để cứu mạng ông
- Hall nóng nảy nói toạc ra như anh vẫn thường nóng nảy trước lý lẽ của người kia.

- Tôi cũng chỉ là một con người - Pazini buồn bã đáp - Khi chung cuộc, có lẽ yếu điểm này sẽ trở thành yếu điểm định mệnh trong triết lý của tôi.

Rồi chẳng bình luận gì thêm nữa, ông xoay người và uể oải đi về phía những cánh cửa dẫn vào khu bên trong trung tâm tàu. Hall dõi nhìn theo người đàn ông một lát, rồi chợt cảm thấy có ai đằng sau đang chạm vào cánh tay mình. Anh vùng quay người lại, và đối diện với Rita.

- Anh đã nói những gì với cha em đấy? - Cô hỏi như ra lệnh - Ông cụ run lẩy bẩy thế kia.

- Đó chính là điều cha em vẫn hằng nhủ với chính mình - Hall đáp. Anh khoác tay cô và cả hai bắt đầu đi dạo trên boong tàu. - Trong mỗi con người chúng ta đều biểu hiện một bản năng đấu tranh nhằm sống còn. Nhưng trong mỗi con người cũng đồng thời tiềm ẩn một khát vọng tự hủy diệt, cái khát vọng mà chúng ta đã viện ra bao nhiêu là cớ để biện bạch. Chúng ta vẫn chưa biết được rằng giữa hai sức mạnh đó, sức mạnh nào giữ vai trò quyết định trong cuộc đời người cha kỳ lạ của em.

- Hay trong cái chết của ông - Cô thì thầm và cuồng nhiệt nép sát vào cánh tay che chở của người yêu.

Chương 16

Những ngày trên tàu *Eastern Clipper* nhẹ nhàng qua nhanh, Rita nằm trên chiếc ghế trên boong tàu tắm nắng ấm mỗi ngày, và làn da cô đã hồng nâu đi như da của Hall. Còn Pazini, tuy ông cũng nằm phơi người trên boong tàu chan hòa ánh nắng trong cùng khoảng một thời gian như thế, dường như chẳng suy chuyển tí nào trước những tia nắng như thiêu như đốt, nên nước da vẫn cứ xanh tái như thuở nào. Hall và Pazini dường như đã ngầm tuyên bố một văn bản đình hoãn các vụ tranh cãi về đề tài triết lý lại, bây giờ họ chuyển đề tài nói về những đàn cá ngừ vẫn hay bơi lội nô đùa đằng phía đuôi con tàu, hay về những món ăn đặc sắc trên tàu, hay thậm chí thỉnh thoảng về số điểm mà mỗi người đạt được trong các trận đánh quần vợt trên boong.

Và rồi một buổi sáng nọ, lạ lùng như chẳng bao giờ xảy ra, hải trình kết thúc. Hôm đó họ thức giấc, lên boong tàu và bàng hoàng thấy hiện ra trước mắt mình ngọn tháp Đỉnh Kim Cương sừng sững ngay tại cổng vào quần đảo Oahu, và xa xa phía sau là thành phố cảng Honolulu sáng lên một màu trắng bạc. Những chiếc canô nhỏ chở những người bản xứ, cưỡi trâu nặng các chuỗi xâu các đồng lay Rumani, đang hăm hở lướt nhanh về phía con tàu. Phía bên dưới, sâu trong lòng con tàu khổng lồ, những người thợ đốt lò đang lặng lẽ làm việc bên những chiếc xẻng đen kịt bụi than, các động cơ đã giảm tốc độ và con tàu đang di chuyển hết sức chậm.

- Tuyệt đẹp! - Rita thán thỉ và quay sang Hall - Cảnh quả là tuyệt đẹp, Winter nhỉ?

- Đẹp gần bằng em thôi - Hall lém lỉnh trả lời, quay sang Pazini - Mười tuần nữa - Anh nhẹ nhàng nói - chỉ mười tuần nữa thôi thưa ông, quan hệ giữa chúng ta sẽ thay đổi. Khi đó ông sẽ là nhạc phụ của tôi.

- Và thế là tôi không còn là bạn với anh nữa sao? - Pazini cười vang.

- Ông luôn luôn là bạn của tôi - Hall khẽ nhíu mày nói - À, còn bây giờ kế hoạch của ông như thế nào? Ông có nghĩ rằng các thành viên Văn phòng sẽ theo ông đến tận đây không?

Pazini vẫn ung dung mỉm cười.

- Theo tôi đến đây à? Tất cả họ, hay có lẽ là phần lớn họ đã có mặt tại đây rồi. Đương nhiên họ phải để tối thiểu một người ở lại đất liền chứ.

- Nhưng làm cách nào họ có thể đến trước chúng ta được?

- Bằng cách đón tàu thủy loại nhanh hơn. Tôi đoán họ đón tàu *Sao Phương Đông* vào buổi chiều ngay sau khi chúng ta ra khơi. Khi họ phát giác ra xác của Gray, họ biết ngay chúng ta đi tàu nào và sẽ cập bến ở đâu. Tối hôm qua họ đã lên bờ rồi. Anh cứ yên chí, họ đã sẵn sàng đợi chúng ta xuống tàu mà.

- Nhưng tại sao cha lại biết chắc như vậy? - Rita hỏi gặng.

- Bằng cách đặt cha vào địa vị của họ và thử tính toán xem cha sẽ làm gì trong cùng hoàn cảnh đó. Không đâu con gái yêu ạ, cha không nhầm đâu. Họ sẽ sẵn sàng đón cha mà.

Rita chồm người sang nắm chặt lấy cánh tay ông, đôi mắt cô lộ vẻ sợ hãi.

- Nhưng, cha ơi, cha sẽ làm gì?

- Con gái yêu của cha, con chẳng nên lo lắng làm gì. Nếu con sợ rằng cha sẽ trở thành nạn nhân của họ, thì con cứ yên tâm. Còn bây giờ con hãy lắng nghe cha: Trước ngày ra khơi mấy hôm, cha đã gửi thư đặt phòng trước cho hai con tại lữ quán Hoàng Hậu Anne. Sẽ có cả xe hơi và tài xế sẵn sàng đưa hai con đi bất kỳ lúc nào các con thích. Cha sẽ không ở bên các con được, nhưng khi nào cha thu xếp ổn định rồi, cha sẽ nhắn cho các con biết ngay.

- Cho cả hai người à? - Hall ngạc nhiên hỏi - Nhưng ông đâu có chắc rằng tôi sẽ cùng đi!

Pazini cười ha hả.

- Tôi nói rằng tôi luôn luôn đặt mình vào địa vị người khác mà. Vào địa vị anh, tôi sẽ chẳng bao giờ để vượt khỏi tay một cô gái xinh đẹp như con bé Rita nhà tôi đâu. Cậu Hall thân mến ạ, tôi biết tổng là anh sẽ leo lên tàu này thôi.

Ông quay người lại phía lan can. Những chiếc canô chở đầy dân bản xứ đang lượn nhấp nhô dọc theo mạn tàu, mấy thằng nhỏ mặc độc một chiếc khố “molo” nhào xuống lặn sâu trong dòng nước xanh ở phía lối vào cảng để tìm những đồng bạc do hành khách trên tàu ném xuống. Các cao ốc quét vôi trắng dọc theo bến tàu phản chiếu lấp lánh ánh nắng ban mai. Chiếc tàu thủy khổng lồ tắt máy dừng lại, một chiếc tàu tuần dương dài, dáng thanh

nhả từ phía bờ lướt nhanh ra, chở theo đội hoa tiêu và nhóm phu người Tàu để bốc dỡ hành lý.

Một hồi còi rú lên phá tan bầu không khí yên lặng và hùng dũng báo hiệu con tàu đã cập bến. Chiếc tàu chở đội hoa tiêu lướt dọc theo mạn tàu, và các nhân viên gọn gàng trong bộ đồng phục quần soọc trắng, mũ lưỡi trai leo lên boong tàu. Theo sau họ là một dãy dài các phu bốc vác người Tàu vận đồ xanh, tóc bện đuôi sam, họ leo thoăn thoắt lên thang dây, những chiếc nón rom nhấp nhô đồng một nhịp, rồi biến mất vào các lối đi trong lòng tàu.

Pazini quay sang đôi nam nữ.

- Xin lỗi, cha phải đi thu xếp hành lý đây - Ông nhẹ nhàng nói, rồi vẫy tay đi biến vào lòng tàu.

Viên thuyền trưởng hiện ra trên cầu tàu, tàu *Eastern Clipper* bắt đầu rầm rầm nổ máy và di chuyển càng lúc càng nhanh hơn khi tàu tiến về hướng đất liền.

- Tốt nhất là chúng ta xuống bên dưới, và xem xét hành lý đi em - Hall nhận định.

- Ô, anh Winter, mình phải xuống sớm như thế sao? Phong cảnh ở đây thật hữu tình biết bao! Anh nhìn xem, những ngọn núi dường như cất cánh từ thành phố bay lên trời, và các đám mây thì hết như những đóm nấm trứng treo lơ lửng trên khắp các đỉnh núi! - Cô chợt ngừng bật và gương mặt mất hẳn vẻ linh hoạt - Anh Winter, rồi cha sẽ làm gì?

- Anh chẳng lo lắng gì cho ông cả, em ạ. Có lẽ họ chẳng đến đây đâu. Và thậm chí họ có đến chẳng nữa, chắc gì họ đã dám giở trò trong đám đông. Thôi, chúng ta đi đi.

Cả hai leo xuống bên dưới khi con tàu men dần về phía cầu tàu. Người ta ném dây thừng lên bờ và những đôi tay nhanh nhẹn buộc dây vào những cọc dựng trên bờ. Ông cuộn dây trên tàu bắt đầu xoay tròn cuộn dây cáp lại và kéo tàu thủy vào vị trí nằm dọc theo bến. Khúc nhạc nổi tiếng “*Aloha*” cất lên. Tiếng gọi tíu tít mừng rỡ vang lên khắp nơi khi hành khách nhận được mặt bạn bè, người thân trong đám đông đứng đợi bên dưới, người ta rối rít vẫy khăn chào nhau. Ban nhạc chơi mỗi lúc mỗi lớn hơn khi ván cầu được từ từ thả xuống bến tàu.

Sau khi đã giao hành lý cho một người phu khuân vác mang lên bến, Hall trở lên boong, đứng tựa vào lan can nhìn ngắm những khuôn mặt vui mừng chen nhau đứng sau hàng chắn song bên dưới. Bỗng nhiên anh giật bắn cả người lên, Starkington đang đứng kia, nhìn thẳng vào mắt anh!

Tên trưởng nhánh Chicago hân hoan mỉm cười và giơ tay vẫy chào anh. Liếc mắt đảo qua những gương mặt đang ngược lên, Hall dừng lại trước một khuôn mặt quan thuộc khác, Hanover cũng đã xuất hiện và đang đứng gần lối ra vào. Hall chắc những tên còn lại cũng đã chọn vị trí chiến lược quan trọng khác.

Ván cầu chạm vào bờ và nổi liền khoảng cách giữa bến và tàu. Hành khách, bạn bè, người thân lên xuống tràn ngập ván tàu, họ chen lấn xô đẩy những người phu khuân vác đang vác cả lần xuống bến, người hét chao bên này lại đảo bên kia dưới sức nặng của những bao hành lý chất đầy trên lưng. Starkington đang rẽ đám đông leo lên ván cầu. Hall bước ra đón hân.

Starkington tươi cười chào.

- Chào Hall, rất vui được gặp lại anh. Mạnh giỏi chứ?

- Starkington, anh không được làm thế này!

- Không được làm thế nào? Không được tôn trọng lời tuyên thệ? Không được giữ lời hứa? Hay là không được thực hiện sự ủy thác - Mối hận ta vẫn mỉm cười, nhưng đôi mắt lạnh tanh của hắn nhìn suốt qua vai Hall chăm chăm theo dõi từng khuôn mặt trong dòng hành khách đang tiến về phía ván cầu - Lần này ông ta không thoát được đâu, Hall. Lucoville đã đột nhập lên tàu cùng với đội hoa tiêu, giờ phút này hắn đã có mặt phía dưới trong lòng tàu rồi. Hanover đang canh chừng dưới bến. Xếp đã sai nghiêm trọng khi đưa mình vào thế kẹt này.

Hall nghiêng răng.

- Tôi sẽ không để yên đâu. Tôi sẽ báo cáo với chính quyền.

- Anh chẳng báo cáo với ai được cả. - Starkington lên giọng mô phạm kẻ cả như thể một ông thầy đang giải thích một vấn đề quá hiển nhiên cho một tên học trò khá đàn độn - Anh đã hứa danh dự. Với chính Xếp, cũng như với tất cả chúng tôi. Trước đây anh đã không báo cáo lại với chính quyền, thì giờ đây anh cũng chẳng hé răng gì ra với họ...

Hắn ngừng lại vì một tên phu người Tàu lưng chắt đầy một chồng vali lao đảo té lăn đùng vào hắn rồi xin lỗi xì xồ xì xạo, Lucoville hiện ra bên cạnh họ. Hắn hoan hỉ cười đón Hall.

- Chào Hall! Thật vui quá! Chuyến đi thế nào? Anh thấy thích chứ? Cho tôi biết, - Hắn hạ giọng nói tiếp - xem rau tươi trên tàu này như thế nào? Đến lượt về tôi muốn chọn một chiếc tàu nấu nướng hợp với khẩu vị mình hơn một chút. Cái tàu *Sao Phương Đông* của đáng tội thiếu rau quả trái cây quá. Chỉ thịt, toàn thịt là thịt! Tôi chắc họ nghĩ họ đang ban ơn cho hành khách đấy...

Dường như nhận ra rằng Starkington đang sốt ruột đợi, hắn bỏ đề tài ăn uống và quay sang bên Starkington.

- Pazini đang ở bên dưới. Ông ta đăng kí phòng số 31 dưới một cái tên khác. Tôi đã đặt thêm một cái then bên ngoài cửa phòng để ngăn ngừa ông ta thoát thân. Tuy nhiên, vẫn còn cánh cửa tò vò...

- Hanover đang canh chừng mặt đó. - Hắn quay sang Hall, mặt mày trắng nhợt đứng bên cạnh - Anh lên bờ đi chứ Hall? Tin tôi đi, anh chẳng làm được gì để ngăn chặn chúng tôi đâu.

- Tôi sẽ ở lại đây - Hall tuyên bố. Một bàn tay siết chặt cánh tay anh, buộc anh phải xoay hẳn người lại. Rita! Rita em!

- Winter! - Cô la lên và nhìn Starkington bằng đôi mắt đỏ lửa.

- Cô đã hiểu rõ nhiệm vụ của chúng tôi, và cô cũng hiểu rõ chỉ thị của cha cô. Cô Pazini, tôi đề nghị cô lên bờ. Cô chẳng làm gì được cả đâu. - Starkington lạnh lùng nói.

- Lên bờ à? - Cô đột nhiên ngẩng cao đầu lên, vẻ cương quyết. - Được, tôi sẽ lên bờ! Và tôi sẽ gọi cảnh sát đến đây. Tôi chẳng cần biết cha tôi đã ra những chỉ thị nào. Các ông sẽ chẳng giết được cha tôi đâu! - Cô vụt xoay sang Hall, đôi mắt cô sáng quắc - Còn anh, anh đứng phỗng ra đó! Anh là loại người nào? Anh còn tồi tệ hơn những gã điên này, vì họ tin rằng họ đúng, còn anh thì biết chắc họ sai. Thế mà anh chẳng hề nhúc nhích gì hết!

Cô giật phắt tay ra khỏi tay Hall và chạy về phía cầu tàu, len lỏi trong đám đông giờ đang thưa dần. Starkington nhìn theo cô, gục gặc đầu ra chiều hiểu biết.

- Anh đã chọn lựa rất khôn ngoan, Hall ạ. Cô ta là một cô gái có dũng khí đấy. À, tôi e rằng chúng ta phải khẩn trương thực hiện kế hoạch hơn một tí. Tôi đã định đợi cho đến khi tàu hoàn toàn vắng vẻ. Tuy nhiên, dường như phần lớn hành khách đã lên bờ cả rồi. Anh đi cùng chúng tôi chứ?

Hắn hỏi câu cuối cùng bằng một giọng vô cùng lịch sự đến nỗi Hall khó có thể tin rằng hắn đang mời anh đến chứng kiến vụ xử tử một con người, mà người đó lại chính là cha của Rita. Starkington mỉm cười với anh hết sức thân mật và khoác tay anh cùng đi.

Anh đi cạnh hắn như đi trong mơ. Thật không thể tin được! Người ngoài nhìn vào có lẽ sẽ nghĩ rằng anh được mời đến nhà bạn chơi để đánh một ván bài Whist [1] cho qua buổi chiều. Bên cạnh anh, Starkington vẫn chuyện trò hết sức vui vẻ khi họ bước xuống chiếc cầu thang rộng có lót thảm.

- Du lịch bằng đường thủy quả là thú vị, anh thấy không? Tất cả chúng tôi đều vô cùng thích thú. Anh bạn Lucoville đây đương nhiên là than phiền luôn miệng về chuyện thức ăn, nhưng mà... À, chúng ta đến nơi rồi.

Hắn cúi người xuống và áp tai vào cửa nghe ngóng. Bên trong phòng phát ra những tiếng động khe khẽ. Hắn tháo bộ máy Lucoville đã đặt lên chiếc then ra và quay sang nói với họ.

- Lucoville, đứng sang bên kia. Hall, tôi đề nghị anh ra khỏi cái hốc đó. Chắc chắn Xếp đã sẵn sàng để tự vệ, và tôi không muốn anh bị thương tích gì cả.

- Nhưng anh có thể bị giết! - Hall la lên.

- Hắn thế rồi. Tuy nhiên, giữa Lucoville và tôi, một trong hai người phải hoàn thành được nhiệm vụ. Và tất cả chỉ cần có thế.

Hắn rút trong túi ra một khẩu súng lục và cầm lăm lăm trong tay. Bên cạnh hắn, Lucoville cũng đã làm tương tự. Hall kinh hãi nhìn cả hai tên, chẳng tên nào lộ một mảy may khiếp sợ. Starkington rút trong túi ra một chiếc chìa khóa và chẳng cần rón rén khẽ khàng gì cả, tra nó vào ổ.

- Lùi ra sau, Hall. - Hắn ra lệnh đồng thời mở tung cánh cửa bước vào trong. Cảnh tượng đập vào mắt họ làm Starkington khựng lại, mồm há hốc ra, còn Hall thì phá lên cười hăng hắc.

Nằm trối trên giường là một gã người Tàu đã bị lột sạch hết quần áo chỉ còn mặc độc một chiếc quần cụt đang uồn éo vắn vẹo cố thoát ra. Miệng hắn bị nút đầy những giẻ, còn mắt thì giận dữ long lên sòng sọc. Và trong khi hắn cựa quậy đầu qua lại và líu ríu năn nỉ họ giải thoát cho hắn, họ trông thấy cái đuôi sam của hắn đã bị cắt cụt ngắn chỉ còn chìa ra những cọng tóc tua tủa.

- Pazini! - Lucoville nói hỏn hển - Ất hắn ông ta đã cải trang thành một trong những tên phu và thoát khỏi chúng ta rồi! - Hắn nhảy bổ ra cửa, nhưng Starkington đã vươn cánh tay ra cản hắn lại.

- Muộn quá rồi - Hắn nói giọng đều đều - Chúng ta phải bắt đầu cuộc tìm kiếm lại từ đầu.

Chợt có tiếng huyền náo âm ỉ ngoài hành lang và rồi Rita xuất hiện, theo sau là một nhóm vài người cảnh binh từ đất liền, tay họ giơ cao những cây gậy tuần đêm. Khi trông thấy Hall đương gặp người cười ngặt nghèo, cô hoang mang dừng lại. Cảnh vui nhộn này như gội một gáo nước lạnh vào thái độ hăm hờ quyết tâm của cô. Starkington nhướng cao đôi mày một cách rất lịch sự.

Cảnh sát tiến ngay vào hiện trường và khẩn trương giải thoát cho gã người Tàu tội nghiệp. Gã liền tíu tít xì xồ xì xạo kể chuyện, đầu tiên chỉ cho cảnh sát xem cái đuôi sam bị cắt cụt, rồi đến cái thân hình hầu như trần truồng của gã, đoạn gã khoan tay múa chân diễn tả làm thế nào mà gã lại bị tóm lấy và trối nghiền xuống giường. Viên hạ sĩ cảnh sát nhiều lần cắt ngang lời hắn, và dùng tiếng Tàu để đặt câu hỏi. Đoạn ông nghiêm mặt quay sang hỏi Starkington bằng tiếng Anh.

- Người chịu trách nhiệm về vụ náo loạn này đâu rồi?

- Tôi không biết - Starkington thú nhận. Những hiểu biết về phép lịch sự xã giao đã giúp hắn. Hắn lôi trong túi ra một nắm giấy bạc và rút vài tờ ở trên cùng ra.

- Cho anh đây - Hắn nói giọng tử tế với gã người Tàu giờ vẫn còn lờn lộn giận dữ - Anh cũng là nạn nhân như chúng tôi thôi. Số tiền này sẽ phần nào bù đắp cho nỗi nhục của anh. Nhưng... - Giọng hắn chợt đổi khác như tiềm ẩn một sự nuối tiếc - tôi không biết cái gì sẽ bù đắp cho nỗi nhục của chúng tôi đây!

Chú thích:

[1] Whist: Một cách chơi bài tương tự như bài “Bridge” thường có bốn người chơi với bộ bài 52 lá.

Chương 17

Hai tuần sau, Rita và Hall mới nhận được chỉ thị đi gặp Pazini. Cả hai đã lợi dụng thời gian này nhờ tài xế xe đưa đi thăm các danh lam thắng cảnh trong thành phố nhiệt đới này. Buổi sáng sau ngày họ đến Lữ quán Hoang Hậu Anne, người tài xế đến tìm họ mang theo một lá thư ngắn với nội dung như sau:

Các con, cha viết thư này giới thiệu cho các con anh Chan, một nhân viên kỳ cựu của Công ty Antonio Barosi. Anh ta sẽ lái xe đưa các con đi bất cứ nơi đâu các con cần, trừ những khi cha cần anh ta đưa cha đi công việc. Các con đừng hỏi han gì anh ta cả vì anh ta sẽ không trả lời đâu. Cha vẫn vui mạnh, và sẽ liên lạc với các con khi điều kiện cho phép. Thương yêu gửi đến Rita cùng của cha, và siết thật chặt anh bạn Hall.

Thư không có chữ ký, nhưng chuyện đó cũng không cần thiết. Yên tâm biết rằng Pazini đã được an toàn, họ thanh thản nghỉ ngơi. Họ vui chơi giả trí như những du khách chính cống. Họ tắm biển ở bãi Waikiki, và ngắm những tay lướt sóng oai hùng lướt băng băng qua những ngọn sóng bạc. Họ dạo qua những đường phố đầy màu sắc và bàng hoàng thán phục trước vô vàn cảnh tượng đẹp để hiện ra trước mắt. Họ rất thích thú ghé qua khu chợ cá nằm trên đường “Ông Hoàng” - ở đó những người bán cá chào hàng bằng tám thứ tiếng khác nhau, hay mỗi khi ngồi chơi bên vịnh Kewodo ngắm những chiếc xuồng tam bản của người Nhật chở ăm ắp cá cập vào bến. Còn anh tài xế Chan thì cứ bình thản như không, chẳng đề nghị cũng chẳng bình phẩm lời nào, họ bảo đi đâu thì anh ta chở tới đó, ngoài ra chẳng hé môi nói lấy một câu.

Starkington, Hanover và Lucoville rất thường nhập bọn đi chơi với đôi bạn trẻ. Mặc dù thật sự trong lòng không muốn, Rita thấy mình đâm ra thích bộ ba đó. Tài năng, trí tuệ và cách cư xử của họ làm cô nhớ đến cha cô quá đỗi. Trong thâm tâm cô cảm thấy xấu hổ vì cái màn náo động ầm ĩ cô đã gây ra trên tàu., co cho rằng làm như vậy là chứng tỏ cô thiếu niềm tin vào cha cô. Trên một phương diện nào đó, cô nghĩ tình bạn giữa cô với bộ

ba dường như đã bù đắp phần nào cho lỗi lầm của cô trước kia. Thời gian trôi qua cứ rút ngắn dần thời hạn của hợp đồng, và như thế, mỗi nguy hiểm mà Văn phòng gây ra cũng đã giảm phần đe dọa.

Một tối nọ, yếu tố thời gian này đã được bàn đến trong buổi họp mặt với bộ ba tên ám sát.

- Chỉ còn không đầy hai tháng nữa thôi - Hall khơi mào câu chuyện khi cả năm người ngồi ăn bữa tối. Anh cười lớn - Thực tình mà nói, tôi chẳng phản đối gì việc các anh sống nhàn tản ở đây. Tôi rất hài lòng thấy tiền Quỹ của Văn phòng cứ tuôn ra trả cho những chi phí vô hại kiểu này. Nhưng tôi rất ư hiền kì. Vì có gì các anh không đi lùng bắt Pazini nữa?

- Nhưng chúng tôi vẫn đang đi lùng mà - Starkington nhẹ nhàng chỉnh anh - Lùng kiểu riêng của chúng tôi. Và chúng tôi sẽ thành công. Đương nhiên tôi không thể tiết lộ kế hoạch, nhưng tôi có thể cho anh biết thế này: ông ta đã ở Nanakuli hai ngày, và ở Waianac ba ngày sau đó, Lucoville điều tra một vụ và Hanover lo vụ kia. Nhưng ông ta đã rời đi rồi.

Hall nhướn mày giễu cợt.

- Thế anh không đi điều tra à?

- Không - Giọng Starkington chẳng lộ tí bối rối nào - Tôi bận để mắt đến anh và cô Pazini, mặc dù tôi biết chắc rằng cả hai người cũng mù tịt về tung tích của Xếp như chúng tôi mà thôi.

Hắn nâng ly lên.

- Chúng ta hãy uống mừng công việc đã đến hồi chung cuộc.

- Rất hoan hỉ được uống mừng hồi chung cuộc đó - Hall nói giọng đều đều - Mặc dù mỗi chúng ta hiểu chung cuộc đó theo nhiều ý nghĩa khác nhau.

- Đó là cái khó khăn chung của tất cả mọi ngôn ngữ - Starkington buồn cười chấp nhận - vấn đề định nghĩa.

- Khó khăn không phải ở chỗ đó - Hanover phản đối - Định nghĩa là cơ sở căn bản của ngôn ngữ. Nó là bộ xương làm khung cho các đơn vị ngữ âm đắp lên để tạo thành ngôn ngữ.

- Đó là anh nói nói về một ngôn ngữ đồng nhất - Lucoville nhận định một cách trịnh trọng, mặc dù mắt hắn cười vui lấp lánh - Tôi đoán chắc rằng

Starkington và Hall đang nói về - hay tối thiểu là đang nói chuyện bằng - những ngôn ngữ khác nhau.

- Tôi nghĩ là tôi đang nói chuyện về việc uống rượu mừng, chứ đâu phải về chuyện ngôn ngữ - Starkington nhẹ nhàng chỉnh lại. Hắn lại nâng ly lên - Nếu không có ai ngắt lời nữa thì...

Nhưng đã có người ngắt lời.

- Theo tôi nghĩ, - Rita lém lỉnh nói, mắt cô lộ vẻ thích thú với câu trả lời sắc sảo đang nằm sẵn trong đầu - điều quan trọng là mỗi người phải trung thành với định nghĩa mình đặt ra.

- Tôi đồng ý! - Lucoville la lên.

- Tôi nữa. - Hanover hưởng ứng.

- Tôi thì... - Starkington nãy giờ đã đặt ly xuống giờ lại nâng ly lên một lần nữa - Tôi thì... khát - Rồi chẳng nói đông dài gì thêm nữa, hắn nốc cạn ly rượu. Mọi người cùng cười và cùng nâng cốc theo.

Họ dạo bước về nhà trên con đường có hai hàng dâm bụt rậm rạp che kín đầu đang tỏa hương thơm ngát trong đêm, Hall cầm tay Rita và cảm thấy các ngón tay cô siết chặt tay anh.

- Làm sao bọn họ biết được chỗ ở của cha? - Cô lo lắng hỏi anh - Quần đảo này rộng mênh mông và có vô số đảo nhỏ bao bọc, họ không thể tình cờ phát giác ra dấu tích của cha được.

- Bọn họ rất tinh khôn - Hall trầm ngâm đáp - Nhưng cha em cũng vô cùng khôn ngoan. Anh thấy em chẳng nên lo lắng làm gì.

Họ bước vào cánh cửa to lớn của khách sạn. Ngoài kia, trong khu vườn um tùm những giàn hoa giấy vọng ra tiếng đàn ghita êm dịu hòa theo vũ khúc "Luau". Khi thấy họ bước vào, một người chiêu tiếp viên nãy giờ vẫn say sưa theo dõi buổi dạ vũ bước ra và tiến về phía họ. Anh ta giao cho Hall chìa khóa phòng của hai người, kèm theo là một phong bì đã niêm phong cẩn thận, Hall xé phong bì và đọc thư trong khi Rita đứng đợi.

Hall thân mến! Chỗ ẩn nấp của tôi cuối cùng đã sẵn sàng, đó là chỗ ẩn nấp đồng thời là cái bẫy tôi giăng ra. Mất nhiều thời giờ với nó nhưng cũng bỏ công. Về phòng, và leo xuống thang hậu. Tài xế Chan sẽ đợi ở phía sau khách sạn. Hành lý sẽ được mang đến sau, mặc dù nơi chúng ta trú ngụ sẽ cần rất ít những vật dụng của cái thế giới gọi là văn minh.

Tiếp theo đó là một dòng tái bút rất kỳ lạ đã được gạch dưới nhằm nhấn mạnh.

Khi anh đến gặp tôi, điều tôi quan trọng là đồng hồ của anh phải tuyệt đối chính xác.

Hall lịch sự cảm ơn người thư ký và thản nhiên dứt lá thư vào túi. Anh lắc đầu nhẹ ra dấu cho Rita đừng hỏi han gì cả cho đến khi họ leo lên tầng lầu trên, xa khỏi tất cả những đôi mắt hau háu theo dõi.

- Cha nói chỗ ẩn nấp và cái bẫy nghĩa là thế nào? - Rita sốt ruột hỏi anh
- Còn cha yêu cầu đồng hồ của anh phải tuyệt đối chính xác nhằm mục đích gì cơ chứ?

Nhưng Hall chẳng thể đưa ra một lời giải thích nào. Cả hai khẩn trương sắp xếp vali và đặt chúng gọn gàng trong phòng. Hall gọi điện thoại cho phòng Khí tượng Hải đảo để kiểm chứng lại độ chính xác của đồng hồ anh, và vài giây sau đó họ vội vàng leo xuống cầu thang hậu, đi lẩn mò trong bóng tối dày đặc của đêm không trăng.

Một khối đen hình chiếc xe nổi bật lên trong đêm. Cả hai người ngồi vào băng ghế sau và anh tài Chan cho xe nổ máy. Chiếc xe không bật đèn trườn dần qua suốt con ngõ tối mờ cho đến khi họ đến ngã tư. Chan bật đèn trước lên và lái xe vòng sang con lộ vắng vẻ. Khi còn cách bãi biển khoảng một dặm, Chan lại cho xe rẽ một lần nữa, lần này sang một xa lộ to rộng. Xe vẫn giữ nguyên tốc độ cũ.

Hall từ nãy giờ vẫn ngồi yên lặng. Bây giờ anh chòm người về phía trước và ghé sát vào tai người tài xế hỏi:

- Chúng tôi sẽ gặp ông Barosi tại địa điểm nào?

Gã người Tàu nhún vai

- Tôi được chỉ thị đưa cô cậu qua bên kia hẻm núi Nuuanu Pali - Gã nói tiếng Anh cụt lùn nhưng khá chính xác - Sẽ có người đón chúng ta ở đó. Ngoài ra tôi không thể thông báo gì hơn.

Hall ngả người về phía sau. Rita siết chặt lấy tay anh, đôi mắt cô lóng lánh sáng ngời đến cảnh được gặp cha. Chiếc xe lướt bon bon qua con đường vắng vẻ, hai ngọn đèn pha hợp thành một luồng sáng hình chữ V trong đêm tối mờ mờ sương. Xe leo lên đồi, mỗi lúc một cao hơn. Xa xa bên dưới, những ánh đèn thành phố nhỏ dần rồi mất hẳn. Chiếc xe đột nhiên

nhảy giật lên, Chan đã nhấn ga tăng tốc độ chẳng hề báo trước và cả hai bị ném bật về sau, cảm thấy gió quạt mạnh vào mặt họ.

- Chuyện gì vậy...? - Hall gặng hỏi.

- Có xe đằng sau. - Chan từ tốn đáp - Nó đã bám theo đuôi chúng ta từ khi xe khởi hành. Bây giờ đã đến lúc phải tăng tốc vượt lên.

Hall xoay hẳn ra sau. Phía bên dưới hiện lên hai chấm đèn ô tô đang lượn qua lượn lại trên con đường khúc khuỷu. “Rầm” một tiếng, và chiếc xe của họ phóng vọt ra khỏi đường cái, cuốn theo cát bụi mù mịt.

- Bọn họ sẽ phát giác ra chỗ chúng ta rẽ mất thôi. - Hall la lên.

- Đương nhiên rồi - Chan đáp tỉnh bơ - Tôi được chỉ thị không để bọn chúng mất dấu mà.

Tài Chan lái xe một cách thiện nghệ qua con đường đất ngoằn ngoèo, ngọt ngào những bụi là bụi, Hall ước giá có màn che ở hai bên cửa xe thì đỡ quá. Xe đã leo được hết chỗ dốc ở khúc rẽ và đang thả dốc. Khi chiếc xe quẹo một cua gắt, Hall ngoái ra sau và nhìn thấy ở phía núi cao bên kia hai luồng ánh sáng phát ra từ chiếc xe đang đuổi theo.

Tài Chan đột nhiên thắng “két” lại, cả Rita lẫn Hall chúi nhủi về phía trước. Xe dừng lại, cánh cửa mở tung ra và một bóng người bé nhỏ nhảy vọt vào trong. Xe lập tức lăn bánh chạy tiếp, và mỗi lúc một lao nhanh hơn trong đêm tối.

- Ai đó...?

Một tiếng cười mũi đáp lại.

- Chứ anh mong ai sẽ có mặt ở đây? - Pazini chồm người sang và bật ngọn đèn nhỏ lắp ở phía lưng hàng ghế sau. Vừa trông thấy diện mạo của Pazini, Rita há hốc mồm kêu lên kinh ngạc. Pazini mặc bộ quần tây với một áo len cổ lọ xưa kia màu trắng nhưng bây giờ đã rách te tua và bị gai góc đâm suốt. Ông mang đôi giày thể thao lấm bùn. Ông âu yếm hôn con gái và siết chặt bàn tay Hall vươn ra đón. Rồi ông tắt đèn, ngả người tựa vào ghế, và mỉm cười trong bóng tối.

- Con thích bộ quần áo này của cha chứ? - Ông hỏi - Đi xa khỏi các thành phố chẳng cần phải ăn mặc trịnh trọng làm gì. Khi nào chúng ta định cư yên ổn rồi, chúng ta thậm chí cũng có thể đóng khổ “polo” như người

bản xứ, ấy là cha nói cha và Hall thôi, còn Rita thì có thể chọn lựa mặc loại váy muumuu hay pa-u tùy ý.

- Cha - Rita phân bua - Cha thử ngắm mình mà xem! Trông cha y hệt như một gã dân chài ấy! Ông bác Antonio già đáng yêu ăn mặc nghiêm chỉnh mà con vẫn thường cù lét và ném gỏi bông đâu rồi?

- Ông ta chết rồi, con ạ - Pazini nháy mắt đáp - Anh chàng Hall của con đã đưa ra vài lập luận nhẹ nhàng và giết chết ông ta rồi. Đó là thứ vũ khí nguy hiểm chết người thứ hai mà cha được biết trong đời.

- Còn thứ nguy hiểm chết người nhất? - Hall hỏi.

- Rồi anh sẽ biết, Pazini quay sang nói với con gái - Rita ạ, con nên ngủ chút đi. Cha sẽ giải thích cho con sau. Chúng ta còn mấy tiếng nữa mới đến nơi.

Xe tiếp tục xuôi con đường khúc khuỷu về phía bãi biển phía đông quần đảo. Trời đã quang hẳn mây mù, những vệt sáng yếu ớt đầu tiên báo hiệu bình minh đang dần dần hiện ra ở phương Đông. Hall nghiêng sang Pazini.

- Ông biết chúng ta đang bị truy đuổi chứ?

- Đương nhiên rồi. Chúng ta sẽ để họ theo dấu chúng ta cho đến khi chúng ta vượt qua làng Haikuloa. Từ đó trở đi sẽ chẳng có con đường nào dễ rẽ ngang cả họ sẽ biết chắc điểm đến của chúng ta. Sau khi đến Haikuloa chúng ta sẽ đi đường của chúng ta.

- Tôi không thể hiểu nổi điều này - Hall nhìn trân trân người đàn ông nhỏ thó và nhíu mày suy nghĩ - Trong cuộc săn đuổi kỳ quặc này, ông là thú bị săn hay người đi săn?

- Cả hai. Trong suốt đời người, ai cũng vừa là kẻ đi săn vừa là thú bị săn. Những cuộc săn đuổi nối tiếp nhau không ngừng, chỉ có khả năng khống chế được những yếu tố của cuộc săn mới có thể quyết định người đó là thú bị săn hay người đi săn.

- Thế ông có cảm thấy mình không chế được những yếu tố đó chưa?

- Đã khống chế hoàn toàn.

- Vậy mà, ông biết không, họ đã biết được rằng ông đã cư ngụ tại Nanakuli và Waianae đấy.

- Tôi mong như vậy mà. Tôi đã sắp xếp các dấu tích để dẫn dắt bọn họ đến đây. Tôi đã gài một đường về hướng Tây để bọn họ đuổi theo trong khi anh và Rita trực chỉ hướng Đông.

Ông cười phá lên khi trông thấy bộ mặt hoang mang ngờ nghệch của Hall.

- Tính logic thể hiện trong nhiều mức độ, anh bạn ạ. Nếu tôi giấu một hòn đá trong một bàn tay và anh đoán trúng bàn tay đó. Hoặc là tôi có thể vẫn giữ đá trong cùng bàn tay đó vì tôi suy đoán rằng anh có thể nghĩ tôi sẽ đổi tay. Hoặc giả tôi sẽ đổi tay vì suy đoán rằng anh sẽ mong tôi sẽ lập luận như ban nãy. Hoặc là...

Hall công nhận.

- Tôi biết như thế. Đó là một thuyết xa xưa về trình độ thông minh. Nhưng tôi không thể hiểu thuyết ấy áp dụng trong trường hợp này như thế nào.

- Tôi sẽ giải thích cho anh rõ. Đầu tiên, về việc làm thế nào tôi có thể lừa Starkington đi theo con đường phía Tây mà tôi vạch ra. Tôi chỉ việc liên lạc với một tiệm sách lớn nhất ở Honolulu để đặt mua sách tiếng Nga, và yêu cầu họ giao sách cho tôi theo địa chỉ nằm trong các ngôi nhà nhỏ bé nào đó nằm dọc theo bờ biển phía tây. Starkington và các tên khác biết tôi không bao giờ ngưng việc học tập nghiên cứu dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Nếu tôi không dùng một phương kế tinh vi như vậy thì chắc hẳn không bị lừa đâu, nhưng tôi biết hẳn nghĩ tôi làm như vậy chẳng có chủ tâm gì hết.

- Nhưng hẳn nói rằng ông quả thực đã ghé thăm những nơi đó mà.

- Đúng là tôi có ghé qua đó. Trên chiếc lưỡi câu không cũng có dính một tí mồi nhử chứ. Tuy nhiên khi hẳn yên trí đã nắm được hướng đi của tôi về hướng Tây, tôi đã sẵn sàng dẫn dắt hẳn về hướng Đông. Anh và Rita đã làm công việc đó thật xuất sắc, tôi biết chắc hai người đã xuống cầu thang phía sau khách sạn một cách rất ly kỳ y như kịch vậy. Và tôi cũng đoán chắc rằng tên Starkington đã theo dõi hai người khi ấy.

Hall sững sờ nhìn người đàn ông vóc dáng nhỏ bé hơn mình.

- Ông thật đáng khâm phục!

- Cảm ơn anh - Trong giọng nói của ông không chứa một vẻ khiêm tốn giả trá nào. Pazini đột nhiên yên lặng.

Xe vừa đi qua Haikuloa và tài Chan đang chăm chú vào việc bỏ rơi chiếc xe phía sau lại. Xe lướt như bay dọc theo con đường đất nhỏ hẹp. Đột nhiên ngay bên dưới họ, biển hiện ra xa tít tắp đến tận chân trời, nơi vàng thái dương ló dạng. Chan bẻ tay lái phóng xe vào một lùm cây, lái thêm vài trăm bước nữa rồi đạp thắng. Không khí yên lặng buổi ban mai bao trùm lấy họ.

Hall cất tiếng.

- Một điều khác nữa là...

- Suyyyyt! Bọn chúng sắp qua đây đây.

Họ yên lặng chờ đợi. Vài phút sau họ nghe thấy tiếng rú của một chiếc xe hơi loại lớn. Xe chạy vù qua chỗ nấp của họ và mất dạng cuối con đường dẫn xuống bên dưới. Pazini bước xuống xe cùng với Hall và dẫn anh đến tận vĩa núi đá họ vừa dừng lại. Phía dưới họ là những dãy lều tranh hợp thành một ngôi làng vùng duyên hải. Pazini chỉ tay ra phía xa xa.

- Kia kia. Anh có nhìn thấy không? Cái đảo nhỏ ở ngoài khơi đó. Nơi ẩn trú của chúng ta đây.

Tầm mắt Hall nhìn đăm đăm suốt khoảng nước hẹp ngăn cách bờ biển và hòn đảo. Hòn đảo nhỏ tí xíu, chiều dài chưa đến một dặm, và chiều ngang vào khoảng chưa được nửa dặm. Những cây cọ mọc viền quanh bãi cát trắng, trên cái gò ở ngay giữa đảo có dựng một túp lều tranh. Chẳng có dấu hiệu gì chứng tỏ có người sống ở đó cả.

Ngón tay của Pazini chuyển sang hướng khác.

- Khoảng nước giữa nơi đây và hòn đảo được gọi là Huhu Kai - có nghĩa là Biển Cuồng Nộ.

- Tôi chưa hề trông thấy vùng biển nào lại yên như biển ở đây. Cái tên nghe như giễu giễu thế nào ấy.

- Chớ nghĩ như vậy. Thềm đại dương giữa bờ biển và hòn đảo có một cấu tạo rất kỳ lạ - Ông chuyển hướng câu chuyện - Anh có nhớ kiểm tra lại độ chính xác của đồng hồ chưa?

- Thừa rồi. Nhưng tại sao...?

- Tốt. Bây giờ mấy giờ rồi?

Hall xem lại đồng hồ.

- Sáu giờ bốn mươi ba.

Pazini tính nhẩm thật nhanh.

- Còn khoảng một giờ nữa. Thôi được, chúng ta có thể nghỉ một lát.

Nhưng ông dường như chẳng thể nghỉ ngơi gì được. Ông sốt ruột đi đi lại lại, và cuối cùng đến đứng bên cạnh Hall, nhìn xuống những túp lều tranh trong ngôi làng nhỏ phía dưới.

- Bọn họ phải mất một lúc lâu mới đi xe xuống tới đó được vì con đường rất ngoằn ngoèo và có nhiều chỗ nguy hiểm. - Và rồi ông lẩm bẩm nói, chẳng ăn nhập gì với câu chuyện trước đó của họ - Điều thiện. Đạo đức và điều thiện. Đó là tất cả những gì chúng ta có, nhưng thế là đủ. Hall này, anh có biết không, những hòn đảo ở đây có câu châm ngôn là “Ua mau ke en o ka aina i ka pona” có nghĩa là “Điều thiện gìn giữ sự sống của đất”.

- Ông đã ở đây rồi à?

- Ừ, nhiều lần rồi. Công ty xuất nhập khẩu Antonio Barosi đã nhiều năm nhập hàng hóa từ Hawaii. Khi đó tôi đã hy vọng rằng... - Ông không nói hết câu và đột nhiên quay nhìn Hall một cách rất dữ tợn. Dường như một cơn kích động bất ngờ nào đó đã khiến toàn thân ông căng thẳng hẳn lên.

- Máy giờ rồi?

- Bảy giờ ba phút.

- Chúng ta phải khởi hành ngay. Chúng ta sẽ để Rita ở đây với tài Chan, đó là cách tốt nhất. Bỏ áo khoác của anh lại, trời sẽ nóng đấy. Nhanh nào, chúng ta đi bộ.

Hall quay lại nhìn lần cuối cô gái đang cuộn mình nằm trong góc xe. Chan ngồi ở băng ghế phía trước, mặt lạnh như tiền, mắt nhìn đăm đăm trước mặt. Chàng trai cao lớn thở dài quay lưng đi và bám theo Pazini đang len lỏi đi vào một con đường mòn nhỏ hẹp giữa rừng cây.

Chương 18

Họ lặng lẽ đi xuyên qua đám lau lách um tùm rậm rạp đến ven bờ hàng cọ viền quanh bãi cát trắng. Phía xa xa ngoài kia mặt biển êm như ru, những làn sóng nhỏ li ti chạy lăn tăn vào bờ. Trong không khí ban mai trong sáng, hòn đảo tí hon màu trắng nổi bật nền xanh ngọc của nước biển, vàng dương giờ đã lên cao, treo lơ lửng như một quả bóng màu cam trên nền trời phía đông.

Cuộc xuống núi vất vả làm Hall thở hổn hển, còn Pazini thì vẫn tỉnh như không. Ông chột xoay người lại, mắt quắc lên chờ đợi gắt giọng hỏi.

- Máy giờ rồi?

Hall nhìn ông trân trân, vừa thở hổn hển vừa hỏi.

- Sao ông cứ chú ý đến giờ giấc mãi thế?

- Máy giờ rồi? - Giọng nói gay gắt của ông lộ vẻ khẩn cấp. Hall nhún vai.

- Bảy giờ ba mươi hai.

Pazini gật đầu mãn nguyện và nhìn chăm chăm xuống bãi. Dãy lều tranh trải rộng ra phía dưới họ. Các chiếc xuồng đáy rộng đã được kéo lên và sắp thành một hàng trên bãi cát. Thủy triều đang lên, mon men ôm lấy các mạn xuồng. Trong khi họ chăm chú quan sát, một thổ dân từ một căn lều bước ra và kéo những chiếc xuồng ở ngoài cùng vào sâu trong bãi cát, rồi lại biến mất sau cánh cửa tối đen.

Chiếc xe của bọn săn đuổi họ đậu lại trước căn lều lớn nhất, nửa bánh xe lún sâu trong cát. Chung quanh chẳng thấy một bóng người. Pazini nheo mắt nghiên cứu hiện trường và nhíu mày tính toán.

- Máy giờ?

- Bảy giờ ba mươi bốn.

Ông gật đầu.

- Chúng ta phải rời nơi này trong đúng ba phút nữa. Khi tôi bắt đầu chạy băng qua bãi cát, anh sẽ theo sau. Chúng ta sẽ hạ thủy chiếc xuồng nhỏ nằm gần ta nhất. Tôi sẽ nhảy vào trong và anh đẩy xuồng bật đi. Chúng ta sẽ chèo xuồng đến hòn đảo. - Ông ngừng lại suy nghĩ - Tôi đã dự trù kế hoạch cho bọn họ lộ diện ra trên bãi, nhưng thôi cũng chẳng sao. Chúng ta sẽ phải la lên...

- La lên à? - Hall ngó sững ông - Ông muốn bị họ bắt sao?

- Tôi muốn bọn chúng đuổi theo. Gượm đã, tất cả đều ổn mà.

Starkington xuất hiện trước căn lều lớn, theo sau là Hanover và Lucoville. Cả ba vừa đi di chân trên mặt cát vừa nói chuyện với một thổ dân cao lớn, vạm vỡ trước cửa lều mở ngỏ.

- Thật tuyệt quá! - Pazini dán mắt vào bộ ba - Máy giờ?

- Đúng bảy giờ ba mươi bảy phút.

- Đến lúc rồi! Nào!

Ông phóng ra khỏi chỗ nấp, đôi chân chạy thoăn thoắt trên nền cát sáng. Hall bèn vội vã chạy theo, anh suýt chút nữa là ngã nhào nhưng đã kịp trụ lại được. Pazini đã đẩy chiếc xuồng nhỏ xuống nước, chẳng chần chừ ông nhảy phắt vào trong. Hall nín thở đẩy mạnh chiếc xuồng nhỏ đi và phóng vào trong, hai ống quần anh nhỏ nước tong tong. Pazini đã nắm lấy một mái chèo đưa thuyền đi băng băng trên mặt biển lặng. Hall nhấc một mái chèo dưới đáy xuồng lên và cùng với ông đẩy chiếc xuồng nhẹ lướt tới.

Một tiếng hét lớn vang lên từ bọn ba người trên bãi. Chúng chạy hối hả xuống biển. Một phút sau chúng đã nhảy lên được một chiếc xuồng lớn hơn và cũng gò lưng chèo xuồng. Tên thổ dân chạy theo họ, vừa chạy vừa la lên một câu gì đó còn hai tay thì vẫy liên hồi và chỉ trỏ lia lịa về phía biển, nhưng bọn họ chẳng màng để ý đến hắn. Pazini và Hall tăng tốc độ, chiếc xuồng nhẹ phút chốc đã bỏ xa bọn chúng.

- Thật là điên rồ! - Hall há miệng thở dốc, mồ hôi tuôn đầm đìa xuống mặt - Chúng có đến ba người! Chúng sẽ bắt được chúng ta trước khi chúng ta kịp lên đảo! Và thậm chí có đến được đảo đi nữa thì bãi đá trơ trụi kia cũng chẳng nấp được vào đâu!

Pazini im lặng chẳng hề cãi lại. Tấm lưng rắn chắc của ông hết cong lại uốn theo nhịp chèo đều đặn. Sau lưng họ, chiếc xuồng lớn đang bắt đầu lướt tới, khoảng cách giữa hai chiếc xuồng con thu hẹp, thu hẹp dần.

Chợt, bất thành linh Pazini thôi không chèo nữa và tàn nhẫn mỉm cười.

Ông khẽ hỏi:

- Máy giờ? Bây giờ mấy giờ rồi?

Hall chẳng thèm để ý. Mái chèo của anh dữ tợn đào sâu xuống mặt biển lặng.

Pazini bình tĩnh hỏi gặng:

- Mấy giờ rồi?

Hall lâu bầu chửi thề, rồi vát mái chèo xuống.

Anh điên tiết la lên.

- Thề thì cứ để bọn chúng giết quách ông đi! - Tay anh thọc sâu vào túi quần - Giết ông đi, và luôn cả cái câu hỏi nhảm “Mấy giờ rồi? Mấy giờ rồi?”. Bây giờ là bảy giờ bốn mươi một phút.

Ngay giây phút ấy có một chấn động nhẹ chạy rần rạt khắp chiếc xuồng như thể có một bàn tay khổng lồ nào đó vừa khẽ thúc vào xuồng. Hall kinh ngạc ngược lên, con chấn động lại tiếp diễn. Pazini buông thõng hai tay, hăm hở chồm người về phía trước, mắt đắm đắm nhìn về hướng đất liền. Hall xoay người và thảng thốt chứng kiến cảnh tượng sau lưng anh.

Chiếc xuồng nhỏ đuổi theo họ đã thôi không tiến lên được nữa. Mặc dù ba người trên xuồng vẫn hùng hục tay chèo, chiếc xuồng con vẫn nằm chết cứng ở nguyên một vị trí như thể nhà họa sĩ nào đó đã vẽ nó lên trên mặt đại dương bao la. Rồi, chậm chậm, chậm chậm, chiếc xuồng bắt đầu quay theo một vòng tròn rộng, mỗi vòng quay lại kéo theo sau một làn nước nhẹ. Ba người trên xuồng càng ra sức chèo chống hơn nữa. Nhưng cũng chẳng lợi ích gì. Hall sững sốt nhìn, nhìn mãi. Pazini ngồi trong tư thế thư giãn, và quan sát cảnh tượng với nét mặt nghiêm trọng.

Khắp tứ phía quanh vũ đài hạn hẹp nơi diễn ra trận chiến này, mặt biển vẫn êm như ru. Nhưng ở khu vực trung tâm, cách vị trí nơi chiếc xuồng của họ đang nhẹ nhẹ lắc lư trên mặt biển chưa đầy bốn trăm thước, các thể lực thiên nhiên đang tung hoành. Dòng nước bạc chậm chậm tăng dần vòng quay khổng lồ, những gợn sóng trên mặt biển thành khối tròn quay tít. Chiếc xuồng lớn nằm chết cứng trên mép vòng nước đang xoay, các nỗ lực bé nhỏ, vô vọng của ba tay chèo thấy đều tan biến trước lực lượng bao la và uy vũ này.

Chuyển động của mặt biển tăng dần. Vòng quay mỗi lúc thêm cuồng bạo. Trước đôi mắt kinh hãi của Hall, mặt biển bằng phẳng bắt đầu trũng dần xuống giữa, tạo thành một hình nón vĩ đại với bờ thành bằng nước mịn êm, lấp lánh quây chung quanh. Chiếc xuồng trượt phăng phăng theo bờ tường nước xanh, thân xuồng hơi nghiêng đi nhưng vẫn bị một lực ly tâm khổng lồ khóa chết cứng vào một điểm. Ba người trên xuồng đã thôi không chèo nữa, tay họ bầu chặt vào mép xuồng chờ đợi cái chết chắc chắn đang đến. Một mái chèo đột nhiên vượt khỏi xuồng, nó nằm thẳng băng trên mặt nước đặc cứng bên mạn xuồng và cũng bị cuốn vào dòng nước đang quay tít đến chóng mặt.

Hall phần nộ quay sang Pazini và hét lên.

- Ông là một con ác quỷ!

Nhưng người kia vẫn tiếp tục quan sát cảnh tượng hãi hùng đang xảy ra, mặt không hề để lộ một chút cảm xúc nào.

Ông lẩm bẩm như nói với chính mình:

- Chính là thủy triều đấy. Sức mạnh nào có thể đo với thể lực thiên nhiên!

Hall quay lại nhìn cảnh tượng khiếp đảm trước mặt, hai hàm răng anh nghiến chặt lại.

Khối hình nón xuống càng lúc càng sâu, các bờ thành loáng nước quay cuồng càng lúc càng nhanh, còn chiếc xuồng vẫn dính cứng vào trong nước lấp lánh. Đôi mắt Hall trong một lúc chợt ngược nhìn lên vách núi đá phía trên ngôi làng. Ánh nắng mặt trời, rơi từ một điểm nào đó, làm hiện lên một phần chiếc xe của họ. Trong khoảnh khắc, anh tự hỏi không biết Rita có đang dõi nhìn hay không. Nhưng rồi mắt anh lại quay trở về cảnh tượng trước mặt.

Gương mặt của ba người kia hiện lên thật rõ. Họ chẳng lộ vẻ gì sợ hãi, cũng chẳng hề than khóc mảy may. Dường như họ đang bàn cãi điều gì đó hăng hái lắm. Hall khâm phục nghĩ thầm có lẽ họ đang tranh luận về sự bí ẩn của cái chết họ sắp đối đầu, hay về sự kỳ diệu của cái bẫy độc đáo họ đã rơi vào.

Vực nước xoáy xuống sâu, sâu mãi. Từ tận trong đáy của khối hình nón đang xoay tít, dường như phát ra một âm thanh nào đó, một âm thanh bị tra khảo, âm thanh của những dòng nước ùng ục cuộn chảy. Chiếc xuồng đang quay như chong chóng, với một tốc độ nhanh không thể tưởng tượng nổi. Rồi bất thành linh nó dường như chuồi sâu hơn xuống dưới bờ thành bóng nhoáng để tự ý tìm kiếm chốn lẩn quên dưới đáy vực. Hall không tự chủ nổi, anh hét lên một tiếng. Nhưng chiếc xuồng thon dài đã rơi sâu hơn xuống vực nước xoáy vẫn đang quay như điên cuồng. Nó trượt băng băng trên những bờ tường nước màu xanh lấp lánh mỗi lúc một gấp rút không. Hall cứ dần mãi mắt vào cái vực thăm trước mắt, đôi tay anh bầu vào mép chiếc xuồng con đang lắc lư, da tay anh đã đổi màu trắng bệch.

Starkington giơ tay lên chào một cách dững cảm và ngẩng lên mỉm cười với họ. Ngay tức thì sau đó hắn bị bật ra khỏi xuồng. Thân người hắn quay tít song song với chiếc xuồng con, chân tay duỗi thẳng đơ trên mặt

nước đặc sệt. Rồi, ngay trước mắt Hall, thân hắn lọt vào giữa vực nước xoáy và mất hút trong đó.

Hall xoay phắt lại, mặt đối mặt với Pazini.

Anh rít lên khe khẽ.

– Ông đúng là một con ác quỷ!

Pazini chẳng màng để ý. Ông trầm ngâm nhìn đắm đắm vào vực nước xoáy. Hall xoay lưng lại, cảnh tượng tàn nhẫn trước mắt họ cứ cuốn hút tâm mắt của anh vào đó.

Chiếc xuồng lớn đã tuột sâu xuống bờ thành của vực chết. Lucoville há hốc mồm ra, trông hắn như đang reo lên khúc ca chiến thắng Tử Thần, kẻ đang vươn bàn tay nhóp nhúa ra tóm lấy họ. Hanover vẫn bình tĩnh ngồi yên.

Chiếc xuồng trôi đi thêm vài thước cuối cùng nữa. Rồi mũi xuồng chạm vào trung tâm khu vực nước xoáy. Chiếc xuồng bắn vọt lên, quay tròn trên không, những mảnh gỗ vỡ tung ra kêu răng rắc, rồi rơi mất hút vào cái bao tử mỡ màng của con quái vật và bị các lực co bóp khổng lồ trong đó nghiền nát ra như cám vụn. Hai người vẫn anh dũng ngồi trong xuồng, dường như họ bị ném lên trời rồi bị con quái vật tham lam ở biển nuốt chửng mất.

Tiếng gầm rú của đại dương cuồng nộ bắt đầu lắng dịu, như thể con quái vật đã no bụng sau bữa tiệc người vừa dâng lên nó. Khối hình nón khổng lồ dần dần bằng mặt trở lại. Vực nước xoáy lại phẳng lặng như cũ. Một đợt sóng ngầm xuất từ lòng nước đang lắng dần xô tới làm chiếc xuồng nhỏ của họ lắc lư như nhắc họ nhớ rằng họ đã thoát nạn. Hall rùng mình.

Sau lưng anh có tiếng trở người.

Giọng của Pazini lại vang lên đều đều:

- Tốt nhất chúng ta nên quay lại đi!

Hall quay lại nhìn sững kẻ đồng hành với vẻ ghê tởm.

- Chính ông đã giết họ! Cũng tàn bạo như chính tay ông cho họ một nhát dao hay một viên đạn!

- Giết họ à? Phải, chính anh mong họ bị giết mà, phải không? Anh muốn triệt sạch Văn phòng Âm sát mà.

- Tôi chỉ muốn giải tán nó mà thôi! Tôi chỉ muốn nó ngưng hoạt động.
- Người ta không thể giải tán những lý tưởng, những niềm tin.

Giọng ông lạnh như băng. Đôi mắt ông dõi tìm trên mặt biển trống trải nơi chiếc xuồng lớn đã bị cuốn hút vào chốn vĩnh cửu. Giọng ông đượm buồn.

- Họ đã là những bằng hữu của tôi.

- Bằng hữu à?

- Phải. - Pazini nhặt mái chèo lên và nhúng nó xuống nước - Tốt nhất chúng ta nên quay lại đi.

Hall thở dài và khua mái chèo. Chiếc xuồng từ từ chuyển động rồi mỗi lúc một nhanh dần. Họ chèo ngang qua nơi Starkington và hai người bạn đã vong mạng. Pazini dừng lại một chốc như thể gửi lời tưởng niệm đến các thành viên quá cố của Văn phòng.

- Chúng ta sẽ đánh điện báo cho Haas biết - Ông chậm rãi nói, rồi lại tiếp tục nhịp chèo đều đặn.

Chương 19

Tại San Francisco, Haas nôn nóng đợi tin tức từ nhóm ba người đã đón tàu thủy trên đường truy lùng Cựu thủ lĩnh Văn phòng Ám sát. Thời gian vùn vụt trôi qua, hạn cuối cùng của bản hợp đồng mỗi lúc một kề. Mãi đến cuối cùng hắn mới nhận được một bức thư gửi qua kiện hàng thư tín.

Haas thân mến.

Tôi có thể tưởng tượng ra anh đang sốt ruột đi đi lại lại trong phòng, nói lầu bầu trong miệng bằng tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái cổ không hiểu chúng tôi có trở thành nạn nhân của cái bùa mê nhàn nhã trên quần đảo xinh đẹp này không. Hay có thành nạn nhân của P. hay không. Anh có thể yên tâm, chúng tôi chẳng thành nạn nhân của thứ nào cả.

Nhưng công việc chẳng dễ dàng đâu. P. đã khéo léo sắp đặt một đường dây về hướng Tây, còn chúng tôi thì tin chắc rằng hướng tàu thực sự của ông ta sẽ là hướng Đông. Chúng tôi đang theo dõi Hall và con gái ông ta rất cẩn thận. Khi họ khởi sự di chuyển về hướng này, chúng tôi sẽ nắm được đầu mối.

Chúng tôi hiểu rằng thời hạn sắp hết, nhưng anh chớ lo. Văn phòng chưa hề thất bại và giờ đây sẽ không thể thất bại. Anh có thể nhận được một

bức điện mật vào bất kỳ ngày nào.

Nhân tiện, báo anh hay một tin tình cò: P. cũng có sử dụng cái tên Barosi khi đi lại. Chúng tôi khám phá ra điều này khi điều tra trên tàu Eastern Clipper. Phải, ông ta đã thoát được. Khi chúng ta hội ngộ sau khi hoàn tất công vụ này, chúng tôi sẽ kể anh nghe toàn bộ câu chuyện.

Starkington.

Tái bút:

Lucoville đã đâm ra mê mẩn “poi” [1], một món ăn hồ lớn chẳng thể nuốt nổi làm từ rễ cây khoai sọ. Khi chúng tôi trở về, nhất định sẽ còn lôi thôi hơn nữa với hấn ta và chế độ kiêng khem của hấn.

Haas nhúu mày đặt bức thư xuống. Kiện hàng bưu tín đã được gửi đi từ Honolulu cách đây chín hôm, đáng lẽ ra đến bây giờ phải nhận được thêm một bức điện nữa từ Starkington chứ. Bộ ba đã ở Hawaii gần một tháng rồi, chỉ còn chưa đầy sáu tuần nữa để hoàn thành nhiệm vụ. Hấn cầm lá thư lên và nghiền cứu nó thật cẩn thận một lần nữa.

Barosi à? Cái tên gợi nhớ một âm hưởng nào đó. Có một công ty xuất nhập khẩu lớn mang tên đó. Hấn biết công ty đó có văn phòng đặt tại New York, có lẽ họ cũng có văn phòng đặt tại Honolulu. Hấn ngồi trong căn phòng vắng lặng, tay đang đưa lá thư trong khi bộ óc đáng sợ tính toán tất cả mọi khả năng có thể xảy ra.

Hấn đứng dậy, đầu óc lóe lên một quyết định. Nếu trong hai ngày tới mà không nhận được bức điện nào, hấn sẽ đón chiếc tàu thủy đầu tiên đến quần đảo. Trong thời gian chờ đợi, hấn sẽ tự chuẩn bị sẵn sàng vì một khi đến đó rồi, hấn sẽ chẳng còn được mấy thời gian quý báu. Hấn xếp thư lại, nhét vào túi và rời phòng ra đi.

Nơi hấn dừng lại đầu tiên là thư viện công cộng. Người quản lý thư viện nhiệt tình đưa cho hấn một bản đồ quần đảo Hawaii cỡ lớn. Hấn trải rộng bản đồ ra trên bàn và khom người nghiên cứu cẩn thận từng chi tiết đảo Oahu. Đường dây đi về hướng Tây, ngón tay hấn lần theo một đường kẻ ngoằn ngoèo chạy dọc theo bờ biển từ Honolulu qua Nanakuli và Waianae đến một dải đất nhỏ gọi tên là Điểm Kaena. Hấn gục gặc đầu. Đó là một đường dây giả nhằm đánh lạc hướng, Starkington sẽ không lầm lẫn về điểm này được.

Những con đường về hướng Đông phức tạp hơn nhiều. Vài đường chạy băng qua ngã tư Nuuanu Pali và chấm dứt trong rừng cây, hay dẫn quanh co xuống những bãi biển không có tên gọi. Một đường chỉ mong manh đánh dấu một con đường chạy lên và bọc hậu Đỉnh Kim Cương, rồi đâm ra biển tại một mũi đất hình cung tên là Đỉnh Makapu. Hấn đẩy bản đồ sang một bên và tựa lưng xuống ghế suy nghĩ.

Hấn cố đặt mình vào vị trí Pazini. Tại sao ở lại Oahu? Tại sao không đi đến một trong vô số hòn đảo quanh đó, chẳng hạn như đảo Niihau hay đảo Kawai nằm rải rộng về hướng Tây, có vài đảo hoang, vài đảo mật độ dân cư vô cùng thưa thớt đến nỗi việc tìm ra tung tích trong thời gian ít ỏi còn lại dành cho Văn phòng là rõ ràng không thể thực hiện nổi. Tại sao cứ ở mãi trên cái hòn đảo tạo điều kiện dễ dàng nhất cho việc bị phát hiện?

Đương nhiên chỉ có duy nhất một khả năng là ông ta mong muốn bị phát hiện. Hấn ngồi thẳng dậy, đầu óc hồi hải tính toán. Và tại sao ông ta lại mong bị phát hiện? Chỉ có thể là nhằm giương một cái bẫy! Mất hẳn đảo qua tấm bản đồ trước mặt một lần nữa, nhưng nó chẳng cung cấp được gì. Hấn biết quá ít về địa hình. Hấn lại tựa lưng vào ghế, cố vận dụng bộ óc thông minh to lớn của mình.

Một cái bẫy để tóm gọn cả ba người là một điều khó thực hiện. Hay là một tai nạn? Mơ hồ quá, người ta có thể luôn luôn sống sót. Hay là một trận phục kích? Thắng nổi ba kẻ lão luyện như Starkington, Hanover và Lucoville là điều hầu như không thể xảy ra. Nếu hấn ở vào địa vị Pazini, phải đương đầu với vấn đề này, hấn sẽ thử giải quyết cách nào đây?

Không thể trên đất liền được. Lúc nào cũng có chỗ để nấp, điều kiện chẳng bao giờ chắc chắn. Cho một người thì được, nhưng cho cả ba người thì không. Nếu hấn là Pazini, hấn sẽ giương bẫy trên mặt biển, nơi ấy chẳng ai có thể nấp vào đâu hay thoát đi đằng nào được. Hấn lại cúi người xuống tấm bản đồ lớn, tìm đập nhanh hơn.

Bờ biển phía Đông uốn lượn chi chít, đặc trưng là các vịnh nhỏ và các hòn đảo rải rác ngoài khơi. Một hòn đảo chẳng? Cũng có thể. Nhưng rồi vẫn phải đối đầu với vấn đề chỗ nấp, mặc dù việc thoát thân sẽ khó khăn hơn. Không, chỉ có thể là biển thôi. Nhưng làm thế nào để bẫy dính cả ba

người trên mặt biển trống không? Ba con người thông minh siêu việt, ai cũng có ngón nghề cao cường trong nghệ thuật ám sát và cả tự vệ nữa.

Hắn thở dài và gấp bản đồ lại. Cần phải nghiên cứu thêm nữa. Hắn gửi trả bản đồ lại cho cô quản thư, cảm ơn cô và rời tòa nhà mát mẻ đi ra. Óc hắn nghĩ ra thêm một khả năng nữa và hắn rẽ về hướng Tòa án.

Viên thư ký giữ hồ sơ nhà đất vui vẻ gật đầu. Anh ta nói:

- Phải, chúng tôi có lưu giữ những bản sao các vụ mua bán nhà xảy ra cách đây hơn sáu tháng. Phải cần có một thời gian dài như vậy để ở đây vào sổ đăng ký lập hồ sơ. - Anh thư ký nhìn chăm chăm người đàn ông gầy gò, sôi sục nhiệt huyết trước mặt - Thưa ông, người mua tên gì ạ?

- Barosi - Haas đáp - Công ty Antonio Barosi.

- Công ty xuất nhập khẩu à? Ông cảm phiền đợi một lát...

Haas dăm dăm nhìn qua khung cửa sổ bụi bặm hướng ra Vịnh và dãy tàu thủy lớn bé nối nhau liên tục phía xa xa. Trong tâm trí hắn hiện lên hình ảnh một bãi cát và một chiếc thuyền - à không, hai chiếc thuyền chứ - nhấp nhô bập bênh ngoài khơi. Pazini ngồi lặng lẽ trên một chiếc thuyền, còn Starkington và những người khác ngồi trên chiếc kia. Hình ảnh họ ngồi trên thuyền cứ khắc sâu vào óc hắn, còn hắn thì cứ cố tìm kiếm xem trong cảnh tượng đó có biểu hiện nào của chiếc bẫy, có dấu hiệu nào có thể giải thích tại sao Pazini đã dụ họ đến đó.

Anh thư ký trở lại.

- Thưa ông đây ạ! Công ty Antonio Barosi đã mua một tòa nhà làm văn phòng trên đường Ông Hoàng năm 1906. Cách đây năm năm. Đây là toàn bộ các chi tiết, nếu ông cần xem lại.

Haas lắc đầu.

- Không, tôi muốn nói đến một vụ mua bán đất đai khác kia. Gần đây thôi. Trên bờ biển phía Đông... - Hắn ngáp ngừng, và bức tranh bỗng đột nhiên trở nên quá rõ. Hắn bất thành linh chắc chắn sự việc. Pazini đã âm mưu thực hiện việc làm táo bạo này ngay từ những ngày đầu tiên. Hắn rướn thẳng người và nói với giọng khẳng định - Miếng đất đó được mua cách đây vào khoảng từ mười đến mười một tháng.

Viên thư ký lại biến mất vào dãy tủ đựng hồ sơ. Khi anh ta quay lại, anh mang trên tay một xấp tài liệu bọc bì cứng. Haas không ngăn nổi một nụ

cười chiến thắng.

- Tôi nghĩ đây là hồ sơ ông tìm kiếm. Nhưng việc mua đất này không do công ty chi trả. Người đứng tên là Antonio Barosi, mua một hòn đảo nhỏ ngoài khơi, nằm ở phía Đông đảo Oahu.

Haas đọc thật nhanh các chi tiết trong hồ sơ. Trong trí nhớ tuyệt vời của hắn, bản đồ đường biển hiện hiện từng chi tiết rõ ràng và nhờ đó hắn lập tức định được vị trí của hòn đảo nhỏ. Sau khi cảm ơn viên thư ký, hắn rời khỏi Tòa án. Hắn rảo bước nhanh hơn, còn đầu óc nghiên cứu lại vô số những khả năng có thể xảy ra.

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Đó chính là một cái bẫy giương ra hàng bao nhiêu tháng trời và nay đang đợi đến lúc sập xuống. Các nạn nhân chẳng hề hay biết mấy may rằng số phận khắc nghiệt đã chọn họ. Hắn phải tức tốc gọi điện đi ngay để cảnh giác Starkington.

Hắn rẽ về hướng khách sạn của mình. Ốc hắn hình dung đến cuốn sổ mật mã giấu dưới chông áo sơ mi trong vali và trật tự từ cần viết trong bức điện. Cùng với chiếc chìa khóa phòng, người thư ký giao cho hắn một phong bì nhỏ. Hắn vừa đi về phía cầu thang vừa bóc thư ra xem. Chợt hắn đứng khựng lại. Tin báo ngăn ngui giáng một đòn chí mạng.

Haas! Rất tiếc phải báo cho anh hay rằng, Starkington, Hanover và Lucoville đã qua đời do một tai nạn không may khi đi thuyền. Biết anh rất mong tin.

Hall

Hắn đứng lặng đi trong một lúc. Ngón tay hắn siết chặt lấy bức điện trong khi thảm họa vừa nhận được bao trùm lên tâm não hắn. Muộn quá rồi! Giờ chẳng còn kịp để cảnh giác nữa, cũng chẳng còn thời gian để làm gì nữa. Hắn phải đón ngay chiếc tàu thủy đầu tiên. Chuyến tàu đầu tiên sẽ là - Tàu Hổ phách - nhổ neo vào khoảng chạng vạng tối. Hắn cần phải chạy đến văn phòng để thu xếp hành trình. Văn phòng chỉ cách đây vài dãy phố thôi.

Hắn phóng ra cửa và chạy xuống đường. Hắn huých người này, thúc người kia, cố len lỏi trong đám đông đặc nghịt đang tràn ngập khắp phố xá lúc giữa trưa. Tội nghiệp cho Starkington quá, hắn vẫn hằng thương mến người bạn ấy biết bao! Hanover, con người nhẹ nhàng, trí thức lúc nào cũng xúc động, náo nức khi nghĩ đến vấn đề tội ác trong thế giới hỗn loạn này!

Còn Lucoville nữa, hẳn sẽ chẳng còn bao giờ cầu nhau về chuyện thức ăn nữa rồi!

Các văn phòng hàng hải nằm ở phía bên kia đường. Chẳng ngó trước ngó sau, hắn nhảy phắt xuống lòng đường, chẳng chú ý đến một chiếc xe ngựa chở bia khổng lồ đang chồm về phía hắn. Có ai đó trên hè phố la hét thất thanh. Người đánh xe giật nảy người lên và bật ra tiếng chửi thề. Hắn sợ điên lên, mím môi mím lợi hết sức ghì cương lại, nhưng không kịp nữa rồi. Hốt hoảng vì cái bóng ma bé nhỏ trước mắt và điên tiết vì bị giật sái hàm thiếc về phía sau, hai con ngựa màu xám tro giống nhau như đúc vung chân đá loạn xạ. Haas bị đốn ngã dưới trận vó ngựa tới tấp rơi xuống. Trước khi nhắm mắt, hắn chỉ kịp nhận ra một cơn đau không chịu đựng nổi và ngạc nhiên không hiểu vì sao mình phải chết khi còn quá xa cái bãi biển với hàng cộ viền quanh, quá xa cái mục tiêu chinh phục cuối cùng của hắn.

* * * * *

Họ cùng thỏa thuận với nhau sẽ sống những ngày cuối cùng của năm đời định mệnh này trên đảo. Nơi đây, Pazini, Rita và Hall đang sống rất mộc mạc. Họ tự nấu nướng lấy, tự kéo nước để dùng, tự xuống biển tìm thức ăn như những người bản xứ cư ngụ ngày xưa trên đảo đã làm. Thật lạ là, họ lại thấy sống như thế thật thú vị, nó giống như một thay đổi có tính chất thư giãn sau những ngày sống nháo nhào trên đất liền. Tuy nhiên mỗi người hiểu rằng đây chỉ là sự lẩn trốn khỏi những vấn đề hằng theo đuổi họ, một sự lẩn trốn mang tính chất tạm bợ.

Hall ngạc nhiên nhận thấy rằng sự cảm mến anh vốn dành cho Pazini giờ lại được khôi phục mỗi ngày một ít, mặc dù đầu óc anh vẫn còn lưu lại những ấn tượng kinh hoàng về cái chết của Starkington. Sự hồi tưởng đó đang ngày một phai nhạt dần, nó lùi xa thăm thẳm trong một góc sâu kín trong tâm trí anh cho đến khi nó chỉ còn hiện ra như một cảnh tượng trong cuốn sách đọc từ thuở xa xưa nào, mà giờ đây anh chỉ còn nhớ mang máng, hay như một bức bích họa xem trong một phòng triển lãm tranh lù mù đã lâu không còn nhớ nữa.

Pazini không bao giờ lẩn tránh phần công việc nội trợ giao cho mình, ông cũng không viện lý lẽ địa vị hay tuổi tác ra để lấy cớ điều khiển hay chỉ huy. Ông lúc nào cũng sốt sắng giúp đỡ việc câu cá hay bếp núc, và cái thái

độ trầm tĩnh khoan thai của ông thường làm Hall thắc mắc tự hỏi không hiểu cảnh tượng hải hùng ở vực nước xoáy có thực sự xảy ra không. Thế nhưng mỗi ngày, theo từng tờ lịch rơi xuống, người đàn ông bé nhỏ lại càng lui về với chính mình. Đến bữa ăn ông ngồi lặng lẽ và mỗi ngày một tỏ ra ưu tư hơn, những công việc ông chọn làm bây giờ là những công việc chỉ dành cho một người. Càng ngày ông càng dành nhiều thời gian hơn để tha thần trên bãi biển, phóng tầm mắt qua khoảng trời nước vặng lặng về hướng đất liền như thể chờ đợi một điều gì.

Chính vào buổi chiều tối trong ngày cuối cùng của thời hạn, ông đến chỗ Hall, lúc đó anh đang lom khom xúc một loài cua rất ngọt thịt làm hang trong mấy cái vũng nhỏ. Mặc dù giọng nói rất khoan thai, gương mặt ông lộ vẻ căng thẳng.

- Hall này, anh chắc chắn đã đánh điện cho Haas chứ?

Hall ngạc nhiên ngẩng lên.

- Đương nhiên rồi. Sao ông hỏi thế?

- Tôi không thể đoán được tại sao hấn không đến.

- Có lẽ do một hoàn cảnh nào đó ngoài ý muốn của hấn. - Hall ngó đăm đăm ông - Ông biết mà, hấn là người cuối cùng của Văn phòng Âm sát.

Gương mặt của Pazini không hề lộ một chút cảm xúc nào khi ông quan sát gương mặt rám nắng của chàng trai đang lom khom dưới nước.

- Đương nhiên là nếu không kể tôi - Ông lặng lẽ nói và xoay người đi về hướng lều.

Hall đưa mắt nhìn theo bóng Pazini một lúc, và rồi anh nhún vai trở lại với công việc của xúc cua. Khi nhìn thấy chiếc giỏ mây đã đầy cua, đủ để nấu một bữa tối ngon lành, anh thẳng người đứng dậy và xoa xoa chiếc lưng đã mỏi nhừ. Chúng ta thấy đều đã sống căng thẳng quá, nhưng chỉ còn lại một ngày cuối cùng hôm nay nữa thôi, anh thấy toại nguyện, nhưng rồi anh khẽ cau mày. Dù sao đi nữa, chắc chắn anh sẽ rất nhớ hòn đảo này.

Khi anh trở về túp lều, vàng dương đã ngả dần sau những ngọn đồi xanh xanh trên đất liền. Anh đặt giỏ cua còn sống đang bò lổm ngổm xuống gian bếp nhỏ và đi ra phòng khách. Rita đang chăm chú hết mức vào cuộc nói chuyện với cha, khi thấy anh bước vào, cả hai người đều đột ngột dừng câu chuyện lại. Rõ ràng họ không muốn bị làm rộn. Cảm thấy hơi bị chạm

tự ái, Hall rời khỏi nhà ngay lập tức và đi xuống bãi biển. Có gì bí mật chẳng? Anh chưa chát nghĩ khi đặt chân lên nền cát ẩm. Bí mật gì vào cái giai đoạn muộn màng như lúc này?

Khi anh quay về trời đã xập tối. Pazini đang ở trong phòng riêng, chăm chú viết gì đó trên bàn, ngọn đèn hắt lên bức tường lợp tranh cái bóng của ông nhìn nghiêng nghiêng. Rita ngồi bên một chiếc đèn con, đang bện một chiếc thảm chùi chân nhỏ bằng lá cọ. Hall buông người xuống chiếc ghế trước mặt cô, và lặng lẽ ngắm đôi tay mạnh mẽ của cô thoăn thoắt làm việc trong một lúc. Cô không nở nụ cười đón anh như mọi khi.

- Rita.

Cô ngẩng lên, mặt đanh lại, đôi mắt dò hỏi.

- Gì thế, Winter?

- Rita này - Anh hạ thấp giọng - Đây là ngày cuối cùng chúng mình ở đây. Chẳng bao lâu nữa chúng mình sẽ trở về với xã hội văn minh. - Anh ngập ngừng và cảm thấy hơi sờ sọ vì vẻ mặt quá nghiêm trọng của cô - Em có... ưng làm vợ anh không?

- Hẳn nhiên là có. - Đôi mắt cô lại cúi xuống nhìn chiếc giỏ nằm trên lòng, đôi tay cô tiếp tục đan đan bện bện - Em chẳng mong gì hơn là được làm vợ anh.

- Thế còn cha em?

Cô ngẩng lên, trên gương mặt cô không một thớ thịt nào rung động. Đây không phải là lần đầu tiên Hall nhận thấy trên gương mặt thanh tú nhưng cương nghị của cô những nét giống nhau như tạc với gương mặt của người đàn ông tóc vàng.

- Cha em thì sao?

- Ông sẽ làm gì? Văn phong Ám sát sẽ chẳng còn nữa. Ông đã dành một phần lớn đời mình cho nó.

- Ông cụ đã dành cả đời mình cho nó. - Rồi đôi mắt nàng ngược lên, đầy vẻ u ám bí ẩn. Chúng lướt qua vai Hall rồi dừng lại. Hall vụt xoay người lại. Pazini đã bước vào phòng từ bao giờ và đang đứng lặng lẽ một nơi. Đôi mắt của Rita lại quay sang nhìn Hall. Cô cố nở một nụ cười.

- Winter, mình... mình cần một ít nước. Anh có thể...?

- Được ngay.

Anh đứng dậy, vớ lấy chiếc thùng và đi về phía con suối nhỏ ở cuối đảo về phía Bắc. Trăng đã lên, tròn và sáng, tỏa rạng trên con đường đầy những hình bóng nhảy múa chập chờn từ các bụi hoa đang lay động mọc dọc theo hai bên đường. Trái tim anh nặng trĩu, - vẻ nghiêm khắc lạ lùng - gần như là vẻ lạnh lùng trên gương mặt Rita đè nặng lòng anh. Nhưng rồi một ý nghĩ nhẹ nhàng hơn chợt đến. Anh nghĩ, mỗi chúng ta đều phải chịu căng thẳng quá nhiều những ngày vừa qua. Minh hẳn đã làm gì đó khiến nàng suy nghĩ, chỉ có trời mới biết được! Chỉ một ngày nữa thôi họ sẽ có mặt trên tàu, và vị thuyền trưởng sẽ tác hôn cho họ. Họ sẽ thành vợ chồng! Anh múc đầy thùng nước và quay về nhà, vừa đi vừa khẽ huýt sáo.

Lu nước đặt trong nhà bếp. Anh dốc ngược thùng và đổ nước vào lu, nước tràn cả ra ngoài, bắn tung tóe xuống đôi chân trần của anh. Lu đã đầy ắp nước từ trước. Một nỗi sợ hãi đột ngột bao trùm lấy anh, anh ném thùng nước xuống và phóng lên phòng khách. Rita vẫn ngồi lặng lẽ làm việc, nhưng mặt cô đầm nước mắt. Một xấp giấy nằm trên chiếc bàn trước mặt cô, trông có vẻ quăn queo và nặng nề dưới ánh đèn.

- Rita, em! Chuyện gì...?

Cô gắng làm tiếp công việc nhưng suối nước mắt cứ trào dâng mỗi lúc một nhanh hơn đến nỗi cô quăng chiếc thảm đang bên dờ đi và ngã vào vòng tay mở rộng của Hall.

- Ôi, Winter ơi...!

- Chuyện gì thế? Chuyện gì thế hở em? - Lòng anh chợt cảm thấy nghi ngờ, anh xoay mặt nhìn về hướng phòng Pazini. Căn phòng tối đen, nhưng ánh trăng tràn vào từ cánh cửa sổ mở ngỏ soi lên chiếc giường trống không ai nằm. Anh lao về phía cửa, nhưng Rita đã níu chặt cánh tay anh.

- Đứng, đừng đi anh ơi! Hãy đọc cái này đã!

Anh khựng lại, còn ngần ngừ lưỡng lự, nhưng bàn tay cô siết chặt cánh tay anh đã ra lệnh buộc anh tuân theo. Mắt cô ngược lên chạm vào ánh mắt anh còn ràn rụa nước mắt, nhưng chúng chứa đầy một sự quả quyết cao độ. Anh từ từ buông lỏng người và vớ lấy cuộn giấy. Trong khi anh đọc thư, Rita quan sát khuôn mặt anh, đôi mắt cô lướt từ vàng trán rộng xuống tận chiếc cằm rắn rỏi, chăm chú ngắm nhìn từng đường nét của người đàn ông sẽ mãi mãi là nơi nương tựa duy nhất của cô.

“Hai con thương yêu,

Cha không thể đợi lâu hơn nữa. Haas đã không đến và thời hạn của cha đã kè.

Các con hãy cố hiểu cho cha và - như Hall đã nói - sự điên khùng của cha. Bây giờ cha nói về hành động của cha phải làm. Với tư cách là người đứng đầu của Văn phòng Âm sát, cha đã nhận thi hành một nhiệm vụ, nhiệm vụ này sẽ được hoàn thành. Văn phòng chưa hề thất bại và giờ đây nó sẽ không thể thất bại. Sự thất bại sẽ phủ nhận tất cả những gì nó hằng đại diện. Cha đoán chắc rằng chỉ có cái chết mới có thể ngăn cản Haas không cho hắn hoàn thành nhiệm vụ, tuy nhiên trong tổ chức, trách nhiệm luôn luôn được chuyển từ người này đến người khác. Là thành viên cuối cùng của Văn phòng, cha phải nhận lấy trách nhiệm đó.

Nhưng cha không nhận lãnh trách nhiệm với tâm trạng bi ai ảo não. Văn phòng là cuộc đời cha, và nay nó đã tan rã thì Carlos Pazini cũng sẽ tan rã theo. Cha cũng không nhận nó với mặc cảm tội nhục, hành động cha sẽ làm đêm nay là biểu hiện của niềm tự hào phơi phới. Có lẽ cha và các thành viên Văn phòng Âm sát đã sai - Hall à, đã có lần con thuyết phục được cha tin rằng Văn phòng đã sai. Thế nhưng toàn thể thành viên không bao giờ làm sai vì những chuyện sai trái - thậm chí - ngay trong chính sự sai lầm của Văn phòng cũng có điều chính đáng.

Cha và các thành viên không phủ nhận việc đã giết người, và đã giết nhiều người. Nhưng điều kinh khủng trong việc giết người không phải do số lượng nạn nhân bị giết, mà do chất lượng. Đối với nhân loại, tội giết một cá nhân Socrates [2] thôi là tội ác có mức độ kinh khủng gấp nhiều lần tội tàn sát hàng muôn vạn giống man di, thế nhưng có ai thật tình tin tưởng điều này. Công chúng - giả sử họ biết - khi ấy sẽ thét lên nguyên rửa Văn phòng, mặc dù họ đã tốn ngần ấy công sức để tán dương đến tận trời xanh các hình thức giết người mù quáng, chẳng lợi ích gì cho ai.

Các con hoài nghi ư? Hãy dạo qua các công viên, các quảng trường và các khu thị tứ trong các thành phố lớn của chúng ta. Các con có thấy tượng đài nào được dựng lên để tưởng niệm Aristotle [3]? Hay Paine [4]? Hay Spinoza [5] không? Không! Những khoảng đất ấy lại được dành để dựng tượng các á thần á thánh [6], gươm lăm lăm trong tay, những người đã đẩy

nhân loại lao vào tất cả các cuộc thập tự chinh đầm máu trong thời mông muội. Cuộc chiến tranh gần đây với Tây Ban Nha hẳn sẽ chiếm dụng dăm ba khoảng đất ít ỏi còn sót lại, cả ở đây lẫn ở Tây Ban Nha, để dựng tượng những anh hùng trên lưng ngựa đang giơ cánh tay khát máu lên vẫy chào, và màu tượng đồng bất tử sẽ đời đời ghi lại chiến thắng của bạo lực trong cuộc chiến nhằm phục vụ trí tuệ của nhân loại.

Thế nhưng cha công nhận rằng cha và các thành viên đã sai. Tại sao? Bởi vì sâu thẳm từ trong bản chất sự việc, toàn bộ thành viên Văn phòng đã sai lầm. Toàn thể giới phải cùng nhận thức ra được trách nhiệm chung của mình trong việc bảo vệ lẽ công bằng, công việc đó không thể tồn tại như mục tiêu hành động của một thiểu số chọn lọc nào đó - một thiểu số tự chọn lọc. Thậm chí như hiện nay, khi tiếng náo động từ Châu Âu dội lại báo hiệu một tai họa khủng khiếp hơn bất kỳ tai họa nào đã phủ chụp lên đầu nhân loại, sự cứu rỗi phải được phát sinh từ nền đạo đức lớn hơn mọi nền đạo đức chúng ta đã đưa ra. Sự cứu rỗi phải được phát sinh từ mạch luân lý không ngừng phát triển trong lòng chính bản thân nhân loại.

Thế nhưng, sẽ có một mối hoài nghi, một băn khoăn. Giả sử mạch luân lý ấy không tuôn ra thì sao? Khi ấy, trong một thế hệ tương lai xa xôi nào đó, Văn phòng Ám sát hẳn sẽ được tái sinh. Vì từ những cái chết mà người ta có thể đặt đến của Văn phòng, có thể rút ra nguyên tắc sau đây: không một ai phải chết oan ức cả. Không ai chết mà lại không làm lợi cho nhân loại. Chẳng hiểu nguyên tắc đó sẽ được áp dụng đối với những người khi chết đi sẽ được dựng tượng trong các quảng trường sau khi chiến thắng các cuộc chiến tranh “cuối cùng” kế tiếp này hay không nữa?

Nhưng thời hạn đã hết. Hall, tôi yêu cầu anh bảo vệ cho Rita. Nó là cuộc sống mà tôi đã truyền lại cho thế gian này, là bằng chứng khẳng định rằng không có người nào, dù đúng hay sai, có thể ra đi mà không để lại dấu tích.

Nụ hôn cuối cùng gửi đến Rita. Cái bắt tay cuối cùng gửi đến anh, người bạn của tôi.

P”.

Hall thôi đọc, ngược lên, mắt anh tìm kiếm gương mặt kiêu diễm của người thiếu nữ anh yêu mến.

- Em không thể ngăn cha lại sao?

- Không. - Đôi mắt cô đắm đắm nhìn anh, đầy vẻ dũng cảm - Trọn cuộc đời, cha đã làm tất cả cho em, chiều em từng ý muốn nhỏ nhất nhất. - Mắt cô mờ lệ, môi cô run run, cổ đề nén xúc động - Em thương cha vô cùng! Em chẳng có cách nào khác để đền ơn cha cả.

Hall ôm cô vào lòng, lòng tràn ngập sự khâm phục sức mạnh của cô. Cô bỗng đột nhiên không chịu nổi sự ức chế quá lớn và bật khóc òa lên, vừa khóc vừa siết thật chặt cánh tay Hall.

- Ôi Winter ơi, em có sai lầm không? Em có sai lầm không? Em có nên van nài cha chớ vong mạng hay không?

Hall ôm chặt cô trong lòng, vỗ về an ủi. Qua cánh cửa mở ngỏ, anh dõi mắt nhìn về phía mặt biển phẳng lặng sáng lên dưới ánh trăng rục rờ. Một cái bóng vụt qua tâm trí anh, một bóng người bé nhỏ ở đằng xa tít tắp đang thanh thản khom người trèo thuyền, con thuyền lặng lẽ lướt về phía trung tâm dòng nước để chờ đợi vực Huku Kai. Anh không biết chính mắt mình trông thấy hình bóng đó hay chỉ tưởng tượng ra nó thôi, nhưng bất thành linh dường như từ chiếc xuồng đang trôi đi xa mãi, có một cánh tay giơ lên và vui vẻ vẫy chào.

- Không, - Anh ôm siết cô vào lòng chặt hơn và cuồng nhiệt nói

- không, em yêu. Em không sai đâu.

Chú thích:

[1] Poi: Một món ăn đặc sản ở Hawaii, làm từ rễ cây khoai sọ đâm nhuyễn ra và nhồi lại cho dính, rồi cho lên men.

[2] Socrates (tiếng Hy Lạp: Σωκράτης Sōkrátēs) là một triết gia Hy Lạp cổ đại, người được mệnh danh là bậc thầy về truy vấn. Về năm sinh của ông hiện vẫn chưa có sự thống nhất giữa năm 469 hay 470. (469–399 TCN), (470–399 TCN). Ông sinh ra tại Athena, tức Hy Lạp, và đã sống vào một giai đoạn thường được gọi là hoàng kim của thành phố này. Thời trẻ, ông nghiên cứu các loại triết học thịnh hành lúc bấy giờ của các “triết học gia trước Socrates”, đó là nền triết học nỗ lực tìm hiểu vũ trụ thiên nhiên chung quanh chúng ta.

[3] Aristotle (384 - 322 Trước Công Nguyên): Triết gia Hy Lạp, học trò của Platon. Ông là cha đẻ của logic suy diễn, đặc trưng bởi phương pháp

suy luận ba đoạn.

[4] Thomas Paine (1737 - 1809): Nhà cách mạng yêu nước người Mỹ, sinh tại Anh quốc. Ông vừa là nhà tư tưởng có đầu óc chính trị, vừa là nhà văn lớn.

[5] Baruch Benedict Spinoza (1632 - 1677): Triết gia Hà Lan, cha đẻ của triết lý cho rằng chỉ có một thực thể duy nhất tồn tại là Thượng Đế. Thực thể này thì có hai mặt: tư tưởng và sự mở rộng.

[6] Nguyên văn là “Demigod”: Người một phần là người, một phần là thần (trong thần thoại Hy Lạp), thường là con trai của một vị thần và một phụ nữ trần tục (Ví dụ Hercules).

HẾT

23) Vua Hủi Koolau

Nguyên tác: Koolau The Leper

Dịch giả: Lê Vỹ

Chỉ vì chúng ta mắc bệnh mà họ đã tước đoạt tự do của chúng ta. Chúng ta đã tuân thủ luật pháp. Chúng ta không làm điều gì sai quấy. Vậy mà họ đã nhốt chúng ta vào tù. Các bạn cũng biết rồi đấy, Molokai là một hòn đảo ngục tù. Coi Niuli kia kìa, cách đây bảy năm, chị cậu ta bị đưa đến Molokai; từ bấy đến nay, cậu ta chưa gặp lại và sẽ không bao giờ còn gặp lại chị mình nữa. Chị ấy phải ở đó cho đến mãn đời. Chị ấy đâu muốn vậy; Niuli cũng đâu muốn vậy; đó là ý muốn của những người da trắng cai trị xứ này, nhưng những người da trắng đó là ai vậy?

"Chúng ta biết... ông chúng ta, rồi cha chúng ta đã nói lại cho chúng ta biết... Họ đến, nói năng nhỏ nhẹ, hiền lành cứ như những con cừu... Họ phải nói năng nhỏ nhẹ, vì lúc ấy chúng ta đông và mạnh, và toàn bộ các đảo ở đây là của chúng ta... Vâng, như tôi vừa nói, họ nói năng một cách nhỏ nhẹ, dịu dàng... Họ gồm hai loại: Một loại nài nỉ xin chúng ta cho phép họ giảng giải những lời răn của Chúa, và loại kia cũng nài nỉ xin chúng ta cho phép họ buôn bán với chúng ta. Lúc đầu là như vậy. Còn bây giờ, toàn bộ đất đai, toàn bộ các đảo, toàn bộ gia súc, tất cả đều là của họ. Những người rao giảng lời Chúa và những người rao giảng lời của rượu Rhum đã bắt tay nhau và họ đã trở thành những ông chủ lớn. Họ sống như vua chúa trong những ngôi nhà có rất nhiều phòng, có rất nhiều đầy tớ phục dịch. Từ chỗ không có gì, nay thì họ có mọi thứ, và nếu như các bạn, hoặc tôi, hoặc bất kỳ một thổ dân nào khác bị đói, họ sẽ cười khẩy và bảo: Đồn điền đấy, sao không đến đó làm?".

Koolau dừng lại. Anh đưa bàn tay với những ngón tay ngắn ngủn, cong vẹo nâng cao vòng hoa dâm bụt trên đầu. Ánh trăng rải một màu bạc lên cảnh vật. Đêm nay là một đêm thanh bình dấu cho tất cả những người tàn phế ngồi quanh nghe anh nói đường như đang sẵn sàng xông pha chiến trận. Ngoại thể của tất cả mọi người đều biến dạng; trên gương mặt người này là

một hốc sâu nơi vốn là lỗ mũi; ở người kia là một khúc tay đã rụng mất bàn tay. Có khoảng ba mươi người, cả đàn ông và đàn bà, tất cả đều bị gạt ra ngoài lề xã hội vì họ đã bị đóng dấu thú vật.

Dưới ánh trắng vàng vạc và trong bầu không khí thoang thoảng hương các loài hoa dại, trang điểm bằng những vòng hoa đội trên đầu, họ ngồi, máy môi phát ra những âm thanh kỳ dị và từ cổ họng họ vang lên những tiếng hậm hực bày tỏ sự tán đồng những lời của Koolau. Họ là những sinh vật đã từng là người, đã từng là những người đàn ông, những người đàn bà, nhưng nay thì họ không còn là đàn ông hay đàn bà nữa mà là những quái vật mang dáng dấp của con người. Họ bị tàn khuyết, biến dạng một cách ghê rợn, trông cứ như những sinh vật đã trải qua hàng ngàn năm bị tra tấn, bị đọa đày dưới địa ngục. Những bàn tay của họ - khi còn là của họ - trông giống như móng vuốt của một loài yêu quái; gương mặt họ méo mó, lệch lạc dường như đã do một vị tà thần nào đó bóp nặn ra khi chơi đùa trên cỗ máy tạo dựng cuộc sống. Đó đây là những đường nét mà vị tà thần bôi quệt nửa vờ, và kia là một người đàn bà để tuôn ra những giọt nước mắt nóng hổi từ hai cái hốc đen ngòm nơi đã từng là đôi mắt của chị. Một vài người đang đau đớn vật vã, để thoát ra nhưng tiếng khò khè từ lồng ngực; một số người khác ho let khẹt từng tràng, tạo thành những âm thanh lục đục nghe như tiếng xé lụa. Có hai người đàn độn, tướng tá trông giống như những con dã nhân dị hình mà so với họ, một con dã nhân thật sự còn đẹp hơn nhiều. Đầu đội những vòng hoa đã tàn héo, dưới ánh trắng, họ nhẩn mặt, lập bập môi như muốn nói chuyện với nhau. Một trong hai người có vành tai sưng phồng lên như cánh quạt, thông xuống chạm tới vai; hẳn ta gắn vào cái vành tai khổng lồ đó một đoá hoa màu đỏ sậm và làm nó đong đưa bằng những cử động lắc lư của mình.

Và tất cả những con người đó đã quần tụ lại quanh Koolau, coi anh như là Vua của họ, và đây là vương quốc của anh, một hẻm núi với ba mặt là những vách đá cheo leo hiểm trở mọc dày các loài cây nhiệt đới và rải rác những hang động thâm u mà các thần dân của anh dùng làm nơi trú ngụ cho mình. Ở mặt còn lại, đất sụp xuống thành một cái vực sâu thăm thẳm, xa xa bên dưới là những ghềnh đá ăn lan ra vịnh biển quanh năm sóng vỗ ì oàm. Vào những lúc trời quang mây tạnh, tàu bè có thể cập vào bãi đá dẫn đến lối

lên hẻm núi Kalahau, nhưng phải là vào những lúc thật tốt trời mới được. Một người leo núi gan dạ có thể leo từ bãi biển lên tới hẻm núi Kalahau, đến tận các đỉnh núi trong vùng c quản của Koolau, nhưng một người leo núi như vậy phải hết sức bình tĩnh và đồng thời phải biết rõ các lối mòn do những đàn dê núi qua lại tạo thành. Điều kỳ lạ là gần như tất cả thần dân tàn phế của Koolau đã lê được tám thân tàn của họ theo những lối mòn chổng mặt đó để tới được nơi hiểm trở này.

"Các anh em," Koolau hắng giọng, nhưng một trong hai người có bộ dạng dã nhân đã nhăn mặt rú lên như điên loạn, và Koolau phải dừng lại một lúc lâu chờ cho những tiếng vọng từ các vách đá lắng hẳn xuống; giọng trầm lắng, anh nói:

"Các anh em, anh em không thấy lạ sao, của cải của chúng ta là đất đai, vậy mà giờ đây đất đai lại không còn là của chúng ta! Những người rao giảng lời Chúa và những người rao giảng lời của rượu Rhum đã mang lại cho chúng ta những gì để đổi lấy đất đai của chúng ta? Đã có người nào trong các bạn nhận được đồng nào của họ để nhường đất đai của mình lại cho họ chưa nào? Đã vậy, họ còn nói là chúng ta được phép đến làm lụng trên đất đai đó, đất đai của họ, và những gì mà chúng ta đổ mồ hôi sôi nước mắt làm ra sẽ là của họ. Hồi trước chúng ta đâu bị buộc phải làm lụng cực nhọc; lại nữa, khi chúng ta mắc bệnh, họ tước đoạt ngay tự do của chúng ta...".

"Ai đã mang căn bệnh này tới đây vậy, Koolau?"- Kilolilma hỏi. Kiloliana là một người gầy gò nhưng dẻo dai có gương mặt trông giống như gương mặt của vị thần đồng áng ¹ đang cười; nhìn gương mặt anh, người ta có cảm giác như sẽ nhìn thấy đôi chân của loài móng guốc nếu nhìn xuống chân anh, và quả đúng là như vậy, do những vết loét hoại thư, đôi bàn chân anh tẽ hai ra và co rút lại trông giống hệt như chân của loài móng guốc. Mặc dầu vậy, Kiloliana lại là người leo núi giỏi nhất; anh biết rành rả các con đường mòn mà những đàn dê núi thường đi và anh chính là người đã hướng dẫn Koolau cùng đoàn người của anh lên đến những nơi hiểm trở nhất trong hẻm núi Kalahau này.

"Hay, câu hỏi hay lắm!" Koolau đáp. "Bởi vì chúng ta không chấp nhận làm lụng trên những cánh đồng mía nơi trước đây vốn là những đồng cỏ mà chúng ta chăn thả ngựa, bọn người da trắng ấy đã đem dân phu người Hoa từ xa tới, và cùng với họ là bệnh phong cùi; chính căn bệnh đó đã lây sang chúng ta và khi chúng ta mắc bệnh, họ đã nhốt chúng ta trên đảo Molokai. Chúng ta sinh ra ở đảo Kauai. Chúng ta đến sinh sống ở khắp các đảo khác trong vùng, từ Oahu, Maui tới Hawaii, Honolulu nhưng chúng ta luôn luôn trở về Kauai. Tại sao lại trở về Kauai? Bởi vì chúng ta yêu Kauai; chúng ta được sinh ra và đã lớn lên ở Kauai, và chúng ta cũng sẽ chết ở Kauai, trừ phi... trừ phi... giữa chúng ta có những con người hèn yếu. Đó là điều không ai muốn. Những người đó cam chịu sống cuộc sống tù đầy trên đảo Molokai, và nếu có những con người như vậy, chúng ta hãy coi như họ không tồn tại. Ngày mai bọn lính sẽ đổ bộ lên bờ biển. Chúng ta cứ để cho những kẻ ươn hèn xuống dưới ấy với chúng và chúng sẽ đưa họ về Molokai ngay lập tức. Còn chúng ta, chúng ta sẽ ở lại và chiến đấu. Hãy biết rằng chúng ta sẽ không chết. Chúng ta có súng. Chúng ta biết những lối mòn hẹp mà nếu muốn leo lên, bọn chúng phải bò từng người một. Tôi, Koolau, tôi vốn là người chăn bò ở Niihau, một mình tôi có thể giữ một trong những lối mòn đó để chống trả lại cả ngàn người xâm nhập... Còn đây là Kapahei, một người đã từng là quan toà xét xử những người khác, một người đã từng có danh vị, nhưng nay anh ấy là một con chuột bị săn đuổi cũng giống như tôi, giống như các anh em. Anh ấy là người hiểu biết, anh em hãy nghe anh ấy nói..."

Kapahei đứng dậy. Trước kia anh đã từng là quan toà. Anh đã từng tọc ở Punahau, đã từng hội họp với quý ngài lãnh đạo và đại diện cao cấp của các cường quốc xa lạ để bảo vệ quyền lợi cho những thương nhân và những nhà truyền giáo. Kapahei đã từng như vậy, nhưng giờ đây - như Koolau vẫn nói - anh là một con chuột bị săn đuổi, một sinh vật bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, bị chìm đắm trong vũng lầy khủng khiếp của loài người khiến cho anh vừa phải đứng trên luật pháp, lại vừa bị nó lăm le nhấn xuống đến tận đáy. Gương mặt anh không có đường nét gì đặc biệt ngoại trừ lỗ mũi, lỗ miệng trông hoác và đôi mắt trụi cả lông mi, lông mày. "Chúng ta không có gì phải lo", anh bắt đầu nói; "Chúng ta đòi hỏi họ cứ để mặc chúng ta tự lo

liệu, nhưng nếu họ không để mặc chúng ta, thì đó là chính họ đã tự chuốc lấy điều phiền toái, và do đó họ phải bị trừng phạt. Như các bạn thấy đây, mấy ngón tay của tôi đã rụng cả rồi" - anh đưa tay lên cho mọi người nhìn thấy - "tôi chỉ còn một lóng của ngón tay cái ở bàn tay trái, với lóng ngón tay này tôi vẫn có thể ngoéo cò súng như trước đây khi các ngón kia vẫn còn. Chúng ta yêu đảo Kauai. Chúng ta phải sống ở đây, hoặc chết ở đây, chứ nhất định không để bị giam hãm trên đảo Molokai. Căn bệnh này đâu phải của chúng ta; chúng ta đâu làm gì nên tội; khi đem những dân phu đến lao dịch trên đất đai cướp của chúng ta, bọn người rao giảng lời Chúa và lời của rượu Rhum đã đem theo cả căn bệnh này. Đã từng là quan toà, tôi biết luật, biết lẽ phải, và tôi xin tuyên bố với các bạn: tranh cướp đất của người ta, gieo rắc bệnh cho người ta rồi giam hãm người ta suốt đời trên đảo tù, đó là những hành vi bất công".

"Đời người thì ngắn ngủi mà chuỗi ngày đó lại chất chứa khổ đau", Koolau nói. "Chùng nào còn có thể được, chúng ta cứ ăn uống, cứ nhảy múa, cứ sống cho thật vui lên...".

Từ một trong những hang đá trên vách núi, những vỏ bầu khô được đưa ra và chuyên quanh; trong các vỏ bầu ấy là thượ mạnh được chưng cất từ rễ cây huyết rồng, và khi thứ rượu cháy bỏng ấy trôi qua cuống họng và bốc lên đầu, họ quên hết những bất hạnh đang đè nặng lên cuộc đời họ, và họ lại là những người đàn ông, những người đàn bà, lại là những con người với những khát vọng tự do và yêu thương của con người. Người đàn bà có đôi hốc mắt lúc nào cũng tuôn chảy những giọt lệ nóng quả thật là một người tràn trề sức sống khi chị vẫn búng đàn ukulele vừa cất lên tiếng hát man dã dường như vọng ra từ những cánh rừng thâm u của thời nguyên thủy. Không khí như rung lên trong tiếng hát thiết tha và lời cuốn của chị. Trên một manh chiếu, Kiloliana lắc lư thân mình theo nhịp điệu lời ca; trong từng động tác của anh, tình yêu như cất cánh, và rồi, cùng nhảy múa với anh trên manh chiếu là một phụ nữ to béo có bộ ngực núng nính như muốn che khuất gương mặt đã bị ăn ruỗng; đó là điệu nhảy của những xác chết còn sống, bởi vì ẩn tàng bên trong cái thân xác đang bị hủy hoại của họ là ngọn lửa tình yêu và đấu tranh vẫn đang bùng cháy. Chùng nào người đàn bà mù có đôi dòng lệ nóng tuôn ra từ hốc mắt còn hát, chùng nào những

người khiêu vũ còn nhảy múa điệu múa tình yêu trong đêm nồng ấm, và chùng nào bầu rượu vẫn còn được chuyền quanh, thì trong óc họ vẫn còn cháy bỏng những ký ức và mơ ước. Và trên cùng manh chiếu với người đàn bà đang hát là một cô gái vóc người thon thả có gương mặt xinh đẹp chưa bị tàn phá, nhưng những cánh tay co rút co duỗi không ngừng của cô cho thấy cô đang bị căn bệnh hành hạ. Cả hai con người đàn độn miệng lúc nào cũng rú rít, lập bập những tiếng kêu vô nghĩa cũng uốn vặn người theo tiếng hát như thể họ cũng tha thiết sống, tha thiết yêu thương.

Nhưng tiếng hát chất chứa yêu thương của người phụ nữ mù bỗng dừng tắt ngấm, các bầu rượu đã cạn và những người nhảy múa cũng ngừng lại, tất cả đều hướng về phía vực biển vừa bùng lên chùm pháo sáng ma quái nhợt nhạt dưới ánh trăng bàng bạc.

“Lính đó”, Koolau nói. “Sáng mai bọn chúng sẽ kéo lên. Giờ thì chúng ta hãy đi ngủ và chuẩn bị chiến đấu là vừa.”

Nghe theo lời anh, những người hủi lần lượt bò vào những hang động của họ, cho đến khi chỉ còn lại Koolau một mình ngồi bất động dưới ánh trăng, khẩu súng gác ngang đùi; ánh mắt hướng về phía những chiếc thuyền đang cập vào bờ biển.

Đầu kia của hẻm núi Kalahau đã được chọn làm nơi ẩn náu. Ngoại trừ Kiloliana, người biết rõ những lối mòn lẫn khuất trên các vách núi dựng đứng, không ai có thể lên tới được hẻm núi này mà không phải lần lên theo triền núi hẹp như sống dao kia. Dải triền núi dốc đứng chạy dài trên một trăm thước, và nơi rộng nhất cũng không quá nửa thước bề ngang. Ở một bên dải đường đó, vực biển há ra sẵn sàng nuốt chửng kẻ nào chệch chân, nhưng một khi đã vượt qua được, y sẽ thấy như mình lạc vào chốn thiên đường nơi trần thế. Dập dờn trên các vách đá là biển cây xanh trải rộng với những bụi dây leo vươn ra che phủ các mỏm đá, và rải rác trong các kẽ đá là những bụi phong lan chen giữa đám dương xỉ ken dày. Trong suốt những tháng chiếm lĩnh nơi này, Koolau và thuộc hạ đã phải chiến đấu với biển cây xanh ấy, đã đẩy lùi cả một vạt rừng dày để lấy chỗ cho đám chuối, cam, xoài rừng vươn dậy. Trên những khoảnh đất nhỏ vừa khai phá, họ cắm xuống những bụi giống riêng; trên những nền đất cao còn lởn lóan đá giữa những vạt khoai sọ, những dây dưa bò lan, và trên những khoảnh đất quang

quê, mọc lên những thân đu đủ quả đeo lúc lỉu. Từ thung lũng cạnh bờ biển bên dưới, Koolau đã lên đến cứ điểm này và nếu cần, anh còn có thể lên đến những cứ điểm vững chắc hơn trên những đỉnh núi chón chở phía sau, ở đó anh có thể sống với những thân dân của mình và lãnh đạo họ.

Trời đã sáng rõ; nằm dài dưới một lùm cây rậm, với khẩu súng đặt bên cườn, Koolau phóng ánh mắt qua kẽ lá ken dày, chăm chú quan sát đám lính đóng trên bãi biển. Anh nhận ra những khẩu súng lớn sáng lấp lóa dưới ánh mặt trời. Dải triền núi hẹp như sống dao nằm ngay phía trước mặt anh, và anh nhìn thấy những đốm người đang lúi húi lần theo con dốc để leo lên dải triền núi ấy. Anh biết đó không phải là bọn lính, mà là bọn cảnh sát, và bọn lính chỉ vào cuộc khi nào đám cảnh sát thất trận.

Anh đưa tay âu yếm vuốt nhẹ nòng súng và biết chắc các ống ngắm gắn trên thân súng vẫn sáng rõ. Anh đã từng học bắn súng với một tay thợ săn thú rừng ở Niihau, và ở trên hòn đảo ấy, người ta vẫn chưa quên tài thiện xạ của anh. Khi những đốm người bên dưới dò dẫm tiến lên gần hơn và có thể thấy rõ hơn, Koolau ước lượng tầm bắn, phán đoán sức gió bạt ngang đường đạn và suy tính từng điểm đến của đích ngắm. Nhưng anh không bắn, và ngay khi toán cảnh sát đã leo lên đến chân dải triền núi hẹp, anh vẫn chưa bắn để tránh cho khỏi lộ nơi anh đang ẩn mình. Từ trong lùm cây rậm, anh quát hỏi:

"Các anh muốn gì?".

"Bắt thằng hủi Koolau," một tên Mỹ mắt xanh chỉ huy toán cảnh sát địa phương lớn tiếng đáp.

"Các anh phải quay xuống ngay!", Koolau hét to.

Anh biết tên Mỹ đó; hắn là Phó cảnh sát trưởng, kẻ đã dòn đuổi anh từ đảo Niihau qua đảo Kauai tới thung lũng dưới chân đỉnh Kalahau rồi từ thung lũng lên tới hẻm núi này.

"Mày là ai?", tên Phó cảnh sát trưởng hỏi.

"Tao là thằng hủi Koolau đây!".

"Vậy thì hãy ra đi! Tụi tao muốn bắt mày; người ta đã treo thưởng một ngàn đô la cho người nào bắt được mày, dù còn sống hay đã chết; mày không thoát được đâu!".

Koolau cười rộ lên.

"Ra đi!", viên chỉ huy cảnh sát ra lệnh, nhưng đáp lại lời y là bầu không khí lặng như tờ.

Y quay lại trao đổi với tên cảnh sát bản xứ đứng bên cạnh, và Koolau biết bọn chúng đang chuẩn bị xông lên.

"Koolau", tên chỉ huy gọi. "Tao lên bắt mày đây!".

"Nhưng trước hết mày hãy nhìn bầu trời, mặt đất quanh mày lần cuối!"

"Được thôi, Koolau," viên cảnh sát trầm giọng nói, "tao biết mày bắn giỏi, và cũng biết chắc là mày sẽ không bắn tao; tao chưa hề làm bất cứ điều gì sai đối với mày...".

Trong lùm cây, Koolau nghiêng chặt răng.

Viên cảnh sát tiếp tục lải nhải: "Nghe tao nói đây, Koolau, tao chưa từng làm điều gì sai đối với mày, phải không nào?".

"Mày đã sai khi cố bắt tao vào tù," từ trong bụi rậm, Koolau đáp, "Mày đã sai khi cố bắt tao để lấy món tiền thưởng một ngàn đô la. Muốn sống, mày hãy đứng yên ở đó!".

"Xin lỗi, vì nhiệm vụ, tao phải

"Mày sẽ chết nếu liều mạng xông lên đây!".

Viên Phó cảnh sát trưởng không phải là kẻ non gan, cũng không phải là người do dự. Hắn ngược nhìn vách đá, rồi nghiêng đầu nhìn xuống vực, rồi phóng ánh mắt dọc theo dải triền núi mà hắn phải vượt qua, rồi quyết định.

"Koolau!", hắn gọi.

Thảm cây rừng vẫn im ắng.

"Koolau, đừng bắn, tao lên đây!".

Viên Phó cảnh sát trưởng xoay lại ra mệnh lệnh gì đó cho tên cảnh sát bản xứ rồi dè dặt đặt chân lên dải triền núi hiểm trở. Hắn dò dẫm tiến lên từng bước một trông giống như đang đi trên trên một sợi dây thừng nhưng ngoài không khí, hắn chẳng có điểm tựa nào. Dưới chân hắn, những mảng dung nham vỡ ra, rơi rào rào xuống vực. Hắn phơ mình dưới nắng, mặt ướt đầm mồ hôi. Từng bước từng bước một, hắn dò dẫm tiến lên cho đến khoảng gần giữa dải triền núi.

"Dừng lại!", từ trong lùm cây rậm, Koolau hô to. "Tiến thêm một bước nữa là tao bắn ngay!".

Viên Phó cảnh sát trưởng dừng lại, gượng người giữ thăng bằng trên dải đường cheo leo. Gương mặt hắc trắng bệch nhưng đôi mắt vẫn lộ vẻ cương quyết. Hắc liếm môi khô khốc rồi nói, giọng khản đặc:

"Koolau, tao biết... tao biết là mày không dám bắn tao..."

Vừa nói hắc vừa bước tới, nhưng ngay lúc đó một viên đạn đã xoáy vào người làm cho gương mặt hắc dút tít lại trong nỗi ngạc nhiên đến tột độ và hắc loạng choạng ngã nhào xuống. Hắc cố rướn người bầu vào vách đá, nhưng cái chết đã ập đến. Trong một thoáng, dải triền núi trở lại trống trơn, nhưng liền đó, từ bên dưới đã có năm tên cảnh sát nổi bước nhau theo hàng một tiến lên trong khi những tên còn lại bắn như vãi đạn về phía lùm cây. Bất chấp tiếng đạn réo, Koolau nhả liền năm phát súng liên tiếp rồi khom người luồn qua lùm cây khác. Anh vạch lá nhìn xuống: bốn tên trong toán cảnh sát đã ngã nhào xuống vực theo chân viên Phó cảnh sát trưởng, trên dải triền núi chỉ còn một tên oằn người nằm vắt ngang, hai tay bầu chặt vào các gờ đá; ở bên dưới, đám cảnh sát lộ nhỏ; trên dải đường trần trụi, chúng không thể nấp vào đâu để tiến lên được. Trước khi bọn chúng kịp rút xuống, Koolau vẫn có thể bắn tia mấy tên ở phía sau, nhưng anh không bắn. Sau một lúc hội ý, một tên trong toán cảnh sát này cởi chiếc áo lót trắng phất lên như một lá cờ, rồi cùng với một tên khác lần theo dải triền núi hẹp đến chỗ tên đồng đội bị thương. Koolau đứng yên; anh chăm chú nhìn chúng kéo tên đồng đội bị thương xuống rồi từ từ rút lui cho đến khi chúng chỉ còn là những vết lốm đốm di chuyển vào thung lũng ở dưới thấp.

Hai giờ sau, ẩn mình trong một lùm cây khác, Koolau nhìn thấy một toán cảnh sát từ dưới thung lũng đang lần mò trèo lên ở phía vách núi bên kia. Khi chúng lên cao hơn, anh nhìn thấy mấy con dê núi phóng vụt đi; cảm thấy bất an, anh ra hiệu gọi Kiloliana bò tới gần.

Chăm chú nhìn xuống vách núi, Kiloliana cả quyết: "Bên đó không có lối mòn nào đâu".

"Thế còn mấy con dê kia thì sao?", Koolau

"Chúng từ thung lũng bên kia vượt qua, nhưng chúng không thể nào lên tới đây được đâu. Không có đường nào cho chúng lên đâu. Bọn người kia làm sao khôn được bằng mấy con dê, không khéo chúng trượt chân rơi xuống vực chết cả cho coi...".

"Bọn chúng quả thật gan dạ...", Koolau nói.

Trên đám bìm bìm mọc lan dưới đất, dưới tán bụi tra ² hoa vàng che kín trên đầu, họ nằm bên nhau nhìn những đám người đang dò dẫm bò lên cho đến khi điều phải đến đã đến: ba người trong toán cảnh sát trượt chân, lăn tròn rồi rơi thẳng xuống vực sâu.

Kiloliana cười lục khục trong cổ họng.

"Về mặt bên đó, chúng ta không có gì phải lo đâu", anh nói.

"Bọn chúng có súng lớn đấy," Koolau nói. "Chưa đến phiên bọn lính lên tiếng đấy thôi..."

Trong cái nắng ngọt ngào của buổi xế trưa, hầu hết những người hải đều rút vào ngủ trong hang động của họ. Ngồi trước hang của mình, súng gác ngang đùi, Koolau cũng đang lơ mơ ngủ. Dưới tán cây rậm, cô gái xinh đẹp có cánh tay vạm vỡ nằm chăm chú quan sát dải triền núi hẹp. Bỗng nhiên từ phía bờ biển dội đến một tiếng ình rồi liền đó là một tiếng nổ to bùng lên làm Koolau giật nảy mình choàng tỉnh. Anh có cảm giác như bầu không khí vừa bị xé toác ra. Tiếng nổ khủng khiếp làm anh hoảng sợ. Anh ngơ ngác nhìn quanh, cố tìm hiểu xem chuyện gì vừa xảy ra, và nhìn thấy trên một mỏm đá trên cao, một bụng khói đen kịt cuộn lên cùng với đất đá rào rào tuôn xuống.

Koolau đưa tay quạt mồ hôi đang túa ra trên trán. Anh rùng mình, cảm thấy ớn lạnh từng cơn. Anh chưa từng nếm mùi đạn trái phá; đó quả là thứ đáng sợ hơn tất cả những gì mà anh có thể nghĩ tới.

Như chợt nhớ ra, Kapahei buột miệng đếm: "Một".

Cùng với hai tiếng nổ ình ình vang dội, hai viên đạn trái phá rít lên trên đỉnh vách núi và nổ bùng, nhanh đến mức không kịp ngó. Như một cái máy, Kapahei tiếp tục đếm: "Hai... ba...". Từ trong các hang động, những người hải túa ra khoanh đất trống phía trước. Lúc đầu họ hoảng sợ, nhưng khi thấy những viên đạn trái phá liên tiếp nổ bùng lên bên trên vách núi, họ dần dần trấn tĩnh lại và tò mò nhìn cảnh tượng đang diễn ra. Hoàn toàn không biết gì về mối nguy đang đe dọa, hai tên hải khờ nhẩy căng lên reo hò mỗi khi thấy ánh chớp đạn trái phá lóe lên. Koolau dần dần lấy lại bình tĩnh. Chưa xảy ra tổn hại gì; rõ ràng là đối với những viên đạn trái phá to như

vậy, bọn chúng không thể nhắm bắn chính xác như nhắm bắn bằng súng trường.

Nhưng tình hình đang dần dần thay đổi. Những viên đạn trái phá bắt đầu rơi thấp xuống. Từ lùm cây nhìn xuống dải đường sông dao, một bưng khói bùng lên. Nhớ đến cô gái giữ việc quan sát bên dưới, Koolau lao vội xuống. Khi anh đến nơi, trên các lùm cây, khói vẫn còn đen đặc. Anh sửng sờ. Các nhánh cây tan tác, gãy vụn. Trên mặt đất chỗ cô gái nằm quan sát lúc này là một hố sâu, và xác cô gái cũng bị bắn tung ra thành những mảnh vụn. Viên đạn đã rơi trúng ngay chỗ cô nằm.

Koolau chăm chú nhìn xuống dải triền núi, và khi biết chắc bọn lính chưa xông lên, anh quay mình chạy về phía các hang động. Suốt trong quãng thời gian ấy, đạn trái phá vẫn tiếp tục gầm rú, và hẻm núi rung lên trong tiếng nổ ì ầm. Còn cách hang động một quãng x nhìn thấy hai tên khờ vẫn tiếp tục ôm nhau nhảy múa nhưng ngay khi anh vừa dợm bước tới, từ mặt đất chỗ gần hai tên khờ, một bưng khói đen chọt bùng lên cùng với tiếng nổ oàng chát chúa làm cho hai tên khờ văng ra hai ngã; một tên nằm bất động, còn tên kia cuống cuồng chống khuỷu tay cố lết về phía hang, hai chân hấn lặc lìa kéo thành một vệt dài; từ người hấn, máu tủa ra nhuộm đỏ khắp từ đầu tới chân trông như thể hấn mới được vớt ra từ trong một bể máu; vừa lết, hấn vừa la ằng ặc như một con chó con. Chỉ trừ Kapahei, còn tất cả những người hủi khác đều đã rút vào các hang động của họ.

"Mười bảy", Kapahei tiếp tục đếm. "Mười tám..."

Trái đạn thứ mười tám này rơi đúng vào một trong các hang động trên vách núi. Tiếng nổ làm cho những người vừa rút vào hang lại tủa ra, nhưng từ cái hang vừa trúng đạn, không một người nào xuất hiện. Koolau khom người bò xuyên qua làn khói cay xè chui vào. Bốn xác người, không một xác nào nguyên vẹn, nằm rải rác, trong số đó anh nhận ra xác người đàn bà mù có đôi giòng nước mắt không ngừng tuôn ra từ hai hốc mắt.

Chui ra ngoài, Koolau nhìn thấy các thần dân của mình đang hoảng loạn, nhón nháo tranh nhau leo lên lối mòn dẫn ra mé ngoài hẻm núi để leo lên những vạt núi chón chở bên trên. Tên khờ bị thương cố chống khuỷu tay lẩy bẩy lết theo nhưng vừa đến khoảng dốc đầu tiên, hấn đã ngã lăn ra.

"Giết nó đi coi bộ tốt cho nó hơn...!", Koolau nói với Kapahei.

"Hai mươi hai", Kapahei vừa tiếp tục đếm vừa đáp. "Anh nói phải đấy; giúp nó chết sớm chút nào đỡ khổ cho nó chút ấy... Hai mươi ba... Hai mươi bốn...".

Thằng khờ ré lên khi nhìn thấy mũi súng chĩa vào đầu hắn. Koolau lưỡng lự, rồi hạ nòng súng xuống.

"Làm việc này sao mà khó quá!", anh lẩm bẩm.

"Hai mươi lăm, hai mươi sáu... Hai mươi bảy... Anh yếu đuối quá đấy", vừa tiếp tục đếm, Kapahei vừa nói. "Thôi, để đó tôi làm cho!".

Anh đứng dậy nhắc một hòn đá to rồi xăm xăm bước về phía tên khờ bị thương đang nằm quằn quại. Khi anh vừa nâng cao tảng đá, một viên đạn trái phá cũng vẫn rơi xuống nổ tung ngay trên đầu anh, giúp anh khỏi phải làm cái việc đau lòng đó đồng thời cũng chấm dứt luôn việc đếm những trái đạn đang nổ dồn.

Trên hẻm núi chỉ còn lại một mình Koolau. Anh đưa mắt nhìn theo những người cuối cùng trong đám thần dân của anh đang rướn tấm thân tàn phế của họ trên dốc núi và khuất hẳn trong biển cây xanh màu chàm trên cao. Anh quay lại, đi xuống chỗ lùm cây nơi cô gái bị đạn, xé nát. Cuộc pháo kích vẫn tiếp diễn, nhưng anh vẫn còn sống. Nhìn xuống dưới, anh thấy bọn lính đang trèo lên. Cách chỗ anh đứng khoảng mười thước, một trái đạn chọt nổ tung hất anh ngã nhào xuống đất; anh nghe tiếng mảnh đạn cùng với đám cành và lá cây rơi rào rào xuống quanh người. Anh ngược đầu nhìn xuống dải đường mòn rồi thở dài. Anh cảm thấy sợ. Anh không ngán đạn súng trường, nhưng thứ đạn trái phá này quả thật kinh khủng. Mỗi lần nghe tiếng súng lớn bắn lên, anh lại nằm dãn mình sát xuống mặt đất, và chỉ tiếp tục ngóc đầu lên quan sát dải đường mòn sau khi nghe tiếng trái đạn đã nổ bùng.

Cuối cùng thì đợt pháo kích cũng chấm dứt. Đoán có lẽ bọn lính sắp leo lên, anh nhào người ra nhìn xuống. Bọn chúng đang nối đuôi nhau bò thành hàng một dọc theo con đường mòn dốc đứng. Anh nhắm đếm nhưng không sao đếm xu875;, có đến cả trăm tên chứ không dưới, tất cả bọn chúng đang kéo nhau lên truy đuổi Vua hủi Koolau. Trong anh, thoáng dâng lên niềm kiêu hãnh. Để truy đuổi anh, một người đang bị căn bệnh hủi tàn phá cơ thể, bọn chúng đã phải dùng tới các lực lượng cảnh sát, quân đội

cùng với súng lớn, súng dài... Chúng treo thưởng một ngàn đô la cho kẻ nào bắt được anh, dù còn sống hay đã chết. Cả đời anh chưa bao giờ có được một số tiền nhiều đến vậy. Anh cảm thấy cay đắng. Kapahei đã nói đúng. Anh, thằng hủi Koolau, anh có tội tình gì? Cũng bởi bọn da trắng chủ đồn điền cần nhân công khai phá đất đai mà chúng đã tranh cướp của thổ dân, chúng đã đem dân phu người Hoa đến và cùng với họ là chứng bệnh phong cùi. Và nay, vì anh mắc chứng bệnh ấy, anh đáng giá một ngàn đô la nhưng số tiền ấy không phải dành cho anh; số tiền ấy chính là cái giá để trả cho cái thân xác vô dụng đang bị căn bệnh hủi tàn phá, hoặc giả cho cái xác không hồn đã bị đạn xé nát của anh.

Khi bọn lính lên tới chỗ dải triền núi sống dao, anh tự nhủ là phải để ý trông chừng chúng, nhưng ánh mắt anh lại nhìn chăm chăm vào những mảnh thi thể của cô gái bị trúng đạn. Khi sáu tên lính vừa dò dẫm tiến lên, anh nghiêng răng siết cò và ngay khi dải đường đã sạch quang anh vẫn liên tục xả đạn, hết kệp này đến kệp khác, mắt anh mờ đi trong nỗi căm hận và óc anh cháy bỏng lửa báo thù. Tận dưới chân dải đường mòn, bọn lính xả súng bắn trả, và mặc dù đã cố dán mình nằm sát xuống đất hoặc thu mình giữa những kẽ đá, bọn chúng vẫn hiện rõ mòn một dưới mũi súng của Koolau. Quanh mình anh, tiếng đạn rú rít, một viên sượt ngang đầu anh và một viên khác sượt qua bả vai nhưng chưa làm rách da...

Đúng là một cuộc tàn sát, trong đó chỉ có mỗi một người bắn giết. Bọn lính bắt đầu rút lui, kéo theo những tên bị thương. Trong khi bắn hạ chúng, Koolau thoáng ngửi thấy mùi thịt cháy; anh nhìn quanh và phát hiện tay anh đang bốc khói. Chính nòng súng đỏ lừ đã làm tay anh bị cháy. Chứng bệnh hủi đã tàn phá gần các dây thần kinh trên tay anh, do vậy anh không có cảm giác gì mặc dù vẫn ngửi thấy và nhìn thấy da thịt mình đang ngùn cháy.

Nằm dưới lùm cây rậm, bất giác anh mỉm cười cho đến khi nhớ đến những khẩu đại pháo. Chắc chắn là chúng sẽ còn bắn nữa và lần này chắc chắn là chúng sẽ tập trung nã đạn vào những lùm cây nơi anh vừa xả súng bắn xuống. Ngay lập tức anh di chuyển sang một cái hốc nằm bên dưới một mỏm đá và liền đó, đã nghe tiếng đạn trái phá nổ bùng mở đầu cho một đợt pháo kích mới. Anh nhắm đếm; cho đến lúc bọn lính ngừng bắn đã có không dưới sáu mươi trái đạn rơi xuống hẻm núi. Cả rẻo đất nhỏ bị xới nát

hầu như không còn sinh vật nào có thể sống sót. Có lẽ nghĩ vậy nên trong cái nóng hầm hập dưới ánh mặt trời chiều, bọn lính lại theo dải đường mòn tiến lên, và một lần nữa, chúng lại bị quét sạch, từng tên từng tên một nối tiếp nhau rơi xuống vực.

Suốt hai ngày liền, Koolau trấn giữ dải đường cho đến khi anh nghe tiếng của Pahau, một cậu bé hủi, gọi vọng xuống từ trên đỉnh vách đá phía sau hẻm núi. Pahau hét to, báo cho anh biết là Kiloliana, người giữ việc săn dê núi cung cấp cái ăn cho mọi người, đã trượt chân, bị đá lăn đè chết, và lúc này đám phụ nữ đang hoảng sợ, không biết phải làm thế nào... Koolau gọi cậu bé xuống, đưa cho cậu một khẩu súng dự phòng và bảo canh giữ dải đường, rồi anh luồn theo một lối mòn bí mật lên nơi ẩn náu. Koolau thấy mọi người đang nhốn nháo, hoang mang; trong tình cảnh đạn bom này, hầu như mọi người đều bất lực trong việc tìm kiếm cái ăn cho mình, và họ đang bị đói. Anh chọn hai người đàn bà và một người đàn ông tương đối còn lành lặn nhất, sai họ xuống hẻm núi đem thực phẩm và các manh chiếu lên, tiếp đó anh an ủi động viên mọi người cho đến khi ngay cả những người yếu nhất cũng bắt tay vào việc sửa sang lại chỗ trú ẩn cho mình.

Đội mãi không những người đi lấy thực phẩm quay lên, Koolau vội vã trở xuống hẻm núi. Anh vừa ló ra đầu bờ dốc, một loạt đạn bỗng nổ giòn; một viên đạn xuyên qua vai anh và má anh bị một mảnh đá văng tới cắt một đường dài; trước khi hụp xuống tránh đạn, anh còn kịp nhìn thấy bọn lính đang tràn lên hẻm núi. Người của anh đã phản lại anh; những đợt pháo kích quá dữ dội hẳn đã khiến họ hoảng sợ và cam chịu trở về hòn đảo ngục tù Molokai thay vì ở lại để tiếp tục chiến đấu.

Koolau xoay người chạy ngược về phía vách đá. Anh ngồi thụp xuống, cõng ra một nịt đạn. Nép mình giữa các tảng đá, đợi cho đến lúc thấy rõ cả đầu và vai một tên lính nhô hẳn lên, anh mới bóp cò; sau hai lần như vậy, đến lần thứ ba, thay vì đầu và vai người là một lá cờ trắng nhô lên vung vẩy.

"Tụi bay muốn gì?", Koolau quát hỏi.

Từ bên dưới lá cờ vọng lên tiếng trả lời: "Nếu mày đúng là thằng hủi Koolau thì điều mà tao muốn là bắt được mày."

Quên cả mình đang ở đâu, quên cả mọi chuyện, Koolau lấy làm lạ. không hiểu sao bọn da trắng này lại kiên trì đến như vậy; dù cho trời có sụp

xuống đầu chúng, chúng vẫn cố sống cố chết làm cho bằng được điều mà chúng muốn. Anh không khỏi lo lắng trước sự lì lợm của chúng và chột cảm thấy cuộc chiến đấu của mình quả thật vô vọng. Ý chí của bọn da trắng quả thật kinh khủng. Cho dù anh có giết cả ngàn người, bọn chúng vẫn cứ sẽ tiếp tục tràn lên, hết đợt này đến đợt khác, càng lúc càng đông hơn; như những con thiêu thân, chúng hè nhau vây bủa anh. Đó là kỷ luật và cũng là chỗ mạnh của chúng. Đó cũng là cái mà giống nòi anh không có. Và bây giờ thì anh đã hiểu tại sao chỉ một nhóm những kẻ rao giảng lời Chúa và những kẻ rao giảng lời của rượu Rhum lại có thể chiếm đoạt được đất đai của giống nòi anh...

Tiếng người nấp dưới lá cờ lại vọng lên: "Nào, nói gì đi chứ, mày chịu hàng rồi chứ?".

Đúng là một tên da trắng như mọi tên da trắng khác; không cần úp mở, hẳn nói thẳng toẹt ra điều mà hẳn muốn:

"Anh dám lên đây nói chuyện chứ?", Koolau hỏi.

Cái đầu, đôi vai, rồi cả thân người tên da trắng nhô lên; đó là một thanh niên khoảng hai mươi lăm tuổi có đôi mắt xanh và gương mặt nhẵn nhụi, coi bộ trang nhã và gọn ghẽ trong bộ quân phục cấp đại úy. Hắn tiến đến khoảng mười bước, lưỡng lự một chút rồi tìm chỗ ngồi xuống.

Koolau thốt lên kinh ngạc:

- Anh đúng là gan! Tôi có thể giết anh như giết một con ruồi...
- Tôi tin là anh không bắn tôi - Viên đại úy đáp.
- Tại sao?
- Bởi cho dù anh nguy hiểm, anh cũng vẫn là một con người. Tôi hiểu anh mà, nhưng anh đã bắn giết quá nhiều rồi đấy!

Koolau hừ nhẹ, nhưng không khỏi cảm thấy hài lòng. Anh hỏi:

- Máy người của tôi - cậu bé, hai người đàn bà và người đàn ông - các anh đã làm gì họ rồi
- Họ đã ra hàng, và bây giờ tôi muốn anh cũng làm như họ.

Koolau cười gằn, tỏ ý nghi ngờ.

"Tôi là người tự do", anh dần từng tiếng một. "Tôi chẳng làm gì sai. Tôi chỉ yêu cầu mỗi một điều là các anh hãy để chúng tôi được yên. Tôi

sống tự do, và rồi cũng sẽ chết tự do, tôi không bao giờ chấp nhận nộp mình cho các anh đâu!".

"Vậy là anh không khôn ngoan bằng đồng bọn của anh rồi", viên đại úy trẻ nói. "Anh xem kia, họ ra cả rồi kia!".

Koolau xoay lại và nhìn thấy đoàn người của anh đang lũ lượt kéo ra. Họ vừa lê lét vừa rên rỉ than van như muốn tự bộc lộ hết tình cảnh bất hạnh của họ. Koolau cảm thấy cay đắng, và càng cay đắng hơn khi một số người trong bọn họ lên tiếng oán trách, chửi rủa anh. Lũ lượt từng người một, họ bám vách đá tuột xuống rồi kéo nhau ra hẻm núi, quây kín trước chỗ ẩn mình của bọn lính.

"Anh đi đi", Koolau nói với viên đại úy. "Không bao giờ tôi đầu hàng đâu, dứt khoát là như vậy. Thôi, chào anh".

Viên đại úy tụt xuống vách đá đến với đám lính của hắn; ngay sau đó, thay cho lá cờ hưu chiến, một mũi súng được dựng cao lên, trên chiếc lưỡi lê gắn ở đầu mũi súng là chiếc mũ của viên sĩ quan; đáp trả lại dấu hiệu đe dọa đó, một phát đạn của Koolau đã xuyên thủng chiếc mũ. Ngay sầm tối hôm ấy, từ dưới bờ biển, bọn lính lại nã pháo cấp tập lên hẻm núi nhưng Koolau đã kịp rút lên các hang động trên cao vượt ra ngoài tầm

Suốt trong sáu tuần liền, bọn lính lùng sục anh qua hết hang động này đến hang động khác dọc theo các lối mòn và trên khắp các đỉnh núi lửa trong vùng. Khi thoáng thấy bóng anh lẫn vào một vạt rừng cây lúp xúp, chúng giăng hàng đập xua như xua thú dữ, và khi anh chạy thoát vào một cánh rừng thưa, chúng chia nhau ra thành nhiều mũi cố lừa anh vào một góc như lừa một con thỏ rừng. Mỗi khi bị dồn ép quá gắt, mũi súng của anh lại rung lên buộc chúng phải tháo lui mang theo những tên bị thương xuống bãi biển. Có đôi lần, bọn lính đã bắn tóa vào anh khi thấy bóng anh thấp thoáng trong những khoảng rừng thưa và có một lần, khi nhìn thấy anh đang cố bươn lên trên một dải đường mòn chon von, bọn chúng đã xả đạn vào anh; sau đó bọn chúng tìm thấy vết máu và biết chắc là anh đã bị trúng đạn.

Sau một tháng rưỡi truy lùng mà vẫn không bắt được Koolau, bọn lính và cảnh sát bỏ cuộc; chúng rút về Honolulu để lại đỉnh Kalahau mặc cho anh độc chiếm, nhưng thỉnh thoảng chúng vẫn phái bọn săn người tảo tợn mò lên lùng sục, cố tìm cho bằng được dấu vết của anh.

Hai năm sau, một lần nữa Koolau lại lần về hẻm núi cũ. Chui vào một lùm cây rậm, anh nằm dài dưới tán những cây huyết rồng và gừng dại. Anh đã sống tự do, và giờ đây anh cũng sẽ chết một cách tự do. Trời giăng giăng mưa phùn, anh kéo tấm chăn tơ tằm quấn quanh đôi chân co rút, lở lói; trên mình anh phong phanh một manh áo vải dầu. Anh mân mê khẩu súng gác ngang ngực và cố vuốt sạch hơi ẩm đọng trên nòng súng bằng bàn tay đã rụng hết ngón, chẳng còn lại ngón nào để có thể bóp cò.

Anh nhắm mắt, cơ thể anh lịm dần đi trong khi đầu óc anh xao động không ngừng; anh biết là giờ phút cuối cùng của mình đã điểm. Giống như một con thú hoang, anh đã tìm nơi ẩn mình chờ chết. Trong tai anh, tiếng tí tách của những giọt mưa cứ nhạt nhòa; bất giác anh cảm thấy như mình đang sống lại cuộc đời trai trẻ ở Niihau; anh như thấy thoang thoang bóng mình trên lưng một con ngựa non chưa thuần đang lồng lên, rồi lại thấy mình đang xông xáo cùng những người chăn bò lừa những con bò tơ vào bãi, rồi lại thấy mình đang đuổi theo những con bò rừng, quăng thòng lọng bắt một con lồi về thung lũng; mồ hôi anh rịn ra, anh cảm thấy tai và mắt mình tê tê, nhột nhột như có kiến bò vào.

Toàn bộ quang cảnh thanh xuân sôi nổi, mạnh mẽ ấy diễu qua trước mắt anh, cho đến khi những cơn co giật giãy chết kéo anh về với thực tại. Anh đưa đôi bàn tay cụt hết ngón lên ngắm nghía và lấy làm lạ, không hiểu tại sao tâm thần nguyên lành của anh lại ra nên nông nổi này, nhưng rồi liền đó anh lại nhớ ra ngay anh là thằng hủi Koolau. Đôi mi mắt anh rung rung sụp xuống và trong tai anh lắng hẳn tiếng mưa rơi. Toàn thân anh chợt run bắn lên rồi duỗi ra; anh cố nhấc đầu lên nhưng nó cứ ngoẻo xuống; các thớ thịt trên mặt co rúm làm đôi mắt anh mở to ra và không còn nhắm lại được nữa. Như chợt nhớ đến khẩu súng Mauser, anh siết đôi cánh tay co quắp với hai bàn tay đã rụng hết ngón ôm chặt nó vào lòng, và đó là ý nghĩ và hành động cuối cùng của anh.

1 *Thần đồng áng, theo truyền thuyết phương Tây, là một vị thần nửa người nửa dê, có sừng, có đuôi và đôi chân dê.*

2 *Bụp tra (hautree, tên khoa học: Hibiscus tiliaceus): một loại cây thấp mọc ở vùng núi đá ven biển.*

24) JACK LONDON(1876-1916)

Một người quyết chí thắng nghịch cảnh.

Ba tháng học hết chương trình trung học và viết 51 cuốn sách trong 18 năm

Những danh nhân mà thiếu thời phải làm những nghề mà hồi xưa cho là ti tiện, thì ta thường thấy: Abraham Lincoln đốn củi, cày ruộng, chăn bò chó các chủ trại; Heinrich Schliemann đóng rượu, cân cá, đếm khoai cho các tiệm tạp hoá; Quản Trọng làm chú bán dầu; J.J. Rousseau làm đầy tớ cho các nhà quyền quý, nhưng chưa có nhà nào như Jack London, trôi dạt khắp nơi, từ Nhật tới Alaska (miền tây bắc Gia Nã Đại), làm đủ các nghề cực khổ: thuỷ thủ phụ rở hàng, hải khấu, gác đàn, thợ trong các xưởng, rửa chén đĩa trong các khách sạn, cộ nhà, đào vàng; có hồi đói quá phải xin ăn, bị nhốt khám. Theo Dale Carnegie thì Jack London bị nhốt khám cả trăm lần ở Hoa Kỳ, Mỹ Tây Cơ, Mãn Châu, Nhật Bản và Triều Tiên; lần lâu nhất là ở Buffalo (Huê Kỳ) vì tội du thủ du thực. Hồi đó ông ngoài hai mươi, hết tiền, trốn trong toa xe lửa tới Buffalo, đi xin ăn từng nhà. Cảnh sát bắt ông và xử ông ba mươi ngày khổ sai. Vậy mà chỉ sáu năm sau ông nổi danh khắp xứ, được các nhà xuất bản và các nhà phê bình coi là văn hào bậc nhất đương thời.

Ông thành công đột ngột và rực rỡ như vậy chính là nhờ cuộc đời ba đào của ông, nhờ ông đã gặp được rất nhiều nghịch cảnh ấy, nghĩa là ông say mê chép thành truyện những bước gian truân của ông cùng những cảnh hải hùng của vũ trụ, những nỗi đau lòng trong xã hội. Ít khi ta thấy văn chương dào dạt nhựa sống như tác phẩm của ông.

Đời Jack London gồm hai thời kỳ, thời kỳ thứ nhất là thời kỳ hỗn độn, lưu lạc, cơ cực, vừa kiếm ăn vừa tự học; thời kỳ thứ nhì là thời kỳ thành công, tài năng phát triển, sáng tác liên tiếp.

Ông cố ông gốc gác ở Anh, qua Huê Kỳ lập nghiệp và chiến đấu anh dũng trong hàng ngũ của Washington. Thân phụ ông bị thương trong trận Nam Bắc phân tranh, được giải ngũ, về nhà làm ruộng, cưới vợ, sinh một

con gái tên là Eliza và sáu người con nữa; rồi goá vợ, tục huyền với cô Flora Wellman.

Jack London là con dòng sau, sanh ở San Francisco ngày 12 tháng giêng năm 1876. Cho tới hồi mười tuổi, đời sống của cậu bình thường; khoẻ mạnh, thịt chắc, ngực nở, ít đau ốm. Thân phụ cậu có hồi buôn bán thua lỗ vì bị lường gạt, nhưng làm ruộng cũng đủ ăn. Cậu lại được cô Eliza, người chị cùng cha khác mẹ, âu yếm săn sóc. Nhưng gia đình vì đông con, nên phải cần kiệm, trong nhà ít khi được ăn thịt. Sau này lớn lên, Jack London có lần thú với bạn là hồi bảy tuổi, đi học ở trường San Pecho, thèm thịt tới nỗi khi thấy bạn bè gặm xương gà xong rồi liệng xuống đất, cậu muốn lượm lên để gỡ thịt thừa, có lần cậu gấp một miếng thịt trong rổ một người đàn bà nhai ngấu nghiến, nhưng xong rồi thì biết xấu hổ và không tái phạm nữa.

Cậu sớm thích đọc sách và cũng như phần đông trẻ khác, ưa loại mạo hiểm, du lịch, như Đời Garfield (La vie de Garfield) của Paul du Chaillu, Alhambra của Washinton Irving; nhất là cuốn Signa của Ouida đã làm cho cậu tin rằng tương lai ở trong tay những người có đại đóm.

Từ năm 11 tuổi, đời Jack London bắt đầu vất vả, cô Eliza xuất giá: chồng là một đại uý già, goá vợ. Thân phụ cậu làm ăn thất bại, gia đình mỗi ngày mỗi suy. Vì không ưa lối dạy nhồi sọ của bà giáo, cậu không tán tới, suốt ngày ở thư viện thành phố, đọc hết cuốn này đến cuốn khác, từ sử ký, du lịch, rồi chép đặc cả nhiều tập vở, tới nỗi hoá đau: mắt mờ, đầu lão đảo.

Chẳng bao lâu cậu phải làm việc giúp nhà. Tuổi thơ của cậu tới đó là hết: dậy từ ba giờ sáng để bán báo, xong rồi mới đi học. Chiều về lại bán báo. Chủ nhật thì quét dọn cho các tiệm nước, hoặc giao nước đá cho từng nhà. Có lúc lại gác đêm cho một công ty, lượm quân ki (quille) [1] cho những người chơi say rượu. Được đồng nào cậu mang về đưa hết cho mẹ.

Năm 13 tuổi, quần áo rách rưới, lam lũ quá, cậu mắc cỡ không dám tới trường để thi tiểu học. Những phút vui nhất trong thời đó là khi mọi việc xong rồi cậu xuống một chiếc thuyền nhỏ dài độ bốn thước, giương buồm lên, thả theo bờ biển để đánh cá. Nhìn cảnh biển bao la, tâm hồn cậu lâng lâng, mơ mộng những cuộc viễn du tả trong sách, rồi chỉ muốn đâm thẳng ra khơi, theo cánh chim mà tới những nơi xa lạ ở bên kia chân trời mù mịt.

Hai năm sau, cậu không được hưởng những lúc vui ngắn ngủi đó nữa và phải vào làm thợ trong một hãng chế tạo hộp sắt để chứa đồ hộp. Xưởng là một chuồng ngựa dơ dáy, hôi hám, không cửa sổ, ánh nắng chỉ lọt vào qua khe ván. Công việc của cậu là phải coi một bộ phận máy mà chỉ vô ý một chút là đủ mất ngón tay. Tai nạn xảy ra rất thường, nhất là thợ đàn bà.

Sau này kể lại thời đó, Jack London viết:

“Dù là mệt lử đi nữa, chúng tôi chúng tôi cũng không có thì giờ ngược mắt lên, hoặc thở dài. Chỉ vô ý một giây thôi là ngón tay văng ra. Tôi may lắm mà không bị thương (...). Buổi chiều bọn con trai chúng tôi được nghỉ vài phút để nói chuyện. Con gái cũng làm việc nhiều như con trai mà không được nghỉ như vậy. Ngoài những phút đó ra, chúng tôi phải chăm chú làm như bị cự hình, tới đứt gãy gân cốt được”.

Sự bóc lột của chủ nhân thật tàn nhẫn. Có khi cậu phải làm đến nửa đêm, mệt quá, không còn biết gì nữa, bước về nhà như một người máy. Có lần cậu phải ngồi luôn ở máy suốt ba mươi giờ liên tiếp. Thường thì cứ 11 giờ khuya về tới nhà, ăn xong, 12 giờ đi ngủ, 5 giờ sáng dậy để 7 giờ có mặt tại hãng. Trong nhật ký của cậu, ta đọc:

“Như vậy đời còn có nghĩa gì đối với tôi? Phải làm cái kiếp trâu ngựa hay sao? Tới con ngựa cũng không phải làm cực khổ như tôi (...). Tôi phải làm việc trong hãng đó ba tháng hè để có tiền học trong ba tháng (...) tiền công rất ít, song nhờ làm thêm giờ nên tôi lãnh được năm chục đô la mỗi tháng. Nhưng tiền đó, tôi không giữ lấy một xu (...). Mùa thu năm ngoái tôi rán để dành được năm đô la. Má tôi lại hãng lấy hết số tiền đó vì người có việc phải tiêu gấp. Tối hôm đó tôi muốn tự tử”.

Chán nản quá, cậu bỏ nghề đó, theo một bọn hải khấu, chuyên đoạt sò ở ngoài khơi San Francisco. Nghề đó lậu thuế có thể đưa cậu vô khám được lắm, nhưng bề gì cũng thú hơn là làm mọi trong xưởng đóng hộp. Cậu xin tiền người vú nuôi, mua một chiếc tàu nhỏ. Sướng quá, cậu ghi trong nhật ký:

“Tôi tháo dây cho buồm khỏi căng rồi theo thủy triều, cho tàu trôi tới quần đảo Asperges, bỏ neo ở ngoài khơi, cách bờ vài hải lý. Mong của tôi đã thực hiện được! Tôi sắp được ngủ trên nước, thức dậy trên nước, sống suốt đời trên nước!”.

Năm đó Jack London mới mười sáu tuổi nhưng lực lưỡng nhờ bản chất, và hiểu đời ít nhiều nhờ mấy năm lăn lộn để kiếm miếng ăn, cho nên trong nghề đoạt sò chàng không thua kém ai. Cũng truy lạc, nóc hết ly huyết kỳ này tới ly khác rồi say mềm, cũng cướp nhân tình của người khác – một cô cùng tuổi với chàng – rồi sống với chàng như vợ chồng, cũng kiếm được nhiều tiền nhưng cũng có đêm thua bạc tới một trăm tám mươi đô la mà không hề ân hận. Gì thì gì cũng còn hơn là làm như trâu mười hai giờ một ngày trong một xưởng hôi hám để lãnh mỗi giờ một cắc.

Được mấy tháng như vậy, sau một đêm say sưa chàng tỉnh dậy thấy túi thì rỗng mà tàu thì hư, không còn tiền sửa, chàng bán tàu, hùn vốn với một người khác cũng làm cái nghề bắt lương đó trong ít lâu rồi bỏ luôn, xin làm lính tuần tiểu. Sự thay đổi lạ lùng nhưng dễ hiểu: chàng chỉ muốn sống hết những cảnh nguy hiểm, đã trải qua đời ăn cướp, nay muốn thử nghề bắt đồ lậu. Chàng vào hạng nhân viên phụ, không được ăn lương, chỉ được hưởng một phần tiền phạt mà kẻ bị bắt phải đóng cho ty quan thuế. Nhưng khi tàu đoàn [2] rượt một tàu buôn lậu trong cơn giông tố, chàng rất sung sướng: “Tôi như điên! Tàu chạy thú quá! Nó nhảy dầm vào ngọn sóng trắng xóa như một con ngựa đua. Tôi không ném nổi nổi vui. Buồm căng, con tàu bỏ nhào xuống, và tôi, một thằng người chim chích ở giữa cơn giông tố, tôi chỉ huy sự chiến đấu trong gió”. Chàng luyện tinh thần chiến đấu đó để sau này thắng nghịch cảnh trong nghề cầm bút.

Chàng uống rượu dữ, say bí tỉ không biết bao nhiêu lần, có lần liên tiếp ba tuần lễ. Người ta đã tưởng chàng truy lạc thành con người bỏ đi. Nhưng rồi một hôm chàng biết nghĩ lại. Lần đó, chàng say quá, té xuống nước, dòng nước cuốn chàng ra biển. Chàng hồi tỉnh lại, lơ mơ hiểu tình cảnh, đập chân đập tay cho khỏi chìm. Trong khi để mặc cho dòng nước trôi đi, chàng bỗng cảm thấy tủi nhục cho cái đời mình mà trào lệ, muốn tự tử và trước khi tự tử, chàng hát lên một điệu lìa đời. Chàng nằm ngửa trên nước mà ngó sao lấp lánh trên trời và hát hết khúc này đến khúc khác, toàn một giọng ai oán cho tới sáng thì chàng tỉnh hẳn, lạnh muốn cồng tay chân, không đủ sức lội vào bờ nữa. Một người đánh cá vừa kịp vớt được chàng. Từ đó chàng bớt uống rượu.

Một lần chàng bị một tên buôn lậu Trung Hoa bắt được trói lại, quăng lên một đảo hẻo lánh; may phúc chàng tự gỡ trói trốn thoát được trước khi nó về. Truyện đó sau chép lại trong cuốn *Le mouchoir jaune* (Chiếc mùi xoa vàng) tả đời nguy hiểm của bọn lính tuần biển.

Sau vụ đó, chàng xin nghỉ, đổi qua làm thuỷ thủ trong một chiếc tàu chạy dọc theo bờ biển Nhật Bản và biển Behring (ở phía bắc Thái Bình Dương). Chàng siêng năng làm đủ các công việc nặng nhọc trong tàu, có thì giờ thì đọc sách, nhận xét bạn bè và đủ các hạng người mà chàng gặp. Lần đầu tiên đặt chân lên Yokohama, chàng thán phục dân tộc Nhật đã tiến hoá rất mau, trong hai mươi năm đã xây dựng được những châu thành tối tân và đông đúc bậc nhất thế giới.

Về tới nhà, bao nhiêu tiền bạc dành dụm được chàng đưa hết cho cha mẹ, muốn xin làm thuỷ thủ trong một chiếc tàu đi nam Thái Bình Dương, mà không gặp chiếc nào, nên ở lại San Francisco để kiếm việc khác.

Vì phải kiếm tiền gấp để nuôi nhà, chàng xin vô làm trong một xưởng dệt. Và lần này chàng nhất định đem hết tâm lực ra yêu công việc, để cho người ta thấy rằng công nhân cũng có người đáng trọng.

Lúc rảnh chàng ra thành phố để đọc sách, đọc rất kỹ, nhận thấy các du ký và truyện phiêu lưu viết rất nhạt nhẽo, so với những cảnh chàng đã mục kích, so với cuộc đời chàng đã sống thì không có nghĩa gì cả. Chàng bắt đầu có một ý thức về giá trị của mình.

Cũng vừa đúng lúc đó, thân mẫu chàng đọc trong báo San Francisco Call tin tức về một cuộc thi văn nghệ. Bà thúc đẩy con dự thi. Làm việc mười giờ một ngày ở xưởng, chàng mệt quá rồi, nhưng cũng rán chiều lòng mẹ, song còn do dự không biết nên viết truyện gì. Bà cụ bảo: “Con thử viết một truyện gì về biển cả hoặc về Nhật Bản xem sao”. Đêm đó Jack London suy nghĩ rồi năm giờ rưỡi sáng, lấy một tập vở, viết một hơi tới bữa cơm trưa, trên cái bàn nhỏ kê trong bếp. Bài dự thi hạn là hai ngàn tiếng, chàng đã viết quá số đó mà mới hết nửa câu chuyện. Đêm hôm đó, chàng viết nốt, được thêm hai ngàn tiếng nữa; rồi đêm sau, chàng sửa chữa, tóm tắt lại cho không quá số hạn định.

Ít lâu sau, chàng ngạc nhiên thấy báo tuyên bố kết quả bài “Một con bảo ngoài khơi biển Nhật Bản” được giải nhất mà những người được giải

nhì và ba đều là những sinh viên đại học. Thân phụ chàng hãnh diện, và chàng vui quá, mất ngủ trong một thời gian. Chàng lãnh được hai mươi lăm đô la, mà tiền công cả tháng ở xưởng dệt chỉ có bốn chục đô la. Chàng tự tin, thậm chí cảm ơn tác giả cuốn Signa hồi nhỏ đã dạy cho chàng bài học này: hễ đại đờm thì thành công. Đúng, phải có đại đờm – nói cho đúng phải tự tin – thì mới làm nên sự nghiệp, nhưng đức đó chưa đủ, Jack London viết thêm vài truyện nữa gửi cho tờ San Francisco Call và thất bại liên tiếp. Bài “Một cơn bão ngoài biển khơi Nhựt Bản” kỹ thuật chưa được già dặn, nhưng lời văn có chỗ vừa hùng vừa đẹp nhờ tài quan sát và óc mỹ quan của tác giả, như đoạn dưới đây: “Trong boong tàu, gió thổi mạnh lạ lùng (...), nó dựng đứng lên, y như một bức tường, làm cho ta đứng không vững mà lão đảo muồn té, và những ngọn sóng ghê gớm làm cho ta ngạt thở (...) đem tằm tối thành thử công việc của chúng tôi khó khăn hơn. Nhưng, mặc dù không có ánh sao ánh trăng nào xuyên qua được đám mây đặc nó chạy trốn trước cơn giông, hoá công cũng giúp chúng tôi được một chút. Một ánh sáng êm đềm phát từ mặt biển gào thét dữ dội, vì trong những ngọn sóng mạnh mẽ, hàng tỉ tỉ những vi ti vật chiếu ra, những điểm lân quang nhỏ rực rỡ như muồn bao phủ chúng tôi như một trận lụt lửa. Ngọn sóng càng dựng lên thì càng mỏng đi, cong lại, sẵn sàng để tan vụn ra. Nó gầm lên, đập vào bao lon tàu, đánh văng thuỷ thủ ra khắp phía và trải lên tàu một lớp ánh sáng, khi nó rút lui, những mảnh nhấp nháy rung rung vương lại trong các kẹt, rồi một ngọn sóng khác lại quét hết cả đi để chiếm chỗ những mảnh đó”.

Năm đó ông mười tám tuổi.

Sau ông lại đổi nghề để kiếm thêm tiền, vào làm một nhà máy điện, lại bị thiên hạ bóc lột. Phải làm những công việc nặng nhọc nhất, gấp hai người phu thường, mà mỗi tháng chỉ nghỉ được một ngày. Ông mệt tới nỗi, buổi tối lên xe điện về nhà, ông ngủ trên xe, đến nơi mà không hay, người ta phải đánh thức ông dậy, rồi đỡ ông xuống xe vì ông đứng không nổi. Về tới nhà, ông vừa nhai bánh vừa lim dim, ăn xong lăn ra ngáy, người thân phải thay quần áo cho rồi khiêng lên giường. Chịu không nổi, ông xin thôi. Nghỉ ít lâu và ngày đầu ngủ một giấc luôn hai mươi bốn giờ.

Kể đó là thời kỳ lang thang. Nạn thất nghiệp đang lan tràn khắp Huê Kỳ. Vài người như Kelly và Coxy hô hào bọn thất nghiệp hợp nhau thành từng đoàn ở mỗi châu thành rồi tiến tới Washington bằng mọi cách – đi nhờ xe lửa, nhờ ghe, nhờ xe, hoặc đi bộ. Đoàn này nhập với đoàn khác, mỗi ngày một đông, định đóng trại ở thủ đô, chiếm các công viên, công trường, nằm ăn vạ cho tới khi nào chính phủ kiếm cho có công ăn việc làm mới thôi. Những đoàn như vậy tất nhiên không có kỷ luật, tới đâu phá phách đó, dân chúng phải nuôi họ, đôi khi tặng tiền lộ phí cho nữa để tổng khứ họ đi cho mau.

Jack London nhập bọn ngày 6-4-1894, sau khi nhận một số tiền của chị, là cô Eliza. Ông sống chung với bọn thất nghiệp, lúc hết tiền, đói quá, cũng ăn xin như họ. Nhưng trong mấy tháng màn trời chiếu đất, thất thiếu suốt Bắc Mỹ từ tây qua đông đó, ông đã thấy biết bao cảnh rừng núi chót vót, đồng nội bao la, gặp biết bao hạng người trong các giới, người ta gọi họ là căn bã của xã hội, nhất thiết ông đều ghi trong óc để sau này viết sách.

Nửa đường ông bỏ đoàn, đi một mình tới Washington nhờ một chút tiền thân mẫu gửi theo. Tại Washington ông tò mò vào coi một sông bạc, thành linh linh lại bỏ vây, ông nhảy qua cửa sổ trốn thoát.

Nhưng sau đó ông bị bắt gần thác Niagara, nhốt khám vì tội du thủ du thực (ông kể lại những cực khổ thời đó trong cuốn Con đường – La route). Ở khám ra, ông lại Nữ Ước, hành khát để độ nhật, suýt bị nhốt khám lần nữa vì vô gia cư, nhưng nhờ khéo tán, khéo kể những chuyện, tả những cảnh Nhặt Bỏ cho viên cảnh sát nghe mà viên này chẳng những quên bổn phận của mình lại còn tặng ông tiền uống rượu cho ấm bụng nữa. Trong thời gian trôi giạt ở Boston, Gia Nã Đại, ông được thấy bao vẻ hùng vĩ của thiên nhiên, vẻ tráng lệ của đô thị, nhưng cũng chịu biết bao nỗi đói rét, có đêm lạnh quá, không nằm ở công viên được, phải xin vô khám ngủ. Ông phiêu bạt như vậy một là để kiếm việc làm, hai là để biết xứ lạ, sau thấy làm cách nào cũng chỉ đủ miếng ăn là may, mà quần áo và giày rách quá, không thể chịu được nữa, ông đành trở về San Francisco.

Cũng may lúc đó gia đình ông qua cơn túng bấn. Thân phụ ông làm sở Cảnh sát, đủ bao bọc cả nhà. Ông xin người nổi lại việc học, xin được vô trường Trung học Berkely, mặc dầu đương giữa niên khoá. Ông đóng cửa

để học suốt ngày, có khi suốt đêm, nhất định thi vô đại học. Khi nào mệt quá ông gục đầu trên bàn học để ngủ, rồi tỉnh dậy học tiếp cho tới sáng, làm cho láng giềng phải ngạc nhiên sao nhà ông để đèn suốt thâu đêm. Vừa học vừa viết truyện đăng báo của trường, thành thử ông vốn vạm vỡ mà sau mấy tháng, da tái mét, mắt thâm quầng, sức mạnh sút trông thấy. Nhất là ông vừa học vừa hoạt động cho đảng Xã hội mà ông mới gia nhập, tổ chức các mít tinh, diễn thuyết trước công chúng. Báo chí mạt sát ông, cảnh sát mấy lần bắt ông và hiệu trưởng trường trung học ghét ông. Gần cuối năm đó, Jack Lonlon lại phải đi làm kiếm thêm tiền chi tiêu, hoặc gát công, hoặc chùi rửa nhà cửa. Ông thấy tương lai còn xa lắc: hai năm trung học rồi bốn năm đại học cộng là sáu năm, mà tuổi đã 20 mười, không thể trông mong ở sự giúp đỡ của gia đình lâu như vậy được. Ông quyết định học nhảy, bỏ trường công, xin bà Eliza một số tiền vô học một trường tư để trong bốn tháng có thể thi vô đại học. Trong năm tuần lễ ông học ngày học đêm rồi một hôm viên hiệu trưởng trường tư không dám nhận ông nữa, vì ông học tấn tới quá, sợ hiệu trưởng trường công sẽ ghen và làm khó dễ. Ông bất bình, không thèm nói năng gì bước ra liền, về nhà học lấy, và thi vào đại học, đậu [3].

Ở đại học, Jack London muốn chuyên luyện văn chương, không thích lối dạy của các giáo sư, vì những vị này chỉ chú trọng tới ngữ pháp, không biết hướng dẫn tài năng của mỗi sinh viên, nên ông phải đọc thêm rất nhiều và đồng thời tập viết đủ loại: truyện ngắn, thơ, văn trào phúng, tùy bút, tiểu luận...

Lúc đó ông đã có chủ trương rõ rệt là muốn viết văn thì trước hết phải sống, sống mãnh liệt. Ông bảo một người bạn: “Trong óc anh chưa có gì để kể lại đâu. Đi nhiều và học trong đời như tôi đã học. Bất kỳ ai cũng có thể viết đúng ngữ pháp được, nhưng điều cốt yếu là phải biết diễn tả một cái gì sống (...). Tôi cam đoan với anh rằng tôi không khi nào thiếu đề tài để viết (...). Những cảnh đời ta đã trải, dù ghê gớm đến đâu cũng có cái đẹp của nó”. Rồi ông nói thêm, giọng ảo não: “Tuy vậy, tôi không cầu cho con tôi tập vào đời một cách khổ cực như tôi”.

Quan niệm đó đúng, nhưng ông lại chưa luyện được một lối hành văn mà lại khinh thường ngữ pháp, nên các bài ông viết không báo nào chịu

đăng. Ông buồn rầu nhưng không thất giọng, đọc lại truyện ngắn được tờ San Francisco Call thưởng mấy năm trước để tìm nguyên nhân tại sao lần đó thành công mà lần này thì thất bại. Ông thấy lỗi tại ông dùng một lối văn quá trừu tượng, mà phương pháp diễn tả chưa hoàn hảo.

Ông xin vô làm trong một tiệm giặt để kiếm ăn, ít lâu sau ông bị đuổi vì một lý do rất lạ lùng: ông tìm được một cách giặt ủi ít mệt mà nhiều kết quả, có thể vừa làm việc vừa đọc sách được. Ai cũng nhận cách đó là tiện lợi, nhưng người ta không ưa những người thợ có sáng kiến và ông thất nghiệp một lần nữa.

Thì vừa nhằm lúc ở Mỹ có phong trào đua nhau lên miền Klondike ở Alaska để đào vàng. Năm đó là năm 1897, Jack London tìm một người hoặc một công ty nào chịu mượn ông mà không ra, thì may người anh rể ông, đại tá Shepard tức chồng bà Eliza ngỏ ý muốn hợp tác với ông, kẻ công người của. Bà Eliza đem cầm cố ngôi nhà được vài trăm đô la đưa cho chồng mua sắm thức ăn, vật liệu và ngày 25-7-1897 hai anh em xuống tàu Umatilla, tiến lên miền tây bắc. Tới bãi biển làng Dyea, hai người nhập bọn với ba người nữa, chia nhau khuân vác tới Sheep Camp, vì không đủ tiền mượn bọn da đỏ. Từ Sheep Camp bắt đầu con đường nguy hiểm nhất, tức lối mòn Chilcoot mà nhiều người đã đặt tên là đường địa ngục. Đại tá Shepard già yếu, không dám tiến, trở về San Francisco, và London phải khuân một mình những dụng cụ đại tá để lại. Có một khúc đường dài năm cây số rưỡi, ông phải vác 80 kg mà đi bốn lần, về bốn lần trong một ngày; tính ra ngày đó ông đi trên 40 cây số mà trên hai chục cây số phải vác nặng. Rồi phải lội qua những con sông đóng băng, qua những đồng lầy, bùn ngập tới đầu gối, leo những đường núi dốc ngược, không có chỗ đặt chân. Nguy hiểm nhất là lúc qua sông Sixty Mile. Ở Box Canyon sông rộng bốn trăm thước, mà chỗ đó chỉ hẹp 24 thước, nước chảy băng băng giữa hai thành núi cao, dựng đứng như bức vách, thành những xoáy nước sâu hun hút, trong tiếng vang động âm âm của gió và sóng. Hàng trăm người cũng đi tìm vàng đứng trên bờ mà ngó, vẻ sợ hiện trên mặt.

Nhưng Jack London nhất định cho thuyền qua để được lợi hai ngày mà tới Klondike cho kịp lúc tuyết chưa đổ, băng chưa đóng. Cả bốn người uống rượu cho say rồi đẩy thuyền ra giữa dòng; thuyền chơi vui lão đảo, mấy lần

suýt đắm, suýt đắm vào bờ đá mà tan tành ra từng mảnh. May, London lái được cho xuôi dòng, rồi ghé vào bờ ở mạn dưới.

Trung tuần tháng mười, bọn ông tới miền Klondike, và bắt đầu cắm đất tìm vàng. Nhưng chưa đào được thì ông mắc bệnh hoại huyết do thiếu sinh tố C. Ông ăn toàn đồ hộp mà miền đó không có một ngọn rau. Ông phải vào nhà thương dưỡng bệnh, rồi đầu hè, khi băng bắt đầu tan, ông bỏ mòng kiếm vàng, trở về cố hương, và hay thân phụ ông đã mất. Nhưng một năm mạo hiểm đó không phải là uổng. Tôi đã nói Jack London là người biết lợi dụng nghịch cảnh: nhờ sống ở miền băng tuyết, mà sau ông viết được hai truyện danh tiếng: truyện Tiếng gọi của rừng (L'appel de la forêt) trong đó con chó Buck đóng một vai trò quan trọng, chính con chó tinh khôn ông đã thấy ở miền Klondike; và truyện Đứa con của chó sói (Le fils du loup) tả những cuộc xung đột tàn bạo giữa người da đỏ và người da trắng, những hiềm khích, ghen ghét, thù oán giữa người da trắng với nhau vì tham vàng mà tán tận lương tâm.

Năm đó ông đã hai mươi hai tuổi mà vẫn chưa có nghề gì trong tay, vẫn thỉnh thoảng phải nhờ bà Eliza chu cấp. Bà tuy khác mẹ với ông mà mến ông hơn em ruột, gần như con. Một người bạn gái khuyên ông kiếm một chân thư ký. Ông bắt bình, tuyệt giao, mặc dù biết rằng cô đó thật tình thương ông, rồi kể lể tâm sự với một người thân:

“Nếu tôi nghe lời cô ấy thì bây giờ tôi đã thành một thư ký của một luật sư nào đó, lãnh mỗi tháng bốn chục đô la, hoặc một nhân viên hỏa xa, một anh chàng cạo giấy. Tôi có quần áo lạnh, tôi đi coi hát, tôi vô một hội vô nghĩa lý, tôi giao thiệp với một nhóm anh em vui vẻ, nói năng như họ, suy nghĩ như họ, hành động như họ, tóm lại, bao tử tôi được đầy, thân tôi được ấm, óc tôi khỏi lo, lòng tôi khỏi chua chát, không có tham vọng gì quá đáng mà cũng chẳng ham muốn gì, trừ cái ham muốn sắm đồ đạc và cưới vợ. Và tôi sẽ mãn nguyện được sống như một thằng múa rối. Cô đó sẽ yêu tôi, nhưng ít hơn bây giờ. Vì tôi không chịu làm một người thợ, vì tôi chứng thực trí óc tôi hơn bậc trung bình, vì tôi khác phần đông những người trong giới tôi, vì những lẽ đó mà cô ấy để ý đến tôi. Nếu sau này tôi vượt lên trên mọi người thì không ai vui sướng bằng cô ấy. Nhưng bây giờ đây, thì cô ấy khuyên tôi đừng nghĩ gì đến thành công, muốn cho tôi sa lầy trong cái hạnh

phúc của một đời sống thú vật. Học để làm gì kìa? Đọc một bài thơ hay có thú gì đâu? Cô ấy không hề tìm cái vui đó, mà những anh Tom, anh Dick, anh Harry chẳng biết cái vui đó và rất mực sung sướng đấy. Luyện trí tuệ để làm gì kìa? Có cần thiết gì cho hạnh phúc đâu? Không, tôi không thể thoả mãn về những câu chuyện nhạt nhẽo, về những truy lục nho nhỏ, những cái phù phiếm ti tiện đó được mà lẽ ra nó làm cho tôi mãn nguyện được chứ vì nó đã làm cho anh Tom, anh Dick, anh Harry mãn nguyện.

“Nếu ngày nào má tôi mất mà tôi phải sống ở Oakland này với những điều kiện như vậy, ngồi bó gối nguêch ngoạc trong một phòng giấy thì tôi sẽ tự cứa cổ cho xong cái kiếp nợ này đi.

“...Đói, đói! Từ cái ngày tôi chỉ tuân theo cái luật của bao tử, không còn biết luật lệ nào khác mà ăn cắp một miếng thịt, cho tới bây giờ, tôi lúc nào cũng thấy đói, hết cái đói về dinh dưỡng thì tới cái đói về tinh thần! Nhưng cô ấy không hiểu được tôi đâu. Mà cô ấy cũng chẳng bao giờ rán tìm hiểu tôi cả...”.

Và ông tiếp tục sống cái đời mà người ta cho là ti tiện, ai muốn làm cái gì cũng nhận, làm phu phen, quét tước, coi nhà, có lúc – ôi chua xót – lại làm người kiêu cho một hoạ sĩ nữa. Và vẫn tiếp tục viết, lần lần có nghệ thuật hơn, vì ông hiểu rằng nghệ thuật tự hạn chế là thuật khó nhất trong nghề viết văn: có cái gì để diễn tả, chưa đủ; phải biết cách diễn tả cho đừng rườm, cho mạnh mẽ mới được. Kết quả là hai tác phẩm: Người trên đường mòn (L’homme sur la piste) và Tĩnh mịch trắng (Silence blanc) được báo đăng và độc giả rất khen ngợi.

Thắng lợi đó kích thích ông. Ông nghiên cứu nghệ thuật viết của Kipling, nhà văn ông ngưỡng mộ nhất, và cầm cổ viết, nhất định viết mỗi ngày một ngàn tiếng, mỗi tuần sáu ngày. Trong một bức thư cho bạn, ông khoe:

“Tuần trước tôi viết dư một ngàn một tiếng, hôm nay tôi viết dư được một trăm bảy mươi hai tiếng, nhưng không vì vậy mai tôi viết bớt đi, trái lại khi nào tôi viết ít mà hoá chậm trễ thì hôm sau tôi làm việc tăng lên. Tôi tin chắc rằng viết theo cách đó thì hay hơn mà được nhiều hơn là viết không đều, tùy hứng”.

Victor Hugo, Balzac và nhiều văn hào khác nữa khắp thế giới tất nhận lời đó là đúng. Không thể tùy hứng được, không thể cho cái hứng sai khiến được, phải sai khiến nó. Dù không viết cũng ngồi vào bàn, rồi bắt nó tới. Jack London ghét cái đời công chức, nhưng ông viết văn đều đều như một công chức. Đó là một bí quyết thành công của ông. Ít lâu sau, viết đã quen, ông viết tăng lên mỗi ngày ngàn rưỡi, có ngày hai ngàn tiếng. Và mỗi ngày phải sửa từ 16 đến 46 trang ấn cảo nữa. Tôi tính ra mỗi giờ sửa nhiều lắm 15 trang ấn cảo. Như vậy mỗi ngày ông phải làm việc một ngày bao nhiêu giờ để xong hai công việc đó. Viết văn đâu phải là việc nhẹ nhàng như việc cạo giấy; mà lại làm đều đều như vậy hàng chục năm. Đáng kính chưa? Trách chi con người vạm vỡ như vậy mà mới bốn mươi bốn tuổi đã lìa đời! Có ai đọc tiểu thuyết của London mà thương khóc London không?

Danh ông đã có mà tiền cũng bắt đầu vô; trước kia hai ngàn tiếng, người ta trả ông 25 đô la, bây giờ một ngàn tiếng ông được lãnh 20 đô la. Ông hoan hỉ, viết thư cho bạn: “càng có nhiều tiền tôi càng sống mãnh liệt”.

Bây giờ ông mới nghĩ tới việc lập gia đình. Ông cưới cô Elizabeth Maddern một cách chớp nhoáng, quyết định trong một hai ngày, rồi chịu khổ trong năm năm. Vì tánh tình hai người không hợp nhau.

Cưới xong ít lâu, ông qua Anh để điều tra chiến tranh giữa nước Anh và dân Boers ở Nam Phi, và viết phóng sự về đời sống tối tăm, cực khổ của dân nghèo ở London. Ông ăn ngủ với hạng bần dân có trong khu vực East End mà ông gọi là địa ngục trần gian.

Ở Anh ông qua chơi Pháp, Đức, Ý. Rồi trở về Mỹ viết ba cuốn làm cho giới văn nghệ ngạc nhiên: Những đứa con của miền băng giá (Les enfants de la terre glacée), Cuộc tuần du của chiếc Dazzles (La croisière du Dazzles), và Cô con gái của xứ tuyết (La fille de neiges). Báo chí ca tụng ông là Kipling của Mỹ.

Ít lâu sau, cuốn Tiếng gọi của rừng [4] – tác phẩm có giá trị nhất của ông – ra mắt độc giả. Nhưng ông chỉ lãnh được có hai ngàn đô la, mà nhà xuất bản chắc lời gấp trăm số đó vì tác phẩm được dịch ra hai chục thứ tiếng và đã bán được hai triệu cuốn.

Năm 1904, tình hình giữa Nga và Nhật căng thẳng, tờ San Francisco Examiner biết trước thế nào cũng có chiến tranh, yêu cầu Jack London qua

Nhật làm đặt phái viên cho báo. Ông nhận lời. Xuống tàu Sibéria trước khi chiến tranh nổ.

Tới Moji, một điểm quân sự, ông bị nhà cầm quyền Nhật giữ lại điều tra, rồi gởi về Kokura để điều tra thêm; rốt cuộc ông bị giam, máy chụp hình bị tịch thu, viên đại sứ Huê Kỳ ở Tokyo phản đối, công an Nhật phải thả ông.

Sau nhiều gian nan ông tới được Séoul, kinh đô Triều Tiên, nơi đó đại đội đầu tiên của Nhật đóng binh. Tướng Nhật tiếp đãi ông nhã nhặn, phái năm sáu người theo hầu ông, nhưng không cho ông làm được việc gì cả, bài viết phải đưa họ kiểm duyệt, hình chụp cũng vậy và ông không được ra khỏi châu thành ngoài hai cây số. Nhưng ông cũng có dịp nhận xét tâm lý dân tộc Nhật mà cảnh cáo người Mỹ: “Cái hoạ Nhật Bản về kinh tế không đáng lo bằng cái hoạ về chiến tranh. Nếu họ thắng Nga, thì họ sẽ kiêu căng lắm, mà những người da trắng sẽ khó sống trên đất họ”.

Trong khi ông ở Triều Tiên thì bà vợ ở San Francisco đưa đơn xin ly thân, nhờ trưởng toà niêm phong gia sản cùng thư viện của ông. Cố giấu nỗi khổ tâm, ông cặm cụi viết cuốn Nanh trắng (Croc blanc). Cũng may ông được một thiếu nữ, cô Charmian, mến tài, hiểu lòng và an ủi ông; và cuối năm 1905, khi toà tuyên phán ly dị, ông làm lễ thành hôn với cô. Lần này ông thành công trong hôn nhân, hai ông bà tâm đầu ý hợp. Hôi sắp cưới, ông viết một bức thư dài bốn năm trang giấy, kể lể tâm sự:

“...Nếu cô không hiểu tôi nữa thì đời tôi sẽ hổng, vì luôn luôn tôi hi vọng thực hiện một ý muốn xa xôi, mờ mờ”. Ông phàn nàn là từ trước sống một đời như cô độc, không tỏ tâm sự với ai, không gặp được người tri kỷ, có thể cùng với ông than thở khi nghe bản nhạc hay, đọc một bài thơ đẹp; một người vừa biết sống trong thực tế mà vừa yêu cái thế giới tưởng tượng, nhận thấy những nỗi khổ của nhân loại mà mơ ước một xã hội hoàn thiện hơn.

Hai ông bà qua đảo Jamaïque hưởng tuần trăng mật, rồi trở về Glen Ellen, sống trong một biệt thự, ông lại viết đều đều, phần nhiều là những tác phẩm có tính cách xã hội như cuốn Gót sắt (Le talon de fer), cuốn Con đường (La route). Cả hai cuốn đều bị chỉ trích, cuốn trên vì lời tiên đoán

buồn thảm quá, cuốn dưới vì tả xã hội bằng những nét hiện thực tối tăm quá.

Năm 1907, ông thuê đóng xong một chiếc tàu đặt tên là Snark, tính tháng mười sẽ đi Hawaii, lênh đênh trên biển miền nam Thái Bình Dương, ghé Samoa, Tasmanio, Nouvelle Zélande châu Úc, Nouvelle Guinée, Phi Luật Tân, Nhựt Bản, Triều Tiên, Trung Hoa, Ấn Độ, rồi về châu Âu, thăm Đức, Áo, Nga, để nhận xét và tả đời sống hoạt động của nhân loại.

Chương trình du lịch của ông là bảy năm. Trong hai năm đầu, nằm dưới tàu ông viết được những cuốn: Chuyến đi của tàu Snark (La croisière du Snark), Martin Eden, truyện một chiến sĩ xã hội, Mạo hiểm (Aventures) tả đời sống ở quần đảo Salomon, Truyện biển miền nam (Les récits des mers du sud), Dòng dõi kiêu hãnh (La maison de la fierté) gồm những truyện về đảo Hawaii, Bình minh rực rỡ (Radieuse aurore).

Tới Hawaii, hai ông bà phải ngưng cuộc du lịch vì ông mắc một bệnh lạ: tay phù lên, lớn gấp hai, tróc một lớp da dày gấp sáu bảy lần lớp da thường. Móng chân cũng mọc ra rất nhanh và dày. Các y sĩ chuyên môn cho là một bệnh thần kinh, khuyên ông bớt làm việc tinh thần. Ông bà phải về Mỹ, lập trại ở Glen Ellen.

Nghỉ ngơi ít lâu, ông lại thêm gió biển, xuống một chiếc tàu đi xuống hải giác Horn ở cực nam châu Mỹ. Thời sướng nhất của ông là những tháng lênh đênh trên biển, nằm dài ở boong tàu đọc sách, đọc chán thì viết. Trong năm tháng đó, ông viết được ba cuốn: Thung lũng trăng (La vallée de la lune), Cuộc nổi loạn của Elsineur (La mutinerie d'Elsineur) và John Barleycorn mà nhiều chương là tự truyện của ông.

Nhiều thanh niên mới cầm bút gởi tác phẩm nhờ ông phê bình và chỉ giáo. Ông trả lời một người:

“Có cái gì để mà nói, điều đó chưa đủ, còn phải rán diễn ý của mình một cách khéo léo nhất, hấp dẫn nữa (...). Nếu cần tập sự năm năm mới thành một người thợ rèn giỏi, một nghề tương đối dễ - thì phải cần bao nhiêu năm làm việc dữ dội, mười chín giờ một ngày, nghiên cứu về hình thức, về cách diễn, về nghệ thuật và cách luyện nghệ thuật, để cho một người có thiên tư, có cái gì để mà nói, thành được một nhà văn có tên tuổi trên văn đàn...? Cậu mới hai mươi tuổi, làm sao có đủ thì giờ luyện tài

được. Cậu phải nhận rằng cậu mới học độ năm tháng nay (...). Sự học nghề của cậu chưa bắt đầu mà, chứng cứ là bản thảo cậu gởi cho tôi đó; nếu cậu đọc những sách báo đương xuất bản thì sẽ nhận thấy ngay rằng truyện cậu viết không thể đăng được...”.

Ta thấy càng từng trải, càng về già ông lại càng trọng hình thức, và bài học đó ông đã phải dò dẫm tìm lấy trong khoảng mười năm.

Mùa xuân năm 1914, khi chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ không tránh khỏi, Jack London được một tờ báo mời làm thông tin viên. Ông vui vẻ nhận lời, hy vọng sẽ viết được nhiều bài tường thuật có giá trị. Trước khi ra chiến trường, ông đi thăm các cơ quan quân đội, thốt lên lời này:

“Nếu người ta áp dụng cách tổ chức, cùng nhau phát minh khoa học để cải thiện nhân sinh, chứ không phải để chém giết nhau thì thế giới này sẽ đẹp biết bao!”. Thấy sự tàn phá ghê gớm của bom đạn, ông không tin rằng có đại chiến giữa các cường quốc, vì theo ông, không dân tộc nào ngu dại tới nỗi tự tử bằng cách dùng súng ống để giải quyết những xích mích với một dân tộc khác, ông còn ngây thơ mà tuyên bố rằng nghề đi lính sẽ yên ổn hơn nghề làm thợ: nghề làm thợ còn thường bị tai nạn về máy móc chứ đi lính thì không bao giờ phải bắn nhau vì không có đại chiến nữa.

Không một dân tộc nào muốn chém giết nhau cả, những kẻ gây chiến để thủ lợi thì vẫn còn, mà dân chúng thì răm rắp theo họ, và ít tháng sau đại chiến nổ ở châu Âu. Lúc đó Jack London đau bao tử, mất ngủ, về trại dưỡng sức.

Thấy đảng Xã hội bất lực, ông tuyên bố ra khỏi đảng rồi xuất bản thêm cuốn Hải báo (Loup de mer).

Năm 1916, sức ông mỗi ngày mỗi suy, mà ông vẫn tiếp tục viết. Bệnh bao tử nặng quá, không sao chữa được, ông mê man rồi tắt thở ngày 21 tháng 11, để lại bản thảo cuốn Cherry chưa viết xong.

Trước khi chết ông viết thư cho một bạn thân, bác sĩ Ecrison, dặn dò những lời cuối cùng: “Hoả tán là cách độc nhất thích nghi, hợp lý và đoan chính để cho đời khỏi bận về ta (...). Như vậy cũng tiện cho con cháu nữa. Tại sao để cho thể xác thối nát của ta làm xấu cảnh thiên nhiên đi (...)? Và lại đọc sử ta chẳng thấy rằng bao nhiêu những gắng sức ích kỷ để vĩnh tồn

sau khi chết đều thất bại cả ư? Trong các Kim tự tháp, vua Ai Cập chỉ lưu lại cho ta ít di tích để bày trong các viện bảo cổ, chứ có gì khác đâu?”.

Những gắng sức ích kỷ để vĩnh tồn thì tất phải thất bại, nhưng những gắng sức vị tha trong lúc sống thì bao giờ cũng thành công. Còn thanh niên, thì tên ông còn nhắc tới, và những tác phẩm của ông như Tiếng gọi của rừng, Đứa con của sói, Nanh trắng, Truyện biển miền nam... còn được trân tàng trong mỗi tủ sách gia đình vì ai cũng nhận ông là một trong số các nhà văn có công nhất với bọn trẻ: ông đã dạy họ bài học can đảm, mạo hiểm, kiên nhẫn, thương người trong những truyện mà nghệ thuật hấp dẫn rất cao.

Chú thích:

[1] Một khúc gỗ tròn, dài dựng đứng trên đất, người chơi lăn những cục tròn để lật những quân ki đó.

[2]Đoan (douane): quan thuế, hải quan. (Goldfish).

[3]Theo Wikipedia thì ông thi đậu vào Đại học California tại Berkeley vào năm ông 19 tuổi. (Goldfish).

[4]Nhan đề của nguyên tác là *The Call of the Wild*, bản Pháp dịch của Louis Postif là *L'appel de la forêt* và bản Việt dịch của Nguyễn Công Ái và Vũ Tuấn Phương là *Tiếng gọi nơi hoang dã*. (Để khỏi rườm, tôi chỉ chú thích tên tác phẩm tiêu biểu này thôi). (Goldfish).

Tác giả Nguyễn Hiến Lê